

NGUYỄN MÔNG GIÁC

Sông Cồn mùa lũ

tiểu thuyết ***

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Giới thiệu](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

[Chương 42](#)

[Chương 43](#)

[Chương 44](#)

[Chương 45](#)

[Chương 46](#)

[Chương 47](#)

[Chương 48](#)

[Chương 49](#)

[Chương 50](#)

[Chương 51](#)

[Chương 52](#)

[Chương 53](#)

[Chương 54](#)

[Chương 55](#)

[Chương 56](#)

[Chương 57](#)

[Chương 58](#)

[Chương 59](#)

[Chương 60](#)

[Chương 61](#)

[Chương 62](#)

[Chương 63](#)

[Chương 64](#)

[Chương 65](#)

[Chương 66](#)

[Chương 67](#)

[Chương 68](#)

[Chương 69](#)

[Chương 70](#)

[Chương 71](#)

[Chương 72](#)

[Chương 73](#)

[Chương 74](#)

[Chương 75](#)

[Chương 76](#)

[Chương 77](#)

[Chương 78](#)

[Chương 79](#)

[Chương 80](#)

[Chương 81](#)

[Chương 82](#)

[Chương 83](#)

[Chương 84](#)

[Chương 85](#)

[Chương 86](#)

[Chương 87](#)

[Chương 88](#)

[Chương 89](#)

[Chương 90](#)

[Chương 91](#)

[Chương 92](#)

[Chương 93](#)

[Chương 94](#)

[Chương 95](#)

[Chương 96](#)

[Chương 97](#)

[Chương 98](#)

[Chương 99](#)

[Chương 100](#)

[Chương 101](#)

[Phu lục](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Sông Côn là con sông chảy qua vùng đất Tây Sơn quê hương của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Anh Nguyễn Mộng Giác là người cùng quê với người anh hùng - nhân vật tiểu thuyết đó của anh. Đây cũng là một lợi thế để anh có những tình cảm và hiểu biết đáng viết về biến cố lịch sử quan trọng nhất của thế kỷ 18 đó. Nhưng không phải chỉ có thế. Để viết về lịch sử, dĩ nhiên là tác giả thông hiểu lịch sử. Nhưng đây không phải là sử học ở chỗ sử học tạm ngừng bút (vì thật ra nó chưa bao giờ thực sự ngừng bút) thì tiểu thuyết bắt đầu. Tiểu thuyết là lĩnh vực của cái có thể, của tưởng tượng, tất nhiên là sự tưởng tượng ở đây bị chế ước bởi tình cảm và sự nhận thức về lịch sử.

Sông Côn mùa lũ (1) lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam, làm một trường thiên về lịch sử thế kỷ 18. Tác phẩm rất hấp dẫn, trước hết là vì phẩm chất văn học của nó. Các sử sự thì ta đã biết cả rồi nhưng những tình cảm, những thôi thúc nội tâm, những suy tưởng, những quan hệ giữa con người với con người trải dài qua một biến cố lớn lao thì đây là đầu ta tiếp xúc. Và sự phong phú của nó, vẻ đẹp của nó...lôi cuốn ta, lôi cuốn những người yêu lịch sử dân tộc, yêu con người Việt Nam nhân ái và quả cảm. Ở đây Nguyễn Huệ đã được mô tả thành công như đã có trong sử sách: anh hùng đến mức xuất sắc, thiên tài, nhưng không phải anh hùng một cách đơn giản, tự nhiên nhi nhien, mà có những suy tưởng, trăn trở có hàm lượng trí tuệ, triết học - lịch sử cao làm động cơ bên trong của những hành động. Nguyễn Huệ bình dị trong đời thường, cũng có những cái bị ràng buộc bởi xã hội: anh yêu An sâu thẳm, thiết tha biết bao nhiêu, nhưng rồi anh phải lấy người khác, và An thì cũng vậy. Thành công nhất là tuyến nhân vật hư tưởng, tuyến nhân vật “đời thường”, “thể sự”, cái hồn, cái nền, cái thẳm sâu... của tiểu thuyết lịch sử. Xét cho cùng, tiểu thuyết lấy đề tài lịch sử phải giải quyết một nhiệm vụ kép; nói như Chế Lan Viên có lần nói về chuyện này: “nó phải nhảy qua hai vòng lửa”: vòng lửa “lịch sử” và vòng lửa “tiểu thuyết”. Trước mắt nhà văn bao giờ cũng là những con người với những ràng buộc qua những biến cố lịch sử và qua chính mình. Về tuyến nhân vật này, thành công lớn nhất của tác giả là An. Tôi ít đọc được trong tiểu thuyết mình một nhân vật nữ nào quyến rũ, thương mến, Việt Nam như An. An là người phụ nữ Việt Nam của mọi thời biến động, nhẫn nại, yêu thương, đi hết số phận mình và phong phú, đẹp để biết bao trong nội tâm. Có thể nói, tác giả đã gói vào An rất nhiều những thể nghiệm, những suy tưởng... về người phụ nữ Việt Nam - người gánh lịch sử, đất nước, chồng con... trên đôi vai bé nhỏ, yếu đuối của mình. Có thể nói An là cái “nguyên lý thi học”, cái thước đo thử nghiệm của tác phẩm. Điều thú vị là An đã làm say mê bao bạn gái của nàng thời nay: sau khi Sông Côn mùa lũ in lần thứ nhất, đã có nhiều bạn đặt tên con mình là An (Khánh An, Bình An,...) như một kỷ niệm. Tiểu thuyết đã đi được vào người đọc, vào cuộc đời. Bên cạnh đó, là những nhân vật như Lợi, Lãng, Kiên, Chinh... Họ cũng được tác giả xây

dựng thành công với những nét tính cách khác biệt, những gởi gắm về triết lý cuộc đời, triết lý lịch sử: người thì trung thực, vô tư, “nghệ sĩ”, người thì chịu đựng nhẫn nại... Thông qua các nhân vật, hành động và suy tưởng của họ mà cuộc đời - lịch sử được hiển hiện với bao hấp dẫn, say mê, nghĩ ngợi... Toàn bộ tuyến nhân vật “hư tưởng” này (thực ra thì các nhân vật lịch sử trong tiểu thuyết này cũng là “hư tưởng” của tác giả), quả đã là một sáng tạo mới góp phần làm cho cuốn tiểu thuyết đáng mặt là tiểu thuyết theo cái nghĩa cổ điển của từ này.

Ngoài những thành công về nhân vật, về ngôn ngữ, về dựng cảnh, về phát triển tình tiết... tác phẩm bao quát một cái nhìn đúng và sâu về dòng chảy của lịch sử về sự phát triển của dân tộc - một cái nhìn đáng yêu và rất dễ chia sẻ.

Nguyễn Mộng Giác đã viết tác phẩm này lúc còn ở trong nước vào những năm 1978-1981 với những cố gắng rất cao (2). Chúng tôi thấy vui khi thấy có một nhà văn đã dám bỏ nhiều công phu, tâm huyết và tài năng để dựng một bộ tiểu thuyết trường thiên về một người anh hùng dân tộc, về một thời đại lịch sử mà chúng ta mãi yêu mến, tự hào và luôn luôn muốn hiểu biết sâu thêm. Và có thể nói rằng tác giả đã thành công. Với sự giúp đỡ của nhiều bạn bè và tổ chức, cuối cùng Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nhà xuất bản Văn học đã làm được điều chúng tôi mong mỏi: đưa được tới tay bạn đọc một bộ sách hay, bổ ích, có nhiều ý nghĩa, một tác phẩm rất cần có trong hành trang văn hóa của mỗi người Việt Nam chúng ta trong lúc này. “Mỗi một cuốn sách có số phận riêng của mình”, câu châm ngôn Latinh đó thực đúng với tác phẩm này. Từ quê hương Việt Nam ra đi, nó lại trở về quê hương, nơi chắc chắn nó sẽ được yêu mến và trân trọng. Vì nó chính là những tình cảm cội nguồn với quê hương, đất nước, tổ tiên không dễ gì phai nhạt.

Hy vọng rằng trong bộ sách này dù dài trên 2000 trang sẽ được bạn đọc sẵn lòng dành thì giờ cho nó, và, chúng tôi tin chắc rằng các bạn sẽ không có điều gì ân hận khi phải “mất công” đọc nó.

Tôi đã tìm đọc cuốn Sông Côn mùa lũ trong chuyến thăm Hoa Kỳ năm 1996. Khi đó tôi đang ở thăm trường Đại học Wisconsin-Point, một Đại học nằm ở cực Bắc Hoa Kỳ, trong một thành phố nhỏ hết sức tĩnh lặng. Ngoài việc đi thăm các khoa, tiếp xúc với một số thầy giáo, đi thăm các nông trại và ngôi nhà bên hồ của vợ chồng GS Eagan, người đã tổ chức chuyến đi...tôi không có việc gì làm trong gần 10 ngày ở đó. Cuối xuân trời se lạnh và buồn, tôi nhớ nhà. Thế là tôi lôi bộ Sông Côn ra đọc, và càng đọc tôi càng bị cuốn hút, cứ ngỡ như gặp lại một cái gì vừa quen vừa lạ, thú vị vô cùng. Tôi là người để tâm tìm hiểu nhiều về thời Quang Trung, về sử sự Tây Sơn, tôi đã dịch nhiều thơ văn Ngô Thì Nhậm. Nhưng thực ra sử sự rất ít. Rất cần có một cuốn Lịch sử Tây Sơn - Quang Trung cho ra trò, một cuốn như thế phải là một công trình sưu tầm, nghiên cứu công phu... từ “điền dã” đến sử liệu và một ngọn bút sâu sắc, thông minh. Hình như ta chưa có một cuốn sách như thế. Còn về tiểu thuyết, kịch bản... thì chưa có cái nào thật xứng tầm với thời đại đó, nó mới là một cái gì nhất thời, làm vội, ngẫu nhiên. Sông Côn mùa lũ là một nỗ lực tổng hợp với một quan niệm mới cả về tiểu thuyết và cả về lịch sử.

Tôi rất quý cuốn tiểu thuyết này. Tôi nghĩ nó là một “người đẹp” khó gặp lần thứ hai (“giai nhân nan tái đắc”) trong đời một người viết như anh Nguyễn Mộng Giác. Tôi mong nó sẽ được dựng thành phim. Để người xem cứ suốt ngày đêm xem phim lịch sử Trung Quốc, thuộc và yêu lịch sử Trung Hoa hơn Việt Nam nhiều, thì vô lý quá, và bất tiện quá. Khó là vì tiền là một nhẽ, thực ra tôi nghĩ Nhà nước có thể chi nếu có Dự án đáng tin cậy, nhưng tìm ra cho được một đạo

diễn hiểu và yêu lịch sử giờ này cũng khó, rồi còn diễn viên: ai là người sẽ thể hiện cô An cho thành công như mong đợi? Nhưng tôi nghĩ, trước sau gì ta cũng nên làm, phải làm; bỏ mặc lịch sử của tổ tiên như thế sao tiện, trong khi nếu làm thành công thì tác động của nó vào tâm hồn, đời sống là vô giá. Tôi cũng đã bàn việc này với anh Nguyễn Mộng Giác, nhưng rồi cũng chỉ bàn thế thôi. Giáo sư Trần Văn Dĩnh ở Washington D.C, ủy viên Hội đồng Khoa học Trung tâm nghiên cứu Quốc học,ngỏ ý muốn tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, rồi ông sẽ liên hệ với bên ấy để họ làm phim này. Tôi nghĩ: họ có thể làm lắm! Phim “Người Mỹ trầm lặng” mới vừa chiếu, người ta làm ra làm, chuyên nghiệp và tâm huyết như thế! Có được một cuốn tiểu thuyết để làm nền cho kịch bản là điều rất khó,nhưng có ai quan tâm gì không? Sao mà im lặng, hình như mọi người đang nghĩ đầu đầu, đang bận việc gì đầu, chẳng ai chú ý đến nghệ thuật, văn chương...

Cả tôi cũng vậy, tôi cũng bận bao nhiêu việc vặt, và cũng chưa có dịp đọc lại Sông Côn mùa lũ. Gần đây Nguyễn Mộng Giác và chị Diệu Chi, vợ anh có về thăm quê nhà; tôi mới gặp lại anh - một người có chất “thầy giáo” hơn tôi nhiều - và tôi ngẫu hứng có mấy câu thơ viết tặng anh, xin ghi lại để làm kỷ niệm.

Về quê, anh nhớ ghé thăm gốc me vườn Nguyễn Huệ,

Cây me xanh, vòm lá chở che đời.

Cây me sống cuộc đời ba thế kỷ,

Những thương đau, những hừng vĩ con người.

Và Sông Côn thầm lặng chảy bên trời,

Mang ký ức của một thời oanh liệt.

Vốn biết ai rồi cũng xong một kiếp,

Nhưng phù sa ta sẽ hiến cho người.

Sông Côn chảy trong đời, trong trang văn anh viết,

Và hai dòng soi bóng vào nhau.

Sẽ có người thiếu nữ của mai sau,

Nhỏ giọt lệ thương An (3) - thương cuộc đời nhân loại.

Chợt tỉnh giấc mộng dài, trời xanh chói lọi,

Bao vui buồn sướng khổ đã đi qua.

Tết Quý Mùi 2003

*. **Mai Quốc Liên**, GS-TS Văn học*

GD Trung tâm nghiên cứu Quốc học.

(1) Sông Côn mùa lũ - Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác. Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc Học, xuất bản tháng 2-2003 (In lần II).

(2) Hiện nay tác giả đang sống ở Hoa Kỳ.

(3) Nhân vật nữ trong Sông Côn mùa lũ, người yêu Nguyễn Huệ.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 1

Họ lặng lẽ bước như vậy từ nhà cho đến bờ sông. Cơn mưa dầm kéo dài từ đầu hôm, vẫn đến lúc đó vẫn chưa dứt; gió thổi từng trận tạt nghiêng những giọt mưa lạnh khiến những thân tre nghiêng vào nhau kẽo kẹt, lá cây xào xạc át mất tiếng bước chân bì bõm trên đường lầy và tiếng trẻ con khóc. Bà giáo cố xoay cái áo toí lá ra phía trước để che mưa cho con, nhưng gió dữ lâu lâu thổi thốc, làm cho đứa bé nín khóc còn bà mẹ thì cuống quýt đưa tay trái giữ chặt lấy chóp lá, cố cưỡng lại sức gió. Mưa đã làm ướt mái tóc bà, dán chặt từng mảng lên khuôn mặt xám xanh. Mưa cũng chảy thành dòng xuống má bà giáo, rỏ giọt xuống vai áo. Bà vừa đi vừa khóc lặng lẽ, lâu lâu vài giọt nước ẩm lăn theo sống mũi, chảy xuống môi. Không cảm được xúc cảm, bà khóc thành tiếng. Đứa con gái đi phía sau mẹ vội bước nhanh tới trước, giọng lo âu:

- Mẹ!

Bà giáo quay lại, thấy đôi mắt con gái long lanh như sắp khóc. Đứa con gái bắt kịp mẹ, tay phải xốc lại cái tay nải nặng trĩu sau lưng còn tay trái tìm nắm lấy tay mẹ. Tiếng nói cô bé mong manh giữa mưa gió và bóng tối, nên bà giáo chỉ nghe thấy con bảo:

-... lấy cái bọc quần áo này, để em con bông cho.

Bà giáo vội ngăn:

- Không, con bông em không nổi đâu. Coi chừng nghe An! Nhìn kỹ đường cái, không lại ngã. Con rón đi nhanh tới trước cho kịp anh Chinh, vịn vào anh mà bước. Đừng lo cho mẹ.

Cô bé chưa muốn vâng lời ngay, giọng ngập ngừng:

- Nhưng con sợ em bị ướt. Còn mẹ thì...

Bà giáo cắt lời con:

- Mẹ thì có cha lo. Con lên trước với anh Chinh đi.

An ngoái lại phía sau, thấy cha dìu em Lãng bước chậm theo hàng tre, cẩn thận tránh các vũng nước trắng bất trắc rải rác trên mặt đường. Từ lúc bị đánh thức cho đến bây giờ, cô bé hiểu lơ mờ rằng một tai biến ghê gớm nào đó đang xảy ra cho gia đình mình, An biết chắc như vậy qua những lời xì xầm trao đổi giữa cha và mẹ, nhất là tiếng khóc ầm ục của mẹ khác hẳn những tiếng khóc vì đời sống thiếu thốn và buồn phiền của bà, từ khi cô bé bắt đầu thấy được sự phức tạp của mọi sự chung quanh mình. Trong lúc các anh lặng lẽ thu góp đồ đạc, cột chặt các tay nải thì mẹ bối rối hết nhặt nhanh mớ quần áo này nhét vào một tay nải đã quá nặng, suy tính đến ngờ ngẩn thất thần, lại quyết định bỏ lại để đi nhặt nhanh thứ khác. Thằng Lãng bị dựng dậy, nhưng buồn ngủ quá, nằm ngay trên nền đất nện, dựa lưng vào đồng hồ đặc bừa bộn mà ngủ tiếp. Cha thì không còn đủ tâm trí quán xuyến công việc dọn dẹp nữa. Hết ra ngõ chờ đợi cái gì An chưa hiểu, ông giáo lại quay vào, đứng ở ngạch cửa, lơ đãng nhìn cả nhà xào xáo dọn dẹp, không góp ý mà cũng không hối thúc. Nếu không có anh Kiên và anh Chinh lặng lẽ, lặng lẽ,

chậm chạp nhưng giữ được đủ bình tĩnh để dọn dẹp, chuẩn bị, An nghĩ có lẽ còn lâu lắm họ mới ra khỏi nhà. Cho đến cuối cùng, hình như ông giáo vẫn còn mong chờ ai đến. Tiếng trống sang canh vọng từ bên kia bức tường cũ, tuy rời rạc ngái ngủ và khuất lấp trong tiếng mưa gió, vẫn còn đủ sức mạnh thôi thúc ông giáo. Ông cuống lên, mất hết chút bình tĩnh còn lại, lần đầu tiên An thấy cha không giữ được vẻ chững chạc, trầm tĩnh thường ngày. Giọng nói của cha gắt gỏng và lo âu. Cô bé nghe cha phân giải gì đó với mẹ. Mẹ trả lời ngập ngừng, tiếng nói đứt quãng vì tiếng nấc. Hình như cha cố thuyết phục mẹ, và đến lúc không còn nhỏ nhẹ được nữa, An nghe cha quát lên:

- Thật tiếc không phải lúc. Mình không thấy cảnh gia đình quan nội hữu hay sao! Không chần chờ được nữa đâu! Phải đi ngay!

Họ đi men theo con đường tối tăm, lầy lội, khó nhọc nhưng kín đáo giấu mình dưới những lũy tre. Trời thì thấp xuống, gió vẫn thổi dữ. Đến chỗ dốc dẫn lên điểm canh, Kiên và Chinh dừng lại chờ cha. Ông giáo đi chậm, vì vừa phải dịu thẳng Lãng, vừa đỡ lấy lưng bà giáo. Nỗi sợ hãi cứ ngày càng tăng, bà giáo hoảng hốt cảm thấy chân mình cồng lại, bủn rủn không bước nổi nữa. Bà đã hết khóc, nhưng toàn thân cứ run lên từng chập. May thay ông giáo đến kịp lúc; bàn tay chông chỉ đỡ nhẹ lấy lưng, bà giáo vẫn cảm thấy ở phía sau, có một hơi ấm quen thuộc mơn trớn lan dần khắp thân thể mình. Bà yên tâm hơn, ôm chặt thẳng Út vào ngực. Chiếc áo tơ lá sột soạt lay động. Ông giáo nhắc:

- Mình cố đừng cho nó thức dậy. Sắp đến điểm canh!

Thấy cha đã đến, Kiên xốc lại cái tay nải bước lên dốc. Đường đất sét trơn trượt, nên hai anh em phải bước chậm, ngón chân cái cong lại bấm xuống mặt đường. Nhờ vác nặng, bước chân trở nên đầm và vững. Vả lại ở đây không còn bóng tre phủ, nên họ thấy rõ được những dấu chân trâu bò, những vũng lầy, những chỗ đường sụp lở vì nước xoáy. Lên khỏi dốc hai anh em giật mình đứng sững lại vì có tiếng quát:

- Ai đó?

Kiên chưa biết phải trả lời thế nào, thì Chinh đã nói:

- Chúng tôi là con ông giáo.

Từ điểm canh, tấm phen nhỏ mở hé. Một con cú rơm đang cháy ngún, soi lò mờ một bóng người hiện lên trên khung cửa điểm. Nghe lẫn trong mưa gió, tiếng thì thào trao đổi ngắn. Rồi vẫn giọng quát lúc nãy:

- Có lệnh quan quốc phó (1) cấm đường. Giáo với mác gì!

Ông bà giáo vừa lên khỏi dốc. Kiên và Chinh im lặng nhường cho cha trả lời. Ông giáo hơi mệt, hơi thở gấp chưa trả lời ngay được. Giọng người lính canh điểm trở nên giận dữ khác thường:

- Bọn trộm cắp ăn đêm phỗng? Sao không thưa?

Thằng Út bị mẹ trong cơn sợ hãi ôm quá chặt, ngộp thở nên vùng vẫy khóc to lên. Ông giáo nhanh trí đáp:

- Chúng tôi vừa nhận được tin buồn, nên đem cả gia đình về phủ Thăng hoa chịu tang. Các bác thấy đấy, mưa gió thế này mà phải bằng bè lũ nhỏ đi gấp cho kịp chuyển thuyền sớm.

Trong điểm canh lại có tiếng bàn luận. Rồi cửa điểm mở, một cây đuốc bằng hai đầu chai được đốt sáng lên. Hai người lính bước ra khỏi điểm, một người cầm đuốc, một người lăm lăm ngọn mác dài. Họ hăm hở tiến về phía gia đình ông giáo, giọt chai từ đầu ngọn đuốc rỏ xuống mặt đất ướt kêu lèo xèo. Đến cách gia đình ông giáo độ con sào, họ dừng lại. Người lính cầm mác

nhắc bạn:

- Phải khám xét cẩn thận. Luật quan quốc phó nghiêm ngặt lắm!

Người cầm đuốc bảo:

- Không cần. Bọn trộm cắp đem theo con nít làm gì.

Ông giáo nhận ra tiếng nói người lính vừa cật vấn mình. Ông đã bót lo ngại, mạnh dạn tiến về phía hai người lính. Thằng Lãng không chịu rời tay ông giáo, bấu lấy vạt tơ lá của cha tò mò nhìn ánh đuốc bập bùng khi mờ khi tỏ cũng quên cả sợ. Khuôn mặt thơ dại ấy, cùng với cái áo tơ lá nhỏ nhắn, có lẽ đã làm rung động tấm lòng người lính cầm đuốc. Người lính ngồi hẳn xuống, đưa đuốc lên soi gần khuôn mặt Lãng. Ông giáo kịp nhìn thấy một khuôn mặt vuông, đôi mắt long lánh hiền hậu dưới hàng lông mày rậm, và một mái tóc dày dẫm nước. Người lính hỏi:

- Cháu có lạnh không?

Ông giáo nói:

- Chúng tôi gấp quá, không kể gì gió mưa nữa. Các cháu còn bé, sợ phải ốm mất! Các bác cho chúng tôi đi nhé!

Người lính cầm mác lại nhắc:

- Phải khám kỹ mấy cái tay nải. Lệnh của quan quốc phó!

Người lính cầm đuốc đứng dậy, xua tay nói với ông giáo:

- Thôi khỏi cần. Việc đó trên bến thuyền họ lo. Ông bà đi nhanh lên, cho kịp chuyển đầu. Hôm nay sóng dữ, lũ nhỏ có chịu nổi không?

Ông giáo chỉ chờ có thế, không kịp cảm ơn người lính tốt bụng, ông đưa mắt nhắc vợ con đi nhanh qua khỏi điểm canh.

Đến ngã ba, nơi có một cây sấu đông vừa bị bão thổi gãy nhánh lớn, cành lá còn vương vãi ngổn ngang trên lối đi, Kiên và Chinh ngưng lại chờ cha. Người anh cả chùng đã ê vai, đặt cái tay nải cồng kềnh lên một cành sấu đông, lại cẩn thận bẻ gãy những cành lá ướt cho nước mưa khỏi thấm vào quần áo trong tay nải. Chinh thì cúi thả đặt ngay bọc quần áo lên mặt đường. May mắn là chỗ Chinh đứng khá khô ráo, nên Kiên định quay lại rầy em, thấy thế chỉ ậm ừ rồi ngồi im bên đường. Con đường đất trước mặt hai anh em tuy khá rộng và có trải đá dăm, nhưng mùa mưa miên man ở đây đã biến con đường quan dẫn đến phủ chúa trở thành lồi lõm, lầy lội. Một nhánh nhỏ hơn từ ngã ba xuôi xuống bờ sông, hai bên vườn nhà ai um tùm những cau và chuối. Chinh nghịch lấy mấy chùm trái sấu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sấu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sấu đông tròn xanh lao đi là mỗi lần tiếng lá rách ngắt và dẹp vang lại. Chinh thích thú cười to, tiếng cười vang rộng trong đêm khuya rồi bị vùi dập trong những trận gió thổi. Kiên khó chịu trước sự vô tâm của em, định lên tiếng trách móc. Vừa lúc đó, ông bà giáo đến chỗ ngã ba đường. Ông giáo bảo:

- Đi xuống phía bờ sông. Đứa nào cười vậy?

Hai anh em không ai trả lời. Ông giáo không hỏi tiếp, dìu bà giáo và các con tránh những cành sấu đông ngã nghiêng chắn mất lối đi. Thằng Lãng đã tỉnh ngủ hẳn, bỏ tay cha chạy đến trước với anh Chinh. Bà giáo vốn thể chất gầy yếu, hỏi trong hơi thở mệt nhọc:

- Đã tới chưa mình?

Ông giáo trả lời:

- Ráng lên tí nữa. Đi khỏi mấy cái vườn chuối này, rồi rẽ sang tay phải. Tôi đã hẹn họ chỗ cây đa

dại.

Tuy cách xa, nhưng Kiên lắng nghe được hết lời cha. Qua khỏi những khoảng đường tối vì những tàu lá chuối che lấp, anh rẽ sang tay phải. Cây da đứng đơn độc giữa một vùng thảo mộc hoang dại, mọc lan ra đến tận bờ sông. Tàn lá da xum xuê nhuộm thắm một vùng đục ngầu ví nước lũ.

Ông giáo đến chỗ hai con đang đứng chờ, và không khỏi ngạc nhiên hoang mang khi thấy không có chiếc thuyền nào đang cắm sào chờ tại chỗ hẹn. Bà giáo cũng lo âu, quên cả mệt nhưng không dám lên tiếng hỏi chồng. Gió thổi từ bờ sông thổi lên, mang thêm cái lạnh nhức buốt cuồng nộ của sóng dữ. Lãng bắt đầu húng hắng ho. Bà giáo đưa bé út cho An bồng, lục tìm cái áo bông trong tay nải của Chinh mặc thêm cho Lãng. Cậu bé bốt ho, đứng lặng nhìn bầu trời thấp, mặt sông đục và bờ sông lau lách hoang dại, không hiểu nghĩ gì tự nhiên thút thít khóc. Tuy không thể giải thích rõ ràng bằng lời nói, người mẹ hiểu Lãng cũng như mình vừa cùng xúc động mãnh liệt trước một nỗi ám ảnh chưa định hình, không thể tả ra, không thể nhìn thấy bằng lối thông thường, nhưng sự miễn cảm của họ đã báo cho họ biết trước thế nào một cái gì đó sẽ bất chợt đến, phủ chụp bao vây lấy cuộc đời mọi người trong gia đình. Cổ bà giáo nghẹn lại, hai tay ôm chặt Lãng đến nỗi hai lớp tơ lá cọ vào nhau ban đầu còn kêu sột soạt về sau không còn phát ra âm thanh nào nữa. Đã quá hiểu tính em, Chinh bấu môi bảo:

- Cái thằng! Như con nít!

Ông giáo vẫn bực mình vì chuyện thất hẹn, giận quá quát lên:

- Có côm mồm không, thằng quỉ! Tụi lính trên trạm canh mà nghe được thì chết cả đám!

Bà giáo lấy ông tay lau nước mắt con, áp má vào trán con, nhỏ nhẹ dỗ dành:

- Con nín đi. Đừng khóc lớn cha rầy! Mẹ thương con. Mẹ hiểu con hơn tất cả các con của mẹ. Đã bảo! Đừng khóc nữa. Lãng có nghe mẹ không?

Kiên không góp gì vào câu chuyện, lặng lẽ thu góp tất cả đồ đạc, dồn lại giấu sau một bụi dứa gai, dưới tàn cây da rậm. Qua khỏi cơn bồn chồn thái quá ban đầu, ông giáo đủ bình tĩnh nhận thấy Kiên cẩn thận và lo xa, thầm cảm phục đức tính hiếm có của đứa con cả. Ông bảo bà giáo và các con đến núp dưới bóng cây da. Hơn thế nữa, mọi người phải ngồi xuống giấu mình sau các bụi cây tối, và không được nói chuyện lớn.

Họ chờ. Họ chờ. Mãi đến lúc gà gáy thuyền mới đến. Thực ra không thể gọi là thuyền được, vì đây chỉ là một chiếc đồ nhỏ bề ngang không quá một sải tay. Cái mũi đan bằng tre phết phân trâu chỉ vừa đủ che cái bếp nhỏ và hai cái hũ sành đựng gạo và nước. Thấy chiếc đồ mỏng manh chòng chành trên mặt sông cuộn sóng, bà giáo bàng hoàng, sợ hãi cho các con đến nỗi cảm thấy lạnh lạnh trên sống lưng. Ông giáo cầu nhàu trách:

- Sao bây giờ mới đến!

Người chèo đồ thở dài đáp:

- Tôi phải chèo đi trốn từ mờ sáng hôm qua.

Ông giáo lo sợ hỏi:

- Chuyện lộ rồi à?

Người chèo đồ không trả lời ngay, chậm chạp cột chặt đồ vào gốc cây da, cởi cái áo tơ lá xếp gọn vào lòng đồ, trước khi cởi còn cẩn thận giữ cho nước mưa rơi xuống mặt sông. Chỉ có cái nón mê rách là bác ta không gỡ ra nên ông giáo không thấy được nụ cười lém lỉnh của bác.

Bước hẳn lên bờ sông, người chèo đồ mới nói:

- Không. Tôi đi trốn thuế.

Rồi giọng nói trở nên thân mật, ề ề phân trần:

- Thầy tính, vạn đồ Canh Thành Vĩ Dã chúng tôi chỉ có ba chiếc. Từ ngày thuế chợ lên cao, đồ chúng tôi cũng ế lắm. Trước mụ nhà tôi còn ở nhà nấu cơm, lo chăm sóc lũ nhỏ. Từ hai tháng nay, tôi phải cho mụ buôn mắm vãnh dưới cửa Tư khách lên bán kiếm thêm chút hồ qua ngày. Thế mà đã yên đâu. Hôm kia con mụ bùng cái liễn mắm con lên ngồi ngay phía cuối chợ. Đột nhiên thiên hạ xôn xao, người ù té chạy, kẻ kêu khóc van nài. Con mụ biết người nhà quan tả ngoại đi chợ. Nhưng mụ cứ ngồi thản nhiên, bụng nghĩ: "nhà quan thì cần những sơn hào hải vị, không nem công chả phượng thì ít ra cũng phải thịt ngon cá ngọt. Thêm vào ba cái thứ mắm vãnh!"

Bác lái đồ ngưng lại, giở nón ra vuốt lại tóc. Bà giáo và các con tò mò quan sát gương mặt bác. Một khuôn mặt xương xương, hai gò má nhô lên cùng với cái trán dô và cái mũi thẳng che khuất hai con mắt sâu khó lường. Thái độ nhẩn nha, trầm tĩnh trong hoàn cảnh đặc biệt này khiến ông giáo khó chịu. Ông giục:

- Nhưng cuối cùng mọi việc êm xuôi cả chứ! Nào, bác cho chúng tôi xuống thuyền.

Bác lái đồ ngăn lại:

- Ấy, ấy, thầy lầm. Mà cả tôi cũng lầm. Đâu có em xuôi được. Con mụ tưởng quý gì ba cái thứ mắm vãnh. Nhưng thầy có biết không, con mụ lầm. Lũ đầu bếp nhà quan tả ngoại chỉ dọa cho mấy chị hàng thịt sợ, để cười rũ ra. Rồi đến lúc bất ngờ nhất, thầy biết không, chúng nó đến thẳng chỗ con mụ nhà tôi ngồi. Con mụ nhà tôi nói đùa: "Các thầy mua giùm cháu ít mắm!" Mời xong còn cười hỉ hả. Lũ đầu bếp quan tả ngoại cũng cười hô hố. Cả chợ cũng cười ha ha. Chờ cho mọi người cười xong, chúng bảo con mụ nhà tôi bùng liễn mắm vãnh lên. Con mụ nhà tôi vâng lời. Chúng chụp ngay liễn mắm. Cả chợ lại cười, nghĩ các ngài hầu cận quan tả ngoại đùa dai. Mãi đến lúc chúng đi rồi, con mụ nhà tôi mới phát hoảng. Thầy tính bao nhiêu vốn liếng dồn cả vào liễn mắm. Mà có ai ngờ đâu được là quan tả ngoại chỉ ăn được có món mắm vãnh hở trời!

Bà giáo không nhịn được nữa, chen vào hỏi:

- Bác có nói ngoa không đấy? Làm gì có chuyện lạ lùng!

Người lái đồ dấm ngực thề:

- Tôi có nói dối thì trời tru đất diệt tôi đi! Mà thầy cô đây không tin cũng phải. Có ai ngờ quan tả ngoại lại không ăn được nem công chả phượng, lại chỉ ăn được món mắm vãnh. Mà trời lại xui khiến chi cho mẹ con nhà tôi đi buôn mắm! Thầy thấy không, vốn liếng hết, chưa xong phần con mụ thì phần tôi, quan đến thúc thuế. Chợ như thế thì đồ còn khách đâu mà nộp thuế. Mà thuế đồ Canh Thành Vĩ Dã một năm đến 114 quan, phải, thầy không nhầm đâu, 114 quan đúng, bán cả vợ, đợ cả con cũng không đủ nộp nữa. Chỉ còn cách trốn đi làm dân xiêu tán mà thôi!

Có tiếng gà gáy sáng ở khu vườn bên bờ sông, phía tay phải ông giáo. Sốt ruột quá, ông nhìn người lái đồ:

- Sẵn sàng rồi. Chuyện nhà của bác, chúng tôi hiểu lắm. Chuyện quan tả ngoại, ai mà chẳng biết ở cái kinh thành này. Nhưng bác cho chúng tôi xuống đồ thôi. Đi sớm chắc thoát được trạm thuế đồ ở ngã ba.

Bác lái đồ do dự, ngón tay trở cứ đưa lên quệt nhiều lần trên đầu mũi. Mãi một lúc, bác hạ thấp giọng:

- Thầy đã hiểu rõ hoàn cảnh tôi. Vợ con thất nghiệp. Vốn liếng mất đứt. Nợ đòi, thuế thúc. Tôi

đến chết mất! Thầy có lòng thương người khó, cho thêm chút ít tôi mới dám đi. Ông giáo bây giờ mới hiểu vì sao người lái đò kể kể dài dòng từ tiếng gà gáy sáng đầu tiên đến lúc này như vậy. Ông giận dữ hỏi:

- Thêm bao nhiêu?

Người lái đò làm ra vẻ cuống quýt lo sợ:

- Dạ chỉ xin thêm chút ít cho đủ nộp thuế mà thôi. Túng quá tôi phải liều vậy. Con mụ nhà tôi cứ bảo đi đêm hôm lén lút thế này, nếu nhỡ ra... nhưng tôi gặt đi, bảo gia đình thầy là gia đình tử tế...

Ông giáo không để cho lão lái nhải thêm, gằn giọng bảo bà giáo:

- Mình đưa cái ruột tượng cho tôi.

Bà giáo tháo cái ruột tượng đựng tiền vẫn đeo bên hông đưa cho chồng. Ông giáo lấy năm xâu tiền đưa cho người lái đò và nói:

- Vạn đò của bác có 6 chiếc, nộp một năm 114 quan. Đây tôi trả cho bác thêm năm quan nữa, vì chi là 20 quan. Bấy nhiêu đã quá đủ để bù cả tiền thuế đò lẫn tiền liễn mắt vĩnh của bác. Ông trời thật oái oăm, mới bắt tôi trả triền mắt cho quan ngoại tả!

Lão lái đò cảm ơn rồi rút, nhưng trước khi đưa nón nhận tiền vẫn còn nài thêm:

- Thầy đừng trả cho tôi tiền “Thiên Minh thông bảo” nhé!

Rồi hình như lão bắt đầu sợ hãi cái nhìn phẫn nộ của cả ông giáo lẫn Kiên và Chinh, người lái đò phân trần:

- Thầy cô và các cậu hiểu cho. Thứ tiền đó pha nhiều chì, lại mỏng dính. Bẻ mạnh một chút là gãy. Tôi có lấy cũng chỉ vớt xuống sông thôi, không mua bán gì được.

Con đò nhỏ nên tuy gia đình ông giáo không đem đồ đạc gì nặng, đò vẫn cứ khẳm. Bà giáo và An ban đầu chưa quen, mỗi lần thấy sóng đục mấp mé ngang mạn đò, sợ hãi đến trớn người. An nín thở ôm chặt lấy thằng Út, tưởng chỉ cần thở mạnh lên một chút là đò nghiêng ngả. May cho An, từ lúc mẹ giao cho phận sự bồng em, thằng bé ngủ say không cựa quậy. Hơn nữa, ông giáo sợ cánh đàn bà con nít không chịu nổi sương lạnh và gió dữ, thương lượng mãi mới được người lái đò thuận cho đẩy tấm mui ra giữa, che ba mẹ con và đóng đồ đạc. Cánh đàn ông chia nhau ngồi ở trước mũi và sau lái. Chinh giành ngồi phía trước với thằng Lãng. Sợ không chịu nổi những cơn nước xoáy, bác lái đò men theo bờ sông; ở những chỗ có trạm canh, gần như chiếc đò vạch lau lách mà tiến. Trời càng lúc càng sáng, đò trôi chậm, ông giáo lo sợ không qua khỏi trạm gác Ngã Ba trước lúc rạng đông. Ở đó, ông giáo biết rõ lắm, trạm canh cất ngay ở đầu dải đất bồi kiểm soát ghe thuyền đi lại trên cả hai nhánh sông. Thuế má thu được của trạm này thuộc nguồn lợi chúa ban cho quan tả ngoại, nên việc kiểm soát hàng hóa, thẻ bài, hết sức nghiêm ngặt. Bọn lính buộc mọi ghe thuyền không phân lớn nhỏ trước khi xuôi sang nhánh tả hay nhánh hữu, đều phải ghé vào bến trạm. Mọi người đi trên thuyền phải mang đồ đạc hàng hóa của mình lên bờ. Từng người một phải để cho lính quan tả ngoại lục xét, cân nhắc giá trị từng thứ mà định thuế. Ai không đủ tiền thì phải để hàng lại, và giá cả hàng thường bị qui định thật thấp chẳng bõ bèn với mức thuế cao. Cuối cùng người lương thiện chẳng dám mang theo thứ gì ngoài bộ quần áo rách và mo cơm mắm, còn bọn con buôn thì nhớn nhoe làm giàu vì đã mau chóng ăn ý với bọn lính. Ngọn đuốc đêm đêm lập lòe ở trạm Ngã Ba từ lâu trở thành ánh mắt hung dữ của ma quỷ, khi sáng lên soi mói đến tận chân tơ kẽ tóc của người đi thuyền, khi tắt ngấm âm thầm toan tính cho một trận vơ vét khác.

Đò đã rẽ hẳn qua nhánh hữu; lau lách, những bụi dứa dại, ốc mèo, những dây bìm bìm leo trên

đám cây hoang vô danh đã che lấp mất mái nghiêng lợp tranh của trạm gác, ông giáo vẫn lâu lâu quay lại nhìn ngọn đuốc leo lét nhọt nhọt giữa bầu trời xanh xám trước lúc rạng đông. Nhất là cái vọng canh, hình như cứ cố vươn lên, vươn lên cao hơn tầm cây cỏ sau con đò để nhìn vào ót ông. Nỗi ám ảnh đó chỉ tan hẳn khi mặt trời lên và con đò tiến vào một khúc sông sâu hơn, hai bên cây cối cao lớn và um tùm. Không gian thu hẹp lại, và ông giáo yên lòng trong vòm trời nhỏ. Mặc cho Chinh thích thú đưa tay ra trước mũi thuyền vọc nước, và Kiên ngồi trầm ngâm bên tay lái, ông giáo dựa lưng vào thành đò chớp mắt được một lúc.

Ông choàng tỉnh dậy vì con đò chòng chành dữ, đến nỗi vợ con ông la lên hốt hoảng. Lúc ấy đò đang đi trên một đoạn sông rộng, nhưng bác lái phải ép đò sát vào bờ để tránh một đoàn thuyền quan đang lao tới. Trời đã yên, sóng đã lặng, nhưng chính đoàn thuyền đang hấp tấp này đã làm cho mặt sông nổi sóng và đánh thức ông giáo dậy. Bác lái không dám chèo, cho đò dừng lại giữa một đám cỏ cao. Một mạn đò dựa vào bờ đất lầy, mạn bên kia được con sào rắn chắc ghìm cứng. Nhờ thế ông bà giáo và lũ con mới hết sợ.

Đoàn thuyền quan gồm có 8 chiếc. Thuyền dài mà hẹp như hình long chu, mũi thuyền cất cao như đầu con cá lớn phóng mình lên khỏi mặt nước, đuôi thuyền thấp xuống, sơn màu đỏ chói. Người đứng ở đuôi thuyền vận áo thanh cát, đầu để trần, hai chân dẹt ra vững chãi để nắm lấy thanh gỗ đen bóng gắn liền bánh lái. Giữa thuyền có mấy người ở trần, trên thân chỉ mặc có cái quần vải màu đen ống ngắn đến đầu gối, sắp hai hàng đều đặn, cử động thân thể tay chân đều theo nhịp chèo. Giữa khoang thuyền có bốn cây cọc nan sơn son trên bắc ngang một cây mõ gỗ. Một người lính mặc đủ quần áo, đầu đội nón chóp, ngồi trên ghế gỗ mõ làm nhịp. Người lính chỉ huy hô “cạy” thì người lái bẻ thuyền sang phía tả, hô “bát” thì qua hữu. Theo nhịp mõ, hai hàng lính chèo thuyền miệng hò lơ, chân dậm ván, gồng vai đưa cao cán chèo đều đặn rầm rập khi lên khi xuống. Mặt trời vừa lên chiếu rõ những khuôn mặt phờ phạc mệt nhọc và những thân thể mồ hôi nhễ nhại. Ông giáo biết đây là đoàn thuyền chở của cải hàng hóa quý giá từ các phủ Thăng Hoa, Quảng Ngãi, Qui Nhơn về dâng nộp cho phủ chúa. Thuyền từ những vùng đất xa xôi vượt biển mà đến, nhưng trên thuyền không thấy có bếp núc gì cả. Gần chỗ đặt giá mõ, chỉ có một vò nước, bên cạnh treo cái gáo dừa cán dài. Một người chèo thuyền trên chiếc thứ ba đang cuối rạp người xuống đẩy mạnh mái chèo, bỗng ngã chuối tới trước không gượng lại được. Nhịp chèo đột nhiên rối loạn. Nhiều tiếng la ó xôn xao. Tên lính gõ mõ quát tháo nhắc nhở mọi người nhiệm vụ và trật tự. Hai hàng lính chèo thuyền lại tiếp tục hình dịch, chỉ có người chèo cùng hàng ngang với người bị ngã được phép gài mái chèo lên, vực người bạn xấu số đến gần vò nước, dùng cái gáo dừa múc nước dội lên đầu bạn mình. Cho đến lúc chiếc thuyền này mất hút ra ngoài tầm nhìn, ông giáo vẫn chưa thấy người lính ấy tỉnh lại. Đầu ông giáo tự nhiên nóng bừng, cổ ông nghẹn đến khó thở. Máu trong người ông nhộn nhạo. Nỗi hận của bao năm, nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với Ý-đức-hầu bạn ông (1), nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với người cày ruộng đói trên đồng lúa chín, người chài lưới mỗi chiều về cá đầy khoang mà bụng cứ rỗng, người buôn bán hao mòn vốn liếng vì cái túi tham của các trạm thuế. Ông giáo nhìn lại vợ con tìm thấy đôi mắt bà giáo và con gái nỗi lo âu, hốt hải. Ông nhìn Kiên. Kiên nhìn về hướng tám chiếc thuyền quan vừa đi khuất, tỏ dấu hiệu nỗi lòng cha, nhưng ông giáo chờ mãi không thấy con tỏ thêm phản ứng gì. Chỉ có Chinh nét giận dữ lộ hết ra đôi mắt.

Gần đứng bóng, họ mới đi qua chùa Hà Trung. Con đò bỏ lại đằng sau những đoạn sông hẹp rợp bóng cây, bắt đầu chao đảo giữa một vùng phá rộng. Tuy trời đã bớt gió, sóng đục ngầu vẫn

cuồn cuộn quanh đò. Trừ bác lái quá quen với sông nước, cả gia đình ông giáo đều nơm nớp sợ hãi, cảm thấy chòmer ngợp vì mất hút giữa khoảng trời nước cùng màu xám đục. Bà giáo, An, và thằng Út say sóng nằm rũ trên đống đồ đạc, giấu đầu trong mũi hẹp không dám nhìn ra ngoài.

Lăng ngời bệt trên liếp tre, hai tay bấu

chặt lấy hai mạn đò. Chinh vẫn ngồi trước mũi, không đưa tay nghịch nước nữa. Kiên đưa tay chỉ về phía vũng eo của biển cả, nơi có mấy cây tùng cao lớn rậm rạp đơn độc trên một vùng bùn lầy cỏ rêu san sát, hỏi cha:

- Thừa cha, có phải kia là chùa thầy Từ Huệ trụ trì?

Ông giáo đáp:

- Đúng đấy. Chùa Hà Trung của thầy Từ Huệ. Ngay chỗ có mấy cây tùng.

Người lái đò men theo bờ cừ mọc đầy những cây dương nước, không dám thách đố với sóng dữ. Lâu lâu, đò vượt qua một cái chòi nhỏ chân ngâm xuống bùn mái lợp lá tranh sơ sài, ba mặt che kín, cửa hướng về phía sông. Ông giáo lo sợ nhắc người lái đò:

- Bác cẩn thận. Hãy thông thả mà chèo!

Người lái đò giải thích:

- Không phải chòi canh đâu. Cửa mấy người thả lưới đấy. Chỉ sợ có cái trạm ở ngay cửa khẩu!

Mấy chiếc thuyền chài chèo ngược từ phía cửa biển chèo lên. Sợ sóng dồi làm con đò chòng chành thêm, bác lái nép sát vào bờ cừ. Người lái thuyền đánh cá bỗng đưa tay lên làm loa hú lớn, hình như muốn nhắn điều gì với người lái đò. Ban đầu bác lái còn chưa hiểu. Khi Kiên thấy bên phía thuyền chài, nhiều người giơ nón lên vẫy và nhắc bác lái, bác ta mới chú ý. Bác nhổ con sào lên, dùng hai tay đưa ngang lên khỏi đầu. Phía bên kia, người chống thuyền chài đưa hai tay lên làm dấu chữ thập. Bác lái gật đầu, la lớn:

- Hiểu rồi!

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Họ bảo gì đấy?

Người lái đò không trả lời ngay, cho đò áp sát vào một cây dương nước. Ông giáo hỏi dồn:

- Có gì bất thường không?

Người lái đò nói:

- Không xong rồi. Cửa khẩu đóng, không cho ai ra khơi cả!

Kiên hỏi:

- Sao bác biết?

- Thì họ vừa ra dấu xong! Chúng tôi dân vạn chài đã quen lắm rồi! Mỗi lần kinh thành không yên là có lệnh cấm khẩu.

Ông giáo mất bình tĩnh:

- Thế làm thế nào bây giờ?

Người lái đò đáp gọn:

- Phải trở lại thôi!

Bà giáo ngồi bật dậy, làm cho thằng Út giật mình thức giấc nổi khóc lớn. An dỗ em không được, khóc theo. Ông giáo thêm bực bội, hỏi gắt:

- Bác nói đùa phỏng! Tôi chịu thuê đến 20 quan, vì bác hứa sẽ đưa chúng tôi đến tận ghe bầu.

Người lái đò cũng không vừa:

- Vâng, vâng. Nhưng nếu các quan ở trạm cửa Mù U đóng gông vào cổ tôi, thì thầy có nuôi vợ con tôi không? Thầy quen lớn trong vương phủ, chắc biết phép quan khe khắt.

Bà giáo e dè hỏi:

- Có lẽ bác nghe lầm. Ghe chài họ chỉ bảo...

Bác lái cắt lời bà giáo:

- Chắc chắn cửa Mù U đóng. Chúng tôi đã hiểu nhau bằng cách ra dấu.

Kiên tự nãy đến giờ giữ im lặng, lên tiếng đề nghị:

- Thừa cha, hay là chúng ta về tạm đặng thầy Từ Huệ.

Ông giáo ngoái nhìn lại phía mấy cây tùng, mờ khuất sau một màn sương khói màu bạc ở sau lưng, trầm ngâm, do dự khá lâu. Thằng Út vẫn chưa nín khóc. Mưa bắt đầu rơi, ban đầu còn lất phất nhưng càng ngày càng nặng hạt. Không có cách nào khác, ông giáo bảo người lái đò:

- Thôi được. Bác chèo trở lại, cho chúng tôi đến chỗ bờ cù có lối lên chùa.

- Dễ thường đến năm năm rồi tôi mới trở lại đây. Năm Tân Tỵ hồi sư cụ mở khóa Lăng Nghiêm. Lúc đó thầy mới lên sư bác. Cảnh chùa ngày nay u nhã hơn nhiều. Thêm một cái ao sen vuông trước điện. Hồi trước đơn sơ thôi. Lau lách còn mọc ngay phía sau điện. Nhà trai chỉ là một chái tranh bề ngang không được 10 thước. Sao thầy không làm một cuộc khuyến giáo để xây một vòng tường ngoài? Không. Có tường vẫn hơn chứ, ít ra cũng che được gió lốc. Có trồng được khóm hoa cúc hay gốc bầu cũng không ngại bị gió dữ phá đi mất. Khi chiều nhìn luống rau xơ xác quanh gốc tùng, tôi càng thất cần phải xây tường...

Ông giáo nói loanh quanh như vậy, từ lúc ngồi với thầy Từ Huệ trong căn phòng ở chái cây. Mùi hương lãnh đẵng trong văn phòng hẹp và ẩm. Tách nước trà đậm trước mặt ông giáo bốc khói, lâu lâu gió bắc bên ngoài lọt qua được phen cửa, tạt hơi ẩm vào lòng bàn tay ông. Thầy Từ Huệ im lặng ngồi xếp bằng trên sập gỗ mộc, kiên nhẫn nghe bạn nói. Mọi người trong gia đình ông giáo, và các chú tiểu đã đi ngủ. Trong đêm khuya, chỉ còn một nhà sư trân trọng lắng nghe lời một nhà nho.

Ông giáo nói huyền thiên một hồi, đôi lần muốn nói thẳng với bạn câu chuyện mà ông biết thầy Từ Huệ đang chờ đợi ông kể, nhưng lượn lờ mon men nhiều lần, ông ngại không dám vào đề. Ánh mắt thầy Từ Huệ sáng lên, đôi lông mày nhíu lại chuẩn bị hết tinh thần lắng nghe. Ông giáo dừng lại thật lâu. Mưa từ các đợt tranh nhỏ giọt xuống vũng nước đọng dưới thềm chùa, nghe lóc chóc từng tiếng đều đặn, thông thả. Rồi đáng lẽ đi thẳng, ông giáo lại đi quanh:

- Tiếc là chuyến này gấp quá, tôi không đem được cặp cây kiểng biểu chùa nhà. Công phu 10 năm đấy nhé. Suốt 10 năm công phu tôi mới uốn nắn cặp sơn tùng đó thành hai con rồng giống y như nhau. Những cái chân đều toàn bằng cây, nhất định tôi không chịu làm chân bằng rễ như thiên hạ. Thầy bảo sao? Thân hay rễ cũng như nhau à? Khác chứ. Làm chân bằng rễ phụ là cách phàm phu, kể làm gì. Hơn nữa cái quý là ở công phu ấy. Này nhé, phải uốn cong một nhánh xuống, dè chôn đất. Nó nứt nhánh ngoi lên mới cắt. Cắt mãi đến khi nó phải đâm rễ và bám xuống đất. Lại còn chăm chút sao cho cái thân nó uốn éo như thân rồng. Chú ý nhé, không được chọn gốc thủy tùng, vì thân không có vẩy. Chỉ có loại sơn tùng mình mới mong uốn cho giống y hình rồng.

Ông giáo nói xong, ngưng lại thật lâu, nhìn đăm đăm vào khuôn mặt bạn, cái nhìn khinh thị dò dẫm như muốn lường xem câu nói của mình đã thấm tới đâu. Nhà sư vẫn giữ thái độ chú ý trân trọng. Ý chừng không thể im lặng lâu hơn nữa, thầy Từ Huệ hỏi:

- Thế cái giống tùng ở phía sau chùa, có thể gây thành cây kiểng được không?

Ông giáo vui mừng thấy bạn bắt đầu nhập vào câu chuyện, vồn vã đáp:

- Được chứ. Tốt quá đi chứ. Từ hồi còn sư cụ, tôi đã có lần bảo loại tùng này khá lắm. Thầy có để ý không, ở xa mà nhìn, nó khác nào cây kiểng quý đâu. Cây tùng sau nhà chùa dễ thương lớn đến mấy 60m, ngọn queo cành cỗi, mà lá lại rậm rạp. Trên ngọn lá xoắn thành từng nắm tròn. Thầy biết không, sách Truyện ký chép rằng hễ cây tùng nào có đọt xoắn thành nắm tròn, thì đào dưới gốc có củ phục linh và hổ phách.

Rồi không cần chuyển mạch, vào lúc bất ngờ nhất, ông giáo nói:

- Nhưng mà ôi thôi, này giờ chỉ nói toàn chuyện vẩn vơ. Tiếc làm chi cái công phu viễn vông ấy, phải không? Vạc sắp đổ, thì sá gì ngọn cỏ dại mọc dưới bóng vạc.

Thầy Từ Huệ sửa mình ngồi ngay ngắn hơn, ngả người về phía bạn hỏi:

- Có biển ở kinh thành ư? Thấy thầy, đem cả gia đình đi thế này, tôi đã ngờ, nhưng không tiện hỏi thẳng.

Ông giáo cảm thấy nhẹ nhõm vì đã qua khỏi giai đoạn khách sáo e dè, chậm rãi nói:

- Phải nói là đại biển.

Rồi thấp giọng xuống, ông bảo bạn:

- Thầy cũng phải coi chừng. Ý - đức hầu vừa bị giết hôm qua!

Chén trà trên tay thầy Từ Huệ run run, nước trà sóng sánh. Theo thói quen, ông giáo lại nhìn dò dẫm phản ứng trên mặt bạn. Đôi mắt nhà sư lim dim một lúc lâu, khuôn mặt bất động che giấu những xúc cảm còn lan man bất định. Đến khi ông giáo hết chờ đợi được nữa, định nói, thì nhà sư hỏi:

- Ai giết?

Ông giáo đáp:

- Thầy đoán ra rồi. Lại tên Trương Tần Cối (2).

Rồi giọng ông giáo trở nên sôi nổi:

- Thầy tưởng xuống đây núp dưới bóng Phật thì được yên sao? Tưởng tàn khóm cổ tùng che được gió sao? Thầy có nhớ những gì chúng ta đã nói với nhau khi thầy còn là môn khách của Ý - đức hầu? Tại sao đột nhiên thầy bỏ hết, bỏ hết, xuống trốn đời ở cái xó biển này?

Nhà sư đặt chén trà xuống, cái chén nghiêng về một phía vương cạnh khay trà, khiến nước đổ lan một khoảng nhỏ trên mặt gỗ. Ông giáo không cho bạn đáp, tiếp tục nói:

- Nghe được tin, tôi phải đem gia đình đi ngay trong đêm. Mấy hôm trước, tôi có trình với Hầu là nên đề phòng. Nhưng không ngờ chúng dám làm càn đến mức đó. Chúng đã cho người mai phục sẵn.

Nhà sư hỏi:

- Bây giờ thầy định làm gì? Đi đâu?

Ông giáo có vẻ ngạc nhiên, không hiểu tại sao bạn lại hỏi một câu vô nghĩa như vậy, khựng lại một lúc, do dự, hoang mang. Ông nhìn bạn lần nữa, cố tìm hiểu chủ ý của câu hỏi. Ông giáo không tìm ra cái gì khác ngoài vẻ điềm tĩnh khó hiểu, ngoài cái thần nhiên đáng ghét. Giọng ông trở nên hằn học:

- Dĩ nhiên tôi không có ý định xuống trốn ở cái xó này. Thầy yên tâm. Nếu bọn Tần Cối không cấm biển, tôi đã khỏi phải ghé đây làm phiền thầy. Đất ở đây hẹp. Ở đâu cũng có tai mắt bọn Tần Cối nên nhan nhản khắp nơi toàn một lũ hèn. Tôi không chịu đựng nổi nữa. Phải qua bên kia đèo Ngải lãnh thôi!

- Để tìm thờ một chúa khác ư?

Ông giáo tức giận nói lớn tiếng:

- Thầy vừa nói gì thế? Chúa khác à? Trãi tám đòi khai phá mở mang bờ cõi, còn tìm dòng họ nào xứng đáng hơn nhà Nguyễn Gia Miêu. Chỉ giận tên gian tham chuyên quyền, lung lạc cả ngôi chúa. Nay chỉ còn hy vọng ở hoàng tôn mà thôi. Đất Quảng nam trù phú, dân đông, có thể cấy vào đó

làm thế dựa để diệt gian thần, tôn đấng minh quân được. Thầy nghĩ sao?

Nhà sư suy tính một lúc, rồi trả lời:

- Quanh quần cũng chỉ bấy nhiêu! Trước kia tôi cũng nghĩ như thầy, định chỉ nương tạm của Phật một thời gian, Nhưng càng ngày tôi càng thấy, càng hiểu. Ất hay Giáp ngồi trong vương phủ cũng thế thôi, lũ dân đen lúc nào cũng chỉ được nắm cơm hầm và manh áo rách.

Ông giáo không tin ở tai mình nữa, lo sợ đến ngẩn ngơ, bàng hoàng. làm sao bạn ông dù đã bỏ mộng kinh sư theo kinh kệ lại dám thốt những lời phạm thượng như vậy. Bây giờ ông mới thấy Hàn Dũ có lý. Ông giáo đứng hẩn dậy, đi đi lại lại trong phòng để mong lấy đủ bình tĩnh. Bạn ông vẫn ngồi trầm ngâm trên sập gỗ, như đang tham thiền nhập định. Ông giáo đến trước mặt bạn, dần từng tiếng một:

- Thầy chỉ là một kẻ nhát gan, giấu đầu trong xó tối mà tránh ma. thầy tưởng tiếng chuông lời kệ đủ sức diệt được tham sân si của lũ Tàn Cối ư? Không! Không!

Nhà sư mở mắt ra, thấy vẻ thách đố giận dữ của người bạn già, nhưng vẫn điềm tĩnh trả lời:

- Rất tiếc đã làm cho anh giận, anh giáo Hiến ạ. Lúc nãy anh bảo trong sách Truyện ký có chép rằng cây tùng nào tàng lá xoắn thành hình tròn, dưới gốc có phục linh và hổ phách. Tôi cũng có nghe nói như thế. Nhưng có ai vì tham hai món thuốc quý ấy mà đào bật gốc tùng lên không?

Ông giáo để một lúc lâu suy nghĩ về lời nói bóng gió của bạn, tuy cảm động vì lối xưng hô thân ái như lúc thầy Từ Huệ chưa vào chùa, cùng với ông là môn khách ở dưới cửa Ý đức hầu, nhưng càng nghĩ, ông càng thấy không thể đồng ý với bạn. Ông nói:

- Cách nhau mấy năm, chúng ta đã khác nhau quá. Dù sao cũng xin cảm ơn thầy... cảm ơn anh đã cho tá túc đêm nay. mai chúng tôi đi sớm. Có lẽ anh không bị quấy rầy nhiều đâu!

Cả hai người nhìn nhau không nói, và đều băng khuông trước một sự rạn vỡ vô hình. Từ đó cho đến lúc chào nhau đi nghỉ, họ không nói với nhau điều gì khác ngoài những lời khách sáo vô nghĩa.

Lũ trẻ không quen đi bộ, nên dù có hứng thú với cảnh những dải cát mênh mông, núi vùi vọi xanh biếc và những đầm nước sóng vỗ ngay vệ đường, chưa đi được bao xa, đã kêu mỏi chân. Sức khỏe mong manh của Lãng và bà giáo cũng là một lý do khác. Ông giáo không dám hối thúc, lâu lâu dừng lại chờ vợ đến với đôi mắt thương cảm pha lẫn nhẫn nại. Ông đã trải qua cái cảm giác phức tạp ấy nhiều lần trong đời. Bảo rằng ông hối tiếc hay bảo rằng ông thương hại, đều không đúng. Ông giáo có hối tiếc gì đâu? Giả sử có một phép lạ nào cho phép ông được sống lại một cuộc đời khác ngay từ đầu, ông không ngần ngại lặp lại những điều ông đã sống. lặp lại cái biến cố quan trọng nhất của đời ông: cuộc tình duyên giữa ông giáo và bà giáo. Giữa chốn thị thành bon chen nhau giành giật ân huệ và danh lợi của vương phủ ban phát, tiếng cười hả hê chen những tiếng nấc nhọc nhằn ô nhục, đập chà lên đầu nhau tiến thân, miệng lưỡi tâng bốc cũng là miệng lưỡi dèm pha, ôi thôi trong mớ tiếng ồn bát nháo ấy của thành Thuận hóa, việc ông giáo lấy một người vợ có gì đáng kể đâu thế mà trong đám quen biết không khỏi có lời bàn ra tán vào. To tiếng nhất là đám bạn bè của ông giáo. Dù thế nào chăng nữa (ý các bạn ám chỉ cảnh tứ cố vô thân và sự nghiệp dở dang của ông giáo) ông cũng là một nhà nho. Tất nhiên ông giáo chưa đậu đạt gì, và chắc còn lâu lắm mong tên mình được

xương ở lâu Phú văn. Các bạn ông còn lạ gì cái tính ngông nghênh không chịu vào khuôn phép, cái giọng khinh bạc phóng túng trong các bài thơ phú của ông! Thế nhưng mà...(các bạn ông tợp chén rượu đắng ở cái quán lá gần bờ sông nơi họ thường tụ tập nhau tán gẫu) thế nhưng dù sao chẳng nữa ông giáo cũng là một nhà nho có tương lai. Trong lúc đó, cô hàng cơm hến chỉ là con một anh lính lệ. Vâng, thì đã đành cha cô hàng cơm hến là lính cấm binh nhờ gốc gác từ Tổng sơn mà được tin dùng, và nếu cần, ông ta có thể chửi thẳng vào mặt bọn thư sinh lạc độ yếu đuối mà họ chẳng dám làm gì, chỉ riu riu cúi đầu, lặng lẽ tránh đi. Các bạn ông giáo cũng lấy lòng người chân thực công nhận rằng cô hàng cơm đẹp, đôi mắt to và sâu, cái mũi thanh, đôi môi nhỏ mỗi lần không nói cố mím lại để che cái răng cời bên trái khiến lúc nào hình như cô hàng cũng đang sắp sửa cười với người trước mặt. Nhưng (họ nhấn mạnh để thuyết phục ông giáo nghĩ lại trước khi quá trễ) nhưng tay chân cô ta thô quá. Và điểm quan trọng hơn hết là cô ta ốm yếu quá. Vai đẹp, thân thể mỏng, nước da xanh xao. Họ có biết đâu rằng chính sự pha trộn giữa vẻ đẹp thuần hậu trầm tĩnh và nét mong manh yếu đuối ấy đã khiến ông giáo xúc động mãnh liệt. Ở cô hàng ít nói ấy, từ mái tóc dài đen lòa xòa ít được chải chuốt, cái dáng đi sẽ sàng như sợ đau lây mặt đất, nụ cười lặng lẽ giấu diếm, đến chiếc áo thâm tay dài rách ở cùi chỏ làm lộ một mảnh da trắng, tất cả, tất cả hợp nhau lại, không có chút mồi mọc mà chỉ có sự cầu cứu che chở. Mà ông giáo vào cái 25 của thời ấy, thì sẵn sàng làm người bao dung lắm! Quả nhiên các bạn ông đã đoán không sai. Cả ông giáo cũng đoán đúng. Cô hàng cơm hến lấy một thư sinh tứ cố vô thân không sự nghiệp, cái nghèo chờ sẵn ngay từ tối tân hôn. Cô hàng không ngờ chồng mình không có gì khác ngoài đồng sách cũ. Nhưng đối với chị em hàng xóm, và nhất là đối với người cha hay say rượu, mớ giấy dơ chữ nghĩa lằng quằng đó trở thành biểu tượng của một giá trị siêu hình vượt xa tầm tay của rất đông người. Thứ giá trị chìm khuất trong một thứ mà sương thần thánh như các bức tượng ẩn núp sau lớp khói hương mù mịt. Nhờ thế, hai vợ chồng trẻ yên tâm sống giữa nghèo khó và sự kính nể của những người quen biết. Vợ mở một ngôi hàng nước, chen thêm vài ba thứ hoa quả lặt vặt theo mùa. Chồng viết đơn thuê, tập tễnh đọc sách thuốc. Và như mọi cuộc sống vất vưởng bấp bênh khác, chính hai vợ chồng cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao họ đắp đổi lẫn hồi rồi cũng xong. Giật gấu vá vai, họ vẫn sống được. Chỉ có một điều ông giáo ái ngại, là bà giáo yếu ớt quá. Cái vẻ mong manh một thời quyến rũ ông, về sau vẫn còn đủ sức quyến rũ. Nhưng ông ái ngại cho bà giáo. Thêm một đứa con là thêm một niềm lo lắng, sức khỏe bà giáo giảm xuống. Đôi lúc ông tự trách đã không có cách nào giúp đỡ vợ, cung cấp cho vợ một đời sống an nhàn sung túc hơn. Sau khi sinh thằng Lãng, ông sợ thêm một đứa khác thì vợ dễ lụn dần như một ngọn đèn hết dầu. Ông quyết giữ gìn được đến tám năm. Thằng Út ra đời, ông giáo đau xót thấy sức khỏe của vợ chỉ còn là một ngọn bắc leo lét. Hai xương vai bà nổi cộm hết lên dưới lớp áo thâm, vai so lại. Thời tiết chốn kinh kỳ thất thường và trời vừa se lại là bà giáo húng hắng ho. Từ lúc ông bỏ nghề thầy đồ về giúp cho Ý đức hầu, gia cảnh có khá hơn. Ông có nhờ các bạn làm ở Tàu vụ mua thuốc bắc từ các tàu buôn người Trung hoa khi thuyền họ ghé vào Hội an. Thuốc bắc chỉ giúp được sức khỏe bà giáo cầm chừng, chứ không thể khá hơn.

Thế chất yếu đuối của mẹ ảnh hưởng đến mấy đứa con sau. Lãng khó nuôi ngay từ khi lọt lòng. Thằng Út hết nóng sốt lại đi trượt, giấc ngủ chập chờn và thường hay giật mình đổ mồ hôi. Cũng may nhờ có An giúp đỡ mẹ săn sóc các em, khi cho bú mớm, lúc dỗ giấc ngủ. Giữa đám anh em trai vô tâm, An như một người chị hay làm quán xuyến gần hết công việc trong gia đình. Cho nên lúc trời sắp tối, mây đùn lại hạ thấp bầu trời, Kiên và Chinh giục cha đi nhanh cho đến

trạm Tuần ải, thì An nhắc cha rằng đường trở lại quán Trà gần hơn, chung quanh có làng xóm dễ tìm ra chỗ trú đêm. Ông giáo đã nghe theo lời con gái trở ngược lại tìm lối tắt lên đường cái quan, theo hướng bắc trở ra quán Trà.

Ông giáo không dám vào khách trạm, xin tá túc ở một ngôi nhà cất giữa vườn mít rậm. Sáng hôm sau ông lại cẩn thận đánh thức vợ con từ canh hai và lên đường khi trời còn tối mù. Từ quán Trà đến quán Tuần ải nhà cửa dân cư thưa thớt. Núi và đầm chen nhau không dành cho con người lấy vài khoảng đất mưu sinh, nên ông giáo yên lòng đi theo đường cái quan. Người dẫn đường thấy cách đi đứng thất thường của gia đình ông giáo, lấy cớ này cớ nọ đòi thêm 2 quan tiền công nữa. Bà giáo phải móc cái ruột tượng ra, lo lắng nhìn số tiền ít ỏi còn lại. Không có cách nào khác. Mọi người đều mệt mỏi, hai bàn chân ê ẩm, nặng trĩu, buổi sáng thức dậy tưởng như không thể đặt được bàn chân xuống đất chứ đừng nói chi bước đi. Nhưng rồi không có cách nào khác, bàn chân phải đặt xuống, môi mím để nén đau bắt nó làm đế tựa để nhấc bàn chân trái lên, nghiêng người đặt xuống phía trước. Từng bước, từng bước, cả gia đình rồi cũng đến được quán Tuần ải tối hôm ấy.

Sáng hôm sau, họ bắt đầu đến bìa rừng Ngải Lĩnh. Ngay dưới chân đèo, có một xóm dân chài độ vài chục nóc nhà. Bà giáo và An đang vào một nhà tranh lụp xụp tồi tàn gần đường quan nhất để xin thêm nước dự trữ, thì đột nhiên cả xóm lao xao náo loạn. Người này ới ới gọi người kia. Mẹ hốt hải khóc mếu đi tìm con. Đàn ông vác những cái bọc cột sẵn chạy ra phía bờ biển! Không đầy một khắc cả xóm trở thành một cõi hoang vu, như có một cơn lốc dữ thổi qua vậy. Cửa sổ, liếp che ở các ngôi nhà lá đều chống lên, bên trong đồ đạc không còn gì. Trai tráng, phụ nữ đều biến mất, chỉ còn lại những người mù lòa, tàn tật và trẻ em. Ông giáo và cả nhà ngạc nhiên, rồi lo sợ, nghĩ rằng có lẽ lệnh truy nã của quốc phò đã đến đây. Đáng ngại hơn nữa là cả người dân chài vác thuê cũng đã biến mất. Trong cái xóm vắng tanh tã, chỉ còn tro bụi gia đình ông giáo và mấy người già cả. Vài đứa con nít đang khóc thét vì đột ngột xa hơi mẹ.

Ông giáo đến hỏi một ông lão. Ông lão trở về phía bắc nói:

- Ông không biết sao? Ông có thấy đám bụi mù trên đường quan không? Ông nên trốn nhanh lên, cả mấy cậu này nữa. Công sai đã về đây!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Công sai về thì đã sao? Mình có làm gì nên tội mà trốn?

Ông lão lại gần, hạ giọng trả lời:

- Ông ở xa đến không biết đấy thôi. Ở đây dân khổ rách chúng tôi khô lắm. Xóm này ở ngay chân đèo. Quan dịch đi đông, bắt phu không đủ, người ta phải vào lòng bắt từng nhà. Nếu không có người, thì trong nhà có thứ gì, quan đều tịch thu hết. Do đó nhà nào cũng gói ghém quần áo, nồi niêu, thóc gạo sẵn, khi có báo là vác chạy ra chôn giấu dưới cát. Tôi đã già rồi, chân tay lóng cồng, thôi thì liều ở lại vậy. Ngày đêm chỉ lo chui rúc giấu mình như lũ chuột. Trước kia xóm này đông đúc có đến trăm nóc nhà. Chỉ vì cái nạn bắt tráng tửu mà nhiều gia đình phải trốn đi kiếm ăn nơi khác. Chúng tôi mấy đời giâm dọt rau gốc khoai ở đây, bỏ đi không đành.

Lúc đó một đoàn người ngựa vừa đến. Nhưng chỉ là một đoàn khách buôn. Ông giáo đoán chừng những khách buôn này vừa dùng ngực thồ hàng ra kinh thành theo đường bộ, giao hàng xong họ trở về với những giở trống. Nhờ thế những con ngựa chân thấp, sắc nâu sậm hoặc xám loang lổ trống còn khỏe. Vài người đàn ông đem lúa ra cho ngựa ăn, vài người vào xóm xin

nước. Ông lão lúc này chụm hai bàn tay làm loa, hú lớn một tiếng dài. Dân chúng lại lục tục trở về, ban đầu còn thừa thớt e dè nhưng chỉ một lúc sau họ về đủ cả. Trên đầu, trên quần áo, người nào cũng đầy những cát. Tiếng cười nói oang oang, mừng rỡ như vừa thoát được một tệ nạn ghê gớm. Một người lái buôn báo trước:’

- Hôm nay không có gì đâu. Ở quán Lợn Voi, chúng tôi nghe nói đến mai mới có một đoàn quân quan đi vào Hội an thu thuế. Các bác cứ yên tâm, nghỉ một đêm lấy sức sáng mai hãy chạy. Đàn bà con nít nghe nói vậy cười ồ. Trên các gương mặt đen xạm vì lam lũ thiếu thốn, trong các đôi mắt đục và đờ đẫn hoặc lấm lét vì sợ hãi, lóe lên dễ dàng những ánh vui nhỏ. Một cái chợ nhỏ thành hình, quanh gốc xoài nơi bọn khách buôn cột ngựa. Ngược lại, họ bán cá tươi, cua luộc và những thùng ổi rừng. Ông lão lúc nào hình như chưa yên lòng nếu chưa nói hết câu chuyện dở dang với ông giáo, kéo ông ra chỗ xa tâm sự:

- Tôi thấy các đời trước đời sống dễ thở hơn. Thuế má vừa phải, dân còn chịu đựng được. Quan lại tránh làm phiền nhiễu dân. Nhờ vậy, làng xóm tụ hội, khỏi ai bị buộc phải trốn tránh, phiêu dạt. Bây giờ thì...ông thấy đấy!

Ông lão thở dài. Rồi chỉ cho ông giáo thất một bức tường ở một căn nhà hoang mái dột, nước xối lỏ chỉ còn cái khung tre xiêu xó, ông lão nói:

- Tôi nói với ông làm gì chứ! Nói mà có làm được gì đâu! Than ôi! Tôi già quá rồi!

Quá trưa, chờ cho đoàn khách thương đi xa, gia đình ông giáo mới bắt đầu leo đèo. Đường sá gập ghềnh khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm dây leo chằng chịt. Càng lên cao, cây cối thẳng đuột không có cành phụ. Rễ bám dưới đáy vực, thân trắng vươn lên cổ chen nhau đưa tán lá nhỏ cướp lấy ánh nắng và sương móc. Chút ánh sáng ít ỏi lọt qua được những dù lá tròn chập chùng, lại bị làn sương mờ phía dưới ngăn trở nên tuy đã quá trưa, gia đình ông giáo vẫn có cảm giác đang đi giữa tinh mơ. Đã thế lâu lâu một đám mây thấp trôi vướng vào đám thân cây, làm cho cảnh vật tối sầm mù mịt. Hơi rừng bốc lên, lá cây xôn xao, dường như cả bầu trời mặt đất và thảo mộc cùng tận hưởng thú vị của đời sống, thở ra khoan khoái. Từ lâu từ tưng trong vòng lẩn quẩn tẩn mẩn của đời sống đô thị, cả ông giáo, Kiên và Chinh không thể không xúc động trước một sức sống huyền nhiệm rộn rã và bao la như vậy. Nỗi mệt nhọc hình như tan theo mây và sương thấp, lãng đãng hòa nhập vào hương hoa ngải đang phảng phất quanh bước chân họ. Những cảm giác khinh khoái ấy không bền. Đường đèo gập ghềnh, họ lại mất hướng đạo nên buộc lòng phải đi nép theo đường quan, vừa bước vừa lo âu nhìn sau nhìn trước. Chỉ sau một thôi đường ngắn, mồ hôi và sương đã ướt đẫm khăn áo của bà giáo và mấy đứa bé. Nghỉ một lúc, họ gồng leo thêm một đoạn đèo nữa. Gai góc, đá nhọn làm ê ẩm, nhức buốt những bàn chân son. An thấy mỗi lần đặt chân xuống, mẹ phải mím chặt môi, đôi lông mày chau lại, nước mắt sống chảy xuống đôi má đã tái lạnh vì sương rừng. Cô bé quên cả nỗi mệt nhọc, cố gắng bước nhanh đến nắm lấy tay mẹ. Bà giáo đưa cánh tay trái quàng vai An, và bất ngờ bật lên khóc. Cả gia đình dừng lại, qui tụ thành một nhóm. Ông giáo lo lắng, nhưng cũng hơi bực bội trước sự yếu đuối của vợ. Bà giáo ngồi rũ trên một phiến đá thấp, càng ngày khóc càng lớn hơn. An quần quýt bên mẹ một hồi, rồi cũng khóc theo mẹ. Rồi đến thằng Lãng và bé Út. Kiên không hiểu vì sao đám đàn bà trẻ con đang đi đột nhiên đua nhau khóc lóc như vậy, ngờ ngẩn đứng nhìn, không biết phải làm gì. Ông giáo xoa dầu lên hai bàn chân vợ xong, yên tâm vì không thấy vết thương trầm trọng nào ngoài vài vết xước và bầm tím trên bàn chân và ống chân bà giáo. Lúc đặt bàn chân vợ xuống, ông mới khám phá hai con vắt nhỏ đang bám

chặt vào chỗ dưới mắt cá. Chưa ai trong gia đình có kinh nghiệm đi rừng. Chiều cao của cây cối, dốc đứng hướng lên đỉnh trời, sương mù giăng khắp đôi lúc đặt lại vì thêm những đám mây, cái khí lạnh dịu dịu và mùi hương ngải thấp thoáng lúc đậm lúc nhạt, đều hoàn toàn mới lạ đối với mọi người. Có sá gì những cái nhỏ mọn. Cho đến lúc sự mệt nhọc kéo tầm mắt họ xuống, trước hết là đám đàn bà trẻ con yếu đuối, thì những phiến đá cứng có cạnh sắc, những bụi cây thấp đầy gai, những lối đi trơn trượt; buốt lạnh nhóp nháp những mồ hôi, khí ẩm sự rã rời trên đầu gối cảm giác tê dại nơi bắp chân, đất trở nên gai góc lởm chởm và triền đi dốc ngược tất cả những điều phức tạp rắc rối ấy cùng ùa nhau đến. Nhưng hãi hùng nhất là những chú vắt nhỏ và nhanh này. Mỗi người lúc đó mới tự khám phá ở những chỗ kín ngứa ngáy đều có một hay hai chú vắt bám vào. An chết điếng cả người, không thốt lên được lấy một tiếng dù là tiếng rú. Rồi ai nấy đều để ý thấy không biết cơ man nào là vắt trên lối họ đi. Chúng búng nhẹ cái thân màu nâu đậm và trơn tuột từ chiếc lá này sang chiếc lá khác, và chưa kịp cảnh giác, chúng đã chui được vào dưới lớp quần áo ta rồi. Sợ quá bà giáo quên cả khóc, đứng lên chạy trốn. Ông giáo giữ vợ lại, trấn tĩnh bằng đủ mọi lý lẽ mà bà giáo cứ một mực đòi về lại kinh. Không đành được tức giận, ông giáo quát lên:

- Có im đi không! Đừng nói đại!

Nếu không có tiếng ngực hí vang lên từ đầu ngọn dốc thì còn lâu gia đình họ mới giải quyết được chuyện đi hay ở. Không ai bảo ai, mọi người đều im bật, và nhanh chóng dìu nhau đi xuống phía vực, nơi có những dây leo lá to màu phơn phớt tím, hoa trắng, leo lên thân một cây đã chết khô, tạo thành một chiếc tổ kín đáo. Chờ cho đàn người ngực đi qua, họ trở lại lối cũ. Ông giáo bảo vợ:

- Ta cứ đi trên đường quan đi! Không sợ gì nữa!

Chinh nói với cha:

- Chúng nó không dám đi đêm đâu. Vả lại, việc gì phải sợ ai.

Kiên chậm chạp nói:

- Gần tối rồi cha! Nhất định đây là đoạn cuối cùng xuôi đèo ra kinh. Chắc ta không gặp ai nữa đâu!

Mọi người yên tâm đi trên đường quan, bớt được phần nào khó nhọc. Đi được một thoi đường, trời gần như tối hẳn. Đang lo không biết phải qua đêm ở đâu, họ mừng rỡ tìm thấy phía trước có ánh đèn. Qua màn sương dày, đóm ánh sáng ấy nhòe ra, uơn uớt, như một chất rắn vàng óng đang tan rữa trên tấm thảm đục bát ngát... Màu sáng óng ả, chất lỏng dịu ngọt ấy giúp mọi người phấn khởi. Ngay cả bà giáo và Lãng cũng bước nhanh kịp bước chân Chinh. An vấp một hòn đá lớn mà không thấy đau đớn gì nhiều. Bà giáo hỏi:

- Có chắc là ánh đèn không mình?

Ông giáo cũng lo sợ chỉ là ảo ảnh, không dám trả lời vợ. Thực tế không phụ họ. Đến gần hơn, họ nhận ra được rõ thêm một mái nhà lợp cỏ, bậc cấp bằng đá xếp tạm bợ theo tự nhiên dẫn từ đường cái lên. Chinh vui mừng không ngăn được cười đùa, reo hò. Kiên ngăn em, nhưng tiếng nói lớn không chút dè dặt. Ông giáo cũng cười bảo vợ:

- Mình thấy không. Tôi đã biết chắc ở đây có một cái quán. Hôm nọ ở nhà Ý đức hầu...

Đang nói ông giáo ngưng lại kịp. Họ đã đến chân lối đá dẫn lên quán. Một bó đuốc lớn cháy bập bùng trước cửa, nhưng lạ lùng là quán không có người. Chinh đặt gói đồ xuống chỗ Kiên đứng, không chờ ai sai bảo, nhảy thoăn thoắt trên bậc đá lên quán. Từ phía sau ngọn đuốc bập bùng, Chinh nói vọng xuống:

- Không có ai cả.

Ông giáo chụm hai bàn tay làm loa bảo con:

- Coi chừng.

Rồi sợ ý mình lộ liễu quá, ông thêm:

- Ở đây rần rít nhiều lắm. Vả lại coi chừng không lại ngã.

Không thấy Chinh trả lời. Một lúc, Chinh lại xuất hiện trước ánh đuốc nói lớn:

- Bếp còn lửa. Có cả mâm cơm, ấm nước trà đang bắc trên bếp nữa. Vừa có người ở đây xong, không biết họ đi đâu.

Ông giáo đoán được sự thế, bảo cả nhà:

- Ta lên thôi!

Họ vào quán, tò mò quan sát cái quán tranh rộng ba gian dựng khá vững chãi, công phu. Cách xếp đặt khá ngăn nắp, sạch sẽ. Ngoài mâm cơm bát đĩa vắt bừa bãi trên cái nong nhỏ và cái kệ làm bằng nứa đan dùng để bày quà nghiêng đổ chống chơ vì thiếu mất một chân. Ông giáo ra phía sau bếp lấy tay làm loa gọi lớn:

- Chúng tôi là khách bộ hành. Các ông các bà chớ ngại.

Gọi xong, ông chờ. Một lúc lâu chưa thấy động tĩnh gì. Ông gọi tiếp:

- Chúng tôi, thường dân ở kinh đô về Thăng hoa cư tang. Các bác chớ ngại.

Họ lại chờ. Tiếng gió thổi vào mái lá. Tiếng con tắc kè trên đọt cao. tiếng một vài quả rụng. Rồi tiếng ho. Tiếng chân người. Lần lượt những người chủ quán trở lại. Một ông già khoảng 60, khôn mặt gầy ốm, da đen, nói nhanh và hay lặp. Người vợ trông già hơn chồng, miệng móm, tóc đã bạc hẳn. Một người con trai khoảng 30 thấp lùn, chắc nịch không nói lời nào. Ba người khách trọ đến trước gia đình ông giáo. Chưa cần hỏi nhiều, ông giáo đã hiểu vì sao mọi người chạy trốn. Một ông khách có dáng thư sinh bảo:

- Tôi đã nói không nghe thấy tiếng chân ngựa, nhất định không phải là quan dịch. Nhưng bác quán cứ lo xa, hỏi tại sao không phải là quân quan mà dám lớn tiếng cười nói như vậy!

Cụ chủ quán ngượng nghịu nói:

- Phải lo xa các ông ạ! Mới buổi sáng đây, các “ngài” cần thêm người khiêng vồng. Có đứa xấu miệng mách lẻo cho các ngài biết thằng Mười còn sống chung với hai vợ chồng già chúng tôi. Thế là... các ông thấy đấy. Cái quày mất đi một chân. Bà nhà tôi cứ tiếc mãi cái ấm trà đất nung mua ở cửa Hội. Những một quan đấy!

Nửa đêm, ông giáo giật mình thức dậy. Trống ngực ông dồn dập, mồ hôi đầm cả lưng áo. Ông phải nằm lặng trên mặt chiếu ấm một lúc khá lâu, mới nhận ra được những rui mè bằng tre của mái quán thấp, màu sáng vàng ửng và mong manh hắt từ ngọn đèn dầu đặt ngay dưới nền cách chỗ gia đình ông ngủ không bao xa. Dĩa dầu đã gần cạn, đầu ngọn bốc đen và dài, đóm lửa leo lét yếu đuối lâu lâu lụn hẳn xuống gần như sắp tắt. Nằm yên thêm một lúc nữa, ông giáo phân biệt được tiếng mưa rơi trên mái tranh và tiếng lèo xèo ở chỗ dĩa đèn. Ông đoán không lầm. Mái quán bị dột, giọt tranh rõ đúng vào dĩa đèn. Lớp dầu dừa nổi lên trên dĩa nước quá mỏng, không đủ thấm chất đốt cho tim đèn. Dù đã ý tứ đi thật sẽ sàng để khỏi làm phiền mọi người, bước chân của ông cũng vang dội thành tiếng động lớn. Cụ chủ quán húng hắng ho bên kia liếp phen. Tiếng rít nhỏ và kéo dài của một loài côn trùng bên ngoài mái quán, cũng có thể là tiếng gọi tình của một loài rần, tự nhiên cũng ngưng hẳn lại. Hình như đêm đột ngột lặng lẽ để rình rập ông. Hình như bên kia mái quán, còn có một ngọn núi nhọn nấp sau những đám mây đen

theo dõi từng cử động của ông. Ông lo sợ nhìn quanh quất. Vợ ông nằm co quắp ngay sát tấm vách ngăn, một tay ôm lấy thằng Út còn tay kia đặt trên mái tóc rối, giống như cử chỉ một kẻ yếu đuối đang đưa tay lên che lấy đầu lúc bị kẻ khác đánh đập. Thằng Lãng thở khò khè, khí núi làm cho cơn hen tái phát dữ dội khiến thằng bè trần trở, hết xoay người về phía cột đèn, lại xoay sang phía lưng bà giáo. Ông kéo tấm chăn bông đắp lên ngực con. Lãng mở mắt nhìn, nhưng nó không thấy gì, ngơ ngác một lúc rồi lại nhắm mắt ngủ. Ông giáo ngồi bó gối bên ngọn đèn sắp lụn, thần trí hoang mang. Giá ông có thể hiểu hết được mình, biết rõ những điều quấy nhiễu giấc ngủ mình, biết rõ cái gì khiến cơn hoạn nạn hiểm nghèo của đời ông, ông lại thiếu hẳn sự nhạy bén trong phản ứng, sự quyết định lúc lựa chọn, sự sáng tỏ đen trắng giữa cảm thù và ngưỡng mộ. Trên đường thoát hiểm để cứu lấy mạng sống, vì sao bước chân ông ngập ngừng? Cái gì níu kéo ông lại?

Mấy ngày nay, đôi lúc ông tưởng Kiên biểu ông được phần nào. Lúc nhìn theo đoàn thuyền quan chở của cải các xứ dâng trong về cho quốc phó, lối nhìn trầm lặng ngẫm chứa nhiều nghĩa của đưa con cả đã khiến ông giáo vui, cái vui tìm được bạn đường. Nhưng thay vì phần nộ, Kiên chỉ biểu lộ sau đó sự cam chịu, buông theo chiều gió. Ngược lại, ở Chinh, ông thấy sự phần nộ, phá phách vô tâm, gần gũi với bản năng ban đầu hơn, giống như niềm vui độc ác của bọn con trai mới lớn đổ dầu lên chú chuột con tội nghiệp, châm lửa đốt rồi vỗ tay cười đùa. Ông biết chắc cái tâm sự dửng dăng, ngập ngừng này của ông, cảm giác hoang mang bất định và cả đến đáng điệu ngồi thu mình cô độc bên đĩa đèn leo lét này, ông không thể chia sẻ, không thể tâm sự với bất cứ người nào trong gia đình.

Ông thao thức như vậy cho đến lúc hùng sáng. Ngọn đèn đã tắt, ông đếm từng tiếng chóc chóc của giọt tranh rơi vào lòng đĩa nước. Ông đếm nhịp mình thở. Ông chờ những đợt gió mạnh. Rồi tiếng ban đêm, tiếng muông thú và côn trùng, tiếng cây cỏ, tiếng núi, tiếng trời... Không có âm thanh nào rõ, ông chỉ nghe thấp thoáng chung chung thành một tràng những tiếng xao xác. Ông dậy sớm hơn mọi người, dù đầu óc hơi ngây ngậy nhưng không chịu nằm rán đồ giấc ngủ, một mình bước ra khỏi quán.

Ông kinh ngạc khi nhận ra rằng quán nằm ngay trên đỉnh ngọn Ngải lãnh. Phía nam phủ phục dưới chân ông là những nếp rừng dày xếp nghiêng lớp nọ kề bên lớp kia. Xa hơn nữa là mặt biển màu bạc mênh mông, là đồng bằng màu xanh ô đậm ô nhạt chập chồng. Ông đang ở trên lần ranh, và chốc nữa đây, chỉ cần bước thêm vài bước, ông và cả gia đình sẽ xuôi xuống một hoàn cảnh khác. Ông không thể dừng lại được nữa rồi. Trước mặt ông không còn chóp núi cao nào nghiêm khắc quở trách ông, không còn dốc cao nào chặn bước chân ông. Từ đây, dù có do dự, đã xuôi dốc cứ đẩy ông tới, về phía biển bạc trùng trùng kia, về phía đồng bằng bao la kia. Ông giáo trở về quán. Vợ con ông đã thức dậy. Bà giáo đang xuống bếp lo nấu cháo cho mấy đứa bé. An lo lắng nhìn vẻ bơ phờ của cha. Có một điều cô bé không hiểu, là hình như cha đang có điều thú vị, miệng vẫn mím lại nhưng đôi mắt sáng long lanh. Thấy Lãng, bà giáo và bé Út tiều tụy quá, ông giáo nghĩ: không thể theo đường bộ mãi được. Bằng cách nào đó, phải đến cửa Hội tìm thuyền mà về cửa Giã.

(1) Quốc phó tức quan ngoại tả Trương Phúc Loan

(1) Tức quan nội hữu Trương Văn Hạnh, bạn của giáo Hiến.

(2) Tức Trương Phúc Loan.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 2

Đã nửa tháng qua, từ ngày ông giáo may mắn quá giang được một chiếc ghe bầu về Cửa Giã! Thuyền chở mắm ruốc ra cửa Hội, vòng về chở nón lá, gỗ thai bài và chiếu Điện Bàn. Đáng lý thuyền đã nhổ neo xuôi nam từ trung tuần tháng 5, nếu không gặp phải một vài chuyện rắc rối. Dễ hiểu thôi! Cái loại rắc rối có hương thơm của quế! Chủ thuyền khai ở phòng thuế có chở về Giã mười bó thai bài, loại gỗ sắc trắng như ngà voi uốn không gãy dùng làm cán dao hoặc làm côn rất tốt. Chuyên chở một loại hàng khả nghi như vậy đối với nhận xét của nhà cầm quyền, không phải chủ thuyền không tính toán lợi hại. Nhưng mấy họ đạo ở Mỹ Cang, Gò Thị đã khẩn khoản đặt tiền trước và chịu mua một giá cao gấp 10 lần giá vốn ở cửa Hội. Trước nạn cướp đang hoành hành ghê gớm, và ác cảm ngày càng tăng của dân ngoại, các họ đạo tìm cách lấy lòng quan địa phương, xin phép tổ chức các đội tự vệ. Kể ra chỉ cần gậy tre vạt nhọn cũng đủ giương oai với những kẻ yếu bóng vía lắm rồi. Nhưng những người tân tông giàu có nhờ nghề buôn bán đường biển muốn làm quá hơn một chút, muốn phô trương một thứ sức mạnh đẹp đẽ, hào nhoáng, đắt tiền lạ mắt. Vì thế họ mới chịu đặt mua mỗi bó cây côn thai bài giá những 3 quan. Chưa hết. Cái giá trời ơi đó không đủ khiến những tay buôn nguồn nhieu mảy. Ba quan ư? Thì 3 quan. Trả thêm nửa quan nữa, vị chi 3 quan rưỡi, nhưng phải chọn tuyền những cây thai bài dài quá tầm người, gỗ già mà không vết, để làm cán lao. Tây Sơn thượng đặt mua 20 bó nữa. Tính nhẩm các khoản phí tổn trà nước từ cửa Hội cho đến cửa Giã, chủ thuyền thấy món lời không nhỏ. Bất ngờ khi bán xong mắm ruốc, mua xong nón và chiếu, ông ta mới biết giá gỗ tăng vọt. Nhẩm tính mọi phí tổn, ông bần thần cả người. Túng thì phải tính. Ông giấu mấy bó gỗ một ít quế. Càng tính càng vỡ. Không bị đóng gông vào tù là may. Nhẩm tính một lần nữa, chủ thuyền mới thấy chuyến chở hàng kỳ này coi như không công. Lúc nào đó khoảng 20 tháng năm. Thời hạn neo thuyền ở cửa Hội đã hết. Chính đúng vào lúc chủ thuyền ruột rối như tơ đó, một người bạn đưa ông giáo đến. Không cần hỏi cặn kẽ, cũng không có thì giờ và bình tĩnh ghi nhận về bối rối khác thường trên gương mặt ông giáo, chủ thuyền nhận lời ngay. Ông giáo đang tìm lời rào trước đón sau để thú nhận bao nhiêu tiền dành dụm được đã rơi vãi gần hết trên đường từ Thuận Hóa vào đây, chủ thuyền đã xua tay:

- Không sao. Chỗ quen biết với nhau cả mà.

Ông giáo muốn được rõ hơn về giá cả:

- Vâng. Kể ra thì bác với tôi cũng có thể kể là đồng hương đấy. Nhưng việc gì cho ra việc đó.

Chuyện quen biết nhau, quý nhau, giúp đỡ nhau, phải đâu cho ra đó. Tôi biết bác muốn giúp đỡ chúng tôi, không nữa...

Người chủ thuyền cắt lời ông giáo:

- Thôi, thế này. Tôi giúp không công thì ông giáo áy náy. Không giúp gia đình ông giáo về quê

thì tôi áy náy. Ta chọn con đường giữa. Nếu là ai khác, 5 quan một người tôi cũng không chịu. Nhưng chỗ quen biết, tôi chỉ lấy tất cả 20 quan thôi.

Thế là cả chủ thuyền lẫn ông giáo đều tự nhận mình là người may mắn. Vì thế, khi thuyền đã nhổ neo, người này cảm thấy phải chứng tỏ tất cả lòng ưu ái, thiện cảm đối với người kia. Thuyền thuộc loại lớn, nhưng chuyên chở hàng nên thiếu thốn tiện nghi. Chuyển ra lại chỗ mắm ruốc, mùi khăm khăm nồng nặc, cả gia đình ông giáo lúc mới xuống thuyền ai cũng hắt hơi liên tiếp. Trong lòng thuyền rờ đâu cũng thấy nhóp nhóp, rít róng. Chủ thuyền quên mất thói quen tính toán, cỏi phăng bó chiếu hoa Điện bàn, lấy một chiếc trải cho bà giáo nằm. Bà giáo bị bệnh từ lúc nghỉ đêm trên đỉnh Ngã lãnh, cố gắng lắm mới thều thào đôi lời cảm ơn. Bù lại, ông giáo đốc thúc các con quán xuyến việc bếp núc cho cả chủ thuyền lẫn anh em chèo thuyền. Kiên và Chinh tự nguyện giữ hai tay chèo ở gần phía lái. Như vậy là ai cũng đều thoả hân hoan!

Thuyền ra khơi được hai ngày, bệnh tình bà giáo trở nặng. Người bà nóng rực. Môi khô. Đáng sợ hơn hết là bà bắt đầu mê sảng. Chưa phải bà đã đến tình trạng mất hết sự kiểm soát chủ động của lý trí. Chồng con nói gì bà cũng hiểu. Và bà cũng hiểu ngay những lời bà nói trong cơn mê nữa. Khó phân biệt được trạng thái tỉnh trí và trạng thái mộng mị qua thái độ, cử chỉ, lời nói của bà giáo. Hình như một cái gì đó từ lâu vốn là nền tảng của đời sống bà, chỗ dựa của bao nhiêu cân nhắc, tính toán, lo âu lẫn ước mơ, cái nền vô hình đó bây giờ đã rã rệu, sắp phải sụp đổ. Mọi sự còn y nguyên, nhưng chỉ có bà và những người thân mới thấy trước những rạn vỡ hiểm nguy đang đe dọa nền đất dưới chân họ. Ông giáo thấy chậm hơn An, ban đầu nghe An lo lắng kể lại những câu nói lạ lùng của mẹ, ông đã dùng đến hai tiếng "chồng chàng", để an ủi con:

- Chỉ lo hão thôi. Đừng nói lớn mẹ nghe được, giận đấy. Có gì đâu. Tại thuyền chồng chàng, mẹ yếu sức nên mới ngây ngậy khó chịu mà thôi!

An nghe lời cha, tuy còn băn khoăn nhưng đã yên lòng phần nào. Ông giáo giải thích có căn cứ. Thuyền ra khỏi cửa Hội gặp ngay thời tiết xấu. Từng cơn sóng lớn bạc đầu nhồi thuyền lên cao, rồi lại rút xuống thấp. Thế lực của An vững chắc không thua gì cha và hai anh, chỉ cảm thấy khó chịu một lúc rồi quen. Nhưng Lãng và Út thì chịu đựng không nổi đời sống chồng chàng. Nhất là Lãng. Cậu bé mửa thối đến mặt xanh, suốt ngày không cơm nước gì được. Mặt xanh mét. Út thì vẫn chơi đùa với quả cầu sắt bằng vải ngũ sắc và gối ôm thân thuộc, nhưng mỗi lần sóng dồi, thằng bé sợ, hai tay bấu lấy khoảng không, khóc ré lên. An thường bỏ bếp chạy vào khoang trong dỗ em, và cô lạ lùng nhận ra vẻ thờ ơ của mẹ. Hai mắt bà giáo vẫn mở, tay vỗ nhẹ lên lưng thằng Út để ru ngủ, để dỗ dành, nhưng rõ ràng bà giáo cử động, nói năng trong trạng thái vắng mặt.

Thuyền cập bến Gò Bồi lúc quá trưa. Nước triều đã rút, để trơ một bãi sông đầy bùn, rác, cây mục và đồ dùng bằng đất đã vỡ. Phía bên sông xa, vài cái quán tranh mái thấp cất sát dọc con nước, người đi lại lố nhố đông đúc. Mấy đứa bé da cháy nắng ngụp lặn giữa dòng nước đục, cố níu lấy mạn thuyền leo lên mà không được. Một đứa định bấu vào bánh lái. Chủ thuyền quát đuổi đi. Thằng bé thả tay cho ngã ngửa trở lại xuống nước, lặn thật sâu, rồi nổi lên phía đầu thuyền vuốt mặt thở phì phò. Sóng vỗ vào mạn thuyền nghe vui tai như tiếng đàn heo đói chấp nuốt một máng cháo ngon. Chinh thích thú, cỏi áo muốn tắm với đám trẻ lạ. Thấy anh lừ mắt, Chinh lại mặc áo vào. Kiên giúp An thu dọn đồ đạc, cột chặt mấy tay nải quần áo và mền gối,

sách vở. Ông giáo ra phía đầu thuyền, đứng ngắm cảnh bốn phía. Xứ sở này hoàn toàn xa lạ đối với ông. Và cả vợ ông. Đã đành trong những cơn say, cha vợ ông giáo có nói đến từng mảng, từng mảng rời rạc của xứ này. Nhưng trí nhớ mù mờ, lung linh giữa hơi men thật khó tin cậy lắm. Ông giáo nghe ông nhạc kể chuyện một tối đi đứng nhá bên bờ sông nước lũ, một bữa nhậu với tôm nướng vừa câu được ngay bên bờ đầm Thị Nại, một cuộc săn đuổi đám lục lâm chuyên nghề buôn nguồn. Chuyện một thuộc hạ giỏi võ đổ cát vào hai ống quần buộc túm lại để tập nhảy qua rào. Dòng họ Trần ở Mỹ Cang vì tranh nhau đồ giàn mà suýt chút nữa đốt cháy cả làng của dòng họ Lê ở Nước Mặn. Rồi chuyện bọn trộm ở Truong Mây thò phượng một cánh tay con nít phơi khô, mỗi đêm xuất hành làm ăn phải đi theo hướng ngón trỏ của thần vật chỉ dẫn, nếu không tất gặp phải tai họa. Chuyện đời sống cam go của những người mở rừng, làng xóm đơn sơ của những dân lưu tán. Riêng chuyện gia đình phía vợ lớn An Thái, ông nhạc ít khi nói đến. Dù là những lúc say nhất. Một phần không nhỏ của cuộc đời ông ở đấy, có lẽ đầy những nghịch cảnh đau lòng nên men rượu không đủ sức thúc ép ông kể. Thường trên đà ba hoa, đến chuyện riêng, ông dừng lại kịp. Mắt ông chớp chớp. Một lần bà giáo bắt gặp cha đang quay mặt vào bóng tối để lau vội một giọt nước mắt. Cả gia đình bỏ lại An Thái, ông nhạc chỉ thường nhắc đến một người em vợ bị bệnh cùi sống một mình trong chòi tranh giữa đồng.

Vùng đất bí nhiệm và hoang sơ đó đã bao lần cuốn hút lòng tò mò của ông giáo. Bây giờ ông đang đứng đây, ngay trên con sông có lẽ ông nhạc đã nhiều lần giăng lưới. Chỗ nào đâu? chắc là chỗ kia kìa, nơi bờ sông đột nhiên uốn cong, lá trôi trên mặt nước đến đó thì xoay vòng, tụ lại một đám. Còn chỗ này là cái xóm dòng họ Lê suýt bị thiêu rụi vì một trận đồ giàn? Chỗ nào đám bạn bè của ông nhạc họp nhau câu tôm để nhắm rượu? Chung quanh ông giáo, xa xa, vây quanh những núi là núi. Ngọn nào là sào huyệt của đám lục lâm buôn nguồn? Truong nào là nơi làm ăn của bọn cướp? Và giữa khoảng bình nguyên mênh mông tím tắp, tìm đâu cho ra cái chòi tranh của người cậu bất hạnh?

An và Kiên vực bà giáo dậy. Khuôn mặt bà vẫn xanh xao, mắt ngơ ngác chưa hiểu mình đang ở đâu. An hỏi:

- Nhà ngoại ở phía nào hở mẹ?

Bà giáo nhìn đăm đăm vào mặt An, không nhận được ai. An lay cánh tay mẹ:

- Mẹ có nghe con hỏi không? Nhà ngoại lớn ở đâu hở mẹ?

Bà giáo nhìn về phương tây. Mặt trời chói chang chiếu thẳng vào đôi mắt đại khờ của bà. Không đưa tay lên che mắt, bà giáo nhìn thẳng lên mặt trời, rồi dáo dác tìm quanh. Đột nhiên, bà đưa hai tay ôm đầu khóc nức nở. Bệnh tình của bà giáo đã trầm trọng lắm rồi!

Gia đình ông giáo ở lại nhà người chủ thuyền ba ngày. Ông trùm họ đạo Mỹ Cang đến hạn hàng, gặp lúc bà giáo mê sảng, có giới thiệu với ông giáo một cố đạo người Tây dương có tài chữa bệnh. Chủ nhà giao thiệp rộng, đi lại nhiều, cũng góp lời tán dương tài y học của các nhà truyền giáo Gia-tô. Ông giáo không tin. Ngay chỗ bến thuyền có một tiệm thuốc bắc. Ông kê một đơn thuốc sai Kiên bổ về sắc cho bà giáo. Một vài món bị thiếu nhưng những món chính tạm đủ. Thang thuốc đắt tiền mà không có hiệu quả gì. Cuối cùng ông giáo đành để mặc cho Kiên tìm chỗ trọ của ông trùm. Ngay buổi chiều hôm sau, một cố đạo mắt nâu, mũi cao, đầu quấn chiếc khăn vải đen, mặc bộ quần rộng nhiều nếp có thắt chên ngang lưng, chân quấn xà cạp, đi đất tìm đến thăm ông bà giáo. Vì đã từng gặp nhiều cố đạo Tây dương ra vào phủ chúa,

Ông giáo quen với cách chẩn bệnh của họ, yên lòng để ông cố đạo đặt tay lên trán bà giáo đo nhiệt độ, áp tai vào lưng theo dõi nhịp thở. Ông cũng cố nhẫn nhục che giấu sự bức dọc bất lực của mình để mặc cố đạo pha một thứ bột trắng vào nước sôi cho bà giáo uống. Nhưng đến lúc người cố đạo đem bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bằng ngà đặt áp vào môi cho bà giáo hôn, thì ông giáo mất bình tĩnh. Gần như cả nền tảng của cuộc đời ông bị đe dọa. Đã đến lúc ông nhất quyết "không".

Thế là ông giáo quyết định đi An thái ngày đêm ấy. Người chủ thuyền chỉ biết thở dài, không còn cách nào khác hơn là tìm mua dùm cho ông giáo một cái võng trôn và một cái đòn tre già. Chinh và Kiên dùng võng khiêng mẹ đi, ông giáo bồng thẳng Út. An và Lãng ôm được hai cái túi con. Đồ đạc còn lại, phải thuê hai người trai tráng gánh hộ và thay phiên cho Chinh và Kiên lúc hai cậu bị mệt. Cũng may có hai người từ Tây sơn thượng xuống nhận gỗ thai bài, nên người chủ thuyền xin cho gia đình ông giáo tháp tùng, nhấn nhe nhờ họ trông nom chỉ dẫn đường đi nước bước cho.

Hai người buôn nguồn ở Tây Sơn thượng một người còn trẻ tuổi, một người đã trạc bốn mươi. Người đứng tuổi nét mặt lầm lì, cặp lông mày rậm giao lại trên sống mũi. Mắt lộ, cằm vuông, ở phía hàm trái, có một chòm râu đen khá dài mọc trên cái mụn ruồi lớn bằng hạt đậu. Ngoài những câu trả lời giống một, những tiếng ậm ừ vô nghĩa, An chỉ thấy bác ta biểu lộ trầm tư hoặc bối rối bằng cách đưa tay lên vuốt mấy sợi râu ấy. Người trẻ tuổi ngược lại miệng lưỡi liến thoắng, không chịu ngồi yên một chỗ. Anh ta lại có tài pha trò. Người chủ thuyền đếm giao cho anh ta bốn bó thai bài. Anh ta rút ra một cây, đưa lên mắt ngắm. An và Lãng tò mò đứng xem anh ta làm việc. Thấy hai đứa bé quan sát mình, anh ta bắt đầu giễu. Hể ngắm bằng con mắt trái thì miệng lại méo xệch bên phía phải. Đoạn anh ta giả vờ lầm bầm, lắc đầu thất vọng, đưa cây thai bài sang phía khác để ngắm bằng con mắt kia. An và Lãng phá lên cười thích thú. Người trẻ tuổi giữ mặt nghiêm, nói với chủ thuyền:

- Thôi rồi bác ơi! Bác chở về bằng đường biển, hèn gì cây côn nào cũng dọn sóng cả!

Chủ thuyền cười mỉm, thông cảm cho tuổi trẻ vui tính náo hoạt. Thế rồi với giọng nửa đùa nửa thật, vừa xin vừa đòi, anh ta cũng bớt được tất cả năm quan. Xoa đầu Lãng, nheo mắt với An, anh ta nói nhỏ với hai đứa bé:

- Rồi! Có tiền ăn quà rồi nhá! Chờ lên sông Cạn, phải biết!

Thấy Chinh lầm lì nhìn mình, người trẻ tuổi tự nhiên vỗ vai Chinh hỏi:

- Biết đánh roi không?

Chinh giữ yên lặng. Anh ta vẫn đặt tay lên vai Chinh, xoa nhẹ vai người bạn nhỏ khó tính rồi lần lần bóp nhẹ xuống cánh tay Chinh. Anh ta reo lên:

- Chà chà! Thịt săn cứng như sắt. Khá lắm. Bắp thịt này mà luyện thêm vài đường roi, phải biết!

An cười vì thấy người trẻ tuổi hay có cái tật nhắc lại hai tiếng "phải biết" để chấm câu. tiếng cười trong trẻo, ánh mắt sáng của cô bé càng khiến cho người trẻ tuổi phấn kích. Anh ta ra đứng tẩn ở giữa phòng, hai tay cầm ngang cây thai bài. Rồi đánh dấu các động tác bằng tiếng hự trầm trọng, anh ta múa một bài đi roi. Ban đầu anh ta múa chậm, càng về sau càng nhanh. Chinh trở mắt nhìn, khâm phục đến nỗi miệng há hốc trông khôì hài dị kỳ. Lãng không thấy chút thú vị nào, bỏ đi. Còn An thì cảm thấy trong cách phô trương, cách ăn nói của người bạn mới, có điều gì quá đáng, vượt mức cần thiết. Cô bé nghĩ vì không khí gia đình của mình từ lâu nghiêm cẩn quá, nên sự hiếu động ồn ào của người tuổi trẻ làm cho cô bé ngợp, ngỡ ngàng. Người đứng tuổi kiên nhẫn chờ cho cậu thanh niên diễn võ, đôi mắt hơi lim dim mĩa mai và độ

lượng, tay không ngừng vôn vê mấy sợi râu. Nếu người trẻ tuổi không đánh rơi cây roi, rồi luống cuống thẹn thùng giữa tiếng cười ồn ào, thì có lẽ lòng độ lượng của bác không lấy thì giờ mà lường được. Kịp thời gỡ rối cho người bạn trẻ, bác nói:

- Thôi. Ta đi không trễ mất! Ông diện dận có hay không, chiều mai cũng phải về để lo đi chuyện khác.

Người trẻ tuổi ngoan ngoãn vâng lời một cách bất ngờ. Anh ta lo cột chặt bốn bó gỗ. Đoạn, anh ta lấy một cái đòn xóc bằng cật tre già cắm vào dưới nuột mây, theo cách cột của những người đi củi. Không đợi nhắc, người trẻ tuổi còn cột giùm cho người đứng tuổi. Chuẩn bị xong xuôi, anh ta khom người ghé vai nâng gánh thai bài lên. Anh hơi xiểng tảng một chút, rồi lấy được thăng bằng. Anh nhún vài cái, hai đầu gánh quăn xuống, đòn xóc cạ vào gối kêu kiu kịt.

Thế là họ ra đi. Bầy đoàn phức tạp lộn xộn, lại thêm cái vồng phủ tấm chăn nhiều màu xanh lá cây lòi cuồn đám đông hai bên dãy phố chợ họ đi qua. An đi theo cái vồng của mẹ, lâu lâu đến giờ tấm chăn thăm chừng. bệnh của bà giáo không giảm, nhưng cũng không tăng. Trán chỉ hâm hấp sốt, nhưng đôi mắt vẫn còn vẻ đại khờ. An xót xa cả lòng khi nhìn khuôn mặt mẹ tiều tụy, đầu ngoẹo sang một bên, vài sợi tóc mai dính lên gò má xanh và nhơm nhóp mồ hôi. Có một lần An suýt kêu lên vì thấy khuôn mặt mẹ giống y khuôn mặt một xác chết. Cô bé ngưng kịp, không gây cho mọi người sự hốt hoảng vô ích, nhờ còn trông thấy tấm khăn bông đắp trên ngực mẹ lay động phập phồng.

Cậu trẻ tuổi buôn nguồn ban đầu đi giống đôi với người đứng tuổi, được một đoạn đường, tụt dần về phía sau, bước gần bên An. cậu có tài gọt chuyện, nên An quên nỗi lo lắng, hỏi cậu ta hết chuyện này đến chuyện khác. Cảnh vật ở vùng này đối với cô bé có nhiều điều lạ mắt. Chẳng hạn kiểu cất nhà. Cách đắp mộ. Ngay cả giọng nói An nghe cũng lạ tai. Cách phát âm hơi cao và xẵng khi người trẻ tuổi nói nhanh. An nghe không được, chỉ nghi nhận một tràng âm điệu lú ló. An luôn miệng đặt các câu hỏi "răng, rứa". Cậu trẻ tuổi ngó ra không hiểu cô bé nói gì, về sau nhờ suy từ dây chuyền của ý tưởng, đoán trong ánh mắt nghi vấn tra hỏi của An, cậu hiểu được hai tiếng lạ lòng ấy. Khám phá này khiến cậu thú vị lắm, cười ha hả. Cậu đặt cho An cái biệt hiệu "Cô răng rứa", hoặc nói gọn hơn là "cô răng". Rồi theo đà ba hoa, cậu chơi chữ:

- Cô răng của tôi ơi! Thế là cô bé với tôi bà con gần với nhau đấy. Răng mà không có lợi, làm sao răng mọc.

An biết tên người trẻ tuổi nhờ câu nói đùa này. Chỉ cần nhướn mắt hỏi thăm chứ chưa cần đặt câu hỏi "răng rứa", thêm vẻ chờ đợi trân trọng thích thú và đôi má hây vì thắm mặt của An, cậu thanh niên đã khai một mạch lý lịch của mình:

- Tôi tên gì hả? Tên Lợi: Lê Tấn Lợi. Người Xuân Huê, cách làng bác tuần biện một con sông. Bác tuần biện Kiên thành mà không biết ư? Vâng, bốn bó thai bài này của bác biện đặt mua tận ngoài cửa Hội. Làm roi cũng được. Làm cán lao, phải biết! Không giàu mà giám đặt mua chừng này! Chúng tôi làm việc cho bác biện từ năm ngoái. Công việc khổ lắm, nhưng mà thích. Sao, bác Năm hả? Tính bác ấy ít nói nhưng mà cộc. Mấy lần tôi bị bác Năm tát tai, sau nhờ cái miệng này dè bác không đánh nữa. Sợ gì, mình đi có đoàn. Vòng lên mình đem muối, ca khô, cồng. Vòng về mình buôn trâu không. chuyến này đem gỗ về, làm cho mỗi người một cây lao cán ngà, phải biết. tiếc quá, cô bé có vẻ yếu đuối quá. Nếu không vài hôm nữa trôi dạt đi buôn nguồn một chuyến. Mốt, bác cho tôi lên gánh trâu về. Phải, trâu - không để ăn đấy mà! Trâu nguồn quý hơn chứ. Lá xanh lật lìa, to bản và mềm. Cay thật cay mà thơm cũng thật thơm. Thì tại thế nên phải chọn những người thật khỏe chạy không kịp thì héo cả. Phải chạy lẹ hơn cả phường rồi

nữa. Bác biện gọi chúng tôi là "rối nguồn" mà.

Bác Năm quen chân bỏ xa đoàn một thôi đường dài. Về sau, bác phải bước chậm lại, ông giáo mới theo kịp. Hai người phu cũng đã thay Chinh và Kiên khiêng vồng. Chiều xuống, không khí mát mẻ hơn. họ đi qua một cánh đồng lúa sắp trổ, màu xanh ngát tỏa hương dịu dịu. Ông giáo cảm thấy phần nào nhẹ nhõm. Nổi mệt nhọc, lo lắng từ bao lâu nay cũng có vơi đi. Tuy thế, lâu lâu ông vẫn thắc thỏm hỏi bác Năm:

- Được nữa đường chưa bác?

Bác Năm kiên nhẫn trả lời:

- Chưa đâu còn xa lắm.

Trời tối mịt. Cả đoàn dừng lại bên một bến đò. Trong khi chờ đợi, ông giáo nhắc lại câu hỏi. Bác Năm đáp:

- Chưa đâu. Nếu đi cả đêm, chiều tối mai mới tới. Mà thầy có đi liên được không?

Ông giáo ngạc nhiên khi nghe bác Năm gọi mình bằng thầy. Suốt cuộc hành trình, ông giáo không muốn cho ai biết thân thế của mình. Ngay cả với chủ thuyền, ông giáo cũng chỉ khai mù mờ rằng mình kiếm ăn vất vả ở kinh cho nên định tìm về quê vợ làm ruộng chờ thời. Từ lúc hai người buôn nguồn xuống bến nhận hàng, chủ thuyền cũng không nói với họ điều gì liên quan đến thân thế ông giáo. Bác Năm gọi "thầy", ông giáo nghĩ, có lẽ căn cứ vào cái dáng chừng chạc, điệu ăn nói từ tốn và lối xưng hô khá trân trọng giữa cha con ông giáo với nhau. Nói chung, không kể giọng nói trọ trẹ, mới thoát nhìn ai cũng thấy gia đình ông giáo có những nét khác biệt hẳn với người xứ này, một vẻ ôn nhã hiếm thấy tạo được nơi mọi người niềm kính nể hơn là đổ kỵ. Giá ở vào hoàn cảnh bình thường, ông giáo có thể hãnh diện vì địa vị đặc biệt người ta dành cho mình và các con. Nhưng vào lúc này, vào lúc cần phải biệt tâm trong cái chung chung, sự kính nể ấy thật nguy hiểm. Biết làm sao đây? Để khóa lấp những nghi kỵ ông đã gấn làm thân, bắt chuyện với mọi người, gắng nói gắng làm như họ nói họ làm. Bác Năm muốn đi đêm cho mát. Nhưng trong câu bác hỏi, ông giáo hiểu lắm, có ngầm chứa sự khoan nhượng thông cảm, sự chấp nhận kể cả đối với những người yếu đuối cần được bảo bọc che chở. Ông giáo trông về bờ phờ của Lãng và thằng Út, e dè bảo:

- Chúng tôi thì được thôi. Chỉ sợ các cháu, buồn ngủ quá không bước được.

Bác Năm nói gọn:

- Qua đò đi một đoạn ngắn nữa sẽ tới Cây Da. Ta nghỉ nấu cơm ăn ở đó.

Ông giáo bắt đầu thích tính đơn giản thuần hậu của người buôn nguồn. Biết bao lần trong đời tự quấy nhiễu mình vì những lo lắng, suy nghĩ phức tạp, những do dự vô cớ, ông giáo mơ ước được có một tâm hồn thuần phác như thế này. Nó tiếp thu những điều cần thiết, cương quyết loại bỏ những thừa thãi, và sự chọn lựa thanh lọc diễn ra tự nhiên như cây lá chọn hướng có ánh sáng, nước chọn phía thấp mà chảy. Không một chút cưỡng ép, công phu. Cho nên khi ăn cơm tối, ông giáo tìm cách ngồi gần bên bác Năm. Ông giáo hỏi:

- Từ An Thái đi Kiên Thành xa gần, bác?

Bác Năm đáp:

- Chừng nửa buổi.

- Đêm nay mình nghỉ đêm ở đây. Mai đi sớm, liệu tới tối đã đến An Thái chưa?

- Chắc được.

Rồi sau khi chờ không thấy ông giáo hỏi tiếp, bác Năm hỏi lại:

- Thầy thăm ai trên đó?

Ông giáo do dự một lúc, mới nói:

- Bác có biết ông Hai Nhiều không?

Bác Năm hỏi:

- Nhiều nào? Hai Nhiều có cái nhà mái lớn trong xóm hay Hai Nhiều buôn cá? Ờ, chắc thầy quen Nhiều Lớn. Nhiều Nhỏ mới 20 tuổi, thầy quen sao được.

Ông giáo hồi hộp suy tính từng tiếng trước khi hỏi tiếp. Từ Thuận Hóa ra đi, ông chỉ biết một điều nhỏ nhoi và mù mờ: rằng cha vợ của ông mấy mươi năm trước có bỏ lại An thái một người vợ lớn và một đứa con. Nghe nói người vợ ấy đã mất, và người anh khác mẹ khác mẹ của bà giáo tên là Hai Nhiều hiện thuộc hạng khá giả trong vùng. Tương lai của cả gia đình ông tùy thuộc cả vào người anh xa lạ này. Ông hồi hộp là phải, vì gian khổ vượt qua bao nhiêu núi, bao nhiêu sông, ông sắp đến được cái đích của cuộc mạo hiểm, điểm cuối của con đường một chiều. Ông giáo cố nói bằng một giọng thản nhiên:

- Đúng là Nhiều Lớn. Không biết sức khỏe bà cụ thân mẫu anh ấy độ này ra sao?

Bác Năm vội ngược lên nhìn sững ông giáo. Chờ một lúc, chưa thấy ông giáo giải thích, bác nói:

- Thầy nói ai! Bà già Hai Nhiều à? Bả mất lâu rồi mà!

Ông giáo hỏi dồn:

- Còn ông già?

- Ông già nào nữa! Từ hồi nào đến giờ, có ai nghe nói ông già Hai Nhiều đâu! Ồ, mà thôi! Nhà đó nhiều chuyện lôi thôi lắm. Tôi nghe lúc người ta thuật lại thế này, lúc thế khác. Chuyện như trong tuồng Tàu!

Cho mãi tới khuya, ông giáo vẫn không tìm ra cách nào biết được "cái tuồng Tàu" của gia đình Hai Nhiều nó ra thế nào! Bác Năm một phần không muốn kể, một phần những điều bác biết cũng mù mờ mâu thuẫn đến phi lý. Cuối cùng, ông giáo chỉ biết được vài điều ít ỏi: hiện Hai Nhiều khá giàu có, hai đứa con gái lớn, một đứa lấy chồng ở Trường Định, một đứa lấy chồng ở Xuân Huê. Đứa thứ tư con trai 18 tuổi và đứa út 15 tuổi con gái còn sống với cha mẹ.

Vợ Hai Nhiều, nguyên văn của bác Năm "thôi khỏi nói". Bác Năm cười một tiếng nhỏ, mới nghe giống như tiếng hắt hơi, khi nói qua loa như vậy về người vợ Hai Nhiều, Ông giáo phân vân đến nỗi không chớp mắt được suốt đêm vì ba tiếng vô nghĩa ấy.

Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường, bác Năm nói với ông giáo bằng một giọng hồ hững, vô tình:

- Hồi hôm tôi quên cho thầy hay: thằng Lợi, cái thằng nhỏ lí lắc đó, là em chồng con Ba Lý.

Ông giáo ngờ ngẩn không hiểu. Bác Năm cười chữa thẹn, giải thích thêm:

- Ba Lý là con gái Hai Nhiều! Cái con lấy chồng trên Xuân Huê đó mà!

Nhờ vậy, ông giáo biết thêm chút ít về "chuyện tuồng Tàu". Mấy mươi năm trước vùng An thái còn là vùng đất mới hoang vu. Cả phủ Qui Nhơn hơn ba vạn dân, Tuy Viễn vẫn là huyện trù phú nhất. Phù sa con sông Côn do nước cuốn từ đầu nguồn sông Ba, bồi đắp miền hạ lưu, nên suốt một dọc đồng bằng phía đông con đường quan là đồng ruộng tươi tốt. Vùng Gò Thị, Nước Mặn, Mỹ Cang vừa có hoa lợi của nông nghiệp, vừa thu được nguồn lợi mới do buôn đường biển, trở thành những thị trấn phồn thịnh. Thuyền bè đi lại tấp nập, hàng hóa giao lưu. Dân tứ xứ đổ về, một số không nhỏ là dân xiêu tán từ Thuận Hóa, Thanh Nghệ. Sự phức tạp về nguồn gốc, khác biệt va chạm về ngôn ngữ, văn hóa, đã gây khá nhiều xáo trộn, đến nỗi dân địa phương cảm

thấy phải liên kết lại để bảo vệ quyền lợi, đề phòng những kẻ vong mạng xa lạ. Họ miệt thị hạng người phiêu bạt, tự ý đặt ra những luật lệ di trú khe khắt. Các chức tri phủ, tri huyện coi việc từ tụng; huấn đạo, phủ lễ sinh coi việc tế tự văn hóa; đề lại, thông lại tra xét các văn án; nghĩa là các chức quan trọng về hành chính, quân sự, thuế vụ cấp huyện phủ đều do người Thuận Hóa từ phủ chúa cử về nắm giữ. Nhưng các chức sắc cấp nhỏ trực tiếp với dân chúng như bọn đốc ộp tiền sai dư, tô ruộng và sưu dịch; bọn ký lục trông coi sổ sách, bọn cai tổng, duyệt lại, tướng thần, xã trưởng, đều là người địa phương. Họ mới thực sự là những người nắm giữ quyền bính, phân chia công điền, lập sổ thuế, định xã binh. Các quan huyện ấn định mức thu nộp thuế má và dâng nộp xã binh của từng xã, tổng. Bọn xã trưởng cai tổng căn cứ vào đó toàn quyền ấn định ai là chính hộ, ai là khách hộ, ghi bỏ tên ai vào sổ binh, phân cho người nào truất bỏ không cấp công điền cho người nào... Nắm được uy quyền rộng rãi như vậy, những chức sắc địa phương đã xua đám dân xiêu tán mới nhập lên phía tây con đường cái quan, vùng giáp giới núi rừng Tây Sơn thượng. An Thái lúc ấy là một trong những làng mới của những người mở rừng bất đắc dĩ này. (1)

Cứ nhìn thế đất thì mạn bắc con sông Côn dễ khai thác hơn mạn nam. Ở đó đất khá phẳng, việc định cư đã có nề nếp, hướng xâm thực từ phía nam Tuy Viễn dọc theo đường sông hay đường bộ đều tự nhiên. Mạn phía nam thì vất vả hơn. Đường sá chưa có. Dân xiêu tán bị xua đuổi từ miền đồng bằng sát biển chỉ có thể tìm đất tạm cư bằng lối đường sông Vài bọc quần áo rách, cái ang đất nung, một ngọn mác, một lưỡi cuốc... dù rất nhiều cay đắng mà can đảm, họ lo ngại không dám ghé vào các khu định cư phía bắc. Họ đã gặp nhiều cái nhìn thù hằn, nghe nhiều lời cộc cằn, thô lỗ. Họ bèn áp bè vào bờ nam con sông Côn. An Thái là một bến hiền, nên chẳng bao lâu trở thành làng xóm trù phú.

Những người mở rừng phải chống đỡ nhiều phía. Sơn lam chướng khí còn nặng, thêm muỗi mòng, rắn rít. Đất mới màu mỡ nhưng sức người chưa đủ tranh lại với sức cỏ mọc. Nếp sống còn hoang dã lại thêm những u uất chất chứa, những thù hận, những tranh chấp cho cái ăn, cái ngủ, khiến nhiều kẻ vong mạng liều lĩnh nổi bật lên trên đám đông, trở thành thổ hào. Tư Thới, ông ngoại của Hai Nhiều là một trong những thổ hào này của đất An Thái. Theo những lời huyền truyền thường thấy ở các vùng đất hoang sơ, ông Tư Thới đáng gờm nhờ một miếng võ bí truyền. Người ta thì thảo kế cho nhau nghe rằng một hôm trên đường gánh củi về nhà, Tư Thới gặp một ông cọp ba càng dữ tợn đón đường. Tư Thới hết sức bình tĩnh, khom lưng đặt gánh củi xuống, xắn tay áo lên. Rồi chỉ trong chớp mắt, ông phóng đến phía con thú dữ, dùng ngón trở đâm vào thân cọp móc ngay ra được lá gan con thú. Cái ngón trở chỉ có hai lông của Tư Thới từ đó có nhiều uy quyền hơn dấu triện son của quan phủ. Tư Thới mau chóng trở thành giàu có. Nhà cửa vườn tược mỗi ngày thêm Khang trang, đẹp đẽ. Tiệc tùng đãi đằng quan to, quan nhỏ thêm nhiều. Cái ngón trở chỉ có hai lông, ai ngờ làm nên sự nghiệp gặp vạn lần những ngón trở có đủ ba lông của dân xiêu bạt khác.

Khi đã thành công rực rỡ trên đường đời nhờ những mẩu chuyện hàm hồ về hai lông tay, Tư Thới muốn sự nghiệp của mình được hợp thức hơn. Của cải, danh vọng, quyền lực ông đã có. Nhưng đối với bọn duyệt lại, ký lục bờ phía bắc, ông vẫn có cái mặc cảm võ biên. Trong vài vụ tranh chấp, ông thua họ vì ít chữ chứ không phải vì ít tiền. Con gái của Tư Thới đã tới tuổi cập kê. Ông muốn chọn một chàng rể có chữ, nếu không hay thì cũng phải đủ để viết cho được một lá đơn kiện cho ra hồn. Trông tới trông lui bên bờ nam, không có ai xứng đáng được làm rể ông. Phải đánh bạo qua tìm bên bờ bắc vậy. Sông Cạn, An Vinh, Trường Định, Kiên Thành... đây rồi!

Ông tìm ra một thầy ký lục nghèo. Ngón trở cụt của ông Tư Thới chỉ đúng vào tên của thầy ký lục trẻ. Rồi cả bàn tay Tư Thới vỗ nhẹ lên vai ông cai tổng Kiên Thành, vừa cầu xin vừa đe dọa để nhờ lão cai tổng nhất gan chịu đứng ra mai mối. Người ta kể rằng ban đầu thầy ký dấy nẩy lên, coi đề nghị của thầy cai tổng như một xúc phạm đến nho phong. Thầy không thể "vong ân bội nghĩa", "tham phú phụ bần". Có một cô gái quê đã âm thầm giúp đỡ mẹ con thầy trong những lúc túng quẫn, thay thầy chăm sóc giấc ngủ, miếng ăn cho bà cụ lúc thầy còn mãi lận đận vất vả với mấy câu kinh nghĩa, mấy mẹo văn sách ở tận kinh đô. Lờn qua tiếng lại giữa ông cai tổng, thầy ký, người mẹ, cô gái, thực sự thế nào thì mỗi người kể mỗi cách. Phần này dành riêng cho khả năng tưởng tượng phong phú và tính mơ mộng của đám quần chúng lam lũ, quanh năm lo ăn, lo mặc nên chỉ quên được hệ lụy của đời trong các câu chuyện cà kê "mậu lầ". Kẻ ghét văn chương phù hoa thì hạ nhục thầy ký. Các cô gái dậy thì tô điểm cho cô gái cao thượng, những bà mẹ thì dành cảm tình cho người mẹ khốn khổ. Và họ cùng lại gặp nhau ở kết quả thầy ký chịu làm rể ông Tư Thới.

Dễ gì có một biến cố tình tiết ly kỳ như vậy ở một nơi sơn cùng thủy tận! Với óc thực tế của một người xây dựng thành công sự nghiệp bằng bàn tay cụt ngón và trí thông minh, ông Tư Thới quyết tổ chức đám cưới cho thật linh đình. Bao nhiêu phí tổn, ông bao hết. Từ cái khăn đội đầu của chú rể cho đến cái yếm mới của "chị sui". Chọn cho được giờ hoàng đạo. Chọn cho được đoàn ngựa hời khỏe và mập để "rước rể". Vâng, rước rể chú không phải rước dâu, vì điều này là một trong những điểm tranh luận gay go giữa mỗi lá hai họ. Ở gian nhà lá mái của Tư Thới, người người tấp nập rộn rịp chuẩn bị. Ở đây, những mơ ước thầm kín của người đời sau được dịp phơi bày phóng túng. Kẻ vô gia cư ưa trang điểm thêm cho tòa nhà Tư Thới đẹp để như một lâu đài. Người đói khát, mắt sáng lonh lonh khi thuật lại cảnh nhộn nhịp thơm tho của nhà bếp. Kẻ rách chú ý đến chiếc áo cưới. Vì thế những điều ông giáo nghe mấy mươi năm sau có nhiều điểm quá lỗ đáng ngờ. Chẳng hạn cái cảnh người ta xô nhau ra đường, chờ chàng rể đi ngang để nhổ nước bọt khinh bỉ vào mặt, chửi đổng một câu cho đã tức. Thực ra có thể chàng rể cũng hơi e ngại, trùng trùng do dự trước khi rời căn nhà xập xệ của mình về gửi rể ông Tư Thới bên An Thái. Nhưng ông giáo nghĩ, anh ta e ngại vì một lý do đơn giản hơn: anh ta phải đi qua nhà cô gái bị phụ bạc.

Quả nhiên những điều chàng rể lo lắng đã đến, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Họ trai đi ngang qua nhà cô gái, thì bà mẹ cô ta và mấy người anh lực lưỡng đứng dàn hàng ngang cản đường. Cô gái vì thất tình nên sinh bệnh trầm trọng. Bà mẹ không muốn mất con. Mấy người anh không muốn một thầy ký thất đức. Họ cương quyết giữ cả họ trai lại, ra điều kiện hoặc phải vào rước dâu tại đây hoặc phải có máu đổ tại đây. Họ nhà trai có quá ít tự do để chọn lựa. Trong khi đó, họ nhà gái nhộn nhịp chờ đợi. Giờ hoàng đạo là giờ ngọ. Họ đợi đến giờ mùi. Một tá điền được lệnh phóng ngựa qua sông tìm hiểu duyên có. Giờ thân anh ta trở về. Ông Tư Thới muốn hét lên một tiếng cho trời đất sụp đổ, ngón tay cụt của ông run run. Nhưng là một người từng trải, ông nhanh chóng đo lường tình thế. Ông giấu kín mọi sự, gọi một người thân tín sai qua ngay An Vinh. Trời chưa sụp tối, nhà trai đã đến. Mọi người thở dài hân hoan. Cô dâu gạt vôi hai con mắt ướt để vén lại mái tóc, sửa lại vành khăn. Có một điều mãi sáng hôm sau cô mới biết, là chàng rể đã cùng cô qua đêm hợp cẩn không phải là thầy ký.

Anh con trai người Thanh Hoa xiêu tán lưu lạc đến nơi sơn cùng thủy tận này đang bơ vơ không biết tương lai đời mình nó như thế nào, thì có người đột ngột gọi anh ta đến, cho ăn mặc đẹp, cho cưới ngựa, và đẩy qua sông lấy vợ giàu. Chuyện thần tiên anh nghe kể từ thuở nhỏ lại

có thực chẳng? Mà anh đã mất gì? Chỉ mất cái khối rách và cái túp lều tạm. Anh ta thích thú vâng lời!

Anh đã phạm một sai lầm không thể cứu gỡ nổi. Nếu anh có chút ít chữ nghĩa, chắc anh phải thuộc hai câu thơ rất thích hợp với hoàn cảnh éo le của anh:

Cổ nhân khổ tác thiên thai mộng

Thùy thức thiên thai diệc đoạn trường.

Không chịu đựng được lời chê cười xung quanh, thái độ lạnh nhạt rẻ rúng của vợ, hai tháng sau anh trốn đi. Anh chưa biết mặt mũi đứa con trai bất đắc dĩ của anh, đứa con trai sinh ra thì người mẹ chết vì sản hậu, báo hiệu đà xuống dốc của gia đình ông Tư Thới. Đứa con đó là ông Hai Nhiều ngày nay.

Chỉ còn nửa buổi nữa thôi thì tới An Thái. Càng về gần miền đất sẽ bảo bọc cho gia đình, ông giáo càng thấy mình bị nhiều định kiến. Ở kinh, ông không tưởng tượng nổi đời sống, làng xóm, nhà cửa ở miền đất xa xôi hiểm trở ấy. Nếu có chẳng, chỉ là cóp nhặt ý những bài thơ biên tái. Lại thêm câu chuyện về cái tuồng Tàu trong gia đình Tư Thới càng khiến ông lún sâu vào những định kiến sai lầm. Ông chờ một vùng hoang vu. Cây cối ở đó man dại. Thú rừng, rắn rít. Cả đoàn vợ con ông sẽ phải vạch cỏ dại, phát gai góc mà tìm lối. Ông lầm lẫn quá!

Vùng đồng bằng An Thái, lúc ông giáo về, đã trở thành một miền đất ổn định. Ông ngạc nhiên khi thấy các ô ruộng bằng phẳng chập chồng lên nhau, nối tiếp từ bờ sông cho đến tận chân núi. Đường cái thẳng tắp, một vài đoạn có đóng cừ và trải đá. Nhà cửa đã qui tụ thành làng nằm dọc theo hai bên sông.

Những con đường thẳng trước mắt làm ông tỉnh ngộ. Hình như ông đã từng đọc ở đâu đó, rằng đường thẳng là một khám phá lớn lao mà con người lấy làm hãnh diện, sau khi khám phá ra lửa. Đường thẳng xác định ý chí chế ngự, giấc mộng khắc phục thiên nhiên hung dữ cuồng nộ của con người. Ở đâu có người sống, ở đó có dấu vết con đường thẳng. Ông giáo nhớ một lần cùng với bạn leo núi và trên đường về họ bị lạc. Mọi người lo sợ. Họ cảm thấy mất hút giữa rừng lá, vô vọng chỉ còn thấy cái chết tàn khốc do đói khát, thú dữ, rắn rít. Cuối cùng, họ đến được một đồi trọc. Và từ trên đỉnh đồi, hạ tầm mắt xuống thung lũng, họ khám phá ra được một đường thẳng. Họ mừng rỡ, cứ băng rừng mà hướng về phía đó. Họ không lầm: một thợ săn sống cô độc giữa thung lũng để chờ bẫy nai lấy lộc.

Có một điều quan trọng hơn, ông giáo đã quên, là vùng đất này đã từng là trung tâm của một nền văn minh. Kinh đô Chà bàn chính là vùng đất này. Ông đã đi qua dưới những bóng thấp. Ngay lúc này đây, ông đang đi ngang một tháp Chàm. Lối kiến trúc và điêu khắc công phu, mỹ lệ hơn hẳn trình độ mỹ lệ bọn thợ khéo ở phủ chúa. Thì ra trong cuộc phế hưng của sự sống, có những lớp cây dại, những côn trùng, những thú dữ, dầm dưới chân mình những mảnh vỡ mục của một nền văn minh. Những kẻ đến sau bị cuộc cạnh tranh đẩy đến nơi hoang dã, cầm rựa phát cỏ dại, chặt cây dựng lán tạm, tưởng mình là kẻ khởi đầu cho một nền văn minh. Tội nghiệp thay cho những người không nhìn quá được khỏi ngạch cửa.

Những ý nghĩ ấy vuốt ve tâm hồn ông giáo. Đã lâu lắm, ông mới có cái khinh khoái được suy nghĩ, được chiêm nghiệm, được nhập chung vào cuộc vận hành vĩ đại và liên tục của vũ trụ, thấy ở mỗi nhịp thở sự phập phồng của thủy triều, từ hơi ấm đoán ra vị trí của mặt trời. Khổng phu tử phải chờ đến 70 mới hiểu được Dịch. Vào cái tuổi 45 của mình, ông giáo tự hỏi đã hiểu được gì? Tứ thập nhi bất hoặc. Không. Những giây phút như lúc này thật quá hiếm hoi đối với

ông, Nó đến không báo trước và chấm dứt vào lúc bất ngờ. Còn lại trong quãng đời dài, ông giáo chỉ do dự, hoài nghi, hối hận, thương tiếc. Ông chưa được cái thành đạt bình thường của mọi người là "không nghi ngờ".

Còn cách một quãng đồng nữa là đến An Thái! Bác Năm chỉ cho ông giáo thấy một dải tre xanh phía trước mặt. Họ vừa qua cầu, bên tay mặt dòng sông uốn khúc rồi chia làm hai nhánh, nước mùa tháng ba rút cạn để lộ một dải cát vàng mênh mông. Ông giáo cảm thấy xúc động, mừng rỡ đến chảy nước mắt trước một thứ hạnh phúc còn mơ hồ nhưng đã bắt đầu có thực.

Ông nghe tiếng đặc ngựa leng keng vui tai. Từ lúc ghé bến Gò Bồi, ông hết sợ tiếng đặc ngựa. Cách bao nhiêu sông bao nhiêu núi rồi! Ông nghĩ mình đã an toàn. Ông lại nghĩ thêm: Có lẽ cảm giác khinh khoái mình vừa cảm thấy, hình dáng của hạnh phúc mới hiện, do ở chỗ mình đã rút bỏ được nỗi sợ hãi canh cánh.

Tiếng đặc ngựa đến gần. Mọi người kinh ngạc, thấy hai người lính cưỡi ngựa đang quát tháo giục một đoàn tù nép vào vệ đường. Bác Năm bảo:

- Lại đến mùa nộp binh rồi!

Ông giáo chợt hiểu. Do được nhiều lần góp ý làm bàn chuyện quốc sự với quan nội hữu, ông giáo đã biết thường thường mỗi năm đến tháng năm tháng sáu thì có lệnh trưng binh. Quân lính đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, chọn những người thân thể cường tráng để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi mỗi người bắt chuyên học một nghề, kế phân phối đi các chiến thuyền để luyện tập, có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự thì ở trong vương phủ làm khâu, tuổi chưa tới 60 chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con. Hằng năm thân thích đem thức ăn, áo quần đến thăm nuôi mà thôi (2). Có một điều bất ngờ đối với ông giáo, là bọn lính phủ dùng gậy tre dài đóng gông tất cả những trai tráng bị trưng binh như thế này. Gông tre giống hình cái thang dài nhưng hẹp hơn, mỗi cái đóng một toán 8 người. Hai đoạn tre tròn nằm vắt lên 8 đôi vai trần, mấy thanh ngang vót dẹp chèn sau ót và dưới cằm. Bước đi khiến da tre xù xì làm xây xát cổ và vai của mấy người trai tráng bất hạnh, nên hai tay họ đồng loạt đưa nâng cái gông dài lên. Toán đi trước có đủ 8 người. Toán mang cái gông phía sau chỉ có 7 khuyết mất người đi đầu. Người lính phủ cưỡi roi ngựa ô thấp đã hết dùng roi quất vào đầu gông để thị uy, hằm hằm nhìn đám người nhà ông giáo đi qua. Ông giáo chưa hiểu lý do khiến người lính nhìn vợ con ông một cách giận dữ, ác cảm. Ông dắt Lãng và bỗng thẳng Út bước qua. Kiên và Chinh khiên vồng bà giáo đi qua. Đến lượt mấy người phu vác đồ đặc và An. Đến hai gánh thai bài. Đúng lúc đó, người lính phủ hét lên:

- Bọn kia đứng lại!

Mọi người dừng bước, ngỡ ngàng. Riêng ông giáo hơi sợ. Người lính hỏi:

- Người kia là ai mà dám đi vồng?

Trong nháy mắt, ông giáo hiểu hết. Mọi sự đều do cái chần nhieu Tàu mà bạn ông, quan nội hữu, được một thuyền buôn Quảng Đông tặng đã đem tặng lại ông, vào dịp bà giáo sinh được đứa con Út. Bọn lính tưởng đoàn tùy tùng của một quan lớn nên nem nép lo sợ tránh đường. Không ngờ khi đến gần, họ chỉ thấy một đoàn trẻ già trai gái ô tạp, lồi thoi lệch thếch, hình dung tiều tụy. Nhìn cái vồng rẻ tiền, cái đòn tre xù xì, họ hiểu. Vị quan lớn họ lo sợ phải gặp, chỉ là một người bệnh. Rồi từ hiểu, họ thẹn. Từ thẹn đến giận chỉ cách một sợi tóc. Cảm thấy thế giá bị xúc phạm, người lính thúc ngựa đến trước Lợi và bác Năm ngạo nghễ hỏi:

- Mua côn về đi ăn cướp hả?

Bác Năm chưa kịp trả lời, Lợi đã mau miệng đáp:

- Gia đình thầy đây về quê ở An Thái. Còn chúng tôi là người nhà ông biện.

Sự bình tĩnh, tự nhiên của Lợi là một thách đố xốc xược đối với người lính. Hắn đã chọn được nạn nhân. Hết sức đột ngột, hấn thúc ngựa về phía Lợi, đưa chân đạp ngã gánh thai bà. Lợi té xuống. Vừa xốc áo đứng dậy, anh ta đã bị người lính nắm tóc lôi đi. Miệng hấn hét:

- Mày trốn lính mà còn dám xung người nhà ông này ông nọ. Mày người nhà ông nào tao cũng gông đầu mày lại như thường!

Lợi dấy dựa phản đối. Người lính kia vội nhảy xuống ngựa chạy đến giúp bạn. Đã quá quen nghề, họ nhanh chóng bẻ quặt tay Lợi, xô chúi anh ta về phía khoang gông còn bỏ ngỏ. Người bị bắt lính đứng đầu đưa hai tay ra ôm chặt lấy Lợi, hoặc để tăng công hoặc thực sự vui mừng vì có thêm một người chia sẻ cảnh ngộ rủi ro. Nhờ vậy hai người lính đóng gông Lợi dễ dàng. Mọi sự xảy ra quá nhanh, đến nỗi cả bác Năm lẫn ông giáo miệng đều há hốc, muốn nói mà không biết phải nói gì. Đến lúc cổ đã vào gông, Lợi mới sợ hãi thực sự. Anh ta dần dà hiểu hết tình thế. Anh phát lên khóc. Bọn trai tráng bị trưng binh ngược lại cười hô hố. Ông giáo nói lớn:

- Các bác lầm rồi. Cậu đây người lương thiện, đâu phải dân trốn lính.

Bác Năm cũng gắng giải thích:

- Các bác bắt lầm người ngay rồi! Tôi với thằng em đây đều là người làm của ông biện. Chẳng lẽ ông biện lại dám không tuân luật lệ vương phủ hay sao?

Người lính trẻ cười con ngựa tía có lời lẽ hơi chùn bước, hỏi bác Năm:

- Ông biện nào thế?

Bác Năm mau mắn trả lời:

- Ông tuần biện Kiên Thành. Ông Biện Nhạc đó chú.

Người lính trẻ đưa mắt hỏi dò người lính già cười ngựa ô. Người lính già do dự. Có lẽ hắn thấy lùì còn lỗ bịch và nguy hiểm hơn là cứ lấn tới. Và hắn quyết định. Người lính già quát:

- Biện Nhạc hả? Mày về nhấn lão có giỏi thì lên phủ mà đòi người. Có lên nhớ gánh theo trâu nguồn nghe không!

Hắn đưa mắt ra lệnh đoàn trai tráng bị trưng binh lên đường. Toán đầu bắt đầu đi. Lợi khóc thất thanh, quay mặt về phía người lính chỉ huy van lơn. Bảy người cùng mang gông voi Lợi, không ai bảo ai, cùng đẩy cái gông lên, chuẩn bị bước. Lợi đi đầu, tự nhiên bị xô chúi tới trước. Tiếng Lợi khóc khàn khàn đeo đuổi ông giáo suốt đoạn đường còn lại, khiến ông ray rút không yên.

Cảm giác bất lực trước một công việc thuộc trách nhiệm của mình, thứ cảm giác bẽ bàng nhiều lần từng quấy nhiễu ông, giờ đây ông thấy rõ hơn lúc nào hết. Gánh thai bà còn nằm ngay giữa đường! Tiếng Lợi cười nói liến thoắng như còn văng vẳng. Đoàn người ngựa qua cầu, biến mất sau khúc ngoặt rợp bóng tre. Mọi người uể oải lên đường. Một người phu phải gánh hộ gỗ cho Lợi nên Kiên và Chinh phải móc thêm hai bọc quần áo nặng vào đòn vồng. Thiếu Lợi, thiếu những câu pha trò và những chuyện tầm phào của Lợi, cuộc hành trình trở nên nặng trĩu. Thiếu Lợi, ông giáo cũng thiếu mất người môi giới cần thiết khi đến nhà Hai Nhiều.

Họ đến An Thái lúc chạng vạng tối. Vợ chồng Hai Nhiều sợ đến xanh mặt khi thấy chó sủa vang trước ngõ, rồi một đám đông kẻ gánh người khiêng tiến vào cái sân hẹp. Sao lại có điều lạ thế này? Họ là ai? Từ đâu tới? Họ muốn gì hai vợ chồng mình?

Những lời giải thích, phân bua của bác Năm và ông giáo, giữa cảnh náo loạn ồn ào trong sân nhà Hai Nhiều, không soi sáng được gì cho vợ chồng. Hai Nhiều quên không bỏ cây tầm xía

răng đi, đưa hai tay lên phân trần:

- Dạ dạ phải. Đúng tôi là Hai Nhiều. Bà nằm đây là em gái tôi? Trời đất ơi! Từ lúc ông tôi còn sống, tôi có nghe ai nói đến người em gái này đâu! Sao ông bà không chọn ai khác mà lại chọn chúng tôi. Chúng tôi đâu có tội tình gì!

(1) Theo Phở Biên Tạp Lục Lê Quý Đôn trang 146.

(2) Hải ngoại ký sự, Thích Đại Sán, trang 43

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 3

Phải thông cảm cho vợ chồng Hai Nhiều, nếu họ không thể tiếp đón gia đình ông giáo một cách nồng hậu niềm nở hơn! Đời sống đã cung cấp cho họ đủ phiền phức rồi! Từ lâu, họ đã chủ trương nên thu người lại, thu càng nhỏ càng tốt, lẫn mất trong vô danh để được yên ổn mà sống. Triết lý sống ấy từ đầu là của anh chồng. Ông Tư Thới về già hình như hết còn tin tưởng vào ngón trỏ linh nghiệm của mình, bỏ hết mọi toan tính, tranh chấp, thu về trong vòng rào khu vườn um tùm. Hai đứa con của ông đều gặp những cảnh ngộ đau đớn. Một đứa tình duyên trắc trở chết không thấy mặt con. Một đứa bị bệnh nan y sống thui thủi giữa đồng vắng. Ông nghĩ đến những hành động táo tợn của mình thời trẻ, nhớ lại những kẻ thất thế bị ông gạt phăng ra khỏi cuộc tranh chấp không chút thương tiếc. Như con hổ về già, ông để mặc cho lũ khỉ, lũ sóc múa may châm chọc với lòng an nhiên. Hai Nhiều lớn lên, rập khuôn theo mẫu sống của ông ngoại, vừa thừa hưởng cái gia tài khá lớn gồm nhà cửa, vườn tược, ruộng rẫy vừa thừa hưởng lối sống dăm dúi xa cách của ông.

Chị Hai Nhiều lúc còn con gái tất nhiên cũng có tham vọng. Lấy chồng, chị hơi thất vọng vì cái tính nhu nhược cầu an của Hai Nhiều. Nhưng như ta thường thấy, dần dần chị nói, chị nghĩ, chị cư xử y như Hai Nhiều, đến nỗi nhiều người quen cũ không nhận ra chị nữa. Chị giúp chồng xếp đặt đời sống trong bốn bức rào, gắng hết sức tránh những điều phiền phức. Nhưng sự phiền phức cứ tới. Đầu tiên tới từ phía cái chòi tranh của người cậu bị cùi. Người bệnh không dám phiền hà đến ai, từ xa mà nhìn chỉ thấy một tấm phen được chống lên, một cánh cửa khép, một ánh đèn leo lét hiu hắt giữa khuya. Chị Hai Nhiều vài lần có phận sự đem đồ tiếp tế thay chồng, nín thở bước tới đặt gói thực phẩm ở gốc mít rồi ù té chạy, vẫn còn nghe được tiếng rên nhức buốt của người cậu. Còn gặp mặt thì chị chưa gặp lần nào. Cả Hai Nhiều cũng vậy. Người bệnh tuy cô lập để khỏi rầy rà cho người quyến thuộc nhưng những oán thù chồng chất do cách xử thế lấn áp tàn nhẫn của ông Tư Thới cứ còn nguyên vẹn đó, chờ dịp là trỗi dậy. Dịp ấy đến. Số là cái chòi tranh ông Tư Thới cất cho đứa con nằm trên một miếng vườn đất cao của dân tạm cư bị phá sản, phải tha phương cầu thực. Ông Tư Thới mua lại miếng đất đó với một mùng gạo đỏ. Giá có rẻ đấy, nhưng chủ quyền miếng đất ấy hợp thức. Ông Tư Thới có đủ giấy tờ cần thiết. Thế nhưng, từ lúc con ông Tư Thới ra ở riêng trong cái chòi nát cạnh mấy gốc mít cổ, trong làng không ai dám lai vãng tới gần đó nữa. Người ta đồn đại rằng đêm đến nhất là những hôm có trăng, sâu cùi bỏ cái thân còm cõi co quắp của người bệnh, bò đi ăn sương sáng cả một quãng đồng. Hậu quả tâm lý dây chuyền diễn ra sau đó cũng dễ hiểu: cả một vạt đồng quanh cái chòi tranh bị bỏ hoang. Thợ cày không dám lừa trâu đến, thợ cấy không dám cấy. Lúa chín không ai dám gặt. Chuyện kiện tụng đưa đến tổng, rồi đến huyện, đến phủ. Vợ chồng Hai Nhiều mất dần bốn khoảnh ruộng thuộc loại nhất đẳng điền để bồi thường cho người ta. Thới thường

khi đậu đỗ thì bìm leo. Từ đó về sau, cái chòi tranh lẩn khuất và lặng lẽ ấy trở thành cái có nổi giận của cả làng. Vì giữa biết bao tai ương, bất trắc, người ta giận ai, oán ai đây? Giận trời ư? Trời xa không thấu! Giận mình? Mình có tội gì! Dân làng cần tìm ra một kẻ chịu trách nhiệm, kẻ tội lỗi đã làm hại lây đến những người lân cận. Thì đâu ai khác hơn ông Tư Thới. Và bằng chứng sự trừng phạt của Trời Chí Tôn, hãy nhìn cái ánh đèn leo lét mỗi đêm trong cái chòi tranh ấy, hãy nghe tiếng rên xót buốt phát ra từ cái chòi tranh ấy!

Người con bất hạnh chết trước người cha bất hạnh. Dù vậy mãi cho đến lúc ông Tư Thới chết đi, nghĩa là đến năm năm sau, khu vườn của người cùi, lẩn bốn, năm khoảnh ruộng quanh đấy vẫn còn bị bỏ hoang. Vài năm sau, một gia đình xiêu tán từ Tân Quang vào, bắt chấp những lời đe dọa của dân làng, xin Hai Nhiều cho cấy thuê mấy khoảnh ruộng đó. Đất hoang hóa quá lâu, nên hai mùa đầu coi như mất. Đến mùa thứ ba chưa kịp thu hoạch, người chồng trong gia đình bị trúng gió chết ngay dưới gốc mít. Người vợ lại dặt lũ con nheo nhóc trôi giạt đói khát. Năm đó, trời hạn, lại có nạn dịch tả giết chết gần một nửa dân số. Hai Nhiều phải mất thêm hai đám ruộng tốt: một đám dùng hoa lợi cúng kỳ yên, một đám bán đi để xây một cái miếu ngay trên nền cái chòi tranh của người cùi, để cho oan hồn người bất hạnh siêu thoát khỏi gây họa cho người còn ở lại. Từ đó đến nay, cái miếu hoang chìm khuất giữa một vùng cây cối hoang dại, gai góc um tùm, chim chóc tìm về đó làm tổ, mùa lụt rắn rít trôi dạt vướng vào đó rồi sinh thành đàn, dần dần thành một vùng cấm địa. Người ta quên mất chuyện người cùi, nhờ thế vợ chồng Hai Nhiều rồi rảnh được ít năm. Con cái họ lớn lên. Hai đứa con gái đầu đã đến tuổi lấy chồng. So với những cô gái khác trong vùng, con gái của Hai Nhiều khá đẹp. Cả hai cô đều khỏe mạnh, làm lụng giỏi, đặc biệt cô Ba Lý mỗi khi cười má có lúm đồng tiền thật xinh xắn. Khi có một vài đám bấn tiếng dạm hỏi, thì cái chòi tranh đã mất dấu dưới nền miếu lại hiện về, gây rắc rối cho gia đình Hai Nhiều. Người ta lại được dịp bàn ra tán vào về đôi má đỏ hây hây của cô chị, về vẻ đẹp khác thường " của cô em. Người ta nói đến căn bệnh di truyền. Người ta bịa bao nhiêu điều có thể bịa được để cột chặt số phận mấy đứa con Hai Nhiều vào gốc mít cổ còn sót lại trước miếu cô hồn. Năm kia, họ gả được người con gái đầu lòng cho một anh thợ rèn bên Trường Định. Năm ngoái họ lại vừa đưa cô Ba Lý về làm dâu trên Xuân Huê. Vợ chồng Hai Nhiều đã lặng lẽ và can đảm chống chọi nghịch cảnh với hết sức của mình. Cả hai cô con gái đẹp đẻ đã lấy chồng ở hạng cổ cùng, vợ chồng Hai Nhiều xót xa về điều ấy lắm. Nhưng biết làm sao? Than thở với ai đây? Mà oán trách ai đây!

Đúng lúc họ muốn thu nhỏ cuộc đời mình lại để tránh sóng gió, lấm lét nhìn ra bên ngoài hàng rào tre, dò trước những tai bay vạ gió, thì gia đình ông giáo đến.

*

* *

Ít lâu sau, ông giáo mới hiểu một phần cuộc đời của cha vợ, và cái miếu hoang vắng ngoài đồng kia, đã trở thành hai mặt chủ yếu của một huyền thoại phổ biến tại An Thái. Trăng là của chung mười phương, nên soi cả đến những vùng hẻo lánh. Sự sống xây dựng bằng hơi thở hùng hực của ý chí phấn đấu, bằng sức mạnh của can đảm và kiên nhẫn, nhưng có một mặt khác cũng là thành phần của sự sống: mặt yên nghỉ, mặt buông thả, lảng động. Cho nên cuộc đời càng cam go, càng dễ phát sinh những huyền thoại. Làm sao tưởng tượng nổi một cuộc sống hùng hực ánh nắng mà thiếu những tối quây quần dưới trăng, mắt sáng long lanh theo dõi những tình tiết của chuyện đời xưa. Mấy đời lập nghiệp ở cái bến hiền An Thái này, cũng tạm đủ cho dân ở đây dựng cho mình một chuyện riêng. Già kể cho trẻ, kẻ văn vẻ tô điểm những thiếu sót, người

cả thẹn gạn lọc những điều thô lỗ. Phần còn lại của "tấn tuồng Tàu" vùng An Thái, như lời Lợi thuật lại cho ông giáo, là phần được chắt lọc qua những nguyên tắc đạo đức phổ biến: sự đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, giữa kẻ cô thế và kẻ bạo tàn, sự tất thắng của lẽ thiện. Kẻ cô thế chiếm trọn cảm tình của người dân An Thái bao nhiêu năm nay, chính là chàng rể bất đắc dĩ đã phải bỏ vợ trốn đi vào một đêm "mưa sa gió lạnh". Bây giờ chính con gái, rể, cháu của "kẻ cô thế" đây trở về An Thái! Hóa ra chuyện đời xưa có thực chẳng? Dân An Thái thích thú tiếp đón gia đình ông giáo như họ sẽ thích thú khi gặp cô Tấm trong truyện cổ tích lấy từ hũ xương cá bống nào hài cườm, xiêm lụa, yếm đào, ngay dưới gốc cây gạo ở chợ An Thái này cho họ xem! Thiện cảm của đám đông dồn dập đến như sóng. Gần như cả gia đình ông giáo đều choáng váng trước một may mắn bất ngờ và lãng mạn như vậy. Người ta bắt mắt khi thấy bà Hai Nhiều chậm hiểu nghĩ mãi chưa ra tại sao những kẻ nói giọng trọ trẹ xa lạ lại tìm đến tận cái xó xa xôi này làm gì. Người ta nhắc nhở Hai Nhiều điều này điều nọ. Tội nghiệp ông Hai Nhiều! Bị tứ phía thúc giục, trách móc, cười cợt, ông đâm quẩn. Ông chạy đi chạy lại, làm theo lời người chung quanh như một cái máy ngoan ngoãn. Rồi mọi việc đều cũng vào đó! Người ta vục bà giáo vào nằm trên một cái chõng tre. Con gái út của ông Hai Nhiều lo thổi cơm, luộc trứng dầm mắm cua dãi khách. Bác Năm đã thương lượng thuê tiếp một người phu ở Nước Mặn chuyển gánh thai bài của Lợi lên Kiên Thành. Để kịp hẹn với ông biện, và nhân thể báo gấp ông biện tìm cách gỡ Lợi ra khỏi gông dãi của bọn lính phủ, họ từ chối không dám nghỉ đêm ở An Thái. Đêm về khuya. Những kẻ hiểu sự cũng thấm mệt, dần dần về nhà. Chỉ còn lại hai gia đình ruột thịt mà xa lạ. Lúc đó, ông giáo mới cặn kẽ kể ngọn ngành gốc gác của gia đình mình. Vợ chồng Hai Nhiều và hai đứa con nhỏ ngồi chồm hổm gần bên cây đèn chai lắng nghe từng tiếng của ông giáo. Đứa con trai em kể cô Ba Lý, nét mặt hơi ngờ ngạc nhiên, miệng há hốc càng thêm vẻ đần độn. Cô gái út thì khá linh hoạt, đến ngồi bên An vuốt tóc An làm quen. Nghe ông giáo kể xong. Hai Nhiều dăm chiêu. Còn vợ Hai Nhiều thì hô hoán lên;

- Đã đành như vậy, nhưng chúng tôi tình cảnh thế này, giúp được gì cho các người. Tại sao các người không tìm về quê nội!

*

* *

Cảm tình bỗng bột lãng mạn của dân An Thái cứu gia đình ông giáo qua cơn bối rối buổi buổi đầu, chẳng hạn nó thúc giục, hoặc nói đúng hơn, ép buộc chị Hai Nhiều chấp nhận lặng lẽ những điều đáng lý chị vừa chấp nhận vừa cảm râm.

Thuở sinh thời, ông Tư Thới có nhiều mộng ước ngang tàng. Ông muốn ruộng vườn rộng thêm ra. Ông đã mãn nguyện. Muốn cả một dọc bờ nam con sông Côn, không ai dám lược hơn ông. Ông đã mãn nguyện. Nhưng đến việc dựng nhà lập trại, ông bị nhiều điều ràng buộc. Dù có thừa tiền lắm của, ông cũng không thể xây một căn nhà đúng mơ ước của mình. Cho nên, lúc ông giáo Hiến về An Thái, cảnh tượng căn nhà tranh nhỏ và thấp hơn nhiều so với nhà cửa dinh thự ở Thuận Hóa khiến ông giáo ngao ngán. Ngoài kiểu nhà lá mái hơi lạ, ông giáo không thấy dấu vết nào chứng tỏ sự giàu sang, dư dật. Trái lại, cách bài trí luộm thuộm, cách chạm trổ những hình hoa văn thô kệch ở đầu tường và trước bàn thờ tổ tiên, càng khiến kẻ sành sỏi dễ thấy óc thẩm mỹ lệch lạc và vụng về của chủ nhân. Đã thế, bao nhiêu công phu dồn cả cho phần trình diễn khoe khoang nên phần dành cho sinh hoạt thiết yếu như nơi ăn nơi ngủ trong nhà hết sức chật hẹp, bất tiện. Chái phía đông che dầy sơ sài bằng vài bức phên tre không ngăn nổi nước mưa tạt từng cơn vào lưng khách. Khoảng nhà ngang hẹp gần cái sân cát lại quá tối tăm, hai

bên đều có vách đất kín mít, chỉ có một cái cửa sổ nhỏ trở ra hướng gió bắc, nên đám đàn bà con gái ốm yếu thà chịu ngọt không dám mở cửa đương đầu với gió độc. Quanh cái sân nhỏ gần bếp, bên trên đều có mái che cả đấy. Nhưng cái giếng đào ngay giữa sân làm cho nền đất chung quanh thường xuyên lầy lội. Mùi hôi hám từ cái chuồng heo bên trái nhà bếp bao phủ khắp nhà, và nếu không có đồng hành tởm đổ đầy góc phòng ngủ, có lẽ mùi khăm khắm khen khét sẽ vượt nhà ngang, len lỏi đến tận bàn thờ tổ tiên.

Chị Hai Nhiều gắn bó đời mình với khung cảnh ấy đã bao nhiêu năm. Chị đã thuộc lòng từng cái vết bẩn trên tường, từng mô đất nhỏ cộm dưới lòng bàn chân mỗi khi chị đi lại trên nền nhà ẩm. Chị có thể nhắm mắt lại đi vài bước đưa tay là tìm ra cây kim trong rổ may, việc gì phải khó chịu vì cái cửa sổ phòng ngủ hướng ra phía gió bắc cứ đóng im ỉm suốt năm. Âm thanh, màu sắc, mùi vị trong cái căn nhà thân thiết này là những phần tử thiết yếu của cuộc đời chị, là bộ phận của chính thân thể chị. Nhiều lần về quê bên kia sông thăm mẹ một bữa, hai bữa chị chưa cảm thấy gì. Lâu hơn nữa lòng chị bồn chồn. Chị nôn nao vu vơ. Cho đến khi ngửi thấy mùi cháo heo um trấu từ bên kia vườn, chua chua và khét, ngậy nồng vì cám cháy dưới đáy chiếc nồi đất, chị không bình tĩnh được nữa. Chị nhớ đàn heo của chị, nhớ mùi ôi của nước cơm thừa, mùi khai của nước tiểu, mùi khét của khói bếp. Chị cương quyết dứt áo ra về, dù mẹ và em chị có năn nỉ, giũ cọt. Không nói ra, chị hãnh diện vì cái mùi ôi và khăm chung quanh nhà bếp y như ông Hai Nhiều hãnh diện về những hình hoa văn chạm trở trên tấm ván lim che ngang trước bàn thờ gia tiên.

Vì vậy, thấy ông giáo nhăn mặt xoa trán vì vô ý va đầu vào khuôn cửa nhà ngang, hoặc thấy Chinh đưa ngón tay quạt nhiều lần lên đầu mũi khi xuống bếp múc cho bà giáo chén nước, chị Hai Nhiều đâm bực bội. Lòng tự ái của chị bị xúc phạm một cách thô bạo và vô hình, Phải! Nếu họ có tình thì họ phải giữ ý tứ chứ. Mình có mời họ đến đây đâu, mà họ chê cửa thấp bếp hôi! Chị nói thầm như vậy. Mặt chị dầu dầu, suốt thời gian hai gia đình chịu đựng cảnh "ăn chung ở chạ".

Gia đình người "em chồng bất ngờ" của Hai Nhiều quá đông. Những bảy người. Lại thêm hai điều phiền phức từ lâu chị tưởng không bao giờ gặp lại, hai điều mà chị sợ nhất, đó là tiếng con nít khóc và tiếng người bệnh rên rỉ. Ban ngày, mười mấy con người chen chúc nhau trong gian nhà hẹp, thấp, tối, đi ra đi vào đụng đầu, chạm vai, chị không tìm ra lấy chỗ để dựa tựa cái lưng mỏi. Đêm đến, đám đàn bà con gái chen nhau sắp lớp trong chái nhà ngang. Thằng Út lâu lâu khóc thét lên, khi kêu chị, khi đòi mẹ. Bà giáo từ lúc ghé bến Gò Bồi, cứ chìm mãi trong trạng thái mộng mị, hoặc rên nho nhỏ như lâm râm đọc kinh, hoặc đột ngột nói huyền thiên những điều mâu thuẫn, rời rạc, phí lý. Chen vào đó, tiếng khóc thút thít của An. Sống trong tình cảnh ấy, chị Hai Nhiều cảm thấy cân não căng thẳng, dường như cả người chị bị trương lên, sắp phải nổ tung.

Nếu hai vợ chồng chị không từng chịu đựng được một cách khắc kỷ mọi tai họa trong bao lâu nay, thì chị đã nổ tung lên rồi, Chị chịu đựng lặng lẽ!

Trong lúc đó, hàng xóm láng giềng của chị lại quá ồn ào, xốc nổi. Sáng hôm sau, người ta kéo đến nhà chị Hai Nhiều còn đông hơn tối hôm trước. Người ta bắt buộc ông giáo kể lai lịch bà giáo nhiều lần. Giới phụ nữ đi xa hơn, vào tận buồng trong xem mặt cho được cô em gái ông Hai Nhiều, "người con gái lưu lạc" của "chàng rể bất hạnh". Người nào đưa ý kiến sửa giúp cái chuồng bò đã bỏ hoang của Hai Nhiều thành căn nhà tạm cho gia đình ông giáo, sau này không ai nhớ được. Ý kiến đó được mọi người hoan nghênh. Hai Nhiều cũng đồng ý vì không có cách

nào khác. Hai vợ chồng đã mua được đôi trâu khỏe, nên cái chuồng bò cũ ở góc vườn phía tây trở nên quá hẹp. Họ đã bỏ cái chuồng ấy, cất một cái chuồng trâu khác ở mé đồng, gần giếng và đồng rơm, tiện cho việc ủ phân bón. Họ định qua mùa sẽ dỡ cái chuồng bò đi, lấy tre và tranh cũ che thêm cái chái chuồng heo để nuôi thêm hai con heo nái, phần tre thừa dành rào kín cái cổng dành cho bò đi lâu nay bỏ trống. Hai Nhiều rắp tạm bằng một nùi gai dại. Nhưng nay cả làng gợi ý như thế, cũng tiện đôi đường. Tuy chịu đựng cũng giỏi như vợ mọi điều không được như ý, Hai Nhiều cảm thấy không thể kéo dài cái cảnh sống chung chạ này lâu hơn.

Thế là trong vòng có năm ngày, cả làng An Thái, (kể góp công người góp vật liệu) đã lợp xong cho gia đình ông giáo một căn nhà mới. Phần cột trụ căn bản vẫn là cột trụ cái chuồng bò, nhưng nhờ tranh, tre, nứa, rơm nhồi đất trét vách, do của thập phương góp lại nên căn nhà thật khang trang. Cửa chính hai cánh ghép bằng tre đập dập, khuôn cột cẩn thận bằng mây giã. Hai cái cửa sổ nhỏ hai bên hình vuông che kín bằng hai tấm phên đan hình mắt cáo, lúc chống nghiêng bằng hai thanh tre cột, trông từ xa, giống y như hai mí mắt mơ màng nhìn về phía hoàng hôn. Bên trong, những người hảo tâm cẩn thận dựng dọc một tấm bình phong bằng tranh, chia đôi căn nhà từ xế cửa lớn, dành phần bên trái làm nhà cầu và nhà bếp. Nền đất nền không được kỹ, nhưng so với mặt đất vườn Hai Nhiều như vậy là khá cao ráo. Những người có tuổi đoán chắc với ông giáo là dù nước lụt có to đến đâu, cũng không thể vào nhà được.

Ông giáo đứng từ ngoài nhìn thẳng vào căn nhà mới. Với hai cửa sổ mở hé và cửa lớn mở rộng, ông thấy căn nhà đang nhìn xuống và cười mỉm trong trầm tư. Gió thổi vào mái tóc tranh lòa xòa chưa kịp cắt bằng, ánh sáng vàng chói của mặt trời sắp lặn rơi thẳng vào nụ cười trầm tư ấy. Ông giáo đột nhiên cảm thấy lòng rộn rã vu vơ, y như buổi sáng hôm ông đứng trên ngọn đồi Ngải Lành nhìn về đồng và biển bao la của phương Nam.

*

* *

Đêm đã khuya. Bên ngọn đèn chai chỉ có hai cha con. Ông giáo lấy cái que cời bớt những mụn chai đã cháy hết ở đầu cây đèn cho bớt khói. Ông cời lẹm qua phần cháy dở, từng giọt lửa rỏ xuống đất ẩm, cháy ránh được một lúc rồi tàn lụn trong hơi khói. An ngược lên, thấy cha nhìn đăm đăm vào ngọn đèn mà nét mặt thất thần. Rõ ràng ông giáo không chú ý mình đang làm gì, tay cầm cái que đưa đi đưa lại như làm thuộc lòng theo trí nhớ. Cô bé nhìn đôi mắt sâu nổi lo âu, nhìn mái tóc thưa và rối của cha. Cô bé muốn ôm lấy cha mà khóc, nhưng lúc ấy nét mặt ông giáo nghiêm nghị quá. An không dám. Ông giáo bỏ cái que xuống cạnh cái giá đèn, hỏi An:

- Con đã xông trấu chưa?

An lo sợ đáp:

- Con quên mất. Thằng Út cựa quậy mãi không chịu ngủ. Mẹ đã bớt nói mê hơn hôm qua. Con chờ cho mẹ và em ngủ xong mới ra đây được.

Giọng ông giáo vẫn đều đều, không tỏ chút nào trách móc:

- Nhà mình mới cất, gần bụi tre rậm, nhiều muỗi lắm. Buổi sáng cha thấy khắp người anh Kiên đầy những nốt lấm tẩm đỏ. Ngủ gì mà say như chết.

An nói hộ anh:

- Anh Hai mệt quá đấy cha! Khu đó bỏ hoang bao nhiêu năm nay, gai góc nhiều. Anh Hai nói cả buổi chiều đào không xong cái gốc táo nhơn to tướng.

Ông giáo quay nhìn phía sau lưng. Trên cái phản gỗ tạp bà Hai Nhiều cho mượn, Kiên nằm ngủ mê mết, một chân còn bỏ thõng xuống đất, một chân trên phản nên dáng nằm có vẻ khổ sở mết

mỗi. Hai tuần nay, ba cha con cùng nhau khai hoang mấy miếng ruộng quanh miếu, hy vọng sang tháng mưa có thể bắt đầu gieo cấy mùa lúa đầu. Nhẩm tính lại số tiền dành dụm, ông tháo mồ hôi. Dù tiện tận đến thế nào chẳng nữa, số tiền ấy không thể nuôi nổi gia đình ông được một năm, với điều kiện không tính đến các chi tiêu bất thường. Nhưng không tính sao được! Bà giáo còn nằm một chỗ, hết rên rỉ lại nói xàm! Từ hơn một tháng về đây, ông đã phải bốn lần đi bổ thuốc cho bà. Ở nơi xa xôi này, giá thuốc bắc quá đắt. Đáng buồn hơn nữa là những món thuốc quý và cần thiết không thể tìm đâu có. Ông giáo viết toa sai Chính đi bổ thuốc, hiệu bán thuốc bắc gần chợ An Thái chỉ có không đầy một nửa số thuốc kê trong toa. Nhẩm tính lại, thang thuốc không còn hiệu quả gì. Về sau chính ông giáo phải ra hiệu thuốc thăm dò xem họ còn những loại thuốc nào, rồi mới về kê đơn. Bệnh bà giáo chỉ dừng lại, giảm đi chút ít, nhưng không bớt, không có hy vọng gì bớt. Số tiền dành dụm đã ít, tiền thuốc thang theo cái đà này... ông giáo không dám nghĩ đến nữa. Công việc đã gấp lắm rồi! Không chần chờ được. Ông đã sang thương lượng với ông bà Hai Nhiều. Chị vợ lúc nào cũng mau mắn hơn chồng. Chị nói: - Dạ, cô chú về đây là phải. Dù sao cũng là máu mủ với nhau, không giúp nhau lúc hoạn nạn thì còn chờ đến lúc nào. Nghiệt một điều là ruộng đất miếng to miếng nhỏ đâu đâu cũng có sổ sách hết. Có giấy tờ phân minh mới được giữ tư điền, không có giấy thì phải nhập làm của công, chia cho dân đình cày cấy mà nộp thuế. Hồi trước cha bỏ nhà đi, đến nỗi nhà tôi mở mắt ra đời còn chưa biết mặt. Thành ra ông ngoại có muốn công bằng chia cho các cháu, cũng không biết tên cô ở nhà là gì mà ghi vô phân thơ...

Ông giáo quá biết chị Hai Nhiều muốn dẫn câu chuyện về phía nào. Ông định nói, nhưng Hai Nhiều đã tiếp lời vợ:

- Phải, cô chú không về thì chúng tôi làm sao biết mấy mươi năm trước, cha bỏ đây rồi là về Thuận Hóa, rồi lại lấy vợ, sinh em. Nói điều này nếu không phải chú bỏ lỗi, nếu có kẻ vô lại nghe được chuyện nhà của mình, ở đâu về đây tự xưng là... là em trai em gái của cô, để đòi này đòi nọ, thì chúng tôi phải xử làm sao?

Ông giáo giận đến ngột thở. May lúc ấy về đêm nên Hai Nhiều không nhận ra được gương mặt đỏ bừng của ông giáo. Có lẽ cả hai vợ chồng Hai Nhiều đều nghĩ mình đã nói đủ, chẳng những thế, đã đi quá cái mức cần thiết, nên sau đó hai vợ chồng đều im lặng để đợi ý kiến của ông giáo. Ông giáo dần dần nguôi giận, ông nói thật chậm để vừa trấn tĩnh mình vừa lưu ý người nghe:

- Xin anh chị yên tâm. Chúng tôi về đây không có cái ý ấy đâu. Không nói ngoa, nếu anh chị thấy ở gần gũi thế này bất tiện, nội ngày mai chúng tôi sẵn sàng đi nơi khác.

Cả ông lẫn bà Hai Nhiều cùng cất tiếng cắt lời ông giáo:

- Không phải thế. Chú hiểu lầm rồi!

- Không phải thế. Ý của chúng tôi chỉ muốn nói...

Ông giáo nói lớn hơn để át giọng hai người:

- Đây là tôi chỉ nói thế thôi, cho anh chị yên lòng. Của cải vườn ruộng của anh chị, là công lao mồ hôi nước mắt bao năm đào từng gốc cây, nhặt từng hòn đá, khai mương đắp đập khổ cực mới có, chứ đâu phải của trời rơi xuống. Anh chị đang cày cấy, dù có nhượng lại, chúng tôi cũng không dám lấy. Tôi chỉ xin anh chị nghĩ tình máu mủ giúp cho điều này.

Ông giáo ngừng lại. Cả hai vợ chồng Hai Nhiều không ngồi yên được nữa. Quên giữ ý, họ chồm đến phía trước, mắt lom lom nhìn miệng ông giáo. Ông giáo chán chường nhận ra trong lối nhìn ấy, có điều gì thô bỉ đến tội nghiệp. Ông cười nhẹ rồi nói:

- Chúng tôi nghe bà con mách rằng: ngày trước vì cậu không may bị bệnh nan y, mà mấy miếng ruộng quanh miếu không ai dám cày. Lâu ngày cỏ dại, gai góc um tùm. Ba cha con chúng tôi định xin phép anh chị phát hoang, may ra còn trồng tía gì được chẳng.

Anh chị Hai Nhiều cùng ồ lên vui sướng. Họ vừa thoát khỏi một đe dọa ghê gớm mà dù quen chịu đựng, lần này, họ vẫn nghĩ không có cách nào tránh khỏi tai ương. Chị Hai Nhiều vỗ vập bảo:

- Sao chú không nói ngay từ đầu! Được. Được lắm. Tưởng gì nhiều chứ mấy miếng miếu, chú cứ tùy ý làm gì thì làm.

Ông Hai Nhiều đi xa hơn vợ, hứa sẽ đem trâu đến cày giúp khi cha con ông giáo phát cỏ và khai hoang xong. Ông cẩn thận kèm thêm điều kiện: miễn là đất không cứng quá. Trâu của tôi độ này kém ăn!

Họ bắt tay ngay vào việc khai hoang. Tuổi ông giáo đã ngoài 45, việc lao động chân tay sau mấy mươi năm rông theo đòi nghiên bút, tất nhiên thật vất vả. Kiên nhìn cha cuốc đất, tự nhiên thấy cay nóng nơi đầu mũi. Anh không dám nhìn lâu nữa. Phần Chinh thì chưa qua khỏi cái tuổi bạc bẽo, chỉ mong làm qua loa cho xong để chạy ra chợ đàn đúm. Cho nên Kiên nhận lãnh trách nhiệm chủ yếu. Anh dành phần nặng nhọc vất vả nhất cho mình. Tối tối vừa cơm nước xong, Kiên nằm vật lên phản thiếp đi lúc nào không hay. Nhiều hôm An quên, ông giáo đã chợp mắt một lúc, chợt nhớ một mình thức dậy un muối, sửa thể nằm cho con, gài lại một hạt nút, lau sạch một vết bùn trên trán Kiên. Nếu Kiên còn bé, hoặc nếu ông bỏ được thói quen cư xử nghiêm cẩn với con cái, ông giáo đã ôm lấy Kiên rồi. Ngay lúc này đây, thấy dáng ngủ khổ sở của Kiên, ông giáo đã xúc động mãnh liệt. Ông muốn diễn tả niềm thương yêu tràn đầy đối với các đứa con ngoan của ông. Nhưng ông không biểu lộ tình cảm chan chứa ấy được. Ông dậm lúng túng trước mặt con gái. Ông cảm thấy An đang trách móc ông, vì ông đã không thấy được công lao khó nhọc và sự tận tụy của anh Hai. Ông giáo tìm chuyện lảng tránh. Ông hỏi con gái:

- Chinh đâu rồi?

An nhìn quanh, giả vờ tìm kiếm, rồi đáp- Anh ấy mới chạy đi đâu đó. Chắc qua nhà cậu mợ.

Ông giáo lại hỏi:

- Tối hôm qua nó về lúc nào?

An nhìn cha, ngập ngừng. Cuối cùng, cô bé nói dối:

- Lúc cha vừa ngủ xong, con dậy mở cửa cho anh ấy, em Út giật mình khóc to, cha không nghe sao!

Sự thực suốt đêm qua, Chinh không về nhà. Ăn cơm tối xong, Chinh bỏ đi đâu suốt cả đêm, gà gáy mới mò về, len lén vào giường, giả vờ ngủ. Có lẽ chỉ có An lưu ý điều đó. Cô bé sợ cha phiền lòng, nên giấu đi. Ông giáo không chú ý thái độ bối rối của con, nói với con gái:

- An này!

An giật thót người, lo sợ hỏi:

- Cha gọi gì con?

Ông giáo ngập ngừng:

- Ban đêm con có dám qua nhà cậu mợ không?

An đáp:

- Con không sợ ma đâu! Hôm trước...

An định nói cứng, chợt nhớ tối hôm ấy mình nín thở chạy một mạch từ nhà cậu mợ về nhà mình, suýt vấp phải cái rễ cây duối, thẹn thùng không dám nói tiếp. Ông giáo nói:

- Nhà mình... cha muốn nói... nhà mình độ này túng lắm, con biết không. Tiền thuốc thang, tiền gạo mắm. Khi chiều Kiên vừa cho cha biết, mình chỉ còn... Mà thôi, con còn bé, chưa nên biết vội. Cha tính mãi chưa biết thế nào... Hay con qua bên nhà cậu mợ...

An lo sợ công việc cha định sai mình. Cô bé nghĩ đến nét mặt bà Hai Nhiều. Ông giáo nói tiếp:
- Cha đàn ông không biết hỏi ai. May ra nhờ mợ Hai giúp cho. Con lấy cái áo lụa của mẹ, sang nhờ mợ tìm người nào muốn mua, bán gấp cho. Bao nhiêu cũng được. Cái áo còn tốt, chắc được giá. Con đem biểu cho mợ cái lược ngà, bảo hôm kia mẹ tỉnh lại có dặn cha, nhưng cha quên mất!

*

* *

Ông giáo không ngờ việc bán vài thứ hàng ngoại, cùng vài món kỷ niệm xinh xinh vốn là quà biếu của quan nội hữu lại có thể gây nhiều xao động lớn lao như vậy cho thôn ấp hẻo lánh này. Ban đầu ông hơi kinh ngạc, pha lẫn đôi chút tự mãn khinh mạn kín đáo. Về sau, các sự kiện ra ngoài dự liệu của ông, ông đâm hoảng.

Chiếc áo lụa, bà Hai Nhiều đổi giúp cho ông giáo được mười thưng thóc. Cái giá một chiếc áo đã cũ mà được thế thật bất ngờ đối với gia đình ông. Mà cũng bất ngờ đối với chị Bảy Chìa. Cả đời chị quen mặc vải thanh cát dày cứng như mo cau, chị không tưởng tượng nổi trên đời này lại có thứ vải vừa mềm mịn, vừa trơn mượt như thế này! Chị ôm cái áo vào lòng, mùi băng phiến thơm tho đến ngậy ngất. Chị mặc áo vào, cởi ra, rồi lại mặc vào. Chị định sang nhà cô em nhờ ngấm xem chiếc áo có vừa với thân hình hơi gầy ốm vì luống tuổi của chị không. Đến ngõ, nghĩ sao chị lại trở vào, cởi áo gói vào cái khăn đội đầu. Cả ngày hôm ấy, chiếc áo lụa được chuyển từ nhà này sang nhà khác. Chị Bảy Chìa phải bay theo nó, mặt giả vờ phụng phịu nhăn nhó nhưng thực lòng hết sức hãnh diện. Nhờ thế, cái áo ấm may bằng nhung Tàu đã bắt đầu ngả màu và rụng lông của ông giáo được leo lên cái giá hai mươi thưng. Một cái lược đồi mồi giá năm thưng. Cái quạt giấy có vẽ cảnh sơn thủy và đề thêm một bài thơ tứ tuyệt của Lý Bạch, do chữ nghĩa nghèo nàn nghèo nhăng nhít, bị bớt còn ba thưng.

Nhà chị Hai Nhiều khách khứa đông hẳn lên. Phần lớn là khách phụ nữ đến nhờ chị sang ông giáo hỏi mua dùm khi thì một loại nút áo, khi thì cái gương kiểu Tàu lạ mắt. Có người còn muốn mua những thứ giống y như của chị này, bà kia. Khổ cho bà Hai Nhiều mà cũng khổ cho ông giáo! Ông đâu giàu có đến nỗi sắm một loạt năm bảy cái lược ngà, ba bốn cái gương soi mặt để bây giờ bán cho khách ái mộ. Ông bảo toàn là những thứ lắm cấm bần ông quen với giới buôn bán ở cửa Hội, đem về biếu vợ con ông, bây giờ túng quẫn phải đem bán lấy thóc mà ăn. Người ta không chịu tin, cho rằng ông muốn neo giá. Người ta thêm lên một hai thưng thóc, chê món hàng mình đang tìm không được mới nên chỉ có thể thêm bấy nhiêu đó thôi! Ông giáo không bao giờ nghĩ có lúc mình phải ở vào một hoàn cảnh trái khoáy như vậy. Ban đầu ông cố nhịn nhục, phân trần, về sau ông nổi cáu đáp lại dấm dẳng. Lại thêm một cái cơ nữa để dân An Thái hối hận đã đến cất giùm nhà cho ông giáo!

Rồi đến đám khách đàn ông!

Một hôm có một ông khách ăn mặc chững chạc, chân mang guốc, tay cầm dù, theo sau có một tiểu đồng ôm tráp trầu. Ông khách đi thẳng vào nhà ông giáo, không cần mời đã tự động kéo ghế ra ngồi. Yên vị xong, ông khách nhìn quanh nhà một lượt, đầu gật gù. Ông giáo bắt mắt trước vẻ tự thị của người khách lạ, nhưng cố bình tĩnh để xem hẳn định giở trò gì. Ông khách gật gù một lúc rồi khen:

- Nhà cửa khéo lắm. Nhỏ nhưng mà ngăn nắp, chứng tỏ con người có học.

Ông giáo chưa kịp nói gì, hần hỏi dồn dập:

- Một người như ông thì về trốn ở cái xứ man mợ này làm gì cho phí người đi! Tôi đã nghĩ ông muốn ẩn thân để chờ cơ hội làm chuyện vá trời lấp biển đây!

Ông giáo hoảng hốt. Hần là ai mà đến đây tra vấn gốc gác của mình? Hần muốn gì? Ông giáo làm nhũn, ra vẻ khiêm nhường nhận mình chỉ là một thầy đồ rách ở kinh đô.

Người khách có vẻ thỏa mãn vì đã làm cho ông giáo nhũn lại. Hần đổi ra giọng tâm sự. Chỉ một khắc sau, ông giáo biết được điều muốn biết. Hần là ai ư? Một tên xã trưởng trong vùng, chuyên lo thúc ộp tiền sai dư và giúp cai tổng, duyệt lại lập sổ đinh. Hần muốn gì ư? Muốn được mua rẻ, hoặc biểu không càng tốt, một cái quạt Tàu.

Hôm khác lại có một xã trưởng đến. Ông giáo khỏi phải hồi hộp, thắc mắc như lần trước, vì tên xã trưởng này tính tình bộp chộp, ưa khoe khoang hơn tên kia. Nhờ hần ông giáo biết hiện ở đây có tất cả bốn xã trưởng và năm tướng thần, tất cả chín người đều được làm việc, nhưng phải cử thêm một viên tri ấp làm đầu mục. Ông giáo biết đây là một cái tệ đã có từ lâu, nhiều lần chính quan nội hữu bạn ông có dâng sớ xin sửa đổi để thống nhất hành chính, nhưng không được kết quả gì. Từ lâu, tướng thần ở hai xứ Thuận Quảng cũng như khán thủ ở bốn trấn được cùng với xã trưởng thu thúc phú dịch. Năm Bảo Thái Ất Tỵ, vương phủ định rõ lệ thu các lễ:

- Tướng thần phải nộp thượng lễ (dâng lên chúa) 35 quan, tiền lễ (nộp vào nội cung) 7 quan, tiền lĩnh bằng và tiền ngụ lộc các quan cộng 7 quan, tất cả 49 quan.

- Xã trưởng phải nộp thượng lễ 30 quan, nội lễ 6 quan, tiền lĩnh bằng, tiền ngụ lộc các quan 5 quan, tất cả 41 quan(1).

Do đó, mọi người tranh nhau nộp tiền để lãnh chức tướng thần hay xã trưởng. Có nơi một xã có đến 16 hay 17 tướng thần, hơn 20 xã trưởng. Ông giáo lẩm bẩm một mình: như vậy là mình đã hân hạnh tiếp chuyện với 2 trong 4 ông xã trưởng của miền đất này rồi. Thật mỗi người một vẻ! Tự giới thiệu xong, tên xã trưởng, không quanh co, đòi mua một cáo áo đoạn. Ông giáo từ chối, bảo mình chỉ còn một cái đã cũ. Tên xã trưởng nhìn quanh quất, như muốn chính mắt xác nhận xem cái áo nó như thế nào, có cũ kỹ như lời thối thác của ông giáo không. Hần không tìm được cái áo đoạn móc quanh hần. Và hần nổi giận. Hần hỏi:

- Tôi nghe nói thầy có mấy đứa con trai lớn, phải không?

Ông giáo đáp:

- Vâng. Đứa con cả của tôi năm nay 21. Đứa thứ nhì mới 15. Đứa thứ ba con gái. Đứa thứ tư mới 11 tuổi, nó đứng kia kìa. Cháu nhỏ nhất còn bé, lên 3.

Tên xã trưởng lẩm nhẩm tính:

- Con trai đến 18 tuổi thì đã phải theo lệ biên tên ngay vào sổ tuyển binh. Người nào có con mà ẩn lậu, hoặc chức sắc nào biết ẩn lậu mà không cáo gian đều bị tội, bắt làm lính cắt cỏ voi(2). Đứa 21 tuổi đã vào sổ xã binh chưa? Còn cái đứa khai 15, có phải đã hạ mất 3 tuổi để ẩn lậu không?

Ông giáo giận quá, môi mím lại. Giá ông nói được tự do, ông đã đọc cho hần nghe điều lệ thứ hai trong quân chế. " Hễ là dân mới về hay mới đến thì được chước miễn 3 năm cho yên nghiệp làm ăn, bản xã không được ức bắt thế lính, hết hạn mới thế cấp"(3). Vả lại gia đình ông vốn là dân nội phủ được miễn lính. Nhưng nói những điều ấy ra lúc này chỉ tổ hại cho gia đình ông thôi! Cho nên ông đành một mực kêu oan, vừa tự kể khổ vừa vuốt ve tự ái của tên xã trưởng. Hần bằng lòng không nghi ngờ gì nữa, nếu ông giáo bằng lòng bán cái áo đoạn cho hần. Ông

mất thêm cái áo đoạn sau khi mất cái quạt trầm hương.

Sau đó bốn hôm, Lợi dẫn đến nhà ông giáo một ông khách nữa. Nhìn qua vẻ trầm tĩnh, bệ vệ, từ cách đi cách ngồi, ông giáo đoán chức vị người này còn cao hơn hai tên xã trưởng. Lợi rất mừng rỡ được gặp lại gia đình ông giáo. Bằng cái giọng liến thoắng quen thuộc, cậu kể mình bị dẫn lên phủ thế nào, kêu oan thế nào, ông biện Nhạc cuối cùng can thiệp ra làm sao. Theo Lợi kể thì thế lực của ông biện khá lớn, mấy lần trước ông can thiệp vụ nào được vụ đó. Lần này gặp trường hợp Lợi, ông biện gặp khó. Tri huyện cứ tra vấn mãi: mua côn thai bài nhiều như vậy để làm gì? Muốn làm giặc phỉ? Buôn nguồn mấy đời rồi còn sợ ai nữa, mà sắm lao để tự vệ? Phải chịu mất một gánh thai bài, bốn gánh trâu nguồn và hai mươi cân mật ong, ông biện mới cứu Lợi ra được. Ông giáo không tin lắm ở những con số Lợi kể. Ông cười dễ dàng, tha thứ cho cái tính ba hoa của cậu. Lợi cho ông biết người khách cậu dẫn đến là ông cai tổng. Ông giáo biết mình phải đối phó với một vụ cướp cạn nữa. Không biết hấn đòi thứ gì? Hấn không đòi. Chính quan tri huyện đòi. Sở dĩ quan tri huyện đòi, là vì lũ lính có phận sự đi sai ộp xã bình mách lẻo, kể cho quan huyện nghe vì sao mình mới nhìn cái chần nhiều lục sang trọng đã vội tưởng sắp chạm đoàn hầu cận của một phu nhân. Từ đó bà huyện không ăn không ngủ nổi, nếu không thấy được cái chần nhiều lục nó đẹp nó sang đến mức nào. Ông cai tổng xác nhận mình chỉ là cấp thừa hành. Ông thông cảm hoàn cảnh ông giáo, thương bà giáo lưu lạc một thời đến lúc về được quê ngoại thì lâm trọng bệnh, thương ông giáo phải vất vả mưu sinh... Ông giáo thà mất đứt cái chần nhiều lục còn hơn phải ngồi nghe tiếp những lời giả dối ấy. Ông giáo không mất đứt, vì cuối cùng, còn được ông cai tổng gửi lại một lời hứa:

- Khi nào gặp khó khăn, thầy cứ qua tôi. Không có gì đâu, đừng ngại. Chúng nó không dám làm phiền thầy đâu! Tôi bảo đảm từ nay về sau, không ai dám làm gì thầy đâu. Vâng, từ nay trở đi... vâng, nếu có thứ gì gói lại cho cẩn thận, càng tốt. Đường xa sợ bụi bặm, nó dơ đi!

*

* *

Có một đêm Chinh dẫn Lãng ra mấy đám ruộng miếu. Lãng sợ đêm tối, dùng dằng không muốn đi. Chinh bảo em:

- Mà con trai mà nhát như cáy. Đi với tao, sợ gì. Ra tao cho xem cái này hay lắm!

Sự tò mò cuối cùng đã thắng nỗi sợ hãi. Lãng nắm chặt lấy vạt áo anh, từ nhà ra đến bờ ruộng không dám thở. Đêm tối mịt mù. Mùa tháng tư lúa vừa gặt xong, cả cánh đồng bằng phẳng chỉ còn trơ những gốc rạ. Chinh thông thạo đường đi nước bước, dẫn em băng đồng đi về phía miếu. Lãng sợ, nín anh dừng lại hỏi:

- Anh đi đâu đấy?

Chinh cười nhỏ, giọng chế giễu:

- Bạo lên chút, chú thỏ mặt xanh. Không tui nó cười cho.

Lãng đành lẻo đẻo theo bước anh, tâm trí cứ thắc mắc không hiểu ngoài hai anh em ra, còn "tui nó" nào nữa.

Sắp đến mấy đám ruộng ba cha con vừa phát quang. Chinh dừng lại, đưa tay lên miệng huýt còi. Từ phía trước, có tiếng huýt còi đáp lại. Gió thổi còi bật về phía triền núi xa, âm thanh ban đầu nghe như tiếng rần lục rít lên, rồi yếu đuối tan loãng trong đêm tối. Chinh định hướng rồi đi về phía bắc. Lãng hoang mang không chú ý chân bước, vấp phải một bờ ruộng thấp. Cậu bé ngã chúi xuống, trán va vào một mặt ruộng đất cứng lờm chờm gốc rạ. Cậu muốn khóc, nhưng tiếng Chinh cười làm cho cậu nổi lòng tự ái. Cậu bậm môi lại, ráng thản nhiên phủi quần áo.

Môi trên cậu rât, và cậu thấy vị nước miếng trong miệng hơi mặn. Mặc kệ! Nhất định không cho anh ấy biết mình sắp khóc. Sao mà giọng cười anh ấy đáng ghét quá, còn đáng ghét hơn cả những lời cảm ràm của chị An nữa!

Ba bóng đen chờ hai anh em Chinh, Lãng từ lúc nào. Một người ngồi chồm hổm trên mặt ruộng, hai người kia ngồi trên một thân táo nhọn gác nghiêng lên bờ cao. Cỏ bị phát quang nằm rải rác, nắng đã làm cho cỏ khô nên dưới bước chân hai anh em, tiếng lá cỏ gãy lộp rộp. Lãng dẫm phải một chùm gai mắc cỡ. Cậu dừng lại. Chinh để mặc em ngồi xuống gỡ gai, tiến thêm vài bước hỏi lớn:

- Ra đây lâu chưa?

Có tiếng trả lời:

Mới đây thôi. Cứ tưởng mày sợ, bỏ cuộc.

Chinh cười thật to, cổ phóng đại sự ngạo nghễ, khinh mạn. Lãng nhận ra được ba cậu thiếu niên cùng trang lứa với Chinh, nhưng không biết mặt. Giọng nói cả ba là giọng An Thái. Một cậu có giọng rè vỡ như tiếng ngỗng đực hỏi:

- Mày đã nghĩ kỹ chưa?

Chinh quả quyết đáp:

- Hỏi như vậy là xem thường tao đấy. Rồi tụi mày sẽ thấy. Có nhớ đem đèn không?

Một người khác đáp:

- Có đây. Tao lén lấy được trong buồng mẹ tao một thỏi đèn chai. Mày quên đá lửa rồi phỏng?

Chinh cười:

- Tao mà quên! Có cả bùi nhùi nữa. Đưa cả cho anh, Lãng.

Bây giờ Lãng mới biết cái bọc hơi nặng từ nãy đến giờ Chinh nhờ cậu giữ hộ, là bọc đá lửa. Sự tò mò giúp cậu can đảm một cách thất thường. Cậu đưa đá lửa và bùi nhùi cho anh, nóng lòng chờ đợi những điều bí mật lạ lùng chưa từng nghĩ tới.

Cậu thiếu lạ mặt từ nãy đến giờ ngồi chồm hổm trên mặt ruộng và im lặng, bây giờ mới chậm rãi bảo Chinh:

- Tụi tao báo trước là nếu mày chết, tụi tao không chịu trách nhiệm đâu. Mày mang thằng nhỏ này theo làm chứng hả? Em ruột mày à? Nó bé tí teo, nhưng thôi cũng tạm được. Phía tụi tao thì có hai đứa này. Thằng Sửu là một, thằng Thìn là hai. Bắt đầu được chưa?

Chinh quả quyết trả lời:

- Tao sẵn sàng. Bắt đầu đi.

Cậu thiếu niên vừa nói chậm rãi đứng dậy. Cả đám tụ lại quanh cậu ta. Bằng một giọng cố ý làm ra vẻ nghiêm trọng, phát chậm và dần từng lúc, cậu tuyên bố.

- Ba người làm chứng có mặt đêm nay xác nhận rằng: không ai được kiện tụng, đòi bồi thường, nếu có người bị ma cùi vật chết trong miếu. Nếu không chết nhưng bị lây bệnh đến nổi ngón tay rụng, chân co quắp, mũi xẹp, mắt lòa cũng không được khiếu nại. Phải một mình vào trong miếu, bật lửa đốt đèn hương tròn ba lần làm hiệu cho người ngoài biết mình đã vào đến nơi. Phải tắt đèn ngồi trong miếu cho đến lúc trăng lên, và phải mang ra đây một cái chân đèn thờ trong miếu. Qua được thử thách này, mới xứng đáng là người đởm lược, và mới được truyền bài võ nhập môn. Lê Trọng Chinh, mày nghe rõ chưa?

- Thừa rõ.

- Mày có muốn rút lui không?

- Thừa không.

- Mày có sợ chết không?

- Không.

- Bắt đầu!

Lăng vội chụp áo Chinh, giọng hốt hoảng: "Đừng, anh", nhưng Chinh đã một mình tiến về phía cái miếu. Mọi người hồi hộp nhìn theo bóng Chinh, ban đầu còn lơ mờ hiện trên nền đồng trống nhờ nhờ, về sau chìm khuất hẳn vào bóng cây rậm. Chim chóc khua động, sợ hãi bay ra. Tiếng kêu xao xác, bầu trời vẫn đen ngịt. Gió thổi lớn thêm, cả bốn người cùng nhận ra tiếng gió hú đe dọa. Cậu bé có tiếng ngỗng đực thì thào:

- Lỡ nó bị rấn thì sao!

Cậu đầu tiên gạt đi:

- Đừng nói bậy. Hãy yên lặng nào!

Từ đó không ai bảo ai, mọi người hồi hộp dán mắt về phía miếu, chờ đợi. Lại có người thắc mắc:

- Sao lâu quá! Hay nó không biết đánh lửa? Đèn chai của mày có tốt không?

- Tao đã đốt thử rồi. Nhảy lăm. Có lẽ bụi nhùi xấu không chừng!

Lăng bậm môi lại. Máu trong miệng cậu cứ ri rỉ chạy, nhưng vì mãi lo âu cho anh, cậu quên cả rất buốt. Cậu muốn khóc to, muốn gọi Chinh hãy trở lại. Thấy ba người lạ mặt lăm lì, cậu không dám thở mạnh. Cậu sợ quá!

Đột nhiên, ba người lạ cùng reo lên. Từ đám đen quanh miếu, một chấm đèn di động thật chậm theo hình tròn, đúng ba vòng theo như luật định. Cậu đầu tiên thở phào vui mừng, nói với ba người:

- Xong, nó đến nơi rồi. Phải nói là tụi bây không bằng được nó. Tụi bây chỉ nói dóc!

Một đứa chống chế:

- Nhưng hãy chờ thêm đã! Trăng chưa lên mà! Người ta bảo khi trăng lên, sâu cùi mới bò ra sáng cả một quãng đồng.

Chúng kiên nhẫn chờ trăng. Thời gian như dừng lại, phía đông bầu trời giữ nguyên một màu mực xạ. Từ phía tối âm u, có lẽ Chinh cũng nôn nả không ngồi yên được. Cậu phá luật, hay nói đúng hơn là làm quá cả yêu cầu. Cậu đem đèn ra ngoài miếu, huơ tròn hai lần nữa. Rồi cuối cùng điều mọi người mong đợi đã cũng đến. Cả bọn không đứa nào thạo thiên văn địa lý, nên không ngờ đêm ấy mãi tận lúc gà sắp gáy trăng mới nhú lên. Chinh cầm đèn trở ra, ánh sáng bập bùng giữa khuya đủ soi một nụ cười ngạo nghễ. Chưa bao giờ Lăng trông thấy anh hùng vĩ và lăm liệt như vậy. Vừa mệt nhọc vừa bị kích động cực độ, cậu ôm chầm lấy anh mà khóc

*

* *

Chỉ còn khoảng nửa tháng nữa thôi là trời là bắt đầu mưa. Ông giáo bàn tính với Kiên, gắng làm sao vỡ xong khu đất miếu cho kịp gieo bắp thử trong mùa đầu. Kiên làm việc quá sức, hôm qua ngủ dậy bị sốt, cố gượng húp chén cháo dần bụng đi làm nhưng không được. Anh nằm mê man suốt hai ngày. Ông giáo chẩn bệnh cho con, bảo Kiên bị bệnh sốt rét ngã nước. Ông Hai Nhiều khuyên nên uống thuốc nam, tìm xin cho Kiên một lá dây leo màu xanh cọng phơn phớt tím. Giã lấy ước rồi đun sôi, bát thuốc trở thành màu nâu và đắng nghét. Kiên nín hơi uống cạn hai bát thuốc nóng, mồ hôi vã như tắm. Có vẻ như anh bớt sốt, vì từ trưa đến giờ, An thấy anh cả nằm yên, không rên khe khẽ từng hồi như đêm hôm trước.

Ông giáo và Chinh đã ra khu đất miếu. Cả Lăng cũng đòi theo cha. An nhận thấy mấy hôm gần

đây, Lãng có nhiều biến đổi khác thường. Ban đêm, Lãng cứ trần trọc hết lần bên này lại xoay bên kia. Một tối chợt thức giấc không thấy em nằm bên cạnh, An tưởng em xuống bếp đi tiểu. Chờ mãi không thấy Lãng lên, An trở dậy, thấy Lãng đứng bên cửa sổ nhìn mông lung ra đêm tối. Cặp mắt Lãng tự nhiên sáng lên khác thường, thứ ánh sáng tỏa chiếu từ những biến chuyển âm u phức tạp của ý nghĩ, của mơ tưởng chứ không bắt nguồn từ thực tại bên ngoài. An quen thuộc với thứ ánh sáng đó, vì mỗi lần cha đọc được một cuốn sách hay, viết được một câu thơ đẹp, nói được với bạn bè một giấc mộng ấp ủ, An lại thấy mắt ông giáo bùng lên niềm thỏa thích kỳ lạ này. Có điều ở ông giáo mắt rạng rỡ phát tiết, thì ở Lãng, An mơ hồ nhận ra sự kích động đam mê. An đâm sợ, hoang mang không hiểu nổi em.

Mũi kim đâm vào ngón tay giữa của cô bé. An giật mình. Cô bé lúng túng nhìn quanh sợ có người thấy mình lơ đãng. Thay vì chít ống tay áo lại cho hẹp, An lại may ống rộng theo thói quen. Gia đình ông giáo mau chóng nhận ra rằng kiểu quần áo khác thường họ mang từ kinh về đã chia cách họ với dân làng, từ cái cổ đứng, ống tay áo rộng và dài, cho đến cách kết khuy, xẻ nách. Những quần áo đa cũ, sờn ở cổ và vai, họ giữ lại để mặc trong nhà. Nhưng khi ra ngoài, nhất là đi làm lụng, phải có quần áo thích hợp. Ông giáo nhờ bà Hai Nhiều mua cho một ít vải nhuộm chàm loại dày. Kiên có tài vặt trong việc nội trợ của đàn bà nhờ tính tỉ mỉ, cần cù. Chính Kiên phụ trách việc cắt áo. An lo may. Áo đàn ông may rộng, cổ tròn, tay ngắn và hẹp, vạt trước quàng kín ngực và cột vào ba dải dài kết dọc hông phải. Riêng chiếc áo của An, cô bé chăm chút kỹ hơn. An tự tay cắt áo hơi hẹp, ống tay áo dài, cửa ống tay rộng. Chỉ thiếu cái cổ đứng viền nhiễu xanh và những hàng khuy hình con bướm, An đã ăn mặc gần giống như thuở trước ở kinh đô.

An đang may áo cho Lãng, chợt nhớ lời anh dặn, vội vào buồng trong tìm lại cái áo của Kiên. Mẹ và em đang ngủ. An thấy bà giáo nằm nghiêng, nước dãi chảy thành dòng xuống má, xuống gối. An đau thắt cả lòng: Gần như càng ngày, bà giáo càng mất dần ý thức tham dự vào sự sống, dù là những thói quen sơ đẳng như đưa thức ăn vào miệng, nhắm mắt ngủ lúc tối trời, kéo vạt áo che thân thể. Trước đây bà giáo còn giật mình ngơ ngác hoặc tỏ dấu lo lắng khi nghe tiếng thẳng Út khóc. Mấy hôm nay, những phản ứng theo thói quen ấy không còn nữa. Hình như những sợi dây đã từng ràng buộc tâm trí bà với thực tại, từ sợi tơ mềm như tình mẫu tử cho đến những dây oan nghiệt như cơm áo, những sợi dây chẳng chịt đó dần dần nói lỏng. Bây giờ bà như con rối sau cuộc diễn trò, nằm bất động vô tình giữa mớ dây nhợ rối rắm đã trở thành vô dụng. An lấy khăn lau nước dãi cho mẹ, đắp ngực cho Út, rồi cầm cái áo Kiên trở ra phòng ngoài.

Kiên rên khe khẽ rồi trở mình, mặt quay về phía An. Mới đau có mấy hôm, khuôn mặt Kiên đã khác. Cằm của Kiên nhọn thêm, hai xương hàm bạnh ra. Thấy anh mở mắt lơ đãng như đang nhìn mình, An định đưa cái áo lên khoe. Nhưng Kiên nhắm mắt lại. An nghĩ: lần đầu tiên từ ngày về An Thái anh ấy ngã bệnh lâu như vậy. chỉ tại anh ấy phí sức quá. Từ sáng đến chiều vỡ ruộng đã nhọc, gặp người thuê gánh hàng xuống chợ Mới với giá hai quan, anh nhận ngay. Tiền anh đem về đủ đi chợ vài tuần thật đấy, nhưng anh ngã bệnh liền. Thế là dự định anh giúp em làm hàng xáo để kiếm thêm chút ít không thành rồi!

*

* *

Buổi chiều Lãng về mang theo một bộ mặt dầu dàu. Quá quen các trái chứng của em, An không để ý. Anh Chinh thì cười nói luôn miệng, cơm vừa chín đã tự lấy bát xúc ăn trước rồi chạy ra

chợ như mọi hôm. Chờ anh đi xong, Lãng kéo chị ra phía sau đồng rơm nói:

- Em sẽ mách cha. Lần này dù có năn nỉ, em cũng mách cha cho xem.

An hỏi:

- Nhưng mà mách cái gì?

Lãng ngược lên nhìn chị, kinh ngạc:

Chị không biết gì hết à?

An lò mò hiểu ý em nhưng giả vờ hỏi:

- Thì chị có biết đâu. Có cần mách cha không?

Lãng bậm môi lại, giọng nói giận dữ:

- Sao lại không. Hồi trưa cha đã hỏi ban đêm làm gì mà ban ngày cái mặt cứ lừ như vậy. Em mà biết được ảnh mọi rợ, em đã nói liền hồi trưa rồi!

An nghe hai chữ "mọi rợ" em dùng khá lạ tai. Có lẽ là một loại từ mới Lãng học được của Chinh.

An hỏi em:

- Anh Chinh đánh Lãng hả? Có đau không?

Lãng nói:

- Không. Anh nói dối em. Ảnh hứa nếu em chịu đi làm chứng, ảnh sẽ tìm bắt cho nguyên một tổ sáo nhỏ. Hôm qua ảnh có sáo, lại đem cho thằng Thìn.

An vội hỏi:

- Làm chứng? Làm chứng cho ai? Về chuyện gì?

Đến lượt Lãng thắc mắc:

- Anh Chinh không kể cho chị nghe à?

- Có kể gì đâu. Nhưng chuyện gì mà quanh co mãi!

Lãng nói trong hoang mang, như người vừa dần dần tỉnh ngộ:

- Như vậy là ảnh lại nói dối. Em dọa sẽ kể hết cho chị An. Anh cười bảo An đã nghe tao kể lại từ đầu chí cuối, từ hồi đập lên mình con rắn cho đến lúc đốt đèn làm hiệu, mày kể cũng vô ích. Em tưởng thật. Đồ mọi rợ!

Rồi Lãng kể cho chị mọi chuyện xảy ra tối hôm ấy, hôm Chinh phải qua một đêm thử thách trong miếu cô hồn để được công nhận là đủ đởm lược học võ. Vì tự ái, Lãng dấu bớt nỗi sợ hãi nhút nhát của mình, tự mô tả như một kẻ tự nguyện đi làm chứng vì sự nghiệp võ nghệ của ảnh, chứ không phải là một kẻ bị đưa đẩy vì tò mò và yếu đuối. An vỡ lẽ, nói nhỏ với em:

- Hóa ra thế! Thấy tối nào ảnh cũng đi đến khuya, chị biết ảnh đi học võ với lũ trẻ ngoài chợ. Nhưng không biết chuyện cái miếu. Đêm hôm tối tăm, lỡ gặp rắn rít cắn cho thì làm sao hờ trời!

Lãng giải thích thêm:

- Ảnh cố học cho mau để dự đồ giàn vào lễ cô hồn rằm tháng bảy. Nghe nói cả hai đám An Thái và An Vinh đều đua nhau chuẩn bị ráo riết. Năm ngoái phe An Vinh giành được con heo quay, mà chỉ bị thương có bảy người. Năm nay An Thái quyết phục thù đấy!

Càng nghe chuyện, An càng sợ hãi. Từ lâu, An đã dõi mắt theo những điều Chinh làm với lòng cảm phục pha lẫn lo âu. Giữa ai anh, thực tình mà nói, An cảm phục Chinh hơn. Anh Kiên cần cù và chân thực, nhưng An vẫn thấy ở người anh cả có cái gì lạnh lẽo, phẳng lặng quá. Ở Chinh, sự táo tợn, gan góc có làm cho An tê điếng vì sợ hãi, nhưng sau đó, cô bé còn lại được cảm giác thích thú phiêu lưu. An nhớ một lần hai anh em đi chơi với bọn trẻ hàng xóm, An và một đứa con gái nhỏ cùng tuổi gây gổ nhau, hai thằng anh vì tự ái và vì thương em, cùng ra tay can

thiếp. Chinh nhỏ thó hơn thằng bé kia, chắc chắn lấy lực mà đấu thì không ăn thua gì. Chinh quay sang ngón sở trường của mình, là đấu sự liều lĩnh. Chinh tìm bắt hai con sâu, một con lớn bằng ngón tay út, một con nhỏ hơn. Con sâu mập tròn, cái bụng xanh căng lên, ở đầu có hai cái sừng trông kỳ dị, ghê tởm. Chinh thách thằng bé, có dám cầm con sâu bỏ vào miệng nuốt hay không. Trong lúc thằng bé địch thủ của Chinh còn ngẩn ngơ chưa dám tin ở tai mình, thì Chinh đã đưa hai ngón tay nhón lấy con sâu lớn, bỏ vào miệng nhai nuốt ngon lành. Lũ con gái rú lên bỏ chạy. Thằng bé sợ quá, chân run không chạy được. Chinh túm lấy nó, cầm con sâu dí dí dọa nhét vào mồm nó. Thằng bé sau đó bị đau suốt một tuần lễ vì cơn sốt sợ hãi, còn mấy anh em Chinh thì trở thành những kẻ bất khả xâm phạm, muốn thứ gì chỉ việc ra lệnh chứ không cần xin xỏ.

Nuốt một con sâu! chuyện đó có thể tưởng ra được, nổi nguy hiểm nếu có cũng chỉ một cơn ói mửa. Nhưng một mình trong cái miếu thờ người cùi, giữa đêm khuya! Dự tính học vài miếng võ để tranh giành với dân An Vinh! Càng nghĩ An càng sợ. Cha phải biết chuyện này! Không thể giấu được! An gắt với em:

Chuyện tày trời như vậy mà mày dám giấu. Lỡ đêm đó rấn căn ảnh chết thì sao? Mày thích thú lắm hả! Mày mê mấy con sáo nhỏ, xem thường tính mệnh của anh mày. Tao sẽ mách cha, để cha xử.

Lãng không ngờ tình thế biến chuyển bất ngờ như vậy. Cậu ngó người ra một lúc, rồi bật khóc. Tối hôm đó, Lãng không ăn cơm. An giận em cứng cổ, không thêm gọi. Lãng nghĩ: như vậy là cả nhà ghét bỏ mình. Chỉ có mẹ thương mình, nhưng mẹ đã mê đi không còn hiểu mình khóc vì sao nữa! Cha không thương mình, vì nếu thương mình tại sao mình bỏ cơm tối mà cha không thắc mắc tìm hiểu. Anh Kiêm thì lạnh lẽo quá, chắc không thương ai. Anh Chinh và chị An, rõ ràng họ ghét mình hơn ai hết. Ngồi khóc thút thít một mình ngoài bờ tre, Lãng nhìn vào nhà chờ một tiếng gọi. Cửa sổ đóng, nhưng cửa lớn mở. Ánh đèn bên trong vẫn còn, tiếng nói chuyện lao xao từ nhà mợ Hai Nhiều và nhà Lãng vẫn còn nghe được "Họ" vẫn còn đó, nhưng "họ" không thêm biết mình đang chờ họ gọi vào, họ an ủi, họ vỗ về. Họ quên hẳn Lãng rồi. Ý nghĩ đó mạnh ghê gớm quá, Lãng bật khóc, nước mắt càng chảy cậu càng thấy cuộc đời mình khổ sở. Không đáng sống nữa. Lãng lại nhìn vào nhà. Cửa lớn khép, cửa sổ phía giường mẹ còn mở. Không ai chờ đón Lãng về để xin lỗi cả. Chỉ vì Lãng chưa chết đi, nên "họ" còn xem thường Lãng. Cậu bé nghĩ vậy, và quyết chí đi tìm cái chết. Cậu lững thững đi về phía mấy đám ruộng miếu. Cậu vấp ngã, cậu do dự, nhưng chân vẫn tiến về cái phía bí nhiệm đó. Chỉ phía đó mới tìm ra cái chết. Chết vì rấn độc, hay chết vì sâu cùi thân hình tê dại co quắp càng tốt. Thi thể càng thảm thương, "họ" càng thương tiếc, hối hận.

Lãng đã trốn nhà đi tìm cái miếu hoang đêm hôm đó và về sau, đã trở lại thao thức cả đêm trong miếu nhiều lần, mỗi lần một lý do khác nhau. Có thể nói tâm hồn cậu đã trải qua nhiều chặng biến chuyển phức tạp và cái mốc trên quãng đường chập chồng nguy hiểm này là những đêm dừng chân cô độc trong miếu hoang.

(1) Theo Phủ Biên Lạp Tục, Lê Quý Đôn, trang 183-184

(2) Theo Phủ Biên Lạp Tục, Lê Quý Đôn, trang 183-184

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 4

Từ bụi tre trước nhà ông giáo nhìn về hướng bắc, có thể thấy được hai ngọn gạo cao ngất vượt lên trên những lũy tre um tùm trong làng. Hoa gạo nở, mùi thối theo gió bắc thổi bay đến tận đây. Cho nên mùa hoa gạo đầu tiên, cả nhà ông giáo mắt công nhìn nhau nghi ngờ, nói bóng nói gió đến những kẻ vo ý tứ. Khi tìm ra được cái mùi hoa đặc biệt từ khu chợ, không ai bảo ai, cả nhà cùng cười xòa. Hai dãy lều tranh cất song song dưới bóng mát của hai cây gạo, ngang trên miếng đất trống cạnh bờ sông, là nơi họp chợ. Địa điểm mua bán thuận lợi, một bên là con đường đá lên núi, một, bên kia là bến sông. Chuyên chở hàng nguồn xuống biển, hay chuyên chở hàng biển lên nguồn, dù đi bằng thuyền hay thồ ngựa, An Thái là trạm nghỉ đêm. Nhờ vậy, chợ An Thái mau chóng trở nên phồn thịnh. Hai dãy lều trước còn lụp xụp cột tre mái lá sơ sài, càng về sau càng được xây cất vững chãi đẹp đẽ hơn. Lúc gia đình ông giáo về, các cột chợ đều bằng gỗ, sườn nhà bằng tre cột mây, mái tranh dày hai năm mới phải thay một lần. Bên cạnh chợ, có thêm một tiệm thuốc bắc, hai tiệm buôn nông sản và đồ tạp hóa, một quán ăn và một nhà trọ đêm. Ngay dưới gốc cây gạo lớn, chủ quán trọ che tạm một chuồng ngựa cho các tay chở thồ. Chinh thường dẫn Lãng ra đây say sưa ngắm những con ngựa cao lớn, lông mượt, của khách buôn, tự nguyện mang cỏ đem bỏ vào máng, hoặc vốc lúa vào lòng hai bàn tay đưa đến tận mõm từng con ngựa một. Lãng thích nhất là được vuốt ve bờm và lông kỳ của các chú ngựa ham ăn. Cậu vốc một nắm lúa vào trong tay trái đưa tận mõm ngựa. Mấy con ngựa khỏe háu ăn di di cái mõm ướt và nóng vào tay Lãng, cậu cảm thấy nhột nhột, ấm áp một cách thích thú. Chinh thì thích ngắm những vó ngựa khỏe, những bộ yên sòn cũ ghi dấu bao chặng đường xa. Anh lân la trò chuyện với các khách buôn, hỏi họ về những con đường đá, những dốc núi, những đêm thâm lóc cóc vó ngựa thồ trên các vùng heo hút, những bọn cướp cạn, những dã thú gặp trên đường rừng. Để đánh đổi các mẩu chuyện phiêu lưu bịa đặt ấy, Chinh mất khá nhiều công sức. Anh tự nguyện đi cắt cỏ giúp thẳng khờ, tự nguyện xuống sông múc nước cho ngựa uống. Và mỗi khi một đoàn ngựa thồ ra đi, bỏ lại máng cỏ héo và nền chuồng hôi hám vương vãi phân và nước tiểu, Chinh có cảm giác một phần ý nghĩa cuộc đời mình bị mang đi mất. Anh dắt Lãng về nhà, lòng băng khuâng.

Lòng đam mê các cuộc phiêu lưu của hai anh em, lâu lâu cũng được đền đáp chút đỉnh. Thẳng khờ bị lão chủ quán trọ lợi dụng, sai đi cắt cỏ để đổi lấy hai bữa cơm hẩm. Nó chỉ mặc độc một cái quần đùi cũ, màu đen đã ngả sang màu xám mốc. Tóc dài và bẩn, hai con mắt dáo dác như đang tìm kiếm trí nhớ đã đánh mất. Được cái tính ưa hát nghêu ngao luôn miệng, và dễ bảo, nên con người đã ngoài ba mươi trôi giạt đến đây không biết từ lúc nào, trở thành kẻ tội tởm chung của mọi người. Chủ quán trọ cho nó một góc bếp để ngủ và ngồi tần mẩn nhổ từng sợi râu, nên tự nhiên được mọi người chấp thuận dành quyền ưu tiên. Thẳng khờ chuyên lo cắt cỏ

cho ngựa. Nhưng gặp những phiên chợ lớn vào mồng một hoặc rằm, ngựa thồ về nhiều, sức thẳng khờ không lo cỏ đủ. Trong trường hợp ấy, Chinh sẵn sàng giúp sức, và được trả công nhiều ít tùy theo vui buồn của chủ quán.

Chinh trở thành nhân vật quan trọng của chợ An Thái là do vậy. Cũng do vậy mà từ khi An theo lời khuyên của mẹ, bắt đầu nghề hàng xáo, cô bé gặp mọi điều may mắn. An dành được một chỗ bày hàng thuận lợi nhất. An còn được thẳng khờ phục vụ tận tụy, có lẽ còn tận tụy hơn cả đối với người chủ quán trọ. Đôi mắt thẳng khờ không còn dáo dác tìm kiếm nữa. Hình như nó tìm thấy ở cái dáng nhỏ nhắn của An, ở chiếc áo đen tay dài bị rách ở bả vai, ở ánh mắt tinh nghịch và hai cái răng cửa hơi lớn của cô bé, một hình ảnh thân thiết từ lâu nó lạc dấu, nhập nhòa trong mộng lung, ẩn hiện bất thường trong trí nhớ bệnh hoạn. An đi bán gạo lúc Chinh phải ra đồng với anh và cha, Lãng ở nhà canh chừng săn sóc bà giáo. Cô bé cảm thấy lo âu, cô đơn. Bữa đầu, An đòi Chinh phải ngồi bên cạnh mình cho đến lúc chợ vắng. Phiên chợ sau, Chinh mãi ngấm đòn ngựa không chịu ngồi bó gối bên cạnh em. Cô bé không hiểu nổi anh, không hiểu thứ sức mạnh nào đủ lôi cuốn Chinh vào những công việc vô nghĩa vô ích như ôm cỏ cho vào máng, khệ nệ xách cả gàu nước nặng từ dưới bến sông xa lên gốc gạo, rờ rẫm những cái yên cũ. Cho đến ngày An bắt gặp đôi mắt trù mẩn ngưỡng mộ của thẳng khờ nhìn mình. An thấy lạnh ở xương sống vì cái nhìn mê dại ấy, nhưng sau đó nghĩ đến sự cách biệt tuổi tác, sự cách biệt của hoàn cảnh, và thái độ hiền từ, ngoan ngoãn của thẳng khờ, An yên lòng. Từ đó về sau, An có thêm một người anh mới. Cô bé yên tâm ra chợ một mình, trả Chinh cho mấy đám ruộng miếu.

x xx

Hoa gạo rụng đầy trên các mái chợ nên mùi thối cũng loãng bớt. Đoàn ngựa thồ lên đường từ đêm hôm trước, thuyền chở cá lược giao hàng xong đã về xuôi, nên buổi chợ hôm nay vắng vẻ. An bày hàng đã khá lâu mà chưa ai đến đông gạo. Thẳng khờ rồi việc, dựa vào cái máng cỏ nhìn về phía An, buồn rầu không có việc gì giúp đỡ cho cô bé để đổi lấy một cái cười biết ơn. An đang định thu dọn quang gánh về sớm, thì Lãng hốt hải chạy ra chỗ gốc cây gạo. Cậu vừa nói vừa thò:

- Chị về ngay. Mẹ...

Lãng không nói hết câu, òa lên khóc. An chợt hiểu. Cô bé cảm thấy đau nhói trong lòng, nhưng An bình tĩnh hơn mình tưởng. An không khóc, chỉ thấy cảnh vật lao xao, chập chờn. An không buộc được sợi dây dừa vào đầu đòn gánh. Tay cô run quá. Vừa nhấc gánh lên vai, cái đòn bật, suýt tí nữa cả hai thúng gạo đổ ụp xuống đất ướt. Trong lúc đó, Lãng vẫn khóc. Gã khờ đến gánh gạo giúp cho An lúc nào An không biết. Bằng chút trí khôn ít ỏi còn lại, gã cũng đủ hiểu An đang có chuyện buồn. Hai chị em chạy lúp xúp theo gã khờ, không ai dám nói gì. An sợ phải biết sự thực, Lãng tâm trí rối rắm không. Gần đến nhà rồi, An mới hỏi em:

- Cha đã về chưa?

- Rồi. Em chạy ra miếu, rồi ra cho chị hay.

- Mẹ.. mẹ bị hồi nào?

Lãng ấp úng, vừa nói vừa run:

- Em không biết. Mẹ..mẹ lạ lắm. Em sợ, chạy tìm cha liền.

Chị em đến nhà, thấy cậu mẹ Hai Nhiều và vài người hàng xóm đã đến. Ngoài cửa, mấy đứa nhỏ tùm lại tò mò nhìn vào. Ông giáo, Kiên và Chinh đều ngồi quanh giường bà giáo. An thấy mẹ ngồi dựa vào cái gối lớn kê sát vách đất, khuôn mặt trắng bệch nhưng vẫn còn phảng phất dáng dấp một người đang ngồi nghĩ ngợi mộng lung, nhắm mắt trầm ngâm. Chưa có ai khóc.

An len vào gần sát mẹ, và đúng lúc đó, ngã xuống ôm chầm lấy bà giáo khóc òa. Bà giáo mở mắt nhìn đôi vai con gái run run. An ngỡ ngàng cảm thấy có một bàn tay nhẹ nhẹ vuốt tóc mình. Cô bé ngược nhìn lên, bắt gặp đôi mắt nhòe lệ của mẹ. An chưa kịp kinh ngạc đã nghe bà giáo nói:

- An của mẹ!

An mừng quá, khóc to hơn, vừa khóc vừa nói rồi rít:

- Hóa ra mẹ chưa mất. Mẹ đừng bỏ chúng con, mẹ. Mẹ có hiểu con nói gì không. Mẹ ở lại với chúng con.

Bà giáo run run đáp:

- Mẹ mệt lắm. Mẹ không bỏ con đâu. Con ráng lo chăm sóc cho Út. Đừng la rầy thằng Lãng. Tính nó như vậy, đừng gây gổ với nó, tội nghiệp.

Ông giáo can vợ:

- Mình nằm nghỉ cho khỏe đi. Thấy mình tỉnh trở lại, thằng Lãng sợ, tưởng... Báo hại ai cũng hoảng hồn. Có anh chị Hai Nhiều lại thăm, mình có nhận ra không?

Bà giáo hiểu lời chồng, đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm. Ông giáo quên rằng bà giáo đã mê muội ngay từ lúc ghé Gò Bồi, không biết ông bà Hai Nhiều là ai. Bà Hai Nhiều tiến tới gần bà giáo, cầm tay người bệnh hỏi:

- Cô có còn cảm thấy mệt không? mấy tháng nay thấy cô cứ mê mải, vợ chồng tôi lo quá.

Bà giáo hơi bần khoản một chút, cuối cùng cũng biết người vừa nói chuyện với mình. Bà giáo hỏi:

- Thế anh Hai của tôi đâu?

Hai Nhiều đến gần vợ, tự giới thiệu:

- Tôi đây. Anh em với nhau mà từ lâu không biết mặt nhau. May quá, đến nay cô đã tỉnh.

Đột nhiên bà giáo bật khóc, vừa khóc vừa nói:

- Trăm sự nhờ anh chị. Em có mệnh hệ nào, anh chị can nhà tôi đừng lấy vợ, khổ cho lũ nhỏ. Em đã bắt nhà em hứa rồi, nhưng em chưa yên lòng.

Càng lúc bà giáo khóc càng lớn hơn. Và càng khóc bà càng nói nhỏ đi, tiếng được tiếng mất, ý nghĩa lan man từ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia. Mọi người ủa nhau lại khuyên can bà giáo bình tĩnh, ông giáo cũng lớn tiếng hứa hẹn theo ý vợ. Nhưng bà giáo không nghe được gì nữa, hai tay ôm lấy đầu khóc lớn. Có vẻ mỗi lúc bà giáo càng mệt hơn, Kiên nhắc mọi người ra bớt phòng ngoài cho gian buồng bà giáo nằm được thoáng khí. Chỉ còn lại ông giáo, An và Lãng trong phòng. Tiếng khóc nhỏ dần, thưa dần. Bà giáo nhắm mắt, đầu lắc qua lắc lại trên gối, thân thể xiêu ngã mệt nhọc. Ông giáo biết vợ đã mê trở lại, tuy giờ phút tỉnh trí vừa qua không phải là dấu hiệu báo trước giờ lâm tử như ngọn đèn hết dầu lóe lên lần cuối trước khi tắt lịm.

x xx

Bà giáo mất hôm mười bốn tháng bảy. Trong những tháng cuối cùng, các cơ năng nuôi thân thể bà dần dần lãng quên mất nhịp sống quen thuộc. Bà gầy xẹp nhanh chóng, nằm dán lên cái chõng tre lót chiếu, không động đậy. Kiên phải tìm một cái mo cau cắt tròn để lót hứng phân. Nước tiểu rỉ ra ướt hết cả vạt chiếu. Lưng bà giáo nổi sần, rồi lở lói phía thắt lưng. An thương mẹ quá, lấy cái gối nhỏ chèn phía dưới mông để xơ chiếu khỏi chạm vào mảng thịt đỏ lầy, cuối cùng nước tiểu thấm cả vào bông gối. Mùi khai nồng tỏa khắp phòng. Tháng cuối cùng, An đút cháo cho mẹ, bà giáo không nuốt ngay. Các bắp thịt thực quản dường như mất liên lạc với ý chí sinh tồn. Sợ mẹ bị ngột, An phải múc từng muỗng nhỏ đưa vào tận cuống họng mẹ. Thức ăn rơi

vào trong sâu, và do một phản xạ nào đó, lâu lắm, bà giáo mới nuốt. Không khí trong nhà luôn luôn ủ dột, người nào cũng có một nỗi buồn canh cánh bên lòng. Chỉ khi nào quá mệt nhọc ngủ vùi hoặc bận ra chợ ra đồng khuất mặt, họ mới cảm thấy đôi chút an tâm.

Cho đến lúc Lãng khám phá ra mẹ đã chết, tay chân lạnh, mắt trợn ngược lên đỉnh mùng, cảm giác đầu tiên của mọi người trong gia đình là sự nhẹ nhõm, như vừa được cất đi một gánh nặng. Ngay cả Lãng, vốn tính mẫn cảm và lần đầu tận mắt thấy hình ảnh cái chết, cậu bé không sợ hãi thái quá. Lãng chạy ra sau bếp gọi chị:

- Lên nhanh chị An ơi.

Giọng nói của Lãng và nét mặt của cậu khá bình thản, đến nỗi An không biết Lãng báo một tin dữ, quay ra gay gắt:

- Chỉ việc xếp mền mây không làm được hay sao mà nặng lên thế. Để yên cho mẹ ngủ.

Lãng đến bên chị, thì thào:

- Hình như... hình như mẹ chết rồi. Tay mẹ lạnh ngắt.

An bỏ vội khoai chạy lên buồng mẹ. Và cũng như lần trước, cô bé kinh ngạc cho sự điềm tĩnh kỳ lạ của mình. Nhưng sau đó, tình cảm từng người mon men quanh co theo từng lối khác nhau. Tin dữ truyền cho nhau qua tiếng thì thào. Từ ông giáo đến các con đứng lặng quanh xác bà giáo, nhìn trần trối lên thân thể gầy ốm xanh xao và nhỏ nhắn như thân thể một bé gái 11,12 tuổi. Sự nhẹ nhõm ban đầu nhường chỗ cho nỗi hoang mang, lơ lảo. Mọi người như đột ngột bị lạc hướng, mắt còn trông thấy đấy nhưng tâm trí quờ quạng. Thằng Út giật mình tỉnh dậy không thấy chị bên cạnh, khóc ré. Đúng lúc đó, Lãng bật khóc nức nở. Cái cổ của Lãng nhỏ và cao, khi khóc cậu ngược mặt lên trời nên mấy đường gân càng nổi rõ trên cái cổ ấy. Tóc dài phủ cả lên mắt, dán lên má vào thái dương, trông cậu giống như một con bê non ăn lúa của một chủ ruộng hung bạo, bị lão lấy rựa chặt gãy chân nên quì tại chỗ, rướn cổ thét lên thống thiết. Khúc rốn vô hình nổi liền thân thể cậu với mẹ, khúc rốn giúp cậu tiếp được của mẹ sức xúc động nhạy bén đối với thời tiết; lòng đam mê cây cỏ, đồi núi, sông biển, chim chóc; sự vụng dại đáng thương hại trước những sự việc cụ thể thực tế; trí tưởng tượng lãng mạn muốn cái gì cũng tới cùng đỉnh; khúc rốn ấy đứt lìa đột ngột nên cậu không thấy đau đớn. Rồi dần dà, cậu cảm thấy trong tâm hồn cậu, trong thân thể cậu, một đoạn ruột đã đứt. Và cậu nức nở khóc, không ai dỗ được.

Chinh khó chịu, gắt lớn y như mọi lần:

- Có im đi không. Đồ mít ướt!

Lãng ngưng khóc, cậu nhìn anh với đôi mắt hận thù. Cậu nghĩ: Anh ấy có còn chút tình cảm nào không? Anh ấy không phải là con của mẹ sao? À, phải rồi. Hôm nay mười bốn tháng bảy. Như vậy là công phu luyện tập khó nhọc bao lâu nay của anh ấy, bây giờ kể như bỏ. Ngày mai là ngày cúng cô hồn. Anh ấy không dự đồ giàn được nên đâm ra tức tối, giận lây đến mình. Mẹ mất, mà anh ấy còn nghĩ đến chuyện đấu võ được ư? Anh ấy có thương mẹ không? Đáng giận thực, biết thế mình không nên đứng ra làm chứng cho anh ấy học võ.

Lãng càng nghĩ càng giận, càng giận cậu càng tỉnh táo. Cậu không khóc nữa, đưa mắt nhìn cha xem cha có khám phá ra đứa con bất hiếu hay không. Ông giáo đến ngồi bên mép giường, nắm lấy cánh tay lạnh của vợ. Mấy ngón tay trắng đã cứng, đầu ngón tay đã móp. Cảm giác lạnh lẽo truyền vào bàn tay ông, thấm vào máu, len đến sống lưng. Ông giáo đặt nhẹ bàn tay vợ xuống mền. Đôi mắt mở của bà giáo đục lại, nhưng ông giáo tưởng như vợ đang nhìn ông trách móc. Bất giác ông đưa bàn tay lên vuốt mắt vợ. Con bên tả nhắm lại ngay, nhưng con mắt bên hữu

chỉ khép kín khi ông vượt đến lần thứ năm. Kiên đến bên ông hỏi nhỏ:

- Mình nên đi khai báo nay với xã trưởng hờ cha ?

Ông giáo quay lại hỏi:

- Con nói gì?

Kiên chậm rãi nói:

- Con định đi khai tử cho mẹ. Sẵn tiện hỏi cậu Hai phải làm những gì.

Ông giáo cảm động nhìn con:

- Được. Con lo giùm cha. Hỏi cậu thủ tục ở đây như thế nào. Xin đất lập mộ ở đâu. Con giúp cha đi! Cha không còn nghĩ gì được nữa!

Kiên sẽ sàng bước ra khỏi buồng. Chinh định theo anh, nhưng Kiên ngăn lại, nói nhỏ gì đó.

Chinh gật gù, trở vào nhẹ rút cái mo cau đựng phân đem đi ra vườn. Một lúc sau, Chinh lại vào đem cái gối thấm nước tiểu, cùng mớ quần áo bẩn thay từ hôm trước của bà giáo ra ngoài.

Lãng bỏ ra nằm sấp trên phản gỗ khóc thút thít. Trong phòng, chỉ còn lại An và ông giáo.

An thấy cha ngược lên nhìn mình, ngần ngại. Ông ngồi thừ một lúc, rồi chống hai tay qua vai vợ, nhìn đăm đăm lên khuôn mặt bà. Lòng ông chùng xuống, yếu đuối. Ông bắt đầu khóc. Giọng của ông khàn, tiếng khóc nghẹn lại nơi cổ họng khao khao, nghe tiếng được, tiếng mất. Hai vai và cánh tay ông run. Nước mắt chảy lặng lẽ trên má, qua 45 năm thăng trầm lặn lội với bao hệ lụy ở đời, những giọt đau khổ còn sót lại rỏ lên ngực áo vợ, không đủ sức ấm hồi sinh. Ông khóc vì hối hận. Phải, dù cuộc tình duyên giữa hai ông bà không do những vờ vập hấp tấp hoặc toan tính so đo, nhưng thành thực mà nói, những lời qua tiếng lại xung quanh có ảnh hưởng đến cách cư xử của ông đối với vợ. Trong đời sống vợ chồng, đôi lúc ông xem thường bà. Có những lời cầu nhàu vô cớ, giận dữ quá đáng vì những chuyện cỏn con. Nếu gia thế của bà khá hơn, ông giáo phải dè dặt nhiều trước khi nói điều gì với vợ. Tính bà quen nhẫn nhục, chịu đựng lặng lẽ mọi lời rầy rà. Ở chỗ giao tế, bị ràng buộc tứ bề vì những sự tế nhị rào đón, nương nhẹ, nể nang, ông giáo không phát lộ được hết cá tính. Về nhà, ông được dịp trút mọi bực bội lên gia đình.

Ông được cầu nhàu tự do. Ông được mạnh dạn xổ hết những gì bực dọc, đến độ còn tìm thấy ở sự phóng túng đó một thứ lạc thú bệnh hoạn. Lúc trước ông không thấy tất cả những điều ấy. Bây giờ, ông giáo thấy hết. Trên gương mặt im lìm của vợ, ông soi được những xấu xa tàn nhẫn của cả đời ông. Ông nhớ lại đôi mắt lo âu thảng thốt của vợ những năm đầu tiên mới lấy nhau, những lúc ông không chịu đựng được nhục nhã của nghèo đói, trút hết lòng hận đời lên đầu cô gái nhút nhát, ốm yếu là vợ ông. Ông nhớ cái khuôn mặt trầm tư những năm về sau, đôi lông mày thường nhíu ở sống mũi, môi trên chúm lại cố chặn một tiếng nấc. Ông nhớ những ý nghĩ bạc bẽo tàn ác của ông, những khi một mình ngồi canh bệnh bên giường bà. Sau bao dày vò, kết cuộc lại, vợ ông nằm đây. Mắt sâu. Má hóp. Thân thể da bọc xương. Cánh tay gầy guộc. Bàn tay co quắp, nhăn móp ở đầu năm ngón. Vợ ông có tội tình gì? Ông đã làm được gì để bà nở được nụ cười hiếm hoi? Nếu không có An ở đây, ông đã ôm chầm lấy xác bà mà van xin, năn nỉ bà tha tội cho ông. Ông giáo quay nhìn con gái. Mắt An buồn rầu, có ý hỏi cha muốn sai bảo điều gì. Có tiếng nhiều người nói chuyện, hỏi han lao xao ở cửa ngoài. Được dịp chạy trốn cái nhìn tra hỏi của con, ông giáo đưa ống tay áo chùi nước mắt, đi ra nhà ngoài.

x xx

Trong gia đình ông giáo, chỉ có Kiên và Chinh là đủ bình tĩnh lo liệu việc tang ma. Ông giáo như người mất hồn, ngồi thừ một chỗ, trả lời giống một các câu chia buồn của thân quyến và hàng xóm. Ai đến thăm cũng tìm cho được ông, hỏi qua tuổi tác, căn bệnh của bà giáo. Ông trả lời

dầm dề, ba phải. Người nghe không lấy đây làm điều, và quả thật, cũng không mấy chờ đợi những câu trả lời rõ ràng, dứt khoát. Họ hỏi vì bốn phận phải hỏi, chứ không phải để nghe trả lời. Như một cái máy, ông vái chào khi có ai đến, gật đầu khi họ chia buồn xong, rồi lại vái chào khi họ về.

An và Lãng ngồi bên xác mẹ, bây giờ đã được tắm rửa và thay quần áo mới, Kiên và ông Hai Nhiều đã giúp An luộc hai quả trứng và vắt ba nắm cơm đặt vào một cái đĩa sành, cắm ba nén nhang để lên đầu giường người chết. Cửa sổ được chống lên, căn nhà từ lâu kín gió và tăm tối đã thoáng khí hơn trước. Mùi hôi thối theo gió loãng đi. Nhang cháy liên tiếp từ nén này sang nén khác, hơi khói mỏng mang theo mùi trầm đậm ngọt. Hai chị em thần trí căng thẳng vì xúc động, cảm giác bây giờ tê dại. Gần như cả An lẫn Lãng không còn ý thức được những gì thuộc về thực tế, sống trong trạng thái ngơ ngẩn mù mờ. An chỉ ghi nhận được chung quanh có người vào người ra, tiếng nói thì ào ào, cử động sẽ sàng. Một vài người đàn bà đến vuốt tóc An, hỏi An điều gì đó. An trả lời những gì ít ai nghe rõ, lời nói buột miệng vô tình. Có điều khi có tiếng sụt sịt khóc nhắc nhở, thì An nhớ ngay đến cái chết của mẹ. Cô bé quay nhìn mẹ đang nằm in trên giường, hai bàn tay gầy guộc đặt dài trên mép chăn, mặt xanh tái, mắt nhắm nghiền. Rồi chỉ trong khoảnh khắc, An ý thức trọn vẹn thân phận cô út từ đây, nghĩ đến những ngày sắp tới vô định và cô độc trên đường đời. An bật lên khóc, Lãng cũng khóc theo chị, tiếng khóc thê thiết dai dẳng. Bà Hai Nhiều thấy ngay tình trạng khẩn cảm của hai cháu, nên dẫn An và Lãng sang nhà mình. Công việc ma chay như vậy do gia đình hai Nhiều và bà con hàng xóm quán xuyến cả. Vợ chồng cô Ba Lý trên Xuân huê cùng với Lợi có xuống chia buồn. Vợ chồng cô Hai Nhõn bên Trường định cũng về. Thêm một số bạn võ của Chinh. Gã khờ ngoài chợ. Đám đàn ông lo việc xin đất, đào huyệt, đóng áo quan. Ông Hai Nhiều cùng với Kiên và Lợi lo đi báo cho các chức sắc trong xã và làm giấy tờ khai tử. Người ra vào đông đúc, nhờ ai nấy đều giữ gìn cử chỉ và lời nói cho hợp với đòi hỏi một đám tang, nên suốt buổi sáng chuẩn bị tắm liệm và tang lễ tiến hành lặng lẽ và điều hòa. Đến trưa, đám đàn bà con gái lo thổi cơm dọn ăn cho những kẻ hảo tâm đến giúp không công. Người lo chạy đi mượn thêm bàn ghế, mâm bát. Nhà chật chội. Phải làm thêm một nhà rạp ở hiên trước. Lũ trẻ hiếu kỳ bu đến ngày càng đông. Thợ mộc đóng áo quan, tiếng đục đẽo nghe vui tai rộn rịp. Thêm tiếng bàn ghế va chạm, tiếng bát đĩa loảng xoảng. Thực khách dần dần quên mất sự ràng buộc, cười nói tự nhiên. Câu chuyện hào hứng vì xoay quanh cụ cướp giàn truyền thống giữa dân An Vinh và An Thái trong dịp lễ vu lan hằng năm. Heo quay, gà vịt, gạo muối, hoa quả dùng để cúng cô hồn được đặt trên một giàn tre cao, dựng ngang trên bãi sông. Trong thời gian hành lễ, các tay võ giỏi hai bên đã chia nhau mai phục quanh giàn. Kinh giải oan dứt. Hồi chuông thông thả từng tiếng, gõ vào không gian căng thẳng. Những đôi mắt dăm dăm. Nhịp tim đập mạnh. Những bàn tay nắm lại, gân nổi trên thớ thịt săn cứng. Những cái liếc mắt âm mưu hoặc nghi kỵ. Giờ phút chờ đợi kéo dài theo ba hồi chuông chậm. Tiếng chuông cuối cùng vừa điểm, thì võ sĩ của hai làng có quyền dùng bất cứ thế võ hiểm độc nào để hạ đối phương, giành cho được con heo quay về phần mình. Cuộc loạn đả truyền thống luôn luôn có máu đổ, có quả phụ và con cô. Nhưng con heo quay đem về bên này sông hay bên kia sông đã trở thành tiêu chuẩn đặt định niềm vinh dự may mắn cho cả cộng đồng suốt một năm. Cho nên phép vua thua lệ làng, cái trò chết người năm nay vẫn tiếp diễn, và số cô hồn cần giải oan tăng theo năm tháng. Trong lúc những người thân thuộc của ông giáo giúp ông lo việc mai táng, thì các võ sĩ An Thái đã vất vả lắm mới mang được con heo quay về bên này sông Côn. Hai xác chết nằm vắt lên mép nước vô tình, một bị đập lá lách và

một bị vỡ đầu. Câu chuyện hào hứng, bàn cãi ồn ào là vì vậy. Bữa cơm trưa nay có nhiều tiếng cười hề hả, và đám đàn bà sống giữa vùng đất chuộng võ từ tấm bé không hiểu nổi sự quyến rũ của bạo lực, nhìn đám mâm chén ngả nghiêng với đôi mắt chịu đựng, khoan thứ.

Người ta lo việc mái táng ngay buổi chiều hôm ấy, và theo lời khuyên của bà Hai Nhiều, ông giáo không cho An và Lãng đi theo quan tài. Cô Ba Lý nói dối với hai chị em là mãi sáng mai, mới có giờ tốt thích hợp việc chôn cất. An yên tâm ngủ được một giấc ngắn. Gần nửa đêm, cô bé thức dậy, thấy mình nằm trên giường lạ. Mãi một lúc lâu, An mới biết mình đang ở nhà cậu mợ. Cửa lớn đóng, cửa sổ nhìn sang nhà An mở. Cô bé len lén ngồi dậy đến gần cửa sổ nhìn sang nhà mình. Thấy có ánh đèn leo lét ẩn hiện sau mấy lớp lá chuối, An yên tâm. Mẹ vẫn còn đó. Mẹ vẫn còn ở trên trần gian với mình. Cô bé nghĩ như vậy. Đột nhiên, An cảm thấy trong thân thể mình có điều gì khác thường. Đầu cô nhức, tay chân rã rời. Chỉ vì mình vật vã khóc cả ngày đấy thôi. Nhưng... nhưng sao mình tệ thế này? Thằng Út mới lên ba còn có thể đá dầm, Lãng những hôm bệnh có thể... Nhưng mình chừng này tuổi đầu? Chao ôi, nếu mấy chị biết được! An lo sợ nhìn trước nhìn sau, tưởng như mọi người đã nhìn rõ cái cảm giác nhóp nhép nóng ướt đang lẫn chập hai bên vế An. Không dám bước nhanh, An vịn vách nhẹ nhàng xuống nhà bếp. Trấu un cháo heo đang ngùn đỏ, phát ra một vùng ánh sáng mờ mờ. Cảm giác nóng ướt lan xuống gối, rồi xuống bắp chân. Đến gần vùng ánh sáng, An vén ống quần lên định chùi vội dòng nước tiểu. Và đúng lúc đó, An hãi hùng đến líu lưỡi, quên cả việc thả ống quần xuống. An ngột thở vì sợ. Trên ống chân trắng, An vừa nhìn thấy một dòng máu. Tại sao lại thế này? Mình mắc bệnh quái gở gì đây? Cả ống chân kia cũng có máu. Máu trên hai vế... Mẹ ơi, mẹ cứu con. Chỉ có mẹ mới cứu được con thôi, vì ngoài mẹ ra, không bao giờ con dám thổ lộ cho ai biết là con đã mắc một thứ bệnh khủng khiếp ở một nơi xấu hổ. Nhưng mẹ bỏ con rồi còn đâu. Làm thế nào bây giờ? Có ai cứu tôi nữa không?

An ngồi xuống bên bếp trấu, gục mặt vào hai đầu gối nhóp nhép khóc ầm ức. Nước mắt càng chảy, cô bé càng thấy nỗi thống khổ đậm thêm, mênh mông. Vì xấu hổ cô không dám khóc lớn nên sự đau đớn càng tăng. An chịu đựng một mình, trong âm thầm, cái kinh nghiệm dậy thì của đời con gái. Sáng hôm sau, cùng với Lãng và các anh ra thăm mộ mẹ, An đã thành một người lớn. Cái chết của bà giáo, kinh nghiệm một đêm có kinh nguyệt lần đầu đã quá đủ để tạo một vết đau buốt đến tê dại lên tâm hồn cô bé. Và An đã mất tuổi thơ!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 5

Nhà ông giáo chật chội quá, nên tiệc dọn ngay trong nhà rạp cất tạm hôm làm đám ma bà giáo. Đến ngày mở cửa mả nghĩa là ba hôm sau bữa mai táng, ông giáo vẫn chưa ra khỏi tâm trạng lơ lửng, hụt hẫng. Một phần không nhỏ tâm trí ông bị chôn sâu xuống ba thước đất, phần còn lại lan man vô định. Cái ý nên làm một bữa cơm thết tạ ơn những người đã giúp đỡ nhiều hôm làm đám ma là của An. Ông giáo ngạc nhiên khi nghe con gái nhắc nhở, cứ nhìn An dăm dăm. Và đấy là lần đầu, ông giáo thấy con gái mình đã trưởng thành. Nét ngây thơ và vô tư trên khuôn mặt bầu bĩnh của An không còn. Đôi mắt con gái buồn và nghiêm hơn. Môi trên thường mọng và bị cái mũi dọc dừa kéo xếch lên một chút, để lộ hai cái răng cửa hóm hỉnh, nghịch ngợm, bây giờ mỏng lại, mím chặt xuống môi dưới. Khuôn mặt trở nên trầm tĩnh, và như có một hòa điệu tự nhiên, cử chỉ lời lẽ cũng trở nên chững chạc, khoan thai hơn. Ông giáo yên tâm phó thác việc nấu nướng cho con. Có Kiên và Chinh giúp, An tự tin khỏi phải chạy qua nhờ mợ. Ông giáo và Kiên lo xếp đặt bàn ghế. Cái bàn độc nhất lâu nay ông giáo vẫn dùng làm bàn đọc được khiêng ra dọn tiệc. Mặt bàn gỗ mộc lồi lõm, thô sơ, mực xạ loang lổ. Kiên phải tìm một tấm chăn cũ màu xám phủ lên. Nhấm tính số người phải mời, Kiên thấy thiếu bàn. Ông Hai Nhiều cho mượn thêm một cái bàn tròn xếp, đủ rộng cho mười người. Mọi việc tạm ổn, ông giáo mới mặc áo dài chỉnh tề đi mời viên tri áp và ông xã trưởng đã giúp đỡ ông làm thủ tục khai tử và chôn cất. Trên đường về, ông tạt qua nhà Hai Nhiều để chính thức mời anh chị và Thận, chồng cô Hai Nhõ.

Viên tri áp và xã trưởng đến sớm hơn ông giáo tưởng. Vừa bước chân qua khỏi cổng, viên tri áp đi thẳng đến chỗ bàn tiệc, nhìn qua một lượt các đĩa thức ăn nấu nướng và bày biện kiểu cách theo lối kinh đô, xoa hai tay vào nhau lắc đầu:

- Chu cha! Thế mà nhà thầy nói với tôi chỉ có một bữa cơm xoàng. Tôi đã dặn rồi mà thầy không chịu nghe. Bày vẽ chi cho tốn kém, nhất là nhà lại vừa gặp chuyện buồn. Tính tôi dễ dãi, ai có giỗ tiệc mời thì đến góp vui vậy thôi, ăn uống qua loa thế nào cũng xong. Thầy bày vẽ thế này lần sau tôi không dám tới nữa đâu. Hì hì. Phải thế không anh xã. Vâng, tôi ngồi đây được rồi. Thầy để mặc tôi. Anh xã ngồi xuống đi. Được, thầy cứ ngồi. Cái đĩa rau sống xếp lạ thật. Anh xã thấy chưa, người thành thị có khác. Cách xếp mấy miếng chuối chát, miếng khế, rau húng, rau răm, trông đẹp chưa. Tôi phải cho con gái đến đây học mới được. Sao! Con bé kia à? Nó chừng ấy tuổi mà nấu nướng được tít. Hà hà, tôi không tin.

Ông giáo ghét cay ghét đắng cái vẻ tự đắc của viên tri áp, nhưng ông cũng không làm ra vẻ rụt rè, ngồi xuống ghế một lúc rồi lại đứng dậy để tiếp chuyện. Viên tri áp kiêu hãnh cho phép ông giáo ngồi mà thưa chuyện, ông giáo cứ đứng bên ghế. Ông xã trưởng bảo:

- Thầy tri áp đã cho phép ông cứ ngồi. Tánh ông ấy vẫn xuề xòa bình dân thế, đừng ngại.

Viên tri áp cười tít mắt, bộ mặt thỏa mãn:

- Đó, nhà thầy đã tin tôi chưa. Thầy mới về đây chưa biết tính tôi, chứ ở lâu thì chắc biết cái tính dễ dãi của tôi rồi. Ai cần giúp đỡ điều gì, nếu được, tôi giúp ngay.

Ông giáo lấy giọng nhún nhường xen vào:

- Vâng, hôm đám ma tôi mụ người đi, không còn làm gì được. Nếu không có hai vị giúp đỡ, chắc chuyện giấy tờ thủ tục không dễ dàng mau chóng như thế đâu.

Viên tri áp vội xoa tay can:

- Không. Ba cái chuyện vật ấy, có đáng gì! Bốn phận mà. Thầy cho tôi mượn cái ống nhổ. À, đây rồi. Chậc, trầu bà nhà tôi mua kỳ này không được cay, ăn nó nhạt nhẽo thế nào. Không phải chính loại trầu nguồn.

Rồi hình như miếng bã trầu đã nhổ đi mang theo cái hứng liễn thoắt, từ đó về sau, viên tri áp bớt lời. Ông ta tìm chỗ đặt cái ống nhổ, sợ đặt vào chỗ cũ mình sẽ vô ý đập ngã, đổ vương vãi trên đất. Lúc ngược lên, viên tri áp chú ý cái nghiên đá hoa Chinh đã lấy ra chặn lên tấm chắn xám. Bỏ chỗ ngồi, ông ta đến cái bàn mộc cầm nghiên lên ngắm soi:

- Cha! Cái nghiên hay thật. Vân đá trông như là vẩy rồng. Da mát lạnh. Chắc của nhà thầy?

Ông giáo thầm trách con vô ý, đáp miễn cưỡng:

- Da, của một người bạn, tôi mượn đã lâu.

Viên tri áp nghiêm mặt, đặt cái nghiên lại chỗ cũ, quay về chỗ ngồi. Chinh đến gần thừa nhỏ với cha:

- Cậu Hai bảo con thừa lại với cha đã sang được chưa?

Ông giáo hỏi:

- Cậu có tìm mời mấy bác thợ mộc không?

- Thừa có. Cả chú ba Vận và anh Lợi nữa. Sợ sớm quá, các chú các bác còn ngồi uống nước bên nhà cậu mợ.

Ông giáo được dịp lấy lòng viên tri áp:

- Thế à! Con phải sang mời ngay cậu mợ và các bác. Thừa với cậu các vị đây đang bận việc nước, ít thì giờ lắm. Để các vị chờ, không tiện đâu.

*

* *

Các thức ăn ngon vui trước, sự no nê khiến đà ăn uống chậm lại. Bánh tráng cũng hết, nơi góc bàn chỉ còn lại những mảnh bị cháy khét hoặc còn sống. Mọi người trên bàn người lớn đều cảm thấy áy náy, muốn nói cái gì cho không khí bàn tiệc bớt nhạt nhẽo. Giá không có viên tri áp hay ông xã trưởng, lúc ấy có thể là chuyện mùa màng, chuyện thời tiết. Chú Ba Vận có thể hỏi thăm ông giáo chuyện vỡ hoang mấy đám miếu. Ông Hai Nhiều hỏi thăm giá gỗ. Bác thợ mộc hỏi Thận giá rèn lưỡi cày. Nhưng mọi chuyện làm ăn hào hứng ấy không mấy thích hợp vào trường hợp này, trước mặt các chức sắc. Ông giáo không thể thoái thác trách nhiệm chủ nhà, tìm cách gọi chuyện. Ông hỏi viên tri áp:

- Tôi nghe nói năm nay phủ ta đúng kỳ tuyển trường. Hạn tháng sáu thì duyệt tuyển. Khai xét sổ đình thêm bớt trong xã, chắc là bận rộn phiền phức lắm.

Viên tri áp đáp lơ lửng:

- Vâng, phiền phức!

Ông xã trưởng có nhiều thiện chí hơn:

- Mỗi lần duyệt tuyển là mỗi lần khó nhọc. Nào chính hộ, khách hộ, lại thêm mấy ông hạng

cùng, hạng đào (1). Kiện tụng, xin xỏ đủ thứ chuyện. Quan trên không nạt, đến rằm tháng bảy chắc chưa xong đâu. À này, không có tôi với ông tri, nhà thầy không được xếp vào chính hộ đâu nhé. Tôi phải nói mãi, nhấn mạnh thầy là chỗ bà con với ông Hai đây...

Viên tri áp tiếp lời ông xã:

- Nhưng chuyện cậu cả thì rắc rối đấy. Quan trên cứ tra vấn mãi là tại sao chừng ấy tuổi đầu lại chưa có tên trong sổ xã bình. Tôi đã cố, nhưng chữ nghĩa ít, đơn từ lời lẽ không được rõ mấy.

Sợ rồi ra không được việc thầy buồn!

Ông giáo hồi hận đã gọi một chuyện gay go. Ông muốn xoay sang câu chuyện khác, nhưng không khí bàn tiệc trở nên khó thở. Ông lúng túng không biết phải làm thế nào. Chú Ba Vận cứu ông đúng lúc. Chú hỏi Thận:

- Bên đó bàn tán chuyện thua giàn ra sao?

Thận liếc nhìn hai chức sắc, do dự không biết trả lời thế nào cho phải. Anh ậm ừ:

- Buồn lắm. Như có đám ma.

Viên tri áp lại được dịp tỏ uy quyền:

- Cả cái tục đồ giàn nữa, quan huyện quở nặng lắm. Quan đe sang năm nếu không bỏ, sẽ khép tội những người đầu sỏ. Đánh chết người phải thường mạng!

Câu chuyện hoàn toàn tắc tị. Cho đến lúc hai chức sắc lấy cớ bận việc quan về trước, chỉ còn những câu trao đổi nhát gừng, khách sáo, rời rạc, vô nghĩa. Cười lạt lẽo, nói ậm ờ, nghe lơ đãng hay gật gù không đúng lúc. Cái không khí buồn tẻ ấy vẫn còn lan man vương vất trên bàn tiệc sau đó, đến nỗi tuy thức ăn còn khá nhiều, vài người đã lóng ngóng muốn về. Ông giáo và cả ông Hai Nhiều, cố giữ chú Ba Vận và hai ông thợ mộc lại. Không còn các quan chức, nên bàn phái trẻ trở nên náo hoạt hẳn. Tiếng cười vô tư lan truyền sang bàn bên này. Bác thợ mộc đứng tuổi cười nhẹ, rồi nói:

- Có mặt hai cái lão đó, ăn mất ngon!

Chú Ba Vận chưa nguôi tức, giọng bức bối:

- Hở một chút là dọa. Dân chỉ có cái khổ rách sợ gì nữa mà dọa với nạt. Xếp hạng cùng hay hạng đào cũng thế thôi.

Ông giáo nói:

- Tôi về đây chưa quen nước quen cái, thế nào rồi cũng chịu lép mới mong yên được. Khi nãy ý ông tri áp có vẻ thích cái nghiên đá hoa. Nhưng cái bộ điệu lão tự thị lộ liễu quá, tôi ghét. Mà lúc đó đưa ngay cũng kỳ.

Ông Hai Nhiều nhớ lại cái kinh nghiệm cay đắng của mình, lắc đầu chậm chạp bảo:

- Cá mè một lứa cả. Bên ngoài mập ốm cao thấp có khác, nhưng trong ruột như nhau thôi. Vừa muốn chop ngay lấy, lại vừa muốn giữ thể diện. Cho nên không chop mà chỉ nhón.

Ông Hai Nhiều vừa nói vừa đưa tay làm điệu. Ít khi thấy ông khôi hài chua chát khác thường như vậy. Có lẽ chút rượu đã giúp ông bạo lên, bớt rụt rè. Cả bàn cười lớn. Ông Hai Nhiều đỏ mặt thích thú, đứng lên định nói điều gì vừa nảy sinh trong đầu, nhưng phút xuất thần hiếm hoi đã qua, ông lúng túng ậm ờ không tìm ra lời. Ông giáo nhớ chuyện cái chân bò khô đọc được trong sách, kể làm quà cho bữa tiệc tan bớt không khí nhạt nhẽo u ám:

- Anh Hai làm tôi nhớ lại một chuyện vui trong sách (2). Chuyện như thế này. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị, cũng có lệnh duyệt xét sổ hộ tịch để cấp đất công và định thuế. Pháp lệnh nghiêm lắm, các quan lo việc xét sổ không ai dám tư vị. Có một viên thừa hành tính rất nghiêm khắc, hề thấy ai xin hạ bậc hoặc giảm nhẹ thì lớn tiếng quát mắng. Một hôm hắn đi nhà xí, thấy ngoài

tường có ai ném vật gì đánh thịch một cái. Tò mò đến xem thì ra một cái cẳng bò khô, trên đầu cái cẳng bò có buộc một hột vàng tốt. Hắn lo sợ nhìn quanh, thấy không có ai, mừng rỡ nhặt vàng đút vào túi, trở vào hội nghị tiếp tục duyệt sổ. Lúc ấy các xã trưởng lần lượt lên trình bày sổ đinh. Một người khai rằng: "Xã tôi tiếng là xã lớn nhưng thực là nghèo khổ, nhiều người phải xiêu tán, chẳng khác nào cái chân bò khô chỉ có da bọc xương mà không có lấy tí thịt. Nếu theo thể lệ nặng, làm sao gánh vác nổi. Xin rủ lòng thương mà châm chước cho". Người ấy cứ lải nhải như thế ba lần. Trong bụng hắn đã hiểu, bèn vừa cười vừa nói với bạn đồng liêu rằng: Người kia nói có lý đấy, nên thể tất cho họ.

Cả bàn nghe chuyện cười ồ. Ông Hai Nhiều gật gù, da mặt hồng vì rượu, tùm tùm cười một mình. Chú Ba Vận khen:

- Giỏi lắm. Hối lộ như thế mới thật là cừ. Các quan "nhón" được kén đáo, nhất định xin gì cũng cho.

*

* *

Chờ khách khứa về hết, ông giáo và Hai Nhiều gọi Lợi ra chỗ ngõ vắng có việc. Lợi lo lắng không hiểu chuyện gì. Ông giáo hiểu nỗi lo của Lợi, vội bảo cậu:

- Bác Hai Nhiều vừa cho tôi hay cậu có giúp cho Lê khỏi phải có tên trong sổ binh.

Lợi mau mắn đáp:

- Dạ nhờ anh cháu có quen với ông cai tổng. Chỗ ớn nghĩa qua lại lâu năm.

Ông giáo vỗ vai Lợi cổ tử dẫu thân mật, rồi nói:

- Tôi cũng có chuyện cần cậu giúp đây. Cậu biết đấy, thằng Kiên nhà tôi đang bị rắc rối chuyện vào xã binh. Họ đánh tiếng đe dọa nhiều lần rồi, không lần nữa mãi được. Cậu liệu xem có cách nào không?

Lợi im lặng suy nghĩ. Ông giáo không khỏi lo âu khi thấy nét mặt Lợi đăm chiêu bối rối. Chờ một lúc lâu, ông giáo hỏi:

- Có thể nhờ anh cậu liệu giúp như trường hợp của Lê không?

Ông Hai Nhiều chen vào nói:

- Bảo thằng chồng con Lý gắng nài nỉ lão cai tổng. Tốn chút ít cũng được.

Lợi nói:

- Trường hợp anh Lê dễ, vì chưa khai vào sổ đinh. Chỉ việc lập khai sinh hạ tuổi là xong. Còn trường hợp này, ai cũng biết cả, khai trệt làm sao được. Hay là... hay là có cách này.

Ông giáo mừng rỡ:

- Cách nào khác cũng được, miễn là yên năm nay. Sang năm việc làm ăn ổn định, nó có đi cũng được.

Lợi chậm rãi trình bày:

- Theo cách này thì anh Kiên cũng phải đi xa, nhưng không phải đi sung quân. Bác gửi anh Kiên lên làm tạm cho ông biện Kiên Thành. Ông ấy quen biết nhiều, chắc che chở được.

Ông giáo hơi thất vọng, mặt dàu dàu. Lợi thấy thế cố giải thích:

- Từ đây lên Tây Sơn Thượng không xa, đi không quá một ngày là tới. Lâu lâu anh ấy về thăm nhà cũng tiện.

Ông giáo phân bua:

- Nó đi thì ai lo chuyện ruộng nương. Cả nhà trông cậy cả vào nó.

Lợi nói:

- Biết làm sao được, bác. Cháu thấy nhiều người bị làng xã ức hiếp, lên nương nấu trên trại Tây Sơn Thượng một thời gian, về sau được bác biện giúp đỡ bảo bọc, cũng sinh sống được.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

- Trại nào của ai trên Tây Sơn Thượng?

- Thừa trại của ông biện. Trước đây tổ tiên ông biện lập nghiệp trên đó. Gần đây mới dời xuống Kiên Thành. Trên cái nền nhà cũ, ông biện cất một cái trại làm trạm thu mua trâu không và hàng nguồn. Đất quanh đó tốt lắm, làm rẫy trấu bắp và lúa núi tốt lắm.

- Mấy người ẩn nấu trên trại có bị tróc nã không?

- Thừa không. Ông biện cho nhập vào dân nậu nguồn. Thuế má thu trên đó đưa thẳng vào nội phủ, nên dân đình đở phải bận tâm việc sổ binh. Hiện trên trại có đến mấy mươi trai tráng.

- Họ sống bằng nghề gì?

- Coi như họ lo việc buôn bán cho ông biện. Lúa bắp trồng tĩa dư ăn. Cá mắm, đồ dùng thì theo ngựa thồ chở từ Kiên Thành lên. Lâu lâu săn được nai, mễn, thịt ăn không hết phải phơi khô.

Ông giáo cảm thấy đau nhói trong lòng khi nghĩ phải xa con. Ông cố nài nỉ:

- Không còn cách nào khác ư?

Lợi đáp chậm rãi, cân nhắc từng lời sợ ông giáo buồn:

- Cháu nghĩ không còn cách nào khác. Trong vùng này, chỉ có ông biện là đủ thế lực và tiền bạc giúp đỡ kẻ thất thế. Mấy năm nay ông biện giúp cho nhiều người rồi, bây giờ bác có lên nhờ cũng không ngại. Vả lại, ông biện cũng cần người trai tráng mạnh khỏe để làm rẫy, chuyển hàng.

Ông giáo im lặng hồi lâu. Lợi tưởng ông không đồng ý, lí nhí chào ông ra về, ông giáo vội giữ cậu lại, giọng khẩn khoản:

- Chỉ còn cách ấy thôi! Cậu giúp cho chúng tôi. Cậu về thưa trước với ông biện. Nếu ông biện nhận lời, cậu xuống đây cho tôi hay, tôi với thằng Kiên sẽ lên Kiên Thành. Mai cậu về chứ?

- Dạ. Gặp anh Thận đây cháu khỏi qua Trường Định. Cháu sẽ gắng. Nội ngày mốt hay chậm lắm là bữa kia, cháu sẽ xuống đây cho bác hay tin.

*

* *

Ba ngày sau, ông giáo trông mãi không thấy Lợi xuống An Thái. Rồi một tuần lễ trôi qua. Ông giáo nghĩ: Mình ngây thơ thật. Đã biết tính hấn ba hoa bán trời không văn tự, còn cả tin, hồi hộp trông chờ hấn trở lại. Hơn nữa, bọn chức sắc chỉ mới dọa dẫm chứ chưa chắc đã đệ nộp sổ binh. Có thể họ sẽ nghĩ lại, xét trường hợp chước giảm cho dân mới nhập cư được có thì giờ lập nghiệp. Sợ một điều chưa chắc xảy ra, để phiêu lưu vào một giải pháp chắc chắn cha xa con, anh xa em, mình quần trí mất rồi!

Ông giáo yên tâm, bỏ qua không nghĩ đến chuyện lính tráng của Kiên nữa. Cho đến cuối tháng 7, vào lúc ông giáo không chờ đợi nhất. Lợi lại đến. Mà không đến một mình. Lợi dẫn đến nhà ông giáo một người đàn ông trạc khoảng trên 30 tuổi, thân hình ốm, da mặt hơi tái. Ông giáo chú ý ngay đến đôi mắt của người lạ. Dưới cặp lông mày thưa, đôi mắt xếch quá mức bình thường khiến ánh nhìn đầy vẻ nghi kỵ, giễu cợt và khinh bạc.

Ông giáo lúng túng không biết phải xưng hô thế nào với khách lạ. Không chờ Lợi giới thiệu, người khách nói:

- Tôi là biện Nhạc, ở Kiên Thành. Chắc cậu Lợi có nói với thầy nhiều về tôi. Phần tôi cũng vậy. Chưa gặp thầy nhưng tôi đã được biết nhiều về thầy.

Ông giáo hơi bối rối khi biết người khách lạ là biện Nhạc. Ông chờ đợi một ông biện lại khác hẳn. Lợi thường dùng chữ "bác" với cái giọng kính cẩn thán phục khi nhắc đến biện Nhạc. Vì vậy ông giáo đã lầm. Ông tưởng biện Nhạc đã đứng tuổi, ít ra là phải trên 40 hoặc 50 như ông. Do cái nghề xông pha nguy hiểm từ đầu nguồn đến cuối sông, do trách vụ phức tạp khó nhọc của một chức sắc thu thuế, khổ người phải đẩy đà, nước da rám nắng, cử chỉ nghiêm túc đĩnh đạc. Ông giáo gặp một thanh niên mặt trắng! Lại thêm sự bất ngờ do ông giáo đoán sai về cá tính của ông biện. Ông không chờ đợi một cách tự giới thiệu gãy gọn, dứt khoát và tự tin như vậy. Bao nhiêu lần trong đời lúng ta lúng túng khi gặp một người lạ, ông ao ước được có cái phong thái tự nhiên thoải mái ấy. Không có gì phải rụt rè tìm hiểu, chọn chữ lựa lời. Phải có một cá tính mạnh mẽ chủ động mới có thể tự mình mạnh bạo nói về mình, và đặt người khác trước một sự đã rồi. Phút ngờ ngàng qua mau, ông giáo cảm thấy giữa hai người không cần có những ràng buộc kiểu cách nữa. Ông dễ chịu thoải mái như đang tiếp một người bạn thân. Cho nên ông vừa ngồi xuống ghế vừa kéo một cái ghế khác ra mời biện Nhạc ngồi, tay trái không bỏ cái cán rựa ông đang sửa. Ông giáo cười bảo ông biện:

- Ban đầu tôi hơi ngượng, vì thấy ông còn trẻ tuổi. Vâng, Lợi vẫn thường nhắc đến ông luôn.

Chuyến này xuống ghé đây, chắc là có việc quan.

Biện Nhạc lắc đầu, chậm rãi nói:

- Không, tôi bảo Lợi dẫn thẳng tới đây gặp thầy.

Ông giáo lại bối rối. Ông nghĩ nhanh: như vậy là Lợi đã trình bày với ông biện trường hợp rắc rối của Kiên. Ông biện đích thân xuống đây tức là đã thuận cho Kiên lên Tây Sơn Thượng làm việc. Cha con sắp xa nhau rồi ư? Có thật cần thiết không? Làm thế nào từ chối mà khỏi mất lòng người ta? Ông giáo ấp úng bảo:

- Hôm trước tôi rối trí quá, mới nghĩ đến chuyện làm phiền ông.

Biện Nhạc gạt đi:

- Chính tôi làm phiền thầy trước. Lợi nó bảo để nó đi cho, nhưng tôi sợ nó trình bày với thầy không rõ, hỏng việc mất.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Tôi có làm được gì để giúp ông đâu?

Biện Nhạc ngả người tới trước, thuật lại rành rẽ:

- Ở đây, như thầy thấy đó, là đất rừng rú. Dân lo làm ăn không thì giờ học chữ, đọc sách. Cho nên nhiều khi khổ sở vì mớ chữ nghĩa của mấy ông duệ lại, ký phủ. Người ta thì tìm cách dành dụm tiền bạc nộp vào phủ mua cho được cái chức xã trưởng, tướng thần. Không phải để chia chút quyền hành nhỏ mọn mà cốt để khỏi bị ai ăn hiếp. Tôi không làm như vậy. Mấy anh em tôi tự phá rẫy mà sống, hoặc xông pha trèo non lội suối buôn nguồn để kiếm cái ăn. Cái chức đốc ộp thuế ở Vân Đồn, không ai kham nổi nên phải quàng cho tôi, chứ riêng tôi, tôi không thiết. Thế mà có kẻ xấu miệng còn đặt điều, lấy bút mực bôi nhem nhuốc lên thanh danh tôi. Nếu là ai khác, chỉ cần một cái tát tai, hoặc quất cho một roi là xong. Nhưng chúng nó ý chữ nghĩa dùng đến bút mực. Không nhờ đến thầy, không xong.

Yêu cầu đặt ra rõ ràng quá, ông giáo không có cách nào thoái thác. Ông không muốn dính vào những chuyện rắc rối. Việc của gia đình đã rắc rối lắm rồi. Ông chỉ muốn yên thân, sống lẩn quất vô danh không ai biết đến. Nhưng làm sao từ chối đây? Ông giáo đã cẩn thận che giấu mối liên hệ giữa mình với Ý đức hầu, nhưng chính ông đã phủ nhận mình là một thầy đồ lơ vậ, tìm về đây để học cày. Ông biện lại ngồi ngay trên ghế, nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi ông gạt đầu

với tất cả lòng tin tưởng. Ông giáo chỉ có một cách là hoãn binh. Ông hỏi:

- Không biết sức học võ võ của tôi có giúp gì được cho ông không. Nhưng sự việc ra làm sao?

Biện Nhạc vẫn giữ nụ cười bình tĩnh và cách nói chậm rãi, tiếp lời:

- Mấu chốt chỉ là chuyện tranh ăn. Gần đây việc buôn nguồn của tôi phát đạt. Nhất là trầu – không, măng le và muối. Mấy đứa em tôi lo không xuể phải nhờ đến người ngoài. Một số như cậu Lợi đây ở Kiên thành. Một số nữa ở trên Tây Sơn thượng. Thành thực mà nói, vài người có học vài miếng võ phòng khi gặp cướp. Có người vì không chịu nổi cảnh hiếp đáp của cai tổng, xã trưởng mà trốn. Chúng nó vin vào đó, làm đơn tố giác tôi ẩn lậu che chở bọn vong mạng, trộm cướp. Đấy, sự việc chỉ có vậy!

- Ông định làm gì?

- Tôi cũng định hỏi thầy câu ấy. Thầy học rộng biết nhiều, am hiểu việc đời hơn chúng tôi. Thầy đã từng ở kinh đô, quen biết giới chữ nghĩa nên thông suốt luật lệ. Xin thầy giúp cho một lời khuyên. Chúng nó khinh tôi ít chữ nên dùng chữ để hại tôi. Tôi phải làm gì đây?

Ông giáo boăn khoăn không biết phải trả lời như thế nào. Theo lẽ thường, ông chỉ cần chỉ đáp gọn là nên làm một tờ khiếu oan. Nhưng ông biết một câu trả lời như vậy tất nhiên dẫn đến chuyện ông biên nhờ ông thảo cho tờ khiếu oan ấy. Mà thật tình ông không muốn chữ nghĩa gây họa cho mình lúc này.

Biện Nhạc nhìn thấy nét mặt ông giáo trầm ngâm, do dự. Hai lần ông giáo lấy hơi định nói điều gì, nhưng lại thôi. Biện Nhạc nói:

- Trước khi xuống đây, tôi cũng ngần ngại, sợ vì chưa từng quen nhau mà nhờ nhờ như thế, có quá đường đột chẳng. Sau đó, tôi nghĩ chín, thấy không đáng ngại nữa. là vì An Thái với Kiên Thành cách nhau một con sông, nhìn thì gần nhưng ở khác tổng. cái chuyên vật chỉ lên tới tổng thôi, chưa lên đến huyện, phủ như mấy lần trước. Hơn nữa là trong trường hợp chú Kiên bị bọn chức sắc ở đây bắt sung, quân lên tạm trên trại với chúng tôi, thì trại thuộc nậu nguồn, ở ngoài quyền bọn tri phủ, tri huyện,

Ông giáo đỏ mặt vì thấy biện Nhạc đã biết rõ hoàn cảnh của mình. Ông đành thú thực:

- Ông biện nói thế là đã hiểu cả lòng tôi rồi. Một đời phí cho nghiên bút, làm khổ vợ con, tôi chán mớ sách cũ nên mới về đây nương nhờ bà con. Nước chảy xuống chỗ thấp, ý muốn của tôi là vậy.

- Nhưng người ta có chịu để cho thầy yên ổn không? Chưa chi chú Kiên đã bị dọa sung quân. Biết đâu cả thầy nữa, đã chắc gì thầy được nấp yên chỗ thấp. Chữ nghĩa ở cái xó rừng này như cây kim trong túi, trước sau gì cũng lộ ra ngoài thôi!

Càng ngày ông giáo càng có cảm giác khó chịu là mình bị lôi cuốn vào một vùng sôi động, có gió bão và tiếng va chạm vũ khí, mà không có cách nào cưỡng lại được. Cảm giác an toàn lúc đầu biến mất. Ông lo âu cho ông, sợ không đủ ý chí cưỡng nổi khối sức mạnh kết hợp nào lòng tự tín, sự hợp lý, óc thực tiễn và hiểu thấu. Biện Nhạc vẫn trầm tĩnh ngồi đó, chờ đợi quyết định của ông. Ông giáo trả lời thế nào đây? Ông biết những gì biên Nhạc nói đều là sự thật, dù ông có muốn quên đi, tự lừa dối mình bằng cách gạt sang một bên, thì sự thực vẫn rành rành. Gia đình ông khó lòng ở yên được ở An Thái, nếu...Nếu thế nào? Ông có quá ít giải pháp để lựa chọn. Biện Nhạc vẫn kiên nhẫn chờ ông. Giáo Hiến chán nản, nói:

- Tôi cũng không biết vậy, nên có ý định gửi cháu Kiên lên Tây Sơn thượng, nhờ ông bảo bọc che chở cho một thời gian. Phần tôi già rồi, không ngại. Được ông giúp cho, gia đình tôi không dám quên ơn. Còn chuyện rắc rối của ông, tôi nghĩ nên thảo cái đơn khiếu nại. Lúc ở Phú Xuân,

đôi khi tôi cũng có làm giúp cho người ta vài cái đơn xin nhập hộ hoặc giảm ngạch thuế. Ông cần, tôi có thể thảo được.

Ông biện Nhạc mừng rỡ đến nỗi đứng hần dậy, đến nắm lấy tay ông giáo lắc lắc. Ông biện reo lên:

- May quá. Tôi biết thế nào thầy cũng giúp tôi. Thế là từ nay tôi đỡ một mối lo. Thú thực với thầy, đôi khi cái điều thắc mắc, không biết chạy hỏi ai. Hỏi bọn ký lục áo dài khăn đóng à? Hỏi bọn quan quyền hống hách à? Tôi thà chịu chết chứ không mở miệng nhờ vả chúng nó. Năm nay thầy được bao nhiêu tuổi?

Ông giáo bị lây cái cuồng nhiệt mừng rỡ của biện Nhạc, vui vẻ đáp:

- Tôi thuộc hạng đáng xua về vườn đuổi gà rồi. Tôi tuổi canh tý.

Biện Nhạc nói:

- Như vậy thầy hơn tôi một giáp. Theo chữ nghĩa học vấn, chắc hẳn thầy xứng đáng làm thầy của tôi. Theo tuổi tác, thầy là anh cả của tôi.

Ông giáo xua tay từ chối, giọng ngậm ngùi:

- Tôi học hành dang dở, kiến thức sơ sài đâu dám nhận lời khen lao của ông biện. Mới gặp nhau, ông biện đã thấy được cả tâm can tôi. Tôi phục lắm. Nhưng tiếc là tôi già rồi! Đến nỗi, vui buồn thất thường, muốn giữ lòng đơn sơ vô tư cũng không được nữa.

- Thầy chỉ nói nhún đó thôi! Nhưng bỏ qua việc ấy đi. Ta trở lại chuyện trước mắt. Chú Kiên lúc nào lên trên tôi là tùy thầy. Tôi nghĩ không nên trễ nải vì đợt gia hạn sau cùng để nộp sổ đình là rằm tháng chín. Tôi cũng có một điều nữa mong thầy giúp đỡ. Nói ra xấu hổ, chúng tôi ở đây mãi lo làm ăn không ai có đủ được một năm chữ. Tôi lớn rồi, coi như xong. Riêng hai thằng em, thằng Lữ với thằng Huệ tuổi còn nhỏ, chắc đi học còn được. Mong thầy bỏ chút thì giờ dạy bảo cho.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Mở trường dạy học ư? Mới chân ướt chân ráo về đây đã mở trường, sợ quan trên có làm khó dễ gì không?

Ông biện xua tay nói:

- Thầy đừng lo. Nhiều gia đình khá giả ở đây muốn cho con cái học năm ba chữ cho khỏi bị tiếng dốt, mà không tìm ra thầy. Năm ngoái có một thầy đồ ở Trường Định, không may bị trúng gió chết. Năm năm trước có một thầy đồ giả ở An Vinh, phải, thầy đồ giả. hắn không biết lấy một chữ, túng thế giả làm thầy đồ để lường gạt. Thầy có mở trường, chắc học trò đông lắm. Biết đâu nhờ vậy mà bớt vất vả. Tôi thấy thầy ốm yếu sợ làm ruộng không hợp.

Ông giáo boăn khoăn, ngồi thừ suy nghĩ. Điều lâu nay ông không dám nghĩ đến là cảnh túng quẫn. Số tiền dành dụm bao năm nay đã tiêu hết vào khoảng thuốc thang cho bà giáo. Hy vọng của gia đình đặt cả vào sự tháo vát cần cù của Kiên. Gánh hàng xáo của An đủ kiếm thêm chút ít tiền chợ. Kiên đi xa, gia đình như nhà mất cột. Không sẽ ngã về hướng nào. Ông giáo có nghĩ đến lối kiếm sống quen thuộc của những nhà nho lỡ vận là làm thầy đồ. Nhưng ông về đây mới được hai tháng. Dân tình xem ra chuộng võ hơn là chuộng văn. Ý kiến chức sắc địa phương thế nào, ông chưa hiểu. Cũng chưa có ai ngỏ ý hay tỏ ra mong muốn được học hỏi chữ nghĩa thánh hiền. Đi đâu cũng chỉ nghe bàn chuyện luyện roi, đi quyền, cưới ngựa, tranh đua võ nghệ. Cho nên mấy lời của biện Nhạc như nguồn sáng mới chiếu rọi vào khúc quanh tối tăm của đời ông. Ông giáo nhìn biện Nhạc với đôi mắt biết ơn. Ông nói:

- Cảm ơn ông biện. Chữ nghĩa vô dụng, tôi tưởng không còn làm gì được nữa, ai ngờ lại có lúc

cần thiết. Vàng, ông biện cứ gửi các cậu ấy xuống đây. Chỉ sợ nhà cửa chật chội...

Biện Nhạc vội cắt lời ông giáo:

- Thầy khỏi lo. Học trò đông, tôi sẽ giúp thầy cất thêm cái chái bằng hai cái chái tạm này để có chỗ học hành, và học trò ở tạm. Việc ăn uống chúng nó tự lo lấy. Chúng nó con trai, nhưng làm hết được mọi chuyện.

- Hai cậu em đã bao nhiêu tuổi rồi?

- Thằng Lữ tuổi Mùi, thằng Huệ tuổi Dậu(3). Trước đây tôi có cho đi học, cả hai viết chữ đã ngay ngắn. Thằng Huệ sáng trí hơn, lâu lâu có làm được cái đơn, giúp tôi sổ sách thu thuế. Nhưng mấy thầy đồ chúng học chỉ vẽ vẽ được năm ba chữ, nên sức học hai đứa chưa đi đến đâu. Nhờ thầy cố dạy gấp cho, chúng cũng đã lớn rồi. Sợ không có thì giờ ngồi đó học cho sâu được. Chú Kiên lên trên ấy thay cho thằng Lữ, tôi yên tâm lắm.

*

* *

Kiên phải lên Tây sơn thượng trước rằm tháng chín. Chỉ còn ba ngày nữa thôi, anh không nấn ná được nữa. Kiên muốn làm cho xong cỏ ở mấy đám bắp, lên luống trong vườn cho Chinh trồng rau lang, dựng cho An cái chuồng nuôi heo. Công việc cứ lở dần ra, hơn mười ngày mà chưa ra đâu vào đâu cả. Ông giáo phải ấn định ngày Kiên ra đi, ngày 12 tháng chín để khỏi lỡ công việc chung.

Đêm trước gió lại thổi ào ào. Ông giáo vừa lim dim mắt một lúc, gió đã ủa tới thổi tung cả mái tranh. Phên cửa sổ bị gió thổi đập va vào tường rầm rầm. Bụi trên mái tranh rơi xuống. Gió làm cho mọi người phờ phạc, bụi cát bám vào chân tay, chui vào cổ áo, ở đâu cũng cảm thấy nham nháp, ngứa ngáy. Tung hoành một lúc, gió lại im. Cái gáo múc nước bị hất văng xuống va vào mấy tảng đá rửa chân kêu lóc cóc. Cây sào phơi quần áo đu đưa, dây mây kịt kịt, cuối cùng không chịu nổi sức gió, đứt tung. Cái nong phơi lúa bị đẩy tấp vào bờ rào... Vì thế, cả đêm ông giáo cứ chập chờn trăn trở trong mấy mươi giấc ngủ không trọn. Ông uể oải dật dờ cho đến gần sáng.

Kiên dậy muộn, thấy cha còn ngủ, len lén ngồi dậy ra sau bếp rửa mặt. Các em của anh đã dậy cả rồi. An và Lãng đang ngồi ở buồng trong xếp soạn quần áo cho anh. Kiên thấy lòng nao nao, vào ngồi xem các em lo lắng chuẩn bị cho mình. An ngược lên hỏi anh:

- Em xếp ba bộ quần áo, đã đủ chưa anh.

Kiên thấy An chọn hai bộ loại vải dày màu chàm Kiên thường mặc ra đồng, và một bộ vải sa tàu may từ thời còn ở Thuận Hóa. Kiên lấy bộ quần áo sang trọng đặt sang một bên, nói với em:

- Anh chỉ cần hai bộ này thôi. Bộ này để lại nhà, nếu túng thì... à, cái áo vá quàng ở vai đâu rồi? An tìm cái áo cũ, giơ lên cho anh xem chỗ vải mục vì mồ hôi ở lưng. Cô bé nói với anh:

- Em thấy đã rách nên để lại.

Kiên nói:

- Đưa cho anh. Có cái vai dày, khuôn vác tiện.

An e dè nhìn anh, rồi khe khẽ nói:

- Xa nhà, anh cả nhớ chăm lo sức khỏe. Em nghe nói khí núi độc lắm. Anh mà cứ ham việc như ở nhà, ngã xuống đâu không ai lo được. Em có bỏ vào túi cái áo chàm tay ngắn, cái áo này này, kim chỉ và mấy miếng quế.

Kiên nghe em nói, chợt nhớ ra điều gì, vội đứng dậy ra nhà ngoài. An và Lãng nghe anh lục soạn

một hồi. Có tiếng kéo học tử, tiếng va chạm các đồ vật lặt vặt linh kính trong rổ may. Có cả tiếng anh cả lầu nhàu. Một lúc lâu, Kiên trở vào, ôm trong người một đồng đồ vật linh tinh.

Kiên đưa từng món ra cho An:

- Em không nhắc, anh quên thì bậy lắm. Mấy thứ lặt vặt này không nên xem thường. Lúc không cần bỏ lẩn lóc tứ tung, lúc cần tìm không ra, mua cũng không được. Đây, em cất đâu đó để dùng. Cuộn này là vải cũ còn khá bền, dùng vá quần áo. Hộp tăm em cất ở chỗ cao, cái thằng Lãng này hay lấy tăm chơi phí lắm. Ăn cơm xong tìm mãi không ra. Lâu nay anh giấu trên khuôn cửa lớn. Em thấp với không tới, tìm chỗ khác. Khoan đã. Đưa cho anh một ít. Hộp thuốc lá này cũng nên cất kỹ, chỉ khi nào có khách hút thuốc hay ăn trầu mới đem ra mời thôi. Cấm tuyệt không cho thằng Chinh đụng tới. Còn cuốn sổ này ghi chi tiêu hàng tháng. Phần bên này anh ghi các khoản thu. Phần này anh ghi các khoản chi. Phần này anh ghi nợ. Cuối tháng cộng dồn lại, nếu chi nhiều hơn thu, mình trừ đi rồi so với phần nợ là thấy ngay. Tháng chín anh đã gạch xong rồi, em cứ ghi tiếp. Các tháng sau cũng theo mẫu đó mà ghi. Để anh xem nào, cho đến nay, mình còn nợ mợ Hai Nhiều năm thúng thóc và một thúng nếp. Nhưng trước hôm mẹ mất, em có trả dôi cho mợ tiền hai thúng thóc, như vậy mình chỉ còn nợ ba thúng thóc, một thúng nếp mà thôi. Phần vỡ hoang đám miếu, mình còn nợ công cày của chú Ba Vận.

An không thể ngồi nghe anh giải thích hết các khoản thu chi trong cuốn sổ nhỏ. Kiên tiếp tục giải thích. Cho đến lúc anh nhận ra rằng Lãng đã bỏ xuống bếp và An ngồi nghe một cách lơ đãng, anh dừng lại, ngơ ngác. Anh không hiểu nổi các em. Ngày thường, anh đã la rầy cho chúng một hồi. Nhưng hôm nay, ngày anh lên đường, Kiên tự nhủ nên dịu dàng vui vẻ. Kiên nói;

- Anh đi, chuyện tính toán chi tiêu An phải lo. Em chưa thấy cuốn sổ ghi chép này quan trọng đến mức nào. Không có nó, em không thể nhớ hết. Mà tiền bạc dễ gây cãi vã phiền phức lắm. Cho đến hôm nay, anh còn lại được năm quan bảy đồng. Cha có giữ một ít, không biết là bao nhiêu. Đây, em cất lấy.

An nhận mấy xâu tiền anh đưa, lần đầu cảm thấy sức nặng của công việc quán xuyến tài chánh. An hỏi:

- Anh không đem tiền theo để tiêu ư?

Kiên đáp:

- Anh đi làm thuê cho người ta. Cơm nước họ chu cấp. Đau, họ lo thuốc thang. Ở trên rừng, có gì đâu mà cần tiêu.

An cảm động mắt rơm rớm đỏ. Cô thương anh, không nói được tiếng nào. Cố dằn nỗi xúc động làm nghẹn lời, An nói:

- Anh phải giữ lấy vài quan đề phòng trường hợp bất trắc. Em còn gánh hàng xáo, cha còn giữ một ít tiền nữa. Đừng lo ở nhà túng thiếu. Anh nhớ lo sức khỏe của anh.

Kiên cầm xâu tiền trên tay, không nói được lời nào. Lần đầu tiên, anh thấy An đã lớn. Lớn từ cách ăn nói, sự chín chắn của suy nghĩ. Rồi anh nhìn đến ánh mắt trầm tĩnh đĩnh đạc, mái tóc lòa xòa của một người nội trợ. Anh cảm thấy yên tâm trước khi ra đi. Những ý nghĩ rắc rối ấy, Kiên không đủ khả năng nói hết với em. Ngay cả lòng thương mến khôn cùng đối với gia đình, cả đêm thao thức với ý nghĩ sắp xa nhà, trăn trở quẩn luyến từng tiếng côn trùng giữa khuya, tiếng cán gáo chạm vào thành ang nước lọc, anh biết mình không đủ ý đủ lời diễn tả hết. Sự bất lực luống cuống ấy khiến anh không muốn ai nhìn mình lúc này.

Kiên ra nhà ngoài. Ông giáo đã thức dậy. Kiên tưởng trong lối nhìn của ông giáo, cha mình đang hiểu tại sao mình luống cuống. Anh nói trớ:

- Hôm qua gió dữ quá, cha có ngủ được không?

Ông giáo nói:

- Hôm nay đã 12 tháng chín rồi.

Hai cha con cùng ngồi lên cái phản gỗ mộc, im lặng bồi hồi. Kiên nói:

- Con mượn dẫn nước úng chỗ gần miếu con đào dở. Cha sai em Chinh làm tiếp cho xong, sợ bắt nó hư.

Ông giáo gật đầu, ngồi im lặng một lúc lâu. Kiên chờ cha dặn dò. Ông giáo trầm ngâm một lúc nữa, rồi nói:

- Hơn hai mươi năm nay có lúc nhà mình nghèo túng cơ cực, nhưng vợ chồng cha con có nhau. Vào đây mấy tháng thôi, mẹ con mất, còn con...

Ông giáo không nói tiếp được. Ông không muốn Kiên thấy ông khóc. Ông gắng bảo Kiên:

- Khi hôm gió quá, cha không ngủ được. Chắc bị cảm rồi. Bắt đầu sổ mũi, choáng váng.

Kiên thưa:

- Để con đi lấy dầu.

Ông giáo vội ngăn:

- Không cần. Quần áo đồ đạc con đã xong cả chưa?

- Thưa cha, em An đã lo cả rồi.

- Thằng Chinh đâu?

- Con không thấy. Chắc đi ra vườn. Lâu nay Chinh nó lên học võ. Con sợ cha giận, không dám mách.

Ông giáo trầm ngâm, khác hẳn dự đoán của Kiên. Ông chậm rãi bảo con:

- Cha biết. Trước kia khi còn ở Phú Xuân, chắc cha giận lắm. Nhưng vào đây, đời sống khác. Văn chương, chữ nghĩa...không ích gì. Lâu nay các con có giờ đến mấy cuốn sách không?

Kiên nói:

- Thỉnh thoảng con cũng có đọc lại.

- Lên trên đó khí hậu độc. Con gắng giữ gìn sức khỏe. Tối ngủ nhớ đốt lửa. Đừng uống nước suối chưa nấu. Nhớ chưa?

Thưa cha, con nhớ.

- Cha tin ở tính cẩn thận của con. Nhưng cha cứ dặn trước cho yên lòng. Ông biện định giao việc sổ sách trên trạm Tây Sơn thượng cho con. Cơ nghiệp buôn nguồn của họ chắc là lớn. Tiền bạc thu vào chi ra nhiều. Con nên cẩn thận. Một đồng, một tiền không phải của mình, không lấy. Của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay, không giữ được đâu! Con nhớ chưa?

Kiên lặp lại:

- Thưa cha, con nhớ!

(1) Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 152

(2) Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 465

(3) Tân Mùi: 1751, Quý Dậu: 1753

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 6

Tổ chức buổi lễ khai tâm long trọng như thế này không phải là ý muốn của ông giáo. Tất cả đều do ông biện Kiên Thành lo liệu. Cho nên có nhiều điều vượt ra ngoài tầm tay của ông.

Trước tiên là cái ý định tổ chức. Mới nghe biện Nhạc ngỏ lời xin chọn ngày, ông giáo ngỡ ngàng. Hai cậu học trò đã xuống đây rồi, cái nhà tạm một nửa làm chỗ ở, một nửa làm chỗ dạy học đã dựng xong rồi, dạy lúc nào chả được. Chỉ bày vẽ thêm lắm chuyện! Nhưng sau đó ông giáo mới thấy mình chưa hiểu hết tầm mức quan trọng của vấn đề. Dĩ là quan trọng theo lối nhìn của ông biện. Ông giáo hẹn một tuần nữa sẽ bắt đầu dạy, vì nghĩ đến cái rạch nước phải khơi để cứu mấy khóm bắp bị úng thủy, cái chuồng heo Kiên làm lở dổ, đồng sách vở bừa bộn chất đống nơi gác tối từ hôm đám ma chưa kịp xếp đặt... Một tuần... Một tuần có thể là chưa đủ để làm cho xong những việc Kiên bỏ lại. Nhưng học trò đã "tự trường" rồi, không nấn ná lâu hơn được. Phải hẹn ngày dạy gấp cho ông anh yên lòng mà về lo chuyện nhà! Ông giáo nghĩ vậy. Rồi ông giáo ngó người khi nghe "ông anh" gật gù tán đồng:

- Phải. Một tuần mới kịp chuẩn bị. Ở dưới phủ, có một chỗ quay heo ngon có tiếng. Cho người xuống đặt trước phải vài ba ngày. Rượu ngon dưới Mỹ Cang thì lên theo ghe chở muối. Hôm nay mồng hai, mồng năm tới An Thái. Phải mời cho được các ông duýn lại, cai tổng, đốc trung, xã trưởng. Không cần mời hết, chỉ mấy người lo chuyện đốc ộp tiền thuế mà thôi. Gặp hết bảy, tám ông cũng mất vài ngày. Phải! Một tuần mới kịp!

Sau đó, "ông anh" không về lo chuyện nhà, mà ở lại An Thái đích thân chuẩn bị lễ khai tâm cho hai em. Ông giáo bị đặt vào một hoàn cảnh bất ngờ, lúng túng không biết phải làm thế nào cho phải. Để tìm cho ra cái lý thích đáng giải thích điều bất ngờ, ông giáo nghĩ: Ôi thôi, chẳng qua như người ta nói "cũ người mới ta" chứ có gì đâu. Ba cái chữ phù phiếm đeo đẳng quấy rầy suốt cuộc đời ta, ta muốn vứt đi mà không được. Thế mà có người còn tưởng nhờ nó mà được võng đào lộng tía! Không dám mở miệng thổ lộ cho lớp sau. Về phía ông, ông giáo tự thấy phải tỏ ra đôi chút lo lắng cho phải phép. Ông nhờ người nhà ông biện tiện đường xuống phủ đặt heo quay, tìm giùm cho ông một cuốn sơ học vấn tân, vài thoi mực và bốn cây bút hạn thường. Điều bất ngờ sau chót là tầm mức long trọng của buổi lễ. Ông biện xuống An Thái ở cả tuần lễ, nhưng thấy nhà ông giáo chật chội, hơn nữa trong buổi sơ giao không tiện ở lại đây. Ông ở nhà một thầy tàu quen biết cũ, đảm nhiệm việc dạy võ cho hai cậu Lữ và Huệ. Mọi đồ lễ và các món thiết tiệc cũng được sửa soạn từ nhà người thầy võ này. Thành thử gần tới giờ qui định, thấy ông biện và ông thầy võ khăn áo chỉnh tề, dẫn theo một đoàn bốn người lực lưỡng khiêng gánh đầy đủ, từ con heo quay đến miếng tàu tằm sẵn, trình trọng bước vào nhà học, ông giáo phải vội quơ cái áo đoạn cũ mặc vào, đội thêm cái khăn xếp bám bụi bấy lâu gác trên nóc tủ, chạy ra tiếp khách. Một người lực điền lấy trong gánh của mình hai cái mâm đồng sáng choang, loại có

ba chân nai chạm trở khá công phu. Anh ta xếp nguyên con heo vàng lườm lên một mâm. Trên cái mâm kia, anh đặt nguyên một chỗ xôi lớn. Một người lo bày biện bộ ngũ sự gồm hai đế đèn, một bộ lư trầm, một bát hương và một cái đài rượu. Hai cặp rượu ngon đặt ngay phía sau đĩa trầu không tằm sẵn xếp tròn. Đặc biệt hình như ông biện Nhạc muốn khoe cây nhà lá vườn, trên cái bàn đã chật nê đồ lễ, giữa hai chân nến còn có thêm một đĩa lớn xếp một chồng trầu không tươi xanh. Lá trầu to bằng cả một bàn tay xòe xanh lục lịa, cuống màu xanh non xếp tròn theo hình tròn ốc trông đẹp mắt.

Khách khứa đến đông đủ cả. Ông giáo biết mặt được ba người trong đó có ông cai tổng, tên xã trưởng đã mua của ông cái áo đoạn mới, và viên tri áp. Bốn người kia gồm ông duyên lại có thói quen hay nháy con mắt phải, ông cai tổng vùng bên kia sông, ông biện lại vùng An Thái và một người có dáng dấp nhanh nhẹn bật thiệp của một con buôn. Ông biện Nhạc bận điều khiển bọn người nhà bày biện bàn ghế, nên ông giáo phải lo tiếp khách. Ông không quen ai nhiều, nên câu chuyện chỉ nhát gừng, gượng gạo. Sau rồi các ông khách quay sang nói chuyện với nhau, đỡ gánh lo và bức cho ông giáo. Biện Nhạc soát xét lần cuối mọi thứ, rồi vào chỗ khách đang ngồi trình trọng nói với ông giáo:

- Thừa thầy, bắt đầu hành lễ được rồi.

Khách khứa vội đứng cả lên, bao quanh cái bàn thờ. Biện Nhạc lấy thẻ tre thắp hai cây sáp vàng lớn. Ngọn nến ban đầu còn lung linh, nhọt nhọt. Khi lửa bén sâu vào hai đầu bấc, ánh sáng vàng tỏa ra, chiếu lên bộ ngũ sự và hai cái mâm đồng, khiến các đồ lễ trở nên rực rỡ.

Ông giáo đến trước bàn thờ, rút trong bao giấy điều một nắm hương. Ông châm đầu nắm hương vào ngọn nến phía trái. Tay ông hơi run nên có mấy đầu hương chưa kịp cháy. Ông kê sát vào ngọn nến hơn. Khói tỏa ra, mùi hương đất tiền đậm đà lăng đẵng khắp nhà học. Ông thối nhẹ cho tắt lửa ngọn trêm mấy nén hương nháy, rồi đứng nghiêm trang một lúc trước bàn thờ, nắm hương đưa cao trước trán. Lòng ông tự nhiên hồi hộp. Ông nhớ đến cảm giác khinh khoái rộn rã những lần ông đứng như thế này trong đời. Lòng tin ở Đấng Vắn An Thế Sư Biểu mạnh mẽ đến nỗi ông nghĩ vào giờ phút khai tâm thiêng liêng ấy, cửa minh đức sẽ mở, đời có thêm vài bậc quân tử và bớt đi vài tên tiểu nhân. Cảm giác ấy không còn trong lòng ông, phút hồi hộp do kích động của kỷ niệm qua đi, chỉ còn lại niềm bồi hồi. Ông giáo đứng yên như thế khá lâu. Có tiếng ho nhỏ sau lưng ông. Ông giật mình, tiến tới cầm nắm hương vào cái bát sứ đầy gạo, rồi lui về chỗ cũ. Ông sửa khăn, đưa tay vuốt lại áo. Đoạn ông lạy đủ bốn lạy. Ông lại đứng thẳng trước bàn thờ, để lẩm nhẩm khẩn xin khai tâm cho hai cậu học trò mới. Ông đọc nhỏ lời khẩn quen thuộc, nhưng đến giữa chừng, lại cảm thấy một cách chua chát cái bất lực của chữ nghĩa. Những cậu học trò ông khai tâm hôm nay sẽ đi theo con đường ông đã đi, sẽ học những sách ông đã học. Mà ông đã đi đến đâu? Mê sách thánh hiền như bạn Ngô Thế Lân của ông mà cuối cùng làm được gì ngoài việc dâng một bản thái bình sách không ai thèm đọc. Mất ông lạc thần, ông lạy thêm bốn lạy, lui ra.

Ông biện Nhạc và đám khách khứa có vẻ cảm phục, hân hoan nhường chỗ cho ông giáo đứng bên trái bàn thờ. Nét mặt ông giáo buồn, càng thêm vẻ nghiêm túc thành kính. Biện Nhạc tiến đến trước bàn thờ, chậm rãi lạy bốn lạy. Ông giáo nhận thấy cách lạy ở vùng này đơn giản hơn ở kinh. Sau khi vái, biện Nhạc quỳ hai gối rồi phủ phục xuống trán chạm mặt chiếu, không phải vịn vào đầu gối phải, vái lần nữa rồi mới phục lạy như ông. Do đó cử chỉ bớt vẻ khoan thai, nhịp tiến lui, lối ngừng lên phục xuống thiếu uyển chuyển. Cử động đơn giản và mạnh mẽ hơn. Sau khi Lữ và Huệ lạy nhập môn, ông giáo bảo cả Chinh và Lãng vào làm lễ. Ông muốn nhân

tiện chỉ dạy thêm cho hai con, để làm gì, ông không biết. Nhưng không làm thế thì không coi được. Ông giáo nghĩ vậy.

*

* *

Buổi lễ khai tâm mau chóng trở thành câu chuyện thời sự của An Thái. Và một lần nữa, những kẻ hiểu sự được dịp tô điểm cho không khí trang nghiêm hiem hoi ở cái xứ xa xôi quanh quẽ này trở thành thiêng liêng. Có lẽ Khổng Phu Tử có trở lại trần thế cũng không thể ngờ tên tuổi của mình đột nhiên được nhắc nhở trang trọng như thế ở một chỗ xó rừng. Ngài sẽ mỉm cười tạm quên cơn khốn đốn ở đất Trần. Những chuyện bàn ra tán vào, từ con heo quay cho đến kiểu lạy lạ mắt của một ông đồ từ "kinh sư qui ẩn", theo đường ngựa thồ lên núi và đường ghe muối xuống đồng bằng. Nhờ thế, ông đồ bắt đầu thu nhận thêm ba môn sinh trong vòng một tuần lễ: một là cậu con trai ông biện An Thái, một là con ông chánh tổng, Thìn bạn Chinh con viên tri áp khó tính. Như vậy đám học trò ông giáo gồm có Lữ, Huệ, Chinh, Lãng, Thìn con ông tri áp và hai cậu con các chức sắc. Lớn tuổi nhất, xứng đáng làm trưởng tràng là Lữ 17, nhỏ nhất là Lãng lên 12. Theo thứ tự từ lớn đến nhỏ: Chinh 16, Huệ và Thìn 15. Tiến con ông chánh tổng và Khải con ông biện An Thái 14. Lứa tuổi đám học trò sàng sàng như nhau. Ông giáo yên tâm không lo phải gặp những lớp chệch choạc tuổi tác như đã gặp thời trước. Về trình độ, ngoài hai con, ông không biết sức học của năm cậu học trò mới được đến đâu. Ngay hôm đầu ông đem mấy trang trong cuốn "Sơ học vấn tân" ra hỏi, các cậu học trò chỉ trả lời lồm bồm, Sự hiểu biết phần lớn chấp vá, vụn vặt, do cái học đầu Ngô mình Sở tùy hứng, tùy thời. Thử chữ viết, ông mừng, đứa nào viết chữ cũng tạm được. Ông quyết định dạy lại từ đầu rồi tùy trình độ tiến nhanh hay chậm mà giảng mỗi đứa khác nhau. Lâu nay ông vẫn phục Đứa Khổng phu tử ở cái khả năng sư phạm quán chung của Ngài, hiểu tường tận cái giỏi, cái dở của từng đứa học trò, tùy theo đó mà lựa cách giáo dục thích hợp. Nhưng đó là chuyện về sau. Từ đầu, ông định cho tập viết trở lại. Làm quen với cây bút xong, ông bắt đầu giải nghĩa cho học trò học ôn, làm quen mặt chữ. Đến lúc chúng có thể viết ám tả được thì ông bắt chước Khổng phu tử. Ông sẽ tùy tâm tính từng đứa, chỉ hướng từng đứa mà dạy những điều thực dụng. Ông giáo không quên lời ông biện. Chúng đã lớn tuổi rồi. Sợ không còn nhiều thì giờ quanh co với những phù phiếm của văn chương cử nghiệp. Hơn nữa, sách vở ông đang có cũng không nhiều nhõm gì. Mấy cuốn Sử kí. Tập Đường thi. Quyển Truyền kỳ mạn lục. Ông không quên bộ Tứ thư Ngũ kinh, nhưng ông giáo e dè chưa dám chắc là ông có nên dạy những kinh truyện trong bộ thánh thư ấy không. Dù sao, chuyện ấy còn xa lắm!

*

* *

Hôm nay ngày rằm, đến kỳ học ôn nên buổi học có vẻ nghiêm trọng khác thường. Nét mặt các cậu học trò đăm chiêu, lo âu hiện rõ trên nét lông mày. Với cái áo đoạn màu đen, ông giáo cũng trở nên nghiêm khắc hơn. Đến nỗi Chinh, tính tình bộc tuệch vô tư như vậy mà buổi sáng hôm ấy cũng dậy từ lúc tinh mơ, một mình ra sau vườn chuối lẩm nhẩm đọc lại mấy trang sách cha đã chỉ từ kỳ học trước.

Trong nhà học, ông giáo ngồi xếp bằng ngay ngắn trên cái phản rộng, hai tay thu vào vạt áo đoạn. Bên cạnh ông, đặt một khay trà và một nghiên mực. Lữ kính cẩn đến trước mặt thầy, khom người xuống lấy một nhúm trà cánh nhỏ ướp sen bỏ vào cái bình da lươn, rồi đứng lên quay về phía trái nơi vẫn thường đặt lò than nấu nước sôi. Cậu không thấy ấm nước đâu cả,

đưa mắt ngẫm hỏi em. Huệ gạt đầu tỏ dấu hiệu anh muốn nói gì, bỏ lớp học đi về phía nhà bếp ông giáo. Cậu gặp An đang lui cui nhóm lại lửa trong bếp, cái ống trúc thổi lửa vẫn còn cầm ở tay phải, tro bay vương cả lên mái tóc rối. Đôi mắt An lo âu gần như xấu hổ bị Huệ bắt gặp trong hình dáng xốc xếch đầu bù tóc rối thế này. Cả Huệ cũng không ngờ phải gặp con gái thầy giáo ở nhà bếp. Hằng ngày, việc nấu nước pha trà và cơm nước, Huệ phải lo. Điều đó tự nhiên, vì Huệ là em. Vả lại cũng không có gì nặng nhọc. Hai anh em có mua ngoài chợ An Thái một cái lò đất nung. Gạo, than, thức ăn, ông biện gửi đều theo các chuyến thuyền chở muối, cá từ biển lên, và các chuyến ngựa thồ từ Tây Sơn Thượng xuống. Số lượng thực phẩm quá nhiều vì ông biện nhân có tiếp tế cho hai anh em, gửi thêm gạo, muối, cá mắm thừa đủ cho gia đình ông giáo chi dùng. Ông giáo có ý muốn Lữ, Huệ cùng ăn chung với gia đình ông cho đỡ chuyện bếp núc phiền phức, nhưng ông biện nhất định không chịu. Ông biện có cái lý của mình. Thứ nhất theo ông, học trò không được phép ăn chung mâm với thầy giáo. Hơn nữa gia đình ông chỉ có bốn anh em, ông biện anh cả đã trưởng thành. Mấy người em kế tiếp của ông biện khó nuôi, đã mất từ nhỏ hay ngay từ khi lọt lòng mẹ. Mười mấy năm sau mới nuôi được. Lữ, rồi Huệ và đứa em gái út. Gia đình anh em trai đông, nên con trai vừa lo việc cày bừa vừa lo chuyện bếp núc. Ông biện bảo chúng nó đi học thế này sướng gấp mấy ở nhà, không nấu bếp thì giờ để làm gì? Đi xa hơn, ông biện còn xem đó là một lối giáo dục hợp lý. Ông giáo không có cách nào khác hơn là để mặc cho hai cậu học trò tự nấu ăn lấy, chỉ lâu lâu, thỉnh thoảng sai Chinh hoặc Lãng đem qua cho hoặc một nải chuối mật, hoặc một gói kẹo.

Hôm qua Lữ vô ý vấp chân vào cái lò làm vỡ đi, nên sáng hôm nay, nhớ phận sự mình, Huệ sang bếp nhà thầy nấu nhờ ấm nước sôi từ sáng sớm. Cậu sợ làm phiền gia đình thầy. Cậu cũng sợ gặp con gái thầy ở nhà bếp. Cái gì đã khiến cậu dè dặt như vậy? Huệ đã nhiều lần tự hỏi và chưa tìm ra câu trả lời đích xác. Cậu không phải là người nhút nhát trước phụ nữ. Cậu cũng không vụng về trong cách gọi chuyện, bắt chuyện như Lữ. Dĩ nhiên cậu cảm phục cái tài lợi khẩu của anh cả, nhưng trong thâm tâm, cậu thấy anh cả nói nhiều quá, và trong những điều anh cả nói với người khác trước mặt cậu, có nhiều điều không đáng nói hoặc chưa nên nói. Cậu chỉ muốn nói vừa đủ và đúng lúc. Cho nên cậu cũng không ưa Lợi. Tuy đôi lúc hơi ghen tức trước sự thành công dễ dãi của Lợi đối với phụ nữ, Huệ không thấy các câu pha trò của Lợi có chút ý vị gì, thế mà chỗ nào có Lợi là có tiếng cười. Đám đàn bà con gái vốn e dè kín đáo là thế, mà gặp Lợi là bạo dạn bốn cột, cười nói tít tít. Rồi từ đó Huệ xem thường luôn cả đám đàn bà con gái. Cho đến ngày Huệ gặp An. Điều ghi dấu sâu đậm vào cảm quan của cậu khiến cậu gần như sững sờ, là cái dáng điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, linh động của An. Từ cách đưa ngón tay út lên vén nhẹ một mảng tóc lòa xòa, cho đến cách đưa lưỡi liếm nhẹ lên môi trên, cách rót một tách nước trà, cách gạt đầu nhận một lời chỉ bảo, tất cả đều vừa độ cần thiết. Cử chỉ biểu lộ sự thân mật dịu dàng, đồng thời cũng giữ riêng cho An một sự bí mật tôn nghiêm. Huệ chưa từng bao giờ gặp sự hòa điệu như vậy giữa hai đòi hỏi gần như mâu thuẫn là sự cởi mở thân tình và sự gói ghém kiêu hãnh, nơi một người con gái. Cậu cũng ngạc nhiên khi thấy cô gái có dáng điệu trang nhã thân mật ấy còn giữ nguyên nét trẻ thơ trên khuôn mặt. Nước da ửng sáng trên đôi má bầu bĩnh. Cái môi trên mọng. Chỉ trừ đôi mắt buồn trước tuổi. Huệ nghĩ có lẽ nhờ đôi mắt ấy mà khuôn mặt và cử chỉ của An hòa hợp nhau, tiết ra một sức hấp dẫn lạ lùng. Cậu đau khổ công nhận giữa cái đẹp xa lạ ấy và mình có một hố cách biệt trang nghiêm; cậu không thể nói gì thêm, không thể phác một cử chỉ nhỏ, vì bất cứ hành động nào của cậu cũng trở thành vụng về, thừa thãi trước vẻ đẹp toàn bích ấy. Và lần đầu tiên trong đời, cậu thấy lúng túng, thất vọng

cho sự vững dại của mình.

Suốt mấy tháng trọ học ở nhà thầy, Huệ chưa có lần nào nói chuyện tự nhiên với riêng An. Khám phá ra điểm yếu đuối của mình, cậu khổ sở. Lòng tự ái kiêu hãnh của người con trai bị âm thầm động chạm. Cậu ngại gặp An, như ngại soi gương thấy vài vết mụn trên da mặt dậy thì của mình. Thế mà buổi sáng nay, cậu không có lối thoát nào khác. Ấm nước sôi của cậu, An đã vằn sang bên cạnh để bắc nồi nấu cháo cho thằng Út. Hơi nước còn bốc lên trên cái vôi ấm. Tình trạng nhì nhằng bất ngờ kéo dài, cho đến khi An cất lời trước. An đưa lưng bàn tay gạt mồ hôi trên trán và đùa mấy sợi tóc ướt qua thái dương, hỏi Huệ:

- Ấm nước đã sôi rồi. Anh cần lấy chưa?

Huệ không ngờ mọi sự tưởng như bế tắc lại có thể giải quyết một cách nhẹ nhàng tự nhiên như vậy. Huệ trả lời nhanh:

- Cho tôi xin cái ấm.

An bỏ cái ống thổi lửa xuống, dùng tay phải nhắc cái ấm ra khỏi bếp. Khi chuyển quai ấm qua tay Huệ, An cười mỉm không nói gì. Huệ lí nhí cảm ơn, trở về nhà học. Cậu lẩm bẩm: hóa ra mọi sự vốn đơn giản như vậy. Không có gì ghê gớm đến nỗi phải e ngại. Cậu cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Lũ nhận cái ấm nước từ tay cậu mà không thấy cậu vui. Huệ nghĩ: anh ấy sống hiu quạnh lặng lẽ quá, chắc chưa bao giờ rắc rối như mình. Anh ấy cũng không nhận ra đột nhiên mình hớn hờ đâu. Lũ rót nước sôi vào bình trà đầy nắp lại, đứng chấp tay bên cạnh ông giáo chờ cho trà đậm. Trong lúc đó, Lũ lo phận sự mài thổi son vào cái nghiên. Màu mực đỏ thắm, in đậm trên nền đá có vân màu xám nhạt. Lũ cho là đã đủ thì giờ để nước đậm trà, cúi xuống rót thử vào cái chén sứ nhỏ bằng quả cau. Nước trà còn nhạt. Lũ cẩn thận dùng tí nước sôi đã rót sớm ấy tráng qua ba cái chén khác, rồi lại nghiêm chỉnh chờ. Ông giáo nhìn quanh một lượt, thấy đám học trò đã đủ mặt. Ông bảo:

- Các anh ngồi xuống cả đi.

Học trò ngồi xuống hai cái ghế dài bằng gỗ đóng vội vừa tầm để kê giấy lên mặt phản mà tập viết. Lũ pha trà xong, bưng một chén đến đặt trước mặt ông giáo. Ông gật đầu nói:

- Anh để đấy. Hôm nay ngày vọng, ta học ôn khôi phải học nghĩa. Các anh đã nhớ và hiểu hết chưa?

Đám học trò ngại, không dám trả lời dứt khoát. Chỉ có Huệ trong cơn hớn hờ tự tin, mạnh dạn đáp:

- Dạ đã hiểu hết!

Ông giáo mỉm cười nhìn Huệ. Ông thích thái độ dứt khoát ấy, thái độ mà suốt cuộc đời ông, ông giáo không bao giờ biểu lộ đúng mức. Nhưng ông không gọi Huệ lên ôn bài ngay. Đầu tiên ông gọi Thìn. Nét mặt Thìn thay đổi, mắt lấm lét, bộ dạng lổm thổm khó coi. Cả lớp học cười ồ. Ông giáo làm mặt nghiêm để giữ trật tự, điềm tĩnh nhận cuốn sách từ đôi bàn tay run run của Thìn. Ông lật lại các trang cũ, tìm chỗ ông đã phê mấy chữ "y vọng kỳ". Biết rõ sức học của Thìn, ông đã chọn một đoạn dễ. Ông giáo đọc một câu trong sách, đoạn ngừng lên chờ Thìn đọc tiếp. Thìn nhắc lại câu vừa đọc, ấp úng vài chữ, lại nhắc câu vừa đọc. Cuối cùng, Thìn đứng trân giữa lớp chờ đợi. Bàn tay hết đưa lên mũi quẹt quẹt lại mân mê cái ché áo chàm. Ông giáo lật qua trang khác, suy nghĩ, đọc thêm một câu nữa. Thìn lại không nhớ bài. Ông giáo trách:

- Cả tuần làm gì mà không chịu ôn bài?

Thìn im lặng không trả lời được. Ông giáo than:

- Anh học hành thế này thì tôi mang tiếng với ông tri áp. Cha anh dặn tôi phải buộc anh học

hành đàn hoàng.

Thìn chợt nhớ một lý lẽ để biện hộ, vội đáp:

- Thừa thầy, cha con hỏi bao giờ thì học cách làm đơn được. Học chữ nghĩa trong sách khó quá. Cha con cũng không hiểu.

Ông giáo vỡ lẽ, hiểu vì sao ông tri áp gửi con đến nhờ ông dạy dỗ. Ông dậm gậy, nhưng không để lộ ra nét mặt. Ông lấy bút quét mạnh vào nghiên son. Không cần di di lẫn tròn đầu bút lên mặt nghiên cho nét chữ thanh nhỏ, ông phê một chữ "liệt" to tướng vào sách của Thìn. Vết son loe ra nhem nhuốc như một vết ô nhục.

Ông giáo gọi đến Lữ. Lữ thuộc lầu lầu, giọng đọc ê a như đọc kệ. Sau khi Lữ đọc hết đoạn thứ ba, ông giáo lật ngược về phía trước, hỏi đoạn kể trên đoạn Lữ vừa đọc. Bị lật ngược thứ tự, Lữ lúng túng, cố gắng mãi, anh vẫn chưa tìm ra mạch văn. Anh lập lại câu ông giáo vừa đọc, mon men đọc thử một vài chữ dò đường. Thấy nét mặt ông giáo không biểu lộ tán đồng hay là bất mãn, anh đọc ngắt ngứ một lúc nữa, rồi tịt luôn. Ông giáo phê cho Lữ một chữ "thứ" dài. Sau khi dò bài Chinh, Tiến, Khả xong, ông giáo gọi Huệ. Huệ đứng dậy, trình lên ông quyển sử ký. Ông giáo cầm cuốn sách tần ngần hồi lâu. Ông tự hỏi: vì sao ta giao cho cậu bé chén đắng này? Nỗi hận chất chứa trong lòng ông thái sử trở thành máu lệ đầm trang giấy, đến lứa tuổi ta chắc gì đã hiểu hết! Cái họa Lý Lăng, hai năm tuổi nhục ở nhà tắm, mấy nghìn trang sách để lại cho đời sau như một thứ thừa tự, tâm tình gói ghém trong lời thư gửi Nhậm Thiếu Khanh, chỉ mới là nguồn gốc phát khởi của ngòi bút. Còn cái học vấn uyên bác, kết quả của kinh lịch, khiếu thẩm thức cái đẹp, lối nhìn về mọi điều thị phi, khả năng phân biệt tốt xấu, tài văn chương tinh tế... bao nhiêu điều phức tạp ấy phải chờ đến tuổi chín chắn mới nên cho đọc. Thế mà ông giáo vội giao cho một cậu bé mười lăm tuổi! Nhưng phải hiểu cho ông. Trừ những phụ huynh như ông tri áp, ông chánh tổng, gửi con đến học vì một lý do rõ rệt là muốn chỉ dạy cách làm một số đơn tử, văn khế, còn ông biện Kiên Thành tuy chủ động tổ chức lớp học, chịu hết phí tổn, nhưng không nói rõ cho ông giáo yêu cầu của mình. Ông xin dạy cho em cách làm đơn khiếu oan ư? Thì chính lá đơn khiếu oan ông biện nhờ ông giáo thảo độ nọ, về sau ông biện có nhắc nhở gì đâu. Ông giáo không nhiệt tâm lắm khi thảo lá đơn nên khi biện Nhạc quên đi, ông giáo lấy làm lạ và mừng. Về sau ông đoán có thể đấy là một cái cớ để biện Nhạc nhờ ông dạy dỗ hai em. Xem cách giao thiệp của ông biện, lối giải quyết gọn ghẽ và hữu hiệu mọi khúc mắc như vụ của Lợi, đủ biết ông biện không quen khúm núm cầm đơn vào hầu các quan lớn. Vì thế, ông giáo nghĩ không bao giờ các em trai ông biện bỏ công phu lặn lội từ Kiên Thành xuống đây để học làm đơn.

Thế thì học cho đủ các thứ văn bát cổ để kiếm chút danh mọn khoe khoang với bà con hàng xóm ư? Con đường lều chõng gian nan lắm, chắc ông biện biết rõ, mà chút danh mọn của một anh ký lục kể chẳng bõ bèn gì. Trong lối nói chuyện, ông giáo nhận thấy biện Nhạc khinh bỉ đám ký lục chuyên dùng chữ nghĩa vôi vĩnh tiền bạc đám dân đen. Chắc hẳn ông ta không muốn hai em của mình ngồi chung chiếu với đám người ấy đâu!

Rốt cuộc, ông giáo khai trương mà vẫn chưa hiểu rõ biện Nhạc cần gì. Xem công phu ông biện bỏ ra để tổ chức trọng thể lễ khai tâm, ông giáo lờ mờ hiểu rằng sự khoa trương ấy có thể ảnh hưởng tốt đến thanh thế của ông, hoặc phía công việc đốc ộp tiền thuế, hoặc phía buôn bán làm ăn. Tuy thế, nếu mục đích ông biện chỉ đến đó thôi, thì cần gì phải khó nhọc tìm người cáng đáng công việc của hai em, rồi gửi họ đến một nơi xa xôi học hành một thời gian lâu như vậy. Một lần, hình như ngay sau lễ khai tâm, ông giáo có hỏi qua ông biện về sức học của Lữ và

Huệ, ông biện có nói:

- Trăm sự nhờ thầy, làm sao cho người ta khỏi khinh chúng tôi dốt nát mà hiệp đáp là được! Ông giáo xem câu nói đó là mục đích giáo dục của mình, nên qua mấy tháng dò được sức học trò, ông dạy tùy hứng. Thấy Huệ thích hỏi chuyện sinh hoạt, cách sống của bọn quan lại vua chúa ở kinh đô, đôi lúc ông giáo quên dè dặt kể lại một số kinh nghiệm của đời ông. Cậu học trò bạo dạn và ham hiểu biết hết hỏi chuyện này đến chuyện khác, và chuyện nào cũng muốn biết rõ ràng, tường tận. Do đó mà từ các mẩu chuyện vặt, hai thầy trò nhảy qua địa hạt sử. Nhìn ánh mắt sáng mừng rỡ, cách lắng nghe trân trọng của Huệ, ông giáo khắp khởi trong lòng vì tìm được một người tri âm nhỏ tuổi. Cái giấc mộng được dự vào sử quán chỉ là bước chùng của một người hiểu động mà không gặp thời. Cho đến khi gặp được Ý đức hầu, ông có tìm cách thực hiện một số suy nghĩ của mình về cách trị nước. Ý đức hầu bạn ông có nghe theo lời ông giáo, nhưng mọi kế sách đều bị quan quốc phó Trương Phúc Loan bác bỏ cả. Họ không dám tiến xa hơn nữa. Uy thế của quốc phó lớn quá, tiền tài và thế lực át cả Chúa. Vậy mà cuối cùng bạn ông cũng bị hại, và ông phải trốn vào cái xó An Thái này. Những điều éo le đó, từ bao lâu nay, ông không biết san sẻ cho ai. Các con của ông? Kiên đơn giản quá, ngoan ngoãn theo đường thẳng, không thể đi cùng cha vào những chuyện phức tạp quanh co. Chính hời hợt quá, bao nhiêu tâm trí dồn cả lên bắt thệ. An và Lãng mãi cảm quá, ông chỉ thấy chúng thích thơ. Mãi đến nay, ông mới gặp được Huệ. Và vì mừng rỡ, ông giáo quên cả giới hạn của tuổi tác và kinh nghiệm sống của Huệ. Ông bắt Huệ đọc sử ký.

*

* *

Ông giáo không mở sách ngay, ngược lên nhìn thái độ của Huệ. Ông thấy Huệ vẫn đứng điềm tĩnh bên cạnh ông, hai tay xếp thẳng hai bên hông một cách thoải mái, tự nhiên. Huệ có cái tự tin của một học trò được thầy thương yêu và tin cậy. Đôi mắt sáng rõ nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi. Trên má, mấy nốt mụn thâm tím hiện lò mờ lên làn da nâu. Một mảng tóc quăn phủ xuống cái trán rộng. Nhìn chung, Huệ rất giống hai anh, nhưng có những phần trên khuôn mặt Huệ đậm lên một chút, dày lên một chút, khiến từ khuôn mặt ấy, toát ra một sự cân đối linh động không có trên khuôn mặt Lữ, và niềm tin cần vững vàng khó tìm trên khuôn mặt biện Nhạc.

Ông giáo lật cuốn sử ký, tìm trang ông đã ghi hai chữ vi chí bằng mực son kỳ trước. Ông mỉm cười. Ông giáo khéo chọn đoạn thích hợp tâm tình của ông lúc này! Và biết đâu cũng thích hợp với cậu học trò của ông! Ông giáo đã bắt Huệ học ôn bài Tựa Truyện du hiệp trong Sử ký. Ông lật ngược lại hai trang trước. Ông kinh ngạc cho cái ngông của mình, ngược nhìn Huệ lần nữa. Vẫn thái độ trầm tĩnh và ánh nhìn tự tin ấy. Ông giáo đọc:

- “Ông Thái sử nói: Ngày xưa Ngu Thuấn quần ở kho, giềng...” rồi dừng lại chờ. Huệ không lớn tiếng ê a theo lối bình văn như Lữ, dùng lối nói tự nhiên đọc tiếp cả đoạn thầy vừa gọi: “Y Doãn nấp bên vạc, thót. Phó Duyệt nấu mình ở Phó Nham. Lã Thượng khốn khổ ở Cức tân. Di Ngô mang gông, Bách Lý chần trâu, Trọng Ni sợ hãi ở Khuông, xanh xao ở Trần, Sái.... Y đều là những người mà kẻ học giả gọi là hạng nhân nhân có đạo đức đấy! Vậy mà còn gặp những tai nạn ấy. Huống chi lấy hạng trung tài mà ở vào dòng cuối đời loạn, bị hại biết là bao nhiêu! Người nhà quê có câu rằng: “Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta là kẻ có ơn”. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu chịu chết đói ở núi Thú Dương. Vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó mà kém vẻ vang. Chích, Cựع ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà nói: Ăn trộm lưỡi câu thì chết

chém... Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu..." (1). Ông giáo đưa tay ra dấu cho Huệ dừng lại. Ông không dám nghe tiếp lời ông Thái Sử. Cái giọng phần nộ khinh bạc ấy, đã bao lần trong đời ông giáo thốt lên một mình, cho mình, đến nỗi từng tiếng vang vọng thống thiết và quen thuộc như chính tai ông nghe miệng ông nói ra. Vào những lúc bị đời dồn xóc, chua chát nhận ra sự bất lực của đạo đức, ông lại tìm đọc bài Tựa Truyện du hiệp. Nhưng đây là lần đầu trong đời ông nghe giọng ông Thái Sử đổi khác. Giọng đọc của Huệ chậm, sang sảng. Điều bi thiết bất lực không còn. Tiếng nói của Huệ mạnh mẽ, đanh thép như một lời kết tội. Nhất là câu cuối cùng: "Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu!". Hóa ra bao nhiêu Tứ thư, Ngũ kinh ông thuộc lâu lâu thời trẻ, lấy đó làm nền cho chí hướng và hành động, chẳng qua là thứ bài trí hoa hòe nơi dinh thự bọn quyền thế. Tua chỉ điều cột nơi chuôi kiếm vấy máu của kẻ cướp lớn. Hạt trân châu dính trên mũ của kẻ ngồi kiệu. Cái quạt hoa che dấu những cái liếc mắt đã thỏa... Còn gì nữa... Trời hỡi! Cái gì đẩy ta đến tận bờ vực của phạm thượng thế này! Không giạt mình dừng lại kịp, ta sẽ lạc về đâu? Chỉ vì giận tên Trương Tần Cối, uất cho cái chết thảm của bạn và cuộc đời long đong bấy lâu mà ta nghi ngờ đến cả chân lý vĩnh cửu, quạt đổ nhân nghĩa hay sao?

Lớp học im phăng phắc. Bọn học trò nín thở theo dõi các biến đổi khác thường trên khuôn mặt thầy, hoang mang chưa hiểu vì sao bỗng nhiên ông giáo vui, rồi bỗng nhiên ông ưu tư. Cả Huệ cũng boăn khoăn, thầm ôn lại những câu vừa đọc xem có thiếu sót gì không. Một lúc sau, ông giáo lại ngược nhìn Huệ. Bên ngoài, một cơn gió thổi mạnh làm rung rinh cả mái tranh. Mảng tóc quăn trên trán Huệ bị hất ngược lên, để lộ một vết tím bầm phía trên con mắt trái. Ông giáo muốn thay đổi câu chuyện, lấy giọng nghiêm nghị hỏi Huệ:

- Hôm qua các anh lại gây chuyện đánh nhau phải không?

Huệ bình tĩnh đáp:

- Thừa thầy không phải. Chúng con luyện roi, vô ý nhằm phải trán.

Ông giáo biết là đêm đêm hai anh em Lữ, Huệ phải ra học võ ở nhà người thầy Tàu. Có một thế giới khác không thuộc ảnh hưởng của ông, cái thế giới quyền rũ của những ngọn roi, đường quyền. Cánh tay nhà nho của ông không với tới nổi. Ông phải rút tay về. Dừng lại ở chỗ phải dừng. Sáng hôm đó ông giáo không định kỳ học ôn sau, và cho học trò nghỉ sớm hơn thường lệ.

*

* *

Cả năm Tuất (1766), vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo tạm qua được cơn chật vật. An thôi nghề hàng xáo nặng nhọc, ở nhà trông nhà giữ em. Qua hai mùa bắp và tría đậu, mấy đám đất miếu đã thuần lại. Có thể bảo lòng đất chai lì khô kiệt nguồn sống sau một thời gian dài bỏ hoang, bây giờ đã bắt đầu hồi sinh. Mồ hôi đổ xuống đấy thật lắm mới đủ biến mặt đất trắng thành mận mòi. Trước hết, là mồ hôi của ba cha con ông giáo. Từ lúc mở trường, ông chỉ dạy học vào buổi sáng, buổi chiều dành để làm ruộng. Nhờ Hai Nhiều chỉ vẽ, ông đã biết dùng lá cây đậu làm phân xanh. Đám học trò của ông cũng chia nhau đi thu góp biết bao là phân chuồng để bón vào mấy đám miếu, hăng hái nhất là Lữ, Huệ và Thìn.

Ba cậu học trò tham dự vào công chuyện canh nông của gia đình thầy do những động cơ hoàn toàn khác nhau.

Có thể nói trong ba buổi: sáng, chiều, tối, mỗi ngày Lữ sống hào hứng và trọn vẹn nhất vào buổi chiều. Buổi sáng ở nhà học, anh không tìm ra anh. Không phải Lữ xem thường những lời dạy dỗ của ông giáo. Ngược lại là khác. Anh tin ngay những điều có sẵn trong sách vở, dễ dàng

chấp nhận rằng lời thầy giáo - bảo đảm bằng học vấn và tuổi tác – luôn luôn phải có lý. Khổ nỗi giữa cái bề học mênh mông và rục rờ ấy, anh cảm thấy lúng túng ngượng ngập quá. Anh bị lạc vào những điều lạ hoắc, lữ chữ nghĩa kiêu kỳ cứ quây lấy anh, vướng víu vào chân, đầu óc đảo điên giữa không biết cơ man nào là những tia sáng chói lòa rọi thẳng vào đôi mắt lo sợ của anh không chút thương xót. Ở vào địa vị trưởng tràng, anh lại không muốn cho lũ em nhỏ tuổi hơn khinh nhờn. Do đó, dù không thích, anh cứ ráng. Mỗi ngày tự hện phải ráng lấy được một cái “ưu cộc” cho phải phép. Thằng Huệ được thầy phê “ưu mác” liên tiếp, lý nào ta là anh nó lại là trưởng tràng mà chỉ được vọn vẹn một chữ “bình dài”! Ý nghĩ ấy thúc ép anh, quấy nhiễu anh. Cuối cùng cả buổi sáng ở nhà học đè nặng lên tâm hồn Lữ. Anh cảm thấy khó thở, nặng nề. May thay còn có những buổi chiều rộng rãi và ngăn ngủi ra đồng giúp thầy làm ruộng! Cả An ít có dịp quan sát phong thái của từng người học trò trong lớp học của cha, chỉ quen thấy nét mặt hiu hiu buồn phiền của Lữ hằng ngày, mà cũng nhận ra được vẻ hớn hỏ khác thường của Lữ mỗi chiều ra đồng. Anh tung tăng như con cá mắc cạn vừa tìm được dòng nước lành. Anh trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát hẳn lên. Anh nói, nói nhiều, không còn nữa cái giọng ngập ngừng và lối nói bỏ lửng ở lưng chừng câu. Gần như anh sợ không nói đủ những điều muốn nói, nên cách phát âm liến láu, tiếng sau đè lấp mất tiếng trước. Một chiều An có việc cần ra gặp cha, Lữ quên hết đề dặt, dẫn An đến cạnh khu đất miếu bảo:

- Tôi chưa dám thưa với thầy, nhưng ý tôi phải làm thế này. Chỗ kia, cái chỗ đất cao có ổ mỗi đấy mà, mình dành để chất rơm rạ. Đáng lý lùm lúa cũng nên cất ở đó, vì không bao giờ nước lụt lên cao đến mực ấy. Nhưng làm thế, , một là che mất một góc miếu, không tốt, hai là sẽ hứng gió bắc, mùa mưa lúa sẽ bị ẩm. Nhà ở, mình phải kỹ lưỡng về phương hướng. Chỗ gốc mít, tôi nghĩ tốt hơn hết. Ở đây tuy hơi xa cách với xóm trong, nhưng lại được thuận lợi ở giữa sông và rừng, ra chợ cũng không xa hơn lên rừng lấy củi. Phải tính cả đường lên rừng chứ, vì mình còn phải đốn cho đủ cây làm một vòng rào thật dày. Không, không phải sợ cướp đâu. Cướp thì lâu lâu mới về, nó sợ mình chứ mình không sợ nó, vì nó xuống đồng. Hàng rào đóng chéo theo lối cánh chả như bên vườn chú Thung... Chú Thung là chú Thung chứ còn ai nữa. Cái chú hôm lễ khai tâm anh cả tôi có mời tới dự đó. Xem thế nhưng không phải thế. Chú ấy chỉ mới tập tò đi buôn sau này cho vui bạn vui bè thôi. Khu vườn chú ấy, phải biết! Nhìn cái cổng lá chè cắt xén khéo léo thành mái thành cột, không bỏ đi được. Ước gì được có một cái nhà lá mái và khu vườn như của chú.

Lữ nói một thôi dài, không cho An không kịp xen vào lời nào. Chỉ cần thấy An lấy hơi, nháy nháy đôi mắt định hỏi điều gì. Lữ đã đoán được ý và giải thích ngay. Hình như Lữ sợ không còn cơ hội nào nữa để nói hết ước vọng của đời mình, hoặc sợ nếu bị cắt nửa chừng, bị hụt hẫng, anh sẽ không đủ phần khích nhen nhóm lại niềm hứng khởi đang có. An bạo dạn cắt lời Lữ vì tò mò:

- Em chưa biết nhà và vườn của chú Thung đẹp thế nào, nhưng em nhà anh bên Kiên thành có kém gì đâu!

Lữ mất đà, phải mất một lúc lâu mới trả lời lắp bắp:

- Nhà nào? Nhà của tôi ấy à? Bên Kiên thành hay trên Tây Sơn thượng?

- Cả hai. Anh cả của anh có thua gì chú... chú Thung hôm trước.

Lữ ra vẻ chán nản, bỏ thông hai tay xuống, vai hơi nhún:

- Tại chưa biết nên An mới tưởng thế. Tôi không nói láo đâu, chẳng khác nào cái nhà hoang, à không, chẳng khác nào cái lều chợ An Thái. Cả ngày người ra kẻ vào, tôi vừa dọn dẹp cho được

mất một chút xong, đã có ông khách mới mang cả đôi chân bòn vào nhà. Sau một cuộc rượu, bàn ghế không còn cái nào có đủ bốn chân. Chẳng bao giờ tôi thích được cái nghề ngược xuôi ồn ào của anh cả. Nếu anh cả chịu giao hẳn cái trại trên Tây Sơn thượng cho tôi toàn quyền muốn làm gì thì làm, phải biết!

An vui lây với cái vui hiếm hoi của Lữ, đùa nghịch hỏi:

- Anh được toàn quyền đấy. Sẽ làm gì nào?

Lữ quả quyết đáp:

- Tôi sẽ tổng cổ ngay bọn ăn hại lâu nay tụ tập trên trại xuống núi. Đứa nào siêng năng chăm chỉ mới giữ lại làm tá điền.

An cười hỏi tiếp:

- Thế anh có tổng cổ anh Kiên không?

Lữ không ngờ trước câu hỏi hóc búa của cô bé, bối rối nhìn An, dò xem mình có nói điều gì phật ý con gái thầy hay không. Thấy nét mặt An tinh nghịch, Lữ yên tâm. Anh nói:

- Không bao giờ. Tôi mới gặp anh Kiên vài ngày đã tâm đầu ý hợp ngay. Anh cũng ghét cái thói cầu thả, bừa bãi. Anh cả tôi đưa anh Kiên lên đấy là phải. Không cần thận chúng nó ăn trên đầu trên cổ mình, rồi còn cười mình ngu. Mới được tôi giao sổ sách có hai hôm, anh đã ví thẳng Lợi một trận không kịp vuốt mặt. Đáng kiếp cho thằng láu!

*

* *

An chưa kịp hỏi kỹ về mối bất hòa giữa Kiên và Lợi, thì ông giáo đã gọi Lữ đến giúp ông bứng gốc một khóm dưa gai, gần con mương tiêu úng. An thấy tính tình của Kiên và Lữ thật giống nhau, nhất là cái tính thờ phượng sự ngăn nắp, thù ghét cảnh thay đổi buông tuồng. An chưa từng bao giờ nghe Kiên nói rõ những mơ ước riêng tư của mình. Có lẽ trước mắt Kiên, An còn bé quá chưa đến lúc nghe những điều quan trọng bậc ấy. Hoặc cả đời chỉ lo đối phó với các nghịch cảnh bất ngờ, trầm lặng nhẫn nại chịu đựng phần mũi của biển cổ, Kiên không còn dám mơ ước nữa. Nghĩ như vậy, cô bé xúc động đến rơm rớm nước mắt.

Lúc đó, từ nơi xa, phía có lũy tre xanh in đậm trên nền trời vàng ửng, có tiếng đứa trẻ chăn bò gọi những con nghé nhỏ: "Hoe... hoe. Nghé con bò mỡ lạc bầy... hoe ... hoe...". Tiếng kêu của đứa trẻ kéo dài giữa mênh mông, chói với lẻ loi như một cuộc sống không có ngày mai.

(1) Sử ký, Tư Mã Thiên, Tựa Truyện du hiệp.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 7

Trong khi Lữ dùng những buổi chiều năm Tuất để mơ tưởng gây dựng một "trang-trại-y-như-của-chú-Thung" trên mấy đám đất cao quanh miếu, thì Huệ cũng dùng những buổi lao động ấy để quấy rầy ông giáo.

Thực vậy, chưa bao giờ ông giáo bị quấy rầy nhiều như thế này. Ông đã ngồi dạy học ở nhiều nơi, học trò thuộc nhiều thành phần khác nhau. Bất cứ ở đâu, thời nào ông cũng được lắng nghe một cách trân trọng, gần như thành kính. Vào những lúc chủ nhà vì keo kiệt đối xử với ông tệ bạc quá, ông có thể chua chát nghĩ chữ nghĩa chẳng qua là cái cần câu cơm của anh nhà nho lỗ vận. Ông chán nghiên mực khô, đầu bút xơ, nhưng khi ngồi trước đám học trò trân trọng nắn nót từng nét ngang nét sổ, ê a đọc lời thánh hiền, tự nhiên ông trở nên tự tin. Đời sống như được nâng lên bậc cao hơn nhu cầu tầm thường của ăn uống, ngủ nghỉ, bài tiết. Cả đến nỗi gian khổ mà bất đắc dĩ ông phải chịu đựng, tiếng bắc tiếng chì của những bà chủ nhà so đo từng đồng tiền kẽm, cũng trở nên siêu nhiên. Cái vòng hoa đối trá đó dù sao cũng xông chút hương giả lên nhiều nỗi hăm hiu của đời ông. Ông cắn răng chịu đựng và tiếp tục bước.

Chưa bao giờ ông ngờ đến lúc gặp được một nơi dạy học lý tưởng, lại là lúc ông không có quyền giả trá nữa. Ông phải nhìn thẳng, trả lời không quanh co những vấn nạn mà tầm quan trọng có thể làm lung lay chân đế của cả đời ông. Cái chân đế đó, ngay từ trước, không lấy gì làm vững. Thời còn là môn khách của Ý đức hầu, thấy những kẻ sách của mình bị vất bỏ không thương xót, niềm tin của ông vào đạo nho đã bắt đầu lung lay. Ý đức hầu bị giết, gia đình ông chạy trốn ở chốn thâm sơn cùng cốc này, ông thì ngày ngày giao thiệp với những người mộc mạc và cần cù, chuộng một thể võ hiêm để phòng thân hơn là một câu trong Khổng Tử gia ngữ. Đã đến lúc dẹp quách mớ sách vở vô dụng kia đi! Chỉ cần một mồi lửa bếp, là xong hết! Trong lúc ông còn do dự, vu vơ, biện Nhạc lại xin ông mở trường dạy học. Thì dạy! Vả lại không ai đòi hỏi ông phải sản xuất ra những ông tú, ông cử, nên thích gì, ông dạy nấy. Những thầy đồ cùng thể hệ với ông không thể mơ ước chỗ dạy học nào thoải mái hơn!

Chính vào lúc đó, chân đế của đời ông gần như sắp rạn nứt, sụp đổ. Không phải trong nhà học, mà sụp đổ trong những buổi chiều làm ruộng như hôm nay.

Thông thường, ít có anh học trò nào thích làm việc bên cạnh thầy. Khép nép, làm ra dáng cần mẫn, ráng tỏ ra đứng đắn trong từng lời nói, cử chỉ, đóng bao nhiêu cái trò kịch ấy trong buổi sáng ở nhà học, đủ rồi! Buổi chiều menh mang trên cánh đồng xanh, ao ước của mọi người là được thõa tự do, cười nói thoải mái. Cho nên khi nào ông giáo gọi đến, sai bảo việc gì, học trò mới đến gần. Đến anh trưởng tràng đạo mạo mà cũng thích tìm một chỗ khuất mắt thầy, ngồi nhìn lên những gò đất, luống cày, gốc mít cổ, bụi xương rồng, trên cách đồng hoang dại mường tượng ra cảnh vườn tược xinh đẹp, um tùm, lẫm lúa cao ráo, đụn rơm chất ngất, tá điền đông

đúc... Chỉ trừ một anh học trò đặc biệt là Huệ.

Từ hôm đọc bài Tựa Truyện du hiệp, hình như giữa ông giáo và Huệ có một thứ ràng buộc vô hình khiến ông giáo cảm thấy vướng víu, muốn tháo gỡ mà không được, còn Huệ thì tự dẫn sâu vào những rắc rối, rắc rối với niềm say sưa mạo hiểm và khoái cảm phạm thượng. Huệ tìm chỗ làm việc cạnh thầy, nhanh nhẹn làm giúp ông giáo những phần việc nặng nhọc. Ông giáo khen:

- Anh khỏe lắm. Lại không quá cẩn thận như anh Lữ. Vậy dễ trở thành một người hiệp!

Huệ ngừng tay lại, ngừng lên nhìn thầy. Mồ hôi ướt cả trán Huệ. Cậu đưa lưng bàn tay phải gạt mồ hôi, quần áo phủ đầy mồ hôi. Cả đôi mắt long lanh tươi vui. Huệ nháy mắt vài lần, cục xương yết hầu di động. Ông giáo biết người học trò sắp hỏi điều gì, chuẩn bị lắng nghe, vì chiều nay gió thổi ào ào từng cơn lấp mất mọi tiếng nói. Nhưng Huệ không thu được đầy đủ can đảm, sau một lúc bối rối, lại cầm cán rựa chặt nốt gốc mù u xù xì. Ông giáo tiếp tục công việc của mình, Huệ làm xong công việc, đứng nghỉ lấy hơi phía sau lưng thầy. Ông giáo nghe Huệ hỏi trong nhịp thở hổn hển:

- Thưa thầy!

Ông giáo dừng việc, quay lại nhìn người học trò. Áo chàm của Huệ đầm mồ hôi, vạt trước dán vào khuôn ngực nở. Thấy Huệ mặt nhợt nhạt vì mình, ông xúc động. Giọng ông thân mật, trìu mến:

- Anh hỏi gì hở Huệ?

Huệ do dự một lúc rồi đánh bạo nói nhanh:

- Con đọc mãi bài học hôm qua. Có vài điều con chưa hiểu hết. Như... thế nào mới là người hiệp?

Ông giáo đáp:

- Phải khỏe để làm người không biết sợ. Phải không quá cẩn thận để dám làm. Phải rộng rãi để giúp người mà không so đo hơn thiệt. Nếu cần dám quên mình mà giúp người.

- Quên cả sự chết xông vào cứu một thằng ăn cướp ngay ban ngày, giữa chợ, có phải là hiệp không thưa thầy?

Ông giáo khó chịu vì cái giọng chất vấn bất ngờ của Huệ, trả lời cộc lốc:

- Không.

- Nhảy xuống sông cứu một người sắp chết đuối dù không biết bơi, đã được gọi là hiệp chưa?

Ông giáo càng khó chịu hơn, chau mày đăm đăm nhìn Huệ. Ông thầy làm mặt nghiêm, Huệ không dám cười nữa. Cậu đứng ngay ngắn trở lại, nhưng vẫn nhìn thẳng về phía thầy, chờ câu trả lời. Ông giáo không có cách nào khác, đáp:

- Chưa thể gọi là hiệp. Thêm một người chết nữa, phí đi!

Huệ cười tiếng nhỏ, thưa với ông giáo:

- Vậy là con biết phải làm gì rồi. Gặp một tên thu thuế hống hách và tham lam đang bị bọn cướp đường hành hung, ta không nên can thiệp vào làm gì. Để bọn cướp thanh toán với nhau. Thấy một anh học trò thức khuya, dậy sớm, học thuộc lòng thi phú để thi đậu ra làm ký phủ, duyệt lại, mình phải cứu anh ta, không thì anh ta chết đuối mất.

Ông giáo sững sờ, không ngờ bị cậu học trò nhỏ tuổi dẫn đến chỗ lắt léo đó của luận lý. Ông muốn khuyên Huệ vài điều, nhưng không tìm ra được lời. Cuối cùng ông phải cầu viện đến tuổi tác:

- Chuyện đời có nhiều điều phức tạp. Anh suy ra như vậy có khi đúng, có khi sai. Anh còn trẻ, chưa hiểu hết mọi sự ở đời đâu. Làm việc hiệp nghĩa chỉ trong một khoảnh khắc, suy tính do

dự thì không làm được. Nhưng xem xét, quyết đoán việc ấy có đúng là "hiệp nghĩa" hay không, không thể vồ vập. Phải so đo, cẩn trọng. Ngày xưa vì phần đời mà ông Tử Trường chép truyện du hiệp. Anh còn trẻ quá. Tôi quên mất điều đó. Làm được một du hiệp đã khó. Định được đâu là người hiệp, càng khó hơn. Thôi, ta bỏ qua chuyện rắc rối đó đi. Kìa sao cánh mũi anh sưng lên như vậy?

Huệ ngượng ngịu đưa tay lên sờ mũi mình, đáp lời:

- Dạ, chỉ là cái mụn.

Ông giáo cố lấy giọng thân mật khuyên:

- Phải cẩn thận. Đưa tay dơ rờ lên hoài, nó làm độc. Có người bị phong đòn gánh, chết co quắp đau đớn, chỉ vì cái mụn nhỏ.

Huệ rút tay về, hai bàn tay bối rối thêm, không biết giấu vào đâu. Ông giáo không nhận ra được cậu học trò vừa chất vấn mình lúc nãy. Huệ than:

- Ở cái tuổi con, đứa nào cũng bị cái nạn này. Cái mụn này vừa lặn, hai ba cái khác đã nổi cộm lên. Khó chịu lắm. Không hiểu sao con lại bị nhiều hơn anh Chinh và thằng Thìn.

*

* *

Một buổi chiều khác, Huệ lại đột ngột hỏi thầy:

- Cái câu: "Ăn trộm lưỡi câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!", con đoán hình như không phải lời ông thái sử. Thưa thầy có đúng thế không?

Ông giáo giật mình quay nhìn Huệ, xua tay gạt đi:

- Anh đừng thắc mắc bài đó nữa, không đáng gì đâu.

Huệ nhất định tiến tới, nói tiếp:

- Nếu chính là lời ông thái sử, thì đã không có câu: "Thiệt không phải là nói ngoa" ngay phía dưới.

Ông giáo đành phải giải thích:

- Ông Tử Trường dẫn lời của thầy Trang trong sách Nam Hoa. Anh đừng hỏi thêm thầy Trang là ai và sách Nam Hoa nói gì. Chỉ nên biết cả bài Tựa Truyện du hiệp chỉ là lời nói phần. Lúc đó ông thái sử không đủ bình tĩnh và sáng suốt nên bị người đời sau chê không ít.

Huệ lại hỏi:

- Bọn dám chê ông thái sử thuộc hạng nào, thưa thầy? Hạng trộm lưỡi câu thì chết chém cả rồi, chỉ còn hạng ăn trộm nước. Trộm được nước rồi thì tự nhiên nhân nghĩa tìm tới. Hạng ăn trộm lớn đem nhân nghĩa làm cục kê, như bọn đàn bà kê thót mà đánh vảy cá. Nghĩ tội nghiệp cho hạng cướp nhỏ, thèm ăn cá mà chỉ dám ăn trộm cái lưỡi câu.

Ông giáo lo âu, sợ lại bị Huệ dẫn vào lối bí như hôm trước. Ông cố trấn tĩnh, thân mật vỗ vai Huệ bảo:

- Sách của Tử Trường phức tạp lắm, người chưa hiểu đời khó thấy cái tinh túy. Anh thích sử. Thôi được rồi, tháng sau tôi giảng cho anh nghe sử Nam. Tôi còn giữ được bộ Toàn Thư. Nét mặt Huệ rạng rỡ hẳn lên. Xúc cảm hân hoan làm cho giọng nói của cậu lấp lấp khác thường. Cậu nói:

- Con chỉ mong có vậy. Nhiều lần con muốn hỏi thầy, nhưng sợ thầy giận. Tại sao ta không học sử nước mình mà lại tụng lâu lâu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? Cái loại chữ thường gọi là "chữ ta", thưa thầy, thật ra đâu phải là chữ ta. Đọc lên phải diễn nghĩa ta mới

hiếu, đầu được rõ ràng như mình nói "hột muối, lá trầu, con cá, cây măng".

Ông giáo vội nói lấp cho qua chuyện:

- Trước hết, hãy học chữ ta cho thông đã. Sau đó mới học cho biết thêm chữ nôm. Nhưng sách nôm không có nghĩa lý gì cao thâm đâu. Toàn những chuyện phong tình, ngâm vịnh cho qua thì giờ đó thôi!

*

* *

Lữ từ nhà ông giáo trở lại nhà học, nói với biện Nhạc:

- Thầy mời anh tối nay ăn cơm.

Biện Nhạc dợm phản đối, nhưng ngưng lại kịp. Giọng của ông biện lấp lửng:

- Thôi cũng được. Thế nào cũng phải ăn cơm một lần, không thì ông ấy giận. Tao định tối nay ra ngoài ông thầy Tàu, xem tụi bây học hành ra sao?

Lữ nhìn lên phía nhà thầy giáo. Sau một lúc ngập ngừng, Lữ đến gần anh nói nhỏ:

- Em nghĩ... em nghĩ... hay là ta dẹp quách chuyện học chữ. Mấy tháng nay rồi, có được gì đâu. Mà tốn kém quá.

Biện Nhạc đang nhai trầu, vội nhả miếng trầu nhai dở ra khỏi miệng, ngạc nhiên hỏi:

- Hả? Mà nói cái gì?

Lữ sợ, im lặng không đáp. một lúc lâu, anh mới nói:

- Em xuống dưới này học, anh phải mất công thuê người trông coi trại Tây Sơn Thượng. Anh chọn đúng người đấy, nhưng người dung nước lã làm sao lo công chuyện nhà mình chu đáo được. Thằng Huệ xuống đây, anh đi nữa, Kiên Thành coi như cái nhà hoang. Bù lại, chỉ được mấy miếng võ, và ba cái chữ nát.

Nhạc vút miếng trầu đi, nghiêm nghị bảo Lữ:

- Mà chỉ được thấy cái tấm mẩn, mà không thấy được hòn Một. Mà tưởng người ta để yên cho mình làm ăn hay sao? Mà không được chữ nào thì thằng Huệ cũng được vài ba chữ. Thằng Huệ không được chữ nào, thì cái bụng chữ của thầy còn đó, nhờ vả lúc nào không được. Lữ ký lục hết mùa bút làm đơn thuê phá mình như lâu nay. Chuyện gì cần tốn, phải biết tốn.

Lữ im lặng nghe lời anh, nét mặt dầu dầu không mấy thỏa mãn. Nhạc chờ em đáp, nhưng không thấy Lữ nói gì. Ông biện biết không thể thuyết phục nổi Lữ, vì nếu có nói gì thêm, thì điều đó đòi hỏi tầm nhìn còn xa hơn cả điều vừa nói. Cho nên ông biện cũng im lặng. Hai anh em cùng chờ nghe lời nhau. Sau cùng, Lữ nói:

- Mấy tháng nay em xuống dưới này, chắc lữ nó mừng lắm.

Nhạc hỏi:

- Lữ nào?

- Tụi trên Tây Sơn Thượng. Anh coi chừng, không để mất tới, chúng nó bán luôn cả anh lúc nào không biết. Nào là pha trầu loại hai vào trầu loại nhất để tính tiền cao. Nào là đổ thừa trời mưa để ăn bớt muối. Tụi nó ranh, nhưng làm sao qua được mắt em. Chỉ cần nhìn xuống là biết trầu loại nào.

- Kiên nó được việc lắm. Được cái tính thẳng, tuy có hơi chậm chạp. Nghề dạy nghề, cần có thời gian, miễn là...

Lữ chợt nhớ điều quan trọng, vội cắt lời anh:

- Trên trại cho tụi nó ăn lúc nào?

Nhạc không hiểu ý em, hỏi lại:

- Lúc nào là thế nào?
- Em hỏi buổi sáng có cho ăn gì không?
- Thì cho ăn bắp hầm trước khi đi làm việc như thường lệ. hôm vừa rồi tao lên, có cho thêm đường làm kẹo.

Lữ đưa hai tay bút tóc, tỏ dấu bực bội:

- Vậy là bao nhiêu công phu của em đổ sông đổ biển hết. Em đã tập cho tụi nó quen ăn hai bữa, bây giờ lại thêm bữa sáng. Của đâu chịu cho nổi.

Đến lượt Nhạc ngạc nhiên:

- Không ăn sáng sức đâu chúng nó lên rầy, lên nguồn.

Lữ đáp:

- Còn cho ăn sáng thì sức đâu mà chịu nổi. Tụi nó dậy sớm hầm bắp, nấu nước pha trà, tốn dầu đèn. Ăn no xong, ngồi uống trà cả buổi chờ mặt trời lên khỏi núi mới chịu xách gánh ra đi. Chưa được nửa bước, đã lo về nấu cơm ăn trưa. Ngủ một giấc. Chiều tối lúc nào không hay. Phía trên núi, phía dưới núi. Mặt trời mọc đó rồi lặn đó, chỉ đủ thời giờ nấu ba bữa ăn. Núi cũng lở chứ đừng nói cái trường trâu!

Nhạc đã biết tính em, nhưng đây là lần đầu tiên chính miệng Lữ nói thật và đủ những suy tính của mình. Ông biện không khỏi lo âu cho cái tính tũn mủn tội nghiệp đó. Mà nói cho vỡ lẽ cũng khó. Chỉ còn một cách. Ông biện nói:

- Tụi trên trại năm cha bảy mẹ, sai được chúng nó đi không phải dễ. Chúng nó không phục, là nuôi ong tay áo. Đã có khỉ dòm nhà rồi đó. Mà có nhớ lão Thung không?

Nét mặt Lữ trở nên rạng rỡ. Lữ đáp nhanh:

- Anh quên sao? Hôm lễ khai tâm, chú ấy có đến đây mà.

Nhạc nói:

- Ấy, chính lão Thung đó. Hẳn ỷ có tiền, định tranh nguồn hàng của mình. Chưa, chưa dám tranh nguồn trâu. Chỉ mới dòm ngó nguồn lợi chở muối lên rừng thôi. Tháng trước, lão giả vờ leo đèo lên trại thăm tao, tuy biết rõ là tao đang ở Kiên Thành. Hẳn hỏi thăm đủ chuyện. May hôm đó có thằng Lợi trên trường trâu, không thì hư việc hết.

Mẫu người lý tưởng của Lữ bị phỉ báng, nên anh im lặng, bần khoăn. Chắc chắn những điều anh cả nói đều đúng. Lâu nay, do không động chạm đến lợi của nhau, mối quan hệ giữa hai người thật tốt đẹp. Anh cả nổi giận, phải có lý do chính đáng. Tại sao chú Thung làm vậy? Cái nhà như thế, cái vườn như thế, ruộng đất, gia sản như thế, còn ước muốn gì nữa? Hay gì cuộc sống chìm nổi, long đong, buông tuồng nơi đầu đường cuối chợ!

Lúc đó, Huệ vừa đi tắm sông về. Lữ được dịp thuận lợi, ôm mỗi hồ nghi ra vườn sau một mình.

Biện Nhạc nói đùa với Huệ:

- Mà không về sớm nhìn cái mặt thằng Lữ. Tại tao chạm đến chú Thung của nó.

Huệ hỏi anh:

- Có phải chú Thung có cái vườn sum suê đẹp đẽ không? Anh Lữ mê cái vườn, chứ không phải mê ông chủ.

Nhạc cười, giọng giễu cợt:

- Bây giờ thì ông chủ chán cái vườn đẹp của mình rồi. Hẳn định đi buôn nguồn. Chưa hết. Còn định ve vãn tụi trên trại nữa. Lão ỷ có nhiều tiền hơn mình. Nhưng tao đã có cách.

Huệ chậm rãi nói:

- Lữ du thủ du thực của anh, giá cao hơn một chút là mua được. Lâu nay em nghe tụi nó than

phiền anh Lữ hẹp lượng, không biết bữa nay thế nào?

- Tao biết. Chuyển vừa rồi có thồ lên đầy đủ nào muối, mắm, đường, dậu ăn. Tao còn định mượn tiền thuế trả trước cho nậu nguồn, mua non cũ trâu sắp tới. Mua măng le cũng làm như vậy. Hoặc bao nhiêu tiền đem mua muối hết, thồ lên cho các buôn.

Huệ nói:

- Em nghĩ không nên động đến tiền thuế Vân Đồn.

Nhạc kinh ngạc hỏi:

- Sợ thâm à? Trâu và măng le mình nắm trong tay, chắc chắn hơn là đồng tiền kẽm. Người ta trử lúa chứ không chịu cất tiền, mình trử trâu và măng cũng vậy. Tiền thuế còn lâu mới nộp phủ, mình mượn đỡ trong thời gian ngắn.

Huệ thấy anh không hiểu mình, vội giải thích:

- Ý em không phải vậy. Em nghĩ bọn cai tổng, duyệt lại bóp họng dân lấy thuế nộp lên phủ, phủ chở ra kinh. Đồng tiền thuế vấy đờm vấy máu của nhiều người, không sạch, không nên động đến.

Biết tính Huệ thẳng thắn đến độ rần mắt, nhưng Nhạc không ngờ em nghĩ như vậy. Ông biện trở mắt nhìn em, cuối cùng cười to, vỗ vào vai Huệ bảo:

- Té ra mấy tháng nay mày học được bao nhiêu đó. Khá lắm. Mày hơn thằng Lữ, còn nhớ được vài ba chữ trong sách. Được lắm. Miễn đừng có học thuộc lòng. Tao ghét mấy thằng nho hủ!

*

* *

Sau bữa cơm, ông giáo mời biện Nhạc ra sân trước ngòi uống nước trà. Bụng đầy các thức ăn béo và ngậy gia vị, cả hai đều muốn tìm một chỗ nằm nào đó để tận hưởng cảm giác no đủ, buông thả lười lỉnh. Phép cư xử buộc họ, ngồi lại, cho nên sau khi uống cạn mấy tách trà, câu chuyện qua lại vẫn cứ còn ngắc ngứ. Họ mon men tìm mãi một đề tài chung, nhưng tìm chưa ra. Biện Nhạc ngại ngừng trước cửa ngõ của chữ nghĩa, còn giáo Hiến lại vụng về trong các chuyện làm ăn. Thời tiết tốt không có gì đáng bàn. Sức khỏe của mọi người trong cả hai gia đình, đã thăm hỏi ngay từ đầu bữa. Ông giáo hiểu trách nhiệm ràng buộc của chủ nhà, bạo dạn hỏi thăm ông biện:

- Kỳ này ghé đây, chắc là ông có việc quan?

Biện Nhạc vội cải chính:

- Thừa không. Chuyện riêng thôi. Có một chuyến muối bị trạm canh giữ lại không cho đi. Tôi phải xuống nói qua một tiếng.

Giáo Hiến ngạc nhiên hỏi:

- Mình nộp đủ thuế, sao lại bị giữ?

Biện Nhạc cười, vừa bao dung thông cảm cho kinh nghiệm ít ỏi của ông giáo về trường đời, vừa có ý mỉa mai:

- Có nghìn cách để làm khó dễ, thầy không biết sao! Thuế chuyên chở đường sông, thuế bến, thuế muối. Nếu mọi thứ thuế đã nộp đủ thì hỏi thuế đình. Thuế đình đóng đủ, thì bảo có đũa tổ cáo ghe muối có chứa hàng quốc cấm, phải mở từng bao ra để kiểm soát. Một con dao bổ cau có thể là vũ khí của bọn làm loạn. Lôi thôi dài dòng lắm. Tốt hơn hết là phải biết điều.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

- Chúng nó loạn thế, quan trên có biết không?

Biện Nhạc đang đưa chén nước lên uống, ngưng lại nửa chừng, quay nhìn ông giáo, không tin

một người từng trải như ông lại có thể hỏi như vậy. Thấy nét mặt ông giáo có vẻ thắc mắc thật tình, ông biện nói:

- Thầy tính, quan trên của chúng của chúng ta là ai? Là quan phủ chăng? Hoặc cao hơn nữa là triều đình chăng? Tôi nghe nói quyền hành ở Phú Xuân đều nằm trong tay quan quốc phó. Ở phủ Qui Nhơn này, hai nguồn Trà Đình, Trà Vân tiền thuế được chúa cấp cho quan quốc phó làm bổng lộc. Hằng năm thuế trên 2.500 quan, chưa kể bạc tốt và đèn nhựa trám. Của ở đâu mà lắm vậy, nếu không có bọn lính kiểm tra các trạm thuế.

Nghe biện Nhạc kể xấu bọn đàn em của Trương Phúc Loan, ông giáo thấy lòng khấp khởi.

Nhưng ông giấu không để lộ niềm vui ra nét mặt, giả vờ hỏi:

- Làm sao ông biết rõ thế?

Biện Nhạc nóng nảy nói:

- Làm sao ư? Vì chính tôi cũng là một tên chuyên nghề bóp hầu bóp họng dân đen nộp cho quan quốc phó. Chỉ cần nghe chúng đằng hắng một tiếng, tôi đã biết trước chúng định nói gì. Chỉ có điều đáng thương là chúng nắm đồng tiền chưa nóng tay, quan trên đã chụp lấy, rồi lại nộp lên quan quốc phó. Nghe nói, biệt thự ở Phấn Dương càng ngày càng rộng, nguy nga thêm, nên tốn nhiều của. Thưa thầy, có đúng như thế không?

Ông giáo dè dặt đáp:

- Tôi ở kinh nhưng ít đi đâu xa. Vâng, nghe nói đồ sộ lắm. Chẳng kém gì vương phủ.

Mắt biện Nhạc sáng lên, ông biện tò mò hỏi:

- Thế thầy đã được thấy cung điện nhà vua chưa?

Ông giáo ngại ngần một lúc, rồi ồm ồm đáp:

- Thỉnh thoảng tôi có qua đó.

Ông biện nôn nóng hỏi:

- Có rộng bằng thành Đồ Bàn ở đây không thầy?

- Tôi chưa thấy tận mắt thành Đồ Bàn, chỉ nhìn qui mô các ngọn tháp thì chắc lớn lắm. Còn thành Phú Xuân cũng đồ sộ. Thành xây dọc theo sông Hương, hình vuông, từ ngoài vào đến cấm thành có ba lớp. Có tất cả bảy cửa vào. Cửa ngo môn trông thẳng ra bờ sông.

- Nhà vua thiết triều ở đâu, thưa thầy?

- Ngay ở điện phía trong Ngọ Môn. Mỗi tuần thiết triều hai lần. Quan võ tùy cao thấp mà đứng hầu thứ tự ở bên tả. Quan văn bên hữu.

- Ngai vàng đặt ở giữa, phải thế không?

- Vâng, chiếc ngai thếp vàng được đặt trước một cái bàn, trên bàn thường có ống sứ quý cầm bút, một hộp ấn, một nghiên son.

- Còn cấm thành?

- Đó là chỗ nhà vua ở, gồm năm tòa, tòa chính cao nhất ở trên có một vọng lâu có thể quan sát được cả kinh thành và quang cảnh sông núi quanh đó. Đặc biệt nội cung không xây bằng vôi, gạch, mà dựng toàn bằng gỗ, chạm trổ công phu. Cột nhà bằng gỗ quý màu cam, tường phủ màn gấm. Các thời trước cung điện còn đơn sơ. Nhưng từ thời Hiếu Võ Hương, hoàng thành được xây dựng công phu tráng lệ như ta thấy ngày nay. Có người cho rằng cảnh phú quý ở kinh đô không thua Giang Nam mấy.

Biện Nhạc chột hỏi:

- Mà sao thầy biết tường tận thế?

Giáo Hiến giật mình, vội nói:

- Tôi không đỗ đạt gì, nhưng có nhiều bạn bè thành danh, làm quan trong triều. Những kẻ có lòng không sợ giao du với người thất thế vẫn đến thăm nom tôi luôn. Biết võ vẽ vài chuyện vặt trong cung sâu là nhờ thế!

Ông giáo tự đặt điều để giấu tông tích mình, rồi chính những lời bào chữa bất đắc dĩ ấy, thấm dần vào tâm não ông. Lòng ông lâng lâng cái buồn của kẻ thất chí. Ông im lặng hồi lâu không nói tiếp được, trong khi biện Nhạc trân trọng chờ ông kể tiếp. Đột nhiên, ông giáo ngậm ngùi bảo:

- Tôi trôi dạt về đây, may mà gặp ông. Không thì... Nhưng có đi đến đâu! Chẳng khác gì Đỗ Phủ gặp Lý Qui Niên ở Giang Nam, viết tặng bạn tri kỷ hai câu thơ:

Chính trị Gian Nam hảo phong cảnh

Lạc hoa thời tiết hựu phùng quân.

Nghĩa là:

Chính lúc phong cảnh Giang Nam đang đẹp

Giữa mùa hoa rụng, lại gặp anh!

Gặp ông giữa mùa hoa rụng, tôi hết thời, còn làm gì được!

Biện Nhạc không hiểu hết ý nghĩa hai câu thơ ông giáo vừa đọc, nhưng nét mặt ông giáo, giọng thơ buồn, những chữ vô nghĩa nhưng âm hưởng lê thê như tiếng vọng rầm rì từ những tiếng sấm xa trong núi, đã giúp ông biện hiểu thẳng tâm sự người thầy dạy học của hai em. Biện Nhạc chồm người tới phía trước, hai tay nắm bàn tay phải của ông giáo đặc đặc, kính cẩn nói:

- Thầy chưa hết thời đâu. Bọn dân núi chúng tôi đây, tuy không hay chữ, nhưng biết kính trọng người có chữ. Thầy sẽ giúp cho chúng tôi nhiều việc. Chúng tôi biết quý người tài. Chuyển xuống Mỹ Cang vừa rồi, tôi có gặp một người bạn buôn từ cửa Hội vào. Anh ta nói có biết thầy. Tôi nghe mừng lắm. Thầy chưa hết thời đâu!

Ông giáo giật mình, ngừng lên nhìn đăm đăm vào mặt biện Nhạc dò xét. Ông biện mỉm cười, giữ vẻ thản nhiên tự tin. Từ đó cho đến lúc chia tay về nghỉ đêm, câu chuyện giữa hai người trở lại ngắc ngứ, quanh co, nhạt nhẽo.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 8

Cho đến cuối mùa đông năm Tuất (1766), gia đình ông giáo về An Thái được gần một năm rưỡi. Nhẩm tính lại khoảng thời gian ngắn ngủi đó, ông giáo mừng đã vượt qua được một chặng đường gian truân, tuy có chịu nhiều mất mát chua xót. Ông mất người bạn đường đã cùng ông thăng trầm trên hai mươi năm. Nắp áo quan đã đóng. Những nắm đất của người ở lại rơi trên tấm ván thiên dội những tiếng đục. Dù đã được chuẩn bị thật lâu để chịu đựng một cuộc phân ly, cái chết của bà giáo cũng để lại thật lâu trong lòng ông giáo một cảm giác trơ trọi hoang mang. Có nhiều buổi chiều, khi lũ học trò và các con đã về hết, ông ở nán lại trong khu đất miếu, ngồi nhìn những đám mây thay đổi màu sắc vờ vẫn trôi giạt trên bầu trời ngả tối. Ông đứng dậy, chân bước không nghĩ ngại, không chọn hướng tới. Và hôm nào cũng vậy, lúc ý thức được toàn vẹn điều đang làm, ông mới nhận ra mình đang đi về phía mộ bà giáo.

Ông cũng phải xa một đứa con. Tết năm Dậu, Kiên có về thăm nhà một lần, mang về cho các em một gói măng khô và đậu phộng. Vốn ít nói, Kiên chỉ kể sơ lược đời sống hiu quạnh của mình trên Tây Sơn Thượng. Những câu trả lời giống một của Kiên khiến An mỉm lòng, cay cay ở khóe mắt. Chình tò mò muốn hiểu rõ sinh hoạt của dân miền ngược, bắt anh kể đi kể lại mãi về những cuộc săn nai, những chuyến leo núi, những lần len lỏi trên đường rừng đem muối đổi trâu và măng le tận các buôn thượng. Riêng ông giáo, ông lấy làm ái ngại cho con. Ông biết Kiên không tìm được một đời sống như ý. Cái nhiệm vụ quản lý buôn bán, trông coi một đám đông trai tráng ô hợp giữa một thung lũng vây bọc những núi là núi, mà người nào cũng có một mối hận với đời hoặc canh cánh nỗi khao khát được vượt đèo nhìn trở lại đồng bằng, biển cả, công việc ấy vượt quá sức của Kiên. Nhưng biết làm thế nào khác được! Kiên lười viết thư, có chuyến thồ nào về xuôi chỉ gửi ít măng, đậu, bắp về cho gia đình kèm thêm một lời nhắn "vẫn mạnh". Thế thôi!

Phần may mắn của gia đình ông, không nhỏ. Gần như các thứ gạo, mắm, trà, thuốc, ông biện sai người đem biếu đều đều theo các chuyến hàng đã đủ cho cả nhà ông chi dùng. Phần dư dả là quà cáp của các phụ huynh học sinh khác, hai mùa bắp và một mùa lúa gieo của các đám miếu. An đỡ vất vả vì thôi làm hàng xáo, ở nhà trông nom thằng Út tươm tất hơn. Khoảng vườn nhỏ phía sau nhà xanh um những rau, cà, ớt. Chình tiếp tay Kiên dựng tạm một chuồng nuôi heo, gà. Nói tóm lại, đời sống của gia đình ông có thể tạm gọi là "an cư lạc nghiệp".

Nhưng cũng chính vì phần may mắn này mà giữa hai gia đình ông giáo và Hai Nhiều càng ngày càng có nhiều mối bất hòa. Bắt đầu luôn luôn là những chuyện lật vật: thằng Út nghịch ném đá vào con gà trống của nhà Hai nhiều, làm lộ hết một con mắt; An un lá tre vô ý quên xem hướng gió, để khói giạt cả vào nhà cậu mợ giữa bữa cơm chiều; một con heo bị sống chuồng, một cái rác tấp qua tấp lại... ôi thôi biết bao nhiêu cái tủn mủn từng góp thành mối buồn phiền cho

những kẻ lảng giềng bất đắc dĩ. Và như nhiều trường hợp khác, mối bất hòa giữa hai nhà có từ phía đàn bà trước. Như hôm cái An un lá tre. Thấy khói bốc cao rồi ùn ùn giạt cả sang phía nhà cậu mợ, chưa kịp lấy nước dập tắt lửa thì từ phía bên kia, giọng Kiền đã vọng sang:

- Ai đốt rác làm ơ làm phước chờ cho người ta ăn xong bữa đã. Trời đánh còn tránh bữa ăn, nghe không?

An chưa kịp xin lỗi, thì bà Hai Nhiều đã phụ họa:

-Thôi con. Ráng chịu một chút không sao. Người ta quen biết lớn, nói làm chi cho thêm rầy rà. Kiền cao giọng đáp lời mẹ:

- Quen ai mặc kệ, sống nhờ trên đất người ta thì phải nể chủ nhà. Không dưng rước hạng trôi sông lạc chợ! Bây giờ mẹ đã thấy chưa!

Có tiếng ông Hai Nhiều cầu nhàu những gì không rõ. Rồi bà Hai Nhiều quay sang xỉa xối chồng:

- Ông có sợ thì qua bên mà năn nỉ họ. Phải mà. Mẹ con tôi hàng tôm hàng cá mà! Họ hàng nhà ông toàn người chữ nghĩa, văn hay chữ tốt, muốn làm gì ai không được!

Hôm đó Chinh giận quá, muốn qua nhà cậu mợ trả đũa cho hả, nhưng ông giáo ngăn lại. An dập tắt đồng lá tre, đứng bên này nhìn qua bên kia chờ có ai ra vườn giải thích vài điều vừa để xin lỗi, vừa để tìm lời bóng gió nói kháy. Nhưng không có ai bên vườn Hai Nhiều cả. Từ đó, một thứ ngăn cách trầm lặng, lạnh lẽo dựng lên giữa hai gia đình. Người bên này tránh gặp mặt bên kia, có nói chuyện gì cũng phải có sự hiện diện của một người thứ ba. Tình trạng ngày càng trầm trọng, và không còn cách nào cứu vãn được khi đàn gà Chinh nuôi sang bươi nát đám cải của nhà cậu mợ. Ngay hôm sau, Hai Nhiều dựng một hàng rào dày bằng một thân cau, ngăn cách hẳn hai khu vực, quyền định ranh giới dĩ nhiên thuộc Hai Nhiều. Ranh giới ấy cắt làm đôi mấy vòng lang của Chinh, và nếu không có chút nể tình lân lý vào phút chót có lẽ đã đâm ngang vào hông cái chuồng gà của ông giáo. Thấy chồng có phần nào mạnh dạn sử dụng quyền chủ đất, bà Hai Nhiều nhổ phăng đám rau lang ở về phía vườn mình vút ra đường cái. Điều đó vượt quá mức chịu đựng của Chinh. Không nói năng nhiều lời, anh ta xắn tay áo lên, ra nhổ phăng cả cái hàng rào, đem vút trước nhà cậu mợ.

Đến lúc đó thì đám đàn ông mới vào cuộc. Vì số người ít hơn, tài ứng đối kém hơn, cha con Hai Nhiều hậm hực nuốt sự thất bại. Vả lại cuộc tranh chấp cũng đã kéo dài tới quá khuya rồi. Cả hai bên đều mệt nhoài. Ông giáo vẫn ngồi uống nước trà phía bên này, ráng hết sức nhẫn nhục để đứng ngoài, đứng trên những chuyện có thể làm giảm thể giá của mình. Rõ ràng ông ngồi trên lửa, nhưng thà lửa thiêu cháy cuộc đời ông còn hơn ông ra vườn sau đối đáp lời một lời hai với Hai Nhiều. Thế mà sáng hôm sau, khi thức dậy, men chiến thắng còn lâng lâng, gia đình ông giáo đã thấy người ta dựng lại cái hàng rào từ lúc nào rồi. Ranh giới mới lẩn sâu về phía bên này thêm hai thước!

*

* *

Lợi xuống An Thái báo tin chị dâu mình là Ba Lý bị đau nặng cho vợ chồng Hai Nhiều biết, đúng vào lúc đang có không khí căng thẳng ấy. Không am tường tình thế, vô tình Lợi đổ thêm dầu vào lửa. Vừa vào nhà Hai Nhiều báo tin dữ xong, Lợi đã khệ nệ ôm xách đủ thứ chai lọ qua nhà ông giáo. Anh thấy cái hàng rào, bước chân khựng lại. Nhìn đám cỏ non xơ xác, Lợi đoán: Phải rồi. Chỉ tại ba con gà. Rào là phải. Không rào, làm gì có cái ăn tết. Lợi đi vòng ra đường, vào nhà ông giáo bằng cổng chính, ngang qua nhà học. Thấy cả lớp đang lắng nghe ông giáo giảng nghĩa, Lợi hơi e ngại không dám bước tiếp. Có một sức mạnh nào đó thôi thúc sau lưng

Lợi, mạnh hơn cả nổi e dè. Lợi bậm môi, cầm cúi đi qua nhà học, thẳng xuống phía bếp nhà ông giáo. An đang ngồi vá cái áo cho cha. Lợi cuối xuống đặt các thứ linh kính trước mặt An, thò phào một cái khoa trương sự mệt nhọc, rồi cười nói rất tự nhiên:

- Thế nào cô Răng Rứa! Thường chứ! Lần này nhất định không quên như mấy lần trước, để khỏi bị chê là anh chàng cuội. Đáng lý chuyển ghe tháng trước tôi ghé đây rồi, nhưng sau nghĩ lại chưa mua giùm dầu phộng cho An. Thành ra đi luôn. Chuyển này đem xuống đủ cả. Đây này, hai cái tĩn này đựng nước mắm, cái có chữ thập vôi trắng là nước mắm nhĩ, ngon lắm. Cái có vòng tròn là nước mắm thường, dùng để nêm. An nhớ nhé, đừng dùng nước mắm nhĩ nấu canh, kho cá phí đi. Nhất đấy. Giã ớt tỏi rồi thêm vài muỗng nước mắm nhĩ, chan vào cơm nóng, ăn quên no. Nhớ cái tĩn có vòng tròn là nước mắm nhĩ... à quên, cái tĩn có chữ thập mới là nước mắm... Lợi ngưng lại, không dám tin trí nhớ của mình. An nhìn nét mặt ngơ nghe của Lợi, cười xòa. Lợi vẫn chưa nhớ ra ý nghĩa các ký hiệu, An nói:

- Kỳ trước em chỉ hỏi qua cho biết thế nào là nước mắm nhĩ, chứ có dám làm phiền anh đâu. Cha em dễ tính, ăn uống không cầu kỳ. Việc gì anh phải khổ nhọc thế!

Lợi giận mình lơ đãng, đưa bàn tay đập đập vào trán như để lay trí nhớ dậy. Lay mãi không được, nhưng Lợi tìm ra được cách giải quyết:

- Thôi thế này. An có con dao nào không? À, nó đây rồi. Chao! Cái mũi dao tà quá. Để tôi cạy nắp cái tĩn này lên là biết ngon dở ngay.

Lợi ấn mũi dao nạy lớp vôi trét quanh nắp tĩn, cẩn thận phui hết các mủn vôi trắng trước khi lật nắp. Mùi nước mắm hơi nồng. Lợi không e ngại gì cả, tự nhiên vào bếp nhà An lục sòng chén lấy một cái chén nhỏ và một cái muỗng con. Anh nghiêng tĩn, múc một muỗng nước mắm màu nước trà đậm ra chén. Còn một chút nước mắm trên muỗng, Lợi đưa lên môi, le lưỡi liếm nhẹ, nhấp nhấp, mắt lim dim chú hết tinh thần định vị. An chờ Lợi nói, nhưng anh ta chưa dám quyết đoán vội, đưa muỗng lên nếm lần nữa, lặng lẽ chờ cho đầu lưỡi thấm hết hương vị chất nước thiêng, mắt thôi lim dim nhưng nhìn thẳng ra phía trước, mông lung. Một lúc sau, Lợi mới gật gù:

- Tuyệt hảo. Thật là tuyệt hảo... không thể tìm đâu ra nước mắm ngon hơn. Phải rồi. Cái tĩn... có vòng tròn là nước mắm nhĩ. Còn cái chữ thập là nước mắm thường.

Lợi đưa chén nước mắm cho An nếm thử. An thấy mùi hơi ngậy, nhưng khi nếm xong, có vị ngon ngọt lắng tăng thấm lâu trên đầu lưỡi. Không chờ cho An ý kiến, Lợi xếp cái tĩn vừa khai lại gần cái tĩn có dấu chữ thập, rồi đến mở tiếp hai cái chai có bọc lá chuối khô và cột dây gai cẩn thận. Lợi định mở từng nút dây, nhưng vì vội, mở mãi không ra. Cuối cùng, anh dùng dao cắt phăng mấy mối dây, lôi ra từ lớp lá dày một cái chai đựng dầu. Lợi khoe:

- Dầu phộng hạng nhất đấy nhé! Phải dặn trước, không thì chúng nó lại bán loại dầu phàm, ăn hôi ngi. Thằng cha bán dầu nó hận tôi lắm, nhưng buôn bán mà, khôn sống mống chết.

An thấy Lợi dừng lại, biết anh ta chờ một câu hỏi tò mò của An rồi mới kể tiếp. Cô tinh nghịch, giữ im lặng làm như không biết ý Lợi. Cho nên Lợi đành phải tiếp:

- An biết không, đối với bọn buôn bán phải cao tay mới được. Tôi dặn đặt mua một lần mười hai chai. Thằng chả y hẹn đem đến đủ mười. Tôi tìm cách chê, để cuối cùng chọn hai chai dầu ngon nhất, còn trả lại hết. Mua dầu phộng mà không sành, tụi nó pha thêm dầu dừa vào. Thà chịu mua cao một chút mà được ăn dầu nguyên chất.

An hơi ngại ngùng khi sắp nói đến chuyện tiền. Cô nghĩ: nhân lúc này ta phải hỏi ngay, không còn lúc nào thuận lợi hơn. An hỏi:

- Cả hai chai dầu này nữa, An có nhớ, nhưng không ngờ việc chọn lựa rắc rối như vậy. Biết một lần, lần sau không dám phiền anh nữa đâu. Anh Lợi này, cho An xin gọi lại tiền mua dầu và nước mắm. Công phu anh mang xách xuống tận đây, quý hóa lắm rồi, không dám...

Lợi gạt ngang lời An xua tay nói mau:

- Không, không. Tôi chỉ có cái công mua và mang xuống đây thôi. Còn tiền là của bác biện. Nói thật đấy. Ông biện dặn bạn hàng dưới Gò Bồi đem nước mắm lên, và dặn đoàn thồ mang dầu xuống. Tiền nong không biết bao nhiêu, giữa bạn hàng với nhau, chắc không cao đâu. Đừng ngại.

An biết Lợi nói dối nhưng không tìm ra cách buộc Lợi nói giá cả hai món nước mắm và dầu. Có tiếng gọi Lợi từ phía nhà Hai Nhiều, hình như tiếng bà vợ. Lợi chớp ngay cơ hội, dặn dò lần nữa cho An phân biệt hai tĩn nước mắm, rồi trở về nhà bên kia. An đang băn khoăn không biết xử trí thế nào cho phải, thì Lợi trở lại. Anh lấy trong bọc một gói giấy nhỏ đưa cho An:

- Tí nữa lại quên. Chuyển đi Mỹ Cang vừa rồi, thấy kim và chỉ may loại tốt, tôi có mua cho An. Có cả chỉ màu để An tập thêu. Thôi về nhé. Chắc thế nào bác Nhiều gái cũng theo tôi lên thăm chị Lý. Này, tôi nói riêng cho nghe đừng kể cho ai nhé, chị Lý đau vì bỏ ăn mấy ngày liền. Mà bỏ ăn vì bị anh tôi đánh cho mấy bạt tai. Dâu con mà chanh chua, dám hỗn với mẹ chồng. Lần này mẹ tôi triệu cho được bác Nhiều gái lên để mắng vốn. Vui không?

Chưa quên những lời bóng gió xấc xược của mợ, An gạt đầu vừa cười, vừa nói như reo:

- Vui quá. Thật thế à!

*

* *

An ngồi mân mê cái gói kim chỉ Lợi tặng, lòng dịu dịu. Cảm giác thoải mái, thân mật, mơn trớn, còn bằng bạc. Không khí đầm ấm tự nhiên Lợi mang đến vẫn còn phảng phất. Cô suy nghĩ mãi chưa hiểu vì sao mình có thể tiếp Lợi ngay trong cái bếp ám khói và lụp xụp này, quần áo xốc xếch, đầu tóc rối. Cô cũng không cần vén lại mái tóc cho gọn ghẽ, quên cả việc đơn giản là rót một tách nước trà loãng ra mời khách. Mình khinh thường anh ấy chẳng? Không phải. Đối với lũ bạn trai cùng học võ với Chinh, rõ ràng An xem họ như không có, rề rúng đến nỗi không thèm nói với họ một lời. Mình kính trọng anh ấy chẳng? Cũng không. Niềm tôn kính có những dấu hiệu của nó, như sự ràng buộc hạn chế ở một mức độ vừa phải cách ăn nói, cử chỉ. Phải nói những câu không thật sự muốn nói, phải đi đứng theo một cung cách gò bó khó chịu làm mất hết vẻ tự nhiên, phải vờ vui mừng hay lo âu những điều ta không thực sự vui mừng lo âu, miễn là không động chạm đến nhân cách ưu việt và tri thức khả kính của người trước mặt. Đối với Lợi, An không cảm thấy mình bị chút ràng buộc hay hạn chế nào. Cô nói những điều mình nghĩ, giữ nguyên cái thế ngồi thoải mái, được buông thả trong cách biểu lộ tình cảm. Cô yên ổn được nguyên vẹn là cô, và bằng lòng hoàn toàn về mình. An trở nên linh hoạt, tự tin trước Lợi. An không phải giữ ý, dè dặt từng lời nói đến cử chỉ. Hơn thế nữa, gần như An còn cảm thấy mình trở nên quan trọng, được cái bình thường của Lợi đưa lên cao hơn, đến một chỗ trang trọng tươi sáng mà An có thể cúi nhìn trở xuống với đôi mắt bao dung. Vừa được thoải mái khỏi phải cố gắng rướn lên một bậc cao quá tầm tay, vừa được cái thú vị thấy mình quý giá hơn kẻ khác, đó là những món quà vô hình Lợi mang lại cho cô bé. Những điều phức tạp này, An chỉ cảm thấy, chứ không thể tách bạch rõ ràng. Cho đến lúc Lãng xuống bếp uống nước, thấy chị ngồi mân mê gói kim chỉ, cậu kinh ngạc không hiểu vì sao nét mặt chị rạng rỡ hẳn lên, niềm vui sượng mợ mành hiện rõ trong đôi mắt, và cái miệng mỉm cười. Lãng nhìn chị, rồi nhìn gói kim

chỉ, hỏi An:

- Của ai thế?

An trả lời:

- Hả? à, của anh Lợi mua giúp chị đấy!

Lãng vừa thấy thêm hai tĩn nước mắm và hai chai dầu đặt gần cái cối đá, hỏi chị:

- Còn những thứ này?

An nói dối em:

- Của ông biện nhờ anh Lợi mang xuống biếu mình.

Lãng gật gù, suy nghĩ một chập rồi đột nhiên nói:

- Sao em ghét cái bản mặt ấy thế!

An bị bất ngờ, nhìn em trân trân, đâm tức giận:

- Ở cái thằng này! Anh ấy có làm gì mà mày đâu mà ghét người ta!

Lãng nói chậm rãi, giọng bức bối:

- Chẳng làm gì cả! Nhưng em không ưa!

- Mày không ưa người ta cái gì? Có tát tai mày như anh Chinh không? Có nhại cái giọng eo éo của mày như anh Thìn không?

Bị chị đem khuyết điểm của mình ra bêu riếu một cách bất công, Lãng nóng bừng cả mặt.

Giọng cậu trở nên lắp bắp:

- Thế chị "mê" hấn ở chỗ nào? Ở cái giọng lải nhải bép xép động gì cũng nói, chỗ nào cũng xen vào phải không? Hay là tại hấn chịu xách dép, cầm nón cho chị, mua kim chỉ cho chị mà chị "mê" hấn. Chị có biết anh Huệ nói thế nào không?

- Nói cái gì?

- Nói về cái anh bép xép của chị đấy.

An bị chạm tự ái, quát em:

- Mày câm miệng lại.

Lớn tiếng với Lãng xong, An ngạc nhiên về chính mình. Hóa ra mấy tiếng "anh bép xép của chị" đối với An, An xem như một lời xúc phạm nặng nề. Không phải xúc phạm đến Lợi, vì quả thực Lợi vốn tính ba hoa, nhiều lời. Xúc phạm ở chỗ Lãng đã ghép đôi An với Lợi, ở hai tiếng "của chị" đầy mỉa mai và phẫn nộ. Thấy chị có vẻ buồn khổ vì mình, Lãng hối hận, cậu tìm cách nói nhỏ lại, giọng tâm tình:

- Em xin lỗi đã làm chị giận. Nhưng cả trường không ai ưa cái tính lảm mồm lảm mép của anh ấy cả. Anh Huệ bảo, nếu cắt cái lưỡi vứt đi, thì anh ấy không đáng một đồng tiền kẽm rỉ!

An ngồi im, nghiền ngẫm lời em vừa nói, lòng khổ sở đến tuyệt vọng vì sự chính xác của nó.

*

* *

An nghĩ đến điểm đáng ghét của Huệ chính là sự thông minh chuẩn xác đó. Đứng trước mặt Huệ, nói chuyện với Huệ, cô bé cảm thấy mình bị mất mát quá nhiều. Đôi mắt sáng rực lúc nào cũng chứa một ánh nhìn xoi mói và giễu cợt ấy khiến An lúng túng, như bất ngờ bị bắt gặp vừa vờn vai ngáp dài sau giấc ngủ dật dờ, đầu bù rối và mặt mũi dờ dẩn. Không có thể giấu gì được trước đôi mắt ấy. An mất cả niềm an lạc, mất luôn cả lòng tự tin. Cô bé phải lo đối phó, che bót điều này, căng phòng trí tuệ để trả lời cho được điều kia, rán ngoi lên một chút cho khỏi hệt hắng. May cho An là hình như Huệ cũng muốn tránh các cuộc gặp mặt hay nói chuyện tay đôi với An. Những cuộc nói chuyện hiêm hoi ấy, đến lúc này vẫn còn để lại cảm giác khó

chịu, gần như bẽ bàng. Một lần Huệ bắt gặp An đang ngồi may áo, và hoàn cảnh lúc đó không cho phép một trong hai người giả lơ tránh mặt nhau, vì làm như vậy là đi quá giới hạn cần thiết. Vốn thích ứng rất nhanh với các hoàn cảnh bất ngờ, Huệ nói với An một cách tự nhiên:

- Hôm nay mới rằm tháng mười, An may áo tết hơi sớm đấy!

An bối rối kéo chéo vải về phía mình, rồi đáp:

- Vì rồi nên em may cho xong đi. Đã hẹn lần lữa mấy lần rồi còn gì!

- An may cho thầy chưa?

- Cha em bảo khỏi cần. Cha em bảo đến cái tuổi này, tuổi tác là cái nợ đáng lo hơn là điều đáng mừng. Hết từ lâu cái rạo rức mặc áo mới mùa xuân rồi!

- Còn An thì sao?

- Em ấy à? Gia đình em sắp ăn cái Tết thứ nhì ở đây. Em thành dân Qui Nhơn rồi. Các anh thế nào thì em thế ấy.

Huệ mỉm cười, ngập ngừng một lúc, rồi nói:

- Giống nhau thế nào được!

An cúi xuống dùng răng cắn đứt sợi chỉ thừa trên cánh tay áo mới, nên không hỏi ngay lý do được. Cô nhìn lên thấy nụ cười giễu cợt còn nguyên trên môi Huệ. An hỏi:

- Sao anh lại cười?

- Tôi cười vì An bảo giống chúng tôi. Chưa giống được đâu!

An bực, giọng gắt gỏng:

- Chưa giống thì đã sao.

- Chẳng sao cả.

- Thế tại sao anh cười?

- Tôi cười vì thấy chẳng những An mà cả nhà thầy cứ lúng ta lúng túng. Vừa muốn sống y như chúng tôi, lại vừa muốn người ta nhìn ra cái gì đặc biệt hơn chúng tôi. Không muốn làm lẫn ra "dân núi"!

An bắt đầu ngờ ngợ trong lời của Huệ có những nhận xét vượt quá bình thường. An hỏi:

- Anh nói gì An chưa hiểu?

Huệ cầm cái áo của An vừa đặt trên rổ may đưa lên cho An xem rồi giải thích:

- Như cái áo này chẳng hạn. An may y theo kiểu ở đây. Thân rộng. Tay ngắn. Ống tay áo rộng cho thuận lợi việc đồng áng. Kiểu kinh vạt dài tha thướt hơn. Tay áo hẹp và dài. Nhưng cứ xem cách cắt áo của An đủ thấy. Ống không rộng quá. Cổ cao lên một chút không giống hần kiểu kinh mà cũng không giống hần kiểu núi. Tay áo dài quá cùi chỏ nửa gang tay. Mặc áo vào không nói nhưng người ta phải hiểu An muốn nói: "Hãy nhìn cho kỹ nhé. Tuy tôi mặc theo kiểu dân núi nhưng tôi không phải dân núi. Chúng tôi tới đây chưa được hai cái Tết. Nếu không vì hoàn cảnh bắt buộc, thì ở kinh, chúng tôi đã..."

An đỏ mặt lên vì xấu hổ và tức giận. Cô hần học nhìn Huệ, giọng nói run run:

- Mặc kệ chúng tôi. Không việc gì đến anh. Không hiểu tại sao cha tôi lại tán tụng anh quá lời như vậy. Anh độc ác, không biết thương hại ai cả!

Huệ hối hận đã làm cho An giận dữ, dịu lời lại:

- Thôi, cho tôi xin lỗi. Tưởng An không để tâm đến những cái lật vạt tôi ba hoa cho vui, không ngờ...

An cướp lời Huệ:

- Không ngờ cái gì. Không ngờ tôi lật vạt nhỏ nhen chứ gì?

- Không phải thế. Sao tôi thấy anh chàng Lợi ba hoa toàn những chuyện không đâu vào đâu hết, An lại thú vị cười khúc khích mãi.

Nhận xét của Huệ như rót thêm dầu vào lửa. An giận tràn hông, không nói được nữa. Còn Huệ thì bỡ ngỡ, không hiểu trong câu nói đó có gì xúc phạm mà nét mặt An tự nhiên tái đi, mắt đỏ căm giận, Huệ vội nói:

- Tôi chịu thua không hiểu nổi An. Không hiểu nổi đàn bà. Thôi bỏ qua mọi chuyện đi. Cái áo này may xong chưa? Phải nhận An may đẹp thật.

An buông gọn hai tiếng cộc lốc:

- Cảm ơn!

*

* *

Bà Hai Nhiều theo Lợi lên Xuân Huề hôm trước, thì hôm sau đã về lại An Thái. An tò mò đứng từ bên này rào, kín đáo núp sau một khóm chuối rậm quan sát động tĩnh nhà bên kia, nhưng không thấy gì lạ. Cửa ngang nhà Hai Nhiều đóng im ỉm. Không có cả tiếng chuyện trò của hai vợ chồng, tiếng giã gạo hay tiếng rửa chén bát phía sau giếng. An chờ đợi dấu hiệu phần nộ của mợ. Cô thất vọng. Không có gì khác thường phía bên kia rào. Nếu có là sự lặng lẽ, căng thẳng như những thời khắc báo bão.

An đem chuyện Lợi kể thuật lại với Lãng. Lãng nói:

- Khi sáng em dậy sớm, ra vườn đi tiểu, nghe bên phía nhà mợ có tiếng khóc tỉ tê. Hình như tiếng mợ.

An chưa tin em, hỏi lại:

- Có chắc không?

- Chắc chứ.

- Mợ về hồi nào chị không hay?

- Em nghe chị Kiên bảo về tối hôm trước. Lúc có tiếng chó sủa, chị nhớ không? Thế mà chị cứ cần nhằn mãi, trách em cài cổng không kỹ, tui trộm mới đến rình.

- Chị Kiên có kể gì thêm không?

- Không. Em nghe chị Kiên trả lời chú Ba Vận. Gặp em, chị tránh đi, làm như không thấy em nữa.

- Trăm sự chỉ tại anh Chinh hết. Cậu mợ rào ở đâu là quyền của họ. Vườn nhà người ta mà. Nhổ làm chi cho xào xáo.

Lãng cãi:

- Ưc quá nhịn làm sao được. Không có anh Chinh, cậu mợ đã rào đến chỗ này rồi. Cả con đường đi xách nước nữa, chắc cũng rào luôn. À quên, ang nước đã cạn chưa, để em đi xách cho.

An ngăn em:

- Thôi, thôi. Còn nhiều lắm. Để dùng cho hết rồi chùi lại đáy ang một thể. Hôm qua chị thấy rong đóng một lớp dày. Ủa, Lãng này. Em nhìn kìa. Có cái áo xanh của ai phơi trên dây cạnh giếng vậy? Không phải áo chị Kiên hay áo mợ.

Lãng nheo mắt nhìn theo hướng chị chỉ, rồi đáp lơ lửng:

- Ờ, ờ. Không phải áo mợ. Áo chị Kiên màu chàm kia!

An càng nhìn kỹ, càng có điều hồ nghi. Cô dè dặt hỏi em:

- Hình như cái áo xanh của mẹ, Lãng ạ.

Lãng không tin, quay nhìn chị, rồi nhìn về phía chiếc áo, Lãng nói:

- Ừ...hình như...đúng rồi. Cái áo lục xanh của mẹ.

An nhớ lại hết, cô nói:

- Chị nhớ rồi. Đây là cái áo năm ngoái mẹ Hai mua cho chị Ba Lý. Lãng, khi sáng em nghe có tiếng khóc phải không? Thế là rõ: Mẹ lên Xuân Huê dẫn chị Ba về đây không cho ở nhà chồng nữa. Hèn gì hai ngày nay, cửa đóng im ỉm.

Chuyện nhà của Hai Nhiều mau chóng thành chuyện hào hứng của lớp học. Chinh mang nó ra trường võ. Thình mang nó đi chợ. Cả làng hay tin, những kẻ vô công hiểu sự chộp lấy như một trò vui phù phiếm, tạm quên cuộc sống vô vị. Nỗi hận tưởng đã phai của đám con cháu nạn nhân ông Tư Thới lại được dịp trỗi dậy. Các lời bàn tán đều độc địa, đến nỗi một người vô tâm như Chinh mà cũng bất nhẫn, tức quá tát tai một tên xấu mồm nhỏ tuổi sau giờ học võ. Vợ chồng Hai Nhiều thì ủ rũ, gần như hoảng hốt. Một tối ông giáo ngạc nhiên khi thấy Hai Nhiều rụt rè đứng trước cửa, e ngại không dám lên tiếng hay tự tiện vào nhà như trước đây. Ông giáo vui mừng ra cửa mời Hai Nhiều vào nhà, giả vờ xem như lâu nay chưa từng có chuyện xích mích giữa hai gia đình. Hai Nhiều ngần ngại, nói quanh co thật lâu, rồi mới hỏi:

- Chú có biết chừng nào ông biện xuống đây không?

Ông giáo chưa hiểu ý ông Hai Nhiều, nhưng cũng trả lời:

- Nghe Lữ với Huệ bảo khoảng mồng một tháng chạp có một chuyến muối lên. Chắc ông biện xuống vào khoảng đó.

- Như vậy là còn bốn ngày nữa.

- Vâng, khoảng bốn ngày.

- Mới đây mà lại gần tết rồi. Thật mau quá.

- Vâng mau. Anh chị đã làm gì chưa?

- Làm gì? Ờ, ờ có làm. Chậm chậm thôi. Năm nay nhà tôi lo sơ sơ vài thứ cúng tổ tiên ông bà rồi thôi. Vui vẻ gì mà tết với nhất!

Hai Nhiều thôi ngược mặt nhìn lên trần nhà, nhận thấy đã quanh co đủ để vào chuyện:

- Năm nay tưởng qua được một năm yên ổn, không ngờ tháng cuối cùng lại xảy ra chuyện vợ chồng con Ba Lý. Mấy ngày nay chắc chú đã nghe thiên hạ đồn đãi. Đừng vội tin bọn bép xép. Vợ chồng nó ăn ở với nhau đã lâu không con cái, nên bà mẹ chồng tìm chuyện làm găng với con Ba. Bà nhà tôi lại không dẫn được cơn giận. Lâu nay tôi để ý, thấy ông biện nể chú. Hôm nào ông xuống, chú nói cho một lời.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Sao lại dính tới ông biện, anh?

Hai Nhiều ngồi im một lúc, do dự không biết có nên nói hay không. Nhưng đã tốn công phu qua đây làm lành, ông không còn con đường nào khác là phải chịu lép nhờ đến ông giáo vậy. Hai Nhiều chậm rãi giải thích:

- Số là sau chuyện gia đình xục rục, thằng chồng con Ba bỏ nhà lên Tây Sơn thượng với ông biện. Thế mới rắc rối. Con gái gả đi lấy chồng là con dâu nhà người ta rồi, dẫn về đây luôn coi sao được. Mà về trên đó, không có thằng chồng thì sống làm sao. Chú làm ơn nói với ông biện, nhờ ông biện khuyên thằng chồng con Lý một lời.

Ông giáo mau mắn đáp:

- Dạ được. Tôi se cổ. Vợ chồng đầu gối tay ấp mặn nồng còn hơn cả tình ruột thịt, lảng giềng.

Anh chị còn bỏ lỗi cho các cháu mà qua đây, hướng chi là...

Ông giáo ngừng lại ở lưng chừng câu, vì thấy vẻ bối rối của Hai Nhiều. Không khí trở nên oi bức

hơn vì cả hai đều không dám nói thẳng những điều đang nghĩ. Mãi đến lúc không thể ngồi im lặng được nữa, đứng dậy chào chủ nhà ra về, Hai Nhiều mới bảo ông giáo:

- Mai chú bảo cháu Chinh nó sang bên tôi nhờ một ít cải non về cấy. Tết sắp đến rồi, lo làm dưa cải ăn với bánh tét chứ. Thiếu đất thì phá quách cái hàng rào đi. Tôi trồng cau đã mục hết cả, đổ lúc nào không hay!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 9

Vừa bước qua năm Mậu Tý được một tuần, gia đình ông giáo nhận được tin dữ: Kiên bị một tên vô lại hành hung đến trọng thương. Người đưa tin ở trong đoàn ngựa thồ chở mặng le về xuôi, vì vợ chỉ ghé An Thái được một chốc rồi lại tiếp tục hành trình. Đúng lúc đó chỉ có một mình Lãng ở nhà, tin dữ trở nên khủng khiếp hơn vì sự mơ hồ. Ông giáo phát tức, đánh cho Lãng một bạt tai. Lãng run lên, ăm ục muốn khóc mà không dám khóc. Mặt cậu đỏ, đầu mũi phập phồng, cổ rướn cao như sắp rống lên thống thiết. Thấy dấu hiệu những kích động thái quá quen thuộc của em, An đánh bạo thưa với ông giáo:

- Cha để con hỏi nó cho. Cha giận, nó không nói gì được.

Ông giáo đã hơi nguôi, hơi thấy hối hận khi thấy dấu năm ngón tay còn in đủ trên má xanh tái của Lãng. Ông không nói gì, để mặc An dẫn Lãng vào phòng sau. Ông nghe tiếng Lãng khóc hức hức, tiếng kể lể ướt nước mắt chen giữa những tiếng nấc. An dỗ:

- Thôi, đừng khóc nữa. Đây khăn dây, chùi cho sạch cái má cho chị coi. Đừng vất ở đó. Cái thành giường đầy cả bụi không thấy sao. Cần uống nước không, chị rót cho. Từ từ nào, không lại sặc! Đây, em thấy chưa, cái gì cũng cần phải bình tĩnh. Em cứ ấp úng nói chẳng đâu ra đâu cả, làm sao cha không giận. Bây giờ kể rõ cho chị nghe. Người ta đến đây lúc nào?

Tiếng Lãng vừa thút thít vừa trả lời:

- Lúc chị vừa qua bên nhà mợ. Em đã định đóng cửa, nhưng cài cái then mãi không được. Cái cửa đã xệ rồi. Vội lại...

An ngắt lời em:

- Thôi được rồi. Đừng dài dòng. Bác ấy có quen với nhà mình không, đã đến đây lần nào chưa?

- Bác nào?

- Thì bác đến báo tin anh Kiên bị...

- Không, cái anh còn trẻ. Chỉ bằng tuổi anh Chinh là cùng.

- Ảnh hỏi đây có phải là nhà ông giáo Hiến không, em hỏi ảnh hỏi như vậy để làm gì, ảnh nói...

An phát bực, ngắt lời Lãng lần nữa:

- Nói gọn gọn một chút. Cha đang chờ ngoài kia. Người ta báo tin anh Kiên ra sao?

Lãng im lặng một chập, rồi nói:

- Ảnh nói anh Kiên giắc, mọi người tưởng không cứu được nữa, nhưng...

- Nhưng làm sao?

- Nhưng về sau, ảnh tỉnh lại... Thằng du côn lén đập vào đầu ảnh, may anh Kiên nghe có tiếng gió vội nghiêng đầu, nên khỏi phải vỡ sọ.

- Anh Kiên bị thương ở đâu?

- Ở vai, cái đầu gậy đập vào ót nên ảnh chết giắc. Máu ra nhiều, nhưng vết thương không sâu

lắm.

- Vết thương chỗ nào?

- Em không hỏi.

Ông giáo nóng ruột, không dần được nữa, chạy vào trong phòng quát:

- Thằng ngu. Quan trọng là bị thương ở đâu, nặng nhẹ thế nào lại không hỏi. Thế có hỏi sau đó anh mày ra sao không?

Lãng rụt rè, liếc nhìn cha, rồi nhìn chị, không dám trả lời. Sợ cha giận trở lại, An phải hỏi gấp em:

- Người ta có nói sau khi bị đánh anh Kiên thế nào không?

- Ảnh nói khi tỉnh lại, anh Kiên bảo bị nhức đầu. Khiêng về trại, ảnh bị ói.

Ông giáo chen vào hỏi:

- Anh mày bị hành hung hôm nào?

Lãng lẩm lét nhìn cha, trả lời nhỏ:

- Con không hỏi.

Vốn có biết qua nghề thuốc, ông giáo hết sức lo lắng cho tính mệnh của Kiên. Bị đánh trúng ót đến ói mửa, điều đó thật nguy hiểm. Ông giận con ở điểm đã không hỏi kỹ từ hôm Kiên bị đả thương cho đến hôm báo tin tại An Thái, khoảng cách thời gian là bao lâu. Đây là điểm then chốt. Không có cách nào khác hơn là lên ngay Tây Sơn thượng. Ngay đêm ấy, ông dặn lại qua loa việc nhà cho An nhớ, rồi cùng với Chinh đi thăm con. Lữ cũng nóng lòng muốn biết tình hình thực sự của trường trâu, nên xin theo thầy.

*

* *

Dù mượn được những con ngựa thực khỏe, phải mất một ngày hai đêm họ mới tới Tây Sơn thượng. Ngựa chạy không nghỉ nên mồ hôi tiết ra ướt đầm bộ lông mượt. Lữ là một người quen thuộc đường đi lối về, nhưng từ lúc vó ngựa mỗi uể oải bước lên đèo, anh mất dần sự hăng hái. Đường gập ghềnh và vắng, hai bên cây cối rậm rạp, rình rập, đe dọa từng bước tiến của ba người. Bọn cướp đường, từ vụ mất mùa năm trước, hoạt động táo tợn hơn ở các truông hẹp, nạn nhân thường thường là các đoàn ngựa thồ. Lữ gợi ý nên ghé qua đêm ở một buôn thượng. Lữ quen nhờ nhiều lần đến đổi măng le trước đây, ông giáo gạt đi. Ông không thể yên tâm nghỉ ngơi được, cho tới khi biết đích xác tình trạng sức khỏe của con.

Khoảng gà gáy thì họ tới trại. Trời còn tối mịt, dù sương núi phủ khắp thung lũng che lấp hết cảnh vật nhưng cũng chính nhờ màu trắng âm u đó ấp ủ chút ánh sáng lặng lẽ mà ông giáo còn phân biệt được cáo cổng nặng nề ghép bằng những thân cây không tô chuốt, hàng rào dày bằng thân le vót nhọn đan chéo nhau và xa hơn nữa, chìm khuất giữa bể sương là một mái nhà cao giống kiểu nhà người thượng. Lữ chạy đến tìm cái gì đó ở cánh cổng im lìm, có lẽ không thấy nên anh cầu nhàu:

- Tụi này quá lắm. Không biết vất đâu rồi!

Chinh hỏi:

- Anh tìm gì đó?

Lữ sờ soạng tìm kiếm một lúc nữa, mới trả lời:

- Cái mõ. Trước đây tôi đã dặn, hễ muốn vào thì lấy mõ đánh nhịp hai để cho bên trong biết.

Mỗi ngày đổi ám hiệu một lần, để đề phòng bọn cướp.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Làm thế nào bây giờ? Liệu có ai còn thức không?

Lữ đáp lơ lửng:

- Không có ánh đèn. Hoặc là sương dày quá...

Chinh đề nghị:

- Hay ta lấy cây đập vào cửa cổng thay mõ vậy.

Lữ làm theo ý Chinh. Một lúc lâu, mới nghe tiếng lao xao bàn tán bên trong, và tiếng chân người đến gần. Lữ hỏi lớn:

- Ai bên trong đó?

Tiếng Lữ chìm vào lớp sương đêm, rồi va vào các vách núi dội thành một thứ âm thanh mù mờ như tiếng sấm động. Bên trong có tiếng hỏi:

- Ai đó?

Lữ mừng rỡ đáp:

- Tôi đây. Bầy Lữ đây. Có nghe thấy không?

Có tiếng bàn tán rù rì ngay đằng sau tấm cửa nặng. Chờ mãi không thấy gì, Lữ nhắc lại:

- Tôi là Bầy Lữ đây. Mở cửa nhanh lên.

Bên trong có tiếng hỏi:

- Anh Bầy Lữ nào lại lên đây vào giờ này. Đừng có nói láo. Tụi bây muốn chết hay sao mà còn đến đây chọc phá. Khôn hồn hãy tìm chỗ khác làm ăn.

Lữ tức quá, lấy tay đập thình thình vào cửa:

- Tôi là Bầy Lữ thật mà! Đã nhận ra tiếng tôi chưa? Ai phía trong đó?

Lại có tiếng rù rì bàn tán. Và tiếng chân người từ bên trong vừa ra cổng. Lại bàn tán thêm. Cuối cùng, cánh cổng mở hé vừa đủ một người lách qua, tiếng dây mây già cọ vào trục cửa kéo kẹt.

Lữ mừng quá, tiến đến chỗ cửa hé. Chưa kịp đưa tay đẩy cánh cổng mở rộng thêm đủ cả người và ngựa, Lữ đã bị hai ngọn giáo kề sát hai bên hông. Lúc đó, cửa mới mở lớn. Ngoài hai người cầm giáo đang uy hiếp Lữ, còn có một người thứ ba đang cầm cung hờm sẵn. Phút lo sợ bất ngờ qua đi, Lữ nói to:

- Bây giờ đã tin chưa? Đã có ai thức dậy không?

Ba người giữ cổng mừng rỡ reo lên một lúc: "A, anh Bầy". Lữ lấy giọng kẻ cả bảo:

- Có thầy tôi và anh bạn kia kia. Dẫn ngựa vào. Cho uống nước và cho một mủng lúa.

Ông giáo để mặc Lữ căn dặn bọn người ở trại, ra dấu cho Chinh cùng đi với ông vào thẳng trại trong. Phút chốc người ta mau chóng hiểu ông giáo là ai và lên đây làm gì. Hai cha con ông giáo được dẫn ngay tới chỗ Kiên nằm. Ông giáo không dám hỏi anh thanh niên đã dẫn đường, sợ phải nghe tin đau đớn. Nhưng thấy nét mặt anh ta bình thường, gần như mừng rỡ khi gặp khách lạ, nên ông giáo yên lòng. Ông hỏi:

- Anh quen thân với cháu nó không?

Người dẫn đường không hiểu lối nói kiểu cách của ông giáo, dừng lại chờ ông giải thích. Ánh đuốc khi mờ khi tỏ chiếu lên khuôn mặt xương xương, hai hố mắt sâu và một nụ cười hiền. Ông giáo hỏi câu khác:

- Kiên nó dậy chưa anh?

Người thanh niên đáp:

- Dạ, cháu không biết. Đêm rồi ảnh ngủ được. Chắc chưa dậy.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Thế nó bị nặng không?

- Cháu không rõ. Đêm trước ảnh rên suốt đêm. Đêm trước nữa lại ngủ yên.

Hóa ra nét mặt vui vẻ của người dẫn đường không liên gì đến tình trạng của Kiên. Ông giáo đâm lo.

*

* *

Những gì Lãng thuật lại chỉ đúng có một phần. Tên vô lại đã dồn hết hận thù vào đòn bắt ngờ đầu tiên. Kiên không kịp nghe cả hơi gió của thanh củi xù xì đang vụt xuống đầu mình, làm sao né tránh được. May cho Kiên, thanh củi khô đòn nên dễ gãy. Kiên bị mất cây xẻ một vết thương dài hơn một phân trên đỉnh đầu, máu phun ra nhuộm đỏ cả hai vạt áo. Thấy đòn đầu tiên bị hỏng, tên vô lại vụt thêm một đòn nữa bằng thanh củi cụt. Lần này Kiên né được như lời Lãng thuật. Tên vô lại bỏ trốn vào rừng, không biết Kiên có vẻ bình thường được một lúc, rồi ngã lăn ra bất tỉnh. Ai cũng tưởng là Kiên chết vì vết thương ở đỉnh đầu. Người đưa tin cũng ái ngại, giấu không cho gia đình biết có vết thương đó. Họ không ngờ vết thương đâm máu trên đầu lại không đáng sợ bằng một vết bầm đằng sau ót. Cho đến hôm ông giáo đến Tây Sơn thượng, nghĩa là một tuần sau ngày Kiên bị hành hung, Kiên vẫn chưa qua khỏi cơn chấn động thần kinh. Lúc thì anh bình thường, có thể đi đứng, nói chuyện, làm việc như mọi người. Lúc thì anh cảm thấy vạn vật quay cuồng, đất dưới chân anh chao qua chao lại như là dậy sóng. Anh chói với muốn tìm một chỗ bấu, nhưng dường như bất cứ thứ gì anh vừa đưa tay ôm được cũng đều tan thành một hơi khói. Nỗi sợ hãi khủng khiếp ào ào đến như giông bão. Anh muốn hét lên, muốn kêu cứu nhưng hai hàm răng anh run lập cập, tiếng nói thành ra một tràng âm thanh ú ớ vô nghĩa. Ông giáo đau khổ nhìn con bị hành hạ bởi cơn chấn động vô hình ấy, tuyệt vọng không biết phải làm thế nào. Trong thâm tâm, ông lo sợ Kiên đã bị cùng thứ bệnh của mẹ. Ông ở lại Tây Sơn thượng chăm sóc Kiên một tuần. Sang tuần thứ hai, thứ thuốc quét nhuễn bằng lá cây của người thượng đã làm cho vết thương trên đầu khô lại. Mủ thôi mưng quanh, da non đã kéo. Và kỳ diệu làm sao, dường như cái vết thương xoàng ấy có liên hệ kín đáo và phức tạp với cái vết bầm sau ót Kiên. Càng ngày anh càng bớt chóng mặt thất thường. Đầu óc anh vượt qua được những xáo trộn bất ngờ. Anh ngủ được, giấc ngủ êm hơn. Các chao đảo thưa dần. Sự sợ hãi, nỗi buồn vẫn vơ do những ám ảnh mơ hồ tàn dần, rồi mất hẳn. Kiên lấy lại được nếp suy nghĩ, mơ ước đơn giản và chậm chạp y như trước. Nhờ thế, sang tuần lễ thứ hai, ông giáo tự hẹn là sẽ trở về An Thái vào cuối tháng giêng. Ông bắt đầu một nỗi lo khác, không biết ở An Thái, An quán xuyên chuyện nhà như thế nào. Dù ông cũng chưa dám chắc Kiên đã hoàn toàn bình phục.

Những ngày còn lại, ông đã đủ bình tâm, dạo quanh vùng Tây Sơn thượng xem xét cảnh vật, lối sống của người Bana, nhất là sinh hoạt ở trại canh tác và buôn bán hàng nguồn của biện Nhạc. Chính Phúc, chồng của cô Ba Lý, anh của Lợi làm người hướng dẫn cho ông. Vụ rắc rối đáng tiếc trong gia đình hồi đó, cuối cùng được dàn xếp ổn thỏa. Mẹ chồng lẫn nàng dâu đều nhận thấy không thể thiếu Phúc, nên cả hai đành bằng lòng với cái phần chiếm hữu tình cảm không được trọn vẹn của mình. Hồi đó, sau khi nghe ông giáo trình bày tình cảnh ông bà Hai Nhiều, biện Nhạc cho người lên ngay Tây Sơn thượng gọi Phúc về. Phúc vâng lời trở lại Xuân Huê, nhưng hơn một tháng sống cuộc đời khác hẳn cuộc đời phẳng lặng anh sống lâu nay, Phúc biến đổi không ngờ. Anh thấy trong sự mơn trớn âu yếm của vợ, sự lo lắng của mẹ, có điều gì vương váu ràng buộc. Có lẽ những ngọn núi, thung lũng, rừng già đã quyến rũ anh. Phúc bắt đầu hiểu vì sao Lợi không chịu ở nhà lấy hai ngày liền, xem thường lời khuyên của anh và mẹ, bôn ba

quanh năm suốt tháng nơi đầu chợ, cuối sông. Cho nên tuy bằng lòng không ở hẳn trên Tây Sơn thượng, Phúc lại xin được gia nhập vào đoàn ngựa thồ của biện Nhạc, chở hàng từ An Thái, vượt đèo lên nguồn và ngược lại.

*

* *

Ông giáo lên Tây Sơn thượng được hai hôm thì đoàn ngựa thồ chở muối của Phúc cũng đến. Nếu gặp ông giáo ở An Thái, có lẽ Phúc không mừng rỡ và vồn vã với ông như gặp ở nơi thung lũng vây quanh những núi là núi này. Ở nơi xa xôi cuối trời, sự quen biết cũ tự nhiên quý giá hơn, như một bức tường chung cả hai cùng dựa vào đó để chống chọi sự xa lạ. Khác hẳn với lối nói chùng mực, rụt rè lâu nay, Phúc cuống quýt:

- Trời ơi, dựng giáo! Dựng lên hôm nào vậy! Thế mà mấy ngày nay con cứ lo mãi, không biết có ai đã tin cho dựng hay chưa.

Ông giáo cũng mừng rỡ đáp:

- Cháu Phúc! Độ này cháu mập và đen ra. Đừng lo, con Ba Lý không chê đâu. Rắn rồi thế là tốt. Cháu có ghé qua An Thái trước khi lên đây không? Mấy em bên nhà dựng có chuyện gì không?

- Xin lỗi dựng giáo. Chuyến này gấp quá con không ghé được. Dựng thấy sức khỏe Kiên thế nào? Con lu bu quá, từ nãy đến giờ chưa vào thăm được.

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Khi hôm nó kêu nhưc đầu. Ăn uống thì khá hơn, bớt ói hơn trước. Thật là quân vô lại! Không biết nó là người hay là thú mà tàn nhẫn vậy.

Trong cơn hăng hái, Phúc dõm nói thật ý nghĩ của mình. May mắn là anh ngưng kịp lúc. Phúc đáp:

- Câu chuyện bên trong chắc có nhiều điều phức tạp. Không phải vô cớ mà nó dám. Nhưng dựng biết đấy, những người lên đây chịu đựng được cảnh rừng sâu nước độc đều là những kẻ bất đắc chí. Kiên chịu đựng được một năm trường đã là điều phi thường lắm rồi. Năm ngoái lên đây vài ngày con đã muốn về. Nhưng về thì còn mặt mũi nào nữa, nói làm sao với con Ba cho khỏi bẽ mặt. May nhờ có dựng...

Ông giáo nóng lòng muốn biết sự thật, ngắt lời Phúc:

- Theo cháu thì tên vô lại đó có thù hằn gì với thằng Kiên không?

Phúc dè dặt đáp:

- Dựng giáo tính, anh Kiên hiền thế thì ai nổi giận.

- Thế do đâu có chuyện này?

- Cháu nghĩ... cháu nghĩ có thể là...hình như có chuyện hiểu lầm sao đó. Chuyện sổ sách, chi tiêu ở trường trầu phức tạp lắm. Giao muối cho anh em đem đi để đem trầu về. Hoặc giữa đường gặp mưa, hoặc lộn tuổi bị ước, trầu đem về có khi không đúng loại. Bỏ qua thì sau này nói làm sao với ông biện, mà ghim gút thì mất lòng anh em. Vả lại không phải trong anh em ở đây ai cũng chơn chất. Ở cho vừa lòng mọi người, khó lắm dựng!

Ông giáo bắt đầu hiểu lơ mờ nguyên do cuộc hành hung. Điều ông lo lâu nay đã thành sự thực. Nhưng ông thắc mắc:

- Tính thằng Kiên nhà tôi, giống giống với tính cậu Lữ, em ông biện. Cẩn thận tỉ mỉ quá, ít chịu quyền biến. Nhưng lúc cậu Lữ ở trên này thì không việc gì. Tại sao thế?

Phúc trả lời liền không suy nghĩ:

- Vị thế của hai người khác nhau mà, dựng giáo! Cậu Lữ nhỏ tuổi hơn anh Kiên, nói cho ngay

thẳng, đối xử với anh em còn hẹp lượng hơn anh Kiên nhiều. Nhưng cậu ấy là em ông biện!

- Vậy cháu có biết cái tên... cái tên còn đồ nó hành hung thẳng Kiên là ai không? Quê quán nó ở đâu? Già hay trẻ?

- Ông Năm Ngãng hỏi dượng? Lớn tuổi rồi. Chắc chừng khoảng bốn mươi. Có thể ít tuổi hơn chút ít, vì cơ cực quá ai cũng già trước tuổi. Lần đầu con lên đây kêu ông Năm bằng cụ, bọn nó cười ầm lên.

- Chừng đó tuổi sao còn lên trốn trên này làm gì?

- Hơn hai mươi người cái trại này ai cũng có thảm cảnh riêng. Lên đây là cái thế chẳng đáng đừng mà dượng. Nếu chẳng vậy thì chỉ hô lên một tiếng, ai nấy đều bỏ trại mà chạy bộ xuống đèo. Dượng chưa thấy cái cảnh mấy mươi người đứng tụ trước cổng nhìn theo đoàn ngựa thồ sắp về xuôi. Hình như đoàn ngựa khỏe chở hồn của họ xuống núi mất rồi. Còn lại trại chỉ là mấy cái xác vờ. Phải mất hai ba ngày sau, họ mới trở lại bình thường. Dượng nghĩ mà xem, công việc của anh Kiên khó khăn biết chừng nào!

- Cháu có biết thẳng Kiên nó đối đãi với ông Năm... ông Năm gì đó, dượng quên mất rồi?

- Năm Ngãng, thừa dượng.

- Đúng rồi, ông Năm Ngãng. Không ai hiểu tính con hơn cha mẹ. Dượng biết tính thẳng Kiên. Dù ở hoàn cảnh nào, thẳng Kiên không bao giờ dám vô phép nặng lời với người có tuổi. Đến là em nó ở nhà nó còn không nỡ nặng lời, huống hồ là đối với bác Năm... bác Năm Ngãng. Cái tên lạ, khó nhớ quá!

Phúc cười đáp:

- Dạ, không phải tên thật của ổng đâu. Tại cái tính nghếch ngãng làm đâu quên đó như người mất hồn nên tụi cháu mới đặt cái tên bác Năm Nghếch Ngãng. Về sau gọi gọn là Năm Ngãng. Ông giáo nhớ lại điều mình thắc mắc, quay lại hỏi Phúc:

- Thế riêng ông Năm... ông Năm Ngãng thì vì sao phải lên đây?

- Không trốn lên đây thì ở tù một gông sao dượng!

- À ra thế! Dân đầu trộm đuôi cướp chứ gì!

Phúc vội xoa tay cải chính:

- Không phải đâu dượng. Dượng gặp bác Năm, thấy cái bộ lù khù nghếch ngãng của bác, chắc dượng không khỏi kinh ngạc. Ai dè một người như vậy mà đã từng làm những việc động trời. Ông giáo không kiên nhẫn được nữa, nôn nóng hỏi:

- Nhưng ông ta làm cái gì mới được chứ?

- Bác Năm đốt rụi cả nhà người ta.

- Nhà của ai?

- Của người chủ điền. Dượng có nhớ vụ đói năm Hợi ngoài Phù Ly không? Đấy, ông ta là người huyện Phù Ly, miệt Đồng Hậu. Gia đình gồm hai vợ chồng và ba đứa con nhỏ. Mấy đứa đầu khó nuôi nên chỉ còn chừng đó, vậy mà nuôi không nổi. Phần lúa nộp cho chủ điền, phần lúa thuế. Năm được mùa chỉ đủ ăn giáp hạt, mất mùa như năm ngoái thì chỉ còn nước chịu đói. Đã thế tiền kẽm lại sụt giá, nhà giàu không dám trữ tiền, chỉ lo trữ lúa, bán hết mọi thứ lặt vặt còn lại, bác mang mấy quan tiền kẽm đến năn nỉ chủ điền bán cho mùng lúa về nấu cháo cầm hơi. Lão chủ điền nhất định không bán. Lờ qua tiếng lại một hồi, bác giận quá cầm cái con cúi dúi ngay bên mái lẫm thóc tên nhà giàu. Gặp mái tranh mùa hạn, lửa chỉ liếm qua một chốc là tiêu tan cả gia nghiệp.

- Rồi vợ con bác ta ra sao?

- Chẳng ai rõ họ trôi giạt đằng nào. Bác Năm chạy về nhà, vợ con mếu máo van bác hãy trốn mau đi. Bác dùng dằng nhưng thấy có bọn lính tuần vây bủa, bác trốn lên đây. Vợ con bác cũng nhân đêm tối dắt díu nhau trốn biệt tăm. Không ai còn biết họ ra làm sao nữa. Nỗi khổ tâm của bác chính là ở chỗ đó. Lần nào có đoàn thờ về xuôi, bác cũng nhờ dò hỏi tin tức gia đình. Anh em thương bác cũng chịu khó hỏi thăm mọi nơi, nhưng không được kết quả gì. Bác khổ tâm lắm, nghĩ chỉ vì mình làm ăn không ra gì nên mới gây vạ cho vợ con. Rồi bác mắc chứng ngẩn ngơ, và cái tật hể thấy gạo ở đâu là mắt sáng rỡ, len lén xúc một bát, vốc một nắm đem thu giấu vào chỗ kín đáo. Giấu lần trước thì lần sau quên. Cuối cùng chỗ xó xỉnh nào cũng có gạo mốc. Kiên bực quá phải nặng lời. Mấy lần trước bác Năm chỉ lầu bầu trong miệng, rồi thui thủi bỏ đi. Không ngờ lần cuối, bác nổi máu bạo...

Nghe Phúc kể xong, ông giáo bồi hồi một lúc, cảm thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng. Sau đó ông hỏi:

- Có cách nào tìm bác Năm...bác Năm Ngãng không?

Phúc trả lời:

- Chắc hơi khó, dượng. Quanh đây toàn núi rừng, và thú dữ. Không biết bác đã gặp lại vợ con "ở dưới đó" chưa!

Ông giáo ngược lên nhìn Phúc, đón hiểu được nỗi lo sợ thầm kín của anh!

*

* *

Đêm ở miền núi ập đến đột ngột khác thường. Mặt trời vừa khuất sau Hòn Cong là sương bắt đầu nghi ngút tỏa, như đã chờ đợi khắc khoải từ lâu để cướp chỗ của ánh nắng. Vạn vật chìm trong một thứ ánh sáng âm u màu đục. Khí lạnh làm thâm tím những đôi môi, cảm giác bải hoải râm ran trên bả vai và dọc theo sống lưng.

Lâu nay quên sống nơi bình nguyên, ông giáo không ngờ mấy cái chữ đầu môi "sơn lam chứng khí" lại có cái lõi nghĩa chính xác như vậy. Ở trại, người ta lo cơm chiều lúc còn mặt trời, cho nên khi từng đám sương buốt lạnh ùa vào mấy dãy lán cỏ tranh, gần như đời sống chỉ còn nhịp thở ở khoảng quanh ngọn đèn chai lù mù.

Mỗi người từ trẻ đến già đều phì phèo trên môi một điếu thuốc lớn bằng ngón tay cái. Ngồi bó gối quanh ngọn đèn, họ vừa hút thuốc, khạc nhổ vừa nói chuyện dăm dẳng rời rạc. Tiếng nói rầm rì đôi lúc mất hút trong tiếng gió hú, và thấp thoáng khi mờ khi tỏ dưới ánh đèn lắt lay, là những khuôn mặt rầu rĩ. Ông giáo nhớ lời của Phúc, bảo cả ý tưởng, mơ ước cả tâm hồn họ đã theo đoàn ngựa thờ về xuôi mất rồi, chỉ còn lại đây cái xác vờ cử động mệt mỏi, thừa thãi.

Qua nhiều đêm ở Tây Sơn thượng hơn, ông giáo nhận thấy sinh hoạt về đêm trong trại không đơn sơ, ảm đạm như đã tưởng ban đầu. Vượt khỏi được những bờ ngõ dè dặt nhiều người tìm đến bắt chuyện với ông. Họ mời ông đến ngồi bên đèn hoặc bên đống lửa un muối, "cho nó ấm". Rồi để cho nó ấm hơn nữa, họ mời ông uống tí rượu cần theo phong tục của người thượng. Rượu cất bằng một loại lá rừng nồng độ cao, đựng trong những cái hũ sành thân bầu và cổ nhỏ, không rót ra bát mà hút chung bằng cái ống trúc dài. Vị rượu nồng thật nồng, càng về sau càng nhạt, do có thêm nước vào. Đêm nào cũng vậy, chưa uống rượu thì mặt mày ai nấy cũng rầu rĩ dăm chiêu. Tợp vài ngụm rượu vào, lời chân tình bắt đầu ra cửa miệng. Thoạt tiên là chuyện đổi hàng ở các buôn thượng. Chuyện một con suối dâng nước bất ngờ đến nỗi vừa trông thấy lũ đá lớn nhỏ vương vãi dưới lòng suối cạn đó, một thoáng sau quay lại đã thấy nước suối đục ngầu cuồn cuộn mấp mé bờ. Chuyện khôi hài quanh nếp suy nghĩ, nhận thức

đơn giản của người thượng. Loại chuyện này bao giờ cũng hào hứng, người kể thêm mắm thêm muối cho câu chuyện trở thành ngây ngô đến phi lý, người nghe cười quên cả rét đêm dù họ đã thuộc lòng từng chi tiết nhỏ của câu chuyện. Nhưng gây hào hứng nhất cho đám trai tráng sống lạc giữa rừng già, là các chuyện tiểu lâm. Họ nói thẳng về bộ phận sinh dục, không quanh co, không trang điểm bằng những từ ngữ hoa hòe. Chẳng những thế, họ còn ưa dùng hai bàn tay diễn tả công việc giao hợp để phụ họa lời kể. Sự tục tằn pha lẫn thô bạo khiến ông giáo bỡ ngỡ. Thấy vẻ lúng túng của ông, họ càng thú vị, ồn ào chất vấn, đùa cợt với tuổi tác và tư cách nhà nho của ông. Thật khó xử cho ông giáo, vì những kẻ bị châm biếm trong các chuyện tục tĩu ấy, hoặc là nhà sư, hoặc là thầy đồ vờ vĩnh làm mặt đạo đức. Ông giáo khó chịu vì cảm thấy bị lôi vào một trò trêu chọc quái ác bất ngờ, nhưng ông không giận họ vì hiểu đời sống dồn nén sinh dục bất thường của họ ở góc núi này.

Từ hôm lên Tây Sơn Thượng, ông giáo có thói quen dậy sớm hơn mọi người. Ở miền xuôi, ông quen thức dậy lúc mặt trời vừa mọc. Ở đây mặt trời mỗi sáng phải khó nhọc lắm mới vượt qua được Hòn Lớn, nên sau khoảnh khắc tinh sương ngấn ngủ, khí hậu bỗng chốc trở nên oi ả. Đêm mù sương và khí núi tan nhanh dưới ánh mặt trời, đến nỗi cây cối, chim chóc, côn trùng không có thì giờ ngái ngủ. Trong khoảng thời gian nằm một mình mỗi sáng đó, ông cứ loay hoay với cảm giác lạc lõng, lạ lẫm nó vương víu tâm hồn ông bao lâu nay. Xa đồng bằng, cách biệt với đồng sách vở vốn là chỗ dựa của đời ông từ trước đến giờ, ông cảm thấy trống trải, không còn biết làm gì, nghĩ gì. Ông hụt hẫng như bị rơi vào một khoảng sâu, hay chòm ngợp vì không quen với những đỉnh chon von cô độc. Những cuộc rệu òn ào, những đêm nghe chuyện tiếu lâm, sự biểu lộ tình cảm mạnh bạo và sỗ sàng của nhiều người trong trại, đặc biệt là sự thờ ơ gần như khinh thị của họ đối với chữ nghĩa, đã khiến ông giáo ngỡ ngàng. Ông bắt đầu nhận thấy có nhiều vấn đề để ông quan tâm thực ra chỉ là những điều không có thực. Cái thực sự cần thiết cho nhiều người quanh ông, trước hết là sống. Phải sống trước đã, và muốn giữ cho được cái quyền sơ đẳng tất yếu đó, quyền được hai bữa ăn no mỗi ngày, uống nước lúc khát, quyền được che thân thể cho khỏi chết cồng, quyền được thở, những con người ông đang sống chung ở nơi xó rừng này bắt buộc phải dấn lên trên một số khôn mẩu mà lâu nay ông đã buộc dẫm học trò ngoan ngoãn của ông học thuộc lòng.

Họ dấn lên mớ khuôn mẫu ấy với lòng thanh thản, như dấn lên một đám cỏ dại để tiến đến một dòng suối uống được. Họ không chọn đất trước khi bước, sửa mũ áo ngay ngắn trước khi ra đường, lựa lời trước khi nói. Lựa chọn cái này, tránh xa cái nọ, lấy gì làm chuẩn cho các quyết định quan trọng như vậy? Không có gì hết ngoài sự sống. Đốt nhà một tên điền chủ ích kỷ, bỏ làng trốn lên núi sâu làm dân phiêu bạt vì không còn lấy một đồng tiền kẽm nộp thuế, chém ngã một tên xã trưởng cướp đất bằng luật lệ triều đình; bấy nhiêu trường hợp ông giáo nghe kể đều đẩy ông giáo vào ngõ cụt. Nếu ở vào hoàn cảnh của họ, ông sẽ làm gì với một lý thuyết trung quân của ông? Ông có dám làm những điều họ đã làm không, và nếu không làm như họ, ông có tìm được giải pháp nào khác vừa bảo toàn được sống, vừa không động chạm mảy may đến những nguyên tắc đức lý học thuộc từ buổi khai tâm? Có lúc ông đã nghĩ, ôi dào, chỉ vì họ ít học nên sống đơn giản, chỉ lo sống chứ không đủ sức suy xét, chiêm nghiệm. Ông không giữ được cái lý luận hàm hồ ấy lâu! Vì quả thực ông giáo thấy rõ những người ở trường trầu Tây Sơn Thượng không đơn giản. Niềm vui, nỗi buồn, sự cô độc, mơ ước, nhớ nhung của họ chỉ lặng lẽ hơn một chút, biểu lộ ít ỏi hơn một chút, hoặc lúc tụ họp bên ánh đuốc, quanh vò rượu, thì thường ồn ào táo bạo quá mức thường, nhưng dù ở hoàn cảnh nào, phần đời sống tâm linh chìm lắng bên trong luôn luôn phức tạp và sôi động. Chính ông mới là người đơn giản,

thu mình trong khuôn khổ của đức lý, lúc nào cũng nem nếp sợ hãi, rón rén đi quanh trong vòng phần vô hình của đạo nho và vương quyền. Hoặc chỉ vì ông chưa bao giờ chết khát trên đường dẫn đến dòng suối, ông dò xét từng mô đất, tránh né từng ngọn cỏ. Ông chưa đích thực giáp mặt với đời sống nghiệt ngã, nên quanh quẩn với những khuôn mẫu dung thường! Cho nên cái gì xảy ra ở đây đều thành chuyện lạ đối với ông.

*

* *

Khác với lệ thường, một sáng, ông thức dậy trễ. Đêm trước Kiên kêu nhức đầu, về khuya nổi cơn mê sảng, ông giáo lo âu không ngủ được, chong đèn canh giấc cho con đến quá nửa đêm. Tiếng cãi vã ồn ào đã đánh thức ông dậy. Kiên đã dậy trước ông, và khi thấy cha định xuống sân trước xem chuyện gì đã xảy ra, anh cản ông giáo lại:

- Cha đừng xuống đó. Để xem họ xử trí thế nào?

Ông giáo hỏi con:

- Chuyện gì ồn ào vậy?

Kiên nghiêng người nhìn xuống sân một lần nữa, mới quay lại trả lời:

- Bây giờ họ mới vỡ lẽ ra. Thử xem còn oán con eo hẹp nữa thôi!

Ông giáo gắt:

- Nhưng chuyện gì vậy?

Kiên thấy cha giận, vội ngồi ngay ngắn trở lại, kể chậm rãi và rành rẽ hơn:

- Từ ngày con lên trông coi cái trại này, giờ giấc có dễ dãi hơn trước. Thấy bắp khô năm nào cũng thừa thãi, con cho họ ăn lót lòng bằng bắp hầm trước khi ra rẫy hoặc lên buôn. Cậu Lữ lên đây, cần nhắc bảo phí của, phí thì giờ. Sáng nay cậu ta bắt bỏ lệ ăn sáng, nên họ làm ồn ào lên!

Ông giáo đến bên cửa sổ nhà sàn nhìn xuống. Đám đông còn tụ họp dưới sân, dụng cụ làm rẫy lẫn quang gánh còn vất bừa bãi khắp đây đó. Ba người trẻ tuổi đang đứng gần Lữ. Cậu thanh niên có khuôn mặt xương hòm đầu hướng dẫn ông giáo đến chỗ Kiên, đang hươ tay tranh luận với Lữ. Khoảng cách từ chỗ hai cha con ông giáo đến chỗ đám đông tụ họp khá xa, nên cả ông giáo lẫn Kiên không nghe rõ họ nói những gì. Ông giáo xem cử chỉ người thanh niên biết anh ta đang giận dữ, quyết không chịu nhượng cho cậu em ông biện lấy một tấc đất. Ông lại quan sát Lữ, không nhận ra cậu học trò thụ động, kín đáo và hơi nhút nhát của mình. Ngược lại, Lữ có vẻ tự tin, bình tĩnh, linh hoạt hẳn lên. Một tay Lữ giắt vào cái thắt lưng vải xanh, một tay chống nạnh. Khuôn mặt anh hơi ngược lên phía cao, đón nghe một cách khinh thị những lời của cậu thanh niên. Cậu thanh niên hung hăng một lúc, rồi đến phiên Lữ nói. Đám đông tụ lại quanh Lữ. Hình như anh ta nói khéo, nên cả những người bất mãn cố ý đứng xa chỗ Lữ đứng, dần dần cũng đến bao quanh Lữ để nghe chuyện.

Một lúc sau, có tiếng cười ồn ào, tiếng nói chuyện lao xao. Khoảng bảy, tám người đến nhặt rạ, cuốc vác lên vai, đi về phía cổng. Kiên ngạc nhiên nói:

- Không hiểu anh ta nói thế nào mà họ chịu nghe.

Ông giáo hỏi con:

- Họ đi đâu đấy? Sao còn một nhóm chưa đi?

Kiên đáp:

- Số vác rạ, cuốc đi lên rẫy. Số còn lại sẽ đem muối lên các buôn đổi măng và trâu đem về.

- Họ chịu đi làm với cái bụng đói à?

- Con cũng không hiểu, chắc anh ta có hứa hẹn điều gì đó.

Hai cha con xuống thang, thấy Chinh đã nhập vào đám trai tráng sắp về các buôn đổi hàng, cùng tranh luận sôi nổi với họ như một người trong bọn. Lữ đang vỗ vai một người mặc áo chàm vá ở vai trái, đầu quấn cái khăn vải đen hai dải rút rũ xuống trán, điệu bộ như đang cố phân trần, dỗ dành. Thấy ông giáo đến, Lữ vội cầu cứu thầy:

- Đây, có thầy tôi đây, chú hỏi xem tôi giải quyết như vậy có thiệt cho anh em không. Anh tôi đã nói với chú là không ai tự dưng lên đây làm gì. Cái thế nó buộc thì phải chịu. Có khổ mới thương nhau. Làm rầy được gì, anh em chia nhau mà sống, có ít chia ít, có nhiều chia nhiều. Không lo để dành lỡ mất mùa, lấy gì mà sống cho đến ngày về xuôi tìm lại vợ con.

Người mặc áo chàm nói:

- Đã biết vậy nhưng còn chuyện...

Ông không tìm được gì để nói thêm. Có ông giáo, ông ta đâm ngại, không nói tiếp. Lữ tự thấy phải giải thích cho ông giáo hiểu rõ chuyện:

- Thừa thầy, công chuyện sáng nay có chút trở ngại, do hiểu lầm thôi. Bây giờ đã thông rồi. Con thấy cái lệ ăn lót lòng làm trễ nải công chuyện, hôm nào cũng tối mịt các đoàn mới về tới trại, nguy hiểm lắm. Thà làm sớm cho xong đi, để còn về sớm.

- Thế bây giờ anh định thế nào?

- Con định hể mặt trời lên là bắt đầu công việc. Toán ở nhà chia nhau luân phiên lo cơm nước đem ra rẫy khỏi phải đi về vất vả. Toán lên buôn thì dỡ cơm theo. Ai yếu sức hay lên cơn sốt rét thì ở nhà lo chuyện bếp. Bây giờ chỉ còn lại chuyện nạnh nhau, không ai chịu đi các buôn xa cả. Chú Bốn đây bảo bọn trẻ trây lười cứ đẩy cho chú phần nặng, chú không phải thân trâu mà chịu thiệt mãi.

Chú Bốn được dịp phân trần:

- Một hai lần còn được. Tôi quen đường rừng, có tuổi nên các ông ké họ nể. Nhưng bọn nó khỏe mạnh lại lười.

Lữ cắt lời chú Bốn:

- Thôi được, chú cứ yên tâm. Tôi sẽ có cách giải quyết. chú nói với anh em cứ nghỉ ngơi thoải mái đi. Khi nào nhà bếp lo xong phần cơm dỡ, sẽ có một hồi mõ. Nhắc anh em đừng đi xa nhé! Người mặc áo chàm tạm thỏa mãn, đi về phía hai dãy lán. Ông giáo hỏi Kiên:

- Trước đây có tình trạng so bì như thế này không?

Kiên đáp:

- Con khổ sở vì chuyện này còn hơn chuyện sổ sách nữa. Đáng lý ra bọn trẻ phải gánh vác việc nặng, việc đi xa.

Ông giáo hỏi Lữ:

- Bây giờ anh định phân công thế nào?

Lữ mỉm cười không đáp ngay. Anh quay hỏi Kiên:

- Mấy lâu nay anh phân việc thế nào?

- Tôi chia luân phiên, nhưng những kẻ trây lười luôn tìm ra cớ để lánh nặng. Cuối cùng những kẻ thiệt thà luôn luôn chịu thua lỗ, như chú Bốn vừa rồi. Để rồi anh xem, chốc nữa có hồi mõ, họ sẽ cãi ầm lên về chuyện đi xa đi gần.

Lữ bí mật nói:

- Tôi đã có cách. Họ không phân bì với nhau được nữa.

Thấy thầy có ý định hỏi, Lữ đáp trước:

- Con chờ nhà bếp chuẩn bị cơm dỡ xong xuôi, sẽ cho đánh mõ báo. Ai tới chậm phải đi các

buôn xa. Thừa thầy, bọn trẻ thường ham chơi, được một lúc rảnh là chạy ra suối. Các bác, các chú có tuổi thì chỉ thích ngồi gần bếp lửa hút thuốc, nhõ râu. Tất nhiên phần nặng phải về bọn trẻ, phần nhẹ phần gần về những người có tuổi.

Ông giáo nhìn Lữ, không còn dám tin ở khả năng xét đoán tính tình đám học trò nhỏ của mình. Ông bắt đầu thấy ảnh hưởng quan trọng của khung cảnh sống đối với hành vi thái độ của con người.

*

* *

Chinh không còn tâm trí đâu nghe lời cha dặn nữa. Nghe các bạn dọa cái nạn vắt, anh tìm dây buộc chặt hai ống quần và ống tay áo. Chinh còn tình nguyện gánh phần nặng nhọc nhất đi đến chỗ xa nhất. Cách chuẩn bị kỹ lưỡng và sự hăng hái lộ liễu thiếu suy nghĩ đó không có ở phong thái của những "tay nghề". Chinh không giống ai, và dễ hiểu là anh trở thành cái đích châm biếm của cả trại. Một người đùa:

- Phải cột thật chặt cái cổ lại. Không vắt nó vào.

Một người khác nhắc:

- Chịu khó nhé! Đi qua làng Plây-đê-chơ-găng, thế nào các cô gái Ba-na cũng đua nhau vây bắt chú em về làm chồng đấy. Chú em tranh mất chỗ thằng Bảy Mắm là cái chắc.

Có nhiều tiếng cười thích thú. Một người khác thêm:

- Thằng Bảy chịu thua chú em đây là phải. Chú em mạnh khỏe, vạm vỡ. Thằng Bảy độ rày xanh mét. Ủa nó đâu rồi?

Đám người đi buôn, đến lúc ấy mới chú ý sự vắng mặt của Mắm. Họ dáo dác nhìn quanh, hỏi nhau, không trả lời cho nhau được rồi quay qua quay lại tìm Mắm. Chú Bốn nói:

- Nó vừa mới đứng đây mà. Nó đến trễ, đáng lý phải qua bên kia núi Kan Krúi.

Một thanh niên nước da đen, có cái sẹo dài nửa gang tay bên má trái gọi lớn:

- Mắm ơi! Bớ Mắm.

Có tiếng ai kêu "ơi" phía sau dãy lán tranh. Thanh niên vừa nói gọi:

- Nó đây rồi. Mắm nó đi đâu thế? Toán nào chưa đủ người?

Chú Bốn nhìn quanh một lượt đáp:

- Đủ cả rồi. Tất cả mười bảy người. Ủa vậy thằng Mắm thuộc toán nào?

- Toán đi Kan-Krúi chứ toán nào nữa?

- Toán hai đâu, đã đủ người chưa? Đây rồi. Họ đủ năm người rồi mà.

Một người nói:

- Có gì đâu. Hôm nay có chú em đây nên dư ra một người.

Vừa lúc đó, Mắm đi từ phía sau lán tiến về phía sân. Ông giáo mới biết chàng thanh niên có khuôn mặt xương xương vừa tranh luận sôi nổi với Lữ lúc sáng là Mắm. Có điều lạ là lúc Mắm đi qua trước mặt ông giáo, ông thấy khuôn mặt anh có vẻ thất sắc, cử chỉ, cách bước thiếu hẳn sự cương quyết, dứt khoát. Chú Bốn hỏi:

- Đi đâu từ nãy đến giờ? Chú ở toán nào đây?

Mắm mím môi lại, giọng hơi vờ:

- Đáng lẽ cháu theo toán hai. Nhưng...

- Nhưng sao?

- Rủi quá cháu lại lên cơn.

Người có cái sẹo nơi má buột miệng nói:

- May quá chứ rủi ro gì! Lên cơn đúng lúc nhỉ!

Một vài tiếng cười ngắn phụ họa, sau đó là giây phút im lặng nặng nề. Nhìn qua sắc mặt và dáng điệu mặt mày uể oải của Mắm, càng ngày mọi người càng thấy sự nghi ngờ trong câu nói buột miệng ấy quá độc ác và hẹp hòi. Mắm giận quá, giọng nói đanh lại:

- Anh nghi tôi giả bộ lên cơn sốt rét à?

Thấy câu chuyện gây gổ trở nên trầm trọng, chú Bốn giảng hòa:

- Thôi nó nói giỡn, để tâm làm gì, Bảy! Có đau thì ở nhà. Vả lại không có mày cũng đã đủ người rồi. Khi nào hết cơn lại đi.

Tuy vậy, sự xúc phạm không dễ gì tan ngay sau khi các toán đã gánh muối tủa lên các nguồn trầu quanh trại. Mắm khổ sở ngồi rũ giữa sân nắng, hai tay ôm lấy đầu. Ông giáo càng có thiện cảm với Mắm thêm lên, đến gần đặt tay lên vai, lay Mắm dậy. Thân Mắm nóng quá. Ông giáo nói:

- Bị bệnh ngã nước mà phơi nắng thế này không tốt đâu. Nên vào tìm chăn hay chiếu đắp kín lại cho ra mồ hôi. Có bị đặng miệng không?

Mắm tỏ vẻ cảm động, gắng đứng dậy, môi vẫn mím để cố giấu hai hàm răng run lập cập. Anh nói:

- Thầy đừng lo. Cháu bị lên cơn bất thường như thế này đã lâu. Chừng một chốc là dứt. Ai không hiểu tưởng cháu giả bộ lánh việc nặng.

- Anh lên đây lâu chưa?

- Thầy hỏi gì ạ?

- Anh lên đây bao lâu rồi?

Mắm đưa tay áo lên gạt mồ hôi trên trán, rồi dùng hai bàn tay ụp vài lần lên hai vành tai đỏ, nói chừa thẹn:

- Xin lỗi thầy, mỗi lần lên cơn là bị ù tai. Cháu mới lên đây chưa đầy nửa năm.

- Nghe giọng anh, tôi đoán chắc không phải người Tuy Viễn.

- Dạ, cháu người huyện Hoài Nhơn ạ.

- Anh đứng xịch vào trong này, không lại nắng. Hoài Nhơn? Hèn gì giọng nói cứng hơn. Bị tội gì mà lặn lội lên tận đây thế?

Mắm không trả lời ngay, nhìn ông giáo một lúc rồi cúi xuống ngẫm nghĩ. Ông giáo kiên nhẫn chờ. Mắm ngước lên, chân phải di di trên một hòn sỏi:

- Cháu nói thế này chắc thầy không tin được. Ở trại đa số đều vì hoàn cảnh bắt buộc mới lên trốn trên này, nhờ ông biện che chở. Cháu thì khác. Cháu tự ý tìm lên đây, vì nghe người ta đồn đãi nhiều về ông biện.

Ông giáo tò mò hỏi:

- Anh nghe người ta đồn thế nào?

Mắm dè dặt không đáp ngay, chân lại di di trên hòn sỏi. Một lúc lâu, Mắm hỏi:

- Thầy quen ông biện lâu chưa?

- Khá lâu rồi. Tôi về quê vợ ở An Thái từ năm Dậu. Năm Tuất thì quen ông biện. Nghe tôi có làm thầy đồ, ông ấy nhờ tôi dạy cho hai cậu Lữ và Huệ. Mà tất cả những điều đó, chắc anh đã nghe Kiên nó kể rồi chứ gì?

- Dạ, cháu với anh Kiên quý nhau lắm, nên tuy chưa gặp thầy, cháu đã quý thầy. Thế nào rồi lúc đất nước bình yên, cháu cũng đến xin thầy dạy dỗ thêm.

Ông giáo ngạc nhiên hỏi:

- Lúc đất nước bình yên? Thế bây giờ là lúc loạn sao?

Mắm chậm rãi đáp:

- Không biết cháu nhìn có rõ không, nhưng đi đâu cháu cũng thấy cảnh đói khát, cảnh bất công. Gia đình cháu toàn anh em trai lực lưỡng, lo làm ăn lương thiện, không có thì giờ nghĩ đến cái gì khác hơn miếng cơm, manh áo. Thế mà... anh em cháu có được yên đâu. Bao nhiêu là sưu thuế đổ lên đầu, nào tiền sai dư, nào gạo Tết, nào tiền cơm mới, nào sưu dịch. Các anh cháu thì cần răng chịu đựng tất. Riêng cháu, có lẽ vì tính rắn mắt, cháu nghĩ: chẳng lẽ sinh ra ở đời rồi từ bé đến chết không được ngừng đầu lên, không được cười hay sao? Sống kiếp như thế thì sống làm gì? Cháu nghe ông biện giao du rộng, không câu nệ trong cách đãi người, nên tìm lên đây. Ông giáo nghe Mắm nói một thôi dài, và bất ngờ vì không chuẩn bị trước để đón một lối nhìn, lối nghĩ khác thường như vậy, ông gật gù trầm tư một lúc, rồi hỏi:

- Anh đã tìm thấy gì chưa?

- Có cái cháu tìm chưa được. Có cái cháu chưa hiểu, bây giờ mới hiểu.

Ông giáo biết Mắm chưa muốn nói thật những suy nghĩ của mình. Ông không muốn đi xa hơn, nên không hỏi tiếp. Thấy ông giáo im lặng, Mắm tự nhận thấy phải nói thêm điều gì trước khi vào nằm trong lán. Mắm nói:

- Như số anh em nhỏ tuổi và các chú ở trại này. Mới đầu cháu sợ, thấy họ dữ dằn quá. Nhưng càng ở lâu, cháu càng thấy họ hơn hẳn những người "mặt trắng" cháu gặp dưới xuôi. Họ phá rừng làm rẫy, mà nhiều lúc không nỡ động đến một bụi cây dại đang trổ hoa, chịu khó lấy đá ghép lại thành một cái bồn bảo vệ cái gốc. Thật giống với cái tính yêu hoa của ông anh thứ ba của cháu. Mẹ cháu bảo anh cháu: Mày như thế về sau chỉ chết đói thôi con ạ. Cầm sao nổi cái cuốc cái cày. Hay lại phải ra chợ hát rong mà làm thẳng ăn mày! Anh cháu không đi ăn xin như mẹ cháu đoán, nhưng quả thật không theo nổi nghề nông. Anh cháu bỏ nhà đi hát rong. Thầy đứng xịch vào trong không lại nằng. Cháu à? Không sao. Cháu thấy ấm hơn trước. Sắp qua khỏi cơn rồi! Để cháu vào bếp phụ người ta sửa soạn bữa ăn trưa cho toán làm rẫy.

*

* *

Buổi xế hôm đó, toán làm rẫy ăn cơm xong vừa vác rựa, cuốc đi làm việc trở lại, thì có một toán buôn nguồn trở về. Điều bất thường, vì không có một toán nào, dù là đến buôn thượng gần nhất, có thể về trại trước lúc chạng vạng tối. Lữ đoán họ không vượt qua suối được, vì cái nạn nước dâng bất ngờ thường gặp ở vùng này. Vả lại, từ xa, Lữ đã nhận ra được cái dáng đi chậm rãi, trầm trọng của những người gánh muối. Nếu đổi được trâu hoặc mặng le, quang gánh nhẹ hơn, dáng đi cách bước tất phải khác.

Toán buôn nguồn vào cổng. Lữ tò mò chăm chú nhìn những điểm khác thường đến gần: người gánh muối nhận thêm phần của bạn nên cái đòn tre oằn cong xuống. Hai người còn lại dùng khúc cây rừng khá dài khiêng một cái bao nhỏ và nhẹ, Lữ đoán họ gặp may vớ được một món thịt rừng, và quen thói sống ngang tàng bất chấp mọi sự, họ không tiếp tục đi nữa, quay về trại đánh chén. Toán buôn nguồn vào sân. Lữ kinh ngạc khi thấy cả ba người đều dùng khăn đội đầu bịt miệng và mũi lại. Gió đưa vào nhà ngang một mùi thối và tanh nồng. Lữ hiểu ngay trong cái bao lát hai người trai tráng vừa khom lưng sẽ sàng hạ đòn khiêng xuống đặt nhẹ giữa sân nắng, có một thứ gì đã thối rữa. Mùi thối càng lúc càng đậm. Lữ cảm thấy lợm, muốn nôn mửa. Sự tò mò dần được cảm giác khó chịu đó lại. Lữ chạy vội ra sân. Cũng lúc đó, Mắm, hai người nấu bếp và ông giáo cũng đến. Không chờ hỏi, người gánh muối nói trước:

- Tìm thấy ở bên kia suối Cái, gần chỗ có cây cầy lớn.

Anh ta quên chưa tháo cái khăn ra khỏi miệng nên tiếng nói bị biến dạng, nghe tiếng được tiếng mất. Hai người kia bình tĩnh tháo cái khăn ra, kéo Lữ tránh xa cái bao lát rồi giải thích:

- Không có thằng nhỏ người Ba-na thì không ai biết đâu! Thường thường tụi tôi lội qua suối ở quãng trên, chỗ có khúc quanh nước cạn.

Mắm nóng ruột hỏi:

- Thứ gì trong đó vậy?

Người gánh muối đáp cộc lốc:

- Ông Năm Ngãng!

Người nghe sững sờ, nửa tin nửa nghi. Sự im lặng hãi hùng đè nặng lên đỉnh đầu mọi người, đến nỗi không ai còn nghe thấy tiếng gió vi vút trên ngọn cây, tiếng mái tranh rùng mình từng cơn. Bảy người bao quanh lấy cái bao cát, đứng sững như những hình nộm đuổi chim trên rẫy. Sau một hồi do dự, Mắm tiến tới một bước, rồi dừng lại không dám làm theo ý định. Một trong hai người buôn nguồn vừa khiêng cái bao lát về, có lẽ đã dạn tay, tiến tới, cúi xuống mở một dây mây cột nơi cổ bao.

Tự nhiên mọi người lùi lại một bước. Vòng người mở rộng theo sức tỏa của hơi thối. Trước những đôi mắt thao láo của mọi người, trên tấm bao lát hoen ố vàng xỉn, có một đồng màu đen không hình thù. Hiểu được thắc mắc của đám đông, người vừa mở ruột bao dùng một đầu đòn khiêng nhè nhẹ, cẩn thận lật đồng màu đen lại. Lúc đó, người ta mới nhận ra được một mảnh thân thể con người gồm một cái đầu và một nửa vai. Tóc ông Năm Ngãng dính lại thành từng mảng ép sát vào da đầu. Da mặt bầm tím, đôi mắt đã bị dòi bọ đục khoét trống rỗng. Miệng há rộng, để lộ hàm răng vàng bẩn. Cổ bị cào cấu thành những vết thương tím đen. Ngoài một bên vai còn nguyên vẹn, phần ngực còn lại chỉ là một đồng bầy nhầy. Một người nhắc:

- Còn cái chân đâu rồi?

Người cầm đòn khiêng lại khơi đồng bầy nhầy hôi hám để tìm. Dưới một lớp vải đen phần còn lại của vạt áo ông Năm Ngãng, hiện ra một bàn chân tái xanh. Ông giảo trôn người nhìn chăm chăm vào cái chân còn lại đó, và dọc xương sống, gai ốc nổi lên khắp thân ông. Hai thái dương ông lạnh, gần như tê dại. Ông lấy làm lạ cho mình, chưa hiểu vì sao hình ảnh cái bàn chân khẳng khiu, xanh xao nằm trên đồng bầy nhầy thối rữa đó còn làm cho ông kinh khiếp hơn cả cái đầu lâu mù lòa, thâm tím.

Mắm lên tiếng hỏi:

- Người Thượng họ tìm thấy xác bác Năm hồi nào?

Người gánh muối đáp:

- Không biết. Thằng bé thấy chúng tôi sắp lội qua suối, hú gọi chúng tôi lại. Tưởng nó lại chơi trò ranh, chúng tôi bỏ đi. Nó chạy theo bảo đường chỗ cày cấy có người chết.

Người cầm cái đòn khiêng nói thêm:

- Xem xác thì đoán được là bị cọp vồ. Trên cổ còn có dấu vuốt cọp cào sâu. Có lẽ bác Năm chết vì cái vết thương này. Hay là chết vì chỗ khác cũng chưa biết chừng. Chỉ còn có từng này, khó đoán lắm. Nhưng bị cọp ăn là điều chắc!

Người nấu bếp thở dài, rồi nói:

- Tội nghiệp. Thôi, vậy cho nó xong đi!

Toán làm rầy đã lục tục trở về, Ở ngoài xa họ còn cười nói nhưng khi nhập vào vòng người vây quanh xác chết, không ai dám ho lên một tiếng lớn. Cái chết thối miên đám người sông, khiến

cho họ ngây dại, lơ lửng, nôn nao như đang bị cuốn vào một cơn lốc xoáy. Càng về chiều, vòng vây càng dày, cơn ngây càng đậm. Gió tự nhiên dừng hẳn, không khí oi ả khác thường. Mặt trời sắp lặn chiếu hắt một màu đỏ bầm lên cảnh trại tang tóc. Người mới về rì rầm hỏi chuyện người về trước, gây thành một tiếng lao xao đều đều như tiếng đọc kệ. Rồi bỗng nhiên, có người nào đó lớn tiếng bảo:

- Chỉ tại "cái thằng ngậm tằm" keo kiệt mà ra cả! Nó trốn đâu rồi?

Câu nói đột ngột có sức thức tỉnh đám người đang ở trong trạng thái mông muội. Nhiều người cùng hỏi to:

- Ủ, nó trốn đâu rồi? Mọi sự chỉ tại nó.

- Thằng ngậm tằm đâu? Nó chạy đằng nào?

- Không có nó thì đâu đã ra nông nổi!

Ông giáo còn đang ngơ ngẩn, chưa hiểu vì sao đám đông quanh ông đột nhiên la ó, phần nộ thì có ai huých nhẹ vào hông bên phải ông. Mầm đã chen đến cạnh ông từ lúc nào! Ông nghe Mầm nói nhỏ:

- Thầy ra ngoài này với cháu. Có việc gấp lắm.

Đám đông vẫn tiếp tục la ó, kẻ hỏi người đáp. Hai người lánh ra khỏi hỗn loạn mà không bị ai chú ý. Ông giáo bị Mầm lôi kéo, phải chạy theo anh ta ra phía sau nhà ngang. Vừa chạy Mầm vừa nói với ông:

- Họ điên cả rồi. Họ giết anh Kiên mất!

Ông giáo kinh ngạc đứng dừng lại, trố mắt nhìn Mầm. Anh ta xô ông giáo vào cửa sau, tiến về chỗ Kiên nằm. Mầm vừa thở vừa giải thích:

- Thầy không nghe họ nói gì à? "Thằng ngậm tằm", chính là anh Kiên đó. Phải tìm cách gài then cửa lại. Không cho họ vào phòng anh Kiên. Họ nổi điên rồi!

Ông giáo hiểu hết mọi sự. Ông sợ hãi đến lịm người, bước chân bủn rủn. May là cả hai người đã đến chỗ Kiên nằm. Mầm giục ông đóng cửa sổ xuống, dặn khi anh ra ngoài thì bên trong, ông nhớ lấy thanh gỗ xỏ vào hai vòng dây mây gài chặt cửa lớn. Tay ông giáo lấy bẫy, ông quờ quạng mãi mới đẩy cánh cửa gỗ khép ăn vào khuôn. Kiên choàng thức dậy chưa hiểu gì, đến giúp cha cài then. Bên ngoài, bắt đầu có tiếng chân chạy rầm rập, tiếng la hét, tiếng đá va vào mặt gỗ. Đám đông đã thực sự nổi cơn cuồng sát như Mầm đoán trước.

*

* *

Hai cha con ông giáo ôm nhau đứng dựa vào cửa lớn, chia sẻ trong tâm tối sự hãi hùng trước cơn thịnh nộ. Họ nghe tiếng la ó ngay bên kia cánh cửa. Chân nhà sàn bị lung lay. Đá ném vào vách phòng làm bằng liếp nứa nghe rào rào. Ánh đuốc lập lòe ma quái bên dưới nhà sàn. Người ta la to: "Phải tóm lấy. Bắt nó đền mạng".

Không cần ông giáo giải thích, Kiên mau chóng hiểu rõ nỗi hiểm nguy đang vây quanh hai cha con. Có một điều ông giáo bất ngờ, là khi đã hiểu, Kiên trở nên bình tĩnh khác thường. Đã có lúc cả nhà sàn lay động đến nghiêng ngả, đồ đạc trong phòng rơi xuống sàn chổng chơ, kêu loảng xoảng. Có nhiều tiếng la hét, tiếng đập cửa gấp gáp, tiếng thở dốc, vấp ngã, xô đẩy nhau bên ngoài cửa chính. Then cửa gần muốn bật tung, Kiên vẫn thản nhiên, ngồi nhìn, nghe mọi sự diễn ra như một khán giả an toàn. Mãi đến lúc bên ngoài không còn động tĩnh gì nữa, ông giáo vui mừng chạy lại gần con, Kiên mới ôm lấy cha khóc mùi. Ông giáo cũng khóc vì vui mừng. Ông không để ý là chưa bao giờ Kiên xúc động đến cái độ buông thả xúc cảm, để cho nước mắt

chảy ướt cả hai má, tiếng khóc trầm, tiếng uất nghẹn chen lẫn lời kể lể. Kiên gục đầu vào ngực cha hỏi:

- Tại sao vậy cha? Cha nói cho con biết đi! Tại sao mọi người thù ghét con? Cha có nhớ cái buổi sáng đầu tiên con xa nhà lên đây không? Cha dặn con phải thanh liêm, của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay. Cha nhớ không? Con thuộc lòng lời cha dặn, bao lâu nay coi trường trầu không tham của ai lấy một đồng kẽm. Con không ăn cắp và cũng không muốn ai ăn cắp. Con không ông biện khinh mình, xem thường gia đình mình. Giết con, đánh con con chịu nhưng nghi ngờ con tham của người, làm ô danh cha, thà con chết đi còn hơn. Vậy mà mọi người ghét con. Vì sao vậy cha?

Ông giáo không trả lời được. Kiên bót thẳng thốt, có lẽ dần dần lấy lại dáng điệu chậm chạp, gương mặt buồn buồn và hơi lạnh lẽo thường ngày. Ông giáo chỉ đoán thế thôi, vì mãi tới khuya, lúc chắc chắn cơn cuồng bạo của đám đông đã hoàn toàn hạ xuống, Lữ và Chinh cầm đuốc đến gọi ông giáo mở cửa, căn phòng có ánh sáng trở lại, thì cả ba người thấy Kiên đã nằm ngủ, hay giả vờ ngủ, trên tấm nệm rơm cuối phòng. Trừ ông giáo, không ai biết được những lời thẳng thốt hoài nghi Kiên đã thốt trong cơn hiểm nghèo.

*

* *

Sáng hôm sau, ông giáo nấn ná mãi trên phòng bệnh của Kiên không muốn xuống dãy lán chung của trại. Ông sợ không muốn gặp những người đã định vây giết cha con ông đêm qua. Ông đâu có biết rằng những người đó cũng e ngại gặp ông.

Khi cơn cuồng nộ của đám đông hạ xuống, trong trại, giữa đêm tối từng người nằm ôn lại những gì vừa xảy ra, và từng người lấy làm kinh ngạc về chính mình. Ta có còn là ta không? Ai nằm đây hoang mang và ai vừa cầm gậy gộc xông lên thang nhà sàn, say máu giết người? May là cột nhà sàn vững. May là Mẫn và Chinh liều thân đứng án ngữ nơi cửa lớn. Mẫn bị một viên đá vào mí mắt, máu chảy ròng ròng xuống má. Nhưng anh vẫn nhất định lấy thân che cửa phòng Kiên. Chinh bị một gậy vào ống quyển ngã gập người xuống nhưng vẫn cắn răng chịu đau, lồng lên xô ngã một người cao lớn đang định phá cửa. Lữ đứng ngoài khan giọng kêu gọi mọi người bình tĩnh. Không ai nghe lời anh. Cứu tinh của cả trại, yếu tố giúp mọi người tránh được một cuộc bạo sát, có lẽ là thời gian. Đến một lúc nào đó, từng người cảm thấy cử động của mình ngượng nghịu, tiếng nói trở nên vu vơ. Sự suy nghĩ và hành động không còn là một. Có cái gì đã trật khớp. Và máu trên trán Mẫn nhắc nhở họ thấy tất cả sự vô nghĩa của cơn cuồng nộ. Trong khi ông giáo còn e ngại, nấn ná trong phòng Kiên, thì anh em trong trại đã lặng lẽ thu dọn các đồ vật của đêm qua, khâm liệm bác Năm Ngãng bằng một chiếc chiếu dày và khiêng đi chôn tận chân núi. Nhà bếp nhờ Chinh mang lên cho Kiên một nồi cháo cá nấu hành.

Cả hai phía đều muốn quên những gì đã xảy ra, làm như mọi sự vẫn bình thường. Nhưng chính sự cố gắng làm quá mức bình thường, sự dè dặt lễ phép quá đáng, đã nhắc nhở cho mọi người thấy sự dĩ lỡ khó lòng hàn gắn được. Người sâu sắc cảm nhận điều đó hơn ai hết là Kiên. Anh biết sau cái đêm ấy, Tây Sơn thượng hết bao dung được anh và ngược lại, anh cũng không bao dung được Tây Sơn thượng. Không còn cách nào khác! Anh phải về xuôi.

Hai hôm sau, ông biện Kiên thành cùng một đoàn ngựa thồ lên trại. Lữ thuật hết cho anh nghe mọi chuyện vừa xảy ra, cho nên khi ông giáo ngỏ ý xin đem Kiên về An Thái chữa bệnh, biện Nhạc bằng lòng ngay. Ông biện nói với ông giáo:

- Trại thiếu cậu Kiên thật đáng tiếc, nhưng chuyện đã lỡ như vậy, thầy đem cậu ấy về chăm sóc

tiếp là phải. Xin thầy cho phép em Lữ nó ở lại đây tạm coi sóc trại một thời gian. Tôi nói tạm, vì chưa biết phải bỏ trại lúc nào. Thầy tính, năm nay mất mùa, vật giá lên cao, chuyện buôn bán cũng bị ảnh hưởng. Máy chuyển trầu vừa rồi phải vứt đi cả, đến úa vàng mà chờ không có người đến nhận. Quan trên thì... Nợ thì... Tôi nghĩ mãi chưa biết xoay xử làm sao đây!

Khoảng cuối tháng giêng, cha con ông giáo về xuôi. Ra khỏi cổng, quay nhìn lại số anh em từng sống với mình hơn một năm qua, nhìn ánh mắt pha lẫn quyến luyến và ái ngại của họ, Kiên không thể dằn được xúc động, nước mắt rơm rớm. Anh đưa ngay tay dấu từ biệt họ, rồi vỗ vai Chinh dặn:

- Em nhớ nhé, ở núi đừng có ỷ sức như ở đồng. Tối nào cũng phải đốt lửa un muối. Mặc áo cho ấm vào. Cần gì, nhờ Mẫn nó giúp đỡ cho. À quên, anh nhắc cho em nhớ là đừng uống nước suối. Độc lắm...

Chinh đã bị những thung lũng xanh, những đỉnh núi ẩn tận mây cao, những bóng rừng mênh mông cuốn hút, quyến rũ. Anh xin cha ở lại Tây Sơn thượng!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 11

Mùa xuân năm ấy, mãi đến cuối tháng giêng trời vẫn còn rét dữ. Mưa phùn dạo tết còn lất phất, nhưng khác hẳn mọi năm, sương mù bao phủ khắp An Thái che lấp ánh mặt trời, cái rét nhóp nhép nặng trĩu làm cho cơn suyễn của thằng Út vật vã thẳng bé đến khốn khổ. Nhà không có người lớn, có lúc An phát khóc, không biết làm gì trước nỗi đau đớn của em, chỉ biết ôm lấy nó, khóc bù lu bù loa và van vái mẹ. Được cưng chiều quá mức bình thường, Út lấy làm thú vị, và theo thứ lý luận đơn giản của trẻ thơ, nó nghĩ hễ cơn suyễn càng nặng bao nhiêu thì chị An sẽ dịu dàng, chịu đựng nó bấy nhiêu. Cho nên Út giả vờ khó thở, mệt nhọc thêm lên, để thưởng thức sự cuống quýt lo âu của chị. An mong cha về từng giờ, từng khắc. Ông giáo đi vắng một tuần rồi hai tuần. Mong mỗi khiến An cảm thấy cô độc, chơi vơi. Cũng may lâu ngày Út chán với cái trò đóng kịch bệnh hoạn, xốc áo chạy đi chơi với lũ trẻ hàng xóm. Đến lúc ấy, ông giáo và Kiên mới về An Thái. An mừng quá, chạy ra ngõ đón cha, líu lười nói không nên lời. Một lúc lâu An mới thấy anh Kiên đứng cách đó mấy bước, miệng mỉm cười, mắt trù mẩn lặng lẽ nhìn mình. Kiên về bất ngờ sau một năm xa cách, và điều đầu tiên An ghi nhận trên gương mặt anh là vẻ tiêu tụy buồn hiu. Hơn thế nữa, đôi môi mỉm cười gượng gạo, không giấu nổi sự chua chát, buông thả. An đau thắt ở đáy lòng, cầm tay Kiên dặc dặc, rồi nức lên khóc.

Ông giáo dẫn các con vào nhà, cố lấy giọng vui bảo An:

- Ô hay, có chuyện gì đâu mà sụt sướt vậy! Không chùi nước mắt đi, người ta cười cho! Ở nhà có gì lạ không?

An đưa ống tay áo chùi má, dậm dậm lên hai mắt, thút thít trả lời:

- Tụi con chờ cha hoài không thấy về. Ở nhà em Út nó bị suyễn, có lúc con tưởng...

An lại khóc không nói được. Ông giáo hỏi?

- Út đâu rồi? Nằm trong buồng à?

Kiên đem đồ đạc đặt gần cái cột chỗ có cánh cửa thông ra nhà bếp, nhìn quanh tìm đứa em út không thấy, quay lại nói:

- Nó không nằm trong buồng. Em đâu rồi An?

An lấy được trở lại giọng bình thường, trấn an cha và anh.

- Em nó đã khỏe. Mấy ngày nay chạy đi chơi chứ không còn nằm cả ngày như trước. Chắc nó vừa chạy đâu đó. Để con tìm gọi nó về. Út mà biết có anh Kiên về, phải biết! Anh Hai biết không, nó thích cái gùi của thằng bé con chú ba. Em dỗ nó, hứa khi nào anh Hai về, sẽ cho Út một cái gùi nhỏ xíu, đan thật đẹp. Mà lần này anh Hai về ở chơi lâu lâu nghe, đừng lên ngay như kỳ tết năm ngoái.

Ông giáo và Kiên nhìn nhau, bối rối không biết phải trả lời An thế nào cho ổn. Những gì hai cha con vừa trải qua và muốn quên đi, bị khơi dậy đột ngột, khiến lòng họ tràn ngập một nỗi ân

hận vu vơ, mà chưa chát thắm thía. An dợm chạy đi tìm em, nhưng đúng lúc đó, mới nhớ đến Chinh. An xấu hổ vì tình cảm lạt lẽo của mình đối với anh, cố ý lấy giọng hoảng hốt hỏi ông giáo:

- Ủa, anh Chinh của con đâu không về, thưa cha!

Ông giáo chậm rãi cân nhắc từng lời, đáp:

- Anh Hai không được khỏe mấy, nên theo cha về dưới này tĩnh dưỡng. Ông biện có nhờ Chinh ở lại trên đó giúp thu xếp công việc ít lâu. Hơn nữa, tính anh Ba con không ưa ru rú trong nhà. Lên trên đó là không muốn về. Con chạy đi tìm Út về đây. Cha có mua cho nó một ít cốm.

Chẳng mấy chốc bên nhà Hai Nhiều cũng biết tin ông giáo dẫn Kiên về An Thái. Hai vợ chồng và Kiền cùng sang hỏi thăm sức khỏe Kiên. Họ hơi thất vọng khi thấy Kiên bình thường, không có chút dấu tích cái vết thương đâm máu từng là đề tài bàn tán, tranh luận, tưởng tượng thêm thắt bao lâu nay trong nhiều gia đình, vết thương hữu ích nhờ gây xao động, hào hứng cho cuộc sống đều đặn tẻ nhạt của một làng xóm xa khuất. Họ bị chung hưởng, tiến thì ngượng ngập mà lui thì bất tiện. Cho nên Hai Nhiều cứ lập đi lập lại mãi câu nói nửa vờ:

- Trời ơi, may thật là may. Thế mà cậu cứ tưởng... May phước lắm đa! Nếu không may thì...

Bà Hai Nhiều thích ứng mau hơn với hoàn cảnh bất ngờ, đến bên Kiên hỏi:

- Đâu, cháu bị ở đâu, ở đây hả? Vậy mà người ta đồn là cháu bị chém ngay cổ, vết chém sâu cả mấy phân, sợ không qua khỏi. Mà duyên do tại làm sao vậy cháu?

Kiên nhìn cha cầu viện, thấy ông giáo bận nói chuyện với cậu, đành phải trả lời qua loa:

- Chỉ là... chỉ là chuyện hiểu lầm thôi mợ!

Bà Hai Nhiều hăng hái nói:

- Hiểu lầm? Hiểu lầm mà đã dám hành hung con người ta hay sao? Chuyện gì cũng chờ người trên phân xử rồi ra sao hãy hay, chứ làm càn thế thì còn gì phép nước. Phải trị cho nó biết tay chứ! Rồi sau vụ đó, thẳng... thẳng còn đồ nó trốn đi đâu, ông biện xử nó thế nào?

Kiên bối rối không biết có nên kể thật mọi sự hay không. Anh quay nhìn cha lần nữa. Lúc đó ông giáo đang nói với Hai Nhiều:

-... còn hỏi như vậy thì lạ quá. Từ lúc mới về đây tôi đã cho họ biết rồi. Không tin hay sao còn đến hỏi anh!

Về mặt Hai Nhiều nghiêm trọng, bà Hai hiểu ngay là giữa hai người chủ gia đình đang có một câu chuyện gay go đáng lắng tai nghe hơn là những câu trả lời bất đắc dĩ của cháu. Hai Nhiều nói:

- Ấy, tôi đã bảo chú về đây vì nghề dạy học ngoài đó không nuôi nổi bao nhiêu miệng ăn. Lão ta lại hỏi làm sao tôi biết chú làm thầy đồ. Tôi không biết nói thế nào cho phải, mới bảo... mới bảo...

Ông giáo nóng ruột hỏi dồn:

- Anh bảo thế nào?

Hai Nhiều dừng lại để tăng thêm sự nghiêm trọng, rồi tiếp:

- Tôi đáp bừa là trước khi đem vợ con về đây, cô chú có nhắn tin trước. Vả lại, khi vào đây chú cũng làm thầy đồ, rõ ràng chính ông ấy cũng gửi con tới học, cả huyện đều biết.

Hai Nhiều cười, tự tán thưởng sự lém lỉnh khôn ngoan của mình. Ông giáo chưa hết lo âu, hỏi dồn:

- Anh nói thế rồi họ còn cật vấn điều gì nữa thôi?

- Còn chứ. Lão ta hỏi chú quen với ông biện từ hồi nào, vì sao tự dưng ông biện gửi hai cậu em

xuống đây cho chú dạy chữ.

Bà Hai Nhiều lần lần hiểu mẩu chốt câu chuyện, lúc ấy mới chen vào cắt lời chồng:

- Tưởng ai hóa ra cái lão tri áp cha thằng Thìn. Bao nhiêu năm nay đi ra đi vô gặp mặt, vậy mà lão làm như người lạ, đến nhà hỏi đi hỏi lại cả buổi như là quan khảo án. Quí hóa gì cái chức xã trưởng mua bằng mấy chục quan tiền nát mà làm cao!

Hai Nhiều được vợ tiếp sức, trở nên sôi nổi hơn:

- Bởi vậy! Tôi ghét cái mặt làm phách, đốp chát lại liền. Tôi nói chú là thầy đồ giỏi hay dở chỉ có cha mẹ đám học trò theo học chú là biết rõ. Mà họ quen chú lúc nào, do đâu mà quen, thì làm sao tôi biết được. Chắc chắn là ông biện Kiên Thành biết chú sau ông tri áp, vì ông tri áp ở đây, còn ông biện thì ở tận bên kia sông.

Bà Hai Nhiều cười ha hả khâm phục chồng, cố giấu một cách lơ lửng niềm hãnh diện, quay quanh phân bua với con, cháu:

- Tiếc quá lúc đó tôi phải đi chợ, nên không nghe gì được. Rồi sao nữa ông? Lão ta hỏi gì thêm không?

Hai Nhiều đáp:

- Lão bực tức lắm. quay sang hỏi chừng nào chú về. Tôi bảo lúc nào chú về, lão lại đây trực tiếp hỏi chú thì tiện hơn, đúng hơn.

Câu trả lời ấy tác động lão tri áp thế nào, không ai biết được, vì sau đó Hai Nhiều mãi cười nói hả hê cùng với vợ con, lòng rộng rãi thoải mái vì được dịp trả thù kẻ đã chèn ép, lấn áp gia đình mình suốt bao nhiêu năm. Riêng ông giáo và các con thì gượng gạo chia vui cùng gia đình Hai Nhiều. Họ cảm thấy trước những đe dọa, khốn đốn sắp đến đối với cuộc sống vốn đã bấp bênh của họ, hoang mang không biết những ngày sắp tới mấy cha con sẽ còn phải đương đầu với các bất ngờ nào nữa.

*

* *

Kiên trở lại căn nhà xưa sau thời gian dài, nhìn cái gì cũng ngỡ tự hỏi có phải đúng là cái bàn, cái ghế, chiếc chiếu, cái bát ta đã thấy hơn một năm trước đây không? Làm vui cho bữa cơm đoàn tụ chỉ có An, ông giáo và Huệ. Ông giáo cảm động, thấy con gái hớn hở như được mặc áo mới ra đường. Trên cái bàn gỗ tạp thường ngày, An bày biện chén bát có vẻ kiểu cách, công phu hơn. Các đĩa thức ăn xếp cân đối theo hình thập tự. Năm cái chén cơm úp lên năm cái đĩa con, đôi đĩa gác song song bên phải cái chén úp. Ông giáo nghĩ: nó lên mười sáu, bắt đầu có sự chín chắn tảo tần của một bà nội trợ. Ông cũng thấy Huệ đổi khác, nhưng chưa tìm ra đổi khác ở chỗ nào. Đôi mắt sáng? Nét mặt cương nghị có pha chút giễu cợt mỉa mai ở cái nhìn? Cách nói chậm và rõ? Mảng tóc quăn phủ xuống một bên trán? Vẫn vậy! Hay ông tưởng tượng ra chăng? Tưởng tượng... hình như lối kéo ghế ngồi vào bàn ăn, hơi cúi đầu lắng nghe lời thầy, cầm lấy cánh tay Kiên hỏi chuyện trên trạ, đôi mắt liếc Lãng mỉm cười khi được hỏi đến mấy cái lỗ mối đám ruộng miếu, Huệ có vẻ gần gũi, thân mật với gia đình ông hơn trước. Phải rồi! Thời gian ta đi vắng, Huệ nhờ An nấu cơm vì chỉ còn có một mình bên nhà học. Thảo nào cử chỉ Huệ không còn vẻ xa cách giữ gìn như trước. Nghĩ như vậy, ông giáo thấy mọi điều sáng tỏ. Khi Huệ hỏi Kiên tình hình trên Tây Sơn Thượng, ông giáo nói với học trò:

- Tôi già lẫn mất thôi. Từ chiều đến giờ vẫn chưa báo cho anh biết là anh Lữ đã ở lại Tây Sơn Thượng.

Huệ không tỏ dấu ngạc nhiên, chậm rãi đáp:

- Dạ, con đã đoán thế nào rồi anh Bảy cũng xin ở lại.

- Lữ bảo với anh thế à?

- Thưa không. Nhưng mỗi lần anh Cả ghé đây, ảnh thấp thỏm hỏi thăm chuyện trên trại từng li từng tí. Ảnh muốn có một chỗ riêng để tự mình trồng cái này, xây cái kia.

- Chỉ còn một mình anh học dưới này, thế nào rồi anh cũng chán. Trước sau lớp học cũng phải đóng thôi!

Mọi người trong bữa cơm đều im lặng, để cho cái buồn thấm chậm vào tận đáy lòng. Miếng cơm ông giáo đang nuốt thấy nhạt nhẽo hơn. Giọng Huệ buồn buồn:

- Con thì luôn luôn muốn được học hỏi thầy. Chỉ sợ...

Ông giáo chờ cho Huệ nói tiếp, nhưng anh dừng lại, e ngại không thêm lời nào nữa. Ông giáo phải giục:

- Chỉ sợ điều gì?

Huệ bị buộc phải đáp:

- Phần anh Bảy con thì chắc còn lâu mới trở xuống đây. Các bạn khác...như anh Thìn, Tiến, Khả, hình như...

Ông giáo nói giùm ý học trò:

- Tôi biết. Họ xin nghỉ học. Vả lại nếu họ không xin nghỉ, tôi cũng không biết dạy thế nào cho họ vừa lòng. Anh thấy không, cuối cùng chỉ còn một mình anh.

Mọi người lại im lặng. Lãng cầm cái muống múc canh, khi trả cái muống lại chỗ cũ phải se sẽ không dám gây lên một tiếng chạm mỏng. Lúc đó, xa thật xa, tận phía bãi chợ gần bến sông, có tiếng ai đang chới lọi la hàng xóm. Sau đó có tiếng mõ đánh nhịp hai. An nắm lấy dịp xoay câu chuyện cho bớt nặng nề, thưa với cha:

- Gần đây ở ngoài chợ lộn xộn dễ sợ. Không biết ăn mày ở đâu mà càng ngày đổ về đây càng nhiều.

Huệ nói:

- Nghe nói ở miệt ngoài bị đói. Đến củ chuối, đọt dừa gai cũng không có mà ăn nữa.

Ông giáo gật gù bảo:

- Chẳng những họ tràn về miền này mà còn leo lên tận trên núi. Ở trên trại, ngày nào cũng có người xin vào. Nói cho đúng thì họ có thể ở ngoài tự phá rừng làm rẫy được. Nhưng từ đây cho đến lúc hái bắp, nhổ đậu ăn vào cái gì. Ốm đau, gặp nạn nương dựa vào ai. Càng ở nơi hiểm trở, càng cần nương tựa nhau.

Lãng nói:

- Con thấy sau tết, khi ăn mày còn ít, ai cũng dễ dãi cả. Đi chưa hết chợ đã được nào gạo, nào khoai, nào muối. Nhưng khi họ kéo đến nhiều, người ta đâm ngại. Cuối cùng đâm bức, gay gắt, tàn ác nữa. Hồi chiều có một bà lão ăn mày rách rưới chỉ xin ngủ nhờ vào cái chái nhà ông Năm Lương. Thế mà dứt khoát bà Năm không cho, sai con ra đuổi đi. Tuần trước chắc cũng vì vậy mà có người lén đốt cháy tiêu nhà ông thầy thuốc bắc.

Ông giáo giật mình, nhồm người ngồi thẳng dậy, hỏi Lãng:

- Nhà ông thầy nào?

Lãng vội trấn an cha:

- Không phải chỗ quen của mình đâu, thưa cha. Tiệm này nhỏ hơn, ở xế chợ một chút.

- Có ai bị chết không?

- Dạ không. Thường ngày có một bà cụ trông nhà. Hôm đó, may là bà cụ ra chợ mua trâu. Tủ

thuốc bị cháy, bay thơm cả một vùng.

- Rồi sau đó có tìm được thủ phạm không?

- Dạ không. Quan huyện truyền đóng gông tất cả những người vô gia cư lang thang trong vùng An Thái giải về phủ tra khảo. Đông quá không có gông cho đủ, phải lấy dây cột xâu từng chùm người lôi đi. Người già yếu, tàn tật, con nít mũi dãi bụng ỏng cũng không thoát.

An xen vào tiếp lời em:

- Vậy mà vài hôm sau, từng đám ăn mày ở đâu lại ùn ùn kéo đến. Đấy, cha nghe thấy không, lại có tiếng la làng xóm. Lã em đã đóng kỹ cửa cổng chưa?

Lã em vội bỏ bữa, bước nhanh ra phía cửa bếp. An nhìn theo tròng trành trách nhẹ:

- Cái thằng! Làm gì cũng quên! Út, ngồi yên cho chị dứt xong chén cơm đi! Chừng này tuổi đáng lý phải tự cầm bát bữa lấy. Cha biết không, hôm qua con dẫn thằng Út đi chợ. Nó vùi mua hết thứ này đến thứ khác. Con năn nỉ bảo đừng phí tiền, nó khóc. Con dỗ mãi nó không nín. Tự nhiên có một con bé con chị ăn xin đến ngồi bên con, hau háu nhìn cái nải chuối con đang cầm trên tay. Thấy tội, con bẻ cho nó một trái. Nó ngoạm hai miếng là hết, cổ bạnh ra. Ăn xong lại liếm mép nhìn nải chuối. Con muốn cho thêm trái nữa, nhưng giả vờ không để ý, xem con bé sẽ làm gì. Nó nhỏ hơn thằng Út mà lanh đáo để. Nó khen thằng Út dễ thương. Rồi khen cái áo thằng Út đẹp thật là đẹp. Con thấy ngộ vẫn làm thinh. Không biết nghĩ sao, nó khoèo tay con, rụt rè nói: "Chị, làm em của chị sướng ghê! Em thích làm em của chị". Nếu nhà mình đủ ăn, con đã xin con bé về nuôi rồi. Con gái nhỏ bao giờ cũng dễ thương hơn con trai.

An kể luôn một hơi, nét mặt linh hoạt, cử chỉ tự nhiên. Điều đó làm cho ông giáo kinh ngạc một lần nữa, và một lần nữa ông lại tự giải thích. Phải, suốt một tháng qua, Huệ vẫn ngồi cùng mâm ăn cơm với An, Lã em, Út, Huệ đã thành người nhà, lý nào phải dè dặt, làm bộ xa cách, giữ gìn từng lời nói, cử chỉ như trước.

Ông giáo ngả lưng thoải mái lên tấm ván tựa, thân mật hỏi Huệ:

- Gần đây có chuyện ghe nào lên không?

Huệ lễ phép đáp:

- Dạ có. Cách đây khoảng mười ngày có một ghe chở muối. Độ này ghe lên thưa thớt hơn trước, thưa thầy!

- Có lẽ tại sau tết, qua rằm tháng Giêng người ta mới lại bắt đầu làm ăn.

Huệ vội nói:

- Thưa không phải vậy. Chuyện buôn bán ngày càng khó khăn, ế ẩm. Một tháng một hai kỳ ghe lên, mà thờ mãi chưa hết.

- Tôi tưởng việc làm ăn vẫn phát đạt chứ! Cả vùng này chỉ có ông biện chuyên buôn hàng nguồn, bạn hàng nhiều, lại quen đường đi nước bước trên rú.

Ai vốn nhỏ không kham nổi thế đâu!

Huệ trầm ngâm một lúc, hơi do dự, rồi nói với ông giáo:

- Thực ra anh Cả con chỉ nhờ chịu khó, năng đi lại giao thiệp với người thượng. Còn vốn liếng thì... nói ra chắc thầy không tin đâu. Vốn liếng không có gì hết. Dạ, vâng đúng như vậy. Tiền vốn phần lớn mượn tạm nơi tiền thuế Vân Đồn, mùa sau gởi lên mùa trước, cứ vậy đắp đổi bao nhiêu năm nay rồi. Gần đây, nhiều buôn thượng bị nạn hạn hán mất tiêu cả mùa lúa rẫy và bắp. Muối giao cho họ rồi, mà trâu vói mặng không thu về được bao nhiêu. Không hiểu anh Cả con tính làm sao đây!

Ông giáo nhớ lời biện Nhạ than với ông trên Tây Sơn thượng, đối chiếu những lời đó với lời

của Huệ, ông càng tin hiện gia đình ông biền đang khó khăn. Ông giáo càng lo âu hơn trước, đưa tách nước trà lên môi uống mà không biết vị trà chát có phảng phất hơi mốc. An thiếu tiền, phải mua loại trà rẻ nhất ngoài chợ An Thái để pha, chỉ cốt lấy màu mà thôi!

*

* *

Chưa có lớp học nào đặc biệt như lớp của ông giáo, năm Sửu (1769). Trường chỉ còn một trò một thầy. Các chức sắc trong vùng đã cho con đến nài có này có nọ xin thôi học.

Nếu mối quan hệ giữa Huệ và ông giáo vẫn như cũ, nghĩa là luôn luôn có khoảng cách trang trọng sẽ sàng giữa thầy và trò, giữa người bảo trợ và kẻ thất thế, thì bắt buộc ông giáo phải giữ đúng tôn ti, phép tắc của một lớp học. Nhưng ngay từ bữa tối đầu tiên trở lại An Thái, ông thấy cách cư xử của Huệ đã khác. Gần như Huệ tự xem là một thành phần của gia đình ông, ăn nói, đi đứng như một thân thuộc gần gũi với các con ông. Do đó, lớp học có hình thái phóng khoáng, lối dạy dỗ thân mật uyển chuyển như là cha dạy con. Đôi lúc ông giáo mỉm cười với ý nghĩ ngộ nghĩnh phạm thượng là: đến Đức Khổng phu tử cũng chưa bao giờ dám ước có một lớp học như thế này!

Ông giáo bỏ hẳn các buổi giảng nghĩa trong mấy bức vách của nhà học. Ông nhớ gì nói nấy, phần Huệ muốn hỏi gì cũng được. Hai thầy trò đối đáp nhau, thẳng thắn tranh luận với nhau về đủ mọi vấn đề ngay trên mấy đám ruộng miếu, hoặc lúc ngồi nghỉ dưới gốc mít cổ bên miếu cô hồn. Mấy cha con ông tự hiểu là phải làm việc cật lực để sống, vì nguồn tiếp tế của ông biền giảm xuống dần dần. Huệ e ngại giùm cho gia cảnh thầy, tự phận có trách nhiệm góp thêm một sức lao động, giúp thầy cuốc cỏ, bón phân, đắp nước, be bờ... Lớp học của hai thầy trò gắn liền với đời sống đang ướm đầm mồ hôi cần lao!

Thời đó ông giáo vẫn còn lúng túng với những ý nghĩ hoài nghi. Huệ cũng là một cậu học trò rần rần không chịu tin vội vào những điều thầy dạy. Cùng ở trạng thái bất quyết, nhưng người học trò thì ở đầu con đường tìm tới chân lý, còn ông thầy thì đứng nép ở cuối con đường gập ghềnh ấy, mặt mày tư lự. Sự hăm hở của Huệ đã khiến ông giáo phấn khởi trở lại, và sau một lúc dùng dằng, ông luôn luôn bị cuốn hút vào cuộc phiêu lưu kỳ lạ của học trò.

*

* *

Mùa tháng ba đã đến. Lúa bắt đầu chín vàng trên cánh đồng An Thái. Dân đói ở các huyện phía Bắc đổ về ngày càng nhiều. Nạn tuốt lúa trộm khiến những đêm dài mùa gặt giật lên từng cơn vì tiếng mõ cấp cứu, tiếng la hét đuổi bắt, tiếng chân chạy trên các ngõ vắng, tiếng bàn tán xôn xao. Không buổi sáng nào không có những câu chuyện truyền nhanh cho cả vùng về các vụ lưu huyết đêm trước. Những khoảng ruộng ven đường đều xơ xác, lúa vừa chín tới đã bị tuốt trộm dần dần hằng đêm, mới trông giống như một mái tóc xanh bị lát ăn lan từ chung quanh lên đỉnh đầu.

Chủ ruộng phải ra ngủ ngay tại khu canh tác của mình để giữ lúa, mang theo con cúi và giáo mác, gậy gộc. Nhưng bao giờ số người giữ cũng ít hơn số người phá, nên canh lúa trở thành một việc nguy hiểm. Đã có nhiều người phải giả vờ ngủ say để giữ lấy mạng sống. Hôm rằm tháng ba, người ta tìm thấy xác một người giữ khoai bị vùi giữa đồng dây khoai héo, ở góc một vạt đất bồi đã bị đào bới lem nhem, nham nhở.

Nhà ông giáo chỉ còn có ba người đủ sức đảm đương công việc giành giật lấy miếng ăn sống này là ông giáo, Kiên và Lãng. Huệ không thể đứng ngoài, tình nguyện chia sẻ nỗi vất vả của gia

đình thầy. Cho nên nhiều đêm, bên con cúi rơm ngún khói tỏa ánh sáng âm ỉ giữa đồng, hai thầy trò ngồi bên nhau tìm quên gió lạnh và tránh né giấc ngủ bằng cách bàn luận lan man về đủ mọi đề tài. Cuộc bàn luận không có khởi điểm, và cũng không nhằm đi đến một kết điểm. Giữa đêm đen mênh mông, với chút ánh sáng thơm mùi rạ mới, nhờ cùng nhau gìn giữ cho được sự sống tối thiểu, mà hai thầy trò đã vứt bỏ được những ràng buộc của lễ nghi, câu thúc của hình thức, những môi miếng giả dối thường thấy ở chỗ có ánh sáng và tiếng ồn ào đông co. Một đêm Huệ hỏi thầy:

- Trong đời có lần nào thầy bị đói chưa?
- Nhiều lần lắm.
- Những lúc đó thầy nghĩ đến gì nhiều nhất?
- Dĩ nhiên là nghĩ đến cái ăn. Nhớ những lần đã được ăn ngon trước đây. Rồi nghĩ giá bây giờ mà được ăn thức này, món này... Sau đó lại tự an ủi: Đói cho sạch, rách cho thơm, hay là: Quân tử thực vô cầu bão.
- Như vậy con nghĩ thầy chưa thực đói.
- Thế anh đã thực đói lần nào chưa?
- Dạ chưa!
- Chưa đói sao biết thế nào là đói thực thế nào là đói giả?
- Sáng nay con thấy được người thực đói.
- Thấy thì dễ, nó nhan nhản ra đó suốt mấy tháng nay.
- Nhưng con thấy rõ hơn nhiều người. Con tin như vậy. Tối hôm qua con tập quyền tới khuya, nên ngủ luôn ngoài nhà thầy võ. Tại con nghĩ đã có anh Kiên và Lãng ra đây rồi, khỏi cần về làm gì.
- Anh đi mà không dặn ai, tôi cứ sợ nhớ có việc gì...
- Con có nói trước với Lãng. Chắc vì quên, Lãng không thưa lại với thầy trước khi ra canh lúa.
- Thế tại sao cánh tay phải anh xây xát cả vậy?
- Tại vì... tại vì tự nhiên con lúng túng, quên mất cái thế đỡ đường quyền đánh tới, bị ngã xuống. Xin thầy đừng lo cho con, tập võ xây xát, trật gân, chảy máu là chuyện thường. Con xin nói tiếp chuyện đói. Sáng nay ở ngoài phố chợ trước cửa lớp võ, chỗ cái quán những người dẫn ngựa thồ thường lui tới, lại có cuộc đấu đả. Một khách buôn đang ngồi trong quán ăn cơm, thì có hai người ăn mày bước vào. Một già yếu, một còn trẻ. Người già đứng tần ngần ngoài cửa quán, mắt nhìn dán vào đĩa cơm sườn, miếng há hốc. nước dãi chảy ướt chòm râu dơ. Người khách buôn bưng đĩa cơm lên thì ông già ngừng lên. Người khách buôn đặt đĩa xuống bàn, mắt ông già cũng nhìn xuống, không chịu rời cái đĩa. Người khách buôn gặm xong miếng sườn, mút thật kỹ rồi mới vất xuống đất. Ông già hết do dự, chạy vào quán chụp lấy miếng sườn lăm đất bỏ vào miệng. Con bắt nắn, không dám nhìn, quay mặt bỏ đi. Rồi con nghe có tiếng bàn ghế ngã, tiếng gầm hè vật đánh đập đổ nhau. Chạy trở lại quán, con thấy người khách buôn đang túm lấy người ăn mày trẻ tuổi mà đánh. Không ai vào can giúp người ăn mày xấu số cả. Người ta bảo "Đáng kiếp! Dơ dáy đến thế là cùng. Đánh cho nó chừa cái thói ăn hồn!" Can cho hai người rời nhau ra, thì anh ăn mày đã ngắt ngư, cơm và máu ói hết ra miệng
- Hẳn làm gì để phải chịu đánh?
- Anh ta trẻ hơn cụ già kia, mạnh dạn giành miếng sống. Anh ta đến thẳng bàn, nhổ nước miếng vào đĩa cơm người khách buôn đang ăn. Người khách buôn sợ hãi tránh ra xa. Anh ta chỉ chờ có thể. Anh ta chụp lấy đĩa cơm ngon, vốc từng nắm bỏ vào miệng mà nhai.

Ông giáo lặng cả người, đóm lửa trước mắt ông mù mờ, rồi nhập nhòa đi. Ông phải cố lắm mới nuốt được nước bọt và nói:

- Tôi đã đoán được vì sao tay anh bị xây xát, tôi...

Huệ không muốn thầy nói tiếp, vội ngắt lời ông giáo:

- Con cứ bị dày vò mãi vì tự hỏi: Nếu ta là một trong hai người ăn mày, ta sẽ làm như ông cụ hay làm như người trẻ tuổi. Con không trả lời được.

- Tôi cũng không trả lời được. Phải ở vào hoàn cảnh của họ, mới biết rõ câu trả lời.

- Nghĩa là con và thầy đều chưa thực đối.

- Đúng như vậy. Chúng ta may mắn còn có lúa mà canh giữ. Dầm dây khoai xuống, vài tháng sau đất còn cho ta củ. Trời còn mưa, nước thấm vào rễ, lá cây xanh. Nếu không may trời bắt hạn hán như ngoài Phù Ly, Bổng Sơn...

Huệ hấp tấp hỏi ông giáo:

- Thừa thầy thực sự có trời không? Nếu có "mệnh trời chí công" như thầy dạy con, thì tại sao trời sinh chỉ những con người vất vưởng đầu đường vớ cái bụng rỗng như vậy?

Huệ nhìn đăm đăm vào mặt thầy, thấy ánh mắt ông giáo phản chiếu ngọn lửa tha thiết. Huệ lấy hơi, cố trấn tĩnh nói cho hết ý mình.

- Con đã nghĩ: Những lời thầy dạy con rút từ sách thánh hiền, đều do những kẻ no đặt ra cả. Nhờ no đủ nên thanh thoi nghĩ ngược nghĩ xuôi thế nào cũng được. Hoặc muốn no lâu, no bền, thì nghĩ thế nào cho đẹp lòng bọn vương hầu. Con nhớ mãi câu nói ông Tử Trường: "Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!" Thầy đã dạy con năm trước.

Ông giáo đã đoán trước phần nào những gì Huệ nói, hơn nữa, những lần thất thế trong đời nhiều đêm ông từng trằn trọc vì những ý nghĩ ấy. Nhưng giữa đêm vắng, vũ trụ thu lại trong một vùng sáng hẹp, lời nói của Huệ dội mạnh vào tâm não ông, khiến ông xúc động bàng hoàng. Ông nhìn quanh chỉ thấy đêm tối. Ông hỏi thẳng thốt:

- Sách vở, chữ nghĩa và cả bọn sĩ như tôi làm được gì trước hoàn cảnh này? Chỉ đáng vứt đi hết sao!

Ông giáo choáng ngợp trước một sự thực vội vọi nó đè nặng lên đầu óc ông. Ông chói vội, hốt hoảng. Huệ nghe giọng thẳng thốt của thầy, tưởng ông giáo giận vì bị xúc phạm danh dự nhà nho, lo sợ quay nhìn ra ngoài đêm. Con phần khích tan đi mau chóng. Anh hối hận đã đi quá xa giới hạn, dầm ra lúng túng. Anh nghe thầy nói với giọng thật trầm, và buồn:

- Anh nói phải. Bọn kẻ sĩ chúng tôi chỉ được mỗi việc chầu chực ở cửa nhà vương hầu!

Rồi sợ Huệ hiểu lầm, tưởng ông giận, ông giáo cười, cố lấy giọng giấu cợt thân mật:

- Người thôn quê họ nói đúng lắm. "Nhất sĩ nhì nông". Cứ tạm nhận thế đi. Nhưng "hết gạo chạy rong thì nhất nông nhì sĩ". Biết đâu đã đến thời của những người cầm cày cầm cuốc!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 12

Kiên mang đồ lễ đến nhà ông tri áp, lòng không mấy vui. Ngoài cái nghiên đá hoa bọc bằng giấy điều, còn có thêm hai thúng nếp và một nải chuối tốt. Ông giáo sai Lãng đi theo anh, nhưng đến lúc đã chuẩn bị sẵn sàng quà cáp, Lãng biến đâu tìm mãi không thấy. An phải đi cùng với anh Hai.

Hai anh em may mắn gặp Thìn đang la cà bên mấy chuồng ngựa chợ An Thái, nhờ Thìn dẫn về nhà. Không có nụ cười thân ái của An thì Thìn đã từ chối phắt. Càng về gần tới cổng, Thìn càng tỏ vẻ lúng túng, lo âu. Cho nên anh ta nhất định không cùng anh em Kiên vào nhà, chỉ đứng ngoài xa trở cái cổng vôi nói:

- Đó, cửa cổng thường đóng, cứ đập cửa mạnh vào trong nhà mới có người nghe. Chớ dũ lắm, dù cửa mở cũng đừng tự tiện bước vào. Thôi nhé, tôi đi đằng này có việc.

- Kiên và An mới đập nhẹ vào cánh cửa gỗ nặng thì bên trong đã có tiếng chó hực dũ tợn, tiếng sửa inh ỏi, và tiếng gầm gừ. Ông tri áp đích thân ra mở cổng, theo sau là một anh lực điền vạm vỡ cầm cây gậy dài quá tầm người. Đôi mắt hần học của ông dụ lại khi thấy hai anh em Kiên khệ nệ mang đủ thứ gói đỏ, gói xanh. Tuy vậy, giọng nói của ông vẫn còn đọng khá nhiều ác cảm. Ông tri áp hất hàm hỏi:

- Đi đâu?

Kiên giận dữ vì thái độ hách dịch của viên tri áp, không trả lời. An nhanh nhẩu thưa:

- Chúng cháu xin phép được hỏi thăm cụ. Có phải đây là nhà cụ tri áp?

Ông tri áp hỏi lại:

- Có việc gì?

- Cha chúng cháu sai chúng cháu đến biếu cụ chút quà mọn nhân tiết cơm mới, gia đình chúng cháu về đây được cụ bảo bọc cho nên mới có cái ăn cho đến mùa này. Mong cụ không chê nhà chúng cháu nghèo, quà cáp thô sơ, mà nhận cho.

Vẫn không để cho anh em Kiên được bước quá vào bên trong cổng, ông tri áp lờ mắt nhìn qua các thứ quà Kiên và An đang đem theo. Ông thấy An xách một giỏ nặng nào nếp nào chuối. Trông cánh tay nhỏ yếu ớt của An, dáng đứng thẳng không bị quằn nghiêng xuống một phía, ông biết giá trị món quà An đang xách nhẹ lắm. Ông chỉ còn hy vọng ở cái gói giấy điều Kiên đang bung bằng hai tay. Nhờ thế, giọng ông dụ thêm một chút xúu nữa. Ông hỏi Kiên:

- Anh kia, con cái nhà ai thế?

Kiên không còn cách nào khác, phải trả lời:

- Chúng tôi là con ông giáo Hiến.

- Ai?

An đáp thay anh:

- Dạ chúng cháu là con ông giáo Hiến ạ!

Giọng nói của ông tri áp trở nên cau kỉnh, bực bội. Ông ta cười nhạt, hỏi bằng một giọng cố ý kéo dài ra để giễu cợt:

- Giáo Hiến nào vậy cà? Ở đây có tên nào trốn cầm cày cầm cuốc mở hàng bán chữ đầu cà! Kiên bậm môi lại, mấy ngón tay bấm mạnh lên cái gói giấy điều bọc chiếc nghiên quý. An nói:
- Có lẽ vì bận nhiều việc quan nên cụ quên đấy ạ. Cha chúng cháu không có ý mở trường để mưu sinh, chỉ cốt ôn cho chúng cháu khỏi quên cái chữ nghĩa thánh hiền thôi. Cũng may là tiếng lành đồn xa, ông biện Kiên thành và cả cụ tri áp nữa, đều có gửi con em đến xin học. Chúng cháu vừa gặp anh Thìn ngoài chợ, nhờ anh ấy mới được biết nhà cụ.

Ông tri áp quay lại nhìn đăm đăm vào mặt An, lòng thầm phục cái tài mau miệng ứng đối nhanh chóng của đứa con gái. Tự biết không thể giữ mãi giọng phách lối mà không trở nên lỗ bịch, ông tri áp cố tỏ ra hòa nhã, thân mật hơn:

- Thế à! Ra các cháu là con thầy giáo của thằng Thìn. Quý hóa quá! Tưởng ai hóa ra là con thầy giáo Hiến đây mà! Vào đây các cháu. Bay đâu! Coi chừng mấy con chó nghe. Vào đi, đừng sợ. Chúng nó gầm gừ dữ tợn thế, nhưng hiền lắm. Bay đâu! Đã bảo nhốt mấy con chó lại. Nhớ đóng cổng cài then cẩn thận nghe chưa. Các cháu đi lối này. Cái sân bên phơi lúa phải đi quanh ra ngõ sau vậy.

Ông tri áp nhanh nhẩu ân cần thế nhưng vẫn không để cho hai anh em Kiên bước lên thềm. Ông sai người nhà đem ra ba cái ghế đẩu, tiếp khách ngay dưới bóng mát cây ổi. Kiên chán ngán cái trò giả dối quan quyền, để mặc cho em gái đối đáp với ông tri áp. Khi biết món quà bọc giấy điều là cái nghiên đá hoa, ông ta rạng rỡ mặt mày, nói cười tíu tít. Thấy vẻ mặt Kiên lăm lì, ông dâm ngại, chỉ nói chuyện với An. Đôi lúc muốn hỏi Kiên việc gì, ông cũng hỏi chuyện qua An để khỏi phải e ngại. Ông ta liếc nhìn Kiên, do dự rồi hỏi An:

- Thế cậu đây là anh ruột của cháu phải không?

Kiên gật đầu nói: Vâng.

- Sao mấy lần tôi ghé chơi đằng ông giáo, không thấy có mặt anh cháu.

Vẫn Kiên đáp thay em:

- Tôi không ở đây. Lâu nay tôi ở trên Tây Sơn thượng, mới ghé về thăm nhà.

Ông tri áp vỗ mạnh vào vế, nói lớn:

- À, tôi nhớ ra rồi. Cậu tên là Kiên phải không. Đúng tên Kiên chứ gì. Hôm qua, ông xã có báo cho tôi biết trong làng mình hiện nay có quá nhiều dân lậu. Cái bọn đói khát xiêu giạt đầu đường xó chợ đó, không biết từ đâu về mà đông thế. Chúng làm rối loạn cả phép nước, cướp giết, trộm cắp, không gì chúng không dám làm. Tối hôm qua chúng gạt trộm của tôi dám Rộc, mấy thằng người nhà của tôi không dám cho một đứa đồ ruột thì chắc chắn sáng nay không còn sót lấy một hạt lép. Tôi đã nhiều lần trình lên quan huyện. Quan trên cho phép tổng khur bọn dân lậu ấy ra khỏi làng, bằng cách gì cũng được. Thế... thế cậu Kiên có tên trong sổ đinh làng ta không.

- Dạ tôi đã khai trên Tây Sơn thượng.

- Phiền phức nhỉ. Như vậy là ông xã trưởng báo đúng một phần. Cậu không là dân đinh ở đây, tuy không phải là dân lậu, nhưng...

Kiên ngắt lời ông tri áp:

- Tôi chỉ ghé thăm nhà mà thôi. Mai, chậm nhất là ngày mốt, tôi trở lại Tây Sơn thượng.

- Thế thì được. Cậu về thưa lại với thầy giáo là tôi quý thầy giáo lắm. Ông xã không biết liệu

việc, cứ răm rắp theo phép nước mà làm, không chịu vị tình. Tôi thì khác. Cái gì cũng phải đầy đủ cả tình lẫn lý. Như trường hợp thầy giáo chẳng hạn. Người ta thấy thầy giáo hiền, đặt đủ điều nói xấu thầy. Nói nào là thầy không tự dưng bỏ kinh mà về cái xó núi này, nào là thầy từng quen biết lớn lắm. nào là...nào là giữa thầy với... mà thôi, hơi đâu để ý đến chuyện thêm thắt bàn tán của miệng đời, phải không hai cháu.

Viên tri áp nhìn thẳng vào Kiên, nét mặt hơi đanh lại:

- Riêng phần cậu, thôi thế cũng được. Đằng nào thì mai một cậu cũng lên Tây Sơn thượng rồi. Cậu có gặp biện Nhạc cho tôi gửi lời thăm.

Kiên nhìn thấy trong đôi mắt viên tri áp có sắc xanh lạnh lẽo của con rắn đang thôi miên chú chuột nhắt. Anh lo ngại, ngầm hiểu viên tri áp biết nhiều điều về gia đình mình mà chưa đến lúc nói hết.

Suốt hai tuần lễ nay Kiên trốn ru rú trong xó nhà như con gián sợ ánh nắng. Ông giáo chưa tìm được lối thoát cho con, mà chính Kiên cũng không tìm được lối thoát cho mình. Cửa sổ, cửa lớn phòng nhà trên đóng kín mít. Kiên lẫn lẩn suốt ngày trong phòng tối, khổ sở không biết làm gì để quên. Anh có quá nhiều chuyện đau lòng muốn quên dứt, khổ nỗi sự cô đơn buộc anh nhớ tất, không sót một chi tiết.

Anh phải tìm việc làm luôn tay. Ngày đầu Kiên vót tăm. Ngày thứ nhì Kiên lau bàn ghế, giường tủ. Ngày thứ ba sửa lại các thứ lật vật trong nhà từ cái rá, con dao, cái rựa cho đến cái tim đèn, cái cán gáo. Đến ngày thứ năm mọi sự đều gọn ghẽ, ngăn nắp, trừ tâm hồn ngổn ngang vương vীu của anh. Kiên ngồi thừ trong bóng tối, khóc một mình. Anh cố tìm công việc nào đó để lấp cho đầy cái khoảng tối hun hút của đời anh. Một sức thúc đẩy nội tại mơ hồ xui anh vung chân múa tay cố làm cho thân thể mệt nhoài để trí óc ngưng quấy rối anh. Mồ hôi vã ra như tắm, căn phòng tối thiếu không khí trở nên ngột ngạt, Kiên cảm thấy khó chịu còn hơn ngồi khóc lặng lẽ. Anh quay sang đọc thơ, rồi đọc thuộc lòng trở lại những trang sách cha đã dạy từ hồi còn ở kinh đô. Chữ nghĩa rệu rã trong miệng anh, đạo lý nhạt nhẽo không đủ thắng được lòng hoài nghi. Cuối cùng, anh tìm ra trò chơi đánh cờ giữa tay phải và tay trái, và lần mò quan sát từng vết lõm trên tường để tìm cho ra ý nghĩa hình dáng các vết lõm đó.

Một hôm Kiên thú vị khám phá thấy có một vết lõm giống y hình dáng một người đang cố sức chạy, thì có tiếng chân người đi vào sân. Đoán là cha và các em ở ngoài đồng về nghỉ trưa, Kiên mạnh dạn mở then, hé cửa nhìn ra ngoài. Một tốp bốn năm người lính đầy đủ giáo mác đã đến trước hiên nhà, dẫn đầu là viên tri áp. Ông ta truyền lệnh cho bọn lính:

- Một đứng gác trước cổng. Một đưa canh phía sau nhà. Thằng Chạng theo tao. Đẩy cửa vào coi nó có trốn trong đó không?

Kiên biết không có lối nào khác để trốn thoát. Có điều anh còn hồ nghi, là không hiểu tiếng nó trong lời viên tri áp chỉ vào ai, vào anh hay vào cha của anh. Tâm trạng bồn chồn khiến anh phản ứng chậm chạp, nên mãi tới lúc đã bị tên lính bẻ quặt tay trái kéo ra sau lưng, Kiên mới hiểu hết tầm quan trọng của hoàn cảnh. Lúc đó, anh mới cảm sâu được sự sỉ nhục đã chịu. Anh giận đến phát điên khi bị tên lính nắm tóc đè đầu xuống đất cho nên Chạng trối tay anh dễ hơn. Kiên quên hết mọi suy tính dè dặt, dùng đầu húc thật mạnh vào bụng tên lính đang nắm tóc mình. Tên lính bị vỗ bất ngờ ngã ngửa xuống đất, đầu đập vào khung cửa lớn, máu phun ra thấm qua tóc chảy có dòng lên trán. Máu đỏ kích thích bản năng hung bạo lên tột độ, Kiên bị bọ

lính xúm lại, kẻ đá người thoi cho đến lúc nằm chết giấc một đồng tử trên nền đất ẩm. Viên tri áp không ngờ tình thế hóa ra thô bạo rắc rối đến như vậy, đứng nhìn cảnh tượng trước mắt với đôi mắt bàng hoàng. Mãi một lúc sau, ông ta mới lấy đủ bình tĩnh, lớn tiếng la mắng đám thuộc hạ:

- Trói nó dẫn đi được rồi, tội bây làm nhục nó có ích gì. Quan huyện có quở, tội bây đừng có chạy tội nghe chưa!

Có lẽ bọn lính thấy Kiên nằm im như người chết, đâm sợ. Một tên đến lay Kiên dậy. Kiên ú ớ, rên rỉ, người oằn lên như con rắn bị dẫm phải đuôi. Một tên lính khác chạy ra ang nước, múc nước xối lên mặt Kiên. Chờ một khắc sau, chúng đỡ lo hơn khi thấy Kiên mở mắt, dáo dác nhìn quanh. Theo lệnh viên tri áp, hai tên lính đến xốc nách lôi Kiên dậy, vừa dìu vừa đẩy Kiên ra cửa.

Kiên bị bắt đi giữa trưa nắng, hai bên đường đám con nít líu ríu sợ hãi nhìn theo đoàn giải tù, những bàn tay nhỏ nhắn bần thủ do nỗi sợ truyền kiếp thúc đẩy đưa lên che lấy đầu và ngực. Người lớn ở gần nhà ông giáo chỉ dám đứng nấp sau những bụi chuối rậm len lén quan sát, không dám thở mạnh. Kể cả gia đình Hai Nhiều. Chờ cho đoàn giải tù đi khá xa, Hai Nhiều mới sai Lê chạy ra đám miễu báo cho gia đình ông giáo hay tin dữ.

*

Sau khi Kiên bị bắt, gia đình ông giáo sống trong một trạng thái lơ lửng, chơi vơi đến hãi hùng. Không ai còn bụng dạ nào đâu lo chuyện cơm nước, nên lòng mọi người cứ cồn cào, không đói mà cũng không no. Ông giáo, ngay buổi xế hôm ấy, chạy đi tìm ông tri áp hỏi cho ra có sự, nhưng gọi cổng mãi không được ai tiếp cả. Gần như mọi người đều lảng tránh, không muốn dây dưa với ông, sợ ông như sợ một người bị hủi. Đứng nói chuyện với ông là điều nguy hiểm, tuy trong thâm tâm, mọi người trong làng vẫn còn giữ trọn lòng kính nể khâm phục đối với con người hay chữ và khiêm cung. Sự mâu thuẫn ấy khiến mọi người khổ tâm, cho nên người ta mới truyền miệng cho nhau những mẩu chuyện ghê gớm về hành tung khả nghi của gia đình ông giáo, hòng vớt vát chút ý nghĩa cho thái độ hèn nhát.

Chính Hai Nhiều tung ra cái tin nói rằng thực sự ông giáo không có họ hàng bà con gì với Hai Nhiều hết. Lấy bằng cớ ở đâu mà dám bảo vợ ông giáo là con cùng cha khác mẹ với Hai Nhiều? Hãy nhớ lại xem: khuôn mặt của Hai Nhiều với khuôn mặt bà giáo có chút nào giống nhau đâu? Nhà Hai Nhiều có thể có máu hủi, nhưng nhất định không có máu điên! Tự nhiên hôm tối trời, có một gia đình lạ hoắc ở đâu trôi giạt về đây, bỗng bế gồng gánh nhau tìm vào nhà Hai Nhiều xưng là bà con thân thuộc để chia vườn, chia ruộng. Hai Nhiều biết thừa ra chứ, biết là có sự giả dối tối tăm trong đó chứ, nhưng thấy người hoạn nạn giữa đường chẳng lẽ không làm phước để vun nền đức cho con cháu. Lừa được Hai Nhiều bao năm nay, thậm chí lừa được cả dân An Thái, nhưng làm sao lừa được triều đình. Không phải vô cớ mà quan quân rầm rập kéo vào nhà trói thúc ké lôi đi như vậy? Cái gì cũng có cái lý đương nhiên của nó! Họ là ai? Đã làm gì? Đã ở đâu trước khi kéo về đây ăn bám vào gia đình Hai Nhiều, ai mà biết được! Và cả nhà Hai Nhiều ngủ yên đêm đêm, dù có nghe tiếng An thút thít khóc mỗi lần qua giếng cậu mợ xách nước.

Từ đó giữa các cuộc bàn tán sôi nổi hứng thú trong làng, càng ngày người ta càng tìm thấy nhiều điều khả nghi nơi gia đình ông giáo. Người này nói: "Ờ, hèn gì..." Người kia nói "Phải rồi, vì vậy mà..." Kể nhớ bù đắp cho kẻ quên. Những chi tiết phù hợp với định kiến được thu góp đầy đủ, dần dần trở thành một câu chuyện có đầu đuôi, hấp dẫn hơn cả chuyện lấy vợ của cha

Hai Nhiều thời trước.

Cảm giác luôn luôn bị một vòng nghi kỵ, sợ hãi bao vây lấy mình khiến mọi người trong gia đình ông giáo đều khổ tâm. Đi đâu họ cũng bị những cặp mắt ranh mãnh theo dõi. Bước qua khỏi một đám đông, họ biết sau lưng họ đang có nhiều lời bàn tán độc địa, xuyên suốt lưng họ như những lưỡi gươm bén hèn nhất. Không đêm nào họ ngủ được yên giấc. Không dám nói ra lời, nhưng ai cũng biết sự đe dọa của triều đình chưa kết thúc. Giữa bóng tối, họ hồi hộp lắng nghe từng bước chân đạp rào rào trên đường cát, từng tiếng nói chuyện xì xào. Một tiếng ếch nhái, tiếng chuột rúc trong xó, tiếng con chim bay đổi cành, tiếng con rắn lục gọi tình, đều có thể khiến mọi người giật mình hoảng hốt.

Đêm đêm họ chờ. Một đêm. Hai đêm. Ba bốn đêm. Dần dà từ ông giáo, lớp trẻ tuổi như Lãng, An, Út, Huệ làm quen với sự thấp thỏm, lo âu, bắt đầu ngủ yên giấc. Đúng vào đêm thứ năm sau hôm Kiên bị bắt, lúc gần gà gáy, ông giáo nghe có tiếng nhiều bước chân nhẹ và nhanh vào sân nhà. Ông thầm nghĩ: "Bây giờ đến lượt mình. Thế nào chúng nó cũng tra khảo cho thẳng Kiên khai thật ta là ai, quen với quan nội hữu thế nào".

Bên ngoài, tiếng chân bước im bật, một lúc sau có tiếng thì thào. Rồi tiếng đập cửa nhè nhẹ. Ông giáo chậm rãi ngồi dậy, tìm đá lửa và bùi nhùi thắp đèn. Ông không muốn bị lôi đi âm thầm dấm dúi. Ông muốn được tiếp nhận may rủi của số phận giữa ánh sáng, với tư thế trầm tĩnh ung dung của nhà nho.

Lại có tiếng đập cửa. Ông lên tiếng hỏi:

- Ai đấy?

Một bóng đen nhè nhẹ đến bên ông. An đã dậy từ lúc nào đến ôm lấy cha, ông giáo thấy con gái đang run. Bên ngoài có tiếng đàn ông đáp nhỏ:

- Chúng tôi là người nhà ông biên Kiên thành. Có cậu Huệ trong đó không?

An lo âu hỏi nhỏ:

- Cha đừng ra mở cửa vội. Coi chừng họ đánh lừa đấy!

Ông giáo do dự chưa biết trả lời thế nào, thì bên ngoài lại có một người khác nói vào:

- Chúng tôi có tin nhà cho cậu Huệ. Gấp lắm. Có ai thức trong đó không?

Bên chái nhà học có tiếng kéo then cửa lách vách và tiếng cánh cửa mở, ván cửa cọ vào khung kêu kẽo kẹt. Ông giáo biết Huệ cũng thao thức cả đêm như mình và An. Tiếng Huệ hỏi:

- Bác Năm đấy phải không?

Nhiều tiếng mừng rỡ:

- À, cậu Tám đây rồi. Thế mà tôi cứ tưởng cậu ở bên này.

Toán người lạ qua cả bên nhà học. Ông giáo thở phào nhẹ nhõm. An cũng mừng rỡ nói với cha:

- Đúng là người nhà ông biện rồi. Không biết có việc gì gấp mà họ tìm xuống đây khuya khoắt vậy cha!

Ông giáo lắng nghe những câu trao đổi giữa Huệ và toán người lạ, nhưng họ cách xa ông quá, không nghe được gì. An muốn mở cửa sang hỏi thăm Huệ, dợm đứng dậy. Ông giáo hiểu ý con, ngăn lại:

- Khởi cần. Thế nào Huệ cũng qua đây ngay.

Hai cha con không chờ lâu. Độ một khắc sau, Huệ qua gõ cửa nhà thầy. Ông giáo đã thắp đèn sẵn, mở cửa sẵn để chờ Huệ. Dưới ánh đèn lù mù, ông giật mình tìm thấy nét mặt Huệ có vẻ lo lắng. Ông hỏi:

- Có việc gì thế?

Huệ đến bên thầy và An. Hai người kinh ngạc thấy anh đã mang theo cái tay nải quần áo, như chuẩn bị đi xa. Huệ cố dần xúc động, nói với ông giáo:

- Chúng nó cho lính đốt cháy nhà con trên Kiên thành hôm qua. Anh Hai vừa cho người xuống báo cho con hay.

An lo lắng hỏi:

- Có ai bị "việc gì" không anh?

Huệ quay lại nhìn An, mỉm cười cảm ơn sự lo lắng của cô gái, rồi đáp:

- May có người quen cho biết trước, nên cả nhà đã trốn ra bờ sông. Chúng nó chờ đêm bao vây kín, tưởng có thể bắt trọn cả gia đình.

An tức giận hỏi:

- Vì sao chúng nó dám ngang ngược như vậy?

Ông giáo cho câu hỏi của con thừa thãi, vô ích, nên hỏi Huệ:

- Bây giờ anh tính sao? Định đi đâu?

Huệ nhìn toán người đang chờ mình ngoài sân, đáp:

- Gia đình con đã lên hết trên Tây Sơn thượng. Anh biện nhắc con lên đó ngay đêm nay. Thừa thầy...

Huệ muốn nói điều gì quan trọng lắm, có thể là lòng biết ơn gia đình ông giáo, có thể là nỗi bịn rịn phải xa một nơi chốn thân mến, yêu dấu Huệ đã từng sống hai năm qua. Nhưng anh xúc động không nói được. Ông giáo cũng cảm thấy nghẹn nơi cổ, chỉ biết vỗ vai Huệ tỏ dấu thông cảm. Huệ cuối đầu chào thầy, nhìn nhanh về phía An, rồi bước vội ra sân. Gà phía sau chuồng bắt đầu gáy chờ mặt trời. Đêm còn đen dày. Ông giáo nổi cơn ho và lạ lùng chưa, dường như ông bủn rủn tay chân, đứng không vững nữa. Ông vịn vào thành cửa, nhìn ra đêm tối. Mắt ông mờ lệ. Ông thấy nhập nhòa hình ảnh toàn người lạ đang nói chuyện với Huệ trước nhà, vài người mang giúp cho Huệ một số đồ đạc. Hơn cả lúc trở về thấy Kiên bị bắt, ông cảm thấy đời cô đơn hơn, trống trải hơn. An đã bỏ đi xuống bếp. Ông muốn gọi Huệ vào để nói thêm vào lời, dặn dò vài câu. Nhưng ông giáo bỏ ngay ý định. Ông còn biết nói gì với Huệ trong hoàn cảnh này!

Huệ cùng với toán người nhà ra tới cổng, chợt nhớ điều gì, quay trở lại. Ông giáo mừng, chờ Huệ tiến về phía mình. Nhưng không. Ông thấy Huệ ra phía bếp, chỗ có đặt ang nước. Ông nghe tiếng cán gáo va vào thành ang, tiếng nước xối một lần, hai lần. Hơi thất vọng, ông giáo khép cửa lại.

Huệ trở ra qua lối cửa sau nhà bếp gặp An đang đứng ở đấy. Anh dừng lại. Bóng tối che giùm không cho hai người trông thấy vẻ bối rối của nhau. An run run nói:

- Anh nhớ quần khăn cổ. Không lại cảm.

Huệ cảm động, cả đời chưa được một người con gái nào ân cần dặn dò như vậy nên cảm thấy hãnh diện ngây ngất. Anh muốn nói với An câu gì thật âu yếm, đơn sơ mà chân thành như câu An vừa thốt ra, nhưng trong cơn lúng túng, tìm mãi không ra lời. Huệ cố dần xúc động nói:

- Cảm ơn An.

Huệ ngược lên nhìn An, thấy tất cả vẻ đẹp quyến rũ của một nụ cười e ấp. Không tự chủ mình, Huệ tiến tới định nắm lấy bàn tay An. An rút tay về, giọng hơi hốt hoảng:

- Dừng, anh Huệ!

Huệ cảm thấy hụt hẫng, khựng lại, trở mắt nhìn An. Anh nghĩ nhanh: Mình thật quấy. Cô ấy như

đứa trẻ thơ tình nghịch, coi mình như một người anh trong gia đình. May là không có ai trông thấy. Để che giấu sự bối rối pha chút thất vọng, Huệ cố nói to với An:

- Tôi đi nhé! Thế nào cũng có dịp tìm xuống thăm thầy. Không lâu đâu!

Huệ đã giữ lời hứa. Mười ngày sau, Huệ vâng lời anh, trở lại An Thái đưa gia đình thầy trốn lên Tây Sơn thượng. Triều đình đã phát động một cuộc khủng bố, đàn áp qui mô, tái lập trật tự, thu vét số thuế thiếu, kiểm soát đám dân xiêu bạt sống ngoài vòng pháp luật. Ông giáo sắp trở thành nạn nhân của cuộc khủng bố thị uy ấy.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

PHẦN II: TÂY SƠN THƯỢNG

Chương 13

Năm Tân Mão (1771), gia đình ông giáo vừa lên Tây Sơn thượng đã chịu thêm một cái tang nữa; thằng Út không chịu được khí hậu miền núi, cái bệnh suyễn kinh niên thêm trầm trọng. Nhưng thằng bé không qua đời vì bệnh suyễn, mà vì chứng phong đòn gánh. Út đập gai lúc nào, cả An lẫn Lãng đều không chú ý. Thằng bé sợ chị mắng, không dám hở môi. Đến lúc cái chân bị sưng to, và thằng bé sốt nằm li bì, thì không còn chạy chữa cách nào được. Trước lúc mất, thằng bé oằn mình, hai tay chới với đưa lên không như muốn bầu vịu lấy sự sống. Cả nhà ông giáo khóc nức lên, tuyệt vọng! Chỉ còn biết đưa xác đi chôn ở đám đất sỏi dưới gốc một cây ké rậm lá!

Tây Sơn thượng đối với An thành một vùng đất bất trắc. An thấy cảnh vật ở đây hoang vu buồn tẻ quá! Chung quanh An chỉ toàn núi và sương mù. Nhà cửa ọp ẹp tạm lợp cất bằng những loại cây nhỏ còn để nguyên vỏ, mái lợp bằng cỏ tranh ghép buộc xoắn xếch. Những cái chòi đơn sơ ấỵ cất rải rác trên thung lũng, cây cỏ hoang dại phủ quá nửa tấm vách nứa. An lại nhớ phố phường, cung điện ở thần kinh, nhớ đến làng An Thái đông đúc trù phú nằm ở bên sông, da diết nỗi tiếc cảnh sống ổn định ở đồng bằng.

An không thể hiểu nổi niềm kiêu hãnh của Chinh, khi Chinh dẫn em gái leo lên một đồi thấp mọc đầy cỏ tranh, trở về phía ngọn núi xa gần, vỗ lòng cho An bài địa lý:

- Mày thấy chưa? Cuộc đất này có “rồng ẩn, hổ ngồi” đấy nhé. Anh Lữ kể ông tổ bốn đời nhà anh quê tận Hưng Nguyên, Nghệ An, bị chúa Nguyễn bắt đày lên chỗ thâm sơn cùng cốc này. Trại mình ở hiện nay cất trên nền nhà tổ tiên của anh Lữ. Dĩ nhiên là rộng hơn nhiều chứ. Hồi đó, làm gì đông vui cho bằng bây giờ.

An không thể không cười mỉa mai, hỏi anh:

- Đông vui? Anh có nói đùa không?

Chinh ngạc nhiên trố mắt nhìn em, càng ngạc nhiên hơn khi thấy An bật cười to. An vuốt lại mái tóc bị gió thổi rối, lấy một mảng tóc cắn vào giữa hai hàm răng để cố không cười nữa, sợ phật lòng anh. Chinh chờ lâu không thấy em nói gì, vội nói tiếp ý mình:

- Cuộc đất tốt vì bằng phẳng, chung quanh lại có núi bao bọc, ấm áp như một cái nôi. Sữa cho em bé là nước sông Ba, và những dòng suối như Rộc Tùng, Hầm Bia, Rộc Môn, suối Cái. Dải núi cao kéo dài trùng điệp từ hướng nam vắt qua đông ngăn chia vùng này với đồng bằng tên là Trục Lĩnh. Kia là ngọn Hánh Hót, ở đó có một buôn thượng đông lắm. Kia là ngọn Mò O. Phía mặt trời vừa mọc là hòn Lớn và hòn Gia dựa. Núi phía tây bắc kia là hòn Cong.

An nhả mảng tóc ra, lấy ngón tay út cời gỡ nhẹ mấy sợi tóc còn dính vào đầu lưỡi, hỏi anh:

- Núi vây kín cả, thì mình xuống biển bằng lối nào?

- Lối phía bắc. Chỗ kia kia. Không. Xa hơn chút nữa, chỗ có ngọn núi lớn kề bên một ngọn núi

nhỏ nằm chệch phía tây nam. Đèo An Khê ở ngay chỗ hai cái núi đó. Cuộc đất này giống như Nhà Trời. Mái là bầu trời xanh. Vách tường là các dải núi cao bao bọc. Nền là thung lũng bằng phẳng. Cửa là đèo An Khê, mở ra, nhìn thấy ngay cái sân đồng bằng Tuy Viễn. Hàng rào là một dải biển xanh.

An ít khi thấy anh hứng chí ba hoa như hôm nay, tìm cách nói ngược lại:

- Nhà Trời! Nhà Trời! Em chẳng thấy có cái gì vĩ đại cả. Ọp ẹp mấy mươi cái chòi vùi lấp trong cỏ dại, chịu đựng sương mù buốt da. Khiếp. Khi hôm em không tài nào ngủ được!

- Mấy mươi? Mà có biết đếm không? Chưa kể số người ở xóm Ké, hiện chung quanh đây có tất cả 97 cái nhà, 328 người kể cả trẻ con. So với lần cha với anh mới lên đây là quá đông rồi. Hồi đó chỉ lèo vèo vài mươi cái chòi rải rác ở ngoài vòng rào trường trâu. Thế mà không biết ai đồn đãi trên này có đất lành, người ta ùn ùn kéo nhau lên. Mỗi ngày vài ba gia đình, có ngày lên đến sáu, bảy gia đình. Càng ngày đời sống ở đây càng tấp nập, đông vui thêm. Trong trại gặp nhiều khó khăn hơn, vì phải đứng ra tổ chức, giúp đỡ nơi ăn chốn ở cho những gia đình mới. Khó nhất là cái ăn. Nhưng đất ở đây tốt, chỉ cần lấy cây nhón xoi lỗ bỏ hạt bắp xuống là vài tháng sau bẻ được những trái bắp to tướng. Giống bắp mọi lớn và dẻo lắm. Tiếc một điều là chỉ làm được một mùa. Khó khăn do ở chỗ đó.

Chinh nói đúng được cái khó khăn chính của Tây Sơn thượng vào năm Tân Mão, nhưng chưa nói được hết sự phức tạp của nỗi khó khăn ấy.

Ban đầu, nó hiện ra thật nhỏ nhoi, tầm thường. Muối. Số muối dự trữ trong trại cạn dần. Người ta vay mượn nhau từ một bát, đến một nắm, đến một nhúm nhỏ. Người ta nói dối nhau, rồi người ta từ chối thẳng thừng. Lời qua tiếng lại giữa những người quen biết, thân thuộc vì chuyện vay mượn muối. Đi đâu cũng chỉ nghe muối, muối. Mẹ mắng con vì một xiu muối hoang phí. Anh em cầu xé nhau, vợ chồng kinh cãi nhau vì muối. Cả Tây Sơn thượng dáo dác bàng hoàng vì đột nhiên nhận ra rằng đời sống của mình bị đe dọa, do cắt đứt liên lạc với đồng bằng Tuy Viễn và biển cả. Từ đèo, nhìn xuống dải đồng bằng chấp vá loang lổ từng mẩu xanh nõn và nâu nhạt, cùng mặt biển bạc lạng lẽ, những con người phiêu bạt ấy bắt đầu thấy lòng hãnh diện, ý chí chinh phục chùng lại. Vào những giây phút yếu lòng đã âm thầm gợn lên nỗi luyến tiếc, lòng hối hận. Đỉnh đèo cô đơn nhìn về biển cả với tất cả ao ước, chỉ vì cái vị mặn thiếu thốn nơi đầu lưỡi.

Theo chỉ dẫn của người Thượng, người ta thay muối bằng tro cỏ tranh. Thức ăn ngả màu đen, mỗi lần nuốt một miếng cơm phải rướn cổ cao, gồng trệu trạo để tìm vị mặn rồi cố nuốt cho trôi xuống họng. Bữa cơm trở thành một nỗi ám ảnh khổ tâm. Trẻ con vùng vằng ỉ ôi giữa bữa. Mẹ bực bội phát vào mông đứa bé vài cái. Chồng cằn nhằn vợ. Láng giềng gây gổ, ẩu đả nhau chỉ vì một có cón con, trong khi nguyên do thực sự là những bữa cơm thiếu muối.

Bao nhiêu đồ đạc, quần áo có đôi chút giá trị trong nhà đều tiêu phí mau chóng để đổi lấy vài vốc muối hăm. Ban đầu chỉ có trao đổi giữa người tham lợi và người ghiền mặn. Hai cái tham si ấy gặp nhau và cùng hả hê. Nhưng phút vui qua mau. Phải đến một lúc người ta giật mình nhận ra rằng không thể ôm đống quần áo đồ đạc chặt trong tầm tay để nuốt trôi miếng cơm pha tro, hoặc không thể chịu đựng nổi cái lạnh căm căm nhứt buốt của khí núi về đêm để có được bữa ăn trắng. Tình thế dửng dăng, cả hai bên đều thấy mình đang sa bẫy không cưỡng lại được. Rồi muối cạn dần, mớ của cải tạm gọi là quý giá đổi nhiều lần chủ, cuối cùng người thượng mang ra Tây Sơn thượng những túi muối nhỏ đựng trong dí tờ dứa để mang hết mớ của cải gồm quần áo, đồ đồng, chum vại ấy về buôn.

Làm sao người Thượng họ có được muối, khi con đường độc đạo dẫn xuống Tuy Viễn đã bị quân triều canh phòng nghiêm ngặt? Người ta đoán chừng: họ quen ăn nhạt, nay một ít mai một ít dành dùm được vài dĩa ấy thôi. Quả tình những người Bana mang từng dĩa muối nhỏ ám khói đi đổi hàng với vẻ mừng rỡ pha chút tiếc nuối trân trọng, e dè thẹn thùng như những kẻ ngoan đạo bị bắt gặp đang lén bán thánh tích. Nhưng đó là khoảng đầu. Về sau, những thanh niên lực lưỡng, da cháy nắng phải hớn hển cong gập người xuống mang từng gùi muối nặng ra đổi hàng. Muối hột còn mới, cạnh sắc và óng ánh phản quang. Bây giờ người ta mới hồ nghi. Giá muối tuy vậy vẫn không chịu hạ, vì những gia đình có tiền bỏ vốn ra tích trữ. Hạng du thủ du thực, hạng quen buôn bán lâu nay chưa thích nghi được với công việc nương rẫy đều đặn, tẻ nhạt, bắt đầu đánh hơi thấy một nguồn lợi mới. Vài trai tráng đột nhiên trốn đi đâu mất, công cuộc khai hoang trễ tràng, lơ là. Ít lâu sau, họ trở về với những gùi muối đầy. Bị cật vấn, họ bảo đã đi khắp các buôn heo hút nằm sâu trong rừng phía tây để mua muối. Người trong trại nửa tin nửa ngờ. Số trai tráng bỏ trại đi buôn nhiều hơn. Mùa màng bị bỏ dở, cỏ mọc lấn áp cả những luống bắp yếu ớt. Giá thực phẩm lại tăng vọt. Nguy hiểm hơn nữa là thái độ bất hợp tác khác thường của người Thượng. Họ không gửi muối ra trại đổi hàng nữa vì đã bị đám con buôn người Kinh tranh giành thị trường, nhưng cả đến bắp ngô, măng le, thị rừng cũng biến mất trên các chợ nhỏ vẫn thường họp mỗi sáng ở bìa rừng. Rồi các vụ kiện tranh chấp giữa người Kinh với người Thượng tăng vọt. Bắt đầu có các vụ lưu huyết, vì tranh nhau quyền đồn củi, quyền vỡ rẫy. Nói chung, tình trạng xáo trộn trong mối quan hệ với người Thượng và công việc trồng tía bê trễ đã thực sự đưa Tây Sơn thượng đến bờ vực đói và chết.

*

* *

Trong căn phòng nằm trước Kiên nằm dưỡng bệnh, biện Nhạc, Lữ, Huệ, ông giáo và một người đàn ông lạ đang ngồi vây quanh cái giường đan bằng nứa. Ngọn đèn chai nổ lép bép hắt một thứ ánh sáng vàng bệch lên khuôn mặt đăm chiêu của mọi người. Trên có một người bị thương đang nằm nghiêng, quay mặt ra phía ánh sáng. Một băng vải màu thẫm băng chéo lên khuôn mặt anh ta, che mất con mắt phải, và gò má cao. hình như anh ta bị thương ở trán, vì một mảng tóc bết máu khô cứng thành một mũi dao găm xuyên dưới băng vải, khiến nét mặt người bị thương thêm dữ tợn. Tuy nhiên, giọng nói của anh ta yếu, nhẹ như giọng con gái, chua và the thé. Mọi người đều đoán anh ta là người miệt ngoài, ít ra phải từ Bồng Sơn trở ra.

Ông biện hỏi:

- Tại sao mày cứ giấu quanh hoài vậy? Ai chém mày?

Người bị thương hốt hoảng trả lời:

- Dạ các chú nghi oan cho cháu. Cháu đâu dám nói dối. Chỉ vì sơ ý, cháu vấp phải một cái rễ cây, trán đập vào mũi đá.

Giọng ông biện đánh hẳn lên:

- Một thằng ngu cũng biết đây là vết chém. Mày tưởng ai ở đây cũng mù cả sao? Ai chém mày?

Người bị thương đưa đôi mắt lơ lơ nhìn quanh, dường như để cầu cứu, để van xin sự thông cảm. Anh ta chỉ thấy những gương mặt lạnh lẽo, đen bóng và bất động như những pho tượng dưới vùng ánh sáng chết. Anh đưa lưỡi liếm môi, hơi thở khó khăn. Sau khi cựa mình, anh ta thều thào:

- Cho cháu xin chút nước.

Không ai trả lời ngay. Căn phòng yên lặng hoàn toàn. Người bị thương rụt rè:

- Cháu khát quá. Khát đến chết mất.

Ngọn đèn chai nổ lép bép trả lời anh ta. Mỗi một lúc sau, biện Nhạc mới quay lại phía Huệ, hất hàm ra lệnh. Huệ đứng dậy mở nhẹ cánh cửa gỗ, bước ra khỏi phòng.

Uống xong hai ngụm nước nóng, người bị thương vẫn còn thèm thuồng, đưa lưỡi liếm hai môi sưng. Ông biện nói:

- Đủ rồi mày uống nữa là chết.

Thấy người bị thương nhắm mắt lại, ông đâm giận. Ông nói gần như quát tháo:

- Mày uống nước xong rồi nằm ngủ, mặc xác mọi người à? Ai bảo bọc giúp đỡ gia đình mày? Ai giúp muối, giúp gạo cho mày? Mày bỏ rẫy đi biệt bao lâu, bây giờ bị chém, được anh em cứu khiêng xác về đây, vậy mà còn không biết nghĩ, chỉ một mực nói dối. Ai chém mày?

Người bị thương sợ quá, chống tay bật ngồi dậy. Nhưng đôi cánh tay anh nhũn ra. Đầu anh rơi mạnh xuống mặt nứa, anh đau đón đến thét lên. Huệ và ông giáo cùng xô đến phía anh ta.

Những người còn lại ngơ ngàng một lúc, chưa biết phải làm gì nữa. Ông biện liếc về phía cái chõng tre, môi mím lại. Ông bỏ ra khỏi phòng. Người đàn ông lạ và Lữ lặng lẽ bước theo ông biện. Chỉ còn có ông giáo và Huệ trong căn phòng âm u. Thấy ông giáo lật mí mắt và bắt mạch người bị thương, Huệ lo âu hỏi:

- Có việc gì không thầy?

- Không sao. Mạch còn tốt. Chỉ bị ngất đi thôi.

Ông giáo bảo Huệ lấy khăn ướt chườm lên trán người bị thương. Phần ông thì sửa lại thế nằm cho hai tay anh ta xếp dọc theo thân thể, hai chân thẳng gót sát nhau, bàn chân xòe ra hai bên. Một lúc sau, anh ta tỉnh lại. Đôi mắt anh ta mở từ từ mở màng dật dờ trong một trạng thái hỗn mang. Đột nhiên anh nhớ lại hết, và lơ lảo nhìn quanh. Anh bắt gặp đôi mắt hiền từ của ông giáo. Bắt gặp vẻ lo âu thẳng thốt của Huệ. Một cảm giác lâng lâng mơn trớn nơi hai thái dương, lan xuống má, xuống khắp thân thể, chân tay. Anh thấy tủi thân, và hai giọt nước mắt ứa ra ở khóe mắt. Tuy ông giáo và Huệ không nói gì, chỉ trù mẩn nhìn anh, nhưng anh cảm thấy phải nói điều gì đối với họ. Anh hỏi:

- Cháu chưa chết ư?

Ông giáo cười nhỏ, vỗ nhẹ vào vai trái người bị thương, đáp:

- Chết thế nào được? Vết thương xoàng thế này!

Người bị thương rụt rè nói:

- Cháu không dám nói với ông biện là cháu bị chém.

Ông giáo bảo:

- Không việc gì phải sợ. Đã không chịu đựng nổi đồng bằng kéo lên đây, không bảo bọc che chở nhau, làm sao có ngày trở lại quê hương. Cháu người miệt nào?

- Miệt Đồng Hựu.

- Vùng bị đói đấy à?

- Dạ. Đến củ chuối, đợt dưa cũng không còn. Mấy đứa em của cháu chết cả. Cháu với mẹ cháu đi theo người ta, về phía nam. Đi đâu người ta cũng xua. Hễ bị xua thì chạy. Chạy đến đâu, đào trộm hái trộm mà ăn đến đấy. Đến Kiên thành, hai mẹ con cháu tìm được việc làm. Cháu khuân vác thuê ngoài chợ. Mẹ cháu đổi nước. Chưa được một tháng thì xảy ra vụ cả làng bị quan trên bắt, nhà cửa bị đốt. Cháu lại dắt mẹ chạy theo người ta lên đây.

Huệ chen vào hỏi:

- Thế ra anh trốn lên trên này từ độ đó. Có biết vì sao quân triều đốt cả Kiên thành không?

Người bị thương nhìn chăm chăm vào mặt Huệ, vẻ do dự ngại ngùng. Hình như anh ta nhớ ra Huệ. Anh nói:

- Cháu không rõ. Nghe người ta nói, quan trên có hiềm thù gì đó với gia đình ông biện.

Ông giáo hỏi:

- Anh bị thương, mẹ anh có biết không?

- Chưa chắc biết. Mấy chuyến trước cháu đi nửa tháng mới về. Chuyến này chỉ mới được ba ngày, cháu đã bị... Chắc mẹ cháu còn chờ.

Ông giáo lại hỏi:

- Anh có muốn nhắn tin cho bà cụ hay không?

Người bị thương chưa kịp trả lời, thì Huệ đã hỏi:

- Các anh buôn muối theo đường nào?

Anh ta lại nhìn Huệ thật lâu. Sau một lúc do dự, anh ta nói:

- Cháu với mấy người nữa biết người Thượng theo đường rừng xuống mua muối tận phủ Phú Yên. Chúng cháu lên theo họ.

Huệ hỏi:

- Họ có biết không?

- Sau vài chuyến, họ biết.

- Các anh bị lộ à?

- Chưa. Họ thấy chúng cháu có muối mà bán nên dâm nghi. Vội lại...

Ông giáo mừng rỡ vì những điều mình đoán đều đúng. Ông đã tìm ra lý do vì sao người Bana quanh đây đột nhiên thay đổi thái độ, vì sao có những vụ gây gổ, sinh sự giữa người Kinh và người Thượng mấy tháng trước. Ông nghĩ phải tìm một con đường nào đó, có thể lại dùng con đường của người Thượng dâm chích về hướng nam nối liền Tây Sơn thượng với Phú Yên, để cuống rún dẫn muối lên rừng và sản vật nậu nguồn xuống bể khỏi bị cắt lìa. Ông nói ngay điều đó với biện Nhạc. Giữa lúc mừng rỡ, ông giáo chợt nhớ đến người mẹ của người bị thương. Ông nhắc lại câu hỏi:

- Anh muốn tôi dẫn bà cụ xuống đến đây săn sóc anh không? Bà cụ ở khu nào?

Người bị thương suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Thôi vậy. Cháu sợ mẹ cháu lo, phát bệnh mất. Vết thương của cháu có nặng không chú?

Ông giáo bảo:

- Không can gì đâu. Vết chém cạn, chưa phạm tới xương sọ.

Huệ hấp tấp hỏi:

- Ai chém anh vậy?

Người bị thương đáp nhỏ, sau một lúc im lặng lo lắng:

- Cháu không rõ. Có lẽ là người Thượng. Sau khi ngã xuống, bạn bè chạy tán loạn vào rừng, cháu nghe có mấy tiếng kêu nhau bằng tiếng Bana. Cháu vội lết đến nằm trong một bụi rậm, sợ họ trở lại. Sau đó, vì máu ra nhiều quá, cháu ngất đi.

Huệ hỏi:

- Điều này quan trọng lắm. Anh có chắc là chính người Bana định giết anh không?

- Có lẽ đúng họ.

- Vì sao họ muốn giết anh?

- Tại vì... Tại vì... Cháu không hiểu tại sao nữa. Có thể họ sợ chúng cháu tranh mất nguồn lợi muối của họ.

Vừa lúc đó, cửa phòng mở. Lữ vào phòng, mời ông giáo lên gặp biện Nhạc có việc gấp. Thấy Huệ đang trù trù bên giường người bị thương, Lữ bảo:

- Anh hai vừa hỏi chú đấy!

*

* *

Lúc ông giáo đến, người đàn ông lạ mặt đang hăng hái trình bày điều gì đó với ông biện Nhạc. Ông ta có thói quen nói chậm và lớn tiếng, nói một câu thì dừng lại, hau háu nhìn thẳng vào mặt người nghe như để dò xem lời nói của mình đã thấm đến đâu. Trong những phút chờ đợi ấy, ông biện gật đầu vâng vâng dạ dạ hết sức thành kính. Người đàn ông lạ hết sức thú vị khi thấy hiệu quả lời nói của mình, sau mỗi cái gật đầu của ông biện, ông ta cười ha hả, đập tay vào vai ông biện nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng: "Phải thế không? Phải thế không nào!"

Người lạ khẽ gật đầu chào ông giáo, tự nhiên tiếp câu chuyện đang bỏ dở:

- Phải thế không? Cái gì cũng có qui củ cả. Để chúng nó sống ô hợp thế này, muốn làm gì thì làm, đi đâu tùy ý, thì chẳng mấy chốc, quân triều kéo lên đây làm cỏ tất cả chúng ta dễ như lấy đồ trong núi. Phải thế không nào. Ông đừng quên trong sổ dân xiêu dạt lên chỗ sơn cùng thủy tận này, không ít những bọn du thủ du thực quen sống vong mạng nơi đầu đường xó chợ. Lúc yên chúng giả vờ nghe ông, lúc loạn cái gì chúng cũng dám làm. Từ đầu ta không cầm cương chặt chẽ, thế nào về sau cũng bị bọn ngựa chúng nó hất xuống đường rồi đạp nhầu lên trên. Phải thế không nào...

Biện Nhạc rót nước trà ra cái bát lớn, rồi đẩy về phía trước mặt người lạ. Ông ta bưng bát nước bốc khói uống tự nhiên, không khách sáo. Mọi người ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu lát, trải trên nền đất nện trong nhà khách. Vẫn một ngọn đèn chai lách tách nổ, soi sáng gian nhà thấp lợp cỏ tranh. Chưa thấy ông biện gật gù đồng ý, người lạ không chịu nói tiếp. Biện Nhạc trầm ngâm hồi lâu rồi hỏi:

- Theo ý cậu thì nên làm gì trước?

Chợt thấy ông giáo lúng túng trước người lạ, ông biện vội giới thiệu:

- Tôi quên mất. Đây là cậu Năm Ngạn (Phạm Ngạn). Còn đây là thầy giáo của thằng Bảy, thằng Tám. Chắc cậu đã nghe nhiều người nói đến thầy giáo Hiến ở An Thái.

Năm Ngạn khẽ gật đầu chào trả ông giáo, ánh nhìn đầy vẻ tự đắc, cao ngạo. Ông ta nói:

- Làm gì trước hả? Làm cái này: Chấm dứt ngay tình trạng hỗn quân, hỗn quan ở đây. Phải tỏ uy cho chúng nó sợ. Mới lên được hai hôm, tôi đã thấy ở đây lộn xộn như cái ổ kiến mắc mưa. Ông nghiệm lại xem, có phải thế không?

Ông giáo tìm được dịp để nói ý mình, vội chen lời:

- Tôi thấy cái chính là ổn định đời sống. Dân có yên việc làm ăn thì trật tự mới có được. Chẳng hạn mỗi lo trước mắt của mọi người bây giờ là bắp và muối. Vì thiếu muối nên người ta đành đem cả quần áo, chén bát ra đổi muối ăn. Ham lợi, bọn trai tráng bỏ nương rẫy đi buôn muối. Hỗn loạn từ đó mà ra: nương rẫy không ai trông nom, lúa bắp hoặc không được vun xới, hoặc bỏ mặc cho cỏ dại che lấp, nên lương thực hao hụt. Chắc ông biện đã biết, người Thượng họ vượt rừng buôn muối tận Phú Yên. Bị bọn trai tráng vùng này cạnh tranh, họ bất mãn, từ bọn họ xem ta như kẻ thù. Cho nên tôi thấy việc phải làm trước hết là lo đủ muối cho mọi người. Không lo sớm, từ đây ngày nào cũng có vài vụ đâm chém nhau giữa Kinh Thượng như vụ khi chiều.

Biện Nhạc vội hỏi:

- Hẳn đã khai bị người ta chém rồi à?

Ông giáo đáp:

-Vâng. Anh ta lên đây tận hồi Kiên Thành bị đốt. Gia đình chết đói cả chỉ còn hai mẹ con. Anh ta bảo vì ham lợi, đã lên theo đường người Thượng để buôn muối. Người Thượng chém anh ta vì quyền lợi bị tranh cướp mất...

Ông giáo dừng lại vì thấy Lợi lấp ló ở cửa nhà khách, do dự chưa dám vào. Biện Nhạc thấy ông giáo nhìn về hướng cửa lớn, cũng quay lại, nhưng không để ý đến thái độ của Lợi. Ông quay vào trong chờ ông giáo nói tiếp. Lợi rụt rè vào nhà khách, người hơi khom xuống, chân bước rón rén. Anh đến chỗ đặt cây đèn chai, lấy cái que vắn cột dính vào chân đèn, kêu nhẹ lên đầu thỏi chai. Những giọt lửa rơi xuống nền nhà kêu lèo xèo. Vì khơi quá đà, ánh sáng lụn hẳn xuống.

Biện Nhạc nhú mày khó chịu, nhưng vẫn không nói gì. Lợi chờ cho đèn sáng trở lại, mới đến sửa lại chiếc chiếu lát bị xô lệch do kiểu ngồi ngang tàng của Năm Ngạn. Năm Ngạn rụt chân về, hai tay ôm lấy đầu gối. Ông biện hỏi:

- Có việc gì thế?

Lợi vội đứng dậy, lễ phép đáp:

- Da, thưa không có gì. Cháu tưởng đèn chai đã hết.

Biện Nhạc nói:

- Thôi được rồi.

Lợi đành phải ra khỏi nhà khách, hơi luyến tiếc. Năm Ngạn từ lâu tránh nhìn về phía ông giáo, xem như những điều ông giáo nói không liên quan gì đến mình, không phải cho mình. Đến lúc ấy Năm Ngạn mới quay về phía ông giáo và bảo:

- Thầy nói sai rồi! Chúng nó dám bỏ rẫy đi buôn muối, là do chưa biết sợ. Chưa ai làm cho chúng nó sợ cả. Mình hiền quá, xem chúng nó như khách trọ. Nếu ông biện đây cho chúng nó biết thế nào là phép nước, thế nào là luật lệ, cho những đứa vô phép biết thế nào là cái chết thì dù có ăn nhạt cả năm chúng cũng không dám lộng.

Ông giáo không nén được giận, bỏ cả cái thói quen ngại làm phiền lòng người khác, nói thẳng ý mình:

- Dùng hình pháp và bạo lực, thì người ta sợ mà không phục, yên được một ngày thì chắc chắn sẽ loạn suốt những ngày còn lại. Chuyện đó còn ghi rành rành trong sử sách. Tần Thủy Hoàng chưa đốt được hết sách Nho mà lửa đã cháy rần rật cung A Phòng.

Năm Ngạn cướp lời ông giáo:

- Thầy nói sách thì dân ngu như tôi với ông biện đây xin chịu thua. Chắc chắn thầy thông thái kim cổ, hiểu xa thấy rộng hơn dân núi chúng tôi.

Biện Nhạc thấy tình thế gay go, cười xòa để giảng hòa:

- Tôi thấy cả cậu Năm và thầy giáo đều có lý. Tôi lẫn lộn với đời nhiều, tôi biết. Trăm người là trăm tính, không phải ai cũng sẵn sàng nghe lẽ phải. Có người không ưa nhẹ. Có người thà chết chứ không chịu để cho người khác nói nặng lời. Cậu Năm chú ý cách đối phó với hạng người không chịu được lẽ phải. Thầy giáo thì chú ý đến cách thuyết phục những kẻ biết điều. Nhưng thưa thầy, kẻ biết điều ít lắm. Như cái thằng suýt chết chém chúng ta cứu về chiều nay. Không dẫn được cơn giận tôi đã quăng xác nó ra cửa sổ cho cọp nhai rồi.

Ông giáo thấy cần phải bào chữa cho người vắng mặt:

- Hẳn sợ quá nên nói dối. Ông biện đi xong, hẳn thú nhận ngay là đã trốn trại đi buôn muối và bị người Thượng đón đường chém.

Năm Ngạn nói:

- Tin sao được? Trước sau nó chỉ nói dối.

Ông giáo cố lấy giọng ôn tồn:

- Tôi nhìn vào mắt hấn và biết là hấn nói thật. Và tôi thấy muốn chấm dứt những vụ lưu huyết này, phải tổ chức ngay việc tiếp tế muối cho dân. Người Thượng làm được, tất mình cũng làm được. Nếu cần, và tôi tin nên theo lối này thì tốt hơn, nếu cần ta hợp tác với họ để mua muối. Dân không sợ thiếu muối nữa thì an tâm làm rẫy.

Năm Ngạn không thềm nói gì thêm, bưng bát nước trà ngồi uống đánh ực một cái. Biện Nhạc suy nghĩ một lúc, mắt nhắm chiu. Thở đèn chai gần lịm nổ lách tách, khiến những cái bóng trên vách lúc mờ lúc tỏ. Một lúc sau, biện Nhạc nói:

- Hối sáng người Ba-na đến đây, mang theo đầy đủ cung giáo. Họ bảo chúng ta đã giết hay bắt cóc ba người của họ. Tôi thề là không có. Họ khẳng khẳng bảo có. Chuyện còn gay go nhiều đấy. Thầy, mời thầy uống nước! Chậc! Ngươi cả rồi. Để tôi bảo tụi nó pha ấm khác.

Ông giáo muốn chấm dứt cuộc bàn luận, vội nói:

- Thôi khuya rồi! Dễ thường đã hết canh hai cũng nên.

*

* *

Ngay sáng hôm sau, ông giáo vui mừng thấy kết quả những lời thuyết phục của ông. Biện Nhạc đưa ra một số biện pháp nhằm ổn định đời sống trong trại. Đích thân ông biện đi thăm các già làng ở những buôn Thượng trong vùng, đề nghị cùng hợp tác với họ trong việc xuyên rừng chuyển muối lên Tây Sơn thượng. Vài nơi họ từ chối. Vài nơi chịu nhận. Ông đi một nước cò khéo. Ông giáo cho Lữ và Lợi cùng một số trai tráng quen đường rừng lên về Tuy Viễn tìm đến Nguyễn Thung. Ông đề nghị Nguyễn Thung hợp tác với ông, hai người ở hai bên đèo cùng làm chuyển buôn lớn, tuy nguy hiểm nhưng nhiều lãi. Tây Sơn thượng cần muối của Nguyễn Thung tiếp tế lên lút theo những đường rừng luồn lách qua mắt các trạm quan, còn Nguyễn Thung thì được độc quyền hàng nguồn. Nguyễn Thung đặt nhiều điều kiện, đòi giá cao. Biện Nhạc chấp thuận hết. Lấy kết quả giao ước đó, ông biện gặp lại các già làng, chứng minh cho họ thấy con đường muối mới này chỉ bằng một phần con đường dày đặc hiểm nguy từ Tây Sơn thượng xuống Phú Yên. Trong khi đó, ông biện giao hấn việc tổ chức khẩn hoang, canh tác cho Năm Ngạn. Số người bỏ đi buôn muối giảm mau chóng, việc nương rẫy trở lại điều hòa, khiến Năm Ngạn càng tin ở "cái uy" của mình. Tuy nhiên, có một việc hoàn toàn bất ngờ đối với ông giáo, xảy ra vào cuối tháng tư năm Mão, giữa lúc ông giáo còn say sưa với hiệu quả thuyết phục của mình. Đêm hôm trước, ông trần trở thao thức vì một người tù vượt ngục trốn lên Tây Sơn thượng mang theo những tin buồn về Kiên, mãi đến gần sáng mới thiếp đi, mê mết. Tiếng chân chạy, tiếng bàn tán nói cười bên ngoài liếp nửa đánh thức ông dậy. Phải mất một lúc lâu, ông mới thoát ra khỏi dư âm của cảm giác sợ hãi vu vơ, có lẽ do một cơn ác mộng mà ông đã quên. Chỉ còn lại trong ông cảm giác quay cuồng, sự xê động thất thường của mặt đất, sự run rẩy của đồ đạc, và thực hơn hết là hình ảnh hai bàn tay ốm của ông đang bầu chặt lấy thanh giường. Ông giơ hai tay lên, vết bầm hình nan tre còn đó.

Ông ngồi dậy, đưa bàn tay trái lên áp vào chỗ trái tim hồi hộp. Lưng áo ông ướt mồ hôi, dù khi đêm còn lớn vồn khắp nhà. Chinh và Lãng đã đi đâu rồi. Dưới bếp, An đang nhen lửa, nhưng vì nôn nả chưa hiểu chuyện gì xảy ra ngoài trại mà mọi người rầm rập chạy đi xem nên nhen mãi mà lửa vẫn chưa bén. Cô hỏi cha:

- Sáng nay họ chia muối phải không cha?

Ông giáo lẩm nhẩm tính ngày, rồi bảo:

- Chưa tới kỳ mà! Hai đứa kia đâu rồi?

- Dạ, chạy lên trại chính cả. Một người bạn anh Chinh hót hải chạy đến, về mừng rỡ lắm, nói với anh Chinh: "Đúng rồi. Tao nói có sai đâu. Họ làm ngay sáng nay đấy. Người Thượng đã tới, đông lắm. Họ chờ ở ngoài cổng để đi một thể". Anh Chinh nghe thế, chỉ còn kịp choàng áo vào, chạy theo anh bạn. Lặng hỏi con chuyện gì thế. Con không biết, nó bảo con giấu. Đến lúc thấy lũ trẻ con phía trước nhà ùn ùn kéo đi, nó chạy theo.

Ông giáo lấy làm lạ, bần thần giữa sự tò mò và tức giận. Giữ vai cổ vắn thân cận cho biện Nhạc, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ trong trại, thậm chí đến thời khóa biểu qui định công việc hàng ngày, có gì mà ông không biết trước. Trừ cái việc sáng hôm nay. Ông bóp trán cố nhớ cả ngày hôm kia ông chỉ bàn với ông biện cách tìm biện pháp huy động sức người vỡ hoang thêm vùng đất phì nhiêu ở xóm Ké, làm thế nào cho công việc có hiệu quả, thực hiện được sự công bằng. Hôm qua, ông mất cả buổi sáng để trả lời các câu hỏi của ông biện và Huệ về đủ thứ chuyện kinh đô: từ việc phòng the trong phủ chúa, sự xa hoa tráng lệ ở Phấn Dương, cung cách thiết triều cho đến những trò dâm dật ma quái của Duệ Tôn. Đặc biệt, biện Nhạc thích thú trước những chi tiết ngộ nghĩnh trong đời sống cung đình: cách bọn thái giám coi sóc đám cung nữ, cách chọn một người đàn bà chung gối qua đêm của Vũ Vương. Ông biện cười ha hả khi nghe Phúc Khoát đổi tục cũ để xác lập vương hiệu, cho gọi con trai làm con gái, gọi con gái làm con trai, vì vậy cháu đích tôn của Phúc Khoát là Phúc Dương được gọi là Chị Dương. Ông giáo đã nhịu mảy khó chịu, khi một lúc quá thích chí, biện Nhạc vỗ vai ông cười nham nhở hỏi:

- Thầy nói thật nhé. Đừng giấu nhé. Cái tên giả gái đó nó có cu không?

Huệ cũng không thể nhịn cười. Tuy vậy, thấy ông giáo khó chịu ra mặt vì cách bông đùa của anh, Huệ làm mặt nghiêm ngay. Anh hỏi qua chuyện bố trí thành phòng thủ, bộ tường hào quanh thành Thuận Hóa, cách chuẩn bị khí giới khi có giặc kéo đến. Hai anh em quay sang tranh luận sôi nổi với nhau về cách phòng thủ cho Tây Sơn thượng: biện Nhạc muốn ngay sau khi mùa mưa dứt, việc nương rẫy đã xong, huy động mọi người xây lũy đắp thành để phòng ngự. Ông cho rằng ngoài nhu cầu phòng thủ, thành lũy còn tượng trưng cho nhiều điều cao cả và cần thiết, như sự hiện diện của quyền lực, uy mệnh của người lãnh đạo, sự răn đe đối với các ý tưởng bạo loạn và võ pháp, cái đích cụ thể của lòng tin tưởng, chỗ dựa vững chắc của bọn yếu bóng vía, và quan trọng hơn hết, là sự thần phục mang tính chất mê tín của người Thượng quanh vùng. Thành lũy càng đồ sộ, ít ra cũng không thua kém thành Qui Nhơn bao nhiêu, thì người Thượng càng dễ bị khuất phục. Với giọng tự tin pha nhiều cao ngạo, biện Nhạc ra lệnh cho ông giáo tìm ngay đất để đắp thành, nơi nào có nhiều ngọn núi phủ phục châu hầu, nơi nào có long mạch. Công việc thật gấp "nếu được, mà sao lại không được, ông giáo hãy bắt tay ngay vào việc chiều hôm nay"

Huệ thì nghĩ khác anh. Cậu thanh niên 19 tuổi trầm tĩnh nhưng cũng cao ngạo không kém gì anh, chỉ khác anh ở cách biểu lộ thay vì nói năng hăng hái, vung tay thêm sức cho các lời truyền đạt như Nhạc, Huệ biểu lộ lòng tự tin mãnh liệt và sự xem thường các trở ngại nguy hiểm qua lối nhìn nửa giễu cợt, nửa nghiêm nghị, qua cách nghiêng đầu lắng nghe người khác nói với một nụ cười mỉm trên môi, qua giọng nói lớn và rành rẽ từng tiếng khiến mọi điều rắc rối trước đó đột nhiên sáng tỏ, cuộc tranh luận bùng nhùng trước đó trở thành vô vị và sai lầm. Buổi sáng hôm qua, tin tưởng vào thâm tình thầy trò sẵn có với ông giáo, quen thuộc với lối

tanh luận thẳng thắn giữa anh em, Huệ trình bày thật rõ ràng quan niệm của mình về việc phòng thủ. Cậu đã khiến ông anh cả tiu nghỉu bất lực, khi bằng những con số cụ thể chính xác, chứng minh cho anh cả thấy cái thành trì kiên cố tượng trưng cho quyền uy vạn năng ấy được xây trên khối núi. Cả trại được tất cả bao nhiêu nhân công? Mỗi người đào, xúc, gánh, khiêng, đắp, nên mỗi ngày được bao nhiêu đất? Xây xong một thành nhỏ hơn thành Qui Nhơn một chút, thì phải mất bao nhiêu năm? Vả lại, có cần phải xây thành không đã? Để tạo uy quyền ư? Như thấy giáo Hiến vừa nói, thành quách lâu đài cao, rộng như thành Phú Xuân có tạo được chút uy quyền nào không, ngoài những lời xầm xì về trò dâm dật của thằng bé con 12 tuổi. (Duệ Tôn) và chứng tham lam của tên quốc phó. Để phòng ngự ư? Quanh đây là núi, có thành nào cao cho bằng? Đèo An Khê hiểm yếu, có cửa thành nào vững cho bằng? Không xây thành vì Trời đã xây sẵn cho ta cả tòa thành hùng vĩ bảo vệ ôm ấp Tây Sơn thượng rồi. Không xây thành để khỏi phải giữ, khỏi phải phí sức mớ đóng và đêm ngày lo âu. Trước mắt, theo ý Huệ, nên tổ chức nghĩa binh cho tốt, đội ngũ chỉnh tề, luyện tập thường xuyên, và đắp thêm một cái lũy giữa hai hòn núi nằm án ngữ ở phía bắc đèo.

Vô tình làm người thứ ba chứng kiến cuộc tranh luận gay go giữa hai anh em, người nào cũng muốn lấy số tuổi tác và kho kiến thức của ông giáo làm viện binh cho mình, ông giáo thật khó xử. Lần đầu tiên ông nhìn Huệ với đôi mắt khác. Lòng tự tôn thường thấy ở những người làm thầy, và cách biệt tuổi tác, từ trước đến nay che không cho ông giáo thấy hết sự thông minh sắc sảo và khả năng nhận định thực tế của Huệ. Những đêm canh lúa bên ánh con cúi leo lét giữa đồng khuya, ông thấy Huệ là người bạn nhỏ của mình trên đường hoài nghi, người bạn nhỏ như cái bóng của ông, giúp ông bớt nỗi cô đơn, mỗi lần dám đặt dấu hỏi to tướng lên ý nghĩa của cuộc đời, chân lý hằng cửu của đạo nho, sứ mệnh cao khiết của kẻ sĩ. Dĩ nhiên đôi lúc ông giáo thấy mình lầm lẫn, chưa hiểu hết được Huệ, nhưng những lúc như vậy hiếm hoi lắm. Lên Tây Sơn thượng, vị trí của ông đổi khác, vị trí của Huệ cũng khác. Ông là kẻ trốn nạn, anh em Huệ là người bao che. Hơn nữa, chính mắt ông thấy Huệ giúp anh đảm nhiệm các công việc quản trị, điều khiển, quyết định nhiều vấn đề trực tiếp thay đổi đời sống nhiều người, trong đó có gia đình ông. Từ vai trò ông thầy chỉ bảo và ra lệnh, ông giáo chỉ còn giữ vai cố vấn, góp ý. Huệ lớn lên mau chóng trước sự ngỡ ngàng tiếc nuối của thầy, chẳng những đã vượt khỏi tầm tay ông, mà còn đối mặt với ông, gần như thách thức và phán xét. Ông hãnh diện vì Huệ, đồng thời với thất vọng. Cho nên suốt cuộc tranh luận, ông không biết đứng vào phe nào: một đảng là lẽ phải mà ông giáo cảm thấy nếu chấp nhận nó là chấp nhận luôn sự bất lực nhỏ nhoi của mình, một đảng là sự tầm thường giúp mình một chỗ đứng sạch sẽ và yên ổn. Sự mâu thuẫn phân xé tâm ông. Buổi sáng qua như thế đó, ông nhớ rõ lắm.

Buổi chiều ông cũng với An và Lãng tìm thăm gia đình Hai Nhiều vừa trốn lên Tây Sơn thượng khuya hôm trước. Cuộc khủng bố trắng dân Tuy Viễn pháp phòng chờ đợi xảy ra hơi chậm, tuy vậy sự dã man và triệt để vượt quá sức tưởng tượng của mọi người. Tất cả những ai có liên hệ xa gần với anh em biện Nhạc đều bị đốt nhà, truy nã bắt bớ và tra tấn, kể cả những chị đàn bà liên lụy với ông biện qua lá trầu. Liên lụy với ông giáo cũng nặng tội: quan phủ đã điều tra rõ tung tích của ông, tông phạm với quan nội hữu Trương Văn Hạnh trong âm mưu chống quan quốc phó. Tự nhiên tai bay vạ gió tấp vào nhà Hai Nhiều. Lúc các chức sắc An Thái mới nói xa nói gần về tung tích giáo Hiến, Hai Nhiều đã lo lắng. Ông đi khắp nơi rêu rao rằng mình không có bà con thân thuộc gì với tên thầy đồ xấu xa ấy cả. Rõ ràng tên lưu manh đã lợi dụng ông, mạo nhận có bà con với Hai Nhiều để xí phần hương hỏa của Tư Thới. Ông nói được một, bà

Hai Nhiều nói được gấp mười. Ở chợ, ở bến sông, ở nhà hàng xóm, ở ruộng gặt. Càng sợ hãi bao nhiêu, hai vợ chồng càng nói, nói, nói nhiều, càng nói càng sợ. Đến khi lão chánh tổng bắt tiếng là quan trên đã ra lệnh đóng gông những ai đã "chứa chấp" bọn phản loạn, giải lên phủ cùng tịch thu hết gia sản, thì Hai Nhiều hết còn thần hồn để thanh minh nữa. Giữa khuya, trốn gia đình trốn lên Tây Sơn thượng, bỏ lại ruộng vườn đồ đạc kết quả của một đời dài tần tặn, khó nhọc. Họ đi suốt bốn ngày đêm mới tới nơi. Không dám theo đường quan, họ đi đường rừng. Ban đầu họ bị lạc, sau may mắn gặp được một toán buôn muối của Nguyễn Thung. Họ cũng nhập bọn với một đám khoảng mười người khác thành phần hỗn tạp gồm dân đói ở các huyện phía bắc, tù thoát ngục và vài tên cướp đường hết thời. Chính nhờ Hai Nhiều mà ông giáo biết tin tức của Kiên dưới ngục phủ, qua người tù may mắn, bạn đường của Hai Nhiều.

*
* *

Vậy thì việc gì xảy ra sáng hôm nay là gì?

Ông giáo nôn nả ra đường, chặn hỏi một người đàn ông trong đám người đang lũ lượt kéo về phía cổng trại. Chỉ được trả lời ồm ồm:

- Cũng chẳng biết chuyện gì nữa. Thấy người ta chạy đi coi, tôi cũng đi.

Một người khác:

- Chắc có chia bắp!

Một đứa bé trai khoảng lên mười cỏ vẻ thạo tin hơn:

- Cướp. Bắt được nó rồi. Tên này hung dữ dễ sợ. Đã bị trói ké bằng dây mây cỡ này, nó vung một cái, đứt hết.

Càng gần tới cổng, tin tức càng có vẻ chính xác. Ông giáo nghe người ta kháo nhau là có một tên cướp giết mất mấy người Thượng, rồi trốn vào trại. Người Bana cho người mang cung giáo đến đòi. Sáng nay ông biện hẹn giao nộp tên sát nhân cho họ.

Ông giáo nghĩ: có lẽ mọi chuyện xảy ra từ chiều hôm qua, lúc mình bận đi thăm gia đình Hai Nhiều.

Ở cổng trại, người đông đến nỗi chen chân không lọt. Đám dân ăn mặc lam lũ chen lấn nhau, xô đẩy nhau, cười nói, gẫu ó, để cố tìm một chỗ đứng thuận tiện. Người lớn nghếch cổ nhón gót để nhìn cho rõ. Trẻ con tìm cách lòn lách khối thịt nòng nặc mồ hôi để chui ra phía trước, sát lề con đường dẫn từ trại chính ra cổng. Số thanh niên được phân công giữ trật tự dùng gậy đe dọa những đứa bé rắn mắt hoặc cầm ngang thân trúc đẩy hàng người xô lấn vào mặt đường để hau háu nhìn vào phía trong cổng. Tiếng bàn tán huyên náo, cười nói rộn rã như trong ngày hội. Đột nhiên tiếng lao xao lan truyền từ phía trong ra cổng. Đám đông xao động, nhấp nhô như một rừng cỏ tranh gặp gió dữ. Kẻ ồn ào to tiếng nhất cũng trở nên e dè, ngơ ngác và lo âu. Không khí chờ đợi nghiêm trọng đè nặng lên mọi người. Rồi không biết từ đâu, đám người thẳng thốt ấy xô đẩy nhau dữ dội, người sau lấn tới người trước, người trước đẩy tới người trước nữa, đến nỗi dù không muốn, ông giáo vẫn bị đẩy tới xa vào phía trong. Cuối cùng, ông bị một thanh trúc trật tự ngăn lại. Ông giáo đã may mắn đứng sát bên đường. Đứa bé đứng cạnh ông reo lớn: Nó ra rồi!

Cây gậy trật tự lại lấn mạnh vào ngực ông, như để răn đe phòng xa sự hỗn loạn. Nhờ tò mò ông quên cả đau đớn. Một tốp độ bảy, tám người cầm giáo đang áp giải tội nhân tiến ra cổng. Đi đầu có biện Nhạc và Năm Ngạn. Tội nhân mặc quần đùi đen, đi chân đất, thân khoát một cái áo cộc tay màu chàm. Hai tay bị trói thúc ké ra sau lưng, khiến thân thể hơi khom xuống, bước đi

như muốn đổ về phía trước. Cách trói cũng buộc tên cướp phải cúi đầu xuống, tóc rối bời. Ngoài cách đi hơi khật khưỡng thiếu vẻ ngang tàng, mọi người đều thấy tên cướp không có gì khác thường. Họ thất vọng, tiếc rẻ cái công chen lẫn. Sự tầm thường tội nghiệp đang diễn qua trước mắt họ không giống với hình ảnh hung dữ hiên ngang trong trí tưởng tượng. Tên cướp đến gần hơn. Lòng ông giáo chột nôn nao khi nhận ra trên đầu tên cướp, một mảnh băng màu chàm phủ chéo bên trán. Chân ông tự nhiên run, mặt tái mét. Ông không làm. Cậu thanh niên buôn muối bị chém trọng thương đây mà! Tại sao lại có chuyện này? Đúng lúc đó, nạn nhân cũng vừa ngước lên, bạo dạn nhìn thẳng vào đám đông. Anh ta nhìn thấy ông giáo. Quên cả mọi sự, anh ta đứng dừng lại. Ông giáo lạnh cóng cả hai tay và xương sống khi đọc thấy trong đôi mắt ấy sự sững sờ, oán hận, căm thù tội độ. Một người áp giải xô anh ta bước tới. Anh ta suýt ngã chúi, rồi lấy lại được thăng bằng, trước khi đi tiếp còn cố ngoảnh đầu nhìn về phía ông giáo một lần chót.

Cảm xúc mạnh dâng lên, ông giáo thấy nghẹn nơi cổ họng. Cố chen ra khỏi đám đông, ông thất thế lê bước về nhà. Mọi sự diễn ra sau đó, ông chỉ nghe các con ông kể lại theo lối nhìn của từng đứa. Những mẩu mô tả ấy, có cái phù hợp nhau, có cái mâu thuẫn nhau, đại khái ông biết rằng đích thân Năm Ngạn dẫn tội nhân giao cho toán người Thượng bảo với họ rằng đây là kẻ đã ra tay giết chết nhiều người Bana để tranh độc quyền nguồn lợi muối, kẻ gây nên sự bất hòa đáng tiếc giữa hai bên Kinh Thượng, kẻ đáng bị hành quyết công khai theo cách của người Thượng để răn chúng. Biết mình sắp trở thành con dê tế thần, nạn nhân vùng vẫy gào khóc. Nhưng đã muộn. Toán người Thượng chop lấy anh. Sợ quá, anh chỉ còn là cái xác bạc nhược, thôi vùng vẫy la khóc. Người ta lôi anh đi. Chân anh khuỵu xuống không bước nổi. Người ta xốc nách anh, như xách cánh một con gà. Hai bàn chân trần của anh lê trên đường đất, làm tung một làn bụi đỏ. Người ta chọn một mô đất cao trước cổng, cột anh vào một thân cây ké đã chặt ngọn, cao vừa tầm người. Anh ta đã mất cả ý thức về sự sống chết, mắt lơ lảo nhìn quanh không hiểu nổi mình đang ở đâu, việc gì đang xảy ra. Thảm kịch nhờ thế kết thúc lặng lẽ. Khi sáu người Thượng lực lưỡng đứng cách nạn nhân không đầy một con sào giương sáu cây cung khỏe, lắp sáu cây tên nhọn và ấn vào sáu cái lẫy. Tiếng hự nhỏ và nghẹn phát ra lần cuối cùng của một đời người mất biết theo gió. Ở xa không ai nghe rõ thứ âm thanh già biết nhỏ nhoi ấy cả!

*

**

Giống như cha, An bị đưa đẩy vào cuộc như một chiếc lá khô bị gió cuốn, sức nặng của dè dặt cản trọng không nghĩa lý gì so với những mơn man ve vãn, cuốn hút, thúc giục của bản năng. Lòng tò mò xui cô bỏ bếp núc ra đứng ở cửa nhà nhìn theo đám người lũ lượt đổ về một phía, thắc mắc muốn hỏi cho ra lẽ mà không dám mở lời. Lời bàn tán xôn xao, tiếng kêu gọi nhau, tranh cãi nhau, nét mặt chờ đợi hí hửng của mọi người, sức mạnh huyền nhiệm của đám đông cùng hướng về một phương. Tất cả những cái đó cuốn hút mãnh liệt, An không thể cưỡng được. Cô bỏ khung cửa tre ra đứng giữa đường đất lóng ngóng nhìn về phía cổng. Sau đó, đám đông lừa cô đi. An không còn thì giờ và tâm trí để đi ngược con sông. Mùi mồ hôi nồng nặc, ánh nắng bắt đầu gay gắt của buổi sáng, làn bụi đỏ tỏa mù, hơi ngai ngái của lá mục theo lớp sương ủ qua đêm xông lên, bao phủ khắp người cô. An chỉ còn cảm giác ngây dại, quên mất mọi sợ sệt lo lắng nên cũng xông tới trước, chen lẫn lòn lách để tìm cho ra một chỗ quan sát tốt. Lúc toán áp giải dẫn nạn nhân đi qua ngang trước mặt An, chỉ cách An không quá một con sào,

cô tò mò nhìn thẳng vào mặt tử tội. Cô đã biết người ta sắp giết con người này. Chân anh ta bước gấp, dường như muốn đi nhanh đến điểm kết thúc. An kinh ngạc không tìm ra cái bộ dùng dằng đáng lẽ phải có. Cô cũng ghi nhận mảnh vải băng chéo qua trán và mái tóc bù xù của anh ta. Đôi mắt tử tội lơ lảo như muốn tìm kiếm cái gì trong khi bước chân vẫn gấp.

Gần đến cổng, cách An không đầy ba bước, đột nhiên tử tội ngoẹo đầu sang một bên, cố dùng vai để đẩy miếng băng trở lại chỗ cũ, vì lúc đó cái nút buộc bị lỏng miếng vải băng vết thương đã xệch xuống phía má, sắp che mất con mắt phải. An thấy anh ta đưa vai lên, cố nâng tấm băng hai ba lần mà không được, vì cả hai tay bị trói ra sau lưng nên cử động bả vai không hiệu quả. Một người áp giải đến giúp tử tội. An nghe anh ta cảm ơn. Cô ngỡ ngàng, không hiểu tại sao trên con đường dẫn đến cái chết, vẫn có những nhu cầu phù phiếm, vô ích như vậy. Việc gì phải nhọc sức nâng miếng băng lên, mắt bị che càng khó phải nhìn những gương mặt nhem nhuốc, há hốc, thao láo của đồng loại để còn giữ được hình ảnh đẹp về cuộc đời? Việc gì phải cảm ơn? Sự lễ phép có mua chuộc được gì đâu? Có gọi được chút thương hại chăng thì thứ thương hại đó cũng phù phiếm như mọi sự trên đời mà thôi! Những cử động nhỏ nhặt và phi lý đó khiến An thắc mắc thật lâu. Cô muốn tìm cái gì khác nơi một người mà cô biết chắc sắp vĩnh biệt sự sống này, một người bất bình thường, hơn thế nữa, một người đã mang trên nó đầy đủ dấu hiệu của một thế giới khác, thế giới siêu nhiên và lạng lẽ hơn, linh hoạt và thanh thoát hơn, màu nhiệm uyển chuyển hơn. An biết ai rồi cũng phải chết. Cả mình cũng vậy. Hơi rùng mình, nhưng An biết chắc trước sau cũng đến lượt mình. Nhưng trong đa số trường hợp, sự phân định giữa hai thế giới hết sức mù mờ, nhờ vậy cho mãi đến phút bước qua ngưỡng cửa sinh tử, mỗi người vẫn còn nghĩ, cảm, cử động, phản ứng như một người không bao giờ chết, chưa thể chết ngay vào lúc này đây, ở ngay chỗ này. Người ta gác nó sang một bên, cái chết rầy rà. Thôi nhé, để yên cho chúng tôi, chúng ta lo sống đã!

Con người đang bước trước mắt An, không ở trong cảnh huống chung. Anh ta đang bước đến cái chết. Anh biết mình sắp chết. (Về điểm này, Lãng nói khác đi. Cậu ta nghe nói, trước khi bị giao nộp cho người Thượng, từ lúc bị dẫn ra khỏi phòng bệnh, dù bị trói kè, anh ta vẫn không đoán trước là sẽ phải chết). Ranh giới thật rõ, giờ giấc ấn định trước. Có những việc cần phải làm xong ở bên này, và những chuẩn bị cho bước đầu ở bên kia. Thoắt còn đi đứng, hít thở, đau đớn, mệt nhọc, hoang mang, sợ hãi, hy vọng, tuyệt vọng đó, thoắt trở thành một đồng thịt xương bất động chờ được thối rữa. Cái ngưỡng cửa thấy trước đó, kinh khủng quá, người đang bước đến gần, gần hơn nữa đến ngưỡng cửa ấy không thể nào nguyên vẹn là con người bình thường. Anh ta phải khác đi. Thế mà anh ta vẫn mở lời cảm ơn lấy lòng kẻ dẫn anh ta đến cái chết, vẫn cố đưa vai sửa lại cái băng che mắt. Thế là thế nào?!

Khi toán người Thượng vây quanh tử tội, rồi anh ta rũ xuống như con gà chết, đám đông phía sau An lao chao, xô đẩy nhau đổi chỗ. Họ ùa ra phía cổng để chứng kiến thật gần, thật tỉ mỉ cái chết. An bị nghẹt thở, bị làm hỗn, cuối cùng bị đẩy tuột ra phía sau. Quần áo nhàu nhò, tóc tai dơ dáy rối bù, nhưng cô vẫn chưa thể ra về. Vẫn còn nhiều điều cô muốn hiểu, sức cuốn hút mơ hồ nào đó vẫn mạnh mẽ, tuy không đủ mạnh để thúc giục cô chen về phía trước, nhưng còn đủ mạnh để khiến cô quên chuyện về. An nhón gót nhìn ra phía cổng. Cô oán những người cao lớn, giận mình quá thấp bé. Trước mắt cô, những tấm lưng áo nhể nhại mồ hôi, màu vải đen bạc théch hay màu chàm mốc hoen dỉ vết muối. An không được chứng kiến cảnh hai người Thượng xốc nách nạn nhân lên gò đất như Chinh. Không chú ý đến hình ảnh hai bàn chân trần kéo lê trên đường đất, làm tung những làn bụi đỏ như Lãng. Cô thấy nạn nhân bị cột vào

gốc ké, lưng và đầu thẳng, hai chân chệch ra phía trước khá ngay ngắn. Cô không thể say sưa kể lại cảnh sáu cây cung khỏe đưa cao lên, làm sức bật cho sáu mũi tên nhọn như Chinh, nhưng An nhớ đời đời hình ảnh cái chết được tính toán, xếp đặt trước.

Cây ké cụt ngọn cắm đúng vào đỉnh gò đất, tử tội in hình lên một nền trời xanh trong. An không thể nghe được tiếng những mũi tên bay vút. Từ xa, cô thấy đột nhiên nạn nhân uốn người lên như muốn vùng dậy, rồi cả người oằn oại, co giật. Thân thể ngã về một phía, đôi chân lay động. Đôi chân An cũng run rẩy, nhưng mắt cô cứ dán vào cái xác đã nghiêng, ngã hẳn sang một phía, hai cánh tay mềm buộc chặt ở gốc ké nên mới nhìn rất giống với dáng điệu ôm ấp hững hờ. Có nhiều tiếng thì thào chung quanh An. Cô gục mặt xuống, muốn chạy vội về nhà nhưng cất chân không nổi. Người ta lại xô đẩy sau lưng An. Cô nổi gai ốc ở sống lưng, sợ hãi đến nỗi muốn quì tại chỗ, nhưng khi bót bị xô đẩy, có thể quay lại phía sau thì mắt cô cứ nhìn chăm chăm vào xác chết trên gò, không rời ra được.

*

* *

An thất thểu trở về, mắt nhìn mà không thấy rõ ràng những gì trước mắt. Bước chân cô cứ bập bênh, con đường dưới chân khi thì nhấp nhô như gợn sóng, khi uốn khúc lượn lờ. An chỉ lấy lại được trọn vẹn ý thức về thực tế, khi thấy cửa nhà mở toang hoác. Bấy giờ cô mới nhớ mình đã quên không đóng cửa trước khi chạy theo nỗi tò mò. An càng lo sợ hơn, khi thấy cha ngồi chống tay lên cằm ở bàn nước gian trên, nét mặt hằm hằm. Cô rón rén rẽ xuống bếp, sợ đến hơi thở của mình. Khốn nỗi tự nhiên cổ họng cô nghẹn lại, cảm giác ngựa ngửa lan từ cuống lưỡi. Tiếng ho của An làm ông giáo giật mình. Giọng ông nghiêm khắc:

- Đi đâu về đó?

An cổ trấn tĩnh, đáp lửng lơ:

- Con qua bên kia đường có chút việc.

Ông giáo biết con nói dối, giọng đánh lại:

- Mày ưa ngắm cảnh giết người lắm hả? Máu người có tanh không?

An không dám trả lời cha, cúi đầu vê chéo áo. Ông giáo thầy quần áo con gái xốc xếch, nhem nhuốc và dơ dáy, tóc tai bù rối. Cúc áo ở cổ bật tung, để hở chiếc cổ trắng và một mảng vai.

Cảnh tượng ấy khiến ông giận sôi lên. Ông hét lên tức tối:

- Đồ con gái hư. Mười tám tuổi đầu mà không biết phép tắc. Mày ăn mặc như vậy chường ra ngoài đường hả! Tao dặn mày cái gì?

An vội đưa tay lên gài nút áo, mấy ngón tay run rẩy nên gài mãi không được. Nhớ lại trong lúc chen lấn, bị bàn tay vô danh thô bạo sờ nắn hông và đùi mình, An lấm lét nhìn cha, sợ đôi mắt nghiêm khắc thấy rõ những gì đã xảy ra cho cô. An không thể gài được hạt nút cổ, lúng túng không dám bỏ tay xuống. Ông giáo vẫn quát tháo:

- Đồ đứng đường! Mày bỏ nhà như vậy hả? Cửa trên cửa dưới không đóng, đồ đạc bày bừa bãi, như mời người ta lấy đi. Mất hết rồi còn gì nữa! Tao không về kịp thì chắc không còn một mảnh vải che thân. Đồ hư thân mất nết!

Chưa bao giờ An nghe cha xưng hô giận dữ như vậy. Cô hãi hùng, chân dấn cứng vào mặt đất, muốn trốn xuống bếp mà không nhấc bàn chân lên nổi. Hai bàn tay vẫn cố gài hạt nút. Ông giáo hét lên:

- Cút đi cho khuất mắt tao! Đi.

An chạy vội xuống nhà dưới, ngồi gục trên cái ang gạo khóc ầm ục. Nhà trên có tiếng ghế ngã,

và tiếng bình chén vỡ. An sợ quá, hai hàm răng cắn chặt vào ngón tay trở không còn dám khóc lớn. Rồi tiếng cửa trên đóng mạnh, tiếng chân bước đi xa dần. Biết cha bỏ nhà đi quanh cho người giặt, An khóc thỏa thuê. Nước mắt càng chảy cô càng thấy cuộc sống khổ đau, buồn tủi, quạnh quẽ, vô nghĩa. Cô nhớ mẹ, cô cầu khẩn mẹ trở về. Dần dà lòng cô dịu lại, gió buổi trưa thổi khô đôi má ướm. An đã gài được hạt nút cổ, và thút thít, buồn rầu lan man. Lãng về lúc nào An không biết. Thấy chị đã dưới, Lãng ngồi xuống bên cạnh An, lo âu hỏi:

- Có chuyện gì thế chị?

An không ngược lên, đưa tay áo chùi mắt và nước mũi, trả lời em:

- Lỗi tại chị. Cha rầy là đúng.

Lãng hơi đoán được một phần. Cậu hỏi tiếp:

- Em thấy cha đi ra phía rừng, không đội nón. Em tránh sau nhà chú Tư Ích nên cha không thấy em.

An nói sau mấy tiếng thút thít:

- Chị quên không đóng cửa. Vả lại, đáng lẽ chị không nên xem. Ghê quá! Tại sao phải làm như vậy, Lãng biết không?

Lãng không trả lời. An ngược lên, thấy mặt Lãng tái xanh khác thường. Vẻ xúc động sợ hãi còn nguyên trong ánh nhìn chói vói, cầu khẩn, và ở đôi môi cố mím lại để cưỡng sự co giật từng lúc chỗ mép. Một lúc sau, Lãng thì thào:

- Em không hiểu. Tại sao phải làm vậy?

- Đem giết một người! Còn đang sống đó, thoát một cái, đã thành cái xác. Chị không nghĩ ra được!

- Em cũng không dám nhìn, nhưng tự dưng có cái gì thúc đẩy, mắt cứ chăm chăm về phía anh ta. Y như có ma quỷ xui khiến vậy. Thực ra, lúc họ lúi đi, anh ta đã ngất rồi. Chắc vì sợ. Em thấy hai chân anh ta kéo lê trên đường đất. Có thể nhờ vậy mà anh ta không biết đau nữa!

An vẫn thắc mắc:

- Đem giết một cái xác chết, để làm gì chứ? Anh ta có vợ con gì không?

- Em nghe nói chưa. Chỉ còn một bà mẹ.

- Bây giờ người mẹ đó ra sao? Rồi ngày mai, ngày mốt sẽ ra sao? Hôm qua bà mẹ đó đã biết trước tin dữ chưa? Nếu biết trước thì chắc cả đêm vật vã, lăn lộn nhĩ!

- Chắc thế!

- Nhưng giết anh ta để làm gì? Tại sao phải giết?

- Em nghe anh Huệ bảo không làm khác được.

An thấy nhói ở tim, gần như hốt hoảng. Cô hỏi em:

- Anh ấy nói thế à?

- Đại khái như vậy.

Thấy chị đột nhiên hốt hoảng, Lãng sợ câu trả lời của mình có gì quá đáng, chưa thật đúng với sự thực. Cậu vội chữa:

- Lúc đó ồn quá em nghe không rõ. Vả lại, có người tới bảo có ông biện gọi, nên anh ấy vội chạy đi.

An không nghe lời Lãng, cứ nhắc đi nhắc lại câu hỏi:

- Không thể làm khác được sao? Không thể làm khác được sao?

Lãng muốn đổi hướng câu chuyện, hỏi chị:

- Để em nhen lửa nấu cơm nhé?

An bót vế lơ dang, bảo em:

- Nấu cơm cũng được. Đáng lẽ hôm nay ăn bắp hầm cho đỡ gạo, nhưng bây giờ trưa quá rồi, sợ không kịp. Anh Chinh chưa về à?

- Chưa. Chị An này?

- Gì vậy?

- Em không hiểu nổi anh Chinh nữa.

- Sao thế!

- Ảnh làm sao ấy! Lạ lắm!

- Thế là thế nào?

Lãng trầm ngâm một lúc, suy nghĩ dè dặt như sợ lắm lần:

- Lúc đó mà, lúc người ta giao anh ta cho người Thượng, em đứng sát bên anh Chinh. Em bảo với anh Chinh là anh ta sợ quá, chết ngắt rồi. Anh Chinh cãi, bảo là anh ta cố chống cự không chịu bước. Em chỉ cho anh Chinh thấy đôi chân lê trên mặt đường. Anh Chinh nhìn, bảo em nói đúng. Anh Chinh trề môi chê là anh ta yếu đuối. Anh ấy nói: "Trước sau cũng chết, việc gì mà sợ quá vậy. Tở ra ngang tàng cho mọi người phục, có hơn không". Em bảo ai mà chẳng thế. Anh Chinh bảo em nhát như thỏ, nên suy bụng ta ra bụng người. Anh ấy còn chê là bọn bắn cung đứng gần quá. Phải đứng thật xa mới là tài.

An không tin tai mình, bấu môi nói:

- Mà chỉ bịa!

- Em thề là nói đúng. Anh ấy lạ lắm. Không tin chị cứ hỏi thẳng anh ấy đi!

*

* *

Buổi trưa, ông giáo không về ăn cơm. Cả buổi chiều, ông nằm trên cái giường tre kê trong góc tối, mặt quay vào vách không nói năng. Lúc Huệ vâng lời anh đến biểu ông giáo một đùi thịt heo rừng, và mời ông lên trại có việc, An không biết cha thức hay ngủ, lấp ló ở cửa không dám gọi, Huệ phải lên tiếng. Ông giáo vẫn giữ vẻ mặt rầu rầu, không nói gì, lặng lẽ mặc áo dài, đội khăn cẩn thận, ra đi. Cách ăn mặc trang trọng và vẻ mặt nghiêm nghị khác thường làm cho Huệ e ngại. Anh không muốn cùng đi với thầy, nấn ná ở lại. Nhờ thế, An có dịp hỏi Huệ:

- Chuyện hồi sáng, tại sao phải làm vậy?

Câu hỏi đường đột khiến Huệ hơi ngạc nhiên. Từ cái đêm... cái đêm An rút tay về và lí nhí bảo: "Đừng, anh Huệ", chưa có dịp nào An và Huệ đứng riêng với nhau để nói một câu vu vơ riêng tư. Huệ có cảm tưởng An muốn né tránh, muốn quên đi một kỷ niệm không được như ý. Anh buồn, nhưng cũng biết mối quan hệ giữa mình và gia đình thầy đã có nhiều đổi thay. Ngay những kẻ thân thuộc ở Kiên Thành chạy trốn lên Tây Sơn thượng cũng đổi thái độ đối với anh em Huệ: lời lẽ trang trọng e dè hơn, lối tiếp đãi vị nể xa cách hơn... Khác với Nhạc, Huệ khó chịu trước sự thay đổi ấy. Dần dà rồi anh cũng quen, tuy hơi tiếc, và buồn. Huệ thầm ước ao được sống hòa đồng như cũ, được chuyện trò tự nhiên, thẳng thắn. Thế nhưng, lúc bị An hỏi, Huệ hơi lạ vì sự đường đột bất ngờ. Câu hỏi có giọng tra vấn, trách móc. Huệ nhìn thẳng vào mắt An, đáp nhỏ:

- Không thể làm khác được!

An gần muốn khóc vì thất vọng. Hóa ra Lãng đã thuật đúng. Cô gần giọng:

- Đến anh mà cũng nói thế à!

Rồi bỏ đi lên nhà trên. Huệ ngẫm nghĩ một lát, lắc đầu, rồi theo ông giáo lên trại.

Biện Nhạc chờ ông giáo ở nhà khách. Hai tách nước trà còn bốc khói. Không nhập đề quanh co, ông giáo nói:

- Tôi định lên gặp ông ngay buổi trưa, nhưng muốn nghĩ cho chín nên nấn ná. Bây giờ lòng tôi đã quyết. Ông cho phép chúng tôi được rời khỏi đây. Cái ơn cứu mạng bấy lâu, chúng tôi không bao giờ quên, nhưng...

Ông biện vội vã đứng dậy, đến dắt ông giáo mời ngồi xuống phản, giọng sốt sắng ân cần:

- Mời thầy ngồi xuống uống chén trà đã. Mọi sự đâu còn đó, thế nào rồi cũng hiểu nhau thôi.

Ông giáo ngồi xuống phản, nhưng không chịu uống tách trà ông biện vừa bưng lên mời. Ông nói:

- Tôi tự biết không còn xứng để ở đây nữa. Tôi già rồi, tâm trí đã hết cả sáng suốt. Những lời tôi góp ý, bàn bạc với ông càng ngày càng sai quấy, không đáng tin.

Biện Nhạc đặt chén trà xuống, nét mặt vẫn vui tươi, điềm tĩnh. Ông chờ ông giáo nói tiếp, nhưng ông giáo dứt lời. Bấy giờ, ông biện mới nói:

- Tôi biết trước thế nào cũng làm phật lòng thầy. Nhưng không có cách nào khác. Không thể giải bày qua quýt là người Thượng họ vui lòng. muốn nối lại mối giao hảo với họ, cộng tác với họ, trước hết phải tỏ trước thiện chí của mình. Họ đòi nợ máu, không thể khất được.

- Nhưng anh ta không giết người. Anh ta có lén đi buôn muối, có giành giật mối lợi của người Thượng, nhưng tôi biết chắc là anh ta không giết ai.

- Có thể như vậy lắm!

- Ông đã nói vậy, đã nghĩ vậy, tại sao còn nộp anh ta cho người Thượng? Ông không thể tưởng tượng anh ta nhìn tôi như thế nào! Anh ta oán hận tôi, coi tôi như một người giả bộ sẵn sàng anh ta để gạt anh ta khai hết, lấy cung từ đem nộp cho ông. Trước khi bị giết, anh ta nhìn tôi như vậy đấy.

- Lúc tôi giao nộp hấn cho mấy già làng, hấn cũng nhìn tôi y như thế. Nhưng không còn cách nào khác.

Ông giáo tức giận, nói dần từng tiếng:

- Có nhiều cách để cứu một mạng người. Nhất là cứu một người khỏi cái chết oan uổng.

Tiếng nói của ông biện cũng trở nên sang sảng, danh thép:

- Nhưng sau đó, không thể cứu được nhiều mạng người. Nếu không sòng phẳng với người Thượng, điều gì sẽ xảy ra? Tôi giao dịch mua bán nhiều năm với họ, tôi hiểu rõ lắm. Họ sẽ đòi đủ số mạng người mất tích. Cho đến ngày hôm qua, họ bảo con số lên đến năm. Có thể năm mạng đó hoặc bị lạc vào rừng mà chết, hoặc bị cướp vồ. Nhưng họ sẽ núp sẵn đâu đó với cung và tên độc, lén giết đủ năm người của chúng ta mới thôi. Rồi bọn trai tráng ở đây trả thù. Rồi cướp vồ thêm vài người Thượng nữa. Thầy có tưởng tượng ra những điều đau lòng đó không? Bao giờ cuộc chém giết mới chấm dứt?

- Tất cả những điều ông nói chỉ là phỏng đoán. Có thể là như vậy, cũng có thể không đến nỗi như vậy. Không lấy gì làm chắc chắn. Lấy những điều không lấy gì làm chắc để đổi lấy một mạng người, ông nghĩ xem, có đáng không?

- Thời gian sẽ trả lời thầy. Cần phải có thời gian, thầy mới hiểu tôi. Quyết định nào có vấy máu, không ai vui sướng cả! Nhưng có những lúc, những việc mà nếu nấn ná một khắc, tai họa khó mà lường được. Gia đình tôi đã trải qua những lúc sinh tử chỉ cách một sợi tóc, nên tôi không muốn nấn ná, do dự. Xin thầy bớt giận mà xét lại. Xin thầy ở lại với chúng tôi. Để cho thầy ra đi trong lúc này, trong hoàn cảnh này, chúng tôi sẽ ân hận suốt đời.

Ông giáo tần ngần không biết trả lời thế nào. Tâm hồn ông hoang mang, có thể nói trong suốt cuộc đời thăng trầm của ông, chưa bao giờ đất đứng dưới chân ông lay động chao đảo dữ dội như lúc này. Trước mắt, ông không còn thấy hình dáng, cử động của biện Nhạc nữa. Những câu hỏi cứ đến tới tấp, câu này chưa có giải đáp thì câu khác đã đến. Chỗ đứng của ta ở đâu? Ở dưới trướng bọn Trương Tần Cối mà ta chán ghét khinh bỉ ư? Ở giữa những người chân đất áo vải mà ta lạc lõng xa lạ ư? Có con đường nào khác không? Ông biện cho vẻ tần ngần của giáo Hiến là dấu hiệu phục thiện, hoặc ít ra là sự nhượng bộ dè dặt ban đầu. Quen thói quyết định nhanh, áp đặt ý muốn của mình cho kẻ khác tuân phục, ông thân mật nắm tay ông giáo cười nói :

- Thế là thầy hiểu tôi rồi nhé! Quân triều còn gấp ghé bên kia đèo. Còn nhiều chuyện phải làm, kể làm gì cái chuyện vặt này. Cảm ơn thầy đã kịp nghĩ lại và ở lại đây với anh em chúng tôi. Chú Huệ đã mang biếu thầy món thịt rừng rồi chứ? Thịt heo rừng, ngon lắm. Không nhạt như thịt nai đâu. Để tôi sai chúng nó mang thêm ít vò rượu.

Chương 14

Gia đình Hai Nhiều lánh nạn lên Tây Sơn thượng đã gần nửa tháng. Suốt thời gian ấy, ông giáo tự nhủ là phải trở lại nơi gia đình Hai Nhiều tạm trú một lần nữa để thăm hỏi, giúp đỡ. Đó là bốn phen, hoặc nếu lòng dửng dăng bất quyết, thì cứ cho đó là sự ràng buộc không thể cởi bỏ. Làm khác đi, thiên hạ sẽ xem mình là hạng bất nghĩa, không ra gì.

Nhưng lần nữa ngày này qua ngày khác, ông giáo có đủ cớ để tự cho phép mình dửng dăng. Từ sau vụ hành quyết trong trại có nhiều xáo trộn, biện Nhạc mời ông lên bàn luận, tìm phương cách đối phó để tái lập trật tự. Nhiều buổi trưa ông không về nhà. Đêm, ông biện giữ ông giáo ngủ lại nhà khách vì cuộc họp đã kéo dài quá khuya.

Máu một người vô tội đã đổ ra để xóa mối nghi kỵ hiềm khích giữa người Kinh và các buôn Thượng, nhờ thế họ đã chịu hợp tác với trại Tây Sơn thượng trong việc chuyển muối tiếp tế. Lập luận của biện Nhạc có một phần đúng. Tuy nhiên cũng chính thứ máu oan nghiệt, hải hùng đó gieo rắc sự hoang mang khiếp sợ cùng khắp. Trước hết là những người từng bỏ nương rẫy để đi buôn muối. Đêm nào cũng có mõ báo động vì có người trốn đi. Bên kia đèo là tù đầy. Chung quanh trại, rừng trùng trùng điệp điệp. Thung lũng đã bao dung họ bấy lâu, bây giờ trở nên bất trắc. Cái chết có thể đến vào một lúc nào đó, vì họ có thể bị xem là tông phạm của tử tội. Thôi đành liều vậy. Và họ lần lượt trốn giữa khuya. Sáng, những người láng giềng khám phá một cái chòi vắng chủ, ùa đến hôi của. Cảnh giành giật, gấu ó nhau xảy ra thường xuyên, chuyện tranh tụng đưa lên đến ông biện. Những người buôn muối nuôi ý định trốn, lăm lét nhìn cảnh tượng trước mắt, vừa tiếc mớ của cải đồ đạc thu góp được nhờ buôn muối, vừa thù hận chua chát tất cả loài người. Không hưởng được thì phá. Về sau, những kẻ đào thoát đã đốt cháy tiêu tất cả đồ đạc, bàn ghế, giường tủ, của cải trong nhà trước khi bỏ đi. Nhiều đám cháy xảy ra, thiệt hại lên cao. Đêm bình an không còn, nhà nào cũng thao thức, pháp phòng chờ đợi tiếng mõ báo động và những lời la làng kêu cứu.

Không thể để cho tình trạng hỗn loạn kéo dài thêm nữa! Ai cũng nghĩ vậy. Ông giáo đề nghị chấm dứt tâm trạng lo sợ bị liên lụy của nhiều gia đình, trong đó đa số là những người đàn bà nhanh nhẩu giỏi xoay xở đã nhờ khan hiếm muối mua đi bán lại mà kiếm thêm chút quà bánh, hay cái áo cái quần cho con. Phải dứt khoát loan báo ai là kẻ có tội và ai là kẻ vô tội. Theo ý ông, không ai có tội cả, trừ những kẻ đã lăm lỡ trốn đi.

Và một lần nữa, ông giáo ngỡ ngàng thấy ý kiến của mình đã được đem ra thi hành, với một phong cách khác. Có thể gọi là phong cách biện Nhạc. Ngay buổi sáng sau cái đêm bàn bạc đến quá khuya ở nhà khách, biện Nhạc họp dân chúng lại, tuyên bố mọi người không nên lo sợ hãi huyền. Thủ phạm gây nên hiềm khích Kinh Thượng đã bị hành quyết rồi. Các tông phạm sợ bị truy tội nên cũng trốn đi cả rồi. Người ở lại nên yên tâm làm ăn. Kể cả những người đã lợi dụng

thời cơ trở nên giàu có. Những kẻ đó phải tự động trả lại đồng của cải đã bòn rút được bấy lâu nay cho các nguyên chủ. Thời hạn là một buổi sáng. Quá trưa, rất nhiều người còn đang băn khoăn không hiểu ông biện muốn gì, ám chỉ đe dọa ai, mình ở trong đa số bị bóc lột hay thiếu số cơ hội, thì các trai tráng trật tự đã đến bao vây mười một nhà mới làm giàu nhờ buôn muối, tịch thu tất cả tài sản đem ra chia đều cho những gia đình túng khổ nhất. Quyết định mạnh bạo ấy, khiến mọi người hả hê. Về sau, trong mười một gia đình bị tịch biên tài sản, chỉ có hai gia đình trốn đi. Chín gia đình còn lại được cấp cho những cái chòi mới gần khu khai hoang, để bắt đầu lại từ bàn tay trắng.

*

* *

Gia đình Hai Nhiều may mắn được biện Nhạc cho ở một trong mười một cái nhà khá khang trang ấy. Đó là kết quả những vận động kín đáo, khéo léo của Lợi. Còn Hai Nhiều thì nghĩ ông giáo là ân nhân của mình. Cho nên một hôm, cả gia đình Hai Nhiều tìm đến thăm ông giáo. Dù quá hiểu rõ thể thái, ông giáo không tránh khỏi chua chát và hờn giận. Ông không thể quên được những lời rêu rao của vợ chồng Hai Nhiều. Nếu ông còn tự trấn tĩnh để giữ được thái độ hòa nhã thân ái vừa phải, là nhờ nghĩ rằng: ở hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm đó, ai cũng thế cả. Cái thế nó buộc vậy. Hai Nhiều đọc được ngay sự bối rối trên gương mặt ông giáo, nên e dè trong cách ngồi, cách nói. Ông giáo phải đích thân đến nắm tay dắt Hai Nhiều đến chỗ bàn khách, ấn vai buộc Hai Nhiều ngồi, ông ta mới dám ngồi ghé vào một góc ghế. Thế ngồi bất tiện và đôi tay lúng ta lúng túng chưa biết đặt vào đâu cho đúng chỗ càng khiến cho Hai Nhiều bối rối hơn. Câu chuyện giữa hai người đàn ông cứ lơ lửng, chênh mảng hoai nếu không có bà Hai Nhiều chen vào. Bà Hai nhìn quanh gian nhà khách, chắc lưỡi khen:

- Con nhà tông có khác. Con Kiên nhà tôi học cả trăm năm nữa cũng không khéo tay cho bằng cháu An. Mọi sự ngăn nắp, gọn ghẽ. Khéo, khéo lắm. Kiên, con coi cách chị An cắm cái bình hoa kia. Chỉ cần một khúc ống nứa, vài dây leo, và vài ba nhánh hoa dại. Đẹp, đẹp quá.

An thấy Chinh ngồi nhìn mớ trũng trũng một cách xấc láo, cố tỏ cho bà Hai Nhiều hiểu rằng mình không quên những hiềm khích đã qua, chột dạ, vội đáp:

- Mợ khen quá, cháu ngượng đến chết mất. Nhà chật, mợ thấy đó, không dọn dẹp thì không còn chỗ đặt chân nữa. Đồ đạc, cả cái bàn nước bằng gỗ trắc này này, là do ông biện sai khuân đến cho mượn. So với nhà từ đường dưới mình, đã thấm vào đâu.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

- Lúc chạy, anh chị có bán, hoặc gửi đồ đạc cho ai không?

Bà Hai cướp lời chồng:

- Chú tính, trong hoàn cảnh đó, chỉ lo cứu lấy thân là may. Nghe người ta báo, ông Hai nhà tôi quỳnh lên, cứ chạy vô chạy ra không biết phải làm gì trước. Tôi phải hét lên, ông mới chịu đi vơ lấy một ít quần áo. Mắt quáng thế nào, cái lảnh không lấy lại lấy mấy cái áo rách. Chú coi, cái áo ông đang mặc kia, tôi phải vá đi vá lại mới coi được một chút. Thằng Lê chụp được cái rựa. Con Kiên ngồi thừ ra đó, khóc thút thít. Tôi quát tháo bảo đi lấy gạo! Chạy khỏi xóm, mới biết cái bao lát bị chuột cắn lủng một lỗ. Nếu không gặp được vợ con Nhõ thì chắc chết đói rồi.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

- Làm sao thằng Thận nó biết tin?

Hai Nhiều hấp háy mắt, cố ngăn bối rối, đáp:

- Có người tốt bụng nào đó qua sông báo cho vợ chồng nó. Chắc họ thấy quan quân vây phá nhà

tôi, nên đoán thế nào gia đình thằng Thận cũng liên lụy.

Kiên nhỏ nhẹ thêm:

- Người bà con của anh Thận đấy cha. Cái chú vẫn thường cắt cỏ cho ngựa thồ ở chợ An Thái. An quay sang hỏi Nhõ, từ đầu đến giờ ngồi nép trên phản, nét mặt rầu rĩ, thất thần:

- Anh đâu rồi chị?

Hai Nhõ phải mất một lúc lâu mới hiểu An hỏi mình. Chị ta lí nhí đáp:

- Ảnh theo cậu gì... cậu gì em ông biện đó, ảnh theo lên lò rèn.

An hỏi:

- Cái cậu từng xuống học dưới An Thái chứ gì. Cậu anh hay cậu em?

Bà Hai đáp thay con gái:

- Cậu em. Cậu Huệ đó. Gớm, cậu ấy lớn quá, người vạm vỡ ra. Tôi không nhận ra nữa. Này cháu, cậu Huệ làm chức gì mà Mợ nhìn quanh thấy ai cũng có vẻ nể sợ cậu ấy cả. Có lúc mợ còn thấy hai người cầm giáo cán trắng đi theo. Báo hại mẹ con mợ một phen hú vía. Số là sáng nay, con Kiên thấy có người mang giáo đến nhà, sợ quá chạy đi tìm mợ. Mợ cũng sợ, nhưng nghĩ chẳng lẽ quan quân dưới An Thái đã lên được tận trên này. Sau mới biết là cậu... cậu Huệ đi tìm thằng Thận. Chú giáo này, chắc không can gì chứ! Tôi thấy cậu Huệ cười nói vui vẻ với thằng Thận, mới yên lòng.

Ông giáo nói:

- Chị yên tâm. Hôm qua tôi bảo với ông biện là cháu Thận giỏi nghề rèn. Chắc ông biện muốn giao việc cho cháu ấy. Công việc ở đây lu bù lắm, nào cuộc rửa, nào giáo mác. Thứ gì cũng cần cả. Chỉ sợ cháu Thận không đủ sức làm hết.

Bà Hai Nhiều vội lấy miếng trầu đang nhai ra cầm ở tay, xích ghế lại gần ông giáo hơn, lấy giọng nhỏ nhẹ thân tình nói:

- Nói thiệt với chú giáo, chúng tôi chạy lên đây với hai bàn tay trắng, bà con thân thuộc không còn ai ngoài chú giáo. Chú giáo tính, bấy nhiêu miệng ăn! Ruộng đất không, vốn liếng không! Thôi thì trăm sự nhờ chú! Chúng tôi chỉ mong có cái gì bỏ vào miệng cầm hơi ráng sống cho đến ngày được trở về An Thái làm ăn. Ông nhà tôi sức đã hơi yếu, nhờ chú giáo thừa với ông biện cho làm thứ gì nhẹ nhẹ. Còn lũ thằng Thận, thằng Lê, con Nhõ, con Kiên thì sao cũng được. Cuộc cỏ, phát rẫy, gì cũng được cả. Nhưng mới đầu chưa quen khí núi, nắng gió khác với nắng gió đồng bằng, nhờ chú tìm cách châm chước cho.

Thấy ông giáo ậm ừ tỏ vẻ không vui, bà Hai tiếp:

- Tôi biết làm phiền chú giáo nhiều. Chú giáo còn nhiều chuyện khác, chứ thì giờ đâu chỉ lo cho gia đình tôi. Nhưng vừa lên đây, tôi đã nghe người ta bảo anh em ông biện rất nể chú. Đến chuyện nhà cửa khó như vậy, mà chú còn lảng lạng lo giúp chúng tôi. Thật quý hóa quá!

Ông giáo chán ngán không muốn cãi chính, cũng không muốn nói gì thêm. Đột nhiên Chinh hỏi:

- Sau khi anh Kiên cháu bị bắt, nhà cháu trốn lên đây rồi, bọn chức sắc An Thái có làm phiền cậu mợ không? Cậu mợ xoay sở thế nào mà được chúng nó để yên cả năm, kể cũng khéo lắm!

An huých cùi chỏ vào hông Chinh. Kiên và Lê ngồi đối diện trông thấy, giả vờ chưa hiểu gì. Hai Nhiều ngồi im trên mép ghế không dám nhúc nhích. Vẫn bà Hai tiếp tục liến thoắng:

- Ôi thôi, bọn chó má đó chúng nó làm tình làm tội cậu mợ nhiều rồi, đâu phải mới đây đâu cháu. Mình sợ, chúng làm tới. Cậu mợ dăm lì, chúng nó phá rết rồi cũng tự thẹn với mình. Hơn nữa, dù thế nào cũng người đồng hương đi vô đi ra chạm mặt. Chúng đâu có dăm cặn tàu ráo máng như cái hồi... cái hồi chúng nó tới bắt thằng Kiên. Chú giáo này, nhiều đêm tôi nằm nghĩ

đến số phận cháu Kiên, không ngủ được. Tội nghiệp hết sức. Cần cù hiền lành đến con kiến cũng tránh không dám đạp, thế mà... Thôi, cũng tại cái số của nó hẩm hiu đó chú! Nhà nào cũng vậy cả. Để năm bảy đứa ra, thế nào cũng có một đứa hứng chịu tật nguyền, bệnh tật, rủi ro, để cho mấy đứa khác thông dong. Cháu Chinh à, thời trước ông cố cháu giàu có lắm, có hai mụn con, thì một người là em bà nội tui chị em con Nhõ, bị bệnh cùi. Chuyện đời xa xưa vậy, nay cũng không khác. Các cháu đứa nào cũng mạnh khỏe, trừ một mình thằng Kiên long đong. Nó rước hết tai họa cho các cháu đấy. Phần gia đình cậu mợ, cậu mợ càng nghĩ... càng nghĩ càng thương cho con Ba Lý.

Bà Hai Nhiều mếu máo khóc. Cả phòng chỉ có tiếng bà Hai thút thít. Chinh thấy bất nhẫn, bực dọc bỏ ra ngoài. Ông giáo thấy cần phải nói vài lời an ủi:

- Chgij đừng lo lắng quá. Không việc gì đâu. Anh chị thì vì liên lụy đến tôi. Còn vợ chồng con Lý...

Bà Hai vừa thút thít vừa nói:

- Thằng Phúc nó có làm việc cho ông biện. Tôi sợ thế nào chúng nó cũng...

Hai Nhiều sợ vợ bù lu bù loa như mấy lần trước, nhắc nhở:

- Thôi mẹ con Nhõ đừng la khóc lớn, ở đây không tiện!

Bà Hai khóc nhỏ lại, tiếp tục kể lể:

- Cả đời nó long đong về chuyện chồng con. Tôi đại đột mới nghe ông, bây giờ đã thấy chưa.

Ông bảo hễ thương con thì thế nào người ta cũng cưng chiều dẫu. Ông bảo gia đình người ta thuộc dòng ăn học, có tiếng gia giáo. Đấy, ông đã mở mắt chưa! Thật đúng là một con quỉ. Chú giáo coi, ai đời con Lý mới bước chân về nhà chồng, thấy mặt dẫu là mụ đã nổi cơn tam bành lên rồi. Ngay tối tân hôn, mụ treo võng nằm sát giường hai vợ chồng nó, không cho ăn nằm với nhau. Chú có tin được không. Có Trời Phật chứng giám, tôi có nói láo thì Trời Phật vật chết tôi đi. Mụ ta mê thằng Phúc như gái tơ mê nhân tình vậy. Trời hỡi trời! Có ai dám nghĩ trên đời có chuyện kỳ cục như vậy. Thế mà có thật hết, chú giáo. Con Lý nó khổ sở một đời vì con mẹ chồng mất nết, con mẹ chồng loạn luân. Tội nó chạy không kịp, chắc tại con mụ không chịu đi, tiếc con gà, con nái. mụ chắt bóp từng đồng kẽm cất kín đó, không cho con Lý quẹt một chút mắm chừ đừng nói đến thịt cá. Chú giáo có tin được không! Chuyện đàn bà con gái với nhau chẳng lẽ tôi đem kể hết cho chú giáo. Nhưng chú giáo coi, ai đời...

Cứ thế, cứ thế, bà Hai Nhiều kể hết những trái chứng của bà mẹ chồng cô ba Lý, nhiều chi tiết làm đỏ mặt An và Lê. Ông Hai lâu lâu lại nhắc: "Thôi, mẹ con Nhõ", nhưng không có gì đủ mạnh để ngăn nguồn cảm hận của bà Hai Nhiều. Ông giáo thêm chán, chờ một lúc thuận lợi, hứa với bà Hai là sẽ tìm việc thích hợp cho ông Hai Nhiều. Có thể ông Hai sẽ phụ giúp Năm Ngạn coi sóc việc khai hoang ở xóm Ké. Ông có dư kinh nghiệm và tuổi tác để đảm đương công việc. Bà Hai mừng rỡ, quên phắt câu chuyện bỏ dở. Mắt còn đỏ hoe, nhưng bà Hai ra về với nụ cười hân hoan.

*

* *

Những lộn xộn do hậu quả của vụ hành quyết dần dần lắng xuống. Đêm đầy giắc. Việc khai hoang tiến hành mau chóng, rừng lúi sâu đến đâu thì bấp nhú mầm xanh đến đấy. Gạo thiếu, nhưng dạ dày những người vì hoàn cảnh khác biệt xiêu dạt lên thung lũng này cũng quen dần với bấp hăm và khoai luộc. Bỗng một đêm, lửa lại cháy ở khu phía đông, ngay chân đèo. Đêm lại trần trở, trẻ con khóc thét giữa những hồi mõ báo động hối hả. Sáng ra cả trại nhốn nháo tìm hiểu, mới biết đêm qua, một toán nhỏ quân triều cả gan vượt đèo đột kích Tây Sơn thượng. Độ

mười nóc nhà bị đốt cháy, năm người đàn ông, hai đàn bà và bảy trẻ con bị chết. Nhờ ánh lửa, người ta nhận diện được tên dẫn đường vốn là một người buôn muối đã trốn thoát. Từ đó suy đoán được tầm mức của biến cố: sau khi trốn khỏi trại, tên buôn muối liều chết vượt đèo An Khê ra đầu thú với toán quân triều đình ở ngay bên kia đèo, xin lấy công đánh đổi cuộc sống an toàn tại quê cũ.

Tai họa mới, một lần nữa, gieo rắc lo âu lên khắp trại. Lại hối hận. Lại nuối tiếc. Dẫn vật trách móc lẫn nhau, từng đêm, ôn lại từ đầu duyên do cuộc sống xiêu dạt. Công việc nương rẫy chênh mảng, cỏ bắt đầu mọc lẫn từng vạt bắp rộng. Nhu cầu củng cố hệ thống phòng thủ được đưa lên hàng đầu. Còn phòng vệ như thế nào, thì biện Nhạc và Huệ vẫn chưa đồng ý với nhau. Một năm làm quen với cách tổ chức các đội dân phòng và điều khiển các buổi luyện tập chiến đấu giúp Huệ thêm tự tin. Tuổi hai mươi sung mãn, lòng tuân phục của đám đông, khả năng nhạy bén trước các việc quân, và sâu xa hơn nữa, ước vọng thầm kín phi ngựa trên đồng bằng, cưỡi thuyền vượt sóng biển cả, bấy nhiêu tác động ấy đã khiến Huệ mạnh dạn bênh vực ý kiến của mình. Tuy vậy, cuộc đột kích bất ngờ đòi hỏi một biện pháp cấp thời. Và biện Nhạc có quyết định đắp thành Tây Sơn, bất chấp lời can ngăn của em. Việc điều khiển khẩn hoang giao toàn quyền cho Lữ và Hai Nhiều. Phạm Ngạn thì chuyển qua điều khiển công tác đắp thành. Năm Ngạn xem đó là dấu hiệu của lòng tín nhiệm, hăng hái tra xét sổ đinh, phân các lao động theo từng đội, từ sáng đến tối hò hét, chửi mắng, khi cần thì dùng đến roi gậy nữa, để đốc thúc công tác. Năm Ngạn say sưa sử dụng quyền lực và lo lắng biểu lộ khả năng của mình đến nỗi càng ngày càng có nhiều lời than van. Nhưng mười bốn ngôi mộ dưới chân đèo An Khê vẫn còn đó. Khổ nhục, đổ mồ hôi, thân thể rã rượi không cho ai khác, mà cho an toàn của chính mình, của gia đình mình. Nhờ thế, mọi người dễ dàng chịu đựng các ngược đãi. Và Năm Ngạn lại thấy mình lớn thêm.

Huệ nhìn công trình xây thành rầm rập diễn ra trước mặt với đôi mắt e ngại nhưng thông cảm. Như lần trước, lúc biện Nhạc quyết định giao nộp người buôn muối cho người Thượng hành quyết, Huệ hiểu cái thế chẳngặng đùng, lẫn tính toán thầm kín của anh. Trong năm qua, số dân Tây Sơn thượng tăng lên gần hai nghìn người, nghĩa là khoảng một phần tám dân số cả phủ Qui Nhơn. Trại đã mở rộng gấp mười lần, công việc quản lý phức tạp gấp trăm lần. Trong khi đó, dãy nhà chính lè tè và hai cái lán tranh cất từ thời còn buôn trâu chạt chọi, bé nhỏ quá, không cân xứng với quyền hành. Có lẽ doanh trại của 108 anh hùng Lương sơn bạc còn rộng rãi hơn nhiều. Biện Nhạc, trong thâm tâm không muốn chỉ là tên cướp núi thứ 109. Điều đó, Huệ hiểu rõ lắm. Vì vậy, giống như lần trước, Huệ không thắc mắc, tranh luận với anh về chuyện xây thành nữa, xem đó là một nhu cầu bức thiết không thể làm khác được. Phần mình, Huệ cũng có những toan tính riêng. Ngoài các buổi luyện tập võ nghệ và sử dụng đao kiếm, giáo mác, Huệ tuyển chọn một số trai tráng khỏe mạnh và can đảm, đêm đêm họ tụ họp lại bàn luận sôi nổi về cách điều quân, cách đánh thành. Những người xuất sắc trong nhóm này có Mầm, Đá, Uy vốn đã lên trại từ thời buôn trâu, Tuyết, người Tuy Viễn mới xin qui thuận sau một chuyến cướp muối bất thành, Lộc xuất thân chăn trâu giỏi võ nghệ không chịu đựng được cảnh bắt công tìm lên Tây Sơn thực hiện chí lớn. Cuối cùng, tất nhiên phải có Chinh.

Ông giáo bận việc quá, không ngó ngang gì đến việc nhà. An thấy Chinh đêm nào cũng về thật khuya, tập quen đóng khố, nói tiếng Thượng, tò mò tra vấn mãi mà Chinh không chịu nói. An đoán: Lại một trò bất ngờ kỳ dị như trò nuốt sâu thuở bé. Nhưng Chinh đã 22 tuổi đầu, chứ còn bé bỏng gì! Đâu phải là thời xem mọi sự như một trò tinh nghịch! An lo ngại bảo anh:

- Coi chừng, đừng đùa với người Thượng. Họ đơn giản thế, nhưng lúc nổi giận lên, phải biết. Anh còn nhớ cách họ giết anh buôn muối chứ?

Chinh đưa cái ống điều dài lên môi, bắt chước y lối hút thuốc của người Thượng, bập bập vài cái, nhả khói, mới đáp:

- Nhớ rồi, nhớ rồi, "bà cụ" của tôi ời!

- Thế anh định chơi trò gì đấy.

Chinh cười khiêu khích:

- Không nói được. Rồi sẽ biết!

An dọa:

- Em mét cha cho xem!

Chinh nghiêm nét mặt:

- Không được. Đây là chuyện quan trọng, không phải chơi đâu. Anh Huệ chủ trương chuyện này. Đã yên lòng chưa.

Nghe Chinh gọi Huệ là "anh", mặc dầu lớn hơn Huệ hai tuổi, An kinh ngạc một cách thích thú. Cô thấy lòng rộn rã, quên biến mọi thắc mắc.

Đêm sau, An chờ cửa đến canh hai, vẫn không thấy Chinh về. Sang canh ba, cô buồn ngủ quá thiếp đi lúc nào không hay. Sáng mở cửa đã nghe mọi người sôi nổi bàn tán về chiến công ban đầu của Tây Sơn thượng. Một toán trai tráng gồm bốn người đã thực hiện một cuộc phản đột kích, phá tan đồn quân triều bên kia đèo, giết gần hết số lính trấn đóng ở đó, lại còn bắt thêm được một tù binh để khai thác tin tức. An mừng khắp khởi theo cái mừng của mọi người, sau đó lo ngại Chinh gặp nguy hiểm. Cô chạy đi tìm anh.

May cho An, cô không chen được vào đám đông đang bao vây bốn dũng sĩ để nghe kể thành tích chiến thắng, nên khỏi phải một phen sững sờ. Cả bốn người gồm Tuyết, Đá, Uy và Chinh đều đóng khố theo cách người Thượng, thân thể đen màu bồ hóng. Sau Tuyết, đến lượt Chinh kể chiến công của mình. Anh giết được ba tên, bằng chứng là ba cái tai cắt được xỏ râu bằng dây giang giơ cao cho mọi người nhìn thấy. Đó là sáng kiến của Tuyết, nghe bảo đã đọc trong truyện Tàu. Lúc Chinh đang đóng đưa râu tai người khắp tứ phía cho khán giả nhìn kỹ, có ai đó la lớn:

- Coi chừng anh ta gian lận, giết được có một tên mà cắt cả hai tai đem về.

Đám đông nghe ý lạ, cười ồ. Có nhiều tiếng phụ họa:

- Phải rồi. Coi chừng gian lận. Kiểm lại coi có đúng là ba cái tai trái không?

Đòi hỏi bất ngờ nhưng hợp lý quá, nên đám đông lại nhao nhao đòi kiểm soát chiến tích. Chinh lúng túng chưa biết phải làm gì thì Tuyết đã giật lấy râu tai của Chinh, chăm chú kiểm soát.

Tuyết la to:

- Một tai phải. Hai tai trái.

Đám đông la ó:

- Vậy là có gian lận. Chỉ giết được hai tên thôi.

Chinh tức quá, cãi lại:

- Giết ba tên. Rõ ràng có ba cái xác.

- Chỉ có hai tên.

- Không, ba tên.

Kịp lúc Tuyết thành thạo so lại ba cái tai, khám phá ra rằng không có vành tai nào giống vành tai nào. Tuyết lại bảo:

- Đúng rồi, ba tên chứ không phải hai, vì tai trái và tai phải không giống nhau. Đám đông lại thích thú cười ồ. Số ít đàn bà con gái mãi theo dõi cuộc mừng công vì hiếu kỳ, bây giờ mới cảm thấy sợ. Họ nhìn trôn mấy cái tai xâu dây lủng lẳng Tuyết đang đưa cao, mắt dán vào chiến tích quái dị ghê rợn đó, chân bủn rủn. Đúng là may mắn cho An, khỏi phải nhìn thấy Chinh đen điu, dị dạng, và thô bạo lạnh lùng dường ấy!

*

* *

Chuyện dị thường ấy, tất nhiên phải đến tai ông giáo. Xế chiều, An thấy cha lầm lì, mặt tái xanh, thối thỏm đi vào đi ra như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An tránh đôi mắt giận dữ của cha, không dám hỏi. Ông giáo ngồi xuống chống cằm suy nghĩ, rồi xuống bếp tìm cái rựa. An cho nhà hàng xóm mượn chẻ củi quên đòi về. Ông gắt ồm lên, mắng An là "đồ gái hư". An lén gạt vội nước mắt chạy đi đòi rựa cho cha. Lúc về, ông giáo đã đi khỏi. Ông trở về ngay với một cái roi mây thật dài!

An không khỏi lo âu, bụng nghĩ không lẽ cha phạt mình chỉ vì một chuyện vặt. Ông giáo bảo An cắt cái dao phay, rồi lại ngồi chờ. Lãng về quá giờ cơm chiều. Cũng không có gì xảy ra. Chinh về, dáng bước hăm hở, miệng huýt sáo. An từ xa, ra dấu cho anh, nhưng mãi vui Chinh không chú ý. Anh hỏi:

- Sao không thắp đèn lên?

An thì thào:

- Có cha ở nhà trên. Hình như cha đang gặp chuyện phiền.

Chinh nói "Thế à", rồi sửa soạn đi tắm. Đúng lúc đó, có tiếng ông giáo gọi:

- Thăng Chinh đâu?

Chinh thưa:

- Da, con ở dưới này.

Tiếng ông giáo run run:

- Lên đây tao bảo.

Chinh bước lên nhà trên. Ông giáo lại gọi:

- An đâu?

- Dạ!

- Thắp cái đèn đem ngay lên đây.

Lúc An mang cây đèn lên, ông giáo vẫn ngồi nguyên ở chỗ bàn nước. Chinh thì đứng chờ gần cửa ra vào, ngơ ngác không hiểu cha muốn sai bảo điều gì mà một lúc thật lâu trong bóng tối, ông giáo chưa nói gì cả. Chờ cho An đặt xong cây đèn chai sát bên vách để tránh gió, ông giáo hỏi:

- Thăng Lãng đi đâu rồi?

An thưa:

- Nó ở dưới bếp.

- Kêu lên đây!

Bấy giờ ba anh em mới ý thức được tầm quan trọng của tình thế. Không ai dám thở mạnh, ông giáo thì vẫn giữ nét mặt lạnh lùng khó hiểu. Sau một lúc im lặng, chừng như để dần bớt xúc động, ông bảo:

- Thăng Chinh nằm xuống.

Chinh ngạc nhiên, nhưng cứ vâng lời cha. Thấy con định đến chỗ cái phản, ông giáo hét lên:

- Nằm xuống đất. Mày không đáng được nằm chỗ sạch sẽ.

Chinh nằm sấp ngay trước mặt cha. Ông giáo xô ghế đứng dậy, đến lấy cái roi mây gác trên đầu tủ. cây roi quá dài so với căn phòng hẹp. Ông đẩy cái bàn nước sát vào tường. Khay trà chòng chành suýt làm rơi cả ấm chén. An không kịp nghĩ ngợi gì, vội năn nỉ:

- Cha tha tội cho anh con. Con van cha. Con lạy cha!

An khóc thành tiếng, nghẹn không nói thêm được lời nào. Ông giáo không thèm nghe lời con gái, cầm cái roi mây nhip nhip lên mông Chinh, gằn giọng hỏi:

- Hồi hôm mày làm gì?

Chinh hơi đoán được sự việc, điềm tĩnh trả lời:

- Con dự trận đánh đồn quân triều dưới đèo.

- Tao biết rồi. Nhưng mày làm gì nữa?

- Con có làm gì khác đâu.

- Nói dối. Tao hỏi lại, hồi hôm nay làm gì?

- Xong trận, tụi con về tới đây đã hừng sáng. Con đâu dám dối cha.

Giọng ông giáo đánh lại, rít giữa hai hàm răng

- Vậy cái râu tai người của mày đâu rồi?

Chinh nằm im không dám trả lời. Ông giáo dồn hết sức già, quật mạnh cái roi mây lên người Chinh. Hai roi đầu, Chinh oằn người lại như con rắn bị dẫm, nhưng từ roi thứ ba trở đi, anh nằm yên, chấp nhận sự trừng phạt giận dữ của cha. An và Lăng lặng người sợ hãi, không dám khóc, cũng quên cả năn nỉ hộ anh. Ông giáo như người điên, quất túi bụi lên mông, lên lưng Chinh. Sự ngoan ngoãn can đảm của Chinh càng làm cho ông giáo giận dữ hơn. Ông đánh đến rã rời cánh tay mới dừng lại thở. Ông cảm thấy ngộp, muốn hét lên cho bớt giận. Nghỉ một lúc lâu, ông mới lắp bắp nói được với con:

- Đâu? Cái râu tai người của mày đâu? Tao nghe người ta bảo mày đeo tòng teng trên cổ như râu chuối ngọc mà! Trời hời trời, biết thế này thì ta giết mày từ khi mới lọt lòng.

Ông quất thêm hai roi, đuối sức phải ngồi ghé lên ghế. Ông thở dốc, cái mặt thẫm dần trên từng sợi gân, thớ thịt. Hai thái dương ông tê dại, mồ hôi đổ ra ướt cả lưng áo. Có lẽ vì vậy mà giọng nói của ông trầm xuống, gần như tử tế, tâm sự:

- Giết người! Đó là một việc đại ác. Một trò dâm tiện! Một chuyện bất đắc dĩ. Không còn cách nào khác, ta phải giết kẻ thù để bảo toàn mạng sống, hay che chở cha thân nhân, bà con. Tao không trách chuyện dự trận đêm qua. Đó là bốn phận. nhưng hạ được kẻ thù thì thôi. Chết là hết. Mày thì không, mày xem cái trò bất đắc dĩ đó như một trò vui. Mày thích thú, mày khoái lạc được giết người. Mày cắt tai người chết đem về khoe như một đứa du côn, một tên hiếu sát. Mày là thằng mất dạy. Tao hối hận đã sinh ra mày, nuôi nấng mày.

Gai ốc nổi dọc theo sống lưng An. Cô nhìn anh đang nằm dài trên nền đất ẩm như một xác chết, không tin Chinh dám làm một chuyện ghê tởm đến thế. Nhưng sự thật rành rành ra đó, nếu buổi sáng chịu khó chen lấn hoặc buổi chiều không mê mải cắt sửa mấy cái áo cũ thì thế nào An cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. An nghĩ đến cái trò nuốt sâu của anh, nghĩ đến vẻ hăm hở, say dại của Chinh hôm dự cuộc hành quyết... Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắn những điều ông giáo vừa nói đều đúng sự thật. An bàng hoàng, sau đó lòng cứ thắc mắc: Tại sao anh Huệ trực tiếp xếp đặt cuộc đột kích này mà không ngăn anh Chinh làm chuyện ác? Anh ấy có biết trước không? Có lẽ không biết đâu. Nhất định không thể biết trước được. Nếu biết trước thì đã... Hay anh ấy cũng thích làm chuyện dị thường như anh Chinh đã làm? Hoặc chính anh ấy ra

lệnh để tiện ghi công? Cắt tai người, trời hỡi trời, có thể như vậy được không? An không thể chịu đựng cảm giác hãi hùng, cộng thêm sự xao xuyến thắc mắc được nữa! Anh ấy có ra lệnh không? Nhất định không! Biết đâu đấy...Không được lệnh thì anh Chinh đâu dám làm? An chạy xuống bếp mà những câu hỏi mâu thuẫn cứ bao vây lấy cô, như bầy muỗi độc từ lớp lá mục hằng hà sa số bay tìm hơi người đêm đêm.

*

* *

Nhờ tên tù binh gốc người Xuân Huê, Lợi mới biết tất cả gia đình mình đã bị thảm sát. Cuộc khủng bố trắng đã lan qua bờ nam sông Côn. Phúc, anh ruột Lợi, chồng cô ba Lý, bị quân phủ xem là tay chân thân tín biện Nhạc gài lại Tuy Viễn để nắm tình hình. Người mẹ già yếu bị đem ra tra tấn, đánh đập trước mặt Phúc để buộc Phúc cung khai. Phúc không có gì để khai thêm, một mực thề thốt là đã nói hết sự thực. Đến lượt bọn lính hành hạ cô vợ. Phúc không đủ tài ứng biến và can đảm để khai dối cho đúng ý quân phủ. Phúc bị kết tội ngoan cố. Chỉ cần một cái phất tay: toàn gia đình bị đâm chết, nhà cửa bị vợ vét sạch sành sanh trước khi phóng hỏa. Nghe được tin dữ, Lợi vội vã chạy đến nhà Hai Nhiều. Không chịu đựng nổi những lời gào thét kể lể, Lợi lánh qua nhà ông giáo. Thấy An đã dượt, gương mặt thất thần, Lợi tưởng An đã biết tin, cố nén nỗi đau của mình, an ủi:

- Thôi An đừng buồn. Chết, là được an phận, là rũ hết nợ nần. Chỉ tội cho người ở lại. Bây giờ tôi hối hận là trước kia mãi mê đi đây đi đó, ít chịu ở nhà để phụng dưỡng, hầu hạ mẹ. Mẹ tôi chỉ thương anh Phúc, xem tôi là đứa con hư. Đáng lý phải hiếu mẹ, tôi lại oán. Lần cuối cùng, mẹ tôi dọn cơm lên, ăn nửa bữa, tôi cãi lại mẹ tôi, quăng đĩa bỏ đi. Mẹ tôi mếu máo chạy theo ra đến ngõ, dúm vào túi tôi mấy quan tiền. Tôi nhận tiền của bà cụ, nhìn nét mặt nhăn nheo cầu khẩn, thương mẹ tôi quá. Nhưng không hiểu sao tôi lại rút tay mẹ tôi ra, bỏ đi một mạch. Tôi đâu còn cơ hội nào, để trở về cúi lạy mẹ tôi, xin mẹ tha tội. Chết là hết. Bà cụ chết mà vẫn định ninh tôi là đứa con ngỗ ngược, bất hiếu...

Lợi nói một mạch, không chú ý sự kinh ngạc của An. Lợi càng nói, An càng thấy rối rắm, không hiểu gì. Cô chỉ hiểu Lợi vừa mất mẹ. An thở thốt hỏi:

- Em chưa hiểu gì cả. Bà cụ mất hồi nào? Anh Phúc nhắn tin lên đây à?

Đến lượt Lợi ngạc nhiên, Lợi hỏi:

- Vậy An chưa biết tin sao?

- Tin gì?

- Chúng nó giết cả nhà tôi rồi.

- Anh nói sao! Chúng nó là ai?

- Tội quân phủ. Chúng nó nghi anh Phúc còn làm việc với ông biện, nên giết cả nhà tôi.

- Tin tức đã chắc chắn chưa? Ai cho anh hay?

- Tên tù binh ta bắt về hôm nọ. Nó khai hết, khai cả các đồn lũy đóng dọc theo quan lộ để phòng ta đánh xuống. Đêm qua tôi đem phát cho nó cái chiếu, nhân tiện hỏi quê quán. Nó khai người Xuân Huê. Tôi hỏi thăm chuyện nhà, mới biết tin dữ. Tôi sợ nó lừa, hỏi đi hỏi lại nhiều lần, nó nói không khác trước. Tuy ở khác xóm, nhưng nó biết rõ mẹ tôi, và vợ chồng anh Phúc. Nó còn biết cả đến chuyện mẹ chồng nàng dâu thường xích mích nhau nữa!

An buột miệng nói:

- Như vậy là chỉ còn một mình anh trên đời.

Lợi buồn rầu nói:

- Phải. Một mình trên đời. Tôi không còn chỗ nào để về nữa.

Hai người đều im lặng, và rùng mình nghĩ đến thân phận cô cút, cuộc sống trôi dạt... An thấy lòng ngùi ngùi. Cô thương hại Lợi, thương lây đến cả đám cỏ bị dẫm nát trên lối đi, đám lửa heo hút trong bếp, làn khói mỏng tan loãng giữa gió lạnh. Cô dăm dăm nhìn Lợi, bắt gặp một cúc áo bị sút chỉ tạm ghim lại qua loa bằng cái gai khô. Giọng An dịu dàng, trù mẩn hỏi:

- Anh cần khâu lại cái cúc áo không?

Lợi vội đưa tay lên che chỗ cúc áo bị mất, bối rối đáp:

- Tôi vô ý quá. An có kim khâu, cho tôi mượn. Tôi quen tự ý làm mọi việc.

An cảm thấy không nên đi quá cái mức vô hình cần thiết. Từ lâu, cô biết mình không còn có thể cười nói tự nhiên với Lợi như thời còn ở An Thái nữa. An phải giữ gìn ý tứ. Cô đã mười bảy tuổi đầu. Cho nên An vào nhà lấy kim chỉ đưa cho Lợi, rồi dặn:

- Anh cần gì, ý em nói cần kim chỉ hay những thứ vật vãnh ấy mà, có thiếu thứ gì thì cứ đến nhà em.

Trong một phút dào dạt lòng thương hại và cảm động bỗng bột, An quên mất rằng, đáng lý An phải nói ngược lại. Đáng lý Lợi ân cần căn dặn: "Cô có cần bất cứ thứ gì, dù là vật vãnh như cây kim sợi chỉ thì cứ đến tìm tôi". Mà thực ra Lợi đã từng căn dặn An nhiều lần câu ấy.

Từ lâu việc quản lý thu chi, tính toán sổ sách, xuất nhập kho - nghĩa là trăm nghìn thứ công việc đòi hỏi sự chi li cẩn trọng và kém hào hứng nhất - được ông biện giao khoán cho Lữ và Lợi. Dĩ nhiên Lợi chỉ đóng vai phụ tá. Nhưng quản lý tài chánh không phải chỉ là nhắm mắt cúi đầu vâng theo những nguyên tắc chết, nép mình loanh quanh trong cái khuôn hẹp. Nó còn đòi hỏi sự uyển chuyển, thích nghi, và lòng can đảm. Những điều kiện ngoài khuôn phép này, những du di bạo dạn mà có tính toán như vậy, Lữ quá thiếu còn Lợi thì quá thừa. Trong nhiều trường hợp khó khăn, phức tạp, nhu cầu có ngay lương thực, ứng trước cho người đắp thành, cần thưởng ngay cho một món tiền cho kẻ đạt kỷ lục vỡ hoang, cần biểu ngay vài bao muối cho một thợ săn người Bana để giữ mối thịt rừng, Lữ còn dăm chiêu lúng túng thì Lợi đã có sẵn giải pháp. Dần dà Lữ chỉ còn cái chức hàm. Mọi việc quản lý đều ở trong tay Lợi, từ sợi chỉ cho đến con voi. Nắm giữ quyền hành quyết định mọi sự, nhưng lại khéo léo giấu mình trong cái vẻ ngoan ngoãn của thuộc cấp, dành cho cấp cao niềm hãnh diện được quyết định tối hậu, bằng lòng ở hậu trường cho kẻ khác ra sân khấu, có lẽ bí quyết sự thành công của Lợi là ở nghệ thuật xảo diệu đó.

*

* *

Phải công nhận rằng Lợi múa dẻo là nhờ mặt đất bằng phẳng. Mục điều hòa kinh tế tài chánh là thước đo của tình trạng xã hội. Suốt hai năm Tân Mão (1771) và Nhâm Thìn (1772), tình hình sinh hoạt và an ninh của Tây sơn thượng ngày một khả quan. Nhìn lại những chặng đường đã qua, đôi lúc chính biện Nhạc cũng không tin sức người có thể một mình vượt qua được bấy nhiêu gian nguy, biến động. Cái ý niệm "lòng trời" ban đầu là câu cửa miệng của Chỉ (một tên thầy cúng bị truy lùng về tội lừa lọc, trốn lên nương náu Tây sơn thượng) dùng để nịnh bợ, tán tụng biện Nhạc. Dần dà về sau, hơi ngợp trước tầm lớn rộng của quyền hành, trách nhiệm, phần nào thiếu tự tin trước các thành quả đạt được, biện Nhạc ưa dùng "lòng Trời" để giải thích điều tốt đẹp, khích lệ đám đông chịu đựng gian khổ khó khăn, hoặc che giấu các lỗi lầm lẫn đạo. Ông biện ưa nói: "Không có Trời thì thế này...không có Trời thì thế kia". Người nghe ôn lại những ngày nhọc nhằn, lo âu đầu tiên, rón tìm một lối giải thích, nhưng vì trí óc đơn giản

không cho phép, ai cũng dễ dàng chấp thuận gợi ý của biện Nhạc. Họ thầm cảm ơn Trời đã không xô giạt họ, xua đuổi họ, truy lùng họ từ chỗ này đến chỗ khác như bọn người dưới đồng bằng, dẫn dắt họ đến một thung lũng ẩm, ban cho họ một niềm hy vọng. Không có Trời thì... không có Trời thì... họ an tâm khi nhắc đi nhắc lại những lời giả thiết đã nhuộm màu sắc tôn giáo, tuy riêng rẽ từng người chưa ai tưởng tượng được hình dạng ông Trời ra sao! Trong hai năm, đám người xiêu giạt chạy lên Tây Sơn thượng quá đông đảo. Cuối năm Thìn, con số đã lên trên dưới ba nghìn. Thành phần của họ lại hết sức ô hợp, phức tạp. Đa số là những nông dân bần cùng, dù nhì nhục tối đa vẫn không chịu đựng được gánh nặng sưu thuế, sự hống hách của thổ hào, sự chèn ép của chức sắc. Những năm mưa thuận gió hòa, họ cần răng chịu đựng để có miếng ăn. Trận đói năm Tí (1768) về hòa với lũ chức sắc, thổ hào, đuổi họ khỏi làng. Họ lang thang khắp nơi. Nghe tin chỗ nào có cái ăn là ùa nhau tới. Họ họp thành nhóm, che chở giúp đỡ nhau chống cự lòng ích kỷ, đố kỵ của những kẻ còn no. Nhiều khi nhờ dựa hơi nhau họ liều lĩnh ăn trộm, ăn cướp thóc lúa, khoai bắp. Miếng ăn lôi cuốn họ dần về phía nam, rồi sự tàn ác bất nhân của đồng loại xua họ lên phía tây.

Số còn lại - theo ngôn ngữ của bọn đạo đức giả đầu óc vừa hẹp hòi, vừa lười lĩnh - là những thành phần bất hảo, bọn vô lại. Có kẻ mang tội giết người. Có kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường vượt ngục. Có kẻ mang công mắc nợ trốn đi. Cũng có người mang một mối hận nào đó, tuyệt vọng đem cuộc đời mình hoang phí nên tìm đến chỗ nước độc rừng sâu để chết dần chết mòn cho xong kiếp. Có người hết đường lừa lọc tìm đến chỗ hẻo lánh để lại thử thời vận. Và cũng không thiếu người phần lớn là trai tráng khỏe mạnh, không chịu cuối đầu nhũn nhục như lớp chú bác, anh chị, quyết đi tìm một nơi tự nghĩa để thực hiện giấc mộng công bằng, tự do còn hết sức mơ hồ của mình.

Bấy nhiêu con người khác nhau quá chừng về cá tính, hoàn cảnh cùng gặp nhau ở Tây Sơn thượng như một sự tình cờ, sống chen chúc bên nhau, nhà này kế với nhà kia, nép nhau nương nhau chống chọi với khí núi, đói khát, bệnh tật; rồi lại đánh nhau, chém nhau vì những chuyện cỏn con! Cái tài buôn nguồn của biện Nhạc thật chưa đủ để đối phó với thực trạng rối bời này. Nhưng như người ta thường nói: "Có gió bão mới biết được cây cứng", biện Nhạc có những khả năng thích nghi, nhạy bén và quyết đoán nhanh chóng, nên lớn kịp với đòi hỏi. Các biến cố dồn dập tới vừa thử thách vừa kích thích ông. Ông vận dụng tất cả năng lực ra để đối phó, và sau mỗi biến cố, ông biện mừng rỡ thấy mình dồi dào thêm sinh lực, tinh thần sáng suốt hơn, dư sức chờ đón một biến cố mới.

Ông chỉ chủ động ở cái thế phòng vệ, đối phó, còn dòng cuốn của các sự kiện thì ở ngoài tầm tay của ông. Dù có muốn, ông cũng không thể đi ngược với một thứ xu thế huyền bí, lạ lùng mà ông chưa hiểu thấu. Chẳng hạn cách thức tổ chức đời sống ở Tây Sơn thượng. Có những ràng buộc mà ông biện không thể thoát khỏi. Tuy là những ràng buộc vô hình, ngầm hiểu với nhau. Ông phải tổ chức đời sống theo cách nào đây? Mô phỏng lối xếp đặt phân công của một trạm buôn nguồn chưa tới hai mươi người như ngày trước được không? Đưa mấy nghìn con người sống du canh, an cư như người Thượng được không? Ông biện hiểu là trách vụ mới không đơn giản, quyết định của mình liên quan đến sự sống chết của nhiều người. Gánh nặng của trách nhiệm là thứ ràng buộc. Còn có một ràng buộc khác chặt chẽ hơn, là ước vọng thầm kín của mọi người, trong đó có cả ước vọng của ông. Cũng như họ, ông không thể chấp nhận lối tổ chức, lối cai trị của bọn quan lại tham lam, tàn ác bên kia đèo. Ông và cả gia đình đều là những người tị nạn. Mô thức xã hội mà ông dựng lên ở thung lũng cô lập này, dù lớn dù nhỏ, đúng sai thế

nào, nhất định không được bắt chước y guồng máy kèm kẹp và bóc lột dưới kia. Phải làm khác đi. Không thế thì ta lên đây làm gì, thà nhẩn nhục đi thu thuế cho quan phủ!

Nhạy bén ý thức được những ràng buộc đó, biện Nhạc đã tránh được những sai lầm trầm trọng. Trong tiểu tiết, có cái lầm lẫn, có những biện pháp ngây thơ hay vội vã. Nhưng thời kỳ ổn định ở Tây Sơn thượng, ông đã đi đúng hướng. Một mặt ông đáp ứng được khao khát được sống đúng nghĩa của đám đông, sống trong công bằng và được bảo vệ trọn vẹn nhân phẩm. Một mặt ông khéo léo hóa giải được các sức đối kháng, biến nó thành lưng chừng vô hại. Mặt khác, nếu cần thiết ông cũng mạnh bạo tiêu diệt các mầm bạo loạn, các phần tử ngoan cố nguy hiểm. Mỗi đe dọa thường trực bên kia đều tiếp tay cho ông duy trì trật tự, vận động sức người xây thành đắp lũy. Các phần tử bị xếp vào loại vô lại không dám tỏ dấu hiệu phóng túng, đám đông để mắt theo dõi họ, cảm hóa họ, nhân danh quyền lợi chung. Huệ tổ chức trai tráng thành đoàn đội, ban ngày tham gia sản xuất, ban đêm luyện tập võ nghệ, chẳng bao lâu, lực lượng đó trở thành nòng cốt trong mọi công tác. Thận được giao việc mở rộng khu lò rèn để đúc thêm lưỡi cuốc lẫn giáo mác đao kiếm. "Cái uy" lộ liễu của Năm Ngạn cộng với kinh nghiệm canh tác của Hai Nhiều, khiến việc khẩn hoang, trồng tía tốt đẹp. Mỗi giao thiệp công tác với người Thượng khả quan, do chân tình của biện Nhạc cũng có, mà do những mưu kế nặng mùi thầy cúng của Chỉ cũng có. Đằng nào thì vụ đột kích giả danh người Thượng do Huệ chủ trương đã kéo hẳn các buôn Thượng về phe Nhạc, họ không thể đứng làm khách bàng quan như trước.

Tất cả các tiến triển thuận lợi ấy phản ánh qua tình hình thu chi ổn định, đến nỗi Lợi tưởng mình là người khéo múa, là kẻ đa năng. Lợi tưởng toàn thể năng lực của đời mình đã được sử dụng đúng chỗ, đúng lúc, không còn có thể mơ ước điều gì cao hơn nữa! Lợi không cần chờ lâu, để thấy sự lầm lẫn của mình.

*

* *

Những đêm nằm nghe tiếng bọn trai tráng reo hò luyện tập ở khu đất trống cách không xa nhà ông bao nhiêu, ông giáo thường hoang mang, với vô số câu hỏi. Quanh ông đang có những chuẩn bị rộn rã đòi hỏi từng người phải dốc hết sức mình. Dường như cả vạn vật cũng thao thức, đêm đêm thoát khỏi cái vỏ vô tư, rì rầm khai hội. Nhịp sống nhanh hơn, nô nức vươn cao quá tầm cho phép của tự nhiên. Ông giáo không thể đứng ngoài không khí nô nức chung, hơn nữa chính ông góp phần không nhỏ để đẩy nhanh nhịp sống ấy. Nhiều hôm ông làm việc quên cả thời gian. Lúc ông nghỉ ngơi, nằm một mình lắng nghe gió thổi bên kia mái lá, những câu hỏi lại quấy nhiễu ông. Rộn rã chuẩn bị mọi mặt để làm gì đây? Phải bước đi đâu nữa? Biện Nhạc trả lời ngay cho ông giáo, chấm dứt những ray rức không kịp thời.

Vào khoảng cuối tháng 11 năm Thìn (1772), một hôm ông biện lưu ông giáo lại ăn cơm tối, "nhân tiện muốn bàn với thầy một việc rất quan trọng". Theo kinh nghiệm, ông giáo biết mỗi lần "nhân tiện" như thế, tất có những quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống Tây Sơn thượng.

Bữa cơm rượu thịt ê hề, có đầy đủ những nhân vật nòng cốt của trại. Nhưng sau khi no say, biện Nhạc chỉ giữ ông giáo và Chỉ, tên thầy cúng, ở lại uống trà. Chờ cho Huệ đi đóng tất cả cửa lớn cửa sổ của nhà khách lại xong, biện Nhạc mới nói:

Câu chuyện tối nay, tôi không muốn cho ai biết ngoài ba chúng ta. Hai vị về tuổi tác cũng như hiểu biết đều xứng đáng là bậc thầy của anh em tôi. Ý kiến hai thầy về chuyện tôi sắp nói như thế nào, xin cứ nói thẳng cho tôi biết. Đừng vị nể, sợ mất lòng mà nói nhẹ đi hoặc không nói gì

hết.

Chỉ hất đầu ra phía sau, lấy điệu bộ trang trọng khách sáo nói:

- Được ông biện tin cần là một vinh hạnh lớn lao cho hai chúng tôi rồi. Xin ông biện đừng ngại. Chỉ sợ hiểu biết của chúng tôi nông cạn, phụ lòng mong đợi của ông biện mà thôi.

Nét mặt biện Nhạc đột nhiên sa sầm. Nhưng ngay sau đó, ông trở lại vồn vã, hòa nhã. Bằng lối nói nửa đùa nửa thật, biện Nhạc nói với ông thầy cúng:

- Vâng, thì tôi không ngại, tôi vâng theo ý thầy đấy nhé. Thầy lấy sự tin cần mà đãi tôi, thì tôi cũng lấy chân thật mà thưa với thầy rằng: từ lâu, lâu lắm rồi, tôi không vui khi người ta gọi tôi là "ông biện". Quý giá gì cái chức biện quèn, chuyên đi bóp hầu bóp họng dân đen lấy thuế nộp cho quan trên! Ngay từ lúc này, xin gọi tôi... gọi tôi khác đi. Tôi là con đầu, thôi, cứ gọi tôi là Ông Cả. Thầy thấy thế nào?

Chỉ hơi ngượng, cố cười giả lả, mau mắn đáp:

- Dạ, dạ đúng lắm. Ông biện... ấy chết, tôi quên... Ông Cả nghĩ thế là phải. Mình đâu còn là tên thu thuế của triều đình nữa. Quý gì cái chức biện lại Vân Đồn!

Nhạc quay về phía ông giáo, lễ phép hỏi:

- Thầy về khuya, có dặn các cô các chú ấy đừng đợi cửa không?

Ông giáo biết Nhạc muốn đổi lối nói trang trọng giả tạo ra chân tình đơn giản, nên đáp gọn:

- Tôi đã dặn rồi.

Nhạc gật đầu nói:

- Thôi thì chúng ta có thể nói chuyện đến khuya. Chuyện như thế này. Tôi định sau cái Tết Ty (1773), chúng ta xuống núi. Chẳng lẽ cứ bó gối ở chỗ xó rừng này mãi. Phải về lại đồng bằng cho anh em thăm lại bà con, gần gũi với họ hàng. Ai ở đây không mong trở về đồng bằng. Tôi cũng vậy, mà chắc hai thầy cùng vậy. Nhưng về như thế nào? Gióng trống hô lên một tiếng, chắc chắn mấy nghìn người chúng ta ùn ùn đổ xuống đèo thì không có gì ngăn chống được. Tôi tin chắc điều đó. Nhưng đã gióng trống thì phải giương cờ, nếu không, chúng ta chẳng khác nào một đám cướp núi ô hợp. Cờ gì đây? Xin hai thầy nghĩ hộ cho.

Ông giáo ngạc nhiên về sự đơn giản của một quyết định quan trọng như vậy. Tất cả đều gãy gọn, không thể khác được. Có gì bấy lâu ông cứ hoang mang trăn trở. Mọi người đều náo nức khi nhìn xuống chân đèo, chỉ trỏ cho nhau phương hướng quê nhà. Phải về thôi. Ra đi bất đắc dĩ, đến lúc bình thường, liền nghĩ đến tiếng "về" thân ái từng ấp ủ bao đêm. Về, phải về. Ý nguyện thầm kín, khao khát nung nấu của mọi người không ai cưỡng lại được. Nhưng về thế nào? Trở lại quỳ gối làm kẻ nộp thuế, đóng sưu cho đầy túi tham của tên quốc phó? Không, không đời nào. Mỗi hận canh cánh bao năm đột nhiên vùng dậy, khiến mắt ông giáo hoa. Máu nóng rần rật trong người ông. Dứt khoát không. Ông nhớ đến cái chết của quan nội hữu Trương Văn Hạnh bạn ông, nhớ đến những âm mưu nhơ nhuốc ở kinh thành. Thật đúng là một cuộc hoán vị bỉ ổi. Ngọn cờ nào đây? Ông giáo muốn ngộp thở vì ý tưởng vừa đến trong đầu óc ông. Sợ ông thầy cúng tranh mấy cơ hội, ông giáo hấp tấp nói:

- Lòng dân đều hận tên quốc phó Trương Phúc Loan. Giương cờ diệt trừ tên loạn thần đó thì ai mà không mừng rỡ chào đón. Xưa nay không thiếu những bậc anh hùng dám đứng lên diệt loạn thần phò minh chúa, sử sách còn ghi tên cho đời sau.

Nhạc vội hỏi:

- Ta phò minh chúa nào?

Ông giáo đáp không cần suy nghĩ:

- Ta phò hoàng tôn. Đức Mục yếu mệnh, không thể nối được ngôi của Đức Hiếu Võ, thì đứng ra phải tôn con trưởng của Đức Mục lên ngôi. Chỉ tại tên loạn thần...

Nhạc không thể giữ bình tĩnh, cướp lời ông giáo:

- Thầy vừa nói hoàng tôn nào?

- Hoàng Tôn Dương, con trưởng của Đức Mục. Tôn phù như vậy mới đúng chính thống.

Nhạc hỏi lại:

- Hoàng Tôn Dương? Hoàng Tôn Dương? Có phải cái tên "chị Dương" thầy kể độ trước không?

Ông giáo vui mừng đáp:

- Chính phải. Hoàng hôn mới đúng là...

Tiếng cười ha hả của Nhạc khiến ông giáo khựng lại, ngơ ngác. Nhạc cười đến gập người lại, mất hẳn vẻ nghiêm trang. Ông giáo nghiêm nét mặt, cố ý tỏ sự bất bình. Nhạc cố nhin cười để nói, nhưng lại bật cười ha hả lần nữa. Ông thầy cúng chưa hiểu gì cũng cười góp. Một lúc sau, Nhạc vừa cười vừa giễu cợt:

- Xin lỗi thầy. Tôi vô phép quá nhưng không thể nín cười được. Thầy nghĩ mà coi, mình hết đường rồi hay sao mà lại đi nhờ "chị Dương". Thờ... chi cái thẳng... không có... cu! Ha ha...

Ông giáo giận tím người, từ đó ngồi im không nói nữa. Nếu có thêm chút can đảm, ông đã đứng dậy bỏ về. Ông tự trách đã yếu đuối, hèn nhát, vô liêm sỉ nên mới ngồi lại.

Tên thầy cúng lấy được tự tin sau khi đối thủ bị loại, nên đề nghị:

- Ta nên dựa vào "lòng Trời". Không có Trời thì ta không sống được đến ngày xuống núi đâu.

Diệt tên loạn thần cũng là hợp ý trời. Đưa cao "ý Trời" lên, ai mà không theo!

Nhạc lắng nghe, suy nghĩ một lúc lâu chưa nói gì. Chỉ lễ phép và kiên nhẫn đợi. Nhạc chậm rãi nói:

- Trời. Lòng Trời. Được lắm. Nhưng Trời xa, cao quá. Dân đói khổ kêu Trời đâu có thấu. Nhiều người còn oán Trời không có mắt nữa. Cần cái gì gần gũi hơn, quen thân với mọi người hơn.

Chỉ e dè nói:

- Hay ta nhân danh "Trời và Đức Thầy Cả"(1). Nói chữ, thì "Trời và Đức Thượng Sư". Vâng ý trời và Đức Thượng Sư, ta hãy diệt tên loạn thần tàn bạo!

Giọng tên thầy cúng rất giống với lối hát tuồng khi nói đến câu cuối cùng. Nhạc cười ha hả:

- Ý thầy lạ lắm. Để tôi ngẫm lại xem. "Trời và Đức Thầy Cả!" "Trời và Đức Thượng Sư!" Thầy Cả, Thượng Sư. Tôi ưa "Thầy Cả" hơn, nôm na dễ hiểu. "Thượng Sư", giống cái bọn đầu trọc trốn cày cuốc sưu dịch, núp vào chùa quá!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 15

Suốt tuần tuần tháng chạp, sức khỏe ông giáo suy giảm. Khí hậu mùa đông ở thung lũng cay nghiệt với người có tuổi. Sương buổi sáng tan chậm, và quá trưa một chút gió lạnh buốt từ rừng bủa về mang theo hơi ẩm của bao tầng lá chết mục. Giấc ngủ ông chập chờn, nên mỗi sáng, thay vì được sảng khoái chờ đón một ngày mới, đầu óc ông cứ ngầy ngật, bần thần. Hễ gió chiều bắt đầu lay động mái nhà thì hai bả vai ông mỏi rần, hơi thở khó khăn. Trạng thái choáng váng, bồi hồi thật giống như một người đang mải mê leo núi, bất chợt quay lại thấy mình đang ở một nhòm đá chênh vênh ngay bên bờ vực sâu.

Tuy thông hiểu y lý, ông giáo không hiểu mình mắc chứng bệnh gì. Những dấu hiệu của tuổi già ư? Vâng, ở cái tuổi 53, ít người giữ được sự cường tráng và lạc quan. Nhưng mắt ông còn tinh tường, mỗi lần bóp nhẹ lên má, lên ngực và cánh tay, ông thấy bắp thịt chưa nhẽo. Ông chưa thuộc vào hạng lão nhược sớm đến thế. Vậy mà đột nhiên ông cảm thấy mệt mỏi, nỗi buồn chán vu vơ cứ lảng vảng bên trí. Ông không muốn đi đâu cả, suốt ngày hết nằm đã dợm lại đến ngồi bên bàn, chén nước để lạnh, vầng trà in một vết ngấn trong lòng chén.

Có lẽ ông cả (từ đêm hôm ấy, ông giáo chiều theo ý Nhạc, đã thôi không gọi "ông biện" như trước) thông cảm sự đau ốm do thời tiết của ông giáo, nên dù trại rất nhiều công việc, ông cả để yên cho ông giáo nghỉ ngơi. Mọi việc, kể cả những vấn đề phức tạp trước đây cần có ý kiến của ông giáo, đều do ông cả tự lo lấy hết.

Thỉnh thoảng ông cả có xuống thăm ông giáo, lần nào cũng hỏi han ân cần, chú ý lo lắng đến từng thiếu thốn nhỏ nhặt, như cái khăn lau mặt đã sờn rách cần phải thay, cái gối quá thấp chưa đủ đỡ vai người yếu... Dường như không muốn quấy rầy người bệnh bằng các chuyện phức tạp, ông cả tuyệt nhiên không đả động gì đến chuyện trại nữa. Ông giáo vừa mừng vừa thắc mắc, và cũng như những lần không tìm ra được duyên do tâm trạng choáng váng, ông buông xuôi, không gắng sức tìm hiểu.

Một hôm Huệ vâng lệnh anh mang xuống biếu ông giáo một hộp nhân sâm. Nghe con gái báo là có Huệ đến, tự nhiên ông giáo cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng hơn. Ông ngồi bật dậy, gần như rộn rã vì kỷ niệm những đêm canh lúa dưới An Thái, những buổi thầy trò một già một trẻ cùng quên tuổi tác cách biệt, bàn luận sôi nổi về đủ vấn đề, xét lại tận cội rễ những giá trị tưởng như vững chắc hiển nhiên, để rồi cuối cùng vẫn quanh quẩn trong hoài nghi. Ông thích được nhìn đôi mắt tự tin nhờ vẻ giễu cợt, mảng tóc hơi quăn phủ ở góc trán, thích nghe giọng nói ấm và sang sảng rành rọt từng tiếng của Huệ. Sự sôi nổi của Huệ khiến ông giáo quên hết cảm giác bệnh hoạn bấy lâu, và từ lúc nào không biết, ông ngồi xếp bằng ngay ngắn đỉnh đạc trên phản giữa luồng gió rừng với một manh áo mỏng trên người, chăm chú nghe Huệ nói:

- ... Còn chuyện này nữa, con không biết phải nói thế nào cho anh con hiểu. Lão thầy cúng bẻm

mép đỏ huyền thuyên đủ điều nhưng điều căn bản phải định rõ trước tiên là: ta muốn gì? Muốn làm một bọn cướp núi cỡ như bọn Lương sơn bạc bên Tàu à? Hay muốn làm một đám cướp lớn hơn, lâu la kể hàng vạn người, đi đến đâu chân dẫm không chừa một ngọn cỏ? Dùng phù phép để lôi cuốn người Thượng, tạm cho là được đi. Dùng sấm để dụ hoặc kẻ ngu, cũng được. Rồi sau đó ta làm gì nữa? Tất cả chúng ta phải học làm thầy cúng để tiếp tục lừa dối thiên hạ hay sao? Đây, theo ý con thì khi nào chưa hiểu ta muốn gì, thì cứ lúng ta lúng túng, lúc làm cái này, lúc lại làm ngược lại.

Muốn làm một bọn cướp lớn à? Cướp của ai? Bao nhiêu năm thầy sống dưới Tuy Viễn, thầy ước tính xem có được bao nhiêu nhà giàu để ta cất công khổ nhọc từ đây xuống dưới đó cướp của? Số của cướp được đủ nuôi ba nghìn người chúng ta được bao nhiêu ngày? Vét hết túi bọn nhà giàu rồi, thì làm gì đối với dân nhà nghèo? Lột những cái khố rách của họ à? Cướp mấy cái nồi đất không dính một hạt cơm của họ à? Rồi đâu phải mình rảnh tay để lột áo thiên hạ! Quân phủ còn đó. Bọn cai tổng, xã trưởng, bọn thu thuế còn đó. Giáo mác, voi ngựa của chúng chờ ta bên kia đèo. Biết bao người khổ sở, bỏ xứ kiếm ăn, xiêu tán lên tận đây, vì ai? Vì giáo mác, voi ngựa, quan quân chúng nó! Giả sử mình đủ sức dẹp được chúng nó, thu hết voi ngựa, giáo mác, chuyện này con nghĩ không phải khó nhưng cũng không phải dễ, giả sử mình đánh bại quân triều, đuổi hết được lũ chức sắc đi, lúc đó mình làm gì nữa? Lại dùng giáo mác đó dí vào lưng vào cổ dân đen để bắt nộp thuế à? Lại dùng voi ngựa đó để xênh xang cho sang trọng à? Bây giờ, thiên hạ sẽ nghĩ: ờ, tưởng có gì lạ, hóa ra chỉ thay người đóng tuồng mà thôi. Cũng bấy nhiêu mặt mũi, râu ria, áo mũ ấy thôi. Đó, con nghĩ lung tung như vậy, nhưng làm sao nói được với anh con bao nhiêu chuyện đó như con nói với thầy. Nhiều bữa chỉ có hai anh em, con muốn nói lắm, nhưng cuối cùng không nói được. Có lẽ so với anh cả, con nhỏ tuổi hơn nhiều. Nhưng thầy còn lớn hơn anh con trên một giáp, tại sao con nói được!

Sự phấn khích hiếm có của Huệ như một đợt sóng, cuốn đi tất cả những giả dối, e ngại, khách sáo thường bập bênh trên mặt cách xử thế, để dưới ánh sáng của trí tuệ, chỉ còn lại lòng chân thành trong suốt, ai ai cũng có thể nhìn đến tận đáy lòng của nhau. Ông giáo hết sức thú vị vì tìm lại được hình dáng đứa học trò cũ, tuy lần này, Huệ đặt ra cho ông một vấn nạn phức tạp nan giải hơn trước. Không dễ gì mà giải đáp ngay cho Huệ! Ông phải tìm kế hoãn binh vậy! Nước phèn mau chóng làm ôi màu trà, từ chất vàng tươi ngả sang đỏ úa. Lốp váng nổi lên mặt tách trà làm rỉ những tách sứ trắng, quà tặng của ông cả. Ông giáo định quay xuống bếp gọi An thay bình nước. Nhưng thấy vẻ bẽn lẽn của Huệ, nhìn theo mắt cậu học trò yêu, ông thấy từ thật lâu, An vẫn lấp ló ở cửa thông để nghe lén câu chuyện. Huệ bối rối, vì bấy giờ mới thấy hết nhiệt tình thái quá của mình, hơn thế nữa, anh nhận ra rằng không phải chỉ có một mình ông giáo lắng nghe anh nói. Huệ mất cả tự nhiên, ngồi ngay lưng trên ghế trước cái phản con, loay hoay chưa biết phải làm gì nữa trong chờ đợi. Ông giáo vẫn trầm ngâm chưa nói gì. Một lúc sau ông bảo Huệ:

- Anh nói nhiều điều hợp lý. Phá hư một cái gì đó nho nhỏ dễ vỡ như cái chén mỏng này chẳng hạn, tuy không khó bao nhiêu nhưng cũng phải nhọc chứ. Dễ nhất cũng phải đưa tay gạt nó xuống đất. Giận dữ nổi lên, có người dám dùng hết sức xáng mạnh nó vào tường. Người khác sợ những mảnh vỡ nguy hiểm, lại phải mất công quét dọn, đưa chổi xuống tận gầm giường để thu vén từng mảnh li ti. Bấy giờ người lỡ giận đập vỡ cái chén, nếu hấn còn lương tâm, phải thấy mình lỗi bịch, và hối hận chứ. Hấn phải nghĩ thầm: Giá mình chỉ thả nhẹ cái chén cho nó vỡ từng mảnh lớn, hoặc tốt hơn hết là đừng đập nó đi, thì khỏi phải làm buồn phiền vợ con, giá giữ

được bình tĩnh có hay hơn không? Anh nói đúng, phá thì dễ, nhưng những việc cần làm sau khi phá xong đấy mới là cái khó. Đập vỡ xong cái chén, còn bao nhiêu chuyện phải làm nữa! Vợ chồng kinh cãi nhau, phải tìm cách làm lành thế nào đây. Con cái thấy cha giận dữ, nem nép lo âu hoặc xa lánh đi chơi chỗ khác, làm thế nào cho chúng bớt sợ, trở lại quanh quẩn quyền uy bên mình như trước. Giải thích thế nào với láng giềng về những tiếng quát tháo, đồ vỡ bất thường. Đấy, tôi lấy một ví dụ nhỏ thế, để anh hiểu tôi đồng ý với anh. Anh nói đúng. Phá dễ thôi, làm gì sau khi phá mới khó. Nhưng anh Huệ này, anh có thấy là việc trước và việc sau không phải chỉ là nguyên do và kết quả diễn tiến tuần tự rành rẽ, mà chúng còn có ảnh hưởng qua lại với nhau không? Giống như trò ném thia lia. Mảnh sành ta ném chéo cho lướt nhiều lần trên mặt nước tạo ra vô số phản ba, và những phản ba ấy lại va đập vào nhau, đôi lúc gây những đợt sóng lớn đủ làm chùn sức lướt của mảnh sành kế tiếp. Anh và tôi không bàn đến trường hợp những kẻ cuồng sát, những tên cướp của hung bạo, cái não bọn họ không lớn hơn hạt đậu. Ta bàn chuyện của những kẻ có hiểu biết, có trách nhiệm, cân nhắc lợi hại trước khi ném chết một con chuột hôi. Cho nên lòng vòng xa xôi rồi cũng phải đến điều mấu chốt này: Tuy dự định ta sẽ làm gì sau khi phá, mà ta chọn một cách phá thích hợp. Nếu chưa biết làm gì cả, thì đừng phá còn hơn. Nếu e làm rách lòng vợ con, thì rán chịu nhịn đừng gặt cái chén xuống đất.

Huệ nóng nảy nói:

- Nhịn nhục làm sao được hử thầy! Nếu chịu quì, thì con và thầy đâu gặp nhau ở đây. Mấy nghìn con người kéo nhau làm gì lên cái đất khổ ho cò gáy này.

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Huệ, nên cười nhỏ một tiếng, bảo:

- Đấy. Không nhịn được nên phải cưỡng chống lại, tìm cách phá đổ, loại bỏ mối đe dọa nguy hiểm đi. Phá đi xong, ta dựng lại cái mới. Và chính ở điểm nòng cốt này này, tùy cái mới ta định dựng lên thế nào mà cách ta phá biến đổi. Cái nhà ta đang ở dột nát ẩm thấp quá, ngột ngạt khó thở quá, không chịu được nữa. Kẻ thất phu ngu muội có thể trong một phút bốc đồng nào đó, cho nó một mồi lửa. Còn chúng ta, chúng ta phải tính kỹ trước khi hành động. Nhà dột thật đấy, nhưng nếu rui mè còn tốt thì ta chỉ việc thay tranh thôi. Cả rui mè cũng mục nát cả thì liệu có nên bứng luôn mấy cây cột gỗ lim đi không? Cột kèo cũng bị mối mọt đục ruỗng đi ư? Thì phải coi lại thử cái nền có cần đào lên không? Trong khi dỡ mái xuống, đào cột lên, xáo cái nền nện lại cho vững, mấy cụ già hay se mình như hạng tôi, với mấy đứa nhỏ hay ầm đầu đi tuốt nường tạm ở đâu? Cho đến bao giờ? Bếp che ở chỗ nào? Chiếu ngủ trải chỗ nào? Đấy, phải chú trọng đến nhu cầu liên tục của đời sống.

Huệ đâm chiêu nghĩ ngợi. Rõ ràng ông giáo đã đẩy anh vào một đám mù sương. Sau một lúc im lặng, Huệ hỏi:

- Theo ý thầy, cái nhà ta đang ở đã bị ruỗng nát đến đâu rồi. Chỉ dột sơ sơ, hay đã mục đến chân cột?

Nếu phải trả lời ông cả, thì nhất định ông giáo dè dặt. Với Huệ, ông giáo không dè dặt chút nào. Ông nói thẳng ý mình:

- Tôi cho rằng bọn bè đảng Trương Tần Cối ở Phú Xuân chỉ mới đục khoét hư hại đến rui mè. Sự nghiệp gầy dựng qua tám đời chúa suốt mấy trăm năm như tám cây cột vững, dễ gì mục ruỗng được. Chúa Trịnh Đàng Ngoài lắm le bao nhiêu lần có xô ngã được đâu. Chẳng những thế, đất đai ngày một mở rộng, mệnh mang liền một dải từ Thuận Hóa vào đến Gia Định. Đất rộng, người đã đông, từ đời Võ Vương đã xác lập vương hiệu, lập triều đình riêng, chế mũ áo phong

tục riêng. Tạm thời bọn loạn thần xáo động triều đình, nhân dân ta thán, nhưng tám cây cột đã cắm chặt vào cái nền đất phì nhiêu giàu có trên hai trăm năm nay rồi. Biết bao nhiêu công lao đó, người người đều mang ơn. Đạo Nho giúp cho trung hiếu được phổ biến đến hang cùng ngõ hẻm, thêm Chúa càng thêm vững.

Huệ nói:

- Anh con không nghĩ như thầy.

Ông giáo nói:

- Tôi biết. Còn ý anh thế nào?

Huệ hơi lúng túng, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh đáp:

- Con nghĩ khác. Anh con nghĩ đơn giản quá. Con thì có lẽ chưa thông hiểu kinh truyện, nên con... con nói điều này sợ thầy giận...

- Được, được. Anh cứ nói hết đi.

- Vâng, thầy thứ lỗi, nếu con chưa hiểu hết kinh truyện. Con nghĩ cả tám cây cột sở dĩ vững cho đến nay là nhờ cái nền nho ở dưới. Nào là "thiên mệnh", nào là "quân xử thần tử, thần bất tử bất trung", nào là "dân chi phụ mẫu". Người dân dốt nát không đọc được kinh truyện, lại là kinh truyện khó hiểu từ bên Tàu đem sang, nên suốt bao đời nay nem nép lo sợ. Đến một lúc nào đó, tình thế đẩy họ vào đường cùng, họ không sợ hãi nữa mà hóa liều, thì tám cây cột kia sẽ thế nào? Người còn có một mái nhà để về, thì còn bắn khoăn, suy tính xem nên dọi mái hay nên thay kèo. Nhưng đối với hạng cổ cùng, xiêu giạt nay đầu đường, mai xó chợ, bữa no lo bữa đói, chết còn sướng hơn sống, thì những điều từ nãy đến giờ con với thầy nói với nhau phỏng có ích gì! Hỏi họ, họ sẽ đồng thanh đòi phá hết và làm lại hết.

Ông giáo lo lắng hỏi:

- Đã đến tình cảnh ấy rồi sao?

Huệ đáp:

- Con mong là chưa đến nỗi như vậy. Xua đuổi tất cả mọi người ra khỏi nhà, nhập bọn vào đám dân xiêu giạt, đâu phải là chuyện dễ làm. Nhưng mãi nói chuyện, con quên mất lời dặn của anh cả. Thưa thầy, anh cả con kính nhờ thầy soạn cho một bài hịch.

Ông giáo giật nảy người:

- Bài hịch? Để làm gì?

- Các dự định của anh con, chắc thầy đã biết rồi. Thầy nhớ đêm hôm ấy, đêm anh cả sai con đi đóng tất cả cửa lớn cửa nhỏ để bàn chuyện với thầy...

- Nhưng hịch nói những gì, viết thế nào?

- Anh con dặn chỉ cần ngắn gọn thôi. Con nghĩ... con nghĩ ta nên viết bằng chữ Nôm. Đa số dân chúng không được đi học chữ Hán, họ không hiểu!

*

* *

An bên lên đứng chờ Huệ ra về để khép cổng lại. Tầm cửa đan bằng cây rừng tua tủa những gai khép hẹp, chưa không đủ một người lách qua. An lại vô ý nắm chặt lấy cánh cổng, nên thay vì tiễn khách, cô lại vô tình lưu khách. Huệ không hiểu An muốn mình về hay ở, tần ngần chưa muốn hỏi. Mấy cái lá đại tội nghiệp ở hàng rào chắc ngõ ngang không hiểu vì đâu cô chủ nhà không nói năng gì, cũng không dám cười, mấy ngón tay ấm mềm cứ bút hết lá này đến lá khác thả vung vãi xuống lối đi. An nói nhỏ:

- Trời hôm nay lạnh dữ.

Huệ nói:

- Ờ, lạnh. Gió lớn quá.

- Không khéo lại bão.

- An tưởng thế? Chưa đâu.

Huệ trở những đám núi vây quanh, bảo An:

- Sắc núi còn thắm lắm. khi nào rừng bắt đầu thay lá...

An không nghe Huệ nói, băng quơ như tự nhủ mình:

- Em sợ bão.

Huệ cười nhỏ, nhìn mái tóc cuốn gọn để lộ khuôn mặt trái xoan thanh tú, hai cái tai nhỏ và chiếc cổ trắng của An, cố lấy can đảm nói:

- Khi nào gió mạnh đến nỗi thổi tung được mái tóc An, may ra mới có dấu bão lớn. Lúc đó, lúc đó... đáng tiếc lắm...

An không hiểu, ngừng đầu lên hỏi:

- Sao vậy anh?

Đôi má cô ửng hồng, vài sợi tóc mai bay vương vịu. Huệ không dám nói hết ý mình, tìm cách tránh đi.

- Vì khối nhà chòi sẽ bị đổ.

An biết Huệ nói dối, nhưng không thể tìm hiểu ý thật. Cô chỉ lờ mờ đoán Huệ nói bóng gió điều gì liên quan đến khuôn mặt mình, vì nhiều lần Huệ chăm chăm nhìn vào mắt cô. Bất giác An đưa tay lên quệt má. Huệ cười nói:

- Không có đâu!

An sượng sùng nói:

- Em tưởng... Nhà bếp em thấp quá, rờ đâu cũng bồ hóng với nhọ nôi.

- Thì nâng cao mái lên.

- Gió thốc vào làm sao nhóm lửa. Chịu thôi! Đàn ông các anh... Lãng với anh Chinh cũng bảo thế... Quên mất chuyện gió.

- Ai bảo để trống. Tìm phen che kín lại chứ!

An phụng phịu:

- Anh Lợi hứa sẽ mang lại, nhưng cứ quên mãi. Hôm trước em nhắc...

Huệ hỏi nhanh:

- Anh ta thường đến đây không?

Không hiểu sao An nói dối:

- Ít khi lắm. chỉ có một lần đến báo tin buồn. Tội nghiệp, anh ấy trở thành mồ côi!

Huệ bắt bẻ:

- An nói ít sao lúc nãy bảo Lợi nó quên mất. Lại bảo An nhắc anh ta nhiều lần.

An luống cuống, mặt đỏ hồng:

- Em nhờ Lãng nhắc anh ấy. Anh ưa bắt bẻ người khác lắm. Cha em tính độc đoán, không hiểu sao lúc nãy cha tranh luận với anh hăng hái thế. Chưa bao giờ em thấy cha hăng say và linh hoạt như sáng nay. Tại sao thế?

- Làm sao tôi trả lời được.

- Cả anh nữa.

- Tôi thế nào?

- Em tức cười. Cảnh tượng một già một trẻ tranh luận sôi nổi với nhau như hai người bạn tâm

tình, em thấy lạ lắm. Với em, hoặc ngay cả với anh Chinh, thằng Lãng, không bao giờ cha nói những chuyện như vậy cả.

Huệ tò mò hỏi:

- An nghe từ đâu?
- Vâng. Anh và cha nói lớn tiếng, em...
- Biết thế tôi đã không nói.
- Em không đáng nghe ư?
- Không phải đâu. Nhưng những điều đó, mỗi người giữ riêng cho mình. Phải chờ một lúc nào đó, với ai đó, gần như gặp cái bóng của mình, ta mới nói một hơi cho thỏa.

An nhận xét:

- Em thấy chưa ai thỏa cả! Nhất là cha em. Còn anh thì...

Huệ hấp tấp hỏi:

- Tôi thì thế nào?

An cười che giấu sự lúng túng:

- Anh thì... anh thì... em biết nói thế nào bây giờ. Em cảm thấy, nhưng không biết nói sao cho đúng.
- Thì cứ nói điều cảm thấy đi!
- Vu vơ, mơ hồ lắm. Chịu thôi!
- An khéo giấu lắm.
- Em nói thật. Em không có tài ăn nói rành rọt, có đủ đầu đuôi như anh. Nhiều hôm cha em bực, gắt lên: "Ăn nói chẳng ra đâu vào đâu cả!" Nói chuyện với em, chỉ rước cái bực vào thân mà thôi!

*

* *

Nhạc hí hoáy mở nút dải buộc ống giấy không được, nên lấy con dao tằm trâu cắt đi. Ông đưa tờ giấy gần sát đèn, ngửa người ra phía sau, lẩm nhẩm đọc. Huệ hồi hộp theo dõi nét mặt anh, thâm tâm mong mỗi anh vừa ý với nội dung tờ hịch. Ông cả đọc chậm, vì phải suy nghĩ nhận cho ra mặt các chữ khó nên mấy ông nhú lại, ra dấu bảo Huệ lại gần. Ông nói:

- Cái gì thế này? Chú đọc tôi nghe đoạn này coi!

Huệ cầm tờ hịch đọc đoạn ông cả chỉ:

Giận quốc phó ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé.

Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lầy than.

Ví lòng trời còn nể Phú Xuân, ắt dẫu cũ lại cơ đồ Hữu Hạ...(1)

Ông cả phất tay bảo em dừng lại, lấy giọng nghiêm khắc hỏi:

- Chú nói thế nào mà ông ấy viết vậy?

Huệ lo ngại hỏi Nhạc:

- Có gì lạ đâu, anh?

Nhạc nổi bực, gắt với em:

- Viết thế mà chú bảo là không có gì à? Chú đọc kỹ lại đi. Chỗ "Giận quốc phó".

Huệ đọc:

- Giận quốc ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương.

Nhạc bảo ngưng, rồi nói:

- "Giận quốc phó". Được. Tên tham lam bất nghĩa đó ai mà không giận. Nhưng "ra lòng bội thượng" là thế nào? Phải cẩn thận cân nhắc từng chữ. Tờ hịch này truyền đi, nhất định tụi đồ gàn, tụi ký lục bẻm mép sẽ chẻ sợi tóc ra làm tư, bàn hươu tán vượn đủ điều. Không phải là chuyện đùa giỡn đâu. Chú coi, tại sao lại bảo tên quốc phó "ra lòng bội thượng"? Mình có dây dưa tình nghĩa gì với hắn? Sao lại giận hắn tráo trở không vâng mệnh. Lại còn viết: Nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương. Chú học chữ nghĩa thầy mấy năm, hiểu rõ bụng dạ người ta. Chú giải nghĩa đi. "xưng nghĩa cần vương" là thế nào?

Huệ đáp:

- Ý thầy giáo bảo ta khởi nghĩa diệt tên quốc phó để tôn phù bảo vệ ngôi vua.

Nhạc xằng giọng hỏi:

- Vua nào nữa?

Huệ đã hiểu rõ mối bất hòa trong quan điểm giữa thầy và anh, nhưng đã từng mong mỗi: với thời gian, thế nào hai người thân kính sẽ tìm được những điểm chung. Không ngờ sự mâu thuẫn gay gắt phát lộ sớm như vậy. Huệ đành nói:

- Thầy giáo vẫn nghĩ ta phải phò hoàng tôn thì mới chính được danh. Cho nên mới dùng chữ "bội thượng, cần vương", ở câu dưới lại dùng chữ "nếp Phú xuân, dấu cũ, cơ đồ Hữu Hạ".

Giọng Nhạc trở nên giận dữ:

- Hóa ra cả đêm ấy, lão không nghe lọt tai ý ta. "Nếp Phú Xuân, dấu cũ". Có đáng gì cái bọn vua chúa ươn hèn ngoài đó mà "nếp" với "dấu". Lòng Trời nào dung bọn đàn bà không ra đàn bà, đàn ông không ra đàn ông đó. Chị Dương! Trời đất! Chú đem quăng trả lại cho lão!

Huệ thấy mình ở vào một thế khó xử. Vắn nhanh trí, anh tìm ngay được lối thoát:

- Em thấy chúng ta chưa cần đến bài hịch. Nếu theo dự định ban đầu, giống trống giống cờ rầm rộ xuống núi thì cần hịch thật đấy. Nhưng anh đã thay đổi ý kiến, không phát quân ào ạt nữa. Chưa cần bài hịch đâu. Anh cứ giữ đó, biết đâu sau này có lúc dùng đến.

Nhạc không vui, biết Huệ né tránh một công việc khó khăn. Tuy vậy, dần dà nguôi bớt giận, ông phải nhận những lời em vừa nói có cái lý của nó. Để giữ thể diện, ông cả bảo:

- Chú sợ thì trả lại tôi. Hôm nào gặp lão, tôi phải hỏi cho ra lẽ.

*

* *

Hôm Nhạc sai em đến nhờ ông giáo thảo bài hịch, ông cả và tên thầy cúng hết sức tương đắc. Cả hai cùng nghĩ phải làm một cuộc xuất quân kinh thiên động địa. Chiêng trống sẽ vang dội núi rừng. Chim chóc, muông thú sợ hãi trốn ra nghìn dặm. Quân đông như kiến, chảy xuống đèo như thác lũ. Cờ xí rợp trời. Lịch hịch truyền ra, quân dân hò reo tỏ mở... Trên mình ngựa bạch, chủ tướng mặc áo bào đỏ, mũ giáp trụ đội đầu, hông đeo gươm báu. Lính hộ vệ hai hàng chạy theo chân ngựa, giáo thai bài vác nghiêng đều trên vai...

Quá quen với nghi thức cúng tế, Chỉ vẽ hẩn lên giấy mẫu cờ, mẫu quần áo lính hầu, lính hộ vệ, lính khiêng trống, buổi lễ xuất quân chủ tướng đứng ở đâu, quân sĩ xếp làm mấy hàng, lúc nào tất cả đều phải quì xuống, lúc nào đồng rập tung hô... Các nghi thức, kiểu mẫu, sơ đồ ấy dĩ nhiên không giống chút nào với nghi thức, kiểu mẫu ở vương phủ. Tất cả đều do tên thầy cúng bịa ra cả, dựa vào kinh nghiệm các cuộc tế lễ bùa chú cũng có, mà dựa vào y chang trong tuồng hát bộ cũng có. Nhạc chóa mắt trước bấy nhiêu điều phức tạp rõ ràng, thật tình khâm phục sự quảng bác kiến thức của tên thầy cúng, nên sai Huệ đi nhờ viết hịch ngay.

Đêm về nằm một mình ôn lại các dự kiến "kinh thiên động địa", Nhạc mới dần dần vỡ lẽ. vãi ở

dầu may bấy nhiêu cờ xí để che rợp cả trời? Ngoài một số chiêng trước đây bán ế vì các buôn Thượng mất mùa, một số mõ của trai tráng giữ việc canh phòng, một cái trống tịch thu được ở đồn dưới chân đèo, không còn thứ gì khác có thể gióng lên, gõ vào, để tiếng động đủ đuổi chim chóc bay xa vài trăm bước chứ đừng nói có thể lay động cả trăng sao, núi rừng. Lại còn quần áo của quân lính nữa, mỗi hạng mỗi kiểu khác nhau, thậm chí áo đội chiến chiến đấu này khác áo đội chiến đấu kia, cho dễ việc điều quân.

Ông cả nhận mình xốc nổi, hào khí hạ xuống, lịm theo giấc ngủ. Sáng hôm sau, ông gọi Lợi lên để hỏi tình hình kho gạo, lương thực, gọi Thận hỏi về khi vũ khí, gọi Năm Ngạn hỏi số đinh. Bao nhiêu con số thu lượm được như những gáo nước lạnh dội vào người ông. Huệ gặp anh trong tình trạng đó nên các tỷ lệ của Huệ được ông cả chấp nhận dễ dàng.

Thay vì kéo rốc cả ngàn người rầm rộ xuống đèo, quyết một trận sống mái với quân triều, được ăn cả ngã về không, như ông cả hào hứng dự kiến hôm qua. Huệ đề nghị nên chia từng toán nhỏ, ít thì khoảng 30 người, nhiều nhất là 100 người. Vũ khí nhẹ thôi, cung tên, giáo mác, kể cả dao cắt thịt, nếu các bà nội trợ chịu cho chồng mang đi. Quần áo "nghĩa quân" (Huệ thấy hai chữ này thích hợp) không cần thống nhất. Ai có gì mặc nấy. Toán người Thượng cứ việc đóng khố. Người nào chịu được sương sớm, mặc độc cái quần đùi vải thâm cũng không sao. Số dân đinh trên một nghìn người chia ra làm hai, một nửa ở lại tiếp tục làm rẫy, một nửa sung quân. Ít lâu sau, nửa này thay nhiệm vụ cho nửa kia, nên đời sống khỏi bị xáo trộn, nguồn lương thực không bị hao hụt. Thế là giải quyết được những khó khăn do Lợi, Thận, Năm Ngạn đưa ra!

Bây giờ đến vấn đề chính: đưa các toán nghĩa quân võ trang xuống núi để làm gì? Không phải để chiếm đất, vì có chiếm cũng không giữ được. Cũng không phải để cướp của. Còn ai đủ giàu để đáng cất công đâu! Nhiệm vụ chính của các toán nghĩa quân là đột nhập vào các làng gần núi, phá nát bộ máy cai trị do bọn thổ hào, chức sắc nắm giữ, để các vùng cận sơn có dân mà không có quan, khu vực kiểm soát của triều đình thu hẹp dần; khu vực các chức sắc bỏ trốn sẽ loang dần ra như dầu loang trong mặt nước, loang dần xuống phía biển, đến một lúc sẽ đến sát bờ thành phủ Qui Nhơn. Nhạc ngồi im nghe em nói, càng nghe càng thấy kế hoạch của Huệ sát thực tế, hợp lý và hợp tình hơn. Để khởi đầu, ông cả thử lập ba đội nghĩa quân để đánh dò đường. Một đội do chính ông điều khiển. Một đội giao cho Huệ. Đội thứ ba giao cho Tuyết. Mỗi đội gồm khoảng 100 người mạnh khỏe, ít bận bịu gia đình và đã tinh thông võ nghệ. Họ xuống núi vào một sáng tinh sương, và vì thiếu khua chiêng, gióng trống, hịch truyền, sủng lệnh nên chim chóc và trẻ con vẫn được ngủ yên.

*

* *

Nhạc đích thân tổ chức các đội nghĩa quân tiên phong, phân chia đồng đều các thành phần nòng cốt. Nhưng sự qui tụ, kết nhóm cứ tuân theo qui luật tự nhiên của nó, dựa vào quen biết trong quá khứ, giống nhau về tính tình, liên hệ lâu dài về quyền lợi. Do đó dù Nhạc không muốn, ba đội nghĩa quân cứ mang ba sắc thái khác hẳn nhau.

Bao giờ người cầm đầu cũng muốn chọn những phụ tá đáng tin cẩn, hoặc trong số những bạn đồng hương, hoặc bạn tâm tình có chung một sở thích. Những người phụ tá này lại chọn những đội viên giống mình, nếu cùng lắm thì ít ra cũng hơi giống mình. Một nghĩa quân nào đó bị phân vào một đội xa lạ ư? Anh ta sẽ tìm mọi cách để trở về đúng chỗ của anh, giữa những người quen thân. Nhẹ thì năn nỉ, khó hơn thì biếu xén mua chuộc, khó nữa thì nhờ đến thế lực

cao hơn, thể lực người chỉ huy trực tiếp. Cuối cùng, mỗi đội có riêng một "cá tính", một "bản sắc", bản phóng đại cá tính bản sắc của người cầm đầu. Bản sắc này tự nhiên trở nên một sức mạnh thuyết phục hoặc cái có để tự cao tự đại bất thành văn, nhưng mọi người trong tập thể đều mặc nhiên chấp nhận thành qui ước. Thành phần dị biệt hoặc lẻ loi trong tập thể đó, nếu có tài xoay sở hay có thể lực, đã tự tìm cho mình một tập thể thích hợp. Số còn lại quen nhẫn nhục, thụ động, phải gắng biến đổi để thích nghi. Tập thể nhờ thế dễ thành đồng nhất, hòa hợp thành một khối, cho nên người cầm đầu dễ bị ảo tưởng rằng mình có tài thu phục và đầy đủ quyền năng.

Đội nghĩa quân do Nhạc chỉ huy, thành phần cốt cán đều là những người buôn nguồn ở Tây Sơn thượng từ trước và những người liên hệ xa gần đến việc buôn bán. Đa số ở vào lứa tuổi chín chắn, có tài thích ứng với biến đổi của hoàn cảnh, nhanh chóng thấy điều lợi hại, xem thường sách vở và những hào quang nặng chất thuyết lý như là lòng nhân nghĩa, lương tâm, phận sự, chí làm trai, kinh bang tế thế... Họ cũng ghét cay ghét đắng những điều phù hoa như lòng thương yêu, sự mơ mộng, nỗi buồn vu vơ, nỗi chán nản trước nhân tình thế thái. Bọn hủ nho và thi sĩ không thể nào len lỏi vào được hàng ngũ họ. Sự nhạy bén trước thực tế và hiểu biết tường tận đường đi, trạm dịch, bến đò, khí hậu, sản vật ở mọi nơi khắp phủ Qui Nhơn đã khiến cho đội nghĩa quân này mau chóng trở thành nòng cốt của lực lượng, đa số về sau trở thành những nhân vật quan trọng của phong trào khởi nghĩa, làm nên một giai đoạn lịch sử hào hứng tuy phức tạp.

Đội nghĩa quân do Huệ chỉ huy qui tụ những thanh niên trẻ tuổi, phần lớn chưa quá 25. Không phải Huệ có quyền chê các "ông già" trên hai mươi lăm tuổi. Ngược lại, họ chê Huệ chưa xứng đáng chỉ huy họ. Tài năng là kết quả tích lũy những kinh nghiệm của năm tháng. Một cậu thanh niên 21 tuổi đầu, râu măng mới nhú lưa thưa trên mép, dù cậu ta là em ruột ông cả thì đã biết gì! Học lực, kiến thức của cậu ta thế nào? Nghe đâu có đi học vài năm ở An Thái. Thầy đồ nào thế? Cái lão mặt mày ủ dột vẫn thường leo đèo theo chân ông cả đó mà. Trời ơi, tưởng ai hóa ra cái lão nho hủ ấy! Lão làm được tích sự gì! Thế mà dám mở trường dạy học! Rồi những "ông già" xin chuyển qua đội của Nhạc, hoán chuyển với bọn trai tráng. Những người nòng cốt trong đội Huệ đa số là những thanh niên đêm đêm thường tụ họp nhau luyện võ gần nhà ông giáo, từ lâu giữ nhiệm vụ tuần phòng và trật tự ở Tây Sơn thượng. Họ chưa có nhiều kinh nghiệm đời, chưa phải một mình đối đầu với những thử thách biến trá của đời sống. Họ cũng chưa bị đời sống nhồi xóc đến độ mất hết cả ý chí, thờ dài buông tay trước trở lực. Giống như Huệ, họ xem đời như một trò chơi, ở tư thế một đấu thủ giàu tự tin.

Đội của Tuyết vừa thu hút vừa hứng lấy những thành phần phức tạp còn lại. Các hảo hớn lục lâm tìm Tuyết như tìm bạn cũ. Những kẻ thù ghét mái nhà gia đình và những gì lặp lại. Những kẻ ưa cuộc sống náo nhiệt nơi đầu chợ, góc phố. Những kẻ hận đời chờ cơ hội trả oán. Những kẻ say mê bạo lực v.v... Bấy nhiêu kẻ ngang tàng tìm thấy ở Tuyết mẫu người lý tưởng của mình, góp tụ thành một sức mạnh công phá hữu hiệu. Các cuộc bao vây tiêu diệt những cứ điểm quan trọng án ngữ dọc theo Trường Sơn dưới chân đèo đều do đội của Tuyết đảm nhiệm. Và khi phá vỡ tuyến phòng ngự của quân triều, bắt đầu đột nhập vào các làng mạc gần núi, thì những việc làm của đội Tuyết đều mang dấu ấn cá tính của Tuyết.

*

* *

Chinh được Tuyết khen "xứng mặt anh hùng hảo hớn" từ bữa cùng Tuyết và hai người khác đột

kích đồn quân triều dưới chân đèo. Ông cả phân Chinh vào đội của Tuyết. Dĩ nhiên anh không có gì cần khiếu nại!

Ông giáo bức bối hỏi:

- Sao không vào đội của Huệ?

Chinh đáp:

- Ông cả phân đều như vậy, con có xin đổi cũng không được!

Ông giáo đành im lặng, bụng nghĩ ở địa vị Nhạc, phải chia đều các thành phần khác biệt vào từng đội để kiểm chế các vọng động, kiểm soát hoặc nương tựa lẫn nhau. Không thể làm khác được. Riêng phần ông giáo, ông còn có trách nhiệm tinh thần đối với hành vi con cái. Để mặc cho Chinh tự do tung hoành ở ngoài tầm mắt ông, ông không yên lòng chút nào. Ông hỏi:

- Lãng nó ở đội nào?

- Nó xin vào đội anh Huệ.

- Sao nó xin được mà mày không xin được?

Chinh biết mình nói hớ, vội đáp:

- Nó sức yếu chưa phải đi. Trong danh sách không có tên nó. Nhưng nó nằng nặc đòi đi cho được, nhờ anh Huệ nói giúp với ông cả.

Ông giáo đắn đo một lúc, rồi bảo con:

- Mày lên xin cho nó đi với mày.

Chinh đành trả lời gượng gạo:

- Vâng.

Anh định đứng dậy bước ra đường, không phải để lên gặp ông cả mà muốn đi cho khỏi cái nhà này. Nhưng ông giáo đã gọi giật lại:

- Ngồi đó đã.

Chinh ngồi xuống, không che giấu sự bức dọc của mình. Ông giáo suy nghĩ thật lâu, bần khoản chưa biết bắt đầu như thế nào cho con hiểu lòng ông. Càng nghĩ trí ông càng rối. Giọng ông run vì xúc động:

- Độ này sức khỏe của cha giảm sút. Đêm nào cũng trăn trở không tài nào nhắm mắt được. Trời se lạnh là trong người đã chuyển theo, mỗi nhức ở bả vai và các khớp xương. Nhiều đêm không ngủ, cha thắp đèn ngồi chờ sáng. Cha nhìn các con ngủ say, nghĩ đến lúc không còn được ở gần các con nữa. Cha lo, không biết cuộc đời các con rồi sẽ ra sao. Thăng Kiên đã chịu tù tội. Con An ở chỗ hóc núi này, liệu có tìm được tấm chồng cho xứng đáng không, hay lại gặp một thằng du thủ du thực, say rượu về đánh đập vợ con. Lãng nó yếu đuối như vậy, chống chọi làm sao với đời. Rốt lại chỉ có con là mạnh khỏe, xốc vác. Cha xem cách con ngủ, cha biết con vô tâm. Đặt lưng xuống là ngáy. Nhưng con biết không, đứa mà cha lo lắng hơn hết là con.

Ông giáo ngừng lại. Chinh bỡ ngỡ chưa hiểu vì sao từ giọng trách mắng nghiêm khắc, cha đổi qua cách nói tâm tình dịu dàng. Anh thấy lòng lâng lâng, cúi đầu ngoan ngoãn chờ nghe cha dạy. Ông giáo nói tiếp:

- Chuyện... chuyện của con hôm trước cứ ám ảnh cha mãi. Thà con tỏ ra đau đớn, kêu khóc van xin cha đừng đánh nữa, con yếu đuối như mọi người. Như vậy cha yên lòng hơn. Riêng con thì không. Con nằm yên chịu đau, không van xin, năn nỉ, không khóc lóc. Đã từng này tuổi, cha biết. Con chịu hình phạt mà trong lòng vẫn khẳng khẳng nghĩ rằng mình đúng. Con nhẫn nhục chịu đựng.

Ông giáo lại dừng. Chinh không hiểu hết sự phức tạp trong lời cha, tuy nhiên, anh mơ hồ cảm

thấy, một phần nào đó, ông giáo nói đúng tâm trạng mình. Anh không thể tìm ra lời nào để chống chế, hoặc tự biện hộ. Thấy con vẫn ngồi yên, ông giáo nghĩ Chinh đã bắt đầu xúc động, ông tiếp:

- Con định ninh như vậy! Không đúng đâu, Chinh ạ. Việc con làm không có một chút ý nghĩa nào. Ngược lại, con phải thấy nó vô ích, và ghê tởm. Thời thế này, cha biết các con sẽ phải cầm đến gươm giáo. Ngay sáng mai, có thể con buộc phải chém giết, hoặc vì tự vệ, hoặc vì bốn phận, hoặc vì mệnh lệnh. Dù ở trong trường hợp nào, con hãy ghi nhớ rằng giết người là chuyện bất đắc dĩ, không phải là một lạc thú. Cha muốn Lãng cùng vào một đội với con, để anh em có nhau. Hãy thường xuyên che chở, bảo bọc cho nó. Đừng ham vui mà quên nó. Cha ở trên này luôn luôn lo lắng cho các con. Mẹ cũng không rời mắt các con đâu! Thôi, khuya rồi. Đi ngủ để mai còn đi sớm! Nhớ đắp mền cho Lãng. Nó đã bớt suyễn, nhưng phổi còn yếu lắm!

*

* *

Từ lâu, để đề phòng cướp bóc, các làng gần núi dọc theo các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên phải tự lo tổ chức hệ thống phòng thủ. Làng nào cũng có nhiều lớp rào gai bao quanh, chỉ chừa trống lối đi cho trâu bò và lối cho người. Ở lối vào luôn luôn có người canh gác, nhất là về đêm. Cửa ngõ từng nhà cũng kín đáo, kiên cố. Trên các tàng cây ăn trái, ẩn kín dưới lớp lá dày, là những chòi quan sát từ đó có thể nhận ra bọn cướp tận đằng xa và dùng cung giết kẻ địch. Trai tráng không được phép ngủ nhà, mà phải chia nhau nằm ngay bờ rào phòng thủ. Ban ngày họ ra đồng, lên rẫy, đêm phải thức để canh gác. Muốn sống còn qua buổi nhiễu loạn lạc đầy bọn tham quan và kẻ cướp, họ đã phải mở to đôi mắt để nhận diện kẻ thù.

Vì vậy, nếu không có số đông ồ ạt kéo đến vây kín làng giữa ban ngày, chưa chắc đội nghĩa quân của Huệ đã vào lọt mấy hàng rào gai mà không tổn thất. Nhìn cách ăn mặc tùy tiện, gươm giáo chệch choạc, dân làng biết chắc không phải là quân phủ. Nhất định là bọn cướp. Nhưng sao chúng dám giở trò giữa thanh thiên bạch nhật kia? Chúng ý đông? Mà đông thật. Có chống lại cũng vô ích thôi, vì hầu hết trai tráng đã ra rẫy cả. Chống lại là rước lấy cái chết và cái cháy trợn vẹn chắc chắn. Đội nghĩa quân của Huệ vào làng bằng cổng chính, giữa những người đàn bà mặt mày nhợt nhạt và những đứa trẻ áo quần rách rưới, da cháy nắng, mũi dãi thò lò lem luốc. Các bà lão và những chức sắc khép nép đón họ tận cổng, dẫn họ vào ngôi đình thấp bé cất dưới một gốc gạo già. Theo nghiêm lệnh của Huệ, không ai được chạm đến một cây kim sợi chỉ của dân. Xin nước cũng phải lễ phép thưa gửi với chủ nhà, uống xong phải cảm ơn. Dân làng nơm nớp chờ đợi tai họa, cho nên khi thấy "quân cướp ngày" hòa nhã lễ phép với mọi người, họ càng sợ hãi hơn. Kinh nghiệm cho họ biết, những kẻ độc ác thường ưa chơi khăm, giấu mũi gươm sau những lời hoa mỹ thân ái và những nụ cười hiền lành, như con mèo đùa bỡn với chú chuột tội nghiệp. Họ chờ. Đã đến lúc đây rồi!

Có lệnh mời tất cả dân chúng tụ họp ở đình làng. Những bà nội trợ giấu vội hũ gạo hầm. Ông già bà cả nấn ná khấn vái tổ tiên phù trợ. Trẻ con khóc rí rỉ, tay nắm lấy gấu áo mẹ. Việc tập họp bị chậm trễ, nhưng những tên cướp ăn mặc nghèo nàn và mặt mày hiền lành không nổi nóng, cứ kiên nhẫn đợi. Cuối cùng rồi sân đình cũng chật những người, tuy không ai dám ho một tiếng. Vài đứa bé chưa sợ hãi đủ, nổi lên khóc ré. Bọn trượng phu được dịp lấy lòng những kẻ có thể quyết định sống chết, mạnh bạo bỏ chỗ đứng, ra sân hạnh hợ. Một nghĩa quân quát:

- Đứng yên đấy. Không được đi đâu cả!

Dân làng giật mình nghĩ: "Bắt đầu rồi. Cầu Trời Phật phù hộ cho chúng con, cho chúng con

được tai qua nạn khỏi". Lũ chức sắc, mặt không còn một giọt máu. Lầm lét liếc về phía người cầm đầu trẻ tuổi, sợ hãi cái tuổi trẻ độc ác và nông nổi. Huệ lớn giọng hỏi:

- Bà con có biết chúng tôi là ai không?

Một bô lão, thấy mọi người đều hướng về phía mình trông chờ, biết không thể thoái thác nhiệm vụ được, đành lấy bạo hắng giọng nói:

- Xin quý ông thương cho chúng tôi. Quả tình chúng tôi không dám giấu diếm điều gì. Cả làng xác xơ, của cải không đáng cho các ông phải khó nhọc.

Huệ đưa tay ngăn cụ già đừng nói tiếp:

- Cụ lầm rồi. Chúng tôi không phải là bọn trộm cướp. Anh em chúng tôi thấy cảnh bất công cùng khổ, không thể chịu được, nên tụ họp ở Tây Sơn để khởi nghĩa, trừ kẻ gian diệt kẻ bạo, đem an vui cơm áo cho bà con. Lời nói vụng về không thể đủ ý. Anh em chúng tôi có thảo một tờ hịch, xin tuyên đọc để các cụ cùng bà con hiểu rõ chúng tôi.

Mắm lấy bài hịch ông giáo soạn (bài hịch đã bị ông cả bác bỏ vì bất đồng quan điểm nhưng Huệ cứ giữ lấy, hy vọng chữ nghĩa thâm thúy thế nào cũng tác động mạnh mẽ hơn những lời nôm na), bắt đầu lớn tiếng đọc. Đám đông im phăng phắc, chú tâm lắng nghe. Họ nghe rõ lắm vì giọng của Mắm rất tốt, từng tiếng rành rọt và ấm. Các bô lão gật gù. Bọn chức sắc liếc nhìn các bô lão, liếc qua Huệ, cũng gật gù gật gù. Số người lớn lam lũ đứng nép bóng gạo chỉ nghe tiếng tim mình đập liên hồi, lời hịch lúc còn lúc mất. Có vài tiếng ho. Tiếp theo vài tiếng huýt nhỏ.

Mắm thao thao đọc:

Giận quốc phó ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xướng nghĩa cần vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch lăm le ngấp nghé.

Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lầm than.

Vì lòng trời còn nể Phú Xuân, ắt dẫu cũ vẫn cơ đồ Hữu Hạ...

Vài đứa trẻ bắt đầu khóc. Mẹ chúng sợ hãi thì thảo đồ dành. Tiếng lao xao nổi lên đây đó, rồi dần dà trở thành tiếng ồn ào. Mắm cố đọc to hơn cho át tiếng ồn, nhưng sức anh có hạn. Huệ hiểu ngay là không ai hiểu bài hịch nói gì, những kẻ gật gù chẳng qua chỉ vì hèn nhát sợ hãi mà cố biểu lộ sự đồng ý mà thôi. Huệ phát tay bảo Mắm thôi đọc. Văn chương chữ nghĩa uyên thâm, những câu biền ngẫu nghiêm chỉnh thật vô dụng vào lúc này, ở đây. Phải tìm cách khác thôi! Hết sức nhanh trí, Huệ quay lại đám chức sắc hỏi:

- Ai giữ sổ đình?

Một người đàn ông trạc 40, gầy ốm, mặc cái quần cụt màu nâu và cái áo cánh đen đã rách một bên vai, rụt rè tiến tới một bước thưa:

- Dạ, tôi.

Huệ lại hỏi:

- Ai giữ sổ thuế?

Vẫn người đàn ông đó đáp:

- Dạ tôi.

Huệ xằng giọng:

- Về lấy mang ngay ra đây.

Lệnh được thi hành mau chóng. Huệ vẫy Mắm và Lê lại, cùng xem xét mớ sổ sách vừa lấy được. Sổ đình ít ỏi nên quyển sổ đình mỏng manh. Còn sổ thuế thì dày cộm, chương mục phân minh, nợ cũ nợ mới chồng chất nhưng người biện lại cần mẫn vẫn ghi chú đầy đủ, tỉ mỉ.

Huệ lật đến phần ghi thuế hạng đào, đọc lớn:

- Nguyễn Văn Năm, tuổi Sửu.

Không có ai trả lời, Mẫn nhắc:

- Ai là Nguyễn Văn Năm.

Tên biện lại quay về phía gốc mít gọi to:

- Nguyễn Văn Năm kia. Sao bà không thưa.

Một người đàn bà gầy ốm nách bông một đứa nhỏ lên 3 tuổi, cả hai mẹ con đều ăn mặc rách rưới, lên tiếng:

- Dạ ổng đâu còn ở đây!

Tên biện lại gắt:

- Còn ở đây ai dám biên vào hạng đào. Cái bà này. Dạ thưa quý ông, bà này là vợ tên Nguyễn Văn Năm.

Huệ hỏi người đàn bà:

- Ông nhà trốn đi đâu rồi?

Bà Năm sợ hãi, giọng van xin:

- Quý ông thương cho hai mẹ con tôi, bà con cô bác ở đây ai cũng biết nhà tôi không có gì, đến cái nôi cũng không còn. Quý ông tha cho người nghèo, tội nghiệp mẹ con tôi lắm.

Huệ hỏi:

- Sao trước khi bỏ làng trốn đi, chồng bà không nộp thuế. Đây, sổ sách còn ghi rõ đây này. Tiền sai dư 1 quan 5, tiền thượng tân 5 thưng, tiền tết 5 thưng, cộng thêm tiền chi phí nội tâm (lòng thuyền) và bốc gạo 20 đồng (1)

Người đàn bà thật thà nói:

- Dạ đã không có ăn thì làm sao có mấy quan nộp thuế. Chỉ còn nước bỏ làng mà đi thôi. Biết làm sao được.

Huệ không nói gì, lật qua phần ghi thuế hạng cùng, đọc:

- Lê Văn Ớt.

Một bà lão tiến ra thưa:

- Dạ thằng Ớt tôi nó đi lên rẫy chưa về kịp. Quý ông thương tình.

- Sao không chịu nộp thuế?

Người mẹ đáp:

- Nó chỉ có cái quần vá, làm không đủ ăn. Năm ngoái tui ráng nộp cho nó, năm nay mất mùa bắp, chưa biết làm cách nào cho đủ. Ông biện đây đã hiểu tình cảnh nhà tui, xếp hạng cùng còn quá cao.

Huệ không nói gì, lại lật qua phần hạng cố, đọc lớn:

- Nguyễn Văn Sửu.

Một người đàn ông mắt chột, da vàng nghệ, lách khỏi đám đông tiến lên thưa:

- Dạ tôi xin hẹn tháng sau nộp đủ. Tôi có thưa trước với ông biện lại. Chắc ổng quên ghi.

Tên biện lại quên sợ, gắt:

- Đã nộp đâu mà ghi.

Tên Sửu cũng không vừa cãi lại:

- Tui chịu nộp tuy nộp trễ, chứ có lì mạng đâu mà ghi tên tui vô sổ.

Cụ già có uy tín được đám đông thầm cử lên nói lời đầu tiên với đội nghĩa quân, bấy giờ mới khoan thai tiến đến trước mặt Huệ, dĩnh đạc nói:

- Thưa quý ông. Từ nãy đến giờ, tôi thấy quý ông không phải là hạng tầm thường. Quý ông không

động đến một ngọn rau, không phá phách nhà cửa, chém giết bừa bãi như bọn trộm cướp. Quý ông truyền hịch khởi xướng việc lớn. Dân làng chúng tôi lâu nay chỉ lo chăm chút làm ăn, không dám nghĩ đến sự cao cả như quý ông, nên không dám có ý kiến gì. Quý ông người nhiều, của lắm chắc chưa cần đến tiền gạo ít ỏi của cái làng nay. Số tiền thiếu thuế, chúng tôi xin khất tháng sau, chờ mùa bẻ bắp. Ông biện lại đây sẽ lo thu đủ, chờ đến hạn kỳ là nộp ngay, không dám chậm trễ.

Huệ tỏ vẻ không bằng lòng, nhìn quanh hỏi:

- Sao lại nộp chậm? Hay các người khinh chúng tôi không bằng quân triều? Anh Mắm, đem tất cả sổ sách nợ nần ra đây.

Mắm ôm mớ tập giấy bản bề bộn đến đặt trên cái bàn gỗ trước mặt Huệ. Huệ vớt cuốn sổ thuế đang cầm trên tay vào đồng giấy tờ ấy, lớn tiếng bảo Lê:

- Thắp cây đuốc đem lại đây.

Mắm e ngại đến bên Huệ, nhắc nhở:

- Không nên nóng nảy, anh Huệ. Cả làng nghèo xơ, có khảo của cũng không được gì đâu. Anh nghĩ lại đi, đốt làng thì có ích gì!

Huệ không trả lời Mắm, nghiêm mặt chờ Lê đem cây đuốc tới. Dân làng thầm nghĩ giờ thọ nạn đã đến, từ ồn ào lao nhao trở nên im bật sợ hãi, mắt dõi theo cây đuốc. Huệ cầm cây đuốc giơ lên cao, nói thật lớn:

- Bà con nghe đây. Bao nhiêu năm bà con đói khát, rách rưới vì phải cong lưng nộp thuế cho triều đình. Nộp không nổi nên phải khất, khất nhiều lần phải trốn làng bỏ đi. Ai nợ bao nhiêu, ai khất bao nhiêu, ghi cả vào trong này, bà con ăn ngủ không yên cũng vì mớ giấy lộn này. Chúng tôi khởi nghĩa trừ gian, dẹp loạn, bênh vực kẻ nghèo khó, bảo vệ kẻ cô thế, làm sao chịu để mặc cho bà con khổ vì mấy cuốn sổ thuế. Không còn nợ ai cả! Bọn quan tham ác sắp chạy về kinh cả rồi. Hãy đốt quách mớ giấy nợ này đi. Bà con bằng lòng không?

Tất cả mọi người không còn tin ở tai mình nữa, kể cả Mắm, người phụ tá thân tín của Huệ. Sau một lúc im lặng ngỡ ngàng, đám đông chợt hiểu. Họ ồ lên reo mừng, khi lửa cháy bùng trên đồng sổ. Họ cũng cười ồ thích thú khi thấy tên biện lại lính quỳnh muốn chạy đến cứu đồng giấy bản mà không dám, gương mặt ngớ ngẩn vì sợ hãi.

Thấy đám đông nhìn về phía sau lưng mình chỉ tỏ cười nói, Huệ quay lại; tên biện lại đang thắc thỏm sợ hãi. Huệ nổi giận, quát lên:

- Sợ quân triều đình trở lại bắt tội à? Anh em, dẫn nó về núi cho nó hết sợ. Mau trói nó lại!

*

* *

Nhạc cho nghĩa quân ém sẵn ở đám rừng thấp từ khuya, nên tờ mờ sáng cả đội đã kéo vào làng. Rút kinh nghiệm các lần trước, ông không muốn số trai tráng có thì giờ trốn thoát, hoặc vắng mặt vì đã lên rẫy.

Đây là một làng giàu có, nhờ hoa lợi của dãy nương rẫy bạt ngàn quanh năm tươi xanh những bắp, đậu phộng, đậu xanh và thuốc lá. Nhưng của cải dồn vào dăm ba nóc nhà giàu, số dân ở chòi tranh quần quật quanh năm, mồ hôi và nước mắt chan cơm mà nợ nần chất chồng. Số dân bỏ làng ra đi lên cao, trong khi mấy tòa nhà lá mái cứ càng ngày càng khang trang, rộng rãi thêm. Chính nhờ gợi ý của một nghĩa quân tóc đã hoa râm người làng này mà Nhạc quyết định cuộc đột nhập hôm ấy.

Nhạc cho tập hợp dân chúng trên sân phơi thóc rộng, để đích thân giảng giải mục tiêu cuộc

khởi nghĩa. Ông không nói nhiều. Bằng lối vấn đáp khôn khéo và linh động, ông chứng minh cho mọi người thấy họ làm nhiều mà sống không xứng đáng với công khó nhọc. Ông đứng ngay giữa sân, và mời dân làng đến đứng quanh ông để nghe cho rõ.

Ban đầu chưa có ai mau mắn đáp lời mời của ông, sau đó là lũ trẻ rần rắt và những mục đàn bà ưa ngồi lê đôi mách mon men đến gần ông cả hơn, làm thành một hàng bán nguyệt xốc xếch, nhem nhuốc. Các nghĩa quân đến mời từng người: lại có thêm những người cả nể và những kẻ nhút nhát. Câu chuyện của ông cả tự nhiên, cụ thể, những điều ông nói đơn giản và như chuyện ở trong tầm tay của mọi người, nên số người bị lôi cuốn vào cuộc đông thêm. Lốp bô lão giữ thể diện đứng ở vòng ngoài cũng vừa tránh hơi đủ xa sự thông tục xô bồ vừa núp vào được bóng râm của hàng dừa. Nhạc trở một đưa con trai khoảng bảy, tám tuổi, mũi dãi thành hai dòng xuống mép, tóc hoe khét nắng, mặc bính cái quần rách của cha nên lưng quần phải kéo lên quá ngực, và hỏi:

- Cháu tên gì?

Đứa bé sợ lão liên muốn tìm cách trốn. Lũ bạn giữ đứa bé lại. Nó gần muốn kêu "Me ời!", nước mắt rơm rớm. Nhạc vỗ về:

- Cháu đừng sợ. Hãy ngoan nào. Làm trai, phải dạn dĩ chứ. Nào, nói cho bác nghe, cháu tên gì? Đứa bé hơi hãnh diện là "kẻ làm trai", nhưng lưỡi vẫn lú lờ chưa nói được. Lũ bạn chung quanh nhao nhao trả lời:

- Nó tên thằng Chó Con. Nó tên Chó Con.

Nhạc đến gần đứa bé hơn, cúi xuống gần tầm cao đứa bé hỏi:

- Cháu đã ăn gì chưa?

Chó Con cảm thấy đói cồn cào. Tối hôm qua, cả nhà nó không có gì để bỏ vào miệng. Mẹ nó hứa sáng nay sẽ đi vay lúa ở nhà chủ điền đến mùa sẽ trù vào công bẻ bắp. Nó ngủ mà vẫn còn thấy trước mắt cả một nồi cơm đầy, dành riêng một mình nó. Sáng sớm cơn đói thức nó dậy. Nó cũng muốn thức mẹ dậy để mẹ sang vay lúa ở nhà chủ điền. Chưa kịp đưa tay ra lay mẹ, nó đã nghe nhiều tiếng chân người, tiếng nói tiếng hô lộn xộn. Làng bị vây rồi! Tai Chó Con no tiếng động, mắt nó no những cảnh tượng lạ, nó quên cái bao tử lép, cảm giác cồn cào ngày ngật biến thành sự náo nức hơn hở. Bây giờ thì Chó Con lại thấy đói. Nó thành thực đáp:

- Con đói! Không có gì ăn cả!

Nhạc nhắc lớn câu trả lời của đứa bé, rồi hỏi:

- Thế chiều hôm qua cháu ăn những gì nào? Kể bác nghe đi!

Chó Con nhăn mặt vì đau thốn dưới bụng, đáp nhỏ:

- Cũng không có gì ăn cả.

Nhạc cố khuếch đại sự kinh ngạc, hô hoán:

- Hôm nào cũng đói. Thế cháu còn cha mẹ không?

- Dạ còn.

- Cha mẹ cháu làm gì?

- Dạ làm rẫy.

Nhạc ngừng lên hỏi quanh đám đông:

- Có bà nào là mẹ cháu Chó Con ở đây không?

Một người đàn bà mặt choắt như mặt chuột, tóc tai bù xù, rụt rè nói:

- Dạ, có tôi đây. Cháu nó đại mồm đại miệng, ông tha lỗi cho.

Nhạc vội bảo:

- Không, không có gì đáng trách cả. Tôi chỉ xin hỏi chị: chị được mấy cháu rồi?

- Dạ năm đứa. Nhưng chết hết ba, chỉ còn thằng Chó Con với con Cám thôi.

- Cha mấy cháu cũng làm rẫy chứ?

Người đàn bà nhìn quanh tìm chồng. Nhưng anh chồng nhút nhát giấu mặt ở đâu mất. Thất vọng, chị đành trả lời:

- Dạ.

- Hai vợ chồng đau yếu không đi làm được hay sao mà các cháu phải đói?

Người đàn bà bị chạm tự ái, phản ứng ngay:

- Chúng tôi bỏ đói chúng nó hồi nào! Chúng tôi vất vả quanh năm, được hột lúa hột bắp nào xới cả cho tụi con, chịu đói khát cho nó lớn. Không khi nào mấy đứa con tôi bị đói cả! Chó Con, lại đây!

Nhạc vội can:

- Thôi, chị đừng giận cháu. Tại tôi tò mò mà sinh chuyện đấy thôi. Không phải lỗi của cháu, mà cũng không phải lỗi những người làm cha làm mẹ chúng ta. Chúng ta quần quật nai lưng làm việc từ sáng sớm đến tối mịt, để được gì nào? Được nhiều lắm chứ! Lúa rẫy, bắp, đậu xanh khắp mọi nơi là do ai? Do chúng ta. Thế mà sao chúng ta vẫn khổ? Lúa bắp đó đi đâu?

Một cụ già nói:

- Năm ngoái bị mất mùa, ông ạ!

Nhạc cười, cảm ơn câu trả lời, rồi nói:

- Nhưng năm nay được mùa. Tôi biết. Lúa bắp mùa vừa qua đi đâu?

Một người nào đó đứng thấp ở hàng sau nói:

- Về kho lắm chủ điền chứ đi đâu!

Một người khác cãi:

- Ô hay. Đất rẫy của người ta thì người ta thu chứ! Họ có ăn trộm của ai đâu?

Nhạc xen vào:

- Phải. Họ có đất. Mình có sức, làm rẫy cho chủ đất lấy công mà sống. Nhưng số lúa bắp chủ đất trả công cho bà con có đủ ăn không?

Nhiều tiếng trả lời:

- Không đủ. Chúng tôi sống đói!

Một người đàn ông nào đó, có giọng the thé như giọng đàn bà, la lớn:

- Nếu khỏi nộp đủ thứ thuế thì có thể đủ.

Nhạc vờ ngạc nhiên:

- Bà con làm việc như trâu mướm mùa cày mà không đủ ăn ư? Sao lại có chuyện vô lý vậy? Bao nhiêu lúa bắp về kho chủ đất cả ư? Về kho thuế cả ư? Bất công lắm. Không thể nhịn được nữa. Vâng mệnh "Trời và Đức Thầy Cả", chúng tôi cùng nhau khởi nghĩa để dẹp mọi bất công, đem no ấm cho dân nghèo. Chó Con đây, cháu sẽ có cơm ăn ngay trưa nay! Các cháu khác cũng đang đói chứ gì? Được. Các chú các bác đến đây để giành cơm cho các cháu.

Rồi hướng về phía các nghĩa quân, Nhạc ra lệnh:

- Anh em, vây chặt các nhà giàu lại. Chủ nhà ở đâu thì đứng yên đó. Không được về. Mở hết các hầm lúa, kho bắp của nhà giàu ra, phát hết cho bà con. Nếu thiếu thì lấy luôn thóc thuế. Hãy nhanh lên. Các cháu ở đây đang đói lắm! Phải thế không, Chó Con?

*

* *

Tối đến, các đội tập trung về một khu rừng không xa chân đèo An Khê, nằm dọc theo con suối chảy xiết qua nhiều đám đá sỏi tròn nhẵn. Trừ một số nhỏ nghĩa quân có trách nhiệm lên trại chính lãnh gạo, mướm về lo bữa tối, đám còn lại kéo nhau ra suối tắm rửa. Tiếng nói chuyện râm ran cả khu rừng.

Bên bếp lửa nhóm gần một gốc cây lớn, hai nghĩa quân đã già ngồi bó gối canh nồi cơm đang sôi, vừa hút thuốc vừa chuyện vãn. Người đang cầm cái que cời bớt than hồng ra khỏi bếp nói với bạn:

- Cơm xong bác đi lấy nước ngay nhé. Nhớ ra chỗ nước chảy. Nước tù tanh lắm, át cả mùi trà.
- Ủa, có cả mùi trà nữa à? Mồi ở đâu ra thế?
- Chuyện! Tôi chứ phải ai đâu! Khéo nói một chút thì gì cũng có.
- Nhưng... nhưng cả buổi tôi đi với bác mà! Xoay sở lúc nào?
- Lúc có ông lão đầu bạc lân la bắt chuyện, chỗ gần cái ao cá đó!
- Ông lão hỏi gì thế?
- Tức cười! Đúng là thằng chột đi hỏi đũa mù. Tôi chẳng biết trả lời sao cho đúng, huyên thiên một hồi. Ông lão mặt đực ra, gật gù, nhưng nghe xong mắt cứ ngơ ngẩn như vừa mất thứ gì. Bác có biết ông lão mất thứ gì không?
- Mất bao trà à?
- Kìa, bác khinh tôi vừa thôi. Tôi đâu phải là thằng ăn cắp vặt. Có thể mà bác không hiểu. Lão mất gì ư? Hà, hà lão mất thì giờ vô ích. Vì tôi có biết gì đâu mà trả lời.
- Nhưng ông lão hỏi gì?
- Ông ta kéo tôi ra xa, nhìn trước nhìn sau cho chắc rồi mới nói: "Này bác, Đức Thầy Cả là ai thế?". Tôi hỏi: "Đức Thầy Cả nào?". Ông lão kinh ngạc hỏi lại: "Thế có nhiều đức thầy cả à? Ông nào là đức thầy cả cả!". Tôi tưởng ông lão xỏ xiên định sùng sộ, nhưng thấy nét mặt ông ta chờ đợi thành khẩn lắm, tôi kịp dừng lại. Tôi hỏi: "Bác nghe chuyện Đức Thầy Cả ở đâu vậy?". Ông lão bảo nghe cái anh tre trẻ ôm ồm nói "Vâng mệnh Trời và Đức Thầy Cả". Trời thì ông lão biết từ lâu rồi. Ai mà chẳng vâng mệnh Trời. Nhưng còn có mệnh lệnh của Đức Thầy Cả nữa. Thế mới rắc rối.
- Rồi bác trả lời thế nào?
- Tôi bảo chỉ biết ông cả, tức là ông biện Vân Đồn. Ông cả có đức lớn, không lớn sao có mấy nghìn người từ bỏ quê theo về với ông. Ông cả có chí lớn, nếu không, ông đã chẳng khó nhọc xuống đồng bằng phá cửa kho thuế chia lúa cho người đói, đem của cải nhà giàu chia cho người nghèo. Ông cả có đức, có chí, nhưng vẫn chưa phải là Đức Thầy Cả. Chưa phải là Đức Thầy Cả, nhưng chẳng khác nào Đức Thầy Cả.
- Chịu bác! Nếu gặp tôi, tôi cũng không thể quanh co khéo léo thế. Tôi chẳng hiểu gì ráo. Tại sao ông cả không chịu nhận quách mình chính là Đức Thầy Cả?
- Ờ nhỉ! Tại sao thế. Nhận là Đức Thầy Cả, có phải tiện hơn không. Ờ chết! Thôi rồi bác ơi! Mãi nói chuyện nồi cơm khô hết rồi. Giở nắp ra cho tôi. Bỏ vài cục than vào. Cơm với nước! Tối nào chúng nó cũng bỏ mặc cái của nợ này cho hai thằng già chúng ta. Kìa, chúng nó đã về kia kìa. Một nhóm khoảng sáu, bảy trai tráng đến gần bếp lửa. Họ vừa đi tắm về, mình mẩy quần áo còn ướt đầm. Một thanh niên quì xuống gần bếp bầy giờ chỉ còn leo lét vài cái than hồng, cúi sát nhìn cho rõ vật gì đang cầm ở tay. Bạn anh ta giục:
- Xem làm gì! Đem nấu canh với lá giang đi.

Người nghĩa quân già hỏi:

- Gì thế?
- Quí lắm bác. Đoán xem nào?
- Chịu thôi. Ăn được không?
- Dĩ nhiên được. Khởi nướng mắt khô bác nhé. Ta ăn một bữa sang trọng. Cá nục đây.
Cả đám xuýt xoa mừng. Lâu ngày lắm, dễ thường đã hơn hai năm, họ chưa được ăn cá biển. Một người nói:
- Cá nục ai lại nấu canh. Phải kho mới ngon.
- Kho phải có đường, hành tỏi, mỡ. Tìm đâu ra. Mình chỉ có muối.
- Nấu thế nào cũng được. Đói rồi. Hình như cơm khô thì phải.
- Ờ khô. Nhưng khô còn hơn sống. Giá mỗi tối về, có sẵn cái ăn khởi phải nấu nhỉ!
- Chỉ nói hão! Không nấu, ai hầu hạ cho. Toán của mình còn có hai bác, đỡ lắm. Cháu phải đền ơn hai bác cái này mới được!

- Cái gì thế?
- Điều bình à? Tìm ở đâu thế?
- Suyt. Tôi nhật được đấy?
- Thật không?
- Thật mà. Lúc dân làng hoảng chạy tán loạn, tôi nhật được ở đầu làng.
- Cái bình sứ đẹp nhỉ. Không vỡ là may!
- Lại thêm cái ống giả trống này nữa. Của nhà giàu đấy!
- Khởi tiền nhé!
- Đã hẳn! Không đắt giá, người ta mang theo làm gì.

Người nghĩa quân già lo âu:

- Chúng ta giữ cửa này không tiện. Đi đâu cũng khệ nệ mang theo coi sao được. Không cần thận lại vỡ. Người ta còn nghi mình đi hôi của nữa. Phải nộp lên trên thôi.
- Tiếc nhỉ. Mà cũng bất tiện nhỉ!

Cả toán bản khoản quên đói. Người trẻ nhất dám bảo:

- Thôi để mai hãy tính. Ta hút thử xem nào!

Câu chuyện lại trở nên rôm rả, và họ trải qua một bữa tối sang trọng có đầy đủ cơm nóng, cá biển, thuốc và trà ngon.

*

* *

Toán nghỉ đêm dưới mấy tảng đá lớn bên suối thức khuya rì rầm nói chuyện mãi. Tiếng nói của họ đáng lẽ rõ mồn một trong đêm tối, nhưng tiếng suối chảy và tiếng lá rừng mình theo gió át mất, mỗi người phải cố nói chậm và cao hơn, người nằm cạnh mới nghe. Giọng một người đàn ông khao khao:

- Ngày mai tôi lãnh phần canh gác nhé! Chia lúa khổ quá!

- Sao thế?

- Gớm. Ngứa quá. Không biết có sâu hoặc dòi bọ chỗ này không. Mai cho tôi giữ phần ngoài, nhớ nhé. Tôi chịu, không ở vòng trong nổi nữa.

- Tao thương mày mới phân việc nhẹ đấy. Đứa nào khác, đừng hòng.

- Tôi biết. Nhưng anh tính, họ không nhận thì làm thế nào?

- Ai không nhận?

- Còn ai vào đấy! Những người nghèo. Họ vội vàng xách thúng chạy đến kho. Nhưng sau đó, họ

lẳng xa ra, gọi mãi mới chia được vài người. Tức không chịu được.

- Vô lý. Họ nghèo xác. Chia được cái ăn còn làm bộ làm tịch. Hay mày lớn lối với họ?

- Không. Tại họ sợ!

- Sợ cái gì?

- Họ sợ khi mình rút đi rồi, quân phủ đến, bắt tội họ. Ăn cướp thóc thuế, không 100 roi cũng ở tù đến một gông. Có người đã nhận xong, không biết nghe ai dọa, trở lại năn nỉ xin trả vào kho. Tôi giận quá, quát tháo om sòm, họ mới đành bụng thóc ra về. Hồi chiều lúc đi tắm, tôi nghe nói đội khác cũng gặp chuyện oái ăm như vậy.

- Rầy rà nhỉ. Chắc có đứa dọa già dọa non gì đây. Hay lại chính bọn nhà giàu?

- Không rõ. Ai mà chẳng tiếc của. Mình đi rồi chúng nó lại huênh hoang, hống hách như cũ.

- Phải trị vài đứa dằn mặt xem sao!

- Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng lệnh cấm gây đổ máu. Chuyện ở đội ông Tuyết, anh biết chứ?

- Lại chuyện gì nữa?

- Thế anh chưa biết gì à?

- Đội đó từ khi xuống núi gây lẫm chuyện quá, không biết chuyện cũ hay chuyện mới? Vụ đốt rụi cả nhà lão chánh tổng chứ gì?

- Không phải. Chuyện mới xảy ra hồi sáng. Oán thù đến mức đó thì ghê thật!

- Mày kể quách cho tao nghe để còn ngủ lấy sức. Quanh co mãi. Oán thù thế nào?

- Thì tôi sắp kể đây. Thế này nhé. Một bác nông dân gặp lúc mấy mùa đến nhà chủ điền vay lúa. Lão nhà giàu đã không cho vay, còn thả chó ra cắn. Giận quá, bác...

- Tưởng chuyện gì. Chuyện ông Năm Ngãng chứ gì!

- Không phải. Để tôi nói hết đã. Bác giận quá, vạch quần đá ngay trước nhà chủ điền. Ông nhà giàu cho đầy tớ ra bắt, bác nông dân chạy thoát. Ông nhà giàu rêu rao khắp xóm là nếu chưa cắt được con cu của tên hỗn xược thì chưa yên lòng nhắm mắt. Bác nông dân sợ, bỏ trốn. Tên chủ điền lén sai đầy tớ đến đốt nhà kẻ thù. Vợ con bác nông dân may thoát được, bỏ làng không biết đi đâu. Người chồng lên Tây Sơn thượng tá túc ở trại ông biện, lầm lì như người ngu độn nhưng thật ra vẫn chờ ngày trả thù. Sáng nay, bác theo về làng cũ. Ông Tuyết giao cho bác ta việc chia của cải tên chủ điền cho dân. Bác nhờ người khác thay, còn mình thì xách dao đi tìm kẻ thù. Tên chủ điền trốn trong một bụi tre, sợ chúng ta giết chó không phải sợ gặp kẻ thù cũ. Cho nên gặp lại người tá điền lão không nhận ra. Bác ta len nhét giẻ vào miệng lão, trói dẫn vào một cái nhà hoang, xé quần áo lão...

- Chỉ bịa!

- Thật mà. Chính bác ta thú nhận đã nhét nguyên cái của nợ máu me bấy nhầy đó vào mồm kẻ thù. Bao nhiêu năm bác ta chỉ nghĩ đến việc đó. Thế là bác thỏa nguyện rồi! Phạt, xử thế nào, bác cũng cam nhận tất!

- Rồi ông Tuyết xử thế nào?

- Không biết. Nghe đâu phải báo lên ông cả. Đội bên đó lạ lắm. Ngày nào cũng có một chuyện hấp dẫn để kháo với nhau. Không tin, mai anh qua hỏi họ xem. Họ đóng ngay bên kia suối. Chỗ có mấy bụi mù u.

(1) Hợp tuyển thơ văn VNTK 18 nửa đầu TK 18. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1978, trang 815, 816

(2) Phỏng theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, phần thuế khóa Quảng Nam từ trang 162 trở đi

Lợi và Lãng được phép về Tây Sơn thượng thăm nhà chưa được mấy ngày, thì toán ngựa thồ chở lúa lên Tây Sơn thượng mang theo lời nhắn của ông cả bảo Lợi xuống gấp. Họ cũng mang theo một lá thư ngắn lời lẽ khá trân trọng, mời ông giáo xuống gấp gặp ông cả để bàn một việc rất quan hệ.

Lợi phải bỏ ý định mua măng le chở xuống đồng bằng đổi mắ và hàng hóa, để ngoài việc góp thêm vào quỹ chung còn kiếm riêng cho mình món tiền nhỏ. Anh cần tiền hơn lúc nào hết, càng có nhiều tiền, càng tốt. Quà cáp cho các bà, đãi đằng những "nhân vật quan trọng", và giờ đây lại thêm những món quà cho An. Lệnh của ông cả làm tiêu tan bao nhiêu tính toán, cho nên dù lời nhắn khẩn cấp, Lợi vẫn nấn ná ở thêm một ngày nữa. Cái có là ngựa mệt không đủ sức leo đèo.

Cả buổi chiều và buổi tối trước hôm khởi hành, Lợi cứ lẩn la quanh An. Nhà chật chội, vẻ lãng xảng của Lợi quấy động sự yên tĩnh và trật tự trong gian nhà nhỏ, va chạm thói quen của hai cha con ông giáo. Lợi không tinh ý, cứ tưởng những câu bông đùa hời hợt của mình thật cần thiết, có thể giúp An quên nỗi lo lắng cho cha già và giảm bớt những buồn rầu hoang mang thường có trước các cuộc giã biệt.

Khó chịu vì Lợi nhất, là Lãng. Cậu cứ đợi mãi cơ hội thuận tiện để thừa vớ cha ý định của mình, cái ý định cậu chỉ dè dặt nghĩ ra trước lúc về nhà, nhưng đến Tây Sơn thượng gặp chị và cha xong, cậu càng cương quyết thực hiện cho bằng được. Lãng chờ cả buổi chiều: không có lúc nào Lãng được ngồi nói chuyện riêng với cha! Lúc nào cái anh chàng băng nhắng cũng chen vào chuyện nhà ông giáo như một "người nhà". Mãi buổi tối, sau khi ăn cơm xong, một nghĩa quân trong đoàn ngựa thồ tìm hỏi Lợi chút việc, anh chàng băng nhắng vội lên trại gấp thủ kho, Lãng mới thở phào nhẹ nhõm. Cậu lấy bạo đứng gần cha, rụt rè mở lời:

- Chắc mai cha đi sớm.

Ông giáo ngược lên nhìn con, bảo:

- Được. Con cứ đi ngủ trước, khỏi lo cho cha. Hơn một năm nay rồi, không tài nào cha nhắm mắt được trước giờ tỵ.

Lãng biết cha hiểu lầm câu nói của mình, lúng túng cải chính:

- Con chưa buồn ngủ. Con định thừa vớ cha...

Nói đến đây, bao nhiêu can đảm của Lãng bỗng tiêu tan hết, Lãng không dám nói tiếp ý định.

Ông giáo chờ mãi chưa thấy con nói gì, ngạc nhiên hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Lãng không có lối lùi nữa. Cậu hít một hơi dài, rồi nói thật mau, sợ chính mình đổi ý:

- Con không muốn xuống dưới đó nữa.

Ông giáo vội hỏi:

- Con nói gì vậy?

Lăng nhắc lại, từng tiếng rõ và chậm:

- Con xin cha cho ở lại nhà. Con không muốn xuống núi nữa.

Ông giáo nhìn chăm chăm vào mắt con, tìm ở đó dấu hiệu của yếu đuối, nhát sợ. Hơi thất vọng, ông hỏi:

- Tại sao thế! Chính con tự nguyện xin đi, rồi bây giờ lại xin không đi nữa? Bạn bè con sẽ nghĩ thế nào? Con không sợ bị xem là một đứa hèn nhát hay sao?

Lăng muốn thuật hết cho cha nghe những kinh nghiệm của mình trong hai tháng qua, những suy nghĩ của cậu về bạo lực. Cậu đã rút được một số điều mà cậu cho là chân lý, một số mặt trái của đời sống mà cậu không thể nào thỏa hiệp được, chỉ còn một lối duy nhất là dứt khoát trở về với gia đình, tránh né những đổ vỡ sắp đến của nếp sống bất đắc dĩ. Nhưng làm sao Lăng có thể giải bày tất cả sự phức tạp mông lung đó cho cha. Lăng ậm ừ mãi chưa nói được ra lời. Ông giáo càng cho định kiến của mình là đúng, khuyên lơn con:

- Con hãy nghĩ lại đi. Mấy ngày nay, con xem trên này có còn thanh niên nào không? Trừ đàn bà, con nít và người lớn tuổi, tất cả trai tráng đều tham gia việc quân. Ngay đến công việc nương rẫy vất vả bây giờ cũng giao lại cho các bà mẹ và lũ trẻ mới lớn. Chị con đứng ra điều khiển một toán làm rẫy, da đến cháy nắng như con thấy đấy. Cha đã già rồi cũng kiêm một lúc hai ba việc. Con đòi ở lại ư? Chỗ của con sẽ là chỗ nào? Đám đàn bà con gái nhìn con ra sao? Cách đây hai tháng, cha không muốn con đi. Con yếu sức quá cha sợ con không kham nổi sương gió. Bây giờ mọi sự đã đổi khác. Con có thấy điều đó không?

Lăng lắng nghe lời cha. Cậu cảm thấy vô vọng và cô đơn. Cậu tự hỏi: Những điều ta nghĩ khác thường lắm sao? Thế nào mới là bình thường? Thế nào mới là lẽ phải? Cậu xúc động mãnh liệt, hai thái dương lại tê dại và máu căng dưới làn da cậu. Lăng thưa với cha những điều thoát hiện trong óc cậu, quên bớt sự dè dặt:

- Con không biết nói sao cho cha hiểu lòng con. Cả nhà từ anh Chinh cho đến chị An đều xem con là một đứa hèn yếu. Dưới đó họ gọi con là "thằng vô tích sự". Chắc cha cũng nghĩ như thế. Làm sao cho cha hiểu lòng con đây! Con yếu sức hơn các anh chị. Con xin nhận điều đó. Con lúc nào cũng nhờ các anh chị bảo bọc giúp đỡ mới làm nổi công việc, dù là việc nhỏ nhất, nhẹ nhất. Tuy vậy, con tự biết con không yếu đuối. Những cái mọi người cho là mạnh bạo can đảm, con chỉ thấy sự cộc cằn, tàn bạo, thô lỗ, nông nổi. Con thà làm một thằng con trai hèn nhát còn hơn được gan dạ theo kiểu đó. Và con cho như vậy mới là mạnh bạo, dám dứt khoát với những gì không hợp với bản tính.

Ông giáo khá ngỡ ngàng trước lời bộc bạch khác thường của đứa con út. Ông thấy con mình đã trưởng thành sau hai tháng vào đời. Có điều ông tiếc, là cái giọng chán chường hoài nghi đến sớm của Lăng. Con ông mới 18 tuổi, và ôn lại quá khứ, ông giáo nhớ rằng phải đến tuổi 40, các va vấp chồng chất mới đủ khiến ông bắt đầu hoài nghi. Ông có thể khuyên Lăng được gì đây? Nó đã trải qua những kinh nghiệm nào? Ông không có thì giờ để hỏi cho cặn kẽ nữa. Ông giáo chỉ đưa ra nhận xét:

- Con già trước tuổi rồi, Lăng. Đó là dấu hiệu yếu đuối. Con chưa thấy hết mọi mặt của đời sống đâu. Có thì giờ cha sẽ nói chuyện với con nhiều hơn. Cha không ép con sống trái ý mình. Con muốn quyết định thế nào tùy ý. Con nghĩ cho kỹ trước khi trả lời: Mai con đi với cha hay ở lại? Lăng cúi đầu suy nghĩ thật lâu, rồi đáp:

- Con xin ở lại.

Ông giáo thất vọng, nhưng đành nói:

- Được rồi. Cha sẽ tìm cách nói với ông cả. Trong lúc cha vắng nhà, con ráng giúp đỡ cho chị, gánh bớt một phần việc nương rẫy. Cậu Hai Nhiều khó tính, con đừng cứng cổ, cứng đầu như thằng Chinh trước kia mà sinh chuyện. Nay cậu ấy được giao trông coi tất cả chuyện nương rẫy. Cha tiếc lắm. Con không đi với cha. Nhưng thôi, thế cũng ổn.

*

* *

Trong cái lán khá rộng và cao dành làm nơi bàn luận của ban tham mưu, quây quần đầy đủ những nhân vật quan trọng: ông cả, Huệ, Chỉ, Năm Ngạn, Bùi Văn Nhật, Tuyết... Ông giáo và Lợi xuống trể, đến chỗ họp thấy cuộc bàn luận đang dở dang. Nhạc vội đứng dậy, ân cần mời ông giáo ngồi xuống chiếu ngay cạnh mình, rồi hất đầu ra dấu bảo Lợi tìm chỗ ngồi đâu đó để mau chóng tiếp tục cuộc họp. Bên phải ông giáo là Chỉ tên thầy cúng. Nhạc chờ cho mọi người yên lặng, mới nói:

- Các ông đừng tưởng chúng nó mạnh. Hai tháng nay chúng ta tung hoành khắp vùng cận sơn hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên, phá kho thóc, đốt sổ thuế, bắt hết bọn hào lý mà chúng dám làm gì đâu! Áo mào xe ngựa ghê gớm lắm, nhưng gặp bọn chân đất chúng ta, chúng chạy như vịt. Hôm qua ta gặp lại thằng Đốc trưng Đằng. Quân lính hộ vệ đâu có ít. Ta bảo nộp hết giấy tờ, tiền bạc thì được tha mạng. Nó dùng dằng. Ta cho một nhát vào vai thằng Đốc trưng. Các ông nghĩ coi, đáng lý bọn lính phải xông vào cứu chủ, vì bên ta có nhiều nhỡ gì! Nhưng không, quan quân một lũ vất hết giấy tờ tiền bạc, vắt giò lên cổ mà trốn. Các ông đừng quanh co chối tội, bảo vì quân triều mạnh mà không làm được việc. Phải nói thực! Vì sao gần đây tình hình trở nên bất lợi? Tại sao các đội cứ thua hoài vậy?

Cả chiếu hội đều im phăng phắc, không ai dám nói gì. Giọng của Nhạc nghiêm khắc, đầy phần nộ. Chờ mãi không ai lên tiếng, Nhạc chỉ Tuyết hỏi:

- Thế nào, ông Tuyết? Hôm nay đội ông thiệt hết bao nhiêu? Mấy chết? Mấy bị thương?

Tuyết rụt rè đáp:

- Dạ có nhiều hơn hôm qua. Tại vì... tại vì...

- Vì sao?

- Không hiểu vì sao gần đây họ chống cự lại mạnh mẽ hơn.

- Các ông vỗ ngực xưng là hảo hớn, muốn vào là vào muốn ra là ra. Thế sao hôm nay thiệt hại bấy nhiêu người mà không vào được?

- Có lẽ chúng nó đưa quân phủ giúp đỡ.

- Lại quân phủ! Không có quân phủ nào hết, tôi nhắc lại cho ông rõ. Chỉ có dân làng thôi! Khi tôi dẫn quân vào, thấy hầm hào họ đào kiên cố lắm. Chòi canh nào cũng có hàng bó tên lớn, bắn cả ngày không hết. Các ông nghĩ mà xem, tái sao họ liều chết chống cự chúng ta?

Huệ nói:

- Vì một số nhỏ trong chúng ta quen thói cũ, phá phách nhà cửa, lấy cắp của dân làng. Đã có nhiều vụ đốt nhà bừa bãi. Dân người ta sợ, liều chết chống cự may ra còn bảo vệ được làng xóm và con cái mình. Nếu ta cư xử với họ như một bọn cướp, thì họ chỉ còn một con đường sống là liều chết tự vệ mà thôi.

Bùi Văn Nhật vội nói:

- Không phải thế. Chính bọn nhà giàu xúi giục người ta chống cự. Ta đến, họ giả vờ sợ hãi vâng

dạ. Ta đi, họ liền đe dọa các người nghèo làm thuê, cày mướn trên đất họ để sống. Nhiều khi ta chia của nhà giàu cho dân đói rách, họ sợ không dám nhận. Tôi có bắt được mấy tên chuyên xúi giục dân chống cự ta. Kêu chúng tra hỏi, sẽ rõ hết.

Nhạc gật đầu nói:

- Được. Dẫn chúng vào hỏi xem!

Nhật đứng dậy ra khỏi lán. Trong khi chờ đợi, Nhạc quay hỏi Lợi:

- Chú đã xem lại kho lương chưa?

Lợi thành thực đáp:

- Dạ thưa chưa!

Nhạc nghiêm giọng nói:

- Đáng lý chú phải xuống ngay. Báo động rồi đấy. Chỉ còn đủ ba ngày nữa thôi. Mấy ngày nay ta bị chống cự mạnh mẽ, các kho thóc thuế không tịch thu được. Chú xem cách lo liệu gấp đi!

Nhật dẫn vào một người đàn ông nhỏ thó, ăn mặc rách rưới và ốm yếu. Ông ta run rẩy, sợ hãi như sắp phải bị xử chém, đôi mắt lơ lảo nhìn khắp mọi người trên chiếu hộp cầu khẩn van lơn.

Nhật vừa đẩy vai cho người tù binh tiến gần về phía ông cả, thì hắn đã sụp xuống lạy như tế sao, vừa lạy vừa rên rư rử kể lể những gì không ai nghe rõ. Nhạc quát:

- Quì yên đó.

Người tù binh vâng lời, không đủ sức quì thẳng lưng nên chống hai tay đang run xuống đất, mặt cúi gằm để tránh cái nhìn giận dữ của Nhạc. Nhạc lại ra lệnh:

- Ngừng đầu lên coi! Như cái máy, người tù binh vội ngừng mặt lên, cố giữ cho lưng thật thẳng, trấn áp run rẩy bằng cách vòng tay thật chặt trước ngực. Nhạc hỏi:

- Mày đã biết tội chưa?

Người tù binh rên rỉ đáp:

- Dạ con biết tội rồi. Trăm lạy các ngài ngàn lạy các ngài, tha chết cho con về nuôi vợ con...

Nhạc cắt lời:

- Thôi. Nói cho gọn và rõ: tội của mày là gì, khai đi.

- Dạ con lỡ lầm đem giấu sổ thuế, con đại dột xin các ngài...

Nhạc hỏi Nhật:

- Nó cung khai đúng không?

Nhật đáp:

- Dạ đúng. Chúng tôi bắt quả tang bắn đang đem tập sổ thuế giấu vào chái sau đình làng. Hắn không ngờ chúng tôi tấn công tập hậu. Lúc đầu hắn chối. Nhưng khi rách áo, thấy hắn còn giấu một cuốn vào thắt lưng.

Tên tù binh lại phục xuống lạy:

- Trăm lạy các ngài con lỡ đại, xin tha chết cho con về nuôi vợ nuôi con.

Nhật quát:

- Đừng xoen xoét cái mồm nữa. Ai sai mày đi giấu sổ thuế?

- Dạ không có ai sai con cả.

- Mày nói dối. Có phải bọn nhà giàu sai mày không? Hay là bọn hào mục? Ai sai, phải khai ra.

- Dạ, con không dám nói dối với các ngài. Quả thật không ai sai con cả. Con chột nghĩ đại, nên làm bậy.

Huệ xen vào hỏi:

- Anh nghĩ cái gì mà đem giấu sổ thuế?

Người tù binh vừa rên vừa trả lời:

- Con nghĩ đại đột là lỡ các ngài đốt sổ thuế đi, một mai quan phủ lại đến đòi, thì lấy giấy tờ đâu làm chứng là con đã nộp thuế rồi. Gia đình con đông miệng ăn, phải nhịn một bữa cơm mới đủ đóng thuế. Sổ thuế cháy rồi, lại đòi nữa thì con lấy gì để nộp.

Tất cả mọi người trên chiếu họp đều lặng người vì lời khai của người tù binh. Họ hoàn toàn tin ở lời khai. Có điều từ Nhạc cho đến ông giáo lấy làm lạ là tại sao một sự thực đơn giản như thế mà từ lâu, không ai nghĩ ra cả. Đốt sổ thuế là hợp lòng người, nhưng sau giây phút hào hứng, phải có những lo âu vu vơ nhưng có thật: kẻ đóng thuế xong lo mất hết chứng từ thanh toán sẽ có hại về sau nếu quân triều trở lại. Kẻ nợ thuế sợ sẽ phải trả một số nợ lớn hơn nợ ghi bằng giấy trắng mực đen, do lòng tham của kẻ thu thuế và sự hách dịch của bọn chức sắc.

Người tù binh điếng người khi thấy cả phòng im lặng. Đột nhiên, anh ta nức lên khóc. Nhạc ra lệnh:

- Được rồi. Dẫn hắn về trại giam.

Nhật dẫn người tù binh đi. Anh ta yên trí sắp đến chỗ xử chém, co rúm người lại, mếu máo không chịu bước tới. Nhạc phải nói thêm:

- Không sao đâu. Anh khai thành thật như vậy, khá lắm. Ta tha tội chết cho.

Chưa kịp biểu lộ sự mừng rỡ, người tù binh đã bị Nhật đẩy ra khỏi cửa. Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Họ chưa tin chúng ta bảo vệ được họ, lo cái ngày quân triều trở lại.

Lại có tiếng chân người đến gần chiếu họp. Nhật dẫn thêm một tù binh khác, dáng người cao lớn nhưng cách ăn mặc thì quá rách rưới. Thân thể khá đầy đà, mập mạp không phù hợp với cách ăn mặc chút nào, khiến mọi người nhận ra ngay điều gì giả tạo, man trá nơi người tù binh.

Nhật bắt anh quì, rồi nói với Nhạc:

- Tên này bị bắt quả tang đang giấu của cải. Quần áo này không phải của hắn. Bộ quần áo lành hắn cởi ra, đem giấu ra vườn rau với cái nồi đồng và cái cối trầu bằng thau.

Nhạc hỏi:

- Mà có mấy mẫu ruộng, mấy cặp trâu?

Người tù binh ít nói và có vẻ gan dạ đáp chậm:

- Dạ tôi không có đất, cũng không có trâu.

- Vậy có cái gì?

- Dạ chỉ có cái rửa với cái cuốc.

Nhạc cười gằn:

- Đến phút này mà còn bông đùa được, khá lắm!

Người tù binh nói:

- Tôi nói thật. Gia đình tôi nghèo, không có đất. Nhưng anh em tôi đều khỏe mạnh. Chúng tôi phá rừng làm rẫy, được gì thì hưởng trọn khỏi trả cho chủ đất nên không đến nỗi đói.

Nhật giận quá, nói:

- Mà gian dối. Nếu nghèo, mà sợ gì mà phải cố mặc áo rách, cố đem giấu quần áo, đồ đạc đi?

Người tù binh đáp:

- Tôi nghe các ông thường lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo. Tôi là dân nghèo, tôi vui mừng lắm. Nhưng làm sao phân biệt được giàu với nghèo? Ai sẽ bị tịch thu của cải, và ai sẽ được phân chia của cải? Nhờ mùa trước bắp và đậu rẫy tôi tốt, tôi mới may được cho anh em tôi mỗi người một bộ quần áo lành vải chàm. Tôi mua cho mẹ tôi cái nồi đồng, cái cối trầu và sắm vài

thứ khác. Thế là tôi có vẻ giàu rồi. Tôi sợ bị xem là nhà giàu. Cho nên thấy các ông đến, nhiều người vội vã giấu cửa cái, mặc quần áo rách vào, không phải để được chia của nhà giàu, mà để khỏi bị xem là giàu.

Chỉ mả mai:

- Mày lý sự khá lắm, không sợ chết hả!

Nhạc hậm hực:

- Tội tao còn bắt được nhiều đứa khác. Mày nói dối không êm đâu. Sẽ có nhiều người khai thực mày là ai, giàu hay nghèo.

Nhạc không muốn nghe chuyện đôi co, ra lệnh:

- Thôi đi được rồi. Dẫn hắn đi.

Nhật lại dẫn người tù binh ra cửa.

Nhạc nhìn quanh rồi hỏi:

- Ý các ông thế nào?

Đa số chưa hiểu ý Nhạc nên không biết trả lời ra sao, người này liếc người kia thăm giục nói trước. Huệ nói:

- Rõ ràng dân chúng chưa tin chúng ta. Không phải lỗi của họ. Ta đốt quách sổ thuế xí xóa nợ nần cho họ, họ không mừng. Chia của cải họ không dám nhận, hoặc nhận xong hôm sau lại đem trả cho nhà giàu. Vì sao vậy? Vì họ nghĩ ta không khác bao nhiêu với bọn cướp đêm lẫn bọn cướp ngày. Ta cũng dùng giáo mác cung tên lừa họ ra sân đình, ngọn đuốc hòm sẵn để châm vào nhà họ. Nhiều người xấu trong chúng ta cũng giở thói cướp bóc, sàm sỡ với phụ nữ y như bọn ôn dịch dưới phủ. Chắc hẳn dân chúng nghĩ thế này: "Tuồng gì! Cá mè một lứa mà thôi. Bọn cướp ngày trước kia uy thế vững bền mấy trăm năm, còn bọn cướp này sức được bao nả. Phải dè dặt thận trọng, không thì về sau lại khổ". Cho nên, khi nào chúng ta còn cư xử như những tên du thủ du thực, khi nào trong đội ngũ còn những tên cướp bóc, hiếp sát, lúc đó dân chúng còn thận trọng, xa lánh với ta. Họ chưa tin, vì quả thực chính chúng ta có gì cho họ tin. Chỉ liếc về phía ông giáo, cười mỉm, rồi nói:

- Có phải chú Tám (Huệ) muốn quăng hết gươm giáo, đem sách nho ra giảng cho chúng nó mở cổng làng ra không? Chú muốn lập những toán quân thuộc lâu Thi Thư, đội khăn sửa áo tề chỉnh trước khi ra trận phải không? Nói nhân nghĩa cho chúng nó qui thuận mình chứ gì? Sẵn có ông giáo ở đây, ta còn đợi gì nữa! Phải thế không thầy giáo?

Mọi người nhìn cả về phía ông giáo. Không thể tránh được, ông giáo nói:

- Bác dạy quá lời, bác Chỉ ạ! Tôi già yếu lắm lắm, không giúp gì cho đại cuộc đâu. Thi Thư Nhân Nghĩa có vẻ phù phiếm thật đấy, nhưng thiếu nó thì không biết bước vào đâu, vì nó là cái nền của mọi sự. Xưa nay ai phất cờ mà không vin vào điều nhân nghĩa. Chính bác cũng đã đề xướng lên "ý trời" kia mà! Ý trời là cái gì, nếu không phải là mong ước cho người người thương yêu nhau, vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, con cái có hiếu với cha mẹ, vợ chồng lấy nghĩa mà sống với nhau, trên thuận dưới hòa.

Nhạc thấy không khí căng thẳng, vội bảo:

- Bàn chuyện lâu dài thì không biết bao giờ mới hết. Hôm nay ta nên chú ý đến chuyện trước mắt. Tình hình như vậy, ta phải làm gì. Ông Năm Ngạn, ý ông thế nào?

Năm Ngạn nói:

- Ý tôi ấy à? Tính con người ta lạ lắm, không chịu nhẹ đâu. Đừng hòng dùng lời dịu ngọt mà nói lọt tai họ. Chỉ khi nào gươm kề cổ họ mới chịu khuất phục vâng lời. Coi chừng gươm của ta

chưa đủ bển đấy.

Tuyết vui mừng nói:

- Tôi cũng nghĩ thế. Dân họ còn do dự, vì ta còn nhẹ tay quá. Còn nếu chúng nó chống lại, thì không còn cách nào khác hơn. Chỉ còn cách này.

Tuyết đưa bàn tay lên, chém nghiêng vào khoảng không.

Nhạc cười lớn, bảo mọi người:

- Tuyết nói hợp ý tôi. Chỉ còn cách này thôi!

*

* *

Khi mọi người bắt đầu đứng dậy ra khỏi phòng họp, Nhạc giữ ông giáo lại. Ông cả thấy nét mặt ông giáo dầu dàu, muốn giải thích rõ hơn tình thế bắt buộc phải dùng các biện pháp mạnh. Ông giáo chỉ gạt gù cho qua chuyện mà không nói gì. Nét mặt ông cũng không thay đổi.

Thấy thế, ông cả bông đùa:

- Nghe nói thầy có chuyện vui, phải không?

Ông giáo ngạc nhiên hỏi lại:

- Chuyện vui gì thế?

Nhạc nhận ra bông đùa lúc này không đúng lúc, nên nói lảng đi:

- Ôi! Chúng nó buồn không biết làm gì, đặt ra đủ thứ chuyện để kháo với nhau. Thầy về nghỉ nhé. Chắc đi đường vất vả lắm!

Ông giáo nói:

- Vâng, khá vất vả. Tôi có đi xa mới biết sức đã yếu.

Trong lúc đó một đám trai tráng đang vây quanh Lợi ở trước lán. Ngạnh, người lâu nay vẫn phụ việc cho Lợi trách:

- Anh không xuống, báo hại tôi quỳnh không biết xoay sở ra sao. Nhưng nghe được chuyện anh, tôi hiểu. Ở trên đó như vậy là còn ít. Trường hợp tôi, tôi ở lại luôn. Trời gầm cũng không xuống đâu!

Một người khác nói:

- Ông đồ tinh mắt thật, kén rẽ như vậy mới là người sành đời.

Lợi giả vờ nổi giận:

- Ô hay! Tụi bây nói quàng xiên gì vậy! Đứa nào đặt điều? Nói ngay!

Cả bọn cười ồ. Một người nói:

- Trông anh Lợi hôm nay linh lợi hết sức!

Một người khác bảo:

- Khéo nói chưa! Không linh lợi mà được chọn! Chẳng lẽ thầy giáo chọn một đứa đàn độn đó dẫn như mày!

Lại cười đùa vang cả đêm đen. Lợi cải chính:

- Đừng nói bậy, thầy giáo nghe được, giận chết! Chưa có chuyện gì đâu. Chỉ là chuyện hão của mấy thằng mách lẻo thôi. Mà nếu có chuyện gì thì cũng còn lâu lắm.

Có người hỏi:

- Lâu đến đâu? Phải cho chúng tôi biết để chuẩn bị rượu chứ?

Lợi nói:

- Có gì đâu mà sắp sửa rượu chè!

- Lại chối! Chuyện rành rành ra đó.

- Cái gì mà rành rành?
- Chứ không phải anh mua sắm đủ thứ để xin gửi rể à? Nào vàng hương, nào kim châm, mộc nhĩ, nào kim chỉ... Toàn là hàng Tàu cả. Anh tưởng chúng tôi mù cả chắc!
- Chuyện! Giỗ mẹ người ta kia mà!
- Giỗ mẹ! Sao lại giỗ ngay tại nhà đàn ông?
- Nhà gái! Nhà gái nào?
- Thôi ông ơi! Nói quanh co mãi. Làm như ngu ngơ không biết gì ráo! Nhìn cái mặt hớn hở của ông, chúng tôi hiểu liền. Suyt, có anh Huệ tới kia kìa!
Huệ đi ngang đám trai tráng, nhìn thấy Lợi, hơi dừng dằng muốn hỏi điều gì, nhưng sau đó lại tiếp tục bước về phía dốc.

*
* *

Ông giáo băn khoăn không hiểu ông cả mời ông xuống đây để làm gì? Suốt một tuần lễ nay, Nhạc có vẻ bận bịu không có thì giờ nói chuyện với ông. Riêng ông giáo vì tự trọng, không bao giờ tìm cách gặp Nhạc. Trong thời gian ấy, ông cứ thắc mắc hoài về ý định của ông cả. Nhạc mời ông xuống đây làm gì?

Để làm trò cười cho bọn thầy cúng và bọn vô lại lao nhao thường xuyên bao quanh Nhạc, bọn xem ông như rác rến dấp dềnh của một thứ đạo đức khô cứng, lỗi thời đến đáng ghét? Để chứng minh cho ông giáo thấy sự lầm lẫn của ông, vì ông cứ nằng nặc đòi phải phò hoàng tôn Dương thì mới giữ được sự tiếp nối và chuyển tiếp cần thiết của lịch sử?

Hoặc để trên Tây Sơn thượng người ta có cơ hội tước hết quyền hành của ông, dồn trách nhiệm coi sóc Tây Sơn thượng cho một tay chân ngoan ngoãn? Dù nghĩ thế nào, ông giáo vẫn thấy vị đắng cay nơi đầu lưỡi. Ông lăm lăm trong gian nhà khách người ta dành cho ông, ơ hờ hưởng thụ những tiện nghi và ân cần. Chỉnh có đến thăm cha, nhưng vẻ rầu rĩ của ông giáo khiến Chỉnh e ngại, tưởng cha đã nghe hết những trò chơi mới mà Chỉnh bị lôi cuốn tham dự. Cho nên sau hai lần cha con nói chuyện với nhau một cách gượng gạo, rời rạc, ông giáo không thấy Chỉnh đến thăm đều mỗi tối như trước. Một lần vào đêm mưa giông, Huệ có đến thăm thầy. Nhạc lại gửi em đem biếu ông giáo một gói trà. Ông giáo vui mừng vì còn được người hiểu mình, sửa mình chuẩn bị cho một cuộc đối thoại thú vị. Nhưng đêm hôm ấy, Huệ có vẻ lơ đãng, như đang nghĩ một chuyện quan trọng lắm mà không tiện chia sẻ nỗi lo âu với thầy. Ông giáo hỏi Huệ:

- Anh bị bệnh à?

Huệ đáp:

- Thừa không.

- Tại sao anh mất cả thần sắc. Tình hình thế nào?

- Dạ, không được tốt. Hôm nay phải chôn những người bị chết dưới đồng. Không thể mang hết về tận trên này được!

- Thiệt hại nặng đến thế ư?

- Dạ.

- Vì sao vậy?

- Nhất định không phải vì mình còn nhẹ tay như "người ta" nói đêm ấy. Ông Tuyết chọn toàn dân bậm trợn được quen thân từ trước. Thế mà mãi đến gần tối mới vào được. Chỉ còn thì giờ châm lửa đốt hết rồi rút lui. Nhờ ánh lửa nhà cháy mới vùi được mấy cái xác gần mé rừng.

- Tất cả những trò bạo tàn đó đưa đến đâu? Để làm cái gì? Nếu cố tấn công vào chỉ để đốt sạch phá sạch, thì cần gì phải nhọc công thế! Chỉ việc bắn lửa vào là xong. Có ai đặt những câu hỏi ấy không?

Huệ buồn rầu đáp:

- Dạ không.- Anh có hỏi ông cả không?

- Dạ chưa.

- Tại sao vậy? Còn đội của anh thế nào?

- Không đến nỗi thế, nhưng không được như trước. Hiếu sát là một thứ ôn dịch, nó lan nhanh truyền nhanh đến nỗi không ai có thể được an toàn. Dù con cố giữ kỷ luật, vẫn có nhiều vụ phá phách giết chóc bừa bãi.

- Anh có tìm hiểu xem tại sao như vậy không?

- Các đội khác thì con không rõ. Riêng đội của con, phần lớn anh em đều trẻ cả. Những chuyện đáng tiếc đều do các mất mát đau xót ảnh hưởng. Khi một người bạn thân bị bên trong giết chết, thì người ta xem tất cả phía trước đều là kẻ thù. Máu đòi máu. Người ta say lên, không hiểu mình đang làm gì. Đó là chưa kể các oán thù có từ thời trước giữa làng xóm với nhau. Ai cũng thích về quê cũ để đòi các món nợ. Ngay chính con cũng vậy. Anh con cũng vậy. Con ước được trở về ngay Kiên Thành, đóng bản doanh trên nền nhà cháy và truy nã cho ra bọn đốt nhà trước kia.

- Chính vì vậy mà bên trong dân làng liều chết để chống cự. Cái vòng lẩn quẩn "giết - trả thù - giết" biết đến bao giờ mới hết. Cố phá rào để vào đốt sạch thì dân làng cũng cố giữ làng để bảo vệ nhà cửa, mạng sống. Ta liệu được bao nhiêu sức để chống cự với tất cả dân chúng hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên?

Huệ giữ im lặng một lúc lâu, rồi hỏi:

- Sao hôm trước thầy không nói gì cả?

Ông giáo giận dữ đáp:

- Tôi nói thì đã đến đâu! Các ông ấy tin ở cái này (ông giáo giơ bàn tay lên giả làm lưỡi gươm chém xuống) hơn tin nhân nghĩa. Có phải ông cả gọi tôi xuống để làm trò cười cho bọn vô lại không"? Tên thầy cúng còn bày ra những thứ phù phép gì nữa?

Thấy thầy giận, Huệ không nói gì thêm. Hai thầy trò lặng lẽ nhìn nhau, không khí trong phòng nặng nề. Huệ muốn nói một điều gì đó cho không khí bớt căng thẳng. Anh chợt nghĩ đến một điều, nhưng lòng hồi hộp không dám hỏi. Không hỏi lúc này thì đến bao giờ mới biết sự thật? Mà hỏi làm sao đây? Mình có quyền gì xen vào chuyện gia đình người khác? Huệ lại liếc nhìn thầy, thấy ông giáo thối mái chén trà đã nguội. Anh dè dặt nói:

- Con nghe người ta bảo...

Nhưng không thể thốt hết lời. Ông giáo hỏi:

- Anh nói gì?

Huệ ngập ngừng, hỏi:

- Trên nhà vẫn được bình yên, thừa thầy?

- Vẫn thường. Lãng nó không chịu xuống nữa. Đành vậy. Mỗi người mỗi tính.

- Con thấy như vậy cũng được. Không thì chỉ còn một mình Am ở nhà. Độ này chắc An vẫn như xưa.

- Nó đảm lăm. Một mình lo chuyện công lẫn chuyện bếp núc. Da đen đi, nhưng sức khỏe khá hơn trước.

- Vừa rồi, con...
- Anh định về trên ấy ít bữa à? Hay quá bận việc quân?
- Con không rồi. Vả lại bây giờ về ngại lắm!

Huệ tuyệt vọng vì sự nhút nhát của mình, xấu hổ đến đỏ mặt. Anh không thể biết rõ những điều muốn biết, lòng hoang mang, mặt bần thần. Anh chào ông giáo và trở lại chỗ đóng quân. Gió lạnh và sương phủ trắng xóa trên lối đi. Lần đầu tiên Huệ run trước cái giá rét của rừng và đêm mênh mông.

*

* *

Cuộc họp vẫn diễn ra ở lán chính của trạm như lần trước, nhưng hôm đó không có Chỉ và Tuyết. Chỉ cáo bệnh, còn Tuyết thì bị một mũi tên cắm vào bắp vế, vết thương sưng tấy lên không đi được. Có lẽ nhờ thế mà không khí chung trên chiếu họp bớt căng, mọi người đều dùng những lời lẽ đơn giản, chân tình để hòa nhã thảo luận với nhau. Hơn nữa đây không phải là lúc tranh luận để chọn một giữa hai con đường. Cuộc họp trước đưa đến quyết định tận dụng bạo lực đàn áp để vượt khó khăn, mở rộng tầm ảnh hưởng sâu xuống đồng bằng. Qua hai tuần lễ dài dằng dặc vì đầy tang tóc và thất bại, đã đến lúc thành khẩn xét lại các lầm lạc để tự cứu. Môi miếng hoa hòe với nhau làm gì trong hoàn cảnh đó! Vì vậy, ngay từ đầu Nhạc đã nêu gương tốt về sự thành thực. Nhạc nói:

- Tôi đã lầm khi nghĩ phải mạnh tay để thu phục lòng người. Chúng ta gặp thất bại còn nhiều hơn trước, dân chúng sợ ta mà không phục ta, lánh xa vì không tin lời ta nói. Những việc họ vui mừng như được khỏi nộp thuế, được chia của cải, được tận mắt chứng kiến bọn hào lý thất thế tiu nghỉu v.v... càng ngày càng bớt tác dụng đi. Ngược lại, họ giấu sổ thuế, chôn của cải, liêu chết bảo vệ làng còn mạnh mẽ hơn trước. Rõ ràng chúng ta, trước hết là tôi, đã lầm lẫn. Đã đến lúc phải nghĩ lại, tìm giải pháp đúng. Chúng ta phải làm gì đây?

Ông giáo xúc động vì sự thành thực hiếm có ấy, mạnh dạn nói ngay với Nhạc:

- Phải làm gì ư? Đừng biến dân chúng thành kẻ thù của ta. Như có một lần tôi hỏi anh Huệ: Sức ta bao nhiêu mà đòi chống với tất cả dân chúng hai phủ? Phải làm gì ư? Theo ý tôi, phải làm thế nào để giảm bớt đến mức tối thiểu số kẻ thù của ta. Có càng ít kẻ thù bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu! Như thế cũng có nghĩa là càng liên kết được nhiều bạn bè bao nhiêu, ta càng mạnh bấy nhiêu. Bạn bè ta nhiều, kẻ thù sẽ bị cô lập.

Nhạc vui vẻ nói:

- Thầy nghĩ rất đúng. Lực lượng ta còn nhỏ, phải liên lạc và cùng tấn công quân triều với các lực lượng khác. Họ không giống ta ở nhiều mặt. Bọn cướp biển Tập Đình, Lý Tài khác với ta quá nhiều, từ binh khí cho đến điều nhỏ nhặt như cách để tóc, cách mặc quần áo. Tuy vậy, chúng là bạn đường của ta. Nguyễn Thung và Huyền Khê chỉ là những thương gia, thổ hào, chỉ có chữ lợi thật to trước mắt. Nhưng không có họ ta còn gặp khó khăn lương thực nhiều hơn nữa. Châu Văn Tiếp ở Phú Yên muốn cạnh tranh nguồn hàng với ta. Giờ đây, hắn vẫn là bạn ta vì cũng không chịu cúi đầu qui phục bọn "ái nam ái nữ" ở tận Phú Xuân. Bạn bè của ta đông đúc, sức mạnh lớn. Tôi đã thấy điều đáng mừng ấy.

Ông giáo thấy Nhạc chưa nắm hết ý mình, giải thích thêm:

- Những người đó là kẻ khuấy rối chuyên nghiệp. Xã tắc có thể hơi lung lay vì chúng, nhưng an nguy là do số đông dân chúng hằng ngày cần cù làm ruộng làm nương, lúc biến cầm gươm giáo, gây gộc giữ nước giữ làng. Chính cái số đông đảo này là cái đích ta phải nhắm thu phục. Bạn bè

sống chết có nhau, phải tìm trong số đông đó, chứ không thể có bạn tốt trong đám vô lại chuyên nghiệp.

Nhật nhận thấy vắng Chỉ và tuyết, cái thế tranh luận của mình quá yếu. Do đó, ông chỉ dè dặt hỏi:

- Không dựa vào bọn có võ nghệ, tính khí ngang tàng, bạt mạng, dám xông pha vào nơi nguy hiểm, thì dựa vào đâu?

- Dĩ nhiên ta không xa lánh họ. Ta hợp tác với họ trong một số công việc, nhưng ta không đồng nhất với họ. Ta "hòa nhi bất đồng". Hễ họ còn là bạn thì ta quý họ. Tuy vậy tôi mạnh dạn nói với các ông là sự hợp tác kiểu đó không lâu bền đâu. Gặp nhau bằng điều lợi thì cũng thù ghét xa lánh nhau vì lợi. Thích chơi dao tất có ngày đứt tay. Vận động thu phục được lòng dân thì không còn gì khó khăn nữa.

Nhạc hỏi:

- Thu phục lòng dân? Bụng dạ họ nằm sâu bên trong, ta biết lòng họ ra sao mà thu phục? Còn nếu theo thói thường đem lúa ra chia cho dân nghèo đói, vải tiền kẽm khắp chợ, thì ta lấy đâu ra bấy nhiêu thứ để mua bụng dạ mấy vạn người?

- Bụng dạ người dân không khó xét lắm đâu. Họ ước muốn gì? Họ chỉ ước được no đủ, lành lặn lâu dài. Muốn như vậy, đời sống phải được ổn định và an toàn. Sách xưa nói hễ an cư thì lạc nghiệp. Mà muốn ở yên thì cái nền ta bước lên trên mà đi phải yên. Các ông hãy nghĩ mà xem. Dân họ khổ sở, đói rách. Thâm tâm họ cũng muốn đổi quách cái đời này đi, ra sao thì ra miễn không phải những điều đang xảy ra trước mắt. Nhưng khi các biến động lớn dồn dập đến, làm lung lay đảo lộn mọi thứ, thì chính những người bất hạnh nhất cũng đâm sợ. Mấy trăm năm họ thờ chúa Nguyễn. Họ chịu sưu cao thuế nặng do nhà chúa đặt ra, họ oán ghét tay chân đắc lực của chúa là quốc phó Trương Phúc Loan. Đôi lúc quá quẩn bách, phần chí, họ muốn trời sập đè chết tất cả cho khỏi lo toan trăm đường. Chúa cũng chết mà vua cũng xong. Nhưng khi mình giương ngọn cờ "Trời và Đức Thượng Sư" lên, dân chúng nhất định đã ngỡ ngàng. Thế này thì không cho là chuyện nhỏ nữa rồi. Đức Thượng Sư nào đây? Họ gì? Ở đâu? Ông ấy có mạnh bằng tất cả dòng họ tay chân chúa Nguyễn hay không? Lỡ tin theo ông ấy mà lực lượng ông ấy yếu quá về sau sẽ ăn nói làm sao với quan phủ quan huyện? Cho nên phải tìm cách tôn phù một người nào đó trong nhà chúa, dựa vào đấy mà hô hào diệt trừ tên loạn thần tham lam, phản phúc, quỷ quyệt, bủn xỉn...

Huệ không nhin được, vội hỏi:

- Có phải thầy muốn nói đến hoàng tôn Dương không?

Nhạc kinh ngạc:

- Hoàng tôn nào? Có phải cái thằng không...

Nhạc nhanh trí kịp dừng lại đúng lúc, liếc nhanh dò xem nét mặt ông giáo. Vẫn tươi cười như không có gì xúc phạm đến mình, ông giáo nói:

- Ông không phải dè dặt! Từ đầu ông đã muốn nói thẳng nói hết, thì ta cứ gọi hoàng tôn là "cái thằng không có cu" cũng được. Có cu hay không có cu ta chưa biết, nhưng hiện nay ta đang cần đến hoàng tôn. Trong thời gian quan quân ở kinh và các phủ, nhiều người khâm phục đức độ của hoàng tôn, họ còn đi xa hơn, dám nghĩ đúng ra ngôi vương phải thuộc về hoàng tôn. Tôn phù hoàng tôn, dân chúng sẽ bớt lo ngại, giới có học sẽ bớt lần khăn, lưng chừng, bọn quan lại thêm hoang mang, nghi hoặc, bọn quân lính phải chùng tay. Lúc đó, ta có thêm nhiều bạn, nhiều người trước kia là kẻ thù không đội trời chung, bây giờ hóa ra vô hại lưng chừng. Ta

thêm bạn bớt thù bằng lối đó, chứ không phải chỉ nhằm liên kết những kẻ quấy rối chuyên nghiệp.

Ông giáo dừng lại, chính ông ngạc nhiên chưa hiểu nhờ đâu ông có thể nói một mạch dễ dàng những điều phức tạp dễ gây hiểu lầm và tranh chấp như thế. Có lẽ nhờ cuộc họp thiếu mặt tên thầy cúng, ông giáo khỏi e ngại dấn sâu vào cuộc thị phi tầm thường. Nhạc suy nghĩ lung lắm, gương mặt trở nên khắc khổ hơn. Mọi người dồn mắt về phía Nhạc để chờ xem phản ứng của ông. Nhạc ngừng lên hỏi:

- Ý ông Nhật thế nào?

Nhật thành thực đáp:

- Tôi chưa kịp nghĩ đến.

Nhạc lại hỏi:

- Còn ý ông Năm?

Năm Ngạn hoang mang chưa biết Nhạc theo ý bên nào để vượt đuôi, nên bối rối đáp:

- Theo tôi thì đưa ai ra cũng được. Miễn thực sự vẫn do ở mình!

Nhạc hất đầu hỏi em:

- Còn chú Huệ, ý chú thế nào? Chắc thầy trò phải tương đắc rồi!

Huệ không trả lời anh, mà quay sang hỏi ông giáo:

- Thừa thầy, lâu nay con nghe thầy nhắc nhiều đến hoàng tôn. Trong những người ngồi đây, chưa ai được biết hoàng tôn là ai cả, chỉ nghe đồn hoàng tôn có đức độ. Thầy đã ở kinh, đã dự vào việc lớn. Xin thầy cho biết hoàng tôn có thực xứng đáng để chúng ta tôn thờ hay không. Ý thầy muốn tôn phù hoàng tôn thực, hay chỉ xem như chiếc bè để qua sông thôi?

Ông giáo giật mình, không ngờ Huệ thấy tận tâm can của ông. Chính ông cũng chưa trả lời được câu hỏi ấy, từ bao đêm tự làm khổ mình vì cái chữ trung muôn hình vạn trạng, lúc thì như sợi dây buộc khe khắt không chút thương xót, lúc thì phóng khoáng mênh mông như gió ở đồng nội, sóng trên bể khơi. Trả lời rõ phía nào cũng không đúng với lòng ông, mà không trả lời rõ thì không thể được.

May mắn cho ông giáo, là những phân vân phức tạp tế nhị đó quá tầm của nhiều người trên chiếu họp. Nhiều người, kể cả Nhạc, đều cho Huệ cố tỏ ra có "suy nghĩ" độc đáo để bày hàng với thầy. Nhạc gạt đi:

- Thôi đừng lý luận dông dài nữa. Ta cứ thử làm theo ý thầy giáo xem sao. Ngọn cò này không xong, ta lại giương cái khác. Khó quá gì! Quan hệ là ở chỗ ta thắng hay bại. Phải thế không anh em?

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 17

Vâng lệnh anh, Huệ về gấp Tây Sơn thượng để xem xét việc chuẩn bị vũ khí. Đợt tấn công mới qui mô lớn hơn trước nhiều, đòi hỏi vũ khí cải tiến thêm. Số lượng cũng phải tăng lên gấp bội. Giáo mác cung tên nghĩa quân đang dùng không đủ sức để chống lại quân triều nếu gặp địch trong các trận chiến tuyến dài và thời gian lâu. Nhạc dặn em:

- Chú phải bàn bạc kỹ với thằng Thận. Lò rèn trên đó nhỏ quá, thép lại thiếu. Chú hỏi thằng Thận thử trong vòng một tháng, có thể rèn đủ chừng ấy vũ khí không. Cần thêm bao nhiêu sắt thép, bao nhiêu thợ. Việc vận chuyển khó khăn, ta lại thiếu ngựa thồ. Tốt hơn hết, là dời ngay lò rèn xuống dưới này. Việc gấp lắm, anh mới sai chú đích thân lo liệu. Chừng nào chú lại xuống? Huệ lẩm nhẩm tính một lúc, đáp:

- Khoảng rằm em xuống.

Nhạc lắc đầu:

- Không được. Chú bỏ đội mà đi, anh phải lo thêm việc. Mồng mười được không?

- Em sợ gấp quá. Thôi, em xuống ngày 12.

- Cũng được. Bảy ngày đủ rồi. Trừ đi mấy ngày đường, chú còn bốn ngày lo hết mọi thứ, nhưng anh tin ở chú.

Vì thời gian quá eo hẹp, nên về đến Tây Sơn thượng lúc chạng vạng, chưa kịp cơm nước và nghỉ ngơi Huệ đã tìm gặp Thận.

Thợ rèn đã về hết, nhưng Thận vẫn còn ở tại lò. Thận vừa và cơm vừa hí hoáy vẽ lên đất một mẫu đao mới. Thấy Huệ đến, Thận vội vàng bỏ đĩa xuống cái mâm gỗ, định đứng dậy chào.

Huệ vội can:

- Anh cứ ăn tiếp đi. Còn nhiều cơm không, cho tôi ăn với. Đói quá, lên đến đây tìm lại anh ngay.

Thận vồn vã đáp:

- Còn nhiều lắm. Tôi nấu dư để sáng mai ăn luôn thể. Chỉ sợ... chỉ sợ anh nuốt không vô. Đồ ăn dở quá. Chỉ có mắm ruột nai thôi.

Huệ ngồi xuống trước mặt Thận, cười nói:

- Không sao. Có mắm nia là nhất rồi. Có cái chén nào không?

Thận lúng túng vì sự lơ đãng của mình, vội chạy đến chỗ cái ống bể lục tìm cái chén và đôi đĩa.

Anh bới cho Huệ một chén cơm đầy, đổ thêm một ít mắm ra đĩa. Bị bắt chột phải tiếp khách "có uy thế" trong chỗ đơn sơ và thân tình, dù lớn tuổi hơn Huệ, Thận cũng không tránh khỏi bối rối. Anh cảm động mời Huệ:

- Mời anh ăn cơm. Không sợ thiếu đâu.

Huệ tự nhiên cầm đĩa và chén. Thấy Thận không và cơm tiếp, quay mặt ra phía sau nhổ miếng cơm đang nhai xuống đất, Huệ hỏi:

- Bị sạn ạ?

Thận quay lại nói:

- Tôi lú lẫn quá đi mất. Và côm bằng đầu dũa dùng để vẽ mẫu dao.

Hai người cùng cười lớn. Không khí dè dặt khách sáo biến mất, hai người vừa ăn vừa quay đầu dũa vẽ xuống nền đất mềm cạnh cái mâm gỗ những mẫu vũ khí, tranh luận sôi nổi về các loại hại của từng thứ. Thận trở hình mẫu dao vẽ cạnh nôi côm giải thích với Huệ:

- Cái dao kiểu này khá nặng, phải cầm hai tay lấy hết đà mà chém thì mới ngọt. Như vậy có nhiều điều bất lợi: một là sức vóc người mình nhỏ, dùng hết sức chém nhát đầu thì còn công hiệu, nhưng đến các nhát sau thì hết chính xác. Đã thế đầu dao nặng nên đà chém tăng thêm, làm mất thế quân bình. Tôi đang nghĩ xem có cách nào chế biến lại, cho con dao vừa nhẹ vừa dễ đâm và chém. Mình ít sắt nên phải làm thế nào mỗi người chỉ cần một thứ vũ khí mà dùng được nhiều việc.

Huệ và một miếng côm, nhai vài lần, nuốt vội để nói:

- Phải đấy. Ta cần một thứ vũ khí đa dụng. Gần thì chém được, xa thì đâm được. Nếu cần cột lại làm thang để leo thành, hoặc làm cán để khiên lương thực, tải thương.

Thận e dè nói:

- Khó được như vậy lắm. Vì còn tùy thuộc vào cái cán. Để đâm gần phải dùng gươm. Đâm từ xa đã có giáo. Cán dài thì tất nhiên khó xoay trở lúc xấp sát địch.

Huệ nói:

- Theo kinh nghiệm mấy lần xấp trận, tôi thấy khó nhất là đánh từ xa. Đánh gần thì dao găm, dao quắm cán ngắn, lưỡi thật sắc nhọn cũng đủ. Lúc đó điều quan trọng là lòng can đảm, là ý chí quyết thắng. Còn đánh từ xa thì có nhiều điều phải tính toán hơn. Phải tìm đồ chắn tên, nhất là tên mang mồi lửa. Phải có cách vượt hào, leo thành. Vũ khí vì vậy cần phải dài. Tôi có ý này anh Thận nghĩ thử xem: ta thử tìm cách chế một loại vũ khí vừa đâm được, vừa móc địch mà kéo ngã được, vừa đốt cháy địch được, vừa làm thang leo thành được, cán nó dài như thế này, còn ở đầu kia... còn ở đầu kia...

Huệ trở đầu dũa vẽ xuống đất một thứ liềm rồi dăm dăm suy nghĩ, vì thấy phác đồ chưa đáp ứng được đòi hỏi, Thận cũng lặng lẽ theo dõi. Lâu lắm, trong lò rèn chỉ có tiếng cây đèn chai cháy nổ lép bép. Khói từ lò rèn tỏa nhẹ, mang theo mùi thơm nồng của một loại gỗ dại nào đó.

Thấy Huệ suy nghĩ lâu quá, Thận nhắc:

- Anh ăn côm đã.

Huệ vẫn không rời mắt khỏi phác đồ, đưa chén côm lên và một tiếng. Anh nhắm mắt, vội vã quay sang bên phải nhổ miếng côm trong miệng ra. Thận ngơ ngác nhưng hiểu ngay lý do, cười ha hả nói:

- Anh lại và côm bằng đầu dũa dơ chứ gì. Khỏi cười nhạo tôi nữa nhé!

Huệ cười nhỏ chữa thẹn, trở đầu dũa và thêm một miếng côm nữa, vừa nhai vừa hỏi Thận:

- Đòi cho được một thứ vũ khí mà làm được nhiều việc khó lắm nhỉ? Hay ta gom lại hai ba thứ vũ khí làm một, gắn lại với nhau thế nào cho thật gọn, thật chắc, khi cần tháo ra dễ dàng? Như ta chế một loại gồm cái giáo để đâm, cái liềm móc để kéo, và cái đuốc để đốt.

Thận cười, nhận xét:

- Anh tham lam quá. Tôi chịu thua rồi!

Huệ chế nhạo:

- Chịu thua sớm thế! Nghĩ chút nữa, phải tìm ra mà!

Thận muốn làm vừa lòng khách, đáp bừa:

- Vâng. Thế nào cũng nghĩ ra thôi. Nhưng anh ăn đi chứ!

Huệ lại tiếp tục ăn, không liếc nhìn cái phác đồ dưới nền đất nữa. Thận hỏi:

- Chuyến này anh lên đây được lâu không?

-Gấp lắm. Tôi bàn với anh một chuyện quan trọng ngay bây giờ đây. Anh làm ơn xới cho tôi chén nữa. Cơm cháy cũng được không sao. Chuyện như thế này. Anh biết đấy, hơn hai tháng nay ta tấn công nhiều nơi, kiểm soát được một dải dài dọc theo núi, vắt ngang qua hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên. Nhưng cái khó là dân chưa tin chúng ta, chỉ mới qui thuận cầm chừng. Họ còn sợ quân phủ trở lại. Cho nên tình thế cứ dùng dằng, nếu theo lối cũ mà nống lẩn như tằm ăn dâu thì không biết đến chừng nào mới đến sát được chân thành Qui Nhơn. Lương thực ta ít, quân số ít, thời gian càng kéo dài lòng quân càng sa sút. Ta phải đổi lối đánh thôi. Dồn hết sức lực, chuẩn bị đầy đủ lương thực và vũ khí, ta làm một mũi nhọn đánh thẳng xuống Kiên thành lập căn cứ tại đó, rồi theo đường sông ta tiến thẳng xuống phủ. Phủ Qui Nhơn mất, tất nhiên bọn hào lý các nơi sợ hãi bỏ trốn, ta khỏi mất công cử từng đội đến bao vây tấn công hết làng này đến làng khác như lâu nay. Việc của anh là vũ khí. Anh liệu xem, lò rèn này có đủ sức rèn đủ vũ khí trong vòng một tháng không?

Thận e dè đáp:

- Tôi sợ không đủ. Thợ ít quá. Còn chuyên chở sắt từ dưới đó lên đây nữa. hôm qua tôi chờ chuyển ngựa thồ...

Huệ cắt lời Thận:

- Tôi hiểu. Tôi hiểu. Hay là thế này. Ta dời trại rèn xuống dưới trạm, để tiện việc thêm thợ và sắt.

- Còn trại trên này thế nào?

- Tùy tình hình. Về được Kiên Thành, tất nhiên chúng ta phải về cả dưới xuôi, chỉ để một số nhỏ lại đóng giữ trại, phòng khi lại cần đến. Trước mắt, ta dời trại rèn xuống đó. Vâng, tôi biết anh đang lo cho gia đình. Bác Hai với chị Nhõ, hãy tạm ở trên này cho an toàn. Chỉ một mình anh xuống trước. Lúc nào ta lấy được An Thái anh hãy đem chị về luôn. Không lâu đâu! Anh cứ tin tôi đi.

*

* *

Cả buổi sáng, Huệ bận bịu nhiều việc ở lò rèn, việc nào cũng quan trọng và cấp thiết như nhau, tuy mới nhìn có vẻ như những chuyện lặt vặt. Cái tin lò rèn sẽ dời xuống dưới đèo, đối với toàn trại không có gì đáng chú ý, vô nghĩa như một chiếc lá rụng về cội mà thôi. Nhưng đối với thân nhân các thợ rèn tin đó đặt ra cho họ nhiều vấn đề.

Huệ phải tiếp một người đàn bà già yếu, tóc bạc rụng nhiều và lưng đã còng, bước đi yếu ớt phải vịn vai một đứa cháu gái khoảng 10 tuổi. Bà lão tự giới thiệu:

- Tôi là mẹ thằng Bảy Búa. Nghe nói các ông dẫn nó xuống đồng không cho ở đây nữa. Vợ nó chết lâu rồi. Hai bà cháu tôi đây thoi thóp cho đến ngày nay là nhờ nó. Bây giờ các ông dẫn nó đi, ai nuôi hai bà cháu tôi đây?

Sau đó đến lượt hai người vợ, và một ông cha. Rồi Hai Nhiều cũng đến than phiền số cuộc và rựa lò rèn cung cấp chưa đủ, việc vỡ hoang bị trễ nại sợ không kịp gieo lúa rẫy và tủa bắp. Huệ hứa hẹn với người này, trấn an người kia, giải thích thêm nhu cầu ưu tiên của việc quân. Không có người nào hoàn toàn thỏa mãn, nhưng nét mặt của họ bớt vẻ hốt hoảng lo lắng hơn lúc đến.

Đã thế, Thận lại không dồn hết tâm trí vào việc xếp dọn lò rèn. Vẽ mặt anh có vẻ lơ đãng, hình như mãi lo cho gia đình trước lúc chia xa. Huệ thông cảm tâm trạng của Thận, càng đáng giúp Thận một số việc. Cho đến giờ Ngọ, Huệ thấy Thận hấp tấp tìm anh, gương mặt rạng rỡ hẳn lên. Huệ nói đùa:

- Được chị Nhồi cho phép xuất hành rồi phải không?

Thận ngó người một lúc, sau khi hiểu ý Huệ, liền nói:

- Không phải đâu. Tôi có chuyện cần nói với anh. Lại đây, không, lại chỗ kia, chỗ gần gốc cây có mặt đất phẳng. Thế này nhé! Hôm qua anh nói cần một thứ khí giới làm được nhiều việc, có phải không? Cả đêm hồi hôm tôi không ngủ được. Đừng cười nhạo tôi, không phải chuyện ấy đâu. Tôi nói thật mà. Tôi cứ nghĩ mãi: làm sao chắp nhiều thứ khí giới vào làm một, chẳng hạn như anh gợi ý là gom cái giáo, cái liềm móc với cây đuốc vào nhau. Tôi thấy anh nói cũng có lý. Tại sao không chế biến được? Chỉ tại ta lười suy nghĩ mà thôi. Quá khuya, lũ nhỏ đi ngủ nhà hoàn toàn yên tĩnh, tôi ngồi một mình ráng tìm. Gần sáng vẫn chưa được gì. Sáng nay tôi lại nghĩ, chắp thế nào cũng không tiện. Lúc nãy vừa nghe anh nói chuyện với ông già tôi, tôi vừa nghĩ ngợi. Dần dần tôi thấy mẫu khí giới mới dùng được nhiều việc đó hiện ra rõ ràng hơn. Tôi vẽ cho anh xem nhé.

Huệ giục:

- Thì anh cứ vẽ đi. Chuyện đông dài quá rồi.

Thận vừa lấy một nhánh cây nhỏ vẽ lên đất vừa nói:

- Vũ khí này ta dùng để đánh kẻ địch từ xa, nên cần loại cán dài (1). Tôi nghĩ phải dài như cõ cái dao, hay một cái sào. Trên đầu sào có trét dày một thứ nhựa để bắt lửa, như là nhựa dầu chai chẳng hạn. Bên ngoài lớp nhựa có quấn một lớp lá. Như vậy là ta có một cây đuốc rồi nhé. Bây giờ ở đầu sào này ta buộc thêm một cái gậy ngắn. Buộc bằng gì ư? Bằng dây dừa chắc chắn, hoặc bằng xích sắt, miễn là phải quấn thế nào để khi ta vung mạnh một cái, khúc gậy ngắn có buộc nhiều lưỡi câu sẽ bắn ra xa hơn. Như vậy là ta thêm được một cái đoản côn và cái liềm móc đấy nhé! Khi ra trận, ta đốt nhựa cho cháy rồi lao sào ra phía trước, những giọt mưa vung bắn vào quần áo, thân thể kẻ địch. Chúng sẽ bị cháy, hoặc nhẹ hơn nữa cũng phải lúng túng nên bị bắt sống. Một bộ phận điều khiển ở cán sào có thể giúp ta khóa mở nút buộc cuộn dây cột cái côn ngắn vào đầu sào. Nhờ đó, khi cần đánh địch ở tầm xa hơn, ta múa sào, lao mạnh đầu gậy vào địch. Đầu gậy có nhiều móc câu nàu đủ sức đập chết kẻ địch, đánh gãy gươm giáo của chúng, hoặc móc đúng vào quần áo và kéo ngã chúng xuống. Tôi mới nghĩ đến đó chưa kịp nghĩ bộ phận điều khiển sẽ như thế nào.

Huệ chú ý theo dõi hình vẽ loại vũ khí mới do Thận sáng chế, càng nghe càng khâm phục tài chế tạo của người thợ rèn. Thận giải thích xong, ngừng lên dò xem phản ứng của Huệ. Huệ rạng rỡ nét mặt, nắm lấy hai cánh tay Thận giật giật, tỏ dấu vui mừng, nói với Thận:

- Anh nghĩ được một kiểu khí giới lạ lắm. Chưa biết khi đem ra dùng sẽ gặp các khó khăn nào, nhưng tôi tin là phải thành công. Xuống trạm đặt xong ống bễ, ta bắt tay làm thử cái mẫu khí giới này, cái... cái gì nào? Lao, côn, đuốc, câu đều không đúng cả. Anh tìm cho nó cái tên đi!

Thận đỏ mặt vì mừng rỡ và ngượng, lúng túng nói:

- Đặt tên ư? Tôi chịu! Đến tên đứa con trai đầu lòng tôi còn chưa biết đặt như thế nào, đến nay vẫn gọi là thằng Cu.

Huệ suy nghĩ một lúc, đề nghị với Thận:

- Nhất định dùng vũ khí này thì quân địch phải chết khiếp, sợ ta như sợ cọp. Không chết cháy

thì cũng vỡ đầu bươu trán vì đoản côn lao tới. À, tôi nghĩ ra rồi. Ta đặt nó là cọp lửa. Hoặc nói cho văn hoa thì là "hỏa hổ". Hỏa hổ, hay lắm. Hỏa hổ. Cọp lửa. Anh xem tên nào được hơn? Cứ thế, hai người bàn cãi liên miên về công dụng loại vũ khí mới, quá bữa cơm trưa lúc nào không biết. Đến xế chiều, các thợ rèn bu đến hỏi Thận đủ việc, Huệ mới có cơ hội ghé qua trại chính để gặp Lữ.

*

* *

Huệ ghé thăm nhà ông giáo vào sáng hôm sau, theo lời gửi gắm của thầy. Anh muốn đến sớm hơn, nhưng có một sức mạnh nào đó cứ làm vướng chân anh. Hai lần trên đường đến lò rèn đi qua nhà ông giáo, Huệ đều dừng dằng, lo âu vu vơ, khổ sở, xấu hổ vì cảm giác e ngại xao xuyến khác thường của mình. Cả hai lần ấy cửa nhà ông giáo đóng, nhờ thế Huệ yên tâm hơn, tự cho rằng mình đã cố làm đủ bốn phận.

Buổi sáng Huệ đến nhà thầy, anh cũng lo lắng, chần chừ, hồi hộp y như hai lần trước. Khác một điều là cửa nhà ông giáo mở. Anh không có cách tự dối mình nữa, phải bỏ đường lớn rẽ vào nhà thầy.

Anh vừa thất vọng vừa vui mừng khi chỉ gặp Lãng ở nhà. Lãng trách:

- Nghe anh lên từ hôm kia. Báo hại hai chị em cứ lóng ngóng chờ anh mãi!

Huệ cảm thấy nhịp chảy của máu nóng trong thân thể dồn dập rộn rã hẳn lên. Mí mắt anh giật. Hơi nóng râm ran ở đầu mũi. Lòng anh bồn chồn, như sắp ôm trọn được tất cả những gì đáng mơ ước nhất của một đời người trước đôi mắt ghen tị, thềm thường của thiên hạ. Lãng nói tiếp hai ba câu gì đó Huệ không nghe rõ, anh chỉ nghe tim mình đập quá mức thường. Đến lúc tai Huệ tỏ hơn, anh nghe Lãng nói:

-... Chị ấy cứ nhất quyết bảo tại em. Em cũng nhất quyết bảo không phải thế. Người khác có thể không hiểu em, cho em là đứa hèn. Chứ anh thì không. Em nói: để anh ấy đến đây em sẽ hỏi. Chị đừng đoán già đoán non nữa. Chị ấy nói hỏi làm gì, có hỏi người ta cũng không nở nói thật. Em tức quá, hai chị em cãi nhau cả buổi tối.

Huệ chỉ hiểu lơ mờ, nên hỏi Lãng:

- Nhưng hỏi cái gì? Hỏi ai?

Lãng ngó người, hỏi Huệ:

- Hỏi ai ư? Hỏi anh chứ còn ai nữa!

- Mà hỏi chuyện gì chứ?

- Em vừa nói đấy. Chị An cứ đổ thừa tại em hèn nhất bỏ trốn về đây mà anh giận, không thềm đến đây nữa. Có thực đúng như vậy không?

- Sao lại giận Lãng? Lãng về hay ở lại, có ảnh hưởng gì đến tôi đâu!

- Thế mới nói! Em bảo em ở đội của ông Tuyết, sau đó chuyển qua làm với anh Lợi...

Huệ vội hỏi:

- Rồi An bảo thế nào?

- Chị ấy nói em loanh quanh cái nhăng. Em bảo chỉ có chị là lằng nhằng. Không thế tại sao bỏ công nấu nướng giúp người ta, lại ngăn không cho em dẹp quách cái bàn thờ kia đi.

Huệ quay lại, thấy cái bàn thờ Lợi bày hôm giỗ mẹ vẫn còn đó. Trong lư hương, một nén nhang tàn đã lâu, cọng tàn màu trắng cong mình gục xuống mặt gạo vương vãi những đám tro khác.

Huệ cảm thấy đau nhói ở lồng ngực, lòng hân hoan tiêu tán hết. Sự thực chua chát đáng sợ đã xảy ra ở đây rồi. Điều ta lo âu, không thể tránh khỏi được. Những lời đồn đãi không phải hoàn

toàn vô căn cứ. Tại sao điều mọi người đều thấy, đều đoán trước mà ta không thấy? Cái gì che mắt ta? Cái gì lừa dối ta? Cái gì? Niềm hy vọng vu vơ lãng đãng, bám víu vào một ánh mắt, một câu nói, một cái cúi đầu thẹn thùng, một vẻ bối rối, một cách nói lúng lờ? Tất cả chỉ là những lằm lẩn hay giả trá, đáng thương hay đáng ghét vì dù ở trong trường hợp nào, Huệ vẫn tự thấy mình ngu ngơ quá chừng. Huệ liếc nhìn cái bàn thờ một lần nữa, trước khi quay hỏi Lãng:

- Sao không có nhang khói gì cả?

- Em thì không ưa ngay từ đầu. chị An nói tội nghiệp, bà cụ chết thảm, chỉ còn một mình anh Lợi lo nhang khói thôi nên xin phép cha em cho đặt bàn thờ. Chị ấy thấp được vài hôm, sau cũng quên luôn. Nhưng khi em định dọn bàn thờ đi, chị ấy không chịu.

Huệ cố giấu sự vui mừng, hỏi tiếp:

- Làm sao hai chị em biết tôi đã về?

-Mấy bác thợ rèn đi làm về kháo nhau, làm ồn cả xóm chỉ vì mấy bà vợ không muốn xa chồng. Với lại sáng hôm qua, tụi em có thấy anh đi lên trại. Em định gọi, nhưng chị An ngăn lại.

- Sao vậy?

- Chị ấy bảo người ta đã khinh không thèm đến, thì gọi làm gì.

Huệ cười, lòng hoàn toàn hớn hở. Lãng hỏi:

- Anh nói thật nhé. Anh có khinh em hèn nhát không?

- Sao lại hèn nhát?

- Ấy là người ta nói thế. Người ta xem em là đồ vô tích sự. Bảo em sợ chết nên trốn về đây. Em nghe chỉ cười, không thèm cãi chính. Em tin là anh hiểu em.

- Có lẽ tôi hiểu Lãng thuộc một cuộc đời khác, cảm nhận mọi sự ở đời theo một lối không giống nhiều người. Chẳng hạn tôi đoán xem có đúng không nhé, chẳng hạn Lãng cho tất cả những gì mọi người đang làm, nào rèn vũ khí, nào đánh giết nhau, nào thua nào thắng, tất cả những cái đó đều không có ý nghĩa, đều vô ích. Đều chỉ là trò lãng xảng, chẳng những không đi tới đâu, mà còn lằm lẩn nữa.

Lãng nghẹn lời, không nói được gì thêm, nhìn Huệ như nhìn một người thấu thị, một thầy phù thủy đọc được huyền vi của đời sống như đọc chữ trên trang sách mở.

Lãng nuốt nước bọt cố dần xúc động, hỏi Huệ:

- Nếu em nghĩ như vậy, thì đúng hay sai?

Huệ cười:

- Vừa đúng vừa sai. Nhưng chúng mình không nên tranh luận nhau làm gì. Chờ lúc khác vậy.

Bây giờ Lãng cho tôi biết vài điều để xuống dưới trạm, thầy có hỏi tôi còn biết cách đáp. Sao, lâu nay ở nhà có gì lạ không?

- Không có gì lạ. Vẫn thường.

- Lãng làm gì?

- Em vào đội làm rẫy. Buổi chiều em có giúp anh Lữ vài chuyện vặt, như xem lại sổ sách, viết bản kết toán. Chùng nào cha em về, anh?

- Chắc còn lâu đấy. Thầy bận túi bụi.

- Thế mà hôm đi cha em bảo chỉ khoảng vài ngày.

- Vài ngày sao được! Nhiều nghĩa quân, kể cả các đội trưởng, đến nay vẫn chưa biết hoàng tôn Dương là ai, tôn phù hoàng tôn Dương thì được lợi cái gì. Chính mình khởi xướng mà còn ú ớ thế thì làm sao nói cho dân chúng họ tin được. Cho nên thầy phải đi hết đội này đến đội nọ giải thích. Tức cười, có nhiều người hỏi những câu bất ngờ lắm.

Lăng tò mò hỏi:

- Bất ngờ thế nào anh?

- Họ nói hoàng tôn cũng là hạng con vua cháu chúa, lấy gì bảo đảm khi hoàng tôn lên ngôi, đời sống của họ sẽ khá hơn trước? Họ hỏi thế Đức Thầy Cả đi đâu rồi? Giữa Đức Thầy Cả và hoàng tôn, sau này ngôi thứ phân làm sao, ai cao ai thấp? Họ còn đùa nghịch bảo hoàng tôn được gọi là chị Dương. Thế sau này khi đã thành công, hoàng tôn có buộc mọi người đàn ông phải gọi nhau bằng mẹ, mẹ, chị, mẹ thằng cu hay không? Vất vả lắm! Công việc của thầy không dễ dàng đâu!

*

* *

An ở ngoài rầy về bắt gặp Huệ và Lăng đang cười đùa ồn ào về những câu pha trò của nghĩa quân. An về, cuộc nói chuyện khựng lại, mất hết tự nhiên. Huệ e ngại những câu nói tục giữa đàn ông con trai với nhau đã lọt vào tai An, còn Lăng đã bắt đầu nhận ra rằng Huệ đến đây không phải vì mình, và nếu biết điều, nên tìm một cơ nào đó để ra khỏi nhà. Nhưng Lăng vẫn còn thích nói chuyện với Huệ, nên cậu cứ lóng ngóng, nửa muốn đứng dậy, nửa muốn ngồi nán lại. An bảo em:

- Sao không rót nước mời khách. Thằng này chẳng được việc gì cả.

Huệ vội can:

- Thôi, khách khứa gì. Khỏi phải đi nấu nước, Lăng ạ. Nếu siêng, đi nấu cơm giúp cho chị thì hơn.

An hấp tấp nói:

- Nó nấu không được đâu. Không khê thì lại sống.

Lăng ngờ ngác chẳng hiểu chị muốn mình đi xuống bếp hay muốn mình ngồi lại tiếp chuyện. Kể cả Huệ cũng không hiểu. Không khí trong phòng đầy e dè, ngượng ngập, không ai biết hai người kia định làm cái gì, định nói chuyện nào. Cuối cùng, Lăng phải đứng dậy nói với chị:

- Để em ra phía sau nhà ôm củi vào.

An định ngăn em lại, nhưng nghĩ sao, lại để mặc cho Lăng bước ra khỏi phòng. Hai người im lặng nhìn nhau, chưa ai tìm ra được câu nào cho tự nhiên để xóa tan sự lúng túng. An che giấu bối rối bằng cách cầm cái bình trà rót nước đã nguội lạnh ra chén. Tay cô hơi run, nước trà theo chiếc vòi cong chảy leo xuống đáy bình, nhỏ cả ra khay. An đẩy chén nước về phía Huệ, lấy hơi để thêm bạo dạn, cố hỏi Huệ bằng giọng vui vẻ, tự nhiên nhất:

- Anh về lúc nào?

Huệ trả lời mà quên cả suy nghĩ:

- Tôi mới về!

An cười nhỏ, nhìn thẳng vào mắt Huệ trách:

- Em hỏi thế thôi, chứ đã biết anh về ba hôm nay rồi.

Huệ lúng túng biện hộ:

- Nhiều chuyện gấp quá, tôi không có thì giờ đến thăm cô với Lăng.

- Vâng, em biết lúc nào anh cũng có nhiều việc quan trọng phải làm. Thăm em với Lăng, thì lúc nào chả được.

- Không phải thế đâu.

Chờ một lúc chưa nghe An nói gì, Huệ tiếp:

- Trước khi đi, thầy căn dặn mãi là phải tạt qua đây xem nhà có bình thường không. Thầy dặn

nếu cái mái sau bị gió xốc lên, trời mưa dột thì khỏi cần phải thay tranh. Lãng nên tìm vài thanh nứa cột chặt lại là đủ. Thầy còn nhẩn An lục trong cái hộp giấy để ở trên đầu tủ, gần chỗ bó sách đó, An tìm cho thầy chai rượu ngâm mật gấu gửi người mang xuống. Những chi tiết vụn vặt của đời sống riêng tư trong gia đình có sức mạnh xua tan những e dè khách sáo giữa hai người, nhất là những lời dạn dò của ông giáo chuyển lại qua lời Huệ. An cảm động, nhìn Huệ thấy được hình ảnh một người anh ân cần lo lắng cho đời sống mình. Cô dịu dàng hỏi:

- Cha em có đau yếu gì không, anh?
- Thầy vẫn khỏe. Gần như thầy khỏe và trẻ hăn lên. Đi đứng nhanh nhẹn, nói cả ngày không biết mệt. Nhiều lúc thầy vừa giảng giải vừa pha trò, còn chen cả chuyện tiểu lâm nữa. Anh em thích lắm.

An ngạc nhiên hỏi:

- Cha em giảng giải cái gì? Giảng giải cho ai?

Huệ kể sơ lược công việc ông giáo như vừa kể cho Lãng. Dĩ nhiên Huệ không nhắc đến các chi tiết có thể làm đỏ mặt An. Nghe xong, An lo ngại nói:- Thế là lại bắt đầu vào trận mới!

Huệ hăng hái đáp:

- Vâng, chuyến này ta sẽ xuống sâu hơn... Ta nhất quyết phải về cho được quê nhà. An sửa soạn về An Thái đi!

An buồn rầu nói:

- An Thái đâu phải quê em.
- Không phải An Thái thì quê An ở đâu nữa!
- Em cũng chẳng biết.

Huệ an ủi:

- An đừng buồn. Người ta thường nói "về quê". Nhưng đâu mới là quê hương ta? Như gia đình tôi chẳng hạn. Nếu căn cứ vào nguồn gốc tổ tiên, thì quê hương chúng tôi ở tận Hưng Nguyên ngoài Nghệ. Gần hơn, nếu kể đến đời ông nội thì quê hương là đây, nơi ông tôi bị đày lên phá rừng lập nghiệp. Đến đời cha tôi, dời nhà xuống Kiên Thành thì quê hương là Kiên Thành. Cho nên quê hương là chỗ để về, nơi có một mái nhà, có những người thân yêu, có những kỷ niệm đẹp nhất của một đời. Nơi một hòn sỏi, một gốc cây cũng đủ khiến ta bồi hồi xúc động. Đó, tôi nghĩ quê hương phải như vậy. An xem thử mái nhà quay về hướng tây đó, chái nhà học, cái chợ gần bến sông, cây gạo "thơm tho" từng làm chúng ta nghi ngờ nhau, cái miếu giữa đồng trống, những mùa gặt, rồi nào chuyện vui buồn... tất cả những thứ đó ở An Thái có làm cho An bồi hồi hay không. Nếu có, thì An Thái nhất định là quê An rồi.

An cảm động quá, bao nhiêu kỷ niệm cũ dồn dập hiện về, cô rơm rớm nước mắt khi nhớ lại những vui buồn đã qua, muốn trả lời Huệ mà không nói được. Huệ bảo:

- An có nhớ cái thời đó không?

An đáp nhỏ, hơi nghẹn:

- Suốt đời không bao giờ em quên được!

Giọng Huệ mừng rỡ:

- Thế thì An Thái là quê hương của An đó!

An thì ào:

- Em mong thế!
- Sao lại mong.

- Em sợ lúc trở về, chỉ còn cảnh điêu tàn mà thôi!

- Điều đó không thể tránh khỏi. Rồi ta lại xây nhà mới. Không thể nào tìm lại mọi thứ y như lúc trước đâu. Chính chúng ta đây cũng đổi khác rồi. Chúng ta lớn khôn hơn, dày dặn hơn. Thời đó An chỉ mới là một cô bé. Bây giờ... Huệ nhìn đắm đắm vào mặt An, chỉ thấy một mái tóc lòa xòa, một cái trán da trắng, và một cái mũi thanh tú. Huệ không dám nói hết ý mình, sợ có điều gì quá lộ liễu, ba hoa, xúc phạm đến lòng tự ái và khiêm nhường của cô gái. An hơi ngừng mặt lên. Huệ thấy thêm một cặp mắt buồn, và đôi môi mím lại, như cố nén một tiếng khóc.

Bên ngoài, đột nhiên gió rừng thổi mạnh, chỗ mái nhà đột ông giáo căn dặn Lãng sửa, tranh bị xốc lên, những mụn tranh mục rơi lả tả xuống chỗ Huệ ngồi. Huệ ngồi im không dám đưa tay lên phủi bụi trên áo và mái tóc, sợ làm xao động sự suy nghĩ của An. An nói thật nhỏ:

- Lại sắp có bão rừng. Em sợ lắm! Chùng nào anh lại đi?

Huệ cảm thấy lòng chùng xuống, nói dối:

- Công việc ở đây còn nhiều. Chắc phải ba bốn hôm nữa!

(1) Theo Nguyễn Văn Huyền trích lại trên Văn Nghệ Nghĩa Bình số 11 xuân Kỷ Mùi 1979.

Về tình hình Nam Hà năm Quý Tỵ (1773), cuốn sử triều Nguyễn "Liệt truyện tiền biên" chép: "Năm Quý Tỵ mùa xuân, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc mở cờ làm loạn. Có tin ở biên thùy cấp báo. Nhưng vì bình yên đã lâu không phải đánh trận nào nên tướng sĩ ươn ể, kẻ kiếm có này người tìm có nọ để thoái thác. Loạn lại giở thói ăn hối lộ để chỉ định người khác ra trận thay" (quyển 6, 35b). Các sử quan triều Nguyễn về sau đã vo tròn lịch sử lại, làm hạt minh châu giả dính lên chiếc miệng giấy của bọn vua quan ươn hèn. Họ giải thích sự rệu rã bất lực của triều đình trước cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn bằng cách nêu ra hai lý do: một là vì hưởng thái bình đã lâu nên tướng sĩ đâm lười nhác, hai là do sự tham ô của Trương Phúc Loan. Lập luận hết sức mâu thuẫn, vì họ tránh né không dám nhìn thẳng vào sự thực lịch sử thời bấy giờ.

Thử hỏi thứ "bình yên" lâu dài của Nam Hà do sử quan nhà Nguyễn nhắc đến như thế nào? Thứ bình yên của một thiểu số con vua cháu chúa và bọn công thần nối nhau đòi đòi hưởng mọi tiện nghi xa hoa, mặc gấm đoạn, đồ dùng toàn mâm đồng, thau bạc, chén đĩa sứ Tàu, hay thứ "bình yên" của đám đông chịu đủ thứ sưu dịch thuế khóa? Sự tham tàn của tầng lớp thống trị đã lên đến cực độ, mà nơi dân chúng bị bóc lột nặng nề nhất là ở mấy phủ Quảng Nam, Quy Nhơn. So với đất cũ Thuận Hóa, dân các phủ phía nam đèo Hải Vân phải chịu thuế khóa nặng hơn. Lê Quý Đôn viết trong Phủ Biên Tạp Lục như sau: "Lệ phí thuế ở xứ Quảng Nam khác với xứ Thuận Hóa. Sự trưng thu so với Thuận Hóa hơi nặng, cho nên kho tàng thu vào rất nhiều, bổng lộc quan lại rất nhiều, mà dân địa phương ấy nổi loạn trước hơn ai cả cũng vì có ấy". Ông Quế Đường có thấy rõ vấn đề hơn bọn sử quan nhà Nguyễn sau này, khi cho rằng nguyên nhân cuộc nổi loạn là tình trạng bất công nặng nề lộ liễu ở các phủ thuộc xứ Quảng Nam.

Nhưng giả sử thời đại bình yên kéo dài của nhà Nguyễn được dựng trên cái nền công bằng hơn, trên có vua sáng, quan lại thanh liêm, chính sách thuế khóa hai bên đèo Hải Vân không có sự chênh lệch, vương phủ và các dinh trấn không sống xa hoa đến nỗi đặt đủ thứ mảnh khoe bóp hầu bóp họng dân nghèo, thì liệu có cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng hay không? Nếu Trương Phúc Loan không thích phơì vàng ở lầu Phấn Dương, nếu chúa Nguyễn chịu tha cho dân một vài món thuế vật như tiền tết, tiền cơm mới, hạ bớt thuế ruộng đất, chê các loại gấm đoạn và sơn hào hải vị đem từ bên Tàu sang, thì tình thế lúc bấy giờ sẽ thế nào? Nhưng chữ nếu làm rắc rối thêm chiều hướng lịch sử vốn đã phức tạp, nhưng chúng ta không thể nào hiểu được cơn bão đã làm lay động dữ dội xã hội Việt Nam thế kỷ thứ 18 nếu - lại chữ nếu - sợ hãi né tránh như các sử quan nhà Nguyễn, hoặc nếu tự dắt vào mê lộ của những hiện tượng bên ngoài.

Nguyên nhân sự rệu rã của guồng máy chính quyền Nam Hà thời bấy giờ phải có căn bản sâu xa hơn, thuộc vào một thứ qui luật khách quan chi phối tất cả mọi biến cố, mọi hiện tượng. Xứ

Thuận Hóa thời bấy giờ đã là một vùng đất nghèo, nguồn lợi kinh tế ít ỏi không đủ cho các chi phí lớn lao cho việc quốc phòng bên bờ nam sông Gianh. Các chúa Nguyễn có thể buộc bọn sử quan dưới tay ca tụng công khai phá bờ cõi của mình, dựa vào đó đòi hỏi được công nhận như một dòng họ thống trị chính thống, hợp ý trời và lòng người. Nhưng ai cũng biết công cuộc mở rộng bờ cõi về phương nam không phải chỉ khởi đầu từ Nguyễn Hoàng, mà bất cứ một dòng họ nào ở vào vị trí của họ Nguyễn Gia Miêu cũng đều phải nghĩ đến nam tiến. Những người tiên phong đi khai phá đất mới mở rộng bờ cõi phần lớn ra đi trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Họ là dân phiêu bạt bị cưỡng ép di cư. Là những tội đồ bị gửi đến chỗ thâm sơn cùng cốc, khí hậu độc địa để chịu khổ sai. Là những lính thú yếu thế vì nghèo khổ. Nói chung họ là thành phần bị bạc đãi của xã hội, bị ép buộc lìa bỏ quê hương để đến sống cam go cực khổ trên những vùng đất xa lạ, hoang dã, dân cư thưa thớt. Trên những địa bàn này, dân bản địa còn thưa thớt nên tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác nhiều như các vùng đất có nền văn minh lâu dài. Nhờ thế, những người tiên phong luôn luôn tìm được một vùng đất màu mỡ để sống còn. Từng đời, từng đời họ dần dà lấn sâu hơn về phía nam. Tương truyền núi Thạch Bi là dấu vết cuộc trường chinh của Lê Thánh Tôn, thì chắc chắn thời đó, vùng Quy Nhơn là vùng địa đầu của dân tộc Việt. Qua ba bốn đời, dân khai phá ở đó có đời sống kinh tế ổn định, tổ chức xã hội đã có nề nếp, việc khai phá tài nguyên làm giàu cho đất nước trở nên hữu hiệu. Về cuối thế kỷ 18, xứ Quảng Nam kéo dài từ ngọn Ngải Lĩnh đến đèo Cù Mông đã trở thành một vùng đất trù phú, bỏ xa về tiềm lực kinh tế và mật độ dân cư nếu so với vùng Thuận Hóa căn cứ và vùng đất từ Phú Yên đến Gia Định dân cư thưa thớt. Đám dân lao động của xứ Quảng Nam tự nhiên giữ địa vị nòng cốt về kinh tế cho cả Nam Hà, gánh chịu trách nhiệm chính về mọi mặt. Mồ hôi và nước mắt của họ đã đổ ra quá nhiều, nên có quyền đòi hỏi một cổ chức xã hội phù hợp với công lao và ước nguyện hạnh phúc của họ. Qua ba, bốn đời, cái dấu chân ô nhục bọn thống trị trở lên mặt tổ tiên họ không còn khiến cho họ nơm nớp sợ hãi nữa. Họ đã dám ngẩng lên, để mạnh dạn đòi hỏi quyền lợi chính đáng của mình, nếu cần đạp phăng những chướng ngại trên đường họ đi. Guồng máy công quyền với các luật lệ trói buộc gay gắt, tàn nhẫn đã không còn thích hợp với những người dám ngẩng mặt, quất mắt nhìn lên. Cho nên không có vùng đất nào thích hợp hơn xứ Quảng Nam, để những người lao động chân đất, hay nói như Nguyễn Huệ, để những "người dân núi" đứng lên đòi hỏi thiết lập một trật tự mới, không gì có thể ngăn cản được xu thế lịch sử khách quan này. Ở vào hoàn cảnh kinh tế và xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18, so với miền Thuận Hóa già cỗi và vùng Gia Định thưa thớt, rõ ràng trung tâm của lịch sử đã chuyển về xứ Quảng Nam, và quyền làm lịch sử đã thuộc về những người chân đất. Trương Phúc Loan, Duệ Tôn, bọn tham quan ô lại đông như ruồi nhặng thời bấy giờ ở Đàng Trong chỉ là các hiện tượng tất nhiên của một thể lực chính trị đang xuống dốc, và Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là những cá nhân ở đúng vào vị trí vươn lên của một thể lực mới. Dĩ nhiên anh em Nhạc, Huệ và những người thân cận thuở dấy nghiệp có tài trí đủ để lãnh nhận vai trò lịch sử, nhưng họ không hoàn toàn chủ động. Tình thế đẩy họ tiến lên, đám đông thúc họ đứng dậy. Và khi họ đã đứng lên, tiến tới thì hào quang trí tuệ và tài thao lược của họ đã lôi cuốn đám đông, góp gió thành bão để quật ngã tất cả mọi trở lực. Bước đầu họ có lúng túng với vai trò mới, họ cảm thấy bị đưa đẩy nên phải quyết định vội, nhưng dần dần quen với vai trò lịch sử, họ tự tin hơn, chính lúc đó khả năng trí tuệ của họ mới biểu lộ toàn diện để đối phó với các biến cố dồn dập, các thử thách lớn lao mà từ trước đến nay họ chưa từng gặp phải. Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ trở thành nhân vật vĩ đại của lịch sử trong biến chuyển khách quan của xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18

theo từng bước một, từng bước một, với sự quả cảm, trầm tĩnh và thông minh thiên phú. Bước đầu tiên của họ vào vùng hào quang, là bước tiến xuống Kiên Thành mùa thu năm Quý Ty (1773).

*

* *

Về sau ôn lại đời mình, ông giáo nhận thấy chưa có thời kỳ nào có nhiều hứng khởi cho bằng mùa thu năm Ty. Có thể nói chỉ trong một tháng ngắn ngủi, những ước vọng thầm kín của ông đều được thực hiện, những khắc khoải được giải tỏa, những mâu thuẫn từng khiến ông thao thức trăn trở được hóa giải, những câu hỏi hoang mang tìm ra câu trả lời thích đáng. Những nguyên tắc của đức lý thỏa hiệp với thực tại uyển chuyển. Điều quan trọng nhất là ông vừa tìm được chỗ đứng của nhà nho, vừa thực hiện được những ý niệm về công bằng, nhân đạo (mà trong các thời kỳ nho giáo thoái hóa như thời ông sống, không dễ gì chấp nhận bên này mà không phải nghi ngờ hoặc phủ nhận bên kia).

Giải pháp tôn phù hoàng tôn Dương đã được Nhạc và những người chống đối ông giáo lâu nay chấp thuận. Như vậy là ông đã tìm ra một lẽ sống: diệt trừ bọn Trương Phúc Loan. Ông đứng về phía những người bị áp bức khốn khổ đói rách vì sưu cao thuế nặng, nhưng ông không làm loạn. Chữ trung trên trái tim ông không mấy may nghiêng lệch, vì những người cùng khổ quanh ông diệt loạn thần để tôn một ông hoàng dòng chính lên ngôi. Trương Văn Hạnh bạn ông ở dưới tuổi vàng cũng không mơ ước gì hơn là được sống để làm những việc ông đang làm. Một dạ trung trinh với vua, đáp được nghĩa cả với bạn, trả được ân sâu báo bực của những người đi chân đất từng cuu mang ông bao năm trong thời lánh nạn, thực hiện được hoài bão ôm ấp từ lúc hiểu được nghĩa sách. Không phải dễ dàng gặp được cơ hội để cùng một lúc làm được bấy nhiêu điều.

Cho nên thời đó nhiều người ở trạm đèo An Khê kinh ngạc thấy ông giáo trẻ hản ra. Ông tươi cười, hoạt bát, làm việc ngày đêm không mệt mỏi. Ông leo núi, băng rừng mà không cầm gậy. Da hồng hào. Đôi mắt rạng rỡ. Nhất là cách ông nói. Ông nói say sưa, nói liên miên. Nhạc yêu cầu ông gặp các nghĩa quân để giải thích cho họ hiểu, vì sao phải tôn phù hoàng tôn, ông giáo vui vẻ chấp thuận, gần như biết ơn. Nhạc không yêu cầu ông cũng tự đi tìm người để nói chuyện. Năm ba người đang bu quanh bếp lửa chờ khoai chín, ông sà đến bắt chuyện. Gặp một thanh niên đang mài giáo ven suối, ông cũng tìm có thăm hỏi rồi giảng giải, khuyến khích, khuyên răn cho một thôi một hồi, đến nỗi người lính trẻ mồm mệng há hốc lắng nghe những lời lạ tai và lời cuốn, quên cả phận sự.

Hai nơi ông giáo thích đến nhất là sân tập võ và trại rèn. Đó là những nơi tụ tập đông đảo, và không khí chuẩn bị chiến đấu hào hứng sôi động nhất trạm. Tiếng hò hét xông trận, tiếng vỗ tay tán thưởng các chiến sĩ xuất sắc, tiếng lửa reo ở lò rèn, tiếng búa đập vào thanh thép đỏ khích động ông dữ dội. Hễ tìm được lúc thuận tiện, là ông chen vào để nói. Mà đối với ông, lúc nào cũng thuận tiện cả. Cho nên, nhiều hôm ông gân cổ gào thi với tiếng búa, tiếng la hét, đến nỗi tối về, cổ họng ông rát, giọng nói khao khao. Ông mệt thiếp đi, quên cả cơm nước. Rồi sáng hôm sau, ông lại tìm đủ sinh lực và hứng khởi để bắt đầu lại, y như hôm trước. Ông quên cả thói quen nghề nghiệp là vừa giảng giải vừa thăm dò phản ứng của người nghe để đo lường hiệu quả, chấn chỉnh cách nói cho phù hợp với đối tượng. Gần như ông nói cho ông hơn là cho kẻ khác, nên đúng như Huệ kể với Lãng, ông giáo không nghe những lời giễu cợt - đôi lúc hỗn xược - của nhiều nghĩa quân. Họ thắc mắc về những điều ông giáo vững tin là chân lý, hoặc

bông đùa đối với những gì ông cho là thiêng liêng, thế nhưng ông giáo không nhận ra. Ông nói, nói, nói. Cuối cùng sự hăng say của ông lôi cuốn được nhiều người, và tuy chưa biết hoàng tôn là cái thứ gì, họ cũng chấp nhận dễ dãi là nên tôn phù hoàng tôn. Một ông đồ hay chữ, khả kính, tuổi tác cao, lại đã từng ở kinh đô lâu năm hiểu hết mọi sự, hăng hái đề cao một người, thì người đó tất nhiên có gì xứng đáng. Nhờ thế ông giáo đã thành công! Không đợi Nhạc yêu cầu, ông còn soạn sẵn một bài hịch. Lúc đầu ông định dùng lại bài hịch cũ soạn ở Tây Sơn thượng trước khi Nhạc đưa quân xuống núi. Nhưng đọc lại, ông thấy bài ấy còn nhiều khuyết điểm. Điển cố nặng nề, khó hiểu quá. Điều này chính Huệ thuật lại với ông. Ý nghĩa dùng dằng. Lời kêu mà rỗng. Lại thêm cái tật dài dòng. Nhất là toàn bài không có một chút lửa mê. Đó là ánh đóm leo lét trên bàn đọc của một nhà nho lỡ thời. Ông viết xong bài hịch trong một đêm, không xóa một chữ. Viết đến chữ cuối thì chim rừng bắt đầu xôn xao thức dậy. Ông đọc lại, và lòng cũng xôn xao theo với chim chóc, cây cỏ. Đầu óc ông ngây ngất, đạt được một cảm giác mê mê khoái lạc y như sự mê mê của tình dục thời trai trẻ.

*

* *

Nhạc đưa Thận ra cửa với nét mặt dầu dàu. Trại rèn đã quá cố sức mình nhưng số giáo mác cần thiết vẫn chưa đủ. Nhạc giữ Thận lại trước hiên lợp lá, căn dặn:

- Tôi cho chú được toàn quyền. Muốn gì cũng được, miễn là rèn gấp cho đủ vũ khí. Thiếu ngựa chở thép ư? Nếu cần chú lấy cả con ngựa cưỡi của tôi đi chở hàng về. Thiếu bao nhiêu người thợ bẽ tôi đưa thêm, ngay sáng nay. Còn cái thứ vũ khí gì mới... cái gì? hỏa hổ, à phải rồi, hỏa hổ, cái thứ đó chú tạm thời gác lại. Sau này xuống đồng bằng nhiều phương tiện và thì giờ hơn, ta sẽ bàn lại. Bây giờ chú rán rèn đủ số giáo mác cho tôi đã. Tình thế gấp rút lắm rồi. Chậm một ngày là hại một ngày. Chú nhớ chưa?

Nếu không có Bùi Văn Nhật đến thì chắc Nhạc còn giữ Thận lại căn dặn lâu hơn nữa. Nhật mang thêm cho ông cả một cái tin không vui. Nhạc nửa tin nửa nghi, hỏi lại:

- Ông có tin chắc chắn không?

Nhật đáp:

- Không thể làm được. Chính bọn chèo ghe muối nói cho tôi nghe.

- Nhưng lâu nay hấn cộng tác chặt chẽ với mình, hai bên đi lại cùng nhau, có lợi cùng chia, hại cùng chịu, lẽ nào, hấn làm mà không lên bàn trước với tôi?

- Tôi nghĩ chính vì không muốn chia lợi ra làm hai phần nữa, mà hấn định ra tay trước.

Nhạc bần khoản nghĩ ngợi một lát, rồi bảo Nhật:

- Ông cho gọi anh em lên đây. Mời luôn cả thầy giáo nữa. Việc này không thể chậm trễ được!

Nhật mang tin Nguyễn Thung đã cho tay chân quen đường buôn bán lâu nay rảo khắp các chợ vùng Tuy Viễn hô hào khởi loạn. Thanh thế của Thung ở các làng ven biển và hai bên hạ lưu sông Côn tăng lên nhanh chóng. Nhiều toán cướp như toán của Nhưng Huy, Tứ Linh, cùng đám giặc biển Tập Đình, Lý Tài bằng lòng theo về với Thung. Trong lúc đó, sự tiếp tế hàng hóa lương thực cần thiết cho nghĩa quân Tây Sơn thượng suy giảm đột ngột, kho muối vơi nhanh chóng một cách đáng sợ. Nguyễn Thung toan tính gì đây? Phải làm gì đây? Nhạc họp ban tham mưu ngay buổi sáng, và nhờ sự quyết đoán nhạy bén, ngay buổi trưa, ông đã tìm được biện pháp thích ứng. Ông quyết định tiến quân chiếm Kiên Thành ngay hôm sau để làm căn cứ ở vùng xuôi. Đồng thời để bao vây, cô lập lực lượng của Thung, Nhạc cho người theo đường rừng đến liên lạc với nữ chúa Thị Hỏa và Châu Văn Tiếp ở Phú Yên. Ở mạn bắc, ông tiên liệu nếu về

được Kiên Thành, qua ngã Thuận Truyền ông có thể khống chế cả hai phủ Phù Ly và Bổng Sơn. Ông không thể chậm chân hơn Nguyễn Thung người bạn buôn đáng sợ của ông, người đã từng dòm ngó nguồn lợi rừng, cạnh tranh ráo riết với Nhạc từ lúc anh em chưa phải trốn lên Tây Sơn thượng. Vậy là một lần nữa, Nhạc bị đưa đẩy đến chỗ phải quyết định mạnh bạo, và một lần nữa, ông đã nhanh chóng lựa chọn một giải pháp đúng.

*

* *

Từ trạm dưới chân đèo An Khê, nghĩa quân ủa xuống đồng bằng theo hai cánh. Một cánh do Nhạc đích thân chỉ huy theo hữu ngạn sông Côn, chia với cánh kia ở núi Một, tiến qua Kiên thành, rồi thọc sâu chếch ra phía bắc đến Thuận Truyền chuẩn bị kiểm soát mạn bắc nếu cần. Một cánh theo tả ngạn xuống thẳng Xuân Huê để kiểm soát đường rừng vào Phú Yên qua Đồng Sim. Toán phía bắc đóng ở Gò Quánh do Tuyết chỉ huy. Toán xuống Xuân Huê do Huệ chỉ huy. Nhạc và ban tham mưu dừng lại ở Kiên thành.

Họ tiến nhanh quá, đến nỗi bọn hào lý vừa choàng thức dậy đã thấy nghĩa quân kéo đến đông chật cả sân trước. Những kẻ yếu bóng vía không kịp sợ hãi. Bọn cơ hội không có thì giờ để điều chỉnh thái độ và toan tính trục lợi. Gần như ở các làng nghĩa quân kéo qua, mọi sự giữ y nguyên trạng, trừ số phận bọn chức sắc.

Riêng ngôi nhà tổ phụ của anh em Tây Sơn tại Kiên thành không còn như trước. Bọn lính phủ đã phóng hỏa đốt rụi ngôi nhà khá khang trang đó. Lúc Nhạc trở về, ông chỉ thấy mấy cây cột cháy chổng chơ trên một cái nền vương vãi nào tro, than, rui mè cháy dở, cỏ dại và cứt.

Tên thầy cúng khuyên Nhạc nên đặt bản doanh tại Kiên thành cho tiện lợi và uy nghiêm, nhưng Nhạc nhất định không chịu. Vườn nhà ông cả hẹp, cây cối phần chết cháy, phần bị hàng xóm phá phách trông thật xơ xác, tiêu điều. Địa thế cũng không được tiện lợi, xa bờ sông quá.

Đường cái nhỏ và lầy lội. Tuy vậy, không ai có thể lay chuyển được ý định của Nhạc. Trong vòng hai ngày, ông cho người dọn dẹp hết các tàn tích đổ nát, rồi dựng ngay trên nền đất tổ một nhà trại lớn ba gian hai chái, mái lợp tranh vách đất. Đặc biệt mái trại cao và dốc đứng như mái nhà làng trên các buôn Thượng. Tòa trại dựng xong, ông đứng lặng hồi lâu ngắm nghía, tận hưởng sự thành công uy nghi ban đầu của mình trên chính mảnh đất quê hương. Sau đó, Nhạc mới chịu nghe theo các lời cố vấn của Chỉ.

Ban đầu, Nhạc nghe lời bàn của Chỉ như nghe một mẩu chuyện vui của trẻ con. Cái trò thao diễn nghi lễ tiến lên mấy bước lùi lại mấy bước, chấp xá thế nào, thân nghiêng về phía trước thế nào, quần áo mũ mào, gươm giáo cờ phướng, ôi thôi bao nhiêu điều phiền phức vô bổ đó để làm cái gì chứ? Thật tội nghiệp cho những nông dân đứng tuổi, chân tay vụng về bị buộc phải làm trò múa rối trước những đôi mắt giễu cợt của bọn trẻ con. Chính Nhạc cũng không muốn nhìn cái cảnh tập dợt chướng mắt đó. Nhưng Chỉ đã tỏ ra kiên nhẫn vô cùng, chịu khó chờ cơ hội để chứng minh cái đúng của mình. Cơ hội ấy đến liền: Vừa về Kiên thành, Nhạc đã cho người đến liên lạc với Nguyễn Thung và Huyền Khê để đề nghị hợp tác. Họ hẹn nhau sẽ gặp tại Kiên thành vào rằm tháng 8. Bấm đốt ngón tay, chỉ còn không đầy mười ngày để chuẩn bị cho cuộc hội ngộ quan trọng. Nhạc không muốn Thung và Huyền Khê đến đây mà chỉ thấy một toán quân ô hợp, hàng ngũ lộn xộn, kỷ luật lỏng lẻo, thấy một bản doanh nghèo nàn, tồi tàn và sơ sài. Đến lúc đó, Nhạc mới công nhận cái trò nghi lễ nhiều khê của Chỉ cũng có công dụng riêng của nó, đôi lúc còn cần thiết hơn cả những phát súng, những đường quyền. Vì thế, Nhạc bằng lòng để mặc cho Chỉ lựa chọn xếp đặt lại đám người hầu cận của Nhạc. Những người đã

tùng theo Nhạc từ thời buôn nguồn, một hạt muối cắn làm hai, gian khổ vinh nhục có nhau, nhưng nếu thân thể ốm yếu, mặt mũi khắc khổ đen điu quá, thì khó thích hợp với vai trò mới. Chỉ bàn với Nhạc nên đổi hầu hết số người hầu cận cũ, một là vì họ không được vạm vỡ, đẹp đẽ, hai là vì thái độ thân mật buồngတွင်း đối với Nhạc. Số hầu cận mới nên tuyển chọn trong đám thanh niên, càng xa lạ với gia đình Nhạc càng tốt, vì họ nem nếp thủ lễ với chủ tướng, không bao giờ dám cư xử suồng sã. Nhạc ngồi nghe Chỉ nói, tuy ngầm công nhận Chỉ nói đúng nhưng chưa dám chấp thuận đề nghị của ông thầy cúng. Phải qua một vài lần, những người thân cận vỗ vai, vỗ lưng Nhạc trước đám đông, hoặc bông đùa quá đáng làm mất cả uy nghi, Nhạc mới hoàn toàn chấp thuận ý kiến của Chỉ. Ông thầy cúng chỉ chờ có thế: trong vòng một ngày, Chỉ thay luôn toán lính hầu ở bản doanh và đội gác cửa. Gươm giáo bọn này dùng phải một kiểu, cùng một kích thước. Hiệu lệnh nghiêm minh, một tiếng hô hàng chục tiếng ứng rập ràng oai hùng. Nhạc đến có người báo, Nhạc đi có người hầu, chỉ cần đưa mắt một cái là lệnh được truyền đi đồng loạt. Khoái cảm mới mẻ này khiến Nhạc càng thấy sự quan trọng của hình thức, và tất nhiên sự quan trọng của chính mình. Những cải cách ấy tạo nhiều phản ứng sừng sờ trong các người thân. Một hôm Năm Ngạn tức tối gặt phẳng hai cây giáo cán gỗ thai bài của bọn gác cổng, hùng hổ vào tòa trại chính tìm gặp cho được Nhạc mà hỏi:

- Nay ông cả, tôi xuống An Vinh bấy lâu, nay về đây thấy có nhiều cái lạ quá. Ai bày ra cái trò thẻ bài vậy? Đến cả tôi mà bọn gác còn hậm hộc hỏi thẻ bài mới cho vào. Thẻ bài là cái gì? Nhạc gỡ tay Năm Ngạn, không cho nắm ống tay áo của mình, sửa lại xuống áo cho ngay ngắn, rồi mới hỏi:

- Ông mới về à? Công việc thế nào?

Năm Ngạn vẫn còn giận dữ:

- Phải, tôi mới về. Và vì mới về cho nên không kịp làm thẻ bài để trình cho hai cậu gác cổng. Nhạc nghiêm mặt lại, giọng chậm rãi nhưng cương quyết:

- Chính tôi ra lệnh đấy. Ông chưa làm thì nên làm ngay đi, cho việc ra vào khỏi trở ngại.

Phạm Ngạn trố mắt nhìn Nhạc, không tin những điều vừa nghe là có thực, Ngạn lắp bắp hỏi:

- Thế.. thế chuyện thẻ bài là do ông, chứ không phải như người ta đồn, do lão thầy cúng bày vẽ ra. Mà thôi, thế cũng phải. Để ra vào tự do, làm sao phân biệt được ai bạn ai thù. Nhưng... nhưng bọn gác cũ đâu cả rồi? Có chúng nó nhận diện được ai lạ ai quen, tiện biết mấy!

Nhạc không trả lời Năm Ngạn, nét mặt dầu dàu. Năm Ngạn lúng túng chưa biết phải làm gì, nên xin ra hay tiếp tục ở lại trình bày kết quả công việc được giao. Nhạc cũng hơi hổ thẹn vì sự thay đổi, tìm cách hỏi qua chuyện khác:

- Ông có gặp được họ không?

- Có. Họ đến đúng hẹn. Tôi giả làm khách buôn trầu như trước, họ thì lên theo một ghe mằm. Trong hai người, Lý Tài có vẻ lạnh lẽo giảo quyết hơn. Tên kia ăn nói thô lỗ, chỉ ngồi uống rượu nghe chuyện. Lâu lâu nói một câu chẳng ăn nhập vào đâu cả!

Nhưng sự thực họ có quyết tâm theo lão Thung không? Lực lượng họ thế nào?

Năm Ngạn tươi cười nói:

- Về chuyện này thì ông yên lòng. Tôi chỉ nói khích vài câu, cái tên cục súc say rượu đó đã phun ra hết, bạn hấn ngăn không kịp nữa. Hấn nói cái thân danh hấn thế này (Ngạn vỗ vào ngực mình) mà chịu nép mình làm đầy tớ cho Thung hay sao! Chẳng qua vì nể tình qua lại buôn bán với nhau mà đứng chung với nhau thôi. Còn lực lượng của họ? Họ được bao nhiêu người?

- Về chuyện này thì họ giấu. Tên lém chỉ nói mơ hồ là đông lắm. Tôi thì tôi cho người đi lân la

dò hỏi bọn theo hộ vệ, mới biết họ chỉ có một nhóm. Vài ba chục người thôi. Nhưng phải nhận là họ dũng mãnh. Người nào cũng cao lớn, nước da đen cháy, cả bọn đều ở trần, đầu chít một băng vải đỏ.

- Họ đến đúng hẹn chứ?

- Họ sẽ đến. Lý Tài, tức là cái tên lém đó, bảo sẽ lên đây vào sáng rằm. Hắn còn cao hứng dặn phải đặt trước một mâm rượu thưởng trăng mới được. Về sau nghĩ ngợi thế nào, hắn lại bảo giờ giấc còn tùy thuộc vào Nguyễn Thung. Thung đến lúc nào, hắn sẽ đến theo đoàn của Thung cho tiện.

- Nghĩa là hắn còn nể sợ lão Thung chứ gì?

- Không hắn thế. Chắc chắn là họ còn do dự, chưa biết ý ta như thế nào, không muốn bỏ Thung trước.

Nhạc gật gù, rồi suy nghĩ lung lăm. Một lúc sau, ông nói:

- Thế cũng được. À, tôi quên hỏi điều nữa: Hai người đó nói tiếng ta có rõ không?

- Không được rõ lắm. Giọng lơ lớ khó nghe. Lý Tài thì ăn nói sành hơn, lâu lâu còn biết pha tiểu lâm nữa. Còn Tập Đình thì kém lắm. Đôi lúc phải nhờ Lý Tài dịch hộ mới hiểu.

- Tốt lắm. Ông về nghỉ nhé. À, còn chuyện thẻ bài, thế buộc phải vậy. Ông đừng giận. Ta có nhiều kẻ thù, phải có cách để đề phòng, ông ạ!

*

* *

Cuộc hội kiến lịch sử diễn ra ở gian chính của trại Kiên thành đúng vào sáng rằm. Nguyễn Thung và bộ hạ giả dạng lái buôn lên trại theo đường sông. Tập Đình, Lý Tài và bốn người hộ vệ cùng đi một lượt với Thung, nhưng để chứng tỏ tư thế độc lập, đã cố ý đi chậm hơn, đến bến trầu lại cầm sào cách nghe của Thung vài con sào. Nhạc cho người mang rượu thịt đến thết đãi cả hai đoàn, hẹn giờ tiếp kiến vào sáng hôm sau. Con đường từ bến trầu vào trại được sửa sang cấp tốc nên đỡ lầy lội hơn, hai bên đường nghĩa quân đứng thành hàng ngay ngắn, quần áo khá chỉnh tề, mỗi người tay trái cầm một cây cờ đỏ. Vì phương tiện eo hẹp, không đủ thì giờ và tiền bạc để mua nhuộm đủ vải nên màu sắc các lá cờ không được đồng nhất, có lá màu hồng nhạt, có lá lại ngả sang màu nâu già. Tuy nhiên, sắc đỏ truyền được sự kích thích phấn khởi cho mọi người, cho nên ngay Nhạc và Chỉ là những người trực tiếp dàn cảnh, cũng xúc động trước uy thế do mình tạo ra, ngây ngất ngắm hàng cờ đào phất phới trong gió mai. Trên mặt đường, không có lấy một cọng rác, một xác lá khô. Nghĩa quân đứng nghiêm như pho tượng, tay phải nắm chặt lấy cán giáo và theo sáng kiến của Chỉ, chân giáo cắm ngay vào gót chân phải, tay cầm giáo đưa ngang nên độ nghiêng của thân giáo đều nhau trông rất đẹp mắt. Đặc biệt, toán dàn chào từ cổng trại vào nơi hội kiến mặc đồng phục màu đen, đầu chít khăn đỏ, lưng thắt một dải vải vàng, giáo có cán bằng gỗ thai bài màu trắng. Quan khách và chủ nhân đều thực sự xúc động vì sự trang nghiêm của cuộc tiếp rước, nên nét mặt họ đều nghiêm nghị, mắt nhìn thẳng, ngực ưỡn ra trước, chân vô tình bước đều theo tiếng trống, tiếng chuông. Thung và đám bộ hạ đến chỗ cổng thì Nhạc mời họ dừng lại để xem đội dàn chào biểu diễn. Chỉ ra lệnh cho đội đánh trống khua chiêng chuyển điệu. Ông cũng chít khăn đỏ thắt lưng vàng như toán dàn chào, chỉ khác là mặc đồ trắng. Sau khi cúi gập người chào Nhạc và quan khách, Chỉ bắt đầu chỉ huy cuộc biểu diễn. Theo nhịp trống, hai mươi người lính vạm vỡ, trẻ trung ăn mặc đẹp mắt, lần lượt biểu diễn các đội hình, chuyển qua giao đấu bằng giáo, côn, quyền cước. Cử động uyển chuyển, tới lui nhịp nhàng, đội ngũ tề chỉnh đều đặn là nhờ công phu luyện tập ngày đêm suốt

nửa tháng trường. Nhạc mỉm cười cố giấu sự thỏa mãn, đám bộ hạ của Thung thích thú quay lại bàn chuyện với nhau, nhưng nét mặt của Thung không thể đoán được điều gì. Nhạc liếc nhìn Thung nhiều lần, chỉ thấy ông ta nhìn thẳng về phía trại mình, đôi hàng lông mày nhíu lại chăm chú suy nghĩ. Hơi thất vọng, Nhạc không chú ý các lời tán thưởng xôn xao chung quanh mình sau cuộc biểu diễn, chỉ đưa tay mời Thung tiến vào giữa hàng quân dàn chào để vào gian họp. Nhạc đã cho khuôn sáu bộ trường kỷ chạm trổ công phu ở các nhà giàu về xếp dọc theo hai hàng dành cho chủ và khách, ở giữa đặt hai cái bàn chân nai trên có bày khay trà và coi trà. Một lư hương lớn bằng sứ lấy ở chùa về đặt sát tấm bình phong bằng trúc có vẽ hình con lân, hương trầm tỏa ra thơm ngát cả phòng họp. Bàn ghế từ nhiều nguồn gốc khác nhau nên không có cái nào giống kiểu cái nào, có cái phải kê thêm để cao cho bằng cái kia. Dĩ nhiên, bộ trường kỷ quý, đẹp nhất dành cho nhân vật quan trọng nhất của cả chủ lẫn khách. Đám bộ hạ ngồi ở hàng sau, trên những chiếc ghế có lưng dựa đan bằng mây.

Ở ba cái trường kỷ phía chủ nhà có Nhạc, giáo Hiến, Diệm, Bạc, Chỉ, Nhật và Năm Ngạn. Phía khách có Nguyễn Thung, Huyền Khê, Nhưng Huy, Tứ Linh, Tập Đình và Lý Tài.

Chủ khách vừa yên vị xong, Nhạc đã nói với Thung:

- Chúng tôi mới về đây nhà cửa còn lồi thối quá, chưa có thì giờ sửa sang lại cho coi được một chút. Ngay cả mấy đứa nhỏ làm đội dàn chào cũng chỉ mới học võ vẽ vài ba phép tắc đấy thôi. Ông thấy thế nào? Có điều gì không phải, xin lấy tình cũ mà bỏ qua cho nhé!

Thung đáp:

- Ông đừng khách sáo! Trại thì kể cũng còn sơ sài thật, nhưng không đến nỗi nào. Làm sao được! Ông mới dọn về dưới này có bao lâu đâu! Còn cuộc biểu diễn thì đẹp mắt đấy chứ. Hình như ông có mời được một người chủ lễ thành thạo lắm. Chắc phải là một người thật am tường nghi thức, như một ông thầy cúng chẳng hạn.

Nhạc nghiêm mặt lại, môi mím chặt, nhưng ông tươi cười ngay sau đó. Nhạc nói:

- Quả có thể. Ông thật tinh mắt. Khi hôm trời trở nên không có trăng. Gió lạnh quá, các ông ngủ được không?

Thung đáp:

- Được chứ! Chúng tôi bàn chuyện đến khuya, nhờ rượu ngon ông biếu, chúng tôi chè chén say sưa rồi ngủ lúc nào không hay.

Nhạc không muốn dài dòng vô ích vì những lời thăm hỏi quanh co, nên vào đề ngay:

- Các ông có bàn trước rồi à? Thế thì hay lắm. Các ông nghĩ thế nào về đề nghị của chúng tôi?

Thung liếc nhìn Huyền Khê. Khê định nói, nhưng do dự lại liếc nhìn Thung ngầm ý nhường lời cho người cầm đầu. Thung nói:

- Chúng tôi cất công lên tận đây, đúng y như lời hẹn, điều đó cũng đủ chứng tỏ chúng tôi sẵn sàng cộng tác với các ông rồi. Có một điều cần phải bàn cho sáng tỏ, là cộng tác như thế nào mà thôi.

Huyền Khê đã lấy đủ sự tự tin hơn, tiếp lời Thung:

- Chẳng hạn nếu đã cộng tác, thì vai vế chúng ta sẽ ra sao? Quân chúng tôi sẽ đóng ở đâu? Quân Tây Sơn thượng sẽ đóng ở đâu? Hai đội quân liên lạc với nhau như thế nào? Khi có việc cần kíp, thì chỉ huy của hai bên liên lạc nhau ra sao? Còn nào chuyện nuôi quân, chuyện kiểm soát dân chúng ở hai vùng, chuyện giao thương đường sông, đường bộ. Biết bao nhiêu chuyện đặt ra, liệu cuộc gặp gỡ hôm nay ta có đủ thì giờ bàn hết được không?

Nhạc cười nhỏ một tiếng, gật gù bảo:

- Vâng, vâng. Các ông chỉ nói sơ qua là tôi đã hiểu. Ý các ông như thế này, để tôi nói gọn xem có đúng không nào. Nôm na ra là "giang sơn nào anh hùng nấy". Chúng tôi ở trên này, các ông ở dưới Tuy Viễn. Đường ai nấy đi, đất ai nấy ở. Chỉ khi nào có biến thì bên này gọi bên kia một tiếng để tiếp ứng.

Thung vội nói:

- Không hẳn như thế đâu. Ông biện chứ hiểu lầm!

Nhạc bực tức:

- Đừng gọi tôi là biện Nhạc như hồi buôn nguồn nữa. Nếu tôi ham cái chức thu thuế Vân Đồn, tôi đã không ngồi đây với các ông.

Thung thấy tình thế căng thẳng, vội cười giả lả:

- Ấy tôi quen miệng làm phật lòng ông, thật có lỗi. Đúng, chúng ta không chịu cúi đầu làm trâu ngựa cho bọn quan phủ nên mới tụ họp nhau ở đây, mới tính đến cái thể cộng tác nhau mà sống còn. Xin đừng chấp nhất những điều vụn vặt mà hư việc lớn.

Ông giáo chen vào cuộc tranh luận:

- Đúng là chúng ta không nên chú ý những điều tử tử tử, nhưng có những cái nhỏ chứa đựng cái lớn, như người ta thường nói ở đầu sợi tóc có cả một tòa sen. Chẳng hạn hai tiếng "cộng tác" mà ông vừa thốt ra, thật có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Quý ông chỉ muốn cộng tác với chúng tôi, chứ không phải là hợp tác. Có lúc chúng ta cùng nhau làm một việc nào đó, nhưng ngay cả những lúc ấy, chúng ta vẫn là hai chứ không phải là một. Mỗi bên một lực lượng, một địa bàn. Mỗi bên có cách tổ chức, lối tiếp tế riêng biệt, tuy cả hai bên đều không chịu khom lưng làm thẳng dân ngoan ngoãn của quan phủ. Hy vọng là chúng tôi không hiểu lầm các ông chứ!

Huyền Khê chờ cho Nguyễn Thung gật đầu cho phép, mới trả lời ông giáo:

- Nói chung thì các ông hiểu đúng ý chúng tôi. Vâng, chúng ta có nhiều điều khác biệt nhau, do ở gốc gác, nghề nghiệp, tính tình, cả do thói quen nữa. Anh em chúng tôi là dân sông dân biển, nếu có bỏ sào bỏ lưới đi buôn thì cũng đi đường nước. Sống trên đầu sóng riết rồi chúng tôi quen với chuyện bấp bênh. Lộc nước bạc béo lắm, nay có đó rồi mai chỉ một buổi động trời là mất hết, không được bền dai chắc chắn như lộc đất, lộc núi. Lưới được con cá ngon, chúng tôi ăn một bữa no nê cái đã, không ăn hết ngày mai ngày mốt biển có còn cho sống nữa không. Chúng tôi không biết để dành, kể cả việc để dành sự kiên nhẫn, và lòng tin. Cho nên anh em chúng tôi đây ít ham tính chuyện lâu dài, không đủ nhẫn nại ngồi nghe phân biệt thế nào là hợp tác thế nào là cộng tác. Sự việc chúng tôi nghĩ đến đơn giản thôi. Nó như thế này này: Chúng tôi có một lực lượng, chúng tôi đã làm được khá nhiều chuyện, chiếm được nhiều vùng ở Tuy Viễn. Các ông mời lên đây bàn chuyện dựa lưng nhau để sống. Chúng tôi muốn biết điều kiện các ông định đưa ra như thế nào? Lợi lộc chia chác ra sao?

Nhạc nói:

- Nếu chỉ có thế thì còn gì để bàn luận đâu! Hiện nay lực lượng của chúng ta chưa gặp được nhau. Quân phủ còn mạnh. Trong thành Quy Nhơn, Nguyễn Khắc Tuyên còn sờ sờ ra đó. Các ông nghĩ mà xem, chúng ta đã kiếm được bao nhiêu lợi lộc mà tính trước chuyện chia chác? Ngay cả vùng đất mà các ông tưởng là đã chiếm được của triều đình, chắc gì vĩnh viễn thuộc quyền các ông? Không san phẳng được thành Quy Nhơn, các ông nghĩ mà xem, liệu vài tuần, vài tháng nữa, chúng ta có còn đất để chôn bà con, bạn bè hay không?

Nhạc dừng lại, chờ đợi câu trả lời của Nguyễn Thung. Phòng họp im phăng phắc. Những câu hỏi của Nhạc thực sự đã khiến mấy ông khách quý hoang mang. Tập Đình không thạo tiếng Việt,

ngơ ngác không hiểu vì sao đột nhiên mọi người im lặng, quay sang hỏi Lý Tài bằng tiếng tàu, giọng nói ồ ề, rồn rảng. Lý Tài cùng trả lời bạn bằng tiếng Tàu, nhưng cách nói nhỏ nhẹ, chậm rãi dè dặt hơn. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để trình bày lý tưởng của mình, ông giáo nói:

- Vì sao chúng ta bằng lòng gặp nhau hôm nay, dù như các ông vừa bảo, chúng ta có quá nhiều khác biệt? Tôi xin trả lời thế này: Vì chúng ta có một kẻ thù chung. Không diệt kẻ thù đó thì các ông lẫn chúng tôi đều không còn đất sống. Phải hợp nhau mà diệt mối nguy hiểm đó. Nhưng kẻ thù chung của chúng ta là ai? Tôi xin mạn phép trả lời lần nữa: kẻ thù gần trước mắt là bọn quan quân dưới phủ Quy Nhơn. Diệt được chúng, chúng ta vẫn chưa được yên thân đâu. Quân phủ Quảng Ngãi sẽ kéo vào, quân phủ Bình Khang, Phú Yên kéo ra, theo lệnh cứu nguy của tên quốc phó Trương phúc Loan. Đúng, kẻ thù chính nhưng ở xa chúng ta là bè lũ tên quốc phó đó. Đất nước này còn vua, chúng ta là con dân của triều đình. Nhưng tên loạn thần họ Trương đang lộng hành ở kinh đô, thao túng quyền bính ở vương phủ. Chúng ta vì việc nghĩa mà đứng lên diệt loạn thần, tôn phù một bậc anh tài, đạo đức thuộc dòng chính lên ngôi. Người đó là Hoàng Tôn Dương, chắc các ông đã nghe tiếng. Xưa nay bậc anh hùng hảo hán diệt loạn thần tôn minh chúa để danh thơm cho đời sau không phải là hiếm! Chúng ta ngồi với nhau ở đây vì nghĩa cả, chứ không phải để chia chác của cải thân tóm được của dân. Ý chúng tôi như vậy, xin các ông nghĩ xem!

Tập Đình lại lớn tiếng hỏi Lý Tài. Lý Tài dịch những lời ông giáo vừa nói cho bạn nghe, vừa dịch vừa nhìn về phía ông giáo, sợ những điều mình nói không đúng với nguyên văn. Tập Đình nghe xong, nét mặt tức giận, vung tay nói lớn một thôi dài nữa. Lý Tài đưa tay ngăn bạn nhưng Tập Đình vẫn la lối như trước, tay đập mạnh xuống mặt trường kỷ. Thung nghe hiểu lời đối đáp của hai người, nét mặt rạng rỡ. Thung bảo Lý Tài:

- Ông cứ dịch những lời của Tập Đình cho các ông đây nghe. Cứ nói y nguyên như lời bạn ông, đừng ngại!

Lý Tài do dự một lúc, rồi nói:

- Bạn tôi nổi giận vì nghe thầy giáo bảo nên tôn phù một ông vua khác. Bạn tôi bảo vua quan toàn là một tụi chó đẻ. Ở bên Tàu cũng vậy mà ở bên này cũng vậy, vua quan ở đâu cũng đều là bọn chó đẻ cả. Bạn tôi nói chúng nó chuyên đi ăn cướp. lại còn tham lam đến nỗi không muốn cho ai được chia chác, nên sai bộ quân lính ruồi nhặng chặt tay, chặt chân, đánh roi, thích chửi vào mặt những đứa ăn trộm, ăn cướp nhỏ hơn. Thật đúng như câu tục ngữ bên nước chúng tôi, là "chỉ có quan huyện mới có quyền thắp đèn". Bạn tôi nói giận quá rồi, chỉ có một việc giết quách chúng nó đi. Giết cho sạch sành sanh bọn giả nhân giả nghĩa!

Lời Lý Tài khiến cho cả phòng họp xôn xao. Nét phần đông người có mặt trong phòng đều rạng rỡ. Nhưng Huy và Tứ Linh từ đầu đến giờ nét mặt hiu hiu chán nghe những lời rắc rối dài dòng, giờ đây quên cả mọi sự câu thúc, cùng lớn tiếng khen:

- Khá lắm. Tập Đình nói được lắm. Cùng cá mè một lứa cả. Chỉ có việc làm cỏ của chúng nó mà thôi.

Không khí sôi sục hẳn lên. Mạnh ai nấy nói, hươ tay múa chân tự do như trong cuộc chè chén ở góc chợ. Mọi người đổ dồn về chờ đợi phản ứng của Nhạc và ông giáo. Nhạc mỉm cười khó hiểu, còn ông giáo thì mím môi để cố nén giận. Một lúc sau, phòng họp tự lấy lại trật tự sau phút nông nổi tự phát. Nhạc vẫn điềm tĩnh mỉm cười, nhìn về phía Nguyễn Thung hỏi:

- Có phải đó là ý chung của các ông không?

Thung vội đáp:

- Không hẳn thế. Nhưng...

Thung loay hoay không tìm được lời giải đáp thích hợp, lúng túng giữa phủ nhận và xác định. Nhạc không chờ đợi thêm, quay hỏi ông giáo:

- Ý thầy thế nào?

Ông giáo đã lấy lại được bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Giết quách cho sạch bọn cướp lớn giả nhân giả nghĩa, điều đó nên làm, nhưng không phải là để cho bọn cướp nhỏ, bọn thảo khấu tự do hoành hành khắp chợ, khắp làng. Làm như thế, các ông nghĩ mà xem, cuối cùng thế nào cũng có một tên cướp nhỏ nhờ mưu chước và độc ác hơn giết hết bọn đồng nghiệp để một mình xưng hùng, trở thành tên cướp lớn khác. Có thể, hay chắc chắn là tên này còn tệ hại hơn cả tên cướp lớn vừa bị họ hạ trước đó. Như vậy, thì phỏng có ích gì cho dân đen? Cho những người cùng khổ?

Cả phòng lại rơi vào hoang mang nặng nề. Sức nặng của lý thuyết, sự ràng buộc chặt chẽ của hệ thống, đè lên đỉnh đầu, trói chặt chân tay những người lâu nay quen sống theo bản năng và trực giác. Họ hàng phục mà lòng ấm ức. Kể cả Nhạc! Vì vậy Nhạc bảo:

- Thôi hãy gác những chuyện xa tít tận Phú Xuân lại! Hãy dè chừng, đối phó kẻ thù trước mắt của chúng ta ở dưới phủ Quy Nhơn trước đã. Các ông có bằng lòng như thế không? Bằng lòng chứ? Được rồi. Nội trong mùa thu này, ta phải hạ cho được thành Quy Nhơn. Khó đấy. Phải tính cho kỹ trước khi ra tay mới được. Phải thêm bạn và bớt thù. Ý tôi như thế này nhé: Để thêm bạn, hôm nay chúng ta liên kết với nhau, trên này nghĩa là một hai phủ cận sơn Phù Ly, Bồng Sơn đã có chúng tôi. Dưới vùng đồng ven biển ở Tuy Viễn đã có các ông. Trong Phú Yên tôi đã cho người liên lạc được với Châu Văn Tiếp và nữ chúa Thị Hỏa của người Chăm. Như vậy là chúng ta đã có đủ bạn để bao vây Quy Nhơn lại. Để bớt thù, việc này khó hơn. Tay trong thì ta chưa có nhiều, nhưng nhờ thầy giáo đây mà tôi biết chắc rằng trong đám quan quân dưới phủ có nhiều kẻ ghét cay ghét đắng Trương quốc phó và mong ước tôn phù hoàng tôn. Tại sao ta không tiếp tục loan truyền mọi nơi là ta tôn phù hoàng tôn để chia bớt lực lượng kẻ địch ra, cho chúng bị xé làm đôi làm ba? Tôn phù hoàng tôn thì đã sao nào? Không có hại mà còn có nhiều cái lợi trước mắt. Ta thêm đông, trong khi kẻ dưới phủ thêm yếu. Chỉ cần ta khéo tổ chức, rồi hện ngày giờ, hô lên một tiếng, đông tây nam bắc vùng lên, là xong!

Rõ ràng lời giải thích của Nhạc thuyết phục được tất cả mọi người, kể cả Tập Đình. Vì sau khi nghe Lý Tài dịch lại lời Nhạc, Tập Đình tiu nghỉu, ngồi im không nói năng, Lý Tài e dè hỏi Nhạc:

- Hai chúng tôi người Trung Hoa không sống được ở đất mẹ lánh qua đây, lâu nay kết được một nhóm "sống tạm" trên sông biển cho qua ngày, thế thôi. Tính chuyện lâu dài như các ông, anh em chúng tôi sợ không theo được. Nhiều cái ràng buộc quá!

Nhạc nói:

- Sao lại phân biệt người nam với người bắc? Anh em có mặt tại đây chẳng phải là những trang hảo hớn nghĩa hiệp hay sao? Chúng ta tụ họp nhau dưới cờ NGHĨA, nên nam bắc xa nhau, ngôn ngữ khác nhau mà đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nội một buổi sáng đã thành ruột thị rồi! Có thầy giáo đây giỏi chữ Nho, tôi xin hỏi thầy: Tôi có ý tặng hai người anh ruột thị khác chủng tộc hôm nay hai mỹ danh, một người là Trung Nghĩa một người là Hòa Nghĩa. Thầy thấy có chĩnh không?

Cuộc họp mặt lên đến tuyệt đỉnh của thành công, hoàn toàn nhờ sự khéo léo của Nhạc. Về sau, lịch sử chép rằng trong cuộc hội kiến quan trọng ấy ở Kiên thành "Nhạc tự xưng là đệ nhất trại chủ, cai quản hai huyện Phù Ly, Bồng Sơn; Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ, cai quản huyện

Tuy Viễn; Huyền Khê làm đệ tam trại chủ, coi việc quân lương" (Chính biên liệt truyện, q.30, 2b, 3a).

Đêm trung thu năm ấy trăng sáng quắc, và họ kết ba chiếc ghe lớn chèo ra neo ngay giữa dòng sông Côn mở bữa tiệc mừng có chích máu hòa rượu để uống thề "đồng sanh đồng tử". Kiên thành bàng bạc cái không khí rộn rã hào khí của thời Lương Sơn Bạc!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 19

Từ An Thái, Huệ được lệnh anh gọi về Kiên thành có việc gấp. Huệ giao binh quyền lại cho Mẫn, vội vàng lấy ngựa phóng đi ngay giữa khuya. Anh chạy dọc theo sông Côn, lòng bồn chồn không hiểu vì đâu Nhạc gọi mình về khẩn cấp như vậy. Mặc dù trời đêm mát dịu và gió có nhẹ, đến trại Kiên Thành thì cả người lẫn ngựa đều đầm mồ hôi. Quẳng dây cương cho người lính gác dẫn ngựa đi ăn thóc và uống nước, Huệ lên thẳng phòng anh cả.

Trong phòng đèn sáng, đó là triệu chứng bất thường. Cửa lớn đóng, bên trong có tiếng nói chuyện mặc dù lúc đó đã gần sáng. Người lính hầu vội vã vào trong báo cho Nhạc tin Huệ đã về. Trong khi chờ đợi dưới mái hiên, Huệ không đứng yên một chỗ được, cứ đi qua đi lại cho vui bớt nỗi bồn chồn. Cửa lớn xịch mở, Bùi Văn Nhật từ phòng Nhạc đi ra. Thấy Huệ, Nhật có vẻ bối rối, muốn dừng lại nói với Huệ vài câu xã giao nhưng không biết nghĩ sao lại rẽ sang trái đi thẳng ra cổng.

Huệ càng hoang mang hơn, vội bước vào phòng anh cả. Anh thấy Nhạc đang ngồi trên chiếc trường kỷ gỗ, mệt nhọc dựa người lên lưng tựa, hai chân gác cả lên cái bàn thấp. Nét mặt Nhạc mệt mỏi và ngái ngủ. Thấy em về, Nhạc vẫn không sửa lại tư thế ngồi bả hoải, hỏi Huệ:

- Chú vừa về đấy à?

Huệ lo sợ đáp:

- Dạ. Em mới về.

Tiếng Nhạc nhura nhura, trề nải và cay đắng:

- Đường xa đi mệt nhỉ!

Huệ lại dạ nhỏ, lòng hồi hộp, không hiểu nổi thái độ của anh.

Đột nhiên, Nhạc lớn tiếng, gần như quát tháo:

- Ai cho phép chú đưa quân xuống An Thái?

Bấy giờ thì Huệ hiểu hết. Lúc khởi quân, Nhạc chỉ giao cho Huệ nhiệm vụ đem một cánh quân xuống chiếm Xuân Huê, án ngữ và nút chặn của hai ngã đường quan trọng: một ngã xuống An Thái theo đường quan qua phủ Qui Nhơn rồi về Tuy Viễn, một ngã hướng về phía nam theo đường rừng về Phú Yên qua Đồng Sim. Huệ đã hoàn tất nhiệm vụ dễ dàng. Sau đó, không chờ anh cả đồng ý, Huệ cho quân thọc sâu xuống phía đông, chiếm An Thái. Anh tự nghĩ vị trí chiến lược của An Thái quan trọng hơn Xuân Huê, và không nên bỏ lỡ cơ hội quân triều đang tán loạn rệu rã chiếm ngay lấy trục giao lưu đường bộ lẫn đường thủy quan yếu này. Không ngờ... không ngờ anh cả đã nghĩ khác Huệ.

Biết mình có lỗi, Huệ không dám nói gì, chỉ cúi đầu đứng chờ những lời quở trách của anh.

Giọng Nhạc day nghiến, rít giữa hai kẽ răng:

- Chú làm tài khôn phải không? Chú có biết như vậy là đại đột không? Chiếm được An Thái thì

được cái gì? Chú kể cho tôi nghe coi!

Thấy em vẫn giữ im lặng, Nhạc càng nổi giận. Ông choàng dậy, ngồi ngay ngắn trên trường kỷ, hai tay chống lên hai đầu gối chồm tới phía Huệ:

- Ông Nhật lại vừa đánh thức tôi dậy để báo thêm một tin dữ nữa. Chung qui cũng tại sự ngu si của chú. Tại chú dẫn xác xuống tận An Thái đấy. Lợi đâu không thấy, còn cái hại thì dồn dập tới. Nguyễn Thung vội cho người lên đây hỏi có phải chúng ta xé bỏ thỏa ước hôm rằm, lấn sâu vào vùng đất của họ không. Ông Nhật có gài tay trong ở dưới phủ, nên vừa được biết phủ nghe tin An Thái mất, rục rịch chuẩn bị giáo mác, quân lính, voi ngựa để ứng chiến. An Thái chỉ cách họ không đầy một buổi đường. Nếu dưới phủ chúng nó đánh bạo tiến lên tấn công ta trước thì chú tính sao?

Huệ nghe anh cả nói, sợ toát mồ hôi. Có thể đây là lần đầu tiên Huệ biết thế nào là sự sợ hãi. Anh không có bất cứ lý lẽ nào để tự biện hộ, nên đành đứng trên một chỗ gánh chịu cơn giận dữ của Nhạc:

- Chú vẫn quen thói rần mắt, liều lĩnh. Nhưng chú phải nhớ trước kia khác, bây giờ khác. Trước kia chú rần mắt muốn làm gì thì làm, cái hại quá lắm là mất vốn một chuyến trâu. Bây giờ không phải là mất trâu, mà mất cái này này, mất cái đầu của chú và của cả gia đình, bà con, bạn bè nữa. Chú đã hiểu chưa?

Huệ không thể giữ mãi im lặng, đáp nhỏ:

- Em đã hiểu.

Nhạc quát:

- Đã hiểu sao còn mang quân xuống An Thái? Chú nghĩ sao mà làm chuyện động trời vậy?

Huệ cố gắng lấy giọng bình tĩnh đáp:

- Em nghĩ việc binh, cần nhất là biết nắm lấy thời cơ. Bọn quân phủ rã hàng chạy tán loạn, tàn quân từ Xuân Huê đến Lai Nghi thì quân ở Lai Nghi rã, quân Lai Nghi chạy đến An Thái thì An Thái đã bỏ trống. Giữ được An Thái thì ta chặn được đường sông, không cho chúng tập kích Kiên Thành. Đường bộ từ phủ Qui Nhơn lên phía tây cũng bị cắt đứt.

Nhạc lắng nghe em trình bày, dần dần lấy lại được sự điềm tĩnh. Giọng Nhạc đã hơi dịu lại:

- Chú tưởng quân phủ bao nhiêu voi ngựa khí giới đó mà chịu mất bấy nhiêu tiện nghi một cách dễ dàng thế sao? So quân số, lương thực, trang bị, hiện giờ họ là trái bí ta chỉ mới bằng hạt đậu.

Huệ lấy bạo đáp lời anh:

- Nhưng trái bí đó đã thúi rữa trong ruột, còn hạt đậu chắc đang nảy mầm.

Nhạc cười khinh mạn, chế giễu:

- Chú vẫn có tài miệng lưỡi, tôi biết:

Rồi đột nhiên, Nhạc đổi sang giọng tâm sự:

- Anh nuôi chú từ nhỏ, còn lạ gì tính chú. Lâu nay anh vẫn lo, biết thế nào chuyện đó cũng xảy ra, không sớm thì muộn. Thôi, thà nó xảy ra sớm để anh còn thì giờ khuyên răn chú. Anh chừng này tuổi đầu, tóc đã có sợi bạc rồi. Mỗi sợi tóc bạc là một bài học khôn cay đắng và đắt giá. Chú biết không? Anh cũng đã từng trải qua thời thanh niên đam mê như chú, anh hiểu hết. Những người trẻ tuổi cứ tưởng mình là kẻ đầu tiên biết chuyện thương yêu. Lốp già trước kia không hiểu gì hết. Lốp sau cũng không thể đủ khôn ngoan để hiểu. Nhưng chú nghĩ mà xem, trên đời này có điều gì hoàn toàn mới lạ đâu. Đến một lúc khôn ngoan trầm tĩnh hơn, chú sẽ thấy tất cả đều phù phiếm như nhau mà thôi! Nhan sắc tàn còn mau hơn danh vị ở đời nhiều lắm. Đừng

lụy vì nó. Chú nhớ không, cái lần chú cần nhân với anh về chuyện lấy thêm một nàng hầu người Bana trên Tây Sơn thượng, làm buồn lòng mẹ con Thọ Hương. Bây giờ chắc chú đã hiểu suy tính của anh rồi. Ít lâu nữa, ta kéo hết xuống đồng bằng, căn cứ trên đó giao lại cho ai giữ, để làm chỗ rút an toàn? Chú thấy chưa?

Nhạc nói một thôi dài, ý tứ cứ lượn lờ, vờn quanh những điều mà hai anh em cùng không muốn nói thẳng. Nhạc tin là em đã hiểu mình, còn Huệ thì hoang mang, Huệ lơ mờ hiểu ý nghĩa lời khuyên của anh, nhưng Huệ sợ chính cái nghĩa đó.

Bên ngoài đã có tiếng gà gáy, rồi tiếng cồng báo giờ đổi gác. Dĩa đèn trên cái bàn thấp kê ở góc phòng hết dầu, tim đèn lụn. Nhạc nhìn em lạc thần vì trầm tư, tự nhiên thấy lòng thương hại, ông bảo Huệ:

- Thôi chú về ngủ một giấc, rồi chiều xuống lại An Thái. À, thẻ bài của chú đâu?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Em mà cũng cần thẻ bài à?

Nhạc nghiêm mặt hỏi:

- Thế ai cho chú vào?

- Lính gác. Chẳng lẽ chúng không biết mặt em?

- Ai không biết chú là em ruột tôi. Nhưng luật là luật. Chú ra gọi tên gác vào đây!

Huệ vâng lời anh, vừa đi ra vừa ngoái nhìn Nhạc với đôi mắt ngơ ngàng.

*

* *

Trại Kiên Thành dựng ngay trên nền đất tổ tiên của gia đình Huệ, dĩ nhiên qui mô rộng hơn trước nhiều. Đại gia đình của anh em Nhạc vẫn còn ở Tây Sơn thượng, nên phần lớn các phòng trong trại đều là chỗ làm việc và nơi tạm trú cho khách khứa, quân lính. Huệ về nghỉ ở một gian hẹp, gần chái tây, cửa sổ trông ra cây me tàn lá đang chuyển sang màu xanh nõn. Dưới gốc me, một lớp lá vàng trải dày, làm tấm khăn liệm chờ hứng những chiếc lá sắp úa của mùa cũ. Lấy gốc me và bụi chuối đã cháy héo định hướng, Huệ hân hoan nhận ra rằng chỗ hiện giờ mình đang đứng cũng là chỗ ngày xưa mẹ đặt cái phản cho Huệ ngủ. Phải rồi. Đúng chỗ này đây. Còn chỗ kia là cửa thông xuống nhà lẫm. Chỗ xó này, Huệ vẫn giấu cái cần câu, và dưới mái tranh chếch bên phải cái cửa sổ là nơi Huệ giấu cây kiếm để đêm đêm lén cha đi tập võ. Từ gốc me hướng thẳng về phía mặt trời lặn, khoảng cách một con sào, là cây cột gỗ sao lóng bóng, trên đó Huệ từng lấy mũi dao vạch lấy chiều cao của mình hằng năm. Huệ bồi hồi nhớ lại những ngày thơ ấu, lan man nghĩ từ chuyện nọ sang chuyện kia nên không có hình ảnh nào trọn vẹn và rõ nét. Rồi không biết từ lúc nào, do đâu, anh nghĩ đến sự thay đổi của anh cả. Anh ấy trông lạ hẳn đi. Tuy nhìn phớt qua anh ấy vẫn y như thời còn ở Tây Sơn thượng với cử chỉ linh hoạt, khuôn mặt xương xương, nước da tái, đôi mắt hơi xéch sắ sảo đến nỗi không ai có thể giấu gì được khi bị Nhạc soi mói, quan sát, nhưng khuya hôm nay, Huệ ngơ ngợ cảm thấy anh mình có vài thay đổi. Cử chỉ có chậm lại, như cân nhắc tính toán trước lúc đưa tay lên cao, cất chân bước tới. Không còn thói quen ngồi chồm tới trước vồ vập chờ đón một cách cởi mở rộng lượng lời nói của kẻ khác. Nhạc ngồi thẳng trên ghế, vững chãi hơn, nghiêm túc và khinh bạc hơn. Nhất là cách nói, gần như chậm hơn trước nhiều. Nhạc đã bỏ thói quen nói từng câu ngắn rồi dừng lại để đo lường độ thấm thấu của lời mình trên gương mặt người nghe, do dự tìm một cách thích hợp hữu hiệu hơn để nói câu sau. Bây giờ Nhạc cất cao giọng như quá tự tin những lời nói ra đều đúng, kẻ khác không còn phải bàn cãi gì nữa, chỉ việc vâng lời mà thôi.

Chỉ có những câu tâm sự ở cuối cuộc nói chuyện hôm trước còn giữ được lối nói của Nhạc. Nhưng thực ra anh ấy muốn nói gì? Muốn khuyên ta thế nào? Tình yêu? Đam mê của tuổi trẻ? Nhan sắc? Kinh nghiệm? Sự tính toán trầm tĩnh? Anh ấy không tin ta đem quân xuống chiếm An Thái vì điều lợi về chiến thuật? Nhưng sự thực vì sao ta hăng hái dẫn sâu vào cuộc phiêu lưu kỳ thú đó? Vì đâu? Ta có dối lòng ta hay không? Những gì ta nói với anh ấy chỉ là cái lý đến sau. Thế thì cái gì đã thúc đẩy ta trước? Chái nhà học? Ngôi nhà quay mặt về hướng tây mái thấp lòa xòa trên hai khuôn cửa sổ có tấm phen chống nửa vò, dưới nắng chiều trông thật giống với một khuôn mặt ngái ngủ? Cây gạo "thơm tho" ở bến sông? Cái miếu cô độc ở giữa đồng trống? Ánh đuốc canh lúa lập lòe? Cái bếp thấp nơi một người con gái mắt sáng, cổ cao và trắng, mặc chiếc áo có vết rách ở cùi chỏ? Bao nhiêu công phu cho một cuộc chuyển quân nguy hiểm chỉ vì bao nhiêu hình ảnh mờ nhạt, tầm thường ấy sao? Thực sự ta đã nghĩ gì? Ta muốn gì?

Huệ đứng bên cửa sổ nhìn những giọt lá me vàng rơi đều rơi đều, lòng bập bênh bồi hồi. Buổi sáng qua mau trong cảm giác băng lạnh đó của tâm hồn Huệ.

*

* *

An Thái được giải phóng vào một ngày mưa. Bầu trời màu chì sa xuống thấp, mưa rả rích lê thê trên một xóm làng hoang vắng. Thấy bọn lính phủ hốt hải chạy trốn, dân chúng trong làng cuống cuống kéo nhau lánh nạn, xuống miệt sông Cạn, hoặc lội sông qua An Vinh. Toán quân của Huệ lùng khắp làng, chợ chỉ gặp được có gã khùng và một ông lão mù lòa.

Hai ba ngày sau mới có lác đác vài bà lão dắt cháu bé liều lĩnh về dò đường, nếu ở được thì cho trẻ con qua sông báo cho những người đàn ông còn lại trong gia đình, bằng không thì cũng lên vợ vào vài cái áo, chăn chiếu, gạo khoai để tiếp tục sống tạm cuộc đời tản cư. Họ gặp được những "tên cướp hiền lành" và nhân từ đến nỗi chẳng những họ được quyền thu vén giữ gìn số của cải lương thực vương vãi bừa bộn lúc chạy loạn, mà còn được cấp phát thêm vô số gạo, mắm tích thu từ kho lẫm của nhà giàu. Tin mừng bay nhanh qua bên kia sông Côn, lan xuống phía đông nên không bao lâu số dân lục tục bồng bế mang xách kéo về càng nhiều.

Huệ, Mắm bận bịu suốt ngày mà không giải quyết hết những công việc cứ từng ngày tăng lên bề bộn.

Trước hết là vấn đề quân sự. Đúng như lời Nhạc, việc tiến quân sâu xuống An Thái đã khiến phủ Qui Nhơn hoảng loạn, vội vã tìm mọi cách tăng cường phòng thủ. Quân lính được rút bớt từ núi Bích Khê về, từ chợ Giã lên, đóng ken dày bên kia cầu Phụng Ngọc và Thiết Trụ. Một toán nhỏ bộ hạ của Nguyễn Thung không hiểu luồn lách cách nào, lên được tận Phú Thiện để cắm mốc phân ranh. Phải đối đầu cùng một lúc với hai lực lượng mạnh và đông đảo, toán quân của Huệ hóa ra nhỏ yếu. Huệ không cho quân đóng trong làng, một phần vì nhu cầu phòng vệ, một phần sợ các nghĩa quân nổi lòng tham lấy của cải của dân. Huệ phân quân làm hai toán, một nửa đóng trên bãi cát nhìn qua An Vinh kiểm soát đường sông, một nửa đóng trên Gò Miếu. Mắm được giao nhiệm vụ điều khiển mặt sông.

Khổ một nỗi là phần lớn dân nghèo trong làng không chạy theo đám quan quân và bọn chức sắc theo ngả Phụng Ngọc để xuống phủ, mà lội sông qua trú ở An Vinh. Cho nên công việc của Mắm nặng nề, nhất là vừa kiểm soát vừa giúp đỡ cho làn sóng người hồi cư này. Việc cứ sinh sôi nhanh chóng lên, rắc rối bề bộn đến nỗi Huệ chỉ vắng mặt có một ngày mà Mắm lo âu đến phờ phạc cả người, già đi trông thấy.

Nghĩa quân phải làm tất cả công việc của một chính quyền mới, một trách vụ mà từ trước đến nay chưa có ai trong toán quân trẻ trung hăng hái này có chút kinh nghiệm. Kể cả Huệ và Mẫn. Đốt đồng sở thuế, phá cửa kho thóc và lẫm nhà giàu phân phát cho dân nghèo, rồi rút ra khỏi làng như họ từng làm trước đây không quá khó khăn. Công việc hiện nay khác hẳn. Nghĩa quân phải ở lại, tổ chức đời sống, ổn định trật tự mới. Dân chúng ùn ùn kéo về, làm sao phân biệt được những người dân lương thiện với bọn lưu manh tứ xứ nhân cơ hội hỗn loạn trà trộn vào đoàn người hồi cư, đến cái chợ nổi tiếng giàu có tiền bạc và hàng hóa này để kiếm chác? Lục sổ đình để kiểm tra ư? Sổ sách cũ đã bị thất lạc hoặc bị đốt cháy tiêu cả rồi!

Khuyến khích, thúc giục dân làng vạch mặt bọn vô lại chẳng? Gươm giáo của nghĩa quân ở xa, còn mũi dao liễu lĩnh và độc ác của bọn vô lại kề sát ngay bên hông họ!

Đó là chưa kể những vụ tranh tụng nhau về số đồ đạc bỏ vương vãi chông chênh trên lối đi, dấu tích cuộc chạy trốn hỗn loạn. Ai mới thực sự là chủ của cái bàn đã gãy mất một chân đó? Con heo nái vú viếc bèo nhèo này là của ai? Cái bình trà sứ vôi lẫn lóc nơi gốc gạo là của ông Ất hay của bà Giáp? Lại thêm việc cứu đói cần kíp trong lúc tiếng trống quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc cứ đổ từng hồi nhắc nhở hoặc dậm dọa! Khối lượng công việc chồng chất cả lên vai hai thanh niên chủ chốt của toán nghĩa quân tiền phương là Mẫn và Huệ.

Tuy nhiên, hình như luật tạo hóa cũng khá công bằng, nên cả hai đã được bù đắp cho những may mắn và niềm vui xứng đáng. Mẫn dồn hết tâm trí vào việc giúp đỡ những người hồi cư, nên mãi lâu về sau, anh mới để ý đến một công dân đặc biệt gắn bó với An Thái là gã khờ. Đó là điều bất thường không thể hiểu nổi, như hai người thân yêu gặp nhau hằng ngày trên một con đường hẹp mà hàng tháng, hàng năm vẫn chưa tìm ra nhau. Đâu phải gã khờ sợ hãi cảnh biến đổi trốn biệt vào cái xó chợ nào đó! Cả An Thái dáo dác chạy trốn, chỉ có gã và ông lão mù lòa bị bỏ lại. Gã không đủ trí khôn để sợ, còn ông lão, thì thiếu một lòng nhân từ nào đó nơi kẻ khác, nên bị bỏ lại. Ông lão nằm chờ chết đói. Gã khờ thì không. Gã chạy khắp làng, tìm đến bất cứ cái gì còn cử động. Chính gã là người đại diện duy nhất An Thái đón chào nghĩa quân vào làng, chính gã hứng chịu những ngược đãi xốc nổi đầu tiên của những nghĩa quân hăng say tỏ vẻ uy quyền và giàu nghi ngờ. Làng hoàn toàn hoang vắng, kẻ độc nhất ở lại trở thành kẻ đáng ngờ. Gã chịu hai cái tát nổ đom đóm mắt, ba cái đá đít. Thay vì khóc lóc, van xin, gã cười. Nhờ thế, người ta hiểu ngay gã thuộc loại người nào, và cái tát thứ ba, cái đá đít thứ tư không xảy đến. Gã thành trò vui của bọn nghĩa quân trẻ tuổi. Họ cho gã ăn uống no nê, gã còn được đãi rượu nữa. Hơi men bốc lên, gã múa may, hát hồng. Rồi chính gã ôm cò đào đi cắm khắp nơi trên từng lều chợ, ở tiệm tạp hóa của người Tàu, ở chuồng ngựa, cả trên nhánh cây gạo cao ngắt nữa. Nhờ gã mà từ bên kia sông Côn, dưới cầu Phụng Ngọc, từ gò Miếu, mọi người có thể thấy được lá cờ đỏ phấp phới ở chợ An Thái, tăng thêm thanh thế cho lực lượng nghĩa quân và khiến cho quân phủ nơm nớp khiếp sợ.

Mắt của Mẫn để ở đâu mà không trông thấy gã! Thật khó hiểu, nhưng sự thực vẫn thường xảy ra như vậy. Đến một buổi sáng, hình như buổi sáng sau hôm Huệ từ Kiên Thành trở về, Mẫn "thấy" gã khờ nhờ sắc cờ đào. Trời hôm ấy trong xanh, nắng thủy tinh nhảy múa rải hoa lên các lối đi dưới những tàn cây. Gã cầm một cây cờ đào - về sau Mẫn biết gã đã gỡ lá cờ này từ một lều chợ - đi về phía nhà Hai Nhiều, vừa đi vừa hát một điệu khách, Mẫn thì vừa gặp Huệ ở gò Miếu và đang trở ra bến sông. Họ gặp nhau chỗ bụi tre gần chái nhà cháy của ông giáo. Hai người cùng dừng lại, nhìn nhau ngỡ ngàng. Ánh mắt hoang dại và rạng rỡ nhờ phản chiếu màu cờ, trở nên xao xuyến, dò hỏi, lúng túng, lo âu. Chính lúc đó chính Mẫn nhận ra được anh mình!

Và kỳ diệu thay, cũng chính lúc đó, do sự kích động đột ngột và cực độ, gã khờ tìm lại được trí nhớ. Gã bập bẹ, run run hỏi:

- Mắm... có phải Mắm không?

Mắm chỉ chờ có thể. Hai anh em ôm chầm lấy nhau, nghẹn lời không nói được câu nào, hết khóc lại cười, hết cười lại rời nhau ra mà nhìn nhau. Vẫn chưa dám tin ở mắt và tai mình, gã khùng hỏi:

- Có phải em không hở Mắm?

Mắm nuốt nước mắt nói:

- Phải, em đây. Sao anh ra nông nổi này!

Gã khờ nhìn xuống quần áo, thân thể mình, và lần đầu tiên sau bao năm, gã thấy mình xơ xác, dơ dáy. Gã xấu hổ đưa tay kéo cái quần lên cho che bớt cái rún bần, cùng lúc đó gã cảm thấy lạnh lạnh nơi háng. Quần gã mặc đã rách đáy từ bao lâu rồi! Gã tủi thân, òa lên khóc như một đứa con nít vừa bị giành mất cái bong bóng lợn ngay giữa đêm ba mươi.

*

* *

Niềm vui của Huệ trầm lắng và phức tạp hơn. Sau khi đưa Mắm đến chỗ gốc mít trên gò Miếu, căn dặn Mắm kỹ càng những điều phải làm, Huệ đứng một mình nhìn mãi mấy đám ruộng hoang quanh gò. Từ lâu bị bỏ giá, đất ở đây trở lại cần cỗi, cỏ dại mọc lơ thơ không che nổi mặt ruộng khô nứt. Huệ thấy lòng lâng lâng, buồn vui lẫn lộn. Từ bao lâu nay, anh ao ước được một mình tận hưởng cảm giác hạnh phúc của giờ phút này, ở tại đây, nhưng đạt được buổi sáng mơ ước đó, anh thấy chưa vui trọn. Cảm giác khoái lạc, hương vị của hạnh phúc không rõ ràng như anh tưởng, mà hình như bị nhòe đi, như một trang sách gặp mưa. Có cái gì thiếu thiếu, dang dở, cái gì vương vấn, lơ lửng! Kỷ niệm lẫn quất làm nhạt cả ánh nắng. Phải rồi! Chỗ kia, nơi cỏ mọc dày sắc xanh hơn, là con mương nhỏ thoát úng mà ông giáo, Chinh và Huệ đã hợp sức nhau đào suốt hai buổi chiều mới xong. Mô đất cao kia là nơi mà anh và ông giáo ngồi bên con cúi leo lét bàn chuyện ông Tử Trường, quanh co không lối thoát giữa hai nẻo chính tà, lúng túng chưa biết lẽ phải thuộc về kẻ ăn trộm lười câu hay thuộc kẻ ăn trộm nước. "Căn nhà ngái ngủ" quay về phía mặt trời lặn đã bị thiêu rụi, dĩ nhiên chái nhà học cũng không còn! Dấu tích của một thời chỉ là tro bụi! Huệ nhớ lại những mơ ước thầm kín của mình, nhớ lời quở trách nghiêm khắc và những câu khuyên răn dè dặt mơ hồ của anh cả. Lòng Huệ chùng xuống, ngùi ngùi! Anh ngạc nhiên thấy Mắm trở lại gò Miếu với một người nữa. Họ tới gần hơn, Huệ nhận ra gã khùng. Điều lạ là họ nói chuyện rôm rả với nhau, anh đoán thế nhờ cử chỉ và gương mặt của họ. Tay Mắm cầm một lá cờ đỏ. Đến chỗ mô đất cao, Mắm giơ cán cờ cao lên phất mạnh, lá cờ phấp phật reo vui trong gió. Mắm la lớn cho Huệ nghe:

- Anh có biết ai đây không?

Huệ không dám nói hai tiếng "gã khờ", vì đoán trước phải có điều gì bất thường và quan trọng lắm Mắm mới quay lại. Mắm chạy đến chỗ Huệ đứng, trở gã khùng phía sau và nói:

- Thật bất ngờ! Anh ruột của tôi đó!

Huệ quay ngoắt lại, hỏi bạn:

- Anh ruột? Đừng nói đùa!

- Thật mà! Hai anh em lưu lạc xa nhau bao năm không tìm ra, ai ngờ... Vui hơn hết là đột nhiên anh ấy hết dở người... hết điên rồi! Chuyện khó tin nhưng có thật đấy!

Người anh của Mắm đã đến nơi hai người đứng. Ông ta lúng túng kéo quần lên, chột nhớ chỗ

rách đầy xấu hổ, vội thả lưng quần trượt xuống, kéo hai vạt áo bấn che cái bụng lại. Mắm quá vui, không chú ý đến vẻ bối rối của anh, bảo Huệ:

- Chuyện anh ấy ly kỳ lắm. Để tối, à quên, tối nay tôi phải đi tuần dọc sông, không được, để mai tôi kể cho anh nghe. Anh ấy đau đớn, u uất quá phát điên lên, bỏ mất cả trí nhớ bao năm nay. Bây giờ... à quên..., anh ấy vừa hỏi tôi cái cô bé trước đây ở cái nhà này, ý anh ấy bảo nhà thầy giáo đó mà, anh ấy hỏi cô bé đó bây giờ ở đâu rồi! Anh thấy lạ không. Chuyện đời quanh quẩn lung tung, cuối cùng mọi sự lại xoay về thành cái vòng tròn. Mà anh có biết vì sao anh tôi hỏi cô An chưa?

Huệ đưa mắt ngẫm hỏi "gã khờ". Hai tay vẫn giữ chặt lấy vạt áo để che cho kín bụng, ông ta buồn rầu đáp:

- Khuôn mặt cô bé đó giống y khuôn mặt vợ tôi. Phải, giống nhau như hai giọt nước. Nhờ ơn trời, bây giờ tôi nhớ rõ cả mọi sự. Nhưng giá tôi quên hết được mọi sự thì hay hơn nhiều! Huệ tế nhị không muốn tò mò tìm hiểu những khúc mắc chắc là đau buồn của anh em Mắm, tìm chuyện khác vui hơn, Huệ nói:

- Người mà bác tìm không còn là cô bé nữa. Đã lớn lên, cao đến bằng chừng này rồi.

Người anh Mắm hỏi:

- Thực à! Nhưng cô ấy ở đâu?

Mắm đáp thay Huệ:

- Ở trên Tây Sơn thượng. Cũng sắp về đây thôi.

- Chừng nào mới về?

Huệ nhìn về phía Phụng Ngọc đáp:

- Còn tùy. Phải chờ xem chúng nó động tĩnh thế nào!

*

* *

Lá cờ đào dài hai ba thước phất phới trên ngọn cây gạo của một kẻ vừa tìm lại được trí nhớ và phẩm chất làm người, càng ngày càng trở nên nổi ám ảnh khủng khiếp đối với đám quan quân bạc nhược dao động cực độ bên kia cầu Phụng Ngọc. Đúng như lời Huệ nói, guồng máy triều đình ở phủ Qui Nhơn thời bấy giờ vẫn còn lớn như một quả bí, nhưng là một quả bí thúi ruột. Kinh đô dùng dằng, quan phủ hoang mang, quân đội rệu rã, bàn tay cầm gươm của tướng lẫn bàn tay cầm giáo của quân đều rịn mồ hôi sợ. Chưa cần đến tiếng ó xông trận đâu! Chỉ cần một lá cờ đỏ tung bay trên ngọn cây gạo cũng đủ cho chúng bủn rủn chân tay. Không cần chờ lâu, Huệ đã hiểu rõ sức mạnh của phía mình. Các tin tức Bùi Văn Nhật thu lượm được thêm bằng chứng mới để Nhạc yên tâm, bớt ái ngại lo âu vì sự xốc nổi thuần cảm tính của Huệ.

Nhờ thế, Tây Sơn mạnh dạn ổn định tổ chức chính quyền ở các vùng chiếm được. Dân An Thái bớt thái độ chân trong chân ngoài, bắt đầu tuân phục các "mệnh lệnh" của "mấy cậu trẻ con". Đối với các bô lão đã từng chứng kiến bao nhiêu đổi thay, phế hưng trong đời, thì tuổi tác của Huệ và Mắm còn quá trẻ để họ tin tưởng. Họ chờ xem thời thế biến chuyển ra sao đã! Nhưng chờ mãi họ không thấy quân phủ dám vượt qua cầu Phụng Ngọc. Tiếng trống dội từ hướng đông ròi rã, yếu ớt dần từng ngày. Dân làng tự thấy phải mau mau thích nghi với đổi thay mới. Công việc của Mắm trở nên dễ dàng hơn. Các vụ kiện tụng, trộm cướp, ẩu đả ít đi. Bọn vô lại lẫn trốn qua bên kia sông, rơi vào tay toán quân của Tuyết. Nhưng các thuận lợi khách quan ấy không khiến cho Huệ có ảo tưởng về khả năng mình. Anh biết mình còn quá trẻ để đảm đương công việc hành chánh. Cho nên, hai tuần sau khi chiếm được An Thái, Huệ yêu cầu anh cả tìm

người về tổ chức guồng máy cai trị cái làng quan yếu về chiến lược này. Nhạc suy nghĩ một đêm, và không tìm được ai thích hợp hơn Hai Nhiều.

Hai Nhiều vồ lấy đề nghị của Nhạc giống y cách một chú mèo đói vồ con chuột béo. Trong cơn say mê quyền hành, ông ta trở nên liều lĩnh khác thường. Nhận được thư của Nhạc lúc tờ mờ tối, Hai Nhiều bỏ cả bữa ăn dở, hối thúc vợ con thu dọn quần áo đồ đạc, để khởi hành ngay đêm ấy. Báo hại bà Hai lính quính không biết nên đem về thứ gì bỏ lại thứ gì! Hai Nhiều quát mắng vợ và Kiền ằm ỉ. Hai người đàn bà vừa lo thu xếp hành lý vừa khóc ầm ức, không dám nói lên sự sợ hãi nguy hiểm trên đường rừng. Những nhà lân cận tưởng chỉ là chuyện cãi vã thông thường giữa hai vợ chồng, không ai buồn đến tìm hiểu nữa. Họ "về quê" đột ngột, gần như lén lút, không ai hay biết gì.

Huệ biết trước Hai Nhiều sẽ về An Thái, nhưng không ngờ ông ta dám dẫn luôn cả gia đình về chỗ tranh chấp nguy hiểm ấy. Từ chỗ đóng quân của Huệ trên gò Miếu, ông băng đồng chạy thẳng về nhà. Vợ con ông ôm xách đủ thứ đồ đạc lĩnh kính mếu máo chạy theo không kịp ông. Chạy một hồi, ông chợt nhớ đến họ, quay lại thấy bà Hai và Kiền còn ở tít phía sau. Bà Hai đánh vỡ cái bình sứ, Kiền để tuột tay bọc quần áo rơi cả xuống vũng lầy. Ông lại quát tháo, chửi mắng, nhưng nhất định không chịu trở lui giúp vợ con. Ông để mặc họ, tiếp tục chạy trước về nhà cũ.

Những lời đồn đãi lâu nay Hai Nhiều đã nghe đều sai sự thực. Quân phủ chỉ đốt rụi nhà ông giáo, còn nhà Hai Nhiều không hề hấn gì. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Hai Nhiều vừa chạy vừa nhắc đi nhắc lại cho mình nghe lời mừng rỡ khôn xiết ấy, tuy thở hổn hển nhưng ông không thấy mệt nhọc chút nào. Vâng, nó vẫn còn đó, mái nhà thân yêu của ông. Cửa ông! Cửa ông! Cửa ông!

Cửa cổng bị trật ngàm nghiêng ngả. Ai đó cột tạm hai cánh cổng chắc chắn dính đầy phân trâu bằng một sợi mây. Không đủ bình tĩnh tháo nuốt dây ra, Hai Nhiều lóng ngóng leo đại qua cổng. Ông suýt té chúi vào phía trong. Ông gượng lấy được thăng bằng, đứng thẳng người nhìn căn nhà. Và lòng ông đau buốt, như có ai đâm kim vào ngực ông. Những khuôn cửa lớn, cửa sổ, bằng gỗ lim chắc chắn và láng bóng trau chuốt từ thời Tư Thới đến thời Hai Nhiều, niềm hãnh diện thầm kín nhưng lớn lao của ông, đã bị gỡ tháo đi mất! Căn nhà trống toang hoác như một khuôn mặt người mù trúng phong. Chân ông bủn rủn. Ông khụy xuống, trước mắt mái nhà biến thành một bệt khói diên đảo quay cuồng!

*

* *

Hai Nhiều bận đi truy tìm những kẻ dám tháo gỡ mấy khuôn cửa quý của mình nên dành cho vợ cái quyền tự do lựa chọn một căn nhà để ở. Bà Hai chỉ chờ có thế. Căn nhà cũ đối với bà là một dấu tích của một đời làm dâu làm vợ nhọc nhằn, tủi cực, cay đắng. Mấy khuôn cửa trời đánh ấy bị mất ư? Càng tốt. Biết bao buổi trưa trong đời bà, trong khi mọi người được quyền ngả lưng đầu đó để tạm nghỉ, bà phải lấy giẻ đánh bóng từng khuôn cửa một, nhiều hôm mồ hôi và nước mắt nhỏ giọt trên tấm vải cũ!

Gia đình bọn hào lý trong làng chạy theo đám quan quân xuống trốn dưới phủ, nên An Thái còn nhiều nhà vô chủ. Hai mẹ con chạy đến nhà tên tri áp. Sự sang trọng vượt quá sức tưởng tượng của họ. Đây rồi, căn nhà mơ ước! Nhưng hôm sau, ra chợ bà Hai lại nghe tin bọn trộm đêm qua cạy cửa vào khiêng cái tủ chè khảm xa cừ ở nhà chánh tổng. Tủ xa cừ? Trời hỡi! Sao hán không khiêng theo mà bỏ lại! Hoài của! Có mất gì thêm không? Chắc còn nhiều đồ đạc quý giá hơn

chứ!

Hai mẹ con chạy đến nhà tên chánh tổng. Lại đây rồi, ước mơ của đời mình! Mâm thau có chạm nổi, sập chén bát toàn sứ Tàu, chuồng ngựa, bàn chân nai, trường kỷ gỗ trắc có khắc đủ mai lan cúc trúc, liễn đối thêu sắc sỡ! Lại dọn nhà. Hai Nhiều tức tối vì tra chưa ra bọn ăn cắp khuôn cửa nên không có thì giờ nghe những lời khoe khoang của vợ, nhìn bao nhiêu xa hoa quý giá với đôi mắt dửng dưng. Vả lại, trong thâm tâm, ông cho rằng đây là phần thưởng xứng đáng với chức vị và trách nhiệm to tát của mình, không có điều gì mà phải nói thêm. Công việc của Hai Nhiều tuy không còn nặng nhọc như công việc của Mắm và Huệ trước đây, nhưng phải nhận là khá vất vả. Gần như toàn bộ những gì liên quan đến việc hành chánh đều là trách vụ của ông. Nhờ thuộc lòng gia cảnh từng nhà ở An Thái, biết tường tận nét mặt, nghề nghiệp, quá khứ tính tốt và nét xấu của từng người (kể cả những đứa trẻ lên bảy) Hai Nhiều thanh lọc dễ dàng những kẻ vô lại trà trộn trong dân chúng để thừa cơ hôi của. Nghe tin Hai Nhiều về hôm trước, hôm sau chúng đã chuồn đi sạch. Hai Nhiều nở mặt nở mày, tự ngẫm nghĩa cái uy của mình. Giọng ông nói cao lên một bậc, mắt nhìn chếch lên trên đỉnh đầu kẻ khác. Ở đình làng, chỗ làm việc chính thức của ông, Hai Nhiều đã bỏ cái tạt ngồi ghé vào một góc ghế, cùng một lúc bỏ luôn cái đức nhún nhường lắng nghe kẻ khác nói từ câu đầu tiên. Gặp ông bất cứ lúc nào ở đình cũng thấy ông đang bận. Nhắc nhở cho ông nhớ rằng dân họ đã ngồi chờ ông rảnh một chút để giải quyết giùm công việc cho họ là một xúc phạm lớn lao, nặng nề đến danh dự, thế giá, uy quyền của ông.

Mà ông có nhiều uy quyền thực! Quân phủ vẫn án binh bất động bên kia cầu Phụng Ngọc, nhưng ai hiểu được chúng đang toan tính những gì? Chúng có dám vượt cầu tấn công An Thái không? Chắc chắn chúng đã tung vào làng nhiều tên do thám để nắm rõ tình hình An Thái. Đó là chưa kể những vụ cạy cửa trộm cắp vẫn chưa dứt tuyệt. Nhu cầu an ninh ở vùng đất tranh chấp đã khiến quyền uy của Hai Nhiều trở nên tuyệt đối. Vì lợi ích của chính "bà con", vì sự an toàn sinh sống làm ăn của từng người, vì giấc ngủ, muống cơm của từng cháu bé, vì... vì đủ mọi thứ thiêng liêng trên đời, đặc biệt đối với quê hương Hai Nhiều, ông buộc lòng chứng tỏ quyền uy của mình. Buộc lòng phải áp dụng một thứ kỷ luật sắt. Phải trừ cho hết bọn do thám và bọn trộm cắp, trước mắt là tìm cho ra và trừng phạt gắt gao bọn dám gõ mấy khung cửa nhà ông! Ở vào hoàn cảnh ấy, bọn xu nịnh và bọn leo mép muốn tăng công nhờ vả hoặc thanh toán hiềm khích oán cừu tích lũy từ lâu đời thật không thiếu! Hai Nhiều nhận được nhiều nguồn tin sai, trừng phạt oan một vài người quen biết. Ông dè dặt được một lúc, lại gặp những kẻ xu nịnh leo mép khôn khéo linh lợi hơn. Cái trò lẩn quẩn đó làm rối đầu Hai Nhiều, cuối cùng ông phải bỏ ý định tìm cho ra thủ phạm vụ trộm dơ dáy! Ông cảm thấy uy tín bị sút giảm, uy quyền bị sút mẻ. Chưa biết làm cách nào phục hồi thế giá của mình, Hai Nhiều may mắn được Bùi Văn Nhật khuyên nên cấp thẻ bài cho dân An Thái để dễ kiểm soát họ hơn.

Ông vồ vập chụp lấy cơ hội quý giá đó như đã vồ vập nhận lời đề nghị của Nhạc. Hai Nhiều ra nghiêm lệnh bất cứ ai đến tuổi vào sổ đình khi ra khỏi nhà đều phải đeo thẻ bài. Mỗi thẻ lớn bằng ba ngón tay, có đề tên họ và dấu điểm chỉ của từng người. Để đề phòng bọn lưu manh làm thẻ giả, Hai Nhiều ký một chữ nhỏ vào góc phải mép trên thẻ bài. Đây là sáng kiến riêng của ông. Hai Nhiều quên nghĩ là mình ít học, mỗi lần cầm cây bút lông ông cứ lúng ta lúng túng. Tay ông run, mắt ông lại kém, vợ con ông nhìn ông đêm đêm phải nhịu mày méo miệng, đổ mồ hôi gò cho được một chữ ký vào góc thẻ, thương hại ông mà không dám nói. Cuối cùng ông tìm ra được một sáng kiến chín chắn. Thay vì ký trọn chữ Nhiều quá nhiều nét, ông chỉ khuyên lấy

một cái vòng méo, cho nó xong nợ!

Xuân Huề được giải phóng đột ngột nên bọn hào lý không kịp đem gia đình chạy theo đám quân phủ như ở An Thái. Huệ dẫn quân theo đường rừng, từ núi Chóp Vàng men theo núi Đồng Sim chặn hết đường rút xuống phía đông. Hơn một nửa quân phủ bị kẹt lại, phải cởi quần áo trà trộn trong dân chúng, hoặc lội sông qua phía bên kia. Cho nên không giống như Hai Nhiều vô vọng tìm kiếm kẻ dám gõ mấy khuôn cửa quý của nhà mình, Lợi về Huề gặp được gần đủ những kẻ liên quan xa gần đến cuộc tàn sát gia đình anh. Chỉ cần một buổi tối lân la trò chuyện với láng giềng cũ, Lợi đã biết hết: Người nào dẫn quân phủ đến chỉ nhà mẹ Lợi, người nào chỉ chỗ Phúc trốn, người nào sốt sắng tháo sợi dây xích nước cho quân phủ mượn trói các nạn nhân, người nào được bọn lính canh cho phép khiêng bộ phận gỗ về trước khi phóng hỏa. Kể cả những người vài hôm sau vào vườn nhà Lợi mót máy những rui mè cột kèo cháy dở về làm củi đun, Lợi cũng biết tất. Một thứ không khí nơm nớp lo sợ bao phủ khắp Huề. Người người chờ bão, run rẩy vì khủng khiếp hoặc tò mò.

Nhưng Lợi không làm gì cả. Công việc của Lợi buộc anh phải đi khắp nơi lo vận chuyển tiếp tế quân lương, tiếp thu số thóc tịch biên được nhập kho rồi phân phối đến các nơi. Kiểm soát thanh lọc, quản lý Huề là việc của người khác. Dân Huề chỉ thấy Lợi đi đi về về, mỗi lần Lợi về cả làng xôn xao, thấy Lợi đi họ kinh ngạc. Cứ như vậy mấy lần, cuối cùng sự chờ đợi cũng bớt căng thẳng. Kẻ tự cảm thấy có tội hoàn hồn, còn những bọn tọc mạch hiếu kỳ thì thất vọng. Cho đến hôm Lợi đem vôi, cát về làm mả cho mẹ và anh chị. Nhữn nhận, cẩn thận trong cách xử thế như một người đứng tuổi từng trải, Lợi đem quà cáp đến biếu cho những người thợ vôi trước khi ngỏ ý nhờ họ xây mộ cho thân nhân với một giá công quá cao. Đừng nói chuyện trả công! Lợi không trả gì cả, không biếu xén gì cả, họ cũng vui vẻ làm giúp cho Lợi mà! Cái chết thảm khốc của toàn gia đình đã gây xúc động mạnh cho dân Huề, họ quên ngay cái tính keo kiệt bủn xỉn của mẹ Lợi, xem đó là đức tính táo tợn đáng làm gương cho hết thảy những bà nội trợ.

Chỉ trong hai ngày, ba ngôi mộ trên khu đất cao gần bờ sông đã xây xong. Lợi đến nhà người đã khuân tẩm phản gỗ nhà mình, bằng một giọng lễ phép gần như e dè, xin cho Lợi được mượn nhà bày một mâm cơm cúng mẹ và anh chị. Giọng Lợi buồn buồn:

- Hai bác tính, bây giờ cháu tứ cố vô thân, không nhà không cửa. Đến mâm cơm giỗ mẹ cũng không biết đâu mà đặt. Hai bác thương cháu, cho cháu được nhờ hai bác chút việc...

Chủ nhà sợ đến lú lẫm nhưng cũng cố nói:

- Không có gì, không có gì đâu cháu. Không có gì đâu cậu. Bà con hàng xóm với nhau, thấy tình cảnh cậu chúng tôi ái ngại lắm. Đừng nói chuyện nhỏ nhặt như cho mượn nhà! Chuyện gì lớn hơn, chúng tôi giúp được thì dù tốn kém đến đâu chúng tôi cũng không ngại! Thôi, chúng tôi

thừa với cậu thế này, cậu đừng giận thì chúng tôi mới dám nói.

- Hai bác quá lời. Cháu phận nhỏ đâu dám giận hai bác.

- Đây là chúng tôi sợ quần thể thôi. Bây giờ cậu đã lớn rồi, đã là ông này ông nọ, đâu phải như trước. Chúng tôi có ý sẵn sửa giúp cậu mâm cơm cúng. Cậu đừng từ chối. Chúng tôi buồn lắm. Không tốn kém gì lắm đâu. Gà vịt hoa quả có sẵn trong nhà cả. Cậu một thân một mình, bà con láng giềng không nấu nướng giúp cậu thì ai lo! Chẳng lẽ nhờ mấy cậu lính. Bằng lòng nhé, bằng lòng đi cho chúng tôi vui lòng nhé!

- Cháu sợ làm phiền bác gái và mấy em quá. Hai bác đã có lòng tốt thế, làm sao cháu dám từ chối. Nhưng cháu chỉ dám nhờ công nấu nướng thôi. Tiền mua gà vịt, rau rấy, cháu xin gửi trước để...

- Không, không. Ai lại làm thế. Cậu chỉ bày vẽ. Chúng tôi đã nói toàn cây nhà lá vườn cả, không hao tốn đồng nào đâu. Cậu đi định cúng vào giờ nào? Khách khứa bao nhiêu vị?

Lợi ngồi trên cái phản đặt ở hiên trước, gương mặt bần thần vì mãi lo lắng. Chủ nhà bần chồn. Lợi e dè nói:

- Cháu cúng vào buổi chiều. Còn khách khứa thì... cháu sợ ồn ào quá. Thôi, cháu chẳng mời ai cả.

Chủ nhà dấy nẩy:

- Đâu được! Chúng tôi đã bảo cậu không nên khách sáo. Ông nội mấy cháu có khó tính thực, nhưng chúng tôi sẽ thừa trước. Cậu muốn mời ai cứ mời đi. Đừng ngại.

Lợi lại suy nghĩ, hai bàn tay hết bóp vào nhau lại di di trên mặt phản bóng. Lợi nói:

- Cháu định mời một số anh em quen biết, ơn nghĩa từ trên Tây Sơn thượng.

- Thì cậu cứ mời đi. Mấy thuở họ đến làng mình!

Lợi đành phải vâng ý chủ nhà. Số "anh em quen biết ơn nghĩa" của Lợi là tất cả nghĩa quân trong toán hiện đóng tại Huê, nghĩa là gần năm mươi người trai tráng ăn khỏe, nói năng rõ ràng, cười đùa ầm ĩ.

Nghe tin Lợi về làng lo giỗ mẹ và anh chị, nhiều nhà có tai mắt rủ nhau đếm "phúng điếu", gọi là tỏ lòng thương tiếc những người quá cố oan uổng. Lợi mặc đồ tang trắng, đội mũ rơm, mắt rơm rớm đỏ, lâu lâu đưa vạt áo giơ lên quệt nước mũi, thân hình tiều tụy xơ xác như vừa mới mất mẹ và anh chị hôm qua hôm kia. Lợi đứng nghiêm trang bên bàn thờ, lạy trả những người đến phúng viếng. Anh còn nhờ một nghĩa quân lanh lẹ ghi sổ một cách tỉ mỉ các đồ phúng điếu. Ghi cả đến một nén nhang, một đèn sáp, một đĩa cam. Trong khi người bạn Lợi cầm cúi ghi chép, Lợi bối rối giải thích với người đến viếng:

- Ấy cháu nhờ ghi chép cẩn thận để sau này trả ơn. Hiện giờ thì cháu khổ sở, côi cút, nhưng biết đâu sau này cháu lập gia đình, làm ăn khấm khá, thế nào con cháu của cháu cũng lo đền đáp lòng tốt của bà con cô bác. Em ghi đi, bác Tám Thấu một nải chuối và hai bao nhang. Thiểm Trục một đĩa trà... Chú Bảy Thìn một hộp... hộp gì đây, thưa chú. Hộp bánh. em ghi đi, chú Bảy Thìn một hộp bánh...

Bảy Thìn là người có lòng tốt tháo dây gàu cho quân phủ mượn để trói mẹ Lợi. Hộp bánh chú Bảy đem phúng điếu nặng khác thường. Những người có liên quan xa gần, nhiều ít đến cuộc thăm sát trước đây, không ai dám không đếm lạy bàn thờ mẹ Lợi mấy lạy. Họ cũng không đến tay không. phần lớn đều bắt chước lối xử thế khôn ngoan của chú Bảy!

*

* *

Từ đó, mỗi lần về Huê, Lợi thường ghé nhà chú Bảy. Số "anh em biết ơn nghĩa" của Lợi lại được dịp chèn chén no say. Thím Bảy Thìn, một người đàn bà nhỏ thó, quần áo lôi thôi, nét mặt già nua khắc khổ đến nỗi mới gặp ai cũng tưởng đó là chị hai của chú Bảy, từ lâu quá chán ngán cho cái tính tham danh trái chứng của chồng, lần này mới có đủ lý do vật, rần rục chồng mà không bị la mắng chửi rủa.

Ngoài mặt thì lúc nào thím cũng đơn đả, ân cần với đám bạn trẻ trung của Lợi. Nhưng ở chỗ khuất kín, sau khi tiệc tàn mâm bát bề bộn, thím vừa dọn dẹp vừa gạt nước mắt thầm. Ước vọng được chen chân vào hàng chức sắc, khỏi bị xem là thứ dân ngụ cư mặt hạng, cái ước vọng thầm kín đó thuở mới lấy nhau thím có chia sẻ với chồng, cùng chồng tử cực trước sự khinh khi của làng xóm. Càng có tuổi, thím càng khác chồng. trong khi chú Bảy vẫn hăm hở dáo dác đi tìm một cơ hội nào đó thực hiện ước vọng của mình, thì thím Bảy cảm thấy tất cả mọi sự ở đời đều như cơn gió thoảng. Thím chín chắn trước chồng, già cỗi trước chồng. cho nên thím âm thầm chịu đựng hậu quả của các hành động vụng tính hời hợt của chú Bảy, với niềm cay đắng pha lẫn khoan dung. Đủ thứ hạng lưu manh dưới phủ Qui Nhơn đã tiêu phí khá nhiều tiền của của chú Bảy, mà lời hứa hẹn chỉ là lời hứa hão qua quýt. Bây giờ thời thế chuyển xoay, lại thêm một lần trả nợ cho chồng. Một món nợ nặng nề không biết bao giờ mới trả hết, vì Lợi cứ ghé nhà vợ chồng thím hoài.

Một hôm giữa hai cuộc rượu, thím thấy chồng xì xầm gì đó với một người "anh em" của Lợi. Hai người có vẻ tương đắc với nhau lắm, kéo riêng ra một góc vườn kín đáo nói chuyện với nhau. Lâu lâu "người anh em" nói giọng Phù Mỹ hơi chát của Lợi liếc nhìn về phía sân tiệc như sợ bạn bè khám phá thấy mình lén lút nói chuyện riêng với chủ nhà. Thím Bảy lòng như lửa đốt, sợ chồng lại phạm một sai lầm nữa do không bỏ được cái tính bông bột xốc nổi, chộp vội chộp vàng cơ hội kiếm chút công danh. Không thể chờ đợi lâu được, thím tìm có để đi ra phía vườn. Người lạ vội lảng đi chỗ khác. Thím Bảy thấy chồng hân hoan ra mặt, như vừa được chính thức nhận một danh phận. Không chờ vợ hỏi, chú Bảy nói:

- Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Để coi thử nó có dám vác mặt đến đây ăn cho hết nhà hết cửa người ta không!

Thím Bảy nói trong nước mắt:

- Tôi van ông. Làm cái gì cũng nhớ giùm đến vợ con. Chúng nó sắp chết đói, ông biết không. Hay gì mà gây thù chuốc oán với người ta!

Chú Bảy giận dữ gạt lời vợ:

- Bà biết gì! Cậu người Phù Mỹ hồi nãy, bà biết ai không?

Thím Bảy thở dài ngao ngán:

- Cá mè một lứa thôi, ông ơi.

Giọng chú Bảy đặc thẳng:

- Em ruột ông Huyền Khê đấy.

- Huyền Khê à? Làm gì có quan huyện tên Khê ở đây?

- Không, tôi nói Huyền Khê. Cái bà này, mới chừng đó tuổi mà đã lĩnh lãng. Ông ta là đệ tam trại chủ bên Kiên thành, lo việc quân lương, tức là người có quyền cho thẳng Lợi sống thì sống, muốn nó chết thì không còn đường thoát.

Hà, hà! Mày tưởng có thể bắm tao mà còn bòn rút đến thiên thu hay sao! Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Ngoài vòm trời này còn có một vòm trời khác. Tao đâu có ngán gì mày!

Thím Bảy sợ đến tháo mồ hôi hột, meo máo can:

- Mấy lâu nay ông không nghe mọi chuyện đảo điên hay sao mà còn tính ăn thua với người có thể! Gươm giáo thời này không có mắt đâu ông ơi! Mượn mũi giáo đầu này thọc đầu kia, nhiều khi thiên hạ không hề hấn gì mà mình chảy máu trước. Tôi lạy ông, cho mẹ con tôi được sống yên cái đời thừa này!

Chú Bảy giận lây đến vợ:

- Hứ, bà tưởng phải năn nỉ nó tha cho mẹ con bà sống hay sao! Sống như thế này thà chết quách đi cho mát thân! Bà cứ để mặc tôi. Mình cố thu vén lo cho một lần này nữa, chỉ một lần tổn kém đúng chỗ mà về sau khỏi phải bấm bụng cung phụng chè rượu cho tụi lâu la này. Chỉ một lần nữa, lần cuối cùng, bà nghe chưa. Xong việc này tôi thề không ham gì nữa. Bà bảo sao tôi nghe vậy.

- Ông thề như vậy biết bao lần rồi!

- Lần này tôi thề thật. Thấy mẹ con bà héo hắt, của cải dành dụm đổ ra hết, tôi phải biết nghĩ chứ. Không biết nghĩ tôi còn là người nữa không. Cậu ấy đã hứa chắc rồi. Không nhiều lắm đâu. Bảy Thìn do dự trước khi cho vợ biết số tiền định lo lót cho Huyền Khê. Đàng nào thì cũng phải nói thôi! Chú bậm môi, nói nhỏ cho vợ hay con số. Thím Bảy tưởng đất trời đột nhiên điên đảo, cây cối trong vườn gốc ngọn ngược ngạo. Bảy Thìn phải dìu vợ vào nhà, trong khi tiếng cười ngoài sân tiệc vẫn ầm ỉ.

*

* *

Nếu không có cái tật lảm lòi và tính tham lam bon chen gần như bệnh hoạn của Bảy Thìn, thì có lẽ Lợi không thể biết những gì xảy ra sau lưng mình. Từ khi Huyền Khê nắm giữ việc quân lương theo thỏa ước hôm rằm tháng Tám, vì hiểu rõ mình chỉ là một tên tướng không có quân, lạc lõng giữa một tập thể xa lạ đáng ngờ, nên Huyền Khê giao hết mọi việc rắc rối nào nhập kho, ghi chú, phân phát, vận chuyển, kiểm soát, kết toán... cho Lợi. Huyền Khê kiên nhẫn chịu đựng thân phận một thứ con tin, vì hy vọng rằng với tài tháo vát của Nguyễn Thung, cộng thêm sự dũng mãnh liều lĩnh của Tập Đình, Lý Tài, thế nào phe mình cũng thắng thế. Phải biết tùy thời mà xuất xử! Đến như Lã Vọng mà còn có thời ngồi nghe tóc bạc bên bờ sông Vị nữa là! Vốn khéo léo đối xử với người chỉ huy trực tiếp, không bao giờ Lợi tỏ ra dám vượt quyền Huyền Khê. Như mọi khi, Lợi chuyên đứng ở hậu trường, nhường cho hình nộm trước sân khấu sự hãnh diện phù phiếm. Lòng tự ái của Huyền Khê không bị động chạm. Mọi việc đều do Lợi xếp đặt, nhưng trước khi thi hành, bao giờ Lợi cũng nói qua Huyền Khê một tiếng. Cho là phải phép rồi, Huyền Khê gật. Nhưng dù sao Lợi vẫn còn ít tuổi hơn Huyền Khê nhiều. Lúc nào đưa ra đề nghị gì Lợi đều thấy Huyền Khê chấp thuận không đắn đo, do dự. Thế mà phải thật lâu về sau, Lợi mới thấy mình trở thành thuộc hạ ngoan ngoãn của Huyền Khê. Lợi bận quá nhiều việc, chuyển lương liên miên cho các toán quân phía bắc sông Côn. Còn mặt nam, như Du Thái, Xuân Huê thì có những người ít khả năng hơn phụ trách, vì công việc đơn giản hơn. Bẵng đi gần nửa tháng Lợi không có dịp về Xuân Huê vui vẻ với "anh em" nữa. Chỉ có một lần phải xuống Du Thái gọi Năm Nhiều lên Kiên thành gặp Nhạc gấp, trên đường đi ghé tạt Xuân Huê thăm mộ mẹ, Lợi lỡ đường ngủ tạm đó một đêm. "Các anh em" trách Lợi bỏ rơi họ, nhắc lại những đêm vui bên bàn rượu. Một người thuật cho Lợi nghe lời huênh hoang của Bảy Thìn. Thế là mọi sự sáng tỏ. Lợi biết hết những gì đã xảy ra, vì sao mình ít có dịp trở lại Xuân Huê.

Quá lắm rồi! Mình cho chúng nó lấy của đổi mạng mà chúng nó không biết ơn! Quá lắm rồi! Giờ lại quyền sở ghi danh sách những người đi điếu, dò tên từng người. Kiểm lại giá trị từng món,

Lợi tức giận. Khám phá ra rằng chúng nó mua sự yên ổn của cả gia đình đông đúc với những giá quá rẻ. Bọn vô ơn bạc nghĩa! Quân sâu bọ! Quá lắm rồi!

Về đến Kiên thành, Lợi tìm gặp ngay Huyền Khê. Huyền Khê bảo:

- Chú về thật đúng lúc. Dưới Thuận Tuyên họ vừa cho người lên bảo sắp cạn lương. Chú xem lại trữ kho An Vinh còn đủ không?

Lợi đáp:

- Vâng.
- Hay chú lấy ngựa đến tận nơi xem sao.
- Để xem đã.

Huyền Khê bắt đầu nhận thấy thái độ của Lợi có gì khang khác. Ông quan sát Lợi kỹ hơn, thấy đôi mắt oán giận và đôi môi mỏng mím lại. Huyền Khê hỏi:

- Chú mệt à?

- Vâng.
- Thế thì để tôi cho người khác thay chú cũng được. Chú về nghỉ cho khỏe. Có thuốc thang gì chưa?

Lợi nói:

- Cảm ơn bác. Chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Nếu có người thay thế thì cháu xin phép bác được tạt qua Xuân Huê một hôm. Lâu quá không thăm chú Bảy Thìn được.

Lợi vừa nói vừa cố dò xem phản ứng của Huyền Khê. Quả nhiên nét mặt ông ta đanh lại. Sau một lúc im lặng đôi bên cùng dò dẫm, Huyền Khê hỏi:

- Chú bà con với lão Bảy Thìn thế nào?

Lợi quyết tâm nói thẳng vào vấn đề, không e dè quanh co nữa:

- Chẳng bà con gần xa gì cả.
- Thế thì cần gì phải thăm nom!
- Nói thế cho đẹp một chút thôi. Cháu xin nói thật, lão ta là kẻ thù của cháu. Chính lão giúp đỡ cho quân phủ trối mẹ cháu lại, đem đi hành hình.

Huyền Khê làm vẻ kinh ngạc:

- Thật thế à? Sao lâu nay không nghe chú nói gì cả?

Lợi chua chát:

- Làm sao cháu dám nói. Lão ta có nhiều thế lực. Có nhiều người bao che cho lão.
- Bọn chánh tổng ư? Hay là quan huyện? Chú còn sợ gì chúng nó nữa! Chúng nó cao chạy xa bay cả rồi mà!

Lợi giận quá nói lớn:

- Không. Chính lão dựa vào thế lực ở đây, ở tại Kiên thành này này, để tiếp tục huênh hoang không kiêng dè ai cả.
- Lão ta khoác lác, chú tin làm gì!
- Thế bác biết lão ta à?

Huyền Khê vội chữa:

- Không. Tôi mới lên đây lạ nước lạ người, ngoài chú với ông Nhạc có quen biết ai đâu. Nghe chú thuật, tôi đoán thế!

Lợi mạnh bạo tiến thêm một bước nữa:

- Bác có nghe lão huênh hoang gì không?
- Làm sao tôi biết được. Chú hỏi như vậy là có ý gì?

- Cũng có chút ý nghĩa chứ. Vì có liên quan đến bác.

Sợ Huyền Khê cắt lời mình, Lợi vội nói luôn một mạch:

- Lão ta khoe là người thân thuộc với bác. Lão thách đũa nào lớn gan thử động đến sợi lông chân của lão xem, thử có sút đầu mẻ trán hay không. Đặc biệt lão thù ghét cháu. Lão nói: Mổ mắt cho to, xem tao trị thằng Lợi. Nó biết thân thì lánh mặt đi. Vác mặt về Xuân Hè, có chuyện đa. Bà con cô bác xem lâu nay nó có dám thò đầu về đây đâu! Nó về, một gáo nước lạnh tao cũng không cho, chứ đừng nói rượu thịt.

Huyền Khê nóng cả mặt, trừng trừng nhìn Lợi, lớn tiếng hỏi:

- Thế ra chú về đây để vấn tội phải không? Chú muốn bảo tôi bao che cho kẻ thù của chú lộng hành phải không? Chú trả lời đi! Có hay không? Việc này không phải nhỏ. Nếu ông Nhạc không chịu giải quyết, tức là đã ngầm sai chú đến đây làm nhục tôi. tôi chịu lên đây lãnh cái chức giấy bồi thọt mã này, không phải để người ta muốn làm gì thì làm. Chú trả lời ngay cho tôi. Chú muốn gì? Ai sai chú đến đây?

Lợi bắt đầu thấy việc làm của mình có nhiều nguy hiểm. Lợi biết cái thế liên minh giữa Nhạc và Nguyễn Thung có nhiều lỏng lẻo, nghi ngờ, và chỉ cần một hiểu lầm nhỏ mọn cũng đủ có thể xé lời thỏa ước tạm bợ hôm rằm. Càng nghĩ Lợi càng sợ, gai ốc nổi trên sống lưng Lợi. Lưỡi anh líu lại, tay chân run. Huyền Khê thấy hết vẻ sợ hãi của Lợi, càng làm tới:

- Chú không nói. Được. Tôi phải gặp ông Nhạc để hỏi cho ra lẽ. Nếu ông Nhạc không sai chú, thì chính chú là kẻ phá hoại, đâm bị thóc chọc bị gạo cho anh em ông Nhạc với anh em dưới Tuy Viễn gây gổ nhau, xích mích hiểu lầm nhau. Chuyện này quan trọng lắm, không thể bỏ qua được.

Nói xong, Huyền Khê vội vã lên trại chính gặp Nhạc.

*

* *

Chưa bao giờ Nhạc giận dữ như buổi trưa hôm ấy. Mắt ông đỏ lửa. Giọng nói cà lăm vì khấp người ông run lên. Mép môi trên co giật, dấu hiệu sự xúc động đã lên đến tột độ. Gần như một hội đồng kỷ luật được triệu tập khẩn cấp, gồm có Nhạc, Huyền Khê, Bùi Văn Nhật và Chỉ. Nhạc cho xếp hai bộ tràng kỷ thành một hàng dài, bàn phía trước đặt một đĩa trà và một khay trà. Chỉ sai lính hầu nhen thêm một lư trầm, mang lên đặt giữa khay trà và đĩa trà. Cửa lớn cửa sổ phòng họp đóng kín, bên trong thắp hai cây đèn bạch lạp lớn. Không khí phòng xử trang nghiêm đến lạnh lùng, khiến Huyền Khê cũng phải e ngại. Ông hối hận vì quá nóng giận mà xé to một chuyện không ra gì. Huyền Khê muốn bỏ qua, nhưng Nhạc cương quyết phản đối. Nhạc nói:

- Đây không còn là chuyện riêng giữa bác với thằng Lợi, mà trở thành chuyện lớn của tất cả chúng ta. Không nghiêm trị nó, tất sẽ có nhiều lời xuyên tạc, gây bất hòa giữa anh em với nhau. Chúng tôi cảm ơn lòng khoan dung của bác đối với bọn trẻ con, nhưng xin bác nghĩ đến đại cuộc, cho phép chúng tôi trị nó. Tội bay đâu, dẫn nó về đây!

Hai người lính dẫn Lợi vào. Nét mặt Lợi còn nguyên sự hãi hùng, chân chùn lại không dám bước đến trước hai bộ tràng kỷ. Cách bày biện bàn ghế khác thường, ánh nến lung linh, khói trầm tỏa lên, bao nhiêu sự xếp đặt cố ý của Nhạc và Chỉ rõ ràng đã tác động lên cân não mọi người, kể cả những nhà dàn cảnh. Không ai dám thở mạnh. Khuôn mặt người nào cũng bất động, mắt nhìn thẳng, hai bàn tay xếp ngay ngắn trên hai đầu gối. Thế ngồi thiếu thoải mái ấy một lần nữa tăng thêm vẻ cau có nghiêm khắc trên mặt các quan án. Lợi chịu đựng sao nổi cái

không khí đầy đe dọa ghê gớm ấy. Anh mất cả tài miệng lưỡi, và linh động quyền biến. Anh như cái xác chỉ biết vâng dạ, gật đầu chấp nhận hết. Mọi tội lỗi đều do anh. Mọi lời phao truyền cũng do anh. Các quan án cao lời buộc tội theo thói quen suy nghĩ của mình, gán cho Lợi những điều mình cho là không thể dung thứ trên đời. Chẳng hạn Nhật khép cho Lợi cái tội xem thường phép tắc. Chỉ thì bảo Lợi bài biếm lễ nghi, bất kính đối với tôn trưởng. Huyền Khê không dám nói gì thêm, chỉ e dè bảo tụy Lợi rất nhanh nhẹn tháo vát trong công việc, nhưng đôi lúc do sơ ý, cũng có vài trường hợp qua quyền. Kết quả phiên xử gần giống như mọi người đoán: Lợi phải chịu một bản án khá nặng nề. Vì dám xúc phạm đến vị chỉ huy khả kính của mình, vì lơ là trong công tác, Lợi bị truất hết mọi quyền hành, không được phụ trách quân lương nữa. Trong thời hạn một tháng, Lợi phải về trại Kiên thành làm một người bình thường, làm tạp dịch và giúp việc lật vật không quan trọng để có thì giờ ăn năn suy gẫm về lỗi lầm của mình. Sau một tháng, nếu Lợi phục thiện, biết tự sửa đổi tính nết, bấy giờ ban tham mưu sẽ họp để xét ân giảm cho Lợi, giao những trách vụ xứng đáng hơn.

Huyền Khê không dám ước mình được trọng vọng đến bậc đó. Ông bót hối hận, tự thấy mình đáng kính. Vâng, nếu ông có giận dữ mách chuyện đó với Nhạc, chẳng qua chỉ vì đại cuộc. Xưa nay ông vẫn được tiếng đại lượng khoan dung, nhất định không bao giờ có tâm địa nhỏ nhen. Phải chờ đến lúc men chiến thắng và tự mãn tan đi, Huyền Khê mới bắt đầu thấy lúng túng. Lâu nay việc quân lương do Lợi lo liệu cả, từ việc xuất nhập, sổ sách, cho đến điều động phương tiện chuyên chở. Quen biết rộng, giao thiệp giỏi, ăn nói khéo léo vừa ràng buộc vừa ve vuốt, lại luôn luôn kèm theo những món quà nhỏ gửi đúng lúc đúng nơi, Lợi giải quyết các khó khăn một cách dễ dàng, như một trò đùa. Đột nhiên Huyền Khê phải một mình lo lấy tất. Ông lúng túng, sợ không làm xong việc, sau đó sợ vì không làm được việc mà mất hết thể diện. Các trở ngại không biết từ đâu ùn ùn kéo đến phá quấy ông: đảng này kêu thiếu lương, đảng kia báo động lương sắp cạn. Kho thóc tích trữ được không đưa kịp về nơi an toàn, ngựa thồ chở quá sức con bị ốm con bỏ ăn. Lính dưới quyền kiểm soát nặng nề. Mới toàn quyền bao liệu hết mấy ngày, ông đã nghe những tiếng kêu ca, than phiền. Theo cái đà đó, rồi sẽ đi đến đâu? Ông loay hoay, lúng túng như một tay chèo ngược dòng mà không có bánh lái, không có cả mái dầm. Tệ hơn nữa, ông không dám mở miệng cầu cứu Nhạc. Là đệ tam trại chủ, đặc trách quân lương, mà không lo xong được những cái việc vặt vãnh lâu nay một thằng con nít vẫn làm, thì còn thể thống gì nữa!

Cho nên không lấy gì đo được niềm hân hoan biết ơn của Huyền Khê, khi Nhạc gửi Lữ qua giúp ông giải quyết các khó khăn nan giải về vận chuyển. Các đoàn ngựa thồ khỏe hơn. Cần người gánh thêm gạo, có ngay. Kẹt kho ư? Nội một đêm Lữ truyền tất cả già trẻ lớn bé trong làng phải gánh, vác, bưng, đội, khiêng, xách... làm gì thì làm miễn phải dời số thóc từ chỗ này sang chỗ kia trước lúc hừng sáng. Lệnh của Kiên thành đấy. Nghe hay không tùy ý!

Nhạc đã gài Lữ làm việc bên cạnh Huyền Khê đệ tam trại chủ phụ trách quân lương như vậy! Nhạc cũng gửi Chinh xuống làm tùy viên liên lạc cho Tập Đình, Lý Tài, trong một trường hợp khác.

*

* *

Được tin Nguyễn Nhạc gửi thêm quân tăng cường cho lực lượng đóng ở An Thái, Nguyễn Thung càng thêm lo âu. Toán thuộc hạ cắm mốc ở Thủ Thiện chỉ là cái chuông báo động, chẳng bỏ bèn gì nếu Nhạc thay lòng, xé thỏa ước đêm rằm, sai Huệ thúc quân sâu xuống phía Tuy

Viễn. Bằng nhiều hứa hẹn và kích thích hiếu thắng, Thung đưa được toán quân của Tập Đình, Lý Tài lên phía tây. Đám bạn bè bộ hạ của Tập Đình, Lý Tài quá ít ỏi, họ lại quen đánh nhau trên biển hơn là trên đất liền. Nguyễn Thung chọn trong số thuộc hạ của mình những kẻ to lớn khỏe mạnh, bắt cạo đầu gióc tóc cho giống người Tàu trước khi gửi họ tăng cường cho toán quân vốn đã hung hãn liều lĩnh ấy. Để phô trương thanh thế, nhất là để vượt ve lòng tự cao tự đại của Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung gọi hai toán quân đó là Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân. Không phải Thung không đủ chữ nghĩa để tìm những danh xưng kêu to hơn Nhạc. Thung có thừa sức thổi căng những cái bong bóng. Nhưng sau nhiều đêm suy nghĩ, Thung quyết giữ nguyên những cái tên Nhạc đã dùng, vì hai lý do: thứ nhất, là vì Tập Đình, Lý Tài đều thỏa mãn ra mặt, mũi phồng to lên vì hai cái tên đó; thứ nhì, Thung chưa muốn công khai đối đầu với Nhạc, nhất là khi cán cân lực lượng còn chông chênh, chưa biết được lực đã nghiêng về phía nào. Lấy cớ đề phòng quân tiếp viện của chúa Nguyễn từ Phú Yên kéo ra, Thung đưa Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân tiến lên gần giáp với An Thái. Như vậy đầu tháng Chín năm Tỵ ở vùng giáp ranh Phù Ly. Tuy Viễn hai bên sông Côn, có tất cả ba lực lượng lạng lẽ gồm nhau chờ cơ hội giơ vuốt ra vồ lấy đối phương: toán nghĩa quân của Huệ, đám quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc, và đám quân ở trần trọc đầu của Tập Đình, Lý Tài. Quân phủ vẫn án binh bất động vì khiếm nhược. Đối với Huệ, hướng cần đề phòng là đám Tàu ô của Thung. Họ gây náo loạn và gieo sợ hãi trong các vùng họ kéo qua. Thích rượu và sự náo động, họ buộc dân chúng phải cung phụng đủ thứ. Bọn con buôn người Tàu được dịp kiếm những món lợi khổng lồ, nhờ bán rao chức tước và độc quyền chuyên chở hàng hóa từ Tuy Viễn sang Phù Ly. Dân nghèo không chịu đựng được khốn khổ bắt đầu bỏ nhà chạy lên miệt trên. Các va chạm giữa hai lực lượng sinh sôi mau chóng. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt, chỉ cần một mồi lửa là mọi sự bùng nổ. Trong khi Huệ cố tránh các va chạm, kiên nhẫn chịu đựng các khiêu khích thì Tập Đình và Lý Tài lại kiếm cớ gây sự. Chúng truy đuổi những người dân khốn khổ lên tận An Thái. Chúng còn đòi Huyền Khê phải tiếp lương cho Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, lấy cớ đệ tam trại chủ có trách nhiệm về quân lương cho cả hai phía.

Nhạc tiếp nhận các đòi hỏi xác xược ấy với nụ cười trên môi. Ông bảo tất cả ý kiến đó đều hợp lý, đều đúng với tinh thần của thỏa ước. Đáng lẽ Nhạc phải thấy trước, phải tiên liệu những khó khăn của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân để vận lương cho họ trước khi họ lên tiếng đòi hỏi. Nhưng chậm còn hơn không. Huyền Khê sẽ đích thân về Tuy Viễn gặp Thung để biết rõ nhu cầu cần thiết là bao nhiêu, quân số dưới Tuy Viễn đã lên đến đâu rồi. Về phần Nhạc, phải liên lạc chặt chẽ hơn với Tập Đình, Lý Tài. Trước mắt, Kiên thành phải gửi ngay một người xuống bản doanh của Trung và Hòa nghĩa để đảm nhiệm trách vụ tùy viên liên lạc. Không chờ hỏi ý kiến ông giáo (lúc đó có việc gấp về Tây Sơn thượng). Nguyễn Nhạc chỉ định Chinh giữ vai trò khó khăn và nguy hiểm ấy. Chinh nhận lệnh không chút sợ sệt hay do dự, ngược lại, anh còn có cảm giác ngây ngất say sưa vì sắp được tham dự vào một cuộc phiêu lưu mới.

*

* *

Chinh như một cô gái không chịu đựng nổi các lời dằn xóc của bà gì ghẻ, sẵn sàng gật đầu làm vợ bất cứ người đàn ông nào đến trước. Từ khi về đồng bằng, chiến đấu trong đội quân của Tuyết, anh chưa bao giờ cảm thấy hoàn toàn thoải mái, tự do. Lúc nào đôi mắt vô hình của cha cũng theo dõi anh, nghiêm khắc soi mói cái tính ngang tàng liều lĩnh của anh. Chinh không bao giờ quên trận đòn ở Tây Sơn thượng. Dù muốn quên, anh vẫn cứ nhớ từng lời của ông giáo đêm

hôm ấy.

Sau khi nhận lệnh của Nhạc, Chinh thấp thỏm sợ cha về Kiên thành trước ngày mình ra đi. Anh không muốn nghe thêm những lời răn đe của ông giáo. Anh đoán trước cha sẽ nói những gì, ánh nhìn của cha ra sao. Có thể ông giáo lại yêu cầu Nhạc tìm chọn một người khác, và nếu như vậy, thế nào ông Nhạc cũng chiều lòng ông giáo. Chinh muốn mọi sự đã rồi trước khi cha về. Khốn nỗi đáp của Tập Đình, Lý Tài lên chậm. Ông giáo lại xuống sớm. Ông giáo không yêu cầu trại chủ xét lại sự chọn lựa, nhưng y như Chinh đoán trước, ông giáo không vui. Lại nói xa nói gần đến điều nhân nghĩa, đến sự bất đắc dĩ của bạo lực, đến chỗ ranh giới của thiện ác... Chinh cúi đầu nghe lời cha, lòng ngán ngẩm, tự hỏi tại sao cha có thể bỏ cả cuộc đời nhai đi nhai lại những tiếng rỗng tuếch nhạt nhẽo như vậy.

Hình như ông giáo đọc được ý nghĩ thầm kín của con. Ông hỏi:

- Cha lắm cấm quá rồi phải không?

Chinh giật mình vội chối:

- Thừa cha, không. Con vẫn lắng nghe cha dạy.

Giọng ông giáo chua chát nhiều hơn là mỉa mai.

- Cha hiểu con rõ hơn mấy đứa khác nữa. Đừng giấu cha. Trí óc con đơn giản quá, bụng nghĩ thế nào, hiện cả ra cử chỉ nét mặt. Cha không biết phải chờ đến lúc nào con mới hiểu hết những điều cha vừa nói. Cha cũng biết hiện giờ, lời cha như nước đổ lá khoai mà thôi. Nhưng không nói, cha không yên tâm. Tình thế mỗi ngày thêm gay go. Mỗi người, ngay cả những người luống tuổi yếu ớt như cha đây, phải quyết định những điều liên quan đến sống chết của kẻ khác. Một mạng người. Cha nghĩ mà sợ, tay chưa đụng tới chuôi kiếm đã chùn lại. Miệng định nói đã ghen. Huống chi con lúc nào cũng lăm lăm gươm giáo nhọn hoắt. Con phải dè dặt. Nhất là chuyển này, sống giữa bầy hùm sói...

Ông giáo run giọng, lắp bắp không tiếp được nữa. Chinh xúc động, thấy lòng man mác, ngùi ngùi. Anh hiểu tuy đối xử với anh cha có nghiêm khắc xa cách nhưng ông giáo vẫn thương con, lo lắng cho con trước một khúc quanh nguy hiểm. Sau một lúc cố trấn tĩnh, ông giáo nói:

- An nó tưởng con còn ở Kiên thành, nên nhờ con đón hai chị em nó.

Chinh kinh ngạc vội hỏi:

- Chúng nó sắp xuống đây sao, cha?

Ông giáo đáp:

- Cha ngăn cản, bảo hãy chờ ít lâu nữa. Nhưng cả hai chị em đều nằng nặc đòi về. Chúng nó bảo cậu mợ Hai Nhiều về được thì mình cũng về được. An Thái quá gần phủ thì ở Kiên thành để sẵn sóc cha. Con biết không, cả Tây Sơn thượng thấp thỏm như ngồi trên lửa. Ai cũng ngong ngóng chờ ngày về xuôi.

Hai cha con im lặng, tránh nhìn nhau. Ông giáo nói:

- Lúc chúng nó về đây, con đã đi rồi. Thật tiếc.

Không hiểu sao khi nghe cha nói vậy, lòng Chinh đau nhói. Anh mừng tượng cái gì sắp đổ vỡ mà không thể tránh được, cái gì đã rồi. Anh lo âu, khác với bản chất vô tâm lâu nay. Anh muốn diễn tả xúc động bất chợt đối với cha mà không đủ khả năng, chỉ cúi đầu im lặng.

Hai hôm sau, Lý Tài viết thư cho Nhạc, chấp nhận Chinh về Tuy Viễn.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 21

An và Lãng về Kiên Thành được hai ngày đã nằng nặc xin cha cho xuống An Thái. Ông giáo và Lợi tìm đủ lời dọa dẫm mà hai chị em vẫn không đổi ý. Cuối cùng, ông giáo đành phải viết vội lá thư gửi gắm cho Huệ và tiễn con ra đến bến sông.

Hai chị em đến An Thái vào buổi chiều. Người lính gác loay hoay xoay ngược xoay xuôi lá thư viết bằng chữ Hán. Không hiểu trong tờ giấy gấp tư đó nói gì, nên do dự chưa muốn cho An và Lãng vào gặp Huệ. May có một người lính già biết mặt An. Huệ đi vắng. Lòng nôn nao, cả hai không thể ngồi chờ Huệ được. Họ băng đồng vào làng khi trời sắp tối.

Tuy biết trước là ngôi nhà cũ đã bị cháy tiêu không còn gì nhưng hai chị em không khỏi xót xa khi nhìn cái nền trống trơ trống trọi gần bụi tre đã cháy héo mất một nửa. Họ đứng chết lặng hồi lâu không ai nói với ai lời nào. Mắt An cay cay. Giọng nói của cô rạn đi. An bảo em:

- Có còn gì nữa đâu!

Lãng hỏi:

- Làm sao bây giờ chị?

An quay nhìn về phía nhà cậu mợ, nói với em:

- Cha đã dặn rồi. Cậu đã hứa sẽ thu xếp chỗ ở cho. Dưới này thiếu gì nhà vô chủ. Nhưng...

- Nhưng thế nào?

- Lãng biết nhà ông chánh tổng không?

- Chi vậy?

- Cái thẳng! Thì cha đã nói rồi. Cậu mợ dời nhà lên ở trên nhà ông chánh tổng. Phải tìm gặp cậu ngay!

- Sắp tối rồi. Không. Không phải em lười đâu. Mọi việc ngày mai thu xếp cũng xong. Tối nay ta qua ở tạm nhà cậu mợ đi!

An thấy Lãng có lý. Cô gật đầu.

Hai chị em đi vòng qua bụi tre cháy, theo con đường hẹp kề bên mấy đám ruộng thấp tiến về phía cổng nhà Hai Nhiều. Đúng ra họ có thể băng qua khoảng nền vương vãi tro than để qua sân nhà cậu mợ, nhưng cả hai chị em đều ái ngại. Không dám dẫm lên xác của những lưu niệm. Cánh cổng lệch dính đầy phân trâu đã được Hai Nhiều sửa ngàm lại. Lãng phải thò tay vào phía trong, cố hết sức mới kéo bật cái then gỗ ra. Sân rêu trơn trượt, họ phải dè dặt từng bước. Nhà trống toang hoác. Mùi ẩm mốc lạnh lẽo, mùi cứt dơi bàng bạc khắp nơi. Lãng mệt nhoài, đặt gói đồ đạc trên vai xuống thềm, dựa lưng vào đó nghỉ. An có cái óc thực tiễn nhạy bén của người nội trợ, lần theo vách ẩm tìm xuống chỗ đặt bếp. Cô vấp phải một cái ghế gãy, đầu va vào một cây kèo thấp. Mạng nhện dính đầy trên mái tóc cô. Đi ngang qua chỗ nhà ngang dẫn ra phía lẩm, An nhớ cái thòl mẹ mất, nhớ buổi tối người ta dẫn An qua đây ngủ tạm một đêm để khỏi

trông thấy cảnh tầm liệm và nhập quan. An qua khỏi lối hẹp đầy bóng tối và ẩm mốc, xuống đến cái sân cát, cuối cùng tới chỗ xưa kia đặt táo bếp. Không còn gì, ngoài một viên gạch cháy sém vỡ làm đôi trên một nhúm tro ướt!

Tuy nhiên An cảm thấy tuyệt vọng cùng cực. Cô mệt mỏi đến nỗi đôi chân run, phải ngồi dựa vào thành giếng. Bao nhiêu xúc động và khó nhọc từ hôm ra đi ở Tây Sơn thượng đã khiến cô có kinh sớm hơn thường lệ. Cảm giác bút rút nhóp nháp giúp An nhớ lại cái đêm hôm ấy, đêm tang tóc, đêm đầu tiên An hải hùng khám phá máu kinh nguyệt rịn thành dòng từ trên cơ thể mình, báo hiệu những ngày trưởng thành đầy âu lo và xao động. Từ lần có kinh nguyệt ấy đến lần này, bao nhiêu tháng đã qua! Bao nhiêu khổ sở, mất mát; bao nhiêu lần băn khoăn tự hỏi về những chuyển động thầm kín những khao khát vu vơ mà không tìm được lời đáp rõ; bao nhiêu đêm xấu hổ vì những mơ ước kỳ cục....!

Huệ tìm thấy An ngồi thừ trong khoảng sân ngả tối nên không nhận ra vẻ bối rối xấu hổ của cô, cái bối rối của người bị bắt gặp đang nghĩ đến những điều phải giấu. Huệ đến, mọi sự trở nên đơn giản, dễ dàng. Huệ hớn hờ bảo An:

- Thật giống như một phép lạ. An biết không. Thường ngày đi kiểm tra quân gác ở mặt sông về, tôi đi ngả kia, ngả tắt qua vườn bà Hội đó An nhớ không. Hôm nay vừa đến chỗ ngã ba, tự nhiên tôi nghĩ: Lâu nay không ghé qua chỗ cũ. Không biết chiều nay, đúng lúc chạng vạng tối này, những người đã sống quây quần trong "cái nhà ngái ngủ" đó có ai nghĩ nhớ về đây như ta không. Mải suy nghĩ vu vơ như vậy, tôi không để ý, chân cứ bước về hướng này. Qua chỗ bụi tre, tôi hồi hộp nhìn vào chỗ nhà cháy. Tôi thấy gì kìa? Có người ngồi trước nhà Hai Nhiều. Một người đàn ông. Tưởng kẻ địch nào lén đến đây, hóa ra chú Lăng. Vòng ra bếp lại gặp thêm một người nữa.

An quên hết mệt mỏi, thích thú hỏi Huệ:

- Anh không nghĩ em là ma, cũng may! Anh đọc thư chưa?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Thư nào?

- Thư của cha em gửi cho anh. Trách nhiệm nặng nề đấy nhé. Cha em gửi gắm, nhờ anh giúp đỡ tụi em trong những ngày đầu.

- Thư đâu rồi?

- Em đưa cho bác lính gác rồi!

- Thôi, chắc đại khái như An vừa nói chứ gì. Ông cụ bày vẽ, dĩ nhiên là tôi phải lo. Bây giờ An cần gì nào? Ăn uống gì chưa? Tối nay nghỉ đêm ở đâu? Huệ sai lính mang đến hai chị em An nào chiếu chăn, gạo mằm, nôi niêu, Huệ trở lại ăn cơm với hai chị em, và nếu không bận đi gặp Mắm có việc gấp, chắc anh đã ngồi nói chuyện với An tới khuya.

*

* *

Nghe tin hai chị em An về, bà Hai Nhiều tất tả xách nón đi tìm. Bà có quá nhiều điều đáng khoe với các cháu. Ra tới cổng, bà chợt nhớ đến địa vị của mình. Hai Nhiều chưa được Kiên thành giao cho chức gì rõ rệt, danh vị cũng chưa minh bạch. Thật đáng tiếc. Giá trại chủ giữ nguyên tên gọi các hào lý cũ, như tri áp, chánh tổng, duyệt lại, xã trưởng thì hay biết mấy. Chồng bà sẽ được gọi là ông chánh tổng, hoặc nói gọn hơn là ông chánh. Không còn gọi xách mé là lão Hai Nhiều như xưa! Tuy vậy bà Hai đọc được quyền uy mệnh mông của chồng trên gương mặt sợ hãi, thái độ khúm núm nể nang của những người đồng hương quá quen biết. Chưa được đích

danh gọi là bà Chánh, nhưng bà Hai biết lắm, mọi người đã xét nét nhìn bà như một bà Chánh. Không thể ăn mặc lôi thôi, cư xử buông tuồng dễ dãi như ngày trước được.

Nghĩ như vậy, nên chân bà Hai chùn lại. Bà do dự, nửa muốn gặp ngay An để khoe khoang đủ việc, nửa muốn trở về ngồi trên cái sập gụ nhai trầu. Cuối cùng, bà trở về nhà. Bà gọi một tên đầy tớ vốn là đầy tớ của chánh tổng, sai nó đến nhà cũ của mình bảo An lại gặp.

An vội vã theo tên đầy tớ đến nhà mợ. Do bản năng làm mẹ mà An mau mắn nghĩ ngay đến những chi tiết vụn vặt nhưng tối cần cho cuộc sống mới: chợ búa hiện giờ họp ở đâu, lúc nào, giá cả thực phẩm ra sao, có thể mượn tạm được những đồ dùng lặt vặt như cái mâm, đôi đũa, ống thổi lửa, cái sòng chén, cái gối mây, dây cột gàu xách nước được không. An giao cho Lãng nhiệm vụ dọn dẹp căn nhà hoang cho sạch sẽ, chờ Huệ gửi lính tới sửa sang lại cửa ngõ như đã hứa đêm qua, còn mình thì phải gặp mợ gấp. Bà Hai Nhiều cố dằn sự nôn nóng hân hoan của mình, ngồi yên trên sập gụ chờ An vào. Vừa trông thấy An, bà Hai cười hỉ hả nói:

- Quá lắm nghe cháu! Về hôm qua mà đến nay mới qua thăm cậu mợ. Mợ không gọi chắc phải tháng sau.

Biết mợ chỉ nói đùa chứ không có ý trách. An ngồi sà đến gần bà Hai ríu rít hỏi:

- Mợ. Sao hôm trước cậu mợ về thành linh vậy! Sao không cho con hay?

Bà Hai làm ra vẻ nghiêm trọng, nói nhỏ đủ một mình An nghe:

- Suyt. Tại việc quan trọng, khẩn cấp quá, "ở trên" không muốn cho mọi người biết. Mình vừa lấy lại được An Thái, công chuyện rối tung lên. "Ở trên" phải mời cho được cậu mày về đây, không thì vỡ lở hết. Lệnh gấp và quan trọng như vậy, làm sao tin cho cháu hay được.

Khi nói đến hai chữ "ở trên", bà Hai nghiêm sắc mặt, mắt nhìn thẳng, sửa lại thế ngồi cho thêm kính cẩn. An buồn cười nhưng không dám tỏ vẻ điều cợt trước mặt mợ, giả bộ lo lắng hỏi:

- Thế lâu nay "ở trên" có thường xuống đây không mợ?

- Sao lại không. Đây là mặt trận chính mà. An Thái mà thiếu một người như cậu mày, thì bọn dưới Phụng Ngọc đã tràn lên từ lâu rồi. Ôi thôi ống bạn suốt ngày. Cháu thấy đó, giờ này mà cậu mày có được ở nhà uống chén trà sớm đâu! Đã thế đêm còn phải mang giấy tờ về tra xét cho đến tận khuya. Mợ thấy cậu mày vất vả, cũng muốn giúp một tay. Nhưng mình đàn bà con gái, làm gì được. Chỉ khi nào bà con láng giềng có nhờ nhờ điều gì, thấy có thể giúp được, mợ mới nói góp cho họ một tiếng.

Rồi không chờ An hỏi, bà Hai Nhiều cà kê kể những trường hợp khó khăn bà đã nói giúp với chồng để giải quyết cho "bà con". An nghe, thấy phần lớn trường hợp đều liên quan đến việc cấp thẻ bài và tranh tụng số đồ đạc bị mất mát lúc chạy loạn.

- Bà Hai nhổ bã trầu vào một cái ống nhổ bằng thau, đưa tay áo quệt mấy giọt mồ hôi rịn trên trán sau cuộc huyền thuyên hào hứng, cười nói với cháu:

- Mợ tiếc cái thời an nhàn trên Tây Sơn thượng. Về đây trăm công nghìn việc, mệt ơ là mệt. À quên, khi hôm cháu với thằng Lữ ngủ đâu?

An trả lời. Bà Hai không tin hỏi lại:

- Thật không? Cái nhà trống hoác đó, chỗ đâu mà ngủ. Giường chiếu đâu còn nữa!

Nghe An nhắc đến tên Huệ, nét mặt bà Hai sa sầm lại. Vẻ hào hứng biến mất. Bà lúng túng, chưa biết xoay trở thế nào y như một người làm trò ảo thuật bị kẻ chơi khăm mách trước cho khán giả cách lạnh tay lẹ mắt để lừa dối kẻ khác. Bà lo lắng hỏi:

- Sao cậu Huệ biết cháu về?

An thành thật đáp:

- Cha cháu có gửi cho anh ấy lá thư. Tụi cháu nhớ An Thái quá, không chịu ở lại Kiên Thành. Cha cháu cảm không được, lại quá lo cho tụi cháu, nên nhờ cậu mợ với lại... với lại nhờ anh Huệ để mắt giúp đỡ cho.

Cách nói dè dặt và khéo léo của An phần nào khiến bà Hai thỏa mãn tự ái. Và để chứng tỏ mình còn ân cần giúp đỡ cháu hơn cả người khác, bà lôi An đi hết nhà này đến nhà nọ, quyết tìm cho cháu một ngôi nhà vô chủ đầy đủ tiện nghi nhất, cao sang nhất, mát mẻ nhất, bàn ghế giường tủ chắc chắn quý giá nhất. An mất cả buổi sáng để theo mợ, kiên nhẫn nghe mợ khoe khoang lòng độ lượng nhân từ của mình đối với gia đình bọn hào lý còn kẹt lại. Đi hết một vòng bảy, tám ngôi nhà vô chủ, bà Hai hỏi An chọn cái nào. Bà kinh ngạc đến sững sờ khi nghe An xin cho ở ngôi nhà cũ của Hai Nhiều!

*
* *

An trở về nhà đã thấy Huệ cho người đến sửa sang cửa ngõ cho hai chị em. Họ gồm ba người: một thanh niên tóc hơi quăn, mặc cái áo đã rách ở vai trái và một cái quần đen dài gần tới đầu gối; một người đã đứng tuổi để râu cằm, cử chỉ đĩnh đạc ăn nói kẻ cả, hình như xuất thân thợ mộc nên luôn miệng sai bảo hai người kia với giọng chắc nịch tự tin. Người thứ ba ở trần, da hơi tái, trên lưng phía dưới vai độ một gang tay có cái bớt màu xanh hình giống y như một hạt đậu phộng. Vì mãi lo mài đục và quay lưng về phía An, nên An không nhận ra được người thợ này già hay trẻ. Bác thợ cả hỏi An:

- Chúng tôi chờ cô về. Từ sáng đến giờ tôi mới cho phá các chỗ vách rữa để lắp khuôn cửa cho dễ thôi. Ý cô thế nào?

- Bác bảo gì ạ?

Người thợ cả nói:

- Cô muốn chúng tôi tháo cửa mấy nhà hoang gần đây lắp vào nhà này, hay làm tạm khuôn cửa tre?

An vội đáp:

- Nhà của người ta mình phá sao được, lúc họ về làm sao ở?

Người thợ ở trần đang mài đục quay lại phía An. Cô không tin mắt mình. Gã khùng còn đây à? Sao tóc tai ông ta gọn ghẽ ngay ngắn thế! Nhất là đôi mắt. Vẻ lạc lõng, hoang dại biến mất. An đọc thấy ở cái nhìn ấy vẻ mừng rỡ gói ghém vừa phải bằng sự tự chế và trầm tĩnh của một người bình thường. Không chờ An lên tiếng trước, "gã khùng" nói:

- Lâu quá phải không cô bé. Giờ cô đã lớn hẳn ra rồi!

An xúc động lắp bắp hỏi:

- Chú... chú còn sống à?

- Tôi đã nhớ lại tên mình rồi. Tôi tên Mịch, anh ruột thằng Mắm.

An thắc mắc hỏi:

- Nhưng sao chú... chú Mịch hết...

An không dám nói tiếp. Mịch cười:

- Hết khùng chứ gì! Phép lạ đó. Chính tôi cũng chưa hiểu tại sao. Gặp lại thằng Mắm em tôi, ban đầu tôi ngờ ngợ. Rồi tự nhiên, tôi nhớ hết. Thế mới khổ! Tôi còn nhớ như in cả cái thời tôi gánh gạo giúp cô ngoài chợ An Thái nữa. Kỳ lạ không.

Lãng thấy chuyện lạ, bỏ chổi xán lại gần. Cả hai người thợ kia, đã nghe biết chuyện gã khùng, vẫn còn tò mò đến gần chỗ An và chú Mịch đứng để nghe chuyện. Lãng cười hỏi:

- Thế chú còn nhớ mấy câu hát không?

Mịch cười đáp:

- Nhớ chứ. Nghề nghiệp của tôi mà!

An thấy lạ vội hỏi:

- Nghề nghiệp! Chẳng lẽ chú là kép hát?

- Vâng. Trước kia tôi là kép chính của một đoàn hát bộ.

Bác thợ cả chen vào:

- Anh ta hát hay ra phết. Lâu lâu đi gác chung, bọn tôi xúm lại nghe hát, quên cả giáo mác. Sau phải cắt anh ta làm việc khác, để khỏi làm rối các phiên canh.

An nổi tình nghịch hỏi:

- Chú hát hay thế, chắc lúc trước các cô đào hát chung với chú mê chú lắm. Chú còn nhớ họ không?

Tự nhiên nét mặt chú Mịch biến đổi. Da tái hơn. Ánh nhìn trở lại hoang dại và hung dữ. An sợ hãi, chưa hiểu mình vô tình xúc phạm đến điều thiêng liêng thầm kín nào đó của chú. Mịch lấy lại được bình tĩnh, cố gượng cười bảo An:

- Tính tôi vụng về với đàn bà nên không có ai mê đâu. Chỉ có nhà tôi đại dột...

Mịch ghen lời không nói tiếp được. Lãng tò mò hỏi:

- Chú có vợ à? Thím ấy đâu?

Mịch buồn rầu đáp:

- Tôi cũng không biết nữa.

Lãng hỏi:

- Chú quên rồi sao?

- Quên sao được.

Mịch quay về phía An. Cô ngượng đến đỏ mặt vì cái nhìn ngưỡng mộ say dại mà từ thời trước, thời An làm hàng sáo ở chợ An Thái, An đã thắc mắc ái ngại không hiểu tại sao. Chú Mịch cố dần xúc động, bảo An:

- Nhà tôi có khuôn mặt giống y như cô. Giống như hai giọt nước. Sáng nay chính tôi đã bảo Mắm cho tôi đến đây sửa nhà để gặp lại cô. Thế mà lúc cô về, tôi sợ, không dám quay lại nhìn nữa. Tôi cứ tưởng nhà tôi đã biết tôi ở đây nên bỏ hết, tìm về.

An vội hỏi:

- Nhưng hiện giờ thím ấy ở đâu?

Giọng Mịch ngậm ngùi:

- Trước, thì chắc chắn ở nhà thằng khốn nạn đó. Bây giờ không hiểu ở đâu. Kể đã lâu lắm rồi!

Mọi người đoán: "lại thêm một vụ phụ tình", ái ngại nhìn chú Mịch, không dám hỏi thêm nữa.

*

* *

Suốt mấy ngày lo dọn dẹp, xếp đặt chỗ ăn chỗ ở, hai chị em ít có thì giờ rồi để ngồi nói chuyện lâu với nhau. Thế mà, lạ một điều là dường như lúc nào, cả An lẫn Lãng đều nghĩ: mình phải tâm sự với chị, với em điều này, không thể giữ riêng canh cánh bên lòng được. Cả hai đều muốn nói, và đều sợ nói ra. Đôi lúc họ nói quanh, mới mon men chạm đến điểm chính lại e ngại, lảng qua chuyện khác.

Đêm hôm ấy trăng non, không có gió. An nôn nao không ngủ được, ngồi dậy nhìn ánh trăng mờ bên kia cửa sổ song tre. Cô ngồi lặng yên trong bóng tối một lúc, lòng thêm xao xuyến. Có cái gì

vô hình cuốn hút An bên kia vườn. Không thể dẫn được nữa, quên cả sợ hãi, An đi ra phía cửa lớn, qua vườn nhà cũ.

Cửa lớn chỉ khép hờ. An trách thầm em lơ đãng quên cài then trước khi đi ngủ, liếc mắt nhìn vào góc tối nơi Lãng ngủ, rón rén bước ra thềm. Theo lối đường mòn quen thuộc ngày xưa An vẫn qua lại xách nước, An lần dưới trăng mờ tìm đến chỗ có lẽ là nhà bếp. Mấy mảnh vỡ của cái ang chứa nước vẫn còn đó. Cái gáo đã mất cán, sọ dừa khô cưa đôi cũng đã bể. An đang cúi người đưa mắt tìm dấu chu vi chái bếp, thì nghe phía bụi tre cháy có tiếng chân người. Cô sợ đến nỗi gai ốc, chân rú lại không bước được nữa. Chính lúc đó, Lãng cũng vừa nhận ra chị. Lãng thì thào hỏi:

- Chị An phải không?

An mừng rỡ, cũng hỏi:

- Chị đây. Em phải không?

Bao nhiêu dè dặt, giấu diếm nhau chỉ trong một thoáng cởi mở ra hết. Hai chị em muốn tìm dấu vết những kỷ niệm. Những dấu vết cháy sém hoặc đã thành tro than, bụi bặm, nhưng hai chị em cứ nghĩ thứ tình cảm hoài cổ ấy yếu đuối, vụn vặt quá, không đáng thổ lộ với người kia. Thương làm gì một mảnh gáo vỡ trong khi chung quanh đây cuộc chuẩn bị giao chiến đang rộn rã, hào hứng, gươm giáo chất đống, quân lính rầm rập tập luyện. Rồi sẽ còn biết bao nhiêu đổ vỡ mất mát khác. Thương làm gì những xác quá khứ lặng lẽ và vô nghĩa! Ý nghĩ ấy ngăn hai chị em qua bên kia vườn, nên đêm nay họ lén một mình qua đây, giấu sự yếu đuối dưới trăng mờ. Không còn gì để dè dặt nữa, An hỏi Lãng:

- Em có biết chỗ mình đang đứng là đâu không?

Lãng hiểu ngay câu hỏi mơ hồ của chị. Suy nghĩ một lúc, nhìn quanh để định hướng, rồi nói:

- Hình như là chỗ kê cái tủ.

- Chắc không?

- Có lẽ đúng. Chị cứ lấy cái ngõ phía bên kia làm chuẩn. Đây là cửa chính. Cửa sổ nhà trên ở đây. Cái bàn nước ở chỗ này. Chỗ cha nằm. Còn đây, chết, em lầm rồi. Đây phải là chỗ đặt cái bàn đọc sách của cha. Còn chỗ kê tủ ở chỗ kia.

- Buồng của mẹ chỗ nào?

- Chỗ này. Cửa thông xuống bếp đây. Chị có thấy dấu tro ở đấy không?

- Không. Vả lại nhà cháy, đâu đâu cũng sém đen, đâu đâu cũng vương vãi tro than. Làm sao tìm dấu tro bếp được.

- Chị căn cứ vào cái ang nước mà đoán. Từ ang nước vào bếp, chị nhớ không, hơi xa đấy. Em nhớ mỗi lần chị sai em đi múc nước, em ì ạch thở dốc vì đường xa. Chắc chái bếp phải ở kia. Không đúng đâu. Chị khám phá điều này, Lãng ạ: Từ hôm mới về, chị thấy khu vườn cũ hẹp quá. Cả cái nhà lá mới của cậu mợ cũng vậy. Thấp lè tè, chật chội. Hoặc mọi sự vẫn vậy nhưng ta đã lớn. Hoặc tuổi nhỏ tầm nhìn ta hẹp, ta sai lầm. Từ ang nước vào bếp không đầy ba bốn bước. Làm gì em phải thở dốc vì mệt nhọc!

- Chị nói đúng. Em cũng vậy. Em bỡ ngỡ, không ngờ mọi cảnh cũ đơn sơ, nhỏ nhắn quá. Vâng, bếp ngày xưa phải ở đây. Tức cười thật, chỉ cách chỗ ang nước có mấy bước.

- Chị hiểu rồi. Lúc nhỏ em còn suyễn nặng. Xách cái ấm nước lớn đi có bấy nhiêu bước đã quá sức em rồi. Hồi đó em làm khổ mẹ không ít.

An nhớ rõ mẹ đã bị mất trí từ hồi về An Thái, và Lãng chỉ làm khổ chị mà thôi. Vì khiêm nhường, An nói tránh đi. Lãng không nhận ra điểm nhũn nhặn tế nhị, hỏi An:

- Mẹ bây giờ ở đâu chị nhỉ?

An cảm động thều thào đáp:

- Làm sao chị biết được. Chị tin mẹ luôn luôn ở gần chúng ta, phù hộ gia đình của mẹ.

Tuy nó thế nhưng cả hai chị em đều bắt đầu sợ bóng tối. Tim họ đập mạnh. Dọc xương sống họ, cảm giác lạnh lạnh cứ lan dần lên phía trên, càng ngày càng đậm thành cảm giác tê dại. Và để hiểu là trong các trường hợp ấy, họ không lẫn tránh mà cứ dấn sâu vào sợ hãi như một kẻ sa lầy, không còn cách nào khác, Lãng hỏi chị:

- Hình như cái giường mẹ nằm đặt đúng chỗ này. Chị còn nhớ hôm mẹ mất không?

- Nhớ. Chính em khám phá ra mẹ đã tắt thở, trước ai hết.

- Mai mình đi thăm mộ mẹ.

- Ừ, mai.

Gió tự nhiên thổi mạnh, bụi tre xơ xác kêu lao xao. Thân tre cọ vào nhau kéo kẹt. Bấy giờ hai chị em đều sợ thật sự. An hỏi em:

- Ta vào nhé?

- Chị lạnh không?

- Lạnh. Vả lại quá khuya rồi. Mai ta phải lên thăm mộ.

*

* *

Băng đi khoảng bốn năm ngày, An không thấy Huệ tới thăm. Cô sượng sùng với chính mình, nhất là những lúc nghĩ đến động cơ thầm kín từng thúc đẩy mình về phía An Thái, bất chấp lời hơn thiệt của cha. An đâm ra cau có với Lãng, một cái có nhỏ cũng đủ cho hai chị em hờn dỗi, dằng xé lẫn nhau. Chưa bao giờ Lãng thấy chị khó tính như vậy. Bỏ nhà đi lang thang chỗ này chỗ khác xem quân lính tập luyện bị mắng là đồ vô tích sự. (Lại "vô tích sự". Lãng ghét cay ghét đắng ba cái tiếng ấy). Nằm nhà cả ngày lo cơm nước, cho An lên giúp cậu làm thẻ bài, lại bị gọi là đồ dãn ngày, quân chết nhất. Lấy cuộc đẩy bót cỏ ngoài sân, bị bắt bẻ làm dỗi. Lãng chịu không nổi, gần muốn quát lên:

- Chị vừa vừa thôi chứ. Ai hành hạ chị, mà chị về hành hạ lại tôi!

An cứ để cho em hiểu lầm rằng cậu Hai Nhiều không bằng lòng về cách làm việc của An. Cô bồi hồi tự hỏi: Ai hành hạ ta? Ai? Chỉ có mình tự hành hạ mình thôi! Cô hối hận, tìm cách giảng hòa với Lãng. Được một buổi rồi đâu lại hoàn đấy!

Buổi chiều Huệ đến thăm, hai chị em vừa làm lành với nhau sau một cuộc cãi cọ gay go. Mặt Lãng còn đỏ vì chưa nguôi giận. An còn mím môi, mắt nhìn dăm dăm. Huệ chưa hiểu vì sao hai người đều ủ dột cau có, hỏi An:

- Có chuyện gì vậy?

An chối:

- Không có gì đâu anh.

Cố tươi cười. An hỏi:

- Chắc anh quên mất tội này rồi?

Biết An trách khéo, Huệ vội nói:

- Tôi vừa mới từ An Vinh về.

Trong một chớp mắt, mọi nghi ngờ hờn oán tiêu tan hết. An hớn hờ hỏi:

- Bên đó có gì lạ không anh? Có rộn ràng như bên này không?

Huệ do dự một chút rồi đáp chung chung:

- Ông Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) chịu khó lắm. So với toán ông Tuyết ngoài Thuận Truyền, bên An Vinh có qui củ hơn nhiều.

Rồi Huệ hướng câu chuyện sang ngã khác. Huệ thân mật hỏi:

- Hai chị em vừa giận nhau?

An không chối nữa. Cô gật đầu nhẹ, mắt liếc dò thái độ của Lãng. Cô yên tâm khi Lãng hết vẻ giận. Huệ đem sự đầm ấm chân tình cho cả hai chị em, vì cả hai người đều thương và phục Huệ. An thú thật:

- Vâng. Chỉ tại em. Không hiểu sao mấy hôm nay trong người em không được khỏe. Lãng nó ghét cái tính bẳn gắt của em quá rồi!

Huệ nói lấy lòng An:

- Tại thay đổi khí hậu đấy. Thời tiết mùa thu ở đây trái chứng lắm. Nắng đó rồi lạnh đó. Ủa sao mấy cái cửa họ chữa bôi bác thế kia? Tôi đã dặn họ rồi mà!

Lãng hiểu ý Huệ, vội đáp thay chị:

- Không phải lỗi họ đâu anh. Tụi này không muốn gỡ cửa nhà người ta về làm đẹp nhà mình. Em nghe cậu Hai tức càn hông khi về đây thấy mấy khuôn cửa đã bị gỡ mất. Mình thế nào, người ta cũng thế. Tưởng tượng lúc họ trở về biết được hai chị em đã ăn cắp cửa nhà họ...

Huệ phì cười:

- Khéo vẽ chuyện. Làm gì có chuyện trở ngược được thời thế. Một là chúng nó trốn luôn không dám vác mặt về đây nữa. Hai là chúng nó về, nhưng nem nép, lổm thổm như thằng ăn vụng. Gan to bao lớn mà dám hoành hợe đòi của!

Lãng được dịp tìm đúng người có thể giải đáp các thắc mắc của mình, vội hỏi Huệ:

- Anh tin chắc như vậy sao?

Huệ ngạc nhiên nhìn Lãng, hỏi lại:

- Lãng không tin như vậy sao?

- Không phải vậy. Em tin chứ.

Huệ cười to, hỏi với giọng kẻ cả:

- Lãng tin điều gì nào?

Lãng tức, nói một mạch:

- Em tin là cuối cùng ta phải thắng. Nhưng trước hết phải hỏi: "Ta là ai" đã. Là bọn đầu trộm đuôi cướp còn ở trong hàng ngũ chúng ta, mà thắng hay bại được đo lường bằng số của cải cướp bóc trong cảnh hỗn loạn ư? Là những kẻ hiểu sát thắng bại căn cứ vào số xác chết ư? Là những kẻ hám danh thích ngấm kẻ yếu lấm lét quỵ lụy trước mặt mình ư? Những bọn đó thắng, có nghĩa là cái ác, cái xấu, cái dơ dáy thô鄙 thắng. Có nghĩa là... nghĩa là...

Bị xúc động quá, như mọi lần, lưỡi của Lãng lú lại, lời nói lắp bắp. Lãng tìm mãi chưa ra ý để nói tiếp. Huệ mỉm cười, kiên nhẫn chờ đợi. An cứu viện em:

- Lãng nó có cái tật mỗi lần hăng hái, thường nói quá mức thường. Nhưng em thấy nó cũng có phần đúng. Như chuyện mấy khuôn cửa lúc nãy. Em cương quyết không cho mấy bác đi gỡ nhà người ta, vì dù họ có trở về hay không, đã gỡ đồ kẻ khác tức là mình đi ăn trộm rồi. Bàn tay có lật ngược hay vẫn nằm xuôi, thì ăn trộm vẫn là ăn trộm. Vẫn là điều đáng xấu hổ. Em cũng tin nhất định ta sẽ thắng. Ta, là những kẻ tốt. Là những người tin vào công bằng, lòng thương người, vào lẽ thiện. Những người có nhân nghĩa, có cương thường.

Huệ hết nhìn An lại nhìn Lãng, ánh mắt nghiêm nghị nhưng pha lẫn giễu cợt nhẹ nhàng. Chờ cho cả hai chị em nói xong, Huệ chậm rãi bảo:

- Những gì An và Lãng nói lý thú lắm. Thông thường nhiều người chỉ biết cử động, hò hét, múa may như cái máy, không soi gương để tự hỏi ta hò hét múa may như thế để làm gì. Nhưng cũng có nhiều người cứ thắc mắc hỏi vì sao phải thế? Tại sao phải làm thế này mà không làm thế kia? Làm xong rồi sẽ đi đến đâu? Tự mình cắt hết gân cốt, trở nên bạc nhược, không góp được gì cho đời cả. Ở đây ta chỉ bàn về những chuyện vừa phải, ai cũng thấy được, trong tầm tay của số đông. Như câu hỏi của Lãng. Lãng hỏi: Ta sẽ thắng, nhưng ta là ai, có phải cái bọn chuyên đón cơ hội hỗn loạn giở trò trộm cắp, hiếu sát, hiếu danh hay không. An thì bảo không thể được. Nhân nghĩa, cương thường phải thắng. Nếu bây giờ tôi đi xa hơn một chút, hỏi lại hai chị em: Thế nào mới đúng là nhân nghĩa? Thế nào mới hợp cương thường?

Lãng đáp nhanh:

- Sách nho đã giải nghĩa cặn kẽ rồi. Cả anh nữa, anh đã từng thuộc lầu từng câu, từng chữ từ thời... từ thời cha em mở trường học trên cái nền này này. Anh nhớ không?

Huệ không muốn cho những kỷ niệm yêu dấu lôi cuốn mình lạc hướng, vội vã nói:

- Dĩ nhiên tôi nhớ rõ, nhớ đủ. Nhưng sách nho càng về sau càng trở thành cái thớt cho bọn vua chúa tham bạo kê đầu dân đen lên đó mà chặt. Bọn phủ huyện không thuộc lầu sách nho hay sao? Thực ra họ đã làm gì. Lãng biết rồi. Nhân nghĩa là những tiếng khô khan, là những cái sườn, ai có thể có lực thì mặc sức phủ lên đó thứ gì cũng được. Quan phủ hiểu nhân nghĩa không giống như dân đen. An đã biết rồi, chúng rêu rao khắp nơi, gọi chúng ta là giặc, là bọn vô lại, là quân vong mạng do căn cứ ở nhân nghĩa, dựa vào nhân nghĩa. Ta phải mạnh dạn vững vàng tin rằng nhân nghĩa của ta là nhân nghĩa thực, còn nhân nghĩa chúng rêu rao là đồ giả, thì mới hăng hái được chứ. Thời thế đã lật ngược, sức mạnh về tay dân nghèo. An, Lãng không thấy ta hô lên một tiếng, bốn phương đã rầm rập hưởng ứng hay sao. Dĩ nhiên phải có hỗn loạn. Dĩ nhiên cũng có kẻ xấu nương vào hỗn loạn để kiếm của. Đối đời rồi mà! Trật tự, êm thấm sao được. Trật tự cũ đã đổ nát, rệu rã. Ta lại lập nên một trật tự mới. Ta định nghĩa lại mấy chữ nhân nghĩa, cương thường, thiện ác trong sách nho theo cách của ta.

An bị lời Huệ cuốn hút, quên mất đường về. Huệ đã dừng mà cô còn ngẩn ngơ, chưa biết mình đang ở đâu. Lãng thì e dè hỏi:

- Nếu thực có một thứ trật tự mới, thì những người như cha, như em, có chỗ nào đặt chân không? Anh biết chưa: Cậu Hai Nhiều dọa sẽ không cấp thẻ bài cho em đấy!

Huệ hỏi Lãng:

- Nhưng trước hết Lãng cho tôi biết Lãng định làm gì đã! Chẳng lẽ Lãng về tận đây, chỗ đầu tên mũi đạn nguy hiểm này, để cả ngày chờ nấu cơm giúp An. Nếu thế thì cần gì phải đeo thẻ bài.

Lãng bị chạm tự ái, giận dữ đáp:

- Tôi chẳng cần đeo thứ gì hết. Chẳng cần xin xỏ ai hết!

Huệ biết mình vụng lời, nhưng đồng thời cũng thấy phải chờ dịp khác mới nói cặn kẽ cho Lãng hiểu. Lãng không thể đứng ngoài, trong khi tất cả trai tráng đều vào đội ngũ, ngày đêm luyện tập để chuẩn bị đối đầu với quân triều. Huệ đến thăm hai chị em với ý định khuyến dụ Lãng về với mình, vừa che chở vừa thúc đẩy Lãng nhập cuộc. Huệ biết rõ tính Lãng. Lãng sẽ vấp ngã nếu đi với kẻ khác. Anh thất bại, nhưng nhớ lá thư gửi gắm của thầy, Huệ tự hứa sẽ kiên nhẫn đợi dịp thuận tiện hơn.

*

* *

Đêm ấy An không tài nào chợp mắt. Cô cứ trăn trở hoài. Đêm không cùng. Đầu cô nặng. Cảm

giác tê dại căng thẳng từ hai bên thái dương loang dần ra sau ót, rồi truyền xuống xương sống. Da trở nên mẫn cảm hơn, vạc giường làm đau từng thớ thịt.

An nhắm mắt lại, cố giỗ giấc ngủ bằng cách đếm, từ một lên một nghìn, đếm thật nhanh để trí óc không kịp nghĩ đến những chuyện nhọc lòng. Cô đếm đến một nghìn, nghỉ một chút, chưa thấy hiệu quả gì, vội vã bắt đầu lại từ số một. Mấy lần đếm đi đếm lại như vậy mà mắt An vẫn ráo hoảnh.

Đã như thế thì thôi, cứ nhìn thẳng vào nỗi khổ tâm của mình. Đừng nhắm mắt nữa! An mở to hai mắt, nhìn lên bóng đêm. Trăng đã sáng hơn đêm trước, gió lâu lâu nổi lên từng cơn, lá chuối đập vào nhau xao xác.

Trí An hoang mang chưa hiểu rõ mình. Cô nói thầm để buộc ý tưởng vào khuôn khổ, xếp đặt cho có mạch lạc trước sau. An nhắm mắt lại nói một mình:

- Ta không ngủ được. Không tài nào ngủ được. Tại sao vậy? Đêm hôm trước lòng ta cũng ngổn ngang lo âu nhưng cuối giờ hơi ta thiếp đi, ngủ ngon một giấc đến gà gáy. Đêm nay đã qua giờ tỵ rồi. Cái gì quấy rầy ta? Cái gì khiến ta thao thức? Nếu thực sự có cái gì đó thì nhất định phải xảy ra trong ngày hôm nay. Buổi sáng Lãng không chịu dậy sớm nấu cơm. Hai chị em gây nhau, nhưng điều đó xảy ra như cơm bữa ta có để tâm đâu. Gây nhau rồi làm lành với nhau, lòng hai chị em không chút bận tâm. Nhất định không phải do Lãng. Cậu Hai Nhiều lại kênh kiệu phách lối quá đáng đối với bà cụ mẹ ông ký lục. Bà cụ van xin hết lời mà cậu nhất định không chấp thuận. Mình thấy bất nhẫn, muốn giúp cho bà cụ, nhưng làm thế thì còn ra thể thống gì nữa. Cậu Hai muốn ra uy cho dễ làm việc, hoặc cho bớt những vụ tranh tụng vụn vặt. Giá mình ở vào địa vị cậu, không biết mình phải làm thế nào. Trường hợp bà cụ cũng khó xử. Buổi trưa mình nuốt cơm không nổi, chỉ vì hình ảnh một bà lão tóc bạc phơ ngồi khóc lặng lẽ ở chái đình. Nước mắt không đủ thấm ướt đôi hốc mắt sâu. Ta không ngủ được vì bà lão chăng? Không. Mấy hôm trước ta cũng gặp cảnh ấy. Thế thì cái gì hở trời!

Đêm nay chỉ có một mình ta thức, một mình ta lẩm bẩm cho ta nghe, tại sao ta còn tự dối lòng. Ta còn sợ ai chế diễu nữa đâu mà loanh quanh tìm kiếm. Cái gì khiến ta thao thức? Can đảm lên An! Mà phải nói rõ với mày điều mày giấu diếm và cả thẹn, vì tự ái, vì đủ thứ lý do. Mày phải nhận đi! Mày không ngủ được là vì anh ấy.

An muốn ngộp thở vì sự can đảm phi thường của chính mình, diện đối diện với cái sự thực nồng nàn nhưng hứa hẹn bao nhiêu khốn khổ xao động này. Cô ngồi hẩn dậm, dựa lưng vào vách để cố trấn tĩnh. Một lúc sau, An cảm thấy dễ thở hơn. Cô tiếp tục cuộc độc thoại trong bóng tối:

- Phải. Ta thao thức trăn trở chỉ vì anh ấy. Chỉ có anh ấy mới khiến ta khốn khổ như vậy. Nhất định vì anh ấy. Nhưng kìa, anh ấy đã làm gì lầm lỗi với ta? Anh ấy vẫn tế nhị, hòa nhã, khéo léo từng lời từng tiếng. Không có thể bắt bẻ anh ấy điều gì được. Anh ấy thông minh, giỏi lý luận. Mình tưởng hai chị em có thể dồn anh ấy vào ngõ bí, nhưng cuối cùng chính Lãng phải nổi nóng vì thất thế. Lãng muốn đặt câu hỏi từ nguồn gốc của mọi sự, muốn xét lại toàn bộ cái nền của tất cả hình ảnh, biến cố, sự kiện, tưởng bằng cách đó có thể làm lung lay toàn thể cuộc sống quanh mình. Nhưng anh ấy lại dùng chính phương pháp của Lãng để xét lại toàn bộ lý luận của Lãng.

Bất giác, An mỉm cười. Trăng non ngoài vườn sáng hơn, bóng song cửa sổ đổ trên đầu giường. Gió không đủ mạnh để lay mấy tàu lá chuối, nên An nghe được tiếng côn trùng thủ thủ. Lòng An vui vui. Cô lại nằm xuống, tự nhủ chắc chắn thế nào mình cũng chợp mắt được. Nhưng thật lâu,

thật lâu, lòng An cứ bập bênh. Nỗi hoang mang còn đó. Câu hỏi "Ví sao ta thao thức" chưa tìm ra lời đáp. An lại nói thầm:

- Nhất định tại anh ấy. Mình nhớ rõ sau khi anh ấy ra về, lòng ta bùi ngùi, như vừa có điều gì ê chề, thất vọng. Ta không nhận được những gì ta mong chờ, ta chờ gì nào? Làm sao ta quên được buổi sáng hôm ấy, buổi sáng có gió rừng báo bão anh ấy đến thăm hai chị em trước khi về xuôi. Anh ấy bảo chuyến này sắp được về quê rồi. Ta bảo anh ấy em làm gì có quê mà về. Thành thực mà nói, thì mình cũng nói quá cho ra vẻ bi thương, chớ lúc nào mình cũng nghĩ An Thái là quê hương. Quả nhiên anh ấy cảm động. Anh ấy bảo nơi nào có những kỷ niệm đẹp nhất nơi đó là quê hương. Còn kỷ niệm nào đẹp cho bằng những ngày cũ ở khu vườn này, ở ngôi nhà đã cháy cách chỗ ta nằm không bao xa. Anh ấy nhắc đến ngôi nhà quay mặt về hướng tây, đến nhà học, đến chuyện cây gạo "thơm tho", đến mấy đám ruộng miếu... ta liền lĩnh về đây để cùng anh ấy ôn lại những kỷ niệm, chỉ cho anh ấy đây là chỗ anh ngồi nghe cha giảng sách, đây là chỗ anh bắt gặp em đang thổi lửa nấu cháo cho Lãng, đây là chỗ em ngại ngùng bảo "Đừng, anh Huệ ạ", đây là chỗ chúng mình đứng cãi nhau ỏm tỏi để tìm cho ra thủ phạm thay thế cây gạo. Đây là chỗ... Đây là chỗ... Đã đứng với nhau ngay trên cái nền của bao nhiêu kỷ niệm yêu dấu, đã liền lĩnh bất chấp mọi can ngăn để có cái dịp nghìn năm một thuở chiều nay, thế mà anh ấy đã làm gì nào? Đã nói gì nào? Chỉ toàn chuyện tầm phào, viễn vông. Hóa ra buổi sáng hôm ấy trên Tây Sơn thượng, cũng như ta, anh ấy chỉ thơ mộng hóa cho vui mà thôi. Mất công ta mơ ước, liền lĩnh, trông ngóng. Mất, mất hết rồi!

An tấm tức khóc. Nước mắt ứa ra, chảy xuống tai, lành lạnh. Cô thấy lòng cay đắng, ngao ngán.

- Tại sao lại có thể làm lẫn tai hại như vậy! Anh ấy đam mê, nhưng đam mê cái gì khác kia. Mất anh ấy sáng lên, gần như hung bạo, khi anh ấy bảo ta phải lập nên một trật tự mới. Trong tia mắt đó ta rờn rợn thấy có lửa cháy, có gươm giáo quyết đấu, có máu đổ. Anh ấy không còn thấy mình trong cái trật tự mới ấy. Mình không cao hơn tầm giáo, không sáng hơn ánh đuốc. Mình chỉ là một thứ vật vờ, chẳng những không quan trọng mà còn cản trở cho bước chân của anh ấy. Ôi! Ta lầm lẫn biết bao! Mà cũng tầm thường biết bao! Phải, ta chỉ muốn được sống tầm thường. Muốn được anh ấy nhìn ngắm như một người con gái tầm thường, biết hờn dỗi, ganh ghét, thích chiều chuộng, ưa hào nhoáng, tham của cải và danh vọng. Thích được nhìn ngắm một cách sỗ sàng, thích được ôm ấp, mơn trớn, vuốt ve. Được sống với cảm giác say dại ta từng đêm tưởng tượng trong giấc ngủ. Giá anh ấy nhìn ta như Lợi! Phải, ta thích được anh ấy nhìn ta như cách nhìn của Lợi. Mấy ngày ở Kiên thành. Lợi cứ quần quít bên ta, pha trò, nịnh nọt ta. Nhìn chăm chăm vào ngực ta, đến nỗi quên cả liến thoắng. Lại còn áp mặt vào cái áo ta vừa thay nữa! Ta lạnh cả xương sống khi chứng kiến cảnh tượng khác thường như vậy, nhưng đồng thời ta sung sướng vì hãnh diện. Vì được ao ước, thêm thuồng. Trời hỡi! Ta tầm thường biết bao! Anh ấy xa cách với ta biết bao! Làm sao bây giờ? Làm sao?

Càng nghĩ An càng khổ tâm, tuyệt vọng. Nước mắt cô tuôn trào. Sợ Lãng nghe mình khóc, cô lấy cánh tay che miệng lại. Khó thở, cô càng tấm tức, khóc to hơn. May cho An là đêm đó Lãng say ngủ, không biết chị đã thức suốt đêm để thì thầm, khóc lóc một mình.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 22

Cuộc họp dự định bắt đầu vào giờ thìn. Để mặc cho Chỉ lẳng xẵng bày biện phòng họp thế nào cho trang trọng uy nghi, Nhạc kéo Nhật về phòng mình để nói chuyện. Không muốn mất thì giờ dài dòng, Nhạc hỏi:

- Tình hình chung thế nào?

Dù đã chuẩn bị kỹ khi được Nhạc gọi, Nhật vẫn lúng túng chưa biết phải nói cái nào trước cái nào sau. Ông trả lời một cách mơ hồ:

- Nói chung không có gì ghê gớm. Dưới phủ vẫn thế.

Giọng Nhạc hơi gắt:

- Vẫn thế là thế nào?

Nhật hắng giọng, cố nói chậm để dần dần lại bình tĩnh:

- Nguyễn Khắc Tuyên gọi bọn đóng ở cầu Phụng Ngọc về mắng cho một trận, có đưa bị giam lại chờ xét xử vì tội hèn nhát. Hấn hỏi tại sao cần bao nhiêu quân cũng giữ đủ, cần bao nhiêu khí giới, xe ngựa, không thiếu món gì hết, mà suốt một tháng trời không nên cơm cháo gì. Phần lớn đều cúi đầu không dám cãi. Có đưa bạo gan, bảo tội lính phủ như gà phải cáo, mới nghe sắp đánh lên An Thái đã lén bỏ trốn, thì làm sao tiến qua cầu được. Tuyên nó nổi giận, sai đảng cổ tên bạo mồm quát cho đúng một trăm hèo. Hấn cử bọn khác lên thay, nhưng bọn này vừa mới biết tin sắp lên Phụng Ngọc đã cho vợ con đến lo lót mục Tuyên. Cuối cùng chỉ có lèo tèo vài ba thằng yếu thế, thiếu tiền. Chúng án binh bất động không dám tiến lên An Thái là vì vậy.

- Chúng nó biết tình hình bên ta không?

- Tay trong của ta gài dưới phủ không biết rõ điều này. Nhưng ta có thể tin được một nguồn khác.

- Nguồn nào thế?

Nhật hãnh diện đáp:

- Nguồn các tù binh. Tôi phụ trách bọn lính phủ đầu hàng và bọn con buôn bị tình nghi. Ở trại giam, chúng khai rõ tất cả những gì chúng biết. Chúng thú thật là chúng sợ hãi. Ngoài phố phủ, vào các buổi họp chợ, thiên hạ lao xao bàn tán về chúng ta. Tức cười là họ thối phồng lên, biến chúng ta thành những kiếm khách, hiệp sĩ thần thông biến hóa, xuất quỷ nhập thần. Về quân số, chúng tin là ta có hàng vạn quân. Dữ nhất là các toán quân Bana và Tàu ô. Họ còn kháo nhau sở dĩ ta chỉ để một toán nhỏ ở An Thái mà quân phủ không dám tiến lên vì đây là một cái bẫy giăng sẵn. Toán quân anh Huệ chỉ là cái mồi nhử, cốt "điệu hổ ly sơn".

Nhạc cười ha hả, trong cơn khoái trá quên cả phép tắc, ông vỗ đét vào vế Nhật nhiều lần. Nhật e dè cười góp, về sau thấy Nhạc thoải mái, Nhật quên dè dặt cũng cười to như trại chủ. Nhạc vỗ vai Nhật hỏi:

- Này, ông có nắm được số phận hiện canh giữ phủ Qui Nhơn không?

Nhật lo lắng, bối rối đáp:

- Cái đó...cái đó thì tôi chưa nắm được chắc. Nhưng đại khái thì...

Nhạc cắt lời Nhật:

- Đại khái thế nào được. Đây là điểm quan trọng nhất. Không biết họ có bao nhiêu quân, chút nữa họp làm sao phân công lực lượng được?

Nhật cố vớt vát:

- Tuyên nó dồn hết lực lượng phòng thủ lên Phụng Ngọc, nên quân giữ thành không còn được một phần ba số cũ. Không hơn một trăm tên đâu. Lại thêm bọn này đều nhờ lo lót hoặc có thần thế mới ở lại thành, nên chúng nó có sợ ai đâu. Phép tắc chẳng ai coi ra gì. Canh tác trễ tràng. Người của tôi bỏ đội mấy ngày lên tận An Vinh mà chúng không hay biết gì. Lúc về vào cửa thành cũng không ai xét hỏi.

Nhạc cố giảm bớt sự mừng rỡ:

- Biết đâu thằng đó nói khoác cho vừa lòng ông!

Nhật cương quyết đáp:

- Không đâu. Tên này rất thành thực. Bao nhiêu tin tức hẩn cung cấp lâu nay đều đúng cả. Rồi, để chứng minh rõ thêm khả năng điều tra tình hình phía địch của mình, Nhật rút trong thắt lưng ra một tờ giấy bản gấp lại bằng ba ngón tay. Cẩn thận mở rộng tờ giấy nhàu nhò ra vì sợ làm rách, Nhật trải lên tràng kỷ, mặt hớn hờ. Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Cái gì thế?

- Bản đồ phủ Qui Nhơn. Có ghi chú đầy đủ vị trí các đồn canh, kho lúa, kho khí giới, tàu ngựa, nơi Tuyên làm việc, nhà giam...

Nhạc mừng rỡ cầm tấm bản đồ lên xem, quên mất mắt mình yếu không thể nhìn gần được. Ông sờ soạng tìm cái kính nơi bọc áo, tay run run. Ông không tìm thấy kính. Nhạc đành phải đưa bản đồ ra thật xa, nhú mắt cổ nhìn cho kỹ bảo vật quý giá. Đúng như Nhật nói, trên bản đồ có ghi thật tỉ mỉ những gì Nhạc cần biết. Ông hớn hờ quay sang phía Nhật hỏi:

- Ông khá thật. Đứa nào mang đến thế?

Nhật cố chậm trả lời tăng sự quan trọng của mình:

- Một con buôn khả nghi. Hẩn khai là người của ông Thung, mang thư riêng lên cho ông Huyền Khê để chuyển lại cho đệ nhất trại chủ. Tôi không tin, đánh cho mấy bạt tai. Hẩn tức tối lôi tấm bản đồ này ra làm chứng.

Nhạc vội hỏi:

- Ông bắt được nó khi nào?

- Tối hôm qua. Tôi còn giam nó đó, chưa cho ông Khê biết.

- Ngoài tấm bản đồ này còn thư từ gì khác không?

- Không.

- Có khám xét kỹ quần áo, búi tóc nó không?

- Kỹ lắm nhưng không thấy gì khác. Nó một mực bảo chỉ có tấm bản đồ này. Nó khai ông Thung chỉ nhắn miệng với Huyền Khê là ông ấy bận không lên họp được, nhờ ông Khê chuyển bản đồ này cho trại chủ. Cuộc họp quyết định thế nào, xin truyền gấp xuống cho ông ấy.

Nhạc im lặng thật lâu, vẻ mặt lo lắng. Nhật không dám nói gì thêm. Sau đó, Nhạc hỏi:

- Còn tình hình nội bộ ta như thế nào? Có thể tin cậy được bọn Tuy Viễn không?

Nhật do dự một lúc, rồi đáp:

- Dĩ nhiên ta đã chia vùng thì khó lòng hiểu nhau, phối hợp với nhau được. Dưới An Thái cứ lộn xộn hoài vì tụi con buôn em út của Tập Đình, Lý Tài. Lính anh Huệ lờ đi sâu một chút xuống phía đông là nhất định có chuyện. Đến tối qua, những người ta mời đều cho người đến họp cả, trừ ông Thung, và bọn Nhưng Huy, Tứ Linh. Không hiểu họ không chịu đi họp, mà còn cho người mang bản đồ phủ thành Qui Nhơn lên đây làm gì?

Nhạc tức giận nói:

- Có thể mà ông lấy làm lạ sao! Họ sợ mình nghi ngờ, nên đưa tấm bản đồ lên góp công. Có điều tôi còn thắc mắc, là hắn còn định nhả Huyền Khê điều gì nữa!

Nhật nhỏ nhẹ nhắc:

- Ông cứ hỏi anh Lữ thì rõ.

Nhạc gật đầu chậm chậm, vì còn mãi suy nghĩ. Có lẽ câu chuyện Nhật vừa kể quấy rầy ông quá nhiều, nên Nhạc quay qua chuyện khác. Ông hỏi:

- Các toán quân của ta vẫn thường chú?

- Vẫn thường. Toán ông Tuyết hơi rắc rối vì bọn du thủ du thực bất trị, nhưng có đỡ hơn tuần trước. Phía An Vinh từ khi Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) về mọi sự đều vào đó cả. An Thái cũng vậy. À, lại có mấy lá đơn thưa Hai Nhiều.

- Lại Hai Nhiều. Tôi đã gọi lên cảnh cáo rồi mà!

- Lần này hơi khác. Tôi đoán bên trong có chuyện tranh chấp buôn bán sao đó.

- Phiền quá. Thế nào sau vụ này ta cũng phải tìm người thay lão già quá quắt. Nhưng tìm ai bây giờ! Ông tìm cho tôi một người đi. An Thái quan trọng lắm, không để sơ hở được. Ông xem trong sổ anh em bà con có ai được việc không?

Nhật cảm động vì sự ưu ái tin cậy của trại chủ, giọng nói run run:

- Tiếc thật. Ngoài hai anh em tôi, gia đình còn lại toàn đàn bà con gái. Đứa lớn nhất mới lên mười ba.

- Tiếc nhỉ. À này, mấy đứa em gái có giống ông không?

Biết Nhạc muốn chế giễu thân mật vẻ cục mịch của mình, Nhật cười đáp:

- Không đâu! Chúng nó đẹp ra phết. Nhất là con bé lớn.

Thấy đã đến giờ họp, Nhạc đứng dậy, bông đùa lần cuối với người thuộc hạ thân tín:

- Chà ít năm nữa, tôi sẽ đứng ra làm mai giúp tìm cho nó một tấm chồng xứng đáng. Làm công không thôi. Nếu muốn trả ơn, thì được, một cơi trầu nguồn. Được chứ!

*

* *

Bên phòng họp, Lý Tài và Chinh đến sớm nhất. Chinh muốn gặp Nhạc trước để báo cáo cho Nhạc rõ tình hình hai toán Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân theo lời dặn của trại chủ, nhưng người lính gác ngăn lại, bảo Bùi Văn Nhật đang ở phòng Nhạc. Anh đi đi lại lại, nóng ruột chờ. Hai người nói chuyện lâu quá, mà Chinh lại không muốn trở lại phòng họp để chạm mặt Chỉ. Anh ghét cay ghét đắng điệu bộ lễ mễ, trân trọng từng bước do thói quen nghề nghiệp của Chỉ. Sự ràng buộc, nếu đôi lúc con người ta phải thu mình tuân theo, đâu phải là một điều đáng hãnh diện đến như vậy! Nó hoàn toàn trái với tự nhiên như lá xì xào khi gió thổi, nước lụt tràn bờ sông, mồ hôi ướt rịn khi trời nóng. Chinh nhớ có lần cha nhắc đến một câu của Lão Đan: "Nóng thì cứ đổ mồ hôi, lạnh thì cứ run lên". Anh khoái được sống thoải mái tự nhiên như vậy nên thù ghét sự gò bó. Còn đối với những kẻ xem sự gò bó là một nghi thức, một nghệ thuật, thậm chí là một cách xử kỷ tiếp vật cao siêu và khôn ngoan, thì phải nói là Chinh khinh bỉ. Đôi

lúc anh nghĩ có lẽ vì thế mà có hố ngăn cách giữa mình và cha.

Khi hôm cùng lên Kiên thành với Lý Tài, Chinh chưa kịp thăm cha. Sáng nay anh có thể nhân cơ hội này tìm gặp ông giáo, nhưng anh cứ ngại ngùng. Anh có một cố chính đáng để yên tâm: anh phải chờ gặp cho được trại chủ trước cuộc họp. Chờ lâu quá, Chinh đành trở ra phòng họp. Chỉ đang nói chuyện với Lý Tài. Chỉ quen nói thật chậm, như cân nhắc từng chữ trước khi mở môi, nên Lý Tài nghe hiểu hết lời Chỉ. Họ có vẻ tương đắc, vừa uống trà vừa bàn tán một cách trang trọng, dễ dàng những điều Chinh không hiểu. Anh đến chỗ cửa phòng, đứng ngắm hình mấy con rồng màu vàng cuốn quanh bốn cây cột sơn đỏ. Nước sơn còn mới, nét vẽ vụng về của một tay chuyên trang trí các chùa miếu ở thôn quê. Chinh nghĩ: lại thêm một sáng kiến của lão thầy cúng. Thà cứ để nguyên bốn cây cột gỗ kiên kiên màu nâu lại hay hơn!

Bùi Đắc Tuyên bước vào phòng họp. Chinh gật đầu chào, không muốn đến bắt chuyện vì hai người khác tính nhau, mà Chinh lại không ưa cách nói chuyện dãi bôi, dùng dằng nào sức khỏe, gia cảnh, thời tiết, mùa màng. Tuyên có nét mặt giống Nhật, nhưng nhìn chung có vẻ thanh tú hơn. Mày Tuyên rậm, hai hàm bạnh, giống Nhật, còn cái mũi nhô và cao hơn, môi dưới mỏng mím lấy môi trên, không trệ xuống cằm như môi Nhật.

Vì Tuyên cũng không ưa Chinh nên vừa chào hỏi lấy lệ Chỉ và Lý Tài xong, ông lảng ra phía cửa sổ phòng họp. Hết đứng ôm song cửa sổ nhìn ra ngoài trời, Tuyên lại nhìn mấy con rồng. Chưa tin ở mắt mình, ông lấy tay di di lên lớp sơn. Dấu chỉ đầu ngón trỏ in trên lớp sơn ướm. Tuyên nghĩ y như Chinh: lại một trò mới của lão thầy cúng! Tuyên nhìn qua chỗ Chinh đang đứng, định tìm một người để nói điều mình vừa nghĩ. Nhưng thấy vẻ mặt lạnh lùng, cách ăn vận lạ mắt của Chinh, Tuyên do dự.

Tuyết, Lộc và Năm Ngạn cùng đến. Chinh mừng rỡ chạy đến chào hỏi Tuyết và Lộc, còn Năm Ngạn xán lại phía Chỉ.

Tuyết thân mật vỗ lưng Chinh cười ha hả. Tuyết to tiếng hỏi:

- Thế nào, khách hảo hớn?

Chinh vỗ vai Tuyết, hỏi lại:

- Mạnh giỏi, đại huynh?

Rồi cả hai cùng cười rồn rảng, làm cho Chỉ nhăn mặt khó chịu. "Khách hảo hớn" và "đại huynh" là cách hai người quen gọi đùa nhau, khi còn cùng ở chung một đội. Tuyết chỉ Lộc (Nguyễn Văn Lộc) nói:

- Mày đi hai đứa tao lẻ đạn, đâu còn đủ như Lưu - Quang - Trương kết nghĩa vườn đào nữa!

Tuyết liếc về phía Lý Tài, ghé sát Chinh hỏi đùa:

- Hậu cần cho "xénh xáng" có mệt không?

Chinh cười gạt đi:

- Nói bậy. Hai ông ấy khá lắm. Nhất là Lý xénh xáng.

Lộc chen vào hỏi:

- Đã học được mấy câu tiếng Tàu rồi?

Chinh thú thật:

- Mới lắm bẩm thôi. Ông Lý thạo tiếng Nam, mình nói gì ông đều hiểu miễn là nói chậm chậm. Còn ông kia thì... mỗi lần có việc cần nói phải mỏi cả tay.

Tuyết cười to, nói:

- Càng tốt. Mày vừa nói vừa tập quyền, còn đòi gì nữa. Ủa, lão quạu đâu rồi?

Chinh không hiểu hỏi:

- Lão quạu nào?

- Thì xềnh xàng của mày chứ ai! Lão Tập Đình mặt lúc nào cũng hằm hằm, quạu quọ đó. Chinh định nói, nhưng giật mình, ngưng lại kịp. Anh nhớ đến điều quan trọng cần báo ngay với Nhạc, đưa mắt nhìn về phía cửa phòng trại chủ. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Chinh nói:

- Họ bạn bè thân thiết với nhau từ lâu, đi một người đủ rồi.

Lúc ấy Lộc mới đưa ra nhận xét:

- Anh mặc áo kiểu gì thế?

Chinh đỏ mặt, lắp bắp biện hộ:

- Ấy, đi với ma phải mặc áo giấy. Sống giữa người Tàu, ăn mặc khác đi, khó lắm.

Lộc thắc mắc hỏi:

- Tôi nghe Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân chỉ ở trần, đầu bịt khăn đỏ, cổ đeo giấy vàng bạc. Trước khi ra trận họ uống rượu thật say. Có đúng thế không?

Chinh đáp:

- Đúng.

Tuyết hỏi:

- Thế sao mày lại mặc áo này. Khăn đỏ đâu? Chinh hơi bất bình vì Tuyết nắm cổ áo mình hơi chặt, đưa tay gỡ tay bạn ra, trước khi nói:

- Chỉ bọn lính mới ở trần. Cấp chỉ huy phải khác chứ. Vả lại họ chỉ ở trần uống rượu khi xông trận thôi. Do thói quen của thời làm cướp biển đấy mà!

Vừa lúc đó ông giáo và Huyền Khê tới. Chinh bỏ đám bạn cũ, chạy đến chào cha. Ông giáo mừng rỡ thấy con vẫn khỏe mạnh. Bao nhiêu lo lắng lâu nay thoát một cái đã tan hết. Ông mừng nhất là thấy Chinh khỏe và tươi tắn hơn trước (Ông quên trước đây mỗi lần bắt đắc dĩ phải gặp cha, Chinh vẫn mạnh khỏe nhưng bộ mặt cứ dầu dàu). Ông giáo hỏi:

- Sao khi hôm không lên?

Chinh liếc về phía Lý Tài, hạ thấp giọng nói với ông giáo:

- Trường dặn con không nên để ông ấy một mình. Con trông cha hơi ốm!

Ông giáo đưa tay bẹo má mình, buồn rầu đáp:

- Độ này cha không ngủ được. Ăn uống thất thường. À, con biết chưa, con An với thằng Lãng đã về An Thái rồi.

Chinh ngạc nhiên, nói:

- Con tưởng chúng nó xuống đây để lo cơm nước cho cha chứ! Xuống chỗ tên đạn đó làm gì!

Ông giáo ngậm ngùi nói:

- Cha có ngăn, nhưng lạ lắm, chúng nó cứ nằng nặc đòi về cho được. Nhất là con An. Ở đây nhiều bữa cha nằm cả ngày, không thiết đi đâu nữa.

Chinh ái ngại thương cha, ngược nhìn mái tóc đã bạc trắng của ông giáo. Không muốn kẻ khác thấy xúc động yếu đuối của mình, ông giáo hỏi con:

- Ông Nhạc chưa đến à?

Chinh đáp:

- Dạ còn nói chuyện với ông Nhật trong kia. Hình như chuyện quan trọng lắm, lính gác đã được dặn không cho ai vào.

Ông giáo hơi thất vọng, nhớ lại trước đây không có việc quan trọng nào mà Nhạc không hỏi ý kiến ông trước.

* *

Lúc cuộc họp sắp bắt đầu, ông giáo ngồi quay hướng về phía Chinh. Vì là tùy viên của Lý Tài, Chinh ngồi ở cái ghế kê sát sau lưng vị chỉ huy trực tiếp. Nhờ khoảng cách không gian, và tình cha con dạt dào đã lắng, ông giáo mới bình tĩnh, khách quan nhìn kỹ Chinh hơn. Ông ngờ ngợ thấy Chinh có gì thay đổi.

Đúng là Chinh có vẻ mạnh khỏe, vạm vỡ hơn. Khuôn mặt như tròn lại. Phải, tròn trĩnh, đầy đặn hơn trước nhiều. Trí ông lơ mơ về hình ảnh tròn đầy. Hình như Chinh đối khác ở chỗ này. Trước kia khuôn mặt nó đâu có tròn thế! Với mái tóc cứng và dày... thôi phải rồi, sao tóc nó ngắn vậy? Tuy nó có đội khăn cho thêm chứng chắc, nhưng rõ ràng mái tóc dài của nó không còn. Hai bên thái dương tóc mai nhạt, chứng tỏ Chinh đã hót cụt đầu tóc của mình. Cái răng cái tóc là vóc con người. Nó không hiểu như thế sao?

Ông giáo tò mò quan sát Chinh kỹ hơn, tìm thấy cái áo may theo kiểu Tàu. Lý Tài che mất phần dưới thân thể Chinh, nên ông giáo quay lên nhìn kỹ khuôn mặt con lần nữa. Ông tìm thấy dấu xanh xanh của một hàm râu mới cạo. Đúng là nó thay đổi quá nhiều. Râu, tóc, quần áo, cả cái bộ ngồi dựa ngửa ra lưng ghế, mặt ghếch lên cao, bất chấp sự đời! Càng quan sát con, ông giáo càng lo lắng.

Cửa phòng Nhạc xịch mở. Nhật bước ra trước, nét mặt cố làm ra vẻ nghiêm trọng khi thấy mọi người quay nhìn về phía mình. Ông giáo nghe tiếng Nhạc cười, và câu bông đùa "Nếu muốn trả ơn, thì được, một coi trà. Được chứ".

Chỉ đứng bật dậy. Mọi người trong phòng ngỡ ngàng chưa hiểu, nhưng ngay sau đó, họ hiểu liền. Kể trước người sau loạc choạc, cuối cùng tất cả đều đứng nghiêm trang vái chào Nhạc. Nhật khựng đứng lại, không dám tiến, chờ Nhạc. Lần đầu tiên Nhạc thấy những người thân thuộc đón tiếp mình long trọng như vậy. Ông lặng người vì sung sướng, cười ha hả nói lớn: - Chào tất cả anh em...Chào tất cả quý vị. Đông đủ cả rồi chứ! Vâng, ông Nhật báo cho tôi biết trước là thiếu ông Thung. Lý tiên sinh, mạnh giỏi? Mời quý vị an tọa. Lợi ời, cho mang nước và trà lên nhé. Các vị cứ tự nhiên, dịch lại đây cho nó rộng. Tôi ốm o thế này mà quý vị chừa cho cả một nửa tràng kỷ, phí đi. Rồi nhìn quanh một lượt xem mọi người đã ngồi đúng vị trí chưa, Nhạc xoa tay bảo: Chúng ta bắt đầu thôi!

Nhạc hất hàm bảo Nhật:

Ông nói qua cho quý vị biết tình hình dưới phủ ta đi!

Nhật đứng dậy, cúi chào Nhạc để xin phép nói. Nhạc chỉ cười chứ không gật đầu đáp lại. Nhật tóm tắt gọn ghẽ, rõ ràng những điều ông vừa trình bày với Nhạc. Riêng về quân số hiện canh giữ phủ, để đề phòng bất trắc, ông tăng con số dự đoán lên tới ba trăm. Nhạc chờ Nhật nói xong, mới hỏi:

- Quý vị nghĩ thế nào? Chúng nó quân đông, khí giới nhiều hơn ta, nhưng tinh thần bạc nhược. Tình thế đã chín mùi, tôi tính đánh rốc một trận chiếm phủ Qui Nhơn. Quý vị nghĩ sao?

Tuy đã đoán trước được lý do cuộc họp, nhưng khi nghe Nhạc hỏi người này nhìn người kia không ai dám trả lời trước. Nhạc chờ một lúc, tưởng nhiều người còn sợ, rút tấm bản đồ trải lên bàn nói:

- Ta đã nắm rõ cách bố trí đồn trại, kho tàng, cơ quan trong phủ. Bây giờ gặp lúc thuận tiện ta không chiếm phủ ngay, sau này chúng được Thuận Hóa và Gia Định tăng cường, ta khó lòng có cơ hội tốt như thế nữa. Ông Huyền Khê có thấy thế không?

Huyền Khê bối rối đáp theo kiểu lơ lửng:

- Vâng, nếu quả dưới phủ chúng bạc nhược, canh gác trễ tràng lỏng lẻo như ông Nhật nói, thì... Nhạc cắt lời Huyền Khê:

- Ông nghĩ chúng mạnh lắm sao! Tắm bản đồ này, chắc ông đã xem rồi. Ông thấy đấy, đồn canh như thế ăn thua gì. Ông có nhớ chỗ vẽ nhà giam không. Đáng lý chỗ đó phải canh gác cẩn mật lắm. Nhưng chúng chỉ đặt có một trạm gác ở cửa. Trại giam lại nằm sát sau lưng tòa phủ. Khê ngờ ngác, không hiểu Nhạc đang nói gì. Nhạc thấy Huyền Khê hoang mang ngỡ ngàng như người đi lạc, mừng rỡ hiểu rằng tên con buôn chưa kịp gặp Huyền Khê đã bị Nhật bắt. Nhạc cười, quay sang hỏi ông giáo:

- Trước khi hỏi Lý tiên sinh, xin hỏi thầy:

Ông giáo đáp:

- Bên địch yếu, tôi cũng tin chắc như vậy như ông Nhật. Nhưng đồng thời ta phải nhận là bên ta chưa mạnh. Cho nên quyết định đánh lấy phủ Qui Nhơn hay không, còn tùy thuộc vào cách đánh nữa. Xin cho bàn cách đánh phủ trước.

Nhạc quay về phía Lý Tài:

- Bây giờ đến lượt Lý tiên sinh.

Lý Tài nhanh nhẩu đáp:

- Tôi cũng nghĩ như thầy giáo. Nếu ta chọn được cách đánh thích hợp, nâng sức mạnh ta lên áp đảo được địch, thì mới nên nghĩ đến chuyện đánh.

Nhạc hơi thất vọng vì thấy ba ý kiến đầu tiên của những người đứng tuổi đều khôn khéo và né tránh trả lời thẳng vào câu hỏi. Nhạc đành phải giải thích kế hoạch đánh phủ:

- Ý quý vị như vậy, tôi xin vâng. Tôi tính thế này. Hiện quân phủ dồn hết sức chống đỡ hai mặt: mặt bắc nhằm bảo vệ hai kho lương lớn là Càn Dương và Nước Ngọt và con đường thông thương ra Quảng Nam, mặt tây án ngữ Phụng Ngọc ngăn ta tấn công xuống. Bên ta hiện nay phía Thuận Truyền có Tuyết và Lộc, An Vinh có ông Tuyên, An Thái có chú Huệ, mặt nam Tuy Viễn có ông Thung và Lý tiên sinh đây. Đối mặt đánh nhau, chưa chắc ta làm gì được chúng. Quân không đông hơn. Vũ khí lại kém. Cho nên tôi tính đến đòn dùng mẹo và lừa. Tôi cho chú Huệ rục rịch khu vực chiêng gióng trống dưới An Thái làm như ta sắp tấn công xuống. Chúng tưởng ta sắp vượt cầu Phụng Ngọc, dồn hết sức phòng ngự, quân phía bắc và nam sẽ bị trải mỏng ra. Nhờ thế, ông Thung dưới Tuy Viễn và Trung, Hòa nghĩa quân sẽ kín đáo chia từng toán nhỏ luồn lách rồi tập hợp chờ sẵn ở phía nam phủ. Tuyết, Tuyên, Lộc thì lo mặt bắc. Phần tôi sẽ chọn một số nhỏ anh em dũng mãnh, gan góc, liêu lĩnh, dùng kế trở thành nội tuyến từ trong phủ đánh ra.

Nhạc dừng lại, nhìn quanh khắp phòng. Mọi người lắng nghe kế hoạch quan hệ đến lẽ sống chết của tất cả mọi người. Căn phòng im phăng phắc. Nhạc thỏa mãn vì đã gây được sự chờ đợi náo nức cho mọi người, bắt đầu trình bày kế liêu lĩnh của mình:

- Những tên ông Nhật gài được vào trong phủ phần lớn đều chậm chạp, kém ứng biến, thiếu liêu lĩnh. Mà không có nội tuyến mở cửa thành, ta đánh đến bao giờ mới vượt được hào lũy! Việc này thiên nan vạn nan. Làm sao ta ém sẵn được một số quân tinh nhuệ ngay trong phủ, chờ giờ thuận tiện, vùng dậy bắn hỏa pháo làm hiệu, mở cửa thành cho quân các ông ập vào? Làm sao? Các ông nghĩ giùm tôi đi!

Không ai dám thở mạnh, sợ Nhạc chỉ định mình hiến kế. Nhạc chờ thật lâu không thấy ai trả lời, mới cười nhạt nói:

- Tôi biết trước là khó tìm người dám liêu lĩnh và đủ tài trí để làm việc đó. Thôi, không ai làm

thì tôi lãnh. Tôi tính thế này nhé; Tôi sẽ cho đóng một cái cũi chắc chắn. Không phải để khiêng heo đi biểu Nguyễn Khắc Tuyên đâu. Tôi sẽ cho người trói chân tay, đóng gông rồi nhốt tôi vào cái cũi đó. Toán anh em đờm lược sẽ giả dân quê khiêng tôi xuống nộp cho quan phủ để lãnh thưởng. Dĩ nhiên chúng sẽ mở rộng cửa thành đón tôi vào. Nhà giam, như các ông thấy trên bản đồ, nằm sát sau lưng tòa phủ. Tuyên sẽ giam tôi ở đó. Chờ đêm đến, anh em sẽ tháo cũi cho tôi ra. Thế là chỉ cần hú lên một tiếng, bên trong bên ngoài hưởng ứng, Tuyên có chạy chắc không kịp mặc quần đâu!

Cả phòng ồ lên thán phục và mừng rỡ. Tiếng cười tiếng nói huyên náo đột ngột vỡ bùng sau thời gian im lặng căng thẳng. Nhạc cũng cười hể hả. Chỉ có Nhật và ông giáo giữ được sự trầm tĩnh dè dặt. Nhạc ngạc nhiên hỏi Nhật:

- Ông sao thế? Có gì không ổn à?

Nhật liếc nhanh về phía Huyền Khê, nói:

- Cái kế liều lĩnh như vậy không thể nói cho nhiều người biết được. Chỉ cần một tên phản bội lén báo trước cho phủ Tuyên là tính mệnh của trại chủ...

Nhật không dám nói tiếp. Ông giáo vội nói:

- Ý ông Nhật hợp ý tôi. Một kẻ nào khác có thể đem mạng sống của mình liều lĩnh đặt lên chiếu bạc, phó mặc may rủi, được thì được cả, mất thì mất hết. Tôi mà làm như vậy, nếu rủi ro, thì đời bớt phải nhọc lòng vì một lão già gàn. Mấy cậu thanh niên như cậu Tuyên cậu Lộc ở đây cũng thế. Quá lắm ta đành cử người thay đội trưởng mới. Nhưng ông cả là đệ nhất trại chủ! Vâng, xin nhớ cho ông là đệ nhất trại chủ. Vận mạng tất cả anh em tùy thuộc rất nhiều ở ông. Ông không được quyền liều lĩnh. Nếu có đưa xấu phản bội báo trước cho Nguyễn Khắc Tuyên biết, như ông Nhật vừa nói, hoặc nếu phủ Tuyên giam kỹ trại chủ vào ngục sâu, thì tình thế sẽ thế nào. Bắt được một người như trại chủ, Tuyên mừng còn hơn bắt được vàng khối. Danh vọng, địa vị, cả tính mệnh của hắn tùy thuộc vào trại chủ. Đời nào hắn lơ lửng đến nỗi để cho trại chủ tự tháo cũi thoát ra được. Xin ông nghĩ lại xem!

Những lời giải bày của ông giáo khiến Nhạc sợ đổ mồ hôi trán. Nhưng vừa sợ, ông vừa tức. Ông giáo hoàn toàn có lý, thật đáng phục. Mà cũng đáng ghét vì ông gián tiếp chứng tỏ cho mọi người thấy Nhạc chưa chín chắn khi vạch kế hoạch tấn công phủ. Nhạc ở vào thế khó xử, chưa biết phải nói gì.

Lý Tài nói:

- Các việc khó khăn nguy hiểm đã có anh em chúng tôi lo. Trại chủ hãy tin ở chúng tôi. Khỏi phải nhọc lòng dấn vào chỗ bất trắc. Tôi thấy địch đã quá yếu. Chỉ cần nhử cho chúng dồn lực lượng đối phó với An Thái, rồi phía nam có ông Thung và chúng tôi, phía bắc có các cậu trẻ tuổi đây, ta hẹn giờ cùng một lúc ép vào. Thế nào cũng lấy được phủ.

Nhạc cố vớt vát thể diện:

- Nhưng chúng tôi có thể tin chắc sức tấn công ở mặt nam không. Lý tiên sinh có mặt ở đây. Nhưng ông Thung lại vắng. Vạ nhất nếu Tuy Viễn bỏ trống thì chúng tôi ở mặt bắc có mạnh bao nhiêu cũng không ép được quân phủ thúc thủ.

Chinh đứng bật dậy nói lớn:

- Không thể tin ở ông Thung được. Có Lý tiên sinh đây làm chứng. Trước đây hai ngày, Nguyễn Thung cho người lên gặp Trung và Hòa nghĩa quân đề nghị hợp tác để đánh thành Qui Nhơn. Lý tiên sinh từ chối, bảo một việc quan hệ như thế phải do đệ nhất trại chủ quyết định. Có nhiều tiếng xôn xao trong phòng họp. Tiếng bàn tán mỗi lúc mỗi lớn hơn, trở thành ồn ào.

Nhạc hét lớn cho át tiếng ồn, hỏi Lý Tài:

- Có đúng như vậy không, Lý tiên sinh?

Lý Tài điềm tĩnh đáp:

- Vâng. Cậu Chinh nói đúng sự thực.

Nhạc lặng người vì hoang mang, và tức giận. Nhưng bao nhiêu năm quen với những bất ngờ sinh tử, Nhạc không để lộ tình cảm ra nét mặt. Trong lúc mọi người nín thở chờ đợi cơn phản nộ òa vỡ, Nhạc đột ngột phá lên cười ha hả. Ông cười xong, hoan hỉ nói:

- Thế mới biết ông Thung đệ nhị trại chủ của chúng ta sâu sắc đến dường nào. Vừa nhận được thư mời, ông ấy đã biết tôi muốn gì. Ông ấy bận không đi họp được, nhưng lặng lẽ lo xong cho trước phần việc mình. Một mặt ông Thung liên lạc trước với Lý tiên sinh để chuẩn bị mặt nam. Một mặt ông ấy cho người đem... đem cái gì lên cho chúng ta, các ông biết không? Chính ông Thung đã gửi cho chúng ta tấm bản đồ quý giá này. Tất cả những điều chúng ta bàn suốt buổi sáng, thì ông Thung đã lo liệu đến hơn phân nửa công việc. Thế mới xứng là đệ nhị trại chủ. Lại có nhiều tiếng lao xao, cười nói hoan hỉ!

Lúc ấy, một người lính hầu bước vào phòng, đến đưa cho Nhật một mảnh giấy nhỏ. Nhật tiếp tục bàn tán cười vui với mọi người, nhét nhanh mảnh giấy vào thắt lưng. Chờ lúc mọi người không chú ý đến mình, Nhật lén ra ngoài hiên xem nội dung nguồn tin vừa gửi tới. Ông lạnh người, mắt hoa đi. Cố đọc kỹ một lần nữa, ông không còn hoài nghi mắt mình kém nữa. Mồ hôi rịn ướt cả hai bàn tay ông. Chờ cho mình trấn tĩnh lại, Nhật mới bước vào phòng họp. Mọi người còn cười nói rôm rả. Nhạc đang rót nước ra cái chén sứ ở bàn nước. Bên cạnh Nhạc không có ai. Nhật đến bên Nhạc, vờ cúi xuống xin trại chủ một chén nước trà, thì thào vài câu với Nhạc. Cái nắp bình trà rơi xuống đất vỡ tan thành nhiều mảnh nhỏ. Mọi người quay lại nhìn trại chủ. Nhạc đặt bình nước xuống bàn, đưa chén lên uống cạn, rồi hớn hờ loan báo:

- Anh em! Vừa có tin vui đây! Ông Thung vừa cho người lên báo là đã chuẩn bị sẵn sàng để cùng chúng ta tấn công chiếm phủ Qui Nhơn. Như vậy là ta khỏi lo mặt nam bị trống nữa. Tôi quyết định bắt đầu tiến quân ngay bây giờ. Bằng cách nào nhanh nhất, các ông về ngay với quân của mình. Tập họp gấp quân lính, khí giới sẵn sàng. Tôi sẽ cho đem lệnh đến cho từng người. Các ông cứ y theo lệnh mà làm, không được tự ý thay đổi. Tình thế gấp lắm. Khỏi cần nói với tôi lời từ biệt. Các ông chạy ra cổng, lên yên ngay cho.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 23

Chờ cho Lý Tài và Chinh đi xong, Nhạc bảo Tuyết, Lộc, Tuyên hãy nán lại một chút chờ nhận lệnh. Ba người trẻ tuổi hoang mang không hiểu vì đâu Nhạc ra lệnh tiến công bất ngờ như vậy, nhưng không ai dám lên tiếng hỏi. Họ đi đi lại lại trong phòng họp, cúi gằm mặt đếm bước. Nhạc kéo Nhật và ông giáo vào phòng mình. Khi cả ba đã vào hẳn phía trong, đích thân Nhạc đến cài then cửa lại. Ông loay hoay thế nào mà mãi một lúc lâu vẫn chưa cài xong. Ông giáo đến giúp Nhạc, thấy tay trái chủ run run, nước da Nhạc tái thêm. Cài xong then cửa, Nhạc quay lại hỏi Nhật:

- Chúng nó bắt đầu lúc nào?
- Khoảng canh ba. Đến gần sáng thì chiếm xong!

Ông giáo sợ toát mồ hôi, vội hỏi:

- Chúng dám chiếm An Thái à?

Nhạc đang tức giận cũng phải bật cười.

- Không. Chúng đánh chiếm phủ Qui Nhơn rồi!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Ai? Chúng là ai?

Nhật đáp:

- Nguyễn Thung và bọn Nhưng Huy, Tứ Linh.

Nhạc hỏi:

- Người đưa tin có nói gì thêm không?
- Nó bảo chúng chia làm hai cánh bao vây phủ từ canh ba. Bên trong tán loạn, lính phủ mạnh ai nấy chạy nên tờ mờ sáng chúng đã lọt được vào thành.
- Còn Nguyễn Khắc Tuyên?
- Nó không hiểu rõ. Có lẽ tên tuần vũ đã trốn mất, vì không nghe ai nhắc nhở gì đến cả. Nếu bắt được Tuyên, tất nhiên mọi người đều biết.

Nhạc trầm ngâm một lúc, rồi nói bâng quơ một mình:

- Gớm thật. Hắn thấy dễ ăn, liền ra tay trước. Hắn vốn quen cái thói đó như hồi tranh nhau buôn nguồn.

Nhạc bóp trán suy nghĩ rồi hỏi ông giáo:

- Nguyễn Thung vây chiếm phủ, tức là chuyện lớn rồi. Thuận Hóa phải phản ứng. Thầy am hiểu nội bộ ngoài kinh, xin thầy cho biết ý kiến. Ta phải làm gì bây giờ?

Ông giáo đáp ngay:

- Không thể chậm trễ được nữa. Phải tìm cách chiếm lại phủ Qui Nhơn, nhưng cũng phải cố hết sức đừng gây đổ vỡ ngay từ lúc này. Phải khéo léo.

Nhạc mừng rỡ nói:

- Thầy thật hợp ý tôi. Lúc này, khi ông Nhật cho biết tin, tôi giận đến nỗi muốn hét lên một tiếng cho đa tấc. Tuy tôi bây giờ vẫn còn run. Nhưng cũng may tôi kịp nghĩ lại. Không nên để cho anh em biết chuyện này. Ta làm thế nào để cho mọi người tưởng ta đã phân công cho Thung đánh chiếm phủ. Hai người đáng đề phòng nhất là Huyền Khê và Lý Tài. Ông Nhật nhớ nhé. Về phần chúng ta, tôi tính thế này: Hiện số quân tinh nhuệ của ta dồn phần lớn về An Thái. Tôi sẽ để lại đó một nửa cho thằng Huệ, nửa kia mang sang sông phối hợp với toán ông Tuyết và Tuyết làm quả đấm tổng thẳng ra Càn Dương và Nước Ngọt. Ta phải chiếm ngay hai kho thóc lớn nhất phủ, đồng thời án ngữ mặt bắc. Thu được lương thực xong, phía bắc ta áp vào, Huệ dẫn quân xuống, Tập Đình, Lý Tài từ phía đông thúc lên. Thung bị vây chặt. Rồi các ông coi, nó có dám đóng cửa thành cố thủ không?

Ông giáo khâm phục sự nhạy bén của Nhạc, vội nói:

- Kế hoạch thật tuyệt. Tôi tin giữa cảnh hỗn loạn tan tác này, việc chiếm hai kho Càn Dương, Nước Ngọt không khó gì. Tuần vũ bỏ trốn, bọn quan quân như rắn mất đầu không có tinh thần chiến đấu đâu. Vấn đề khó khăn hiện nay, là phải làm sao cấp tốc phối hợp cho ba cánh quân áp vây Nguyễn Thung một lượt, càng sớm càng tốt. Chậm một ngày, tôi ngại Tập Đình, Lý Tài tướng Nguyễn Thung mạnh hơn ta, kéo quân vào phủ tiếp viện.

Nhạc gật đầu, đẩy ghế đứng dậy nói:

- Ta phải hành động ngay. Ông Nhật viết lệnh đem cho Lý Tài liền. Ngay bây giờ, tôi xuống An Thái. Việc ở Kiên Thành thầy giáo quán xuyến giúp. Tôi tin không lâu đâu, chừng ngày mốt, ta phải dời bản doanh về dưới phủ thôi!

*

**

Buổi trưa hay tin phủ Qui Nhơn đã mất, Phụng Ngọc bàng hoàng, xao xác rồi chìm trong hỗn loạn. Không có thì giờ nghỉ ngơi, bọn lính phủ cởi quần áo quăng giảo mác ngổn ngang khắp đồng, lội sông chạy lên An Thái, vừa chạy vừa nhìn lại phía sau. Chúng chỉ mặc cái quần đùi ướt, thân thể đầm mồ hôi. Gặp ai, chúng cũng lấm lét sợ hãi, chưa hỏi đã nói trước:

- Ấy, chúng tôi là dân dưới Phụng Ngọc, chạy loạn lên đây, khiếp quá bà con ơi, chết như rạ. Nhất là bọn quân Quốc phó.

Có người ranh mãnh trêu:

- Quân quốc phó là các ông chứ còn ai nữa!

Chúng vội chối:

- Đừng nghi oan chúng tôi, tội nghiệp. Chúng tôi toàn là dân làm ruộng nghèo khổ. Cô bác coi, chạy giặc trên mình chỉ còn độc cái quần rách. Xin bà con cô bác thương tình. Nhà có còn sót cơm cháy không ạ?

Bực vì thấy chúng bẻm mép, họ càng trêu:

- Hừ, các ông cởi hết quần áo lính vứt xuống sông rồi, còn cái quần che của quý là may.

Trêu chọc cho vui thôi, cuối cùng dân làng hai bên sông cũng cho chúng ăn. Bớt lo sợ, chúng mới thu thực mình là lính phủ.

Dân làng hỏi:

- Bây giờ các bác đi đâu?

Chúng bần thần chẳng biết trả lời thế nào. Dân lại hỏi:

- Các bác chạy lên trên này liệu có yên không? Các ông ấy đóng đèn nhẹt trên An Thái, sao lại

chạy lên đây?

- Nhưng phủ đã mất rồi, trước sau họ cũng đánh lên Phụng Ngọc.

- Sao không theo các quan chạy ra Quảng Nam?

Chúng giận dữ đáp:

- Các quan! Bọn chó má! Đéo mẹ chúng nó. Bà con cô bác nghĩ coi có tức không. Chúng đã biết tin phủ mất, nhưng không hé răng cho chúng tôi biết. Chúng tập hợp chúng tôi lại, truyền phải hàng ngũ chỉnh tề ra bãi tập luyện. Chờ cho chúng tôi đi xong, chúng thẳng ngựa đưa vợ con chạy trốn. Đéo mẹ, quân khốn nạn. Trời tru đất diệt cho sạch quân lưu manh ấy đi!

Một người lính già cười khẩy nói:

- Ăn nhằm gì! Lão cai cơ của tôi còn lưu manh gấp nghìn lần. Một chú lính tính lắm lời không biết nghe tin ở đâu, nói vung cho cả đội hay. Lão cai cơ sai trối nó lại, bẻ răng trước mặt chúng tôi để trừng trị làm gương những kẻ dám loan tin thất thiệt. Chúng tôi sợ đến xanh mặt, nhưng tin là thất thiệt thật. Không thất thiệt lẽ nào ông cai cơ bẻ răng chú lính trẻ. Sau đó, lão sai chúng tôi đi kéo gỗ. Chưa đi khỏi một thôi đường, đã thấy lão dùng ngựa chạy trốn rồi.

Một người khác khôì hài:

- Kẻ lớn chạy bằng bốn chân, lũ trẻ như mình giá trị không bằng nửa người ta, được chạy hai chân, bác còn than phiền gì nữa.

Mỗi người góp một câu, bọn lính phủ tạm quên trong chốc lát tương lai mờ mịt của mình. Dân làng tò mò hỏi hết chuyện này đến chuyện khác, cho đến lúc một đứa bé chạy đến báo có tin "quân ô" trên An Thái đang chuẩn bị đánh xuống. Bọn lính phủ xanh mặt, dợm đứng dậy tìm chỗ trốn. Nhưng trốn đi đâu? Trước mặt, sau lưng đều có địch. Chúng đưa mắt hỏi nhau và không tìm ra lối thoát. cuối cùng, chúng ừa ra bờ sông, lội qua phía sông Cạn.

*

* *

Bình thường thì binh giữ các kho ở phủ Qui Nhơn không nhiều. Kho Thời Phú có thuyền Tân Nhất. Kho Nước Ngọt có thuyền Mỹ Nhất. Kho Càn Dương có thuyền An Nhất. Mỗi thuyền không quá năm mươi quân. Từ lúc nạn đói lan tràn ở hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn, số dân phiêu tán ngày càng liều lĩnh, táo tợn, quan tuần vũ phải gửi thêm quân đến giữ kho. Riêng Càn Dương và Nước Ngọt mỗi kho tăng cường thêm một thuyền, quân số lên đến trăm người. Chung quanh kho, trong tầm tên bay, cây cối bị phát quang, hai người chỉ huy trực tiếp là Đốc trung Đảng và Khâm sai Lạng đều ra nghiêm lệnh không cho phép bất cứ người dân nào được lại gần.

Vì biết rõ như thế, nên Nhạc phải lấy một nửa số quân của Huệ qua tăng cường cho các đội của Tuyên và Tuyết. Huệ giao trách nhiệm điều khiển số quân này cho Mẫn. Ngay buổi tối cùng Nhạc họp ban tham mưu, Mẫn đã cho quân vượt sông tiến ra phía bắc.

Mịch (gã khờ chợ An Thái) trở thành thuộc hạ của Mẫn em ruột mình.

Sau một thời gian dài mất trí nhớ, dần dần trí óc của Mịch làm quen với thực tại, rồi do các kích động, các gặp gỡ, các khó khăn, lần lượt những kỷ niệm cay đắng của quá khứ tái hiện. Anh trở nên sầu muộn, chán nản. Sự mất mát trở nên trầm trọng quá. Mịch muốn vót vát, hoặc nếu số mệnh không cho phép, thì ít ra cũng muốn tận mắt nhìn lại quê hương đã mất dấu, tìm tông tích người vợ bị chiếm đoạt. Anh muốn đi ngay ra mạn bắc, tới huyện lỵ nơi Mịch phải gạt nước mắt bỏ đoàn hát và mất vợ. Cho nên khi nghe toán của mình sẽ vượt sông tiến ra Phù Ly, Mịch mừng rỡ vô cùng.

Họ đi suốt đêm. Đầu canh tư, họ mới tới Càn Dương. Mọi người mệt nhoài, hai đầu gối và bắp chân mỏi rần. Toán của Tuyên mai phục ở phía bắc đề phòng chặn đường rút của quân phủ. Toán của Mẫn nằm ở phía nam. Nhạc cho quân nằm nghỉ cho đến giữa canh tư, hẹn trước là khi nghe pháo lệnh, tất cả hai cánh đều la ó cho thật dữ để uy hiếp tinh thần quân giữ kho, tiếng pháo lệnh thứ hai là lệnh xung trận.

Toán của Tuyên giữ vai trò cường kích, bằng bất cứ giá nào phải chiếm cho được kho trước khi mặt trời mọc. Không muốn hãm hàng trăm tên lính phủ đáng thương hại ấy vào đường cùng, Nhạc để ngỏ mặt phía nam, chỉ xếp cho toán của Mẫn phục kích hai bên đường rút về phủ Qui Nhơn cách kho nửa dặm đường đất.

Mọi tính toán của Nhạc đều chính xác. Vừa nghe quân Tây Sơn la ó vang trời, lính giữ kho hoảng hốt choàng thức dậy. Khâm sai Lạng không kịp mặc quần áo trận, cầm giáo la hét, đe dọa đốc thúc quân lính cầm lấy vũ khí. Nhưng dù có gào khản cả cổ, hăn cũng không ngăn được cảnh hỗn loạn hãi hùng. Gươm giáo vất ngổn ngang, chiêm trống lẫn lóc. Thấy quân Tây Sơn chỉ la ó có một phía, không có thì giờ suy nghĩ dè dặt nữa, bọn lính ủa cả ra cửa nam. Khâm sai Lạng mặc độc một bộ quần áo lót nhãn nhó, tóc rối bù chưa kịp búi, cầm gươm lăm lăm chặn cửa. Hăn hét:

- Trở vào, quân hèn nhát. Đứa nào bỏ chạy tao chém chết.

Giọng hăn khàn khàn nên tan mau trong tiếng gió hú và tiếng quân Tây Sơn la ó. Tuy thế, bọn lính phía trước cũng sợ hãi chùn chân không dám bước. Bọn phía sau chưa hiểu gì cứ lấn tới. Nhiều câu chửi thề tục tĩu. Nhiều tiếng đàn bà con nít khóc. Đám đông xô đẩy nhau, bọn đứng trước ban đầu còn dặng chân ngả người ra sau cưỡng lại, càng về sau sức xô tới càng mạnh. Dù không muốn, họ bị đẩy dần tới gần Khâm sai Lạng hơn. Lạng vẫn lăm lăm lưỡi gươm trên tay, mắt lờm lờm dữ. Đầu mũi gươm run rẩy, không khí phía trước thật căng thẳng, trong khi phía sau cảnh chen lấn hỗn loạn gia tăng. Tên lính già bị đẩy gần mũi gươm của Khâm sai Lạng nhất, mặt xanh mét, chân tay bủn rủn, lú lú không thốt được lời nào. Thấy tình thế nguy hiểm, bọn đứng trước la to:

- Đứng lại. Có quan khâm sai.

Phía sau tiếp tục vang tục, hét to:

- Sao không đi? Phá cửa mau. Đéo mẹ đứa nào đập lên chân tao vậy. Đứng lại. Bà con làng xóm ơi, con nhỏ này ngộp thở, xỉu rồi. Đã bảo đừng có đẩy. Ông cho mày một giáo bây giờ! Khâm sai Lạng hoang mang, lạnh cả xương sống và biết tình thế thật nguy hiểm lắm. Hăn muốn bỏ gươm xuống để mặc cho bọn lính chạy thoát. Nhưng làm như thế thì còn mặt mũi nào nữa! Chúng nó chỉ hoảng hốt trong chốc lát, ta ráng giữ chúng nó lại thêm một chút thôi, đủ thời gian cho chúng hoàn hồn, thì mọi sự đâu sẽ vào đó! Quan trọng cho cả uy tín của đời ta là lúc này! Hăn nghĩ thế, và nhất định cầm chặt lấy chuôi gươm. Người lính già đáng thương bị đẩy tới thêm một bước, khoảng cách thu hẹp dần. Còn ba bước. Còn hai bước. Không thể do dự được nữa rồi. Phải ra uy thôi! Lạng lấy hơi, hét lớn:

- Đứng lại. Không tao đâm chết.

Đó là giọt nước cuối cùng làm tràn cái ly đầy. Đám đông tự nhiên rùng rùng xấn tới. Khâm sai Lạng chỉ vừa kịp thu gươm về đã bị xô dạt sang một bên, ngã ngửa, đầu va vào vách vọng canh. Bọn lính đạp nhào lên chân Lạng mà chạy. Đến lúc đó, tên Khâm sai mới thấy hết tầm nguy hiểm của tình thế. Không còn cách nào khác. Phải trốn thôi! Hăn dợm đứng dậy. Hai ống chân đau điếng. Hăn mím môi nén cơn đau, cựa nhấc đi về phía tàu ngựa.

*
* *

Ra khỏi cửa nam Lạng mới thấy mình đại đột. Chạy trốn bằng ngựa! Trời hỡi! Có khác nào lạy ông tôi ở bụi này! Lại còn ăn mặc thế này, với một thanh gươm cán chạm trổ và cần xà cừ! Tên Khâm sai vội xuống ngựa, do dự một chút trước khi quăng thanh gươm xuống một vũng lầy. Bọn lính cởi quần áo vứt bừa bãi hai bên đường. Lạng vợ đại một bộ lấm bùn mặc vào người. Cái áo quá chật không bọc kín được thân hình phì nộn. Hắn lấy bấy gài mãi không được mấy cái cúc áo, cuối cùng để mặc, chạy theo đám tàn quân.

Toán nghĩa binh của Mẫn đã giăng sẵn lưới để bắt gọn tất cả đám lính phủ.

Khâm sai Lạng lạch bạch hỗn hển tới sau, bị Mịch giữ lại cùng một chỗ với ba bốn tên lính nữa. Chúng ăn mặc xốc xếch như nhau, nhưng có hai điều khiến Mịch chú ý đến tên lính giả mạo: một là hắn mập quá cúc áo để hở giơ cả cái bụng trắng núng nính mỡ, hai là thái độ khép nép của bọn kia đối với hắn. Không thể làm lẫn được! Lão mập này thuộc vào hàng cao cấp đây! Lạng cố thu người lại nhưng đôi vai ú và cái bụng phệ kèn càng quá! Nó lồ lộ, choáng cả không gian. Mịch gọi Lạng đến chỗ gốc xoài. Hắn run lên bần bật. Mịch mỉm cười chờ hắn đến gần. Và chính lúc đó, khi Lạng vấp phải mô đất, suýt ngã, phải đưa cao hai tay để lấy thăng bằng, Mịch nhớ lại hết.

Mịch run lên, cổ nghẹn lại. Chính hắn đây mà! Cám ơn Trời Đất! Tao tưởng không bao giờ được gặp lại mày. Quả là Trời cao có mắt mới dẫn mày đến đây cho tao. Cố dần cơn nóng giận, Mịch nhỏ nhẹ hỏi:

- Ngài còn nhớ cháu không ạ?

Tên Khâm sai vội ngược lên, đôi mắt vừa ngỡ ngàng vừa hãi hùng. Hắn muốn chối, nhưng hai hàm tê cứng, lưỡi lúu không nói được. Mịch lại hỏi:

- Cháu là kếp Mịch đây mà! Tên kếp chuyên đóng vai Lữ Bố, ngài còn nhớ không? Trước kia mỗi lần vợ chồng cháu được hát hầu ngài, chúng cháu được ngài thưởng biết bao nhiêu thê! Ngài nhớ không?

Đầu gối Lạng tự nhiên nhũn ra, và dù hắn không muốn, không bao giờ muốn, hắn quy xuống, hai tay chống trên mặt cỏ cũng như một người sụp lạy. Mịch hả hê, lấy lại giọng bình thường:

- A ha! Bây giờ mày lạy lục tao. Muộn rồi, ông duyện lại! Lúc mày lấy tiền bạc, quyền hành đoạt vợ của tao, vu oan khép tội tao, đến nỗi tao phải phẫn uất trở thành điên dại, mày có nghĩ đến lúc phải trả nợ như bây giờ không?

Lạng đã lấy lại đôi chút bình tĩnh, bắt đầu kêu rên:

- Xin ông thương vợ con tôi mà nương tay cho. Tôi không bao giờ dám quên ơn! Lúc trước thời còn trẻ ham mê thanh sắc, tôi đại đột. Bây giờ hối cũng không kịp nữa. Tôi đáng tội chết. Chỉ xin ông mở lượng châm chế cho. Tôi còn mẹ già, con dại. Vợ con tôi sẽ bơ vơ không nơi nương tựa...

Mịch vội hỏi:

- Vợ mày hiện ở đâu?

Lạng mừng rỡ, tưởng Mịch đã cảm động, ngược lên đáp:

- Dạ ở trong phủ.

- Nàng còn hát không?

Lạng không hiểu Mịch hỏi gì, nói:

- Ông hỏi sao ạ?

Mịch nôn nao cả dạ, lắp bắp hỏi:

- Nàng có còn đóng vai Điêu Thuyền không?

Tên Khâm sai chột hiểu. Hấn sợ quá, không dám ngược lên nữa. Cũng không dám mở miệng trả lời. Mịch thấy lạ, hấp tấp hỏi:

- Sao mày không đáp? Vợ mày đó trời ơi, tao nói đến hai tiếng này mà lòng sôi lên muốn cho mày một nhát cho rảnh mắt, người vợ mày đoạt của tao đó, nàng ở đâu?

Lạng không có lối thoát, phải lắp bắp trả lời:

- Nàng đi đâu tôi không biết nữa!

Mịch giật mình, lo lắng hỏi:

- Đi đâu? Tại sao nàng bỏ đi? Mày chán chê nên đuổi người ta phải không?

Lạng cúi gầm mặt xuống không dám xác nhận. Mịch hiểu hết. Mắt đỏ ngầu. Bàn tay cầm kiếm run rẩy. Anh nắm chặt chuôi kiếm để dần cơn giận, giọng đau đớn uất ức:

- Tao tưởng mày khá. Mày còn có con mắt tinh đời, biết mê thanh sắc. Mày y tiền bạc danh vọng cướp vợ người khác, nhưng mày còn có điểm đáng khen là có con mắt biết ngắm sắc đẹp, có đôi ta biết lời hát hay. Bây giờ tao hiểu hết. Tao lầm. Mày chỉ là con heo mập dâm dục mà thôi. Mày là thằng mù, thằng điếc. Cho mày sống cũng uống cơm trời.

Tên Khâm sai vừa ngược lên nhìn Mịch định van xin, thì lưỡi kiếm đã cắm sâu vào ngực hấn. Hình ảnh cuối cùng hấn còn thấy được trước khi vạn vật nhòe nhoẹt quay đảo, là đôi mắt đỏ ngầu, nụ cười tê tái của người kếp hát.

*

* *

Sáng hôm sau, tất cả các anh em đã tiến về vây chặt phủ Qui Nhơn. Trung nghĩa quân của Tập Đình từ phía Tuy Viễn tiến lên sớm nhất vì đã nhổ trại ngay từ khi Lý Tài đi họp ở Kiên Thành chưa về. Tập Đình vẫn có thiện cảm với Nguyễn Thung hơn với Nhạc, nên khi nghe tin Thung đã chiếm phủ, hấn muốn đem Trung nghĩa quân đến giúp để lập công. Đến nửa đường, hấn nghe tin Kiên Thành đã động binh. Nhờ do dự, hấn khỏi phạm sai lầm đáng tiếc, và còn có cơ để biện bạch với Lý Tài. Phía nam quân Lý Tài và Tập Đình áp sát bên kia bờ sông Đập Đá. Phía bắc Nhạc đã dẫn các toán quân vừa chiến thắng ở Càn Dương và Nước Ngọt tiến vô. Mặt trận Phụng Ngọc vỡ, không đầy nửa ngày đường, Huệ đã đưa quân từ An Thái xuống đóng ở gò Vân Sơn. Nguyễn Thung ở trong phủ kinh hải, bồn chồn, nghe tiếng trống thúc quân từ xa vọng lại như nghe bước đi của Diêm Vương. Điều Thung lo sợ đã thành sự thực. Chiếm được phủ, hấn còn lo phản ứng của Kiên Thành nên suốt hai ngày làm chủ, hấn chưa dám hành động như một người chiến thắng. Hấn không dám chạm đến nhà kho, không dám thả tù. Không dám phá cửa vào trong dinh phủ. Dù hết sức thềm thuồng, Thung vẫn chưa dám ngồi lên cái ghế bọc gấm của Nguyễn Khắc Tuyên trong văn phòng tuần vũ trống lẹ.

Bị khốn khổ dẫn vật trong bồn chồn suốt hai ngày căng thẳng, giữa những hồi trống đe dọa, Thung gầy xẹp, xơ xác như vừa qua một cơn bệnh dữ. Cho nên khi thấy Nhạc dẫn quân tiến vào sát thành, Thung vừa sợ vừa mừng. Cái gì phải đến đã đến. Phải quyết định nhanh trước khi quá trễ. Và Thung đã quyết định.

Hấn truyền cho quân lính đốt pháo mừng, gióng trống khua chiêng cho hoan hỉ, mở rộng cửa thành để đón Nhạc vào. Bọn tay chân của Tập Đình, Lý Tài chỉ chờ có vậy. Chúng ủa ra phố phủ, chen nhau vào các quán ăn và tiệm rượu, say sưa, hò hét, đập phá. Phố xá náo động, đàn bà con gái trốn biệt trong phòng kín. Toán của Tuyết và Lộc thì ủa vào dinh phủ, gập gù đập phá nấy

trước vẻ ngẩn ngơ tiếc rẻ của những người đứng tuổi. Trong khi Nhạc bận họp khẩn với những người chỉ huy gồm có Nguyễn Thung, Tập Đình, Lý Tài, Tuyên, Tuyết, Lộc, Huệ, Mẫn, một nhóm nghĩa quân phá cửa vào phòng của Nguyễn Khắc Tuyên. Họ khựng lại, gần như sợ hãi trước vẻ xa hoa lộng lẫy của căn phòng. Trước mắt họ là bộ tràng kỷ gỗ gụ đen bóng, lưng dựa gắn đá xám có vân, màu xà cừ óng ánh sắc tím và bạc. Một nghĩa quân chửi thề:

- Đéo mẹ, nó ở sướng quá.

Một người khác nói thêm:

- Còn tụi mình thì cả đời không có lấy một cái chòi tranh che mưa.

Thoắt một cái, họ quên hết sợ hãi. Con giận kéo đến. Chỉ cần một người nào đó hô lên:

- Phá cho tan mẹ nó đi. Giận quá rồi!

là cả bọn xông vào phòng say sưa đập phá. Hai người nắm bốn chân bàn xáng mạnh vào lưng trường kỷ. Mặt đá vân vỡ toang. Cái sập kê gần cửa sổ bị lật ngược. Màn trướng bị kéo xuống, xé rách bươm. Một cậu trẻ tuổi chạy đến ngồi lên cái ghế bọc gấm nhún nhún, cười khoái trá. Bạn anh ta lôi dậy, ngồi lên nhún thử. Lần lượt như vậy đến người cuối cùng. Sau khi tận hưởng sự êm ái của giàu sang, anh ta đứng dậy, nắm lưng ghế, dùng hết sức lực dơ lên cao, ném mạnh vào vách. Hai chân ghế gãy lìa. Những người khác hô hoán:

- Ô hay! Sao lại phá đi.

Người vừa phá chiếc ghế quý bảo:

- Không thằng này ngồi thì thằng khác ngồi. Phá đi cho rảnh!

*

* *

Tiếng đổ vỡ la ó hỗn loạn làm rúng động cuộc họp khẩn của ban tham mưu. Nhạc ra lệnh cho các đội trưởng cấp tốc thu quân về, tập họp đầy đủ, chỉnh tề hàng lối trong sân phủ. Nghiêm lệnh loan đi. Ai vắng mặt coi như đào ngũ, bị chém ngay tại chỗ. Nhờ lời đe dọa gắt gao ấy mà đúng trưa cảnh hỗn loạn chấm dứt hẳn. Quần áo nghĩa quân còn xốc xếch, mặt mũi dơ dáy, đôi người thở còn nồng hơi rượu, nhưng không ai dám ho một tiếng khi Nhạc nói. Từ trên thềm dinh phủ, Nhạc đưa mắt lờm quanh một vòng xem có ai còn nói chuyện nữa không, rồi mới cất cao giọng:

- Hỡi anh em. Như vậy là sau bao năm ăn đói, mặc rách ở Tây Sơn thượng, hột muối củ khoai chia nhau, chúng ta đã thanh công. Chúng ta đã đứng ngay đây, chỗ mà ngày trước anh em không được bén mảng đến gần. Nếu có đến thì cũng phải nín thở khom lưng sợ hãi, hoặc bị gông cùm, xiềng xích. Ta đã thành công. Rõ ràng như ban ngày là ta đã thành công. Chúng ta đứng ở đây mà không phải sợ quan Tuần vũ, chân tay không bị trói, cổ không đeo gông. Đâu anh em giơ tay cả lên xem mình còn bị xiềng trói không nào?

Tất cả nghĩa quân đồng loạt giơ hai tay lên trời, tiếng hò hét vui sướng nổi lên khắp sân. Nhạc chờ cơn phấn kích hạ bớt, mới đưa tay ra dấu bảo im, rồi tiếp:

- Tôi hỏi anh em: Nhờ đâu mà chúng ta có ngày hôm nay. Nhờ đâu? Một mình tôi không làm nổi. Thêm những vị đội trưởng chỉ huy anh em, cũng chưa làm gì nổi. Quá lắm là chúng tôi xoi thủng được một lỗ ở chân thành, đủ cho một con chó chun ra chun vào (cả sân cười). Có ngày hôm nay, là nhờ tất cả anh em (có nhiều tiếng ào ào bàn tán vui sướng). Đúng không nào? Đúng, mà chưa đúng hẳn (có tiếng cười). Quân phủ hơn một vạn rưởi người, tinh binh trên năm mươi thuyền, mà tất cả anh em ta kể cả những người đã chết được bao nhiêu? Chúng nó đông hơn anh em ta gấp bội. Thế thì số đông chưa chắc đã thành sức mạnh chiến thắng. Đông

mà không có tổ chức chỉ là một đám ăn cướp ô hợp, khi vui tụ lại phá làng phá xóm, khi buồn rã đám thành bèo dạt. Chúng ta ít hơn quân phủ mà thắng là nhờ có đội ngũ chính tề, kỷ luật nghiêm minh, mưu kế chặt chẽ liệu trước được mọi sự. Muốn lấy phủ ư? Việc đó dễ mà khó. Dễ vì quân phủ đã bạc nhược, dân chúng ghét bọn quan lại như ghét ôn dịch. Khó vì chúng nó không đứng một mình, phía bắc còn có dinh Quảng Ngãi, phía nam còn có dinh Phú Yên. Ngoài kinh còn cả một triều đình. Chúng ta phải cẩn thận tính toán mới được. Cho nên quân đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung đứng ra lĩnh phần khó nhất là liệu lĩnh chiếm cho được phủ. Quân Kiên Thành mau chóng đoạt cho được hai kho lương Càn Dương, Nước Ngọt để cắt cuống họng chúng nó. Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân cùng quân An Thái chờ sẵn bên ngoài làm lực lượng hậu bị, khi cần áp sát lũy phủ để càn quét tàn quân và dư đảng. Chúng ta đã đặt kế hoạch như vậy, và mọi sự diễn ra đúng như vậy. Ai có công? Tất cả chúng ta từ trại chủ cho đến người già yếu theo quân nấu bếp đều có công. Nhưng ai có công nhiều nhất, vì lĩnh phần nguy hiểm nhất? Ai? Anh em khởi cần hỏi nhau làm gì. Điều đó đã rõ ràng. Đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung và tất cả anh em Tuy Viễn là những người chiến công đầu. Hoan hô anh em Tuy Viễn.

Cả sân ban đầu còn dè dặt, nhưng ngay sau đó, bị tiếng hô reo của nghĩa binh Tuy Viễn lôi cuốn, tất cả mọi người đều reo hò cười nói, tiếng ồn dội đi dội lại bốn mặt thành.

Chờ cho mọi người cười nói xong, Nhạc quay lại trở cảnh dinh phủ bị đổ nát, phá phách, bảo mọi người:

- Bây giờ ta có nhiều việc để làm. Trước hết ta phá ngục cứu những người lâu nay bị cảnh xiềng xích gông cùm như chúng ta. Trại giam gần đây thôi, sát phía sau dinh phủ. Tôi sẽ cử người lo phần việc đó, khởi phải nhọc lòng nhiều người. Còn cái dinh này, nơi bọn quan tham lam ác độc phê phỡn bao đời nay, nơi mà từng cánh cửa, từng viên gạch đều có dính nhơ nhớp, ta phải làm gì nào? Anh em không dám trả lời hả? Đừng ngần ngại. Một số anh em vì giận dữ xông vào phá tan hoang dinh phủ là phải. Tòa nhà ô nhục đó, ta đốt quách nó đi. Để chứng mắt lăm. Phải thế không?

Toàn thể nghĩa quân bị kích động tột độ, hò reo vang lừng. Nhạc ôm lấy vai Thung cười hớn hở. Thung lúng túng, cố cười gượng với Nhạc. Sau khi giao cho Bùi Văn Nhật đọc các nghiêm lệnh để tái lập trật tự, Nhạc kéo Nguyễn Thung ra một chỗ gần bờ thành sát nhà kho bảo:

- Ông đi lại buôn bán lâu ngày, chắc hiểu rõ tính tôi. Không ai qua mặt được tôi đâu. Lần này tôi nghĩ đến nghĩa cũ, nên cứu ông. Lần sau ông còn dở trò, chơi trội, tôi không... tôi không... Nhạc cười, không muốn nói tiếp, Nguyễn Thung sợ quá, đến thở cũng không dám thở mạnh. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo. Nhạc vỗ vai Thung bảo:

- Thôi, tôi chỉ nói đùa tí chút thôi. Đừng để tâm nhé. Bây giờ ông giúp tôi việc này: Ông sai chúng nó mở nhà kho, đem chia cho anh em để làm tiệc khao quân. Ráng lo cho tôi nhé. Nào, vui lên nào, đừng giữ bộ mặt dăm chiêu đó, người ta hiểu lắm, phiền lắm!

Tối hôm ấy. Nhạc sai đốt dinh phủ để làm đuốc soi sáng cho bữa tiệc chiến thắng. Lửa khói bốc lên rạng rỡ cả một góc trời, gỗ quý nổ lách tách dòn dã hơn bất cứ loại pháo vui nào!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 24

Hai năm trước đây, khi chánh tổng An Thái bắt được Kiên giải về phủ, tiếp theo đó cả gia đình ông giáo trốn lên Tây Sơn thượng với Nhạc, Tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên xem Kiên là một loại con tin đáng giá. Hẳn hy vọng bằng cách khơi động tình cha con, hẳn có thể chiêu hàng giáo Hiến. Vì vậy, thay vì giam giữ tra khảo như bọn tù khác, Tuyên giao Kiên cho một ông cai đội quản thúc. Gần hai năm, Kiên không được bước ra khỏi ngạch cửa nhà viên cai đội, nhưng anh được đối xử tử tế. Ăn uống chung với vợ con ông cai đội, quần áo là quần áo tù nhưng lành lặn. Kiên không biết chút gì về tình hình bên ngoài, nên ban đầu cứ lóng ngóng trông đợi cha và các em đến thăm nuôi. Càng đợi, anh càng tuyệt vọng, tủi thân. Anh nghĩ có lẽ những người thân thuộc đã quên mất anh rồi. Sau bao nhiêu rủi ro trên đời, anh cay đắng nghĩ rằng đây là cái rủi ro đau đớn bất ngờ nhất. Và cũng như các lần trước, anh lẳng lặng gặm nhấm sự đau khổ một mình, không chia sẻ cho ai cả. Gia đình viên cai đội chưa hiểu Kiên, khó chịu, ác cảm là đằng khác, với cái vẻ lăm lè rất giống với sự khinh bạc của người cao ngạo thất thế. Dần dần họ hiểu ra. Họ thương hại anh, chăm sóc miếng cơm, giấc ngủ cho anh. Nhờ thế cơn đau có nguôi đi. Đột nhiên, một đêm mùa thu năm Giáp Tý (về sau Kiên mới biết đêm đó Tuần vũ nhận được tin Nhạc đã đánh chiếm Kiên Thành), Kiên bị chính viên cai đội dẫn thêm bốn người lính nữa xông vào phòng đánh thức dậy, và trước khi Kiên hết ngẩn ngơ, họ đã trói ké Kiên lại y như lần trước. Anh không nổi giận chống cự nên không bị đánh đập. Quá chán ngán cho sự rủi may thất thường, anh lẳng lặng chịu đựng. Vợ viên cai đội kêu khóc, oán trách chồng, tưởng chồng có quyền tha Kiên. Hẳn lờm vợ, quát lớn cho lũ con thôi khóc vang như một tổ bồ chao. Hẳn ra dấu cho bọn lính dẫn Kiên đi, rồi bảo vợ:

- "Nhà" tưởng tôi ghét cậu ấy à. Tôi thương cậu ấy còn hơn cả thằng em phá gia của tôi nữa. Nhưng đây là lệnh quan tuần, "nhà" biết không. Có tin gì quan trọng lắm, quan tuần mới hốt hoảng thức dậy, lên văn phòng, ra lệnh giam cậu Kiên thật kỹ. này "nhà" chùi nước mắt đi. "Nhà" đừng nói cho ai biết nhé! Nói với ai thì phạm, tôi không còn chỗ đội nón dấy nhé! Tôi nghe tên phu trạm báo giặc sắp tới nơi rồi. Cậu Kiên có bà con làm lớn lắm, không, bên phía giặc đó chứ!... Đã bảo, chùi nước mắt đi nào, trông kìa, mặt mũi tèm nhem!... Thôi, "nhà" dẫn các con vào ngủ đi nhé, không sáng mai mày châu ử dột mất đẹp đi. Tôi ấy hả? Đâu được, tôi còn phải lên hầu quan. Ngoan nào, lại thút thít!

Hai người lính trẻ một trước một sau dẫn Kiên về nhà giam lúc gần sáng. Họ đang đi trong một hành lang hẹp nồng nặc mùi hôi thối, ẩm mốc, hai bên là những cánh cửa tù lăm lè, con mắt độc nhất ở cao tầm người trên cửa, chỗ cửa không thể để chuyển cơm nước cho tù nhân bị giam kín, đã nhắm lại. Dù tự dặn mình nên phó mặc cho số phận đưa đẩy, Kiên vẫn cảm thấy ớn lạnh nơi xương sống. Người lính đi trước dừng lại ở phía cửa số 7. Hẳn tìm chìa khóa, mở cửa.

Người lính đi sau đẩy Kiên vào. Tiếng khóa cửa lách cách. Ngọn đuốc ngoài hành lang tắt. Chung quanh Kiên là bóng tối, bóng tối. Anh đứng khựng lại giữa phòng giam một lúc, rồi mới quờ quạng tìm một góc tường, dựa lưng vào đó. Đầu óc anh vẫn ở trong trạng thái chập chờn mông lung. Anh biết anh đang nghĩ, nhưng lại không thể định được là đang nghĩ gì. Toàn một mớ bùng nhùng, một đám chập choạng, những mảng hình ảnh mờ rõ lẫn lộn. Anh nhớ đến nét mặt hốt hoảng đầm nước mắt của vợ viên cai đội nghe thoang thoáng lúc được lúc mất tiếng kêu khóc tỉ tê của đứa con út, con bé lên năm thường quần quít bên Kiên nhiều nhất.

Đầu Kiên nóng bừng, không khí trở nên ngột ngạt hơn.

Đưa tay cởi hai nút cổ áo xong, anh thấy mỗi chân. Kiên nhìn nền phòng giam. À, bây giờ anh mới quen với bóng tối. vả lại, đến lúc này, Kiên mới nhận ra hai nguồn ánh sáng chiếu vào phòng giam hẹp. Một cửa tò vò sát trần, bên ngoài hình như có một cành cây phủ, nên khi gió lên, ánh sáng mờ bên ngoài thấp thoáng. Một nguồn sáng khác từ cửa phòng giam chiếu vào, qua khung chữ nhật nhỏ vừa đủ rộng để chuyển rá cơm. Anh ngần ngại nhìn nền đất ẩm nhơm nhớp trước khi ngồi bệt xuống, dựa lưng vào tường.

Kiên ngồi thừ một lúc, không biết nên làm gì. Một con muỗi vo ve. Hai tay anh chống xuống nền đất để đẩy người lên, sửa lại thế ngồi. Anh cảm thấy lòng bàn tay nhờn nhờn bắn thiu. Mồ hôi rịn khắp người. Anh nghĩ: Giá được rửa mặt hoặc tắm một chút. Kiên nhìn quanh, và kinh ngạc không hiểu vì sao mãi đến lúc này anh mới thấy thùng phân để ở góc tường đối diện cửa ngục. Anh cảm thấy râm ran ở bụng, lại mót tiểu. Anh đến gần thùng phân. Sau một lúc do dự, anh chỉ dám đi tiểu.

Phòng giam ngập mùi khai nồng. Hơi nước dơ lưu cữu bị khuấy động, bốc thêm mùi tanh hôi. Kiên trở lại ngồi chỗ cũ, lòng bứt rứt nôn nao. Nỗi bức dọc ngày càng tăng. Kiên muốn tìm một công việc nào đó. Nhưng việc gì đây? Trước mặt anh là không khí hôi hám, bóng tối lờ mờ. Vách ngục loang lổ. Những mảng vôi trắng long ra, để trơ màu dơ của lớp cũ.

*

* *

Trưa hôm đó Kiên mới khám phá ra những dòng chữ khắc bằng vật nhọn trên các mảng tường loang lổ, sát chỗ anh ngồi. Sự tò mò thúc đẩy, Kiên khom người xuống, neho mắt tìm đọc các dòng chữ ghi khắp đây đó. Nhiều nhất là các dòng ghi ngày tháng. Lớp vôi trắng mỏng, nên chỉ cần lấy móng tay nhọn vạch nhẹ, những chữ màu nâu đã hiện ra rõ rệt. Dưới hình một lưỡi gươm, có khắc mấy chữ "Oán giả oán báo" và ngày rằm tháng sáu, kèm theo hai mươi bốn dấu vạch. Chỗ khác là một câu cầu nguyện "Lạy Đức Quan Thế Âm Cứu Khổ Cứu Nạn". Vài bức hình tục tĩu. Một mốc ngày tháng: 10-4 năm Tý và mười bốn dấu vạch...

Kiên thần thờ nghĩ đến những người đã bị đày vào đây trước anh, đã ngồi một mình như anh ngồi, đã ôn lại cả đời dài trước kia. Một cuộc đời buồn hiu, quanh quẽ, chịu đựng tất cả bất trắc mà lòng vẫn cứ phải láo liên lo âu. Nhớ thương, oán hận, ăn năn, bơ vơ, và giờ đây quờ quạng tìm dấu những người xa lạ cùng số phận trong bóng tối. Trời hỡi! Ước gì có được tâm hồn thanh thản để ngồi yên một chỗ, không làm gì hết, nhờ bóng tối ru giúp giấc ngủ ngày. Nhưng hơi nóng càng gắt hơn. Mùi tanh nồng tăng thêm. Ước gì có được một gàu nước đầy, đủ để lau qua mình mấy! Mồ hôi trên người anh rít róng hơn, lưng và cổ trở nên ngứa ngáy, khó chịu nhất, vẫn là mùi hôi thối.

Có tiếng chân người ngoài hành lang. Tiếng chìa khóa va chạm nhau kêu leng keng. Tự nhiên Kiên thấy vui, như từ lâu lắm anh không còn nghe, còn cảm nhận được dấu vết con người.

Tiếng chân dừng bật ngay bên kia tấm cửa ngục. Tiếng chìa mở ổ khóa. Kiên hồi hộp, chờ đợi vu vơ. Cửa ngục mở. Người cai ngục đứng xa nhìn vào phòng kiểm soát một lượt, mũi khịt khịt vì hơi thối bay theo đường cửa sổ. Kiên vừa định lên tiếng xin nước, thì cửa ngục đã đóng ập lại. Anh chạy vội đến chỗ đưa cơm, hy vọng có thể kêu nài với cai ngục. Hắn đã đi khỏi hành lang. Lòng Kiên ray rứt, bức bối, muốn đập mạnh vào tấm cửa nặng vô tri mà còn do dự, vì thấy trước hành động vô ích. Anh áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang. Vệt sáng chiếu nghiêng trên bức vách bẩn. Ba vết lõm trên tường hành lang đối diện, vết lõm to nhất giông giống một người đang chạy. Cái vỏ chuối đã khô trên lối đi. Tất cả chỉ có bấy nhiêu. Lâu lâu, từ cuối hành lang ó tiếng ai ho, hoặc một tiếng rên trầm và nghẹn.

Kiên thất vọng quay vào. Mùi hôi thối trong phòng trở nên nồng nặc hơn, vì buổi sáng theo thói quen, Kiên không thể nhịn được đi cầu. Anh hắt hơi hai ba lần. Mặt trời có lẽ đã lên cao ngoài kia, nên ánh sáng chiếu từ cửa tò vò, gần trần ngục tràn ngập căn phòng hẹp. Những hàng chữ ghi ngày tháng hiện rõ hơn hôm qua. Kiên chột nghĩ: Tại sao ta không ghi lịch như họ. Bằng móng tay nhọn, anh có thể ghi ngày đầu bị đẩy vào ngục, rồi vạch thêm một dấu cho hôm nay, công việc ấy giúp Kiên tạm quên được mùi hôi thối. Anh nhận rá cơm hầm đầu tiên của cảnh tù ngục hiu quạnh buổi trưa hôm ấy, và điều đáng ngạc nhiên là anh ăn thấy ngon. Anh có khả năng chịu đựng tất cả đau khổ nên về sau cũng làm quen rất nhanh với mùi hôi thối, chỉ tiếc là anh không tìm ra tấm để rửa răng. Thú vui của anh là tìm đọc hết các dòng chữ trên vách ngục, đoán những hình vẽ, và tìm ý nghĩa cho các vết lõm trên vách. Một thú vui khác là áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang, chờ tiếng động của con người. Anh quen luyến với tiếng ho quen thuộc, lòng xót xa thay cho con người có tiếng rên trầm, hân hoan rộn rã với tiếng chìa khóa lách tách. Những dấu vạch ghi ngày tháng của anh dày hơn. Việc đếm dấu vạch để biết ngày hôm nay đã khá khó khăn. Đến rằm tháng chín. Rồi qua rằm. Cho đến hôm đột nhiên anh nghe nhiều tiếng chân chạy ở hành lang, lẫn với tiếng la ó, reo cười. Anh ngỡ ngàng tưởng đã xảy ra một vụ phá ngục. Áp mặt sát cửa, anh nghe thêm tiếng quát tháo, và cả tiếng chìa khóa lách tách. Nhiều người đang đi về phía phòng Kiên. Anh vội thụt vào, ngồi nép sát góc vách. Người ta đang mở cửa ngục của anh. Họ định làm gì anh đây? Sao không cho tôi được sống yên trong cái xó tối này? Tội nghiệp thân tôi, hành hạ thêm thì phỏng có ích gì?

Cửa ngục mở. Không thể dần được tò mò, anh nheo mắt nhìn ra ngoài, tay che lấy đầu. Không phải cai ngục! Mà là một người Tàu ở trần, cổ đeo lá vàng bạc, bụng thắt dải vải đỏ. Lạ hơn nữa, người Tàu đó dùng tiếng nam thông thạo và mừng rỡ gọi:

- Anh Kiên đâu, chúng ta chiếm được phủ rồi. Ra đây với em!

*

* *

Phải mất một lúc lâu làm quen với ánh sáng và tiếng nói con người hơn nữa, Kiên mới nhận ra Chinh!

Hai anh em ôm chầm lấy nhau, cả hai đều nghẹn lời, nước mắt chảy ròng ròng xuống má. Chinh dẫn xúc động trước anh, tíu tít hỏi:

- Trời ơi! Chúng nó giam anh trong cái ngục hôi thúi này suốt mấy năm sao? Quân chó má! Đồ sâu bọ! Làm cỏ hết chúng nó cũng chưa đáng tội! Nếu trại chủ không ngăn, em đã lấy huyết hết ráo! Chỉ đồn ngã được mấy thằng không đáng công! Anh sao thế, có đau yếu gì không?

Kiên nhìn cái đầu trọc và cách ăn vận khác thường của em, gương mặt ngơ ngẩn thất thần.

Nghe Chinh hỏi, Kiên vội nói:

- Không sao. Anh chỉ mới bị nhốt vào ngục tối chưa đầy tháng rưỡi. Em ăn mặc kiểu gì kỳ cục vậy?

Chinh bỏ tay khỏi vai anh, đứng ra xa một chút, uốn ngực kiêu hãnh:

- Em thuộc Hòa nghĩa quân, phải mặc thế cho giống bọn họ. Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy mà anh!

Kiên hỏi:

- Hòa nghĩa quân? Ai thế?

- A ha! Anh chưa biết gì à? Chuyện còn nhiều lắm. Anh đi xa cái xó hôi thúi này đã! Tụi bay, sao còn đứng đực người ra vậy! Mở cửa ngục giải thoát cho các anh em khác đi.

Khu biệt giam này chỉ có năm phòng tối có người. Kiên muốn tìm kẻ đồng số phận có tiếng ho quen thuộc, và kẻ từng đêm hay rên trầm và nghẹn. Anh không biết ai, cũng không có thì giờ hỏi thăm. Kiên chỉ đoán tiếng ho là của người tù ốm yếu ngực mỏng và lưng còng xuống, còn tiếng rên của ông lão tóc bạc mắt gần như lòa, ra khỏi hành lang phải có người dắt.

Sau khi giao việc phá cửa giải thoát tù ở các khu biệt giam khác cho bọn thuộc hạ, Chinh dìu Kiên ra phía dinh phủ. Họ đi ngang qua chỗ gia đình viên cai cơ ở, Kiên gõ tay em bảo:

- Để anh ghé đây chút!

Chinh hỏi:

- Có việc gì thế anh? Mọi người đang nóng ruột không biết anh sống chết thế nào. Ra gấp cho họ mừng. Có cả Huệ, Mẫn và thằng Lợi ngoài đó.

Kiên lo lắng hỏi:

- Thế cha đâu rồi? Còn tụi con An, thằng Lãng?

- Còn ở trên Kiên Thành. Chắc mai cha xuống. Trại chủ đã cho người mời cha xuống gấp để lục đồng giấy tờ tên Tuần vũ bỏ lại, xem cái gì nên giữ cái gì đem đốt. An với Lãng cũng đã về An Thái. Nhà mình bị chúng đốt rồi, anh biết chưa?- Chưa! Từ ngày bị bắt, anh không biết tin tức gì cả. Họ quản thúc anh chặt chẽ, tuyệt đối không được liên lạc với bên ngoài. từ đó đến nay gia đình mình thế nào?

Chinh mắt kiên nhẫn, cười đáp:

- Em đã nói chuyện dài lắm. Để lúc khác hãy hay. Bây giờ ra ngay với em!

- Để anh thăm gia đình này đã. Không biết trong cơn hỗn loạn họ thế nào?

- Ai vậy?

- Ân nhân của anh. Anh sống được cho đến ngày nay là nhờ họ.

Nghe Kiên nói thế, Chinh phải nhượng bộ. Hai anh em cùng tiến về phía nhà viên cai cơ. Chinh e dè hỏi anh:

- Anh quen với họ thế nào?

Kiên không trả lời em, vì thấy cửa nhà viên cai cơ đóng kín, nhưng bên trong có tiếng khóc. Anh nôn nao, vội chạy đến đập mạnh cánh cửa lớn. Bên trong hoàn toàn im lặng, Kiên gọi to:

- Mở cửa. Có ai trong đó không?

Vẫn không ai lên tiếng, Kiên hỏi em:

- Chinh có nghe thấy tiếng khóc không?

Chinh e ngại đáp:

- Có. Thôi, ta đi quách. Cửa đóng mà anh.

Kiên không nghe lời em, gọi lớn lần nữa:

- Mở cửa Út ời. Chú Kiên đây!

Bên trong có nhiều tiếng thì thầm, rồi lại có tiếng khóc tỉ tê. Kiên đoán có gì thất thường, đập cửa mạnh hơn nữa. Chỉnh bực dọc đưa chân đập mạnh lên tấm cửa gỗ. Cửa bật tung. Hai anh em sững người khi thấy vợ con viên cai đội đang ngồi quanh một xác chết đã đắp chiếu, nét mặt người nào cũng xơ xác và ngược nhìn hai anh em với đôi mắt hải hùng.

*

* *

Cả Kiên lẫn những anh em bạn bè đều ngỡ ngàng về nhau. Kiên như một người lạc vào xứ lạ. Không được tham dự ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa, không từng lo âu hồi hộp hoặc mừng rỡ, vui sướng trước khó khăn và thành công, Kiên không thể hiểu được vì sao mọi người quanh anh vùng chân múa tay, cười nói hô hô, vỗ vập, reo hò vì những chuyện vặt vãnh không đáng vỗ vập, reo hò. Họ bắt anh uống rượu, họ công kênh anh lên, chạy một vòng khắp phủ. Họ bắt anh kể các nỗi thống khổ, dày dạn suốt mấy năm qua. Anh kể gì bây giờ? Chẳng lẽ kể rằng anh được ăn cơm trắng, cá kho với vợ con viên cai đội, tối được ngủ giường có trải chiếu, lâu lâu được cho thuốc hút hoặc đọc sách. Chẳng lẽ anh kể cho những người hằng hái kê vai công kênh anh lên cao như một người anh hùng rằng kẻ vừa bị họ đâm cho một kiếm xuyên suốt ngực đang nằm giữa vợ con trong kia gọi anh bằng "cậu", lũ nhỏ quần quít bên anh lắng nghe kể chuyện Tấm Cám. Kể gì bây giờ? Kiên chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Bạn bè anh thấy anh bối rối, cười hô hô, bảo nhau:

- Nó chưa hoàn hồn. Thôi để lúc khác. Bây giờ uống rượu mừng đã. Nào, Kiên. Vô, vô. Không được để sót một giọt. Tụi này tưởng mày đã chết rục trong cái xó ngực rồi. Phải uống để mừng cuộc đời mới. Hãy quên tất cả nỗi khổ nhục cũ đi.

Một người từng làm chung với Kiên từ thời buôn nguồn nhắc:

- Còn nhớ mụ Năm Ngãng không? Hồi đó tụi này điên thật. Về sau mỗi lần nhắc lại, càng thương cho mày! Thôi, nhờ Trời mọi sự qua rồi. Uống chén nữa để rửa sạch bụi bặm đi nào. Có đồ ướt cả áo cũng không sao. Chúng ta tắm rượu mà!

Câu nói vô tình ấy càng khiến Kiên khổ sở. Anh nhớ lại nỗi cay đắng ở Tây Sơn thượng, nhớ hôm anh phải rời nơi ấy như một kẻ có tội, như một người chạy trốn. Vết thương cũ lại hành hạ anh. Kiên nhìn quanh tiệc rượu, nhận diện được những người từng nổi cơn say máu ủa nhau bao vây anh, muốn xé anh ra từng mảnh cho hả giận. Ngục rượu trong miệng anh đắng ngắt. Anh lợm, nôn thốc tháo cả ra. Để mặc cho mọi người hiểu lầm anh say, Kiên bỏ trốn vào một phòng trống ở trại lính. Từ đó, lăm lét nhìn trước nhìn sau như một kẻ trộm mới vào nghề, Kiên lồm thồm lần về nhà viên cai đội. Anh không đi cửa trước vì có nhiều nghĩa quân qua lại. Anh luồn ra lối sau, đẩy nhẹ tấm phen che bếp lách mình vào phía trong. Mấy mẹ con vẫn còn than khóc vật vã nho nhỏ, sợ làm cho nghĩa quân nổi giận. Người vợ viên cai đội tóc rối nằm sắp ôm lấy xác chồng. Đứa con gái lớn lên mười thút thít, lâu lâu lay nhắc mẹ không nên khóc lớn. Tiếng chân Kiên làm họ giật mình ngơ ngác, và họ hải hùng khi nhận ra anh. Đứa gái lớn tưởng Kiên đến dày dạn mẹ và các em vì cái hận bị nhốt vào ngục tối, chạy đến sụp xuống lay Kiên:

- Con trăm lạy chú, ngàn lạy chú. Chú tha cho mẹ con cháu. Chú cho mẹ cháu chôn cha cháu xong rồi mẹ con cháu sẽ đi ngay. Tội nghiệp chúng con, cháu van chú, đừng giết mẹ cháu. Trăm lạy chú. Ngàn lạy chú!

Kiên không thể chịu đựng được nữa. Anh khóc òa.

Sau đó anh có những quyết định táo bạo làm cho anh em bạn bè anh kinh ngạc. Anh chạy lại

mở toang cửa sổ cửa lớn, cho mọi người thấy anh có mặt tại đây, ngay trong nhà tên ác ôn vừa bị giết chết. Dích thân Kiên đứng ra lo việc ma chay. Thấy việc lạ, những người vợ lính còn kẹt trong phủ xì xào bàn tán, thêu dệt rằng Kiên đã có tình ý với bà cai đội ngay từ thời ông chồng còn sống. Câu chuyện đến tai nghĩa quân, khiến họ càng tò mò kéo đến xem Kiên quán xuyến chuyện tổng táng khâm liệm. Kiên biết hết, hiểu vị trí khó xử và nguy hiểm của mình, nhưng anh không thể chịu đựng được cảnh tượng những người yếu đuối góa bụa, cô cút khóc thầm trong căn nhà bị cô lập hẳn với đời sống chung quanh. Anh sợ hình ảnh một người khóc thầm như sợ ôn lại cuộc đời quạnh quẽ của mình. Cho riêng anh, thì Kiên chưa chắc dám làm điều gì khác thường, Nhưng cho một người đàn bà góa và mấy đứa bé đáng thương, anh dám làm điều ngoan mục, trở thành cái bia cho thiên hạ đàm tiếu.

*
* *

Ông giáo xuống phủ Qui Nhơn đúng vào lúc Kiên ở vào tình thế phức tạp, tế nhị đó! Ông gặp con, mừng mừng tủi tủi. Từ lâu ông vẫn có ý nghĩ đau xót là Kiên phải gánh chịu tất cả hăm hiu, rủi ro thay cho toàn gia đình, nên trước mặt con, ông thấy mình có lỗi. Như tất cả mọi người, ông thấy Kiên vừa lạc lõng yếu đuối vừa liều lĩnh cố chấp một cách khác thường. Ông ngờ ngợ rằng bên trong chắc còn nhiều điều bí ẩn. Cho nên sau khi an ủi vỗ về con, ông để mặc cho Kiên tiếp tục lo việc ma chay. Lòng ông nguội nguội, như vừa mất một cái gì! Ông chúí đầu vào công việc để cố xua cảm giác nặng nề đó. May thay cả đồng tài liệu hồ sơ trong kho lưu trữ công văn của dinh phủ đang chờ ông! Nhạc muốn ông lục đồng hồ sơ đó để trả lời ngay cho trại chủ hai điều: tình hình quân sự của triều đình ở ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên; và tình hình thuế khóa, kho dựn. Ngoài ông giáo ra, không ai đủ khả năng và kinh nghiệm để trả lời hai câu hỏi cấp bách ấy. Ông giáo lục tìm các sổ binh. Không phải là việc dễ như lấy đồ vật trong túi, vì khi tấn công vào, nghĩa quân đã định đem hết sổ sách giấy má ra đốt như đã làm trước đây ở các làng cận sơn. Ông phải mất cả một ngày dài mới thu góp được tài liệu, làm một bản tóm tắt tình hình dân số và quân sự trong phủ. Chưa kịp ăn cơm tối, ông vội đem bản tình hình lên cho Nhạc.

Nhạc mừng rỡ, vội lấy kính ra nhắm đọc một cách chậm chạp:

"Số dân phủ Qui Nhơn là 26.769 người (không kể các xã thuộc nội phủ không phải là lính là 12.542 người).

Số dân nội vi tử là 10.904 người.

Dân nhiều phu 2033 người.

Hai loại này chịu lính một nửa, vị chi 6468 người phải lính.

Dân bản phủ 11.287 người chịu lính tất cả.

Như vậy dân phủ Qui Nhơn thực chịu lính là 17.756 người cấp cho 7 cơ đội và các thuyền

Thuộc Kiên và Phụ Thủy.

4 cơ Nhuệ Thủy 24 thuyền.

Phụ Thủy 16 thuyền

Thuộc Kiên 12 thuyền

Mỗi thuyền 120 người, vị chi 6240 người" (1)

Nhạc bỏ kính xuống, hấp háy mắt quay nhìn ông giáo, nụ cười tự đắc trên môi:

- Không ngờ quân chúng nó đông thế. Ai cũng phải lính cả. Thế mà thầy thấy không, ta chỉ ó lên một tiếng là cái đội quân đông đảo ấy rã tan. Toàn lũ chết nhát!

Ông giáo nói:

- Ông có chú ý thể thức trưng binh của triều đình không? Dân nội phủ thì được miễn lính. Dân nội vi tử và nhiều phu đi phân nửa. Dân đen còn lại phải chịu lính tất cả. Như vậy số lính phủ phần lớn là dân thấp cổ bé miệng, không tiền bạc, không thân thế. họ không phải là kẻ thù của chúng ta, gốc gác họ gần gũi với anh em nghĩa quân. Họ tan rã không phải vì nhát, mà vì không thể chống lại người cùng cảnh ngộ.

Nhạc trầm ngâm suy nghĩ, rồi gật gật đầu:

- Thầy nói có lý. Cho nên ta phải xem lại cách đối xử với bọn lính phủ. Tôi đang phân vân không biết tính sao đây. Ngay vợ con tên tuần vũ, tôi vẫn còn giam đấy, bảo bọn nó cho cơm nước tử tế. Thầy có nghe thêm tin gì về tên tuần vũ không?

Ông giáo đáp:

- Hình như hấn đã chạy trốn ra Tam Quan rồi. Thế nào hấn cũng cầu cứu phủ Quảng Ngãi, và cấp báo cho thuận Hóa.

Nhạc vội hỏi:

- Thầy đã tìm được số binh phòng thủ các phủ chưa?

Ông giáo đưa một tờ giấy nữa cho Nhạc. Nhạc đọc:

" Binh thủ ngự các phủ:

- Phủ Quảng Ngãi: có đội Hữu Ngự, thuộc về đấy là các thuyền Xung nhất, Xung nhị, Xung tam, Xung tứ, Xung ngũ, Xung lục, Xung thất, Xung bát, tám thuyền.

- Phủ Qui Nhơn: có đội Tả Ngự, thuộc về đấy là các thuyền Tiệp nhất, Tiệp nhị, Tiệp tam, Tiệp tứ, Tiệp ngũ, năm thuyền.

- Phủ Phú Yên có đội Tiền Ngự, thuộc về đấy là các thuyền An bính, Đột nhất, Đột nhị, Đột tam, Đột tứ, năm thuyền. (2)

Ta đã hợp lực với Châu Văn Tiếp lấy phủ Phú Yên rồi. Như vậy mặt đáng sợ vẫn là phía bắc. Những tám thuyền cơ đấy! Lại thêm viện binh ở kinh vào, ở Quảng Nam qua! Phải, nặng nhất luôn luôn là mặt phía bắc. Ta phải dồn lực lượng phòng ngự ra đó. Mặt nam chỉ cần toán của thằng Huệ chờ tiếp ứng cho Châu Văn Tiếp thôi. Ngay tối nay, tôi phải bàn gấp việc này với ông Nhật. Chưa kịp cơm nước gì cả! Ừa, thầy dùng cơm chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa. Tôi ghi chép xong lên ngay đây!

- Mời thầy dùng cơm với tôi rồi hãy về nghỉ. Tôi không dám làm phiền thầy tối nay. Cha con lâu ngày đoàn tụ, chắc có nhiều chuyện nói.

Với giọng e dè, Nhạc tiếp:

- Thầy đã nói chuyện nhiều với cậu Kiên chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa.

- Cậu ấy lạ lắm. Khó hiểu lắm. Đáng lẽ phải vui mừng mới phải chứ! Hay vì bị tù đầy lâu ngày, mù người đi!

Ông giáo buồn rầu nói:

- Tôi cũng nghĩ thế. Trong các con, nó là đứa chịu nhiều rủi ro. Chừng ấy tuổi đầu...

Nhạc sốt sắng nói:

- Nhưng tính Kiên chịu khó và tỉ mỉ, cẩn thận. Để tôi xếp đặt cho cậu ấy lo việc quân lương, hay là thuế khóa. Một mình thằng Lữ không xuể. Tôi đã cho gọi Lợi xuống. Nay có thêm Kiên, càng

tốt. Vào đi. Đã có cơm rồi? Xin mời thầy qua bên này.
(1), (2) Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn, trang 192, 193

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 25

Vì dinh tuần vũ đã bị đốt cháy, nên Nhạc ăn ở và làm việc tại dãy nhà ngói cánh tả nơi xưa kia là chỗ làm việc của bọn ký phủ duyên lại chuyên lo thuế khóa. Mái lợp ngói thẻ, tường vôi, nhưng vì thấp nên không tránh được không khí ủ dột, ẩm ướt. Mùi giấy mực ngai ngái khiến lâu lâu, cả Nhạc lẫn ông giáo phải hắt hơi. Nhạc và xong một miếng cơm, nói với ông giáo:

- Việc quân lương ngày nay nặng nhọc đấy. Thầy đã biết rồi, tôi không thể đem cái bao tử của chúng ta giao cho lão Huyền Khê được. Còn thằng Lữ thì chậm chạp quá. Lợi rất nhanh nhẹn, nhưng tôi còn lạ gì nó nữa. Có tài thì phải có tật. Hồi còn trạm buôn nguồn trên Tây Sơn thượng, tôi vẫn nhờ Kiên kèm chế bót, không thì Lợi nó trở trời mà đi. Tôi phải nhờ Kiên lần nữa. Trên danh nghĩa, cứ để cho đệ tam trại chủ tiếp tục cai quản quân lương. Thay đổi chức vụ bây giờ, bất tiện lắm. Đến những cái động trời như vụ lão Thung, tôi còn phải bấm bụng làm lành nữa là! Ách...xì! Gớm, cái mùi khó chịu quá. Lỡ đốt mất dinh phủ, tiếc thật. Phòng này âm u như nhà mồ! Vụ lão Thung và Huyền Khê, tôi đồng ý với thầy là phải nhin. Tiếc là thầy không có mặt ở đây hôm ta chiếm phủ. Tôi tuyên dương lão, mà chẳng khác tòng xẻo lão trước mặt ba quân. Ách...ách xì... Tiếc quá. Nhưng không đốt không được. Đốt là phải!

Ông giáo nói:

- Cũng may là chưa đốt hết sổ sách, giấy tờ. Đốt hết, tôi chỉ có nước dơ tay lên hàng thôi!

Nhạc cười ha hả:

- Tụi nó đã chốt đóng, định cho một mẻ lửa rồi. May chú Huệ ngăn kịp.

Thấy Nhạc đang vui, ông giáo hỏi:

- Còn đối với những người thu thuế, ông tính sao?

Nhạc kinh ngạc hỏi:

- Chúng nó đã bỏ trốn cả. Mấy tên còn kẹt trong phủ này, tôi đã đuổi ra. Thầy chưa biết sao?

- Tôi biết chứ. Nhưng đây là chuyện về lâu về dài. Ý tôi hỏi ta có nên dùng họ không?

- Trời ơi! Dùng làm gì bọn bóp hầu bóp họng dân nghèo. Tôi xuất thân làm biện lại, tôi hiểu dân chúng thù ghét lũ thu thuế đến mức nào. Tha cho chúng là nương tay lắm rồi.

- Nhưng rồi đây ai đi thu thuế? Giả sử ta giao việc đó cho anh em chia nhau gánh. Nhưng ở từng làng, từng tổng, ai thiếu ai đủ, ai nợ ai không, làm sao biết?

Nhạc càng kinh ngạc hơn, hấp tấp hỏi lại:

- Thầy nói gì vậy? Thầy tính giữ y cái sắc thuế như cũ à? Giáo Hiến cũng ngạc nhiên không kém:

- Không có thuế lấy gì nuôi quân? Không giữ các sắc thuế, thì làm gì? Xưa nay qua bao việc phế hưng, có ai không thu thuế đâu!

Giọng Nhạc đầy kiêu hãnh:

- Họ khác, tôi khác. Điều này lòng tôi càng quyết. Không thu thuế. Vâng, tôi không làm lẫn đâu.

Nhất định không thu một đồng kẽm thuế của dân. Thuế đình, thuế muối, thuế đầu nguồn, thuế chợ, thuế đò, tiền siêu tết, tiền cơm nước, trăm thứ lằng nhằng từng làm khổ dân đen, bỏ hết. Chỉ giữ độc cái thuế điền thổ quan năm mà thôi.

Thấy Nhạc háng hái quá, ông giáo không giám cản. Nhưng ông lo ngại. Vừa lúc đó, Chỉ xồng xộc vào phòng. Ông ta tưởng chỉ có một mình Nhạc. Gặp ông giáo, Chỉ khựng lại, đưa mắt hỏi trại chủ. Nhạc hỏi:

- Ông tới sớm thế? Ngồi chờ cho chúng tôi xong bữa cơm đã.

Chỉ đáp:

- Thế mà anh Nhật bảo tôi đến ngay. Tôi đang ngắt dỏ mấy cây cột cháy. Đẹp tuyệt. Thợ khéo tay thật. Có xem mấy con rồng ở đây mới thấy cái lão tôi thuê ở Kiên thành kém quá. Vẽ rồng chẳng khác nào vẽ rắn, tẻ thật!

Ông giáo bỏ đĩa xuống cái mâm đồng ba chân, lắc đầu từ chối khi Nhạc mời ăn thêm chén nữa. Thấy Nhạc sắp ăn xong, Chỉ tráng cái chén xứ mỏng, rót một chén trà thơm, bưng đem đến đặt sẵn trước mặt Nhạc. Ông giáo khó chịu, bảo Chỉ:

- Bác chưa được xem vẽ rồng nhiều nên tưởng thế. Thật ra ở đâu cũng thế thôi. Vẽ con heo, con bò thì khó. Chứ vẽ rồng phượng, ma quỷ, dễ thôi. Có ai được trông thấy con rồng thật đâu mà trách thợ vẽ giống hay không giống. Cũng như ma quỷ, có nói được đâu, có ăn được đâu. Người ta nói thay ăn thay cả đấy!

Chỉ trợn mắt nhìn ông giáo hồi lâu, rồi cười nhạt đáp:

- Thầy nói đúng, nhưng còn thiếu. Ma quỷ, và cả thánh thần nữa, đều do con người bịa ra hết. Cho nên có bọn nói thay ăn thay cho ma quỷ, thì cũng có lũ đạo đức giả nói thay ăn thay thánh thần. Cùng một duộc với nhau thôi.

Thấy tình thế quá căng thẳng, Nhạc cười giải hòa:

- Gớm, tôi xin chịu cả hai thầy. Một bên quen sống với ma quỷ, một bên quen sống với thánh thần. Thảo nào hai thầy hơn tôi ở tài nhìn xa thấy rộng. Không có hai thầy giúp đỡ, tôi không ngồi ăn cơm được trong cái nhà này buổi tối hôm nay đâu. Thế nào tôi cũng nhờ vào hai thầy nhiều việc nữa. Trước mặt thầy Chỉ đã nghĩ hộ cho tôi chuyện ấy chưa?

Chỉ hãnh diện đáp:

- Xong rồi. Chờ anh Nhật với bác Ngạn tới đã chứ?

Vừa hỏi Chỉ vừa liếc xéo về phía ông giáo. Ông giáo hiểu buổi họp tối nay Nhạc không muốn ông có mặt, nên vội nói:

- Tôi có việc cần gấp thẳng Kiên một chút. Xin phép hai ông!

*

* *

Ông giáo vừa đi khỏi, Chỉ đã nói với Nhạc:

- Tôi ghét cay ghét đắng bọn đồ gàn. Ông xem, tôi...

Nhạc đưa hơi trầu ra mời để cắt lời Chỉ. Nhân lúc Chỉ bận đưa miếng trầu vào miệng và lí nhí cảm ơn. Nhạc bảo:

- Không nên nói sau lưng người khác. Ta bàn ngay chuyện tôi nhờ thầy trước khi anh Nhật và ông Ngạn đến đi.

Chỉ nhai dập dập miếng trầu cho phải phép, quay lại phía tối lén nhả trầu ra để nói cho dễ:

- Tổ chức duyệt binh thật long trọng như trên Kiên thành cũng dễ thôi. Ta đã đặt năm đồn tung tiền hậu tả hữu để phòng bị. Lấy số quân đó diễn binh, tập luyện thuần thục chừng mười ngày

là được. Nhưng tôi thấy có hai điều bất lợi: một là nghĩa binh của ta lâu nay quen ở chốn rừng rú, tuổi tác chênh lệch, quần áo lôi thôi, chắc chắn không có đủ uy nghi như toán dàn chào tôi tuyển lựa và huấn luyện kỹ trên Kiên thành. So với lính phủ, cũng không thể được. Hai là phần lớn binh tinh nhuệ ta đã gửi ra Bích Khê và xuống Chợ Giã, năm đội ở đây cũng còn ít quá. Quân đã ít, đi đứng chuệch choạc, quần áo xốc xếch, diễu binh nhiều khi không lợi mà còn có hại. Biểu diễn quần áo, cờ phướn, khoe võ khí là nghề của bọn lính phủ. Ta biểu diễn làm sao cho bằng họ được. Cho nên tôi nghĩ phải tìm cách khác.

Nhạc nôn nóng hỏi:

- Cách nào? Ngoài cái cách đó!

Chỉ hại thấp giọng, ghé sát vào tai Nhạc cho thêm vẻ thân tín:

- Con người ta ai cũng hiếu kỳ. Kinh nghiệm một đời đi đây đi đó, giao thiệp với đủ hạng người giúp tôi hiểu điều đó. Nhiều trường hợp sự đơn giản chơn chất làm hại cho đại cuộc. Cũng như cái nghề thầy cúng của tôi đấy ông. Không có phù chú, hương hoa, không cờ phướn sắc sỡ thì không ai tin đâu. Cho nên tôi nghĩ đến cách này, ông xem thế nào.

Chỉ tự bốc một miếng trầu bỏ vào miệng nhai chậm chậm. Quả nhiên Nhạc nóng ruột. Nhạc giục:

- Thầy nghĩ ra cách gì thế? Có nên nhờ anh Nhật và ông Ngạn tới để bàn không?

Chỉ vội nhả miếng trầu ra, đáp:

- Ấy, để tôi trình bày trước cho ông nghe xem sao đã. Ông có nhớ hôm ta họp ở Kiên thành để bàn cách đánh phủ hay không? Hôm đó ông đưa kế tự nhốt mình vào cũi nộp cho Tuần Vũ Tuyên để vào thành. Ta không thực hiện diệu kế ấy được, nhưng bây giờ ta đã chiếm được thành rồi, thì ai cấm ta loan truyền câu chuyện ly kỳ ấy ra dân gian? Dân họ hiếu kỳ, nghe được chuyện lạ chạy đi thuật cho mười người, mười người tin cho trăm người... Đến lúc cả phủ đều biết chuyện. Họ sẽ nghĩ thế nào về ông? Lợi hay hại? Không cần diễn võ lập oai, dân phủ này phải phục ông là người xứng mặt dẫn dắt họ.

Nhạc thích chí mắt sáng lên. Nhưng vẫn còn một điểm e ngại. Ông hỏi:

- Nhưng nhiều người trong anh em ta biết tôi ở Kiên thành khi phủ mất. Họ sẽ nghĩ ta dối trá.

Chỉ cười tự tin, đáp lại:

- Một số nhỏ biết, nhưng số lớn còn lại chưa biết. Vả lại, ngay số nhỏ đó cũng chưa biết đích xác. Họ có thể nghi ngờ, cho đến lúc mọi người đều tin chuyện nộp mình là thật. Lúc đó họ sẽ bắn khoản, và nghĩ ra mọi cách để tin rằng họ đã lầm. Chẳng hạn họ nghĩ: Biết đâu một người đa mưu túc trí như trại chủ không tìm một người giống mình để giả làm tù nhân, còn chính trại chủ thì làm người khiêng cũi. Hoặc biết đâu vừa chiếm được phủ, trại chủ đã giao lại cho đệ nhị trại chủ để về Kiên thành họp bàn đánh hai kho Càn Dương, Nước ngọt. Vả lại, nghĩ như mọi người có lợi hơn. Số nhỏ đó không đại gì mà nói, hoặc nghĩ khác đi. Nguy hiểm cho họ lắm!

Nhạc gật gù khen:

- Thầy vẽ bùa quen tay có khác. Đến tôi mà cũng chưa nghĩ xa đến như thầy. Được lắm. Việc này cũng quan hệ đấy, vì lòng người lúc này còn hoang mang. Họ tin ta là “quân hoàng hôn”, nhưng chưa tin hẳn. Nhiều anh em còn nói huych toẹt cho dân họ nghe, bảo “thờ làm gì cái thằng không có cu”. Dân cũng chưa rõ tôi thế nào, có đáng tin không. Phải cho họ cái gì đó cho họ yên tâm. Ý thầy được lắm!

*

* *

Hình như có hẹn trước nên Năm Ngạn và Nhật cùng tới một lượt. Thấy hai người thân tín bước vào phòng, tự nhiên Nhạc bối rối, da mặt đỏ đến tận chân tóc. Ông sợ hai người nghe được câu chuyện Chỉ vừa bàn với mình, hoặc tên thầy cúng quá hăng hái đem câu chuyện ra kể lại với bọn Nhật, Ngạn.

May cho Nhạc là ánh đèn sáp không đủ sáng để chiếu rõ nét gương ngáp. Tuy thế, Nhạc vẫn lo. Ông nói mau, gần như cướp lời Chỉ:

- Chúng tôi đang chờ hai ông. Không, không trễ đâu. Tôi vừa dùng cơm tối xong, và nói chuyện tầm phào cho vui với thầy Chỉ. Tình hình thế nào, anh Nhật?

Bùi Văn Nhật đáp:

- Tôi đã cho lòng bắt tất cả bọn quan lại lớn nhỏ ở khắp huyện. Bọn độc ác thì trừng trị ngay tại chỗ. Ta cũng đã phá các nhà tù, giải thoát tất cả tù nhân. Trong Phú Yên ông Tiếp cũng làm y như vậy.

- Còn Tuần Vũ Tuyên?

- Người ta đồn đúng đấy. Hắn đã trốn được ra Tam Quan. Vợ hắn khai hắn không kịp mang theo vàng bạc gì cả. Chỉ kịp vợ lấy chiếc ấn.

Nhật đưa tay nắn nắn túi áo, ngược nhìn Nhạc cười tủm tỉm. Nhạc lấy làm lạ hỏi:

- Cái gì thế?

Nhật sung sướng nói:

- Trại chủ đoán xem!

Nhạc mất kiên nhẫn, trách:

- Anh nói ngay cho xong. Ta còn nhiều việc cần bàn.

Lúc ấy, Nhật mới lấy một cái bọc giấy gói buộc cẩn thận đưa cho Nhạc. Nhạc đưa tay nhận, chưa dám mở. Nhạc hỏi:

- Cái gì đây? Của ai?

- Xin trại chủ mở ra sẽ rõ.

Nhạc mở cái bọc, tay hơi run nên gỡ mãi không ra cái nút buộc. Hơi bực bội, Nhạc lòn ngón tay trở vào một dây gai bút tung. Một vật sáng chói dưới ánh đèn sáp. Ông ngáp ngừng hỏi:

- Cái ấn à? Của ai vậy?

Giọng Nhật đầy kiêu hãnh:

- Của Tuần Vũ đấy. Hắn vội quá, đánh rơi ấn giữa đường. Một người dân Phù Ly nhặt được đem nộp. Tôi đã thưởng cho cụ ấy mười quan.

Nhạc không còn nghe gì. Ông đưa cái ấn lại sát đèn, mân mê ngắm nghía. Nhạc khen:

- Đẹp thực. Chữ triện mà khắc như thế này không dễ đâu. Thầy Chỉ, ông Ngạn, lại đây. Ta đoạt được ấn, chỉ còn thiếu kiếm là trở thành quan phủ hợp thức rồi! Ha ha! Tiếc quá. Ta lỡ đốt mất dinh rồi. Nếu không...

Năm Ngạn tìm được lúc thích hợp, chen lời:

- Nếu còn dinh, ta bắt bọn quan lại hào lý lớn bé đến hầu, y như trước đây chúng hầu Tuần Vũ Tuyên. Chắc vui lắm! Vâng, tiếc quá!

Chỉ thắc mắc:

- Bây giờ ta xưng hô thế nào nhỉ? Chẳng lẽ đã chiếm được cả phủ mà còn gọi là trại chủ, sao được. Chẳng những ta làm chủ trại Kiên thành, mà làm chủ cả một dải đất từ Bồng Sơn cho đến Phú Yên, bao gồm hai phủ. Trại chủ? Không còn thích hợp nữa!

Bùi Văn Nhật cũng hỏi:

- Còn ông Thung và ông Huyền Khê vị trí thế nào? Họ còn đệ nhị trại chủ, đệ tam trại chủ nữa không? Còn Châu Văn Tiếp trong Phú Yên?

Nhạc chợt nhớ đến mục đích quan trọng cuộc họp tối nay, vội bỏ chiếc ấn vào túi, quay sang bảo ba người:

- Thôi danh xưng là chuyện phụ, ta sẽ tính sau. Không khéo giữ, đến ba thước đất vùi thầy cũng không có, chứ đừng nói danh này danh nọ. Nào, ta bắt đầu đi. Anh Nhật, anh cứ nói hết các điều cần làm, rồi ta sẽ bàn từng điểm.

Đêm đó, họ bàn cãi đến khuya biện pháp phân chia lại các toán nghĩa quân để chấm dứt tình trạng cát cứ, đặc biệt là đối với đám bộ hạ của Nguyễn Thung và Nhưng Huy, Tứ Linh. Nguyễn Thung đã lãnh trách nhiệm trấn giữ núi Bích Khê để khỏi phải gặp Nhạc, nên việc bàn bạc khá dễ dàng.

Trước lúc tan họp, Nhạc kéo riêng Chỉ ra dặn:

- Việc thầy nói với tôi lúc nãy, thầy cứ làm đi nhé! Liều liệu sao cho khéo. Tôi tin ở thầy!

*

* *

Ông giáo xuống nhà viên cai đội thăm Kiên, đã gặp Huệ ở đấy. Ông ngạc nhiên vì cả Huệ lẫn Kiên đã thay đổi hẳn, gần như hai người xa lạ trước mắt ông.

Ông còn lạ gì Huệ! Cậu học trò thông minh ưa xét lại mọi vấn đề ngay từ gốc rễ, hay hoài nghi vì tự tin, có lối nhìn vừa thân mật vừa giấu cợt đối với kẻ cơ hội lẫn bọn cố chấp, ông quen thuộc biết bao với cái tính độc đáo ấy. Ông hiểu Huệ hơn cả con ông, hơn cả hiểu chính mình. Có nhiều điều ông không thể đem ra bàn luận với con cái, hoặc với một người cùng tuổi tác, nhưng ông giáo lại bàn luận thẳng thắn, rõ ràng với Huệ. Ông tưởng đọc được tâm hồn Huệ như đọc chữ trong sách. Tối hôm ấy, ông giáo bắt đầu thấy mình lầm lẫn. Ông ngờ ngợ cảm thấy Huệ có thay đổi. Những gì nào? Vẫn lối nhìn ấy. Vẫn khuôn mặt ấy. Vẫn cái thói quen lâu lâu đưa tay hất chéo tóc quăn ở góc trán, rồi vuốt nhẹ mái tóc từ trước ra sau ót. Nhưng trong từng chi tiết dường như bất biến, mức độ, động tác, màu sắc, hình như có nhanh, đậm hơn một chút. Có thể nói Huệ lấy thêm được một sinh lực mới, tìm thấy khoảng rộng cần thiết để bộc lộ thêm cá tính, xác lập bản ngã. Những suy luận ấy hoàn toàn trừu tượng, gần như siêu hình, không lấy gì làm chuẩn để đo lường. Tuy nhiên, ông giáo biết chắc là cậu học trò ngày nay đã khác hẳn ngày xưa. Đối với Kiên, sự thay đổi rõ nét hơn!

Giống như Huệ, Kiên cũng “đậm” lại. Ông giáo thấy con sớm trở thành một người bình thường, từ đây cho đến cuối đời. Không thể chờ đợi Kiên đổi khác, dù lịch sử có giông bão quay cuồng đến mức nào. Thật vậy, sau khi lo việc ma chay cho mẹ con góa phụ, Kiên ở luôn nhà viên cai cơ. Không biết Kiên tìm đâu ra một bộ quần áo tứ thân màu xám tro, và một đôi guốc gỗ. Anh ngồi ghé ở mép phản để tiếp chuyện với Huệ, con bé Út viên cai đội sà vào lòng Kiên. Anh gãi lưng cho con bé, tay kia phe phẩy quạt như một người cha bằng lòng với số phận và chăm chút đến những việc bình thường một cách say sưa.

Ông giáo không hiểu hai người có thể nói được chuyện gì với nhau trước khi ông đến. Họ không có điểm nào chung để hâm nóng cuộc giao thiệp, cũng không đủ kiên nhẫn khách sáo về những chuyện mưa nắng. Họ đổ kỵ những điều giả dối, ông biết. Thế thì họ đã nói gì? Ông chịu thua, không hiểu được!

Huệ và Kiên đều lúng túng ngượng ngập khi đứng dậy chào ông. Huệ nhường chỗ ngồi thuận lợi nhất cho thầy. Kiên đứng dậy một chút, lại ngồi ghé ở mép phản. Con bé vẫn không chịu rời

Kiên. Ông giáo hỏi:

- Có phải con ông cai đội không?

Kiên đáp, giọng hơi bức bối vì tưởng cha sắp khiển trách mình:

- Thừa vâng. Con đã nhận làm con nuôi rồi!

Ông giáo không ngờ Kiên đi xa như vậy, hỏi:

- Con đã suy nghĩ chín chắn chưa?

Kiên mím môi một lúc, rồi đáp:

- Con đã gần ba mươi tuổi đầu!

Ông giáo không muốn bàn chuyện riêng của gia đình trước mặt Huệ, nhất là trong nhà một góa phụ xa lạ, nên nói sang chuyện khác:

- Được. Cái đó tùy con. Cha vừa gặp ông cả. Ông ấy định sắp xếp cho con làm việc chung với anh Lữ. Việc quân lương ấy mà. Cha thấy như vậy cũng tiện, vì con đã quen với công việc này từ thời ở trạm buôn nguồn. Nhưng trước hết con về An Thái cho các em gặp mặt đã. Chúng nó mong đợi con từng ngày. Chừng nào con đi?

Kiên có vẻ lo lắng, do dự. Anh rụt rè hỏi lại:

- Con An với thằng Lãng không định xuống đây sao cha?

Ông giáo ngạc nhiên:

- Xuống đây làm gì? Tại sao con hỏi thế?

Kiên đáp:

- Con đã hứa đưa mấy mẹ con về quê. Tình cảnh họ thế này...

Ông giáo nóng nảy cắt lời con, hạ thấp giọng cho buồn trong khối nghe thấy:

- Đưa về tận quê? Nhưng quê họ ở đâu?

Giọng Kiên gầy gòn, bình tĩnh như muốn thách đố:

- Ở Điện Bàn. Con định ngày mốt sẽ khởi hành.

Ông giáo tròn xoe mắt nhìn con:

- Con nói sao? Điện Bàn à? Con có biết quân triều đã kéo vào chặn đường ở Bến Đá không? Ai cho con đi? Mà đi bằng cái gì? Đường bộ không đi qua được Tam Quan. Đường thủy không vượt được Sa Huỳnh. Con có nói đùa không đấy?

Kiên đáp rành rẽ, cương quyết:

- Có chết con cũng phải đưa người ta về Điện Bàn. Con không phải là hạng vong ân?

Ông tức giận hỏi:

- Ân gì? Mà nói như người đi lạc, tao không hiểu gì cả.

Kiên không trả lời, ôm chặt con Út vào lòng. Đứa bé sợ hãi hết nhìn ông giáo lại ngược lên nhìn Kiên, rồi khóc òa. Kiên tìm thấy được cơ hội, vội đứng dậy, dẫn con bé vào phía trong, vừa đi vừa dỗ dành:

- Út ngoan, đừng sợ. Ông không đánh Út đâu. Đã có chú đây. Ngoan nào, đã bảo đừng khóc nữa. Mẹ đâu rồi? Thôi lại với chị. Dỗ em giùm chú nhé. Tìm khăn chùi mặt mũi rồi cho nó ngủ. Nhớ đắp chăn cẩn thận, không lại cảm.

Ông giáo chờ, nhưng Kiên không trở ra nữa. Ông ngượng với Huệ, giận con mà không biết làm sao thoát khỏi tình trạng khó xử. Huệ rụt rè hỏi:

- Lâu nay thầy vẫn khỏe ạ?

Ông giáo hiểu thiện chí của học trò, cảm động đáp lại:

- Vẫn thường. Về xuôi sức khỏe tôi có khá hơn. Hôm qua tôi nghe anh sắp vào Cù Mông. Chừng

nào đi?

- Còn tùy anh cả con. Có lẽ khoảng vài hôm nữa.

Ông giáo chắc lưỡi, buồn rầu hỏi:

- Không kịp. Như vậy là không được rồi!

Huệ vội hỏi:

- Thầy nói gì ạ?

- Tôi định gửi thằng Lãng cho anh. Tính của nó, anh biết rồi. Chỉ có thể gửi nó đi với anh mà thôi. Trong hoàn cảnh này, để nó đứng ngoài làm những chuyện vặt của đàn bà, sao được.

- Chỉ sợ Lãng nó không thích cầm gươm giáo. Vâng, con biết tính Lãng. Nhưng nếu cần, con sẽ gửi người về An Thái đón Lãng xuống Cù Mông.

Ông giáo vui mừng nói:

- Nếu thế thì tốt quá. Tôi khổ vì mấy đứa con trai. Vừa rầy la thằng Chinh vì cách ăn mặc quái dị, thì ...anh thấy đấy...

Ông giáo liếc nhìn vào buồng trong, lắc đầu. Sau một lúc im lặng, ông nói:

- Thế mà tôi định cả chúng nó về An Thái làm tiệc mừng đoàn viên trước khi mỗi đứa đi mỗi ngả!

Rồi muốn tránh nhắc thêm chuyện buồn của gia đình, ông lại chuyển câu chuyện. Ông giáo hỏi Huệ:

- Anh về Cù Mông chuyến này chắc công việc nhọc nhằn lắm? Trong Phú Yên đã có ông Tiếp (Châu Văn Tiếp). Lâu nay mình chỉ liên lạc qua lại bằng thư từ, qua trung gian đệ nhị trại chủ.

Thực sự ông ấy muốn gì, nhận định tình thế ra sao, ta khó biết được. Hiện nay tình thế hỗn loạn, lòng người càng khó lường. Ai có quân trong tay cũng nghĩ đến chuyện cát cứ. Hơn nữa, ta khuyến dụ được ông ấy là nhờ mục đích tôn phù hoàng tôn. Bây giờ lòng ta đã khác, biết ông ấy sẽ thế nào!

Huệ vội hỏi:

- Thầy bảo lòng mình thay đổi, là thế nào ạ?

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Tôi có cảm tưởng như vậy. Hôm qua trong tiệc rượu chung vui với anh em nghĩa quân, ông cả đem chuyện “cái thằng không có cu” ra làm chuyện đùa, khiến mọi người cười nói ầm ĩ! Hồi trước ai đùa cợt như vậy bị ông cả phạt năm mươi hèo, anh nhớ không?

Huệ mỉm cười, trả lời:

- Vâng, con nhớ! Nhưng con cũng nhớ là trước khi về Kiên thành, thầy đã tốn bao nhiêu tâm sức mà anh em vẫn chưa rõ hoàng tôn là ai, đối với họ có quan hệ gì. Việc tôn phù ông hoàng này hay ông hoàng kia, đối với đa số anh em, cũng xa lạ như chuyện trên trăng. Họ chịu im lặng nghe thầy, nhưng không cả tin. Được dịp họ lại đem chuyện hoàng tôn ra pha trò, nhất là khi không có thầy...

Ông giáo nóng nảy cướp lời Huệ:

- Họ khác ta khác. Anh em nghĩa quân phần lớn chân lấm tay bùn chưa có dịp được nhìn xa quá cái niêu cơm. Cái gì làm cho họ thích thú nhất? Một niêu cơm đầy. Cái gì làm cho họ phẫn nộ? Kẻ đập vỡ cái niêu cơm của họ, trước mắt là bọn thu thuế, bọn chức sắc chuyên nạt nộ dọa dẫm những ai không chịu nộp thóc nộp tiền cho quan phủ! Đem bọn đó ra giễu cợt, họ vui đùa thỏa thích ngay! Nhưng ta may mắn nhìn được xa hơn đám đông, ta phải tính trước cái lợi hại. Ta đập đổ hết, có khác nào dúm lửa đốt quách cái nhà cũ để xây hẳn cái nhà mới. Tôi nhớ

có lần đã nói với anh chuyện này rồi! Huệ cũng không vừa:

- Và con nhớ lần đó đã thưa với thầy rằng chỉ có những ai đủ tiền dựng nhà mới bắn khoả không biết nên đốt quách cái cũ xây cái mới hoặc nên xem xét dùng lại mấy cây cột, cây kèo, rui mè, cửa ngõ. Còn đối với những kẻ vô gia cư, bị đẩy đi lang bạt nơi đầu đường xó chợ như đa số anh em nghĩa quân, thì đốt hay không đốt không cần bận tâm. Họ sẽ tìm một chỗ đất trống, và xây hẳn một cái nhà mới.

Ông giáo ngạc nhiên đăm đăm nhìn Huệ, thảng thốt hỏi:

- Anh mà cũng nghĩ thế sao?

Huệ thấy thầy giận, vội đáp:

- Ấy là con thấy tâm lý chung của anh em như vậy.

Ông giáo thở dài, nói :

- Tôi già rồi. Có lẽ không còn theo kịp các anh nữa. Đến nỗi lúc này tôi không nhận ngay ra anh.

Huệ xúc động vì giọng chua chát trách móc của thầy, vội nói:

- Con xin lỗi đã làm thầy buồn. Tuổi trẻ nhiều lúc nông nổi. Chắc thế nào có chút từng trải, con sẽ chín chắn hơn. Về việc em Lãng, thầy yên tâm. Con sẽ cho người lên đón. Kỳ trước nhận được thư thầy, con cố nói mãi mà Lãng vẫn không chịu. Bây giờ đã có lệnh tất cả trai tráng phải sung quân. Lãng nên về với con.

Giọng ông giáo vẫn còn băng khuâng:

- Cảm ơn anh. Mọi sự đã ra ngoài tầm tay tôi rồi. Tôi có lo cũng không xuể nữa. Ngay như việc thằng Kiên, anh thấy đấy!

Chợt nhớ đến con, ông gọi:

- Kiên ơi!

Kiên không có cách nào khác, phải ra phòng trước gặp cha. Ông giáo bảo:

- Thôi cha tính thế này: Con tạm đưa bà ấy và các cháu bé lên An Thái với con An, chờ khi nào thông đường hãy đưa về Điện Bàn. Sẵn dịp cho anh em gặp nhau. Cha cũng sẽ xin về ít hôm với con. Khuya rồi, cha về thôi!

Huệ mau mắn nói:

- Xin thầy chờ con đi lấy thuốc đã. Lối qua trại có quá nhiều ổ gà!

*

* *

Hai thầy trò đi bên nhau, không ai nói với ai lời nào. Huệ thấy trong hoàn cảnh mới, sự khác biệt giữa mình với thầy càng nhiều, và chỉ có thể bàn luận đến một giới hạn đó. Anh không có tham vọng san bằng các dị biệt, vì không thể được. Anh hiểu thầy không thể phủ nhận cái lâu nay đã trở thành nền móng của nếp suy nghĩ, cách xử thế, lối xét đoán. Xét lại tự căn, để tức là xét lại cả bản chất cuộc đời mình. Từ các bậc thánh trí, không ai dám làm một công việc phiêu lưu và đầy xót xa như vậy.

Về phần ông giáo, hình ảnh Huệ giờ nghiêng cây đuốc dẫn lối cho ông về trại đã tạo cho ông những xúc động mạnh. Ông nhớ lại những đêm hai thầy trò ngồi canh lúa bên con cúi rơm leo lét giữa khuya, chung quanh là đồng mênh mông và gió se lạnh. Ông tiếc biết bao nhiêu, những đêm tâm sự ấy. Hai thầy trò cùng ngồi trong bóng tối, run cầm cập trước gió lạnh, ngửi mùi khói rơm pha lẫn mùi bùn, mùi rạ mới. Ánh đóm con cúi heo hút, leo lét như chính tâm hồn họ. Họ cũng mon men đi tìm chân lý lịch sử, dìu nhau, dắt nhau qua khói mù hoài nghi. Họ khác biệt quá xa về tuổi tác, nhưng gần nhau ở sự thao thức, ở nỗi băn khoăn muốn làm một

cái. Lúc đó lòng ông giáo ấm áp, vì chẳng những ông còn cảm thấy an toàn về vị trí nhà nho của mình, mà còn tìm được một tâm hồn bè bạn, thân ái. Hai thầy trò thông cảm nhau, ngồi với nhau giữa đồng vắng để nói chuyện cho nhau nghe về những điều tâm tư sâu kín nhất. Cả đời người chưa chắc gặp được những cơ hội như vậy.

Bây giờ, cũng vẫn hai thầy trò, đêm còn tối, gió có lẽ mạnh hơn, nhưng vị trí của họ đổi thay biết bao nhiêu! Họ không thể ngồi yên một chỗ được nữa. Họ đã đứng dậy. Họ đang đi tới. Điều oái ăm là trong cuộc đặng trình này, chân ông giáo đã mỏi. Người cầm đuốc soi giùm đường cho ông tối nay lại là chính đứa học trò thân yêu. Lòng ông buồn man mác, vị đắng tự nhiên lan man nơi đầu lưỡi.

Huệ thấy thầy dợm bước vào một chỗ lầy trên đường cái vì cơn mưa bất chợt khuya hôm qua, vội nói:

- Thầy tránh chỗ ổ gà. Không lại dơ cả quần.

Ông giáo khựng lại, bối rối và buồn rầu. Ánh đuốc không soi rõ nổi bậc dọc của ông. Huệ không thể thấy được nụ cười gượng chưa chát của thầy, vì ông giáo xoay về hướng tối khi bảo:

- Cảm ơn anh. Mắt tôi hoa, không phân biệt đâu là chỗ đáng đặt chân nữa.

Huệ tưởng ông giáo nói thật, sốt sắng đưa tay ra:

- Thầy để con dắt cho.

Khi nắm bàn tay thầy, Huệ cảm thấy bàn tay ông giáo xương xẩu và lạnh ngắt. Hình như ông giáo run lên vì rét. Anh thương thầy vô hạn, cảm động nói:

- Thầy đi nhanh theo con, không lại nhiễm sương!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 26

Nếu để cho Kiên toàn quyền quyết định, thì anh đã lựa chọn giải pháp liều lĩnh: mặc kệ cảnh tên đạn rơi bời, sự hỗn loạn ở các vùng giáp ranh sắp xảy ra các cuộc đụng độ đẫm máu, Kiên muốn theo đường quan đưa vợ con ông cai đội về Điện Bàn. Đường càng nguy hiểm, anh càng khó nhọc bao nhiêu, thì cái ơn canh cánh bên lòng anh càng vơi đi. Hơn nữa, anh sợ phải sống lại cuộc đời nhàm chán bình thường. Đã nửa đời người, anh chưa làm được điều gì ngoạn mục. Chưa một mình quyết định được cái gì đủ làm xao động kẻ khác, gây nên bàn tán sôi nổi. Tại sao không nhân lúc này bước vào một cuộc phiêu lưu xa lạ, nếu có mất thì chỉ mất cảnh sống hiu quạnh vô nghĩa lâu nay!

Nhưng đàn bà bao giờ cũng nhạy bén hơn đối với những điều thực tế. Nghe Kiên đề nghị, vợ viên cai đội không cảm động, mà ngơ ngác, rồi hốt hoảng. Kiên đành vâng lời cha vậy!

Mấy hôm sau, ông giáo và Kiên đưa gia đình người xấu số về An Thái. Hành lý của họ nghèo nàn, vốn vẹn có mấy bọc quần áo vì bao nhiêu tiền bạc đã bị người chồng đem đốt hết trong các sông xóc đĩa và tan thành hơi rượu. Ông giáo nhìn cảnh mẹ con bồng bế lếch thếch, tóc tai đã dượi, ăn mặc rách rưới, nghĩ đến trách nhiệm phải cứu mang họ không biết đến bao giờ mới thôi, tự nhiên hai tay ông rướm mồ hôi. Lòng ông chán ngán, quay nhìn Kiên xem con ông có nghĩ như ông không. Nét mặt Kiên không nói được điều gì!

Chỉ tới lúc con bé Út rấm rứt khóc vì không được mang theo con mèo tam thể, và con bé lớn lấm lét nhìn ông giáo, chạy tới đỡ dành, lòng ông giáo mới chấn động. Tự nhiên ông nhớ cảnh gia đình ông chạy nạn giữa đêm khuya và hình ảnh con bé lớn đỡ em giống y hình ảnh An cố vỗ về cho thằng Lãng khỏi khóc. Ông giáo tỏ ra ân cần đối với họ hơn. Trẻ con bao giờ cũng có trực giác bén nhạy hơn người lớn. Con Út đến sà vào lòng ông giáo trước, phụng phịu than không biết rồi đây ai cho con mèo ăn. Con chị đầu sợ em làm bẩn chiếc áo trắng của ông giáo, chạy đến bồng em lên. Ông giáo cười vuốt tóc nó, hỏi mấy tuổi. Mấy đứa trẻ tự nhiên gọi ông và xưng cháu. Thế là mọi e dè ngại ngùng biến mất. Nhờ vậy họ quên đường xa, và bớt lo cho tương lai.

Ông giáo được cấp cho một con ngựa, nhưng ông không cưỡi, dùng ngựa thồ đồ đạc của gia đình viên cai đội. Mấy gói quà khá nặng Lợi gửi về cho An gồm đủ thứ nào vải vóc, kim chỉ, đường trắng, tiêu sọ, bún tàu, nước mắm nhĩ... thì đã có người lính hầu gánh hộ. Ông giáo, Kiên và mấy người đàn bà con nít được đi tay không. Họ vừa đi vừa nói chuyện. Ông giáo muốn nhân cơ hội này tìm hiểu mối quan hệ giữa con và gia đình này. Ông bồng bé Út lên hỏi:

- Cháu thương chú Kiên không?

Con bé đáp:

- "Xương" chú lắm. Chú không bao giờ đánh Út cả.

- Chú có cho cháu kẹo không?

- Không. Chú không có tiền.

- Chú không cho kẹo mà Út vẫn thương chú à?

- Tại chú gãi lưng cho cháu.

- Thế trong nhà không ai gãi lưng cho Út sao? Mẹ cháu này! Chị hai cháu này! Cha cháu này!

- Mẹ với chị hai à? Không đời nào. Út mới vén áo lên, chị hai đã phát vào lưng cháu, mắng "đồ quỉ". Út khóc, mẹ cháu lại bênh chị hai. Chỉ có chú Kiên bênh cháu.

Ông giáo nổi tò mò hỏi:

- Sao cháu không bảo cha gãi cho?

- Cha à? (Út cười). Bữa nào cha về cũng đi ngả nghiêng như thế này này (Út bắt chước lối ngả nghiêng của người say). Nhiều bữa cha rên hừ hừ, như thế này này, rồi mửa đầy cả nhà.

- Mẹ cháu không nói gì à?

Con bé lớn chen vào:

- Út, không được làm phiền ông. Bước xuống đi đi. Bắt ông bằng mãi sao được.

Con Út sợ chị, định trụt xuống. Ông giáo ôm nó lại, quay nói với con bé lớn:

- Cháu đừng lo. Ông bế cho nó một đoạn, đỡ mỗi chân. Nó có vẻ sợ cháu hơn sợ mẹ, nhỉ?

Con bé lớn đáp:

- Nó làm nũng, lại hay vùi vĩnh. Có cái tật ngủ lúc nào cũng đòi phải gãi lưng mới chịu.

- Thế buổi tối nó ngủ với ai?

Con bé lớn đáp:

- Đáng lẽ nó ngủ với cháu, nhưng chú Kiên cưng nó, bảo ra với chú. Vả lại bữa nào cha cháu cũng...

Con bé chợt nhớ điều gì, khựng lại không dám tiếp. Nó lúng túng một lúc, rồi quay hỏi ông giáo:

- Sao trước đây ông không đến thăm chú Kiên. Ông ở xa lắm phải không?

- Ừ, ở xa lắm.

Con Út xen vào:

- Chú Kiên bảo ông ở tận trên núi kia kìa. Trên núi có cọp không ông? Có khỉ không ông?

- Có, có nhiều lắm. Đôi khi nó xuống chỗ người ta ở vồ người mà ăn thịt.

Con Út sợ hãi một cách thích thú:

- Dễ sợ quá. Bây giờ mình có lên núi không hở ông?

- Không. Ta chỉ về An Thái, gần tới rồi. An Thái xa núi, không có cọp đâu, cháu đừng lo. Đây, lúc trước, lúc cha cháu chưa chết đó, chú Kiên có nhắc tới ông không?

Con bé lớn reo lên:

- Dạ có. Hôm đám giỗ ông nội, chú đang ăn thì nghẹn lại, chú giấu nhưng cháu biết chú khóc. Cháu chạy theo hỏi có phải vì chuyện hôm qua mà chú giận cha cháu không. Chú bảo không phải đâu. Chú lo không biết ông sống chết thế nào, có bị bắt như chú không.

Ông giáo vội hỏi:

- Hôm trước chú Kiên với cha cháu có cãi nhau à?

Con bé lớn ngập ngừng, rồi đáp:

- Chỉ gắt sơ sơ thôi, ông! Cha cháu cũng thương chú vừa đau dậy.

- Ừa, chú có đau nữa à? Nặng không?

- Nặng lắm, ông! Chú mê sảng, hai tay cứ cào lên chiếu. Sau đó, chú rụng cả tóc. Cha cháu thấy mẹ cháu lo cho chú quá, cha cháu bực. Thế thôi!

Ông giáo nhìn trở lại phía sau, thấy Kiên đang nghe vợ viên cai đội nói gì đó có vẻ quan trọng lắm, vì nét mặt hai người đều nghiêm nghị, buồn rầu. Ông giáo thấy bà ta già quá, xơ xác quá, so với Kiên có lẽ phải hơn Kiên sáu, bảy tuổi là ít. Không biết họ nói với nhau điều gì, mà lâu lâu, Kiên lắc đầu không nhận.

Ông giáo hơi hối hận, vì chưa hiểu hết những nỗi khổ tâm, cô đơn, lo âu phức tạp và lặng lẽ của Kiên. Thế nào rồi ông cũng phải hỏi Kiên cho rõ. Phía sau, có tiếng khóc nghẹn! Ông giáo không dám quay lại. Con chị nói nhỏ với ông giáo:

- Mẹ cháu lại khóc. Khổ quá. Không biết mẹ con cháu sẽ ra sao đây!

*

* *

- Không hiểu nếu không có gia đình viên cai đội thì cảnh đoàn tụ ở nhà ông giáo sẽ như thế nào?

Ông giáo thầm hỏi như vậy, và An cũng thầm hỏi như vậy!

An tự trả lời: Chưa chắc đã vui như mình mơ ước đâu! Vì xét riêng từng người trong gia đình, ai cũng có một nỗi lo riêng. Lệnh trưng binh toàn thể trai tráng đã khiến Lãng ray rút suốt mấy hôm nay. Một người cạn nghĩ có thể tưởng Lãng sợ. Không phải. Lãng không sợ gì, ngay cả cái chết. Điều Lãng lo nhất là tham dự trọn mình vào một vận hội mà Lãng chưa hiểu hết. Lãng tự hỏi tại sao thiên hạ có thể mừng rỡ vui sướng một cách đơn giản như vậy được? Sự thay đổi chỉ mới là chuyển dịch, chưa phải là biến thái. Thay thế lão chánh tổng, lão tri áp hách dịch bằng một Hai Nhiều hách dịch chẳng kém. Sự hỗn loạn thay cho trật tự cưỡng đặt bằng áp bức. Bọn cơ hội và bọn lưu manh được thời, thế chỗ lũ xu phụ nịnh bợ mua chức sắc bằng tiền và phẩm giá con người. Còn đám đông lam lũ chưa từng bị đưa đẩy đến hoàn cảnh cùng cực phải liều lĩnh thì xưa sao nay vẫn vậy. Hai bữa cơm hầm không vơi đi, mà cũng chưa đầy thêm. Cuộc đời họ đã thoát được cái ách hào lý, nhưng tai họ phải thính hơn để nghe ngóng dè chừng mọi bất trắc, thay đổi. Vui mừng thế nào được trước cuộc đổi thay giả tạo đó, đến nỗi vung tay múa chân, hò reo ầm ĩ? Ông giáo có những nỗi ê chề, bức dọc phức tạp hơn. Thành công bước đầu của cuộc khởi nghĩa mở chân trời mới cho những người như Nhạc, Huệ, còn với ông giáo, biến động lịch sử mới này giống như một cơn gió lạnh lẽo, phũ phàng cuốn hết ảo tưởng của đời ông. Ông thấy mình bị bỏ rơi, không phải vì những bạn đồng hành không có cảm tình hoặc bất đồng sâu xa với ông, mà chính vì chân ông đã mỏi. Ông không còn theo kịp được họ nữa. Đến nỗi người học trò vẫn quyến luyến ân cần với ông mà cũng không thể dừng lại để chờ thầy được. Hình ảnh Huệ cầm đuốc soi giùm đường cho ông về trại đêm ấy cứ ám ảnh ông, đầy dọa ông. Không có gì rõ rệt hơn, cụ thể hơn để diễn tả sự thất bại vô vọng của ông giáo trước vận hội mới. Lại thêm những lo âu gia đình do cuộc giải phóng đem tới, thay thế và lấn áp những lo âu cũ. Với Kiên, ông giáo phải lo thêm, gia đình ông cai đội, và dù ông chưa biết tường tận đến chi tiết, ông cũng hiểu Kiên chịu ớn gia đình này sâu nặng lắm. Không cưu mang mẹ con góa phụ cho đến ngày đưa họ về tận Điện Bàn, gia đình ông sẽ bị chê cười là hạng bất nghĩa, bất nhân. Với Chinh, ông đã thấy con biến đổi hẳn, và quan trọng nữa, là con ông không còn sợ hãi giấu diếm sự biến đổi ấy. Cách nói của Chinh trước mặt ông, kể cả cách vợ cái áo định khoác lên vai để che cái hình xăm trên ngực nhưng sau đó Chinh cứ ở trần thản nhiên thưa chuyện với cha, đã gần thành sự thách đố. Ông giáo đọc được ý Chinh muốn nói với ông trong ánh mắt ấy: "Con như thế đó, không có cách nào khác được. Cha không bằng lòng, con buồn lắm, nhưng biết làm sao hử cha. Con đã lớn rồi, dưới tay con có nhiều thuộc hạ. Con không còn nhỏ bé như

thời xưa nữa".

Với An, ông giáo buồn lây khi thấy con thất vọng. An mừng đến bật khóc khi Kiên bước vào cổng, nhưng cô chưa hiểu vì sao anh thắng thốt, lo lắng. An quay lại, và ngạc nhiên khi thấy vợ con người cai đội xấu số. Cô còn ngỡ ngàng hơn khi thấy người lính hầu đem mấy gói quà cống kèn vào nhà. Cô vui mừng hỏi cha:

- Của anh Huệ gửi cho con hở cha?

Ông giáo không trả lời ngay, chỉ ái ngại nhìn con, Kiên đáp cộc lốc:

- Của cái thằng lăm miệng lăm mồm. Chỉ chỗ cho anh ta đem vào. Khá nặng đấy.

Ông giáo thấy An biến sắc mặt, mắt chớp chớp., môi mím lại. Ngay sau đó, cô nói cười luôn miệng. Cô chạy lại bẹo má con Út, vuốt tóc con bé lớn, thăm hỏi vợ viên cai đội. Cô đùa vui với Kiên, hí hửng như trọn vẹn hạnh phúc vì cảnh đoàn viên. An lảng xảng xếp dọn chỗ ăn chỗ ngủ cho những người mới về, việc chưa xong đã lo vào bếp sửa soạn bữa cơm đoàn tụ cho thật thịnh soạn.

Củi bếp khô. Bếp lò tốt. Nhưng An đỏ hoe cả mắt, nước mũi chảy ròng ròng ướt đầm cánh tay áo. Thấy con Út nhìn mình tò mò, An ôm nó vào lòng, nói với nó:

- Cháu ra ngoài chơi đi. Trong này khòí quá. Cháu thấy cô chảy cả nước mắt nước mũi đây không?

*

* *

Bữa cơm đoàn viên có vẻ rã rời, lặng lẽ,nặng nề. Mọi người cầm đĩa ăn gần nửa bữa mà chưa ai nói với ai lời nào. Mọi sự bắt đầu do con bé Út. Trời chạng vạng tối. Ánh sáng u ám hiu hắt khiến nó buồn ngủ, và đúng lúc đó, nó chợt nhớ tới con mèo. Nó khóc, đòi về để cho mèo ăn. Đồ dành, năn nỉ, hứa hẹn thế nào nó cũng không chịu. Nó không khóc to, cứ rỉ rỉ lê thê mãi. Mẹ nó sợ phiền chủ nhà, ẵm con ra gốc chuối dỗ, dọa, cuối cùng bực quá phát một cái thật mạnh vào mông nó. Con bé khóc thét lên. Nhà ông giáo lâu ngày không có con nít nên tiếng khóc chất chúa làm mọi người khó chịu. Mặt mày ai cũng dăm dăm. Mấy mẹ con nhanh chóng hiểu rằng mình đã làm phiền người ta quá nhiều. Thái độ của họ trở nên dè dặt quá đáng. Vợ viên cai đội kêu con bé lớn ra bụi chuối thì thăm những gì không rõ, mà con bé tuyệt không dám héo lánh lên nhà trên. Đến bữa cơm, bụng đói cồn cào nó cũng không dám mon men đến gần bếp. An sai gì nó làm ngay, làm xong lại ra bụi chuối ngồi với mẹ. Kiên, rồi An ra mời mấy mẹ con vào ăn cơm tối. Người mẹ viên đủ có để từ chối ngồi ăn chung, chỉ xin ba bát cơm cháy và một chút nước mắm. An không biết phải nói thế nào để họ bỏ thái độ giữ kẽ, Kiên thì gần như muốn nổi giận. Anh bực bội bảo:

- Thì chị vào nhà đi đã. Nó khóc một chút rồi nín. Con nít lạ nhà chướng là chuyện thường. Vào lo cơm nước cho chúng nó đi ngủ. Cha đang đợi chị đấy! Cả nhà ông giáo cầm đĩa lên lại gác đĩa xuống để chờ. Nhưng Kiên vào một mình. Anh cúi kính, nói cộc lốc:

- Thôi ta ăn đi.

Thế là họ bắt đầu bữa cơm đoàn tụ, bữa cơm tất cả mọi người từng mơ ước sau khi từng người vượt qua được những chặng đường trắc trở và đầy cam go riêng. Trừ Kiên nhất định không muốn nói gì hết, những người khác đều cố moi óc tìm chuyện nói cho không khí đỡ buồn tẻ, căng thẳng. Thế mà những tiếng người ngoài nghe được chỉ là vài lời trao đổi tối cần và vô nghĩa.Chẳng hạn "Cha đưa cơm xới", "Thêm tí muối", "Để con lấy chiếc đĩa khác", "Chị xới ít thôi, em đã no". Gần cuối bữa, nhân lúc ông giáo bị sạm phải nhả cả miếng cơm đang nhai, An

xin lỗi cha, biện hộ:

- Con lòng khắp chợ không mua được đủ mười bát gạo. Mà gạo có ra gì đâu. Thiên hạ sợ lại chạy loạn, không ai dám bán lương thực cả. Bao nhiêu lúa đem xay ra, làm gạo rang sắp sẵn đó. Thức ăn thức uống cũng khan hiếm. Cái mướp già này con phải mua những 6 tiền. Bình thường thach một tiền không ai thèm dùng đâu. Chợ vắng hoe, nên họ muốn bán giá thế nào thì bán không biết đến bao giờ giá cả mới như cũ. Chứ cứ ở trên trời mãi thế này làm sao sống nổi.

Kiên vọt miệng nói:

- Cả nhà khỏi lo xa. Họ ở đây vài bữa, thông đường là đi ngay. Ông giáo, An, và cả Lãng nữa, đều ngờ ngác, ban đầu chưa hiểu ngay chủ ý của Kiên. Khi họ hiểu, lòng họ chán ngán. Tại sao Kiên lại hiểu lầm An tai hại như vậy. An sượng sùng khó chịu, liếc mắt nhìn anh, thấy Kiên cằm cúi ăn không muốn tỏ thân thiện với bất cứ ai. An nói như muốn khóc:

- Em không có ý đó đâu. Có Trời làm chứng, nếu em nghĩ xấu xa như vậy, thì...

Ông giáo cắt lời An:

- Thôi, đừng thề thốt nữa. Chuyện không có gì nói qua nói lại ngày càng lớn thêm ra.

An thút thít, bỏ đĩa đi xuống bếp. Đến nhà ngang, cô thấy ba mẹ con đang xúm xít quanh bếp lửa, nên An đành phải quay trở lên. An cố cười với Lãng:

- Khiếp. Trời lạnh lạnh khó chịu, ai cũng muốn cảm.

Trước khi đưa khăn lên chùi nước mắt và mũi. Lãng muốn hướng câu chuyện sang một đề tài chung để khỏi ai chú ý đến chị, nên nói:

- Chợ vắng, giá cao không phải vì không ai dám bán lương thực, mà vì không thể chịu đựng cậu Hai nổi.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

- Con nói gì thế? Cậu Hai nào?

- Cậu Hai Nhiều nhà mình đó. Cha ít về nên không nghe lời than van của dân An Thái. Đến nổi họ bảo thà như ngày trước còn đỡ hơn!

- Cha chỉ nghe nói chung chung. Cậu ấy làm gì nào?

- Tất cả mọi quyền hành ở trong tay cậu thì làm gì chẳng được. Tùy ý phát ân phát uy. Không ai dám cãi. Mà hình như lúc nào cậu cũng có dịp để ra oai với thiên hạ cả. Đầu tiên là chuyện phát thẻ bài. Cha biết không, đến con mà cậu cũng dọa không phát thẻ cho con nữa. Cậu ấy dám làm như vậy lắm, nếu chị An không viết giúp thẻ cho cậu. Sau đó đến chuyện nhà cửa những người chạy nạn. Phũ phất, gia đình bọn hào lý phải trở về, cậu lại được dịp quát tháo, dọa nạt. Bây giờ đến chuyện trưng binh. Cậu ấy gặp nhiều cơ may quá!

- Bọn hào lý cửa quyền lộng hành thời nào chẳng vậy. Đời xưa đã như thế rồi. Chắc chắn tình thế càng ổn định, nạn đó sẽ bớt đi. Nhưng vì sao chợ vắng vì cậu Hai?

Lãng đáp:

- Vẫn do chuyện thẻ bài. Cậu Hai ra lệnh chỉ những người đeo thẻ bài mới được tụ họp chỗ đông người. Thẻ bài làm chậm. Tức cười, cha thấy chữ ký của cậu Hai chưa?

An đang thút thít mà cũng phải bật cười. Kiên ngược lên dò hỏi. Lãng được mọi người lắng nghe, hăng hái tiếp:

- Cậu ấy run tay ký chữ Nhiều rắc rối quá, tấm thẻ bài tìm lem không ra gì hết. Mà biết đến bao giờ mới ký xong. Cho nên cuối cùng cậu chỉ khuyên một vòng ở chéo thẻ. Mà khuyên cái vòng không được tròn lắm với nét bút run run thì ai chả khuyên được. Do đó mới có nhiều thẻ giả. Cậu Hai biết, tức giận đặt ra luật lệ mới. Cuối cùng người mang thẻ thật cũng bị họa lây. Chợ

vắng là vì vậy.

Ông giáo trầm ngâm suy nghĩ, rồi nói với các con:

- Chuyện đời vẫn thế. Có nhiều ý tưởng mới nghe tưởng là đơn giản, hợp lý. Nhưng khi đem áp dụng mới cảm thấy hết các thiếu sót và phức tạp của nó. Chẳng hạn chuyện cấp thẻ bài là đúng. Không làm như vậy làm sao kiểm soát trị an ở các xóm làng, trên trục giao thông. Nhưng khi đem áp dụng, thì gặp những trở ngại bất ngờ. Đóng triện ư? Triện viết gì, ai được quyền khắc triện? Tạm ký làm bằng ư? Lại gặp trường hợp những người không ký được, chỉ đủ sức khuyên một cái vòng méo.

An cười to, hoàn toàn vui vẻ khi nói với ông giáo:

- Cha không tận mắt chứng kiến cảnh cậu Hai ký giấy tờ! Vui không chịu được. Tay cậu gò thật vững cái quán bút, mày nhú, miệng méo xệch như người trúng kinh. Như thế này này!

An dùng chiếc đĩa giả làm cây bút lông để thay Hai Nhiều ký vào mặt bàn ăn. Đến Kiên cũng phải bật cười, phun cả cơm ra bàn. Nhờ thế, bữa tiệc đoàn viên có được phút cuối đúng nghĩa thông thường.

*

* *

Thông thường khi người ta gặp tai ương rủi ro, cảm giác đau xót thường không đến ngay, và sau khi đã đến, lại không hoàn toàn là niềm xót xa bất hạnh. Ban đầu, trong khi đang sống lơ lửng dật dờ theo nhịp điệu hòa buồn tẻ thì biến cố bất hạnh đột ngột đến. Nhịp sống cũ bị xáo trộn. Người ta ngẩn ngơ, chưa kịp ý thức trọn vẹn tầm sâu của nỗi đau xót. Giống như một chất lỏng, đau khổ cũng cần một thời gian mới thấm vào hồn con người. Đến lúc cảm giác cay đắng khốn khổ lên đến cao độ, thì do luật bù trừ đầy khoan dung của tạo hóa, con người bất hạnh cũng bắt đầu hưởng niềm khoái lạc nghịch lý là được làm kẻ hy sinh, được làm người chịu tội giùm cho kẻ khác, được hưởng đầy đủ ý vị của cuộc sống, được cơ hội dày dạn trên đường đời... Ai không sợ những vị cay, đắng, tanh, chát. Nhưng không thiếu những người nuốt không nổi cơm khi không nhai nguyên cả nửa trái ớt.

Người vợ viên cai đội ở vào trường hợp ấy. Mấy mẹ con bơ vơ không biết nương tựa vào đâu, lên sống nhờ ở nhà Kiên. Họ sống lầm lũi, lổm thổm trong dáng đi, lấm lét trong cách nhìn. Một tiếng khóc nhỏ, một tiếng ho cũng không dám vì sợ làm phiền gia đình ông giáo. Ăn thì mấy mẹ con chan húp xì xụp ở một góc bếp hay ngoài gốc chuối như một người ăn vụng. Lối cư xử đó làm cho An, Kiên và Lãng khó chịu. Tuy vậy, người mẹ hình như có cố ý bi thảm hóa tình cảnh bơ vơ vất vưởng của mình, tìm thấy ở hình ảnh đau xót tự tạo ấy một niềm khoái lạc bệnh hoạn, một điều đáng hãnh diện nữa!

Cho nên vợ viên cai đội cứ buộc hai đứa bé phải sống trái với tính vô tư hiếu động của tuổi thơ. Bà cấm không cho các con lên nhà trên, cấm không được đòi ăn khi đến bữa, cấm ngồi ăn chỗ sáng sủa, cấm lân la tỉ tê hoặc đùa giỡn với các "cô chú". Một lần con bé lớn vô ý đánh bể cái chén sành, cơm canh vương vãi khắp nền bếp. An dặn nó:

- Lần sau cháu cẩn thận nhé. Đi lên đi xuống phải chú ý cái ngạch cửa.

Con bé chỉ bối rối vâng dạ, rồi lo thu dọn chỗ cơm đổ. Nhưng khi nghe tiếng mẹ gọi, nó xanh mặt vì sợ hãi. Người mẹ bảo con nằm sấp ngay dưới gốc, bình tĩnh lạnh lùng đi kiếm một nhánh táo non thật dài, bẻ hết lá đi. Con bé chết điếng, phập phồng lo sợ những ngọn roi sắp quất xuống mông. Vợ viên cai đội như người nổi cơn điên. Bà quất như mưa vào lưng con bé, gãy roi này bà tìm cái khác. An can thế nào bà cũng không chịu ngưng. Cuối cùng không thể bắt

nhấn nhìn con bé bị đầy đọa, An lôi nó dậy, kéo nó chạy vào nhà. Con bé trì lại không dám trốn. An khóc vì thương vì giận, cả buổi trưa chườm nước muối lên lưng con bé khốn khổ. Cô không thể chịu đựng được cảnh ngược đãi trẻ con. Cuộc cãi vã đầu tiên giữa hai người xảy ra sau đó.

An lớn tiếng nói với người mẹ:

- Chị đánh nó chẳng khác nào chị đánh tôi. Quí giá gì cái chén sành. Tôi có tiếc của đâu. Tôi dặn nó cẩn thận, vì sợ nó có ngày vấp cái gạch cửa, mẻ chén găm vào đầu.

Người mẹ đáp:

- Tôi đâu dám oán giận cô. Phận tôi thế này, làm sao dám oán giận ai!

An tức tối nói:

- Chị đừng nói thế. Anh Kiên mang ơn chị, thì tôi cũng mang ơn chị. Mấy bữa nay chị cứ tránh né, khép nép. Chúng tôi đã làm lỗi gì với chị đâu mà chị cư xử thế?

- Cô đừng hiểu lầm tội nghiệp mẹ con tôi. Tại lũ nhỏ nó ồn ào quá, sợ làm phiền ông. Chúng nó chỉ làm bộ ngoan ngoãn thế thôi. Cô mà cho chúng giỡn hót, chúng nó đâm hỗn láo ngay. Tôi đánh con, xót từng khúc ruột đấy chứ. Nhưng không đánh không được. Nay nó làm bể cái chén. Mai nó đập cả sàng bát.

An không có cách nào nói chuyện thành thật và thân ái với người mẹ được. Hai đứa con chỉ dám len lén trao đổi vài câu với An khi mẹ ngủ, không khí trong nhà ngày càng nặng nề. Kiên lại tưởng An khinh thị đối với kẻ thất thế, nói xa nói gần để trách móc em. An giận quá nói:

- Cái gì anh cũng đổ lỗi cho em cả. Em nói thế nào anh cũng hiểu là em khi dễ người ta. Như hôm mới về...

Kiên gạt đi:

- Thôi, đừng nhắc nữa.

- Sao anh cản em? Anh sợ sự thực ư? Thì đây, em nói hết sự thực cho anh nghe. Từ ngày anh về, anh làm khổ hết mọi người. Thằng Lãng cũng nói nó không nhận ra anh nữa. Anh cau có, nhìn tui em như kẻ thù. Suốt ngày anh lầm lì. Anh xét lại xem, tui em có lỗi gì mà anh cư xử như vậy? Họ nhất định không chịu ăn chung, em làm sao bây giờ? Chẳng lẽ em lạy lục họ, năn nỉ họ hay sao?

Kiên lầm bầm:

- Mà có thể người ta mới vậy chứ?

An kêu lên:

- Trời ơi! Lại do lỗi của em! Nước này thì em phải đi khỏi nhà cho anh khỏi bực bội.

- Mà đi đâu cả, Nay mai người ta không làm phiền mày nữa đâu!

- Anh lại nói như cũ! Làm sao cho anh hiểu lòng em đây!

- Mà cũng dễ hiểu thôi! Người ta chỉ cần nhìn mắt mày, là hiểu hết. An tuyệt vọng, biết không thể nào nói chuyện với Kiên nữa. Cô cũng thất vọng về anh. An đâm liều. Cô nói:

- Anh nghĩ về em thế nào cũng được. Vâng, thì em nhỏ nhen, ti tiện, ích kỷ, kiêu căng. Cái gì xấu nhất em có đủ!

Kiên lườm em, định nói gì đó nhưng về sau nghĩ lại, không muốn nói nữa. Kiên quay lên nhà trên.

*

* *

Hôm sau vợ viên cai đội mua cái om đất về nhóm bếp riêng, gần gốc chuối. Ông giáo thấy chuyện lạ kêu Kiên hỏi:

- Bà ấy làm cái gì kỳ cục vậy?

Kiên cúi đầu không đáp. Ông giáo hỏi lần nữa. Kiên bất đắc dĩ phải nói:

- Thế cũng tiện. Cho phân mình gạo mằm!

Ông giáo quắc mắt nhìn Kiên, hỏi:

- Thế ra ý của mày đấy hả?

Kiên im lặng, tránh nhìn cha. Ông giáo nổi giận quát lên:

- Nếu chính mày xúi ra chuyện này, thì mày là đồ bỏ đi! Đàn ông con trai không xen vào những chuyện như vậy. Phải ngừng đầu cao lên một chút, nhìn lên trên những điều bếp núc muối mằm. Để những cái vật vãnh đó cho đàn bà.

Kiên run run đáp:

- Vâng. Con biết từ mấy năm nay gia đình xem con như không có trên đời này. Con là hạng đáng vứt đi! Nếu người dung nước lã không thương hại dứt cơm dứt cháo cho con, thì hôm nay cha khỏi phải tốn hơi mắng mỏ con. Biết thế này, thà con chết đi trong xó ngục còn hơn!

Ông giáo kinh ngạc vì cái giọng oán trách của con, vội hỏi:

- Mày nói gì vậy? Ai bỏ mày? Trước đây mày không biết tin tức bên ngoài, nghĩ quần như thế còn hiểu được. Mày đã biết sau khi mày bị bắt, gia đình chạy nạn thế nào rồi. Ngay sinh mệnh tao còn bị treo giá, làm sao tao vào thăm nom mày được. Vả lại, mày tưởng lão cai đội nuôi mày vì thương yêu mày phải không? Mày lầm! Chúng nó nuôi mày để toan tính dụ hàng tao đấy. Mày chết thì lấy gì thương lượng mua chuộc tao! Mày đã sáng mắt chưa? Kiên xúc động, khóc hức hức, vừa khóc vừa nói:

- Con đã hiểu. Con hiểu trên đời này con chẳng đáng gì hết. Không nhờ có cha, thì con chết hay sống không quan trọng cho bất cứ ai! Bất quá như một con chó chết. Chỉ có một người thực sự lo lắng cho con, đổ cút đổ đá cho con mà không nhăn mặt. Con mê man, người ta khóc, sợ con chết. Con húp thêm được một muống nước cháo cũng đủ cho người ta vui cả ngày. Đối với người ta, con không phải là con chó ghê đáng tởm, hay con chó hoang.

Ông giáo lạnh người khi nghe cái giọng bi phẫn của con. Ông ghen lời, dăm dăm nhìn Kiên. Ông thương hại đứa con bất hạnh, cơn giận tiêu tan hết. Ông nhớ cái tính cần mẫn của con, nhớ đến nỗi cô đơn qua bao năm tù đầy, nhớ đến vụ Năm Ngãng. Làm sao giải thích cho con hiểu rằng đời không bỏ Kiên? Bằng cách nào Kiên lấy lại được niềm tin vào cuộc sống, vào lòng người? Giọng bi phẫn đó còn nguy hiểm hơn cả liều thuốc độc. Nó khiến Kiên thù ghét mọi người kể cả anh em, cha mẹ. Anh quần trí, tự cách ly với mọi người, để rồi chán nản vì tưởng mọi người khinh bỉ, ghét bỏ, xa lánh mình. Phải dẫn Kiên trở về với cuộc sống thực, sống với kẻ khác và chấp nhận những ràng buộc, vui buồn, hy vọng lẫn tuyệt vọng của tập thể. Không thể bỏ mặc Kiên chìm đắm trong cơn bệnh bi phẫn! Ông giáo nói:

- Có nhiều điều con chưa hiểu hết, hoặc chỉ biết có một phía. Cha giận vì chưa hiểu con. Bây giờ cha đã hiểu. Con cũng phải ráng hiểu cha, hiểu các em. Không ai ghét bỏ con đâu. Nhất là con An. Con chưa thấy nó thối thỏm bõn chồn chờ gặp lại con như thế nào. Hãy ngừng đầu lên, vui sống với đời, con ạ!

*

* *

Ông giáo và Kiên xuống phủ hai ngày thì xảy ra vụ Hai Nhiều bị ám sát. Bà Hai thuật rằng lúc đó cả nhà đang ăn cơm. Người đầy tớ gái vào báo có hai ông khách lạ ăn mặc sang trọng tay bưng một mâm đồng phủ giấy bóng đỏ xin vào gặp ông chánh (Tuy chức tước chưa rõ ràng,

Hai Nhiều vẫn thích người ta gọi mình là ông Chánh. Giá được gọi là chánh tổng vẫn hơn, nhưng ông còn ngại. Gọi ông chánh, đủ rồi).

Hai Nhiều vội bỏ đĩa, vơ cái áo chúc bầu mặc vào. Bà Năm can ngăn một cách yếu ớt:

- Thì ông hãy ăn cho xong bữa đã. Chuyện đâu còn có đó, vội gì!

Hai Nhiều không thèm trả lời vợ, tiếp tục mặc quần áo, vội vã lên nhà khách. Một lúc sau, đĩa thức ăn bung xuống cho bà Năm một mâm heo quay, đồng thời chuyển lại lời ông Hai dặn pha ngay một bình trà hảo hạng để đãi khách quý. Tuy làm lớn, tiền của nhiều, ông Hai vẫn giữ thói quen uống chè Huế bằng bát lớn. Mỗi lần có khách phải nấu nước pha trà tàu. Bà Năm và đứa ở gái lui cui nhen bếp nấu nước khá lâu. Đáng lẽ đĩa ở gái bung khay trà lên. Nhưng bà Hai muốn nhìn mặt hai người khách "biết cách xử thế" như thế nào. Bà sững sờ hãi hùng đánh rơi cả khay ấm chén bằng sứ Tàu, khi thấy chồng gục sấp xuống bàn, con dao quắm đâm vào lưng lút cán! Cái chết của Hai Nhiều làm cho An Thái rung động. Dân chúng mừng khắp khởi, nhưng lo lắng phản ứng của phủ Qui Nhơn. Họ lo là phải, vì vụ ám sát đầu tiên một người đại diện của chính quyền mới đặt ra cho bộ tham mưu của Nhạc một thử thách khác. Tuy bận túi bụi suốt ngày cho vấn đề phòng thủ, điều quân, ổn định trị an ở các vùng vừa giải phóng, Nhạc vẫn gác hết mọi việc triệu tập ngay một cuộc họp khẩn. Mọi người đều biết các hành động quá quắt của Hai Nhiều, và từ lâu, họ vẫn lấy làm lạ về sự ngoan ngoãn an phận khác thường của dân An Thái. Họ đoán trước sau Hai Nhiều cũng gặp một tai nạn nào đó. Tai nạn đã đến, họ không ngạc nhiên. Nhưng các dây chuyền biến cố buộc họ phải giải quyết vấn nạn do cái chết của Hai Nhiều đặt ra. Hai Nhiều không còn là một cá nhân, một trường hợp cá biệt nữa. Hai Nhiều là đại diện của trật tự mới. Hai Nhiều bị ám sát tức là cái trật tự mới họ vừa khó nhọc dựng nên bị thử thách. Tùy theo cách phản ứng của phủ Qui Nhơn mà những vụ Hai Nhiều khác sẽ xảy ra hay chấm dứt.

Bị mắc kẹt trong hệ thống lập luận như vậy nên cả ban tham mưu đều đồng ý phải dùng biện pháp mạnh để chặn đứng lập tức các vụ ám sát. Máu đòi máu. Đích thân Bùi Văn Nhật về An Thái để toàn quyền điều tra thủ phạm và trừng trị nghiêm khắc những mầm mống phản nghịch.

Trong vòng một đêm, Nhật cho bắt tất cả những phần tử bất mãn có thể là thủ phạm vụ ám sát. Ai bất mãn với chế độ nào? Gia đình bọn hào lý. Những người Hai Nhiều từ chối không cấp thẻ bài. Những kẻ ba hoa hay lên tiếng chế giễu sự dốt nát và hách dịch của Hai Nhiều. Những người ganh tị với Hai Nhiều vì tự ái hay lợi lộc riêng tư. Những người buôn mắm muối bị Hai Nhiều tìm đủ cớ để vùi vĩnh tiền bạc. Cả đến những người bị tình nghi đã gỡ khuôn cửa nhà Hai Nhiều đem bán cho ghe buôn. Con số người bị bắt lên đến trăm. Đứa ở gái được gọi tới nhận diện hai tên giết người. Chị ta có trí nhớ kém cỏi, nên nhìn ai cũng thấy "có lẽ" người này là thủ phạm. Chị gật đầu, rồi lắc đầu. Hỏi lại lần nữa, chị do dự, lại gật đầu. Bùi Văn Nhật phát cáu, xếp luôn chị ở vào loại khả nghi. Tình thế dây dưa bế tắc thật nguy hiểm cho uy tín của Bùi Văn Nhật. Bấy giờ nạn nhân không còn là Hai Nhiều nữa, mà chính là Bùi Văn Nhật. Cái chuyện vặt này còn không làm xong, thì còn mặt mũi nào về phủ?

Nhật như người ngồi trên lửa. Không phải một ngón chân của trật tự mới bị thử thách, mà chính đầu não của trật tự đó lâm nguy. Làm thế nào bây giờ? Nhật mất bình tĩnh, cuống cuống đi tìm thủ phạm, nên An Thái chìm đắm trong một cuộc khủng bố trắng. Ban đêm chó không dám sủa. Ban ngày không ai dám ra khỏi nhà. Cửa đóng im ỉm, trẻ con đứng phía trong song cửa xì xào, lăm lét nhìn đám lính của Nhật đi lại ngoài đường hoang vắng.

Một ngày, rồi hai, ba ngày qua. Nhật chưa tìm ra thủ phạm. Ông ra lệnh thả bớt số đàn bà con nít, chỉ giữ lại đám đàn ông. Số roi vọt đổ dồn lên lưng họ, nhưng dấu tích thủ phạm vẫn mất tăm. Qua ngày thứ tư, Nhật quả quyết thủ phạm chính là hai người em trai chánh tổng, vốn là tay sai trung thành của Tuần Vũ Tuyên. Hai người này ban đầu còn ngơ ngác vì chưa hiểu gì, khi hiểu thì liều lười vì kinh ngạc và hãi hùng. Lại thêm bằng chứng cụ thể tỏ rằng chúng là thủ phạm. Nếu không, vì sao chúng run rẩy, lắp bắp không nói được lời nào? Người vô tội nhất định không bao giờ có thái độ như vậy!

Nhật ra lệnh hành quyết hai kẻ xấu số vào buổi sáng thứ năm. Ngay chiều hôm ấy, ông về phủ Qui Nhơn.

*

* *

Những ngày hãi hùng đó, vợ viên cai đội và hai đứa bé không dám ở ngoài bụi chuối. Nếu không biết An, Lãng là con ông giáo, nhất định người của Nhật đã liệt ba mẹ con họ vào loại khả nghi rồi. Người mẹ dẫn con vào nhà bếp, dần dà sợ hãi đẩy đưa họ tìm người che chở. Họ mon men lên nhà trên. Thế là chấm dứt thái độ ngại ngùng xa cách giữa chủ và khách. An bắt chuyện với hai đứa bé, rồi câu chuyện đưa đẩy, cô bắt chuyện với mẹ chúng. Bức tường ngăn cách đã mất. Vợ viên cai đội kể tỉ mỉ cuộc đời Kiên trong bao năm tù đầy, An và Lãng lắng nghe càng hiểu và thương anh hơn. Họ cười thoải mái với nhau khi nhắc đến cái tật ư ờa xỉa răng của Kiên, cái tính ư ờa trật tự và sạch sẽ thái quá. Vợ viên cai đội kể:

- Hồi chú ấy bị thương, đang nằm mê man đột nhiên chú ấy giơ hai bàn tay lên quờ quạng, sờ soạng khắp mình. Tôi tưởng chú ấy lên cơn mê sảng, sợ quá phát khóc. Tôi nghe người ta bảo khi người bệnh sắp chết thường hai bàn tay quờ quạng, mấy ngón tay co quắp uốn éo như bắt chuồn chuồn. Mấy đứa nhỏ đây thương chú cũng khóc rưng rức. Tôi nghe chú ấy thều thào, hai mắt lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai đó. Tôi nghĩ: Thôi đúng rồi. Chú ấy tỉnh lại lần cuối để tìm người trần trối đây mà! Tôi vừa khóc vừa kề sát tai xuống mặt chú ấy, hỏi chú ấy muốn trần trối điều gì. Chú ấy thôi bắt chuồn chuồn, nhưng bàn tay vẫn lần tìm cái gì trên người. Tôi đưa tay cho chú nắm, vừa khóc vừa bảo chú ấy: "Chị đây. Đúng là chị đây. Chú muốn nhắn điều gì, cứ nói cho chị biết". Cô chú có biết chú ấy thều thào cái gì không? Chú ấy hỏi:

- Mấy cây tăm trong túi áo đâu rồi?

Cả nhà cười ầm lên quên cả không khí sợ hãi bên ngoài. Con bé lớn nhắc:

- Mẹ kể chuyện xâu tiền đi.

Vợ viên cai cơ chớp chớp mắt cảm động, rồi kể:

- Chú ấy cẩn thận còn hơn đàn bà nữa. Mấy con bé này đựng dậu vắt dấy, quần áo đồ đạc bừa bãi. Chú ấy gắt cả ngày, gắt xong xếp mọi thứ dậu vào đó. vật nào ở chỗ nấy, lấy dùng xong đem trả lại sai chỗ cũ, phải biết! Nhờ thế mà tội này khá lên, biết giữ gìn đồ đạc. Tiền bạc cũng biết tiết kiệm hơn. Một lần, hình như năm kia phải không con? Phải, năm kia, lúc con Út mới lên ba, hồi đó nhà tôi quá lắm. Bao nhiêu tiền dốc cả vào rượu chè. Mẹ con tôi khổn khổ, nhiều bữa phải chạy đi khắp trại mượn gạo. Tuy vậy, nhà tôi không bao giờ dám tiêu thêm mấy tiền kẽm quan phủ vẫn gửi riêng cho chú ấy, gọi là tiền trầu thuốc. Hồi đó đến kỳ đám giỗ. Giỗ ai con nhớ không? Ông nội à? Phải, giỗ ông nội tội nhỏ này. Đến kỳ giỗ trọng mà trong nhà không còn lấy một đồng kẽm. Nhà tôi lại đang đi việc quan xa. Mấy mẹ con đang lo không biết làm sao có tiền mua đồ cúng. Con nhỏ này bảo nên đi mượn hoặc vay chỗ này, chỗ khác. Tôi lắc đầu, vì quá biết họ. Không bao giờ mấy con mụ keo kiệt đó cho vay đâu. Giữa lúc mẹ con loay hoay bàn tính,

chú ấy lẳng lẳng đến chỗ mái nhà rút ra một cái bọc nhỏ, và vừa đủ tiền làm một mâm cơm cúng nhỏ.

Cả nhà lại cười, lòng ai nấy lằng lằng cảm động. An và Lãng nhìn nét mặt rạng rỡ linh hoạt của vợ viên cai đội khi chị kể chuyện Kiên, cùng kinh ngạc thấy chị trẻ hẳn lại. Mắt chị sáng, da mặt ửng hồng. Hai đứa bé ngược lên hứng lấy từng lời mẹ kể, lâu lâu nhắc rõ một chi tiết. An hiểu vị trí quan trọng của Kiên trong gia đình bất hạnh, hiểu lý do nổi bực dọc chua chát của Kiên trong những ngày qua. Cô nắm lấy bàn tay ốm và nhẵn da của góa phụ. Chị cười với An. Chỉ cần bấy nhiêu, họ đã hiểu rõ nhau.

*

* *

Cũng trong những ngày hời hợt đó hai chị em được dịp nói với nhau đầy đủ về cách họ nhìn cuộc biến chuyển diễn ra quanh họ. Lãng bị kích động tột độ, bồn chồn, dao động không thể đứng yên một chỗ. Cậu nói với chị:

- Chị có hiểu những gì đang diễn ra ngoài kia không? Đó là cái gì? Có phải là những điều chị và Lãng từng mơ ước không? Chị nhớ chứ, một lần trên Tây Sơn thượng chị kể những đêm hồi hộp lo lắng sau ngày anh Kiên bị bắt. Một tiếng chân bước rào rào ngoài ngõ hẹp cũng đủ khiến cả nhà lạnh gáy vì sợ hãi. Chúng ta không thể sống nơm nớp suốt đời như một kẻ phạm tội được. Chúng ta sinh ra để được tự do thở bầu không khí trong lành, lưng không phải khom, đầu ngưỡng cao, được cười vang khi vui và khóc lóc lúc khổ. Đó là quyền tối thượng của mỗi người. Sợ hãi là cái gì không đúng tự nhiên. Đó là sản phẩm xấu xa của xã hội, là rác rưởi của bao nhiêu bất công và bạo lực tàn nhẫn để duy trì sự bất công. Bao nhiêu con người không chịu sống chui rúc trong sợ hãi mới tụ họp nhau trên Tây Sơn thượng để khởi nghĩa, để mãi mãi mai sau không còn có cảnh cúi đầu nếm nép trước bạo quyền nữa. Khổ thế nào họ cũng chịu đựng được tất: bệnh ngã nước, đói khát, lam sơn chướng khí, thú dữ, nổi khao khát được trở về, mong ước trông lại biển và đồng bằng...Những điều đó cả chị lẫn em đều trải qua cả. Chị nhớ không, dù khổ cực như vậy nhưng cuộc sống chúng ta phong phú biết bao. Chúng ta tự hào đang hy sinh cho một điều cao cả. Những chú bác nông dân chơn chất ít nói không thể diễn tả rõ ràng điều cao cả ấy là gì, vì sao họ hăm hở. Nhưng chúng ta thì hiểu. Chúng ta đang hy sinh cho cuộc giải phóng con người. Chúng ta khởi nghĩa cho con người được thở, được cười, được ngưỡng mặt lên nhìn mọi người, được tùy ý chọn nếp sống cho mình và mơ ước một tương lai. Không phải sợ hãi ai nữa.

"Chúng ta" đã xuống núi, và đã thành công. Chị đừng cười. Em biết chị cười em, một thằng vô tích sự chẳng làm được việc gì đến nơi đến chốn, chẳng ở yên vị một chỗ nào cho khá lâu, dùng dằng không ra kẻ đứng ngoài mà cũng không phải kẻ dự buộc, thế mà bây giờ thấy anh em cô bác làm nên việc, cũng đứng lẫn vào hàng ngũ xưng xưng "chúng ta" chứ gì?

An cười to hơn, đập nhẹ vai Lãng nói:

- Không phải thế đâu. Tại sao Lãng nghĩ vậy! Nhưng em cứ nói tiếp đi, chút nữa chị sẽ nói rõ vì sao chị cười.

Lãng dò nét mặt chị thấy An thành thực, vững lòng nói tiếp:

- Vâng, em nói chúng ta là nói chung cả một tập thể những kẻ có ý thức hay không ý thức nhưng đều không thể chịu đựng nổi sống nơm nớp, bỏ nhà lên Tây Sơn thượng. Những kẻ muốn lập nên một kiểu sống mới dĩ nhiên phải đẹp hơn, thoải mái hơn, hạnh phúc hơn đời cũ. Nhưng bao lâu nay chúng ta về được đồng bằng, chúng ta nắm được quyền bính, chị thấy gì? Thay cho

lão chánh tổng là cậu Hai Nhiều. Con người vẫn tiếp tục thu nhỏ mình lại, vai thun, lưng khom, chân lú rú bước, mắt lúm lét nhìn trước nhìn sau. Cổ lại phải mang thêm cái thẻ bài. Chị thấy đấy, mấy hôm nay con nít có dám khóc, chó có dám sủa không? Nụ cười hiếm hoi biết bao nhiêu! Lãng có cảm tưởng như thiếu không khí để thở. Nhưng nhu cầu đơn giản mà còn phải thế, thì nói chi đến những điều cao xa như hạnh phúc, công bằng, tương lai, quyền sống... Tất cả chúng ta, lại chúng ta, em cứ nói chung như thế cho dễ. Tất cả chúng ta hy sinh, khổ cực bao lâu nay để mang thứ quà chua đắng đó cho dân An Thái hay sao? Nếu phải dùng máu để tránh đổ máu, thì thứ máu nào đáng nên đổ, và thứ máu nào không nên đổ? Chúng ta, em lú lẫn quá lắm, lại chúng ta...

An ngắt lời em:

- Sao em cứ thắc mắc hoài về chuyện đó. Có ai thắc mắc về em đâu? Đừng tự làm cho rắc rối. Mọi sự vốn đơn giản. Em cứ mạnh dạn dùng chữ “chúng ta”, vì chị nói thực, em xứng đáng ở vào đội ngũ. Kể cả những thắc mắc rắc rối và quá khích của em. Những gì em nói cũng cần thiết cho việc chung như là sự hăng hái, cuồng nhiệt không cần suy nghĩ, như là sự tuân hành tuyệt đối lệnh trên. Còn chị cười là cười chuyện khác kia! Em đừng hiểu lầm.

Lãng hoài nghi, hỏi:

- Chị cười chuyện gì nào?

- Chị cười vì ít khi nghe em thao thao bất tuyệt như vậy. Bao nhiêu gan ruột em kéo ra phơi nắng hết. Chị thích cái tính quá khích đó. Có gì buồn khổ, thắc mắc mà cứ giữ kín trong lòng như anh Kiên, chỉ làm khổ mình khổ người. Có điều thú vị là chị đọc được ý em nghĩ, ngay trước khi em nói ra. Dài dòng rắc rối nhưng nếu muốn tóm lại cho gọn, thì đơn giản thôi. Để chị nói thử có đúng ý em không nhé?

Lãng tò mò muốn tự nhìn mình qua phản chiếu của chị, vội giục:

- Chị nói đi!

An chậm rãi nói:

- Lãng muốn cái gì cũng rõ ràng, phân minh. Cái xấu đã bị sụp đổ thì cái tốt phải tới. Ông ác bị diệt, thì cái ghế uy quyền phải dành cho bậc hiền triết. Dứt khoát không thể có chỗ dung thân cho bọn đạo tặc, bọn lưu manh, bọn khao khát quyền hành, bọn biến lộn đội lốt hào hiệp. Thế nhưng trước mắt, Lãng thấy mọi sự, mọi giá trị lẫn lộn, vàng thau không phân biệt được. Chẳng những thế, thay cho thứ trật tự giả tạo dựng bằng chèn ép áp bức là một cảnh hỗn loạn thực sự làm cho tất cả mọi người quay cuồng điên đảo, kể cả những kẻ yếu đuối từng bị áp bức. Lãng không thể chấp nhận được ván cờ thế vô lý đó, Lãng bàng hoàng, tự hỏi rồi mọi sự sẽ dẫn đến đâu? Sự cực nhọc hy sinh trước đây còn có ý nghĩa gì? Phải thế không?

Lãng nói:

- Đại khái như thế! Nhưng có gì đáng cho chị cười đâu! Chị không bàng hoàng như em sao?

- Có chứ. Nhưng chị bình tĩnh được là nhờ nghe một tiếng nói khác, một lối nhìn khác. Chị cười vì cùng một lúc nghe được câu hỏi lẫn câu trả lời.

- Em chẳng hiểu gì cả! Ai trả lời? Trả lời thế nào?

An mỉm cười, nét mặt hồng lên vì xúc động. Cô nói:

- Anh ấy bảo nhìn chung thì lòng ai không mơ ước được sống trong một xã hội công bằng, hạnh phúc, trẻ con được no ấm nô đùa, người già được an dưỡng. Chiều chiều được tắm ở sông Nghi rồi lên hóng mát trên đền Vũ Vu, nghe ngao hát trên đường về như trong sách cổ. Được mặc áo đẹp ra đường, rảnh rỗi họp nhau lại nghe ngâm thơ và đàn hát. Người có tuổi và đạo đức

cầm quyền bính. Pháp quan và chúa ngục thất nghiệp, ngày ngày tiêu khiển bằng cách câu cá và nuôi chim. Khóa ở cửa tù rỉ sét, tìm kẻ gian ác và trộm cướp khó như là tìm tuyết trong lò cừ. Ai cũng mơ ước đời thịnh trị hòa bình như vậy. Nhưng thực thể trước mắt trái ngược với mơ ước, quá lắm là chưa được như mơ ước. Pháp quan và chúa ngục vẫn đông như kiến. Trẻ nhỏ bị đầy đọa quên mấy nụ cười. Người già chết không yên chử chưa nói đến chuyện sống. Làm thế nào đây? Chính câu hỏi này là khởi điểm của biết bao nhiêu rắc rối, phân tranh, thù nghịch. Anh ấy nói tâm lý chung của những người mơ mộng, có học thức là muốn thực hiện mơ ước muôn thuở của mình một cách êm ái, đẹp mắt. Nghĩa là làm thế nào để kẻ gian ác sau khi đọc một bài thơ đột nhiên hối hận, len lén chùi bàn tay vấy máu vào vạc máu rồi cắt tóc đi tu. Chúa ngục bẻ chìa khóa vất xuống sông nhất định không hành nghề nữa sau khi đọc phú Xích Bích. Lãng thấy không, làm gì có phép lạ đó! Nếu nói như Lãng lúc này, thì cái thiện phải thay thế triệt để cho cái ác. Như thế mới hợp lý. Nhưng cái thiện không phải đột nhiên mà có. Thực tế xưa nay chưa hề có một loại cờ thể phân minh tốt xấu, sau trước. Cái xấu phải sụp đổ do tích lũy của bao nhiêu uất ức, bất mãn, nhưng khi nó đột ngột sụp đổ, thì cái mới còn đang hình thành. Những người dân đen phải bỏ làng xóm vợ con xiêu giạt đây đó, về sau tụ họp ở Tây Sơn thượng làm loạn chưa bao giờ được học cách trị nước, cách ăn nói với đám đông, cách viết cách ký. Họ vụng về, có khi hoảng sợ với cái quyền mới. Tất nhiên trong cảnh hỗn loạn bát nháo thế nào cũng có nhiều kẻ lưu manh lợi dụng. Cũng không thiếu những người lâu nay bị đè đầu cưỡi cổ bây giờ chỉ lo mỗi một việc đè đầu cưỡi cổ lại thiên hạ cho thỏa tức. Tuy nhiên đừng nên vội tưởng rằng cuộc sống không có gì khác trước. Khác lắm chứ. Rõ ràng, như Lãng vừa nói, là hỗn loạn hơn. Nhưng có một điều quan trọng gấp bội, là có một cuộc thanh lọc tự nhiên để cái mới dần dần lộ rõ, ổn định. Bấy nhiêu cái phức tạp ấy không thể nào tránh khỏi, dù những nhà thơ và những nhà hiền triết có ngõ ngàng bao nhiêu đi nữa. Không thể êm thấm, dần dà phá đổ cái xấu. Muốn vậy, thì chỉ nên cắt tóc đi tu, hay khoanh tay không làm gì cả. Lãng dăm dăm nhìn chị, ngạc nhiên vì vẻ phấn khởi khác thường trên gương mặt An. Lãng nói: - Em biết ai nói với chị những điều đó rồi! Nói như vậy thì cái gì cũng biện minh được hết. Hôm sau, Huệ cho người về An Thái đưa Lãng xuống Cù Mông như đã hứa với ông giáo. Lãng nhận thấy không còn có thể nán lại An Thái ngày nào được nữa. Ở đây không có chỗ cho anh. An cũng mừng, hy vọng em đã tìm được một chỗ đứng. Hai chị em bịn rịn, nhưng cũng nghĩ cuộc chia tay đến đúng lúc!

Tin Qui Nhơn thất thủ khiến quan bố chính Quảng Ngãi hoảng hốt. Sau khi cho người phi báo kinh đô, quan bố đích thân cầm quân tiếp cứu Nguyễn Khắc Tuyên lúc đó đang ở Tam Quan. Sợ không đủ sức trấn áp quân khởi nghĩa, hắn đem theo cả năm voi để dự chiến.

Hai bên thực sự giao chiến mặt đối mặt lần đầu tiên ở phía trong Tam Quan. Quân Quảng Ngãi bị thiệt hại nặng, quan bố bỏ mặc quân sĩ tan tác nhảy lên ngựa tẩu thoát. Tây Sơn thu được nhiều vũ khí, người, và bắt trọn cả năm con voi. Thừa thắng, Nhạc ra lệnh phải đuổi quân triều ra đến Sa Huỳnh, ngay chỗ giáp ranh hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi.

Như vậy Nhạc đã thực sự kiểm soát toàn lãnh thổ hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên vào khoảng cuối tháng Mười năm Quý Tỵ (1773). Triều đình Phú Xuân bấy giờ mới giật mình, thấy tầm nguy hiểm của cuộc nổi dậy. Trương Phúc Loan quyết định phải đối phó với bất cứ giá nào. Lần này, quân dẹp loạn có cả thủy binh lẫn bộ binh. Quân thủy chia làm ba đạo với ba chiến thuyền do ba quan chỉ huy. Nhưng bão biển đã đánh đắm các đạo thủy binh đó, chỉ có một chiến thuyền may mắn thoát nạn. Quân bộ chia làm bốn đạo do bốn quan chỉ huy, là các Chương cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Văn Sách, Tổng nhung Tống Sùng và Tán lý Đậu Văn Quang. Quân Tây Sơn chỉ có ba đạo quân, một đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân của Tập Đình, Lý Tài, một đạo gồm phần lớn là người Thượng, quen đánh đường rừng, một đạo nghĩa quân người nam gồm phần lớn các toán đã dự trận đánh chiếm hai kho Cần Dương và Nước Ngọt hơn tháng trước. Hai bên gặp nhau ngày 2 tháng Mười Một ở ranh giới hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi. Họ quần nhau ba ngày không phân thắng bại, đến chiều ngày thứ ba Tập Đình và Lý Tài ở cánh phải đánh thốc vào hông quân triều, khiến quân triều hoảng loạn tan rã. Tống nhung Sùng và Tán lý Quang tử trận. Quân Tây Sơn lại thừa thắng đánh chiếm phủ Quảng Ngãi. Quân triều phải rút về giữ dinh Chàm. Tinh thần quan quân sa sút đến nỗi chỉ cần một tin đồn là cả dinh đã xao xác dọm chạy về Hội An để kiếm đường tháo thân. Triều đình Phú Xuân cuống cuống cả lên. Nội bộ lục đục đổ lỗi cho nhau. Kẻ hèn nhát thì láo liên tìm đường trốn trách nhiệm. Bọn thất phu rút cổ như gà gập cáo. Bọn xu nịnh tìm cách hãm hại những kẻ dám nói thẳng để diệt cả họa gần. Nguyễn Phúc Dục và Nguyễn Phúc Văn bị hãm hại. Việc phòng thủ kinh đô cấp thiết nhưng trong tình trạng tinh thần rệu rã như vậy, Trương Phúc Loan không làm được gì khác hơn là đặt quân canh phòng đèo Hải Vân và nghiêm cấm mọi thông thương giữa Thuận Hóa và Quảng Nam. Việc quan trọng hơn là gửi một đạo quân đông đảo vào nam dẹp loạn giao hảo cho Tiết chế Nguyễn Phúc Hương. Phải vất vả lắm, Tiết chế Xương mới tập trung đủ số quân cần thiết, và sau nhiều lần trì hoãn vì đủ thứ lý do, đạo quân này xuống thuyền vào trung tuần tháng Mười Hai năm Quý Tỵ (1773). Quân của Tiết chế Xương nghỉ ở Hội An vài ngày để lấy

thêm lương thực và bổ sung số lính trốn, đến 21 tháng Mười Hai mới xuất trận. Giáo sĩ Diego de Jumilla, một giáo sĩ đương thời viết trong một lá thư tả trận đánh như sau:

"Ngày lễ Thánh Tôma ngày 21 tháng Mười Hai xem ra là ngày Thiên ý đã định cho chúng tôi sa vào tay quân khởi nghĩa. May sao, hôm đó đạo quân hùng hậu của Chúa ở Hải Phố xuất hành. Đạo quân này có đến năm nghìn người và do một quan anh hùng nhất trong trấn chỉ huy. Hai bên gặp nhau ở phía trong Tiên Đảo vào ngày 22 tháng Mười Hai. Chiều ngày 23, quân Chúa đã chiếm được lũy ngoài. Chiến tranh tiếp diễn qua ngày 24, một lũy nữa bị phá, và quân khởi nghĩa phải lùi. Nhưng ở cánh trái, các quan của Chúa chống với người Thượng bị thua phải lùa cả voi mà chạy. Vị tướng anh hùng kia quay về phía này và ngăn được quân Thượng. Hai bên còn đánh nhau dữ dội suốt cả ngày 25. Quân khởi nghĩa phải rút vào căn cứ cuối cùng rất vững chắc của họ. Họ cầm cự với sức tấn công ba đạo quân của Chúa suốt một ngày rưỡi. Quân Chúa thì một đạo dùng chiến thuyền đánh theo đường thủy, một đạo theo đường bộ đánh về phía núi, đạo thứ ba ở giữa do vị tướng anh hùng kia chỉ huy. Tiếng súng kéo dài đến chiều ngày 26, và ở đây (Tiên Đảo), chúng tôi nghe tiếng súng rất rõ. Vào chập tối 26, một loạt súng từ chiến thuyền bắn vào xuyên qua lũy làm cho viên chỉ huy giỏi nhất của quân khởi nghĩa bị thương ở hông. Quân Chúa không biết việc đó vì lũy cao, nhưng hôm sau tức ngày 27 tháng Mười Hai, khi quân khởi nghĩa đã rút khỏi lũy, họ tìm thấy hai xác nghĩa quân cạnh xác viên chỉ huy danh tiếng nọ, tức là một trong mười tám tướng của phe khởi nghĩa. Quân Chúa thắng, phe nổi dậy phải rút vào Quảng Ngãi. Quân Chúa đuổi theo".

Sau trận thất bại đó, quân Tây Sơn phải rút lui dần về phía nam, còn quân triều thì thừa thắng mau chóng lấy lại được những vùng đất rộng đã mất ở hai phủ Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chẳng những thế, mùa xuân năm Giáp Ngọ (1774), Tiết chế Nguyễn Phúc Xương còn mạnh dạn thúc quân vượt Sa Huỳnh vào Tam Quan đưa quân chiếm lấy một vị trí chiến lược quan trọng án ngữ con đường độc đạo qua cái đèo nhỏ thông thương nam bắc là núi Bích Khê. Dích thân Tiết chế Xương, Tổng nhung Thành, Tán lý Thiện và một số lớn tướng sĩ khác trấn giữ ngọn núi hiểm yếu quan trọng này, lập trạm tiền tiêu để chuẩn bị tiến công vào tận sào huyệt của nghĩa quân.

*

* *

Sào huyệt ấy cách núi Bích Khê không xa.

Nhạc đặt bộ chỉ huy tiền phương trong một cánh rừng thưa, ở phía tây nam núi Bích Khê, khoảng cách không đầy nửa ngày đường. Chỗ Nhạc làm việc, ăn, ngủ, tiếp khách là một cái chòi thấp lợp lá, cột và sườn mái đều dùng những cây rừng khẳm khiu không đẽ gọt. Giường là một tấm liếp đan bằng nửa gác trên bốn cây cọc thấp. Bàn ghế là những thân cây cưa ngang cho vừa tầm tay và tầm ngồi. Đồ đạc không có gì ngoài một cái mâm gỗ đặt bốn bát nước không cái nào giống cỡ giống kiểu cái nào, và một cái ấm đất nung chứa nước trà.

Trước chòi lá, hai nghĩa quân cầm giáo đứng gác. Mới hơn ba tháng từ ngày về Kiên Thành mà trông Nhạc đã gầy hắc đi. Mắt hóp sâu, râu mọc xanh. Cái búi tóc trễ xuống tận vai. Nếu không có đôi mắt sáng quắc quyết và tin tưởng thì người ta dễ lầm Nhạc với một bại tướng nào đó.

Buổi sáng hôm ấy, Nhạc đang tiếp Thận.

Anh thợ rèn chuyên trách chế tạo khí giới này hăng hái giải thích các điểm lợi hại của hỏa hổ. Thận đem cây hỏa hổ mẫu cho trại chủ xem xét, vừa chỉ dẫn từng bộ phận vừa nói:

- Dĩ nhiên phải đem theo bụi nhùi. Trước khi xông trận, phải đốt cháy lớp lá trộn dầu rái bên

ngoài để sẵn sàng rảy lửa vào địch, chứ chờ đến lúc hỗn loạn ấy mới đốt thì sợ lúng túng không đốt kịp. Còn...

Nhạc ngắt lời Thận hỏi:

- Phải mồi lửa sẵn ư? Như vậy nếu đánh vào ban đêm, nhất là trong trường hợp phải đánh lên hoặc phục kích, e lộ mất. Giữa đêm tối mà đốt đuốc lên, chẳng khác nào làm bia thịt cho chúng bắn.

Thận đáp:

- Vâng. Đó là một điểm yếu của hỏa hổ. Nhưng nếu ta sửa soạn sẵn bùi nhùi cho thật nhạy, thì khỏi cần đốt trước. Hai ba người mang theo một cái bùi nhùi cũng đủ. Tôi quên mất, việc gì phải cần nhiều bùi nhùi. Đốt được một cây rồi, ta mồi các cây hỏa hổ khác không mấy khó. Chỗ tôi lo nhất là cái lẫy này đây. Khi cần đánh địch ở xa, ta bật cái lẫy cò này lên cho nút buộc đoạn côn gắn lưỡi câu bung ra, côn theo đà lao vào địch, còn những giọt dầu rái thì bắn vào đốt cháy da thịt, quần áo chúng. Nếu cái lẫy cò này nhạy, thì mọi việc êm đẹp. Như cái này thì nhạy lắm. Chỉ cần đưa ngón trỏ ẩy nhẹ một chút, như vậy thôi, cái nút buộc đã mở rồi. Nhưng có thể gặp trường hợp do sợi dây nối cái nút và lẫy cò không được trơn, hoặc bị chùng, thì sẽ gặp khó khăn đấy. Tôi sợ nhất trường hợp ấy. Người dùng hỏa hổ thấy trở ngại đâm ra lúng túng, cán hỏa hổ lại dài khó xoay sở. Nhạc hỏi:

- Anh rèn được bao nhiêu cây rồi?

- Dạ được hơn hai mươi cây. Trận này có thể đem ra dùng thử. Có khuyết điểm thì đợt sau ta biến chế lại.

- Nhưng cán nó dài quá. Dùng đánh gần đâu được.

- Vâng, nếu đánh gần thì chỉ cần côn và đoản kiếm. Vũ khí này chỉ dùng khi địch còn ở xa, nhất là khi hai bên dàn trận để xáp chiến với nhau. Có lẽ với voi vũ khí này cũng lợi hại. Voi sợ lửa bắn vào.

- Anh đã thử chưa?

- Mấy con voi chiến mà ta bắt được dữ quá. Bọn quân tượng sợ nó nổi hung, không dám cho thử.

- Anh về bảo lệnh của tôi là chọn voi dữ nhất đem ra thử hỏa hổ. Được chưa?

- Dạ nếu được như vậy thì tốt quá.

- Tôi sẽ gửi ngay cho anh hai mươi quân để anh dạy cho họ cách dùng hỏa hổ. Phải luyện gấp cho thành thạo. Tôi định dùng thử loại vũ khí này để đột kích vào cạnh sườn chúng nó xem sao. Cảm ơn anh nhé. Gắng cải tiến cho gọn và chắc hơn đi!

Vì chưa quen với thuật tiếp khách của người quyền thế là khéo léo thu gọn hoặc cắt ngang câu chuyện lúc nào cần, Nhạc cứ liếc nhìn ra số người đang đứng chờ mình bên ngoài, lúng túng chưa biết phải làm sao cho Thận ra về. Dù Nhạc đã nói "Cảm ơn anh nhé!", Thận cứ chần chừ, hình như có điều gì muốn nói mà chưa lấy đủ can đảm. Nhạc chợt nhớ vụ Hai Nhiều, lấy vẻ buồn rầu bảo Thận:

- À quên, xin chia buồn với anh. Ông Nhật vừa cho tôi hay là đã trừng trị đích đáng hai tên khốn nạn. Bà già đã định thế nào chưa? Về ở với anh chứ?

Chính đó là điều Thận muốn thưa chuyện với trại chủ. Thận do dự một lúc, rồi nói:

- Tội nghiệp con Nhõm nhà tôi. Mất em rồi đến mất cha. Vâng, tôi có biết chuyện đã tìm ra hai tên giết người. Nhưng hình như...

Nhạc mất kiên nhẫn khi thấy Năm Ngạn lấp ló ở cửa chòi muốn vào. Nhạc vỗ vai Thận cương

quyết cắt đứt câu chuyện:

- Thôi, anh về nhé. Nội ngày mai, anh cho người lên phủ nhận của ông Vịnh (sau này làm bộ binh) hai mươi quân. Mời ông Năm vào. Ngồi đấy chờ tôi một chút xíu thôi. Nhớ gắng cải tiến cho gọn, nhẹ, và chắc chắn hơn. Có gì gấp không ông Năm?

Năm Ngạn chờ cho Thận ra khỏi, mới bê khúc gỗ dùng làm ghế lại sát Nhạc nói:

- Ôi thôi! Tôi hết kham nổi rồi ông Cả. Ông tìm người khác dùm cho, chứ cái đà này có ngày tôi phát điên lên mất. Nhạc cười, vì quá quen tính Ngạn, thông thả rót nước ra cái bát đã mẻ một góc đẩy về phía khách:

- Ông uống nước đã. Chuyện gì khó thủng thẳng ta tính rồi cũng xong thôi. Nhà tôi có nhẩn gì không?

Năm Ngạn cười:

- Có gì đâu mà nhẩn! Bả sấm soi tối ngày cái coi trầu chạm nổi ông đem từ phủ Quảng Ngãi về. Bả quên ông rồi. Hà hà! Đây, nói đùa vậy chứ coi chừng đấy. Tối hôm qua bả hỏi: "Chỗ thân tình lâu ngày, chú đừng giấu tôi nhé. Chú có biết ông có đeo bông bẩy bạ gì không?"

Hai người cười vang. Nhạc vỗ vai Ngạn hỏi:

- Rồi ông trả lời thế nào?

Năm Ngạn nói:

- Trả lời thế nào ông biết rồi. Lắc đầu thì không được vì sai sự thực, chết với quỷ thần. Mà gật đầu thì hôm nay chết với ông. Tôi chơi hàng hai.

Nhạc tò mò hỏi:

- Nghĩa là sao? Ông làm tôi sốt ruột quá lắm!

Năm Ngạn đáp:

- Tôi nói: Bà đã đầu gối tay ấp với ông bao nhiêu năm, chắc hẳn hiểu ông rõ hơn tôi. Tính ông xưa thế nào thì nay cũng vậy. Không thay đổi.

Nhạc giả vờ giơ tay lên trời hô hoán:

- Ông nói thế có khác nào đem con vô nội. Chết tôi rồi! Nhưng thôi, gác chuyện đàn bà lại, tôi xoay xở với bả sau. Mấy hôm nay tình hình trong phủ thế nào?

Năm Ngạn ngồi ngay ngắn trở lại, nghiêm mặt đáp:

- Càng ngày càng rối rắm. Chung quy chỉ do cái lão đồ gàn. Hết cãi nhau với ông Chỉ lại xích mích với ông Diệm (sau này 1776 làm Sĩ sự). Vừa làm hòa với ông Diệm xong, là quay ra lên giọng thầy đời với ông Bạc (sau này làm Hộ bộ), ông Tân (sau này làm Lại bộ), ông Vịnh (sau này làm Binh bộ).

- Chuyện ông Chỉ với ông Diệm thì tôi đã biết. Còn chuyện xích mích với thằng Vịnh là do đâu?

- Do chuyện bắt lính. Phần đánh nhau ông đã lo hết, Vịnh chỉ lo mỗi cái việc bắt lính mà thôi. Nó phải lo cho xong phần việc của nó, khỏi cần ai phải nhắc. Lo không nổi thì sau này ai dám giao việc. Nó nhỏ tuổi nhưng ai không có lòng tự ái! Thế mà lão đồ gàn cứ y cái bụng chữ nho, nay nhắc việc này, mai nhắc việc nọ. Nó nổi sùng cãi lại. Lão đồ gàn vút cái đồng đơn kiện thưa của bọn lăm chuyện vào phòng thằng Vịnh, hằm hằm bỏ về.

Nhạc lo âu hỏi:

- Họ thưa kiện chuyện gì vậy?

- Thì cũng vẫn cái bọn to mồm thiếu mặt. Chúng nó sợ bắt lính, đâm đơn khiếu nại bừa để cầu may.

Nhạc lấy giọng nghiêm trang hỏi:

- Bên trong chắc có nhiều điều phức tạp chứ? Ông thuật rõ xem sao. Ông giữ việc cai quản chuyện điều hành nội bộ trong phủ, giấy tờ gì không qua tay ông! Ông là "Nội hầu" mà! Có đúng người ta gọi chức đó là Nội hầu không?

Năm Ngạn sung sướng ra mặt, nên trả lời một cách trang trọng mạch lạc hơn cho xứng đáng với chức vụ:

- Vâng, cũng có nhiều điều phức tạp trong chuyện trưng binh. Ban đầu Vĩnh nó ra lệnh tất cả những ai có tên trong sổ đinh đều phải sung quân. Sự thực là từ lâu do đói kém và cái nạn cường hào, ở nhiều làng số dân xiêu dạt đã lên quá ba phần tư. Chưa kể bọn du thủ du thực nay làm ăn ở chợ này, mai kiếm chác ở bến sông kia, cái tên nhất định còn chưa có huống hồ là sổ đinh. Thành ra người lương thiện thì phải lính, bọn trộm cắp được miễn. Vĩnh sửa lại lệnh, truyền tất cả những người có thể bài từ mười tám đến năm mươi phải vào lính. Nhưng đâu phải ở đâu cũng làm xong thẻ bài. Vĩnh cứ tưởng làng nào cũng đều ổn định xong xuôi như là Kiên Thành. Anh em ở các tổng vội vã xuống phủ than phiền không thể thi hành lệnh được, trong khi ngày nộp lính đã gần kề. Lão đồ gàn bấy giờ xen vào, bày vẽ thêm đủ thứ luật lệ, qui tắc, phân biệt nào những là dân nội phủ với lại dân ngoại phủ... cái gì tử tử (nội phủ vi tử), rồi nào dân chính hộ với dân khách hộ. Cả bọn chúng tôi điên đầu không hiểu lão nói gì.

Nhạc hiểu mấu chốt của vấn đề, nghiêm mặt bảo Ngạn:

- Ông nói như vậy, tôi hiểu. Các ông phải coi chừng. Không, ông hiểu lầm tôi rồi. Không phải coi chừng thầy giáo Hiến, mà coi chừng chính các ông đấy. Bây giờ ta cai quản suốt một giải đất rộng gồm hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên, ít lâu nữa, ta cai quản luôn cả hai xứ Quảng và đàng trong. Nhất định phải như vậy, để ông xem. Vừa rồi ta đánh thử ra Quảng Nam, tôi biết thực lực của chúng không ra gì. Chỉ được cái vỏ mà thôi. Thăng Huệ em tôi nó nói đúng, khi so quân triều với quả bí lớn thúi ruột. Vừa rồi trận Quảng Nam ta thua vì anh em người Thượng quen voi mà chưa quen với súng lớn bắn từ biển vào. Họ sợ quá, tưởng ông Giàng nổi giận sai sấm sét phạt họ. Tôi nghiệp thằng Mắm. Tôi ân hận nhất là không đem được xác nó về. Ông đã cấp tiền cho ông Mịch làm lễ tế nó rồi chưa?

- Rồi ạ. Chú Huệ có xin về để dự lễ tế. Chú ấy buồn quá, Thọ Hương (con gái Nhạc) dọn cơm lên chú ấy không cầm nổi đĩa. Ông Mịch thì như người mất hồn.

Nhạc nói:

- À, tôi có ý này nói ngay cho ông, để lâu quên đi. Tôi thấy anh em buồn quá, đánh nhau xong chề chén say sưa mất cả tư cách. Tôi định bảo ông Mịch lập một gánh hát cho anh em tiêu khiển. Nhân tiện cho ông bầu gánh Nhưng Huy và ông kép Tứ Linh trở lại nghề ca xướng. Một công mà được cả đôi việc. Ông hiểu ý tôi chứ?

- Vâng. Phải làm thế, để ông Thung...

Nhạc không muốn đem chuyện này ra bàn luận công khai dù là với Năm Ngạn, sợ cái tính xốc nổi của viên "Nội hầu". Nhạc nói:

- Mãi nói chuyện Quảng Nam quên mất việc chính. Lúc nãy tôi nói đến đâu rồi nhỉ. À, tôi nhớ ra rồi. Tôi vừa bảo ông rằng bây giờ ta sắp cai quản gần khắp xứ Đàng Trong, không còn như hồi ở Kiên Thành nữa. Công việc lớn thêm, phức tạp thêm. Không phải chỉ cần muốn là làm gì cũng được. Thiện chí không thôi chưa đủ. Phải có hiểu biết, khả năng. Các ông có thể rành việc trong một xóm, mà không thể biết hết chuyện tổng. Một người từng trải, có học, đã dự vào việc trị nước ở kinh đô như thầy giáo Hiến thật quý giá cho chúng ta. Trời đã dẫn thầy đến chờ sẵn để giúp chúng ta đấy. Các ông đừng tự đại. Cái gì chưa hiểu, cứ tìm thầy mà hỏi. Tôi không biết rõ

thầy giáo chỉ bảo thằng Vịnh điều gì, nhưng tôi chắc chắn rằng ý kiến của thầy hợp lý, cần thận hơn ý thằng Vịnh. Ông về dặn các ông ấy như vậy. Đó là lệnh, không được cãi.

*

* *

Năm Ngạn vừa tiu nghỉu bước ra khỏi chòi, thì Nhật đến. Nhạc chờ Nhật từ sáng sớm nên vồ vập kéo Nhật vào chòi quên đưa Năm Ngạn đến tận chỗ cột ngựa như mọi lần. Nhật chưa kịp ngồi Nhạc đã hỏi:

- Việc đó ổn chưa?

- Xong rồi. Gạo mằm đã chở đến từng cánh quân. Tôi lo quá, suốt đêm hôm qua không chợp được mắt. Lần này cũng nhờ có thằng Lợi. Nó giỏi xoay xở thật.

Nhạc gật gù, mỉm cười bảo Nhật:

- Phải. Nó là con dao sắc đấy. Người không cao tay thì sợ không dám dùng. Ông với tôi, ha ha, chúng ta khác chứ! Ông nhớ cái chuyến hai kho Càn Dương và Nước ngọt không? Ông Huyền Khê còn lúng ta lúng túng chưa biết tính sao, than ôi là than. Nào thiếu ngựa. Nào thiếu bao. Tôi cho thằng Lợi đến. Chỉ hai ngày là xong xuôi tất. Vụ chuyển kho Quảng Ngãi vừa rồi cũng do Lợi nó thu xếp cả. Đến ông mà cũng quên mất đám tù binh. Chúng nó nem nếp, sai gì không làm. Trói chúng nó làm gì cho thiếu dây mà còn phải tốn lính canh. Lợi nó còn ở dưới chỗ ông không?

- Nó vào rồi. Có gì cần kíp không ạ?

- Cũng không gấp lắm. Tôi định bảo nó lấy tất cả quần áo mũ măng hát bội ta tịch thu được ngoài phủ Quảng Ngãi giao cho ông Mịch. Lập ngay một gánh hát bội cho anh em tiêu khiển. Gần đây tinh thần họ có vẻ sa sút, phải không?

Nhật e dè đáp:

- Vâng. Có sa sút đôi chút. Bọn yếu bóng vía đã nghĩ tới chuyện phải trốn lên Tây Sơn thượng. Đạo người Thượng thì vẫn còn tin là Ông Giàng nổi giận. Tôi phải cho ông Tuyết lấy khẩu thần công tịch thu được bắn thử một phát cho họ xem, họ vẫn nửa tin nửa ngờ. Chuyến này theo ý tôi, nên bố trí cho họ đánh chỗ có núi rừng, đạn pháo không bắn tới được. Chỗ đất bằng thì giao cho đạo các ông Tập Đình, Lý Tài vì họ quen đường biển.

Nhạc vội hỏi:

- Ông có mang bản đồ vùng núi Bích Khê đến không?

Nhật rút tờ giấy xếp gọn từ trong bọc áo ra, trải lên cái bàn tạm. Nhật trở vào bản đồ giải thích:

- Hiện chúng nó đang đóng ở sườn núi này. Đây là sông Lại Giang. Đường chỉ nhỏ này là đường mòn qua Đồng Dài để lên núi, chỗ này có một ngã rẽ có thể xuống Vĩnh Thạnh nhưng đường đi gai góc hiểm trở lắm. Đèo Phú Cũ ở đây, ngay sát chỗ sườn núi chúng nó đóng quân. Tên tiết chế này dày dặn chiến trận nên cho đóng quân sát cạnh đèo, quyết chặn đường độc đạo thông thương nam bắc. Có điều tôi chưa hiểu, là tại sao hắn chọn một hiểm địa như vậy để đóng quân. Phía sau là sườn núi dốc đứng, phía trong hắn biết chắc có ta rồi. Nếu muốn rút lui, chỉ có con đường đèo nhỏ và hẹp. Hay hắn biết tinh thần binh sĩ của mình xuống thấp quá, phải dùng cái kế qua sông chặt cầu để quân lính chỉ còn con đường phải liều chết tiến tới.

Nhạc hỏi:

- Có thể hắn còn cho quân mai phục ở nơi khác?

- Không có. Bao nhiêu tướng sĩ dồn cả vào chỗ sườn núi này thôi, hắn quyết làm cái nút chặn. Hắn quên chúng ta là dân rừng rú, vô ra đâu cần đường quan!

- Doanh trại của chúng ta thế nào?
- Những dấu chấm này là chỗ chúng ta đóng quân. Chỗ có vòng tròn này là bản doanh của tên Tiết Chế.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

- Nếu ta dẫn quân đi vòng theo đường núi đổ xuống Đồng Dài, rồi tiến cho giáp sông Lại Giang ở chỗ này này, thì cần bao nhiêu ngày?

Nhật nhắm tính một lúc lâu mới dám trả lời:

- Khoảng ba ngày.
- Được rồi. Anh đã báo cho ông Thung biết chiều nay ta họp các đội trưởng chưa?
- Dạ có.
- Chính ông Thung đi dự họp chứ?

- Vâng, tôi có căn dặn kỹ lắm.

- Tốt. Ta cứ theo kế đó mà bàn. Ông nhấn thằng Lợi chuẩn bị sẵn đồ khao quân đi.

Nhật chợt nhớ một điều quan trọng chưa báo cáo, rụt rè nói:

- Lần này chúng nó mạnh hơn lần trước nhiều lắm. Tên Tiết Chế quen việc binh, chứ không như tên Bồ Chánh Quãng Ngãi. Vả lại, hắn đem những trên bốn mươi con voi chiến vào giữ đèo.

Nhạc hỏi:

- Ông có bao nhiêu voi?
- Khoảng trên bốn mươi con.

Nhạc cười ha hả, chế giễu vẻ lo âu của Nhật:

- Chưa gì đã sợ voi chà rồi à? Chúng càng có nhiều voi càng tai hại. Ông thử tưởng tượng xem. Cái truông hẹp đó, bốn mươi con voi xếp hàng ngay ngắn đi qua mất bao nhiêu thì giờ? Còn lối cho bọn lính chen chân không? Huống chi trong cảnh hỗn loạn, nào voi, ngựa, quân, tướng chen nhau thoát thân qua cái lối hẹp! Tiếc nhỉ, nếu chúng đem thêm vài chục con voi nữa cho đủ trăm thì ta một nửa quân số về Qui Nhơn lo tiệc khao trước. Tiếc quá đi mất!

*

* *

Nguyễn Thung được Nhạc cho toàn quyền lựa chọn các toán quân tinh nhuệ nhất để tấn công đạo quân triều đình ở núi Bích Khê, và được trọn quyền chỉ huy. Kể cả cái quyền tiền trạm hậu tẩu. Nhạc nói với các đội trưởng:

- Một lần nữa đệ nhị trại chủ sẽ chứng tỏ cho các anh thấy tài ba của ông. lần trước các anh đến chậm nên chưa tận mắt chứng kiến đệ nhị trại chủ lấy thành Qui Nhơn dễ dàng kỳ diệu như lấy đồ chơi trong túi. Tôi thấy làm tiếc cho các anh. Đánh trận dưới quyền một vị chỉ huy giỏi khác hẳn với cảnh cực khổ vất vả vì phải nghe những hiệu lệnh rồi. Đây là cơ hội tốt cho các anh học hỏi. Đừng bỏ qua dịp may đó.

Nguyễn Thung vừa hãnh diện vừa lo âu trước quyền hạn và trách nhiệm vượt quá mong ước bấy lâu. Ông được quyền lựa chọn tướng sĩ ư? Chọn ai đây? Chọn toán nào? Các toán quân Tuy Viễn thân tín đã bị phân tán đi khắp các đội. Tập Đình và Lý Tài không tin được nữa, dù sau bốn tháng thử thách, chưa có đội nào xông xáo và hữu hiệu cho bằng đội quân ở trần gióc tóc ấy. Thung chưa quên Lý Tài đã về dự họp ở Kiên Thành, còn Tập Đình thì án binh bất động ở ngoài phủ Qui Nhơn chứ không chịu vào thành phối hợp với quân Tuy Viễn. Đạo quân người Thượng chắc chắn chỉ nghe lời Nhạc vì có mối quan hệ mua bán ân nghĩa từ thời buôn nguồn. Cuối cùng chỉ còn lại các toán người nam của Tuyết, Lộc, Tuyên, Dũng (Võ Văn Dũng), Diệu

(Trần Quang Diệu) và Sở (Ngô Văn Sở). Nguyễn Thung chỉ tin được Dũng, Diệu và Sở vì ba đội trưởng này mới gia nhập vào nghĩa quân gần đây, sau khi Nhạc đã về Kiên Thành.

Qua một đêm suy tính, Nguyễn Thung xin Nhạc cho dùng các đội của Tuyết, Dũng, Diệu và Sở. Đề nghị trại chủ ghét cái mặt dăm chiêu lạnh lẽo của Lộc, và ngại người em ruột thịt của Bùi Văn Nhật (Bùi Đắc Tuyên). Thung biết mình ở vào thế cưỡi cọp, nên quyết định một ăn cả ngã về không. Ông chọn những nghĩa quân mạnh khỏe gan góc nhất sung vào đội xung kích chỉ dùng dao găm và mã tấu đánh xáp lá cà. Toán thứ hai dùng voi ngựa và phô trương đầy đủ cờ phướn để nghi binh. Toán thứ ba là toán hậu bị chờ tiếp ứng và vận lương. Thung cho mở trận tấn công từ tờ mờ sáng. Quân lính hai bên dàn thế trận hai bên truông đánh nhau suốt ngày vẫn chưa phân thắng bại. Thanh thế toán nghi binh không đủ để đánh lừa viên Tiết Chế nhiều kinh nghiệm chiến trường. Thung nóng ruột đích thân cầm dùi gióng trống thúc quân, nhưng đàn voi trận của quân triều dữ tợn quá, các toán xung kích không thể mon men đến gần được. Từ trên sườn núi, quân triều bắn tên qua như mưa, nếu không nhờ những gốc cây và lá chắn đan bằng nứa thì số thiệt hại của quân Tây Sơn còn cao hơn nữa.

Chiều tối, Thung cho lệnh thu quân, sáng hôm sau kéo dài cuộc chiến đấu vô vọng thêm một buổi nữa mà vị trí quân triều trên núi Bích Khê vẫn không hề hấn gì. Thung đành truyền lệnh rút quân, sau khi cho toán hậu bị đào hầm hố chờ cản đường địch truy kích.

Nhạc gặp Nguyễn Thung vỗ về, an ủi:

- Chúng không dám truy kích tức là còn nể mặt ông. Còn tôi đấy hả? Chính tên Tiết Chế Nguyễn Phúc Xương này đuổi tôi chạy dài một mạch từ dinh Chàm về Bích Khê. Bao nhiêu công lao khó nhọc đổ xuống sông xuống bể hết. Tôi sẽ gặp anh em khuyên họ đừng nản chí. Thua keo này ta bày keo khác. Nói cho đúng thì chưa thua keo này ta đã chuẩn bị bày keo khác rồi. Tôi vừa tiễn hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân đi tối hôm qua. Sáng nay đến lượt đạo quân người Thượng của Y Dút (?). Keo này ông lo giùm cho tôi mặt nam, chuẩn bị tiếp ứng. Nhận nhé!

Nguyễn Thung không thể làm gì khác hơn là buồn bã gật đầu.

*

**

Trong khi quân triều còn say men chiến thắng, Tập Đình, Lý Tài đã theo đường rừng qua Đồng Dài, xuống sông Lại Giang, mai phục để chặn đường về của quân triều ở Bồng Sơn. Nguyễn Thung thì phục binh ở phía nam núi Bích Khê để chờ tiếp ứng như đã hứa với Nhạc. Phần trại chủ dẫn hai toán của Bùi Đắc Tuyên và Nguyễn Văn Lộc men theo rừng phối hợp với toán người Thượng của Y Dút làm mũi chủ công.

Rút kinh nghiệm xương máu ở Quảng Nam, Nhạc tận dụng khả năng di chuyển mau lẹ và quen thuộc với địa thế gập ghềnh cây cối chằng chịt của toán quân Thượng. Hai toán người nam của Tuyên và Lộc trang bị tên lửa, hỏa hổ và giáo mác chờ sẵn ở phía bắc đèo Phú Cũ (?).

Chờ đến giờ Tuất (9 giờ tối), Nhạc ra lệnh toán quân Thượng đột kích quân triều trên sườn núi Bích Khê. Bị đánh bất ngờ, quan quân hoảng hốt ủa nhau chạy toán loạn. Voi, ngựa, tướng, sĩ chen nhau vào cái truông hẹp để chạy về phía Tam Quan, voi dẫm lên người, người chém người để tranh đường sống. Số thoát được ra khỏi truông chưa kịp mừng đã bị hỏa hổ và tên lửa đốt cháy, tiếng kêu khóc la hoảng vang xa qua mấy sườn núi. Về phần Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương chạy bộ suốt đêm mới tới được Bồng Sơn vào sáng hôm sau. Quan Tiết Chế vào nhà một thường dân xin cho ăn uống.

Chưa ăn xong bát cơm, toán Trung nghĩa quân chừng hai mươi người đã xông vào nhà dùng giáo đâm quan Tiết Chế suốt từ ngực ra sau lưng. Đạo quân của Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương ở núi Bích Khê coi như đã bị hoàn toàn tiêu diệt, trong vòng có một đêm! Đêm đầu tháng Hai năm Giáp Tý (1774).

Tin đạo quân đông đảo tinh nhuệ hơn một nghìn sáu trăm người của quan Tiết Chế bị tiêu diệt hoàn toàn bay nhanh ra bắc vào nam. Cả một hệ thống chính quyền và bộ máy phòng thủ lung lay, tự nó rệu rã trước khi quân Tây Sơn đến. Mà nghĩa quân thì thiếu ngựa khỏe, đa số phải đi chân đất để giải phóng các vùng phía bắc Sa Huỳnh và phía nam vịnh Xuân Đài. Cho nên phải bảy ngày sau đạo quân chân đất ấy mới đủ thì giờ trở lại Quảng Nam lần thứ hai, và lần sâu vào nam đến Bình Thuận. Sau trận Bích Khê lịch sử, thanh thế Tây Sơn lầy lùnh khắp đàng trong từ nam ra đến bắc.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 28

Người được Nhật cử thay thế Hai Nhiều ở vào tình cảnh khó xử. Lấy lại nhà viên chánh tổng ư? Làm thế thì nhứt tâm quá! Cứ để mặc cho mẹ con bà Hai Nhiều ở lại ư? Ở An Thái có ngôi nhà nào khang trang đẹp để cho bằng nhà đó! Vấn đề không đơn giản là ở chỗ này hay chỗ khác. Với một người vợ và hai đứa con còn bé, lâu nay chui đụt trong một túp lều thấp hẹp, mùa hè nắng nóng mùa đông hứng mưa, ở đâu mà chẳng được. Nhà rộng càng thêm mất công quét nhà. Nhưng đây là vấn đề danh dự. Dân An Thái sẽ nhìn vào, xì xầm với nhau. Thấy chưa, lão Hai Nhiều chết mà cái uy thừa vẫn còn làm cho người thay thế lão run sợ. Bộ dạng vạm vỡ oai nghi thế nhưng có dám đuổi con mẹ Hai Nhiều đi ở chỗ khác đâu. Coi hắn chui rúc trong cái xó đình kia! Lấn tha lấn thấn như ông từ giữ đền. Mất gì thì mất, nhưng không thể mất danh dự! Dân họ còn coi mình ra gì nữa! Họ khinh nhờn, làm sao làm việc?

Nghĩ như vậy, nên anh ta cương quyết đòi bà Hai tìm nhà nào thanh tịnh hơn cho hợp với tình cảnh góa bụa. "Tôi e ở đây kẻ ra người vào ồn ào quá, thím không chịu nổi". Anh ta nói với bà Hai như vậy.

Bà Hai dư hiểu người ta muốn gì. Tuy là cay đắng, tủi thân, nhưng bà cũng thấy đó là qui luật tự nhiên của đời sống. Chồng bà đến ở đây thay thế cho lão chánh tổng hiện bị cầm tù, thì đến lượt người khác đến thay thế chồng bà. Không còn cách nào khác thì phải vớt vát phần nào hay phần nấy những gì có thể vớt vát được. Chưa tới ngày hẹn, hai mẹ con đã dọn về ở nhà cũ, không quên khuôn theo cái phản gỗ, bộ tràng kỷ khảm xà cừ, sập chén bát toàn đồ sứ mỏng và cái mâm thau chạm nổi có ba chân nai.

An và gia đình viên cai cơ vừa mới làm quen với cuộc sống chung, chưa kịp hưởng sự thoải mái tin cần được bao lâu đã xót xa thấy mọi sự bị đảo lộn dữ dội. Bà Hai Nhiều cư xử đúng phép tắc của một người chủ nhà, hơn thế nữa, một kẻ từng có quyền thế. Bà không cần phải kiêng nể ai. An và vợ con viên cai cơ kẻ trước người sau chỉ là những kẻ vô gia cư đến ở nhờ nhà bà. So tuổi tác thì họ chỉ đứng vào hàng con cháu thôi. Bà có toàn quyền muốn làm gì thì làm.

Không cần hỏi ý kiến trước, bà sai Kiên dọn dẹp tất cả đồ đạc của An xuống nhà ngang, dành chỗ nhà trên cho bộ trường kỷ và cái phản gỗ. Bà trách An sửa đổi mấy khuôn cửa sổ và cái cửa lớn, vôi vữa lem nhem làm hư cả vách nhà cũ. Sửa như thế thà để trống toang hoác như cũ còn dễ coi hơn. Bà trách đồ đạc bề bộn không có chỗ bà đặt cái sập bà đựng đồ sứ Tàu, nhà bếp dơ dáy hôi hám như cái chuồng heo.

An không chịu nổi nữa, trả lời bà Hai:

- Thừa mợ, đúng là chúng con ở bần thật. Làm sao sạch sẽ cho bằng nhà tên chánh tổng. Cứ trông cái phản gỗ và bộ trường kỷ cũng đủ biết hắn sạch sẽ đến mức nào!

Bà Hai Nhiều biết cháu ăn nói xỏ xiên, giận tím mặt mà không biết phải trả lời thế nào. Đồ đạc

này chẳng phải của nhà chánh tổng hay sao? Bà chối thì ai tin? Phân bua làm sao đây? Bà bực bội, tìm mọi cơ để gây gổ. Một cái rác cũng đủ sinh chuyện. Sáu người vừa đàn bà vừa con nít thuộc ba gia đình khác nhau, mỗi thân thuộc lỏng lẻo nhưng bị ràng buộc chịu đựng lẫn nhau trong cái nhà chật! Đúng là một thứ địa ngục nhỏ!

Lại thêm sau cái chết của Hai Nhiều, bà Hai và Kiên gần như bị cô lập với hàng xóm. Trong thời đương quyền, cả hai vợ chồng tận hưởng lạc thú được vênh mặt lên cho kẻ khác khép nép, nên bây giờ không ai thèm thăm viếng, chào hỏi góa phụ và đứa con cô cút cả. Hai mẹ con quanh quẩn trong nhà, quẩn chân quẩn trí, lấy chuyện gây gổ làm lối giải tỏa. Với An, bà Hai còn dè dặt vì biết vai vế quan trọng của ông giáo dưới phủ. Còn đối với vợ con viên cai đội thì... không có tiếng sỉ nhục nặng nề nào bà Hai không dùng.

Con người chịu đựng sự đau khổ dễ dàng hơn sự sỉ nhục. Cho nên bà Hai Nhiều dọn về nhà cũ chưa đầy mười ngày, vợ con viên cai đội đã quyết định xuống phủ Qui Nhơn để tìm đường về quê. Người mẹ bàn việc đó với An. An cũng nhận thấy mình hoàn toàn cô độc ở An Thái. Không còn gì vương vấn ở đây nữa, ngoài những kỷ niệm. Họ đồng ý với nhau sẽ xuống phủ vào rằm tháng hai, và lẳng lặng, kín đáo chuẩn bị hành trang.

*

* *

Không hiểu sao An có tiên cảm lần này ra đi, không bao giờ cô trở lại An Thái nữa. Lần cuối cùng trong đời! Ý nghĩ đó khiến mọi vật mọi cảnh quen thuộc trở nên thi vị, huyền diệu.

Cả buổi chiều An thơ thẩn quanh vườn, ngùi ngùi bước từ cái giếng nhà cậu mợ ngược về phía nền nhà cũ, dừng lại ở chỗ đặt ang nước, lấy ngón chân cái di di lên chỗ đất cứng vì bếp lửa, đưa mắt dõi theo những vệt tường cháy, tái dựng căn buồng kín gió của mẹ, phòng trước, bậc thềm, chái nhà học. An rơm rớm nước mắt, lòng nặng trĩu kỷ niệm.

Cô cảm thấy cô độc, nhỏ bé, yếu đuối. Cuộc đời mệnh mông và hiu quạnh biết mấy! Không có phương nào chờ đợi cô! Cô không sống cho ai cả, không biết sống để làm gì, những ngày sắp tới chắc cũng vô vị tầm thường như những ngày đã qua. Cô muốn ngộp thở vì thất vọng. Vườn chuối xơ xác, bụi tre ngả nghiêng, cỏ dại mọc đầy trên lối đi, đất đai ở đây như đã cạn sức sống nên cây cỏ hoang sơ, héo úa. An không thể chịu đựng thêm nữa cảm giác bị tù hãm trong vùng đất chết!

Không tự chủ, An bước ra đồng. Qua mấy tháng nhiều nương, nhiều vùng ruộng bị bỏ hoang, lúa tháng ba ở vài đám ruộng ở gần nương nước bắt đầu oằn đầu vì những gié xanh ngậm sữa. Mùi lúa thơm mơn man khiến An cảm thấy lâng lâng, lòng cô đỡ nặng. An quyết định đi thăm mộ mẹ. Trước ngày đi Cù Mông, Lãng có đem cuốc vun quên lại mộ, nhưng nước mưa đã xói lở một góc, dấu chân bò còn in sâu trên vồng đất nâu lún phún cỏ dại. An cảm thấy đau nhói như có ai vừa dẫm lên ngực mình. Cô lấy tay lấp dấu chân bò, nước mắt ràn rụa. Cô nói:

- Con khổ quá mẹ ơi! Mẹ bỏ con bơ vơ một mình trên đời, rồi mọi người lần lượt bỏ con, xa lánh con. Không ai đoái hoài tới con. Không hiểu họ mê cái gì hở mẹ! Một ngôi nhà ấm cúng, một đôi vợ chồng thương yêu nhau, vườn cải hoa vàng có bướm bay, khói tỏa lên ở bếp đúng ngày hai bữa, trẻ con oe oe trong nôi, tiếng cười đùa trước ngõ, những điều đơn giản ấy đối với con đẹp đẽ và quyến rũ biết bao! Nhưng tại sao không có ai cùng mơ ước đơn giản như con hở mẹ! Họ chạy theo cái gì? Họ mê mãi cái gì để đến nỗi không ai nhớ tưởng đến con, xem như con không có trên cõi đời vậy? Con còn sống hay đã chết, con khổ cực hay sung sướng, mạnh khỏe hay đau yếu, không là gì cả đối với họ. Mẹ ơi, hóa ra bao lâu nay con chỉ nghĩ quẩn, con

tưởng tượng ra những điều không có thực, nâng niu những điều vợ vẫn. Con tự làm khổ con. Mẹ có nghe con than vãn không? Mẹ có hiểu lòng con không? Có lẽ đây là lần cuối cùng con ra thăm mẹ. Con có dự cảm như vậy, nhiều khi chỉ là ý nghĩ vẩn vơ nhưng nếu đó là sự thực, thì xót xa quá mẹ ơi! Trâu bò dẫm lên thân thể mẹ, nước xối vào thân thể mẹ, mẹ có đau không? Xin mẹ phù hộ cho cha con. Hình như độ này cha con có vẻ buồn bực, cô quạnh. Cha lơ lảo giữa những gì xa lạ, nhiều lúc con có cảm tưởng cha không còn chỗ nào để đặt chân bước tới. Mẹ nên thương hại cha. Bao nhiêu năm nay cha lo âu cho các con, và càng ngày cha càng lo âu thêm lên. Chắc mẹ biết rồi. Anh Kiên như vậy, anh Chinh như vậy. Phần Lãng chắc đã nhiều lần ra đây than thở với mẹ. Còn con, con gái độc nhất của mẹ, mẹ ơi, sao con khổ sở thế này? An khóc rầm rức một hồi mới thấy lòng dịu lại. Cô được tâm sự với mẹ, bao nhiêu cay đắng, thất vọng hòa vào nước mắt và khô trước gió! Tuy vậy trên đường trở về, lòng An vẫn cứ ngùi ngùi. Mặt trời đã sắp lặn. An theo lối tắt về gấp trước khi chạng vạng. Lối mà suốt cả thời thơ ấu An sợ không dám qua, vì cái miếu hoang đầy chim và rắn. Bây giờ cây cối um tùm quanh miếu đã bị phát quang, cái miếu nhỏ bé trở trọi và xấu xí hơn An tưởng. Cô mới chợt nhớ mấy tháng trước Huệ đóng quân ở đây, ngay trên gò đất này. Lòng cô hồi hộp nhìn quanh tìm dấu vết của doanh trại cũ. Không còn gì, ngoài một vài lỗ cột lở loét trên thảm cỏ ấy! Và một lần nữa, An đau xót nhức nhối vì hình ảnh những vết thương không bao giờ lành!

*

* *

An và vợ con viên cai đội xuống phủ đúng vào lúc Nhạc đưa toàn bộ lực lượng ra chiếm Quảng Nam sau trận chiến thắng Bích Khê. Gần như hầu hết những người đàn ông khỏe mạnh đều ra đi, thế giới trong phủ thành là thế giới của những chinh phụ và bọn chức việc da mết chuyên nghề cạo giấy.

Họ tìm ông giáo và Kiên không khó khăn. Ông giáo được Nhạc ủy thác việc tổ chức hành chính và quản lý thuế khóa trong toàn phủ, còn Kiên thì giúp lũ cai quản quân lương.

Kiên bần thần cả người khi nghe vợ viên cai đội nói rõ vì sao phải bỏ An Thái. Anh lúng túng hỏi:

- Bây giờ chị tính sao?

Vợ viên cai đội nói với giọng nóng nảy, hờn dỗi:

- Còn tính sao nữa! Nay đường đã thông rồi, mẹ con tôi chỉ còn một lối là dắt díu nhau về quê nhờ vả bà con qua ngày!

Kiên không tin tai mình, thẳng thốt hỏi: - Chị nói thật à?

- Chứ chú tính tôi ở đây với ai, làm gì mà sống. Giá hai đứa nhỏ đi ăn mày được, thì ba mẹ con tôi dắt díu lây lất ở đầu đường xó chợ nào đó, đỡ phải về quê trong cảnh rách rưới đói khát...

Vợ viên cai đội còn tả oán nhiều hơn nữa, càng nghe nói ruột Kiên càng rối lên. Có một điều Kiên hơi mừng, là chị ta không muốn về Điện Bàn. Quê hương không dung thứ cho những đứa con thất thế. Một là chết rấp ở chân trời góc biển nào đó, hai là trở về mũ áo xênh xang. Đã bỏ xứ ra đi mà không mang được gì về là làm nhục bà con láng giềng. Lúc đó quê hương trở nên danh ác, tàn nhẫn. Vợ viên cai đội biết rõ điều ấy lắm. Cho nên khi Kiên đề nghị tạm ở lại phủ một thời gian để anh tìm cách xếp đặt cho kế sinh nhai, chị ta bằng lòng ngay. Kiên năn nỉ xin Lữ cho phép ba mẹ con ở tạm một ngôi nhà vô chủ sát phía nam thành, gần bến bọn mã phu thường dẫn ngựa ra tắm. Chị ta lập một cái quán nhỏ bán kẹo bánh lật vặt và nước trà nóng,

rượu. Trong khi chờ cho nắng hong khô bộ lông ngựa hoặc chờ chúng ăn cho xong giỏ cỏ, bọn mã phu ghé lại quán ực một ly rượu gạo, hay cắn một miếng kẹo đậu phộng. Thêm chút ít gạo, tiền do Kiên giúp, ba mẹ con sống được qua ngày. Họ bỏ hẳn ý định về quê!

Phần An, cô không hề nghĩ có nhiều công việc đã chờ sẵn cô dưới phủ. An tưởng mình xuống đây chỉ để lo cơm nước cho cha và anh, chờ già giữa bếp núc khói ám. Cô không còn gì khác để hy vọng. An đã làm. Gia đình những nhân vật quan trọng chung quanh Nhạc, và cả gia đình Nhạc từ Tây Sơn thượng đã dời về Kiên Thành, rồi từ Kiên Thành dời xuống phủ. Vốn xuất thân từ những anh buôn trầu, chị đàn bà giữ con, kép hát, thầy cúng, tá điền, thợ mộc, thậm chí đến kẻ trộm cướp và dân xiêu dạt vô gia cư, những người mới có quyền thế phải học hỏi để ăn mặc, nói năng, đi đứng, cư xử cho đúng với vị trí mới. Nhất là các bà các cô. Vì tự ái họ không thể hạ mình nhờ vả bọn vợ con hào lý còn nán lại để chờ chồng con mãn hạn tù, hoặc bọn trưởng giả cũ. An trở thành người được sẵn đón mời mọc vì là con gái ông giáo, lại đã từng lớn lên ở kinh đô, và nhất là cách ăn mặc đi đứng của An có một vẻ khoan thai ung dung hết sức quý phái và tự nhiên. Cô được vợ Nhạc nhờ dạy thêm chữ, dạy thêu thùa, trang điểm, dạy cả đến cách giao thiệp ăn nói cho cô con gái Thọ Hương. Gia đình Bùi Văn Nhật cũng gửi gắm người em gái lên 14 tuổi cho An dạy chữ. Nhờ thế, An quên được phần nào những đau khổ riêng.

*

* *

Thọ Hương giống cha hơn giống mẹ. Cũng như Nhạc, cô có một đôi mắt hơi xếch và đôi lông mày nhạt. Khuôn mặt cũng hình lưỡi cày. May mắn là cô thừa hưởng từ phía mẹ cái mũi dọc dừa, nước da bánh mật thật mịn và cặp môi đỏ. Phần riêng của Thọ Hương là mái tóc dày và mượt, tuổi trẻ, và cái tật ưa cắn lấy môi dưới mỗi lúc e lệ hoặc bối rối.

Thọ Hương mang đến cho An một cái tráp hình hộp sơn đen, nắp tráp vẽ hình một đôi chim loan đang rửa lông cho nhau. Cô cắn môi dưới, da hồng thành màu trái mềnh quân, rụt rè hỏi An:

- Hôm nay chị rảnh không? Bày giùm cho em nhé!

An nhìn cái hộp, đoán là đồ thêu thùa, hỏi lại:

- Cái khăn hôm qua em thêu xong chưa?

- Khó quá, chị. Em kéo chỉ thật căng, nhưng mấy cánh hoa cứ nổi cộm lên. Tháo đi tháo lại hai ba lần, đến khuya mẹ bảo phải đi ngủ.

- Em có đem cái khăn theo không. Trong này hả? Mở cho chị xem!

Thọ Hương lại cắn môi dưới, dằng ngằn ngữ. Một lúc lâu cô mới thú thật:

- Không phải hộp đồ thêu, chị An ạ. Cha em mới nhờ anh Lợi đem về cho em đấy.

An tò mò hỏi:

- Thế à! Nhưng đựng thứ gì trong đó? Chị mở được không?

Thọ Hương đỏ mặt gật đầu. An đưa ngón tay bật cái chốt khóa, giở nắp hộp lên. Mùi son phấn tỏa ra thơm nức. Trong cái hộp lót nhiều màu hồng, có một hộp phấn và một thỏi son. Phía dưới nắp hộp gắn một cái gương nhỏ hình chữ nhật, và một bọc vải cũng bằng nhiều đựng một cái lược bằng ngà, và một cái trâm bằng thứ ngọc màu xám có vân.

An trầm trồ khen:

- Đẹp quá. Mua được ở đâu thế? Chắc đắt lắm!

Thọ Hương thực thà đáp:

- Cha em lấy được trong dinh tuần vũ Quảng Ngãi đấy. Dùng thế nào hở chị?

An cũng chân thật đáp:

- Đồ trang sức sang trọng quá chị chưa từng thấy, nên không biết trả lời em ra sao. Lúc nhỏ chị có thấy các cô con gái con quan nội hữu thoa son đánh phấn, nhưng thứ son phấn khác kia. Son cũng dùng thôi, nhưng phấn thì từng cục hình như hình con ốc. Phấn nọ đấy mà. Còn ở đây... chị giờ ra được không?

Thọ Hương vội nói:

- Được chứ chị. Cha đã cho em rồi mà. Em mở mãi không ra. Lấy mũi dao cạy cũng không được. Bị sòn ở cái nắp chị thấy không?

An cố gắng lấy nắp hộp phấn nhưng không được. Chợt cô đoán:

- Phải rồi, ta xoay ngược từ trái sang phải. A, được rồi. Phấn yên chi Hương ơi!

- Yên chi, là thứ gì chị?

- Là một loài cây bên Tàu có hoa màu đỏ tím, trong hạt có phấn trắng dùng để trang điểm.

- Thế hộp phấn này đem từ bên Tàu qua hở chị?

- Nhất định rồi. Em xem cái hộp này đủ biết. Có điều hơi lạ là phấn màu hồng nhạt, không phải, màu nâu nhạt. Tại sao không phải màu trắng Hương nhỉ? Đây, em ngửi xem, thơm dịu chứ không nồng. Thọ Hương kề mũi xuống sát hộp phấn, cười hãnh diện. Rồi cô cầm cái thỏi son bọc giấy hoa hỏi An:

- Chị thấy loại son này chưa? Em không dám mở, sợ làm hư như lúc nọ cái nắp phấn.

- Chị mở nhé?

- Vâng. Coi chừng rách lớp giấy hoa, uống chị. Em xin lỗi. Chị mở tiếp đi. Đằng nào rồi cũng phải mở mà dùng chứ. Để mà ngửi à. Giống như sáp chị nhỉ.

- Loại này thì chị đã trông thấy rồi. Màu hồng ngả tím. Loại tốt, còn có vị the như bạc hà. Em đưa chị tô môi xem có đúng vị bạc hà không?

Thọ Hương cười xấu hổ, vội đưa cả hai tay lên che mặt:

- Không, không, kỳ chết! Chị nếm thử đi.

An cười nói:

- Kìa, sao lại kỳ? Đàn bà con gái trang điểm son phấn là chuyện thường. Nếu không cha em cho em làm gì.

- Nhưng chưa bao giờ em thoa son cả. Cũng chưa bao giờ đánh phấn. Trang điểm thế này, người ta cười cho. Chịu thôi!

An hỏi cắc có:

- Thế em đem sang đây làm gì?

Thọ Hương lúng túng, rồi đáp bừa:

- Đem sang cho chị dùng thử xem sao. Nếu chị dùng được, em sẽ...

- Á à, vậy Hương muốn chị dùng thử xem có bị bỏng da tái môi hay không rồi mới dám dùng phải không?

- Không phải thế. Em xin thề là...

- Chị nói đùa mà, thề thốt làm gì. Thôi được. Để chị đánh thử thứ phấn này xem sao. Em có đem gương theo không? À quên, cái hộp này có gắn gương kia mà. Em đóng dùm cánh cửa cho chị. Lỡ ai trông thấy, ngượng chết! Tối quá Hương ơi! Em mở hé thêm chút nữa. Như vậy, khép bớt lại không ở ngoài trông thấy. Được đấy. Em lại đây chị vẽ cho cách dời phấn.

Hai người cười nói rúc rích một lúc, vừa trang điểm vừa chòe ghẹo nhau. An tự dời phấn, thoa son xong, ngượng ngừng quay mặt về phía Thọ Hương hỏi hộp hỏi:

- Em thấy thế nào?

Thấy Thọ Hương mở to mắt nhìn An không nói, An lo âu, che dấu sự xấu hổ bằng cách bảo:

- Đúng là có vị bạc hà Hương ạ. Tối quá, chị bôi bác chắc trông kỳ cục lắm. Tìm cho chị cái khăn chùi mau đi.

Thọ Hương vội nói:

- Chị điên sao! Để em mở rộng cửa sổ cho chị soi gương. Chị đẹp quá chị An ơi! Không tin chị nhìn vào gương đi.

Thọ Hương chạy đến chỗ cửa sổ xô mạnh cánh gỗ khép hờ. Ánh sáng ủa vào phòng, An liếc nhìn vào gương, và đột nhiên tim cô đập nhanh vì hân hoan. Thọ Hương tíu tít nói:

- Hèn gì chú Tám cứ một điều cô An hai điều cô An. Đến nỗi cha em phải gắt lên.

An ngơ ngác hỏi:

- Chú Tám nào?

- Chú Tám Thơm đó. Chú Huệ đó. Chị còn giả vờ mãi. Tập thơ bìa bọc nhung chị cất vào đâu em không thấy?

- Tập thơ gì?

- Thôi chị ơi. Chị tưởng em mù hay sao?

- Chị hỏi thật mà!

- Lại thật! Tập thơ chú Tám lấy được trong phủ Bình Khang gửi biếu chị đấy! Cửa nhà thơ lớn nào tận bên Tàu, cha em nói thế. Chị biết không, cha em đọc mấy chữ chú Tám viết kèm theo gói sách gửi chị, bật cười ha hả rồi bĩu môi như thế này này, cha em nói: Cái thằng! Lo chuyện đánh đấm chưa hết hơi hay sao mà còn bày đặt thơ với thần! Chị biết tính cha em rồi, chúa ghét văn chương thơ phú viễn vông!

Càng nghe Thọ Hương nói, An càng hồi hộp, choáng váng. Hóa ra anh ấy có gửi sách và thư cho mình sao? Quà gửi lúc nào? Sao không tới tay mình? An cầm lấy hai tay Thọ Hương lắc lắc, khẩn khoản, van nài:

- Chị nói thật đó Hương. Chị không nhận được sách vở thư từ gì của chú Tám Hương hết! Chị không giấu đâu. Ở đây chỉ có hai chị em mình, chị giấu làm gì. "Chú Tám" gửi sách cho chị lúc nào? Cha em sai ai chuyển cho chị?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc:

- Lâu rồi mà chị! Cách đây cả tháng trời, hồi chú Huệ đem quân vào lấy phủ Phú Yên và Bình Khang. Cha em chưa đưa quà cho chị thật à?

- Chưa. Chị nói thật mà Hương!

- Thế thì lạ quá! Có lẽ sau đó cha em bận chuẩn bị đánh dân ra Quảng Nam nên quên khuấy đi. Để em chạy về lục lại xem còn bên đó không. Chị chờ em chút nhé. Sao mặt chị tái mét thế?

An vội nói:

- Không đâu. Có lẽ chị dồi phấn nhiều quá đấy. Em chạy gấp về bên nhà xem mẹ có sai bảo gì không. Tới giờ cơm chưa?

An nôn nao chờ Thọ Hương trở lại, nhưng chờ mãi chờ hoài không thấy bóng Thọ Hương đâu. Buổi chiều người em gái Bùi Văn Nhật cắp sách đến học viết, An không còn thiết dạy dỗ gì nữa, cho cô bé nghỉ một hôm. Cô bé lo lắng hỏi:

- Cô bị bệnh phải không? Em về lấy dầu khuynh diệp cho nhé?

An muốn yên tĩnh để suy nghĩ, vội gạt đi:

- Không sao! Cị chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Em về chép lại trang này nhé. Bắt đầu từ câu: Đường

lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhĩ”(1). Rán viết kỹ hơn hôm qua nhé!

*

* *

Buổi tối An sửa soạn cơm nước trễ. Ông giáo gặp nhiều chuyện buồn phiền trong phủ nên hai cha con lặng lẽ và cơm dưới ánh đèn dầu. Lâu lâu, ông giáo lại hỏi An:

- Nó không dặn con gì cả à?

An trả lời cụt lủn:

- Dạ không.

Rồi tiếp tục cắm cúi ăn. Ông giáo bớt mệt thì nổi bần chồn càng tăng. Ông hỏi:

- Mấy ngày nay con thấy nó có gì lạ không?

An chú ý hơn đến nỗi lo của cha, vội đáp:

- Dạ có. Ảnh như người đang ngồi trên lửa. Hết đi ra lại đi vào. Con hỏi, ảnh không nói.

Ông giáo buồn rầu, thở dài rồi bảo:

- Cha đoán thế nào rồi cũng phải đến. Nhưng lâu nay cha hy vọng nó nghĩ lại, khi mấy mẹ con đã có nơi ăn chốn ở. Ai ngờ...

Ông giáo không nói tiếp. An cũng dùng lối nói mơ hồ như cha, sợ động đến nỗi đau đớn chung của gia đình:

- Hôm kia em gái ông Nhật bảo bọn mã phu kháo với nhau rằng... ôi toàn những câu đùa bỡn độc địa. Cô ấy hỏi con có đúng như vậy không. Con bảo miệng lưỡi thiên hạ độc địa quá, anh ấy có bốn phen phải trả cái ơn sâu ngày trước. Cô ấy nói chính mắt cô trông thấy ảnh xoay trần ra, cặm cùi đục đẽo sửa lại cái quày rượu cho người ta, y như một người chủ gia đình. Cô ấy còn nghe ảnh gọi người ta là “nhà ời”...

Ông giáo nóng nảy cắt lời An:

- Thôi đừng kể nữa. Coi như không có nó trong nhà này.

An mạnh dạn nói:

- Dù sao chẳng nữa cũng phải chờ mãn tang. Và có cưới xin đằng hoàng. Thiên hạ chỉ chờ có thế để nói bóng nói gió về cái nghiệp nho của cha.

Ông giáo cay đắng nhắc đi nhắc lại lời con:

- Nghiệp nho! Nghiệp nho! Đúng là một cái nghiệp!

Hai cha con không nói gì thêm, trệu trạo cho xong bữa. An vừa dọn mâm chén xuống bếp thì Lợi đến. Như mọi lần, hai tay anh ôm một quà lớn. Ông giáo cũng quá quen với chuyện biếu xén của Lợi, thản nhiên chờ Lợi đem đặt hộp quà chỗ kệ gỗ, không chút áy náy hay khách sáo.

Ông hỏi:

- Anh mới về à?

Lợi tự nhiên đến ngồi trước mặt ông giáo, tươi cười đáp:

- Dạ. Đáng lẽ con về sớm hơn, nhưng trưng dụng không đủ ghe. Ra khơi lại bão. Xuống bến chợ Giã con phải nằm suốt hai ngày đầu óc mới hết choáng váng. Thế mà đến giờ mỗi lần đi đâu, con đường trước mắt cứ nhấp nhô như sóng. Không biết đến bao giờ toán kia mới về tới đây.

Thầy có tin gì không ạ?

- Anh bảo toán nào?

- Dạ toán dẫn voi. Chuyển đánh Quảng Nam lần này ta thu được nhiều chiến lợi phẩm hơn kỳ ra Quảng Ngãi năm trước. Riêng voi không thôi đã được bốn mươi lăm thớt. Ngoài ra còn vô số vũ khí, trống chiêng, cờ xí, lương thực. Phủ Quảng Nam giàu thật. Con quên kể với thầy là vũ

khí lớn bây giờ của ta dồi cát lợi tặng triều đình để phòng thủ dinh chàm đều bị ta đoạt.

Ông giáo không tò mò việc quân, nên hỏi Lợi:

- Kỳ này ông cả giải quyết sổ của cải, lương thực thu được thế nào, anh có biết không? Hay lại rắc rối sinh chuyện như lần trước?

Lợi mắt sáng lên. Ông giáo vừa hỏi đến điều anh quan tâm nhất. Lợi mau mắn nói:

- Nếu không kịp thời báo cho trại chủ thì rầy rà to. Người nào cũng cho thuộc hạ tom góp chiến lợi phẩm trong vùng của mình đem xuống ghe, định chở về đây làm của riêng. Có người chở đến trên mười chiếc ghe vẫn chưa hết đồ đạc. Con không thể nói rõ cho thầy người nào bao nhiêu ghe, ai ít ai nhiều, nhưng lòng tham thực không có đáy. May ông cả biết kịp, ra nghiêm lệnh sẽ chém tại chỗ những ai dẫm lên xương máu anh em cướp đoạt tài sản dân chúng làm của riêng. Nhiều người bắt mẫn ra mặt. Có người hỏi thẳng con rằng đã theo ông cả khó nhọc bao lâu mà không được tự do tom góp của cải đem về cho vợ con, thì chịu khó nhọc nguy hiểm làm gì. Con nói điều này xin thầy đừng lộ cho ai biết, bọn bắt mẫn nhất không ai khác hơn đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa. Thủ hạ của họ phần lớn xuất thân dân cướp biển.

An từ dưới bếp lên ngồi lắng lắng nghe hai người nói chuyện, đến lúc đó mới chen vào hỏi:

- Anh có gặp anh Chinh không?

Tự nhiên nét mặt Lợi không vui. Anh ta đáp:

- Có. Nhưng lúc xuống ghe về chợ Giã thì đạo quân của hai ông Tập Đình, Lý Tài đã chuyển lên phía Trà Kiệu.

Ông giáo vội hỏi:

- Nó có nhả gì không?

Lợi không dám kể hôm đó Chinh uống rượu say sưa, đến lúc Lợi chia tay Chinh vẫn chưa tỉnh lại, nên nói dối:

- Chinh định gửi cho con lá thư. Nhưng lúc ghe nhổ neo con chờ mãi không thấy Chinh đâu. Về sau mới biết có lệnh chuyển quân của ông cả.

Ông giáo nghiêm mặt hỏi:

- Tóc nó đã mọc dài ra chưa?

Lợi muốn cười mà không dám cười, liếc nhìn về phía An trước khi đáp:

- Dạ đã khá dài. Nhưng chưa búi được.

Ông giáo hỏi tiếp:

- Nó còn ở trần không?

Lần này Lợi đáp đúng sự thực:

- Dạ chỉ khi nào ra trận thôi.

Ông giáo gần giọng nói:

- Lần này khi ông cả về, tôi sẽ xin rút không cho nó theo Lý Tài nữa.

Không ai biết rõ con bằng cha mẹ. Nó đi với họ như chim sổ lồng, sợ ít lâu nữa quên mất tiếng nam. Nó còn dám say sưa nữa không?

Lợi lúng túng trước khi đáp:

- Lúc gặp con thì Chinh tỉnh táo.

Ông giáo hiểu lối tránh né khéo léo của Lợi, buồn phiền không nói thêm điều gì. Nhân cơ hội tốt, Lợi đến chỗ đặt hộp quà tháo dây buộc, đưa từng thứ ra nói với An:

- Phải nhận là cửa Hội đông vui hơn dưới chợ Giã nhiều. Lúc ta đến một số thuyền bè đã trốn ra khơi nhưng trên bến vẫn còn đậu san sát. Chuyển này có nhiều thì giờ nên tôi tìm đủ thứ cho

An. Ngoài đó đường phèn và quế rẻ mạt. Loại quế này thịt dày, thơm và cay hơn các thứ thường bán ở đây. Gói đường phèn này An tìm chỗ khô ráo mà cất, sợ ẩm chảy nước. Hôm nào lạnh, An lấy đường phèn chưng với chanh cho thầy ăn, trị trước bệnh ho. Vì cá thì phải có thêm ngũ vị nấu mới ngon. An hỏi ở tiệm thuốc bắc ngoài phố. Hồng, lê, táo ở Hội An ê hề, tôi lựa mãi mới được mấy chục quả có thể đem về đến đây mà không hư. Đây gói kim châm và nấm hương. Còn đây là “dầu – thái”. Không phải là một loại dầu đâu. Bắp cải làm theo lối Tàu đấy. Đại khái cũng như cách làm của ta, nhưng để An ăn thử xem, nó có vị lạ hơn.

Soạn bao nhiêu gói nhỏ gói lớn trong hộp, Lợi mới rút trong bọc áo một gói giấy khác đưa cho An, nhỏ giọng bảo:

- Còn đây là quà riêng cho An.

An cảm động, chớp chớp mắt hỏi:

- Anh chỉ vẽ! Đã biết bao nhiêu thứ rồi!

Lợi liếc về phía ông giáo, nói nhỏ hơn:

- Nhưng An phải có phần riêng chứ. An mở ra đi.

An cởi sợi chỉ điều buộc gói giấy. Bên trong có một cái khăn nhiều màu xanh lá mạ. Lợi nói:

- Màu này hợp với nước da của An lắm. Nhất là những hôm trời trong có nắng. Nước da hồng choàng thêm cái khăn lá mạ! Mong ngày mai trời có nắng!

*

* *

Hôm sau xuống kho lương tìm Kiên để chuyển lời cha gọi (đêm hôm trước, Kiên không về) An gặp nhiều người cùng về một chuyến với Lợi. Nhờ vậy An được nhìn Lợi từ một góc độ khác. Cô biết thêm những điều Lợi giấu không nói với ông giáo. Chẳng hạn lý do vì đâu Nhạc vội vã ra lệnh chuyển gấp hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân lên Trà Kiệu. Một phần không nhỏ số của cải Lợi chở về Qui Nhơn, chất khẳm gần hai mươi chiếc ghe bầu là “chiến lợi phẩm” của hai đạo quân này. Luôn luôn giữ vai trò xung kích mở đường trong các trận đánh nên đám thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài thu góp được vô số của cải quý giá. Lại xuất thân từ nghề cướp biển nên họ biết lo xa, luôn luôn dành sẵn một số ghe thuyền ở các bến sông bãi biển thuận lợi để chuyên chở số hàng thu được đến nơi an toàn, “lo trước cái lo của mọi người” như lời dạy của Khổng phu tử. Sự “khôn ngoan” của họ tác hại ghê gớm đến tinh thần nghĩa quân. Các toán đến sau chịu đựng sự căm thù, ác cảm của dân chúng, hoặc lảng lạng giả vờ không nghe thấy những lời chửi rủa bóng gió của họ, hoặc nổi giận vơ vét sạch sẽ những gì còn thừa lại, từ con gà đang ấp cho đến một trái dừa non. Nhạc mau chóng thấy rõ nguy cơ, nên khi nghe Lợi báo cho biết chỗ các ghe tàu của Tập Đình, Lý Tài chất hàng, ông quyết định phải có biện pháp mạnh mẽ, dứt khoát. Một mặt ông sai Bùi Đắc Tuyên đem một toán quân đến bao vây bến ghe, một mặt ông tập trung tức khắc hai đạo quân của Tập Đình, Lý Tài và chuyển gấp lên miền tây. Lợi đã thuật đúng sự bất mãn của bọn thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài, nhưng anh đã giấu không cho ông giáo biết họ căm thù Lợi đến mức nào. Đối với Lợi, những người cầm quân xông pha đây đó, gặp bao nhiêu nguy hiểm gian khổ giữa tên đạn, tro bụi, họ có một lối cư xử phức tạp, mâu thuẫn với anh. Một đằng họ xem thường Lợi như một thứ bạc nhược vì không đủ sức múa gươm giương cung nên phải đánh võ mồm, dùng ba tấc lưỡi che dấu sự bất túc. Đằng khác vì cần đến sự tiếp tế của Lợi, thậm chí cần đến sự thông cảm làm ngơ của Lợi đối với vài trường hợp buông thả, dễ dãi cho quân lính phẫn khởi, họ phải nể nang Lợi. Làm thân với Lợi, chỉ có lợi chứ không có hại. Ít ra là lợi trước mắt, như có rượu thịt ê hề cho một cuộc say, có chút quà

gửi về cho vợ con. Lợi trở nên một người có uy thế, tuy là uy thế giả tạo. Khi Lợi quay lưng đi, những người vừa anh anh em em với Lợi liền cười nhạo bĩu môi.

An không sống trong không khí sôi động của chiến trường gian khổ nên ngỡ ngàng không hiểu vì đâu những người An gặp ở kho lương mả mai Lợi cay độc như vậy. Cô đỏ mặt, tưởng ai ai cũng biết cái khăn quàng màu lá mạ trên đầu cô do đâu mà có. Cô cảm thấy bị sỉ nhục, nên không chờ được Kiên, bỏ về nhà.

Ra đến cổng kho, một nghĩa quân trạc 30 tuổi khuôn mặt lạnh lợi chạy theo An hỏi:

- Cô ơi! Cô có phải là con gái thầy giáo không?

An tưởng người ta sắp xỏ xiên về cái khăn nhiễu của mình, dừng lại sừng sộ:

- Ông muốn gì?

Người lính ngơ ngác, lúng túng hỏi:

- Xin lỗi có phải cô là cô An không?

An thấy mình giận dữ vô lý, vội dịu giọng đáp:

- Vâng.

Người lính lật đật rút ra một tờ giấy gấp tư trong túi đưa cho An, e dè bảo:

- Có thư của cậu Chinh gửi về. Hai hôm nay tôi tìm mãi không biết cô ở đâu. Lên An Thái người ta bảo cô đã dời nhà rồi!

An không muốn tỏ sự vui mừng trước người lạ, cảm ơn anh ta rồi dợm bước đi. Người lính vội nói:

- Xin cô đọc ngay cho. Cậu Chinh viết riêng cho cô, và dặn cô đọc ngay để trả lời.

An không có cách nào khác là giở thư anh ra đọc. Lá thư viết bằng nét chữ cầu thả nhưng dài khác thường. Chinh viết: (dịch nôm)

- An ơi. Có chuyện gấp cầu cứu đến em đây. Em giấu đừng cho cha biết chuyện này. Anh mắc nợ bạn bè mỗi người một ít. Chỉ riêng với anh bạn mang thư này, anh mắc nợ nhiều nhất, tất cả là hai mươi quan. Em tới gặp Lợi, hỏi mượn tạm một trăm quan đưa trả cho anh bạn này. Anh biết Lợi có nhiều tiền, Lợi không dám từ chối đâu. Có dịp về thăm nhà, anh sẽ đem tiền trả lại cho Lợi. An đừng giận anh, ráng giúp đỡ ngay cho anh việc đó.

Cha vẫn khỏe mạnh chứ? An Thái có gì lạ không. Thằng “mủ mít” còn nằm khoèo ngâm thơ hay làm gì khác? Anh Kiên chắc vẫn ở lì dưới phủ chứ? Cho anh gửi lời thăm cả nhà, và những thâm quyến xa gần. Nhớ lo gấp việc anh nhờ.

Chinh

An đọc xong lá thư, vừa thương vừa giận anh. Cô không biết trả lời với người mang thư thế nào! Chinh chưa biết An đã bỏ An Thái, và Lãng đã nhập ngũ. Nhưng Chinh biết rõ tình cảm của Lợi đối với cô, và đặt An trước một việc nan giải. Đã đành đối với Lợi, An luôn luôn cảm thấy thoải mái vì được sống trong sự dung thường, khỏi phải phí sức cố gắng hay khổ sở vì mặc cảm như đối với Huệ. Đôi lúc An còn cảm thấy mình cao hơn Lợi, do đó mỗi lần Lợi đến thăm, cô được tự nhiên muốn ngồi thế nào cho dễ chịu thì ngồi, muốn nói gì thì nói, khoan khoái tận hưởng sự dễ dãi buông thả của mình và sự chiều chuộng đến cái vụn vặt nhất của Lợi. Nhưng ngửa tay mượn Lợi đến hai mươi quan, trời đất hỡi! Có bao giờ An nghĩ đến lúc nhục nhã này! Phải làm sao đây? Người mang thư vẫn kiên nhẫn đợi An. Cô phải hứa liều:

- Gấp quá tôi không thể lo ngay được. Sáng mai có được không anh?

Người lính mừng rỡ nói:

- Dạ được. Mốt tôi mới xuống chợ Giã. Mai tôi gặp cô ở đâu?

An nói trong hoang mang:

- Ở đây. Cũng khoảng giờ này.

Rồi vội bước gấp ra đường cái.

*

* *

An lóng ngóng chờ Thọ Hương gần đến trưa không được, phải vội đi tìm Lợi. Cô gặp Lợi đang đứng nói chuyện với Huyền Khê ngay trước cổng kho quân lương nên e ngại, hổ thẹn định bỏ về. Lợi thấy An, vẻ mặt mừng rỡ nhưng giọng nói có vẻ kể cả: - An chờ tôi một chút.

Khiến An càng hổ thẹn hơn. Cô có cảm tưởng Lợi đã biết trước là An đến mượn tiền. Không thể tại sao lại có cái giọng kể cả như truyền lệnh cho kẻ dưới? An đành phải đứng chờ hai người nói chuyện xong. Nghe cô Huyền Khê hỏi Lợi:

- Trại chủ có nhận được thư khiếu nại của tôi không?

Lợi lễ phép đáp:

- Dạ có. Cháu nghe nói chuyện của bác được đem ra bàn bạc suốt cả đêm. Cuối cùng mọi người đều thấy phủ Phú Yên cần có bác hơn. Nghe nói quân ngũ-dinh sắp sửa sửa kéo ra. Đệ nhất trại chủ bận ngoài Quảng Nam. Bác Thung hiện ở Quảng Ngãi. Bác không lo giùm cho mặt nam, sợ rằng...

Huyền Khê cắt lời Lợi, bảo:

- Nhưng trong đó đã có ông Tiếp rồi. Công việc ở đây còn bẽ bộn, đi sao được.

- Đã có anh Lữ thay thế bác. Trại chủ nhắc bác về Phú Yên càng sớm càng tốt. Mọi điều có dặn kỹ trong thư, chắc bác đã xem qua.

- Tôi đọc kỹ lắm. Ông ấy bảo phải vào chấn chỉnh tạm quân lương gần đèo cả. Làm gì có trạm đó.

- Có lẽ ông Tiếp mới lập cũng nên. Bác đi, cháu cũng lo không biết có cáng đáng nổi việc ở đây hay không. Anh Lữ lo nhiều việc khác, cháu thì tính bộp chộp. Gì thế Ngạnh? Được, cứ phát cho họ đi, anh sẽ xem danh sách sau. Gạo loại nhì hết rồi à? Không, loại nhất dành riêng đó. Lấy gạo đỏ phát cho họ. Nhớ đừng cân già, hụi kho không biết lấy gì mà bù. Nhắc ông ấy lần sau mua giúp cho thứ anh đã dặn, tiền nong tính sau. À, giờ luôn đồ hát bội cho ông Mịch. Bác thấy không, bác đi chắc cháu không có thì giờ để ăn nữa. Đầu tắt mặt tối, quần áo lấm lem hết. Có dịp về đây liên lạc công việc, bác nhắn tin trước cho cháu đi đón, bác nhé!

Huyền Khê không nói gì, cũng không chào Lợi, lẳng lặng bỏ đi. Một người lính trạc năm mươi tuổi hốt hải chạy tìm Lợi. Lợi mau mắn hỏi:

- Chưa đi sao bác Bẩy?

Người lính già hấp tấp hỏi:

- Sao lại thiếu hai chục bao muối?

Lợi cười, đáp:

- Bác cứ chờ bấy nhiêu, về ông ấy hiểu liền.

- Nhưng trong giấy ghi là tám mươi bao. Tôi ký nhận mà!

Lợi bực bội gắt:

- Bác chỉ biết chuyện lãnh hàng này, còn kỳ trước bác có đi không? Ông ấy đã mượn trước hai mươi bao rồi. Chuyển này tôi trừ nợ. Người ta chịu hết trách nhiệm, bác lo làm gì.

Bác lính già nửa tin nửa ngờ, dùng dằng một lúc rồi bỏ đi. An phải chờ một người nữa kéo Lợi ra xa nói nhỏ điều gì đó, cười đùa vỗ vai, vỗ lưng nhau một hồi. Cuối cùng Lợi mới đến nói

chuyện với An. An nói với giọng hờn dỗi:

- Anh bận việc quá nhỉ?

Lợi xem đó là một lời khen, cười thỏa mãn, nói:

- Bữa nay ít việc đó. Nhiều hôm người ta xúm lại làm tội tôi, ai cũng muốn được phát trước.

Làm việc này mà không kiên nhẫn, dễ tính, chắc phát điên lên mất. Điều an ủi là anh em ở xa về luôn luôn nhớ đến mình, ai cũng tay bắt mặt mừng. Nhiều hôm họ ép rượu, phải trốn! An có cần gì không?

An lại thấy khó chịu với cái giọng kẻ cả. Cô muốn đáp "không" rồi bỏ về. Nhưng nghĩ tới anh, An thu hết can đảm nói: - Anh Lợi có tiền cho em mượn hai mươi quan.

Lợi trố mắt nhìn An, hỏi:

- Bao nhiêu quan?

An đã lỡ phóng lao phải theo lao, đáp thật rõ:

- Hai mươi quan.

- Cần việc gì mà nhiều thế?

- Dĩ nhiên cần lắm mới mượn anh. Anh có không? Em phải về lo cơm nước cho cha.

Lợi vội nói:

- Có, có chứ. Nhưng hai mươi quan nhiều quá. Không biết có đủ không. An mím môi, rồi nói:

- Cảm ơn anh vậy!

Lợi sợ An bỏ đi, vội bảo:

- Chừng nào An lấy tiền?

An làm ra vẻ kẻ cả y như Lợi:

- Ngay bây giờ.

Lợi suy nghĩ một lúc, rồi lớn tiếng gọi:

- Ngạnh ơi! Em gọi thằng thủ kho lại cho anh. Hay thôi, để anh đi gặp nó vậy. An chờ anh chút nhé!

(1) Tử Hãn 30 - Luận ngữ: Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi, khởi bất nhĩ, tư, thất thị viễn nhi.

Tử viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?

Dịch nghĩa: Đọc bốn câu này trong kinh thi: Hoa đường lệ kia, lay động trước gió, tôi nhớ ai lắm, nhưng xa không tới được. Khổng tử bảo: Như vậy là chưa thật nhớ. Thật nhớ thì đâu ngại xa?

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 29

Sau sáu tháng xây dựng rỗng rã cả ngày lẫn đêm, dinh mới đã xong, qui mô và cấu trúc y như cái dinh phủ Qui Nhơn đã bị đốt. Dĩ nhiên là không chạm tro tởm và vững chãi bằng dinh cũ. Qui Nhơn thiếu thợ khéo, việc xây cất lại vội vã nên tường tô bị dợn sóng, cửa không ăn khít vào khuôn, nền lát gạch hơi gập ghềnh. Màn trướng, bàn ghế, đồ đạc đều là những thứ quý giá đắt tiền, nhưng vì tịch thu từ nhiều nguồn gốc khác biệt nên thiếu cân đối, màu sắc chõi nhau. Tấm màn che ở cửa sổ quay về hướng tây quá dài mà lại thiếu bề ngang. Còn tấm trướng giăng ngay phía sau chỗ làm việc của Nhạc lại rộng quá vì lấy từ dinh chàm về.

Chỉ vừa cúng "tân gia" xong, Nhạc đã cho tổ chức cuộc họp quan trọng ngay tại chính dinh. Những tin tức sôi động dồn dập bay về khiến mọi người bồn chồn lo âu, không ai có thì giờ khen chê khu dinh mới như những lúc bình thường. Kể cả Nhạc. Sau khi phải cho lệnh rút khỏi Quảng Nam để về cố thủ Bến Văn, Nhạc về thẳng đây để tìm cách đối phó với tình hình mới. Trông Nhạc gầy hẩn đi, hai mắt sâu vì thiếu ngủ. Nước da tái hơn, dáng điệu, cử chỉ bớt chừng chặc tự tin.

Ông giáo nghe phong thanh có cuộc họp khẩn, nhưng chờ mãi không thấy ai đến mời. Ông đã quen với tâm trạng kẻ bị ruồng rẫy lơ là từ bao tháng nay, tuy nhiên vẫn cảm thấy chua chát. Vào giờ chót Nhạc sai lính hầu xuống mời ông giáo lên họp ngay. Ông bị chạm tự ái muốn cáo ốm. Sự tò mò muốn biết tầm xác thực của các tin đồn còn mạnh hơn lòng tự trọng. Cảm giác chua chát vẫn đậm, nhưng ông giáo vội ăn mặc quần áo chỉnh tề, đội khăn ngay ngắn để đi dự họp.

Không khí trong phòng căng thẳng vì nét mặt dăm chiêu của Nhạc. Mọi người không ai nói với ai lời nào. Dường như cả phòng đang nồn nao chờ ông giáo tới, vì ông vừa ngồi xuống ghế xong Nhạc đã bắt đầu bảo Bùi Văn Nhật:

- Ta bắt đầu đi thôi!

Nhật đằng hắng lấy giọng rồi nói:

- Gần đây chắc quý vị đã nghe đồn đãi nhiều về tình hình trong nam ngoài bắc rồi. Tôi xin nói ngay là phần lớn các tin đồn ấy đúng. Vâng, rất đúng, chỉ thiếu sót hoặc sai lạc một vài chi tiết thôi. Suốt nửa năm nay chúng ta phải luôn luôn đối phó với hai lực lượng thù nghịch, một từ phía Gia Định đánh ra, hai từ Phú Xuân đánh vào. Mùa đông năm ngoái, quân ngũ dinh đã lần mò ra đến tận hòn Khôi, và hiện nay Tổng Phúc Hợp lần lần ra đến gần vịnh Xuân Đài. Nhưng đáng ngại hơn là mặt trận phía bắc. Tháng Mười năm Giáp Tý, Hoàng Ngũ Phúc cho quân vượt sông Gianh. Tháng Mười Một đã chiếm được dinh Quảng Bình, và mặc dù triều đình có bắt tên Trương Quốc Phó đem nộp cho quân Trịnh, quân bắc vẫn tiếp tục nam tiến. Kinh đô bị chiếm vào đêm 29 rạng 30 Tết, nhà Chúa phải chạy vào Quảng Nam lánh nạn. Vâng, tôi hiểu thầy giáo

định hỏi gì! Cả hoàng tôn Dương cũng thoát khỏi tay quân Trịnh vì đã vào Quảng Nam trước Duệ Tôn. Như vậy mặt bắc chúng ta phải đối đầu cùng một lúc với hai kẻ thù: Kẻ thù xa là đại quân của Hoàng Ngũ Phúc đóng phía bên kia ngọn Ngải Lĩnh, kẻ thù gần yếu đuối hơn là quân triều do Nguyễn Cửu Dật chỉ huy.

Nhạc ra hiệu cho Bùi Văn Nhật dừng lại, quay hỏi ông giáo:

- Thầy biết gốc gác tên này không? Hẳn khá lắm. Quân ta phải rút về cố thủ ở ranh giới Quảng Nam Quảng Ngải do không chống lại nổi hấn. Gốc gác hấn thế nào?

Ông giáo đáp:

- Nguyễn Cửu Dật là cháu năm đời của Cửu Kiều, người dũng lược, có tài điều quân. Khởi đầu làm Hữu thiệp đội trưởng. Năm Quý Tỵ (1773) nếu tôi nhớ không lầm thì chính nhờ Dật mà quân triều giành lại được Quảng Nam từ trong tay chúng ta. Hấn được thăng Tả quân Đại đô đốc Du quận công.

Nhật không muốn thua kém ông giáo, chen vào nói:

- Hấn có thói quen đem một ít quân tinh nhuệ đờm lược thọc sâu đánh thẳng vào bản doanh của phía địch, nhờ thế lấy ít đánh được nhiều, trận nào cũng thắng cả, ở Phú Xuân người ta thường so sánh hấn với Hàn Kỳ và Phạm Trọng Yên.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

- Cái tin hấn bị đắm thuyền, ông đã cho xác minh chưa?

Nhật hớn hỏ đáp:

- Chắc chắn tin ấy đúng. Cùng chết chìm với hấn có Nguyễn Phúc Kính.

Nhạc mừng rỡ nói:

- Thật là trời giúp ta.

Rồi thấy nhiều người trong phòng họp ngơ ngác chưa hiểu, Nhạc bảo Bùi Văn Nhật:

- Ông kể lại những gì xảy ra tại Quảng Nam từ sau Tết cho các ông nghe đi! Phần quan trọng nhất là ở đó.

Bùi Văn Nhật quay nhìn một lượt khắp mọi người để đọc trên gương mặt họ sự thán phục khả năng hiểu biết của mình, rồi chậm rãi nói:

- Ngay sau khi kinh đô thất thủ, Duệ Tôn trốn vào Quảng Nam vào mừng một Tết, đóng quân ở Càn Đê. Hoàng tôn Dương cũng đã ở đó, như tôi đã thưa với thầy giáo lúc nãy. Chúa gọi Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá đến hội họp để tìm cách chống cự với chúng ta lẫn quân đảng ngoài. Không ngờ cuộc họp biến chuyển ra ngoài dự tính của Duệ Tôn. Theo tôi lý do như thế này: dù vừa bị quân Trịnh đuổi ra khỏi kinh đô, nhưng trước mắt bọn tàn quân lếch thếch theo sau Duệ Tôn vẫn gờm chúng ta hơn là quân Trịnh. Chúng tưởng nếu đưa cao hoàng tôn lên thì chúng ta sẽ khựng lại, không dám tiến công gắt gao như trước nữa. Chúng nó đã kinh hồn hoảng vía khi mới vào Quảng Nam được có mấy ngày, nên nghĩ muốn sống thì phải ép buộc Duệ Tôn đưa hoàng tôn Dương ra làm cái mộc che tên, vì quân chúng ta sẽ không dám tiến công nữa. Vì vậy Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá như Ngoại tả Nguyễn Phúc Tịnh, Chưởng dinh Nguyễn Phúc Kính, Chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất, cùng các quan Nội đội Nguyễn Cửu Thận, Đỗ Thành Nhân, đội trưởng Trương Phúc Dĩnh đã tâu với Duệ Tôn rằng "Hoàng Tôn Dương là người hiền đức, người ta trong ngoài ai cũng ngưỡng mộ, xin sớm lập làm phó để lo liệu khôi phục". Duệ Tôn đành phải nghe theo, đặt hoàng tôn Dương làm Thế tử, gọi là Đông cung, giữ chức Trấn phủ Quảng Nam, tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ.

Nhạc cười ha hả, nói lớn cho cả phòng nghe:

- Các ông thấy chưa, chúng nó cũng lém lẩn. Biết quyền biến ghê lắm! Chúng nó muốn cây cờ hiệu của chúng ta không trương lên được nữa, rồi ba quân ngơ ngác không biết đánh ai, cho ai! Ta dấy binh vì giận Quốc phó và muốn tôn phù hoàng tôn. Bây giờ Quốc phó đã làm tù quân Trịnh, hoàng tôn thành Trấn phủ Quảng Nam rồi. Mục đích của ta đã đạt, xếp cờ quì gối đi thôi! Lém thật! "Tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ", hoàng tôn ôm hết quyền hành trong ngoài, dân, lính, oai gớm! Nhưng các ông chớ lẩn. Duệ Tôn không phải tay vừa đâu nhé. Hắn thành thật giao quyền cho Đông cung Dương thì ta vất vả đấy. Sự thực ngược hẳn. Ông Nhật, hãy kể tiếp đi!

Bùi Văn Nhật nói:

- Vâng. Duệ Tôn chỉ giả vờ nhường hết quyền hành cho Đông cung Dương, giao cho Đông cung chức trấn phủ Quảng Nam chẳng khác nào giao một cục xương khó nhai. Sau trận trại chủ từ sông Thu Bồn đánh xuống, Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân từ dưới biển đánh lên bao vây Câu Đề vừa rồi như các ông đã biết. Duệ Tôn thấy khó lòng tìm ra đất dung thân ở Quảng Nam. Bắt không được thì tha làm phúc, thế thôi. Hắn giao cho Đông cung giữ lũy Câu Đề để cùng với Nguyễn Phúc Tịnh, Nguyễn Phúc Chất, Tống Phước Đàm, còn hắn thì đem Nguyễn Cửu Dật, Nguyễn Phúc Kính vào Gia Định.

Nhạc cắt lời Nhật, bảo mọi người:

- Các ông thấy chưa? Duệ Tôn hắn thâm lắm. Quảng Nam còn sót lại một chút rẻo quanh lũy Càn Đề là nhờ ai? Nhờ một tay Nguyễn Cửu Dật. Nay đem Nguyễn Cửu Dật đi, có khác nào chặt hết chân tay của Đông cung đem giao cho cộp Tây Sơn. Nhưng hắn còn thâm hiểm hơn nữa đối với Nguyễn Cửu Dật. Lúc nãy ông Nhật bảo có tin chắc chắn là thuyền của Dật và Kính đã bị đắm, trong khi Duệ Tôn đến Gia Định an toàn khoảng trung tuần tháng hai. Dật thân cận có công như vậy mà không vào Gia Định cùng một ngày, trên cùng một chuyến với Duệ Tôn sao? Duệ Tôn đến Gia Định thì Dật, Kính bị bão chết chìm. Lại chưa? Không còn nghi ngờ gì nữa, chính Duệ Tôn vì hận Nguyễn Cửu Dật ý công đứng ra ép buộc hắn nhường bớt quyền cho Đông cung, nên ngầm sai người sát hại Dật. Hắn quên rằng giết Dật tức là chặt lìa hai chân mình. Đấy, tình hình nam bắc hiện nay như vậy đấy. Tôi vội về đây gặp các ông là để hỏi ý các ông, cân nhắc hơn thiệt thật chín chắn trước khi quyết định. Đông cung Dương hiện bơ vơ lúng túng ở Câu Đề. Phía nam ta, có quân Tống Phúc Hợp trung thành với Duệ Tôn. Phía bắc có Hoàng Ngũ Phúc. Ta làm gì đây? Các ông nghĩ hộ cho tôi đi!

Câu hỏi quá lớn, không ai trong phòng họp dám trả lời. Nhạc thấy ngay điều sơ sót ấy, vội hỏi rõ hơn:

- Ta có nên nhân cơ hội này đem quân ra rước hoàng tôn về Qui Nhơn không?

Vẫn chưa có ai trả lời. Nhạc thu hẹp câu trả lời lần nữa:

- Câu Đề không phải là đất tốt để cố thủ. Đất hẹp, phía sau là núi phía trước là biển. Lũy cũng chỉ sơ sài thôi. Tôi có đánh ở đó, tôi biết. Lại thêm Nguyễn Cửu Dật đã chết. Chiếm Câu Đề để rước Đông cung về đây không phải khó lắm. Cái khó là sau khi đưa được Đông cung về ngồi đây, quân Trịnh ở bắc và quân ngũ dinh ở phía nam sẽ phản ứng thế nào? Ta sẽ thoát lối bí hay là vớ nhầm một cái phao lép sắp chìm? Các ông nghĩ và giải đáp cho tôi đi!

Như các cuộc họp quan trọng trước, mọi người lại nhìn về phía ông giáo ngầm thúc ông lên tiếng. Ông giáo không giấu sự mừng rỡ, đứng dậy nói:

- Rõ ràng là Trời không phụ chúng ta. Đây là cơ hội nghìn năm một thuở để chúng ta thành công, các ông có thấy không? Xưa nay thắng hay bại là do được lòng người, thuận lòng trời hay

không mà thôi. Lòng người hiện nay thế nào? Trước hết hãy xét việc Bắc Hà cho quân vượt sông Gianh vào chiếm Thuận Hóa. Từ thời Gia Dũ thái vương (Nguyễn Hoàng) đến nay trên hai trăm năm, công lao khai phá của họ Nguyễn Gia Miêu đã nhiều, bắc nam coi như cách biệt. Một tấc đất, một ngọn rau ở nam sông Gianh cũng thuộc về họ Nguyễn. Cho nên dù Bắc Hà có lấy danh nghĩa gì cũng không thể thu phục được lòng người Đàng Trong. Không có chính nghĩa, thì không thể ở lâu trên đất Thuận Quảng này được. Bao nhiêu năm nay tên quốc phó họ Trương chuyên quyền tham bạo, lòng dân oán ghét nên chúng ta chỉ phất cờ là mọi nơi đều đứng dậy hưởng ứng. Dân ghét quốc phó thì ghét lây đến người lên ngôi nhờ mưu kế mờ ám của quốc phó tức là Duệ Tôn. Cho nên Tổng Phúc Hợp có mệnh dặn đến đâu cũng là nhờ công lao hai trăm năm của nhà Chúa, nhưng nếu hấn khăng khăng làm tôi cho Duệ Tôn thì cuối cùng dân sẽ xa hấn. Như vậy kẻ được Trời lựa chọn để chống lại quân xâm lược phương bắc, dẹp tan dư đảng tên quốc phó tham bạo, không ai khác hơn là Đông cung. Trước đây lòng người chưa thực tin ta chân thành tôn phò hoàng tôn Dương vì Duệ Tôn còn đó, mà hoàng tôn cũng còn ở kinh thành. Bây giờ chính Duệ Tôn phong cho hoàng tôn làm thế tử. Hơn nữa thế tử đã thấy rõ dã tâm của Duệ Tôn, lại đang bơ vơ không nơi nương tựa. Nếu chúng ta thành tâm tôn phò, rước hoàng tôn về đây, thì vạn người ở Nam Hà đều hướng về Qui Nhơn, chúng ta trở nên những bậc anh hùng thời loạn dẹp tan nghịch đảng bảo vệ minh quân. Chúng ta sẽ có đầy đủ chính nghĩa để đẩy lùi quân Bắc Hà về bên kia sông Gianh, và dẹp hết dư đảng quốc phó ở Gia Định. Đây ý của tôi như vậy. Xin các ông xét cho.

Ông giáo hăng hái cuồng nhiệt quá, nói một mạch không biết mệt. Đến lúc dừng lại, ông mới thấy chân mỗi ê, cổ họng rát. Cả phòng lao xao vì lời ông giáo, phần lớn có vẻ bất bình. Nhạc thấy phản ứng chung, vội trấn áp:

- Các ông không được bàn chuyện riêng. Ý của thầy giáo như vậy, ý các ông thế nào, lần lượt trình bày cho mọi người rõ. Bàn riêng phỏng có ích gì!

Đúng như Nhạc dự đoán, ngoài ông giáo ra, không ai có ý kiến gì quan trọng. Nói cho đúng thì họ đều có ý kiến cả: họ ghét sự trung quân cố chấp của lão đồ gàn, lúc nào mở miệng là một điều hoàng tôn, hai điều hoàng tôn. Nhưng từ Chỉ, Năm Ngạn, Nguyễn Thung, Diêm, Bạc cho đến phải trẻ như Nhật, Vịnh đều đủ nhạy bén cảm thấy rằng ý Nhạc là muốn rước hoàng tôn Dương về. Họ nói xuôi cho vừa lòng Nhạc. Cuộc họp thành công do sự nhất trí giả tạo đó!

*

* *

Thật ra không phải nhờ có ý kiến ông giáo mà Nhạc quyết định dốc toàn lực đi "rước" Đông cung về. Sau trận Câu Đề, biết được tin Duệ Tôn bỏ Đông cung ở lại Quảng Nam để vào Gia Định, Nhạc đã có ý phải dùng trở lại chiêu bài hoàng tôn. Nhưng ông chưa dám bạo tay. Không phải ông do dự vì chưa tìm được một giải pháp. Nhạc tìm ra giải pháp rồi. Nếu tình hình không phức tạp lắm, ông đã một mình quyết định lấy. Trước mắt ông, có nhiều biến cố trọng đại dồn dập đến, trong đó thực lực và ý định của quân Bắc Hà thế nào thì ông không dám tin ở khả năng xét đoán của mình. Ông cần được nhiều người tán thành để đỡ bớt gánh nặng của trách nhiệm. Do đó, dù việc quân đa đoan, Nhạc cũng tạm giao công việc cho các tướng, về gấp Qui Nhơn gặp những người thân cận trong ban tham mưu.

Ban đầu Nhạc định không mời ông giáo dự họp. Nhạc không muốn thấy ông giáo hí hửng nhìn mình bối rối trong khi bụng nghĩ thầm "đó, ông thấy chưa. Chạy loanh quanh một hồi cuối cùng cũng phải đem kiệu đi rước "cái thằng không có cu" về thờ mà thôi. Ông chịu nghe tôi từ

đầu thì đầu đến nông nổi này". Cuộc họp bắt đầu khá lâu mà những người Nhạc tin tưởng không nói được điều gì đáng giá. Hoặc họ bị ngợp trước lịch sử không mở miệng nổi, hoặc họ ngại, nghĩ đến số phận những con vật tế thần. Người miệng lưỡi chậm thì ầm ớ. Người lẻo mép như Chỉ thì nâng Nhạc lên thấu trời xanh, cho rằng những gì Nhạc đã nghĩ tất nhiên phải đúng; ý kiến nhỏ mọn vụng dại của mình không đáng nghe nữa. Nhạc bực, mới cho lính đi mời ông giáo!

Lời trình bày của ông giáo đáp đúng những gì Nhạc chờ đợi, không quá sớm để trở thành một chuyện đùa bỡn, cũng không quá muộn để thành lời trách móc, hối tiếc. Hệ thống lý luận bao trùm cả trong nam ngoài bắc, và điều quý hơn hết, là mở ra một niềm hy vọng có cơ sở vững chắc.

Vì vậy, sau khi nhắc nhở Huệ và Châu Văn Tiếp luôn luôn cảnh giác đề phòng mặt nam, Nhạc kéo gần như toàn bộ quân chủ lực ra phía bắc. Bằng bất cứ giá nào, ông cũng phải "rước" cho được Đông cung về Qui Nhơn.

Ông chia quân làm ba đạo: thống suất Diệu, tiền phong Chính, thống bộ Tường chỉ huy hai nghìn quân ở Túy Loan bồ bạn làm thượng đạo, Tập Đình, Lý Tài với hai nghìn quân ở Ba Độ làm trung đạo; Đốc chiến Phong, hổ tướng Hãn với hai nghìn quân ở Hà Thân làm hạ đạo. Để kích thích tinh thần tướng sĩ, Nhạc hẹn ai "rước" được Đông cung sẽ trọng thưởng.

Đông cung thấy mình ở thế nguy khốn, sai một mưu sĩ tên Quý lên thượng đạo liên lạc với Thống Suất Diệu và Thống bộ Tường. Mưu sĩ bảo họ:

- Tuy Tây Sơn hiện nay thắng thế, nhưng các ông nghĩ lại coi: phía bắc có quân họ Trịnh, phía nam có đại binh Gia Định sắp kéo ra, trước mặt sau lưng đều có địch, liệu các ông có giữ được Qui Nhơn không? Nếu các ông không sớm liệu đường, sau này thế nào cũng mang tiếng là quân trộm cướp. Chi bằng nhân cơ hội may mắn này, các ông hãy theo chúng tôi vào nam, liên kết với quân Gia Định để cùng lo việc khôi phục, để tiếng thơm lại cho sử sách. Như thế không phải là bậc quân tử thức thời hay sao?

Cả bọn đều nghe theo. Đông cung vui mừng theo đường thượng đạo bỏ Cầu Đê vào nam. Các tướng Tàu Tập Đình, Lý Tài nghe tin cho quân đuổi theo, diệt được bọn phản bội và bắt Đông cung ở Ô Nha. Tập Đình vốn không ưa tất cả những ai liên hệ xa gần với bọn vua chúa, đòi đem Đông cung ra chém ngay. Lý Tài can gián mãi mới cứu được Đông cung. Nhờ thế, Nhạc mới chuẩn bị đầy đủ cờ xí võng lọng đến Hội An "rước" Đông cung về Qui Nhơn.

*

* *

Dân phủ Qui Nhơn được tận mắt trông thấy một ông hoàng bằng xương bằng thịt vào một sáng tháng Tư. Cuộc tiếp đón diễn ra hết sức long trọng. Cờ đỏ phấp phới, rực cả một góc trời. Quân sĩ ăn mặc tề chỉnh, xếp hai hàng ngay ngắn làm hàng rào danh dự từ cửa thành ra đến chùa Thập Tháp. Mũi giáo sáng quắc phản chiếu ánh mặt trời chói chang. Mặt đường được quét dọn từ đêm hôm trước, quân sĩ dàn chào có trách nhiệm lượm hết những lá tre rụng trước mặt mình nên dù ông thầy cúng Chỉ có đi đi lại lại xoi mói kiểm soát nhiều lần cũng không tìm đâu ra một cái rác.

Từ dân cho đến lính bõn chồn, nơm nớp chờ đợi trong im lặng. Không ai dám xì xào một tiếng nhỏ. Sắc cờ đỏ che bớt vẻ sợ hãi trên các khuôn mặt xanh tái, do ám ảnh cuộc hành quyết hôm trước. Chỉ đã cho diễn tập nhiều lần để các nghĩa quân lâu nay quen sống tự do thoải mái chịu đựng được sự câu thúc của nghi lễ. Nhất là những người được lựa chọn sung vào toán dàn

chào. Ông buộc họ tập đứng thẳng lưng, mắt nhìn tới trước không được chớp. Tay cầm giáo đưa ngang song song với mặt đất. Môi trên hơi mím xuống môi dưới, vừa để che bớt những hàm răng hô cẩu bần, vừa để phòng những nụ cười vô lễ. Cuộc tập luyện căng thẳng quá nên trong lúc tạm nghỉ, một anh lính trẻ tuổi lí lắc đã dại dột nghĩ ra một trò đùa. Lợi dụng lúc các bạn bè còn đứng xếp hàng hai bên đường chưa kịp giải tán, anh quẹt bùn lên mép giả làm râu, choàng lá cờ đỏ lên vai làm áo bào (anh chẳng biết các ông hoàng bà chúa ăn mặc thế nào, chỉ biết một điều là họ không thể mặc quần áo vải xấu màu đen mốc đôi chỗ đã rách mục như anh), đi khệnh khạng trên đường như một thể tử hống hách. Cả đám quân sĩ sau bao ngày dồn nén ồ lên cười đùa như ong vỡ. Anh lính trẻ thích chí, mặt ngếch cao hơn, bộ đi khệnh khạng hơn. Ông thầy cúng Chỉ cười ngựa đến đứng vào lúc anh dùng tay trái che lấy hạ bộ, tay phải đưa lên cao làm dấu phủ nhận, miệng la bai bai: "Không. Không. Ta có cu mà. Ta có cu mà". Chung quanh anh không còn tiếng cười nói ồn ào! Anh kinh ngạc ngược lên, bắt gặp cái nhìn răn lục của Chỉ. Anh hãi hùng, miệng há hốc đôi mắt giống y đôi mắt con bò trước khi bị cắt tiết. Chỉ không cần chờ lệnh Nhạc, ra lệnh chém anh lính trẻ ngay tại chỗ để răn chúng. Ông bạo tay như vậy vì hai lý do: thứ nhất, ông không bao giờ cho phép bất cứ ai dám đem chuyện nghi lễ, chỗ dựa êm ái vững chắc của cả cuộc đời ông, ra làm trò đùa trước đám đông; thứ hai, ông có đủ thông minh nhọn bén để biết rằng Nhạc đã dốc hết túi để đặt vào con bài Đông cung, hành quyết tên lính vô phép láo xược sẽ hợp ý Nhạc. Tiếng khóc, tiếng van xin, tiếng rú đau đớn của nạn nhân làm cho mọi người nổi gai ốc. Cảm giác bàng hoàng hãi hùng loang rộng ra, vắt vưởng ám ảnh tâm trí từ dân đến lính. Do đó cuộc tiếp đón Đông cung long trọng nghiêm chỉnh quá sức tưởng tượng của Nhạc.

Hai bên đường, tất cả mọi người tò mò mà không vồ vập, tuyệt đối trật tự trong lặng lẽ. Nhạc cười ngựa vào thành trước để chuẩn bị đón rước Đông cung, không tiếc lời ca ngợi Chỉ. Ông kiểm soát lần chót cách trang hoàng ở chính dinh, lưu ý đám hầu cận một vài lá cờ bị gió quẩn vào cột tre, thân áo sửa khăn bịt đầu và cổ áo cho một tên lính gác, vỗ vai chào hỏi một bộ lão, rồi cùng với thầy giáo Hiến, Châu Văn Tiếp, Chỉ, Năm Ngạn đi bộ ra cổng thành chờ đón Đông cung Dương.

Đám rước Đông cung đến trước chùa Thập Tháp vào đầu giờ ty. Đi đầu là tên lính cầm lá cờ đỏ. Đến hai tên lính khiêng trống, người đi sau theo nhịp bước lâu lâu giơ dùi đánh mạnh vào mặt da. Tiếp theo là bốn viên tướng Tây Sơn cưỡi bốn con ngựa ô cao lớn, lưng đeo gươm hông thắt khăn đỏ. Chiếc võng cán chạm trổ phủ màu điều của Đông cung đi sau bốn viên tướng cưỡi ngựa, và đi trước bốn viên tướng khác cũng cưỡi ngựa ô hộ tống. Cuối cùng là toán Hòa nghĩa quân oai vệ cao lớn của Lý Tài.

Đoàn rước vừa bước vào hai hàng quân dàn chào, trống chiêng đua nhau nổi dậy. Cờ đỏ phất cao như đột nhiên có bão nổi. Đặc biệt ngoài tiếng chiêng trống và tiếng cờ phất hoàn toàn không có tiếng cười nói ồn ào hoặc tiếng tung hô tỏ mở. Đó là điểm thiếu sót duy nhất của cuộc lễ rước, vì do sợ hãi và tò mò, mọi người đã quên lời căn dặn của Chỉ.

Nhưng toán lính dàn chào ngay chỗ cửa thành thì nhớ. Khi chiếc võng của Đông cung dừng lại, tiếng hô "Vạn vạn tuế" vang lên từng đợt. Chiêng trống dồn dập dội đi dội lại quanh mấy lớp thành. Nhạc đến đón Đông cung tận võng. Đông cung xốc lại quần áo, đội lại khăn cho ngay ngắn, dáo dác nhìn quanh như muốn tìm ai đó. Bước chân do dự chưa dám tiến về phía Nhạc. Đông cung tươi ngay nét mặt khi thấy Lý Tài đến gần. Hai người nói với nhau vài câu ngắn, từ xa không ai biết họ nói gì, chỉ thấy Đông cung có vẻ lo âu, còn Lý Tài thì lắng nghe rồi gật gật

đầu. Lý Tài dợm bước về phía Nhạc, nhưng kịp ngưng lại, nghiêng người chờ Đông cung đi trước. Nhạc tươi cười nhìn Đông cung tới gần, nụ cười bao dung và thỏa mãn. Sau khi hạ thấp người vái lạy Đông cung, Nhạc lần lượt giới thiệu ông giáo, Năm Ngạn, Chỉ và Châu Văn Tiếp với vị khách quý. Đông cung bẽn lẽn vái chào trả từng người. Châu Văn Tiếp định sụp xuống lạy. Đông cung ngỡ ngàng, nhưng cũng kịp đưa tay ngăn Châu Văn Tiếp, miệng lí nhí cảm ơn. Cuối cùng, Nhạc đưa Đông cung duyệt đoàn lính hầu, rồi vào chính dinh.

*

* *

Sau khi đoàn rước Đông cung đã vào hết trong dinh phủ, tiếng bàn tán cười nói tự nhiên mới òa vỡ òn ào. Mạnh ai nấy nói, nhất là đám đàn bà con nít. Hầu như đa số gia đình các chức việc cùng lính tráng ở trong phủ được xem mặt một ông hoàng lần này là lần đầu. Cảm tưởng chung của họ là thất vọng. Họ chờ đợi nhiều hơn nữa cơ! Trí tưởng tượng của họ phong phú hơn thực tế nhiều lắm. Những chuyện đời xưa ước mơ cho họ, vẽ trước cho họ hình dáng một ông hoàng đẹp đẽ mắt phượng mày ngài, hào hoa phong nhã, mặc cái áo bào đỏ cưỡi con ngựa trắng thơ thần đi tìm một cô Tấm người Qui Nhơn. Những tin đồn kinh đô thất thủ gần đây điểm thêm cho ông hoàng tưởng tượng ấy nét lạc loài cô độc để làm mủi lòng những tâm hồn phụ nữ đa cảm.

Buổi sáng tháng Tư hôm ấy, sau khi đám rước giải tán, An và Thọ Hương thất thểu ra về, lòng hối tiếc vu vơ. Họ hụt hẫng lâng lâng buồn, như vừa đánh mất một cái gì. Hai người đi bên nhau, chưa ai nói với ai lời nào. Một lúc sau, Thọ Hương mới rụt rè hỏi:

- Chị có mệt không? Trời nắng quá đi mất. Em lại quên đem nón. Biết thế hai chị em mình ở nhà quách!

An thở dài đáp:

- Ừ nhỉ! Đã nóng chết người còn cố chen nhau đến nổi mồ hôi mồ kê ướt đầm. Thiên hạ tưởng một ông hoàng phải khác thường lắm hay sao ấy!

Thọ Hương cười, rồi cắn nhẹ vào môi dưới, liếc nhìn An. An bắt gặp nụ cười ranh mãnh của Thọ Hương, đột nhiên cả hai cùng cười xòa, Thọ Hương nói:

- Chị làm như chúng ta không tò mò như thiên hạ. Quần áo chị bèo nhèo thế kia! Có khác ai đâu?

An cãi lại:

- Còn Thọ Hương tóc tai đã dượi, lưng áo ướt cả, cũng như chị mà thôi.

Thọ Hương cười to hơn, rồi bảo An:

- Nghĩa là hai đứa mình cũng là chúa tò mò. Chị An này!

Nói xong, cô do dự, hình như suy nghĩ chưa biết nên nói hay không nên nói. An hỏi:

- Hương định nói gì vậy?

- Em thấy Đông cung sao sao ấy! An thắc mắc hỏi:

- Sao sao là sao?

- Là... là... em cảm thấy, nhưng không diễn tả được. Nghĩa là... nghĩa là không giống như em nghĩ.

- Thế thì dễ. Hương cứ nói em nghĩ gì, rồi đảo ngược lại, tức nhiên thành cái "sao sao" của Hương. Nào, em nói đi.

- Khi rủ chị đi xem rước, em nghĩ Đông cung phải oai vệ rắn rỏi một chút. Sắp làm vua một nước, yếu đuối ai người ta sợ. Phải rắn rỏi như ... như... em chịu, không tìm ra người nào để so

sánh cả!

- Như cha em được không?

Thọ Hương lắc đầu:

- Không. Cha em lớn tuổi quá rồi, đóng vai thái thượng hoàng hay vai đại thần thì được, chứ vai thế tử phải trẻ hơn kia. Trẻ như chú Tám Thơm chẳng hạn. À, phải rồi, em nghĩ ít ra Đông cung phải rắn rỏi như chú Huệ vậy, nhưng không được. Da chú Huệ hơi ngăm ngăm. Em tưởng tượng Đông cung trắng hơn, vì ở lầu rồng gác phượng, nhưng mạnh bạo cương quyết như chú Tám vậy.

An vội hỏi:

- Sao hôm trước Hương chạy về tìm cuốn thơ cho chị mà không trở lại. Báo hại chị chờ mãi.

Mấy hôm sau chị ngại, không dám hỏi. Mà Hương cũng quên luôn!

- Em về lục tìm mãi không thấy đâu. Em chạy hỏi mẹ. Mẹ em nói nhiều điều kỳ lạ lắm kia. Em giận dỗi bỏ không ăn cơm.

An lo lắng hỏi:

- Mẹ em nói gì thế?

Thọ Hương biết mình nói hớ, nên tìm cách trả lời sai sự thực cho khỏi xúc phạm An:

- Mẹ em... mẹ em rầy bảo không được lục lạo đồ đạc của cha. Mẹ em còn bảo quý gì ba quyển giấy cũ mà ồn ào cả lên!

An thấy đau nhói trong lòng, mắt cay cay vì hối tiếc. Cô muốn tránh chuyện đau lòng, cố mỉm cười thật lớn hỏi Thọ Hương:

- Nhưng em đi lạc rồi. Lúc này ta đang nói chuyện Đông cung cơ mà! Hương nghĩ Đông cung phải rắn rỏi oai vệ, nghĩa là Hương thấy Đông cung yếu ớt bạc nhược quá. Phải thế không?

Thọ Hương ngần ngừ:

- Không hẳn thế. Ông ta cũng có vẻ chững chạc đấy chứ! Nhưng lúc bước xuống võng, ông ta háy háy cặp mắt thế này này, rồi lơ lảo nhìn quanh như người vừa ngủ dậy. Ông ta không mạnh bạo bước về phía cha em ngay, mà phải chờ đi với Lý tiên sinh. Cách đi lại hơi... hơi thế nào nhỉ?

- Hơi giống như đàn bà đi chợ, đánh hàng xa như thế này này, chân bước xiêu xiêu khi ngả phía này khi ngả phía kia như thế này này, đúng không?

Thọ Hương thích chí vỗ tay khen:

- Đúng lắm. Chị có tài bắt chước thật.

- Em nhận xét cũng đúng. Nhất là em bảo Đông cung háp háy mắt dáo dác nhìn quanh như người vừa thức dậy.

Về phần ông giáo, ông cũng hơi thất vọng khi gặp hoàng tôn như An và Thọ Hương, nhưng tính chất của thất vọng khác đi. Gần mười năm ông mới gặp lại hoàng tôn Dương. Lúc còn là bạn của quan nội hữu Trương Văn Hạnh ở kinh đô, hoàng tôn Dương chỉ mới là một đứa bé chưa có cá tính riêng, chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ tư chất đặc biệt của một nhân tài. Có thể nếu chú ý quan sát, ông đã thấy Phúc Dương khác với những ông hoàng bé trong cung. Nhưng hồi đó ông và Y đức hầu dồn hết sức xây dựng cho Chương Võ, đặt hết hy vọng cải cách triều chính vào ông hoàng trên hai mươi tuổi ấy. Bạn ông bị tên Trương quốc phó hãm hại, gia đình ông lánh nạn vào Qui Nhơn, thì những lời đồn đãi tán tụng về đức thuần hậu của hoàng tôn mới được lưu truyền trong giới kẻ sĩ. Sự bất mãn đối với tên gian thần càng tăng, thì hình ảnh hoàng tôn càng được tô vẽ, trau chuốt đẹp đẽ. Lâu ngày lời đồn trở nên huyền thoại, trở nên

một niềm mơ ước vô vọng và một lần nữa thêm đẹp đẽ nhờ sự vô vọng ấy. Trường hợp ông giáo cũng đặc biệt: giới sĩ phu thù ghét Trương Phúc Loan do những ý niệm trù tượng như nhân nghĩa, trung quân, thành tín, liêm khiết v.v... còn ông thì ghét sâu cay vì là nạn nhân trực tiếp của Quốc phó. Căn rễ của lòng căm thù không là ý niệm mơ hồ, mà là sự đe dọa đến chính mạng sống, cuộc đời lánh nạn cay cực lưu lạc, cái chết của vợ, số phận chìm nổi của các con. Ông nuôi huyền thoại hoàng tôn thành ý nghĩa của đời ông, mục đích tối thượng của sự sống. Hằng đêm ông thấy hoàng tôn lớn lên, trưởng thành trong đau khổ như ông, rắn rỏi mạnh mẽ nhờ dày dạn trường đời. Ông cho hoàng tôn nói, cười, đi đứng, suy nghĩ y như cái hình mẫu đáng minh quân trong sách nho, đầy đủ các đức độ tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Lo trước cái lo của mọi người, vui sau cái vui của mọi người... ngày đêm chăm chăm lo âu làm sao cho sáng cái đức sáng, thương yêu dân và biết dừng ở nơi toàn thiện...

Mười năm lưu lạc và mơ ước trôi qua, giờ đây ông gặp lại mẫu người lý tưởng của đời ông, thấy huyền thoại sống động đầy đủ mặt mũi da thịt. Ông giáo đã thấy gì vào sáng tháng Tư? Ông đã thấy một con người bình thường!

Vâng, rất bình thường. Trắng trẻo như bao nhiêu người quen sống ở nơi hung lụa, dáng điệu chậm rãi kiểu cách theo lối các ông hoàng, ngơ ngác trước hoàn cảnh xa lạ bất trắc; uể oải sau một chặng đường vất vả! Một người lâu nay giới sĩ phu đặt hết niềm tin tưởng hy vọng, bây giờ ông giáo đã thấy vẫn là một người bình thường. Nhưng cái khác thường chỉ do ông tô vẽ trong tâm tưởng mà thôi!

Ông giáo được Nhạc giới thiệu một cách hết sức trân trọng với Đông cung. Nhạc trở ông giáo, tươi cười nói:

- Đây là thầy giáo Hiến, bạn thân của quan nội hữu Ý đức hầu, kẻ thù của Trương Tần Cối, vị cố vấn tài ba của chúng tôi. Chính thầy giáo là người đã dùng cả mạng sống của mình để thuyết phục tôi, kiên nhẫn ca tụng các đức độ của Ngài với bất cứ ai, ở bất cứ chỗ nào. Chưa có ai say mê Ngài cho bằng thầy giáo. Và bây giờ, tôi mới thấy thầy giáo có lý.

Ông giáo rùng mình vì những lời ca tụng đó, vì thấy trong nhận định của Nhạc, số phận của ông cột chặt với số phận của Đông cung. Nhưng rồi đây cuộc đời Đông cung sẽ đi về đâu? Đông cung có vượt lên khỏi được cơn bão đang và sắp làm rung chuyển cả đất nước này không?

Khoảng thời gian ngắn quan sát Đông cung từ lúc bước xuống vồng đến lúc đứng trước mặt ông, đã quá đủ để thầy giáo đo lường chiều cao nhân vật lịch sử này. Một người bình thường. Như mọi người. Đông cung nghe Nhạc nói mà nét mặt không xúc động, cười cảm ơn tri ngộ mà không vui, đôi mắt lơ lảo ngơ ngàng lâu lâu lại nhìn về phía Lý Tài để lấy thêm tự tin. Ông giáo ghi nhận thêm nước da tái xanh, và cái tật hay chớp chớp con mắt phải. Không hẳn là con người bình thường. Ai chẳng là người bình thường! Ông giáo cảm thấy ngao ngán lòng khi tìm đúng được thuộc từ cần thiết: "tầm thường". Phải, chỉ là một người tầm thường mà thôi!

*

* *

Sau buổi lễ long trọng tổ chức tại sân tập trong vòng thành phủ để Đông cung chính thức ra mắt trước công chúng, Nhạc mời Đông cung về chính dinh để bàn về một "quốc sự" khẩn cấp. Một lần nữa, ông giáo thất vọng vì Đông cung!

Trong cuộc hội kiến, Nhạc dùng giọng đanh thép giận dữ bảo Dương:

- Xin báo cho Ngài một tin quan trọng, đáng mừng hay đáng buồn là tùy ở Ngài: Chúng tôi vừa nhận được tin Tổng Phúc Hợp đã chiếm Xuân Đài.

Nhạc dừng lại, nhìn chăm chăm vào Dương để dò phản ứng, Dương bối rối tránh nhìn Nhạc, từ đó đến cuối cuộc hội kiến cứ ngược nhìn lên trần dinh, nét mặt chán chường bất động.

Nhạc tăng hăng rồi nói tiếp:

- Tôi nghĩ Ngài có đủ chín chắn để không vội mừng. Ngược lại, đây là một tin buồn cho Ngài. Duệ Tôn đối với Ngài thế nào, Ngài đã rõ. Không phải vô cớ mà Duệ Tôn nổi lòng hào hiệp nâng Ngài lên làm thế tử, và giao hết binh quyền, trách nhiệm phủ Quảng Nam cho Ngài. Tôi biết rõ, và Ngài cũng biết rõ, là cây cột đủ sức chống đỡ cho dinh Chàm khỏi đổ không ai khác ngoài Nguyễn Cửu Dật. Hắn có nhiều kinh nghiệm chiến trận, lại quen địa thế Quảng Nam. Không biết Duệ Tôn đã giải thích với Ngài thế nào để đem Nguyễn Cửu Dật vào Gia Định, thay vào đó là tên bại tướng Nguyễn Cửu Chấn. Dật vào đó để đem quân ngũ dinh ra tấn công Qui Nhơn ư? Gia Định thiếu gì tướng tá. Vả lại đại quân của Tổng Phúc Hợp đã đóng ở Hòn Khói rồi. Chẳng lẽ giạt chức của Hợp để giao cho Dật! Chọn một viên tướng tài theo hộ giá ư? Tạm cho như vậy đi. Nhưng tại sao Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính lại không vào nam trên cùng một thuyền với Chúa, hoặc thuyền trước thuyền sau khởi hành cùng một ngày? Chắc Ngài chưa biết điều quan trọng này? Đó là Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính đã bị bão vùi thây trong bụng cá hôm 18 tháng Hai, lúc đó Duệ Tôn đang ghé Hòn Khói để phong cho Tổng Phúc Hợp làm Tiết chế Kinh quận công, Nguyễn Khoa Toàn làm tham chính. Giao cho Ngài và cái dinh Chàm sắp nát sau khi đã chặt lìa cây cột chống Nguyễn Cửu Dật đi, ghé Hòn Khói phong Tiết chế cho Tổng Phúc Hợp đồng thời dìm Dật và Kính xuống biển đông, Ngài xem, Trương Phúc Loan lập Duệ Tôn làm chúa ít ra cũng biết chắc Chúa là người đồng tâm đồng khí. Tôi không hiểu thái độ của Chúa lúc Dật và đám quần thần lưu vong ép Chúa phong cho Ngài làm Đông cung ra sao? Chắc hẳn Ngài còn nhớ. Tôi cũng đủ trí khôn để đoán được! Tổng Phúc Hợp đã từ Hòn Khói kéo ra Xuân Đài. Ngài nên vui hay nên buồn là tùy Ngài. Không ai cho không chức Tiết chế mà chẳng đòi hỏi thứ gì! Với Dật thì đích thân Chúa ra tay, nhưng với Ngài thì...

Nhạc cười nhỏ, không nói tiếp:

Đông cung không thể giả vờ thản nhiên được nữa. Dương sợ hãi nhìn quanh, giống y vẻ mặt một kẻ phạm tội trước giờ hành hình muốn tìm chỗ trốn. Nhạc thỏa mãn ngắm Dương lo sợ. Ông cười lần nữa, hỏi Dương:

- Ngài muốn tìm Lý tiên sinh ư? Tiếc quá, ông ấy đã được lệnh về gấp Quảng Nam. Quân Trịnh đã rục rịch vượt qua đèo Hải Vân. Chỗ của ông ấy không phải ở đây. Nghề của Lý tiên sinh là đánh giặc chứ không phải làm vú em.

Đông cung xanh xám nét mặt, không hiểu do giận dữ hay sợ hãi. Ông giáo bất nhẫn không dám nhìn khuôn mặt bạc nhược thất thần như mặt tử thi ấy!

*

* *

Nửa tháng sau lại có tin quân Tổng Phúc Hợp bắt đầu rời Xuân Đài tiến ra phủ Phú Yên (bấy giờ đóng tại sông Cầu). Nhạc vừa lo âu vừa tức giận, hỏi ông giáo:

- Sao lạ thế? Ông Tiếp với thằng Huệ làm ăn cái gì mà cứ lùi, lùi, lùi. Ông Huyền Khê coi như mất tích, không biết sống chết thế nào. Trạm đèo Cả vỡ tôi không ngạc nhiên. Nhưng phía ngoài này có ông Tiếp và Huệ án ngữ. Tại sao thế?

Ông giáo lo cho Lãng và Huệ, vội vã hỏi:

- Có tin gì của anh Huệ không?

Nhạc ray rút bọc dọc, đưa ngón tay lên quệt mũi, trả lời:

- Không. Tôi chắc bên trong có trục trặc gì đó mà ta chưa hiểu. Cũng do mình không cương quyết ngay từ đầu. Mình không có lực lượng ở Phú Yên, giao hết trong đó cho ông Tiếp. Chuyện trên trời dưới biển gì ông Nhật cũng biết cả, ngoài chuyện nội bộ của căn cứ Trà Lạng (căn cứ của Châu Văn Tiếp). Nếu ta mạnh tay ngay từ đầu như đối với Nguyễn Thung, chắc bây giờ đỡ phải rắc rối.

Ông giáo nhớ đến thái độ Châu Văn Tiếp hôm hội kiến căng thẳng, nói với Nhạc:

- Hôm trước ông hơi nặng lời với Đông cung. Đã đành phải nói như vậy để Đông cung dứt khoát về phe mình, nhưng cách nói có vẻ... có vẻ.

Nhạc cắt lời ông giáo:

- Có vẻ đốp chát chứ gì. Tôi cố ý như vậy. Không thể để cho anh ta ôm mộng trông chờ quân ngũ dinh được.

Ông giáo nói tiếp:

- Nhưng thang thuốc công phạt thường tạo các dị ứng. Tôi chú ý đến nét mặt Châu Văn Tiếp hôm ấy, thấy ông ta hầm hầm giận dữ. Ông có thấy Tiếp định sụp xuống lạy Đông cung hôm đám rước không?

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Thật thế à?

- Đúng thế. Sở dĩ Tiếp thuận đưa quân trà Lạng ra tăng cường cho Quảng Nam chỉ vì nghe trại chủ bảo cần lực lượng lớn để đi rước Đông cung. Sau cuộc hội kiến hôm trước, ông Tiếp lặng lẽ về Phú Yên không chào ai cả. Có thể vì vậy mà quân Tổng Phúc Hợp cứ tiến, tiến, tiến, gặp rất ít trở ngại.

- Còn đạo quân của thằng Huệ đó làm gì?

- Một mình anh Huệ không thể cự nổi Tổng Phúc hợp. Địa thế Phú Yên, nhất là đường thượng đạo, Châu Văn Tiếp còn dám bộ hạ người Đồng Xuân của ông thuộc lòng như kẻ bàn tay. Thiếu phối hợp giữa ông Tiếp với anh Huệ, thì tuyến phòng vệ trở nên lỏng lẻo.

Nhạc đột nhiên nổi giận. Mặt ông xám thêm. Nhạc nói:

- Thầy quan co một hồi, cuối cùng cũng đổ trách nhiệm mất Phú Yên lên đầu tôi. Thầy bảo chỉ vì tôi không tôn kính Đông cung thành thật nên Châu Văn Tiếp bất mãn, từ đó phối hợp mặt trận phía nam lỏng lẻo, đưa hết thất bại này đến thất bại khác. Tôi hiểu thầy chăm chăm đến sự tôn phò. Thầy là nhà nho đầu óc lúc nào cũng lo lắng chữ trung. Nhưng thầy nghĩ lại coi, cả Duệ Tôn lẫn Đông cung ngoài mặt thân thuộc nhưng bên trong thù hận nhau đến mức nào! Mà cả hai có đáng gì đâu! Tôi nhún mình vái lạy mà xương sống nhất định không thêm cong, đầu gối không chịu quì, là vì anh ta chẳng đáng gì. Chẳng lẽ đến phút này mà tôi còn dẫu sự thực với thầy! Cái thằng lính lí lắc bị ông Chỉ chém oan đó, ta nên lập miếu thờ cho nó. Nó trẻ tuổi thấy sự thật, không quen nói ngược nói dối. Phải, nó giấu cọt cái thằng không có cu" là có lý!

Ông giáo vội thanh minh:

- Ông cả, xin lỗi tôi không gọi trại chủ mà gọi ông cả là vì hai ta thân tình với nhau từ lâu rồi, không nên khách sáo e ngại lẫn nhau. Ông hiểu lầm tôi rồi. Tôi không mù quáng như Châu Văn Tiếp đâu. Tôi cũng hiểu giá trị bọn vương hầu, ai xứng đáng, ai không xứng đáng. Ông thấy đấy, tuy lúc nào tôi cũng nhắc nhở ông chuyện tôn phò, nhưng hôm đám rước, tôi không định sụp lạy như Tiếp. Đông cung Dương là một người hiền đức lời đồn đãi có lẽ đúng. Nhưng muốn lái con thuyền vượt qua cơn sóng gió dữ dội này thì hiền đức chưa đủ. Phải có tài năng quyền biến, chí khí cao, nhãn nại lớn. Những cái đó ông có thừa. Hiện nay Đông cung không thể thiếu

ông, mà ông cũng phải cần đến Đông cung. Đã cần, thì phải đối xử như khách quý chứ đừng đối xử như thằng tù. Ít được cơ hội nói thẳng nói hết với ông như hôm nay, nên chắc tôi có quá lời. Xin đừng giận tôi, ông cả!

Nhạc hơi nguôi giận, nhưng nét mặt vẫn giữ vẻ dăm chiêu. Ông giáo yên lặng chờ lời giải hòa của Nhạc, để xóa tan nỗi nghi ngại nguy hiểm trong các cuộc giao tiếp sau này. Nhạc suy nghĩ lung lay, cuối cùng ngược nhìn ông giáo, nói nhỏ nhẹ:

- Tôi xin lỗi thầy. Chỉ vì tôi lo cho thằng Huệ quá, mất cả bình tĩnh. Lâu nay tôi dồn hết lực lượng ra mặt bắc, phía nam chỉ có một mình nó cáng đáng. Trách nhiệm lớn, nó lại không được toàn quyền quyết định vì là đất của ông Tiếp. Không hiểu có việc gì không?

Nỗi lo lắng cho Huệ khiến ông giáo và nhạc gần gũi nhau hơn. Ông giáo cảm động, nói với Nhạc:

- Ông đừng quá lo. Tôi dạy anh Huệ bao năm, tôi biết. Anh ấy không phải là kẻ dễ dàng chịu thua cuộc. Trí thông minh và ý chí anh ấy thật khác thường. Rồi ông cả xem, mặt trận phía nam còn yên tĩnh hơn cả phía bắc là nhờ anh Huệ. Tôi đoán người ít khi lầm!

Nhạc chợt nhớ đến Lãng, hỏi ông giáo:

- À, tôi quên khuấy đi mất. Lãng nó ở chung với Huệ mà! Tôi vô ý chỉ lo cho thằng Huệ mà không nhắc đến thằng Lãng. Lâu nay nó có viết thư về không, thầy?

- Ít lắm. Viết vài dòng cho biết vẫn thường, thế thôi!

*

* *

Tình thế ở phía nam càng ngày càng xấu. Quân bộ của Hợp ở Xuân Đài, quân thủy ở vũng Lầm cứ lần dần ra phía Qui Nhơn, uy hiếp phủ Phú Yên tại sông Cầu. Có lẽ để uy hiếp tinh thần phe địch nên tháng Năm Ất Ty, Tổng Phúc Hợp sai viên tri huyện Đồng Xuân là Bạch Doãn Triều và cai đội Thạc ra hỏi tội Nhạc, đòi Nhạc phải trả lại Đông cung.

Sứ giả đến vào lúc Nhạc chuẩn bị đem thêm quân ra Quảng Nam tiếp ứng cho Tập Đình, Lý Tài chống lại quân Trịnh. Nhạc bối rối chưa biết phải xử trí thế nào. Ông biết đây chỉ là cớ để Hợp khiêu chiến. Hắn muốn đánh nhau hả? Ta đã sẵn đây! Việc gì phải tìm cớ! Muốn tìm hả? ta chém quách tên tri huyện và gửi trả đầu cho Xuân Đài! Nhưng cái khó ở đây là Đông cung. Hợp đòi Đông cung, ở chỗ thiên hạ bốn phương chăm chăm nhìn vào, một cái gậy đầu lắc đầu của Đông cung cũng đủ tạo ra nhiều hậu quả lớn. Nhạc vội sai lính mời ông Chỉ lên căn dặn cách bố trí dinh tiếp sứ, rồi mời ông giáo lên hỏi:

- Những điều chúng ta đoán trước đều đúng cả. Hợp vừa cho người ra đòi trả Đông cung. Ta phải làm gì đây?

Ông giáo hỏi lại:

- Trại chủ có định trả không?

Nhạc cười gằn, đáp:

- Sao thầy hỏi thế! Trả sao được!

Ông giáo lại hỏi:

- Theo ông thì Đông cung có muốn về với Hợp không? Nhạc do dự, rồi đáp:

- Cái đó tôi không biết chắc. Hôm trước nghe tôi nói, anh ta có vẻ sợ. Nhưng những người ba chìm bảy nổi thường kín đáo, dè dặt, khó lường trước hành động của họ lắm.

- Như vậy ngay tối nay, phải làm thế nào để Đông cung sợ không dám công khai đòi về với Tổng Phúc Hợp.

- Việc này khó khăn và tế nhị. Tôi xin nhờ thầy giúp cho. Tôi nói không tiện.

Ông giáo vui lòng đến gặp Đông cung. Cùng dùng một lập luận với Nhạc hôm hội kiến, nhưng ông giáo nói khéo hơn, dẫn dụ cho Dương tự mình thấy được thế nguy hiểm của mình. Ông thêm thắt sự hống hách láo xược của viên tri huyện, không chút do dự, vì biết trước thế nào ngày mai hẳn cũng tỏ ra hống hách láo xược. Ông lưu ý vai vế thấp kém của sứ giả, điều đó chứng tỏ trước mắt Hợp, ông hoàng bị cầm tù chỉ đáng tương xứng với viên tri huyện của một vùng đất thừa dân, nghèo của. Ông nhắc lại nhiều lần thâm ý của Duệ Tôn, giao phủ Quảng Nam bị vây khốn tứ phía cho Đông cung, sau khi đã đem đi viên tướng giỏi nhất. Nhắc lại cuộc hội kiến đáng ngờ giữa Duệ Tôn và Tổng Phúc Hợp ở Hòn Khói.

Ông giáo đã hoàn thành công việc Nhạc giao phó.

Sáng hôm sau Nhạc tiếp sứ giả ngay tại chính dinh. Chỉ đã vâng ý Nhạc đặt ngay giữa phòng một cái bệ cao dành riêng cho Đông cung, mặt quay về hướng nam. Nhạc và Chỉ, Năm Ngạn, Nhật, ông giáo đứng hầu bên trái; Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn Phúc Tịnh theo hầu Đông cung từ hồi ở Câu Đê đến nay thì đứng bên phải. Sau vài lời xã giao nhạt nhẽo, tri huyện Bạch Doãn Triều lớn tiếng nói:

- Hai chúng tôi vâng lệnh quan Tiết chế ra đây có nhiều việc phải bàn với các ông. Không có thì giờ dãi bôi chuyện mưa nắng nữa. Quan Tiết chế truyền...

Nhạc giờ tay cắt lời viên tri huyện láo xược, dần cơn giận, chậm rãi đỉnh đạc nói:

- Tướng sĩ ngũ dinh ngàn dặm đến lo việc cần vương, thật là trung nghĩa lắm. Nay chúng ta đã trừ được tên Quốc phó Trương Phúc Loan. Việc lớn còn lại là rước lập hoàng tôn, công việc này quá trọng đại, một mình chúng tôi sức yếu, hiểu biết ít, chắc chắn không thể kham nổi. Sẵn có quý vị cất công ra đây, chúng tôi xin bàn với tướng sĩ.

Bạch Doãn Triều thấy Đông cung ngồi chễm chệ trên bệ cao, Nhạc và bộ hạ đứng thấp khấp nép bên trái, hai quan lớn thân cận hộ vệ bên phải, hoang mang chưa biết phải xử trí thế nào.

Chợt nhớ lời căn dặn của Tiết chế, viên tri huyện bạo dạn hơn, mỉm cười hỏi Nhạc:

- Minh công có lòng lo lắng như vậy, nghe rồi mới đến đây, sao lại không vâng. Nhưng nếu quân của ngũ dinh kéo ra, minh công sẽ cho trốn ở đâu?

Nhạc mỉm môi suy nghĩ, rồi quay về phía bệ Đông cung lễ phép thưa:

- Lệnh trên ban xuống thế nào, chúng tôi xin răm rắp tuân theo. Bấy giờ Đông cung mới hốt hoảng, hai đầu gối khép lại, thu nhỏ người vào một góc bệ. Dương chồm ra phía trước, hết nhìn Bạch Doãn Triều lại nhìn Nhạc, như trách móc tại sao hai bên đôi co sinh chuyện làm gì để buộc Đông cung phải phân xử. Mà phân xử thế nào đây? Đông cung nhìn Nguyễn Phúc Tịnh cầu cứu. Rồi đến Nguyễn Phúc Chất. Hai viên đại thần quá quen với cách xử trí khôn ngoan vào những lúc phế hưng bất trắc, nên làm ngơ như không hiểu Đông cung muốn gì. Vô vọng, bực dọc, cuối cùng Đông cung nói:

- Các khanh tùy đó mà liệu với nhau!

Màn kịch bất đắc dĩ kết cuộc. Nhạc lại phải đi ngay ra Quảng Nam cho kịp đúng đường trạm.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 30

Thọ Hương hí hửng tìm An, đưa một gói giấy ra, nói:

- Đố chị thứ gì trong này?

An định chụp cái gói giấy nhưng Thọ Hương cười to, chạy ra xa, gói giấy đưa lên quá tầm cao của An. An thấy lòng vui vui, hy vọng vu vơ e dè. Cô làm mặt tỉnh, nói với Thọ Hương:

- Thứ gì thì mở ra khắc biết ngay. Chị có nói đúng cũng chỉ do may rủi, chứ được gì đâu!

Thọ Hương nghiêm nét mặt, đưa gói giấy cho An:

- Của chị đấy!

Bấy giờ lòng An mới nổi lên rộn rã. Có lẽ mình đoán đúng. Nhưng biết đâu! Nếu đoán sai có phải tẽn tò với con bé không! An làm ra vẻ thờ ơ, lãnh đạm bảo Hương:

- Thọ Hương đừng đùa tội nghiệp chị. Có ai gửi quà cho chị đâu!

Thọ Hương thất vọng vì vẻ lãnh đạm bất ngờ của An, giận dữ nói:

- Của chị em mới đưa chứ! Của chú Tám gửi chị mà!

An ghen lời, muốn ngộp thờ. Cô không ngờ tuy đã đoán trước được một lần, lúc biết chắc sự thực, cô có thể xúc động đến độ ấy. Vẫn còn chưa dám tin trước một hạnh phúc quá lớn. An hỏi:

- Có thật của chú Tám Hương không? Ai đem về đấy!

Hương đáp:

- Quyển sách hôm trước chú gửi cho chị đấy. Hôm qua em chèo cha lên ngựa xong, lấy bao vào phòng cha lục một lần nữa. tìm kiếm cả buổi không thấy gì. Chị biết không, em áy náy chưa tìm ra cho chị thì mỗi lần gặp chị, em có cảm tưởng mình còn mắc nợ chị. Cho nên em quyết tìm cho ra. Cuối cùng, chị biết em tìm thấy nó ở đâu không? Trên đầu tủ chè. Cha em vất trên đó. Ỉ, em quên, có cha em cất trên đó để lại cho thầy nhưng quên đi. Em tìm lá thư ngắn kèm theo cuốn sách mà không thấy. Kia, chị mở dây ra đi. Làm gì như người mất hồn thế!

An suy nghĩ về mấy lời nói hớ của Thọ Hương “Cha em vất trên đó”, lo âu đau xót cho những trở ngại, những dang dở, những tuyệt vọng có thể đến sau này. Thọ Hương nhắc, An mới giật mình nhớ đến gói quà. Cô mở sợi dây chỉ điều. Bên trong, là một tập thơ Đỗ Phủ in trên giấy hồng đào, bìa bọc gấm. Trên trang đầu có in tên một thư các bên Trung Hoa, và triện của Trần Vũ Bình Khang đóng đỏ chói.

Thọ Hương lú lút hỏi:

- Đẹp quá hả chị! Chắc là quý lắm hả chị. Coi thứ giấy họ dùng kia! Mịn và dai quá đi mất! Họ có đề giá tiền không chị.

An xem kỹ hai bìa, rồi đáp:

- Không. Vì đây là ấn bản cho thư các một dòng họ quý tộc bên Trung Hoa, nên không đề giá bán. Họ cần gì tiền mà bán sách. Không hiểu vì sao tên tuần phủ Bình Khang kiếm được quyển

sách này!

Thọ Hương có vẻ thất vọng:

- Thế thì trị giá của nó là bao nhiêu?

An thương hại nhìn Hương, chậm rãi đáp:

- Khó mà nói cho trị giá của nó. Những dòng thơ này là máu, là nước mắt, suốt cả đời chìm nổi của Đỗ Thiếu Lăng. Đối với một người hiểu thơ thì cuốn sách không lấy gì định giá được, vì nó còn quý hơn cả một đời người. Đỗ Thiếu Lăng chết lạnh trong một chiếc thuyền rách trên quãng đường từ Đàm Châu đến Nhạc Dương, thân xác rửa nát mà đời vẫn còn biết tên là nhờ cuốn thơ này. Nhưng đối với những kẻ ngu phu thì không đáng một thanh gỗ thông nhen lửa. Thật vậy, vì đem nhen lửa loại giấy này cháy không tốt bằng gỗ thông.

- Chị nói em chẳng hiểu gì cả. Nào “thiếu lăng” với lại “đủ lăng”. Chị nói gọn cho em biết đi. Nếu gặp lúc túng đói, đem cuốn sách này ra đổi được mấy bát gạo?

An cả quyết đáp:

- Không đổi được bát gạo nào đâu!

- Trời ơi! Vậy thì chú Tám lần thần quá. Để vài bữa chú về, em phải trách chú mới được!

An hồi hộp đáp:

- Vài bữa nữa chú về? Ai bảo em thế?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

- Thế chị chưa biết sao?

- Biết cái gì?

- Chú Tám Thơm với cậu Lăng sắp về đây. Lính trạm chạy về báo trước tối hôm qua..

An sung sướng đến nóng ran cả mặt. Cô thắc mắc tự hỏi tại sao những việc tối quan trọng như vậy mà không ai cho An biết cả, An chỉ biết qua những dịp vô tình. An quên rằng so với tin tức quân Trịnh đã vượt qua đèo Hải Vân và quân Tống Phúc Hợp đã ra quá Xuân Đài, thì cái tin Huệ về hay không về chỉ là hạt bụi. Thọ Hương mãi suy nghĩ chuyện riêng, không chú ý đến nét xúc động của An. Chờ không thấy An nói gì, Hương tưởng cái tin Huệ về không có gì đáng nói, bèn quay sang chuyện khác. Hương cắn lấy môi dưới, bên lên liếc An, định nói điều gì nhưng còn xấu hổ do dự. An ngược lên hỏi:

- Em định nói gì mà ấp a ấp úng thế?

Thọ Hương chối:

- Có gì đâu!

- Thế tại sao em lại đỏ mặt?

- Em đỏ mặt hồi nào. Em chỉ tức cười thôi. Chị An này!

- Cái gì?

- Chiều hôm qua em thấy Đông Cung đi rửa mặt.

An bật cười:

- Tưởng chuyện gì lạ. Đông Cung đi rửa mặt mà em kể như chuyện trời sập.

Thọ Hương cãi lại:

- Em thấy là lạ sao đấy. Đầu tiên em nghe Đông Cung gọi thằng lính hầu, giọng trọ trẹ như giọng của cha chị vậy. Dĩ nhiên là thanh và mạnh hơn. Gọi hai ba lần không thấy ai thừa cả. Có lẽ thằng lính hầu bận việc gì đó. Em lén nhìn, thấy cửa sau xích mở, rồi Đông Cung cầm cái thau ra phía chỗ ang nước. Lúc rửa mặt, Đông Cung vừa dùng cả hai tay vốc nước lên vuốt vào mặt vừa thở phì phò. Trông lạ lắm. Em cứ ngỡ các ông hoàng bà chúa phải có gì khác thường chứ!

An tình nghịch nói:

- Sao lại không khác thường. Thọ Hương không nghe người ta gọi Đông Cung là chị Dương sao? Hai cô gái cùng đỏ mặt, bụm miệng cười ngật nghèo. Thọ Hương đâm thùm thụp vào lưng An, nói:

- Chị này quỷ quái lắm! Em không nói chuyện với chị nữa.

*

* *

Huệ và Lãng về Qui Nhơn đúng vào lúc tin thất bại ở Cẩm Sa dồn dập bay về. Cả phủ xao động, dáo dác. Những người vợ lính chạy đi hỏi tin tức thân nhân, mặt mày ai nấy đều hót ha hót hải. Những tin đồn thường bi thảm hóa tình hình thực tế, và những người mẹ người vợ tin những lời đồn đại đó hơn các lời trấn tĩnh của ông Vịnh, phụ trách việc quân của Tây Sơn. Một tin đồn nguy hiểm suýt làm náo động cả phủ là ông Vịnh vừa nhận được một danh sách ghi đầy đủ những người tử trận hoặc mất tích trong trận Cẩm Sa để báo tin cho gia đình, nhưng không biết vì có gì, Vịnh giấu đi. Tin ấy lan nhanh như lửa gặp gió. Ban đầu chỉ có vài người thân thuộc của Vịnh đến hỏi. Vịnh, và cả vợ nữa, giải thích, cải chính, trấn an, vỗ về, an ủi... Đưa tất cả cái gì thiêng liêng nhất đời ra thề rằng không nhận được bản danh sách đó. Họ đưa được người này ra khỏi cửa, thì người khác đến. Dần dần số người tụ tập quanh nhà mình đông thêm, Sau đó bọn tò mò hiếu kỳ, bọn ngồi lê đôi mách cũng nhập bọn. Góc phủ náo loạn. Không khí xào xáo kích động dễ dàng những tâm hồn dao động hót hải. Những bà cụ già bắt đầu thút thít, kể lể. Vài bà vợ lính bù lu bù loa, bứt tai bứt tóc. Cơn điên loạn truyền nhiễm đám đông. Người ta xô ngã vào nhà ông Vịnh. Người ta la ó, chửi rủa, than khóc... Nếu Bùi Văn Nhật không đem đội cấm quân đến giải tán một cách cương quyết thẳng thừng, không kiêng nể ai, thì chắc "cuộc dấy loạn" nho nhỏ ấy còn lan rộng nữa. Huệ tìm gặp ông giáo giữa lúc xao xác hỗn loạn đó!

Ông giáo tìm được người tri âm, giữ Huệ lại nói hết những ray rút lo âu của mình:

- Anh thấy không! Tại sao lại phải đến nông nổi này! Tất cả đều hỗn loạn, quay cuồng điên đảo. Tất cả đều là tiếng khóc, đều là tang thương, côی cút, góa bụa. Ta phá tan tành cái cũ mà chưa biết làm nên cái mới ra sao, nên mọi người trở thành dân xiêu dạt, trên đầu không có mái che. Dường như đất ở dưới chân ta bắt đầu lay động. Những người dân đen khổn khổ, vì họ mà ta khởi dậy, vì họ mà cực nhọc vào sinh ra tử, anh thấy đó, họ vẫn cứ khổ, mắt họ còn chan hòa nước mắt. Da họ nhăn, những đứa bé còn lơ lảo đói khát. Cuộc hỗn loạn này không phải là điều vô tình. Nó là tiếng chuông cảnh tỉnh, sự nhắc nhở muộn màng nhưng nếu ta chịu khó lắng nghe, tiếng chuông đó vẫn còn có ích. Giữa anh và tôi, chắc anh không nỡ giấu làm gì. Phía bắc mặt trận Cẩm Sa đã vỡ. Tôi nghe ông Vịnh bảo dù đạo quân Tàu Ô của Tập Đình, Lý Tài có ở trần trùng trục, giốc tóc, quần khăn đỏ, đeo giấy vàng bạc, tay cầm khiên mây, đại đao xông vào liều chết đánh nhau, cũng không ăn thua gì. Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Đình Thế, Hoàng Phùng Cơ không phải là những tên lính bạc nhược như Nguyễn Cửu Chân. Đã đành được thua trong chiến trận là việc thường. Nhưng lần này trầm trọng hơn các lần trước. Tôi được tin tức chắc chắn là Tập Đình đã trốn đi, đem theo đám bộ hạ Trung nghĩa quân và chiến thuyền. Bấy lâu nay ta mạnh là nhờ bọn vong mạng. Chúng có cướp bóc đấy, có phá làng phá xóm đấy, nhưng đánh trận, lúc nào chúng cũng xông lên hàng đầu. Tập Đình bỏ đi! Ta có thể cầm chân Lý Tài được không? Một nửa thuyền chiến đã mất, làm sao ta giữ được biển đông, trong khi quân ngũ dinh lại thạo về thủy chiến. Tôi nghe Tống Phúc Hợp đã cho thủy binh ra trận Ô Nha. Phủ Phú

Yên lâm nguy! Mặt trận phía nam sao chịu thất thế hoài vậy?

Huệ cảm động nhìn nét mặt hốt hải của thầy. Sau một thời gian dài cách biệt, anh thấy ông giáo già hẳn đi. Tóc rụng nhiều. Da nhăn. Đôi mắt chuyển sang màu đục, tuy ông giáo nói hăng hái cuồng nhiệt nhưng ánh mắt dường như vô hồn, lạc lõng. Anh cũng chú ý đến giọng nói run run và lâu lâu ông giáo đưa tay lên che miệng, húng hắng ho. Huệ bình tĩnh trả lời thầy:

- Vâng. Tổng Phúc Hợp sắp đưa quân chiếm phủ Phú Yên. Con vội về đây cũng vì chuyện đó.

- Nhưng tại sao các anh cứ lùi mãi? Từ đèo Cả về Xuân Đài, rồi từ Xuân Đài còn rút về đâu nữa!

Huệ mỉm cười, chậm rãi trả lời:

- Có lẽ phải rút về đèo Cù Mông thôi, thầy ạ!

Ông giáo giật nảy người, hỏi dồn:

- Anh nói thật hay nói đùa?

Huệ đáp:

- Thưa thầy con nói thật.

- Tại sao vậy?

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị một cuộc nói chuyện dài dòng:

- Bao nhiêu năm nay, từ lúc con tạm bỏ sách vở của thầy để cầm kiếm, con nhận thấy nhiều lúc phải kiên nhẫn chờ đợi thôi. Nôn nóng không được. Thầy nhớ không, ngay từ thời đầu ở Tây Sơn thượng, thầy bực dọc biết bao với lời lẽ lỗ mãng, cư xử tục tằn, hành động thô bạo của bọn đầu đầu trộm đuôi cướp trốn gông cùm lên nương nấu trên Tây Sơn thượng. Thầy không muốn chung chạ với bọn vong mạng đó. Sau khi xuống núi, thầy lại thấy thêm bọn cướp biển, bọn con buôn gian xảo gia nhập. Thầy thở ra thở vô. Thời đó con cũng bực dọc như thầy, nên mới xin anh con cùng với Mắm lập riêng một toán gồm toàn những trai tráng có lý tưởng, có đức độ, hiểu rõ mình chiến đấu vì cái gì. Từ đó đến nay, chắc thầy đã thấy như con, đâu phải bọn vong mạng ấy hoàn toàn vô dụng. Chúng lập công thật nhiều, tuy phần phá phách không phải là ít. Không có chúng thì những người trầm tĩnh, những người quen tuân luật pháp, những người học rộng biết nhiều nên không thấy điều gì đáng kinh ngạc đến nỗi phải giận dữ xốc áo đứng dậy, những người cha hiền con hiếu, nói chung là những phần tử đáng tôn kính trong thời bình, không có chúng thì những người vừa kể có dám đột nhiên xắn tay, vác giáo xăm xăm phá thành hay không? Con nghĩ là thời nào cũng vậy, vào giai đoạn đầu, bọn vong mạng thật cần thiết.

Điều quan trọng là chiều hướng sau đó của cuộc khởi loạn. Nếu như bọn vong mạng tiếp tục đi hàng đầu, chiếm lĩnh tất cả quyền điều khiển, thì cuộc khởi nghĩa dấy trước sau chỉ là một vụ cướp lớn. Ngược lại nếu ta vững tay lái, đến một lúc bọn vong mạng ngỡ ngàng nhận thấy rằng đây không phải là một đám cướp, và chúng phải buộc phải bỏ đi, thì rõ ràng hàng ngũ chúng ta được thanh lọc. Tập Đình trốn đi mang theo bọn trộm cướp dưới tay, con nghĩ đó là tin mừng. Ta được lần lần thanh lọc, loại bớt những rác rưởi.

Ông giáo vội hỏi:

- Sau bọn trộm cắp, đến lượt bọn nào đào thải?

Huệ ngần ngừ không muốn nói. Ánh nhìn cầu khẩn của ông giáo khiến anh bối rối, thấy không thể giữ im lặng được. Anh nói, với một giọng dè dặt:

- Con chưa lấy làm gì chắc. Sau bọn vong mạng, có lẽ đến bọn cố chấp, rồi đến bọn cơ hội. Bọn cố chấp bị đào thải vì không theo kịp các biến động quá nhanh xảy ra trước mắt. Điều đó dễ hiểu. Khó nhất, chậm nhất, gay go nguy hiểm nhất là cuộc đào thải bọn cơ hội. Chúng nó là con tắc kè thay màu mau chóng, khó lòng biết đâu là người thiện chí đâu là tên cơ hội.

Ông giáo càng nghe Huệ nói càng dao động. Ông không ngờ Huệ đã lớn mau như vậy. Một cảm giác kiêng nể, sợ hãi xâm chiếm hồn ông. Ông liếc mắt nhìn Huệ, bắt gặp đôi mắt cười giấu cợt quẹn thuộc của học trò. Ông muốn hỏi Huệ: "Tôi thuộc vào hạng nào trong quá trình thanh lọc của anh?" nhưng thật nực cười, ông đâm sợ người học trò ấy. Thật ra ông sợ chính sự lạc lõng của mình, sự yếu đuối chậm chân không theo kịp đà lịch sử nên trở thành cố chấp. Đã có nhiều dấu hiệu đáng sợ báo trước giờ đào thải của ông: tâm hồn hoang mang, xúc động thái quá đến độ bi quan trước cái tổn thất, những đêm không chợp mắt vì lo âu vu vơ, thái độ lạnh nhạt của Nhật, của Chỉ, của trại chủ, những câu hỏi khó hiểu của Thọ Hương... Ông giáo sợ hãi nhìn chính mình! Ông muốn vào phòng riêng để tự do suy nghĩ, nên bảo Huệ:

- Con An nó mong gặp anh lắm. Hai chị em nói gì với nhau mà suốt đêm qua không chịu ngủ. An ơi!

*

* *

Chỉ có An và Huệ ở phòng trước. Bên ngoài trời tối. Ánh sáng ngọn đèn dầu thu hẹp không gian cho thêm ấm cúng. Và như sợ làm động đến bầu ánh sáng huyền hoặc mong manh đang mơn trớn ôm ấp hai người, cả An lẫn Huệ đều nói nhỏ, gần như thì thào. An run run thú nhận:

- Bấy lâu nay em sợ quá!

Huệ cố hiểu sai ý An, cười nhẹ nói:

- Lãng ở với tôi, An còn sợ gì nữa.

An vội bảo:

- Không phải thế. Em định bảo... định bảo. Nhưng thôi, có nói anh cũng không hiểu đâu!

- An chê tôi chậm hiểu à?

- Anh cứ quen thói ưa bắt bẻ! Được rồi, anh chậm hiểu lắm. Anh nhanh trí cái gì không biết, nhưng có chuyện anh rất chậm hiểu. Anh chỉ biết có anh.

Huệ hơi ngỡ ngàng, thích thú trước câu trách móc bất ngờ, cười nhẹ, rồi hỏi:

- Chẳng hạn An thấy tôi chậm hiểu việc gì nào?

An ấp úng, rồi đáp bừa:

- Như chuyện anh không thư từ liên lạc gì cả. Báo hại bên gia đình anh, ai cũng sốt ruột. Con bé Thọ Hương ngày nào cũng lo không biết chú Tám ra thế nào. Phần cha em thì lo cho thằng Lãng.

Huệ cảm động, ngược lên nhìn An. Cây đèn dầu chiếu một bên mặt An, viền đậm hàng mi dài, cái mũi thanh tú và đôi môi mím, môi dưới hơi trề ra trông đáng hờn dỗi. Lòng Huệ rộn rã. Anh muốn tìm câu chuyện nào vui vui để chuyển đề tài, cho An mỉm cười đôn hậu, mắt lóng lánh dưới ánh đèn. Biết bao lần anh mơ tưởng đến khuôn mặt này, đến mái tóc phủ lên chiếc cổ trắng, đến chiếc mũi thanh tú, đến vẻ hờn dỗi hay hân hoan thay đổi tùy theo cách mím môi, đến... đến tất cả kỷ niệm về một đoạn đường chung. Huệ lấy giọng nghiêm chỉnh hỏi:

- Mới đây mà An dờ xuống đây hơn một năm rồi, phải không?

An nhỏ nhẹ đáp:

- Dạ. Hơn một năm rồi.

- Lâu nay An có trở về An Thái không?

- Không. Anh biết chuyện cậu Hai Nhiều rồi chứ!

- Biết. Bây giờ bà Hai sống với ai? ở đâu?

- Thế anh chưa biết gì à?

- Biết cái gì?
- Mợ Hai không thể ở lại nhà viên chánh tổng được, dời về nhà cũ. Thế mới khổ. Tức cười lắm, anh biết không, tại anh mà em bị mợ Hai rầy rà mấy ngày!
- Tại sao? Sao vậy?
- Hôm anh cho lính đến sửa khuôn cửa nhà cậu Hai, anh nhớ không? Anh có bảo họ là xem nhà vô chủ nào đó có khuôn cửa tốt cứ tháo gỡ ra, đem lắp nhà cậu mợ. Em nhất định không chịu, lấy tre và đất sét cho họ trám tạm. Mợ Hai về trông thấy vách nhà tèm lem, nổi cơn lên.
- Như vậy đâu phải lỗi tại tôi! Tại An gàn dở đấy chứ!

An bĩu môi:

- Gàn dở! Nếu anh chịu khó hơn, tìm đâu sẵn khuôn cửa rồi sai mang tới lắp, thì đâu có sinh chuyện. Em khỏi sợ mang tiếng đạo tặc!

Huệ cười to, rồi nói:

- An lẩn quẩn trong vòng đạo đức giả mất rồi! An không dính dấp vào, nhưng sẵn lòng thụ hưởng. Tội nặng hơn nhiều nghe!

Cả hai cùng bật cười. Huệ lại hỏi:

- Sao bà Hai Nhiều về nhà cũ thì An phải đi?
- Ở sao nổi. Mợ ấy day nghiêng, tìm có sanh sự hoải. Bất đắc dĩ em với chị vợ anh Kiên phải đi. - Vợ anh Kiên? À, anh có nghe chuyện đó, nhưng tưởng tụi nó nói đùa cho vui chứ!
- Cha em buồn về việc đó lắm. Ảnh biến thành ông chủ quán rượu, chuyên bán cho bọn mã phu. Thôi, đừng nhắc đến nữa!

- An về đây là phải. Gia đình đã đi xa cả, chẳng lẽ An ở một mình tại An Thái!

- Em không muốn xa mẹ. Trước hôm đi, em ra khóc với mẹ cả buổi chiều. Em... nói... với mẹ... Xúc động khiến An không nói được nữa. Cô nhớ nổi tuyệt vọng chua chát của cô chiều hôm ấy, hơn một năm qua vẫn còn mủi lòng. An thút thít khóc, rồi đưa ống tay áo lên gạt khô nước mắt. Huệ ngồi bàng hoàng không hiểu sao đột nhiên An khóc, không dám thốt lời nào. An khóc một lúc, gượng cười chữa thẹn:

- Em con nít quá. Cười đó rồi khóc đó! Chẳng ra làm sao cả! Anh biết không (An lại thút thít, và cười gượng) vòng về em có ghé lại Gò Miếu.

Huệ tò mò hỏi:

- An ghé chi vậy?

An hơi giận, đáp cộc lốc:

- Tại đi theo đường đó về nhà gần hơn!

Huệ biết mình lỡ lời, cố lấy giọng âu yếm hỏi:

- An có đến chỗ trước kia chúng tôi đóng trại không? Có tìm thấy thứ gì còn bỏ sót lại không?

An bĩu môi nói:

- Bỏ sót. Các anh vô ý thì dân An Thái đã nhờ! Chỉ còn mấy cái hố chôn cột trại trên đám cỏ ấy. Em nhìn, thấy buồn chi lạ!

Huệ cảm động trở nên lúng túng. Anh không thể tìm được câu nào ý nghĩa hơn, sâu sắc hơn câu vừa rồi của An, để trình bày nỗi lòng mình. Anh nhìn An, rồi liếc nhìn lần nữa, không tìm ra ý cần. Huệ đành phải hoãn binh bằng cách cầm chén nước lên uống. Cái chén đồ sứ Giang Tây chỉ có thể mua được ở các thuyền buôn Hội An thôi. Huệ tò mò hỏi:

- Bộ chén trà ở đâu đẹp quá?

An đỏ mặt, lí nhí đáp:

- Cửa người ta biểu cha em. Anh xơi thêm nước!

Huệ lắc đầu:

- Thôi. Cảm ơn An.

Trong khi lòng đau nhói vì nhớ chuyện người ta kháo nhau rằng lâu nay Lợi lấy của kho mang tới cho An không thiếu thứ gì, từ đồ sứ Tàu cho đến hạt tiêu, cây tăm. Trước khi đến đây, Huệ đã nghe chị dâu nói mãi nói mãi về chuyện đó. Có đúng thế không? Tại sao nàng nhận của hăn? Của hăn? Có phải của hăn đâu? Hăn lấy của làng làm ơn cho xã, nàng không biết sao? An không nhận ra biến chuyển trên nét mặt Huệ, vui vẻ nói:

- À quên, em cảm ơn anh. Quyển sách đẹp lắm. Anh biết không, Thọ Hương hỏi em nếu đổi thì đổi được mấy bát gạo.

Huệ hỏi hơi xằng:

- Rồi cô trả lời sao?

An cười đáp:

- Em bảo chẳng được bát nào cả.

- An nói đúng. Quý giá gì đâu. Gửi An làm kỷ niệm cho vui thôi.

- Không phải thế. Em quý nó lắm chứ. Em đọc mà cứ sợ bụi bám vào, giở hé rồi cất đi. Anh sao thế?

*

* *

Buổi sáng, An đưa Lãng về Cù Mông xong mới xách rổ đi chợ. Hôm nay là chợ phiên chính, nhưng cô ngạc nhiên thấy chợ vắng vẻ như vừa trải qua một cơn bão. Hàng hóa đã hiếm, mà kẻ bán người mua dường như không chú ý mấy đến công việc của mình. Từng tùm nấp tùm ba châu đầu vào nhau xì xầm bàn tán, nét mặt người nào cũng dáo dác, hốt hải. Lều bán tôm cá vắng hoe vì biến động. Điều đó dễ hiểu. Ngay cả hàng rau và hàng gạo cũng lơ thơ. An ghé lại bà cụ thường bán nếp mua về nấu xôi sáng cho ông giáo. Thúng nếp còn đầy, nhưng bà giáo lắc đầu bảo:

- Cô ra trễ quá. Đã có người mua hết rồi cô ơi.

An nài nỉ:

- Cụ để cho con một ít cũng được. Chừng hai bát thôi.

- Người ta đã đưa tiền rồi, cô cảm phiền. Bạn hàng quen tôi không nói dối với cô đâu. Tôi lỡ nhận tiền trước, chứ nếu không, tôi đã mang về ăn không dám bán nữa. Thời buổi này, cô tính...

An vội hỏi:

- Có chuyện gì mà chợ vắng thế cụ?

Bà cụ hàng gạo nhìn trước nhìn sau, rồi ghé sát tai An thì thào:

- Cô chưa biết gì sao?

- Biết chuyện gì cơ?

- Lại sắp chạy giặc rồi.

- Ai bảo cụ thế?

- Ấy, cô đừng nói lớn, lỡ tai vách mạch rừng. Thì tôi nghe người ta đồn thế. Không biết hư thực thế nào, nhưng thiên hạ đổ dồn đi mua gạo. Nghe nói ở phía bắc... Thôi, tôi chắc họ lại đồn nhảm như mọi khi.

- Cụ nghe thế nào, cho con biết với.

- Tôi nói, cô đừng cho ai biết là do tôi kể nhé. Sáng nay có ông trương tuần đi loa khắp chợ là sẽ

bắt đóng gông những ai loan tin đồn nhảm. Cô không kín miệng, tội nghiệp thân già này.

- Không. Cụ cứ yên tâm. Con không mách lẻo với ai đâu.

Bà hàng gạo nói thật nhỏ, mắt vẫn lăm lét nhìn quanh:

- Giặc đã vào tới Quảng Ngãi rồi đấy, cô biết chưa. Quân của mình bị thua nặng, chạy tan tác cả. Nghe nói lớp chết, lớp bị bắt. Mấy bà vợ lính trong phủ khóc như ri. Nhiều người chạy bộ ra tìm xác chồng. Kiếp lắm! Thảm lắm! Suyt, cô xem kia! Ấy, đừng quay lại. Mình làm như không thấy để khỏi sinh chuyện. Cô liếc nhìn về đầu phố kia.

An kín đáo nhìn về phía bà hàng chỉ. Hai người lính An nhận ra ngay là thuộc đạo quân Tàu ô của Lý Tài, đầu thắt bím, đi chân đất, mình khoác một cái áo bẩn thỉu rách rưới đang thất thủ bước trước dãy quán ăn. Nhiều cửa hiệu gần đấy vội đóng cửa lại. Hai người lính có vẻ do dự một lát, đứng lại nói với nhau điều gì không rõ. Rồi cả hai tiến về phía một quán cơm chưa kịp đóng cửa. Bà cụ thở dài bảo:

- Kể cũng tội nghiệp. Nhưng cho họ ăn, thì cụt vốn mất. Không cho cũng không được. Ngay sáng nay, có một chú lính ngang ngược cầm đuốc dọa đốt cái quán tranh của chị hàng cháo, nếu không đưa cho hắn nguyên cả con gà luộc. Cô coi, buôn bán như thế thì còn ai dám mang hàng ra đây nữa. Chợ vắng vì thế. Lạ quá, sao cái chị mua nếp không trở lại! Tôi nóng ruột quá, phải về xem lũ nhỏ nó lo gạo thóc như thế nào! May tôi đã giữ kỹ mấy cái ruột tượng, không thì...

- Ruột tượng? Để làm gì thế cụ?

- Cô này như người trên trăng ấy! Cô không thấy người ta vét sạch gạo đem về cho vào ruột tượng lo chạy giặc ư?

An cười bảo bà cụ:

- Chỉ lo hão! Năm ngoái giặc cũng vào tận Bích Khê nhưng chúng có làm nên cơm nên cháo gì đâu!

Bà hàng cãi lại:

- Năm ngoái khác, năm nay khác. Năm nay là giặc tận ngoài bắc vào, chúng nó mạnh lắm! Kinh đô chúng nó còn lấy được, hưởng chi... Này này, cô xem. Lại bọn lính đói. Tốp này đông quá. Những sáu thằng. Không bảy thằng chứ không phải sáu. Coi cách chúng nó ăn mặc kia! Chúng nó dừng chỗ quán rượu. Thôi xong rồi, gia tài lão Chín. Cô ngồi dịch lại đây che giùm cái thúng nếp cho già chút!

An tức bực hỏi:

- Bọn lính tuần đâu mà để chúng phá phách phố xá thế?

Bà cụ cười đáp:

- Thôi, cô ơi! Ông vua cũng thua thằng liều. Chúng nó vừa thoát chết về, hỏi còn gì nữa mà sợ! Cô không ra đây sớm để nhìn bọn lính tuần. Thấy bọn lính đói, chúng nó biến nhanh như là ma vậy! Chả bù với ngày thường, lũ già này ngồi lẩn ra lòng đường một chút, phải biết! May quá, chị mua nếp trở lại rồi. Dữ ác! Tao tưởng mày đi luôn chứ. Cô này xin nhường lại hai bát, mày có chịu không?

Chị đàn bà mua nếp nhất định không chịu bán lại nếp cho An. Mà thực ra, An cũng không còn thiết gì nữa. Lòng cô rối bời. An đến hàng mắm mua vội một tí mắm cơm, và một ít ớt tỏi, rồi tất cả về phủ.

Cô hoảng sợ đến lạnh người khi thấy trong phủ Qui Nhơn cũng bắt đầu cảnh đao dác hoảng loạn. Từ những chức việc quen chậm chạp cho đến quân lính, gai đình vợ con họ, ai nấy đều tất

bật chạy đi chạy lại, gương mặt lo âu.

Trước cổng khu quân lương, nhiều người đàn bà và con nít lóng ngóng chờ đợi, nách ôm những bọc nhỏ có lẽ đựng vài thứ cần thiết như quần áo, thức ăn đường. Lính quân lương đi ra đi vào, mặt mày lạnh lùng để từ chối những lời thăm hỏi hay gửi gắm. Đám đông trước trại ngày càng ồn ào, tiếng con nít khóc chen lẫn tiếng mẹ chúng chửi mắng, quát tháo. An gặp Ngạnh đang cố thoát ra khỏi đám đông để lên phủ, nín lại hỏi:

- Chuyện gì mà ồn thế anh?

Ngạnh trở mắt nhìn An, giọng giận dữ:

- Đến cô mà cũng đến đây à?

- Ô hay! Sao anh hỏi vậy? Tôi đi chợ về thấy người ta bu quanh đây. Có chuyện gì vậy?

Ngạnh hiểu không phải An đến để nhờ vả mình, nên kéo An ra phía đường, vừa thở vừa nói:

- Cô coi thiên hạ có điên không? Tự nhiên nghe đồn là giặc sắp đến nơi, nên hoảng lên.

- Nhưng họ chạy đến đây làm gì?

- Họ nghe chúng tôi cho chuyển kho lên Tây Sơn thượng, nên nghĩ có lẽ trên đó an toàn, ùn ùn kéo nhau đến xin quá giang. Cô coi, bỗng bể dất dứ nhau như thế kia, trông có thảm không. Mỗi lần chúng tôi có việc phải ra cổng, họ bu vào làm tình làm tội như là hổ vồ mồi. Quần áo, trông mà khiếp!

An lo âu hỏi:

- Nhưng tại sao lại cho lệnh chuyển kho trong lúc này?

Ngạnh giơ hai tay lên trời than:

- Thế mới lạ! Ngoài phố đã thế, trong này không giữ được trật tự thì còn gì nữa! Không biết chuyện chuyển kho đã dự tính từ lâu, hay mới quyết định đây?

- Anh Lợi đâu rồi?

- Tôi cũng chẳng hiểu. Chắc lên trên phủ. Cô đi đâu về thế?

- Tôi vừa bảo với anh là vừa đi chợ về. Ngoài phố sắp loạn lên đấy, anh có biết không?

- Tụi du thủ du thực của Lý Tài chứ gì!

- Vâng. Họ chạy về đây lúc nào thế?

- Sau khi bị vỡ ở trận Cẩm Sa. Bọn theo Tập Đình trốn đi, khiến bọn theo Lý Tài hoang mang, một số bỏ trốn về đây, một số Lý Tài tập trung lại được, hiện còn đóng ngoài Tam Quan.

An nhớ đến Chinh, lo lắng hỏi Ngạnh:

- Anh nghe tin ấy ở đâu thế?

- Anh Lợi nói.

- Sao hôm qua anh Lợi không nói gì với tôi cả.

Ngạnh cười:

- Cô quên ư? Hôm qua ông Huệ chưa về Cù Mông, anh ấy như con gián sợ mặt trời...

An đỏ mặt đưa mắt lườm Ngạnh. Anh ta tự thấy đã đùa quá lố, nghiêm mặt lại. An bảo:

- Thôi tôi phải về. Chắc cha tôi biết nhiều tin tức mới. Anh vào làm việc đi. Tôi về nhé!

*

* *

An chờ cha về ăn cơm trưa, nhưng ông giáo bận họp trên phủ không thấy về. Cô còn đang bồn chồn, không hiểu cha có việc gì không, thì Thọ Hương tới.

Nét mặt kinh hoàng của Thọ Hương khiến An lo lắng thêm. Cô tưởng người bạn gái bé nhỏ mang tin buồn đến cho cô. An thẳng thốt hỏi:

- Việc gì thế Hương, chị sợ quá! Hương chỉ chờ có thế. Cô gái ôm chầm lấy An mà khóc nức nở. An hoang mang không dám hỏi thẳng Hương về tin tức Chinh, hay hỏi lý do vì sao ông giáo không về trưa nay. Diễn biến của tình thế nhanh quá, đã vượt ra ngoài tầm tay An. Cô chơi với không biết hỏi ai để biết rõ ràng hiện nay chúng ta đang ở đâu, sắp tới điều gì sẽ xảy ra. An tin rằng Thọ Hương biết hết, và nét mặt kinh hoàng của Hương là một điềm báo dữ. Chờ cho Hương bớt nức nở, An mới gỡ tay cô gái ra, dỗ dành:

- Em đừng khóc nữa. Em thương chị, chị cảm ơn lắm. Chị đã quen với những rủi ro mất mát rồi. Em đừng lo chị buồn. Cứ nói cho chị biết đi. Gia đình chị đã gặp chuyện rủi ro gì?

Thọ Hương ngạc nhiên nhìn An, không hiểu. Thọ Hương hỏi:

- Chị nói gì vậy?

- Thế tại sao em khóc?

- Em lo quá chị An ơi!

An làm mặt đàn chị, an ủi:

- Không việc gì phải lo, Thọ Hương. Thắng bại là chuyện thường. Hương nhớ không, năm ngoái quân ta rút về tận Bích Khê, mà có sao đâu.

Một lần nữa, Thọ Hương lại ngỡ ngàng hỏi:

- Chị nói gì, em không hiểu gì cả.

An trở mắt nhìn Thọ Hương, giọng đã hơi bức.

- Không phải em khóc vì lo giặc sắp đến ư?

Thọ Hương bật cười, tuy nước mắt còn đầm đìa trên má:

- Không. Em lo chuyện của em.

- Chuyện của em là chuyện gì?

Thọ Hương đã bắt đầu bình tĩnh, vừa thút thít vừa ngập ngừng nói:

- Sáng nay, cha mẹ gọi em lên bảo em phải lấy chồng.

An thích thú reo lên:

- Đi lấy chồng mà khóc như đi đưa ma! Đừng con nít thế! Em đã lớn, đã đến tuổi lập gia đình rồi, em biết không. Nhưng cha mẹ gả em cho ai thế?

Thọ Hương càng do dự hơn trước, gương mặt pha lẫn thảng thốt và vui mừng khiến An thêm tò mò. An dục:

- Em lấy ai thế? Chỉ có một mình chị, việc gì mà ngược.

Thọ Hương mím môi để lấy thêm can đảm, rồi liều lĩnh nói nhanh:

- Cha muốn gả em cho Đông Cung.

An không tin tai mình, vội hỏi lại:

- Em nói sao? Gả cho Đông Cung à?

Thọ Hương đỏ mặt không dám nhìn An, cũng không dám lên tiếng xác nhận. Cô chỉ gật đầu, rằng trên cằm chặt lấy môi dưới để không bật khóc vì xấu hổ. An mừng rỡ ôm chầm lấy bạn:

- Thế mà khóc! Chị không hiểu nổi em nữa, Hương ơi!

Chị mừng cho em. Lấy Đông Cung, em có thấy hết tầm quan trọng của chuyện đó không? Lấy Đông Cung! Mãi sau Đông Cung lên ngôi, em sẽ thành...

Thọ Hương sợ hãi cắt lời An:

- Chị đừng nói nữa. Chính điều đó làm em lạnh đến tận xương sống. Em ngộp thở, như đột ngột bị một trái núi đổ sập lên người. Nghe cha em nói xong, em chết điếng, rồi mếu máo khóc. Cha em giận quá quát lên. Em vội chạy ra đây tìm chị. Làm sao đây chị An?

An cười, bảo:

- Làm sao? Chẳng lẽ đây là một tai họa nên chị phải cứu em thoát nạn! Đừng trẻ con thế Hương! Em sợ cái gì? Em không xứng đáng để làm hoàng hậu sao? Em không xấu thua ai. Cha em đang có quyền thế. Đông Cung hiện đang ở đây, cái ăn cái uống cũng nhờ một tay cha em bảo bọc. Cả đến hai viên đại thần theo hầu Đông Cung cũng nể khúm núm khi thấy cha em đến. Hơn nữa, không có cha em thì liệu Đông Cung có còn giữ được mạng sống hay không, chứ đừng nói hy vọng mai sau sẽ lên nối ngôi chúa. Nghĩa là Đông Cung có thể lên ngôi hay không lên ngôi, là do cha em định đoạt. Cái ngôi vua Đông Cung sắp ngồi là do cha em dựng cho, Thọ Hương thấy chưa, có gì đáng sợ đến nỗi phải mếu máo?

Thọ Hương thấy An nói có lý, phần nào đã yên tâm. Cô bớt hốt hoảng. Nhưng nỗi lo ngại vẫn lớn vồn, mơ hồ. Thọ Hương rụt rè nói:

- Nghe chị thì em...thì em thấy bớt sợ. Nhưng... nhưng em cứ lo lắng.

- Em lo điều gì nữa?

Thọ Hương đột ngột hỏi:

- Lấy chồng là sao hở chị?

An lúng túng không biết trả lời thế nào. Chính cô cũng chưa hiểu hết ý nghĩa của việc vợ chồng. An chỉ mới hiểu mơ hồ rằng một người đàn ông và một người đàn bà cùng chung sống trong một mái nhà, thương yêu nhau, lo lắng cho nhau, xa nhau thì nhớ, mất nhau như cha An mất mẹ thì đau đớn như đứt từng khúc ruột, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trước mọi may rủi trên đường đời. Vợ chồng sống với nhau tất có con cái, mừng rỡ khi con mạnh khỏe, khổ sở trần trọc khi con đau ốm...Chắc hẳn còn có nhiều điều nữa An chưa hiểu hết. Nhiều điều bất thường, lạ lùng, như cảnh vợ chồng giữa anh Kiên và người vợ góa viên cai cơ, như chuyện người vợ đào hát của anh kép Mịch lấy viên khâm sai lạnh, như chuyện gấu ó chửi mắng nhau thậm tệ giữa những cặp vợ chồng lính phủ... Thế nào là vợ chồng? Thế nào là một cuộc hôn nhân đáng mơ ước? Thọ Hương chờ mãi chưa thấy An trả lời, nên giục:

- Chị, lấy chồng là thế nào? Em lo vì chưa hiểu gì cả!

An đành thú thực:

- Chị cũng chưa hiểu, làm sao trả lời em được.

Thọ Hương bật cười:

- Em đã đui lại tìm hỏi đường chị mù. Nhưng em không tin chị đâu. Chị giả vờ không biết để khỏi trả lời em đó thôi. Chị lớn tuổi hơn em, chị phải hiểu.

An vội nói:

- Chị nói thật mà! Chị chưa hiểu gì đâu.

Thọ Hương tin An thành thực, quay lại giọng tâm sự:

- Em thấy trước khi trở thành vợ chồng, hai bên phải biết nhau, phải thương nhau đã. Cũng như chị với...với chú Tám. Chị cứ để em nói, vì em hiểu chị, em thương chị. Chú Tám lúc nào về cũng tìm em để hỏi về chị. Chú ấy tức cười lắm. Muốn hỏi chuyện chị mà cứ loay quanh. Nào những là: Thọ Hương đã học được đến đâu rồi? Thọ Hương thêm đẹp hơn kỳ trước chú về đây nhé! Thọ Hương có thường đi chơi với ai không? Em biết tận tim đen của chú, nên cứ trùng trùng không đả động gì đến chị cả. Cuối cùng chú Tám phải đỏ mặt lên, lí nhí hỏi thẳng chuyện của chị. Đây, em nghĩ nếu mái sau thành vợ thành chồng, thì người chồng phải là kẻ luôn luôn nhớ tưởng đến vợ như chú Tám với chị, và người vợ cũng nhớ tưởng lo lắng cho chồng như...như.

An cắt lời Thọ Hương:

- Thôi, em chỉ nói nhảm.

- Không, chị để em nói. Mà thôi, em chưa nói chị đã hiểu rồi. Em nghĩ đó là tình thương yêu phải có giữa vợ chồng. Nhưng chị An ơi, chị nghĩ xem, nếu em lấy Đông Cung, thì đâu có những lo lắng cho nhau, nhớ tưởng đến nhau như trường hợp chị với...với chú Tám. Em chưa bao giờ được nói một câu với...với ông ấy. Ông ấy cũng chưa từng nhìn thẳng vào mặt em. Ông ấy chưa tính em thế nào, thích cái gì, không thích cái gì. Em cũng vậy. Em chỉ thấy được một lần ông ấy đi ra ang tự múc nước rửa mặt. Như vậy đã đủ để thành vợ chồng chưa?

An không biết trả lời thế nào, chỉ đáp bừa:

- Nhiều khi trước khi lấy nhau, hai đảng chưa hề gặp mặt nhau. Người dân dã thì có thể đã gặp nhau trên đường đi làm đồng, hay trên đường đi củi, còn dân quyền quý sống cấm cung thì không bao giờ con cái được ra khỏi nhà. Đến ngày cưới, chú rể mới biết mặt cô dâu. Thế mà sau ngày cưới, vợ chồng vẫn thương yêu nhau thắm thiết.

Thọ Hương không thỏa mãn, thắc mắc:

- Nhưng hôm đám cưới, cô dâu chú rể nói gì với nhau đây? Nhất là khi nhà gái đã ra về?

An cười:

- Lúc đó cô dâu không nói gì cả. Cô chỉ khóc.

- Vậy thì đáng sợ quá.

- Không sao đâu Hương. Nhờ cô dâu khóc mà chú rể mới có dịp dỗ dành. Từ đó họ làm quen nhau.

Hai cô gái cùng cười to. Cười xong, Thọ Hương vẫn bồn chồn thất thần:

- Nhưng em vẫn sợ! Chị An, làm sao đây?

*

* *

Xế chiều, trong vòng thành phủ không khí hốt hải xao xác chẳng khác nào không khí một thành phố bị bao vây. Mọi người, nhất là những người đàn bà, cứ thẩn thẩn đứng ngồi không yên, hết chạy quanh hỏi thăm tin tức lại về nhà thúc giục con cái thu vén quần áo, lương thực, cất giấu đồ quý giá, cột gói sẵn những thứ cần thiết chuẩn bị chạy giặc. Thuyền chở gạo của kho quân lương ngoài bến sông bị những kẻ liều lĩnh ủa xuống chiếm chỗ để tản cư. Rào trại kho bị phá. Từng toán những đàn bà con nít nheo nhóc ôm xách đủ thứ linh kiện thất tha thất thểu trên những con đường trong phủ, tuyệt vọng ra về sau khi không tìm được chỗ quá giang lên Tây Sơn Thượng.

Không thể để cho tâm trạng sợ hãi bao trùm khắp phủ như một màu tang tóc! Hỗn loạn đã bắt đầu rồi! Không có biện pháp quyết liệt, chắc chắn phủ Qui Nhơn sẽ tự tan rã đổ vỡ trước khi quân Trịnh vượt quá Châu Ổ, và quân Nguyễn tiến tới sông Cầu. Đó là nhận định chung của tất cả mọi người trong buổi họp trưa hôm đó, do Nhạc chủ tọa.

Một số những biện pháp khẩn cấp được ban hành.

Nghiêm lệnh loan đo khắp phủ dọa chém tại chỗ những lính đào ngũ hay lang thang khắp nơi để cướp phá. Ban đầu lính truyền hiệu còn dè dặt, chọn những nơi nào không có bọn tàng quân của Lý Tài tụ họp để loan tin. Nhưng rồi chúng cũng nghe được. Chúng cười hô hố, cho đó là chuyện đùa bỡn, nên từ chuyện đi săn rượu cúng chuyển sang đi săn những tên truyền hiệu. Chúng bắt một anh lính rủi ro nhập bọn, đẩy ra đi phía trước, ấn mũi gươm sau lưng để buộc anh ta cầm loa loan báo cho khắp hai phủ biết theo lệnh trên, những nhà nào còn cất giấu

rượu thịt phải mau mau đem nộp cho “các Ngài Hòa Nghĩa quân”, bất tuân sẽ bị đốt nhà bêu đầu ngay lập tức. Thật táo tợn đến độ không còn có thể nương tay được nữa. Nhạc đích thân dẫn một toán quân đông đảo ra bao vây phố phủ, bắt hết bọn tòng quân du thủ du thực. Một vài tên vì sợ mà tỉnh rượu hoặc vừa tỉnh rượu nên biết sợ, trốn vào nhà dân trú. Nhưng với cái bím trên đầu, với hơi men nồng nặc và cách ăn bận xốc xếch, chúng trốn đi đâu! Nhạc bắt gọn tất cả bọn cướp bóc làm náo loạn phố phủ và trước khi trời sụp tối, trong ánh sáng u ám của bầu trời chạng vạng và tiếng trống tùng-bi-li thê thiết, 28 cái đầu lần lượt rơi trên bãi đất trống trước cổng thành.

Việc dời kho, do quyết định hấp tấp của Nhạc, cũng được hoãn lại. Lương thực gạo mẩm đã lỡ đem xuống thuyền hoặc đóng lên yên ngựa thồ, thay vì đem lên phía tây, được lệnh chuyển ra phía bắc tiếp tế cho các toán quân đóng dọc hai bên quan lộ, hoặc ứng trước cho quân dịch trạm. Một số nữa tăng cường cho quân lương mặt nam. Chuyện dời kho bị xem như tin đồn nhằm do bọn xấu loan truyền, hòng lừa gạt những kẻ nhẹ dạ để kiếm chác. Trật tự mau chóng được tái lập, những bà nội trợ thở phào nhìn đồng quần áo cột gói vất bừa bãi giữa gian nhà trống như dấu tích sự nhẹ dạ. Con nít được mở cơm dĩa ra chia nhau mà ăn, lại cười nói bi bô, chỉ hơi tiếc không được dự một cuộc đi xa nhọc nhằn nhưng hào hứng.

- Ngay đêm ấy, gánh hát bội của Mịch trình diễn vở tuồng Phụng Nghi Đình trên cái rạp lộ thiên cho dân chúng xem. Tiếng trống chầu, tiếng kèn, tiếng sanh, tiếng hát, tiếng cười nói chen nhau, mau chóng xua đi những ám ảnh của buổi sáng xao xác. May mắn là con người mau quên, nhất là những người thời loạn!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 31

Tiếng trống hát đêm đêm giục giã, cái bụng phệ của Đồng Trát, cơn ghen của Lã Bố, giọng hòn dỗi, mơn trớn của Điêu Thuyền trở thành đề tài bàn tán hào hứng cho dân, lính khắp phủ. Nhất là tài nghệ diễn xuất của Mịch trong vai Lã Bố. Gần như hơi thở dồn dập của ghen tuông và phần nộ trong tuồng tích cũng là hơi thở của cuộc đời thực, nên Mịch đóng vai Lã Bố trong trạng thái xuất thần. Không còn là tuồng, chính là đời Mịch. Chính anh đau xót, tuyệt vọng; chính anh phần nộ đến nghẹn ngào trước mất mát to lớn của cuộc đời mình; giọng hát Mịch vừa lâm ly vừa trầm thống, thổn thức giữa căm giận, gào thét mà yếu đuối trước trắc trở bất công trùng điệp, và khi Mịch phạm tội sát nhân, đâm phập lưỡi gươm gỗ vào nách anh kếp đóng vai Đồng Trát, động tác ấy chẳng những đã thuần thục trên sân khấu biết bao năm mà còn được thực hiện ngay trong đời sống. Khán giả say sưa theo dõi cách diễn xuất và giọng hát của Mịch, quên dần các tin đồn.

Gánh hát của Mịch diễn liên tiếp sáu buổi tối, hôm nào người xem cũng kéo đến chật ních khu đất trống gần thành. Đến hôm thứ bảy thì dân phủ lại được tận mắt chứng kiến lần đầu trong đời một loại tuồng lạ: đám cưới của Thọ Hương.

Chưa bao giờ phủ Qui Nhơn có một biến cố quan trọng và kỳ lạ như vậy: một vị Đông cung lưu lạc vào chỗ xó núi hiu quạnh hoang dã lấy con gái yêu của một trại chủ quyền thế đang lên. Mũ áo, cờ xí, chiêng trống, nghi lễ đều rực rỡ, xa xỉ, náo nhiệt, trang trọng, đồ sộ chưa từng có. Cả phủ thực sự vào hội. Mọi người không còn kiên nhẫn ngồi nán trong khuôn cửa lấy một khắc, kể cả những người già nua lão nhược. Người ta đổ hết ra đường, mắt mở to thu hết màu sắc rực rỡ, tai thu hết mọi tiếng động giục giã, mời chào. Do nhu cầu chính trị. Nhạc dốc hết của kho ra đãi đãi tất cả mọi người, phân phát vải vóc cho người già và trẻ con để chia sẻ khắp thiên hạ tin mừng tân hôn. Ai nấy đều hả hê, no bụng, no tai, no mắt. Chỉ có một thoáng mây mờ: ai ai cũng thấy nét mặt chú rể trong đám cưới buồn hiu, gần như sợ hãi. Những kẻ lạc quan bảo nhau:

- Trông Đông cung tội nghiệp chưa! Ông ta chưa quen với phong tục náo nhiệt của bọn dân núi chúng ta. Có lẽ trong cung phủ ngoài kinh đô, các ông hoàng bà chúa quen nói nhỏ nhẹ, cười mỉm và bước lổm thổm như thỏ. Không sao! Nhập gia tùy tục, vài hôm rồi Đông cung sẽ quen đi!

*

* *

Sau ngày cưới ba hôm, buổi chiều, Thọ Hương tìm đến thăm An. Tự nhiên giữa hai người có một bức tường ngăn cách vô hình, khiến cách chào hỏi, nói năng của họ vào giây phút đầu có vẻ gượng gạo lạnh lẽo.

Không phải vì An có mặc cảm trước địa vị mới của Thọ Hương mà tự buộc mình sửa đổi cách tiếp xử. Không. An chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ấy. Cô chưa phải vào đời để thấy hệ lụy của nghi thức xã hội, sự cần thiết của giả dối. Cái khiến An e dè, nhìn Thọ Hương như một khách thể biệt lập xa lạ, là lòng tò mò muốn quan sát sự biến đổi trên gương mặt, trong cách đi đứng, kể cả trong giọng nói của một người con gái vừa đi lấy chồng. Lấy chồng? Biết bao lần An thắc mắc về hai tiếng đáng sợ ấy! Thiếu nữ ngây thơ và quen thân này vừa lấy chồng được mấy hôm. Có gì biến đổi giữa Thọ Hương những ngày cũ và Thọ Hương hôm nay? An dăm dăm nhìn vào mắt Thọ Hương: nước da có hơi tái đi, đôi mắt sâu uơn uớt như sẵn sàng tuôn lệ, đôi vai xuôi, và khi Thọ Hương nói, An ghi nhận thêm cái giọng khao khao xa lạ.

Phần Thọ Hương, khi thấy An thay đổi thái độ, cô xấu hổ nghĩ rằng người chị thông minh hiểu biết hết mọi sự này chắc hẳn đã biết nỗi xót xa tủi nhục của mình. Thọ Hương hốt hoảng bảo An:

- Chị đừng nhìn em thế!

An lo lắng hỏi:

- Sao em xanh thế Thọ Hương? Em đau phải không?

Thọ Hương chỉ chờ có thế. Cô ôm chầm lấy An, khóc tức tưởi mãi không thôi. Tiếng khóc khác hẳn hôm trước. An không dám hỏi gì, lặng lẽ ôm bạn, nước mắt cứ từ từ chảy trên má. Cô hiểu Thọ Hương đang đau khổ cùng cực, một nỗi khổ tâm không thể chia sẻ cho ai khác ngoài An. Đôi vai Thọ Hương rung lên từng hồi theo nhịp thổn thức, nước mắt Thọ Hương bắt đầu thấm qua vai áo An, truyền cảm giác nóng ấm lẫn tê dại. Chờ thật lâu cho Hương bớt thổn thức, An mới hỏi:

- Em có đem khăn theo không?

Thọ Hương vừa thút thít vừa gạt đầu, tay chỉ vào bọc trái của chiếc áo lụa màu vàng nhạt. An rút cái khăn tay vải sa mỏng thơm nức, đưa lên lau mặt cho bạn. Thọ Hương để mặc cho An sờ sóc mình với vẻ nũng nịu tin cẩn của một đứa bé. An hỏi:

- Em không đòi phần ư?

Thọ Hương thút thít, lắc đầu.

- Cũng không tô son nữa. Như thế không được đâu, Hương ạ. Mình đã lấy chồng, không thể cầu thả ăn mặc thế nào cũng được, trang điểm qua quít cho xong như thời con gái! Đông cung con nhà vương giả quen thấy những người đẹp son phấn tô điểm đẹp để cẩn thận. Lại thêm bây giờ mọi người nhìn em khác hẳn trước kia. Em tô điểm không phải chỉ cho riêng em, mà còn vì nhiều người, vì danh giá của Đông cung. Nhiều khi đàn ông họ dễ chán khi thấy vợ mình tụt tụt đã dợt, mặt mũi nhợt nhạt... Đột nhiên Thọ Hương thút thít nhiều hơn rồi khóc òa. An sợ hãi lay vai Hương hỏi:

- Chuyện gì thế Hương? Chị có nói điều gì làm em buồn không? Nói cho chị biết để chị khỏi lo lắng, nói đi.

Thọ Hương cố dằn cơn nức nở nói:

- Không. Em khóc vì... chuyện riêng của em. Chị yên tâm. Chị An ơi, em khổ lắm!

- Nhưng vì sao em khổ, nói cho chị biết đi. Chị có thể giúp gì cho em không?

Thọ Hương lắc đầu:

- Chị không thể làm gì được đâu. Em cũng chẳng biết làm sao nữa. Chẳng biết oán trách ai!

An cố cười vui để an ủi bạn:

- Coi kìa! Hương nói như một bà già chán đời sắp cắt tóc vào chùa! Có việc gì trên đời là hoàn

toàn bề tắc đầu! Em kể cho chị nghe đi!

Thọ Hương bót khóc, nhưng vẫn thút thít lắc đầu. An phải gợi ý để tìm ra manh mối:

- Đông cung có nói điều gì nặng lời với em không?

Thọ Hương lắc đầu.

- Em có làm điều gì phật ý Đông cung không?

Lại lắc đầu.

- Từ hôm cưới, cha em có tranh cãi gì với Đông cung không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi lắc đầu.

- Hay mẹ trách mắng em vì không chịu trang điểm?

Thọ Hương bật cười nói:

- Không, không phải thế đâu.

Giọng An có vẻ gắt gỏng:

- Thế thì chuyện gì nào?

Thọ Hương nhìn An, bắt đầu lo ngại An giận. Cô lấy chiếc khăn trong tay An tự chùi nước mắt, hỉ mũi, rồi nói:

- Em khổ... vì... vì hình như Đông cung không thương yêu em chút nào hết, chị An.

An vội vàng hỏi:

- Do đâu mà em dám nói liều thế?

Thọ Hương thở dài, ngần ngừ, một lúc, rồi nói:

- Mấy hôm nay em ngủ một mình.

An hốt hoảng hỏi:

- Thực thế sao? Đông cung ngủ ở đâu?

Thọ Hương cười gượng, cố làm ra vẻ bất cần:

- Ông ấy muốn ngủ ở đâu chẳng được. Em cũng chẳng để ý. Ông ấy sai lính hầu vào mang chăn nệm đi, chăn nệm cũ trước kia của ông ấy đó chị.

An tức giận hỏi:

- Nhưng phải có cớ gì chứ? Đêm tân hôn em có làm gì khiến Đông cung phật ý không?

- Không. Sau khi lễ tất, em chờ mà sợ hãi, hồi hộp. Chờ mãi không thấy gì. Em mệt quá, về sau ngủ vùi. Hôm sau ông ấy bảo do say rượu. Rồi buổi tối lại sai lính hầu đến mang chăn nệm.

- Cha em biết chuyện này chưa?

Thọ Hương hoang mang hỏi lại:

- Có nên cho cha em biết không? Chuyện xấu hổ giữa vợ chồng, cho cha em biết làm gì. Chẳng lẽ em nói cho người ta biết em ham chuyện vợ chồng. Nhưng chị An ơi, có phải vợ chồng người ta khi mới lấy nhau đều như thế cả không?

An thành thật đáp:

- Chị cũng không biết nữa. Nhưng có lẽ... có lẽ không giống hẳn như vợ chồng em.

Thọ Hương trở lại thút thít, run run bảo An:

- Em biết thế này thì ở vậy đừng đi lấy chồng. Không hiểu thành vợ chồng có gì vui đâu mà làm lẽ lạc rộn rịp, chúc tụng ồn ào, giăng màn treo trướng... Em khổ quá. Em sợ căn phòng lạnh lẽo đó, không muốn về nữa.

An tìm cách an ủi bạn:

- Đừng nói đại thế. Chỉ mới có mấy ngày. Chị nghe chuyện nhiều cặp vợ chồng lấy nhau cả năm mới bắt đầu nói chuyện với nhau, cười đùa, thương yêu nhau. Có thể trong hoàn cảnh bơ vơ, xa

quê hương, xa thân thích, Đông cung lo buồn nên hơi khác thường. Vả lại chỉ mới có mấy ngày, Hương thấy không? Vui lên đi, đừng chán nản. Mọi sự đâu sẽ vào đấy. Chờ ít hôm nữa xem sao. Có gì khác, em đến cho chị biết. Còn đối với cha em, thì... thì em nên dè dặt. Đừng nói gì vội. Sự có nhiều hiểu lầm nguy hiểm, em hiểu không? Thọ Hương cảm động gật đầu. Cô nhìn An với đôi mắt trù mẫn, và nói:

- Lúc nào đến đây, nghe chị nói, em cũng thấy yên lòng. Nhưng không có chị thì mọi sự lại ngổn ngang như cũ. Em vẫn sợ căn phòng lạnh lẽo đó quá, chị An ơ!

*

* *

Thọ Hương về rồi, chính An lại sa vào vũng băng khoăn! Đã hai mươi hai tuổi đầu, An không quá ngây thơ để tin những lời an ủi của mình. Cô chắc chắn rằng Đông cung đã nhất quyết không chịu chung chăn gối với Thọ Hương, như một phản ứng trước cuộc cưỡng hôn do nhu cầu chính trị. An thương hại Thọ Hương, thương hại lây cho thân phận đàn bà. Cô thút thít khóc một mình, tưởng tượng nỗi hiu quạnh của một cuộc đời cô độc, không có ai để chia sẻ những niềm vui nhỏ, những nỗi buồn vô cớ, không có ai để hàn huyên những chuyện tầm phào vô vị, nhưng cần thiết để ý thức thêm sự phức tạp của đời sống. Rồi lan man nhảy từ chuyện này sang chuyện khác, cuối cùng An quay trở lại chuyện chăn gối. Cô nghĩ:

- Thật tình mà nói, đến tuổi này mình cũng chưa rõ chuyện chăn gối như thế nào. Nhưng nhất định đã là vợ chồng, thì phải ăn cùng mâm với nhau, tối ngủ chung một giường, quần quít ôm ấp nhau, cười cợt âu yếm nhau. Tóc hai người xòa trên cùng mặt gối, hơi thở từ từ hơi thở. Thế nào người chồng cũng áp mặt vào mái tóc dày của vợ để hít hương thơm thoang thoang, rồi lần tìm hương thơm của gò má, hương thơm của chiếc cổ trắng, cả đến hương thơm của mồ hôi.

An đỏ mặt nhớ lại lần bắt gặp Lợi áp mặt lên chiếc áo lót của mình, xấu hổ vì cảm giác ngây ngất bất chợt không biết từ đâu đến. Cô đưa tay vuốt ve cổ, rồi áp lên ngực trái. Tim cô đập mạnh, máu nóng chạy rần rật trong người. Đầu vú cô cứng lại, cảm giác tê dại khác thường lan từ ngực tỏa khắp thân thể An. Có thể nào nằm gọn trong vòng tay chồng mà không có những cảm giác khác thường như ta đang cảm thấy không? Chuyện chăn gối là gì? Ôm ấp hôn hít nhau, xấu hổ tê dại trong vòng tay nhau đã phải là tình chăn gối chưa? An nhớ đến những lời chửi rủa tục tĩu giữa những người vợ lính, nhớ đến sự thô bỉ của các từ ngữ mỗi bên dùng để tát vào mặt đối phương như một chất nước dơ bẩn nhớp nháp, rồi băng khoăn tự hỏi có thật đó là phần chính yếu của tình vợ chồng. Trời hỡi! Nếu thế thì ghê tởm quá. Khủng khiếp quá! Sao cha mẹ nữ đầy đưa con gái trong trắng yếu đuối vào những chuyện dơ bẩn ấy! Càng nghĩ An càng hoang mang, càng xấu hổ cho thứ xúc cảm vụng trộm tội lỗi của mình vừa trải qua. Cô nghĩ:

- Phải rồi, tình vợ chồng phải có gì thanh cao hơn kia! Tim hơi ấm trên thân thể nhau, hít mùi tóc trên mặt gối, ve vuốt ôm ấp trong bóng tối, chẳng qua chỉ là những điều tầm thường dung tục chẳng khác nào con đực đến mùa đi tìm con cái. Loài người phải khác với loài vật. Phải như anh ấy. Nhớ thương ta mà cố giấu trong trầm tĩnh điềm nhiên. Biểu lộ của tình cảm đẹp và nhã như việc gửi biểu một tập thơ Đường. Ta tìm ra rồi. Nhất định đó là tình yêu đúng nghĩa, và nếu ta lấy được anh ấy, những gì sẽ xảy ra sau đêm tân hôn ta chưa biết, nhưng chắc chắn đó cũng là tình chăn gối đúng nghĩa. Những gì đã xảy ra cho các cặp vợ chồng khác như giữa vợ chồng những người lính quanh An, giữa Đông cung và Thọ Hương, đều là bất thường, bệnh

hoạn, tục tĩu, dơ dáy, đáng xấu hổ. Hôn nhân của bọn họ chỉ là một cuộc đày ải, một nỗi bất hạnh. Chỉ có mối tình của mình với anh ấy mới đúng với lý tưởng, và nhờ ơn trời, nhờ sự phù hộ của mẹ, mà mình lấy được anh ấy, thì tình vợ chồng của mình mới thật là vợ chồng. Không phải là "cái nợ đời" của nhau như trong lời ca dao. An cảm thấy hy vọng tràn trề, niềm hoan vô bờ khiến cô yêu thương tất cả mọi người, vì tất cả mọi người đều đáng thương do không may mắn như An. Trước mắt có một cô bé đáng thương là Thọ Hương. An nói nhỏ một mình:

- Em cứ yên tâm đi Thọ Hương. Em trong trắng ngây thơ như vậy, Trời không bao giờ nỡ làm khổ em đâu. Cứ tin chị đi. Em phải tìm được tình yêu thực sự như chị đã tìm được, và sẽ hạnh phúc!

*

* *

Sau đám cưới của Thọ Hương, Nhạc đưa Đông cung cùng với Nguyễn Phúc Tịnh đi khắp hai phủ Qui Nhơn Quảng Ngãi để trấn an dân chúng, ổn định trật tự sau tình trạng rời rã đảo đác do hậu quả trận Cẩm Sa. Công việc chưa xong thì Huệ đã cho người báo tin không vui ở mặt trận phía nam: Châu Văn Tiếp đã ra mặt về hản với Tống Phúc Hợp, và đang chuẩn bị gấp rút để tiến chiếm phủ Phú Yên.

Lòng Nhạc rối bời. Bất chấp những dao động tai hại có thể gây ra trong dân chúng, ông sai Lợi thồ hết của cải quý giá trong phủ lên Tây Sơn thượng. Nhờ rút kinh nghiệm lần trước, lần này việc dời kho kín đáo và mau chóng hơn. Mặt bắc quân Trịnh vẫn vẫn tiếp tục tiến. Tây Sơn ở vào thế bị hai gọng kìm nam bắc siết dần lại. Nếu không tìm nhanh giải pháp, chắc chắn chỉ có một con đường chết!

Lòng ông giáo cũng rối như trại chủ. Ông lo cho Chinh ở mặt trận phía bắc, lo cho Lãng ở mặt nam. Ông coi đời mình như bỏ đi. Nhưng nếu cả hai mặt trận đều vỡ, thì An ở đây sẽ thế nào? Cho nên chính ông cũng bồn chồn như một người có trách nhiệm, như một người trong cuộc. Mà tại sao không? Lâu nay tuy Nhạc đối với ông lúc thì vồn vã ân cần, lúc thì ghẻ lạnh xa cách, nhưng vào những lúc tình thế căng thẳng, bao giờ Nhạc cũng tìm hỏi ý kiến ông. Vì vậy, ngay khi biết tin Nhạc vừa từ Hà Liêu về, ông giáo vội tìm gặp Nhạc. Nét mặt Nhạc vẫn còn nguyên vẻ phần nộ và lo lắng lúc ông giáo vào. Không úp mở giấu diếm, Nhạc nói:

- Hẳn một mực lắc đầu không chịu lên ngôi. Chắc lại nghe lời ton hót của hai lão Nguyễn Phúc Chất và Nguyễn Phúc Tịnh. Hẳn không biết phận cá chậu chim lồng hay sao chứ? Chẳng lẽ hẳn không sợ chết? Hay hẳn tưởng không bao giờ cha vợ dám giết chàng rể?

Ông giáo chờ cơn giận của Nhạc hạ bớt, mới hỏi cho biết tình hình thực sự ở mặt nam. Lại có dịp cho Nhạc nổi giận lần nữa:

- Lão Tiếp lại đầu hàng Tống Phúc Hợp. Quân phản bội! Đồ chó má! Chúng nó toàn là một lũ chuột nhắt lúc yên thì bu đến hũ gạo, lúc có biến đảo đác tán loạn, vội quì gối đầu hàng địch, không biết đến nhục nhã, liêm sỉ. Cháy nhà mới ra mặt chuột, người xưa thực hiểu hết tâm địa con người. Nhưng chúng nó tưởng nhà sắp cháy rồi sao? Thầy giáo, thấy có tin là nhà sắp cháy hay không?

Ông giáo chậm rãi đáp:

- Nhất định không thể cháy được. Không ai để cho nó cháy đâu. Có lửa lớn thì cũng có tài lớn để trị hỏa. Tôi có chút ý này, ông cả có muốn nghe không?

Nhạc cảm động khâm phục vẻ tin tưởng trầm tĩnh của ông giáo, mừng rỡ nói:

- Thầy cứ tự nhiên. Lúc nào ý kiến thầy cũng đáng nghe cả. Tình thế hiện nay nguy hiểm hơn các lần trước, chắc thầy đã biết. Bọn chết nhất đã trốn, cứ để chúng trốn. Những người còn lại trong phút gian nan này mới thực sự là anh em thân tín của ta. Số đó còn nhiều. Và rất tự tin. Thầy yên tâm, không ai để cho nhà cháy đâu. Dĩ nhiên còn tùy ở cách đề phòng chữa cháy. Thầy có kế sách gì không?

- Tôi nghĩ ta không thể một mình cùng một lúc chống lại hai lực lượng phía bắc và phía nam được, Hoàng Ngũ Phúc và Tống Phúc Hợp không phải là những tướng tồi. Quân của họ đông, khí giới nhiều. Trong hai đạo quân địch, ta phải lựa chọn để hòa một bên, rồi dồn sức đánh bên kia. Ông cả muốn chọn bên nào để cầu hòa?

Nhạc không ngờ bị ông giáo chất vấn, bối rối, hỏi lại:

- Xin thầy cho ý kiến trước. Thầy nghĩ ta nên chọn bên nào để cầu hòa?

- Nên chọn bên Chúa Nguyễn.

Nhạc đang ngồi dựa lưng biếng nhác buông thả trên trường kỷ, đột ngột bật dậy, chồm tới phía thầy giáo hỏi:

- Thầy nói sao? Chọn Nguyễn à?

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Nhạc nên vẫn điềm tĩnh trả lời:

- Phải. Tôi thấy ta nên cầu hòa với Tống Phúc Hợp.

Giọng Nhạc gay gắt giận dữ:

- Bấy lâu nay ta đánh cho Phú Xuân thất điên bát đảo, bây giờ mở miệng cầu hòa thì ai tin? Mà nếu ta thực tâm cầu hòa thì có khác nào tự đóng gông để nộp mình cho quân ngũ dinh? Tôi thà chết chứ không đời nào chịu nhục!

Ông giáo nói:

- Tôi nghĩ mọi sự không đơn giản vậy! Ông nghĩ mà xem, cho dù ta cầu hòa Trịnh hay Nguyễn, thì chẳng bên nào dám tưởng ta đã quá yếu đến nỗi cứ việc kéo quân đến đây để đóng gông tất cả phủ Qui Nhơn. Chúng vẫn gườm chúng ta, không dám động binh đâu. Chúng sẽ làm gì nếu ta cầu hòa? Dĩ nhiên chúng chưa tin chúng ta thành thực nên vẫn ra sức cảnh giác ở ranh giới giữa hai lực lượng. Mặt khác, để vỗ về chúng ta, Tống Phúc Hợp hay Hoàng Ngũ Phúc không thể làm gì khác ngoài việc cấp báo về Gia Định hay Thăng Long để xin phong cho ông một chức gì đó, chẳng hạn chức tiên phong tướng quân hay là Tây Sơn trại trưởng. Một chức vụ chẳng làm mất gì cho chúng mà cũng chẳng thêm gì cho ta, vì dù không được sắc phong thì ông đã là Tây Sơn trại chủ, và đánh vào nam hay ra bắc thì ông cũng là tiên phong rồi! Cầu hòa không phải là tự nộp mình, chỉ là tạm liên minh với bên này để diệt bên kia.

Càng nghe ông giáo giải thích, Nhạc càng thấy đề nghị của ông có lý. Cơn giận đã hạ. Nhạc rót nước trà ân cần mời ông giáo rồi hỏi:

- Do đâu thầy bảo ta nên cầu hòa với Tống Phúc Hợp?

Ông giáo hỏi lại:

- Ông thấy hiện nay so lực lượng quân Bắc Hà và quân ngũ dinh, thì bên nào nguy hiểm cho ta hơn?

Nhạc suy nghĩ một lúc rồi đáp:

- Quân Bắc hà. Trận Cẩm Sa ta thua nặng vì không thiện chiến bằng quân Hoàng Ngũ Phúc.

- Thế thì ta nên cầu hòa với quân ngũ dinh. Cầu hòa với kẻ đang mạnh thì chắc chắn không bao giờ được. Tống Phúc Hợp nhất định cũng chưa tin ta cầu hòa thành thực, nhưng hiện Đông cung còn ở đây, quân ngũ dinh còn yếu, nhận lời cầu hòa để chờ thời cơ chỉ có lợi chứ không có

hại.

Nhạc vội hỏi:

- Thầy định đưa Đông cung đi cầu hòa à?

- Không. Tôi không có ý đó. Nhưng ở đây còn có Nguyễn Phúc Chất và Nguyễn Phúc Tịnh. Ta cử một trong hai người đó!

Nhạc gật gù rồi nói:

- Thầy nói đúng. Tôi quên nghĩ đến hai lão ấy. Nhưng có tin được họ không?

- Họ đi mà một chân của họ còn bị giữ lại đây! Số phận họ đã gắn chặt với Đông cung nên cho dù bị bỏ lại Quảng Nam họ đâu dám rời Đông cung một bước. Chúa đã bỏ họ lại cho Đông cung tức là không còn tin ở họ. Ngoài việc theo sát Đông cung, họ còn chỗ nào dung thân nữa đâu.

- Thôi được. Ta giữ lão Tịnh lại. Nhờ thầy đi gặp Nguyễn Phúc Chất ngay hôm nay để sáng mai ta đưa lão xuống Cù Mông. Thư cầu hòa thầy cũng thảo giùm cho. Tôi tin hoàn toàn vào thầy đấy!

*

* *

Đoàn cầu hòa của Nguyễn Phúc Chất đi rồi, ông giáo mới bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Ông đã đem hết tính mệnh của gia đình để đặt vào một nước cờ liều cuối cùng!

Thật vậy, ông hiểu rõ hơn ai hết cái thế nguy hiểm của mình. Nếu Nhạc không quá hoang mang để bớt phần nào sáng suốt, tất trại chủ đã thấy lập luận của ông giáo có nhiều phần chủ quan thiên lệch. Suốt đời, ông giáo vẫn không quên được chữ trung. Giải pháp hoàng tôn ông có công thúc đẩy Nhạc thực hiện đã bất thành. Hoàng tôn nhất định không chịu lên ngôi, khiến Nhạc ở vào thế khó xử. Phía bắc Nhạc phải đối phó với đạo quân hùng mạnh của Hoàng Ngũ Phúc.

Phía nam, quân Tổng Phúc Hợp có Châu Văn Tiếp giúp sức, thế nào cũng chiếm được Phú Yên. Giá hoàng tôn chịu lên ngôi vương, ông giáo sẽ hoàn toàn yên tâm, mạnh dạn khuyên Nhạc nên cầu hòa với quân Trịnh để củng cố lực lượng tiến về nam quét sạch tàn dư của các đạo quân trung thành với Duệ Tôn. Nhưng tình thế không như ý ông giáo. Không tôn phù được hoàng tôn, lại xui Nhạc bắt tay với quân xâm lăng Bắc hà để chống Duệ Tôn, ông giáo sẽ mang tiếng hai lần bất trung. Sĩ phu nam bắc sẽ phỉ nhổ ông, học trò sẽ xé Tứ thư trước mặt ông. Cho nên ông đã cố hết sức thuyết phục Nguyễn Phúc Chất để Chất bằng lòng cầm đầu phái bộ cầu hòa.

Ông cũng dành trọn cả buổi chiều để thảo đi thảo lại lá thư gửi Tiết chế Tổng Phúc Hợp. Lá thư khá dài. Đại khái ông biện minh rằng trước sau Tây Sơn vẫn một lòng trung với nhà Chúa. Phải dấy loạn chỉ vì Trương Phúc Loan tham tàn ý quyền lấn át cả minh quân khiến nhân dân ta thán. Chúa hiểu lầm mới đem quân vào chinh phạt, và bao nhiêu cuộc giao chiến đẫm máu chẳng qua chỉ vì hiểu lầm nhau, và Tây Sơn ở cái thế tự vệ chẳng đáng dừng. Cho đến lúc nghe quân Bắc Hà xâm phạm kinh đô, Tây Sơn muốn đem quân ra giúp để bảo vệ xã tắc, vừa đến Quảng Nam đang cơn nguy khốn vì Hoàng Ngũ Phúc lăm le cho quân vượt Hải Vân, nên Tây Sơn phải rước Đông cung về Qui Nhơn để bảo vệ. Hiện giờ giặc Bắc Hà đã ngạo mạn tiến vào tận Châu Ổ. Xã tắc lâm nguy. Tây Sơn trại chủ cùng tất cả thuộc hạ nhận thấy rằng nếu không nhân dịp này đứng ra báo đền ơn Chúa thì tiếng oan bất trung sẽ mang đời đời. Vì vậy, trại chủ mới nhờ Chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất vốn là cự thần của nhà Chúa mang thư xin hòa hiếu và xin được lập công chuộc tội v.v...

Có lẽ chưa bao giờ ông giáo viết một lá thư với tất cả nhiệt tình và hứng thú như vậy. Ông viết thay cho Nhạc, thực ra là viết cho ông. Sức mạnh của nhiệt thành che lấp được những dụng tâm

riêng tư của ông. Nhạc đọc lá thư, không thể chữa được một chữ nào. Chính Nhạc cũng bị những điều giả dối trong thư thuyết phục, thấy đây là cơ hội cuối cùng để cứu vãn tình thế, xóa tan các ngộ nhận. Để thêm thế giá cho Nguyễn Phúc Chất, Nhạc ra lệnh cho Nghĩa, một đội trưởng xông xáo lanh lẹ đem năm mươi cấm binh theo hộ tống Nguyễn Phúc Chất. Đoàn cầu hòa ra đi khi trời vừa sáng, vó ngựa tung một dải bụi mờ trên đường quan lộ, tạo nên một cảnh bi tráng hiếm có.

Buổi sáng hôm ấy, ông giáo không vào phủ. Ông muốn được một mình nghĩ lại tất cả những điều vừa làm, tiên đoán những gì sẽ xảy ra, đo lường hậu quả. Càng nghĩ ông càng sợ. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo mặc dù trời hơi rét. Tất cả tùy thuộc vào Tống Phúc Hợp. Viên Tiết chế lớn tuổi nhiều kinh nghiệm này đâu phải là một người cả tin vào lá thư ông giáo viết. Có thể hấn ngại chạm trán với quân Hoàng Ngũ Phúc nên không muốn lấn ra phía bắc đèo Cù Mông, kiên nhẫn chờ quân Trịnh quét sạch quân Tây Sơn rồi mới bắt đầu nhập cuộc. Nhưng phủ Phú Yên ở sông Cầu thì chắc chắn hấn phải chiếm cho bằng được. Mà đã chiếm phủ Phú Yên, thì cần gì phải nhận cầu hòa? Tống Phúc Hợp sẽ trả lời thế nào? Hấn có dám sai một tên tri huyện khác cầm đầu một phái đoàn lèo tèo vài ba tên lính ốm ra Qui Nhơn đòi Đông cung lần nữa để gián tiếp trả lời Nhạc, làm nhục Tây Sơn hay không? Hoặc trong cơn say sưa thắng thế, hấn còn nghĩ ra được nhiều trò hạ nhục kẻ thù độc địa, quái ác hơn? Ông giáo băn khoăn bồn chồn như thế suốt hai ngày, ngay ngáy chờ đợi những điều bất thường.

Những điều bất thường chờ mãi không thấy tới!

Ông chờ ba, rồi bốn ngày. Cuối cùng ông buồn cho trí óc lẩm cẩm già nua của mình. Có gì mà sợ hãi đến phát hoảng lên thế? Xưa nay trong lịch sử, được mất, hơn kém, may rủi có không, là chuyện thường tình! Hiệp nhận lời cầu hòa hay không, chưa phải là chuyện quyết định được vận mạng của Tây Sơn. Đó chỉ là một nước cờ, cả Nhạc lẫn Hiệp đều hiểu thế, một nước cờ tạm trên bàn cờ đang chuyển thế rối rắm. Ý tưởng đó trấn an ông giáo được một ngày. Đến ngày thứ sáu, ông thực sự lo ngại, không hiểu vì sao Nhạc không mời mình lên hỏi han việc gì cả suốt sáu ngày qua. Chính điều bất thường này mới là điềm báo xấu!

*

* *

Quá khuya, ông giáo nghe có tiếng đập cửa vội vã và một giọng đàn bà kêu tên An nhiều lần. Mấy đêm nay ông lo lắng không thể chợp mắt nên không lâu sau ông giáo đã thắp được cây đèn dầu, và ra phía cửa lớn. Tuy sợ hãi, nhưng ông cũng cố lấy giọng bình tĩnh hỏi lớn:

- Ai đó?

Bên ngoài giọng đàn bà mừng rỡ đáp:

- Dạ con đây bác. Mở cửa cho con vào.

Ông giáo chưa nhận ra giọng nói của ai, tuy nghe quen quen. Ông hỏi:

- Con là ai? Khuya rồi có việc gì gấp không?

Giọng đàn bà trả lời:

- Dạ con là Thọ Hương. Có chị An ở nhà không bác?

Ông giáo giật mình, tay bắt đầu run. Ông đặt cây đèn dầu xuống nền nhà, lật bật vừa mở then cửa vừa gọi:

- An ơi, An. Dậy đi. Có cô Thọ Hương tìm.

An choàng thức dậy, nghe cha gọi vội vàng chạy ra nhà ngoài. Cửa vừa mở, Thọ Hương đã chạy vào nhà rồi tự tay khép cánh cửa lại, sợ có người nào khác trông thấy mình. An chưa hết hoang

mang, hỏi Thọ Hương:

- Có việc gì thế em? Nói mau cho chị nghe đi!

Thọ Hương như người vừa trải qua cơn mộng dữ, mặt xanh ngắt, môi run lập cập không nói được. Ông giáo chen vào hỏi:

- Cháu đừng sợ. Có chuyện gì gấp lắm không?

Bấy giờ Thọ Hương mới vừa mếu máo vừa nói:

- Ông Nhật đem lính đến bắt Đông cung đi rồi!

An hoảng hốt hỏi:

- Thật vậy sao?

Thọ Hương run run nói:

- Dạ thật. Họ vừa dẫn Đông cung đi khỏi, em sợ quá, chạy ngay lại đây!

Ông giáo lo sợ hỏi:

- Có ai thấy cháu đến đây không?

- Dạ chắc không. Cháu chọn cái áo đen khoác ra ngoài, chắc không ai trông thấy. Hồi tối cháu thấy ông Tịnh lên gặp Đông cung xì xào to nhỏ lâu lắm, cháu đoán thế nào cũng có biến.

Ông giáo vội hỏi:

- Thế ông Tịnh có bị bắt không?

- Cháu không hiểu.

Rồi quay sang phía An, Thọ Hương kêu cứu:

- Làm sao đây chị An ơi! Em sợ quá. Cả một tòa nhà lớn chỉ còn một mình em. Về đằng mẹ thì lại sợ bị mắng. Làm sao đây chị?

An ôm choàng lên vai Thọ Hương, dẫn vào phòng trong:

- Em vào đây ngủ với chị. Chờ sáng mai hãy hay. Cha đóng giùm con cái cửa.

Ông giáo chưa kịp cài cái then trong thì bên ngoài lại có tiếng chân người. Tiếng nặng của bước chân nhiều người đàn ông. Tiếng đập cửa. Ông giáo nghĩ: Có lẽ đến phiên mình". Ông xốc lại cổ áo, cột lại lưng quần cho tề chỉnh trước khi mở cửa. Bùi Văn Nhật và một nhóm bốn, năm người lính cầm đuốc và gươm chờ trước ngạch cửa. Nhật hỏi:

- Khuya quá rồi, thầy giáo chưa ngủ sao?

Ông giáo cố cười gượng và đáp:

- Quí hóa quá. Anh có việc đi đâu ghé vào thăm tôi hử! Tuổi già đêm cứ trăn trở không chợp mắt được.

Nhật hỏi:

- Thầy biết tin gì chưa?

Ông giáo hồi hộp hỏi:

- Tin gì ạ?

Nhật mỉm cười, nhìn chăm chăm vào mặt ông giáo, chậm rãi dần từng tiếng:

- Nguyễn Phúc Chất trốn luôn rồi. Cả thằng Nghĩa cũng vậy. Không biết chúng nó có liên lạc âm mưu từ trước hay không?

Rồi không chờ cho ông giáo nói gì, Nhật bảo:

- Thôi, chúc thầy ngủ ngon. Chà, gió lạnh dữ. Chào thầy!

*

* *

Sáng hôm sau, ông giáo được mời đi dự lễ tế vong linh đội trưởng Lễ, anh ruột của Nghĩa kẻ

phản bội. Ông nghe người ta xì xầm bàn tán về cái chết anh dũng này: Không hiểu do đâu, Lễ biết em có ý làm phản (nhân dịp hộ tống Nguyễn Phúc Chất vào Phú Yên cầu hòa với quân ngũ dinh bỏ trốn theo Tống Phúc Hợp). Dù đang bận chỉ huy một toán quân đóng ở cung Bình Điền, Lễ cũng cố đuổi theo em để thuyết phục, lấy tình cốt nhục khuyên em trở về. Tên phản bội chẳng không nghe lời anh khuyên, mà còn rút gươm đâm chết anh để lấy lòng tin của Nguyễn Phúc Chất. Nhưng thiên bất dung gian. Nghĩa vào đầu hàng Tống Phúc Hợp hôm trước, hôm sau Hiệp đã đem Nghĩa ra chém.

Câu chuyện luân lý "ở hiền gặp lành ở ác gặp dữ" thích hợp với tâm hồn đám đông nên lan truyền nhanh chóng khắp phủ, đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. Nhờ vậy, ông giáo mới biết đoàn cầu hòa do ông khởi xướng đã trở thành một đám phản bội. Từ đó, ông hiểu hết. Ông hiểu vì sao phải cho lính phủ đến bắt Đông cung đưa đi quản thúc nơi khác giữa khuya, và sao Nguyễn Phúc Tịnh lo sợ tìm đến Đông cung xì xầm tối hôm trước theo lời thuật của Thọ Hương, vì sao Nhật đích thân đến "thăm hỏi" mình.

Ông thầy cúng Chỉ đứng ra làm chủ tế. Cuộc lễ kéo dài gần đến trưa, hết sức trang trọng vì hầu hết những nhân vật quan trọng đều đến tham dự. Gặp ai, ông cũng có cảm tưởng họ tránh không muốn nhìn ông, không muốn bắt chuyện với ông. Chỉ có Bùi Văn Nhật là vẫn tự nhiên như trước, có lẽ còn vồn vã hơn trước. Gần cuối buổi tế, Nhật đến gần ông giáo nói nhỏ:

- Trại chủ muốn gặp thầy sau cuộc lễ này. Thầy khỏi phải về nhà. Chúng ta dùng cơm trưa ngay tại dinh phủ!

*

* *

Chỉ có Nhạc, ông giáo và Nhật trong phòng. Cả ba đều có những gương mặt ngái ngủ. Họ đã thức trắng suốt đêm qua, mỗi người vì một lý do khác nhau.

Nhạc ngáp thật dài trước mặt ông giáo mà không cần đưa tay che miệng như mọi khi, hất đầu mời ông giáo ngồi xuống chiếc ghế trước mặt. Nhạc than:

- Cái lão thầy cúng bày vẽ dài dòng quá. Tôi tưởng chỉ một chốc là xong, ai ngờ kéo dài gần đúng bóng. Anh Nhật đã bảo chúng nó sửa soạn dọn cơm chưa?

Nhật đáp:

- Dạ xong rồi. Khi có lệnh, chúng nó sẽ bùng lên.

Nhạc lại hỏi Nhật:

- Ta làm việc trước khi ăn trưa chứ?

- Dạ vâng.

Nhạc ngồi ngay ngắn trở lại, hướng về phía ông giáo nói:

- Những gì xảy ra mấy hôm nay, chắc thầy đoán biết rồi. Tôi nói gọn cho thầy rõ: Nguyễn Phúc Chất đã trốn vào với Tống Phúc Hợp, kéo theo hai thằng chó má Lễ, Nghĩa và mấy chục tên cấm quân. Không, tôi không lầm lẫn đâu. Kể cả thằng Lễ. Không may cho nó, vì chậm chân nó bị ta bắt lại. Một mình thằng Nghĩa bỏ đi đã quá đủ rồi! Tôi phải ra lệnh giết Lễ đi, rồi làm cho nó một buổi tế quan trọng. Thằng em cũng chẳng may mắn gì hơn. Nó chết nhục như một con chó ghê chứ đâu được cả phủ ca tụng như thằng anh vì Tống Phúc Hợp đã ra lệnh chém thằng em phản bội cách đây mấy hôm. Lão chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất ở đây khá lâu, thực lực nội tình của chúng ta thế nào, chắc hẳn lão đã kể tuốt cho Hiệp biết. Sau khi Châu Văn Tiếp qui hàng, bây giờ đến lượt Nguyễn Phúc Chất cung cấp đầy đủ tình hình Qui Nhơn, chắc hẳn Hiệp sung sướng mở cờ như rồng gặp mây. Nhất định hắn sẽ dẫn đại quân tấn công ta trước. Hồi hôm, tôi

đã cho chém lão Tả ngoại Nguyễn Phúc Tịnh để trừ hậu hoạn, và dời Đông cung lên quản thúc ở An Thái. Thăng Bốn Chiêu trên đó là người tin cậy được. Thầy thấy không, bao nhiêu chuyện quan trọng nhất tôi đều kể vanh vách cho thầy nghe, từ chuyện thăng Lễ khốn nạn cho đến chỗ tôi giấu Đông cung. Tôi đã lấy lòng thực mà đãi thầy, thì xin thầy cũng lấy lòng thực để giải đáp các thắc mắc của tôi với anh Nhật. Anh Nhật, anh hỏi đi.

Nhật tăng hằng lấy giọng, rồi nói:

- Nguyễn Phúc Chất bị điệu về đây với Đông cung chẳng khác nào cá chậu chim lồng. Hắn đi đâu, nói với ai điều gì, người của tôi đều biết. Đội trưởng Nghĩa chưa từng gặp mặt Chất. Lễ ở tận cung Bình điền càng khó lòng gặp Chất hơn. Thế mà tại sao chúng liên lạc được với nhau để cùng đi trốn một lượt. Ngoài chúng ra, còn có ai khác xếp đặt, tổ chức, liên lạc giùm cho bọn chúng để việc qui hàng Tổng Phúc Hợp được trót lọt. Thầy có biết kẻ đó không?

Ông giáo ngồi chết trân trên ghế. Lần đầu tiên trong đời ông biết thế nào là sự sợ hãi tột độ. Hàm ông cứng lại, hai thảng dương tê tê như vừa thoa dầu nóng. Ông hiểu qua rõ là hai con người cầm quyền sinh sát này đang nghi ngờ ông, đúng hơn là đang hỏi cung ông. Ông đang đứng trước một mối hiểm nguy lớn lao, chẳng những liên quan đến mạng sống của ông mà còn liên quan đến sự sống chết của các con. Ông tê dại cả người vì sợ hãi, đồng thời cũng biết nếu giữ im lặng lâu hơn, tức là đã mặc nhiên nhận tội. Với một cố gắng phi thường có lẽ do ý chí sinh tồn, ông giáo lấy được đủ bình tĩnh. Ông nói thật chậm, thật đĩnh đạc để giấu sự cảm động:

- Các ông đã lấy lòng thành đãi tôi, thì tôi cũng phải lấy tất cả chân thực, danh dự của nhà nho để đáp lại. Tôi biết ông cả và anh Nhật nghi tôi là kẻ xếp đặt từ đầu chí cuối cho vụ đào thoát phản trắc. Mới thoát nhìn thì điều nghi ngờ có vẻ hợp lý. Chính tôi gợi ý cho trại chủ là nên cầu hòa với Tổng Phúc Hợp. Chính tôi đến thuyết phục Chất. Chính tôi thảo lá thư. Nhưng xin các ông nghĩ sâu hơn nữa. Đây là lần đầu tôi nói chuyện với tên Chương cơ theo lệnh của trại chủ. Điều này chắc anh Nhật biết rõ. Tôi đã nói gì? Chắc anh Nhật đã biết, tôi xin thuật lại đại khái tôi lấy chữ trung để thuyết phục hắn, vì chẳng những hắn là người hoàng tộc mà còn là một nhà nho. Hắn đã nói hy vọng sau chuyến cầu hòa này, Đông cung và Chúa sẽ hiểu nhau hơn, và trại chủ với công phật bắc sẽ trở thành bậc bề tôi lương đồng của triều đình sau này. Hắn nhận ra đi vì tin như vậy. Hắn chưa bao giờ gặp hai ông Lễ, Nghĩa. Phải. Mà cả đến tôi cũng chưa từng gặp hai người đó. Tôi nhớ không lầm thì họ không xuất thân từ Tây Sơn thượng. Họ thuộc đạo quân Tuy Viễn thì phải. Không phải chính tôi đã cất nhắc họ lên chức đội trưởng, hoặc giao phó nhiệm vụ lớn cho họ. Tôi không biết chút gì về họ.

Nếu trại chủ kết tội cái tội cả tin giao lầm việc lớn cho kẻ phản trắc, thì tôi xin nhận. Nhưng biết ai phản trắc ai không phản trắc, có lẽ anh Nhật đây giỏi dang hơn tôi. Còn nếu kết cho tôi cái tội liên lạc mưu phản, thì xin các ông cho tôi một chén thuốc độc ngay bây giờ thay cho bữa cơm trưa. Tôi thà chết chứ không thể nhận một cái tội không phải của mình.

Ông giáo dừng lại, nhìn thẳng vào mặt Nhạc chờ câu trả lời. Nhạc bối rối quay mặt đi. Ông giáo mừng rỡ. Như vậy là lời biện hộ của ông đã cảm động được trại chủ. Ông có cơ may thoát nạn!

Quả nhiên giọng nói của Nhạc dịu lại:

- Thầy đừng hiểu lầm! Chúng tôi không bao giờ dám nghi oan thầy đâu. Giữa chúng ta với nhau, vào những lúc gay go như lúc này, không thể để bọn một chút nghi kỵ nào. Có gì không hiểu nhau, ta cứ nói thẳng, hỏi thẳng như vừa rồi, còn hơn giữ canh cánh trong lòng. Thôi, ta bỏ qua chuyện ấy đi. Lão Chất trốn, ta càng dễ rảnh tay để đối phó với tình thế. Anh Nhật, đã gọi Phạm Văn Thế chưa?

- Thừa chưa!

- Sao vậy?

- Bên kho chưa lo xong vàng lụa. Phải chọn thứ thật tốt. Người Bắc Hà họ sành ăn mặc và quý kim hơn ta nhiều.

Nhạc có vẽ bất bình:

- Nước đến chân rồi mà các anh cứ trùng trùng chưa chịu nhảy. Anh bảo thằng Lữ lo gấp, chiều nay phải xong. Còn thằng Tuế thì chuẩn bị sẵn sàng để ngày mốt lên đường. Ăn cơm xong anh tìm nó cho tôi. Anh xem cơm đã có chưa?

Trong khi Nhật ra khỏi phòng để truyền lính hầu dọn ăn, Nhạc nói với ông giáo:

- Mấy lúc gần đây thấy sức khỏe thầy sa sút, tôi áy náy lắm. Có lẽ thầy nên tĩnh dưỡng một thời gian, gác hết mọi lo nghĩ. Thiếu thầy chắc mọi chuyện ở đây sẽ rối như tơ, nhưng quấy nhiễu thầy thế này, thật là bất nhẫn. Hay là thầy về An Thái an dưỡng vài tuần?

Ông giáo buồn rầu đáp:

- Cảm ơn ông cả. Tôi biết sức mình đã kiệt. Trí óc bắt đầu mông muội, lảm cẩm- Tôi giúp các ông thì ít mà quấy các ông thì nhiều. Vâng. Để tôi về tính lại với cháu An xem có thể dời lên An Thái không. May ra xa cảnh tấp nập chen chúc, bệnh già của tôi có chậm phát tác hơn.

Vừa lúc đó, Nhật vào phòng mời ông giáo và Nhạc dùng cơm trưa. Nhạc cầm một hộp giấy cột giây chỉ đỏ rất tinh xảo trên bàn, đưa cho ông giáo:

- Thầy lấy tạm hộp nhân sâm này về dùng. Loại sâm quý của Tàu đấy. Thầy đừng ngại, tôi còn một hộp nữa. Vả lại, sức tôi còn tráng kiện. Ha ha, tôi còn đủ gân cốt để đẩy lui Tống Phúc Hợp đến tận Gia Định. Để thầy xem, tôi nói được là làm được.

*

* *

Mấy hôm sau, ông giáo mới hay tin Phan Văn Tuế đã cầm đầu một phái bộ mang vàng lụa ra Quảng Ngãi dâng cho Hoàng Ngũ Phúc, thay Nhạc xin dâng ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên cho chúa Trịnh, đồng thời xin làm tiên phong để chinh phạt quân Gia Định. Đúng như lời ông giáo đã nói trước với Nhạc, Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận ngay và phong cho Nhạc chức hàm: "Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân". Giải pháp hoàng tôn đã hoàn toàn thất bại!

Ông giáo không được mời lên hỏi han gì nữa. Ông hoàn toàn rảnh rồi, nên đem mớ sách cũ ra đọc lại. Ông ngại ngần không dám giở đến mấy bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh. Ông chỉ đọc được vài trang thơ Đường, thích thú nhất là đọc Đỗ Phủ và Tô Đông Pha. Ông cũng bắt đầu đọc sách Phật, loại trước đây ông ghét cay ghét đắng. Điều đó nhắc nhở ông thấy rằng tận chiều sâu của cuộc đời ông, đã có một khúc quanh quan trọng trùng hợp với khúc quanh của lịch sử đất nước. Với đôi chút tiếc nuối và ngỡ ngàng, ông bắt đầu một cảm thức mới!

Tháng 7 năm Ất Mùi (1775). Tổng Phúc Hợp chiếm được phủ Phú Yên. Huệ phải rút về phía bên này đèo Cù Mông. Lại một lần nữa, quân Tây Sơn chịu thất bại nặng nề! Và một lần nữa, hàng ngũ quân lính rối loạn, nhân tâm xao xuyến, tình trạng xã hội xáo trộn, hoang mang. Thực là nguy biến nếu bảo rằng hai trận thất bại ở Cẩm Sa và Phú Yên là hai bước tiến quan trọng của phong trào Tây Sơn. Chính Nhạc cũng ứ ớ không dám nói như vậy, vì sợ ngượng với mình, và nói như vậy vô ích, vì không ai tin. Hàng loạt những đạo quân lâu nay làm nòng cốt của phong trào tan rã, nhiều nhân vật quan trọng bỏ trốn hoặc làm việc cầm chừng để chờ thời. Nhân tâm ly tán. Lệnh lạc chuệch choạc, các chủ trương chính sách mạnh bạo quyết liệt để ổn định trật tự thường vá vúi tạm thời, nên bộ mặt của làng xóm thường tùy thuộc vào phong cách của viên xã trưởng. Những người này không tin tưởng mấy vào sự vững bền của chế độ, thường dùng chính sách hòa hoãn, xuề xòa cho vui vẻ cả làng. Vì thế, từ đèo Cù Mông cho đến châu Ổ, vùng kiểm soát của Tây Sơn đã ra thành từng mảng bập bênh như những dề bèo dạt trên mặt nước lũ.

Chỉ có Huệ là người độc nhất lạc quan trầm tĩnh trước các hiện tượng tan rã nguy hiểm ấy. Lạc quan trầm tĩnh nhờ vững tin vào một điều gần giống như qui luật của lịch sử. Huệ nghĩ dù thế nào chẳng nữa, qua bao nhiêu cơn bão và giông tố, qua bao nhiêu trăn trở, bất trắc, mất mát, may rủi, phản trắc, dao động, cuối cùng cái tốt cái đẹp cũng thắng. Đó là qui luật của tạo hóa. Nếu cuộc sống không mỗi ngày mỗi đẹp thêm lên, cuộc đời không mỗi ngày thêm đáng yêu, thì cần gì tạo hóa phải xếp đặt bốn mùa xuân hạ thu đông cho cây cối tăng trưởng tiếp nối, trẻ thơ oe oe chào đời thay chỗ cho kẻ khuất, cần gì mặt trời lên cho người thức dậy ăn uống, cày bừa, khổ sướng, yêu ghét và mặt trời lặn cho giấc ngủ yên nghỉ. Sự hòa điệu của vạn vật vũ trụ, cuộc xếp đặt vĩ đại mà hòa hợp tinh tế ấy tự nó đã là cái đẹp tuyệt đối, cái thiện tuyệt đối. Tạo hóa mất công xếp đặt guồng máy vĩ đại toàn hảo này để cuộc nhân sinh phải thụt lùi từng khắc, để cái xấu đục khoét cây đời như loài bọ độc hay sao? Không! Không! Nhất định không! Cuộc sống là cuộc vận hành phức tạp khó hiểu, nhưng bắt buộc phải xê dần đến cái đích tối thiện.

Trên căn bản suy tưởng đó, Huệ nghĩ ra cái luật thanh lọc mà một lần anh có đánh bạo đem trình bày với thầy. Nhờ vậy, suốt năm Ất Mùi chịu hết thất bại này đến thất bại khác, tai nghe không biết bao lời than van buồn chán, mắt trông thấy những vụ đào thoát phản trắc, hay những hỗn loạn xao xác, Huệ vẫn giữ được lòng lạc quan. Tập Đình bỏ đi mang theo quá nửa số chiến thuyền ở mặt bắc, không khí thường trực dao động của khắp phủ Quy Nhơn sau trận Cẩm Sa, sự đầu hàng của Châu Văn Tiếp, cuộc đào thoát của hai anh em Lễ Nghĩa theo phái bộ Nguyễn Phúc Chất, tất cả những điều đau lòng ấy, qua mắt Huệ, đều ở trong tiến trình đào thải để tinh lọc.

Anh càng tin tưởng ở nhận định của mình hơn, khi thấy do nhiều nguyên nhân, từ nhiều cơ hội (trong đó có những cơ hội hoàn toàn bất ngờ và ra ngoài ý muốn của Huệ) dần dà mặt trận phía nam do anh phụ trách qui tụ được những tướng lĩnh trẻ tuổi và thuần khiết nhất của phong trào. Huệ không cần nói một tiếng phản đối, chối từ, mà lần lượt bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực, bọn say mê bạo hành lạng lẽ lánh xa anh, lánh xa phong trào. Những tên vong mạng còn lại phải tự sửa lỗi sống do bản năng thích nghi để tồn tại. Châu Văn Tiếp bỏ theo Tống Phúc Hợp kéo theo bọn đầu óc hẹp hòi cố chấp hoặc bọn chuyên sống quì đến nỗi run sợ ở thế đứng thẳng. Khoảng cuối tháng 6 năm Ất Mùi (1775), cùng chung với Huệ ở mặt trận Cù Mông đã có Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Văn Tuyết, Ngô Văn Sở, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Đặng Văn Chân. Ngoài Lộc, Tuyết, Chân xuất thân từ Tây Sơn thượng, ba tướng trẻ lớp sau là Sở, Diệu và Dũng. Sở và Diệu cùng quê làng Xuân Huê với Lợi, còn Dũng người thôn Phú Mỹ ở tả ngạn sông Côn. Đặc biệt Dũng và Diệu rất được người Ba na ở các buôn cao nguyên thương mến, và rất thạo lối đánh theo đường nguồn. Họ cùng một lứa tuổi xấp xỉ trên hai mươi, vững tin ở đạo trời và lòng người, say mê công bằng và lẽ phải, khao khát xây dựng một thứ trật tự mới từ bàn những người dân nghèo chân đất. Dĩ nhiên nhờ là em ruột của trại chủ, lại am tường tình hình chiến trường phía nam, nhất là nhờ ánh mắt lạc quan tin tưởng dễ nổi bật giữa giai đoạn xáo trộn u ám, Huệ được mọi người mặc nhiên công nhận như một vị chỉ huy trẻ tuổi.

Sắc phong "Tiên phong Tướng quân" Nhạc xin Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận cho Huệ sau này chỉ làm cái việc cuối cùng là hợp thức hóa vai trò lịch sử của "Chú Tám Thơm" mà thôi!

*

* *

Bản doanh của Huệ đóng ngay trên đỉnh đèo. Dãy núi Cù Mông chạy dài từ cao nguyên xuống đến biển chợ Giã, đến đoạn này lõm xuống một vòng cung tròn như chiếc vồng. Màu rừng già in đậm trên bầu trời thanh thiên, cho nên mỗi lần Lãng đi lấy nước từ con suối nhỏ trở về, ngắm bóng những trại lính hình chóp nằm đều trên cái vồng êm ái ấy, anh có ý nghĩ đó là hình ảnh hai bàn tay rừng trăn tròn tròn dang tròn những phẩm chất thuần khiết nhất của trần gian cho khuôn thiên. Và lần nào cũng vậy, Lãng hãnh diện sung sướng đến độ mê!

Chiều nay vừa về đến bản doanh thì ngựa trạm cũng leo lên tới đỉnh đèo. Được Huệ giao cho nhiệm vụ coi sóc giấy tờ trước khi chuyển cho Huệ giải quyết, Lãng mau chóng phân loại các thư từ, báo cáo, thông lệnh từ nhiều nguồn đem đến. Anh chú ý ngay đến thư của trại chủ báo cho Huệ biết Hoàng Ngũ Phúc đã thuận phong cho Nhạc "Tây Sơn trại trưởng, Tráng tiết Tướng quân" và các đơn khẩn báo ở các làng thuộc Tuy Viễn dọc theo mặt bắc ngọn Cù Mông. Những loại giấy tờ khác kém quan trọng hơn, gồm vài lá đơn của dân khiếu nại lính Tây Sơn thả ngựa ăn lúa, như một tố cáo trộm cướp, và đơn của một bà mẹ xin cho con trai về dự đám cưới của em gái. Lãng lấy viên đá chặn loại giấy tờ không quan trọng lên cái bàn bằng liếp nứa, rồi mang loại giấy tờ khẩn sang cho Huệ giải quyết.

Huê đọc thư của anh cả, đầu gật gù, miệng cười nửa sung sướng nửa diễu cợt. Huệ ngược lên nhìn Lãng nói:

- "Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng", "Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng".

Oai đấy chứ! Phải không Lãng!

Lãng cười đáp lại:

- Vâng, oai lắm. Như vậy là anh cũng trở thành bề tôi lương đồng của nhà Trịnh rồi đấy! Bề tôi

quan trọng, vì một mình trấn giữ ở biên thùy heo hút nhất. Giá anh làm thơ được, chắc sẽ trở thành "võ tướng kiêm thi sĩ biên tái"!

Hai người trẻ tuổi cười to. Huệ hỏi:

- Làm sao Lãng biết tôi không làm nổi thơ biên tái?
- Thế anh làm được bài thơ nào, cho em xem thử.
- Chưa làm không có nghĩa là không làm. Mà không làm cũng chưa hẳn là không làm nổi. Cái gì chứ thơ biên tái hả, dễ ợt!

- Thì anh làm đi.

- Khó gì! Một mảnh thành trơ trọi mất hút giữa núi rừng trùng điệp. Đêm đêm tiếng vượn hú thay cho mõ cầm canh. Người lính thú trấn trở suốt đêm trong bộ giáp sắt, nhớ đến lời nỉ non của cành dương liễu. Sáng ra sương lạnh làm mờ vọng canh, đâu đây nghe có tiếng quạ lạnh lẽo.

- Đây là ý, không phải là thơ biên tái.

Huệ cười cãi lại:

- Quan trọng là ở chỗ tìm ra ý. Còn lựa lời sắp vần là công việc mọn của bọn thợ.

Lãng tức quá, to tiếng:

- Anh nói vậy sao được! Chính do ở cái tài tìm được cái vần chính xác cho cảnh tình, tạo ra được nhạc điệu mà một kẻ phàm phu trở thành thi sĩ. Công việc đó không phải là chuyện tay chân quen thuộc của thợ chữ.

- Nếu vậy, thì đây, Lãng lắng nghe nhé. Tôi làm thơ biên tái đây. Bài thơ không có nhan đề. Chỉ có bốn câu thôi. Tôi đọc xong, hai ta cùng tìm đề sau cũng không muộn. Bốn câu như sau:

Phú Yên nhật mộ loạn phi nha

Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia

Đình thụ bất tri nhân khứ tận

Xuân lai hoàn phát cự thời hoa

(Nghĩa là: Tại Phú Yên lúc chiều tà, chim quạ bay hỗn độn xao xác. Nhìn ra mãi tận phía xa, chỉ trông thấy vài ba nóc nhà tiêu điều. Cây cối trước sân không biết rằng người trong nhà đã đi hết rồi nên khi mùa xuân tới lại nở lại những bông hoa mùa cũ).

- Lãng ngờ ngợ đã nghe bài thơ này ở đâu rồi, đã nghe đã đọc nhiều lần. Chắc chắn không phải là sáng tác của Huệ. Nhưng của ai? Nếu của ai khác, như của một nhà thơ biên tái Trung hoa thì tại sao lại có hai tiếng Phú Yên ở đầu bài. Đột nhiên, Lãng nhớ ra hết. Lãng reo lên:

- A ha! Anh gian lận. Lãng nhớ ra rồi. Đây là bài Sơn phòng xuân sự của Sầm Tham. Anh chỉ đổi hai chữ đầu "Lương viên nhật mộ loạn phi nha" thành "Phú Yên nhật mộ"... Anh lém lẩn.

Huệ cười ha hả vì thích thú. Lãng tò mò hỏi:

- Anh tìm đọc ở đâu thế?

Huệ hãnh diện đáp:

- Cả một tủ sách của Tuần Vũ Bình Khang tôi mang về đây. Cái lão tuần vũ ấy trấn nhậm nơi đèo heo hút gió, chắc ít việc, cả ngày chỉ lo đọc thơ vượn hú.

Lãng đưa ra nhận xét:

- Như vậy càng đỡ khổ cho dân. Quan càng ít làm phiền dân bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Cả ngày đọc thơ biên tái rồi nhớ vợ con, dân được yên tâm võ rầy khai hoang.

Rồi nhớ tới một việc quan trọng khác cần báo với Huệ, Lãng trở mấy tờ giấy còn lại bảo:

- Nói chuyện thơ thần mãi, tí nữa em quên chuyện khẩn cấp này: Một số khá đông các thầy đồ

và ký học ở các làng thuộc huyện Tuy Viễn lâu nay vẫn giúp ta việc dạy dỗ trẻ em, tính toán thuế khóa, lục tục kéo nhau bỏ trốn. Tình thế đáng phải báo động về phủ.

Huệ cầm lấy xấp báo cáo, uể oải xem qua như đã biết trước những sự kiện này, không có gì phải kinh ngạc hoặc đáng quan tâm. Huệ chờ Lãng nói nhưng Lãng dừng lại vì thái độ hồ hững của Huệ. Huệ hỏi:

- Theo Lãng thì việc một số nhà nho ở các thôn xóm bỏ đi có tầm quan trọng nào không?
- Dĩ nhiên là quan trọng lắm. Họ là cái óc của các địa phương, là tiêu biểu của đạo đức và truyền thống. Dân tôn kính họ, xem họ là mẫu mực trong tất cả mọi vấn đề.

Huệ tò mò hỏi thêm:

- Thế theo Lãng, vì sao họ trốn đi?

Lãng đáp khỏi cần suy nghĩ:

- Vì chúng ta đã phá sập cái nền lâu nay họ đứng.
- Cái nền gì vậy?
- Cái nền đạo đức. Lâu nay họ chưa trốn đi, vì còn tưởng chúng ta sẽ tôn phù Hoàng Tôn Dương lên ngôi Chúa, làm cái việc lâu nay sách nho vẫn ca tụng là "diệt loạn thần tôn minh chúa". Nay ta dứt khoát làm quan nhà Trịnh, nên các nhà nho ngơ ngác, cảm thấy không còn đất đứng, ảm ức như bị phản bội.

Huệ cãi lại:

- Nhưng cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều chỉ là công thần của hoàng triều. Nếu trung là trung với họ Lê, chứ việc gì phải trung với Trịnh hay Nguyễn?
- Từ thời chúa Tiên, miền nam mặc nhiên được xem như cương vực riêng của họ Nguyễn Gia Miêu. Điều đó anh biết rồi. Cho nên các nhà nho nam hà chỉ có thể nhìn chữ trung trong khoảng hẹp hai trăm năm thôi. Xa hơn nữa, họ xem là ngụy biện.

Huệ đột ngột hỏi Lãng:

- Nhưng ý này rất giống với ý thầy. Có phải Lãng thường nghe thầy nói như vậy không?

Lãng thành thực nói:

- Cha em chê em con nít, ít khi nói đến điều gì quan trọng. Hôm trước về thăm nhà thấy cha ửu đột cau có, em hỏi chị An. Chị bảo nguyên do sâu xa là như vậy.

Huệ chợt nhớ điều gì, ánh mắt sáng lên, hạ giọng hỏi:

- Tối hôm ấy, nghĩa là đêm trước ngày chúng ta về đây đấy, An có nói gì với Lãng không?

Lãng đáp:

- Thì kể chuyện em vừa nói. Chuyện vì sao cha buồn rầu.
- Còn chuyện khác.
- Chuyện anh Kiên. Cha hết sức buồn. Anh ấy đi làm đàng kho xong, xuống thẳng chợ phủ mua cá mua mắm về rồi lo nấu ăn, giặt dĩa, y như một bà nội trợ. Chị An bảo có lẽ anh bị trời hành mới không dựng chèn vào làm thân đầy tớ cho một gia đình lạ hoắc.
- Ngoài chuyện anh Kiên, còn nói gì nữa không?
- Hình như hết rồi. Hai chị em nói chuyện tới khuya. Chị An hỏi ở trong này em làm những gì, anh Huệ đối đãi ra sao.
- Rồi Lãng đáp thế nào?

Lãng cười đáp:

- Em bảo anh trở thành "vú em" rồi.
- Nghe Lãng nói vậy, An trả lời thế nào?

- Chị ấy cười. Chị ấy bảo có lẽ vừa bận đánh giặc vừa bận làm vú em, anh ít thì giờ viết thư về nhà.

Huệ tự nhiên dầu dầu nét mặt, nói chậm với Lãng:

- Có gì mà viết. Viết cũng không ai thèm đọc.

Lãng chưa hiểu vội hỏi:

- Anh nói gì thế?

Huệ hỏi lại:

- À, có phải mai Lợi tiếp lương cho ta không?

*

* *

Đây là lần thứ hai Lợi đích thân tiếp lương cho mặt trận phía nam. Và chỉ qua một lần đầu, Lợi đã quen biết khắp mọi người. Cho nên lần này Lợi lên Cù Mông chẳng khác nào một ông trạng vinh qui. Anh chào hỏi người này, bông đùa với người kia, mang thư nhà đến cho người nọ. Những người lần trước nhờ Lợi mua sắm thứ gì, lần này Lợi mang lên đủ, ngay cả đến một cuốn chỉ để vá quần áo anh cũng không quên.

Để mặc cho thuộc hạ lo việc tiếp lương, Lợi chịu khó leo núi đi một vòng thăm khắp các đội trưởng đồn trú đèo Cù Mông. Đến đâu anh cũng mang đến không khí xởi lởi thân mật, tiếng cười đùa huyền ảo, và những chuyện gửi gắm mua bán lặt vặt. Anh xưng mày tao với những người nhỏ tuổi, xưng mày tao đối với những người lớn tuổi hơn Lợi đôi chút, điều đó dễ thôi. Cái khó là anh xưng "ông, tôi" một cách dễ dàng tự nhiên với các cụ già khó tính, dăm chiêu, buộc họ phải nhập vào không khí vui vẻ chung. Những món quà nhỏ gia đình gửi Lợi đem lên Cù Mông, cộng thêm những thứ cần thiết cho đời sống đồn trú hiu quạnh như trà, thuốc lá, cau khô, trầu không, đường, kẹo v.v... do Lợi mang theo đủ để họp một cái chợ nhỏ. Và cái chợ đó đã hình thành. Kẻ mua người bán tấp nập, trại lính bị xáo trộn, quấy động vì cảnh đi lại xô bồ mất trật tự. Ngô Văn Sở và Trần Quang Diệu bức quá phải nhờ Huệ can thiệp. Mỗi ác cảm giữa Lợi và Sở một lần nữa lại gia tăng.

Ngô Văn Sở là cháu của Ngô Mạnh, từng làm Đô thống ở kinh đô, vì nạn Trương Phúc Loan phải dấu gốc tích về ẩn náu trong nhà họ Bùi ở Xuân Huê, giả dạng một người lao động xiêu giạt đi tha phương cầu thực. Ngô Mạnh dạy võ cho con gái chủ nhà là cô Bùi Thị Xuân và cháu của mình là Ngô Văn Sở. Khi Tây Sơn mới khởi nghĩa, Ngô Mạnh còn dè dặt chưa hiểu phong trào có chính nghĩa thực sự hay chỉ là manh động của bọn trộm cướp. Tây Sơn chiếm được Kiên Thành và một dọc các làng từ núi Một xuống An Thái, trong đó làng Xuân Huê, Ngô Mạnh vẫn còn ngần ngại. Trước mắt ông, cuộc khởi nghĩa dấy quá lớn không còn là một hành động cướp bóc tảo tợn, mà rõ ràng đã lôi cuốn được đa số các tầng lớp dân nghèo. Chủ trương đốt sổ thuế, phá kho thóc cứu đói, lấy của nhà giàu đem phân phát cho dân nghèo, thực sự đã thu phục được tin tưởng của quần chúng. Ngô Mạnh tìm gặp Nhạc, khéo léo tìm hiểu chí hướng của trại chủ Kiên Thành. Sau cuộc gặp gỡ đó, viên đô thống họ Ngô mạnh dạn quyết định: phần ông đã quá già để trực tiếp cầm gươm cầm giáo. Ông khuyến khích các học trò của ông như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân tham gia phong trào. Ông cũng gửi Ngô Văn Sở cháu ông đi đầu quân. Tuy tham gia vào cuộc khởi nghĩa vào đợt sau, nhưng các học trò của Ngô Mạnh nổi bật lên nhờ tuổi trẻ trong sáng, thiện chí và khả năng võ nghệ. Họ tham dự các trận đánh ra phía bắc như những cấp chỉ huy nhỏ. Dần dần, họ được Nhạc và Nguyễn Thung tin cậy. Cho đến lúc Huệ nắm vai chỉ huy mặt trận phía nam, Sở, Diệu, Dũng đã trở thành những cánh tay đắc lực của

Huệ.

Ngô Văn Sở ở trong nhà Bùi Thị Xuân từ nhỏ, nên không lạ gì Lợi. Trong gia đình họ Bùi, cha Bùi Thị Xuân thuộc dòng chính, còn mẹ Lợi thuộc dòng thứ. Tương truyền hình như cách đây vài mươi năm có một vụ tranh tụng ruộng hương hỏa gay gắt sao đó, đến nỗi đã có đổ máu và cả hai bên mất gần sạch gia tài để lo dứt lốt bọn tham quan hòng giành phần thắng về mình. Cuối cùng cả hai bên cùng nghèo xác, và không ai thắng, ngoài lòng hiềm thù. Gia đình Lợi và gia đình Bùi Thị Xuân tuy gần gũi nhưng rất ít đi lại với nhau. Khi gia đình Lợi bị thảm sát, rồi Lợi được dịp trả thù, gia đình Bùi Thị Xuân vẫn e ngại có thể nhân cơ hội này Lợi thanh toán luôn bao mối hận cũ. Ông thầy võ Ngô Mạnh đã chuẩn bị cách phòng vệ, nếu đám em út của Lợi kéo đến đòi rượu thịt. Nhưng không. Lợi không nói xa nói gần gì đến gia đình họ Bùi cả. Tuy thế, những gì Lợi làm trong buổi đặc thế họ đều biết cả. Lợi cũng hiểu như vậy. Thành thử khi bọn Sở, Diệu, Dũng được trọng dụng, Lợi cảm thấy khó chịu. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, Lợi tránh không muốn gặp họ, hoặc động chạm đến họ. Đường ai nấy đi, thế thôi. Thế không có nghĩa là nếu thuận tiện và kín đáo, Lợi không đưa ra các nhận xét nửa đùa nửa thật bất lợi cho Sở, Diệu, Dũng, ảnh hưởng lớn lao đến Nhạc hay Lữ. Lợi có quá nhiều dịp để gần gũi trại chủ, nên bọn học trò Ngô Mạnh đôi khi ngỡ ngàng không hiểu sao mình đột ngột bị chuyển đến chỗ này, hoặc nhận một nhiệm vụ khác. Lợi không muốn gặp những người đồng hương nguy hiểm trên đường đời. Nhưng tại sao họ lại cứ muốn phá bĩnh. Việc gì đến họ? Lợi tức giận tìm hỏi Huệ:

- Anh cho lệnh tập trung quân đấy chứ?

Huệ đành nét mặt đáp:

- Phải. Anh muốn gì?

Lợi bật cười, ra vẻ mừng rỡ, nói:

- Thế mà tôi lại cứ tưởng chúng nó phao lệnh giả để quịt tiền nhau. Ôi thôi các ông tướng quá trời! Bao nhiêu quà cáp nhà gửi đem ra đổi chác cho nhau, thậm chí mua đi bán lại như đây là cái chợ xổm. Phải, anh đẹp là phải!

Huệ vẫn nghiêm nét mặt hỏi:

- Chùng nào anh về?

- Tôi ấy à! Có lẽ sáng mai. Tôi còn phải tiếp lương một chuyến nữa ở chợ Giã. Anh cần gửi thư từ gì cho trại chủ không?

Huệ ghét cay ghét đắng bộ mặt ấy. Anh đáp cụt lủn:

- Không.

Trước khi Lợi tiu nghỉ quay đi, Huệ nói thêm:

- Lần sau anh nhớ đừng đem chuyện buôn bán lên đây. Nhớ nhé!

*

* *

Trong thư An nhờ Lợi mang lên cho Lãng chỉ kể sơ lược cảnh sống cô lập của hai cha con vì mặc dù đã niêm phong kỹ lưỡng, cô vẫn còn sợ có một người ngoài gia đình như Lợi hoặc Huệ đọc được. Vị trí ông giáo ở phủ Qui Nhơn thật tế nhị và nguy hiểm, điều đó ai cũng cảm biết, nhưng không ai dám nói ra, vì nói thế nào cũng không hoàn toàn đúng.

Ngay cả nhân vật am tường việc nội bộ nhất là Bùi Văn Nhật cũng không dám công khai xếp chỗ cho ông giáo. Nhật ngó chừng thái độ của trại chủ để điều chỉnh thái độ của mình. Trước những vấn đề quan trọng, Nhạc đều có ý kiến dứt khoát, từ việc dứt khoát chọn cầu hòa với

Hoàng Ngũ Phúc cho đến quyết định quân thúc Đông cung, giết Nguyễn Phúc Tịnh. Chỉ riêng đối với ông giáo, Nhạc tỏ ra e ngại, lập lờ. Nhật tưởng khi Nhạc sai Nhật đi mời ông giáo dùng cơm trưa, thì bữa tiệc ấy coi như bữa tiệc đoạn tình. Uống với nhau một chén rượu cuối, rồi thôi, từ đây về sau gặp lại chỉ nói với nhau bằng mũi kiếm. Ban đầu giọng nói của trại chủ có vẻ nghiêm khắc, lạnh lẽo thật. Nhật cũng nương theo đó công khai kết ông giáo cái tội âm mưu tạo phản. Nhưng sau khi ông giáo biện minh thề thốt, Nhạc lại quay ra hòa dịu, thân ái. Nhật chẳng hiểu phải làm cái gì, phải cư xử với ông giáo ra sao. Từ đó về sau Nhạc lại không nhắc đến chuyện cũ, nên Nhật phải rút sổ lính đã gửi đến canh phòng nhà ông giáo đêm hôm trước. Nhưng rõ ràng ai cũng biết từ nay vai trò của giáo Hiến đã hết!

Họ điều chỉnh lại thái độ cho phù hợp với nhu cầu mới. Trong các cuộc hội họp, bàn bạc, giữa lúc trà dư tửu hậu, họ tránh không nhắc tới ông giáo. Không ai muốn người khác nhắc lại có thời họ đã làm việc chung với ông giáo, hoặc có đi chung một đoạn đường, có cười nói vài câu xã giao với ông. Ông giáo đột nhiên vắng mặt, còn đó nhưng không hiện diện. Sự thay đổi thái độ của người ngoài quá lộ liễu nên ông giáo nhận ra ngay. Lòng tự ái của ông bị xúc phạm nặng nề. Ông phản ứng bằng thái độ tự cô lập khắc kỷ, sự khinh miệt cố ý tỏ ra quá đáng. Ông sai con gái khóa cửa trước, đóng kín cửa sổ quay ra phía đường. Có đêm Thọ Hương lén tìm An tâm sự, gõ cửa giữa khuya khoắt, khẩn khoản gọi An mở cửa, ông giáo giả vờ ngủ say không dậy. An chạy ra mở then, ông lừ mắt ngăn lại. An sợ hãi ánh mắt hung dữ khác thường ấy không biết bao nhiêu!

Thọ Hương không dám đến nữa. Cô Trúc, em gái Bùi Văn Nhựt từ lâu đã thôi học. An đi chợ phủ mỗi sáng sớm, thấy vẻ lạnh nhạt xa lánh của người quen, tủi thân nghĩ mình trở thành tai họa cho kẻ khác, tự nhiên đi về lấm lét thui thủi như người phạm tội. Trong căn nhà kín cửa tối tăm đó, một già một trẻ âm thầm lắng nghe tiếng thở dài của nhau, rồi cùng hãi hùng nghĩ tấn bi kịch này còn kéo dài thật dài về sau, không biết đến lúc nào mới chấm dứt.

Đúng như An đã viết thư cho Lãng, may mắn họ tìm được nguồn an ủi trong thi ca và kinh Phật. Ông giáo đọc lại thơ của thời Thịnh Đường, đọc bất chợt tùy hứng chứ không theo thứ tự hoặc hệ thống phân loại. Ông muốn bắt gặp tâm hồn người xưa mà không bị định kiến chi phối, để hưởng trọn cái sáng khoái của thông cảm cởi mở. Ông với tay rút ra một tập thơ, lật một trang nào đó. Ông đọc chậm, cho từng chữ ngấm sâu vào tim vào óc mình. Đọc xong một lượt, ông gấp sách, nhắm mắt và ôn lại toàn thể ấn tượng tích lũy được suốt câu đầu đến câu chót. Ấn tượng ấy thường lan man mơ hồ, vui vui hoặc buồn buồn, lâng lâng nhẹ nhàng hoặc hào sảng náo nhiệt. Ông chưa vội tin ở ấn tượng ban đầu đó. Ông đọc to lần nữa, lần nữa, xong một lần lại chiêu một ngụm trà đặc quánh, đọc cho đến lúc ông có cái khoái cảm mừng rỡ như chính mình sáng tác được bài thơ ấy, thích thú thấy nó lớn dậy để bắt đầu một số phận riêng.

Vì thưởng thức thơ theo cách đó nên ông giáo đọc lẫn lộn nào Lý Thương Ẩn, Vương Xương Linh, Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Tô Thức, Đào Tiềm... Ông dừng lại lâu nhất với Đỗ Phủ. Với Đỗ Phủ. Chỉ vì một lý do: trong kệ thơ của ông, chỉ riêng Đỗ Phủ là có một tuyển tập riêng biệt, và quyển thơ đó đóng bìa đẹp để công phu quá. Nội dung và hình thức quyển thơ có sức nam châm hút bàn tay lựa chọn đang ngần ngừ do dự của ông: Đó là quyển thơ Huệ gửi biếu An do Thọ Hương mang lại!

*

* *

Ông giáo đau nhói cả lòng khi nhớ lần đầu bắt gặp quyển thơ ấy trên kệ sách. Từ lâu đầu tắt

mặt tối với công việc trên phủ, ông ít có thì giờ nói chuyện thân mật tâm tình với con. Văn chương thi phú thì đã gác hẳn sang một góc tường niệm đầy bụi bặm, từ thời Tây Sơn thượng. Cho đến hôm ấy ông cảm thấy lạc loài giữa mọi người, boăn khoăn tự hỏi ý nghĩa của bao nhiêu cuống quít xông xáo, thôi thúc hò hét, toan tính, kế hoạch...đang dồn dập diễn ra quanh ông. Đó là hôm ông chủ định tìm lại Thơ. Ông bắt gặp tập thơ Đỗ Phủ với cái bìa nhiều sang trọng. Giở trang đầu, ông đọc được triện son của Tuần Vũ Bình Khang. Ông giáo hiểu liền. Một niềm hân hoan pha chút hãnh diện tràn ngập lòng ông. Có thể chứ! Những buổi say mê giảng sách ở nhà học, những đêm thức khuya canh lửa trên gò Miếu, hy vọng ở đôi mắt thông minh chiếu rọi được thấu bản chất của sự vật với tất cả tự tin, cái bóng lớn lao tự trưởng thành của đời ông! Sau phút hân hoan, lòng ông bắt đầu se thắt. Ông ái ngại liếc nhìn con gái, lúc đó đang ngồi lặng lẽ lượm thóc gần cửa sổ hồng. Ông hỏi An:

- Gần đây con có giở đến mấy cuốn thơ không?

An hơi ngạc nhiên khi nghe cha hỏi vậy, đỏ mặt lúng túng đáp:

- Dạ thỉnh thoảng buồn quá con có xem!

- Con thích ai nhất?

- An càng lúng túng hơn, ấp úng đáp:

- Con cũng chẳng biết nữa. Lúc thích người này, lúc thích người khác.

- Nhưng con phải đọc của ông này nhiều hơn ông kia chứ!

- Dạ.

- Như vậy con thích họ rồi. Con thường đọc ai?

- Nhiều nhất là Lý Thương Ẩn, cha ạ!

Ông giáo cười nhẹ, tỏ vẻ hiểu con. An cảm thấy sung sướng, muốn chia sẻ niềm vinh dự cho em, nên thêm:

- Lãng nó cũng thích Lý Thương Ẩn lắm.

- Còn Lý Bạch, Đỗ Phủ.

- Hai vị đó cao quá đối với chúng con. Nhất là Lý Bạch. Còn Đỗ Phủ thì...

Ông giáo vội hỏi:

- Con đọc hết tập thơ Đỗ Phủ rồi chứ?

An xấu hổ cúi mặt xuống, hai tai nóng bừng. Lúc An ngược lên, ông giáo thấy gương mặt con thật khác thường, môi An run run muốn nói gì đó mà không nói được, hai mắt sáng xúc động vì một nỗi hót hải; khuôn mặt của một người phân vân sắp hết lên đau đớn hay khóc òa vì một hoan lạc bất ngờ. Ông lo sợ hỏi:

- Con sao thế?

An trấn tĩnh, nói nhỏ:

- Con hơi bị xâm xoàng.

Rồi đột nhiên giọng An vui vẻ hẳn lên:

- Hôm qua con mua được mẻ gạo ngon quá. Từng hạt đều riêng như hạt ngà. Để chiều nay con nấu thử cho cha xơi. Chắc chắn sẽ thơm và dẻo lắm.

Ông giáo không tìm được lời nào để nói với con. Giọng vui giả tạo còn thắm hơn cả tiếng khóc. Ông hiểu nỗi tuyệt vọng của con gái, ông xót xa vì đó cũng là nỗi tuyệt vọng của đời ông. Bao năm nay ông rộn rã cả lòng khi nghĩ đến cuộc hôn nhân lý tưởng, giữa con gái yêu và người học trò thông minh của ông. Không bao giờ thổ lộ niềm vui đó với ai, ngay cả với An, nhưng được ôm ấp trọn vẹn nó cho mình như một giấc mơ đẹp, như một ý nghĩa thuần khiết, như chút còn

lại của cuộc đời bập bênh, ông thấy an tâm, tự tin hơn. Bây giờ tất cả đều mất, mất, mất hết. Tối hôm ấy, thức giấc giữa khuya, ông nghe hình như có tiếng khó ầm ức. Ông nín thở lắng tai để nghe cho rõ hơn. Nhưng ngoài tiếng muỗi vo ve, tiếng mọt gặm kèo gỗ, tiếng chuột lâu lâu khua động xó tủ, ông không nghe được gì khác. Ông tự nhủ có lẽ mình quá bi thảm hóa sự đau khổ của con gái!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 33

Từ khi Nhạc cho lệnh rút đạo Hòa nghĩa quân của Lý Tài về Qui Nhơn để dễ kiểm soát, chấm dứt tình trạng cướp bóc do đám quân vong mạng thất trận ấy gây ra khắp các vùng trú đóng, Chinh được sống với gia đình một thời gian.

Có thể nói trong hoàn cảnh sống heo hắt cô độc, gia đình đã mở rộng đôi tay đón chào đưa con trở về như một thiên sứ. Cả ông giáo lẫn An đều hớn hởi! Chinh đem sự náo hoạt, ồn ào rộn rã lại cho gia đình. Ông giáo cho mở ngay khóa cửa trước, xô tung hai cánh cửa khép lâu ngày làm mấy chú nhện hoảng sợ. Gió và ánh sáng lại được dịp ùa vào căn nhà lạnh ẩm mốc. Không cần hỏi han ai, nhất là không thắc mắc tình trạng tài chính của gia đình, ngay hôm sau, Chinh mời bốn người bạn hảo hớn về nhà đãi đằng.

Một người khoảng trên bốn mươi tuổi, da đen, có râu hàm rậm, nói tiếng Nam lơ lớ chưa thạo, được cả bọn kính nể, luôn miệng gọi là "đại huynh". Một người gầy ốm đôi mắt như hai lá rau răm, môi chỉ cười mím, má trái có một vết sẹo dài thâm tím và lóm sâu xuống, khiến bộ mặt đã choắt lại thêm mất cân đối. Người thứ ba tuổi đời mới ngoài hai mươi, bộ điệu chậm chạp cộc cằn, ít nói, lâu lâu có thói đưa ngón tay út lên xoáy vào lỗ tai. Người cuối cùng An đã gặp, vì Chinh có nhờ đưa thư về mượn một trăm quan trả nợ cho anh ta. Chinh lo về trước để chuẩn bị đón khách, gặp lúc ông giáo đang ngồi trầm ngâm trên phản gỗ, tay chống vào chõng gối xếp. Thấy con nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì, ông giáo dịu giọng hỏi:

- Con tìm gì vậy?

Chinh đáp:

- Con dọn mâm rượu lên cái phản này được không cha?

Ông giáo trở mắt nhìn Chinh hỏi:

- Rượu à? Cha có uống được đâu!

Chinh vội nói:

- Con đã mời bốn người bạn "đồng sinh đồng tử" chiều nay đến thăm nhà mình. Lâu nay họ đều biết tiếng cha, nhưng không biết có thời cha đã làm việc với quan Nội hữu Ý đức hầu ngoài kinh. Nghe con nói, họ không tin. Họ bảo nếu thật như vậy, cha đúng là trang hảo hớn", gặp thời làm quan trong triều, thất thời mai danh ẩn tích làm mưu sĩ cho khách anh hùng. Cả bọn đều muốn được hầu chuyện với cha. Cha giúp họ con khiêng cái phản này ra chỗ sáng một chút. Trong này tối quá.

Ông giáo không có cách nào khác là cùng với Chinh bày biện tiệc rượu cho các trang hảo hớn". Ông kinh dị trước vẻ buông tuồng, lời nói kiểu cách của Chinh. Nào những là đồng sinh đồng tử, khách anh hùng, trang hảo hớn. Kinh dị nhất là cái thói xem thường đời sống người khác, chỉ chăm chăm nghĩ đến cái vui trước mắt của mình. Chinh không báo trước khiến An phải vất vả

cả buổi trưa chạy khắp nơi xoay xở mua sắm mới tiệm đủ cho cuộc rượu. Khổ nhất cho An là phải qua Kiên để vay một ít rượu và đồ nhắm. Kiên thấy em gái đến, vừa ngạc nhiên vừa giận dữ, hỏi mát:

- Quí hóa quá. Có việc gì mà em phải thân hành đến đây?

An lúng túng không biết đứng ngồi thế nào, vì Kiên vẫn tiếp tục xoay trần ra cột lại cái chân gậy của quầy rượu, mặt mày dăm dăm. An muốn khóc òa rồi bỏ về, nhưng cố nhịn, thưa với anh:

- Có anh Chinh về đằng nhà, anh biết chưa?

Giọng Kiên dấm dấm:- Có ai thèm đến thăm tôi đâu mà biết!

An bậm môi nói một mạch:

- Anh ấy dẫn về một lô bạn bè, rồi bảo dọn rượu. Em không biết xoay xở làm sao vì gấp quá.

Anh chị cho em mượn đỡ một ít đồ nhắm, và vài chai rượu trắng.

Kiên ngưng việc ngược lên nhìn em. Có lẽ anh đâm thương hại em gái, không nỡ dằn vặt nó nữa. Kiên lẳng lặng đi tìm cái giỏ bát, xếp vào đó hai chai rượu nếp, một ít bánh và chả. Anh không quên gói thêm mấy củ tỏi và tiêu. An cảm ơn anh rồi rít. Hai anh em ra đến bến tắm ngựa Kiên mới hỏi:

- Sao độ này anh ít khi gặp cha trên phủ?

An kinh ngạc hỏi lại:

- Anh chưa biết gì ư?

- Việc gì?

- Anh vẫn còn đi làm ở kho chứ?

- Vẫn còn.

- Thế anh không nghe thiên hạ xì xầm điều gì à?

Giọng Kiên chán nản:

- Hơi đâu mà nghe. Làm xong việc về đây lo việc nhà, thú hơn.

An nhìn anh thương hại:

- Thôi lúc khác em sang chơi sẽ nói chuyện nhiều. Hay anh rảnh thì chiều qua nhà uống rượu với bạn anh Chinh.

Kiên dừng lại, bực dọc bảo em:

- Không. Chiều nay anh bận. Thưa với cha là anh gửi lời hầu thăm.

Tuy vậy tiệc rượu cũng khá thịnh soạn. Ông giáo ngồi với bọn trẻ một lúc, vì không chịu được cách ăn nói ồn ào thô lỗ nên lấy cớ nhức đầu vào nằm ở buồng sau. Chủ, khách chỉ chờ có thế.

Họ cười nói ồn ào hơn. Kẻ say bắt đầu những lời chửi rửa tục tằn làm An ngượng đỏ mặt. Có người nôn thốc ra cả mâm rượu, mặt phản nhớp nháp. Ông giáo giận quá, kêu Chinh vào mắng cho một chập. Chinh lí nhí xin lỗi, rồi ra nhà ngoài lựa lời nói khích để các "trang hảo hớn" chịu về nhà đại ca tiếp tục một cuộc rượu khác.

*

* *

Sáng hôm sau, Chinh lại cười cười bảo em:

- An có tiền không, cho anh mượn hai mươi quan.

An trợn mắt nhìn anh, tức tối nói:

- Em mượn của anh Lợi hai mươi quan chưa trả được, tiền đâu đưa thêm cho anh!

Chinh ngồi chồm hổm trước mặt An, nằn nì:

- Cho anh mượn thêm hai mươi quan nữa, vị chi bốn mươi quan. Anh bán thuốc được, sẽ trả cả

vốn lẫn lời cho em ngay.

An tò mò hỏi:

- Thuốc gì thế?

Tưởng em đã bắt đầu ham lợi, Chinh khoe:

- An có nhớ kỳ trước anh kể chuyện xin thuốc tên cổ đạo người Tây dương không? Không à? Anh có gửi về cho em hai gói thuốc trắng mà! Như vậy là anh say rượu quên gửi rồi đấy! Hoài của! Về sau anh có uống thử thấy công hiệu lắm. Anh đem nhờ thầy thuốc bắc ở Cửa Hội gửi xem thử thuốc Tây dương gồm những vị gì. Ông ta đoán được một số vị chính. Anh có nhờ ông ta hốt một thang đem tán nhỏ rồi gửi thử, quả nhiên mùi cũng hơi giống mùi thuốc Tây dương. Chỉ khác bột của mình màu nâu, còn của họ màu trắng. Từ đó khi nào túng tiền, anh làm thuốc bán cho dân quanh vùng, kiếm được khối tiền. Hiện anh còn một gói lớn. Bán ra ít nhất cũng được vài chục quan.

- Vẫn chưa đủ trả nợ cho anh Lợi.

Chinh nhăn mặt hỏi:

- Nợ anh nào?

- Anh Lợi. Chính anh nhờ em vay của anh Lợi để trả cho ông bạn hôm qua đến đây nôn ọe đầy phản đấy.

Chinh bĩu môi bảo:

- Tưởng nợ của ai! Nợ thằng Lợi thì khỏi trả.

An tức giận hỏi:

- Anh muốn quịt của người ta à?

- Không quịt. Nhưng anh làm theo lẽ công bằng. Thử hỏi thằng Lợi làm gì để có khối tiền, nếu không nhờ đóng dầu mà dính chút ít trên tay. Nói trắng ra là vì nó lo tiếp lương nên kiếm chác được. Mà không có bọn anh đánh đầu này đầu kia, thì làm sao nó có cơ hội bỏ túi bớt của thiên hạ được. Cho nên em thì anh gắng trả nợ, nhưng nếu là của thằng Lợi, thì anh khỏi phải trả.

Chẳng những thế, anh còn đòi thêm nữa...

An hô hoán lên:

- Trời đất ơi! Anh nói y như một tên ăn quịt. Cha mà nghe được thì...

Chinh cắt lời An: - Anh không nói đùa đâu. Lợi nó còn mắc nợ bọn anh. Bao nhiêu của cải bọn anh thu được chất sẵn lên thuyền, nó ton hót với trên để chở đi mất. Chuyển đó nếu nó không về đây sớm, chắc chắn mỗi người trong Hòa nghĩa quân đã xin nó một tí huyết.

An chống chế giùm cho người vắng mặt:

- Anh ấy chở về đây nhập kho, có sổ sách đảng hoàng. Không cướp bóc làm của riêng như bọn trộm cướp các anh.

Chinh nhìn chăm chăm vào mặt An, rồi cười hỏi:

- Sao em bệnh nó chằm chặp thế?

An tức giận nói:

- Vì em là con nợ của người ta. Xưa nay em chưa bao giờ phải ngửa tay vay mượn ai một đồng kẽm. Em nhục nhã ngửa tay van xin người ta, là vì ai? Vì anh đó.

Chinh đầu dụi:

- Anh biết thế, biết chỉ có em là còn thương anh nên mới viết thư cầu cứu. Anh không bao giờ quên ơn em. Nhưng đã làm ơn thì làm cho trót. Ráng cho anh vay thêm hai mươi quan. Chỉ hai mươi quan thôi.

An bậm môi, rồi lắc đầu:

- Em đã bảo là không có.

Chinh nằn nì:

- Anh biết em có.

- Không có.

- Có.

- Không có.

- Có.

An giận quá, đưa cả cái bọc tiền cho Chinh xem:

- Đây, anh soát đi. Hôm qua dọn tiệc rượu cho anh, em phải chạy qua anh Kiên vay đồ nhắm và hai chai rượu. Phải dốc tiền thuốc của cha luôn vào đó mới đủ. Chỉ còn mấy đồng kẽm, anh đã tin chưa.

Chinh buồn rầu, thất vọng. Bóp trán suy nghĩ một lúc, Chinh e dè hỏi An:

- Hay em mượn thẳng Lợi giùm anh.

An quả quyết đáp:

- Không!

Chinh biết không thể lay chuyển An nổi, đứng dậy nói:

- Thôi. Để anh đi tìm nó vậy. Anh lỡ khoe nhà mình giàu, chuyện này không có hai mươi quan, chắc không ngừng mặt lên nổi!

*

* *

Chinh đi đâu cả buổi sáng. Người bạn rượu từng mang thư giúp Chinh đến nhà tìm Chinh nhiều lần. Lần nào Chinh cũng chưa về. Anh ta có vẻ sốt ruột. Chỉ có một mình An ở nhà nên câu chuyện giữa chủ và khách gượng gạo, rời rã. Nếu cố gắng, An có thể tìm cách gợi chuyện cho không khí bớt tẻ nhạt. Nhưng cô ghét bọn bạn bè cộc cằn thô lỗ của anh. Cô để mặc anh ta ngồi lúng túng, im lặng ngồi lựah nhộng để xào nghệ cho cha.

Người bạn Chinh nóng ruột, hỏi An:

- Chinh nó có nói đi đâu không, cô em!

An ngược lên, bậm môi tức giận vì cách xưng hô sàm sỡ, đáp cộc lốc:

- Không.

- Vậy mà nó hẹn sáng nay đến là có liền.

An càng giận hơn, nói với khách:

- Các anh tưởng đây là nhà kho chắc!

Bạn Chinh vội hỏi:

- Cô em nói gì thế?

An dần từng tiếng:

- Tôi nói: Các anh tưởng đây là cái kho tiền bạc, rượu thịt hay sao? Kỳ trước chính anh đã cầm thư về đòi hai mươi quan, bây giờ lại đến lấy thêm hai mươi quan nữa.

Khách cũng không vừa. Anh ta không kiên nhẫn gì cả, cãi lại:

- Cô em nói như vậy, chẳng hóa ra tôi là thằng chuyên moi tiền nhà cô hay sao! Cô phải biết, nó nợ thì phải trả. Còn hai mươi quan kỳ này, chính nó tự đứng ra lãnh chứ không ai ép. Tối hôm ấy kéo qua nhà "đại ca" thì rượu hết. Chính nó tự nguyện ứng ra hai mươi quan để đại ca tổ chức một bữa thật linh đình, mừng ngày anh em thoát chết trở về. Nó bảo nhìn quanh chỉ nhà

nó là có đủ khả năng, anh em đừng lo. Cô em đã rõ chưa? Tôi chỉ là người đến nhận tiền để lo chuẩn bị sắm sửa.

Càng nghe nói, An càng giận anh. Cô thấy mình có lỗi khi đối xử nhạt nhẽo vô phép với khách. Giọng cô dịu dàng hơn:

- Bây giờ tôi mới vỡ lẽ. Anh ấy tưởng gia đình giàu có lắm hay sao! Anh coi, đồ đạc toàn những thứ rẻ tiền, lúc túng bán không ai thèm mua. Cha tôi già rồi, đào đâu ra tiền cho anh ấy phung phí. Anh ấy không biết nghĩ!

Bạn Chinh bốt giận, bảo An:

- Tôi chơi với Chinh lâu ngày còn lạ gì tính nó. Cười nói bi bô đó rồi quên đó. Nhưng được cái chơi với anh em rất chí tình. Lâu lâu cũng có phá quấy đấy, nhưng để đùa cợt chút thôi. Bản tâm không muốn làm hại ai, không muốn làm ai buồn.

An thở dài:

- Đã hai mươi lăm tuổi đầu mà tính vô tư như trẻ con, ham chơi quên mất tình cảnh gia đình. Anh thấy không, nhà chỉ còn hai cha con. Tôi đàn bà con gái, cha tôi ho hen luôn, không biết còn ở với con cái đến ngày nào. Hôm nào tôi quên không mua nhộng về xào nghệ thì y như rằng...

Người bạn Chinh trở đĩa nhộng hỏi:

- Thứ sâu này ăn được à?

An ngơ ngác hỏi lại:

- Anh nói sâu gì?

- Loại này này.

An cười giải thích:

- Nhộng kén mà anh bảo sâu. Anh chưa ăn thử bao giờ ư? Béo lắm. Ở phía bên kia sông người ta chuyên nuôi tầm lấy tơ, nên nhộng còn rẻ hơn cả thịt cá.

Bạn Chinh hỏi:

- Thế Chinh nó có thích thứ này không?

- Thích. Anh ấy hốt cả nắm bỏ vào miệng nhai như ăn bắp. Người bạn Chinh cười, như vừa tìm được điều gì thích thú. Anh ta nói:

- Thảo nào! Thảo nào nó thạo cái trò nuốt sâu!

An giật mình hỏi:

- Anh vừa nói gì thế?

Người khách cười cười nhìn An, rồi nói:

- Cô biết cái tính cắc cớ của anh cô rồi. Cái trò nuốt sâu đó.

- Vâng, nhưng hồi nhỏ anh...

- Lớn lên vẫn thế thôi. Chinh nó thích nhìn các bà các cô chết ngất vì hãi hùng. Cô biết không, mỗi lần đánh đến đâu, nó thường tìm đến nhà các cô gái trẻ đẹp để lân la nói chuyện. Tâm lý ai cũng sợ dân đeo gươm vác giáo, nên lúc nào các cô cũng ráng tỏ ra vui vẻ, lễ phép, ngoan ngoãn. Chờ lúc thuận tiện nhất, Chinh nó bắt đầu giở trò. Nó tìm bắt một con sâu nào đó, ở vườn thì thiếu gì. Nó cho con sâu bò trong lòng bàn tay. Nội bấy nhiêu cũng đủ cho các cô xanh mặt vì sợ hãi. Nhưng chưa hết. Nó bảo ở quê nó, người ta ăn loại sâu này để chữa bệnh sốt ngã nước. Rồi trong lúc các cô chưa kịp hoàn hồn, nó hất con sâu vào mồm nhai ngấu nghiến.

Không có cô nào không ngã ra chết giấc.

An đã biết tính Chinh mà nghe kể, vẫn còn muốn nôn ọe vì kinh tởm. Mặt cô nhăn nhó vì cố

ghìm cơn nôn. Người bạn Chinh cười to hơn, bảo An:

- Cô đừng sợ. Lần đầu biểu diễn cho chúng tôi xem thì nó nhai sâu thật. Nhưng các lần sau nó chỉ giả vờ. Nó ngậm sẵn một cọng trầu để nhai ra nước xanh, còn con sâu đã thả rơi xuống đất dẫm chân lên giấu, lúc hất mạnh tay vào miệng. Nó thích chơi trò đó, cô thấy có lạ lùng không? An lo lắng hỏi:

- Nhưng anh ấy có xâm phạm đến họ không?

- Không bao giờ. Tụi này đặt hẳn là "nhà nho nuốt sâu" mà!

*

* *

Vừa lúc đó Chinh và Lợi cùng vào nhà. Thấy bạn, Chinh cười nói rộn ràng:

- A ha! Chờ lâu không? Tìm cho được cái kho biết đi này đâu phải là chuyện đùa. Mày yên tâm. Về thưa với "đại ca" thế nào chiều nay cũng chu tất. Đã có anh Lợi giúp vào một tay, khỏi phải lo lắng nữa!

Người bạn vẫn còn lo ngại, rụt rè nhìn Lợi, rồi nói với Chinh:

- Nhưng tụi nó đòi kéo đến chúc thọ đại ca. Sợ đông quá!

Chinh phất mạnh tay ra vẻ hào phóng:

- Đông bao nhiêu cũng được. Càng đông càng vui. Phải không Lợi! Chiều nay kéo bọn bên kho qua chung vui, gọi là kết nghĩa giữa "hậu tập" với "tiền phương". Nhất định kéo bọn nó qua nhé! Bao nhiêu tất cả nào?

Lợi lúng túng gỡ bàn tay Chinh (lúc đó Chinh cứ nắm chặt lấy cánh tay Lợi mà hỏi han, mời mọc), chối từ:

- Chiều nay không tiện, anh ạ. Chúng tôi bận lắm!

Chinh trề môi chế giễu:

- Lại bận! Tiếp lương mà càng bận bịu bao nhiêu, kho càng mau rỗng bấy nhiêu. Cửa kho phải khóa chặt, thủ kho đi câu cá, thì mới mong nước giàu được.

Nói xong, Chinh cười hô hố một mình. Người bạn Chinh hỏi Lợi:

- Chiều nay chúng tôi đợi anh nhé!

Lợi giật mình, hỏi:

- Vâng. Nhưng, nhưng liệu có đông lắm không? Tôi sợ...

Chinh cười xòe hai bàn tay ra:

- Nhiều nhất là khoảng bốn lần thế này. Bốn chục con sâu rươi! "Ông" tính sao cho đủ thì thôi. Khoảng giờ dần nhé!

Lợi do dự, giữa lắc đầu và gật đầu. Chinh ôm vai người bạn nói:

- Thôi xong rồi. Về nói với anh em khoảng giờ dần phải có đủ mặt, cho dọn sẵn mâm chiếu.

Rượu thịt anh Lợi sẽ cho mang tới sau. Cần gì nữa không? À quên, tao phải cùng với mày đi báo cho anh em chứ. Mượn ngựa đi cho nhanh. Lợi ở chơi nhé. Tụi này đi trước.

Chinh và người bạn đi rồi, An mới hỏi Lợi:

- Thế mà anh cũng nhận à?

Lợi đỏ mặt, xấu hổ vì sự yếu đuối thụ động của mình trước mặt An, lắc đầu chậm chậm ra vẻ chịu đựng vì khoan dung:

- An thấy không, anh ấy có cho tôi kịp nói được tiếng nào đâu. Mà từ chối làm sao được! Tôi chỉ sợ anh ấy mất mặt với bạn bè. Chứ ai khác, thì... Tính anh ấy tức cười nhỉ! Đúng là cha mẹ sinh con, nhưng trời sinh tính. Anh ấy không được dầm như An với Lãng.

An nhớ ra vội hỏi:

- Hôm vào Cù Mông, Lãng có nhắn gì cho em không?

Lợi nhớ lại cuộc đi không vui, nhớ vẻ mặt lạnh lùng của Huệ, sa sầm nét mặt. Nhưng anh mau chóng giấu ngay được xúc động riêng. Lấy giọng vui vẻ, Lợi hỏi:

- Lãng bảo gấp quá không viết kịp. Nhận được quà An, Lãng mừng lắm. Lãng bảo bà chị cứ bày vẽ!

An chớp chớp mắt vì cảm động. Trước mắt cô, Lợi có vẻ hiền lành tốt bụng, hình như cả đời chỉ bận lo công việc giúp đỡ kẻ khác. Nhất là ân cần giúp đỡ gia đình An. Trong cảnh sống bị cô lập, nếu không có Lợi, An chưa biết hai cha con sẽ như thế nào? Chẳng lẽ suốt ngày nằm nghe tiếng thở dài của nhau, cắt đứt mọi liên hệ với đời sống bên kia vách. Lợi mang đến lương thực, tin tức, mang đến cả những lời bông đùa. An ngược nhìn Lợi lần nữa, thấy thương hại anh. Cô âu yếm nhắc:

- Anh không đi lo rượu ngay cho họ, sợ không kịp đâu!

Lợi sung sướng vì lời nhắc nhở đầy âu yếm, cười đáp:

- Không kịp thì cũng phải vắt giò lên cổ mà chạy cho kịp. Chỉ vì anh Chinh tôi mới phải vậy, chứ ai khác thì...

An hiểu ý Lợi, li nhí bảo:

- Vâng, em cảm ơn anh lắm. Anh lo giúp cho anh Chinh đi! Có cần em nấu nướng gì không?

Lợi vội nói:

- Không đâu. Tôi chỉ sai tụi nó xuống phố một chốc là xong hết. An đừng lo. Tôi về nhé!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 34

Khoảng cuối tháng Bảy năm Ất Mùi (1775), sau khi được Hoàng Ngũ Phúc phong cho chức hàm Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân, Nhạc đã khá yên tâm về mặt bắc. Bùi Văn Nhật thu được những nguồn tin đáng mừng: Quân Trịnh vẫn đóng ở Châu Ổ Quảng Ngãi, không có dấu hiệu chuẩn bị để tiến sâu về nam. Chẳng những thế, có nhiều dấu hiệu Hoàng Ngũ Phúc muốn rút quân về phía bắc. Quảng Nam đang có bệnh dịch, chiến sĩ có quá nhiều người bị ốm, tinh thần quân lính rời rã, bải hoải. Đã thế dường như có bất đồng ý kiến giữa Việp quận công với những cộng sự viên như hiệp tán đại tư đồ Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, Tùy sai Nguyễn Lệnh Tân, Dĩnh võ hầu Nguyễn Đình Đống. Phái trẻ thì muốn đóng quân, lập cơ sở chính quyền trên các phần đất chiếm được, nghĩa là nhất định không rút khỏi Châu Ổ. Phái trung dung muốn lui về củng cố Quảng Nam. Ý kiến tối hậu vẫn là của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc. Như một con ngựa chiến già chồn chân muốn yên nghỉ trong tàu ngựa cũ, Hoàng Ngũ Phúc chỉ muốn được cởi giáp, tháo yên cương mà về ngắm hoa. Ông có cảm giác xao xuyến của người sắp bỏ cuộc, dùng dằng giữa núi việc bề bộn trước mắt chưa biết tin ai để giao phó, và ý định buông thả hết mà về dưỡng già. Dẫn một đạo quân đông đảo đến giữa nơi tranh chấp, xa lạ, hoang dã, bệnh tật, bỏ mặc bao nhiêu số phận cho may rủi để tìm chỗ an nghỉ, viên tướng già cảm thấy bất nhẫn. Ít ra phải đưa họ về chỗ an toàn, trước khi từ nhiệm. Như thế thì lương tâm yên ổn hơn! Cho nên từ tháng Bảy Ất Mùi (1775) đã có nhiều lời đồn đãi ở Châu Ổ là thế nào quân Trịnh cũng rút về bên kia đèo Hải Vân. Lòng quân nôn nao, chỉ chờ được trở về quê nên tin mừng loan truyền mau chóng, đi đâu cũng nghe bàn luận sôi nổi. Bùi Văn Nhật lấy được tin dễ dàng nhờ thế! Khỏi phải dồn lực lượng để ứng chiến với quân Trịnh, Nhạc bắt đầu tính kế đánh phủ Phú Yên của Tổng Phúc Hợp. Ông đích thân xuống Cù Mông thảo luận kế hoạch với em.

Nhạc phải vui mừng kinh ngạc trước một đội ngũ hăng hái và trật tự như vậy. Quá quen với những đạo quân liều mạng hỗn độn của Tập Đình, Lý Tài, Nhạc ngỡ ngàng khi thấy cách tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, phong thái tự tin và trầm tĩnh của hầu hết tướng sĩ dưới quyền Huệ. Nhạc hỏi em đã giao vai trò mũi xung kích cho toán quân nào? Huệ chỉ toán quân của Sở, lúc ấy đang tập sử dụng hỏa hổ trước bản doanh. Nhạc thấy họ trẻ tuổi và hiền lành quá, lo lắng hỏi:

- Liệu có kham nổi không? Trước đây bao giờ anh cũng giao mũi này cho quân hai ông Tập Đình, Lý Tài. Lần này nếu em cần, có thể dùng số Hòa nghĩa quân còn lại trên phủ. Họ được rồi lâu quá rồi, suốt ngày chỉ uống rượu.

Huệ vội từ chối:

- Em không cần đến bọn ấy. Em tin tưởng hoàn toàn vào toán xung kích của anh Sở. Kế hoạch

của em thế này, anh xem thử có được không.

Hai anh em bàn thật kỹ về từng điểm nhỏ, và sự hăng hái có cơ sở, sự liêu lĩnh có tính toán của Huệ cuối cùng thuyết phục được Nhạc. Nhạc vỗ vai em bảo:

- Thôi, tùy ý "chú" (lần này Nhạc cố dùng chữ chú để thay cho chữ em, vì nghĩ vai trò mới của Huệ bắt buộc phải vậy). Nên nhớ trận này cũng quan hệ đến chúng ta như trận Bích Khê. Nếu thua nữa, ta còn mặt mũi nào mà nhìn tướng sĩ! Gần suốt một năm nay chỉ thua! Chú nhớ nhé! Phần anh sẽ cho thảo ngay bức thư trá hàng. Gần đây có ông đồ nào không?

Huệ lắc đầu. Nhạc nói:

- Thôi được. Cần gì văn hoa. Mình dùng lời lẽ càng nôm na bao nhiêu, hấn càng cả tin bấy nhiêu. Chú cứ thảo đi, anh đọc lại, cho chép cẩn thận rồi sai người đem xuống sông Cầu. Ngày mai anh về lại Qui Nhơn.

Huệ giao việc thảo thư cho Lãng. Lần đầu được góp phần vào việc tạo dựng một biến cố lịch sử, Lãng hãnh diện đến ngây ngất. Anh soạn lá thư quá dài. Huệ góp ý cắt bớt những phần thừa và rườm rà. Bức thư thu gọn một trang giấy, lời lẽ khiêm nhường mà không hèn nhát, hòa hoãn mà vẫn tự chủ, kết hợp đầy đủ lý và tình. Khi Nhạc lên ngựa xuống đèo Cù Mông trở về phủ Qui Nhơn, tất cả mọi việc chuẩn bị đánh phủ Phú Yên đã hoàn tất.

*

* *

Trừu triền núi phía nam của dãy Cù Mông thả tầm mắt nhìn xuống đã thấy đồng bằng Đồng Xuân trải dài giữa những ngọn núi trọc và vũng Xuân Đài. Dinh phủ Phú Yên đóng tại sông Cầu, sát ngay bên bờ biển. Từ Cù Mông đến phủ chỉ cách nửa ngày đường. Cho nên Huệ cho toán xung kích giả dạng làm người bán củi, hoặc người buôn quế xuống sông Cầu trước, hẹn nhau sẽ tập trung lại ở một điểm tập kích gần dinh. Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng dẫn hai đạo quân người Thượng theo đường rừng ém sẵn ở các dãy núi trọc phía tây. Cả hai cánh quân đều không dàn trận theo hàng ngang, mà dồn hết lực lượng làm mũi chủ công, khi có lệnh thì đánh thẳng đến mục tiêu, bỏ qua những đồn trại quân Nguyễn ở hai bên sườn. Huệ chủ động đánh thật mau thật mạnh để chiếm dinh Phú Yên, và khi phủ đã mất, các đồn trại của địch còn lại đang hoang mang, thì mới cho quân tỏa ra để thanh toán nốt. Huệ thấy trận Cẩm Sa vừa rồi ở Quảng Nam sở dĩ thua là vì Nhạc đã cho dàn lực lượng đối mặt với quân Hoàng Ngũ Phúc, lại kéo dài chiến trận quá lâu, nên quân địch tận dụng được sở trường về ưu thế vũ khí và chiến thuật của một quân đội chính qui, trong khi nghĩa quân bỏ mất sở trường là lối yểm kích. Những điều này Huệ có đem ra thảo luận với anh, và Nhạc phải nhận em nghĩ đúng.

Kể về số lượng và trang bị thì đội quân Tống Phúc Hợp ở Phú Yên không kém thua đội quân Hoàng Ngũ Phúc bao nhiêu. Tin tức thu lượm được cho biết Tống Phúc Hợp có hai vạn quân (Trinh Hoai Đức, Gia Định thành thông chí). Huệ không tin ở con số phóng đại ấy, vì cả phủ Phú Yên dân số khoảng trên mười bốn nghìn, trừ các xã thuộc nội phủ không phải lính trên mười nghìn, dân bản phủ thực phải chịu lính không hơn bốn nghìn. Dù Hiệp có đem quân ngũ dinh ra tăng cường cho Phú Yên thì cũng không thể vượt quá số dân đinh toàn phủ. Vả lại binh nhiều chưa chắc đã mạnh. Vấn đề còn tùy thuộc vào cách bố trí phòng thủ. Tống Phúc Hợp đóng bản doanh tại sông Cầu, lập hai cứ điểm bảo vệ cho phủ, một ở Xuân Đài do bộ binh đóng giữ, một ở vũng Lầm do thủy binh đồn trú. Như vậy Tống Phúc Hợp tin rằng mặt phía tây đã có các dãy núi làm bức thành vững chắc, chỉ cần lo ứng phó mặt bắc áp sát Cù Mông và mặt đông. Lá thư trá hàng của Nhạc đã phần nào khiến Hiệp kiêu hãnh, việc canh phòng có trễ tràng.

Toán xung kích lần đến gần thành, họp nhau ở điểm hẹn mà quân canh phòng vẫn chưa thấy điều gì thất thường. Nhìn về phía Cù Mông, họ vẫn thấy quân Tây Sơn án binh bất động. Tổng Phúc Hợp an tâm. Cho đến lúc đột ngột quân Tây Sơn xông vào thành thì Hiệp không còn có thì giờ trở tay nữa. Quân Nguyễn kinh hãi vừa kéo ra ứng chiến đã hoảng hốt, tan rã nhanh chóng. Tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Hiền bị tử trận. Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên bị bắt sống. Tổng Phúc Hợp chỉ có đủ thì giờ cùng một vài người thân tín liều lĩnh mở đường máu rút chạy vào nam. Nghe tin Phú Yên thất thủ, trấn thủ Bình Khang là Bùi Công Kế đem quân theo đường núi ra tiếp cứu cho Phú Yên. Huệ cho quân tiến đánh, bắt sống được Kế. Tổng Văn Khôi lại đem quân từ Khánh Hòa tiến ra. Huệ đánh bại toán quân cứu viện này ở Ba Ngòi, Tổng Văn Khôi chết trận (Đại Nam liệt truyện tiền biên). Trong vòng không đầy mười ngày, Huệ đã chiếm lại toàn phủ Phú Yên. Chiến công lẫy lừng đó lần đầu tiên làm chấn động trong nam ngoài bắc, xác nhận tài năng của một viên tướng Tây Sơn trẻ tuổi vừa mới hai mươi ba. Những viên tướng Tây Sơn từng vào sinh ra tử ở mặt trận phía bắc như Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung, Phong, Hãn chỉ còn là những bóng mờ. Ngôi sao Nguyễn Huệ bắt đầu chói sáng suốt chiều dài lịch sử từ năm Ất Mùi cho đến lúc Huệ lìa đời.

*

* *

Mấy ngày nay cả phủ Qui Nhơn lên cơn sốt. Cây cối, chim chóc, nhà cửa, sông núi như bùng dậy, xốc áo đứng lên hòa nhập vào cái rộn rã chung. Nắng cuối hạ không còn màu sắc chói chang, đầm thắm mát dịu mời gọi mọi người ra đường. Từ ông già bà lão cho đến trẻ nít, người nào cũng xôn xao tỏ mở, chạy khắp đầu làng cuối xóm nghe tin chiến thắng. Những người lính được về phép quần áo còn nhàu nát, tóc tai bù xù, mắt trộm vì mất ngủ, trở thành những nhân vật thần thoại được mời mọc, săn đón, thăm hỏi, ái mộ khắp nơi. Họ đi đến đâu cũng có người bu quanh để bắt kể chuyện chiến thắng. Được dịp cho họ thêu dệt trận yểm kích Phú Yên thành một lô chuyện ly kỳ, gần như thần thoại. Người nghe há hốc miệng thán phục, rồi câu chuyện kể chuyền khắp nơi, qua một chặng lại thêm một mức ly kỳ. Cuộc chiến đấu giữa nghĩa quân Tây Sơn và quân Tổng Phúc Hợp dần dần trở nên một cuộc thử thách gay go giữa cái thiện và cái ác, giữa tuổi trẻ và già nua, giữa kẻ bị chèn ép và bọn tham quan, giữa đẹp và xấu, giữa tất cả những gì thuộc về ánh sáng chống lại bóng tối ử dột mê ám. Những lời thêu dệt ấy, lạ thay, vẫn cuốn hút được người trong cuộc như ông giáo. Ông còn lạ gì đũa học trò thông minh của ông. Nhưng nghe thiên hạ tô điểm Nguyễn Huệ thành một thứ Thạch Sanh chém chằng, ông vẫn thích thú.

Ông quên đang phải sống trong cảnh cô lập. Ông chạy khắp nơi để nghe ngóng tin tức, thu thập các mẩu chuyện ly kỳ. Những người quen biết từng e ngại xa lánh ông cũng quên hết mọi dè dặt. Lòng người trở nên độ lượng rộng rãi. Người ta chào nhau bằng nụ cười không hậu ý, vỗ vập nhau như những bạn cố tri cùng tìm được một thứ hạnh phúc trọn vẹn. Mỗi khi nghe thêm được một tin vui, ông tìm cho được một người nào đó để kể lại. Thường thì ông về nhà tìm con gái. Chưa có thời kỳ nào An hạnh phúc như vậy. Cô thấy cha trẻ hẳn, hai má đỏ hồng khi phấn khởi, ánh mắt rạng rỡ. Bệnh ho tự nhiên dứt hẳn dù ông giáo nói luôn miệng. Đôi lúc An phải can cha:

- Ngoài đường người ta đi lại tấp nập, bụi bay mù mịt, cha thấy không. Đã thế cha lại không mang nón. Khi hôm con chờ cửa, quá giờ cơm tối cha vẫn chưa về. Xin cha lo cho sức khỏe. Ông giáo cười, âu yếm nhìn con gái, nói:

- Không sao đâu. Làm sao có thể ru rú trong nhà giữa lúc này. Con biết không, người ta đồn rằng đích thân Huệ cũng giả làm anh buôn quế, vào tận dinh Tổng Phúc Hợp để bán thứ quế tốt nhất. Tổng Phúc Hợp tiếp Huệ mà không e dè gì cả, còn dặn chuyển sau nhớ mang nhiều hơn nữa, giá bao nhiêu cũng mua. A ha! Con biết không...

Cứ như vậy, sau ba tiếng "Con biết không", ông giáo lại vui vẻ kể cho con gái nghe một tin đồn ly kỳ về Huệ. An lắng nghe những chuyện huyền hoặc, uống từng lời như mật ngọt. Đôi lúc An chen vào hỏi:

- Nhưng cha có nghe chừng nào họ về đây không cha?

Ông giáo liền lấy giọng nghiêm khắc gạt đi:

- Về sao được! Lấy xong phủ còn khối chuyện phải làm. Chiếm được phủ Phú Yên đã khó, mà ổn định được phủ để chúng nó không dám trở lại càng khó hơn. Con biết không, người ta đồn rằng...

An không vừa, cắt lời cha:

- Con nghe nói trại chủ đã cử Lý tiên sinh vào trấn giữ Phú Yên rồi mà. Hôm qua chính anh Chinh cũng nói thế. Anh ấy đang lo chuẩn bị để vào Phú Yên.

Ông giáo cương quyết giữ ý kiến của mình:

- Dù đạo quân của Lý Tài có vào giữ sông Cầu công việc vẫn chưa xong. Cha nghe nói Việp quận công đã phong cho Huệ tước Tiên phong Tướng quân và chuẩn bị rút quân về Phú Xuân. Nếu thực sự như vậy, nhiệm vụ của Huệ nặng lắm. Không thể đóng yên một chỗ như lâu nay đóng ở Cù Môn đâu.

An quên cả dè dặt, mắt mơ màng, thì thầm:

- Ước gì anh ấy về đây vài hôm, để nghe chính anh ấy kể chuyện. Con nghe thiên hạ nói về anh ấy như kể chuyện đời xưa.

Ông giáo quay lại nhìn con, bắt gặp khuôn mặt mơ màng, say đắm, như không còn liên hệ gì đến cuộc sống thực. Tự nhiên lòng ông đau nhói. Ông e ngại liếc nhìn con lần nữa, thầm nghĩ: "Không biết nó có thấy trước tình cảnh tuyệt vọng hay không? An ơi, chắc con sẽ đau khổ lắm, nhưng cha không nỡ lay tỉnh con. Hãy cứ mơ mộng, hãy cứ hy vọng, làm như không còn gì trắc trở rủi ro trên đời, hỡi An yêu dấu của cha".

*

* *

Càng nghĩ ngợi, ông giáo càng thấy lòng nặng trĩu.

Trong cơn say kiêu hãnh vì chiến công hiển hách đầu tiên của đứa học trò yêu, ông giáo đã quên nhiều điều.

Ông hãnh diện vì Huệ đã lĩnh tước phong của Hoàng Ngũ Phúc, quên mất rằng đấy chính là điều ông lo âu nhất. Ông từng mơ ước một Đàng Trong giàu có, thịnh trị, trên có vua sáng, dưới có tôi hiền. Một trong những tôi hiền dĩ nhiên là ông. Và các đảng minh quân chắc chắn không ai khác hơn là những ông hoàng trong họ Nguyễn Gia Miêu. Thời thế có đổi thay, đôi lúc bọn tham quan cớ Trương Phúc Loan có khuynh loát triều chính, nhưng ông giáo không thể chấp nhận một ai khác ngoài họ Nguyễn Gia Miêu có đủ chính nghĩa và thiên mệnh để lên ngôi vua. Ông căm ghét Trương Phúc Loan, xem thường Duệ Tôn, nhưng đặt hết hy vọng vào hoàng tôn Dương. Đến khi quân Trịnh chiếm được Phú Xuân, ông lại nghĩ đến cái thế liên hiệp giữa ba lực lượng Đàng Trong là quân ngũ dinh, Tây Sơn và Đông cung Dương để chống quân xâm lược Bắc hà. Nguyễn Phúc Chất trốn đi làm đồ vỡ tất cả hy vọng của ông. Ông bị đẩy ra ngoài guồng máy

hành động, ông bị cô lập, bị nghi ngờ. Ông còn ráng chịu đựng được cuộc sống hiu quạnh lạc lõng, chỉ vì còn hãnh diện rằng cho đến phút chót, tự mình xét mình, ông vẫn hoàn toàn trung thành với Chúa Nguyễn. Ông đã sai quấy, mừng rỡ khi nghe tin Huệ trở thành viên tướng biên phòng của nhà Trịnh. Ông tự trách mình hời hợt, nhẹ dạ, để cho tình cảm riêng tư lôi cuốn đi xa con đường chính.

Ông giáo lại liếc mắt nhìn con, An vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, mắt nhắm lại, miệng mỉm cười, khuôn mặt bằng bạc một vẻ ngây ngất say dại. Ông vội quay mặt đi không dám nhìn con, vì thấy rõ tất cả cái mong manh phù phiếm của nỗi ngây ngất ấy. Ông nghĩ:

- Tại sao con không thấy: Huệ càng trở nên nhân vật quan trọng, trở nên linh hồn, cột trụ của phong trào Tây Sơn thì hy vọng hạnh phúc của con càng mong manh, hờ An. Không phải là lỗi của con đâu! Cha biết khắp phủ Qui Nhơn này không có người con gái nào xứng đáng với Huệ bằng con. Không ai đẹp dễ thông minh, nhất là đam mê thương yêu Huệ bằng con gái của cha. Nhưng trở ngại lớn nhất cho mối tình của con là cha. Phải, chính cha đã không cho con toại ước. Con nghĩ mà xem, trước đôi mắt mọi người, cha là một người cương quyết trung thành với nhà Nguyễn, từ trước đến sau hăng hái hô hào tôn phù hoàng tôn. Bây giờ chiều hướng lịch sử đã thay đổi. Trại chủ đã cương quyết quản thúc Đông cung, và sẵn sàng lãnh ấn tiên phong của nhà Trịnh để tiêu diệt nhà Nguyễn. Cha trở thành một kẻ khả nghi. Nếu trại chủ chưa mạnh tay như đã mạnh tay với Nguyễn Phúc Tĩnh, có lẽ chỉ vì ông còn nghĩ đến tình nghĩa sâu đậm của thời khởi dấy, còn nghĩ đến những ngày An Thái. Huệ trở thành cột trụ của Nhạc, đã lãnh ấn tiên phong tướng quân để vào nam chinh phạt. Làm sao trại chủ có thể cho phép Huệ làm hại thanh danh của mình vì cuộc hôn nhân với con gái một lão đồ già, một kẻ khả nghi đang bị quản thúc nghiêm ngặt và kín đáo. Con nghĩ mà xem, có thể còn chút hy vọng nào không? Phải là một kẻ phi thường mới có thể vượt khỏi những ràng buộc khắc nghiệt của hoàn cảnh! Huệ có đủ can đảm dứt bỏ hết, đập lên trên thị phi để đến với con không, hờ An? Cha không dám tin ở điều phi thường. Vả lại nếu Huệ thực sự can đảm hy sinh cho điều phi thường, thì có lẽ đó là cái gì cao hơn, xa hơn chuyện vợ chồng. Cha nhìn vào ánh mắt điệu cột khinh bạc của Huệ để đoán như vậy. Con có bao giờ khám phá điều đau lòng ấy không, hờ An?

*

* *

Chinh theo Lý Tài vào Phú Yên thì cảnh nhà ông giáo trở lại quạnh hiu như trước. Sau thời gian say men chiến thắng, mọi người trở về với thực tế của đời sống, và bắt đầu xa lánh ông giáo. Cửa trước lại đóng, hai cha con lại rình nghe tiếng thở dài của nhau.

Cho đến một hôm Nhạc đột ngột mời ông giáo lên dinh có việc. Nhờ đã chuẩn bị chờ đón mọi bất ngờ, nên ông giáo không lo sợ. Ông chỉ tò mò.

Nhạc tươi cười vồn vã tiếp ông trong căn phòng rộng trang hoàng màn trướng sang trọng, xa xỉ. Những bức trướng không đúng kích thước cửa sổ đã được thay thế. Cả bức màn gấm giăng ngang sau lưng Nhạc cũng được đổi mới. Màu sắc của bàn ghế, màn trướng hòa hợp tinh vi, tỏa ra không khí mát dịu, đẹp mắt. Nhạc ra tận cửa để đón ông, cười hỏi hớn hờ:

- Lâu ngày quá không được gặp thầy. Vẫn mạnh chứ ạ? Thế nào, hợp nhân sâm thầy dùng thử có công hiệu không?

Ông giáo hơi ngỡ ngàng, ấp úng đáp:

- Vâng, công hiệu lắm.

Nhạc cười ha hả, nói đùa:

- Công hiệu lắm thì dễ sinh điều nguy hiểm. Nhất là các ông góa vợ. Nhưng cái bệnh ho đã dứt tuyệt rồi chứ?

Ông giáo thấy ngứa cổ, ho một tiếng rồi đáp:

- Lâu lâu vẫn vậy. Bệnh già mà ông cả!

Chờ cho ông giáo ngồi xuống cái ghế bọc gấm, Nhạc hỏi:

- Mấy hôm nay thầy "đóng cửa tạ khách" có nổi không?

Ông giáo e dè nhìn Nhạc, sợ câu hỏi có giấu những cái lười sẵn sàng chụp lên đời ông. Ông giáo suy nghĩ một lúc mới đáp:

- Bên ngoài rộn ràng quá, tôi không ngồi yên được. Gần như cả phủ bước vào mùa hội.

Nhạc cười thỏa mãn:

- Đúng lắm. Cả phủ đang mở hội. Có thể chứ! Sau mấy trận thất bại vì bọn lưu manh hèn nhát, phải đến lúc chúng nó giật mình thấy rõ thực lực của Tây Sơn. Đâu cần chờ đến tuổi chín chắn. Kẻ địch là một lão tướng dày dặn kinh nghiệm, am hiểu chiến trường. Bên phía chúng ta, một thằng con nít hai mươi ba tuổi! Ha ha! Chúng nó đã sáng mắt ra chưa. Ngay cả lão Lý Tài cũng chờ tin thất trận để cười vào mặt tôi. Thầy chưa thấy nét mặt lão khi lính trạm về báo tin đã lấy được Phú Yên. Lão cười không ra cười, mếu không ra mếu. Tôi được dịp càn trêu già.

Ông giáo hỏi:

- Rồi trại chủ định giao Phú Yên cho ai đây?

Nhạc định trả lời, nhưng chợt nhớ điều gì, kịp ngưng lại. Nhạc chỉ bảo:

- Tôi chưa tính. Tạm thời cứ để cho các đội trưởng phân vùng mà kiểm soát, đáng ngại nhất là những vùng trước đây do tay chân Châu Văn Tiếp cai quản. Thế nào cũng tìm được người thích hợp cho Phú Yên. Tôi muốn thử thách một lần cuối, cho dễ về sau.

Thấy Nhạc nói quanh, ông giáo biết trại chủ không muốn thông báo cho mình biết mọi dự định như trước kia. Ông cảm thấy đắng ở đầu lưỡi, mặt nóng bừng. Nhạc lại nói:

- Gần đây tôi bận việc quá, nên ít gặp thầy. Nghe Lợi nó bảo sức khỏe thầy vẫn thường, tôi mừng lắm. Ho hen qua quít không đáng kể. Về già ai chẳng thế. Miễn là ăn được cơm. Tối ngủ đầy giấc. Hình như thầy mập hơn kỳ trước, phải không?

Ông giáo đáp:

- Cảm ơn ông, tôi vẫn thường. Cũng may có con An bên cạnh, cơm nước không đến nỗi gì.

Nhạc mau mắn nói:

- Phải, tôi cũng có nghe thằng Lợi bảo vậy. Con Thọ Hương nhà tôi nó mê An còn hơn cha mẹ, chồng con nữa. Nói gì cũng nhắc đến chị An. Bà vợ tôi phát bực, đâm ghen với cô gái của thầy đấy. An được mấy tuổi, thừa thầy?

- Nó lên hai mươi hai. Tuổi tì.

Nhạc gật gù, rồi chậm rãi nói:

- Hai mươi hai. Cũng khá lớn rồi đấy. Ngày xưa tôi lấy nhà tôi lúc bà ấy mới 16 tuổi. Hai mươi hai! Đã hai mươi hai! Kể cũng phải. Gia đình thầy từ kinh đô lạc vào sống giữa bọn dân núi chúng tôi, con trai thì không sao, còn con gái thì khó kén được tấm chồng xứng đáng. Kể ra theo lẽ thường tình thì hai mươi hai cũng hơi muộn. Nhưng thằng Lợi thì cứ quả quyết là khuôn mặt cô An mới trông tưởng như gái mười sáu, mười bảy. Nghe giọng nói nghiêm trang, lý lẽ chín chắn mới biết người đã trưởng thành. Lợi nó vẫn thường lui tới đằng thầy chứ ạ?

Ông giáo đáp trong hoang mang:

- Vâng. Lâu lâu cậu ấy có đến thăm tôi.

Nhạc mỉm cười, nói bằng quơ:

- Chưa hẳn như thế đâu!

Ông giáo hơi nóng ruột, hỏi lại:

- Ông nói gì ạ?

Nhạc lúng túng xoay câu chuyện sang hướng khác:

- Ôi chào! Tính cái thằng đó ai không biết. Không bao giờ để cho cặp chân và cái lưỡi được yên.

Đi chỗ này chỗ vào vài câu, người ta chưa kịp trả lời đã đi sang chỗ khác. Nhưng ai hiểu thì thương nó lắm, vì nó tốt bụng.

Ông giáo nói vuốt đuôi cho xong:

- Vâng, tốt bụng!

Nhạc chớp lấy câu nói của ông giáo, hấp tấp hỏi:

- Thầy cũng thấy thế à?

Ông giáo thành thực đáp:

- Vâng. Gần đây nếu không có cậu ấy lui tới thăm nom, tôi chẳng khác nào người mù, câm, điếc.

Rồi với giọng phấn kích, ông giáo nhìn thẳng vào Nhạc nói:

- Không hiểu vì sao tự nhiên mọi người đều sợ phải nói chuyện hay gặp mặt tôi. Mọi người xa lánh gia đình tôi như gia đình hủi. Ông có biết tại sao không?

Nhạc cười lớn, xua tay nói:

- Thầy buồn không có bạn già hàn huyên nên quẩn trí thế thôi. Thầy đừng nói thế, anh em nghe được họ buồn lắm. Không phải ai ai cũng mau mắn miêng lưỡi được như thằng Lợi. Cái gì nó cũng pha trò được. Chuyện gì cũng bàn vào! Nhưng thầy ạ, có một chuyện nó mở miêng không nổi, phải nhờ đến tôi. Chắc thầy đoán ra được rồi chứ?

Ông giáo chỉ ngỡ ngàng một chút, rồi hiểu ngay. Lòng ông lại đau nhói. Cổ nuốt nước bọt cho bớt xúc động, ông hỏi:

- Chuyện gì thế, thưa trại chủ?

Nhạc cười, bắt bẻ:

- Thầy giáo gọi tôi khách sáo như vậy, chắc là gặp khó đa! Nhưng lỡ phóng lao rồi, tôi phải nói cho xong: Thằng Lợi hiện côی cut không cha mẹ, anh em, lâu nay gần như nương tựa vào chú bác trong trại, lấy trại làm nhà, bà con cô bác lớn tuổi làm chú bác. Thầy đã biết là từ lâu, Lợi nó đem lòng thương cô An. Tôi thấy cả hai đều ngoan ngoãn, lo làm lo ăn, lại biết hết sức lo việc chung. Nếu thầy gặt đầu, có lẽ chưa bao giờ trại Tây Sơn có được một cuộc hôn nhân tốt đẹp như vậy. Ý thầy thế nào? Chắc không nỡ làm cho thằng Lợi buồn rầu thất vọng chứ?

Ông giáo ngồi im lặng một lúc lâu, không biết trả lời thế nào. Lời đề nghị của Nhạc không làm ông ngạc nhiên. Nhiều đêm ông cũng có nghĩ tới khả dĩ có trường hợp An phải lấy Lợi. Nhưng chính Nhạc đứng ra làm ông mai, thì vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Điều đó có nghĩa con gái ông đã thực sự tuyệt vọng! Không còn nghi ngờ gì nữa! Chắc chắn đã có những cuộc bàn luận sôi nổi chung quanh mối tình của con gái ông, và khi Nhạc đã đích thân đứng ra làm ông mai cho một thuộc cấp trung, tất nhiên bộ máy quyền lực của Tây Sơn đã đồng thanh lựa chọn một giải pháp dứt khoát. Đứa con gái ốm yếu của ông có thể làm gì được trước quyết định xót xa ấy? Đôi vai xuôi của An có gánh nổi sức nặng đè nén của số phận?

Thấy ông giáo giữ im lặng quá lâu, Nhạc bực bội nói:

- Tôi biết thầy khó có thể trả lời ngay, vì còn phải hỏi cô An. Tôi hiểu nỗi khổ tâm của thầy. Tôi cũng có con gái, nên đã trải qua nhiều nỗi khổ tâm vì chuyện tình duyên của chúng. Nhưng dù

sao chẳng nữa, chúng chỉ là những đứa con nít. Chúng ưa vói cao mà không thấy chân mình ngắn. Không dẫu dắt chúng, chỉ lối chỉ đường cho chúng, thế nào cũng sa vào hầm hố, chông gai. Thầy có thấy thế không?

Ông giáo mím môi vì giận, đáp cộc lốc:

- Vâng, ông nói đúng lắm.

- Thế nào thầy cũng ráng khuyên răn cô ấy, thầy nhé. Chừng nào tôi báo tin mừng cho chú Lợi được?

- Vâng, tôi sẽ gặp khuyên nó. Cũng dễ thôi. Lâu nay gia đình chúng tôi vẫn luôn luôn biết mình chân thấp. Chỗ nào cao chúng tôi không dám đưa tay vói đâu, trại chủ ạ!

Nhạc cười trách:

- Lại trại chủ. Cứ gọi tôi là “ông mai” đi, còn nếu muốn gọi cho đủ lễ nghi thì phiền phức lắm.

Nào những là “Tây Sơn trại trưởng, hiệu Tráng tiết Tướng quân”. Hay thật. Mà cũng lém thật.

Đem chữ nghĩa ra buộc ràng người ta là nghề của các nhà nho. Phải không thầy giáo?

*

* *

Không cần nghe hết những lời ấp úng của cha, An đã hiểu. Cô sững sờ, lơ lảo nhìn quanh. Ông giáo tránh cặp mắt của con, vói một quyển thơ trên kệ sách lật ra giả vờ đọc. Ông gấp lại Đồ Phủ. An lặng lẽ vào phòng mình nằm vật xuống chiếu.

Cô cảm thấy tiếc nuối, như vừa đánh mất thứ gì quý báu mà không bao giờ, phải, không bao giờ có thể tìm lại được. Mọi vật quanh An tự nhiên thay đổi: cái giường gỗ trải chiếu trắng, mặt gối có thêu đôi chim đang rửa lông cho nhau, chai đựng nước lọc, cái gương nhỏ đã rạn ở một góc, rổ đồ may darning bằng mây nhuộm màu điều, đôi guốc mộc, cái nghiêng đã khô mực từ dạo cô em gái Bùi Văn Nhật bỏ học, hộp son phấn Thọ Hương biếu... Màu tươi, dáng nhỏ nhắn, sự ấm cúng thân mật biến mất, tất cả trở thành tro bụi, choen hoén. Lốp vỏ hòa nhoáng tươi mát hy vọng không còn, chỉ còn lại vẻ cũ kỹ, và mùi ẩm mốc.

Cảm giác ngủi ngủi dần dần loang ra thành một thứ tâm trạng vô định, trôi nổi. An thấy mình trôi dạt bập bềnh trên một mặt sóng dữ, đầu óc quay cuồng, choáng váng. Tự nhiên nước mắt ứa ra, chảy xuống thái dương, lành lạnh. An khóc lặng lẽ như thế không biết bao lâu, càng khóc càng thấy lòng xót xa. Cho đến trí óc cô tìm được một chỗ định. Cô bắt đầu nghĩ ngợi: Thôi, thế cũng xong. Từ lâu ta lo lắng mà không bao giờ dám nhìn thật thẳng vào thực tại. Ta chạy quanh, mắt nhắm như một đứa trẻ rúc đầu vào mặt gối để trốn sợ hãi. Tại sao sự thực sờ sờ ra đó mà ta còn dại dột nuôi hy vọng? Thôi, thế cũng xong! Hết: Hết cả rồi! Hết những lo lắng ưu phiền, hết những mơ ước vụng dại! Hết những vật vã nghi ngờ, khắc khoải thương nhớ! Hết ôm ấp kỷ niệm như những củ báu để tự làm khổ mình như một tên trọc phú keo kiệt. Hết trần trở thâu đêm, vì những lời thì thầm mình nói cho mình nghe, tưởng tượng có thể nhờ gió mang tận đến đỉnh đèo xa hút!

Mình thật ngớ ngẩn, tội nghiệp. Anh ấy có bao giờ tỏ rõ lòng thương yêu đối với mình đâu! Phải rồi, ôn lại từ những ngày đầu, những ngày An Thái, quả thật anh ấy chỉ lấp lửng, lượn lờ như con bướm tham lam lạc vào một rừng hoa. Không phải anh ấy nhút nhát! Trời hỡi! Tại sao lại nghĩ vì nhút nhát mà anh ấy không dám nói thẳng lòng mình! Một người như anh ấy có thừa can đảm để nói một câu thật rõ ràng với một cô gái quen thân nhỏ tuổi. Tất cả lầm lẫn chỉ do mình! Tự nhiên tưởng tượng ra một điều không thực, rồi quàng cho anh ấy những tình cảm, những xúc động chưa bao giờ anh ấy có, để lừa dối mình. Rồi nhớ thương, mơ ước, lo âu, bồn

chờn, hy vọng, bao nhiêu lần lần chồng chất trên mây khói huyền hoặc! Không thể tự dưng trại chủ đứng ra làm ông mai, nếu anh ấy không nói thẳng với anh sự thật dửng dưng của lòng mình. Chẳng thế mà quyển thơ nhật được trong thư viện người khác, gửi về không có lấy một chữ đề tặng, về sau gặp nhau nhắc nhở qua loa như một việc đại đột, và im lặng nối tiếp im lặng, quên lãng chồng chất lên quên lãng! Ta lầm lẫn một cách ngu ngốc! Đại khờ! Sự thật hiển nhiên lồ lộ trước mắt mà ta giả vờ mù lòa! Thật đáng kiếp, mà cũng thật tội nghiệp phải không An!

An tủi thân, bắt đầu thút thít khóc.

Hôm sau cơn đau xót tuyệt vọng qua đi, để lại tình trạng hoang vắng, ngây ngô. Suốt cả ngày, An nằm lì trong phòng, đến bữa ngồi dậy đi nấu cơm cho cha, dáng bước trầm lặng, thui thủi như cái bóng. Ông giáo không dám nhìn vào đôi mắt ngây dại của con, đến bữa chỉ cầm cúi ăn. Ông nuốt không nổi chén cơm, phải chan canh vào cho nó xong đi. Mỗi lần ông đăng hăng định nói gì thì An ngược lên nhìn ông, đôi mắt lơ lảo như người mất hồn. Môi run run, dường như luôn luôn phải cố gắng phi thường để cố khỏi bật khóc.

Ông không dám thốt lời nào, lẳng lặng chứng kiến nỗi đau khổ của con, bất lực không thể làm gì để xoa dịu đôi chút nỗi đau khổ ấy. Ông dở hết cuốn sách này đến cuốn sách khác mà không đọc được lấy một câu nguyên vẹn. Chữ nghĩa nhảy múa trước mắt ông. Đôi lúc nét ngang nét mác nhòe đi, ông mới biết mình khóc. Không có nhà thơ nào an ủi được ông. Lời dạy của các bậc hiền triết trở nên lạnh lẽo, trầm tĩnh quá, chẳng khác tiếng nói đáng ghét của người ngoại cuộc bằng nhặng. Hai cha con sống trong trạng thái đặc biệt ấy suốt ba ngày đêm, lẳng lẽ thui thủi trong bốn bức vách như những bóng ma. Không ai tới thăm họ. Không có tiếng chân dừng lại trước cửa, và tiếng gọi. Họ hoàn toàn cách ly với cuộc sống bên ngoài, và mỗi cha con lại cách ly nhau. Cho đến ngày thứ tư mới có lính hầu đến mời ông giáo lên gặp trại chủ. Cả hai cha con đều hoảng hốt như sắp bị đưa đi hành hình. Ông giáo đưa mắt nhìn con. Đến lúc đó, An mới bật lên khóc nức nở. Cô nói giữa những tiếng nấc xót xa:

- “Con khổ quá, cha ơi. Nhưng còn cách nào nữa đâu! Con xấu hổ quá. Con cứ tưởng anh ấy...”. An chỉ nói được đến đấy. Cô nghẹn lời, nước mắt ràn rụa, bỏ chạy vào buồng trước đôi mắt ngạc nhiên của người lính hầu.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 35

Ông giáo lên gặp trại chủ buổi sáng, buổi chiều, Lợi đã mạnh dạn đến thăm An với tất cả tự tin. Anh bước chậm hơn thường lệ, đầu ngừng cao, gặp ai chỉ khẽ mỉm cười chứ không vồ vập bá vai choàng cổ như trước. Lợi tự nhủ phải tỏ ra điềm tĩnh hơn, vì dù sao cũng là kẻ sắp hoàn toàn làm chủ một gia đình. Gặp một thanh niên cùng một trang lứa, Lợi nghiêng đầu nhìn anh ta, soi mói quan sát từ chân tơ kẽ tóc. Người thì hàng lông mày rậm quá, đúng là kẻ cục súc. Người có hàm răng vấu thô kệch. Người lưỡng quyền cao trông như dân Thượng. Người ăn mặc dơ dáy. Không ai xứng đáng được chạm đến chân nàng, chứ đừng nói cưới nàng làm vợ. Họ đáng thương đấy chứ? Hình hài con người cha mẹ sinh ra đã vậy, giàu nghèo vẫn được xem như do số phận, họ đâu có cái may mắn như mình. Trông họ lăm lũi, gặp ai không dám ngừng mặt lên nhìn. Kia rồi, các cô gái. Nước da đen quá! Coi bàn tay kia: từng ngón nứt nẻ, da nhăn như những chiếc rễ cây xù xì vừa nhổ từ lòng đất. Mái tóc đã rối lại vàng hoe vì cháy nắng. Không ai bì được với nàng! Họ có biết ta đã xin cưới nàng không? Chắc không biết đâu! Họ không thể ngờ trên đời lại có một cuộc hôn nhân đẹp đẽ như vậy. Họ không dám mơ tưởng nên không thể tin điều đó có thực, ngay bên cạnh họ. Ta là con người sung sướng, con người đáng hãnh diện về đời sống của mình. Họ có biết ta đang sung sướng không? Họ cười nói rúc rích ư? Chắc chỉ là một câu chuyện dí dỏm tầm thường cho đời sống bớt quạnh. Làm sao họ có được niềm hạnh phúc lớn lao cho bằng ta. Hỡi các cô em đáng thương, ta cầu phúc cho các cô may mắn gặp được một thằng chồng không mê xóc đĩa và say rượu. Hãy cười to hơn, vui đùa thỏa thích lên! Trời, ta yêu cuộc đời, ta thương mọi người! Lợi đến nhà ông giáo may mắn chỉ gặp một mình An.

Tự nhiên anh sượng sùng, lúng túng khác thường. Dù biết chắc An sắp trở thành vợ mình, Lợi vẫn thấy An xa cách hơn trước. Anh đâm ngờ cả lời báo tin của Nhạc. An ngồi đó, tóc cột gọn sau ót để lộ khuôn mặt trái xoan thanh nhã và chiếc cổ trắng, hai tay xếp hiên hòa trên vế, mấy ngón tay bôi rồi tìm cách nương tựa an ủi lẫn nhau. An cúi nhìn xuống chân, thật lâu không dám ngừng lên, chiếc áo lụa trắng ôm ấp đôi vai nhỏ và xuôi, khiến An trở nên nhỏ yếu khác thường. Lợi cảm thấy thương cô gái yếu đuối ấy dào dạt, cảm thấy có lỗi nếu từ đây về sau cho đến lúc đầu bạc răng long, Lợi làm điều gì khiến đôi mắt hiên hòa ấy rướm lệ, đôi vai nhỏ ấy run lên vì nức nở, đôi bàn tay trắng mịn kia phải chai sạn vì lao碌. Không. Không bao giờ ta để cho An khổ. Ta nguyện suốt đời yêu thương nàng, quì xuống chân cung phụng nàng như một nàng tiên lữ sa xuống cõi trần gian này, không thể để cho nàng thở dài hoặc nhíu mày khó chịu. An sinh ra là để hưởng hạnh phúc. Thân thể ấy, thân thể mảnh dẻ yếu đuối ấy không thể chịu được những dày dạn của nghèo đói, đau khổ, buồn bực.

Lợi ngồi chết dí trên phản ngắm An, không biết phải làm gì để nói hết các cảm tưởng sôi nổi.

An lại có vẻ ngượng ngịu, dè dặt, không cười nói tự nhiên như mọi khi. Lợi hạ giọng hỏi An:

- Chắc thầy vừa lên trên phủ, phải không An?

An ngược lên nhìn Lợi, ánh mắt hơi sắc và dữ:

- Anh hỏi gì ạ?

Lợi hơi ngạc nhiên vì giọng nói cáu kỉnh ấy, nhắc lại:

- Thầy lên gặp ông Nhạc phải không?

An tự thấy mình giận dữ vô lý, nên đáp:

- Dạ. Lại vừa có lính hầu mời lên. Trước đây không ai thềm bước chân đến đây cả. Bây giờ thì...

Lợi hấp tấp hỏi:

- Em chưa biết chuyện gì ư? Cha phải lên trên ấy để bàn cho kỹ việc chúng ta. An, sao em không vui?

Nghe Lợi hỏi thế, đột nhiên An nức lên khóc. Sau một lúc ngờ ngàng, lính quỳnh chưa biết phải làm gì, Lợi cư xử mạnh dạn như một người chồng chưa cưới. Anh đứng bật dậy, chạy đến ôm An vào lòng. An khóc mùi mẫn, không còn biết làm gì nữa, để mặc cho Lợi ôm lấy hai vai, vuốt ve mái tóc dể dành, an ủi, năn nỉ như dỗ dành vỗ về một đứa bé bất hạnh. Lợi ôm ghì đầu An vào ngực mình, vừa xoa nhẹ bàn tay phải lên lưng áo An vừa thì thào:

- Đừng khóc nữa, An! Anh đã bảo. Đừng khóc nữa. An có nghe anh nói không? Hãy tin anh đi, từ đây về sau cả cha lẫn em không gặp điều gì buồn khổ nguy hiểm nữa đâu. Anh dám hứa với em như vậy. Hết rồi. Người ta hết xa lánh cha như xa một mối nguy hiểm, như sợ bị vạ lây. Lâu nay anh lui tới đây, trông thấy cha với em sống thui thủi hiu quạnh, anh xót xa lắm chứ. Có người hỏi anh không biết sợ ư? Anh cười. Dù em ở tận chân trời góc biển, giữa chốn đầy chông gai, hùm sói, anh cũng dám mạo hiểm tìm đến, chứ đừng nói là em ở ngay đây. Vả lại, em biết không, trại chủ thật là người tốt bụng đáng kính. Làm gì trại chủ không biết cả bọn về hòa với nhau để quyết hại cha, nhất là sau vụ chương cơ Chấn bỏ trốn vào với Tống Phúc Hợp. Họ phao tin rằng chính cha đã tổ chức xếp đặt mọi sự, sau khi bàn luận kỹ càng với Đông cung và Nguyễn Phúc Tĩnh. Họ nói thế, em xem, có ai còn dám bén mảng đến gần nhà này nữa. Họ còn đòi đưa cha về lại An Thái. Nhưng trại chủ cương quyết bênh vực cha. Trại chủ gạt phăng các lời dèm pha độc địa, nhất định bảo cha vô tội. Họ định làm áp lực, sợ sẽ có lúc trại chủ trở lại tin cần cha thì họ sẽ gặp khốn đốn. Nhưng có gì qua mắt được trại chủ đâu. Cả đến những chuyện vặt như anh đem giúp đỡ em thứ này thứ nọ, ông đều biết. Trại chủ gọi anh lên, khuyến khích anh, bảo hãy thay ông lo lắng giùm cho đời sống gia đình cha. Ông không thể ra mặt đi lại giúp đỡ, vì chưa tiện. Họ còn chăm hằm chờ xem trại chủ cư xử với cha thế nào để mưu tính kế khác. Anh không tiện nói, nhưng An biết không, mấy gói đường và cân bún tàu kỳ trước anh mang đến cho em là quà của trại chủ. Em thấy không, mối hiểm nguy đã qua rồi. Đừng lo lắng nữa. Lau nước mắt đi. Đã bảo. Lau nước mắt đi, hãy tin lời anh!

Những điều Lợi kể vượt quá tầm tưởng tượng của An. Cô hồi hộp lắng nghe những gì vừa diễn ra chung quanh gia đình cô mấy tháng qua, không ngờ mình vừa thoát được một mối nguy hiểm ghê gớm. Cô hồi hộp sợ hãi chờ nghe Lợi nói, quên hẳn rằng mình đang ngả đầu úp mặt trong lòng Lợi, yếu đuối giao phó cho Lợi ôm ấp, ve vuốt, dỗ dành. Lợi nói xong, An mới dần dần ý thức được thực tại. Cô xấu hổ thấy mình ngã gọn vào ngực Lợi, tay đang mân mê cái cúc áo của Lợi. Cô bắt đầu ngửi mùi mồ hôi gây gây của Lợi, bắt đầu hồi hộp, lo sợ theo dõi bàn tay phải của Lợi đang mơn man vuốt ve trên cổ, trên vai, trên lưng mình. An hoảng hốt bật đứng dậy, định xô Lợi ra để ngồi xa cách như lúc mới gặp. Nhưng Lợi đã bạo dạn hơn trước. Anh cư

xử theo quyền năng của một vị hôn phu. Lợi ôm chầm lấy An, siết chặt thân thể mềm yếu nhỏ nhắn trong đôi tay, áp mũi hít lấy hương bồ kết trên mái tóc mượt mà của người vợ chưa cưới. Lợi thấy An run rẩy trong tay mình, mắt lão liên sợ hãi như van xin cầu khẩn. Anh chợt dạ, thương hại An, bắt đầu nói lỏng vòng tay. An vội vã xô nhẹ Lợi để thoát ra xa, mặt đỏ rần vì xúc động và xấu hổ. Cô lo ngại liếc ra phía cửa, sợ cha về bất chợt bắt gặp mình đang nép đầu vào ngực Lợi. Cô yên tâm khi thấy cửa vẫn kín đáo. An đưa hai tay lên vuốt lại tóc, sửa lại xống áo. Lợi nhìn nách áo còn ướt mồ hôi của An, hỏi nhỏ:

- Sao em lại nhố đi? Anh thích em để nguyên. Như thế trông lạ hơn, có thể nói là đẹp hơn. Anh thích em để lông nách, An nhớ nhé!

An quay lại nhìn Lợi, không ngờ mọi sự tiến nhanh như vậy. Và cô thấy hổ thẹn cho chính mình.

*

* *

Chiều hôm ấy Nhạc mời ông giáo lên để tiếp tục công việc của ông mai dong. Nhạc hăng hái với nhiệm vụ một cách khác thường. Buổi sáng ông đã gặp ông giáo. Buổi chiều ông lại cho lính mời ông giáo lên gặp lần nữa. Không phải Nhạc quá rảnh rỗi. Ngoài nhà khách, mấy chục người đang lóng ngóng chờ gặp ông, người nào cũng thắc thỏm ngồi đứng không yên. Nhưng Nhạc cứ mặc cho họ đợi. Ông chậm rãi, ề à, nói đủ thứ chuyện với thầy giáo. Mãi về sau, hai người mới bàn gần đến việc tổ chức cưới xin. Nhạc vui vẻ xích ghế lại gần ông giáo nói:

- Việp Quận công sắp cho người đem sắc phong và ấn kiếm vào đây đây. Tôi đã tin cho chú Huệ, bảo sắp xếp gấp công việc để về đây trước mừng mười. Thế là cả hai anh em đều nhận sắc của Việp Quận công. Chú Huệ đã được phong "Tiên phong Tướng quân" như thầy đã biết. Điều khó xử là làm thế nào lễ nhậm sắc vừa long trọng vừa giản dị. Long trọng quá thì họ xem nhẹ mình. Ba cái chữ hão nào trại trưởng nào tráng tiết, nào tiên phong lừa dối được ai kia, chứ mà mắt chúng ta sao được. Tiếp rước linh đình quá, họ sẽ cười mình là một lũ ngu. Mà làm sơ sài đơn giản quá, họ lại bảo mình khinh thường họ. Cho nên tôi nghĩ thế này, thầy xét xem có được không! Ta định ngày rước sắc trùng với ngày cưới của đôi trẻ. Như thế có cơ lợi cho cả đôi phía. Về cuộc rước sắc, ta làm đơn giản, nhưng nhờ tiệc cưới mà sứ giả Trịnh không cảm thấy đạm bạc thô sơ quá. Vì sau khi nhận ấn kiếm, ta mời họ qua dự tiệc cưới. Ngược lại, tiệc cưới của đôi trẻ thêm phần rôm rả nhờ có nhiều nhân vật tai mắt tham dự. Tôi là ông mai, đồng thời cũng thay mặt nhà trai đứng xin rước dâu. Như vậy công tư hai bên đều vẹn, được việc nước mà cũng được việc nhà. Ý thầy thế nào ạ?

Ông giáo sợ hãi, khâm phục cho óc tính toán của trại chủ. Ông không có lời nào để thêm vào kế hoạch toàn hảo ấy, tuy trong thâm tâm, ông giáo có cảm thấy chán ngán. Ông không muốn đem chuyện cưới xin của con gái ra làm đòn phép chính trị. Đó là chưa kể một nỗi lo khác: ông giáo quá hiểu con gái ông. Đám cưới càng linh đình, nỗi đau khổ của An càng lớn lao, chẳng khác nào phải đem bầy vết thương xấu hổ của mình ra giữa chợ cho người qua kẻ lại soi mói quan sát. Thấy Nhạc kiên nhẫn chờ đợi ý kiến mình, ông giáo phải đáp:

- Trại chủ tính vậy, thêm vinh hạnh cho gia đình tôi. Tôi rất cảm kích. Nhưng có điều chúng tôi phải áy náy, là chuyện vợ chồng riêng tư của gia đình mình có đáng phải hao tổn công quỹ hay không. Sau này chúng nó biết lấy gì đền đáp cái ân sâu nặng đó. Ý tôi chỉ cần một mâm cơm để lập bàn thờ cho đôi trẻ ra mắt tổ tiên, các chú bác xa gần, như là báo cho láng giềng tin mừng nhỏ nhoi của mình. Bày vẽ lắm, chúng tôi áy náy. Xin trại chủ nghĩ lại cho!

Nhạc cười gạt đi:

- Ô, chuyện vật ấy hao tổn bao nhiêu! Cũng giống như tôi nhờ thầy đãi khách hộ cho tôi thôi. Có gì đâu mà nói đến ân huệ. Thầy yên lòng. Việc gì cần tổn thì phải tổn. Tôi đã kêu thẳng Lữ, vâng, đã kêu chú Lữ lên bảo xuất kho chuẩn bị mua sắm ngay từ hôm nay. Lợi là thuộc hạ của Lữ, chú ấy phải đứng chủ chốt. Chỉ còn một điều tôi hơi lo, là việc tiếp sứ giả của nhà Trịnh. Việc này quan trọng lắm, ảnh hưởng đến an nguy về sau ở phía bắc.

Ông giáo vội hỏi:

- Trại chủ đã biết sứ giả ấy là ai chưa?

- Ông Nhật bảo là tay lo việc từ hàm cho Việp Quận công, con nhà phong lưu giàu có, có tài đối đáp ứng biến. Hắn đang được Việp Quận công nể vì lắm. Lại thêm điểm này nữa: hắn rất có tài làm thơ phú quốc âm, không khéo hắn vào đây giao ấn kiểm xong, trở về rêu rao chúng ta toàn là một lũ dốt.

- Hắn tên gì ạ?

Nhạc đến chỗ bàn giấy lục tìm một lúc, cuối cùng bảo:

- Đây rồi. Hắn tên Nguyễn Hữu Chỉnh người Nghệ An, đỗ hương cống từ năm 16 tuổi. Người ta thường gọi hắn là Cống Chỉnh.

Ông giáo lắc đầu nói:

- Hắn người xứ Nghệ, tôi chưa từng nghe tên. Chắc là lớp trẻ mới lập danh sau này.

Nhạc bảo:

- Tôi giao hắn cho thầy đấy. Việc đối đáp, xướng họa sau khi tiếp ấn, hoàn toàn do thầy. Miễn sao cho hắn biết ta không yếu ớt đến nỗi run sợ trước quân Trịnh, nhưng ta cũng không tự cao tự đại đến mức khinh nhờn họ. Ta biết của, biết người. Về mấy cái chữ tráng tiết, tiên phong, trại trưởng, tướng quân, ta trân trọng biết ơn mà tiếp nhận, nhưng phải khéo léo cho hắn biết nhận xong, ta cũng chẳng thẹn chẳng sang hơn chút nào. Khó là ở chỗ đó.

Ông giáo thấy được tin cậy, nhưng chưa quên những bạc bẽo lâu nay phải chịu. Ông hứa với Nhạc:

- Ông cả đã nhờ, tất nhiên tôi phải cố sức. Ông cứ yên tâm. Tôi sẽ tùy nghi mà đối đáp với hắn.

*

* *

Huệ và Sở bỏ đoàn tùy tùng ở chân đồi Cánh Tiên, phóng ngựa thật nhanh để thi nhau về phủ trước. Huệ cưỡi một con ngựa ô cao lớn đen mượt, lông kỳ óng ánh như một mái tóc vừa gội bồ kết. Chiếc yên da màu vàng in vết mồ hôi ở hai bên hông, ôm cứng lấy thân ngựa khỏe. Sở thì cưỡi con ngựa hời cao lớn không kém, da xám loang lổ những mảng đen ở mặt và bụng. Hai con ngựa hiểu ý chủ nên gắng hết sức tung vó, không con nào chịu kém con nào. Chạy một đoạn dài thì con ngựa hời bắt đầu đuối sức. Nó thở phì phì, mồ hôi rướm ướt khắp thân thể. Con ngựa ô vượt được một cái đầu, rồi dần dần bỏ bạn xa phía sau. Huệ quay lại la lớn cho Sở nghe:

- Bỏ cuộc hả? Thúc nó tiến lên chứ.

Sở thúc gót giày vào hông ngựa, nhưng con ngựa hời đã mỏi gối. Nó vùng vằng, mồm cắn lấy ngà cương tức giận. Sở giơ tay lên ra dấu thua cuộc, nói lớn với Huệ:

- Nó sắp khuyu rồi. Chậm lại.

Huệ cười khanh khách bảo:

- Thua rồi nhé! Tối nay chịu phạt đúng như giao hẹn. Không được trốn nghe!

Anh ghìem bót cương lại. Hai người bạn trẻ bắt đầu cho ngựa bước thong thả, vì đã gần tới cửa thành. Sở hỏi:

- Mình ở đây chờ đoàn hay vào thành trước?

Huệ quay nhìn phía sau, thấy một khóm bụi mờ bốc lên xa thật xa. Anh nói:

- Tôi phải vào trước. Anh chờ ở đây dẫn anh em tìm chỗ ăn và chỗ trú đêm. Cứ liên lạc với trạm gác. Chúng nó sẽ thu xếp cho chu tất.

Sở gật đầu đáp:

- Vâng, anh cứ vào trước.

Huệ cầm tấm thẻ bài giơ lên cho người lính gác thành thấy, ngồi yên trên ngựa chờ anh ta tiến tới. Nét mặt người lính có vẻ bức dọc, có lẽ vì tưởng người khách lạ vô lễ không thèm xuống ngựa đến trình diện ở trạm canh. Mặt hầm hầm, anh ta tiến đến gần. Khi nhận ra Huệ, anh ta sung sướng la to:

- Ủa, chú... Ông Tám Huệ đây mà! Trời ơi. Ông về lúc nào không báo trước: Anh em ơi, Ông Tám đã về đây rồi. Mau mở cửa thành ra cho Ông vào. Cái lũ chết tiệt ở đâu mà không chịu mở ngay. Ông cảm phiền, chúng nó tưởng đến giờ này không còn ai vào ra nữa.

Một, rồi hai ba người lính nghe bạn hô hoán tò mò thò đầu ra khỏi vọng gác. Họ nhận ra Huệ, người hùng "thần thoại". Không ai bảo ai, bọn lính kéo đến mỗi lúc một đông, vây Huệ vào giữa. Mạnh ai nấy hỏi, hỏi xong cũng chẳng cần im lặng để chờ nghe Huệ trả lời. Họ chỉ muốn xác nhận xem Huệ có đúng là một thực thể biết cười, nói, thở, sống như họ, dù trong các lời đồn đãi, Huệ trở thành một nhân vật phi thường. Một người lính già ngược lên hỏi:

- Ông Tám có mang đầu Tống Phúc Hợp về đây không?

Nhiều câu hỏi khác chen lẫn tiếng cười nói:

- Có thực ông giả làm anh bán quế không đấy?

- Chúng nó bị một mẻ sợ xanh mặt nhỉ?

- "Con gái Phú Yên một tiền ba đũa" phải không ông?

- Suyt. Để cho ông ấy về nghỉ. Đường xa thế kia. Các chú có tránh lối ra không. Hãy về trạm gác hết đi!

Người này chen ra thì người khác chen vào. Cho đến lúc cửa thành mở và Huệ bắt đầu thúc chân vào hông con ngựa ô, một đám rước nhỏ đã thành hình. Bọn lính cười nói hăng hái, vung tay múa chân, vừa bàn luận vừa chạy lúp xúp cho kịp với đà vó ngựa. Sắp đến chính dinh thì họ bị toán cấm quân chặn lại. Huệ xoay lưng vẫy chào họ, nín dây cương cho ngựa xoay đầu rẽ trái, về tư dinh của anh chị. Cả hai vợ chồng Nhạc đều vắng nhà. Thọ Hương thấy chú về, mừng quá phát khóc. Trong các cô chú, Thọ Hương thấy mình gần gũi, quyến luyến với chú Tám Thơm nhất. Cô kéo Huệ ra xa đám lính hầu, hỏi nhỏ:

- Chú về để mừng cưới chị ấy à?

Huệ trở mắt nhìn cháu, thương hại Thọ Hương vì thấy cháu xanh xao, hai mắt sâu và buồn.

Huệ hỏi:

- Thọ Hương vừa bị bệnh phải không. Sao xanh mướt thế?

Hương tủi thân, run run đáp:

- Thôi, chú. Đòi cháu coi như bỏ đi. Cháu tự hỏi sao không chết quách đi cho rảnh nợ.

Huệ cười to để xua bớt vẻ buồn rầu:

- Ở kìa! Nói gì như bà già vậy? Đời còn dài và đẹp chán! Cười thật tươi lên cho chú coi nào. Thế, thế. Giơ đủ cả răng lẫn lợi xem. Phải cười hở lợi mới đúng là cười. Thế, thế. Được rồi.

Thọ Hương nghe Huệ nhắc đến tiếng Lợi, vội nhìn chú đăm đăm. Dò xét rồi rụt rè nói:

- Chú về thật may. Thế nào cô dâu chú rể cũng mừng lắm.

Đến lần này Huệ mới nhận ra ý nghĩa bí hiểm trong câu nói của cháu. Anh ngờ ngác hỏi:

- Cô dâu chú rể nào thế? Đám cưới ai vậy?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc. Cô hỏi:

- Thế cha cháu không tin cho chú biết à?

- Có chứ. Cha cháu gọi chú về để tiếp án của quân Trịnh. Những "Tiên phong Tướng quân" kia đấy. Hương thấy chú oai ghê chưa. Mà này, cháu vừa nói sắp có đám cưới. Ai lấy ai vậy?

Thọ Hương hoang mang hỏi:

- Chẳng lẽ cha cháu không cho chú biết. Hay là chú giấu.

Huệ bức tức nói:

- Chú giấu làm gì?

Thọ Hương không muốn kéo dài nhì nhằng, nhìn thẳng vào mắt chú để đo lường phản ứng rồi mới nói thật chậm, thật rõ:

- Chị An sắp lấy chồng đấy chú. Chị ấy lấy anh Lợi.

Hương chỉ thấy Huệ nháy mắt vài cái rồi thôi, gương mặt không biến đổi dữ dội như cô đoán trước. Hơi thất vọng, Hương hỏi:

- Sao chú nghe tin mà mặt dửng dưng vậy?

Huệ mím môi nhìn cháu, cười nhỏ một tiếng, rồi hỏi Hương:

- Thế Hương muốn chú phải khóc òa lên à?

- Không đến nỗi vậy, nhưng chú phải tỏ ra kinh ngạc, đau khổ mới đúng lẽ thường. Hay là chú hết thương chị ấy từ lâu rồi?

Huệ im lặng, cúi nhìn đôi giày lấm bùn của mình, không trả lời cháu. Hương chán nản đến nỗi mắt rơm rớm lệ, lòng ngao ngán cho sự bạc bẽo hời hợt của bọn đàn ông. Cô tức nghẹn không nói gì được nữa. Huệ im lặng một lúc, ngược lên hỏi cháu:

- Chừng nào đám cưới, Hương biết không?

- Cháu nghe cha cháu bảo sẽ làm cùng ngày với ngày tiếp án. Làm lễ rước sắc và nhận ấn kiếm xong, sẽ kéo qua dự tiệc cưới. Nghe nói sẽ linh đình lắm.

Huệ đưa tay trái lên lau mồ hôi trán, nói với Thọ Hương:

- Gớm. Đường bụi quá đi mất. Cháu bảo tội nó đi múc cho chú thau nước rửa mặt. Lấy thêm cho chú cái khăn nữa nhé!

Thọ Hương không muốn sai bảo ai, đích thân đi múc nước lấy khăn cho Huệ. Lúc trở lại, cô bắt gặp Huệ ngồi y chỗ cũ, mặt gục vào hai đầu gối như một pho tượng lính thú nhớ nhà...

*

* *

Vừa lúc ấy Nhạc về tới nhà. Thấy em đang ngồi một mình, ủ rũ, như một bại tướng. Nhạc lo âu gọi lớn:

- Chú Tám! Mới về hả?

Huệ vội đứng dậy trả lời anh:

- Dạ. Em nhận được thư, xếp đặt xong mới về đây được. Còn sớm được ba ngày để bàn nhiều việc với anh.

Nhạc thấy Thọ Hương và bọn lính hầu lảng vảng nghe ngóng câu chuyện của hai người, kéo em vào phòng mình: - Chú vào đây, tôi hỏi chút việc.

Thọ Hương không hiểu cha và chú nói với nhau điều gì, bên ngoài chỉ loáng thoáng biết là họ to tiếng với nhau, thậm chí cãi vã nhau. Một lần Hương nghe cha quát:

- Chú từng ấy tuổi đầu mà không biết nghĩ. Tôi làm thế là cho chú, vì chú. Chú nhớ chưa.

Giọng Huệ trầm, nhịp nói chậm nên Thọ Hương không thể nghe được chú Huệ trả lời cha thế nào. Một lúc sau, cửa phòng xích mở, Huệ bước ra, mặt hầm hầm giận dữ. Trông thấy Hương, Huệ ngượng ngịu, sửa khuôn mặt cho trầm tĩnh như trước. Không muốn phải nói chuyện lúc này với cháu, Huệ quay gót đi về căn phòng vẫn dành riêng cho anh trong tư dinh của trại chủ. Lính hầu bưng cái mâm đồng đựng cơm và thức ăn thịnh soạn lên cho Huệ lúc nào, anh cũng không hay biết. Đến lúc bác lính già rón rén vào phòng dọn mâm, thấy Huệ chưa cầm tới đĩa, cơm nước nguội lạnh, bác ta chỉ ái ngại nhìn Huệ rồi lui ra, không dám lên tiếng nhắc nhở. Huệ ngồi như vậy thật lâu, mắt nhìn vào cái bắc đèn chăm chú, đến nỗi cái bắc sáng nhòe ra thành hai thành ba cái bắc khác. Lần đầu tiên trong đời anh không tin ở mình. Anh thấy mình ngờ nghệch, đại dốt, quá tin ở sự đơn giản của tình cảm, ở sức mạnh của ý chí. Anh lẩm bẩm: Tại sao lại thế được? Hắn có đáng gì, cái tên băng nhăng! Thà rằng nàng lấy được một người chồng xứng đáng thì còn đỡ tức! Chẳng lẽ nàng không đủ thông minh để thấy hết bản chất con người hắn! Nàng lăm lăm về hắn, hay ta lăm lăm về nàng? Làm sao trả lời câu hỏi ấy? Làm sao đây? Không thể chịu đựng được cơn hoang mang dày vò, Huệ bỏ cơm tối tìm thăm ông giáo.

Anh thấy cửa trước nhà ông giáo đóng kín, nhưng cửa sổ mở. Bên trong có ánh đèn leo lét. Huệ đi qua cửa trước nhà thầy, không dám vào thẳng để gõ cửa. Anh nghĩ; Phải đi quá một chút nữa để liếc qua cửa sổ xem thầy có nhà không rồi hãy vào. Nếu chỉ có một mình nàng ở nhà, ta vào bất tiện lắm. Huệ đi xa về phía bắc để nhìn nhanh vào cửa sổ. Ngoài ánh đèn leo lét, anh không thấy được gì rõ ràng. Anh đi qua đi lại hai ba vòng, cuối cùng mới thấy đột nhiên ánh đèn trong nhà tối lại, hình như đang bị thứ gì che khuất. Một cánh tay thò qua chấn song kéo cánh cửa sổ đóng lại. Anh vội quay mặt đi, nhưng cũng đủ nhận ra chính ông giáo vừa đóng cửa sổ. Anh mạnh dạn quay lại đường cũ. Nhưng đến ngã rẽ vào nhà thầy, anh lại nghĩ: "Thầy đi khép cửa sổ, tức là sắp đi ngủ. Vào quấy rầy thầy lúc này có tiện không? Vả lại, giữa đêm hôm khuya khoắt đến đánh thức thầy giáo dậy, tất phải có nhiều điều quan trọng lắm. Ta đến đây làm gì? Để nói gì với thầy? Với nàng? Ta có điên chưa mà toan tính rồ dại vậy? Gặp họ để trách móc ư? Mình lấy quyền gì để cật vấn nàng? Trời ơi mày quẩn trí hóa rồ rồi Huệ! Mày đến đây làm gì? Lỡ có ai trông thấy mày đứng lổm thổm ở giữa đường vắng này lăm lét nhìn vào nhà nàng, người ta nghĩ thế nào? Người ta sẽ đồn ầm lên rằng mày thất tình cóm róm đứng chực trước cửa nhà nàng để van xin, cầu khẩn nàng thương hại. Cả phủ sẽ cười vào mặt mày, thằng thất tình hóa dại!"

Càng nghĩ Huệ càng sợ. Anh đi thẳng về nhà không dám ngoái đầu nhìn lại nữa. Qua một ngã tư, khá xa nhà ông giáo, Huệ gặp một toán cấm binh cầm đuốc đi tuần đêm. Huệ lách không cho họ thấy mặt, nép vào một dãy thành cao theo lối tắt về phòng. Bên ngoài trăng non đã lên từ lâu. Ánh trăng mờ chiếu vào cửa sổ, mang theo gió se lạnh của thu đầu. Tự nhiên Huệ cảm thấy lạnh lẽo. Bàn tay cồng lại. Anh cho tay vào túi áo tìm hơi ấm. Tay phải anh chạm một tờ giấy nhỏ. Anh nhớ bức thư ngắn Lãng nhờ anh chuyển cho chị. Đột nhiên Huệ run lên vì ý nghĩ: Lãng có biết trước chuyện này không? Nếu biết trước vụ đám cưới sao Lãng không nói gì với mình cả? Hay họ đã thu xếp từ trước mà vẫn giấu ta. Huệ vội tìm lửa đốt đèn. Lá thư Lãng viết cho An như sau: (chữ Hán dịch Nôm)

Chị,

Anh Huệ về gấp nên em chỉ đủ thì giờ nguệch ngoạc cho chị vài chữ. Chị rán đọc, đừng rửa thảng em cầu thả và lười biếng nhớ. Em đã nhận đủ mấy lần quà chị gửi. Cảm ơn chị lắm. Nhưng em dặn chị mấy điều này:

Thứ nhất: chị đừng bày đặt gửi quà cho em nữa. Em biết nhà mình đang túng, chị nên dành tiền lo cơm nước thuốc thang cho cha. Ở đây em không thiếu thứ gì hết, nhất là từ khi mình đã chiếm lại được Phú Yên.

Thứ nhì: Chị đừng gửi quà cho anh Lợi đem lên. Có nhiều bất tiện lắm. Anh ấy cho thuộc hạ đem đủ thứ lên trên này để bán cho anh em lính đồn, bày hẳn ra cảnh mua bán công khai rất chướng mắt. Nhận đồ từ anh Lợi chẳng khác nào dính dáng đến chuyện trục lợi (tuy thực sự là đồ của chị gửi cho em).

Đời sống của em trên này ra sao, chị hỏi anh Huệ thì rõ. Anh ấy về chuyến này, chẳng khác một dũng tướng khải hoàn. Em nghĩ dưới chân các khải hoàn môn, chắc có chị của em. Em trêu chút thôi, đừng giận, tội nghiệp.

Lãng.

Huệ đọc đi đọc lại lá thư, lòng buồn rười rượi. Đọc xong, anh ngồi thừ bên đèn, mắt nhìn thẳng tới trước mà không trông rõ được gì. Cuối cùng, Huệ đưa lá thư gần ngọn bắc, chờ cho tờ giấy bản cháy hết mới thả cho mảnh tro rơi lả tả xuống nền. Ngón tay cái và ngón trỏ bị bỏng: Huệ cảm thấy, đậm đà hơn bao giờ hết, điều mà sách vở vẫn thường nói là vị cay đắng của tình yêu.

*

* *

Đúng như Lợi nói, cuộc hôn nhân đã giải tỏa được, ít ra là trong lúc này, cái vòng vây vô hình lâu nay cách ly gia đình ông giáo với xã hội bên ngoài. Ông giáo không còn có thể “bế môn tạ khách” được nữa, vì hầu như lúc nào cũng có khách. Hết Lữ đến hỏi ý kiến ông giáo và An về việc chuẩn bị tiệc cưới, lại đến các bạn bè của ông giáo, của Chinh, của Kiên, của Lợi đến chia vui. Người ta đánh hơi được rằng chính trại chủ đứng ra gây dựng cho cuộc hôn nhân này, nên người nào đến thăm cũng mang đủ thứ quà cáp quý giá. Hai cha con ông giáo, sau thời gian sống thui thủi, còn lạ gì chuyện thế thái nhân tình. Nhưng thấy thiên hạ vồn vã, sẵn đón, mừng rỡ, hân hoan quá, cả ông giáo lẫn An đều bắt đầu hoang mang. Có lẽ mình xét lầm người chăng? Ai mà không sợ bị liên lụy vào chỗ hiểm nguy. Lâu nay họ xa lánh ta, chỉ vì nghĩ đến vợ con, gia đình, chứ trong thâm tâm họ vẫn thương mến quý trọng ta. Không thương mến quý trọng mà họ mang bấy nhiêu lễ vật đến đây à? Ông giáo tiếp khách đến mệt nhoài mà lòng vẫn vui. Còn An, lòng cô quạnh lên giữa đồng quà cáp gói giấy hoa hoặc giấy kiếng ngổn ngang khắp căn phòng nhỏ.

Mấy ngày trước đám cưới An bớt cô đơn, nhờ cô Thọ Hương và cô em gái Nhật đến giúp đỡ. Họ không giải thích vì sao lâu nay họ vắng mặt, mà cũng không giải thích tại sao bây giờ lại đến. Mọi sự xảy ra như chuyện bình thường. Hai người quần quýt bên An như xưa, hỏi hết chuyện này đến chuyện khác. Khách khứa ở nhà trước lâu lâu phải ngưng câu chuyện vì tiếng cười đùa vui vẻ của “cái bộ ba” náo nhiệt đó.

An mong ngóng chờ cơ hội chỉ có một mình mình với Thọ Hương để hỏi tin Huệ, nhưng suốt ngày đầu tiên, cơ hội ấy không đến. Lòng cô nóng như lửa đốt. Huệ về xế chiều hôm qua, đám rước nhỏ anh em lính gác tự động tổ chức đã thành đề tài bàn tán của cả phủ, góp thêm một nét vào kho thần thoại, làm sao An không biết! Tuy lo sợ, có thể nói là hãi hùng khi nghĩ phải gặp Huệ, nhưng An vẫn thắc thỏm chờ đợi. Ngày đầu tiên Huệ không đến. Lòng An ray rút, gần

muốn phát điên lên. Cô ăn nói giận dữ với cả các bạn thân. Người em gái Bùi Văn Nhật phát khóc vì bị phiền trách oan ức do những cái lật vạt không đâu. Cô bé vùng vằng bỏ về, không kết cho xong cái khăn vành nhiều vàng của cô dâu. An đã không xin lỗi, còn để mặc cho cô bé về.

Không chờ lâu hơn được nữa, An hỏi Thọ Hương:

- Mấy ngày nay chú Tám bận lắm nhỉ?

Hương ngược nhìn bạn, ánh mắt đầy xót xa và ái ngại. Hương cố lấy giọng điềm tĩnh nói:

- Dạ, chú ấy bận lắm.

An rụt rè nhìn Thọ Hương, do dự nhiều lần trước khi hỏi:

- Chú Tám có biết Hương đến đây không?

Hương nói thực:

- Dạ biết.

An đau nhói cả lòng, giả vờ cười cợt bảo bạn:

- Bây giờ chú là “Tiên phong Tướng quân” nên quên hết mọi người. Không chừng chú ấy quên luôn cả chị nữa. Không tin Hương cứ hỏi chú Tám: “Chú này, ngày mai là đám cưới của chị An đấy!”, chú sẽ hỏi lại em: “Chị An nào vậy kìa? Có phải An là cô Yên đó không?” Nói xong, An cười ha hả, một mình.

Thọ Hương muốn khóc khi thấy An cười, Hương nói:

- Chị đừng nói thế. Ngay buổi chiều mới về, em đã báo cho chú Tám biết chị sắp lấy chồng.

An mừng rỡ, hấp tấp hỏi:

- Rồi chú ấy bảo sao?

Thọ Hương ái ngại, dè dặt lựa từng tiếng, từng lời:

- Bảo sao ư? Em khó nói quá. Chú ấy có vẻ kinh ngạc, vì về đến đây chú mới biết chị sắp lấy chồng.

An trở mắt hỏi:

- Thật thế à?

- Vâng. Hình như cha em không báo cho chú ấy biết, chỉ bảo về để dự lễ tiếp án.

- Rồi chú ấy không hỏi Hương gì khác ư?

Thọ Hương muốn tìm điều gì không có thực nhưng vui lòng An, đúng với sự mong đợi. Hương không đủ óc sáng tạo nhạy bén. Cô đành thú thực:

- Chú ấy không hỏi gì nữa. Chú ấy than đường xá bụi bặm quá, nhờ em đi múc nước rửa mặt.

An hzut hững vì thất vọng. Chỉ có thể thôi sao! Một việc trọng đại như vậy, mà chỉ hỏi có mấy câu, rồi thôi! Thảo nào! Ta lằm, lằm, lằm. Lằm quá chừng. Mọi sự trở nên sáng tỏ trước mắt An: Bây giờ An hiểu vì sao Huệ không thềm đến đây, cũng không cho lính mang đến một chút quà nào. Anh ấy lạnh lẽo đứng đưng đến thế là cùng! Trời ơi! Ta đáng thương biết bao nhiêu. Ta đại dột biết bao nhiêu!

An mím môi lại. Cô bảo Thọ Hương:

- Thôi được. Em đưa hộp phấn cho chị.

Thọ Hương reo lên:

- Chị chịu dời phấn rồi phỏng? Tô son nữa nhé? Có thể chứ. Ai đời cô dâu mà không chịu trang điểm. Người ta sẽ nghĩ anh Lợi cho cai tù đến còng chị dắt về!

An bơ thờ nói:

- Tụi đàn bà chúng ta đều thua thiệt như vậy cả, Hương ơi! Ngồi kiệu hoa hay là leo đẹo đi bộ theo sau chàng rể, cũng là tù phạm như nhau. Mai sau chị quyết không sinh con gái, cho nó

khỏi phải khổ như chị.

Thọ Hương thấy ý An ngộ nghĩnh, cười to rồi nói:

- Trai hay gái là Trời cho chứ chị chọn được sao mà quyết với không quyết. Chị lú lẫn mất rồi, chị An!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 36

Buổi lễ tiếp án diễn ra đúng như ông giáo dự kiến. Nguyễn Hữu Chỉnh hơi thất vọng vì sự đơn giản của cuộc lễ. Không định được phương hướng nên Chỉnh cứ ngỡ rằng bộ rồng quay về hướng bắc. Điều đó khiến Chỉnh đỡ phải bối rối. Ít ra ông đã có bằng chứng cụ thể để báo lên Việp Quận công là anh em Tây Sơn thực sự muốn làm tướng biên khu của nhà Trịnh. Dĩ nhiên Chỉnh sẽ phải giấu không cho Hoàng Ngũ Phúc biết là: lúc Chỉnh đọc sắc, Nhạc và Huệ giả vờ không hiểu nghi lễ không chịu quì, và lúc nhận ấn kiếm khô giáp, cả hai chỉ hơi ngả mình về trước để đón mà thôi.

Cách trưng bày ở dinh chính, giá trị của bàn ghế, màn trướng, hình khắc trên cột kèo v.v... tất cả không làm cho Chỉnh ngạc nhiên. Là một người từng trải và giàu có, Chỉnh thấy nhìn chung cách xây cất bày biện ở Qui Nhơn có vẻ thô kệch, hơi quê mùa. Nghiêm, dũng thì có, nhưng không được nhã. Có lẽ họ không hiểu gì nhiều về nghệ thuật, văn học, Chỉnh nghĩ vậy.

Với một vẻ trầm tĩnh tự tin, Chỉnh theo Nhạc bước qua phòng hội. Ông đi song song với cậu thanh niên có đôi mắt sáng và mái tóc quăn, miệng lúc nào cũng cười; cậu thanh niên vừa lãnh ấn Tiên phong Tướng quân của nhà Trịnh. Tự nhiên Chỉnh có cảm tình với Huệ, tuy gặp Huệ lần này là lần đầu. Ông mỉm cười cảm ơn Phan Văn Tuế (gặp Chỉnh lúc Tuế cầm đầu phái đoàn cầu hòa ra gặp Việp Quận công mấy tháng trước), từ chối lời mời đến ngồi gần, để đến ngồi sát cạnh Huệ. Với đôi mắt sành sỏi của một người mấy đời giàu có nhờ buôn bán, Chỉnh biết ngay lúc này, Huệ là nhân vật đang lên của Tây Sơn.

Huệ nhớ lúc nãy đi rước sứ bộ ngoài chùa Thập Tháp có lóa mắt vì con ngựa bạch tốt giống của Chỉnh nên hỏi Chỉnh trước:

- Ông mua đâu được con ngựa tốt quá?

Chỉnh cười, bảo Huệ:

- Tướng quân nói thế cho vui lòng tôi đấy thôi. Con ngựa này đâu có ra gì. Chỉ được cái sắc bạch huê dạng, còn thì chẳng ra sao. Tướng quân nghĩ xem...

Huệ cắt lời Chỉnh:

- Xin ông cứ gọi tôi bình thường, đừng gọi "tướng quân" nghe chướng lẩm. Chúng tôi toàn dân núi, gọi nhau là tướng quân chẳng khác nào mặc áo gấm đi hài củi.

Chỉnh mau mắn điều chỉnh:

- Vâng, anh... anh nghĩ xem, con ngựa bạch đó chỉ được một điều là tránh khỏi tam luy (ba cái ốm) và ngũ nô (năm cái tồi). Còn lại thấy đều thường thường bậc trung, không có gì tốt.

Huệ thành thực hỏi:

- Tam luy, ngũ nô là gì ạ?

Chỉnh giải thích chậm rãi, như giọng thầy giảng bài:

- Phàm xem tướng ngựa, trước hết phải tránh tam luy ngũ nô rồi mới xem tướng những bộ phận còn lại.

Cổ to đầu nhỏ là nhất luy

Xương sống yếu bụng to là nhị luy

Đùi nhỏ hông to là tam luy

Ngũ nô gồm có:

Đầu to tai chằm là nhất nô

Cổ dài không gãy là nhị nô

Chân trước ngắn chân sau dài là tam nô

Đầu gối to xương sườn ngắn là tứ nô

Hông cạn vế mỏng là ngũ nô

Sau khi xét kỹ xem ngựa có phạm tám điều xấu trên kia không, mới xem xét đến các tướng tốt của ngựa. Theo ông Bá Lạc chuyên xem tướng ngựa bên Tàu thì: "Ngựa tốt đầu mong được vuông, mắt sáng, xương sống mạnh, bụng trương lên, bốn chân dài, khuôn mặt cao, lỗ mũi to, đầu mũi có chữ vương, trong miệng đỏ, xương đầu gối tròn mà dài, hai tai được gần nhau mà tướng hướng tới trước, thụ nhỏ mà đầy.

Huệ thành thực thán phục sự hiểu biết của Chỉnh, vui vẻ khen:

- Ông thật sành về ngựa. Không biết có sành về người không?

Chỉnh quay hẳn lại nhìn Huệ một cách tò mò, ha hả cười:

- Anh hỏi thế khác nào đánh đồng ngựa với người! Xem tướng ngựa chẳng qua như lựa một cái xe sao cho tốt. Còn con người hử, biết được trọn vẹn và chính xác là một điều thiên nan vạn nan. Có những người bên trong vui buồn hờn giận thế nào hiện hết ra nét mặt, nhất là trong ánh mắt. Cũng có người kín đáo không cho ai đoán được. Thậm chí có hạng bên ngoài nói cười thơn thớt, nhưng bên trong chứa cả bồ gươm giáo. Đoán ngựa thì tôi còn võ vẽ, còn xem tướng người, tôi chịu thôi.

Huệ mỉm cười, nhìn thẳng vào Chỉnh chậm rãi hỏi:

- Nhưng dĩ nhiên mỗi người phải hiểu rõ mình. Ông xếp ông vào loại nào, khó đoán hay dễ đoán, hay là...

Chỉnh đang lúng túng chưa biết trả lời thế nào, thì vừa may trại chủ dẫn ông giáo đến chỗ Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh vội đứng dậy vái chào hai người. Nhạc nói:

- Giới thiệu với Ngài Gia cát chương thư ký, đây là thầy giáo Hiến, thầy dạy của các chú em tôi. Cũng như Ngài, thầy giáo ở đây với chúng tôi để giúp việc từ hàm.

Chỉnh cung kính cúi chào ông giáo lần nữa, lễ phép nói:

- Thật hân hạnh cho tôi quá. Từ lâu tôi đã được nghe danh thầy, hôm nay mới được vinh dự diện kiến.

Ông giáo ghét sự giả dối khách sáo, liền bảo: - Tôi chẳng qua là một thầy đồ nghèo ở chốn hang núi, làm gì có danh để vang đến tận tai ông. Ông dạy quá lời!

Nguyễn Hữu Chỉnh vội nói:

- Thừa thầy, thầy hiểu lầm tôi rồi. Chỉ vì thầy quá nhún dấy thôi, chứ hiện nay ai không biết thầy là quân sư của Tây Sơn trại chủ Tráng tiết Tướng quân, và là thầy học của Tiên phong Tướng quân đây. Hơn nữa, thầy ở kinh đô Thuận Hóa lâu ngày trước khi qui ẩn về đây. Lâu nay thầy được tin của Ái Trúc tiên sinh không ạ?

Ông giáo kinh ngạc vội hỏi:

- Ông muốn nói đến Ngô Thế Lân người Vu Lai phải không?

Chỉnh đắc chí cười nhẹ, rồi đáp:

- Vâng. Lúc Việp Quận công nhập Thuận Hóa, tôi có nghe danh Ái Trúc trai, dật sĩ số một đất Thuận Hóa nên vội tìm đến phố Hà Thanh để gặp. Dật sĩ có nhắc đến thầy!

Ông giáo xúc động quá, chỉ có thể hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Thật thế ư?

Rồi nghẹn lời. Chỉnh nói tiếp:

- Tôi có hỏi sao tiên sinh không nhân cơ hội này giúp nước lập công. Trước kia thầy có làm hàng trăm bài biểu như bài luận về tiền tệ gửi Duệ Tôn cũng chẳng khác nào đem nước đổ lá khoai. Bây giờ thế cuộc xoay vần, đã đến lúc tiên sinh có đất sỏ dụng để thi thố sở tài rồi. Dật sĩ bảo người quân tử lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn. Kể cũng đáng tiếc.

Ông giáo xúc động, ngậm ngùi nói:

- Thế là phải. Ái-Trúc trai còn may mắn hơn tôi. Thế là phải.

Chỉnh hỏi:

- Thầy đã được đọc Phong Trúc tập của Ái Trúc tiên sinh chưa?

Ông giáo đáp:

- Chưa. Lúc tôi phải lánh nạn, bạn tôi chưa làm nhiều thơ.

Chỉnh lim dim cặp mắt đọc:

- "Gió là cái vật không có chất mà có hơi, trúc là cái vật có chất mà không có ruột, nên trúc nhờ gió mà có tiếng, gió nhờ trúc mà thành vết; cho nên gió đến thì trúc kêu, gió qua thì trúc lặng, gió to thì kêu to, gió nhỏ thì kêu nhỏ. Thế kêu là tại gió chứ không tại trúc. Trúc vẫn là hư không vậy."

Ông giáo thích chí quá, reo lên:

- Bài từ này tôi có được Ngô Ái Trúc đọc cho nghe. Đoạn sau phải thế này không: "Đến như tiếng cao như hạc rít, tiếng trong như rỗng ngâm, nhanh chóng như sóng dồn, thông thả như rước tượng. Đến như tính âm u có thể luyện được tục, tính thanh bạch có thể rửa được phiền, càng ra càng lạ, càng kêu mà càng chẳng hết cũng là do chỗ vô tâm mà diệu ứng với gió vậy. Tuy thế nhưng sở dĩ xướng phát thiên cơ, du dương chân vận, thì cũng là ở chỗ người nghe nhận lấy thôi, chứ nhả nhận hay tục tần, xấu xa hay lành tốt thì có dự gì đến trúc. Ôi! Trúc ơi! Trúc ơi! Ta có sở đắc ở trúc đấy".

Nhạc ngẩn người khi thấy hai nhà nho đua nhau đọc thơ đọc phú, cười lớn bảo:

- Tri âm tri kỷ gặp nhau rồi nhá! Ông Cố Chỉnh, còn dám chê thăm bọn này là một lũ ngu phu dốt nát nữa thôi?

Nguyễn Hữu Chỉnh giả vờ sợ hãi đáp:

- Trại chủ muốn giết sứ hay sao mà đổ cho tôi cái tội tà trời ấy! Có thầy giáo đây làm chứng.

Nhạc cười xòa, quay bảo mọi người:

- Thôi, xin mời quý vị ngồi vào bàn. Ta làm việc nhanh để còn dự tiệc cưới. Sẵn dịp công Cố vào đây, chúng tôi kính mời ông dự tiệc cưới con gái thầy giáo cho biết phong vị của đất núi thế nào. Ông Cố đừng từ chối nhé!

*

* *

Vì Lợi gửi rể nên đám cưới khá đơn giản về nghi tiết. Đã thế, đám cưới trở thành một phần của nhu cầu chính trị cho nên cũng được sửa đổi theo chương trình lễ tiếp ẩn. Thành thử phần

quan trọng nhất của lễ cưới là cô dâu chú rể trình diện với quan khách, và lạy tạ ơn bà con hai họ tại một gian nhà rộng phía trái của chính dinh.

Vì muốn làm lóa mắt sứ bộ quân Trịnh nên Nhạc không tiếc công tiếc của trang hoàng cho tiệc cưới linh đình, lộng lẫy chẳng kém gì tiệc cưới của Đông Cung trước đây.

Nhưng màu sắc, hương thơm, tiếng đàn tiếng hát, thức ăn, những câu xã giao mỹ miều hoặc những lời pha trò thông minh đều không có chút quan trọng nào đối với Huệ. Huệ thắc thỏm chờ cô dâu xuất hiện, ruột rối mà cổ gấu xúc động bằng nụ cười thản nhiên, ngạo mạn, kẻ cả. Rồi giây phút Huệ chờ đợi xuất hiện. Cả phòng tiệc đột nhiên im lặng. Chỉ thay mặt trại chủ đóng vai chủ hôn, khăn đóng áo thụng xanh chĩnh tề, đang cùng với ông giáo dẫn cô dâu và chú rể lạy mừng quan khách.

Huệ cúi mặt xuống, nghe quanh mình tiếng xôn xao trầm trồ. Mặt anh nóng bừng. Anh trách thầm anh cả đã vô tình chơi trò oái ăm, bắt anh chứng kiến giây phút khốn khổ này. Tiếng trầm trồ ngày càng huyên náo hơn. Không thể dần được nữa, Huệ ngược lên tìm An.

Huệ bị chấn động đến nỗi như có ai vừa đánh một vố thật mạnh vào sau ót anh. Anh hoa mắt, sự vật hơi nhòe và pha sắc đỏ. Phải cố định thần một lúc, anh mới nhìn rõ cô dâu hơn: Lần đầu tiên An trang điểm son phấn, đầu lại đội cái khăn vành vải vàng, áo cưới nhiều xanh, trông An đẹp rực rỡ lạ thường.

Lúc An bắt gặp Huệ nhìn mình, đôi mắt cô dâu hình như phảng phất vẻ hốt hoảng cầu khẩn, nửa xấu hổ muốn tránh nửa vương vấn bịn rịn cam chịu. Nhưng chỉ một lúc sau, hình như An tự chủ được mình. Cô mím môi, ánh mắt đanh lại. Hơi nghech mặt lên để nhìn thẳng phía Huệ, cô dâu có thái độ thách đố bất cần. Huệ không hiểu vì sao tự nhiên An nhìn mình với đôi mắt căm hận ấy. Anh hoang mang, chẳng hiểu mình có lỗi gì. Và đến lúc đó, cảm giác tiếc nuối mới dần dần loang ra, xâm chiếm hồn anh. Nhiều chữ "nếu" đặt ra đầu những câu giả thiết, và câu nào cũng gây thêm cho anh sự tiếc nuối. Anh xoi mói nhìn chú rể, thấy cái gì của Lợi cũng là dấu hiệu sự tầm thường. Từ cách đưa hai bàn tay chắp lại vái chào, cách cười rụt hai vai lên cho thêm đậm đà, cách lâu lâu ghé miệng thì thầm gì đó với cô dâu để cố chứng tỏ chủ quyền trước mọi người... Tại sao nàng lại có thể yêu thương một người như thế được? Nàng có lầm lẫn không? Nàng lầm lẫn về hắn hay ta lầm lẫn về nàng? Câu hỏi oái ăm đó lại quấy rầy Huệ. Anh lại cảm thấy choáng váng, phải đưa tay lên chống trán.

*

* *

Như đã xếp đặt trước, sau tiệc cưới, có một cuộc chuyện phiếm thưởng trà ở văn phòng ấm cúng của Nhạc. Người tham dự có Nhạc, Huệ, Chinh, ông giáo và Nhật. Nhạc hy vọng cuộc chuyện phiếm thoải mái này sẽ ghi đậm lên trí óc sứ giả, và tạo hậu quả tốt đối với cuộc giao thiệp với Bắc Hà. Dĩ nhiên cái đỉnh của buổi hội kiến thu hẹp là Nguyễn Hữu Chinh, và người có trách nhiệm lèo lái câu chuyện đến kết quả tốt nhất, lợi nhất, là ông giáo.

Mọi người vừa an tọa, Chinh đã nhanh nhẩu nhìn quanh hỏi:

- Ở kia, cô dâu chú rể đâu rồi?

Ông giáo đỡ lời:

- Các cháu còn bận tiễn đưa bà con hai họ ra về, và lo thu xếp công việc.

Chinh bảo:

- Tiếc nhỉ. Tôi muốn hát mừng tân lang và tân giai nhân mà không có dịp.

Nhạc cười, nói:

- Ông Cống đa tài thế kia à. Nếu cần, chúng tôi xin cho gọi các cháu nó đến.

Chỉnh vội xua tay:

- Thôi, tôi nói đùa chứ hát hỏng ra gì đâu.

Ông giáo nói:

- Nhưng cái tài làm thơ quốc âm của ông thì ông không giấu được đâu. Xin được cho chúng tôi nghe một bài quốc âm.

Chỉnh hãnh diện vì có người biết tài mình. Không khách sáo, nhìn khắp mọi người rồi bảo: - Vâng, về quốc âm thì tôi thông hơn âm nhạc. Để tôi đọc bài thơ quốc âm mới làm cho chư vị thưởng lãm. Nhan đề bài thơ là Than Thân.

Tóc chen hai thứ chữa danh chi.

Thân hỡi là thân! Thì hỡi thì!

Chửa trả chửa đền ân đệ tử.

Thêm ngừng thêm tủi chí nam nhi

Kẻ yêu nên ít bề cao hạ

Người ghét càng nhiều tiếng thị phi

Tay bé khôn bụng vừa miệng thế

Giải lòng ngay thảo cậy thiên tri

Cả phòng vỗ tay tán thưởng bài thơ hay. Nhạc hỏi:

- Sao ông Cống có cái giọng phần đời thế? Nào "Thân hỡi là thân thì hỡi thì", nào "Tay bé"... tay bé... cái gì "miệng thế" nữa đấy?

Chỉnh nhắc lại:

- Thừa "Tay bé khôn bụng vừa miệng thế"!

Nhạc cười, nhìn Chỉnh nói:

- Việc gì phải lo bụng miệng thế? Cứ để mặc cho họ nói nhăng nói cuội, việc ta ta cứ làm. Phải thế không ông Cống?

Chỉnh đáp:

- Không phải ai cũng có cái đảm lược để gác ngoài tai tiếng thị phi. Tôi từng này tuổi đầu, tóc đã bạc, mà đôi lúc còn chưa chịu đựng nổi miệng thế. Những con mắt phàm tục đâu có thấy được giá thực của con người. Chúng nhìn chức tước mà định phẩm cách. Suốt mười mấy năm tôi ở dưới cửa Việp Quận công, có ai xem tôi ra gì đâu!

Ông giáo hỏi:

- Trước khi giúp việc từ hàm cho quận công, ông Cống giữ chức vụ gì suốt bao nhiêu năm mà thiên hạ dám khinh nhờn?

Chỉnh cười ha hả ra vẻ xem khinh thiên hạ, đáp:

- Tôi chỉ coi đội Thiện tiểu mà thôi.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại nhỏ vậy?

Chỉnh nhìn Nhạc, rồi quay lại nhìn ông giáo đáp:

- "Chớ chê điều thiện nhỏ mà không làm"

Cả phòng ồ lên cười. Riêng ông giáo thì khâm phục sự nhanh trí và học vấn uyên bác của Chỉnh, vì Chỉnh không tự ứng khẩu mà dùng ngay câu nói của vua Chiêu Liệt trong cổ thư để trả lời Nhạc. Ông giáo nói:

- Bậc thiên tử như vua Chiêu Liệt thì nói gì mà chẳng được thiên hạ tán thưởng. Đã là điều

thiện thì lớn hay nhỏ cũng đáng phải làm.

Nhạc chen vào nói:

- Nhưng làm được điều thiện lớn thì vẫn tốt hơn điều thiện nhỏ chứ. Việc lật vật tũn mủn thì chỉ nên dành cho hạng tiểu tài. Chứ người như ông Cố, không phải tôi nói cho vừa lòng khách đâu nhé, hạng người như ông mà suốt đời chăm chăm mấy cái thiện lật vật, phí đi!

Bây giờ Huệ mới hỏi Chỉnh:

- Nhưng thế nào mới gọi là điều thiện? Chúng tôi xin được nghe ý kiến của ông Cố.

Chỉnh nhìn quanh để xem có phải mọi người đều chờ nghe mình nói không. Câu hỏi của Huệ đặt vấn đề đến tận căn bản nên ai cũng muốn nghe lời giải đáp của Chỉnh. Chỉnh cười mỉm, lờ mắt nhìn Huệ giả vờ trách móc, rồi chậm rãi nói:

- Vị tướng công trẻ tuổi này không nể tuổi tác, cứ bắt tôi trả lời toàn câu hỏi khó. Ở đây còn có trại chủ, tôi lên tiếng về một điều trọng đại như vậy chẳng khác nào múa rìu qua mắt thợ. Có phải không chư vị?

Nhạc cả cười bảo Chỉnh:

- Ông chạy trời không khỏi nắng đâu. Chúng tôi là một đám dân núi, học hành võ vẽ chưa hết một trang sách, tầm mắt chưa qua khỏi đọt tre làng, làm thế nào đủ kiến văn giải đáp được các điều lớn trùm thiên hạ. Vì không trả lời được mà lòng cứ thắc mắc, chờ ngóng người uyên bác để hỏi thăm, để học hỏi. May có ông Cố từ Thăng Long lạc bước vào đây, chú Huệ lợi dụng cơ may, đem thắc mắc ra hỏi. Xin cho biết tôn ý, ông cố Chỉnh ạ!

Chỉnh biết không thể từ chối được, bèn ngồi ngay ngắn, lấy mặt nghiêm trước khi nói:

- Thì tôi xin trả lời cho tướng công vậy. Thế nào mới là điều thiện? Theo tôi, đơn giản lắm. Điều thiện là sự thành công. Thế thôi!

Cả phòng chung hứng vì câu trả lời bất ngờ ấy. Nhạc thắc mắc:

- Ông Cố nói gọn quá tôi chưa kịp hiểu! Chẳng lẽ vấn đề đơn giản như vậy sao? Và nếu nói như ông Cố, thì cái ác là sự thất bại ư?

Vì đón trước phản ứng của cử tọa, nên Chỉnh mỉm cười nhìn khắp mọi người. Ông bắt gặp nụ cười khinh bạc của Huệ, và vẻ mặt khó chịu của ông giáo.

Còn Nhạc và Nhật thì thích thú vì bất ngờ, lạ lùng. Chỉnh chậm rãi giải thích:

- Trước hết tôi xin nói ngay phân biệt thiện ác là điều không hợp với luật tự nhiên. Trời đất, sông núi, hoa quả, cây cỏ, muôn thú, côn trùng, không từng phân chia thiện ác, mà chỉ tuân theo một qui luật: Luật sống. Phải sống trước đã. Mà đã sống thì phải cạnh tranh nhau để giành lấy miếng mồi, chỗ núp trước hiểm họa, chỗ ngủ qua đêm. Mọi vật đều chịu sự cạnh tranh để tồn tại, mạnh thì được, yếu phải thua. Quý vị đừng vội bĩu môi chê tôi là thằng nhà nho vô hạnh. Xin ráng nghe tôi nói. Vâng, không có điều gì cao cả thiêng liêng cho bằng sự sống. Thiên địa chi đại đức viết sinh. Thánh nhân đã nói vậy. Ai cũng muốn sống, nói rộng ra là vật gì cũng chứa trong nó một thứ sức mạnh để sống và bảo tồn sự sống. Con người là một sinh vật khôn ngoan nhất của trời đất nên chẳng những muốn tồn tại mà còn muốn được hiện diện đời đời, ai ai cũng nhớ tưởng đến mình ngay cả sau khi nhắm mắt. Tôi có thể để quý vị thấy ngay các bậc thánh hiền xem thường bon chen, danh lợi, đời sống cơm áo tầm thường dung tục như chúng ta, thực chất chỉ là những kẻ tham sống tham danh hơn ai hết. Sống. Sống, sống cao hơn mọi người, sống lâu hơn mọi người, đó là ước muốn tự nhiên của tất cả chúng ta.

Khốn nỗi danh lợi thì ít mà tất cả mọi người đều cố cạnh tranh để tìm một chỗ đứng tốt. Người khỏe mạnh mưu trí thì muốn một mình chiếm lấy vai thủ lãnh, kẻ kém hơn thì tìm người hợp

thành tập đoàn để cùng chiếm ưu thế, chiếm xong lại phải xảy ra một cuộc tranh giành khác để kẻ bạo nhất, lạnh nhất, xảo trá nhất thanh toán được đối thủ lên ngôi thủ lĩnh. Những người kém thế, chậm chạp, nhút nhát còn lại thì suốt đời vâng vâng dạ dạ. Cuộc bon chen cạnh tranh đó là luật sống của tự nhiên, không thể xếp cái gì là thiện cái gì là ác. Nhưng sở dĩ có sự phân biệt thiện ác lâu nay là vì kẻ mạnh ở chỗ ưu thế không muốn mình kém mạnh hoặc suy yếu đi để bị kẻ khác thay thế. Hẳn thành công hơn kẻ khác, nên lo sợ tất cả những người không thành công bằng hẳn. Hẳn ngồi trên chỗ cao mà không lúc nào an tâm. Cho nên hẳn phải tìm ra một lý thuyết để buộc tất cả mọi người tin rằng hẳn ở trên cao là do ý trời, vì những lý do cao cả, siêu linh, điều hẳn làm là thiện, ai không nghe theo hẳn là kẻ ác. Có thể tên chủ lĩnh vụng về ăn nói, suy nghĩ nông cạn, giỏi bạo hành và âm mưu hơn là lập thuyết. Nhưng ở đời không bao giờ thiếu bọn lưu manh giỏi tài miệng lưỡi. Chúng đoán được ý của thủ lĩnh, và với óc thông minh và tài lợi khẩu, chúng có thể đề ra hàng nghìn hàng vạn lý thuyết biện biệt phân chia thế nào là thiện, thế nào là ác. Xem thế thì thiện là gì? Ác là gì? Tôi mạnh bạo trả lời cho quý vị rằng: Thiện là thành, ác là bại. Hễ thành công thì tự nhiên thiện. Cho nên điều quan trọng là phải thành công. Quý vị nghĩ xem. Nếu Hàn Tín không thành công, thì ai không chê cười cái thằng hèn hạ đến nỗi chịu lòn trôn tên vô lại giữa chợ, và trên đời có ai biết đến bát cơm Phiếu Mẫu. Cái đẹp của tính nhẫn nhục và lòng nhân hậu của Phiếu Mẫu sở dĩ còn lưu truyền là nhờ sự thành công của Hoài Âm hầu. Do đó tôi mới dám bảo "Thiện là sự thành công"

Nhạc cười ha hả thích thú, nói lớn:

- Hay lắm! Ông Cố nói thật hợp ý tôi. Phải, thành công thì điều thiện tìm đến, thất bại thì điều thiện bỏ đi. Được làm vua thua làm giặc, tục ngữ đã nôm na thế từ lâu rồi. Phải không ông Cố? Nhưng này, theo ý ông thì anh em chúng tôi có thể thành công được không? Hay nói theo ông, có thể trở nên "người lương thiện" được không?

Chỉnh bối rồi một chút, nhưng kịp trấn tĩnh ngay, Chỉ cười bảo Nhạc:

- Tại sao Tráng tiết Tướng quân lại hỏi tôi câu ấy? Tướng quân đã nhận khôi giáp của hoàng triều, tất nhiên là chịu vâng theo điều thiện rồi. Xin chúc mừng điều thiện lớn tướng công đã đạt được, là trở thành bề tôi của hoàng triều.

Chỉnh nâng chung rượu lên mời mọi người. Nhạc cười ha hả lần nữa, mạnh dạn đưa cao chung rượu nốc cạn. Nhật bắt chước Nhạc, ngửa cổ uống hết rượu trong chung bạc. Ông giáo do dự, mãi đến lúc gặp Chỉnh xoi mói nhìn mình, ông mới đưa rượu lên nhấp vài ngụm cho có lệ. Chỉ một mình Huệ thản nhiên không cầm đến chung rượu. Chỉnh mỉm cười hỏi:

- Tiên phong Tướng công suy nghĩ gì thế?

Huệ nhìn thẳng vào mặt Chỉnh đáp:

- Cảm ơn ông Cố. Hình như ngài vẫn chưa tìm ra điều thiện lớn cho riêng mình, nên tạm uống rượu mừng cái thiện có sẵn của kẻ khác. Chung rượu hôm nay chưa được uống là vì vậy... Nhạc sợ em làm mất lòng khách quý, vội cắt lời Huệ:

- Chú em tôi hay thắc mắc chuyện dưới đất trên trời. Nhưng phải nhận hôm nay chú ấy khá lắm. Đáng thưởng một chung rượu. Chú Huệ, chú chưa uống vì chưa tìm ra lẽ thiện, thì bây giờ phải uống cạn chung rượu thưởng của anh. Không được chối từ đâu!

Huệ vâng lời Nhạc, nhưng lúc ngược cổ nốc cạn chung rượu đắng, anh nhìn trại chủ với đôi mắt trách móc, gần như hờn giận bi thiết. Không ai nhận ra ánh mắt bi phần ấy, ngoài ông giáo.

*

* *

Cả Huệ lẫn ông giáo đều muốn nói chuyện riêng với nhau. Không nói không được! Nhất là phải nói ngay hôm nay!

Nhưng lúc chỉ còn hai thầy trò trước thềm dinh phủ, chung quanh là đêm trăng non và gió se lạnh, họ đâm ra lúng túng không biết phải nói với nhau điều gì. Lòng cả hai thầy trò đều nôn nao, khốn khổ. Họ bứt rứt, áy náy nhìn nhau, ái ngại cho nhau, thương hại lẫn nhau. Mỗi một lúc lâu, ông giáo mới tìm được một đề tài không động chạm đến nỗi đau chung. Ông hỏi Huệ: - Anh có thấy ông ta nhai lại giọng phần kích của Tử Trường hay không? Anh còn nhớ bài Tựa truyện Du Hiệp trong Sử Ký chú? Người nhà quê có câu rằng: Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta kẻ có ơn. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thú Dương; vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó kém vẻ vang. Chích Cực ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà coi: "Ăn trộm lưỡi câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu".

Huệ trầm ngâm lắng nghe lời thầy, bùi ngùi nhớ lại những ngày An Thái. Tự nhiên nước mắt rơm rớm, và cổ anh nghẹn. Ông giáo chờ mãi không thấy Huệ trả lời, hỏi lại:

- Anh nhớ đoạn đó chứ?

Huệ nuốt nước miếng trả lời được mấy tiếng:

- Dạ nhớ.

- Ông ta cũng nói cùng một ý đó, nhưng tại sao tôi tự nhiên ác cảm với lập luận của ông ta, trong khi vẫn thông cảm với Tử Trường? Anh có thấy được điều khác biệt không?

Huệ cảm động, vì hiểu ý nghĩa lời ân cần săn đón của thầy, hiểu chủ đích của ông giáo khi kiểm chuyện bàn luận dông dài với anh. Huệ ngược lên nhìn ông giáo chớp chớp đôi mắt và đáp:

- Con cũng cảm nhận điều đó. Cái khác nhau giữa Tư Mã Thiên và ông cố Chỉnh là ở tâm trạng phát ngôn: Tư Mã Thiên phát biểu trong lúc tuyệt vọng phần chí, nghĩa là vẫn tin ở điều tối thiện nhưng đau đớn vì chưa đạt tới được. Ngược lại, ông cố Chỉnh xem tất cả chỉ là phương tiện để tư lợi, và phủ lên sự thấp hèn ích kỷ ấy lớp khói thuyết lý.

Ông giáo vui mừng tìm được người hiểu mình, reo lên:

- Anh nói đúng lắm. Tôi cũng nghĩ như vậy. Cách nguy hiểm này còn nguy hiểm hơn cả chính sự xác nhận đời là sự cạnh tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua. Nó hợp lý hóa một điều bất đắc dĩ, như đem chuyện buông the ra kể trước công chúng.

Huệ nói:

- Con nhớ có lần đã thưa với thầy là trước sau gì bọn cơ hội tứ phương cũng đánh hơi thấy mùi mật ngọt mà bu đến đây như một đàn ruồi. Chúng còn đông hơn, nguy hiểm hơn bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực lâu nay nhan nhản quanh chúng ta. Nguy hiểm hơn vì chúng thông minh hơn bọn trộm cướp, được việc hơn bọn vong mạng dốt nát, ngoan ngoãn giỏi nịnh hơn bọn cố chấp hẹp hòi. Khó phân biệt được người thiện chí và kẻ xu thời cạnh tranh. Con nghe hẩn lý thuyết dông dài, nhìn đôi mắt hẩn lảo liên, tự nhiên rờn rợn. Không hiểu tại sao con đâm ghét cay ghét đắng hẩn ta. Rồi nhìn cái cười đắc chí của anh con, con ghét lây cả...

Huệ chợt nhớ đến giới hạn, vội ngưng lại. Dù sao đi nữa, anh không có quyền nói xấu anh mình. Ông giáo cảm động vì sự tin cậy của Huệ, ngầm hiểu nguyên do của sự phần kích, sự quá đáng trong cách xét đời xét người. Ông an ủi:

- Rồi mọi sự không đến nỗi bi quan như anh nghĩ đâu. Trên đời lẽ thiện vẫn sáng, và phải thắng. Những gì buồn khổ, bất như ý rồi cũng qua đi. Thời gian cuốn hết những thống khổ. Ông trời thật hay: vừa cho người ta trí nhớ, nhưng cũng cho người ta sự quên lãng. Ngày mai thức

đây, tối hôm nay đã thành một kỷ niệm. Mà kỷ niệm nào rồi cũng phải mờ, như một cái gương cũ.

Huệ đột ngột nắm tay ông giáo, giọng nói run run:

- Con cảm ơn thầy nhiều. Vâng, con hiểu lòng tốt của thầy. Ngày mai con đi xa rồi, không biết có mau được dịp trở lại thăm thầy hay không. Tuy nhiên dù ở đâu, xa xôi cách mấy, con vẫn không quên ơn thầy. Có điều này con thành thực thưa với thầy, là hiện nay vị thế của thầy bấp bênh lắm. Nguy hiểm là khác. Con nói chuyện qua với Bùi Văn Nhật và ông Chỉ, là hiểu hết.

Cũng may anh con vẫn còn xem trọng những ý kiến của con. Nhưng con sợ... con vẫn sợ...

Ông giáo ôm lấy hai vai Huệ. Ông muốn khóc vì xúc động. Không ai hiểu ông bằng Huệ, không ai thấy rõ cuộc đời ông, tâm tình ông, cả sự nguy hiểm trắc trở về sau của ông bằng người học trò đang giữ vai trò lịch sử quan trọng này. Ông vỗ nhẹ vào lưng Huệ, cố dẫn xúc động, lắm lắm:

- Cảm ơn anh. Tôi hiểu... Chúng ta quá hiểu nhau. Như vậy là quý lắm rồi, may lắm rồi. Ráng giữ gìn sức khỏe, và niềm yêu đời, Huệ nhé!

Hai thầy trò chia tay nhau dưới vòm sương khuya và ánh trăng thượng tuần lơ mờ. Huệ quay về dinh phủ, mắt còn xốn xang vì hình ảnh hai cái lồng đèn vẽ hình loan phượng treo trước cửa nhà ông giáo. Anh bước gấp như chạy trốn, lưng nhột nhột vì ý nghĩ hai ánh sáng lay lắt ấy giống y hai con mắt tinh ranh đùa cợt trên nỗi đau khổ đầu đời của anh. Tới lúc vào hẳn trong dinh, nghe tiếng đàn tiếng hát Nhạc chiêu đãi sứ bộ, Huệ mới bớt ám ảnh ray rứt. Sau khi Mịch biểu diễn xong một đoạn ghen tuông trích trong vở Phụng Nghi Đình, Chỉnh cao hứng hát một bài quan họ Bắc Ninh để đáp lễ. Lời ca bài Trèo lên cây gạo như sau:

Trèo lên cây gạo cao cao

Bước xuống vườn đào thấy áo người phơi

Thấy áo sao chẳng thấy người

Như đứng nhà giột như ngồi chuồng chim

Thấy chuồng sao chẳng thấy chim

Để tôi chỉ quyết đi tìm một đôi

Tưởng rằng chim lẻ bắt chơi

Không ngờ chim đã đủ đôi cả rồi.

Huệ ngồi phía sau sân hát, nên lúc anh bỏ về, không có ai trong cuộc vui hay biết gì!

Có lẽ suốt cuộc đời dài, không bao giờ An có những kỷ niệm xót xa và đáng chán cho bằng kỷ niệm ngày cưới.

Từng đọc khá nhiều bài thơ ca tụng đêm hợp cẩn, niềm vui vu qui, An so sánh những gì đã đọc với những gì mình trải qua, thấy buồn cười cho tài vẽ vời của thi sĩ. An đã ráng nghĩ tất cả mọi người đều hân hoan hạnh phúc trong ngày vu qui, chỉ riêng có mình là bất hạnh. Nhưng qua kinh nghiệm của Thọ Hương, và suy luận khách quan từ kinh nghiệm mình, An cương quyết nghĩ rằng các thi sĩ cổ kim đã lừa dối những người đọc nhẹ dạ. Nhất là những cô gái tuổi cập kê! Sau tiệc cưới An trở về phòng tân hôn như một cái xác biết đi và biết giả bộ cười. Những gì cô phải đảm đương gánh vác từ sáng tới giờ vượt quá sức chịu đựng của thân thể yếu đuối. Nhiều đêm trước cô không ngủ được. Ngày đám cưới cô phải phụ giúp việc nấu nướng, tiếp chuyện với những bạn bè và người đến mừng. Cô phải cố làm ra vẻ vui tươi, liến thoắng, hoạt bát, thông minh, e thẹn, ngúng nguẩy... nghĩa là làm đủ thứ kịch cớm theo đúng đòi hỏi của vai cô dâu hạnh phúc. Nhưng có hai công việc nặng nề nhất đối với An là: chiều theo các nghi thức phức tạp và dài dằng dặc do ông thầy cúng đưa ra, và phải gặp Huệ.

Hình như để an ủi cho ông thầy cúng (không được Nhạc giao tổ chức lễ tiếp ấn) trại chủ đã ủy nhiệm cho ông đứng ra thay mặt nhà trai lo liệu tất cả nghi thức lễ lạc của đám cưới. Chỉ sung sướng ra mặt vì sự tín nhiệm lý thú này. Lâu nay Chỉ vẫn có ác cảm với thầy giáo. Nay được tự tay xếp đặt chuyện cưới xin ngay trong nhà đối thủ, tự bày vẽ cách thức cúng bái cho đối thủ và con gái tuân hành, có khác nào được đi săn ngay trên đất cấm. Có lẽ vì thế mà Chỉ đã bày vẽ quá mức đòi hỏi. An và Lợi quì đến ê cả đầu gối, lạy hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, dâng rượu và lạy tạ gần như khắp mọi người có tuổi.

Cuộc gặp gỡ Huệ trong tiệc cưới cũng tạo ra những xúc động mạnh mẽ trong tâm hồn An. Cô sợ nhất là gặp Huệ, cô sợ bị Huệ nhìn với đôi mắt khinh bỉ, thù ghét. An tưởng tượng những gì Huệ sẽ nghĩ về mình, nên trước khi phải gặp Huệ, cô đã cố tập trung tất cả những định kiến, hiềm nghi, ngộ nhận tai hại nhất về Huệ để làm tấm khiên chống đỡ. Cô nhắc đi nhắc lại mãi cho nhập tâm: Anh ấy xem thường ta nghèo, anh ấy lạnh nhạt với ta. Từ trước đến nay anh ấy chưa bao giờ nhớ tưởng đến ta. Vậy thì việc gì mà ta sợ gặp anh ấy. Mà giả sử anh ấy có yêu thương ta thực nhưng bị trại chủ ngăn cản không dám cùng ta nên vợ chồng, thì anh ấy chỉ là con người tầm thường, con người hèn nhát. Ta càng phải trang điểm thật đẹp để anh ấy phải tiếc nuối, hối hận. Chính ý nghĩ phải làm cho Huệ tiếc nuối là liều thuốc an thần giúp An giữ được khá đủ bình tĩnh khi bước vào tiệc cưới. Thiên hạ trầm trồ khen An đẹp, An sung sướng, và nhìn về phía Huệ xem đôi mắt ấy có biểu lộ sự khâm phục, và sự tiếc nuối hay chưa. Lúc đó Huệ quay mặt về phía cổng Chỉnh nên An không nhìn được gì. Cô tiến gần, tiến gần Huệ hơn. Cô

đã có thể nhìn sâu vào mắt Huệ. Lúc anh đưa tay nhận chung rượu từ tay An, và bàn tay run run chạm nhẹ vào ngón tay út của An, cô đọc thấy trong ánh mắt ấy không phải sự khâm phục, cũng không phải sự hối hận nuối tiếc, mà là sự thương xót ái ngại, sự tuyệt vọng đến bi phẫn. An lạnh cả người, bàng hoàng tự hỏi: "Thế là thế nào? Đôi mắt ấy, vẻ mặt ấy, bàn tay run run ấy, lời nói ấy, tất cả không có chút kiêu ngạo hờ hững nào, Huệ giấu được tình cảm với ai khác, nhưng không thể giấu được An. Cô suýt bật khóc vì xúc động. Khi giọt nước mắt đọng trên khóe và chực lăn xuống má, cô phải tránh nhìn về phía mọi người, giả vờ đưa tay lên gạt mồ hôi trán để che giấu sự đau đớn. Con bão ấy qua đi, để lại những dư ba bùi ngùi. Lòng An bồn thần, hoang mang.

Trở về phòng tân hôn, An bất hải, chán nản như vừa chạy qua khỏi một vùng tha ma đầy bóng tối. Hai vai An mỏi rần, người hâm hấp sốt. Mỗi lần bước đi bấp chân nhức nhối. Và điều bất ngờ nhất, là An bị ra kinh nguyệt sớm hơn thường lệ.

*

* *

Lợi bước nhẹ vào phòng với nụ cười nửa bên lên nửa lém lỉnh. Mặt anh còn đỏ rần vì bị bạn bè ép rượu không thể từ chối được. Anh nhìn An, thấy vợ ngồi ở mép giường, tay mân mê mép chiếu hoa, mặt cúi xuống như ngưng ngệu. Lợi khép nhẹ cửa phòng lại. Cánh cửa xoay êm, nhưng lúc ập vào khuôn gỗ, lại kêu một tiếng két khá lớn. Lợi hơi lo người ngoài biết dụng ý của mình, dùng hai tay nâng cánh cửa lên một chút để dễ cài then hơn. Xong đâu đó, Lợi bước nhẹ về phía vợ. An vẫn không ngược đầu lên. Lợi tưởng An giận, cười nhỏ rồi bào chữa:

- Tội nó ép quá, anh không thể từ chối được. Nhưng anh cũng có cách riêng để khỏi phải gục tại chỗ. Anh giả vờ đưa cao ly rượu nốc cạn, thực sự là đổ hắt ra phía sau. Tội nó say, đèn lại mờ, nên không nhận ra anh ăn gian. Ủa, sao em chưa thay áo?

An hiểu cái lúc mình lo lắng nhất đã đến, lúng túng đưa tay lên hàng cúc áo để giữ chặt lại. Lợi tưởng vợ vâng lời mình, hấp tấp hỏi:

- Em muốn thay cái áo nào? Cái áo lụa nhé? Hay là cái áo nhiều vàng?

An ngược lên nhìn Lợi, hơi chạnh lòng thương hại chồng vì vẻ sốt sắng của anh. An lễ phép đáp:

- Cảm ơn anh. Em tự đi thay lấy cũng được.

Lợi rụt rè đề nghị:

- Nhưng anh thích em mặc cái áo nhiều vàng. Để anh đi khép cửa sổ bắc lại. Khiếp, đêm nay gió lạnh quá.

An bước về phía sau tấm màn thay quần áo. Sự hồi hộp lo sợ khiến mồ hôi cô vã ra ướt đầm cái yếm trắng. Điều cô lo sợ nhất là mỗi lúc kinh nguyệt ra càng nhiều hơn. Bên ngoài tấm màn, Lợi đang đóng lại hai cánh cửa sổ. An cảm thấy nhóp nhép khó chịu, nhưng không dám xuống phía bếp để rửa ráy, vì ngại ngùng. Cô lo sợ liếc ra phía ngoài, thấy Lợi đi đi lại lại giữa khoảng cửa sổ và cửa lớn, như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An lau qua thân thể, rồi mặc cái quần đen và cái áo nhiều vàng như Lợi dặn. Cô vừa bước ra khỏi màn thì Lợi đã hấp tấp bước nhanh đến ôm chầm lấy An, siết thân thể mềm yếu của vợ trong hai cánh tay. Lợi áp má lên tóc An, rồi áp mũi hít say sưa hương tóc. An trăn người vì sợ sùng và vì sợ hãi. Cô hoang mang không biết phải làm gì để gỡ hai cánh tay tham lam của chồng. Mà quả thực Lợi quá tham lam. Hình như anh chưa dám tin An đã thực sự thuộc về mình, vẫn còn tưởng tất cả chỉ là mơ ước, người con gái hiện đang thu người khép nép trong lòng mình còn là một ảo ảnh. Cho nên Lợi dùng bàn tay phải mân mê, sờ soạng khắp mặt mũi, thân thể vợ, làn da mịn màng, hương thơm ấm

áp, cái cổ tròn, đôi vú nhỏ và mềm, trái tim đập gấp, đôi tai xinh xắn nép sau làn tóc mượt, hơi thở dồn dập, và cả đến mùi mồ hôi toát ra từ nách áo, anh muốn căn cứ vào tất cả những thực hữu cụ thể ấy để trọn vẹn tận hưởng niềm hạnh diện. Lợi vừa áp mặt vào ngực, vào nách vợ vừa lẩm bầm như người say:

- Em là của anh. Từ nay em là của anh. Có thực sự như vậy không An. Em đã là của anh phải không? Trời ơi. Anh sung sướng quá. Em đã là vợ anh. Tất cả tấm thân này là của anh sao? An muốn ngộp thở vì sợ hãi, không nói được lời nào. Cả người cô tê dại, một thứ cảm giác xa lạ lan ra khắp người An, nhất là lúc Lợi áp mặt vào ngực cô - An cũng không biết Lợi đã tháo hàng cúc chiếc áo nhiễu vàng từ lúc nào. Lúc lấy được đôi chút ý thức, An mới nhận ra hoàn cảnh đáng bẽ bàng của mình. Chiếc áo nhiễu đã rơi xuống đất, trên thân thể An chỉ còn cái quần đen và chiếc yếm trắng. Da thịt An lộ lỏ từ khuôn mặt phẩn sát, chiếc cổ cao, đôi vú nhỏ, và phần trên của bụng. Lợi vẫn ôm riết lấy An, mặt dụi vào cặp vú trần. Mỗi lần Lợi chạm vào đầu vú, An lại thấy buốt ở ngực, rồi cảm giác như cứ buốt dần dần tan loãng ra, thành một niềm tê dại, thành một khoái cảm lẫn tăn truyền từ chân tóc đến mấy đầu ngón chân. Mắt An nhắm lại, như sợ thấy tất cả những gì đang diễn ra. Sợ thấy mình say dại, trơ trẽn trước ánh đèn! Lợi dìu An đến chỗ giường, hai tay vẫn mơn man khắp phần trên của thân thể vợ. An sợ hãi không biết điều gì sẽ xảy ra nữa. Thấy Lợi đưa tay lần giải lưng quần. An chợt nhớ đến những lời chửi rủa tục tĩu giữa những người vợ lính. Cô hoang mang tự hỏi: Hóa ra tất cả những điều ghê gớm ấy đều có thực hay sao? Vợ chồng nào rồi cũng phải bắt buộc ân ái với nhau như vậy, giao hợp với nhau chẳng khác nào tất cả giống đực và giống cái trên đời giao hợp để sinh đẻ, truyền giống mà tồn tại. Cùng với sự sợ hãi, An cảm thấy thân thể mình nhóp nhép hơn. Cô nắm lấy bàn tay Lợi. Lợi khựng lại, ngơ ngác hỏi:

- Em sợ đèn sáng hả?

An vừa thở vừa nói:

- Đừng anh! Em sợ lắm.

Lợi cố cười gượng, bảo vợ:

- Có gì mà sợ. Vợ chồng ai cũng phải thế cả!

An nhất định nắm lấy tay Lợi, giọng van nài:

- Để hôm khác đi anh. Hôm nay em không được khỏe.

Lợi nhất định không tin lời An, bảo vợ:

- Em, đừng nói dại. Đêm nay là đêm hợp cần mà!

An vội nói mau:

- Nhưng em có kinh.

Lợi giật mình khựng lại, dăm dăm nhìn An. An giận đến run cả người vì cái nhìn hoài nghi ấy.

An gắt gỏng hỏi:

- Anh không tin em ư?

Đôi tay Lợi dần dần rời lỏng. Giọng Lợi có vẻ thất vọng, chán nản, Lợi nói:

- Không. Anh tin em chứ. Khiếp. Sao anh cảm thấy ngọt quá. Ta mở cửa cho thoáng khí một chút nhé.

Lợi không chờ An bằng lòng, tiến về phía cửa sổ. An phải vội vợ chiếc áo nhiễu khoác lên người. Trong sự thay đổi của Lợi, An cảm thấy có gì hơi tàn bạo và thô lỗ. An chưa dám tin ở cảm tưởng ấy, vì từ trước đến sau, lời lẽ của chồng vẫn ôn tồn nhã nhặn. Tuy thế, An vẫn cảm thấy có một vết thương nào đó trên tình vợ chồng, vết thương nhỏ và kín đáo như một vết rạn.

Đêm đó, đêm tân hôn, hai vợ chồng nằm xoay lưng vào nhau, và cũng thao thức chờ gà mau gáy sáng.

*

* *

Liên tiếp mấy hôm sau An được dịp chứng kiến khả năng thích ứng nhạy bén của chồng để hòa nhập với cuộc sống bình thường. Đối với người khác, làm điều gì không đúng với sự thực tự nhiên người ta dễ ngượng ngịu, vấp vấp, ăn nói ú ớ, bào chữa vụng về. Nhưng với Lợi thì sự thực chính là điều phải làm. Anh hết sức tự nhiên khi đỏ mặt lúng túng trước các lời bông đùa của bạn bè. Người thì bảo:

- Trông cặp mắt mất ngủ của nó kìa. Phải điều độ nghe bạn!

Người thì bảo:

- Sao mới có mấy hôm mà nó gầy xọp thế.

Lợi không cãi chính, còn cố ý khiến bạn bè hiểu lầm rằng mình đã quá say duyên mới quên cả giữ gìn sức khỏe. Được dịp cho mọi người cười hô hố, và lúc nào cũng vậy, Lợi cười dòn hơn, to hơn các bạn.

Khi chỉ còn hai vợ chồng, thì Lợi cư xử khác hẳn. Anh cau có, cáu gắt. An không biết phải nói gì để Lợi hiểu rằng biểu lộ sự cau có trong trường hợp như vậy là thiếu tế nhị. An tin rằng Lợi không có kiên nhẫn để suy nghĩ cho thấu những ràng buộc phức tạp ấy. Vì thế, An nuối tiếc, rồi lại hối hận vì đã nuối tiếc.

Cuộc sống chung với một người đàn ông, chia sẻ với nhau những điều vụn vặt, tầm thường, và riêng tư, cuộc sống đó mới đầu không khỏi có những vấp vấp, bất tiện. An không quen ngủ chung giường với người khác. Không quen nghe tiếng ngáy, và đôi khi tiếng ú ớ mê sảng giữa đêm khuya. Không quen để cho người nào choàng tay lên ngực mình, gác chân lên vế mình. Những va chạm, ràng buộc mới mẻ ấy, An cảm thấy khó chịu, mà không thể nào tránh được. Liên tiếp mấy đêm cô không chợp mắt, hết trăn trở lại nằm yên đếm thầm để dễ giấc ngủ. Lợi vô tâm hơn, sau đêm tân hôn thất vọng, bắt đầu sang đêm thứ hai hể đặt lưng xuống chiếu là ngáy. An tò mò nhìn chồng ngủ, ngắm kỹ cái trán hẹp, đôi mắt sâu, cái mũi thanh, đôi môi mỏng, khuôn mặt xương xương, mái tóc thưa và dài: phải công nhận chồng không đến nỗi xấu trai. Ngược lại là khác. Đôi lúc An đưa tay vuốt nhẹ lên má Lợi lúc Lợi ngủ say, An cảm thấy da mặt chồng hơi ướt mồ hôi dầu. Những điều cụ thể ấy thuộc thành phần của tình vợ chồng, cũng như những bất tiện An phải làm quen mấy hôm nay. An tự nhủ mọi sự rồi sẽ quen đi, như mọi người đã quen. Kể cả làm quen với sự thất vọng và nỗi xót xa.

Phải chờ đến đêm hai vợ chồng thực sự giao hợp với nhau An mới hiểu hết ý nghĩa của cuộc sống mới. Sự vô vập tham lam của Lợi khiến An sững sờ. Cô dọn mình chờ đợi điều ấy xảy ra, nhưng khi nó đến, cô sững sờ kinh ngạc. Như vậy là "ân ái", "gối chăn" đấy ư? Sự đau đớn đến tận cùng thân xác, nỗi khó khăn của cả hai vợ chồng để hoàn tất một hành động gần như thô bỉ, cuồng bạo, để rồi cuối cùng, cả hai nhể nhại mồ hôi và rời rã chân tay, chán nản nhìn nhau như hai chiếc lá úa, tất cả những cái đó là tình vợ chồng đấy ư? Là niềm mơ ước của tất cả các thiếu nữ, là ý nguyện của tất cả trai tráng hiền lành lãng mạn, là điều bậc cha mẹ muốn con gái con trai nên vợ nên chồng trước khi yên tâm nhắm mắt đấy ư? An thao thức suy nghĩ mãi, trong khi Lợi nằm xoắn chân tay ra ngủ, nét mặt thỏa mãn. Vết buốt vẫn còn đó trên thân thể An, và sự xót xa trong tâm hồn vẫn còn đó. An không thể hiểu được loài người, khi so sánh niềm e ấp ân hoan của tình yêu và cảm giác đau buốt nhóp nháp của cuộc ân ái. Tình yêu nào cũng phải trả

giá ấy sao? Hay đó là cái giá trả trước để được vinh dự làm mẹ? Tại sao không ai nói trước cho ta biết những cảnh huống này, để một mình ta lần mò, dò dẫm, quờ quạng đi tìm sự thực? Bao nhiêu câu hỏi hiện ra trong đầu An. Lợi vẫn ngủ say. Ngọn đèn dầu leo lét gần cái kệ gỗ. An đối diện với đêm dài và niềm khắc khoải. Những đêm tân hôn của An chậm chạp trôi qua, trong nỗi thao thức, nỗi xót xa, trong mớ bong bóng của những câu hỏi không có giải đáp. Phải chờ khá lâu, khoảng mười hôm sau ngày cưới, khi An bắt đầu cảm được những khoái lạc của chăn gối, cô mới dần dần ý thức rằng: không có nỗi đau nào không có đền bù, và không có hạnh phúc nào không phải trả giá. Dần dần An cũng quen đi, và hòa nhịp trở lại với cuộc sống đều đặn quanh mình.

*

* *

Khi qua khỏi được cơn khủng hoảng của đời sống vợ chồng, An mới thấy rõ trạng thái tâm hồn của cha. Ông giáo bứt rứt đứng ngồi không yên, gần như đánh mất hẳn sự trầm tĩnh cổ hữu. Những ngày chuẩn bị đám cưới con gái và tiếp sứ giả nhà Trịnh đã khiến ông lầm tưởng rằng mình lại được tin cần, ân cần mời chào ở khắp nơi, không còn bị cô lập như trước nữa. Ông giáo đã lầm lẫn tai hại!

Sau khi sứ bộ ra về, và hai người lính đến gỡ hai cái lồng đèn loan phượng đem nhập kho, ông giáo mở cửa chờ mãi không thấy ai lui tới. Chờ khách không được, ông mặc áo đội khăn đến thăm viếng bạn bè. Cách tiếp đãi lạnh lẽo, những câu nói nhát gừng, cùng vẻ mặt láo liên e dè của chủ nhà chẳng khác nào gáo nước lạnh dội lên sự hăm hở nhiệt tình của ông. Chưa tin ở cảm giác bề bồng ban đầu, ông đi thăm thêm vài người nữa. Đâu đâu ông cũng gặp những khuôn mặt sợ sệt lấm lét ấy. Ông bắt đầu hiểu. Giận quá, ông tìm đến Bùi Văn Nhật. Nhật nại có bận việc cho lính ra bảo mình chưa có thì giờ tiếp chuyện thầy giáo được. Ông thui thủi ra về, lòng ngao ngán nào nề!

Ông giáo không chịu ngồi yên. Ông dò la tìm hiểu nguyên do sự lạnh nhạt của mọi người đối với ông. Dĩ nhiên ông chỉ nghe được những tin đồn, hoặc những lời thiên hạ xôn xao bàn tán ở các quán rượu, góc chợ, bến đò. Ông nghe tin quân Trịnh đã bắt đầu triệt thoái khỏi Châu ố, và rút về đóng ở dinh Chàm. Rồi ngay đạo quân lâu nay vẫn trấn giữ Quảng Nam cũng rút bớt về Thuận Hóa. Ông đoán; "Phải rồi. Nay áp lực ở phía bắc không còn nữa, Tây Sơn sẽ dồn tất cả lực lượng tấn công vào nam. Trong cuộc cờ mới, Nhạc đã dứt khoát tuyệt tình với nhà Nguyễn. Đông cung hết bị quản thúc ở An Thái, lại bị đưa đi Hà Liêu, rồi Bồng Giang. Thọ Hương xin theo chồng cho đủ nghĩa nhưng Nhạc cương quyết không cho. Nếu ông cả chưa giết đi, chỉ vì chưa thấy cần. Cái gai trước mắt chính là Gia Định. Không chóng thì chầy, thế nào Huệ cũng đưa quân vượt đèo Cả để vào chiếm Bình Khang, hoặc bằng đường thủy tấn công thẳng vào Gia Định. Mọi sự không thể khác được, nên rõ ràng ta không còn chỗ đứng nào ở cái phủ này. Trời ơi! Ta lầm lẫn, nhẹ dạ quá chừng. Ta cứ tưởng mọi sự đã thay đổi!"

Cách suy đoán ấy dù sao cũng an ủi được ông giáo. Ông hết ngạc nhiên về thái độ của mọi người. Cả đến tin buồn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình ông là Lợi đã bị huyền chúc, không được trông coi quân lương như trước, cũng không khiến ông ngạc nhiên. Ông nghĩ điều đó tất nhiên phải đến, cũng như không trước thì sau, toàn thể lực lượng Tây Sơn sẽ đổ vào Phú Yên để đánh tan vành đai phòng ngự của Tổng Phúc Hợp ở hòn Khôi. Về điểm này, ông giáo đoán sai! Khoảng tháng Chín, ông thấy lác đác có những toán quân nhỏ rút khỏi Phú Yên trở ra bắc. Càng về sau, số quân di chuyển ấy càng nhiều, và trông cách ăn mặc, đi đứng, tổ chức đội

ngũ, ông ngơ ngợ nghĩ rằng các toán quân đó phải rút lui trong hỗn loạn và bất ngờ. Rồi thêm các lời thì thào truyền miệng ở góc phố đầu chợ rằng đạo quân của Lý Tài ở Phú Yên đã làm phản, trở mặt liên kết với Tống Phúc Hợp.

Ông giáo lạnh toát mồ hôi vì sợ hãi. Nếu tin này đúng sự thực, thì một lần nữa ông bị liên lụy. Con trai ông đi theo Lý Tài, và ông biết tính tình Chinh hơn ai hết, chắc chắn Chinh sẽ chọn con đường phản trắc đầy phiêu lưu hơn là trở lại nương nấu dưới mái gia đình.

Ông giáo chưa kịp đi xác minh hư thực thì Bùi Văn Nhật đã cho lính đến mời ông lên gặp. Hai tên lính có mang giáo cần dặn kỹ là gặp ông Nhật, chứ không phải gặp ông Nhạc, trại chủ. Nhật hăm hăm nhìn ông giáo tiến vào phòng như nhìn một kẻ thù chưa từng quen biết. Anh ta bắt đầu ra hiệu cho ông giáo ngồi trước bàn mình, rồi hỏi ngay:

- Ông đã nhận được tin mừng chưa?

Ông giáo ngơ ngác hỏi lại:

- Tin mừng gì hở anh?

Nhật dần từng tiếng:

- Tin quân ngũ dinh của ông đã lấy lại được toàn phủ Phú Yên mà không tốn một mũi tên chứ tin gì!

Ông giáo nổi giận, gay gắt bảo:

- Anh phải ăn nói lễ độ và đàng hoàng với người lớn tuổi. Tại sao anh bảo: "quân ngũ dinh của tôi"?

Nhật cười nhạt không có chút bối rối nào, đáp lại:

- Không của thầy giáo thì của ai? Vì cậu con trai yêu quý của thầy giáo đã đầu hàng quân ngũ dinh rồi. Chẳng lẽ thầy chưa biết gì cả!

Ông giáo chột dạ, thành thực đáp:

- Tôi chưa hay tin đó. Có chắc chắn không?

Nhật tức giận nói:

- Không chắc ư? Cả bọn Lý tài ở Phú Yên liên lạc với Tống Phúc Hợp để xin dâng trọn cả phủ cho hắn, trong bọn tất nhiên có con trai ông giáo. Công lao khó nhọc của Tiên phong Tướng quân một sớm một chiều bị bọn phản trắc đổ cả xuống biển. Chiếm được Phú Yên rồi lại mất Phú Yên. Nghĩ giận quá! Lần trước thầy đề nghị Nguyễn Phúc Chất đi, Chất trốn. Lần này con thầy đi, con thầy trốn. Sao có sự trùng hợp lạ lùng vậy? Thầy giáo giải thích được không?

Ông giáo nói chậm và lớn tiếng:

- Tôi không cần giải thích với anh.

Nhật quát to:

- Thầy phải giải thích với tôi. Với tôi, thầy nghe rõ chưa? Trại chủ không có thì giờ tiếp thầy, đã ra lệnh cho tôi gọi thầy lên để buộc thầy giải thích cho rõ. Đây là lệnh, không phải là lời cầu khẩn, van xin.

Ông giáo đành mặt lại, đáp gọn:

- Nếu thế thì được. Ông cứ hỏi.

Nhật ngồi ngay ngắn trên ghế, dăm dăm nhìn ông giáo thật lâu mới hỏi câu đầu:

- Mấy tháng nay thầy có viết thư cho tên Chinh không?

- Không.

- Tên Chinh có viết thư về nhà không?

- Không.

- Trước khi vào phủ Phú Yên với Lý Tài, tên Chinh có bàn luận điều gì với thầy không?

- Không.

Nhật tức giận nói:

- Vô lý quá. Sau một trận đánh thập tử nhất sinh, đứa con trở về nhà gặp cha. Rồi trước khi vào trận nguy hiểm khác, đứa con không nói năng, thổ lộ, tâm sự gì với cha cả. Nếu ở vào địa vị tôi, thầy có tin ba chữ KHÔNG ấy không?

Ông giáo dùng giọng thách đố liều lĩnh đáp:

- Tin được chứ! Và nếu tôi ngồi vào chỗ của anh, tôi sẽ tùy người mà đặt câu hỏi.

Nhật đỏ mặt vì giận, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh cười nhẹ một tiếng, rồi nói:

- Thôi được. Có lẽ tôi vụng về thật. Tôi có hỏi thầy cũng bằng thừa, vì nhất định thầy không chịu nói. Tính tôi thích nói thẳng cho đơn giản gọn ghẽ. Chúng tôi không còn tin ở thầy nữa. Thầy trở thành người đáng nghi. Tôi nghĩ thái độ mọi người đối với thầy gần đây đã đủ cho thầy hiểu điều đó. Mọi người ai cũng lo bảo toàn thân mình, gia đình mình, không muốn liên lụy đến kẻ đáng ngờ. Thầy càng ở đây càng không có lợi. Tốt hơn hết, thầy nên đem gia đình về lại An Thái, chú Bốn Chiêu sẽ lo tìm nhà cho thầy ở. Càng sớm càng hay cho thầy!

Ông giáo mím môi suy nghĩ, thấy không còn gì để nói nữa. Tất cả đã được quyết định. Ông hỏi Nhật:

- Tôi về được chưa?

Nhật thoải mái hơn vì nghĩ là làm xong một việc phức tạp và khó khăn, tươi cười nói:

- Được. Thầy có thể về. Tôi mong thầy không giận tôi, vì tôi chỉ là người chấp hành lệnh. Chừng nào thầy đi xin báo cho tôi biết, để tôi giúp đỡ phương tiện vận chuyển cho. Gửi lời thăm hai vợ chồng An Lợi, thầy nhé! Gớm, hôm đám cưới linh đình thật. Tôi say một bữa chưa từng có trên đời!

*

* *

Ông giáo chờ bữa cơm tối có đầy đủ con gái và con rể mới báo tin gia đình bị cưỡng bách cư trú. Lúc đó họ đang ăn cơm dưới ánh đèn dầu lạc. Ông nói gọn và đột ngột quá, An chưa hiểu tầm quan trọng của vấn đề, hỏi lại:

- Cha bảo gì ạ?

Ông giáo nói thật chậm, thật rõ lần nữa:

- Bùi Văn Nhật vừa gọi cha lên, bảo phải đem gia đình về An Thái càng sớm càng tốt.

An trở mắt nhìn cha, hỏi:

- Chuyện đó có thật sao? Anh ta có quyền gì ra cái lệnh ngu xuẩn như vậy?

Ông giáo giải thích cặn kẽ hơn:

- Không phải anh ta ra lệnh mà chính trại chủ bảo anh ta ra lệnh. Vì sao ư? Vì thằng Chinh đã theo Lý Tài, và Lý Tài đã đầu hàng Tổng Phúc Hợp.

An hời hợt không nuốt nổi miếng cơm đang nhai dở. Cô há hốc nhìn cha, rồi lại nhìn chồng. Lợi lắc đầu, chán ngán nói:

- Con đã nghe phong thanh chuyện đó từ mấy hôm nay. Họ huyền chức con cũng vì vậy. Ông Nhật nghi gia đình này bàn tính chuyện phản trắc, lần lượt sẽ cho con cái trốn vào nam.

An tức quá cãi lại:

- Ai mà chẳng bị anh ta nghi! Anh ta nghi cả chính anh ta, không dám tự tin nữa! Cha nhớ không, mỗi lần muốn cười, muốn nói, muốn ngồi xuống hay đứng lên, anh ta phải liếc nhìn trại

chủ rồi mới bắt chước. Một người như thế...

Ông giáo cắt lời An:

- Con không nên nói nhiều. Không có lợi đâu. Gia đình ta hiện ở trong cảnh ngộ khốn đốn, nguy hiểm hơn bao giờ hết. Các con tính thế nào?

An run run hỏi:

- Còn anh Kiên với em Lãng nữa, thưa cha. Có tin gì của Lãng không?

Lợi buồn rầu nói:

- Hồi chiều con gặp anh Kiên đi làm bên kho lương. Con còn nghe người ta đồn hình như lực lượng ở Cù Mông sẽ được điều ra Quảng Nam dẹp loạn ngoài đó. Nếu thật như vậy, thế nào nay mai họ cũng kéo qua đây.

Rồi giọng Lợi trở nên than van, hối tiếc:

- Tự nhiên đang vui vẻ bình yên thì tai họa ập tới. Nếu anh Chinh không mê theo lũ trộm cướp, rượu chè...

An giận dỗi cướp lời chồng:

- Anh đừng nói vậy. Không phải chỉ vì anh Chinh mà ông Nhật muốn hại gia đình ta đâu. Đây chỉ là cái có thôi!

Lợi cãi lại:

- Nhưng hôm đám cưới linh đình vui vẻ thế!

An nhìn Lợi, thương hại sự hời hợt của chồng. Nhưng An không dám nói hết những điều An nghĩ. Cô mũi lòng, thương cha, thương mình, thương luôn cả anh chồng nông cạn. Ông giáo ái ngại nhìn An, rồi quay sang bảo Lợi:

- Ăn cơm xong, anh lại nhà thằng Kiên bảo nó qua đây tôi bàn tí việc.

Lợi đáp:

- Dạ. Hay con đi ngay bây giờ?

- Hãy ăn xong đã.

Lợi và vợ lưng bát cơm ăn dở, rồi thưa:

- Con no rồi. Mời cha xơi tiếp đi. Con chạy một chốc là về ngay. Em cho anh cây tăm!

An đứng dậy tìm tăm cho chồng. Lúc Lợi bước đến cửa nhà, đột nhiên An lo sợ, gọi lại hỏi:

- Anh Lợi. Đi bây giờ có tiện không?

Lợi cảm động vì đôi mắt lo âu của vợ, vuốt má An nói:

- Không việc gì đâu. Anh đi một chút, về liền.

Lòng An tự nhiên lâng lâng buồn. Lúc bụng mâm bát xuống nhà bếp, cô mũi lòng, bắt đầu thút thút khóc.

*

* *

Kiên ngần ngừ không muốn bỏ cái quán rượu đang đông khách để theo cha về An Thái, nên ông giáo quyết định chỉ về đó với vợ chồng An Lợi. Ông không còn tha thiết gì cái phủ Qui Nhơn nữa. Bùi Văn Nhật bảo ông đi sớm chừng nào tốt chừng nấy. Ông sẽ đi sớm hơn Nhật tưởng. Trong thâm tâm, ông xem đó là một phản ứng can đảm cần thiết của người có liêm sỉ. Ở lại thêm một ngày, Nhật lại tưởng ông đang tìm cách trì hoãn để chạy chọt, van nài, cầu khẩn được ở lại. Ông mà làm cái việc đáng hổ thẹn ấy ư? Không! Thà chết còn hơn hạ mình năn nỉ Nhật!

Ông thúc giục An và Lợi thu xếp hành lý thật nhanh để lên đường.

Không hiểu do nguồn gốc nào, cái tin gia đình ông giáo bị buộc phải rời khỏi phủ lan truyền mau chóng khắp nơi. Bình thường thì tin ấy dễ chìm trong không khí sôi động dồn dập biến cố của Qui Nhơn thời đó. Nhưng sở dĩ nhiều người bàn tán chuyện gia đình ông giáo, là vì họ vừa mới chứng kiến một lễ cưới linh đình rộn rịp với sự tham dự của đầy đủ nhân vật tai mắt. Sự thất thế mau chóng của ông giáo thật đáng bàn tán, nó giống như trò ảo thuật lật ngược lật sắp bàn tay. Các người quen biết cũ của gia đình ông dù muốn cũng chưa dám công khai đến an ủi, chia buồn. Chỉ có bọn con buôn và những bà nội trợ tham của rẻ là mạnh dạn xông đến. Họ biết căn nhà của ông giáo có một số đồ gỗ và đồ sứ khá đắt giá. Ông giáo phải đi vội, nên bán đồ bán tháo với giá hạ. Các bà nội trợ lảng giềng thậm thò thậm thụt trước cửa để hỏi An, xin trước cái rổ chén bát, ống cắm dũa, mấy cái nồi niêu, cái chổi tàu cau...

Tự nhiên kẻ ra người vào tấp nập hẳn lên. An phải hứa bừa với các bà nội trợ để họ yên tâm ra về, tuy vậy lúc chia tay, họ vẫn ân cần căn dặn cho An khỏi quên.

Lợi lo việc thương lượng cò kè giá cả các loại bàn ghế và đồ gia dụng. Chủ nhà quuyến luyến với những đồ đạc quen thuộc thường đánh giá cao, trong khi người mua cậy sự thất thế cấp bách của chủ nhà lại trả giá quá thấp. Lợi quen việc mua bán mà suốt hai ngày chưa bán được thứ gì. Ông giáo đi ra đi vào đụng người, nhiều lúc đang nằm trên phản lơ mơ chờ giấc ngủ trưa phải bật dậy vào buồng trong để tránh một khách hàng đến mua cái phản gỗ. Ông thầm nhủ không thể chịu đựng được nữa cảnh sống quẩn bách kỳ quái này. Ông muốn bỏ hết lại cho thiên hạ, chỉ mang theo cái bọc vải đựng vài bộ quần áo, vài tập thơ và lương thực ăn đường như lần ông chạy nạn khỏi Thuận Hóa. Nhưng gia đình ông đã có thêm một người rể mới, và ông giáo phải để cho Lợi gánh vác một phần trách nhiệm.

Trong lúc gia cảnh bối rối như vậy thì Lãng về!

Cậu nôn nóng đến nỗi xin phép Huệ được mượn ngựa, bỏ đoàn đi sau để một mình về nhà, trong đầu sôi sục ý định nên thơ là tìm gặp chị để trách móc, nếu cần mắng nhiếc cho một trận. Cậu không thể chịu đựng được "sự phản bội". Phải, cậu quan niệm giữa mình, An và Huệ đã có với nhau một thứ mặc ước bất thành văn nào đó, mặc ước sẽ suốt đời trung thành với nhau, thương yêu đùm bọc lẫn nhau bằng một thứ tình yêu cao cả, siêu việt, thuần khiết, thơm như hương hoa và nhẹ như mây. Có thể mỗi người có một sở phận riêng, một ý thích riêng. Lãng không thích mấy sự đam mê tham dự vào lịch sử của Huệ, cậu cũng không thích khuynh hướng thực tiễn khi suy xét đời sống của chị. Nhưng điểm chung của cả ba là khao khát được trung thực, căm ghét sự giả dối và mơ ước được sống một cuộc sống phong phú và cao khiết nhất. Cậu nghĩ như vậy, nên hãy tưởng tượng nỗi tuyệt vọng của Lãng khi được Huệ báo tin An đã lấy chồng. Mà lấy ai kia chứ? Lấy cái anh băng nhắng. Một trời u ám đổ sập lên hồn Lãng. Cậu không thể tin được. Người chị thân yêu của cậu, người chị từng mê thơ như cậu, từng say sưa bàn tính tương lai với cậu, từng sáng mắt khi cậu nhắc đến Huệ, có thể nào người chị ấy lại lầm lạc đến nỗi đột nhiên chộp áo một anh băng nhắng níu về làm chồng. Lãng nhất định không chịu hỏi Huệ thêm chi tiết nào nữa về vụ đám cưới. Cậu sợ sự thật. Cậu cũng ngại làm khổ Huệ. Rồi những tin buồn cứ dồn dập đến. Tin Lý Tài phản trắc. Tin Chinh cũng bỏ theo Lý Tài đầu hàng Tống Phúc Hợp. Tin mấy người bạn trẻ của Lãng bị bọn phản bội giết đi vì không chịu về hòa với chúng... Sự trở mặt của Lý Tài đã làm rối loạn cái thế phòng thủ của đạo quân Cù Mông, nên Huệ lại phải nhọc công thanh lọc, củng cố, xếp đặt lại từ đầu. Phủ Phú Yên lại về tay kẻ thù, ức nhất là mất cả phủ vì sự phản trắc từ bên trong chứ không phải sau một cuộc chiến đấu xứng đáng.

Lăng bồn chồn khổ sở như người ngồi trên lửa. Rõ ràng cậu đã, hoặc đang ở vào một khúc quanh tâm lý quan trọng, khúc quanh mà cậu đoán ở phía trước chưa ở tầm mắt, có nhiều đau xót, tuyệt vọng nào nề chờ đợi mình. Cái tuyệt vọng trước tiên là chuyện An lấy Lợi. Con ngựa khỏe đưa Lăng về gần cửa thành, thì Lăng càng lo lắng. Cậu càng gần đến lúc phải chạm mặt với sự phủ phàng. Tại sao lại có thể như vậy được? Sao chị ấy lại chịu lấy hắn? Ai ép uống chị? Cho dù có ép uống, sao chị ấy lại bằng lòng? Còn cha ở đấy làm gì? Sao cha không lên tiếng?

Lăng xông xộc vào nhà trong lúc Lợi cò kè bớt một thêm hai với một bác buôn đồ gỗ. Ông giáo và An ở phía nhà sau, Lợi không ngờ có Lăng về, mà cũng không nhận ra Lăng, nên mau mắn hỏi:

-Anh định đến mua gì ạ?

Lăng cúi kính đáp:

- Không mua gì cả. Cha tôi đâu rồi? Chị An đâu?

Lợi nhận ra Lăng. Anh ta hét to lên:

- Em ơi, có Lăng về. Cha ơi, Lăng về rồi. Sao em biết tin mà về hỏ Lăng? Hay là người ta trả em về để cùng với gia đình...

Lăng chường tai vì giọng thân mật của Lợi, hỏi cộc lốc:

- Chị tôi đâu?

Lợi không đủ tế nhị để đoán nỗi bức dọc của Lăng, vẫn vui vẻ đáp:

- Chị An hả? Sắp ra thôi! Em ơi, có Lăng về kìa.

An chạy ra nhà trước, tay còn cầm cái khăn lau mặt. An chạy nhanh đến định nắm lấy hai tay em nhưng Lăng rút tay về, mắt hằm hằm nhìn An. An hiểu ngay tâm trạng Lăng. Tim cô đau nhói, e dè liếc về phía Lợi. Thấy chồng lại tiếp tục nói chuyện với bác lái buôn, An kéo Lăng ra hiên trước, run run hỏi:

- Em mới về hỏ Lăng? Ai cho em biết tin?

Lăng nói giữa kẽ răng:

- Chị còn hỏi như vậy được à? Chị lấy được tấm chồng, mời đủ trong nam ngoài bắc đến khoe, ai mà không biết?

An ngơ ngàng nhìn em, khi hiểu hết, cô vừa sung sướng vừa đau xót. Cô hiểu Lăng phản ánh được một phần tâm hồn Huệ, nên thì thào trước em:

- Lăng nữ đày nghiến chị nặng lời thế sao? Tôi nghiệp chị mà em!

Lăng muốn bật khóc khi hỏi:

- Thế sao chị bằng lòng?

An lắc đầu chậm chậm, không thể trả lời em trong vài câu được. Cô đưa tay áo lên chùi nước mắt. Lăng tò mò nhìn kỹ khuôn mặt chị, sau đó nhìn khắp thân thể chị như muốn tìm những dấu tích dơ dáy xấu hổ. Cậu chỉ thấy đôi mắt chị buồn, và thân thể hơi đẩy ra. An không muốn em khơi sâu chuyện cũ, hỏi Lăng:

- Gia đình mình bị bắt buộc phải rời đây ngay, em biết chưa?

Lăng giật mình hỏi:

- Chị nói gì? Ai bắt buộc?

- Còn ai nữa. Sau khi anh Chinh theo Lý Tài đầu hàng, Tiết chế Hiệp, gia đình mình bị ngờ là phản trắc. Họ cũng trả em về à? Thôi, như vậy gia đình đoàn tụ để dựa nhau mà sống cũng hay!

Lăng vội cải chính:

- Không, không em về đây với đoàn tùy tùng anh Huệ. Không biết anh ấy biết việc này chưa? An bần khoản, nhưng cũng cố bi thảm hóa để đỡ thất vọng:
- Có lẽ trại chủ đã báo cho anh ấy biết trước rồi!

Lãng giận quá, cãi lại:

- Không thể như thế được. Em biết anh ấy không hay biết gì. Nhất định anh ấy chưa biết việc này. Chị vào đi. Thừa giùm với cha là em quay trở lại tìm anh Huệ rồi về đây ngay. Vô lý lắm. Không thể như thế được.

Không chờ An nói gì. Lãng hấp tấp chạy ra đường. Cậu quyết trở lại con đường cũ để gặp Huệ.

*

* *

Khi nghe An báo tin có lẽ Lãng sẽ dẫn Huệ đến thăm, cả ông giáo lẫn Lợi đều mừng rỡ. Nhất là ông giáo. Còn Lợi thì... cười mà như bị ép buộc, ngồi đứng thắc thỏm không yên. Lợi nói với An:

- Anh quên là có chút việc phải nói với người bạn. Em và cha ở nhà tiếp khách nhé!

An nhìn về mặt Lợi, tự nhiên đâm thương hại chồng, An nắm tay Lợi, bảo:

- Em muốn anh có mặt ở đây. Muốn hai vợ chồng ta ở đây.

Lợi gỡ tay vợ ra, bảo An:

- Không. Anh có chuyện gấp thật mà. Anh đi một chút về liền. Anh không nói dối đâu.

Ông giáo hiểu ý Lợi, không nói câu nào để giữ rề lại. Vì thế, khi Lãng và Huệ đến thăm, chỉ có hai cha con ông giáo ở nhà.

Bộ áo giáp Huệ mặc trên người bám đầy bụi bặm, mái tóc dày bù rối vì gió thổi. Gương mặt rúm rắng, còn nhể nhại mồ hôi và giữ nguyên nét lo âu.

Vừa bước vào nhà thầy, Huệ đã lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai. An e thẹn cúi mặt xuống không dám nhìn Huệ. Ông giáo hiểu ý học trò liền bảo:

- Anh ấy vừa có việc phải đi. Anh vừa về đã đến ngay đây sao?

Huệ yên tâm, vừa ngồi xuống mép phản trước mặt thầy vừa đáp nhỏ:

- Vâng ạ. Con gặp Lãng ở trước cửa thành.

Rồi quay sang phía Lãng, Huệ nói:

- Em trở ra bảo anh em liên lạc để xếp đặt chỗ ăn chỗ ngủ đêm nay cho đoàn. Không biết chừng mai ta lại đi sớm.

Lãng vâng lời bước ra cửa. Ông giáo vội hỏi:

- Anh về gặp thế kia à?

- Dạ. Bọn con cháu nhà Nguyễn ngoài Quảng Nam lại mưu toan nổi dậy. Có lẽ chúng thấy Việp Quận công đã rút quân về bên kia đèo Hải Vân, tưởng thời cơ đã tới rồi. Nghe đâu có nhiều nhóm lắm, mạnh nhất là nhóm Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Thầy và gia quyến lâu nay vẫn khỏe ạ?

An ngược lên nhìn Huệ, khi nghe Huệ dùng hai chữ "gia quyến" để tránh nói đến mình. Cô bắt gặp Huệ đang nhìn mình. Trong một thoáng ngẩn ngui, Huệ đọc được trong đôi mắt An nỗi hốt hải cầu khẩn. Ánh đèn chiếu nghiêng vào gương mặt An, đôi mắt loang loáng nước mắt như muốn báo cho Huệ biết An hết có thể chịu đựng nổi cuộc đời An nếu không có ai giúp đỡ. Huệ cảm thấy thương xót người bạn gái, tò mò nhìn kỹ khắp người An. Anh cũng thấy An hơi đẩy, như sức nặng của cuộc sống mới đè lên hai vai nên phần thân thể phải trầm xuống một chút, nở ra một chút để vững chân để mà chịu đựng. Anh cũng thoáng nghĩ đó là sự biến đổi nơi tất cả những người con gái vừa lấy chồng, nhưng ý nghĩ đó làm anh đau buốt, nên cố hết sức xua

đi. Anh vội tiếp câu chuyện với thầy để trí khỏi nghĩ vớ vẩn. Huệ hỏi:

- Con nghe Lãng vừa cho biết ông Nhật...

Ông giáo vội đáp:

- Phải. Chúng tôi phải rời đây càng sớm càng tốt. Ông Nhật bảo đó là lệnh. Nguyên do chỉ vì thằng Chinh đã bỏ theo Lý Tài. Chuyện đó anh biết rồi.

Huệ nói:

- Vâng, con biết. Con biết rõ hơn cả ông Nhật.

Ông giáo chợt tìm ra một nguồn hy vọng. Ông hấp tấp hỏi:

- Anh làm ơn cho tôi biết đi. Nó có phải là một tên phản trắc nguy hiểm đến nỗi người ta nghi ngờ luôn cả gia đình không?

Huệ nhìn thầy giáo, rồi nhìn An. Hai người nhìn Huệ với ánh mắt cầu khẩn thông cảm. Anh không dám nhìn An lâu, vội nói với thầy:

- Không phải điều gì cũng đơn giản cả. Thầy yên tâm. Anh Chinh không phải là một người xấu.

Chốc nữa con sẽ thuật hết mọi điều với anh con. Về việc ra đi, con tin anh con sẽ hiểu thầy.

Chậm nhất là sáng mai con sẽ...

Ông giáo cắt lời Huệ:

- Nhưng mai anh đi rồi.

Huệ đáp:

- Có thể mai con với Lãng đi sớm. Cho nên mọi sự sẽ giải quyết ngay đêm nay. Con sẽ cố gắng.

Lòng An tràn ngập vui mừng. Đến lúc đó, không dần được nữa, An bật lên khóc. Huệ sợ phải chứng kiến cảnh người bạn gái khóc nức trước mặt mình, vội đứng dậy cúi chào thầy:

- Con xin phép lên phủ gặp anh con.

Và dùng tất cả cố gắng, Huệ mới nói tiếp được phần sau câu:

- ... Xin thầy và An đừng lo ngại thái quá. An, đừng khóc nữa!

Ông giáo không biết nói gì để cảm ơn học trò. Cổ họng ông nghẹn, ông chỉ biết cầm tay Huệ lắc nhẹ. An thì ngồi yên chỗ cũ, cúi mặt tẩm tức khóc. Cô nghe tiếng chân Huệ bước ra cửa, nhịp mạnh và chậm. Cô khóc thật lâu, càng khóc càng thấy nỗi khổ lên lảng mênh mông thêm, thấy cuộc ly cách vĩnh viễn, trùng trùng.

An nghe tiếng ông giáo chúc Huệ khỏe và may mắn trong trận mới, gửi gắm Lãng cho Huệ.

Nghe tiếng toán lính hộ vệ vâng dạ sau khi Huệ dặn dò họ gì đó với một giọng trầm khó nghe.

Rồi tiếng gươm giáo chạm vào giáp sắt, tiếng lục lạc, tiếng ngựa hí. Toán tùy tùng này giờ vẫn chờ Huệ trước cửa nhà An đã theo chủ tướng lên ngựa, chạy về phía đóng bản doanh.

*

* *

Đúng như Huệ báo trước, sáng hôm sau, đạo quân của Huệ xuất quân ra phía bắc để dẹp loạn Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Tối hôm ấy, ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ đã đóng cửa phòng tranh luận suốt đêm về đủ mọi vấn đề, trong đó có chuyện ông giáo. Với uy tín đang lên trước toàn thể quân sĩ, cộng với sự am tường diễn biến vụ phản trắc Lý Tài và tấm nhiệt tình bệnh vực thầy cũ, Huệ đã thuyết phục được Nhạc. Anh chứng minh cho anh cả thấy vụ Lý Tài phản bội là khâu cuối của một đoạn thanh lọc đáng mừng, chứ chưa hẳn là một thất bại đau xót. Anh cũng nêu rõ: hơn lúc nào hết, không nên để cho họ Trịnh ở Thuận Hóa và họ Nguyễn ở bên kia Cù Mông tưởng rằng hàng ngũ lãnh đạo của Tây Sơn bắt đầu phân hóa. Trại chủ nghe em nói, lòng còn bất quyết. Đến khi Bùi Văn Nhật vào báo tin Nguyễn Khoa Kiên đã tự tử để

khỏi phải ra Quảng Nam chống lại các toán nghĩa binh của hai vị tôn thất, Nhạc mới mạnh dạn quyết định.

Nhạc ra lệnh cho em xuất hành ngay sáng mai, và hứa xét lại trường hợp ông giáo. Dĩ nhiên hai anh em đều biết vai trò chính trị của ông giáo đã hết. Điều quan trọng là làm sao sau khi ông giáo rút lui, không có một tác hại nào cho vận mệnh chung. Nhạc suy nghĩ, và cuối cùng bằng lòng thu hồi lệnh trục xuất, tiếp tục cho Lợi làm việc với Lữ, nhưng toàn gia đình phải dời ra ở ngoài thành, trong khuôn viên cây cối rậm rạp u nhã của một tên duệ lại cũ từ thời Nguyễn Khắc Tuyên. Nhạc sẽ chu cấp để ông giáo đủ sống an nhàn, suốt tuổi già còn lại.

Giải pháp đó, Huệ thông báo cho Lãng để Lãng báo ngay cho ông giáo khuya hôm ấy. Lần đầu tiên trong đời ông giáo ôm chầm lấy Lãng mà khóc, như ôm lấy cái bóng của đứa học trò cũ. An cũng nắm lấy tay em, căn dặn giữ gìn sức khỏe khi vào trận mới. Lãng khá kinh ngạc khi nghe cái giọng âu yếm khác thường của chị. Quá khuya, không thấy Lợi về, Lãng hỏi An:

- Anh ấy đi cả đêm à?

An ngượng ngịu bảo em:

- Chắc anh ấy thấy ở lại bất tiện. Chắc anh ấy... anh ấy cũng nghĩ chỉ còn hy vọng vào sự can thiệp của... của...

An không dám nhắc đến Huệ trước mặt em. Lãng dăm dăm nhìn chị, một lần nữa cố xoi mói tìm những dấu vết biến đổi sau khi chị lấy chồng. Và một lần nữa, Lãng chỉ thấy chị hơi đầy, mắt buồn rầu cam chịu, ngoài ra không có gì khác. Lãng buồn ngủ ngủ, hỏi An:

- Hôm đám cưới chị có nhận được thư em không?

An ngạc nhiên hỏi:

- Thư nào?

Lãng vô ý đáp:

- Thư em gửi anh Huệ đem về cho chị mà. Nhưng... nhưng...

Lãng nhớ nội dung lá thư, không nói gì nữa. An cũng then thùng liếc nhìn em. Lãng ngồi nói chuyện vắn vơ quanh co với chị một lúc nữa, rồi tạm biệt cha và An để về trại.

*

* *

Lịch sử ghi rằng tháng Ba năm Bính Thân (1776) Nhạc xưng vương, đặt Lữ làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính, Nguyễn Thung làm Nguyên nhung, Diệm làm Sĩ sự, giáo Hiến làm Quân sự, Tân làm Lại bộ, Bạc làm Hộ bộ, Chỉ làm Lễ bộ, Vịnh làm Binh bộ, Bùi Văn Nhật làm Hình bộ, Phạm Ngạn làm Nội hầu, Bùi Đắc Tuyên làm Thái úy, Đặng Văn Châm làm Ngự úy, Diệu làm Điều khiển, Nghĩa làm Đốc vụ, Vân làm Tổng nhung, Uy làm Đô đốc, Chấn làm Chỉ huy, Đá, Tiếp, Hồng đều làm Đô úy (Chính biên liệt truyện, q.30, 14a).

Vai trò nòng cốt thực sự của vương triều mới kiểm soát suốt một dải đất rộng từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông gồm có Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ (với cánh tay phải là Lợi), Phụ chính Nguyễn Huệ, Bùi Văn Nhật, Chỉ, Năm Ngạn, Bùi Đắc Tuyên và Đặng Văn Châm.

Các chức vụ khác đều là chức hàm, như tấm sắc đốt trước mộ phần các liệt sĩ để thanh toán cho xong một món nợ ân nghĩa. Riêng chức quân sự của ông giáo thì giống như cái dấu mốc chấm hết một sinh mệnh chính trị. Từ đó về sau, sử sách không nhắc gì đến ông giáo nữa. Ông đã chịu dạt sang lề, thui thủi lặng lẽ dưới ngôi nhà lá mái nằm khuất sau vườn cây ăn quả rậm rạp ở Bằng Châu. Các con ông, học trò ông sẽ tiếp tục gặp các vinh nhục, rủi may, thiện ác, mà ông

đã trải qua, mỗi đứa theo mỗi cách, như những nhánh sông sau khi tiếp được đầu nguồn, rẽ ra nhiều ngả, nhánh lặng lẽ róc rách, nhánh êm ả hiền hòa giữa hai bờ lúa rộng, nhánh cuồn cuộn gào thét qua bao thác ghềnh, nhánh uốn khúc quanh co nhưng thu được tất cả phù sa của các dòng bè bạn để mang nhập vào bể cả...

Nhưng những gì xảy ra sau năm Bính Thân đều ở ngoài tầm tay của thầy giáo Hiến, thuộc hẳn vào một cương vực khác, không khí khác, giai đoạn lịch sử khác: giai đoạn của những nhánh sông phân rẽ sau khi tiếp được cả phù sa lẫn xác lá mục của đầu nguồn.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 38

Ngôi nhà dành cho ông giáo ở ngoài thành khá khang trang, chung quanh có vườn chuối rậm rạp mọc chen với những gốc mít, xoài, ổi mới cáo quá tầm người. Tên duyện lại chủ cũ của căn nhà, cũng là một người khá sành về mỹ thuật. Cứ trông cách xây cổng và bình phong, làm hàng rào bằng cây chè dẫu vết cắt tĩa công phu hình quả cầu, hình răng cưa còn đó, cũng đủ biết chủ nhà đã tốn biết bao nhiêu công của để tạo dựng cơ ngơi ấy. Cửa lớn, cửa sổ, cột kèo, ván trần, đều làm bằng gỗ kiên chắc chắn. Nền đất nện chặt, hơi ẩm toát ra mát rượi. Phía sau nhà bếp có cái giếng đá ong nước tốt và một hồ cá xây bằng vôi. Tuy nhiên, cả gia đình chủ nhà đã lưu lạc không biết về đâu từ khi phủ Qui Nhơn bị mất năm 1773, nên cả nhà lẫn vườn chỉ còn có cái vỏ ngoài. Chuối bị đốn để nấu cháo heo. Đờ đặc không còn thứ gì dùng được, cái bị khuôn đi cái bị đập phá. Suốt mấy năm vô chủ, căn nhà lá mái bắt đầu dột nát ấy đã trở thành chỗ trú ẩn của dơi, chuột, chồn, và lũ ăn trộm vặt. Cũng may các khuôn và cánh cửa chưa bị gỡ đi. Có lẽ khu này có nhiều nhà hoang và ngay phía đường cái cánh cổng độ vài trăm bước, có một trạm gác. Bọn tham lam hôi của không dám liều lĩnh khuôn cả những tấm ván cửa nặng, sợ sau đó phải đeo gông của lính phủ. Lợi, An và ông giáo phải quét dọn suốt nửa tháng mới dám đến ở. Lãng đã theo Huệ ra Quảng Nam dẹp loạn Nguyễn Phúc Xuân, Nguyễn Phúc Quyền. Nhật làm ngơ như không biết rằng trên đời này còn có một người tên là giáo Hiến. Ba người phải tự lo liệu lấy. An ngạc nhiên là trong lúc hoạn nạn, Lợi không có lấy một người bạn thân nào đến hỏi han, giúp đỡ.

Là người đàn ông mạnh mẽ duy nhất của gia đình, Lợi phải gánh vác mọi việc nặng nhọc. Làm một mình không nổi thì đi thuê. Mặt Lợi dầu dàu, nhưng do vô tâm nên tối đặt lưng xuống là ngủ, không than van, không hối tiếc. Đó là điểm đáng yêu đầu tiên An ghi nhận nơi cá tính của chồng.

Phần ông giáo thì nửa tháng bận rộn giúp ông quên được những đau đớn riêng. Ông có cái hăm hở của người vội vã gầy dựng một cuộc đời mới sau thời gian bỏ phí thì giờ vào những chuyện không đâu. Ông giúp rể rào lại khu vườn đổ nát, vun các gốc cây ăn quả, sửa lại các hàng rào chè, chặt bớt các thân chuối đã xơ xác vì thối rữa hoặc mất phần dọt non trong các vụ trộm. Mái bắc bị dột nát nhiều chỗ, ông cùng với Lợi đi mua tranh dọi lại cẩn thận. Hai người cũng thuê thợ cạo lại cái giếng đá ong lâu ngày không dùng đầy rác rến, và ếch nhái. Công việc vất vả thật đấy, nhưng bù lại, họ có niềm vui tạo dựng, và niềm kiêu hãnh được tự tay làm lấy tất cả, bất chấp sự thờ ơ của nhân sinh.

Thỉnh thoảng Kiên có đến giúp cha, nhưng chỉ giúp được những việc lặt vặt. Kiên có quá ít thì giờ, từ chỗ bến tắm ngựa đến chỗ ông giáo lại quá xa. Thêm công việc bề bộn ở kho quân lương (Lữ bạn quá nhiều việc với chức Thiếu phó nên giao bớt công việc ở kho cho Kiên), và cái quán

rượu đang đông khách của vợ! Dù sao chẳng nữa, qua nửa tháng, việc dọn nhà đã hoàn thành. An nhóm bếp lần đầu ở nhà mới, làm một mâm cơm có thịt, chả cá, lươn um và bún tàu xào gạch cua để cúng tân gia. Bữa cơm đầu tiên trong căn nhà mới diễn ra lặng lẽ, ông giáo, Kiên, An, Lợi cắm cúi ăn không ai nói với ai lời nào. Nếu không có con Út (con viên cai cơ Kiên dẫn theo) lâu lâu bạo dạn lên tiếng đòi miếng chả hay cái bánh ít, người ngoài có thể tưởng đấy là bữa tiệc của những người câm.

*

* *

Điều dễ đoán là không có khách khứa nào đến thăm căn nhà mới của họ cả. Con chó Vện (Lợi xin về nuôi để phòng bọn trộm vặt quen thói cũ có thể lảng vảng vào vườn mỗi tối) rất có ít việc để làm. Buổi sáng ông giáo dậy muộn, nghe tiếng cánh cổng kéo kẹt giữa tiếng lá chuối đập vào nhau xao xác, ông biết rể vừa đi làm. Trưa, Lợi ở lại kho vì nhà quá xa. Xế chiều, nghe tiếng chó hực, con chó chỉ hực một tiếng ngắn chứ không sủa vang, ông biết rể đi làm về. Ông chờ tiếng chó sủa báo hiệu khách đến như kẻ hoài nghi chờ điều thiện. Tuy vậy, ông vẫn chờ. Bạn bè cũ của ông đâu cả rồi? Lại thêm bạn bè của An, bạn bè của Lợi? Chẳng lẽ họ không biết ông đã dời nhà về đây? Từ phủ đến nhà ông, kể cũng xa xôi cách trở đấy! Nhưng tình người không thể đo bằng độ đường. Hễ họ muốn tìm thăm ông tất phải tìm ra. Có lúc ông ngờ con Vện khù khờ đã đánh mất khả năng đánh hơi người lạ. Nhưng đêm đêm nó vẫn sủa dọa lũ trẻ con chui vào vườn lật ổi non mà! Không có cách biện hộ bào chữa nào nữa, ông phải chán ngán cho tình đời. Rồi ông vẫn đợi!

Một hôm chán cảnh nằm khoèo một chỗ nghe tiếng lá chuối xào xạc, ông giáo mặc áo đội khăn nhất quyết ra cổng. An ở phía trong nhà cài lại cái then gỗ rồi, ông vẫn chưa biết mình định đi đâu. Ông nghĩ: Hay ta đến thăm gia đình thằng Kiên!

Ông đi dọc theo bờ sông, dưới những vòm tre tối. Ông không có gì phải vội nên bước chậm. Lá tre trở mình dưới chân ông. Bụi đường không bốc lên sau bước ông. Ông đi theo con sông uốn khúc một lúc, mới biết mình đi ngược hướng về nhà Kiên. Ông lại nghĩ: Sao lại đến cái quán rượu nhộp nhúa ồn ào ấy? Giờ này Kiên đi làm chưa về. Mấy mẹ con đó có liên hệ máu mủ gì với ta đâu! Đến thăm họ, chẳng khác nào ta công nhận cuộc chung chạ trái đạo ấy. Vả lại, ta đến rồi đứng ngồi ở đâu? Ngồi chung với bọn mã phu quần áo bẩn thỉu sùng ưót nốc rượu để quên lạnh ư? Ta có điên không đây? Nghĩ vậy nên ông giáo không quay bước, tiếp tục lang thang dọc theo bờ sông tre phủ cho đến lúc gần tối.

Ông về tới cổng thì con vện sủa vang. Ông lên tiếng, nó vẫn sủa dăm dẳng, đôi mắt hót hải và đầy nghi ngại. An chạy ra mở cổng. Ông bảo:

- Con Vện nó lú lẫn mất rồi! Chẳng lẽ nó không nhận ra cha!

An đáp:

- Có lẽ nó tưởng ông khách trở lại cha ạ!

Tự nhiên ông giáo hồi hộp. Ông vội hỏi:

- Có khách à?

- Dạ.

- Ai thế?

An tránh đường cho cha vào, vừa gài then vừa đáp:

- Con cũng không biết nữa!

Ông giáo gất gỏng:

- Phải hỏi chứ!

- Con vừa trả lời cha đi khỏi, ông ta hỏi chừng nào cha về. Con bảo chắc cũng sắp về thôi. Ông ta suy nghĩ một lúc, rồi bảo sẽ trở lại. Nói xong, ông ta quay gót đi ngay. Con chưa kịp hỏi gì cả!

- Ông khách người thế nào?

An bối rối, do dự, rồi đáp liêu:

- Dạ... dạ cũng đã lớn tuổi. Đầu đội khăn.

Ông giáo bức quá, nói:

- Ai mà chẳng đội khăn. Có phải người quen không? Đã đến nhà ta bao giờ chưa?

- Trời hơi tối nên con không nhìn rõ mặt. Vả lại ở nhà chỉ có mình con. Con không dám mở cổng, chỉ đứng bên trong hỏi với qua hàng rào gai thôi.

- Lợi nó chưa về à?

- Dạ chưa. Hồi sáng anh ấy báo trước sẽ về muộn.

- Hay là người quen cũ ở An Thái, hoặc ở Tây Sơn thượng?

An rụt rè đáp:

- Có lẽ thế.

- Lại "hình như" với "có lẽ". Cố nhớ lại xem! Ông ta có nói gì thêm không?

- Ông ta chỉ hỏi cha có nhà không. Nghe con đáp, ông ta thừ người suy nghĩ, lẩm bẩm: "Tiếc nhỉ. Ông giáo không có nhà, tiếc nhỉ".

- Sao lúc này con không kể câu đó?

An kinh ngạc ngược lên nhìn cha, hỏi:

- Câu ấy có quan trọng gì đâu hở cha!

- Không ai như mày! Ít ra phải tìm cách hỏi ông ta là ai, tìm cha có việc gì. Nếu không cũng phải nhìn kỹ xem ông ta già hay trẻ, gầy ốm, quen lạ thế nào chứ.

An bức dọc, chống chế:

- Nhưng ông ta hẹn trở lại, thưa cha!

Con Vện hực lên một tiếng, chạy nhanh ra cổng. An vui mừng nói:

- Đấy, ông ta trở lại đấy. Để con đi mở cổng.

Nhưng không phải ông khách. An và ông giáo quên rằng con chó Vện chỉ hực tức là Lợi về. Ông giáo thắc thỏm đợi khách cả đêm, cả ngày hôm sau. Hôm sau nữa, ông quên đi!

Nhưng vài hôm sau, đột nhiên ông giáo nghĩ:

- Người khách ấy là ai mà tìm ông vào giờ đó? Tìm có việc gì? Chắc chắn là việc quan trọng, vì nếu không, hơi đâu mất công lặn lội tới đây vào lúc chạng vạng tối. Mà đã quan trọng sao không chịu khó chờ ông. Hay tại con An vô lễ không chịu mở cổng, chỉ đứng bên trong nói với qua rào? Nhưng ông ta có hẹn trở lại ngay cơ mà? Sau khi quay bước, ông ta đổi ý chẳng? Ông ta gặp tai nạn gì chẳng? Nếu ta lang thang theo hướng kia, chắc chắn đã gặp ông ta giữa đường rồi. Ông ta sẽ vô cùng mừng rỡ khi nhận ra ta, sẽ báo cho ta biết những điều quan trọng, sẽ van nài năn nỉ ta làm giúp cho ông việc này việc nọ. Không thể là những chuyện vụn vặt được! Nếu là chuyện vụn vặt như xin một câu đối, hỏi một câu sách nhỏ, ông ta đã không có vẻ nôn nóng, luyến tiếc như An thuật lại. Biết đâu chuyện ông ta nhờ sẽ chuyển hướng cuộc đời ta, đánh dấu một khúc quan trọng đại như cuộc gặp gỡ định mệnh giữa ta và ông biện lại Vân Đồn. "Tiếc nhỉ! Ông giáo không có nhà. Tiếc nhỉ!". Ông ta nói đúng. Tiếc thật. Tại sao? Cơ trời xui khiến thế nào mà ông ta tìm đến đây đúng lúc ta vắng nhà? Tiếc thật!

Từ đó ông giáo rình nghe tiếng chó sủa. Con Vện nằm dài lười lỉnh bên cạnh cái chõng ông

nằm, lâu lâu chỉ hực một tiếng báo hiệu hoặc Lợi đi làm về, hoặc An đi chợ về, hoặc Kiên đến thăm cha. Lâu lâu nó cũng có sữa vang đầy, nhưng chỉ để dọa lũ trẻ nít rần mắt chui qua hàng rào hái ổi, hoặc để tiếp những con chó hoang ghẻ lở cùng mình. Người khách lạ bí mật không bao giờ trở lại. Ông giáo cứ hồi hộp lóng tai chờ, chờ mãi, chờ hoài. Tất cả sinh lực của thân thể ông dồn hết cho đôi tai. Ông ít nói, ít cười, lâu lâu An nghe cha thở dài luyến tiếc cho một cơ hội nghìn năm một thuở đã mất. An sống với cha lâu ngày nên không để ý đến các dấu hiệu bất thường ấy. Mãi đến khi Lãng từ Quảng Nam trở về, An mới được em lưu ý các dấu hiệu khác thường trong hình sắc và tâm tính cha. An thấy em nhận xét đúng. Hai chị em ngùi ngùi thì thào với nhau rằng cha đã bắt đầu lẩm cẩm.

*

* *

Lãng cũng ghi nhận những biến đổi trên khuôn mặt và cử chỉ của chị, nhưng do sự dè dặt tế nhị thường có giữa một người em trai đối với người chị gái đã chia sẻ cuộc đời với một người đàn ông khác, Lãng không dám tâm sự thẳng thắn với An như trước kia nữa. Vả lại, Lãng chưa xác định rõ ràng được chị biến đổi thế nào. Đó là chưa kể điều quan trọng này: anh hiểu các biến đổi ấy có nguyên do từ đời sống vợ chồng thầm kín, điều mà mỗi lần nghĩ tới, Lãng không khỏi xót xa vì ghen tức và luyến tiếc.

Lãng thấy chị buồn. Trong cuộc sống mới giữa một người cha bắt đầu lẩm cẩm và một người chồng cau có vì thất thế, chị Lãng vui sao được. Dĩ nhiên phải thế. Nhưng Lãng càng nhìn chị càng thấy An có vẻ gì khác hơn nỗi buồn rầu. An vẫn đẹp như trước khi lấy chồng. Vẫn mái tóc đen mượt, cái mũi thanh tú, đôi môi nhỏ và hồng, cái cổ trắng, cao. Nhưng rõ ràng trên khuôn mặt chị có vẻ gì buông thả vượt ngoài ý muốn của An, như chị đã không kiểm soát nổi cử chỉ và cách biểu lộ trên khuôn mặt mình. Da mặt An hơi sượng lại, mi mắt đầy, nhưng ánh mắt lúc nào cũng bừng sáng và long lanh khác thường. Trong đôi mắt ấy, đôi mắt thường xuyên ươn ướt như sắp khóc, có một thứ sinh lực nồng cháy, tha thiết và cuống quýt giống y sức mạnh huyền bí của mọi sinh vật ở thời kỳ tăng trưởng hay sinh nở.

Lãng mơ hồ đoán chị đang có mang, nhưng không bao giờ anh dám mở miệng hỏi chị. Anh đâm thương hại An, thương hại tràn trề pha lẫn nào tiếc nuối, nào xót xa, nào lo âu vu vơ. Anh cảm thấy chị cô đơn, và điều Lãng tuyệt vọng hơn hết, là không thể nào An chia sẻ niềm cô quạnh lẻ loi cho ai khác. Một mình An gánh chịu cuộc thử thách mới mẻ này, một mình An trăn trở giữa sợ hãi và hy vọng, giữa tiếc thương một giai đoạn vô tư của thời con gái và nao nức làm mẹ. Tất cả xao động phức tạp ấy của chị, Lãng đoán được, mà không diễn tả bằng lời được, chứ đừng nói đến chuyện tâm sự với An để chia bớt nỗi hiu quạnh bơ vơ của chị.

Lãng ái ngại cho An, nhiều hôm liếc nhìn khuôn mặt biến đổi, cử chỉ uể oải của chị, muốn hỏi lẩm, nhưng không biết hỏi thế nào cho khỏi động chạm đến chuyện riêng tư giữa hai vợ chồng An Lợi. Cuối cùng Lãng hy vọng: dù sao An vẫn còn có chồng để chia sẻ nỗi lo âu thai nghén. Ý nghĩ khiến Lãng nhẹ bớt nỗi lo lắng, thương xót. Nhưng Lợi có hiểu chị như Lãng hiểu chị không? Lãng thắc mắc, không dám quả quyết chị mình đã tìm được hạnh phúc. Anh e dè hỏi An:

- Độ này em thấy anh Lợi có vẻ trầm ngâm hơn trước. Hình như anh ấy "chín" hơn. Có gia đình phải chịu trách nhiệm nhiều hơn ngoài công việc bên kho, anh ấy đổi khác. Phải thế không chị? An nhìn em đăm đăm, muốn đo lường ý nghĩ của Lãng trước khi trả lời. An sợ trong câu hỏi của em vẫn còn ẩn dấu những thành kiến, ác cảm đối với chồng. Nhưng nét mặt thành khẩn của

Lăng khiến An yên tâm. Chị đáp:

- Vâng, anh ấy có đổi khác. Cuộc đời gia đình chúng ta thay đổi nhiều quá, làm sao mỗi người giữ nguyên như trước được. Cả chị cũng vậy, mà em cũng vậy.

Lăng được dịp tốt liền hỏi An:

- Phải, chị thay đổi nhiều lắm, chị An ạ.

An buồn rầu nói:

- Chị xấu đi, phải không?

Lăng vội xua tay cải chính:

- Không đâu. Chị vẫn như trước. Nhưng dĩ nhiên có nhiều, không, em lầm rồi, dĩ nhiên có vài điểm khác trước.

Rồi An sợ hỏi kỹ hơn, Lăng hỏi:

- Anh Lợi có kể chuyện trong phủ cho chị nghe không? An thành thực đáp:

- Không bao giờ. Mỗi lần chị hỏi chuyện trên kho, anh ấy trở nên cau có, gắt gỏng. Vài lần đầu chị chưa nhận ra, về sau chị tránh không hỏi nữa. Em về đây có nghe chuyện gì liên quan đến anh Lợi không?

Lăng lựa từng ý trước khi nói với chị:

- Có chị ạ. Tuy anh Huệ có can thiệp, nhưng trại chủ vẫn chưa tin hoàn toàn vào anh ấy như trước. Việc kho vẫn bẽ bộn, anh Lữ làm Thiếu phó gánh vác trách nhiệm nặng nề hơn, phải chia bớt việc quân lương cho người khác. Đáng lý anh Lợi quen việc phải được anh Lữ tín nhiệm. Nhưng cho đến nay, anh ấy vẫn còn phụ trách những việc vặt.

An thở dài, rồi nói:

- Có lẽ vì thế mà lúc nào anh ấy cũng bần thần như người mất hồn. Chị khổ lắm. Giá em cứ ở đây mãi mà khỏi phải đi đâu để chị có người chuyện vãn.

An rơm rớm nước mắt, bắt đầu thút thít khóc ngay trước mặt em. Lăng thương chị, cảm thấy không còn gì phải e ngại khi hỏi An:

- Anh ấy có vui khi biết chị đã... chị đã...

An hiểu Lăng muốn nói gì, đỏ mặt, vừa thút thít vừa vội vã nói:

- Chị cũng không biết nữa.

Rồi để che dấu ngượng ngịu và tủi thân, An hỏi sang chuyện khác:

- Chuyển này em ở lại nhà được lâu không?

Lăng đáp:- Em cũng không biết nữa. Anh Huệ lên làm Phụ chính, trở thành người phụ tá quan trọng của trại chủ trong việc binh, nên từ đây về sau, thế nào anh ấy cũng phải cầm quân đánh nam dẹp bắc luôn. Không biết chừng hôm nay em còn ở đây, mai đã phải đi không kịp về từ biệt chị nữa.

An ngược lên liếc nhìn em, gương mặt tự nhiên trở nên linh động vì một vẻ hân hoan e ấp thoát đến. An mỉm cười, đưa lưng bàn tay chùi nước mắt trên má hỏi Lăng:

- Độ này anh ấy có mạnh khỏe không?

Lăng hiểu ngay ý An, vui vẻ đáp:

-Anh ấy sức voi thì mưa gió bệnh tật nào vật ngã cho nổi. Tên đạn còn phải sợ nữa là. Chị biết không, mỗi lần xông trận anh ấy luôn luôn xông lên hàng đầu làm gương cho quân sĩ. Lúc dừng chân nghỉ, chưa kịp cởi giáp đã tìm đến chỗ nấu bếp xem cơm nước của anh em ra làm sao. Khỏi cần đoán chị cũng biết quân sĩ thương anh ấy đến bậc nào. Thật khác hẳn cái thói côn đồ quân Hòa Nghĩa đối đãi với nhau trước đây.

An chớp mắt vì cảm động, dịu dàng dặn em:

- Lãng ở bên cạnh, nhớ nhắc... nhớ nhắc... đừng nên liều lĩnh không cần thiết. Cả em nữa cũng phải cẩn thận ở chỗ đầu tên mũi đạn. Lỡ có mệnh hệ nào, chắc chị và cha không... không... An nghẹn lời không nói tiếp được nữa. Lãng sung sướng được chị lo lắng, cười to rồi nói:

- Chị làm như em còn là một đứa con nít yếu ớt. Em đã hai mươi mốt tuổi rồi, chị nhớ không?

- Ờ nhỉ. Chị hơn em hai tuổi. Đã hai mươi ba tuổi đầu. Chị già rồi. Quay đi quay lại rồi lưng chị còng, tóc chị bạc. Buồn không Lãng?

*

* *

Lãng lo về trại trước lúc chạng vạng, không chịu ở lại ăn cơm tối với gia đình. Tuy thế bữa cơm hôm ấy rộn rã vì Lợi cười nói luôn miệng. Ông giáo đắm mình trong nỗi chờ đợi vu vơ đang bắt đầu đè nặng đời ông, nên không chú ý đến biến đổi đột ngột của con rể. Chỉ có An ngạc nhiên trước thái độ khác thường của chồng. Quá biết tính Lợi, nên An không vội hỏi ngay trong bữa ăn. Thế nào Lợi cũng nói trước cho An biết, An khỏi cần phải hỏi. Lợi chờ mãi chưa thấy vợ hỏi gì, theo vợ xuống bếp tươi cười gọi chuyện:

- Hồi chiều Lãng nó có về à?

An lấy gáo múc nước đổ vào cái chậu sành để rửa chén bát, không quay lại phía chồng, đáp gọn:

- Vâng. Nó về trại rồi.

- Lãng có báo tin cho em biết chưa?

An lo lắng hỏi:

- Tin gì vậy?

- Thế nó chưa cho em biết à?

An dè dặt đáp:

- Nó có nói gì đặc biệt đâu. Chuyện dẹp loạn ở Quảng Nam vừa rồi phải không?

- Không. Chuyện đó xưa rồi. Chuyện này quan trọng hơn nhiều. Đây, anh nói riêng cho em nghe, nhớ đừng bép xép nói lại cho ai biết nhé. Tin mật đấy. Ta sắp đánh thẳng vào Gia Định, em biết chưa?

An lo sợ nói:

- Thật à? Sao Lãng nó không cho em biết! Hay nó cố giấu để em khỏi lo âu?

Lợi hãnh diện nói:

- Có lẽ chính Lãng cũng chưa biết gì đâu. Không phải ai cũng đáng cho biết cả, vì còn phải giữ bí mật quân sự. Vả lại chuyện này chính ông Thiếu phó cầm quân chứ không phải anh Huệ.

An reo lên:

- Thật thế à! Phải rồi, nếu Lãng phải vào Gia Định thì nhất định nó không giấu em đâu. Suốt buổi chiều, nó có nói tới chuyện đi đánh tận trong nam đâu!

Lợi sốt sắng đi múc chậu nước khác cho vợ, rồi vỗ vai An bảo:

- Anh có chuyện vui lắm, em muốn nghe không?

An tò mò quay nhìn Lợi, cố lấy giọng từ tốn hỏi:

- Chuyện gì khiến anh hí hửng vậy?

- Anh biết thế nào em cũng bằng lòng nên khỏi cần hỏi ý em trước. Vả lại chắc chắn Lãng nó còn ở lại đây lâu, nên khỏi sợ nhà đơn chiếc. Anh cố nằn nì với ông Thiếu phó mãi mới được đấy.

An sốt ruột hỏi:

- Nhưng chuyện gì mà anh cứ quanh co mãi. Anh sắp đi đâu?

Lợi cười mơn trước khi đáp:

- Anh được người quen cho biết ông Thiếu phó sắp cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, và có lẽ cũng là lần chót để diệt cho tan tành bọn vua quan nhà Nguyễn. Em biết đấy, bấy lâu nay anh bị ruồng bỏ, không ai thèm dùng đến anh nữa. Chẳng lẽ suốt đời anh chịu làm tên ký quèn ghi ghi chép chép ba cuốn sổ thu chi từng đồng tiền kẽm. Anh không muốn mà em cũng không muốn vậy. Cho nên anh đã tình nguyện xin theo giúp ông Thiếu phó chuyển đánh Gia Định đầu tiên này. An không tin mình nghe đúng lời chồng. Chị ngưng việc rửa chén bát, quay hẳn người lại nhìn Lợi. Ánh nhìn hốt hoảng lo sợ của vợ khiến Lợi đâm lo lắng theo. Lợi hỏi:

- Em sao thế?

An lạc giọng hỏi chồng:

- Anh chưa biết gì ư?

Lợi ngơ ngác hỏi:

- Việc gì vậy? Hồi chiều có ai đến thăm à?

An chưa chút đáp:

- Anh mãi lo công danh sự nghiệp quá, có để mắt đến em đâu! Em có ra thế nào, đau yếu hay khỏe mạnh, sung sướng hay buồn khổ, không bao giờ anh để tâm. Anh đi suốt ngày, tối về ăn cơm xong, đặt lưng xuống chiếu là ngủ. Em thế nào mặc xác. Từ hơn tháng nay em không chịu được đồ tanh, anh đâu thèm để ý.

Lợi ngu ngơ hỏi:

- Thì từ hồi nào em đã không thích ăn cá rồi. Em đi chợ thích mua món gì tùy ý, anh có ngăn đâu!

An giận quá, giọng run run hỏi:

- Em có mang, anh biết chưa?

Lợi trố mắt nhìn An:

- Em nói thật hay nói đùa?

An xằng giọng đáp lại:

- Em nói đùa với anh làm gì! Đáng lý chính anh phải biết trước để lo lắng cho em, an ủi em.

Chẳng những anh không ngó ngang gì tới, bây giờ anh lại bỏ mặc em bụng mang dạ chửa ở đây để vào đánh nhau tận Gia Định. Em biết thế này, thà...

Đột nhiên Lợi nổi cáu, cướp lời vợ:

- Thà cái gì? Thà ở vậy chờ đám nào danh giá hơn cái thằng ký kho quèn này phải không? Thà chờ đến ngày làm bà Phụ chính phải không? Cứ nói huých toẹt ra đi cho khỏi ầm ứ trong lòng. Tôi không phải thằng mù, cô biết chưa. Trời cho tôi đôi mắt để trông thấy mọi sự, và đôi tai để nghe hết mọi lời. Tôi đại dốt gì mà không hiểu tâm can của cô. Nhưng cô phải biết: Không ai cho cô với cao quá đâu. Không phải vì lòng tốt mà trại chủ xuất của kho ra tổ chức một đám cưới linh đình như thế đâu. Tôi biết, thiên hạ biết, tất nhiên cô cũng phải biết. Không biết như vậy chắc chắn cô đã không bằng lòng lấy tôi làm chồng. Nhưng cô đừng quên rằng trước khi lấy cô, tôi không phải là một thằng ký quèn. Tôi chỉ trở thành thằng ký quèn sau khi lấy cô, sau khi làm rể một... một...

An giận quá gần như hét lên:

- Anh không được xúc phạm đến cha tôi. Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Không thể chịu đựng thêm nữa, An bật khóc. Bấy giờ Lợi mới thấy mình vì tự ái, ghen tuông

mà quá lời. Đồng thời anh cũng nhận thấy không có thể làm hòa ngay với vợ được. Anh đã xúc phạm nặng nề đến danh dự vợ, đến danh dự gia đình vợ. Anh đã nói tuột ra hết những điều từ lâu mọi người có thể nghĩ nhưng không ai dám nói. An bỏ chậu chén bát rửa dờ, chạy lên buồng trên. Chị cài then lại, Lợi năn nỉ thế nào cũng nhất định không lên tiếng. Liên tiếp mấy ngày liền, An tránh không muốn gặp chồng. Lợi đi làm rồi An mới dậy, mở cửa buồng xuống bếp lo bữa điểm tâm cho cha. Lợi đi làm về, nghe con Vận hực sữa An đã vào buồng giả vờ ngủ. Lợi quay quắt vì đủ thứ lo lắng: nào lo chuẩn bị cho cuộc nam chinh bất trắc vì đây là lần đầu tiên Tây Sơn tiến vào tận Gia Định, nào lo tìm cách làm hòa với vợ, nào lo gửi gắm gia đình cho bạn bè, thân nhân, cả cho hàng xóm trong thời gian mình vắng mặt. Chuyện tham dự vào cuộc nam chinh đối với Lợi trở thành việc hiển nhiên, điều tất yếu, không thể thay đổi được. Đó là cơ hội thăng tiến duy nhất và cuối cùng của đời anh, cơ hội Lợi lập công để xóa cái vạ không do anh gây ra. Cho nên dù An hờn giận đến đâu, anh vẫn cứ hăng hái chuẩn bị cho trận đánh Gia định lần đầu tiên này. Mới 27 tuổi đầu, Lợi còn quá trẻ để bằng lòng dừng lại ở chức ký kho chuyên nghề cạo giấy ở một góc phòng ẩm nồng mùi gạo mốc.

*

* *

Dù sao đêm trước hôm xuất quân, Lợi cũng làm hòa được với vợ. Anh đã dùng hết tài miêng lưỡi và khiếu khôi hài để An chịu bỏ nét mặt dăm dăm, thái độ xa lánh lăm lè từng làm cho không khí trong căn nhà vắng nặng nề ứ đọng bấy lâu. Anh cũng dùng cả ngón chân cái bị dập khi chuyển đồ đạc vũ khí xuống ghe làm lợi khí gợi lòng thương xót của vợ. Lợi đã thành công. Thấy chồng loay hoay xếp đặt quần áo và đồ dùng cần thiết cho chuyến hải hành xa xôi bất trắc, An không thể làm bộ thờ ơ được nữa. Chị mở cửa buồng, đem cái áo bông của Lợi ra giữ bụi, rồi bỏ sẵn vào cái túi lớn may ở lần vải phía trong nào khăn mặt, dầu gió, kim chỉ may, thỏi quế, mấy củ gừng và nút áo.

Chộp ngay lấy dịp tốt, Lợi đưa ngón chân bị thương ra biểu diễn với vợ:

- Em có thuốc gì xức cho anh một chút. Sợ lội nước, làm độc mất!

An vẫn giữ nguyên nét mặt lạnh lùng, nhìn qua vết thương, hỏi chồng:

- Bị lâu chưa?

Lợi tươi cười như hãnh diện vì được vô ý gặp nạn, liền thoáng kể:

- Ấy, đã năm, sáu ngày rồi. Anh tưởng như mấy lần trước, cứ để mặc như thế cho nó tự ý đóng vẩy, kéo miêng, lành da không ngờ chuyển này nó làm dữ. Ái! Em nhẹ tay một chút. Hình như phía trong lớp vẩy đen còn mưng mủ đấy. Em xúc thứ gì mà mát vậy?

An ngược nhìn Lợi vẫn với đôi mắt lạnh lùng vô hồn, nói với giọng đều đều:

- Phải chịu đau một chút để gỡ cái vẩy ra, chùi cho hết mủ rồi xức thuốc mới công hiệu. Lợi vui vẻ nói:

- Đúng rồi. Tùy em muốn làm gì thì làm. Đau nhức mấy anh cũng chịu đựng được hết, miễn là... miễn là...

Lợi liếc nhìn An dò thái độ của vợ, do dự ấp úng một chút, rồi nói tiếp:

- Miễn là... em đừng giận anh nữa. Làm người ai không có lúc lầm lẫn, nhất là làm chồng.

An bật cười, không giữ mặt nghiêm được nữa. Lợi kêu:

- Ái, em làm anh đau quá. Đã xong chưa.

An bối rối xin lỗi:

- Em vô ý mạnh tay quá. Gần xong rồi. Phải để em buộc kỹ. Em nghe khi bị đau ở ngón chân

người ta thường lấy mật heo buộc nguyên cả ngón, mau lành lắm. Nhưng không được dầm nước. Anh sắp được khỏi thấy mặt con vợ cầu nhàu đi chơi một chuyến xa tận Gia Định nên trông hí hửng như người sắp được của.

Lợi đổi ngay nét mặt, làm bộ buồn rầu than:

- Em đừng nói vậy. Không có gì khiến anh hí hửng mừng vui cho bằng chiều chiều đi làm về, trông thấy em tươi cười đon đả ra mở cổng. Đi chuyến này, vì là chuyến đầu nên có thể lành ít dữ nhiều.

An vội hỏi:

- Đã biết vậy tại sao anh còn tình nguyện xin đi? Anh đâu phải là người quen việc gươm giáo. Cũng không ai buộc anh phải đi cả. Bỏ em bụng mang dạ chứa thế này, em sợ lắm. Em nghe người ta nói sinh con so thường gặp khó, ít khi mẹ tròn con vuông. Lỡ có mệnh hệ nào...

Lợi vỗ vai vợ an ủi:

- Đừng nói đại. Thế nào anh cũng về kịp trước ngày em sinh. Vả lại, chỉ còn dịp này để ông Thiếu phó tín nhiệm anh, tin tưởng anh trở lại. Phải ở vào hoàn cảnh khó khăn anh mới chứng tỏ được khả năng tháo vát nhanh nhẹn của mình. Chứ ký cốp ghi chép vài quan tiền muối với mấy quan tiền mắm, công trừ nhân chia chi li, thì ai không làm được. Về chuyện đó anh Kiên còn giỏi và kỹ hơn anh.

- Ngày mai chừng nào anh đi?

- Có lẽ sáng sớm. Hồi trưa dưới chợ Giã lên báo là đoàn thuyền đã sẵn sàng. Khí giới lương thực đã chất đủ. Chỉ còn chờ trên này xuống nữa thôi.

- Chuyến này Lãng nó có đi không anh?

Lợi vui mừng đáp:

- Không. Anh nghe nói ban đầu trại chủ định giao cho anh Phụ chính vì dù sao trong việc quân, anh ta cũng quen việc hơn. Tuy phần lớn các trận xưa nay đều ở trên bộ, nhưng quen việc thì thủy hay bộ đại khái không khác bao nhiêu. Về sau, chính Thiếu phó xin trại chủ cho mình tự cầm quân chuyến này. Với chức lớn như vậy, Thiếu phó phải có quân công để tạo uy tín trước ba quân. Trại chủ hơi e dè nhưng cuối cùng bằng lòng. Anh quen làm việc với Thiếu phó, biết cái hay cái dở của ông ta. Em cứ tin đi, chuyến này về thế nào bọn xấu mồm xấu miệng cũng sợ thụt cả lưỡi, nem nép bên đường nhìn ngựa anh qua. Rồi bạn bè lại bu đến đây đông y như trước.

An nhận xét:

- Loại bạn bè đó không tốt lành gì đâu! Chúng nó thấy lợi thì bu đến như ruồi bu quanh đĩa mật, khi thấy dấu hiệu nguy hiểm thì vội xa lánh. Anh xem, mấy tháng nay có ai đến thăm anh không! Những đứa trước kia xum xoe bên anh cầu cạnh thứ này thứ nọ, nay biến đi đâu cả rồi?

Lợi cười lớn đáp:

- Trò đời như vậy thay đổi sao được. Đó là luật chơi, không nên buồn. Họ như vậy, mà ta cũng như vậy. Nếu không tội gì lặn lội vào mãi tận Gia Định làm gì!

An ngơ ngàng nhìn chồng, môi mím lại. Chị bớt lo, nhưng buồn man mác, như vừa mất thêm một thứ gì chưa thuộc hẳn về mình, do đó không tiếc nuối, nhưng vẫn ngùi ngùi!

*

* *

Lợi đi rồi, An mới có dịp nhìn lại toàn cảnh đời sống vợ chồng của mình gần một năm qua. Nhờ khoảng cách cần thiết của không gian và thời gian, nhờ những buổi trưa rỗi việc ngồi một

mình nghe cái thai động đập như muốn nhắc nhở An dọn lòng đón nhận trách nhiệm làm mẹ, An được thông thả, tự do ôn lại những ngày tháng qua. Chị tự hỏi: Mình hạnh phúc hay đau khổ? An không trả lời dứt khoát được!

Những gì An trải qua sau ngày cưới vẫn còn để lại dấu ấn bề bồng, xót xa trên cuộc đời chị. Sự vồ vập tham lam của Lợi, cảm giác rời rã bần thần của nhiều đêm mất ngủ, những đau đớn trong cuộc giao hợp khó khăn buổi đầu, cùng nỗi khiếp hãi trước các hành động sinh lý xảy ra dưới ánh đèn lù mù (những hành động An tưởng chỉ có giữa giống đực và giống cái của loài động vật hạ đẳng sống trần trụi không có trí khôn để tìm một phương thức truyền giống thanh cao hơn), mãi đến nay vẫn còn khiến An run sợ. Chị tưởng mình không thể kham nổi cuộc thử thách ghê gớm và dị thường đó. Chị sống trong trạng thái bình bồng, lúc nào cũng bị ám ảnh bởi lối nhìn lém lỉnh của Lợi và ánh đèn dầu leo lét buồng tân hôn. Nhiều lần An muốn tắt đèn đi, nhưng Lợi không chịu. Lợi muốn nhìn rõ từng biểu hiện khoái cảm trên gương mặt vợ, để tận hưởng niềm kiêu hãnh làm chồng. An cố giấu không cho Lợi thấy mình xúc động, nhắm mắt chịu đựng. Nhưng đã có lúc chị không làm chủ được mình. Đôi tay An chới với, thân thể oằn lên, hơi thở dồn dập, một sức mạnh ào ạt như sức bão từ tận cùng thân xác cuốn phăng tất cả dè dặt, e lệ, bề bồng, sợ hãi của chị. Đây là lúc chị bắt đầu cảm được những cảm giác mới nó lẫn át cả cảm giác đau xót ban đầu. An bị cuốn vào cơn lốc cảm giác, tự mình đánh mất mình. Chị bắt đầu mon men tham dự, mặc nhiên đón nhận các câu nói bóng gió và lối nhìn giễu cợt của Lợi như điều thân mật thầm kín quý giá của riêng hai người với nhau. Cuộc sống chần chừ ở chỗ khuất lấp giống như một giây liên lạc thiêng liêng càng ngày càng nổi bật hai vợ chồng, hoặc như chiếc đũa thần giúp họ khám phá bộ mặt mới của nhau, bộ mặt mới của cuộc đời, bộ mặt mà càng nhìn gần họ càng thấy nó có nhiều khía cạnh bất ngờ đáng phải quan tâm hoặc thích thú khám phá. An làm sao quả quyết được cảm tưởng thú vị lạ thường đó không phải là tình yêu, hoặc quả quyết đó mới đích thực là tình yêu. Không. Cho đến nay An vẫn xúc động đến nghẹn lời khi nghĩ đến một cuộc hôn nhân trong đó An lấy được người chồng mình hằng kính trọng, thương yêu, quý mến. Được nép mình vào cánh tay rắn chắc ấy, được buông thả dúi dặt giữa tiếng nói trầm và chậm ấy, được đỏ mặt cuống quýt trước ánh mắt hơi khinh bạc và giễu cợt ấy, và... và sau đêm tân hôn, được trọn mình quay cuồng trong niềm hoan lạc chung sau khi cùng nhau chia sẻ những đau đớn e ấp như cái giá phải cùng nhau trả để đón hạnh phúc trọn vẹn sau này. Nhưng làm gì An được cái may mắn ấy! An biết lắm, và cha của An, cả Lợi nữa cũng biết rõ lắm! Chị không thể hoài công tiếc nuối một điều không thể có. Chị lấy Lợi là phải, và trạng thái an lạc trầm lặng liêu lỉnh An được hưởng cũng có thể tạm gọi là hạnh phúc. Chị sắp có con, và có thêm một sinh vật thân yêu do chính mình nuôi dưỡng bằng máu, thịt, lo âu; sắp được ngắm nó ngủ say trong nôi; sắp được nghe nó khóc, hồi hộp canh giấc khi nó đau yếu, mọc răng, chập chững, hí hửng trông nó lớn lên.. tất cả những điều sắp có là gì, nếu không gọi là hạnh phúc.

Trong niềm băng khuâng và hoang mang ấy, hình ảnh Lợi cũng bớt các nét đậm đà. An tìm cách biện hộ cho Lợi, tự trách đã để cho các ác cảm, thành kiến làm mình xa cách chồng. An còn tìm được người đàn ông nào lo lắng cho An từ cây kim sợi chỉ cho đến chuyện to tát hơn như Lợi? Còn tìm ai trên đời say mê An, chịu đựng tất cả thua thiệt, kiên nhẫn chiều chuộng An cho bằng Lợi. Với tài tháo vát và ăn nói khôn khéo, Lợi có thể dễ dàng tìm được một vị trí cao trong xã hội này. Lấy An thì Lợi được gì, ngoài cái vạ phải mang để bây giờ chịu cực khổ liêu lỉnh vào tận Gia Định xa xôi để cố ngoi dần lên địa vị cũ. Lợi đáng thương đấy chứ! Dĩ nhiên anh

cũng có nhiều tính xấu, như tính ba hoa, sự hời hợt trong tình cảm, óc thực tiễn lạnh lẽo dễ kết bạn mà cũng dễ gây thù, nhưng những điều ấy thuộc về bản tính mất rồi!

*

* *

Trong thời gian Lữ cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, Nhạc hồi hộp lo sợ cho lực lượng thủy quân vừa tái lập (sau khi Tập Đình rồi Lý Tài mang đi hầu hết chiến thuyền qua hai vụ đào thoát phản trắc), ngại rằng nếu Lữ thất bại, Tổng Phúc Hợp có thể thừa cơ tấn kích Qui Nhơn. Vì thế, Nhạc sai Huệ tăng cường phòng thủ ở mặt trận Cù Mông và chợ Giã. Lãng phải đi đi về về trên các tuyến đường Cù Mông, Bích Khê, lần nào được phép ghé phủ cũng gắng về thăm cha và chị. Vào những dịp đó, cảnh nhà ông giáo bớt hiu quạnh nhờ những cuộc chuyện trò giữa hai chị em. Ông giáo vẫn làm lì ít nói, trí óc không thôi ám ảnh bởi nỗi tiếc cuộc gặp gỡ không thành. Cách ăn nói, suy nghĩ, quan sát, kể cả cách xử thế thông thường của ông đều bị biến đổi. Tất cả giác quan của ông đều mờ, chậm đi, trừ thính giác nhạy cảm khác thường. Lúc nào ông cũng chú hết tâm trí để lắng nghe tiếng chó sủa báo hiệu người khách trở lại. Lãng thấy tình trạng tâm thần của cha thật đáng ái ngại, thì thảo đề nghị với An:

- Hay ta đừng nuôi con Vện nữa. Chị nghĩ sao?

An nói:- Điều chính yếu không phải là có hay không có con Vện. Em nghĩ mà xem, cái khổ là cha tin rằng thế nào ông khách cũng trở lại, vì ông ta mang đến cho cha một tin quan trọng lắm. Cha cứ nghĩ giá cha có mặt ở nhà hôm ấy thì cuộc đời cha đã thay đổi.

- Làm sao chị biết vậy?

- Chị chỉ đoán thôi, nhưng chị tin chắc đã đoán đúng. Từ hôm em lưu ý chị về sự khác thường của cha, chị cố tâm tìm hiểu. Nay một câu, mai một câu, chị góp chung lại thành suy đoán có căn cứ, có mạch lạc.

- Hoặc chị thử nói thẳng, cho cha khỏi chờ đợi viễn vông nữa. Chị cứ bảo có người quen nào đó ở An Thái hoặc bên phủ quan nhờ xin vài chữ đại tự về làm liễn.

- Phải rồi! Chị lú lẫn quá lắm. Tại sao điều đơn giản thế mà lâu nay chị không nghĩ tới.

An thực hành gợi ý của Lãng một cách kín đáo, khéo léo. Ban đầu, ông giáo tỏ ra thất vọng, không ngờ con người ông mất công náo nức chờ đợi bấy lâu chỉ là một anh dốt sính chữ. Ông hỏi đi hỏi lại xem An có lầm lẫn không. An quả quyết với cha rằng: An gặp lại chính ông khách ấy, nghe lại chính giọng nói ấy. Khi An hỏi "Lâu nay cha cháu vẫn chờ bác, hôm nào bác lại đến để cha cháu ở nhà chờ ạ?" ông khách bảo vì chờ ông giáo không được, đã đi xin chữ ở một thầy đồ khác dưới Mỹ Cang. An khéo bịa đầy đủ các chi tiết cần thiết, khiến ông giáo phải tin lời con. Ông âu sầu mấy ngày vì tuyệt vọng. Nhưng không bao lâu về sau, ông tìm được cơ sở lý luận khác để nuôi dưỡng niềm tin cũ. Ông hỏi An:

- Hôm ấy con không mở cửa cho bác ta vào chứ?

- Dạ không. Trời chạng vạng tối, chỉ có mình con ở nhà. Con đứng trong rào hỏi với ra ngoài mà thôi.

- Con có nhớ kỹ nét mặt bác ta không?

An thành thực đáp:

- Con không nhớ.

- Thế thì làm sao con nhận ngay ra bác ở chợ để hỏi vụ hôm trước.

An nhanh trí đáp:

- Chính bác ta nhớ ra con và đến hỏi thăm cha trước.

Ông giáo lẩm bẩm, bực dọc:

- Xin mấy cái chữ thì việc gì phải lặn lội đến tận xó tối này, gặp không được thì thôi có sao luyến tiếc, thắc thỏm đến thế. Không phải cái lão dốt nát ấy đâu. Nhất định con lầm rồi. Có thể lão đến tìm cha thật, nhưng ông khách hôm ấy không phải là lão ấy. Rồi con xem, thế nào ông ấy cũng trở lại tìm cha.

Thế là hai chị em thất bại. Lãng chưa tìm ra cách khác để cứu cha ra khỏi vòng chờ đợi mông muội. Hai chị em ái ngại nhìn nhau, tuy không nói ra nhưng cùng muốn tránh nói đến dấu hiệu lẩm cẩm đáng ngại của cha già. Họ quay lại về đề tài cả hai đều thích thú là chuyện liên quan đến viên Phụ chính hai mươi bốn tuổi: Nguyễn Huệ. Thông thường trong các cuộc nói chuyện có vẻ rời rạc, đầu Ngô mình Sở ấy, An chỉ cười, ngượng ngịu chờ Lãng kể, lâu lâu hỏi đôi lời cố ý làm như thờ ơ, vô tình. Chẳng hạn khi Lãng bảo:

- Hôm kia chị có đi chợ phải không?

An đáp:

- Phải. Hôm kia chợ phiên: Chị mua cho cha một vài lạng thịt về hầm, và cá bống về kho khô. Món cá em ăn hồi trưa đó.

Lãng mỉm cười liếc nhìn chị, có vẻ nửa muốn nói nửa muốn không. An tò mò hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

Lãng ấp úng mãi mới đáp lơ lửng:

- Không có gì. Em chỉ hỏi thế thôi. Tại có người quen trông thấy chị đi chợ về.

An tràn trề hy vọng lẫn xấu hổ khi hỏi:

- Ai thế?

- Anh ấy bảo có lẽ vì cái thai đã lớn, nên dáng đi của chị nặng nhọc, chậm rãi đến tội nghiệp.

- Chuyện hão! Đàn ông chỉ được ích kỷ, bao nhiêu công lao thai nghén sinh nở đều phó mặc cho đàn bà, làm như việc riêng của họ, không dính dáng gì tới. Gớm, hôm ấy chợ phiên đông ơ là đông.

- Vì vậy cả đoàn người ngựa phải chật vật lăm mới qua được khỏi chợ. Chúng nó định quất tháo cho thiên hạ chạy dạt ra tránh đường. Mọi khi làm như vậy tiện và chướng lăm. Hôm kia, anh ấy trùng mắt ngăn lại. Lũ trẻ con trước còn nem nép bên đường, về sau ủa ra sờ cả lên mông ngựa. Các bà hàng rau được nước không thêm kéo mấy giỏ rau lớn vào lề đường. Về tới phủ đã quá trưa.

- Mặc sức mà đói nhỉ! Hôm ấy chị về sớm, có thấy đoàn quân nào qua chợ đâu. Tức cười! Chị gặp cô bạn lúc trước có bán hàng xáo ở chợ An Thái. Cô ta chưa lấy chồng, vẫn bán gạo như cũ. À này, em có nhớ chuyện cây gạo chợ An Thái không?

- Nhớ chứ! Hồi đó chị hàm hồ nhất, cứ đổ triệt cho em. Không có anh Huệ thì tụi mình còn đổ thừa cho nhau hoài. Lạ thật, hoa nào cũng hoặc thơm tho, hoặc khoe sắc. Chỉ có hoa gạo là vô duyên hết sức.

- Lãng nói thật cho chị biết nhé. Chị... chị như thế này trông có kỳ cục lăm không?

Lãng ngó một lúc lâu mới hiểu chị, cười đáp:

- Không đâu. Trông chị "vững chãi" ra, như thêm sức nặng để chống chọi với đời. Như mấy lực sĩ mỗi lần thủ thế phải dồn hết sức nặng lên đôi chân để xuống tấn. Chị mang thêm một cuộc đời mới, phải xuống tấn như các võ sĩ chứ.

- Nhưng ai đã biết chị từ hồi còn con gái chắc là phải thấy kỳ cục. Như em vừa nói đó, người ta chê chị chậm chạp, lạch bạch như con vịt què.

- Có ai tả chị như thế đâu. Nay, chị đặt tên con là gì thế?

- Biết nó là trai hay gái mà đặt trước. Vả lại cái đó còn phải hỏi cha, sợ trùng tên ông bà.

- Nếu chị được quyền chọn tên, chị chọn tên nào?

An xúc động bối rối như sợ Lãng thấy được tận ý nghĩ của mình, nhưng cũng đáp nhỏ:

- Chị thích tên Thái. An Thái, hai mẹ con ghép nhau thành nơi chúng ta sống một thời thơ ấu thân yêu. Lãng nhớ không? Vả lại, tên Thái đặt cho trai hay gái cũng được cả. Nhưng này, chị hỏi em phải nói thật cho chị biết: Chị nặng nhọc thế này trông có gúm ghiếc quá không? Biết thế chị đừng vác mặt đi chợ nữa.

- Không! Sao chị cứ thắc mắc về một chuyện không đâu thế! Chị vẫn như trước. Phải. Kỳ về thăm nhà lần đầu em thấy chị hơi xanh, mắt hơi nặng. Nhưng lần này gương mặt chị vẫn y như thời trước. Nếu chị mặc áo rộng hơn một tí không ai biết đâu.

- Nhưng hôm kia chị mặc cái áo chật quá. Chợ đông chị em chen một lúc, bật cả cúc áo. Về sau chị phải giữ lấy vạt. Em ở lại ăn cơm với cha nhé. Không được từ chối. Đã ở lại ăn buổi trưa được thì ở đến chiều cũng được. Thiếu gì có để vắng mặt. Ai quở trách cứ đổ hết lên đầu chị. Chị đã đáng tội nghiệp quá rồi, thêm tội nào khác cũng không sao.

Lãng nghe tiếng chị cười reo vui như hồi còn thơ!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 39

Mấy ngày nay thời tiết càng lúc càng xấu. Bầu trời màu chì hạ thấp xuống, mưa liên miên, gió từng cơn xô ngã những bụi tre ven bờ sông. Cây cối trong vườn xơ xác, cành lá tươi tắn gãy đổ vì bão dữ. Tin chiến thắng Gia Định về tới Qui Nhơn từ cả tuần trước khiến cả phủ xô xao mừng rỡ. Người ta chờ đợi đoàn thuyền chiến thắng trở về từng ngày, từng giờ, và cơn bão đến thật không đúng lúc. Đã có những lời đồn đãi bất lợi rằng gió lớn đã thổi dạt hơn hai trăm chiếc ghe bầu chở đầy lương thực vào Bình Khang, và đã xảy ra một trận huyết chiến giữa đoàn quân chiến thắng và quân Tổng Phúc Hợp. Có tin lại bảo đoàn thuyền hiện tạm ghé vào Vĩnh Long, trại chủ phải gửi ngay một đạo quân vào Phú Yên để bảo vệ số lương thực thu được. Những lời đồn đại ấy tăng thêm không khí chờ đợi náo nức, và có hậu quả cấp thời là giá gạo ngoài thị trường hạ thấp chưa từng có. An có mang đến tháng thứ bảy nên trong người uể oải khó chịu, lúc nào cũng cảm thấy buồn ngủ. Bước đi của chị đến bấy giờ mới thực sự lạch bạch y như con vịt. Đôi vai chị vẫn nhỏ và ốm, khuôn mặt hơi xanh, khiến cái bụng to càng nổi bật thành một gánh nặng quá sức của người tập sự làm mẹ lần đầu. Chị cũng vui mừng và lo lắng theo nỗi vui nỗi lo chung. Hôm nào Lãng ghé thăm An cũng hỏi tin tức đoàn ghe bầu. Thấy chị sốt ruột quá, Lãng ngạc nhiên hỏi:

- Chị lo lắng cho anh Lợi còn hơn cả cho chị nữa. Hóa ra chị thương anh ấy đến độ đó sao?

An giật mình nhìn em, hơi ngỡ ngàng:

- Em hỏi gì lạ vậy? Không lo cho chồng thì lo cho ai nữa?

Lãng biết mình nói hớ, vội chuyển câu chuyện sang hướng khác. Anh bắt đầu thấy thế giới tình cảm có những điều phức tạp hơn anh tưởng. Lãng hơi thất vọng, vì hình dáng ủ ê lẫn tâm trạng lo âu của chị. Anh bực bội cố tìm những tin không vui để báo cho chị, nhưng ngạc nhiên làm sao, An hớn hở đón nhận những tin ấy. Khi Lãng nói:

- Nghe đâu trại chủ không bằng lòng mấy về chuyển tấn công Gia Định này. Ý định của trại chủ là tiêu diệt đám quan quân nhà Nguyễn rồi tổ chức lại thành trì làm kế lâu dài. Nhưng ông Thiếu phó chỉ lo thu hết thóc lúa chất đầy thuyền rồi giong buồm về đây.

An cười, góp ý:

- Làm như vậy là phải. Mới đi lần đầu, đã biết lực lượng địch thế nào mà dám ở lại. Thu hết thóc kho của chúng tức là tiêu diệt chúng dần dần rồi!

Lãng tức tối nói:

- Nghĩ như chị thì còn gì nữa! Vội vội vàng vàng vào đó chở thóc đem về, chẳng khác nào...

An cắt lời em:

- Thì lo cái gì cũng không bằng lo cái bụng. Dĩ thực vi tiên. Anh Lợi đi chuyển này giúp được khối việc cho ông Lữ. Chuyển vận mấy trăm ghe thóc, đâu phải là chuyện đùa.

Lãng không thềm nói gì với chị nữa. Anh lẩm bẩm: "Chị ấy thương chồng đến thế kia à? Chị ấy bất chấp lý lẽ, nói sao cũng xuôi miễn anh Lợi trở về an toàn với chị!"

Cuối tháng Tám, tức là khoảng 10 ngày sau cái hôm hai chị em An gặp nhau, Lợi trở về an toàn như mong ước của vợ. Đoàn ghe bầu có gặp bão, có dạt vào Vĩnh Long mấy hôm, nhưng lực lượng của Tổng Phức Hợp đã kéo vào Gia Định cứu viện nên không có cuộc chạm trán nào xảy ra như tin đồn đãi. An mừng quá, cầm lấy hai tay chồng lắc lắc, không biết nói sao cho hết nỗi lo lắng, mừng tủi. Chị nhìn ngón chân cái của Lợi hỏi:

- Lành hẳn rồi chứ?

Lợi nhớ chuyện cũ, cười đáp:

- Vâng. Lành hẳn rồi. Anh chỉ việc ngâm chân xuống biển vài bận là tự nhiên khỏi. Còn em hình như vừa đau dây phải không?

- Đau có! Em vẫn thường. Chỉ lâu lâu, cái chú trong này hung hăng đập dữ, em bị đau tí chút thôi.

Lợi chợt nhớ đến tình trạng thai nghén của vợ. Nhìn xuống bụng An. Cái bụng quá lớn so với thân thể ốm yếu. Lợi lo ngại hỏi:

- Em mang nặng lắm nhỉ? Có cần anh giúp không?

An lườm chồng rồi bảo:

- Có.

- Giúp gì nào?

- Làm ơn đừng bắt em mang nặng lần nào nữa. Một lần đủ rồi!

Lợi cười thích thú:

- Không được. Trời cho bao nhiêu mừng bấy nhiêu. Nhà có phúc dày lắm mới được con đàn cháu đống. Chúng ta mới có một đứa, ăn thua gì. À lúc nãy em bảo "cái chú này". Có chắc ta sắp có con trai không?

- Em chỉ đoán thế, vì thấy nó đập dữ quá.

Nét mặt Lợi hân hoan hẳn lên. Đôi mắt mơ màng. Lợi nói:

- Anh phải cho nó học võ để lớn làm tướng. Ở thời loạn này không có gươm trong tay, hét cũng không ai sợ chứ đừng nói chuyện từ tốn ôn hòa. Một là phải có thần thể. Hai là phải có lưỡi gươm bén. Chuyển vừa rồi không có ông Thiếu phó chắc anh không tài nào đem mấy trăm ghe bầu thốc về đây được.

An sửa lại cái cúc áo cho chồng, tò mò hỏi:

- Trong Gia Định lúa thóc giàu có đến thế à?

- Vâng. Dân cư còn thưa thớt nhưng đồng ruộng phì nhiêu lắm. Gieo một gạ giống rồi giao cho trời, đến mùa thu được ba trăm gạ.

- Vậy thì người nào cũng thành điền chủ cả sao?

- Không. Chuyện đời đâu có đơn giản vậy. Họ còn phải nộp thóc sưu thuế cho quan phủ để chở về kinh đô, còn lại một ít vừa trả nợ cho dân Hoa Kiều trên chợ, vừa ăn nhín nhịn thềm cho đủ đến mùa sau. Dân ruộng vẫn khổ, chỉ có các xóm Hoa Kiều và kho thóc của Chúa là đầy ắp của cải, sản vật. Phố xá san sát, nhà cửa quanh bên ghe hoặc chợ đều xây gạch lợp ngói. Hàng hóa ở phố Sài Gòn và Cù lao phố bày la liệt, thứ gì cũng có.

Rồi nhìn trước nhìn sau, Lợi hạ thấp giọng hỏi vợ:

- Cha đâu rồi?

- Nằm ở nhà trên. Chắc đang ngủ. Chờ cha dậy hãy lên chào cũng được. Từ hôm có bão, tội

nghiệp, cha cứ lo lắng cho anh.

- Cha ngủ rồi à? Anh có mang về làm quà cho em thứ này hay lắm. Đoán xem nào!

An không dần được vui mừng, cũng thấp giọng hỏi Lợi:

- Quà à? Cho em xem đi.

Lợi nhìn lên phía nhà trên, căn dặn vợ:

- Nhưng em đừng nói cho ai biết nhé. Kể cả cha nữa.

- Được. Thứ gì mà anh làm ra vẻ bí mật vậy?

Lợi rút từ trong bọc áo trong ra một gói giấy buộc kỹ. Anh run run mở dây chỉ. An hồi hộp theo dõi mấy ngón tay bối rối của chồng. Sau hai ba lớp giấy, An thấy một thỏi vàng lớn bằng ba ngón tay, dày mấy phân. Lợi sung sướng khoe:

- Chừng khoảng năm, sáu lượng gì đấy. Em thấy chưa, nếu cứ ru rú trong cái góc kho tối tăm thì được gì. Anh còn thêm một số quà khác cho em nữa, nhưng phải chờ ghe về đây đã. Ông Thiếu phó hết lời khen anh. Không có anh, còn lâu mới đem được bấy nhiêu thóc về đây. Nhưng cũng phải nhận không có cái uy của Thiếu phó, anh khó mà làm được gì. Ủa, sao em dầu dầu nét mặt vậy. Chú nhỏ lại đạp à?

*

* *

Sau chuyến vận lương ở Gia Định, Lợi mau chóng leo trở lại địa vị cũ trước ngày lấy An. Khả năng tổ chức và tài tháo vát của Lợi trở thành sự thực hiển nhiên, không ai có thể phủ nhận được nữa. Sự thành công cả hai mặt quân sự và kinh tế của cuộc nam chinh đầu tiên cũng khiến trại chủ hân hoan và bao dung độ lượng hơn. Thiếu phó đề nghị việc gì cũng được trại chủ chấp thuận. Nhờ vậy, Lợi được giữ chức vụ quan trọng về quân lương, được tặng một số không nhỏ chiến lợi phẩm từ vải vóc, đồ sứ, đồ đồng cho tới tiền bạc. Vì thiếu ghe thuyền chuyên chở, quân Tây Sơn đã bắt buộc một số ghe chài phải chở lúa về tận Qui Nhơn. Dĩ nhiên các chủ thuyền cùng gia đình họ không dám trở lại Gia Định. Lợi đưa hai bé gái (một đứa lên mười, một đứa mười hai) con nhà thuyền chài rủi ro bị ép buộc di tản đó về nhà giúp việc cho An. Đứa lớn lo việc bếp núc. Đứa nhỏ chuẩn bị để bế em bé. Nhờ thế gần hai tháng ở cử cuối cùng, An được sống an nhàn sung túc, khỏi phải lo lắng điều gì.

Lợi xuất tiền sửa sang lại vườn tược, mua sắm thêm bàn ghế. Anh kêu thợ vôi về đắp cho cha vợ một cái hồ nuôi cá vàng, có đầy đủ hòn non bộ, những chiếc cầu cong bắc qua suối, con nai ngơ ngác ở bờ rừng, cây tùng già trên chóp núi và vài lão tiều lão ngư. Ông giáo tiếp nhận sự sẵn đón, cung phụng của người con rể đặc thể với vẻ thản nhiên. Lợi hơi buồn, nhưng An tìm cách vuốt ve chồng, bảo rằng ông giáo hơi lắm cảm nên không thấy hết các đức tốt hiếu thảo của Lợi. Khỏi chờ đợi lâu, bạn bè cũ của Lợi lại ùn ùn kéo đến, khi thì thăm nhờ vả điều này, khi xum xoe biểu xén thứ kia. Nhiều hôm An vất vả giúp đỡ hai đứa giúp việc rót trà, dọn rượu, hoặc chịu đựng cảnh khách khứa ồn ào. Nhưng An vẫn vui, lòng tự ái được vuốt ve, nhất là chính mắt chứng kiến vai vế quan trọng của chồng trong buổi mới. An còn trẻ quá để ghi nhớ những chuyện ấm lạnh của nhân tình. Có thể trong tâm trí ông giáo, qua cái nhìn khinh thị và nụ cười mỉm của ông khi phải tiếp chuyện đám bạn bè của Lợi, ông giáo còn nhớ đến cảnh quạnh quẽ lúc bị thất thế. Riêng An thì chị hoàn toàn thỏa mãn với cảnh sống rộn rã này. Vì sắp tới kỳ sinh nở, không tiện xuất hiện trước khách khứa. An chỉ ngồi ở buồng trong nghe chồng và bạn bè bàn luận. Họ khen ngợi nhau, nhờ vả nhau một cách sòng phẳng, thẳng thắn, không e ngại khi phải nói đến chuyện tiền bạc. Nhiều người đến thăm Lợi, nhưng có dẫn theo cả vợ

nữa. Những người đàn bà ăn nói lịch thiệp khôn khéo ấy thường để mặc cho chồng thừa chuyện với chủ nhà, còn mình thì tìm gặp bà chủ. Họ khen An quá trẻ để là vợ một nhân vật quan trọng như vậy, khen An đẹp tuy đang ở thời kỳ thai nghén. Từ dè dặt, dần dần An bị lôi cuốn vào các câu chuyện son phấn, quần áo, buôn bán, kinh doanh. Những người khác ấy thường trở lại thăm An với những món đồ An nhờ mua giùm mà nhất định không nhận lại tiền An trả, lắc đầu quây quậy bảo giá món đồ đó rẻ lắm, không đáng bao nhiêu. Nay một ít, mai một ít, đồ đạc trong nhà An dần dần trở thành thừa thãi. Vả lại được dịp để Lợi hãnh diện về thế giá của mình.

*

* *

Khoảng rằm tháng Mười An bắt đầu cảm thấy khó chịu trong người. Bụng An râm râm, lâu lâu đau thốn ở phần bụng dưới. Chưa từng có kinh nghiệm sinh đẻ nên An không dám nghĩ mình sắp sinh con. Chị tưởng mình ăn phải một món thịt không được tươi. Nhưng chị cũng lan man đoán rằng có thể đây là dấu hiệu chuyển bụng, vì cảm giác đau đốn khác hẳn, chưa bao giờ như thế cả. Thấy chồng đang ngủ say, An không dám lay Lợi dậy. Chị tự nhủ có thể chú bé cựa quậy mạnh quá đấy thôi. Chịu khó một chút chú ta lại ngoan ngoãn! Nhưng dù cấn môi cố dần càng lúc cơn đau càng tăng. Thân thể An đầm ướt mồ hôi. Chị ngồi dậy, đưa hai tay bế bụng đi đi lại lại trong buồng, hy vọng nhờ vậy cơn đau có giảm bớt chẳng. Cái bụng không trăn xuống như An tưởng, nhưng cảm giác căng thẳng dồn lại ở ngay phía dưới bụng. An rón rén xuống bếp. Đi tiểu xong, cảm giác khó chịu vẫn như cũ. Bây giờ chị mới mạnh dạn lay Lợi:

- Anh, anh!

Lợi ú ớ xoay người ra phía ngoài, rồi nằm sấp lại tiếp tục ngáy. An phải lay thật mạnh Lợi mới chịu mở mắt ngơ ngác nhìn quanh. Anh chưa hiểu đang làm gì, đang ở đâu. Phải chờ một lúc Lợi mới nghe thấy được lời vợ. Anh nghe An nói:

- Không biết có phải đã đến lúc chưa? Em tưởng bị trúng thực vì món gỏi chiều hôm qua, nhưng chắc không phải.

Lợi choàng ngồi dậy, hấp tấp hỏi:

- Em bị trúng thực hả?

- Không. Hình như... hình như em sắp sinh rồi.

Lợi lo lắng hỏi:

- Thật à? Sao em biết?

- Em đau thốn ở chỗ này. Không phải ở dạ dày. Chỗ này này.

Lợi đứng bật dậy, chạy đến chỗ An đang đứng. Bộ dạng cuống cuống của Lợi khiến An phải bật cười:

- Anh làm gì thế? Định đi đâu?

- Phải gọi cha dậy. May ra cha hiểu phải làm gì. Làm sao đây? Anh có biết ắt giáp gì về chuyện sinh đẻ đâu?

An vội can:

- Đừng thức cha dậy. Anh qua nhà hàng xóm, nhờ thím bên đó dẫn đi tìm bà mụ. Em chưa sinh ngay đâu. Anh cứ yên tâm.

- Nhưng lỡ anh vừa đi khỏi thì em sinh con?

An cười gượng, cố giấu sự đau đớn:

- Không sao đâu. Em nghe nói còn phải vỡ nước ối nữa mới bắt đầu. Đi đi anh, bảo con bé nó

thấp cái đèn lồng.

Lợi vừa bước ra cửa vừa quay nhìn vợ, như sợ An để rớt ngay sau khi anh bước khỏi ngạch. Anh lo sợ quá, lò mò thế nào vấp phải mấy cái ghế. Con bé ngủ quá say khiến anh phải to tiếng mới vực được nó dậy. Vì thế Lợi đánh thức cả xóm vì sự mau miệng và hốt hoảng thiếu kinh nghiệm của anh.

Lợi mời được bà mụ về lúc gà gáy sáng.

Vừa hối thúc vừa năn nỉ, gần như Lợi lôi xệch bà lão qua khoảng đường gập ghềnh tối tăm về nhà mình. Để bà mụ bớt cần năn, anh hứa trả một món tiền lớn, lại luôn miệng nói khôì hài cho đỡ sốt ruột. Tới cổng anh nghe có tiếng oa oa bên trong vườn. Nhưng An đã hết đau bụng, thản nhiên chờ Lợi về. Bà mụ bức dọc vì mệt nhọc và tưởng đã mất một món tiền công quá lớn, gắt gỏng với Lợi:

- Thế mà cậu bảo nếu chậm chân, về tới đây chỉ vừa kịp dự cúng thôi nôi cho cháu thôi!

An bật cười - Lợi ngơ ngác hỏi:

- Hay em bị trúng thực?

Bà mụ ngáp dài, rồi bảo An:

- Cô vào buồng cho tôi xem qua. Có lẽ còn sớm quá. Chà, cũng khá lớn đấy chứ. Con so phải không?

- Dạ vâng.

- Chân đã phù lên chưa? Còn... còn... nhưng thôi, cô vào đây với già. Cậu ngồi đấy đừng vào nhé. Lợi hứa sẽ trả công hậu hĩnh nên bà cự thuận ở lại để săn sóc An, chờ đỡ An khi sinh nở. Hai hôm sau, An lại chuyển bụng. Nhờ có bà cự bên cạnh, chị cảm thấy yên tâm hơn. Chị khỏi phải hãi hùng khi chất nước nhầy lợn cợn đã tiết ra ở cửa mình và cơn co thắt mạnh và gấp hơn trước. Tuy nhiên An vẫn cảm thấy bơ vơ ghê gớm. Mặc những lời an ủi hoặc khuyến khích bông đùa, chị vẫn cảm thấy chỉ một mình mình chịu đựng cuộc thử thách xa lạ nguy hiểm này, một mình mình oằn người đau đớn, hai hàm răng cắn chặt lấy chéo khăn để khỏi phải bật khóc. Khi nước ối vỡ ra, cơn đau thắt thôi thúc chị thở gấp và một sức mạnh vô hình đột nhiên buộc chị rặn đẻ. An cố hết sức mà không thể nào làm đúng như lời thúc giục của bà mụ. Cái thai khá lớn, xương chậu lại hơi hẹp. Chị rặn đến mệt lả, mồ hôi vã ra như tắm. Đầu óc chị quay cuồng, tai chỉ nghe loáng thoáng tiếng bà mụ khi năn nỉ, khi quát tháo. Tình trạng nhập nhằng kéo dài không biết bao lâu, đến lúc An dùng hết sức bình sinh lấy hơi rặn thật mạnh thì một cảm giác đau như xé pha lẫn tê dại ồ ạt đến, bùng vỡ như một cái xác pháo. An ngất đi, tai chị nghe tiếng bùng nhùng không thể phân biệt được đâu là tiếng gió thổi, tiếng trẻ oa oa chào đời, tiếng cười nói cuống quýt của bà mụ lẫn tiếng hỏi thăm thẳng thốt của Lợi ở hai bên vách buồng.

Rồi dần dần mọi sự nhiễu loạn tan đi. An cảm thấy rã rời, ê ẩm từng đốt xương thớ thịt. Chị mở mắt lảo liên nhìn quanh. Môi chị khô. Người ta đã thay cho An một cái quần khác. Chị muốn xin nước uống, nhưng cửa buồng đóng kín. Bên kia vách có nhiều tiếng thì thào. An muốn cất tiếng gọi nhưng tự nhiên sợ hãi. Chị tự hỏi: Ta còn sống nữa không? Chị nhấc tay lên sờ mặt mũi. Má chị còn ướt nước mắt. Lưỡi chị liếm quanh đôi môi khô, cảm giác tê cay có thực. Chị còn sống đây mà! Chị còn sống! Còn sống! Chị đã vượt qua cơn thử thách ghê gớm. Đến lúc đó, chị mới bắt đầu thắc mắc về đứa con vừa mới ra đời giữa cơn đau xé của thân thể mẹ. Cửa buồng xịch mở. Và hình ảnh đầu tiên khiến An muốn nghẹn thở vì hạnh phúc là Lợi đang bồng trên tay một "con người" đỏ hỏn, nhỏ xíu, ngang lưng có buộc một băng vải trắng. Lợi quên cả hỏi thăm sức khỏe vợ, đưa đứa con lại sát gần An khoe khoang:

- Con trai em ạ. Góm ông tướng khóc to như cái tù và. Mãi bây giờ mới chịu ngủ một lúc.

*

* *

An nhìn đứa con mới sinh nằm bên cạnh mình với cảm giác bàng hoàng bán tín bán nghi. Chị vẫn chưa tròn tin sinh vật nhỏ xíu đỏ hồng ấy do chính mình cưu mang suốt chín tháng để cuối cùng chịu đau đớn rặn sinh nó ra đời. Dù không muốn, An cứ có cảm tưởng sợ sệt, gần như ác cảm với đứa bé. Chị thấy nó xấu xí, ghê ghê chẳng khác nào một con chuột con. Đầu đứa bé quá dài so với thân thể. Hai mắt sưng mọng, mi mắt đỏ bầm. Da thịt lấm chấm những vùng tím tím như hình những cái vẩy tròn. Tóc thưa thưa vài sợi dán chặt lên cái mỏ ác thoi thóp. Cánh mũi phập phồng. Đôi môi nhỏ mím lại, lâu lâu chúm lên nút nút như đang bú.

Chị tự hỏi: Con của ta đây sao? Con của mẹ? Hai tiếng mẹ con lần đầu đối với An có một âm hưởng đáng ngờ. Như vậy là ta đã làm mẹ đứa trẻ xấu xí này. Con! Mẹ! Con của mẹ! Mẹ của con! An không thể hình dung được mối dây thiêng liêng nào có thể buộc chặt chị với sinh vật xa lạ ấy. Vâng, đúng là nó hình thành từ trong bụng An, dần dần lớn lên từ máu huyết, thịt xương của An. Nó động dẩy một chút là An đau. Nó đúng là thành phần của chính An, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng đột nhiên nó thoát khỏi An, tách rời thành một sinh vật xa lạ, thở khác nhịp thở An, sống khác đời sống An. Nó hoàn toàn xa cách vì chưa biết mở mắt nhìn An, chưa biết cười để chị âu yếm, chưa biết làm nũng để chị dỗ dành. Nó nằm đó, nhưng chưa tham dự chút nào vào nỗi vui buồn chung. Ngược lại, giữa hai mẹ con chỉ mới có cảm giác rã rời, gần như lạc lõng ê chề. Con của An? An nhắc đi nhắc lại mãi ba tiếng đó mà vẫn chưa thấy chút xúc động quyền duyên nào.

An không có sữa nên Lợi phải thuê thêm một chị vú. Suốt một tháng sau ngày ở cũ, chị lại phải chịu đựng những kiêng khem ngặt nghèo. Căn buồng của An đóng kín mít gần như muốn ngột thở. Mỗi ngày hai lần chị phải xông lửa để cho da dẻ được hồng hào sau khi sinh dậy. Thức ăn chỉ có cơm trắng quét muối tiêu, không khí trong buồng lúc nào cũng ngậy mùi dầu sả, mùi lá trầu cháy và mùi than. Cả Lợi lẫn ông giáo đều có quá ít hiểu biết về chuyện đàn bà sinh nở, nên bà mẹ được toàn quyền buộc An kiêng khem đủ thứ. Kết quả là sau một tháng, người An gầy xẹp, mắt yếu vì không quen ra ánh sáng. Mỗi ngày một lần chị vú bồng con vào thăm mẹ, và niềm vui duy nhất của An là được chứng kiến sự biến đổi mau chóng của đứa bé. Càng ngày da thịt nó càng bớt đỏ. Hình dáng cân đối hơn. Khuôn mặt sinh động. Ánh nhìn bớt ngỡ ngàng, và lâu lâu nó nhoẻn một nụ cười nhanh trong giấc ngủ. Chị vú bảo "bà mẹ" đang tập cho nó biết cười, biết khóc, biết tủi thân thút thít, biết chơi với đứa tay cầu cứu, biết đạp đổ phần nộ. An tin lời chị vú vì qua những cử động, gần như vô thức, An thấy con dần dần làm quen với những phản ứng phải có trước mọi cảnh huống sẽ gặp mai sau. Lòng yêu thương nhờ đó đậm nét, và An quen thuộc, e ấp, hồi hộp mỗi lần chị vú đưa đứa bé cho An ôm vào lòng. Chị xúc động thật sự khi thì thầm bảo con:

- Cưng của mẹ. Thằng chó! Đạp mẹ dữ quá, làm mẹ đau. Mẹ tưởng không sống nổi để trông thấy mặt con. Mai sau nhớ đừng làm mẹ khổ nhé! Đừng làm mẹ khóc nhé. Ấy ấy. Có mẹ đây. Việc gì mà sợ mà dơ cả hai tay chơi với thế kia. Có mẹ đây, con ngoan. Không hiểu lời âu yếm của An có thấm được vào trí đứa bé không? Có lẽ có, vì sau đó, chị thấy nét mặt nó bình tĩnh hơn, lâu lâu nó mỉm cười.

*

* *

Lăng có về thăm chị khi An sinh được nửa tháng, nhưng anh không được vào buồng gặp An. Lăng chỉ được chị vú cho bông đưa bé một chút để biết hương vị làm cậu. Cũng như chị, Lăng chưa thấy tình cậu cháu có gì đậm đà. Anh ra về, lòng canh cánh thương hại cho chị, tiếc nuôi giùm chị.

Ngày cúng đầy tháng, Lăng lại được dịp ghé thăm nhà và gặp được người mẹ trẻ. Lòng anh đau thắt khi thấy An gầy xanh, mắt nhìn ngơ ngác như vừa từ một thế giới khác trở về. Anh có cảm tưởng An là một chiếc thuyền sau bao ngày vượt sóng, bây giờ dạt được vào một bãi cát, nan thuyền rạn, cột buồm long, phải nằm phơi mình ê ẩm trên cạn để chờ tu bổ trước khi lại ra khơi phiêu lưu chuyển nữa. Rồi chuyển nữa. Chuyển nữa. Cho đến lúc chỉ còn là một đồng vụn những gỗ mục không còn ai thêm đoái hoài. Vì nghĩ như vậy nên Lăng trốn đám khách khứa ồn ào của Lợi, xuống nhà dưới nói chuyện với chị. Lăng gặp cô Thọ Hương đang ôm đứa bé con An nựng nịu, trong khi An âu yếm nhìn người bạn cũ với ánh mắt kẻ cả, bao dung. Thấy Lăng đến, Thọ Hương bối rối chưa biết nên trả đứa bé cho mẹ để ra về hay nên tự nhiên ở lại để hàn huyên. An vui mừng vì được Thọ Hương đến thăm, hãnh diện là đằng khác vì biết đó là dấu hiệu sự tín nhiệm của Tây Sơn vương đối với chồng mình. Chị cười hớn hở, đưa tay bảo Thọ Hương:

- ... Đưa... đưa... chị bông cho, không nó đi tiểu ướt hết bộ áo đẹp bây giờ. Ấy chết. Dám xưng chị với lại... với lại Quận chúa, thật vô lễ. Nhưng... nhưng bây giờ xưng hô sao đây hở Thọ Hương? Thọ Hương co rúm người lại, sợ vô ý đứa bé lọt tay sẽ rơi mất, liếc về phía Lăng trước khi bảo An:

- Đừng nói thế, chị An. Có gì xảy ra chẳng nữa em vẫn là em của chị. Quận chúa! Nghe tức cười lắm. Mấy chị của em như bà Nhậm (Vũ Văn Nhậm), bà Trị (Nguyễn Văn Trị) thích được gọi thế này thế nọ, riêng em, ai gọi Quận chúa em xấu hổ lắm. Cũng như trước kia...

Thọ Hương lại liếc về phía Lăng. Tự biết mình đã làm cho câu chuyện hai người bạn gái thiếu tự nhiên, Lăng nói với An:

- Em ra thăm cha một lát. Không, chị yên tâm. Em chưa về ngay đâu. Nghe nói anh Lợi đắp cho cha hòn giả sơn đẹp lắm. Em phải đi xem mới được.

Chờ cho Lăng đi khỏi, An mới hỏi bạn:

- Chị nghe nói Đông cung đã trốn đi rồi phải không?

Thọ Hương buồn rầu đáp:

- Vâng. Chị nghe tin ấy hồi nào?

- Cách đây mấy ngày thôi. Hình như lâu nay "ông ấy" vẫn ở chùa Thập Tháp mà!

Giọng Thọ Hương rời rã, lạc hẳn đi:

- Ông ấy ở đâu em cũng không thắc mắc nữa. Hết An Thái rồi lên Hà Riêu, từ Hà Riêu về Bồng Giang. Rồi Thập Tháp. Em thật xấu số. Em nói điều này chị đừng cười em bất hiểu. Đôi khi em oán cha em...

An vội cắt lời bạn:

- Em đừng nói đại! Cha mẹ ai không thương yêu con cái. Có ới mửa vật vã khi thai nghén, đau đón đến oằn người khi sinh nở, rồi thức đêm thức hôm canh giấc con ngủ mới thấy vì sao cha mẹ thương con. Chẳng những nó là máu mủ của mình, mà còn là sự đau đón của mình, sự sung sướng của mình. Nó là một phần thân thể của mình rồi, như cái chân cái tay vậy. Rồi sau này em có con em sẽ thấy.

Thọ Hương rơm rớm nước mắt nói:

- Làm sao em có con được! Em bây giờ chẳng khác nào một người đàn bà góa.
An giật mình ái ngại nhìn bạn. Đến lúc đó, chị mới thấy mình hớ. Chị lúng túng muốn nói điều gì khác để che lấp sự vô ý của mình. May mắn lúc đó An thấy vạt áo nhiều xanh của Thọ Hương bị ướt đầm. Chị hô hoán:
- Chết mất! Chị nói có sai đâu. Nó tiểu ướt cả áo em rồi!
Thọ Hương vội nhìn xuống áo. Giống như tất cả những phụ nữ chưa từng làm mẹ, Hương ngại ngùng, sợ nước tiểu hôi và bẩn. Cô vội trả đứa bé cho An, hai tay cầm hai chéo áo giật giật cho nước tiểu tung ra bột, nét mặt không giấu được sự khó chịu. An cười bảo:
- Không sao đâu. Một chút là khô ngay. May chú ta không làm xấu lên áo em đấy. Em đã thấy chưa! Còn đòi có con nữa thôi. Nhiều hôm cả người chị ướt toàn nước tiểu. Ai đến gần chắc phải chết ngạt mất.
Hương không thấy vui trước giọng khôi hài của bạn, vẫn tiếp tục giật giật tà áo cho chóng khô.
An hỏi:
- Lâu nay ở nhà em không bế các cháu con các anh chị sao?
Hương ngừng lên đáp:
- Có chứ. Hồi nhỏ em bồng em đến chai cả hông, xương sống oằn lên. Nhưng lúc gia đình bắt đầu khá, các anh các chị ai cũng có nuôi vú cả. Vả lại, chúng nó hỗn lắm. Em không ưa!
An tò mò hỏi:
- Hỗn à? Trước kia chị thấy mấy đứa con ông cả Nhậm ngoan lắm mà!
Thọ Hương bĩu môi đáp:
- Ngoan! Chị lầm rồi. Từ ngày về đây, chúng nó thành ông hoàng bà chúa cả! Người hầu trong nhà toàn là kẻ quen thân cũ, tuổi tác phần lớn đều cao. Thế mà chúng nó bắt phải thừa gửi vâng dạ đằng hoàng, y như trong triều đình vậy.
- Ông cả Nhậm không mắng chúng nó à?
- Mắng! Anh ấy còn bảo phải thế cho đúng khuôn phép nhà quan. Nhiều hôm chú Tám không chịu được cảnh chướng tai gai mắt, bỏ ra ngủ ở trại quân.
An nóng bừng cả mặt, cúi xuống hôn trán con, âu yếm dặn:
- Nghe không bé của mẹ! Lớn lên đừng kênh kiệu, vô lễ với người già cả nghe không. Thế còn mấy cháu con anh Trị?
- Chị Trị đỡ hơn. Có lẽ tại chị ấy xấu hơn chị cả Nhậm. Đi đâu chị ấy cũng ngại bị người ta chê nước da đen nên cứ ru rú trong nhà. Chị An này, hôm qua chị Trị nhờ em dạy cho cách nhồi phấn nữa đấy. Chuyển vừa rồi chú Bảy có đem về biếu chị ấy mấy hộp phấn Tàu. Loại này hình như tốt hơn loại em biếu chị năm ngoái. Chị trông (Hương ngược mặt về phía ánh sáng cho An ngắm kỹ), em đòi phấn mà chị có nhận ra đâu.
An ngắm kỹ da mặt Thọ Hương, thấy trên làn da mịn màng có lấm tấm vài vết mụn xám. Nhưng đúng như Thọ Hương nói, An không phân biệt được làn da thật và lớp phấn ngoài, nếu chị không tinh ý phân biệt được màu trắng hồng trên trán với màu ngăm ngăm ở tận dưới chân tóc. An trầm trồ khen:
- Em đòi phấn khéo thật. Có lẽ chị phải học em mới được.
Thọ Hương thích thú nói:
- Được chị khen em mới tin. Lâu nay không được đến thăm chị, em không biết nói chuyện với ai cả. Sau khi... sau khi xảy ra chuyện đó, em biết cha em ái ngại, nên nhân dịp đòi được phép ra thăm chị. Cha em bằng lòng ngay, nhưng buộc phải đi với mấy đứa gái hầu.

An lại hỏi:

- Xảy ra chuyện đó? Chuyện gì nữa vậy?

Thọ Hương kinh ngạc trở mắt nhìn bạn:

- Tâm trí chị bị thằng bé này thu hết rồi chắc! Thì em bảo sau khi Đông cung trốn vào Gia Định.

- À! Chị lú lẫn thật. Nhưng Hương này, chỗ chị em, Hương đừng giấu chị nhé. Đông cung bỏ đi, em có buồn không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Khó nói lắm chị. Em không vui, nhưng cũng không buồn. Em quen rồi. Từ lâu em cứ định ninh mình đang ở góa, nên nghe tin, em buồn một lúc rồi thôi.

An liếc nhìn nét mặt trang điểm kỹ lưỡng của Thọ Hương, vụt miệng nói:

- Em nói thế chứ chị thấy em vẫn trẻ và đẹp như trước. Em chưa ở góa được đâu!

Thọ Hương lấy tay che miệng cười thú vị, ánh mắt long lanh vui sướng. Thọ Hương bảo bạn:

- Chị biết không: Một hôm chú Tám gặp em đang dỗi phần, chú ấy lẳng lặng đứng nhìn không lên tiếng cho em hay. Em vô tình tưởng không có ai, tiếp tục trang điểm. Đột nhiên chú cười xòa làm em giật mình, rồi bảo: "Để chuyển này tao vào dẫn nó về cho mày. Nó còn làm bộ thì căng ra đánh đòn, chứ không nhốt vào chùa làm chi cho nó dứt hết lòng trần, phí đi".

An lại cúi xuống ngấm con để giấu xúc động. Thọ Hương có vẻ thích thú vì câu pha trò của chú, cười đến chảy nước mắt. An kéo tay bạn hỏi:

- Lại sắp vào Gia Định đánh nhau lần nữa sao em?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

- Chị chưa biết gì à?

- Chị lo thằng bé này suốt ngày, có biết gì đâu!

Thọ Hương lấy giọng nghiêm trọng nói:

- Chuyển này chú Tám lo hết mọi việc. Thế anh Lãng không nói gì với chị à. Anh Lãng vẫn làm việc gần chú Tám mà! À quên, suýt tí nữa em quên mất một chuyện quan trọng. Không hiểu do đâu mà chú Tám biết hôm nay chị cúng đầy tháng cho cháu. Có lẽ chú nghe anh Lãng nói. Thấy em sắp sửa đến đây, chú Tám gọi em lại dặn: Gửi lời thăm và chúc hai mẹ con mạnh khỏe.

An chớp mắt cảm động, thì thào dặn bạn:

- Cho chị gửi lời cảm ơn. Hương đừng quên nhé!

*

* *

Chờ cho Thọ Hương về rồi, Lãng mới vào nhà gặp lại An. Vừa thấy em, An đã trách:

- Em sắp đi xa mà không nói cho chị biết.

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Ai bảo chị thế?

- Lại còn hỏi. Ai bảo cũng được. Nhưng em không báo cho gia đình hay thì chắc chắn không được rồi. Tại sao em giấu?

Lãng tức giận đáp:

- Em có giấu chị chuyện gì đâu?

- Chứ không phải em sắp theo quân vào đánh Gia Định à?

Lãng thành thực nói:

- Em chưa biết gì cả. Em nói thực đấy.

An ngẩn ngơ, không hiểu. Chị hỏi:

- Thế tại sao Thọ Hương vừa nói với chị rằng...

- Cô Thọ Hương nói sao với chị?

- Nói ta lại sắp vào đánh Gia Định. Lần này do... do anh Huệ cầm quân. Chẳng lẽ em không biết gì cả!

Lãng lo âu nói:

- Như vậy câu chuyện mới còn bàn luận trong gia đình chứ chưa thành. Miệng lưỡi đàn bà, nhanh thật!

- Thọ Hương đã nói thì chắc đúng. Không biết chừng năm nay em ăn Tết xa nhà.

Lãng lo lắng bảo chị:

- Ăn Tết ở đâu mà chẳng được. Nhưng em lo chuyện khác kia!

An ngờ ngàng hỏi:

- Lạ chuyện gì nữa?

- Chuyện anh Chinh.

Rồi không chờ cho An hỏi, Lãng nói tiếp:

- Chuyển vừa rồi ta vào đánh Gia Định, Duệ Tôn không có quân để chống lại phải kêu Tổng Phúc Hợp đem quân vào cứu viện. Nghe nói Hòa nghĩa quân của Lý Tài đã kéo hết vào nam theo quân ngũ dinh của Hiệp. Ở nơi đầu tên mũi đạn, làm sao nhận ra được anh em. Chị hiểu không...

An bắt đầu hiểu, nên cố xua ám ảnh xót xa vừa đến bằng cách giọng gạo bảo:

- Đất nước rộng mênh mông, em lo chuyện hão.

Lãng cãi lại:

- Nhưng chị nên nhớ chuyển này anh Huệ cầm quân chứ không phải anh Lữ. Em theo anh ấy hai năm nay, em biết. Không có lực lượng nào chống lại nổi đâu. Không có xó xỉnh nào để kẻ thù ẩn nấp, nếu anh ấy quyết truy nã đến cùng. Không phải như những kẻ hẹp trí chỉ cốt chờ cho được thóc gạo về là xong chuyện.

An nóng mặt vì bị chạm tự ái, gay gắt hỏi em:

- Thế nào mới là kẻ nhìn xa thấy rộng? Lãng đúng là kẻ nhìn xa thấy rộng hay chưa? Làm ơn cho chị biết đi!

Lãng thấy chị giận dữ mới biết mình nói hớ, lí nhí xin lỗi:

- Em ngay tình, xin chị đừng giận. Thôi, ta đừng nói chuyện ấy nữa. Vả lại đâu đã chắc gì đúng. Rồi trở đứa cháu đang ngủ vui trong tay mẹ, Lãng hỏi:

- Cha đã đặt tên cho nó chưa, chị?

An đã nguôi giận, chậm rãi đáp:

- Anh Lợi xin cha đặt tên cho. Cha bảo tùy ý anh chọn tên gì cũng được, miễn đừng trùng tên tổ tiên. Anh ấy chọn tên Phát đấy.

Lãng dấy nẩy:

- Sao không đặt tên Thái?

An bỡ ngỡ hỏi:

- Sao lại chọn tên Thái?

Lãng nôn nóng đáp:

- Chính chị hôm trước có bảo em định đặt tên con là Thái! An Thái. An Thái, chị có nhớ không?

An đỏ mặt vì sự quên lãng đáng trách của mình, vội bào chữa:

- Nhưng chị có được quyền đặt tên con đâu. Thôi, tên gì cũng thể thôi. Thái hay Phát đều tốt cả.

Lăng vẫn chưa bằng lòng, đỏ mặt cố nói:

- Nhưng, nhưng...

Anh định bảo chị: "Cái tên Phát cũng như tên cha nó là Lợi. Phát Lợi nghe có vẻ con buôn quá" nhưng Lăng biết trước câu nói đó sẽ cắt đứt tình chị em, không còn cứu vãn được nữa. Lăng ậm ừ để dần sự bất mãn.

Vừa lúc đó Lợi tiễn một người khách ra cổng, hai người chưa giải quyết xong công việc nên cả chủ lẫn khách còn tiếp tục bàn chuyện ở gần hòn non bộ, cách chỗ hai chị em ngồi khoảng chục bước. Lăng nghe Lợi nói:

- Vâng, bác cứ yên tâm. Thế nào ngày mai tôi cũng trình bày ngay với Thiếu phó. Giá cả có hơi cao đấy, nhưng việc này ta sẽ thương lượng sau. Các ông nhớ viết cho họ là chúng tôi cần đồng, sắt và diêm tiêu. Phải, bao nhiêu cũng mua. Được chứ, họ đến chúng tôi sẵn sàng tiếp đón. Các xóm đạo lâu nay chúng tôi có phá phách gì đâu. Chẳng những thế, hễ thấy ai bị đeo cái khoen sắt khắc hai chữ TẢ ĐẠO phải cắt cỏ voi, anh em chúng tôi đã rút cái khoen ô nhục đó đi, giải phóng cho họ về với gia đình. Được, được. Miễn là phải có đồng, sắt, diêm tiêu, còn bao nhiêu nhà thờ muốn xây, điều đó dễ thôi. Ông về nhắn giùm với họ như thế nhé.

Ông khách đi khỏi, Lợi vội quay vào tiếp khách. Trông thấy Lăng đang ngồi nói chuyện với vợ, Lợi reo lên:

- Kìa, chú Lăng đây rồi. Anh tìm chú này giờ không thấy đâu. Anh vừa khoe rằng có một cậu em vợ thân cận với "ngài Phụ chính". Không, em đừng cười, phải nói thế họ mới sợ. Định quay qua tìm Lăng đã không thấy em đâu.

Không chờ Lăng trả lời, Lợi quay qua hỏi vợ:

- Em có biết ông khách vừa rồi là ai không?

An đáp:

- Không. Ai thế?

- Ông trùm xóm đạo dưới Gò Bồi đấy!

An ngờ ngác hỏi:

- Ông trùm nào?

Lợi âu yếm quệt má vợ trách:

- Em chóng quên quá. Mà quên cũng phải. Hơn mười năm rồi còn gì. Em có nhớ hồi gia đình ta vừa chạy nạn vào đây, ghé vào bến Gò Bồi không? Đó, ông khách lúc này là người đã giúp đỡ cho cha rất nhiều, lo giúp chỗ ở tạm, lo thuê giùm người vồng mẹ và vác đồ đạc lên An Thái. Hồi đó anh với bác Năm xuống Gò Bồi để nhận gỗ thai bài về cho ông biện. Kể cũng chóng thật. Hơn mười năm, bao nhiêu vật đổi sao dời.

Lăng khó chịu vì cái tính liếng thoắng của anh rể, nhưng vì tò mò nên phải hỏi:

- Ông ấy định bán sắt, đồng và diêm tiêu à?

Lợi cười lớn bảo:

- Không. Làm gì hần giàu thế. Hần có bao nhiêu của quý ấy tại Gò Bồi thì ta cứ việc đem lính xuống khuân về dùng, việc gì phải thương lượng! Câu chuyện nó như thế này: Một số tên truyền giáo người Hòa Lan, Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi quen biết lớn với các hội buôn người Tây dương. Họ nhờ ông trùm đánh tiếng trước để hai bên thương lượng: phần các cố đạo sẽ liên lạc mua giúp cho ta các thứ ta cần, phần ta cho phép họ lập nhà thờ và truyền đạo. Ông trùm định gặp Thiếu phó, nhưng sợ đường đột quá không nên, vì vậy tìm đến đây gặp anh trước.

Rồi quay sang vợ, Lợi than:

- Anh Kiên tệ quá. Anh gặp anh ấy trên kho, nhắc đi nhắc lại mãi là thế nào anh ấy cũng rán tới cho vui. Anh ấy hỏi khách khứa có ai không. Anh bảo chỉ có những người tai mắt quen biết thôi. Anh ấy ậm ừ. Rồi không tới. Tính anh ấy sao sao ấy, anh chịu, không hiểu nổi.

Lãng định trả lời: "Có gì mà khó hiểu. Anh Kiên ghét cay ghét đắng lũ lăm lờn xun xoe" nhưng trông vẻ mặt van lơn cầu khẩn đến hốt hoảng của chị, Lãng giữ im lặng. An sợ em vụt miệng nói hỗn với chồng, nên giành nói trước. Chị hỏi:

- Cha đâu rồi anh?

Lợi vui vẻ đáp:

- Cha đang nói chuyện với ông khách Mỹ Cang. Không ngờ hần con buôn mà giỏi chữ đến thế. Thi ca đọc làu làu. Cha vừa đọc vài chữ, hần đã đọc tiếp cả bài dài không vấp một chữ.

Một ông khách ăn mặc chải chuốt lối lãng theo cách những tay giàu nổi từ nhà trên đi xuống dáo dác tìm ai. Trông thấy Lợi, ông ta reo lên:

- Á à, tìm thấy anh rồi. Trốn khách đi thủ thỉ với vợ phỏng?

Cả Lợi lẫn khách đều cười ha hả. Lợi vỗ vai khách hỏi:

- Ông Hiến đâu?

- Đang bàn chuyện thi ca kim cổ với ông cụ. Dạ thưa chị. Chị đã khỏe hần chưa? Gớm, bữa nay tôi mới biết vì sao anh Lợi hể xong việc là gặt hết bạn bè chạy một mạch về nhà. Cháu kháu khỉnh quá nhỉ. Mấy tháng rồi chị? Trời ơi, tôi ngu quá rồi. Bữa nay cúng đầy tháng mà tôi hỏi cháu mấy tháng rồi. Anh Lợi này, tôi phải xin phép về thôi!

Lợi vội ngăn:

- Về sao được! Buổi tối còn một cuộc rượu nữa mà. Vả lại việc ta bàn chưa xong gì cả.

Ông khách hơi chột dạ trước đôi mắt xoi mói cú vọ của Lãng, xua tay từ chối:

- Không. Để lúc khác vậy. Xin phép chị. Cậu ở chơi nhé. Tôi về nhé, Lợi.

Lợi phải đưa ông khách ra tận cổng. Trước khi chia tay, ông khách kéo Lợi hỏi nhỏ:

- Này, ông già vợ anh có bình thường không?

Lợi trợn mắt hỏi:

- Sao hỏi vậy?

- Vì gặp ai hơi lớn tuổi, ông già đều hỏi có phải hôm trước có đến tìm ông cụ mà không gặp phải không. Báo hại ông Hiến và mấy người khác ngớ ra, chẳng hiểu gì cả. Nhưng sau đó ông cụ lại ăn nói nghiêm nghị bình thường, đôi lúc khôi hài dí dỏm nữa. Chẳng hiểu làm sao hết!

Lợi đập vai bạn làm ăn, nói lớn cho qua chuyện:

- Thôi về nhé. Chuyện gì chưa xong, mai vào kho hãy hay.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 40

Vào dịp rằm Trung thu năm trước (1775 Ất mùi), Lý Tài có tổ chức một bữa tiệc mặn linh đình tại phủ Phú Yên.

Đã hơn một tháng qua, từ ngày Nguyễn Huệ lấy lại được Phú Yên từ tay Tổng Phúc Hợp và trại chủ Tây Sơn giao toàn phủ cho Lý Tài cai quản. Dưới bàn tay cầm gươm quen hà khắc của bộ hạ Lý Tài, an ninh trật tự của miền đất nhiều lần đổi chủ mau chóng được văn hồi. Chế độ quân quản triệt để dành quyền sinh sát cho những người chỉ tin vào chân lý của lưỡi gươm, cho nên điều dễ đoán là suốt thời gian ấy, đâu đâu cũng có những đám ma trầm lặng dăm dúi. Kẻ chết không thể kêu oan được nữa, người sống nem nép sợ hãi không dám khóc lớn, sợ làm những tên lính Hòa nghĩa say rượu giận lây đến kẻ vô tội yếu đuối. Người ta không dám đem đi chôn xác kẻ bị giết vào ban ngày vì những người đàn ông giàu từ tâm khiêng xác dễ bị xem là đồng đảng của nạn nhân. Lại càng không dám chôn vào ban đêm, vì khi mọi nhà bắt đầu lên đèn, tuyệt đối cấm không ai được ra khỏi cửa. Vì vậy, các đám táng thường dăm dúi lén lút vào lúc chạng vạng. Huyệt đào cạn, xác chết vùi nông qua quít cho kịp trở về trước khi đổ đèn nên nhiều nơi chó hoang bới mộ giành nhau từng miếng thịt thối. Không khí vẫn đục vì mùi hôi thối và đe dọa khủng bố. Đã thế, đám tay chân vô học của Lý Tài nghĩ rằng chỉ có một cách làm vừa lòng chủ tướng là cần mẫn tàn sát những ai có liên hệ xa gần với quân ngũ dinh. Cuộc chém giết bi thảm liên miên, tưởng sẽ không bao giờ dứt!

Nhưng bữa tiệc trung thu năm ấy đánh dấu một khúc ngoặt bất ngờ cho quân sĩ Hòa nghĩa! Lý Tài cho gọi tất cả những đàn em thân tín về phủ Phú Yên dự tiệc. Thay vì ăn bánh ngọt ngắm trăng, Lý Tài cho dọn rượu thịt ê hề ngay trong dinh phủ. Tòa dinh cũ đã bị đốt phá từ lâu, dinh mới làm bằng tranh tre tạm bợ nhưng nơi thiết tiệc rộng đủ để chứa trên một trăm thực khách. Chủ tướng biết trước đám đàn em của mình toàn là sâu rượu nên đã đặt sẵn trên bàn tiệc từng vò rượu lớn. Đêm nay tha hồ say, uống bao nhiêu cũng có sẵn, đồ nhắm những bốn con heo quay và hai con bê thui. Mượn có thưởng trăng, thực sự là để mừng công lao hơn một tháng khó nhọc. Truyền thống của anh em Hòa nghĩa là dùng rượu để tắm quân công, nên dùng dê béo rượu nồng thay cho bánh trung thu là chuyện bình thường. Và vì rút kinh nghiệm những lần trước, để tránh những ẩu đả đáng tiếc trong cuộc say, yêu cầu tất cả anh em bỏ gươm giáo khí giới ngoài trạm gác của dinh phủ. Đây cũng là điều bình thường. Chinh nghĩ vậy khi tháo bao gươm giao cho tên lính gác.

Trong tiệc, Chinh ngồi giữa hai người lạ mặt, một người nam nói giọng Hội An và một người Tàu nói tiếng nam lõm bõm, lơ lớ. Chinh muốn tìm đến ngồi gần các bạn bè cũ để kháo chuyện thoải mái, nhưng anh thấy việc ngồi đứng lộn xộn có thể làm phiền lòng chủ tướng, nên dù khó chịu gò bó, Chinh vẫn ngồi yên chỗ cũ. Phía sau lưng Chinh là cánh cửa sổ trông thẳng ra cổng

phủ. Anh thấy khi mọi người đã vào hết bên trong, cửa cổng được đóng lại cẩn thận. Cẩn thận hơn nữa, là hai toán lính gác chia nhau bảo vệ cho phòng tiệc, lập vòng rào cẩn mật để phòng kẻ phá hoại lọt được vào trong phủ, gây rối bữa tiệc mừng công linh đình này. Trên bàn chủ tọa, Lý Tài dầu dầu nét mặt như vừa gặp chuyện bực mình trước khi đến đây. Chinh thấy ông mất hẳn vẻ linh hoạt thường có, lối nhìn và cử chỉ đều uể oải rời rã, như một người vừa mới khỏi bệnh.

Quả đúng như Chinh đoán, Lý Tài không nói mấy lời xã giao mở đầu buổi tiệc. Viên phụ tá thay lời chủ tướng, xin lỗi anh em vì hơi mệt trong người nên chủ tướng chưa nói vài lời với anh em ngay lúc này được. Xin anh em cứ tự nhiên nâng chung rượu lên nốc cạn cho thỏa thích, khi anh em no say rồi, chủ tướng sẽ bắt đầu có vài lời nhắn nhủ với tất cả. Nói xong bằng tiếng nam, viên phụ tá lập lại một lần nữa bằng tiếng bắc (Tàu). Bấy giờ đa số Hòa nghĩa quân người Hoa trong tiệc mới cười nói xôn xao, và buổi tiệc bắt đầu một cách ồn ào, lộn xộn, không một chút khách sáo.

Vì hai người ngồi cạnh đều xa lạ nên Chinh lặng lẽ ăn uống, không thể tìm được chuyện chung nào để góp chuyện với chung quanh. Người ngồi phía trái Chinh tuổi còn trẻ, quá lắm khoảng hai mươi lăm tuổi là cùng. Anh ta có đôi mắt một mí và khuôn mặt vuông, hơi phệ ra trước tuổi. Vì là người của Hội, lại nghe anh ta nói tiếng bắc trôi chảy với những lính Hòa nghĩa gốc Hoa khác, Chinh đoán anh ta người Minh Hương. Nhờ anh bạn này phiên dịch mà Chinh nói chuyện được với người ngồi phía phải, biết bác này người Triều Châu, chuyên đi buôn biển và là bộ hạ cũ của Tập Đình. Để câu chuyện khỏi tẻ nhạt, Chinh hỏi thăm thêm gia cảnh của bác, mới biết bác ta còn để lại ở Triều Châu một người vợ ốm yếu và hai đứa con, cả ba người chắc đang lóng ngóng chờ bác trở về với một ít của cải trong tay nải để thoát khỏi cảnh sống tôi đòi kiếm canh cặn cơm thừa nhà địa chủ. Lời tâm sự bất thường đó khiến Chinh cảm động. Anh nghiêng vò rượu đổ thêm vào bát cho người lính già phiêu lưu, choàng vai bác ta mời rượu kết nghĩa. Lúc kê vai co về bên nhau, Chinh cảm thấy sườn phải của mình đau nhói. Anh kín đáo liếc chéo xuống mép bàn, thấy người ngồi bên phải chưa chịu gửi vũ khí, bên hông vẫn còn kè kè một thanh đoản đao.

Lấy làm kinh ngạc, Chinh quay nhìn anh bạn trẻ phía trái, cũng thấy anh ta giấu đoản đao trong chiếc áo rộng. Thế là thế nào? Ai được mang vũ khí vào tiệc và ai phải nộp vũ khí tận ngoài cổng thành? Họ xem thường lệnh chủ tướng đến độ này sao? Tự nhiên Chinh nhìn hai người kẻ cận với đôi mắt khác. Anh e dè lời ăn tiếng nói hơn, đứng ra từ đó về sau, anh chỉ lo ăn chứ không dám nói. Anh bạn trẻ người của Hội thì gọi chuyện luôn miệng, hết hỏi thăm chuyện gia đình Chinh lại nói chuyện các trận đánh ở phía bắc, các thú ăn chơi ở cửa Hội, sự phồn thịnh còn gấp bội cửa Hội của một vùng đất Chinh chưa từng biết: Sài côn, Biên Hòa trong phủ Gia Định. Để đáp lại các câu hỏi vồn vã, Chinh chỉ ậm ừ cho xong.

Gần nửa bữa tiệc, đột nhiên viên phụ tá đứng dậy vỗ tay ra dấu bảo mọi người im lặng. Ban đầu nhiều thực khách chưa hiểu ông ta muốn nói gì, mắt hướng về phía bàn chủ tọa, nhưng tay vẫn gắp, miệng vẫn nói. Tiếng xì xào càng ngày càng lan rộng, người ta giơ một ngón trỏ lên trước đôi môi chúm suýt nhỏ để khuyên người bạn lơ đãng vô phép hãy im lặng để chờ viên phụ tá nói. Ông ta nói ít thôi, đại khái báo trước bây giờ chủ tướng đã khỏe, và muốn tâm sự vài lời với tất cả anh em, Lý Tài giữ nét mặt lạnh lùng khó hiểu suốt thời gian viên phụ tá nói mào đầu. Khi viên phụ tá nói xong, Lý Tài mới uể oải đứng dậy, hai tay chống lên bàn, nhìn quanh một lượt điểm mặt từng người để lập uy. Cả phòng tiệc nín thở vì một thứ sợ hãi kính cẩn bàng

bạc. Lý Tài chậm rãi nói:

- Hối tất cả anh em!

Hôm nay tôi hơi mệt nên chắc không nói được nhiều với các trang hảo hớn đã từng vào sinh ra tử với tôi suốt bốn năm qua. Không có lòng trọng nghĩa khinh tài của anh em, không có dũng khí lâm liệt của anh em, làm sao tôi được ngồi chỗ này uống rượu với anh em. Tôi được nhấp một chung rượu ngon cũng là nhờ công anh em bảo bọc cho đến bây giờ. Nhưng thú thật với anh em, suốt mấy đêm tôi mất ngủ, và hớp rượu tôi vừa uống sao mà đắng nghét. Vì sao anh em biết không?

Lý Tài dừng lại nhìn quanh. Những người hiểu được tiếng nam thì im lặng trong chờ đợi nôn nao. Những lính Hòa nghĩa gốc Hoa thì im lặng vì không hiểu mà cũng không dám hỏi ai. Lý Tài đoán được điều đa số thực khách chờ đợi, nên đích thân nói lại bằng tiếng bắc. Khi nói bằng tiếng mẹ đẻ, Lý Tài tỏ ra hùng hồn hơn, lưu loát hơn. Ông say sưa giải thích vì sao mình mất ngủ nhiều đêm cho các bạn bè đồng chủng nghe, quên cả nói lại bằng tiếng nam cho những lính Hòa nghĩa người bản xứ giả khách khi gia nhập vào đạo quân của Lý Tài, Tập Đình. Chính hiểu tiếng Quảng Đông nên nghe được trọn những lời Lý Tài nói. Đại khái Lý Tài đã bảo:

- Vì sao tôi trần trọc không yên bao đêm, anh em biết không? Vì quá lo cho số phận anh em đó! Phải, tôi đâu đành lòng giấu anh em những điều liên quan đến sự sống chết của từng người. Tôi phải nói hết ra thôi, dù nói xong, sẽ có đôi người không hiểu đâm ra giận tôi, hoặc tệ hơn nữa đâm ra thù ghét tôi, xa lánh tôi. Từ bao năm nay, kẻ trước người sau, anh em đã vào sinh ra tử để dựng nghiệp cho trại chủ Tây Sơn. Anh em nhớ lại xem, chúng ta đã đánh bao nhiêu trận rồi? Từ phủ Phú Yên cho tới chân đèo Hải Vân, đâu đâu cũng có dấu chân anh em ta, đâu đâu cũng có máu bạn bè ta đổ xuống. Trận Bích Khê không có ta liều lĩnh xông lên thì tên Tiết chế Nguyễn Phúc Hương đâu có bỏ xác bên sông Lại! Trận Quảng Nam không có ta thì trại chủ làm sao rước được Đông cung. Ở đâu khó khăn nguy hiểm là trại chủ nhớ đến anh em ta. Thế mà, để đền đáp công lao khó nhọc hiểm nguy ấy, trại chủ đã làm gì? Anh em nhớ lại đi!

Lý Tài dừng lại lần nữa. Viên phụ tá đưa chung rượu lên mời chủ tướng. Lý Tài ngửa đầu uống một hơi cạn chung rượu, trả cái chung rỗng cho viên phụ tá, dùng ống tay áo chùi bọt trên mép, rồi giận dữ nói tiếp:

- Bao nhiêu của cải chúng ta thu được, nói đúng là mua được bằng máu của mình, chúng ta chất lên ghe định chở về cho vợ con mừng đã bị trại chủ tịch thu mất. Ông bạn Tập Đình của ta thắng biết bao trận, vừa mới thua một trận Cẩm Sa đã bị dọa giết, đến nỗi phải dắt díu một số anh em chạy trốn về Quảng Đông. Còn riêng anh em chúng ta đây, thất tha thất thểu từ cỏi chết trở về, đi đâu cũng bị xua đuổi, thậm chí có người chỉ lỡ uống một bát rượu nhạt mà bị bêu đầu. Chúng ta bị đuổi vào cái xứ Phú Yên trên đe dưới búa này là vì trại chủ không muốn nhìn thấy mặt chúng ta ở phủ Qui Nhơn nữa, muốn mượn gươm giáo quân ngũ dinh diệt ta cho rảnh nợ. Anh em nghĩ mà xem, trại chủ đối đãi với ta như thế có đáng giận không. Một người như vậy có đáng cho anh em chúng ta thờ làm chúa không?

Nhiều người trên bàn tiệc, trong đó có bác người Hoa bên phải Chinh la lớn trả lời cho Lý Tài:

- Không! Không!

Lý Tài cười thỏa mãn rồi tiếp:

- Tôi mất ngủ vì lo đường sống cho anh em. Ở lại với trại chủ Tây Sơn thế nào cũng chết. Mà trốn đi như Tập Đình cũng không được. Ta về với Gia Định được không? (Lý Tài lắc đầu làm bộ tuyệt vọng, chán nản) Khó lắm. Anh em ta từ lúc dựng nghiệp đã giết biết bao nhiêu quan quân

của Chúa, bây giờ về Gia Định có khác nào nộp mạng cho kẻ thù. Tôi đã lo nghĩ nhiều lắm, lo nghĩ từ lúc chưa được giao cho trấn giữ phủ Phú Yên này. Nhưng hoàng thiên không phụ lòng hào kiệt, nên tôi đánh bạo cử người đi liên lạc với Tiết chế Tổng Phúc Hợp ở hòn Khói. Quả nhiên tôi đoán không sai. Tiết chế hiểu lòng chúng ta, nên nhờ sứ giả nhắn lại là sẵn sàng đón nhận chúng ta hợp tác. Như vậy kẻ chúng ta tưởng sẽ thâm thù chúng ta thực ra là người hiểu chúng ta hơn ai hết. Con đường mai sau cho anh em chúng ta như vậy đã rõ. Không có cách nào khác, chúng ta phải bỏ Tây Sơn để về với Gia Định. Từ ngay sau bữa tiệc này. Anh em nào không thuận theo tôi, cứ tự do đứng dậy ra về để đoàn tụ với vợ con. Ngay bây giờ!

Từ câu "Không có cách nào khác..." giọng của Lý Tài cất cao, dần từng tiếng chẳng khác nào một lời thách thức, đe dọa. Lý Tài nói xong, mọi người nín thở, cúi gằm mặt xuống, không ai dám nhìn ai trừ những người có giấu vũ khí dưới áo. Lý Tài và viên phụ quét mắt nhìn ngang nhìn dọc chờ phản ứng của mọi người. Không khí phòng tiệc căng thẳng đến nỗi mọi người đều muốn ngộp thở.

Sự chờ đợi tưởng kéo dài đến vô tận. Đột nhiên ở dãy bàn trước mặt Chinh có tiếng xô ghế đứng dậy. Chinh ngừng lên thấy một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi thân hình cao lớn da đen cháy đang đứng thẳng trước mọi người, mặt hướng về phía Lý Tài định nói gì đó mà vì quá xúc động không nói được. Bác tức giận cho sự xúc động của mình, ấp úng mãi không thành lời, nên đẩy ghế ra xa lấy lối đi ra phía cửa chính. Biến cố bất ngờ ấy khiến Lý Tài xanh mặt vì giận, nhưng môi ông vẫn mỉm cười. Có tiếng lao xao nổi lên khắp phòng, vì tiếp sau đó, có ba người nữa xô ghế đứng dậy bỏ ra. Lý Tài cười nhỏ rồi hỏi lớn:

- Còn ai nữa không?

Một thanh niên ngồi gần cửa ra vào đứng dậy theo gót ba người vừa đến gần cửa. Số còn lại không ai dám nhúc nhích, trong đó có Chinh. Trong khi mọi người lăm lét chờ xem phản ứng của Lý Tài, thì đột nhiên từ phía cổng thành dội vào tiếng thét quát của một người bị đâm bất ngờ. Đã quá quen với mọi âm thanh đau đớn trong cảnh gươm giáo, Chinh xác định được ngay trường hợp tử thương của nạn nhân. Sau đó lại có tiếng rượt đuổi khẩn cấp, tiếng hò reo, tiếng chân chạy, tiếng rên rỉ van xin rồi cuối cùng vẫn là tiếng thét xé ruột đau đớn.

Chinh nổi gai ốc vì hãi hùng, tay chân tự nhiên run rẩy. Lý Tài lại hỏi:

- Còn ai nữa không?

Không có ai trả lời.

Lý Tài cười ha hả, rồi truyền lệnh:

- Anh em đâu, hãy giúp đỡ những người còn ngần ngại nhưng sợ hãi không dám đứng dậy. Phải để cho họ thời gian suy nghĩ chín chắn, bằng cách cho họ được yên tĩnh. Ta bắt đầu đi thôi! Trước khi Chinh kịp ngước lên, anh đã bị hai người kế cận chụp lấy hai cánh tay, bẻ quặt ra sau lưng để dẫn đi. Chinh bị trói thúc kè thật chặt, bị bịt mắt dẫn vào "chỗ yên tĩnh" để suy nghĩ chín chắn hơn trước khi lựa chọn, như lời của Lý Tài.

*

* *

Chinh bị giam chặt trong một căn nhà kín cửa, thấp và hẹp, căn nhà có lẽ trước đây dành cho lính gác phủ nằm chờ đến phiên đổi canh. Hai ngày đầu ngoài người đưa cơm nước không có ai đến hỏi anh điều gì. Nằm một mình Chinh nghĩ đến đủ điều. Điều trước tiên luôn luôn ám ảnh Chinh là cái chết. Chinh nghĩ thế nào mình cũng bị Lý Tài giết!

Vì sao trại chủ gửi anh xuống Tuy Viễn làm một thứ tùy viên cho Tập Đình và Lý Tài, anh hiểu rõ và chắc hẳn Lý Tài càng hiểu rõ hơn anh. Ban đầu cả trại chủ lẫn Lý Tài đều đánh giá anh quá cao. Nhạc chờ đợi những tin tức quý giá của Chinh từ nội bộ của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, còn Lý Tài thì hết sức cảnh giác, dè dặt cẩn thận từng lời nói, cử động để Chinh khỏi sinh nghi. Sự hiểu lầm đó kéo dài hàng năm. Cho đến lúc sự thực lộ lộ là Chinh không đúng là kẻ Nhạc tin cậy. Ngược lại, Lý Tài khám phá rằng mình đã tìm được một đàn em có bề thế, có đóm lược, gan dạ, liều lĩnh mà hết sức vô tâm. Chẳng những Chinh vô hại, mà còn trở nên cái gạch nối cần thiết giữa Lý Tài và bộ phận đầu não của Tây Sơn. Sau khi Lý Tài cứu được Đông cung Dương khỏi cái chết dưới tay Tập Đình, và nảy sinh quyến luyến thông cảm giữa một ông hoàng chính thống và một tên phiêu lưu ngoại hạng, thì Chinh lại trở thành người đồng chí của Lý Tài. Ông giáo hết lời cổ động cho giải pháp hoàng tôn, Lý Tài cũng đặt hết vốn liếng vào hoàng tôn, cho nên khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất đi vào Phú Yên cầu hòa do gợi ý của giáo Hiến, Lý Tài đã hy vọng tràn trề. Những gì diễn ra sau đó đặt Lý Tài vào cái thế khó xử, giống y cái thế khó xử của ông giáo. Khi ông giáo bị cô lập, thì đám đàn em Hòa nghĩa quân của Lý Tài cũng bị tập trung vào một địa điểm xa phố xa chợ cho họ bớt phá phách quấy nhiễu nhà dân. Sự thông cảm vì đồng cảnh ngộ giữa Lý Tài và ông giáo, có lẽ trong thực tế chưa bao giờ có cả. Nhưng Lý Tài vẫn tưởng tượng rằng có một nhà nho học thức uyên bác vì hành động như mình mà chịu cảnh ngộ y như mình, như thế mình phải có gì uyên bác, sâu sắc, trông xa hiểu rộng như ông giáo Hiến chứ! Áo tưởng ấy là cái dù che chở cho Chinh bao năm, làm sao Chinh hiểu được sự thực phức tạp ấy!

Chinh chỉ nghĩ Lý Tài nghi ngờ mình là người của Nhạc từ đầu chí cuối, nên nhất định sau khi tra khảo cho ra manh mối, đường dây, bè lũ, thế nào Lý Tài cũng sai đàn em đâm cho anh một nhát!

Sau ngày thứ ba Lý Tài mới sai bộ hạ xuống nhà giam dẫn Chinh lên gặp mình. Bọn lính Hòa nghĩa sợ Chinh trốn thoát nên trói thật chặt. Lý Tài quát mắng chúng ngu dốt, không chờ đàn em mở trói, lấy gươm cắt đứt sợi dây dừa, lừ mắt đuổi hai tên lính áp giải đi, rồi vồn vã mời Chinh ngồi chung một chiếu với mình. Thấy Chinh xoa xoa lên vết bầm ở cổ tay, Lý Tài kêu lính hầu bảo lấy dầu bóp cho Chinh, rót nước trà ngon mời Chinh uống. Chinh nghĩ: lão ta càng sẵn đón vồn vã, ta càng tuyệt vọng. Đây là trò quen thuộc của con mèo vờn con chuột. Vì định ninh thế nào Lý Tài cũng giết mình, nên Chinh hết sức bình tĩnh, thản nhiên nhận chén nước trà từ tay Lý Tài uống từng ngụm chậm rãi.

Lý Tài mỉm cười nhìn Chinh hỏi:

- Hai ngày qua ăn ngủ được chứ?

Chinh đặt chén nước xuống khay, đáp:

- Dạ được. Hơi nhiều muỗi một chút.

Lý Tài khoái trá vì sự bình tĩnh lạ kỳ của Chinh, hỏi thêm:

- Chúng nó cho ăn uống thế nào?

- Cơm hơi thiếu. Họ lại quên mang dưa.

Lý Tài cười ha hả, đưa hai tay lên trời hô hoán:

- Thật thế à! Lũ này thiệt lơ đãng quá sức. Để ta trị cho chúng một trận.

Rồi không chuyển mạch quanh co, Lý Tài hỏi:

- Vì sao đêm tiệc anh không đứng dậy ra về?

Chinh bậm môi để thêm can đảm, liều lĩnh trả lời:

- Tôi đâu có dại đi tìm cái chết.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

- Sao anh biết có phục binh ở ngoài cửa?

- Có phục binh ở ngay trong bàn tiệc nữa kia! Nhiều người dấu đoản đao dưới áo.

Lý Tài giả bộ hốt hoảng:

- Chúng nó lộng đến thế kia à! Quá lắm rồi. Nhưng may mắn là hôm đó không sinh ẩu đả ngay giữa tiệc. Chỉ tiếc là anh em gác cổng giận dữ không đúng lúc, làm mất hòa khí giữa anh em với nhau. Ta sai đóng gông chúng lại hỏi tội, chúng nó khai vì giận bọn phản trắc muốn bán đứng anh em nên mới lỡ tay như vậy. Kể ra bọn võ biền nông nổi ấy cũng có điểm đáng khen là trọng nghĩa bạn bè và giận điều bất nghĩa. Hóa ra hôm ấy anh hiểu lầm chúng tôi có kế hoạch phục binh trước. Anh lầm rồi. Nhất định không có đâu. Giả sử không có phục binh, hôm ấy anh sẽ làm gì? Ngồi lại với chúng tôi, hay bỏ về Cù Môn với anh em Tây Sơn?

Chinh do dự, vì biết mạng sống của mình tùy thuộc hoàn toàn vào câu trả lời này. Anh không có cách nào để lựa chọn nữa. Chinh cố nén đau xót đáp:

- Tôi sẽ ngồi lại.

Lý Tài vui mừng chồm đến vỗ vai Chinh, ha hả cười. Ông nói:

- Ta biết thế nào anh cũng ở lại với ta. Bây giờ ta mới nói thật cho anh biết: ở đây nhiều người nghi ngờ anh là tay chân thân tín của Nhạc, muốn giết anh ngay trước bữa tiệc trung thu. Nhưng ta không tin. Anh là tay hảo hán đởm lược, thẳng thắn, can đảm mà không liều lĩnh vô lối, bình tĩnh trước cả cái chết. Ta thích anh ở chỗ đó. Ta không muốn giết anh, tuy giết anh quá dễ. Ta còn nể tình ông giáo là người từ đầu chí cuối có nhiều điều hợp ý ta. Anh biết tin nhà chưa?

Chinh lo âu hỏi:

- Tin gì ạ?

Lý Tài làm bộ đau xót nghiêm trọng, bảo:

- Ta vừa mất một người thầy đáng kính. Nhạc giết cha anh rồi.

Chinh bật dậy, chồm đến sát Lý Tài thẳng thốt hỏi:

- Thật thế sao? Ai cho tin đó?

Lý Tài chậm rãi rót nước uống, chờ đến lúc Chinh bị xúc động tột độ mới nói:

- Cũng dễ hiểu thôi. Từ khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất bỏ đi, ông Nhật đã nghi ngờ cha anh là kẻ chủ mưu. Anh ở Cẩm Sa về thấy cha anh sống thui thủi hiu quạnh ra sao, anh còn nhớ chứ. Nếu không có Huệ thì Nhạc đã giết cha anh từ lâu rồi. Đến lúc lấy được Phú Yên và được Chúa Trịnh phong tước, Nhạc quyết dứt tình với họ Nguyễn, thì số phận cha anh không có cơ cứu vãn nữa. Anh còn muốn về thắp hương trên mộ cha không?

Chinh cảm hận, bậm môi vì tức giận. Chờ cho bớt ghen, anh nói:

- Muốn lắm chứ. Tôi còn muốn có cái đầu kẻ thù để tế cha nữa kia.

Lý Tài vội nói:

- Anh sẽ toại nguyện. Uống thêm chén trà nữa. Anh về tắm rửa, rồi lên đây ta giao việc cho. Anh hãy vui lên đi, nhất định anh sẽ toại nguyện!

*

* *

Từ khi cắt đứt được mối ràng buộc tinh thần với Tây Sơn, Chinh cảm thấy thực sự thoải mái. Chưa có thời kỳ nào anh khoan khoái với sự tự do, buông thả trọn vẹn như thời này!

Tâm trí anh không bị những kiểm tỏa vô hình nhưng khắc khe của nguyên tắc đức lý từng là khuôn mẫu hành động và suy nghĩ của gia đình Chinh, những nguyên tắc bám sát vào anh như một thứ ám ảnh, nghiêm khắc theo dõi anh chẳng khác nào đôi mắt của ông giáo. Anh cũng coi bỏ được những ràng buộc phức tạp cột chặt con người với quá khứ của dân tộc, với mảnh đất tổ, với xã hội đã bảo bọc nuôi nấng anh sống và trưởng thành, những ràng buộc liên kết người đồng chủng thành một tập thể giữ vững các truyền thống, nuôi dưỡng tình tự dân tộc, tạo nên sức mạnh tồn tại và chống các hiểm họa thôn tính của ngoại bang. Những điều siêu linh rắc rối như một mớ bòng bong, mơ hồ như sương như khói đó thật không thích hợp với bản tính Chinh. Nó đè nặng lên tâm hồn anh như một món nợ truyền kiếp từ lâu anh muốn quẳng nó đi để khoan thai vùng vẫy, buông thả theo bản năng mà không thể được.

Bây giờ dứt khoát với Qui Nhơn để theo đám Hòa nghĩa quân của Lý Tài, Chinh đã thực hiện được ước mơ thầm kín bấy lâu!

Anh tung tăng hớn hở trong một tập thể hoàn toàn khác biệt với gốc gác Chinh. Họ nói thứ tiếng khác, có những kỷ niệm khác, quá khứ khác, thói quen khác, dự ước khác. Anh không gặp họ trong các cuộc tranh chấp của quá khứ, và cũng không va chạm với họ, cạnh tranh với họ trong dự tính tương lai. Anh muốn mặc thế nào cũng được, xốc xếch cầu thả không ai chê là khiếm lễ, hoa hòe chưng diện không ai chê là lỗ lã. Muốn ca hát nghêu ngao tùy thích không ai chê trách. Đôi lúc bạo tay một chút trong các trò vui chơi cũng không ai chê trách. Được sống trong thế giới vô danh ấy, Chinh thơ thới vẫy vùng như con cá được thơ thới tung tăng trong dòng nước mát đầy mồi ngon.

Những cuộc chè chén thỏa thích, những trò đùa khi thô bạo khi mơn trớn cảm giác, những hứa hẹn của cuộc phiêu lưu không mục đích như tên lãng tử khao khát được sống mỗi giờ trên một đoạn đường khác nhau, những khoái lạc được làm điều cấm kỵ, đó là phần thưởng của một lựa chọn thụ động nhưng không phải là bất đắc dĩ.

Suốt thời gian theo sát Lý Tài ở Phú Yên, Chinh được sống đầy đủ với cảm giác buông thả tốt độ. Nhiều đêm anh cũng có đôi chút hối tiếc như con sông nhớ nguồn, hoặc cô đơn lạc loài giữa tập thể xa lạ. Anh nhớ nếp sống đơn giản trầm lặng của gia đình, nhớ cha và các em. Nhưng các giây phút lạc lõng ấy thật hiếm hoi so với nguồn khoái cảm anh vừa tìm được. Những bịn rịn nuối tiếc mỗi ngày một nhạt đi, trong khi niềm nao nức được sống thật đầy thật đậm luôn sôi sục trong hồn Chinh. Bầu trời Phú Yên trở nên quá hẹp. Chinh mơ ước tung tăng trong một vùng trời mới rộng hơn, hoang dã hơn, sống động nô nức hơn.

Chinh được thỏa nguyện khi Tổng Phúc Hợp kéo đám quân Hòa nghĩa của Lý Tài vào Gia Định tiếp cứu Duệ Tôn tháng Sáu năm Bính thân (1776). Cuộc đời Chinh đã qua một giai đoạn phiêu lưu khác.

*

* *

Gia Định thời bấy giờ đúng là một vùng đất lý tưởng của những kẻ phiêu lưu. Miền đất còn tương đối hoang dã và hung bạo này cuốn hút đủ hạng người. Những toán cướp biển, sau bao ngày lênh đênh kiếm ăn trên sóng cả, tìm được một chỗ lau lách khuất lấp chẳng chịt sông rạch thiếu bóng luật pháp để nghỉ ngơi. Những con buôn tìm được mảnh đất thuận lợi để xây phố lập chợ thu mua nông phẩm hương liệu rẻ mạt và bán hàng nhập khẩu với giá cắt cổ, thu được vô số lời trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Những tay phiêu lưu quốc tế không nơi dung thân trên các vùng đất ổn cố lâu đời tìm được nơi thi thố bạo lực và sự xảo trá, kết bè lập đảng

khuyन्ह loát quyền hành, hy vọng tìm được lợi lộc và danh vọng theo ngũ tấ. Những bộn thực dân phương tây dáo dác đi tìm thị trường ở Á Đông sau khi lập được các thương hội đồ sộ ở Ma Cao và Ấn Độ tìm thấy ở đây một trạm dừng chân, sau đó là cửa ngõ để tiến sâu vào nội địa các nước còn yếu kém lạc hậu chuẩn bị cho các cuộc xâm lăng qui mô sau này. Những nhà truyền giáo dựa vào tài trợ của bộn thương nhân giàu có tìm được vùng đất hứa để thực hiện hai thứ khát vọng mâu thuẫn nhưng bổ khuyết cho nhau là khát vọng quyền lực và khát vọng phụng sự Thiên Chúa. Với các sắc dân hỗn tạp sống chen chúc nhau dọc theo các bờ sông rạch, đông nhất, có thể lực kinh tế cao nhất là người Hoa, ý niệm về dân tộc, về đức lý, về truyền thống, về sự cần thiết của tôn ti trật tự, về sự thăng tiến bình thường qua học thức, tài năng và tuổi tác, hoàn toàn không cần thiết. Mọi sự đều cho phép, trừ sự thất bại. Chưa bao giờ sức mạnh của gươm giáo, và sau này thêm sức mạnh của thuốc súng và tiền bạc được suy tôn đến bậc cao như vậy. Tất cả đều được phép, trừ sự thất bại. Chưa có ý niệm sống nào thích hợp với bản tính của Chinh hơn!

Chinh theo Lý Tài vào Gia Định chẳng bao lâu thì Tống Phúc Hợp chết. Từ địa vị một hàng tướng, Lý Tài đột nhiên trở thành nhân vật hàng đầu nắm giữ một đạo quân hùng mạnh có hậu thuẫn tài chính dồi dào của thương nhân Hoa kiều ở Sài Côn và Trấn Biên, đe dọa địa vị của Đỗ Thành Nhân, chỉ huy quân Đông sơn ở Ba Giồng. Đối với viên lão tướng nhiều công trận và được dân chúng thương yêu như Tống Phúc Hợp thì Đỗ Thành Nhân không dám tị hiềm ganh ghét gì. Nhưng đối với tên hàng tướng Lý Tài, Nhân không thể chịu đựng được vẻ tự đắc kiêu mạn của hắ, Duệ Tôn lại có ý muốn dùng Lý Tài để củng cố địa vị yếu đuối bấp bênh của mình. Không dần được tức giận, có lần Đỗ Thành Nhân đã mắg Lý Tài là "đồ chó heo". Giận dữ đến điên cuồng vì bị sỉ nhục, Lý Tài kéo quân Hòa nghĩa lên đóng riêng ở núi Châu Thới, chuẩn bị đồn lũy khí giới để tiêu diệt quân Đông sơn của Nhân. Nhân biết vậy đem quân đánh núi Châu Thới trước, nhưng bị thua. Đỗ Thành Nhân và Lý Tài đã trở thành hai kẻ thù không thể đội chung một bầu trời, hằm hè chờ cơ hội sống mái với nhau trước nỗi lo âu sợ hãi của Duệ Tôn. Đúng lúc đó thì Đông cung Dương trốn được khỏi chùa Thập Tháp để vào Gia Định vào tháng Mười năm Bính thân (1776). Tình cảnh Đông cung chẳng khác nào một con chim lạc bầy lơ lảo tìm mãi không ra một tổ ấm. Đông cung định nương náu ở đâu đây? Náu tạm trong cái dinh lợp tranh tồi tàn, vách ghép bằng những miếng ván gở từ nhà thờ các giáo sĩ dòng Phan-xi-cô ở Bến Nghé, chung đụng với kẻ đã từng bỏ rơi Đông cung lại Quảng Nam để mượn gươm giáo Tây Sơn giết giùm hay sao? Đông cung còn quá minh mẫn để quên cái hận ngày trước với Duệ Tôn, và sau cuộc đào thoát hiểm nguy, vẫn còn đủ bình tĩnh để nhận ra vẻ mặt cau có của Duệ Tôn mỗi lần gặp mình. Về Ba Giồng với quân Đông sơn ư? Lòng dạ Đỗ Thành Nhân nông sâu thế nào thật khó lường, nhưng chắc chắn nếu Nhân phải lựa chọn, thì nhất định Nhân chọn Duệ Tôn hơn là chọn Đông cung. Nhìn quanh quần Đông cung chỉ thấy có một chỗ tạm trú thích hợp là núi Châu Thới của Lý Tài.

Ơn cứu tử của Lý Tài vẫn còn đó. Kỷ niệm tình quyến luyến giữa Lý Tài và Đông cung ở Qui Nhơn còn đó. Đông cung cũng thừa biết cả mình lẫn Lý Tài còn cần dựa vào nhau để sống còn. Đạo quân Hòa nghĩa tuy là hàng binh, nhưng vào được Gia Định, sống giữa xã hội những người Hoa lưu vong giàu có, họ lấy lại đầy đủ tự tín nên sung sức hơn bao giờ hết. Đông cung cũng biết các thế lực Hoa kiều ở Gia Định hậu thuẫn mạnh mẽ cho Hòa nghĩa hơn là cho Đông sơn. Sức mạnh và tiền bạc lúa gạo đã có, Lý Tài chỉ còn cần một lá cờ để phất. Đông cung vào Gia Định đúng lúc Lý Tài đã kéo quân lên núi Châu Thới xây thành đắp lũy mà chưa tìm ra một lá

cờ để kéo lên đỉnh núi phô phang khắp thiên hạ. Do đó, Đông cung xin Duệ Tôn cử Nguyễn Danh Khoáng lên Châu Thới triệu Lý Tài về giúp việc phòng thủ Sài Côn. Lý Tài nghi ngờ đây là một thứ kế điệu hổ ly sơn để tiêu diệt, bắt giữ Nguyễn Danh Khoáng lại, rồi kéo quân về Sài Côn. Quân Đông sơn thấy quân Hòa nghĩa rầm rập kéo đến vội chạy về căn cứ ở Ba Giồng. Duệ Tôn chạy theo Đỗ Thành Nhân. Đông cung ở lại trong thành, sai kéo cờ hiệu đề mấy chữ "Đông cung phụng mệnh chiêu an" khi Lý Tài thúc trống ầm ầm chia quân bao vây thành Sài Côn. Thấy cờ hiệu của Đông cung, Lý Tài truyền lệnh hạ khí giới, rồi dẫn quân ngạo nghễ đường hoàng tiến vào cổng thành bỏ ngỏ để yết kiến Đông cung. Lý Tài mời Đông cung về bàn doanh của Hòa nghĩa quân tại Thủ Dầu Một bàn luận suốt ngày. Họ dựa vào nhau để thảo kế hoạch thực hiện một cuộc đảo chính không đổ máu. Lý Tài và Đông cung sai Trương Phúc Thận đi rước" Duệ Tôn từ Ba Giồng về chùa Kim Chương ngoài thành Sài Côn, để ngay tại ngôi chùa nổi tiếng này, ngày Kỷ tị tháng Mười Một năm Bính thân (1776), trước một Lý Tài dương dương tự đắc và đám triều thần văn võ khiếp nhược thu nhỏ người lại, Duệ Tôn phải nhường ngôi cho Đông cung, để nhận cái vị hàm Thái Thượng vương. Đông cung lấy hiệu là Tân Chính vương, ban ngay cho Lý Tài chức Bảo giá đại tướng quân, Nguyễn Phúc Chất chức Thiếu phó, Nguyễn Phúc Xuân chức Chưởng cơ, Phạm Công Lý chức Nội tả. Tay phiêu lưu quốc tế lừng danh một thời, sau khi bị một ông vua đẩy ra lề lịch sử, đã đích thân dựng lên một ông vua khác cho cái xứ còn hoang dã cực nam này.

*

* *

Cuộc tiến công càn quét Gia Định lần đầu của Tây Sơn nửa năm trước vẫn còn là một ám ảnh khủng khiếp đối với dân buôn bán Hoa kiều ở Trấn Biên và Sài Côn. Trong hai trăm ghe bầu đầy ắp lúa gạo và hàng hóa tịch thu được ở Gia Định do Thiếu phó Nguyễn Lữ đem về Qui Nhơn, tài sản của Hoa kiều chiếm phân nửa. Có thể là hơn phân nửa, vì lúa gạo Gia Định và Trấn Biên đều thuộc vòng chi phối của các con buôn mẽ cốc. Chính số con buôn người Hoa này bỏ vốn cho nông dân nghèo vay trước để khẩn hoang, lập đồn điền, vỡ ruộng, nhằm bảo đảm mua trọn số nông phẩm thu hoạch được với giá hời. Do đó, họ mừng rỡ vô cùng khi thấy có một đạo quân hùng mạnh nhiều kinh nghiệm tách rời khỏi hàng ngũ Tây Sơn vào nam bảo vệ quyền lợi của họ. Hơn thế nữa, đạo quân này đa số là người Hoa, do một chủ tướng người Hoa điều khiển.

Các bang hội Hoa kiều ráo riết vận động để tài trợ cho Hòa nghĩa quân của Lý Tài. Đã từng bị đe dọa trực tiếp đến mạng sống và tài sản, nên phần lớn Hoa kiều buôn bán ở các phố đều hăng hái đóng góp nuôi dưỡng Hòa nghĩa quân. Một số thanh niên Hoa kiều xin gia nhập Hòa nghĩa, khiến quân của Lý Tài từ tám nghìn dần dần lên gần một vạn.

Chinh cũng trở thành một nhân vật đặc biệt được đón tiếp nồng hậu ở các cuộc hội họp, đám tiệc, lễ lạt của cộng đồng Hoa kiều giàu có đó.

Thân thế của Chinh có nhiều điểm đáng chú ý đối với dân buôn bán Hoa kiều. Chồng Tây Sơn như đám quan quân hoặc dòng họ nhà Nguyễn lưu lạc từ Phú Xuân vô Gia Định, điều ấy hiển nhiên, dễ hiểu. Những người mang dòng họ Nguyễn Phúc, Tống Phước, Nguyễn Khoa, Nguyễn Cửu, nói tiếng trọ trẹ hăng hái chống Tây Sơn là điều bình thường. Những người từng cộng tác đặc lực với Tây Sơn, lãnh vai tiên phong trong các cuộc đánh nam dẹp bắc như Lý Tài, Chinh mà nay quay sang chống Tây Sơn mới thật đáng chú ý. Huống chi Chinh là một người nam trẻ tuổi, con trai viên quân sự từng làm việc với Nguyễn Nhạc từ thời khởi dấy. Đối với giới Hoa

kiều, Chinh không có cái đáng khinh của một kẻ đầu hàng hèn nhát, ngược lại, anh có cái hấp dẫn huyền nhiệm dễ gợi tò mò của một người từng phải trải trăm trở đầu lòng, cuối cùng lựa chọn "con đường đúng". Nói tắt một là, theo nhãn quan của giới con buôn Hoa kiều, Chinh là một kẻ "cải tà qui chánh".

Lý Tài mau chóng nhận ra sức hấp dẫn quần chúng" và giá trị tuyên truyền của Chinh, nên đi đâu cũng dẫn Chinh đi theo. Thời đó các bang hội Hoa kiều ở Trấn Biên hội họp liên miên, theo truyền thống cuộc họp nào cũng có kèm theo tiệc tùng thịnh soạn. Chinh mặc sức được cung phụng, cung chiều. Không có ngày nào Chinh không dự tiệc. Cửa hưởng thụ mở toang trước mặt Chinh. Các trò vui lạ mắt kích động cảm giác. Chinh tò mò, mon men bước vào như một người tập sự. Dù sao anh vẫn chưa quên được những lời nghiêm huấn của cha. Anh tự nhủ: làm trai cái gì cũng phải biết, miễn là có đủ ý chí để không lụy như những kẻ thường tình. Anh hút thuốc phiện, lần đầu bị nôn ọe nhưng không muốn bị chê cười, Chinh hút tiếp lần thứ nhì, lần thứ ba... Anh được mời mọc đến các xóm yêu hoa đất giá, được cho xem những tập đồ hình tổ nữ đang biểu diễn các kiểu chần gối trong phòng khuê (mà người ta thì thầm kháo nhau rằng tác giả là Thạch Liêm lão hòa thượng trụ trì Thượng Thọ Am ở Quảng Đông. Thích đại sán), được biểu bộ sách quý Nhục bồ đoàn để "xem qua cho biết sự đời". Các cuộc ăn chơi càng cột chặt Chinh với Lý Tài thêm lên, anh nghiêm nhiên trở thành người thân cận tín cẩn nhất của Bảo giá Đại tướng quân. Nhiều hôm giữa cơn đắc chí, Lý Tài bảo Chinh:

- Dòng họ nhà anh có nòi làm quân sư đấy nhé! Cha anh làm quân sư cho biện Nhạc. Anh thành một thứ quân sư cho ta. Hãy mở to hai mắt và thính tai để xem nghe động tĩnh ở Ba Giồng, báo trước cho ta những điều cần làm. Phần bà con Hoa kiều thì khỏi phải lo. Cần bao nhiêu gạo thóc, khí giới, tiền bạc, họ sẽ cung cấp đủ. Ta chỉ giao cho anh phía Ba Giồng. Nhớ nhé!

Chinh không đồng ý với Lý Tài, thưa lại:

- Phía nguy hiểm không phải là Ba Giồng, mà là Qui Nhơn. Chắc tướng quân chưa quên tài điều binh của Nguyễn Huệ. Chỉ mới cầm quân có vài trận, anh ta đã nổi tiếng là một tay kiệt liệt, không chậm chạp như Thiệu phó Nguyễn Lữ.

Lý Tài cười ha hả bảo:

- Nguyễn Huệ hả? Anh muốn nói đến "chú Tám" nhà ta chứ gì? Vâng, hắn cũng khá đấy. Chừng ấy tuổi mà được như vậy, cũng hiếm có. Nhưng hắn vào đây bằng gì? Có phải bằng đường bộ không? Không. Đường sá xa xôi diệu vợi, hắn không vượt qua được rào chắn của hai ông Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thức Bình Thuận, Phú Yên đâu. Nếu vào Gia Định lần nữa, Tây Sơn phải dùng thủy quân. Mà thủy quân Tây Sơn thì... a ha... anh còn biết rõ hơn tôi nữa. Sau khi Tập Đình đem quá nửa số chiến thuyền bỏ đi, số thủy quân còn lại thuộc cả vào quân Hòa nghĩa chúng ta. Làm sao không đầy hai năm họ có thể gầy dựng được một lực lượng thủy quân đủ sức vào tận đây đánh phá. Mấy tháng trước "chú Bảy" nó vào chỉ gặp bọn Đông sơn ốm đói và chết nhát, như chó táp phải ruồi, mới có thể thông dong chở mấy trăm ghe lúa về chợ Giã. Chuyển này đừng hòng! Diệt xong được bọn Đông sơn, ta còn đủ thì giờ củng cố, thống nhất lực lượng để nghênh đón một lượt nào "anh Cả, chú Bảy, lẫn chú Tám". Ha ha!

Chinh vẫn còn lo lắng nên cười gượng theo Lý Tài. Lý Tài cười thỏa thích một lúc nữa, rồi vỗ vai Chinh hỏi:

- Nay, tập hình của lão hòa thượng đó đâu rồi?

Chinh đỏ mặt lí nhí đáp:

- Dạ đã trả cho họ rồi!

- Sao lại trả. Anh ngờ quá! Họ cho xem tức là muốn biếu. Lão hòa thượng đó thật đa tài. Vẽ như thế mới thật là bậc thầy. Nghe nói lão còn giỏi cả thiên văn, địa lý, dịch số, văn thơ, kiến trúc nữa phải không? À quên, sao lại đem hỏi anh! Lão người Quảng Đông, đáng lý ta đồng hương với lão phải hiểu rõ hơn anh chứ!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 41

Ít lâu, sau ngày Đông cung vào đến Gia Định, một nhà nho hết lòng trung quân tạm ẩn ở Qui Nhơn cũng trốn vào. Ông ta tên là Nguyễn Đăng Trường. Gốc gác gia đình, học thức, và nhất là cuộc mạo hiểm nghìn dặm tìm vào với Chúa (dù đau đớn đứt ruột vì phải bỏ lại Qui Nhơn một mẹ già), bấy nhiêu yếu tố đủ khiến Tân Chính vương vui mừng chiêu đãi người hiền. Nguyễn Đăng Trường được giữ chức tham tán, ngày đêm làm việc trong bộ tham mưu của Tân Chính vương.

Chinh nghe tin có một người vừa ở Qui Nhơn vào, vội tìm đến với hy vọng may ra biết được tin nhà. Lý Tài đoán biết ý định của Chinh, vội cho mời viên Tham tán đến, trở Chinh và hỏi:

- Ông ở Qui Nhơn, có quen cậu này không?

Trại chủ ngần người vì cố nhớ xem đã gặp Chinh ở đâu, nhưng ông chịu, không nhớ được gì liên quan đến cậu thanh niên mặt vuông, mũi lớn, da ngăm ngăm đen đang bối rối trước mặt mình. Viên Tham tán thú thật:

- Có lẽ... có lẽ trí nhớ tôi kém. Hình như tôi chưa gặp cậu này lần nào cả.

Lý Tài cười, rồi hỏi:

- Thế ông có nghe người ta nhắc đến ông giáo Hiến không?

Trại chủ mau mắn đáp:

- Có. Ở Qui Nhơn ai không biết hần ta! Giáo Hiến là quân sư của bọn anh em Tây Sơn mà.

Lý Tài cười xòa, lại trở Chinh mà nói:

- Cậu này là con trai của giáo Hiến đấy. Viên Tham tán đỏ mặt liếc nhìn Chinh, vì vừa dùng lời lẽ khá nặng nề khi nhắc đến ông giáo. Chinh thấy thế, vội lễ phép hỏi:

- Trước khi vào đây, bác có gặp cha cháu không?

Trại chủ lấy được bình tĩnh, nhìn thẳng vào Chinh đáp:

- Tiếc là tôi chưa được gặp ông cụ thân sinh anh. Lúc ông cụ còn đa đoan công việc trong phủ, tôi không muốn gặp. Lý do vì sao chắc anh hiểu. Về sau, nghe thiên hạ đồn ông cụ đã thôi việc và ra ở Bằng Châu...

Chinh hồi hộp, nôn nóng cất lời viên Tham tán:

- Cha cháu đã rời nhà ra Bằng Châu? Sao lạ thế?

Trại chủ ngạc nhiên trước sự hốt hoảng của Chinh, chăm chăm nhìn anh rồi nói tiếp:

- Vâng. Ông cụ đã ra ở Bằng Châu từ lâu rồi. Nghe nói vì ông cụ bất hòa với bọn anh em Tây Sơn sao đó. Thú thật nghe đồn vậy tôi cũng bán tin bán nghi. Giữa nhà nho với nhau, tôi muốn biết tâm sự thầm kín của ông cụ thế nào trước thời thế. Tôi muốn tìm đến thăm ông cụ.

Chinh không chờ được nữa, chen vào hỏi:

- Bác có đến thăm cha cháu không ạ?

- Có. Nhưng tiếc là tôi không được gặp mặt. Có cô gì hình như con cháu ông cụ...
- Vâng. Đúng là con An em cháu đấy. An có nói gì với bác không?
- Cô ấy bảo ông cụ vừa đi khỏi. Tôi hẹn trở lại, nhưng tự nhiên lòng do dự, không biết nên gặp hay không. Sao đó chần chừ, hẹn rày hẹn mai mãi. Đến lúc bị bọn họ biết tông tích và tìm đến tận nhà tôi, tôi sợ không dám ở lại Qui Nhơn nữa, vội tìm cách trốn vào đây.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

- Họ tìm đến tận nhà ông ư? Ai thế?

Trường quay nhìn Lý Tài, do dự, chưa biết nên nói hay không. Cuối cùng viên Tham tán đáp:

- Chính người đáng gờm nhất trong anh em họ: Nguyễn Huệ.

Lý Tài giật nảy người vì câu trả lời bất ngờ, đứng hẫng lên rời khỏi ghế, chồm tới trước hỏi trại chủ:

- Thật thế sao? Hắn đến hỏi ông những gì?

Viên Tham tán đáp:

- Hắn hỏi vì sao từ hai năm nay, vào Qui Nhơn, tôi mai danh ẩn tích chứ không ra giúp anh em hắn. Đáng sợ hơn nữa là hắn hỏi vì sao lại có ý định trốn vào đây. Lý Tài thích thú cười to, rồi hỏi:

- Bị bắt đúng mạch như vậy, ông ăn nói làm sao với hắn?

Trường chậm rãi đáp, giọng nói tự tin pha lẫn kiêu hãnh:

- Tôi nói thẳng là tôi sẽ ra đi.

Lý Tài và Chinh đều trở mắt nhìn viên Tham tán, lòng đầy hoài nghi. Lý Tài vội hỏi:

- Rồi hắn nói sao?

Trường trầm ngâm một lúc thật lâu, cân nhắc từng lời trước khi đáp viên Bảo giá tướng quân đầy uy quyền. Ông bắn khoản tự hỏi có nên nói đúng sự thật hay không. Liềm sỉ nhà nho buộc ông không được nói dối. Nghĩ như vậy nên Trường trả lời:

- Hắn nói: "Tiên sinh đi như thế, chẳng khác nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi làm sao được! Tôi chỉ sợ có ngày tiên sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi!"

Lý Tài lại hấp tấp hỏi:

- Ông đáp thế nào mà hắn để ông yên?

Giọng Trường trở nên sang sảng:

- Tôi nói: "Bậc đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay thờ mẹ tôi, rồi thờ Chúa, ý nghĩ thật là quang minh. Còn công việc có xuôi hay không, được hay mất là do mệnh trời. Tôi còn điều gì hối hận được!"

Lý Tài vỗ bàn cười ha hả, quên cả giữ ý với một nhà nho nghiêm túc, chạy đến ôm vai viên Tham tán lắc lắc, miệng không thôi lẩm bẩm:

- Khá lắm. Được lắm. Thế mới gọi là tay hảo hớn "uy vũ bất năng khuất"

Trường hơi cau mày khó chịu, đưa tay gỡ nhẹ tay Lý Tài ra khỏi vai. Muốn cho Lý Tài khỏi chú ý cử chỉ mình, Trường quay về phía Chinh nói:

- Thành ra trước sau tôi vẫn chưa gặp mặt được ông cụ.

Chinh hồi hộp hỏi:

- Nhưng em gái cháu có nói gì về chuyện cháu vào Gia Định không?

Trường lắc đầu chậm chậm, rồi đáp:

- Cô ấy chỉ trả lời ông cụ không có nhà. Sau đó tôi đi ngay, không hỏi thêm gì nữa. Thật đáng tiếc!

*

**

Cuộc đối thoại giữa Nguyễn Đăng Trường và Nguyễn Huệ, không hiểu do ngõ ngách nào, trở thành đề tài truyền miệng trong dân chúng khắp Gia Định. Đi đâu cũng nghe người ta thì thào bàn tán về câu chuyện ấy, với nhiều chi tiết bị biến đổi thành ra hấp dẫn hơn, đậm nét thời sự hơn. Chẳng hạn lần đầu Chinh nghe nội dung cuộc đối thoại ở nhà một thương gia buôn vải giàu có ở Sài Côn, thì Nguyễn Huệ đã hỏi nhà nho:

- Tiên sinh nhất quyết vào Gia Định như thế có khác nào định đảo ngược trời đất đâu. Chỉ sợ có ngày tôi dẫn quân đánh chiếm Gia Định, tiên sinh hối hận thì muộn lắm rồi.

Lần thứ hai một anh Hoa kiều buôn lúa gạo chặn Chinh lại hỏi sau một tiệc rượu:

- Này, tôi hỏi riêng anh chuyện này anh trả lời thành thật cho tôi liệu trước nhé. Có phải viên tướng tài ba em vua Tây Sơn đã dọa ông Thám tán rằng: "Tôi đã bảo mà nhà thầy cứ nhất định nằng nặc vào nam, thật là chuyện trời đất đảo điên. Báo trước cho thầy biết là tôi sắp kéo quân vào lấy Gia Định. Đến lúc đó, thầy hối hận cũng không kịp nữa". Sự thực đúng như thế không?

Lần thứ ba, câu nói của Huệ biến thành:

- Nhà thầy không nghe hả? Có trời đất làm chứng, tôi không nói ngoa là tháng sau tôi sẽ cầm quân vào chiếm cả Gia Định. Lúc đó thầy hối hận cũng không kịp đâu.

Người ta nhẩm tính ngày Nguyễn Đăng Trường vào đến Gia Định, cộng thêm khoảng thời gian đi ghe từ Qui Nhơn vào Bến Nghé, lúc đó mới sợ toát mồ hôi vì nhận thấy rằng chỉ còn khoảng vài hôm nữa Nguyễn Huệ sẽ kéo quân vào nam. Tin ấy làm náo loạn khắp nơi, nhất là ở các phố Hoa kiều. Giá lương thực tăng vọt vì các ghe buôn từ các nơi ghé Bến Nghé thừa thớt hẳn, trong lúc các bà nội trợ cuống cuồng chạy khắp nơi vét gạo về dự trữ. Hàng hóa ở các sạp chợ bị giấu hết, trên phố, ngoài bến, kẻ mua hàng lòng đi tìm mà không ra kẻ bán. Những người quá lo xa lảng lảng cho vợ con về quê, nên thuyền bè đầy ắp những đàn bà con nít dật dờ bằng bế nhau tránh loạn. Cửa phố hoặc đóng hẳn, hoặc khép hé hé, bên trong người ở lại nép sau bức rèm thừa quan sát động tĩnh bên ngoài.

Tình trạng đó ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần quân Hòa nghĩa và Đông Sơn, nhất là quân Hòa nghĩa, vì sự yểm trợ tài chánh của đám Hoa kiều Sài Côn và Trấn Biên sút giảm mau chóng. Số người sẵn đón mời mọc Chinh đi ăn uống, du hí càng ngày càng thưa, sau cùng gần như mất hẳn. Chinh báo động với Lý Tài, và bộ tham mưu ở núi Châu Thới bàn luận mãi vẫn chưa tìm ra giải pháp trấn an nhân tâm, hóa giải tác hại của các tin đồn nhảm. Thật ra ngay Lý Tài cũng lo sợ Tây Sơn kéo quân vào Gia Định thực. Hệ thống phòng thủ ở thành Gia Định lẫn núi Châu Thới còn sơ sài, quân Hòa nghĩa tuy đông nhưng quá hỗn độn, kỷ luật thiếu nghiêm minh. Những lính Hòa nghĩa kỳ cựu ỷ công không xem kỷ luật ra gì, quen thói lộng hành y như thời ở Quảng Nam và Phú Yên. Lính mới dựa thế đám thương gia giàu có cũng xem thường hiệu lệnh. Cấp trên bảo, cấp dưới không nghe. Cái gì không vui nhộn hoặc không mang ngay lợi lộc thì không làm. Lý Tài thấy phải chấn chỉnh lại đám quân ô hợp mới mong diệt được quân Đông Sơn và phòng thủ Gia Định. Thời gian cần thiết, ít ra phải một năm. Gấp lắm cũng cần đến sáu tháng. Nguyễn Huệ kéo quân vào sớm quá, Lý Tài biết trước mình khó lòng chống đỡ được. May mắn cho Gia Định là khoảng cuối năm Bính Thân, Võ Duy Ngụy và Tô Văn Đoái từ Quảng Nam trốn vào Gia Định mang theo nhiều tin vui. Theo họ kể thì tuy Chúa Bắc Hà đã ban cho Nhạc chức "Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ" nghĩa là đã hợp thức hóa chủ quyền của Tây Sơn trên vùng đất rộng phía trong đèo Hải Vân, nhưng dân chúng có vẻ không phục chế độ

mới. Càng ngày càng có nhiều mầm móng bạo loạn hoặc do các sĩ phu, tôn thất khởi xướng, hoặc do chính đám dân nghèo chán ngán chiến tranh đã chà đi xát lại tàn phá vườn tược, ruộng rẫy, xóm làng của họ. Duệ Tôn, Tân Chính vương, Đỗ Thành Nhân, Lý Tài và đám thuộc hạ vô lấy tin vui của Ngụy và Đoái như kẻ sắp chết đuối vô lấy miếng ván nổi. Tân Chính vương cử người ra Quảng Nam chiêu tập nghĩa binh, đồng thời cho người tỏa ra khắp các bến chợ, phố phường cải chính tin đồn dũ trước đó.

Kỳ hạn người ta đồn đãi Nguyễn Huệ sẽ vào Gia Định qua rồi, thiên hạ còn ngại chưa dám cho vợ con trở về phố. Ghe thuyền còn lưa thưa. Phố xá còn khép hờ đề phòng biến loạn. Nhưng nửa tháng, một tháng, rồi hai tháng trôi qua mà quân Tây Sơn vẫn chưa vào. Người ta bắt đầu tin lời Tô Văn Đoái và Võ Di Nguy. Đời sống dần dần ổn định. Mọi người thở phào tự thẹn mình nhát gan, rồi quyết che giấu sự yếu đuối bằng cách bỏ tiền sắm một cái Tết linh đình. Cảnh yên tĩnh, du hí liên miên giữa đám con buôn giàu có và bọn quan lại, tướng lãnh thế lực tiếp tục. Tuy nhiên, sau cuộc vui say, nhiều khi ngay trong cuộc vui say, mọi người vẫn canh cánh một mối lo vu vơ, như một đám mây đen lớn vờn giữa bầu trời trong xanh của mùa xuân Gia Định.

*

* *

Cái tin Thọ Hương vô tình thuật cho An nghe hôm cúng đầy tháng cháu Phát khiến An lo lắng đến mất ngủ. Nhưng An không dám nói lại với ai cả. Dù Lãng không căn dặn nhiều lần trước khi ra về, An cũng biết gia đình mình còn ở vào cái thế chông chênh dễ bị Nhật nghi ngờ. Một bí mật quân sự quan trọng như vậy loan đi từ nhà ông giáo sẽ chẳng khác nào lời thú cần thiết cho một bản án tử.

Nhưng từ Tết Đinh Dậu (1777) tin đó đã được loan báo công khai. Cuộc chuẩn bị cho cuộc tấn công lần thứ nhì vào Gia Định dồn dập rộn rã khắp nơi, đập vào mắt vào tai mọi người. An không muốn nghe mà ngày nào Lợi cũng mang đủ thứ chuyện về nhà hí hửng như mang quà về tặng vợ. Khi thì Lợi bảo:

- Chuyến này lớn hơn chuyến năm ngoái nhiều. Có cả thủy lẫn bộ đấy, em ạ!

Khi Lợi buông lơ lửng:

- Kế hoạch đại qui mô như vậy không biết lo ghe thuyền có xuể không!

Vài hôm sau Lợi lại nói:

- Cả anh Thiếu phó lẫn anh Phụ chính đều đi Gia Định chuyến này An ơi! Chuyến về mặc sức nhọc! Không khéo anh Thiếu phó lại đòi cho được anh theo cũng nên. Anh lo quá!

An quá hiểu chồng, bực dọc đáp:

- Không ai thềm nhờ đến anh đâu. Dù có nhờ đến anh, em cũng bồng thẳng Phát lên kêu nài cho anh ở lại. Tình cảnh con cái thế này, làm sao em lo một mình cho xuể.

Lợi cụt hứng không đề cập tới chuyện đi nam với vợ nữa. Anh thấy An có lý để giữ anh lại. Thăng Phát, đứa con trai đầu của hai vợ chồng, thể chất òi ọp làm khổ mẹ không ít. Qua đến tháng thứ ba, tự nhiên mình mẩy nó nổi sài ghẻ, ngứa ngáy khóc cả đêm. Thăng bé khóc đến khan cả tiếng, mỗi lần ngứa cứ lấy tay cào mạnh lên các mụn ghẻ mọng nước, đến nổi da thịt rướm máu, vết lở loang dần khắp mình mẩy. Một thứ nước vàng nhờn nhờn ứa ra ở các chỗ lở, dính chặt vào quần áo. Không mặc quần áo cho con được, An phải hơ lá chuối non trải lên giường cho nó nằm. Nó nhiễm lạnh lại mang thêm cái bệnh ho. Chị vú ngại khổ lánh việc, tìm hết có này đến có khác để thoái thác việc tắm rửa, canh giấc cho thằng bé. An thương con không nỡ giao cho ai, ngày đêm ôm con mà khóc. Sức khỏe chị suy giảm, vì thiếu ngủ và lo

phiền. Nhiều đêm chị ngủ gục trên nôi con, giật mình thức dậy thấy thằng bé há miệng kêu khóc không ra hơi, hồi hận quá, không dám chợp mắt nữa. Lúc nào thằng bé mệt phờ thiếp đi An mới dám gửi con cho chị vú hoặc con bé giúp việc, ngả lưng nhắm mắt một chút. Mắt An thâm quầng, tóc tai đã dợt, quần áo nhàu nát hôi hám. Đã thế, chị lại đang mang thai đến tháng thứ hai, căn cứ vào kỳ tắt kinh cuối cùng. An vừa thương con vừa thương mình, vừa giận mình vừa giận chồng. Nhiều hôm chột nhìn mình trong cái gương bám bụi, An xót xa hồi hận đã đi lấy chồng, để đến nỗi thân mình, mặt mũi tiều tụy đến thế!

Vì vậy khi nghe An nhắc hoàn cảnh hiện tại, Lợi không còn gì để nói thêm nữa. Anh bỏ ý định lên gặp Lữ để xin tham dự chuyến tấn công Gia Định này, nhưng trong lòng vẫn tự tin rằng thế nào Lữ cũng phải nhờ đến tài tháo vát của anh. Lợi nghĩ tới quân số đông hơn, chắc chắn chiến lợi phẩm thu được sẽ nhiều hơn, ghe thuyền cần trưng dụng để chở thóc về Qui Nhơn sẽ tăng lên. Không có Lợi, ai làm nổi công việc ấy. Thiếu phó có gọi lên thì Lợi phải tìm cách từ chối! Mà thế nào Thiếu phó cũng gọi.

Lợi chờ với tất cả tin tưởng và kiêu hãnh của một tay chuyên nghiệp. Lợi chờ. Lợi chờ. Chờ mãi không thấy ai đến mời anh. Nhiều lần gặp Thiếu phó, Lợi nói xa nói gần mà Lữ vẫn chưa đề cập đến chuyện anh chờ đợi.

Đến hôm Lãng về nhà báo cho cha và chị biết: trong vòng hai ngày nữa Lãng sẽ theo Huệ vào nam, Lợi mới bật ngửa. Anh bỡ ngỡ, rồi khổ sở đến tuyệt vọng. An lo lắng cho em nên không chú ý đến nét mặt tái xanh của chồng. An hỏi Lãng:

- Cha đã biết việc này chưa?

Lãng nhìn quanh như muốn tìm cha, rồi đáp:

- Chưa. Cha đâu rồi chị?

- Không có ngoài vườn à?

- Không. Em vừa từ ngoài vườn vào đây. Cháu đã đỡ chưa?

An nhìn về phía nôi con, thở dài đáp:

- Phía sau lưng đã khô, nhưng cánh tay lại lầy trở lại. Chị chẳng còn phải biết làm sao nữa. Biết sinh nó ra đời khổ thế này, thà... Lãng vội nói:

- Rồi nó sẽ khỏi thôi. Chị đừng chán nản. Ừa, sao hai bàn tay cháu phải buộc vải vậy? Lại lở ở mấy kẻ tay à?

An cười gượng gạo, nói:

- Không phải đau. Chị buộc chặt, không nó gãi sướt cả mình mẩy.

- Hôm nay nó ngủ có vẻ say đấy chứ!

- Nhờ cái lưng đã bắt đầu lành đấy. Mấy hôm trước nó trăn trở, trông thấy tội nghiệp đến phát khóc.

Rồi nhìn về phía chồng, An nói:

- Thế mà anh Lợi định bỏ chị để vào nam với em đấy.

Lãng thành thực bảo:

- Chị khỏi lo. Chuyến này anh Lợi khỏi phải đi. Anh biết rồi chứ anh Lợi?

Vì tự ái, Lợi đáp rồi:

- Vâng, biết rồi!

Lãng nói tiếp:

- Em nghe anh Huệ nói với anh Lữ nên giữ một người giỏi tổ chức quân lương lại Qui Nhơn để chuẩn bị tiếp lương khi cần. Mục tiêu trận này có vẻ lớn, nên thời gian sẽ kéo dài, có thể là nửa

năm, một năm. Xong việc mới được về!

An lo lắng hỏi:

- Chắc là phải gặp nhiều nguy hiểm lắm nhỉ?

Lợi nói:

- Nghĩ như em thì chỉ nên đốt hết gươm giáo cho quân nằm nghỉ trong xó nhà.

An hăng hái nói:

- Vâng. Nếu có quyền, em sẽ làm như vậy. Em chẳng hiểu có gì thú vị trong chuyện chém giết mà đàn ông các anh say mê đến thế. Mới đẻ ra là đã say đấu đá nhau rồi. Làm đàn bà thời loạn thật khổ. Ai cùng thành chinh phụ ôm con chờ chồng đến hóa đá.

Lợi cầu nhàu:

- Nói thế mà nghe được!

Lãng muốn hòa giải cho anh chị, cười bảo:

- Nhưng anh Lợi đã ở lại đây, chị trách móc cả bọn đàn ông làm gì nữa.

Giọng An gay gắt và hốt hoảng:

- Anh Lợi ở lại, nhưng Lãng đi, anh...

An kịp dừng lại, liếc về phía chồng lo ngại. Lợi vẫn cúi mặt ngấm ngía mấy ngón tay ồm của mình, nét mặt buồn hiu. Lãng nói:

- Không hiểu sao em cứ nghĩ là chuyến này, thế nào em cũng được gặp anh Chinh. Tính anh ấy, em biết. Chắc bên trong có điều éo le gì đó, chứ anh Chinh không phải là con người phản trắc.

Thế nào anh ấy cũng được ta giải thoát, trở về với gia đình. Chị có tin như thế không?

An không trả lời, vì nghĩ Lãng quá mơ mộng, không chịu nhìn thẳng vào thực tế đau lòng.

*

* *

Mấy hôm ông giáo bị bệnh, Kiên có đến thăm cha. Căn nhà nấp sau vườn cây rậm vốn đã lặng lẽ, bây giờ lặng lẽ thêm. Ở căn trước cửa ngõ đóng kín nên bên trong tối om, ông giáo nằm rên hừ hừ. Mùi thuốc bắc xông lên từ lò siêu tỏa khắp phòng. Căn dưới thì An ôm con canh giấc cho thằng bé, lâu lâu tủi thân thút thít khóc. Chị vú bỏ về sau một trận cãi vã với chủ, nên dưới bếp hai đứa ở gái xì xầm nói chuyện với nhau, sợ làm động đến sự yên tĩnh thê lương đè nặng lên khắp nhà.

Kiên hỏi thăm sức khỏe cha, rồi ngồi im bên cái phản gỗ không biết nói gì thêm, anh muốn ra về nhưng sợ làm như vậy tình cha con có vẻ nhạt nhẽo quá.

Ông giáo cũng muốn hỏi thăm con vài điều. Nhưng hỏi Kiên gì đây? Chẳng lẽ hỏi thăm về mấy đứa trẻ không phải cháu nội của mình, hoặc hỏi về tình hình làm ăn ở cái quán rượu? Kiên nói qua công việc của mình ở kho quân lương, và cuộc chuẩn bị tiến công Gia Định sắp tới. Lại thêm một đề tài ông giáo không muốn nghe ai nhắc đến!

Ông giáo vừa mệt vừa khó chịu muốn nằm yên một mình nên bảo Kiên:

- Con xuống thăm mẹ con con An một chút. Thằng bé bệnh hoạn quá, đêm nào cũng khóc ỉ ỉ.

Kiên chúc cha mau bình phục, rồi xuống căn nhà dưới. An thấy anh tới, tự nhiên bật khóc. Kiên hỏi:

- Cháu đã đỡ chưa?

An vừa thút thít vừa đáp:

- Nó khô chỗ này lại lầy ở chỗ khác. Em chẳng biết phải làm sao nữa.

- Sao không bảo thằng Lợi nó mời thầy về xem thử.

An chưa chất đáp:

- Ấy, hai ba ông rồi đấy. Ông thì bảo tại nhiệt. Ông thì bảo tại sữa em xấu. Ông thì bảo anh Lợi có gốc phong.

Kiên nhìn quanh rồi hỏi:

- Lợi chưa về à?

- Chưa anh ạ. Thường thường khoảng xế anh ấy mới về nhà.

Kiên cười ra vẻ nhạo báng:

- Nó có ngồi yên một chỗ được đâu. Chạy hết chỗ này đến chỗ khác.

An chợt nhớ Kiên làm một chỗ với chồng vội hỏi:

- Ủa, anh đã về sao Lợi chưa về?

Kiên cũng kinh ngạc và bồn chồn. Anh nói:

- Anh cũng hẹn chú ấy ở đây mà. Chú ấy bảo anh cứ về trước, chú ấy đi có chút việc rồi về liền.

An lo lắng hỏi:

- Có việc gì gấp không anh?

Lúc đó thằng bé giật mình thức dậy, ỉ ỉ khóc. An rung rung hai tay để ru con, giọng hát buồn rười rượi. À ời. Một mai ai chớ bỏ ai. À ời. Chỉ thêu nên gấm sắt mài nên kim. Ngủ đi con. Có mẹ đây. À ời... Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. À ời... Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa. À ời... Anh cần gấp anh Lợi gấp không? Có chuyện gì thế? À ời... Có mẹ đây...

Kiên không chờ cho An ru con xong, vội vã bảo:

- Chắc anh không đợi được. Ở nhà đông khách, không có người lớn bọn chúng nó uống quít hết. Lợi về em hỏi xem vụ bánh tráng đã đến đâu rồi. Người ta muốn biết gấp để còn liệu.

An tò mò hỏi:

- Vụ bánh tráng nào thế, anh?

Kiên do dự, nhưng thấy em khẩn khoản muốn biết nên chậm rãi giải thích:

- Có gì đâu. Để quân lính tiện ăn đường khỏi mất công nấu nướng, mình dùng gạo rang hoặc bánh tráng. Trong hai thứ, quân lính thích ăn bánh tráng hơn, cho nên bên quân lương giao gạo cho các lò làm bánh tráng thật nhiều. Lò họ kiếm được nhiều lời trong vụ này lắm. Có một chỗ quen biết cũ với má con Út nhờ anh nói giùm với chú Lợi một tiếng. Chả là chú Lợi lo việc này mà. Họ bảo người ta sao thì họ cũng chịu vậy, không quên ơn chú ấy đâu. Có chó sữa? Hay chú Lợi về?

An cũng thắc mắc nói:

- Chắc không phải anh Lợi. Anh ấy về chó chỉ hực chứ không sữa. À ời. Có mẹ đây, con ngoan. Có mẹ đây. À ời. Hòn đá đóng rong... Anh ra mở cổng giùm em xem có phải khách lạ không? Kiên ra cổng thấy lỗ nhố nhiều lính mang gươm giáo. Anh sợ quá, đến lúc nhận ra Lãng và Huệ ở trước cửa cổng Kiên mới yên tâm hơn một chút. Lãng thấy anh, lên tiếng trước:

- Anh mở giùm cổng. Có anh Huệ đến thăm cha.

Tuy quá quen biết Huệ nhưng trước một người trẻ tuổi giữ chức vụ lớn trực tiếp điều khiển mình, Kiên vẫn dậm lúng túng. Anh lật bật mãi mới mở được then cửa.

Kiên hơi nghiêng người ra trước, lễ phép nói:

- Mời... mời ông Phụ chính vào ạ!

Huệ đã quen với thái độ khúm núm của kẻ khác đối với mình nhưng vẫn ngỡ ngàng trước thái độ của Kiên. Huệ cười nhỏ, thân mật hỏi:

- Thầy có mệt nặng lắm không anh?

Lãng đi sau lưng Huệ nói:

- Nghe em báo cha mệt không ngồi dậy được, anh Huệ vội đến thăm cha. Để em vào mở cửa lớn đã.

Huệ vội đưa tay ngăn lại:

- Thôi. Đừng mở cửa, sợ gió.

Rồi quay về phía toán lính hầu, Huệ ra lệnh:

- Các anh ở ngoài cổng được rồi:

Lãng và Kiên dẫn Huệ vào phòng cha theo lối cửa hông. Ông giáo nghe có nhiều tiếng chân bước và tiếng xì xầm, lên tiếng hỏi:

- Ai thế con?

Huệ run run giọng đáp:

- Thừa thầy, con đây.

Sợ ông giáo chưa hiểu, Huệ nói thêm:

- Thừa thầy con là Huệ. Thầy mệt lắm không ạ?

Căn phòng quá tối nên Huệ chỉ thấy chỗ thầy nằm nhờ tiếng ông giáo hỏi, chứ không phân biệt được sắc diện người bệnh. Ông giáo vội choàng ngồi dậy, thẳng thốt hỏi:

- Anh Huệ à? Trời ơi! Sao anh biết tôi bệnh mà đến thăm. Kiên đâu rồi? Thắp đèn lên cho sáng đi!

Lãng mang cây đèn dầu lạc lên kịp lúc. Huệ đến ngồi trên cái ghế ngay bên cạnh phản thầy giáo.

Anh cầm lấy cổ tay ốm của thầy, xúc động nói:

- Xin thầy cứ nằm xuống cho khỏe.

Ông giáo hân hoan bảo:

- Không sao! Tôi ngồi được mà. Làm sao anh nghe tin tôi ốm?

Huệ thấy đôi mắt thầy vẫn long lanh linh hoạt như xưa, nhưng khuôn mặt hóp lại, hoàn toàn trở thành một cụ già ốm yếu. Huệ trù mến nhìn thầy, đáp nhỏ:

- Con nghe Lãng nói. Lâu quá con không đến thăm thầy, thật có lỗi. Để chừng đã gần hai năm rồi!

Ông giáo ngậm ngùi đáp:

- Phải. Gần hai năm. Từ ngày đám cưới con An...

Ông chỉ nói được đến đó, rồi ái ngại nhìn Huệ. Hai thầy trò cũng nhìn nhau và cùng hiểu những gì cả hai đang nghĩ, nên lòng họ lâng lâng buồn. Sau một lúc im lặng, ông giáo cố giằng xúc động nói:

- Nhưng nhờ em Lãng, tôi vẫn biết được tin tức anh. Tôi theo dõi được từng bước anh đi, anh Huệ ạ!

Huệ quay lại tìm Lãng, muốn cảm ơn người thư ký thân cận của mình, nhưng có lẽ hai anh em Kiên, Lãng tế nhị hiểu tình quyến luyến đặc biệt giữa hai thầy trò, nên đã ra khỏi phòng. Huệ yên tâm hơn, thưa với ông giáo:

- Thầy có phiền trách con điều gì không?

Ông giáo ngần ngừ một lúc, rồi đáp:

- Tôi lo âu và hãnh diện vì anh.

Huệ buồn rầu nói:

- Như vậy là con đã làm cho thầy buồn.

Ông giáo vội bảo:

- Không hẳn thế đâu! Tôi như một ông cha lắm cẩm, con đã khôn lớn mà cứ tưởng nó còn chập chững, sợ sệt lo âu nó vấp ngã trên đường đời. Nằm trong cái xó bệnh này tôi đâu có biết anh đã vững chãi, mạnh bạo biết bao! Anh đã trở thành trụ cột cho Tây Sơn rồi!

Huệ bối rồi nói:

- Thầy thương con nên dạy quá lời! Không có anh cả con xếp đặt mọi sự, thì...

Ông giáo ngắt lời học trò:

- Không. Tôi không nói quá lời đâu. Từ thời An Thái tôi đã tự nhủ nếu mai sau trong đám học trò lẫn con cái tôi, có ai làm nên nghiệp lớn, thì người đó chắc chắn là anh. Còn những mưu chước nhất thời hoặc những trò lừa đảo cướp bóc, thì không kể làm gì! Vì vậy có lần tôi nhắc anh hãy nghĩ đến lũ trẻ thơ và những người già cả bệnh hoạn như tôi hiện nay, khi muốn phá cái nhà dột nát để xây ngôi nhà mới.

Huệ suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Con sợ đến một lúc bão lớn quá...

Nói đến đó, Huệ ngập ngừng, rồi không tiếp lời nữa, ông giáo nín thở chờ đợi câu trả lời của Huệ, chờ mãi không nghe học trò nói tiếp, nên ông nổi con ho. Huệ lo âu hỏi:

- Thầy có mệt không? Hay con đỡ cho thầy nằm xuống.

Ông giáo lắc đầu nhưng cơn ho cứ dai dẳng. Huệ vội đứng dậy đến cuối phản lấy gối và chần kê cao rồi đỡ vai ông giáo để thầy nằm dựa lên chõng gối chần cao đó. Anh rót nước ra cái chén con bưng đến mời thầy. Nước nóng giúp ông giáo đỡ ngứa ở cổ họng. Cơn ho thưa thớt dần.

Huệ ân cần hỏi:

- Lãng có mời thầy thuốc về xem bệnh cho thầy chưa ạ?

Ông giáo gật đầu:

- Hay để con mời ông thầy vẫn chữa bệnh cho anh con đến đây xem mạch cho thầy. Mai con bảo ông ấy đến, thầy nhé?

Ông giáo lắc đầu, môi mím lại cố dần cơn ho sót. Huệ bưng mời ông giáo chén nước khác.

Trong lúc lóng cọng vì mệt nhọc, ông giáo để nước đổ cả lên phản gỗ. Huệ xin lỗi:

- Con vô ý quá. Đáng lẽ phải bưng cho thầy.

Ông giáo đã khỏe hơn, nhìn Huệ trìu mến, rồi hỏi:

- Nghe nói anh sắp vào Gia Định?

Huệ ngược lên nhìn thầy, rồi đáp khẽ:

- Dạ. Con sắp đi nam.

Ông giáo cố lấy hết tự tin để nói điều muốn nói, nhưng ông e ngại. Ông nói trớ sang chuyện khác:

- Mong anh được bình yên như kỳ anh Lữ.

Huệ đáp:

- Cảm ơn thầy. Chuyến này có Lãng cùng đi với con đấy.

- Tôi đã biết rồi. Nó đã khá hơn trước nên tôi bớt lo cho nó. Vả lại còn có anh nữa. Anh Huệ này!

Huệ biết thầy có điều khó khăn muốn nói với mình nhưng còn e ngại, nên nói:

- Thưa, thầy cần con điều gì ạ? Con sẽ hết sức cố gắng. Ông giáo ngần ngại, rồi nói:

- Nếu trời còn thương tôi xin cho anh gặp được thằng Chinh, thì xin anh...

Huệ hiểu ngay ý thầy, vội nói:

- Dạ. Chắc bên trong còn nhiều điều phức tạp. Con sẽ gắng bảo bọc mạng sống của anh ấy. Chỉ sợ...

Ông giáo không muốn dừng lại ở nửa chừng, nên cướp lời Huệ, nói luôn một mạch:
- Tôi còn mong một điều khó hơn nữa, anh đừng vội chê tôi lắm cẩm mà tội nghiệp. Tôi biết chuyện này, vào tận chỗ ẩn nấu của dòng họ Nguyễn Gia Miêu, thế nào máu cũng đổ đầy sông đầy rạch của đất Gia Định. Đối với thân thuộc của chúa, đối với chính nhà chúa, anh nên...

Huệ vội nói với ông giáo:

- Con hiểu ý thầy. Con hiểu lòng thành của thầy. Nhưng có những cơn bão lớn còn mạnh hơn cả lòng thầy, lòng con nữa. Như lần con thưa với thầy về chuyện những kẻ không nhà...

Huệ cố lắm chỉ nói được có thế. Ông giáo hoang mang, cúi đầu im lặng không nói gì.

Lãng vào phòng bắt gặp hai thầy trò ngồi lặng như thế trong vùng ánh đèn lù mù, ngơ ngẩn không hiểu gì. Anh đành hăng báo hiệu rồi mới rụt rè thưa với ông giáo:

- Thưa cha, anh Kiên xin phép về.

Huệ tìm được cơ hội tốt để thoát khỏi tình thế khó xử, vội đứng dậy nói:

- Thưa thầy, con cũng xin phép về thôi. Chúc thầy chóng bình phục.

Ông giáo đáp, giọng còn buồn buồn:

- Cảm ơn anh. Anh đi bình yên nhé!

Huệ ra khỏi căn phòng bệnh, tự nhiên cảm giác nặng nề giảm bớt. Lãng hỏi:

- Anh ở lại chơi tí đã?

Huệ còn đang ngần ngừ, thì tiếng trẻ con khóc từ phía nhà dưới tới. Thấy Huệ chăm chú lắng nghe, Lãng giải thích xa xôi:

- Thằng bé con chị An nó bị lở khắp mình, khóc không ra hơi nữa. Tội nghiệp, cả đêm ôm con không dám chợp mắt.

Huệ lúng túng chưa biết nên về hay nên ở. Thằng bé vẫn tiếp tục khóc. Huệ mím môi suy nghĩ, rồi bảo Lãng:

- Lãng dẫn cho tôi thăm cháu một chút!

*

* *

An vừa vội vã đặt con xuống giường, thay cho chính mình bộ quần áo sạch màu hồng, trở lại ẵm con dỗ cho nó nín, thì đã nghe tiếng chân bước gần đến cửa phòng. Lãng đứng ở ngoài nói to cho An kịp chuẩn bị:

- Có anh Huệ đến thăm cháu đấy chị!

An vừa hồi hộp vừa xấu hổ, ôm chặt lấy con đứng dậy, quay mặt ra cửa chờ khách vào.

Chị thấy Huệ khác trước nhiều.

An nhận thấy nét mặt Huệ đậm lại, sắc sảo hơn. Mái tóc quăn vẫn phủ chéo trên cái trán cao. Nước da ngăm ngăm răn rỏi như trước. Vẫn cái nhìn vừa thao thức tra hỏi vừa khinh ngạc điệu cợt. Nhưng rõ ràng khuôn mặt ấy đã mất hẳn nét đầy đặn phơi phới của tuổi niên thiếu. Dưới hàng lông mày rậm, hai hốc mắt sâu xuống. Gò má xương xương. Đôi môi mím cười cố tỏ sự thông cảm chào đón nhưng ở hình ảnh môi dưới trề ra mím bớt môi trên, có phảng phất cái gì chua chát thất vọng.

An vội nghĩ sự biến đổi già dặn ấy do cả ở mình, nên càng bối rối hơn. Chị ôm chặt thằng bé vào lòng, như cố tìm một chỗ núp, một chỗ bám víu. Huệ đến gần bên An, cúi xuống nhìn thằng bé xanh rớt bệnh hoạn trong tay người bạn gái, lòng thực sự thương xót và ái ngại. Anh hỏi:

- Nghe Lãng bảo cháu nó không ngủ được. Tội nghiệp, trông nó tiều tụy quá.

An có cảm tưởng Huệ nói đến mình hơn là nói đến con. Mặt chị nóng bừng, mắt bắt đầu đỏ,

ướt. Môi trên của chị tê dại, run run. Chị muốn nói gì đó nhưng cổ nghẹn lại. Huệ tiếp:

- Lâu nay An có được khỏe không?

An nuốt nước bọt trước khi đáp:

- Cảm... cảm ơn anh. Cháu nó đau yếu luôn, nên tôi... nên tôi...

Huệ vội vàng nói:

- Phải. An mất ngủ nhiều nên có ốm đi.

An nói trước những gì chị sợ Huệ sẽ nói:

- Chắc bây giờ tôi chẳng khác nào là một bà già. May có Lãng, nếu không, anh không nhận ra tôi đâu!

Huệ ái ngại nhìn An, bảo:

- An nói quá. An vẫn không khác xưa bao nhiêu đâu! Có gia đình, lo lắng nhiều nên mắt hơi buồn, thế thôi!

Tuy biết Huệ nói dối nhưng An vẫn đỏ mặt vì hân hoan. Nhờ thế chị lấy lại được bình tĩnh. An nhìn thẳng vào mặt Huệ (đến lúc đó An mới dám nhìn thẳng vào mặt Huệ) và hỏi:

- Chừng nào anh đi?

Huệ nhớ lại những lần trước An từng hỏi mình câu ấy, bao nhiêu kỷ niệm cũ dồn dập hiện về.

Bằng một giọng đùa nghịch lâu nay Huệ ít dùng, anh hỏi lại:

- Chắc An mong tôi đi xa lắm nhỉ?

An vội cãi lại:

- Không phải. Tại sao anh nói thế! Tôi nghe Lãng bảo chuyến này sẽ khá lâu, có thể hàng năm.

Huệ gật gù, mỉm cười đáp:

- Có lẽ không đến nỗi lâu thế đâu.

Rồi tự thấy đứng nói chuyện như thế này thật bất tiện, Huệ giả vờ nhìn quanh tìm kiếm, và hỏi:

- Anh Lợi chưa về à?

An đáp:

- Thường anh ấy về muộn.

Huệ mỉm cười định nói gì, nhưng lại thôi. Cuối cùng Huệ bảo:

- Tôi cũng bị cái tật về muộn mất! Thôi, ghé thăm thầy và An xong, tôi phải về đây. Cháu thức dậy kia rồi!

An ru nho nhỏ cho con ngủ lại, nên lúc Huệ cúi chào từ biệt, chị không trả lời được. Ra khỏi phòng, anh còn nghe giọng An run run ru con: À ơi. Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa...À ơi. Em gặp anh đây chẳng dám nói ra... À ơi... Sợ mẹ bằng đất à ơi sợ cha bằng trời... À ơi!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 42

Khi anh thanh niên giữ chức Phụ chính Nguyễn Huệ cùng Lãng đến phòng họp, mọi người đã đông đủ cả. Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Hình bộ Bùi Văn Nhật, Thái úy Bùi Đắc Tuyên, Nội hầu Phạm Ngạn. Huệ và Lãng vào, giữa lúc các nhân vật quan trọng đứng tuổi của Tây Sơn đang nói chuyện phiếm. Bùi Văn Nhật trông thấy Lãng trong cuộc họp tối mật này, ngạc nhiên, đưa mắt hỏi thăm Huệ. Huệ không trả lời thẳng, chỉ bảo Lãng:

- Em ngồi chỗ cái ghế kia, và ghi chép cẩn thận những điều cần nhớ.

Nhật hiểu Lãng là người thân tín của Huệ, nên hết e ngại, tiếp tục câu chuyện bỏ dở. Hướng về phía Nguyễn Nhạc, Nhật nói:

-... Tâu bệ hạ, chuyện hấn say rượu nói nhảm...

Nhạc cười ha hả, đưa tay ngăn Nhật lại:

- Từ nãy đến giờ anh cứ một điều "bệ hạ" hai điều "bệ hạ". Tôi nghe không quen tai, tưởng đang xem hát bội ngoài đình. Ta tìm cách gọi khác đi.

Nhạc vỗ tay lên trán như cố đánh thức trí nhớ, rồi tiếp:

- Gọi thế nào cho tiện đây, các anh? "Muôn tâu bệ hạ", nghe đúng như trong tuồng. Kỳ lắm.

Mình xưng vương cho chính danh để thu phục nhân tâm chứ đâu có ham ba cái mặt nạ hát bội.

Ta xưng hô với nhau thế nào đây? Phải rồi. Cứ gọi tôi là Đức Thầy Cả. Đức Thầy Cả! Anh em Tây Sơn thượng đã quen với Đức Thầy Cả từ lâu, nghe được hơn "bệ hạ" nhiều.

Bùi Văn Nhật mau mắn nói:

- Tâu Đức Thầy Cả, nếu cứ để cho hấn tự do đi đây đi đó, nốc rượu vào rồi mượn hơi men chửi bới đủ điều, tôi e...

Nhạc cắt lời Nhật:

- Thôi, anh cứ để mặc lão muốn làm gì thì làm. Lão ức vì cái chức hàm Nguyên nhưng chứ gì! Dễ hiểu mà. Mặc kệ lão. Cứ để cho ma men với uất khí giết lão. Ta càng động vào càng mang tiếng mà thôi!

Lãng hiểu Nhạc đang nói về Nguyễn Thung. Anh nhìn khắp phòng, và nhận ra rằng những người có mặt ở đây đang nắm các vai trò nòng cốt của Tây Sơn, số vắng mặt chỉ còn là những cái bóng mờ.

Nguyễn Nhạc nhìn quanh thấy đã đông đủ, liền bảo:

- Chúng ta bắt đầu đi thôi. Anh Nhật. Nói trước đi.

Bùi Văn Nhật cúi đầu chào Tây Sơn vương, khẽ gật chào Lữ và Huệ, rồi mới bắt đầu nói:

- Căn cứ vào giấy tờ sổ sách mà quan Thiếu phó tịch thu ở Gia Định mang về năm ngoái, phối hợp với lời khai của mấy tên tù binh giữ chức Giám quân và Cai bộ, ta có thể nắm được tình hình phòng thủ của Gia Định. Nhìn chung thì số tinh binh không có bao nhiêu. Dinh Trấn Biên

được hai mươi thuyền, mỗi thuyền năm mươi người, cộng một ngàn người. Dinh Phiên Trấn cũng hai mươi thuyền cộng một ngàn nữa là hai ngàn. Dinh Long Hồ hai mươi thuyền một ngàn người, tất cả khoảng ba ngàn tinh binh mà thôi. Số đông đảo còn lại là thuộc binh và tạm binh, sổ sách ghi đến trên hai vạn quân thuộc loại này. Tuy ba trấn binh ở Long Hồ đông nhất vì Chúa Nguyễn cần nhiều quân để khống chế Cao Miên và phòng ngừa phía Xiêm La cùng chống lại với bọn vô lại cướp bóc đầy dẫy ở miệt đông nam đó. Số quân phòng thủ Gia Định nói trên là số ghi trong sổ bộ, thực sự nhiều hay ít hơn ta chưa biết được. Nhưng theo tin tức mới nhận được, hiện Chúa Nguyễn chỉ trông cậy vào hai đạo quân: một đạo là quân Đông sơn của tên cự nội đội Đỗ Thành Nhân đóng ở Ba Giồng khoảng ba ngàn người, đạo kia là bọn phản trắc Hòa nghĩa của Lý Tài, quân số cao hơn, lên đến tám ngàn đóng ở quanh núi Châu Thới - Nếu cộng lại, hai đạo quân Gia Định lên đến mười một ngàn. Nhưng thực tế phải trừ ra chứ không cộng, vì Lý Tài và Đỗ Thành Nhân ghét thù nhau như chó mèo. Lấy tám ngàn trừ ba ngàn, số binh phòng thủ Gia Định sau khi mạng đối mạng thanh toán nhau xong, chỉ còn trên dưới hai nghìn mà thôi.

Nhạc cười đắc chí, sau đó nghiêm mặt để lưu ý Nhật:

- Anh trừ gọn như vậy có ngày không còn manh giáp mà chạy về đây nữa. Có thể tên cự thần họ Đỗ với tên phản bội họ Lý thù ghét nhau thực. Họ đã từng đem quân đến thanh toán nhau, ta cũng có nghe chuyện ấy. Hiện Lý Tài mạnh thế hơn, vì đem quân từ Châu Thới về Sài Côn buộc được chúa phải nhường ngôi cho Đông cung. Nhờ vậy nghe đâu hẳn được phong chức lớn lắm... cái gì "bảo giá..." đấy.

Bùi Văn Nhật nhắc:

- Bảo giá Đại tướng quân, tâu Đức Thầy Cả!

- À Bảo giá Đại tướng quân. Tên này đúng là loại chọc trời quấy nước đấy! Ba Giồng với Châu Thới cách xa nhau, ta không vào chúng nó có thể hằm hè cắn xé lẫn nhau như anh nói, nhưng ta vào thì lại khác. Lúc đó chúng nó sẽ liên kết nhau để chống ta. Cho nên anh không thể trừ tùy tiện như thế được, mà phải cộng ba nghìn với tám nghìn thành mười một nghìn. Chú Huệ nhớ điều đó nhé!

Huệ gật đầu đáp gọn:

- Vâng.

Nhạc nói tiếp:

- Lần này ta phải diệt cho hết bọn quan quân cùng dòng họ nhà Nguyễn chứ không cốt đánh thử sức như năm ngoái. Ta đã thử sức rồi, và biết chắc hiện ta dư sức để tiêu diệt chúng. Điều quan trọng là làm sao diệt cho nhanh, cho gọn. Ta sẽ chia hai cánh quân: cánh bộ theo đường thiên lý vào đánh bọn Trần Văn Thức và Châu Văn Tiếp. Lại một tên phản bội nữa! Cánh thủy đi thẳng vào cửa Cần Giờ tiến sâu đánh Trấn Biên và Sài Côn. Chú Huệ cầm đầu cánh chủ lực này. Hãy chú ý nghe cho rõ.

Huệ lên tiếng hỏi Nhật:

- Chúng nó phòng thủ các đường trạm và cửa khẩu thế nào?

Bùi Văn Nhật lục tìm một tờ giấy trong ống quyển mang theo, đưa lên đọc lớn:

- Giấy tờ bắt được ở Gia Định còn ghi rõ đây:

Dinh Trấn Biên:

Giữ cửa Tắc Khái quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, cộng chín thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, vị chi ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Cần Giờ, giữ nguồn Đồng Môn, giữ Nước sông đều như thế cả.
Giữ Quảng Hóa năm đội, mỗi đội ba thuyền, cộng mười lăm thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, vị chi bảy trăm hai mươi người. Giữ Tuyên Uy, Bà Rịa, Mô Xoài đều thế cả.

Dinh Phiên Trấn:

Giữ cửa Xoài Rạp quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, cộng ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Đồng Tranh, cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Bà Lai đều thế cả.

Giữ Trường Đồn ở Mỹ Tho năm đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, cộng bảy trăm hai mươi người. Giữ Đường Sủ, nguồn Ba Can cũng thế (1) .

Huệ sốt ruột, chờ Nhật đọc xong liền hỏi:

- Đó là những con số trong sổ sách từ trước khi ta đánh Gia Định lần đầu. Bây giờ chắc chắn đã đổi khác chứ?

Nhật hơi lúng túng, nhưng đáp bừa:

- Nếu có đổi khác thì lưới phòng thủ Gia Định kém hơn những điều ghi trong sổ sách. Sau vụ thay bậc đổi ngôi, bọn chức sắc và quan võ ở địa phương phải ngơ ngác, dùng dằng, chờ xem bên trên ngã ngũ ra sao hãy tính. Việc canh phòng chắc chắn phải trễ tràng. Hàng ngũ tuy còn đó nhưng có biến là rồi. Thực lực Gia Định chỉ thu lại trong hai đạo quân Hòa nghĩa và Đông sơn mà thôi!

Nhạc gật gù ra vẻ đồng ý với Nhật, nhưng vẫn nói dè dặt:

- Anh lại xem nhẹ chúng nó rồi! Chú Huệ chịu trách nhiệm lớn chuyển này phải tính kỹ từng đường đi nước bước mới được.

Nguyễn Huệ đáp:

- Vâng ạ.

Rồi quay hỏi Bùi Văn Nhật:

- Quan Hình bộ có thêm được nguồn tin nào mới không?

Bùi Văn Nhật reo mừng:

- Có chứ. Để tôi bảo chúng nó dẫn viên Ký lục vào.

*

* *

Với một giọng run run vì sợ hãi, lâu lâu ngắt quãng vì những tiếng tăng hắng và nói lắp, viên Ký lục tù binh từng làm việc lâu năm ở Gia Định trả lời các câu hỏi của Huệ về đường sông dẫn từ cửa Cần Giờ vào đến Bến Nghé. Khi Tây Sơn vương hỏi vì sao gọi là Bến Nghé, viên Ký lục giải thích:

- Nghé là tiếng cá sấu kêu. Ta còn gọi là cá sấu nghé, vì sấu kêu giống như tiếng nghé ngọ của trâu con. Sông rạch miệt trong còn có nhiều sấu nên gọi là Bến Nghé. Để cho văn chương hơn, còn đặt tên chữ là Ngưu tân, Ngưu chủ.

Huệ thắc mắc hỏi: - Ghe thuyền từ Bến Nghé ra cửa Cần Giờ có khó không?

Tên tù binh đáp:

- Từ khu vực rừng Sác mà sông Lòng Tàu chảy qua, sông rạch chằng chịt nhưng chỉ riêng có sông Lòng Tàu là có cái lạch sâu, tàu thuyền qua lại được rất dễ dàng.

Nhạc quay lại hỏi:

- Sao lại gọi rừng Sác. Sác hay xác?

- Dạ Sác. Sác là tiếng nôm gọi rừng nước mặn trên các bãi sinh lầy. Cây đước, cây vẹt, cây su

mọc tràn lan sum suê trên các bãi lầy ấy. Dân đồn củi ở Bến Nghé thường chèo ghe vào rừng sác đồn củi đước về nấu bếp. Bọn chuyên nghiệp thì lập thành vạ, chịu thuế cho nhà chúa, thường gọi là Sài tân. Cây rừng sác không cao lớn như ở Cà Mau nhưng chắc thịt, hầm than hoặc làm củi đều rất đượm.

Huệ chỉ chú ý phần địa thế, nên vội hỏi thêm:

- Hai bên sông rạch ở rừng Sác có nhiều dân cư không? Chúng nó có cướp phá ghe thuyền đi lại trên sông Lòng Tàu không?

- Dạ dân cư thưa thớt lắm. Sông Lòng Tàu đổ vào sông Ngã Bảy, rồi ra cửa Cần Giờ. Hai bên bờ chỉ có vài xóm nhỏ rải rác, hoặc đôi ba căn chòi tranh trên bờ mà thôi. Đây là vùng đất chỉ có dân đánh cá, săn thú và đồn củi sống đước, còn dân làm ruộng thì không đến vùng ấy làm gì vì nước mặn. Do đó địa danh cả vùng đều nôm na, chẳng hạn xóm Ăn Thịt, Cát Lái lớn, Cát Lái bé, ngã ba Chó Tru, tắt Ăn Tết.

Nhạc lại hỏi:

- Tắt? Tắt là cái gì?

Tên tù binh lễ phép giải thích:

- Dạ thưa tắt là con rạch ngắn nối liền hai con rạch khác chảy song song, nơi giáp mỗi là một ngã ba chứ không phải ngã tư. Bến Nghé nhiều sông rạch nên có nhiều tắt. Nào tắt Ăn Tết, tắt Ổ Cu, tắt Ăn Chè, tắt Quanh Quẹo lại còn rạch Cá Dao, rạch So Đũa, rạch Gành Hào, rạch Bãi Bùn, rạch Hốc Hỏa, rạch Năm Bếp. Cả phòng nghe những tên lạ đồng ồ lên cười.

Nhạc thích thú nhất, cười ha hả, trong cơn thích thú, Tây Sơn vương trở nên rộng lượng. Nhạc hỏi tên tù binh:

- Anh có gia đình chưa?

Viên Ký lục rụt rè đáp:

- Dạ có rồi.

- mấy con?

- Dạ bốn.

- Cha mẹ còn sống hay chết?

- Dạ chỉ còn một mẹ già. Vợ tôi ốm yếu, sợ không nuôi nổi mấy miệng ăn.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

- Ta nghe trong đó đồng ruộng phì nhiêu lắm mà!

Tên tù binh đáp:

- Dạ sự thực có vậy. Nhưng muốn làm ruộng phải có vốn khai hoang. Vay thì mùa đến lúa chui vào kho của Hoa kiều hết. Làm ruộng mướn thì vào kho điền chủ. Vả lại gia đình tôi ở Cù lao phố. Buôn bán nhỏ qua ngày, muốn đủ sống phải tranh thương với các phố khách.

Tây Sơn vương cười nhỏ, rồi bảo:

- Thôi đước. Chuyến này ta cho chú hồi hương. Đước chưa! Chú Huệ. Ta giao cho chú đấy. Muốn biết thêm những tắt những rạch những sác gì gì đấy, chú cứ hỏi ông Ký lục này. Kể từ bây giờ, ông không phải là tù phạm nữa. Ông là Ký lục của triều Tây Sơn, nhớ chưa!

*

* *

Vì được Huệ giao cho một việc gần giống như chép "nhật ký chiến dịch" nên Lãng ghi đước, chẳng những các sự kiện lịch sử, mà còn ghi cả những xúc động mãnh liệt sâu đậm của mình trong chuyến vượt biển nam tiến lần đầu trong đời.

Trong chuyến chỉ huy của Huệ có một số ngư dân trước đây ở Gia Định có thuyền bị trưng dụng chở thóc ra Qui Nhơn năm trước. Họ giữ vai trò hướng đạo của chuyến hải hành. Lãng tìm đến hỏi han họ về đời sống ở Bến Nghé, nhất là đời sống trên các kinh rạch nước đục len lỏi dưới bóng những cây dà, cây đước, cây su, cây vẹt, đời sống rộn rã đơn giản nhưng cũng đầy cam go giữa những bầy sấu dưới sinh lầy, cạp ra đến tận chợ, muỗi mòng hàng đàn bay đen dưới những tàn lá rậm che kín mặt trời. Từ nhỏ đến lớn, Lãng chỉ sống ở miền núi và đồng bằng, nên anh háo hức tìm hiểu thú đời sống trôi nổi trên các mặt sông.

Cho nên, Huệ sẽ ngạc nhiên nếu đọc thấy từ những trang đầu của cuốn nhật ký chiến dịch, Lãng đã chép lời giải thích của các bác thuyền chài Gia Định về các kiểu chèo, kiểu ghe.

Lãng đã chép như sau:

"Kiểu chèo:

Nước xuôi đi thông thả thì chèo mái dài, nước ngược chảy xiết thì chèo mái cuốc (chặt xuống nhanh gọn như cuốc đất). Ở nơi có nước xoáy thì nạy hoặc kéo tức là đứng sát cột chèo mà xoay tròn, mái chèo thọc thẳng đứng xuống nước.

Chèo mái một là bỏ xuống dờ lên từng động tác không rà.

Chèo bán tức là bỏ mái chèo xuống nước phân hai, nghiêng nghiêng. Chèo rà là rà thường trực mái chèo, không đưa lên khỏi mặt nước.

Gác chèo, lột chèo là dừng lại, nghỉ luôn cặp bến, hoặc thuận gió chỉ dùng buồm.

Kiểu ghe:

Ghe cửa ở đồng bằng Bến Nghé nhỏ, mũi nhọn, có thể chạy buồm vững vàng ra cửa sông rồi men theo bờ biển.

Ghe bản lồng còn gọi ghe lồng có mũi, trong hầm ghe ngăn ra từng ô nhỏ để phân chia các mặt hàng.

Ghe hàng bồ là kiểu bản lồng nhỏ, chở hàng hóa nội địa.

Ghe cui coi thô sơ, bằng ở mũi và ở lái, dùng chỏ cui, chỏ lá lợp nhà.

Ghe giàn là loại ghe lớn, hai bên hông đâm thêm cánh cho cao để chở thêm hàng hóa.

Ghe lườn (độc mộc) mua dễ dàng với giá rẻ từ Cao Mên, thêm hai be thì gọi là ghe be.

Người giàu có thì đi ghe diều, chạm trổ khéo léo ở mũi và lái, kéo mũi lăm khi sơn son thếp vàng, bên trong lót ván trơn bóng có chỗ nấu nước pha trà và tiện nghi hút á phiện.

Các chức sắc cao sang thì đi ghe hầu có lính chèo.

Ghe bè làm bằng cây trong toàn thân chiếc ghe chứa hàng hóa có mũi bao phủ như cái bè, người chèo chống di chuyển trên mũi. Đây là loại ghe chuyên chở lớn..." (2).

Anh cũng ghi cả lời viên Ký lục mô tả địa thế Bến Nghé để giúp cho Nguyễn Huệ dễ dàng chuẩn bị các lối dàn trận, phân công sắp đến. Nguyên văn lời chép trong cuốn nhật ký như sau:

"Bến Nghé ở vào vị trí thuận lợi: sát bờ biển vì tiếp giáp với bãi nước mặn chạy dài xuống rừng sác, ở lằn ranh đất cao từ cao nguyên đổ xuống, lại tiếp giáp với một đồng bằng rộng lớn phía đông nam. Nhờ vậy Bến Nghé liên lạc dễ dàng ra trung, lên cao nguyên, có đường thủy và đường bộ qua Cao Mên và xuống đồng bằng phì nhiêu dễ dàng qua hệ thống sông rạch chằng chịt. Bến Nghé lại ăn thông với biển Đông dễ dàng qua sông Lòng Tàu, một lạch nước sâu và rộng khỏi phải nạo vét thường xuyên, quanh năm không có sương mù.

Chịu ảnh hưởng nước mặn vào mùa nắng nên dân cư thường sinh sống trên các giồng đất cao, ở đó mạch nước ngọt đủ cung cấp cho nhu cầu. Chưa bao giờ xảy ra lụt lội đến nỗi nước tràn bờ tàn phá mùa màng nhà cửa như các con sông miền bắc và trung. Cũng chưa từng hứng chịu

những trận bão đáng gọi là bão. Đồn trại phòng thủ và phố xá thường lập ở các vùng đất gò và các bến sông.

Phía bắc của vùng Bến Nghé là những gò nổi. Đất cao chạy từ Gò Vấp xuống rạch Thị Nghè, gò Tân Định rồi theo mé sông chạy đến bến ghe. Điểm cao nhất ở phía nam rạch Thị Nghè nơi lập đồn Dinh, từ lâu là căn cứ quân sự quan trọng nhất trong vùng. Phần đất cao còn lại thì dân trung chiếm chia làng lập chợ và phố, nhà cửa ở chen lộn, đường sá chỗ cong chỗ thẳng theo tự nhiên chứ chưa chỉnh đốn cho thành biên bức ngay hàng.

Về phía tây còn vị trí cao khác là khu đồng tập trận. Phía tây nam có gò Tân Triêm cũng là đất tốt vào bậc nhất. Ở đây mọi nước từ lòng đất tươm lên nên hai bên đường Nước nhĩ, cây cối um tùm làm thành một nơi hóng mát đông đúc. Phú Thọ cũng là đất cao, tên chữ là Cẩm Sơn, gọi nôm na là Cẩm Đệm. Mùa xuân nền cỏ xanh như gấm mượt, điểm nhiều hoa đại trông như một bức tranh thêu. Rồi đến gò Cây Mai xanh rờn, mấy cây mai bông trắng loại đại thọ giống như cây mù u, tao nhân mặc khách thường đến đây ngắm cảnh làm thơ. Gò Cây Mai cây cối mọc um tùm, nhiều nhất là cây gòn.

Qua rạch ông Buông về phía bắc thì biên giới phía tây nam giáp với một vùng đất chạy dài đến tận Cà Mau. Chân trời thấp, phẳng lì, rải rác từng giồng không bị ngập vào mùa mưa như những hòn đảo nhỏ chen chúc vườn xoài và bờ tre.

Song song với vùng đất gò vừa kể, ở phía nam Bến Nghé, dọc theo bờ rạch vàm Bến Nghé là vùng đất thấp. Ranh giới của hai vùng đất này là con đường ăn thông từ khu phố lập quanh đồn Dinh đến Sài Côn.

Nếu những gò đất ở phía bắc có khung cảnh thực vật giống y như vùng Bà Rịa thì bên bờ rạch phía nam, khung cảnh giống y như đất sinh lầy ở Rạch Giá, Cà Mau. Nước mặn vào mùa nắng. Cây bần, cây tràm, bình bát, ô rô, cóc kèn, mái dầu mọc đầy trên các bãi bùn. Dưới nước có nhiều cua biển, cá đối, cá thòi lòi. Nhiều con rạch ngắn đổ xuống vàm Bến Nghé từ các gò đất cao như gò Tân Triêm, Phú Lâm, nhiều xóm nhà buôn bán ở bờ vàm như ở cầu Ông Lãnh, rạch Bần, cầu Kho... ở khu phố Sài Côn (Chợ Lớn ngày nay) chẳng chịt sông rạch, việc mua bán đi lại đều dùng ghe xuồng.

Khu vực quan trọng nhất của Bến Nghé là ở mé sông. Phố khách tường xây mái ngói san sát, ghe thuyền chen chúc, kẻ bán người mua tấp nập còn hơn cả cửa Hội". (3)

*

* *

Trong tập nhật ký của Lãng, mãi về sau mới có những ghi chú liên quan đến chiến trường, viết theo lối kể biên niên như các sách sử ký Lãng đã học. Tuy nhiên, đây đó, Lãng có chêm vào những cảm nghĩ riêng của mình, cho nên tập nhật ký không chỉ là tấm gương soi một giai đoạn lịch sử, mà phản chiếu đầy đủ tâm tình của Lãng trước cuộc nam chinh đẫm máu ấy. Lãng đã ghi:

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại quân vào cửa Cần Giờ lúc sắp tối. Trừ những người đã tham dự cuộc tấn công năm ngoái và các dân chài người Gia Định, những người còn lại hết sức kinh ngạc trước nhiều cảnh lạ mắt mới được thấy lần đầu. Cửa sông mênh mông nước đục, từng dề bèo bênh bồng khi kết thì thành những cù lao màu biếc trôi nổi, khi tán thì nhấp nhô lặc lợng trên các đợt sóng bạc. Mặt trời đỏ ối chìm dần ở đường chân trời típ tắt, cảnh hoang vu của nước và trời khiến mọi người có cảm giác hãnh diện được đặt chân lần đầu tiên đến vùng đất trinh nguyên của tạo hóa. Sóng

dập tít tách vào mạn thuyền như hớn hở vui được gặp sinh vật lạ mắt lần đầu tới đây. Trong thuyền tiếng lao xao bàn tán không ngớt. Nhiều người bỏ mâm cơm tối, bụng bát ra khỏi mũi thuyền để mê ngắm cảnh mặt trời lặn. Một người hỏi tôi: Núi đâu cả rồi? Tôi chỉ rằng núi xanh ở mặt đông. Người đó cãi lại: Nhưng ở phía này phẳng lì như trái chiếu. Khi thuyền ép sát vào mép bờ, mấy bác lái thuyền hãnh diện trở từng loại cây mà đọc tên. Nhiều người cười phá vô tư khi nghe những cái tên lạ như ô rô, cóc kèn.

Đoàn chiến thuyền vào hết trong cửa sông thì trời tối hẳn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Đến sông Ngã Bảy. Thuyền đi chậm lại. Rừng Sác đây rồi. Lệnh truyền chuẩn bị khí giới sẵn sàng đề phòng các cuộc phục kích từ những cửa rạch chằng chịt. Xuồng nhỏ được thả xuống nước, mỗi xuồng chỉ chứa gọn bốn năm quân chèo dọc theo những khóm cây thấp dọc bờ sông để dò đường. Cuộc họp ở ban tham mưu trong khoang chính kéo dài từ giờ hợi đến quá Ngọ vẫn chưa xong. Tinh thần quân sĩ hết sức hăng hái và kỷ luật.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Vài xuồng dò đường bắt được vài cụm bối (bọn ăn cướp trên sông). Chúng khai cả Gia Định đang hỗn loạn, mạnh ai nấy tìm cách thoát thân. Chúng cũng vậy. Tuy nhiên chúng giấu một điều là đã cướp được khá nhiều của cải, lương thực của các ghe tản cư. Chỉ cần đe vài câu chúng đã van lạy xin làm người dẫn đường cho ba quân. Nhiều tên không nói được tiếng nam.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Mới tảng sáng đã đụng trận. Nhỏ thôi. Nhờ pháo hiệu mà đại quân biết có phục kích ở một ngã ba chỗ con rạch khá lớn đổ ra sông. Khởi phải nhọc lòng nhờ đến các thuyền chiến lớn! Anh em quân sĩ giỏi lặn đã bất ngờ trời lên khỏi mặt nước kéo bọn lính Gia Định xuống trần nước. Một tên tù binh quần áo ướt lấm vừa run lập cập vừa khai rằng quân Lý Tài đã chuẩn bị lực lượng để phòng giữ Sài Côn. Chúa thì dẫn một toán quân bộ đón đường quân Tây Sơn ở mặt bắc. Hỏi về quân Đông Sơn ở Ba Giồng, hẳn không biết gì!

Có một điều tôi vẫn thắc mắc là các toán quân Gia Định đóng ở các cửa khẩu hoặc đồn trại dọc sông biển đi đâu không thấy bóng dáng. Theo quan Binh bộ Bùi Văn Nhật thì có ba đội quân, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người vị chi ba trăm sáu mươi người giữ nhiệm vụ canh phòng cửa khẩu. Gần bốn trăm binh với chiến thuyền đầy đủ không phải là một lực lượng nhỏ yếu. Chúng nó biến đi đâu. Có lẽ đúng như quan Binh bộ nói: sau cuộc thay bậc đổi ngôi ở Gia Định, tâm thần hoảng loạn, chúng nhìn trước nhìn sau chỉ chờ có biến là quăng chèo bỏ giáo tháo thân. Không hiểu như vậy thì giải thích sao được các vụ chống cự yếu ớt suốt dọc bờ sông hoang vu rậm rạp rất thuận lợi cho các cuộc phục kích.

Buổi chiều cùng ngày.

Vừa nhận được tin chiến thắng của đạo quân bộ. Sau khi theo đường núi đánh phá khắp một dải từ Phú Yên vào đến Bình Thuận để hoàn toàn cô lập Gia Định với quân cứu viện của Trần Văn Thúc và Châu Văn Tiếp, quân bộ đã vào đến Trấn Biên. Quân Chúa Nguyễn ở Mô Xoài và Đồng Môn tan hàng rã ngũ sau vài cuộc giao tranh ngắn. Chúa (Tân Chính vương) chưa kịp chỉnh đốn đội ngũ thì quân ta đã ào ạt tấn công Trấn Biên. Địch bị thiệt hại nặng nề. Ta giết được một tên phó Tiết chế tên Nguyễn Cửu Tuấn và tên Chưởng trường đà Nguyễn Đại Lữ. Có lệnh đại tấn công vào thành Gia Định ngay sau khi quân sĩ ăn xong cơm chiều.

Buổi tối cùng ngày.

Khoảng một phần ba chiến thuyền đậu y nguyên vị trí cũ, đèn đuốc thấp sáng cả một khúc

sông. Chẳng những thế, có lệnh cho tự do hò reo, hát bội, gõ ván, khua chèo, náo nhiệt để đánh lạc hướng địch. Trong lúc đó, số chiến thuyền còn lại lặng lẽ tắt đèn tiến thẳng về Bến Nghé. Đêm tối mịt mù, thuyền sau không thấy thuyền trước. Lái thuyền cứ theo tiếng mái chèo phía trước mà định hướng bát hay hướng cạy. Nước triều lên cao đẩy thêm cho thuyền tiến nhanh hơn. Lòng trời đã chiều theo lòng người rồi đây! Muốn ghi cho đủ cảm giác nồn nao mênh mang nhưng đầu óc cứ bưng bưng, không đủ bình tĩnh ngồi viết nữa. Trong khoang chỉ huy, có tiếng chân đi lại nặng bước làm lung lay tấm ván kê tập giấy. Tiếng ồn ào chia tay. Các tướng lãnh đã nhận nhiệm vụ xuống xuồng nhỏ trở về đơn vị của mình. Hồi hộp quá. Chắc chắn cuộc tấn công xảy ra ngay đêm nay.

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại tấn công thành Gia Định từ nửa đêm hôm qua. Nước triều dâng cao quá tầm bãi chông nên các xuồng đổ bộ vào bờ an toàn. Súng lớn của địch bắn ra đến tận đây, phần lớn đạn đều rơi xuống nước. Hai chiến thuyền phía sau bị cháy nhưng bên đó dập tắt kịp ngọn lửa. Chủ tướng Nguyễn Huệ đã xuống xuồng đổ bộ ngay từ đợt đầu, hướng chính phải chiếm là mặt nam rạch Thị Nghè. Quân thủ thành (tin cho biết là Hòa nghĩa quân của Lý Tài) chống cự mãnh liệt (không biết anh Chinh có mặt trong đó không). Quá trưa ta đánh thủng được mặt tây nam nhờ cánh quân đi vòng qua ngả gò Tân Triêm. Quân Hòa nghĩa hoảng, bắt đầu núng thế. Khi thấy một toán cứu viện của địch từ Biên Hòa kéo đến, chủ tướng ra lệnh phải hạ thành bằng bất cứ giá nào trước khi trời tối. Đến giờ Dậu ta hoàn toàn chiếm được thành. Tàn quân địch tháo chạy về phía tây bắc, tức là ra Hóc Môn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Tư khấu Uy cho quân về thành báo tin đã đánh bại được đám tàn quân địch ở Hóc Môn, nhưng chiến công chưa được trọn vẹn vì không biết được Lý Tài, Tân Chính vương và Thái Thượng vương (Duệ Tôn). Phía ta Tuần sát Huyền bị tử trận.

Chủ tướng cho lệnh thu quân để chỉnh đốn đội ngũ. Cuộc đánh chiếm thành Gia Định hoàn tất.

*

* *

Lã cũng có ghi lại từng đoạn rời về cảnh Bến Nghé sau khi quân Tây Sơn đã chiếm được thành: (chữ Hán dịch Nôm)

* Dân chúng tụ họp cất nhà quanh những khu chợ và gò đất cao. Mà chợ thì lập ngay trên bến ghe, dọc theo các bờ rạch lớn và bờ sông. Hai khu phố nhà cửa san sát tường xây mái ngói có vẻ giàu có nhất là: Khu chợ ở hai bên rạch Sa Ngự và khu chợ Sài Côn dọc hai bên con đường nối liền vùng Thị Nghè với Phú Lâm. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá giàu có và đông đúc như vậy. Nhưng khi chúng tôi vào, thì cửa nhà nào cũng đóng kín. Đằng sau những cánh cửa lớn mở hé hé vừa đủ để len lén nhìn ra ngoài đường vắng hoặc đằng sau những cánh cửa sổ nhỏ có che rèm, tôi biết chỉ còn những ông già bà cả, con nít và phụ nữ lam lũ đứng tuổi ở lại. Trai tráng đã trốn đi để khỏi trở thành lính Hòa nghĩa hoặc kẻ bị tình nghi là lính Hòa nghĩa. Cho nên phía sau cái bề mặt lặng lẽ, buồn hiu của một vùng phố vừa đổi chủ, biết bao nhiêu nỗi lo âu, hồi hộp, biết bao nhiêu nỗi run sợ vì những rủi may bất trắc của thời loạn. Chắc hẳn người ta sợ đến cả tiếng tim đập và tiếng thở của mình. Những điều ấy dễ đoán thôi, vì là qui luật chung của đời sống thời loạn!

Tôi cũng đã chứng kiến những cảnh khác của cái qui luật khắc nghiệt ấy và có báo lại với anh Phụ chính (Nguyễn Huệ). Sau một thời gian quá ngắn (đủ để những kẻ bạo gan hết bàng

hoàng), bọn hôi của bắt đầu hoành hành. Đầu tiên chúng ăn trộm của cải những nhà lân cận đã tản cư bỏ lại căn nhà trống, và chỉ khuân về nhà mình những thứ lặt vặt cần thiết và dễ giấu. Nhưng hành nghề đạo tặc cơ hội được ít lâu, chúng nổi lòng tham, và trở nên táo tợn hơn. Phạm vi hoạt động của chúng mở rộng. Chúng cướp của cải cả ở những nhà có chủ. Chủ nhà biết mặt biết tên chúng mà không dám tố cáo. Lính Tây Sơn ở xa, còn mũi đao của bọn trộm cướp thì kề sát lưng. Sự khôn ngoan khuyên họ giữ im lặng, làm như không thấy bọn trộm khuân đồ đạc của mình bằng cách giả vờ ngủ, hay lánh mặt đi. Phải thật lâu về sau, khi bọn cướp đã bị chém bêu đầu giữa chợ, các nạn nhân mới dám thì thào kể lại những thứ họ bị cướp mất.

Một điều thật bất ngờ đã xảy ra sáng hôm nay. Sau một đêm căng thẳng vì đe dọa của bất trắc, Bến Nghé thức dậy đã thấy cờ đào phát phới trên từng mái nhà. Cả đến chúng tôi cũng kinh ngạc. Chúng tôi đã kịp ra lệnh cho dân chúng may cờ đỏ để treo trước từng nhà đâu! Thế mà tại sao đâu đâu cũng phát phới cờ đào cả?

Về sau truy ra mới biết có một bọn lưu manh may cờ Tây Sơn, đem đến bán từng nhà với một giá cắt cổ. Ai dám từ chối nào? Không mua cờ Tây Sơn tức là đồng đảng của quân Hòa nghĩa. Lại thêm anh là Hoa kiều; một chúng có nỡ để buộc tội anh! Vụ bán cờ nhanh chóng lan ra như một trận dịch, và tạo nên biến cố bất ngờ!

Đã có nghiêm lệnh loan cho dân chúng phải tố cáo và dẫn nộp bọn quan quân Chúa Nguyễn còn ẩn nấp trốn tránh trong nhà, ai cố ý nuôi dưỡng che giấu chúng sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời để tạo sinh hoạt bình thường, lệnh bắt buộc các chủ phố phải mở cửa buôn bán trở lại.

Lệnh trên được tuân hành răm rắp, nhưng tuân hành có một nửa. Cửa phố mở một cánh đóng một cánh, hàng hóa bày ra chỉ là những thứ lặt vặt không có giá trị. Tuy thế, chỉ trong vòng một buổi sáng, những cửa hàng bán chao, bán mắm, bán muối, bán củ bị tràn ngập. Người ta chen chúc giành giệt nhau một hũ chao hôi hay một túi muối nhỏ. Giá bao nhiêu cũng mua.

Bọn vô lại giở thêm mách mới. Chúng giả làm lính Tây Sơn (điều này quá dễ, vì chúng tôi ăn mặc lôi thôi, có gì mặc nấy, đi chân đất cầm giáo), đến các cửa hàng giàu có bảo có người tố cáo nhà này có chứa lính Hòa nghĩa. Chúng xô cửa vào nhà để khám xét, và chỉ bỏ đi sau khi chủ nhà nộp cho chúng tiền bạc hoặc sau khi chúng cướp được những thứ khá đắt giá. Riêng một mình tôi không thôi, đã nhận được hàng chục đơn tố cáo bọn cướp làm ăn theo cách đó.

* Một số khá đông quan quân chế độ cũ bị dẫn đến giao nộp. Quá nửa số này bị tố cáo oan vì tư thù. Số còn lại gồm bọn lính Hòa nghĩa bị thương. Không chạy kịp, hoặc bọn ăn quịt say rượu có "thành tích" mà các chủ quán rượu nhớ mặt. Một số nhỏ là bọn Ký lục chậm chân. Thân nhân những người bị bắt thất thế dắt díu nhau theo chồng, theo cha, anh, em... một đoạn xa, như đi đưa đám táng.

* Phố xá đã lấy được đôi chút sinh khí. Cửa lớn từng nhà đã mở rộng, trừ nhà vô chủ. Nhờ vậy chúng tôi thấy số gia đình có điều kiện tản cư chạy loạn trước khi chúng tôi đến đây không nhiều. Họ thuộc vào hạng giàu có, sẵn ghe thuyền và thế lực. Nghe đâu giá một chiếc ghe loại trung đã tăng gấp mười lần bình thường.

Để anh em quân sĩ Tây Sơn bớt căng thẳng tinh thần sau giai đoạn mệt nhọc nguy hiểm, đã có lệnh cho phép từng toán trên mười người đi dạo phố chung với nhau. Sở dĩ phải buộc đi thành từng toán đông đảo, là vì đã xảy ra những vụ ám sát, bắt cóc hoặc phục kích lẻ tẻ ở các góc phố hẹp, quanh co. Thế là lần đầu tiên nhiều người dân nghèo chân đất ở Qui Nhơn có dịp nhìn ngắm một thành phố giàu có ở vùng cực nam xa xôi, và lần đầu tiên dân Gia Định được nhìn

thật gần (mà không còn phải nem nếp sợ hãi) những người lính ăn mặc đơn giản, đi chân không, mặt mày hiền hậu, tay cầm giáo, đi lại giữa hai dãy phố ngói, gặp gì cũng trầm trồ bàn tán, nhìn ai cũng kinh ngạc thích thú. Đến đâu họ cũng hỏi trái này là trái gì, món này giá bao nhiêu. Tuy chủ phố đã hạ thấp giá hàng xuống còn phân nửa, họ vẫn bồn thần suy nghĩ, xì xào bàn tán với nhau thật lâu rồi lắc đầu bỏ đi với vẻ tiếc nuối.

Dân Gia Định kinh ngạc hơn hết là vẻ hiền hòa, và tinh thần kỷ luật của họ. Thật khác xa với bọn Hòa nghĩa hay Đông sơn. Họ hiền hòa đến nỗi dân Gia Định đâm hoài nghi, không tin những con người này là những kẻ đã khiến quan quân nhà Nguyễn khiếp vía chạy dài. Họ không biết, hoặc không nhớ rằng quân Hòa nghĩa đã từng ở trong hàng ngũ Tây Sơn trước khi trở mặt phản bội, kéo vào đất này. Nhớ đến ý kiến của anh Huệ về quá trình thanh lọc của lịch sử, thấy đúng quá!

Quá trình đó sẽ tiếp tục. Phải tiếp tục, vì không phải toán quân Tây Sơn nào cũng hiền hậu, kỷ luật cả. Cũng có người to tiếng đe dọa để mua hàng với giá rẻ mạt. Cũng có người ham sắc mà bị giết thả trôi sông mất xác. Nhưng số đó quá ít ỏi. Đó là điều đáng mừng!

*

* *

Chợ Tân Kiểng là một chợ thuộc loại lớn của vùng Sài Côn. Chợ nhóm rất đông đúc lại nhiều mặt hàng, quanh chợ là vườn tre cây cối um tùm, ngày Tết nổi danh khắp Gia Định vì những giàn đu tiên (kiểu như cái xe đạp nước khá to, rộng vành, có treo đong đưa chừng sáu chiếc ghế, mỗi ghế một người ngồi. Bánh xe xoay tròn, ai ở dưới sát đất thì đạp mạnh lấy trớn cho bánh xe quay không ngừng. Người quay đu tiên thường phải mặc quần áo thật đẹp để). Chính tại chợ này mà Nguyễn Đăng Trường quan Tham tán của Tân Chính vương bị Tây Sơn bắt, khi ông giả dạng làm một thầy thuốc bắc vào chợ dò la tình hình địch.

Chức vụ quan trọng của ông khiến Trường bị giải ngay đến gặp Nguyễn Huệ. Quan Phụ chính nhớ ngay nhà nho khí khái mình đã không thuyết phục nổi ở Qui Nhơn. Huệ sai Lãng bụng cái ghế bọc gấm của phủ Gia Định cũ ra mời viên Tham tán ngồi, lại sai lính hầu mang trà ngon ra mời. Lính áp giải sợ sẩy mất một tù binh quan trọng nên cột tay Trường hơi chặt. Máu bầm tụ thành một vòng sẫm tím ở hai cổ tay. Tuy đau buốt và mệt mỏi, Trường vẫn cố lấy hết can đảm và khí tiết để ngồi thẳng lưng trên ghế, đường hoàng đưa tay nhận chén trà Huệ rót mời. Mùi trà Tàu hảo hạng khiến Trường tỉnh táo, bình tĩnh hơn. Cho nên khi Huệ hỏi:

- Nhà thầy vẫn mạnh giỏi đấy chứ?

Viên Tham tán đáp với giọng sang sảng, gần như thách đố:

- Có bao giờ tôi đau yếu đâu! Cảm ơn ông, lúc nào tôi cũng mạnh.

Huệ cười mỉm, rồi hỏi:

- Ngài Bảo giá Đại tướng quân của nhà thầy ra sao? Nghe nói nhà thầy vào đây làm quân sư cho tướng quân phải không? Kể ra nhà thầy cũng khéo chọn người để phò tá đấy chứ!

Trường tức giận vì bị sỉ nhục, nhưng vẫn gắng bình tĩnh đáp:

- Tôi vào đây để làm tôi trung của chúa, chứ không làm quân sư cho tên giặc khách. Đấng trượng phu thà chết chứ không hầu hạ bọn giặc nào, dù giặc khách hay giặc nam.

Tai Nguyễn Huệ đỏ lên, nhưng ánh mắt vẫn long lanh thích thú, miệng vẫn mỉm cười. Huệ nói:

- Nhà thầy quanh co làm chi! Tân Chính vương phong cho Lý Tài chức Bảo giá Đại tướng quân vì nhờ có tên giặc khách trá trở đó mới cướp được cái ngôi vua lung lay của Duệ Tôn ở chùa Kim Chương. Đấy nhà thầy xem, tôi am tường chuyện nhà thầy lắm. Vâng, tại chùa Kim

Chương đã xảy ra cảnh giành giật nhau một chiếc ghế chân gầy, dưới sự giám sát của một tên giặc khách. Hôm đó nhà thầy có mặt ở chùa Kim Chương hay không? Chắc chắn là phải có mặt rồi. Thầy giữ chức Tham tán, bề mặt là bề tôi của Tân Chính vương nhưng thực tế là bề tôi của Lý Tài. Chữ "trung" của thầy quanh co lắm nhĩ!

Viên Tham tán chậm rãi đáp:

- Kể tiểu nhân, bọn đạo tặc, thì nhìn ngay ra cong, nhìn sáng thành tối, đâu thấy được lẽ quyền biến ở đời. Tên giặc khách đó chẳng qua như cái gậy để chống khi leo núi, đôi giày để mang khi bước qua một chỗ lầy lội. Ta không cần ra tay mà hắn tự giết mình, đấy là mệnh trời chứ sức người đâu có đủ để khiến như vậy!

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Lý Tài tự vận ư? Đến lúc này mà nhà thầy còn vẽ vờ chuyện hoang đường làm chi? Cả đạo quân Hòa nghĩa của nhà thầy tan tác ở Hóc Môn, hắn không chết rấp đâu đó thì cũng ráng chui rúc lẩn trốn để tìm đường trở lại làm "ngài bảo giá", chứ đại gì mà tự vận.

Viên Tham tán cười nhạt đáp:

- Hóa ra ông chưa biết. Việc này cũng chẳng nên giấu ông làm gì. Tên giặc khách đó chết rồi. Điều đó chắc ông biết, vì nếu chưa chết, hắn đã huênh hoang miệng lưỡi cho tất cả thiên hạ nghe thấy rồi. Nhưng vì sao hắn chết? Điều này chắc chắn ông chưa biết. Ở tận Hóc Môn, đang khi dàn quân đánh với các ông chưa phân thắng bại, Lý Tài thấy có một toán quân cò xí xa xa từ Cần Giuộc kéo đến. Đó là quân của Tổng Phước Thận đến tiếp viện. Nhưng lòng dạ bọn đạo tặc nhìn đâu cũng thấy cái xấu, nên Lý Tài tưởng là quân Đông sơn nhân cơ hội đến đâm sau lưng mình. Hắn cho quân Hòa nghĩa giải tán. Nhờ thế quân các ông mới được dịp xông tới, đuổi theo các toán lính đang hoang mang, hỗn loạn. Lý Tài bị bao vây, chỉ có một đường thoát là chạy về phía Ba Giồng. Trời cao có mắt, hắn sợ Đông sơn thì trời xui cho hắn chạy về Ba Giồng nộp mạng cho Đông sơn. Chúng tôi ném chiếc giày bắn như vậy đấy!

Lòng Huệ rộn rã, nhưng viên tướng trẻ tuổi vẫn giữ được nét mặt điềm nhiên. Với một giọng lơ đãng khinh thường, Huệ gật gù bảo:

- Chết về tay ai thì cũng là chết. Chắc Đỗ Thành Nhân không dành cho tên phản trặc đó một cái chết êm dịu, nhanh chóng đâu. Thôi, hãy để cho hắn yên giấc! Hãy trở lại chuyện nhà thầy. Nhà thầy còn nhớ lời tôi nói với nhà thầy ở Qui Nhơn chứ?

Nguyễn Đăng Trường bậm môi rồi đáp gọn:

- Nhớ!

Huệ cười, rồi nói:

- Tôi cũng nhớ. Tôi đã thưa với nhà thầy: "Tiên sinh đi như thế, chẳng khác nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi làm sao được. Tôi chỉ sợ có ngày tiên sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi".

Trường đồng dục đáp:

- Tôi cũng nhớ đã đáp lại ông rằng: Bậc đại trượng phu lấy trung hiếu làm đầu. Tôi thờ mẹ tôi, rồi thờ chúa, việc ấy thật quang minh, không có gì đáng hối hận về sau cả!

Huệ tức giận hỏi:

- Nhà thầy bảo quang minh được ư? Nhà thầy học thức bậc ấy, khí tiết bậc ấy, tuổi tác bậc ấy, mà cúi đầu phò tá một tên con nít được Trương Phúc Loan bày cho đủ trò đâm loạn đến nỗi thành kẻ bắt lức (Duệ Tôn), sau đó lại cúi đầu phò tá một tên hèn nhát dựa vào sức bọn đầu trộm đuôi cướp để giật ngôi vua, mà còn tự xem là quang minh! Chẳng lẽ đến lúc này mà nhà

thầy chưa thấy tâm địa xấu xa của chúng, mà còn bo bo ôm lấy cái chữ trung móp méo nghiêng lệch. Nhà thầy chưa thấy ân hận hay sao?

Viên Tham tán lớn giọng đáp:

- Ta không có gì phải ân hận.

Huệ thất vọng thở dài, rồi chán nản nói:

- Thôi được. Tôi không còn cách nào khác nữa! Thầy sẽ được toại nguyện, một cách êm ái, nhanh chóng.

Trước khi chết Trường mới bắt đầu hoang mang, tự hỏi không biết mấy chữ CHÍNH VỊ, ĐẠI ĐẠO trong sách Mạnh Tử: "Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo, đắc chí dĩ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" có phải đúng là chỗ mình đứng, đường mình đi bao lâu nay không!

(1) Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, tr 196-197.

(2), (3) Tài liệu viết tay của Sơn Nam

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 43

Trang nhật ký cũng như trong cuộc hội kiến gay go giữa Huệ và Nguyễn Đăng Trường, Lãng không dám nói đến Chinh. Sự phản bội của Chinh đã trở thành điểm nhạy cảm của gia đình ông giáo, một nỗi ám ảnh luôn luôn dày vò khiến mọi người trong gia đình thao thức, nhột nhột, thiếu hẳn tự tin trước anh em Nhạc. Họ sợ cả những gì động chạm xa gần đến Chinh. Cho nên ngay từ lúc vào được thành Gia Định, Lãng đã tìm mọi cách tìm kiếm tin tức anh một cách kín đáo âm thầm. Lãng không muốn cho ai biết mình là em ruột Chinh, cũng không muốn bất cứ ai trong đội quân Tây Sơn biết mình đang tìm dấu vết người anh phản bội.

Khi Nguyễn Đăng Trường cho Huệ biết Lý Tài đã chạy về Ba Giồng và bị quân Đông Sơn giết chết, Lãng hồi hộp, muốn hỏi ngay viên Tham tán xem lúc đó Chinh ở đâu, đã chết hay còn sống. Nhưng Lãng lấy hết can đảm mà vẫn không mở lời nổi. Anh thấy ba người lính lực lưỡng dẫn Trường đi khỏi phòng, chân muốn chạy theo mà không tài nào nhấc bàn chân lên nổi. Trường chết ngay đêm hôm ấy, Lãng ngẩn ngơ tiếc, không phải tiếc cho một nhà nho cố chấp mà tiếc không còn dịp hỏi tin anh nữa.

Từ đó về sau, Lãng tìm mọi cơ hội để dò la tin tức Chinh. Anh được Huệ giao cho việc tiếp xúc với các đại diện các bang Hoa kiều để nắm vững tình hình dân cư và kinh tế ở những khu phố khách. Không có việc nào vừa ý nguyện của Lãng hơn! Lấy cớ phải trực tiếp đến các phố Hoa kiều ở Sài Côn và hai bên rạch Sa ngư, nếu cần phải lên tận cù lao Phố (Biên Hòa) để tìm các số liệu chính xác, Lãng gặp được nhiều người trước đây có đi lại, quen biết với đám thân cận quanh Lý Tài. Nhắc đến tên Chinh, có nhiều người không biết. Nhưng mô tả hình dáng, nói thêm gốc tích Chinh là con của người làm quân sư cho Tây Sơn ở Qui Nhơn, hầu hết mọi người Lãng hỏi đều ồ lên vui mừng, và trả lời có gặp Chinh. Những điều họ nói với Lãng về Chinh càng khiến Lãng đau đớn, lo âu thêm.

Có người bảo:

- Thằng con phản bội đó hả? Thôi, nói làm chi cái tên “phá gia chi tử” đó. Hắn phản cha phản chúa, vào đây để làm cái gì? Để qui lụy, khúm núm còn hơn kẻ tôi đòi, dưới trướng tên cướp biển, tên bạo chúa họ Lý. Bây giờ hắn ở đâu ư? Chắc chắn nó theo sát Lý Tài, nên phải bị quân Đông Sơn băm vằm thành mắm rồi.

Người thì bảo:

- Vì sao hắn bỏ con đường chính mà vào đây? Trước kia anh em chúng tôi thường hỏi nhau như vậy, khi nghe Lý Tài khoe hắn đã chiêu hồi được đứa con cưng của quân sư Qui Nhơn. Không ai trong chúng tôi trả lời được. Chúng tôi tiếc giùm cho hắn. Về sau thấy hắn mê rượu chè, cùng với bọn Hòa nghĩa tàn ác tham lam lê la khắp các xóm yêu hoa, chúng tôi liền hiểu. Hắn phản cha chỉ vì ham rượu ham gái đấy thôi. Hắn chỉ là con heo hôi thối, nên có lẽ cũng đã chết như

một con heo hôi thối. Các chủ quán rượu và bọn ca kỹ chắc phải cúng tạ trời đất khi biết chắc chắn hăn đã chết. Mà...mà ngài hỏi làm chi cho kỹ vậy? Tên Hòa nghĩa nào lại không đành điểm như thế!

Người khác lại nói:

- Có biết thằng Chinh không ư? Xin lỗi ngài, chúng tôi ớn hăn đến tận óc. Mỗi lần thấy hăn dạo phố là đàn bà con gái phải cúi mặt xuống, trốn thật kín trong xó tối. Nó mà trông được mặt người đàn bà nào kha khá một chút, tôi bảo kha khá coi được một chút chứ không phải đẹp, thì ngay sau đó...

Lãng bực dọc cật vấn:

- Đâu đến nỗi tệ thế. Lúc còn ở Qui Nhơn, hăn đành hoàng đứng đắn lắm mà!

Người được hỏi hơi ngơ ngác một chút, rồi lấy giọng sôi nổi, chế giễu nói tiếp:

- Có thể như vậy lắm. Ở với các ngài, nó dám dỏ thói xấu ra đâu. Nhưng vào đây chung đụng với bọn trộm cướp ham mê tửu sắc, bao nhiêu chân tướng của hăn lộ ra hết. Nếu nó không đại dột phản bội các ngài thì đâu đến nỗi!

Một tên Ký lục khai:

- Nhờ theo sát bên cạnh Lý Tài, anh ta bày đủ thứ trò để làm khổ dân. Nhiều lúc thấy dân kêu van quá, chúng tôi có nhờ anh ta thưa lại với Lý Tài xin châm chế chút ít cho dân nhờ. Tại vì xưa nay chúng tôi làm gì cũng lấy phước đức làm đầu nên dân họ thương, nhờ khiếu nại giùm. Ngài biết không anh ta chẳng những không thềm nghe hết lời chúng tôi, mà còn dọa chém chúng tôi. Nếu không được các ngài giải thoát cho, không biết đến bao giờ chúng tôi mới được thoát cái nạn Hòa nghĩa. Chắc thời còn ở Qui Nhơn, hăn cũng quen thói vô phép như thế chứ ă? Đại loại những lời bọn buôn bán người Hoa kiều, hoặc bọn giám quân ký lục kể về Chinh đều độc địa như vậy! Độc địa quá mức đến nỗi Lãng đâm ngờ. Lãng biết không bao giờ Chinh dám buông tuồng quá đáng như họ nói. Thích say sưa náo nhiệt, thích đâm đá, thích trò bạo lực, điều đó đúng là những bản tính của Chinh. Nhưng mê đắm tửu sắc, hèn hạ quỵ lụy trước Lý Tài, trời ơi! Không thể nào như thế được. Chắc hẳn họ đã dùng hết sức cố gắng bôi xấu Chinh cho vừa lòng Lãng. Và họ nói láo vì sợ hãi, vì ham sống, thế thôi!

Không thềm âm thầm dò tìm trong đám con buôn Hoa kiều nữa, Lãng quay tìm ở các lời khai các tù binh của quân Đông Sơn. Những người lính chơn chất, mộc mạc này xác nhận: Lý Tài bị Đông Sơn phục kích giết ngay từ khi hăn vừa chạy đến khu vực Ba Giồng. Đám bộ hạ của Lý Tài người thì chết, người liêu lĩnh mở đường máu chạy ra Bình Thuận, người bị Đông Sơn bắt. Hỏi riêng tin tức Chinh, họ không biết gì. Lãng thất vọng nghĩ rằng khó tìm ra dấu Chinh trong cảnh hỗn loạn bát nháo này.

*

* *

Huệ ngồi đọc cuốn “nhật ký chiến dịch” của Lãng bên cạnh cây đèn sáp vàng óng có hình con rồng nổi quẩn ngược từ ngọn bắc cho đến chân nến. Buổi chiều, khi lần đầu tiên Huệ hỏi Lãng về cuốn nhật ký, Lãng bối rối đỏ mặt như xấu hổ. Phản ứng đó gợi tò mò thích thú cho Huệ, và viên Phụ chính trẻ tuổi của triều Tây Sơn càng nhất định đòi đọc cho bằng được. Lãng vừa run run đưa cuốn giấy bản cho Huệ vừa lí nhí xin lỗi:

- Em chép lộn xộn chẳng ra làm sao cả. Tướng quân đừng cười!

Huệ đã quen tai với những lời xưng tụng trang trọng của kẻ dưới, nhưng chưa quen với cách gọi của Lãng. Huệ tròn mắt nhìn Lãng hỏi:

- Sao hôm nay Lãng bày trò khách sáo thế? Thì hãy chờ đọc đã nào!

Quả nhiên, Huệ thấy Lãng ghi lộn xộn thật. Đây là một tập “quân trung tùy bút” hơn là một tập nhật ký quân sự. Nhưng chính cái chất chủ quan, riêng tư, chính sự lộn xộn tùy hứng của cuốn nhật ký đã khiến Huệ thích thú, hào hứng.

Huệ đọc một mạch cho đến khuya, đặc biệt Huệ chú ý đến ghi chú của Lãng về cuộc khẩn hoang ở Bến Nghé và các khu hợp chợ quanh thành.

Trang nhật ký Lãng đã chép: (dịch nôm)

“Vùng Gia Định là đất mới nên không có sự ràng buộc khá chặt chẽ giữa tá điền và điền chủ như ở làng ngoài: thích thì họ ở, buồn họ đi. Ở mỗi làng xã số dân đinh không cần nhiều.

Chừng ba mươi người đứng tên chịu đóng thuế là hợp thủ tục để lập làng mới. Vì vậy dân đinh hợp pháp đều là những điền chủ có tiền loại giàu có hoặc khá giả. Tá điền có quyền không ghi tên vào bộ sổ để rồi họ tùy thích sống theo qui chế dân lậu. Nhưng đã dân lậu thì họ không được vào ban hương chức, không được dự tiệc cúng đình làng, không được kiện cáo bất cứ ai khi bị áp bức. Trái lại, nếu có ai tố cáo họ thì họ bị xem như có lỗi trước. Họ sống bình bình rày đây mai đó, làm ruộng dạo, làm vườn từng ngày hay từng buổi. Có thể họ không biết tiết kiệm, không lo gom vốn làm ăn nhưng xét đời sống quá dễ dàng ở Gia Định trước kia và hiện nay thì họ còn quá nhiều chỗ dung thân. Cho nên mới có câu nói đùa: trời sinh ra người, người nào cũng có lộc nhiều lộc ít. Đất sinh cỏ, cỏ nào cũng có rễ ngắn rễ dài...”

Nguyễn Huệ đọc đến đây thì dừng lại. Ông cảm thấy nhận xét của Lãng có gì không được ổn. Đọc lại lần nữa, ông thấy Lãng mâu thuẫn một cách ngây thơ, dễ dãi. Căn cứ vào điều kiện sinh sống thuận lợi của Gia Định, Lãng đã suy ra rằng: những người nông dân chân lấm tay bùn không có đất cắm dùi phải đem thân làm tá điền cho nhà giàu nhiều ruộng vẫn được quyền tự do tùy thích sống theo ý mình. Lãng viết: “họ sống theo qui chế dân lậu tùy thích. Thử xem dân nghèo sống ngoài bộ sổ của nhà nước được tùy thích như thế nào? Chính Lãng đã kể: họ tùy thích ở ngoài các ban hương chức ở nông thôn, tùy thích đứng tận ngoài ngõ xa thềm thường nhìn các dân đinh giàu có ăn tiệc cúng đình, tùy thích không được kiện cáo ai, và nếu ai có kiện cáo họ, thì họ tùy thích giơ lưng gánh chịu tất cả mọi phần thua thiệt, tội lỗi. Tùy thích được sống bấp bênh, nay đây mai đó, và nếu bỏ ruộng điền chủ cũ mà chưa tìm ra điền chủ mới, thì tất nhiên họ tùy thích được nhịn đói. Vì dù trời đất Gia Định mưa thuận gió hòa (một gia thóc cấy xuống rồi giao cho trời đến mùa có thể thu được vài trăm gạ như sử có chép) nhưng không có lúa thóc nào vô chủ, tự mọc tự mấy hạt. Thử bứt một gié lúa nhai cho đỡ đói xem! Họ sẽ tùy thích mang gong cho đến bạc đầu trong xó ngục. Làm gì có một đời sống thơ thới tùy thích khi dân nghèo Gia Định bị đẩy ra khỏi sổ bộ hợp pháp, làm ruộng dạo làm thuê ngày, lòng băng khuâng ổn định cho chính mình, hướng chi nói đến các ước vọng cho tương lai. Đã đành ai cũng thể nói đùa để tự an ủi mình. Nhà nho lạc độ nghèo đói thì đùa “Quân tử thực vô cầu bảo”. Dân nghèo Gia Định cũng có cách nói đùa riêng để quên nhọc nhằn, đói khát, lạnh lẽo, tuyệt vọng, phần nộ... Nhưng tất cả những câu đùa cợt chua chát ấy không nói được gì khác ngoài sự đau khổ trước bất công của nhân sinh. Huệ lấy bút lông chấm mực khoanh vòng hai chữ tùy thích của Lãng, rồi đọc tiếp qua phần ghi chú các chợ Bến Nghé.

“Chợ ở Bến Nghé”

Chợ Bến Thành: bến ghe lớn nhất của Gia Định, ở sát mé sông lớn. Chợ họp hai bên bờ rạch Sa ngư có cầu ván bắc ngang. Hai bên gầm cầu và chạy dài theo rạch là dãy phố ngôi bán trăm thứ hàng hóa.

Chợ Bến Sỏi: họp sát dọc bờ sông. Sở dĩ gọi là Bến Sỏi vì bờ sông đoạn này nhiều sạn sỏi, khiến doi đất cứng, bờ sông khỏi bị lở, dùng làm bến tắm ngựa, voi.

Chợ Điều khiển: ở khu vực đồn Dinh.

Chợ Nguyễn Thực: Thành lập năm 1727 do Nguyễn Thực từ phủ Quảng Ngãi đến khai phá rừng hoang và lập chợ.

Chợ Thị Nghè: ở sát bờ phía bắc rạch Thị Nghè.

Chợ Xã Tài.

Chợ Tân Kiểng: quanh quần vùng đình Tân Kiểng. Thời trước, chợ có khi được dùng làm pháp trường xử tội nhân. Chợ nhóm sung túc, ngày Tết nổi danh với những giàn đu tiên.

Chợ Sài Côn: họp ở hai bên quan lộ, người nam người khách ở lẫn lộn, phố dài hơn hai dặm (1km5) với đường nhỏ xẻ ra từng ô. Cảnh mua bán tấp nập, người Tàu vẫn duy trì tập tục với các đền miếu thờ Quan Công, Mã Hậu, Ông Bồn. Họ thường bày ra các lễ lạc tốn kém, có kèn trống huyền ảo. Nhiều chợ nhỏ khác ở chung quanh Sài Côn của các xóm chuyên nghiệp. Phía tây sát Sài Côn là chợ Phú Lâm.

Xem qua sinh hoạt ở các chợ, tôi có vài nhận xét như sau:

- Các nhà buôn lớn đều của người Tàu, người nam chỉ biết mua bán nhỏ, đem hàng từ chỗ nhiều đến chỗ ít để kiếm lời đủ tiêu xài hàng ngày mà thôi.

- Người có tiền bất kể là người nam hay khách trú đều lấy những điều xa xỉ theo lễ thói Trung Quốc để định sang hèn. Từ quan to đến quan nhỏ nhà cửa chạm trổ, tường xây bằng gạch đá, trướng vóc màn the, đồ dùng toàn bằng đồng bằng sứ, bàn ghế bằng gỗ đàn gỗ trắc, ẩm chén bằng sứ, yên ngựa dây cương đều nạm vàng nạm bạc, quần áo là lượt, nệm hoa chiếu mây, lấy phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau.

- Dân nghèo ở các phố sống bấp bênh bằng nghề làm thuê, khuôn vác hàng hóa ở bến ghe, chạy mỗi hàng ở chợ búa, thậm chí còn sống bằng các ngón trộm cắp lật vặt. Họ thường tụ họp rượu chè say sưa sau một ngày lao động vất vả, cười nói bi bô rồn rảng có vẻ trọng nghĩa khinh tài. Người ta gọi chung họ là dân “giang hồ tứ chiếng”.

*

* *

Những ghi chú của Lãng giúp Huệ hiểu rõ hơn những điều nên làm. Cuộc tranh luận giữa hai anh em Huệ, Lữ sáng hôm sau có phần là dư vang những suy nghĩ của Huệ đêm hôm trước. Chính Huệ gợi ý nên có một cuộc bàn luận thân mật và thẳng thắn giữa hai anh em để vạch trước những điều phải làm. Tháng Ba đã qua, họ bắt đầu bước vào tháng Tư Đinh Dậu. Những kẻ thù chính đã lọt mả lưới đầu. Tân Chính vương được Tổng Phước Thận giúp đỡ đã trốn về được tận rạch Chanh. Duệ Tôn thì được bốn nghìn quân Đông Sơn rước về Tài Phụ. Nghe đâu Duệ Tôn đã cho dàn quân để chờ Tây Sơn tới.

Hai người trẻ tuổi chưa quen mấy với những vấn đề như tổ chức cai trị, ổn định trị an ở một vùng đất hoàn toàn xa lạ vừa chiếm được, nên cảm thấy yên tâm hơn khi dựa lưng lẫn nhau mà chịu trách nhiệm với anh cả ngoài Qui Nhơn.

Huệ hỏi Lữ trước:

- Ý anh Bảy thế nào? Nhất là chuyện bảo đảm trật tự và an ninh ở vùng Bến Nghé này.

Lữ lim dim cặp mắt làm như suy nghĩ một lúc, rồi hỏi lại:

- Ý chú thế nào?

Huệ đoán thế nào anh cũng nhường lời cho mình, không câu nệ khách sáo, hào hứng trình bày

những điều đã suy nghĩ cả đêm qua:

- Thăng Lãng có vẻ phát phơ thể mà cũng làm được khá nhiều việc. Nó la cà ở các phố Tàu hỏi thăm người này người nọ, ghi chú được vài điều lý thú. Anh Bảy rảnh thì đem về xem qua cho biết.

Lữ vội xua tay từ chối:

- Thôi, anh nhiều việc lắm, không có thì giờ đâu. Chú đọc rồi phỏng? Có gì hay nói tắt anh nghe thử coi!

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị nói thật lâu:

- Anh cả đã giao cho hai anh em ta việc tiêu diệt cho hết đám vua quan nhà Nguyễn đang trốn nấp tại đây. Công việc ấy, ta mới làm được phân nửa, là đánh chiếm thành Gia Định. Phần này dễ. Phần khó còn lại là truy lùng đến tận hang ổ chúng. Cái hang ở Tài Phụ có lẽ hiểm hóc khó khăn hơn cái hang bên bờ rạch Chanh. Nhưng em tin chắc dù khó đến đâu, ta cũng làm được. Điều khiến em lo nghĩ, là sau khi dẹp tan bọn vua quan nhà Nguyễn, ta phải làm gì nữa? Chẳng lẽ lại vét hết thóc kho và hàng hóa ở các phố chợ, chất lên ghe, giong buồm tềch về Qui Nhơn như năm ngoái? Làm như vậy thì đơn giản và dễ dàng quá.

Lữ cầu nhàu:

- Không dễ như chú tưởng đâu. Nội việc tìm cho ra mấy trăm chiếc ghe bầu cũng đã khó rồi. Đây là năm trước ta vào lần đầu chúng bị bất ngờ ghe thuyền còn bỏ lại đầy bến. Năm nay chúng biết trước. Chú thấy không, ngoài biển chính dọc rạch Sa Ngư và chợ Sỏi chỉ lác đác vài chiếc xuồng hư. Không đơn giản dễ dàng như chú nghĩ đâu!

Huệ chờ anh nói hết, mới tiếp:

- Vâng, em không dám nghĩ là dễ, nhưng có một điều khó khăn gấp bội chuyện chở thóc về. Nếu có anh cả ở đây thì chúng ta khỏe thân khỏe phải lo lắng. Nhưng anh cả không có ở đây. Anh với em phải quyết định mọi sự. Diệt xong đám tàn quân hiện ẩn nấp ở Tài Phụ và rạch Chanh, nếu ta bỏ về thì lại có bọn trung thần ngu xuẩn cố chấp nổi lên xưng hùng xưng bá, hoặc đám cháu chắt của họ Nguyễn lại giương cờ khôi phục. Không thể như thế được. Diệt được họ Nguyễn, đất Gia Định phải nhiều này thuộc về Qui Nhơn, ta phải đặt guồng cai trị từ trên xuống dưới để giữ dân, giữ đất, thu thuế, trưng bình... Ta giao việc đó cho ai đây? Cho mấy tên chủ ruộng giàu có hiện đã đem vợ con đi trốn tận Cà Mau, Hà Tiên ư. Cha mấy chú khách ở Cù lao phố hoặc Sài Côn, mấy chú con buôn tiền bạc đầy túi đã từng cung đốn lương thực cho Lý Tài, Đông Sơn ư? Cho mấy tay anh chị ăn nói lớn lối sặc hơi rượu ở các bến ghe ư? Thành phần nào đáng cho ta tin để giao việc cho họ?

Lữ im lặng không trả lời, mắt nhìn lên mái đình. Huệ tiếp:

- Em thấy thành phần xã hội ở đây có khác với ngoài mình. Ở các vùng đất cũ ổn định từ lâu đời như Quảng Nam, Thuận Hóa, chỉ có hai lớp người chính yếu là bọn chủ ruộng giàu có và hạng tá điền nghèo túng. Bọn hương chức phần lớn là bà con anh em xuất thân từ hạng có của, vì chỉ có hạng có của mới đủ sức cho con em đi học và có vai vế trong thôn xóm. Quan lớn quan nhỏ gì từ Thuận Hóa về địa phương cũng phải dựa vào bọn chủ điền này để cai trị. Người buôn bán còn ít, vốn liếng, ngay như vốn liếng nhà ta thời buôn nguồn cũng không được bao nhiêu. Quan trên không tin cậy giới buôn bán bằng giới điền chủ. Anh cả được chức biện lại Vân Đồn kể như trường hợp hi hữu.

Ở đất Gia Định này, em thấy khác hẳn. Bọn chủ ruộng vẫn có thế lực đấy, nhưng còn có một thế lực lớn hơn nhiều là bọn con buôn Hoa kiều. Anh Bảy thấy đấy, phố xá, kho hàng, lương thực,

vải bô, cả việc giao thông đường sông đường biển đều do Hoa kiều chủ chốt. Bọn họ giàu có sung túc hơn bọn ở Cửa Hội nhiều. Phố nào cũng đầy ắp hàng Tàu, từ hủ dưa cải đến cái dù cái võng, cũng đem từ Tàu qua. Phong tục Gia định đặc mùi phương bắc, thước đo sự phong lưu cũng lấy phong lưu phương bắc nào Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu làm chuẩn. Nhưng điều đó chưa ghê gớm bằng Hao kiều chi phối tất cả guồng máy nông nghiệp của xứ này. Không phải họ trực tiếp bỏ tiền ra khai hoang lập ruộng đâu. Họ khôn khéo hơn. Luật lệ cũ khá nghiêm khắc với họ, không cho họ được tự tiện tạo mãi ruộng đất. Nhưng họ cần gì phải nhọc công mua ruộng. Khi thấy một làng mới lập trên một vùng đất phì nhiêu nhiều hứa hẹn, người Tàu đến đó lập một quán tạp hóa. Ban đầu chỉ có vài thứ tối thiết như kim chỉ, dầu đèn, muối, vải thô, tương chao, hương liệu, nhang nến, rượu, đường. Dần dần họ thành chủ nợ của dân làng. Cửa hàng mở rộng thêm cái chái, họ mở thêm quán ăn và quán rượu. Rồi họ mua thóc non của cả vùng để chuyển lên Bến Nghé. Mạng lưới buôn bán chi phối tất cả Gia Định, trở thành thế lực kinh tế ghê gớm lấn át cả bọn điền chủ. Bọn con cháu Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài ở Cù lao phố, con cháu Mạc Cửu ở Hà Tiên tuy không làm quan lớn nhưng có ông quan nào về trấn nhậm ở đây mà không nhờ bọn chúng bao bọc. Có thể nói bọn con buôn hạng lớn Hoa kiều ở đây bảo bọc cả chính quyền nhà Nguyễn và bọn chủ ruộng. Lớp nông dân nghèo khổ sống lây lất nay đây mai đó như những kẻ sống lậu, và lớp “tứ chiếng giang hồ” sống bấp bênh quanh các phố chợ, bến ghé, tuy chiếm đa số dân Gia Định nhưng không có một chút thế lực nào. Bao nhiêu của cải họ làm ra đều vào túi bọn con buôn Hoa kiều, bọn tham quan, và bọn chủ ruộng hết.

Lữ ngồi nghe quá lâu, mất kiên nhẫn, nên cắt lời em, hỏi:

- Bọn này có đông không?

- Dĩ nhiên là ít. Nhưng chúng nắm giữ tất cả đầu mối của đời sống như buôn bán lúa gạo, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc bắc, đi lại trên sông rạch và trên biển, cả đến việc buôn bán quan tước nữa. Anh thấy đấy, Lý Tài, Tập Đình chẳng phải là bọn muốn buôn vua kiêu Lã Bất Vi bên Tàu là gì!

Lữ xăng giọng nói:

- Đem giết quách chúng nó đi, là xong!

Huệ vội nói:

- Không thể làm đơn giản như thế được.

Lữ càng nóng ruột hơn:

- Thế chú muốn làm gì nào?

Huệ ngần ngừ vì thấy anh cau có không thích bàn luận tiếp, sau cùng cũng nói:

- Ta phải nắm lấy thế lực sẵn có của chúng, nhưng phải cẩn thận như là nắm cái chuôi gươm. Nắm đằng lưỡi chẳng những đứt tay mà còn mất mạng nữa. Tân Chính vương đã thân bại danh liệt vì Lý Tài do không đủ lực để nắm đằng chuôi. Trước mắt, ta cũng phải dùng đến chúng vì thực sự chúng có năng lực. Nhưng dựa dẫm hoàn toàn vào chúng, ta sẽ dẫm lên vết xe đổ của người trước. Ta phải làm như ở Qui Nhơn, nghĩa là dựa vào dân nghèo. Hiện nay họ còn sợ hãi, lo âu. Ta giúp họ tự tin hơn. Khi họ dám ngẩng đầu lớn tiếng như anh dân nghèo ở Qui Nhơn đã ngẩng đầu lớn tiếng, ta sẽ có một chỗ dựa vững chắc. Tùy theo sức lớn mạnh của chỗ dựa này để ta biến đổi thái độ đối với bọn con buôn người Tàu và bọn chủ ruộng.

Lữ lắc đầu chậm chậm, giọng chán nản kéo dài:

- Chú vẫn có tài ăn nói. Giá chú làm được một phần những điều chú nói, thì hay biết mấy.

Nhưng chuyện ấy xa xôi lắm. Ta bàn ngay chuyện trước mắt đi. Hai cái hang ổ ở Tài phụ và rạch Chanh, chú đã có thêm tin tức gì chưa? Bọn Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận động tĩnh thế nào? Mới thăm vắn chú đã đòi bán thuyền, không ổn đâu.

Huệ hơi thất vọng, nhưng cũng đáp:

- Dạ đã có sẵn cả rồi. Chúng ta cho gọi các tướng đến, để bàn kỹ việc tấn công Tài phụ.

*

* *

Từ tháng Tư đến tháng Sáu Đinh Dậu (1777), Huệ sốt ruột vì tình hình cứ nhì nhằng. Địch không đủ mạnh để chống lại các cuộc tấn công của Tây Sơn, nhưng cũng không quá yếu để tự tan rã. Theo kế hoạch đã định, Tây Sơn đi tấn công quân Duệ Tôn ở Tài phụ trước. Duệ Tôn thua chạy về Long Hưng thuộc Định Tường sau một trận giao tranh đẫm máu dưới cơn mưa to. Ở Long Hưng, Đỗ Thành Nhân cũng vừa kéo quân từ Rạch Giá tới. Hai người cùng đi Cần Thơ để hội binh với Mạc Thiên Tứ. Ba cánh quân áo quần tồi tả, mặt mày thất sắc vì sợ hãi, góp lại không thành một sức mạnh đủ cho Duệ Tôn yên tâm. Vì vậy, Duệ Tôn mới sai Đỗ Thành Nhân cùng Nguyễn Quân ra Bình Thuận xin Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thúc giúp đỡ. Để sẩy mất Duệ Tôn, Tây Sơn lại tấn công quân Tân Chính vương ở rạch Chanh. Tân Chính vương bị thua rút về Trà Tân (Định Tường) sai Tống Phước Hòa giữ Mỹ Long (Vĩnh Long. Tống Phước Thiêm lại đưa Tân Chính vương về Ba vác rồi ra chống cự với Tây Sơn ở Hương đôi. Nhưng Hương đôi lại thất thủ. Thiêm trở lại Ba vác. Bơ vơ, lo âu, nhìn quanh những người thân tín cũ như Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn Mẫu, Tống Phước Hưu, đều đã bị bệnh chết, Tân Chính vương đành phải dựa vào cánh tay ồm yếu của viên lão tướng Tống Phước Hòa, phong cho ông chức Tổng lãnh chư quân.

Về phía Tây Sơn, các tướng lãnh trẻ tuổi và thiện chiến như Tống đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, sau nhiều lần mang quân tấn công Tài phụ và Hương đôi chỉ báo về những tin chiến thắng nửa vời, loại “đã... nhưng”. Tình Hình an ninh xã hội ở Trấn Biên và Sài Côn tạm ổn định ít nhất là ở bề ngoài. Cảnh buôn bán trở lại gần mức bình thường. Ghe thuyền bắt đầu xuất hiện ở các bến chợ. Bọn vô lại lưu manh rút vào bóng tối vì những hình phạt nghiêm khắc của quân Tây Sơn. Cửa hàng khắp các phố đều mở rộng tuy hàng hóa giảm sút đến độ lèo tèo. Dân Gia Định chưa quên chuyện vợ vét năm trước của Lữ, nên dù thấy những toán quân Tây Sơn hiền hòa dắt nhau đi dạo phố một cách trật tự (khép nép lặc lợng là đằng khác) dân buôn vẫn lo xa, giấu bớt hàng hóa đồ vật. Những cuộc dạo phố ấy cũng ảnh hưởng khá nhiều đến tinh thần binh sĩ. Mỗi món hàng xa xỉ đặt ra cho họ những câu hỏi và những thèm muốn, những thất vọng sau đó. Lần đầu họ thấy bộ quần áo họ đang mặc lâu nay quá cũ, vải thô, màu bạc, kiểu cắt không được “dinh”. Đi chân đất có tiện lợi thật đấy, nhưng giá có tiền mua đôi giày kia xỏ vào đi đi lại lại ở chỗ vắng vẻ không ai nhìn thấy, có lẽ êm ái thú vị lắm! Mấy cái hộp sơn then kia đựng thứ gì trong đó? Lữ ve chai xinh xắn dán nhãn xanh nhãn đỏ kia, có đựng những quả màu đỏ chót, cái đựng những hộp tròn màu xanh già, không biết mùi vị mận ngọt ra sao? Lại còn loại lữ hình trái bầu nhỏ nhắn da sành kia nữa. Ngũ gia bì? Cái gì thế? Rượu! Uống có giống rượu nếp không? Giá bao nhiêu? Eo ôi! Bán cả cha mẹ tôi cũng chưa mua nổi nữa là. Họ rút rề trả giá. Chủ hàng nhìn kỹ nét mặt non nớt hiền lành của họ, sau một lúc dè dặt, phá lên cười khinh khi. Những người lính chân đất từ vùng khô cằn Quảng Ngãi lần đầu nhìn đời sống trù phú của phố Sài Côn phải đỏ mặt bỏ đi, trong lòng tấm tức vì giận dữ và xấu hổ.

Có thể nói hàng hóa ê hề của Gia Định còn khiến cho tinh thần quân Tây Sơn hoang mang hơn

cả những tin đồn nhảm phóng đại khả năng tiếp viện của Châu Văn Tiếp, hoặc Mạc Thiên Tứ. Một hũ rượu ngon lạ mắt, một cái coi trầu chạm trổ đẹp dễ tiện làm quà cho mẹ thân yêu, một cái áo nhiễu vừa vặn thân thể đưa con đầu lòng, cái khăn lụa cho người vợ tần tảo chưa bao giờ dám mơ ước có thể chạm tay đến thứ vải mềm mại mơn trớn ấy, bao nhiêu thứ đồ vật cảm nín vô tư cứ nhảy múa, diễu cợt trêu chọc những con người chơ vơ chất quen sống đơn giản nghèo khổ. Đêm, chúng không cho họ yên giấc. Cử chỉ của họ đã dạn, cái gì họ làm cũng trở tràng đi một chút. Nét mặt họ hoặc mơ mộng, dăm chiêu, hoặc lầm lì cau có. Những biểu hiện nhỏ nhoi tầm thường ấy nhân lên với quân số đông đảo của Tây Sơn thành một sức trù đủ kéo cả trăm voi lại. Rõ ràng các hoạt động đều chênh mảng, uể ỏi hơn. Hậu quả là tình trạng nhì nhằng xảy ra ở Hương đôi, ở Tài phụ, ở Long Hưng, ở rạch Chanh suốt ba tháng qua. Là những tin chiến thắng “đã... nhưng” nửa vơi đều đều đưa về bộ tham mưu trong thành Gia Định.

Huệ sốt ruột trước tình trạng đáng ngại ấy!

Bước qua tháng Bảy năm Đinh Dậu, viên tướng hai mươi lăm tuổi quyết định phải nhanh chóng thanh toán chiến trường chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ nhì nhằng đó. Khéo léo giao cho anh Bảy tránh vụ hậu cần và trị an ở các vùng đất chiếm được, Huệ dồn hết tâm trí để thảo kế hoạch tấn công dồn dập cả hai mặt trận, vừa ở Bình Thuận vừa ở đồng bằng Cửu Long.

Ở mặt trận Bình Thuận, bộ binh Tây Sơn ở Biên Hòa tiến ra phía bắc chặn đánh quân cứu viện của Trần Văn Thức lúc đó chưa ra khỏi địa phận Bình Thuận. Trần Văn Thức chết. Châu Văn Tiếp bỏ chạy. Nghĩa quân Tây Sơn chiếm đóng Bình Thuận. Ở mặt trận chính yếu là đồng bằng Cửu Long, Huệ đích thân cầm quân, cùng với các toán tinh nhuệ thiện chiến do Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy chỉ huy, phối hợp ồ ạt tiến công đồn Ba vác của Tân Chính vương. Chúa nghe quân Tây Sơn kéo tới vây đồn, sợ hãi đến tuyệt vọng. Bên chúa chỉ có Tổng Phước Thiêm và Tổng Phước Hòa cùng mấy trăm quân lơ láo sợ sệt như gà phải cáo. Nước sông cái Mương đầy sẽ đưa chiến thuyền Tây Sơn đến đây dễ dàng. Hương đôi đã vỡ, lá chắn bảo vệ cho Ba vác không còn. Tổng Phước Thiêm nhân lúc rối loạn đã trốn đi. Chỉ còn lại cái đồn đất tro trọi, viên tướng già và vài trăm quân nhút nhát. Tiếng trống thúc quân của Tây Sơn mỗi lúc mỗi gần, từ chỗ râm rạn mơ hồ như tiếng sấm rền xa xôi đã trở nên rõ mồn một, từ trong đồn có thể phân biệt được từng tiếng trống giục.

Tổng Phước Hòa thấy tình thế nguy ngập không thể cứu vãn được nữa, gọi thuộc hạ tới bảo: - Các anh tuổi còn ít, sức còn mạnh, nay nên tản mác trốn đi để mong lập công về sau. Phần ta tuổi đã già, sức đã hết, dầu có muốn sống sót để báo đáp ơn trên cũng không thể được. Vả lại, thân làm đại tướng mà phải chịu cái nhục không giữ được xã tắc, hỏi sống làm gì?

Nhiều người ứa nước mắt, muốn lên tiếng can không cho Hòa tự vận nhưng viên lão tướng lừ mắt giận dữ khiến lần lượt, lần lượt từng người, đứng dậy bỏ ra khỏi phòng. Người cuối cùng ngoái nhìn viên lão tướng (lúc đó đang ngồi xếp bằng trên chiếu, tay đặt trên đầu gối, cúi xuống nhìn khoảng không trong lòng mình), mũi lòng phát khóc nhưng cũng cố khép cánh cửa phen tre của căn phòng chỉ huy thấp hẹp lại!

*

* *

Khi Huệ đưa đội thuyền chiến đến sông cái Mương thì đồn Ba vác đã bị bao vây cả bốn hướng. Bọn lính báo cho chúa biết Tổng Phước Hòa sắp tự vận, khiến chúa hốt hải chạy vào can ngăn viên lão tướng tuyệt vọng. Tân Chính vương đến chậm một khắc. Máu từ vết đâm ở ngực Hòa

còn tiếp tục chảy ra chiều. Chúa lật ngược xác viên lão tướng, sợ hãi đến rụng rời chân tay khi thấy đôi mắt đục của người chết còn mở trừng trừng nhìn mình. Chúa chùi bàn tay vấy máu lên áo xác chết, vội chạy ra đài chỉ huy giữa đồn. Trên cạn, dưới sông đâu đâu cũng đen nghịt quân Tây Sơn. Tình thế đến nước này không còn cách nào cứu gỡ được. Vương quay nhìn đám lính chung quanh, thấy mặt ai cũng xanh xám, ủ rũ. Vương bần thần, cúi đầu suy nghĩ. Còn cách nào khác không? Không. Không còn cách nào khác. Tân Chính vương buồn bã, thất thểu bước chậm về phía căn trại thấp gần cổng ra vào. Vương lấy bút giấy, suy nghĩ một lúc giữa tiếng trống giục cùng tiếng ó ژه dọa của quân Tây Sơn, rồi bậm môi quyết định. Với nét chữ run run không thẳng hàng, Tân Chính vương viết mấy câu: "Nếu các người bảo toàn tính mệnh cho quân dân trong đồn, thì ta sẽ nộp mình", xếp tờ giấy lại, rồi sai một tên lính cầm cờ hàng đem ra trao cho quân Tây Sơn.

Huệ nhận được thư của Tân Chính vương, ra lệnh thôi thúc trống để tỏ dấu ưng thuận, sai lính dùng loa truyền cho quân phòng thủ trong đồn phải từng người ra cổng quảng khí giới thành đồng rồi đặt hai tay lên đỉnh đầu tiến ra phía bờ sông nộp mình. Bọn lính Gia Định chỉ chờ có thế. Chúng tuân lệnh răm rắp. Đồng gươm giáo cao dần, cao dần. Tân Chính vương nộp mình sau cùng, bước đi, cố làm ra vẻ khoan thai bình tĩnh nên cứng nhấc như một hình nộm di chuyển bằng máy.

Huệ đứng sát bờ sông, mỉm cười, chờ Tân Chính vương tới gần. Huệ giả vờ như chưa từng có gì xảy ra từ ngày vương còn làm rể Nguyễn Nhạc, lớn tiếng reo lên:

- Trời ơi, Đông cung! Lâu nay ngài vẫn mạnh giỏi?

Tân Chính vương nghiêm mặt đáp:

- Ta đã nộp mình. Người muốn làm gì thì làm, đừng hỏi quanh co vô ích.

Huệ lừ mắt không cho bốn người hộ vệ định xô về phía Tân Chính vương để trói lại, tiếp tục dùng giọng hòa nhã thân mật nói:

- Ngài đừng nói thế. Ngài mà bị sước một chút da thì lúc về Qui Nhơn, con cháu Thọ Hương không để cho tôi sống yên đâu. Trước khi vào đây, nó căn dặn tôi đủ điều.

Tân Chính vương đưa hai tay về phía Huệ, lạnh lùng nói:

- Thôi đủ rồi. Hãy trói ta lại đi.

Huệ cho rằng đùa như vậy cũng đã đủ, nên tránh lối xuống thuyền cho Tân Chính vương, lễ phép nghiêng người đưa tay mời:

- Xin ngài xuống thuyền trước cho.

Tân Chính vương thản nhiên tiến về phía cầu ván bắc từ mô đất cao bờ sông xuống thuyền chỉ huy. Lúc đi đến giữa cầu, vương loạng choạng suýt ngã nhưng gượng được. Huệ đưa vương vào khoang chính, mời vương ngồi xuống chiếc chiếu hoa, lại cẩn thận đẩy chõng gối xếp ngũ sắc về phía vương để dựa lưng. Ngoài thuyền có tiếng quân Tây Sơn hò reo tỏ mở trong lúc lửa bốc cao trên mái đồn Ba vác, và tiếng cán chèo khua động lực cực vào sườn thuyền để chuẩn bị rời bến. Hổ tướng Hãn vào khoang chỉ huy thưa với Huệ:

- Có tìm thấy xác một viên tướng già bị đâm chết trong căn lều phía tả. Xin tướng quân cho lệnh hỏa thiêu cái xác cùng với các dây trại khác.

Huệ định gật đầu nhưng chưa kịp nghĩ lại, liếc nhìn Tân Chính vương trước khi nói:

- Không nên. Phải chôn cất cẩn thận. Nhớ khắc một tấm bia cho con cháu dễ tìm.

Chờ cho Hãn ra khỏi, Huệ quay về phía Tân Chính vương nói:

- Lòng trời ra sao, bây giờ ngài đã rõ.

Vương tự tay rót nước ra chén sứ bưng lên uống. Huệ thấy chén nước rung rung. Uống xong vương nhìn thẳng vào Huệ bảo:

- Ông nói như thế hơi sớm đấy!

Huệ cười nhỏ, rồi đáp:

- Tôi lại nghĩ ngược lại. Phải nói muộn mới đúng. Vì lòng trời đã rõ từ lúc ngài còn ở Câu đề để giữ một cái dinh sắp đổ. Mọi sự xảy ra về sau đều là thừa thãi, vô ích.

Vương không trả lời, bần thần nhìn mông lung ra phía trước không thấy cả nụ cười thương xót của Huệ. Vương thầm công nhận lời Huệ đúng, nhưng không thể nói ra lời cho kẻ thù trước mặt đắc chí. Những hình ảnh âm thanh quá khứ lướt nhanh qua trí vương: đôi mắt đỏ ngầu sát khí của Tập Đình, có phước sắc sỡ trong lễ rước Đông cung, cái nhìn vừa ngỡ ngàng vừa oán hận của Thọ Hương, tiếng một găm giữa khuya trên nóc chùa Thập Tháp, sóng bạc của nước lụt đập vào mạn thuyền độc mộc, cơn say ồn ào của Lý Tài, rồi cảnh chùa Kim Chương. Dư ảnh của quá khứ đột nhiên dừng lại ở cảnh cuối cùng này, cử động chậm lại. Vương nhớ rõ nét mặt cau có của Huệ tôn, vẻ khúm núm của Nguyễn Phúc Chất, dáng đứng ngạo nghễ hỗn xược của Lý Tài, nhớ rõ cả những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa. Xác lá. Héo úa. Tàn tạ. Chết chóc. Điểm cuối của một cuộc sống bấp bênh trôi nổi. Những ý niệm đó thay thế các dư ảnh của quá khứ, lại tiếp tục quấy phá trí vương. Vương cảm thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng, cay cay nơi khóe mắt, đặng đặng ở đầu lưỡi. Vương giật mình ngược nhìn viên tướng trẻ đang dăm dăm nhìn mình, sợ Huệ bắt gặp vương yếu đuối ỉu rũ. Cố lấy hết can đảm, vương lớn tiếng nói:

- Ta chết, nhưng họ Nguyễn Gia Miêu chưa tuyệt tự. Thái Thượng vương còn đó. Những người trung nghĩa còn đó, ở khắp hang cùng ngõ hẹp. Anh em các ông chó vội mừng. Ta chỉ tiếc không được sống để tận mắt nhìn lửa cháy trên mái dinh Qui Nhơn thôi!

Huệ cười ha hả, cái chính sai lầm của vương:

- Ngài lầm rồi. Chúng tôi sắp dọn về thành Chà bàn chứ không ở dinh cũ nữa. Lửa cháy được đến cái thành mới đó ư, khó lắm!

*

* *

Đêm đã khuya. Nguyễn Huệ ngồi một mình bên cây nến sáp ong nét mặt ưu tư. Tên lính đã hai lần thay nến, lần nào cũng thấy chủ tướng ngồi nguyên một chỗ, giữ nguyên cái dáng dăm chiêu buông thả như đã hóa thành một pho tượng bần thần. Trống đổi canh từng tiếng vang dội trong đêm Gia Định. Cây bàng cổ thụ bên cạnh dinh lâu lâu rung mình, lá rơi xào xạc trên mái, chìm đắm trong trầm tư, càng lúc viên Phụ chính càng quên mất mình, tâm trí bập bênh trên một thứ mây khói lằng đằng. Ngọn nến trước mặt lúc tỏ thì trông rõ đến ánh lửa uốn khúc rướn cao và đầu ngọn bốc, nhưng có lúc lại nhòe đi thành một mảng vàng óng hình thù bất định. Nếu không có vết thương ở cánh tay trái lâu lâu nhói lên nhắc nhở, có lẽ Huệ đã chìm mất vào hư dăng.

Sự đau đớn kích thích trí óc viên tướng trẻ suy nghĩ. Ban đầu là những sự việc liên quan đến vết thương. Phải, Huệ đã bị thương trong một trường hợp đặc biệt. Tân Chính vương cùng chín người thân cận bị bắt ở đồn Ba vác được chở bằng thuyền về Sài Côn. Dĩ nhiên là việc canh phòng suốt cuộc hành trình hết sức nghiêm ngặt. Trừ Tân Chính vương được đặt biệt ưu đãi cho ngồi uống trà thông thả trong một khoang kín trong phòng chỉ huy, mười chín người còn lại bị trói thúc kè và xâu chùm với nhau, thuyền chở tù đi giữa bị bao vây phía trước, phía sau và hai bên bởi những thuyền chiến đầy quân Tây Sơn. Lúc đoàn quân chiến thắng cập bến, Tân

Chính vương được giải đi trước, rồi mới mở băng bịt mắt của mười chín tù binh kia. Họ nhận ra cảnh cũ, nhận ra tình thế tuyệt vọng của tất cả bọn họ. Lần lượt từng người, họ được tháo khỏi xích, mỗi người chỉ còn bị buộc thúc ké sau lưng để dễ dàng bước ra cần ván lên bờ. Vì bị trói, lại mất bình tĩnh nên bước đi của họ chậm chạp, nghiêng ngả. Người đi đầu là một thanh niên mạnh khỏe bặm trợn nên anh ta dễ dàng đi qua cái cầu ván lung lay. Nhưng đến người thứ hai và thứ ba thì vì tuổi già sức yếu, hai tù binh mất thăng bằng ngã tòm xuống nước. Lính Tây Sơn thấy thế không còn quát tháo thúc hối đám tù binh nữa. Chầm chậm dò từng bước, lưng hơi khòm, đầu cúi thấp, họ lần lượt lên bờ. Khi mười chín tù binh đã lên đủ, toán Tây Sơn áp giải mới bắt đầu dẫn họ về chỗ giam. Nguyễn Huệ đứng sát đường cái đám tù binh đi qua. Vài người lính áp giải len lén nhìn về phía chủ tướng, xì xào với nhau: "Quan Phụ chính kia kìa. Cầm giáo cho ngay ngắn coi". Lúc đó, đám tù binh mới biết họ sắp đến gần viên tướng tài ba lưng lầy nhất của Qui Nhơn. Phần lớn bọn tù binh bắt đầu cảm thấy tay chân mình run lên, hoặc do sợ hãi, hoặc do căm giận.

Huệ đứng chống nạnh nhìn chằm chằm từng tên tù binh đi qua trước mặt. Tên nào cũng cúi gằm mặt xuống, tránh nhìn vào mắt Huệ. Chỉ trừ có một người trạc khoảng bốn mươi mặt xương xương, mày rậm, râu tóc pha muối tiêu. Ông ta cố hết sức ngẩng cao đầu để nhìn trừng trừng vào mắt Nguyễn Huệ.

Viên tướng trẻ chẳng những không khó chịu mà còn thích thú. Huệ mỉm cười, đôi mắt sáng vui dõi theo bước chân người tù can đảm. Hai người còn cách xa năm bước, rồi bốn, rồi ba bước. Đột nhiên, tên tù binh cúi đầu dùng hết sức lao về phía Huệ, có lẽ định liều mạng húc ngã kẻ thù rồi dùng răng cắn rút thịt Huệ. Huệ không ngờ tên tù binh liều lĩnh đến độ ấy nên không kịp phản ứng gì. Hai người lính hộ vệ nhanh nhẹn gạt chủ tướng sang một bên, lấy thân đỡ cái húc chất chứa sức mạnh căm hờn của tên tù binh. Hắn bị trói nên dễ bị mất thăng bằng, ngã lăn xuống đất. Chưa kịp làm gì khác, hắn đã bị hai người hộ vệ Huệ dùng giáo đâm xuyên qua bụng và ngực, mũi giáo cắm phập xuống cả mặt đất ướt.

Biến cố bất ngờ khiến tất cả mọi người đều sững sờ, rồi kinh hãi. Huệ nhìn cái xác còn oằn oại co giật trước mặt mình, lòng vừa thương vừa giận. Những người khác thì chết sững, không ai dám cử động hoặc nói năng gì. Huệ dăm dăm nhìn vũng máu loang rộng dần từ cái xác đã im lìm, cảm thấy tê dại ở hai thái dương. Rồi ông thấy rát ở cánh tay trái. Nhìn lại cánh tay mình, ông mới biết trong lúc hấp tấp, mũi giáo của người lính hộ vệ có sức một vệt cạy lên cánh tay ông. Máu bắt đầu rỉ rả ứa ra. Không muốn mọi người thấy mình bị thương, Huệ phát tay ra lệnh dẫn mười tám tù binh còn lại đi; còn mình thì sau khi liếc nhìn xác chết một lần nữa, Huệ lững thững về bản doanh.

Hành động liều lĩnh vô ích ấy khiến viên tướng trẻ băn khoăn cả đêm. Ông đặt ra cho mình vô số câu hỏi, mà không tìm được câu trả lời. Cái gì xui giục hấn liều mạng như vậy? Sự căm thù ư? Ta đã làm gì để bị hắn căm thù? Sự tuyệt vọng ư? Thế thì tại sao hắn không tự vận như viên lão tướng Tống Phước Hòa ở Ba vác? Hắn chịu buông khí giới đầu hàng tức là còn hy vọng sống còn. Hay là... hắn lại bị cái chữ trung méo mó xui giục như Nguyễn Đăng Trường? Như thầy Hiến của ta?

Ngoài cửa phòng có tiếng xoảng của một thanh gươm rơi trên nền lát đá. Huệ giật mình đưa tay nắm lấy chuôi kiếm. Nhưng sau đó, không có tiếng động nào khác. Viên tướng trẻ tò mò, se sẽ đứng dậy, đi ra phía cửa. Tên lính gác, ngồi trên cái ghế đẩu, đã dựa lưng vào vách ngoẹo đầu ngủ từ lúc nào. Huệ lặng lẽ nhìn tên lính không làm tròn phận sự, bồi hồi xúc động vì thương

hại. Sau một lúc suy tính, Huệ cúi xuống nhặt cái gương lên, nhẹ nhàng dựng ngược lưòi gương bên cạnh người lính gác, rồi trở về phòng.

Ông lại lan man suy nghĩ về chữ trung của tên tù binh đã chết thảm, của Nguyễn Đăng Trường, của thầy giáo Hiến. Ông nhớ lại lời cầu khẩn rứt rề nhưng tha thiết của thầy, lời van xin tuyệt vọng của một nhà nho không muốn thấy người học trò thân yêu quấy động (thậm chí đảo ngược) thứ trật tự giả tạo bấp bênh của tam cương, ngũ thường. Thầy giáo lo sợ là phải, vì hơn ai hết, thầy biết trước sẽ đến ngày người học trò thân yêu ấy trực tiếp quyết định vận mạng của triều Nguyễn. Một lời của Huệ, một cử chỉ của Huệ là mệnh lệnh tuyệt đối cho phép một ông hoàng được sống hay phải chết. Và cái lúc thầy sợ, đã đến rồi đây!

Có nên tha chết cho Tân Chính vương và đám quan lại theo hãnh không? Nếu để cho họ sống, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Họ sẽ bằng lòng làm một người dân ngoan ngoãn lương thiện của triều Tây Sơn ư? Họ sẽ bẻ hết gương giáo, đích thân chiêu hàng những kẻ cố chấp còn lẩn lút tụ họp để, cơ hội đến, lại khởi loạn chống phá Quy Nhơn ư? Nhất định bọn họ không làm như vậy. Được tha chết, họ lại về con đường cũ. Họ khẳng khẳng đi ngược chiều gió, khư khư ôm lấy cái ý niệm trung quân hạp hòi đã ấhm mốc. Làm sao cải hóa họ được? Huệ nhìn ngọn đèn. Cái vệt nhòe vàng óng không che lấp được nỗi hoang mang. Làm sao đây? Có cách nào khác không? Viên tướng trẻ nhớ lời tránh né khéo léo của mình khi đáp lời thầy. Ông nhớ có nhắc đến những cơn bão mạnh hơn cả ý muốn của từng người, ý muốn của ông, ý muốn của thầy ông. Một thứ sức mạnh vượt khỏi tầm tay của từng cá nhân, dù họ ở vào địa vị tướng như có thể quyết định tất cả chiều hướng của lịch sử. Ông lắhm bắhm:

- Không còn cách nào khác! Họ đã chọn chùa Kim Chương để thay bậc đổi ngôi cho nhau, thì ngày mai, họ cũng phải vĩnh viễn bị đào thải tại chùa Kim Chương. Không có cách nào khác! Ngày 19 tháng chín năm 1777, Tân Chính vương và mười tám thuộc hạ bị hành quyết tại ngôi chùa lớn trên gò Tân triêm ấy, đúng với những trùng lập đầy ý nghĩa của lịch sử và cuộc đời.

*

* *

Tháng Chín Đinh dậu, được tin Điều khiển Hòa ở Long Hồ (Vĩnh Long) báo cho biết hiện Duệ tôn đang ở Cần Thơ với Mạc Thiên Tứ, Nguyễn Huệ cầm quân đổ về phía đó. Con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Duyên dẫn quân ra chống cự. Cuộc chiến đấu bất phân thắng bại, nhưng càng ngày quân Mạc Thiên Tứ càng núng thế. Thiên Tứ lo ngại, đưa Duệ tôn qua Kiên Giang để nếu có chuyện không may xảy ra, có thể chạy trốn qua Tân dương đảo.

Dọc đường Duệ tôn lo lắng hỏi Thiên Tứ:

- Thế giặc hiện đang hùng hậu lắm. Chúng ta đã đến nước này, liệu còn có chút hy vọng khôi phục xã tắc được không?

Thiên Tứ ứa nước mắt, không dám trả lời. Một lúc sau, viên lão thần mới rứt rề đề nghị:

- Thần xin sẵn sàng liều thân vượt biển qua Quảng đông cầu viện với Thanh triều, xin cất quân sang đây tiêu diệt bọn hung tàn để khôi phục xã tắc. Thần lắhm nghĩ nếu không tính đến giải pháp đó, thì nhất định không còn chỗ nào để ta trú thân nữa!

Duệ tôn mừng rỡ như người sắp chết đuối chụp được miếng ván trôi. Thiên Tứ sai thuộc hạ đưa Duệ tôn đi Tân Long, còn ông thì ở lại Kiên Giang đợi thuyền đi Quảng Đông.

Duệ tôn chạy về Tân Long (Long Xuyên) nhưng quân Tây Sơn đã đuổi kịp đến nơi. Chúa cùng Nguyễn Phúc Đồng (anh Nguyễn Phúc Ánh) và cha con Chương cơ Trương Phúc Thận, Lưu Thủ Lượng, Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng đều bị bắt.

*
* *

Khi truy quét các căn cứ quân Đông Sơn ở Cần Thơ, Huệ khám phá ra nhiều xác chết quan quân Tây Sơn từng bị địch bắt làm tù binh. Trong lúc hoảng loạn tháo chạy, Đông Sơn đã tàn sát vội vã và đã man những người bị họ cầm giữ, diệt khẩu để bảo vệ an toàn trên đường rút lui. Trong một đồng xác bê bết máu, mặt mũi biến dạng vì lấm bùn hoặc sưng lại ở nét đau đớn kinh hãi tột độ, Huệ ngờ ngợ nhận ra một người hao hao giống Chinh.

Chưa dám tin mắt mình, Huệ cho gọi Lãng đến. Không thể lầm lẫn được, nhất định đây là xác Chinh. Cả Lãng lẫn Huệ đều sững sờ trước thi thể bầy nhầy lấm lem của người bạn, người anh xấu số.

Không cần nghĩ nhiều, Lãng đã hiểu hết mọi sự!

Anh đã được nhiều con buôn Hoa kiều ở Sài Côn cho biết đi đâu Lý Tài cũng dẫn Chinh theo. Kể cả trong cuộc rút chạy khỏi Sài Côn về phía Hóc Môn. Ở đây, khi buộc phải liều mạng chạy về hướng Ba Giồng để thoát cuộc bao vây nguy hiểm của Tây Sơn, Lý Tài đã bị quân Đông Sơn phục kích giết chết. Chinh bị Đông Sơn bắt, và mấy tháng qua, có lẽ vì cần khai thác tin tức Hòa nghĩa quân hoặc hy vọng dùng Chinh để đổi chác gì đó với Tây Sơn, nên Đỗ Thành Nhân vẫn chưa giết Chinh. Cho đến lúc Đông Sơn tan tác thì Chinh không cần thiết cho họ nữa!

Lãng không dám nhìn xác anh. Mùi máu tanh khiến Lãng muốn nôn mửa. Ruồi nhặng bâu đầy ở chỗ có máu đọng, nhất là ở chỗ hai con mắt của người chết. Huệ dùng kiếm lật ngược xác chết lại, thấy có nhiều vết đâm ở sau lưng, và một vết chém thật sâu ở ót. Tóc bết máu, khô thành một mảng cứng nhưng không che nổi vết thương hở miệng đỏ bầm. Tự nhiên Lãng choáng váng, ngây ngây như bị say rượu. Càng lúc anh càng cảm thấy dạ cồn cào, và cơn nôn thôi thúc gấp hơn. Nước chua đã lên đến cuống lưỡi. Vẫn quay lưng về phía xác Chinh, Lãng cúi gập người xuống, nôn ói một thứ nước chua và đắng lên hai bàn tay run rẩy.

Huệ đến vỗ vai Lãng lặng lẽ an ủi, sai lính đem đến cho Lãng cái khăn ướt để lau mặt. Đến lúc đó, Lãng mới nức lên khóc. Huệ an ủi viên thư ký thân tín:

- Thôi Lãng đừng buồn. Thời loạn, làm sao...

Huệ không tìm được ý nào thích hợp với hoàn cảnh mà không xúc phạm đến tự ái gia đình của Lãng, nên ngưng ở lưng chừng.

Lãng vừa khóc vừa nói:

- Cha em mà biết được tin thì...

Huệ vội nói:

- Vâng, điều quan trọng là phải lo cho người còn lại. Phận Chinh coi như xong. Phải báo tin cho thầy thế nào để thầy bớt đau khổ.

Và hạ thấp giọng xuống vừa đủ cho Lãng nghe, Huệ tiếp:

- ... Cũng như để tránh những rắc rối vô ích cho gia đình.

Lãng đưa tay áo lên chùi nước mắt, ngược lên nhìn Huệ. Anh xúc động trước sự ân cần lo lắng của Huệ đối với gia đình mình, đồng thời cảm phục sự trông xa của Huệ. Lãng lo lắng hỏi:

- Bây giờ làm gì nữa đây, anh?

Huệ bảo:

Ta lo ngay việc chôn cất cho Chinh. Lãng ra gọi Cai cơ Chấn vào đây. Bảo luôn Tư khẩu Uy là tôi cần gấp gấp ông ta để bàn việc.

Huệ giao cho Cai cơ Chấn điều khiển việc khâm liệm tổng táng cho tất cả những nạn nhân bị

quân Đông Sơn giết. Tư khấu Uy thì tổ chức một lễ tế các chiến sĩ Tây Sơn vì bất khuất cho đến cuối mà bị kẻ thù ám hại. Chinh được kể như một trong những chiến sĩ bất khuất ấy, vì “dù bị Lý Tài ép buộc phải trốn vào Gia Định, sau đó dù bị quân Đông Sơn tra tấn dã man để lấy tin tức nội tình Qui Nhơn, Chinh vẫn khôn khéo và can đảm tránh né, tuyệt đối không khai điều gì quan trọng có hại cho Tây Sơn”.

Huyền thuyết đó do Huệ gợi ý, và Lãng diễn lại bằng văn trong bài văn tế dài hai trang giấy bản.

Huệ tự an ủi là đã phần nào thực hiện được lời căn dặn của thầy. Ông gặp Chinh quá trễ, nhưng dù sao, ông cũng đã cứu Chinh khỏi đồng bùn nhơ của phản bội, và biến cái chết tủ nhục của Chinh thành một thứ huyền thoại. Ông đã đền ơn thầy bằng cách đưa Chinh trở lại hàng ngũ vinh quang của bè bạn, giải thoát cho Chinh khỏi cái chết dấm dúi lấm láp để đưa vào sự sống vĩnh cửu.

Nhưng một phần nào đó, do xúc động trước xác chết bầy nhầy ghê rợn của Chinh mà viên tướng trẻ tuổi đã mạnh dạn chối từ lời căn dặn thứ hai của thầy giáo: ngày 18 tháng Mười Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ ra lệnh hành quyết Duệ tôn, Nguyễn Phúc Đồng, cha con Trương Phúc Thuận, Lưu Thủ Lượng, Nguyễn Danh Khoáng cũng tại sân chùa Kim Chương.

Và cũng như Tân Chính vương một tháng trước đây, hình ảnh cuối cùng Duệ tôn ghi nhận trước lúc lìa đời là những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 44

Đạo quân chiến thắng vừa cập bến Thị Nại, thì Nội hầu Phạm Ngạn đã chờ sẵn trên bến chuyển lệnh của Tây Sơn vương, là tất cả tướng sĩ dừng chân tại chợ Giã một vài hôm để Qui Nhơn kịp tổ chức một cuộc tiếp đón thật long trọng. Nhạc không muốn dân phủ hoang mang chứng kiến cảnh đạo quân bách chiến bách thắng quần áo xốc xếch, dáng điệu uể oải lê bước nặng nhọc giữa những người hiếu kỳ. Sau một cuộc hành trình dài, Nhạc muốn tướng sĩ được nghỉ ngơi để lấy lại sức, chỉnh đốn lại đội ngũ, lau chùi lại gương giáo, và với dáng điệu hăm hở hùng dũng, những kẻ chiến thắng sẽ rầm rập tiến qua phố phường, làng mạc sặc sỡ cờ phướn, hoa giấy, đèn lồng. Nhạc muốn cuộc khải hoàn trở thành một kỷ niệm khó quên trong tâm khảm dân chúng.

Lãng nóng ruột không chờ đợi được, nên xin phép Huệ cho mình được về thăm nhà trước. Huệ hiểu tâm trạng đau đớn của Lãng nên chấp thuận ngay. Lãng dùng ngựa từ chợ Giã chạy gấp lên Bằng Châu để thăm gia đình. Cùng đi với Lãng, có một anh lính trẻ khác cũng xin phép về trước vì mẹ già đau nặng, nhảu gấp đưa con út về để trời trăn.

Cả hai người lính trẻ đều có những nỗi lo riêng nên từ lâu cưỡi ngựa đi bên nhau mà không ai nói với ai lời nào. Họ gò người trên lưng ngựa, cố thúc cho ngựa chạy nhanh hơn. Hai con ngựa trạm loại khỏe nhưng không chiều được tâm trạng hối hả của những người lính. Tiếng vó ngựa ròi rạc dần, mồ hôi đầm ướt bộ lông mượt. Họ đành phải cho ngựa đi chậm lại, nhờ thế câu chuyện thăm hỏi mới bắt đầu. Lãng được biết tình cảnh người bạn đường: một người mẹ hay đau yếu, một người vợ đảm đang hay khóc, và một đứa con nhỏ lên hai. Lãng hỏi:

- Liệu anh có về kịp không?

Người bạn đường đáp:

- Chắc kịp. Tôi nghe nói có nhiều trường hợp người hấp hối cứ thoi thóp dật dờ như vậy cả tuần, đôi khi cả tháng để chờ con hay chờ chồng. Mãi tới lúc nhìn được người thân lần cuối họ mới yên lòng ra đi. Nhưng... nhưng tôi hy vọng mẹ tôi vẫn mạnh khỏe khi tôi về. Có thể người nhảu tin lầm lẫn sao đó.

Lãng buồn rầu nói:

- Anh còn may mắn hơn tôi. Anh mang nguồn vui về, còn tôi mang tin buồn về. Cho nên càng gần đến nhà, tôi càng ngại.

Người bạn đường e dè hỏi:

- Anh có thân nhân tử trận phải không?

Lãng ngập ngừng đáp:

- Vâng, nhưng... Vâng đúng. Anh tôi phải nằm lại Gia Định

- Xin chia buồn với anh. Anh ở đạo quân nào, mà tôi thấy quen mặt lắm. Hình như tôi có gặp

anh nhiều lần rồi.

Lãng sợ người bạn đường biết tông tích mình, từ đó phăng lần ra câu chuyện phản bội của Chinh, nên đáp liều:

- Không, tôi thuộc đội phòng thủ cửa Thị Nại.

Người lính nửa tin nửa ngờ, nhưng không tiện hỏi hết. Họ lại lặng lẽ đi bên nhau. Tiếng vó ngựa lóc cóc đều đặn trên đường lót đá. Người bạn đường suy nghĩ một lúc, rồi bảo Lãng:

- Anh không được dự trận này thật đáng tiếc.

Lãng tò mò hỏi:

- Đáng tiếc những gì vậy anh?

Người kia đáp:

- Anh không được dịp nhìn một vòm trời khác hẳn. Chúng ta quen được núi bảo bọc che chở, nên khi đến một vùng phẳng lì chung quanh ngút ngàn đồng bằng và bãi đại, cảm tưởng của mình lạ lẫm. Hình như mình bị đi lạc vì không quen với sự trống trải.

Lãng thích thú hỏi thêm:

- Như vậy thì có gì đặc biệt mà phải hối tiếc?

Người lính vội nói:

- Tại tôi không biết diễn tả đầy thôi. Đất trong đó rộng mênh mông, dân cư còn thưa thớt.

Muốn khai khẩn bao nhiêu ruộng tùy ý. Chỉ sợ mình không đủ sức làm mà thôi.

Lãng không nghĩ như người bạn đường nên nói:

- Chỉ vì anh nhìn thấy đồng bằng mênh mông tứ phía, nên vội nghĩ đời sống ở đó dễ dàng. Anh quên những bãi lầy nước mặn đó không trồng trọt gì được, chỉ cây đại như đước, ô rô, bình bát mọc mà thôi. Chỗ nào thuận lợi thì từ lâu đã có người chiếm ngụ rồi. Muốn khai khẩn đất hoang thì phải lên xa, vào sâu, nơi đầy rẫy rít, muỗi mòng. Lại phải có sức, có tiền, thật nhiều tiền để thuê thêm nhân công. Vì vậy nếu chỉ vào đấy với bàn tay trắng, thì một là anh làm ruộng dạo cho các điền chủ, hai là anh bỏ thân ở nơi nước độc hẻo lánh. Đất rộng, nắng mưa thuận lợi, khí hậu ôn hòa, bấy nhiêu chưa đủ đâu.

Người bạn đường có lẽ thấy Lãng nói có lý, nên xịu mặt, lặng lẽ bên Lãng không nói gì thêm.

Một lúc sau, anh ta mới thở dài, than:

- Tại sao trời đất là của chung mà loài người không chịu chia phần cho đều, kẻ thì nhiều quá, kẻ lại chẳng có gì. Chúng ta có tham lam đâu. Chỉ cần một căn nhà nhỏ, ngày hai bữa cơm hẩm ăn với mắm, quần áo đủ che thân và chống rét buốt. Chỉ có bấy nhiêu, mà không tìm đâu cho được!

Lãng thêm:

- Bấy nhiêu đó chưa đủ. Phải có người cùng với mình chia sẻ vui buồn, phải có chỗ cột dây nôi, phải có tiếng con nít khóc oe oe, rồi phải có dịp cho nó reo đùa, cười cợt... Ai cũng phải có những quyền lợi đó chứ.

Người lính lắc đầu chán nản:

- Nhưng khó lắm. Thôi đừng nghĩ tới nữa.

Lãng cãi lại:

- Sao không nghĩ. Quyền của chúng ta mà. Chính vì muốn được có những quyền ấy mà anh phải vào tận Gia Định. Anh thấy không?

Người lính trẻ đáp lơ lửng:

- Có lẽ thế. Nhưng chuyện đó xa xôi quá. Mình biết gì mà lo. Trước mắt, tôi chỉ lo đã tới mùa

mưa, không biết ở nhà bị đột vợ tôi nó có dám leo lên mái dọi lại không. Hình như gần đây mưa to lắm phải không anh?

Lãng đáp liêu:

- Vâng. Mưa to lắm.

Người bạn đường chột dạ, thúc ngựa chạy nhanh hơn:

- Vậy thì tôi phải về gấp. Đã đến ngã ba rồi. Anh cũng rẽ phải chứ?

- Không. Tôi về Bằng Châu. Rẽ trái.

- Chào anh nhé.

- Vâng, chào anh. Hy vọng lúc anh về, bà cụ vẫn khỏe.

*

* *

Con Vện không nhận ra Lãng. Càng không chấp nhận được con ngựa lúc đó vừa thở phì phò vừa lấy chân trước cào cào lên mặt đường, làm tung một lớp bụi mỏng. Nghe chó sủa dữ, An hốt hải chạy ra cổng. Chị cũng không nhận ra em. Phải chờ đến lúc Lãng lên tiếng, An mới reo lên:

- Trời ơi! Lãng phải không? Đúng rồi, Lãng! Em về hồi nào? Chị lú lẫn quá mất. Em về chiều nay mà còn hỏi là về hồi nào? Để chị mở cổng cho. Trong lúc An loay hoay kéo cái then cửa, Lãng cũng loay hoay với những câu hỏi khó đáp: Có nên báo ngay cho chị ấy biết không? Nếu ngại chị An đau khổ, thì phải chờ đến lúc nào? Báo cho chị An trước hay báo với cha trước? An thấy em đứng lặng bên mình ngựa, lo lắng hỏi:

- Em mệt lắm à? Dắt ngựa vào đi. Lại còn đi ngựa nữa! Oai gớm! Lãng biết không cả tuần nay khắp phủ nao nức vì tin chiến thắng. Mọi người trông ngóng thuyền về từng khắc từng giờ. Em dẫn ngựa vào đi! Sao đứng đực người thế?

Lãng vừa dẫn ngựa vào cổng vừa hỏi chị:

- Cha có nhà không chị?

An tránh xa con ngựa vì nó đưa mõm ngửi lưng chị, hấp tấp đáp:

- Có, có. Chắc cha sẽ mừng lắm. Để chị gọi cha dậy nhé?

Lãng cột ngựa vào gốc cây ổi, quay lại hỏi:

- Cha đang ngủ hử chị? Giờ này...

An đoán được ý em, trả lời:

- Không. Mấy hôm nay cha hơi mệt.

- Có nặng lắm không?

An vội trấn an:

- Không đâu. Vẫn cái chứng khó ngủ. Em vào tắm rửa qua loa rồi hãy lên gặp cha. Góm bụi bặm đầy cả thế kia!

Lúc đó có tiếng trẻ con khóc chát chúa ở phía nhà ngang.

An lo lắng nói:

- Lại chộc cho thẳng Phát nó khóc rồi. Con nhỏ không được tích sự gì cả. Em vào đây chị múc nước cho rửa mặt. Vào đây. Ủa, em không có mang quần áo gì cả à?

Lãng đáp:

- Quân còn nghỉ dưỡng sức ở dưới chợ Giã. Em xin anh Huệ cho về trước để...

An hạ thấp giọng hỏi:

- Anh ấy có bị thương nặng lắm không?

Lãng kinh ngạc hỏi lại:

- Chị nói ai bị thương?

An bối rối đến đỏ mặt, lí nhí nói:

- Thì anh Huệ. Có tin báo về bảo anh ấy bị chém ở tay.

Lãng cười lớn và nói:

- Thật tức cười! Anh ấy có bị ai chém đâu! Sao lại có tin động trời đó? À quên, có lẽ vì cái vụ... cái vụ tên tù binh liều lĩnh khiến anh ấy bị sưng da mà...

An lo lắng hỏi:

- Vụ tên tù binh? Hóa ra anh ấy bị thương thật à?

- Không. Nói bị thương hoặc bị chém là sai. Không có gì đâu. Thiên hạ chỉ ưa thổi phồng cho có vẻ gay cấn.

- Thế mà chị tưởng... Được, mẹ vào ngay bây giờ. Thằng bé chướng quá, đòi bông cả ngày. Chị mới rời tay đi làm công chuyện là nó khóc thét lên. Mẹ vào bây giờ. Như vậy là anh ấy không hề bị thương chứ em?

Lãng gật đầu rồi hỏi:

- Cháu Phát đã đỡ chưa chị?

- Em vào đây trông cháu thì rõ. Hết lở da, nhưng không hiểu sao nó cứ võ vàng. Thằng bé lại khóc tướng lên rồi! Em giữ bụi trên quần áo đi. Để chị bảo con ở mức nước cho.

An hấp tấp chạy vào ẵm con. Lãng thấy chị gầy hơn trước, quần áo xốc xếch lồi thoi, đầu tóc không chải nên rối bù. Anh cũng nhận thấy đôi mắt chị sáng khác thường, giống y như lúc An có mag lần đầu.

Đứa ở gái bung thau nước ra cho Lãng. Anh nhờ nó múc cho một bát thóc và lấy một ít nước đem ra cho ngựa. Con bé sợ không dám lại gần con ngựa cao lớn, nên Lãng phải rửa qua loa, rồi ra giúp con bé. An không thể kiên nhẫn chờ Lãng vào được, ẵm con ra tận gốc ổi để hỏi chuyện.

Lãng nhìn cháu nhận xét:

- Nó có khá hơn nhiều chứ chị. Trông lớn hẳn lên.

An cúi xuống hôn con, rồi cười bảo em:

- Chuyện. Em đi đã hơn tám tháng rồi chứ ít sao. Vào Gia Định có khổ lắm không? Ở nhà, anh Lợi cứ thù người ra vì tiếc không được tham dự trận này. Chị tức quá, bảo...

Lãng cố lấy hết can đảm, ngược lên nói nhanh:

- Anh Chinh chết rồi chị An ạ!

An không nghe kịp câu nói lí nhí tiếng nọ lấp tiếng kia của em, nét mặt vẫn tươi cười, chị hỏi:

- Em vừa nói gì thế?

Lãng đứng thẳng người, lưng dựa vào gốc ổi, chậm rãi nhắc lại:

- Anh Chinh đã chết rồi!

An lặng người, mặt tái mét, môi trên co giật không nói được nữa. Lãng nhìn nét mặt thẳng thốt của chị, không dám nói thêm lời nào. Một lúc sau, An thì thào:

- Có thật không Lãng? Em có tin chắc chắn không?

Lãng đáp:

- Chính tay em với anh Huệ giúp khám nghiệm anh ấy.

Nước mắt chảy lặng lẽ trên đôi má xanh xao của An. Giọng An rạn vỡ, run run:

- Sao em không cho chị biết ngay từ lúc mới về?

Lãng cúi xuống nhìn đôi chân mình, đáp nhỏ:

- Em sợ -

An hấp tấp hỏi:

- Nhưng vì sao anh ấy mất? Chẳng lẽ trời khiến cho em với anh Huệ gặp anh Chinh trên chiến trường! Không phải vậy phải không, Lãng. Em nói đi, không phải quân ta, không phải em hay anh Huệ giết anh ấy chứ?

- Không đâu chị ạ. Chị khỏi lo. Anh Chinh bị bọn Đông sơn giết, trước khi tháo chạy khỏi Cần Thơ. Em đến đã thấy anh ấy chết rồi. Anh Huệ tìm thấy xác anh ấy trong đồng xác đầy máu me. Anh Huệ ngơ ngợ, không dám cả quyết, phải cho gọi em tới.

An mừng rỡ nói:

- Hay em nhận lầm xác người khác!

Lãng buồn rầu đáp:

- Không lầm được đâu. Em nhận ra được cái nút ruồi trên vành tai trái, và cái răng hư. Không còn hy vọng gì nữa, hai chị em đứng lặng bên nhau. Lãng đau đớn nhìn chị khóc thút thít trong khi thằng Phát ngọ ngoạy trên tay mẹ, ngơ ngác nhìn Lãng rồi lại nhìn con ngựa.

Lãng hỏi An:

- Có nên cho cha biết tin ngay không chị

An giật mình đáp:

- Chậm chậm đã, em. Chờ lúc nào thuận tiện hãy cho cha biết. Cái thằng nhỏ này! ồm tong ồm teo mà lại thích ngựa. Em vào nhà nghỉ đi. Có lẽ sau bữa cơm tối, em hãy báo tin cho cha.

*

* *

Bữa cơm đoàn tụ dưới ánh đèn dầu lay lắt thật lặng lẽ, gần như buồn bã, vì An, Lợi và Lãng đều sợ chạm đến những điều mà họ biết rõ ông giáo rất sợ phải nghe. Người mà họ mừng vui vì được trở về an toàn là Lãng. Nhưng hỏi thăm chuyện Lãng thì động đến chỗ nhạy cảm nhất của ông giáo. Cho nên câu chuyện họ trao đổi cho nhau thật rời rạc, nhạt nhẽo. An sẵn đón, mời em ăn thử thức này thức kia, nói chuyện giá cả, và những điều ngộ nghĩnh của con. Lãng và Lợi mon men kháo chuyện phong tục, và cảnh vật Gia Định. Mỗi người nhìn vấn đề theo cách khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn gay gắt, nhưng thấy ông giáo dăm chiêu suy nghĩ, họ không dám tranh luận cho rớt ráo. Gần đến cuối bữa, đột nhiên ông giáo hỏi Lãng:

- Hôm Chúa tuần nọ, mày có mặt ở đấy không?

Lãng lo sợ, hỏi lại:

- Thừa cha, chúa nào ạ?

Ông giáo cười cay đắng, rồi nói:

- Tao quên! Chúng bay giết một lượt cả hai chúa chứ không phải một.

Lãng liếc nhìn nét mặt giận dữ của cha, hỏi nhỏ:

- Cha đã biết tin rồi ạ? Con cũng định thưa với cha...

Ông giáo nôn nóng cắt lời con:

- Sao lại không biết. Chúng bay làm chuyện động trời như thế thì giấu ai được! Trời đất diên đảo cả rồi! Kỷ cương đứt tung cả rồi. Thật là hết, hết, không còn gì nữa!

An muốn cứu em, nhỏ nhẹ thưa với cha:

- Cha đưa con xới thêm chén nữa!

Ông giáo nhìn An, đáp cộc lốc:

- Thôi. Đủ rồi.

Nói xong, ông quay về phía Lãng hỏi tiếp:

-Tội bay giết chúa ở đâu?

Lãng cảm thấy bị xúc phạm, tự nhiên bạo dạn hẳn lên. Anh đáp thật chậm thật rõ:

- Thừa cha ở chùa Kim Chương ạ!

Ông giáo lại được dịp hô hoán mai mỉa:

- Tội bay khéo chọn chỗ để giết người! Ở chùa Kim Chương! Giết người ngay chỗ cửa Phật! Rồi tội bay vứt xác chúa dưới chân tượng Bồ Tát phải không?

Lãng mím môi, không trả lời. Anh giận cha, và trong một lúc bốc đồng muốn gây cho cha một nỗi đau đớn, Lãng buột miệng nói:

- Chúng con không dã man như chúng nó. Tra tấn tàn nhẫn rồi vứt xác thành đồng ở chỗ sinh lây dơ dáy, chỉ có chúng nó mới dám làm mà thôi. Chính chúng nó, chính bọn Đông sơn dưới tay chúa đã hành hạ rồi giết anh Chinh như vậy!

Ông giáo giật mình ngừng lên nhìn Lãng, nét mặt vừa ngạc nhiên vừa lo âu:

- Mà nói cái gì?

Lãng đáp nhanh:

- Thừa cha, anh Chinh đã chết rồi!

Ông giáo dăm dăm nhìn con, như nghi ngờ cái tin dữ Lãng vừa thốt ra. Cả người ông lạnh toát. Hai tay ông phải nắm vào mép bàn cho bớt run. Mắt ông hoa. Ông nghe loáng thoáng lời Lãng giải thích thêm về cái chết của anh. Ban đầu ông nghe tiếng được tiếng mất. Nhưng khi xúc động lắng xuống, ông nghe rõ hơn. Lãng kể từ đầu đến cuối, từ lúc Huệ gọi anh đến để nhận diện xác chết cho đến lúc làm lễ tế chiến sĩ trận vong. Càng nghe Lãng kể ông càng bình tĩnh hơn, hiểu con và hiểu học trò hơn. Đến lúc Lãng dứt lời, ông giáo cúi mặt suy nghĩ thật lâu, bàng hoàng, hoang mang giữa yêu ghét, khâm phục và căm giận. Ông muốn nói với các con ít lời cho chúng bớt lo lắng, nhưng không biết nói điều gì, nói thế nào. Lãng đến bàn nước rót cho cha một chén nước trà. Ông lặng lẽ uống cạn, rồi đứng dậy bỏ đi lên nhà trên.

Những hôm tiếp theo, ông giáo trải qua những tâm trạng phức tạp, kỳ dị. Cả người ông nóng ran, trong lúc cảm giác lạnh lạnh cứ lan man ở dọc xương sống, đỉnh đầu và hai bên thái dương. Vì tim đập mạnh nên ông không tài nào chợp mắt được. Đã từng thức trắng nhiều đêm trong đời, nhưng chưa bao giờ thính giác của ông nhạy cảm bằng lúc này. Ông nghe rõ từng tiếng động nhỏ trong căn nhà tối, từ tiếng một găm trên đầu kèo cho đến tiếng một tiếng lá rụng bên cửa sổ. Những tiếng động ấy có sức âm vang dài lâu, đến nỗi tiếng nọ chập trùng lên tiếng kia, lớp lớp chồng chất thành một mớ hỗn độn ồn ào. Ông run sợ trước thứ âm thanh kỳ lạ đó, nhiều lúc phải bịt hai tai lại để đỡ giấc ngủ.

Chợp mắt được một lúc, tiếng đập ma quái loảng đi thì lại đến lượt tiếng con Vện sủa.

Ban đầu, ông nghĩ con chó sủa dọa những đứa trẻ rần rần mắt chui vào vườn hái trộm ổi. Nhưng về sau, tiếng chó sủa có vẻ hốt hoảng, gần như tiếng kêu cứu. Ông giáo ngồi bật dậy, không thấp đèn vì sợ đánh thức các con và người làm, ông lần mò trong đêm tối, sẽ mở cửa sổ nhìn ra vườn. Ông thấy con Vện đứng ở phía trong cổng chỗ mồm ra ngoài đường sủa ăng ẳng không thôi. Đột nhiên ông nhớ lại người khách lạ từng đến tìm ông buổi chiều hôm ấy. Thứ ám ảnh phai nhòa mấy tháng nay lại hiện về. Ông vội vàng đóng kín cửa sổ, ngồi thừ trên giường suy nghĩ:

- Hay ông khách đã trở lại? Mà tại sao trở lại vào lúc đêm hôm, và đứng ngoài đường chứ không gọi cổng? Ông ta là ai? Ông ta muốn gì?

Sáng hôm sau, ông giáo trách các con ngủ quá say, đến nỗi chó sủa thâu đêm mà không ai hay

biết gì cả. An lấy làm lạ vì đêm đó thằng Phát nóng mình trần trở khóc lóc mãi nên quá khuya An vẫn chưa nhắm mắt nổi, thế mà An có nghe chó sủa đâu. Lợi thì quả quyết đêm hôm trước con Vện nằm dài gần bếp lửa vì sợ lạnh, không dám chạy ra khỏi nhà. Nhưng hai vợ chồng không dám nói những điều đó với cha, chỉ nhìn nhau ái ngại. Ông giáo ra xem lại cửa cổng, xác định vị trí con Vện đứng sủa hồi hôm. Sương đêm nhuộm nâu lớp đất bùn trong vườn. Ông giáo tìm mãi vẫn không thấy dấu chân con Vện ở chỗ ông thấy nó hoảng hốt sủa vang đêm trước. Ông nghi ngờ trí óc mình, hoang mang không hiểu mình đang mê hay tỉnh. Không thể nào ông mê được, vì ông biết rõ mình đang làm gì, đang nghĩ gì. Chẳng hạn ngay lúc đó ông đang nghĩ đến cảnh Tân Chính vương ra pháp trường, và cái chết của Chinh. Ông nôn nao chờ đêm về! Ông lại nghe tiếng chó sủa y như đêm trước, và đâm sợ hãi. Ông giáo tự nhủ: Như vậy là mình đã lầm. Người khách lạ không ai khác hơn là một bóng ma đến tìm ông vì cùng một thanh khí. Đó là hiện thân của thần Chết chứ không phải là thần May mắn. Người khách lạ đến để vấn tội ông, cái tội nhúng tay vào trò chơi lớn làm đổ máu biết bao nhiêu sinh linh, trong đó có cả chúa, các bậc tôi hiền, kẻ đạo đức, người vô tội yếu ớt, và cả đứa con trai của ông nữa! Càng nghĩ ông giáo càng sợ! Từ đó về sau, suốt ngày ông đóng kín cửa nằm trong phòng nghe ngóng từng bước chân, từng tiếng động nhỏ. Ông nhắc An khóa hẳn cửa cổng. Vẫn chưa an tâm, vì lũ trẻ hàng xóm có thể chui qua rào gai vào vườn hái ổi! Nếu ông khách muốn, ông ta dễ dàng tìm được lối vào vườn mà khỏi phải chờ ai mở cổng. Tốt hơn hết là phải cài thật chặt cửa ra vào phòng. Ông lấy dây mây buộc kỹ các cửa sổ. Phòng ông nằm trở nên ngột ngạt, tối tăm. Muốn đọc sách hay làm việc gì, ông phải thắp cái đèn dầu. Cái tiếng động ngoài vườn vẫn đủ sức làm ông lo lắng, và ngay trong phòng, cái bóng ông in trên vách nhiều lúc khiến ông giật mình.

An và Lãng tưởng sức khỏe của cha suy giảm nên mới sợ gió quá mức như vậy, hai chị em hết sức lo lắng. Lợi chạy đi báo cho Kiên hay tin. Họ bàn tán với nhau nên mời thầy thuốc nào, nên tẩm bổ cho cha thức gì. Hết thầy thuốc này đến thầy thuốc khác, không có vị nào bắt mạch đích xác được căn bệnh ông giáo. Ông vẫn ăn uống, nói năng như một người khỏe mạnh. Nhịp mạch vẫn đều hòa. Có sự lạ là ông quá lo âu cho chuyện đóng cổng, khóa cửa, và e ngại thái quá với mọi kẻ lạ. An hoang mang không hiểu nổi cha. Chị chỉ thực sự biết căn bệnh của ông giáo khi con Vện rượng đực bỏ nhà đi suốt mấy hôm mà ông giáo vẫn than phiền về tiếng chó sủa! Thấy cha ngại ngùng, đôi lúc gần như hoảng hốt, khi bước ra khỏi phòng xuống nhà ngang dùng cơm, An bắt đầu dọn riêng một mâm nhỏ bưng vào cho ông giáo. An nhận được của cha nụ cười biết ơn, và chỉ có thể thôi. Mỗi lần xô cánh cửa hông lên gặp cha, An đều thấy ông giáo tỏ vẻ lo lắng, hoặc sợ hãi. Phải một lúc lâu ông mới nhận ra con gái, lúc ấy nét mặt ông trở nên cau có, giận dữ. Cho nên trừ trường hợp thật cần thiết, An ít khi làm phiền ông giáo. Từ nhà ngang, chị chỉ nghe tiếng cha ho hoặc khạc nhổ, tiếng chân di chuyển nhẹ từ chỗ nằm đến cửa lớn, cửa sổ, như một bà già lắm cẩm lo sợ kẻ trộm lẻn vào lấy mất số tiền dành dụm cả đời mình.

Các dấu hiệu đáng ngại ấy khiến các con ông giáo đau xót. Họ cảm thấy cha già đã thuộc vào một cuộc đời khác, một thế giới xa lạ, huyền hoặc mà họ không hiểu hết. Người đau xót hơn hết là An.

Lợi được chuyển từ kho quân lương sang giúp cho Năm Ngạn điều khiển việc xây dựng thành Chà Bàn và hành cung ở Kiên Thành, suốt ngày bận túi bụi, đến tối mới về ăn vài bát cơm là lăn ra ngủ. Lãng đã trở về trại. Kiên cũng thường đến thăm cha, nhưng hồi gần đây người vợ lớn

hơn anh cả mười tuổi có mang khó ở, Kiên phải vừa lo việc ở sở vừa lo cai quản cái quán rượu đang đông khách. An một mình lo âu và săn sóc cha, săn sóc đứa con đầu ốm yếu, và cả cái thai mấy tháng của mình. Chị sống cách biệt hẳn khỏi không khí nô nức rộn rã chung của xã hội bên ngoài. Tin tức về những cuộc đón rước náo nhiệt đoàn quân chiến thắng trên phố, về những loại huyền thoại mang từ vùng đất mới chinh phục ra Quy Nhơn, về những công cuộc xây dựng cho một kinh đô mới trên nền khu thành cổ của dân Chăm, về hào quang của Nguyễn Huệ, lạ lẫm thay, không ảnh hưởng nhiều đến An. Chị thấy bao nhiêu biến cố đó hoàn toàn xa lạ với chị. Chị hoàn toàn đứng đưng. Không phải An lạc lõng trong vận hội mới. Nhưng trước mắt An, có những mối bận tâm trực tiếp còn quan trọng hơn cả mọi biến cố lịch sử. Nào cha trở thành dờ dẩn, nào Chinh chết bi thảm, con đau yếu, thân thể vật vã vì cái thai khá lớn... bấy nhiêu điều nặng nề chồng chất lên đôi vai ốm!

May cho An là vào giai đoạn khốn khổ ấy, Thọ Hương thường đến thăm nom, chuyện trò. Bẵng đi một thời gian khoảng hai tháng không thấy Thọ Hương đến chơi, An tưởng cô bạn gái có những mối bận tâm hoặc công việc phải làm do ràng buộc của địa vị mới. Một quận chúa, một thành viên của gia đình đã trở nên vương giả, một người vợ dù là bất đắc dĩ của Đông cung, cố nhiên Thọ Hương phải cố gắng để sống cho đứng với trách vụ của mình. An không hề thắc mắc vì sao Thọ Hương không đến thăm mình đều đặn như trước. Mãi tới hôm Thọ Hương đến, An mới vỡ lẽ: Suốt hai tháng qua Thọ Hương bị một trận thương hàn suýt chết. Người cô vẫn còn ốm xanh, tóc rụng nhiều, đến nỗi Hương phải choàng lên đầu một cái khăn đoạn màu vàng. Có thể vì vậy mà hai người bạn gái dễ dàng thông cảm nhau! Thọ Hương thương hại cho tình cảnh An. An thương hại cho tình cảnh bạn. Cái chết của Đông cung cứ chờn vờn trong câu chuyện của hai người, biến tất cả những lời họ nói thành những lời an ủi xa xôi, khích lệ bóng gió. Họ bùi ngùi nhìn nhau, ghi nhận gương mặt xanh xao, đôi mắt buồn bã của nhau, và cảm thấy gần gũi quyến luyến nhau hơn bao giờ hết!

An hỏi thăm Thọ Hương:

- Em đã khỏi hẳn chưa mà đến thăm chị?

Thọ Hương đưa tay lên vuốt má mình, gượng cười đáp:

- Chưa khỏi hẳn. Nhưng em nằm nhà hoài không chịu nổi nữa. Chị có cái gương cho em mượn đi.

An nói dối:

- Có một cái bị thằng cháu Phát nó đập vỡ mất rồi. Từ ngày đi lấy chồng, chị cũng không cần đến cái gương cái lược nữa.

- Em cũng thế. Nhưng tự nhiên hôm nay...

An cướp lời bạn:

- Em phải khác chứ. Đẳng nào ở vào địa vị em, không thể ăn mặc xuề xòa, tóc tai bỏ mặc như chị được.

Thọ Hương buồn rầu nói:

- Địa vị em? Địa vị em cao cấp thế nào hở chị? Em đứng ở đâu đây? Em có còn là con gái của ba em nữa không? Có còn...có còn là...là một người đàn bà đã có chồng nữa không? Em còn là con gái hay em đã thành bà góa? Chị trả lời giùm cho em đi!

An ái ngại nhìn khuôn mặt xanh xao và thẳng thốt của bạn, không biết trả lời thế nào. Chị tìm cách xoay câu chuyện sang hướng khác. An hỏi:

- Nghe anh Lợi bảo khu thành mới sắp xong rồi. Cái hành cung ở trên Kiên Thành cũng vậy. Ít

lâu nữa, em ở dưới này hay lên Kiên Thành?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Có lẽ em lên Kiên Thành. Các anh chị Bảo, anh chị Nhậm, anh chị Trị ở dưới này với cha em là phải. Họ có nhiều việc phải làm. Còn em? Em biết làm cái gì bây giờ? Em không thuộc về ai cả, không thuộc vào cái gì hết. Người ta xem em là thân thuộc đáng thương cũng được, khi kinh cãi ganh ghét thì xem em là kẻ thù cũng được. Đôi lúc em cũng không biết em nữa. Em tự hỏi: Em phải xem cha em như đấng sinh thành hết lòng thương yêu mình, hay phải xem cha em như kẻ thù.

An lo ngại, vội nói:

- Em đừng nói dại. Sao độ này em lẩn thần thế. Hồi thằng Phát đầy tháng, chị thấy em vui vẻ, yêu đời lắm mà!

Thọ Hương ngượng ngịu, phần nào hối hận vì đã nói liều trong cơn phần chí, nên đáp nhỏ:

- Có lẽ vì đau yếu nên em đâm buồn bực, lẩn thần đấy!

An tìm cách an ủi bạn:

- Chị cũng thế. Đôi lúc quá khổ, chỉ muốn chết cho rảnh nợ. Mà chết lúc này đáng tiếc thật hử Hương? Chung quanh đây ai ai cũng nô nức, hăm hở chờ đón những điều mới mẻ, lạ tai lạ mắt. Em có đi thăm khu thành mới chưa?

Thọ Hương bẽn lẽn đáp:

- Chưa, chị ạ. Em là người trong nhà mà giống như người ngoại cuộc. Nghe các chú chê thành hơi thấp, và hẹp. Còn mẹ và em thì chỉ chú trọng đến thành cung trên quê mà thôi!

- Vậy là em sẽ về Kiên Thành sống với bà?

- Dạ, có lẽ thế.

An thở dài nói:

- Chị lại sắp xa một người bạn thân.

Thọ Hương vội nói:

- Nhưng chưa có gì chắc chắn đâu. Nhiều khi em đổi ý bất ngờ. Em không hiểu em muốn gì, nên mẹ em bảo em phát khùng mất rồi. Nếu được phát khùng, em...

An lại cắt lời bạn:

- Đừng nói dại. Ấy chết, chị lú lẩn quá rồi. Có khách vương giả đến chơi mà không có lấy một bát nước trà loãng để mời. Gái ời, gái.

Thọ Hương xua tay can:

- Khỏi cần khách sáo làm gì, chị. Em đến nói chuyện với chị là đủ vui rồi. Anh đâu rồi chị?

- Anh ấy bận liên miên. Thành sắp xong, chắc anh ấy sắp được rảnh rồi một chút.

Thọ Hương vội hỏi:

- À, hóa ra anh Lợi đã qua làm chỗ chú Năm Ngạn. Thảo nào!

An lo ngại hỏi:

- Thảo nào là thế nào, Hương?

Thọ Hương thấy mình nói hớ, vội bảo:

- Thôi, chú Năm Ngạn nói cũng không đáng tin đâu.

An không chịu thua, giục bạn:

- Em đừng ngại. Có gì cứ nói thẳng với chị.

Thọ Hương nói:

- Không có gì quan trọng đâu. Tính chú Năm, chị biết rồi. Vả lại hai người một già một trẻ lại

khác tính nhau, làm sao tránh khỏi xích mích.

Rồi không muốn đi sâu thêm vào chuyện rắc rối, Thọ Hương bảo:

- Lúc nào rảnh, chị lên đăng em chơi.

An cười gượng nói:

- Em thấy đấy, một mình chị lo đủ đường, cha chị như vậy, con chị như vậy. Phần chị lại bụng mang dạ chửa!

- Thế thì chị cho phép em đến đây thăm chị vậy. Chị có chán en lẫn thẩn không?

An vui mừng nói:

- Không đâu. Sao em lại nói thế? Chị chỉ mong em có thì giờ đến thăm chị luôn. Chị chờ em đấy!

*

* *

Những lần sau, Lãng có gặp Thọ Hương tại nhà mình.

Anh không nhận ra ngay cô gái út của Tây Sơn vương!

Lãng ngờ ngợ, không nhớ đã gặp thiếu phụ này ở đâu. Trước mặt anh là...là một người đàn bà, không, không hẳn là một người đàn bà, mà cũng không hẳn là một thiếu nữ. Con người ăn mặc sang trọng mà không chải chuốt choàng cái khăn vàng ấy có cái gì lưng chừng khó định lắm: nàng có những nét đậm đà u buồn chưa thể có ở một thiếu nữ, nhưng đồng thời cũng có quá nhiều vẻ e ấp bên lề để trở thành một thiếu phụ. Lãng liếc nhìn người phụ nữ da bánh mật đang cắn môi để giấu một nụ cười còn nhiều vẻ tinh nghịch, nhiều lần không dám lên tiếng hỏi chị. Hôm ấy Lãng trở về trại sớm, nên không có dịp hỏi chị người phụ nữ ấy là ai.

Lần sau, khi nghe An bảo đó là Thọ Hương, Lãng vẫn không tin lời chị. Anh vẫn còn giữ ấn tượng khó chịu về quận chúa từ hôm gặp Thọ Hương ở đám đầy tháng cháu. Lãng nhớ gương mặt trang điểm kỹ càng của Thọ Hương hôm ấy, nhớ bộ quần áo đẹp đẽ và vẻ thỏa mãn tự tin của nàng. Lãng khó chịu vì phong thái tự đắc, anh nghĩ quận chúa phải có (nhất định phải có) sau khi Tây Sơn trại chủ chính thức xưng vương.

Hôm ấy Lãng gặp lại Thọ Hương. Nàng mặc một bộ quần áo lụa màu vàng nhạt. Khăn choàng đầu màu nâu, làm nổi bật nước da bánh mật và hòa hợp trọn vẹn với đôi mắt đen và sâu, đôi môi mím nghiêm nghị. Tuy đã được An báo cho biết Thọ Hương vừa mới bệnh dậy, nhưng Lãng vẫn khẳng khái nghĩ: Nhất định quận chúa không đau đớn vì bệnh thương hàn, mà đau đớn vì cái chết của Tân Chính vương. Càng ngắm kỹ, Lãng càng vững tin ở định kiến của mình: cái khăn choàng đầu màu nâu đậm kia có khác nào cái khăn của các bà vải, lại thêm đôi mắt u buồn ấy, dáng ngồi thờ ơ khép nép ấy, bàn tay ốm có nổi vài đường gân xanh xao ấy...tất cả là dấu hiệu của một thứ tâm bệnh trầm trọng, của một sự mất mát lớn lao, nói chung, của một nỗi thống khổ không lấy gì đo lường cho hết.

Lãng xúc động đến ngộp thở trước nỗi thống khổ da diết này! Anh không muốn về trại nữa. Cũng không thấy e ngại vì đã quấy rầy cuộc trò chuyện tự nhiên của hai người bạn gái. Có một sức thu hút huyền bí níu chân Lãng lại. Lãng ngồi xuống cái ghế cạnh chỗ hai người ngồi, cố thẳng sự nhút nhác để góp chuyện. Bằng một giọng run run vì lo ngại và thương xót, Lãng rụt rè hỏi Thọ Hương:

- Chắc quan Phụ chính đã giải bày với Quận chúa cả rồi. Quả tình không còn cách nào khác. Có những điều chúng ta không cưỡng được. Những điều xảy ra ngoài ý chúng ta, như là số phận! Thọ Hương ngạc nhiên ngược lên nhìn Lãng, ngỡ ngàng trước cách xưng hô và những lời nói nghiêm trang khác thường giữa cuộc trò chuyện riêng tư thân mật này. Ánh nhìn của Thọ

Hương vừa thích thú ranh mãnh vừa phảng phất vẻ giấu cợt. Lãng cảm thấy mình lố bịch, ngượng đến đỏ mặt. Nếu có thể chui xuống đất để trốn cái nhìn ranh mãnh ấy, thì Lãng đã làm rồi. An cười lớn, nửa đùa nửa thật bảo em:

- Sao tự nhiên Lãng sính nói chữ thế?

Thọ Hương thấy Lãng quá bối rối, vội nói:

- Không phải đâu chị. Anh Lãng muốn an ủi em, nhưng sợ em buồn, nên nói quanh co thế thôi!

Rồi quay hẳn về phía Lãng, Thọ Hương cúi đầu lễ phép nói:

- Cảm ơn anh nhiều. Vâng, đúng là số phận của tôi chẳng ra gì!

Lãng bót ngượng, nên có thể tiếp nối lời khách:

- Quận chúa đừng nói vậy. Nếu người ta thực lòng thương yêu quận chúa, nhớ tưởng quận chúa, thì quả thật không có nỗi đau đớn nào to lớn bằng. Nhưng chắc... chắc anh Huệ đã kể lại cho quận chúa lúc bắt được... lúc bắt được Đông cung...

Thọ Hương vội vã nói:

- Chú Tám không kể gì cho tôi nghe cả. Chú ấy tránh mặt tôi, làm như không có gì xảy ra ở Gia Định. Anh làm ơn kể cho tôi biết đi. Lúc bắt được... bắt được Đông cung...

Lãng rợn rã vì sự sẵn đón chờ đợi của Thọ Hương, vội kể:

- Phải, lúc bắt được Đông cung ở đồn Ba vác, anh Huệ có nhắc đến Quận chúa.

Thọ Hương không dần được tò mò, hấp tấp hỏi:

- Thật thế ư? Chú Tám nhắc thế nào?

Lãng hân hoan vì thấy mình quan trọng, chậm rãi đáp:

- Lúc Tân Chính vương từ trong đồn Ba vác đi ra phía thuyền, anh Huệ hỏi thăm, rồi bảo: "Tôi mà làm sướt một chút da của Ngài thì về Qui Nhơn con cháu Thọ Hương không để cho tôi yên đâu!". Nghe nói thế, Tân Chính vương...

Thọ Hương sợ sự thật phũ phàng, vội ngăn lời Lãng lại:

- Thôi, tôi biết rồi.

Lãng ái ngại nhìn Thọ Hương, lúc đó đang cúi gằm mặt xuống, vừa xấu hổ vừa đau đớn. Sau một lúc e ngại, Lãng nói nhỏ:

- Quận chúa không nên buồn. Con người đó... con người đó... không đáng gì đâu!

Nước mắt lưng tròng, Thọ Hương run run nói với An:

- Cả em nữa, em cũng chẳng đáng gì. Em chẳng khác nào viên đá lót đường cho người ta dẫm lên trên. Thân em bị chà đạp, đau xót, lấm láp mà không ai thương xót...

Thấy Lãng nhìn mình xót xa, Thọ Hương càng nói quá đi để cảm động Lãng, rồi chính Thọ Hương cũng mỉm lòng vì lời than vãn của mình. An thấy hai người im lặng, vội nói:

- Sao em chán nản thế, Thọ Hương? Em còn trẻ, đời còn dài...

Thọ Hương ngừng lên nhìn An, định nói điều gì, nhưng cổ đã nghẹn không thốt nên lời. Nước mắt lăn từ từ trên hai má. Lãng không chịu được cảnh một người con gái khóc lặng lẽ, cúi gằm mặt xuống. An thấy tình thế khó xử, không biết phải làm gì để an ủi bạn. May mắn vào lúc đó, thằng Phát khóc ré lên trong buồng. An vớ dịp tốt kéo Thọ Hương đứng dậy, bảo bạn:

- Thằng bé lại nổi chứng rồi. Em vào đây xem giùm chị nó có khá hơn chút nào không.

Thọ Hương khẽ gật chào Lãng rồi đi theo An. Lúc hai người bạn gái đã vào hẳn trong buồng, Thọ Hương lấy hơi nhiều lần định nói, nhưng nàng chỉ cười bên lên, rồi thôi. An lấy làm lạ hỏi:

- Em định nói gì thế?

Thọ Hương chối:

- Em có định gì đâu!

An không hỏi thêm, cúi xuống gãi nhẹ vào lưng cho thẳng bé ngủ lại. Thọ Hương nhìn hình dáng nặng nề của bạn, hỏi:

- Chị đã được mấy tháng rồi?

- Có lẽ năm, sáu tháng gì đó. Trông chị tức cười lắm nhỉ!

- Không đâu! Chị chỉ hơi ốm thôi. Bác đã khá chưa chị?

An nhớ đến cha, thở dài đáp:

- Vẫn vậy. Hình như cha chị luôn luôn sợ hãi cái gì đó, lúc nào cũng nơm nớp, chờ đợi, đề phòng.

- Lạ nhỉ! Chị An này.

- Gì thế Hương?

Thọ Hương liếc nhìn An, mỉm cười băng quơ, do dự, rồi lấy bạo hỏi bạn:

- Trông anh Lãng khác hồi trước nhiều, phải không chị?

An hỏi:

- Khác thế nào?

Thọ Hương bối rối, nói:

- Anh ấy có vẻ rắn rỏi hơn, mạnh bạo hơn. Ấy, cháu thức dậy rồi chị!

An vội gãi lưng con, à ơ vài tiếng, rồi quay về phía bạn hỏi nhỏ:

- Năm nay em bao nhiêu tuổi.

- Mười chín, chị ạ.

- Vậy là thua Lãng ba tuổi. Nó đã hai mươi hai, còn nhỏ nhít gì đâu!

- Nghe chú Tám khen anh ấy có tài văn chương như bác. Hình như anh ấy được thưởng quân công đấy!

An cười bảo:

- Quân công? Em nói thực hay nói đùa? Nó cầm cái gươm còn chưa vững, nói gì đến chuyện đánh nhau ngoài mặt trận.

Thọ Hương hăng hái bênh vực người vắng mặt:

- Đâu phải ra trận là phải biết cầm gươm. Có trí thông minh, thậm chí có tài làm thơ, viết hịch nhiều khi cũng bằng mười lần có tài múa kiếm. Không tin ngày một chị rán đi dự lễ mừng chiến thắng, sẽ rõ.

An thừ người vì tiếc, trả lời:

- Chị thế này còn đi đâu được. Nghe nói suốt nửa tháng nay cả phủ như mở hội, phải không em?

- Em cũng chẳng biết nữa. Có lẽ thế.

Bấy giờ là mùa đông. Trời mưa tầm tã. Nước lụt tràn bờ sông, người ở chỗ đất thấp phải chuẩn bị dời thóc gạo đồ đạc lên các chỗ đất gò để tránh nước lũ. Đường đất sét phủ đầy một lớp bùn nhão màu hung cao đến ngập mắt cá. Việc đi lại khó khăn nhưng ở công trường xây thành Chà Bàn, công việc vẫn tiến hành khẩn cấp. Số dân phu tăng hơn cả mùa nắng. Trai tráng thì ngâm mình dưới làn nước bạc dùng mai x xắn từng khối đất dẻo, rồi hụp xuống bê lên cho những người già cả khiêng, gánh, xách, đội, vác đến tận chân thành. Do đó người nào cũng lấm lem những bùn từ chân tóc đến quần áo, vừa thở phì phò vừa run cầm cập. Nước lụt tràn khắp vùng quanh chân thành, nhất là phía đông, nhưng căn cứ theo mực nước ngập đến thắt lưng hay đến cổ mà người ta phân biệt được chỗ nào đất chưa đào, chỗ nào đã thành đáy hồ. Dù có những cây sào tre còn để nguyên chóp lá cắm mốc, nhưng không thiếu những kẻ sơ ý huyệt chân, ngã xuống vùng đất thấp. Theo dự kiến, sau khi đắp xong thành, sẽ có một cái hồ rộng ở mặt đông để trồng sen.

Trong nhà chòi lợp tranh dùng làm chỗ làm việc của ban chỉ huy công trường, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Phụ chính Nguyễn Huệ, Nội hầu Phạm Ngạn đang đứng quanh cái sạp liếp tre dùng làm bàn để nhìn tấm bản đồ vẽ cách bố trí của thành Chà Bàn. Quần áo người nào cũng ẩm ướt, bùn lấm cả lên vai áo. Đường cái lầy lội quá nên họ đều đi chân đất. Phạm Ngạn dùng cái que tre chỉ vào sơ đồ giải thích cho ba anh em Nguyễn Nhạc:

- Những chỗ tô son đỏ như khoảng này đã đắp xong. Vâng, chiều cao là một trượng hai xích, chiều dày khoảng hai trượng. Phía bên này đã đắp xong cái núi đất. Đúng là góc đông nam của thành. Sở dĩ phải đắp trước vì cần phải có một gò đất cao không ngập nước cho thợ mộc và thợ vôi làm việc. Phải có thêm hai cái núi đất nữa ở góc đông bắc và tây bắc, dự kiến cuối tháng mười một thì xong vì từ chỗ lấy đất đến hai góc đó xa hơn. Vâng, số phu được gửi tới đủ, nhưng không làm nhanh hơn được, vì số người đau yếu phải cho nghỉ lên cao quá. Số mới bổ sung lại phải mất một thời gian khá lâu mới quen công việc.

Tây Sơn vương chỉ vào phía thành chưa làm xong, hỏi:

- Còn mặt thành này, ông tính thế nào?

Viên Nội hầu vội thưa:

- Dạ phía đó dễ làm hơn vì thuộc vùng đất gò. Tuy là đất sỏi cứng khó đào, nhưng đất lấy ngay tại chỗ khỏi mất công khuân vác. Đá ong cũng có sẵn. Thợ đá có hơi thiếu, trời mưa dầm quá lâu đá ướt rất khó xắn cho thành khối vuông vức. Nhưng tôi có cho thêm phu phụ giúp cho thợ đá, nên không đến nỗi trễ. Nặng nhọc lắm vẫn là mặt bên này.

Nguyễn Nhạc nhìn về phía hai em, giải thích thêm:

- Ta cứ dựa lên nền thành cũ của người Chăm mà đắp cao lên thôi. Khi làm xong, chu vi thành

sẽ được mười lý. Thành có năm cửa. Đằng trước này mở hai cửa, bên hữu là Vệ môn, bên tả là Tân khai môn. Bên trái, bên phải và đằng sau mỗi bên đều có cửa. Phía tây này, không, đây là hướng tây nam chứ, hướng tây ở đây có Đỉnh Nhĩ đề, còn phía tây nam có Giao đàn thành. Khung vuông này là Tử thành. Đây là Bát giác điện, trước Bát giác điện là Bát giác lâu. Đằng trước còn có Quyền bổng cung, bên tả bên hữu có dục lang dành cho lính canh gác. Trước cung còn có Nam lâu môn, bên tả có Từ đường, bên hữu có Võ miếu.

Nguyễn Huệ từ đầu lơ đãng không nhìn vào sơ đồ và chăm chú nghe Nguyễn Nhạc giải thích như Nguyễn Lữ, bấy giờ mới lên tiếng hỏi:

- Sao ta lại phải dựa vào dấu cũ của thành Chà Bàn mà đắp thành? Ta không làm khác được sao?

Phạm Ngạn không trả lời được một câu hỏi khó như vậy, nên nhìn về phía Tây Sơn vương, trân trọng dành cho Nhạc quyền giải thích. Nhạc chau mày nhìn em, hơi khó chịu. Nhưng vương cũng kiên nhẫn giải thích chậm và rõ:

- Chú hỏi vì sao ư? Chú nhớ cho kỹ để lần sau khỏi thắc mắc nữa nhé. Vì chúng ta phải cố gắng khôi phục lại vương quốc đã từng một thời thịnh trị kéo dài từ đất Thuận Hóa cho đến Bình Thuận. Kinh đô của vương quốc ấy ở đây. Kinh thành của vương quốc ấy là chỗ này, ngay tại nơi chú với ta đang đứng trú mưa. Lúc người Chiêm thành đóng đô tại đây, tại vùng được gọi là Vijaya này, vương quốc của họ hùng mạnh, thịnh vượng. Họ suy yếu vì đã không biết đây là chỗ đắc địa. Chú cứ nhìn kỹ các tháp Chăm kia, xem cách thức họ xây cất, điêu khắc, cũng đủ biết thời đó xứ sở này giàu có, thanh bình, tôi hiền và bậc anh tài nhiều biết bao! Chúng ta tìm đâu ra những người thợ dẻo gọt nổi những bức tượng đẹp như thế kia? Và ông Năm Ngạn này, liệu ông có chỉ huy nổi dân phu để họ đưa những khối đá nặng như vậy lên cao chót vót tận đỉnh tháp không? Phải nhận là trước đây dân tộc Chăm khéo hơn ta. Vì đâu? Vì họ chọn được đúng chỗ đất tốt để xây thành Chà Bàn. Ta dựa theo dấu cũ của họ để xây thành là vì vậy.

Trong khi Tây Sơn vương nói, Nguyễn Huệ muốn cắt lời anh để góp ý mình, nhưng thấy anh hăng hái quá, Huệ không dám. Chờ đến khi Nhạc tạm dừng để lấy hơi, Huệ mới hỏi:

- Như vậy biên cương của chúng ta phía bắc ra đến Thuận Hóa, còn phía nam chỉ vào đến Bình Thuận thôi sao?

Nhạc dăm dăm nhìn em, môi cười chế giễu, hỏi Huệ:

- Liệu chú có đủ sức đánh nam dẹp bắc để giữ bấy nhiêu đất ấy không? Chú nên nhớ quân Trịnh vẫn còn nghênh ngang ở Thuận Hóa, còn Châu Văn Tiếp vẫn còn chiếm giữ Bình Thuận, Bình Khang.

Huệ tiếp lời anh:

- Nhưng Điều khiển Hòa của chúng ta hiện đang ở dinh Long hồ. Còn Gia Định thì đã có Tổng đốc Chu và Tư khấu Uy trấn giữ. Chẳng lẽ ta cất công vào Gia Định suốt bảy tháng trường, bỏ xương bỏ máu ở đó để chờ lúc thuận tiện giao lại cho Chân Lạp hay vua Xiêm! Chẳng lẽ, lâu lâu nương theo gió mùa ta vào đó chỉ để cướp lúa?

Nguyễn Lữ không dẫn được giận, vội nói với Nhạc:

- Đúng đấy. Ở Gia Định chú cũng giở cái giọng ấy ra với em. Chú muốn có kế lâu dài ở Gia Định. Chú không sợ lún chân vào những bãi bùn hoang vu ngút mắt hay sao? Anh Cả biết không, chú Tám cứ đem chuyện ta chở mấy trăm ghe thóc về đây ra mà mĩa mai!

Tây Sơn vương nghiêm khắc nhìn Huệ, nói dần từng tiếng:

- Chú hãy nhớ kỹ, ta không tính chuyện lâu dài ở Gia Định. Ta sai chú vào đấy là để diệt cho tận

gốc họ Nguyễn Gia Miêu. Nếu tạm thời ta có để Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, Điều khiển Hòa lại Gia Định, chỉ vì bọn tàn binh của họ Nguyễn chắc chắn còn giữ ý định khôi phục. Dĩ nhiên lúc ta đã mạnh mẽ thịnh vượng như triều Vijaya trước đây thì tính kế dài lâu ở đâu mà chẳng được. Nhưng trước mắt, ta phải lo ổn định những vùng của ta trước đã. Chú nhớ kỹ chưa?

Huệ cúi đầu làm thinh, nhưng nhìn nét mặt em, Nhạc biết Huệ chưa hoàn toàn đồng ý. Nội hầu Phạm Ngạn thấy không khí quá căng thẳng, vội thưa với Nhạc:

- Bẩm Đức Thầy Cả...

Tướng Năm Ngạn sắp chen vào chuyện riêng của ba anh em, Nhạc gay gắt hỏi:

- Ông định nói gì nữa?

Phạm Ngạn lo sợ lắp bắp thưa:

- Bẩm... bẩm Đức Thầy, tôi sợ trời cứ mưa lụt mãi, việc xây thành gặp khó khăn.

Nhạc nói như quát lên:

- Ông không làm nổi phải không?

Ngạn vội nói:

- Dạ không phải thế. Tôi chỉ xin thêm độ một nghìn dân phu, để đủ nhân công chuyển đất.

Nhạc nhận thấy mình giận dữ vô lý, dịu giọng xuống:

- Thôi được rồi. Ta sẽ gọi thêm cho ông một nghìn năm trăm dân phu. Dôi thêm năm trăm đấy.

Ông có dám hứa cuối tháng Chạp tất cả đều xong không?

Phạm Ngạn vui mừng nói:

- Dạ, chắc chắn xong. Xin Đức Thầy yên tâm.

*

* *

Hứa hẹn chắc chắn với Tây Sơn vương xong, Nội hầu Ngạn bắt đầu mất ăn mất ngủ. Nguyễn Nhạc gửi đúng một nghìn năm trăm dân phu như đã nói, nhưng công việc đắp thành vẫn cứ chậm chạp. Số phu bị bệnh thực sự đã nhiều, số khai bệnh dối hoặc số lảng công còn cao hơn. Nước lụt chưa rút, việc húp xuống sâu lấy đất vất vả quá. Những trai tráng phụ trách công việc cực nhọc ấy, dù có sức trai, không ai kham nổi cảnh rét run suốt mấy ngày liền. Vài dấu hiệu phá hoại bắt đầu xảy ra: những cây sào cắm mốc tối hôm trước bị nhổ mất hoặc dời sâu vào bên trong, gây các tai nạn nguy hiểm, dụng cụ đào và xúc đất bị quăng xuống hồ nước sâu. Phạm Ngạn tức lồng lộn, quát tháo, mắng chửi, hăm dọa, nhưng bọn phá hoại vẫn tiếp tục lén lút quấy phá. Phạm Ngạn phải giả dạng dân phu, nằm rình trong những lán tranh dột ướt, lầy lội suốt mấy đêm mới bắt được quả tang hai tên phá hoại. Giận đến phát điên, viên Nội hầu đích thân cầm roi mây quất lên lưng hai con người ốm yếu rách rưới đến chết ngất, rồi chờ cho họ tỉnh lại, đóng gông đem bêu riếu khắp công trường. Không cần tra hỏi lâu, Phạm Ngạn đã biết nguyên do sự bất mãn: dân phu bị rét run, và tẻ hơn nữa, bị đói nên không kham nổi rét. Phăng lần đầu dây mối nhợ, Ngạn biết thêm số gạo phát cho dân phu quá ít. Và người phụ trách việc phân phát, kiểm soát lương thực là Lợi!

Ngày buổi tối, viên Nội hầu vào dinh xin gặp Nhạc.

Tây Sơn vương kinh ngạc vô cùng. Từ khi đạo quân chiến thắng chở thêm mấy trăm ghe thóc Gia Định về nhập kho Qui Nhơn, Nhạc đã ra lệnh tăng gấp rưỡi suất gạo cho dân phu. Bình thường số gạo ấy đủ cho hai người ăn. Làm việc nhọc mệt dưới chỗ bùn lầy rét mướt, dân phu có thể phải ăn nhiều hơn, nhưng nhất định suất gạo được cấp phát không thể thiếu được.

Nguyễn Nhạc ngờ rằng bên trong chắc có điều gì lơ lửng lấp ló. Vương giao cho Thiếu phó Lữ tra xét việc này. Lữ ái ngại gọi Lợi đến, và thông cảm cho một cộng sự viên lâu nay tận tâm giúp đỡ mình, Lữ báo trước cho Lợi mỗi nguy hiểm anh có thể gặp phải.

Lợi sợ đến tháo mồ hôi hột. Nhưng vốn là người giỏi quyền biến, anh thấy ngay những việc phải làm. Với Lữ, anh đưa ra một lô những thủ tục, giấy tờ kế toán phức tạp, rắc rối (vốn là điều Thiếu phó e ngại nhất) để chứng minh rằng sự chậm trễ cấp phát lương thực phụ trội cho dân phu do những yếu tố khách quan bất khả kháng như thể thức xuất nhập kho, qui cách giao nhận và kiểm soát, sự trời sạt bất thường hằng buổi, hằng ngày của số phu thực sự lao động, chứng từ thanh toán lương thực của công trường mù mờ, vân vân... và vân vân... Lợi dẫn chứng điều này luật nọ, nhắc lại các trường hợp vi phạm trong quá khứ, để cuối cùng xác nhận với Lữ rằng: dù mình hết sức cố gắng, mệnh lệnh của Tây Sơn vương không thể tuân hành ngay trong một thời gian ngắn ngủi, trừ trường hợp... trường hợp cứ chờ gạo đến phát bừa cho dân phu, bất kể chứng từ.

Mặt khác, Lợi chụp ngay lấy dịp Thọ Hương đến thăm An để nhờ Quận chúa tìm lời khéo léo nói giùm với mẹ. Anh còn giục vợ đến thăm trả Thọ Hương để nhắc nhở, kèm theo một món quà nhỏ. An từ chối, nhưng Lợi cứ nói mãi nói mãi. Về sau An phải nhắc đến cái thai đã lớn của mình, cùng thói mê tín thông thường đối với những người đàn bà có mang, Lợi mới thôi làm phiền vợ. Cùng lúc đó, Lợi vận dụng tất cả tài tháo vát để phát ngay số gạo cần thiết cho công trường. Kết quả là những lời than phiền của viên Nội hầu tan vào khoảng không! Quá lắm chỉ gây đôi chút hoài nghi trong lòng Nguyễn Nhạc mà thôi!

*

* *

Những câu hỏi quan trọng của Huệ hôm ba anh em cùng đi xem xét công trường xây thành Chà Bàn cứ canh cánh trong lòng Tây Sơn vương. Lúc bận tiếp khách, hoặc giải quyết các công việc khẩn cấp và rắc rối, Nhạc quên những câu hỏi ấy. Rồi rồi một chút, chúng lại hiện về. Điều khiến Nhạc lo âu không phải chính nội dung các câu hỏi, mà ở tư tưởng của người hỏi. Vương nhận thấy cậu em trai út hai mươi lăm tuổi của mình bắt đầu có những suy nghĩ độc lập, những tham vọng riêng tư, có lối nhìn vấn đề khác mình. Nếu Lữ ngoan ngoãn, chậm chạp bước theo dấu chân của Nhạc không cần suy nghĩ, thì Huệ lại muốn tự tay phát quang chọn lấy con đường cho mình. Cách nghĩ về biên cương cho vương quốc sắp dựng, nhất là thái độ chế giễu khinh bạc lúc đặt câu hỏi đó khiến Nhạc bức dọc.

Một đêm, vương gọi Huệ lên phòng mình để chỉ có riêng hai anh em với nhau, Nhạc tìm cách khuyến dụ em chớ nên phiêu lưu trong ý nghĩ và hành động. Đêm ấy trời vẫn còn mưa tầm tã. Hai anh em ngồi nghe mưa rơi trên mái đình hồi lâu mà vẫn chưa nói được điều gì quan trọng. Huệ chưa hiểu ý định của anh nên kiên nhẫn chờ đợi, còn Tây Sơn vương thì chưa biết phải nói với em thế nào. Họ dậm chân tại chỗ trong các điều vụn vặt, vô nghĩa, rời rạc, không ăn nhập chuyện này với chuyện khác. Chẳng hạn Nhạc hỏi em:

- Hình như độ này chú hết mụn thì phải?

Huệ đưa tay sờ lên má mình, ấp úng đáp:

- Dạ, hết.

- Lớn tuổi thì tự nhiên bớt đi. Trước kia anh cũng vậy. Chỉ khi nào lo nghĩ thất thường... Độ này chú ngủ được không?

- Dạ được. Trời mát dễ ngủ lắm.

- Vậy là tốt. Đừng nên đem chuyện ban ngày làm rầy ban đêm. Lại nữa. Mưa đến thú vị đất. Không biết ông Năm Ngạn lo công việc ngoài thành thế nào. Chú thấy bề cao như vậy đã đủ chưa?
- Còn hơi thấp. Lại không có ụ súng, không có tháp núp bắn.
- Ta sẽ dần dần xây dựng thêm. Trước mắt chưa cần lắm đâu. Như hồi còn ở Tây Sơn thượng ta có bức thành cao ngất là núi vây quanh căn cứ, bây giờ ta cũng có những tháp canh trời cho như núi Mò o, núi Bích Khê, núi Kỳ Sơn, núi Cù Mông... Phía cung Bình Điền ở phía nam việc canh phòng vẫn chặt chẽ chứ?
- Dạ, em vừa đi tuần sát về. Dưới đó khá lắm.
- Còn việc cấp dưỡng cho các gia đình có con bị tử trận?
- Dạ việc này anh Lữ lo ạ!
- Việc chú Bảy hay việc của Thái úy Tuyên (Bùi Văn Tuyên)?
- Em không rõ anh Lữ có giao lại cho Thái úy không, nhưng hôm mới về, anh có nhắc anh Lữ việc này.

Tây Sơn vương nhìn em thật lâu, do dự, rồi mỉm cười hỏi:

- Chú thấy gia đình hai ông Tuyên, Nhật thế nào?

Huệ ngơ ngàng, không hiểu anh muốn gì, nên hỏi lại:

- Anh hỏi gì ạ?

Nhạc nhắc câu hỏi bằng cách khác:

- Chú vẫn thường đi lại đằng gia đình ông Tuyên đấy chứ?
- Thỉnh thoảng thôi ạ. Tính ông Tuyên dầm, còn ông Nhật thì...

Nhạc cướp lời em:

- Tuổi trẻ phải xông xáo, hăng hái hơn chứ. Anh thấy gia đình đó được lắm. Chú có thấy thế không?

Huệ đáp cho xong:

- Vâng, được lắm.

Tây Sơn vương vui mừng nói:

- Chú cũng nghĩ vậy à? Đúng. Trong số các gia đình lâu nay chúng ta gần gũi, anh thấy gia đình ấy là có nề nếp nhất. Con trai đều tài giỏi. Con gái nét na.

Nhạc cười, rồi tiếp:

- Anh trải đời nhiều, hiểu đàn bà cũng lắm. Nhờ thế, anh nhận thấy cái cần thiết cho một người đàn bà là đức hạnh. Đàn bà giỏi thứ gì cũng không nên cả, quá giỏi võ như cô Bùi thị Xuân thì lại "cầm roi rượt chồng", quá giỏi chữ nghĩa như... như con gái ông giáo thì... thì...

Nhạc e ngại dò phản ứng của em, không dám nói hết câu. Huệ không ngược lên, tiếp tục ngắm nghía mấy ngón tay của mình, sắc mặt không thay đổi. Đột nhiên vương hỏi Huệ:

- Chú có còn giận anh nữa không?

Huệ ngược nhìn anh, đôi mắt chớp chớp bối rối. Huệ hỏi:

- Sao anh hỏi vậy?

Nhạc đáp xa xôi:

- Anh hy vọng càng ngày chú càng hiểu anh. Chuyện đời... Có nhiều khi những điều ta muốn, ta ước mong đều không được toại nguyện. Có khi nay ta muốn thế này, ngày mai ta khôn hơn, hiểu đời hơn, ta lại thấy ước muốn hôm qua là ngây thơ, non nớt, thậm chí đại dốt nữa. Cũng có nhiều người ta tưởng thế này, về sau vỡ lẽ ra mới biết họ không cao như ta tưởng. Họ thấp lè

tè, cũng sinh con đẻ cái, ham bạc ham tiền, cầu nhàu xốc xếch khi nghèo túng, vênh vang kênh kiêu lúc giàu sang. Ôi thôi, chuyện đàn bà không nói sao cho hết!

Huệ yên lặng ngồi nghe, Nhạc đã nói xong mà Huệ vẫn không nói gì. Vương lúng túng một lúc, rồi hỏi:

- Chú đã hai mươi lăm tuổi rồi, chú nhớ không?

Huệ đáp nhỏ:

- Vâng, em nhớ!

Tây Sơn vương sốt ruột vì câu chuyện nhì nhằng chưa đi đến đâu, nên lấy hơi nói một mạch:

- Chú không còn nhỏ nữa. Điều đó chú biết rồi. Chú cũng biết là sau trận cầm quân tiêu diệt cả Tân Chính vương lẫn Duệ Tôn, chú trở thành viên tướng lấy lòng cả trong Nam lẫn ngoài Bắc.

Địa vị của chú, uy tín của chú ra sao, chú đã rõ rồi. Ngay sau khi dựng xong thành Chà Bàn anh sẽ xưng đế. Ta đã có đầy đủ (có thể nói là quá đầy đủ) điều kiện để xưng đế rồi đấy. Ta có một dải đất suốt từ đèo Hải Vân vào đến Gia Định, ta có một đạo quân thiện chiến nhiều công trận, ta đã diệt được quan quân nhà Nguyễn, ta đã xây dựng xong kinh thành trên nền cố đô Vijaya xưa. Đó là sự nghiệp chung của anh em ta, bè bạn và những người chân đất lâu nay cộng tác với ta. Phần chú, chú cũng phải nghĩ đến việc lập gia đình. Không, chú đừng nghĩ anh đùa cợt. Anh đang bàn chuyện liên quan đến việc lớn. Chuyện gia đình của chú là việc nước, không phải chỉ là việc nhà. Chú phải chọn một người vợ vừa nết na, vừa thuộc vào một gia đình có nhiều người tài ba đang giúp đỡ anh em ta. Nghĩa là sau khi chú lấy vợ, vương triều của ta vững vàng thêm, sức mạnh của ta gia tăng lên. Chú hãy chịu khó suy xét, lựa chọn kỹ càng, rồi báo cho anh biết. Chú nhớ những điều anh dặn rồi chứ?

Huệ băn khoăn trong lòng, muốn được một mình suy nghĩ những gì Nhạc vừa nói, nên đáp:

- Dạ nhớ.

Tây Sơn vương cười vui mừng, đứng dậy vỗ vai em bảo:

- Thôi, chú về nghỉ đi. Nhớ đừng thức khuya.

Khi Huệ đã ra đến cửa, vương vờ như vô tình, gọi giật lại nói:

- À quên, ông Tuyên hôm qua có mời anh em ta sang dự bữa kỷ thân sinh ông ấy đấy. Anh đã nhận lời rồi. Chú gắng thu xếp để trưa mai qua đây cùng đi với anh. Nhớ nhé.

*

* *

Cái tin vị tướng trẻ tuổi danh tiếng lừng lẫy sắp lấy vợ, không biết từ đâu phát ra, mau chóng trở thành đề tài bàn tán sôi nổi khắp nơi. Càng gần Tết, khí hậu trở nên ôn hòa hơn. Những trận mưa dầm đã dứt hẳn. Mặc dầu bầu trời vẫn bàng bạc màu chì, nhưng gió đã bớt lạnh. Thỉnh thoảng vào giữa trưa có nắng chiếu, nhờ thế dân phu ở công trường đem quần áo ẩm ướt lâu ngày ra phơi trên những bụi dừa thấp. Mùi nắng thơm tho tỏa ra từ những bộ quần áo bạc màu và dày cứng như mo cau (vì tắm bùn liên tiếp cả tháng) chẳng khác nào hương vị ngọt ngào của mùa xuân. Được ăn no, được ngủ ấm, dân phu bớt nhọc mệt hơn trước. Khu thành mới sắp xong, họ được phát cả trà để nấu nước sị súp uống với nhau mỗi tối. Tin Nguyễn Huệ lập gia đình đến đúng lúc, để câu chuyện bàn tán bên ánh lửa ấm và bát nước chè đầy bọt có thêm một hương vị mới. Nếu Nguyễn Huệ là một ông hoàng sống trong nhung lụa ngay từ thuở lọt lòng lấy vợ thì câu chuyện dân phu trao đổi với nhau chẳng có gì hào hứng. Nhưng Huệ cũng trẻ tuổi như đa số dân phu, cũng xuất thân áo vải chân đất như họ, cũng dùng chính sức mạnh của cánh tay rắn chắc và ý chí thẳng tiến mạnh mẽ để lập danh chứ không dựa vào dòng

dối hay sách vở thi cử, tóm lại dân phu thấy Huệ gần gũi với họ, và sự thành công của viên tướng trẻ mở cho họ một trời hy vọng. Cuộc bàn tán sôi nổi là do đó.

Buổi tối tháng Chạp năm ấy trong cái lán thấp ở góc đông nam thành, một toán bảy, tám dân phu cũng đang bàn cãi hào hứng về tin đồn như ở các chỗ khác. Một người trẻ tuổi mắt long lanh trước ánh lửa bếp, đập vai một người đứng tuổi đang ngậm điếu thuốc quăn sâu kèn bằng lá chuối và hỏi:

- Này bác, có phải ông ta lấy công chúa không?

Trong trí tưởng tượng của anh bạn trẻ, hình ảnh Nguyễn Huệ không khác bao nhiêu với Thạch Sanh trong chuyện cổ tích. Bác dân phu lớn tuổi không chịu lấy điếu thuốc ra khỏi môi, đáp:

- Dĩ nhiên rồi. Em vua Tây Sơn phải lấy công chúa mới thật là môn đăng hộ đối. Nhưng chú mày có nghe ông ta lấy công chúa nước nào không?

Một người thứ ba ra vẻ thông thạo nói:

- Khéo hỏi vớ vẩn. Không phải công chúa Đàng Ngoài thì còn công chúa nào nữa! Chẳng lẽ công chúa Đàng Trong! Ông ta chém một lượt những hai ông vua cựu triều, dòng dõi họ Nguyễn chạy tán loạn hoặc chết rấp đầu đó cả rồi, còn công chúa nào đâu.

Nhiều người chặc lưỡi. Một người trong bọn nói:

- Ghê nhỉ! Ra tận Đàng Ngoài để lấy vợ. Xa phải biết!

- Nói như cậu ấy! Xa! Đi ngựa đi xe, vèo một cái là tới! Đâu phải cái cảnh cô dâu cắp rổ lẻo đẻo đi bộ theo sau chú rể như dân thường chúng ta!

- Đi ngựa? Rước dâu từ Đàng Ngoài vào đây mà đi ngựa? Phải đi thuyền rồng! Hiểu chưa? Mặc sức dân chợ Giã vui! Họ được xem mặt công chúa Đàng Ngoài trước tụi mình.

- Xem mặt? Ai cho mày xem mặt! Ông hoàng bà chúa đi đâu cũng tiền hô hậu ủng, mày phải phủ phục bên đường chờ cho kiệu vàng đi thật xa mới được ngửng mặt lên. Xem mặt đất thì có!

- Này, sao các bác cứ bắt bẻ nhau hoài vậy? Các bác chẳng biết ắt giáp gì ráo! Ai bảo quan Phụ chính sắp lấy công chúa Đàng Ngoài? Lầm, lầm, lầm hết!

- Lầm? Ông làm như mình là quan Phụ chính không bằng! Thế ông bảo quan Phụ chính sắp lấy ai nào? Chẳng lẽ lấy con gái ông!

- Tôi nói thật mà các bác các cậu cứ nghĩ tôi nói khoác. Đã thế tôi không thèm nói nữa!

- Gớm! Ông làm như chỉ một mình ông là thông kim bác cổ, hiểu hết chuyện thiên hạ. Nhưng, nhưng chỗ anh em ông cứ nói thật đi. Có phải ông biết đích xác vợ quan Phụ chính là ai chứ?

- Thôi thôi. Tôi nói khoác đấy!

- Sao dễ nóng thế. Mà chắc gì ông đã biết!

- Có ông không biết đấy thôi! Này, tôi nói cho mà nghe: quan Phụ chính sắp lấy em gái quan Hình bộ.

- Sao có tin đồn là em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên.

- Lẫn thần! Em gái quan Hình bộ Bùi văn Nhật và em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên cũng là một. Hai ông ấy là anh em ruột với nhau mà!

- Ghê nhỉ. Cả nhà đều làm lớn. Bây giờ em gái lại lấy được em vua Tây Sơn. Sao có phước thế!

Một thanh niên bạo gan cười hi hi có vẻ thích thú rồi nói:

- Cô ấy mà giống y như ông quan Hình bộ thì phiền lắm nhỉ!

Có nhiều tiếng hỏi:

- Tại sao thế?

- Có một lần giải tù, tôi có dịp được đứng gần quan Hình bộ. Thật gần, chỉ cách vài bước mà

thôi. Tôi thấy mũi ông ta lớn, đôi môi dày, môi dưới trề ra. Mặt bệnh, lông mày rậm. Tướng đàn ông như thế cũng tốt vì oai vệ, dễ làm kẻ khác khiếp phục. Nhưng nếu đàn bà con gái mà giống thế thì...

- Lại thêm một anh nói khoác! Đứng gần quan Hình bộ người có thể đóng gông mày bất cứ lúc nào mà mày dám nhìn thẳng vào mặt quan là một điều nói khoác. Giả sử mày nhìn được vào mặt quan nhưng vì sợ hãi mày hoa mắt, làm sao thấy rõ nào mày rậm, mũi lớn, môi trề, hàm bệnh, là hai điều nói khoác.

- Có trời làm chứng! Tôi mà nói khoác thì trời tru đất diệt tôi đi.

- Thôi các ông ơi! Cãi nhau vừa vừa chứ. Các ông làm như chính mình lấy vợ ấy! Đẹp hay xấu là may rủi riêng của quan Phụ chính, can hệ gì đến các ông. Vả lại vợ quan Phụ chính là công chúa tận ngoài Bắc hà kia mà. Quan Hình bộ xấu đẹp thì có liên hệ gì đến công chúa Bắc hà đâu! Cứ thế họ cãi nhau cho đến quá khuya.

*

* *

Thọ Hương cũng mang đến cho An những tin sốt dẻo, và dĩ nhiên là chính xác hơn các tin đồn ở các công trường xây thành. Vừa bước xuống vồng điều, Thọ Hương đã chạy vội vào nhà ông giáo tìm bạn, trước đôi mắt kinh ngạc của hai người hầu khiêng vồng. Thọ Hương tìm thấy An ở dưới bếp, không chút khách sáo, Quận chúa ngồi chồm hổm xuống cạnh bạn hỏi liền:

- Chị hay tin gì chưa?

An vui lây cái vui của bạn, hỏi lại:

- Cha em sắp xưng đế nhân dịp khánh thành khu thành mới chứ gì?

- Không. Tin khác kia.

Thọ Hương liếc về phía hai đứa ở gái, do dự, nhưng sau cùng Quận chúa vẫn cứ bạo dạn nói:

- Chú Tám sắp lấy vợ rồi đấy!

An giật mình trở mắt nhìn Thọ Hương. Quận chúa hỏi:

- Chị không tin ư?

An thẳng thốt hỏi:

- Lấy ai thế?

- Chị đoán xem!

- Chị chịu! Biết chú Tám của Hương thường đi lại giao thiệp với gia đình nào mà đoán!

Thọ Hương định kéo dài thì giờ cho bạn sốt ruột, nhưng chính Quận chúa sốt ruột trước.

Không thể chờ được, Thọ Hương nói:

- Lấy cô bé học trò của chị đấy!

An ngơ ngác hỏi:

- Học trò chị? Chị có dạy ai đâu? Hay em lầm học trò của cha chị. Mà cha chị có bao giờ dạy cho con gái!

- Không, em nói: học trò của chị.

- Chị không hiểu gì cả!

Thọ Hương cười thích thú vì vẻ mặt ngơ ngác hoảng hốt của An, xòe hai bàn tay ra trước mặt giả bộ đang ê a đọc sách, Quận chúa đọc:

"Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi. Khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi. Tử viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?"

An giật mình xót xa, vội hỏi Hương:

- Em gái ông Nhật à?

- Thì em đã bảo học trò cũ của chị. Chị không từng bắt tội em học mấy câu Luận ngữ trên kia à? Khó đến thế là cùng!

An vẫn chưa tin, hỏi lại:

- Nhưng cô ta bé...

Quận chúa cắt lời An:

- Bé bỏng! Chị lo chồng con quá, quên hết ngày tháng. Chị cứ tưởng như thời trước. Cô ta đã mười tám rồi. Cao hơn cả em nữa. Và đẹp hơn ngày còn đến học với chị.

An thất vọng thú nhận:

- Hồi đó cô bé đã dễ thương rồi. Chỉ có cái tật ít nói, và hay dối.

- Bây giờ cũng vậy. Hôm ky, bác gái mẹ anh Nhật giục cô ta lên chào khách, cô ta ngồi lì một chỗ không chịu đi. Bác gái giận quá la mắng, cô ta rơm rớm nước mắt, rồi òa khóc. Mà khách khứa có ai xa lạ đâu. Chỉ có cha em và chú Bảy Lữ.

- Không có chú Tám à?

- Không. Chú Tám hứa sẽ đi, đến lúc chót không biết bận việc gì, báo hại cha em chờ mãi.

An nôn nóng hỏi:

- Nhưng công chuyện đã đi đến đâu rồi?

- Chuyện gì ạ?

- Chuyện cưới xin.

- Tất nhiên gia đình ông Nhật bằng lòng. Chị tính, ở vào địa vị họ...

An cướp lời bạn, hỏi:

- Còn ý chú Tám của Hương thế nào? Chẳng lẽ chú không bằng lòng đến, mà...

An không dám nói hết câu, như sợ phải mất một niềm hy vọng mong manh. Thọ Hương nói:

- Cha em bảo việc hôn nhân của chú không chỉ là việc riêng, mà can hệ đến vận nước. Em chẳng hiểu gì cả, nhưng hình như chú Tám hiểu ý cha em. Mẹ em đã hỏi tuổi của cô ta, nghe nói hợp với tuổi chú Tám lắm. Còn nhớ mới ngày nào... mau quá chị An nhỉ!

An băn khoăn hỏi:

- Sao mấy hôm nay chị không nghe Lãng nó nói gì cả? Tại sao nó giấu chị? Tại sao?

Thọ Hương cười rồi bảo:

- Có lẽ chính anh Lãng cũng không biết, vì chú Tám giấu không nói gì với ai cả. Bên phía nhà ông Nhật cũng giấu, vì sợ nếu việc không thành thì... Họ thấy chú Tám không đến ăn ky, băn khoăn chưa biết ý chú thế nào.

Rồi với một vẻ bẽn lễn, Thọ Hương rụt rè hỏi:

- Mấy bữa nay anh Lãng không về hả chị?

An lơ đãng đáp:

- Nó có về thăm hôm kia. Thọ Hương này, em có nghe nói chừng nào đám cưới không?

- Không chị ạ. Chắc phải chờ đến sau lễ khánh thành thành Chà Bàn. Mấy hôm nay nghe nói công việc trong trại quân đã đoạn hết sức. Phải tập lại từng bước để duyệt binh. Anh Lãng bận, không về là phải. Nhọc phải biết! Nghiệp lính thương quá chị An hỉ! Chị thấy không, em nói tiếng "hỉ" có giống chị thời trước không? Lâu lâu em còn nghe anh Lãng nói lộn vài tiếng trợ trệ, lạ tai và ngộ nghĩnh lắm!

*

* *

Đầu năm Mậu Tuất (1787), đúng như kế hoạch định trước, Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, lấy hiệu là Thái Đức. Để tưởng thưởng công lao của hai em, vua Thái Đức phong Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân. Lễ xưng đế tổ chức một lượt với lễ khánh thành khu thành mới, xây đắp trên nền thành cũ của vương quốc Vijaya xưa, được nhà vua đặt tên là Hoàng đế thành.

Qui Nhơn rộn rã bước vào vận hội mới!

Và cũng như mấy tháng trước từng lạc loài trong không khí tung bừng chiến thắng của mọi người, lần này, An gặp nhiều rủi ro!...

Ngay sau tết Mậu Tuất, An sinh một đứa con gái thiếu tháng. Cái thai nằm ngược nên khi bà mẹ đỡ được đứa bé sơ sinh ra khỏi lòng mẹ, An đã ngất đi. Trong lúc hốt hoảng sợ không cứu được cả mẹ lẫn con, bà mẹ giàu kinh nghiệm sơ ý để sót nhau...

Cái nhau sót hành hạ An cả tuần. Người chị nóng ran, tâm trí hôn mê, hai bàn tay hết chới với trên không lại cào rách cả mặt chiếu. Chị mất hết ý thức về những gì đang diễn ra quanh chị. Lợi tuyệt vọng, suốt ngày ủ rũ ngồi bên giường vợ. Từ một người lanh lẹ, liến thoắng, anh trở nên trầm lặng, cử chỉ chậm chạp, ăn nói ngây ngô như một người mất hồn. Người ta bỗng đưa bé gái đến cho anh xem mặt. Anh nhìn nó như nhìn một sinh vật xa lạ không liên quan gì đến anh. Ý tưởng sẽ phải mất An giống như ý tưởng một ngày nào đó chính mình phải chết, lâu nay chưa bao giờ Lợi nghĩ tới. Điều đó trái với tự nhiên, không ở trong thói quen suy nghĩ dễ dãi thường ngày. Vì vậy khi nó đến, Lợi lạnh người vì kinh hãi, sững sờ. Anh chưa từng dón mình để suy nghĩ đến sự mất mát. Anh chỉ dón mình để tiến tới, để được nhiều hơn, lên cao hơn, bước xa hơn. Tuy nhiên, do bản chất thực tiễn và vô tư, Lợi không bị xúc động sâu xa đến nỗi qui nạp những thua thiệt, mất mát lên thành quy luật sinh tử, may rủi, họa phúc, số phận. Lợi chỉ dừng lại ở mức độ ngây dại của cảm giác, trì trệ của sinh hoạt. Thế thôi. Những người quen biết với hai vợ chồng Lợi, đến thăm, chỉ thấy Lợi ngồi thừ bên giường vợ, lâu lâu múc một thìa nước cam rót vào giữa đôi môi khô của An như một người máy, chứ không nghe anh than van, kêu khóc, rên rỉ điều gì. Không dám chê anh vô tình (vì thực sự Lợi không vô tình), họ hơi thất vọng vì sự đau khổ của Lợi trầm lặng và đơn giản quá!

Sau mấy ngày hành hạ sản phụ, tự nhiên như một phép lạ, phần nhau sót ra được bên ngoài. An bớt sốt, dần dần hiểu được những gì mình đang trải qua. Chị biết đói. Lợi dứt cho vợ vài muống cháo nấu thật loãng. Chị nhận được nét mặt chồng và khi nhớ duyên do tình trạng đau yếu, An thều thào đòi cho được xem mặt con.

An ứa nước mắt cảm động, sung sướng khi trông thấy đứa bé gái xinh đẹp tóc đen nằm ngủ say trên tay chị vú. An bảo chị đưa con đến thật gần để nhìn cho rõ mặt, và gắng gượng cầm bàn tay xinh xắn bé nhỏ của con đưa lên miệng hôn.

Không có gì đo hết được nỗi vui mừng của Lợi. Đột nhiên anh trở nên linh hoạt trở lại, như vừa trải qua một giấc ngủ ngon lành. Lợi nói luôn miệng, cười cợt, khôi hài, bông đùa với mọi người. An bắt chồng kể lại tỉ mỉ những gì đã xảy ra suốt thời gian chị hôn mê. Lợi kể, dĩ nhiên có thêm rất nhiều mắm muối. An hỏi hết chuyện trong nhà ngoài ngõ, cuối cùng Lợi phải thuật lại cả cuộc lễ xưng đế hiệu của Tây Sơn vương. Khi nghe chồng bảo Nguyễn Lữ được phong làm Tiết chế, và Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, sản phụ nằm im hồi lâu, rồi hỏi chồng:

- Mình định đặt tên con là gì thế?

Lợi âu yếm nhìn vợ, dịu dàng nói:

- Lần này con gái, để cho em đặt tên. Tùy ý em chọn đi!

An mím môi suy nghĩ, liếc nhìn đứa con sơ sinh rồi nói:

- Em muốn đặt tên Thái.

Lợi chớp lấy dịp nịnh vợ:

- Thái hả? được lắm. Đứa đầu tên Phát. Đứa này tên Thái. Cả hai tên đều chỉ sự thịnh vượng sung túc cả. Vậy, chúng mình đặt tên Thái cho con bé này.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 46

Cuộc sinh nở thập tử nhất sinh của An là một dịp đo lường được tình trạng tâm thần của ông giáo.

Những người con của ông lúc bình thường vẫn thì thảo bàn tán, ái ngại cho tâm tính đặc biệt của cha. Họ đồng ý với nhau rằng cha mình bị xúc động mạnh vì cái chết của Chinh và hai chúa, kể từ ấy, ông bị một nỗi ám ảnh ghê gớm nào đó, nỗi ám ảnh tàn khốc và hung dữ đến nỗi ông phải nơm nớp đề phòng, sợ sệt, tự cô lập trong gian phòng tối, chèn kín các cửa ra vào, giật mình khi có ai lên tiếng gọi hay có một bước chân, một tiếng động lạ.

Các con ông giáo hy vọng cùng với thời gian, mọi sự sẽ phai nhòa, sẽ nguôi đi. Họ yên tâm chờ. Vì ít được gặp cha, họ cứ nghĩ sức khỏe của cha không có gì đáng ngại.

Phải chờ đến lúc An sinh khó, mấy anh em cùng về thăm sản phụ, họ mới lo sợ thực sự cho cha. Ông giáo đã mất khả năng ý thức về những gì đang xảy ra quanh mình. Dĩ nhiên do tự cô lập, ông không hề biết cảnh rộn rã của Qui Nhơn trước vận hội mới, không hề biết Nguyễn Nhạc đã xưng đế và long trọng khánh thành Hoàng đế thành. Những điều ấy không có nghĩa gì đối với ông, một kẻ bên lề. Nhưng có những điều liên quan mật thiết đến đời sống ông, như cơn hiểm nguy An vừa thoát khỏi, đứa cháu ngoại thứ hai, việc ăn uống thất thường do cảnh nhà xáo trộn... ông giáo cũng không hiểu nổi. Ông lắng tai nghe mà không biết bất cứ điều gì. Ông mở mắt nhìn, mà không thấy. Thân thể ông, giác quan của ông như một chỗ gió lộng, không lưu lại một chút ấn tượng nhỏ. May mắn là do một thứ bản năng sinh tồn huyền nhiệm, ông còn biết đói, biết khát, biết cảm thức ăn đưa lên miệng, biết bài tiết, phóng uế.

Trong thời gian An chờ bình phục, mọi việc trong nhà đều đổ lên đầu Lợi. Tiền thuốc thang cho cả vợ lẫn ông nhạc lên cao, nhưng khó nhọc hơn nữa là sự chăm sóc ân cần, tỉ mỉ, tế nhị đối với hai người bệnh. Dù có ác cảm đối với anh rể, Lãng cũng phải công nhận ở vào hoàn cảnh này, không ai chịu khó cho bằng Lợi. Anh có thể tỉ mỉ ngồi tính tiền chợ với đứa ở gái, theo dõi giờ giấc để nhắc chị vú cho bé Thái đi ngủ hoặc bú mớm, đích thân bung mâm cơm se sẽ vào phòng ông giáo, kiên nhẫn ngồi chờ cho ông ăn xong, lặng lẽ rót nước lấy tăm cho ông, cầm cái khăn thấm nước lau qua mặt mũi ông, rồi đem các mâm bát dơ xuống bếp cho đứa ở rửa. Công việc săn sóc cho ông giáo được Lợi thực hiện một cách trân trọng có tính toán, nhất là khi có mặt Kiên hoặc Lãng tại nhà. Điều đó khiến Kiên lăm lì, còn Lãng thì bực dọc. Mỗi lần Lợi đưa một món thuốc bổ đắt tiền ra khoe:

- Chú Lãng thấy không, chai thuốc này nấu bằng sâm và cao lộc đẫy nhé. Vì thế giá mới cao như vậy. Lão chủ tiệm thuốc bắc nhất định không bán, bảo để dành dưỡng già. Anh năn nỉ hết lời, anh bảo cha bị suy nhược trầm trọng uống thuốc bổ loại nào cũng không ăn thua gì, anh bảo thầy bán chai thuốc này chẳng khác nào cứu được một mạng người. Nói mãi nói hoài cuối cùng

lão mới thuận. Anh mừng quá, chùng ấy tiền có quá cao, nhưng sức khỏe của cha phải lo trước hết.

Lãng lại cau mày khó chịu. Giá Lãng có tiền, anh đã vút ngay mấy quan ra trước mặt anh rể để Lợi khỏi kể công lao đông dài. Nhưng Lãng không có tiền. Anh cũng biết tất cả gánh nặng gia đình đều do Lợi cáng đáng, và nguồn gốc số tiền Lợi kiếm được do đâu mà ra. Những hiểu biết ấy, không dễ gì thốt thành lời. Do đó, dù khó chịu đến mức nào, Lãng cũng phải bậm môi nén tất cả những điều bất mãn vào trong lòng.

*

* *

Lãng cũng có một nỗi thẹn thùng, xấu hổ khác, khiến anh không dám hỏi môi chê trách thái độ khoa trương lộ liễu của Lợi: Lãng siêng năng về nhà thăm cha, một phần cũng do hy vọng được gặp Thọ Hương ở đó. Lãng tự thấy lòng mình có nhiều biến đổi. Định rõ biến đổi từ lúc nào, anh chịu, không làm được!

Trước hết là sự biến đổi trong quan hệ giữa anh và chị An. Khi An chưa lập gia đình (và ngay cả sau khi An đã lấy Lợi), mỗi lần gặp nhau, hai chị em nhìn nhau, chưa nói gì nhiều nhưng đã đoán trước được những gì họ cùng muốn nói và muốn nghe. Chỉ cần nhìn ánh mắt long lanh vì nôn nao chờ đợi của An, Lãng đủ biết chị muốn có ngay cơ hội thuận tiện nhất, riêng hai chị em với nhau, để Lãng thuật lại những gì liên quan đến Huệ. Thông thường An không dám hỏi thẳng, hoặc hỏi nhiều. An chỉ gợi ý quanh co, làm như không muốn nghe, hay những gì em nói không liên quan mật thiết đến đời chị. Lãng có lòng tốt muốn nói, thì nghe cho vui vậy thôi. Nhưng An làm sao đánh lừa được Lãng. Lãng hiểu rõ lòng chị, nên hăng hái kể hết những việc Huệ làm, những suy nghĩ của Huệ về đủ thứ vấn đề cao thấp, từ những điều trọng đại như lịch sử cho đến cái nhỏ nhặt như ý thích một màu áo. Hình như Lãng say mê tình yêu giữa Huệ và An, như những người mới lớn say mê những điều trừu tượng, những tiêu chuẩn lý tưởng. Cuộc hôn nhân của An như một gáo nước lạnh xối vào mặt mũi Lãng. Anh bứt rứt, tức giận, đau khổ nữa. Anh không thể tưởng tượng được một điều như vậy có thể xảy ra trên đời. Anh tìm cách biện hộ cho chị để cố gắng giữ gìn nguyên vẹn những tiêu chuẩn lý tưởng. Nhờ thế sau khi An lấy chồng, Lãng vẫn còn hứng thú say mê kể cho chị nghe đủ điều về đời sống của Huệ. Cho đến một lúc, không biết là từ lúc nào, Lãng giật mình nhận thấy mình không còn muốn kể cho chị nghe chuyện Huệ nữa. Tình yêu của họ đã mất dần hào quang trong óc anh. Lãng bắt đầu thấy chị tầm thường: sinh con đẻ cái, tâm trí bận rộn với chuyện tiền nong, bếp núc, những thỏa mãn với một thứ đời sống sung túc do cái tài xoay xở của chồng, vẻ khoe khoang khi sắm được vài món đồ đắt tiền... Càng ngày anh càng thấy An giống tính chồng. Anh không nhận ra người chị ngày trước nữa, nên không hứng thú chút nào khi An bẽn lẽn hỏi xa hỏi gần chuyện Huệ. Những cuộc tâm sự giữa hai chị em bớt dần. Thay vào ước vọng lãng mạn gửi gắm trong tình yêu giữa An và Huệ, Lãng tìm được một thứ tình yêu lãng mạn khác cho chính mình. Anh vẫn tìm cách được nói chuyện riêng với chị, không phải để kể chuyện Huệ, mà để hỏi chuyện Thọ Hương.

Lãng xúc động trước hình ảnh người con gái sớm thành nạn nhân của các trò chơi lịch sử, người con gái có nước da bánh mật ưa cắn lấy môi dưới khi bối rối, vừa vào tuổi mơ mộng đã bị số phận đưa đẩy làm một người vợ bị hờ hững, rồi làm một góa phụ bất đắc dĩ. Nếu Thọ Hương thực sự được Đông cung thương yêu thì cảnh góa bụa còn có một ý nghĩa nào đó. Hoặc nếu Đông cung chết vì một lý do khác, vì bàn tay kẻ khác. Ở đây, mọi sự rối rắm phi lý đổ lên

đầu người con gái chưa đủ hai mươi. Cách ăn mặc đơn sơ, tấm khăn quàng màu nâu, đôi mắt buồn hiu, cử chỉ từ tốn của Quận chúa hôm Lăng gặp tại nhà mình đã khiến Lăng muốn ngộp thở vì xúc động. Trước mắt anh là hiện thân của sự đau khổ tột cùng, là nạn nhân của một thứ số phận cay nghiệt. Nếu có thể làm ngay được bất cứ việc gì, kể cả nhảy vào lửa để cho người con gái đau khổ kia bỏ chiếc khăn quàng đầu màu nâu xuống, ngừng mặt tươi cười nhìn thẳng vào đời sống, đùa giỡn chạy nhảy tự nhiên như mọi thiếu nữ yêu đời khác, thì Lăng đã không chút do dự. Anh cảm thấy có bốn phận cao thượng và thiêng liêng là đem lại nụ cười cho góa phụ trẻ tuổi bất hạnh đó. Đời anh, nếu chỉ hoàn tất mỗi một trách vụ này thôi, cũng đủ có ý nghĩa rồi.

Từ đó, Lăng tìm mọi cơ để về thăm nhà, và may mắn cho anh, phần lớn trường hợp anh đều gặp Thọ Hương. Ban đầu câu chuyện họ trao đổi với nhau quanh quẩn cái chết của Tân Chính vương. Dần dà cả hai đều cảm thấy cần phải thoát khỏi ám ảnh nặng trĩu ấy. Họ bắt đầu nói chuyện An, cùng ái ngại và thương hại cho người bạn, người chị đang lún sâu vào các bận bịu con cái, bếp núc, bệnh tật, tiền bạc. Giọng nói của họ có pha lẫn đôi chút giấu cợt. Từ đó họ có những điều chỉ có thể nói với nhau khi vắng mặt An, nghĩa là đã có những điểm chung, cho riêng hai người. An hết thành cái cơ cho họ gặp nhau nữa. Họ tự tìm những cơ riêng, chẳng hạn Lăng lấy cơ phải về luôn để thăm nom sức khỏe của cha!

*

* *

Thọ Hương tìm có khó hơn Lăng nhiều. Từ khi cha xưng vương, rồi sau đó xưng đế, Thọ Hương phải chịu những ràng buộc của các nghi thức mới. Cô không được tùy tiện đi đâu thì đi như trước. Tuy mọi người trong gia đình, từ cha mẹ cho tới các chú, các anh chị, bạn bè đều chưa quen với cách ăn nói trang trọng, điệu bộ uy nghi, xưng hô khách sáo, nhưng điều rõ ràng là tất cả mọi người đều nghĩ phải nói, phải hành động, phải xưng hô, phải đi đứng khác trước. Khác thế nào thì chưa rõ, hoặc đã rõ nhưng chưa quen, nhưng bắt buộc phải khác. Cho nên đi đâu Thọ Hương cũng phải dùng võng điếu, và có thị nữ theo hầu. Không được la cà ở những chỗ đông đúc thiếu nghiêm trang như ở chợ, ở phố. Tốt hơn hết là không nên đi ra khỏi thành phủ Qui Nhơn, hoặc chẳng đi đâu cả. Việc Thọ Hương đòi ra khỏi thành đến tận Bằng Châu thăm An khiến mẹ bực bội khó nghĩ. Nhưng, khi nghĩ đến thân phận con, đến cảnh góa bụa lơ lửng từ đây cho đến cuối đời, đến sự lơ lửng giữa thương yêu và thù hận đối với gia đình, người mẹ đành chiều con gái. Thọ Hương được đi lại thường xuyên thăm bạn cũ là nhờ vậy.

*

* *

Thông thường mỗi lần Thọ Hương đến, cô hỏi thăm tình trạng sức khỏe của ông giáo, của An, rồi lấy việc đùa giỡn, chăm sóc cho hai đứa con An làm trò khuây khỏa nỗi nôn nao chờ đợi. Lăng thì sau khi vào thăm cha, hỏi thăm qua loa chị và các cháu, liền ra vườn ngắm hòn giả sơn và lũ cá vàng để quên thời gian. Ít khi câu chuyện giữa An với họ được hào hứng như trước. An cảm thấy mình thừa thãi, chặm tự ái, nên bực dọc, không thêm tham dự vào cuộc nữa. Mấy hôm nay, tin tức cuộc hôn lễ đã gần đến của Huệ có sức mạnh quy tụ ba người lại. Câu chuyện của họ sôi nổi, và chân thành quá khích. Mỗi người nhìn vấn đề theo một lối riêng, do chủ quan và thành kiến chi phối. Họ đã quá hiểu lòng nhau, nên trong câu chuyện họ không có gì phải dè dặt giữ kẽ. Họ nói hết những điều mình nghĩ. Khi Thọ Hương đến báo tin:
- Đã chọn được ngày tốt rồi, chị An, anh Lăng ạ! Gớm, bên phía gia đình nhà gái đòi phải chọn

cho được tháng tốt, ngày tốt, giờ tốt, để "gia đạo" về sau được thuận hòa. Không như em hồi trước...

Thọ Hương chớp chớp mắt, cánh mũi phập phồng, nghẹn không nói hết câu. Lãng nôn nóng hỏi:

- Thế ra công việc ấy vẫn tiến hành à? Sao tôi nghe anh Huệ... tôi nghe Long Nhượng tướng quân bảo chuyện nước còn rối bù, việc nhà hãy chậm chậm lại đã.

Giọng Thọ Hương còn run run:

- Nhưng nay thì mọi sự đã xong. Đã định ngày giờ rồi. Chuyển này mặc sức cho hai ông Nhật, Tuyên (Bùi văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên) lên mặt. Sao em ghét cái bản mặt bành bạnh của họ thế.

An e dè chêm vào câu chuyện:

- May mắn là cô em gái không có cái mũi, cặp môi và đôi hàm giống mấy ông anh.

Thọ Hương hấp tấp hỏi bạn:

- Chị có biết tại sao không?

Cả An lẫn Lãng đều hỏi:

- Sao thế?

Thọ Hương hãnh diện vì sự hiểu biết tường tận của mình, chậm rãi đáp:

- Vì cô ta đâu phải hoàn toàn là em gái hai ông bạnh ấy!

An, Lãng ồ lên kinh ngạc. Lãng hỏi:

- Thật à?

- Lại không thật! Cô ta là em cùng mẹ khác cha với hai ông Nhật, Tuyên. Hai ông anh họ Bùi, còn cô ta họ Phạm. Bà mẹ đẹp, có lẽ ông cha của cô ta cũng không đến nỗi nào, nên...

An cắt lời Thọ Hương:

- Hóa ra bà ấy có hai đời chồng. Thế cha cô ta đâu?

Thọ Hương bĩu môi, rồi đáp:

- Em cũng chẳng rõ.

Rồi bằng một giọng mỉa mai cay độc, Thọ Hương thêm:

- Không biết chừng chính bà mẹ của cô ta cũng không rõ.

Lãng thấy câu chuyện đã đi quá xa, vội nói:

- Tôi nghe hình như cha cô ta bị bệnh chết trên đường di cư từ Duy Xuyên vào đây. Lúc đó ông Nhật, ông Tuyên đã trưởng thành, nhờ thế gia đình mới đủ sức lập nghiệp trên đất mới. Lâu nay tôi cứ tưởng cha cô ấy cũng là cha hai ông Nhật, Tuyên.

An thắc mắc hỏi bạn:

- Thế bên gia đình em có biết việc này không?

- Biết chứ! Em còn biết, huống chi cha mẹ em. Nhưng cha em cho rằng điều đó không quan trọng gì.

An vội cãi:

- Sao không quan trọng. Ấy chết, chị đại mồm đại miệng quá. Theo ý riêng của chị, mà ý của chị nhiều khi lẫn lộn thẩn lẩn, theo ý của chị thì người đàn bà nào cũng chỉ nên có một đời chồng, chồng chết thì ở vậy thủ tiết nuôi con, chứ...

Thọ Hương cúi đầu suy nghĩ. An không để ý thái độ của bạn, hăng hái nói đến quan niệm chính chuyên của đàn bà theo đạo đức nhà nho, nhưng Lãng đã cướp lời chị:

- Không. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, khó lòng phê phán lắm. Có điều em... có điều tôi thắc mắc là tại sao anh Huệ chấp nhận dễ dàng như vậy. Anh ấy chưa từng nói chuyện, tìm hiểu để biết tâm

tính cô ấy, làm sao có thể thương yêu được. Ai khác thì có thể xem đây là chuyện bình thường. Nhưng anh Huệ, nhưng một vị tướng quân như anh Huệ...

An nói:

- Không lấy cô ấy làm vợ thì lấy ai? Nhìn quanh những gia đình từng vào sinh ra tử với nhau bao lâu nay, còn có ai đâu?

Ba người đều im lặng trước câu hỏi bất ngờ ấy. An cũng không ngờ mình đã buột miệng hỏi vậy. Trong thâm tâm, chị muốn tìm một lập luận nào đó để dỗ dành mình, để mình thấy cuộc hôn nhân này là bất khả kháng, không thể khác được, là tất nhiên, tất yếu, giống y như cuộc hôn nhân bất hạnh của Thọ Hương. Còn mình? Mình có bất hạnh không? An ngùi ngùi, cúi đầu nhìn những vật nhòe lãng đăng dưới đất. Một lúc sau, An ngừng lên hỏi bạn:

- Sao lâu nay... chú Tám của Hương không đến đây?

Thọ Hương liếc nhìn Lãng, rồi đáp:

- Em tưởng chị biết rồi chứ?

An nhớ lại lần Huệ bắt gặp mình xốc xếch tàn tạ, đau nhói trong lòng. Chị sợ Hương nói ra sự thực đau lòng nên vội bảo:

- Thôi. Đẳng nào thì chú Hương cũng quá bận. Hơi đâu đến đây!

Hương nói:

- Không phải thế. Sau chuyển vào Gia định, chú ấy ngại gặp thầy. Chị hiểu vì sao rồi.

An mừng thoát nạn, nên vội hỏi tiếp:

- Chú Hương không biết cha chị đã... đã ra thế này ư?

Lãng đáp thay:

- Có. Anh ấy vẫn hỏi thăm cha. Mỗi lần em trả lời, anh ấy lại buồn. Mấy món thuốc bổ kỳ trước em đem về là của anh ấy gửi biểu cha.

An vội hỏi:

- Sao em không nói cho cha biết.

Lãng buồn rầu đáp:

- Em có nói đấy chứ. Nhưng cha có hiểu gì đâu. Có một điều em không hiểu nổi là không bao giờ anh Huệ nói rõ cho em nghe chuyện đám cưới này cả. Tại sao anh ấy giấu?

Thọ Hương buột miệng nói:

- Có gì đâu mà không hiểu. Chú ấy không muốn cho...

Quận chúa thấy bạn lúng túng đỏ mặt, không tiện nói tiếp.

*

* *

Tuy về cơ bản, Hoàng đế thành đã hoàn tất kịp vào dịp xưng đế của Tây Sơn vương nhưng không phải sau đó, mọi sự đã xong. Nội hầu Phạm Ngạn đã cố gắng hết sức để chu toàn nhiệm vụ đúng thời hạn. Tuy nhiên Tây Sơn vương đã có nhiều quyết định thay đổi quy mô của thành suốt thời gian xây dựng.

Nền thành Chà Bàn cũ bị phế bỏ từ ba trăm năm trước hình vuông, chu vi hơn mười dặm trở bốn cửa. Ngay từ thời mới xưng vương, Nhạc đã thấy nếu theo dấu cũ xây thành mới thì quá hẹp, do đó vương đã cho mở rộng thêm mặt đông, tăng chu vi từ mười dặm lên mười lăm dặm. Việc đắp thành ở vùng đất trũng phía đông đòi hỏi quá nhiều công sức, ảnh hưởng đến tiến độ chung. Lấy đá ong đủ để bó cả hai mặt, mặt ngoài dày thẳng đứng, mặt trong xếp thành bậc thoải thoải từ dưới lên cho một chu vi mười lăm dặm thành không phải là chuyện đơn giản.

Suốt hai năm trường, Phạm Ngạn dồn hết tâm trí để đốc thúc hàng vạn dân phu, vuốt ve có, đe dọa có, ban thưởng hậu hĩnh đi đôi với trừng phạt tàn nhẫn, rượu thịt ê hề đi đôi với roi vọt bầm dập những tấm lưng bùn, cuối cùng ông ấy thở phào đón nhận lời ban khen của Thái Đức hoàng đế. Nhưng, mở rộng thành ra mặt đông đòi hỏi phải biến đổi một số điểm cho cấu trúc chung khỏi mất cân đối. Từ hình vuông, thành biến ra hình chữ nhật. Hai cửa đông và tây vẫn giữ y như hướng trở cửa của thành Chà Bàn. Nhưng hai mặt bắc và nam phải dựng cửa khác mới cân đối. Cửa bắc ở mặt sau có thể giữ nguyên để khỏi tốn công đắp nền. Còn mặt trước ở phía nam thì nhất định phải trở thêm một cửa nữa. Đó là cửa Tân Khai. Lại thêm bao nhiêu công sức phải đổ ra, bao nhiêu đá ong phải xắn đêm ngày! Kết quả là dù Hoàng đế thành đã kịp hoàn tất đúng hẹn, bên trong hoàng thành và tử cấm thành, các đài điện dinh thự chưa thực sự tiện nghi. Đó là chưa kể đến một công việc công phu, phức tạp hơn, là trang hoàng, bày biện thế nào cho đúng quy cách đòi hỏi của một triều đình.

Công việc tỉ mỉ phức tạp ấy, Lợi đứng ra nhận trách nhiệm! Anh thừa biết đây là một công việc bạc bẽo, tốn rất nhiều tâm lực mà sự bù đắp chẳng được bao nhiêu.

So với công việc đứng ra phụ trách chế biến quân lương hoặc gần đây hơn việc cấp phát lương thực cho dân phu đắp thành, trách nhiệm hiện tại của Lợi có nhiều bất tiện. Các nghệ nhân khắc gỗ và vẽ hình hoa văn thường đứng tuổi và khó tính. Chi phí cho công tác không bao nhiêu. Nhưng thừa biết chỉ ở đó, nhờ công việc đó, anh mới có nhiều dịp chuyện trò gần gũi với tất cả các nhân vật quan trọng. Thực ra những nhân vật lịch sử này không xa lạ gì với Lợi. Anh quen họ từ thời buôn nguồn. Một số không nhỏ đã từng xem việc được làm quen với anh người nắm chìa khóa kho lương là một hân hạnh may mắn. Tuy nhiên anh hiểu qua bao năm, ngôi bậc đã thay đổi quá nhiều. Khoảng cách giữa anh và những người từng kề cận với anh, ôm vai bá cổ anh, bẻ củ khoai chia đôi cho anh, càng ngày càng rộng. Anh phải xưng hô khác, đối xử khác. Được nói chuyện với họ trở thành sự may mắn hiếm có, cho nên anh tính toán thật kỹ mới chịu nhận trách nhiệm bạc bẽo này.

Lợi phải đi sớm, về muộn. Phải nhũn nhặn, lễ phép với tất cả mọi người, kể cả những người thợ đá. Mỗi tối về, anh đem chuyện ở thành về kể cho vợ nghe như những thành tích vẻ vang. Mới đến cổng anh đã bắt đầu kể... kể... kể mãi với giọng hào hứng khác thường. An nhàm tai với những câu chuyện ấy, nhưng vì nề chồng, khi nào chị cũng kiên nhẫn ngồi nghe cho đến lúc Lợi rú mắt ngáp dài. Lợi kể:

- Em biết không, chiều nay Đức Thầy... à quên... chiều nay Chúa thượng đến xem xét công việc ở Quyền Bồng cung. May cho anh dễ sợ. Anh vừa định về sớm xem thầy thuốc có đến thăm bệnh cho cha hay không, chưa kịp đội nón thì Chúa thượng đến. Không có lính hộ vệ rầm rập đi trước mới ái oăm chứ. Chúa thượng đi tản bộ như một người dân thường, cử chỉ hòa nhã lễ độ, ăn nói êm nhẹ như một ông cha hiền lành. Chúa thượng không ngại mệt nhọc, bụi bặm, đến tận chỗ bọn thợ đá đang làm để hỏi han ân cần. Em mà tận mắt nhìn bọn thợ chắc không nhịn cười nổi. Họ cảm động quá, mặt xanh mét trả lời ú ớ như người học nói. Chúa thượng biết tâm trạng của họ, chẳng những không nổi giận mà còn vỗ vai họ, hỏi han họ đến chuyện cây tằm, chén gạo. May có anh ở đó nên nói vớt vát giùm cho họ vài câu. Chúa thượng cũng vỗ vai anh, nói đúng hơn là ôm vai anh như thế này này, thân mật hỏi anh y như lúc còn buôn nguồn. Đến cái mụn nhọt sau ót anh bị đau đớn từ thời cùng với Chúa thượng đi ghe muối, Chúa thượng vẫn còn nhớ. Chúa thượng cười hỏi: "Hồi đó tao tưởng mày lười biếng không chịu vác muối xuống ghe, lấy có đau nhọt ở cổ. Mày nhớ không?" trên đời tự cổ chí kim có lẽ chưa có ông vua nào

bình dân như vậy!

An âm ừ cho qua chuyện, nhắc chồng:

- Nhưng anh ăn cơm đi chứ. Để nguội cả!

Lợi cười cảm ơn vợ, nói tiếp:

- Cả Hoàng hậu cũng thế. Một hôm... à anh kể cho em nghe chuyện này chưa... chưa phải không, vậy thì em phải nghe mới được. Thế mới biết các đấng vương giả từ tay trắng chân đất làm nên bao giờ cũng thương yêu dân hơn bọn càn vàng lá ngọc. Hôm đó anh đang chăm chú nhìn bác thợ vẽ tô hình con phượng trên cây cột lớn giữa điện, thì nghe có tiếng dép lẹp xẹp phía sau lưng. Anh tưởng mục đầu bếp lại đến hỏi gạo, không thèm quay đầu, anh xẵng giọng hỏi: Cái gì đó? Đằng sau anh có tiếng cười nhỏ, rồi tiếng nhả bã trầu. Anh nghĩ: Mục này bữa nay quá trớn rồi. Anh đứng dậy, định sừng sộ. Anh thấy một bà già mặc đồ lụa, khăn trầu vắt vai, miệng nhai trầu bồm bồm. Anh ngờ ngợ không nhớ rõ ai, tuy thấy quen. Đến lúc người đàn bà nhai trầu lấy đầu lưỡi đẩy cục thuốc lên bên mép trong hỏi: "Chùng nào dọn qua bên này được, cậu Lợi", anh mới giật mình kinh hãi: té ra Hoàng hậu đây mà!

An lại nhắc:

- Anh chan canh, không lại nguội mất!

Lợi cười hể hả, đáp:

- Được... Để mặc anh. Con ngủ cả rồi phải không. Được phụng sự cho các bậc vua chúa như vậy thật may mắn. Anh hăng hái đến nỗi quên cả mệt. À, Hoàng hậu có hỏi thăm em đấy!

An tò mò hỏi:

- Em à? chuyện gì thế?

- Em đoán thử xem!

- Làm sao đoán được. Anh nói ngay đi!

- Thì em cứ thử đoán xem sao. Có tội vạ gì đâu mà sợ!

An nhất định không hở môi. Cuối cùng Lợi đành phải nói:

- Hoàng hậu hỏi độ này có con cái, em còn xinh như thời trước không. Hoàng hậu còn hỏi không biết em có bùa mê thuốc lú gì mà Quận chúa say em như vậy. Sướng chưa?

An sung sướng, nhưng cố làm mặt nghiêm dặn chồng:

- Anh phải dè dặt lời ăn tiếng nói. Bây giờ Chúa thượng đã xưng đế, không thể buông tuồng như hồi còn ở Kiên Thành. Em sợ có ngày cả gia đình phải bị vạ miệng của anh.

Lợi bẹo má vợ, nói:

- Em làm như anh là đồ con nít không bằng. Về miệng lưỡi thì thiên hạ thua anh, chứ anh không thua ai. Ngay lão Năm Ngạn được Chúa thượng tin cẩn như vậy, nhưng em thấy đấy, lão hại anh có được đâu. Lão tưởng tâu lên Chúa thượng vụ lương thực dân phu là nhất định anh hết đất sống. Kết quả ra sao, em biết rồi!

An thực sự lo sợ, run run can chồng:

- Thôi anh. Hay gì việc đâm thọc, xâu xé nhau!

Lợi tức giận nói:

- Mình có gây sự đâu. Tuy nhiên hấn đặt điều đổ vấy, cây muốn lặng mà gió chẳng dừng thì làm thế nào!

An nhìn thẳng vào mặt chồng, hạ thấp giọng xuống:

- Đặt điều? Giữa anh với em, ta còn... ta có gì phải giấu nhau nữa. Anh lo lắng cho mẹ con em, cho cha em, em cảm ơn lắm. Nhưng...

Lợi không muốn nghe vợ nói tiếp, cắt ngang:

- Thôi anh hiểu rồi. Cho anh cây tăm đi!

*

* *

Nhờ hương vị ngây ngất của tình yêu mà Lãng cảm thấy lòng rộng mở. Anh thương yêu mọi người, thương cả loài chim chóc, sâu bọ, cây cỏ. Anh thấy cuộc đời thật đẹp, thật đáng sống. Do lòng thương tràn trề ấy, một hôm Lãng tìm đến thăm gia đình Kiên.

Lãng quên hết những đổ ury, thành kiến cũ. Suy từ trường hợp mình, Lãng dễ hiểu anh hơn.

Những bắt bẻ cố chấp dựa trên các nguyên tắc khô cứng hẹp hòi lâu nay gia đình ông giáo đổ lên đầu Kiên, giờ đây Lãng mới thấy khôi hài. Những nhà nho đầu óc mọc rêu đầy dẫy trong xã hội đã hiểu gì được con người? Đã hiểu gì được sự sống? Quyết định của Kiên không nhằm thách đố ai, quấy rầy ai. Kiên không muốn ai động đến mình, không muốn làm đề tài trong các cuộc trà dư tửu hậu. Lãng bắt đầu thấy anh mình can đảm, và khâm phục.

Lãng đến quán rượu gần bến tắm ngựa lúc khách đang đông. Bọn mã phu quần áo còn dầm nước sông, nhiều người chỉ vận độc cái quần đùi, ngồi gác chân lên ghế nốc từng bát rượu lớn, giọng đã lè nhè. Lãng hơi chùn bước, nhưng đã đến tận đây chẳng lẽ về? Khách rượu nhìn cách ăn mặc tề chỉnh của Lãng như tò mò trước một hiện tượng lạ, xoi mói xem anh là kẻ lộn sòng. Đưa con gái lớn nhận ra Lãng, nhưng chưa hiểu Lãng muốn gì. Nó bậm môi lại, lo sợ Lãng lại đến gây gổ phá phách như Chinh trước đây. Thấy vẻ mặt lo âu của con bé, Lãng thương nó, dịu dàng đến gần quầy rượu chỗ nó ngồi hỏi một cách dịu dàng:

- Có chú Kiên ở nhà không cháu?

Đưa bé gái yên lặng, nhưng giọng vẫn còn run run khi đáp:

- Dạ thưa có, để cháu đi gọi.

Nhưng con bé vẫn nấn ná chưa chịu đi ngay. Lãng hiểu nó sợ không có ai trông hàng, nên bảo:

- Để chú trông hộ cho.

Một lúc sau, Kiên đi với con bé ra trước quầy, hai tay còn đang cài cúc áo. Thấy Lãng, Kiên ngạc nhiên không hiểu, sau đó hốt hoảng hỏi:

- Cha làm sao thế?

Lãng vội đáp:

- Không. Cha vẫn thường. Em đến... em đến thăm anh.

Kiên chưa tin, hỏi lại:

- Thăm tôi à? Các cô các chú mà thềm đến đây thăm tôi à?

Lãng nhìn anh cầu khẩn:

- Em đến thăm anh thật mà!

Rồi lấy hết can đảm, Lãng hạ thấp giọng để chỉ một mình Kiên nghe:

- Bây giờ... bây giờ em mới hiểu anh.

Giọng Kiên vẫn còn chán chường, cẩu kính:

- Các cô các chú hiểu hay không hiểu thì cũng thế thôi.

Hai anh em im lặng nhìn nhau, rồi vội quay đi chỗ khác để khỏi nhìn thấy sự bùi ngùi, gượng gạo trên gương mặt nhau. Kiên không nở dầy vò em nữa, lấy giọng đùa vui hỏi:

- Chú uống rượu được không?

Lãng vội xua tay từ chối:

- Thôi. Em không uống được rượu.

- Trà nhé?
- Anh cứ để em tự nhiên. Cháu này khôn ngoan lễ phép ghê anh nhỉ!

Kiên liếc về phía đứa bé gái ngồi chỗ quây, âu yếm nói:

- Mẹ nó đau, việc nhà nó quán xuyến được hết.

Lãng hấp tấp hỏi:

- Chị đau thế nào anh?

- Đã lớn tuổi, nên có mang bị vật vã luôn...

Kiên nói đến đó, bắt đầu húng hắng ho. Lãng hỏi:

- Cả anh cũng không được khỏe?

Kiên cố dần cơn ho, mặt đỏ gay, khó nhọc bảo em:

- Hễ chiều chiều là vai mỏi rần. Lại hâm hấp sốt.

Lãng lo lắng nói:

- Em sợ...

Kiên cắt lời em:

- Bệnh thời khí đấy mà.

Lại ho. Thấy em ái ngại nhìn mình, Kiên cố cười tươi rồi bảo:

- Chú có muốn đi xem hồ cá của anh không?

Lãng tìm được một đề tài thoải mái, xa hẳn những chuyện đau lòng, nên reo mừng hỏi:

- Anh chơi cá vàng à?

Kiên vội cải chính:

- Không. Anh nuôi cá để phóng sinh.

Thấy em ngờ ngác chưa hiểu, Kiên kéo tay em, bảo:

- Lãng xuống đây khắc rõ. Con trông hàng cho chú nhé. Kia, bác ngồi ngoài hiên đang gọi thêm rượu. Thừa có ngay ạ, cháu sẽ mang ra ngay. Thêm xôi nem nữa? Con lấy dao cắt lợn nem, không, lợn lá úa mới vừa đủ chua. Khéo lại đứt cả tay như hôm nọ. Lãng vào đây với anh.

Kiên dẫn Lãng ra sau vườn, nơi có một hồ cá nhỏ xây bằng vôi do chủ nhà cũ để lại. Nước trong hồ thật trong, khoảng vài mươi con cá đang lội tung tăng dưới mặt nước xao động. Lãng kinh ngạc hỏi:

- Không phải cá vàng sao?

Kiên giải thích:

- Không. Anh không nuôi cá cảnh. Cũng không nuôi cá để ăn thịt. Việc này hơi phức tạp, mới nghe có vẻ lẩn thẩn, nhưng anh sẽ cố giải thích cặn kẽ cho chú.

Lãng biết không, sẽ có một lúc nào đó trong đời, tự nhiên Lãng rờn rợn cảm thấy chung quanh ta cái gì cũng có sự sống. Hòn đá cuội có hồn của đá cuội. Một ngọn lá cũng biết đến cảm giác xót xa khi bị ta bứt phá, hoặc cả rừng cây cùng nhau thì thảo kế lể lúc mặt trời sắp lặn. Loài ta tưởng vô tri thực ra cũng biết hăm hở, ước vọng, ham muốn, đau khổ, mừng vui, giận dữ. Dĩ nhiên đối với loài vật thì dễ nhận ra sự sống rồi. Nhiều đêm ngồi một mình, anh nghe được mọi thứ tiếng nói lạ và anh nghĩ là mình có thể hiểu được loại tiếng nói phức tạp ấy. Mình cảm thấy rộn rã trong lòng, hết cả cô đơn, chán chường. Sẽ đến một lúc quen dần với cảm giác rờn rợn, ta bớt sợ, và bắt đầu thấy thương yêu tất cả muôn loài. Không có cái gì đáng ghét, mọi sự mọi vật hòa điệu để bảo bọc cho ta, thậm chí hy sinh cho ta nữa. Cảm giác hân hoan vì thương yêu bao dung ấy, theo anh nghĩ, ta có thể tự tạo ra được. Ta tìm thấy thương yêu đến ngộp thở, yêu đời đến độ ngày đại bất cứ lúc nào ta muốn. Anh đã thử nhiều lần rồi, lần nào cũng cảm

nhận được cảm giác ngây ngất, như vừa uống một ngụm rượu ngon.

Lãng không kiên nhẫn được nữa, vội hỏi:

- Nhưng anh thử những gì? Làm gì với cái hồ cá này?

Kiên nhìn khoảng không mỉm cười một mình. Một lúc sau anh quay lại nhìn Lãng, và nói:

- Trước hết chú phải cắt bỏ mọi ưu phiền, lo toan, tham lam, đố kỵ, thành kiến, những thứ nhơ bẩn từng dày vò đời ta. Chú bỏ hết, dứt hết, quên luôn cả mình, ngồi đây chăm chú nhìn con cá lội. Chú phải chọn lấy một con thôi, đừng ôm đồm. Chú dồn hết tâm trí cho nó, dăm dăm theo dõi từng cái quẫy đuôi, từng cái chớp bóng của nó. Chú đừng vội chán mà bỏ cuộc. Phải kiên nhẫn. Đầu tiên chú thấy mọi ở mắt, mí trên nặng nặng như buồn ngủ. Máu trong người chú sẽ chạy mau hơn. Chú nghe lỗ tai có tiếng o o như gió thổi vào hang đá. Má chú tê tê. Nếu lại chán, chú sẽ bỏ cuộc. Chú phải gắng ngồi nhìn con cá cho thật lâu, đến lúc... đến lúc đột nhiên trước mắt chú con cá biến hình. Chú sẽ thấy ở đôi mắt lộ của nó tất cả vẻ cầu khẩn thương xót. Khi nó nổi lên chớp bóng, thứ tiếng đục và ngắn ấy không phải lúc nào cũng giống lúc nào. Dĩ nhiên có lúc đó chỉ là một cử động hô hấp để sinh tồn. Nhưng nhiều lúc khác, chú xem cách nó quẫy đuôi, uốn vẫy, lượn mình uyển chuyển trước khi chớp động, chú sẽ hiểu đó là những câu đùa cợt, những lời trách móc hoặc thôi thúc. Chú có cảm tưởng đang nói chuyện với một con người, thật thế. Đến lúc thuận tiện nhất nghĩa là lúc chú cảm thấy giữa chú và con cá không phân biệt nhau nữa, sự đau đớn, vui mừng là của chung, chú hãy đưa tay vớt nó lên. Lạ lùng một điều là nó ngoan ngoãn bơi đến nằm gọn trong lòng tay chú, không trăn trở vùng vẫy gì cả. Chú đem con cá đến bờ sông, tốt hơn hết là chọn lúc giữa trưa để trông xuống nước cho rõ, thả nó xuống nước. Ban đầu nó vẫn nằm trên lòng tay chú như còn lưu luyến. Về sau nó lật lại, vẫy đuôi rồi lội ra ngoài. Có con vẫn tiếp tục quẩn quít bên chú, có con tung tăng bơi lội ra ngoài xa giữa dòng sông. Chú ngồi một mình trên bờ, nhắm mắt lại, cố tìm xem chú cảm thấy điều gì. Vui? Buồn? Chán? Giận? không, không có gì hết. Chú chỉ thấy một cảm giác lâng lâng, lan man vô định, chú có cảm tưởng như thân thể mình nhẹ tênh, có thể đi lại trên mặt nước. Cảm giác lâng lâng ấy càng ngày càng loang ra khắp thân thể chú, các lỗ chân lông nhạy cảm hơn. Dường như da thịt chú tiếp xúc thẳng với nắng, gió của trời đất chớ không bị quần áo ngăn cách. Cảm giác hạnh phúc, vâng, anh gọi đó là cảm giác hạnh phúc, sẽ kéo dài được lâu hay mau là do căn cơ cảm thụ của từng người. Nói cho dễ hiểu theo lối nhà Phật thì tùy vào lòng chân thành, thương yêu, thông cảm của chú đối với con cá cao hay thấp mà chú hưởng được cái quả nhãn tiền là cảm giác giải thoát, cảm giác hạnh phúc.

Lãng càng nghe anh nói càng ngỡ ngàng. Lãng nhìn vào mặt Kiên, tìm thấy ở đôi mắt Kiên sự đam mê khác thường, sự đam mê của một thể giới bí hiểm xa lạ mà Lãng chưa hiểu hết. Nếu so sánh với vẻ mặt lầm lì dăm chiêu của Kiên thường ngày thì đúng là anh tìm được ý nghĩa của giải thoát, của hạnh phúc trong cuộc thử thách đơn giản nhưng đầy vẻ mông muội này.

Lãng hỏi:

- Cảm giác hạnh phúc của anh kéo dài được bao lâu?

Kiên kiên nhẫn đáp:

- Không chừng. Có khi được một buổi. Có khi được cả ngày. Có khi quá bối rối vì việc nhà việc sở, không cảm thấy gì hết. Cho nên Lãng phải biết chọn lúc thích hợp để khỏi mất công.

Hai anh em im lặng dõi theo ý nghĩ riêng. Lãng liếc nhìn anh, thấy Kiên trở lại với bộ mặt lầm lì ủ dột. Và bắt đầu húng hắng ho. Lãng ái ngại nhìn anh, lòng thương yêu có pha lẫn thương xót.

Lãng nói:

- Để em ghé thăm chị một chút.

Kiên vội gạt đi:

- Thôi, khỏi cần. Bà ấy đổi tính, khó chịu lắm.

Lãng thì thào bảo:

- Em về. Mong anh được hạnh phúc lâu hơn, bền hơn.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 47

Khoảng một tháng sau cuộc hôn lễ linh đình rực rỡ của Nguyễn Huệ, tai biến ập đến gia đình An. Đúng như An từng lo sợ, nguyên nhân của tai biến là cái vạ miệng do Lợi gây ra. Khi Hoàng hậu đến thăm cái dinh thự đẹp trong hoàng thành dành cho vợ chồng Long Nhương tướng quân, Lợi vẫn quen thói cũ, đem hết chuyện này chuyện nọ huyền thuyên làm vui lòng Hoàng hậu. Lợi có tài kể chuyện và pha trò, nên Hoàng hậu mãi nghe Lợi nói, quên cả về. Lợi tán hươu tán vượn về tài trang hoàng của mấy bác thợ vẽ, giải thích hết sức dí dỏm về ý nghĩa các hình hoa văn. Chưa bao giờ Hoàng hậu được hưởng những tiện nghi nhà cửa cao ráo và lộng lẫy xa hoa như vậy, nên cái gì đối với Hoàng hậu cũng là những điều lạ mắt, khó hiểu. Lợi yên tâm không sợ một người sành sỏi khám phá cái dốt của mình, càng hăng hái ba hoa về sự hòa hợp màu sắc, về mức sang trọng của màn trướng, bàn ghế, giường tủ, về ý nghĩa của một cành mai, trái đào, con nai có lộc, con sóc đang gặm quả, con lân ngậm hạt châu... khắc trên các loại đồ gỗ.

Lợi thấy giọng khôi hài châm biếm của mình cuốn hút được Hoàng hậu, nên nhảy từ chuyện nọ sang chuyện kia, đem cái lảm cẩm của những bác điêu khắc, thợ vôi, thợ mộc ra chế giễu. Và đến một lúc thiếu đề phòng, Lợi châm biếm luôn cả sự dốt nát về nghệ thuật của Nội hầu Phạm Ngạn.

Hoàng hậu cười đến phun cả bã trầu, hỏi đi hỏi lại:

- Thật à? Té ra ông Năm Ngạn không biết ất giáp gì cả à?

Lợi được đà dậm thêm một chút giả tưởng cho vui chuyện, Hoàng hậu lại cười thích thú. Và Lợi thì hãnh diện về tài ăn nói duyên dáng, cuốn hút của mình.

Những lời châm biếm của Lợi đến tai Phạm Ngạn, chắc chắn là do Hoàng hậu kể lại.

Viên Nội hầu giận đến tím mặt. Quá lảm rồi! Thằng ranh bằng nhắng dám vuốt râu hùm! Mà y đã muốn chết, thì ta cho y chết! Phạm Ngạn lục lại tất cả các đơn tố giác, khiếu nại, thỉnh nguyện của dân phu, những hồ sơ quý giá trước đây ông chưa kịp dùng vì thấy Thiếu phó Nguyễn Lữ vẫn có ý bảo bọc cho Lợi, còn Tây sơn vương Nguyễn Nhạc thì muốn cho qua. Giờ đây, Phạm Ngạn cương quyết đi tới cùng. Ông xếp đặt các đơn khiếu tố theo từng mục, từng loại: đơn khiếu tố về chuyện mờ ám trong việc cấp gạo, đơn khiếu tố về chuyện ăn bớt số lương thực của các dân phu đau yếu hoặc bỏ trốn, đơn khiếu tố về việc dung dưỡng bọn lười biếng, chẳng những không làm việc mà còn được giao phát lương để bòn rút, đơn khiếu tố về các chứng từ ma... Viên Nội hầu sưu tập cẩn thận các chứng cứ buộc tội, rồi để đó! Không có gì phải vội! Cả triều đình đang bận rộn chuẩn bị cho cuộc hôn lễ lịch sử, không ai còn để tâm trí vào một chuyện mờ ám vặt như thế này. Nhất là quan Hình bộ Bùi văn Nhật. Cuộc hôn nhân đã củng cố địa vị chính trị cho anh em ông, xác định vị trí đặc biệt cho gia đình ông. Bùi văn Nhật,

Bùi Đắc Tuyên dồn hết tâm trí vào đó, hôn lễ càng uy nghi rực rỡ, linh đình thì danh giá, quyền uy của họ càng được vững chắc. Phạm Ngạn chờ cho đến sau cuộc hôn lễ khá lâu, mới vin vào dịp kỵ mẹ mời Bùi Văn Nhật đến nhà "nhấp vài chung rượu nhạt". Rất từ tốn, chậm rãi, khéo léo, Phạm Ngạn nhắc cho Bùi Văn Nhật nhớ về mặt buồn rầu gần như hờ hững của Long Nhượng tướng quân trong ngày lễ cưới, rồi viên Nội hầu làm như vô tình nói đến căn bệnh của ông giáo, đến An, xa xôi nhắc đến cảm tình giữa An và Nguyễn Huệ từ thời An Thái. Bùi Văn Nhật hiểu ngay mối đe dọa có thể có đối với hạnh phúc của em gái, đối với cả địa vị của mình. Vì vậy, khi Phạm Ngạn đưa tập hồ sơ cho quan Hình bộ, thì Nhật hiểu ngay điều cần phải làm. Cũng từ tốn, kiên nhẫn, kín đáo y như Phạm Ngạn, quan Hình bộ lặng lẽ cho người đi xác minh từng đơn khiếu tố, kiểm tra sổ sách chi thu ở kho quân lương, so sánh các chứng từ xuất kho và các chứng từ thanh toán. Đến lúc nắm chắc được các số liệu, Bùi Văn Nhật mới đem hết hồ sơ lên trình cho Nguyễn Nhạc. Mọi sự đã rõ như ban ngày. Dù quá hiểu cả cái tật lẫn cái tài của Lợi, nhà vua không còn cách nào nhẹ tay cho tên thuộc hạ cũ được nữa.

*

* *

Tai biến đột ngột ập đến không có dấu hiệu nào báo trước khiến An sững sờ. Lợi bị đóng gông dẫn đi rồi, chị vẫn còn ngồi trên người trên cái chõng tre, y như một cái xác bất động. Hai đứa trẻ khóc nức nở vì sợ hãi cảnh lính tráng hò hét, sục sạo hung tợn mà An không nghe thấy gì. Mấy đứa ở gái trốn biệt dưới bếp không dám lên nhà ngang. Thằng Phát khóc đến khan tiếng, nước mắt, nước dãi nhem nhuốc. Bé Thái chưa hiểu gì nhưng giật mình thức giấc vì tiếng khóc của anh, cũng oe oe khóc theo.

Lãng về nhà thấy tình cảnh ấy, vội trở vào trại tìm gặp Long Nhượng tướng quân. Không may cho anh, Nguyễn Huệ đang bức bối về những tin xấu từ Gia định về. Vừa thấy Lãng, Huệ đã nói: - Cậu có thấy ta đoán đúng chưa! (Huệ bắt đầu gọi cậu và xưng ta mấy tháng gần đây). Sao lại sai một lũ bại tướng vào trong đó lần nữa. Thua một thằng con nít mười bảy tuổi, trời hỡi trời, thật là đẹp mặt. Tư khấu Uy đã bị giết ở Bến Nghé. Bọn Liêm, Năng cũng bị giết. Chiến thuyền bị mất sạch. Lại còn lão Năm Ngạn nữa. Sao lại đưa quan hộ giá vào trận này? Có tin Năm Ngạn đã thoát chạy ra Bình Thuận. Nhưng Châu Văn Tiếp chờ sẵn ở đó. Liệu có chạy được về đây không? Bao nhiêu công phu xây dựng đoàn chiến thuyền để bọn bất tài đem dâng cả cho giặc. Chúng nó nhát như thỏ, giặc chưa tới đã quăng gươm giáo chạy tán loạn, thì giao việc quân cho chúng nó làm gì. Thua một thằng nhãi ranh mười bảy tuổi, trời hỡi trời!

Lãng không biết nói gì, chỉ nhắc chuyện cũ:

- Lần này chính quan hộ giá tình nguyện xin đi đấy, thưa tướng công. (Lãng cũng đã quen dần với cách xưng hô mới).

Giọng Nguyễn Huệ đầy bức dọc, tức giận:

- Chẳng lẽ ai xin gì cũng cho cả. Đưa một ông chuyên sai bảo quát mắng tội lính hầu khúm núm ra cầm quân ở đất lạ, có khác nào... có khác nào...

Huệ trực nhớ mình đang chê trách anh trước mặt thuộc hạ, nên do dự không dám nói thêm những lời phạm thượng. Ông bối rối, rồi chuyển câu chuyện sang hướng khác. Huệ hỏi:

- Cậu chưa về à?

Lãng cố gắng mà chưa lấy đủ can đảm để nói chuyện Lợi bị bắt. Anh phải nói dối:

- Dạ chưa.

- Đã ăn cơm chưa?

Lăng lại nói dối:

- Rồi ạ.

- Tối nay ở lại đây chứ?

Lăng hy vọng nhờ buổi tối này có thể trình bày chuyện Lợi nhờ Huệ gỡ giúp, nên mau mắn đáp:

- Dạ vâng.

- Thế thì hay lắm. Ta có chút việc nhờ cậu. Thằng ranh con tên Chung (Nguyễn Ánh) lại lắm le khôi phục rồi. Phải có một cuộc hành binh thần tốc hơn cả năm ngoái để quét sạch chúng đi. Phải chặn trước các ngã đường chúng vẫn dùng để trốn sang Xiêm hay ra các đảo. Ta phải thấy trước cần đến bao nhiêu quân, bao nhiêu vũ khí, bao nhiêu chiến thuyền. Nếu được chấp thuận, ta phải đánh gấp cho kịp mùa gió. Chần chờ lại phải dời đến sang năm.

Lăng rụt rè hỏi:

- Đêm nay tướng công không trở về phủ?

- Không. Ta ở đây cảm thấy thoải mái hơn ở giữa chỗ màn trướng. Sống trong mấy bức tường vẽ vờn hoa lá, chạm trổ cùng khắp, mình có cảm tưởng chính mình cũng là đồ giả. Cậu có bao giờ nghĩ thế không?

- Chưa có dịp ạ!

Long Nhương tướng quân chợt nhớ đến cảnh sống khiêm nhường của Lăng, chớp mắt cảm động hỏi:

- Thầy có bớt chút nào không?

Lăng hồi hộp thấy cơ hội đến, hấp tấp đáp:

- Dạ vẫn thế.

- Mấy chai thuốc hôm trước ta gửi có hiệu nghiệm gì không?

Lăng lại đáp sai sự thực:

- Được một thời gian, sau đó đâu vẫn hoàn đấy.

Huệ trầm ngâm, giọng buồn buồn:

- Tâm bệnh, khó chữa lắm.

Đột nhiên đôi mắt Huệ sáng lên. Ông định nói gì đó, nhưng lại thôi. Đôi mắt trở nên buồn buồn, mơ mộng. Lăng lấy hết bạo dạn, ắp úng nói:

- Hồi chiều, hồi chiều.

Huệ giật mình ngừng lên nhìn Lăng, bỡ ngỡ hỏi:

- Cậu nói gì thế?

Lăng nói một mạch không kịp thở:

- Hồi chiều, quan Hình bộ vừa cho lính đến đóng gông anh Lợi đem bỏ ngục.

Huệ kinh ngạc hỏi:

- Thực à? Tội gì thế?

- Dạ không rõ. Hình như chuyện dây dưa từ lúc còn cấp lương cho dân phu đắp thành.

- Vụ đó xong rồi kia mà?

Lăng bắt đầu thấy có hy vọng, vội đáp:

- Dạ cái chuyện không đâu ấy tưởng đã êm rồi, không ngờ...

Huệ dăm dăm nhìn Lăng khiến anh không dám nói hết câu. Huệ nói:

- Giữa cậu với ta, không có gì phải quanh co. Phải nói thẳng là Lợi không bị oan đâu. Tính anh ta thế nào, chúng ta đã biết quá rõ. Chính cậu nhiều lần cũng than phiền với ta đủ chuyện lời

thôi của ông anh rể. Có điều phải xét là có đáng xé to chuyện hay không! Cậu bảo là lệnh của quan Hình bộ à?

- Dạ. Chị... chị An kể chính quan Hình bộ ra lệnh.

- Ngoài việc bắt giam Lợi, bọn lính còn làm gì nữa không?

- Có lục xét nhà, và biên ký một số đồ đạc, nữ trang.

- Có tịch thu không?

- Dạ không rõ. Em vừa về thấy cảnh nhà xao xác, vội vàng trở lại đây.

Huệ quên lời nói dối của Lãng lúc nãy, nên bảo:

- Thôi, đêm nay Lãng về đi. Hỏi An cho rõ họ biên ký những gì, tịch thu những gì. Sáng mai vào đây cho ta hay. Nhưng có chắc là lệnh quan Hình bộ không?

- Dạ thưa chắc chắn, tướng công!

Huệ đâm chiêu suy nghĩ, lẩm bẩm:

- Phiền nhĩ! Sao lại lệnh bộ Hình? Vụ xích mích với ông Năm Ngạn đã xếp rồi mà.

*

* *

Lãng về đến nhà đã quá canh hai. Từ cổng nhìn vào anh có cảm tưởng đây là một khu nhà mồ. Anh gọi cổng. Con Vện đã bị đem cho người khác nuôi để khỏi làm cho ông giáo sợ hãi, nên phải gọi nhiều lần, mới có người bên trong cầm đèn ra mở. Lãng ngạc nhiên thấy Kiên mở cửa cho mình. Lãng hỏi:

- Ai cho anh biết nhanh thế?

Kiên cài then cẩn thận rồi mới đáp:

- An nó sai bà vú lại. Chú đi đâu về đấy?

- Em vào trại.

Sau một lúc ngần ngừ, Lãng tiếp:

- Em có thưa chuyện với anh Huệ.

Kiên đang cầm cúi bước vội ngừng lên hỏi:

- Thế à? Anh ấy trả lời thế nào?

Bấy giờ Lãng mới nhớ là Huệ chưa hứa điều gì chắc chắn, nhưng sợ anh thất vọng, Lãng đáp:

- Anh ấy hứa can thiệp giúp bên ông Nhật.

Kiên gật gù nói:

- Anh Huệ chịu hứa, thì còn cứu vãn được. Vào báo cho An nó mừng. Tội nghiệp!

Lãng bắt gặp An đang khóc thút thít bên nôi con. Hai đứa bé đã ngủ. Con Thái lâu lâu giật mình nên An phải ngồi canh giấc cho con. Lãng ngồi xuống bên chị. An không ngược lên, tay dặt dặt cái tao nôi. Lãng xúc động trước vẻ đau khổ thầm lặng của chị, nhỏ giọng nói:

- Em vừa đi gặp anh Huệ về!

An giật mình ngừng lên nhìn em. Lãng ngạc nhiên vì cái nhìn vừa hốt hoảng vừa phẫn nộ của chị. An cúi kính hỏi:

- Sao lại đi báo cho người ta?

- Em nghĩ là chỉ có anh ấy là có thể... có thể...

An to tiếng, bực tức:

- Có thể... có thể làm gì? Người ta là em rể. Họ đã trở thành sui gia của nhau. Dĩ nhiên ông Nhật phải báo cho người ta biết, hoặc đã bàn bạc với nhau chán mới ra lệnh bắt. Sao mà ngay thơ thế! Mà van xin, năn nỉ người ta à?

Lãng vội đáp:

- Em có năn nỉ gì đâu? Chỉ báo tin cho anh ấy biết thôi. Vả lại đã chắc gì ông Nhật có bàn trước với anh ấy. Chị nhớ vụ của cha trước đây không?

- Hồi trước khác, bây giờ khác. Mà có thấy người ta thêm đến đây không? Người ta có biết cha bệnh nặng không?

- Biết.

- Đó. Biết mà có đến thăm không?

Lãng dậm ngờ, nhưng cố gượng nói:

- Nhưng nhìn nét mặt thẳng thốt của anh ấy, em tin chắc rằng anh ấy chưa biết chuyện anh Lợi.

Họ giấu anh ấy.

- Người ta ra lệnh chém một lượt hai ông chúa còn chưa nhú mảy, huống gì cái thân hèn của anh Lợi. Mà còn tin lòng dạ người ta được à?

- Sao chị đa nghi quá!

An càng lớn giọng hơn:

- Đòi dạy cho tao đa nghi. Mà phải chịu đời vất cho nhiều trận nữa mới hiểu được lòng người nông sâu thế nào. Tao thì tao hiểu hết rồi. Tình nghĩa! Đến đứa con gái đẹp dễ gây thơ mà họ còn nỡ đem quăng vào cuộc mua bán, đổi chác bán thiu, để bây giờ dở con dở bà, dở sống dở chết. Nhưng mà đã van nài những gì với người ta?

Lãng dậm giận chị, cãi lại:

- Chị khinh em quá. Em chỉ báo tin, chứ có van xin họ điều gì đâu?

An cười nhạt, hỏi lại:

- Thế người ta đã hứa với mà cái gì? Chừng nào anh Lợi được thả ra?

Lãng e dè đáp:

- Anh ấy chỉ bảo sẽ hỏi lại. Chuyện đâu có thể giải quyết đơn giản, mau chóng được.

An lớn tiếng nói:

- Đấy. Mà thấy chưa. Người ta có dám hứa với mà cái gì đâu! Quyền hành sinh sát ở cả trong tay anh em họ, muốn bắt ai thì bắt, muốn tha ai thì tha, chỉ cần người ta gật đầu một cái thì đến trăm quan Hình bộ cũng phải chịu thua chứ đừng nói một mình lão Nhật.

An nói to quá làm giật mình cả thằng Phát lẫn bé Thái. Hai đứa bé khóc thét lên. An à ời ru con, một tay đưa tao nôi, một tay vỗ vào lưng cho thằng Phát yên tâm. Lãng thương chị, đến phụ An để dỗ thằng Phát. An trở lại ngồi chỗ cũ, miệng tiếp tục ru con.

Đang ru, tự nhiên giọng An run run, ngập ngừng, rồi bật khóc. Lãng an ủi chị:

- Chị đừng lo lắng quá. Mọi việc rồi thế nào cũng qua thôi.

An vừa nức nở vừa nói:

- Bao nhiêu tiền bạc của cải họ tịch biên hết, biết lấy gì sống đây! Cha như vậy, mấy đứa nhỏ đau lên đau xuống như vậy! Chỉ còn có nước chết! Em có biết cách nào để mấy mẹ con chị chết cho êm ái không?

Lãng ghen lời không nói gì được, chỉ khẽ nói:

- Chị...

Vừa lúc đó Kiên vào buồng An, Kiên chưa hiểu tâm trạng hai em, nên bình thản hỏi Lãng:

- Tối nay em ngủ lại đây chứ?

Lãng đáp nhỏ:

- Dạ.

- Như vậy anh về được rồi. Anh sẽ xếp đặt để hoặc anh qua ở luôn bên này một thời gian, hoặc anh cho con bé lớn qua.

Rồi vỗ vai An, Kiên an ủi:

- Thôi đừng buồn nữa. Hãy yên tâm lo cho các con đi. Anh ta đã hứa chắc như vậy, thế nào cũng xong.

An ngược lên nhìn anh, không hiểu Kiên nói gì. Nhưng chị đã quá buồn chán không nói được lời nào nữa.

*

* *

Sáng hôm sau, Lãng vừa thức giấc đã nghe ở nhà dưới có tiếng khóc tỉ tê và tiếng thì thầm rất giống với lời năn nỉ khẩn thiết. Lấy làm lạ, Lãng nằm im lắng tai nghe. Anh không nhận ra được tiếng ai khóc, nhưng nhất định không phải là của An.

Anh vội ngồi dậy đi xuống nhà dưới. An đang ngồi thừ bên bếp lửa, bên cạnh hai đứa ở gái và chị vú đang thút thít. Thấy Lãng xuống, họ quay mặt vào phía tối để quệt vội nước mắt trên má. An trông thấy em, gọi Lãng đến phân bua:

- Chị cho bà vú với hai con nhỏ này về mà họ nhất định không chịu. Họ có hiểu giùm cho chị đâu. Lúc trước thì sao cũng được. Bây giờ đến mẹ con chị chưa biết lấy gì ăn, làm sao nuôi nổi họ nữa. Chị vú vừa bảo để con Gái Nhỏ ở nhà trông em, còn con Gái Lớn với chị vú sẽ giúp chị buôn bán kiếm sống. Nhưng buôn bán cái gì bây giờ? Vốn liếng đâu? Mà họ có tội tình gì mà mang lấy cái vạ đói khổ này! Em đàn ông trông xa thấy rộng, em nói giúp cho họ hiểu.

Con Gái Lớn thút thít khóc, quay nói với An:

- Con bỏ cô con đi không đành. Rồi ai trông nom cho hai em. Con không cần tiền công. Cô có gì con ăn nấy.

Chị vú cũng nói:

- Cô ít sữa lấy gì cho con bé nó bú. Vả lại đi buôn đi bán đâu phải dễ. Cô chưa quen, còn tôi thì quen lắm rồi. Tôi sẽ giúp cô một thời gian cho quen bạn hàng, chờ cho con bé thôi bú, lúc ấy cô có giữ tôi cũng không dám ở lại nữa. Cậu thấy tôi phân bày như thế có được không. Cô ấy quần trí mất rồi!

Lãng hỏi An:

- Chị nghĩ kỹ chưa mà cho họ về? Còn cha? Còn hai cháu?

An bứt rứt nói:

- Không cho họ về chẳng lẽ để họ chết đói chung với mình à?

Con Gái Nhỏ nói:

- Tội em không làm rầy cô đâu. Tội em sẽ kiếm việc giúp cô. Em biết chằm nón, đan võng.

Con Gái Lớn cũng nói:

- Em biết đan lưới. Em sẽ lãnh đan lưới cho dân Giã dân Vũng. Cha mẹ em trước làm nghề chài quen với các vạ chài nhiều lắm. Cô đừng lo.

An cảm động không biết nói thế nào. Lãng nói:

- Thôi, chuyện đó cũng không có gì gấp. Chờ anh Kiên đến hãy bàn cho kỹ hơn. Chị lên đây em nói cái này!

An theo Lãng lên nhà trên. Lãng hỏi chị:

- Hôm qua họ tịch biên của anh chị những gì?

An vội hỏi:

- Em hỏi làm gì thế?

- Em sẽ nhờ anh Huệ để đòi lại. Của cải riêng của người ta, đâu có...

An bậm môi lại để dần tức giận, nhưng không được. Chị cắt lời em:

- Chị nói lần chót cho em nhớ. Con người ta ai cũng có liêm sỉ. Thà mẹ con chị ôm nhau ra bờ sông tự trầm còn hơn mở lời năn nỉ, van xin người ta. Nếu em còn nhắc nhở tới chị với người ta, còn lên tiếng xin xỏ bất cứ chuyện gì cho chị thì kể từ đó, tình chị em kể như đoạn tuyệt.

Lãng hải hùng trước nét mặt giận dữ đanh đá khác thường của An, lắp bắp hỏi:

- Đâu đến nỗi nghiêm trọng như vậy chị?

An giận run, hơi thở dồn dập:

- Đến... đến nước này mà em còn u mê! Còn chưa thấy lòng dạ người ta. Họ toan tính toa rập với nhau từ lâu để loại bỏ cha, rồi bây giờ đến lượt anh Lợi. Bao giờ đến lượt em? Chỉ cần một cái lỗi bằng hạt bụi cũng đủ cho họ khép tội cho em ở tù đến một gông!

Lãng ngỡ ngàng không hiểu nổi An. Môi An run run, nước mắt lưng tròng. Chị không thể chịu đựng được sự phấn kích tột cùng, nổi lên ho sặc sụa. Lãng nhận thấy không thể nói gì với chị được nữa, đành buồn rầu đáp:

- Em nhớ lời chị dặn. Vâng, em sẽ không nói thêm điều gì cả. Nhưng về việc chị vú và hai đứa ở, chị đừng nên vội. Chờ hỏi anh Kiên đã. Cả việc anh Lợi cũng vậy. Không có gì khó đến nỗi không tìm ra cách gỡ được. Điều quan trọng là tìm cho ra ai xưng xuất việc này.

An trề môi nói:

- Ai? Đến bây giờ mà em còn chưa biết ai? Ngoài gia đình lão Tuyên lão Nhật thì còn ai vào? Họ là sui gia với hoàng gia, quyền uy nắm gọn trong tay thì đóng gông ai mà chẳng được.

Lãng quan sát nét mặt chị, nhận thấy trong cơn phần nộ cay đắng, có cái gì khác hơn là nỗi lo lắng cho chồng, cho con. Có một yếu tố mới kích động An mạnh mẽ, gần như qua một đêm biến đổi hẳn tính tình, thái độ, lối suy xét, lối nhìn đời của An. Lãng mừng tượng cảm thấy yếu tố mới ấy là gì, nhưng anh không dám nghĩ tiếp, vì càng nghĩ anh càng thương xót chị.

*

* *

An tìm cả buổi mới thấy cái nghiên và cây bút của ông giáo. Chị không tìm ra thỏi mực, và giấy. An sai con Gái Nhỏ xuống phố mua một xấp giấy bản, và một thỏi mực. Nó không sành chuyện giấy bút, mua nhầm giấy xấu và mực giả.

An mặc kệ, mài mực viết một lá đơn khiếu oan cho chồng, rồi không chờ hỏi ý kiến Kiên hoặc Lãng, ẵm bé Thái lên bộ Hình. Chị không thềm trả lời những câu hỏi lo sợ của bà vú và hai đứa ở, bất kể trời nắng chang chang, lầm lì bồng con đi ra đường. Đi được một đoạn, chị nhớ tóc tai của mình quá bù xù, quần áo xốc xếch nhăn nhúm vì đã mấy hôm liền An chưa nghĩ đến chuyện thay. An nghĩ: "Việc gì phải để cho họ thương hại" nên lại quay về. Chị vú và hai đứa ở tưởng chị đổi ý, hết sức mừng rỡ. An không nói gì cả, vào buồng đem son phấn cũ ra trang điểm. Chị lục tìm lại bộ quần áo thật đẹp may từ ngày cưới. Sửa soạn xong, An mở cửa buồng ra ngoài. Con Gái Lớn kinh ngạc reo lên:

- Cô đẹp quá. Cô định đi đâu đấy? Để con theo bồng em cho.

An nghiêm nét mặt dặn nó lo bữa ăn cho cha và săn sóc cho thằng Phát, rồi bồng con ra đường. Bộ Hình nằm sát bên một dinh thự đang xây cất dở. Lính gác ở cửa nam nhất định không cho An vào vì có lệnh cấm tuyệt dân chúng không được ra vào cửa chính này. An phải qua cửa Tân khai. Ở đây, mấy chú lính trẻ trông thấy cách ăn mặc sang trọng của An đoán chị là người có

quyền thế lớn. Nhưng họ ngờ ngợ không hiểu tại sao An không đi vớng hoặc đi khiếu, lại tự mình bồng đứa con nhỏ trên tay. Họ không dám cản đường. An nghiêm nét mặt qua cổng mà không ai dám hỏi. Nhưng đến cổng bộ Hình thì bọn lính canh dứt khoát chặn An lại. Một người lính già vênh mặt hỏi An:

- Chị kia, đến đây có việc gì?

An nhìn thẳng vào mặt người lính, đáp gọn:

- Tôi cần gặp quan Hình bộ!

Người lính chưa tin những gì vừa nghe, hỏi lại:

- Chị bảo gặp ai?

An dần từng tiếng:

- Gặp quan Hình bộ.

Người lính ngờ ngác hỏi:

- Chị nói đùa hay nói thật?

An cười nhạt đáp:

- Tôi nói đùa với bác làm gì?

Người lính đưa mắt nhìn kỹ cách trang điểm, ăn mặc của An, bắt đầu bắn khoả. Giọng bác dịu lại:

- Chị hiểu cho. Có lệnh cấm tuyệt không cho ai được vào thẳng dinh quan Hình bộ. Có đơn trưng gì thì nộp tại đây. Lệnh trên nghiêm lắm. Chúng tôi không thể làm khác được.

An cũng dịu giọng bảo:

- Vậy thì nhờ bác đem ngay cái đơn này trình cho quan Hình bộ.

Người lính nhận lá đơn, nét mặt vui mừng vì vừa giải quyết êm đẹp được một chuyện khó xử.

Nhưng khi thấy An bồng con đến ngồi bên trạm gác, bác ta hốt hoảng hỏi:

- Chị còn chờ gì nữa mà chưa về? Sao lại mang theo cả con cái cho nặng nề thế kia?

An ru nho nhỏ vì bé Thái giật mình dợm khóc, rồi đáp:

- Tôi chờ quan Hình bộ trả lời thế nào rồi mới về.

Người lính già trở mắt nhìn An như nhìn một quái vật. Bác ta định nói gì đấy, nhưng lại thôi, cầm lá đơn chạy vào vọng canh. Hai ba người lính xúm nhau xì xầm bàn tán, vừa bàn vừa đưa mắt nhìn về phía hai mẹ con An. Họ bàn cãi một lúc, rồi một người cầm lá đơn của An chạy vào trong dinh. Người lính già trở lại chỗ An, thắc mắc hỏi:

- Chị là ai?

An tiếp tục ru con, để mặc cho người lính chờ. Mãi một lúc sau, khi bé Thái nhắm mắt ngủ trở lại, An mới đáp:

- Tôi là ai bác không cần biết. Ở đây có đúng là dinh bộ Hình không?

- Đúng rồi. Nhưng...

- Nếu vậy thì tôi không lầm.. Gia đình tôi có việc oan uổng nên đến đây khiếu oan. Mà chỉ có quan Hình bộ Bùi Văn Nhật mới giải quyết nổi việc này thôi. Bác vào xem hộ tôi quan đã phúc đáp chưa.

Nghे An ăn nói đanh thép như giọng của người quyền thế, bác lính đâm sợ, e dè đề nghị:

- Chị ẵm con vào vọng canh ngồi cho khỏi nặng.

An thản nhiên đi vào phía vọng canh. Một người lính khác vội chạy đi tìm ghế cho An ngồi. Bác lính già thì rót nước mời An, xuýt xoa khen bé Thái khéo khỉnh, rồi sốt sắng nói:

- Để tôi vào xem quan đã phê gì chưa!

Bác lính già đi thật lâu vẫn chưa trở ra. Để bớt nóng ruột vì chờ đợi, An bắt chuyện với hai người lính còn lại. Chị hỏi:

- Cái dinh đang xây dở bên kia của ai vậy chú?

Người lính trẻ có cái mũi hơi khoằm và đôi mắt lộ đáp:

- Bà chưa biết à? Của quan Tiết chế đấy.

An thắc mắc:

- Dinh quan Tiết chế à? Sao lại xây ngoài này?

Người lính cười, trả lời:

- Ấy, tại quan Tiết chế thích thế. Tôi nghe nói quan Tiết chế không thích ở trong thành. Quan muốn có một cái dinh ở nơi thanh tịnh, chung quanh có vườn trồng chuối, cam, ổi, mít lại có cả đụn rơm, lùm lúa y như các nhà điền chủ. Bà không thấy người ta đang trồng chuối quanh vườn hay sao?

An ngạc nhiên hỏi:

- Đụn rơm? Lùm lúa? Để làm gì?

Người lính gác nhìn quanh ra vẻ lo sợ, rồi mới hạ giọng nói:

- Quan thích thế thì biết thế, trả lời làm sao được. Mỗi người mỗi tính mà! Anh kia, đến đây có việc gì? Để đơn ở đó rồi về ngay. Không được đứng ở đó. Đã bảo về ngay, quan xét đơn rồi truyền cho biết sau. Cả chị kia nữa, sao chưa chịu về. Đã bảo chưa có gì cả. Gớm, làm việc này có ngày phải tắt tiếng mất. La mắng từ sáng đến tối, khổ quá bà ạ. Bọn họ cứ năn nỉ, van nài dai dẳng như là đĩa.

An quay nhìn phía cổng thấy hai người dân vừa bị đuổi đang thất thểu ra về, đầu cúi xuống. An hỏi:

- Sao chú không giúp cho người ta?

Người lính gác trẻ kia chen vào:

- Giúp sao được. Việc chúng tôi chỉ là gác cửa. Mau chậm là tùy trong dinh. Nhiều khi phải chờ cả năm.

An hỏi ngay câu mình do dự chưa hỏi lúc nãy:

- Bên kia là dinh quan Tiết chế. Thế còn dinh quan... dinh của Long Nhương tướng quân ở đâu?

Người lính mắt lộ mau mắn đáp:

- Ở trong hoàng thành. Gần chỗ của Chúa thượng. Chiều nào chúng tôi cũng được nhìn tướng quân và đoàn hộ vệ đi ngựa qua đây.

An vội hỏi:

- Tướng quân có thường đến dinh Hình bộ này không?

Người lính kia đáp:

- Ít khi lắm. À quên, hồi sáng ngài có ghé đây. Ghé một chốc rồi ra ngay. Lúc đó quan Hình bộ chưa đến.

An im lặng suy nghĩ, không hiểu hai hôm trước Lãng có nói gì thêm với Nguyễn Huệ không. Chị vừa lo sợ Lãng quên lời dặn của mình, lại vừa hy vọng vu vơ.

Vừa lúc đó, người lính già đã trở ra. An hồi hộp hỏi:

- Thế nào, bác?

Người lính nhìn chăm chú vào An một lúc, mới chậm rãi nói:

- Sao chị không nói ngay là có Tướng công chỉ dẫn đến đây?

An ngạc nhiên hỏi:

- Tướng công nào?

Người lính đáp:

- Còn tướng công nào nữa. Quan Hình bộ truyền tôi thưa lại với chị là có phải Long Nhương tướng quân khuyên chị làm đơn không. Quan cũng bảo là sẽ xét đơn ngay. Chị cứ về đi. Lúc nào xét xong sẽ có người đến báo tận nhà.

Lòng An rộn rã hy vọng. Và cùng một lúc, lòng hận thù phai đi.

*

* *

An chờ đến mười ngày mà không nhận được phúc đáp nào của bộ Hình. Cầm giận vì nghĩ mình bị lừa, chị làm một lá đơn khác đem đến bộ Hình. Lần này chị không bỗng theo bé Thái vì kỳ trước sau khi về nó bị cảm nắng đau mắt bốn, năm ngày. Chị cũng không trang điểm cẩn thận vì biết chắc không bao giờ gặp được Bùi Văn Nhật. Bác lính già gác cổng không nhận ra An, quát tháo ầm ĩ một hồi mới hất hàm ra lệnh đặt đơn tại cái bàn trước vọng canh rồi về ngay. An phải nhắc:

- Cách đây mười hôm tôi có đến một lần, bác nhớ không?

Người lính già gất gỏng:

- Đã đến một lần chưa đủ sao mà còn quấy rầy người ta lần nữa. Đồ sanh sự! Đồ... đồ...

Mắng đến đó, bác mới nhớ ra An. Người lính kịp dừng lại, bác đổi giọng ân cần hỏi:

- Đã có giấy báo chưa mà bà nhọc công đến đây?

An đáp:

- Chưa, bác ạ. Tôi nóng ruột quá. Tôi phải gặp cho được quan Hình bộ.

Chợt nhớ giọng nói lo ngại của bác lính già hôm trước, lúc nhắc đến Nguyễn Huệ, An bịa thêm:

- Tướng công bảo tôi phải gặp cho được quan Hình bộ thì việc mới chóng.

Người lính già quả nhiên đâm sợ. Bác đưa tay ra hỏi:

- Đâu, chị đưa đây cho tôi hỏi ý kiến phòng Công luận xem sao. Không đem thẳng lên văn phòng quan Hình bộ được đâu.

An chờ một lúc, người lính già trở ra ngay. Bác bảo:

- Mời chị vào phòng Công luận, người ta trả lời cho. Đi theo tôi!

An mừng rỡ bước mau theo người lính già. Chị được dẫn tới một phòng tương đối chật hẹp, và gặp một người đứng tuổi ốm gầy như bơi trong bộ quần áo đen nhà nho màu hơi bạc. Quanh cụ già bề bộn giấy tờ xếp thành chồng có lẫn bằng những hòn đá nhẵn bóng lấy từ dưới suối.

Thấy An vào, cụ già nói ngay:

- Tôi vừa đem đơn tái khiếu oan của chị lên trình quan Hình bộ. Quan truyền cho tôi nói lại với chị thế này: vụ những lạm của chồng chị thuộc về chi phát quân lương, nghĩa là trách vụ của bộ Hộ. Cho nên quan đã chuyển tất cả hồ sơ qua bên đó. Chị nên đến bộ Hộ mà khiếu oan.

An rơm rớm nước mắt, run giọng hỏi:

- Thưa cụ bộ Hộ đóng ở chỗ nào ạ?

Cụ già ngược lên, nhúu mày khó chịu vì sự đòi hỏi quá đáng của chị nhà quê này, gất gỏng:

- Ra cổng canh mà hỏi.

Bác lính già thấy An thút thít khóc, cảm động, chỉ dẫn cận kề đường đi nước bước cho An. Bác còn bày cho An nên xưng là cháu của bác để người bạn canh cổng bên đó khỏi quát tháo, làm khó làm dễ.

Nhờ thế, An vào được bộ Hộ khá dễ dàng. Ở đây, anh ký lục trẻ tuổi khoảng dưới ba mươi sốt

sống xem ngay cái đơn của An. Anh đọc kỹ hai ba lần, cuối cùng mới phát hiện điểm quan trọng suýt nữa làm anh mang vạ nếu anh đem ngay tờ khiếu oan này trình quan, đó là trong đơn An gửi cho quan Hình bộ chứ không phải gửi quan Hộ bộ. An nhận sự thiếu sót vì vội vàng của mình, kể lể nỗi khó nhọc từ sáng đến giờ. Anh ký lục lắng nghe lời An kể vì Lợi không xa lạ gì đối với anh. Tuy không ưa Lợi, nhưng anh không thể không xúc động trước vẻ đẹp thù mị và sâu muộn của thiếu phụ. Cho nên anh sốt sắng cho An mượn nghiên bút và giấy mực viết lại tờ đơn tại đó. Bỏ hết công việc đang làm, từ chối tiếp khách, anh chờ An viết đơn xong là vội vã đưa lên trình quan Hộ bộ. Anh trở về cũng nhanh chóng như lúc ra đi, có khác là vẻ mặt anh xịu xuống. Anh bảo An:

- Thật đáng tiếc, chị ạ. Quan bảo bên bộ Hình đã lầm lẫn khi chuyển nội vụ qua đây. Đã đành việc này thuộc về chi phát quân lương, nhưng số lương thực cấp phát dùng cho cuộc xây đắp thành trì, đường sá, cung điện, nghĩa là nhiệm vụ của bộ Công. Do đó, chiều hôm qua, quan đã chuyển hồ sơ qua bộ Công rồi. Chị cảm phiền. Chị biết chỗ bộ Công chứ?

An hết còn nước mắt để khóc nữa. Chị bậm môi lại, cảm ơn viên ký lục trẻ tuổi xách nón ra về. Anh ta đưa An ra tận cổng. Trước khi chia tay, anh ta nói nhỏ với An:

- Tôi nói cho chị biết việc này, chị đừng tiết lộ cho ai khác nhé, sở dĩ vụ anh Lợi chuyển từ bộ Hình qua bộ Hộ, từ bộ Hộ qua bộ Công, rồi chắc chắn bộ Công lại trả về bộ Hình là vì... là do... đây tôi chỉ nghe lén các quan nói chuyện với nhau thôi... là vì có Long Nhương tướng quân can thiệp vào. Bộ nào cũng ngại cả, không dám tự mình rước việc. Chị nhớ đừng thuật lại cho ai biết nhé. Chuyện mật ở chốn phủ dinh, nhiều khi gây vạ đến mất đầu chứ không phải chuyện đùa. Chị về đi, kéo nặng!

Trên đường về, An vừa đi vừa khóc lặng lẽ. Lòng chị đập chông nhiều cảm giác, tâm trạng phức tạp: hối tiếc, bùi ngùi, hờn dỗi, giận dữ, lâng lâng thú vị, chua chát man mác, cô độc, tủi thân... Chị cũng băn khoăn chưa biết nên mắng Lãng vì đã không nhớ lời căn dặn của mình, hay nên cảm ơn Lãng. Lá đơn khiếu oan nhàu nhò trong tay An lúc nào không biết. An giở ra đọc lại, thấy hai chữ "khiếu oan" không đúng với sự thực. An đâm oán trách chông, ngay sau đó lại hối hận vì nhớ sự lo lắng của Lợi cho gia đình.

*

* *

Kiên nghe em kể, bảo An:

- Như vậy là chuyện quá rắc rối đấy, em ạ. Càng ngày càng thêm rối, vì không ai dám tự chuyên. An thở dài chán nản, thờ thẩn hỏi Kiên:

- Biết làm gì nữa hở anh?

Kiên suy nghĩ, rồi nói:

- Cái khó là phải dò biết đích xác gút mắc nằm ở đâu? Tại sao chuyện đã êm từ lâu đột nhiên lại tra xét mà làm án? Anh nghĩ chỉ có ba người rõ được việc này mà thôi!

An vui mừng vội hỏi:

- Ai thế anh?

Kiên chậm rãi đáp:

- Một là quan Hình bộ vì chính ông Nhật ra lệnh tổng giam, hai là anh Huệ, và ba là chú Lợi.

An thất vọng gần như hô hoán:

- Trời hỡi! Như vậy là vô phương sao anh!

Kiên e dè hỏi:

- Hay em nhờ Lãng nó...

An hốt hoảng nói:

- Không. Không thể được. Em đã... dạn...

Kiên vội bảo:

- Vậy thì chỉ còn cách tìm hỏi chú Lợi.

- Làm sao được anh!

- Em làm đơn xin bên hình ngục cho được thăm chú ấy. Gần nửa tháng rồi còn gì. Người khác nhất định không được rồi. Nhưng anh nghĩ chú Lợi quen biết nhiều, đâu đâu cũng từng có lần liên lạc với chú ấy để nhận lương tiền phẩm vật. Em cứ làm đơn. Anh sẽ đến gặp quan hình ngục xin cho em.

Mọi sự không đơn giản như Kiên tưởng. Tuy Kiên đã quen quan hình ngục từ hồi còn ở trạm trầu trên Tây Sơn thượng và hôm giải phóng phủ Qui Nhơn, anh được chính quan hình ngục công kênh lên vai chạy khắp sân dinh như một người anh hùng, nhưng việc Kiên nhờ vả quá khó. Quan đã nghe phong thanh rằng đến quan Hình bộ quyền cao chức trọng bậc ấy cũng chưa dám một mình ra lệnh đóng gông Lợi dẫn đến giao cho quan. Quan Hình bộ đã được chấp thuận ở chỗ thật cao... thật cao. Làm sao quan dám tự chuyên, cho phép bất cứ ai liên lạc, nói chuyện với một tội nhân quan trọng dường ấy. Khi tiễn Kiên ra khỏi phòng, quan hình ngục an ủi người bạn cũ:

- Phải chờ đến rằm tháng Bảy thôi. Đến ngày xá tội vong nhân ấy thì ai cũng được phép gặp gia đình. Khỏi phải xin xỏ tốn hơi!

Suốt hai tháng dằng dặc đầy lo âu, An phải quyết định nhiều việc cấp thiết. Nhờ Kiên đã qua ở hẳn Bằng Châu để giúp em săn sóc cha, An chỉ giữ con Gái Lớn lại trông hai đứa bé. Chị vú và con Gái Nhỏ được về với gia đình. Nhờ thế chi tiêu hằng tháng giảm xuống. Nhờ Kiên giới thiệu với các chủ lò bánh tráng từng được Kiên giúp đỡ khi anh làm việc tại kho lương, An làm quen với các mối hàng gạo ở chợ phủ. Chị dự định trở lại nghề hàng xáo (buôn gạo) như hồi gia đình mới về An Thái. Chỗ bày hàng ở chợ, quang gánh, mối hàng, kể cả việc xếp đặt bếp núc nhà cửa cho con Gái Lớn đều đã lo xong. Nhưng dù sao cũng phải chờ sau khi gặp Lợi xong, An mới bắt đầu tự lực mưu sinh.

Hôm rằm tháng Bảy, từ tờ mờ sáng, cửa nhà ngục đã đông đặc những người. Hầu hết là những người đàn bà lam lũ ăn mặc rách rưới, nhiều người bông dốt cả các con nhỏ để chúng được trông thấy mặt cha. An cũng đem theo cả hai con. Chị bông bé Thái, còn Gái Lớn một tay cầm Phất, một tay ôm cái bọc lớn gói quần áo và vài thức ăn khô như cá muối, mè, đường tán, tóp mỡ. An nghe người ta bảo người bị giam lâu ngày trong ngục thèm nhất đồ ăn ngọt và béo, nên bới thêm nhiều đường và mỡ cho Lợi. Chị còn đem cho chồng khăn lau mặt, quần áo ấm, quần lót, chăn... Định gói cho gọn gói quà, An mủi lòng khi nghĩ ở chỗ gông cùm, thế nào việc cơm nước cũng thiếu thốn không bằng được lúc ở nhà. Chị đổ thêm vào bọc một số gạo. Rồi thêm gói trà, hộp tăm, lọ dầu, kim chỉ vá áo quần, chục quả cam để ăn ngay trong mấy ngày sau rằm. Anh ấy cũng thích cả chuối nữa mà? Thêm vài nải chuối sắp chín... Kết quả gói quà thăm nuôi to tướng đến nỗi con Gái khỏe đến thế cũng không tài nào nhấc lên nổi. An lại phải bóp trán suy nghĩ nên bớt đi thức gì để lại thức gì. Bớt gạo thì sợ Lợi đói. Bớt thuốc thì sợ chồng đau yếu không được thấy mặt vợ con. Bớt mỡ ư? Bớt đường ư? Bớt cái chăn phải đắp ở chốn ngục lạnh lẽo ư? Bớt bộ quần áo chống rét ư? Hay là bớt cái khăn mặt? An phải nhờ Kiên giúp ý kiến mới bỏ hẳn cái bọc gạo nặng, nải chuối và cái chăn bông lại. Dù thế, giữa đám vợ con tù

nhân lam lũ, An vẫn thấy mình lạc lõng, không giống bất cứ ai...

Phải chờ đến giờ thìn, quan cai ngục mới cho phép thân nhân vào thăm tù, nên mẹ con An phải chen chúc, mịt mờ giữa đám người khốn khổ. Mùi mồ hôi nồng nặc tỏa lên, theo với ánh nắng tháng Bảy. Tóc tai mọi người đều xơ xác, nét mặt đã dượi vì thiếu ngủ và lo âu. Nhiều đứa bé nín áo mẹ bị ngộp thở giữa đám đông khóc thét lên kêu cứu. Những đứa bé được bồng trên tay thì thức dậy khóc oe oe vì chói nắng. An phát khóc vì không đỡ được bé Thái, lại lo sợ cho thằng Phát. Bọc quần áo và đồ ăn Gái Lớn ôm trước ngực bị dẹp lép, phía dưới bọc thắm ướt An không biết do mồ hoặc do mấy quả cam bị dập.

Đến lúc cửa cổng nhà ngục xịch mở, thì đoàn người tự nhiên chuyển động dữ dội. Người nào cũng muốn chen vào trước nên cảnh xô lấn hỗn loạn đến nguy hiểm. Tiếng thét, tiếng khóc, tiếng chửi rủa vang lên khắp nơi. An vô vọng thấy con Gái bị đẩy càng ngày càng xa mình, và dù chị có kêu gọi, la lối, không ai nghe lời chị. Cả An cũng bị phía sau đẩy tới. Chị phải dùng hết sức đưa bé Thái lên cao để con khỏi ngộp thở. Con bé sợ càng khóc ré lên.

May mắn là cảnh chen lấn nguy hiểm diễn ra thật nhanh, qua khỏi cửa cổng ngục đột nhiên tâm trạng mọi người trầm tĩnh trở lại. Hình như cảnh nhà ngục lạnh lẽo khiến họ sợ hãi đến chùn bước. Họ hoang mang lo ngại. An tìm lại được con Gái và thằng Phát. Họ ngồi lại bên nhau để thở và xem xét gói quà. Hai quả cam vỏ mỏng bị dập làm ướt cả gói mè và gói đường. Mỡ loang một khoảng rộng trên chiếc áo nhuộm dầ.

An chưa kịp buộc lại gói quà thì có lệnh đem đồ thăm nuôi vào cho quan khám xét. Lại chen chúc nhau tranh chỗ. An giao bé Thái cho Gái Lớn ẵm, còn mình thì lật đặt ôm gói quà chen vào chỗ mọi người đang chen. Thằng Phát thấy mẹ bỏ mình, khóc òa. An muốn quay lại dặn con Gái canh chừng thằng Phát, nhưng không kịp nữa. Lốp người tới sau đã đẩy chị sâu về phía trong. An rút kinh nghiệm ở ngoài cổng thành, khuynh hai tay bảo vệ cho gói quà, cứ để mặc cho thiên hạ xô đẩy. Dần dà rồi chị cùng được đẩy tới trước mặt một người cai ngục mũi lớn râu rậm ngồi ngay cửa một cái lều tranh dựng tạm để thu nhận đồ quà gửi cho phạm nhân trong dịp lễ xá tội này. Bên cạnh viên cai ngục, một cậu thanh niên da mét đang cầm bút và xấp giấy bảng cắt khổ bàn tay đứng chờ. Viên cai ngục râu rậm trợn mắt nhìn An từ đầu đến chân hỏi:

- Gửi cho ai?

- Dạ cho chồng tôi ạ.

- Biết rồi. Chẳng lẽ gửi cho chồng người ta. Nhưng tên gì?

- Dạ, tên Lê Tấn Lợi.

Viên cai ngục cười ha hả, giọng mỉa mai:

- Tấn Lợi! Tấn lợi quá thì phải tấn công cùm. Luật đời mà! Mở ra coi.

An bậm môi vì giận, nhưng sợ tên cai ngục làm khó nên cúi xuống run run mở dây buộc. Sau khi mọi thứ đã bày ra dưới ánh nắng, kể cả mấy quả cam dập và gói mè ướt, viên cai ngục hỏi:

- Có giấu đồ kim khí hay thuốc độc không?

An thành thực đáp:

- Dạ có cây kim vá quần áo.

- Không được. Với cây kim nhỏ, hể có thể đâm chết lính canh như chơi. Lấy nộp đây. Còn mấy gói à?

- Dạ, gói này đựng đường tán, gói này đựng mỡ.

Viên cai ngục lại cười ha hả:

- Mỡ. Hể ở trong đó rừng mỡ làm sao! Đã biên tên vào đấy chưa?

An ngỗ ngang hỏi:

- Dạ tên gì ạ?

- Cái chị này! Ở trên trăng rớt xuống hả? Thì tên chồng của chị. Tìm giấy bút viết tên thằng chồng đang mang gông, cột vào gói này, lính ngục chúng nó mới biết mà trao tận tay.

An bối rối chưa biết làm sao có giấy bút thì viên cai ngục nói ngay:

- Không có giấy bút thì nhờ thầy ký đây viết cho. Chỉ tốn một quan thôi! Chị kia tiến lên. Mở gói ra coi.

An đành phải móc hầu bao trao một quan cho tên bán chữ rồi le te đem nộp gói quà vào trong lều. Chưa biết phải làm gì nữa, chị chặn một người đàn bà ra vẻ lạnh lẽo hỏi:

- Còn phải làm gì nữa hử thím?

Người đàn bà hỏi:

- Cô đi tới lần thứ mấy rồi mà còn hỏi?

- Dạ lần đầu.

- Thảo nào. Nộp quà xong thì về. Muốn nhìn được mặt thì phải tốn thêm hai quan nữa, để được đứng chỗ kia, chỗ sau cái hàng rào có song chắn đó chờ nhìn người ta dẫn tù đi đổ cứt dái.

- Không được đến gần hỏi chuyện sao thím?

- Đến gần. Cô này hỏi hay nhỉ. Đã mang gông chưa bị mất đầu là may, làm gì được đến gần chuyện vãn với vợ con. Thôi, cô ở chờ, tôi về trước nhé. Hàng họ bỏ ở nhà không có ai trông coi.

An vội nín áo người đàn bà lại hỏi:

- Nộp hai quan ở chỗ nào thím?

Người đàn bà trả viên cai ngục, thì thào:

- Cũng ông ấy. Cứ đứng đây chờ cho người ta nộp quà hết. Thấy ai còn nấn ná ở lại, ông ấy hiểu liền.

An hết sợ bộ râu rậm và cái mặt dữ tợn hằm hằm của viên cai ngục. Rất thẳng thắn tự tin, An đề nghị biểu viên cai ngục nắm quan để được gặp riêng chồng. Viên cai ngục suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu bảo:

- Khó lắm. Không ai được phép gặp riêng vợ con, trừ khi có lệnh của quan Hình bộ hoặc bề trên. Nhưng nếu nộp bốn quan thì ta cho đứng góc kia để nhìn chồng cho gần. Chỉ cách có vài bước chứ mấy!

An gật đầu bằng lòng. Chị vội vã chạy lại chỗ cũ. Cả thằng Phát lẫn con bé Thái còn khóc. Gái Lớn đỡ không được, mắt đỏ hoe. Thấy An chạy ra với hai tay không, nó lo lắng hỏi:

- Sao vậy cô?

- Xong rồi. Chúng ta vào đây để chờ. Ôi chao tội nghiệp các con tôi. À ời, nín đi mẹ thương. Nín đi. À ời. Lấy khăn lau mặt cho thằng Phát đi em. Đừng khóc nữa con. Sắp được gặp cha rồi. Ta đi lại đằng ấy thôi. Không lại trễ.

Nói thế nhưng phải chờ đến gần giờ Ngọ cai ngục mới cho tù mang các thùng phân và nước tiểu trong ngục ra đổ ở cái hố cách xa khu giam, nhân cơ hội ấy được hoạt động cho giãn gân giãn cốt, được hít thở không khí trong lành và hưởng vài mảnh nắng, người nào lanh có thể kịp rửa qua mặt mũi chân tay ở cái giếng đá ong gần đường đi.

An nhói cả lòng khi thấy những người tù đi đầu đều già nua, chân bước xiển tản như sắp vấp ngã, hom hem dưới ánh nắng. Cổ người nào cũng đeo một cái gông tre nặng khá kình cang. Vì phải dùng hai tay bưng thùng đựng phân nên họ không thể giữ cho cái gông nằm yên trên vai,

do đó cổ người nào cũng bị xây xát vì cái gông lay lắt cọ xát vào làn da mỏng. Nhiều người vừa sợ đổ phân, vừa sợ cái gông chòng chênh, nên đi chậm và len lén như người hát xiệc đi trên cây sào ngang.

An tìm thấy Lợi gần chót của đoàn tù. Cổ Lợi cũng phải đeo gông, nhưng Lợi khỏi phải đổ phân, nhờ thế hai bàn tay giữ chặt được cái gông nặng. An xót lòng vì thấy chồng phải mang gông, nước lên khóc. Con Gái cũng khóc. Lợi không ngờ vợ đứng chờ mình, bình thản hưởng thụ thời gian thoải mái nhất của một ngày tù. Lúc Lợi đi sát chỗ mấy mẹ con An chờ, An nén xúc động gọi to:

- Anh Lợi!

Lợi giật mình quay lại. Nhận ra vợ con, anh sững sờ quên cả bước. Cũng quên cả nói. An líu lưỡi không biết gọi gì thêm, lặp lại:

- Anh Lợi. Em và các con...

Nói đến đây, chị òa lên khóc. Lợi chạy về phía vợ con, vội hỏi:

- Ở nhà thế nào? Có ai lo cho anh không?

An vừa khóc vừa đáp:

- Ai cũng lo lắng cho anh cả.

Lợi nóng ruột nói:

- Không phải. Anh muốn nói có ai lo cho anh ra không. Em thử nhờ Quận chúa, hoặc tìm gặp Long Nhượng tướng quân

An vội nói:

- Nhưng...

Lúc đó người canh tù đã khám phá hai vợ chồng An đang nói chuyện với nhau. Hấn vội chạy đến. Lợi sợ hãi nhanh chân trở về hàng ngũ. Người lính mất cơ hội bắt quả tang một vụ phạm luật, lườm mắt nhìn mẹ con An, rồi quay đi. Mấy mẹ con ra về, lúc đã quá ngọ khá lâu!

Từ ngày Lợi bị bắt, quan hệ giữa Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ và Lãng trở nên ngưng ngập. Ngày nào họ cũng gặp mặt nhau, kề cận làm chung nhiều công việc, nhiều khi tướng quân còn giữ người thư ký thân cận ở lại ăn cơm với mình nữa. Nhưng mỗi người canh cánh bên lòng một nỗi ưu tư riêng, người nọ e ngại, dọ dẫm, xem chừng thái độ của người kia với tâm trạng áy náy xốn xang của kẻ có lỗi. Huệ phần nào khổ sở vì không thể can thiệp được cho vụ Lợi. Ngoài việc trả lại số tiền bạc bị tịch thu, Lợi vẫn còn bị giam giữ, chưa biết đến bao giờ mới được thả ra. Lãng thì áy náy vì mối tình của mình đối với Thọ Hương. Sau khi Lợi bị giữ, Lãng chờ mãi không thấy Thọ Hương đến thăm An. Anh thấy sự thất thường, bắt đầu lo lắng. Nếu mọi sự bình thường như trước, Quận chúa phải vội vã đến thăm nom, an ủi người bạn gái thân thiết. Về sau, Lãng nghe phong thanh Quận chúa bị quở mắng nghiêm khắc vì cuộc phiêu lưu tình cảm ấy. Đứng ở quan điểm nho giáo thì cuộc tình của Lãng hoàn toàn sai trái. Đối với danh dự của hoàng tộc, lại càng đáng chê trách hơn. Càng nghĩ, Lãng càng sợ hãi, tự nhận thấy mình đã cả gan xúc phạm đến những điều cấm kỵ thiêng liêng và khắc nghiệt mà nếu cần, anh có thể trở thành một vật hy sinh để bảo tồn nguyên vẹn những điều cấm kỵ ấy, với sự đồng tình của tất cả mọi người.

Muốn quên nỗi khổ đau không thể thoát ra lời, không thể chia với bất cứ ai, Lãng lao đầu vào công việc. Anh không muốn rảnh rỗi để cho nỗi đau khổ dày vò anh. May cho Lãng là khoảng thời gian ấy, bộ phận giúp việc cho Long Nhượng tướng quân có quá nhiều công tác để làm. Được vua Thái Đức giao trọn việc tổ chức binh bị và củng cố tất cả các đạo quân dùng để tấn công, viên tướng hai mươi sáu tuổi tuy đã dày công trận nhưng vẫn cảm thấy ngợp trước trách nhiệm to lớn như vậy. Nguyễn Huệ huy động tất cả những bạn bè trẻ tuổi có khả năng suy nghĩ và kinh nghiệm tác chiến tập hợp thành một ban tham mưu nhỏ. Từng vào sinh ra tử với nhau, hiểu rõ tính tình cả ưu điểm lẫn khuyết điểm của nhau, chưa nhiễm cái thói chuộng hình thức và rụt rè giữ mình, họ thường hăng hái bàn luận, tìm phương cách tốt nhất để tổ chức việc binh cho nhà vua. Chiều hôm nay họ vừa họp nhau để thảo luận kế hoạch biến các ấp xã thành đội, ghi tất cả dân binh vào sổ binh để mỗi nông dân cầm cày cuốc sản xuất đương nhiên trở thành một người lính có nhiệm vụ chiến đấu khi có giặc đến. Huệ nảy ra ý kiến này khi đọc một tờ báo cáo tình hình phòng thủ của Gia định và thấy sổ thổ binh, tạm binh nhiều gấp năm, sáu lần số tinh binh. Sau cuộc họp, chỉ còn Huệ và Lãng ở trong phòng việc. Huệ hỏi Lãng:

- Cậu có ghi đủ tất cả mọi ý kiến cho ta không?

Lãng nhìn qua mấy trang giấy dày đặc chữ thảo của mình, e dè đáp:

- Dạ, khá đủ. Người nào nói nhiều quá, hoặc nói lặt, thì em ghi những ý chính.

- Cậu đọc lại ý Đô đốc Tuyết xem sao?

Lăng nhú mày cố gắng nhận ra chữ thảo của mình, đọc chậm:

- Ý Đô đốc Tuyết là sợ làm như vậy có náo loạn dân tâm quá chăng. Sau bao nhiêu năm chinh chiến, dân xiêu tán hoặc chạy loạn quá nhiều, làng nào sổ đinh cũng lộn xộn, có nhiều gốc gác. Ngay lệnh làm thẻ bài trước đây cũng đã gặp nhiều trở ngại, cuối cùng phải tạm gác. Nay đột nhiên dân chúng nghe ta biên tất cả mọi người vào sổ binh, chắc chắn họ sẽ náo loạn.

Huệ trầm ngâm suy nghĩ, rồi ngẩng lên hỏi Lăng:

- Cậu nghĩ thế nào? Ông Tuyết nói cũng có lý đấy chứ?

Lăng nhìn Huệ, chậm rãi đáp:

- Đô đốc Tuyết nghĩ đúng, nếu các xã trưởng quen thói hách dịch chỉ gọi dân đến xưng tên rồi ghi hết vào sổ binh để báo lên phủ, y như cách cậu Hai Nhiều làm thẻ bài ở An Thái đạo nọ. Em nhớ hồi đó dù không có lý gì để chống đối, nhưng vì tự ái, vì ghét thói hống hách, em nhất định nằm nhà không chịu làm thẻ bài. Cho nên nhân tâm có náo loạn hay không là tùy cách họ hiểu chính sách này. Nếu ta làm cho họ hiểu rằng chính họ chứ không phải quân lính nhà vua phải lo giữ làng, chống giặc để yên ổn cày bừa, chính họ phải cầm giáo che chở cho vợ con họ, thì chắc chắn không có một chút lo sợ nào.

Huệ vui mừng nói:

- Đúng. Nhưng liệu các xã quan có đủ sức giải thích cho dân hiểu hay không?

- Điều đó thì em không rõ. Em sợ...

Huệ cướp lời Lăng, nói:

- Ta cũng sợ. Mấy năm nay chúng ta đã đưa những anh em chân đất có công trận và lớn tuổi về làm xã quan. Họ trung thành với nhà vua, nhưng họ ít học. Ăn nói chưa quen. Lóp các thầy đồ ở vùng này vốn đã ít ỏi, một số vùng giáp ranh Phú Yên hoặc Hải Vân đã trốn đi nhiều. Chúng ta chưa làm gì phiền đến các nhà nho cả, nhưng xem gốc gác anh em chúng ta, xem cách chúng ta đối đãi, họ cảm thấy xa lạ, dâm lo âu. Nhiều người chính ta thân hành đến thuyết phục, mời mọc như Nguyễn Đăng Trường, cậu còn nhớ không, nhưng họ vẫn bỏ đi. Thật đáng tiếc. Nếu mỗi làng có một ông đồ chịu đứng ra thay chúng ta giải thích cho dân chúng hiểu thì hay biết mấy. Nhưng sự việc đã không thể khác được!

Nét mặt Huệ buồn hiu. Đột nhiên Huệ hỏi:

- Sức khỏe của thầy độ này ra sao?

Lăng chưa kịp hiểu, ngơ ngác hỏi lại:

- Tướng công hỏi gì ạ?

- Ta hỏi độ này thầy có khỏe không?

Lăng đau nhói cả lòng, buồn rầu đáp:

- Gần đây cha em yếu lắm. Nhiều hôm mâm cháo anh Kiên bưng lên còn nguyên. Đêm ho dữ quá! Anh Kiên em đã xin nghỉ tạm để lo chăm sóc cha. Nhà bây giờ đơn chiếc lắm.

Huệ hít hơi chuẩn bị nói điều gì, nhưng do dự, lại thôi. Tướng quân cầm chén trà uống cạn, mặt dăm chiêu. Cả hai người im lặng, người này tránh không dám nhìn người kia. Sau cùng, Huệ thở dài rồi bảo:

- Cậu đọc tiếp ý Đô đốc Lộc xem!

- Đô đốc Lộc cho rằng lực lượng chủ yếu vẫn là các đạo quân thiện chiến lâu nay vào nam ra bắc dự nhiều trận. Các đạo quân hiện nay đã hao hụt nhiều, sổ bổ sung không kịp. Số đó nhiều khi chỉ gồm lính già, hoặc nhút nhát. Ta cũng chưa chú trọng khai thác lối đánh đường rừng như hồi đầu. Đạo quân người Thượng ít được dùng, phần lớn chỉ dùng thủy quân. Sau cuộc thất

trận của Đô đốc Chu vừa qua, chiến thuyền còn quá ít. Quân bộ hiện cũng thiếu hỏa hổ.

- Được. Ý đều xác thực, nhưng chỉ là những cái thuộc chi tiết. Còn ý của ông Sở (Ngô văn Sở).

Lãng lật sang tờ ghi thứ ba, đọc chậm:

- Giữa dân binh, xin tạm gọi họ là dân binh, vừa làm ruộng vừa giữ làng và đạo quân thiện chiến chuyên đánh lớn phải có liên hệ mật thiết với nhau. Dân binh nào mạnh khỏe và có võ nghệ thì được tuyển thành tinh binh. Dĩ nhiên những người này phải được ưu đãi thì họ mới hăng hái ra đi. Lại thêm trai tráng trẻ tuổi thường thích đi xa hiểu biết thêm nhiều điều mới lạ hơn là ru rú mãi ở xó nhà, nên cũng dễ thuyết phục.

Huệ tươi nét mặt, nói lớn:

- Đúng lắm. Tuổi trẻ thì ai cũng thích cầm giáo hơn cầm cày. Nhưng điều phải lo là làm sao cái cày nuôi nổi cái giáo.

Lãng vội hỏi:

- Em hỏi tướng công điều này, không biết có được không!

Đang vui, Huệ quên hết giữ gìn, ân cần bảo:

- Lãng cứ hỏi, khách sáo làm gì!

- Lâu nay ở vùng chúng ta, nghĩa là từ đèo Cù mông cho đến đèo Hải Vân...

Huệ cắt lời:

- Sao chỉ có bấy nhiêu đất? Nhưng thôi, không bàn cái chuyện đó ở đây. Lãng hỏi tiếp đi.

Lãng do dự hơn, hỏi chậm:

- Lâu nay người cầm cày có nuôi nổi người cầm giáo không?

Huệ đáp nhanh và gọn:

- Không.

Lãng vội hỏi:

- Thế thì làm sao sống?

Huệ cười bảo:

- Nhưng có ai chết đói đâu. Lãng biết vì sao không? Vì chẳng những cái giáo tự nuôi mình, mà còn nuôi thêm cho cái cày nữa. Lãng hiểu ta nói gì rồi chứ!

- Vâng, đã hiểu. Nhưng chẳng lẽ cứ chờ gió mùa...

Huệ cắt lời Lãng:

- Đây là việc chúng ta đang bàn đây. Phải tìm cách nào để trở lại quy luật tự nhiên là cái cày phải nuôi cho được cái giáo. Chẳng những nuôi cái giáo, mà phải tiến lên nuôi cho được cây súng đồng, cái tàu Tây dương. Nghe đâu bọn cố đạo đã tìm mua cho tên Chung (Nguyễn Ánh) nhiều vũ khí mới. Chuyển vừa rồi Tổng đốc Chu dở thật. Đã chẳng làm nên cơm cháo gì còn mất toi bao nhiêu chiến thuyền. Thật đáng tiếc.

*

* *

Những ngày sau, họ trở lại ngượng ngập áy náy cho nhau, như những giờ khắc cảm thông hôm trước chưa từng bao giờ có.

Vì ở vị trí yếu kém, nên Lãng luôn luôn giữ ý, không dám vượt qua khoảng ngăn cách bắt buộc của nghi thức. Anh lẳng lặng làm việc, thi hành đúng những gì Huệ sai bảo. Ngay cả những lúc chỉ có hai người, Lãng cũng đi đứng, xưng hô, thưa bẩm đúng phép y như lúc có mặt người thứ ba. Điều đó càng khiến Huệ áy náy hơn. Thành thử chính Huệ bước trước để kéo mối quan hệ vào vòng thân mật. Huệ hỏi:

- Hôm nay thầy có đỡ hơn không?

Lãng buồn rầu đáp:

- Vẫn vậy, thừa tướng công.

- Vẫn vậy là thế nào hở Lãng?

- Dạ, cha em vẫn cứ thêm thiếp hoài. Anh Kiên phải kê gối dưới lưng rồi đổ cháo vào miệng. Cha em nuốt được, nhưng không nhận ra anh Kiên nữa.

- Hay để anh gửi ngự y đến bắt mạch cho thầy xem sao! Ông này vừa ở Quảng Nam vào, giỏi về bệnh tâm và bệnh lão lẫn.

- Em sợ có điều bất tiện, thừa tướng công.

- Sao lại bất tiện. Thôi, ở đây không còn ai khác, Lãng cứ gọi anh xưng em như thời trước cho bớt xa cách. Chiều nay em dặn anh Kiên chờ sẵn ở nhà để lỡ ngự y có hỏi bệnh tình còn có người biết mà đáp. Đơn thuốc kê những gì, Lãng cứ đem vào đây cho anh. Trong cung có đầy đủ các loại thuốc quý.

Lãng chớp mắt cảm động, run run nói:

- Cảm ơn anh. Đôi lúc em nhớ tiếc cái thời thân mật ở An Thái, ở Tây Sơn thượng, nhưng biết mọi sự đã thay đổi, không thể ăn nói cư xử buông tuồng tự do như trước được. Vâng, mai em sẽ dặn anh Kiên ở nhà.

- Lãng có điều gì giận anh không?

Lãng vội nói:

- Không. Có điều gì em giận anh đâu. Anh đối với gia đình em như bát nước đầy.

- Vụ... vụ anh Lợi, có nhiều phức tạp lắm. Anh có đọc lá đơn khiếu oan của... của An. Lợi có được một người vợ xông pha lo lắng cho chồng như vậy thực may mắn. Thực cảm động! Nhưng Lãng biết đấy, Lợi không bị khép tội oan. Bằng chứng của bộ Hình rõ ràng rành, bằng giấy trắng mực đen chứ không phải chỉ là những lời vu cáo mù mờ. Nếu gắt gao, họ có thể ghép tội chết.

Nhưng... Nhưng chúng ta quen biết nhau từ thời chưa khởi dấy, chúng ta hiểu lúc nào phải làm ngơ, lúc nào phải mạnh tay dứt khoát. Việc đã êm, chỉ tại cái miệng bép xép... Anh nói thẳng, Lãng đừng thuật lại cho An biết làm gì.

Huệ im lặng một lúc, mắt đầy vẻ bần thần. Không hiểu nghĩ gì, Huệ hỏi Lãng:

- Chắc An thù ghét anh lắm!

Lãng không dám trả lời. Huệ tiếp:

- Dù sao anh cũng có lỗi với An. Nghe An phải vất vả với nghề hàng xáo... anh...

Lãng xúc động quá, hấp tấp nói:

- Không hẳn thế đâu. Chính tui em cũng có lỗi với anh. Nhất là em.

Huệ ngơ ngác nhìn Lãng, hỏi:

- Lãng có làm lỗi gì đâu. Nhờ có Lãng mà...

Lãng nói một mạch, sợ không có dịp nào khác để thổ lộ:

- Không. Em có lỗi nặng lắm. Em cũng đáng bị đem ra chém. Em thương nàng quá, quên hết những điều cấm kỵ và các điều tai tiếng cho nàng. Lâu nay em vẫn chờ mọi phán xử, trừng phạt của Chúa thượng. Thấy Quận chúa không đến nữa, em hiểu. Huệ dần dần hiểu hết những lời thú tội mù mờ của Lãng. Lãng cúi mặt xuống nên không trông thấy Huệ mỉm cười. Chờ cho Lãng nói xong, Huệ mới vỗ vai viên thư ký thân cận, an ủi:

- Về việc ấy, Lãng khỏi phải áy náy. Nói đúng ra cũng có điều quấy đấy. Nhưng cả Chúa thượng lẫn anh đều nhận thấy số phận Thọ Hương thật đáng thương tâm. Lòng người cha nào không

thương con. Chúa thượng thấy bất nhẫn vì làm lỡ làng đời con gái, còn anh thì áy náy vì... vì không thể cứu mạng Tân Chính vương được. Đẩy nó làm một người vợ hờ, rồi biến nó thành bà góa... Thọ Hương có lầm lỗi tày trời đi nữa, cũng phải bỏ qua. Nhưng dĩ nhiên là không thể để cho sự việc đi quá trớn. Lãng hiểu vì sao rồi! Anh hỏi thật Lãng nhé, cái gì đưa đẩy cho Lãng... Huệ ngại không dám nói hết câu. Lãng nghẹn lời, nhưng về sau cũng cố nói cho rõ lòng mình: - Em không hiểu em nữa. Em không chịu đựng được cảnh một đứa bé, hoặc một cô gái đau đớn. Trông thấy... trông thấy Quận chúa quàng cái khăn nâu sồng như một bà vải, em thấy chính mình có tội nếu không làm gì cả cho nàng thôi mím môi, thôi u sầu, cho nàng cười nói vui đùa trở lại như mọi cô thiếu nữ cập kê khác. Nếu cần nhảy vào lửa để Quận chúa bỏ tấm khăn quàng kia đi và chải lại mái tóc dày, em sẵn sàng.

Huệ thích thú được nghe một lời tâm sự chân thành và si mê hiếm hoi, cười nhỏ, rồi bảo:

- Có thể mọi sự không hẳn như Lãng nghĩ đâu!

Huệ không nỡ cho Lãng biết sở dĩ Thọ Hương phải quàng khăn là do sau trận thương hàn, Quận chúa đã mất mái tóc dày lúc trước. Và không phải lúc nào Thọ Hương cũng mím môi u sầu như Lãng tưởng. Huệ nói xa xôi:

- Ở đời nhiều khi ta tưởng thế này mà thực ra lại thế khác. Hoặc có những cái ta tưởng đã ở trong tầm tay, nhưng thoát một cái, nó đã biến thành khói. Nếu cứ tiếc hoài thì cả đời chỉ toàn thở dài. Cho nên anh nghĩ cái gì mình cho là đúng thì cứ mạnh dạn làm. Thành bại, phế hưng, được mất, may rủi, khỏi cần bận tâm. Chẳng hạn cuộc đời mà chúng ta đang làm đây không êm dịu như một cơn gió thoảng. Lãng thấy đấy, máu đã đổ nhiều, lửa đã cháy nhiều. Tiếng khóc không thiếu. Nhưng vì không thể để y nguyên cảnh đời tối tăm cũ và vì tin tưởng cuộc đời sẽ mang lại nhiều no ấm yên vui cho kẻ xiêu giạt, chân đất, kẻ cô thế nghèo khổ, kẻ thấp cổ bé miệng mà chúng ta mạnh dạn.

Giọng nói hăng say của Huệ cuốn Lãng như một cơn lốc. Anh đắm đắm nhìn đôi mắt rực sáng của Huệ, cánh tay rắn chắc đưa cao dần nhịp cho từng câu nói. Giọng Huệ sang sảng chứ không còn là giọng thì thầm tâm sự như trước nữa. Đột nhiên Lãng xấu hổ vì tự thấy mình yếu đuối, ủy mị, miễn cảm trước những điều tửn mủn vụn vặt mà không trông thấy được cái toàn thể vĩ đại, cái cao thượng đồ sộ, cái phóng khoáng mênh mông. Lãng đỏ mặt, lí nhí nói:

- Anh nói đúng. Lâu nay em chỉ biết cúi xuống nhìn từng con kiến, từng cái lá úa rồi thở dài. Bây giờ em mới thấy kỳ cục.

Huệ tươi cười bảo:

- Đừng chấp nhận dễ dàng như vậy, sau này lại dễ vỡ mộng. Nhưng cuộc nói chuyện phiếm tối nay vui đấy chứ. Lâu quá anh mới được có người để nói chuyện thỏa thích. Lãng nghĩ xem, lúc nào cũng chỉ nghe toàn lời vâng dạ, chán lắm!

*

* *

Sau tối tâm sự với Long Nhương tướng quân, Lãng có cảm giác lâng lâng khinh khoái y như trước đây, lúc An kể cho Lãng biết thiện cảm của Quận chúa đối với mình.

Đột nhiên mọi vật mọi sự trước mắt Lãng thay đổi hẳn. Với bản chất miễn cảm, Lãng nhảy từ cực đoan này sang cực đoan khác. Anh bắt đầu kinh ngạc trước sự ti tiếu, vụn vặt của mọi hình thức trong đời sống quanh anh, và sự ti tiếu tầm thường của chính mình. Trên đường về nhà, anh va phải một anh ký lục ở bộ Hộ. Anh ta quát mắng, nhìn Lãng giận dữ, đưa tay sửa lại cái cổ áo thâm bị lệch trong khi va chạm. Lãng vui vẻ xin lỗi, và nụ cười không thích hợp của Lãng

khiến anh ký lục giận run. Anh ta quát:

- Mắt để ở đâu thế! Làm bẩn hết áo của người ta còn nhăn răng ra cười.

Rồi vùng vằng bỏ đi. Lãng nhìn theo thấy hai tay anh ký lục đánh đàn xa như hai cái mái chèo, dánh đi lạch bạch y như con vịt mập. Khôi hài quá! Hẳn tưởng hẳn là cái gì kia chứ! Tại sao lại giận dữ vì những điều cùn mẩn như một cái cổ áo bị lệch, một ché áo bị lấm. Cuộc đời của hẳn đâu phải chỉ dùng để săn sóc lo âu cho bấy nhiêu chuyện! Lại cái giọng sùng sộ quát tháo với đồng loại. Và bộ đi cố làm ra vẻ quan cách. Để làm cái gì, bao nhiêu sự phù phiếm vô nghĩa? Một bà già bán quà rong đi qua trước mặt Lãng, lưng khom, bước chân lẩy bẩy, cái mủng con bày vài quả ổi, quả thị và đĩa muối ớt. Bà cụ ấy chừng này tuổi đầu rồi sẽ về đâu? Có thể thời trẻ tuổi, bà cụ đi được thẳng lưng, mắt nhìn rõ mọi vật phía trước, nhưng cái mủng hàng rong thì vẫn bày những ổi, thị, chuối, xoài. Tay làm hàm nhai, vất ả từ lúc sinh ra cho đến lúc nhắm mắt, suốt đời bận bịu về miếng cơm manh áo. Họ đâu thấy được cái quy luật của đời sống, tầm cao rộng của vũ trụ, khả năng sáng tạo và biến đổi cho đẹp hơn, tốt hơn của những bậc toàn trí và vĩ nhân. Lãng lại cảm thấy thương xót tất cả, không phải vì thấy tất cả không được điểm phúc như mình mà vì tất cả đều chìm đắm u mê trong những chuyện ti tiếu.

Lãng về đến nhà, thấy cảnh vắng vẻ cô quạnh. Từ nửa tháng nay An đã đem bé Thái ra chợ để vừa bán hàng vừa chăm sóc cho con nhỏ. Chị không tin ở con Gái Lớn. Con Gái ở nhà lo bếp núc cho ông giáo, Kiên và trông thằng Phát. Lãng không thấy Kiên đâu, hỏi Gái:

- Cậu đâu rồi?

Con Gái ngưng dứt cơm cho thằng Phát, đáp:

- Con vừa thấy cậu ra vườn.

Lãng vội lau qua mặt mũi, hăm hở ra vườn tìm Kiên, Lãng phải nói cho anh biết khám phá mới mẻ của mình.

Anh sững sờ khi thấy Kiên ngồi xếp bằng dưới gốc cây mít, hai bàn tay sè lồng vào nhau đặt gọn trong lòng, mắt nhắm nghiền như đang say ngủ. Lãng còn kinh ngạc hơn khi thấy giữa lòng hai bàn tay chụm lại là một khối đá nhỏ xù xì màu xám, giống y loại đá xanh người ta dùng làm đường cái.

Lãng nín thở, không dám gọi Kiên. Anh đoán được ngay là Kiên lại tìm ra một phương pháp mới để đạt đến cảm giác buông xả của hạnh phúc. Lá mít vàng rơi quanh chỗ Kiên ngồi. Một chiếc lá úa rơi đúng đỉnh đầu Kiên, chòng chành, nhưng cuối cùng nhờ cái búi tóc chiếc lá vẫn đậu trên đầu Kiên. Anh thấy Kiên không mở mắt, cũng không đưa tay hất chiếc lá xuống. Kiên ngồi yên như một pho tượng Phật nhập định, chung quanh cây lá xao xác, và chiều âm u.

Lãng tò mò ngồi chờ cho đến lúc Kiên mở mắt. Dù đã trông thấy em, Kiên vẫn từ từ, trang trọng đặt viên đá xanh nhẹ nhẹ lên mặt đất trước mặt mình, trều mển nâng niu nó như một thành tích. Kiên khẽ lắc đầu cho cái lá rơi xuống, nhắm mắt lim dim một lúc nữa, rồi mới thu hai chân về, choàng đứng dậy. Giọng Kiên vui vẻ dịu dàng:

- Em về lúc nào thế? (Kiên xưng hô thân mật với Lãng hơn từ ngày qua ở đây).

Lãng vẫn còn ngờ chưa hiểu có phải chính Kiên hỏi mình không. Lãng ấp úng hỏi:

- Anh... anh làm cái gì thế?

- Em biết rồi mà!

Lãng ngạc nhiên cãi lại:

- Em có biết gì đâu. Tại sao phải ngồi nhập định với viên đá xanh kia?

Kiên cười nhỏ, bảo em:

- Anh đã tiến thêm được một bước nữa. Đây là lần thứ ba anh thử thách. Quả nhiên có khác với hai lần trước.

Lãng nóng ruột hỏi:

- Nhưng anh thử thách cái quái gì lạ vậy?

Kiên không giận vì câu hỏi hỗn xược của Lãng, nhỏ nhẹ nói:

- Em chưa hiểu nên kinh ngạc đấy thôi. Lần trước anh có giải thích cho em nghe chuyện phóng sanh rồi chứ gì? Đấy, lần này phương pháp cảm thông với vũ trụ cũng giống như phương pháp phóng sanh, nhưng cao hơn về trình độ. Em có thể vứt bỏ hết mọi ràng buộc phiền nhiễu của đời để chăm chú nhìn một con cá, đến một lúc em quên hết, quên cả thân xác, trí óc, tình cảm, quên cả mình có mặt để giữa em và con cá không còn ngăn cách của chủng loại, ngôn ngữ nữa. Em hiểu con cá như hiểu chính mình. Nhờ vậy lúc em phóng sanh con cá, em sẽ cảm thấy một thứ cảm giác lâng lâng say sưa mà anh gọi là hạnh phúc chân chính, hạnh phúc tối thượng, hạnh phúc tuyệt đối.

Nhưng, dù sao tìm cách hòa đồng với vũ trụ qua con cá vẫn còn là chuyện hạ sách. Ta còn chấp nê ở cử động, ở màu sắc, ở cái ta tưởng là sự sống. Nhờ cách con cá quẫy đuôi, đớp bóng, mà ta đoán ra sự mừng rỡ, quẩn quít của nó, từ đó ta vui mừng đạt được sự hòa điệu. Cách đây mấy ngày, đột nhiên anh nghĩ: nếu vạn vật trong vũ trụ đều cùng một thể như sách nho nói, thì viên đá xoàng xĩnh nào đó lăn lóc trên đường đi cũng có sự mừng rỡ quẩn quít vì cảm thông y như con cá. Tại sao ta không thử với "con cá" này. Anh vui sướng tìm ra được một phương pháp hòa điệu thượng đẳng, nhưng còn ngờ mình nghĩ huyền hoặc, hoặc căn cơ của mình chưa đủ để theo phương pháp này. Nhưng anh cứ thử. Lần đầu ngồi đến tối mà không thấy gì, ngoài cảm giác mỗi nhử ở sống lưng, và ngầy ngật ở đầu. Hôm qua cảm giác mệt nhọc bớt đi, và hình như trong lòng bàn tay anh có tỏa chút hơi nóng.

Lãng vội hỏi:

- Còn hôm nay?

Kiên sáng rỡ đôi mắt khi đáp:

- Anh bắt đầu thấy viên đá động dậy. Anh nói thật, không điêu chút nào. Vâng, nó động dậy, y như một chú gà con rúc vào lòng bàn tay anh để tránh gió chiều.

Lãng hấp tấp hỏi:

- Anh có thể tin được những điều huyền hoặc như thế sao?

Kiên mỉm cười, vẫn với giọng trầm tĩnh thủ thủ, hỏi lại:

- Theo em thế nào là điều huyền hoặc?

Lãng sôi nổi nói:

- Là những điều không có thực. Không bao giờ, chưa bao giờ có thực. Em xin nói ngay cảm giác anh gọi là hạnh phúc đích thực, hạnh phúc chân chính, thực ra chỉ là một thứ ảo giác. Anh ngồi thật lâu, nhìn thật chăm chú, tự nhiên anh sẽ cảm thấy những điều bất thường. Đó là phản ứng của thân xác khi bị ta ép buộc nó chịu đựng một thể ngồi, một cái nhìn trái tự nhiên. Tay anh, mắt anh cảm thấy gì đó do hai cơ quan này bị thúc bách bất thường. Rồi trí anh lại gán cho cảm giác bất thường ấy một ý nghĩa cao siêu. Anh chỉ tự lừa dối anh mà thôi. Anh đang làm thầy pháp để ru ngủ chính anh, anh biết không?

- Còn em thì đang bị đủ loại thầy pháp làm cho hôn mê mà em không biết. Em không thể phân biệt được đâu là cái có thật, đâu là cái huyền hoặc. Em chưa từng tự mở đường, chỉ chờ cho người ta làm sẵn rồi cúi đầu theo dấu mòn của họ mà bước. Trước kia anh cũng thế. Bây giờ

anh là chủ của anh.

Lãng tức quá, nói lớn:

- Anh chạy trốn những sự thực trước mắt bằng cách cố tin ở ảo giác. Bằng cách dựng lên một thứ hạnh phúc không có thật.

Kiên nhìn em, hỏi chậm:

- Vậy em có đủ sức dựng nên thứ hạnh phúc có thật được không? Nó ở đâu? Nó là cái gì? Em đừng quên anh đã ba mươi ba tuổi, còn em mới trên hai mươi.

Lãng hăng hái nói:

- Vâng, anh có sống hơn em trên mười năm, nhưng suốt thời gian ấy, anh chỉ quanh quẩn trong vòng tù mủn, vụn vặt, như con kiến bò quanh miệng chén.

Kiên cười, hỏi lại:

- Còn em?

- Em cũng ngu xuẩn chẳng kém. Nhưng hiện nay em hiểu được rằng hạnh phúc chân thật có thể tìm thấy ngay trong đời sống có thực đời sống sờ mó được của chúng ta chứ khỏi cần phải tìm ở đâu khác. Miễn là...

- Miễn là thế nào?

- Miễn là chúng ta phải can đảm vượt qua các ti tiểu, cố chấp, eo hẹp, và mạnh dạn dựng lên một trật tự mới.

Kiên suy nghĩ, rồi đứng đĩnh nói:

- Ước mơ của Lãng cũ rích. Bao nhiêu người trước ta đã nói rồi. Và kết quả ra sao, em đã biết! Cha chúng ta chẳng hạn. Cái chí của cha không phải chỉ làm một ông đồ Nghệ. Đâu phải vô có mà cha lặn lội vào chốn trường thi ở kinh đô. Cha gặp nhiều rủi ro, nhưng may mắn không phải không có. Cha từng là bạn thân của quan Nội hữu Ý Đức hầu. Vào đây cha lại chính mắt thấy cơ nghiệp Tây sơn, từ lúc chỉ mới là cái đóm. Cha là người trong cuộc. Nhưng cho đến cuối đời, cha đã làm được gì, em nghĩ xem!

Lãng hăng hái nói:

- Tại cha cứ quanh quẩn trong mấy trang sách nhỏ.

- Anh không nghĩ như vậy.

Lãng định cãi lại, nhưng sợ xúc phạm đến cha già. Kiên cho nói với nhau bấy nhiêu đã quá đủ, bảo em:

- Vào thăm cha đi. Không biết mẹ con con An đã về chưa!

*

* *

An lấy làm lạ khi thấy Kiên và Lãng vừa đi vừa bàn luận với nhau một cách sôi nổi, hăng hái. Chị cứ nghĩ hai anh em không có điểm chung nào để họ bắt chuyện. Vào đến nhà ngang, nét mặt Lãng vẫn còn dàu dàu không vui. An mệt mỏi sau một ngày nắng nôi mưu sinh, không muốn hỏi han anh em điều gì nữa.

Trong khi Lãng lên nhà trên thăm cha, Kiên đến gần em gái hỏi:

- Hôm nay thế nào?

An thở dài đáp:

- Ế lắm, anh ạ.

- Sao anh nghe con Út nói độ này giá gạo lên cao, giới hàng xáo phát đạt lắm.

- Vâng, có thể. Nhưng chỗ em bày hàng khuất quá. Mình ra sau, những chỗ tốt họ đã chiếm cả

rồi.

Nhìn con bé Thái thêm thiếp ngủ, mặt đỏ gay vì nắng, Kiên nói:

- Mai em để con bé ở nhà. Mang phơi nắng, nó đau đấy.

- Em cứ lo con Gái không kham nổi bao nhiêu chuyện. Nó lớn xác nhưng những việc cần sự tỉ mỉ, như chăm sóc con bé, nó vụng lắm. Không bằng con Gái Nhỏ.

- Em cứ để ở nhà anh trông cho.

An vội nói:

- Không được. Em đâu dám. Vả lại hôm qua, lúc anh đi bổ thuốc chị ấy có sai con Út qua nhắn anh về bên đó có việc. Em bận, quên khuấy đi mất.

Kiên lo ngại hỏi:

- Em có hỏi việc gì gấp không?

- Có, nhưng con bé nó khôn quá sức. Nó ngún nguẩy, không chịu nói gì cả.

- Con mồi côi thường đều khôn ngoan.

An quay nhìn bé Thái, giọng như sắp khóc:

- Mấy đứa con em có khác nào con mồi côi đâu. Ra va chạm với đời, nhiều lúc tủi thân dễ sợ.

Như chiều nay...

- Xảy ra chuyện gì vậy?

- Thôi, em chẳng kể đâu. Mua bán tranh giành với nhau từng đồng tiền kẽm lờ, em thấy con người còn xấu xa hơn cả súc vật.

Kiên cười, nói đùa:

- Tại em không nghe được tiếng súc vật nên mới bảo thế.

Vừa lúc đó, Lãng từ nhà trên bước xuống. Lãng hỏi anh:

- Cái siêu thuốc ai bổ cho đấy, anh?

- Vẫn thầy lang hôm nọ.

Lãng chợt nhớ lời Huệ dặn, mừng rỡ bảo Kiên:

- Mai anh ở nhà suốt buổi chiều chứ?

- Sao em hỏi thế? Có thể ngày mai...

Lãng hốt hoảng cắt lời anh:

- Chiều mai anh chờ ở đây. Có thầy lang giỏi tâm bệnh mới từ Quảng nam vào. Em đã hẹn...

- Em mời ở đâu thế? Ông ấy tên gì?

Lãng liếc nhìn chị, rồi nói với Kiên:

- Ông ấy vừa được tuyển làm ngự y. Anh Huệ gửi ông ấy đến thăm bệnh cho cha.

An giật mình quay phắt lại nhìn em hấp tấp hỏi:

- Ai gửi? Anh Huệ à?

- Vâng.

Giọng An trở nên giận dữ:

- Đã dặn bao nhiêu lần rồi, sao mày cứ chạy theo nít áo van xin người ta. Không biết nhục à!

Lãng bị mắng oan, tức tối đáp:

- Chính anh ấy đề nghị chứ em có xin xỏ gì đâu!

- Mày không nói sao người ta biết?

- Ô hay! Hôm nào anh ấy chẳng hỏi thăm sức khỏe của cha.

- Môi miếng ở chót lưỡi mà mày cũng tin.

Kiên chen vào hòa giải:

- Thôi, đừng nặng lời với nhau nữa. Được, mai anh chờ ở đây. Chẳng có gì phải ngại cả. Coi như họ trả nghĩa thầy.

An nhún vai, giọng mỉa mai:

- Nghĩa thầy!

Lãng tức giận nói:

- Sao chị đa nghi quá!

An không vừa:

- Mà cả tin thì có!

Rồi vùng vằng bỏ xuống bếp. Kiên nhìn theo cho đến lúc em gái đi khuất sau cánh cửa phen nhà bếp, mới hạ giọng bảo Lãng:

- Nó mệt nhọc suốt ngày, nên đâm cau có. Em thấy cha có đỡ chút nào không?

- Vẫn thế. Cha không nhận ra em.

Hai anh em thở dài lo lắng.

*

* *

Cuối năm Mậu tuất (1778), ông giáo lịm dần như một ngọn đèn hết dầu. Giữa tháng Chạp, ông mất.

Tin ông giáo mất khiến những người từng quen biết ông bối rối. Họ chưa biết nên cư xử thế nào. Họ chờ xem vua Thái Đức sẽ làm gì, sau đó mới yên tâm tỏ thái độ.

Nguyễn Nhạc chỉ gửi một viên quan bộ Lễ đến chia buồn với anh em Kiên, không có đồ phúng điếu gì. Thái độ nhà vua đã rõ. Những người quen biết cũ cũng chọn giải pháp hàng hai để dễ bề tiến thoái. Họ sai con cháu đem nhang, đèn đến phúng điếu. Thế thôi. Khi Lãng tìm hỏi tên người có hảo tâm để ghi vào sổ tang, những người đại diện này, có lẽ được dặn trước, chỉ trả lời ấp úng cho qua rồi vội ra về.

Anh em Kiên thấy rõ sự tính toán của người ta. Lòng tự ái bị va chạm, họ mím môi quắc mắt nhìn đời với nụ cười khinh miệt, rẻ rúng. Đã thế thì chúng ta bắt cần, chúng ta tự lo liệu lấy. Họ đóng cửa cổng lại, kiên quyết từ chối tất cả những người phúng viếng. Họ còn mạnh dạn bịa rằng ông giáo mất vì một chứng bệnh lạ, sợ có thể vạ lây cho người khác nên mấy anh em tự lo lấy với nhau.

Kiên mở cửa nhà trên cho ánh sáng ủa vào căn phòng ảm mốc lâu ngày. Tự tay hai anh em tắm rửa, thay đổi quần áo cho cha. An và vợ Kiên may áo tang. Con Gái nấu đồ cúng. An xuất tiền mua cho cha một cỗ quan tài loại đắt giá nhất, và thuê một phường đám ma đầy đủ cờ phướn mũ măng, kèn bát âm lâu nay vẫn chuyên mai táng cho các gia đình phố khách. Kiên nghe giá phường đám ma cao quá, ngỡ ngàng nhìn em. Nhưng anh hiểu liền. Anh em anh muốn phỉ nhổ lên thế thái nhân tình bằng một đám táng ồn ào kèn trống mà lại lơ thơ người đưa quan. Xác ông giáo quàn giữa nhà. Đến trưa các con ông đã may xong đồ liệm nên chuẩn bị nhập quan. Ông đau yếu từ lâu nên xác mỏng như một lá lúa, da xanh mét, hai gò má gồ cao bên cặp hố mắt sâu. Tóc cũng đã rụng nhiều, những sợi tóc còn lại và râu trắng xóa. Người chuyên liệm xác đã đến. Ông ta sai đi mua cho ông một chai rượu. Sau khi phun rượu khắp thân thể người chết, ông bắt đầu hơ chân tay ông giáo để chân xếp dọc, hai tay chắp lại trước bụng. Quần áo và đồ liệm đã sẵn sàng. Lúc sắp sửa nhập quan, đột nhiên ngoài cửa có nhiều tiếng ồn ào, gồm tiếng chân ngựa, tiếng nói lao xao, tiếng gươm giáo chạm. Kiên và An lo ngại chưa hiểu chuyện gì thì Lãng ở ngoài cổng đã hét hải chạy vào báo:

- Có Long Nhượng tướng quân đến!

Cả phòng ồn ào hẳn lên. Người thợ liệm vội dẹp đồng quần áo và gói trà ướp, bằng vải, gói chèn qua một bên, di chuyển cho xác chết nằm ngay ngắn trên giường như cũ. Phờng bát âm cất bớt trống kèn. Cả Kiên và An rần rỏi đến vậy mà cũng hồi hộp sửa lại sống áo.

Nguyễn Huệ mặc đồ trần còn lấm bụi, có lẽ vừa đi xa về, không cần gạt đầu cảm ơn những người nhường lối, Huệ tiến thẳng đến phía thầy nằm. Ông xúc động đến nghẹn ngào trước thân thể ốm o biến dạng đến nỗi khó mà nhận ra ông thầy thân yêu quá thước ngày xưa. Đứng lặng một lúc lâu, đột nhiên ông quỳ xuống bên giường thầy, hai tay nắm lấy hai bàn tay lạnh cóng của ông giáo. Tuy đôi mắt người chết đã khép, nhưng ông có cảm giác phía sau cánh cửa huyền bí vĩnh viễn đóng ập với sự sống ấy, thầy ông vẫn nhìn ông với đôi mắt nửa trù mẩn nửa trách móc. Không tự chủ được, ông gục mặt xuống giường người chết, nghẹn lời chỉ thốt được có mỗi một tiếng:

- Thầy!

Biến cố bất ngờ khiến mọi người trong phòng nôn nao cả dạ. Không ai xì xào một tiếng nhỏ. Hình ảnh viên tướng trẻ quần áo còn bám đầy bụi đường gục mặt bên xác thầy, đôi vai run run trong cơn khóc lặng lẽ, có sức mạnh thôi miên mọi người. Mắt An rục sáng khi dăm dăm nhìn cảnh tượng ấy, lòng hoang mang giữa thương yêu và hận thù. Long Nhượng tướng quân gục mặt bên xác thầy một lúc, rồi chậm rãi đứng dậy, nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì. Lặng hiểu ý, đem cho Nguyễn Huệ vài nén nhang.

Huệ cảm ơn, đến đốt nhang ở cái đèn sáp gần giữa mâm cơm cúng đặt trên đầu người chết. Vì bàn tay run, mãi một lúc sau Huệ mới thắp cháy được mấy đầu nhang. Viên tướng trẻ đứng phía cuối giường ông giáo, ánh mắt xót thương cầu khẩn nhìn về khuôn mặt lạnh lẽo của người chết, cúi xuống vái hai vái. Đoạn ông cắm mấy nén nhang vào lư hương.

Huệ quay lại tìm các con ông giáo. Ông gặp ngay đôi mắt sáng rục khác thường của An. Chân ông dợm bước về phía ấy nhưng Huệ còn đủ sáng suốt để xoay hướng về phía Kiên đang đứng, buồn rầu bảo:

- Tôi về đây mới biết tin... biết tin thầy mất. Thầy có trời trần điều gì không anh?

Kiên cảm động đến rơm rớm nước mắt, đáp:

- Thừa tướng quân, cha tôi lịm dần, không trần trời gì cả.

- Thầy mất lúc nào?

- Cha tôi đi vào lúc sáng sớm. Lúc em Lãng vào thay nước trà, cha tôi đã đi rồi. Nhưng ngực vẫn còn ấm.

Huệ nhìn đồng đồ tổng chung và bọn phờng bát âm, hỏi Kiên:

- Bộ Lễ không gửi người đến đây lo gì cả à?

Kiên lắc đầu. Huệ ngạc nhiên, định nói gì đó nhưng ngưng kịp trước khi mở lời. Ông bối rối loay hoay một lúc, cuối cùng bảo:

- Tôi sẽ gửi đội tổng chung của trại đến. Bây giờ tôi xin phép về. Kiên chưa kịp từ chối, Huệ đã đi ra phía cửa. Lúc đi ngang qua giường ông giáo, ông dừng lại, cúi đầu thật lâu như thầm nói vài lời với thầy. Vừa ngừng lên, Huệ lại bắt gặp đôi mắt sáng rục của An. Ông khẽ gạt đầu chào người bạn gái cũ, rồi nhanh bước về phía cửa như muốn trốn tránh điều gì.

Sau khi Huệ đến phúng điếu, những người quen thân cũ của ông giáo mới bớt e dè. Họ lần lượt đến phân ưu với anh em Kiên. Trước hết là các bạn của Lãng. Tiếp đến là bạn của Kiên ở kho lương, và các bạn của Lợi. Sau cùng mới đến lượt những người từng làm việc chung, hoặc từng

gặp gỡ ông giáo ở An thái, Tây sơn thượng hoặc Kiên thành.

Tuy vậy các quan ở lục bộ và ở triều đình vẫn chưa dám héo lánh đến. Đám tang được tổ chức đơn giản nhưng nghiêm trang một ngày sau đó. Hôm ấy trời mưa. Ngọn đuốc đưa linh cửu gặp nước cháy lèo xèo, tỏa ra một làn khói đục. Vì đội tống chung lo hết mọi sự, nên kẻ tò mò ở hai bên đường, căn cứ vào quân cách của lễ tang đoán non đoán già đây là tang lễ của một vị tướng nào đó. Họ càng vững tin như vậy khi thấy sau linh xa, bước chậm sau lưng các con cháu người đã khuất còn có một vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt quắc thước, có đôi mắt buồn. Chỉ một số rất ít người biết vị tướng trẻ đó là Nguyễn Huệ.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 49

Trong điện Chính Tẩm đêm ấy chỉ có ba anh em, vua Thái Đức, Tiết chế Nguyễn Lữ và Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ.

Từ ngày xưng đế, mỗi lần có cuộc họp mặt riêng tư của ba anh em, nhiều chính sách quan trọng đã được bàn thảo và định hình. Nhà vua rất thích những cuộc hội họp như thế vì nhiều lẽ: nhà vua và hai em được thoải mái muốn ngồi nằm thế nào tùy ý, không bị ràng buộc của các nghi thức triều đình, họ xưng hô thân mật, ăn nói nôm na như hồi còn ở Kiên Thành, khỏi phải uốn lười tìm câu cho trang trọng đúng khẩu khí vương giả, họ lại được chân thành bàn cãi không chút e dè vì được tuyệt đối an toàn trong tình ruột thịt. Thường ngày Lữ rất ít nói, nhưng trong các cuộc họp mặt ấy, Tiết chế cũng trở nên linh hoạt mau mắn khác thường. Khi thấy hai em đã đến đủ, vua Thái Đức dựa ngửa lên trường kỷ, hai chân gác cả trên cái bàn chân nai, uốn mình cho xương sống kêu răng rắc một cách thú vị, cười hỏi Huệ:

- Chú Tám có đi đưa đám ông giáo nữa à?

Huệ đỏ mặt đáp gọn:

- Vâng.

Nhà vua cười to hơn, hỏi thêm:

- Chú không sợ thím ấy đổ ghè tương hay sao?

Huệ cười gượng, rồi quay sang phía Tiết chế trách:

- Đáng lý anh Bảy cũng phải đến.

Lữ đáp:

- Chú đến được là đủ rồi.

Vua Thái Đức suy nghĩ một lúc rồi buồn rầu nói:

- Dù sao cũng đáng tiếc. Giá thầy giáo chịu nhìn xa hơn một chút ra khỏi mấy trang sách nho...

Chúng ta đang thiếu những người có hiểu biết rộng, có tài chữ nghĩa mà đầu óc không khur khur mấy câu "Khổng tử viết... Mạnh tử viết"!

Lữ nói:

- Có họ hay không có họ cũng thế thôi. Ông bà ta thật hay. Nhất sĩ nhì nông, nhưng hết gạo chạy rông thì nhất nông nhì sĩ. Chữ nghĩa bề bề mà không có gạo thì cũng chẳng đi đến đâu.

Huệ khó chịu nói:

- Chỉ vì lâu nay chúng ta nghĩ thế nên kẻ sĩ mới bỏ ta mà đi. Đến lúc cần một người có uy tín để nói cho dân nghe theo, ta không tìm được ai cả. Như chính sách biến ấp làm đội ta sắp ban bố đây. Chắc chắn dân chúng sẽ nghĩ là mọi người đều bị bắt lính phải xa vợ con cha mẹ cả đời như thời Chúa Nguyễn. Nhân tâm sẽ náo loạn. Nhiều trai tráng sẽ trốn làng trở thành dân xiêu tán, rồi thành bọn đầu trộm đuôi cướp. Ai có đủ uy tín và hiểu biết để giải thích cho họ hiểu

đây, nếu không phải là những nhà nho được trọng vọng, vị nể?

Vua Thái Đức mỉm cười, chế giễu Huệ:

- Chú bệnh chằm chặp nhà nho vì tình riêng, rồi dùng lý lẽ để bao che khéo léo.

Huệ vội nói:

- Không phải thế. Em nói những gì phải nói. Cũng như em đã nhiều lần thưa với anh là đừng xem thường vai trò các Hoa kiều. Họ là cái ngõ để ta liên lạc với nước ngoài.

Lữ chen vào hỏi Huệ:

- Như lũ đạo tặc Tập Đình Lý Tài chứ gì? Chú chưa thăm đôn của bọn Hòa Nghĩa hay sao mà còn bệnh vực chúng.

- Không. Em chỉ muốn nói đến những con buôn Hoa kiều ở rải rác khắp các đường giao thông và cửa biển. Không có họ, ta không có hạng môi giới để buôn bán với các tàu buôn nước ngoài được. Anh Bảy vào Gia định chắc đã thấy vai trò quan trọng của họ trong Nam.

Nhạc chợt nhớ một điều quan trọng, ngồi thẳng dậy hỏi:

- Chú đã cho gửi chiếu chỉ gọi tên Tây dương lên đây rồi chứ?

Lữ đáp:

- Dạ rồi. Thăng Nhậm (Vũ Văn Nhậm rể của Nhạc) đích thân lo việc này. Em cũng đã bảo Thăng Nhậm dành căn nhà kế cận cho hấn ở tạm.

Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Tên Tây dương nào thế anh?

Nhạc đáp:

- Một tên người Anh cát lợi tên Chapman. Hấn vào cửa Thị Nại hôm 23. Hấn xưng với thăng Nhậm hấn là đại diện chính quyền Anh cát lợi tại Bengale Ấn Độ, có nhiệm vụ đến Đảng Trong để tỏ tình giao hảo và xem xét việc buôn bán giữa hai nước. Hấn xin lên đây triều yết. Ta đã chấp thuận và gửi chiếu chỉ hôm qua.

Rồi quay sang phía Lữ, Nhạc hỏi:

- Đã xếp đặt phương tiện đưa hấn lên đây chưa?

Lữ đáp:

- Dạ xong cả rồi. Đã ra lệnh cấp cho hấn một cái võng, còn bọn tùy tùng thì đi ngựa.

- Chùng nào hấn lên tới đây?

- Dạ theo xếp đặt của thăng Nhậm thì chiều 29 cho hấn vào cửa Thị Nại, sáng 30 bắt đầu khởi hành lên đây. Hấn sẽ tới chậm nhất là sáng mùng một tháng Sáu (1 tháng Sáu Mậu Tuất).

- Đã tìm được người biết tiếng Anh cát lợi chưa? Lữ đáp:

- Thưa anh khỏi cần, vì hấn có mang theo một người thông ngôn.

Nhạc gắt:

- Nhưng tin ở tên thông ngôn đó sao được. Ít ra bên ta phải có một người để nghe hiểu tiếng Anh, kiểm soát xem tên thông ngôn có dịch đúng lời đối đáp hay không. Chú cứ nhờ các ông trùm đạo dưới Mỹ Cang, hoặc xuống phố khách mà tìm, chắc chắn có nhiều người biết cả tiếng Bồ đào nha lẫn Anh cát lợi. Chú liệu xem, ta tiếp hấn vào sáng sớm ngày mồng hai có kịp không?

Lữ rụt rè đáp:

- Chắc kịp. Nhưng sao lại phải tiếp vào sáng sớm, thưa anh?

Nhạc lừ mắt có ý trách em, rồi nói:

- Chú quên là tiếp hấn xong, ta còn phải đi dự lễ cầu an à? Năm nay chúng ta bận lễ đăng quang,

giao việc chinh phạt Gia Định cho Tổng đốc Chu và Hộ giá Ngạn thật bậy. Không biết ông Năm Ngạn có đánh thủng được tuyến chặn của Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận không? Chính chú gợi ý phải làm lễ cầu an, bây giờ chú lại quên?

Lữ sa sầm nét mặt, không nói gì. Huệ chen vào hỏi: - Chẳng lẽ chúng ta cứ để mặc cho Châu Văn Tiếp quấy rối suốt một dọc từ Phú Yên vào đến Bình Thuận mãi. Tình trạng nhì nhằng kéo dài như vậy thật bất lợi. Dân vùng đó tuy thưa thớt, nhưng nếu ta không nắm được dân, thì Cù Mông vẫn thường xuyên bị đe dọa. Em muốn ta thanh toán một lần cho tuyệt gốc.

Nhạc nói:

- Ai chẳng muốn thế. Nhưng chú phải liệu cơm gắp mắm. Ta đâu có đủ binh đủ lương để cùng một lúc đánh cả hai mặt trận! Giữa Châu Văn Tiếp và Gia Định phải chọn một. Chúng ta chọn Gia Định, một là vì đó là cái gốc loạn, hai là ta khỏi phải lo lương cho quân ăn tại chỗ. Chẳng những thế...

Nhạc nói đến đây, đột nhiên ngập ngừng, không nói tiếp. Sau một lúc trầm ngâm, nhà vua nói: - Ta lo lắm. Đất Gia Định lắm gạo, tên Chung lại được bọn cố đạo tận tình giúp đỡ. Cho nên ta đã ra lệnh cho quan phụ trách cửa Thị Nại tiếp đãi tử tế tên Anh cát lợi. Làm sao chuyện này ta phải khuyến dụ hắn để nước Anh chịu buôn bán với ta. Phải biến chợ Giã thành một nơi đô hội phồn thịnh, tàu bè ra vào tấp nập y như cửa Hội hay cù lao Phố (Biên Hòa). Ta còn định nhờ hắn mua giúp cả vũ khí và tàu Tây dương để ta tiêu diệt lực lượng của tên Chung. Nước Anh mạnh nhất thế giới về hải quân. Được nước Anh bằng lòng cung cấp tàu và vũ khí, ta không sợ bọn cố đạo bên cạnh tên Chung nữa.

Quay về phía Huệ, nhà vua nói:

- Chú cần những gì để tăng cường sức mạnh các đạo quân, ngay tối nay về ghi cho kỹ để mai cho ta biết. Ngày mồng hai chú dự cuộc yết triều chứ?

Nguyễn Huệ vội đáp:

- Em sợ không dự được. Em phải đi kiểm tra lại các đồn bố phòng ở mặt nam Phú Yên.

Nhà vua nói:

- Chú vắng cũng được, nhưng phải nhớ đưa gấp cho ta các nhu cầu vũ khí và tàu bè. Còn chú Bầy thì phối hợp với thằng Nhậm để chuẩn bị cho cuộc yết triều thật long trọng, chu đáo. Phải làm cho hắn nể trọng. Các quan văn võ không ai được vắng mặt. Triều phục thật chỉnh tề, quân lính hàng ngũ nghiêm chỉnh. Các chú nhớ rõ chưa?

*

* *

Mới đầu giờ mẹo, một viên quan bộ Lễ đã đến báo cho phái bộ của Chapman biết rằng nhà vua đang chờ tiếp kiến phái bộ. Chapman không ngờ cuộc triều yết chờ đợi bấy lâu xảy ra sớm như vậy, nên chỉ kịp rửa qua mặt mũi, cạo râu, mặc quần áo rồi cùng mấy người tùy tùng theo viên quan bộ Lễ vào triều ngay. Trong lúc vội vàng, Chapman không tìm ra xà phòng cạo râu nên lưỡi dao cạo để lại trên má phía trái và cạo mấy vết sưng rướm máu. Nhưng vì hồi hộp cho cuộc hội kiến quan trọng, Chapman quên cả cảm giác xót xa trên da mặt. Họ phải đi bộ cả dặm trên con đường đất còn phủ đầy sương sớm, nên đến trước cửa hoàng cung thì ai nấy đều đầm mồ hôi. Chapman bắt đầu cảm thấy ngửa ngửa ở chỗ râu cạo vội và hai nách. Cả đoàn bị ngăn lại trước cổng. Theo yêu cầu của lính cận vệ, Chapman chỉ được dẫn theo một thanh niên cầm lọng và người thông ngôn. Thanh gươm quý cũng phải để lại ngoài trạm canh vì luật định không cho phép bất cứ ai được mang vũ khí vào triều.

Bên trong cổng, hai hàng quân dàn chào khoảng một trăm người ăn mặc tề chỉnh cầm gươm, giáo, kích đã đứng nghiêm như những pho tượng để đón phái bộ, có lẽ từ lúc gà gáy sáng. Cờ phướn đỏ rực phất phới, hai khẩu súng thần công bằng đồng được chùi sáng bóng hướng nòng về phía Chapman chờ đợi.

Giữa sân điện trái sỏi, ngay trước điện Chính Tẩm, các quan bộ Lễ đã đặt sẵn một cái mâm lớn ba chân bằng đồng, trên đó bày sẵn các lễ vật của phái bộ Chapman mang lên dâng cho vua Thái Đức. Quan bộ Lễ hướng dẫn phái bộ nhờ thông ngôn bảo Chapman quỳ xuống lạy ba lạy ngay tại sân rồng trước khi vào triều yết nhưng Chapman cho như vậy không thích hợp với phong thái và danh dự của người châu Âu, nên chỉ hơi nghiêng mình cúi chào vài lần chiếu lệ. Sau khi bước qua sáu bậc cấp, họ vào đến chính điện.

Điện Chính Tẩm có cửa ở phía trước và hai bên hông. Mái lợp ngói âm dương màu ngọc bích, các cây cột trong điện đều bằng gỗ quý chạm trổ rất công phu. Ngay phía trước một cái vách gỗ đánh bóng nhoáng là bệ rồng. Ngai vua sơn màu đỏ trang trí hình đầu rồng màu vàng ánh. Nhà vua đang ngồi oai vệ nghiêm trang trên ngai, hai tay đặt trên cái kỷ thấp lót đệm may bằng lụa đỏ thêu hoa. Hai bên ngai đặt hai chiếc ghế bọc gấm màu xanh nhạt, một ghế do quan Tiết chế Nguyễn Lữ ngồi, chiếc ghế bên phải bỏ trống. Các quan văn võ trong triều thì ngồi trên những hàng kỷ thấp bằng gỗ tốt nhưng không bọc gấm hoặc tô vẽ trang điểm gì cả, thứ tự trước sau tùy theo địa vị, phẩm hàm.

Vua Thái Đức mặc một chiếc áo bào bằng lụa vàng đậm thêu rồng, dọc theo nếp áo và hai cánh tay có thêu hình hoa văn bằng chỉ vàng. Vương miện gắn nhiều ngọc quý, trên chóp có một hạt châu lớn óng ánh, rung rinh theo cử động của nhà vua. Các quan đều mặc triều phục bằng lụa nhiều màu khác nhau, cả áo lẫn mũ đều có thêu hoa hoặc nạm ngọc.

Viên đại diện nước Anh nhận thấy khung cảnh triều đình tuy thiếu vẻ huy hoàng ở các cung đình của những ông hoàng Đông phương với châu báu rực rỡ, màn trướng thảm đệm thêu thùa quý giá, cung điện tráng lệ, nhưng sự uy nghi trật tự trước mắt khiến Chapman hiểu rõ rằng mình đang đứng trước một vị vua quyền uy và tự tin.

Viên quan bộ Lễ hướng dẫn cho phái bộ Chapman đến ngồi ở chiếc trường kỷ đặt sau lưng các quan. Chapman nhờ viên thông ngôn tâu lên nhà vua rằng với tư cách là một sứ giả và một người ngoại quốc, ông ta nên được xếp ngồi ở một chỗ thích hợp hơn, vả lại nếu ngồi ở phía sau xa, ông ta khó có thể tâu trình lên nhà vua và khó nghe thấy lời nhà vua nói. Vua Thái Đức nghe xong, cười một cách thiện cảm và tự nhiên, rồi truyền quan bộ Lễ xếp cho phái bộ ngồi ngay ở hàng kỷ đầu, gần sát chỗ ngồi của quan phò mã Vũ Văn Nhậm.

Yên dẫu đó xong, Chapman bắt đầu nói. Bằng một giọng trầm lâu lâu ngắt quãng chờ viên thông ngôn dịch lại tiếng Nam, Chapman tự giới thiệu:

- Tàu thánh thượng, thần là một viên chức của vương quốc Anh tại Bengale, được phái đến quý quốc để nối tình giao hảo và đặt quan hệ mậu dịch giữa hai nước.

Vua Thái Đức gật gù ra vẻ bằng lòng với lời dịch nôm trôn trọng lễ phép ấy, bàn tay trái vỗ nhẹ lên mặt chiếc kỷ bọc lụa đỏ trước mặt, tay phải đưa lên vuốt nhẹ chòm râu đen. Sau khi nhìn quanh khắp các quan văn võ để thấy họ cũng gật gù thỏa mãn giống y mình, nhà vua nói:

- Lâu nay trẫm đã từng nghe danh tiếng lừng lẫy của quý quốc về các thành công lớn lao trên khắp biển cả. Trẫm được biết số tàu bè của quý quốc vượt xa tàu bè của tất cả các nước khác và hơn hẳn họ về khả năng hàng hải. Nhưng Trẫm cũng được biết quý quốc không dùng hết ưu thế hàng hải ấy vào các công việc chính đáng. Tàu của quý quốc tấn công, cướp bóc tất cả các

tàu nào vô phúc gặp phải tàu của quý quốc, bắt lộn tàu đó của nước nào, bắt lộn lớn bé ra sao. Trẫm ước mong cho phép tàu của quý quốc được đi lại buôn bán tại các cửa biển thuộc vương quốc của Trẫm và hy vọng rằng, ngược lại, quý quốc cũng tỏ thiện chí bằng cách không cướp phá các ghe thuyền của dân nghèo nước Nam.

Chapman vội đáp:

- Tâu thánh thượng. Về ưu thế hàng hải của nước chúng tôi, thánh thượng đã nghe đúng sự thật. Nhưng về điểm sau, thánh thượng đã nghe phải những lời xuyên tạc của những kẻ xấu lâu nay ghen tức trước sự phồn thịnh của vương quốc chúng tôi. Chúng có ác ý xấu xa là muốn loan truyền những điều bất lợi và sai lạc về chúng tôi. Hiện nay, vương quốc Anh cát lợi có mối quan hệ hòa bình với tất cả các nước trên thế giới, tàu bè của nước Anh cập bến buôn bán khắp mọi nơi. ở đâu, các thương nhân Anh cát lợi cũng chứng tỏ đức tính đúng đắn và liêm khiết của mình.

Vua Thái Đức nói:

- Trẫm cũng mong đấy chẳng qua chỉ là những lời đồn đãi thiếu căn cứ vì cạnh tranh. Về phần Trẫm, đối với tất cả thương nhân nước ngoài, Trẫm đã đối đãi tử tế, công bằng như nhau. Nếu quý quốc muốn, Trẫm cho phép các thương nhân Anh đến đây buôn bán, giống như các thương nhân Bồ đào nha vậy.

Chapman suy nghĩ một lúc rồi đáp:

- Xin cảm ơn mỹ ý của thánh thượng. Thương nhân nước chúng tôi sẵn sàng trả mọi khoản thuế do thánh thượng quy định. Nhưng theo chỗ chúng tôi được biết, thì những thương nhân Bồ đào nha và người ngoại quốc khác từng đi lại buôn bán lâu năm ở xứ Đàng Trong đã gặp phải nhiều nỗi khó khăn và chậm trễ trong công việc. Lý do là các thứ thuế do quý quốc quy định không có gì rõ ràng, ngay các quan thu thuế của quý quốc cũng không biết áp dụng ra sao nữa. Chúng tôi thiện nghĩ, để tránh các phiền phức trên, thay vì giữ lại đủ các thuế biểu linh tinh phức tạp, thánh thượng gia ân chấp thuận một thuế biểu đặc biệt duy nhất theo hình thức thế nào mà thánh thượng cho là thích hợp.

Vua Thái Đức lại gật gù công nhận ý kiến của Chapman là đúng. Nhà vua gọi quan Tiết chế Nguyễn Lữ lên bàn bạc, sau đó gọi đến phò mã Vũ Văn Nhậm, quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên và một vài quan ở bộ Hộ, bộ Công. Sau một hồi thảo luận, chờ cho viên quan cuối cùng lẩm thồm trở về chỗ cũ, nhà vua nói:

- Trẫm vừa bàn luận với các quan trong triều về ý kiến của quý quốc. Để chứng tỏ thiện chí giao hảo buôn bán với quý quốc, Trẫm bằng lòng cho phép tàu buôn của Anh cát lợi được tự do đến đây buôn bán cả mùa, chỉ phải trả thuế biểu nhất định và duy nhất sau đây: mỗi tàu ba cột buồm trả mười ngàn quan, tàu hai cột buồm bảy ngàn quan, tàu nhỏ hơn nữa thì bốn ngàn quan. Khanh thấy thế nào?

Chapman ra bộ lo âu, cung kính đáp:

- Chúng tôi sợ đấy là những món tiền quá lớn, các thương nhân nước Anh không kham nổi. Chúng tôi ước mong thánh thượng gia ân hạ bớt thuế biểu, để khích lệ các tàu buôn nước Anh hăng hái đến đây.

Nhà vua cười ha hả vì tìm lại được không khí mặc cả mua bán quá quen thuộc, rồi với nụ cười lém lỉnh, đôi mắt linh hoạt, nhà vua nói:

- Thôi được rồi. Khanh thạo việc cò kè thêm bớt quá lắm! Trẫm đồng ý hạ thuế biểu như sau: tàu ba cột buồm bảy ngàn quan, tàu hai cột buồm bốn ngàn quan, tàu nhỏ hơn hai ngàn qua.

Giá rẻ mặt đấy nhé. Việc thứ nhất coi như xong. Bây giờ qua việc thứ hai. Trẫm mong ước chúng ta cũng dễ dàng đồng ý giúp đỡ nhau như việc thứ nhất. Chắc quý quốc đã biết, hiện nay bọn đầu trộm đuôi cướp dưới áo bọn con cháu nhà Nguyễn đang quấy phá đời sống dân lành trong miệt Gia Định. Chúng được vài tên phiêu lưu ngoại quốc và bọn cố đạo Tây Ban Nha, Pháp giúp đỡ. Quý quốc có thể giúp đỡ tàu bè, vũ khí để Trẫm mau chóng tiêu trừ bọn giặc cỏ ấy không? Nếu sẵn sàng thì quý quốc cần điều kiện gì?

Chapman vội vã nói:

- Tàu thánh thượng, chúng tôi không được phép tham dự vào các hành động tấn công khiêu khích, hoặc xen vào các cuộc tranh chấp nội bộ của các nước khác. Chúng tôi rất lấy làm tiếc.

Nhà vua đổi ngay sắc mặt, buồn rầu nói:

- Trẫm cũng rất lấy làm tiếc!

Chapman chớp ngay cơ hội thuận tiện, mạnh dạn nói:

- Đã có nhiều điều đáng tiếc xảy ra, tàu thánh thượng. Năm ngoái, mấy người Anh Cát Lợi đã bị quan quân của thánh thượng giết chết tại cửa Hàn. Cái tin ấy đã khiến cả vương quốc Anh bàng hoàng xúc động. Nhân cơ hội may mắn chúng tôi được đặt chân đến đây, xin thánh thượng chỉ bảo cho chúng tôi được biết lý do các cuộc hành quyết đáng tiếc trên.

Vua Thái Đức nghiêm mặt đáp bằng một giọng cương quyết:

- Vụ đó xảy ra ở cửa Hàn, Trẫm chưa được quan sớ tại tàu trình. Nhưng có điều Trẫm biết chắc chắn là không phải vô cớ mà mấy thương nhân quý quốc bị sát hại. Chắc hẳn họ chỉ bị giết trong khi cầm vũ khí chống lại quan quân của nước Nam.

Nói xong nhà vua ra lệnh bãi triều. Phò mã Vũ Văn Nhậm được nhà vua gọi lại dặn dò điều gì trước khi nhà vua lên kiệu về cung. Khi kiệu của nhà vua đã ra khỏi cổng cả phái bộ Chapman lẫn các quan văn võ mới bắt đầu rục rịch bàn tán, di chuyển. Chapman được phò mã cho biết là nhà vua sẽ tiếp riêng Chapman ngay bây giờ tại nội cung, để tiếp tục thảo luận cho xong những điểm tế nhị khó bàn công khai ở chốn đông người.

*

* *

Mặc dù đã khá quen với các nghi thức gò bó ở triều đình, Nguyễn Nhạc vẫn cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn khi bước chân về biệt cung. Không đợi cô thị nữ, nhà vua tự tay cởi phắt cái áo bào vàng, vớt chiếc vương miện quý giá lên mặt kỷ đá vân, ngồi xuống cái sập gỗ quý, cúi xuống cởi ngay đôi hia nạm ngọc viền kim tuyến óng ánh. Đưa hai tay chống xuống mặt sập gụ làm thế tựa, Nhạc ngả người ra phía sau uốn xương sống cho bớt mỏi. Đoạn, nhà vua duỗi thẳng hai chân, ngoe mấy ngón để tận hưởng cảm giác buông thả.

Cô thị nữ nhỏ tuổi mang chiếc áo lụa vàng đơm nút kim cương hạt nhỏ ra cho nhà vua, thấy cảnh chiếc hoàng bào, vương miện và đôi hia vớt bừa bãi, vừa cuống quýt lo âu vừa bẽn lẽn thích thú. Nguyễn Nhạc vui lây trước niềm vui đơn giản của cô bé, kêu lại hỏi:

- Có bà ở trong đó không?

Cô thị nữ bất ngờ trước lối ăn nói bình dân của nhà vua, ấp úng đáp:

- Tàu thánh thượng... Tàu... lệnh bà đã... đã...

Thấy cô bé rặn mãi không nói được hết câu, nhà vua cười ha hả, trở chiếc áo bào, đôi hia và cái vương miện, bảo nó:

- Đem những thứ này cất đi. Mang ra đây cái khăn đỏ. Và bảo pha ngay một bình trà. Coi trầu đâu rồi? Có đây? Thôi, cứ đem vào đi.

Nhà vua vừa chít khăn xong, bên ngoài đã nghe tiếng chân bước lên thềm biệt điện. Nhà vua định sửa lại áo khăn cho chỉnh tề, nhưng nghĩ sao, cuối cùng cứ giữ nguyên cách ăn mặc và thế ngồi tự nhiên thoải mái như trước.

Phò mã Vũ Văn Nhậm dẫn Chapman và tên thông ngôn đến cửa điện xong, vội trở về. Chapman bõ ngỡ tiến vào một căn phòng rộng trang trí bày biện đơn giản nhưng sang trọng trang nhã. Nhà vua mời Chapman ngồi ngay trên cái sập mình đang ngồi, viên thông ngôn lúng túng chưa biết nên đứng ở đâu, thì nhà vua đã cười tươi trở cái ghế gỗ mun chạm trổ đặt gần sập, thân mật nói:

- Chú ngồi xuống đây. Người miệt nào?

Viên thông ngôn ngạc nhiên vì giọng thân mật đơn giản khác thường của vua Thái Đức, đỏ mặt đáp:

- Dạ, tâu thánh thượng, thần người Hà Tiên.

Chapman ngỡ ngác không hiểu hai người nói với nhau những gì, đôi mắt đầy lo âu và hoài nghi. Viên thông ngôn biết ý chủ, dịch lại các câu đối đáp ra tiếng Anh. Chờ cho viên thông ngôn dịch xong, vua Thái Đức nói:

- Người Hà Tiên? Có phải là thuộc hạ của Mạc Thiên Tứ không?

Viên thông ngôn vội đáp:

- Tâu thánh thượng không ạ. Thần là người Nam, không phải khách trú.

Nhà vua trêu cợt thêm:

- Thế thì chắc chắn là có đi đạo với Thầy Cả (Bá Đa Lộc).

Viên thông ngôn lo sợ đáp:

- Dạ không. Thần con nhà lương. Cha mẹ làm nghề chài, lưu lạc qua tận Ấn độ sau một trận bão lớn.

Vua Thái Đức cười ha hả rồi bảo:

- Nói cho vui thế thôi. Dù Mạc Thiên Tứ hay Thầy Cả cũng không làm được cơm cháo gì đâu.

Lộc của họ Nguyễn Gia Miêu đã hết rồi.

Viên thông ngôn lo dịch lại một thôi dài các câu đối đáp. Chapman có vẻ thích thú trước lối đùa cợt của nhà vua, nên nghe xong, nhìn về phía Nguyễn Nhạc mỉm cười tỏ vẻ cảm phục. Nhà vua cũng gật đầu trả lễ, rồi bảo viên thông ngôn:

- Nay, tuy gốc gác anh ở tận nơi hiểm địa, nhưng anh nên nhớ mình là người Nam đấy nhé. Anh gắng dịch thế nào cho có lợi cho dân mình. Hãy nói với hấn là ta thật lòng muốn giao hảo với vương quốc Anh, nếu cần sẵn sàng có biệt đãi với người Anh hơn các người ngoại quốc khác.

Chapman nghe dịch xong tươi cười đáp lại:

- Xin cảm tạ thịnh tình của thánh thượng. Chúng tôi bạo gan muốn biết ngay một cách cụ thể những biệt đãi ấy, để mừng cho mối giao hảo giữa hai nước.

Nhà vua cười nhỏ, ranh mãnh bảo viên thông ngôn:

- Chính hấn muốn nói trịnh trọng khách sáo, hay anh dậm thêm mắm muối cho đẹp lòng ta đó?

Thôi, ăn nói cho giản dị đi. Bảo với hấn là ta sẵn lòng miễn thuế cho các tàu buôn Anh cát lợi.

Lúc này trước mặt vẫn võ bá quan, ta không tiện nói ra biệt đãi ấy. Dịch ngay cho hấn biết.

Viên thông ngôn làm nhiệm vụ. Nét mặt Chapman rạng rỡ hẳn lên. Hấn nói một thôi dài. Viên thông ngôn dịch lại đơn giản theo ý muốn của nhà vua:

- Ông ấy bảo được như vậy thật mừng. Ông ấy muốn biết ở đây có thể bán gì, mua gì với các tàu buôn nước Anh? Tiền bạc thanh toán thế nào?

Vua Thái Đức thu hẩn hai chân ngồi xếp bằng trên sập như đang ngồi bên chiếu bạc, xòe bàn tay trái ra, rồi dùng ngón trỏ tay phải điểm từng món hàng:

- Ở đây thiếu gì thứ quý giá mà các nhà buôn Anh cần mua: tiêu này, đậu khấu này, quế này. Quế Quảng Nam tốt nhất thế giới đấy nhé, lại còn gỗ mun này, ngà voi này, thiếc này. Còn nhiều thứ khác các tàu buôn Quảng Đông ra vào cửa Hội thích lắm, không biết người Tây dương có thích mua hay không? Như cau khô chẳng hạn, (nhà vua cười ha hả). Hỏi hẩn xem người Anh có biết ăn trà không? Sau khi nghe dịch, Chapman vội lắc đầu:

- Không, chúng tôi không cần cau khô. Những thứ khác chúng tôi cần lắm. Nhưng xin nhắc lại câu hỏi về cách thanh toán tiền nong. Dĩ nhiên chúng tôi không cần đến tiền quan của quý quốc.

Vua Thái Đức xòe bàn tay phải ra trước mặt Chapman đáp:

- Năm. Ta tính năm quan ăn một đồng Tây Ban Nha. Được chưa?

Chapman suy tính một lúc, rồi gật đầu đáp:

- Giá ấy vừa phải, không thấp mà cũng không cao, trừ trường hợp quý quốc thay đổi chính sách tiền tệ, hoặc mất mùa đói kém, đồng quan bị sụt giá. Nhưng những chi tiết đó, chúng ta sẽ giải quyết sau. Điều quan trọng chúng tôi muốn biết ngay là quý quốc muốn mua gì của chúng tôi.

Vua Thái Đức lại cười ranh mãnh đáp:

- Một con ngựa!

Sau khi nghe viên thông ngôn phiên dịch ra tiếng horse, Chapman trợn mắt hô hoán:

- Chỉ cần mua một con ngựa thôi sao?

Nhà vua cười đến ngả nghiêng, vỗ vai Chapman bảo:

- Chưa hết đâu. Hãy bình tĩnh, ông bạn mắt xanh tóc vàng. Trước hết ta cần ngay một con ngựa tía của Tây dương để làm giống. Loại ngựa tía tai nhỏ và thẳng đấy nhé. Ngay chuyến tàu buôn đầu tiên, ông bạn chở con ngựa giống đó đến cho ta. Ta thừa biết ông bạn trố mắt kinh ngạc vì chẳng lẽ cả một chiếc tàu ba cột buồm chỉ chở có một chú ngựa sang đây. Ta không quên đâu. Ta cần mua đồng, sắt, diêm sinh. Tiện hơn hết là bán luôn cho ta các tàu chiến và khí giới tối tân của Tây dương. Ta đang cần các thứ đó để dẹp yên bọn giặc cỏ ở Gia Định, khống chế Cao Mên và đòi lại cho được Thuận Hóa. Thế nào, liệu các ông có đủ tàu để chở đến đây bấy nhiêu thứ hay không?

Chapman cũng tỉnh ranh chẳng kém, hỏi lại:

- Liệu quý quốc có đủ tiền để trả cho chúng tôi không? nếu không có tiền Tây Ban Nha, thì liệu có đủ tiêu sọ, đậu khấu, quế, gỗ mun, ngà voi tương xứng với số hàng chúng tôi chở tới không? Quả nhiên, câu hỏi khiến Nguyễn Nhạc dàu dàu nét mặt. Nhưng nhà vua cũng cố vớt vát:

- Có đủ chứ. Có lẽ vì chưa tận mắt chứng kiến nên ông chưa tin lời ta. Ông cứ đi một vòng ra cửa Hàn, cửa Hội đi.

Chapman chớp ngay cơ hội tốt, xin nhà vua cấp giấy thông hành để ra Quảng Nam. Nguyễn Nhạc bằng lòng, hứa nội buổi chiều sẽ cấp cho phái bộ Chapman đầy đủ giấy tờ cần thiết.

*

* *

Cuộc tiếp đãi trân trọng của triều đình Tây Sơn đối với phái bộ Chapman không phải là trò chơi khăm của một ông vua xuất thân áo vải chân đất. Những lời hứa hẹn và nhượng bộ quá đáng của vua Thái Đức không phải là lời hứa hão. Nhà vua thật tâm muốn giao hảo buôn bán với các nước châu Âu, vừa để gia tăng thu nhập quốc dân nhờ những hàng hóa xuất khẩu vừa

để học hỏi các tiến bộ kỹ thuật hàng hải và quân sự của nước ngoài.

Nhà vua sa sầm nét mặt khi Chapman hỏi liệu triều đình có đủ tiền hoặc hàng hóa để trả cho bấy nhiêu nhu cầu nhập khẩu hay không, vì Chapman đã động đến mối lo cốt tủy của nhà vua. Thật vậy, anh em Tây Sơn khởi nghĩa và thành công do sự ủng hộ nồng nhiệt của những người chân đất nghèo đói, hoặc tiếp tục bám lấy mảnh đất cần cỗi để sống thoi thóp hoặc phải nuốt nước mắt lìa quê cha đất tổ lang thang nay đây mai đó kiếm miếng cơm, nhập vào đoàn người xiêu tán vốn đã đông đảo. Tình trạng kinh tế suy kém từ dưới thời Trương Phúc Loan còn tác oai tác quái, anh em Tây Sơn phải đưa tay nhận lấy như một thứ di sản cay đắng. Bao nhiêu năm bận rộn với các cuộc tranh chấp nội bộ, hết đối phó với mặt bắc lại phải quay về đối phó với mặt nam, đó là chưa kể đối phó với các vụ bội phản đầy nguy hiểm trong hàng ngũ mình, anh em Tây Sơn chưa có thời giờ suy nghĩ về các vấn đề kinh tế. Chính sách nông nghiệp vẫn không có gì thay đổi so với thời trước. Chủ trương lấy của nhà giàu cho nhà nghèo chỉ là biện pháp giai đoạn để thu phục nhân tâm, sau đó mọi sự trở lại như cũ. Trai tráng ở thôn xóm phần lớn gia nhập vào các đạo quân, sức lao động thiếu thốn trầm trọng trong sản xuất. Chiến tranh chà qua xát lại tàn phá nhiều vùng vốn phì nhiêu như Quảng Nam, Gia Định nên sản lượng sút giảm. Không lúc nào người dân ở các vùng tranh chấp cảm thấy đủ an cư để lạc nghiệp. Tầng lớp lao động chính là trai tráng lúc nào cũng ngày ngày lo toan cái ngày nhập ngũ, không thiết việc đồng áng. Cái cày, cây liềm giao cả cho người già và lớp phụ nữ. Diện tích canh tác thu hẹp lại dần theo đà tăng của các cuộc trưng binh. Nguyễn Huệ tuổi trẻ chỉ thấy những nhu cầu quân sự trước mắt, đã trách anh tại sao cứ để mặc cho Châu Văn Tiếp quấy phá suốt một dọc đất từ Phú Yên vào đến Bình Thuận, tuy thực lực của Châu Văn Tiếp chưa đáng là bao. Nguyễn Nhạc phải dùng một câu tục ngữ nôm na "liệu cơm gắp mắm" cho em thấy những hạn chế về mặt kinh tế, lương thực không cho phép mở ra nhiều cuộc hành quân lớn lao.

Đã đành theo nhận xét của Chapman thì phong cảnh Qui Nhơn thời đó có đầy đủ dấu hiệu thanh bình sung túc. Lúa xanh mượt khắp cả thung lũng bao quanh bằng những dãy núi cao, cây hồ tiêu trồng kín đến tận đỉnh đồi, ruộng lúa được tiếp tục chăm bón tươi tốt ngay cả trong thành. Triều đình lại không quá hoang phí, cách xây dựng cung điện, đền đài, thành quách đơn giản và tiết kiệm. Lính tráng cũng không phải mặc đồng phục, ai có gì mặc nấy, đội nón lá, đi chân đất. Trừ các cuộc lễ lạc long trọng mà vua Thái Đức cần biểu diễn sự hào nhoáng uy nghi phải có của một vương triều đầy sức sống như cuộc tiếp phái bộ Chapman, (Nhạc đã ra lệnh cho các quan phải mặc những bộ quần áo đẹp nhất, mới nhất), thường ngày cách sống của quan lại không cao hơn cách sống dân dã bao nhiêu.

Nhưng dù hết sức cần kiệm, tài ngân của vương quốc cũng bị sút giảm trầm trọng do cuộc chiến tranh tàn khốc tiếp nối chưa biết đến lúc nào dứt. Có thể nói từ lúc khởi dấy cho đến khi xưng đế, anh em Tây Sơn không được lấy một ngày thanh thản, một ngày để tùy nghi. Họ có quá nhiều kẻ thù, và kẻ thù nào cũng mạnh hơn họ về quân số lẫn vũ khí. Cuộc chiến đấu tàn khốc để sống còn bắt buộc họ phải mạnh tay phá vỡ một số nguồn tài nguyên có thể là cuống rún nuôi dưỡng cho triều đại của họ sau này. Đất Quảng Nam giàu có phần thịnh đồn đãi đến tận Quảng Đông, Phúc Kiến qua các tàu buôn ghé cửa Hội trở thành vùng đất đói và dịch. Rồi ngay cửa Hội cũng bị tàn phá, phố ngói san sát thuyền bè tấp nập trở thành một bãi sông hoang vắng lơ thơ mấy túp lều tranh khi Chapman đến thăm. Từ Phú Yên tới Bình Thuận biết bao đạo quân thù nghịch nhau lần qua chiếm lại, mỗi lần đổi chủ là một lần làng xóm vắng vẻ, vườn tược tiêu điều, tiếng khóc át cả tiếng cười đùa của trẻ thơ. Gia Định vùng đất mới liên

tiếp là bãi chiến trường đều đều mỗi năm, người dân chưa kịp dựng lại căn nhà vừa cháy đã bắt đầu lo cho chiến cuộc của mùa sau. Những người làm lịch sử ở mọi phe phái tưởng đã chủ động lèo lái lịch sử theo ý chí kiên quyết và lòng dũng cảm của mình. Nhưng chính họ cũng bị các biến cố liên tiếp của lịch sử cuốn đi, đẩy họ vào cơn lốc bạo tàn, kẻ yếu ngã gục, kẻ mạnh qua được cơn thử thách để bàng hoàng nhận thấy sự bất lực rời rã của mình trước các hậu quả khốc liệt của cơn lốc. Họ chùn chân lại, bắt đầu đặt ra các câu hỏi, lo lắng, sốt ruột trước mớ bong bong phức tạp của thực tại. Họ chịu khó kiên nhẫn nghe ngóng, họ nhũn nhặn, dè dặt hơn. Họ bắt đầu biết nói những câu đại loại như "liệu cơm gắp mắm". Chính đó là tâm trạng của vua Thái Đức sau khi xưng đế năm Mậu tuất (1787), vào thời gian phái bộ Chapman đến Qui Nhơn. Cuộc thất trận của Tổng đốc Chu và Hộ giá Phạm Ngạn ở Gia Định, các hoạt động dai dẳng của Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận, ý đồ khôi phục của Nguyễn Ánh, và nhất là đời sống ngày càng kham khổ của dân nghèo ngay hai bên đường vua ngự đã khiến Nguyễn Nhạc băn khoăn trăn trở.

*

* *

Sau ngày ông giáo gánh nặng gia đình. Chị chưa hề được chuẩn bị để đón nhận trách nhiệm ghê gớm ấy. Đáng lý vào những ngày đầu sau ngày chồng bị câu lưu, An phải chới với tuyệt vọng như một người bị sa lầy kinh hãi nhìn cái chết ngập dần ngập dần lên đến ngực, vai, cổ, miệng, mũi mà không còn cách nào kêu cứu. Nhưng lòng tự ái bị xúc phạm đã vực An dậy. Cho rằng những người quyền thế muốn đùa cợt bằng cách chà đạp lên cuộc đời chị, An mím môi lại, xấn tay áo lên, kiêu hãnh nhìn thẳng vào đời sống khốn khó với đôi mắt thách thức. Không cần nhờ vả ai, cũng không cần hỏi ý kiến ai, An trở lại nghề hàng xáo đã bỏ từ thời còn ở An Thái.

Thân thể mảnh dẻ yếu đuối, lại vừa mới qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh, An đã liều lĩnh lựa chọn một nghề cần đến nhiều sức lực và tài xoay trở. Cả hai điều kiện cần thiết ấy của nghề nghiệp, An đều thiếu. Nhưng thế cùng đã làm nảy sinh nơi An những tiềm lực bất ngờ. Qua một thời gian đầu khó khăn An quen dần với công việc. Vai chị quen với cái đòn gánh sáng bóng mồ hôi và oằn xuống vì đôi thúng gạo. An cũng quen dần với nắng gió, ăn uống thất thường, và những va chạm với bạn hàng do cạnh tranh nghề nghiệp. Chí quật cường không cho phép chị thua cuộc. Chị nhắm mắt dần tới, và sự liều lĩnh của chị hoặc khiến người ta sợ hãi thực sự, hoặc đã khiến người ta thương hại nhường nhịn, nhờ thế An tìm được một địa điểm tốt hơn để bày hàng, tranh mua được những nguồn cung cấp gạo và bắp đậu khá đều và rẻ, cũng như có riêng được một số khách mua nhờ tài ăn nói và trí thông minh của chị.

Những khó khăn về kinh tế triều đình không giải quyết nổi, ngược lại là cơ may cho An. Lương thực ngày càng khan hiếm nên giá cả rất thất thường. Đã thế sự phân vùng về chính trị đã khiến cho việc giao lưu hàng hóa từ chỗ này sang chỗ khác gặp trắc trở. Gạo của Qui Nhơn không đem được ra Quảng Nam Quảng Ngãi. Bò trâu ở Phú Yên, Bình Khang không được phép vượt Cù Mông. Các ghe chài thường xuyên bị trưng dụng vào việc binh nên số cá trên thị trường sụt giảm. Nhiều lúc cá đánh được đầy thuyền nhưng không có phường rồi hoặc ghe nhỏ chở lên bán ở vùng giáp nguồn. Giá cả mọi thứ ở phủ này chênh lệch quá xa với phủ khác, huyện này với huyện khác. Tình trạng đó là cơ hội tốt để những con buôn chuyển giỏi luồn lọt, lo lót cho các quan thu thuế và bọn mã phu chở hàng từ chỗ này sang chỗ kia thu được các món lời khổng lồ. Trong khi đó người làm ruộng, đánh cá cũng như dân tiêu thụ ở chỗ phố phường chịu nhiều thiệt hại vì giá cả không hợp lý.

Nhờ óc thông minh theo thời cuộc đoán ra biến động sắp tới của giá cả, An liền tiếp trúng được những món lời lớn. Việc buôn bán phát đạt trông thấy. Từ một gian hàng lèo tèo vài mủng gạo hẩm, đậu đen, bắp tẻ bày ngay dưới gốc bàng sát lối qua lại, An dựng được một cái lều tranh ở gần trạm xe ngựa. Mặt hàng tăng thêm, An có thể mua bất cứ loại ngũ cốc nào với số lượng lớn, và có thể đủ gạo để bán liền cả một chuyến ngựa thồ. Khi gặp mỗi, chị còn dám buôn cả đường Quảng Ngãi, quế Quảng Nam, hoặc măng le đầu nguồn. Những người quen biết cũ không thể nhận được ra chị. An đen hơn, người mập ra, quần áo xốc xếch lòi thối. Nhưng biến đổi quan trọng nhất vẫn là tính xông xáo lạnh lùng, sự tính toán trong cách nhìn đời. Trong cơn hoạn nạn, đầu tiên lòng tự ái vực chị dậy, sau đó sự tham lợi thúc chị chạy quanh, quên cả mệt nhọc và cái quá khứ "cấm cung" yếu đuối của mình.

Người thân thuộc cũng ngỡ ngàng trước biến đổi của An. Mấy năm khó khăn ấy, quán rượu của Kiên cũng đông khách nhờ bọn mã phu kiếm được rất nhiều tiền trong các vụ chuyên chở lương thực lén lút. Họ vung phá tiền bạc qua các cuộc rượu chè. Cảnh nhà quá ồn ào, ngày nào cũng xảy ra những cuộc ẩu đả, Kiên tìm cô tịch bằng cách lấy có qua Bằng Châu giúp em gái trông nom vườn tược và các cháu bé. Kiên khuyên An nên để bé Thái ở nhà cho con ở giữ. An ngoan ngoãn vâng lời anh, nhưng thằng Phát càng lớn càng hay nghịch, nhất định đòi theo mẹ ra chợ để được ăn quà, và đùa giỡn với đám ngựa thồ. Nó nhiễm nhiều tật xấu ở chợ búa: tật ăn vặt, tật lười biếng, tật vô phép với người lớn, tật ưa chửi thề theo cách tục tĩu của bọn phu ngựa và phu khuân vác. Đó là chưa kể cái tính nông cạn và ba hoa lẫn lộn di truyền từ người cha.

Nhiều hôm Kiên trách em đã không lo lắng gì cả trong việc giáo dục đứa con trai đầu. Anh ngạc nhiên biết bao khi nghe An khoe khoang những lời bóp chát của thằng bé đối với những khách hàng lắm mưu mẹo tinh ranh của mẹ. Kiên chỉ biết thở dài, quay sang săn sóc âu yếm con bé Thái.

Con bé càng lớn càng giống mẹ, nhất là đôi mắt và khuôn mặt. Sau những giờ tìm chỗ vắng vẻ để trầm tư, hoặc tiếp tục cuộc thử thách cam go để hòa nhập vào sự nhất quán của vạn vật, Kiên thường lấy việc thủ thỉ trò chuyện với bé Thái làm thú vui cho mình. Trong thâm tâm, anh vẫn tiếc rằng em gái đã thay đổi tính nết, nhưng đồng thời anh phải cảm phục tài xoay xở quán xuyến của An.

*

* *

Phần Lãng, thì anh thất vọng não nề. Lãng không tìm ra chị nữa! Lãng bất lực không thể giữ An lại nguyên vẹn như thời trước, và mỗi lần hai chị em gặp nhau, câu chuyện trao đổi giữa hai người gượng gạo, rời rạc như cuộc đối thoại giữa hai người điếc. Một hôm Lãng hí hửng báo cho An tin vui:

- Hôm qua tướng quân có hỏi thăm chị đấy!

An lơ đãng hỏi:

- Tướng quân nào?

Lãng trở mắt nhìn chị:

- Còn tướng quân nào nữa! Trí óc chị để đâu thế?

An tiếp tục đếm số tiền kẽm bỏ vào cái hộp giấy:

- Sao bỗng dưng ông ấy hỏi thế? Góm, tiền gì mà rỉ hết cả. Càng ngày tiền đúc càng mỏng dính, chắc có lúc gió thổi bay đi mất. Hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi lăm. Hay mày lại xun xoe

gạ chuyện để xin xỏ người ta chứ gì! Mày có xin cho mày thì tùy, nhưng tuyệt đối không được nhắc đến tao. Hai mươi chín, ba mươi, ba mươi mốt. Lại tiền rỉ. Buôn bán kiểu này chắc có ngày vỡ nợ. Ba bảy... Ừa, cái dây xâu tiền đâu rồi. Lại thằng nhỏ Phát... Nhưng ông ấy hỏi gì nữa? Lãng nhật cái dây mây bị gió thổi rơi xuống gầm chõng, đưa cho An, nhăn mặt vì thái độ dừng dưng của chị. Dù không muốn, Lãng cũng phải tiếp:

- Anh ấy hỏi độ rày sức khỏe chị ra sao?

- Đủ rồi. Xâu giùm cho tao đi. Hỏi thăm sức khỏe! Vẽ chuyện! Chắc không có chuyện gì để sai bảo mày, mà đuổi mày đi cho khuất mắt thì bất nhẫn, nên mới quay ra hỏi chuyện trời mưa trời nắng. Đồng kẽm đó vỡ rồi à. Thôi vất đi, thay đồng này vào cho đủ xâu. Ờ, tao chẳng biết đến lúc nào người ta mới vất mày đi như vất một đồng tiền kẽm rỉ mục.

Lãng giận quá, giọng cáu kỉnh:

- Chị nói hay chưa! Chị có biết anh ấy đối đãi với em ra sao đâu mà ăn nói độc địa vậy. Vì chuyện anh Lợi mà chị mất cả bình tĩnh. Chị thay đổi hẳn tính tình. Thú thật, em không nhận ra chị nữa. Chị xem mọi người giống như những bọn mã phu lưu manh và bọn con buôn lường đảo hàng ngày bu quanh chị như đàn ruồi.

An bĩu môi chua chát:

- Phải. Mày nói đúng. Tất cả mọi người, kể cả tao cả mày, kể cả cái bọn mặc áo lụa đi kiệu mà mày xem như thần thánh, đều là ruồi nhặng tất. Ba năm lẫn lóc để kiếm sống làm cho tao sáng mắt ra. Tao nhìn thấy tim đen của mọi người. Chúng nó cần gì trước tiên? (An hốt một nắm tiền kẽm ném tứ tung trước mặt em). Đó, tiền. Tiền. Tiền. Có tiền trong tay, mày có thể vút thẳng vào mặt chúng nó, chúng nó chẳng những không dám giận mà còn hí hửng rớt rít cảm ơn mày nữa. Bài học tao học được sau ba năm đi buôn đấy!

Lãng vất xâu tiền vừa xâu xong trả về phía An, gằn giọng nói:

- Chị ở giữa đám ruồi nhặng, bùn lầy quen rồi, nên nhìn đâu cũng thấy dơ bẩn, ở đâu cũng nồng nặc mùi thối.

An ngược mắt lên, đôi mắt long lanh gần như hung dữ, thách thức:

- Mày thấy ở đâu thơm, nói cho tao biết đi! ở đâu? Lúc nào?

Lãng đáp ngay:

- Ở chỗ mà chị đã bỏ đi. Vào lúc, vào cái thời mà chị không dám nhớ lại nữa. Như thời An thái.

An cười nhỏ, chậm rãi nói:

- Đó là cái thời ta còn ngu dại. Mày nhắc lại tao thêm trên. Tại sao lúc ấy mình ngây thơ đến thế! Mình cung kính trước những gì mình tưởng là cao thượng, hợp lý. Mình phần nộ trước sự tầm thường, hèn nhát, không thành thực. Lầm, lầm hết. Mình mù lòa mà tưởng sáng suốt. Bây giờ tao học được nhiều điều ở bọn mã phu chuyên buôn hàng lậu. Chúng không cần nói nhiều. Chúng biết các ngài muốn gì sau bao nhiêu lời quanh co văn hoa, và bộ điệu oai vệ nghiêm trang. Không cần nói nhiều, chúng vất ra một túi tiền. Mọi sự trót lọt, cả hai bên đều vui lòng.

Lãng tức quá, cãi lại:

- Đó là những điều xấu xa mà ở thời nào cũng có, như nhà nào cũng có rác. Chỉ khác là tùy ăn ở sạch sẽ hay không mà rác rưởi ruồi nhặng nhiều hay ít. Nhưng không phải vì cả đồng rác ở trong xó tối mà nói đại rằng nhà này không có bàn thờ. Thời nào, ở đâu cũng phải có những điều lý tưởng, bất biến, vĩnh hằng như là chân lý.

An cười khinh bạc:

- Lý tưởng! Chân lý! Lý tưởng là thứ gì? Chân lý là thứ gì? Mày muốn nghe bọn mã phu định

nghĩa mấy cái chữ hào nhoáng lòe loẹt đó không? Lý tưởng là cái mình tưởng có lý. Chân lý là cái lý có chân. Ha ha! Bọn mã phu đúng là bọn thầy đời!

Lãng dăm dăm nhìn An, rồi mạnh dạn nhận xét:

- Bây giờ em mới hiểu vì sao chị bằng lòng lấy anh Lợi. Chị giống anh ấy như hai giọt nước. An cho lời em là một lời phỉ báng cả hai vợ chồng mình. Đột nhiên An giận run lên. Chị vút mạnh xâu tiền xuống mặt chõng, giọng run run, lắp bắp:

- Không... không có những bọn "hạ cấp" như hai vợ chồng tao thì cả nhà này cạp đất mà ăn. Mà lên giọng khinh khi anh Lợi? Suốt bao nhiêu năm ai lo lắng bát cơm thang thuốc cho cha? Ai lo chuyện tống táng? Anh Kiên hay là mày? Nói đi! không có hai vợ chồng tao làm bánh xe lăn lộn trong bùn thì mày có được ngồi yên trên xe để huyênh hoang chuyện lý tưởng hay không? Mày không được giở cái giọng đó ra với tao nữa! Người ta đã giúp được gì cho gia đình này? Cho cha, cho anh Kiên, cho tao? Kể đi!

Lãng không kể được. Vì những gì anh muốn nói, Lãng biết chắc An không còn hiểu nổi nữa. Đưa tay đẩy đồng tiền về phía An, Lãng nói:

- Chị nổi giận rồi, em có nói chị cũng không nghe lọt tai đâu. Thôi, ta đừng cãi nhau, vô ích. Em chỉ tin cho chị biết việc này. Hình như nhà vua lại sắp vào Gia Định. Chị thử xin gặp quan Tiết chế, để... để xin tha cho anh Lợi. Như một cách đái công chuộc tội. Quan Tiết chế vẫn thường khen ngợi cái tài tổ chức nhanh nhẹn và quán xuyến của anh Lợi trong vụ vận lương năm Bính thân (1776). Chị thử xin xem sao!

Nói xong, Lãng đứng dậy bỏ đi.

*

* *

Ngay đêm hôm đó, An làm một con tính. Cái tin Lãng cho biết không phải không có chút giá trị nào. Tại sao không? Nếu Lợi được thả ra, với cái tài giao thiệp và xoay xở ấy, với kinh nghiệm ấy, trong giai đoạn kinh tế bất thường này... sức lực hai vợ chồng cộng lại nhất định phải đưa số lợi hằng ngày tăng lên gấp đôi, gấp ba, hoặc nhiều hơn nữa. Hoặc có thể y như trước đây, chỉ một mình Lợi xoay xở cũng đủ nuôi sống cả gia đình, và An sẽ được an nhàn lo lắng dạy dỗ các con. Chị bắt đầu nhận thấy cuộc sống xô bồ ở đầu chợ bến ghe đã ảnh hưởng xấu đến tính tình con cái, nhất là thằng Phát.

Cho nên sáng hôm sau, An nhất quyết nghỉ bán hàng một hôm để xin gặp quan Tiết chế Nguyễn Lữ. Không nói gì với Lãng cả, An lặng lẽ thực hiện ý định một mình. Chị chọn một bộ quần áo tồi tàn nhất, tóc tai để mặc cho dã dượi để gọi lòng thương xót của quan Tiết chế. Chị cũng định ẵm theo cả bé Thái như trước đây chị đem nộp giấy khiếu oan cho bộ Hình. Trong lúc chờ con Gái cho bé Thái ăn cháo, An kịp suy nghĩ lại dự tính của mình: Sao lại tìm gặp quan Tiết chế? Mà không gặp ngay Long Nhương tướng quân? Còn gì nữa đâu mà phải e ngại! Nếu tính đến cơ may thành công, thì gặp Nguyễn Huệ có lợi hơn gặp Nguyễn Lữ. Nhanh chóng như phải quyết định ngay một vụ mua bán, An vào buồng thay đổi quần áo. Chị chọn một bộ áo lụa bạch may từ hồi đám cưới, lục lợi khắp các góc tủ để tìm lại hộp trang điểm. An chải kỹ mái tóc, dồi phấn thoa son. Con Gái ngạc nhiên không kịp nhận ra cô chủ nữa. An bảo nó:

- Thôi, để em ở nhà cho khỏi nắng. Cô đi một mình.

Con Gái rụt rè khen:

- Cô đẹp quá. Cô đi đâu hở cô?

An đỏ mặt vì sung sướng và ngượng ngùng, liếc nhìn khuôn mặt của mình trong gương, rồi

đáp: - Có việc. ở nhà coi chừng thằng Phát.

An đi một mạch đến dinh Long Nương tướng quân với lòng rộn rã, thanh thản lạ thường. Chỉ tự thấy mình đổi khác, nhưng chưa đủ trầm tĩnh để hiểu đổi khác ở đâu.

An qua trạm gác không chút khó khăn, và cũng không gặp chút trở ngại nào khi giục người lính hầu của Nguyễn Huệ vào bẩm với chủ tướng cho An được yết kiến.

Lúc đó Nguyễn Huệ đang tiếp một tùy tướng mang tin mặt trận Bình Khang về Qui Nhơn (mùa hạ năm 1781). Huệ hỏi viên tướng trẻ có khuôn mặt chữ điền và đôi mắt hơi xếch.

- Bọn Thanh, Vĩnh ở Phú Yên có vào kịp tiếp ứng cho Châu Văn Tiếp không?

Viên tùy tướng đáp:

- Bẩm tướng quân, chưa kịp. Có lẽ chúng không liên lạc được với Gia Định!

Nguyễn Huệ cười, lục tìm một mẫu giấy đưa cho viên tùy tướng rồi nói:

- Anh lầm rồi. Đây, anh xem thư Châu Văn Tiếp gửi cho chúng nó đây. Để ta đọc luôn cho anh nghe nhé: "Vừa rồi, khi về triều kiến, vương thượng đã ban cho Tiếp chức đại tướng để điều khiển các đạo quân ra đánh Tây Sơn. Nay ta đang duyệt binh và sắp đặt khí giới cho mọi sự được sẵn sàng. Tướng sĩ ta ở lại ngoài ấy, hoặc ai có thiếu thốn đồ dùng, các ông cứ giúp đỡ họ, bao giờ Tiếp ra, Tiếp sẽ trả lại cho bội hậu". (1) Gớm nhỉ! Chưa đánh đã tính đến chuyện thưởng công. Đúng là mảnh lới của tên con buôn Đồng Xuân phản trắc. Hắn đem quân Gia Định ra đóng ở đâu?

- Bẩm tướng quân, theo lời khai của một tên tướng bị ta bắt thì trận này chúng nó định đánh lớn. Cả ba đạo quân được điều động. Một đạo do Châu Văn Tiếp kéo từ Gia Định ra đóng tại Diên Khánh. Một đạo của Nguyễn Phúc Dụ từ Bình Thuận ra tiếp ứng cho Tiếp, đóng ở Hòn Khói. Một đạo thủy quân do Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng chỉ huy, dự định xuất phát từ Gia Định phối hợp với hai đạo bộ binh kia vây đánh Bình Khang và chặn đánh thủy quân ứng cứu của ta. Nhưng không hiểu vì sao đạo thủy quân này không ra được.

- Anh đã tra hỏi kỹ bọn tù binh chưa?

- Dạ rồi, nhưng chính chúng nó cũng kinh ngạc không hiểu vì sao.

- Sau khi bị tượng binh của các anh đánh cho tan tác, tàn quân của chúng chạy về ngã nào?

- Nguyễn Phúc Dụ chạy về lại Bình Thuận. Còn Châu Văn Tiếp nghe đâu đã chạy ra căn cứ cũ của hắn ở Chà Rang.

Nguyễn Huệ gật gù, dăm chiêu suy nghĩ:

- Lại Chà Rang. Cái hang ổ này cứ dây dưa mãi. Trước sau gì cũng phải quét một lần cho xong. Nhưng việc trước mắt là tìm hiểu ngay do đâu thủy quân của tên Chủng không ra Bình Khang. Hắn tốn bao nhiêu công lao gầy dựng được mấy vạn thủy binh trên bốn trăm bảy mươi chiếc thuyền các loại, và vài chiếc tàu Tây dương (2) không lẽ vô có sai hẹn với quan "đại bại" Châu Văn Tiếp. Ta sẽ tìm hiểu việc này. Phần các anh, về Bình Khang cũng phải dò xét gấp, có tin báo về đây ngay nhé.

Vừa lúc ấy, người lính hầu vào trình với Nguyễn Huệ "có con gái ông giáo Hiến" xin được yết kiến tướng quân. Huệ không tin ở tai mình. Dù đã trải qua biết bao cơn nguy hiểm, kề cận bao lần với cái chết, lần này đột nhiên Huệ sợ hãi vu vơ. Ông liếc nhìn cả viên tùy tướng lẫn người lính hầu, sợ họ thấy được vẻ mặt xúc động của mình. Nguyễn Huệ bảo người lính hầu:

- Được. Ra mời bà ấy vào đây.

Rồi quay về phía viên tướng Bình Khang, Huệ nói:

- Xong rồi. Anh nhớ lời ta dặn rồi chứ?

Viên tuyền tướng ra khỏi, Nguyễn Huệ cảm thấy ngộp thở, phải đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Có thể như thế được sao? Nàng đã gặp chuyện gì để phải đến đây gặp mình? lâu nay nàng vẫn tránh gặp ta mà! Nàng có gặp điều nguy hiểm gian nan nào không? Có tiếng chân bước nhẹ ngoài cửa phòng. Tim Huệ đập dồn dập. Ông vội quay lại. An đã đứng đó: màu áo lụa bạch, đôi má hồng, ánh mắt buồn như sắp bật khóc, tấm thân nhỏ nhắn yếu đuối! Nguyễn Huệ tưởng như thời gian lùi trở lại tận cái thời ông liền vượt lệnh anh đưa quân dẫn sâu xuống An Thái. An vẫn đứng đấy, đôi mắt bối rối sau bao năm mặt đối mặt với con người hết sức quen thân mà cũng hết sức xa lạ. Phải cố gắng lắm Nguyễn Huệ mới thốt được câu hỏi vô nghĩa:

- An đấy phải không?

An cũng xúc động, gần như choáng váng trước hình ảnh vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt da ngăm răn rỏi vận bộ nhung phục màu đỏ, lưng thắt một dải gấm vàng đang dăm dăm nhìn mình. Bao nhiêu quyết tâm bạo dạn của An biến đâu mất hết! An cảm thấy mình nhỏ nhoi, yếu đuối, luyến tiếc, tủi thân, bất giác nước mắt từ từ lăn xuống má.

Thấy An khóc, Huệ càng cuống lên. Ông vội đẩy chiếc ghế đệm bọc gấm xanh về phía An, dịu dàng bảo:

- An ngồi xuống đây đã. Lâu nay vẫn thường chứ?

An đang thút thít khóc, không trả lời được, chỉ gạt đầu, đưa tay áo lên chạm nhẹ lên hai má.

Huệ lại hỏi:

- Các cháu vẫn khỏe?

Bây giờ An mới đáp được mấy tiếng:

- Dạ. Vẫn khỏe.

- Nghe Lãng nói đứa lớn khó nuôi lắm. Nó lên mấy rồi? Lên sáu thì phải? - Dạ, lên sáu.

Huệ thở dài, giọng thật buồn:

- Chóng nhí. An mới đi lấy chồng đây, thoát một cái đã hơn sáu năm. Lãng cũng bảo cháu gái sau giống An lắm.

- Dạ vâng. Bé Thái nó...

Huệ vội hỏi:

- Tên Thái à? Thái... Tên hay đấy!

An đỏ mặt vì xấu hổ, không dám ngừng lên nhìn Huệ. Hai người bồi hồi im lặng, một lúc lâu cả hai không tìm được gì để nói, đúng hơn là không dám nói những điều muốn nói hết cho nhau.

Huệ nhìn vẻ bối rối của An, ân cần hỏi:

- An có cần... có cần tôi giúp gì không?

Rồi như sợ câu hỏi quá sỗ sàng tự đại làm méch lòng thiếu phụ, Huệ tiếp:

- Suốt đời tôi vẫn không bao giờ quên ơn giáo dục và lòng thương yêu của thầy.

An quên hết những tính toán lạnh lùng, quên cả những ý nghĩ cay đắng và chua chát về thế thái.

An trở thành An của thời cũ, với đầy đủ lòng tin vào cuộc đời, ước vọng được hạnh phúc và sống thật trọn vẹn một cuộc đời ý nghĩa. Ôn lại mấy năm gian truân, lăn lóc, ôn lại những mất mát, những tuyệt vọng, đột nhiên An lại bật khóc. Giọng nói của An bị ngắt quãng vì những tiếng nấc:

- Em khổ quá. Một mình, nuôi cha già yếu, rồi nuôi hai đứa con dại... Biết thế này, thà...

An không thể nói được hết câu. Huệ xót cả lòng, bảo An:

- Tôi cũng cố gắng, nhưng có nhiều việc không thể làm được. Kể cũng quá lâu rồi. Đã tròn ba

năm... An vẫn đi thăm nuôi đều đặn chứ?

- Dạ vâng.

Huệ nói nhỏ, như tự nói với mình:

- Ba năm. Lâu quá rồi.

An ngừng lên, lấy hết can đảm nói:

- Tướng quân giúp em. Em đã gần mỏi mòn kiệt sức. Hai đứa bé thì càng ngày càng lớn, cần có cha để dạy dỗ. Nếu cần sai anh ấy làm bất cứ việc gì, cho dù nguy hiểm đến đâu, để lấy công chuộc tội, anh ấy cũng sẵn sàng. Tướng quân...

An chỉ nói được bấy nhiêu. Nhưng cũng đã đủ lắm rồi! Nguyễn Huệ không chút do dự, vội vã hứa:

- Tôi hiểu. Tôi hiểu tình cảnh đơn chiếc của An trong ba năm qua. Được rồi. Thế nào tôi cũng cố gắng hết sức để An vui lòng.

An vui mừng ngược lên nhìn Huệ. Qua màn nước mắt, An thấy Huệ mỉm cười, đôi mắt sáng lên vì xúc động. Chị đứng dậy, lí nhí nói:

- Cảm ơn tướng quân. Mẹ con tôi nhớ ơn tướng quân đời đời.

Rồi không chờ Huệ trả lời, An vội vã bước ra phía cửa. Chị không muốn Nguyễn Huệ nhìn thấy những giọt nước mắt sướng vui của chị!

(1) Chính biên liệt truyện, quyển 6, 23a

(2) Theo thư của Giáo sĩ Ginester viết ở Sa Đéc năm 1784

Mùa đông năm Nhâm Dần (1782), tình hình kinh tế suy sụp vì nhu cầu quốc phòng đòi hỏi triều đình Tây Sơn phải có những quyết định cấp bách. Tin tức Gia Định đưa về không mấy vui. Tuy hai đạo bộ binh của Châu Văn Tiếp và Nguyễn Phúc Dụ đã bị quân tượng ở Bình Khang đánh cho tan tác, nhưng hình ảnh những chiếc tàu chiến Tây Dương cỡ lớn lảng vảng ngoài khơi Hòn Khói về sau vẫn còn được xì xào bàn tán trong quân đội Tây Sơn như một đe dọa khủng khiếp. Thế mà tin từ miền Nam báo về cho biết Nguyễn Ánh đã thuê được nhiều tàu chiến Tây Dương loại ấy, sắp quyết một trận sống mái với Qui Nhơn. Thắc mắc của Nguyễn Huệ về đạo thủy quân hùng hậu của Tổng Phước Thiêm, chẳng bao lâu đã được giải tỏa. Nghe tin Nguyễn Ánh đã giết Đỗ Thành Nhân và quân Đông Sơn nổi loạn làm trở ngại cho kế hoạch tấn công Bình Khang mùa hè vừa qua, vua Thái Đức vui mừng reo lên: "Hữu Phương đã chết, ta không còn gì phải lo ngại nữa".

Sự thuận lợi về mặt quân sự, cộng với tình trạng thiếu lương thực trầm trọng ở mấy phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn đã thúc đẩy nhà vua quyết định tấn công Gia Định lần nữa. Sau hơn ba năm ngưng tấn công Gia Định vì không đủ điều kiện quân lương, bây giờ, chính sự thiếu thốn quân lương bắt buộc nhà vua phải đích thân cầm quân đánh Gia Định.

Việc chuẩn bị cho cuộc tấn công dự tính vào mùa xuân năm sau thật rầm rộ, không cần giấu diếm. Dân phu được trưng dụng tối đa để dẫn gỗ, đóng thuyền. Lệnh tuyển lính xao động khắp nơi. Trên sông, trên biển, rộn ràng những cuộc diễn tập, nhất là lối đánh hỏa công. Triều đình động viên toàn lực của dân chúng để chuẩn bị kỹ càng cho cuộc tấn công lịch sử, nên chính sách có vẻ hòa hoãn, thoải mái hơn trước. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, vua Thái Đức cũng nhắc nhở đến sự đoàn kết chân thành, tình thương yêu đùm bọc giữa những người chân đất, giữa những kẻ đồng hương, để sẵn sàng tiêu diệt kẻ thù chung. Câu chuyện bó đũa đã thành một đề tài thời sự, đi đâu cũng nghe truyền tụng: cha dạy con, chồng dạy vợ, thầy dạy trò, quan huyện hòa giải nguyên cáo và bị cáo, trương tuần giải quyết việc xô xát... Mọi người đều muốn chứng tỏ lòng bác ái, tình thương yêu đồng loại, sẵn sàng bỏ qua những tị hiềm để đoàn kết chặt chẽ với nhau. Đoàn kết, hỉ xả trở thành một thứ thời trang, hay nói nôm na như bọn mã phu, như một thứ thuốc cao trị bá chứng.

Lợi được giải thoát một phần nhờ ở cơn sốt đoàn kết ấy. Sau ngày Long Nhương tướng quân tiếp An tại dinh, ông bồn thần suốt mấy hôm vì chưa nghĩ ra cách nào hữu hiệu nhất, nhanh chóng nhất để cứu Lợi. Ông biết sau ba năm, thực sự mọi người đã quên Lợi rồi. Lợi không còn là một "vấn đề". Anh ta đã bị gạt ra ngoài, bây giờ bệnh Lợi hay chống Lợi cũng không có ích gì, nên không ai nhắc nhở đến Lợi nữa. Nhưng Nguyễn Huệ cũng biết vào địa vị tể nhị của ông, nếu đích thân ông can thiệp cho Lợi thì ngay sau đó, Lợi trở thành cái đích cho sự yêu ghét mĩa

mai đàm tiếu hoặc thương xót. Cái gút của mọi rắc rối nằm ở bộ Hình. Ông có thể can thiệp thẳng với Bùi Văn Nhật, anh vợ của ông không? Có và không. Tất nhiên quan Hình bộ không gặp phiền phức nào khi trả tự do cho Lợi. Nhưng sau đó, chính Nguyễn Huệ sẽ gặp nhiều điều phiền phức. Kinh nghiệm sau đám tang ông giáo cho Huệ biết chắc như vậy.

Nguyễn Huệ bóp trán tìm giải pháp thích hợp nhất. Và ông đã tìm ra. Nhân một buổi họp chung để bàn kế hoạch tiếp lương cho các đạo quân sắp dự trận, Huệ khéo léo nhắc lại cái tài tổ chức của Lợi cho quan Hộ giá Phạm Ngạn nghe.

Ban đầu, Phạm Ngạn tỏ ra bối rối, rồi lại giả vờ như không chú ý vào câu chuyện. Long Nhương tướng quân không phải là người dễ dàng chịu thua cuộc. Ông ví viên Hộ giá vào thế bí. Ông đưa đẩy Phạm Ngạn đến chỗ đành phải chịu nhận một sự thực: Phạm Ngạn không có khả năng cầm quân xông trận, nên dù nhà vua có ưu ái biệt đãi thì cũng chỉ dám giao cho việc quân lương. Đây là một công tác phức tạp, đòi hỏi óc tổ chức và tinh thần trách nhiệm. Bụng đói thì lười giáo phải mềm. Liệu một mình Phạm Ngạn có cáng đáng nổi gánh nặng trách nhiệm ấy không? Nếu cần một viên phụ tá, thì tìm ai đây? Ai đã từng có nhiều kinh nghiệm trong công việc này? Phạm Ngạn rụt rè nhắc đến vài cái tên, cuối cùng mới nhắc đến Lợi. Nguyễn Huệ làm bộ kinh ngạc hỏi lại:

- Lợi à? Hắn đang bị tội mà. Hơn nữa, chính ông đưa hắn đến cửa ngục, ông quên sao?

Viên Hộ giá vội vã chối hết trách nhiệm, bảo rằng Lợi bị bắt lúc ông cùng với Tổng đốc Chu đi đánh Gia Định, rằng trước sau ông vẫn thương mến và cảm phục tài tháo vát của Lợi, rằng sở dĩ Lợi gặp nạn là do dân phu làm đơn tố cáo lên bộ Hình. Nguyễn Huệ khéo léo vây bủa đến nỗi cuối cùng, để thanh minh mình hoàn toàn vô can trong vụ Lợi, viên Hộ giá sẵn sàng đứng ra xin giải oan cho Lợi, và mời anh ta về làm phụ tá lo việc tiếp tế lương cho mình.

Mọi sự xảy ra sau đó đều đúng với dự định của Nguyễn Huệ. Cơn sốt "đoàn kết, thiện cảm" thúc đẩy cho diễn tiến được nhanh hơn, gọn hơn. Đích thân viên Hộ giá tâu trình đề nghị ân xá lên nhà vua. Nhà vua truyền lệnh cho bộ Hình. Bùi Văn Nhật truyền lệnh cho viên giám ngục. Lợi được phóng thích tháng Bảy năm 1782 không đầy nửa tháng sau cuộc hội kiến đáng nhớ giữa Long Nhương tướng quân và An.

*

* *

Lợi được phóng thích đột ngột, bất ngờ y như lúc anh bị bắt. Những người dự vào cuộc vận động kín đáo để trả tự do cho anh, từ Long Nhương tướng quân, Hộ giá Phạm Ngạn, cho đến quan Hình bộ đều không muốn người khác biết mình có dính dáng đến việc này, nên Lãng không hề biết trước để báo cho chị mừng. Phần An, vì tự ái, chị cũng giấu em buổi hội kiến hôm ấy.

An không có gì đáng phải khoe khoang với Lãng. Sau khi nói với em những lời chua chát, độc địa, An sợ nếu Lãng biết mình đã tìm gặp Huệ, chắc hẳn Lãng sẽ chê cười mình giả dối, trơ trẽn. Vả lại, cuộc hội kiến cũng tạo cho An những băn khoăn, ray rứt mới. Chị như một người đang cầm cúi đi, đột nhiên khựng lại, ngơ ngác tự hỏi: ta đang ở đâu? ta đi đến đâu? Trước khi gặp Huệ lòng chị dứt khoát, ý tưởng của chị rạch ròi phân biệt cần nhắc lợi hại hơn thiệt, lời lẽ. Chị vững tin ở mình, khinh miệt cái thế giới mờ lung huyền hoặc của những ý niệm chân lý, cao thượng, vị tha, đạo đức. Tất cả đều là giả dối hết, trừ sự thực vạm vỡ năng của của cải, tiền bạc. Nhưng lúc gặp Huệ, An cảm thấy mình nhỏ lại. Những điều chị tưởng là chắc chắn, quan trọng, không thể thiếu, đột nhiên trở nên hư huyền, vô giá trị. An khựng hẳn lại, và chịu sức cuốn của

cảm xúc, chị chỉ còn biết khóc, lí nhí, yếu ớt đáp những câu hỏi đơn giản của Huệ, không chút e dè ngượng ngùng. Được Huệ hứa giúp đỡ, An mừng rỡ bước vội ra khỏi phòng. Và từ đấy, trên đường trở về nhà, mọi sự trước mắt An đều biến đổi. Như một người vừa qua khỏi cơn mê, An ngỡ ngàng không hiểu cả mình. Tại sao chỉ mới đây thôi, ta có thể xem những cái này là đúng, thậm chí còn ca ngợi nó như một cách sống khôn ngoan thức thời. Những bon chen, lừa đảo này sẽ dẫn đến đâu? Giá trị của đời sống, giá trị của con người ở chỗ nào? Tự nhiên An chán nể sống hiện tại của mình, không muốn ra chợ nữa. Chị trở lại chăm lo con cái, xếp đặt lại nhà cửa, bếp núc. Bữa ăn sáng của mấy đứa bé bớt thất thường. Khói vượn lên khỏi mái nhà bếp đúng lúc.

Nhờ thế khi Lợi đột ngột trở về nhà sau hơn ba năm bị giam, anh có cảm tưởng mọi sự vẫn y nguyên như lúc mình ra đi với chiếc gong trên cổ. Thằng bé Phát mừng rỡ chạy ra vì tưởng những khách hàng của mẹ sẽ đến giải thoát cho nó, đưa nó trở lại cuộc sống tung bồng ở bến ngựa thờ. Nó thất vọng, vì chỉ gặp một người lạ mặt gầy ốm đang dăm dăm nhìn nó. Thằng Phát dậm sớ, vội kêu cứu:

- Mẹ ơi. Ra đây mau lên, mẹ ơi. Có ông ăn mày dễ sợ!

An nghe giọng hốt hoảng của con, vội bỏ cái áo đang may dở dang ra cổng. Mắt chị đã quáng chưa đây? Rõ ràng anh Lợi đây mà! Hai vợ chồng nhìn nhau qua hàng rào tre mà cả hai đều nghẹn không thốt được ra lời. An tiến đến gần chỗ Lợi đứng, thì ào như sợ tiếng động có thể làm tan mất ảo ảnh đoàn tụ trước mắt:

- Anh! Anh Lợi đấy phải không?

Lợi cũng cố dần xúc động, đáp khẽ:

- Vâng, anh đây. Mở cửa cho anh với!

Không sợ lắm lẫn nữa, An reo thật lớn:

- Trời ơi anh! Đúng là anh đây rồi. Thế mà thằng quỷ này nó kêu có ông ăn mày nào. Cha đẩy con. Tránh cho mẹ mở cửa mau! Cha đẩy, đừng sợ. Trời ơi! Sao tay em run thế này. Anh đến kéo cánh cửa cổng ra phía ngoài cho em dễ mở một chút. Anh về thật không anh? Có phải anh được về luôn không?

Lợi qua được cơn xúc động, bắt đầu liến thoắng:

- Lại không thật! Em mở được chưa? Kéo ra tí nữa à? Được chưa. Rán lên. Nhờ ơn trời! Mau lên cho anh vào bằng thằng trưởng nam một chút. Em biết không, anh chạy một mạch từ cửa ngục về đây, vừa chạy vừa ngoái cổ nhìn lại sợ họ kêu lại vì có lẫn lẫn gì đó. Như trùng tên chẳng hạn. Mau lên!

An quính quáng không tài nào mở được then cửa. Lợi nôn nóng bảo:

- Thôi em tránh sang một bên.

An không hiểu chồng muốn gì, nhưng cũng vui vẻ dẫn con đứng dịch sang một bên cửa. Lợi dùng hết sức đập mạnh lên cánh cửa cổng. Cái then bật ngàm. Trong lúc thằng Phát sợ hãi khóc ré lên, hai vợ chồng cười ha hả ôm chầm lấy nhau. Sau một lúc cuống quýt, An đẩy chồng ra xa hỏi lại:

- Anh về luôn thật hả?

Lợi cười lớn:

- Hỏi gì kỳ cục! không về luôn chẳng lẽ chỉ về tạm rồi lại vào đó xin mang gong.

Câu nói của Lợi khiến An nhớ lại cuộc đời tù đầy của chồng. Cho đến lúc này chị vẫn có cảm tưởng Lợi vừa đi xa trở về. An nhìn kỹ khuôn mặt, thân thể, quần áo của Lợi, và đến lúc ấy chị

mới thấy hết tất cả tiêu tụy, ốm o của Lợi. An rơm rớm nước mắt thương xót:

- Anh ốm quá. Thôi, vào nhà đi đã. Phát. Không được khóc. Cha chứ ai đâu mà sợ.

Thằng bé nhất định không chấp nhận người lạ mặt vừa đến tranh giành tình thương của mẹ, phụng phịu tránh xa không cho Lợi ôm vào lòng. Lợi hơi thất vọng, lúng túng. An thấy chồng buồn, vội nói:

- Lúc anh đi nó còn bé quá, không nhớ mặt anh đâu. Vào nhà đi anh. Để em bồng nó, không nó lại tưởng...

Lợi ngùi ngùi nhìn lại khung cảnh cũ, thấy khu vườn, căn nhà nhỏ có vẻ điêu tàn, cũ kỹ hơn trước. Mấy hôm nghỉ buôn bán, An chưa kịp sửa sang lại vườn tược, con Gái lại bận, nên lá khô rơi ngập cả lối đi. An chạy vào nhà trước với thằng Phát, vực bé Thái dậy. Con bé còn ngái ngủ, ngơ ngác không hiểu vì sao cả nhà náo động khác thường như vậy. Nó sợ, ôm chặt lấy mẹ. Sợ con gái lại không chịu cho mình bồng, Lợi bảo vợ:

- Thôi, em cứ để cho nó ngủ tiếp. Chưa ai về cả à?

Biết chồng muốn hỏi Kiên và Lãng, An đáp:

- Anh Kiên đã về lại bên nhà từ hôm em tạm nghỉ hàng xáo. Còn Lãng không biết chiều nay có về không. Chắc nó chưa hay tin anh về. Anh đi tắm rửa rồi thay quần áo đi. Cái bọc gì thế kia?

Lợi hớn hờ khoe:

- Quý lắm đấy. Chốc nữa vào anh sẽ cho xem.

An không dần được tò mò, vội hỏi:

- Cái gì trong đó vậy?

Lợi không chờ đợi được, mở cái bọc vải lấy ra hai cái khăn thêu rất đẹp và công phu, và một cái lược bằng sừng trâu. An ngạc nhiên hỏi: - ở đâu thế?

- Của anh làm đấy. Quà của em!

An trở mắt nhìn chồng, giọng hoài nghi:

- Anh làm? Có thật không?

Lợi cười hãnh diện, đáp:

- Nói dối với em làm gì. Anh bỏ công để thêu thật đẹp, chờ ngày được tha đem về làm quà cho em. Còn cái lược này...

Lợi không dám nói tiếp vì thực ra anh nói dối. Lợi đã đem quế và thuốc xức ghẻ An gửi vào đổi khăn lược của một người bạn tù, định có dịp thuận tiện sẽ lo lót tiền nhờ cai ngục gửi ra cho vợ. An tin ngay lời chồng, ôm cái khăn và lược vào lòng, rung rung nước mắt nhìn Lợi, cảm động đến nỗi không thốt được hai tiếng cảm ơn.

Lợi xấu hổ không dám nhìn đôi mắt chan chứa trù mến của vợ, tìm cớ đi chỗ khác. Anh nói:

- Thôi để anh đi tắm cho sạch cái bẩn tù đầy đi.

*

* *

Lợi về nhà được ba ngày thì nhận được lệnh phải vào trình diện với quan Hộ giá Phạm Ngạn. Anh được quan Hộ giá an ủi, vỗ về, và bằng những lời nói xa nói gần, quan Hộ giá cho Lợi biết nhờ chủ trương khoan dung độ lượng của nhà vua, mà Lợi được quan bỏ qua chuyện cũ, xin cho được ân xá. Chẳng những thế đích thân quan Hộ giá đã tâu lên nhà vua xin Lợi về giúp mình trong việc tiếp lương quan trọng sắp tới.

Lợi cảm động quá, tin ngay lời Phạm Ngạn. Và anh có thừa tài ăn nói để vuốt ve lòng kiêu căng tự đại của viên Hộ giá, đến nỗi sau buổi trình diện, Lợi trở thành người tâm phúc của Phạm

Ngạn.

Lợi đi thăm những người quen biết cũ một cách tự nhiên, không chút dè dặt, không chút mặc cảm, như một người vừa đi xa trở về. Đến nỗi chính những người được Lợi đến thăm phải đâm hồ nghi, lòng nghĩ rằng vận xui của Lợi đã qua, và Lợi lại bắt đầu được một thế lực lớn bảo trợ. Nếu không thế làm sao giải thích được lối ăn nói, đùa cợt hết sức tự nhiên của Lợi? Sự hiểu lầm này giúp đỡ Lợi rất nhiều. Không bao lâu, bạn bè, dân làm ăn lại kéo đến bu quanh anh, nghe anh kể chuyện ở tù như một chuyện đùa nghịch hấp dẫn, như một thử thách làm con người bút ra khỏi cái tầm thường nhợt nhẽ để đạt đến độ chín chắn cần thiết.

Anh nhanh nhẹn giải quyết tất cả các khúc mắc cả việc nhà lẫn việc nước. Trước tiên là việc nhà, Lợi đồng ý với An là nghề hàng xáo cực nhọc không thích hợp với sức khỏe của vợ. An có thể ở nhà chăm sóc nuôi nấng các con. Nếu An sợ ăn không ngồi rồi, thì nên tìm một nghề buôn bán nào khác nhẹ nhàng hơn mà lại thu được nhiều lãi hơn. Nghề gì? Lợi chưa tìm ra. Nhưng không có gì phải vội!

Đối với việc nước, Lợi mau chóng giải quyết những gì quan Hộ giá đang lúng túng chưa tìm được các giải quyết: Cần bao nhiêu nhân công để dẫn cho được bấy nhiêu gỗ giao cho các xưởng đóng chiến thuyền, cách thức phân định số dân phu thế nào để các xã quan khỏi so bì nhau chuyện nhiều ít, làm sao có được bấy nhiêu bánh tráng làm lương khô đủ cho một đạo quân đông đảo suốt thời gian lênh đênh trên biển cả từ Qui Nhơn vào Gia Định, với số vũ khí nhà vua qui định phải rèn xong trong thời gian eo hẹp thì phải điều động bao nhiêu thợ rèn. Bấy nhiêu tính toán hóc búa từng làm Phạm Ngạn mất ăn mất ngủ đã được Lợi thu xếp êm đẹp và chóng vánh. Và cũng giống như thời còn ở Tây Sơn thượng, Lợi khéo léo núp sau sân khấu để quan Hộ giá có cảm tưởng tất cả mọi điều đều do chính mình nghĩ ra, và chính mình khai thông các khó khăn. Lợi chỉ là một kẻ thừa hành vâng lời và thạo việc, thế thôi!

Lãng đã quá hiểu cả tật lẫn tài của ông anh rể, cũng phải kinh ngạc khi thấy Lợi phục hồi địa vị và uy tín nhanh như vậy. Đến nỗi chính Lãng đâm ngờ sự vô tư của mình. Anh trách mình có nhiều thành kiến sai lầm về Lợi, chưa thấy hết khả năng của Lợi. Rõ ràng từ lúc Lợi về, ngôi nhà quạnh hiu giữa ngôi vườn xơ xác như thức dậy sau một giấc thiêm thiếp uể oải rã rời. Khách khứa lại đông đảo, tiếng nói tiếng cười rộn rã. Chiều nào Lãng về cũng thấy có ngựa cột ở gốc mít gần cổng, hoặc bắt gặp Lợi đang tiễn một người khách nào đó. Lãng phân vân giữa lòng khâm phục và sự khinh khi, chưa biết mình đúng hay sai trong cách xét đoán anh rể. Cho nên dù thấy chị tìm lại được nếp sống yên vui, Lãng vẫn lo âu.

*

* *

Trong lúc Qui Nhơn rộn rã chuẩn bị cho cuộc tấn công Gia Định vào mùa xuân thuận gió, thì Nguyễn Ánh cũng gấp rút chuẩn bị ứng chiến. Hai bên không giấu kế hoạch sống mái một mất một còn ở Gia Định, nên đều chuẩn bị lực lượng và vũ khí rất kỹ lưỡng.

Như đã nói ở trên, mặc dù hai đạo bộ binh của Châu Văn Tiếp và Nguyễn Phúc Dụ bị thiệt hại nặng trong trận Bình Khang năm trước, nhưng đạo thủy quân hùng hậu Nguyễn Ánh dày công xây dựng suốt mấy năm vẫn còn nguyên vẹn. Tin tức Qui Nhơn không làm cho Ánh nao núng. Ngược lại, vương hết sức tự tin.

Đầu năm Tân sửu (1781) Nguyễn Ánh đã có ba vạn quân thủy bộ, tám mươi chiếc thuyền hạng vừa, ba chiến thuyền lớn, hai chiếc tàu kiểu châu Âu và ba tàu Bồ Đào Nha do các sĩ quan và thủy thủ Bồ Đào Nha điều khiển. Cả ba tàu này được đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan

Pháp là cai cơ Mạn Hòe (Emmanuel).

Nhưng lực lượng hùng hậu trang bị vũ khí, phương tiện tối tân ấy, sau vụ Đỗ Thành Nhân bị Ánh giết, tự nó đã chứa nhiều yếu tố mâu thuẫn, tan rã. Quân đông nhưng không phải là một đạo quân thuần nhất về ý chí, về tính chất. Ánh cũng không tạo được sự thống nhất về chỉ huy. Ngoài một số tàn binh đau yếu, bạc nhược trung thành chạy theo Nguyễn Ánh suốt mấy năm liên tiếp bị săn đuổi, lực lượng còn lại vẫn gồm quân Đông sơn và quân Hòa nghĩa. Quân Đông sơn vừa nổi loạn chống Nguyễn Ánh sau khi chủ tướng Đỗ Thành Nhân của chúng bị ám sát, còn quân Hòa nghĩa sau cái chết của Lý Tài tạm thời chịu khuất phục Ánh, nhưng vẫn duy trì như một đạo quân độc lập, không chịu đồng hóa như một bộ phận trong lực lượng lớn hơn của Gia Định. Chúng ghét Tây Sơn, mà cũng ghét lẫn nhau, nếu cần chúng không ngần ngại chém giết lẫn nhau để tồn tại. Vì thế, Nguyễn Ánh đặt hết hy vọng vào thủy quân, nhất là sau khi đã thuê được nhiều chiếc "Tây dương đại thuyền" của Bồ Đào Nha và thu dụng được một số chuyên viên hàng hải người Pháp; nghĩa là đã lợi dụng được sáng kiến và sự can đảm liều lĩnh đến táo tợn của một bọn phiêu lưu quốc tế. Nhưng chính bản chất phiêu lưu của bọn ngoại nhân này tự nó cũng chứa mầm mống của mâu thuẫn.

Thật vậy, do phát triển của kỹ nghệ tiêu dùng và kỹ thuật hàng hải, từ thế kỷ thứ 15, đã có một trào lưu xuất cư rộng lớn ở các nước Âu châu, làm phát sinh một số đông đảo những tay phiêu lưu quốc tế, gồm các thương nhân, những nhà chinh phục và các giáo sĩ đạo Thiên chúa. So với tầng lớp nông dân bám vào đất, nương theo mùa mà sống, bọn thương nhân nhờ di chuyển trông rộng biết nhiều mà có tinh thần mạo hiểm và sáng kiến, tránh được óc bảo thủ hẹp hòi, sự thiếu gan dạ của dân định cư. Nhờ tầm rộng của biển cả, sự quyến rũ của những món lợi khổng lồ kiếm được ở các nước yếu kém xa xôi, nhờ hấp lực của một khoảng không vô định và một nếp sống chắc chắn khác thường, hành động phiêu lưu của họ có nhiều nét cuốn hút hơn. Một trong những tay phiêu lưu quốc tế ấy về sau đã viết:

"Vì một hạt tiêu, họ không ngần ngại cắt cổ nhau, từ chối sự cứu rỗi linh hồn, điều mà ở vào những lúc khác, họ đã tỏ ra rất bận tâm. Cái lối cứng đầu cứng cổ kỳ lạ trong khi theo đuổi ý muốn làm cho họ thách đố với chết chóc ở hàng nghìn hình thức: những rủi ro của biển cả xa lạ, các bệnh kỳ dị và ghê tởm, thương tích, bắt bớ, đói rét, dịch tễ, tuyệt vọng. Điều đó làm cho họ trở nên to lớn, anh hùng, bi thống ngay cả trong những ham muốn buôn bán không thỏa mãn của họ, trong khi cái chết lạnh lùng sẽ đến đem họ đi không chừa già trẻ. Hình như khó có thể tin rằng chỉ có lòng tham lam đã đủ sức thúc đẩy họ theo đuổi lý tưởng một cách liên tục, cố gắng và hy sinh một cách kiên trì như vậy... Với chúng ta, những người kế tục tránh được cái thử thách ghê gớm ấy, họ có vẻ sáng rực rỡ không phải vì những thành quả họ đã đạt được mà vì chúng ta thấy ở họ những công cụ của định mệnh bị xô đẩy vào cõi vô định, tuân theo một thứ mệnh lệnh bên trong, một khích động toàn thể để đi tìm một giấc mộng xa vời". (1)

Bên cạnh bọn phiêu lưu sẵn sàng cắt cổ nhau vì một hạt tiêu này, còn có những kẻ được gọi là "lớp người phiêu lưu của Chúa và của lòng Bác ái". Họ rời bỏ quê hương và đám con chiên ngoan ngoãn quen thuộc, vượt biển tìm đến những chốn xa lạ để đem kẻ "ngoại đạo" trở về nước Chúa. Giống như bọn thương nhân, các cố đạo Thiên chúa này cũng có tinh thần mạo hiểm và kiên nhẫn chịu đựng không kém. Tuy cùng chung một sứ mệnh, nhưng các cố đạo đến Đàng Trong thời bấy giờ có nhiều gốc gác khác nhau: Hòa Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Ý... Điều đó tạo ra những hậu quả phức tạp: các cố đạo không thể nào tách rời quyền lợi đạo giáo ra khỏi quyền lợi tổ quốc của họ, đúng ra là quyền lợi ông vua nước họ. Do đó ta không

ngạc nhiên khi thấy giữa các giáo sĩ người Pháp và người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha từng ủng hộ Nguyễn Ánh và hợp tác chặt chẽ trong sứ mệnh truyền giáo, lại sẵn sàng chém giết nhau, âm mưu ám hại lẫn nhau như hai phía thù nghịch. Bằng chứng là vụ Mạn Hòe, một tên phiêu lưu thân tín của giáo sĩ Pháp Bá Đa Lộc âm mưu giết cả thuyền trưởng, thủy thủ lẫn giáo sĩ tuyên úy người Bồ Đào Nha để cướp tàu cho Nguyễn Ánh.

Bấy giờ Ánh giao cả ba chiếc tàu Bồ Đào Nha thuê được để đi đánh Tây Sơn cho tên thanh niên Mạn Hòe người Pháp, tay chân của Bá Đa Lộc điều khiển. Các thuyền trưởng và thủy thủ Bồ Đào Nha rất bất mãn về việc này, nên khi ra khơi đi đánh Tây Sơn, hai chiếc đã giông buồm chạy thẳng về Ma Cao, chờ theo luôn vũ khí và quân lính của Nguyễn Ánh. Chiếc thứ ba có Mạn Hòe trên buồm chỉ huy nên không trốn được. Do đó Mạn Hòe mới tìm cách diệt hết cả thuyền trưởng, thủy thủ lẫn giáo sĩ người Bồ để đoạt tàu.

Mạn Hòe dọn một bữa tiệc và mời viên thuyền trưởng cùng viên sĩ quan cận vệ của thuyền trưởng đến dự. Sau khi cho họ ăn uống no say, Mạn Hòe bảo viên thuyền trưởng Bồ Đào Nha rằng có lệnh đại nguyên soái đòi hắt đến hầu. Dù quá say, viên thuyền trưởng cũng phải đến. Hắt không còn biết gì cả, đến nơi ngồi phịch xuống ghế, ngoảnh đầu sang một bên ngủ ngon lành. Hắt bị Mạn Hòe cho một tên thuộc hạ cắt cổ. Những người lính Bồ Đào Nha còn lại cũng bị Mạn Hòe tàn sát tàn nhẫn không kém. Chờ cho họ ngủ say, Mạn Hòe ra lệnh cho lính Nguyễn Ánh cắt cổ hai mươi bảy thủy thủ Bồ Đào Nha, chỉ sót có vài người nhờ họ nhảy xuống biển lội vào bãi cát.

Trên tàu còn có mặt đức cha Antonio, thuộc dòng Franciscaín Bồ Đào Nha ở tỉnh Thánh Thomas của Ấn độ. Cha được giáo sĩ Jumilla phái lên tàu với tư cách tuyên úy cho thủy thủ người Bồ. Mạn Hòe không thể để cho cha sống sót, nên muốn hành quyết Antonio bằng cách cột cha vào đuôi ngựa rồi quất cho nó chạy. Bá Đa Lộc thấy lối hành quyết đó tàn nhẫn quá, nên can thiệp vào. Nhưng Mạn Hòe vẫn cương quyết giết cha Antonio để diệt khẩu. Hắt ra lệnh cho bọn lính của Nguyễn Ánh giết cha. Bọn này từ chối vì lòng cung kính đối với các giáo sĩ. Bị đe dọa, thúc giục, chúng không thể làm khác được, đánh đập Antonio có nhiều thương tích trầm trọng. Cha Antonio quỳ gối xin Mạn Hòe dung tha. Hắt giả bộ thương xót, nhưng ra ám hiệu cho bọn lính xúm lại kết liễu đời vị giáo sĩ Bồ Đào Nha. Khi đã giết xong người Bồ cuối cùng để chiếm tàu rồi, Mạn Hòe làm một tờ chứng nội dung bảo viên thuyền trưởng Bồ tuyên bố sẽ hạ sát tất cả lính Nguyễn Ánh, nên họ phải ra tay tàn sát người Bồ trước để tự vệ. Làm xong tờ chứng giả dối, hắt bắt tất cả lính ký tên vào. Vụ tàn sát đáng tởm ấy đến tai Nguyễn Ánh, Ánh chuyển nội vụ cho cha Diego de Jumilla xét xử. Nhưng Diego de Jumilla cũng là người Bồ Đào Nha như các đồng bào bất hạnh của ông. Nguyễn Ánh giao cho Jumilla lập tòa án xét xử Mạn Hòe và các kẻ đồng lõa người Pháp rất thế lực của hắt (kể cả Bá Đa Lộc), thì có khác nào đẩy cha vào chỗ chết. Người Pháp sẽ không ngần ngại gì để ám sát Jumilla, sau đó truy phong cho cha danh vị thánh tử đạo. Cho nên cuối cùng cha Jumilla không dám vâng lệnh Nguyễn Ánh, và nội vụ được bỏ qua. (2)

Tóm lại, cái chỗ dựa Nguyễn Ánh tin tưởng là đạo quân đông đảo trên ba vạn người và kỹ thuật thủy chiến tối tân của phương Tây, chẳng qua chỉ là một cây gỗ mục. Nó chỉ được cái lớp sơn răn chắc bên ngoài. Bọn vô lại đầu trộm đuôi cướp, bọn phiêu lưu quốc tế liều lĩnh và gian manh điên cuồng trước lợi nhuận và máu, tức là cái phần đã bị lực lượng Tây Sơn đào thải để thanh lọc trước đây, bây giờ lại là sức mạnh nòng cốt của Nguyễn Ánh. Phải chờ đến mùa xuân năm sau, năm Nhâm dần (1782), Nguyễn Ánh mới mở mắt sợ hãi nhận ra sự lầm lỗi của mình.

*
* *

Về mặt chiến thuật, Long Nhương tướng quân xem cuộc tấn công Gia Định lần này là một cuộc thử thách đầy ý nghĩa. Nó sẽ giúp ông xác định đúng thực lực của mình, đồng thời tìm hiểu khả năng tác chiến của địch sau khi được các cố đạo và con buôn phương Tây tận tình giúp đỡ. Nguyễn Huệ nói với Lãng: - Cậu có nhớ năm ngoái khắp các phủ từ Bình Khang đến Qui Nhơn, bọn xấu tung ra tin đồn Thầy Cả đã đóng cho thuyền Chủng một chiếc tàu Tây dương ghê gớm lắm không? Tàu chạy trên mặt nước cũng được mà lặn sâu xuống đáy biển cũng được. Hư thực thế nào chưa biết, nhưng nhiều đứa nhát đã xanh xám cả mặt. Một số lính ở Bình Khang bỏ trốn cũng vì khiếp sợ cái tàu ma ấy.

Lãng cười chế giễu, đáp lại:

- Làm gì có chuyện huyền hoặc đó, thưa tướng quân. Chúng nó sợ quá, trông gà hóa cuốc, hoặc chính bọn tay chân của Châu Văn Tiếp loan truyền để đánh đòn tâm lý.

Nguyễn Huệ vội nói:

- Điểm chính không phải là có hay không loại tàu chiến tối tân ấy. Với tiến bộ hàng hải và vũ khí hiện nay của các nước Tây dương, có thể có loại tàu ấy lắm chứ. Con cá nổi lên mặt nước rồi lặn xuống sâu được, thì có thể con người cũng làm tàu như thế được. Nhưng, điểm chính là ở chỗ này: không phải sắm được chiếc tàu đó là chắc chắn thắng trận. Chiếc tàu chỉ là một công cụ, như cây gươm bén. Giao nó cho những tên hèn nhát, hoặc bọn đầu trộm đuôi cướp thì cũng chẳng khác nào giao cây gươm quý cho thằng bệnh hoạn hoặc thằng lưu manh. Cho nên ta muốn bày trận này chứng minh cho anh em quân sĩ thấy rằng: dù thuyền Chủng có thuê được tàu Tây dương, dù hẳn được bọn cố đạo Pháp, Bồ giúp sức, nhưng nếu anh em tự tin ở sức mình, hăng hái chiến đấu, thì cuối cùng, nhất định ta vẫn thắng.

Giọng nói sôi nổi lôi cuốn của Huệ khiến Lãng cảm thấy máu nóng sôi sục trong người. Lúc đó thuyền chỉ huy đang đi trên một vùng biển êm, và Long Nhương tướng quân vừa chủ trì một cuộc họp các tướng lãnh để thông qua kế hoạch hành quân. Lãng vẫn được tướng quân giao cho trách nhiệm thư ký, ghi hết tất cả các sự việc, diễn tiến liên quan đến chiến dịch. Nhớ đến kế hoạch tấn công kỳ này, Lãng do dự, rồi không dám được tò mò, anh hỏi Nguyễn Huệ:

- Em thấy lối tiến công kỳ này (1782) hoàn toàn khác với kỳ trước (1777) khá nhiều. Thưa tướng quân, tại sao vậy?

Nguyễn Huệ muốn thử thách khả năng nhận xét quân sự của Lãng, không trả lời ngay, quay hỏi trở lại:

- Cậu thấy khác ở đâu?

Lãng đỏ mặt vì ngượng, sợ múa rìu qua mắt thợ. Nhưng anh vẫn đáp:

- Lần trước, ta tiến quân theo hai hướng thủy bộ để hợp nhau lại đánh gãy một mục tiêu, sau đó tập trung tiêu diệt mục tiêu khác. Lần này cả thủy binh lẫn bộ binh đều dùng đường biển, và cũng dồn hết sức công phá một mục tiêu.

Huệ gật gù, hỏi thêm:

- Còn gì nữa không?

Lãng đáp:

- Em chỉ thấy được có bấy nhiêu. Nguyễn Huệ vui vẻ giải thích:

- Ta phải thay đổi cách đánh vì tình hình kỳ này khác hẳn tình hình cách đây năm năm. Tên Chủng đã có thì giờ tăng cường lực lượng phòng thủ của Gia định, nhất là thủy quân. Ngoài số

tin binh thủy bộ, hẳn còn sắm được nhiều thuyền chiến lớn và chiến hạm kiểu Âu châu, do bọn sĩ quan Tây dương điều khiển. Ta không giấu diếm ý định tấn công vào mùa gió năm nay, nên hẳn chuẩn bị phòng ngự cũng kỹ. Theo tin nhận được thì hẳn bố trí một lực lượng thủy quân hùng hậu ở chỗ này, ngay cửa biển Cần Giờ để chờ ta. Cột trụ của phòng tuyến này là các tàu chiến Pháp và Bồ Đào Nha. Tên Chung lại đặt thêm một lực lượng dự bị ở phía trong, có lẽ ở vùng sông Ngã Bảy này, dùng làm lực lượng tiếp ứng khi cần thiết. Nguyễn Hữu Thụy em rể Chung thì lãnh một đạo quân cả thủy lẫn bộ lên Biên Hòa chuẩn bị ngăn chặn bộ binh của ta, mà hẳn đoán sẽ từ Bình Thuận đánh vào y như kỳ trước. Cứ để mặc cho hẳn đoán già đoán non. Ta cứ tìm ngay cây cột chính chống đỡ toàn thể niềm tin và sức mạnh của đạo quân ấy, rồi dồn toàn sức dồn cho ngã cây cột ấy, mọi sự sau đó giải quyết dễ dàng như trò trẻ con. Cậu có biết cây cột đó của tên Chung là gì không?

Lãng dè dặt, vì sợ lầm lẫn nên câu trả lời đầy vẻ rụt rè:

- Có lẽ... hình như hẳn quá tin vào kỹ thuật Tây dương. Hẳn dồn hết sức ra tuyến Cần giờ, ước mong tiêu diệt quân ta ngay từ tuyến ngoài. Phải thế không ạ?

Nguyễn Huệ cười lớn, vỗ vai Lãng nói:

- Phải rồi. Nói đúng mà sao rụt rè thế. Hẳn dựa vào mấy chiếc tàu sắt Tây dương và lũ đầu trộm đuôi cướp mắt xanh, thì nhân dịp này, ta cho chúng thấy sức mạnh của hỏa công trên biển và sức mạnh của ý chí chiến đấu. Cậu phải nhớ ghi chép cho đủ trận này nhé. Ta coi đây là cuộc thử sức đầu tiên với vũ khí và tàu chiến Tây dương đấy.

*

* *

Trong tập ghi chép, Lãng đã ghi: (chữ Hán dịch Nôm).

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm dần (1782)

Lại sắp đến cửa Cần Giờ mệnh mông nước bạc. Không khí chuẩn bị thật rộn rã. Đêm hôm trước, trên từng thuyền, theo lệnh của thánh thượng, đều có mở tiệc ăn khao trước. Thánh thượng có ban một bài hịch tướng sĩ. Thú vị nhất là câu ví bọn Tây dương giúp đỡ cho Nguyễn Ánh như "những cây ma chết trôi từ biển bắc". Long Nhương tướng quân thường ví von như thế. Tướng sĩ nghe như thế đều phì cười, quên cả mâm rượu dọn sẵn trước mặt.

Ghi việc riêng.

- Hồi chiều có gặp anh Lợi trên chiến thuyền phát lương khô. Anh ấy hẹn vào Bến Nghé sẽ dẫn đi ăn ở một tiệm khách anh ấy quen biết từ năm Dậu. Tôi hỏi hơn sáu năm qua biết bây giờ có còn không. Anh Lợi hơi thất vọng, nhưng sau đó lại bảo không có tiệm này thì còn tiệm khác. Cách nấu vây cá của khách trú khác lắm. - Có ngỏ ý với Long Nhương tướng quân xin được phép xuống Cần Thơ hốt cốt anh Chinh. Tướng quân cười hình như muốn chế giễu mình, xem đó là chuyện nhỏ nhặt không thích hợp chút nào với không khí sôi nổi rộn rã chung. Tướng quân đồng ý, nhưng có nói thêm: "Chết là hết. Đừng làm cho đời sống thêm phức tạp, Lãng ạ". Tôi không biết trả lời thế nào. Trong lòng tôi nghĩ: điều đáng sợ không phải là sự phức tạp rắc rối của đời sống, mà là ý muốn đơn giản nó. Nhưng làm sao nói được những ý tưởng ấy vào lúc này!

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm dần (1782)

Đã có tin báo về là Ánh đã dàn hàng ngang chiến thuyền trên sông Ngã Bảy để đợi. Đúng như Long Nhương tướng quân đoán trước, hẳn có vẻ tin tưởng vào mấy chiếc tàu Tây dương. Sau cuộc họp các tướng lãnh ở thuyền chỉ huy, thánh thượng xuống chiếu hứa tặng thưởng cho các

tướng sĩ đánh chìm, đốt cháy hoặc chiếm được mấy chiếc tàu Tây dương ấy. Dựa vào lời khai của bọn lính Nam Hà thoát được khỏi hai chiếc tàu Bồ Đào Nha năm trước chạy qua cửa Hàn, Long Nhương tướng quân truyền cho các tướng phổ biến hình dạng, tầm vóc, cách bố trí và trang bị súng ống trên tàu Bồ, đồng thời dạy rõ cách tung hỏa pháo và dùng dây nèo leo lên. Tin cuối cùng báo về: đích thân tên Chung cầm quân ở sông Ngã Bảy. Tuyển đầu được giao cho Tổng Phước Thiêm.

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm Dần (1782)

Cửa Cần Giờ đây rồi. Thánh thượng ra lệnh cho các đoàn chiến thuyền dừng lại. Từng thuyền chuẩn bị vũ khí sẵn sàng. Giữa mặt nước bạc mênh mông, màu cờ đào phát phới rục đỏ cả một vùng. Gió bắt đầu thổi mạnh, cờ bay về phía Thất kỳ giang (sông Ngã Bảy). Tuy đã cố ghì thuyền lại, nhưng gió vẫn đẩy các chiến thuyền đã gác mái về phía trước. Long Nhương tướng quân trở hướng gió bão với các tướng lãnh đến nhận lệnh lần cuối cùng: "Lòng trời không muốn ta dừng lại, mới sai gió đến giục ta tiến về sông Ngã Bảy. Các người hãy thuật lại cho tất cả tướng sĩ biết". Các tướng nhìn lá cờ đào phần phật trên cột buồm thuyền chỉ huy, nét mặt mừng rỡ và phấn khởi. Từng người trở về đội của mình. Tin vui loang nhanh như gió thổi. Không hẹn mà khắp mọi thuyền đồng loạt reo hò, cờ đào phát qua phát lại trong gió rộn rã.

*

* *

Bắt đầu có lệnh xuất quân.

Đoàn chiến thuyền rầm rộ tiến vào cửa Cần Giờ theo hình mũi tên. Lốp đi đầu mang một ít quân giỏi bơi lặn. Trên thuyền có đặt sẵn đồ cứu hỏa và phao. Lốp thứ hai đầy thủy quân trang bị hỏa pháo. Súng đặt trên các thuyền lớn đi phía sau. Suốt cuộc hành trình từ cửa Cần Giờ đến sông Ngã Bảy, anh em tướng sĩ được gió giúp sức khỏi phải nhọc công chèo. Ý tưởng "thuận lòng trời" là một nguồn cổ vũ bất ngờ, khiến tiếng hò reo tỏ mở không ngớt vang động khắp hai bờ sông. Những người lính trẻ lần đầu tiên vào Gia Định hẹn nhau dạo phố Sài Côn vào ngày mai, sau khi nghe những bác lính già ba hoa tô vẽ sự phồn thịnh của phố xá miền Nam. Một cậu chưa đầy hai mươi bạo dạn hỏi tôi: "Con gái Gia Định có đẹp bằng ngoài mình không?" Tôi cười hỏi lại: "Cậu muốn vào gửi rể hả?" Trận chiến ác liệt như mọi người đã đoán trước. Địch dàn hàng ngang trên sông, từ xa dùng súng lớn bắn tới để chặn đường. Hai chiến thuyền đi hàng đầu bị trúng đạn, một chiếc gãy cột buồm, một chiếc bị cháy. Chiếc bị gãy cột buồm lao đảo xoay tròn như người say, cuối cùng nghiêng hẳn sang một bên. Chiếc bị cháy được cứu kịp. Đạn nổ khắp đây đó, tạo thành những cột nước phun, nhưng không thể ngăn được đà xốc tới của quân ta. Từ hàng thuyền tiên phong để ra hàng hà sa số những xuồng nhỏ xốc tới hướng địch như những mũi tên bay. Khoảng cách giữa địch và ta càng lúc càng hẹp. Súng của ta nổ dồn, phía thuyền địch bắt đầu có nhiều đám cháy, khói bốc lên đầy đó trên mặt sông. Những chiếc xuồng xung kích vẫn lao tới trước, từ phía sau mà nhìn, đôi lúc có cảm tưởng như những con cá ngụy lặn trên mặt nước bạc. Khi các chiếc xuồng nhẹ đó áp vào được gần thuyền địch, thì lửa bắt đầu lóe lên đây đó phía trước. Những người lính liêu lĩnh ấy chỉ mặc độc một cái quần đùi, thân thể bôi mỡ để chống lạnh, đã được luyện tập thành thạo lối đánh hỏa công cận chiến. Lửa lan rộng phía quân địch, tuyển đầu của chúng bắt đầu rối loạn. Khói tỏa lên mù mịt. Nhiều thuyền chiến của ta cũng bị đạn cháy nhưng gió vẫn thổi mạnh đưa cả ngọn hỏa bùng bùng bốc cao trôi về phía địch. Đúng là ý trời thuận với lòng người: chưa kịp đối phó với các xuồng xung kích thì lớp chiến thuyền đầu tiên của ta đã xáp lại gần phòng tuyến địch. Hàng

ngũ chúng rối loạn. Những thuyền còn có thể bỏ chạy được không dám chống cự nữa, kéo nhau chạy trốn về phía Bến Nghé, chiếc tàu lớn Bồ Đào nha đi sau cùng để bảo vệ cho cuộc rút lui. Long Nhương tướng quân hạ lệnh phải chiếm cho được chiếc tàu Bồ Đào Nha bằng bất cứ giá nào.

Chiến thuyền của ta tiến lên vây chiếc tàu Bồ Đào Nha vào giữa. Thành tàu cao quá, các xuồng xung kích nhiều lần áp vào sát thành tàu mà anh em thủy quân không có cách nào leo lên được. Tàu có nhiều khí giới, nên súng trên tàu bắn cháy nhiều chiến thuyền của ta. Long Nhương tướng quân đích thân chỉ huy cuộc tấn công chiếc tàu Tây dương này, đoán thế nào cũng bắt được tên Chung. Không dùng xuồng nhỏ nữa, tướng quân ra lệnh các chiến thuyền từ bốn phía đồng loạt tiến công chiếc tàu Bồ. Bốn chiếc bị nó bắn cháy chìm cách tàu Bồ không xa. Số chiến thuyền còn lại áp sát được thành tàu, nhưng lúc anh em thủy quân bắt đầu liểu lĩnh dùng dây móc và thang tre lao lên, trên tàu quăng xuống một thứ hỏa pháo cực mạnh tàn sát gần hết số thủy binh. Đợt xung phong thứ hai cũng bị thất bại như lần đầu. Long Nhương tướng quân nổi giận, ra lệnh tất cả chiến thuyền còn lại xông tới, binh lính tận dụng hỏa công để đốt cho được chiếc tàu Tây dương không cần chiếm đoạt nó nữa. Quả nhiên quân ta thành công. Địch sợ hãi nhảy cả xuống nước bơi trốn vào bờ, phần lớn bị quân ta bắt. Khói bốc lên mù mịt trên chiếc tàu Bồ. Đột nhiên, một tiếng nổ lớn vang động cả một góc trời. Tàu nổ tan tành, các mảnh tàu tung lên cao, rơi xuống tận chỗ thuyền chỉ huy. Số anh em đã gan dạ leo lên chiếm được tàu, dĩ nhiên cũng bị tan xác.

Biến cố bất ngờ ấy khiến thánh thượng và Long Nhương tướng quân sững sờ tức giận. Số chiến thuyền hư hao hơn một phần tư. Quân sĩ hao hụt nhiều. Điều đáng giận hơn hết là Nguyễn Ánh đã thoát. Khi ta hỏi bọn tù binh thoát được khỏi tàu Bồ, chúng cho biết quả thật Nguyễn Ánh có lên tàu để chỉ huy trận đánh, nhưng khi thấy nguy kịch, hắn đã xuống thuyền trốn về phía Bến Nghé.

Ghi chú riêng.

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến những người bị phỏng thê thảm như vậy. Cả hai bên đều dùng hỏa công để đốt thuyền của nhau nên những người bị thương đều bị cháy như cây đuốc. Nóng quá, họ nhảy xuống sông, vì vậy khi được vớt lên, lớp da ngoài đã bị bóc hết, giơ lớp thịt tím bầm. Họ kêu gào khát nước, nhưng không ai dám cho họ uống. Những người bị phỏng nặng lần lượt chết sau một ngày quằn quại. Số còn lại, phần lớn bị phỏng ở đầu và ngực vật vờ rên rỉ suốt dọc đường. Vết phỏng rộng quá nên không thể băng bó gì được. Vả lại, người ta bảo không nên băng bó, vì càng kín hơi, thịt ở đấy càng dễ thối. Gần như không thể làm gì được cho họ đỡ đau, trừ trường hợp làm đúng như lời họ cầu xin, là cho họ nhảy xuống sông chết cho khỏe xác. Có thể, nếu Long Nhương tướng quân đọc được những dòng này, tôi sẽ bị chê trách là đã làm cho đời sống thêm phức tạp một cách vô ích. Tôi lặp lại lần nữa là điều tôi sợ không phải là phức tạp hóa đời sống, vì đời sống vốn đã mệnh mông phức tạp. Điều đáng sợ là đơn giản hóa nó một cách lạnh lùng.

Tôi có một thắc mắc rắc rối không tìm ra lời đáp. Tôi cứ tự hỏi: Nếu Trời đã thuận ý với chúng tôi mà nổi gió để giúp thuyền chúng tôi lướt nhanh về phía sông Ngã Bảy, thì số phận những người chết cháy, chết chìm, chết đâm, chết chém, số phận những kẻ sống dở chết dở đang rên siết quằn quại ngay trước mặt tôi đây thuộc về cái gì trong ý muốn của Trời? Trời phạt họ ư? họ là đồng đội đồng thuyền của anh em chúng tôi, họ có tội lỗi gì mà nỡ nặng tay với họ? Trời thương xót họ ư? Cuộc đời có chật vật khổ nhọc đấy, nhưng họ không bao giờ chán đời đến độ

xin được chết, trừ khi họ bị Trời hành hạ đau đớn như bây giờ? Nếu Trời chí công thì cái chết của họ là tội lỗi của con người. Của người nào? Tôi đã đi quá xa rồi. Bây giờ chính tôi lại phải cầu cứu đến những lý luận đơn giản để yên tâm, nào cái lý muôn thuở của luật đời là mạnh được yếu thua, kẻ chết kẻ bị thương tất nhiên là kẻ yếu, hoặc bất cứ sự thay đổi cải tiến nào cũng phải cần đến những đổ vỡ mất mát không thể tránh, như đứa trẻ sưng nướu nóng mình lúc mọc răng. Sự thua thiệt chết chóc trở thành một hy sinh thiêng liêng cho sự trưởng thành một cái đẹp hơn, tốt hơn. Cầu mong cho lòng tôi yên ổn với những lý luận đơn giản ấy!

Đêm... Tháng Ba năm Nhâm dần (1782)

Cảnh chiến trường về đêm sao mà âm u! trước khi chia làm hai cánh quân (một cánh truy kích Nguyễn Ánh ở Ba Giồng, một cánh gồm đa số quân thủy bộ thẳng tiến về Bến Nghé lấy thành Gia Định), thánh thượng hạ lệnh thu quân và nghỉ đêm ở ngay giữa sông rộng. Mất hết bảy mươi tám chiến thuyền. Số quân bị thiệt hại chưa kiểm được. Nhuệ khí của buổi sáng có giảm vì nhọc mệt và mất mát, những cuộc vui vẫn rộn rã. Người lính trẻ hỏi tôi con gái Gia Định có đẹp bằng ngoài mình không đã chết, xác rơi xuống sông lúc leo lên chiếc tàu Bồ Đào Nha. Một người vô tâm đem chuyện đó ra khôi hài, nhưng không có ai hưởng ứng. Người ta bắt đầu rù rì kể cho nhau nghe chuyện vợ con, chuyện làng xóm. Nước triều lên đập lách chách vào mạn thuyền, hơi giống tiếng heo tham lam hục mỗn vào chậu cám. Các buồng canh phòng thay nhau chèo sâu vào hai bờ để nghe ngóng, canh gác từ xa. Bắt đầu có những tiếng ngáy mệt nhọc, tiếng ú ớ mê sảng. Đêm. Đêm mênh mông. Tàn đuốc rơi xuống mặt nước đen kêu lèo xèo yếu ớt đôi lúc bị lấp trong tiếng sóng vỗ. Không ngủ được. Trăn trở vì ý nghĩ: Ta có phức tạp hóa đời sống quá chăng? nếu có, thì đáng mừng hay đáng trách? không tìm ra câu trả lời!

*

* *

Thấy chiếc tàu Bồ Đào Nha của Mạn Hòe bị nạn, Nguyễn Ánh dẫn đội thuyền chiến dự bị trở lại cứu viện. Đạn của Tây Sơn bắn dữ dội quá, đến nỗi chính thuyền của Ánh cũng bị gãy cột buồm. Nguyễn Ánh hoảng sợ rút chạy về Bến Nghé, hy vọng tìm được nơi ẩn nấp chắc chắn nhờ đồn Thị Nghè và thành Gia Định bảo vệ. Nhưng tinh thần quân lính Nguyễn Ánh hỗn loạn, hải hùng trước sức tấn công như vũ bão của Tây Sơn. Lần lượt các đồn Thị Nghè, thành Gia Định đều vỡ. Nguyễn Ánh phải kéo đám tàn quân chạy lên căn cứ của Đông Sơn là Ba Giồng.

Trong lúc thủy quân do Nguyễn Huệ chỉ huy phá tan đạo quân đông đảo của Ánh, thì bộ binh Tây Sơn do tướng Nguyễn Văn Kim chỉ huy tiến đánh đạo quân của Nguyễn Hữu Thụy tại Biên Hòa. Cả hai cánh quân thủy bộ của Thụy đều bị đánh cho tan tác. Thụy kéo tàn quân về Giang Lăng. Tướng Tây Sơn Nguyễn Văn Kim truy kích, tiêu diệt hoàn toàn đạo quân của Thụy tại Giang Lăng. Nguyễn Hữu Thụy sợ hãi bỏ cả cha và vợ lại, thoát thân một mình, trốn theo Nguyễn Ánh.

Như vậy trong vòng có vài ngày, gần hết lực lượng hùng hậu trang bị vũ khí tối tân của Nguyễn Ánh đã bị đập tan. Quân Tây Sơn cho các đội chiến thuyền tỏa khắp các sông rạch tiêu diệt nốt các đám tàn quân, kiểm soát hoàn toàn các trục giao thông và cứ điểm quân sự của Gia Định. Vua Thái Đức vào thành, xuống chiếu chiêu an, vỗ về dân chúng an tâm tiếp tục làm ăn. Những người sợ hãi tên đạn đã tản cư nên trở về. Chợ búa phố phường nên họp lại. Các chức sắc từng làm việc cho Nguyễn Ánh nên ăn năn hối lỗi ra đầu thú, có thể được giữ chức cũ hoặc bảo vệ tính mệnh tài sản để tiếp tục mưu sinh. Tàn quân của Ánh nếu chịu ra đầu thú và nộp vũ khí thì được tha tất cả tội lỗi. Nếu rủ được kẻ khác đầu thú hoặc chỉ dẫn cho quân Tây Sơn chỗ chôn

giấu vũ khí hoặc chỗ nhiều tàn quân còn ẩn núp toan tính chống cự sẽ được ban thưởng. Tờ chiếu cũng nghiêm cấm những hành động lợi dụng cơ hội chiếm đoạt, dọa nạt, xâm phạm tài sản của lương dân, bất kể kẻ đó là quân Tây Sơn hay quân Nguyễn Ánh, đều phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Đã quá quen với những bài chiếu chiêu an loại đó, dân Gia Định rụt rè trở lại cuộc sống bình thường, vừa thi hành lệnh vừa trông chừng tình thế. Vì vậy quân Tây Sơn đã kiểm soát hầu hết những vùng rộng lớn quan trọng của Gia Định, mà chợ còn họp thưa thớt. Ghe thuyền ở vùng phụ cận chưa dám lên Bến Nghé. Phố xá chưa dám mở hàng. Những đội quân tuần tiễu của Tây Sơn, gươm giáo sẵn sàng trước mọi bất trắc còn phải đi theo từng toán đông người trên các phố vắng cửa đóng im ỉm. Lãng nhận thấy nạn hôi của và cướp bóc ít hơn năm năm về trước, nhưng trái lại, những lá cờ đào được treo trước các cửa nhà nhanh hơn và nhiều hơn. Hình như dân chúng đã quen với chuyện đổi chủ, và hằng năm, vẫn chuẩn bị sẵn sàng để chờ đợi bất cứ sự thay đổi nào theo mùa gió thổi.

Từ hôm vào thành Gia Định, Lãng ít gặp Lợi. Vua Thái Đức giao cho quan Hộ giá Phạm Ngạn tất cả mọi công việc liên quan đến lương thực, hàng hóa, nói chung là những vấn đề thuộc kinh tế, nên Lợi phải đầu tắt mặt tối. Việc kiểm kê các kho tàng, phân phát lương thực cho các đạo quân, việc thúc đẩy bình thường hóa sinh hoạt chợ búa và mua bán, việc nắm vững tổ chức thuế khóa để tận thu các khoản tài chính có thể thu được, biết bao nhiêu công việc nặng nhọc và khó khăn phải giải quyết nhanh chóng. Nhà vua và Long Nhương tướng quân vẫn còn bận theo dấu Nguyễn Ánh để truy quét đến tận hang ổ đám tàn quân của họ Nguyễn Gia Miêu, nhờ đến tận rể để khỏi phải bận tâm hàng năm. Tin tức cuối cùng cho biết Nguyễn Ánh đã trốn lên tận khu rừng Romdoul của Chân Lạp.

Cuối tháng Tư, Huệ phái quân lên Chân Lạp bắt vua Chân Lạp phải hàng phục, bắt tất cả những người Nam chạy trốn lên đó phải về nước. Một lần nữa, Nguyễn Ánh lại thoát được.

Cuộc truy lùng ráo riết ấy thu hút tất cả tâm trí hai anh em vua Thái Đức. Trong lúc đó, quan Hộ giá Phạm Ngạn lại xem việc phải phụ trách quân lương chứ không được trực tiếp cầm quân kỳ này là một điều sỉ nhục. Vì thế, khi được tin viên Tiết chế Bình Thuận Nguyễn Phúc Dụ đem quân cùng với Trần Văn Tự, Nguyễn Văn Đàn và tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương vào Gia Định tiếp viện cho Nguyễn Ánh, quan Hộ giá nhất mực xin nhà vua cho được chỉ huy đạo quân đón đánh quân Bình Thuận. Vua Thái Đức không thể từ chối lời yêu cầu tha thiết của viên Hộ giá thân tín, đành phải bằng lòng. Đạo quân của Phạm Ngạn gặp đạo quân của Nguyễn Phúc Dụ tại cầu Tham Lương. Sau một trận phục kích và phản phục kích ác liệt, cả hai bên đều bị thiệt hại nặng. Quân cứu viện của Bình Thuận bị mất viên Tham tán Hồ Công Siêu. Ngược lại, tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương giết được Phạm Ngạn. Vua Thái Đức cho Phạm Ngạn kéo quân đi rồi mới bắt đầu thấy lo. Nhà vua quá biết cái tính nông nổi hiếu thắng của viên Hộ giá. Vì thế, Phạm Ngạn đi được ít lâu, nhà vua gửi ngay một đạo quân khác tăng cường cho Phạm Ngạn. Nhưng mọi sự đã trễ. Viên Hộ giá tử trận, và đại binh Tây Sơn chỉ gây được thanh thế đe dọa cho quân Bình Thuận rút lui mà thôi!

*

* *

Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ đọc tập nhật ký của Lãng, đến đoạn: "Ngày... Tháng Tư năm Nhâm Tuất (1782) (dịch nôm). Thánh thượng tức giận vì sự phản trắc của bọn Hòa nghĩa quân trước đây, nay lại thêm vụ tên tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương giết chết quan Hộ giá

Phạm Ngạn, nên ra lệnh tàn sát tất cả người Tàu ở Gia Định. Bất luận binh lính hay dân buôn, mới đến hay ở lâu, đều bị bắt giết. Thây chất ngổn ngang vất đầy sông ngòi, đến nổi nước ứ không chảy được, cả tháng hơn không ai dám ăn tôm cá hay uống nước sông. Trong các dãy phố đều hiu, tất cả những gì dính dáng đến người Tàu đều trở thành tai vạ. Những ai có hàng Tàu trong nhà như vải lụa, trà thuốc, hương giấy... đều lén vớt cả ra đường mà không có ai dám lượm.(3)

Huệ chau mày hỏi người thư ký thân tín:

- Ghi những chuyện nhảm này làm gì vậy?

Lãng mím môi lại để lấy bình tĩnh, cố gắng đáp thật rõ:

- Đó là lịch sử, thừa tướng quân.

Nguyễn Huệ gay gắt bảo:

- Giấy mực không có thừa để ghi những điều nhảm nhí vô ích. Kể cả những ghi chú riêng của cậu về những xác cháy trên sông Ngã Bảy, về thắc mắc phức tạp với đơn giản. Nếu cậu muốn làm vú em để mếu máo khóc theo bọn con nít sụt mướt, thì tùy cậu. Còn nếu muốn dùng giấy mực ghi lại những điều quan trọng, những biến cố to lớn của lịch sử, thì không nên tiếp tục ghi chép lằng nhằng thế này nữa.

Lãng nhìn thẳng vào mặt Nguyễn Huệ, mạnh dạn đáp:

- Sinh mạng con người không phải là điều nhảm nhí, thừa tướng quân.

Nguyễn Huệ nổi giận, bắt đầu to tiếng:

- Thế cậu muốn đánh nhau thế nào? Muốn hai bên dàn hàng ngang dùng ống xịt nước mà đấu với nhau, ai thua phải bị phạt vuốt mũi hoặc bôi lọ lên mặt để cười chằng?

Lãng cãi lại:

- Dạ, không phải thế, nhưng...

Nguyễn Huệ cắt lời Lãng:

- Nhưng thế nào? Cậu thừa biết cuộc đời này không phải là một trò trẻ con. Cuộc chiến đấu giữa tốt với xấu, thiện với ác, đúng với sai, giữa chúng ta với Nguyễn Ánh là một cuộc chiến đấu sống chết, không ai khoan nhượng ai. Hoặc chúng ta còn, hoặc chúng ta bị hấn tiêu diệt. Không có chỗ an toàn giữa hai lần đạn. Nếu cậu tin chúng ta đúng, thì cậu không ngồi đó ký cóp ghi chép những điều than mây khóc gió nữa.

Lãng cố nói cho được điều ầm ứ trong lòng:

- Nhưng cuộc tàn sát mấy nghìn người Tàu trên khắp phố Gia Định vừa qua có lợi ích gì? Chẳng lẽ chỉ vì cái chết của quan Hộ giá, thừa tướng quân?

Nguyễn Huệ hơi bối rối, hạ thấp giọng đáp:

- Cậu đã từng tập múa gươm, chắc biết có lúc đà thanh gươm kéo ta ngã chúi về phía trước, nếu ta không kịp giữ thế thăng bằng. Cậu hiểu ta muốn nói gì rồi. Hãy ghi chép đơn giản, và chỉ ghi những gì cần ghi, để tránh những điều phiền phức. Ta lấy tình thân để khuyên Lãng như vậy! Chẳng hạn tại sao Lãng không chú ý đến biến cố đặc biệt quan trọng này: là chúng ta đã làm nổ tung chiếc tàu Tây dương từng khiến nhiều người xì xầm khiếp sợ và là chỗ dựa để tên Chúng hiu hiu tự đắc. Lãng hãy suy nghĩ xem ta nói có đúng không?

(1) Hutchinson & Berland: Aventuriers au Siam au 17^e siècle, BSEI, XXII, 1947, trang 13

(2) Theo thư của Diego de Jumilla viết năm 1782, xem BSEI số 15, 1940, trang 87- 88

(3) Theo BSEI, 1940, La révolte et la guerre des Tây sơn, trang 87

Sau lễ an táng Phạm Ngạn khoảng năm ngày, vua Thái Đức mới tiếp Long Nhương tướng quân. Nét mặt nhà vua còn nguyên nét ủ rũ, buồn phiền do cái chết của viên Hộ giá thân tín. Nguyễn Huệ thấy trước cuộc bàn cãi sẽ rất gay go, nhưng sự xáo trộn ngoài phố phường do cuộc tàn sát Hoa kiều cần phải chấm dứt ngay, không chờ đợi được nữa. Do đó, dù nhà vua uể oải không muốn bắt chuyện, Nguyễn Huệ cũng nói:

- Mấy hôm nay tụi đầu trộm đuôi cướp hoành hành phá phách khắp nơi. Muốn cướp của nhà nào, chúng nó vu cho người ta cái tội có liên lạc buôn bán với Hoa kiều. Chúng còn ăn cướp ngay giữa chợ búa. Hoặc chúng giả làm lính Tây Sơn. Hoặc chúng hô hoán món hàng chúng lấy đi là hàng Tàu. Người dân lương thiện chỉ biết gạt nước mắt lẳng lặng chịu thiệt thòi vì không ai dám can thiệp vào cái gì có mùi Tàu.

Vua Thái Đức dăm dăm nhìn em, chưa hiểu tại sao Nguyễn Huệ dài dòng kể lể những chuyện đó cho mình nghe. Giọng nhà vua vẫn còn đầy phần nộ:

- Chú nói cái gì? Mùi Tàu à? Phải. Chúng nó toa rập giúp đỡ tiền bạc vũ khí cho thằng Chủng, thì bây giờ phải đền tội. Từ Lý Tài cho đến Trần Phụng, bây giờ lại thêm Trần Công Chương. Luật đời có vay có trả. Mùi Tàu! Thối lắm, ai dây dưa vào đó dĩ nhiên phải mang họa.

Nguyễn Huệ thấy nhà vua chưa nguôi giận, đâm ra do dự. Nhưng không nói lúc này thì chờ đến lúc nào? Huệ đằng hắng lấy bạo, nói tiếp:

- Tin tức ở đây lan nhanh khắp nơi. Những nơi có người Tàu ở đều rung động. Một số khá đông lén lút dùng thuyền trốn đi. Các phố buôn bán đều tiêu điều. Nguy hiểm nhất là việc giao thông. Lâu nay các chủ ghe thuyền, các vựa buôn bán đồ nông phẩm, cá mắm, hoa quả đều là người Tàu. Kể cả các cửa hàng tạp hóa ở các nơi hẻo lánh cũng do người Tàu làm chủ. Hiện nay, việc giao thông, buôn bán ở Gia Định bị tê liệt, trong khi cảnh cướp bóc gia tăng.

Nhà vua không giữ bình tĩnh được nữa, quát lên:

- Chú con càn con kê như thế để làm gì? Chú hạch tội ta đấy phải không?

Nguyễn Huệ vội đáp:

- Em đâu dám vậy. Nhưng tình trạng này không thể kéo dài thêm nữa. Phải xuống chiếu trấn an người Tàu và ra lệnh chấm dứt ngay các vụ vu cáo để cướp bóc. Nếu cần đem vài tên trộm cướp ra xử chém bêu đầu ở các chợ. Nếu chúng ta còn muốn giữ đất Gia Định lâu dài, nếu chúng ta muốn diệt cho tuyệt nọc ý đồ khôi phục của Nguyễn Ánh, thì không nên đẩy đa số người Tàu ở đây vào chỗ tuyệt lộ, phải chạy theo tìm ẩn nấp về phía Nguyễn Ánh. Vụ cửa Hội mấy năm trước, chắc anh còn nhớ!

Nhà vua bắt đầu nhận thấy Nguyễn Huệ có lý. Nhưng thi thể đầm máu của viên Hộ giá vẫn còn chập chờn trước mắt nhà vua. Phân vân giữa thù hận và lẽ phải, nhà vua phát tay bảo em:

- Chú thấy cần làm cái gì, cứ làm đi. Mấy hôm nay anh không được khỏe. Có tin gì thêm về tên Chủng không?

- Hắn đã trốn về lại Giồng Lũ cùng với bọn Trần Xuân Trạch, Nguyễn Kim Phẩm. Có thêm hai phụ tá...

Nguyễn Huệ định nói: "có thêm hai phụ tá người Tàu là Thống binh Hạp và Thống binh Kính", nhưng kịp nghĩ lại, ông ngưng đúng lúc. Nhà vua không chú ý điều khác thường, lơ đãng hỏi:

- Chú đã sai ai đi đánh chúng nó chưa?

- Dạ đã cử Đô đốc Học đem hơn một trăm chiến thuyền về Giồng Lũ rồi.

Vua Thái Đức uể oải đứng dậy, dặn em lần cuối:

- Thôi, được rồi. Việc kia, chú cứ tùy ý thấy điều gì cần làm để chiêu an thì làm.

*

* *

Lãng không phải là kẻ mù quáng, ngây thơ đến nỗi không hiểu những lời cảnh cáo nghiêm khắc nhưng thành thực của Huệ.

Bắt đầu từ đây anh ghi nhật ký chiến dịch theo lối biên niên nhất gừng, đại loại như sau (dịch nôm):

Ngày... tháng Tư năm Nhâm Tuất (1782)

Đô đốc Nguyễn Học nhận lệnh truy kích tàn quân Nguyễn Ánh ở Giồng Lũ, bị thua. Đô đốc Học tử trận, mất hơn tám mươi thuyền.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm Tuất (1782)

Hoàng thượng hạ chiếu chiêu an, kết tội bọn tay chân xấu xa của Ánh đã nhân lúc hỗn loạn tàn sát Hoa kiều để cướp của cải và gây chia rẽ giữa người Nam và khách trú, giữa dân Gia Định và quân Tây Sơn. Chiếu cũng đe dọa trừng trị nghiêm khắc những tên lưu manh gây rối và bọn phao tin đồn nhảm.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm Tuất (1782)

Chém bêu đầu những tên cướp của, phá phách các phố Hoa kiều ở khắp các chợ chính như: chợ Bến Sỏi, Chợ Điều Khiển, chợ Nguyễn Thực, chợ Thị Nghè, chợ Tân Kiểng, chợ Sài Côn... Tình hình chung đã yên tĩnh, nhưng ghe thuyền cập bến còn thưa thớt. Thiếu tôm cá vì không ai dám đánh lưới, vả lại đến nay thiên hạ vẫn còn ngại tôm cá rửa xác chết, không ai dám mua.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm Tuất (1782)

Có tin Ánh tảo tợn kéo quân về dàn trận ngay sông Ngã Tư. Nguyễn Huỳnh Đức làm tiên phong, Nguyễn Phúc Cốc làm trung quân, Trần Xuân Đàm, Nguyễn Kim Phẩm làm hộ giá.

Long Nhương Tướng quân biết Ánh đã chọn chỗ có nhiều lợi thế để dọn sẵn chiến trường, nếu kéo quân đến tất gặp nhiều bất lợi. Nhưng tướng quân vẫn quyết định đánh. Áp dụng phương cách bố trí thủy (dàn binh xoay lưng ra sông để chỉ có tiến chứ không thể lùi) của Hoài Âm hầu (Hàn Tín), Long Nhương Tướng quân đã đánh tan thế trận của Ánh. Ánh phải chạy về Bến Lức. Quân ta truy kích đuổi hắn chạy về Hậu Giang. Tin cuối cùng nhận được cho biết Ánh đã trốn về Rạch Giá.

Lãng cũng nhận được những tin xáo trộn xảy ra ở khắp nơi, từ Cần Thơ, Long Hồ, Định Tường, Cù lao Phố, Hà Tiên dồn dập báo về. Tinh thần bài ngoại, cộng thêm với lòng ganh tị và hận thù tích lũy một khi đã bộc phát thì không dễ gì dập tắt. Đâu đâu cũng xảy ra những vụ cướp phá các phố khách, trước hết do những kẻ vong mạng và những tên cơ hội, sau đó đến lượt các nông dân cùng khổ từ lâu phải bán lúa non và mua hàng đắt giá của các con buôn Hoa kiều.

Nghiêm lệnh của vua Thái Đức chỉ giới hạn các vụ cướp phá ấy, chứ không trừu hấn được không khí khủng bố căng thẳng bao phủ khắp các bến ghe, phố xá, chợ búa, làm đình trệ việc mua bán và giao thông. Hàng hóa, lương thực, thực phẩm bắt đầu khan hiếm. Lãng có thể ghi chép những điều ấy không?

Anh đọc lại những lời ghi chép mà Long Nhương Tướng quân đã đọc, đã nghiêm khắc cảnh cáo. Lãng đủ khôn ngoan để nhận thức sự nguy hiểm có thể xảy đến cho mình, nếu anh giữ lại các trang ghi chú ấy. Anh phải xé bỏ ngay! Nhưng để thay thế vào các trang trống, anh phải ghi những gì? Ghi rằng chính bọn tay chân Nguyễn Ánh đã tàn sát mấy nghìn Hoa kiều ở Sài Côn ư? Giấy mực bút nghiên vô tri, nhưng cũng có hồn để nghiêm khắc phê phán anh. Chép thay vào đó y nguyên bài chiếu của nhà vua ư? Lãng ôm đầu không biết phải làm gì, anh quyết định không ghi gì cả.

*

* *

Lãng không thể che giấu cơn khủng hoảng nội tâm với Long Nhương Tướng quân. Đôi mắt sắc sảo của Nguyễn Huệ xuyên thấu được tâm can anh. Tuy nhiên, cả hai người đều lơ lửng giữa tình bạn bè thân thiết và tôn ti phải có của thuộc hạ đối với cấp chỉ huy, nên quan hệ giao tiếp của họ trở nên ngượng ngập, phức tạp. Họ cùng hối tiếc những giây phút được thẳng thắn nói cho nhau nghe những gì đang nghĩ, bất chấp khác biệt về tâm tính và địa vị. Cho nên họ tránh chạm mặt nhau, nếu phải gặp mặt thì tránh nói chuyện thẳng với nhau.

Sau khi tình thế đã khá ổn định, Lãng xin Huệ cho phép được xuống Cần Thơ để bốc mộ Chinh. Huệ tưởng ý định ấy chỉ là một chuyện nông nổi nhất thời, Lãng nói chỉ để biểu lộ tình ruột thịt thiêng liêng hơn là chuyện cần thiết phải làm cho bằng được, với bất cứ giá nào. Cho nên lúc nghe Lãng nhắc lại lời yêu cầu, Huệ cứ nhìn chằm chằm vào mắt Lãng, không tin ở tai mình.

Long Nhương Tướng quân hỏi:

- Cậu muốn đi thật à?

Lãng vội đáp:

- Thừa tướng quân, tôi đã hứa với gia đình là sẽ cố hốt cốt của anh Chinh đem về cải táng tại quê nhà (Lãng tự nhiên cảm thấy lỗi xưng hô cũ không còn thích hợp nữa, bắt đầu xưng tôi với Huệ).

- Nhưng đâu mới thực là quê nhà của gia đình Lãng?

Lãng bối rối không biết trả lời thế nào. Thấy Lãng lúng túng Huệ nói tiếp:

- Ta nhớ có lần đã bảo cậu là đừng nên làm cho đời sống thêm rắc rối. Sống gửi thác về. Chỗ đất nào chẳng là quê nhà của những người đã khuất.

Lãng đã tìm ra cái lý để chống chế:

- Nhưng được yên nghỉ ở gần anh em bà con, được thường xuyên hương khói vẫn đỡ tủi hơn là nằm khuất lấp ở chỗ gò đồng đầy cỏ dại. Nếu để anh ấy trong này, chẳng bao lâu không ai còn có thể tìm ra dấu tích nữa. Huống chi mộ anh ấy lại nằm bên bờ rạch.

Nguyễn Huệ không nói gì thêm, nét mặt dầu dàu không vui. Lãng e ngại vội nói:

- Nếu tướng quân thấy không cần thiết, thì...

Nguyễn Huệ vội cắt lời Lãng:

- Không. Cậu cứ đi Cần Thơ. Ngày mai có đoàn thuyền đi Long Hồ tăng cường quân trấn thủ cho Đô đốc Loan. Cậu xin theo họ càng tiện. Đến Long hồ gặp Đô đốc Loan để tìm phương tiện qua Cần Thơ. Ta sẽ viết cho Đô đốc Loan vài lời.

Lãng cảm động, lí nhí nói:

- Cảm ơn tướng quân.

Huệ chớp chớp mắt, lặng lẽ nhìn Lãng. Một lúc sau, Huệ hỏi:

- Cậu có buồn ta điều gì không?

Lãng vội đáp:

- Dạ không. Tướng quân có làm điều gì khiến tôi buồn đâu.

Huệ không tin, đáp lại:

- Có, chắc chắn có.

Lãng nói:

- Chỉ tại tôi làm phức tạp thêm cho đời sống đấy thôi.

- Cậu thành thực nghĩ như vậy chứ?

Lãng không muốn dối lòng, nên đáp:

- Vâng. Nhưng tôi vẫn tin đời sống phức tạp ấy mới đúng là đời sống. Không có gì đơn giản cả. Nghe giọng nói cương quyết và đôi mắt long lanh của viên thư ký, Nguyễn Huệ biết không thể tranh luận cho rốt ráo ngay bây giờ. Ông cười nhẹ rồi bảo:

- Để lúc khác chúng ta sẽ tranh luận. Lãng sắp xếp chuẩn bị để mai lên đường. Tình hình chưa hoàn toàn yên ổn, phải cẩn thận lắm đấy!

*

* *

Sau khi Phạm Ngạn chết, công việc của Lợi càng thêm nặng. Việc kiểm kho, vận chuyển thu góp lương thực, do thiếu ghe thuyền vốn đã khó khăn. Nếu mọi sự bình thường như năm 1776 thì Lợi đã xin lệnh trưng dụng các ghe chài để chở thóc kho từ các dinh Cần Thơ, Long Hồ, Trấn Biên... về Gia Định dễ dàng. Nhưng sau cuộc tàn sát Hoa kiều, ghe thuyền mất bóng trên các sông rạch. Thuyền chiến chỉ được dùng vào việc hành quân lúc đó còn rất phức tạp và cấp bách. ở vị trí của Phạm Ngạn (viên hộ giá ai cũng biết là rất thân tín của vua Thái Đức), việc điều động thuyền chiến đi vận lương kể ra không quá khó khăn. Lợi là một cấp thừa hành lại chịu trách nhiệm lớn, dĩ nhiên khó khăn phải tăng gấp bội.

Nhưng Lợi vượt qua được hết mọi trở ngại, bằng sự khôn khéo của mình. Vừa giải quyết tạm ổn việc chuyển lương, xáo trộn do cuộc tàn sát Hoa kiều ập đến. Nhiều nhà cửa, kho hàng chủ đã bị giết, hoặc đã nhanh chân bỏ trốn. Hàng hóa, nhất là hàng xa xỉ phẩm nhãn hiệu Tàu bị vất bừa bãi khắp đường. Quản lý của cải vô chủ trở thành một công tác cấp bách, hết sức phức tạp, hết sức nguy hiểm. Không thể nào tránh được các vụ thất thoát, cất giấu các món quý giá đem về làm của riêng. Không biết thế nào là thiếu, mà cũng không biết thế nào là đủ. Lệnh trên ban xuống là phải thu góp tất cả tài sản vô chủ, không được cho lọt vào tay bọn vô lại và kẻ tham lam, thu góp thứ gì phải có sổ sách ghi chép phân minh, thứ nào xếp theo thứ đó, chờ xử lý của nhà vua.

Muốn thi hành cho đúng lệnh, cần phải có một đội ký lục đông đảo thạo việc và tuyệt đối liêm khiết. Thời bình tìm cho ra số người ấy còn khó huống chi thời loạn. Và lạ lùng thay, Lợi vẫn vượt qua được cuộc thử thách!

Ba năm mang gông đã giúp cho Lợi những kinh nghiệm quý báu. Trước cuộc thử thách quyết định cả tương lai của đời anh, Lợi tự buộc mình đổi tính. Không ba hoa lắm lời, Lợi lặng lẽ, kín đáo, âm thầm lo liệu công việc của mình. Lợi cũng cố biến mình thành tấm gương của liêm khiết. Bánh trái hoa quả quý lạ mang từ bên Tàu sang, rượu trà hảo hạng ê hề, chất đồng,

nhưng tuyệt đối Lợi không chạm đến. Anh chỉ ăn khẩu phần dành cho mình, dùng cái bát sành đã mẻ để uống thứ trà dở quân lính vẫn quen uống. Những người làm việc với Lợi lăm lét nhìn Lợi để cố đoán trong lòng Lợi nghĩ gì, muốn gì. Họ không đoán ra. Họ chỉ thấy sau một ngày làm việc cực nhọc, đóng cửa kho lại, Lợi ngồi rung đùi, lâu lâu mỉm cười một mình: Lợi đang ngây ngất vì một niềm hoan lạc còn lớn hơn cả sự chiếm hữu vàng bạc, của cải. Anh cười khoái trá vì kẻ đã đẩy anh đến cửa ngục, buộc anh mang gông suốt mấy năm đằng đẳng đã bị chết chém dưới lưỡi gươm Hòa nghĩa. Lợi thầm nghĩ, đúng là trời cao có mắt!

*

* *

Lãng tử Cần Thơ về mang tin Nguyễn Ánh đã trốn ra đảo Phú Quốc. Vua Thái Đức nhận tin vui với một nụ cười chua chát trên môi. Cuộc tấn công Gia Định lần này có quá nhiều chuyện đáng buồn: quân số hao hụt trăm trọng qua hai trận ác liệt ở sông Ngã Bảy và sông Ngã Tư, cái chết bi thảm của Phạm Ngạn, cảnh thây chất đống trên các phố xá Gia Định, không khí u ám và oi bức của những chiều ẩm đậm, sức khỏe giảm sút của nhà vua... Gần như vua Thái Đức không còn thiết gì nữa. Cho nên khi Long Nhương Tướng quân tính đến kế hoạch tổ chức hành chánh và bố phòng lâu dài ở Gia Định, nhà vua gạt đi. Nguyễn Huệ ngỡ ngàng hỏi anh:

- Thế khi đại binh ta rút về, Gia Định được giao cho ai trấn giữ?

Nhà vua đáp bằng giọng mệt nhọc:

- Ai chẳng được. Tên Chung còn có manh giáp nào đâu mà sợ! Cứ giao cho tên tướng Đông sơn đã quy hàng chúng ta đó. Hắn tên gì?

- Dạ tên Đỗ Nhân Trập. Nhưng tin hắn sao được!

Nhà vua cười nhẹ, bảo em:

- Tại sao không tin được. Hắn là tướng Đông sơn, tức là tay chân của Đỗ Thành Nhân. Tên Chung giết Đỗ Thành Nhân, trở thành kẻ thù của hắn rồi. Bây giờ quân Đông sơn lại giết Tổng Phước Thiêm cánh tay phải của Chung, thì Chung cũng xem hắn là kẻ thù. Hắn còn đường nào khác, ngoài con đường theo về Qui Nhơn.

Nguyễn Huệ vẫn còn thắc mắc, hỏi thêm:

- Vậy ta giao cho hắn bao nhiêu quân?

Nhà vua suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Không quá ít để đủ chống lại đám tàn quân của tên Chung, cũng không quá nhiều để hắn nổi lòng tham, tự lập thành một cơ đồ riêng biệt. Chú cho hắn hai nghìn quân.

- Hai nghìn thì không đủ. Tuy Nguyễn Ánh bị đại bại, nhưng thế lực của hắn trong dân chúng vẫn còn lớn. Hắn lại được Hoa kiều và bọn cố đạo giúp đỡ tận tình. Ta về Qui Nhơn xong chắc chắn hắn lại trở vào đất liền qui tụ bọn tàn binh tiến lên uy hiếp Long Hồ, Gia Định.

Giọng nhà vua trở nên gay gắt:

- Thế ba nghìn có đủ không? Bấy nhiêu quân mà chưa đủ, thì hắn là tên bất tài, đáng bị Chung nó chém cho một nhát. Để hộ bộ Bá ở lại với tên Trập, cho hai bên vừa giúp đỡ vừa kiềm chế lẫn nhau. Chú chuẩn bị mọi việc thế nào để đầu tháng năm ta rút quân về.

Nguyễn Huệ muốn yêu cầu anh xét lại chính sách đối với Gia Định, nhưng nhìn dáng ngồi uể oải, nét mặt buồn hiu của nhà vua, ông biết có nói cũng vô ích. Ông thở dài, rồi xin phép được về trại.

Lãng tử gặp ông, kể tỉ mỉ cuộc hành trình đến Cần Thơ, cho ông biết thêm ảnh hưởng tai hại của vụ tàn sát Hoa kiều đối với vùng đồng bằng miền tây. Nghe xong, Nguyễn Huệ thở dài, bảo:

- Như vậy là hằng năm ta phải kéo quân vào đây rồi!

Lãng chưa hiểu, nên hỏi:

- Vì sao thế? thừa tướng quân!

Nguyễn Huệ lớn giọng nói:

- Vì ta vào đây chỉ trồng những thứ cây đã ngắt rễ. Ta không bám được vào đất, làm sao sống nổi quá vài tháng. Để rồi cậu xem, về tới Qui Nhơn, chắc chắn ta lại được tin cấp báo Nguyễn Ánh đã mon men về tới Long Hồ hay Ba Giồng. Biết đâu chính Đỗ Nhân Trập chạy về mang theo tin đó! Rồi không muốn bàn tiếp đến một điều không vui, Nguyễn Huệ xoay câu chuyện hỏi Lãng:

- Vụ hài cốt thế nào?

Lãng đỏ mặt như một người phạm tội, đáp:

- Dạ tôi đã mang về đây.

Huệ ân cần hỏi:

- Cốt còn tốt không?

- Dạ đã bị mục nhiều. Chỗ đó bị úng thủy.

Nguyễn Huệ ân cần căn dặn:

- Cậu cẩn thận. Dân đi biển rất kỵ mang hài cốt lên thuyền. Cậu phải giấu cho thật kỹ, không lại sinh chuyện.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 52

Tháng Mười một năm Nhâm Dần (1782) cả gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh dùng thuyền trốn vào Qui Nhơn tị nạn. Một lần nữa, lịch sử vừa đưa đẩy vừa thu hút về đây những tay cơ hội xông xáo và tài ba nhất của thời đại.

Thuyền của Nguyễn Hữu Chỉnh cập bến Thị Nại vào lúc xế trưa. Quan sở tại khi nghe Chỉnh xưng là một quan võ nhà Trịnh, từ Nghệ An đi thẳng vào đây, đoán biết tầm quan trọng của nội vụ, vội sai ngựa trạm cấp báo về kinh thành. Ngay sáng hôm sau, đích thân vua Thái Đức dùng ngựa xuống cửa Thị Nại để gặp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hơn bảy năm đã trôi qua, kể từ ngày Chỉnh mang ấn kiếm của nhà Trịnh vào Qui Nhơn cho anh em Nguyễn Nhạc! Nhưng giữa vua Thái Đức và Nguyễn Hữu Chỉnh có một tình quyến luyến đặc biệt chỉ có giữa những kẻ đồng thanh khí. Họ gặp nhau có một lần, thế mà gặp nhau lại sau bảy năm, họ cùng có cảm tưởng như vừa mới nâng ly chúc thọ nhau hôm qua. Nhà vua quên hết nghi lễ, chạy đến ôm chầm lấy Nguyễn Hữu Chỉnh, miệng hỏi rối rít:

- Trời ơi, mới đến hả? Đi đường có bình yên không?

Nguyễn Hữu Chỉnh gỡ tay Nguyễn Nhạc, cung kính hạ thấp người xuống vái chào nhà vua.

Nhạc càng thích thú hơn, cười to và bảo:

- Chỉ vẽ chuyện. Ta với chú mà, khách sáo ích gì! Gia quyến vẫn thường chứ?

Nguyễn Hữu Chỉnh đưa mắt về phía cái nhà lá hiện gia đình đang tạm trú nắng, chậm rãi thưa:

- Tàu Hoàng thượng, thần đã mang cả gia đình vào đây.

Vua Thái Đức ngạc nhiên, nhưng ông kịp trấn tĩnh ngay. Ông biết bên trong còn có nhiều điều tối mật không nên đối đáp công khai giữa đám quần thần và lính hầu đông đảo thế này. Nhà vua cười rất tự nhiên, bảo Chỉnh:

- Ông là một tay chơi hơn hẳn thiên hạ có khác. Đi sứ mà mang theo cả gia đình để thăm cho biết xứ mán mọi của chúng tôi. Được rồi, xin mời cả phu nhân lẫn các cô cậu lên thăm Hoàng đế thành của vua Tây Sơn. Thấy có gì thô lậu, xin đừng cười nhé. Không thể ví với cái phong lưu của chốn ngàn năm văn vật được đâu!

Nguyễn Hữu Chỉnh đỏ mặt vì bối rối và sung sướng. Quên cả địa vị mình, vua Thái Đức còn buộc Nguyễn Hữu Chỉnh phải dẫn Nhà vua đến tận cái chòi tranh để gặp mặt "thím và các cháu". Nhà vua ra lệnh đoàn tùy tùng xếp đặt để rước gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh lên kinh thành trước. Phần Nhà vua và Nguyễn Hữu Chỉnh sẽ dùng ngựa thong thả theo sau, "nhân tiện hướng dẫn cho sứ nhà Trịnh biết qua phong cảnh của Qui Nhơn".

Họ ghìim ngựa đi thong thả sóng đôi bên nhau, và đến lúc thuận tiện nhất, vua Thái Đức mới hỏi Chỉnh:

- Bắc Hà có biến chẳng?

Nguyễn Hữu Chỉnh khâm phục sự nhanh trí của Nguyễn Nhạc, chỉ biết gật đầu. Nhà vua lại hỏi:

- Người như chú mà phải thất thế sao?

Lòng tự ái bị xúc phạm, Chỉnh vội đáp:

- Tâu Hoàng thượng, thần lấy làm xấu hổ vì bao năm trôi qua mà vẫn lặn lội vì công danh. Đến nay chỉ mới là một viên quan nhỏ.

Vua Thái Đức cười, châm biếm:

- Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm. Chính chú đã nói như thế mà!

Nguyễn Hữu Chỉnh cười gượng, rồi tiếp:

- Sau khi Việp Quận công qua đời, thần bị một tai vạ tầy đình suýt nguy đến tính mạng. May mắn là về sau gỡ được, lại được Quận Huy tin dùng.

Nhà vua lại cười hóm hỉnh, nheo mắt hỏi Chỉnh:

- À, Quận Huy! Ta nhớ rồi! Nhà Chúa đau yếu dật dờ, hắn còn dám "tòm tem" với Tuyên phi nữa không?

Nguyễn Hữu Chỉnh cau mày khó chịu, nghiêm mặt đáp:

- Đây chỉ là những lời đồn đãi của kẻ ác tâm, Hoàng thượng chớ nên tin. Quan Chánh đường (Huy Quận công Hoàng Đình Bảo) nắm giữ nhiều uy quyền, nên dĩ nhiên có lắm kẻ thù. Nhưng quan Chánh đường vừa bị bọn kiêu binh tam phủ giết chết rồi.

Vua Thái Đức giật mình gò ngựa đứng lại, hỏi lớn:

- Quận Huy bị giết, tất có đại biến. Thế Trịnh Sâm thế nào?

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng dừng ngựa lại, đáp:

- Đầu đuôi cũng do nhà Chúa. Vì mê nhan sắc của Tuyên phi, nhà Chúa phế trưởng lập thứ, điều đó chắc Hoàng thượng đã rõ.
- Vâng, ta đã biết từ lâu.
- Vây cánh của Trịnh Tông khá đông nên Đặng Tuyên phi phải nhờ đến tài cán của Huy Quận công. Do đó kẻ xấu mới được dịp đồn đãi. Nhà Chúa vừa nhắm mắt nằm xuống...

Nhạc thẳng thốt hỏi:

- Trịnh Sâm đã chết rồi à?
- Tâu Hoàng thượng, vâng. Chúa đã quy tiên hôm 13 tháng Chín vừa qua.
- Sâm chết, tất nhiên phe trưởng với phe Tuyên phi không thể đội trời chung. Vì sao phe Tuyên phi lại thua?

Nguyễn Hữu Chỉnh rơm rớm nước mắt, giọng lạc đi:

- Vì Trịnh Tông dứt lót ve vãn cho bọn lính tam phủ làm loạn. Chúng hện nhau kéo đến vây phủ đường, hò reo quát tháo ầm ĩ đòi giết Quận Huy và Tuyên phi để lập Tông lên ngôi Chúa. Quận Huy lãnh bảo kiếm nhà chúa cưỡi voi ra dẹp, nhưng chúng nó đông đúc ô tạp quá. Cuối cùng...

Vua Thái Đức gật đầu, tiếp lời Chỉnh:

- Ta hiểu rồi. Đám quân ô hợp đó sẽ kéo nhau đi phá nhà những ai chúng cho là phe đảng của Quận Huy. Nhưng chú ở tận nơi biên địa, sợ gì?

Nói xong, vua Thái Đức cười ha hả ra vẻ đắc chí. Nhà vua thúc cho ngựa đi tiếp. Nguyễn Hữu Chỉnh vội theo sát bên Nhà vua. Thấy Chỉnh bối rối, lo sợ, vua Thái Đức an ủi:

- Ta nói đùa đấy thôi. Rõ ràng Trời đã thu góp tất cả hiền tài đưa về Qui Nhơn giúp ta. Chú biết không, tuy Nghệ an đến đây quá xa xôi, nhưng cái danh "con cắt nước" của chú vẫn dội đến chốn hẻo lánh này. Ta đang cần người cải tiến đạo thủy quân. Chú vào đây thật đúng lúc.

* *

Sau khi giao cho Phò mã Vũ văn Nhậm xếp đặt nơi ăn chốn ở cho gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Thái Đức đưa ngay Chỉnh vào văn phòng, rồi sai lính đi mời ngay quan Tiết chế Nguyễn Lễ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, quan Hình bộ Bùi văn Nhật và Thái úy Bùi Đắc Tuyên đến. Rõ ràng tin biến động Bắc Hà đã mở ra cho nhà vua một hy vọng mới.

Chờ cho mọi người yên vị xong, vua Thái Đức hỏi Chỉnh:

- Ông ở Nghệ An, làm sao hay tin có biến ở kinh thành?

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy trừu vua Thái Đức, nét mặt mọi người đều ngơ ngác chưa hiểu ắt giáp ra làm sao, nên khéo léo, từ tốn vừa trả lời Nhà vua vừa giải thích:

- Tâu Hoàng thượng, thần có một người bạn đồng hương là Nguyễn Viết Tuyển coi trung đội của đạo Hậu kiên đóng ở Sơn nam. Tuyển nghe tin vương phủ có biến, lính tam phủ nhân cái chết của Chúa, bị bọn tay chân con trưởng Trịnh Tông xúi giục, kéo đến bao vây vương phủ, phết thể tử, bắt Tuyên phi, giết quan Chánh đường Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, truy lùng những người bị xem là phe của Quận Huy. Lo sợ giùm cho thần, vì trước đây thần từng làm việc lâu năm dưới quyền Việp Quận công và Huy Quận công, nên Nguyễn Viết Tuyển vượt biển vào Nghệ An cấp báo cho thần biết. Do đó, thần đoán chắc tình hình biến loạn ở Bắc Hà là đúng sự thực.

Nhà vua lại hỏi:

- Ông vào đây có ai biết không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười tự tin, đáp chậm và rõ:

- Tâu Hoàng thượng, chắc chắn chưa ai biết thần đem gia đình vào đây, trừ Dao Trung hầu, trấn thủ Nghệ an.

Vua Thái Đức kinh ngạc hỏi lớn:

- Hắn biết mà cứ để ông trốn à?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Tâu Hoàng thượng, Dao Trung hầu là em rể Việp Quận công, nên bị xem là cùng phe với Quận Huy. Nghe thần báo tin có biến kinh thành, Dao Trung hầu sợ lắm, liền hỏi: "Bây giờ làm thế nào?" Thần đáp: "Trấn này giáp với Thuận hóa, hai nơi có thể liên lạc với nhau dễ dàng. Hiện nay phó tướng Phú Xuân là Thế Quận công đồn thủ Đồng Hới là Khôi Thọ hầu, đều là tay chân trong nhà Quận Việp. Với chúng ta coi như đồng hội đồng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo Quận Thế giết viên Đại tướng Phú Xuân, đoạt thành, rồi kịp cho người ra dụ Khôi Thọ hầu để kéo thành Đồng Hới vào hòa. Ngoài trấn Nghệ An này, đã có quan lớn giữ trấn phối hợp làm vây cánh, với hai nơi kia. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, lấy đường Hoàng Mai và đặt đồn lớn ở Quỳnh Lưu để làm cái thế cố thủ. Còn về mặt bề, tôi xin đảm đương".

Vua Thái Đức nghe đến đó thích chí quá, vội hỏi:

- Rồi hắn đáp thế nào? Hắn có đủ gan mật hay không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười đáp:

- Thừa không. Dao Trung hầu tuy sợ vạ, nhưng ngấm nghĩ hồi lâu, cuối cùng bảo thần: "Cái kế của ông hay lắm. nhưng tôi tự liệu sức không làm nổi. Vậy ông nghĩ giùm cho cách khác".

Vua Thái Đức vỗ đùi vào vế, cười to, bảo:

- Ta đoán thế nào hắn cũng từ chối. Trên đời đã mấy ai đủ gan như ông để nghĩ cái kế kinh thiên động địa như vậy. Sau đó ông trả lời hắn thế nào? Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Thần bảo: Ngoài cái kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi. Dao Trung hầu hỏi: Nhưng đi

đâu bây giờ? Thần đáp: Thiên hạ vạn nước lo gì không có chỗ đi.

Vua Thái Đức lại cười ha hả, lớn tiếng khen:

- Càn nói khí phách hiên ngang lắm. Hắn là loài chim sẻ, chắc không dám bay theo con cắt nước, phải không?

- Tâu Hoàng thượng, vâng Thần ghé tai nói nhỏ với Dao Trung hầu chuyện vào Qui Nhơn với Hoàng thượng. Dao Trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa ngần ngại do dự, sau cùng bảo thần: "Sự đó cũng là việc lớn, để tôi nghĩ lại xem đã". Thần nói: "Bây giờ sự biến chỉ trong phút chốc. Đợi đến khi ngài nghĩ xong, chắc lệnh tróc nã đã đến đây rồi. Vậy ngài ở lại mà nghĩ, phần tôi xin được tự lo lấy thân trước".

Vua Thái Đức khen:

- Quyết định nhanh nhẹn như thế mới là người quyền biến, hiểu lẽ xuất xử tiến thoái.

Đến lúc ấy, Long Nhương tướng quân mới hỏi Chỉnh:

- Ông đi mà bọn lính dưới quyền không thắc mắc gì cả à?

Nguyễn Hữu Chỉnh quay nhìn Huệ, khẽ gật đầu chào, rồi đáp:

- Tướng quân hỏi chí phải. Nếu chúng thắc mắc, hoặc có đưa phản thì tôi cũng khó mang cả nhà đi lọt. Tôi bảo với chúng có lệnh của quan Trấn thủ sai đi tuần tiểu mặt bể. Sau khi đưa cả nhà lên thuyền, tôi mới gọi ba trăm lính cơ dưới quyền bảo chúng đứng ở bờ sông, rồi nói rõ duyên cớ cho chúng nghe. Tôi còn biểu mỗi tên một quan tiền đen. Trước khi cho thuyền ra giữa sông kéo buồm chạy ra biển, tôi còn bắn ba phát súng để thị oai và từ biệt.

Vua Thái Đức lại khen:

- Được lắm. Ra đi như vậy mới đúng phong cách người trượng phu. Việc gì mà lấm lét, thậm thụt. Thôi, ông về cùng với gia đình thu xếp nơi ăn chốn ở đi. Nhà cửa thì thẳng rể ta đã lo rồi. Cần phu phen khuân vác đồ đạc, hoặc cần sửa chữa thứ gì, cứ bảo thẳng Nhậm. Ông vào được đây, ta mừng lắm.

*

* *

Đích thân vua Thái Đức đưa Nguyễn Hữu Chỉnh ra tới cửa. Chờ cho Vũ văn Nhậm và Nguyễn Hữu Chỉnh đi khuất sau cánh cổng rồi, nhà vua mới cùng hai em và các đại thần thân tín trở vào phòng. Nét mặt nhà vua hớn hở khác thường. Nét u sầu buồn bã từ ngày ở Gia Định về không còn nữa. Với một giọng hăng hái hơi lấp bắp, nhà vua nói:

- Trời sinh loạn ở Bắc Hà để giúp ta thu hồi đất Thuận Hóa. Chưa đưa quân vượt đèo Hải Vân chiếm lại phần đất từ bờ nam sông Gianh, ta vẫn chưa yên tâm. Thật là trời giúp ta.

Tiết chế Nguyễn Lữ nói:

- Đánh bây giờ em sợ không đủ sức. Sau trận tấn công Gia Định...

Vua Thái Đức cắt lời Lữ:

- Làm sao đánh ngay bây giờ được! Ta liệu trước cái hướng như vậy, còn muốn đánh thì còn phải chờ thời cơ cho chín muồi. Cứ để cho bọn Kiêu binh phá nát nhà cửa, uy tín bọn quan lại Bắc Hà, rồi tiếp tục chờ cho bọn quan lại đó kéo thêm vây cánh mộ thêm thổ binh kéo về kinh đô chém giết bọn Kiêu binh. Đến lúc cả hai mặt nhào không nhắc nổi thanh gươm lên nữa, ta hãy vượt đèo Hải Vân.

Rồi quay về phía Long Nhương tướng quân, nhà vua hỏi:

- Chú Tám nắm vững tình hình phòng thủ ở Thuận Hóa chứ?

Nguyễn Huệ đáp:

- Thừa vâng.
- Sắm gửi vào đó bao nhiêu quân?
- Hơn ba vạn quân, do một viên Đại tướng, một viên Phó tướng, một viên Phó Đốc thị điều khiển. Các nơi trọng yếu từ đèo Hải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân.
- Tạo Quận công người thế nào?
- Hẳn làm Đại tướng trấn giữ Thuận Hóa chỉ nhờ ngoan ngoãn vâng lệnh trên không cần bàn cãi, chứ không phải nhờ tài ba. Nhiều người bảo hẳn dần dần, chậm chạp, gặp lúc biến không biết làm gì cả. Trước kia, viên Đốc thị phụ tá cho y là Nguyễn Lệnh Tân bất bình với Quận Tào dâng thư về triều kể xấu Tào là kẻ nhút nhát vô mưu. Xem thư ấy, Sắm cho Nguyễn Lệnh Tân là kẻ ưa sinh sự, bèn bãi chức Tân và đưa người khác vào thay. Còn Quận Tào thì vẫn được Sắm khen là ôn hòa, thận trọng.
- Phó tướng Phú xuân là ai thế?

Nguyễn Huệ đáp:

- Chính là Hoàng Đình Thế tay chân cũ của Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc. Lúc nãy ông Cống Chỉnh có nói đến viên Phó tướng này.

Vua Thái Đức gật gù, bảo mọi người:

- Như vậy thì Thuận hóa không phải là cấm địa. Quân đông, đồn lũy kiên cố, nhưng tai biến ở kinh thành tất phải khiến cho Phú xuân hoang mang. Thế Quận công cũng là thuộc hạ của Việp Quận công như quận Huy, tất nhiên đang lo bị vạ lây. Ông Nhật chú ý cho người dò la tình hình Phú xuân biến chuyển thế nào, hàng tuần tâu cho ta hay nhé! Quan Hình bộ vội cúi đầu nhận lệnh.

Nhà vua nhìn quanh hỏi:

- Các ông thấy Cống Chỉnh thế nào? Tin hẳn được không?

Vừa chứng kiến cảnh tương đắc giữa nhà vua và Nguyễn Hữu Chỉnh xong, nên không ai dám trả lời ngay, sợ không đúng ý của Nguyễn Nhạc. Chỉ có Nguyễn Huệ rụt rè nói:

- Ông ta có tài thủy chiến, và dám nghĩ đến những chuyện vá trời đấy. Nhưng...

Vua Thái Đức nóng ruột, vội hỏi:

- Nhưng thế nào?

Nguyễn Huệ nhìn thẳng vào mắt nhà vua, nói thật chậm để dần sự e ngại:

- Nhưng hẳn không phải là loại người ngoan ngoãn dễ kiểm chế. Dùng hẳn y như dùng con dao sắc, đứt tay như chơi.

Vua Thái Đức xem lời em như một cách tán thưởng sâu sắc và khéo léo tài dùng người của mình, cười ha hả, rồi bảo:

- Thà như thế. Dùng một con dao sắc nguy hiểm còn sướng hơn phải một nhọc với hàng trăm con dao cùn chém ho. Ông Nhật, ngày mai lựa vài tên lanh lẹ tin cậy được gửi qua làm lính hầu cho ông Cống nhé. Nhớ lựa những tên thật lanh lẹ. Ông hiểu ý ta rồi chứ?

Bùi văn Nhật đáp:

- Tâu thánh thượng, thần đã hiểu rồi ạ.

Nhà vua lại quay sang phía Nguyễn Huệ:

- Hẳn giỏi thủy binh, Bắc Hà đặt cho hẳn cái hiệu "con cắt nước", đủ biết hẳn thành thạo thủy chiến đến bậc nào. Chú cần sửa đổi, tổ chức lại đạo thủy quân không? Sau trận đánh nhau với tàu Tây dương, chú có thấy trục trặc gì không?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Thừa cần phải chỉnh đốn lại các đoàn thuyền chiến nhiều lắm. Muốn tiến quân nhanh, chỉ có cách dùng thuyền lớn để chở quân. Hiện nay thuyền của ta còn nhỏ quá. Phải cải tiến thế nào để thuyền có thể chở được cả súng lớn và voi. Về thủy chiến, lâu nay ta đã quen với sông rạch Gia Định. Nhưng còn mặt Bắc Hà, chắc phải nhờ ông Cống Chính vẽ địa đồ, và chỉ dẫn tỉ mỉ đường đi nước bước. Không biết những điều hăn nói có đáng tin hết không!

Nhà vua vội hỏi:

- Tại sao chú lại hỏi thế? Hăn tị nạn vào đây, còn con đường nào khác đâu?

Nguyễn Huệ đáp:

- Em thấy chí của hăn không phải nhỏ. Có khi hăn vào đây chỉ để mượn đường, mượn quân, mượn nước của ta mưu đồ chuyện Bắc Hà.

Giọng của vua Thái Đức bắt đầu gay gắt:

- Cứ cho như thế đi. Nhưng hăn giở trò mặt cưa ta sẽ có mướp đặng. Trước mắt chưa có gì chứng tỏ hăn giả dối, thì ta phải lấy lòng thành mà đãi hăn. Tuyệt đối các ông không được tỏ ra dấu hiệu nghi ngờ nào. Nhất là chú Tám.

*

* *

Nguyễn Huệ vừa về dinh được ít lâu thì Lãng vào báo cho biết có Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá xin yết kiến. Đang bực bội vì lời trách móc của vua Thái Đức, Huệ gắt gỏng hỏi:

- Xin gặp làm gì?

Lãng đáp:

- Họ trình là quan Hình bộ đã lấy cung xong, bảo phải qua đây để trình qua với Tướng quân.

Nguyễn Huệ hơi nguôi giận, dịu lời bảo Lãng:

- Thôi được, ra mời họ vào.

Hộ bộ Bá người khá cao, nước da đen, tóc thưa búi thành búi nhỏ phía sau gáy, bước vào phòng Long Nhương tướng quân với vẻ tự tin. Đỗ Nhân Trập vốn đã thấp bé, vì sợ nên thu nhỏ người lại, bước lóm thóm sau lưng Bá. Long Nhương tướng quân hất đầu chỉ hai cái ghế đặt sát vách, bảo:

- Hai ông ngồi xuống đó đi. Mọi sự đã khai rõ bên Hình bộ rồi phải không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

- Bẩm tướng quân, đã khai đủ mọi diễn biến từ lúc Tướng quân và Hoàng thượng trở về cho đến lúc Châu Văn Tiếp đem quân vào Gia Định đấy ạ.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt hỏi:

- Hăn đem vào bao nhiêu quân mà các ông bỏ chạy?

Hộ bộ Bá vội đáp:

- Dạ không phải chỉ một mình Châu Văn Tiếp kéo cò "Lương sơn tá quốc" đưa quân về. Trước đó Đô đốc Loan đã bị Hồ văn Lân đánh bại ở Long hồ. Sau đó chúng kéo về đánh lấy Bến Lức. Hợp cả hai cánh quân Bến Lức và Châu Văn Tiếp lại, chúng mạnh hơn quân ta gấp bội. Vì vậy... Đến lúc đó, Đỗ Nhân Trập mới dám lên tiếng: - Dạ quả thật quân chúng nó đông đảo lắm. Được Hoàng thượng và Tướng quân tin cậy giao cho trấn thủ Gia Định, tôi rất lo lắng, chưa biết làm thế nào cho phải. Tôi bàn với Hộ bộ Bá. Quan Hộ bộ đây bảo: "Châu Văn Tiếp rất giỏi võ nghệ, nay ông đem đại quân đến đánh, ta không thể chống cự được đâu. Ta nên rút quân về Qui Nhơn đã, đến mùa xuân năm sau lại vào tái chiếm, cũng không muộn gì!"

Hộ bộ Bá đưa cùi chỏ thúc hông Đỗ Nhân Trập nhiều lần, nhưng Trập cứ làm ngơ, tiếp tục kể

cho hết chuyện. Da mặt Hộ bộ Bá xanh mét. Nguyễn Huệ quan sát thái độ của hai tên bại tướng, cười nhạt, rồi hỏi:

- Hộ bộ Bá nói thế, ông trả lời thế nào?

Đỗ Nhân Trập hớn hờ đáp:

- Thưa Tướng quân, tôi bảo chưa đánh đã trốn chạy là hèn nhất. Cho nên...

Hộ bộ Bá cướp lời Trập:

- Nhưng ông vừa dẫn quân ra, đã bị chúng nó xông vào đánh cho tan tác, cuối cùng cũng phải theo tôi chạy về đây thôi.

Nguyễn Huệ quay nhìn chằm chằm vào Bá, danh giọng nói:

- Vâng. Rõ ràng là ông có lý. Châu Văn Tiếp không phải là một tay xoàng. Quân của chúng lại đông. Các ông chỉ có 3000 quân, rút lui để bảo toàn lực lượng là phải. Nhưng vào mùa xuân sang năm, ông làm ơn mang quân vào Gia Định tái chiếm giúp ta nhé! Nay là tháng 11. Còn những hai ba tháng nữa để chuẩn bị. Ông cứ từ từ tái chiếm, cũng không muộn gì!

Câu cuối cùng, Nguyễn Huệ cố ý nhại cho giống giọng kể của Đỗ Nhân Trập, khiến cả Trập lẫn Bá càng lo sợ hơn. Đỗ Nhân Trập run run lên tiếng:

- Chúng tôi đều là hạng bất tài. Chúng tôi đã biết tội rồi. Xin tướng quân rộng lượng tha thứ.

Nguyễn Huệ không muốn kéo dài thêm không khí căng thẳng, nên dịu lời bảo:

- Ta chỉ nói đùa đó thôi. Phép cầm quân không phải lúc nào cũng nhắm mắt cúi đầu mà húc về phía địch. Có lúc phải mạnh dạn xông tới, nhưng có lúc phải rút lui để bảo tồn lực lượng, chờ cơ hội thuận tiện hãy tấn công. Sau khi làm tờ khai trình, bên Hình bộ có bảo các ông làm gì nữa không?

Hộ bộ Bá vội vàng nói:

- Thưa Tướng quân, quan Hình bộ dặn phải qua đây ngay.

Nguyễn Huệ bực dọc bảo:

- Ta biết rồi. Nhưng sau khi thất trận, các ông đem được về đây bao nhiêu chiến thuyền, bao nhiêu quân còn sống sót, đã làm gì để báo tin, ủy lạo gia đình các tử sĩ chưa. Những việc ấy, chính các ông phải kê khai trình báo rõ ràng với bộ Binh. Các ông đã làm chưa?

Đỗ Nhân Trập sợ Hộ bộ Bá tranh lời mất, nên vội đáp:

- Dạ đã làm xong cả rồi ạ.

Nguyễn Huệ gật đầu, bảo:

- Thôi được. Các ông cứ về nghỉ đi đã. Khi nào cần, Hoàng thượng sẽ xuống chiếu vời đến. À quên, ông Trập lần đầu ra đây chắc còn bỡ ngỡ chưa quen. Ông Bá lo hộ cho ông ấy nơi ăn chốn ở. Ông giúp được việc này không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

- Dạ thưa được ạ. Tôi sẽ lo mọi việc chu tất.

*

* *

Tối hôm ấy, Long Nhương tướng quân giữ Lãng ở lại ăn cơm với mình. Lãng hết sức ngạc nhiên, vì từ khi ở Gia Định về, Long Nhương tướng quân tránh tâm sự thân mật với viên thư ký. Phần Lãng, vì tự trọng, anh cũng không muốn vượt qua những ngăn cách của lễ nghi. Cả hai người đều thấy họ khác biệt nhau trong lối nhìn về lịch sử, về cuộc đời, về giá trị của cuộc sống, và cả hai đều biết nếu muốn tranh luận đến cùng, họ phải chấp nhận nhiều tổn thương và mất mát. Cho nên họ vờn quanh những điều cấm kỵ, và e dè trong cách ăn nói, cư xử hằng ngày.

Nghe vị chỉ huy bảo ở lại dinh ăn cơm tối, Lãng đoán biết Huệ đang có một tâm sự không biết thổ lộ cho ai. Lãng sung sướng, hãnh diện là khác, được nghe những điều tâm sự ấy.

Nguyễn Huệ bảo lính hầu dọn cơm ngay tại phòng làm việc chứ không về dinh riêng. Ban đầu, câu chuyện của họ còn rụt rè, dãi bôi. Huệ hỏi Lãng:

- Bên nhà vẫn thường chứ?

Lãng đáp:

- Dạ thưa Tướng quân, vẫn bình thường.

Huệ nhìn ra phía cửa, bảo Lãng:

- Không còn ai ở đây ngoài hai chúng ta, Lãng xưng hô bình thường đi. Cứ gọi "anh" như ngày thầy chưa mất.

Lãng cảm động, lí nhí đáp:

- Cảm ơn Tướng quân. Cảm ơn anh.

- Hôm rút quân về ta bận quá. Chuyện hốt cốt của Chinh êm xuôi chứ?

Lãng cười, vui vẻ kể:

- Suýt tí nữa là mang vạ đấy. Vì lúc cho quân lên thuyền, có lệnh phải kiểm soát gắt gao các thứ quân lính mang theo. Nếu không nhanh trí, em đã bị lộ rồi.

Huệ thích thú tò mò hỏi:

- Lãng làm cách nào qua mặt họ được?

Lãng đỏ mặt, thú thực:

- Em đem bọc cốt lên thuyền một lượt với đồ đạc quân khí của Tướng quân.

Nguyễn Huệ cười, giả vờ làm mặt giận bảo:

- May cho cậu. Nếu bị phát lộ, cậu phải ở tù một gông vì tội mạo danh. Đem về đây cải táng ở đâu?

- Ở sát mộ cha em.

Nguyễn Huệ thở dài nói:

- Mới đây mà thầy mất đã bốn năm!

Rồi với giọng rụt rè hơn, Huệ hỏi:

- Mấy đứa cháu con An vẫn thường chứ?

- Dạ. Thăng đầu hơi nghịch, khó dạy.

- Nó mấy tuổi rồi?

- Dạ lên sáu.

- Chóng nhỉ. Mới ngày nào... hôm An lấy chồng... Phải rồi, hôm ấy đúng vào dịp ông Cống Chinh mang ấn kiếm vào Qui Nhơn. Bây giờ hắt lại dẫn xác vào. Ta nhớ sau tiệc cưới, thầy và ta có nói chuyện với nhau thật lâu về Cống Chinh. Chóng thật. Mới ngày nào...

Lãng mơ hồ đoán Nguyễn Huệ muốn tâm sự với mình về chuyện Cống Chinh, nên hỏi:

- Tướng quân... anh vừa gặp Cống Chinh chiều hôm nay?

Nguyễn Huệ đáp:

- Phải.

- Ông Cống có đổi khác so với sáu năm trước đây không?

- Vẫn thế. Không... Có khác chứ. Hắt đã bỏ bớt những điều hoa hòe, vì cái thế của hắt khác trước xa lắm. Thăng Long có biến loạn, quận Huy quan thầy của hắt bị bọn lính Tam phủ giết chết. Hắt sợ vạ lây đem vợ con trốn vào đây. Vì thế, chân tướng của hắt lộ rõ hơn.

Huệ cúi đầu trầm ngâm một lúc lâu. Sau cùng, ông gật gù, hỏi Lãng: - Lãng có biết hôm đám

cưới An, thầy đã nói với ta về ông Cống Chỉnh như thế nào không?

Lăng hỏi:

- Cha em nói gì ạ?

- Thầy nghe Cống Chỉnh huyền thuyên biện bác về lẽ thiện ác ở đời, thấy lập luận của hần hơi giống ý ông Tử Trường trong Sử ký. Chỉ khác một điều ông Tử Trường vì phần đời mà hoài nghi lẽ thiện, còn Cống Chỉnh thì trâng tráo xem đời là một canh bạc, kẻ thiện là kẻ thắng. Đây là "chân lý", là miệng lưỡi của bọn cơ hội. Lăng có biết ba kẻ thù của chúng ta là ai không?

Không chờ Lăng trả lời, Huệ nói:

- Là bọn lưu manh vô lại, bọn thủ cựu cố chấp, và bọn cơ hội. Trong số này bọn cơ hội là kẻ thù nguy hiểm nhất. Vì chúng thông minh hơn bọn vô lại ngu dốt, lại giỏi nịnh nọt luồn cúi hơn bọn cố chấp hẹp hòi. Chúng đổi màu theo hoàn cảnh như da cá kè, lại được việc. Khó phân biệt được bọn cơ hội ấy với những kẻ có thiện chí và có lý tưởng. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Lăng nhận thấy cần phải biện hộ chút ít cho người vắng mặt, nên nói:

- Nhưng ông Cống Chỉnh chưa tỏ ra dấu hiệu xấu xa phản trắc nào cả! Ông ấy vừa đến đây hôm qua.

Huệ sôi nổi nói:

- Cần gì phải sống với nhau lâu mới biết chân tướng. Cứ nghe cách hần kể chuyện Bắc Hà, đủ biết! Nhưng thôi, ta tin cậu Lăng nói chuyện cho vui vậy thôi, đừng kể lại với ai khác thêm sinh chuyện. Khi nãy đang hỏi thăm tin tức bên nhà, tự nhiên xoay sang chuyện ông Cống! Con bé sau của An, nghe nói kháu lắm hả?

- Dạ. Giống chị ấy lắm. Nhất là đôi mắt.

Nguyễn Huệ mỉm cười, hỏi thêm:

- Từ hồi ở Gia Định về, Lợi có còn cho An đi buôn hàng xáo nữa không?

- Dạ chị ấy thôi hàng xáo rồi. Kể ra cũng nặng nhọc quá.

Giọng Huệ trở nên ngập ngừng:

- Có còn oán hận ta nữa không?

Lăng vô ý hỏi lại:

- Anh hỏi gì ạ?

Thốt xong, Lăng mới biết mình lỡ lời. Huệ làm như không nghe câu nói của Lăng, nói qua chuyện khác:

- Bên kho vừa cho biết anh Kiên đã xin thôi việc. Vì sao vậy? Lăng bối rối một lúc, rồi đáp:

- Em cũng chẳng biết nói sao nữa. Cái quán ở gần bến tắm ngựa kể ra cũng khá, chị ấy đủ chi tiêu qua ngày. Khỏi lo sinh kế, anh Kiên quay sang tìm hiểu những điều cao xa viển vông, chẳng hạn ta là ai? Sinh ra để làm gì? Có liên quan gì đến vạn vật quanh ta? Thế nào là hạnh phúc? Cuộc đời sẽ đi đâu?

Nguyễn Huệ thích thú, cười ha hả:

- Thật thế à? Anh ấy bao nhiêu tuổi rồi?

- Anh ấy hơn em mười tuổi. Năm nay em hai mươi bảy.

- Lăng hai mươi bảy rồi à? Mà phải. Chúng ta đã bắt đầu về già cả rồi. Ta ba mươi. Anh Lữ ba mươi hai. Anh Kiên ba mươi bảy. Đến cái tuổi đó coi như đi được quá nửa đường đời, bắt đầu suy nghĩ về nó là phải. Còn Lăng, phải lo chuyện vợ con đi chứ!

Lăng đỏ mặt đáp:

- Xin thú thật với Tướng quân... thú thật với anh là đến bây giờ em vẫn tự thấy mình chưa

trưởng thành. Em chưa biết mình muốn gì, cái gì mình bước chân lên đều bập bênh, chao đảo. Lập gia đình chỉ sợ làm khổ vợ con thôi.

Nguyễn Huệ nhíu mày cố hiểu những lời tâm sự của Lãng mà không hiểu nổi. Huệ hỏi:

- Lãng nói cái gì thế?

Lãng cố gắng giải thích, dù hết sức bối rối, xấu hổ:

- Có lẽ em là một đứa có nhiều trái chứng. Em không thể vững tin được điều gì lâu bền. Có những điều em tưởng là tuyệt đúng, tuyệt đẹp, em xông xáo, có thể liều thân vì nó. Nhưng chẳng bao lâu em thấy mình lầm, rồi lại tìm kiếm một cái tuyệt đúng tuyệt đẹp khác.

Huệ cười, an ủi Lãng:

- Ai mà chẳng thế. Người nào không khao khát đạt cho được cái lý tưởng mà Lãng vừa nói. Dĩ nhiên ít ai toại nguyện, nhưng chính niềm khao khát kia là nền tảng của đạo đức, là động cơ của sự tiến hóa.

- Nhưng em không thể chấp nhận dễ dàng những gì nhiều người chấp nhận. Chẳng hạn... chẳng hạn hồi ở Gia Định anh đã trách Lãng làm phức tạp những điều vốn đơn giản, chỉ thấy những xác chết cháy trên sông Ngã Bảy mà không thấy chiến thắng oanh liệt trước tàu chiến và vũ khí Tây dương. Làm sao được hử Tướng quân? Làm sao được, anh? Đến bây giờ em vẫn chưa quên được cảnh những đồng xác ngập phố Sài Côn, và mùi máu tanh trên bến chợ Sỏi. Mỗi lần nhớ đến cảnh ấy tự nhiên trí óc em quay cuồng, như người say rượu. Em biết nếu không nhân đêm nay xin với anh ân huệ này thì ngày mai không tài nào em dám mở miệng. Xin anh cho Lãng được thay đổi công việc. Cho được làm bất cứ việc gì, miễn là khỏi trông thấy cảnh chết chóc. Xác một con người, dù lúc sống cao lớn hay thấp bé, sang hèn thế nào mặc dầu, vẫn luôn luôn tồi tàn hơn xác một con vật. Em nôn nao trước xác chết. Em không thể chịu đựng nổi. Huệ ngỡ ngàng trước sự phấn kích bất thường của viên Thư ký, vừa lo âu vừa bàng hoàng. Nguyễn Huệ hỏi:

- Vụ Hoa kiều ở Gia Định ám ảnh Lãng đến độ ấy sao? Lãng muốn chuyển sang làm việc gì bây giờ?

Lãng cúi mặt xuống che giấu xúc động. Huệ hỏi tiếp:

- Lãng làm việc với người nào khác, liệu họ có hiểu nổi Lãng không? Ta thì đã quen biết Lãng từ lâu, ta xem Lãng như một người em út cần bảo bọc, thông cảm. Ta hiểu tất cả tính tình của Lãng. Nhưng với người khác, Lãng nghĩ mà xem!

Lãng vội nói:

- Anh cho em làm việc gì không dính máu.

Huệ cười lớn, nói đùa:

- Cử Lãng sang trụ trì chùa Thập Tháp nhé. Gần đây con Thọ Hương cứ nằng nặc đòi cắt tóc đi tu đấy. Lãng biết chuyện đó chưa?

Lãng lo sợ đáp nhỏ:

- Em thật có lỗi với nàng.

Nguyễn Huệ không muốn đùa dai về một chuyện hết sức tế nhị, nên ngay sau đó, nói tránh sang chuyện khác:

- Nay mai thế nào nhà vua cũng cho thành lập sử quán. Lãng vào đấy làm việc nhé?

Lãng đáp:

- Vào sử quán cũng nguy hiểm chẳng khác gì ra trận. Những ghi chép của em, cuối cùng phải hủy bỏ đi cả, có dùng được vào việc gì đâu.

Huệ lại cười to, rồi đề nghị:

- Hay là qua bộ Lễ giúp cho gánh hát của ông Mịch. Phải đấy, Lãng qua soạn tuồng mới cho đào kép ông Mịch có tuồng mà hát. Làm thơ được thì soạn tuồng cũng được, ngại gì.

Lãng phải van xin cho được nghĩ lại. Nguyễn Huệ không ép Lãng phải quyết định tức thì, trước khi chia tay để đi nghỉ, vỗ vai Lãng thân ái bảo:

- Cậu sợ cái gì vậy máu ư? Không có cái gì tự nhiên mà ổn định, tốt đẹp được đâu! Cái chính là ở chỗ: ta có tin đã chọn đúng lý tưởng hay không. Còn trên đường đi đến lý tưởng, thế nào cũng có máu, cũng như có hoa, không thể tránh được!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 53

Tháng Mười một năm Nhâm Dần (1782) cả gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh dùng thuyền trốn vào Qui Nhơn tị nạn. Một lần nữa, lịch sử vừa đưa đẩy vừa thu hút về đây những tay cơ hội xông xáo và tài ba nhất của thời đại.

Thuyền của Nguyễn Hữu Chỉnh cập bến Thị Nại vào lúc xế trưa. Quan sở tại khi nghe Chỉnh xưng là một quan võ nhà Trịnh, từ Nghệ An đi thẳng vào đây, đoán biết tầm quan trọng của nội vụ, vội sai ngựa trạm cấp báo về kinh thành. Ngay sáng hôm sau, đích thân vua Thái Đức dùng ngựa xuống cửa Thị Nại để gặp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hơn bảy năm đã trôi qua, kể từ ngày Chỉnh mang ấn kiếm của nhà Trịnh vào Qui Nhơn cho anh em Nguyễn Nhạc! Nhưng giữa vua Thái Đức và Nguyễn Hữu Chỉnh có một tình quyến luyến đặc biệt chỉ có giữa những kẻ đồng thanh khí. Họ gặp nhau có một lần, thế mà gặp nhau lại sau bảy năm, họ cùng có cảm tưởng như vừa mới nâng ly chúc thọ nhau hôm qua. Nhà vua quên hết nghi lễ, chạy đến ôm chầm lấy Nguyễn Hữu Chỉnh, miệng hỏi rối rít:

- Trời ơi, mới đến hả? Đi đường có bình yên không?

Nguyễn Hữu Chỉnh gỡ tay Nguyễn Nhạc, cung kính hạ thấp người xuống vái chào nhà vua.

Nhạc càng thích thú hơn, cười to và bảo:

- Chỉ vẽ chuyện. Ta với chú mà, khách sáo ích gì! Gia quyến vẫn thường chứ?

Nguyễn Hữu Chỉnh đưa mắt về phía cái nhà lá hiện gia đình đang tạm trú nắng, chậm rãi thưa:

- Tâu Hoàng thượng, thần đã mang cả gia đình vào đây.

Vua Thái Đức ngạc nhiên, nhưng ông kịp trấn tĩnh ngay. Ông biết bên trong còn có nhiều điều tối mật không nên đối đáp công khai giữa đám quần thần và lính hầu đông đảo thế này. Nhà vua cười rất tự nhiên, bảo Chỉnh:

- Ông là một tay chơi hơn hẳn thiên hạ có khác. Đi sứ mà mang theo cả gia đình để thăm cho biết xứ mán mọi của chúng tôi. Được rồi, xin mời cả phu nhân lẫn các cô cậu lên thăm Hoàng đế thành của vua Tây Sơn. Thấy có gì thô lậu, xin đừng cười nhé. Không thể ví với cái phong lưu của chốn ngàn năm văn vật được đâu!

Nguyễn Hữu Chỉnh đỏ mặt vì bối rối và sung sướng. Quên cả địa vị mình, vua Thái Đức còn buộc Nguyễn Hữu Chỉnh phải dẫn Nhà vua đến tận cái chòi tranh để gặp mặt "thím và các cháu". Nhà vua ra lệnh đoàn tùy tùng xếp đặt để rước gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh lên kinh thành trước. Phần Nhà vua và Nguyễn Hữu Chỉnh sẽ dùng ngựa thông thả theo sau, "nhân tiện hướng dẫn cho sứ nhà Trịnh biết qua phong cảnh của Qui Nhơn".

Họ ghìim ngựa đi thông thả sóng đôi bên nhau, và đến lúc thuận tiện nhất, vua Thái Đức mới hỏi Chỉnh:

- Bắc Hà có biến chẳng?

Nguyễn Hữu Chỉnh khâm phục sự nhanh trí của Nguyễn Nhạc, chỉ biết gật đầu. Nhà vua lại hỏi:

- Người như chú mà phải thất thế sao?

Lòng tự ái bị xúc phạm, Chỉnh vội đáp:

- Tâu Hoàng thượng, thần lấy làm xấu hổ vì bao năm trôi qua mà vẫn lặn lội vì công danh. Đến nay chỉ mới là một viên quan nhỏ.

Vua Thái Đức cười, châm biếm:

- Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm. Chính chú đã nói như thế mà!

Nguyễn Hữu Chỉnh cười gượng, rồi tiếp:

- Sau khi Việp Quận công qua đời, thần bị một tai vạ tầy đình suýt nguy đến tính mạng. May mắn là về sau gỡ được, lại được Quận Huy tin dùng.

Nhà vua lại cười hóm hỉnh, nheo mắt hỏi Chỉnh:

- À, Quận Huy! Ta nhớ rồi! Nhà Chúa đau yếu dật dờ, hấn còn dám "tòm tem" với Tuyên phi nữa không?

Nguyễn Hữu Chỉnh cau mày khó chịu, nghiêm mặt đáp:

- Đây chỉ là những lời đồn đãi của kẻ ác tâm, Hoàng thượng chớ nên tin. Quan Chánh đường (Huy Quận công Hoàng Đình Bảo) nắm giữ nhiều uy quyền, nên dĩ nhiên có lắm kẻ thù. Nhưng quan Chánh đường vừa bị bọn kiêu binh tam phủ giết chết rồi.

Vua Thái Đức giật mình gò ngựa đứng lại, hỏi lớn:

- Quận Huy bị giết, tất có đại biến. Thế Trịnh Sâm thế nào?

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng dừng ngựa lại, đáp:

- Đầu đuôi cũng do nhà Chúa. Vì mê nhan sắc của Tuyên phi, nhà Chúa phế trưởng lập thứ, điều đó chắc Hoàng thượng đã rõ.
- Vâng, ta đã biết từ lâu.
- Vây cánh của Trịnh Tông khá đông nên Đặng Tuyên phi phải nhờ đến tài cán của Huy Quận công. Do đó kẻ xấu mới được dịp đồn đãi. Nhà Chúa vừa nhắm mắt nằm xuống...

Nhạc thẳng thốt hỏi:

- Trịnh Sâm đã chết rồi à?
- Tâu Hoàng thượng, vâng. Chúa đã quy tiên hôm 13 tháng Chín vừa qua.
- Sâm chết, tất nhiên phe trưởng với phe Tuyên phi không thể đội trời chung. Vì sao phe Tuyên phi lại thua?

Nguyễn Hữu Chỉnh rơm rớm nước mắt, giọng lạc đi:

- Vì Trịnh Tông dứt lột ve vãn cho bọn lính tam phủ làm loạn. Chúng hện nhau kéo đến vây phủ đường, hò reo quát tháo ầm ĩ đòi giết Quận Huy và Tuyên phi để lập Tông lên ngôi Chúa. Quận Huy lãnh bảo kiếm nhà chúa cưỡi voi ra dẹp, nhưng chúng nó đông đúc ô tạp quá. Cuối cùng...

Vua Thái Đức gật đầu, tiếp lời Chỉnh:

- Ta hiểu rồi. Đám quân ô hợp đó sẽ kéo nhau đi phá nhà những ai chúng cho là phe đảng của Quận Huy. Nhưng chú ở tận nơi biên địa, sợ gì?

Nói xong, vua Thái Đức cười ha hả ra vẻ đắc chí. Nhà vua thúc cho ngựa đi tiếp. Nguyễn Hữu Chỉnh vội theo sát bên Nhà vua. Thấy Chỉnh bối rối, lo sợ, vua Thái Đức an ủi:

- Ta nói đùa đấy thôi. Rõ ràng Trời đã thu góp tất cả hiền tài đưa về Qui Nhơn giúp ta. Chú biết không, tuy Nghệ an đến đây quá xa xôi, nhưng cái danh "con cắt nước" của chú vẫn dội đến chốn hẻo lánh này. Ta đang cần người cải tiến đạo thủy quân. Chú vào đây thật đúng lúc.

*

* *

Sau khi giao cho Phò mã Vũ văn Nhậm xếp đặt nơi ăn chốn ở cho gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Thái Đức đưa ngay Chỉnh vào văn phòng, rồi sai lính đi mời ngay quan Tiết chế Nguyễn Lễ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, quan Hình bộ Bùi văn Nhật và Thái úy Bùi Đắc Tuyên đến. Rõ ràng tin biến động Bắc Hà đã mở ra cho nhà vua một hy vọng mới.

Chờ cho mọi người yên vị xong, vua Thái Đức hỏi Chỉnh:

- Ông ở Nghệ An, làm sao hay tin có biến ở kinh thành?

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy trừu vua Thái Đức, nét mặt mọi người đều ngơ ngác chưa hiểu ắt giấp ra làm sao, nên khéo léo, từ tốn vừa trả lời Nhà vua vừa giải thích:

- Tâu Hoàng thượng, thần có một người bạn đồng hương là Nguyễn Viết Tuyển coi trung đội của đạo Hậu kiên đóng ở Sơn nam. Tuyển nghe tin vương phủ có biến, lính tam phủ nhân cái chết của Chúa, bị bọn tay chân con trưởng Trịnh Tông xúi giục, kéo đến bao vây vương phủ, phết thể tử, bắt Tuyên phi, giết quan Chánh đường Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, truy lùng những người bị xem là phe của Quận Huy. Lo sợ giùm cho thần, vì trước đây thần từng làm việc lâu năm dưới quyền Việp Quận công và Huy Quận công, nên Nguyễn Viết Tuyển vượt biển vào Nghệ An cấp báo cho thần biết. Do đó, thần đoán chắc tình hình biến loạn ở Bắc Hà là đúng sự thực.

Nhà vua lại hỏi:

- Ông vào đây có ai biết không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười tự tin, đáp chậm và rõ:

- Tâu Hoàng thượng, chắc chắn chưa ai biết thần đem gia đình vào đây, trừ Dao Trung hầu, trấn thủ Nghệ an.

Vua Thái Đức kinh ngạc hỏi lớn:

- Hắn biết mà cứ để ông trốn à?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Tâu Hoàng thượng, Dao Trung hầu là em rể Việp Quận công, nên bị xem là cùng phe với Quận Huy. Nghe thần báo tin có biến kinh thành, Dao Trung hầu sợ lắm, liền hỏi: "Bây giờ làm thế nào?" Thần đáp: "Trấn này giấp với Thuận hóa, hai nơi có thể liên lạc với nhau dễ dàng. Hiện nay phó tướng Phú Xuân là Thể Quận công đồn thủ Đồng Hới là Khôi Thọ hầu, đều là tay chân trong nhà Quận Việp. Với chúng ta coi như đồng hội đồng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo Quận Thể giết viên Đại tướng Phú Xuân, đoạt thành, rồi kịp cho người ra dụ Khôi Thọ hầu để kéo thành Đồng Hới vào hòa. Ngoài trấn Nghệ An này, đã có quan lớn giữ trấn phối hợp làm vây cánh, với hai nơi kia. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, lấy đường Hoàng Mai và đặt đồn lớn ở Quỳnh Lưu để làm cái thế cố thủ. Còn về mặt bề, tôi xin đảm đương".

Vua Thái Đức nghe đến đó thích chí quá, vội hỏi:

- Rồi hắn đáp thế nào? Hắn có đủ gan mật hay không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười đáp:

- Thừa không. Dao Trung hầu tuy sợ vạ, nhưng ngấm nghĩ hồi lâu, cuối cùng bảo thần: "Cái kế của ông hay lắm. nhưng tôi tự liệu sức không làm nổi. Vậy ông nghĩ giùm cho cách khác".

Vua Thái Đức vỗ đùi vào vế, cười to, bảo:

- Ta đoán thế nào hắn cũng từ chối. Trên đời đã mấy ai đủ gan như ông để nghĩ cái kế kinh thiên động địa như vậy. Sau đó ông trả lời hắn thế nào? Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Thần bảo: Ngoài cái kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi. Dao Trung hầu hỏi: Nhưng đi

đâu bây giờ? Thần đáp: Thiên hạ vạn nước lo gì không có chỗ đi.

Vua Thái Đức lại cười ha hả, lớn tiếng khen:

- Cần nói khí phách hiên ngang lắm. Hắn là loài chim sẻ, chắc không dám bay theo con cắt nước, phải không?

- Tâu Hoàng thượng, vâng Thần ghé tai nói nhỏ với Dao Trung hầu chuyện vào Qui Nhơn với Hoàng thượng. Dao Trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa ngần ngại do dự, sau cùng bảo thần: "Sự đó cũng là việc lớn, để tôi nghĩ lại xem đã". Thần nói: "Bây giờ sự biến chỉ trong phút chốc. Đợi đến khi ngài nghĩ xong, chắc lệnh tróc nã đã đến đây rồi. Vậy ngài ở lại mà nghĩ, phần tôi xin được tự lo lấy thân trước".

Vua Thái Đức khen:

- Quyết định nhanh nhẹn như thế mới là người quyền biến, hiểu lẽ xuất xử tiến thoái.

Đến lúc ấy, Long Nhương tướng quân mới hỏi Chỉnh:

- Ông đi mà bọn lính dưới quyền không thắc mắc gì cả à?

Nguyễn Hữu Chỉnh quay nhìn Huệ, khẽ gật đầu chào, rồi đáp:

- Tướng quân hỏi chí phải. Nếu chúng thắc mắc, hoặc có đưa phản thì tôi cũng khó mang cả nhà đi lọt. Tôi bảo với chúng có lệnh của quan Trấn thủ sai đi tuần tiểu mặt bể. Sau khi đưa cả nhà lên thuyền, tôi mới gọi ba trăm lính cơ dưới quyền bảo chúng đứng ở bờ sông, rồi nói rõ duyên cớ cho chúng nghe. Tôi còn biểu mỗi tên một quan tiền đen. Trước khi cho thuyền ra giữa sông kéo buồm chạy ra biển, tôi còn bắn ba phát súng để thị oai và từ biệt.

Vua Thái Đức lại khen:

- Được lắm. Ra đi như vậy mới đúng phong cách người trượng phu. Việc gì mà lấm lét, thậm thụt. Thôi, ông về cùng với gia đình thu xếp nơi ăn chốn ở đi. Nhà cửa thì thẳng rể ta đã lo rồi. Cần phu phen khuân vác đồ đạc, hoặc cần sửa chữa thứ gì, cứ bảo thẳng Nhậm. Ông vào được đây, ta mừng lắm.

*

* *

Đích thân vua Thái Đức đưa Nguyễn Hữu Chỉnh ra tới cửa. Chờ cho Vũ văn Nhậm và Nguyễn Hữu Chỉnh đi khuất sau cánh cổng rồi, nhà vua mới cùng hai em và các đại thần thân tín trở vào phòng. Nét mặt nhà vua hớn hở khác thường. Nét u sầu buồn bã từ ngày ở Gia Định về không còn nữa. Với một giọng hăng hái hơi lấp bắp, nhà vua nói:

- Trời sinh loạn ở Bắc Hà để giúp ta thu hồi đất Thuận Hóa. Chưa đưa quân vượt đèo Hải Vân chiếm lại phần đất từ bờ nam sông Gianh, ta vẫn chưa yên tâm. Thật là trời giúp ta.

Tiết chế Nguyễn Lữ nói:

- Đánh bây giờ em sợ không đủ sức. Sau trận tấn công Gia Định...

Vua Thái Đức cắt lời Lữ:

- Làm sao đánh ngay bây giờ được! Ta liệu trước cái hướng như vậy, còn muốn đánh thì còn phải chờ thời cơ cho chín muồi. Cứ để cho bọn Kiêu binh phá nát nhà cửa, uy tín bọn quan lại Bắc Hà, rồi tiếp tục chờ cho bọn quan lại đó kéo thêm vây cánh mộ thêm thổ binh kéo về kinh đô chém giết bọn Kiêu binh. Đến lúc cả hai mặt nhào không nhắc nổi thanh gươm lên nữa, ta hãy vượt đèo Hải Vân.

Rồi quay về phía Long Nhương tướng quân, nhà vua hỏi:

- Chú Tám nắm vững tình hình phòng thủ ở Thuận Hóa chứ?

Nguyễn Huệ đáp:

- Thừa vâng.
- Sắm gửi vào đó bao nhiêu quân?
- Hơn ba vạn quân, do một viên Đại tướng, một viên Phó tướng, một viên Phó Đốc thị điều khiển. Các nơi trọng yếu từ đèo Hải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân.
- Tạo Quận công người thế nào?
- Hẳn làm Đại tướng trấn giữ Thuận Hóa chỉ nhờ ngoan ngoãn vâng lệnh trên không cần bàn cãi, chứ không phải nhờ tài ba. Nhiều người bảo hẳn dần dần, chậm chạp, gặp lúc biến không biết làm gì cả. Trước kia, viên Đốc thị phụ tá cho y là Nguyễn Lệnh Tân bất bình với Quận Tào dâng thư về triều kể xấu Tào là kẻ nhút nhát vô mưu. Xem thư ấy, Sắm cho Nguyễn Lệnh Tân là kẻ ưa sinh sự, bèn bãi chức Tân và đưa người khác vào thay. Còn Quận Tào thì vẫn được Sắm khen là ôn hòa, thận trọng.
- Phó tướng Phú xuân là ai thế?

Nguyễn Huệ đáp:

- Chính là Hoàng Đình Thế tay chân cũ của Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc. Lúc nãy ông Cống Chỉnh có nói đến viên Phó tướng này.

Vua Thái Đức gật gù, bảo mọi người:

- Như vậy thì Thuận hóa không phải là cấm địa. Quân đông, đồn lũy kiên cố, nhưng tai biến ở kinh thành tất phải khiến cho Phú xuân hoang mang. Thế Quận công cũng là thuộc hạ của Việp Quận công như quận Huy, tất nhiên đang lo bị vạ lây. Ông Nhật chú ý cho người dò la tình hình Phú xuân biến chuyển thế nào, hàng tuần tâu cho ta hay nhé! Quan Hình bộ vội cúi đầu nhận lệnh.

Nhà vua nhìn quanh hỏi:

- Các ông thấy Cống Chỉnh thế nào? Tin hẳn được không?

Vừa chứng kiến cảnh tương đắc giữa nhà vua và Nguyễn Hữu Chỉnh xong, nên không ai dám trả lời ngay, sợ không đúng ý của Nguyễn Nhạc. Chỉ có Nguyễn Huệ rụt rè nói:

- Ông ta có tài thủy chiến, và dám nghĩ đến những chuyện vá trời đấy. Nhưng...

Vua Thái Đức nóng ruột, vội hỏi:

- Nhưng thế nào?

Nguyễn Huệ nhìn thẳng vào mắt nhà vua, nói thật chậm để dần sự e ngại:

- Nhưng hẳn không phải là loại người ngoan ngoãn dễ kiểm chế. Dùng hẳn y như dùng con dao sắc, đứt tay như chơi.

Vua Thái Đức xem lời em như một cách tán thưởng sâu sắc và khéo léo tài dùng người của mình, cười ha hả, rồi bảo:

- Thà như thế. Dùng một con dao sắc nguy hiểm còn sướng hơn phải một nhọc với hàng trăm con dao cùn chém ho. Ông Nhật, ngày mai lựa vài tên lanh lẹ tin cậy được gửi qua làm lính hầu cho ông Cống nhé. Nhớ lựa những tên thật lanh lẹ. Ông hiểu ý ta rồi chứ?

Bùi văn Nhật đáp:

- Tâu thánh thượng, thần đã hiểu rồi ạ.

Nhà vua lại quay sang phía Nguyễn Huệ:

- Hẳn giỏi thủy binh, Bắc Hà đặt cho hẳn cái hiệu "con cắt nước", đủ biết hẳn thành thạo thủy chiến đến bậc nào. Chú cần sửa đổi, tổ chức lại đạo thủy quân không? Sau trận đánh nhau với tàu Tây dương, chú có thấy trục trặc gì không?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Thừa cần phải chỉnh đốn lại các đoàn thuyền chiến nhiều lắm. Muốn tiến quân nhanh, chỉ có cách dùng thuyền lớn để chở quân. Hiện nay thuyền của ta còn nhỏ quá. Phải cải tiến thế nào để thuyền có thể chở được cả súng lớn và voi. Về thủy chiến, lâu nay ta đã quen với sông rạch Gia Định. Nhưng còn mặt Bắc Hà, chắc phải nhờ ông Cống Chính vẽ địa đồ, và chỉ dẫn tỉ mỉ đường đi nước bước. Không biết những điều hăn nói có đáng tin hết không!

Nhà vua vội hỏi:

- Tại sao chú lại hỏi thế? Hăn tị nạn vào đây, còn con đường nào khác đâu?

Nguyễn Huệ đáp:

- Em thấy chí của hăn không phải nhỏ. Có khi hăn vào đây chỉ để mượn đường, mượn quân, mượn nước của ta mưu đồ chuyện Bắc Hà.

Giọng của vua Thái Đức bắt đầu gay gắt:

- Cứ cho như thế đi. Nhưng hăn giở trò mặt cưa ta sẽ có mướp đặng. Trước mắt chưa có gì chứng tỏ hăn giả dối, thì ta phải lấy lòng thành mà đãi hăn. Tuyệt đối các ông không được tỏ ra dấu hiệu nghi ngờ nào. Nhất là chú Tám.

*

* *

Nguyễn Huệ vừa về dinh được ít lâu thì Lãng vào báo cho biết có Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá xin yết kiến. Đang bực bội vì lời trách móc của vua Thái Đức, Huệ gắt gỏng hỏi:

- Xin gặp làm gì?

Lãng đáp:

- Họ trình là quan Hình bộ đã lấy cung xong, bảo phải qua đây để trình qua với Tướng quân.

Nguyễn Huệ hơi nguôi giận, dịu lời bảo Lãng:

- Thôi được, ra mời họ vào.

Hộ bộ Bá người khá cao, nước da đen, tóc thưa búi thành búi nhỏ phía sau gáy, bước vào phòng Long Nhương tướng quân với vẻ tự tin. Đỗ Nhân Trập vốn đã thấp bé, vì sợ nên thu nhỏ người lại, bước lóm thóm sau lưng Bá. Long Nhương tướng quân hất đầu chỉ hai cái ghế đặt sát vách, bảo:

- Hai ông ngồi xuống đó đi. Mọi sự đã khai rõ bên Hình bộ rồi phải không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

- Bẩm tướng quân, đã khai đủ mọi diễn biến từ lúc Tướng quân và Hoàng thượng trở về cho đến lúc Châu Văn Tiếp đem quân vào Gia Định đấy ạ.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt hỏi:

- Hăn đem vào bao nhiêu quân mà các ông bỏ chạy?

Hộ bộ Bá vội đáp:

- Dạ không phải chỉ một mình Châu Văn Tiếp kéo cò "Lương sơn tá quốc" đưa quân về. Trước đó Đô đốc Loan đã bị Hồ văn Lân đánh bại ở Long hồ. Sau đó chúng kéo về đánh lấy Bến Lức. Hợp cả hai cánh quân Bến Lức và Châu Văn Tiếp lại, chúng mạnh hơn quân ta gấp bội. Vì vậy... Đến lúc đó, Đỗ Nhân Trập mới dám lên tiếng: - Dạ quả thật quân chúng nó đông đảo lắm. Được Hoàng thượng và Tướng quân tin cậy giao cho trấn thủ Gia Định, tôi rất lo lắng, chưa biết làm thế nào cho phải. Tôi bàn với Hộ bộ Bá. Quan Hộ bộ đây bảo: "Châu Văn Tiếp rất giỏi võ nghệ, nay ông đem đại quân đến đánh, ta không thể chống cự được đâu. Ta nên rút quân về Qui Nhơn đã, đến mùa xuân năm sau lại vào tái chiếm, cũng không muộn gì!"

Hộ bộ Bá đưa cùi chỏ thúc hông Đỗ Nhân Trập nhiều lần, nhưng Trập cứ làm ngơ, tiếp tục kể

cho hết chuyện. Da mặt Hộ bộ Bá xanh mét. Nguyễn Huệ quan sát thái độ của hai tên bại tướng, cười nhạt, rồi hỏi:

- Hộ bộ Bá nói thế, ông trả lời thế nào?

Đỗ Nhân Trập hớn hờ đáp:

- Thừa Tướng quân, tôi bảo chưa đánh đã trốn chạy là hèn nhất. Cho nên...

Hộ bộ Bá cướp lời Trập:

- Nhưng ông vừa dẫn quân ra, đã bị chúng nó xông vào đánh cho tan tác, cuối cùng cũng phải theo tôi chạy về đây thôi.

Nguyễn Huệ quay nhìn chằm chằm vào Bá, danh giọng nói:

- Vâng. Rõ ràng là ông có lý. Châu Văn Tiếp không phải là một tay xoàng. Quân của chúng lại đông. Các ông chỉ có 3000 quân, rút lui để bảo toàn lực lượng là phải. Nhưng vào mùa xuân sang năm, ông làm ơn mang quân vào Gia Định tái chiếm giúp ta nhé! Nay là tháng 11. Còn những hai ba tháng nữa để chuẩn bị. Ông cứ từ từ tái chiếm, cũng không muộn gì!

Câu cuối cùng, Nguyễn Huệ cố ý nhại cho giống giọng kể của Đỗ Nhân Trập, khiến cả Trập lẫn Bá càng lo sợ hơn. Đỗ Nhân Trập run run lên tiếng:

- Chúng tôi đều là hạng bất tài. Chúng tôi đã biết tội rồi. Xin tướng quân rộng lượng tha thứ.

Nguyễn Huệ không muốn kéo dài thêm không khí căng thẳng, nên dịu lời bảo:

- Ta chỉ nói đùa đó thôi. Phép cầm quân không phải lúc nào cũng nhắm mắt cúi đầu mà húc về phía địch. Có lúc phải mạnh dạn xông tới, nhưng có lúc phải rút lui để bảo tồn lực lượng, chờ cơ hội thuận tiện hãy tấn công. Sau khi làm tờ khai trình, bên Hình bộ có bảo các ông làm gì nữa không?

Hộ bộ Bá vội vàng nói:

- Thừa Tướng quân, quan Hình bộ dặn phải qua đây ngay.

Nguyễn Huệ bực dọc bảo:

- Ta biết rồi. Nhưng sau khi thất trận, các ông đem được về đây bao nhiêu chiến thuyền, bao nhiêu quân còn sống sót, đã làm gì để báo tin, ủy lạo gia đình các tử sĩ chưa. Những việc ấy, chính các ông phải kê khai trình báo rõ ràng với bộ Binh. Các ông đã làm chưa?

Đỗ Nhân Trập sợ Hộ bộ Bá tranh lời mất, nên vội đáp:

- Dạ đã làm xong cả rồi ạ.

Nguyễn Huệ gật đầu, bảo:

- Thôi được. Các ông cứ về nghỉ đi đã. Khi nào cần, Hoàng thượng sẽ xuống chiếu vời đến. À quên, ông Trập lần đầu ra đây chắc còn bỡ ngỡ chưa quen. Ông Bá lo hộ cho ông ấy nơi ăn chốn ở. Ông giúp được việc này không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

- Dạ thưa được ạ. Tôi sẽ lo mọi việc chu tất.

*

* *

Tối hôm ấy, Long Nhương tướng quân giữ Lãng ở lại ăn cơm với mình. Lãng hết sức ngạc nhiên, vì từ khi ở Gia Định về, Long Nhương tướng quân tránh tâm sự thân mật với viên thư ký. Phần Lãng, vì tự trọng, anh cũng không muốn vượt qua những ngăn cách của lễ nghi. Cả hai người đều thấy họ khác biệt nhau trong lối nhìn về lịch sử, về cuộc đời, về giá trị của cuộc sống, và cả hai đều biết nếu muốn tranh luận đến cùng, họ phải chấp nhận nhiều tổn thương và mất mát. Cho nên họ vờn quanh những điều cấm kỵ, và e dè trong cách ăn nói, cư xử hằng ngày.

Nghe vị chỉ huy bảo ở lại dinh ăn cơm tối, Lãng đoán biết Huệ đang có một tâm sự không biết thổ lộ cho ai. Lãng sung sướng, hãnh diện là khác, được nghe những điều tâm sự ấy.

Nguyễn Huệ bảo lính hầu dọn cơm ngay tại phòng làm việc chứ không về dinh riêng. Ban đầu, câu chuyện của họ còn rụt rè, dãi bôi. Huệ hỏi Lãng:

- Bên nhà vẫn thường chứ?

Lãng đáp:

- Dạ thưa Tướng quân, vẫn bình thường.

Huệ nhìn ra phía cửa, bảo Lãng:

- Không còn ai ở đây ngoài hai chúng ta, Lãng xưng hô bình thường đi. Cứ gọi "anh" như ngày thầy chưa mất.

Lãng cảm động, lí nhí đáp:

- Cảm ơn Tướng quân. Cảm ơn anh.

- Hôm rút quân về ta bận quá. Chuyện hốt cốt của Chinh êm xuôi chứ?

Lãng cười, vui vẻ kể:

- Suýt tí nữa là mang vạ đấy. Vì lúc cho quân lên thuyền, có lệnh phải kiểm soát gắt gao các thứ quân lính mang theo. Nếu không nhanh trí, em đã bị lộ rồi.

Huệ thích thú tò mò hỏi:

- Lãng làm cách nào qua mặt họ được?

Lãng đỏ mặt, thú thực:

- Em đem bọc cốt lên thuyền một lượt với đồ đạc quân khí của Tướng quân.

Nguyễn Huệ cười, giả vờ làm mặt giận bảo:

- May cho cậu. Nếu bị phát lộ, cậu phải ở tù một gông vì tội mạo danh. Đem về đây cải táng ở đâu?

- Ở sát mộ cha em.

Nguyễn Huệ thở dài nói:

- Mới đây mà thầy mất đã bốn năm!

Rồi với giọng rụt rè hơn, Huệ hỏi:

- Mấy đứa cháu con An vẫn thường chứ?

- Dạ. Thăng đầu hơi nghịch, khó dạy.

- Nó mấy tuổi rồi?

- Dạ lên sáu.

- Chóng nhể. Mới ngày nào... hôm An lấy chồng... Phải rồi, hôm ấy đúng vào dịp ông Cống Chinh mang ấn kiếm vào Qui Nhơn. Bây giờ hắt lại dẫn xác vào. Ta nhớ sau tiệc cưới, thầy và ta có nói chuyện với nhau thật lâu về Cống Chinh. Chóng thật. Mới ngày nào...

Lãng mơ hồ đoán Nguyễn Huệ muốn tâm sự với mình về chuyện Cống Chinh, nên hỏi:

- Tướng quân... anh vừa gặp Cống Chinh chiều hôm nay?

Nguyễn Huệ đáp:

- Phải.

- Ông Cống có đổi khác so với sáu năm trước đây không?

- Vẫn thế. Không... Có khác chứ. Hắt đã bỏ bớt những điều hoa hòe, vì cái thế của hắt khác trước xa lắm. Thăng Long có biến loạn, quận Huy quan thầy của hắt bị bọn lính Tam phủ giết chết. Hắt sợ vạ lây đem vợ con trốn vào đây. Vì thế, chân tướng của hắt lộ rõ hơn.

Huệ cúi đầu trầm ngâm một lúc lâu. Sau cùng, ông gật gù, hỏi Lãng: - Lãng có biết hôm đám

cưới An, thầy đã nói với ta về ông Cống Chỉnh như thế nào không?

Lãng hỏi:

- Cha em nói gì ạ?

- Thầy nghe Cống Chỉnh huyền thuyên biện bác về lẽ thiện ác ở đời, thấy lập luận của hần hơi giống ý ông Tử Trường trong Sử ký. Chỉ khác một điều ông Tử Trường vì phần đời mà hoài nghi lẽ thiện, còn Cống Chỉnh thì trâng tráo xem đời là một canh bạc, kẻ thiện là kẻ thắng. Đây là "chân lý", là miệng lưỡi của bọn cơ hội. Lãng có biết ba kẻ thù của chúng ta là ai không?

Không chờ Lãng trả lời, Huệ nói:

- Là bọn lưu manh vô lại, bọn thủ cựu cố chấp, và bọn cơ hội. Trong số này bọn cơ hội là kẻ thù nguy hiểm nhất. Vì chúng thông minh hơn bọn vô lại ngu dốt, lại giỏi nịnh nọt luồn cúi hơn bọn cố chấp hẹp hòi. Chúng đổi màu theo hoàn cảnh như da cá kè, lại được việc. Khó phân biệt được bọn cơ hội ấy với những kẻ có thiện chí và có lý tưởng. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Lãng nhận thấy cần phải biện hộ chút ít cho người vắng mặt, nên nói:

- Nhưng ông Cống Chỉnh chưa tỏ ra dấu hiệu xấu xa phản trắc nào cả! Ông ấy vừa đến đây hôm qua.

Huệ sôi nổi nói:

- Cần gì phải sống với nhau lâu mới biết chân tướng. Cứ nghe cách hần kể chuyện Bắc Hà, đủ biết! Nhưng thôi, ta tin cậu Lãng nói chuyện cho vui vậy thôi, đừng kể lại với ai khác thêm sinh chuyện. Khi nãy đang hỏi thăm tin tức bên nhà, tự nhiên xoay sang chuyện ông Cống! Con bé sau của An, nghe nói kháu lắm hả?

- Dạ. Giống chị ấy lắm. Nhất là đôi mắt.

Nguyễn Huệ mỉm cười, hỏi thêm:

- Từ hồi ở Gia Định về, Lợi có còn cho An đi buôn hàng xáo nữa không?

- Dạ chị ấy thôi hàng xáo rồi. Kể ra cũng nặng nhọc quá.

Giọng Huệ trở nên ngập ngừng:

- Có còn oán hận ta nữa không?

Lãng vô ý hỏi lại:

- Anh hỏi gì ạ?

Thốt xong, Lãng mới biết mình lỡ lời. Huệ làm như không nghe câu nói của Lãng, nói qua chuyện khác:

- Bên kho vừa cho biết anh Kiên đã xin thôi việc. Vì sao vậy? Lãng bối rối một lúc, rồi đáp:

- Em cũng chẳng biết nói sao nữa. Cái quán ở gần bến tắm ngựa kể ra cũng khá, chị ấy đủ chi tiêu qua ngày. Khỏi lo sinh kế, anh Kiên quay sang tìm hiểu những điều cao xa viển vông, chẳng hạn ta là ai? Sinh ra để làm gì? Có liên quan gì đến vận vật quanh ta? Thế nào là hạnh phúc? Cuộc đời sẽ đi đâu?

Nguyễn Huệ thích thú, cười ha hả:

- Thật thế à? Anh ấy bao nhiêu tuổi rồi?

- Anh ấy hơn em mười tuổi. Năm nay em hai mươi bảy.

- Lãng hai mươi bảy rồi à? Mà phải. Chúng ta đã bắt đầu về già cả rồi. Ta ba mươi. Anh Lữ ba mươi hai. Anh Kiên ba mươi bảy. Đến cái tuổi đó coi như đi được quá nửa đường đời, bắt đầu suy nghĩ về nó là phải. Còn Lãng, phải lo chuyện vợ con đi chứ!

Lãng đỏ mặt đáp:

- Xin thú thật với Tướng quân... thú thật với anh là đến bây giờ em vẫn tự thấy mình chưa

trưởng thành. Em chưa biết mình muốn gì, cái gì mình bước chân lên đều bập bênh, chao đảo. Lập gia đình chỉ sợ làm khổ vợ con thôi.

Nguyễn Huệ nhíu mày cố hiểu những lời tâm sự của Lãng mà không hiểu nổi. Huệ hỏi:

- Lãng nói cái gì thế?

Lãng cố gắng giải thích, dù hết sức bối rối, xấu hổ:

- Có lẽ em là một đứa có nhiều trái chứng. Em không thể vững tin được điều gì lâu bền. Có những điều em tưởng là tuyệt đúng, tuyệt đẹp, em xông xáo, có thể liều thân vì nó. Nhưng chẳng bao lâu em thấy mình lầm, rồi lại tìm kiếm một cái tuyệt đúng tuyệt đẹp khác.

Huệ cười, an ủi Lãng:

- Ai mà chẳng thế. Người nào không khao khát đạt cho được cái lý tưởng mà Lãng vừa nói. Dĩ nhiên ít ai toại nguyện, nhưng chính niềm khao khát kia là nền tảng của đạo đức, là động cơ của sự tiến hóa.

- Nhưng em không thể chấp nhận dễ dàng những gì nhiều người chấp nhận. Chẳng hạn... chẳng hạn hồi ở Gia Định anh đã trách Lãng làm phức tạp những điều vốn đơn giản, chỉ thấy những xác chết cháy trên sông Ngã Bảy mà không thấy chiến thắng oanh liệt trước tàu chiến và vũ khí Tây dương. Làm sao được hử Tướng quân? Làm sao được, anh? Đến bây giờ em vẫn chưa quên được cảnh những đồng xác ngập phố Sài Côn, và mùi máu tanh trên bến chợ Sỏi. Mỗi lần nhớ đến cảnh ấy tự nhiên trí óc em quay cuồng, như người say rượu. Em biết nếu không nhân đêm nay xin với anh ân huệ này thì ngày mai không tài nào em dám mở miệng. Xin anh cho Lãng được thay đổi công việc. Cho được làm bất cứ việc gì, miễn là khỏi trông thấy cảnh chết chóc. Xác một con người, dù lúc sống cao lớn hay thấp bé, sang hèn thế nào mặc dầu, vẫn luôn luôn tồi tàn hơn xác một con vật. Em nôn nao trước xác chết. Em không thể chịu đựng nổi. Huệ ngỡ ngàng trước sự phấn kích bất thường của viên Thư ký, vừa lo âu vừa bàng hoàng. Nguyễn Huệ hỏi:

- Vụ Hoa kiều ở Gia Định ám ảnh Lãng đến độ ấy sao? Lãng muốn chuyển sang làm việc gì bây giờ?

Lãng cúi mặt xuống che giấu xúc động. Huệ hỏi tiếp:

- Lãng làm việc với người nào khác, liệu họ có hiểu nổi Lãng không? Ta thì đã quen biết Lãng từ lâu, ta xem Lãng như một người em út cần bảo bọc, thông cảm. Ta hiểu tất cả tính tình của Lãng. Nhưng với người khác, Lãng nghĩ mà xem!

Lãng vội nói:

- Anh cho em làm việc gì không dính máu.

Huệ cười lớn, nói đùa:

- Cử Lãng sang trụ trì chùa Thập Tháp nhé. Gần đây con Thọ Hương cứ nằng nặc đòi cắt tóc đi tu đấy. Lãng biết chuyện đó chưa?

Lãng lo sợ đáp nhỏ:

- Em thật có lỗi với nàng.

Nguyễn Huệ không muốn đùa dai về một chuyện hết sức tế nhị, nên ngay sau đó, nói tránh sang chuyện khác:

- Nay mai thế nào nhà vua cũng cho thành lập sử quán. Lãng vào đấy làm việc nhé?

Lãng đáp:

- Vào sử quán cũng nguy hiểm chẳng khác gì ra trận. Những ghi chép của em, cuối cùng phải hủy bỏ đi cả, có dùng được vào việc gì đâu.

Huệ lại cười to, rồi đề nghị:

- Hay là qua bộ Lễ giúp cho gánh hát của ông Mịch. Phải đấy, Lãng qua soạn tuồng mới cho đào kép ông Mịch có tuồng mà hát. Làm thơ được thì soạn tuồng cũng được, ngại gì.

Lãng phải van xin cho được nghĩ lại. Nguyễn Huệ không ép Lãng phải quyết định tức thì, trước khi chia tay để đi nghỉ, vỗ vai Lãng thân ái bảo:

- Cậu sợ cái gì vậy máu ư? Không có cái gì tự nhiên mà ổn định, tốt đẹp được đâu! Cái chính là ở chỗ: ta có tin đã chọn đúng lý tưởng hay không. Còn trên đường đi đến lý tưởng, thế nào cũng có máu, cũng như có hoa, không thể tránh được!

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 54

Cái tin Nguyễn Hữu Chỉnh đã trốn vào Qui Nhơn cuối cùng cũng đã bay ra đất Bắc. Triều đình ở Thăng Long lấy làm lo lắng, nên treo giải thưởng lớn cho ai tìm cách dụ được Chỉnh trở về. Một người em rể của Nguyễn Hữu Chỉnh xin nhận việc đó. Triều đình liền cấp cho y một đạo mật chỉ để y lên đường.

Thấy người em rể vất vả từ Bắc Hà vào tìm, Chỉnh biết chuyện này có nhiều phức tạp và nguy hiểm, nếu không khôn khéo xử trí chắc chắn sẽ có những hậu quả khó lường. Thừa biết tất cả lính hầu là người của Bùi Văn Nhật, nên Chỉnh gọi người em rể vào căn phòng có nhiều người, hỏi lớn: (1)

- Mày lặn lội đến đây để làm gì? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Mày coi mặt ta từ thuở lọt lòng đến giờ đã có khi nào nghe ai xui khôn xui dại đâu, mà mày dám cả gan như vậy?

Người em rể cúi đầu nín lặng, không dám thốt lời nào. Chỉnh lại hỏi:

- Mày ở Bắc vào đây, nhất định là rõ tình hình Bắc Hà. Hãy kể cho ta nghe. Sau khi Huy quận công bị nạn, Công chúa (vợ quận Huy, con gái chúa Trịnh Doanh) và các cậu trốn tránh đi đâu? Người ấy đáp:

- Hiện thời Công chúa bị Dương thái phi giam vào hậu cung. Hai cậu nghe tin có biến, liền chạy về quận Yên Dũng dấy quân phục thù. Cả vùng Kinh bắc chấn động. Chúa sai Trấn thủ Kinh bắc là Mãn trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng. Các cậu sai viên Thủ lệnh Hoàng Tú làm Tiền đội tiên phong, đem quân nghênh chiến. Hoàng Tú bị tử trận, quân tan, hai cậu đã bị bắt đóng cũi đưa về kinh sư.

Nguyễn Hữu Chỉnh than:

- Thiếu niên vốn khách khí, bại là phải. Nhưng cũng là một nghĩa cử, dù bại cũng vinh. Vậy sau khi bị đưa về kinh sư, hai cậu ra sao?

- Đình nghị hai cậu đều đáng tội chết. Vì Chúa nghĩ tình anh em con cô con cậu nên mới giảm cho một bậc. Nhưng Thái phi lại sai người bắt hai cậu phải uống thuốc độc. Có kẻ báo tin với Chúa, Chúa sai người cản lại. Tới nơi thì cậu cả đã ngấm thuốc chết rồi, cậu hai thoát nạn, hiện bị giam tại ngục cửa Đoài.

Chỉnh ngậm ngùi:

- Thương thay! Phá tổ thì vọt trứng. Người ta có tội tình gì mà nữ nhẫn tâm thế! Còn Công chúa từ khi bị giam vào hậu cung, sống chết thế nào?

- Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không muốn hành hạ gì cả. Nhưng vì Thái phi vẫn có hiềm cũ, nên cố tìm cách làm cho khổ cực đủ đường. Công chúa vừa hận vừa lo, thành bệnh mà chết.

Chỉnh thở dài nói:

- Công chúa chết đi là phải. Sống làm gì nữa! Còn Đặng tuyên phi?

- Từ khi ấu chúa bị truất, Thái phi sai người đi nã Tuyên phi đem đến trước mặt kẻ tội, bắt Tuyên phi phải lạy. Tuyên phi nhất định không lạy. Thái phi sai hai thị nữ kèm hai bên vúi tóc Tuyên phi dập đầu xuống đất. Tuyên phi vẫn nhất định không lạy, và không hờ rãnh nói gì. Thái phi giận quá, đánh đập Tuyên phi một hồi, nhổ nước bọt lên đầu lên mặt, rồi truyền đem giam ở Hộ tăng đường trong vườn sau, làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một hôm Tuyên phi lấy áo che mặt lên ra cửa Tuyên vũ, trốn được đến bến đò khách. Quân lính đuổi kịp bắt về. Từ đó Tuyên phi càng bị giam chặt. Về sau nghe nói có nhiều sự lạ bên lăng Thịnh Phúc (lăng Trịnh Sâm), Thái phi lo sợ phải khoan giảm cho Tuyên phi, cho Tuyên phi qua lo chuyện thờ phụng tam miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lăng tẩm, đêm ngày gào khóc, xin được chết theo tiên vương. Đến ngày đại tường tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc tự vận. Chúa sai quan trấn Thanh hoa theo lễ cung nhân, táng ở nơi cách vọng lăng tiên vương một dặm.

Nguyễn Hữu Chỉnh khen:

- Chết như vậy được đấy. Ta tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ lại có cả tiết liệt. Sau đó chuyện báo ơn báo oán còn gì khác không?

- Chúa được lập hôm trước, thì hôm sau hạ chiếu bao dung tất cả mọi người. Riêng kẻ đứng ra tố cáo việc năm Canh tý thì không được tha. Mấy người đó lần lượt bị bắt và bị khép tội hết thảy. Riêng Ngô Thì Nhậm không biết đã trốn đi đằng nào. Còn những người phải chết vì vụ án Canh tý đều được truy tặng tước vương, có lập đàn siêu độ, giải oan cho họ.

Chỉnh lắc đầu nói:

- Giết kẻ vâng lệnh cha mình ở triều, lại rêu rao tội lỗi của cha mình cho khắp nước rõ, cả hai việc đều là đại bất hiếu. Hiện giờ ngoài đó ai làm Tham tụng, ai làm Bồi tụng?

Người em rể đáp:

- Chúa vừa được lập, thì Tứ xuyên hầu bị bãi chức ngay. Quan Bồi tụng Bùi Huy Bích được thay và làm Kế liệt hầu. Hiện nay một mình Kế liệt hầu giữ ngôi Tham tụng. Bọn Trương Đăng Quỳ, Mai Thế Uông, Nguyễn Công Thước thay nhau lãnh chức Bồi tụng. Đó là những bậc tai mắt cầm quyền chính sự hiện thời.

- Từ đó đến nay, có điềm lành điềm gở gì không?

- Không có điềm lành, còn điềm gở thì nhiều lắm. Ngày rằm tháng Một Nhâm dần, giữa trời bỗng phát một tiếng nổ rất to và kéo dài non khắc, rung chuyển cả mặt đất. Không biết là tiếng gì.

- Việc ấy ta có biết. Có lẽ là tiếng trống trời!

- Năm Quý mao (1783), núi vua Hùng tự nhiên sụt xuống hơn hai mươi thước. Tháng Sáu, sông Thiên đức cạn hẳn một ngày một đêm. Đây là những chuyện lớn ai cũng biết. Còn điềm gở nhỏ thì vô kể.

Nguyễn Hữu Chỉnh tắc lưỡi mấy cái, rồi hỏi tiếp:

- Bọn lính Tam phủ còn tác oai tác quái nữa không?

- Vẫn thế. Hằng ngày chúng nó tụ họp nhau lại bàn chuyện triều đình. Cãi nhau chán, chúng nó còn viết giấy đưa vào triều báo việc này phải thay, việc kia nên giữ. Nhiều điều thật vô lý chúng nó cũng cứ đòi cho được. Ai nói gì động đến chúng là chúng dọa phá nhà. Chúng lập Chúa, rồi lại lập Hoàng tự tôn, phá nhà Nguyễn Khảm, giết Chiêm vũ hầu, ôi thôi Kinh sư bây giờ bát nháo như cái tổ ong sắp vỡ.

Chỉnh nghiêm sắc mặt hỏi:

- Nước đã loạn như thế, còn gì đáng giá nữa đâu mà không bỏ đi. Mà mất công lẫn lộn vào đây làm gì!

Nói thế, nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh vẫn sai nhà bếp làm rượu thịt ăn cần thiết đãi người em rể. Sau khi người ấy no say, Chỉnh trở lại lớn tiếng căn vặn anh ta vào Qui Nhơn làm gì.

Người em rể thực tình thú nhận:

- Đường trung hầu thấy tôi với anh có tình bà con, mới tâu lên Chúa xin giáng chỉ sai tôi vào đây khuyên anh về triều. Chúa hứa sẽ không để cho anh thiệt thòi phú quý đâu!

Hắn đưa tay vào bọc định tìm mật chỉ, nhưng Chỉnh đã cười lớn bảo:

- Mà là kẻ ngu, ta không chấp làm gì. Nhưng ta trách cái đứa sai mà vào đây đã dám khinh ta. Vì vậy ta phải giết mà. Nếu oan, mà xuống âm phủ mà kiện cái thằng đã sai mà đó.

Rồi Chỉnh truyền lệnh thủ hạ lôi ngay người em rể ra chém.

*

* *

Chờ cho quan Hình bộ Bùi Văn Nhật tâu trình tỉ mỉ chuyện Chỉnh xong, vua Thái Đức mới thông thả nói:

- Ta cũng được quan đô đốc tâu đầy đủ vụ này. Hắn tâu còn kỹ càng hơn cả anh nữa. Mấy tên lính dốt của anh nghe tiếng được tiếng mất. Thật chán. Đường trung hầu Bùi Thế Toại nghe ra thành Đàng Trong hầu. Đàng Trong hầu là thế nào? Có cái tước nào lại nôm na như vậy, nhất là ở chốn văn vật như Bắc Hà! Nội mấy chữ ấy không thôi đã đủ chứng tỏ chúng chẳng được việc gì!

Quan Hình bộ vừa thẹn vừa uất vì thái độ khác thường của nhà vua, tìm cách chống chế:

- Tâu Hoàng thượng, chúng là lính hầu nên không thể hiểu hết chữ nghĩa được. Vả lại, những điều chúng trình lại đều đáng tin. Nhất là tình hình Bắc Hà, và các lời đối đáp giữa quan Đô đốc và sứ giả.

Nhà vua chau mày nói:

- Tình hình Bắc Hà thì không có chúng ta cũng biết, và còn biết rõ, biết đúng hơn anh nữa. Còn các lời đối đáp, cũng thế. Quan Đô đốc nộp cả tờ mật chỉ cho ta. Anh có muốn xem không? Rõ ràng hắn một dạ trung thành với ta, không có gì phải ngờ. Anh cho rút bớt tội lính hầu của anh cho làm việc khác thì hơn!

Quan Hình bộ vội thưa:

- Tâu Hoàng thượng, những hành động đó không chứng tỏ hắn trung thành. Ngược lại, hắn vẫn là kẻ giả dối, gian manh.

Vua Thái Đức trừng mắt, giọng hơi xẵng:

- Anh nói cái gì thế?

Bùi Văn Nhật không e sợ nữa, bạo dạn đáp:

- Bởi vì hắn không hành động đúng với thường tình. Hắn nỡ giết em rể hắn không một chút xót thương bản thân. Ruột thịt mà hắn còn dám thế thì những kẻ xa lạ như chúng ta, khi hắn cần phản bội, hắn sẽ cạy tâu ráo máng đến bậc nào! Vả lại, hắn đâu có được quyền muốn chém ai thì chém. Tuy sứ giả là người nhà của hắn, nhưng vào đây, tất nhiên phải thuộc quyền của Hoàng thượng. Hắn vội chém chết sứ giả, chắc chắn bên trong còn có nhiều sự mờ ám. Hắn muốn diệt khẩu để tránh hậu hoạn. Hắn...

Vua Thái Đức cắt lời quan Hình bộ:

- Đầu óc anh méo mó lắm rồi, anh Nhật. Nhìn đâu anh cũng thấy toàn kẻ thù. Cái gì cũng là âm

mưu xảo trá. Người ta dứt khoát cả tình cốt nhục để tỏ dạ trung thành, mà anh còn ngờ thì phải làm gì nữa cho anh tin. Chẳng lẽ phải tự mổ ruột moi ra cho anh đo từng khúc?

Bùi Văn Nhật thấy dù có nói gì thêm cũng vô ích, nên cúi đầu im lặng. Nhà vua quan sát thái độ quan Hình bộ, dịu giọng nói:

- Vả lại, anh chỉ thấy một, chưa thấy cả bốn phía. Cho dù hấn giả dối, muốn giết em rồi để tỏ dạ trung thành, thì nội hành động đó không thôi cũng đủ buộc hấn phải sống chết níu lấy áo ta. Anh đã lấy lời cung của bọn Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá rồi chứ gì? Đấy, anh xem. Lâu nay ta mạnh dạn tin dùng bọn hàng tướng là vì vậy. Nghe tội tàn quân của thằng Chung kéo đến, Hộ bộ Bá sợ hãi xin rút. Trập thì quyết đánh. Hấn có dám mạnh dạn rút lui như Bá đâu. Hấn ở vào cái thế một mất một còn với tên Chung, nên đâu dám làm bất cứ việc gì khiến ta ngờ vực. Nguyễn Hữu Chỉnh cũng vậy. Cứ để cho hấn làm thật em rồi hấn. Tin này bay ra Bắc Hà, sĩ phu ngoài đó sẽ phỉ nhổ hấn. Tự hấn chặt đứt cầu qua sông Gianh rồi. Hấn không còn đường về, chỉ còn một đường là cút cung tận tụy với ta. Hà hà, hấn tưởng khôn mà hóa dại. Anh đã thấy chưa?

Bùi Văn Nhật vẫn còn hoang mang, nói:

- Nhưng vào đây chưa bao lâu, hấn đã làm xáo động khắp nơi. Chuyện gì hấn cũng chỗ mồm vào. Hấn đem chuyện Bắc Hà ra lèo mọi người, từ nghi thức lễ lạc cho đến chuyện binh nhung. Nhà vua dựa ngựa lên lưng trường kỷ, gác cả hai chân lên cái bàn thấp gỗ gụ chạm trổ công phu, cười to, rồi bảo Nhật:

- Việc này thì các anh không được tự ái. Phải nhận cách tổ chức ở khắp các bộ đều luộm thuộm quá. Các anh cứ rề rà mãi, đến nỗi bụi bặm meo mốc phủ dày cả đồng giấy tờ. Hấn chen vào xốc lên là phải. Các anh có sặc sụa hắt hơi vì mốc vì bụi không phải lỗi hấn xông xáo, mà vì lỗi các anh. Chẳng hạn hiện nay bộ Hình của anh có bao nhiêu người?

Bùi Văn Nhật rụt rè đáp:

- Tàu Hoàng thượng, khoảng vài chục người.

Vua Thái Đức vội hỏi:

- Bao nhiêu?

- Dạ khoảng... dạ chừng lối...

- Sao lại "khoảng" với "chừng lối"? Anh phải nắm chắc con số thuộc hạ của anh chứ! Phải dứt khoát 28 hoặc 39.

Bùi Văn Nhật cố gắng biện hộ cho mình:

- Tàu Hoàng thượng, vì có một số người được đưa qua làm ở khắp các nơi, nên không tính đúng được.

Vua Thái Đức cười to, nói tiếp:

- Thì ta cho anh tính luôn số đó. Bao nhiêu tất cả?

- Dạ khoảng 80.

- Lại "khoảng chừng". Đấy, chính anh làm hình bộ mà không nắm chắc số thuộc hạ của mình, hỏi làm sao các đơn thưa kiện, các vụ tranh tụng không chổng chất lưu cữu thành đồng được. Bộ nào cũng đầy cả người mà việc không chạy. Hấn xông vào là phải.

Bùi Văn Nhật không nói gì nữa, nhưng nét mặt dầu dàu. Nhà vua thấy thế, dịu lời bảo:

- Anh phải nhìn cho rộng hơn mới được. Anh cũng phải nhớ rằng ta biết hết mọi điều. Hấn không thể giấu diếm ta được. Còn đối với anh, lòng ta thế nào, anh biết rồi.

*

* *

Quan Hình bộ vừa cáo từ, vua Thái Đức đã vội vã lên kiệu đến bản doanh của Long Nhương Tướng quân. Cả quan Tiết chế Nguyễn Lữ lẫn Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ đã có mặt ở đó từ lâu, và đang nóng ruột chờ đợi nhà vua.

Sau khi đưa mắt ra hiệu cho lính hầu khép cửa phòng lại, nhà vua cười hỏi hai em:

- Mấy chú chờ có lâu không?

Nguyễn Lữ đáp:

- Hai em cũng vừa đến đây thôi.

Vua Thái Đức lau mồ hôi trán, và nói:

- Ông Nhật dài dòng quá! Biết các chú đợi nhưng không thể dứt ra đi được. Thế nào, mọi sự chuẩn bị xong rồi chứ?

Nguyễn Huệ hỏi nhà vua:

- Dạ có nên cho các tướng dự họp luôn không ạ?

Nhà vua hỏi:

- Chuyến này gồm những ai?

Nguyễn Huệ đáp:

- Dạ có Phò mã Trương Văn Đa, Tư khấu Nguyễn Văn Kim, Đô đốc Lê Văn Kế, tướng Phan Tiến Thận...

Nhà vua cắt lời em:

- Thôi được. Khởi cần gọi họ tới. Ta bàn những điểm chính với hai chú. Những chuyện lật vật, chi tiết, hai chú bảo cho họ biết sau. Đã nắm được tình hình Gia Định chưa?

Tiết chế Nguyễn Lữ đáp:

- Dạ thưa, đã nắm rõ.

Nhà vua cười hỏi:

- Tụi Đồ Nhàn Trập, Hộ bộ Bá chạy dài về đây, chúng nó lại được dịp tung hoành. Lại mộ binh, đắp lũy, đóng thuyền chờ chúng ta vào chứ gì?

Nguyễn Lữ đáp:

- Dạ. Hẳn đắp lũy kiên cố ở hai bên sông. Lại bắc thêm một cây cầu nối hai bờ để dễ tiếp ứng cho nhau. Tin cuối cùng báo về cho biết tên Chúng chưa yên tâm, nên cho làm một bè nửa thật lớn giăng ngang qua sông, chờ thuyền ta tới sẽ dùng kế hỏa công mà đốt thuyền.

Nhà vua cười lớn, trề môi nói:

- Thằng con nít ranh này thật lớn mật. Kế hỏa công? Chú Tám, năm trước gió thổi từ cửa Cần Giờ về phía Bến Nghé đấy chứ?

Nguyễn Huệ đáp:

- Dạ đúng như vậy.

- Chú nhớ điều đó. Nếu các chú khéo chọn ngày gió thuận thì cái bè nửa hỏa công lợi hại kia sẽ là tai họa cho bọn thằng Chúng. Lửa sẽ thổi tạt về hướng chúng nó, đốt cho chúng không còn một sợi râu để vuốt. Chuyến này các chú xếp đặt thế nào để khi tiến vào cửa Cần Giờ, gió phải thuận như năm trước. Còn kế hoạch tiến công thế nào?

Nguyễn Huệ trải tấm bản đồ ra trước mặt hai anh, dùng ngón trỏ tay phải chỉ dẫn và giải thích:

- Hiện chúng đắp lũy ở hai bờ sông, đoạn này. Bè nửa hỏa công của chúng có lẽ cũng giăng ở khúc có lũy. Ta sẽ dồn lực lượng đánh ào ào, thật gấp thật mạnh cho chúng không có thì giờ vuốt mồ hôi. Bờ bắc có đạo quân của Tư khấu Lê Văn Kim, bờ nam có đạo quân của Đô đốc Lê

Văn Kế. Trung quân thì có Phò mã Trương Văn Đa làm mũi tiên phong. Đạo thủy quân của chúng ta năm nay mạnh hơn năm trước nhiều, trong khi tên Chúng đã mất hết các tàu chiến Tây dương. Nhất định chỉ một trận thôi ta đã thủ thắng.

Vua Thái Đức gật gù, rồi bảo:

- Ta tin ở hai chú. Vì thế ta từ chối không cho Đô đốc Chính dự trận này.

Tiết chế Nguyễn Lữ cau mặt hỏi:

- Ông ta có xin tham trận ư?

Nhà vua không ngạc nhiên trước câu hỏi thảng thốt của em, bình tĩnh hỏi lại:

- Sao chú hỏi thế? Cho hấn dự trận cho quen địa thế miền Nam, đâu có gì bất lợi?

Nguyễn Lữ vội nói:

- Ý em không muốn nói thế. Em ngạc nhiên không hiểu tại sao đâu đâu cũng có hấn xen vào.

Hấn lại lôi kéo thằng Lợi về bên ấy, báo hại...

Vua Thái Đức cười ồn ào, châm chọc em:

- Báo hại thế nào? Bộ chú như thế mà không làm nổi việc đến nỗi thiếu đi một người phụ tá, đã quính lên hay sao?

- Dạ không phải thế. Nhưng nhờ có Lợi mà hấn biết đủ thứ việc. Ngay như việc tiếp lương...

Nhà vua ngắt lời Lữ:

- Thôi chuyện đó về sau hãy bàn. Trước mắt là chuyện tấn công Gia Định. Các chú đã biết mục đích chuyến này rồi chứ gì?

Nguyễn Huệ hỏi:

- Xong xuôi ta lại rút về, rồi cho vài nghìn quân ở lại giữ thành vài tháng, chờ ta vào lại năm sau, phải không ạ?

Nhà vua lại cười:

- Chú mày nói kháy ta, ta biết. Không. Lần này ta phải nỗ cho hết cỡ. Nếu cần các chú ở lại trong đó cho đến lúc nào không còn sót một chút rể non, mới được về. Trước khi về, phải xếp đặt các đồn, các trạm, cử người có năng lực trấn thủ. Riêng Gia Định thì giao cho thằng Đa, được rồi. Ta hạn cho các chú sáu tháng phải làm xong. Tháng Hai bắt đầu vào. Tháng Tám trở về, liệu kịp không?

Nguyễn Lữ lo lắng, không dám trả lời. Nguyễn Huệ đáp:

- Không cần nhiều tháng như vậy. Tội em sẽ về sớm hơn.

Nhà vua dặn thêm:

- Các chú phải để tâm đến mặt Long Xuyên. Nguyễn Hóa tính năng nổ, giao cho hấn lo phía đó. Tăng cường thêm cho hấn Phó chiến Mỹ để tuần tra mặt biển. Chúng nó thường đi về đường nào, lúc biển chui rúc ẩn nấp xó biển hốc đảo nào, các chú đã biết cả rồi, ta khỏi cần phải nhắc. Phải lanh như con chim cắt mới hòng nhốt hết được rể.

Nguyễn Lữ cầu nhàu một mình:

- Cái gì hấn cũng chõ mồm vào. Kể cả việc thuế khóa...

Vua Thái Đức kinh ngạc hỏi:

- Chú lâu bầu gì thế?

Nguyễn Lữ giật mình, lí nhí chối:

- Không, em có nói gì đâu.

Vua Thái Đức không bằng lòng, gằn giọng:

- Có. Chú có điều gì bất bình, cứ nói đi.

Quan Tiết chế không thể chối từ được, nên đáp:

- Em thấy hấn thóc mách quá lắm. Nguyễn Hữu Chỉnh đó, thừa anh. Bên bộ Hộ, Chỉnh chê các sắc thuế của ta nào không được rõ ràng, qui củ, nhiều kẽ hở, nào mù mờ khiến các quan địa phương dễ dàng lợi dụng để vơ vét dân đen.

Vua Thái Đức vội hỏi:

- Hấn nói như vậy lúc nào? ở đâu?

Nguyễn Lữ đáp:

- Hấn bảo với thằng Lợi như vậy. Vì trước khi cho Lợi qua bên đó, em đã có dặn...

Vua Thái Đức lắc đầu chậm chậm ra dáng chán nản trách móc:

- Tưởng hấn xồng xộc vào bộ Hộ, hạch hỏi mọi người, chê bai bừa bãi! Đằng này hấn chỉ nói chuyện phiếm với người dưới quyền! Chú thắc mắc như thế thì không bao giờ yên tâm làm được việc gì! Vả lại, chú nghĩ mà xem, hấn chê bai như vậy đúng hay sai? Đúng quá đi chứ! Thuế má chỗ này khác chỗ kia, quan dưới tùy tiện thu theo ý mình, tất nhiên phải có dịp nặng tay với kẻ ghét, nhẹ tay với người thương, thậm chí làm ngơ cho bọn dân lậu chịu lo lót tiền bạc, biếu xén của cải. Luật lệ không rõ để sinh tệ, mà không rõ vì mình dốt. Phải thành thật nhận ra cái dốt của mình để học cái hay của thiên hạ. Hấn ở xứ văn vật, lâu đời đã có trật tự trên dưới, luật lệ rõ ràng, ý của hấn khen chê không phải không đáng nghe.

Giống y như Bùi Văn Nhật, quan Tiết chế lại cúi đầu im lặng, nét mặt dầu dàu. Nhà vua quay sang hỏi Nguyễn Huệ:

- Ý chú Tám thế nào?

Nguyễn Huệ chưa muốn trả lời ngay, tìm cách hoãn binh:

- Anh hỏi em gì ạ?

Vua Thái Đức mỉm cười, đọc được cả gan ruột của cậu em út:

- Ta hỏi chú nghĩ gì về quan Đô đốc Chỉnh? Mấy tháng nay, những ý kiến của hấn về thủy binh, về kế sách, về tổ chức quân bị, chú nghe có lọt được tai không?

Nguyễn Huệ gật đầu, chậm rãi đáp:

- Ông ấy am tường việc binh lắm. Nhất là thủy chiến. Bản vẽ loại thuyền tải cỡ lớn có thể chở được voi, cũng như cách đưa voi lên thuyền xuống thuyền của ông ấy thật tỉ mỉ và hợp lý. Loại thuyền nhẹ dùng để nghi binh, cũng lạ. Dĩ nhiên những gì ông ấy nói chưa hoàn toàn phù hợp với địa thế kinh rạch miền Nam, nhưng với xứ Bắc, có lẽ phải theo đề xuất của ông ta. Nhà vua gật gù ra vẻ bằng lòng, hỏi tiếp:

- Thế chuyển này có nên cho hấn vào Gia Định không? Cho hấn tham trận để rút kinh nghiệm.

Nguyễn Huệ vội nói:

- Dù có cho ông ta đi cũng không ích gì. Ông ta gửi thân ở đây, mà lòng cứ đau đáu hướng về phương Bắc. Giá ta mang quân tiến ra Bắc Hà thì ông ta không thể thiếu mặt. Cho nên...

Vua Thái Đức thích thú quá, đập tay lên kỹ, reo:

- Chú khá lắm. Nhìn được như vậy là hiểu rõ tâm can con người ta. Phải. Hấn hữu dụng vào việc khác. Không phải việc này. Hai chú gọi các tướng đến bàn cho kỹ, rồi ta định ngày xuất quân. Ta hy vọng đây là trận chót, sau đó khỏi phải nghe tau trình gì về đám giặc cỏ Gia Định nữa!

*

* *

Tháng Giêng năm Quý mão (1783), sau khi suy nghĩ chín chắn, Lãng chính thức xin Long Nhương Tướng quân cho thuyền chuyển về giáo phường (tức là ban ca kịch) của bộ Lễ.

Nguyễn Huệ hơi buồn, nhưng hiểu được tâm trạng, tính tình viên Thư ký (mà từ lâu ông xem như một người em ruột thịt yếu đuối đáng được chiều chuộng bảo bọc), ông vui mừng cho Lãng chuyển ngành.

Nguyễn Huệ chỉ hơi tiếc, khi bảo:

- Còn không lâu nữa quân ta lại vào Nam. Hai lần trước có Lãng, có người để nói chuyện bình thường, kể cũng vui. Lần này thì...

Huệ ngẫm nghĩ lung lăm, mắt nhìn vào khoảng không. Một lúc sau, ông tiếp:

- Làm tướng cầm quân, không thể không nghiêm khắc, đôi lúc phải tỏ ra lạnh lùng. Có như thế mới có trên dưới, quân lệnh mới được tuân hành. Nhưng là người, ai không cần đến những lúc được sống thoải mái, buồn vui bình thường, ăn nói bình thường. Được buông thả, khỏi phải đánh mặt, nhíu mày, mím môi, gồng vai, lớn tiếng. Thiếu Lãng, ta thiếu những cái thú buông thả ấy. Lãng hiểu ta nói gì không?

Lãng cảm động, run giọng đáp:

- Em hiểu. Nhưng...

Nguyễn Huệ vội nói:

- Ta chỉ nói thế cho cậu yên tâm thôi. Cậu muốn nói gì, ta hiểu trước cả. Cậu không chịu được cảnh máu đổ chứ gì! Được, qua bên giáo phường, cậu sẽ mặc sức vui với cảnh xiêm y rực rỡ, mũ áo lóng lánh, kếp hay đào đẹp. Ta ghen với cậu đấy!

Hai người cùng ồ lên cười. Nguyễn Huệ hỏi: - Lãng nhớ hôm trước ta dặn những gì rồi chứ?

Lãng đáp:

- Dạ nhớ. Nhưng... càng nghĩ càng thấy khó. Đưa giáo phường ra khỏi vùng cung đình, đưa lên sân khấu những khuôn mặt như chàng Lía ở truông Mây, khó quá. Khó chẳng khác nào muốn xoay chuyển cả một thói quen, nếp nghĩ.

Huệ cười, bảo:

- Đã đành là khó. Xoay chuyển thói quen, nếp nghĩ? Đúng, nếu cứ xưa bày nay làm thì việc gì cần ai! Vả lại, ông Mịch được lắm. Nhiều lần ta nói chuyện với ông ấy, thấy có nhiều ý lạ. Chẳng hạn ông ấy cũng nghĩ lời hát nhiều chữ Hán không ai hiểu, nhiều người gật gù chỉ là giả vờ sợ chê dốt. Ông ta cũng bảo anh hề rất quan trọng, không phải ai cũng sắm vai đó được. Lời anh hề phần lớn là lời Nôm, hoặc nhại lời văn hoa để pha trò. Nhưng nghĩ cho thâm thì không có vai nào độc địa, thâm thúy cho bằng lời bông lơn của anh hề. Ý lạ đấy chứ!

Lãng thiếu tự tin, chỉ dè dặt đáp:

- Vâng. Lạ lắm!

Nguyễn Huệ lại bảo:

- À, cậu nghe ông Cố Chỉnh hát theo lối Bắc Hà chưa?

Lãng đáp:

- Chưa ạ!

- Về điểm này, ta phải nhận mình là dân núi, văn hiến chưa bằng được Bắc Hà. Hôm... hôm đám cưới An, ta có nghe ông ấy hát một bài lạ lắm. Hình như bài "Trèo lên cây gạo" thì phải. Điệu đã lạ, lời lại nhã. Nhịp phách cũng khác đây nhiều. Ông ấy là dân phong lưu, ăn chơi có tiếng ở Bắc Hà, tất nhiên phải giỏi phải thạo chuyện xướng ca. Cậu phải tập cho biết mới được.

Lãng lo ngại đáp:

- Không biết em có làm được cơm cháo gì không?

Huệ bực dọc hỏi:

- Sao lại có cái giọng đó? Cái gì ta muốn, là phải làm cho được. Cậu muốn theo giáo phường, thì phải học hỏi, rồi dần dà tập viết tường cho người ta diễn. Nếu muốn mang râu đội mũ làm kép thì cũng phải tập công phu lắm. Ông Mịch không phải là người xa lạ. Cậu cứ mạnh dạn, kiên nhẫn học hỏi đi. Nếu được, cố học để viết tường chàng Lía cho quân lính xem. Họ sẽ thú lắm. Thấy tên lính hầu cứ thập thò ở cửa, Nguyễn Huệ hỏi:

- Cái gì đó?

Tên lính hầu vào thưa: - Trình Tướng quân, có Phò mã Trương Văn Đa xin vào hầu.

Lãnh vội vàng xin phép được ra về. Nguyễn Huệ không giữ lại, chỉ căn dặn:

- Ráng lên nhé. Có cần giúp việc gì, cứ qua đây. Đừng ngại. Này, cho mời Phò mã vào.

(1) Tiết này lấy từ Hồi thứ tư trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần I: Về An Thái

Chương 55

Một buổi chiều tháng Mười năm Giáp thìn (1784), Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh ngồi nói chuyện với Lợi, quên cả thời gian. Họ ít được cơ hội thông thả nói chuyện chân thành và thoải mái với nhau như chiều hôm ấy. Vả lại, câu chuyện cũng hấp dẫn họ. Họ bàn luận với nhau về chiến thắng của Tây Sơn tại Gia Định năm ngoái (Quý mão 1783). Họ không hiểu hết nguyên do của chiến thắng thần tốc đó, nên người này hỏi người kia, cuối cùng cả hai không thể thoát khỏi trạng thái hoang mang, bán tin bán nghi.

Nguyễn Hữu Chỉnh bảo Lợi:

- Tôi theo võ nghiệp lâu ngày, tôi biết ít khi trận thế lại diễn ra đúng với kế hoạch. Tuy không được dự bàn, nhưng tôi có nghe kể lại cách các ngài bàn kế đánh Gia Định. Sao lại có thể tự tin như thế được. Các ngài làm như thủy triều và gió thổi luôn luôn tuân lệnh các ngài. Cứ dồn toàn lực lượng đánh thốc vào quân phòng thủ ở bờ nam lẫn bờ bắc, còn gió trời sẽ thổi ngược lửa hỏa công về phía địch. Làm như quân Gia Định không thấy được hướng gió thổi, và chúng không làm gì cả để phòng ngự. Nhưng sau đó, mọi sự diễn y như vậy: lửa bè tre quay sang đốt cháy thuyền Nguyễn Ánh, cầu phao bị chặt đứt, quân tướng tan tác. Công phu chuẩn bị cự địch bao nhiêu tháng, tan tành trong phút chốc. Nguyễn Ánh chạy trốn, bị truy lùng ráo riết, thuộc hạ trôi giạt tứ phía. Vì sao mọi sự diễn ra đơn giản như vậy? Các ngài thuận lòng Trời ư? Hợp lòng người ư? Tôi không tin!

Lợi đáp:

- Có thể là do tài cầm quân của ông Long Nhương. Vẫn bấy nhiêu lính ấy, thuyền ấy, nhưng khi ông ta cầm quân thì thủ thắng, khi giao lại quân cho kẻ khác thì Nguyễn Ánh lại mon men kéo về. Từ trước đến nay, biết bao lần như thế rồi!

Nguyễn Hữu Chỉnh lắc đầu:

- Tướng giỏi thì quân thế thêm hăng. Nhưng bảo thắng vì tướng là không đúng. Binh thư thường nhắc đến thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Thiên thời là cái gì mông lung, tôi nghĩ chẳng qua chỉ là tiếng đầu môi chót lưỡi của kẻ thắng để khoa trương thanh thế. Địa lợi thì thường do bên thủ thành nắm giữ, vì họ có thì giờ chuẩn bị chiến trường. Rốt lại, quan trọng hơn hết là nhân hòa. Anh có thấy lòng quân khắp khởi mỗi lần xông trận hay không?

Lợi đáp khởi cần suy nghĩ:

- Lúc nào cũng vậy. Toàn quân hăm hở, liều lĩnh xông tới, không sợ cả cái chết.

- Vì sao vậy? Lợi thú thật:

- Tôi không hiểu!

Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

- Tôi cũng không hiểu. Tôi đã ở dưới trướng quận Việp thật lâu (Việp quân công Hoàng Ngũ

Phúc). So sánh quân Tây Sơn với quân của Việp quân công, thì quân quận Việp hơn hẳn về oai vệ, trật tự, khuôn phép, chế độ... Có thể quân Tây Sơn mạnh mẽ, can đảm như anh nói thật. Nhưng họ không có uy vũ, không có phong thái ngang tàng đường bệ. Quần áo luộm thuộm, có gì mặc nấy. Kể cả tướng cũng xuề xòa như vừa mới bỏ cái đòn gánh quẩy trâu hoặc cái dầm chèo, để cầm vội thanh gươm lệnh. Nhìn qua bề ngoài, khó ai tin đây là một đạo quân bách chiến bách thắng. Thế mà... tôi chịu, không thể hiểu! Hoặc bên trong các ngài có cách khống chế ngầm họ, như đe dọa mạng sống vợ con, hoặc hứa hẹn tiền bạc?

Lợi mau mắn đáp:

- Không có. Nhất định không bao giờ có chuyện ấy.
- Thế mỗi lần trở về, họ được chia chác nhiều không?
- Ngài vào đây đã hai năm rồi, chắc ngài rõ như tôi. Lệnh trên đòi tòng quân thì họ đi. Không cần nữa thì họ về cày ruộng. Họ giống như tất cả mọi người. Cũng có tinh binh đấy, nhưng số đông vẫn là các tàm binh đánh giặc theo mùa, giống y như một lối làm ăn khi rồi rỗi việc đồng áng.
- Vậy thì làm sao đạo quân ô hợp ấy mạnh mẽ được? Cả đời chỉ lo việc binh mà đánh nhau còn quờ quạng, hưởng chi là đánh giặc theo mùa. Anh không nói đùa đấy chứ?
- Không ạ! Sự thực là thế.
- Tôi không tin.
- Nhiều người cho đến nay vẫn hồ nghi như ngài. Họ không tin đám giặc cỏ ở nơi mán mọi này làm được việc gì, ngoài việc phá nhà cướp của. Lần lượt từng người đều trở mắt kinh ngạc. Đám giặc cỏ đó xô ngã cả một triều đại trong vòng mấy năm. Sau cuộc chinh nam tôi nghĩ sẽ tới phạt bắc.

Nguyễn Hữu Chỉnh im lặng hồi lâu, vì mãi suy nghĩ nên nét mặt bần thần. Một lúc sau, Chỉnh nói:

- Có lẽ thế. Ông Quế Đường (Lê Quý Đôn) thật là người trông xa biết rộng. Ông ấy đoán Tây Sơn là đất thiên tử, không thể coi thường được. Ông ấy nói đúng. Sự thực rành rành ra đấy, nhưng tôi vẫn chưa hiểu hết. Sức mạnh của các ngài ở đâu? Ở cái dạ dày ư? Dạ dày của các ngài không đầy hơn dân Bắc hà hoặc dân Gia Định. Ở trí não ư? Khó lòng kiếm cho ra một ông đồ ở các làng quanh đây, chứ đừng nói đến các ông nghè, ông cống! Ở đâu? Ở đâu?

Lợi thú nhận:

- Ngài học rộng biết nhiều hơn tôi mà còn chưa đáp được, làm sao tôi biết mà trả lời. Ngài thử hỏi ông Long Nhương xem sao! Có thể ông ấy biết, vì chính ông ấy cầm quân!

Nguyễn Hữu Chỉnh vội hỏi:

- Anh quen ông Long Nhương thế nào? Từ bao giờ?

Lợi hãnh diện đáp:

- Từ hồi ông ấy chưa biết búi tóc.

Nguyễn Hữu Chỉnh mừng rỡ nói:

- Thế à? Thảo nào việc gì anh cũng biết. Nhưng giữa quan Tiết chế và ông Long Nhương, anh thân với ai hơn?

Lợi dè dặt phân vân, cuối cùng đáp liêu:

- Tôi thân với ông Long Nhương hơn.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội hỏi:

- Có phải trước kia, giữa bà nhà với ông Long Nhương... Xin lỗi, tôi nói không được khéo, nhưng

giữa anh với tôi, không nên khách sáo dãi dôi làm gì. Ý tôi muốn hỏi, có phải...

Lợi hiểu ý Chỉnh, đỏ mặt, vội nói:

- Không. Tôi quen ông Long Nhương trước khi gia đình nhà tôi về An Thái. Tôi làm việc với gia đình nhà vua từ thời còn buôn nguồn.

Nguyễn Hữu Chỉnh gật gù, rồi bảo Lợi:

- À ra thế! Tôi nghe anh nói mới hiểu căn do. Thế mà lâu nay tôi cứ tưởng... Anh Lợi này, nếu anh tin cậy nơi tôi, thì tôi đánh bạo khuyên anh một điều. Anh sẵn lòng nghe không?

Lợi sung sướng nói:

- Được ngài bày vẽ, tôi may mắn lắm!

Nguyễn Hữu Chỉnh ghé sát tai Lợi, nói nhỏ:

- Nhà vua đã lớn tuổi. Ánh mắt đã bắt đầu mệt mỏi, nên chí khí bắt đầu chùn lại. Nếu anh mong muốn tiến xa, thì nên tìm cách dựa vào ông Long Nhương. Đó là con chim đại bàng, không phải là loại chim sẻ quanh quẩn kiếm ăn ở gốc cây chái tranh như ông Tiết chế. Anh tài giỏi, cả hai anh chị lại đã từng quen thân với ông Long Nhương, nên việc đó không khó khăn gì. Anh hiểu ý tôi chưa?

Lợi gật đầu, đôi mắt ngược nhìn Chỉnh biết ơn.

*

* *

Cuối tháng Mười, có một cuộc họp quan trọng và khẩn cấp tại phòng cơ mật trong hoàng cung. Lần này, quan Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh được mời tham dự. Chỉnh mừng rỡ, xem đây là dấu hiệu chứng tỏ lòng tin cậy của vua Thái Đức đối với mình có gia tăng. Các đóng góp của Chỉnh trong việc cải tiến chiến thuyền, nhất là loại thuyền vận tải cỡ lớn chở được voi và súng lớn, đã đem tượng binh vào tận mặt trận phía nam, và thêm hỏa lực cho các đạo thủy quân. Trận Đồng Tuyên năm Quý mão (1783) là một thất bại bất ngờ cho Nguyễn Ánh. Ánh củng cố lực lượng, đủ thì giờ bố trí tuyến phòng ngự vững chắc ở Đồng Tuyên để chờ Nguyễn Huệ tới. Nhưng Ánh đã không ngờ quân Tây Sơn đem được cả voi trận vào đồng bằng Gia Định. Quân Ánh thấy đoàn voi hung dữ xông tới, sợ hãi chạy tán loạn. Vì thế, khả năng của thủy quân Tây Sơn tăng gấp bội, vừa đánh được trên sông, vừa có thể chuyển thành bộ binh để đánh trên các vùng đất cao và rừng núi, với đầy đủ súng lớn và voi.

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đến, các nhân vật quan trọng đã có mặt đầy đủ: vua Thái Đức, quan Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, Phò mã Vũ Văn Nhậm, quan Hình bộ Bùi Văn Nhật, Thái úy Bùi Đắc Tuyên, cùng một số quan khác mà Chỉnh chưa biết tên. Hình như cuộc họp bắt đầu trước khi mời Chỉnh tới. Chỉnh hiểu sự tin cậy đối với mình chưa hoàn toàn, nhưng so với trước đây, được dự vào các việc cơ mật như hôm nay đã là tiến bộ đáng mừng.

Vua Thái Đức vui vẻ mời Chỉnh ngồi, rồi bảo:

- Quan nội sai nghe không rõ lệnh ta, nên mời Đô đốc chậm đi một chút. Nhưng không sao.

Chúng tôi vừa trầm trồ khen ngợi mẫu thuyền tải lợi hại của ông. Trận Đồng Tuyên sở dĩ thắng được nhanh gọn như vậy cũng nhờ có voi. Ông không dự trận, nhưng công lao của ông lớn lắm. Có điều... có một vài trục trặc nhỏ cần phải tìm cách sửa lại. Chú Tám nói tiếp cho quan Đô đốc nghe đi!

Nguyễn Huệ vâng lời anh, hướng về phía Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

- Việc dẫn voi lên xuống kể cũng tạm ổn, tuy không phải là dễ. Vài chiếc thuyền bị nghiêng khi voi bước lên bờ. Có những thớt voi chưa quen, thuyền hơi chênh một chút đã hoảng sợ, thành

ra thuyền càng chòng chành hơn, có chiếc bị lật. Nhưng khó nhất là làm thế nào giữ cho voi chịu nằm yên suốt cuộc hành trình.

Vua Thái Đức chen vào nói:

- Thôi, việc đó tạm gác lại đã. Trước mắt là trận Gia Định sắp tới. Mấy hôm nay dân chúng bắt đầu xì xào bàn tán, dân phố chạy đi mua gạo để trữ. Kẻ xấu được dịp tung nhiều tin đồn. Chúng tưởng quân Xiêm sẽ giúp cho Nguyễn Ánh thắng được ta, nên mắt bắt đầu láo liên, toan tính nhiều điều phản trắc. Phải mở mắt giùm cho bọn xấu xa đó. Ông Tuyên, ông nhắc qua tình hình Gia Định hiện nay xem. Phải, kể từ đầu cho đến trận Mang thít hôm 18 tháng Mười vừa rồi (tức 30-11-1784).

Bùi Đắc Tuyên cung kính cúi rạp người xin phép nhà vua, rồi mới bắt đầu nói:

- Sau khi bị Long Nhương Tướng quân đánh cho tan tác, Nguyễn Ánh cùng bọn Châu Văn Tiếp dắt díu nhau qua Xiêm cầu cứu. Chúng qua Xiêm vào tháng Hai năm nay. Vua Xiêm đối với bọn Ánh thật ra cũng chẳng có tình nghĩa gì. Sở dĩ hấn khúng giúp Ánh, chỉ vì muốn giành quyền khống chế Chân Lạp và tranh phần đất Gia Định với nước ta mà thôi. Vì vậy, đến tháng Sáu năm nay, vua Xiêm sai hai cháu là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem hai vạn thủy quân và 300 chiến thuyền theo Nguyễn Ánh trở lại Gia Định. Phần Ánh cũng tập hợp đám tàn quân giao cho Châu Văn Tiếp làm Bình tây Đại tướng quân nương theo bóng quân Xiêm hòng phục quốc. Xếp đặt xong đâu đó, ngày Chín tháng Sáu vừa qua (tức 25-7-1784), liên quân Xiêm-Ánh bắt đầu khởi hành.

Vua Thái Đức nghe râu nhiều lần rồi, nên sốt ruột giục:

- Ông trình gọn gọn một chút. Chúng nó đổ bộ Rạch Giá hồi nào?

Thái úy Bùi Đắc Tuyên vội thưa:

- Tàu Hoàng thượng, chúng đổ bộ Rạch Giá tháng Bảy.

Nhà vua hướng về phía Nguyễn Hữu Chỉnh và Nguyễn Huệ, lưu ý hai người:

- Chúng dùng toàn thủy quân mà thôi. Các ông chú ý cho.

Thái úy Bùi Đắc Tuyên chờ mãi chưa thấy nhà vua nói thêm, nên tiếp tục trình bày:

- Vì quân số đông hơn gấp bội quân phòng thủ của ta, nên dĩ nhiên chúng chiếm được Rạch Giá. Nhưng chúng tiến quân rất chậm chạp trong suốt ba tháng trường, từ tháng Bảy đến tháng Mười vừa qua, chúng chỉ đưa quân lên tới Cần Thơ, chiếm giữ mấy đồn Ba Vác, Trà Ôn, rồi rụt rè tiến lên Sa Đéc.

Vua Thái Đức cười lớn, giọng bông đùa:

- Ông Thái úy ăn nói như mấy thư sinh mặt trắng! Rụt rè! Hay! Hay lắm! Đúng là chúng nó rụt rè không dám tiến nhanh. Ba tháng trường mới bò được từ Rạch Giá lên Sa Đéc! Có lẽ vì thấy cái đà tiến quân "rùa" này mà tên Chúng đâm lo ngại. Các ông nghĩ mà xem. Ta nhận được tin chắc chắn là thằng Chúng gửi cậu con trai cưng cho thầy Cả (Bá Đa Lộc) làm con tin qua Pháp cầu viện. Tên cố đạo đó đi hôm nào, hờ ông Nhật?

Quan Hình bộ vội đáp:

- Dạ hôm rằm tháng Mười (tức 27-11-1784), tàu Hoàng thượng.

Vua Thái Đức nói tiếp:

- Rằm tháng Mười! Các ông thấy gì không? Trong khi hấn núp bóng đại quân Xiêm đổ bộ Rạch Giá tiến về Cần Thơ, thì thằng Chúng vẫn gửi con trai đầu cho tên cố đạo kia đi cầu viện Pháp. Điều đó chứng tỏ cái gì? Ha ha, chứng tỏ... (nhà vua ngưng lại một lúc, nhìn khắp mọi người rồi mới tiếp) hấn không tin tưởng mấy ở các ngài Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Ông Tuyên thuật tiếp

chuyện Châu Văn Tiếp đi.

Quan Thái úy vâng lệnh nhà vua, nói tiếp:

- Thấy giặc tiến quân như vậy, Phò mã Trương Văn Đa đem thủy quân từ Gia Định xuống tiếp ứng cho Long Hồ để diệt địch. Quân số của ta chỉ có vài nghìn, so với quân Xiêm thật chênh lệch. Nguyễn Ánh thấy thế, nên cùng với Châu Văn Tiếp đem thủy quân theo sông Mang Thít (thuộc địa phận Long Hồ) để đánh quân ta. Hôm ấy là 18 tháng Mười (tức 30-11-1784). Phò mã đem quân giáp chiến. Tiền quân của ta do Chưởng cơ Bảo cầm đầu. Chưởng quân bị vây chặt. Châu Văn Tiếp cả gan nhẩy sang thuyền quân ta để đánh. Hắn bị quân ta đâm chết.

Nguyễn Ánh vội đem quân đến cứu. Phò mã cho thu quân về giữ Long Hồ. Theo tin cuối cùng, hiện hai bên vẫn giữ nguyên vị trí.

Nhà vua nhận xét:

- Chúng đổ bộ Rạch Giá tháng Bảy. Nay đã cuối tháng Mười. Như vậy suốt bốn tháng dài, chúng chỉ tiến được tới Sa Đéc. Các ông bàn luận với nhau xem tại sao vậy?

Cả phòng im lặng, người này liếc nhìn người kia, chờ có người nói trước. Nguyễn Lữ tự thấy mình ở vào địa vị cao hơn cả, nên phải cố đáp câu hỏi của vua Thái Đức. Giọng quan Tiết chế thiếu quả quyết:

- Có lẽ chúng còn sợ uy danh của ta, nên vừa tiến vừa dòm chừng.

Vua Thái Đức vội nói:

- Không hẳn thế đâu. Chúng biết thừa ta cho bao nhiêu quân ở lại giữ Gia Định. Nếu chúng kéo rốc quân vào cửa Cần Giờ như ta thường làm, chưa chắc Phò mã Trương Văn Đa giữ nổi Gia Định đâu. Hai vạn quân, không phải là con số nhỏ! Thế nào, quan Đô đốc? Ông từng trải chiến trận, am hiểu lòng người, ông nghĩ hộ xem vì sao.

Nguyễn Hữu Chỉnh được dịp tăng bốc nhà vua, nên đáp:

- Tâu Hoàng thượng, thần mới vào đây nương nhờ sự bao dung của Hoàng thượng chưa được lâu, nên tình hình Gia Định thế nào, thần chưa được rõ. Quân Xiêm lên đến hai vạn, quả là một lực lượng mạnh. Chúng lại thông thạo thủy chiến. Nếu chúng không dám tiến nhanh, có lẽ vì quân phòng thủ của ta ở Long Hồ và Gia Định tuy ít nhưng dũng cảm, thiện chiến. Vài trận giao tranh như trận Mang Thít khiến chúng hiểu mình hiểu người hơn. Theo binh thư, quân đông mà ô hợp chưa chắc đã thắng được địch thủ có ít quân nhưng đầy đủ ý chí quyết thắng.

Vua Thái Đức thẳng thắn nói:

- Ông nói khéo như vậy cho vui lòng ta đấy thôi. Ta cảm ơn hảo ý của ông. Bây giờ đến lượt chú Tám nói đi. Chuyện này ta giao cho chú lo một mình đấy. Ý chú ra sao?

Long Nhương Tướng quân đáp:

- Chúng không tiến quân nhanh vì nhiều lý do:

Quân Xiêm là quân đi đánh thuê, nên phải tính toán thế nào để tổn thất thật ít mà thu được lợi lộc thật nhiều. Việc gì phải tiến nhanh! Cứ từ từ, chiếm đến đâu cho quân tỏa ra khắp nơi cướp bóc của cải thu vét tài vật cho sạch sành sanh, rồi mới tiến lên chiếm một vùng khác.

Phần Nguyễn Ánh cũng không muốn quân Xiêm tiến nhanh. Hắn sang thuê quân Xiêm, nên hiểu rõ lòng dạ quân đánh thuê. Quân Xiêm đông đến hai vạn, mà quân của Ánh lèo tèo vài trăm tên lính lơ láo, sợ sệt vì từng thua trận nhiều lần. Muốn lấy lòng dân để tính kế lâu dài tại Gia Định, phải có thì giờ mộ thêm quân, lập đạo quân riêng của mình để giành phần chủ động, về sau dễ ăn nói với quân đánh thuê.

Nguyên do thứ ba là chúng không dễ gì nhích chân qua khỏi Sa Đéc. Quân ta ở Long Hồ do Phò

mã Trương Văn Đa chỉ huy tuy ít, nhưng như quan Đô đốc vừa nói, ít mà dũng cảm, thiện chiến. Phò mã án ngữ đường tiến quân của quân Xiêm và quân Ánh tại Long Hồ, cầm chân chúng tại đó. Hiện bản doanh của chúng đóng tại Sa Đéc, và có lẽ cho đến lúc ta kéo quân vào, chúng không thể rút chân khỏi Sa Đéc.

Vua Thái Đức hớn hờ hỏi em:

- Ta dồn hết sức bao vây Sa Đéc quét sạch chúng được không?

Long Nhương tướng quân suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Dạ hơi khó đấy.

Nhà vua chưa từng thấy em do dự như vậy, vội hỏi:

- Sao vậy? Chú sợ quân Xiêm à?

Nguyễn Huệ lắc đầu, đáp:

- Dạ không. Chúng không hơn gì ta về thủy chiến. Nhưng Sa Đéc là một địa điểm thuận lợi cho địch. Sa Đéc ở đầu đoạn sông Tiền Giang đổ ra biển, rất thuận lợi cho thủy quân Xiêm khi chúng cần di chuyển hoặc bố trí lực lượng. Đánh vào đó tất phải gặp khó khăn. Có lẽ ta phải chọn chiến trường khác.

Vua Thái Đức bảo:

- Việc đó tùy chú định, theo tình hình biến chuyển trong đó. ở đây mà bàn không đi đến đâu. Chuyển này chú cần tượng binh không?

Nguyễn Huệ đáp ngay:

- Thừa không cần. Chúng dùng thủy quân, ta cũng dùng thủy quân.

Vua Thái Đức hơi lo lắng, gần như sợ phật lòng em khi nói:

- Nhưng chú không thể đem toàn bộ thủy quân vào Gia Định đâu! Quân số ít hơn quân Xiêm đấy. Những hai vạn, thì vét đâu cho đủ! Hoặc là chú vào thẳng Gia Định để lấy thêm quân rồi hãy tính chuyện tấn công sau!

Nguyễn Huệ cương quyết đáp:

- Xin Hoàng thượng yên tâm. Quân ta ít nhưng hăng hái vì đánh giặc giữ nước. Địch đông nhưng là quân đánh thuê nên phải rán giữ mạng để được chia lợi. Một người giữ nước mạnh bằng ba, bằng bốn lần một tên cướp nước. Thần xin hứa sẽ thắng.

Vua Thái Đức ngỡ ngàng với cách xưng hô đột nhiên trịnh trọng của em. Nhưng nhà vua hiểu ngay dụng ý của Huệ. Nhà vua cảm động âu yếm nhìn em, hiểu câu nói Huệ vừa thốt ra là một lời thề.

*

* *

Tháng Mười Một năm Giáp thìn (1784), Long Nhương tướng quân đem đạo thủy quân thiện chiến và dũng cảm của mình vào Nam diệt quân xâm lược Xiêm. Nhận được tin Phò mã Trương Văn Đa vẫn còn giữ được Long Hồ, Nguyễn Huệ quyết định không đưa quân vào cửa Cần Giờ để lên Gia Định, mà tiến thẳng xuống Mỹ Tho.

Về sau sử quan triều Nguyễn muốn giấu bớt cái nhục bại trận cho Gia Long, viết rằng Nguyễn Huệ vừa từ Qui Nhơn vào đã dẫn quân đến thử sức với thủy quân Xiêm, và thua liên tiếp mấy trận, đến nỗi Huệ ngã lòng muốn rút quân về. May nhờ có một cựu tướng của Nguyễn Ánh là Lê Xuân Giác hiến kế, Nguyễn Huệ mới biết cách phục binh ở Rạch Gầm-Xoài Mút và cả thắng quân Xiêm. Viết như thế, sử quan triều Nguyễn muốn cứu gỡ danh dự của Nguyễn Ánh. Thật vậy, họ muốn cho hậu thế định ninh rằng cuộc chiến thắng oanh liệt của Tây Sơn năm Giáp

thần hoàn toàn do may rủi. Nếu không có tên hàng tướng vốn là tay chân của Nguyễn Ánh (nghĩa là đã học mót được mưu lược thần tình của chủ cũ) chỉ đường dẫn lối, chắc chắn Nguyễn Huệ đã phải chán nản và rút quân về Qui Nhơn, để mặc cho bọn xâm lược Xiêm đường hoàng tiến về Gia Định.

Sao lại có lối lập luận gượng gạo vô lý như vậy! Giả sử thực sự Nguyễn Huệ có thua vài trận đầu, thì các trận ấy cũng không gây thiệt hại nặng nề cho quân Tây Sơn bao nhiêu. Đang lúc cần phô trương thanh thế, một đóm chiến thắng leo lét heo hút thế nào cũng được đám tay chân Nguyễn Ánh thổi bùng thành một cơn bão lửa, để sử quan triều Nguyễn sau này ghi chép cẩn thận làm tin. Chỉ mới đánh được một chiến thuyền và năm thuyền đi biển của Tây Sơn ở Mang Thít, mà Nguyễn Ánh đã vội viết thư khoe ầm với J. Liot (1), thử hỏi tại sao các cuộc thất trận tai hại từng làm một viên dũng tướng như Nguyễn Huệ nản chí lại không được họ ghi chép tỉ mỉ để lưu lại cho đời sau? Vả lại, Long Nhương tướng quân không phải là một người dễ dàng nản chí! Trước đó và sau đó, nản chí không phải là thói quen của ông! Mang đại quân ra đi để rồi lủi thủi dắt díu tàn quân trở về, cũng không phải là thói quen của ông! Sử quan triều Nguyễn đội một vòng hoa giả lên đầu Lê Xuân Giác, để hồng che giấu cái nhục của tên công răn cắn gà nhà, nhưng vô ích! Sự thực nhất định vẫn là sự thực! Long Nhương tướng quân đóng bản doanh tại Mỹ Tho xong, đã nghĩ ngay đến kế diệt địch. Như lời ông từng trình với vua anh tại Qui Nhơn, Nguyễn Huệ biết rõ nếu đem đại quân đến Sa Đéc đánh nhau với đại quân Xiêm, thì đối phương chiếm được nhiều ưu thế hơn mình. Suốt mấy tháng dậm chân tại Sa Đéc, quân Xiêm đã quá đủ thì giờ nghiên cứu địa hình, tổ chức phòng thủ chặt chẽ. Vì thế, Nguyễn Huệ đã quyết định tìm kiếm một chiến trường thuận lợi cho mình, và bằng những trận trá bại khiến địch chủ quan, dụ chúng vào chiến trường đã chuẩn bị đó để tiêu diệt.

Chiến trường lý tưởng ấy, là đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài trên mười dặm và cách đại bản doanh của Nguyễn Huệ không xa lắm.

Trong đoạn sông này, lòng sông mở rộng thuận tiện cho việc dồn mấy trăm chiếc thuyền địch tập trung vào đó để công kích. Tại đây, thủy quân và các thuyền chiến Tây Sơn được giấu kín trong các sông nhỏ: rạch Gầm, rạch Xoài Mút và giấu sau cù lao Thái Sơn. Pháo binh Tây Sơn mai phục ở hai bên sông và cả trên cù lao Thái Sơn. Khi toàn bộ thủy quân Xiêm-Ánh đã lọt vào khúc sông này, thì thủy quân Tây Sơn ở rạch Gầm và rạch Xoài Mút sẽ tiến ra chặn đánh ở hai đầu. Thuyền chiến Tây Sơn ở phía sau cù lao Thái Sơn sẽ tiến ra đánh vào ngang hông thủy quân Xiêm, chia cắt đội hình địch ra làm nhiều mảnh để đánh phá. Đồng thời pháo binh Tây Sơn ở hai bên bờ sông Mỹ Tho và cù lao Thái Sơn sẽ bắn xả vào thuyền chiến địch suốt dọc sông từ rạch Gầm đến rạch Xoài Mút. Toàn bộ thủy quân Xiêm-Ánh sẽ bị quân Tây Sơn vây chặt, không thể chạy thoát dễ dàng như ở khúc sông Sa Đéc-Long Hồ, là khúc sông có nhiều ngách, rất khó thực hiện bao vây tiêu diệt toàn bộ.

Những cuộc bại trận sử quan triều Nguyễn mừng rỡ ghi chép vào sử sách để hạ uy tín Long Nhương tướng quân và vót vát danh dự cho Nguyễn Ánh, thực ra, chỉ là những trận khiêu khích rồi trá bại để dụ địch vào thế trận đã bày sẵn mà thôi!

*

* *

Không phải sử quan nhà Nguyễn đã bịa đặt hoàn toàn những thất bại ban đầu của quân Tây Sơn khi chạm trán với một địch thủ lạ tay là quân xâm lược Xiêm. Ghi chép của họ cũng có cơ sở đấy! Vì suốt thượng tuần tháng Chạp năm Giáp thìn, bộ mặt của Long Hồ và Mỹ Tho xao xác

buồn thiu như cảnh một gia đình gặp tang ma. Những tin đồn thất trận lan truyền nhanh khắp các chợ và bến ghe. Ban đầu không ai tin những lời đồn đãi ấy. Người ta chỉ dám xì xào bàn tán với nhau, sau khi lăm la lăm lét nhìn quanh. Dân chúng chưa quên uy thế của Tây Sơn suốt bao năm qua, và họ nhìn đoàn chiến thuyền hùng mạnh có kỷ luật của Qui Nhơn với tâm trạng hoang mang. Họ không thể tin được rằng một đạo quân như vậy lại có thể bại trước bọn xâm lược tàn ác và tham lam, đi đến đâu cũng cướp bóc và hãm hiếp lương dân. Nhưng những người có lòng yêu nước thiết tha nhất dần dần cũng phải ngã lòng. Đã có nhiều dấu hiệu chứng tỏ các tin thất trận không phải hoàn toàn bịa đặt. Sự kiểm soát an ninh ở Mỹ Tho ngày càng lỏng lẻo. Đoạn sông từ Sa Đéc lên Mỹ Tho trước kia được canh phòng nghiêm mật, về sau gần như buông lỏng vì bất lực. Từng đoàn ghe chài, xuồng nhỏ, bè tre chở dân tị nạn từ Sa Đéc đổ lên, cảnh tản cư nheo nhóc làm cho dân Mỹ Tho lo âu, hoảng sợ. Người ta bu quanh các gia đình tản cư hỏi han tin tức. Họ được chính những nạn nhân của quân xâm lược kể lại tình cảnh khốn khổ trong vùng bị chiếm, được tận mắt chứng kiến những phụ nữ bị quân Xiêm hãm hiếp đến nỗi trở thành điên dại hoặc ủ rũ bạc nhược như một cái xác chết. Bến ghe ở Mỹ Tho bỗng chốc trở nên ồn ào, đông đúc gấp bội. Bọn con buôn ùa đến mua rẻ của cải đồ đạc của dân tản cư từ Sa Đéc. Những kẻ yếu bóng vía vội dốc túi ra mua ghe, xuồng để sẵn sàng chạy loạn. Càng ngày số dân Mỹ Tho lặn lẽ xuống ghe tản cư lên phía Bến Nghé càng đông. Dân Sa Đéc tưởng chạy lên đến Mỹ Tho là có thể tìm được an toàn trong vùng kiểm soát của Tây Sơn, không ngờ đến nơi lại thấy Mỹ Tho rục rịch di tản. Một số gia đình tiếp tục tìm nơi khác tránh tên đạn. Một số không đủ khả năng, liều lĩnh bán ghe cho dân địa phương đổi gạo sống qua ngày, vợ chồng con cái chui đút ở các gốc cây, lều chợ. Trong cảnh hỗn loạn ấy, các lời bàn tán càng trở nên bạo dạn hơn. Không biết ngày mai sẽ ra sao, nên các quán rượu đông nghẹt dân say. Khởi cần dao dác nhìn quanh để phòng thân, dân Mỹ Tho lớn tiếng cãi nhau chuyện thời sự trên các mâm rượu, ngay giữa chốn đông người. Mâm nào cũng chèo kéo cho được một người tản cư Sa Đéc tham dự, làm kho tài liệu thời sự để có cơ sở tranh cãi.

Buổi chiều hôm ấy, ở cái quán rượu ngay bên phải chợ Mỹ Tho có một cuộc tranh luận chính trị công khai nồng nặc hơi men thuộc loại đó. Bốn bác nông dân Mỹ Tho đang hỏi thăm tin tức một dân chài tị nạn người Sa Đéc. Một người hỏi:

- Bác có biết cảnh trên này rồi ren bát nháo hay không mà liều lĩnh chở vợ con lên đây?
- Tôi đâu có biết. Mà dù có biết cũng phải chạy thôi! Sống sao nổi dưới đó. Chúng nó cướp sạch, phá sạch, đốt sạch. Bà vợ tôi năn nỉ xin lại cái nồi nấu cơm chúng nó cũng không cho. May đứa con gái lớn của tôi lấy máu gà giả làm người có kinh và bôi trét mặt mũi cho xấu xí dơ dáy mới thoát được đấy. Nhưng đã có những tên lính Xiêm bắt chấp cả dơ dáy. Dù biết lên đây bị chết chìm chết cháy cả nhà, tôi cũng lên. Chết như vậy còn được chết sạch, mát thân!
- Nhưng gia đình bác đông con như thế, làm sao mà sống!
- Quá lắm tôi bán chiếc xuồng đổi gạo cũng húp cháo được nửa tháng chớ! Các ông coi, không phải chờ lâu đâu! Thiên bất dung gian, chừng nửa tháng nữa, thế nào Trời cũng phạt bọn dâm ác đó. Vợ con tôi lên đây thấy thiên hạ ùn ùn bỏ chạy, muốn chèo lên xa hơn nữa. Tôi nhất quyết ở lại. Không lâu đâu, Trời xanh đâu có mù!
- Nhưng bác thấy đấy, quan quân Tây Sơn như gà phải cáo thế này thì đánh đấm gì nữa! Trời có mắt, nhưng cũng đành trơ mắt mà nhìn thôi. Bác không liệu trước sau này hối không kịp. Một người dân Mỹ Tho khác góp lời:

- Họ giữ không nổi khúc sông từ Sa Đéc lên Mỹ Tho, thì làm sao ngăn được mấy vạn quân Xiêm. Bác chèo lên đây có gặp thuyền tuần phòng của Tây Sơn không?

- Không, ông ạ! Khúc dưới, không thấy ai canh phòng gì cả. Lên tới rạch Gầm mới bắt đầu thấy vài chiếc xuồng chở lính đi tuần, nhưng họ không chặn lại hạch hỏi gì.

- Đấy, bác thấy chưa! Bác mới lên nên chưa biết đấy thôi. Họ nghe thanh thế quân Xiêm lớn quá, họ sợ toát mồ hôi. Tôi nghe nói đêm nào cũng có mấy chục thuyền Tây Sơn bỏ trốn. Sáng ra, quan sai thuyền tuần canh đi truy nã, thì các thuyền này cũng trốn luôn.

Người dân Mỹ Tho thứ ba không tin, hỏi bạn:

- Anh nghe tin ấy ở đâu thế?

- Thì chính ông Chưởng cơ Tây Sơn nói với tôi chứ ai! Ông ấy lo lắm, lén đến thăm tôi ban đêm, hỏi nếu hữu sự có thể đến trốn trong nhà tôi không. Vả lại, anh thấy mỗi ngày số chiến thuyền Tây Sơn mỗi ít đi à? Họ sợ quá, hùa nhau cướp thuyền trốn đi cả rồi!

- Hèn gì! Chiều hôm qua tôi bơi xuồng đi qua đại bản doanh, liếc mắt nhìn vào bến thuyền thấy vắng hẵn đi. Chỉ còn lơ thơ vài chiếc thôi. Tôi bơi quá xuống rạch Xoài Mút thì họ chặn lại, bảo phía đó nguy hiểm vì quân Xiêm có thể tấn công bất cứ lúc nào.

Người tản cư dân Sa Đéc bắt đầu chột dạ, lo sợ hỏi:

- Họ trốn đi thật sao các ông?

- Lại không thật. Tôi hù bác làm gì!

- Nhưng tại sao họ hèn nhát như vậy! Chết thì thôi chứ việc gì sợ. Để mặc cho bọn Xiêm tàn sát dân mình, thì sau này còn mặt mũi nào mà nhìn chúng ta nữa. Lúc này mà họ không ra tay bảo vệ dân nghèo, đuổi quân cướp nước, thì chờ đến lúc nào?

- Thôi, bác ơi! Họ nói cho sướng miệng chứ ai không sợ chết. Bác biết lo xa thì ngay bây giờ xuống ghe chèo lên Bến Nghé hoặc trở về Sa Đéc đi. Không thể, một mai chúng lên đây, chúng hỏi tội bác đấy!

- Thế các ông không chạy hay sao?

- Chạy đi đâu! Chạy trốn đến xó xỉnh nào rồi cuối cùng quân Xiêm cũng đến. Thà ở đây uống rượu còn khỏe thân hơn!

Người tị nạn Sa Đéc giận quá, đứng dậy nói lớn:

- Các ông chịu nhục được, chứ tôi không được. Tôi cũng không đi đâu cả. Nhưng hễ chúng nó đặt chân đến đây, thì mạng đổi mạng. Gia đình tôi tất cả bảy người, ít nhất phải có bảy tên lính Xiêm đổ máu. Các ông ở lại mà uống rượu cho say. Tôi về!

Nói xong, bác ta quày quả bỏ đi!

*

* *

Nhưng cũng có những người đồng hương không được can đảm như bác dân chài Sa Đéc. Tận mắt trông thấy cảnh xao xác ở Mỹ Tho, và quân thế bạc nhược, rệu rã khác thường của Tây Sơn, họ đâm ra tuyệt vọng. Họ hỏi thăm nhau, bàn tán xôn xao để tìm một giải pháp thích nghi nhất, chuẩn bị chờ đón các biến chuyển đau lòng. Và nghe theo lời khuyên của dân chợ Mỹ Tho họ rủ nhau xuống ghe hời hương. Họ đinh ninh rằng nếu trở về từng đoàn đông đảo, quân Xiêm và Nguyễn Ánh sẽ không nỡ trừng phạt, sẽ tha thứ, cho họ được tiếp tục cúi đầu làm ăn. Họ đã tiên đoán đúng được một phần. Thấy đông đảo những người tị nạn ùn ùn kéo về, quân Xiêm tập trung họ lại. Bọn lính Xiêm bắt tất cả đàn ông đưa về trại để lấy khẩu cung. Tay chân của Nguyễn Ánh đã chờ sẵn để làm công việc ấy.

Nguyễn Ánh nhận được tin mừng bất ngờ, sung sướng quá cười ha hả. Nhưng ngay sau đó, Ánh đâm ngờ, như người nghèo xác thức giấc thấy mình ngủ trên đồng vàng không dám tin đó là sự thực. Nguyễn Ánh cho hội ngay đám tay chân lại để hỏi ý kiến. Nguyễn Ánh nói:

- Không lẽ chúng sa sút nhanh như vậy. Hay thằng giặc dữ bày xảo kế gì đây! Nguyễn Phúc Hội chưa quên những trận thất điên bát đảo vì Tây Sơn, nên rụt rè thưa:

- Có lẽ hãn bày gian kế để đánh lừa ta. Chuyến này chỉ một mình Huệ cầm quân, ta phải cẩn thận đề phòng hơn trước.

Nguyễn Phúc Huy thì nói:

- Thần trộm nghĩ chúng yếu ớt sợ hãi thật chứ không phải giả vờ. Những lần trước hãn đem quân đông hơn ta gấp bội, lấy nhiều để đánh ít. Lần này quân số của hãn ít. Vào đây hãn không dám dẫn quân thẳng vào Sa Đéc giáp chiến, tránh né, lẩn núp tận Mỹ Tho. Hãn chờ cơ hội đánh lén, nhưng quân lính lần lượt bỏ hãn. Mọi người đều nói hiện Mỹ Tho chỉ còn vài chục chiến thuyền. Số còn lại đã bỏ trốn. Đêm nào cũng mất vài chục chiếc. Tin của ta từ Mỹ Tho báo về cũng xác nhận như vậy.

Nguyễn Ánh quay về phía Nguyễn Văn Thành hỏi:

- Ông Thành, ông nghĩ thế nào, nói đi!

Thành vội đáp:

- Việc binh cốt ở chỗ đoạt tiên cơ. Hiện nay Mỹ Tho trống trải, quân yếu, lòng dân lại náo loạn. Nếu không đánh, Gia Định tăng cường xuống, Long Hồ đưa thêm quân lên, e khó đoạt được.

Nguyễn Ánh gật gù, nhưng vẫn chưa giải quyết được điều gì. Ông quay về phía Tổng nhung Lê Văn Quân, nhân vật cao cấp nhất trong đám thuộc hạ Ánh từ hồi Châu Văn Tiếp bị tử trận:

- Ông có ngờ chúng nó âm mưu giăng bẫy ở Mỹ Tho không?

Lê Văn Quân lớn tiếng đáp thật trịnh trọng:

- Tàu bệ hạ, cách đánh của tên Huệ xưa nay không thay đổi. Lúc nào hãn cũng có thói quen đánh mau, đánh mạnh, dốc toàn lực tấn công một điểm chính yếu, rồi sau đó mới từ từ đánh dẹp các điểm phụ. Chuyến này hãn vào đây, đáng lẽ phải đánh ngay Sa Đéc rồi dàn trận đẩy ngược chúng ta về Rạch Giá, Hà Tiên. Hãn không làm như vậy, vì ở vào cái thế bất đắc dĩ. Quân thiếu, lòng quân không thuận lần lượt bỏ đi. Đây là cơ hội nghìn năm một thuở để ta tiến chiếm Mỹ Tho rồi uy hiếp bao vây Gia Định. Chỉ sợ quân ta ít, quân Xiêm đông. Ta muốn đánh nhanh mà bên Chiêu Tăng, Chiêu Sương cứ trùng trùng để lỡ mất dịp tốt.

Nguyễn Ánh mừng rỡ nói:

- Việc ấy ông khỏi lo. Lâu nay ta không thúc họ đánh nhanh cũng vì có chủ ý. Ta về nước với vốn vẹn vài trăm quân, phải có thì giờ mộ thêm cho binh lực bản xứ tương đương với quân khách. Tiếc là đã qua mấy tháng, chúng ta chỉ mộ được ba, bốn nghìn. Khách tham tàn quá, chúng ta là chủ cũng bị dân ghét lây. Nhưng không sao, lấy được Long Hồ và Mỹ Tho, ta sẽ có kế trung binh. Các ông cho sắp sẵn vũ khí, quân lính đi nhé. Bây giờ ông Quân đi với ta sang gặp hai ông Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Cả ông Hội nữa! Phải đông người mạnh miệng cho họ khỏi giở cái giọng hoạnh hợ tự đắc của kẻ cả.

*

* *

Chiêu Tăng, Chiêu Sương thu thập tin tức Mỹ Tho theo một đường dây riêng, và đi đến một kết luận lạc quan như phía Nguyễn Ánh. Do đó khi nghe Ánh khởi xướng việc tấn công chiếm Mỹ Tho, họ bằng lòng ngay. Nhưng họ không đại dột cho bọn Ánh thấy tất cả gan ruột mình. Họ giả

vờ bán tín bán nghi, đưa ra đủ thứ lý lẽ để cố làm cho Ánh nản chí. Họ chỉ bằng lòng xuất quân nếu Ánh chịu đưa đạo quân bản xứ đi đầu dẫn đường, lấy có các tướng Xiêm không thông thạo địa thế.

Ngày mồng tám tháng Chạp năm Giáp thìn (18-1-1785), các tướng Xiêm và Nguyễn Ánh đem toàn bộ thủy quân tiến theo sông Mỹ Tho đuổi theo một toán nhỏ thuyền chiến Tây Sơn đến khiêu chiến, rồi ào ào tiến về phía Mỹ Tho để chiếm đại bản doanh Tây Sơn theo kế hoạch đã định trước.

Những thuyền chiến Tây Sơn mà dân Mỹ Tho đồn là đã bỏ trốn hàng đêm vì sợ hãi, thực ra đã lặn lẽ đến núp kín ở các rạch Gầm, rạch Xoài Mút, và phía sau cù lao Thái Sơn. Súng lớn cũng được cành lá che kín, được đào hố đặt sẵn hai bên bờ sông Mỹ Tho. Vì vậy khi đạo quân Xiêm-Ánh lọt đúng và khu vực có mai phục, Nguyễn Huệ liền ra lệnh tấn công.

Thật dễ đoán được những gì xảy ra sau đó. Trận phục kích vĩ đại đã kết thúc nhanh chóng, đem lại chiến thắng rực rỡ cho vị tướng trẻ tuổi Nguyễn Huệ. Toàn bộ chiến thuyền của địch bị đánh đắm trên khúc sông Mỹ Tho từ rạch Gầm đến rạch Xoài Mút. Hơn hai vạn quân Xiêm sau trận phục kích long trời lở đất chỉ có vài nghìn tên nhờ trốn lên bờ mà sống sót, lách rừng vượt núi Chân Lạp thất thủ về Xiêm. Đạo quân nhỏ bé của Nguyễn Ánh cũng tan rã. Các tướng chạy thoát lấy thân mỗi người mỗi ngả. Lê Văn Quân đem đám tàn quân chừng 600 người chạy trốn một nơi, đến giữa năm sau, mới lần mò qua Xiêm tìm Ánh. Nguyễn Văn Thành chỉ huy 1000 quân, sau trận đánh chỉ còn một nhóm năm, sáu chục người dắt díu nhau chạy trốn. Quân của Nguyễn Phúc Hội, Nguyễn Phúc Huy cũng tan tác y như quân của Thành.

Phần Nguyễn Ánh phải bỏ thuyền trốn lên bờ, đi theo hộ vệ chỉ có 12 tên lính rách, tứ thầy đao dác chạy về Đồng Vân. Từ Đồng Vân trở đi, Ánh kiệt sức và sợ hãi không đi nổi nữa, phải nhờ một tùy tướng là Nguyễn Văn Trị công chạy về Thi Giang (2) Tại đây, một số tướng lãnh của Ánh là Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Phúc Huy, Nguyễn Phúc Hội cũng vừa tới nơi, mỗi người dẫn theo được năm, sáu chục tàn quân. Nguyễn Ánh cùng cả đám quân sĩ kiệt sức ấy dìu nhau ra Hà Tiên, tạm trú ở Cồn Khơi (3). Bị Nguyễn Huệ cho quân truy nã, Ánh phải bỏ Cồn Khơi chạy ra đảo Thổ Châu, tại đây vì đói quá tứ thầy phải trở nghề cướp biển. Nguyễn Văn Thành chưa quen nghề nên có lần bị bọn thuyền buôn đánh trả, phải trọng thương (4). Tháng ba, quân Tây Sơn tìm được dấu tích bọn Ánh ở Thổ Châu. Họ phải chạy sang đảo Cổ Cốt, rồi tìm đường chạy sang Xiêm.

Đám tay chân theo Ánh chỉ còn hơn hai trăm tên, lủi thủi vào Vọng Các. Tháng Tư năm Ất tỵ (1785) Nguyễn Huệ đem đại quân khải hoàn Qui Nhơn, giao Gia Định lại cho Đô úy Đặng Văn Chân trấn giữ.

(1) Thư có đoạn như sau: “Từ Thầy theo ta mà trở về, thì ta cùng Xiêm binh tụ tại Mang Thít hạnh công Tây tặc, thủ thắng tàu một chiếc, hải đạo năm chiếc. Nhấn ngày sau trực tấn xứ Lạch”

Tạ Chí Đại Trường dẫn trong Lịch Sử Nội Chiến, trang 124

(2) Đại Nam Thực Lục, bản dịch của Viện Sử học, Hà nội, tập II, trang 65

(3) Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, sơ tập, quyển 15, tờ 26

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần V: Vượt đèo Hải Vân

Chương 56

Trong nhà rạp hát bộ, Lãng ngồi bên cạnh bác Mịch. Họ đang xem đào kép tập dượt vở tuồng "Chàng Lía" của Lãng.

Các kép chánh cương quyết từ chối không chịu đóng một vở tuồng mà vai chánh là một người dân thường nổi loạn chống lại triều đình, trang phục thiếu hẳn vẻ rực rỡ hào nhoáng, nên bác Mịch đã phải nhờ đến các đào kép phụ. Họ tập thêm ngoài giờ giấc bình thường, không được hưởng thù lao. Cả đến bác Mịch, bầu gánh cũng không thích thú gì. Bác nhận dựng tuồng cho Lãng chỉ vì lời gửi gắm của Long Nhương tướng quân.

Do đó, việc tập tành gặp không biết bao nhiêu khó khăn. Khởi đầu là sự rẻ rúng dè bủ đối với một vở tuồng Nôm mà tác giả là một cậu mặt trắng chưa từng có kinh nghiệm nghề nghiệp. Nhưng dần dà, vở tuồng lôi cuốn được mọi người. Mọi người cảm thấy có một không khí quen thuộc, gần gũi ấp ủ lấy họ. Dường như mẫu nhân vật đang múa may, gào khóc, cười cợt, giận dữ trên sân khấu kia không phải là ông Trương Phi hoặc Đổng Trát, không phải là nàng Dương Quý Phi hoặc Điêu Thuyền ở tận cái xứ xa xôi phương bắc, mà chính là người họ vừa gặp trên đường đi về, là chị bán trầu, là anh chăn trâu, là người chèo thuyền... Tự nhiên các đào kép cảm thấy họ khỏi cần phải cố gắng quên mình để nhập vào một nhân vật lịch sử ở cao quá tầm họ. Họ khỏi cần rướn lên cao, gân cổ hò hét ra oai, ậm ọe quát tháo. Họ hát, họ diễn tả điệu bộ y như họ nói chuyện với người hàng xóm, y như họ cư xử với mọi người. Được diễn một vở tuồng giống như các tấn tuồng họ từng tham dự trong đời, được hát những câu ai nấy đều hiểu, được khóc than, cười cợt theo cách khóc than cười cợt của dân mình, họ cảm thấy dễ chịu. Nhờ vậy, tuy là các đào kép phụ, việc luyện tập có nhiều tiến bộ.

Lãng khắp khởi mừng rỡ theo dõi những điều mình tưởng tượng hiện hình thành các nhân vật sống động trên sân khấu. Anh nín thở theo dõi cảnh đang tập. Lúc đó, tuồng đến đoạn Chàng Lía vào thành cướp được quan tài của mẹ đem về, giao cho các đàn em đem an táng ngay giữa đêm tối. Vì là một đám tang lén lút, âm thầm, nên mọi người diễn tuồng không hát, mà chỉ diễn tả tình cảm, đối thoại bằng điệu bộ. Đám tang đi trong đêm tối, nên họ phải có cử chỉ của những người mù vừa sờ soạng lần mò vừa lắng nghe các lời nhẩn nhủ thì thảo của người dẫn đường là chàng Lía. Dĩ nhiên sân khấu được thắp sáng để người xem nhìn thấy tuồng tích diễn ra. Nhưng bằng cử động, mọi diễn viên phải cho người xem hiểu là họ đang đi trong đêm và sợ đánh thức bọn lính canh. Đây là một đoạn tuồng khó, nên bác Mịch buộc họ tập đi tập lại nhiều lần. Thấy hai người khiêng quan tài đi trước nâng quan tài lên quá cao, bác Mịch ra dấu cho họ ngưng lại, rồi lớn giọng chê:

- Không được rồi. Dừng lại. Tôi đã dặn các chú là phải luôn luôn giữ cho quan tài thăng bằng, không được nâng cao phía trước như vậy. Đáng lý phải dẫn đá cho quan tài nặng y như có đựng

người, để các chú không giở cao lên được. Các chú phải biết, trên quan tài có đặt chén rượu đầy. Rượu đổ ra một giọt, tang chủ không trả tiền cho đâu!

Anh kếp đóng vai Chàng Lía quay xuống phía dưới nói:

- Nhưng đây là một cuộc an táng lén lút, cháu tưởng...

Bác Mịch tức giận cắt lời anh kếp:

- Chú đóng vai Chàng Lía mà chú nói vậy hả? Chú muốn người ta di quan êm ái cho mẹ chú yên nghỉ, hay muốn họ dằn xóc cái xác già của mẹ? Chú phải ở vào hoàn cảnh Chàng Lía để suy nghĩ, để đóng tuồng. Nào, bắt đầu lại đi!

Đoạn tuồng diễn lại lần thứ mười hai. Mọi sự diễn ra đúng y yêu cầu của bác Mịch. Các diễn viên diễn tả rất khéo cử chỉ những người đang đi trong đêm tối và đang lén lút di quan qua nhiều trạm canh của triều đình. Khéo nhất là vẽ sờ soạn và nét mặt xót xa, giận dữ của Chàng Lía. Nhưng bác Mịch vẫn lắc đầu, không lộ vẻ vui.

Lãng thắc mắc hỏi:

- Họ còn quên điều gì chẳng?

Bác Mịch đáp:

- Không. Nhưng để cho Chàng Lía đi trước dẫn đường thế này không ổn. Có vẻ yếu đuối quá. Cậu có thấy thế không?

Lãng chưa hiểu ý bác Mịch, hỏi lại:

- Yếu đuối thế nào ạ?

- Ở... ở nhiều chỗ lắm. Trước hết cái bộ đi đó không hợp với người anh hùng.

- Chẳng lẽ Chàng Lía đi oai vệ khi mẹ mất?

- Không phải. Nhưng cái khổ mất mẹ của trang hào kiệt phải khác thường một chút. Cũng như hễ là tướng thì phải cưỡi ngựa cầm gươm mới ra tướng. Chàng Lía không phải là tướng triều đình nhưng là tướng khởi nghĩa. Không thể để cho anh ta đi bộ.

Lúc đó đám diễn viên đang ngơ ngác trên sân khấu, chưa hiểu phải làm gì nữa, phải sửa chỗ nào. Bác Mịch bảo họ:

- Các chú hãy nghỉ một chút. Xuống đây tôi hỏi. Này, ý các chú thế nào?

Anh kếp đóng vai Chàng Lía hỏi:

- Chuyện gì thế ạ?

Bác Mịch hỏi:

- Chuyện của anh đấy. Anh có thấy đi đưa ma như vậy có vẻ yếu đuối buồn tẻ quá không?

Anh kếp thú thực:

- Dạ, có thể ạ. So với đoạn trước, đoạn lén vào thành đánh bọn tham quan ấy, đoạn này không được ổn.

Một anh kếp đóng vai người khiêng quan tài nói:

- Nhưng mẹ vừa chết thì hùng thế nào được?

Bác Mịch nói:

- Được chứ. Hạng Võ đến chỗ tuyệt lộ vẫn cứ hùng như thường. Ngay cả khi mê Ngu Cơ vẫn hùng. Rút kiếm báu ra đưa cho người đẹp giữ làm tin, chú nghĩ mà xem, kẻ tầm thường đâu có làm được.

Lãng chợt có ý lạ, vui mừng nói:

- Hay là ta đổi thế này.

Bác Mịch hỏi:

- Cậu đối thế nào? Phải, cậu viết tường, chắc có ý hay hơn chúng tôi.

Lãng đỏ mặt vì sung sướng và ngượng ngùng, lắp bắp nói:

- Không biết đối thế này có ổn không. Tôi sợ nhọc cho các anh đóng vai khiêng quan tài.

Thường thường mỗi lần di quan, luôn luôn có một người chấp hiệu, đứng trên các đòn khiêng gõ sanh điều khiển những người đưa linh. Ta cho Chàng Lía đích thân đóng vai trò người chấp hiệu ấy.

Bác Mịch trầm ngâm suy nghĩ một lúc, rồi vỗ vế reo lên:

- Hay, hay. Có thể chứ. Lễ nào tướng cướp lại đi bộ. Phải. Chàng Lía, sau khi cướp được quan tài mẹ, đích thân làm anh chấp hiệu để đưa mẹ đi chôn. Đứng trên các đòn khiêng, Chàng Lía nhắc nhở các bộ hạ nên gượng nhẹ đối với xác mẹ, lại vừa chứng tỏ uy tín và uy quyền của mình.

Hay lắm. Nào, ta bắt đầu lại đi.

Các diễn viên ngơ ngác hỏi:

- Bắt đầu thế nào đây chú?

Bác Mịch gắt:

- Lại còn hỏi! Không nghe thấy gì hay sao? Chàng Lía đích thân làm anh chấp hiệu, điều khiển tụi bay khiêng quan tài đi an táng. Chàng Lía đi lại trên hai đòn cáng, phải tập luyện lắm mới khỏi ngã. Còn mấy chú kia...

Những người đóng vai khiêng quan tài nhao nhao lên:

- Trời ơi! Khiêng cái quan tài trống còn được, chứ hấn lại đi trên cả đòn cáng thì ai chịu nổi.

Bác Mịch thấy đã quá khuya, nên nói:

- Thôi để tối mai tao tính lại đã. Bốn đứa không nổi thì tăng lên tám. Hơn nữa đoạn tường câm này ngắn thôi. Chịu khó một chút cũng qua. Diễn được đoạn khó cho hay tụi bay mỗi đứa mới mong nhận thưởng nhiều. Nghỉ đi. Mai đến sớm nhé!

*

* *

Chờ cho các diễn viên về hết, Bác Mịch mới bảo Lãng:

- Cậu có biết hôm qua quan Giáo phường cho gọi tôi lên có việc gì không?

Lãng tò mò quên cả cơn buồn ngủ, vội hỏi:

- Gì thế ạ?

Bác Mịch chậm rãi đáp để tăng thêm mức quan trọng:

- Quan Giáo phường hỏi chuyện chúng ta tập tường này đấy!

Lãng lo ngại hỏi:

- Có gì hệ trọng không ạ?

Bác Mịch buồn rầu đáp:

- Hình như các quan bộ Lễ không thích ta tập tường mới. Nói đúng ra là không thích tường Nôm. Các ngài căn vặn đủ điều, làm như tôi là một phạm nhân vậy.

Lãng tức tối nói:

- Sao lại thế được! Các ngài đều xuất thân từ giới dân nghèo cả, tại sao lại thích xem những vở tường mà lời hát toàn chữ Nho, nghe không hiểu được gì cả. Các ngài gật gù giả vờ, vì sợ người ta chê mình dốt, chứ thực sự các ngài có hiểu gì đâu! Bây giờ lại lên tiếng chê tường Nôm! Sao lại thế được!

Bác Mịch lo sợ nhìn quanh, vỗ vai Lãng, can:

- Cậu đừng nên nổi nóng. Tai vách mạch rừng nguy hiểm lắm. Cậu yên tâm. Tôi đã tìm cách nói

cho êm xuôi cả rồi.

Lãng vẫn chưa nguôi giận, hỏi lại:

- Bác đã nói với họ thế nào?

- Tôi bảo cậu viết tường này để đề cao những người dân nghèo làm nên sự nghiệp lớn như các ngài. Tôi còn bảo trước khi viết tường, cậu đã hỏi ý của Long Nhương tướng quân. Thật tức cười! Nghe tôi nhắc đến ông Long Nhương, các ngài nín bật không dám hó hé thêm tiếng nào nữa cả. Nhưng để vót vát thể diện, quan Giáo phường dặn thêm là không được bỏ bê việc luyện tập tường chính.

Rồi hạ thấp giọng, bác Mịch hỏi Lãng:

- Nay, mấy hôm nay cậu có nghe gì không?

- Nghe gì ạ?

- Nghe tin ông Long Nhương ấy! Chuyến này gặp quân Xiêm đông đảo, chắc vất vả lắm. Hình như mấy trận đầu đều bại cả. Cậu đi lại giao thiệp nhiều nơi, có biết đích xác thế nào không?

Lãng đáp:

- Tôi cũng ù ù cạc cạc như bác thôi. Có điều tin đồn thổi thì lúc nào cũng bi thảm quá sự thực cho dễ tin. Bác tính, làm thế nào một danh tướng như ông Long Nhương lại có thể thua trận được.

- Vâng, vâng. Tôi cũng đã nghĩ như cậu. Nhưng... nhưng biết đâu trăm trận thắng lại không có một trận rui ro... Như ta đi đường gặp tai bay và gió đẩy mà. Mấy chuyến trước đến nơi là xấp trận ngay. Tin chiến thắng bay về tới tấp. Chuyến này đã lâu không nhận được tin vui. Tôi e rằng...

- Bác e gì nào?

- Tôi ấy hả? Tôi sợ... Nhưng thôi. Chuyện binh nhung mình có hiểu gì đâu mà đoán già đoán non. Tối mai cậu đến chứ?

Lãng thấy bác Mịch muốn cho qua câu chuyện gay cấn, vội nói:

- Dạ mai tôi đến chứ. Nhưng bác chưa nói cho tôi biết bác e ngại điều gì.

- Ối! Tôi già lắm cảm hơi đâu cậu để tâm! Tôi may mắn qua được cơn điên dại, nhưng đầu óc chưa được tỉnh táo bình thường đâu. Cậu thấy điều gì không phải, cậu bỏ qua cho. Hôm trước ông Thung đến cầm chầu, đập trống liên hồi như là trống thúc thuế, tôi cũng cười xòa. Đôi co sao được với người say rượu. Cậu xem đấy, không nên chú ý lời lẽ lảm cẩm của tôi.

Thấy bác Mịch cứ quanh co né tránh, Lãng bực bội hỏi:

- Hai năm nay ở gần bên tôi, bác không hiểu tính tôi hay sao mà dè dặt thế! Tôi có giấu gì bác đâu. Mà bác thì cũng không làm điều gì quấy để phải sợ ai! Hôm nay bác lạ lắm!

Bác Mịch thở dài, đôi mắt nhìn Lãng lộ vẻ thương hại, trù mến. Bác nói nhỏ:

- Tôi đoán hơi gió thấy sắp xảy ra nhiều điều rắc rối lắm đấy, cậu Lãng ạ. Ông Thung say rượu thật đấy, nhưng nhờ hơi men ông ấy nói ra nhiều điều đáng chú ý lắm. Cũng như gần đây Hoàng thượng có gì khang khác.

- Khác chỗ nào hở bác?

- Tôi chỉ cảm thấy thế thôi, chưa có gì làm chắc. Một hôm Hoàng thượng ghé qua rạp tường, gặp lúc anh em đang tập vở Chàng Lía của cậu. Hoàng thượng ngồi xem một lát, hỏi ai cho tập vậy. Nghe nhắc đến tên ông Long Nhương, nét mặt Hoàng thượng sa sầm ngay. Hoàng thượng quày quả bỏ đi. Thành thử tôi ngại lắm. Tôi chẳng hiểu rồi đây sẽ ra làm sao nữa!

Lãng cố cười lớn để lấn át nỗi lo âu vừa mới nhen nhóm, vỗ vai bác Mịch nói:

- Bác chỉ sợ bóng sợ gió thôi.

Bác Mịch cười gượng đáp:

- Tôi cũng hy vọng chỉ là chuyện hão huyền, lắm lắm. Cậu về nhé! Mai nhớ lại sớm để tập cho xong đoạn tường khó, cậu Lãng nhé!

*

* *

Lãng về đến nhà. An vẫn chưa ngủ. Con bé Thái mấy hôm nay bị đau, An lo lắng ngồi bên giường con không tài nào ngủ được. Lãng vào thăm cháu, đặt tay lên trán bé Thái thấy nó vẫn còn hâm hấp sốt. Con bé mở mắt nhìn cậu, rên ư ử. Lãng hỏi:

- Cháu có mệt lắm không?

Thái đưa lưỡi liếm đôi môi khô, thì thào:

- Cháu bớt mệt rồi, cậu.

- Cháu đã bớt nhức đầu chưa?

- Chưa, cậu ạ.

An chen vào bảo em:

- So với hôm qua cháu có bớt chút ít. Nhưng chị lo quá, nó nằm suốt bảy hôm rồi. Lúc này nó lơ mơ nói mớ những gì "mẹ đừng bỏ con" rồi "cháu chào ông ngoại" làm chị sợ quá. Từ nay con đừng nói bậy như thế nghe Thái.

Con bé gật đầu ngoan ngoãn thưa:

- Dạ.

Lãng vuốt tóc cháu bảo:

- Cháu ráng uống thuốc và ngủ ngoan cho chóng lành.

Thái ngoe nguẩy lắc đầu:

- Thuốc hơi quá, cậu. Lại đắng nữa. Cháu không uống đâu.

- Không được. Con không uống làm sao lành.

An nói:

- Đấy, có cậu về đây, Thái phải nghe lời cậu. Thuốc có đắng mới mau lành. Mẹ van mãi con không chịu uống, nên cứ dây dưa mãi.

Lãng góp thêm lời khuyên cháu:

- Thái không uống thuốc, làm sao ngồi dậy để học viết được. Mấy hôm cháu đau, anh Phát đã bỏ xa con rồi.

Con bé bĩu môi, đáp:

- Anh Phát đâu có chịu học. Hôm qua anh còn thức con dậy hỏi chữ thiên viết thế nào. Con nói mãi, anh cứ viết ra chữ phụ. Làm sao anh hơn con được.

Lãng cười, hỏi chị:

- Nó ngủ rồi hở chị?

An thở dài đáp:

- Còn phải hỏi. Không bao giờ nó chịu học ban đêm. Ngồi bên đèn một chút, nó ngáp lên ngáp xuống, trông đến chán. Không biết lớn lên nó làm ăn ra sao nữa.

- Có lẽ chị cưng hai đứa này quá, nên dạy chúng nó không được. Tìm thầy đồ nào gửi cho chúng nó đi học có lẽ hơn.

An nói:

- Chị cũng có bảo anh Lợi thế. Con Thái thì chị tự lo lấy được. Con gái biết vài chữ cho người ta

khỏi khinh, nhưng con trai phải học hành đàng hoàng. Chị lo cho thằng Phát quá. Mười tuổi đầu rồi chứ phải ít đâu.

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Mười tuổi rồi à? Chóng thật. Mới đây chúng đã lớn cả rồi. Thế mới biết thời gian! Trông tụi nó lớn, mới giật mình nhớ ra rằng mình đã già. Em cũng trên 30 rồi. Tam thập nhi lập. Em đã lập được cái quái gì đâu!

An cười bảo Lãng:

- Nội cái chuyện lập gia đình còn chưa xong, nói chi đến lập cái khác. Chị không hiểu em nữa. Tại sao không tìm nơi nào xứng đáng nên vợ nên chồng cho rồi. Sao cứ bông lông mãi thế? Hay là...

Lãng đoán được ý chị, đỏ mặt, hấp tấp nói:

- Không phải đâu. Chị đừng nghĩ thế!

An cười hỏi:

- Ô hay! Chị có nghĩ gì đâu! Tại sao em bảo thế? Đây, cái tin cô ta cương quyết cắt tóc vào chùa có đúng được phần nào không?

Lãng không biết trả lời thế nào, đành nói quanh:

- Chị hỏi gì ạ? À, chuyện vào chùa hả? Em cũng chẳng biết nữa. Chỉ có một lần anh Huệ nói đùa bảo cô ta định vào chùa Thập Tháp. Có lẽ chỉ là chuyện bốn cột mà thôi. Vả lại, đến bây giờ em vẫn không hiểu lúc đó mình thế nào. Chị nhắc lại, chỉ thêm rắc rối, nguy hiểm là khác.

Con bé Thái không hiểu mẹ và cậu đang nói chuyện gì, trở mắt hết nhìn An lại nhìn Lãng. Nó hỏi:

- Mẹ nói gì thế mẹ?

An mắng át đi:

- Đừng hỏi chuyện người lớn. Con ngủ đi.

Con bé giận dữ, vùng vằng quay hắt người lại, nhìn vào tường vờ ngủ. An không để tâm đến con, hỏi Lãng:

- Độ này sao em về trễ thế?

Lãng nhớ đến công việc hiện tại của mình, hớn hỏ khoe:

- Em với bác Mịch đang dựng một vở tuồng mới, chị biết chưa?

An không tin em, hỏi lại:

- Em dựng tuồng à? Tuồng gì thế?

Lãng hối hận vì đã quá tự tin, nhưng không còn cách nào thoái lui được nữa. Anh bối rối thú thực:

- Tuồng Chàng Lía em viết lâu nay. Tập gần xong rồi.

- Thật thế à? Hôm nào mới diễn?

- Em cũng chưa biết.

- Nhớ báo cho chị đi xem với. Em viết được tuồng, lại dựng được để diễn ngay tại cung đình.

Em của chị tài quá!

Lãng vội cải chính:

- Không diễn được ở cung đình đâu!

- Sao vậy? Gánh bác Mịch là gánh chính của giáo phường mà! Không diễn cho nhà vua xem thì diễn ở đâu?

Bé Thái không nhin được nữa, quay lưng lại dặn cậu:

- Hôm nào cậu dẫn cả cháu đi xem nữa nhé! Cả anh Phát nữa. Cả mẹ, cả cha nữa!

Lãng xoa đầu cháu nói:

- Được, được. Cậu sẽ mời cả nhà.

An không bỏ nửa chừng thối mắc, kéo áo em hỏi:

- Em vừa nói gì? Tại sao không diễn được trong cung đình?

Lãng buồn rầu đáp:

- Hình như nhà vua không thích tuồng Nôm.

An vội hỏi:

- Thế em soạn tuồng Nôm làm gì? Sao không dựa vào các tuồng xưa để soạn?

Lãng nhìn chị, giọng hơi bức:

- Chị mà cũng hỏi thế à? Mình là người Nam, sao lại soạn tuồng Khách? Chẳng lẽ đất nước mình không có chuyện trung hiếu, vui buồn, để viết hay sao? Việc gì phải mượn đến Điêu Thuyền, Lữ Bố để nói chuyện ghen tuông.

An không vừa, cãi lại:

- Nhưng nói chuyện Điêu Thuyền thì ai cũng hiểu. Còn chuyện... chuyện gì em vừa nói đó, chuyện...

Lãng nhắc:

- Chuyện Chàng Lía!

An vui mừng tiếp lời:

- Phải chuyện Chàng Lía thì có ai biết đâu. Cả cái tên nghe cũng kỳ cục.

Lãng hơi to tiếng:

- Chị lầm rồi. Không có người dân Qui Nhơn nào không biết chuyện Chàng Lía. Người ta đặt về để ca tụng chàng tướng cướp đó, bài về dài nhưng không có người nào không thuộc.

- Chị có thuộc đâu?

- Chị khác. Gia đình mình chỉ là dân ngụ cư, không sống, không nghĩ như dân Qui Nhơn.

- Nhưng làm tướng cướp thì có vinh quang gì mà phải soạn tuồng?

- Ấy là chỉ nói cho gọn thế thôi, chứ đúng ra anh ta là một nông dân không chịu được áp bức bất công của bọn tham quan, nổi loạn chống triều đình.

- Nổi loạn? Vậy thì chị can em. Bây giờ chị hiểu, chị hiểu hết rồi. Không cho diễn ở cung đình là phải. Lãng, chị nói thật, không biết em viết tuồng tích ra thế nào, nhưng chỉ mới nghe qua như vậy, chị đã thấy việc này nguy hiểm lắm. Không phải là chuyện đùa được đâu. Em nghĩ lại cho chín đi!

- Chị khéo yếu bóng vía. Chàng Lía nổi dậy chống triều đình, có khác nào anh em Tây Sơn nổi dậy chống nhà Nguyễn Gia Miêu. Người anh hùng áo vải đó không thành công được như anh em nhà vua, nhưng nhìn chung có khác gì đâu!

Bé Thái lại chen vào hỏi:

- Có phải chú Lía tui nhỏ thường hát:

Chiều chiều én liệng truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

không hờ cậu?

An phát mạnh vào mông con, gắt:

- Đã bảo không được chen vào chuyện người lớn. Có ngủ đi không.

Bé Thái thút thít khóc. An không thèm dỗ con, nghiêm giọng bảo Lãng:

- Em đừng xem lời chị là lời đàn bà. Em nghĩ lại mà xem, giữa một nơi đã có đầy đủ trật tự trên dưới, vua quan ổn định, ngay giữa chốn kinh đô, em soạn một vở tuồng ca tụng người tướng cướp nổi loạn chống lại cái trật tự đã ổn cố. Nhà vua sẽ nghĩ thế nào? Các quan ở bộ Lễ, ở giáo phường sẽ nghĩ thế nào? Họ không nghĩ em ca tụng, mà nghĩ rằng em hô hào sự nổi loạn, sự chống đối. Em để cho chị nói hết đã. Em nên nhớ gia đình mình đã từng gặp nhiều rủi ro, từng gây ra nhiều nghi kỵ. Từ cha cho đến anh Chinh, anh Lợi. Cả em cũng vậy nữa. Em cứ nhìn thẳng vào thực tế mà xem. Nếu không được anh Huệ che chở, thì vụ Thọ Hương sẽ dẫn em đến đâu. Người ta khép tội em dễ lắm, và dù lúc đó trong triều còn có nhiều người ít học, nhưng không thiếu kẻ viện dẫn đến lễ nghĩa Nho giáo để quàng vào cổ em đủ thứ tội phi nghĩa. Không, em cứ để cho chị nói hết.

Lãng không nhường nhịn chị, cướp lời nói:

- Chị phải để cho em nói đã. Chị nói đúng, nhiều điều chị nói em cũng đã từng lo lắng chứ không phải không. Quả thật vở tuồng không được nhiều người ưa thích: trước hết là những tên dốt nát không dám để lộ cho người ta thấy cái dốt của mình, thà ngủ gà ngủ gật trước một vở tuồng Tàu khó hiểu hơn là xem một vở tuồng nô nê, tiếp theo là những kẻ sợ sự thực như loài gián sợ ánh sáng, cuối cùng là bọn tiểu nhân tìm mọi cơ hội để hãm hại người khác, lấy đó mà xu nịnh, luồn lọt. Em thú thực với chị là ngay nhà vua cũng không thích vở tuồng Chàng Lía. Các quan bộ Lễ cũng vậy. Nhưng chị bảo em viết gì bây giờ? Nếu cả chị lẫn em đều nghĩ: cuộc nổi dậy long trời lở đất này, cuộc nổi dậy của những người áo vải chân đất mà gia đình chúng ta may mắn được tham dự từ đầu này là một điều cao đẹp, tất nhiên, là chính nghĩa, thì tại sao chúng ta không dám công khai xưng tụng những con người áo vải dũng mãnh chơn chất ấy? Chúng ta sợ cái gì? Những người dựng nghiệp cả chị lẫn em từng quen biết, không phải là những Chàng Lía hay sao? Hơi đâu đi ca tụng bọn xứng xứng cân đai lấy vàng dạ để làm chữ trung, lấy cầu an để làm nghĩa. Hoàng thượng, quan Tiết chế, Long Nhương tướng quân, hay chỉ có chị với em ở đây, ta nói đơn giản là bác Biện Nhạc, anh Lữ, anh Huệ không phải là những Chàng Lía của đất Qui Nhơn hay sao? Nếu có người nào sợ hình tượng Chàng Lía, chỉ vì họ không được cao đẹp như người nông dân trẻ tuổi nổi loạn đó, chỉ vì... chỉ vì họ là những Chàng Lía giả mạo...

An lo sợ nhìn quanh, thì thào bảo Lãng:

- Chị van em. Em mất trí rồi. Em có hiểu mình vừa nói gì không hở Lãng? Những điều em vừa nói, nếu có người tọc mạch nói đi nói lại, có thể... không, chắc chắn sẽ thành tai vạ cho cả nhà ta đó. Sao em đại dốt vậy. Thái, có ngủ đi không! Thôi, hãy chờ lúc nào em bình tĩnh lại chị sẽ nói tiếp. Bây giờ em chưa thấy hết đâu. Quái, sao đến giờ này anh Lợi vẫn chưa về!

Lãng do dự, nửa muốn bàn tiếp câu chuyện gay cấn, nửa muốn tránh sang việc khác. Cuối cùng, Lãng bảo:

- Mai em sẽ bàn tiếp với chị. Tối nay em sẽ nghĩ thật chín về những điều chị vừa nói. Cháu ngủ rồi hở chị? Chị cũng nên đi ngủ đi. Chắc anh Lợi không về đâu!

An than:

- Gần đây anh ấy đi về thất thường.

- Anh Lợi ở dưới xưởng đóng chiến thuyền hở chị?

- Chị chả hiểu nữa. Anh ấy theo ông Cống Chính, quên cả vợ con. Không hiểu sao tự nhiên chị ghét cái lão ấy thế!

Để xua bớt dư âm nặng nề, Lãng đùa:

- Tại ông ta bắt mất anh Lợi của chị chứ gì?

An vội nói:

- Không phải thế. Chị biết mình vô lý, bắt công với ông Chính. Nhưng tự nhiên chị không ưa ông ta. Chẳng hiểu vì sao!

*

* *

Đêm đó Lãng suy nghĩ lan man hết chuyện này đến chuyện kia, không chợp mắt nổi.

Anh ôn lại những gì An nói. Ban đầu, lòng anh ảm ức vu vơ, không tìm ra nguyên do. Anh có cảm giác bị chèn ép, bị đè nén, bắt nạt. Nhưng ai là kẻ chèn ép, bắt nạt anh? An ư? bác Mịch ư? Giáo phường ư? Không! Suốt mấy năm về làm ở giáo phường, anh là một người nhàn tản, tự do. Không ai đặt cho anh một trách nhiệm rõ rệt. Không ai đòi hỏi anh phải làm một cái gì cụ thể, bắt buộc phải hoàn tất trong một thời gian nhất định. Đúng như lời gửi gắm của Long Nhương tướng quân, Lãng về giáo phường để làm quen với nghề hát bội, rồi tập tành viết tuồng. Làm quen trong bao lâu? Viết tuồng gì? Không ai đòi hỏi Lãng trả lời dứt khoát. Nhiều người ở giáo phường xem Lãng như một kẻ bị ruồng bỏ, bị đẩy về "ngồi chơi xơi nước" ở cái gánh hát xa lạ này vì không làm vừa lòng Nguyễn Huệ. Lãng sống ở giáo phường như cái bóng lạc lõng một thời gian khá lâu, dần dần mọi người thấy anh là một kẻ vô hại, nên đâm thương mến anh. Bác Mịch xem Lãng là một người em, ân cần chỉ vẽ các ngón nghề trong hát tuồng, giải thích cho Lãng hiểu các mẩu chốt của tuồng tích và nghệ thuật biểu diễn. Lãng bị lôi cuốn vào thế giới son phấn mũ áo ấy lúc nào không hay. Từ một người khách lạ, anh trở thành kẻ đam mê. Nhờ thế, chỉ cần một năm Lãng đã trở thành một người thành thạo.

Bác Mịch giao cho anh việc ghi lại thành bài bản các đoạn tuồng lâu nay truyền lại cho nhau bằng trí nhớ. Lãng vừa ghi vừa sửa chữa lại các câu, các chữ sai lầm do trình độ học vấn hạn chế của các đào kép. Anh cũng ghi được cả những đoạn hát cương tùy hứng, nhất là những lời pha trò của các hề đồng. Công việc ấy thật bổ ích cho Lãng. Anh tự tìm ra được những bí quyết của nghề nghiệp: cách tạo sự chú ý, cách thắt nút mở nút câu chuyện, cách gây các phản ứng thoải mái hoặc thương cảm cho người xem, cách tạo sự hòa điệu vui buồn trong một vở tuồng. Những kinh nghiệm ấy thật quý giá cho Lãng, khi anh bắt đầu có ý thực hiện ý định viết một vở tuồng về Chàng Lía. Suốt thời gian thai nghén đề tài, Lãng thường xuyên đem phác thảo tưởng tượng của mình đặt kể các vở tuồng đang công diễn, lục lọi tìm kiếm những gì có thể dùng làm chất liệu sáng tạo, hoặc những gì phải kiên quyết gạt bỏ vì khuôn sáo cũ kỹ và nội dung giả dối. Lúc nào hình tượng Chàng Lía cũng lớn vồn trong đầu anh. Câu hỏi anh thường đặt ra để tự giải đáp là: ở vào trường hợp thế này, Chàng Lía sẽ làm gì? Nếu anh ta như vậy, thì phải diễn tả trên sân khấu tuồng thế nào cho người xem hiểu được anh ta?

Bác Mịch chỉ hiểu được phần nào những bận tâm của anh chàng soạn tuồng tập sự. Bác đã khá già để có can đảm không thềm dẫm chân trên các lối mòn. Nhưng sự đồng cảm của hai người cùng đam mê khiến một già một trẻ trở nên quyến luyến gần gũi. Bác Mịch chịu khó ngồi nghe những lời trình bày, những dự tính sáng tạo còn lộn xộn, mù mờ của Lãng. Bác góp ý, khuyên Lãng dứt khoát cắt bỏ những phần không thể diễn tả trên sân khấu, xén bớt các đối thoại, lời ca phức tạp khó ai hiểu hết, thêm thắt những lời giễu cợt giải trí người xem.

Vở tuồng của Lãng dần dần có hình, như một bào thai bắt đầu có đầu, thân thể và tứ chi. Bác Mịch còn giúp cho Lãng thực hiện được một điều quan trọng hơn hết là tạo sức sống hùng tráng cho nhân vật chính, điều mà do bản chất lãng mạn mẫn cảm Lãng không làm nổi. Vì vậy,

có thể xem vở tuồng là tác phẩm chung của Lãng và bác Mịch, qua gần hai năm suy nghĩ, thể nghiệm. Cho đến lúc vở tuồng thành hình, việc tập dượt sắp hoàn tất, thì những lời cảnh cáo của An đảo ngược toàn thể vấn đề. Lãng xót xa như một đứa bé ra sức đắp một tòa thành cát trên bãi biển, lúc gần xong lại bị một ngọn sóng lớn ủa vào phá mất!

Điều khiến Lãng khổ sở là những điều An nói hoàn toàn có lý. Lãng không thể làm ngơ trước sự thờ ơ hoặc ác cảm của rất nhiều người, (trong đó đa số đều giữ vị trí quan trọng của triều đình) đối với vở tuồng. Thành thực mà nói, Lãng chỉ yên tâm khi trông chờ sự bảo trợ của Long Nhượng tướng quân. Mà tướng quân lại không có mặt ở đây! Càng nghiền ngẫm lời chỉ, Lãng càng thấy mối nguy hiểm đang rình rập mình là có thực. Nó chờ đợi đâu đây, gần lắm rồi. Nanh vuốt đã chuốt nhọn, chỉ cần vồ một cái, mối nguy hiểm ấy đủ xé tan tất cả sinh mệnh của Lãng.

Trần qua trở lại, nhiều phen Lãng vẫn không ngủ được. Anh nghe rõ từng tiếng động của ban đêm. Gần nhất là tiếng mọt gặm, ở thật gần, hình như ngay trên cái đòn kê dưới chiếc phản anh nằm. Tiếng mọt nghiêng vào gỗ nghe ghê rợn, Lãng có cảm giác nghẹt thở khó chịu như đang nín thở theo dõi một người đang dần hết sức cố làm cho bằng được một việc nguy hiểm quá sức bình sinh, như một kẻ ốm yếu bị buộc giương một cây cung khỏe, hoặc một đứa trẻ lên mười còng lưng gánh một đôi nước nặng. Muốn cho con mọt thôi nghiêng gỗ, Lãng thử lấy tay gõ nhẹ lên mặt phản. Nhưng nó vẫn tiếp tục công việc của nó. Lãng đoán con mọt ở xa hơn, có thể tận đầu kèo, hoặc trên mấy cái rui tre. Sau đó anh chú ý nghe được một tiếng động lạ khác, nửa giống như tiếng một vòi nước rỉ rỉ chảy, nửa giống như tiếng một người mẹ xi cho con đi tiểu. Nghe ngóng thật lâu, anh chỉ đoán đại khái đó là tiếng một loài dế. Dưới nhà ngang, thẳng Phát ú ớ nói sảng, sau đó gió thổi mạnh làm cho nhánh ổi sà xuống quét rột rạt lên mái tranh nhà trên.

Lãng nằm im lắng nghe mọi thứ tiếng động, lơ mơ nửa thức nửa tỉnh, rồi chìm dần trong một giấc ngủ lửng lơ, dật dờ, bập bênh. Anh vẫn nhận thức được trạng thái lơ lửng, nên cố nghĩ ra một điều cụ thể để thức tỉnh.

Lãng nghĩ đến cảnh tuồng đang tập, đoạn Chàng Lía cùng mấy người bạn chiến đấu dưới quyền lén lút đưa quan tài mẹ đi an táng. Chàng Lía đích thân làm người chấp hiệu, và trên sân khấu, kép chánh đang đóng vai trò một người chấp hiệu chuyên nghiệp. Trên hai đòn khiêng quan tài, Lía thoăn thoắt di chuyển từ đầu này đến đầu kia, gõ sanh ra dấu cho người bên này phải nâng cao đòn khiêng lên, hoặc người đi bên tả phía sau hãy hạ bớt đòn khiêng xuống. Cử chỉ nhanh nhẹn, uyển chuyển, lộ vẻ lo lắng cho thân xác mẹ đồng thời với vẻ uy dũng của một vị chỉ huy. Gần như Chàng Lía bay lượn trên quan tài mẹ để dẫn đường cho bọn phu huyệt, và trên nền trời xanh đen, hình dáng chàng uốn lượn tung hoành như một con rồng đang uốn khúc. Đã đến lúc Lãng không còn giữ mình tỉnh táo được nữa. Anh mê dần trong giấc ngủ muộn, trong mê hình ảnh Chàng Lía vẫn múa lượn. Có điều Lãng kinh ngạc sờ đến nỗi ngay trong mơ anh đã nghĩ phải cố ghi nhớ (và Lãng đã nhớ rõ mồn một vào sáng hôm sau) là khuôn mặt Chàng Lía lúc thì lăm lệt hào tráng như khuôn mặt Nguyễn Huệ, lúc lại lảo liên xảo trá giống y như... giống y như ai? Lãng không nhớ ra!

Cho đến sáng hôm sau, trên đường đến bộ Lễ gặp Lợi, Lãng mới nhớ khuôn mặt lảo liên trong cơn mơ đêm qua giống với khuôn mặt Đô đốc Chính.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần V: Vượt đèo Hải Vân

Chương 57

Lợi vừa từ xưởng đóng chiến thuyền ở cửa Thị Nại về, nhưng thay vì ghé Bằng Châu cho vợ con đỡ nóng ruột chờ đợi, anh quyết định đi thẳng đến dinh quan Đô đốc Chỉnh.

Trông vẻ mặt hớn hở của Lợi, Nguyễn Hữu Chỉnh bảo ngay:

- Anh khỏi cần nói tôi cũng biết mọi sự dưới đó êm đẹp. Xong đến chiếc thứ mười chưa?

Lợi hãnh diện đáp:

- Tính đến chiều hôm qua, đã xong đến chiếc thứ mười lăm.

Nguyễn Hữu Chỉnh kinh ngạc:

- Thật thế à! Anh tài thật. Nhưng có làm đúng theo mẫu tôi vẽ hay không?

- Dạ không sai một ly.

Nguyễn Hữu Chỉnh tò mò hỏi:

- Tôi hơi tò mò một chút. Anh làm cách nào cho bọn lười nhót thầy đó chịu làm ngày làm đêm?

Nếu có gì bất tiện, anh không cần trả lời.

Lợi hơi lúng túng, nhưng lấy ngay được tự tin, nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Tôi hứa cho họ chia nhau số gỗ thừa. Hơn nữa, những lá gỗ và chủ ghe phải đóng góp chút ít cho bọn đóng thuyền ăn khao mỗi lần đóng xong một chiếc mới...

Chỉnh cười phát tay ra dấu cho Lợi ngưng kể, rồi bảo:

- Tôi hiểu. Còn nhiều cách khác nữa, nhưng đại loại phải lấy lợi ra thúc cho việc mau xong. Anh biết quyền biến đến thế, tôi ngạc nhiên thấy anh lặn lội mãi về công danh. Này, anh đã hiểu vì sao không?

Lợi rụt rè hỏi:

- Thừa vì sao ạ?

- Vì anh chỉ chăm chú đến những cái vật vãnh. Giữa anh với tôi, ta nên cởi mở, không nên khách sáo dãi bôi với nhau làm gì. Tôi biết anh hào hứng khi xoay được bọn buôn gỗ vài khoản tiền. Không, anh đừng ngại. Ở vào địa vị tôi, tôi cũng làm thế. Nhưng sở dĩ anh lặn lội mãi về công danh không ngoi đầu lên được, chỉ vì anh không nhìn qua khỏi tầm tay, như một người đi buôn từng bát gạo hũ mắm. Công việc đó nên dành cho bọn già yếu tàn tật. Mình sức dài vai rộng nên buôn cho ra buôn. Cắp cái rổ bán dạo vài quả ổi, quả lựu cũng là buôn. Lã Bất Vi cũng đi buôn. Nhưng buôn vua thích thú hơn buôn ổi, buôn lựu chứ!

Lợi lo lắng hỏi:

- Bây giờ tôi phải làm gì ạ?

Nguyễn Hữu Chỉnh vuốt râu gật gù một lúc, thích thú ngắm vẻ lúng túng của Lợi. Thật lâu về sau, Chỉnh mới nói:

- Anh phải tập nhìn quanh để biết đoán trước thời thế sẽ xoay về đâu. Nếu không, anh cầm cúi

dành dụm được chút ít cho vợ con, đến lúc chỉ cần một mảnh giấy là công lao dành dụm chắt bóp của anh mất sạch!

Lần đầu tiên Lợi nghe một người hiểu biết nói đúng nỗi lo của mình. Lợi hốt hoảng đến lú lẫm. Anh nuốt nước bọt, cố dằn sợ hãi hỏi:

- Tôi có mắt mà như người lòa. Xin ngài dạy bảo cho. Thời thế sắp chuyển rồi ư? Chuyển về phía nào? Tôi không bao giờ quên ơn dạy bảo hôm nay!

Nguyễn Hữu Chỉnh cười nhỏ, rồi nói:

- Ân với huệ gì! Anh giúp đỡ tôi tận tình, nên tôi có bốn phen trả ơn cho anh đấy chứ! Đúng là thời thế sắp chuyển. Chúng ta chưa chậm chân đâu. Còn nhiều thì giờ lắm. Điều quan trọng là phải khéo tiên liệu để khỏi bỏ lỡ cơ hội. Tôi hỏi anh câu này nhé. Theo anh thì hiện tại, ở đây, ai là kẻ nhiều uy quyền nhất?

Lợi mau mắn đáp:

- Dĩ nhiên là nhà vua.

Nguyễn Hữu Chỉnh lắc đầu, ra vẻ thương hại Lợi. Thấy vẻ mặt Lợi ngơ ngác, Chỉnh bảo nhỏ:

- Anh ra cửa xem có ai ngoài đó không?

Lợi ra cửa phòng, thấy tên lính hầu đang cầm giáo đứng gác ngoài cửa dinh quan Đô đốc. Chỉnh sai tên lính đi pha trà mời Lợi. Đợi tên lính hầu đi khỏi, Chỉnh bảo Lợi:

- Thực lực của cả vương triều này nằm cả trong tay ông Long Nhương, anh không thấy sao.

Nhất là sau khi thắng được quân Xiêm...

Lợi ngạc nhiên hỏi:

- Sao thiên hạ đồn là bị bại?

Chỉnh lắc đầu:

- Bại sao được. Vừa có tin báo về là ông Long Nhương đã đánh ba vạn quân Xiêm tan tác, không còn lấy một mảnh ván để khỏi chết trôi. Sau trận này, thanh thế ông Long Nhương sẽ lấn át cả vua anh. Cái thế nghiêng về ai, đã rõ. Anh khư khư ôm lấy mấy miếng ván thừa, sẽ có lúc chết chìm với đồng ván lẻ đó. Anh cứ theo thời thế xoay chuyển mà liệu việc. Cũng như đi buôn phải tìm người có thời mà hùn vốn. Anh hiểu ý tôi chứ?

Lợi vội nói:

- Dạ hiểu.

- Anh có nhiều cơ may để tiến thân, chỉ tiếc là anh chưa biết dùng các cơ may ấy. Tôi nhớ đã hỏi chuyện anh quen thân với ông Long Nhương từ thời niên thiếu, có đúng thế không?

- Vâng ạ.

- Cả đến chị nhà cũng không xa lạ gì với ông Long Nhương chứ?

Lợi đỏ mặt, lí nhí đáp:

- Dạ quả có thế.

- Thôi, mong anh gặp được nhiều may mắn hơn. Lận đận mãi sao được. Anh bao nhiêu tuổi rồi?

- Dạ đã 37.

- Chậm quá rồi. Nhớ liệu thời cơ mà ngoi lên. Không phải gặp ai tôi cũng nói những điều tôi vừa nói với anh. Nếu không thương quý anh, không tin cần anh, nói như thế là chuốc họa vào thân. Anh nhớ đừng hé môi nói lại với ai nhé.

Lợi cảm động quá, run run nói:

- Suốt đời không bao giờ tôi quên cái ơn hôm nay. Đúng là Trời đã đưa ngài vào tận đây để nâng tôi dậy, để mở mắt cho tôi.

Lúc đó tên lính hầu vừa bưng khay trà và coi trà vào. Nguyễn Hữu Chính cười ha hả, bảo Lợi: - Khá lắm. Chú phải thúc cho họ đóng xong mấy chục chiến thuyền ấy kịp ngày. Vâng, cần thứ gì trước, chú kê ra đi. Những điều tôi cần dặn, chú đừng quên, hỏng cả việc đấy. Lần trước chỉ vì sơ sẩy mà có chiếc vừa hạ thủy đã nghiêng qua một bên. Làm ăn như vậy làm sao qua được sóng gió!

Lợi hiểu ý Chính, lẳng lặng xin lui để kịp ghé thăm nhà trước khi xuống Thị Nại vào hôm sau.

*

* *

An cần nhằn với chồng:

- Hôm trước Lãng nó gặp anh trước bộ Lễ. Sao anh không tạt về nhà xem mẹ con em sống chết ra sao? Anh quên đường về Bằng Châu rồi phải không?

Lợi sà xuống ngồi cạnh vợ, giọng dỗ dành:

- Anh biết thế nào em cũng giận, nhưng quả thật hôm đó anh chạy không kịp thở nữa. Gỗ dưới sông sắp hết, mà chuyển bè nguồn chưa về. Anh lên bộ Công hỏi thăm, rồi phải theo ngựa trạm về dưới đó ngay. Anh vất vả vì ai, em biết rồi. Các con đâu rồi?

An hơi nguôi giận, nhưng vẫn giữ cái giọng dấm dăng:

- Thăng Phát thành dân đá cá lặn dưa, còn con Thái thoi thóp sắp phải tìm sắm áo quan rồi.

An về kịp, cũng may.

Lợi biết vợ nói dối, bẹo vào má An, cười giã lã:

- Em chỉ nói đại. Anh có mang về nhiều ốc đẹp cho con bé đây. Nó đâu?

An mỉm cười, giọng nói đã lộ vẻ đùa cợt:

- Anh vào giường bệnh mà tìm.

Lợi đã biết vợ đã hết giận, quay sang trách móc An:

- Đừng nói quàng nói xiên mải. Nó đâu, gọi vào cho nó mừng.

An lớn tiếng gọi:

- Thái ơi!

Con bé từ sau vườn chạy ra, trông thấy cha, nó mừng rỡ chạy đến ôm chầm lấy Lợi. Lợi ngồi xuống hôn tóc bé Thái, hỏi:

- Anh Phát đâu?

Con bé lắc đầu đáp:

- Con không biết nữa. Ảnh chạy đi chơi từ sáng sớm.

Lợi trợn mắt hỏi:

- Đi chơi? Sao không mét mẹ?

Bé Thái ậm ừ không dám trả lời. An thấy lạ, hỏi con:

- Lúc này con đem cho mẹ xem trang tập viết của anh Phát mà!

Con bé rơm rớm nước mắt, không nói gì được.

An phải dỗ dành:

- Có gì làm lỗi con cứ nói, mẹ không mắng đâu. Đừng khóc.

Lợi cũng bảo:

- Ngoan lên. Cha sẽ thưởng cho con bọc ốc đẹp.

Bé Thái được hứa hẹn, khuyến khích, nên đáp:

- Ảnh nhờ con chép giùm mấy chữ rồi mang cho mẹ. Ảnh dọa nếu không làm, ảnh không thêm chơi với con nữa.

Lợi có vẻ thích thú vì những điều con vừa kể, chẳng những không rầy con mà còn reo to:
- Khá lắm. Mới tám tuổi đầu đã biết bán chữ. Thế mới thực là người khôn phải không con?

An bực quá, gắt chổng:

- Anh nói thế mà được à! Tôi báo cho anh biết, thằng Phát đã trở thành đứa lêu lổng rồi đấy. Nó bắt đầu nhập bọn với bọn trẻ hoang chuyên đi phá phách cây cối vườn tược của người ta. Hôm kia có người đến đây mắng vốn. Hôm qua em nhốt nó ở nhà một ngày, sáng nay đã dậy sớm lên đi rồi. Một mình em không lo hết được. Anh đi hoài, con cái không ai dạy dỗ, sau này nó trở thành thằng ăn cướp cho xem.

Lợi cười, nói:

- Ăn cướp càng tốt. Chỉ mong nó có chí lớn, không thèm ăn cướp những thứ lặt vặt. Cướp được cả nước người ta, thì tự nhiên thành ngài, thành đấng, chứ cướp vài đồng tiền kẽm chẳng bỏ công mà còn bị thiên hạ gọi xách mé là thằng, là đứa.

An ngơ ngàng nhìn chổng, hoang mang hỏi:

- Anh mới học được của ai cái giọng đó? Chỉ sơ suất vài lời với lão Năm Ngạn đã nằm ngục mấy năm, anh chưa biết sợ hay sao.

An đã vô tình chạm đến những điều Lợi e ngại nhất. Đột nhiên Lợi nổi giận. Mặt anh nóng bừng. Anh nói:

- Cô cũng mới học được của ai cái giọng dạy đời hỗn xược đó? Cô hãy nhìn quanh xem có người vợ nào dám nói với chồng như cô không?

An nổi bù lu bù loa:

- Em biết mà. Anh về nhà là chuyện bất đắc dĩ, nên mới bước vào cổng là đã tìm chuyện gây gổ để làm có ra đi. Được, anh muốn đi đâu thì đi, khỏi cần phải tìm có.

Lợi không chịu kém, la lớn:

- Nhà tôi tôi ở, không ai được quyền đuổi. Cô nên nhớ...

Lợi nói đến đó mới chợt nhớ cái nhà này không phải tài sản của anh, mà cũng không phải tài sản nhà vợ. Đó là tài sản của triều đình, tịch thu được của một tên duýện lại trốn tội. Lợi ngập ngừng một lúc chưa biết xoay xử thế nào, khiến An có cơ hội lấn tới:

- Anh bảo nhớ nhớ cái gì? Nhà này của ai? Của anh phải không?

Lợi giận dữ đáp:

- Nhưng cũng không phải của nhà cô.

Con bé Thái thấy cha mẹ cãi nhau căng quá, sợ đến xanh mặt. Nó bắt đầu mếu máo khóc. Nó đến ôm chân mẹ van lơn:

- Mẹ. Mẹ ơi. Đừng nói lớn con sợ quá mẹ!

Hai vợ chồng lúc ấy mới nhớ đến con, nên cùng dần cơn nóng giận lại. Nhưng Lợi cảm thấy bị thương tổn nếu không nói gì thêm, nếu để cho An nghĩ mình đã thắng thế. Trước khi bỏ vào nhà, Lợi gằn giọng bảo:

- Lần nào về cũng sinh chuyện. Biết thế này thà đi cho khuất mặt còn hơn.

An định trả lời, nhưng bé Thái đã kịp ôm chặt lấy mẹ van nài:

- Mẹ! Mẹ ơi!

Bữa cơm chiều hôm đó nặng nề, không vui.

*

* *

Tuy nhiên vào buổi tối, Lợi nhớ những lời khuyên của Đô đốc Chính, nên cố gắng làm lành với

vợ. Anh nói cười luôn miệng, âu yếm săn sóc các con. Chính Lợi dẫn thằng Phát đi tắm rửa, thay quần áo cho nó trước khi buộc thằng bé đứng vòng tay cúi đầu để nghe cha dạy bảo. Con Thái thấy sự khác thường, đôi mắt ngơ ngẩn hết nhìn cha lại quay sang dò nhìn mẹ. Thấy mẹ vẫn làm mặt nghiêm, nó càng không hiểu nổi những gì đang diễn ra trước mắt, Lợi đem tập giấy viết nhem nhuốc của Phát ra làm chứng để răn dạy con. Anh nói:

- Hồi trưa cha về mới biết con bỏ học đi lêu lổng với bọn mất dạy. Chẳng những thế, con còn dối mẹ, nhờ em viết giùm để đi chơi. Con không được tròng mắt với em như vậy. Không phải em nó tự tiện đi mét cha mẹ đâu. Cha mẹ không nhận ra nét chữ của con với nét chữ của em Thái hay sao. Em nó nhỏ tuổi hơn con, lại là con gái, mà nét ngang nét sổ đẹp dễ, cứng cõi hơn con nhiều. Cha bận việc không có thì giờ, chứ mẹ thì còn lạ gì nét chữ nguệch ngoạc của con nữa. Tại sao biếng nhác vậy Phát? Con không sợ làm mẹ buồn hay sao? Con nên nhớ trên đời không ai thương con bằng mẹ, không ai hy sinh cho chồng cho con bằng mẹ. Không có mẹ thì ai nuôi các con, ai lo lắng cho các con từng miếng cơm, giấc ngủ. Mẹ khổ sở vì các con, các con có biết không? Tại sao các con không ngoan ngoãn để vui lòng mẹ, lại còn làm khổ mẹ. Mẹ héo hắt từng ngày, con không thấy hay sao?

Hai đứa trẻ càng hoang mang hơn, không hiểu tại sao đột nhiên cha mình dài dòng kể lể công lao của mẹ. Nhưng An thì hiểu chủ ý của Lợi. Chị thấy con gái ngáp, bảo nó:

- Thái, đi ngủ đi. Con đã nghe cha dạy chưa? Từ nay về sau phải giúp mẹ lo lắng việc nhà, chứ không phải cứ nhong nhong ngoài đường. Con nói thì giỏi lắm, nhưng sau đó đâu vẫn hoàn đấy. Bé Thái trở mắt nhìn mẹ, chẳng hiểu vì sao mẹ lại trách mắng mình. Nó lắp bắp phản đối:

- Mẹ, mẹ lầm rồi. Mẹ mắng anh Phát chứ sao lại mắng con. Con có nhong nhong ngoài đường hồi nào đâu!

Lợi gật gù, mỉm cười, bảo con gái:

- Ừ, mẹ giận anh Phát nên rầy chung cả nhà đấy. Con cha ngoan lắm, đi ngủ trước đi. Cả thằng Phát nữa. Thôi, cho phép con nghỉ học tối nay.

Hai đứa bé vui mừng, len lén bước ra khỏi phòng, mắt lăm lét liếc nhìn cha mẹ, sợ họ đổi ý. Chờ cho hai con đi khỏi, Lợi mới ngồi ghé xuống gần chỗ vợ đang ngồi. An vẫn giữ nét mặt lạnh lùng, mắt nhìn chăm chú mạng lại cái áo rách của Thái. Lợi tăng hắng, rồi húng hắng ho, An vẫn không ngược lên nhìn chồng. Quá lâu, thấy vợ điềm tĩnh làm công việc mình, Lợi sốt ruột, phải lên tiếng trước. Anh nhỏ nhẹ nói:

- Hồi trưa anh thật bậy! Có lẽ đi về mệt quá, đâm cáu.

An không nói gì. Lợi rụt rè tiếp:

- Tối nay trời oi thật. Không có lấy một chút gió!

Im lặng!

- Không biết hai đứa trẻ đã chịu ngủ chưa. Không có tiếng cằn nhằn hoặc cười khúc khích. Có lẽ chúng ngủ cả rồi.

An hít hà vì vô ý để kim đâm vào ngón tay trở. Chị đưa ngón tay lên miệng nút hết máu. Được dịp tốt, Lợi xuýt xoa:

- Có sao không? Ấy, đừng để máu bám làm độc. Hãy nặn cho hết ra, rồi xoa tí dầu khuynh diệp. An không nhịn được nữa, bật cười, nhưng vẫn giữ giọng gay gắt:

- Anh cứ để mặc tôi. Việc ai nấy lo, không việc gì phải chen vào.

Lợi vui mừng, ngồi dịch lại gần vợ hơn:

- Hết giận anh rồi nhé! Đừng giận anh, tội nghiệp. Ai không có lúc lầm lỗi. Khổng Tử còn có khi

lầm, hướng chi anh!

An đã quá quen với tài mơn trớn làm lành của Lợi, đưa tay đẩy chồng ra xa, và nói:

- Thôi, tôi biết anh đang cần tôi làm gì đây mới hạ giọng như vậy. Có việc gì nói quách ra đi.

Lợi chối dây đẩy:

- Có việc gì đâu. Em chỉ quen nghĩ xấu cho anh. Thực ra hồi chiều, lúc kinh cãi với em xong anh ra đường, lên phố, mới biết tin quân ta đã phá tan quân Xiêm. Cả phố phường như mở hội. Em không ra đó mà xem. Mai em đi chợ chắc vẫn còn được thấy cảnh rộn rã.

Quả nhiên An quên ngay giận, hỏi chồng:

- Thật không anh? Thế mà những kẻ độc mồm độc miệng cứ xì xào bảo nhau là trận này ta thua to, ta mất sạch chiến thuyền y như hồi ông Năm Ngạn cầm quân.

Lợi thấy vợ bị chuyện thời cuộc cuốn hút, vui vẻ nói:

- Chúng nó điên mới nghĩ ông Long Nhưong thua trận. Thua sao được! Chuyến này ông Huệ về, thế nào cũng có nhiều thay đổi.

An không hiểu ý chồng, vội hỏi:

- Thay đổi? Thay đổi cái gì hở anh?

Lợi cố lấy giọng nghiêm trọng, thì thào với vợ:

- Em chưa thấy sao? Bao nhiêu công trận đều do ông Huệ lập cả. Chẳng lẽ ông Long Nhưong cứ giữ mãi phận em út. Anh em với nhau trong nhà thì sao cũng được. Nhưng đây là việc nước.

Phải xử thế nào cho công bằng chứ.

An ngạc nhiên hỏi:

- Thế lâu nay nhà vua xử bất công với anh Huệ à?

- Không phải thế. Nhà vua không xử ép ông Long Nhưong, nhưng nhà vua xem đây là chuyện nhà, ai làm cũng được, còn lợi lộc thì nhin nhường nhau theo thứ bậc lớn nhỏ. Nhưng nếu đứng ngoài mà nhìn thì càng ngày càng có nhiều bất tiện. Nhất là đối với những ai đã từng vào sinh ra tử với ông Long Nhưong, với anh Huệ. Anh Huệ nhường nhin hai anh được tiếng là em thảo, nhưng các tùy tướng của anh Huệ lại bị thiệt thòi. Họ đâu có chịu!

An bắt đầu lo sợ, nên run run hỏi:

- Họ định làm loạn để đòi hỏi quyền lợi ư? Sao anh biết?

- Không. Họ đã định gì đâu, nhưng anh đoán thế nào họ cũng đòi. Không sớm thì muộn họ phải đòi. Lúc đó, tất có nhiều điều rắc rối xảy đến. An chợt nhớ cuộc tranh cãi về tường Chàng Lúa giữa hai chị em An, Lãng, nên bắt đầu sợ hãi. Chị hỏi:

- Anh Huệ dám đứng ra chống nhà vua sao anh?

Lợi càng hạ thấp giọng:

- Chưa hẳn như thế. Nhưng ông Long Nhưong sẽ bắt đầu chứng tỏ rằng mình không còn là cậu em út ngoan ngoãn nữa. Vua anh có thể khó chịu, nhưng làm sao được. Đánh tan mấy vạn quân Xiêm, nhổ sạch lũ giặc cỏ Nguyễn Gia Miêu đều là công lao của ông Long Nhưong. Chuyến này ông ấy về, vua Thái Đức không thể xem em như một người bé bỏng được.

- Nếu... nếu hai anh em họ kinh chống nhau, nhà ta sẽ thế nào? Em sợ cho thằng Lãng. Còn anh nữa. Nhà vua có vẻ tin cậy ông Chỉnh lắm. Nhưng nam bắc cách biệt, liệu nhà vua có tin thật không. Em lo anh làm việc với ông Chỉnh, có ngày... Lỡ xảy ra chuyện gì, chắc mẹ con em...

An nghẹn lời, không dám nói hết câu. Lợi cũng bắt đầu thấy tầm nguy hiểm có thể đến với gia đình mình, nhưng thấy vợ sợ hãi quá, anh cố lấy hết bình tĩnh trấn an vợ:

- Không đến nỗi như thế đâu. Coi kìa! Chưa chi đã xanh mặt! Anh chỉ nói đùa cho vui chứ sự

thực dễ gì xảy ra như vậy.

An cãi:

- Không. Cái gì cũng có thể xảy ra cả. Thà thấy trước để còn liệu đường tránh. Làm sao đây anh? Lợi ôm hai vai vợ, thấy An run rẩy, lưng áo ướt đầm mồ hôi. Lợi ôm chặt vợ vào lòng, vỗ vào lưng An như dỗ một đứa bé cho nó ngủ:
- Em nên tin ở anh. Dù thời thế ra sao chẳng nữa, anh cũng xoay sở được. Anh không để cho em với các con khổ như hồi trước đâu. Bây giờ anh đã từng trải, không sốc nổi như trước nữa. Anh khôn ngoan hơn nhiều. Anh liệu trước được thời cơ chứ không cầm cúi vùi đầu trong những chuyện tẹp nhẹp. Em nên tin anh.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần V: Vượt đèo Hải Vân

Chương 58

Đạo thủy quân vừa oanh liệt chiến thắng quân Xiêm cập bến Thị Nại vào buổi trưa. Trời nắng như đổ lửa. Bãi cát bốc hơi rong tanh, nóng, và khét. Bao nhiêu ngày bị sóng biển nhồi xóc cộng thêm cái nóng khô người trên bãi khiến tất cả mọi người đều ngây ngây say. Quân lính không giữ được hàng ngũ trật tự, mạnh người nào người ấy đi tìm chỗ núp nắng và xin nước uống. Đạo quân khải hoàn quần áo xốc xếch, mặt mũi nhem nhuốc, trông ô hợp thất thểu chẳng khác nào một đám tàn binh.

Đã thế cảnh tiếp đón trên bờ càng khiến cho tinh thần quân sĩ dao động. Gần như chỉ có đám con nít da sạm nắng tóc hoe con nhà chài lưới và bọn hiếu kỳ chờ đón họ. Các chức sắc ở cửa Thị Nại, không thấy ai! Lạ lùng hơn nữa, là người ta đang vội vã dỡ bỏ những cổng chào dành đón những người chiến thắng. Không ai hiểu căn do của những điều lạ kỳ ấy, người mới về tìm hỏi người dân chài, dân chài lại ngơ ngác hỏi người mới về. Những người lính trẻ khỏe mạnh không bị say sóng và say nắng chạy đi hỏi mấy người đứng tuổi đang hạ những cột khải hoàn môn:

- Sao lại dỡ bỏ đi hử bác?

Họ được trả lời:

- Không biết. Mới có lệnh hồi sáng sớm. Quan trên hẹn đến trưa thì phải gỡ xong. Nhưng, các anh tính, chúng tôi chỉ có mấy người! Tụi trai tráng vạn chài đi lưới từ khuya, còn được ai bắt người nấy cũng chỉ được một nhúm. Nay, lại đây tôi hỏi nhỏ chút việc: Trận này chắc thiệt nhiều lắm hả?

- Ai bảo bác thế?

- Lại còn giấu. Đánh nhau, thắng bại là lẽ thường. Chỉ trông qua hình dạng các anh, đủ biết hết!

- Nhưng biết cái gì mới được chứ?

- Cái gì nữa! Các chú bị đánh cho tan tác, lếch thếch thất thểu trở về đây chứ gì. Chẳng thế quan trên lại ra lệnh dỡ hết các cổng chào. Phải nọc mấy tên phu trạm mang tin thất thiệt! Báo hại dân làng bỏ công bỏ của dựng cổng chào, bây giờ lại vội vàng phá hết. Nhưng này, các chú trở về còn đông đấy chứ! Chẳng biết thằng con bà hai Cua sau nhà tôi có về được không!

Một chú lính láu táu đáp:

- Cháu biết anh ta, bác ạ. Con bà hai Cua chết rồi. Chỉ có con bà hai Còng thoát tay quân Xiêm trở về thôi.

Rồi anh ta trở người bạn đứng bên cạnh, cười bảo:

- Hẳn đây này. Con bà hai Còng đấy!

Mấy người dân chài biết đám lính trẻ chế giễu mình, nên nghiêm mặt lại. Một anh lính lớn tuổi nhất thấy các bạn đùa quá trớn, vội nói:

- Ở nhà nhận tin sai đấy, bác. Chúng tôi giã cho quân Xiêm một trận chí tử. Anh em chúng tôi trở về gần đông đủ cả. Chẳng hiểu tại sao...

Anh lính ngưng nói vì có tiếng chiêng thu quân. Các nhóm lính nằm ngời rải rác dưới các bóng cây vội chạy đến chỗ tập trung. Vài người vừa chạy vừa đưa khăn ướt lên lau mặt và cổ, hoặc tiếp tục cắn vội miếng dưa, miếng thơm. Họ đã bớt say nắng, nên dáng điệu nhanh nhẹn, khỏe mạnh hơn.

Mấy bác dân chài ngơ ngác nhìn nhau. Họ vẫn chưa hiểu đạo quân vào Nam diệt quân xâm lăng Xiêm thắng hay bại. Họ hỏi nhau:

- Thế là thế nào?

- Thế nào nữa! Thua liểng xiểng mười phần rồi!

- Không thua, tại sao quan trên ra lệnh dẹp bỏ cổng chào đi!

- Nhưng bọn trẻ này nói dối làm gì!

- Lỡ thua, mất mặt thì phải dối chứ!

- Chẳng lẽ quan trên không thạo tin hơn chúng nó!

Bàn tán chán rồi chưa ai tìm ra giải đáp. Nhưng rõ ràng họ do dự, việc tháo gỡ các cổng chào trở nên cầm chừng. Một người e dè gợi ý:

- Hay ta ngưng lại, chờ xem đã.

- Sao lại ngưng. Lệnh quan phải tuân theo. Lỡ bị quở trách, ai đứng ra chịu tội đây?

- Nhưng chính quan trên đã ra lệnh dựng gấp cổng chào. Biết đâu sau khi ta tháo gỡ xong xuôi, lại chẳng có lệnh dựng gấp cổng chào trở lại. Chỉ cần ra lệnh, dễ thôi. Có tốn chút mồ hôi nào đâu.

- Thôi, xin can đàn anh. Nói lắm chỉ mang vạ.

- Thế bây giờ làm gì đây? Nên dừng hay nên tiếp tục tháo gỡ?

- Sao lại hỏi tôi? Hỏi bác xã trưởng chứ!

Họ cứ tranh cãi cù nhầy như vậy cho đến lúc một toán lính có mang gươm giáo đến mời họ đến gặp vị tướng chỉ huy đạo thủy quân tiên phong. mấy bác dân chài khốn khổ xanh cả mặt, tay chân lẩy bẩy, sợ hãi bước theo toán lính như những tội nhân. Họ oán mình, oán Trời, nhưng tuyệt nhiên không dám oán quan trên. Họ đã quen nghĩ quan trên bao giờ cũng đúng, vì sự khôn ngoan học được trong buổi loạn lạc, đổi thay!

*

* *

Long Nhượng tướng quân quăng cương ngựa và kiếm cho tên lính gác đứng gần nhất, ra dấu cho đoàn tùy tướng chờ mình ở ngoài cổng thành, rồi vội vã vào hoàng cung gặp vua anh.

Lúc ấy vua Thái Đức đang ngồi nói chuyện vui vẻ với Đô đốc Chỉnh. Hai người ngồi trên cái sập thếp vàng, đĩa trầu đã vơi đi một nửa. Nguyễn Hữu Chỉnh mặc phẩm phục Đô đốc, ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thông xuống nền bát tràng. Nhà vua thì ngồi xếp bằng trên sập, tay phải chống trên chõng gối kê ngũ sắc bọc nhung. Nhà vua tiếp khách thân mật nên chỉ mặc một bộ áo lụa vàng, đầu chít khăn đỏ.

Trông thấy Nguyễn Huệ đến với nét mặt hằm hằm thất thường, Nguyễn Hữu Chỉnh bối rối xin lui. Nhà vua không giữ lại. Quan Đô đốc quay chào Nguyễn Huệ. Huệ hơi nghiêng người chào trả, giọng nói cố ý kiêu cách:

- Không dám. Vâng, chào ông.

Chờ cho Nguyễn Hữu Chỉnh ra khỏi cửa, Nguyễn Huệ mới nóng nảy hỏi anh:

- Sao lại có chuyện lạ thế? Chẳng lẽ bọn lính trạm không đem tin về đây, thưa anh?

Vua Thái Đức đoán ngay nguyên do sự bất mãn của em, vui vẻ trở vào chỗ sập trước mặt mình, bảo em:

- Chú ngồi xuống đây đã. Ta cũng vừa được tâu là chú cập bến hôm qua. Một chút?

Huệ vâng lời vua anh ngồi ghé vào cạnh sập. Nhà vua hỏi:

- Chú ghé bên dinh cho thím với lũ trẻ mừng chưa?

- Dạ chưa. Em từ Thị Nại lên thẳng đây. Thưa anh, vì sao...

Nhà vua cắt lời em:

- Chú thắc mắc việc hạ cống chào chứ gì?

- Vâng ạ. Chẳng lẽ ở nhà chưa nhận tin chiến thắng...

Một lần nữa, nhà vua cắt lời Huệ:

- Có nhận chứ. Chú khá lắm. Chưa có trận nào oanh liệt cho bằng trận này. Ta giao một mình chú lo liệu, không phải là liều lĩnh đâu. Không cần phải sai thêm chú Bảy (Nguyễn Lữ). Một mình chú đã dư sức đập tan quân xâm lược Xiêm rồi.

- Nhưng tại sao...

- Ấy, chính vì chiến thắng oanh liệt ở phương nam mà ta phải dè dặt, đừng làm điều gì khiến phương bắc lo ngại. Dĩ nhiên không trước thì sau, thế nào ta cũng phải đòi lại dải đất từ Lũy Thầy trở vào. Đất đai Đàng Trong thì phải trả lại cho chúa Đàng Trong. Bắc Hà giữ làm sao được. Nhưng, vào lúc này, ta chưa nên làm điều gì khiến họ lo ngại. Phải chờ ít lâu nữa đã, chú Tám!

Nguyễn Huệ cúi đầu suy nghĩ, đôi lông mày chau lại, răng trên cắn lấy môi dưới. Một lúc sau, Huệ ngước lên, hỏi anh:

- Lâu nay Đô đốc Chính có thường đến đây không ạ?

Câu hỏi bất ngờ khiến vua Thái Đức ngỡ đi một lúc mới đáp:

- Cống Chính hả? À, có. Khi nào ông Nhật tâu trình những điều liên quan đến phương Bắc, ta đều có kêu ông ta lên hỏi cả. Ông ta thạo hết tình hình ngoài đó, biết rõ khả năng, tính tình từng người. Chú biết không, quận Tào ngoài Thuận Hóa hay tin chuyện ma quỷ, còn Phó tướng Thế thì thật thà như đếm. Cả hai đều thuộc loại hữu dũng vô mưu.

Nguyễn Huệ nói:

- Chỉ có Cống Chính là vừa dũng vừa mưu. Vụ tháo gỡ cống chào chắc là cái mưu của lão ta!

Vua Thái Đức đang cười tự mãn, vội đổi sắc mặt, trở mắt nhìn Nguyễn Huệ, hỏi dồn:

- Chú nói gì thế? Ta nói nãy giờ chú chưa hiểu gì cả sao?

Nguyễn Huệ lầu bầu đáp:

- Không ạ. Mấy tháng nay ở nhà có gì lạ không anh?

Vua Thái Đức vui mừng tránh được một đề tài khó chịu, nên vồn vã đáp:

- Chẳng có gì lạ. Bả thì lúc nào cũng vậy, cần nhần mãi chuyện con Thọ Hương. Lại thêm mấy ông rể quý! Chúng nó cứ ganh tị mãi với thằng Nhậm (Vũ văn Nhậm). À này, con Thọ Hương đòi đi tu đấy. Chú gọi nó sang dinh cho nó vài tiếng. Xưa nay nó chỉ nể có chú.

Nguyễn Huệ ngậm ngùi, giọng buồn buồn:

- Kể cũng tội cho nó. Các anh các chị ai cũng thành thân thành danh cả, chỉ một mình nó chịu lỗ làng.

Vua Thái Đức nói:

- Biết thế này hồi đó gả quách cho cái thằng... cái thằng gì làm Thư ký cho chú đó, cho nó yên

chuyện!

Nguyễn Huệ lắc đầu chậm chậm, nhưng không nói gì để giải thích ý kiến của mình. Nhà vua hỏi:

- Tinh thần quân lính thế nào? Họ vẫn khỏe đấy chứ?

Nguyễn Huệ đáp chậm:

- Thừa vẫn khỏe tuy vượt biển liên tiếp hơn mười ngày có nhiều người mệt nhọc. Nhưng họ thờ người ra khi vào đất liền thấy cảnh tiếp đón lạ lùng quá. Dân chúng tưởng chuyến này đại bại.

Vua Thái Đức vội nói:

- Phải giải thích cho chúng nó hiểu. Không phải lúc nào thắng trận cũng phải reo hò vang ầm trời đất mới vui. Phải chờ, phải nhịn cho đến lúc lặn ra được đến Lũy Thầy, lúc đó muốn dựng hàng vạn cái cổng chào, nổ hàng vạn phong pháo cũng được. Cả chú nữa, chú phải nhìn xa hơn nữa. Xong mặt nam ta còn phải lo mặt bắc. Chú về chuyến này, nghỉ vài hôm rồi ta sẽ gọi Cống Chính lên bàn cho kỹ chuyện Thuận Hóa. Mấy lâu nay ta có cho gọi thẳng Nhậm với chú Bảy vào dự bàn đấy, nhưng vì thiếu chú, nên chưa đâu vào đâu cả. Chú vào thăm chị hay về bên ấy trước đã?

- Em xuống Thị Nại liền bây giờ. Lòng quân đang hoang mang. Em nghĩ anh cũng nên xuống dưới đó.

Vua Thái Đức vội vã nói:

- Phải, ta sẽ xuống vào ngày mai. Cho khao quân ngay dưới đó cho tiện. Tránh đừng cho chúng nó ý công mà làm kinh động kinh thành. Cái loạn kiêu binh ngoài Bắc Hà vẫn còn sò sò ra đấy. Chú xuống trước báo cho các quan dưới ấy ngày mai ta xuống Thị Nại. Bộ Lễ và bộ Binh lo chung việc tiếp đón và khao quân. Chú uống chén nước đã.

Nguyễn Huệ nhận chén nước trà từ tay nhà vua, uống cạn một hơi rồi trả cái chén về cái khay bạc chạm trổ công phu. Vua Thái Đức dăm dăm nhìn về mặt em, cố kiểm chứng lại những gì Cống Chính vừa nói lúc nãy, nhưng nhà vua không thấy gì khả nghi. Khuôn mặt Nguyễn Huệ có sạm đen hơn một chút, đôi mắt có sâu hơn một chút nên cái nhìn thêm sắc sảo, quả quyết. Chỉ thế thôi! Nhà vua băn khoăn, đến nỗi Nguyễn Huệ cúi chào xin lui mà nhà vua quên cả thốt vài lời ân cần đối với một người em vừa lập công lớn trở về.

*

* *

Cuộc lễ khao quân trang trọng, thịnh soạn, nhưng không phô trương ầm ĩ đúng theo lời hịch tướng sĩ của nhà vua. Bài hịch do Nguyễn Hữu Chỉnh soạn rất văn hoa, tế nhị, tình lý đầy đủ, nhất là khéo léo đến nỗi dù có đọc kỹ bài hịch, không ai hiểu nổi vì sao phải ăn khao chiến công một cách âm thầm, sẽ sàng như vậy. Người ta chỉ mơ hồ hiểu được là vì một cái gì cao hơn, xa hơn, hứa hẹn nhiều vinh quang hơn, mang lại cho toàn quân nhiều phần thưởng hơn, mà hôm nay ta không nên rầm rộ ăn mừng chiến công vĩ đại vừa lập được. Không đủ trình độ, mà cũng không muốn phí thì giờ, tâm não tìm hiểu những phức tạp tinh tế người ta muốn giấu kín sau các lời văn hoa, nên đám quân lính chú tâm chè chén no nê, đoạn ngủ một giấc nồng nặc mùi men rượu. Tỉnh dậy, họ chỉ còn một ước muốn là được phép gặp ngay cha mẹ, vợ con để vui vẻ báo tin trở về bình an. Những điều trọng đại, như ý nghĩa cuộc chống xâm lăng lịch sử, như cái thể tàn tạ của chúa Nguyễn, như hy vọng khôi phục toàn vẹn xứ Đàng Trong về Tây Sơn, như lễ phế hưng theo ý Trời v.v... Đối với đa số quân sĩ góp công góp máu làm nên cái trọng đại ấy,

không lớn hơn cục cơm vắt ăn độ đường. Nếu có gì đáng nhớ trong lễ khao quân năm ấy, có lẽ là đêm hát tuồng đặc biệt tổ chức riêng cho họ.

Đêm hát tuồng có nhiều yếu tố đặc biệt để trở thành kỷ niệm khó quên đối với đa số quân sĩ. Trước hết đây là lần đầu họ được xem tài nghệ một đoàn tuồng nổi tiếng, lâu nay chỉ diễn cho nhà vua, hoàng tộc, và các quan trong triều thưởng lãm. Đào kép lịch sự, đẹp đẽ như trong tranh Tàu. Cách diễn xuất điêu luyện trong từng cử chỉ, lời ca ảm áp khi thì thánh thót bi thương, khi thì hùng tráng rộn rã. Họ vừa thưởng thức tài nghệ diễn tuồng, vừa có cảm giác khoái trá được ghé mắt dự vào cuộc giải trí của bậc vương giả. Thật là một cơ hội nghìn năm!

Điều bất ngờ thứ hai là tối hôm ấy, họ được xem một vở tuồng ngắn. Một vở tuồng hát toàn bằng lời Nôm dễ hiểu. Và nhân vật tuồng không phải ai xa lạ: chính là chú Lía của quê hương họ, chàng trai lao động nghèo khổ như họ, ăn mặc đơn sơ tầm thường như họ, chịu đựng những nỗi cay đắng bất công giống những gì họ từng chịu đựng, chỉ khác một điều căn bản là chú Lía dám nói "không" khi họ cúi đầu vâng dạ, dám ngừng mặt quắc mắt khi họ gục mặt lấm lét, dám mạnh tay bắt tung các trói buộc phi lý trong khi họ chấp tay chịu trói. Chàng Lía trên sân khấu khiến họ sảng khoái hả hê vì hãnh diện, nhưng đồng thời cũng gây cho họ những thẹn thùng, ưu tư. Chàng Lía thật là gần gũi với họ, mà cũng thật cao xa đối với họ. Họ chết điếng vì xúc động bất ngờ. Chưa bao giờ một vở tuồng tạo được cảm giác sâu sắc và phức tạp như vậy trong tâm trí đám lính vốn là những người cày ruộng, chài lưới, làm thuê, buôn bán nhỏ, suốt đời vất vả chỉ đủ nuôi thân qua ngày.

Và điều bất ngờ hơn hết là vở tuồng bị cắt đứt nửa chừng, theo lệnh của nhà vua. Sau khi chú Lía cướp quan tài của mẹ đưa đi chôn, sắp trở vào thành để trừng trị bọn tham quan thì một viên quan của bộ Lễ lên sạp hát bảo cho mọi người biết có lệnh vua cấm hát tiếp vở tuồng. Mọi người sững sờ vì kinh ngạc, nhưng sau đó, họ chỉ dám xì xào bàn tán rồi tản nhanh như một làn khói. Mãi về sau, họ vẫn không được giải thích vì sao vở tuồng lại ngưng nửa vời. Cho nên đêm xem hát ấy trở thành khó quên, như một tiếc nuối dai dẳng, thê thiết!

*

* *

Khi viên quan bộ Lễ mang chiếu chỉ đến cho Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, vị tướng trẻ vừa lập công lớn không quên cung kính làm đủ các nghi tiết tiếp chỉ. Nguyễn Huệ quì xuống cúi đầu nghe viên quan già dùng giọng khao khao đọc chiếu. Nghe xong, Nguyễn Huệ lạy đủ hai lạy rồi mới chống gối đứng dậy, đưa thẳng tay ra trước nhận tờ chiếu từ đôi tay run của viên quan già.

Nguyễn Huệ đọc lại nội dung tờ chiếu một lần nữa, bàng hoàng không hiểu tại sao vua anh lại đột ngột xuống chiếu cấm diễn vở tuồng Chàng Lía của Lãng. Lúc đó Lãng đứng bên cạnh Long Nhương tướng quân. Trong khi Nguyễn Huệ ngơ ngác, thì Lãng lo sợ. Hóa ra những điều An nói đều đúng. Những gì An sợ đều đang tuần tự xảy ra, không có cách nào tránh khỏi. Lãng hối hận, nhưng có cảm tưởng cay đắng bất lực của người bị lôi cuốn vào một cuộc phiêu lưu nguy hiểm nhưng đúng sở nguyện. Anh liếc nhìn Huệ, dò xem phản ứng của viên tướng trẻ. Anh không thể đoán được Huệ đang nghĩ gì.

Quân lính lạng lẽ tản mạn về các doanh trại, như muốn tránh không dấy dưng vào một vụ rắc rối lớn. Trên sạp tuồng, đám đào kép cũng đang ngẩn ngơ, chưa biết phải làm gì. Họ mặc y nguyên quần áo diễn tuồng, để nguyên khuôn mặt son phấn hoặc râu ria tùm tùm ba dưới sân khấu để bàn tán nho nhỏ.

Nguyễn Huệ kéo Lãng ra xa hỏi:

- Ở nhà lúc tập tuồng, có xảy ra chuyện gì không?

Lãng thấy tốt hơn hết là phải nói đầy đủ sự thật. Nhưng vì không bình tĩnh, nên anh nói không hết ý.

- Dạ anh em gặp nhiều khó khăn lắm. Nhiều người chê tuồng nôm na không chịu tập. Bác Mịch phải nhờ đến các đào kép phụ. Họ phải làm cả đôi việc một lúc. Vâng, bác Mịch khó chịu lắm. Họ vẫn tiếp tục diễn tuồng cổ. Khi nào rảnh mới tập tuồng này. Các quan Giáo phường biết chứ. Có một vài chỗ các quan bộ Lễ bảo nên sửa đổi cho hợp nghĩa trung quân hơn. Các quan không cấm nhưng cũng không khuyến khích. Anh em họ tập vì thích chuyện Chàng Lía, chứ không hy vọng được diễn. Nhờ tướng quân nhớ và hỏi, tuồng mới được ôn tập lại, và chuẩn bị diễn đêm nay.

Nguyễn Huệ hỏi:

- Hoàng thượng có biết Giáo phường đang cho tập tuồng này không?

Một lần nữa, Lãng phải nói thật:

- Dạ có. Một hôm vô tình Hoàng thượng đi qua Giáo phường, có dừng lại xem các đào kép tập diễn tuồng. Sau đó Hoàng thượng bỏ đi, không nói gì cả.

Nguyễn Huệ cắn môi suy nghĩ, lẩm bẩm:

- Là thật. Chắc bên trong... Mấy năm nay cậu ở bên Giáo phường có động chạm gì đến ai không?

- Dạ không.

- Thôi, cậu đừng buồn.

Lãng nói nhỏ:

- Có thể do nội dung vở tuồng. Chàng Lía là một người nổi dậy làm loạn. Có thể Hoàng thượng không ưa kẻ phản loạn đó, nên...

Nguyễn Huệ tức giận nói:

- Nhưng nổi loạn chống bọn tham quan ô lại thì xứng đáng làm trai quá rồi còn gì nữa. Chẳng lẽ...

Huệ muốn nói gì nữa, nhưng do dự, rồi im lặng. Lãng hỏi:

- Chắc thế nào em cũng bị ghép tội?

- Tội gì?

- Có thể là tội dùng "Yêu ngôn hoặc chúng". Các quan Hình bộ giải luận tội lắm, thế nào cũng tìm ra. Dù thế nào chẳng nữa...

Nguyễn Huệ quay phắt lại nhìn Lãng, giọng trách móc:

- Cậu đã trưởng thành, ba mươi tuổi đầu rồi mà không dám nói điều gì dứt khoát. "Chắc thế nào", "Có thể" "Dù thế nào chẳng nữa". Ta ghét cay ghét đắng cái giọng ngập ngừng đó. Cậu phải bỏ tính yếu đuối ấy đi. Cậu trả lời thẳng và gọn cho ta xem: Cậu soạn tuồng này có phải là một cái tội hay không?

- Theo em thì...

- Lại "theo em thì", có lẽ, nhưng mà. Cậu trả lời gọn đi: Có tội hay không có tội?

Lãng lấy đủ cương quyết đáp:

- Không.

- Như vậy thì không nên sợ sệt gì cả. Cậu sẵn sàng ý tưởng để làm trần tình văn nếu bị khép tội. Nhưng không đến nỗi thế đâu.

*

Cái tin cả quan Giáo phường lẫn bác Mịch bị bộ Hình tổng giam, khi gánh hát vừa về đến kinh thành bắt buộc Long Nhương tướng quân phải gác cuộc thanh sát công xưởng đóng thuyền lại, và vội vã lên Qui Nhơn.

Đến nơi, Nguyễn Huệ xin được bái yết vua Thái Đức ngay, nhưng điều khác thường đã xảy ra. Vua anh lấy cớ không được rảnh, hẹn gặp Huệ vào sáng hôm sau.

Nguyễn Huệ ngỡ ngàng, cảm thấy sự việc trầm trọng hơn ông tưởng. Ông ghé qua bộ Lễ, để chỉ gặp những bộ mặt dáo dác, sợ hãi, nghe những lời nhát gừng quanh co. Đường như mọi người đều cố giấu mình để khỏi phải liên lụy vào một vụ nguy hiểm ghê gớm.

Nguyễn Huệ định vào hoàng cung gặp nhà vua vào buổi tối hôm ấy, nhưng về sau kịp nghĩ lại, ông nhận thấy làm như vậy là dại dột. Ông qua một đêm trằn trọc, nhờ không ngủ được nên ông ôn lại cả quãng đời dài, từ lúc anh em ông mới khởi dấy ở Tây Sơn thượng cho đến ngày nay. Càng nghĩ, ông càng thấy sự cách biệt giữa những người chân đất từng hăng hái theo anh em ông từ thuở đầu với đám quan lại của triều đình Tây Sơn, giữa ông và nhà vua, giữa con người ông trong quá khứ và hiện tại, sự cách biệt trùng trùng, gần như không còn có hy vọng gặp gỡ hoặc tiếp nối nào nữa. Có thể như vậy được không? Đây là nguyên do sự biến đổi, mâu thuẫn, hay nói cho mạnh hơn, sự phản bội ghê gớm ấy? Tại sao lại cấm diễn một vở tuồng phản ánh cái quá khứ kiêu dũng ban đầu của chính mình? Sợ cái gì, nếu không phải là sợ sự thực phũ phàng, sự phán xét của những người từng trải từ đầu, những người có đủ trí nhớ chưa quên những lời hô hào khởi loạn của anh em ông?

Một đêm mất ngủ khiến Nguyễn Huệ kém điềm tĩnh khi vào gặp vua anh sáng hôm sau. Nhà vua không tiếp Nguyễn Huệ ở điện Chánh Tẩm, mà gọi em sang hoàng cung. Chỉ có hai anh em, nên vua Thái Đức không dè dặt điều gì, gần như mắng trách em ngay từ câu đầu. Nguyễn Huệ vừa ghé ngồi xuống sập, vua Thái Đức đã bảo:

- Chú muốn gì thì nói thẳng cho ta biết. Đừng giấu diếm. Đừng quanh co. Chú muốn khích động bọn lính đang say chiến thắng để làm loạn phỏng? Chú vuốt ve lòng tự ái của chúng, nhân chuyện dẹp bỏ cổng chào kích thích cho chúng bất mãn. Rồi chú kéo gánh hát xuống ngầm xúi chúng bắt chước thằng Lía. Có đúng như thế không?

Nguyễn Huệ dăm dăm nhìn vua anh không tin rằng vua Thái Đức lại có thể nghĩ được những điều như vậy. Ánh nhìn bi phẫn khiến nhà vua chạnh lòng, bắt đầu hối hận vì đã trót nói những câu nặng nề đối với người em vừa lập công lớn. Nguyễn Huệ cảm thấy nghẹn ở cổ họng, mạch máu đập mạnh hai bên thái dương. Hai bàn tay tự nhiên run, ông phải nắm lấy vạt áo bào để cố trấn tĩnh. Nhưng phải cố gắng lắm, Nguyễn Huệ mới hỏi được một câu ngắn:

- Tâu Hoàng thượng, có phải đó là những lời mật tấu của Đô đốc Chính? Hoàng thượng có thể tin được những lời sàm tấu như thế sao?

Vua Thái Đức vội lắc đầu:

- Chú đừng nghĩ quàng xiên cho người ta. Những điều dại dột chú làm đã rõ như ban ngày, cần gì phải chờ trình tấu ta mới biết! Chú nghĩ ai cũng đơn giản, ngây thơ như chú sao? Kéo một đoàn tuồng cung đình xuống hát cho quân lính xem, người ta phải đặt câu hỏi. Rồi lại hát tuồng Nôm, thuật chuyện thằng Lía khởi loạn chống triều đình. Chú không ra chợ, đâu có nghe được tất cả những lời bàn tán độc địa. Ngựa trạm mới trở vài giờ, ngoài phố đã xì xào bảo nhau rằng ta cấm đường để ngăn bọn kiêu binh tiến về kinh thành. Chú đã biết những điều đó chưa?

Nguyễn Huệ đã hoàn toàn bình tĩnh, nên nhìn thẳng vào mắt vua anh, chậm rãi đáp:

- Những lời đồn đãi thì lúc nào chẳng độc địa. Như cái tin đồn quân ta đã bị quân Xiêm đánh tan tác. Lúc nào cũng có những bọn xấu chụp tất cả những cơ hội để vu khống, chống phá, xúi giục. Có cơ hội vô tình chúng chụp được. Có cơ hội do chính chúng ta tạo ra để biểu chúng. Như vụ hạ cổng chào. Như vụ cắt ngang buổi diễn tuồng.

Vua Thái Đức tức giận, đập tay xuống mặt sập, nói lớn:

- Ta đã giải thích cho chú rồi, chú nhắc lại làm gì. Vì sao không nên khoa trương chiến công phạt Xiêm, chú rõ rồi chứ? Có cần nhắc lại lần nữa không?

Nguyễn Huệ im lặng không trả lời. Vua Thái Đức chờ một lúc, rồi bảo:

- Chú có vẻ cay cú về buổi diễn tuồng. Chú cho ta hạ lệnh như vậy làm mất mặt chú chứ gì?

Nguyễn Huệ vội nói:

- Dạ không phải thế.

Vua Thái Đức hỏi dồn:

- Hay vì quá thương thằng em con An mà chú...

Nguyễn Huệ đỏ mặt, hấp tấp cắt lời anh:

- Không phải. Không phải đơn giản là chuyện cảm tình riêng ...

Nhà vua cũng vội cắt lời em:

- Không phải thế thì là cái gì? Vì nặng tình nghĩa thầy trò mà chú lo bảo bọc hết cho gia đình con An đến thằng Lãng. Vụ can thiệp thả thằng Lợi, chú tưởng ta không biết gì sao! Cả đến vụ chú gửi cái thằng vô tích sự ấy qua Giáo phường để học lão Mịch cách viết tuồng nữa. Nhưng chú Tám à, chú phải biết anh em ta đang làm việc lớn, đang thay Trời hành đạo, chú biết chưa? Vì nghĩa lớn, chú phải dẹp những tình riêng. Anh phải nói thế nào cho chú hiểu đây! Sá gì chuyện thường tình! Chú là một viên tướng lẫy lừng cả nam bắc, chẳng lẽ không dẹp được chút tình riêng hay sao?

Thấy giọng nói của nhà vua đã dịu dàng hơn, Nguyễn Huệ cũng lễ phép đáp:

- Nhưng thưa anh, ở đây không phải là chuyện thường tình. Không phải vì là vợ tuồng của Lãng mà em lên đây. Anh hiểu lầm em rồi. Điều quan trọng chính là nội dung vở tuồng. Lúc nãy anh bảo đem chuyện chú Lía ra làm tuồng tích là đã kích động quân sĩ làm loạn. Em thì em không nghĩ vậy. Chính em gợi ý cho Lãng soạn một vở tuồng Nôm về Chàng Lía, vì theo em, Chàng Lía là kiểu mẫu đẹp đẽ nhất cho những người dân nghèo bất khuất, nghĩa là cho tất cả anh em chúng ta. Tại sao chúng ta giống Chàng Lía mà lại sợ Chàng Lía? Ta sợ cái gì? Chẳng lẽ ta đã trở thành bọn tham quan bị dân nghèo chán ghét nên phải sợ bóng sợ gió, không dám nhắc đến tên một dân nghèo khởi loạn chống triều đình?

Giọng nói của nhà vua đã mất tự tin. Nhà vua bảo em:

- Chú nói như vậy vì chú chưa phải gánh vác những việc phức tạp rắc rối như anh. Lâu nay chú chỉ lo việc binh. Hễ có quân lính can đảm mạnh khỏe, đủ lương thực, đủ gươm giáo, hễ tính toán mưu kế cho khéo, là chú an tâm. Kẻ thù của chú ở trước mặt. Chú kéo quân vào đó đánh một trận bất ngờ, quét sạch thành lũy của chúng, rồi kéo quân về mở tiệc khao, chờ lần tiến công tiếp theo. Còn anh, chú nhớ cho, anh có đủ mọi loại kẻ thù. Ở phía bắc cũng có, phía nam cũng có, kẻ thù trước mặt không khi nào thiếu. Mà kẻ thù núp sau lưng, kẻ thù nguy hiểm nhất, kẻ thù đáng sợ nhất, lại càng đông đảo hơn. Anh phải đề phòng mọi mặt, sẵn sàng dẹp tan các cuộc phản kháng bất cứ lúc nào. Chú nghĩ mà xem, anh đâu được yên tâm như chú. Anh không ăn ngủ yên nếu kẻ thù tứ phía chưa được dẹp hết. Đã thế, vô tình (vâng, anh biết vì lý tưởng nên chú vô tình thôi, chú không cố ý) chú vô tình đề cao một mẫu người làm loạn cho bọn kiêu

binh đó bắt chước. Chúng nó đâu có nghĩ đủ đầu đủ đuôi như chú. Xem tuồng xong, chúng nghĩ gì? Chúng nó nhớ những tên quan hống hách từng làm phiền chúng, so sánh họ với tên tham quan trong tuồng. Rồi chúng thấy thằng Lía làm loạn, và được tán thưởng. Chúng sẽ nghĩ: Mình làm gì đây? Thằng Lía làm được, chẳng lẽ mình là thằng Xoài, thằng Mít lại không làm được. Đứng dậy đi, anh em! Tìm giết cho hết bọn tham quan đang làm khổ chúng ta. Chỉ cần một tên bọm nào đó hô lên một tiếng, đám lính kiêu của chú sẽ kéo nhau đi tìm giết... giết ai chú biết không? Giết anh em chúng ta, giết những người được chúng ta cử đi làm quan ở đây, ở dưới đó. Chú đừng nên xem thường các tuồng hát bội. Nguy hiểm lắm! Lời hát, tiếng trống, tiếng đàn cũng mạnh như mũi tên mũi giáo, chứ không phải đùa. Không phải không có lý khi từ xưa đến nay, các triều đình chỉ cho hát tuồng ca tụng tôi trung, con hiếu, vợ hiền, nghĩa là ca tụng sự ngoan ngoãn, phục tùng. Không có ông vua nào đại dột ca tụng những tên nổi loạn. Chú ngẫm mà xem anh nói có đúng không!

Nguyễn Huệ im lặng suy nghĩ, không biết trả lời với anh thế nào. Thấy nét mặt trầm ngâm của em, vua Thái Đức biết Huệ chưa hoàn toàn đồng ý với mình. Nhà vua vẫn còn nghĩ động cơ chính thúc đẩy em, khích động em, là động cơ tình cảm. Vì vậy, vua Thái Đức cười nhỏ, rồi nói: - Thôi được. Chú giỏi chiến trận, nhưng vẫn là một kẻ thương tình. Ta sẽ ra lệnh tha cho quan Giáo phường và lão Mịch, không khép tội ai cả. Nhưng từ đây về sau không được tự tiện diễn các tuồng như thế nữa. Ta sẽ nhờ ông Nhật tìm người qua thay quan Giáo phường. Còn thằng Lãng thì...

Nguyễn Huệ vội thưa:

- Dạ em xin nó về làm Thư ký trở lại. Mấy tên nhà nho bị ta bắt từ trận Đồng tuyên cũng có năng lực đấy, nhưng không tin họ được.

Nhà vua vui vẻ gật đầu, vì tin rằng Huệ đã được thuyết phục. Rằng không còn vấn đề gì chưa được giải quyết giữa hai anh em. Khi Huệ xin lui, nhà vua giữ em lại, dẫn em vào hậu cung thăm hỏi Hoàng hậu và các Quận chúa, rồi giữ lại dự bữa cơm của hoàng gia.

Chương 59

Khoảng cuối mùa Xuân năm Bính Ngọ (1786), Trấn thủ Thuận Hóa là Tào Quận công Phạm Ngô Cầu sai viên Thuộc hiệu đội Dực hữu là Dương Lĩnh bá Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn để thương thuyết vấn đề biên giới giữa hai nước.

Vì là bạn cũ của Nguyễn Hữu Chỉnh, nên sau các nghi thức triều kiến và những lời đối đáp ngoại giao văn hoa mà giả dối, Nguyễn Phú Như tìm cách để nói chuyện riêng tư thân mật với Chỉnh về tình hình Bắc Hà. Đô đốc Chỉnh mừng rỡ nhưng dè dặt, không mời Như về dinh riêng mà tiếp chuyện ngay tại công đường.

Hai người bạn lâu ngày mới gặp lại, nắm tay nhìn nhau mừng mừng tủi tủi, ngỡ như gặp trong chiêm bao. Nguyễn Phú Như liếc nhìn tên lính hầu đang lo pha trà rót nước, giọng nói có vẻ khiên cưỡng:

- Ngài vẫn mạnh giỏi đấy chứ? Bác gái và các cháu thế nào?

Nguyễn Hữu Chỉnh cười xòa, rồi bảo:

- Thôi đừng khách sáo, anh bạn cũ! Chỉ có hai ta ở đây, văn hoa khách sáo mà làm gì. Cảm ơn bác, nhà tôi vẫn mạnh. Cháu Du đã bắt đầu giúp tôi được trong việc quân. Nghe có sứ giả Thuận Hóa mới vào, tôi tưởng ai hóa ra bác!

- Phần tôi thì vì biết chắc có bác trong này mới dám nhận đi sứ. Thế nào bác cũng phải giúp tôi một tay.

Nguyễn Phú Như lại liếc về phía tên lính hầu. Nguyễn Hữu Chỉnh không lưu ý đến thái độ dè dặt của bạn, giơ cả hai tay lên trời nói:

- Một tay à? Không. Với ai thì tôi còn ngại, nhưng với bác thì tôi dám giúp cả hai tay chứ đừng nói một.

Lúc đó tên lính hầu đã pha trà xong, lóm thóm đi về phía cửa sổ khép bớt một cánh che bớt ánh nắng. Nguyễn Phú Như nhân cơ hội hỏi nhỏ:

- Bác tìm có sai hấn ra ngoài có được không?

Chỉnh nháy mắt ra dấu hiểu ý bạn, lắc đầu, rồi đáp lớn:

- Người trong nhà cả, bác đừng ngại. Tôi giúp được bác gì nào? Tại sao Quận Tào lại sai bác vào đây? Không phải để dụ hàng tôi đấy chứ?

- Không đâu! Bác đừng đùa ác thế! "Lão đàn" ấy lo bắn lên, mới sai tôi vào đây. Lão muốn mượn bác để mong được yên thân với Tây Sơn, còn nói chi đến chuyện dụ hàng.

Nguyễn Hữu Chỉnh kinh ngạc hỏi:

- Quận Tào được Chúa tin dùng cử vào Thuận Hóa làm Trấn thủ từ năm Bính Thân (1776), tính đến nay đã mười năm rồi. Mấy người giữ được nơi quan yếu lâu như hấn. Hấn vững như núi, còn lo nỗi gì?

- Ấy, tại bác ở xa không biết đấy thôi. Năm Quý Mão (1783) Chúa cử Hồ Sĩ Đống vào thanh sát Thuận Hóa. Khi trở về, Hồ Sĩ Đống tâu lên Chúa rằng Quận Tào là một người tham nhu, không thích hợp với nơi biên viễn nguy hiểm, cần phải cử người can đảm, cương cường hơn để cấp tốc thay thế. Chúa không nói gì, nhưng thế nào cũng thắc mắc, hồ nghi khả năng của Quận Tào. Mấy năm nay lão còn ngồi yên vì là nhờ trong này không động tịnh gì. Nếu ngược lại, tất nhiên Chúa phải xem xét. Lão "đần" nghe phong thanh Tây Sơn đã dẹp yên phương Nam, nên lo ngại lắm. Lão nài tôi đi cho được chỉ vì vậy.

Nguyễn Hữu Chỉnh giả vờ ngạc nhiên, hỏi bạn:

- Tôi với bác là bạn nối khố từ lâu, sao nữa giăng bày hại nhau làm gì! Bác có nói bốn không đấy? Bác bảo Quận Tào lo ngại thế lực của Qui Nhơn? Trời ơi! Bác tưởng chúng tôi ở đây, vì lọt thỏm vào mấy vùng núi cao vây quanh, nên không trông được gì bên kia đèo Hải Vân hay sao? Bác lầm rồi. Đối với bọn giặc cỏ trong Gia Định thì chúng tôi còn dám bậm môi, rướn gân, cố sức một phen sống mái được. Nhưng với binh lực Bắc Hà, Tây Sơn chỉ là con kiến trước con voi. Mấy vạn tinh binh ở Thuận Hóa, dinh lũy liền dãy từ Hải Vân ra đến sông Gianh, bố trí để sẵn sàng tiếp viện, ứng cứu cho nhau khi có loạn. Phía bắc lại có sẵn kho lương thực và đạo quân Thanh Nghệ lúc nào cũng sẵn sàng để ứng phó với mọi tình thế. Tôi còn lạ gì sức mạnh của Bắc Hà nữa mà bác định giăng bày! Không. Không. Chúng tôi không sa bẫy đâu!

Nguyễn Phú Như bắt đầu sốt ruột. Ông từ chối miếng trầu Chỉnh mời, tự cầm chén trà uống cạn một hơi, rồi nói:

- Bác tin hay ngờ là tùy bác. Sự thực thế nào, có dịp bác trở lại Bắc Hà, bác sẽ biết. Cùng là người một nước với nhau, tôi giấu bác làm gì. Khổ lắm, bác Chỉnh ạ! Hiện nay ngoài đó đang bị nạn đói. Giá gạo cao vọt. Dân kinh kỳ và bốn trấn bị đói to, thầy chết nằm liền nhau. Chúa phải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức. Nhưng bác tính, đói thế thì ai hưởng ứng! Chúa buộc phải xuống chiếu bắt ức nhà giàu để lấy của mà phát chẩn.

Nguyễn Hữu Chỉnh rung động, lòng quặn thắt vì lo âu cho những bà con thân thuộc còn ở lại Bắc Hà. Chỉnh hấp tấp hỏi:

- Tình thế bi đát đến thế sao? Bấy lâu nay Bắc Hà có giặc giã gì đâu mà đến nỗi thế?

Nguyễn Phú Như tức tối đáp:

- Không có họa gươm giáo thì có họa "các lái". Chúng thừa dịp mất mùa để bán gạo đắt không có một chút từ tâm, mặc cho những người khốn cùng chết đói đầy đường đầy chợ.

Nguyễn Hữu Chỉnh hần học nói:

- Ở kia! Tại sao bác lại đổ hết tội lên đầu các lái! Thế hạn hán mất mùa cũng do các lái à? Còn lợi lộc thì ai không tham.

Nguyễn Phú Như chợt nhớ đến gốc gác gia đình Chỉnh, bối rối tìm cách chuyển đề tài nhưng không tìm được cách nào để cho bạn bớt giận. Nhưng Chỉnh đã đổi giận làm vui mau chóng, đến nỗi Nguyễn Phú Như tưởng Chỉnh giả vờ giận dữ vì mưu kế hơn là vì bị xúc phạm.

Nguyễn Hữu Chỉnh hỏi:

- Thuận Hóa có bi đát đến độ ấy không?

Nguyễn Phú Như lắc đầu nói:

- Chưa đến nỗi nào. Nhưng giữa dân với lính Bắc Hà cũng căng lắm. Đến nỗi trời tối nhá nhem là lính không dám ra khỏi đồn canh. Dân với lính ghét nhau như chó với mèo.

Nguyễn Hữu Chỉnh lại giả vờ kinh ngạc hỏi:

- Thật ư? Hay bác lại giăng bày để đón chúng tôi.

Nguyễn Phu Như đưa hai tay lên cao, giọng hô hoán:

- Bác lại ngờ tôi! Thật không còn trời đất nào nữa!

Chỉnh vội cười cầu hòa:

- Tôi nói đùa đấy thôi. Bác chóng giận quá. Bác Như này, tôi đem gia đình trốn vào đây, chắc bác đã hiểu, chẳng qua chỉ là sự bất đắc dĩ. Bốn năm nay lúc nào tôi cũng nhìn đăm đăm về Bắc. Con chim còn có tổ, hướng chi... Cho nên xin bác lấy cái tình đồng hương mà khuyên hộ tôi vài lời. Bác liệu tôi có còn hy vọng về quê được không? Hay lại chết rấp vùi xương ở nơi đất khách này?

Quả nhiên Nguyễn Phu Như xúc động. Quên cả dè dặt. Như hăng hái nói:

- Sao lại không? Bác về lúc nào chẳng được. Ngoài mình dân như thế, lính như thế, cả vua lẫn chúa đều do bọn kiêu binh lập nên chúng ý thế ý công chẳng coi ai ra gì cả, chúa không ra chúa, quan lại thì khép nép sợ hãi như gà phải cáo. Nước nhà còn chút kỷ cương nào đâu mà còn sức mạnh. Chỉ một cơn gió nhẹ cũng đủ xô ngã rồi. Chỉ sợ bác không muốn về đấy thôi!

Nguyễn Hữu Chỉnh cố làm ra vẻ chán nản, buồn rầu đáp:

- Bác nói đúng. Tôi già rồi. Có lẽ phải vùi thân nơi hóc núi này mất. Một mai ở Bắc Hà nếu có ai nhắc đến tôi, chẳng qua là nhờ mấy điệu cung từ. Nghĩ mà xót lòng, bác ạ.

*

* *

Ngay chiều hôm đó, Nguyễn Hữu Chỉnh xin được gặp vua Thái Đức. Nhà vua vuốt râu, cười hỏi:

- Thế nào? Lần này nhà Chúa mật chỉ cho ông những gì? Ông đến từ biệt ta đấy phải không?

Nguyễn Hữu Chỉnh vội vã sụp xuống lạy nhà vua. Nguyễn Nhạc không ngờ Chỉnh làm như vậy, hoang mang chưa biết phải làm gì thì Chỉnh đã lạy đủ hai lạy. Nhưng sau khi lạy xong, thay vì chống gối đứng dậy, Chỉnh vẫn phủ phục trước sập thếp vàng nhà vua đang ngự, trán chạm vào mặt gạch bát tràng màu gan gà. Nhà vua định xuống sập đỡ Chỉnh dậy, thì Chỉnh đã khấn khoản tâu:

- Muôn tâu Thánh thượng, thần không khéo ăn ở để cho Thánh thượng nhọc lòng hồ nghi. Nếu không được Thánh thượng khoan dung, thần xin phủ phục tại đây để chờ Thánh thượng xử tội. Nguyễn Nhạc cười ha hả, đến vực Nguyễn Hữu Chỉnh dậy. Nhà vua nói:

- Ta chỉ nói đùa thế thôi. Sứ giả nói với ông điều gì, ta đã biết cả. Ta không nghi ngờ ông điều gì đâu.

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi người về phía trước chấp tay vái tạ nhà vua, miệng nói:

- Thần xin cảm tạ hoàng ân.

Vua Thái Đức sốt ruột, trở gót sập bảo:

- Thôi, đừng khách sáo nữa. Ông ngồi xuống đây, rồi thuật tỉ mỉ cho ta nghe tình hình Thuận Hóa.

Nguyễn Hữu Chỉnh kể thật rành rẽ những gì Nguyễn Phu Như vừa thuật với ông vào buổi sáng. Nhà vua chú ý lắng nghe, lâu lâu gật gù ra vẻ bằng lòng. Nguyễn Hữu Chỉnh nói xong, vua Thái Đức hỏi:

- Ta tin lời hần được không?

Chỉnh quả quyết đáp:

- Nếu Thánh thượng tin được lòng thần, thì cũng có thể tin được lời Nguyễn Phu Như.

Nhà vua mỉm cười, đăm đăm nhìn Chỉnh rồi hỏi:

- Hình như xứ này quê mùa không có gì quyến rũ được ông? Ông chỉ ngong ngóng trông về Bắc.

Ông muốn ta đưa đường chăng?

Nguyễn Hữu Chỉnh lo âu, liếc nhìn nhà vua để đoán những gì nhà vua đang nghĩ. Thấy vua Thái Đức vẫn mỉm cười, đôi mắt hiền dịu khác thường, Đô đốc Chỉnh yên tâm. Ông thú thật:

- Mấy năm nay được Thánh thượng mở lượng bao dung, thần không biết lấy gì để đền công ơn trời bể ấy. Thần đâu dám chê vùng địa linh nhân kiệt này là chốn quê mùa. Quan Bổng nhân Lê Quế Đường vốn giỏi sấm ký đã báo trước cho nhà Chúa rằng đất Tây Sơn này là đất thiên tử, nhờ thế thần mới mạnh dạn vào đây xin tá túc. Chỉ thẹn một nỗi nợ nước, thù nhà chưa trả... Nhà vua vội nói:

- Lòng ông thế nào mấy năm nay ta đã rõ. Khởi phải áy náy, ông Cống ạ! Nhưng ông muốn ta đưa đường cho ông đến đâu đây? Đến Thuận Hóa chăng? Đến Lũy Thầy chăng? Rồi ông bỏ ta mà đi hay sao?

Chỉnh khép hai đầu gối ngồi ngay ngắn trên mép sập, xoay người nhìn thẳng về phía nhà vua lễ phép thưa:

- Tâu Thánh thượng, thần còn biết đi đâu nữa! Bắc Hà đã xử bạc với thần, thì thần đâu còn nợ nần gì với Bắc Hà. Thần có đi đâu, có làm gì, cũng vẫn là một viên tướng Tiên phong mở đất cho Thánh thượng. Chỉ vì thần hiểu hết phong thổ, nhân vật Đàng Ngoài, nên thần xin dẫn đầu cho cuộc Bắc tiến. Vả lại, lòng quê hương ai mà không có. Được gần thêm nơi chôn nhau cắt rốn, gần chỗ mồ mả tổ tiên, thần cảm thấy yên tâm hơn. Từ bên này sông Gianh đứng nhìn ra Bắc, lòng nhớ quê đờ bi thiết.

- Đến sông Gianh ư? A ha, ông không nói đùa đấy chứ?

- Tâu Thánh thượng, từ lâu cương vực bắc nam đã định. Từ sông Gianh trở vào là đất của Thánh thượng. Ta phải lấy những gì của ta. Danh chính ngôn thuận, lại hợp lòng Trời lòng người. Thần mạo nghĩ thời cơ đã đến để thu giang sơn Nam hà về một mối!

Vua Thái Đức thích thú cười lớn, cánh tay trái chống vào chông gối thêu. Nhà vua lại hỏi Chỉnh:

- Ông về Lũy Thầy làm tướng biên cương cho ta được không?

Chỉnh mau mắn đáp:

- Thần không bao giờ dám từ nan bất cứ việc gì Thánh thượng có lòng thương giao phó. Huống chi được cầm quân tiến ra Bắc lập công, trả ân sâu của Thánh thượng, vốn là ước nguyện của thần.

Nhà vua lại cười, lần này vẻ mặt nhà vua rạng rỡ. Nhưng nhà vua cố lập nghiêm bảo Chỉnh:

- Ông khéo nói lắm, suýt chút nữa ta bị ông làm xiêu lòng mất. Chuyện này liên quan đến vận mệnh thịnh suy của xã tắc, không thể khinh xuất được. Kéo quân vượt Hải Vân đánh mấy vạn quân Thuận Hóa để lấn ra tận Lũy Thầy? Nói thì dễ, nhưng lúc thực hiện không khéo lại bốc phải lửa! Ta chưa quên trận Cẩm sa đâu! Dem cái sức mười năm tích lũy mà chọi với cái sức mấy trăm năm, có khác nào chú dê con buồn sừng húc đầu vào vách đá núi. Ông đừng vì tình quê hương mà dẫn luôn anh em ta vào cái bẫy ngầm. Ta phải xem xét lại đã. Hôm nào thì sứ Trịnh về?

- Dạ thần không được rõ.

- Nhấn ông ấy rán giữ mình, tránh trước khỏi nơi đầu tên mũi đạn.

Nguyễn Hữu Chỉnh vui mừng đáp:

- Thần xin tuân lệnh.

- Ngày mai ta sẽ tiếp ông ấy lần nữa. Phần ông, hãy thảo cho Quận Tào một thư phúc đáp. Khởi cần nhắc ông cũng đã đủ tài văn từ và ứng đối rồi. Làm sao cho Quận Tào yên tâm, khỏi lo đề

phòng mặt Nam. Đêm ngày ngày ngày lo mất chức Trấn thủ Thuận Hóa đã đủ khổ cho hần rồi. Hình như hần tin thầy tướng lắm phải không?

- Tàu Thánh thượng, đúng như vậy. Không có việc gì hần không nhờ thầy tướng xem giùm cát hung, nhất là những thầy tướng số người Tàu.

- Đúng là thẳng đần. Hần tưởng chỉ có những "con trời" mới biết được thiên cơ hay sao! Hần khinh thường người Nam quá lắm! Được. Rồi hần sẽ có dịp sáng mắt, mở trí ra!

*

* *

Sau khi yết kiến vua Thái Đức, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn ghé qua dinh Long Nhương tướng quân để gặp Nguyễn Huệ ngay. Giấc mộng ông ấp ủ từ bao lâu sắp thành hiện thực, Chỉnh khắp khởi mừng, quên cả dè dặt. Đến lúc sắp đến cổng dinh, ông mới thấy ý định của mình quá vội vã, nông nổi. Tuy không có bằng chứng gì rõ rệt, Chỉnh vẫn có cảm tưởng Nguyễn Huệ không ưa mình. Ngược lại Chỉnh cũng không ưa Nguyễn Huệ. Mỗi lần bắt gặp đôi mắt sáng ranh mãnh ấy soi mói nhìn mình, Chỉnh khó chịu, như bị lột trần truồng trước đám đông. Gặp Huệ vào giờ này? Trời ơi! Ta đã điên chưa? Nói với anh ta những gì? Không khéo lại gây thêm đổ vỡ, mâu thuẫn, thậm chí có thể là tai vạ. Chỉnh bảo bọn lính hầu đi thẳng về dinh, không ghé lại dinh của Long Nhương.

Mãi mười ngày sau, lúc Nguyễn Huệ đến thăm cơ xưởng đóng thuyền của Chỉnh, hai người mới có dịp thuận tiện nói chuyện với nhau. Nguyễn Hữu Chỉnh chờ cho Lãng ra khỏi phòng, mới hỏi Nguyễn Huệ:

- Trong cuộc Bắc phạt này, Tướng quân dùng quân bộ hay quân thủy để làm lực lượng nòng cốt?

Nguyễn Huệ hiểu ngay ý Chỉnh, nhưng vẫn giả vờ kinh ngạc hỏi:

- Cuộc Bắc phạt nào? Ông hỏi gì vậy?

Nguyễn Hữu Chỉnh lúng túng nói:

- Tôi tưởng Hoàng thượng đã...

Nguyễn Huệ hỏi dồn:

- Theo ông, ta nên dùng quân bộ hay quân thủy?

Chỉnh qua được cơn bối rối, đáp chậm:

- Tướng quân đoán được câu trả lời của tôi rồi. Người nào quen việc gì, thường xem việc đó quan trọng hơn hết. Tôi được đời đặt cho cái hiệu "con cắt nước", nên hể lên khỏi thuyền là lúng túng.

Nguyễn Huệ mỉm cười nói:

- Dinh của Dao trung hầu đâu phải là nhà thủy tạ! Ông có lúng túng chút nào đâu. Ông chỉ nói khiêm đấy thôi!

Chỉnh đỏ mặt, ngồi im không nói gì. Nguyễn Huệ lấy giọng hòa nhã nói:

- Tôi nói đùa cho vui, ông đừng để tâm. Vâng. Ngay sau khi sứ giả Quận Tào vào đây, Hoàng thượng có vời tôi vào. Hình như ông cũng có được gọi thì phải. Hoàng thượng có nhắc đến chuyện Thuận Hóa. Nhưng tôi còn do dự, chưa dám đương. Sau trận đương đầu với quân Xiêm, tôi nên nghỉ một thời gian. Có lẽ đích thân Hoàng thượng cầm quân Bắc phạt đấy.

Chỉnh quên cả dè dặt, hấp tấp nói:

- Sao Tướng quân lại chối từ! Tôi e rằng... Không... Ý tôi muốn nói quân lính đã quen được Tướng quân chỉ huy, chỉ nội sự có mặt của Tướng quân cũng đủ cho họ tin tưởng và hăng hái

rồi. Chưa nói đến sự từng trải chiến trường, đến mưu lược, sự quyết đoán nhanh nhẹn. Vả lại... vả lại... không biết tôi thua với Tướng quân điều này có tiện không...

Thấy vẻ mặt láo liên của Chỉnh, Nguyễn Huệ thêm ác cảm với Chỉnh. Nhưng vì tò mò, ông hỏi:

- Có gì ông cứ nói. Giữa ông với tôi, không nên ngại.

Chỉnh đưa lưỡi liềm nhẹ môi trên, ngập ngừng, rồi đánh bạo nói:

- Có thể tôi quá liều lĩnh, đem mạng sống ra đánh đổi một điều chưa chắc chắn, nhưng... vì đại cuộc, tôi phải thua thật với Tướng quân. Chuyến này Tướng quân không nên từ chối kiểm lệnh vì nhiều lẽ.

Nguyễn Huệ cười nhỏ, khuyến khích Chỉnh:

- Ông cứ tự nhiên. Tôi là một người biết điều. Xin ông kể hết các lẽ phải trái. Tôi sẽ lắng nghe những lời biện biệt.

Nguyễn Hữu Chỉnh yên tâm hơn, tiếp tục nói:

- Lẽ thứ nhất là hiện nay, từ nam chí bắc không ai có tài cầm quân hơn Tướng quân. Tôi nói từ nam chí bắc, vì sau khi Quận Việp qua đời, đất Bắc không còn viên tướng nào đủ sức nhìn mặt Tướng quân. Chiếm lại một vùng đất đã bị Bắc Hà chiếm hàng mười năm, đồn lũy, binh bị đã vững, lương thực khí giới đầy đủ, việc đó không thể giao cho bất cứ ai. Trận đầu mà không thắng thì quân dân dễ nhụt chí. Do đó, cần phải giao cờ lệnh cho một tướng bách chiến bách thắng.

Lẽ thứ hai liên quan đến vận hội chung của vương triều. Tướng quân nghĩ mà xem, vị thế của Tướng quân ở đây, sau khi Tướng quân toàn thắng quân Xiêm, bắt đầu có điều không ổn. Tướng quân xem thường chuyện danh lợi vụn vặt, nhưng không phải ai ai cũng như Tướng quân. Rất nhiều người mong muốn Tướng quân mãi mãi là viên tướng biên viễn. Tướng quân càng sáng thì họ càng mờ. Thấy Tướng quân khả hoàn, họ dầu dầu nét mặt. Nhiều chuyện hiểu lầm đã xảy ra từ lúc Tướng quân về đây mà nếu không có lòng thuận thảo hiếm có giữa anh em ruột thịt trong hoàng gia, nếu ở vào trường hợp khác, có thể có nhiều đổ vỡ lớn. Nhiều người e dè khép nép với Tướng quân, kính sợ nhưng dè dặt, khâm phục mà xa cách. Chúng nó đáng thương, vì còn phải nhìn trước nhìn sau để giữ lấy thân. Tôi nói sơ qua, nhưng một người thông minh sắc sảo như Tướng quân chắc đã biết trước mọi điều. Do đó, tại sao không nhân cơ hội này, Tướng quân lãnh phần trấn thủ Thuận Hóa, dương oai hùm với Bắc Hà, bảo vệ giang sơn cho Hoàng thượng, lại được thỏa thích tùy nghi trong khu vực riêng. Tướng quân vui, mà bọn tiểu nhân cũng đỡ phần lo ngại.

Nguyễn Huệ gật gù ra vẻ đồng ý, rồi hỏi Chỉnh:

- Nếu tôi lãnh kiểm lệnh, ông có giúp tôi không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mau mắn đáp:

- Tôi chỉ mong ước có bấy nhiêu. Được bước gần quê hương thêm một bước, lòng tôi vui thêm một bậc.

- Bọn tiểu nhân ở đây lo ngại tôi, vậy ông không lo ngại sao mà xin theo tôi?

Nguyễn Hữu Chỉnh nhũn nhặn đáp:

- Người quân tử phải biết tìm đáng mình quân để thờ. Tôi có chút tài mọn về thủy chiến, cũng phải biết chọn dũng tướng để phục vụ.

Nguyễn Huệ cười, bảo Chỉnh:

- Ông nói khiêm quá đấy. Ông thông thạo chuyện đất liền hơn cả chuyện sóng nước.

Lúc ấy Lãng vào phòng báo cho Nguyễn Huệ biết đoàn tùy tùng đã sắp sẵn ngựa và hành lý

xong. Nguyễn Hữu Chỉnh cười rất tự nhiên, hỏi Long Nhương tướng quân:
- Tướng quân lại sắp đi? Giá tôi còn được sức thời trai trẻ, tôi sẽ xin theo hầu Tướng quân.
Nhưng tôi già rồi. Tướng quân sắp đi đâu đấy ạ?
Nguyễn Huệ trầm ngâm suy nghĩ những điều Chỉnh vừa nói, đáp bằng quơ:

- À, tôi vào xem lại các đồn phòng thủ trong kia.

Rồi quay về phía Lãng, Huệ hỏi:

- Liệu có kịp không?

Lãng nhìn bóng mặt trời đáp:

- Nếu trễ ta có thể dừng lại nghỉ đêm ở cung Bình Điền.

Nguyễn Huệ đứng dậy, kéo lại áo bào cho ngay ngắn, rồi bảo:

- Nào, ta đi. Cảm ơn Đô đốc. Ông nói hay lắm!

*

* *

Khi đoàn người ngựa đến ngã ba chỗ đường đất xuống Thị Nại gặp đường thiên lý, Nguyễn Huệ bảo mọi người dừng lại cho ngựa nghỉ. Đứng ra, chính Nguyễn Huệ cần nghỉ chứ không phải ngựa. Những lời Chỉnh nói tác động mạnh mẽ lên tâm hồn ông. Dù không nói ra, ông vẫn nhận thấy trong các lời bàn đầy hậu ý của con người khả nghi ấy có nhiều điều đáng phải quan tâm. Nhất là những điều liên quan đến vị trí của ông!

Rõ ràng mọi sự đã thay đổi nhiều, so với thuở ban đầu. Ông đã 34 tuổi, không còn là một cậu em út bé dại của ông Biện Vân đồn như thời xưa nữa. Kẻ địch khiếp đảm khi nghe nhắc tới tên ông. Quân sĩ kính phục ông, sự kính phục pha lẫn sợ hãi khép nép. Kể cả số anh em quen biết ông từ thời Kiên thành hoặc Tây Sơn thượng. Ông ngờ ngợ nhận ra sức mạnh khuất phục của quyền lực, nên khi tiếp xúc với cấp dưới, ông cố tỏ ra đơn giản, bình tĩnh, hòa nhã, để khoảng cách giữa ông với họ bớt xa. Nhưng các chiến công liên tiếp ông lập được lại tạo cho ông một thứ quyền lực vô hình gần giống với quyền lực của thần linh đối với kẻ chiêm bái. Càng ngày ông càng cảm thấy cô đơn, thêm muốn cuộc sống đơn giản, thêm muốn được khuất lấp trong dòng sống bình thường của mọi người. Đôi lúc ông thầm ước sự đơn giản của Nguyễn Lữ, sự hiếu động vô tư của Nguyễn Nhạc. Càng muốn hòa hợp vào sự dung dị, lịch sử càng tách lìa ông với phần còn lại, buộc ông phải đứng một vị trí cao sáng hơn. Từ đó bắt đầu những hệ lụy phức tạp, những bon chen tầm thường mà từ thời còn trẻ, ông ghét cay ghét đắng. Nguyễn Hữu Chỉnh đã nói đúng... Chiến công của ông gây ra nhiều hệ quả đau lòng, quấy rầy ông chẳng khác nào một kẻ thù khuất mặt dai dẳng và ranh mãnh. Ông thừa hiểu lý do vụ hạ cống chào, hoặc vụ cấm hát tuồng Chàng Lía. Ngay cả vua anh cũng bắt đầu lo ngại uy tín của ông. Chỉ cần nhìn qua cách nhìn, lối nói khi gặp ông, nhìn qua cách cười gượng gạo khi khuyến khích hoặc vỗ về ông, ông đủ hiểu tâm trạng của vua Thái Đức. Nguyễn Hữu Chỉnh nói đúng. Vị trí của ông ở đây không còn thích hợp nữa. Ông phải nhận lãnh nhiệm vụ trấn thủ phía bắc Hải Vân, hoặc phía nam Bình Thuận. Ông phải nhận số phận bạc bẽo của một viên tướng biên tái, nếu muốn giữ tiếng thuận thảo cho gia đình.

Nguyễn Huệ suy nghĩ lung lăm, càng suy nghĩ càng buồn. Ông dùng dằng, chưa biết nên rẽ phải về kinh thành xin nhận kiếm lệnh Bắc phạt của vua anh, hay nên rẽ trái vào thanh sát các đồn lũy Cù Mông. Bọn lính xuống suối múc nước cho ngựa đã trở lại. Mấy con ngựa khỏe đang nhai thóc, đuôi ve vẩy thỏa mãn.

Nguyễn Huệ gọi Lãng đến hỏi:

- Liệu có đến kịp Bình Điền lúc trời sập tối không?

Lãng quả quyết đáp:

- Chắc chắn kịp, thưa Tướng quân. Từ đây vào đó gần hơn từ đây về thành.

Vô tình lời nói của Lãng giúp Nguyễn Huệ quyết định. Ông bảo:

- Ta khởi hành thôi. Nếu kịp, ta thẳng đến Cù Mông.

Lãng cưỡi ngựa chạy phía sau Nguyễn Huệ. Ông cố ý ghìm cương ngựa lại chờ Lãng tiến lên ngang hàng với mình, nhưng hễ ông đi chậm thì Lãng cũng đi chậm, khoảng cách hai người không thay đổi. Thành thử Nguyễn Huệ cảm thấy lòng nặng trĩu vì cô độc. Ông thấm thía nỗi quạnh hiu của danh vọng, của quyền lực. Thấm thía nỗi quạnh hiu của kẻ khác thường. Không cưỡng được khát vọng được cảm thông, Nguyễn Huệ quay lại gọi Lãng:

- Cậu thúc ngựa lên đây.

Lãng vâng lời, nét mặt ngơ ngác chưa hiểu chủ tướng muốn gì. Lúc đến gần Nguyễn Huệ, Lãng hỏi nhỏ:

- Tướng quân truyền gì ạ?

Nguyễn Huệ bực dọc nói:

- Cậu bỏ quách cái giọng khúm núm yếu đuối ấy đi.

Lãng cúi đầu im lặng, không hiểu vì sao đột nhiên Huệ nổi giận. Nguyễn Huệ hối hận vì nặng lời vô cớ, nên hỏi:

- Lãng đã quen đi ngựa trở lại chưa?

Lãng vui mừng đáp:

- Dạ quen rồi. Mấy năm núp sau đám mũ áo phường hát, em quên cả cách giữ cương. Ngày đầu đi ngựa, tối về mỏi rã cả thân thể. Phải qua một tháng mới làm quen trở lại với đời sống sương gió cũ.

Nguyễn Huệ ngấm vẻ hân hoan của người bạn trẻ, xúc động, thúc ngựa đến gần Lãng hỏi:

- Cậu có biết vì sao ta lại xin cậu về đây không?

Lãng đáp:

- Em biết ơn anh.

Nguyễn Huệ vội bảo:

- Có gì mà ơn với huệ. Lãng không biết đấy. Ta cần có Lãng bên cạnh không biết bao nhiêu.

Nhiều lúc ta cảm thấy mọi người đều giả dối, giả vờ khép nép, xu nịnh, tâng bốc ta, nhưng sự thật họ ghê tởm xa lánh ta.

Lãng không tin những điều mình vừa nghe. Anh nói:

- Tại sao Tướng quân lại phần đời như vậy? Không có ai dám...

Nguyễn Huệ cắt lời Lãng:

- Phải. Họ không dám nói sự thật, nên hoặc lấy lời tâng bốc lừa ta, hoặc tìm cách lảng tránh cho xa ta.

- Mọi người kính phục Tướng quân. Vì kính phục nên nể sợ.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Còn Lãng thì thế nào?

Lãng đáp:

- Tướng quân đã biết rõ cảm tình của em rồi!

Nguyễn Huệ nói một mạch:

- Không. Lãng chưa hiểu rõ ta, cũng như ta chưa hiểu rõ Lãng. Không có điều gì, không có

người nào đơn giản cả. Chẳng hạn Lãng đừng làm tưởng rằng ta xin Lãng về để cứu Lãng. Không. Ta cần Lãng. Ta cần Lãng như cần một tấm gương soi rõ mặt mình, cái mặt không có mũ trụ trên đầu, vào lúc không còn ai chung quanh để cố nghiêm nghị hoặc đóng tuồng hòa nhã. Ta muốn có một người hoàn toàn đáng tin cậy bên cạnh để được nói bất cứ điều gì thích nói, sống thoải mái bình thường như một kẻ vô danh, lúc yếu đuối, hèn nhát cũng như lúc giận dữ điên cuồng. Lãng đừng gọi ta là "Tướng quân". Cũng không nên khép nép giữ ý, đi sau ta như một tùy tướng. Lãng hiểu ý ta không?

Lãng chưa hiểu nhiều, nhưng cứ đáp liều:

- Dạ vâng, thưa Tướng quân.

Nguyễn Huệ cười chế nhạo:

- Cậu vừa đáp hiểu, lại vừa dùng hai tiếng "Tướng quân". Cậu chưa hiểu gì cả.

Câu chuyện đến đó thì ngừng.

Tối hôm ấy và từ sáng hôm sau, trên đường trở về kinh thành, Nguyễn Huệ làm lì không tìm cách gọi chuyện với Lãng. Vì thế, anh cho cuộc đối thoại hiếm hoi hôm trước chỉ là một phút lạc lòng của viên dũng tướng.

Dù sao, Lãng cũng vui mừng vì hiểu được vị trí của mình đối với Nguyễn Huệ.

Chương 60

Từ đầu tháng Tư, cuộc chuẩn bị tấn công Thuận Hóa cuốn hút mọi người như một cơn lốc, khiến không ai còn thì giờ suy nghĩ về mình. Chỉ còn một điều đáng suy nghĩ là làm sao để quyết thắng. Khắp nơi nhịp sống gia tăng gấp đôi, gấp ba. Hơi thở hùng hục chí chiến đấu. Cái rộn rã huyền nhiệm báo hiệu mùa xuân lại trở về vào đầu mùa hạ. Ngày kéo dài bằng ánh đuốc. Tuổi trẻ kéo dài bằng hy vọng và niềm tự hào. Những người chân đất vốn là anh chẵn trâu, chị bán trâu, phu khuân vác, thậm chí là tên vô lại ngoài chợ, chưa hết ngỡ ngàng trước sức mạnh tiềm tàng của chính mình. Hơn mười lăm năm qua họ tham dự vào biến động long trời lở đất, cho nên họ hết còn e dè ngờ rằng tất cả chỉ là do may rủi. Không. Không có may rủi nào lại có thể trường cửu đến hơn mười lăm năm ròng. Họ bắt đầu tự tin, và tự hào. Họ tin ở bàn tay cầm cày và cầm giáo của họ, rồi tin ở khả năng trí tuệ của họ. Ngoài mùa xuân trời đất, họ tạo ra một mùa xuân khác vào mỗi đầu hạ. Đầu tháng Tư họ ra đi, và khoảng đầu hoặc cuối thu họ mang chiến công trở về. Điều đó xảy ra hằng năm như luật tự nhiên, như điều bình thường. Nhưng tháng Tư Bính Ngọ, họ rạo rức hăm hở vì một điều khác thường. Không như những lần vượt biển vào Nam trước đây, lần này, họ sắp tiến công ra Bắc!

*

* *

Trong phòng cơ mật, vua Thái Đức đang chủ tọa một cuộc họp quan trọng. Những người được triệu tới dự họp gồm có: Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ, Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh, Phò mã Vũ Văn Nhậm và Thái úy Bùi Đắc Tuyên. Không thấy mặt quan Hình bộ Bùi Văn Nhật như trong các cuộc họp quan trọng trước đây. Các lính hầu được lệnh không cho bất cứ ai đến gần phòng họp.

Vua Thái Đức mở cuốn lịch ra, vui vẻ bảo mọi người:

- Ta đã định được ngày xuất quân rồi. Hai mươi tám tháng Tư. Chỉ còn không đầy nửa tháng nữa. Các ông phải lo cho gấp lên!

Rồi quay về phía Nguyễn Huệ, nhà vua nói:

- Chú Tám, lần này ta cũng giao trọng trách cho chú đấy. Chú làm "Thống lĩnh chư quân thủy bộ". Nhưng chú đừng vội lo. Chú không đơn thương độc mã như lần đánh nhau với quân Xiêm đâu. Chú có thằng Nhậm theo làm Tả quân Đô đốc, ông Cống Chỉnh đây làm Hữu quân Đô đốc. Lại thêm chú Bảy Lữ chỉ huy đội thủy quân dự bị. Đường đi nước bước Thuận Hóa ông Cống thuộc như thuộc từng chỉ tay của mình. Bên kia đèo Hải Vân nhân tâm đang ly tán, phòng thủ rời rạc. Việc có vẻ khó nhưng với chú, ta biết chú đảm đương nổi. Ý chú thế nào?

Nguyễn Huệ định trả lời vua anh, nhưng nghĩ sao, do dự, quay sang phía Nguyễn Hữu Chỉnh hỏi:

- Xin quan Đô đốc cho biết tình hình phòng thủ Thuận Hóa thế nào đã.

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi đầu xin phép nhà vua, rồi mới đáp:

- Tình hình chung thì đúng như lời dạy bảo sáng suốt của Hoàng thượng. Lực lượng nhà Trịnh ở Phú Xuân mới xem có vẻ hùng hậu. Từ sông Gianh vào đến Hải Vân, ngoài số tam binh và thổ binh, riêng số tinh binh từ Bắc hà đưa vào cũng có trên ba vạn rồi. Thành Phú Xuân là chốn địa đầu trọng yếu, nên lực lượng thủ ngự lại càng mạnh mẽ đông đảo. Cách xây đồn đắp lũy cũng kiên cố, kín đáo. Trên dải đất hẹp chạy dài theo ven biển gần như không chỗ nào không có bóng quân Trịnh. Phía bắc có các đồn Bồ Chính, Leo Heo, và Lũy Thầy. Sâu về phía nam có dinh Cát. Phía cực nam có đạo quân án ngữ ở vị trí xung yếu tại đỉnh Lũy (đèo Hải Vân). Cả bắc lẫn nam che chở kín đáo cho thành Phú Xuân của Quận Tào. Đó là chưa kể những đạo quân Bắc hà bên kia sông Gianh có thể sẵn sàng tiếp cứu Phú Xuân lúc có tin biến. Nhưng... như nhận định anh minh của Hoàng thượng, tất cả lực lượng đông đúc, dinh lũy kiên cố ấy giống như một cây đa bị mục nát từ bên trong, chỉ chờ một cơn gió nhẹ là đổ. Vì Hoàng thượng đã dạy: nhân tâm Bắc hà đang ly tán, phòng thủ lại rời rạc. Lễ thắng đã rõ như ban ngày.

Vua Thái Đức hỏi:

- Quận Tào, trấn thủ Thuận Hóa, có đáng sợ không?

Nguyễn Hữu Chỉnh bĩu môi đáp:

- Hắn chỉ là cái bị thịt dần dần, sợ dĩ được nhà Chúa tin dùng vì răm rắp tuân theo lệnh trên, không dám có sáng kiến riêng. Hắn lại không giỏi việc binh, khi hữu sự cứ quính quáng như gà phải cáo. Nhưng lúc vô sự thì lại nhanh nhẹn tìm mọi cơ hội để vơ vét của dân. Nếu không nhờ tên Phó tướng Hoàng Đình Thế lo giúp việc binh thì hắn khó lòng ở yên Thuận Hóa lâu đến thế. Hiện giờ Quận Tào và viên Phó tướng không ưa nhau. Quận Tào ghét Thế vì thế lực viên Phó tướng này mỗi ngày mỗi tăng. Hoàng Đình Thế ghét Quận Tào vì tính tham lam vô độ, sự dằn dặt, và mê tín của tên Trấn thủ.

Nhà vua liền hỏi:

- Hắn tin chuyện quỷ thần nhảm nhí lắm à?

- Tàu Hoàng thượng đúng như vậy. Hắn tự biết mình bất tài, lại sợ Chúa mới không tin dùng, nên theo lời Nguyễn Phú Như, suốt ngày hắn tìm gặp bọn thầy tướng để biết trước hậu vận, liệu trước đường thoát thân.

Vua Thái Đức gật gù, cười thật tươi nhưng không nói gì. Một lúc sau nhà vua hỏi Nguyễn Huệ:

- Bây giờ đến lượt chú Tám. Chú định dùng thủy binh hay bộ binh? Dồn hết lực lượng đánh vào Phú Xuân hay chia nhiều mũi đánh đồng loạt các đồn lũy suốt một dọc từ Hải Vân ra sông Gianh?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc mới chậm rãi đáp:

- Lần này thì địch đông đảo và bố phòng kỹ càng, nếu chỉ đánh Phú Xuân không thôi thì quân ở dinh Cát lẫn đỉnh Lũy sẽ tiếp cứu Phú Xuân được ngay. Cho nên ta nên tấn công bất ngờ và chớp nhoáng ở tất cả các cứ điểm chính. Phải từ Hải Vân đánh ra, từ sông Gianh đánh vào, đồng thời ta dùng quân thủy bộ đánh cả Phú Xuân, để chúng giở tay không kịp, mà cũng không thể tiếp cứu cho nhau được.

Vua Thái Đức lo lắng hỏi:

- Liệu ta có đủ sức không?

Nguyễn Huệ quả quyết đáp:

- Dạ thưa đủ. Nhờ quan Đô đốc mà thủy quân của ta có khả năng chở được cả súng lớn và voi

trận. Thủy chiến cũng hữu hiệu hơn. Hiện nay là mùa gió nồm thổi mạnh, chiến thuyền của ta có thể nhanh chóng đưa quân đến đánh phá tất cả các dinh lũy ven biển.

Nhà vua lại hỏi:

- Chú chia các cánh quân thế nào?

Nguyễn Huệ đáp:

- Có lẽ nên chia làm ba cánh lớn: một đạo thủy quân vượt biển ra tới sông Gianh vừa để chặn quân tiếp viện của Bắc hà, vừa để tiêu diệt các đồn lũy từ sông Gianh vào đến dinh Cát. Một đạo thủy quân tiến đánh thành Phú Xuân. Một đạo bộ binh đánh đèo Hải Vân, phá tan được quân Trịnh ở đỉnh Lũy thì phối hợp với đạo thủy quân tiến công đồng loạt vào mấy vạn quân của Quận Tào. Mặt trận chính dĩ nhiên là thành Phú Xuân. Do đó phải làm thế nào để hai cánh quân thủy bộ phối hợp được nhau thì mới thủ thắng.

Nhà vua hớn hở quay hỏi mọi người:

- Kế hoạch tiến quân như vậy được chứ? Các ông nghĩ sao?

Không ai dám trả lời ngay. Nhà vua lại hỏi Huệ:

- Chú định giao cho ai cầm đầu ba cánh quân đó?

Nguyễn Huệ đáp:

- Cánh quân bộ lãnh trách nhiệm nặng nhất, nên quan Đô đốc ạ, có lẽ tôi phải nhờ ngài giúp sức. Cánh quân thủy đánh Phú Xuân giao cho Phò mã. Còn cánh quân ra sông Gianh thì do anh Bão chỉ huy.

Vua Thái Đức hỏi Lữ:

- Chú Bão thấy đã ổn chưa?

Nguyễn Lữ rụt rè nói:

- Đường biển hơi xa, nhưng chắc cũng được thôi. Phần quan trọng vẫn là nhiệm vụ của chú Tám ở Thuận Hóa.

Nhà vua hỏi Vũ Văn Nhậm:

- Còn cánh thủy quân đánh vào cửa Thuận. Nhậm có đảm đương nổi không?

Vũ Văn Nhậm mạnh bạo đáp:

- Tàu Phụ vương, nhất định con phải đảm đương nổi. Nếu không...

Vua Thái Đức cười ha hả vì vui mừng, cắt lời con rể:

- Nếu không... nếu không! Chẳng lẽ mày thua trận, tao đòi lại con gái!

Mọi người cười ồ. Hào khí bàng bạc khắp cả gian phòng cơ mật.

*

* *

Nguyễn Hữu Chỉnh gọi Lợi đến chỗ vắng xa xóm chài hỏi:

- Tôi hỏi điều này, anh đừng giấu tôi nhé. Anh có để dành được chút ít vàng bạc, tiền của nào không?

Lợi lúng túng không biết phải trả lời thế nào. Chỉnh vẫn kiên nhẫn chờ Lợi đáp, miệng mỉm cười khuyến khích, Lợi thú thật:

- Trước đây tôi cũng dành dụm được chút ít. Nhưng sau vụ bị án, mòn mỏi đi cả. Gần đây, tôi lại...

Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

- Tôi biết! Tôi biết! Nhưng ít ra nếu anh đi Bắc, chị ở nhà cũng đủ sống được vài năm chứ!

Lợi lo âu nói:

- Có lẽ không đủ. Nhưng vợ tôi lúc cùng cũng có thể tự xoay sở được. Con cái bây giờ đã lớn, mấy mẹ con có thể bươn chải kiếm sống. Mà tại sao ngài hỏi thế?

Nguyễn Hữu Chinh im lặng hồi lâu, chờ cho Lợi sốt ruột mới nói:

- Tôi sợ chuyến tấn công ra Bắc kỳ này làm đảo lộn hết cả. Có thể anh phải xa gia đình lâu đấy, hoặc một hai năm, hoặc lâu hơn nữa!

Lợi lấy làm lạ, vội hỏi:

- Sao thế ạ? Những lần đánh Gia Định trước đây có xảy ra gì đâu! Hay ngài sợ chuyến này ta sẽ thua to.

- Không phải thế. Nhất định ta sẽ thắng lớn. Quân Trịnh bạc nhược không thể chống lại ta đâu. Nhưng lấy Thuận Hóa xong, chắc chắn sẽ có nhiều phân tranh. Lúc đó anh phải chọn. Không dễ dàng đâu!

- Chọn gì ạ?

- Chọn ở phía nào, bên này đèo Hải Vân hay bên kia. Chọn phía nam Hải Vân thì đoàn tụ với gia đình, nhưng... nhưng khó lắm. Chọn phía bắc thì... tôi sợ, tội nghiệp cho chị và các cháu!

Lợi bắt đầu hiểu, nhưng không thể thấy hết được toàn thể cục diện sắp chuyển của tình thế.

Anh hoang mang lo lắng hỏi:

- Sắp xảy ra phân tranh hay sao, thừa Đô đốc? Có thể khác không? Vả lại, ai phân tranh với ai? Có lẽ nào...

Nguyễn Hữu Chinh không muốn đi xa hơn nữa, nên bảo:

- Ấy là tôi chỉ đoán mò vậy thôi. Anh không kín miệng, cả anh lẫn tôi đều mang vạ đấy. Đáng lẽ tôi không nên nói chuyện này. Nhưng với anh, tôi muốn giúp đỡ.

Lợi rụt rè hỏi:

- Tôi phải làm gì, thưa ngài? Hay là...

- Anh muốn ở lại đây phỏng? Không được đâu. Chuyến này nhà vua dốc toàn lực ra đánh Phú Xuân, cho nên anh có cương cũng không cương nổi. Ngọn sóng đã cuốn về phương bắc, anh có dừng lại thì sức sóng cũng đập vỡ ngực anh ra. Tốt hơn hết là phải lựa chiều sóng mà toan tính, mà cư xử. Anh có nhớ một lần tôi khuyên anh nên cố nổi lại với ông Long Nhương hay không? Lần này, anh phải đi, đồng thời cũng phải lo trước cho gia đình. Hay tôi cho anh vay một ít nhé?

Lợi cảm động không nói được, chỉ lí nhí:

- Thật tôi không ngờ... Tôi không dám...

Nguyễn Hữu Chinh vỗ vai Lợi, thân mật bảo:

- Anh làm việc với tôi bao lâu mà còn nói thế ư? Đừng ngại. Tôi giúp anh không phải vì lòng tốt đâu. Vì lợi đấy, anh Lợi ạ (Chinh cười vì cách nói láy hóm hỉnh của mình). Nhưng anh đừng sợ. Tôi không đòi hỏi anh giúp tôi những điều khó khăn, nguy hiểm. Tôi chỉ mong anh thành thực cho tôi biết những điều anh biết. Thế thôi!

Lợi hấp tấp hỏi:

- Ngài muốn biết điều gì ạ? Nếu...

- Không. Không phải bây giờ. Sau này kia! Tôi liệu thân báo trước những điều hung cát cho anh, thì xin anh hãy xem tôi như một người thân thuộc, như người anh ruột thịt của anh. Thế thôi! Chuyến này tôi được cử làm Phó tướng cho ông Long Nhương, nên chắc chắn có những điều tế nhị ông Long Nhương không nói hết với tôi, vì cách biệt tuổi tác, vì cách biệt tính tình, vì nam bắc xa lạ. Dĩ nhiên ông Long Nhương đối đãi với anh khác, với tôi khác. Khi nào anh thấy có điều bất lợi cho tôi, cho đại cuộc, hoặc do tôi vụng về, hoặc do ông Long Nhương e ngại, thì anh

bảo giùm cho tôi biết để tôi sửa chữa. Nhớ nhé, anh Lợi nhé.

Lợi không ngờ Nguyễn Hữu Chinh chỉ nhờ mình có vậy, nên vui mừng đáp:

- Vâng ạ. Nếu chỉ có thế thì tôi sẵn sàng. Còn về khoản...

Nguyễn Hữu Chinh cắt lời Lợi:

- Được. Anh nên lo trước cho chị và các cháu khỏi vất vả nếu vạn nhất có điều bất trắc xảy đến.

Anh cần gì, cứ bảo tôi. Bây giờ anh với tôi coi như anh em kết nghĩa, anh đừng e ngại gì cả.

Thôi, ta trở lại cơ xưởng, để bọn thợ khỏi bỏ bê công việc. Ngày mai ta cho hạ thủy mấy mươi chiến thuyền cuối cùng phải không? Ta phải lo cho xong xuôi hết để thủy binh còn diễn tập cho thành thạo trước khi xuất quân. Không biết ông Long Nhương sẽ xếp anh theo tôi hay theo Phò mã Nhậm!

*

* *

Lãng đưa người thầy võ vào gặp Long Nhương tướng quân xong mới xin phép về nhà. Anh phải lặn lội lên tận An Thái để tìm cho ra người Tàu ở chợ An Thái trước đây từng dạy võ nghệ cho hai anh em Lữ, Huệ. Ông cụ không còn ở căn nhà cũ nữa, tiệm thuốc bắc ngày trước đã dột nát. Lãng hỏi thăm nhiều người mới tìm được khu vườn u tịch ông cụ về đây để dưỡng già. Tuy đã ngoài bảy mươi, người thầy võ vẫn còn mạnh khỏe, quắc thước. Tóc bạc phơ, khuôn mặt trở đồi mồi nhưng da dẻ còn đỏ hồng, râu trắng dài phất phơ. Ông cụ không tin những người học trò cũ nay đã thành danh còn nhớ tới mình. Rõ ràng ông cụ hãnh diện được Long Nhương tướng quân gửi biếu quà cáp quý giá. Nhưng khi nghe lệnh triệu về kinh thành, ông cụ hơi ngỡ ngàng, không vui. Lãng đi ngựa theo sát bên cái võng điều của ông cụ, đi đường, anh không nghe ông cụ hỏi han gì. Người lính khiêng võng gốc An Thái gọi chuyện, ông cụ cũng chỉ đáp qua loa cho có mà thôi. Lúc dừng nghỉ ở giữa độ đường, ông cụ mới hỏi Lãng:

- Ông là tùy tướng của ngài Long Nhương đấy à?

Lãng muốn cải chính, nhưng không biết nói thế nào cho đúng vị trí của mình, chỉ ậm ừ cho qua. Ông cụ lại hỏi:

- Ngài Long Nhương vẫn thường tập quyền đấy chứ?

Lãng thích thú, đáp liều:

- Thưa vẫn tập luôn đấy ạ.

Ông cụ gật gù, rồi nói:

- Hồi xưa anh ấy... ý tôi muốn nói ngài Long Nhương đó, hồi xưa ngài giỏi quyền cước lắm. Lão đoán thế nào sau này... rồi quả nhiên đúng y như vậy. Cách ông ấy đứng tấn vững, và oai, như con hổ sắp vồ mồi.

Mấy người khiêng võng tò mò muốn hỏi chuyện võ nghệ, ông cụ không muốn bắt chuyện, từ chối khéo:

- Lão già yếu, quên cả rồi. Bây giờ chỉ sống tạm với mấy khóm hoa để chờ chết. Chẳng hiểu ngài Long Nhương còn triệu lão về kinh làm gì?

Nguyễn Huệ thực sự mừng rỡ khi gặp lại người thầy võ ngày xưa, sự cung kính cuống quýt giống y như lúc Huệ gặp ông giáo Hiến. Lãng định dìu ông cụ bước lên thềm dinh, nhưng ông cụ bước thoăn thoắt, mạnh bạo nhanh nhẹn như một thanh niên tráng kiện và yêu đời. Anh làm tròn bốn phận, và xin được ghé thăm nhà. An nghe tiếng Lãng gọi cổng, lật đật chạy ra với bộ mặt hốt hải khác thường. Lãng ngạc nhiên hỏi:

- Chuyện gì thế chị?

An quên cả mở cửa, bảo em:

- Vào chị hỏi cái này. Nhanh lên!

- Nhưng chị chưa mở cổng.

- À quên. Em vào nhanh lên. Hay thôi, ta đứng đây nói chuyện để lũ trẻ khỏi quấy rầy. Anh Lợi với chị vừa cãi nhau xong.

Lãng chán nản nói:

- Lại cãi! Độ này em thấy cả chị lẫn anh Lợi đều nóng nảy.

Môi An run run khi chị nói:

- Không phải chuyện vặt thường ngày đâu Lãng. Sáng nay anh ấy nói với chị nhiều chuyện lạ lắm. Em đừng giấu chị. Đã xảy ra việc gì ghê gớm lắm phải không?

Lãng ngơ ngác không hiểu chị nói gì. Anh nói:

- Có gì đâu! Tại sao chị hỏi thế?

An bực dọc nói:

- Đến em mà cũng giấu chị. Nếu không có gì, tại sao anh Lợi nói xa nói gần đến chuyện sắp xa nhau, nào là mẹ con chị phải kiên nhẫn chờ anh ấy, nào là nếu gặp biến nên tránh xa kinh thành, nào là... ôi thôi, anh ấy nói như người hấp hối troi trần cho vợ con. Không biết anh ấy tìm ở đâu mà có vàng bạc đưa cho chị nữa, bảo là để phòng tai biến. Lãng, chị sợ quá, đừng giấu chị, tội nghiệp. Chuyện gì sắp xảy ra thế? Hay anh Lợi bị người ta dèm pha, ám hại?

An nói một mạch, nét mặt xanh xao, đôi mắt rơm rớm sắp khóc. Lãng vội bảo:

- Em chẳng hiểu gì cả. Hoặc trong thời gian em đi An Thái dưới này vừa xảy ra chuyện gì.

Nhưng anh Lợi đâu rồi, chị?

- Anh ấy về ăn vài bát cơm lại tắt tả đi ngay. Anh ấy hẹn tối về sẽ nói kỹ hơn. Lãng, chị sợ lắm. Chị có cảm tưởng chuyến này sẽ có người trong gia đình ta gặp chuyện chẳng lành. Nếu... nếu bất cứ ai... nếu... mẹ con chị sẽ ra sao đây.

An bắt đầu thút thít khóc. Lãng cố tìm mọi cách để trấn an chị. Anh lúng túng bảo:

- Cui kìa! Sao chị lại nghĩ vớ vẩn thế. Em chẳng hiểu anh Lợi tưởng tượng ra những điều ghê gớm nào để lo sợ rồi cuống quít lo lắng. Nhưng chị bình tĩnh lại đi. Chị nghĩ mà xem. Cả triều đình ai là kẻ am tường tình thế nhất? Có phải ông Long Nhương không? Có phải anh Huệ không? Một khi anh Huệ chịu nhận kiểm lệnh, chắc chắn anh ấy đã thấy trước ta phải toàn thắng. Chị nhớ lại xem, có bao giờ anh ấy thua đâu! Chị đừng tưởng quân Bắc hà hùng hậu can đảm hơn quân Gia Định. Ngoài đó chính sự nát bét ra! Binh lính thì kêu căng phá phách lương dân, quan lại thì những lạm biếng nhác. Điều đó ông Cống Chính đã biết từ lâu, và chắc chắn anh Lợi cũng biết. Thuận Hóa lại là đất cũ của Nam hà, lâu nay bị chúa Trịnh thừa cơ chiếm đoạt, cai trị hà khắc, xem dân Thuận Hóa như cừu thù. Lòng dân tất phải hướng về ta. Chuyến này ta ra đây, chỉ có thắng chứ không thể bại. Làm gì có tai biến, có bất trắc đến nỗi anh Lợi phải troi trần trước với chị. Hay là anh ấy cố làm ra bi thảm để chị tủi lòng trước lúc đi xa. Góm, mấy năm nay anh ấy không rời khỏi nhà, nên lần này anh ấy làm ra vẻ quan trọng. Chú đối với anh Huệ và các tướng sĩ, chẳng qua là một chuyến đi chơi rong thích thú mà thôi. Chị không vào trại lính để thấy mọi người rộn rã vui mừng đến bậc nào!

An đưa ống tay áo lên chặm nước mắt, thút thít bảo:

- Rộn rã! Vui mừng! Thật chị không hiểu nỗi bọn đàn ông! Không bao giờ hiểu nỗi! Vui mừng! Làm như sắp được cầm chuôi gươm, cầm giáo đi đâm chém người khác là một trò chơi thích thú lắm! Em biết không? Mấy hôm nay đi đâu chị cũng nghe các bà mẹ, bà vợ xì xầm sợ hãi. Họ

không dám nói lớn vì sợ phép nước. Họ cũng không dám khóc lớn ở chỗ đông người. Họ khóc thầm em có biết đâu! Em không phải là đàn bà, không mang nặng đẻ đau nên không thể hiểu được tấm lòng những người mẹ. Khổ sở nuôi cho con khôn lớn, rồi phải sắm sửa quần áo, gạo thóc, đưa nó đi, đi đâu? Đi đến chỗ hòn tên mũi đạn để chết. Biết bao nhiêu công phu đổ xuống sông xuống biển, không đau đớn sao được! Trong lúc đó cái bọn vô ơn lại cười đùa, "vui mừng rộn rã" như em vừa nói. Vui mừng! Tự nhiên xông ra đâm chém nhau, để ruộng nương lại cho đàn bà cày cấy, tưới mồ hôi kiếm cơm nuôi lũ nhỏ lớn lên để tiễn chúng ra trận chuyển sau, chuyển sau nữa...

Lãng cắt lời chị:

- Nói thế thì còn chuyện gì nữa! Chuyện đời đâu có đơn giản vậy!

An cãi lại:

- Sao không đơn giản! Mọi người cùng hẹn với nhau bẻ hết gươm giáo, rút hết súng ống, thì đâu còn cảnh mẹ già đưa con ra trận, vợ góa khóc chồng, trẻ con mồ côi cha.

Lãng biết không thể tranh luận được với An, cười xòa, nói đùa:

- Lúc đó người ta vẫn đánh nhau, nhưng đánh theo lối của các bà: Giằng tóc của nhau, lấy răng mà cắn nhau cho đến lúc cả hai cùng chết mệt.

An nói đã hả, nên không giận Lãng. Nghe em nói đùa, An cười. Chị đã bình tĩnh hơn, bắt đầu ngờ vực chồng sốc nổi, hời hợt, lo sợ những điều không đáng lo sợ. Để vững tin hơn, An hỏi:

- Nhưng chắc chắn không có gì nguy hiểm chứ?

- Chị nói gì ạ? Các bà cắn nhau mà không nguy hiểm sao?

An cười khanh khách:

- Không phải thế. Chị hỏi: Chuyển này không có gì đáng lo ngại phải không?

- Đúng như vậy. Chị đừng lo hão.

Hai chị em lững thững vào nhà. Lãng hỏi:

- Các cháu đâu, chị?

- Chị vừa hét cho chúng chịu ngủ trưa. Nhất là cái thằng Phát rần mắt, cứng đầu. Khổ vì nó! À, hồi sáng có chị vợ anh Kiên qua đây!

- Có gì lạ không hở chị?

- Dĩ nhiên chị ấy chịu qua đây phải có sự lạ rồi. Chiều nay em qua gặp anh Kiên một chút!

- Chị vậy?

- Chị ấy khóc, bảo anh Kiên độ này gần như phát khùng rồi. Cả ngày ngồi yên một chỗ, rồi lảm nhảm những gì không ai hiểu. Chị ấy nhờ chị, hoặc em qua "khuyên răn" anh ấy. Khuyên răn! Nghe mà tức cười!

- Ai bảo anh Kiên phát khùng?

- Thì chị ấy chứ còn ai.

- Thật là...

Lãng tức quá, nhưng không tìm được tiếng nào thích hợp, không tìm được ai để trút giận. Anh ấp úng một lúc, rồi đỏ mặt, bảo An:

- Được, em qua ngay. Em với anh Lợi sắp đi xa, chị và các cháu cũng nên qua lại với bên ấy để thăm nom, nương tựa nhau.

An vội hỏi:

- Em vừa nói gì đấy? Đúng y như lời anh Lợi hồi sáng. Cũng dặn nếu có gì thì nhờ anh Kiên lo giúp, cũng bảo cần nơi ẩn lánh, nương tựa. Nhất định em còn giấu chị.

Lãng không ngờ câu nói vô tình lại có hậu quả xấu, hấp tấp nói:

- Chị lại lo hão rồi! Em giấu chị để làm gì! Chị nghĩ lại mà xem, giấu chị để làm gì!

*

* *

Vợ Kiên dẫn Lãng đến chỗ bụi chuối, trở chỗ Kiên đang ngồi tĩnh tâm, rồi len lén trở ra quán, như vừa làm một việc tội lỗi. Lãng thấy anh vẫn tĩnh tọa ở chỗ thường tĩnh tọa trước đây. Nắng chiều xuyên qua cành lá cây mít già in loang lổ lên người Kiên những bóng râm. Cảnh tượng khác thường đó khiến Lãng rụt rè. Anh bước chậm và nhẹ, cố không gây tiếng động. Nhưng con đường nhỏ trong vườn có nhiều sỏi nên bước chân Lãng vẫn làm xao động cảnh u tịch quanh Kiên. Lãng đến cách anh độ vài bước thì Kiên mở mắt, mỉm cười chờ em. Kiên giữ nguyên thế ngồi kiết già, nhưng hai bàn tay đã lật ngược lại, úp lên hai đầu gối. Thấy em lúng túng chưa biết nên đứng hay ngồi chồm hổm trước mặt anh để nói chuyện, Kiên bảo:

- Chú ngồi xuống viên đá ong đó cho khỏi nắng.

Lãng vâng lời anh, đến ngồi lên viên đá đặt cách xa Kiên khoảng hai bước, phía bên trái. Vì Kiên không đổi hướng nhìn nên mỗi lần nói, Lãng phải nghiêng người quay về phía anh.

Kiên hỏi:

- Chùng nào chú đi giết người?

Lãng ngớ người, không ngờ ngay từ đầu Kiên đã hỏi như vậy. Lãng không thể trả lời được gì, nên hỏi lại:

- Anh bảo gì ạ?

Kiên mỉm cười, nhìn Lãng với đôi mắt bao dung, thương xót. Kiên không nhắc lại câu vừa nói, chỉ hỏi sang chuyện khác:

- Nghe nói Lợi nó cũng đi phải không?

Lãng đáp:

- Vâng ạ.

- Xong việc này thì làm gì nữa?

Lãng hơi bực, đáp gọn:

- Em không biết.

- Chú không biết mà vẫn làm.

Lãng không dẫn được giận, hỏi Kiên:

- Thế anh có biết anh đang làm gì không?

Kiên vẫn giữ nụ cười thương xót, đáp:

- Biết chứ. Anh đang tĩnh tọa.

- Tĩnh tọa để làm gì?

- Tĩnh tọa để khỏi phải "tĩnh tọa".

Thấy em nhú mày, Kiên nói thêm:

- Để khỏi phải mù lòa làm theo những điều không thấy, khỏi phải múa may quay cuồng trong cái không biết, khỏi phải húc sâu vào cái giả. Cho giống mọi người. Như chú vậy!

Máu nóng bốc lên đầu Lãng. Anh nhìn thẳng vào mặt anh, bạo dạn nói một mạch, những điều Lãng nghĩ:

- Anh cũng chẳng khác em bao nhiêu đâu. Có bao giờ anh nhìn rõ mình hay không? Anh sợ mù lòa ư? Sợ múa may ư? Sợ không thấy được hư thực ư? Anh tránh cái giả này bằng cách bám vào một cái giả còn lớn hơn nữa! Cái anh gọi là chân lý, là hạnh phúc, chẳng qua chỉ là ảo giác. Cái

anh gọi là lối thoát toàn vẹn, là đại đạo, là... là đủ thứ tuyệt đối mỹ miều, chẳng qua chỉ là một cách lừa mình và làm khổ người. Cảm thông với vạn vật! Hòa nhập vào cái đại thể của vũ trụ! Thở được cùng một nhịp với đá và hoa cỏ! Nghe được tiếng cười của nắng! Anh còn nghĩ ra được bao nhiêu điều huyền diệu nữa, trong khi chính anh, vâng, chính anh thu mình trong cái xó vườn này, cố ý làm ngơ không biết nỗi khổ tâm của chị, nỗi lo âu của mọi người. Anh tưởng có thể lấy thúng úp voi được sao? Càng tĩnh tọa, anh càng phải cố làm thui chột cảm giác của anh, ép buộc đầu óc anh chịu dối giả làm thực, đổi đen làm trắng. Anh đừng cười như thế nữa. Anh phải nhìn cho rõ cái thực của anh rồi muốn làm gì hãy làm, chệch bai, chế giễu ai cũng được. Kiên nghiêm mặt lại, chậm rãi hỏi Lãng:

- Bộ mặt thực của anh là gì? Lãng thử nói đi.

Lãng hỏi:

- Anh chưa thấy sao?

- Thấy chứ! Nhưng đứng trong nhà nhìn qua cửa sổ khác với đứng ngoài trông vào. Lãng đừng ngại. Anh không giận chú đâu. Nói đi!

- Anh như con tầm tự nhả tơ làm kén để gói mình.

- Đây là một lời khen, không phải chê. Bậc trí ở đời ngồi một chỗ có thể biết được mọi sự, nhìn một sợi tóc cũng đủ biết lẽ lớn nhỏ của bốn phương. Tự gói lại để hàm dưỡng. Đến một lúc nào đó, phải đục thủng cái kén óng ánh đó hóa thành con ngài mà bay ra.

- Không. Anh tự quấn lấy mình mà tưởng là đang trên con đường đạt đạo. Khổ quá. Anh không muốn nhìn sự thực.

- Thì chú cứ nói phẳng cái sự thực phũ phàng ấy đi. Còn chờ gì nữa. Biết đâu chuyến này chú đi không về. Anh còn chờ chú đến lúc nào?

- Anh đã muốn, em không ngại nữa. Cái thực của anh ư? Anh yếu đuối mà kiêu căng. Anh ngại khó, nên lúc nào cũng tìm một con đường dễ để khỏi đau đớn thấy mình yếu đuối. Cả đời anh, anh đã làm được gì? Thất bại. Thất bại. Hết thất bại này đến thất bại khác. Anh bằng lòng lấy chị không phải vì cao thượng, ân nghĩa mà chỉ vì anh nhận cái gì có sẵn, cái gì vô tình gặp trên đường. Anh khỏi phải thử thách, cố gắng. Thiên hạ sau đó có đàm tiếu chẳng? Anh lại được dịp thấy mình cao thượng, kẻ cả, vượt lên tất cả thị phi. Những điều ấy đều giả chẳng khác nào cái cảm giác anh gọi là hạnh phúc lúc gò mình ngồi ôm cục đá. Anh đánh lừa anh quá lâu rồi. Đủ rồi! Anh nên chấm dứt làm khổ mình và làm khổ kẻ khác. Đây, em đã nói hết, một lần cho xong. Em không nói thì không ai dám nói. Không bao giờ có dịp để nói nữa. Anh có giận, em xin chịu! Kiên lắc đầu chậm chậm, dịu dàng bảo Lãng:

- Chú lầm rồi. Anh không giận chú đâu. Chú nói không sai! Nhưng chỉ đúng có một phần. Chú chỉ đủ sức thấy được cái kén, mà không đủ sức thấy được cái gì có trước cái kén, cái gì có sau cái kén. Cả đến cái kén chú cũng chỉ thấy được phần hình, sắc, mà chưa thấy được chính nó. Anh hiểu chú, và thương xót chú. Chú ngồi dịch lại đây, không lại nắng.

Lãng làm theo lời anh, lòng ấm ức nhưng không biết phải tranh luận với Kiên thế nào cho ngã ngũ. Kiên nhắm mắt lại, đưa hai bàn tay bụm lại như muốn hứng một vật gì sắp từ trên trời rơi xuống. Kiên lăm bầm những gì Lãng không nghe rõ. Lãng khó chịu, run run hỏi:

- Anh còn muốn nói chuyện với em nữa không?

Vẫn nhắm mắt và mỉm cười, Kiên nói:

- Chú cứ nói tiếp đi. Nhớ nói, chứ đừng bập bẹ học nói. Cũng như chém giết là một cách bập bẹ học sống. Kẻ đạt đạo thường lặng lẽ. Sự sống thực, tự nó sinh và diệt, không cần nhờ đến ai.

Nào, chú nói tiếp đi!

Lãng vùng vằng đứng dậy. Cho đến lúc anh sắp đi khỏi vườn, quay lại nhìn, Lãng thấy Kiên không mở mắt.

*

* *

Vợ Kiên lo lắng đón Lãng ở hông quán, thì thào hỏi:

- Sao chú? Anh ấy có nghe chú không?

Lãng buồn rầu, lắc đầu, không nói gì. Vợ Kiên đỏ hoe cặp mắt, chán nản nói:

- Thật là Trời hành! Mẹ con tôi có tội tình gì mà khổ thế này! Nhưng anh ấy có mở mắt nhìn chú không? Có nói gì với chú không?

- Có, chị ạ.

Vợ Kiên mừng rỡ hỏi:

- Thế à! Anh ấy nói những gì?

Lãng lúng túng, chưa biết phải thuật cuộc đối thoại giữa hai anh em thế nào. Người chị dâu hấp tấp hỏi tiếp:

- Anh ấy có chịu vào nhà không?

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Chị nói gì vậy? Anh ấy không vô nhà à?

Đến lượt vợ Kiên ngạc nhiên:

- Cô An không nói gì với chú sao?

- Có. Chị ấy bảo chị gọi em qua đây gấp, khuyên anh Kiên vài lời.

Vợ Kiên đưa hai ngón tay bóp đầu mũi, rồi lấy khăn chùi nước mũi nhiều lần, đến nổi đầu mũi và mép môi trên đỏ rần. Giọng chị kể lể:

- Anh ấy mới trở chứng chừng vài ba hôm thôi. Mấy hôm trước đến bữa ăn, anh ấy còn vào. Tối sương xuống cũng vào đi ngủ. Đột nhiên mấy hôm nay anh ấy ngồi luôn cả đêm, ai hỏi gì không nói. Tôi, thì anh ấy giận dữ, chê là dốt nát không thèm nói cũng được đi. Đến con Út hằng ngày anh ấy cưng chiều nó, thế mà tôi sai nó ra vườn năn nỉ, anh ấy cũng không mở miệng. Trước khi trở chứng, anh ấy có bảo con Út là anh ấy sắp "nhập đạo", đừng ai quấy rầy anh ấy. Chú xem, "nhập đạo"! Nhập áo quan thì có! Quán đông người ra vào, người tử tế thì ít mà dân vô lại uống quít lại lắm. Không có đàn ông trong nhà, chúng nó đánh hơi được, nên càng lộng. Buôn bán thế này có ngày cụt vốn chết đói cả mẹ con. Anh ấy có hứa gì không chú? - Không, chị ạ!

- Thế anh ấy nói gì với chú?

Lãng cố gắng tóm tắt những điều anh em tranh luận nhau, nhưng vợ Kiên không hiểu gì cả. Rõ ràng chị nghi ngờ cả sự sáng suốt của Lãng. Chị chán nản, hỏi em chồng:

- Nghe nói chú sắp đi xa phải không?

- Vâng, chị ạ.

- Tôi cũng thấy khách uống rượu bàn tán xôn xao lắm. Họ bàn tính trước chuyện đi buôn Đàng Ngoài. Nghe họ bảo đem gạo ra Thuận Hóa bán, lời nhiều lắm. Cầu trời cho chú được bình yên. À, chú Lợi có đi không?

- Anh ấy cũng phải theo quân, chị ạ!

- Chú ấy lanh, thế nào cũng phát tài. Chỉ còn bọn đàn bà chúng tôi ở lại. Quán này chắc sẽ ế ẩm. Làm sao sống đây! Tôi đã nhắn cậu em chồng tôi ngoài Thăng Bình, nhờ cậu ấy vào giúp tôi trông nom quán một thời gian. Tôi cho tiền phụ trạm, không biết hần có giúp thực hay không.

Cậu ấy vào thì chị em đùm bọc nhau, nếu cần dắt dúi trở ra ngoài đó nương nhờ bà con, chứ ở đây... chú tính, mẹ con tôi thế này, anh Kiên lại thế này... Chú vào nhà uống chén trà đã.

- Thôi, chị cho tôi về. Ngày mai rảnh tôi lại cố sang, xem anh Kiên có đổi ý hay không.
- Làm phiền chú quá. Thật đúng là tội trời! Hôm nào đi chú nhớ cho tôi hay nhé. Trời sinh giặc làm chi! Hết giặc này đến giặc khác. Chú về nhé. Cảm ơn chú.

Chương 61

Lợi đình ninh còn nhiều thì giờ để xếp đặt chuyện gia đình, vì đạo bộ binh do Phó tướng Nguyễn Hữu Chinh chỉ huy chưa ổn định xong hàng ngũ và vũ khí. Bất ngờ vào 20 tháng Tư, có lệnh gọi Lợi đến trình diện gấp tại bản doanh của Long Nhương tướng quân. Cả Nguyễn Hữu Chinh cũng không biết Nguyễn Huệ gọi Lợi đến làm gì.

Tuy hoang mang, nhưng Lợi tin ở tình quen thân lâu ngày giữa anh và Nguyễn Huệ, ân nghĩa thầy trò giữa ông giáo và Huệ, cố tin cả vào tình cảm giữa Huệ và An. Tên lính mang lệnh khẩn chờ để về một lượt với Lợi, khiến anh không thể ghé tạt về Bằng Châu được. Lợi đến bản doanh thì Nguyễn Huệ đã chờ anh sẵn tại căn phòng kín đáo phía hữu với một cụ già râu tóc bạc phơ, thân thể quắc thước. Lợi trông cụ già, nhớ hình như đã gặp ở đâu, nhưng không thể xác định rõ gặp lúc nào.

Nguyễn Huệ chờ cho Lợi ngồi ngay ngắn trên tràng kỷ mới trở cụ già và hỏi:

- Anh còn nhớ thầy đây không?

Lợi e dè đáp:

- Hình như tôi có được quen. Có lẽ cụ là... cụ là...

Cụ già cười, đáp:

- Anh quên tôi rồi. Anh quên cũng phải, vì hồi đó anh chỉ ghé qua tiệm thuốc bắc có vài lần. Tôi là thầy Tàu dạy võ ở An Thái đây.

Lợi nhớ lại quá khứ, vui mừng nói:

- Hóa ra thầy. Thầy già đi nhiều nên con không nhận ra. Thầy vẫn còn ở An Thái?

Người thầy võ đáp:

- Vâng.

Lợi nói:

- Con trông thầy vẫn mạnh mẽ tráng kiện như trước.

Nguyễn Huệ sốt ruột, nói ngay:

- Sau này ta sẽ có nhiều thì giờ hỏi thăm nhau. Bây giờ phải bàn ngay vào việc chính, để kịp sửa soạn tối mai xuống thuyền.

Lợi ngạc nhiên định lên tiếng hỏi, nhưng Nguyễn Huệ đã ra dấu bảo chờ cho ông nói hết.

- Các chi tiết, thầy đây sẽ giải thích cặn kẽ cho anh sau. Ngay bây giờ, anh qua bên dinh quan Tiết chế để nhận lệnh xuống kho lựa hàng hóa. Mấy lần ra cửa Hội và vào Gia Định anh đã quen các loại hàng Tàu rồi. Nếu một thương thuyền từ Quảng Đông cập bến cửa Hội, thì khách buôn Quảng Đông sẽ mang theo thứ gì?

Lợi thành thạo kể:

- Hàng Quảng Đông mang sang bán bên ta gồm sa, đoạn, gấm, vóc, vải, các vị thuốc, giấy vàng

bạc, hương vòng, các thứ đồ giấy, kim tuyến, ngân tuyến, các thứ phẩm, y phục, giày tốt, nhung, kính, pha lê, quạt giấy, bút, mực, kim, cúc áo. Cồng kèn hơn thì có các loại bàn ghế, các thứ đèn lồng, các thứ đồ đồng, các thứ đồ sứ đồ sành. Về thức ăn uống thì mang sang bán cho ta chè, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh, miến, bột mì, trám muối, dầu Thái, trứng muối, tương gừng, tương ngọt, kim châm, mộc nhĩ, nấm hương...

Nguyễn Huệ ngăn lại, nói:

- Thôi đủ rồi. Đây là một chuyến buôn hàng sang trọng, nên anh chỉ lựa chọn các loại hàng quý, như thuốc bắc, sa, đoạn, gấm, vóc, quạt giấy, đèn lồng, các thứ đồ sứ mỏng, các thứ đồ đồng có chạm trổ. Anh qua bên kho lựa mỗi thứ một ít, sao cho đủ một chuyến buôn lớn. Nếu còn thiếu, ta sẽ ghé qua cửa Hội lấy thêm. Từ bây giờ tới tối anh chọn xong được không?

Lợi e dè đáp:

- Tôi sợ... tôi e bên kho không có sẵn.

- Quan Tiết chế sẽ giúp anh việc đó. Làm sao để sáng sớm mai có đầy đủ hàng hóa để khởi hành. Tối mai thuyền phải ra khỏi cửa Thị Nại. Anh định ghé về nhà chứ gì? Không cần. Tôi sẽ nhờ Lãng tin cho An hay. Vả lại việc này tối mật, ngoài anh và thầy đây, không ai được biết thuyền từ đâu tới, và sẽ đi đâu. Anh còn hỏi gì nữa không?

Lợi bị bất ngờ nên không còn biết hỏi gì nữa. Nguyễn Huệ quay sang người thầy Tàu nói:

- Mọi việc sẽ xong. Xin thầy cứ yên tâm nghỉ ngơi. Khi nào khởi hành, sẽ có lính đem võng qua đón thầy. Chắc từ đây đến tối con không gặp lại thầy được. Chúc thầy thượng lộ bình an. Đến nơi, sẽ có người đón thầy để đưa vào thành và xin tiếp kiến với hần.

Long Nhương tướng quân đứng dậy có ý từ khách. Người thầy võ và Lợi biết ý, cúi chào rồi lui ra khỏi phòng. Hai người lính hầu đã đợi họ sẵn trước cửa, để dẫn cụ già về chỗ nghỉ ngơi và dẫn Lợi sang dinh quan Tiết chế Nguyễn Lữ.

*

* *

Vì đạo bộ binh do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy xuất quân trước hai đạo thủy quân của Phò mã Vũ Văn Nhậm và Tiết chế Nguyễn Lữ, nên nhà vua dành riêng một buổi sáng để dặn dò riêng viên tướng chỉ huy.

Hai anh em bỏ hết cung cách triều đình, ngồi nói chuyện y như lúc họ chưa khởi nghiệp. Nhà vua mặc bộ quần áo lụa vàng đơn giản, đầu quấn cái khăn đỏ, còn Nguyễn Huệ thì mặc nhung phục nhà võ. Nhà vua hỏi:

- Chú đã sẵn sàng cả chưa?

Nguyễn Huệ đáp gọn:

- Xong rồi ạ.

- Thím có thút thít như lần trước không?

Biết vua anh hỏi đùa nên Huệ không trả lời, chỉ mỉm cười thay cho lời đáp. Vua Thái Đức bắt đầu nghiêm sắc mặt để căn dặn:

- Lần này khác hẳn các lần trước, chắc chú đã hiểu vì sao rồi. Họ Trịnh chiếm Thuận Hóa đã mười năm, trật tự kỷ cương chắc chắn là vững chãi hơn trong Gia Định. Thành lũy, dinh trại của họ kiên cố hơn. Quân Bắc hà đánh giặc giỏi hơn. Chú không dự trận Cẩm Sa, nhưng đã biết họ tiến thoái có qui củ, có lễ lối, mình không thể liều mạng thủ thắng được. Đã đành từ lâu quân Trịnh không chiến đấu nên việc phòng thủ có trễ tràng. Nhưng chú chớ có khinh địch. Ta không đông hơn họ, địa thế Thuận Hóa lại hiểm trở, phần tiện nghi ở về phía thủ hơn là phía công.

Chú coi, như địa thế Hải Vân chẳng hạn. Núi cao hiểm trở ăn sát biển. Từ lưng núi trở lên mây mù bao phủ ngày đêm, cách nhau mấy bước không thể trông rõ nhau. Sát biển có một quả núi thấp không gồ ghề lắm, nhờ thế người xưa mới mở lối thông thương nam bắc. Nhưng so với đồng bằng Quảng Nam, từ Cầu Đê nhìn lên, đèo vẫn cao chót vót. Càng lên cao đường đèo càng quanh co, mây giăng kín đỉnh Lũy. Sườn núi bên phía đông dốc đứng không thể bám víu leo lên được, quãng biển ấy thường sóng to gió lớn, ghe thuyền sợ qua lại. Do đó muốn vượt đèo, bộ binh chỉ còn một con đường độc đạo hiểm trở. Quân Trịnh biết thế nên chỉ cần canh giữ thật kỹ đèo Hải Vân là yên tâm mặt nam. Chú không dùng thủy quân để đánh Hải Vân được, mà cũng không thể dùng thật nhiều quân bộ bao vây áp đảo như đã làm trong Gia Định. Núi non hiểm yếu đứng về phe họ. Phải dùng trí. Ta tin chú có thừa tài năng để nhanh chóng chiếm đỉnh Lũy trước khi đổ xuống sườn đèo phía bắc hợp lực với thẳng Nhậm và chú Bảy bao vây Phú Xuân. Nghỉ một lúc để cầm chén trà uống cạn, nhà vua nói tiếp:

- Phải dùng trí mới chắc chắn thủ thắng. Không biết ông thầy võ An Thái có làm được cơm cháo gì không, hay lại mất toi một số hàng Tàu cho tên Quận Tào. Dù thế nào chẳng nữa, đã có Đô đốc Chỉnh bên cạnh chú. Không có cái gì bên kia đèo Hải Vân mà ông ấy không am tường. Cần quyết định việc gì, cần bày ra mưu kế gì, chú hãy gọi ông ta đến mà bàn cho kỹ. Trời gửi ông ta vào để giúp ta đấy. Đừng vì bất cứ lẽ gì mà bỏ phí đi!

Nguyễn Huệ ngừng lên nhìn vua anh hỏi:

- Có thể tin được ông ta không? Hay không khéo chuyển này ta chỉ mất công làm tổ cho quạ đẻ trứng!

Vua Thái Đức nóng nảy nói:

- Chú không được nghĩ thế. Ông ta theo chân ta trở về Bắc tất bị Bắc hà xem là tên công răn cắn gà nhà. Bọn sĩ phu Bắc hà vốn ỷ vào cái bụng chữ Nho nên vừa kiêu căng vừa cố chấp, không bao giờ dung tha cho Cống Chỉnh. Ông ta không thể bỏ ta được. Bỏ ta, ông ta sẽ bị dân Bắc hà hùa nhau đâm chém như đâm chém một tên phản bội.

Giọng Nguyễn Huệ cũng bắt đầu gay gắt:

- Nhưng hắn... nhưng ông ta âm thầm thu xếp để cả gia đình theo quân ra Bắc. Anh chưa biết chuyện ấy sao?

Nhà vua cười:

- Sao lại không biết! Chính ta khuyên ông ấy nên đem gia đình theo. Vì sau khi lấy lại được Thuận Hóa, chỗ cần đến ông ta không phải là Qui Nhơn, mà là Lũy Thầy. Giao cho ông ta trấn giữ mặt nam sông Gianh. Ông ta thích thế. Và ta cũng thích thế.

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

- Nếu thành Phú Xuân sụp đổ nhanh chóng mà Bắc hà không dám làm gì, thì Bắc hà yếu ớt lắm rồi. Bắc hà yếu thì mặt bắc không kiềm chế nổi Chỉnh. Ngược lại, hắn... ngược lại ông ta có thể liên lạc với đám tay chân cũ của Quận Huy để mưu đồ đại sự. Ông ta có đủ mưu trí và khả năng để làm nổi việc đó. Bấy giờ, chính ông ta lại trở thành hiểm họa của Thuận Hóa chứ không phải là cái mộc che cho Thuận Hóa. Nếu sau này tình thế xảy ra như vậy, thì có khác nào ta thả hổ về rừng!

Vua Thái Đức cười khẩy rồi bảo em:

- Chú nói cái gì thế? Thả hổ về rừng! Còn chú ở đấy làm gì! Chú sợ hắn sao?

Nguyễn Huệ đột nhiên hồi hộp, tim đập nhanh hơn. Nghe đến hai tiếng "ở đấy" của vua anh, ông nhớ lại lời Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên ông nên biệt lập ở Thuận Hóa để tránh hậu hoạn.

Nguyễn Huệ mím môi để lấy thêm can đảm, ngừng mặt nhìn thẳng vào mắt nhà vua. Tuy không tìm ra điều gì khả nghi, nhưng ông vẫn nhất định tin rằng nhà vua bắt đầu e ngại ông, muốn ông cầm quân đánh chiếm Thuận Hóa để trở thành một tướng biên viễn cho cương giới phía bắc. Thấy em đỏ mặt cau có, vua Thái Đức tưởng Nguyễn Huệ giận vì lời nói khích của mình. Nhà vua cười đã lẽ bảo em:

- Anh chỉ nói đùa đấy thôi. Chú đừng giận. Hãy yên tâm ra đi. Anh hoàn toàn tin tưởng ở chú. Sau trận này, ta lấy lại được tất cả đất đai Nam hà, lúc đó để hiệu mới thực xứng đáng. Thiên hạ không ai dám dị nghị gì nữa. Chú cần gì nữa không?

Nguyễn Huệ đáp:

- Dạ không cần gì cả. Em chỉ đi vài tháng, rồi về ngay thôi! Chuyến này đổi ra hướng bắc, nhưng cũng chẳng khác các chuyến vào nam là mấy. Xin anh yên lòng!

Nguyễn Nhạc chau mày bảo:

- Chú lắm rồi! Chú sắp đặt chân vào lãnh thổ một nước lâu bền hằng mấy trăm năm, chứ không phải vào một vùng sông rạch bùn lầy dân cư thưa thớt như trong Gia Định. Chú không thấy hết được các hệ quả của trận này đâu. Cả anh cũng vậy. Cho nên anh phải dài dòng căn dặn chú cả buổi sáng. Chú nhớ nhé. Lấy Thuận Hóa xong, chú báo ngay về đây. Thế nào ta cũng ra đó để liệu lý các việc kế tiếp. Chú chớ quên!

*

* *

Nghe Lãng báo tin Lợi đã đi từ sáng sớm hôm qua, An sững sờ đến độ không nói được lời nào, trố mắt, há hốc mồm nhìn Lãng. Lãng không ngờ chị xúc động như vậy, và anh kinh ngạc một cách chua chát. Dù An lấy chồng đã hơn mười năm, đã có hai mặt con với Lợi, dù cuộc sống chung đụng đã giúp Lãng quen thuộc với cái tính mau miệng hời hợt của ông anh rể, Lãng vẫn không thể thực sự thân thiết được với Lợi, chứ đừng nói đến chuyện nể trọng. Anh tin đã hiểu chị như hiểu chính mình. Trong mấy anh em, Lãng chỉ tâm sự được với An. Cho nên anh tin chắc rằng dù bằng lòng lấy Lợi, An vẫn xem thường chồng. Cuộc sống sau ngày cưới đối với An chỉ là một thói quen, tệ hơn nữa, một sự chịu đựng. Phần cao đẹp hai chị em cùng mơ ước tuy không bao giờ với tới được, nhưng nó vẫn còn đó qua sự im lặng e ấp giữa hai người. Nhiều lúc An chỉ cần hấp háy đôi mắt, ậm ừ muốn nói rồi thôi, Lãng đã hiểu chị muốn nói gì. Ngược lại, chỉ cần nghe Lãng nói quanh co những việc thiếu mạch lạc không biết của ai, An đã đỏ mặt quay đi.

Như vậy thì tại sao An lại sợ hãi đến thất sắc khi nghe tin Lợi đã đi. Cái gì đã khiến An xúc động tột độ? Tình vợ chồng chẳng? Cụ thể tình vợ chồng đó thế nào? Sự thương mến cảm phục chẳng? Không. Lợi không có gì để An cảm phục, và sự thương mến cao đẹp An cũng không dành cho chồng? Tình chăn gối chẳng? Có thể như thế được sao? Chị ấy có thể "sa đọa" đến nỗi tình chăn gối có thể đánh bật được tất cả các e ấp cuống quýt của tình yêu, lòng tương kính tha thiết, vẻ đẹp của đời sống tri thức?

An càng tỏ ra đau đớn thì Lãng càng bực dọc. Anh thẳng thốt hỏi:

- Có gì đâu mà chị tái mặt thế?

An sắp bật khóc khi hỏi:

- Có gì bất ngờ vậy Lãng? Tại sao anh ấy không về nhà? Có gì nguy hiểm em giấu chị phải không?

Lãng gắt:

- Có gì đâu mà chị làm như trời sập vậy? Anh ấy có công việc gấp phải đi ngay không về báo cho nhà biết được, thế thôi.

- Nhưng chuyện gì mới được chứ?

- Chuyện gì em cũng không biết!

An bẻ lại:

- Không biết mà Lãng bảo không có gì đâu!

Rồi đột nhiên, An khóc bù lu bù loa:

- Hay người ta lại ganh ghét anh ấy, đày anh ấy đi xa cho mất xác. Anh ấy có tội tình gì mà tự nhiên buộc anh ấy phải xa vợ con, không được nói lấy một lời, không được đem theo cả quần áo. Chị biết mà, mọi người đều ganh tị với anh ấy. Chúng nó không để cho anh ấy sống yên.

- Thôi chị đừng làm ầm lên nữa. Không có ai hãm hại ai đâu. Cũng không có ai thù ganh tị anh Lợi làm gì. Em nói cho chị biết, chính ông Long Nhượng, chính anh Huệ ra lệnh cho anh ấy đi gấp đấy!

An thôi khóc, ngược mắt nhìn Lãng, chưa hoàn toàn tin lời em. Phải một lúc sau, An mới hỏi:

- Ông ấy sai anh Lợi đi đâu vậy?

Lãng thành thực đáp:

- Em không biết.

An hỏi dồn:

- Đi làm gì?

- Em cũng không biết!

- Ông ấy không nói cho Lãng biết sao?

- Không.

- Vậy thì ai bảo Lãng về đây báo tin?

- Anh Huệ!

An lại bù lu bù loa:

- Như vậy là đúng rồi. Ông ấy muốn giết anh Lợi, không muốn anh Lợi ngóc đầu lên nổi.

Lãng tức giận, gần như quát lên:

- Anh ấy hãm hại anh Lợi làm gì?

Câu hỏi bất ngờ thốt ra trong cơn nóng giận cùng khiến cho hai chị em giật mình. An cúi đầu để che giấu bối rối. Còn Lãng thì đăm đăm nhìn chị, thương hại.

Họ làm hòa với nhau, từ đó tránh không muốn nhắc đến chuyện Lợi nữa. Chính An sẵn đón, tìm mọi cách để che lấp, để quên câu chuyện hai chị em tranh luận vào buổi sáng. An đề nghị cùng đi với Lãng sang thăm Kiên. Kiên đã thôi không ngồi suốt đêm ngày ngoài vườn để tĩnh tâm từ hôm trước. Anh sống bình thường trở lại, gần như không hề có việc gì xảy ra. Trong câu chuyện, Kiên cũng tránh trở lại đề tài gay go. Kiên chỉ hỏi bao giờ Lãng đi, và khi nghe Lãng trả lời mù mờ, anh không hỏi gặng. Vả lại, ba anh em có quá ít thì giờ để nói với nhau nhiều điều.

Bọn mã phu, những người lính sắp ra trận dốc túi chè chén trước khi xuất quân nên lúc nào quán rượu cũng đông nghẹt khách. Kiên vừa nói chuyện, vừa lo lắng xằng giúp đỡ vợ. An và Lãng thấy không còn chuyện gì để nói nữa, xin phép ra về. Kiên không giữ lại, chỉ dặn An:

- Khi nào cần gì, em cứ sang đây. Mấy cháu vẫn thường chứ?

An đáp:

- Vâng. Em về!

Buổi tối trước khi Lãng vào trại, chính An nhắc lại các kỷ niệm cũ, thời gia đình còn ở Thuận

Hóa. Lãng thời đó quá bé không nhớ được gì. Còn An thì chỉ nhớ những mảnh vụn của quá khứ. An bảo em:

- Chị tin thế nào mình cũng thắng. Chắc chắn em được có dịp về Thuận Hóa trước chị. Em với anh Lợi thử tìm lại căn nhà cũ xem sao.
- Em đâu biết đường!
- Để chị vẽ cho. Không biết có đúng không. Căn nhà đó nằm bên bờ sông đào, phía trước có một rặng tre. Sát bờ sông có con đường nhỏ dẫn lên đường cái quan.

Lãng cười nói:

- Chị chỉ dẫn như vậy thì có thánh mới tìm được.

An trực nhớ, vui mừng nói:

- Hay là em tìm thăm bác Ngô Thế Lân! Bác là bạn thân của cha. Em xưng là con của ông giáo Hiến, thế nào bác cũng vui mừng. Nhưng bao nhiêu năm qua rồi, biết bác còn sống không!
- Em sẽ tìm. Chắc ngoài kinh còn có nhiều người biết cha. Chuyển này ra Thuận Hóa chẳng khác nào được hồi hương, chị nhỉ.

An mơ màng nói:

- Hồi hương! Quê hương ta ở đâu? Không. Chị xem quê hương là An Thái, không phải Thuận Hóa. Không phải An Thái bây giờ, mà An Thái của thời nhỏ. Em có nhớ chuyện cây gạo không?

*

* *

Trong mấy ngày đạo bộ binh tạm dừng tại dinh Chàm (Quảng Nam) để lấy thêm quân, Lãng không có thì giờ rảnh để xem quyển "bửu bối" Kiên đưa cho anh trước ngày lên đường. Kiên quanh co nói đủ chuyện tầm phào, đến lúc chia tay về mới nhét cuốn tập nhỏ bằng bàn tay vào tay em lí nhí dặn:

- Em đi xa, gặp gì khó khăn cứ giở xem cuốn này là rõ. Anh có ghi đủ cách giải quyết mọi chuyện buồn phiền.

Lãng muốn xem ngay tập ghi chép lạ đó, nhưng cuối cùng, Lãng đành được tò mò. Anh muốn kéo dài chờ đợi, để thưởng thức điều kỳ thú được nhiều nhất. Chưa đọc, Lãng đã đoán Kiên dồn hết tâm sức vào cuốn ghi chép, xem đó là tích lũy của biết bao chiêm nghiệm, suy tưởng trong thời gian tĩnh tâm. Có thể nào đọc vội đọc vàng công trình vĩ đại ấy được!

Lãng hẹn đến dinh Chàm sẽ lấy cuốn bửu bối ra đọc. Anh lầm. Dinh Chàm không phải là chỗ an dưỡng. Biết bao nhiêu công việc chờ Lãng ở đấy! Long Nhương tướng quân, Phó tướng Nguyễn Hữu Chỉnh và Trấn thủ Quảng Nam hội họp liên miên để chuẩn bị lần chót cho cuộc tiến công, và yêu cầu quan trọng hàng đầu là làm thế nào giữ bí mật cuộc chuẩn bị ấy cho đến phút chót. Việc trưng binh vừa khẩn cấp vừa kín đáo. Phải giữ cho bộ mặt sinh hoạt phía nam đèo Hải Vân hoàn toàn bình thường, đồng thời vẫn tiến hành các cuộc tập hợp, điều động quân lính đến các điểm đã định để chuẩn bị nổ súng.

Vì thế, vào những ngày quang đăng mây thưa, từ trên đỉnh Lũy nhìn xuống mặt biển phía nam, những người lính Bắc hà vẫn thấy thuyền đánh cá của dân chài giương buồm ra khơi, để ngậm ngùi ao ước được quá giang một trong những chiếc thuyền nhỏ đó, lênh dênh trên sóng nước, thoát khỏi cảnh sống buồn chán tù túng trên đỉnh cao heo hút. Họ cũng phải chịu đựng cái hành dịch nhàm chán mỗi ngày là khám xét hàng hóa của các đoàn khách buôn thường ra vào giữa Quảng Nam-Thuận Hóa. Công việc của họ nhọc nhằn hơn, vì số con buôn mỗi ngày thêm đông đảo, phần lớn đem gạo và quế Quảng Nam ra bán cho Thuận Hóa. Bù lại, mấy ngày gần

đây, họ được biểu xén hậu hĩnh. Mỗi con buôn, có lẽ vì được lời nhiều, đều biểu cho trạm xét hoặc rượu ngon Thăng Bình, hoặc thịt quay, hoặc nếp thượng hạng. Giữa trưa trên đỉnh đèo gió rừng ẩm ướt vẫn rét buốt. Họ bày rượu thịt ra chén, để dành cho các đoàn khách thương. Quan Đồn trưởng Quyền trung hầu (Hoàng Nghĩa Hồ) thông cảm cho tình cảnh lính thú ở nơi biên tái, làm ngơ cho thuộc hạ lấy rượu giải sầu. Lính trên đỉnh Lũy thở ra hơi rượu, đỉnh Lũy cũng say mù trong mây trắng. Không biết gì đến công cuộc chuẩn bị tiến công kín đáo mà qui mô ở dinh Chàm.

Góp nhóp mỗi ngày một ít, số quân tinh nhuệ của Long Nhương giả dạng làm khách buôn lên đèo Hải Vân khá đông. Cộng thêm vào số người giả làm dân chài mỗi tối liền lĩnh bơi thuyền qua hang Giời đổ bộ vào bãi Lãng Cô để luồn rừng đi ngược về nam, tổng cộng quân số Tây Sơn tham dự tấn công đỉnh Lũy khoảng trung tuần tháng Năm Bính Ngọ (1786) đã vượt quá số quân Bắc hà đồn thủ. Vì vậy, khi bị đánh bất ngờ vào lúc chạng vạng tối mây giăng mù mịt, quân Trịnh không thể nào trở tay kịp. Họ bị tan vỡ nhanh chóng, lớp chết mà chưa kịp tỉnh khỏi cơn say và hết bàng hoàng, lớp thoát chết chạy lạc vào rừng để chết vì đói, chết vì thú dữ mấy ngày sau đó. Chủ tướng đồn Hải Vân là Quyền trung hầu Hoàng Nghĩa Hồ thì chết tại trận. Đỉnh Lũy đổi chủ giữa mây khói bàng bạc mà sau đó, các đoàn khách thương vẫn đều đặn thò hàng xuôi đèo ra Thuận Hóa, thuyền dân chài vẫn giăng buồm qua lại hang Giời. Phú Xuân không biết gì hết, ngoài nỗi lo toan bận bịu cho một đàn chay lớn tổ chức ở chùa Thiên Mụ do Tào quận công Phạm Ngô Cầu đích thân đứng làm chủ lễ.

Giữa không khí sôi động hào hứng chung, Lãng không có thì giờ tò mò, mà cũng không thấy cần thiết phải giở tập bửu bối của Kiên để tra cứu. Anh cùng với đoàn tùy tùng của Long Nhương tướng quân vượt đèo Hải Vân vào ngày 17 tháng Năm Bính Ngọ, và quên bẵng cuốn ghi chép của Kiên.

*

* *

Trước đó gần mười ngày, một tàu buôn Quảng Đông vào cửa Thuận cập bến Phú Xuân mang theo toàn hàng hóa quý giá như gấm vóc, đồ sứ đồ đồng và thuốc bắc. Giá trị của hàng hóa, cùng số lượng các món hàng đó đã làm cho các quan trông coi Tàu vụ chóa mắt.

Nhờ thế, chủ tàu, một cụ già râu tóc bạc phơ thân thể quắc thước giống y một tiên ông trong các bức tranh Tàu, xin được yết kiến quan Trấn thủ Thuận Hóa là Tào quận công không chút khó khăn.

Mâm lễ ra mắt khiến quan Trấn thủ bỏ hẳn dáng điệu mệt nhọc, gương mặt bí sị cau có thường ngày. Quan chịu khó ngồi ngay ngắn trên sập gụ, hai bàn tay mập ú chịu khó rút ra khỏi vạt áo gấm để vung vẩy múa may làm nhịp cho câu nói. Và giọng nói thì mất hẳn cái điệu lè nhè biếng nhác. Quan Trấn thủ hào hứng tiếp chuyện với cụ già chủ tàu, hết hỏi thăm khí hậu, thời tiết, phong tục Quảng Đông là chuyển ngay qua chuyện làm ăn mua bán. Quan khen món này đẹp, món kia quý, món nọ bổ, nhờ mua thêm thứ này thứ khác. Rồi họ chuyển lần qua những điều tinh khiết, cao cả hơn như cách xử kỷ tiếp vật, vận mệnh đời người, sự phù du của nhân sinh. Tào Quận công thích thú khám phá ra kiến thức quảng bác của người khách buôn. Lời qua tiếng lại, đôi bên chuyển qua thuật xem tử vi. Người chủ tàu rụt rè xin phép được biết tuổi của quan Trấn thủ, rồi xin được xem tướng của quan. Cụ già bấm ngón tay lăm lăm tính toán một lúc, rồi lễ phép thưa:

- Bẩm ngài, tuổi Mậu Ngọ sinh ngày mồng 9 tháng Mười, giờ Dậu là mệnh lập tại cung Tuất, vô

chính diệu, đắc Long, Phượng, Cái, Hổ, hội Cơ Lương, Cự Nhật ở Quan Lộc, Thiên Di giao hội là đại quý. Bẩm ngài Quận công, Phú Ma thị có câu:

Tứ linh Cái, Hổ, Phượng, Long

Công danh quyền thế lẫy lừng khắp nơi

Cung Quan lộc của ngài đóng tại cung Dần, cung này thuộc Mộc sinh phò cho Hỏa mệnh của ngài, lại được Cự nhật ngộ Hình, Hổ, hội Quáng, Quý, Thiên Mã, Trường Tinh, đó là cách đại tướng. Cung Nô của ngài lại được cách Thiên tướng ngộ Thiên quan, Thiên Phúc quý nhân, đó là địa vị ngài luôn được bề trên hết lòng nâng đỡ.

Quan Trấn thủ cười híp cả mắt, rồi gật gù:

- Bản chức cũng đã được nhiều thầy tử vi ở Bắc hà giải đoán tương tự như thầy. Nhưng, bây giờ bản chức muốn hỏi nhà thầy điều này: Tại sao từ đầu năm đến giờ...

Người chủ tàu mỉm cười ngắt lời Quận Tào:

- Bẩm Ngài, tiểu hạn năm Bính Ngọ này của ngài đến cung Thiên di, cung Thân thể của ngài cũng ở tại đó. Có hai vị Nam đấu tinh Cơ Lương tọa thủ, đang bị đám hung tinh Đà, Kỵ, Cô, Quả, Tang, Điều xâm nhiễu. Cung này lại là cung Thiên la, nghĩa là lưới trời bủa vây khắp nẻo. Do đó, việc dụng binh của ngài, nhất là phần việc an ninh đang bị thất lợi.

Quận Tào xanh mặt sợ hãi, lắp bắp hỏi:

- Có cách nào hóa giải bọn hung tinh ấy không?

Người chủ tàu bóp trán suy nghĩ, bấm đốt ngón tay tính toán một chặp, rồi nói:

- Bẩm ngài, gốc đại hạn ở cung Quan lộc có Kiếp, Không, Hình, Tuế, Tang Hổ; lưu đại hạn đang ở cung Phúc Đức hội đủ bọn Diêu, Đà, Kỵ, Kiếp, Tuế, Kình, thì họa vô đơn chí. Nguy lắm. Nguy lắm. Chỉ còn một cách hóa giải là phải lập chay đàn cầu cúng, đích thân ngài trai giới bảy ngày bảy đêm, thành tâm lễ bái...

Ban đầu, quan Trấn thủ còn bình tĩnh, gật gù mỉm cười xem lời bàn của viên chủ tàu Quảng Đông như chuyện mua vui. Nhưng càng nghe, quan càng chột dạ. Mặt quan biến sắc. Quan chồm hẳn tới trước để uống từng lời của cụ già, hai bàn tay no đầy chống lên mặt sập in hằn thành hai dấu mồ hôi ướt và chua. Mồ hôi cũng rịn khắp các lỗ chân lông, làm ẩm đến cả lớp vải gấm.

Cho nên sau khi sai quan hầu lo chỗ ăn chỗ ở tươm tất cho người chủ tàu và đám thủy thủ, quan vội vã ra lệnh lập ngay một đàn chay thật lớn ở chùa Thiên Mục để cầu cho tai qua nạn khỏi. Lệnh quan Trấn thủ được tuân hành răm rắp. Kẻ dưới quyền Tào quận công được dịp chứng tỏ lòng tận tụy trung thành và khả năng tổ chức của mình, dốc hết nhân lực vật lực cho cuộc chay đàn. Quân lính phục dịch cả đêm lẫn ngày, tiếng chuông tiếng mõ vang dội khắp một khúc quanh rộng của sông Hương.

Lễ trai đàn kéo dài đến ngày thứ bảy thì thành linh có tin cấp báo đại quân Tây Sơn đã lấy mất đỉnh Lũy, chủ tướng đồn Hải Vân là Quyền trung hầu tử trận, các đồn khác bên này đều tan vỡ, hiện thủy quân Tây Sơn đã theo đường biển vào Phú Xuân, trong vòng sớm tối sẽ đến đây. Tào quận công hốt hoảng không biết phải làm thế nào. Quan quân sau mấy ngày đêm hầu hạ đàn chay sức lực đã yếu, nay nghe tin có giặc, ai nấy không còn hồn vía.

Tào quận công vội cho tìm người chủ tàu để hỏi hậu vận, thì khách đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bây giờ Quận Tào mới biết mình bị lừa.

Chủ tớ sợ hãi ùn ùn kéo nhau chạy bộ về thành để lo chống địch. Cảnh tượng bát nháo vô trật tự khiến dân chúng cũng xôn xao, già trẻ dắt nhau tìm đường lánh nạn. Họ chạy chưa xa thì

quân Tây Sơn đã đến, và bắt đầu khép dần vòng vây.

*

* *

Chính Lãng được Nguyễn Huệ giao cho nhiệm vụ mang bức thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Phó tướng Phú Xuân Hoàng Đình Thế, nhưng lại cố ý đưa lầm sang cho Tào quận công Phạm Ngô Cầu để ly gián thêm hai kẻ vốn đã không ưa nhau. Nguyễn Hữu Chỉnh lấy giấy bút của Lãng để thảo lá thư ngay tại đỉnh Lũy, giữa cảnh đổ nát ngổn ngang và trong sương khói mù mịt. Chỉnh viết xong trình cho Long Nhương tướng quân đọc lại, rồi mới niêm kín giao cho Lãng.

Thư viết:

Kính gửi Thế Quận công hiền hữu,

Tuy cách mặt nhau lâu ngày, kẻ bên này người bên kia đỉnh Lũy, nhưng đệ vẫn không thể quên cái tình sâu nặng giữa đệ với hiền hữu từ hồi hai ta cùng ở dưới trướng Huy quận công.

Cũng vì cái tình sâu nặng thiêng liêng đó, mà đệ có vài lời chân thực xin giải bày. Đệ vì cái loạn Nhâm Dần phải lánh nạn vào Nam nương náu ở đất Tây Sơn. Hơn bốn năm qua, đệ đã tận mắt chứng kiến sức mạnh của họ. Lời sấm ký của quan Bảng nhãn Lê Quế Đường quả thật không sai. Sức mạnh của chúa Tây Sơn không ai có thể chống cự nổi. Nào diệt họ Nguyễn ở Gia Định, nào phá tan mấy vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm, nào chinh phạt phiên trấn; các kỳ công ấy chắc hiền hữu đã nghe, đệ có nhắc lại cũng bằng thừa. Cho nên lần này họ tiến ra Phú Xuân đệ rất lo cho hiền hữu. Phàm làm tướng, ai cũng lấy chuyện đầu hàng là nhục nhã. Nhưng cái dũng của con nhà tướng không phải là nhắm mắt làm liều, húc đầu vào vách đá cứng. Đức Khổng phu tử nói: "Quân tử nhi thời trung". Đệ tin rằng hiền hữu đã hiểu hai chữ thời trung của đấng Vạn thế Sư biểu ra sao rồi!

Vì vậy, đệ không ngại ngừng đem cái ý thô thiển vụng dại kính nhắn hiền hữu nên tùy thời mà xử thế. Nếu hiền hữu bằng lòng khuyên binh sĩ xếp giáo đón tiếp Chúa Tây Sơn, đệ sẽ tìm hết lời giúp cho hiền hữu vẹn toàn phú quý. Việc khẩn cấp lắm rồi. Hiền hữu chớ nên do dự mà lỡ phận. Thư bất tận ngôn, mong hiền hữu đừng chấp.

Lãng nhập vào một toán lính Tây Sơn giả dạng làm khách buôn gạo ra Thuận Hóa, và khi các toán lính này dừng lại tập trung về điểm tập kết thì Lãng lại nhập vào đám dân chạy loạn đang ùn ùn kéo nhau trốn về thành Phú Xuân. Lãng đến một địa điểm trong khu phố Thanh Hà để giao lá thư. Phận sự anh chỉ có vậy. Điểm hẹn là một cửa hàng bán thuốc bắc của người Tàu. Lãng giả vờ vào hàng hỏi mua thuốc, đến gần người lớn tuổi nhất trong cửa hàng để nói ám hiệu. Anh được dẫn ngay ra phía sau. Thật là điều thú vị bất ngờ cho Lãng: anh gặp Lợi đang ngồi thái thuốc bắc ở chái bên hữu.

Lợi nháy mắt ngầm bảo Lãng đừng tỏ ra vồ vập vui mừng thái quá. Giao việc thái thuốc cho người khác, Lợi kéo Lãng ra sau vườn hỏi:

- Ở nhà thế nào? Chị lo lắm phải không?

- Còn phải nói. Em có đem lệnh ra. Giao cho ai đây anh?

- Lệnh gì thế?

- Anh đọc thì rõ. Có một bức thư phải giao ngay cho tên Trấn thủ.

Lợi ngạc nhiên tưởng Lãng nói lầm. Lợi hỏi:

- Giao cho ai?

- Cho Trấn thủ Thuận Hóa Tào quận công.

Lợi giở bọc vải xem bao cuốn thư, trở mắt nhìn Lãng:

- Cửa ông Cổng gửi cho Phó tướng Hoàng Đình Thế mà!

Lãng không muốn dài dòng, nhắc Lợi:

- Anh đọc kỹ lệnh và làm y như vậy. Ông Long Nương bảo phải đưa thư gấp nội nhật ngày hôm nay.

Lãng nhìn quanh khắp nhà, ngơ ngác hỏi:

- Sao nhà rộng mà vắng vẻ thế? Lại chẳng có đồ đạc gì cả.

Lợi cười:

- Cho chạy tránh loạn bớt rồi. Từ hôm qua cả phố xao xác vì quân lính Quận Tào từ trên Thiên Mụ ùn ùn chạy về, đóng cửa thành lại để chuẩn bị cố thủ. Anh đã bảo ta không chạm đến dân đâu, chỉ cốt đánh tan quân Trịnh mà thôi. Nhưng đàn bà con gái trong nhà này vẫn không yên tâm. Thôi thì cho họ đi bớt cho đỡ vướng tay.

Lợi giở lệnh ra đọc kỹ, mặt hơi lo âu:

- Gấp quá không biết kịp không. Cửa thành lại đóng.

- Không giao thư được à?

- Được chứ. Vung tiền ra, việc gì chẳng xong. Bây giờ Lãng đi đâu nữa?

- Em phải về. Báo thế nào đây?

Lợi vênh mặt đáp:

- Chú cứ báo cho ông Long Nương biết là tôi đã giao thư cho quan Trấn thủ. À, sẵn tiện chú báo thêm là ông thầy tướng Quảng Đông khéo đoán hậu vận của Quận Tào lắm. Hà hà. Đúng là tiểu hạn đại hạn đều "xung" cả.

Lãng nhìn quanh hỏi Lợi:

- Cụ ấy đâu rồi?

- Ở chỗ khác. Quận Tào biết bị lừa cho truy lùng ráo riết. Tạm thời phải lánh mặt đi. Chậc! Kể ra cũng uổng. Hàng Tàu đem cho chác biếu xén cũng khá nhiều.

Lãng không muốn cà kê kéo dài, vội bảo Lợi:

- Thôi em đi đã. Vài hôm nữa lại gặp nhau.

Lợi vội hỏi:

- Chị có nhắn gì cho anh không?

- Có. Chị bảo khi xong tìm cách về. Và qua thăm nhà cũ.

- Chuyện! Toàn chuyện không đâu. Thôi, chú đi đi. Nhớ báo là tôi sẽ làm y như lệnh. À quên, lúc nãy có người đến báo là chiến thuyền của ta đã đến cửa Thuận. Không biết ông Long Nương đã được tin chưa. Chú báo cho ông ấy hay luôn tin ấy.

Chương 62

Lãng lại nhập vào đám dân Phú Xuân đang bồng bế nhau chạy tỏa ra xa khu vực sắp giao tranh để trốn tai họa. Qua hai ngày đường quần áo của anh cũng xốc xếch nhem nhuốc giống y quần áo đám người lam lũ hốt hải trước cơn bão sắp tới. Trai tráng trốn đâu mất cả, chỉ còn có những người mẹ gánh một đầu là đứa con nhỏ ngồi gọn trong lòng thúng hai tay níu chặt lấy tao giống, đầu kia là một mớ lộn xộn nào quần áo rách, chăn mền, gạo, nồi, niêu, ấm... Những đứa trẻ biết đi thì ôm một cái bọc nhỏ trước ngực cố chạy cho kịp mẹ. Nhiều đứa sợ quá vừa chạy vừa meo máo khóc. Các cụ già chậm chạp đi sau con cháu, vì yếu sức nên chỉ ôm những vật nhẹ như chiếc chiếu, cái mền. Càng đến gần ngã ba đổ vào con đường thiên lý thì cảnh chạy loạn càng hỗn độn. Đám người chạy từ phía nam định vào thành gặp đám từ trong thành chạy ra, hai bên đều ngỡ ngàng không hiểu bên nào đúng bên nào sai. Số người bị dồn đến tăng dần, phía trước bối rối chưa biết tính sao trong khi phía sau nóng ruột, tức giận, quát tháo, chửi bới. Phía sau Lãng, có nhiều tiếng la to:

- Sao không tiến tới? Đứng lại chờ chết hả?
- Đi chậm như rùa! Bây giờ lại đứng đực ra đấy. Nhanh lên!
- Có nghe thấy không? Bước gấp lên các cha nội! Chạy giặc mà làm như đi dạo mát!
- Ối! Sao lại xô vào người ta, đồ quỷ tha ma bắt!
- Ai thêm! Tại phía sau cứ đẩy tới. Phía trước, sao lại đứng yên như trời trồng thế?
- Có giỏi thì chạy ra trước mà hỏi!

Đã đến lúc không khí trở nên khó thở hơn. Mùi mồ hôi xông lên ngọt ngào. Trẻ con khóc chất chúa. Tiếng chửi bới, cãi cọ tăng thêm sức kích động cho đám người vốn đã dễ dàng hoảng hốt hay tức giận. Tình trạng bế tắc cứ nhè nhằng như vậy dưới ánh nắng thiêu đốt, cho đến lúc không biết từ đâu người ta truyền nhanh tin vui là quân Tây Sơn chỉ ra vây thành Phú Xuân để diệt quân Trịnh chứ không động chạm gì đến tài sản, sinh mạng dân Thuận Hóa. Đồng thời từ ngã ba cũng chuyền ra phía sau chỗ Lãng đứng lời giải thích vì sao đường đi bị tắc nghẽn: Quân Tây Sơn đã từ đèo Hải Vân ra đến Quán Trà. Những người yếu bóng vía đã vội dắt díu nhau chạy trốn ra hướng bắc, hy vọng được ba vạn quân Trịnh ở thành Phú Xuân bảo vệ. Đến ngã ba, họ gặp đám người từ Phú Xuân tỏa ra khắp hướng cho xa thành để tránh loạn.

Trong lúc mọi người do dự chùn bước (nhờ thế cảnh xô đẩy giảm bớt) đột nhiên có người nào đó hét to:

- Bà con cứ yên tâm trở về nhà đi. Việc gì mà chạy. Tây Sơn là người Đảng Trong, mình cũng là người Đảng Trong. Cùng là dân một nước, tại sao lại sợ hãi nhau. Về nhà đi, bà con!

Nhiều tiếng reo hò đáp lại:

- Về đi! Về nhà! Không việc gì mà sợ!

Từ đám đông, một giọng đồng dục khác nói lớn:

- Thuận Hóa của ta bị Bắc Hà chiếm đóng từ mười năm. Bây giờ anh em Tây Sơn ra giành lại Thuận Hóa cho ta. Bà con hãy ở lại để đón tiếp anh em Tây Sơn. Tây Sơn vạn tuế!

Sau một lúc do dự, có vài lời đáp rời rạc:

- Vạn tuế! Tây Sơn vạn tuế!

Rồi ngay sau đó, đám người chạy loạn lấy được tự tin, cùng nhau reo hò một cách cuồng nhiệt, hỗn loạn:

- Vạn tuế! Vạn tuế!

- Vạn tuế cái gì thế bác?

- Không biết. Chỉ nghe hô vạn tuế! Nào! Vạn vạn tuế!

- Tây Sơn ra đuổi quân xâm lăng Bắc Hà đấy. Vạn tuế Tây Sơn. Đáng kiếp tội quân Trịnh.

Chuyến này chúng hết còn vênh mặt quát tháo với bà con Thuận Hóa nữa nhé! Vạn tuế Tây Sơn. Nào hô to lên nào. Tây Sơn vạn tuế!

Rồi không biết từ đâu, vài lá cờ đào được đưa cao lên, phất qua phất lại. Người cầm cờ đi đến đâu thì đám đông tự tránh rẽ đường cho họ đi tới trước. Nhờ vậy, chẳng bao lâu lá cờ đào đã đến ngã ba. Lá cờ lớn cột vào một cán trúc cao đi giữa, hai lá nhỏ cán ngắn so le nhau đi hai bên. Mào cờ đào như có sức thôi miên, hút đám người định chạy loạn ùn ùn đi theo, trở lại con đường dẫn vào thành Phú Xuân

Lăng cũng suýt bị cuốn hút theo dòng người đột nhiên định hướng đó. Nhưng anh kịp thời nhớ đến phận sự. Anh lách khỏi đám đông, chụp dây cương của một con ngựa lạc chủ, nhảy lên yên phi nhanh về phía Quán Trà.

*

* *

Trong lúc thường dân ở Thuận Hóa phần nào yên tâm trước cơn sóng gió, thì các gia đình quân lính Trịnh ở ngoài thành Phú Xuân cuống cuống sợ hãi. Khác với những gia đình lân cận bỗng bề nhau chạy càng xa thành càng tốt, những người này kéo nhau vào thành để ẩn nấp. Nhưng chỉ có một số rất ít kịp vào thành trước khi các cửa thành đóng kín.

Số còn kẹt lại bên ngoài quá nhiều, tạo ra cảnh la hét, van xin, chen lấn, khóc lóc ở cả bốn cửa đông nam tây bắc.

Nơi có nhiều náo loạn nhất là cửa bắc.

Vì cửa thành đóng vội sau khi quân lính phục dịch ở chùa Thiên Mục ùn ùn kéo về, nên có nhiều toán lính bận công việc khác ở xa thành lúc đó chưa thể về kịp. Họ bị kẹt lại ở ngoài thành, trong lúc các làng lân cận đã dáo dác hỗn loạn vì tin Tây sơn đã bắt đầu khép vòng vây, và nhiều lá cờ đào bắt đầu phất phới đây đó, ở những địa điểm thật bất ngờ, như trên nóc quán lá cách cửa bắc không xa, nơi bọn lính canh thường trốn ra uống trộm vài ly rượu trắng cho đỡ rét. Ngược lại, có những người lính đã vào được trong thành muốn ra ngoài vì chưa dẫn được vợ con vào nơi ẩn núp an toàn. Cảnh kêu khóc, la hét, chen lấn khiến cho người chịu trách nhiệm canh cửa ban đầu khó chịu, về sau bần khoản do dự, cuối cùng sợ hãi trốn mất. Tuy vậy cửa thành vẫn đóng im ỉm, cả bên trong lẫn bên ngoài chưa có ai dám phá tấm cửa sắt dày để thông thương.

Bọn lính canh báo động lên các quan trên. Lệnh truyền xuống buộc các đội canh cửa phải triệt để tuân hành, không được cho dịch nhân cơ hội lọt được vào thành. Nắm được nghiêm lệnh, bọn lính gác tự tin hơn, quát tháo, dọa nạt, đuổi mọi người ra xa cổng thành. Nhưng chính họ

cũng có vài người gặp hoàn cảnh oái oăm. Họ không thể làm ngơ trước nỗi lo sợ của thân nhân. Từ thái độ dút khoát, họ hạ giọng, bối rối giải thích lẽ này lẽ nọ. Mỗi đe dọa phía ngoài ngày càng gần. Tin bộ binh Tây Sơn đã ra khỏi Quán Trà, và thủy quân đã vào khỏi cửa Thuận cảng làm cho đám vợ con lính Trịnh mất bình tĩnh. Đàn bà con nít kêu khóc như sắp chết. Cầm lòng không đậu, lính gác phải mở cửa thành. Thế là mọi người hối hả ùa vào, gạt phăng bọn lính canh sang một bên. Cảnh hỗn loạn như một trận dịch truyền nhiễm đến tất cả lính phòng thủ. Nhiều nơi bọn lính tướng quân Tây Sơn đã phá được cửa thành xông vào, nên quảng cả khí giới định chạy thoát thân. Mặt mày ai nấy đều xanh mét, mắt dớn dác nhìn trước nhìn sau. Kỷ luật dù có nghiêm đến bao nhiêu cũng không mạnh bằng nỗi sợ chết. Lớp vợ con lính Trịnh này vào được trong thành thì lại đến lớp khác. Lớp khác vào xong, lại đến lượt lớp kế tiếp. Cứ như vậy không khí trong thành luôn luôn dao động, nơm nớp sợ hãi. Mỗi lần cửa thành mở là một lần run sợ. Đã thế, những người mới vào mang theo các tin tức về quân Tây Sơn, khiến từng tùm lính Trịnh bao quanh vợ con họ để xì xào lo âu cho an nguy của gia đình.

*

* *

Trong lúc đó, Trấn thủ Thuận Hóa Tào quận công Phạm Ngô Cầu bồn chồn nôn nao như đang ngồi trên lửa. Quận Tào đã vờn tất cả tướng tá dưới quyền đến để bàn kế hoạch chống cự quân Tây sơn. Mọi người đã đến đông đủ. Nhưng quan Trấn thủ cứ dùng dằng chưa chịu ra công đường dự họp. Đám nàng hầu đông đúc của quan tất tả thu vén quần áo tư trang để chuẩn bị chạy loạn, người nọ giành giật đồ đạc của người kia, tranh cãi, khóc lóc, rồi kéo nhau đến kiện tụng đòi quan phân xử. Quận Tào còn bụng dạ đâu để làm vừa lòng các nàng! Quên cả bản tính mềm mỏng trước các người đẹp son phấn, quan nổi giận, quát lên:

- Im mồm đi, lũ bồ chao!

Các nàng hầu trở mắt nhìn khuôn mặt dầu dàu, đôi mí mắt, đôi má nhẽo và đôi môi đều "chảy" xuống, lần đầu khám phá rằng "quan đại" chỉ là một ông già bạc nhược, mềm yếu, không thể là một cây tùng cây bách vững chãi để các nàng núp bóng. Họ lấm lét tránh xuống hậu phòng. Còn lại một mình trong căn phòng rộng, Quận Tào ngồi bần thần thật lâu, mắt nhìn mông ra phía trước, tay mân mê lá thư Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Quận Thế trong túi áo. Quận Tào cứ bị câu hỏi này quấy nhiễu:

- Có nên đem bức thư này đưa cho hấn không?

Ông đã tìm hết mọi lý lẽ để trả lời, nhưng đến lúc mọi người đã tề tựu đông đủ và chờ ông ra chủ tọa cuộc họp, Quận Tào vẫn chưa xác quyết được gì. Nên hay không? Nên lắm: Xưa nay Quận Thế vẫn tự cao tự đại, xem mình là rường cột chống đỡ Thuận hóa. Quân sĩ kính phục hấn. Nếu hấn chịu đầu hàng địch, thì dù ta có chống lại chưa chắc quân sĩ đã vâng lệnh ta. Nội cái chuyện vật là đốt hương đánh trống hầu đàn chay mà ta còn phải đem vài tên lười ra phạt trượng chúng nó mới nghe theo, huống chi việc sinh tử giữa tên đạn. Không tố cáo sự phản trắc của Quận Thế trước các tướng tá, thì họ vẫn một lòng kính phục hấn, nhắm mắt nghe theo hấn. Bao năm thâm gan tím ruột mà phải nhịn nhục hấn, bây giờ là cơ hội tốt để lấy lại uy quyền. Nên lắm! Phải tố cáo sự phản bội của hấn thôi! Quận Tào hăm hở chống tay lên mặt trường kỷ nặng nhọc đứng dậy. Hai bàn tay ươn ướt mồ hôi chua. Sự cố gắng quá sức để nhắc tẩm thân phì nộn lên khỏi ghế khiến óc Quận Tào bị lay động. Ông chợt nghĩ: Nhưng nếu ta tố cáo hấn, thì lấy ai cầm quân chống địch? Ta ư? Đường đường một quan Trấn thủ đâu có hạ mình cầm gươm hò hét như một tên võ biên! Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên ư? Hấn khâm phục

Quận Thế như thần thánh, Quận Thế bị cất chức hấn còn lòng dạ nào cầm quân xông trận! Vả lại, ngoài lá thư đưa lăm này, biết đâu sau đó Cống Chính đã gửi tiếp nhiều lá thư dụ hàng khác cho Quận Thế, và chúng nó đã toa rập với nhau để bán đứng ta? Tổ cáo hấn ngay trong cuộc họp này tức là rước ngay cái chết. Chi bằng cứ gác tạm việc này lại, chờ lúc bình yên hãy mật tấu lên Chúa để xử tội. Phải. Hãy kiên nhẫn! Cứ giao cho hấn cầm quân cự địch, rồi tùy cơ mà ứng biến.

Tay Quận Tào chạm vào lá thư Cống Chính trong túi áo. Kiên nhẫn! Đúng. Phải kiên nhẫn. Nếu Quận Thế đầu hàng địch, ta cũng phải đầu hàng thôi, lúc đó lá thư này sẽ giúp ta ăn nói êm xuôi với quân Tây Sơn. Ngược lại nếu Quận Thế chống cự được địch, ta có thể dùng lá thư này để kiểm chế hấn, đoạt công của hấn. Quận Tào không ngờ trong cảnh hỗn loạn nguy hiểm này tâm trí của mình còn sáng suốt đến thế! Ông rút lá thư ra ngắm nghía, giở ra xem thử có đúng lá thư Cống Chính hay không! Đúng nó rồi, bảo bối của đời ta!

Vì vậy, các tướng tá Trịnh ở Thuận Hóa vô cùng ngạc nhiên khi thấy chủ tướng bước ra công đường với một nét mặt hân hoan đắc thắng. Quận Tào lạch bạch đi đến chỗ chiếc kỷ gấm dành cho mình, ngồi xuống một cách trịnh trọng chậm chạp, rồi cao giọng hỏi:

- Thế nào, các ông sợ chúng nó đến xanh mặt phải không?

Không ai dám trả lời ngay, Hoàng Đình Thế mím môi lại để dần cơn giận. Quận Tào nghĩ: quả nhiên hấn đã nhận thêm thư của Nguyễn Hữu Chỉnh. Nếu không, tại sao hấn biến sắc! Nhìn đăm đăm vào mặt Quận Thế, quan Trấn thủ hỏi tiếp:

- Voi giặc đã đến trạm Lồn voi chưa?

Tự cho câu hỏi của mình là một lối đùa cợt vừa táo bạo vừa ý nhị, Quận Tào cười lên ha hả. Vài người cố cười góp cho vừa lòng chủ tướng, Quận Thế bực dọc nói:

- Tình thế đã nguy cấp lắm rồi! Xin Ngài ban lệnh khởi chiến ngay. Quân sĩ đang hoang mang, nếu không có lệnh chắc chắn sẽ sinh biến.

Quận Tào cười, rồi hỏi:

- Tình thế nguy cấp? Có thực thế chẳng, hay ông sợ quá trông gà hóa quố?

Vũ Tá Kiên vội nói:

- Quả thực giặc đã kéo đến gần thành rồi. Chúng lén cắm cờ đào ngay trước cửa bắc. Bọn phản trắc xu thời đã hùa nhau đi kéo pháo cho giặc để tăng công. Chiến thuyền Tây sơn cũng đang tiến về kinh thành. Có tin chúng đã đánh chìm tàu Bồ Đào Nha ở cửa Thuận. Thuyền trưởng và bọn tùy tùng đều bị quăng xuống biển.

Quận Tào gay gắt cất vấn Vũ Tá Kiên:

- Ai báo cho ông tin ấy?

Vũ Tá Kiên rút rè đáp:

- Dạ bọn vợ lính vừa chạy vào thành báo như vậy.

Quận Tào bảo:

- Ông tin lời bọn đàn bà ấy sao? Chúng nó sợ đến vãi cứt trong quần, nhìn đâu không thấy quân địch. Chúng nó đàn bà yếu bóng vía, chứ ông mà cũng yếu bóng vía như bọn đàn bà hay sao!

Vũ Tá Kiên sợ quá, cúi đầu im lặng. Hoàng Đình Thế nói:

- Bọn hèn nhát quả có phóng đại thanh thế của giặc, nhưng chắc chắn quân thủy bộ Tây sơn đang bao vây thành chúng ta. Nếu không ban lệnh quyết chiến, quân sĩ sẽ thêm hoang mang vì tướng ta có ý đầu hàng.

Quận Tào vội hỏi:

- Ý quan Phó tướng thế nào? Giặc như thế, ta như thế. Nên treo cờ bạc hay nên phất cờ điều?

Hoàng Đình Thế ngạc nhiên hỏi lại:

- Chưa đánh trận nào đã vội treo cờ bạc ư?

Quận Tào hấp tấp bảo:

- Ấy, ta nói hết mọi đường để các ông định liệu. Xưa nay ta không bao giờ ôm lấy hết mọi quyền bính rồi buộc người khác nhắm mắt tuân theo. Các ông cứ bàn cho hết lẽ, sau rốt quyết định điều gì tất phải dốc lòng làm cho kỳ được. Nào, các ông nói đi.

Đốc thị Nguyễn Trọng Dương nói:

- Ta còn những ba vạn quân, thành cao, lũy sâu. Thuốc súng, lương thực không thiếu gì. Giặc từ xa vượt đèo vượt sông mà tới, lương thiếu, quân mệt. Cái thế thắng bại đã rõ. Treo cờ bạc lên, dù có được giặc tha thì hậu thế cũng bĩu môi cười lây đến con cháu.

Hoàng Đình Thế hăng hái nói tiếp:

- Tôi xin lãnh kiếm tiên phong, phất cờ điều một phen sống mái với giặc. Chúng vào được thành này, ít ra phải dẫm lên xác của ba cha con tôi.

Quận Tào mỉm cười ra vẻ giễu cợt, bảo Quận Thế:

- Thế mới thực là trang anh hùng cái thế. Chuyển này anh em trong nhà gặp nhau ở nơi đầu tên mũi đạn, bạn thù thù bạn khó phân lẫn. Quan Phó tướng tiên liệu điều đó chưa?

Hoàng Đình Thế ngơ ngác hỏi:

- Ngài nói điều gì tôi chưa hiểu.

Quận Tào gật gù, không trả lời ngay. Chờ cho mọi người sốt ruột, quan Trấn thủ mới đứng đỉnh nói:

- Chả là Phó tướng Hoàng Đình Thế đây và Phó tướng Tây Sơn Nguyễn Hữu Chỉnh đều là tay chân cũ của Quận Huy. Bạn nối khố hóa ra cừu địch, trời xanh thật trớ trêu lắm.

Hoàng Đình Thế xám mặt vì giận và sợ. Ông lắp bắp hỏi:

- Ngài nghi tôi chăng?

Quận Tào vội vã nói:

- Không phải thế. Ta phải nói hết tình lý để đề phòng. Nếu không, nhờ trận này ông thua, miệng đòi lại bảo ông trá bại.

Quận Thế mím môi, đồng dục nói:

- Nếu tôi bại trận, Ngài cứ hạ lệnh chém đầu tôi đi.

Nói xong, Quận Thế ngồi im để chờ cơn xúc động qua khỏi. Không khí trong phòng căng thẳng đến ngộp thở. Không ai muốn nói gì. Chỉ có Quận Tào tiếp tục huơ tay cười nói tự nhiên, xem như không có việc gì xảy ra. Vì thế, gần như kế hoạch giữ thành đều do ý của Quận Tào. Hoàng Đình Thế được giao cho nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu chống giặc, Quận Tào thì "giữ thành" để chuẩn bị tiếp ứng cho quân giáp chiến.

Cuộc họp tan khi có quân khẩn báo bộ binh Tây Sơn bắt đầu chia ra nhiều cánh bao vây thành, súng lớn súng nhỏ đều chĩa nòng vào thành Phú Xuân chờ nhả đạn. Bấy giờ, khuôn mặt viên Trấn thủ Thuận Hóa mới bị sị nặng trĩu như cũ.

*

* *

Đến đầu giờ Mẹo Lãng trở về báo cáo tình hình chuẩn bị trận đánh cho Long Nhương tướng quân. Sương đêm ướt đầm mái tóc dày và vai áo Lãng, bùn đen lấm cả hai ống quần. Lãng vừa nói vừa ho húng hắng:

- Bên Phò mã Nhậm đã sẵn sàng. Chờ pháo lệnh là bắt đầu khai hỏa.

Nguyễn Huệ chăm chú nhìn vào bản đồ, suy tính một lúc, rồi ngược lên hỏi:

- Quan Phó tướng Chinh có nhần gì không?

Lãng đáp:

- Dạ không.

Rồi sau một chập do dự, Lãng e dè nói thêm:

- Hình như giữa Phò mã và quan Phó tướng không thuận với nhau. Quan Phó tướng tự tin rành rẽ về thủy chiến, còn Phò mã thì...

Huệ vội hỏi:

- Vậy cách bố trí súng do ai quyết định?

Lãng đáp:

- Hình như do Phò mã Nhậm.

Nguyễn Huệ cau mày nói:

- Sao lại hình như?

Lãng bối rối đáp:

- Vì cho đến lúc chào về đây, Phó tướng Chinh chỉ ngồi lặng lẽ đăm chiêu ở góc lều, không nói câu nào. Hình như trước khi "tôi" đến, hai người vừa cãi nhau kịch liệt lắm.

- Vậy cậu có dặn kỹ bên đó phải bắn cho nát mặt thành phía nam không?

- Dạ có.

- Họ đã biết mật hiệu khởi pháo rồi chứ?

- Dạ vâng.

- Sắp đến giờ rồi đấy. Chỉ một chốc nữa thôi, cả thành quách vững chãi bao nhiêu đời nay sẽ lung lay. Tên lính lo hỏa pháo đã sắp sẵn đấy chứ?

- Dạ đã!

- Cậu có cảm thấy hồi hộp không?

Lãng thú thật:

- "Tôi" chỉ cảm thấy choáng váng. Như đất dưới chân đi ngã nghiêng say sóng.

Nguyễn Huệ cười:

- Ta cũng vậy. Mỗi lần sắp vào trận, ta đều cảm thấy choáng váng như vừa nhấp rượu. Nhất là nghĩ rằng sau mệnh lệnh của mình, cả trời đất đột nhiên phủ khói. Chưa nói đến cuộc sinh tử.

Lãng lấy bạo hỏi:

- Có bao giờ Tướng quân do dự không?

Nguyễn Huệ lắc đầu:

- Không.

- Nhưng Tướng quân vừa bảo có choáng váng.

- Choáng váng nhưng không do dự. Vì choáng váng mà do dự là thiếu tự tin. Vừa do dự vừa choáng váng là kẻ yếu đuối.

Lãng cố nói vài lời cuối để biện hộ cho mình:

- Thật khó tránh được do dự, khi nghĩ quyết định của mình sẽ khiến kẻ này chết, kẻ kia góa bụa, mồ côi.

Nguyễn Huệ cau có đáp:

- Cậu lại giở cái giọng vú em ra rồi. Thôi, ra truyền cho bắn pháo lệnh đi.

Lãng sắp thi hành lệnh, thì Nguyễn Huệ ra dấu giữ lại. Ông nói:

- Cậu bỏ cái bộ mặt dầu dàu này đi. Cậu nên nhớ sấm chớp bão mưa cũng cần thiết cho đời sống chẳng kém những lời mẹ ru con. Hy vọng cậu mở mắt nhìn rộng hơn. Cậu đi đi. Bắn pháo lệnh xong, cậu vào đây để đi xem mặt trận với ta.

*

* *

Khi pháo của quân Tây Sơn đồng loạt nã vào thành Phú Xuân, Hoàng Đình Thế ra lệnh đóng chặt các cửa, rồi đem quân lên mặt thành tập trung pháo bắn trả mãnh liệt. Vòng thành ở sát bờ sông, từ mặt nước lên đến mặt thành cách đến hơn hai trượng. Nhờ thế pháo của Tây Sơn đặt trên các chiến thuyền bắn ngược trở lên không tới được mặt thành. Ngược lại, từ các cao điểm, quân Trịnh bắn trả như mưa. Nhiều chiến thuyền của Tây Sơn bị bắn chìm. Quân bộ của Tây Sơn không thể chịu đựng được hỏa lực địch, dần dần lùi lại núp vào trong thuyền. Hoàng Đình Thế mừng rỡ, ba quân hò reo khi thấy Tây Sơn cho các chiến thuyền lui ra xa ngoài tầm pháo của quân Trịnh.

Thấy thế tấn công có nhiều bất lợi, Long Nhương tướng quân hạ lệnh ngưng chiến. Nguyễn Hữu Chỉnh được gọi về lều chỉ huy để báo cáo số thiệt hại. Nguyễn Huệ hỏi:

- Ông thông thạo thủy chiến, có biết thủy triều ở đây dâng cao nhất vào lúc nào không?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp liền:

- Giờ giắc chính xác còn tùy từng mùa, từng vùng. ở vùng này thủy triều thường lên cao nhất vào ban đêm. Bây giờ tháng Năm mùa lũ, nước lại càng lên cao hơn nữa. Tôi có hỏi nhiều người chài sống ven sông Hương nên được biết có lúc thủy triều dâng cao lên tận chân thành. Càng về khuya, con nước càng lớn.

Nguyễn Huệ mừng rỡ nói:

- Như vậy ta sẽ tấn công trở lại vào đêm nay. Cho quân sĩ cơm nước xong xuôi trước giờ Dậu. Các chiến thuyền chuẩn bị sẵn sàng trước giờ Tuất. Ông về truyền lại cho Phò mã hay là trước khi trời sáng, phải hạ cho được thành. Mặt trời mọc mà tên lính nào còn ở ngoài thành sẽ bị coi như kẻ đào ngũ. Dĩ nhiên là trừ những kẻ có phận sự ở lại giữ thuyền.

Quả nhiên đêm đến nước triều dâng lên cao, càng về khuya, mực nước càng cao hơn. Vững tin ở trận thế thuận lợi, Nguyễn Huệ hạ lệnh tấn công. Nước nâng thuyền lên, tầm pháo có thể bắn lọt vào mặt thành khiến quân Trịnh không dám lên đó chiến đấu như buổi sáng. Nhờ vậy, chiến thuyền Tây Sơn áp sát vào chân thành Phú Xuân, vừa đổ bộ binh lên vây chặt các cửa, vừa bắn lên mặt thành như mưa.

Quận Tào liền phái Hoàng Đình Thế và các thuộc tướng là bọn Vũ Tá Kiên ra thành nghênh chiến. Cả hai người con trai của Quận Thế cũng theo cha ra ngoài thành chiến đấu. Cả đội dựa lưng vào thành mà bày trận. Đánh nhau chừng hơn một canh, quân Quận Thế bị hết cả thuốc đạn. Ông sai người vào thành xin thêm, Quận Tào ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại bảo:

- Cơ đội nào cũng cấp đầy đủ khẩu phần, đạn dược cả rồi, giờ vào đây đòi hỏi gì nữa?

Quận Thế nghe thuật lại giận quá, bảo các tướng:

- Tên Quận Tào phản rồi! Để ta trở vào phá cửa thành chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau đó sẽ ra đánh.

Rồi ông ngoảnh lại nói với các con:

- Chúng bay đứng phía trước lo cản địch, ta vào một lát sẽ ra ngay.

Quận Thế co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi, thế trận tức thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa thế sẵn

tới. Hai người con Quận Thế phóng ngựa ra múa đao chém chết chừng vài mươi người. Quân Tây Sơn kéo đến đông hơn, họ xông bừa vào chém quí chân ngựa hai người. Ngựa quí, hai con Quận Thế hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa. Rồi họ bị thương nặng và đuối sức, phải gọi cha đến cứu.

Quận Thế vội quay voi trở ra, nhưng quá muộn. Hai người con đã bị chém chết. Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên cũng bị tử trận. Ông ra lệnh thu quân định bày trận khác, nhưng ngoảnh nhìn lên thành đã thấy bên trong kéo cờ bạc rồi.

Tên quân tượng của Quận Thế thấy thế, hoảng hốt, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Voi mất nài chạy loạn xạ. Quân Tây Sơn đuổi theo voi mà bắn. Quận Thế chết trên bành voi, mắt vẫn trợn trừng nhìn lá cờ bạc phấp phới trên cột cờ thành Phú Xuân

Quận Tạo liền vội vã mở cửa thành, xe quan tài ra đầu hàng. Quân Tây Sơn hò reo ùa vào thành chém giết bất cứ ai gặp được. Đốc thị Nguyễn Trọng Dương chết trận. Hầu hết mấy vạn lính trong thành đều bị tiêu diệt, một số nhỏ trốn ra ngoài thành cũng bị dân Thuận Hóa bắt giết cả. Chỉ còn một tên lính duy nhất sống sót, chạy trốn về báo tin cho quân Trịnh ở dinh Cát biết. Nội một đêm, thành Phú Xuân đã đổi chủ.

Chương 63

Bộ tham mưu vào thành lúc mặt trời đỏ vừa lên khỏi lũy tre phía đông. Sương chưa tan hẳn. Khói còn ngùn ở các căn trại cháy dở. Ánh nắng làm cho mặt đất ướt xông hơi, và chen lẫn vào mùi cỏ ngai ngái, mùi đất hăng hăng, mùi khói khét còn có cả mùi tanh lợm của những vũng máu loang lổ, rây rắc đây đó trên mặt cỏ. Quạ đen bắt đầu kéo đến chờ đợi trên những nhánh cây cháy sém quanh thành, tranh nhau chỗ đậu thuận tiện để sẵn sàng bổ nhào xuống những xác chết nằm la liệt đây đó. Chúng còn e dè vì đạo quân Tây Sơn rầm rập tiến vào thành mỗi lúc một đông, gươm giáo, gậy gộc, xe cộ, voi pháo, chen chúc nhau, dẫm cả lên những xác chết và xác nhà cháy.

Phò mã Vũ Văn Nhậm hướng dẫn bộ tham mưu đến chỗ đặt xác viên Phó tướng Hoàng Đình Thế. Quân sĩ cũng đã khiêng về đây xác hai người con trai của Quận Thế, cùng xác của Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên, Đốc thị Nguyễn Trọng Đương. Năm xác chết nằm gần sát bên nhau, xác nào cũng nhem nhuốc những máu bầm và bùn lầy, mặt mũi bị tóc phủ hoặc lấm bụi không còn nhận rõ được ai với ai nữa. Long Nhượng tướng quân dừng lại trước các xác chết, nhìn khắp một lượt rồi hỏi:

- Phó tướng Thế Quận công nằm ở đâu?

Vũ văn Nhậm dùng kiếm trở cái xác nằm ngoài cùng, thưa:

- Dạ, cái kia!

Xác Hoàng Đình Thế nằm nghiêng, chân phải duỗi thẳng dè lên chân trái co quắp, đôi giày đã bị lột mất còn trơ hai bàn chân trắng xanh và tóp lại. Bộ quần áo nhà tướng đã bẩn thỉu vì khói thuốc súng và máu, bùn. Dải khăn điều thắt ngang hông quá bẩn nên không ai thèm cởi, thắt chặt một thân thể bắt đầu căng lên. Vết thương ở ngực nhuộm nâu chiếc áo trận, ruồi nhặng bu đầy chỗ máu đọng!

Thấy chủ tướng tò mò muốn nhìn mặt Quận Thế, một tên lính tháp tùng vội vàng đến lật ngửa xác Quận Thế. Anh ta dùng chân lèn xuống dưới hông xác chết hất mạnh lên một cách rẻ rúng. Nguyễn Huệ quát:

- Dừng lại. Không được vô lễ!

Tên lính sợ hãi, lú lú lánh ra xa. Nguyễn Huệ đi quanh đến gần xác Quận Thế. Nguyễn Hữu Chỉnh và Lãng cũng đi theo. Nguyễn Huệ ngồi xuống gần sát xác chết, lật nhẹ xác Quận Thế để nhìn kỹ nét mặt viên Phó tướng. Ông đưa tay vén mớ tóc bạc bù rối bết thành mảng vì bùn và sương đêm. Tay ông chạm một làn da lạnh, khuôn mặt Quận Thế đanh lại như còn giữ nguyên nét giận dữ, đôi mắt trợn ngược như vẫn cố dùng cái nhìn đục nhìn lên ngọn cờ bạc mà tên Trần thủ phản bội đã cho kéo lên cột cờ thành. Nguyễn Huệ quay lại hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Năm nay Thế Quận công được mấy mươi?

Nguyễn Hữu Chỉnh liếc nhìn thi thể người bạn cũ, cổ dần xúc động nói:

- Ông ấy xấp xỉ tuổi tôi.

Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Xác hai người con trai ông ấy đâu?

Phò mã Vũ Văn Nhậm không muốn đi sát bên cạnh Nguyễn Hữu Chỉnh, đứng từ xa trở hai cái xác nằm gần mình nhất đáp:

- Dạ, hai người này!

Hai cái xác bầy nhầy thảm hại, gần như chỉ còn là hai đồng thịt tanh bọc bằng một mớ vải rách.

Muốn giải thích rõ hơn nguyên do tình trạng thảm hại của hai xác chết, Vũ Văn Nhậm nói:

- Chúng nó hung dữ, ngoan cố lắm. Cả trăm người bị chết vì hai anh em hấn. Vì thế, lúc ngựa quì...

Nguyễn Huệ hiểu ý Phò mã, cắt lời Vũ Văn Nhậm:

- Nhớ chôn ba cha con gần bên nhau. Gia đình Thế Quận công còn ai không?

Vũ Văn Nhậm đáp:

- Chỉ còn đám đàn bà, con nít. Hiện bị giam trong nhà ngục.

Nguyễn Huệ liếc nhìn khuôn mặt Quận Thế lần nữa, rồi đứng dậy, bảo Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Ông vào thăm họ một chút. Khuyến họ đừng sợ. Khi đường sá yên, ta sẽ cho họ về Bắc.

Nguyễn Hữu Chỉnh gật đầu, đáp nhỏ:

- Vâng!

Nguyễn Huệ trở hai cái xác còn lại, hỏi:

- Còn ai đây?

Vũ Văn Nhậm đáp:

- Đây là Kiên kim hầu Vũ Tá Kiên, còn đây là Đốc thị Vũ Trọng Đương.

Vũ Tá Kiên bị đâm ở bụng, ruột non ruột già lòi một đồng ra ngoài áo, bùn và ruồi bám đầy.

Còn Vũ Trọng Đương thì bị chém một vết thật sâu ở đỉnh đầu, khuôn mặt không còn nhận ra được nữa. Viên Đốc thị bị lột mất áo ngoài, còn Vũ Tá Kiên thì đôi giày chỉ còn lại một chiếc.

Vừa lúc đó, một toán lính Tây Sơn áp giải một đoàn đàn bà con nít vợ con lính Trịnh đi về phía trại giam. Những kẻ thất thế mệt nhọc, sợ hãi, cúi đầu lầm lũi bước. Lũ con nít cũng không dám khóc. Vài người trong bọn bị thương, phải có người dìu đi. Nguyễn Huệ đưa mắt nhìn theo cho đến lúc họ khuất sau một khúc ngoặt có cây rậm. Ông im lặng, khiến đám tùy tùng không ai dám nói gì. Nhìn xác chết nằm rải rác đây đó, nhìn đám quạ đen chờ trên những cành cây cháy sém, Nguyễn Huệ mím môi, suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

- Có nhiều việc phải làm cho xong càng chóng càng tốt. Phò mã Nhậm, anh ra lệnh cho quân sĩ thu dọn chiến trường nhé. Nhớ chôn cất cẩn thận các xác chết, không lại bị bệnh dịch. Còn Phó tướng Chỉnh thì chỉ huy việc kiểm kê kho tàng, tù binh, sắp xếp ăn ở cho binh sĩ và đám vợ con lính Trịnh. Trưa nay ông lại dâng tôi để bàn về lệnh chiêu an và thảo tờ "lộ bố". Nói gọn thì Phò mã lo cho người chết, còn ông lo chuyện người sống. Rõ rồi chứ?

Nguyễn Hữu Chỉnh mau mắn đáp:

- Vâng ạ!

Còn Phò mã Nhậm chỉ khẽ gật đầu, khuôn mặt giữ nguyên vẻ dàu dàu bất cần.

Bộ tham mưu về dinh của Tạo quận công. Đàn quạ hình như bớt sợ, bắt đầu kêu lên những tiếng dài và chát.

*

Trong khi quân lính vội vã dọn dẹp các đồ nát trong dinh Trấn thủ làm đại bản doanh, thì ngoài khắp phố phường, làng mạc Thuận Hóa, không khí rộn rã tung bừng như ngày hội. Cờ đào phát phới khắp nơi, nổi hẳn trên nền lá cây xanh của những khu vườn um tùm và các lũy tre. Màu đào trở thành dấu hiệu của niềm hy vọng, hoặc thấp hơn một chút, là nhãn hiệu thức thời. Đi đâu, làm gì người ta cũng mang theo một lá cờ đào. Đó là tấm thẻ bài qua lọt được mọi trạm canh. Mà trạm canh thì quá nhiều. Trạm canh ở đầu làng, trạm canh ở cuối làng. Trạm canh ở giữa làng. Trạm canh ở bên này và bên kia bến đò. Trạm canh ở giữa những chiếc cầu tre. Tờ hịch chiêu an của Tây Sơn có hô hào dân chúng yên tâm làm ăn, nhưng phải coi chừng bọn tàn quân nhà Trịnh lén lút phá hoại hoặc trả thù. Từ đó bất cứ kẻ nào không mang thứ gì màu đào trên người đều trở thành khả nghi.

Tin quân Trịnh đã kéo nhau chạy trốn về Bắc suốt một dọc dinh trại đồn lũy từ sông Gianh trở vào đã tăng thêm uy lực cho màu đào. Những kẻ lưng chừng, những kẻ dè dặt lo xa, bấy giờ mới yên tâm nhìn nhận lá cờ đào. Vải may cờ khan hiếm trên thị trường, người ta phải dùng đến chu sa hoặc lấy vôi giã với trầu để vẽ cờ lên nón lá, lên vách nhà. Màu đào chói chang phản chiếu ánh mặt trời tháng Năm, cảnh vật rực rỡ, không khí hừng hực. Mọi người từ trẻ tới già nhấp nhóm không ngồi yên chỗ. Lũ trẻ và trai tráng đổ ra ngoài đường cái. Ông già bà cả và các bà nội trợ lóng ngóng ở đầu ngõ. Chính trong khung cảnh sôi động đặc biệt đó mà các toán nhỏ dân chúng cầm cờ đi tuần hành biểu dương sự hoan hỉ đối với chế độ mới đã tự động thành hình.

Đại bản doanh chưa kịp sắp đặt xong, tàn tích cuộc chiến đẫm máu tàn khốc còn nhan nhản khắp mọi chốn, thì Lãng đã phải tiếp tay với đội hầu cận tiếp đón các đoàn đại biểu của dân Thuận Hóa. Lãng gặp trở lại Lợi khi tiếp một toán bộ lão người Tàu ở phố Hà Thanh đến chúc mừng chiến thắng. Hai người mừng rỡ ôm chầm lấy nhau. Lợi hỏi:

- Có ông Long Nhương trong dinh không?

Rồi không chờ Lãng hỏi, Lợi trở mấy bộ lão ăn mặc theo lối khách trú dưới thềm dinh giải thích:

- Mấy cụ đây là bậc trưởng thượng của nhóm Khách trú Quảng Đông. Họ giúp đỡ cho ta từ trước. Ngay khi thấy cờ đào được kéo lên cột thành, họ tự động góp tiền quay heo để thết anh em binh sĩ. Họ có lòng, cậu phải tìm cách nói khéo để ông Long Nhương tiếp họ.

Lãng bối rối nói:

- Nhưng trong đó chưa dọn dẹp xong gì cả. Bàn ghế, đồ đạc bị phá hư không có bộ nào còn nguyên. Đánh thành vào ban đêm, nên bọn lính cả hai phía được dịp phá bằng thích.

Lợi nôn nóng hỏi:

- Nhưng ông Long Nhương còn ở đây chứ?

- Còn.

- Thế thì cậu dẫn anh vào đi.

Rồi Lợi quay về phía toán bộ lão nói bằng tiếng Quảng Đông:

- Các cụ chờ cháu nhé. Long Nhương tướng quân đang chờ các cụ, khổ nỗi dinh bị hư hại chưa kịp bày biện tử tế để đón các cụ. Các cụ rón rón một chút thôi!

Lãng không hiểu tiếng Quảng Đông, hỏi anh rể:

- Anh nói gì thế?

Lợi cười đáp:

- Anh bảo ông Long Nhượng bận lắm. Nhưng anh sẽ cố nói để các cụ được tiếp kiến trước nhất. Nguyễn Huệ đang làm việc với Nguyễn Hữu Chỉnh trong tiền sảnh trống trơn không có màn trướng gì cả, thấy Lãng và Lợi đi vào, vội đứng dậy chào hỏi Lợi:

- Anh mới đến hả? Việc giao cho anh thật hợp. Thầy đâu rồi?

Lợi hiểu Nguyễn Huệ uốn hỏi vị thầy cũ dạy võ ở An Thái, nên vui vẻ đáp:

- Cụ ấy mừng quá hóa đau. Đáng lý cụ vào, nhưng sau tôi can, nên có người bà con với cụ ấy đi thay. Họ đang chờ Tướng công ngoài kia!

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Họ? Những ai vậy?

- Những Khách trú phố Hà Thanh đã giúp ta trong vụ xếp đặt xem tướng cho tên "quan Đại" (Tạo quận công Phạm Ngô Cầu). Họ tốn biết bao nhiêu tiền mọi chuyện mới êm xuôi như vậy. Tướng công nên tiếp họ một lát, cho họ vui lòng.

Nguyễn Huệ hơi do dự nhìn Nguyễn Hữu Chỉnh thăm hỏi ý kiến. Nguyễn Hữu Chỉnh nhìn vào tờ giấy cầm nơi tay, đáp:

- Vâng. Tướng công cứ ra tiếp họ đi. Tôi sẽ tiếp tục vẽ cho xong cách bố trí ở địa giới La-Hà, và sửa lại tờ lộ bố.

Nguyễn Huệ yên tâm, đưa tờ giấy đang nắm trong tay cho Chỉnh rồi đi về phía tiền sảnh. Lãng lo âu nhắc:

- Ngoài đó chưa có bàn ghế gì cả.

Nguyễn Huệ hỏi Lợi:

- Các cụ đang ở đâu?

- Họ đang chờ dưới thềm dinh.

Nguyễn Huệ phác tay nói:

- Thì mình đến đó đứng nói chuyện cũng được.

Rồi mỉm cười ranh mãnh, Nguyễn Huệ bảo Lợi:

- Anh xuống thuyền xong, cô An bù lu bù loa bắt đền tôi với Lãng. Khoảng ngày mốt có ngựa trạm về Qui Nhơn. Anh viết vài dòng nhắn cho cô ấy yên tâm.

Lợi đang hớn hở, đột nhiên đổi nét mặt, đáp cộc lốc:

- Vâng.

Nguyễn Huệ không chú ý sự thay đổi nét mặt của Lợi, bước nhanh ra phía thềm dinh trấn thủ. Lợi đứng ra làm thông ngôn dịch lại những lời đối đáp giữa các bô lão Hoa kiều Quảng Đông và Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ bước hẳn xuống thềm dinh, cung kính chấp tay vái chào tất cả mọi người trong đoàn, rồi bảo Lợi:

- Anh thưa giùm với họ là nhà vua rất cảm kích trước sự giúp đỡ của dân phố Hà Thanh. Không có các cụ giúp đỡ chắc chắn việc đánh đuổi quân Trịnh khỏi Thuận Hóa còn khó khăn hơn nhiều.

Lợi dịch lại lời Nguyễn Huệ. Các bô lão hớn hở, nói với nhau một lúc, cuối cùng vị trưởng đoàn nhờ Lợi dịch lại:

- Dân phố Hà Thanh chúng tôi cũng mang ơn Hoàng thượng và Tướng quân. Tên Trấn thủ bụng phệ tham lam vô độ Phạm Ngô Cầu không cho chúng tôi được sống. Buôn bán được bao nhiêu lời đều chui vào túi quan Đại cả. Quan Đại to lớn, cái túi của quan Đại càng to lớn hơn, lại không có đáy. Tướng quân đã giải thoát cho dân phố Hà Thanh chúng tôi.

Nguyễn Huệ cười nhỏ, rồi hỏi thẳng:

- Các cụ có cần tôi giúp điều gì chẳng? Có gì cứ nói, đừng ngại.

Các bộ lão Hoa kiêu lại bộ lơ bần tán một chặp. Lợi chờ cho họ nhất trí mới dịch:

- Họ than dân Thuận Hóa lâu nay đã thiếu ăn, lại còn bị vợ vét hết thóc lúa để nuôi ba vạn lính trong thành Phú Xuân Họ xin được phép vào Quảng Nam và Gia Định mua gạo chở ra đây bán rẻ cho dân.

Nguyễn Huệ bật cười, bảo Lợi:

- Các cụ đã già mà chưa lắm cầm tí nào. Mới dứt tiếng súng thiên hạ chưa kịp hoàn hồn, các cụ đã thấy ngay con đường làm ăn lớn. Bảo các cụ là "thương" dân Thuận Hóa như vậy quý lắm.

Luật lệ thể thức chở gạo miền trong ra đây thế nào, sẽ có bố cáo rộng rãi. Các cụ cứ yên tâm.

Thương người như các cụ, trời không để mất phần đâu.

Lợi cũng cười, dịch một thôi dài sang tiếng Quảng Đông. Lợi chưa dịch xong thì đã có một đoàn khác đến xin ủy lạo quân sĩ. Đi đầu là một nông dân mặc áo đen quần cộc, đôi tay đen cháy gân guốc cầm vững cán cò đào. Lãng đến cạnh Long Nhương tướng quân nói:

- Nếu cứ cho tiếp kiến thế này thì không bao giờ dứt. Tướng quân nên hẹn dịp khác, và tiếp kiến tại công đường.

Nguyễn Huệ có thiện cảm với vẻ mộc mạc chất phác của người cầm cò đi đầu, và nét lam lũ của những người dân cày trong đoàn, nên vờ không nghe lời Lãng, tiến về phía họ hỏi:

- Các bác ở đâu đến đây?

Người cầm cò mạnh dạn nói:

- Chúng tôi ở xã Vu Lai huyện Quảng Điền.

Nguyễn Huệ hỏi tiếp:

- Các bác cần chúng tôi giúp gì chẳng?

Mọi người trong đoàn ngơ ngác nhìn nhau, chẳng biết trả lời sao cả. Người cầm cò lúng túng một lúc, rồi đáp:

- Chúng tôi cũng không biết mình cần gì. Các ông ra đây đuổi quân tham ô đi, chúng tôi mừng quá, ùa ra đường, rủ nhau lên đây xem quân Tây Sơn. Thấy cửa thành mở, ra vào không có lính gác, chúng tôi bảo nhau vào xem cho biết. Nghe có vị tướng giỏi chưa từng bao giờ bại trận, chúng tôi muốn gặp mặt cho biết. Có phải ngài là ông Long Nhương không?

Nguyễn Huệ cảm động, cười ha hả bảo:

- Thế mới thật là lòng chân thành. Tìm gặp cho biết vậy thôi. Không cần thứ gì khác. Vâng tôi là ông Long Nhương em vua Tây Sơn đây.

Có tiếng xì xào ở phía sau xa:

- Ông ấy trẻ quá. Chẳng khác chúng ta gì cả.

- Ông ấy nói tiếng chi rứa? Không hẳn là tiếng Quảng!

Người cầm cò quay phía sau lờ mắt cho các bạn im lặng, rồi đồng dục nói:

- Chúng tôi thấy có người mang heo quay cơm nếp đến thết quân sĩ. Chúng tôi nghèo, lại đột nhiên ùn ùn kéo lên đây nên không kịp chuẩn bị gì cả. Xin Ngài chớ chấp, xem chúng tôi là kẻ vô ơn.

Nguyễn Huệ vội xua tay nói:

- Không đâu. Chính các bác mới là những người thân thiết, ruột rà của anh em chúng tôi. Chúng tôi cũng xuất thân dân núi, dân cày như các bác. Chúng ta mới mở lời đã hiểu nhau, cần gì rườm rà với lại quà cáp. Hiện giờ chúng tôi quá bận, chắc chưa đến tận nhà quý bác để thăm

hỏi được. Sau này có dịp, thế nào tôi cũng tìm tới. Lúc này bác bảo các bác ở xã nào, huyện nào?

Thanh niên đứng sau người cầm cờ vụt miệng đáp:

- Dạ xã Vu Lai, huyện Quảng Điền.

Lúc đó Nguyễn Hữu Chỉnh đã ra đến gần chỗ Nguyễn Huệ, nghe thanh niên kia nói quê quán, vụt nhớ một điều quan trọng nên chen vào hỏi:

- Xã Vu Lai Quảng Điền ư? Có phải quê của dật sĩ Ngô Thế Lân không?

Những người nông dân quay hỏi lẫn nhau, cuối cùng có một cụ già đội nón mê đứng phía sau nói:

- Thừa phải. Đúng là quê của ông đồ Ngô.

Nguyễn Huệ nhớ lại lời thầy giáo Hiến, vui mừng hỏi:

- Thế hiện nay ông đồ còn ở đấy không?

Cụ già đáp:

- Ông ấy dời lên ở phố Hà Thanh từ hơn mười năm rồi.

Cả Nguyễn Huệ lẫn Nguyễn Hữu Chỉnh đều thất vọng. Thấy cuộc hội kiến kéo dài đã hơi lâu, Nguyễn Huệ nói:

- Các bác đến đây, tôi vui lắm. Cảm ơn các bác lắm. Các bác đã ăn cơm chưa?

Mọi người nghe hỏi bất ngờ, vùng cười ồ. Người cầm cờ nói:

- Chúng tôi ăn thật no mới đủ sức chạy bộ lên đây chứ. Chúng tôi quấy quả Ngài lâu rồi. Xin phép Ngài, cho chúng tôi về.

Rồi không chút khách sáo, cả toán quay lưng ra về. Nguyễn Huệ vội quay trở vào để tránh một đoàn khác đang giương cờ tiến đến.

*

* *

Liên tiếp mấy hôm sau ngày hạ thành Phú Xuân (20 tháng Năm Âm Lịch), phố xá không lúc nào ngớt người. Thiên hạ chen chúc nhau đi xem cảnh tượng mới: những đoạn thành bị sập, những cây cháy sém, gươm giáo gãy, những vết máu khô bắt đầu bị đất đỏ lấp phải chú ý lắm mới nhận ra, quần áo quân Trịnh vất tứ tung hồng cải trang thoát thân, và hấp dẫn nhất là những xác chết chưa kịp đem chôn. Từng tùm trẻ con và đàn ông hiếu kỳ bao quanh các xác chết sinh căng phủ đầy vôi trắng, trong khi mùi thối tanh gắt tỏa ra dưới ánh nắng chói chang. Đường phố lúc nào cũng tỏa bụi mù mịt. Gần như mọi người đều lên cơn say. Không thể ngồi yên ở nhà, họ chạy ra đường, đi lên đi xuống, nhìn ngắm không biết bao nhiêu lần tàn tích đổ nát chết chóc. Mạch máu đập mạnh hơn, trí não căng thẳng, chân tay bứt rứt. Gần như sau mười năm bị đè nén dưới ách cai trị khắc nghiệt, không dám nói những điều muốn nói, không dám nhìn thẳng vào cuộc sống, ấp úng dáo dác để bảo toàn tấm thân, giờ đây thiên hạ vùng vẫy cho thỏa thích để tận hưởng khoái lạc của tự do và tự tin. Bầu trời tháng Năm cao xanh, đất dưới chân bước vững chãi, hết thấy mọi người gặp trên đường đi đều là bè bạn.

Tự do! Tự do! Món quà bất ngờ thật to lớn, quý giá quá, đến nỗi dân Thuận Hóa đã sờ mó được nó vẫn còn ngờ vực, tưởng mình còn say hoặc vẫn chưa ra khỏi giấc chiêm bao. Cho nên cảnh tượng mới không đậu lại trong trí nhớ, mà cứ lan man phơ phớt. Mọi người đi lại, nhìn ngắm bấy nhiêu cảnh, gặp bấy nhiêu người, nhưng không thấy thỏa mãn. Mỗi lần nhìn lại là một lần đổi mới. Cuộc tìm kiếm vội vã cái gì chưa biết rõ, sự tận hưởng cảm giác khinh khoái mơ hồ, được hít thở không khí khét nắng và đượm mùi tử khí, cảm giác lưng lửng ở dạ dày, say đại ở

trí não, tất cả bao nhiêu thứ lộn xộn ấy, lạ lùng thay, hòa hợp tạo thành hạnh phúc trước vận hội mới.

Người ta tụ tập thường xuyên ở trước cổng nam để chờ xem các tờ cáo, tờ hịch của chính quyền mới. Những ông đồ ốm o gầy như bơi trong chiếc áo the cũ sờn cổ và rách ở cùi chỏ đột nhiên thoát khỏi cảnh rẻ rúng, trở thành nhân vật miễn tiếp được đám đông nể vì, chiều chuộng. Họ đứng trước các tờ cáo bạch đọc lớn từng câu, dịch ra tiếng ta cho mọi người hiểu, rồi lại tấm tắc khen văn hay, ý sâu. Những bố cáo về các việc thông thường như cấm tàng trữ vũ khí, ấn định nơi và lúc phát gạo cho những người nghèo khổ, cấm lấy cắp của công, khai báo lương thực tồn trữ trong cửa hàng, khai báo các nơi có xác chết vô thừa nhận, ngày và nơi các hương chức giao nộp sổ thuế và sổ đình v.v... đều được viết bằng chữ Nôm. Đây là một biến cố lạ lùng chưa từng thấy, làm cho các ông đồ thuộc lòng kinh sử phải ngỡ ngàng.

Nhưng yếu tố kích động đám đông mạnh nhất là các tin đồn. Ngoài các tin đồn thối về sức mạnh "thần kỳ" của quân Tây Sơn (như tin đồn ông Long Nhương có đôi mắt khác người: con người lớn nhỏ tùy theo ý như mắt mèo, nhờ vậy ban đêm vẫn có thể nhìn rõ mọi vật như ban ngày, hoặc nhìn qua được cả chướng ngại vật như tường thành, cây cối...), loại tin đồn hấp dẫn dân Thuận Hóa nhất là tin khám phá được các tội ác "tày trời" của Quận Tào. Nào Quận Tào cho giết tù, rồi sai lính chôn xác dưới gốc cam để cam mau sây trái và quả ngọt, nào Quận Tào có đến vài trăm nàng hầu, khi Quận Tào cầm cờ bạc xe quan tài ra hàng các nàng hầu nằm lăn ra đường chắn xe khiến Quận Tào phải cho cán lên vài người họ mới sợ, nào quân Tây Sơn vừa khám phá được một hầm ngầm ăn thông từ tư dinh Quận Tào ra đến bờ sông Hương, dưới hầm có đầy đủ tiện nghi y như trên tư dinh quan Trấn thủ, nào nếu không có thám tử biết trước, thì chiếc thuyền giả trang thuyền chài ở đầu kia của hầm ngầm đã chở Quận Tào thoát ra cửa Thuận An để tềch về Bắc... Xem xác chết chán, thiên hạ đổ ra đường ùn ùn đi xem các gốc cam bón phân xác tù, đầu thoát của hầm ngầm, hoặc chiếc thuyền giả trang của tên Trấn thủ. Dĩ nhiên không ai tìm được thứ gì xác thực. Nhưng đã lỡ bị lừa, họ im lặng để tìm thêm những kẻ nhẹ dạ, cho vui!

Phản ứng của dân Thuận Hóa trước vận hội mới thật khác với phản ứng của dân Gia Định. Gần như Thuận Hóa đã từng ngóng chờ Qui Nhơn từ bao năm nay, và sau mấy ngày tháng năm Bính Ngọ, Thuận Hóa bàng hoàng chột thấy ước mơ ôm ấp bao lâu đã thành sự thực. Con sông Hương thôi hẳn nhục trầm lặng. Thành quách thức giấc. Nước dâng đầy nâng cao tầm vóc. Và Thuận Hóa hân hoan gửi trọn cả một xã hội có tổ chức tề chỉnh, qui củ cho đạo quân giải phóng.

Nguyễn Huệ nhớ lại những lời Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên ở Qui Nhơn, nhớ thái độ khác thường của anh, rồi nhìn quang cảnh rộn rã hoan hỉ của Thuận Hóa, ông thấy lòng lâng lâng. Như một con chim đã tìm được cành hiền để làm tổ! Ông sai bày biện lại tiền sảnh dinh trấn thủ, xếp đặt đội quân hầu, rồi kiên nhẫn tiếp kiến tất cả các đoàn dân chúng các nơi đến chúc mừng. Và ông cũng sai Lãng tìm gặp cho được Ngô Thế Lân và Trần Văn Kỷ!

*

* *

Lãng nhờ Lợi dẫn đến phố Hà Thanh. Cụ chủ căn nhà Lãng có đến một lần không biết Ngô Thế Lân là ai, nên dẫn anh sang tìm hỏi một người bạn hay sành làm thơ, hy vọng nhờ chữ nghĩa có quen với Ngô Thế Lân chẳng. Anh được cho biết trước đây, Ngô Thế Lân có ở phố Hà Thanh thực, nhưng sau khi quan Hiệp trấn Lê Quý Đôn cho người đến mời và ông gửi thư cảm tạ bảo

lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn, Ngô dật sĩ đã vội rời nhà xuống Dương Nỗ.

Lãng về báo lại với Long Nhương tướng quân, đồng thời xin thêm vài người lính hộ vệ mặc thường phục không mang gươm giáo để tìm đến làng Dương Nỗ. May mắn cho Lãng là anh tìm được ngôi nhà tranh nhỏ và thấp núp dưới bóng trúc của Ngô Thế Lân.

Chỉ có một người cháu gái khoảng mười hai, mười ba tuổi ở nhà. Thấy có nhiều người lạ trước cổng, cô cháu gái sợ không dám mở cửa. Lãng tự giới thiệu là con một người bạn cũ của dật sĩ, lâu ngày xa cách nay có dịp tìm đến thăm. Nhìn vẻ mặt chân thành hiền hòa của Lãng, cô gái băn khoăn chưa quyết. Lúc đó, Ngô Thế Lân cũng vừa về.

Đây là một cụ già ngoài sáu mươi, thân thể mảnh khảnh, mặc bộ quần áo rộng màu nâu, đi chân không. Mái tóc bạc búi gọn ở sau ót, nhưng vài sợi ngắn vẫn lòa xòa trên trán và hai thái dương. Chòm râu cằm cũng bạc phơ. Hàng lông mày bạc che chở cho đôi mắt đen vẫn còn tinh anh lắm. Cái mũi thanh tú hòa hợp với đôi môi mỏng khiến khuôn mặt có vẻ tao nhã nhẹ nhõm. Đặc biệt đôi vành tai vĩnh lên khác thường.

Thấy ông đã về, cô cháu gái vui mừng nói:

- Có mấy chú đây đến tìm ông. Con thấy lạ, chưa dám mở cổng.

Ngô Thế Lân còn ngần ngại chưa biết nên hỏi ai trong đám, thì Lãng đã nói trước:

- Thừa cụ, cháu là con trai ông giáo Hiến, mười mấy năm trước đây từng ở Thuận Hóa và làm việc với quan Nội hữu Ý đức hầu.

Lãng hơi xúc động nên giọng nói khó nghe, tiếng nọ chập vào tiếng kia. Hơn nữa, giọng Qui Nhơn của Lãng khá lạ tai đối với Ngô dật sĩ. Ngô Thế Lân đưa bàn tay giơ lên ngăn Lãng, chậm rãi bảo:

- Các ông đã đến đây, xin mời vào nhà đã. Mở cổng đi cháu. Mời các ông vào. Nghe giọng nói, lão đoán các ông từ trong Quảng ra. Có đúng thế không?

Lãng lễ phép đáp:

- Dạ thưa đúng vậy. Chúng tôi nghe danh của cụ đã lâu, nay mới được hân hạnh gặp mặt.

Ngô Thế Lân sai cháu vào nhà đem ghế ra đặt dưới khóm trúc thân vàng lá xanh um, mời bọn Lãng ngồi, rồi hỏi:

- Từ Quảng Nam ra, đi đường đèo chắc vất vả lắm nhỉ. Có bị lính trạm Hải Vân hạch hỏi khó khăn không?

Thấy Ngô Thế Lân nói xa nói gần để tìm biết thân thế mấy khách lạ, Lãng nói ngay:

- Chúng cháu theo quân từ Qui Nhơn ra đây. Nhờ may mắn hạ được thành Phú Xuân chóng vánh, mới được cơ hội tìm xuống Dương Nỗ thăm cụ.

Ngô Thế Lân cười, làm ra vẻ thích thú:

- À, ra thế! Các ông là quân sĩ của vua Tây Sơn. Hèn chi giọng nói khang khác. Không giống như giọng Quảng Nam. Lúc này ông vừa nhắc đến ông giáo nào từng làm việc với Ý đức hầu?

Lãng vui mừng được dịp làm thân hơn nữa với chủ nhà, nên cung kính đáp:

- Thừa, thân phụ cháu là ông giáo Hiến, môn khách của quan Nội hữu Ý đức hầu. Sinh thời cha cháu vẫn thường nhắc nhở đến cụ luôn.

Ngô Thế Lân nhíu mày hỏi:

- Ông giáo Hiến à? Có phải ông giáo từng làm Quân sư cho chúa Tây Sơn không?

Nghe giọng nói của Ngô Thế Lân hơi gay gắt, Lãng vội đáp:

- Thừa vâng. Trước khi lánh nạn Trương Phúc Loan về nương náu ở An Thái, cha cháu vẫn thường đi lại với cụ. Cha cháu còn dạy cho chúng cháu đọc những bài thơ trong Phong Trú tập

của cụ nữa.

Ngô Thế Lân dăm dăm nhìn Lãng, rồi nhìn đến mấy người theo hộ vệ Lãng, lơ mờ đoán ra vai trò quan trọng hiện Lãng đang giữ. Cụ hiểu ngay đang nói chuyện với đại diện của quyền uy, của một thế lực đang tung hoành ngang dọc từ Nam chí Bắc. Một cơn gió nhẹ lay động khóm trúc xanh. Thân trúc vàng khê nghiêng về phía đông, cành lá lao xao. Ngô Thế Lân lấy giọng hòa nhã bảo Lãng:

- Tưởng ai xa lạ, hóa ra quen thân cũ với nhau cả! Ông giáo Hiến, à, lão nhớ rồi. Thế cháu là con trai đầu của bác giáo?

- Thừa không ạ. Cháu là con trai út. Sau cháu còn một em bé nữa, nhưng nó mất sớm.

- Cha cháu vẫn mạnh giỏi chứ?

- Dạ cháu đã thừa là cha cháu... cha cháu đã qua đời rồi!

Giọng Ngô Thế Lân có vẻ thẳng thốt:

- Thế à! Ra bác giáo bỏ lão mà đi sớm. Bác giáo mất lâu chưa?

- Dạ đã được tám năm rồi.

Giọng Ngô Thế Lân đượm vẻ chán nản:

- Tám năm! Như vậy là lão đã sống thừa ra tám năm, ăn gian của trời đất những tám năm, tranh ăn của thiên hạ suốt tám năm. Bao giờ lão mới được thanh thoi như bác giáo! Các anh các chị đã thành gia thất rồi cả chứ?

Lãng sơ lược gia cảnh từng người. Ngô Thế Lân hỏi:

- Cháu gái trước kia vẫn thường theo bác giáo lên phố Hà Thanh mua bút giấy nay đã chồng con đề huề rồi à! Hồi xưa cháu còn bé tí. Cô ấy được mấy con rồi?

- Thừa chị An cháu được hai con.

- Chồng làm chức gì? Bác giáo là quân sư, tất cả các anh các chị đều là quan to cả!

Lãng vội đáp:

- Thừa không phải thế ạ. Anh rể cháu chỉ là một viên quan nhỏ lo quân lương thôi.

Ngô Thế Lân hỏi liền:

- Thế cháu làm đến chức gì?

- Cháu chỉ là Thư ký của Long Nhượng tướng quân thôi!

- Thư ký của ông Long Nhượng? Thế cháu đến đây, ông Long Nhượng có biết không?

Lãng thừa cơ hội tốt, nói ngay chủ đích của cuộc thăm viếng:

- Dạ chính ông Long Nhượng sai cháu đến đây. Từ lâu lắm, từ hồi cha cháu còn dạy anh em ông Long Nhượng ở An Thái, cha cháu đã nhắc nhở hoài đến thi văn của cụ, nhất là tập thơ Phong Trúc. Cho nên vừa ra đến đây, ông Long Nhượng đã hỏi thăm tin tức cụ.

Ngô Thế Lân buồn rầu nói:

- Khổ cho lão rồi. Chữ nghĩa làm ra trong lúc nhàn hững không ngờ còn di lụy lâu đến vậy. Các ông nghĩ quá cao cho lão. Lão áy náy, hổ thẹn lắm.

Lãng hăng hái nói:

- Cụ quá khiêm nhường đấy thôi. Cái chí của cụ đã diễn hết trong bài Tự Vịnh. Cả ông Long Nhượng lẫn cháu đều thuộc lòng mấy câu khí khái của cụ trong bài thơ đó.

Đam thư phế tẩm thực

Nhiệm hiệp vong quyền uy

Mục kích thương sinh khổ

Hung trung vô sở thi

Tự phụ kỳ thao uẩn
Thiện giá ưng hữu kỳ
(Mê sách bỏ ăn ngủ
Hào hiệp quên quyền uy
Mắt thấy dân đen khổ
Mà lòng biết làm chi?
Tự phụ ngọc dành cất
Giá lành bán có khi)

Thưa cụ! Chẳng lẽ ngọc lành cứ cất mãi trong tối! Long Nhương tướng quân hy vọng không bị cụ chê là kẻ không sành giá ngọc. Cháu được gửi đến đây để trình trước với cụ lòng ngưỡng mộ chân thành ấy.

Ngô Thế Lân xua tay nói:

- Cháu để ý làm gì đến những lời ngông, viết ra lúc lão chưa đầy bốn mươi. Thời trẻ, ai cũng tưởng mình có thể lấp biển, vá trời, xoay trời đất lại, biến tối thành sáng, đem thánh đức rạng rỡ cảm hóa thiên hạ. Lầm, lầm hết! Toàn là những cuồng vọng làm hại đời chẳng khác gì lời vô đạo. Lão đã đến cái tuổi tri thiên mệnh rồi, tiếng gió tiếng trúc nghe qua tai khác hẳn thời trẻ dại. Cháu đừng nhắc những lời thơ đó cho lão đỡ xấu hổ.

Lãng thất vọng, biết không thể nài thêm lời nào được nữa. Phải cần có thời gian. Cho nên anh chuyển sang chuyện khác. Lãng nói:

- Đó là lòng thành của Long Nhương tướng quân. Cháu biết là khó, nhưng được ủy nhiệm việc khó, cháu không thể chối từ. Phần cháu, cháu chỉ mong được thăm cụ cho thỏa lòng mong ước thôi. Cha cháu dưới tuổi vàng chắc cũng mát dạ vì cháu tìm viếng được cụ hôm nay.

Ngô Thế Lân cười nhỏ, rồi nói:

- Chưa chắc đâu cháu. Ngày xưa cha cháu vẫn thường trách lão là kẻ bịt tai trốn đời. Cha cháu muốn xăn tay áo xoay lại thế cuộc. Cha cháu xông xáo lắm. Vào tận Tây Sơn để tìm cho ra một ông Biện lại có chân mạng đế vương mà phò tá, thật vất vả và công phu không ai bằng. Cha cháu hơn hẳn lão già chết nhát này, cháu không biết sao? Hay là cháu giả vờ không biết?

Nghe giọng nói mỉa mai của Ngô Thế Lân, Lãng quyết không nói tiếp chuyện quốc sự nữa. Lãng lễ phép nói:

- Cháu còn nhỏ tuổi, tất nhiên còn vụng dại, cụ bỏ qua cho. Cháu tìm đến đây ngoài việc công, còn có một việc riêng tư. Trước khi ra đi, chị cháu có dặn nên tìm thăm lại ngôi nhà trước đây cha mẹ cháu từng ở trước khi lánh nạn. Cháu lúc đó còn bé quá, không thể biết rõ ngôi nhà đó ở đâu. Cụ đi lại với cha cháu, chắc có thể giúp đỡ cháu được.

Ngô Thế Lân nghe Lãng chuyển sang một việc ít gai góc hơn, nên khuôn mặt bớt vẻ nghiêm trọng, vui vẻ nói:

- Được. Lão còn nhớ. Ngôi nhà cất gần bờ sông chứ gì? Nhưng lâu quá rồi, thế nào cũng có nhiều thay đổi. Cháu muốn lấy lại ngôi nhà cũ hay sao?

- Dạ không. Chúng cháu chỉ muốn thăm qua cho biết thôi. Chắc gì chúng cháu còn được ở Thuận Hóa lâu!

Ngô Thế Lân cười, bông đùa:

- Lần này thì cháu nói khiêm chứ không phải lão! Chỉ một đêm thôi, cò đào đã bay trên đỉnh kỳ đài. Lão nghe được tiếng phong trúc, chẳng lẽ không nghe được tiếng pháo Tây Sơn bắn vào thành đêm hai mươi. Cháu sẽ còn ở lại Thuận Hóa lâu lắm, lâu lắm!

*
* *

Trên đường về, Lãng gặp một đám tang đơn giản, lặng lẽ. Hai cụ già trạc sáu mươi tuổi dùng cái đòn tre mới chặt (vỏ còn xanh) khiêng một xác chết phủ đầy vôi trắng. Xác chết của một lính Trịnh, Lãng đoán chắc như vậy vì lớp vôi khừ trùng phủ trắng cả tóc tai mặt mũi và quần áo. Anh cũng đoán thêm: người lính này không phải dân Bắc Hà; nhất định anh ta là dân Thuận Hóa bị trưng binh, do đó, thân nhân đã tìm được xác chết nằm vất vưởng đâu đây nhờ nhận ra được quần áo hoặc dấu tích một tàn tật. Cách khiêng xác thật khác thường: người ta dùng dây dừa cột hai tay và cột hai chân người chết lại với nhau, đoạn xỏ đòn tre vào khiêng đi như khiêng một con heo bị chọc tiết. Cái đầu thông xuống lúc lắc theo nhịp bước, mớ tóc bết vôi rủ xuống tua tủa như bẹ chổi cùn.

Hai ông già khiêng xác bước chậm trong bóng chiều vàng vọt. Phía sau họ, xa thật xa, hai người đàn bà một già, một trẻ dìu nhau đi theo đám táng. Gặp Lãng và mấy người lính theo hộ vệ, hai người đàn bà cúi gằm mặt xuống, lồm lũi bước. Qua khỏi họ rồi, Lãng lại nghe thoang thoáng tiếng rên rĩ, và tiếng khóc nghẹn.

Cảnh đưa ma đơn giản khiến Lãng tê dại cả người. Gai ốc nổi dọc theo xương sống. Lãng muốn quay lại nhìn theo cái xác chết bị trói, nhìn theo hai người đàn bà lẽo đẽo theo sau thân nhân xấu số, nhưng anh xấu hổ quá không dám quay nhìn.

Mấy người lính trẻ vô tâm cười nói tự nhiên, đoán non đoán già về liên hệ thân thuộc giữa hai ông già và cái xác chết, giữa xác chết và hai người đàn bà. Một anh lính cương quyết bảo hai người khiêng xác không họ hàng gì với người chết. Có họ hàng mà lại nỡ cột trói tàn nhẫn thế kia à? Một người lính bảo có thể họ vẫn là thân nhân của nhau, và dù hết sức đau lòng, người sống không dám làm điều gì khác thường để tránh các tai bay vạ gửi của thời loạn. Người thứ ba bẻ lại, bảo chính cái cách cột xác như cột thú vật mới khác thường. Người lính am tường lẽ đời bảo rằng cách trói như vậy cốt biểu lộ sự căm thù cần thiết nhằm tự bảo vệ cho mình và gia đình mình, nói chung là nhằm cho kẻ còn sống được sống yên. Đối với hai người đàn bà, tất cả mọi người đều đồng ý đó là mẹ và vợ của người lính Trịnh xấu số. Còn liên hệ giữa hai người đàn bà với hai người khiêng xác? Ba người lính Tây Sơn lại huyên thiên bàn cãi nhau. Họ muốn Lãng phân xử, nhưng liếc nhìn vẻ mặt trầm ngâm, đăm chiêu của Lãng, họ không dám mở lời. Lãng về đến thành thì trời cũng vừa sập tối!

Quan Tiết chế Nguyễn Lữ cũng đã về tới Phú Xuân.

Ở tiền sảnh dinh trấn thủ, Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ, Phò mã Vũ văn Nhậm và Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh đang bàn tán với nhau điều gì nghiêm trọng và sôi nổi lắm. Lãng rụt rè ở cửa dinh mãi, không dám tự tiện vào phòng để báo cáo kết quả công việc được giao. Đèn sáp ong thấp sáng, tỏa màu vàng ấm lên những tường gỗ quý bóng loáng, rồi cái màu ấm áp thân mật ấy phản chiếu trở lại, khiến khung cảnh tiền sảnh rục rờ sang trọng mà vẫn giữ được vẻ đầm ấm ôn nhu.

Nguyễn Lữ đang đọc tờ giấy Nguyễn Hữu Chỉnh vừa trao, vô tình nhìn ra cửa trông thấy Lãng, liền bảo Nguyễn Huệ:

- Có chú Lãng ngoài kia.

Nguyễn Huệ vui mừng nói:

- Thế à? Vào đi. Việc đến đâu?

Lãng chấp tay vái chào khắp mọi người, rồi mới đáp:

- Ngô dật sĩ có ý chối từ.

Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

- Tôi đã đoán trước thế nào ông ta cũng từ chối. Nhưng không sao. Ông ấy quá già rồi. Mời được thì chẳng qua giống như gắn thêm cái lông công lên áo bào gấm cho nó đẹp, chứ ý tứ các cụ già cũng gần bướng lắm. Ngày mai tôi sẽ xin đích thân đến mời Cử nhân Trần Văn Kỷ.

Nguyễn Huệ gật đầu, đôi mắt hơi buồn. Ông nói:

- Kể cũng đáng tiếc. Nhưng vội quá không được đâu!

Nguyễn Lữ đưa tờ giấy về phía em, nói:

- Cả nội dung tờ "lộ bố" này nữa. Vội quá không được đâu. Ta cứ ở đây chờ Hoàng thượng, rồi muốn tính gì hãy tính. Chú vừa nói đúng. Vội quá không được đâu!

Nguyễn Hữu Chỉnh nhìn Lãng e ngại. Nguyễn Huệ hiểu ý Chỉnh nói:

- Không sao. Nhưng việc này ta sẽ bàn kỹ vào sáng mai. Còn việc tìm mời ông Cử nhân Trần Văn Kỷ, ông Cống hãy dời chiều mai vậy.

Chương 64

Sau những ngày say sưa vì thoát khỏi cảnh đàn áp, dân Thuận Hóa bắt đầu nhớ lại những ngày tủi nhục, khổ đau trước đây. Họ bắt đầu tính sổ nợ. Một vài vụ trả thù lẻ tẻ xảy ra. Các toán quân Tây Sơn đóng ở các trục giao thông quan trọng và những đồn lũy cũ của quân Trịnh giữ thái độ dè dặt, gần như không muốn dính vào các vụ ân oán giữa dân Thuận Hóa và quan quân Bắc hà. Do đó, càng ngày các vụ trả thù càng nhiều hơn, dần dần loang thành một thảm kịch vượt ra ngoài tầm tự chế của mọi người. Khắp các làng xóm, phố phường, dân Thuận Hóa mở những cuộc săn đuổi, truy lùng người Bắc hà. Bọn hiếu động hợp với bọn vô lại tự tiện tổ chức các trạm kiểm soát ở bến đò, ở đầu chợ, ở cổng làng, thậm chí ngay trên đường thiên lý. Cách thức kiểm soát rất đơn giản: người qua lại bị buộc nói lớn hai ba câu tùy theo sáng kiến của những người gác đường. Chẳng hạn toán kiểm soát đò ngang trên sông Hương đòi hỏi người qua lại phải nói:

- Răng bữa ni đò đông chi lạ rứa tề!

Những cậu thanh niên bạo miệng thì đòi các cô gái đi chợ lập lại cho họ nghe hai câu ca dao:

Dẫu ngồi cửa sổ chàm rờng

Chăn loan gối phượng không chồng cũng hư.

để sau đó cười cợt với nhau.

Nhưng không phải lúc nào các vụ kiểm soát cũng hiền hòa tình nghịch như vậy. Gặp một người đàn ông nói tiếng Thuận Hóa lơ lớ, hoặc nói đặc giọng Bắc hà, là bọn hiếu động bu quanh hạch hỏi, làm tình làm tội. Nhiều chỗ dân Thuận Hóa còn đánh đập, hoặc đâm chém người gốc Bắc vì hận thù tích lũy hơn mười năm dưới chế độ cai trị hà khắc của nhà Trịnh. Nhiều người Bắc hà theo thân nhân là lính Trịnh vào Thuận Hóa lập nghiệp phải trốn chui trốn nhủi, nhiều người giả câm giả điếc để trốn nạn.

Từ cái trò tình nghịch, các vụ chặn đường kiểm soát tùy hứng trở thành những cuộc truy lùng đẫm máu, và đôi khi những kẻ bị săn đuổi phải liều chết chống lại.

Tình trạng hỗn loạn nguy hiểm đó không thể kéo dài!

Nguyễn Huệ đã cho ban hành nghiêm lệnh chấm dứt các vụ truy lùng dân Bắc, kèm theo các lời đe dọa trừng phạt những tên vô lại xem thường phép nước. Tờ bố cáo được dán trước cổng thành. Người qua lại xem lệnh như một điều không đáng quan tâm, vì nghĩ đến số lính Bắc hà ít ỏi còn sống sót sau đêm Tây Sơn hạ thành Phú Xuân. Không cần chờ lâu, bọn vô lại thấy trò tình nghịch bắt đầu gây tai họa khôn lường. Các toán truy lùng và kiểm soát dân Bắc bị càn quét nội trong vòng một ngày. Vài tên đầu sỏ bị bêu đầu ngay tại chỗ hấn tụt tay chân tác oai tác quái. Cuộc truy lùng khủng bố qua đi, nhưng biến cố đó khiến Long Nhương tướng quân suy nghĩ.

Ông so sánh phản ứng của dân Gia Định mấy lần quân Tây Sơn vào Nam tiêu diệt tàn quân Nguyễn Ánh với phản ứng của dân Thuận Hóa. Về bàng quan của Gia Định khác hẳn sự quá khích của Thuận Hóa, quá khích trong niềm hân hoan tự do cũng như trong lòng hận thù. Nguyễn Huệ thấy lại cái sức mạnh kỳ diệu của đám đông thời bắt đầu khởi dậy. Lúc đó, giữa những người chân đất xiêu giạt tụ tập ở Tây Sơn thượng, anh em ông chỉ cần hô hào một tiếng là muôn người như một đứng dậy, giơ cao gậy gộc, gươm giáo rùng rùng đổ xuống đèo. Ông có cảm tưởng giờ đây dân Thuận Hóa cũng có tâm trạng y như vậy. Hãy nhìn cảnh tượng thiên hạ đổ cả ra đường cười đùa, hò hét cho thỏa ước. Hãy nhìn sức mạnh tiềm tàng trong những đôi mắt rực sáng, trong cả niềm say sưa tìm kiếm điều gì không giống với sự thường tình. Họ tìm điều gì? Họ chờ điều gì? Cái gì khiến họ nôn nao không ngồi yên được một chỗ, khiến họ dám bỏ cán cày mái chèo để ùn ùn kéo nhau lên thành Phú Xuân? Họ chờ một tiếng hô chẳng? Trước kia khi ở Tây Sơn thượng, chỉ cần một tiếng hô là đám người cùng khổ rùng rùng đổ xuống đèo. Bây giờ nếu ông hô lên một tiếng, những kẻ từng bị áp bức này sẽ đổ về đâu?

*

* *

Nguyễn Hữu Chỉnh tìm gặp riêng Nguyễn Huệ đúng vào lúc ông không dám trả lời các câu hỏi đó.

Nguyễn Hữu Chỉnh trình cho Nguyễn Huệ xem lại tờ lộ bố sẽ gửi về Qui Nhơn, sau khi được Nguyễn Lữ góp ý kiến đề nghị sửa đổi nhiều chỗ. Chỉnh chú ý theo dõi nét mặt Nguyễn Huệ khi Tướng quân chăm chú đọc lá thư báo tiếp này. Thấy Nguyễn Huệ bần thần không vui sau khi đọc xong, Nguyễn Hữu Chỉnh lấy bạo nói:

- Tôi có ý này, không biết Ngài có chịu nghe không.

Nguyễn Huệ ngược lên nhìn viên Phó tướng, hơi ngạc nhiên. Sau một lúc im lặng, Nguyễn Huệ bảo:

- Ông cứ nói đi.

Nguyễn Hữu Chỉnh bấu chặt hai tay vào mép kỷ để trấn tĩnh, cố ý nói thật chậm: (1)

- Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hóa, chỉ đánh có một trận là xong, oai danh rung động khắp thiên hạ. Trong phép dụng binh có ba điều cốt yếu: một là thời, hai là thế, ba là cơ. Hễ gặp được ba điều đó, nhất định đi đâu thắng đấy. Nay ở Bắc hà tướng trẻ, binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả. Nếu ta thừa thế tiến ra đánh chiếm, thì thật đúng như lời cổ nhân: "Chiếm kẻ yếu, đánh kẻ tồi, lấy kẻ loạn, đè kẻ sắp mất". Xin Ngài xét lại, cơ và thời ấy, ta không nên bỏ lỡ.

Nguyễn Huệ rung động cả tâm thần, tim đập mạnh trong lồng ngực. Ông mím môi dăm dăm nhìn Nguyễn Hữu Chỉnh, tướng viên Phó tướng đã đọc hết được niềm băn khoăn của ông, ước vọng thầm kín của ông. Chỉnh sợ, không dám nhìn thẳng vào đôi mắt rực sáng của Nguyễn Huệ nên không thấy được những giọt mồ hôi rịn ở hai bên sống mũi của Long Nhương tướng quân. Im lặng một lúc lâu để trấn tĩnh, Nguyễn Huệ mới nói:

- Bắc hà là một nước lớn, có nhiều nhân tài. Lời xưa có nói: "Con ong có nọc". Ta có thể khinh thường được ư?

Nguyễn Hữu Chỉnh hăng hái nói:

- Nhân tài Bắc hà chỉ có một mình Chỉnh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi, Bắc hà chỉ là cái nước rỗng. Xin ngài chớ ngại.

Nguyễn Huệ liền cười nhạt, rồi nói với giọng nửa đùa nửa thật:

- Không ngại ai khác, chả hóa ra chỉ ngại một mình ông chẳng?

Nguyễn Hữu Chỉnh giật mình, tự biết mình đã nói hớ, nên tái cả mặt, lắp bắp tạ lỗi:
- Sở dĩ tôi đề cao cái ngu hèn của mình thành ra tài giỏi, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyệt nhiên không có nhân tài đó thôi!

Nguyễn Huệ thấy Chỉnh lúng túng, dài dòng bào chữa, cố cười ha hả một cách tự nhiên, rồi an ủi:
- Tôi cũng "nói quá" cho vui thôi. Ông đừng để tâm. Nhưng một nước đã đứng được bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình ra cướp lấy thiên hạ sẽ coi việc ấy là cái gì?

Nguyễn Hữu Chỉnh trở lại yên tâm, chậm rãi đáp:
- Nước tôi có Vua lại có Chúa, đó là một việc hết sức trái ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng là phù Lê, thực ra vẫn ăn hiếp Thiên tử, người trong nước từ lâu vốn đã không phục. Trước đây, những bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy ai cũng vịn vào danh nghĩa phù Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong địa ký (2) của họ Trịnh có câu:
Chẳng để chẳng bá
Quyền nghiêng thiên hạ
Truyền được tám đời
Trong nhà dấy vạ.
Tính từ Thái vương Trịnh Kiểm đến Tĩn vương Trịnh Sâm đã đủ tám đời. Nếu ngài lấy có "diệt Trịnh phù Lê" mà kéo quân ra, thiên hạ không ai là không theo phục. Ấy là cái công nghiệp không mấy đời có!

Nguyễn Huệ gật gù ra dáng chấp nhận lý lẽ của Chỉnh, nhưng ông vẫn nói:
- Đó là việc rất hay. Nhưng ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hóa, không phải vâng mệnh đi đánh nước ngoài. Xong việc nọ ra việc kia thì ra làm sao?

Nguyễn Hữu Chỉnh vội đáp:
- Trong kinh Xuân thu có nói: "Xoay nhỏ mà công lao lớn, thế là có công". Như thế có xoay cũng chẳng ngại gì đâu! Huống hồ ngài há chẳng nghe nói: "Tướng ở ngoài, có khi không cần phải theo mệnh Vua" đó sao?

Nguyễn Huệ lặng im suy nghĩ, vầng trán nhăn thành nếp, đôi mắt đăm đăm nhìn ra phía trước nhưng hình ảnh viên Phó tướng cứ nhòe dần nhòe dần, như một khuôn mặt nhìn qua tấm kính ướn. Đầu tiên ông thấy cặp mắt Nguyễn Hữu Chỉnh trở thành hai vệt xếch, rồi trở thành hai hõm đen. Cái miệng cười mỗi lúc một rộng thêm ra, giơ hai hàm răng trắng nhợt, cho nên cuối cùng thật giống như một cái đầu lâu nhập nhòa uốn lượn. Tai ông văng vẳng tiếng chân rầm rập chạy, tiếng la hét săn đuổi, tiếng quát tháo giận dữ, tiếng thét đau đớn. Nguyễn Huệ vỗ nhẹ tay xuống mặt kỷ để đánh thức mình. Ông lại thấy Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười, kiên nhẫn chờ đợi. Nguyễn Huệ nói:
- Ông bỏ tờ báo tiếp này đi. Ta viết hẳn tờ lộ bố mới, và sẽ gửi về Qui Nhơn theo đội quân áp giải tên Quận Tạo. Tôi giao hẳn việc đó cho ông. Ông khỏi phải cần phải hỏi ý kiến ai cả. Càng lắm thầy, càng thối ma mà thôi.

*
* *

Nguyễn Huệ đọc đi đọc lại bản thảo tờ lộ bố sẽ gửi về Qui Nhơn:
"Lũ thần vâng mệnh theo mưu mô của miếu đường, lại kính nhờ oai Trời thiêng liêng, Thuận Hóa đã được dẹp yên, khắp thiên hạ đều rung động. Nay ở Bắc hà quân thì kiêu, tướng thì lười,

thể có thể lấy. Thần xin theo lễ tiễn nghi, đã ủy cho Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh đem tiền bộ thủy binh đi trước, thẳng tới Sơn nam.

Riêng thần hiện đang chiêu mộ nhân dân ở các vùng ven biển, chọn lấy đinh tráng để tăng quân thể. Hẹn trong ít ngày sẽ dẹp yên xứ Bắc hà. Còn quan ải, thành quách xứ Thuận Hóa, hiện đã giao cho Đông định công (Nguyễn Lữ) coi giữ.

Vậy xin bề trên ban gấp chiếu chỉ cho thần tuân theo".(3)

Ông căn môi suy nghĩ. Cái hoa đèn trước mặt lắt lay, ngọn tim đèn thiếu dầu hóa thành tàn đen cong xuống giữa ngọn lửa yếu ớt. Lá thư do Chỉnh soạn vừa gãy gọn, vừa đầy đủ ý nghĩa.

Nguyễn Huệ nhận thấy không cần thêm bớt gì. Chỉ có hai điều khiến ông lo lắng là phản ứng sẽ có của hai ông anh. Ông sẽ nói với Nguyễn Lữ thế nào đây để Đông định công bằng lòng ở lại trấn giữ Thuận Hóa cho ông cất quân ra Bắc hà. Và vua Thái Đức sẽ nghĩ thế nào sẽ làm gì khi tiếp được bức thư này?

Nguyễn Lữ hiện đã về thành Phú Xuân, và Nguyễn Huệ biết với bản tính thụ động, Nguyễn Lữ sẽ không gây nhiều trở ngại khi thấy mọi việc đã được xếp đặt, không thể thay đổi được nữa. Lữ không muốn, mà cũng không có can đảm làm điều gì khác thường có thể gây chấn động cho cuộc sống điều hòa và khi có biến cố xảy ra, ông cũng không dám làm gì để biến cố ấy đổi dòng. Mọi sự trước mắt ông đều là sự đã rồi, không nên thay đổi. Nguyễn Huệ hiểu rõ anh, nên dù có chút ít ngại ngùng, nỗi lo về "anh Bảy" không đến nỗi lớn lao lắm.

Nguyễn Huệ lo nhất là phản ứng của vua Thái Đức!

Ông quá hiểu chủ đích của Nguyễn Nhạc khi quyết định sai ông đem quân vượt đèo Hải Vân ra đánh Thuận Hóa. Anh Cả của ông vẫn nửa đùa nửa thật khoe mình là "người họ ngoại của Chúa Nam hà". Nhà vua không có tham vọng nào khác ngoài ý muốn khôi phục giang sơn cũ của họ Nguyễn Gia Miêu, lấy lại từ tay nhà Trịnh miền đất từ sông Gianh trở vào đèo Hải Vân. Nhà vua không giấu diếm ước vọng đó. Gặp ai, ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, nhà vua cũng nhắc tới. Ngay với cả Chapman, người đại diện cho nhà cầm quyền Anh tại Bengale đến Qui Nhơn năm Mậu Tuất (1778). Cái ước vọng ôm ấp từ thời khởi dấy này, qua bao nhiêu năm tháng, qua bao nhiêu vất vả, tóc càng bạc nếp nhăn trên trán càng nhiều thì ước vọng ban đầu lại càng thu nhỏ lại. Tuổi đời như một chất cường toan ăn mòn dần các dự ước của thời trai trẻ. Bây giờ thấy ước vọng đó viên mãn, nhất định nhà vua phải bàng hoàng, gần như không thể tin có thể đó là sự thực. Sau nỗi bàng hoàng sẽ đến niềm lo âu. Sẽ có nhiều lý lẽ để biện hộ cho những bước chân uể oải chậm chạp, cho sự trì độn của trí não, cho tầm nhìn ngắn của đôi mắt bắt đầu nhấp nhem. Tất cả những điều đó, Nguyễn Huệ có thể đoán trước được!

Nếu lá thư này đến Qui Nhơn sớm, nhất định nhà vua sẽ ra lệnh ngăn cản. Còn nếu chuyển phiêu lưu kỳ thú này thất bại, tất cả tội lỗi sẽ đổ lên đầu Nguyễn Huệ. Chỉ nội cái "tội tự chuyên" cũng đủ phế bỏ tất cả chức tước, công lao xưa nay của ông! Nhưng, Nguyễn Huệ biết mình không thể dừng lại được!

Có một sức mạnh siêu việt, mạnh hơn tất cả mọi lý lẽ, thúc giục ông tiến tới. Con đường thênh thang dẫn về Thăng Long, đất văn hiến mấy nghìn năm! Thuận Hóa những ngày giải phóng sung sức như một con ngựa khỏe sắp lồng lên. Kẻ cầm cương nếu vì nhút nhát sợ hãi bụi đường thiên lý dùng hết sức ghìm cương lại tất sẽ bị quật ngã. Và sau đó, con ngựa khỏe cứ rong ruổi đường xa! Không! Không! Ông không thể dừng lại, làm một quan Trấn thủ thu mình tận hưởng tuổi đời trong cái thành cũ ven con sông Hương trầm lặng này! Nước sông xanh lặng lẽ, núi không đủ cao để đùa giỡn với những đám mây! Những cơn mưa chì chiết lê thê!

Làm quan trấn thủ Thuận Hóa? Ông mới ba mươi lăm tuổi mà đã chồn chân sớm sửa thế sao? Ông sẽ thay thế cho Quận Tào, ngồi vào chỗ hăn ngồi, tay đặt vào thành ghế gấm còn vương mùi mồ hôi chua của hăn, chân bước lên những viên gạch hăn đã bước, mắt nhìn mái ngói hăn đã nhìn? Rồi sau đó? Bốn mươi tuổi? Năm mươi tuổi? Ông sẽ béo phệ như hăn, mắt híp như hăn, mấy ngón tay xanh xao nung núc như hăn? Và đến lúc nào thì cũng sẽ như hăn, ông cúi đầu lẩm lũi bước theo sau xe quan tài và lá cờ bạc, vào một ngày mưa dầm ảm đạm?

Không! Không thể được! Hoặc ông ngồi vững trên lưng ngựa, giong cương cho lịch sử đưa xa về phía trước, cho đúng với ước nguyện của mọi người. Hoặc ông mù quáng ghìm cương để con ngựa lịch sử hất ông xuống bùn và dầy lên trên mà tiến. Ông phải lựa chọn, đúng ra là phải thuận theo cái đà chẳng dặng dừng của thế cuộc. Ngọn đèn bên ông mờ dần. Đêm quá khuya. Căn phòng trống trải, lạnh lẽo. Nguyễn Huệ chưa bao giờ cảm thấy cô đơn như vậy! Trước khi quyết định một việc liên hệ đến sinh mệnh bao nhiêu vạn người, đảo lộn cả lịch sử, xáo động cả tình ruột thịt, rúng động cả lòng người, ông lại cảm thấy cô đơn và yếu đuối. Ông đứng dậy khỏi chiếc ghế gấm, định gọi tên lính hầu thay đèn, nhưng nghĩ lại, ông lại thôi. Ông đến đứng bên cửa sổ, nhìn ra trời đêm.

Trăng thượng tuần lơ mờ. Ánh trăng non chiếu lên các mặt lá ướt sương bóng nhẫy, gợi hình ảnh một sức sống trầm lặng nhưng nao nức hạnh phúc. Tháp canh in bóng đen trên nền trời xám đậm. Xa xa vọng về tiếng mõ cầu cứu, và tiếng chó sủa hoảng hốt!

Nguyễn Huệ bần thần giữa niềm hãnh diện tự tin và cảm giác bị lôi cuốn một cách yếu đuối tuyệt vọng. Một cơn gió thổi mạnh vào phòng. Tờ lộ bố bay xuống nền nhà. Nguyễn Huệ vội đến nhặt tờ giấy lên. Mặt giấy mịn và lạnh truyền cảm giác mơn man lên tay phải của ông. Ông lẩm bẩm:

- Không có cách nào khác! Phải thế thôi!

*

* *

Tờ lộ bố gửi về Qui Nhơn đồng thời với thời gian truyền hịch hô hào Bắc tiến để diệt Trịnh phù Lê. Và từ đó, cuộc chuẩn bị tiến công mới phải chạy đua với ngựa trạm từ Thuận Hóa về đến Hoàng đế thành.

Sau những ngày ngây ngất với tự do, Thuận Hóa lại quay cuồng trong những biến cố dồn dập đến nỗi từng người quên mất ý niệm về thực tại. Trai tráng khao khát tìm kiếm một thứ trật tự mới, ý nghĩa mới cho đời sống, nên sẵn sàng lao đầu vào các cuộc vận động mạnh bạo và dứt khoát do chính quyền mới đưa ra. Những người có tuổi thì ngơ ngác, lạc loài, nhưng không có cơ sở nào để tự tin. Mọi sự trước mắt họ lạ lẫm quá. Có nhiều cái mâu thuẫn mà vẫn đi đôi với nhau, thậm chí bổ khuyết cho nhau để tạo nên sức mạnh. Họ không hiểu gì cả! Con cháu họ hoàn toàn đối khác, vượt khỏi tầm kiểm soát và phán đoán của họ. Họ không dám trách mắng các hành động sốc nổi khác thường của chúng, nhưng cũng không dám mạnh mẽ cổ động chúng. Biết lấy gì làm cái nền cho mọi phán đoán đây? Hịch Bắc tiến như một chất men say thức tỉnh xứ Thuận Hóa trĩu trĩu ngái ngủ dậy! Diệt cái bọn tham quan nhà Trịnh từng cha truyền con nối mấy trăm năm ức hiếp Thiên tử, hí lộng quyền bính, thật là một sứ mệnh cao cả. Khắp nước còn có xứ nào xứng đáng được trao cho sứ mệnh vinh dự ấy cho bằng Thuận Hóa. Thuận Hóa ở vào địa đầu dĩ nhiên phải lãnh vai tiên phong. Dân Thuận Hóa từng bị áp bức suốt mười năm, nên đáng được giao cho trách nhiệm trừng trị kẻ áp bức.

Nhưng gánh nặng của trách nhiệm cao cả đè lên đôi vai gầy gò của những người dân vừa bị đối

khổ, dịch tể suốt mấy năm. Thiếu ăn thiếu áo, đôi chân run, xương sống mỏi, liệu dân Thuận Hóa có kham nổi sứ mệnh vĩ đại lịch sử đã dành giao cho họ không? Trong vòng năm ngày, tất cả đàn ông Thuận Hóa đều phải nhập ngũ. Chùa chiền bị phá, chuông, tượng đồng bị thu về đúc súng. Các nhà sư, bất kể giả mạo hay chân chính đều phải cầm khí giới đi đánh giặc. Những tín đồ đạo Công giáo cũng không được chừa.

Với đôi mắt già nua, họ không thể hiểu được vì sao lại cần có những biện pháp thô bạo và dứt khoát như vậy. Gần như không có sự chuyển tiếp từ cái cũ sang cái mới. Không có ngoại lệ. Không có ưu tiên, biệt đãi. Không dài dòng, thận trọng xét từng trường hợp cá biệt, cân nhắc hơn kém trước khi quyết định. Nhất là không có giọng nhẹ khoan dung cho các trường hợp vi phạm. Nếu chỉ nhìn ở một đoạn cuối là phương cách thi hành mà không ngược trở lên nguyên nhân là chính nghĩa phù Lê, thì các biện pháp trưng binh do Tây Sơn ban hành còn hà khắc hơn cả thời Quận Tào làm Trấn thủ. Nhưng tại sao bọn trai tráng lại hân hoan, mừng rỡ khi xa gia đình xông vào cuộc chinh chiến? Tại sao kể cả những người bị buộc phải gác chuông khánh, cởi áo cà sa, phải làm ngược với giới luật của tín ngưỡng, những kẻ chắc chắn bị ép buộc cầm giáo ấy vẫn trở thành những người lính Tây Sơn can đảm, kiên cường, có kỷ luật?

Trời đất đã đảo điên rồi chẳng? Hay chính họ đã trở thành lăm cẩm, nghịch thường?

Trần Văn Kỷ là một trong những nhân sĩ Thuận Hóa ngỡ ngàng băn khoăn trước vận hội mới ấy! Ông vui mừng thấy thành Phú Xuân sụp đổ. Tuy có chạnh lòng khi nghe tin người Bắc hà bị tàn sát, nhưng ông cố viện dẫn nhiều lý lẽ để bảo vệ niềm vui: tội ác của bọn lính Trịnh, lòng kỳ thị tự nhiên giữa nam bắc, thiệt hại không thể tránh khỏi của chiến tranh, cuối cùng là lý lẽ ích kỷ hơn: dân Thuận Hóa không bị thua thiệt gì nhiều. Nguyễn Hữu Chỉnh tìm đến tận nhà cố thuyết phục ông cộng tác với chính quyền mới. Trần Văn Kỷ đã từng ái mộ cái tài làm văn Nôm của Cống Chỉnh. Ông cũng nghe được những lời thị phi về con người ấy. Ông tự biết so về học thức, ý chí, tài biện bác, nhất là sự tự tin và xem thường kẻ khác để bạo dạn tiến thủ, ông thua xa Cống Chỉnh. Cho nên trong cuộc hội kiến đầu tiên, Trần Văn Kỷ cố nói càng ít càng tốt. Ông dè dặt vâng dạ, đến nỗi Nguyễn Hữu Chỉnh không ngờ một nhân vật có uy tín của Thuận Hóa văn vật lại xoàng xĩnh, tầm thường đến thế.

Rồi Nguyễn Hữu Chỉnh bị cuốn hút vào cuộc chuẩn bị hồi hương nên quên bẵng Trần Văn Kỷ. Chỉnh quên thì Long Nhương tướng Quân lại nhớ. Nguyễn Huệ sai Lãng tìm tới nhà Trần Văn Kỷ, mang theo nhiều quà cáp đắt giá và một lá thư do chính Nguyễn Huệ viết. Sự ân cần trọng của một người lẫy lừng nam bắc, đang nắm trong tay vận mệnh của Thuận Hóa, khiến Trần Văn Kỷ bối rối hơn cả lúc tiếp chuyện Cống Chỉnh. Thư Nguyễn Huệ viết bằng lời Hán có pha Nôm, không cầu kỳ văn hoa, mà hết sức mộc mạc, chân thành. Nét chữ chân phương, ý tứ đơn giản, nhưng đặt Trần Văn Kỷ trước một vấn nạn không có đường lui: Là một sĩ phu Thuận Hóa, lẽ nào ông bịt mắt che tai trước vận hội mới của Thuận Hóa? Ông không đứng ra gánh vác thì ai gánh thay cho ông? Chờ Qui Nhơn chẳng? Chờ Gia Định chẳng? Lại chờ Thăng Long chẳng? Trần Văn Kỷ không dám nhận hết mâm quà. Ông chỉ nhận đĩa trà, và hai gói trà ngon. Ông cũng hứa với Lãng là sẽ viết ngay lá thư trần tình với Long Nhương tướng quân.

*

* *

Trần Văn Kỷ chần chờ mãi, chưa viết thư phúc đáp cho Nguyễn Huệ. Thật ra phải nói ông rất ít có thì giờ rảnh rỗi để viết thư. Cái tin Phó tướng Tây Sơn Nguyễn Hữu Chỉnh và viên Thư ký của Long Nhương Tướng quân đến tận nhà mời Trần Văn Kỷ cộng tác mau chóng truyền đi

khấp Thuận Hóa, và trở thành một đề tài thời sự. Trần Văn Kỷ là một trong những nhà nho khoa bảng ít ỏi còn lại của Thuận Hóa. Giống như Ngô Thế Lân, ông không chạy theo bọn quan lại nhà Nguyễn và các thế gia lâu đời như Nguyễn Cửu, Tống Phước, Nguyễn Khoa, Trương Phước, theo chân Duệ Tôn chạy vào Gia Định. Ông xem họ Nguyễn Gia Miêu như một cổ thụ đã ruỗng nát từ bên trong, không còn đủ sức đâm chồi nảy lộc sau mùa đông năm Ất Mùi (1775) nữa. Bọn nhà nho hẹp hòi cố chấp xem đó là bằng chứng sự hèn nhát. Nếu vài người còn có cảm tình với Trần Văn Kỷ, chỉ vì họ hy vọng sau khi kinh đô thất thủ, ông sẽ bắt chước hai người con vua nước Cổ Trúc (Bá Di-Thúc Tề) bỏ Phú Xuân tìm mót rau vi trên núi Thù Dương chứ không thèm ăn gạo của nhà Trịnh. Nhưng thái độ của Trần Văn Kỷ sau năm Ất Mùi khiến họ thất vọng. Ông vẫn ở Phú Xuân, vẫn ăn gạo Trịnh. Thế là thế nào? Bọn bè chờ thấy Trần Văn Kỷ nhận mũ áo của Tĩnh vương Trịnh Sâm! Lại một lần nữa họ đoán sai! Ông từ chối mọi lời mời mọc, xem thường mọi đe dọa. Lại không trốn đi đâu! Hơn mười năm, ông cứ Trần Văn Kỷ sống đạm bạc với nghề làm vườn và dạy học. Cho đến lúc thiên hạ hết nhớ đến ông! Kẻ xem ông là người gàn, kẻ xem ông là người bất tài. Ông hết trở thành một "vấn đề"!

Cho đến khi Nguyễn Hữu Chỉnh đích thân đến nhà ông đồ Kỷ! Bấy giờ ông lại trở thành đầu mối của câu chuyện bàn cãi. Người ta lại chờ xem thái độ của ông, đoán già đoán non đủ cách. Sự đảo lộn dữ dội trong đời sống Thuận Hóa, sức mạnh hiển nhiên của chế độ mới, tiếng tăm lừng lẫy của Long Nhương tướng quân, và nhất là cái dư lực sẽ đẩy tình thế đến những đảo lộn còn rộng rãi và dữ dội gấp bội, đã khiến ý kiến của từng người dân Thuận Hóa hùng hực quá khích. Họ không chịu lặng lẽ chờ đợi, để từ xa đón xem phản ứng của ông đồ Kỷ. Hịch Bắc tiến đã truyền, cảnh trưng binh ráo riết, cuộc chuẩn bị khẩn cấp đòi hỏi mọi người phải dốc hết sức lực và tài sản đóng góp, tiếng cười tiếng khóc chen nhau trong từng gia đình, những tranh cãi gay gắt trong từng bữa ăn, hăm hở sôi nổi bên những giọt nước mắt giấu diếm của những người ở lại! Thuận Hóa đang xao xuyến lẫn lộn động, không cho phép ai được ngồi yên tĩnh nữa. Cho nên Trần Văn Kỷ phải tiếp đủ mọi loại khách xa gần, thân sơ tìm đến để thúc giục, khuyến khích hoặc đe dọa, cảnh cáo ông.

Lớp trẻ tìm đến ông như tìm một người đầu đàn. Họ cũng đặt cho ông những câu hỏi giống như câu hỏi của Nguyễn Huệ.

Số phận của Thuận Hóa do ai quyết định đây? Bao nhiêu năm tủi nhục vì tên Quốc phó Trương Phúc Loan, tiếp theo mười năm tủi nhục dưới ách thống trị của nhà Trịnh, bây giờ còn chờ gì nữa? Chờ ai đứng ra gánh vác thay đây? Chờ bọn con cháu họ Nguyễn trong Gia Định chăng? Chờ bọn kiêu binh Tam phủ ngoài Thăng Long chăng? Hay cứ phó mặc cho Qui Nhơn lo hộ mọi việc của Thuận Hóa? Lớp già thì viện đủ kinh sử để dài dòng quanh co về lễ chính thống, về đức trung dung, về "Bắc phương và Nam phương chi cường", về lễ xuất xử của kẻ sĩ. Nhiều người nhìn trước nhìn sau trước khi nói đến những tiếng "bạo chúa", "thoán đoạt", "dân núi", và lo lắng căn dặn trước lúc ra về.

Khách khứa về hết, ông đồ Kỷ lại một mình hỏi mình: Có nên cộng tác với Tây Sơn hay không? Ông không thể trả lời được dễ dàng. Trong những lúc yếu đuối, ông đâm hối tiếc. Ông vẫn còn muốn để cho đời nhớ đến tên tuy bên ngoài cố làm ra vẻ dung dị, thô sơ, khuất lấp, tầm thường. Thật đáng tiếc! Đêm khuya, vợ con đã đi ngủ, ông không chịu đựng nổi dằn vặt của hối hận mới tìm đến Trang tử. Ông tìm lại những lời phúng thích Khổng tử họ Trang gán cho quan Đại công tên Nhiệm:

"Ở Đông Hải có loài chim tên là Ý dãi. Loài đó chậm chạp, từ tốn như vụng về. Bay cùng đoàn

với nhau, con trước con sau, chen lấn nhau mà đậu. Khi tiến không con nào bay trước, khi lui không con nào dám ở lại sau, khi ăn không con nào dám ăn trước, đợi những đồ thừa. Cho nên loài đó được sống yên ổn trong hàng, người ngoài không hại được nó, mà nó tránh được họa. Cây thẳng thì bị đốn trước. Giếng nước ngọt thì cạn trước. Ông có ý tô điểm tri thức để làm cho bọn ngu phải sợ, sửa cái thân để làm rõ kẻ xấu xa. Ông rực rỡ như giờ cao mặt trời mặt trăng mà đi, cho nên không tránh được họa...".

Ông đồ Kỷ đọc lại đoạn đó một lần nữa, tự nhiên thấy giận vu vơ. Đêm đó, ông không chợp mắt.

(1) Lấy y theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, từ trang 81

(2) Sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mả. Thái vương Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Trịnh Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi họa. Câu "Tộ truyền bát đại" có bản chép là "Truyền nhị bách niên". Ghi chú số 1 của Ngô gia Văn phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Nxb Văn Học Hà nội, trang 99.

(3) Chương 8 Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch của Ngô Tất Tố.

Chương 65

Trần Văn Kỷ chỉ quyết định viết thư phúc đáp cho Nguyễn Huệ sau khi nhận được thư của sư cụ chùa Hà trung, bạn thiết của ông. Sư cụ tin cho ông đồ Kỷ biết: một toán trai tráng dân chài đã ulla vào phá chùa, gỡ chuông, hạ tượng Phật và bắt tất cả các chú tiểu trên mười lăm tuổi cùng hai sư bác đem lên giao nộp cho Tây Sơn. Những người phá hoại không xa lạ gì với nhà chùa. Có điều sư cụ thắc mắc phải viết thư hỏi người bạn còn hiểu chuyện trần tục là cái gì đã thúc đẩy những thanh niên hằng ngày hiền lành, nhút nhát, lằm lì, đến hành động bạo lực đó. Cái gì? Tại sao?

Trần Văn Kỷ xuống thăm bạn ngay sau khi được thư. Ngôi chùa giống như vừa trải qua một cơn bão mạnh. Cây cối trong vườn bị xác xơ gãy đổ, nhàu nát. Bệ Phật trống trải. Tất cả đồ đồng đồ sắt trong chùa bị mang đi. Mấy chiếc mõ bị đập vỡ. Chùa chỉ còn một mình sư cụ là người lớn. Các học tăng, chỉ còn lại hai chú tiểu tuổi chưa đến mười lăm hình vóc ốm yếu, gầy gò.

Sư cụ lặng lẽ dẫn ông đồ Kỷ đi thăm một vòng khu vườn đổ nát và ngôi chùa chính. Tuyệt đối sư cụ không nói năng gì. Trần Văn Kỷ cũng không hỏi. Họ đi bên nhau, chân dẫm trên những mảnh vỡ của vôi xây bệ Phật và của cái mõ lớn, để bước vào phòng trong nơi sư cụ ở. Họ lặng lẽ ngồi xuống chiếc chiếu trải trên nền chùa.

Sư cụ chờ ông đồ hỏi, nhưng lâu quá ông đồ Kỷ vẫn chưa hỏi gì. Cho nên sư cụ phải nói trước. Bằng một giọng nhỏ như lời thủ thủ, sư cụ bảo:

- Ông xuống có hơi sớm. Nếu kịp dọn dẹp, cảnh chùa sẽ giống như hồi nhờ ông làm cho bài phả khuyến để đúc tượng.

Trần Văn Kỷ buồn rầu đáp:

- Thật không thể tưởng tượng được. Tất cả mọi điều xảy ra quanh ta đều hết sức lạ lùng. Có thể trước đây chưa bao giờ có, và sau này, cũng sẽ không bao giờ có. Sư cụ hỏi tôi tại sao? Tôi lại tự hỏi mình: Có phải mình đã quá già, đến nỗi không còn cảm nghĩ, hành động như mọi người chung quanh chăng?

Sư cụ chờ mãi không thấy ông đồ nói tiếp, nên nói:

- Họ đã phá những gì họ đã xây, rồi mang đi dựng một cái khác. Không mất gì cả. Ông đừng nghĩ đến chuyện đổ vỡ, mất mát mà thương hại nhà chùa. Lúc nãy tôi nói y như hồi làm phả khuyến là có ý đó. Có điều tôi vẫn còn vương vịu, mê chấp, là cứ muốn biết họ sẽ xây được cái gì với số chuông tượng của chùa này.

Trần Văn Kỷ nói ngay điều thoát nghĩ:

- Họ chưa vội xây đâu. Họ phá trước đã.

Nhà sư vội hỏi:

- Phá được cái gì?

Ông đồ đáp ngay:

- Trước mắt, họ phá được những tai ách mà tiếng chuông chùa Hà Trung không phá được. Lớp trẻ máu còn nóng, không kiên nhẫn lắng nghe chuông chùa niệm Phật như lớp cha chú của chúng, lớp đã nghe theo lời phả khuyến góp của để đúc chuông dựng tượng. Vì vậy chúng hằng hái đem chuông đi đúc súng.

- Giả sử họ phá được mọi tai ách, san bằng hết chông gai hầm hố, xóa hết nghiệp chướng, sau đó họ sẽ xây cái gì?

Trần Văn Kỷ thú nhận:

- Tôi không biết.

Nhà sư hỏi:

- Họ có biết không?

- Họ là ai?

- Những người ra lệnh phá tượng để đúc súng, và ngay cả những người tuân lệnh.

- Có lẽ họ cũng chưa biết.

- Nghe nói ông được tiếp chuyện với viên Phó tướng Tây Sơn. Ông ta biết không?

Trần Văn Kỷ bữu môi nói:

- Hắn không nhìn quá được tầm tay.

- Thế viên Chủ tướng?

- Tôi chưa được gặp. Ông ta là người đã đập đổ cơ nghiệp họ Nguyễn Gia Miêu, và sắp tới đây, đến phiên cơ nghiệp họ Trịnh. Long Nhương tướng quân, em ruột vua Tây Sơn, sư cụ đã nghe nói đến rồi chứ?

Nhà sư gật đầu, mặt dăm chiêu. Một lúc sau, nhà sư hỏi:

- Viên Phó tướng nhờ ông việc gì vậy?

Trần Văn Kỷ thành thực đáp:

- Hắn vâng lệnh ông Long Nhương tìm mời các sĩ phu Thuận Hóa ra cộng tác với Tây Sơn.

Nhà sư không giấu được sự nôn nóng tò mò, vội hỏi:

- Rồi ông trả lời thế nào?

- Tôi chưa trả lời thế nào cả. Bạch sư cụ, có nên ra giúp họ không?

- Nếu ông nghĩ việc đó có tạo được quả phúc cho nhiều người, thì cứ mạnh dạn.

Ông đồ hỏi dồn:

- Nhưng ý của sư cụ ra sao?

- Bần tăng đã chọn đường từ lúc cắt tóc khoác nâu sồng. Vì thế, bần tăng không còn so đo, thắc mắc chọn lựa con đường nào khác.

Ông đồ Kỷ bẻ lại:

- Nhưng nầy giờ sư cụ vẫn còn hỏi tại sao như vậy? Họ định xây cái gì? Nghĩa là...

Nhà sư vội nói:

- Ông hãy tự tìm đường. Bần tăng không tìm thay cho ông được đâu. Dĩ nhiên ông không có ý định xuống đây để xin qui y. Xưa nay ông vẫn thường xem vào chùa như một cách ở ẩn, hoặc đi trốn. Lúc nầy, ông cũng vừa lặp lại ý đó. Chẳng lẽ đến lượt ông, ông cũng đi trốn? Có thể nhờ có ông mà họ khỏi đập phá những gì không cần, hoặc chưa cần đập phá. Phải chừa lại chút gì làm móng để mai sau xây lên cái khác chứ. Ông nghĩ lại xem!

*

* *

Khoảng đầu tháng sáu Bính Ngọ, Long Nhương tướng quân tiếp Trần Văn Kỷ tại sảnh đường tráng lệ của dinh Trấn thủ. Ngoài Lãng người được giao cho phận sự dẫn lính hầu đem võng đến mời ông đồ, trong phòng chỉ có hai người: viên võ tướng lưng lầy chiến công, và nhà nho xứ Thuận Hóa.

Vừa thấy võng điều hạ xuống trước thềm, Nguyễn Huệ đoán biết ngay là Trần Văn Kỷ, nên vội vã ra tận cửa để đón ông đồ. Nguyễn Huệ cung kính chấp tay vái chào, ân cần bảo:

- Tôi biết thế nào thầy cũng đến. Suốt mười năm sống với bọn ma quỷ họ Trịnh mà thầy không thèm mặc áo giấy, đủ biết thầy vẫn hàm dưỡng để chờ bậc anh quân. Có đúng thế không?

Trần Văn Kỷ ngồi xuống tràng kỷ không chút e dè, khách sáo, sửa lại áo khăn cho ngay ngắn, rồi mới đáp:

- Ngài quả đã thấy cả lòng dạ tôi. Vâng, cả đời tôi vẫn ước mong được thấy bậc anh quân. Cho đến nay, tôi vẫn còn tìm.

Nguyễn Huệ mỉm cười, đôi mắt vừa thân ái vừa ranh mãnh như mọi khi. Ông sai lính hầu pha trà, đẩy cối trầu về phía ông đồ Kỷ. Ông đồ khẽ gật đầu cảm tạ, rồi lấy một miếng trầu bỏ vào miệng. Nguyễn Huệ thấy khách nhai trầu thản nhiên chứ không dè dặt lấm lét như nhiều kẻ đến gặp ông, đã bắt đầu kiên nhẫn. Nguyễn Huệ hỏi:

- Thầy đã tìm ra minh chúa để thờ chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Thừa chưa!

Nguyễn Huệ hỏi ngay:

- Thế tại sao thầy bằng lòng đến đây?

Ông đồ đáp:

- Tôi làm nghề dạy học lại kiêm nghề thuốc mới đủ sống. Vất vả lâu thành thói quen. Đêm hôm khuya khoắt, nhiều khi gặp con bệnh ngặt nghèo, dù mưa gió tôi cũng đi. Cho nên được đem võng tận nhà mời đón, dù chưa biết đến đâu, tôi cũng không lấy làm ngại.

Nguyễn Huệ thích chí, mỉm cười, rồi bảo:

- Quả là danh bất hư truyền. Thầy dạy học hay lắm. Không biết thuốc thầy bổ cho người ta có được công hiệu không?

Ông đồ tiếp tục nhóp nhép nhai trầu, đáp lại:

- Cái đó còn tùy. Bệnh nặng quá không thuốc nào cứu nổi, thì chỉ bổ vài thang bồi dưỡng để con bệnh sống rần được ít lâu nữa với vợ con. Bệnh chữa được thì tùy con bệnh có thực tin ở thầy thuốc hay không. Có tin mới chịu uống đúng phép tắc, cân lượng, giờ giấc. Không thể chữa được cho những người không chịu uống thuốc.

Nguyễn Huệ ngồi dịch lại gần ông đồ, chìa bàn tay phải ra, mỉm cười bảo:

- Thầy xem hộ mạch cho tôi được không?

Trần Văn Kỷ cũng mỉm cười, lắc đầu lễ phép nói:

- Ngài cương cường mạnh khỏe như vậy, có bệnh tật gì đâu mà phải xem mạch.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Thế lúc ra đi, thầy định làm nghề dạy học hay làm nghề thuốc?

Ông đồ Kỷ nhũn nhặn đáp:

- Tôi chỉ vâng mệnh Ngài mà đến.

Nguyễn Huệ cười lớn, hỏi dồn:

- Vậy tại sao trước kia thầy không vâng mệnh Quận Tào?

Trần Văn Kỷ nhớ lại cuộc trò chuyện giữa mình và sư cụ Hà Trung, nghiêm mặt đáp ngay:

- Vì sau khi phá thành Phú Xuân này, hầy không biết làm gì khác ngoài việc tiếp tục phá hoại. Còn Ngài thì...

- Tôi thì thế nào? Thầy chớ ngại. Tôi thích những lời nói thẳng.

- Ngài thì có dư lực để xây cả một giang sơn, chứ đừng nói cái chuyện mọn là chấp vá lại vài chỗ thành sập lở.

Nguyễn Huệ thích chí quá, quên cả dè dặt, đập tay xuống cái kỷ trước mặt khiến coi trầu dồi lên. Trong khi ông đồ Kỷ đưa tay sửa lại coi trầu, Nguyễn Huệ hân hoan nói:

- Lâu lắm tôi mới tìm được một bậc cao kiến để được nghe những lời khuyên chân thành, biện biệt phải trái nên chẳng rõ ràng. Lâu lắm! Từ ngày thầy tôi mất đi...

Nguyễn Huệ chỉ nói đến đó, rồi im lặng. Mãi một lúc sau, ông trở Lãng lúc đó đang đứng hầu phía sau, hỏi Trần Văn Kỷ:

- Thầy biết cậu này chứ ạ?

Ông đồ neho mắt nhìn Lãng, vui vẻ đáp:

- Thừa có gặp. Ông này đem thư của Ngài đến cho tôi.

Nguyễn Huệ nói:

- Thế thầy có biết ông giáo Hiến không?

- Thừa có.

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

- Biết từ hồi nào?

- Ông giáo thuộc lớp đàn anh của tôi. Hồi đến nhà dật sĩ Ngô Thế Lân để tập văn, đôi lần tôi có gặp ông giáo đến chơi.

- Cậu này là con trai của ông giáo đấy!

Trần Văn Kỷ nhìn về phía Lãng, mỉm cười nói:

- Thế à!

Nguyễn Huệ nói:

- Tôi được học hỏi nhiều điều bổ ích suốt mấy năm theo học thầy tôi. Sau đó vì mãi theo chuyện cung kiếm, tôi không có nhiều cơ may nữa. Rồi thầy tôi qui tiên. Hôm nay được gặp thầy ở đây, tôi mừng như được gặp lại thầy.

Trần Văn Kỷ cảm động đến nghẹn lời, phải cố dần xúc động để nói vài câu thoái thác:

- Ngài làm cho tôi hổ thẹn quá. Tôi chỉ là một lão đồ gàn, suốt đời lặn dận cơm áo, có làm được việc gì đâu! Xin Ngài xét lại kéo lằm lằm.

Nguyễn Huệ cương quyết bảo:

- Tôi không lằm đâu. Thầy lằm thì có. Lằm vì chưa thấy, hoặc vờ như chưa thấy cái tài của mình. Xin thầy chớ ngại. Thầy đợi cho đến bao giờ nữa! Thầy vừa bảo tôi có thể xây dựng được cả một giang sơn. Thực thế ư? Xây dựng giang sơn, một người mà làm nổi ư? Ngay cái thành Phú Xuân này, quân thì lười, Quận Tào thì nhát, nhưng hạ được nó đâu phải dễ. Nếu dân Thuận Hóa không chán ghét bọn đàn áp, nếu Trời không cho nước sông Hương dâng cao lên tận chân thành, thì dễ gì hạ họ nổi trong vòng có một đêm! Thầy là con dân của Thuận Hóa, hỏi bây giờ ai lo cho Thuận Hóa đây? Thầy chờ ai? Chờ đến bao giờ? Chắc thầy đã biết là chúng tôi sắp ra Bắc diệt Trịnh để phù Lê. Đại quân kéo đi tất có thể có nhiều kẻ lưu manh vô lại thừa chỗ hở, quấy phá dân lành. Xin thầy vui lòng giúp cho Đông định công ổn định mọi việc ở đây, trong lúc

tôi ra Bắc. Tôi biết trước là thầy sẽ không từ chối, nên mới sai đưa vông tới.
Trần Văn Kỷ không còn biết nói gì thêm nữa. Vả lại, ông đồ đã có ý định ra cộng tác với Tây Sơn từ lúc ra đi, nên lời khẩn khoản của Nguyễn Huệ càng khiến ông an tâm hơn. Sau này, ông đồ chỉ tiếc là trong buổi hội kiến thân mật và thẳng thắn ban đầu, ông đã không nói gì đến chuyện phá chùa lấy chuông tượng đúc súng và bắt lính. Có lẽ trong thâm tâm, vào thời đó, ông không tin nhiều ở tiếng chuông chùa và những lời kinh kệ.

*

* *

Bốn người gồm Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, Nguyễn Hữu Chỉnh và Vũ Văn Nhậm ngồi ở bốn góc sập, ở giữa là tấm bản đồ đặt thuận chiều với Huệ và Chỉnh. Lẽng ngồi ở cái bàn bên cạnh chuẩn bị ghi chép. Trên tấm bản đồ, có một thanh gỗ mun dài gấp hai chiếc đũa ăn, nằm đúng tầm tay Nguyễn Huệ.

Nguyễn Lữ khó chịu vì phải nhìn bản đồ theo chiều ngược, lúng túng muốn đổi chỗ nhưng không muốn làm xáo động cuộc bàn luận quan trọng. Còn Vũ Văn Nhậm thì nét mặt dầu dàu, dường như đang nén một cơn giận. Nguyễn Huệ hỏi Chỉnh:

- Bọn tướng tá nhà Trịnh còn đủ sức cầm quân hiện nay gồm những ai?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Không được bao nhiêu. Tướng giỏi thì già. Bọn còn lại xuất thân hoạn quan hoặc là bọn thư sinh mặt trắng.

Nguyễn Huệ không bằng lòng câu trả lời mơ hồ đó, hỏi lại:

- Trấn thủ Nghệ An người thế nào?

- Thừa là Đường trung hầu Bùi Thế Toại xuất thân quan thị.

- Còn trấn thủ Thanh Hoa?

- Thừa Thùy trung hầu Tạ Danh Thùy. Cũng là quan thị!

Nguyễn Huệ cười, hỏi:

- Nhà Trịnh hết cả đàn ông hay sao mà giao kiểm lệnh cho bọn ái nam ái nữ! Thế bọn lão tướng còn có ai nào?

- Có Thái đình hầu Trịnh Tự Quyền, Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng và Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ ở trấn Sơn Tây.

Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Nếu ta giương cờ phù Lê diệt Trịnh, thì ai theo vua ai theo chúa?

Nguyễn Hữu Chỉnh do dự không biết trả lời thế nào, cuối cùng đáp:

- Qua loạn kiêu binh, bọn chúng đã học khôn, không muốn cho ai biết mình đứng hẳn vào phe nào. Thời loạn dạy cho chúng phải khôn để sống sót. Nói đúng ra, chúng sẵn sàng đứng về phía kẻ mạnh, đồng thời cũng sẵn sàng tháo lui khi có biến.

Nguyễn Lữ chen vào hỏi:

- Như vậy cái có "phù Lê diệt Trịnh" phỏng ích lợi gì! Vua Lê chỉ làm vì, bọn sĩ phu và võ tướng Bắc hà đều phải trung thành với chúa Trịnh.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội đáp:

- Đây là lòng người ở vào thời Bắc hà còn ổn định. Nhưng sau loạn Tam phủ và cái họa phế trưởng lập thứ, lòng dân đã bắt đầu nghiêng về vua Lê. Nêu cao danh nghĩa phù Lê thì dân Bắc hà hoặc phải hưởng ứng, hoặc bắn khoăn do dự rồi đứng ngoài. Ta chỉ còn một nhóm thuộc dòng dõi và cố thần họ Trịnh.

Nguyễn Huệ hỏi:

- Lòng dân đối với vua Lê ra sao?

Nguyễn Hữu Chỉnh được dịp khoe sự hiểu biết của người trong cuộc:

- Dân Bắc hà hết sức kính trọng, thương yêu nhà vua. Mọi người xem Ngài như một kẻ cô thế, truyền tụng nhiều điều huyền hoặc nhưng tốt đẹp về Ngài. Khi hãy còn làm Hoàng tử, vì việc ông hoàng Duy Mật chống lại họ Trịnh, Ngài bị chúa Trịnh nghi ngờ, bắt giam ở nhà viên Nội thị là Hồng quận công. Đến hồi Trịnh Doanh mới lên làm Chúa, quận Hồng ra trấn ở Sơn Nam, Doanh lại đưa Ngài đến giam tại nhà cậu y là Bình quận công. Trước kia quận Bình chưa biết Doanh có lệnh ấy, thành linh một đêm mơ thấy Hoàng tử tới nhà, cờ quạt phát phới, đàn sáo dập dìu, rõ là cảnh tượng đời thái bình. Sáng hôm sau, chợt thấy quận Hồng cho giải Hoàng tử đến giam. Quận Bình lấy làm lạ, tin rằng giấc mộng đêm trước không phải là ngẫu nhiên, bèn kể lại với Doanh. Bấy giờ bốn phương đang loạn, thế nước sắp nghiêng đổ. Doanh thấy điều đó, muốn nhờ phúc đức của Ngài để dẹp cho yên thiên hạ, bèn đón Ngài về làm vua, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng. (1)

Vũ Văn Nhậm cười nhạt, mỉa mai:

- Tên quận Bình lấu lẫm. Bày vẽ chuyện mộng寐 để lập một ông vua. Còn ông Cống dài dòng chuyện huyền hoặc để lập cái gì đấy?

Nguyễn Huệ ngược lên lườm mắt nhìn Nhậm, rồi hỏi Chỉnh:

- Liệu nhà vua có trị được nước một mình không?

Nguyễn Hữu Chỉnh rụt rè đáp:

- Có lẽ không. Ngài đã quá già rồi. Vả lại xưa nay mọi việc đã có phủ Chúa lo cả. Lúc Ngài làm vua, chẳng qua khoanh tay rũ áo, tìm trò mua vui, không phải lo việc gì cả. Nhờ thế Ngài sành về các món kỹ xảo lật vật. Bao nhiêu cung điệu nhạc phủ, Ngài đều chế ra làm bài mới, âm thanh cực kỳ du dương. Có khi Ngài còn treo tranh Tam quốc bắt các cung nhân mặc áo trận, cầm đồ binh, chia ra thế trận ba nước Ngụy, Ngô, Thục, dạy họ những cách ngồi, đứng, đâm, đánh, làm trò vui trong lúc thư nhàn. Về già gặp phải Trịnh Sâm đè nén mọi cách, người khác chắc phải tức giận không sao chịu nổi, song Ngài vẫn cứ đùa vui như thường. Những người thân cận nhà vua thấy vậy đều can ngăn. Nhà vua liền đáp: "Các người mới biết một đường, chưa biết hai đường. Nhà vua với nhà chúa hiện đang ngờ nhau, nếu Trẫm lấy sự mất quyền làm tức giận, nhà chúa ắt phải ngầm ngầm tính việc chẳng hay. Vì vậy Trẫm mới phải mượn trò chơi vui để tránh tai vạ đó thôi". Có lần nhà vua bảo với cung nhân rằng: "Trong đời ta, thế nào cũng có ngày được trông thấy cuộc thống nhất. Nhưng ta vẫn không lấy thế làm mừng". Cung nhân đó hỏi lại: "Nhà chúa chèn ép thế này, nếu Chúa bại tức là may cho nhà vua. Có sao Bệ hạ lại không mừng?". Ngài đáp: "Trời sai nhà chúa phò ta, Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất Chúa, tức là cái lo về ta, ta còn vui gì!"

Nghe đến đấy, mọi người cùng cười ồ, kể cả Vũ Văn Nhậm!

Nguyễn Huệ cố nín cười nói:

- Thật đúng như tục ngữ nói: "Cựa lẫm càng sầy vẩy".

Nguyễn Lữ cũng cười ha hả, nói góp:

- Cũng như người ta bảo: "Đầu càng trọc càng mát".

Nguyễn Huệ trở lại nghiêm mặt bảo Chỉnh:

- Như vậy thì trước sau nhà vua chỉ mong thu người lại để hưởng nốt tuổi đời rồi. Chắc là dù có giao nước cho Ngài, Ngài cũng lắc đầu. Phiền nhĩ!

Nguyễn Hữu Chỉnh sáng mắt, đáp liền:

- Nhưng họ Lê không phải chỉ còn một mình vua Cảnh Hưng. Vả lại, Vua có ngại thì còn có đám nhân sĩ Bắc hà.

Nguyễn Huệ cắt lời Chỉnh:

- Thế sao ông từng bảo nhân tài Bắc hà hiếm hoi, ông... ông bảo ngoài đó chỉ là cái nước trống rỗng.

Nguyễn Huệ định nhắc câu nói kiêu căng của Chỉnh hôm trước, nhưng đã kịp nghĩ lại, và chuyển sang ý khác. Nguyễn Hữu Chỉnh xanh mặt vì sợ. Thấy thái độ Chỉnh, Nguyễn Huệ tìm cách chuyển cuộc bàn luận sang việc khác. Ông nói:

- Thôi, chuyện đó ta sẽ tính sau. Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng, không được đâu. Trước mắt phải tính cho kỹ cách đánh thế nào cho chắc thắng. Ông Cố, việc Bắc hà xin để cho ông nói trước!

Nguyễn Hữu Chỉnh cố giấu bối rối bằng cách nói thật chậm:

- Sau khi hạ được thành này, chúng ta lo phòng thủ ở địa giới La Hà vì sợ quân Trịnh tiếp cứu cho Phú Xuân. Nhưng mãi đến nay, vẫn chưa thấy động tĩnh gì cả. Như vậy tức là quân trấn thủ hai xứ Thanh-Nghệ đều ít và yếu. Thăng Long đang do dự chưa biết phải làm gì. Ta nên nhân cơ hội tốt, kéo thẳng đại quân ra phá Nghệ An.

Nguyễn Huệ lắc đầu, chụp thanh gươm mun trở vào bản đồ nói:

- Không cần! Quân và lương của ta không có nhiều để chạy vòng đâu. Phải tiến theo đường thẳng. Hai xứ Thanh-Nghệ ư? Bọn quan thị không râu đó việc gì phải nhọc lòng. Ta chỉ cần phô trương thanh thế là chúng đã bỏ thành mà chạy. Nào, ông tìm cho tôi chỗ yết hầu của Thăng Long.

Nguyễn Huệ đưa thanh gươm mun cho Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh chưa dám nhận, e dè hỏi:

- Yết hầu Thăng Long là thế nào ạ?

Nguyễn Huệ nóng nảy đập đầu thanh gươm xuống tấm bản đồ nói lớn:

- Là chỗ nếu ta đánh thật nhanh để chiếm lấy, thì Thanh-Nghệ ngơ ngác, còn Thăng Long thì dấy dựa vì ngộp thở, vì sợ hãi. Trận đầu chỉ cần nắm lấy yết hầu, sau đó mọi sự dễ dàng như lấy đồ vật trong túi áo. Ông nên nhớ nay là mùa gió nồm. Ta muốn đưa quân nhanh thì phải theo đường biển. Chỗ đó vừa thuận đường biển cũng thuận tiện đường tiến quân về Thăng Long.

Nguyễn Hữu Chỉnh mừng rỡ nói:

- Phải rồi. Ta phải chiếm lấy Vị Hoàng, thủ phủ trấn Sơn Nam.

Mọi người đều nhìn dồn về tấm bản đồ. Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Vị Hoàng ở đâu?

Nguyễn Hữu Chỉnh cúi xuống dùng ngón tay phải chỉ địa điểm Vị Hoàng trên bản đồ, hân hoan giải thích:

- Vị Hoàng là một địa điểm trọng yếu vì nằm trên đường từ bắc vào nam. Vị Hoàng ở gần biển nên ta có thể dùng thủy binh tập kích dễ dàng, sau đó theo đường sông tiến chiếm Thăng Long. Ngoài ra ở đây còn có một kho lương thực chứa hàng trăm vạn斛 thóc.

Nguyễn Huệ hoan hỉ nói:

- Như vậy là xong xuôi tất cả rồi! Hình như Trời bày sẵn mọi thuận tiện cho ta. Ông Cố, lòng dạ ông thế nào, anh em tôi biết hết cả. Ông chỉ ngong ngóng được mặc áo tướng cầm cờ trở về quê hương chứ gì? Lần này ông toại nguyện. Ông được chỉ huy đạo tiên phong, đem bốn trăm chiến thuyền theo đường biển đánh chiếm Vị Hoàng cho được. Trên đường đi, nếu muốn, ông

cứ gửi các toán du binh vài trăm người đổ bộ đánh úp một dãy đồn lũy từ sông Gianh trở ra để phô trương thanh thế. Để cho người đồng hương xứ Nghệ mở mắt xem tài của "con cắt nước", phải thế không? Chiếm được Vị Hoàng, ông khỏi phải nhọc lòng đánh lẩn ra chung quanh làm gì. Cứ ở yên đấy. Ông chỉ cần cho các toán quân nhỏ rao truyền khắp nơi lời hịch "phù Lê diệt Trịnh". Ông soạn lấy một bài hịch khác cho hợp với nhân tâm Bắc hà. Ngắn, gọn, và dễ hiểu thôi. Tài văn Nôm của ông, tôi khỏi cần nhắc lại nữa. Ông cũng cho người về Thăng Long trao cho vua Lê tờ mật tấu tôn phù, để Hoàng gia khỏi lo lắng. Sẵn kho thóc Vị Hoàng, ông cho xay giã sẵn để ba vạn quân ta đủ dùng. Tôi và Phò mã Nhậm sẽ đem đại quân ra thẳng Vị Hoàng, rồi chúng ta hợp lực tiến về Thăng Long.

Vũ Văn Nhậm hỏi:

- Làm thế nào báo tin đã chiếm được Vị Hoàng?

Nguyễn Huệ chợt nhớ ra, hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Các hỏa đài dọc theo đường thiên lý ở Bắc hà vẫn còn đấy chứ?

- Dạ còn.

- Thế thì khi chiếm được Vị Hoàng, ông cho đốt lửa làm hiệu.

Nguyễn Hữu Chỉnh do dự trước khi nói:

- Tôi sợ đạo quân tiên phong, nếu chỉ gồm toàn tân binh Thuận Hóa, chưa quen trận mạc nhất là thủy chiến, sẽ... sẽ...

Nguyễn Huệ cắt lời Chỉnh:

- Ông khỏi lo. Tôi giao cho ông bốn trăm chiến thuyền Qui Nhơn bấy lâu do ông luyện tập đã quen thủy chiến. Kể cả số du binh tinh nhuệ, đánh được cả thủy lẫn bộ. Họ đã quen trận ở Rạch Gầm, ông chớ lo. Số tân tuyển người Thuận Hóa, cứ để cho tôi với Phò mã Nhậm. Thầy chùa, cố đạo, con nít, ông già, đui què mề sứt gì tôi nhận hết. Chỉ cần một tiếng hô, rồi ông xem. Chỉ cần một tiếng hô, đạo quân ô hợp của tôi sẽ phất cờ đào rục khắp biển Đông rùng rùng tiến ra Bắc hà. Rồi ông sẽ xem!

Không hẹn nhau, mọi người đều cười ồ. Kể cả chú Bảy Lữ!

*

* *

Trong tập "Nhật ký chiến dịch" (Long Nhương tướng quân nửa đùa nửa thật bảo Lãng ghi chép "những chuyện để đời"), Lãng đã thay đổi cách nhìn. Anh đã bỏ cái giọng chủ quan riêng tư, những suy nghĩ mẫn cảm, và chỉ giữ lại những sự kiện chính yếu, những nét điển hình. Lãng tự thấy mình thay đổi, nhưng không có thì giờ tìm hiểu tại sao. Anh bị cuốn vào biến cố Bắc tiến như tất cả mọi người, không còn nhận ra mình được nữa. Lãng đã ghi trong Nhật ký như sau: (chữ Hán dịch Nôm)

16 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Lửa trên hỏa đài báo hiệu quân tiên phong đã chiếm được Vị Hoàng. Thật khó mà ghi chép hết được cảnh rộn rã lúc xuất quân. Khói tỏa mù trên đỉnh núi. Trống giục giã động đến cả trăng sao. Thật giống y cảnh xuất quân trong Chinh phụ ngâm khúc:

Cổ bề thanh động Trường thành nguyệt

Phong hỏa ảnh chiếu Cam tuyền vân

Cửu trùng án kiếm khải đương tịch

Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.

Gió nam thổi mạnh. Hơn một nghìn chiến thuyền lướt sóng như bay, quân kỳ đỏ rực cả mặt

biển. Dân Nghệ An nhìn theo đoàn thuyền hùng dũng tiến ra phía Bắc, bàn tán xôn xao. Kẻ trách ông Cống công rắn cắn gà nhà. Người lại bảo: "Đây là một việc không mấy đời đã có".

22 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Đại quân tới Vị Hoàng. Tiếng reo hò vang dội mặt sông. Cờ đào. Cờ đào. Khuôn mặt tướng Tiên phong Nguyễn Hữu Chỉnh hồng hào, không hiểu vì hãnh diện hay vì được nhuộm sắc cờ. Long Nhương tướng quân nghe Nguyễn Hữu Chỉnh báo công ngay trên bến thuyền. Tịch thu được trên một trăm vạn học thóc. Trong vòng mấy ngày, đã vận động dân chúng chia nhau xay giã và chuyển sẵn xuống các thuyền lương. Thiếu thuyền, trưng dụng cả các thuyền buôn của "khách trú" đậu tại bến Vị Hoàng. Đã dâng được mật tấu về kinh đô. Đã loan truyền bài hịch phù Lê diệt Trịnh khắp các trấn.

Thú vị nhất là lời khai tăng công của một tên quan Bắc hà.

Hắn khai rằng hôm mồng 3 tháng Sáu năm Bính Ngọ, phủ Chúa được Trấn thủ Nghệ An cấp báo Phú Xuân đã mất. Chúa tôi nhà Trịnh lo lắng họp bàn để tìm cách đối phó. Bàn xuôi bàn ngược một hồi, cuối cùng mọi người đều cho rằng: "Thuận Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiền triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may, ắt họ phải lấy sự lấn đất của ta làm điều đáng ngại. Như thế là ta không phải lo gì nữa". Đúng y kiểu tự an ủi để bớt đau khổ trước rủi ro: "Càng trục càng mất".

23 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Quân Trịnh vội vã đưa quân xuống vùng Sơn Nam để chống đỡ. Trịnh Tự Quyền đưa quân xuống giữ Kim Động. Trấn thủ Sơn Nam Đỗ Thế Dân đóng quân ở bờ sông Phù Xa. Tất cả hy vọng của họ Trịnh dồn về đạo thủy binh hùng hậu của Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng ở cửa Luộc. Nắm rõ trận thế của địch, Long Nhương tướng quân quyết định khai trận lúc xâm xẩm tối. Tướng quân nói đùa với tướng sĩ: "Nên thương hại chúng. Đánh ban đêm cho chúng nó dễ chạy trốn". Câu nói đùa được truyền nhanh chóng khắp các chiến thuyền ở bến Vị Hoàng. Tiếng hò reo như sấm. Đầu giờ Mẹo; lệnh xuất phát. Đại quân tiến lên Phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam Thượng. Chiều, đoàn chiến thuyền tiến vào trung tâm trận thế của quân Trịnh. Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đem chiến thuyền dàn thành hàng chữ Nhất để ngăn chặn. Đỗ Thế Dân trấn thủ Sơn Nam thì dàn bộ binh hai bên bờ.

Đầu giờ Dậu: lệnh khởi chiến. Gió đông nam thổi mạnh. Long Nhương Tướng Quân cho năm chiến thuyền lớn giương buồm liều lĩnh xông thẳng lên phía địch. Đạn và tên Trịnh bay đến tới tấp. Nhưng thuyền ta vẫn tiến. Khi những thuyền tiên phong đến gần, chúng mới biết đó là những thuyền không người. Binh sĩ trên thuyền chỉ là những thằng người rơm ẩm ướt. Lúc khám phá ra xảo kế của ta, chúng đã bắn phí hết tên đạn, trong khi quân ta vẫn tiến tới. Tướng quân ra lệnh giục trống và reo hò ầm ĩ, thanh thế kinh thiên động địa. Quân Trịnh lớp bị thương, lớp sợ hãi, kêu la thảm thiết, tranh nhau bỏ thuyền mà chạy.

Lại có lệnh khai pháo. Từ các chiến thuyền, pháo lớn nã đạn vào hai bờ sông. Thuốc đạn chớp lòe, từ trên thuyền, trông rõ cả những ngọn cỏ thụ gãy đổ. Thuyền chiến áp vào hai bờ, quân sĩ dùng hỏa hổ rắc lửa vào bộ binh của Trấn thủ Đỗ Thế Dân. Lửa cháy rần rạt đỏ nhòe cả mặt sông.

Phía Kim Động, mặt trận hoàn toàn yên tĩnh. Giữa khuya, cửa Luộc chỉ còn tiếng sóng đập lép nhép vào mạn thuyền, và tiếng tre cháy dở nổ lép lép. Dĩ nhiên không kể đến tiếng reo hò tử

mở cửa tướng sĩ.

Sáng 24 tháng Sáu năm Bính Ngọ:

Toàn thắng. Đại quân đường hoàng tiến vào Phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam Thượng.

*

* *

(2) Tin thua trận tới tấp đưa về Thăng Long, triều đình hoảng sợ. Văn võ triều thần cuống quýt lo cất giấu của cải, đưa vợ con chạy trốn, không một ai dám đứng ra nhận lãnh trách nhiệm chống nhau với quân Tây Sơn.

Chúa Trịnh đang rất lúng túng, lại thấy Tể tướng Bùi Huy Bích không có một mưu kế, sách lược nào để đối phó với tình hình, liền bãi chức Tể tướng của Bùi Huy Bích và bắt ra trận đốc chiến. Thấy Bùi Huy Bích một văn thần ra cầm quân, lòng người càng mất tin tưởng. Cả kinh thành xao xuyến náo động.

Cựu Tham tụng Nguyễn Lê từ Nghệ An về triều hiến kế "nên rút lui ra khỏi kinh thành, đưa vua Lê lên Sơn Tây, khống chế miền thượng du để tính việc đối phó về sau. ở khúc sông bãi Tự Nhiên (bãi Tự Nhiên trên sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, Hà Đông, giáp địa phận Hưng Yên), nên giăng những bè nổi trên mặt nước để chặn thuyền chiến địch. Hai bên bờ sông đặt nhiều đồn binh để đánh đột kích. Chiêu dụ bọn cướp biển, cho quan tước để chúng đánh tập hậu thủy quân Tây Sơn. Giặc lấy danh nghĩa "tôn phò" mà tới, nhưng không thấy vua Lê, tiến thoái sẽ đều bất lợi. Chiến trận kéo dài, lương hết, giặc sẽ không thể ở lại lâu được. Khi ấy, báo cho hào mục Thanh, Nghệ đánh chặn đường về của giặc thì giặc sẽ đại bại. Còn nếu nay cứ giao chiến với giặc thì kêu binh không thể dùng được, nhất định sẽ thất bại, việc nước sẽ hỏng (Nguyễn Thu-Lê quý kỷ sự).

Nhưng kế của Lê bị phản đối kịch liệt. Bọn tôi chúa nhà Trịnh tuy sợ chết trong tay Tây Sơn nhưng lại sợ gian khổ khi phải chạy khỏi kinh thành, nên ngần ngại không muốn theo kế của Lê. Lính Tam phủ vốn ghét Lê lại càng phản đối Lê dữ dội. Nguyễn Lê phải trốn lên Sơn Tây. Chúa Trịnh lại một lần nữa họp triều thần bàn kế hoạch đối phó với Tây Sơn. Trần Công Xán hiến kế:

"Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều mà binh pháp rất kỵ. Nên nhử cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết, đó là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu Chúa lật đặt ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc. Bây giờ, chỉ nên rước Thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi". (Hoàng Lê).

Kế này rất hợp ý chúa Trịnh. Nhưng lấy ai là người đứng ra bảo vệ kinh thành, đánh một trận tiêu diệt hết địch như ý kiến Trần Công Xán? Chúa Trịnh đành phải tìm những viên tướng già còn lại, và lập tức sai người lên Sơn Tây gọi quận Thạc Hoàng Phùng Cơ về triều cứu Chúa.

Hoàng Phùng Cơ lúc ấy chỉ có vồn vẹn năm trăm quân. Chúa Trịnh phải bỏ ra năm nghìn lạng bạc để Hoàng Phùng Cơ mộ thêm quân, trong một ngày thuê mộ được một nghìn lính cũ.

Nhưng mặc dù có thêm quân, bọn chúa tôi nhà Trịnh không ai dám nghĩ đến chuyện xuất quân đón đánh quân Tây Sơn, mà chỉ nghĩ đến việc phòng thủ Thăng Long, ngồi chờ cho Tây Sơn đến đánh.

Chúa Trịnh và các tướng lãnh bố trí kế hoạch phòng thủ Thăng Long như sau:

- Cho đội thủy quân Tứ thị, là đội thủy quân duy nhất còn lại ở kinh thành, tới dàn chiến thuyền ở bến sông Thúy Ái để chặn giữ thủy quân Tây Sơn.

- Cho đội bộ binh do Hoàng Phùng Cơ chỉ huy tới hồ Vạn Xuân để đối phó với bộ binh Tây Sơn, và khi cần, tiếp viện cho thủy quân ở bến Thúy Ái.

- Còn chúa Trịnh Khải thì ngay từ 25 tháng Sáu Âm lịch, đích thân đốc xuất tất cả bộ binh còn lại ở kinh thành và một đội tượng binh gồm hơn một trăm con voi chiến ra quảng trường lầu Ngũ Long bày thế trận để chống giữ. Quân của Chúa chia làm năm đạo:

- * đạo Tả bộ giữ mặt Đông Long.

- * đạo Hữu bộ giữ mặt Tây Hồ.

- * đạo Tiền bộ giữ mặt cửa thành Tiền Lâu.

- * đạo Hậu bộ giữ mặt Hậu lâu cạnh bờ hồ Thủy Quân.

- * đạo Trung quân gồm hai hiệu lính Nhưng, Kiệu và đội Tượng binh đóng ngay tại quảng trường lầu Ngũ long để bảo vệ Chúa.

Kế hoạch bố trí có vẻ chu đáo như vậy, nhưng tinh thần chiến đấu của quân tướng nhà Trịnh rất uể oải, kỷ luật lỏng lẻo. Đạo quân tiền tiêu đóng ở bến Thúy Ái lại chủ quan cho rằng quân Tây Sơn còn lâu mới tiến tới nơi, nên thường cột thuyền vào bến, lên bờ chơi tản mát.

Không ngờ Nguyễn Huệ hạ xong Phố Hiến liền tiến quân ngay. Đang mùa hè gió đông nam thổi mạnh, thuyền chiến Tây Sơn giương buồm thẳng tiến về Thăng Long nhanh như tên bay.

Sáng 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), thủy quân Tây Sơn đã tới bến Nam Dư. Nguyễn Huệ cho một cánh quân đổ bộ lên bến Nam Dư, vòng lên đánh úp thủy quân Trịnh ở bến Thúy Ái.

Khi cánh quân Tây Sơn này tới nơi, quân Trịnh vẫn còn đi chơi tản mát trên bờ. Quân Tây Sơn một mặt nhảy xuống chiếm giữ hết các thuyền chiến của quân Trịnh, một mặt đánh bãi thủy quân Trịnh ở trên bờ. Bên Trịnh chỉ có hai viên tướng Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên còn ở dưới thuyền. Khi thấy quân Tây Sơn ập tới, Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên vội cầm siêu đao ra đứng ở mũi thuyền để chống cự, nhưng đều bị quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn chết ngay.

Tiêu diệt xong đạo thủy quân Trịnh ở bến Thúy Ái, cánh quân Tây Sơn này tiến ngay lên phía hồ Vạn Xuân, tập kích quân Hoàng Phùng Cơ. Quân của Cơ đang ăn cơm bị đánh bất ngờ, bỏ cả khí giới mà chạy. Quân Tây Sơn chia làm hai toán từ hai phía đánh ép lại, quân Cơ không sao trốn thoát, thầy chết ngổn ngang khắp trận địa. Một số nhảy cả xuống hồ Vạn Xuân, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Một thuộc tướng của Hoàng Phùng Cơ là Mai Thế Pháp cố sức chống cự bị quân Tây Sơn đánh dồn ra tới tận bờ sông Nhị. Thế cùng, Mai Thế Pháp phải nhảy xuống sông mà chết.

Hơn 1500 quân của Hoàng Phùng Cơ chỉ còn sống sót vài chục tên, cùng với chủ tướng Hoàng Phùng Cơ và tám người con cố sức chống đỡ. Nhưng sáu người con Hoàng Phùng Cơ và mấy chục tên lính đều chết trận. Hoàng Phùng Cơ nhảy từ mình voi xuống đất, cùng hai người con sống sót cố cuớp lấy đường chạy thoát thân.

Trong khi cánh quân bộ Tây Sơn đánh thắng ở bến Thúy Ái và hồ Vạn Xuân thì thuyền chiến Tây Sơn vẫn tiến lên phía trước kinh thành Thăng Long, đổ bộ lên bến Tây Long, đánh thẳng vào trận địa quân Trịnh chung quanh lầu Ngũ long.

Quân Tây Sơn từ bến Tây Long ồ ạt tiến vào.

Quân tiền bộ của Trịnh nổ súng bắn ra. Quân Tây Sơn khom mình tránh đạn xung phong đến sát lầu Ngũ long, bắn doanh của chúa Trịnh. Trịnh Khải đích thân lên voi trực tiếp chỉ huy chống cự. Mặc dù Chúa hạ lệnh phản kích, quân sĩ chỉ nhìn nhau không ai dám tiến. Trong lúc ấy, quân Tây Sơn ào ạt xông lên chém giết và dùng hỏa hổ tung lửa hùng hục vào hàng ngũ

quân Trịnh.

Quân Trịnh hoàn toàn tan vỡ, vút cả khí giới chạy thoát thân. Một toán tiền quân Tây Sơn chừng vài chục người tiến thẳng vào chiếm đóng phủ chúa Trịnh. (3)

Chúa Trịnh Khải thấy quân lính tan tác, ngó lại quanh mình cũng không còn ai. May sao lúc ấy quân Tây Sơn không biết mặt Chúa, họ tranh nhau xông vào phủ, không ai dám đến gần chân voi. Trịnh Khải vội cởi bộ nhung phục, đội khăn chữ đinh, ngồi núp vào ngăn hòm da phía sau yên voi, cố cho voi quay vào cửa Tuyên Vũ. Bấy giờ quân Tây Sơn đã vào lọt được phủ Chúa và đang treo cờ đào ở phía ngoài phủ. Trịnh Khải bèn kéo voi đi ra bờ hồ Minh Đường, trông phía cửa ô Yên Phụ mà chạy.

Như vậy ngay ngày hôm ấy (26 tháng Sáu năm Bính Ngọ) quân Tây Sơn hoàn toàn làm chủ kinh thành Thăng Long. Nguyễn Huệ đóng bản doanh tại phủ Chúa. Cuộc tiến công Bắc hà kết thúc trong vòng mười ngày, từ 16 tháng Sáu năm Bính Ngọ lúc Nguyễn Hữu Chỉnh đánh chiếm Vị Hoàng cho đến 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ chiếm được Thăng Long.

(1) Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Bản dịch của Ngô Tất Tố, trang 105

(2) Tiết này dựa theo Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự Của Nguyễn Huệ, của Phạm Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, trang 144 đến 153

(3) Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự Của Nguyễn Huệ

Chương 66

Ngay sau khi vào phủ Chúa, Long Nhương tướng quân sai Lãng đem một toán quân đến giữ cung điện nhà vua. Nguyễn Huệ căn dặn:

- Tuyệt đối không được làm náo động cung khuyệt. Cả Hoàng gia còn ở lại không đi đâu cả, như vậy tức là bản mặt tấu đã đến tay nhà vua. Cậu thảo ngay một tờ thỉnh an, rồi đưa ngay cho ta đóng ấn.

Lãng xúc động vì được tham dự vào một công việc trọng đại của lịch sử, nghĩ tới lúc được diện kiến vua Lê, tay run, nét chữ cũng run rẩy theo. Anh phải viết đến lần thứ ba bản tâu mới tương đối chỉnh. Trong lúc đó, Nguyễn Huệ ra lệnh cho Phò mã Vũ Văn Nhậm:

- Kinh thành đang xao xác hoảng loạn, thế nào cũng có cảnh cướp bóc. Hãy coi chừng hỏa hoạn, vì phần lớn nhà cửa trong thành đều lợp tranh. Ta giao việc trị an cho anh đấy. Ra ngay nghiêm lệnh cấm quân sĩ không được động đến của cải dân chúng, dù là một cọng rau, bát nước. Ai phạm tội cướp bóc, bắt kẻ dân hay lính, cứ chém đầu cho chúng nó sợ. Anh ra lệnh ngay đi. Những gì phải làm sau khi hạ được thành, anh đã quen quá rồi, ta khỏi cần nhắc!

Vũ Văn Nhậm vái chào Nguyễn Huệ, tắt tả đi về lầu Ngũ Long. Ra đến cửa phủ Phò mã quay lại. Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Còn gì nữa đấy?

Vũ Văn Nhậm do dự, hình như ngần ngại chưa muốn nói ngay. Nguyễn Huệ phải giục:

- Có gì cần cứ nói đi.

Vũ Văn Nhậm đáp:

- Ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) cũng định đặt bản doanh tại lầu Ngũ Long. Bất tiện quá. Xin Tướng quân ra lệnh hắt tìm nơi khác.

Nguyễn Huệ chau mày bảo:

- Tìm chỗ nào nữa! Chẳng lẽ đem hắt vào phủ này. Thôi, tạm thời anh ở phía trước, hắt phía sau. Việc ai nấy lo. Hắt đâu rồi?

Vũ Văn Nhậm cười nhạt nói:

- Hắt đang được bọn xu nịnh Bắc hà công kênh, thầy tớ nói cười tíu tít. Ôn ào quá lắm. Vì vậy tôi mới...

Nguyễn Huệ cắt lời Phò mã Nhậm:

- Cho quân hầu sang báo ta cần gặp ông Bằng ngay. Còn chuyện kia, sau hãy tính.

Vũ Văn Nhậm đi rồi, Nguyễn Huệ mới cầm lấy tờ thỉnh an của Lãng vừa chép lại ngay ngắn cẩn thận để đọc thật kỹ. Nguyễn Huệ đọc lại lần thứ hai, quay hỏi Lãng:

- Sao lại đề niên hiệu Thái Đức? Phải dùng niên hiệu Cảnh Hưng chứ!

Lãng nhớ ra, lại chép tờ thỉnh an khác.

Khi anh đến cửa thành, bên trong cung điện mọi người đang dáo dác lo sợ. Lính tráng chạy qua chạy lại, nhiều người định chạy ra cửa thấy toán quân Tây Sơn, lú lú sợ hãi, lại chạy trở vào. Rồi có ba bốn người mặc áo sa và lụa sang trọng Lãng đoán là người Hoàng tộc diu một cụ già ra phía vườn sau. Vài người con gái Lãng đoán là cung nhân núp sau rèm nhìn ra, rồi trốn vào trong nhường chỗ cho người khác. Lãng vội đến ngay cửa vào Cung điện quì xuống, hai tay nâng tờ thỉnh an ngang trán.

Một lúc lâu mới có vài người rời chỗ núp ra sân điện, rụt rè chỉ trở về phía Lãng. Rồi hai người mặc áo lụa thắt lưng nhiều đồ không có râu (Lãng đoán là quan thị) mạnh dạn tiến về phía cửa. Theo sau có ba lính hầu. Hai quan thị không ai muốn đi trước, nên cứ liếc nhìn nhau, bước chân chậm để tránh trách nhiệm. Do đó hai người cùng tiến về phía Lãng. Anh muốn nói một câu gì đó cho thật trang trọng, thật văn hoa, cho phù hợp với nhiệm vụ quan trọng, nhưng cổ họng Lãng nghẹn. Anh không nói được gì cả, cứ lẳng lẳng quì gối, hai tay run run cố giữ nguyên bản thỉnh an ngang trán. Hai quan thị thấy thái độ nhún nhường của Lãng, yên lòng hơn, đến thật gần viên tùy tướng Tây Sơn.

Họ chờ xem Lãng có nói gì không, còn Lãng thì nôn nao chờ họ nhận tờ thỉnh an cho xong việc. Cả hai bên đều lúng túng. Cuối cùng, viên quan thị đứng phía phải đưa tay nhận tờ thỉnh an, rồi vội vã quay vào.

(1) Hôm sau, trời vừa sáng rõ, Lãng đã tháp tùng Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh vào điện Vạn Thọ. Họ dừng lại ở cửa cung, viên quan thị nhận ra Lãng, liếc nhìn Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh giữa đám tùy tướng oai vệ nghiêm chỉnh, đoán ngay khách quý là ai. Ông ta lật đặt trở vào tâu cho vua Lê Hiển Tông biết.

Họ chờ không lâu, đã thấy một người tuổi trạc ba mươi mặc áo gấm màu vàng tự xưng là hoàng tử ra kính cẩn vái chào, rồi lồm thồm đi trước dẫn đường. Qua hai căn phòng có phủ rèm hơi tối bài trí hơi sơ sài, họ đến một căn phòng mái cao hơn, đồ đạc quý giá, bày biện đẹp và trang nhã. Sát một vách tường gỗ màu nâu mặt bóng phản chiếu ánh nến, có một cái sập sơn son thếp vàng, chung quanh phủ màn the màu vàng nhạt. Trong phòng thiếu ánh sáng mặt trời vì cửa sổ phía bắc và phía đông đóng kín, nhưng đèn hoàng lạp đủ chiếu sáng mọi vật, tạo vẻ ấm cúng và hòa hợp với màu vàng êm ả của màn trướng và đồ đạc. Các quan thị, và lính hầu đứng hai bên cái sập phủ màn the, lặng lẽ chờ đợi.

Nguyễn Huệ vừa đến trước sập ngự thì màn được vén lên. Vài tiếng xì xầm nhắc nhở. Hai viên quan thị vội đến sát sập nâng nhà vua dậy. Nguyễn Huệ biết nhà vua đang bệnh, nên không chờ trông rõ mặt vua Lê, cũng không chờ nhà vua lên tiếng, cung kính sụp xuống lạy năm lạy và vái ba vái. Bọn quan thị và lính hầu quên cả sợ, trở mắt nhìn con người oai danh lừng lẫy nam bắc đang khoan thai, chậm chạp lạy vị vua già bệnh theo cách lạy lạ mắt của phương Nam.

Vua Lê thì thảo sai hoàng tử đến nâng Nguyễn Huệ dậy, và mời đến ngồi vào cái sập đặt ngay cạnh sập ngự. Nguyễn Huệ từ chối, lễ phép bảo không dám. Vua Lê phải lên tiếng kéo nài hai ba lần. Nguyễn Huệ mới đến ngồi ghé vào một góc cuối sập, một chân bỏ thông xuống dưới sập. Vua Lê cố dần một cơn ho do xúc động thái quá, nheo mắt nhìn về phía Nguyễn Huệ nói:

- Hôm qua quả nhân có nhận được tờ thỉnh an. Hôm nay lại được diện kiến, thật đáng mừng. Chỉ tiếc quả nhân không được khỏe, tiếp quý ông thế này, thật là không phải.

Nguyễn Huệ vội nói:

- Thần vốn là một tên dân ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của bệ hạ, ăn đến lộc của bệ hạ. Nhưng vì thánh đức của bệ hạ truyền đi xa rộng, nên tuy ở nơi mán mọ,

thần vẫn rất kính mến. Ngày nay được thấy long nhan, cũng do lòng chí thành của thần xui nên đẩy thôi.

Vả lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn bức Hoàng thượng đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh, cho tỏ oai quyền của bệ hạ. May mà thành công được thế này, cũng do hồng phúc của bệ hạ mà ra. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể được khỏe mạnh, cai trị thiên hạ, cho thần được may nhờ chút phúc thừa.

Nhà vua đáp:

- Đa tạ ông có lòng quá hậu đối với quả nhân, phải trèo đèo lội suối đến đây, lính tráng tôi tớ đều phải một phen vất vả. Tiếc rằng quả nhân làm vua thanh bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Nguyễn Huệ nói:

- Thần vì nghĩa tôn phù mà đến đây, đâu dám kể công lao. Vả chẳng chuyến này thần ra cũng bởi ý Trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với bệ hạ mà kéo quân ra, thì những quân lính, thuyền bè thần có thể điều khiển, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nổi mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là Trời muốn bệ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho vạn ức năm sau. Từ nay, thần xin bệ hạ chấn chỉnh giềng mối, yêu kẻ trong, nuôi kẻ ngoài, đưa cõi đời này lên cảnh thái bình. Ấy là thần được bệ hạ ban tặng nhiều lắm vậy!

Rồi quay về phía Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ nói:

- Người này là bề tôi cũ của bệ hạ đấy.

Nguyễn Hữu Chỉnh liền bước đến trước sập ngự lạy chào. Hoàng tử ghé sát nhà vua thì thầm.

Vua Lê phán cho Chỉnh ngồi. Nguyễn Huệ lại nói:

- Ông này đội ơn tước lộc của bệ hạ chưa được nhiều lắm. Thế mà lòng trung thành của ông ấy đối với bệ hạ thật có một không hai trong nước. Thần được đến đây chính là nhờ phần lớn vào công sức giúp đỡ của ông ấy.

Vua Lê nói:

- Chỉnh biết trung nghĩa như vậy, cũng nhờ ông gây dựng nên.

Nguyễn Hữu Chỉnh dập đầu tạ:

- Thật đúng như lời dạy của Thánh thượng.

Nhà vua vỗ về an ủi vài câu, rồi Nguyễn Huệ cáo từ:

- Hiện giờ thánh thể không được yên lắm, ứng tiếp mãi e mệt quá, thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay trở đi, thần xin thỉnh thoảng lại vào chầu thăm. Nếu bệ hạ muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính vâng lời.

Vua Lê nói:

- Quả nhân có nước mà không được dự, khoanh tay, rũ áo hơn bốn mươi năm. Nay lại già yếu lắm lắm, việc nước, việc quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phù, thì xin ở lại "tê quốc" để giúp quả nhân. Đừng bỏ quả nhân!

Nguyễn Huệ vội đáp:

- Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hóa. Nay đã ra đến đây, cũng là mượn việc nọ mà làm việc kia, nên không dám ở lâu. Tuy vậy bốn phương vẫn còn chưa yên, thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên rồi mới xin về.

Nhà vua cảm tạ, rồi nhắc hoàng tử bảo trà đồng bụng trà ra đãi khách. Nguyễn Huệ ung dung ngồi uống mấy tuần trà rồi mới xin phép cáo lui.

*

**

Nhờ kinh nghiệm quân lương, mà Lợi được cử theo đạo quân tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh, để phụ trách chuẩn bị lương thực sau khi chiếm được kho thóc hơn một trăm vạn斛 ở Vị Hoàng. Việc điều động dân Sơn Nam xay giã bấy nhiêu thóc trong vài ngày, việc trưng dụng tất cả ghe thuyền để vận lương chờ sẵn tiến về phố Hiến, với biết bao nhiêu phức tạp bên trong, không phải người nào cũng đảm đương nổi. Chỉ có Lợi! Bao nhiêu kinh nghiệm ở Gia Định thật hữu ích cho anh, nhờ vậy Lợi trở thành một thứ chuyên viên khó tìm được một người thứ hai.

Do đó khi tiến từ phố Hiến lên Thăng Long, Lợi lại được ủy thác trách nhiệm kiểm kê, tịch thu, thu hồi tất cả của cải tài sản thuộc công khố và gia đình những đại thần, tướng tá nhà Trịnh đã bỏ chạy. Anh dẫn một toán lính đông đảo đến chiếm giữ các kho tàng, công thự, và những nhà vắng chủ (dĩ nhiên chỉ chú trọng đến các thế gia vọng tộc và nhà giàu có trong thành). Ngay sau khi vào Thăng Long, Lợi đã lo đi rải khắp nơi để cắt đặt công việc.

Với đôi mắt nhà nghề, Lợi dạo khắp Thăng Long với nỗi thất vọng ê chề. Gần như anh bước hụt, vì không ngờ kinh thành Bắc hà có vẻ đơn sơ, tầm thường như vậy. Nói là thành cho lớn chuyện, thực ra chỉ là một loại hàng rào làm bằng tre (2), trừ phủ Chúa và cung điện nhà vua lợp ngói, còn thì hầu hết phố xá đều là nhà tranh cất chen chúc hai bên những con đường hẹp. Lính dưới quyền Lợi khỏi phải nhọc công vì cửa ở các dinh thự và nhà giàu có đều mở sẵn. Chỉ có những ngôi nhà tranh nghèo nàn là kín cửa. Liếp phen cửa sổ hạ xuống. Cửa lớn phần nhiều là khuôn gỗ bọc quanh tấm phen tre trát phân trâu được khép chặt, nhiều nơi gia chủ còn cẩn thận dùng dây mây buộc kỹ. Lợi tò mò tìm đọc những hàng chữ viết bằng than trên tường phía trước. Chỗ thì chủ nhà viết: "Nhà có chủ". Chỗ khác: "Nhà không có gì, cứ đẩy cửa vào", hoặc "Chờ cha lâu quá, con và mẹ chạy về phía Từ Liêm" hay "Cửa không cài then, xin đừng phá". Lợi suýt phá lên cười khi đọc một lời dặn dò rất kinh điển "Sở kỷ bất dục, vật thi ư nhân". Anh đoán đây là nhà của một nho sĩ. Thử đẩy cửa vào xem phía trong, Lợi thấy cảnh nhà tiêu tụy, đồ đạc không có gì quý giá. Chỉ có sách vở vứt bừa bãi khắp gian trước. Đúng là mạt thời của nghiệp nho rồi!

Không phải tất cả dân chúng Thăng Long đều đã chạy trốn khỏi kinh thành. Nhiều người còn ở lại, phần lớn là dân lao động nghèo không còn gì phải sợ, kể cả cái chết và viễn tượng phải sống dưới một tên bạo chúa, tham quan khác. Nhưng những kẻ cùng đinh này còn biết sợ tai bay vạ gió, nên họ cũng khép cửa lại, chờ toán lính Tây Sơn qua khỏi mới dám hé cửa nhìn trộm những người Đảng Trong vừa chiến thắng.

Ngoài đường phố, cảnh hỗn loạn tan tác còn bày ra đó. Chỗ nào cũng có quần áo lính Tam phủ, gươm giáo, súng ống, gậy, nón vứt bừa bãi. Trong cơn hoảng hốt, chúng đã cởi bỏ quân phục vũ khí để hoặc tìm thay đồ thường dân, hoặc cứ ở trần như vậy mà chạy chung với dân Thăng Long. Chúng tưởng khôn ngoan, quên rằng ở trần mà chạy và cái giọng Thanh-Nghệ nặng tai của chúng khó che mắt được ai. Vì thế chạy đi đâu, lính Tam phủ cũng bị dân Thăng Long làm nhục nhã đủ đường. Họ không bao giờ quên thái độ kiêu lộng của chúng trong những năm qua. Lợi nghe bọn lính dưới quyền kể lại một mẩu chuyện vui: (3) Hôm đó, có một người cởi trần trùng trục từ phía trong thành hốt hoảng chạy ra, khi qua cửa ô, bị dân ở đó trông thấy. Họ liền chỉ mặt và nói: "Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng-Kiệu, kéo cổ nó lại đánh chết đi". Người ấy vội đáp: "Không phải. Tôi là quan Huyện úy huyện Thọ Xương đây mà". Mọi người

cùng cười ồ. Họ kháo nhau: "Người ta vẫn bảo ông Huyện to bụng, thật không sai tí nào". Phố xá buồn thiu, xơ xác, khói còn bốc lên từ những ngôi nhà bị cháy trong chiến trận. Mùi thuốc súng lớn vờn trong không khí. Những xác chết vô thừa nhận nằm lầy lắt khắp nơi, máu loang thành vũng kéo đến hằng hà sa số ruồi nhặng. Những con chó hoang đến kề mõm ngửi vào xác chết, do dự, gần như bần thần chán ngán, rồi lại tìm ngửi những xác khác như cẩn thận lựa lọc cho được một thức ăn hợp khẩu vị nhất. Đường xá vắng vẻ, nhưng không phải không có ai đi lại. Lâu lâu, Lợi gặp những toán người ăn mặc lam lũ hình hài tiều tụy đi nép theo lề phố trở ngược vào trong thành. Đoàn ông, phần lớn là người già cả, đi trước. Phía sau là đàn bà và con nít, người nào cũng ôm trước ngực hoặc mang ở cánh tay một bọc nhỏ đựng quần áo và lương thực. Người lớn mặt mày hốt hải lo âu, còn trẻ em thì phụng phịu có lẽ hờn dỗi vì lỡ một chuyến phiêu lưu thú vị. Lợi chặn một gia đình hồi cư khác thường ấy lại. Họ sợ hãi dồn lại một góc phố, trẻ con và đàn bà chạy núp sau lưng đàn ông. Lấy giọng ôn tồn hiền lành, Lợi hỏi:

- Sao các bác lại về? Không sợ chúng tôi à?

Cụ già đứng phía trước cố dằn sợ hãi, đáp:

- Quý ngài tha tội cho. Chúng tôi nhà nghèo, không đủ tiền trả tiền đồ.

Lợi cười, hỏi tiếp:

- Chúng nó đòi giá cao quá phải không?

- Dạ vâng. Bọn bắt lương, thừa cơ vợ vết của người ta. Chúng đòi như vậy chỉ có bọn nhà giàu đủ tiền mà thôi. Vả lại ngoài bến sông cũng không còn được mấy chiếc. Các nhà quan và bọn các lái đã thuê bao đò từ hai hôm trước.

Lợi nói:

- Việc gì phải chạy. Mà dù có chạy, việc gì phải trả tiền. Cứ ủa nhau xuống đò, chúng nó dám đuổi lên không?

Cụ già đỡ sợ hơn trước, phân bua:

- Ấy, người ta cũng cứ chen lấn trèo đại lên đò. Có chiếc chìm. Có chiếc phải tách bến sớm, con cháu đi được còn cha mẹ ở lại. Nhiều đứa bé rơi xuống nước không ai thêm cứu. Gia đình tôi toàn già cả yếu đuối, không có sức chen, nên phải liều trở về thôi. Xin quý ngài thương xót, không nỡ...

Lợi vội nói:

- Về là phải. Chúng tôi ra đây để diệt họ Trịnh tôn phù vua Lê, chứ có muốn làm khổ dân nghèo các bác đâu. Để tôi sai lính đưa các bác về. Các bác ở phố nào?

Cụ già vội đáp:

- Dạ không dám phiền các ngài. Chúng tôi ở gần đây thôi. Không biết bọn vô lại có vào nhà vợ vết mọi thứ hay không?

- Bọn trộm cướp hôi của à? Bác biết chúng nó là ai, đã cướp của nhà bác thứ gì, cứ báo cho chúng tôi. Đã có nghiêm lệnh của bề trên rồi đấy. Bác báo cho biết, chúng tôi phạt (Lợi giơ bàn tay lên cao giả làm lưỡi đao chém xuống) thế là xong.

Toán người hồi cư vui mừng, líu ríu cảm ơn, rồi tiếp tục men theo dọc phố đi khuất sau một khúc quanh. Lợi gặp một toán khác gồm một người chồng mặc áo the ôm khư khư chiếc tráp gỗ mộc và một người vợ mặc áo nâu đang ẵm đứa bé bọc trong cái khăn cũ và bần mầu cháo lòng. Lợi hỏi lại:

- Ông bà dám trở về à?

Người chồng sợ quá, líu ríu không nói được gì. Người vợ thút thít khóc trả lời thay chồng:

- Trăm lạy các ông. Nhà tôi chỉ là một ông ký quên ở Giáo phường ty. Ngàn lạy các ông. Xin tha cho nhà tôi.

Lợi trở cái tráp hỏi:

- Ông giấu thứ gì trong này?

Người vợ được dịp trách móc chồng:

- Dạy ai đòi người ta chạy loạn thì ôm vàng ôm bạc để lo thân. Ông nhà tôi lại sợ mất giấy tờ quan trên quở trách, đi đâu cũng kè kè mang theo. Giặc đã đến bên dít còn lục soạn ba cái tờ giấy vụn. Chạy đến bến đò thì không còn chiếc đò nào nữa. Ông đã sáng mắt ra chưa. Không nộp cho quan còn ôm khư khư nó làm gì! Khổ thân mẹ con tôi!

Lợi nhìn kỹ anh chồng, thấy mặt anh ta xanh xám vì sợ. Lợi không nỡ làm tình làm tội anh ta nữa, trở về phía trước nói:

- Thôi. Ông ấy muốn giữ để chờ quan nhà Trịnh về thì cứ việc giữ. Chúng tôi không lấy làm gì. Nhưng này, ông có thấy nhà Chúa trốn đằng nào không?

Người vợ cướp lời chồng:

- Dạy xin quý ông xét cho, chúng tôi thấp cổ bé miệng làm sao biết được mặt mũi nhà Chúa.

Lợi bắt đầu chán, cho phép họ đi không hỏi gì nữa. Người vợ sợ Lợi đổi ý, đẩy mạnh vào lưng anh chồng nhát. Đi được một quãng xa, hai vợ chồng cùng ngoảnh lại xem chừng. Thấy Lợi và toán lính còn đứng đó nhìn theo, họ ù té chạy. Bọn lính phá ra cười.

*

* *

Vài hôm sau, số người lục tục kéo nhau về càng đông. Vấn đề lương thực cung cấp cho cả quân lính Tây Sơn lẫn dân Thăng Long hồi cư trở nên cấp bách. Lợi lại phải lo tổ chức các trạm phát chẩn cho dân nghèo. Nhờ số thóc lớn lao tịch thu được ở Vị Hoàng, Tây Sơn đã tạo được thiện cảm và lòng tin của dân kinh thành bằng phương thức cụ thể, thiết thực nhất. Các chiến thuyền thì được lệnh sang bên kia sông chở tất cả dân chúng hồi hương, nên số người trở về thật đông. Phố xá mở cửa trở lại. Những liếp tre cửa sổ được chống lên, giống như những đôi mắt bạo dạn bắt đầu dám mở và nhìn thẳng ra đường. Tàn tích chiến tranh được dọn dẹp mau chóng. Sinh hoạt trở lại bình thường dần dần. Bắt đầu bằng tiếng cười nô đùa của trẻ thơ. Chúng chạy ra đường vây quanh những người lính Tây Sơn tò mò nhìn y phục lạ mắt của họ. Có đứa rắn mắt dám đến sờ lên giá áo mác, súng điểm thương và hỏa hổ của họ. Đứa tinh nghịch thì hỏi chuyện lính Thuận Hóa để nghe những tiếng "mô, tê, rần rừa" rồi chạy thật xa, nhại lại, để cười với nhau. Rồi đến lượt các cụ già. Họ rủ nhau ra cửa Đại Hưng để xem Hịch chiêu an, và các bố cáo quan trọng ngày nào cũng có dán. Thôi thì đủ thứ bố cáo, tờ nọ dán chập lên tờ kia: nào là lệnh truyền cho dân chúng phải đem nộp tất cả vũ khí và tài sản công hiện còn cất giữ, lệnh báo ngay tên tuổi chỗ ở những tên vô lại vừa phạm tội trộm cướp, hôi của; lệnh truyền các quan lại triều trước phải đến trình diện tại lầu Ngũ Long; lệnh truy nã tay chân họ Trịnh; lệnh phát chẩn lương thực cho dân đói; lệnh cấm ra đường ban đêm; lệnh nộp các giấy tờ sổ sách của các Bộ, Ty, Sở thất lạc trong lúc giao tranh hỗn loạn; lệnh cấm oa trử đầu cơ gạo thóc; lệnh họp chợ... Chợ trong kinh thành bắt đầu đông, nhưng dễ hiểu là người mua nhiều mà kẻ bán không được bao nhiêu. Người ta đi sắm thức ăn từ dầu mỡ cho đến tương chao, mắm muối như là săn cộp giữa đồng. Thấy có ai mang chút ít đồ mặn nào là các bà nội trợ bu đến giành giật, đến nỗi dù có muốn bán lấy tiền đồng thêm gạo, những người có của cũng không dám mang hàng ra bày giữa chợ. Phải bán dầm dúi như là buôn hàng trái phép.

Rồi người ta lại nhớ đến các món rau quả tươi. Dân ngoại thành chưa hoàn hồn, e ngại tên bay đạn lạc trong chỗ kinh thành khói lửa nên không dám mang đồ xanh vào thành. Con buôn phải thuê đò qua bên kia sông mua rau tại vườn mang về. Họ bán lại giá gấp đôi gấp ba ngay tại bến, và khi ngọn rau đến tay người mua, giá đã tăng lên gấp năm gấp mười. Nhu cầu thúc đẩy sự cung cấp. Chẳng bao lâu, các cô hàng rau chung quanh Thăng Long ríu rít gánh đủ các thứ hoa quả, rau ráng vào Thăng Long. Họ thích bán thẳng cho các trại lính Tây Sơn, vì được giá cao, lại bán trọn cả gánh một cách chóng vánh. Họ lại được nghe giọng nói lạ tai, nhìn cách cư xử, sinh hoạt của những con người mà qua lời đồn đãi, họ tưởng là những hung thần chỉ biết trợn mắt quát tháo.

Thực tế hoàn toàn trái ngược. Các cô các bà chỉ gặp những con người bình thường. Có người đã lớn tuổi bằng chú bác các cô. Có anh mặt mày non choẹt như em các cô. Họ cũng ăn uống kham khổ như các cô, bữa cơm chỉ có rau luộc và mắm. Cho nên từ e dè, sợ sệt, người mua và kẻ bán trở nên thân mật gần gũi. Những anh lính Tây Sơn bắt đầu chònh ghẹo các cô hàng rau Bắc hà, theo cái kiểu bộc trực thẳng tuột hết sức ngộ nghĩnh.

Các cô cũng gặp nhiều điều bất ngờ đến thú vị. Một hôm cô hàng rau làng Đông Anh bị các bạn cặp đôi với một anh lính trẻ Tây Sơn. Anh ta lúc nào cũng đội khư khư cái nón mo cau sơn bạc trên đầu, dù đứng trong chỗ bóng mát cây cối um tùm. Nghe các cô gái tinh nghịch cặp đôi như vậy, bạn bè anh lính vùng phá lên cười. Còn nạn nhân thì đỏ mặt tía tai, hai bàn tay bối rối hết líu ríu chắp lại van nài tha cho, lại đưa lên nín chặt lấy hai đai nón. Bọn lính trẻ tinh nghịch xô lại ôm lấy anh ta, giằng cái nón xuống. Các cô hàng rau thấy gì nào? Thấy một cái đầu trọc tuếch. Và các cô cười đến chảy cả nước mắt rồi bến lên bỏ đi khi biết anh lính Tây Sơn tội nghiệp là một sư chú ở Thuận Hóa. Mô Phật! Các cô đâu có ngờ đem chuyện tình ái tinh nghịch vào cửa Thiền!

*

* *

Lãng lạt đặt vào báo với Nguyễn Huệ là có một tên Tuần huyện mang xác Chúa Trịnh Khải đến nộp để xin lãnh thưởng. Lúc đó Nguyễn Huệ đang nói chuyện với Vũ Văn Nhậm. Cả hai đứng bật dậy. Nét mặt viên Tả quân (Vũ Văn Nhậm) hớn hỏ trông thấy. Nguyễn Huệ cố giữ vẻ điềm tĩnh, ngón tay phải cứ đưa lên quệt nhiều lần trên đỉnh mũi theo thói quen mỗi khi xúc động. Nguyễn Huệ ngờ ngác như muốn tìm vật gì. Tả quân Nhậm hỏi:

- Tướng quân tìm gì vậy?

Nguyễn Huệ vỗ tay vào thanh kiếm vẫn đeo bên hông, cười chữa thẹn:

- Lầm cẩm quá đi mất. Nào, ra xem mặt mũi Chúa xem sao!

Xác Trịnh Khải được khiêng đến kinh thành bằng một chiếc võng trôn cũ đã rách ở vài chỗ. Khi Nguyễn Huệ đến, phu khiêng võng đã hạ đòn tre xuống, cái võng trải trên nền đất xộc xệch nên thân thể Chúa cũng sõng soài, đầu và hai chân thò ra khỏi mặt võng. Cái khăn chữ đinh Chúa dùng để cải trang đã rơi ra ngoài, và tên Tuần huyện xem đây là bằng chứng quý giá tài xét đoán nhanh nhẹn chính xác của mình, đã cẩn thận buộc vào thắt lưng xác chết. Trịnh Khải có khuôn mặt khá đẹp trai, tuy tóc tai bù xù da xanh mét nhưng từ khuôn mặt ấy vẫn tỏa ra vẻ kiên cường tự tín. Nguyễn Huệ cúi nhìn vết thương sâu và dài ở trước cổ, rồi ngược lên hỏi:

- Ai là người chém được Chúa Trịnh?

Một người đàn ông trạc bốn mươi có đôi lông mày rậm và khuôn mặt lưỡi cày tiến đến trước, cúi đầu chắp tay vái chào Nguyễn Huệ, rồi nói với giọng hân diện:

- Dạ thưa Ngài, chính tôi.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt hỏi:

- Anh tên gì? Làm gì?

Người đàn ông hơi khóp, giọng bắt đầu ấp úng:

- Dạ.. dạ thưa...

Lãng đứng bên cạnh nhắc:

- Đây là Long Nhương tướng quân.

Người đàn ông mừng rỡ tiếp lời:

- Dạ thưa Tướng quân, tôi là Nguyễn Trang, làm chức Tuần huyện.

Nguyễn Huệ hỏi:

- Làm sao anh chém được Chúa?

Tuần huyện Trang đáp:

- Dạ thưa không ạ. Chúng tôi bắt được ông ấy định giải về đây cho Tướng quân. Nhưng đến nửa đường, ông ấy chộp dao tự đâm cổ chết.

- Một mình anh bắt được Chúa à?

- Dạ một mình tôi ạ!

Nguyễn Huệ cười, mỉa mai:

- Anh giỏi nhỉ.

Tuần huyện Trang chột dạ, ấp úng nói tiếp:

- Dạ cũng có thêm bạn bè và thuộc hạ của tôi giúp đỡ. Nếu không...

Nguyễn Huệ cắt lời Trang, hỏi:

- Chúa cái trang thế này, làm sao anh biết là Chúa?

Huyện Trang đáp:

- Dạ chỉ nhìn qua cảnh thầy trò ông ấy đóng trò vụng về là đoán ra ngay. Vả lại...

- Thầy trò nào? Anh nói chẳng đầu đuôi gì hết. Kể lại từ đầu xem nào.

Một người vóc nhỏ có khuôn mặt choắt như quả cau đứng gần Huyện Trang vội lên tiếng:

- Dạ thưa Tướng công, ông ấy nghi có đến hỏi tôi, tôi xác nhận đúng là Chúa. Nhờ thế...

Nguyễn Huệ hỏi Tuần huyện Trang:

- Người nào nữa đây?

Huyện Trang liếc nhìn người vừa lên tiếng, cau mày khó chịu, nhưng cũng phải trả lời:

- Dạ thưa đây là ông Ba Đóm.

Người ấy vội nói:

- Thưa tôi là Nguyễn Noãn, cháu Lan Quận công Nguyễn Trục.

Nguyễn Huệ thấy câu chuyện nhì nhằng mãi, đâm bực, lớn tiếng bảo:

- Thôi, hai người kể lại từ đầu xem. Ai nói trước?

Nguyễn Noãn tranh lời Tuần huyện Trang, kể:

- Dạ khi "ông ấy" trốn đến huyện Yên Lãng thì gặp tôi. Lúc đó ông ấy còn dẫn theo nhiều quân quan voi ngựa, chứ chưa có vẻ thất thế lắm. Vì vậy tôi phải vờ qui thuận, ra qui bên đường mà tâu rằng: (4) Ngày trước tôi vâng mệnh Chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được 500 tên đang chờ ở bờ bắc con sông này. Xin Chúa ngự giá qua bắc về tạm làng tôi, đóng tạm ở đó ít lâu rồi hãy tính việc sau này". Ông ấy tin tôi, sai gọi lái đò chở qua sông. Nhưng bao nhiêu chân sào bến đò nghe gọi sợ hãi lánh đi hết cả. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được mười ba, mười bốn người.

Nguyễn Huệ sốt ruột, giục:

- Kể gọn lại. Về sau tại sao Chúa sa vào tay Tuần huyện Trang?

Tuần huyện Trang được dịp may, lấu liến nói:

- Ông Ba Đóm nói quanh khiến ông ấy nghi, mới hỏi quanh đó có viên Tiến sĩ nào không. Ông Ba Đóm bảo chỉ có viên Thiêm sai Lý Trần Quán hiện đóng quân tạm tại Hạ Lôi.

Nguyễn Huệ bức quá, gắt:

- Lại thêm tên Thiêm sai nào nữa? Sao lúc này anh bảo chỉ có một mình anh?

Tuần huyện Trang sợ hãi, vội đáp:

- Dạ Thiêm sai là thầy cũ của tôi. Thầy tôi gọi tôi đến bảo: "Có quan Tham tụng Kế liệt hầu Bùi Huy Bích tránh loạn đến đây, ta muốn phiên anh hộ tống ra khỏi địa phận". Tôi chưa hay biết gì, nên xin vâng. Tôi theo thầy đến gặp Kế liệt hầu. Tôi cũng chưa có ý nghi ngờ gì cả. Đến chỗ hẹn, tôi thấy một người trẻ tuổi đứng giữa ba bốn người nét mặt đã già mà không có râu. Người trẻ tuổi thấy chúng tôi đến, liền trở thầy tôi hỏi: "Người nào thế?". Một người không có râu khép nép thưa: Đây là Thiêm sai Lý Trần Quán. Tôi chú ý quan sát thầy tôi, thấy Thiêm sai còn khép nép cung kính với người trẻ tuổi hơn cả bọn không râu nữa. Tôi đâm nghi, tự hỏi: Nếu thầy là chỗ quen biết cũ với Kế liệt hầu, sao thầy lại khúm núm quá độ như thế. Vả lại, tại sao Kế liệt hầu không biết mặt thầy? Hơn nữa trước đây tôi có nghe bọn lính kháo nhau rằng Kế liệt hầu là viên Tham tụng lão nhược ra cầm quân nhất định phải thua Tây Sơn, sao bây giờ ông lão hóa thành thanh niên? Lại thêm bọn không có râu này nữa! Đích thị là bọn quan thị trong cung cấm rồi! Tôi nghi, nhưng trong lúc thầy tôi thì thầm với "ông ấy", tôi giả vờ như chưa hiểu gì. Thầy tôi yên tâm giao cho tôi hộ vệ ông ấy ra khỏi địa phận Hạ Lôi. Tôi xin vâng. Chờ thầy tôi đi xong, tôi tụ tập thêm chục thủ hạ đến đưa ông ấy qua một tòa nhà khác, rồi lớn tiếng hỏi: "Ông có phải là Đoan Nam vương thì cứ nói thật với tôi. Nếu không, hễ có việc gì, ông đừng có trách". Ông ấy liền đáp: "Sao anh đoán xằng vậy? Ta là quan Hành Tham tụng Bùi Huy Bích đây mà". Tôi nói: "Ông chớ nói dối người ta. Cái ấn trạng của thầy trò nhà ông, lúc này tôi thấy cả rồi, còn che mắt được ai nữa. Từ xưa đến nay, hưng phế là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi. Đừng có giấu diếm làm chi cho nhọc thân". Ông ấy đổi sắc mặt.

Nguyễn Huệ không dần được tò mò, vội hỏi:

- Chúa có nói gì không?

Tuần huyện Trang đáp:

- Dạ ông ấy tức giận, tất nhiên phải thế. Ông ấy tận số mà còn hách dịch cái giọng đế vương. Ông ấy nói: "Vua chúa phải có mệnh trời. Chính thật Đại nguyên súy Đoan Nam vương là tao đây. Nếu có chết về tay mày cũng là mệnh trời. Tha hồ cho mày làm gì thì làm".

Nguyễn Huệ hỏi:

- Anh giải Chúa đi nộp sao để cho ông ta tự vận?

Trang bối rối, lo sợ đáp:

- Dạ tôi không ngờ trước. Giải đến giữa đường, ông ta kêu mệt. Tôi không nỡ ép, cho vào nghỉ tạm trong một quán nước. Ông ấy vớ ngay con dao của nhà hàng tự đâm vào cổ. Tôi vội dâng con dao lại, nhưng vết thương khá sâu, máu phun tung tóe. Ông ấy muốn mau chết, đưa ngón tay chọc vào vết thương xé to ra. Tôi vội giữ tay lại. Máu vẫn phun như suối. Một lát, ông ấy vật vã đau đớn, đòi được uống nước. Tôi bưng nước đến, ông ấy hớp vài ngụm thì chết.

Nguyễn Huệ xúc động, đưa tay lên quệt chớp mũi hai ba lần, rồi cúi xuống vỗ vào xác Trịnh Khải nói:

- Tiếc cho cậu trai trẻ đẹp. Giả sử lúc đầu sớm chịu hàng, thì đâu có mất phú quý. Sao lại phải tự giết mình cho khổ? (5)

Nói xong, Nguyễn Huệ đứng lặng một lúc lâu. Mọi người đều im lặng chờ. Một con nhặng xanh bắt mùi máu tanh tìm đến, tiếng vo ve rõ mồn một. Nguyễn Huệ quay lại bảo Tả quân Nhậm:

- Cho đem xác bêu ở cửa Tuyên Vũ cho thiên hạ biết, rồi sai khâm liệm tống táng theo cung cách vua chúa. Vũ Văn Nhậm bắn khoăn hỏi:

- Theo cách tống táng vua chúa là thế nào ạ?

Nguyễn Huệ bật cười:

- Ta cũng không biết. Đi hỏi Hữu quân (Nguyễn Hữu Chỉnh), nhất định ông ấy sành quan hôn tang tế theo kiểu Bắc hà.

Vũ Văn Nhậm sa sầm nét mặt. Mọi người dợm bước vào thì Tuần huyện Trang vội nhắc:

- Thưa Tướng quân, chúng tôi từ Hạ Lôi lên đây...

Nguyễn Huệ chột nhó, cười lớn, rồi hỏi:

- Anh đòi thưởng công chứ gì? Được. Anh xứng công lắm. Ta phong cho anh làm Tráng nghĩa hầu, gia chức Trấn thủ Sơn Tây.

Tuần huyện Trang hớn hở ra mặt, liên tiếp cúi gập người lạy tạ. Yên tâm với chức vị mình, Trang mới nổi lòng hào hiệp nghĩ đến các cộng sự viên. Trang ấp úng thưa:

- Dạ... dạ thưa Tướng quân... dạ...

- Chưa đủ sao? Còn gì thêm nữa?

- Dạ còn ông Ba Đóm, bạn tôi...

Nguyễn Huệ quay phắt về phía Nguyễn Noãn hỏi:

- Anh cũng đòi thưởng chứ gì? Anh là gia thần của họ Trịnh phải không?

Nguyễn Noãn đoán Nguyễn Huệ đặt câu hỏi để đề cao thái độ dứt khoát với họ Trịnh của mình, nên vội vã đáp:

- Thưa phải. Thân phụ tôi là Nguyễn Thường, vốn là gia thần Chúa Trịnh.

Nguyễn Huệ liền bảo Tả quân Nhậm:

- Tên phản trắc này có dùng cũng chẳng ích gì. Chỉ nuôi ong tay áo. Đem chém hắn đi!

*

* *

Lợi tìm đến lầu Ngũ Long để hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh về Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quỳ. Khi kinh thành thất thủ Kiến xuyên hầu đem gia đình chạy ra vùng ngoại thành. Đến khi có ngự chỉ triệu về, Kiến xuyên hầu phải đem gia đình trở lại kinh. Lúc đó mới thấy dinh cơ của mình đã có một toán lính Tây Sơn chiếm giữ. Việc rắc rối lên tới Lợi. Lợi cũng không hiểu Kiến xuyên hầu là ai, thuộc phe cự thần Chúa Trịnh phải sung công tài sản hay chỉ là một văn thần có thể lưu dụng? Lợi phải đến hỏi Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh. Cảnh lầu Ngũ Long phía sau ồn ào đông đúc bao nhiêu, thì phía trước vắng vẻ hiu quạnh bấy nhiêu. Chỉnh là người Bắc hà, quen biết giao thiệp rộng. Nay đang ở buổi đặc thế, không thiếu người tìm đến nhờ vả đủ việc. Các quan được vua triệu hồi cũng phải đến ra mắt Chỉnh để nghe sắp xếp công việc. Bà con thân nhân đến nhờ nhờ. Bạn bè đến chúc mừng để nhắc nhở tình cũ. Kể cả kẻ thù hiện thất thế cũng đến van xin để được yên thân. Trong lúc đó, phía trước lầu nơi Tả quân Vũ Văn Nhậm đóng, không có ai ra vào cả.

Chỉnh biết cái thế khó xử của mình, nên đặt một tên lại ngồi ở trước cổng khu Ngũ Long, hễ có ai đến thì mời họ sang phía trước lầu để yết kiến Nhậm. Lợi cũng bị "hướng dẫn" như thế.

Nhưng anh phải giải quyết gấp vụ trả nhà cho Kiến xuyên hầu, nên vào cổng xong, Lợi rẽ về phía sau lầu.

Từ sau trận Vị Hoàng, Nguyễn Hữu Chỉnh không trực tiếp điều khiển Lợi nữa, nên lần này hai người cư xử với nhau thân mật tự nhiên, bỏ qua tất cả dè dặt tôn ti giữa kẻ trên và người dưới. Lợi nhận thấy Nguyễn Hữu Chỉnh hí hửng, linh hoạt như cá gặp nước. Chỉnh có cái vẻ bận rộn tíu tít của một người đang tận hưởng sự quan trọng của mình. Ngồi nói chuyện với Lợi, Chỉnh không hoàn toàn chú tâm vào các lời trao đổi. Khi gọi một viên lại gần vào dặn điều này, khi sai bảo quân hầu điều khác. Không còn ai để sai nữa, thì luôn tay lục soạn giấy tờ, rồi than quá nhiều việc, làm đêm làm ngày không xuể. Lợi định đứng dậy ra về thì một người khách nữa bước vào phòng Chỉnh.

Viên Hữu quân vội vã chạy ra tận cửa phòng rồi rít chào mừng:

- Kìa, bác Long. Từ trưa đến giờ tôi chờ bác mãi. Không, bác cứ vào đi. Toàn anh em trong nhà cả mà. Sao bác đến chậm thế?

Người khách cười, rồi bảo:

- Hữu quân hại tôi, rồi còn hỏi! Đặt chi cái tên lại gần ngoài cổng thế? Tôi thì hể còn lạ gì, ngày nào không tới đây. Thế mà lúc nãy hể cứ nằng nặc đòi tôi phải vào trước lầu gặp Tả quân cho được. Tôi giả vờ thuận, vào trong cổng rẽ về phía này. Hể tức quá, chạy theo lối áo tôi lại. Nhì nhằng cả buổi hể mới cho đi.

Nguyễn Hữu Chỉnh mời khách ngồi đối diện với Lợi. Lợi chấp tay vái chào. Người khách chào lại, gương mặt do dự e dè vì chưa biết Lợi là ai, có thể tiếp tục ăn nói tự nhiên thân mật với Chỉnh được không. Nguyễn Hữu Chỉnh đoán được tâm trạng bạn, vội nói:

- Đây là ông Lê Tấn Lợi, người thang mộc ấp, quan Bộ binh phụ trách quân lương. Chỗ thân tình của tôi đấy. Thân tình chẳng kém gì giữa tôi với bác. Còn đây là bác Đỗ Thế Long người Thanh Trì, cũng bị họ Trịnh bỏ ngục một chỗ với tôi. Tôi thì may mắn vào được Qui Nhơn, còn bác Long thì chịu cực khổ cho đến ngày ta hạ được họ Trịnh. Chính tôi sai người thả cho bác Long ra đấy.

Hiểu rõ thân thế của nhau, Đỗ Thế Long và Lợi bớt dè dặt hơn. Không khí trong phòng bớt khách sáo. Long thấy cần phải nói vài lời cầu thân với Lợi:

- Chắc ông quen biết với Hoàng gia ngay từ thời chưa dựng nghiệp?

Lợi được vuốt ve niềm tự ái tự cao lớn nhất, hể diện đáp:

- Vâng. Quả có thể. Tôi làm việc với nhà vua từ thời còn buôn nguồn. Lúc đó mọi việc thu chi trong nhà đều do tôi cả.

Long nói:

- Thảo nào nhà vua giao việc quân lương cho ông. Nghe nói các kho tàng trong phủ Chúa vẫn còn nguyên không mất mát gì, phải thế không ạ?

Lợi đáp:

- Vâng. Chúa Trịnh bị bọn quan văn xúi dục, không biết người biết ta, nên không tâu tán kho tàng dặt gia đình trốn đi, lại dàn quân chống cự, tưởng giữ được thành. Đến lúc thua chỉ chạy thoát lấy thân. Rồi cả cái thân cũng không thoát. Góm, dân chúng bu đen ở cửa Tuyên Vũ cố xem cho được mặt Chúa. Tôi đến đây, phải chật vật lắm mới chen qua được. Họ có xem thấy gì đâu! Bọn lính lười khiêng xác đến vứt đó rồi giao cho bọn canh cửa Tuyên Vũ lo. Cái xác nằm nghiêng, đầu tóc xổ ra che kín mặt, làm sao mà xem!

Nguyễn Hữu Chỉnh liền nói với Long:

- Chúa không chịu tin lòng ta, nên tự hủy hoại đời mình. Nếu Chúa còn sống, chắc ta sẽ đặt vào một địa vị thanh nhàn, không để phải mất cả danh tộc. (6)

Đỗ Thế Long định nói gì đó, nhưng liếc nhìn Lợi, ngần ngại. Chỉnh thấy vẻ do dự của Long, liền nói:

- Tôi đã bảo bác chớ ngại! Tôi với anh Lợi đây tuy kẻ bắc người nam nhưng gan ruột của nhau đã hiểu nhau cả. Tôi thích cái đức nói thẳng của bác, chẳng kém những bài hát quốc âm của bác đâu! Mấy ngày nay từ khi bác ra khỏi ngục, bác khuyên điều gì, tôi đều tuân theo. Chắc bác đã thấy.

Đỗ Thế Long liếc nhìn Lợi một lần nữa, rồi mím môi suy nghĩ một chút, trước khi hỏi Chỉnh:

- Ông có ra cửa Tuyên Vũ chưa?

Chỉnh đáp, mắt mở to vì kinh ngạc:

- Tôi cần gì phải ra đấy? Ra xem mặt Chúa à?

Đỗ Thế Long nói:

- Thế thì đáng tiếc. Ông phải ra đấy mà không có quân đi trước dọn đường, quân đi sau hộ tống, ra đấy như một sĩ phu Bắc hà lơ lửng, mặc áo the vá cấp dù gầy chen chúc với mọi người. Ra đấy để nghe thiên hạ nói về ông.

Nguyễn Hữu Chỉnh xúc động, chồm người về phía Long hỏi gấp:

- Họ nói gì về tôi? Bác đừng giấu. Cứ nói thẳng những gì họ nói kể cả những gì bác nghĩ.

Đỗ Thế Long không dè dặt nữa, nhìn thẳng vào đôi mắt hoang mang chờ đợi của Chỉnh mà nói: (7)

- Cái việc mà ông đã làm, tiếng là nhân nghĩa, thật ra chỉ là tàn tặc. Ngày nay, ông có thể nghiêng non, lật bể, cố nhiên là nhờ "quí quốc" giúp cho. Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, cái gì không phải là ơn nhà Chúa. Nay ông lấy tiếng phù Lê diệt Trịnh để kéo quân ra, thật là quá tệ. Nếu bảo nhà chúa hiếp chế nhà vua là việc có lỗi, thì sao không nghĩ đến cái công tôn phù hăng hai trăm năm trời. Theo người mới phản người cũ tức là bất nghĩa, bới cái lỗi để lấp cái công tức là bất nhân. Bất nghĩa, bất nhân tức là tàn tặc. Kẻ đại trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào chỗ tàn tặc được ư?

Nguyễn Hữu Chỉnh bị bất ngờ, da mặt tái mét, môi trên run run. Ông thẳng thốt hỏi:

- Đấy... đấy là lời thiên hạ, hay ý của bác?

Đỗ Thế Long thấy Chỉnh xúc động, hơi sợ, nhưng vẫn mạnh mẽ đáp:

- Đấy là những điều sĩ phu Bắc hà nghĩ về ông.

Nguyễn Hữu Chỉnh im lặng hồi lâu để trấn tĩnh, rồi mới đáp chậm:

- Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi vì sự tôn phù nhà Lê mà làm việc này, cốt để chống đỡ cho nền cương thường. Đó là một việc chí nhân, đại nghĩa. Vậy mà bác lại bảo là tàn tặc, chẳng phải là bác nói quá tệ ư? Nếu không phải tôi nghĩ sai, thì chắc là bác nói quá.

Đỗ Thế Long như một mũi tên đã bắn ra, không dần được phần kích, nói:

- Nhà vua vốn đã được tôn sẵn, cần gì đợi ông tôn phù? Chẳng qua ông chỉ mượn có đó để làm trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng nhà nước đương như cái bình vàng không mấy may sút mẻ, bỗng chốc vô có ông đưa "người ngoài" tới đây (Long cố gắng lắm mới liếc về phía Lợi), làm hại chủ sớ, làm hại nhân dân, người trong thiên hạ sẽ cho ông là beo, sói, điều, quạ. Gọi là tàn tặc chưa phải là quá lời. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, chẳng qua cũng như cáo mượn oai hùm mà thôi. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc phải có ngày sinh biến.

Rồi nữa "người ta" bỏ ông mà về (lần này Long không dẫn được, phải liếc về phía Lợi), ông đem cái thân cón con để cõng cái tội tày trời, làm thế nào mà đứng vững được với thiên hạ? Nguyễn Hữu Chỉnh càng tức giận hơn, hai hàm răng cắn chặt lại. Nhưng cuối cùng, ông cố đổi sắc mặt, vui vẻ hỏi theo giọng nửa đùa nửa thật:

- Vậy thì "ông bạn của giống heo, sói, điều, quạ" bảo "giống heo, sói, điều, quạ" nên làm thế nào đây?

Đỗ Thế Long thấy Chỉnh đổi sắc mặt ra vui, và nghe cái giọng đùa cợt của Hữu quân, lòng mừng vì nghĩ bạn cũ không giận vì lời nói thẳng thô bạo, nên hạ thấp cái giọng công kích gay gắt xuống thành lời tâm sự nhỏ nhẹ:

- Tôi hiểu lòng ông, ông ra chuyển này, chẳng qua vì ngài Trấn thủ trước (chỉ Quận Huy) mà trả thù với bọn lính Tam phủ. Nay bọn kiêu binh đã bị diệt, ấy là chí ông đã toại. Nếu ông xoay lại những điều đã định từ trước, khéo điều đình với "quý quốc", khiến họ mãn nguyện ước muốn mà rút quân về, rồi ông chọn ở trong dòng họ Trịnh, kiếm người khá lập nên làm Chúa, còn ông thì làm vị Phù tá. Đó là cái công không mấy đòi có.

Nguyễn Hữu Chỉnh nheo mắt với Lợi, bảo Long:

- Phải, để tôi nghĩ xem. Bây giờ bác hãy về nhà, tìm một người nào đáng nói (nhớ sửa lại lời cho khéo hơn nhé) rồi đợi lúc nào người ấy thích nghe, bác hãy dùng lời nói mà làm con đường tiến thân.

Đỗ Thế Long biết Hữu quân muốn từ khách. Hơn thế nữa, ông hiểu từ nay về sau, Nguyễn Hữu Chỉnh không muốn gặp mình nữa. Long cảm thấy bồi hồi, như đứng trước một sự đã rồi. Sự đó hay hay dở, tốt hay xấu, đúng hay sai, đến lúc này, ông không xác quyết rành rọt được như lúc đang nói. Cho nên Đỗ Thế Long đứng dậy chào Chỉnh và Lợi ra về với tâm trạng bập bồng, như người say.

Long đi khỏi, Chỉnh liền nói với Lợi:

- Long (rồng) thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn, để làm mê hoặc thiên hạ.

Lợi vô tình tham dự vào cuộc đấu khẩu bất ngờ, cũng đang hoang mang chưa tìm được lối ra, cho chính mình. Nghe Chỉnh nói xa nói gần như vậy, Lợi mừng rỡ.

Chỉnh gọi quân hầu vào sai chặn ở ngoài cổng bắt Long trối lại, đem dìm chết ở sông Phú Lương.

Dựa theo chương 7, Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố

Thư giáo sĩ Sérard đề ngày 31- 7 viết: "Ngày 21, bọn này (Tây Sơn) cầm súng cầm gươm tiến vào thủ đô, một chỗ mà tất cả đang ở trong tình trạng hỗn loạn. Vào như thế không khó lắm, vì thành chỉ là một hàng rào bằng tre, binh sĩ cũng như nhà giàu đã trốn đi để mở cửa".

(Cadière - Documents relatifs à l'époque de Gia Long, trang 40)

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, chương 7

Theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 88

Liệt Truyện chính biên, quyển 30, tờ 22a

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 94

Sách đã dẫn trang 95 trở đi.

Chương 67

Sau khi ra lệnh dim chết Đỗ Thế Long, Nguyễn Hữu Chỉnh ngong ngóng chờ đợi phản ứng của Tả quân Nhậm. Chỉnh biết sau khi đến gặp mình, Lợi đã qua gặp Nhậm ở lâu trước. Và ông cũng thừa biết rằng ở vào một vị trí tế nhị như Lợi, bắt buộc Lợi phải thuật rõ những gì xảy ra tại phía sau lầu Ngũ Long, để chứng tỏ sự vô can của mình. Hơn nữa, dùng quyền trực tiếp điều hành trị an trong kinh thành, Vũ Văn Nhậm đã cho gọi những người lính dẫn Long ra giết ở sông Phú Lương đến tra hỏi, rồi cho về. Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ chờ Nhậm bắt giữ thuộc hạ của mình là đi khiếu nại ngay với Nguyễn Huệ. Nhưng Tả quân Nhậm không làm gì cả. Chỉ hỏi cho biết thôi! Nguyễn Hữu Chỉnh không thể chịu đựng mỗi nguy hiểm thường trực, không khí đe dọa căng thẳng hằng ngày như vậy nữa! Ông xin dờn bản doanh qua chùa Tiên Tích. Nguyễn Huệ bằng lòng, nhưng dặn thêm:

- Từ nay về sau, việc gì động đến binh đao, chém giết, dù là giết ai và không phải dùng đến gươm giáo, ông cũng nên nói qua cho Tả quân biết.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết vụ Đỗ Thế Long đã đến tai Nguyễn Huệ, vội nói:

- Tên khốn kiếp người Thanh Trì đó chế giễu cả Tướng quân. Hắn xem tất cả chúng ta là "tàn tặc", là "heo, sói, điều, quạ...".

Nguyễn Huệ xua tay can:

- Ta biết rồi. Nhưng...

Nguyễn Huệ nói đến đó rồi thôi, nói lảng qua chuyện khác. Sau tiếng nhưng ấy Nguyễn Huệ muốn nói gì? Câu hỏi ấy khiến Nguyễn Hữu Chỉnh bần thần, nôn nao. Ông biết Tả quân Nhậm có ác cảm với mình. Nguyễn Huệ thì tuy có hiểu tài của Chỉnh, nhưng hoàn toàn tin cậy như người nhà, như người cộng tác, thì chưa! Ở Qui Nhơn, ở Thuận Hóa, Nguyễn Huệ còn chưa tin Hữu quân, huống chi ở tại Thăng Long, nơi tất cả tướng sĩ Tây Sơn đều là khách lạ.

"Ta biết rồi, nhưng"! "Ta biết rồi, nhưng..."! Nhưng thế nào? Nguyễn Hữu Chỉnh lấy bút viết ra đủ thứ giả thiết.

- Ta biết rồi, nhưng... chính ông ra lệnh thả hắn ra khỏi ngục mà!

- Ta biết rồi, nhưng... ông thấy hắn nói cũng có lý phần nào đấy chứ?

- Ta biết rồi, nhưng... tại sao hắn dám bạo mồm như vậy? Phía sau hắn tất có nhiều tên xướng xuất. Sao ông vội giết hắn đi?

- Ta biết rồi, nhưng... đằng nào ông cũng nên đợi cho đại quân rút về rồi hãy tự chuyên. Ông vội vã quá đấy!

- Ta biết rồi, nhưng... nếu không có Lợi ở đó, thì hắn đã thoát chết.

- Ta biết rồi, nhưng... có lẽ hắn nói quá sớm điều ông sẽ làm. Đúng là khẩu nghiệp!

- Ta biết rồi, nhưng... nhưng... nhưng...

Càng nghĩ, Chỉnh càng sợ hãi. Ông cảm thấy cô đơn. Chỗ đứng của ta ở đâu? Lời Đỗ Thế Long vẫn còn vang bên tai ông: "Rồi nữa người ta bỏ ông mà về, ông đem cái thân cõn con để cống cái tội tày trời. Làm thế nào mà đứng vững được với thiên hạ". Cái tội tày trời? Tội gì? Đối với Nguyễn Hữu Chỉnh, chỉ có một cái tội đáng sợ nhất là: thất bại. Công hay tội tùy thuộc vào chuyện thành bại, thế thôi. Nhưng liệu mình có thể một mình ở lại giữa kinh thành Thăng Long ngơ ngác, hoang mang, sau khi Tây Sơn về Nam hay không?

Mấy ngày gần đây, cái tin Lý Trần Quán tự chôn mình để tự phạt cái tội giết Chúa đã thành câu chuyện truyền tụng hấp dẫn khắp Thăng Long. Bọn nhà Nho Bắc hà xem Quán là một tấm gương sáng của lòng trung nghĩa, nên mỗi ngày, câu chuyện mỗi được tô chuốt đẹp đẽ. Người ta kể sau khi biết học trò cũ định đem Chúa Trịnh Khải giải nộp cho Tây Sơn, Lý Trần Quán vội đến chỗ Chúa rạp đầu xuống đất than: (1)

- Làm cho Chúa đến nỗi này là tội của tôi cả.

Chúa Trịnh Khải đáp:

- Người ta ai có bụng nấy. Người có can dự gì?

Quán lui ra, bảo Tuần huyện Trang:

- Chúa là Chúa chung của thiên hạ, mà ta là thầy mày. Nghĩa cả vua tôi, sao mày nỡ làm thế?

Trang nói:

- Quan lớn không bảo tôi trước, để tôi trót lỗ đến ra mắt Chúa. Nếu Chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi sau này quân Nam đến hỏi tội tôi, quan lớn có thể cãi hộ không? Sợ thầy không bằng sợ giặc, quý Chúa không bằng quý thân, tôi không thể để cho quan lớn làm lầm lỗ đâu.

Tức thì Trang quay về nhà rồi quát thủ hạ dìu Chúa đến kinh. Quán đón đường, lạy Chúa vừa khóc vừa kêu:

- Ôi Trời ơi! Tôi giết Chúa tôi, Trời có biết không?

Chúa vẫn an ủi:

- Tấm lòng trung nghĩa của người "cô" đã biết rồi, đừng nên tự oán trách mình như thế!

Trang dẫn Chúa đi rồi, Lý Trần Quán quay về nhà bảo chủ trọ:

- Bề tôi làm cho nhớ vua, tội đáng phải chết. Nếu ta không chết, thì lòng ta vẫn không tỏ được với trời đất. Vậy hãy đi sắm cho ta một cỗ áo quan, mười thước vải trắng, để ta làm theo chí của ta.

Chủ trọ hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe và nói:

- Ta đã muốn chết, không có cách này tự khắc sẽ tìm cách khác, người không ngăn nổi đâu. Nếu có yêu ta thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phần uất nóng nảy. Chủ trọ ngăn không được, bèn đi sắm sửa như lời Quán dặn.

Quán sai đào sau nhà ở một cái huyệt, đặt chiếc quan tài xuống đó. Rồi Quán lấy tấm vải trắng xé ra làm hai, một đoạn làm khăn, một đoạn nữa làm dải lưng. Sau khi đội mũ mặc áo ngoài về phương Nam, lễ vọng hai lễ, Quán bèn bỏ mũ chít khăn trắng và thắt dải lưng trắng, vào nằm trong chiếc quan tài và bảo chủ trọ đẩy nắp lại. Chủ trọ vừa vâng lời thì Quán ở trong quan tài nói ra:

- Hãy còn thiếu một câu nữa phải nói hết đã.

Chủ trọ giở nắp quan tài ra, Quán đọc hai câu thơ:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn

Thập phần chi trung vi tận

(Đạo hiểu ba năm đã trọn

Chữ trung mười phần chưa hết)

Nhờ ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ ta.

Chủ trọ chưa kịp nói gì, Quán tiếp:

- Đa tạ chủ nhân. Ta từ biệt ông từ đây!

Chủ trọ cùng năm, sáu người đầy tớ sụp xuống lễ ở trước quan tài, rồi dậy nấp và lấp đất lên.

Nguyễn Hữu Chinh có biết Lý Trần Quán từ trước, nên đoán huyền thoại lưu truyền có nhiều phần tô vẽ, trau chuốt quá cả bình sinh của Quán. Nhưng sự cố ý biến Quán thành một bề tôi tận trung tận hiếu rõ ràng biểu lộ một thái độ phản kháng. Gần đây, trên các đoạn tường thành khuất nẻo, hai câu thơ của Quán đã xuất hiện. Tối hôm qua, kẻ vô danh đã bạo gan viết hai câu thơ đó ngay bờ thành cửa Tuyên Vũ bằng than. Chinh đoán nó sẽ xuất hiện ở nhiều nơi khác, vào những lúc bất ngờ nhất. Ông thấy mình trở thành cái bia cho sĩ phu Bắc hà công kích, cười cợt, mai mỉa. Đề cao Lý Trần Quán là một cách chê bai ông. Làm thế nào đây?

Đỗ Thế Long khuyên ông tái lập ngôi chúa? Không, không thể được. Không ai cho phép ông làm như vậy. Chỉ còn một con đường thoát, một lối cứu mình là tìm mọi cách vận động cho phù Lê trở thành điều thực không phải là cái tiếng giả như chính ông đề nghị lúc đầu.

Tận trung với Vua có khác nào tận trung với Chúa? Vua Lê Hiến Tôn còn đó, quan văn quan võ đã triệu về gần đủ, trật tự an ninh đã được vãn hồi nhờ những biện pháp cương quyết, dứt khoát. Còn có cơ hội nào tốt hơn để quảng bá công cuộc phù Lê, làm cho mọi bất bình được hóa giải, biến những kẻ tận trung như Quán thành kẻ cố chấp, và tìm một vị trí vững chắc cho Chinh ở Thăng Long này?

*

* *

Nguyễn Huệ ngồi một mình trong gian phòng rộng phủ màn gấm sang trọng của phủ Chúa. Bấy giờ là canh ba. Đêm Thăng Long yên tĩnh giống như đêm Thuận Hóa và đêm Gia Định. Vẫn tiếng trống đổi canh quen thuộc. Vẫn âm thanh huyền bí của những cuộc sống trầm lặng cõi cút không thể lộ ra giữa ban ngày ồn ào tấp nập, phải chờ đến đêm tĩnh lặng mới đủ sức nhắc nhở mình có mặt. Vẫn ngọn sáp vàng còn thơm mùi phấn hoa và mật ngọt. Nguyễn Huệ ngồi yên lặng như vậy thật lâu, tay trái mơn man lần tìm những nốt mụn nổi hai bên má và dưới cằm. Hễ mụn nổi nhiều là ông biết tâm hồn mình có nhiều bất định. Phải. Đêm Thăng Long chỉ có cái yên tĩnh bên ngoài. So với Thuận Hóa, Thăng Long như một khúc sông trên mặt bập bênh bèo giạt, còn dưới mặt nước là sóng ngầm, là đá nhọn, là rấn rít. Đã quen chế ngự sự bất ổn và hỗn loạn, lần này, Nguyễn Huệ ít tự tin hơn. Ông có nhiều nỗi lo. Hồi chiều Lãng vừa báo cho ông biết hai câu thơ tuyệt mệnh của Lý Trần Quán đã xuất hiện khá nhiều trên vách thành, trên các cửa ô, trên cả tường các dinh thự. Hơn ai hết, ông hiểu đây là dấu hiệu đầu tiên của sự bất ổn. Bọn hủ nho hành động sớm như thế sao? Thăng Long là đất văn hiến, nền Nho đã dày. Không như Qui Nhơn hay Gia Định. So với Thuận Hóa, Thăng Long qui tụ được một số sĩ phu khoa bảng đông đảo hơn nhiều. Họ trở thành một tầng lớp đáng quan tâm, vì cách suy nghĩ của họ ảnh hưởng lớn lao đến đám đông. Trường hợp Lý Trần Quán với tác dụng mạnh mẽ sâu sắc của nó, có sức mạnh của một đạo quân, chứ không phải chỉ là một đóm lửa lóe lên giữa chốn hoang vu như Nguyễn Đăng Trường hay Nguyễn Khoa Kiên. Cuộc tuần nạn vì cố chấp và tuyệt vọng, và có lẽ còn vì lòng kiêu hãnh tự phụ nữa, trong vòng có vài ngày lan truyền khắp Bắc hà, và điều đó đủ kích thích quyến rũ những kẻ thiêu thân tuyệt vọng và tự phụ khác. Sẽ còn nhiều

Lý Trần Quán nữa, nếu... Nếu thế nào? Chưa bao giờ Nguyễn Huệ gặp nỗi hoang mang trùng trùng cho bằng lúc này. Hoang mang từng lớp chập chồng lên nhau. Ông cảm thấy tiếc cái thời tự tín trong sáng trước đây. Nhưng từ lúc nào ông bắt đầu có cảm giác ngầy ngất say dại như người đã leo tới đỉnh núi cao đột nhiên ý thức khoảng cách hun hút giữa chóp núi và thung lũng và sự cô đơn? Có lẽ từ ngày ông cầm quân ra đánh Thuận Hóa. Ngày 28 tháng Tư năm Bính Ngọ. Khác với các lần trước, lần này ông cảm thấy có một khúc ngoặt quan trọng trước mặt ông. Ông sẽ thoát khỏi kiềm tỏa của vua Thái Đức, sẽ tự mình gây dựng một cơ nghiệp theo ước vọng hoài bão của mình, không cần nhờ đến bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn cơ hội lưu manh hay bọn hủ nho cố chấp. Ông đã thành công nhanh chóng và dễ dàng không ngờ. Hai mươi tháng Năm hạ thành Phú Xuân. Mười sáu tháng Sáu chiếm Vị Hoàng. Vừa đem đại quân ra Vị Hoàng 22 tháng Sáu, thì 23 tháng Sáu đã tiến lên chiếm thủ phủ Sơn Nam. 26 tháng Sáu hạ thành Thăng Long. Nếu kể từ ngày xuất quân từ Qui Nhơn, thì chỉ trong vỏn vẹn hai tháng, ông đã chiếm được một dải giang sơn kéo dài từ đèo Hải Vân cho đến Thăng Long, lật đổ một chế độ bền vững hằng mấy trăm năm.

Ông không thể không cảm thấy ngợp trước thành công, ngợp trước sức mạnh vừa tìm thấy, như một người lần đầu cưỡi một con ngựa khỏe và dữ. Ông đang ngồi ngay tại trung tâm của quyền lực, đang hít thở không khí của một nền văn minh ổn cố lâu dài, nơi mà một hòn sỏi trên lối đi, một gốc liễu trong vườn thượng uyển cũng có một gia phả. Ông phải làm gì đây? Họ Trịnh đã bị lật đổ khỏi phủ Chúa. Hoàng triều vẫn còn ngo ngoe sự sống, qua hình ảnh một vị vua già yếu suốt bao nhiêu năm lấy nhịn nhục làm khôn. Bao nhiêu ngày rồi Thăng Long êm ả, trật tự, nhưng ông biết lắm, đấy là sự êm ả trật tự đẻ ra từ sợ hãi. Gần như chưa có một guồng máy cai trị mới thay cho guồng máy của Chúa Trịnh. Chế độ vũ trị không thể kéo dài. Quyền hành sau này sẽ thuộc về ai? Giao vận mệnh xứ sở xa lạ này (cái xứ sở ông mới làm quen có hai tháng ngắn ngủi) cho sự đau yếu bạc nhược, hay cho sự sợ hãi? Vả lại anh ông ở Qui Nhơn đang nghĩ gì khi được tin ông đã đem đại quân vượt quá Lũy Thầy?

Mấy ngón tay trái vẫn mơn man tìm các nốt mụn. Một cái mụn lớn cộm lên dưới ngón trỏ. Nguyễn Huệ dùng móng tay út ấn mạnh vào chân mụn. Ông cảm thấy đau buốt, đến nỗi tê dại cả một vùng da mặt. Một ít máu và cồi mụn trắng còn dính lên móng tay út của ông. Ông lẩm bẩm: Nặng như vậy có quá sớm chăng? Nhưng đằng nào cũng phải nặn cái cồi ra thôi!

*

* *

Nguyễn Hữu Chỉnh酣寐, khi thấy Nguyễn Huệ có vẻ ngại ngủ, đã dục, nhưng Hữu quân không muốn bỏ lỡ cơ hội chỉ có hai người trong phòng. Nhân khi Nguyễn Huệ hỏi vụ Lý Trần Quán, Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

- "Ngài lấy danh nghĩa tôn phù nhất thống mà ra đây, thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân, việc nước đều phải do Hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự tôn phù. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ, Ngài vào ra mắt Hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng, chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay Ngài nên chọn ngày lành, cho cử hành lễ triều yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại"! (2)

Nguyễn Huệ vui mừng vì Chỉnh nói đến điều mình đang băn khoăn. Ông thoát khỏi cơn ngại ngủ. Nhưng Nguyễn Huệ giấu không muốn cho Chỉnh biết mình xúc động. Dùng giọng bình thường như không lấy đó làm quan trọng, Nguyễn Huệ hỏi:

- Người Bắc hà không tin ta có lòng tôn phù thực hay sao?

Chĩnh không đoán trước được Nguyễn Huệ sẽ dẫn mình tới đâu, dè dặt nói:

- Ấy là tôi muốn nói chung đến số đông, cả kinh thành lẫn dân các trấn. Họ Trịnh đã bị phế, điều đó ai cũng biết vì tiếng súng và lửa cháy ở Vị Hoàng, phố Hiến, Thăng Long, đâu đâu thiên hạ cũng nghe thấy trông thấy được. Còn vì sao ta đem quân ra đây thì chưa chắc mọi người đã hiểu tường tận. Dù có hiểu, chưa chắc đã hiểu đúng. Một người có học thức như Lý Trần Quán mà còn làm thế, huống chi dân thường. Cho nên lòng thực của ta thế nào, phải nói lớn lên, thiên hạ mới nghe mới hiểu. Cứ xem bọn cố chấp xấu xa bôi vẽ bậy bạ trên các tường thành, đủ biết kẻ ngu tại chính kinh thành này còn nhiều lắm!

Nguyễn Huệ gật gù, rồi hỏi:

- Ta thật bụng phù Lê thì cứ hành lễ triều yết có khó nhọc gì. Cũng lạy đủ năm lạy, rồi vái ba vái chứ gì. Đối với ta thì dễ thôi. Đầu gối ta còn khỏe. Nhưng liệu nhà vua có đủ sức ngồi vững trên ngai suốt lễ không?

Nguyễn Hữu Chỉnh liền đáp:

- Tuy đang bệnh, nhưng chắc không đến nỗi!

Nguyễn Huệ hỏi tiếp:

- Sau lễ thì thế nào?

Chĩnh chưa hiểu ý Nguyễn Huệ, hỏi lại:

- Ngài muốn nói gì ạ?

- Ta hỏi: sau khi tổ chức triều yết để tuyên xưng sự thống nhất, liệu nhà vua có còn đủ sức ngồi vững trên ngai không?

Chĩnh mau mắn đáp:

- Thưa ngài đã biết rồi. Hoàng thượng đã tuyên triệu các quan về phò tá. Hiện đã có Tứ xuyên hầu Phạm Lê Phiên, Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quỹ, Thao đường hầu Uông Sĩ Điển, Luyện đường hầu Trần Công Thước, Hoàn Quận công Nguyễn Hoàn. Các quan văn võ cấp dưới cũng về khá đông.

Nguyễn Huệ cười nhạt, nói:

- Họ lũ lượt kéo về y như lúc lũ lượt bỏ trốn. Nhà vua đã bệnh, thêm một bọn nhát nữa thì liệu có mạnh thêm chút nào đâu! Ít lâu, bọn tay chân họ Trịnh kéo về, nhà vua biết dựa vào ai?

Nguyễn Hữu Chỉnh hăng hái nói:

- Còn có tôi ở đây, chúng đâu dám bạo gan như vậy!

Nguyễn Huệ liền bảo:

- Thế thì Hoàng thượng đã có cái lưng ngai vững chắc lắm rồi. Ông chịu đưa lưng ra cho Hoàng thượng dựa, tiện lắm, mà cũng lợi lắm!

Bấy giờ Nguyễn Hữu Chỉnh mới thấy mình nói hớ, vội bào chữa:

- Cũng nhờ oai danh của Ngài mà tôi được sĩ phu Bắc hà vị nể đôi chút đó thôi.

Nguyễn Huệ liền lấy giọng thân mật bảo:

- Ông quá lời rồi. Không có ông thì làm sao tôi ngồi ở đây được. Phải. Ông nói chí phải. Ta nên tổ chức lễ triều yết thật long trọng cho thiên hạ khỏi hoang mang, bọn xấu thôi đàm tiếu, xuyên tạc. Ta chọn ngày mồng 7 tháng Bẩy vậy. Chưa xem lịch, nhưng tôi biết đó là ngày lành. Vì Trời ở về phía ta mà. Ông không tin hay sao mà lo ra vậy? Nào nước lụt đang dâng cao lại rút xuống, nào gió Nồm thổi mạnh giục thuyền ta tiến nhanh về Thăng Long! Gió, nước là của ta, thì ngày tháng cũng là của ta. Chọn ngày nào chẳng là ngày lành!

Nguyễn Hữu Chỉnh không yên tâm, nhưng không biết trả lời thế nào nữa!

*

* *

(3) Đúng ngày, vua Lê Hiến Tôn mở cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các quan đều theo thứ tự đứng hầu. Nguyễn Huệ dẫn các tướng sĩ từ cửa Đoan Môn đi vào. Sau khi lạy năm lạy và vái ba vái, Huệ dâng biểu tâu về công diệt Trịnh và các sổ sách quân dân, xin Hoàng thượng cho quan coi giữ. Nhận lễ triều xong, vua Lê tiến Huệ ra khỏi cửa điện, rồi cho bãi triều.

Hôm sau Hoàng thượng sai đem chiếu ra tận dinh Nguyễn Huệ, sách phong cho Huệ chức Nguyên súy, tước Phù Chính dực vũ Uy quốc công. Nguyễn Huệ nhận chức tước xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn. Lễ nghi rất chu đáo. Nhưng sau đó, Nguyễn Huệ nói với Nguyễn Hữu Chỉnh: - Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận dẹp yên được cả thiên hạ. Một hòn đất, một tên dân của nước Nam đều là của ta. Ta muốn xưng Đế, xưng Vương gì mà không được. Sở dĩ ta nhường những ngôi đó không muốn ngôi nào, chỉ vì lòng ta hậu với nhà Lê mà thôi. Cái chức Nguyên súy Uy Quốc công, với ta có hơn cái gì? Hay là nước Nam muốn lấy những tiếng hão đó để lung lạc ta? Nếu ta không nhận, sợ rằng Hoàng thượng bảo ta kiêu căng. Nhận mà không nói, lại sợ người trong nước chê ta là kẻ mán mọi. Bởi vậy nên ta phải nói.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết ý Huệ bất mãn, liền bịa ra lời vua Lê nói riêng với mình, bây giờ mình tiết lộ lại cho Huệ biết:

- Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi thế này: "Nhà vua kiệm bạc, không có vật gì đáng giá để tặng. Vẫn biết những cái danh tước nhỏ mọn không đủ làm cho Ngài sang thêm. Chỉ vì tục lệ Bắc hà vốn chuộng lễ nghĩa, làm thế để tỏ lòng thành của Hoàng thượng kính Ngài mà thôi. Bản ý của Hoàng thượng tự biết mình tuổi già, sợ rằng sau khi Ngài về, không còn biết nương tựa vào ai. Hoàng thượng muốn ràng buộc tình thân giữa hai họ, để cho hai nước đời đời làm thông gia với nhau. Nhưng vì chưa biết ý Ngài thế nào, cho nên Hoàng thượng chưa dám nói rõ.

Nguyễn Huệ cười, bảo:

- Xưa nay những kẻ xa nhà, tình chăn gối rất cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chuyện ấy à? ừ, em vua nước Tây làm rể Hoàng đế nước Nam, môn đăng hộ đối như thế, tưởng không mấy ai được.

Những người có mặt trong phòng đều cười ồ.

Rồi Nguyễn Huệ lại nói:

- Ta đùa đấy thôi. Hoàng thượng nghĩ vậy thật là "Lão mưu đa kế". Hoàng thượng muốn cho hai nước hiếu hòa với nhau.

Nguyễn Hữu Chỉnh biết Nguyễn Huệ đã bằng lòng, liền vào tâu với vua Lê Hiến Tôn, xem liệu còn mấy Công chúa chưa lấy chồng.

Nhà vua liền đáp:

- Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ có một mình Ngọc Hân hơi có chút nhan sắc. Nhưng người ta bảo hễ yêu con thì hay thiên vị. Trẫm nghĩ như thế, chưa biết con mắt người ngoài có nghĩ thế không! Người hãy ở đây trẫm đòi tất cả chúng nó ra đây, người coi qua rồi lựa đứa nào xứng thì cố giúp cho thành việc đi!

Rồi nhà vua liền sai quan thị vào đòi. Một lát sau các vị công chúa cùng ra trước ngự tọa.

Nguyễn Hữu Chỉnh liếc xem qua rồi nói:

- Được rồi. Mỗi nhân duyên này thần xin xe tơ, mười phần chắc xong cả mười.

Nguyễn Hữu Chỉnh trở về nói với Nguyễn Huệ:

- Câu chuyện hôm qua tôi thưa với Ngài, nay tôi vừa vào chầu Hoàng thượng. Hoàng thượng vui mừng bảo tôi rằng: "Nếu đã được Ngài bằng lòng thì đó cũng là run rủi. Hiện Hoàng thượng có vị Công chúa thứ chín mới mười sáu tuổi, xin cho nương bóng hậu dinh hầu hạ khăn lược, để cho hai nước thành nghĩa thông gia, đời đời hòa hiếu với nhau".

Nguyễn Huệ đáp bằng giọng bông đùa:

- Vì dẹp loạn mà ra, rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười cho thì sao? Nhưng ta mới chỉ quen gái Nam hà, chưa biết con gái Bắc hà. Nay cũng nên thử xem một chuyến xem có tốt không?

Cả phòng đều cười.

Lúc đưa Nguyễn Hữu Chỉnh về, Nguyễn Huệ lấy trở lại giọng nghiêm chỉnh nói:

- Nhờ ông tâu lại ta xin gửi Hoàng đế bệ hạ vạn tuế. Kẻo mán mọi đến đây, đâu dám đường đột như vậy. Bây giờ may sao lại bám vào được "lá ngọc cành vàng". Thật là "Thiên tải kỳ duyên".

Kẻo mán mọi mừng rỡ.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội vào triều tâu với vua Lê. Vua Lê Hiến Tôn liền hạ chiếu dụ gả Ngọc Hân công chúa cho Nguyễn Huệ.

*

* *

Tối hôm mùng 9 tháng Bảy, Nguyễn Huệ sai Lãng gọi Lợi đến để xuất kho hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai chục tấm đoạn dùng làm lễ vật cầu hôn, đợi hôm sau viên Hình bộ Thượng thư sẽ dâng lên vua Lê. Lợi làm xong việc về rồi, Lãng thấy Nguyễn Huệ cứ đi ra đi vào, vẻ mặt băn khoăn cử chỉ lúng túng hình như muốn nói gì với Lãng mà còn e ngại, bất quyết.

Lãng chờ mãi chưa thấy Nguyễn Huệ bảo gì, nên xin phép được lui. Nguyễn Huệ vội bảo:

- Không. Cậu ở lại đây tối nay!

Lãng ngơ ngàng nhìn Huệ, không hiểu Chủ tướng muốn gì. Nguyễn Huệ nói tiếp:

- Cậu ở lại đây ăn cơm với ta! Sao mấy hôm nay cậu cứ tìm cách ra khỏi phủ?

Lãng kể những việc anh phải làm theo phân công của chính Chủ tướng. Nguyễn Huệ cắt lời Lãng:

- Biết rồi. Nhưng việc gì ban đêm ra ngủ ở ngoài phủ? Ở đây thiếu chỗ hay sao?

Lãng không trả lời, cúi gằm mặt xuống. Nguyễn Huệ đến ngồi gần chỗ Lãng, nói nhỏ nhẹ, như dỗ dành:

- Không thể làm khác được. Ta nói gái Nam, gái Bắc chỉ để đùa cợt cho vui. Thực ra, nếu không làm thế, thì lấy cái danh gì để chen vào việc nhà việc nước của người ta. Nhà vua đã yếu không biết bằng lúc nào. Hoàng tự tôn xem ra chẳng có tài cán gì. Họ Trịnh đã bị diệt, triều đình như cái nhà thiếu cột. Lãng thấy không? Nếu không làm thế, bọn hủ nho Bắc hà sẽ được dịp nói nhăng nói cuội. Bây giờ ta là rể trong nhà, rể lo chuyện giúp cho ông nhạc là hợp lý, hợp tình. Lãng đừng nghĩ...

Lãng chờ lâu không nghe Huệ nói tiếp, nên nói:

- "Tôi" có nghĩ gì đâu! Nhưng Qui Nhơn nghe tin Tướng quân đã đem binh ra Thăng Long, lại cưới thêm một cô vợ Bắc, sẽ nghĩ thế nào?

Nguyễn Huệ cười xòa, bảo:

- Nghĩ thế nào thì cũng xin chịu tội vậy. Cái thế bắt buộc phải thế. Vào chỗ có mấy trăm năm văn hiến không đơn giản như vào những vùng sông rạch đồng lầy hoang vu trong Gia Định. Nói như bọn nhà nho thì phải danh chính rồi mới ngôn thuận. Vào đánh một trận cho địch tan tác

rồi chờ lúa thóc về như trước đây thì cần gì danh Chuyền này khác. Không khéo nhiều khi chịu vạ miệng cả trăm năm. Chỉ vì bọn nhà nho thuộc lòng kinh sử đầy thôi!

Rồi nhớ đến nhiệm vụ đã giao cho Lãng, Nguyễn Huệ hỏi:

- Cậu đã dò hỏi được bao nhiêu người rồi?

Lãng thú nhận:

- Họ cứ mắc kẹt trong vòng chữ nghĩa lẫn lộn, không thoát ra được. Tướng quân sai tôi đi dò hỏi những kẻ sĩ có khả năng và khí tiết của Bắc hà. Việc tưởng như dễ, nhưng bắt tay vào mới thấy khó. Nghe nói khi Chúa Trịnh Khải chạy ra khỏi kinh thành chưa biết tin cậy vào ai, muốn tìm người trung tín, nên hỏi tên Nguyễn Noãn: "Những làng gần đây có viên Tiến sĩ nào không?". Đó, ngoài này người ta lấy khoa bảng làm thước đo của năng lực và đạo đức. Nhưng khi nước biến, trừ bọn võ biên can đảm hay hèn nhát tùy thế nước, còn bọn nhà nho khoa bảng có làm được gì đâu. Ai thông kim bác cổ cho bằng quan Tham tụng Kế liệt hầu Bùi Huy Bích. Giao binh phù cho hầu có khác nào cầm lưỡi kiếm đưa đằng chuôi cho địch. Rồi ngay cả chính sự. Kế liệt hầu cũng không có kế hoạch nào. Các quan đại thần lục tục kéo về theo lệnh tuyên triệu của nhà vua, lóm thóm sợ sệt như gà phải cáo, thấy ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) nhú mày cau mặt đã co rúm người lại, thu vai xếp vế cho khỏi ai trông thấy. Thảm lắm! Số còn lại thì vừa tự phụ vừa vô tích sự. Không biết làm gì khi sống nên đem cái chết ra gỡ gạc hồng lưu danh với đời, kiểu như Lý Trần Quán. Tướng quân nghĩ xem, tôi tìm đâu ra những bậc sĩ đáng trọng cho Tướng quân đây!

Nguyễn Huệ nghe Lãng nói một thôi dài với giọng phẫn nộ phẫn kích, thừa biết ý kiến của Lãng thiếu công bằng. Gần như Lãng trút nỗi bức dọc riêng tư lên đầu các nhà nho Bắc hà. Tự nhiên lòng Nguyễn Huệ cảm thấy vui vui. Ông mỉm cười, trù mến hỏi Lãng:

- Không biết thầy còn sống, bây giờ thầy đang nghĩ gì?

Lãng bồi hồi, nói nhỏ:

- Cho đến lúc mất, cha em vẫn như tiếc một cái gì, chờ một cái gì.

Nguyễn Huệ nói:

- Những gì thầy chờ đợi đơn giản quá. Thầy vẫn tưởng hễ Hoàng tôn Dương ngồi được lên ngai vàng là tự nhiên sóng yên, biển lặng. Chúng ta đang sống vào cái thời bão cuốn, nước lũ. Cái thực hôm trước hôm sau đã trở thành cái giả, bập bênh, trôi nổi như những đê lục bình trên sông Ngã Bảy. Không hiểu được điều đó, thì chính mình cũng hụt chân, phải để cho nước lũ cuốn đi. Bọn hủ nho Bắc hà đang bị cuốn như vậy đó.

Lãng xúc động, thì thào:

- Cả Lãng cũng thấy ngợp. Nhiều hôm đi giữa Thăng Long mà tưởng như đang ở trong giấc mộng. Mới hơn hai tháng thôi...

Đột nhiên Huệ hỏi:

- Hôm đi An có dặn gì không?

Lãng không ngờ Nguyễn Huệ nhắc đến chị trong hoàn cảnh này, phải mất một lúc lâu mới đáp:

- Chị ấy dặn giữ gìn sức khỏe. Chị ấy tin có Tướng quân, mọi sự đều tốt đẹp.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- An nói như vậy thật à?

- Vâng. Chị ấy dặn đến Thuận Hóa nhớ tìm thăm nhà cũ. Nhưng, không có thì giờ. Nếu chị ấy biết...

Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Biết gì nào? Biết ta sẽ kéo ra tận đây ư? Không. Cả ta cũng chưa nghĩ đến chuyện ra Thăng Long khi xuất quân đánh Thuận Hóa. Ta vừa bảo đang sống trong một thời có bão cuốn. Đáng thương cho những ai không thấy được hướng bão.

Lãng quên cả dè dặt, nói ngay cái ý của mình vừa nghĩ:

- Em thì nghĩ những gì đang xảy ra sinh sôi, nảy nở, tàn phá và nảy mầm như cuộc sống hoang dại của cỏ cây. Nó xảy đến, ngoài tầm hiểu biết của mọi người, cho nên ai cũng dùng hai tiếng "mệnh Trời" để tự an ủi trước đổi thay, bất hạnh. Xảy ra rồi, người ta mới đi tìm cái luật của biến đổi, hỗn loạn, như bọn phường chèo tìm ra cách dạy thú đóng trò.

Nguyễn Huệ chăm chăm nhìn Lãng, buột miệng nói:

- Cậu không khác thầy bao nhiêu đâu! Nhưng ta cần được nghe những gì cậu nói. Ta sợ hệt chân vì những lời xu nịnh và những câu đầu môi chót lưỡi. Phải! Cậu có nhiều điều giống thầy!

*

* *

Như đã định trước, sáng mùng 10 tháng Bẩy năm Bính Ngọ, viên Hình bộ Thượng thư đưa lễ vật và tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Vua Lê Hiến Tôn sai hoàng tử đón nhận lễ vật, định hôm sau sẽ đưa dâu. Rồi Ngài truyền chỉ các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa, và các quan văn võ, ai nấy đều phải sắm sửa xe ngựa, sáng mai để ở cửa điện để đưa Ngọc Hân Công chúa về phủ.

Sáng sớm hôm sau, Nguyễn Huệ lại sai quan đệ một tờ tâu vào triều xin làm lễ nghênh hôn.

Một mặt Nguyễn Huệ đốc quân lính đứng sắp hàng ở suốt hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái kinh thành đi xem đông như nê m cối, ai nấy đều cho là việc ít có xưa nay. (4)

Giờ đưa dâu sắp đến mà Công chúa chưa sắp xếp xong tư trang, quần áo, đồ đạc vào cái hòm sơn then. Suốt ba đêm nay, Công chúa không tài nào nhắm mắt nổi. Gần một tháng dồn dập biến cố, tuy là gái, Công chúa cứ thắc thỏm lo lắng đủ điều. Thế nước nghiêng ngửa nên cảnh hoàng gia phải thường xuyên xao động. Tin Vị Hoàng mất, tiếp theo là tin xấu từ thủ phủ trấn Sơn Nam. Các hoàng phi, hoàng tử bàn tán với nhau nên chạy loạn ra khỏi kinh thành hay nên ở lại. Tờ mật tấu Nguyễn Hữu Chỉnh cho người đem vào Thăng Long trước khi phò Hiến mất có khiến hoàng gia bớt lo đôi chút. Nhưng, tin sao được người ngoài? Gia đình chia thành từng phe phái ý kiến chống báng nhau. Ngọc Hân còn nhỏ không dám lạm bàn việc lớn. Nhưng nhà vua càng ngày càng mệt. Công chúa thương cho nước, và thương cả cha già. Tự tay Công chúa sắc thuốc, giặt khăn cho nhà vua, giành việc của bọn cung nhân và quan thị. Thế nước tạm ổn thì đến chuyện vu qui. Công chúa vừa hãnh diện vừa sợ hãi. Con người đã từng đánh Nam dẹp Bắc trăm trận trăm thắng ấy là chồng của Công chúa sao? Từ ngày kinh thành thất thủ, Công chúa được nghe kể biết bao nhiêu chuyện về con người lừng lẫy ấy, chuyện tốt có mà chuyện xấu cũng không thiếu. Kẻ tiêu diệt họ Nguyễn ở Gia Định, phá tan mấy vạn quân Xiêm, hạ thành Phú Xuân nội trong một đêm, và lấy Bắc hà trong vòng mười ngày! Con người ấy là chồng của Công chúa sao?

Lần đầu Nguyễn Huệ vào ra mắt vua Lê Hiến Tôn, thái độ khoan thai tự tin mà lại nhún nhường, lời đối đáp khéo léo uẩn súc, tất cả mọi chi tiết của cuộc diện kiến lịch sử ấy, Công chúa được nhiều người kể lại. Mỗi người kể mỗi khác, nhưng Công chúa có đủ thông minh để loại bớt các phần thêm thắt vô lý. Phần còn lại đẹp đẽ quá, Công chúa nhớ từng dáng ngồi khép nép, từng lời nói nhún nhường sâu sắc. Con người ấy là chồng của Công chúa sao? Hư hay thực đây?

Ba ngày đêm Công chúa sống mà như đang mơ ngủ, lòng dạ rối bời, chân bước trên một thứ mặt đường uốn lượn bập bồng như đám mây ảo. Ngọc Hân không hiểu mình đang cảm thấy điều gì, vui hay buồn, không biết cả điều đang nghĩ. Công chúa cứ hỏi: Làm sao đây? Có thực như thế không? Trời hỡi! Làm sao tôi gánh nổi hạnh phúc và trách nhiệm to tát như vậy! Tôi bé bỏng, ngu ngơ, hời hợt, làm sao đây? Làm sao đây?

Lại có cung nhân vào giục! Công chúa hoang mang nhìn đồng gương lược, quần áo, sách vở bày bừa bãi trước mặt, quên mất mình phải làm gì. Cung nhân thưa:

- Hoàng tử bảo sắp tới giờ rước dâu rồi. Công chúa đã cho tất cả vào hòm chưa? Ừa, tại sao bừa bộn thế này?

Ngọc Hân rơm rớm nước mắt, gần như sắp khóc. Công chúa hỏi người cung nhân già:

- Làm sao đây Nhũ mẫu? Đem thứ gì theo?

Người cung nhân già nói:

- Chóng lên, rồi còn trang điểm nữa. Nào, cho vào đi. Không, cho quần áo vào trước đã. Đem theo làm gì cái áo này, người ta cười cho.

Công chúa buồn rầu nói:

- Tiếng là hoàng gia nhưng nếp nhà đạm bạc thế nào, Nhũ mẫu biết rồi. Không đem theo lấy gì mà thay đổi.

Nhũ mẫu cười lớn rồi bảo:

- Ối! Về bên ấy khối gấm vóc, mặc sức mà thay. Nội lễ vật không thôi đã hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai mươi tấm đoạn! Khiếp. Cả kho bên phủ Chúa chắc không nhiều đến chừng ấy!

Công chúa cười cho sự ngây thơ của nhũ mẫu. Người cung nhân già giục:

- Nào, cho gương lược vào đi. Còn son phấn đâu? Lại cái gương nứt này nữa. Cái gương lớn khung bạc hẳng ngày đâu rồi?

- Các chị đã đòi lại rồi, Nhũ mẫu ạ!

- Đòi! Các công chúa lớn nỡ xử với cô em sắp vu qui như thế à? Mà thôi! Về bên ấy, khối! Nhanh lên! Còn gì nữa không?

- Còn mấy quyển sách.

- Đem theo làm gì?

- Cứ đem theo đi, Nhũ mẫu. Con quý nó lắm. Cuốn Chinh phụ ngâm khúc của Đặng tiên sinh đấy.

- Lại ngâm khúc! Già này đến điên mất thôi. Có quan thị vào kìa. Không khéo đã đến giờ mất rồi! Nhanh lên, lại đây cho già vấn tóc và trang điểm. Lên kiệu hoa mà tóc tai như tổ quạ mặt mũi bần thần nhếch nhác như thế, Thượng công lại tưởng Công chúa bị đày về nhà chồng.

Ngọc Hân để mặc cho nhũ mẫu chải tóc, vấn đầu, thì thào nói:

- Con sợ quá, Nhũ mẫu. Làm vợ khổ không Nhũ mẫu?

Người cung nhân già cười:

- Làm vợ mà lại khổ! Các cô dâu khóc là khóc giả vờ đấy! Không nghe người ta bảo:

Khốc như thiếu nữ vu qui nhật

Tiểu tự thư sinh lạc đệ kỳ

hay sao?

- Nhưng... nhưng Nguyên súy như thế, còn con thì như thế...

- Chẳng thế này thế khác gì cả. Đã là vợ chồng, ông Trời cũng phải xuề xòa làm hòa với vợ. Để rồi Công chúa xem.

Vừa trang điểm xong, một quan thị đến báo có lệnh của nhà vua triệu Công chúa lên dạo trước lúc lên kiệu hoa. Công chúa không cầm được nước mắt, khi nghĩ từ đây Công chúa không được đích thân chăm nom thuốc thang cho cha già.

*

* *

Khi xe Công chúa đi tới cửa phủ, Nguyễn Huệ ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thấy các lễ đúng theo như lệ thường các nhà.

Công chúa vào phủ, Nguyễn Huệ đặt tiệc ở ngoài để thết các hoàng thân, hoàng phi, và các quan đi đưa dâu. Trên tiệc mọi người đều theo thứ tự mà ngồi. Tan tiệc, Nguyễn Huệ sai Lãng sắp hai trăm lạng bạc đưa ra ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái và tiễn ra khỏi cửa phủ. Các quan ra về, lại họp tại nhà công đường bộ Lễ. Ai nấy đều khen nhà vua kén được giai tể. Từ nay nước Nam có một nước thông gia. (5)

Khách khứa nhà gái về hết rồi, Nguyễn Huệ mới vào cung gặp Công chúa. Nghe tiếng chân Nguyễn Huệ bước vào phòng tân hôn, Công chúa cúi đầu hồi hộp, không dám ngừng lên nhìn cho rõ mặt chồng, hai bàn tay vân vê mãi chéo áo lụa. Ánh hoàng lạp chiếu vào khuôn mặt thẹn thùng của Công chúa, cho phép Nguyễn Huệ được ngắm một mái tóc đen mượt, cái mũi thon nhỏ thanh tú, và vành môi dưới mọng đỏ. Cổ áo lụa in lên trên một làn da trắng hồng. Nguyễn Huệ xúc động đến nỗi nhịp tim đập mạnh, khi nhớ Công chúa có một chiếc cổ cao và trắng y như cổ một người con gái thời xưa, thời An Thái.

Đoạn này dựa theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 91

Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 100

Theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 100, 101, 102

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 103

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 104

Chương 68

Tuy cung điện Hoàng gia và phủ Chúa cách không bao xa, nhưng từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ Ngọc Hân Công chúa được bước chân qua phủ. Cho nên khung cảnh tráng lệ ở đây thật là bất ngờ.

(1) Bốn bề tám phía chỗ nào trong phủ cũng có cây cối um tùm. Trong cuộc giao tranh hôm 26 tháng Sáu, phủ Chúa không bị thiệt hại gì, nên trong những chiếc lồng đủ cỡ lớn nhỏ sơn màu vàng, các giống chim quý đua nhau hót. Vườn hoa nở rộ đưa hương thoang thoang. Hành lang, lan can quanh co nối tiếp nhau. Những người lính giữ cửa, lính nội hầu đi lại tíu tít như mắc cửi. Ngoài cửa cung, vệ sĩ canh gác cẩn mật, ai ra vào phải có thẻ. Nơi trước kia là điểm "Hậu mã quân túc trực" bây giờ cũng dùng làm nhà khách dành cho những người đến hỏi việc ngồi chờ đến lượt mình. Mà trong buổi giao thời, không biết bao nhiêu người đến xin lệnh của Nguyễn Huệ. Do đó, điểm lúc nào cũng đông đúc, tấp nập kẻ đi người đến. Điểm cất bên cạnh một cái hồ lớn. Trong hồ có nhiều hòn đá đẹp, trồng nhiều cây lạ. Trong điểm, cột và bao lơn quanh co lượn vòng, kiểu cách rất khéo.

Đi khỏi hành lang phía tây thì đến cung Quyển Bồng, một dãy nhà lớn rất cao rộng, hai bên để hai cỗ kiệu. Mọi đồ nghi trượng đều sơn son thếp vàng như bên hoàng cung, nhưng cách chạm trổ tinh vi hơn, hình dáng to lớn uy vệ hơn. Gian giữa đặt một sập ngự thếp vàng. Chung quanh bày biện bàn ghế đóng bằng gỗ quý đủ kiểu lạ mắt.

Công chúa ở trong một cái gác cao và rộng, tức là Tử các, trước đây là chỗ ở của Thế tử Trịnh Cán. Trong gác từ giường đến cột đều sơn son. Các cửa lớn cửa sổ vẫn còn treo nhiều lớp trướng gấm.

Công chúa đưa mắt nhìn khắp phòng, lòng lo âu vu vơ khi nghĩ tại nơi này, mấy đời Chúa Trịnh đã nối tiếp nhau an hưởng phú quý và hành sử uy quyền. Những giấc mộng vá trời lấp biển thành hình tại đây, và cả những tội ác kinh tởm cũng manh nha tại đây. Công chúa nhìn lên từng mảnh ngói trên trần nhà, từng cái rui gỗ đen bóng vì năm tháng, từng miếng gạch lót trên nền, rờn rợn nghĩ đến linh hồn của những vật tưởng là vô tri giác. Phải, nếu chúng có linh hồn (mà tại sao lại không có) nếu chúng biết nhìn thì viên ngói kia sau khi chứng kiến bao nhiêu kẻ đi người đến trong căn gác này, nó sẽ nghĩ gì. Nghĩ thế nào về kẻ đã qua? Về mình? Và chờ những ai sẽ đến?

Những suy nghĩ mông lung ấy khiến Công chúa ray rứt thêm. Công chúa đã có quá nhiều nỗi xao xuyến trong mấy ngày qua.

Sau bao nhiêu năm sống vô tư trong một thứ thanh bình mà bây giờ mới biết là giả tạo mong manh, Công chúa bị đột ngột ném vào một thế giới hoàn toàn khác. Chưa kịp tĩnh tâm sau một thử thách xa lạ, thì thử thách khác đã đến, liên tiếp dồn dập như những đợt sóng thần. Mười

sáu năm ở đời trong khung cảnh thu hẹp của hoàng gia không chuẩn bị trước cho Công chúa sức chịu đựng và cái nhìn xa để đón nhận bấy nhiêu thử thách. Những văn chương thơ phú Công chúa từng đọc cho vua cha nghe, những kinh truyện từng nắn nót chép hết năm này sang năm khác trên những tập giấy hoa tiên, những lời khuyên răn của nhũ mẫu chỉ lặp đi lặp lại bấy nhiêu trắng, hoa, liễu, tuyết. Làm sao đây? Tại sao không ai dạy cho ta biết trên đời sẽ gặp những cảnh huống này, những tâm trạng mù mờ không phải hạnh phúc mà cũng không phải là đau khổ, không phải là một tai họa đáng sợ hãi, lại càng không phải là một điềm phúc đáng mơ ước! Nó là cái gì? Ngọc Hân không trả lời được. Những kinh truyện, thi phú Công chúa yêu dấu cũng không dùng để giải đáp được. Cho nên Công chúa cảm thấy cô đơn, và bàng hoàng. Nước mắt đoan trang, Công chúa lơ đãng nhìn tấm trướng màu ngà treo ở cửa sổ, lòng nặng trĩu một nỗi hoang mang!

Công chúa nhớ lại những gì đã xảy ra đêm hợp cẩn.

Khi Nguyên sủng vào, Ngọc Hân sợ quá không dám ngược lên nhìn, cũng không dám thở mạnh. Trước mắt Công chúa, đôi hài thêu của Nguyên sủng khẽ lay động, nhất là chiếc hài phía bên trái. Ngọc Hân chờ, nín thở mà chờ. Thật lâu, Nguyễn Huệ không nói gì cả. Công chúa tự biết không thể cứ cúi đầu mãi thế này! Phải ngược lên mỉm cười với Nguyên sủng. Phải giúp người "xếp bèo cởi giáp" như những người vợ hiền trong cổ thư đã làm. Phải... phải cung kính ngoan ngoãn "tay nâng ngang mày" như nàng Mạnh thị. Dù có nghĩ vậy, Công chúa vẫn không có can đảm ngược lên nhìn thẳng vào khuôn mặt Nguyên sủng.

Đôi hài trước mắt Ngọc Hân hơi xoay hướng, như dợm bước về phía cửa phòng. Nhưng sau đó, đôi hài vẫn bất động. Rồi đột nhiên, Ngọc Hân cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai phải mình. Nguyên sủng đặt yên bàn tay lên vai Công chúa một lúc, rồi bóp nhẹ lên cái vai mềm. Bàn tay mơn man ve vuốt khắp bên vai phải, rồi vuốt nhẹ lên chiếc cổ trắng. Công chúa hồi hộp liếc nhìn, trong hoảng hốt chỉ nhận ra được ống tay áo gấm đỏ và một bàn tay gân guốc da ngăm. Ngọc Hân xúc động đến nghẹn thở, hoang mang, lúng túng chưa biết phải làm gì, nói gì. Đúng lúc đó, bất ngờ Nguyên sủng quì chân xuống trước sập, úp mặt vào hai đầu gối của Công chúa. Ngọc Hân không ngờ Nguyên sủng làm như vậy, đôi tay chới với không biết phải làm gì, phải đặt vào đâu. Mái tóc dày và quần phủ lên vạt áo lụa của Công chúa. Một sức mạnh huyền bí xa lạ thôi thúc, khiến Công chúa đưa tay ôm lấy vai Nguyên sủng.

Nguyễn Huệ ngừng lên vui mừng, và lần đầu tiên, Công chúa bị cuốn hút vì ánh nhìn đam mê đến cuồng nộ của vị danh tướng vừa làm đảo lộn cả Bắc hà.

Nguyễn Huệ nhìn đắm đắm vào khuôn mặt sượng sùng thẳng thốt của Công chúa, miệng mỉm cười gượng gạo như cách cười một kẻ phạm tội, nói nhỏ nhỏ:

- Công chúa còn nhỏ quá, và đẹp quá. Như một cái bông búp. Đừng lo âu. Ta biết Công chúa đang lo âu đủ điều. Ta sẽ không cho phép bất cứ ai, dù là quỷ thần, được làm cho Công chúa khổ. Công chúa hãy yên tâm.

*

* *

Nguyễn Huệ nói thế nhưng chính ông cũng không yên tâm!

Sau khi tiễn khách nhà gái về hết, quay trở vào điện Quyển bằng đèn hoa rực rỡ, ông có cảm tưởng mọi người, từ tên lính hầu cho đến Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh, đều nhìn mình một cách khác thường. Họ cười mà không phải cười, liếc nhìn ông rồi vội quay đi, cử chỉ thái độ vừa chế giễu vừa khuyến khích đồng lõa.

Ông nói vài lời vô nghĩa với Tả quân Vũ Văn Nhậm, sau này ông nhớ mang máng là có dặn Nhậm tăng cường việc tuần tra ban đêm ở các cửa ô và khu có các cung điện, phủ liêu, dinh thự. Vũ Văn Nhậm đi rồi, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng xin phép về chùa Tiên Tích. Ông vội giữ Chỉnh lại, hấp tấp y như một người chết đuối bám vào cái phao vô tình trôi đến trước mắt. Chỉnh lấy làm lạ, nhưng cũng rán ngồi lại. Hai người bàn những chuyện không đầu vào đầu. Chỉnh nóng ruột, một là sợ mình làm phiền Chủ tướng không đúng lúc, hai là ngại nói chuyện như thế lại gây cho Nhậm sự ganh tị, ngờ vực. Phải khéo nói lắm Chỉnh mới được Nguyễn Huệ tha cho về.

Lúc đó, Nguyễn Huệ không còn con đường nào khác ngoài hành lang dẫn về Tử các. Ông bước chậm, thật chậm. Dù vậy, đã đi thì phải tới. Ngọn hoàng lạp trong phòng tân hôn tỏa ánh sáng êm dịu ra cả ngoài hành lang. Trong phòng hoàn toàn yên lặng. Nguyễn Huệ dừng lại cách cửa phòng vài bước, im lặng nghe ngóng. Không có dấu hiệu của sự sống trong kia! Ông bước thêm vài bước nữa, lòng hồi hộp, rộn rã pha lẫn ngại ngùng. Một nàng công chúa đang đợi ông? Dù là công chúa của một ông Vua suốt mấy mươi năm khoanh tay rũ áo vừa được chính ông gây dựng lại quyền hành, nhưng vẫn là công chúa. Lúc rước dâu, ông có thoáng thấy dáng người nhỏ nhắn thanh nhã của công chúa, nhưng giữa cảnh xe ngựa tấp nập nghi lễ phiền phức, ông không được nhìn kỹ gương mặt của người vợ trẻ tuổi. Ông chỉ ghi nhận thêm được bước đi ngại ngùng như cách một đứa bé sẽ sàng bước trước đôi mắt nghiêm khắc của mẹ. Tự nhiên ông cảm thấy thương hại, ông bần thần suốt buổi lễ vì ý nghĩ mình là kẻ vũ phu, kẻ có tội. Lúc này, sắp bước vào đêm hợp cẩn, ông lại có ý nghĩ đó.

Nhưng ông không có lối nào khác, ngoài lối tiến tới.

Nguyễn Huệ bước vào phòng. Trước mắt ông, rõ ràng hiển hiện hình ảnh một đứa trẻ lạc loài. Một nàng tiên nhỏ lơ mơ cảnh tục lụy lạc lại cõi thống khổ! Đôi vai nhỏ ấy, đáng ngồi thu mình để sẵn sàng chịu đựng tất cả bất trắc ấy, khuôn mặt non nớt sừng sững cúi xuống và đôi tay chới vơi tìm bầu vào chéo áo, nhất là chiếc cổ cao và trắng nuốt yếu đuối, bao nhiêu hình ảnh cam chịu giữa cảnh màn trướng lộng lẫy khiến Nguyễn Huệ bối rối chùn bước. Lạ lùng thay, ông cảm thấy bất nhẫn. Yếu đuối. Hổ thẹn nữa. Ông nghĩ nếu mình làm bất cứ điều gì, dù là đưa chân bước tới hay phát một cử động nhỏ cũng phạm cái tội tày trời là phá phách sự toàn mỹ của trời đất. Những gì xảy ra sau đó, ông chỉ ý thức được có một phần rất nhỏ. Đôi vai yếu, chiếc cổ trắng của Công chúa thu hút, lôi cuốn ông. Khi đặt tay lên vai Công chúa, ông cảm thấy làn vải mịn mơn man mấy ngón tay, và một thứ ấm áp dịu dàng truyền qua bàn tay lan man khắp người ông. Bàn tay đưa lên vuốt ve cổ công chúa nhẹ nhẹ. Ông sợ mấy vết chai trong lòng bàn tay làm sước làn da non nớt trinh bạch đó, nhưng đồng thời, có một thúc giục ma quái xui ông nắm chặt lấy chiếc cổ ấy. Ông hoang mang, sợ hãi. Máu chạy rần rật trong người ông. Cho nên khi quì xuống gục mặt vào đầu gối công chúa, ông làm đúng cử chỉ của một kẻ sám hối. Làm sao Ngọc Hân có thể hiểu được ý nghĩa những điều bất thường ấy, nơi một viên tướng từng xô ngã cả hai triều đình ở phương Nam và phương Bắc, và sẽ còn đảo lộn trật tự của một đất nước ổn định, dù là ổn định vá vúi, suốt mấy trăm năm.

*

* *

Dù ở hoàn cảnh nào, dần dần người ta cũng làm quen với cái lạ! Cái nhìn đam mê đến cuồng nộ của Nguyễn Huệ đã khiến Công chúa choáng váng. Sau đó, Ngọc Hân mừng rỡ, và yên tâm. Hai người bắt đầu nói chuyện với nhau. Và Nguyễn Huệ kinh ngạc đến thích thú khi Công chúa

dùng ngay cái vốn bạo dạn ban đầu để hỏi về người vợ Qui Nhơn của Nguyễn Huệ. Bằng những câu hỏi ngắn, rời rạc, đôi lúc gần như hỏi vô tình, Công chúa muốn biết Nguyên súy phu nhân sẽ nghĩ gì, làm gì khi nhận được tin không vui ở Thăng Long. Nguyễn Huệ khám phá ra rằng nàng công chúa non nớt tội nghiệp đó có một trí thông minh đặc biệt, óc mẫn cảm, và tài thi phú. Đó là chưa kể cách suy từ một mẫu nhỏ sự kiện mà đoán ra được cả cái khối lớn giấu phía sau. Chẳng hạn công chúa chú ý đến tình thân thiết quyến luyến khác thường giữa Nguyễn Huệ và Lãng. Công chúa hỏi Lãng làm chức gì, giữ nhiệm vụ gì. Nguyễn Huệ đáp qua quýt cho xong, vì thực ra, ông không có khả năng và thì giờ để giải bày cho rõ nhu cầu được nghe được sống chân thực giữa cuộc sống đảo điên giả trá của danh vọng, quyền uy. Thấy chồng không muốn dài dòng, Công chúa không hỏi thêm gì nữa, Ngọc Hân biết thật chính xác lúc nào đáng nói, và nên nói điều gì với Nguyễn Huệ.

Một hôm, Nguyễn Huệ hỏi Công chúa:

- Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được sướng như Công chúa?

Ngọc Hân đáp:

- Phụ hoàng ít lộc, con trai con gái ai cũng thanh bạch, nghèo khó. Riêng tôi có duyên lấy được Thượng công, cũng như hạt mưa bụi ngọc bay ở giữa trời được sa vào chốn lâu đài. Đây là sự may mắn của tôi mà thôi!

Nguyễn Huệ nghe Công chúa trả lời như vậy, thích lắm. Ngay sau đó, Công chúa hỏi đến nhiệm vụ của Lợi (Nguyễn Huệ vừa tiếp Lợi xong), rồi vô tình hỏi đến gia cảnh của Lợi. Sau một lúc lan man chuyện khí hậu mùa màng, Công chúa tỏ cho Nguyễn Huệ biết mình có nghe nói Lợi là anh rể Lãng, và có thời Nguyễn Huệ theo học với ông giáo cha Lãng. Riêng cái tên An, Công chúa chỉ nhắc đến về sau.

*

* *

Đến ngày 14 tháng Sáu, vua Lê Hiến Tôn bệnh đã nguy kịch. Nguyễn Huệ muốn trong khi nhà vua còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về cuộc thống nhất để trong ngoài đều biết, cho trọn cái công tôn phù của mình. Nguyễn Huệ bèn chọn ngày Rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tâu lên xin vua Lê.

Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây Đan Trì. Các Lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ sang trọng, rồi xin vua Lê ra ngự chầu. Sau khi Hoàng tử đã dìu nhà vua lên ngự tọa, ngoài điện nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong, nhà Vua ban tờ chiếu nói về việc thống nhất, sai đem dán ở ngoài cửa Đại Hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy, đều khen vua Lê đủ cả "Phúc lộc thọ khảo".

Sau ngày lễ ấy, bệnh của nhà vua càng nguy hơn, đã gần hấp hối! Công chúa nghe tin giục Nguyễn Huệ vào thăm. Nguyễn Huệ nói:

- Bây giờ tôi với Hoàng thượng nghĩa như cha con. Ý tôi cũng muốn kịp khi Ngài còn, vào trông mặt Ngài để tỏ tấm lòng ngưỡng mộ. Nhưng tôi ở xa đến đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua Hoàng thượng vừa ra coi triều, ai có biết đâu Ngài mắc bệnh nặng. Giả sử tôi vào giữa lúc Ngài về chầu trời, há chẳng để tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư! Vậy Công chúa cứ về thăm Ngài và nói rõ với các anh em như thế, để ai nấy đều hiểu lòng tôi. (2) Ngọc Hân hơi thất vọng, lần đầu tiên cảm thấy bất lực trước những ràng buộc thực tế, những đe dọa lúc nào cũng có thể cướp mất người chồng khí phách của Công chúa, không cho Công chúa được sống trọn vẹn như một cặp vợ chồng bình thường. Nhưng những lời phân bày của

Nguyễn Huệ quá hữu lý, Công chúa không có lời nào để nói thêm nữa. Ngọc Hân gạt thầm giọt nước mắt lo âu và thất vọng, từ biệt Nguyễn Huệ lên kiệu vào cung một mình.

Đêm ấy nhà vua hãy còn tỉnh táo. Ngài cho đòi Hoàng tử tôn lên sát giường ngự, cố lấy hết sức tàn thì thảo:

- Ta chỉ sớm tối sẽ được trút hết gánh nặng. Những sự lo lắng đều dồn về một mình mày. Mày phải nghĩ đó!

Hoàng tử tôn đau đớn và lo âu, không thốt được lời nào. Nhà vua rón đưa bàn tay ôm nắm lấy tay cháu, dặn thêm:

- Sau khi ta nhắm mắt, nối ngôi là việc lớn lao. Chuyện gì cũng phải bẩm qua ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua nhắm mắt lại, bàn tay xanh xao nói lỏng ra, nhưng ngài không rút tay về.

Hoàng tử tôn thấy bàn tay của nhà vua buông ơ hờ trên tay mình, ngón út hơi co giật như oằn mình trút dần sự sống, sợ quá quay nhìn các Hoàng tử và Hoàng thân ú ớ như kêu cứu, Hoàng tử vội chạy đến. Nhưng nhà vua lại mở đôi mắt đục lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai. Hoàng tử ghé sát mặt cha để nghe lời trăng trối. Nhà vua thều thào hỏi:

- Có Ngọc Hân đây không?

Hoàng tử mừng rỡ đáp:

- Dạ thưa có!

Rồi quay lại ra dấu gọi Công chúa đến bên giường. Ngọc Hân mừng rỡ và xúc động quá, úp mặt xuống giường ngự nức nở. Nhà vua vẫn nằm ngửa, mắt nhìn thẳng lên trần điện, mi mắt co giật thất thường trong khi cố hết sức nhắc tay phải đặt lên đầu Công chúa. Ngọc Hân ngừng lên, ôm bàn tay xanh xao của cha vào ngực, tưới nước mắt lên những nếp nhăn khô. Công chúa vừa khóc vừa thảng thốt hỏi:

- Thừa cha, cha dạy gì con? Cha có nghe con nói không? Con là Ngọc Hân đây!

Nhà vua cố cử động cái lưỡi đã bắt đầu tê cứng, lắp bắp nói:

- Cha thương con. Thương con hơn hết.

Công chúa vội đáp:

- Con cũng vậy. Cha đừng bỏ con mà đi. Cha rón ở lại với con. Không có cha, con biết làm sao đây! Cha có nghe con van xin không? Cha ở lại với con.

Nhà vua chớp chớp đôi mắt, nhưng không còn giọt lệ nào để rỏ ra trong hố mắt sâu. Nhà vua nói:

- Cha lo cho con. Hãy thương yêu chồng... đừng để ông ấy buồn phiền... việc nước... nên hư... tùy một phần nơi con.

Công chúa úp mặt vào lòng bàn tay cha, vừa khóc vừa nói:

- Con quá non dại, làm sao kham nổi, thưa cha. Vâng, con sẽ thương yêu chồng, con sẽ là một người vợ hiền. Con không để cho chồng con buồn phiền bất cứ điều gì. Việc ấy vừa sức con. Nhưng việc nước! Trời ơi! Con sợ lắm! Cha đừng bỏ con. Con non dại không thể biết điều gì nên làm...

Công chúa đang nói, đột nhiên cảm thấy bàn tay nhà vua run mạnh, mấy ngón tay một lần nữa oằn oại. Công chúa giật mình ngược lên. Thân thể nhà vua vẫn dán vào giường ngự, y như trước, nhưng đôi mắt đục lơ đã trợn ngược như nhà vua đang cố ngược nhìn lên đỉnh đầu. Ngọc Hân thấy đau nhói ở ngực. Công chúa thét lên, trước mặt mọi vật quay cuồng.

Hoàng tử bước lạng đến bên cha, đưa tay vuốt kín đôi mắt đục. Lúc đó là giờ Mão ngày mười

bảy tháng Sáu năm Bính Ngọ.

*

* *

(3) Vài ngày sau lễ thành hôn, khi Công chúa bắt đầu bạo dạn tiếp chuyện với chồng, Nguyễn Huệ đã hỏi qua gốc gác tính tình các Hoàng tử. Ngọc Hân thành thực kể hết với chồng, không giấu diếm điều gì. Nhưng khi Nguyễn Huệ hỏi về Hoàng tự tôn, công chúa nghĩ thế nào anh cũng gần gũi thân thuộc hơn cháu, sợ Hoàng tự tôn giành mất ngôi vua của Sùng Nhượng công, nên đáp:

- Nhân phẩm tự tôn chỉ vào bậc tầm thường thôi!

Do đó, Nguyễn Huệ không thích Tự tôn.

Đến lúc bệnh của nhà vua đã nguy, triều đình bàn nhau việc lập Hoàng tự tôn làm vua, cho người qua trình với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ không chịu. Sứ giả về triều lập lại lời Huệ, cả triều bàn bạc phân vân, không biết phải làm thế nào. Thành lịnh trong bọn có người lớn tiếng:

- Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn. Họ Lê sẽ mất. Ấy là lỗi tại Công chúa. Công chúa đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, thì phải xóa tên trong sổ gia tộc, để cho Công chúa về nước Tây mà hưởng phú quý. Họ ta không thiếu gì một con người ấy!

Mọi người quay nhìn xem ai, mới biết là hoàng thân Vương Quận công. Công chúa Ngọc Hân nghe nói sợ hãi, liền về phủ xin với Nguyễn Huệ. Nguyên soái bằng lòng. Vì vậy sau khi nhà vua mất, bách quan bèn phù Tự tôn lên ngôi.

Hôm ấy Nguyễn Huệ ở trong phủ, nghe tin nhà vua đã mất, liền sai các lính thị vệ sắp sửa các đồ nghi vệ, xe kiệu để chờ khi Hoàng tự tôn lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua đến trình mời sang lo việc tang thì Nguyễn Huệ sẽ sẵn sàng đi ngay. Nhưng Hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bẩm với Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ giận vì không được mời trước, cho là Hoàng tự tôn có ý xem mình như người ngoài, bèn sai người vào triều bắt phải hoãn lễ Đăng cực (lễ lên ngôi vua), có ý muốn lập người khác.

Sứ giả đến nơi thì lễ Đăng cực đã xong. Triều đình đem sự đã rồi ấy báo lại với Nguyễn Huệ.

Ông càng tức giận, liền đòi Công chúa về phủ và mắng:

- Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là Vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến Tiên đế, hôm qua vì tránh hiềm nghi không dám vào thăm. Hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm tới nơi để được thấy Ngọc nhan cho trọn cái tình cha vợ con rể. Nhưng tự dưng xông đến sợ trái lễ. Tại sao hoàng tộc lại nở gặt ta ra ngoài không thêm mời? Nếu không có ta thử hỏi triều đình sẽ ra cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Có sao lại dám khinh miệt ta như vậy? Ta thử bỏ dây mà đi, xem Hoàng tộc làm ăn làm sao!

Rồi Nguyễn Huệ lập tức truyền lệnh cho các quân thủy bộ sửa soạn hành trang cho kịp sáng hôm sau rút quân về nước.

Công chúa mếu máo khóc xin Nguyễn Huệ ở lại, một mặt ngầm sai người thân lén vào triều tâu sự việc với Tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Nguyễn Huệ ở lại. Bấy giờ, Nguyễn Huệ mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ Thành phục, Tự hoàng sai quan mời Nguyễn Huệ vào tế. Nguyễn Huệ mặc đồ tang đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo. Lúc tế có một viên Tả phiến lại hơi có vẻ cười, Nguyễn Huệ sai lời ngay ra chém.

Bấy giờ Nguyễn Huệ đã có ý muốn về Nam, nên nói với các quan trong triều:

- Tôi vâng mệnh vua anh đem quân ra ngoài cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phù mà tới đây, may mắn đã làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết đạo với cha vợ. Làm cho xong sớm việc tang tế khi tôi chưa rút về cho trung hiếu vẹn cả hai, đó là ước nguyện của tôi.

Các quan đều nói:

- Chúng tôi xin vâng mệnh.

Rồi họ cùng chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền.

Nguyễn Huệ suốt ngày đêm sắm sửa cho lễ táng. Các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Nguyễn Huệ tự cưỡi voi, đem ba ngàn quân hộ tống tử cung đến bến đò, chờ cho lễ rước tử cung xuống thuyền xong xuôi đâu đấy mới quay trở lại.

Khung cảnh phủ Chúa dựa theo Thượng Kinh Ký Sự của Lê Hữu Trác, Nxb Hà nội 1977, trang 31, 32

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 104

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 107

Chương 69

Hôm ấy ở cửa Đại Hưng, cái đám đông gồm những tên vô công rồi nghề, bọn hiếu sự, những kẻ gan sứa ngay ngáy tuân theo phép nước và các nhà nho ưu thời mẫn thế thường tụ tập về đây mỗi sáng đông hơn thường lệ. Người ta chen nhau đến vã mồ hôi để xem cho được bản Yết thị vừa dán vào sáng sớm. Người chen vào hăm hở, còn kẻ vừa từ trong cái đám hỗn độn lam lũ ấy chen được ra ngoài, thì ngoài mớ quần áo bèo nhèo nhể nhại, khăn áo trẽ tràng còn có thêm một bộ mặt ngẩn ngơ. Hễ thấy ai chen được ra là một đám người (phần lớn là những ông đồ ốm yếu và già cả tự liệu không đủ sức khỏe để xô lấn) đã vây quanh nhao nhao hỏi:

- Cái gì thế bác?

- Họ ra lệnh gì mới không chú?

- Đã cho đi lại ban đêm chưa anh?

- Lại có bố cáo vừa chặt đầu vài tên cướp giật nữa phỏng?

Nạn nhân không biết trả lời ai trước ai sau, lại bức bối vì cảnh chen lấn, hất đầu vào phía trong nói:

- Vào đấy mà xem.

- Nhưng bác vừa từ trong ấy ra mà!

- Tôi có xem được gì đâu. Hoài của! Rách mất cái áo the.

Bấy giờ mọi người mới chú ý đến thiệt hại của người bị chất vấn. Cái áo the đã sờn cổ và bạc màu bị rách một đường dài trên vai trái. Chắc bác này không nói dối! Họ lại kéo đến vây hỏi người khác. Lần này họ được biết đại khái là "vua Nam hà sẽ từ Qui Nhơn ra Thăng Long để xét việc cấy gặt và coi phong tục của dân gian, chỉ mười ngày nữa sẽ tới nơi. Thượng công bá cáo để cả trong ngoài đều biết".

Tin sốt dẻo đó mau chóng trở thành đề tài bàn luận sôi nổi. Người ta tụ năm tụ bảy để tranh luận với nhau.

- Thảo nào, tôi đoán có sai đâu!

- Bác đoán gì nào?

- Suyt. Nói khề chứ, ở đây tai vách mạch rừng.

- Thôi, ông anh! Đừng rung cây nhát khỉ nữa. Có biết được gì thì nói mẹ ra cho người ta nhờ!

- Thì để cho bác ấy nói, ở đây người nhà cả. Không có ai thân thuộc với Tây Sơn đâu.

- Biết đâu đấy. Hôm kia tôi cũng tưởng thế. Mới mở miệng than van sao đời nay hễ thù hằn nhau từ mấy mươi đời là vu trộm cắp để cho quân Tây đem chém, đã có người đem học lại với họ. Tôi phải trốn luôn mấy hôm, vụ đó mới xuôi.

- Thật thế hả? Thật có bọn khốn nạn như thế sao? Nhưng ở phố tôi, bọn bị đem chém đều đúng là dân vô lại trộm cướp cả mà!

- Nhưng các bác này để cho ông anh đây bảo cho biết đã đoán gì đã. Nói xa đề rồi!
 - Ờ nhỉ, ông đoán gì thế?
 - Chuyện dài dòng lắm. Các bác có kín miệng thì tôi mới dám nói.
 - Tiên sư đứa nào bép xép. Không có ai hở môi đâu. Yên trí. Bác cứ nói đi!
 - Này nhé. Nhưng các bác có thực kín miệng không?
 - Lại còn hỏi. Đã thề độc thế rồi còn ngờ!
 - Thôi được. Tôi nghĩ được điều hay mà không nói ra cũng ầm ứ. Các bác có biết vì sao có cái bố cáo này không?
 - Vì sao?
 - Phải có cớ chứ!
 - Ờ, tại sao vậy?
 - Thế này này. Chả là tình hình Bắc hà đâu đã yên. Họ Trịnh tuy bị phế, nhưng nhân tâm còn rối lắm. Ở đây thì nhờ có quân Tây mà bên ngoài có vẻ ổn. Nhưng các bác qua khỏi cửa ô xem nào! Ôi thôi, rối như mớ bòng bong.
 - Hôm qua tôi về quê vợ ở Yên Lãng, có thấy gì đâu!
 - Tôi nói rồi là nói chung cả thời thế kia mà. Này nhé. Bác có biết hiện giờ Thạc Quận công ở đâu không?
 - Tôi nghe hình như ở Sơn Tây.
 - Đúng, ở Sơn Tây. Ông ấy có nhận được lệnh triệu, nhưng có chịu lên đâu. Còn Liễn Quận công nữa!
 - Có phải Liễn Quận công Đinh Tích Nhưỡng bị thua ở Sơn Nam dạo trước không?
 - Đấy. Chính ông ấy. Thua trận Sơn Nam, Quận Liễn đem cả họ chiếm luôn lấy trấn Hải Dương, đem thóc kho ra phát cho dân để lấy lòng, nhờ thế chiêu mộ được cả nghìn dũng sĩ. Lại có bọn cướp bể đem bộ hạ đến xin gia nhập, nên hiện Quận Liễn có tới vài vạn quân.
 - Khiếp nhỉ. Giá lúc ở Sơn Nam mà có chừng ấy quân, chưa chắc kinh thành đã vỡ.
 - Lại thêm Dương Trọng Tế kéo cờ giữ huyện Gia Lâm. Thanh thế mạnh lắm. Thượng công cho người đến Gia Lâm tìm thợ sắt bị quân của ông Nghè Tế bắt giết cả. Chơi thế mới gọi là chơi!
 - Nhưng quân Gia Lâm được nhiều ít?
 - Cả vạn chứ ít ỏi gì. Không thể đâu dám vượt râu hùm.
- Một ông đồ nhắc:
- Những việc đó có dính dáng gì đến chuyện vua Tây thân hành ra Bắc?
 - Có chứ. Thượng công biết chưa thu phục được lòng dân Bắc hà, nên mới bố cáo khắp thiên hạ là vua anh sắp ra, để phô trương cho lớn thêm thanh thế. Chứ theo ý nông cạn của tôi thì chưa chắc vua Tây đã ra thực. Qui Nhơn ra đây cách sông cách núi, trong đó lại phải đối phó với họ Nguyễn ở Gia Định, ra làm sao được.
 - Ờ, bác nói cũng có lý.
 - Có lẽ như thế thật! Mới biết có con mắt nhìn xa vẫn hơn.
 - Hiểu được như vậy mới thấy thương cho bọn ngu phu đang chen nhau đọc cho được bố cáo đằng kia.
 - Cái lão bị rách áo mới đáng thương làm sao! Về nhà chắc bị vợ cấm cửa!
 - Nhưng nếu vua Tây ra thật thì sao?
- Nhiều tiếng nhao nhao phản đối:
- Ra thế nào được. Chỉ vờ để dọa dẫm đấy thôi!

- Tôi thấy họ chẳng vờ vịt gì ráo. Cứ trông cách hành binh thần tốc của họ thì biết. Một dọc từ Nghệ ra đến đây, chỉ mười ngày. Lão lại Tả phiên chỉ cười trong lễ tang một chút, phập, thế là xong. Họ rím rím, nhưng đã làm thì nhanh gọn lắm. Mấy nhóm ở Sơn Tây, Gia Lâm, Hải Dương còn ngo ngoe được, là vì họ chưa muốn ra tay đẩy thôi.

- Bác sợ quá nên tưởng thế. Họ làm được thì đã làm rồi. Cũng như chiếm được ngôi thì đã chiếm rồi. Việc gì phải nhường lại cho Tự hoàng.

Vài người thấy nhóm này bàn luận hăng say, tò mò đến gần. Cả nhóm suýt bảo nhau thôi nói. Người vừa đem hết tài bàn hươu tán vượn ra lèo bạn bè hăng giọng nói lớn:

- Các bác biết không, chợ phiên hôm qua đông ra phết. Mua gạo đã dễ hơn nhiều.

Những người khác biết dụng tâm của bác ta, bồi thêm:

- Thế à. Còn rau quả đã hạ giá chưa?

- Tiền đồ có bớt chút nào không?

Rồi mọi người tự tìm cách tản dần.

*

* *

Tin vua Tây Sơn sắp đến Thăng Long cũng khiến cả triều đình băn khoăn hồ nghi, kể cả con người từng trải được Nguyễn Huệ ủy cho việc soạn tờ bố cáo là Nguyễn Hữu Chỉnh.

(1) Trước đó, Nguyễn Hữu Chỉnh đoán thế nào trước sau quân Tây Sơn cũng rút về Nam. Mà Nguyễn Huệ đã đi thì Nguyễn Hữu Chỉnh không thể ở lại kinh sư một mình. Vì vậy Chỉnh mới có ý muốn chiếm lấy chức Trấn thủ Nghệ An. Chỉnh đã nói ngầm với Tự hoàng:

- Tôi đem hấn ra, chỉ vì có việc tôn phù. Bây giờ việc ấy đã xong, tôi quyết không theo hấn nữa. Chắc thế nào hấn cũng về. Mà khi hấn đã về rồi, thì trấn Nghệ An trở thành bức phen tường giữ giống sài lang. Vậy xin Bệ hạ cho tôi vào đó trấn thủ. Cả mặt Nam hà tôi xin đương cả.

Nhưng đến khi nghe vua Tây Sơn sắp ra, Chỉnh ngờ thế nào vua Thái Đức cũng cướp ngôi chiếm nước. Muốn dựa vào vua Tây Sơn để tránh tai vạ, Chỉnh lại khuyên Tự hoàng nên đem Ngọc tỷ ra hàng, và giục triều đình thảo gấp một tờ hàng biểu. Triều đình bàn bạc mấy ngày chưa xong được gì, người nọ đổ cho người kia không ai dám hạ bút thảo trước. Đùng một cái, vua Thái Đức đã ra tới Thăng Long.

Suốt mấy mươi ngày đi lên tiếp từ Qui Nhơn ra Bắc không nghỉ, ăn uống thất thường, đêm lại ngủ giữa đồng để tránh bất trắc, cho nên khi tới kinh sư, cả Vua lẫn tướng sĩ tùy tùng mặt mũi hốc hác, hình dung tiều tụy, quần áo dơ dáy xốc xếch, không còn một chút nào là vẻ uy vệ của vua chúa nữa.

Nguyễn Huệ báo cho triều đình biết, rồi ra tận cửa ô để đón Nguyễn Nhạc. Tự hoàng vội ra đón vua Tây Sơn ở phía Nam Giao.

Vua Lê đứng trong cửa ô sai hoàng thân là Thành phái hầu ra quì ở bên trái đường đi để nói thay lời nhà vua.

Vua Tây Sơn khi tới cửa ô gặp Nguyễn Huệ xong, cùng giục ngựa đi thẳng vào kinh thành không dừng lại, cũng không trả lời Thành phái hầu. Đi qua xong mới sai người trở lại bảo:

- Quả nhân thấy đấng Tự hoàng quá lễ, sợ rằng nếu xa giá ở lại chậm trễ, hoặc giả làm phiền cho quý thể phải quì lạy mệt nhọc, rồi quả nhân lại mang tiếng thất lễ. Vì thế quả nhân phải vội vã đi ngay. Xin ngự giá hãy cứ về cung, ngày khác thông thả sẽ cùng gặp nhau.

Tự hoàng thấy vậy, biết vua Tây Sơn hẳn còn trọng mình, nên khi về cung không bàn đến chuyện xin hàng nữa.

*

* *

Hai anh em chưa về đến Vương phủ, Nguyễn Huệ đã tạ cái tội tự chuyên, không chờ lệnh vua anh đã đem quân ra Bắc. Nguyễn Nhạc cười nói:

- Không sao! Tướng ở bên ngoài nếu gặp việc ích lợi cho nước nhà thì tự chuyên cũng được. Bắc hà có thể lấy ngay, đó là chỗ thần diệu trong việc dụng binh. Vả lại, chú trèo đèo lội suối đi hàng muôn dặm, mở mang bờ cõi, khiến cho đất nước rộng thêm, thật là thủ đoạn anh hùng, anh thực không thể nào sánh kịp. Nhưng mình đi đánh nước người ta, đã kéo quân vào sâu xứ họ, một chốc làm thay đổi hết nền nếp cũ, chắc là muôn người đều ghét mình. Anh chỉ lo ngại đến những việc bất ngờ có thể xảy ra, ý mình không thể nghĩ tới, nên phải lật đật ra ngay đây để giúp chú. (2)

Rồi hai anh em gióng xe vào phủ. Nguyễn Huệ đưa nhà vua vào thẳng cung Quyển bằng.

Nguyễn Nhạc nhìn quanh cách bài trí xa hoa tráng lệ, cười ha hả bảo em:

- Chúng nó vơ hết đồ quý giá ở Phú Xuân đem về đây, hèn gì cung phủ đẹp đẽ hào nhoáng đến thế. Chú nấn ná không chịu về là phải.

Nguyễn Huệ cười gượng, thưa lại:

- Tĩnh vương Trịnh Sâm vẫn được khen là người có óc mỹ thuật. Cách bài trí màn trướng, bàn kỷ, đều do hấn cả.

Nguyễn Nhạc cúi nhìn quần áo mình, nói đùa:

- Anh ăn mặc thế này đứng đây không xứng.

Rồi nhìn quanh, nhà vua hỏi:

- Tắm rửa ở chỗ nào?

Nguyễn Huệ vội đưa vua anh đi tắm rửa, và thay quần áo. Xong xuôi, hai anh em lại trở lên cung Quyển bằng. Nguyễn Nhạc ngồi gác cả hai chân lên sập thếp vàng, như cách ngồi tự nhiên thoải mái của viên Biện lại Vân Đồn thời trước, chống hai tay vịn mình vài lần cho bớt mỏi, rồi bảo em:

- Đi đường suýt bị cướp chú biết không?

Nguyễn Huệ chưa kịp hỏi, nhà vua đã vui vẻ kể:

- (3) Tới cửa biển Hội thống ở trấn Nghệ An thì có dân quê đem ít đồ biển đến biếu. Chúng nói: "Chúng tôi thấy quan lớn đi qua, nhân có chút quà mọn gọi là tỏ tấm lòng thành". Anh vội bảo: "Tôi không phải là quan lớn. Tôi là họ ngoại của Chúa Nam hà vẫn thường được gọi là Biện Nhạc đây. Các người hậu tình, thấy tôi đi xa lương khô ăn nhạt đem những món ngon lành biếu tôi, cảm ơn, cảm ơn lắm". Rồi lại thấy một bọn độ vài chục người, ai nấy lưng đóng khố bện, tay cầm một cái đòn ống, ở trần trùng trực đứng ở ven đường. Chờ đến khi anh đi qua bọn đó hô lên: "Chúng tôi về Nam bị Chưởng Tiễn đòi mãi lộ, cướp hết của cải". Anh hỏi: "Nó ở đâu?", bọn chúng đáp: "Nó được của rồi, vội chạy vào trong dãy núi kia". Ta liền cho quân đuổi theo. Vừa đến một chỗ hiểm, mấy chục tên đó liền rút dao nhọn trong đòn ống ra mà reo: "Mày biết chúng tao hay chưa? Chúng tao là bậc anh chị trong đám thủ hạ Chưởng Tiễn, hôm nay đến đây để chặt cái đầu lũ "lông đỏ" (4) tụi bay. Vừa reo chúng vừa xông lại đâm chém, quân phải chạy tán loạn mới thoát chết. Từ đó anh không dám tin cái bọn ân nghĩa vờ của Bắc hà nữa. Dọc đường, không ngủ ở nhà dân. Đến đâu giương màn ra giữa đồng mà nằm. Quân sĩ đều ngủ lộ thiên. Ra tới đây mà còn ngồi được trên yên ngựa và đủ hơi nói chuyện với chú, đủ biết anh còn săn gân lắm.

Nguyễn Huệ nói:

- Ở Nghệ An mà chúng nó dám bạo gan thế à? Sau này phải tìm người bạo tay đặt ở chỗ đó, thì từ Lũy Thầy trở vào mới yên được.

Nguyễn Nhạc chưa muốn bàn vội đến việc nước phức tạp và tế nhị, nên hỏi qua chuyện khác:

- Ủa, thím đâu rồi?

Nguyễn Huệ đỏ mặt, biết anh đã hay chuyện mình làm rể họ Lê. Ông lúng túng đáp:

- Dạ... chờ anh đòi mới dám ra mắt.

- Lại khách sáo bày vẽ. À, anh quên thím là "lá ngọc cành vàng" quen khuôn phép lễ nghi. Chú nhanh tay lắm. Phải. Em vua nước Tây làm rể vua nước Nam. Còn gì xứng đôi vừa lứa hơn. Chú không sợ thím lớn đồ ghè tương hay sao?

Nguyễn Huệ càng đỏ mặt tía tai, không dám trả lời. Rồi không hẹn cả hai anh em cùng cười ha hả. Vua Thái Đức giục:

- Vào bảo thím ấy ra đây cho biết anh biết em. Khoan đã, để anh ngồi lại cho "bề thế" một chút. Đẳng nào thím ấy cũng là công chúa, không phải dân bán trâu!

Nguyễn Huệ vào Tử các đưa Ngọc Hân ra mắt vua Thái Đức. Công chúa đoán trước thế nào nhà vua cũng vờ ra bộ kiến nên đã ăn mặc trang trọng, phấn son kỹ càng trước. Cách trang điểm còn kỹ càng hơn cả ngày về nhà chồng nữa. Nguyễn Huệ gần như sờ trước sắc đẹp của Công chúa, đứng lặng một lúc không tìm được lời nào để nói. Công chúa kinh ngạc một cách thích thú, vờ không hiểu gì, hỏi:

- Sao Thượng công ngơ ngác thế?

Nguyễn Huệ cười sung sướng, nhưng không giải thích, chỉ bảo:

- Công chúa ra mắt nhà vua đi!

Đến lúc đó Ngọc Hân mới sợ. Công chúa lo âu nói:

- Hoàng thượng có trách móc Thượng công không?

Nguyễn Huệ cười trấn an Công chúa:

- Không đâu. Nhà vua còn bảo "em vua nước Tây làm rể vua nước Nam, môn đăng hộ đối, mỗi nhân duyên này đẹp quá".

Nguyễn Huệ cố ý sửa đổi phần cuối lời của vua anh. Công chúa đỏ mặt vì thẹn, và sung sướng.

Nguyễn Huệ giục:

- Thôi, ta đi ra nào.

Đến điện Quyển bằng, Công chúa định sụp xuống lạy Nguyễn Nhạc, nhưng nhà vua đã khoát tay bảo:

- Cho miễn lễ.

Nguyễn Huệ yên lòng khi thấy vua anh đã ngồi uy nghi trên sập y như lúc thiết triều. Ông chỉ sợ Nguyễn Nhạc vẫn ngồi theo tư thế thoải mái trước đây, lúc trong điện chỉ có hai anh em. Nhà vua mỉm cười gật gù khen:

- Người như thế này xứng đáng làm em dâu nhà ta.

Rồi lấy vẻ mặt buồn rầu, nhà vua tiếp:

- Chỉ tiếc đường xá xa xôi, ta không ra đây kịp để diện kiến Long nhan. Nhưng có chú nó ở đây lo liệu chu tất việc tống táng, ta cũng yên lòng.

Công chúa muốn hỏi thăm gia đình anh em Tây Sơn ở Qui Nhơn, nhưng vừa bối rối vừa sợ hãi, không biết nói thế nào. Vẻ thẹn thùng của Công chúa khiến nhà vua chạnh lòng, thương hại.

Nhà vua bảo:

- Mấy tháng nay thím có quá nhiều nỗi lo âu, chắc cũng không được khỏe. Chú đưa thím vào nghỉ ngơi, không lại bệnh.

Ngọc Hân vui mừng ngừng lên thưa:

- Xin đội ơn Bệ hạ!

Nguyễn Nhạc cười lớn, đến lúc đó mới lấy giọng thân mật nói:

- Ổn huệ gì! Thím cầm chân được chú Tám nhà này là giỏi rồi, là trở thành ân nhân của ta rồi. Chỉ trông cái bộ bên lên của chú, ta cũng biết ngựa hoang đã bị đóng cương rồi đấy!

*

* *

Buổi chiều hôm đó, lần lượt các tướng sĩ đến Vương phủ lạy mừng vua Thái Đức. Nguyễn Huệ cho đặt cái ngai Chúa Trịnh vẫn ngồi ở điện Chánh Tẩm, bày biện trật tự uy nghi như một buổi thiết triều. Nhưng Nguyễn Nhạc không ngồi lên ngai. Nhà vua đến ngồi xếp bằng trên cái sập đặt ở phía bên trái điện, sai lính hầu nhắc thêm vài bộ tràng kỷ đặt gần sập để tiếp khách. Nhà vua nói:

- Anh em trong nhà cả, bày vẽ làm gì.

Lãng và Lợi rủ nhau đến lạy mừng vua Thái Đức một lượt. Thấy hai người vào, Nguyễn Nhạc cười hỏi:

- Sao? Hai chú đã tìm được đám Bắc hà nào chưa?

Lợi nhanh nhẩu đáp:

- Tàu Bệ hạ, mới một đám mà đã khốn khổ rồi ạ!

Nhà vua cười to hơn, bảo Lợi:

- À, chú dám nói xấu "lệnh bà" phải không? Chuyển này ta phải đích thân dẫn chú về Qui Nhơn cho con An nó xé xác ra. Hay là không muốn về?

Lợi vội thưa:

- Tàu Bệ hạ, tôi đâu dám!

- Sao lại không? Ông Cố có vẻ quyến luyến với chú, tất phải tìm giúp cho chú một cô vợ Bắc hà chứ.

Lợi mỉm cười đáp:

- Gái Bắc hà chê lính Tây ăn nói không có khuôn phép. Họ còn gọi đùa là "dân lông đỏ" đấy ạ!

- Ờ, ở Nghệ An ta cũng có nghe chúng nó gọi thế. Nhưng các chú có quyền, có tiền, thì ai dám chê nào? Nhưng thôi, chú Lợi đã yên phận không nên bày vẽ. Còn chú Lãng đây thì nên lắm!

Lãng ngượng, lí nhí đáp:

- Dạ tàu Thánh thượng, thần cũng không dám ạ.

Nhà vua trợn mắt hỏi:

- Lại không dám! Chú theo sát chú Tám (Nguyễn Huệ) như hình với bóng, không giống lông cũng giống cánh chứ! Năm nay chú được bao nhiêu rồi?

- Dạ ba mươi mốt, tàu Thánh thượng.

- Ba mươi mốt mà chưa chịu lấy vợ! Quá lắm rồi! Chẳng lẽ chú chê cả gái Nam hà lẫn gái Thăng Long? Hay thế này, chờ "bà" nhà ta đổi ý, chú làm "người nhà" ta đi.

Lãng nghe nhà vua nhắc lại chuyện Thọ Hương, sợ hãi ngược lên xem nhà vua nói đùa hay nói thật. Nguyễn Nhạc cười, cái cười hơi gượng gạo nhưng khuôn mặt không lộ chút sắc giận nào.

Nếu có, chỉ có sự buồn chán thất vọng che giấu trong vẻ linh hoạt đùa cợt mà thôi! Lãng vội thưa:

- Thần được Thánh thượng ban cho quá nhiều ân huệ, và không làm được việc gì cho nên đáng, rất lấy làm áy náy.

Nhà vua nói:

- Chú khéo lắm! Ta hiểu ý chú. Như vậy là không muốn trở về Qui Nhơn phỏng?

Lãng không hiểu vì sao tự nhiên Nguyễn Nhạc chuyển qua trách móc một điều mình chưa làm, chưa nghĩ, nên đáp:

- Thần không bao giờ dám trái lệnh trên.

Nhà vua cười lớn, bảo:

- Phải rồi, chú Tám (Nguyễn Huệ) ra lệnh cái gì mà các chú chẳng nghe.

Lợi thấy mình bị liên can, vội thưa:

- Tâu Bệ hạ...

Nhưng nhà vua tự thấy đã đi quá xa, nên cắt lời Lợi:

- Ta nói đùa đó thôi. Trước khi đi Thuận Hóa, ta có tiếp các bà đến van nài, khóc lóc, cầu khẩn xin cho các đức ông chồng về. Ta không nhớ ai với ai, vì đông quá. Chắc thế nào cũng có con An! Ta không chịu nổi tiếng khóc, dù là tiếng thút thít, nên có hứa sẽ cho phép các tướng tá binh sĩ viễn chinh mau chóng về nhà. Kể ra thì chỉ mới vài ba tháng thôi, nghĩa là còn ngắn hơn các chuyến vào Gia Định. Nhưng các bà ấy nhay lắm. Vào chỗ đồng chua nước mặn toàn rừng sác với bèo trôi, các bà yên tâm. Còn ra cái chốn trai thanh gái lịch này, ôi thôi, nguy lắm. Cái giọng Bắc hà thánh thót uyển chuyển như múa này, đến chú Tám dạ sắt gan đồng cũng xiêu, hưởng chi các chú. Hồi cất chân ra đi, thím Tám chưa biết vụ chú Tám làm phò mã nhà Lê. Chứ nếu biết thì... ha... ha. Chú Lãng ta không lo, vì tính chú, ta biết. Chỉ sợ cái thằng bẻm mép này thôi (nhà vua trở Lợi). Vẫn còn làm việc với Hữu quân đấy chứ?

Lợi đáp:

- Dạ từ sau trận Vị Hoàng, tôi đã chuyển về Trung quân.

Nhà vua hỏi:

- Các cơ ngũ đã thay đổi nhiều lắm nhỉ?

Lợi thành thực đáp:

- Tâu Bệ hạ, vâng ạ. Vì có thêm nhiều tân binh Thuận Hóa. Thượng công phải xếp đặt lại mới chỉ huy được đám tân binh ô hợp đó.

Nguyễn Nhạc làm bộ kinh ngạc:

- Thượng công? Người muốn nói chú Tám phải không? À quên. Chú ấy đã nhận chức tước của ông cha vợ thì phải gọi khác đi. Nguyên súy, Phù chính dực vũ Uy quốc công, phải đúng thế không?

Lợi không nhớ được hết, còn Lãng thì nóng mặt, không biết trả lời thế nào. Lãng bắn khoả, không thể đoán được ý thực, lòng thực của nhà vua ra sao. Hình như nhà vua có ý trách móc xa xôi, các câu đối đáp có vẻ hờn dỗi, ngò vức là khác, nhưng điều lạ là ở vào địa vị uy quyền tột đỉnh, nhà vua không biểu lộ thẳng sự giận dữ đối với thuộc cấp, lại lượn lờ quanh co, như trách mà lại sợ giận.

*

* *

(5) Hôm sau, vua Thái Đức sai bày ở phủ đường ba chỗ ngồi: chiếc sập của vua Tây Sơn kê ở chính giữa, phía tả là ghế dành cho Tự hoàng, phía hữu là ghế của Nguyễn Huệ. Hai bên, hai hàng giáp sĩ đứng hầu, nghi vệ cực kỳ nghiêm chỉnh.

Lễ này theo lệ hai vua gặp nhau, không ai phải lạy ai.

Xa giá Tự hoàng vào đến cửa phủ, vua Tây Sơn cử viên quan hầu ra đón. Tự hoàng đi bộ vào trước bệ. Vua Tây sơn ở trên sập xuống đất và đứng ra phía cạnh sập tỏ ý kính lễ, rồi sai Nguyễn Huệ xuống dưới thềm nghinh tiếp và mời Tự hoàng vào ghế. Mọi người yên vị xong, vua Tây Sơn hỏi:

- Tự hoàng năm nay xuân thu độ bao nhiêu?

Một viên tụng thần đáp thay Tự hoàng, rồi tiếp:

- Quốc quân họ Lê chúng tôi gặp phải họ Trịnh tiếm quyền cướp thế, mũ giáp lộn ngược đã lâu. May nhờ Thánh thượng là bậc chí nhân đại nghĩa, sai tướng ra quân, vì đấng Quốc quân chúng tôi mà chinh đốn lại hoàng đồ. Hiện nay đất cát, nhân dân nước Nam đều do Thánh thượng gây lại. Nếu như Thánh thượng sẵn lòng thu nhận một vài quận quốc làm món khao thưởng quân sĩ, thì đấng Quốc quân chúng tôi xin vâng mệnh.

Vua Thái Đức đáp:

- Tôi nghe ngày xưa đức Thái Tổ mở mang nước Nam Việt, công đức thật là như trời. Tuy tôi ở lánh trong phía biển Nam, song cũng là đất của đức Thái Tổ khai thác. Vì giận kẻ cường thần hiếp chế vua nên tôi phải làm việc tôn phù. Nếu là đất của nhà Trịnh, thì một tấc tôi cũng không để. Nhưng là đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy. Tôi nghĩ quý quốc mới dẹp xong, còn có nhiều việc cần phải sửa sang nên phải ra đây giúp đỡ. Sau khi bốn phương bình định, anh em tôi lại về nước. Chỉ mong Tự hoàng chấn chỉnh giuờng mối triều đình, giữ yên bờ cõi, để cùng nước tôi đời đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy.

Viên tụng thần lại thay Tự hoàng đáp lại:

- Thánh thượng nghĩ đến công đức của tiên Hoàng đế, mở lòng giúp đỡ, khiến cho nền mối của các vị tiên Hoàng đế không đến nỗi bị đứt, ơn của Thánh thượng ban cho thật là vô cùng. Quốc quân chúng tôi xin đời đời giữ lễ lân bang không sai trái.

Vua Tây Sơn liếc qua phía tả xem Tự hoàng có muốn đích thân nói thêm gì không. Thấy vua Lê vẫn im lặng, khuôn mặt dăm dăm. Nguyễn Nhạc kêu trà đồng pha trà đệ lên các ghế.

Hồi lâu, Tự hoàng có lời xin về.

Vua Tây Sơn đứng dậy từ biệt. Nguyễn Huệ tiễn Tự hoàng xuống thềm, Nguyễn Nhạc cũng đi theo sau. Khi đã cúi chào Tự hoàng, Nguyễn Nhạc bước giật lùi về chỗ, rồi sai viên quan hầu theo hộ vệ Tự hoàng ra khỏi cửa phủ.

Vua Lê lên kiệu về cung, và sai các quan trong triều qua phủ chào vua Tây Sơn.

Nguyễn Nhạc lần lượt hỏi hết quan chức, tên họ từng người. Các quan thưa gửi xong, nhà vua nói:

- Tôi nghe ở nước An Nam, ông nghè là quý nhất. Các ông có phải là ông nghè chăng? Tôi sắp nói với Tự hoàng xin cho mấy ông đem về để dạy dỗ mấy người trong nước. Các ông có chịu đi theo tôi không?

Các quan đều thưa:

- Quốc quân chúng tôi bảo sao chúng tôi phải tuân theo vậy. Dẫu rằng sang đông, sang tây, sang nam, sang bắc, đi đâu chúng tôi cũng không dám chối từ.

Nguyễn Nhạc hỏi:

- Trong các ông khi thấy tôi đột nhiên ra đây, có ai ngờ tôi không?

Các quan đều thưa:

- Thánh thượng đã sai quan Thượng công ra phò dựng nhà Lê, việc ấy quang minh lắm rồi,

chúng tôi đâu còn dám ngờ.

Nguyễn Nhạc nhếch môi cười một tiếng, rồi nói:

- Ai mà ngờ tôi là ngu. Chúa Trịnh bắt quân đi hàng muôn dặm, cố chiếm lấy đất Thuận Hóa, lấy nước lớn làm hại nước nhỏ, mới sinh cái vạ ngày nay. Gương ấy hãy còn rành rành. Nếu tôi tham đất nước Nam, lấy nước nhỏ làm hại nước lớn, thì còn mong lâu bền sao được! Giả sử đời tôi giữ được đi nữa, thì đến đời con cháu tôi cũng không thể nào giữ nổi. Tôi có ngu gì mà gây cái mầm vạ ấy. Chẳng bao lâu nữa, anh em tôi sẽ về, các ông nên giúp đỡ nhà vua cho yên thiên hạ, hai nước kết nghĩa láng giềng, giữ mãi lấy tình hòa hiếu, để cùng hưởng phúc thái bình.

Các quan đều khen:

- Sách có nói rằng: "Thánh nhân bất cần viễn lược" (Bậc thánh nhân không chăm lo đến việc lập công ở phương xa). Thánh thượng nghĩ tới chỗ đó thật là cao hơn người thường hàng muôn vạn tầng. Nhưng Quốc quân chúng tôi hiện còn trẻ tuổi, chưa quen nhiều việc, lũ tôi lại toàn kẻ tài hèn, Thánh thượng nếu đã giúp cho nước tôi được còn, xin hãy tạm lưu lại đây, để vua tôi nước chúng tôi được nhờ cậy vào oai linh của Thánh thượng. Bao giờ bốn phương đều yên, giềng mối đều dựng lại, bấy giờ ngự giá hãy về cũng chưa muộn gì.

Vua Thái Đức nói:

- Có về cũng hàng năm hàng tháng, chứ phải hàng tuần hàng ngày hay sao? Các ông đừng lo! Các quan lay tạ lui ra, rồi cùng bàn riêng với nhau. Kể thì cho lời vua Tây Sơn là thành thực, người bảo giả. Đại để cũng chỉ đoán có hai việc là ông ta đi hay ở, mà cứ hư hư thực thực, chẳng ai biết đích xác như thế nào!

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 116, 117

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 114

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 112

Hoàng Lê dùng chữ "hồng mao". Trong Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca có câu tả cách ăn mặc của quân Tây Sơn:

Quân dung đâu mới lạ thường

Mão mao áo đỏ chật đường kéo ra.

Có lẽ tác giả căn cứ vào cách ăn mặc đó (mũ lông áo đỏ) mà gọi Tây Sơn là quân hồng mao chẳng?

Chú thích của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch trong bản dịch Hoàng Lê của nhà xuất bản Văn Học, Hà nội, trang 137

(5) Lấy y theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, từ trang 117.

Chương 70

Chưa bao giờ các tin đồn dãi lại nhiều và hấp dẫn cho bằng lúc này. Dân Thăng Long cần nó hơn cơm áo. Chẳng những đàn ông trong gia đình vui buồn, hào hứng hay cau có, hoạt bát hay lằm lì tùy theo các tin đồn nghe được mỗi sáng, mà cả đến các bà nội trợ cũng bị nó quyến rũ. Ở chợ, các bà bỏ cả quang gánh để tụ nhau bàn tán. Khách qua đò ngang mãi nghe quên cả chen lấn để trèo cho được lên những chuyến đò hiếm hoi. Còn ở các cửa ô thì... thôi khỏi phải nói!

Đã đến lúc người ta hết cả dè dặt. Tại sao lại phải giữ mồm giữ miệng kia chứ! Vua già đã mất rồi! Vua trẻ mới lên chưa được yên vị, lúng ta lúng túng chưa biết phải đặt chân lên con đường nào. Họ Trịnh đã đổ. Họ có sợ chẳng, là sợ quan quân Tây Sơn. Nhưng mấy lúc gần đây, chính những con người thi hành công lý một cách đơn giản nhanh gọn, vô tư và nghiêm khắc này đột nhiên đổi hẳn thái độ. Họ hòa nhã, biết dè dặt trước những điều phức tạp. Biết làm ngơ trước những tật xấu nhỏ của cuộc đời. Và cũng biết hưởng thụ nữa. Các quan bắt đầu la cà ở các xóm yên hoa. Tiệc tùng rộn rã, ca nữ bắt đầu kiếm được nhiều tiền. Ai cũng biết quân Tây Sơn sắp về, và tiên đoán sẽ có nhiều xáo trộn xảy ra sau đó ở Kinh Thành. Cho nên gần như ai ai cũng cố vớt vát cho được một vài đêm vui để khỏi tiếc về sau.

Những ngày đó Lãng thường lang thang trong các phố phường Thăng Long để rán sống trọn cơ hội hiếm hoi trong đời tại cái xứ văn vật này. Anh đi thăm các thắng cảnh, đền đài, chùa miếu, la cà ở các cửa ô để hít thở không khí nao nức rộn rã trước cuộc đổi mới bất trắc của dân Bắc Hà. Vì giọng nói miền Nam, nên anh cố không nói năng gì để khỏi gây e ngại cho những người đang bàn tán. Anh chỉ nghe. Và những điều Lãng nghe được cũng thú vị lắm!

Dân Thăng Long thắc mắc nhiều nhất về nguyên do cuộc bắc du của vua Thái Đức. Họ bàn tán huyên náo về nội dung lời bố cáo:

- "Xét việc cấy gặt và coi phong tục của dân gian" ư? Vua Tây rảnh rồi và công phu nhỉ!
- Việc cấy gặt ở Bắc Hà thì có gì phải xét. Hay ông ấy muốn ra đây học cách giữ dê?
- Trong ấy thì cần gì dê điều! Bác chỉ nói hóm! Coi phong tục dân gian thì may ra còn có lý!
- Có lý thế nào được! Qui Nhơn có trăm công nghìn việc, nào lo ổn định Thuận Hóa, nào lo đề phòng Gia Định, đã yên đâu mà cất công ra đây xem phong tục! Họ chỉ nói cho có mà thôi. Sự thực bên trong khác cơ!
- Ai chả biết thế! Nhưng khác thế nào?
- Tôi nghe nói hai vua đã gặp nhau rồi đấy.
- Ai nói thế?
- Thì còn ai nữa. Mấy quan lớn nước Tây hôm qua nghe hát ở nhà cô em họ tôi. Họ kể từ đầu chí cuối cuộc hội kiến.

- Thế đúng là vua Tây Sơn ra đây à?
- Ở kia, bác này ở trên trời vừa rơi xuống chắc! Từ nãy đến giờ thiên hạ nói những gì, bác lại hỏi ngớ ngẩn thế!
- Có bác ngớ ngẩn thì có.
- Này này, bác nên giữ lời một chút. Tôi nói "ngớ ngẩn" là còn nể bác, chứ nếu không, phải nói là...
- Tôi cũng thế. Tôi chê bác ngớ ngẩn là vị tình lắm đấy.
- Thôi, xin can hai ông anh. Dĩ hòa vi quý. Thời buổi này chưa khổ sở lắm hay sao mà còn làm khổ thêm cho nhau.
- Tôi nói "Thế có đúng là vua Tây Sơn ra đây không?" vì có lý riêng. Thế này nhé! Các bác đã biết mặt mũi vua Tây Sơn ngang dọc ra sao chưa? Nào, trả lời đi. Chưa phải không! Nếu chưa ai biết mặt mũi vua Tây Sơn cả, thì cái ông dẫn đầu một đám người mặt mũi hốc hác, quần áo lôi thôi đến đây hôm mồng năm chắc gì đúng là vua Thái Đức.
- Ờ nhỉ. Vua gì lại ăn mặc lôi thôi thế.
- Quân hầu của một ông vua uy thế lấy lòng sao lại giống một đám ăn mày!
- Nhưng nếu không phải vua Tây, tại sao Hoàng thượng lại ra tận cửa ô đón tiếp. Lại có cả Thượng công nữa!
- Ấy, chính vì thế. Chính vì có quan Thượng công báo cho biết nên Hoàng thượng mới phải đích thân ra tận cửa ô tiếp rước.
- Chẳng lẽ quan Thượng công lại không biết mặt vua anh?
- Sao lại không biết. Biết mười mươi đi chứ! Nhưng ông ấy cứ vờ như không biết cái lão đóng giả vua Thái Đức là giả.
- Có lý nào!
- Ờ, làm như vậy để làm gì?
- Làm được nhiều thứ lắm. Ông ấy một thân một mình ra đây, cưới Công chúa, lập Tự hoàng, thế lực lệch cả trời đất. Nhưng ai cũng biết ông ấy đem quân ra Thuận Hóa là do lệnh của vua anh. Chiếm được Thuận Hóa rồi, thừa thắng xông ra đây cho vui. Làm thế có khác nào tự tiện lộng quyền gây việc tày trời. Là em, ông ấy phải biết sợ chứ. Và một người sắc sảo như ông ấy cũng biết Bắc hà là một chỗ không vừa gì. Sĩ phu Bắc Hà thông kim bác cổ, họ chỉ nhìn qua là biết. Họ hiểu ông ấy tự chuyên, còn chưa tự tin thì làm sao lòng người thu phục được. Cho nên ông ấy phải mời một ông vua anh giả mạo về, để bảo chúng ta thế này: "Vua Tây đã ra Thăng Long rồi đây. Các bác các chú đừng tưởng ta không có lệnh. Không được ngo ngoe tính chuyện xằng bậy đấy nhé. Ta đã ra đây thì ở luôn đây, không về đâu. Đừng có hòng!"
- Bác làm như bác ở trong áo ông Nguyễn súp ấy.
- Tôi thì nghĩ khác kia. Tôi nghĩ dù ăn mặc lôi thôi, tùy tướng quân sĩ theo hầu nhếch nhác, ông ấy đúng là vua Tây Sơn.
- Tại sao thế? Vua lại ăn mặc nhếch nhác?
- Chính là vua Tây Sơn nên phải ăn mặc nhếch nhác!
- Nữa! Lại thêm một ông nói khoác!
- Im cái mồm đi. Để ông ta giải bày xem có lý không nào. Chưa chi đã chê bai người ta.
- Tôi không nói khoác đâu. Này, các bác chắc biết là Qui Nhơn lâu nay vẫn lo đề phòng mặt Nam dữ lắm. Con cháu nhà Nguyễn chưa chết tuyệt dòng, nên thua trận tan tác đó rồi lại trỗi dậy đó. Các bác hỏi: Vua Tây vội vã ra đây làm gì? Tại sao phải ra gấp đến nỗi hình dung tiều

tự? Đơn giản lắm. Tôi nói điều này các bác không được hờ môi với ai nhé. Có kín thì tôi mới nói.

Đột nhiên thấy người đang nói trở nên nghiêm trọng, lo âu, mọi người bị tò mò và cái thú nguy hiểm hấp dẫn, càng nhích lại gần hơn, thì thào bảo nhau:

- Phải. Nên kín miệng để bác ấy khỏi ngại.
- Chúng tôi đều là người đứng đắn cả. Không phải hạng bép xép ba hoa đâu. Bác chớ ngại.
- Thế thì tôi xin nói. Nhưng các bác có hứa kín đáo không?
- Hứa. Hứa tất. Nói đi.
- Đây nhé. Tôi e không khéo thành Tây Sơn đã bị nhà Nguyễn đánh vỡ rồi, vua anh mới vội vã chạy ra đây như thế.
- Ờ nhỉ! Có thể mà mình cũng không nghĩ ra.
- Dám lắm! Bác nói có lý hơn cái ông hồi nãy.
- Thế thì anh em họ ở luôn lại Thăng Long rồi. Liệu lo học chữ Nôm thôi!
- Sao thế?
- Vì tôi nghe nói họ rất sính Nôm.
- Nôm na là cha mách qué. Quí gì cái thứ đó mà học! Thèm vào!
- Rồi tới lúc bác phải học vội học vàng cho xem.

Lăng nghe các thầy đồ gàn dở bàn tán với nhau, vừa tức cười vừa tức giận, nhưng anh không thể chen vào câu chuyện được. Cái giọng Qui Nhơn lạ tai sẽ tố cáo anh là dân Đảng Trong. Cho nên Lăng bỏ đi.

*

* *

Họ có về thực không? Nếu có về thì chừng nào?

Đó là hai câu hỏi cửa miệng của dân Thăng Long, từ vua Lê cho đến anh chèo đò trên sông Phú lương.

Trong hai câu hỏi đó, câu thứ nhất là chính. Và đối với câu hỏi chính yếu quan trọng này, mỗi người tự trả lời theo ước vọng, thân thế của mình. Đa số dân nghèo thì muốn Tây Sơn ở lại. Lý do? Dễ hiểu. Triều đại nào thì họ cũng phải làm vãi mồ hôi thì mới có chút gì bỏ vào miệng. Nhưng dưới triều vua Lê chúa Trịnh, họ đã được hưởng quá nhiều nhục nhằn cay đắng rồi. Một lớp là bọn tham quan. Một lớp là bọn lính Tam phủ. Dân nghèo hời lòng hời dạ khi thấy cái ách tướng phải mang đến nghìn đời, đột nhiên, một sáng một tối, gãy vỡ như một thân cây mục. Có thể chứ! Chẳng lẽ Trời Xanh không có mắt! Nhất định là trong đại nội Trung hòa (cung vua Lê) và phủ Chúa sẽ có một người nào khác ngồi thay, một người mặc áo gấm chứ không phải dân áo chàm như họ. Nhưng ít ra họ còn có một niềm tin, một hy vọng: là cái ông áo gấm mới này sẽ khác mấy ông cũ. Nhất là theo những điều họ nghe phong thanh, thì anh em Tây Sơn cũng xuất thân dân nghèo như họ. Kể bắc người nam, nhưng họ chia sẻ niềm hãnh diện dân đen với phong trào Tây Sơn tận xứ Qui Nhơn xa xôi. Có thể chứ! Chẳng lẽ chỉ có những kẻ sinh ra trong bọc gấm mới có thể ngồi trên thiên hạ được sao? Nếu thế thì trời sinh dân nghèo ra làm gì? Nghĩ như vậy, nên đa số dân nghèo ước mong Tây Sơn ở lại.

Lớp vương công, tôn thất và bọn quan lại triều cũ, dĩ nhiên, là mong quân Tây Sơn rút về Nam. Nhất là dòng họ và tay chân của nhà Trịnh. Họ thấy trước nhà Lê không có chỗ dựa nào khác ngoài sự hiện diện của Tây Sơn tại Thăng Long. Tây Sơn đi, vua Lê lại phải cần đến phủ Chúa. Cho nên chưa gì họ đã lén chiêu tập tay chân, cất giữ gươm giáo để, hễ Tây Sơn đi khỏi, là tìm

một người dòng họ Trịnh mà phù để lót đường công danh. Tây Sơn còn ở lâu, hy vọng của họ càng mòn mỏi. Chính họ là những người mạnh miệng hơn ai hết để bênh vực vua Thái Đức ở các cuộc bàn tán: họ cương quyết bảo Qui Nhơn rất vững, vua Thái Đức rất hiểu biết, những lời nhà vua nhẩn nhủ các quan triều là rất chân thành, và chẳng bao lâu nữa, có thể đêm nay, hoặc đêm mai, Tây Sơn sẽ rút khỏi Thăng Long. Những người có cảm tình với họ Lê cũng mong Tây Sơn rút về, nhưng rút chậm chậm, để nhà vua trẻ thiếu kinh nghiệm có thì giờ chiêu mộ quân sĩ, tạo thanh thế để đứng một mình, không cần đến họ Trịnh.

Người bị câu hỏi thứ hai (lúc nào Tây Sơn rút về) dày vò nhiều nhất, là Nguyễn Hữu Chỉnh.

Dù cố gắng hết sức, Chỉnh vẫn không thể biết lúc nào hai anh em Tây Sơn về Nam.

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy rõ là cả nhà vua lẫn Thượng công không tin mình. Vua Thái Đức ra Bắc đã năm ngày, mà các cuộc họp quan trọng của Tây Sơn không có Chỉnh dự. Chỉnh biết chắc chắn có những cuộc họp đó, vì Tả quân Nhậm đã cố ý cho Chỉnh biết tin đã có những cuộc họp ấy. Họ đã bàn những gì? Số phận mình ra sao? Hữu quân biết nếu không có anh em Tây Sơn thì mình khó lòng ở lại với dân Bắc Hà. Đây là một vấn đề sinh tử. Vì vậy, Hữu quân tìm mọi cơ hội xin gặp vua Thái Đức, để dò cho được ý định của nhà vua.

(1) Sau bữa hội kiến với vua Lê, một hôm Nguyễn Nhạc bảo Chỉnh xem ngày để mình vào Thái miếu làm lễ. Chỉnh xin chờ đến sau Tết Trung thu, vua Thái Đức bằng lòng. Chỉnh vin vào đó, tin rằng thế nào nhà vua cũng ở lại đây đến sau Rằm tháng Tám.

Hôm khác, nhân nói chuyện hôn nhân, nhà vua đùa cợt bảo Chỉnh:

- Chú Tám ra đây, người làm mối cho người vợ đẹp. Còn ta thì không.

Nguyễn Hữu Chỉnh thưa:

- Chỉ sợ Thánh thượng chê gái Bắc Hà quê mùa mà thôi. Nếu như Thánh thượng rộng lượng bao dung, điều ấy cũng không khó.

Nhà vua cười:

- Thế thì người còn nợ ta đấy. Phải trả mau đi!

Một lần nữa, Chỉnh thấy lời lẽ vua Thái Đức có vẻ nhàn hạ, nên yên lòng xin lui về.

*

* *

Vì lệnh cấm đi lại ban đêm rất nghiêm, nên các quán rượu và ca lâu phải mở vào ban ngày, khách đến đông nhất vào buổi chiều, hầu hết là quân lính Tây Sơn và bọn các lái bắt đầu mon men vãi tiền ra chiêu đãi các quan Tây Sơn để xin các đặc quyền mua bán. Lính trơn thì đến các quán rượu xập xệ cất ghé vào bờ thành, hoặc các quán ăn mở trong các nhà thế gia gặp vận rủi trong bao cuộc thăng trầm trước đó, chủ nhà bỏ đi lánh nạn, con cháu hoặc tôi tớ ở lại mở quán làm kế mưu sinh. Các quan Tây Sơn dĩ nhiên phải đến các tửu quán sang trọng, kín đáo hơn, có ca nữ hoặc phường chèo giúp vui. Giá một bữa rượu có nghe hát lên thật cao, nhưng các quan khỏi phải mất công móc hầu bao. Đã có bọn các lái chịu hết mọi phí tổn.

Quán thường mở cửa vào giờ Ngọ vì suốt buổi sáng, quân lính Tây Sơn không được ra khỏi trại. Đầu giờ Dậu phải lo sửa soạn đóng cửa: hể đúng giữa giờ Dậu, lúc trời bắt đầu chập choạng là trống thu quân ở các trại đồng loạt đổ liên hồi. Lúc đó, khung cảnh Kinh thành xao xác chẳng khác nào cảnh đô vỡ: chợ tan nhanh, những bà nội trợ tất tả chạy vội về nhà, cửa liếp trên các phố khép mắt, những anh lính Tây Sơn dìu vội người bạn say cho về kịp khi cửa trại còn để ngỏ, chuyển đồ ngang cuối cùng tách bến. Tất cả đều cuống quýt hồi hả như những con gà con tìm nhanh một xó tối lúc chạng vạng, mọi chuyện chưa xong hãy để đến lúc chen chúc

trong tổ ấm hầy rủ rỉ tỉ tê hoặc cần nhần dần vật lẫn nhau. Cuộc vui, nhất là các tiệc rượu có ca nhi, trong cảnh trời sáng nắng gắt thật nghịch thường. Hơi rượu say, mồ hôi vã ra ướt hết quần áo (vì thường thường chủ quán đóng hết cửa lại thấp nền để tạo không khí ban đêm), cho nên ai nấy đều có cảm tưởng bề bàng nôn nao do ý nghĩ đây là cuộc vui cuối.

Hôm ấy, Lợi được một bọn các lái mời dự tiệc rượu sang trọng trong một ca lâu bên cạnh hồ Giám. Đi với Lợi có thêm vài quan Tây Sơn lo việc quân lương, và hai vị tướng có phận sự kiểm soát các ngả ra vào Thăng Long. Tất cả đều là bạn quen biết cũ với nhau, nên không ai phải e dè giữ gìn với ai. Bọn các lái đứng ra tổ chức tiệc rượu báo trước chiều nay có một ca nữ vốn là cung nhân trong đội nữ nhạc phủ Chúa đến hầu đàn Nguyễn. Lợi chẳng biết đàn Nguyễn là đàn gì, nhưng nghe nói những bản đàn nàng gảy vốn là những khúc tấu trong nội phủ cho bậc vương giả nghe, dân gian chưa ai được hân hạnh, nên hăm hở chờ đợi.

Chủ quán báo cho quan khách biết đến giờ Thân nàng ca nữ mới tới nên câu chuyện trên tiệc rượu cứ dùng dằng rời rạc vì chờ đợi. Bọn các lái tìm mọi cách hướng vào chuyện làm ăn, các quan Tây Sơn thì chỉ muốn biết trước thân thế của ca nữ. Dĩ nhiên kẻ bỏ tiền đều là người từng có nhiều kinh nghiệm thù tiếp và luồn lọt lấy lòng các quan, bất cứ là quan lại thời nào, nên chuyện làm ăn trong hơi men tiến triển dễ dàng. Lời đối đáp như lửng lơ, nhưng thực ra, mỗi lời đều có sức nặng của những túi gấm chứa nghìn quan.

- Gớm, bẩm quý quan, chúng tôi có đặt trước cả nửa tháng mà tiệc rượu hôm nay vẫn chưa được như ý đấy ạ. Xin trình trước để quý ngài thứ lỗi cho. Rượu chưa được là thứ hảo hạng...

- Không. Ta thấy rượu ngon đấy chứ. Rượu nồng, uống xong thật lâu vị ngon ngọt vẫn cứ lan man ở cổ họng. Bác có thấy thế không?

- Vâng. Ngon. Ngon lắm. Hình như không phải rượu ta thì phải!

- Dạ. Chúng tôi đâu dám vô lễ đến nỗi đem rượu ta ra mời quý quan. Rượu Tàu bán ở phố Hiến, vâng, đúng là rượu Tàu. Giá mỗi hũ da lươn nhỏ thế này là... mà thôi, tiền bạc có đáng gì, đáng nói là cái hậu tình của chúng tôi đối với quý ngài. Ông bạn đây phải mất cả tháng mới tìm ra mấy hũ ở phố Hiến. Vâng, phố Hiến thủ phủ của trấn Sơn nam đấy. Xin lỗi tôi mãi nói chuyện rượu quên mất chuyện chính. Lúc này tôi bảo tiệc không được như ý, ngoài rượu ra, còn chuyện đồ nhắm nữa. Nhà hàng trễ mất chuyến đồ sớm, nên thịt mua không được tươi. Thịt bê phải lấy lúc còn nóng hổi thì mới ngon. Đàng này... chú lái đồ mới ra nghề lại tưởng quý quan... Tôi nói điều này không biết có sai trái gì không ạ?

- Ông cứ nói đi. Ở đây anh em với nhau cả. Nếu có sai thì đổ diệt cho thần men. Ha ha...

- Các ngài đã cho phép, tôi mới dám. Số là từ mười hôm nay, mỗi đêm cứ đến canh một, trong trại quân của quý ngài lại nổi chiêng trống vang trời. Sang canh hai chỉ còn thưa thớt vài tiếng, từ canh ba trở đi tuyệt nhiên không có tiếng nào. Chúng tôi quen rồi, biết đầu hôm quý ngài cho đánh chiêng trống cho vui, đến gần khuya thì bót đi cho dân Kinh thành được yên ngủ. Đây là quý ngài thương đến cả giấc ngủ của con dân mới cư xử tế nhị thế. Nhưng chú lái đồ lại tưởng... lại tưởng...

- Việc gì mà ngại. Chú ta tưởng chúng tôi thế nào?

- Chú ấy tưởng quý ngài đã về Nam rồi, sợ Kinh thành hỗn loạn làm khổ lây đến chiếc đồ của chú. Nghe đâu lần trước nhiều người chen lên đồ chú ta nên đồ chìm, nan đồ rách, chú ấy tốn khối tiền mới vừa tu bổ được. Chú ấy dè dặt, chờ trời thật sáng xem có động tịnh gì không mới cho đồ vào bến. Thế là hàng rượu trễ mất một bữa thịt ngon. Thịt bê cắt lúc mới lấy huyết xong đem ướp gia vị, ăn mới thật ngọt.

- Ông yên chí. Chúng tôi chưa vội về đâu. Vua chúng tôi chưa xem hết được cách cấy gặt và phong tục Bắc Hà, về thế nào được. Chuyện gì các ông đang tính, hãy yên lòng tính tiếp.
 - Vâng. Chúng tôi cũng mong thế. Nhưng... buôn bán trong thời loạn cũng giống như gái lấy chồng khờ, chẳng biết thế nào mà đoán trước được. Ngại lắm.
 - Các ông ngại gì nào?
 - Dạ linh tinh đủ thứ không biết nói thế nào cho hết. Nói ra lại sợ các ngài cho là lảm lòi, tiệc rượu mất vui đi.
 - Thì ông cứ nói cho biết, xem chúng tôi có giúp được gì không. Uống với nhau một chén rượu đã thành người tri kỷ. Huống chi các ông với anh Lợi đây không phải là người xa lạ.
 - Hay là... để chốc nữa nghe hát xong hãy hay!
 - Cô ấy chừng nào tới?
 - Dạ khoảng giờ Thân.
 - Giờ Dậu chúng tôi phải về trại rồi. Không kịp đâu. Ông cứ nói ngay, xem chúng tôi ở đây có ai giúp được gì không? Đã bảo chớ ngại gì cả.
 - Dạ, quý ngài đã truyền thì chúng tôi không dám không vâng. Số là...
- Và chuyện thỏa thuận với nhau để các trạm kiểm soát cho phép các lái chuyên chở hàng hóa, lương thực từ các ngả về Thăng Long dễ dàng, không khám xét rắc rối, không đòi hỏi giấy tờ phức tạp, không dỡ hàng xuống để tìm vũ khí bất hợp pháp, không nài giờ sớm giờ trễ... đã hoàn tất chóng vánh trước khi cuộc đàn ca bắt đầu.

*

* *

Nàng ca nữ người thấp, má bầu, trán giô, mặt gầy, không đẹp lắm, nhưng nước da trắng, lại khéo trang điểm nên hàng lông mày cong thanh nhã, má dôi phấn hồng mơn như cánh hoa đào. Nàng mặc áo hồng, quần sắc túy, hơn hớn có bề phong tao. Ánh bạch lạp chiếu lên đôi mắt ướt lóng lánh vừa đa tình vừa có vẻ khinh bạc. Gian phòng kín cửa nóng bức, tuy có một cô hầu nhỏ theo quạt nhưng mồ hôi rướm ra da mặt, càng làm cho các quan Tây Sơn có cảm giác như đang ngấm một cánh hoa vừa nở trong sương sớm, giọt móc còn đọng trên từng đài hoa màu phơn phớt hồng. (2)

Lợi thấy cây đàn Nguyễn cô mang đến chỉ là cái đàn Nguyệt mà thôi. Vì sao gọi là đàn Nguyễn thì Lợi không dám hỏi vì sợ dân Bắc Hà chê anh dốt. Nàng ca nữ ngồi ở góc chiếu, ôm cái đàn Nguyễn trước ngực, mắt nhìn chếch lên trần nhà mơ màng như muốn quên hết cái cảnh rượu thịt và lũ ngu phu trước mặt. Nàng ôm đàn lặng lẽ như thế thật lâu. Khách nghe không ai dám thở, chú ý quan sát thái độ lắng đọng thần thánh của nàng.

Rồi đến lúc mọi người mất kiên nhẫn, nàng bắt đầu dạo đàn. Không có khiêu thẩm âm như Lợi mà cũng bị tiếng đàn cuốn hút. Những ngón tay trắng nuột buông bắt thoăn thoắt trên phím đàn, khi khoan khi nhặt, lúc thông thả, lúc hối hả dồn dập. Tiếng trầm thì chậm rãi, ơ hờ, tiếng trước buông ra loang động dài lâu rồi tiếng sau mới tiếp nối. Tiếng thanh thì vút lên cao trong lúc ca nữ nhắm nghiền đôi mắt, khuôn mặt ươn ướt mồ hôi ngưng cao như cổ vọt lên, vọt cao lên nữa, cho bay kịp theo âm thanh chót vót. Dáng ngồi, mấy ngón tay trên phím đàn, đôi môi hở để lộ hàm răng ngọc hay mím lại cố gắng, hơi thở theo nhịp tấu, cách cúi xuống hay ngừng mặt lên, đôi mắt long lanh đăm mê hay khép lại, tất cả đều trở thành nhạc. Chỉ còn là nhạc, không còn là hình, sắc, là rượu, là hơi nóng ngọt ngạt. Không còn tốt xấu, chủ khách, phải trái, bắc nam. Không còn toan tính lời lỗ. Không còn giờ, khắc, ngày đêm. Không còn gì! Không còn

ai! Chỉ có nhạc! Nhạc! Nhạc!

Và khi ca nữ trườn người tới trước, mấy ngón tay bấm mạnh vào phím đàn gần đến bật máu, đôi mắt hốt hoảng mở lớn như chói với tuyệt vọng trước phút cuối khùng khiếp, mồ hôi vã ra chân tóc quần áo, và mấy ngón tay phải lướt mạnh trên mấy dây đàn để phát âm cuối cùng, thì mọi người đều giật mình, bàng hoàng xúc động như vừa đi qua một giấc mộng kỳ thú. Cử tọa đua nhau khen ngợi, tiền thưởng quăng đầy khắp chỗ nàng ngồi. Nàng ngồi đó, cây đàn vẫn ôm trước ngực, mỉm cười nhìn khắp mọi người như lần đầu gặp những kẻ phạm tục xa lạ đáng khinh bỉ.

Lợi hứng chí rót đầy một chén rượu đến mời nàng. Ca nữ không chối từ. Rồi lần lượt các quan Tây Sơn rót rượu đưa đến. Nàng lại không chối từ ai. Chén nào cũng uống cạn, và uống rất khéo. Không một giọt rượu vụng tràn ra khóe miệng. Càng uống da nàng càng hồng, và cái nhìn càng long lanh một vẻ thách đố khinh bạc. Lợi van nài hỏi tên. Nàng không đáp, chỉ bảo mình có duyên nợ với đàn hát nên cứ gọi là cô Cầm. Các quan Tây Sơn khác, người hỏi một câu, cô Cầm nhìn thẳng vào mặt từng người trả lời một cách dí dỏm và sâu sắc. Nếu không có Lãng đến tìm Lợi, chắc cả bọn không ai ngờ là trống thu quân đã đổ từ lâu rồi!

*

* *

Lãng cần nhằn với anh rể:

- Tìm anh khắp cả. Chúng nó bảo anh đi uống rượu, nhưng biết quán rượu nào mà tìm. Sau có một đứa bảo gần hồ Giám có một ca lâu vừa mới mở, các quan Tây Sơn thường đến đó lắm. Em cứ liều đến đây thử xem, trong lòng nghĩ anh công sức đâu đi xa như vậy. Ai ngờ...

Lợi liến láu nói để che lấp ngượng ngùng:

- Bậy quá. Vì quá nể mới vậy. Họ van nài mãi, chẳng lẽ không đến. Trống thu quân điểm từ lâu rồi à? Ngồi chỗ kín bên trong thấp bạch lạp, nên không biết bên ngoài trời hay trăng. Phiền Lãng nhĩ. Đi có mệt không. Từ phủ đến đây đâu có xa lắm. Sao không dùng ngựa? Hôm nay không có Lãng, tiếc quá! Anh chưa bao giờ nghe được những khúc nhạc tuyệt vời như vậy. Cung nữ của đội nữ nhạc trong Vương phủ có khác. Đúng lý ngoài việc tìm biết nhân tài Bắc Hà, mình cũng nên tìm cách thu dụng các ca nữ ngày trước đàn ca trong Vương phủ. Bỏ họ, là phí của trời. Tiếc quá. Nếu Lãng đến sớm một chút... Giọng Lãng gay gắt:

- Thượng công sai tìm anh gấp.

Lợi bắt đầu lo sợ:

- Chuyện gì thế?

- Không biết.

- Thượng công hay Hoàng thượng?

- Thượng công. Hoàng thượng bận tiếp ông Chính.

- Ủa! Hoàng thượng cho vời Hữu quân đến từ sáng mà!

- Vâng. Từ sáng đến giờ vẫn chưa thấy ông Chính về. Không biết có việc gì gấp mà không ai được đến gần điện Chánh tẩm cả.

- Thế à? Có Thượng công dự bàn không?

- Không.

- Thế Lãng gặp Thượng công ở đâu mà Thượng công truyền đi tìm anh?

- Thượng công đi tuần tra khắp các trại. Anh Lợi này!

- Gì thế Lãng?

- Hình như...

- Hình như gì? Sao đang nói, Lãng lại im?

- Có lẽ ta sắp rút quân đấy.

Lợi giật mình ngưng bước, trở mắt nhìn Lãng:

- Ai bảo thế? Thượng công à?

- Không. Nhưng thấy có lệnh thu quân gấp, và lệnh chuẩn bị sắm sửa nai nịt, hành trang. Toàn thể quân sĩ không được ra khỏi trại tối nay, trừ những người có phận sự ở các điểm canh. Mình chạy thôi, trễ quá giờ Dậu chắc gặp khó với các trạm gác.

Nói xong, Lãng chạy trước. Lợi tỉnh cả rượu, trời lạnh mà mồ hôi tháo ra như tắm, vì sợ. Lợi chạy kịp Lãng, vừa thở vừa hỏi:

- Thượng công có vẻ gì giận dữ không?

- Không biết. Nhưng có vẻ gấp lắm.

- Thế thì đúng là sắp rút rồi. Lãng này!

- Gì anh?

- Đừng trình là gặp anh ở ca lâu nhé.

- Thế thì trình ở đâu?

- Bảo là đang... là đang... là đang tuần tra kho lương.

- Kho lương nào?

- Kho nào mà chẳng được. Bậy thật. Biết trước thế này...

- Chạy nhanh lên. May ra kịp về phủ trước khi hết giờ Dậu.

Đúng lúc đó, chiêng trống ở trong một trại quân bắt đầu vang lên. Lợi nghe được, đứng dừng lại, vui mừng bảo Lãng:

- Đâu có. Vẫn nổi trống như mọi hôm mà! Lãng lầm rồi! Đêm nào dân Thăng Long cũng lầm như thế. Nửa đêm không nghe chiêng trống tưởng ta đã rút đi. Đến sáng thấy dinh trại vẫn y nguyên.

Lãng bực dọc nói:

- Thì anh cứ về phủ xem Thượng công gọi đến làm gì. Coi chừng, anh nói còn sặc mùi rượu.

*

* *

Đến khuya, vua Thái Đức mới thả cho Nguyễn Hữu Chỉnh ra về!

Cả ngày vua tôi hàn huyên về đủ thứ chuyện, từ thời tiết mùa màng cho đến những chuyện thật lẫn cầm riêng tư như sự khác nhau giữa gái Bắc Hà và gái Nam Hà. Trước khi chia tay, câu chuyện đang nhùng nhằng trong đàn ca hát xướng. Cho nên lúc Chỉnh ra về, vua Thái Đức vẫn còn cố dặn:

- Thế nào ngày mai ông cũng phải chép cho ta bài Quan họ đó nhé! Bài gì bắt đầu bằng câu "Thuyền ai thấp thoáng" đấy. Gì nữa nào?

- Tàu Hoàng thượng "Thuyền ai thấp thoáng bên sông".

- À phải. "Thuyền ai thấp thoáng bên sông". Ông hát lại cả bài một lần nữa đi. Ta thích bài Quan họ đó quá.

Nguyễn Hữu Chỉnh đành phải hăng giọng rồi hát:

Thuyền ai thấp thoáng bên sông

Tôi chờ tôi đợi tôi mong đợi chờ

Gọi chờ chẳng thấy chờ sang

Tôi chờ tôi đợi dờ dang chuyển đờ

Lấn thẩn lơ thơ

Tôi đứng bên bờ

Ra ngẩn lại vào ngơ...

Vua Thái Đức vỗ tay khen:

- Hay. Hay tuyệt! Có lẽ ông phải tìm cho ta một người Giáo phường thật giỏi để ta đem về Qui Nhơn mới được. Ông tìm được không?

- Tàu Bệ hạ, được ạ!

- Chùng nào?

- Chắc cũng hơi lâu, tàu Bệ hạ. Vì phải tìm cho được người thật giỏi, cả đàn lẫn ca.

- Lâu cũng được. Ông còn hứa tìm cho ta một cô vợ Bắc nữa mà. Hay thế này là nhất cử lưỡng tiện. Tìm cho ta một cô vợ hát Quan họ thật giỏi, thanh sắc vẹn toàn. Được không?

Nguyễn Hữu Chỉnh đáp:

- Xin vâng lệnh Bệ hạ!

- Nhớ nhé. Thôi được rồi! Ông đã nhớ thì ta cho ông về. Kéo khuya.

Về đến nhà, Nguyễn Hữu Du con Chỉnh lo lắng báo với cha:

- Hình như chúa Tây Sơn sắp về đây, cha ạ!

Nguyễn Hữu Chỉnh giật mình, quay lại hỏi:

- Ai bảo mà thế?

Du thấy cha hoảng hốt, đâm ngại, lúng túng nói:

- Không ai bảo con cả. Nhưng... nhưng con có cảm giác là họ sắp đi. Chiều nay họ thì thảo với nhau ngoài phố, rồi lũ lượt kéo nhau về trại, ra về khẩn cấp. Có thể khuya nay họ rút cũng chưa biết chừng!

Chỉnh hoang mang bảo con:

- Ta suốt ngày ngồi hầu, trò chuyện với nhà vua thật nhàn hạ. Sao lại có chuyện lật đật như vậy? Từ tối đến giờ, các trại quân Nam có gì lạ không?

- Dạ không. Vẫn y như các đêm trước.

- Thế thì rõ ràng mà là thẳng nhất gan! Mà sợ bóng sợ gió.

- Thừa cha...

- Thôi khỏi cần nói gì nữa. Mà sợ phỏng? Thôi được. Bảo bọn thám tử đi quanh một vòng xem sao!

Nguyễn Hữu Du rụt rè đáp:

- Con đã sai đi rồi, nhưng vừa đến điểm canh đầu tiên, đã bị chặn lại.

- Chúng có xưng là người của Hữu quân không?

Du lầu bầu đáp:

- Dạ có. Nhưng...

- Rồi họ bảo thế nào mà không đi được?

- Chúng nó hỗn lắm!

- Hỗn là thế nào?

- Tụi quân Tây Sơn ở điểm canh bảo "Bình phù của Hữu quân à? Hữu quân! Rồi ít lâu nữa mà y chống mắt lên mà xem quan Hữu quân của mà".

Nguyễn Hữu Chỉnh cười hề hề, thản nhiên bảo con:

- Lại gặp tay chân của thằng Nhậm chứ gì. Mà biết thừa là hấn ghét tao. Nhưng nếu mà muốn

yên tâm, lâu lâu sai chúng đi xem một vòng thử sao.

*

* *

Đêm ấy vào khoảng canh năm, thám tử của Chỉnh liệu mạng thử đi qua mấy điểm canh, vừa đi vừa nghe ngóng, nhưng đâu đâu cũng không thấy có tiếng người. Quanh đến cửa phủ, nghe khắp bốn mặt, cũng chẳng thấy bóng người nào, mà gáo vỡ, nồi mẻ lổng chổng vất đầy đường. Bọn họ vội đi ra bến sông; chỉ có trời nước mênh mông, trăm vạn thuyền lâu hôm nọ không biết đi đâu hết cả! Lập tức các thám tử về báo với Chỉnh. (3)

Chỉnh nghe tin đó, trong bụng cực kỳ phân vân, tự biết mình đã thất thế. Ở lại thì không dám, mà bỏ đi cũng khó. Thủy không có thuyền, bộ không có quân. Trốn không có chỗ chui. Đi đường nào đây! Trong lúc sống chết kinh khủng như vậy, Chỉnh cố nói đùa cho cả nhà vững dạ: - Ta đi khắp chín châu bốn bể, đến lúc trở về xó bếp lại bị chuột chù cắn chân. Không sợ. Không sợ. Ta cứ ở đây xem sao!

Cả nhà nghe Chỉnh nói thế, cũng tạm yên lòng. Chỉnh sai ngầm mấy tên thủ hạ ra bến Cơ xá tìm thuyền. Sáng ra, kiếm được một chiếc thuyền buôn, họ liền báo với Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh liền đem cả mấy chục thủ hạ cùng ra cửa ô Tây long. Người ở kinh đô tứ phía kéo ra đuổi bắt. Chỉnh tự vác gươm ra sức đánh đuổi, người kinh thành mới sợ chạy tản ra các ngả. Chỉnh liền cướp đường xuống bến đò, thả thuyền thuận gió ra biển để theo quân Tây sơn. Còn xe ngựa, khí giới và đồ đạc bỏ lại ở chùa Tiên Tích thì không biết bao nhiêu mà kể.

Sáng ra có người đem những chuyện đó tâu với vua Lê.

Tự hoàng vẫn không tin. Sau khi cho người đi xem và thấy báo là đúng sự thật, Tự hoàng hết sức kinh ngạc, vội cho đòi các quan vào triều và hỏi:

- Anh em hắn cướp hết nước ta mà đi, để cái "nước không" lại đây cho ta. Nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chế?

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, không biết trả lời thế nào. Chợt có người tâu:

- Hôm qua vâng chỉ truyền: sớm nay thiết triều. Bây giờ ngự giá đã tới, dám xin nhắc lại.

Nhà vua lại hỏi các quan:

- Có nên thôi phiên châu này chăng?

Các quan đều nói:

- Hoàng thượng ra triều để ban chiếu chỉ đổi Niên hiệu, đó là việc lớn, sao lại thôi?

Nhà vua bèn ra ngự triều, rồi ban tờ sắc công bố việc đổi Niên hiệu, lấy năm sau tức năm Đinh Vị (1787) làm năm đầu Niên hiệu Chiêu Thống. Trong tờ sắc đó, chỗ nào cũng "nhờ quý Quốc vương" "nhờ quý quốc Thượng công", giọng văn đại để đều là lời nói khi vua Tây Sơn còn ở lại. Bên trong lại có nhiều đoạn kể lỗi họ Trịnh. Lúc đó có người bàn: Hắn đã về rồi, thì những chỗ kia nên đổi lại cả.

Nhưng trong khi vội vàng không thể đổi kịp, tờ sắc cứ để y như cũ mà công bố.

Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 120

Dựa theo bài "Long thành cầm giả ca" của Nguyễn Du

Lấy y theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 121, 122

Chương 71

Xa giá vua Thái Đức và Thượng công Nguyễn Huệ về Nam bằng đường bộ, đến Thanh hoa thì nhà vua ra lệnh cho Chiêu viễn hầu Vũ văn Dũng tịch thu kho tàng của họ Trịnh ở phủ Yên trường mang về Qui Nhơn. Dũng cũng được lệnh rút quân về đóng ở Bồ chính.

Đến dinh Vĩnh (Nghệ An) xa giá dừng lại khá lâu vì chưa giải quyết xong một vấn đề quan trọng là có nên chiếm giữ Nghệ An hay không. Đối với tướng sĩ, nhà vua tươi cười bảo đây là quê cha đất tổ của dòng họ mình, nên muốn lưu lại đây ít lâu để hít thở không khí quê hương xem có khác với không khí Qui Nhơn không. Nguyễn Nhạc còn cho vời các bô lão từ huyện Hưng Nguyên lên để dò hỏi tông tích của dòng họ, lập lại gia phả để con cháu sau này hiểu được ngọn ngành. Mọi người được dịp dừng chân nghỉ mệt sau mấy ngày hành quân ráo riết. Và dân Nghệ An khổ sở không ít vì đạo quân khải hoàn ấy.

Cùng lúc đó tại dinh Vĩnh, vua Thái Đức và Nguyễn Huệ bàn cãi với nhau liên miên về chuyện Nghệ An. Nguyễn Huệ thưa với anh:

- Ở Thăng long mình đã hứa "đất của nhà Lê thì một tấc mình cũng không lấy". Lời đó bay khắp Bắc Hà, thiên hạ đang quay về Nam nhìn dõi xem ta có thành thực làm việc tôn phù hay không. Bây giờ, nếu...

Nguyễn Nhạc cắt lời em:

- Chú chùng ấy tuổi đầu, tự tay chú xô ngã cả hai triều đình, mà chú còn ngây thơ như thế sao? Đất của nhà Lê? Thế nào mới là đất của nhà Lê? Giả sử không có họ Trịnh thì liệu nhà Lê có nung nấu bao lâu nay tại điện Trung hòa được không? Hay là không còn lấy một miếng đất cắm dùi?

- Nhưng chính anh cũng nhắc đến công mở mang bờ cõi của Lê Thế tổ.

Nguyễn Nhạc tức giận nói:

- Dĩ nhiên là ta phải nói như vậy. Coi gió bỏ buồm. Chê tre nghe gióng. Cũng như chú tưởng thầy trò chúng nó thực tâm dâng cho ta vài quận quốc để khao quân hay sao? Chú lầm. Ngoài miệng thì nhún nhường khúm núm thế. Ngoài miệng thì một điều do ơn Thánh thượng, hai điều do ơn Thượng công, nhưng trong lòng chúng nó nghĩ gì chú biết không?

Nhà vua chờ cho Huệ trả lời. Thấy em không nói gì, nhà vua tiếp:

- Chúng nó nghĩ: "Này, quân cướp nước. Chúng bay muốn lấy trấn nào thì bảo ngay đi. Thí cho chúng bay đấy. Lấy xong, thì rút khỏi Thăng Long cho rảnh mắt. Rề rà mãi".

Nguyễn Huệ thấy anh đánh giá mình quá thấp, nên nói:

- Em không đại khờ gì tin vào những lời nói đầu môi chót lưỡi. Nhưng điều ta phải nghĩ tới, là chuyện về sau. Ta rút đi rồi, thế nào Tự quân cũng không đủ sức chống nổi bọn tay chân của nhà Trịnh, bọn lưu manh và bọn tướng tá tham quyền. Không biết chừng ngay lúc này đây,

Thăng Long đã loạn như cảnh vỡ đê rồi. Tự hoàng nhất định là muốn có thực quyền mà không có thực lực. Bọn lão tướng có quân lại không có danh. Sẽ có phe dựa vào vua Lê, và cũng có phe muốn dựng lại phủ Chúa. Dân Bắc Hà hoang mang biết tin vào ai đây? Tin vào Nguyễn Hữu Chỉnh à? Chưa chắc hẳn sống sót được với dân Bắc Hà sau khi ta rút khỏi Kinh thành. Mà dù hẳn có thoát chết thì cũng không ai tin hẳn. Thiên hạ lại trông chờ chúng ta. Bây giờ ta lấy Nghệ An, thì trước mắt họ, ta còn đáng tin nữa không?

- Thiên hạ là ai? Họ là ai?

- Anh muốn hỏi gì, em chưa rõ!

- Ta muốn hỏi chú. Chú có vẻ lo lắng thiên hạ sẽ hết tin ở ta. Nhưng thiên hạ là ai? Thiên hạ nào? Chú lái đò trên sông Phú Lương hay tên lính hầu trong điện Trung Hòa? Chị bán rượu ở cửa ô hay lão đồ gàn mặc áo the rách? Là chính Tự hoàng hay người ăn xin mù lòa ta thấy ngồi ở cửa Đại Hưng? Ai? Về chuyện này chẳng lẽ chú mù mờ!

Nguyễn Huệ mím môi suy nghĩ, rồi đáp:

- Có lẽ em không mù mờ đâu. Em chỉ chú trọng đến những kẻ nhờ uy tín đạo đức, nhờ khả năng chỉ huy, nhờ tài thuyết phục đám đông, hoặc nhờ bạo gan liều lĩnh có thể làm được việc lớn, ảnh hưởng đến thế cuộc...

Nguyễn Nhạc cười lớn ra vẻ thỏa mãn, bảo:

- Chú nghĩ đúng đấy. Ta chỉ chú trọng đến cái loại thiên hạ ấy. Nếu thế, chú tưởng họ tin ta thực dạ tôn phù sao? Không. Không. Họ không tin đâu. Họ cũng phải nghĩ như ta: đất nước này là của chung. Ai đoạt được thì làm Vua làm Chúa. Làm được lâu hay mau là tùy được lòng dân hay không. Thế thôi!

- Nhưng em nghĩ lấy Nghệ An bây giờ lợi bất cập hại. Ta không lấy thì Nghệ An cũng không thuộc về Thăng Long, vì họ làm gì có đủ sức giữ được phần đất ranh giới này. Nhưng nếu ta lấy Nghệ An, thì Bắc Hà sẽ thành một khối thân thiết, chặt chẽ, vì sợ ta lại trở ra Bắc lần nữa.

Giọng nhà vua bực dọc:

- Chú tìm hết lý lẽ để khỏi phải chạm đến lông chân ông già vợ phải không?

- Không phải thế!

Nguyễn Nhạc hỏi dồn:

- Hay chú ngại khổ? Thôi được. Chú ngại thì giao cho thằng Duệ đi (Nguyễn Văn Duệ). Hôm qua ta hỏi, nó đã khứng chịu rồi. Cái chỗ biên địa gai góc này, không ai nhận thì cứ giao cho nó. Ban đầu nó cũng hơi ngại, nhưng nghe ta bảo ở Bắc chính còn có Chiêu viễn hầu và ở Đồng Hới có thằng Nhậm (Vũ Văn Nhậm), nó yên tâm. Vả lại, Bắc Hà không đáng sợ lắm đâu. Toàn một lũ quan thị nhút nhát và bọn lão tướng lẩm cẩm. Chỉ có Nguyễn Hữu Chỉnh là đáng ngại, nhưng chắc chắn giờ này hẳn đã theo ông bà rồi!

Nguyễn Huệ cúi đầu im lặng, cảm thấy vua anh muốn đặt mình trước sự đã rồi. Vua Thái Đức chợt dạ hỏi:

- Chú sao thế?

Nguyễn Huệ cố cười gượng đáp:

- Không. Tối hôm qua em ngủ ít!

Nhà vua cười, cố lấy giọng đùa cợt:

- Chú coi chừng. Tuy là lá ngọc cành vàng nhưng cũng có gai đấy!

*

* *

Hai anh em không giấu được kinh ngạc khi lính hầu vào báo có quan Hữu quân xin ra mắt. Nhà vua đứng bật dậy, thảng thốt hỏi:

- Hữu quân nào?

Tên lính hầu đáp:

- Dạ quan Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh!

Nguyễn Nhạc ngờ vực hỏi:

- Hắn còn sống ư?

Nguyễn Huệ nói:

- Thằng chết bầm lại tìm được đường sống. Thật giống như quỷ dạ xoa kêu rêu ám ảnh, cắt không thể dứt.

Nhà vua mím môi để nén giận, một lúc sau bảo em:

- Chú tiếp hắn nhé!

Nguyễn Huệ đáp:

- Thừa vâng. Nhưng có nên dẫn hắn về Nam không?

Nhà vua gắt gỏng:

- Dắt theo làm gì!

Rồi vội vã vào dinh trong.

Còn lại một mình ở tiền dinh, Nguyễn Huệ bảo lính hầu:

- Ra mời Hữu quân vào.

Nguyễn Hữu Chỉnh mới đến cửa dinh đã vui vẻ nói với Nguyễn Huệ:

- Thượng công kín đáo quá, sáng bảnh mắt tôi mới biết. Báo hại tôi phải thức cả đêm để chép mấy khúc Quan họ cho Hoàng thượng!

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Bài hát Quan họ à? Sao lại có chuyện đó?

Nguyễn Hữu Chỉnh cười tự nhiên, đáp:

- Số là tối hôm trước, Hoàng thượng có sai tôi chép lại cho Hoàng thượng mấy bài Quan họ để đem về Qui Nhơn cho Giáo phường tập. Tôi có mang theo đây.

Vừa nói, Nguyễn Hữu Chỉnh vừa đưa tay vào bọc áo, Nguyễn Huệ vội ngăn lại, nói:

- Hoàng thượng hơi mệt, chưa tiếp ông được. Đi đường thế nào?

- Từ bến Cờ xá ra cửa bể thì tốt. Nhưng ra khơi lại bị gió ngược. Lái thuyền lại không quen tay chèo, nên đến đây hơi trễ.

- Sao lái thuyền lại không quen tay chèo?

Nguyễn Hữu Chỉnh cười một tiếng nhỏ, rồi đáp:

- Thuyền cướp của người ta thì quen sao được!

Nguyễn Huệ cũng cười:

- "Con cắt nước" thì cần gì thuyền quen thuyền lạ! Gia quyến ông vẫn bình yên chứ?

- Cảm ơn Thượng công. Chỉ có thằng Du đi theo tôi.

Nguyễn Huệ giả vờ kinh ngạc:

- Thế thì... thế thì gia quyến phải tạm ở lại chùa Tiên Tích cả ư!

Nguyễn Hữu Chỉnh không giấu được vẻ chua chát:

- Bọn vô lại chúng nó đến cướp cả! Nhưng không sao! Còn người thì còn của. Rồi chúng nó sẽ thấy. Không lâu đâu! Lúc nào Hoàng thượng lại dời xa giá vào Nam, thưa Ngài?

- Tôi cũng chưa biết. Ý Hoàng thượng còn muốn chờ dò hỏi cho được gốc gác ở Hưng nguyên.

Nguyễn Hữu Chỉnh vui mừng nói:

- Tôi xin trở về cửa Hội thống xếp đặt để lên bộ tháp tùng Hoàng thượng.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Ông lại định vào Nam ư?

Nguyễn Hữu Chỉnh cố làm ra vẻ ngờ ngạc hỏi:

- Đêm hôm đó Hoàng thượng có dặn gì khác đâu! Hay là Hoàng thượng đã đổi ý?

Nguyễn Huệ ôn tồn nói:

- Ông phải ở lại đây mới được. Nay Quận Thạc, Quận Liễn vẫn chưa trừ xong. Tự hoàng thì yếu đuối. Nước Nam không có ông, không còn ai trị chúng nổi.

Nguyễn Hữu Chỉnh đã biết được điều muốn biết. Vì đã đoán trước, nên Chỉnh không chút ngạc nhiên. Dù sao, ông vẫn cảm thấy vị chát ở cuống họng, hơi thở khó khăn. Nguyễn Huệ thấy nét mặt Chỉnh dàu dàu, hơi chạnh lòng, an ủi:

- Nói thế chứ hai tên lão nhược đó chưa đủ sức làm được gì đâu. Ông chớ ngại. Ngày mai tôi sẽ sai lính đem tới Động hải cho ông một số súng đồng, súng sắt, cùng khí giới, đồ đạc cần thiết.

Hiện ông có được bao nhiêu người?

Nguyễn Hữu Chỉnh liền đáp:

- Xin cảm ơn Thượng công. Chúng tôi không được đông, nhưng... nhưng chúng tôi sẽ tự xoay xở được.

- Hay ông cần thêm quân? Tôi giữ lại cho ông một trăm lính hộ vệ nhé? Có ít quá không?

- Để tôi mộ thổ dân mà dùng, tiện hơn. Nếu sức tôi không thể mộ được, sẽ xin đưa thư cấp báo.

Bấy giờ Thượng công hãy sai tướng sai quân ra giúp tôi.

- Nhưng ông cũng cần một số tiền bạc để chiêu mộ chứ! Ông nhận tạm hai chục lượng vàng vậy.

Tôi biết ông phải bỏ hết lại chùa Tiên Tích cho gia đình, nên hiện cũng lúng túng.

Nguyễn Hữu Chỉnh gật đầu, bằng lòng nhận số vàng. Trước khi chia tay, Nguyễn Huệ dặn:

- Có gì ông báo ngay cho Chiêu viễn hầu. Hoàng thượng đã dặn trước ông ấy rồi. Nhớ nhé!

*

* *

Đến Lũy Thầy vào buổi xế, và tuy có thể rán đi thêm một cung đường nữa, nhà vua hạ lệnh dừng lại nghỉ đêm tại ranh giới lịch sử này. Quân lính được món quà bất ngờ, reo hò vang trời. Các đội tìm chỗ dựng trại để ngủ đêm. Những người phụ trách nấu nướng tỏa ra tìm củi để cho các bạn đồng đội một bữa ăn nóng, đánh dấu ngày đầu tiên đặt bước lên vùng đất quê hương. Tiếng cười nói tíu tít, tiếng gọi nhau chào hỏi, lời chúc mừng được sống sót mà trở lại với gia đình, lời hò hẹn hợp tác trong dự tính mưu sinh sau khi xuất ngũ, bao nhiêu thứ làm náo loạn cả một góc trời.

Vua Thái Đức tạm trú trong nhà trạm cũ của Lũy Thầy, nghe tiếng ồn ào, ngạc nhiên hỏi Vũ Văn Nhậm:

- Sao tự dưng chúng nó làm náo lên vậy?

Vũ Văn Nhậm đáp:

- Thừa cha, đạo bộ binh này phần lớn gồm lính Thuận Hóa. Chúng nó qua được ranh giới phân chia Nam Bắc, nên mừng rỡ vì coi như về tới nhà được bình yên.

Vua Thái Đức ngó ra một lúc, mới nhớ lúc đến Thăng Long, xem lại các binh phù Nguyễn Huệ dâng nộp, đã thấy cơ ngũ có nhiều thay đổi, nhưng lúc đó nhà vua giả vờ như không chú ý. Ra thế đấy! Đạo quân nòng cốt không phải là người Qui Nhơn. Nhà vua hỏi con rể:

- Chúng nó là lính mới thì đánh đấm gì được.

Vũ Văn Nhậm vội đáp:

- Dạ không. Chúng nó đánh hăng lắm. Vì suốt mười năm bị họ Trịnh chèn ép đủ đường, chúng nó căm thù quan quân Bắc Hà đến tận xương tủy. Chỉ mới nghe hịch Bắc phạt, chúng nó đã nhảy cẫng lên vui mừng. Hôm hạ thành Phú Xuân, không có tên lính Bắc Hà nào chạy ra khỏi thành không bị dân Thuận Hóa đón giết. Có lẽ vì thế mà...

Vua Thái Đức nóng nảy hỏi:

- Vậy tội thủy binh mày đem từ Qui Nhơn ra bây giờ đi đâu cả?

Vũ Văn Nhậm rụt rè đáp:

- Dạ họ vẫn còn đó. Số thiệt hại không bao nhiêu, nhưng...

- Nhưng thế nào?

- Nhưng hiện nay chúng nó dưới quyền ông Sở (Ngô Văn Sở) và ông Lân (Phan Văn Lân). Một số nhỏ thì do ông Tuyết (Nguyễn Văn Tuyết) chỉ huy.

- Dưới quyền mấy thằng đó có gì lạ mà mày nói "nhưng"?

Vũ Văn Nhậm càng lúng túng hơn:

- Dạ vì... dạ thưa họ quen cách điều khiển trận mạc của chú Tám nên có vẻ như họ không thích về Qui Nhơn nữa.

Nguyễn Nhạc giật mình, hỏi:

- Sao mày biết?

- Dạ chỉ cần nghe qua cách họ nói với nhau, cũng đủ hiểu.

- Chúng nó nói với nhau những gì?

- Như ông Tuyết thì định xin căn nhà của viên Đốc thị Phú Xuân để đem gia đình từ Qui Nhơn ra. Còn ông Lân thì dò hỏi ông cử Kỷ xem gần thành có khu vườn nào rộng rãi có trồng sẵn cây ăn trái không.

- Ông cử Kỷ? Ai thế?

- Dạ một ông đồ đậu Cử nhân người Thuận Hóa. Chú Tám mới mời đến giúp việc từ hàn trước khi xuất quân ra Bắc.

- Vậy mày có nghe chú Tám tính gì không?

- Dạ không.

- Chắc không?

- Dạ khi có con, không thấy chú ấy bàn tính gì cả.

Nhà vua cắn môi suy nghĩ thật lâu, đôi lông mày nhật cau lại, gương mặt bần thần. Vũ Văn Nhậm nín thở không dám nói gì, sợ làm cho nhà vua nổi giận. Bàn tay phải nhà vua đặt trên mặt kỷ cứ nắm chặt lại rồi mở ra nhiều lần. Nhậm theo dõi cử động của bàn tay nhà vua, lo lắng chờ đợi.

Một lúc sau, vua Thái Đức nói:

- Mày vào trấn ở Đồng Hới, phải mở to mắt nhìn trước nhìn sau. Mặt bắc đã có thằng Duệ ở Nghệ An. Ta đã dặn thằng Duệ rồi. Mặt nam phải coi chừng Phú Xuân.

Vũ Văn Nhậm liền nói:

- Nhưng thưa cha, lão Cố Chính lại chạy tấp vào Đồng Hới, chắc chắn trở thành mối đe dọa cho mặt bắc. Tên xỏ lá đó tráo trở, phản trắc khôn lường. Liệu ông Duệ có trị nổi hấn không?

- Hấn chỉ quay mặt ra Bắc, không thềm nhòem ngó phía Nam đâu mà sợ. Cho dù hấn có quấy phá, cùng lắm cũng chỉ làm rộn được đến chân Lũy Thầy này thôi. Hấn càng quấy, càng tốt.

Vũ Văn Nhậm ngạc nhiên hỏi:

- Sao thế ạ?

- Sau này mày sẽ biết.

Nhậm hoang mang hỏi:

- Nhưng nếu hấn lòi kéo được dân Bắc Hà, điều này hấn có thể làm được bằng mưu mô quỷ quyết, nếu hấn xúi nhà Lê đem quân vào đánh Lũy Thầy, mà từ đây vào Qui Nhơn xa quá...

Nguyễn Nhạc cắt lời Nhậm:

- Việc gì phải cầu viện tận Qui Nhơn? Phú Xuân làm gì?

- Cha và chú Tám về Qui Nhơn rồi, con sợ...

- Ai bảo mày chú Tám sẽ về Qui Nhơn?

- Nhưng...

- Nhưng nhự cái gì! Chú Tám không chịu về đâu. Tao biết trước như thế nên cũng sẽ không ép.

Chỉ có tao với chú Bảy (Nguyễn Lễ) về thôi.

Nhậm vội nói:

- Như vậy thì cha cho con được...

- Không. Mày và thằng Duệ phải ở lại ngoài này. Vì sao ư? Mày phải cố hiểu. Không cần phải nói nhiều.

Nhậm xúc động, ngược lên nhìn vua Thái Đức với đôi mắt biết ơn.

*

* *

Trong một cái lều giăng tạm sát chân Lũy Thầy, một toán chừng năm, sáu anh lính Tây Sơn đang ăn cơm tối cạnh một bó đuốc cháy bập bùng. Lũy cao che được giá buốt, nên ngọn lửa vượn lên cao tự nhiên. Lâu lâu gặp một cành cây tươi rỗng ruột, lửa yếu đi, và phát ra những tiếng nổ lép lép.

Trên mấy cái lá đa to chập lại làm mâm, chỉ có một chảo cơm hầm và một con mắm gói trong lá chuối. Chén bằng gáo dừa, còn đĩa là những cành cây nhỏ còn tươi họ bẻ vội đâu đó, có lẽ dọc đường đi, hay tại một bụi cây dại gần bờ lũy. Bữa cơm đạm bạc, nhưng niềm vui hồi hương khiến cho miếng ăn ngon hấn lên. Câu chuyện nổ như bắp rang, lẫn lộn đủ thứ dầu cua tai nheo.

- Này, hình như cơm hơi sống thì phải.

- Đâu có. Chỉ hơi khô thôi.

- Sống chứ. Cậu ăn thử cục cơm này coi!

- Cơm mày ăn thừa lại đưa cho tao à. Thằng này hỗn.

- Ha ha! Mày đòi lấy em gái tao mà dám chê tao hỗn. Thế là mày mất vợ rồi. Tao không gả cho đâu.

- Không gả mà được à! Nàng thương tao, mày không gả thì nàng vẫn cứ trốn theo tao.

- Thôi, xin can. Hai ngài chỉ được nói phách. Một ngài em gái xấu như ma lem mà động ai cũng đòi gả. Một ngài ăn to nói lớn lấy phần đâu nuôi vợ mà đòi cưới.

- Ừ, sao ông biết em gái tôi xấu? Ông đã đến Cam Lộ hồi nào?

- Việc gì phải đến Cam Lộ! Chỉ cần trông bản mặt của ngài là đủ biết dung nhan em gái ngài ra sao rồi. Chung Vô Diệm thì ăn thua gì!

- Chung Vô Diệm! Công chúa Tàu hả? Chung Vô Diệm làm sao đẹp bằng em gái tôi được.

Cả bọn vùng lên cười hô hố. Người lính già nhất cần nhần:

- Có cười thì quay mặt ra ngoài. Phun cả vào mặt người ta!

- Ấy chết. Chúng em xin lỗi "cụ". "Cụ" về chuyến này mặc sức "cụ bà" mừng. Đấm lưng này. Bóp chân này. Giã trâu cho này.

Người lính lớn tuổi chưa đến bốn mươi bị bọn trẻ chế giễu, phát cáu:

- Có ăn cho xong đi không!

- Không ăn được cụ ơi. Qua được Lũy Thầy, mừng quá hóa no. Nay, bây giờ tôi mới thú thật với các cậu nhé. Gần ba tháng nay tôi cứ lo lo, ăn thịt mà không thấy ngon. Về đây ăn mắm mà ngon hơn nhiều.

Các bạn cùng hỏi:

- Lo cái gì? Tại sao lo?

- Dân Bắc Hà khéo quá, ăn nói ngọt xớt không biết đâu mà lần. Chẳng thà ruột ngựa như trong mình cho dễ tính. Đằng này họ nói thật ngọt, mà trong lòng gươm dao hườm sẵn để đâm vào lưng mình lúc nào không hay. Cho nên nhiều bữa đi tuần, gặp các cô gái xinh đi rao bán quà, tôi không dám mở miệng, chạm mặt là lo quay đi.

- Ôi thôi thôi! Tướng trai lơ của ông ai không biết. Ông hại đời bao nhiêu cô gái Thăng Long rồi. Khôn hồn thì khai mau!

Người lính bị chất vấn mặt mũi không lấy gì sáng sửa để coi, miệng chỉ láu táu được trước bạn bè đồng phái thôi, nhưng được các bạn gọi là "trai lơ", hãnh diện phồng mũi lên, nói khoác:

- Dại gì mà khai với các cậu. Khai để các cậu đồn ầm lên tôi ế vợ sao.

Lại có nhiều câu hỏi tò mò:

- Hóa ra mày dụ được gái Bắc Hà sao? Thật không?

- Lại còn hỏi!

Đến "cụ già" bốn mươi cũng gác đũa chồm tới hỏi:

- Thế, thế họ có khác gì gái Nam không?

Được trợn, cậu lính trẻ vênh vào đáp:

- Dĩ nhiên phải khác chứ!

- Khác thế nào? Có thật khác nhau không?

- Biết nói thế nào bây giờ! Nghĩa là... cũng như... Thôi, tôi chịu không nói được. Các cậu tự tìm hiểu lấy.

- Còn dịp nào ra Bắc nữa đâu mà tìm hiểu?

Bấy giờ "cụ già" mới ra mặt sành sỏi chuyện đời:

- Các cậu trẻ tuổi yên chí. Còn ra Bắc nhiều bận nữa. Chưa hết đâu.

Sự chú ý đổ dồn về ông cụ:

- Thật sao bác? Thượng công đã làm rể họ Lê, hai nước đã hòa hiếu với nhau, còn kéo quân ra Bắc làm gì?

- Cháu lại sợ chuyến này phải vào tận Qui Nhơn ấy chứ! Cháu chỉ còn một mẹ già. Xa mẹ cháu mấy tháng nay, không biết ở nhà có ai chăm sóc miếng cháo miếng trâu cho không.

- Biết đâu không phải ra Bắc mà phải xuống thuyền vào tận Gia Định. Nghe nói trong đó chưa yên đâu. Còn Bắc Hà thì coi như ổn rồi.

- Lầm lẫn hết. Các cậu không đi Qui Nhơn đâu mà sợ. Bởi vì...

Lúc đó ngoài lều có nhiều tiếng lao xao. Rồi nhiều tiếng reo hò.

Mấy người lính ngơ ngác. Cậu trẻ nhất mau mắn bỏ đũa chạy hăn ra ngoài lều xem điều gì đang xảy ra. Một lúc sau, cậu trở vào, gương mặt hớn hởi. Mọi người hỏi:

- Cái gì thế?

- Thượng công vừa đi qua đây.
- Thật à? Chuyện gì?
- Thượng công đi thăm qua các trại. Tiếc quá. Lều của mình đóng ở chỗ khuất. Nếu không...
- Nhưng Thượng công còn ở ngoài đó không?
- Không. Người đã rẽ lên phía tây.
- Ừ, tiếc thật. Này, các cậu có biết không? Ở Thăng Long, một hôm, tôi có được nói chuyện với Thượng công đấy.
- Lại nói khoác. Mà là cái gì mà được gặp Thượng công?
- Chứ mà tướng Thượng công là thần thánh sao? Ngài cũng như mình, trước kia cũng là dân nghèo như mình. Tại sao dân nghèo lại không gặp dân nghèo được!
- Vâng. Thừa ngài "dân nghèo". Cho là gặp được đi. Nhưng Thượng công đã nói gì với "ngài"?
- Thượng công bảo: "Đường nhiều đá. Coi chừng vấp".
- Rồi mà nói gì?
- Tao đáp: "Vâng".

Cả lều lại cười ồ:

- Thế mà cũng khoe!

*

* *

Nguyễn Huệ và Lãng đi qua khỏi dãy lều nghỉ tạm của binh sĩ, mà tiếng reo hò phía sau vẫn còn đuổi theo họ. Nguyễn Huệ theo một dốc mòn trắng lờ nhờ trong bóng đêm để bước lên mặt Lũy Thầy. Lãng theo sau vấp một bụi gai thấp, suýt té. Nguyễn Huệ mãi ngắm cảnh trời đêm, không chú ý. Nguyễn Huệ quan sát mặt lũy, hỏi Lãng:

- Liệu có dày đủ một sào không?

Lãng ước lượng một lúc, mới đáp:

- Có lẽ không đủ.

- Thế mà họ dám báo là đoạn nào cũng cao đủ 19 bộ, dày đủ một sào đấy. Bọn ăn hại!

Lãng nhớ chuyện một bô lão địa phương kể hồi chiều, liền nói:

- Việc đắp lũy này đã tốn không biết bao nhiêu công của. Không ai được ở nhà, cả đàn bà, con gái, bà góa đều phải đi đắp lũy. Chỉ có những người còn cho con bú được miễn thôi.(1)

Nguyễn Huệ nhìn về phía trời phương bắc. Đêm âm u trải dài đến ngút mắt. Ở rặng núi xa phía tây, có một đám cháy rừng, ban đầu chỉ lớn bằng một cái đóm, nhưng dần dần, đám cháy loang ra thành cái bát, rồi cái nia. Đột nhiên Nguyễn Huệ nhớ lại những đám cháy rừng ở quê hương, nhớ những đêm niên thiếu giật mình thức giấc, nằm yên trên chiếc chõng tre ở đầu hè nghe lan man tiếng sấm ì ầm tận chân trời xa, và tiếng nổ lép bép của một đám cháy rừng. Mãi đến giờ sau hơn ba mươi năm, nhìn đám cháy ở một sườn núi xa khuất trong đêm tối, ở một nước khác, ông tưởng vẫn nghe được tiếng nổ lép bép và cái mùi khét chua đặc biệt từng ghi đậm vào tâm khảm ông.

Thấy chủ tướng im lặng hồi lâu, Lãng tưởng Nguyễn Huệ đang suy nghĩ về câu nói vừa rồi của mình. Lấy can đảm, Lãng nói:

- Việc đắp lũy gấp gáp quá, nên chắc các quan địa phương có phần nào khắc nghiệt. Ta vừa lấy được một bức thư của một cố đạo Tây dương định gửi ra nước ngoài.

Nguyễn Huệ quay ngoắt lại, hỏi:

- Hẳn viết gì thế? Sao cậu đọc được?

- Dạ tôi nhờ một ông trùm đạo dịch lại.
- Hẳn viết gì?
- Hẳn kể chuyện đắp lũy này. Hẳn có nhắc đến Thượng công.
- Thật à! Hẳn nói gì về ta?

Lãng ngần ngừ một lúc, rồi mạnh dạn đáp:

- Hẳn gọi Thượng công là "bạo chúa".

Vì bóng đêm nên Lãng không thể quan sát được phản ứng của Nguyễn Huệ, nhưng giọng nói của Thượng công đã có hơi giận:

- Bạo chúa hay đức chúa?

- Dạ bạo chúa!

Nguyễn Huệ lấy lại được trầm tĩnh, giọng nói bình thường và chậm:

- Tại sao cậu đem chuyện đó nói lại với ta?
- Vì... vì Thượng công có dặn không được giấu gì Thượng công cả. Cái lũy này...

Nguyễn Huệ vội nói:

- Cậu có biết nói những lời như vậy là nguy hiểm không? Chỉ cần ta ra lệnh một tiếng...

Lãng cũng vội thưa:

- Lúc đó, không bao giờ Thượng công được nghe một lời chân thật nữa. Chỉ còn những lời xu nịnh giả dối, hoặc những câu đầu môi chót lưỡi.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, trở lại dịu dàng bảo Lãng:

- Ta cũng biết thế, nên... nên không cho phép cậu rời ta. Cậu là cái gương để ta nhìn rõ mặt ta mỗi ngày. Cậu đừng ngại. Cứ nói thẳng những gì cậu nghĩ. Ta có phải là bạo chúa không?

Lãng yên tâm hơn, hắng giọng đáp:

- Thưa Thượng công, không!
- Thế tại sao chúng nó gọi ta là bạo chúa?
- Chỉ vì Thượng công có nhiều quyền lực, quá nhiều quyền lực. Trong khi đó thì bọn tôi tớ nhà Trịnh hoặc bọn hủ nho hẹp hòi lại nghĩ quyền lực ấy không được hợp pháp.
- Hợp pháp ư? Hợp pháp là thế nào?
- Họ nghĩ hợp pháp là đúng theo truyền thống. Như là ngôi vua cha truyền con nối, hoặc được thiên hạ đồng tình suy tôn lên ngôi báu.

Nguyễn Huệ cười, rồi bảo:

- Thế à? Muốn hợp pháp theo kiểu đó thì phỏng khó gì? Ta lật cái ngai của Duệ tôn, dựng cái ngai cho Tự hoàng, chẳng lẽ không đủ sức đặt cái ngai cho chính mình hay sao. Chỉ vì...
- Nguyễn Huệ nói đến đó rồi ngưng, không tiếp tục nữa. Lãng không đoán được chủ tướng đang nghĩ gì, nên không dám nói tiếp. Nguyễn Huệ vẫn nhìn mông lung ra đêm tối phương bắc. Đám cháy trên sườn núi xa đã tắt, nên trước mắt ông, đêm mênh mông. Gió bắc thổi lên mặt lũy vù vù. Ông cảm thấy lạnh, đưa hai tay giấu vào vạt áo võ. Một lúc lâu sau, Nguyễn Huệ đột nhiên bảo Lãng:

- Đắp cái lũy này tốn biết bao nhiêu công của, đến nỗi thiên hạ gọi ta là bạo chúa. Nhưng... nhưng có lẽ bây giờ không cần thiết nữa rồi.

Lãng vội hỏi:

- Thượng công bảo gì ạ?

Nguyễn Huệ nhắc lại khá lớn cho gió khỏi cuốn lấp mắt:

- Ta bảo không cần cái Lũy Thầy này nữa.

Lãng hỏi:

- Phải đắp lũy khác ở ngoài dinh Vĩnh, phải không ạ?

Nguyễn Huệ cười, có vẻ chế giễu:

- Sao lại phải đắp lũy ở đây! Cậu bị bệnh thong manh phải không? Nếu cần đắp lũy, thì phải đắp tận Quỷ môn quan. Nhưng ở đó núi rừng trùng điệp, cần gì phải đắp lũy nữa. Có ngại chăng là...

Nguyễn Huệ lại dừng ở giữa câu.

Gió bắc vẫn thổi vù vù. Nguyễn Huệ quay nhìn các ánh đuốc của trại quân, giọng vui vẻ hỏi

Lãng:

- Ta đến thăm bất ngờ, họ trở mặt không tin ta đến. Phải chờ tận lúc ta đi khỏi, họ mới reo hò như chợ vỡ.

Lãng nói:

- Anh em quân sĩ thương mến và kính phục Thượng công.

- Cậu nói thực đấy chứ?

- Điều đó chính mắt Thượng công đã thấy rồi!

- Nếu ta về Qui Nhơn, họ có chịu theo ta không?

Lãng hăng hái đáp:

- Thượng công phái họ đi đâu, họ đều sẵn sàng tuân phục. Có điều...

- Có điều thế nào?

- Phần lớn đạo bộ binh này đều là người Thuận Hóa. Họ ngại xa gia đình.

Nguyễn Huệ gật gù:

- Ta hiểu. Ta hiểu. Nhưng Hoàng thượng chỉ muốn ta đứng đây nhìn ra Bắc Hà. Không muốn ta bước khỏi bờ lũy này. Cái khó nhất là chỗ đó.

Gió bắc vẫn thổi vù vù.

Phía xa, một đám cháy khác lại nhóm lên, lần này đám cháy loang nhanh hơn lần trước, đến nỗi dù cách trở hàng trăm dặm, ánh lửa có thể soi rõ đôi mắt sáng long lanh và đôi môi mím lại trên khuôn mặt Nguyễn Huệ.

Lãng nói:

- Cháy hết rừng mất thôi!

Còn Nguyễn Huệ thì bảo:

- Hiện giờ có lẽ Thăng Long đang loạn. Không biết Tự hoàng xoay xở ra làm sao với bọn con cháu nhà Trịnh. Công chúa cũng lo lắm!

Lãng không dẫn được tò mò, rụt rè hỏi:

- Đường sá vất vả, chắc Công chúa chưa quen?

Nguyễn Huệ cười, giọng dịu dàng hắt lại:

- Có thể! Công chúa mới mười sáu tuổi đầu, từ nhỏ tới lớn chưa từng bước ra khỏi điện Trung Hòa. Thấy một cánh hoa héo rụng cũng đủ xúc cảm để làm hẳn một bài trường thiên. À cậu đã được đọc thơ của Công chúa chưa?

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Công chúa làm thơ được sao, Thượng công? Phải, có một lần tôi được phe Hữu quân Chính bảo trước đây, lúc rảnh rỗi, Tiên đế vẫn cùng với Công chúa làm thơ xướng họa với nhau. Tôi cứ tưởng Hữu quân chỉ nói khoác cho vui thôi.

Nguyễn Huệ cười ra vẻ hãnh diện, đáp:

- Hẳn nói khoác đủ thứ chuyện, nhưng chuyện này thì hẳn không nói khoác chút nào. Cậu muốn

nghe ta đọc thơ Công chúa làm không?

Lăng vui mừng đáp:

- Thưa muốn lắm!

Nguyễn Huệ cười khúc khích, hắng giọng nói:

- Được, ta đọc cho nghe. Hừm! Bắt đầu thế nào hè? Để ta nhớ lại đã. Bắt đầu bằng... bắt đầu bằng những gì "trăng sao" gì đó. Họa may phải cởi áo giáp, thanh gươm ra, bỏ mũ trụ xuống thì "trăng sao" mới dám hiện lại trong trí nhớ. Bậy thật!

Lăng nhắc:

- Thơ luật hay thơ nôm, thưa Thượng công?

- Thơ nôm chứ!

- Lục bát hay là làm theo đường luật?

- Đường luật chứ.

- Thượng công có hỏi hay sao mà Công chúa dám trình cho Thượng công xem?

Nguyễn Huệ cười:

- Công chúa giấu như mèo... như mèo... Ta ví như vậy không được nữa. Thôi. ý ta nói Công chúa lén làm thơ, chờ khi ta đi khỏi mới mang bút nghiên ra. Bất ngờ, một hôm ta bắt gặp. Công chúa đỏ mặt, suýt khóc. Muốn giấu cũng không được. "Trăng sao"... "Trăng sao"... cái gì nữa hở? Cả Nguyễn Huệ lẫn Lăng cùng phá lên cười, lấp cả tiếng gió bắc. Phía xa, lửa cháy rừng vẫn loang rộng, hắt ánh hồng lên mặt bắc của Lũy Thầy.

(1) Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 152

Chương 72

Khoảng cuối tháng 8 Bính Ngọ (tháng 9-1786), cả hai đạo bộ binh và thủy binh đều về tới Phú Xuân.

Sau hơn mười năm căn rặng nhẩn nhục, bây giờ dân Thuận Hóa mới có dịp ngẩng đầu lên kiêu hãnh. Cả kinh thành rộn rã như ngày hội. Cha mẹ, anh em, vợ con ra tận ngoại ô để đón những người chiến thắng, đem cái bịn rịn bi lụy gần ba tháng trước ra làm đề tài đùa cợt với nhau. Trên bến thuyền, một người vợ trẻ ôm cái nón lá vào ngực, đứng thút thít bên anh chồng lính vừa trở về, dáng điệu e ấp ngượng ngùng của cả hai chứng tỏ họ chưa lấy nhau được bao lâu thì chồng đã nhập ngũ. Người vợ trẻ lấy rằng căn lấy vành nón để đưa cả hai ống tay áo lên quệt nước mắt trên má, trong khi anh chồng hỏi:

- "Nhà" lo lắm phải không?

Người vợ hạ tay cầm nón, đưa lên che bớt vẻ hân hoan pha lẫn ngượng nghịu:

- Còn hỏi!

- Có gì đâu mà phải lo?

- Nói như anh, thì...

- Tôi ra ngoài đó cũng lo cho "nhà" lắm. Mạ tính hơi nghiêm, sợ nhà chưa quen.

- Không. Mạ thương em lắm. Mạ nói khi nào thằng Bảy nó về... Không, mạ mếu máo bảo nếu Trời cho thằng Bảy nó về được thì...

- Thì sao, hở "nhà"? Nếu về được! Rứa cả nhà đều tưởng tôi không về được à? Hay là chỉ có "nhà" mong cho tôi không về được, rồi đổ hô cho mạ?

Người vợ lườm chồng, nhưng chị không giận vì biết chồng nói đùa:

- Anh chỉ nói bậy. Suy bụng ta ra bụng người!

- Bụng tôi thì lúc nào cũng nghĩ tới "nhà". Nghĩ tới cái đêm...

- Thôi, đừng nói nữa. Anh "xấu lắm".

- Ô hay! Tôi có nói gì đâu mà "nhà" bảo tôi xấu. Tôi bảo mỗi lần nhớ cái đêm rằm đầu tiên tôi gặp "nhà" tại bữa k ở o Chín, tôi trần trọc không ngủ được. "Nhà" nghĩ sao mà lại đổ cả mặt lên rứa?

- Thôi, anh ranh lắm. Anh định nói... rồi thấy em không bằng lòng, lại vờ bắt quàng sang chuyện khác.

Người chồng vẫn giả vờ ngây thơ:

- Ô hay! Nhà bảo tôi ranh là ranh thế nào? Chẳng lẽ nhà không nhớ đến đêm rằm ấy hay sao?

- Thôi. Không thềm nói chuyện với anh nữa.

Anh chồng trẻ cười sung sướng:

- Không nói chuyện thì đứng ngắm nhau vậy. Nhà hạ cái nón xuống một chút, cho tôi xem kỹ

thử nhà có hao gãy chút nào không. Nếu nhà vẫn đẹp như trước, tức là... Ừa, sao nhà lại che cả mặt mũi thế?

Sau vành nón rung rung, có tiếng cười khúc khích, sau đó có tiếng hỏi nhỏ, ngập ngừng:

- Anh này...

- À, nhờ Trời nhà đã chịu nói chuyện trở lại. Gì thế, nhà?

- Đã về được chưa?

- Chưa đâu. Phép nước nghiêm lắm. Nhất là Thượng công. Ông ấy nghiêm, nhưng không ác như bọn tay chân tên quận Tào híp mắt. Ông ấy đánh giặc giỏi thật. Quân ra đi lộn xộn ô hợp thế, nhưng chỉ vài ngày là đâu vào đó. Nghe có Thượng công trực tiếp chỉ huy, anh em yên tâm. Ông ấy nổi tiếng cầm quân trăm trận trăm thắng mà.

Người vợ vẫn bám vào cái ý cũ:

- Nhưng lúc nào mới về được? Mạ mong lắm. Mạ nói...

- Chứ nhà không mong chút nào phỏng?

- Anh này! Buộc em phải khai thật hết răng?

- Tôi muốn thế! Khai thật cho đỡ, cho thỏa cái khổ nhớ mong. Nhà biết không...

- Nhưng lúc nào anh về?

- Lúc nào có lệnh bề trên mới về được. Nghe đâu sau lễ mừng chiến thắng thì được về phép.

Người vợ nói, lo âu:

- Chỉ được về phép thôi à? Không được về luôn hay sao?

Người lính trẻ cúi xuống xốc lại thanh gươm đeo bên hông, giọng kiêu hãnh:

- Về luôn! Đã hết giặc đâu mà về luôn?

Người vợ hốt hoảng hỏi:

- Còn giặc nào nữa?

Anh chồng bí, không biết trả lời thế nào, lấp bắp một lúc, rồi đáp liều:

- Còn khối giặc ấy. Không phía bắc thì phía nam. Không từ ngoài biển vào thì trên núi đổ xuống.

Cô vợ trẻ lại cắn lấy vành nón. Cô không muốn lại khóc trước mặt chồng. Người lính nhìn vẻ mặt thẳng thốt tuyệt vọng của vợ, chạnh lòng, dịu dàng an ủi:

- Nhưng tôi chỉ nói bậy thế thôi. Sau lễ chiến thắng, thế nào cũng được về luôn với nhà.

Người vợ không dám tin, giọng buồn buồn:

- Em không lo cho thân em, chỉ lo cho...

Người chồng cắt lời vợ:

- Mạ khổ cực cả đời quen rồi.

Người vợ đột nhiên đỏ mặt, lí nhí nói:

- Không. Em không có ý nói thế. Em cũng có lo cho mạ. Không có anh, mạ buồn cả ngày không nói năng gì. Nhưng em lo nhất là... lo nhất là... anh này...

- Gì thế mình?

- Anh không thấy em có gì khác răng?

Người chồng chăm chú nhìn vợ để tìm điểm khác thường, nhưng anh không tìm được gì cả.

Anh do dự, rồi hỏi:

- Nhà có khác gì đâu? Chỉ đẹp hơn trước. Da dẻ như căng lên, mắt ánh lên...

Cô vợ không giấu được sung sướng, rụt rè nói:

- Anh đi ngắm gái Bắc Hà cho thỏa thích, được họ dạy cách nói điêu, nên bây giờ nói với em

toàn lời không thật. Em không tin đâu. Hồi trước, anh chỉ ấp úng, chứ có nói thế này đâu.

- Tại lúc đó tôi ngược muốn nói nhưng lưỡi cứ đơ ra, cổ họng nghẹn lại. Bây giờ thì...

- Thôi, em phải về.

- Ơ, về sớm thế?

- Hình như có ai gọi anh dưới thuyền?

Người chồng quay lại, quả nhiên các bạn đã xuống thuyền gần hết. Cô vợ cuống quýt sợ phải xa chồng, hấp tấp nói:

- Em muốn báo cho anh tin... tin mừng này.

- Gì thế? Thật không? Đừng nói đùa nhé!

- Thật chứ. Hình như em có mang, anh ạ!

- Được. Tao sẽ xuống liền. Thật sao nhà? Được mấy tháng rồi?

- Có lẽ được ba tháng. Em thêm ồi với khế.

- Tao xuống liền mà. Xuống ngay! Trời ơi! Tôi có con thật không nhà? Thế là mạ vui rồi. Mạ chỉ mong có cháu nội để bông. Nhà cho tôi cầm tay một cái đi.

- Không. Kỳ lắm. Người ta trông cả lên đây! Xuống ngay với họ đi!

Anh chồng cười nhỏ, rồi chụp lấy tay vợ đưa lên áp vào má mình. Dưới bến thuyền, bạn bè anh lính trẻ cười vang cả một khúc sông!

*

* *

Nguyễn Huệ vào dinh gặp vua anh, được quan nội hầu báo cho biết quan Tiết chế Nguyễn Lữ vừa đưa vua Thái Đức đi xem cho biết về huy hoàng của vương phủ cũ họ Nguyễn. Nguyễn Huệ phải ngồi chờ một lúc, hai anh mới trở về. Nhà vua tươi cười bảo:

- Chúng nó giàu có thật. Của cải tích lũy tám đời, hèn gì dinh thự sang trọng đến thế. Cung phủ làm toàn bằng gỗ quý. Nhưng bàn kỷ, đồ đạc, màn trướng thì chỉ xoàng xoàng thôi.

Nguyễn Huệ đáp:

- Có lẽ trước đây cách trang hoàng phải sang trọng rực rỡ lắm. Nhưng khi Tĩnh vương Trịnh Sâm xua quân vào chiếm thành Phú xuân, bao nhiêu đồ đạc quý giá đều bị tháo gỡ cả. Trấn thủ Thuận hóa sửa sang lại, đâu dám vượt quá mức sang trọng của phủ chúa ngoài Thăng Long. Nhà vua nhìn thẳng vào Nguyễn Huệ, lấy hơi muốn nói gì đó, nhưng lại thôi. Nhà vua thấy em chờ đợi, phải hỏi lảng:

- Chú mới đến à?

- Dạ.

Nguyễn Lữ hỏi:

- Mấy ngày nay dân Phú Xuân rậm rịch, như đang lên cơn chú thấy không?

Nhà vua hỏi Lữ:

- Lên cơn điên à?

Lữ đáp:

- Dạ không. Mà có lẽ họ điên thật. Họ nghĩ họ vừa trả được cái hận mười năm chịu đựng đàn áp của quan quân nhà Trịnh, nên ai nấy đều hả hê. Quân ta kéo về đóng ở đâu là thiên hạ bu đến hỏi han, thăm viếng. Họ còn mang quà đến biếu nữa.

Nguyễn Huệ thấy đây là dịp tốt để trình bày ý định của mình:

- Em thấy ta nên cho làm lễ khao quân ngay tại đây. Dân Thuận Hóa đang chờ. Tổ chức lễ mừng, ta vừa phô trương được thanh thế, vừa đáp được sở nguyện của dân chúng.

Nhà vua cúi đầu, bóp trán suy nghĩ thật lâu. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ không dám nói gì, chờ quyết định của vua anh. Một lúc lâu, vua Thái Đức lấy tay vỗ vỗ vài cái vào trán nói:

- Góm, khí hậu ở đây thật khó chịu. Mới đi với chú Bảy một vòng đã muốn nhức đầu sổ mũi.

Nguyễn Lữ nói:

- Vâng, ở đây lạnh đó rồi nóng đó.

Nguyễn Huệ nói:

- Lúc hạ được thành Phú Xuân, thiên hạ hân hoan nhưng ta bận chuẩn bị đánh ra Bắc nên chưa có dịp. Vả lại lúc đó anh còn ở Qui Nhơn. Kịp đến khi anh ra thì vội quá, chỉ ghé để lấy thêm quân mà thôi. Bây giờ có cả ba anh em ta ở đây, sau khi chiến thắng ở Bắc Hà, em nghĩ cũng nên làm cái gì để dân Thuận Hóa hiểu rõ lẽ thống nhất, và được cơ hội chiêm ngưỡng long nhan. Đây lại là cố đô của họ Nguyễn, lòng người phức tạp hơn ở các nơi khác...

Nguyễn Nhạc bực dọc hỏi:

- Sao không chờ về Hoàng đế thành rồi làm luôn thế? Lúc diệt được quân Xiêm, chú cũng muốn khao quân ở Qui Nhơn để phô trương thanh thế. Ta ngăn chú vì còn sợ đe dọa từ phía bắc. Bây giờ bắc nam đều định, ta làm lễ mừng tại Qui Nhơn là phải.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Chúng ta kéo hết đạo quân về Qui Nhơn, bỏ trống mặt bắc hay sao?

Nguyễn Nhạc liếc nhìn em, suy nghĩ một lúc, rồi hỏi dò chừng:

- Ta đã rải thẳng Duệ, thẳng Sở và thẳng Nhậm dọc một dải từ Nghệ An vào. Ở đây, dĩ nhiên cần có một người vững hơn để làm chỗ dựa cho ba đứa phía ngoài... Chú xem tên nào làm được việc đó?

Nguyễn Huệ hỏi lại:

- Xin anh chỉ định cho. Tướng tài còn lại, ngoài Chiêu viễn hầu và phò mã ra...

Nguyễn Nhạc cắt lời em:

- Hay chú Tám ở lại đây, được không?

Nguyễn Huệ đã biết được điều lâu nay ông tiên liệu, nên chậm rãi, bình tĩnh đáp:

- Xin tùy anh định liệu.

- Nhưng ý chú thế nào? Đây là một việc quan hệ cả xã tắc. Chú nghĩ thế nào, cứ nói cho ta biết.

Nguyễn Huệ hỏi lại:

- Hiện nay bọn tay chân thẳng Chúng có làm gì không?

Nguyễn Nhạc cười, nói:

- Cũng có đấy. Phạm Văn Tham giữ Gia Định, chắc không đến nỗi như hộ bộ Bá và Đỗ Nhàn Trập. Nhưng ta vẫn chưa yên tâm. Chú Bảy về Qui Nhơn nghỉ ít lâu, rồi nên vào đó giúp thêm cho thẳng Tham. Bọn thẳng Chúng, một mình chúng nó thì không ăn thua gì. Nhưng sau lưng còn có các cố đạo với tàu sắt, thuốc súng, và bọn du côn tóc vàng mắt xanh.

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, mới thận trọng đáp:

- Nếu mặt nam không có gì đáng ngại, thì em xin lo mặt bắc.

Nguyễn Nhạc làm ra vẻ vui mừng nói:

- Thế thì còn gì bằng. Chú về Qui Nhơn thăm thím và mấy cháu, rồi sửa soạn dẫn thím ra đây luôn thể!

Nguyễn Huệ đáp:

- Em sợ... dân tình ở đây chưa yên. Không thể bỏ trống Thuận Hóa ngày nào được.

Nguyễn Nhạc thất vọng, hỏi:

- Gấp đến thế à? Thôi, cái đó tùy chú. Thím ra sau cũng được.

Nguyễn Huệ liền nói:

- Do đó, em mới xin làm lễ khao quân ngay tại đây. Có anh, dân Thuận Hóa mới vững tin ở lễ thống nhất, và những kẻ hai lòng hết còn dám mơ tưởng ngày họ Nguyễn trở lại.

Nguyễn Nhạc cười nhẹ, giọng pha chút mỉa mai:

- Chú mới ra đây có mấy tháng mà đã mê con sông Hương rồi nhỉ! Thôi được. Làm lễ khao quân hay không là tùy chú.

Nguyễn Huệ vội thưa:

- Nếu anh không muốn...

Nhà vua xua tay bảo:

- Sao lại không muốn. Được lắm. Nên lắm. Quái. Sao nhức đầu thế này. Chú cứ cho chọn ngày làm lễ gấp đi. Ta cũng nóng ruột, muốn về gấp Qui Nhơn.

Nhà vua đưa tay che miệng ho một tràng, rồi hỏi Nguyễn Lữ:

- Chú đi gọi thầy thuốc cho ta. Nghe nói có tên ngự y cũ của Duệ Tôn, phải không?

*

* *

Bên một bãi cỏ phẳng nằm dọc theo bờ sông, nơi được dùng làm sân tập, hai vợ chồng một người lính già đang ngồi nói chuyện. Người chồng, khoảng gần 50, khuôn mặt xương xương, da đen, tóc rụng nhiều nên cái búi sau ót chỉ lớn bằng củ tỏi. Người vợ có vẻ già hơn chồng, tóc bạc và rối bù, miệng móm, nước cổ trầu đọng thành vệt ở bên mép phía phải. Cách chỗ họ ngồi độ mười bước, hai đứa con nhỏ một đứa lên bảy, một đứa lên mười mặc quần áo vải sô đen vá mạng nhiều chỗ đang lúi húi tìm bút bông cỏ may.

Người vợ thấy chồng lâu lâu ngoái nhìn về phía sân tập với đôi mắt háo hức thêm thường, bực bội hỏi:

- Ông nhìn cái gì thế?

Người chồng sợ vợ giận, vội nói:

- Coi thử họ sắp về trại chưa!

Người vợ ngò ngợ nhìn vào mắt chồng một lúc. Người chồng quay mặt đi. Người vợ hỏi:

- Tập cái gì vậy?

- Tập để dự lễ đấy!

- Lễ gì nữa?

- Lễ khao quân. Nghe nói làm lớn lắm. Mẹ nó này, hôm đó rán đi coi cho biết. Mấy thuở!

Người vợ lắc đầu, chán ngán:

- Vui về gì mà coi. Không biết mấy đám rộc có kịp gặt không? Này, chừng nào ông về được?

- Bà hỏi cái gì?

Người vợ cau mày:

- Ông ham cái gì mà cứ quay nhìn trong đó vậy? Chẳng lẽ đến chừng này tuổi mà ông còn ham những trò con nít. Tai ông để ở đâu? Tôi hỏi chừng nào ông về?

- Về? Về sao được! Đã có ai về đâu?

- Không về ai gặt cho hết mấy đám rộc? Nước đang lớn. Gặt không kịp đói cả lũ.

Người chồng lắc đầu, lo nỗi lo của vợ:

- Chớ trong xóm không mượn được ai sao?

- Mượn! Ông nói như người đang mơ ngủ. Trai tráng đi hết cả, đàn bà con nít làm ngày làm đêm

mới được mấy đám lúa đó. Bây giờ nước đọng không ai gặt kịp. Các ông đi khỏe thân, tưởng ở nhà sướng lắm hả?

Người chồng phân trần:

- Nhưng biết làm sao! Lệnh quan phải tuân. Bà có thấy ai trốn được đâu. Vả lại đánh giặc Trịnh là chuyện chung. Bao năm nay bà khổ sở không biết do ai hay sao?

- Đánh giặc là bọn trẻ kìa! Chứ ông già chùng này tuổi, vợ con nheo nhóc, cầm có nổi cán giáo đâu mà vác thân ra trận Bắc.

Người chồng bị chạm tự ái, quắc mắt lườm vợ, lầm bầm:

- Nói thế mà nói được!

- Chỉ tại ông ham vui mới không chịu về. Lại quay nhìn trong đó. Ông ham tập diễn binh lắm hả?

- Ai ham! Nhìn chùng coi họ sắp về chưa!

Người vợ sửa lại khăn đội đầu, nhổ cổ trâu xuống đất, rồi hỏi:

- Vậy chớ làm lễ xong, đã về được chưa?

- Ai mà biết!

- Ông không biết thì ai biết! Chẳng lẽ ông bắt một mình tôi nuôi một đàn bảy đứa con.

- Bà lên quan mà kiện. Cho về hay không là tùy quan trên!

- Tại ông ham vui không chịu về nên quan trên mới giữ lại.

- Vui cái gì!

- Không vui mà cứ lóng ngóng nhìn vào bãi tập hoài?

Người chồng nổi giận, sùng sộ:

- Sao bà sắc mặt với tôi quá vậy? Vợ chồng người ta, thấy chồng vác xác trở về được thì khóc mừng rồi. Còn bà thì...

Người vợ bật khóc:

- Phải. Còn tôi thì... Tôi khổ cực mấy tháng nay có ai biết cho đâu. Một cái thân già này vừa lo chuyện cơm nước vừa lo chuyện ruộng nương. Tối thức quá khuya để giã gạo. Sáng dậy trước gà gáy để nhổ cỏ. Cái thân tôi chỉ còn một nắm xương. Thà chết quách đi cho mát thân. Ông được ra khỏi nhà như chim sổ lồng, còn tôi thì... ông thấy đấy. Chờ đến lúc khâm liệm xong, lũ nhỏ mới đi lạy các quan để ông về ông đưa ma cho tôi. Khổ quá đi mất. Sao Trời hành tôi chi tội nghiệp vậy hở Trời!

Người chồng thấy vợ bù lu bù loa, sợ các bạn lính chú ý, phải hạ giọng dỗ dành:

- Thôi. Tôi hiểu bà rồi. Bà dẫn mấy đứa nó về đi. Sau lễ thế nào tôi cũng xin quan trên cho về.

Tôi già rồi, tay chân lóng cồng, có đi nữa chỉ tổ làm phiền anh em thôi.

Người vợ mừng rỡ, hỏi:

- Thật không? Ông nói thật chớ? Quan trên cho ông về hay không? Tôi nghe nói mấy ông trong Quảng ra khác mấy ông ngoài Bắc. Họ cũng dân làm ruộng, nên chắc hiểu tình cảnh mình.

Người chồng xua tay, bảo:

- Được, được. Nhất định họ hiểu. Bà cứ yên tâm!

- Nhưng ông phải liệu về sớm cho kịp mùa đó. Bớ Mít! Bớ Cu! Lại sửa soạn đi về con.

Người cha già chợt nhớ đến bốn phận làm cha, vội gọi hai đứa bé:

- Lại đây cha cho cái này.

Hai đứa nhỏ tò mò nhìn vào cái bọc áo lính của cha, hỏi:

- Cái gì thế, cha?

Người lính già móc ra đưa cho con hai cái vụn gỗ vông, công phu của những giờ ngồi canh ở một trạm gác nào đó trên đất Bắc.

*

* *

Sư cụ chùa Hà trung lên kinh thành Phú Xuân tìm thợ thuê tạc một pho tượng Phật bằng đá xanh thay cho tượng đồng đã bị tịch thu mấy tháng trước. Đến cửa ngõ vào thành, sư cụ mới biết hôm nay có ngày lễ khao quân. Hối không kịp nữa rồi! Vì phía trước, sau lưng sư cụ những người là người, không còn có lối nào thối lui. Thiên hạ đổ ra đường cái còn hơn cả ngày Phú Xuân được giải phóng. Không thể làm gì được, sư cụ cứ để mặc cho đám đông đưa đẩy.

Sư cụ ở trong đoàn người ở ngoại thành vào Phú Xuân xem diễn binh. Đường xa, nhiều người lại tưởng thế nào việc chuẩn bị cũng trễ tràng chừng chình, khỏi phải khổ công thức dậy từ canh ba để lặn lội lên kinh đô. Hăng nấu xôi ăn lót dạ cái đã! Uống thêm bát chè tươi. Tôm thêm một bọc trầu ăn đường! Dặn dò con cháu việc nhóm bếp, tháo nước, bỏ rơm cho bò, cẩn thận lửa củi v.v... và v.v... biết bao công việc phải dặn dò trước khi dứt áo ra đi. Cho nên đến cổng thành thì đã trễ quá! Trong kia, lễ đang tiến hành, và vì số người tứ phương kéo vào thành quá đông, quan trên đã ra lệnh ngăn bót lại. Người ta chưa biết phải làm gì, thì phía sau đã có lớp khác ùn tới. Rồi cảnh chen lấn bắt đầu diễn ra. Nặng gắt. Mồ hôi nhễ nhại. Bụi bay mù trời. La ó. Chửi rửa lẫn nhau. Cảnh tượng bát nháo hỗn độn. Sư cụ nhắm mắt lại, tay lần tràng hạt. Vài cậu thanh niên trẻ tuổi bực vì mất cơ hội xem lễ, bứt rứt chôn chân giữa đám đông khét nắng và hôi hám, nhìn quanh tìm chuyện giải trí. Họ tìm được sư cụ. Những câu chế giễu xa gần bắt đầu:

- Bạch sư cụ, sư cụ chen chúc làm chi giữa cỏi hồng trần này?
- Sư cụ già thế, không khéo bị chèn đến phải về Niết bàn thôi!
- Sư cụ đi đòi chuông đấy, chúng mày ạ!
- Nghe nói họ khuân về vô khối chuông. Mà chuông Bắc Hà, phải biết. Lớn thế này này. Năm sáu người nắm tay nhau ôm cũng không hết. Mặc sức sư cụ lựa nhé.
- Mất chuông nhỏ, bây giờ phải lên đòi cho được một cái chuông thật lớn.
- Lớn bằng cái mồm nói khoác của mày đấy! Chuông gì mà bảy, tám người ôm không xuể.
- Tao nói năm, sáu chứ không phải bảy, tám.
- Thì cũng thế thôi. Năm sáu hay bảy tám đều là nói khoác.
- Để chốc nữa mày vào mà xem. Ở cái bãi bày chiến lợi phẩm ấy. Nghe nói có đủ súng lớn, súng nhỏ, voi ngựa, chuông tượng Bắc Hà.
- Á à, mày "nghe nói" chứ chưa xem tận mắt. Thế mà dám bảo có cái chuông lớn đến bảy, tám người ôm.
- Tao nói năm, sáu không phải bảy, tám.
- Thì cũng thế thôi.

Sư cụ không thềm để ý các lời qua tiếng lại, điềm nhiên lim dim mắt lần tràng hạt. Bỗng phía trước có nhiều tiếng lao xao, rồi đám đông bị dội ngược phía sau. Mọi người vừa kinh ngạc vừa lo âu, đua nhau hỏi:

- Cái gì thế?
- Có gì nguy hiểm phỏng?

Phải mất một lúc lâu, phía trước mới chuyển được các lời giải đáp đến phía sau. Hoài của! Trong thành, lễ khao quân đã vẫn. Như còn tiếc cái công chen lấn, người ta cố không tin rằng lễ

đã tắt. Nhiều người hỏi chuyển ra phía trước và kiên nhẫn chờ đợi để được đáp chuyển lại:

- Lễ xong thật à?
- Có lý nào! Còn sớm quá mà!
- Không, lễ xong rồi.
- Sao không thấy người ta ra về? Hay là có đũa xấu lừa dối người ta?
- Vì biết phía ngoài cửa này đông nghẹt những người, nên quân canh buộc phải đi ra bằng cửa bắc. Chờ cho đến lúc vắng bớt mới mở cửa này.
- Mở cửa làm gì nữa? Còn gì đâu mà xem.
- Không biết mặt mũi vua Tây Sơn thế nào? Chắc giống ông Long Nhương lắm nhỉ? Anh em ruột mà!
- Cậu biết mặt ông Long Nhương rồi à?
- Thưa... thưa bác chưa ạ!
- Thế sao cậu bảo giống?
- Vì họ là hai anh em ruột, tất phải giống chứ.
- Cậu lẩn thẩn lắm!
- Nghe nói hôm nay nhà vua không dự lễ!
- Thật à? Nhà vua không chủ lễ thì ai chủ lễ đây?
- Nghe nói nhà vua se mình. Vua anh vắng, thì đã có hai em đó. Có một mình Thượng công là đủ lắm rồi!
- Thượng công? Ai thế?
- Thì ông Long Nhương chứ ai.
- Sao lại gọi là Thượng công?
- Vì ông ấy ra diệt được họ Trịnh, phù vua Lê, nên được vua Lê phong tước công cho. Vì vậy mới gọi là Thượng công. Lại là rể của vua Lê đấy nhé! Công chúa Bắc Hà, phải biết!
- Chắc là đẹp lắm hỉ?
- Còn phải hỏi! Nghe nói vua Lê cho gọi mấy mươi nàng công chúa ra cho ông ấy tùy ý lựa chọn. Được vợ đẹp, lại lá ngọc cành vàng, thích nhỉ. Sụt, quên mất, có sự cụt đứng đây không nên nói chuyện tục lụy.

Sự cụt Hà trung vẫn không thay đổi nét mặt. Xâu tràng hạt ươn ướt mồ hôi, nham nhám bụi đường.

Đúng lúc đó, cửa thành xịch mở. Đám đông vừa định xô nhau tiến lên phía trước thì một toán lính đã huơ giáo, la lớn.

- Hết lễ rồi. Về đi. Tránh ra hai bên cho võng quan Trung thư qua. Tránh ra! Tránh ra xa. Kìa. Đã bảo nép sang hai bên còn cố rướn cổ nhìn vào trong. Còn gì nữa mà nhìn.

Một lát, có một toán lính ăn mặc đẹp khiêng cái võng phủ vải điều kín đáo chạy qua. Đám đông nhìn theo, ao ước:

- Quan Trung thư có khác. Nằm võng, sướng nhỉ! Khỏi nắng nôi gì cả!

Một người ra vẻ thành thạo nói:

- Quan Trung thư là dân Phú Xuân đấy. Ông đồ Kỷ, bà con biết không?

Không ai biết đồ Kỷ là ai, trừ sự cụt chùa Hà trung. Nhưng sự cụt đứng nép bên đường, mắt vẫn lim dim, tay lần tràng hạt.

Toán lính dẹp đường chờ đoàn khiêng võng đi khỏi mới trở vào thành. Chiếc áo nâu sồng của sự cụt khiến họ chú ý. Một anh lính trẻ ngỡ ngàng nhìn sự cụt, sợ sệt, đến gần, lí nhí thưa:

- Bạch thầy, thầy đi đâu đây?

Sư cụ mở mắt nhìn anh lính, chưa nhận ra ai. Anh lính nói:

- Con là đệ tử Tánh của thầy đây mà! Thầy không nhận ra con ư?

Sư cụ nghe chú tiểu chùa Hà trung xưng tên, mở lớn cặp mắt già nhìn cho rõ hơn. Quả là đệ tử Tánh thật! Sư cụ mỉm cười hỏi:

- Chú đây à? Chú đọc kệ thì ê a chữ được chữ mất, nhưng quát tháo thì rành rọt đấy chứ.

Đám đông quanh hai thầy trò cười ồ. Mọi người vui mừng vì đã tìm được một câu chuyện để về kể lại cho người nhà nghe, câu chuyện khá xứng với công chen lấn và lặn lội từ sáng sớm lên kinh thành. Về sau, cuộc gặp gỡ ấy trở thành giai thoại của dân Thuận Hóa!

*

* *

Đúng như người ta đồn đãi, hôm ấy vua Thái Đức bị mệt không chủ tọa lễ mừng chiến thắng được. Trên đài cao, dưới tàn lọng gấm, chiếc ngai ở giữa bỏ trống. Cho nên sau khi lễ tất, Nguyễn Huệ hướng dẫn các quan và tướng lãnh vào dinh Thuận Hóa vấn an nhà vua.

Mọi người đều thấy vua Thái Đức dầu dầu nét mặt, ít cười nói như mọi khi. Nhưng không có dấu hiệu gì chứng tỏ nhà vua quá mệt đến nỗi không ngồi vững trên ngai để chủ lễ. Mỗi thắc mắc đó, mỗi người giữ riêng cho mình, không ai dám nói với ai.

Nguyễn Huệ đứng ra giới thiệu từng người với nhà vua xong, thì quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỳ, với tư cách thay mặt sĩ dân Thuận hóa, tiến lên vấn an và chúc tụng nhà vua. Nghe bảo Trần Văn Kỳ là một nhà nho có nhiều uy tín của Phú Xuân, vua Thái Đức vội hỏi:

- Ông đã đỗ ông nghè chưa?

Trần Văn Kỳ chấp tay lễ phép đáp:

- Tâu hoàng thượng, thần chỉ đỗ cử nhân thôi ạ.

Nguyễn Nhạc liền hỏi:

- Thế Thuận Hóa không có ông nghè nào khác ư?

Nguyễn Huệ đáp thay cho Trần Văn Kỳ:

- Vì trước đây họ Nguyễn chỉ tin dùng bọn con cháu và các thế tộc công thần, nên không chú ý đặt khoa thi để kén nhân tài như ngoài Thăng Long.

Trần Văn Kỳ nói thêm:

- Trước đây chúa Nguyễn chỉ mở thi hương chứ không cho mở thi hội. Mỗi khi khảo thí thì lấy học sinh hoa văn nhiều gấp năm lần chính đồ, và những nơi quan yếu thì ủy cho họ hàng coi giữ, người đậu hoa văn thì giúp việc. Người đậu thi hương, bắt đầu bổ đi làm tri phủ tri huyện chỉ coi việc kiện tụng, thứ nữa thì làm ký lục giữ việc đòi thu thuế. Những việc lớn, họ Nguyễn không bao giờ hỏi han gì đến kẻ có học (1)

Nguyễn Nhạc hất đầu về phía Nguyễn Huệ, mỉm cười bảo Kỳ:

- Như vậy ông cử đã được cặp mắt xanh của Thượng công nhìn tới rồi nhé!

Trần Văn Kỳ vái Nguyễn Nhạc, rồi thưa:

- Hoàng thượng dạy quá lời, thần chỉ là một lão đồ gàn lâu nay không ai thềm dùng. Chỉ vì Thượng công quá tin lời tiến dẫn đấy thôi.

Nguyễn Nhạc nói:

- Không. Ông đừng nói nhún. Ta về Qui Nhơn, mọi việc khó khăn cực nhọc ở đây giao lại cho em ta lo cả. Ông là nhân sĩ Thuận Hóa, nên hết lòng giúp em ta. Thượng công làm được việc thì bà con, anh em, láng giềng của ông được nhờ chứ có ai vào.

Trần Văn Kỷ đáp:

- Xin tuân mệnh Hoàng thượng!

Trần Văn Kỷ lui ra rồi, trong sảnh đường chỉ còn lại các tướng lĩnh quen thuộc từng vào sinh ra tử từ thuở đầu với anh em nhà vua. Cho nên không khí trong sảnh đường đột nhiên đổi khác, thân mật hơn, chơn chất hơn. Cách đối đáp cũng bớt hằn khách sáo, văn hoa theo nghi lễ. Nhà vua hỏi Nguyễn Huệ:

- Sao? Lễ lạc thế nào?

Nguyễn Huệ buồn rầu đáp:

- Không có anh chiếc ngai bỏ trống nên...

Vua Thái Đức hấp tấp bảo:

- Sao lại bỏ trống? Một là chú dẹp quách đi cho thiên hạ khỏi chú ý. Chú thạo việc đó lắm mà.

Hai là...

Nhà vua bỏ lửng câu đang nói. Nguyễn Huệ sa sầm nét mặt. Căn phòng im phăng phắc, không ai dám thở mạnh. Nguyễn Nhạc quắc mắt nhìn khắp mọi người, rồi cười hỏi Nguyễn Lữ:

- Lễ vui chứ?

Nguyễn Lữ liếc nhìn Nguyễn Huệ, rồi rụt rè đáp:

- Dạ vui.

Nguyễn Nhạc cười một tiếng nhỏ, rồi hỏi:

- Dân Thuận Hóa được ngắm mãi nhãn những người anh hùng lừng lẫy đấy nhỉ! Chắc đông lắm!

Nguyễn Lữ đáp nhát gừng:

- Dạ đông.

- Ai đọc bài chiếu chiêu an?

- Dạ chú Tám.

Nhà vua quay sang Nguyễn Huệ:

- Bài chiếu khéo lắm. Hùng lắm. Ai soạn thế?

Nguyễn Huệ đáp chậm:

- Dạ, quan Trung thư lệnh.

- Trung thư lệnh? Ông đồ lúc nãy phải không?

- Vâng.

- Văn từ cũng khéo, như cồng Chĩnh vậy. Nhưng xem tướng thì hằn thâm trầm hơn. Đáng ngại lắm đấy. Thà bao nhiêu mưu chước lộ hằn ra như cồng Chĩnh còn dễ đề phòng. Đằng này...

Nhà vua lại bỏ lửng câu nói, để hỏi câu khác:

- Dân Thuận Hóa đối với bài chiếu thế nào?

Nguyễn Huệ đáp:

- Dạ chưa lường được. Ban đầu lúc nào cũng thuận lợi, vì ta gỡ giùm cho họ cái ách nhà Trịnh. Nhưng sau đó, chắc chắn có nhiều kẻ sinh sự, có nhị tâm.

- Dĩ nhiên là như vậy. Họ quên ngay họ Trịnh để chăm chăm nhìn vào chúng ta. Hiện giờ họ còn đợi xem sao đã.

Nguyễn Huệ vội nói một cách trịnh trọng:

- Cho nên xin Hoàng thượng cho phép lưu đại quân ở lại đây ít lâu, để ổn định tình thế.

Nhà vua cười, nụ cười hơi chua chát pha lẫn mỉa mai, như ngầm bảo Huệ: "Ta biết mà, thế nào chú cũng đem chuyện này ra nói. Không trước thì sau. Mãi đến bây giờ chú mới tìm được dịp

tốt". Nguyễn Nhạc hất hàm hỏi Ngô Văn Sở:

- Ý chú thế nào?

Ngô Văn Sở ấp úng thưa:

- Tàu hoàng thượng, phần lớn đạo bộ binh của thần là dân Thuận Hóa...

Nhà vua cắt lời Sở:

- Thôi khỏi dài dòng. Chú muốn ở lại chứ gì! Còn chú Lân?

Phạm Văn Lân do dự một lúc mới đáp:

- Dạ... tàu hoàng thượng, hiện nay tình thế quanh đây vẫn còn lộn xộn lắm. Ai muốn làm gì thì làm. Gần như không có phép nước nữa.

- Chú cũng khéo chẳng kém gì chú Sở. Còn chú Tuyết?

Nguyễn Văn Tuyết có thì giờ chuẩn bị, nên đáp ngay:

- Tàu hoàng thượng, thần xin tuân chỉ hoàng thượng.

Nguyễn Nhạc cười lớn, rồi ho một tràng dài. Cổ gằn cơn ho đến đỏ cả da mặt, nhà vua nói:

- Xem chừng các chú thích ở lại đây hơn là về Qui Nhơn, có phải thế không? ở đây cảnh đẹp, người đông, về chi cái xó núi hiu quạnh.

Nguyễn Huệ vội nói:

- Các tướng sĩ vâng mệnh Hoàng thượng ra đi, nên cũng muốn chu toàn phận sự được Hoàng thượng ủy thác. Hiện Bắc Hà chưa yên, vua Lê non yếu thế nào con cháu nhà Trịnh cũng tìm cách trở lại. Dân Thuận Hóa thì không thiếu những kẻ còn mơ tưởng chuyện khôi phục triều cũ. Nếu đại quân về Qui Nhơn ngay, sợ lòng người lại sinh này nọ!

Nguyễn Nhạc gắt gỏng:

- Nhưng các chú quên vợ con các chú còn ở Qui Nhơn hay sao? Các chú tướng tụi thằng Chùng (Gia Long) đã chết rấp ở Xiêm hay sao? Một mình thằng Tham (Phạm Văn Tham) liệu giữ được Gia Định không? Hấn lo xa dời dinh trại lên Cầu sơn, lừa dân xây phố ở một chỗ cho dễ kiểm soát. Nhưng Gia Định xa xôi, sông rạch chằng chịt, bọn vô lại, trộm cướp, bọn di thần nhà Nguyễn, bọn cố đạo, bọn đánh thuê tóc vàng nhan nhản mọi xó xỉnh, đã chắc gì thằng Tham giữ nổi. Vạn nhất thằng Chùng lại kéo quân ra, thì vợ con các chú chạy ra tận đây có kịp không? Cả sảnh đường lại im phăng phắc. Từ xa thật xa đưa lại tiếng trống thu quân. Trên nóc sảnh đường, một con chim sẻ non chim chíp gọi mẹ. Thật lâu, nhà vua mới nói, giọng chán nản:

- Các chú đừng ỷ sức trai, tham lam nhìn qua bên kia Lũy Thầy. Ta từng này tuổi, tóc bạc cả mái đầu, không hiểu thời cơ hơn các chú hay sao? Các chú kéo quân ra Bắc là một việc liều lĩnh, nhưng không có hại gì. Họ Lê họ Trịnh lo tranh giành, thanh toán nhau, ta càng đỡ bận tâm mặt Bắc. Sở dĩ ta cho thằng Duệ ở lại Nghệ An, chỉ vì muốn đề phòng giặc từ xa, chứ ý ta chỉ muốn giữ cái phần đất thuộc Đàng Trong mà thôi. Ôm lấy Bắc Hà là ôm lấy cục nợ. Các chú phải nhớ điều đó! Dĩ nhiên Thuận Hóa chưa đại định mà bỏ trống thì loạn. Các chú cần ở lại ít lâu để mọi sự dẫu vào đó, khi tương đối ổn định thì rút về. Ngựa hay đến đâu cũng không nên chạy xa chuồng. Cọp xuống đồng chỉ tổ làm mồi cho lũ thợ cày. Các chú phải nhớ!

Nguyễn Huệ đáp nhỏ:

- Xin lĩnh ý Hoàng thượng!

Nhà vua đổi giọng hòa nhã, thân mật bảo em:

- Ta bằng lòng để chú Tám lại Thuận Hóa để lo mặt Bắc. ở đây không có chú, không xong. Đại quân thì... thì có thể lưu lại Thuận Hóa ít lâu, chờ tạm yên hã hay. Hôm nay ta không được khỏe, thời tiết xứ này khó chịu quá. Ta có cái gắt chẳng qua vì quá lo cho đại cuộc, và sức khỏe

yếu, chứ không có gì phiền các chú đâu. Các chú đừng buồn!

Ngô Văn Sở thưa:

- Anh em chúng tôi không bao giờ dám nghĩ quấy như vậy!

Nguyễn Nhạc cười xuề xòa:

- Ta biết! Ta biết lắm! Nếu anh em chúng ta không thương nhau, đùm bọc nhau thì đâu có thể làm được cơ nghiệp hiện nay. Đó là mệnh Trời, mà cũng là ý nguyện của muôn người. Ta xa các chú, hoặc các chú xa ta tức là làm trái với mệnh Trời. Trái mệnh Trời thì không thể được. Các chú có gửi quà cáp gì về Qui Nhơn không? Quà rẻ tiền hay ít ỏi quá, ta không nhận chuyển đâu nhé!

Nhà vua cười lớn. Mọi người cười góp theo nhà vua, nhưng gượng gạo e dè hơn.

*

* *

Sau khi vấn an, các tướng lui hết, nhà vua giữ hai em ở lại, rồi truyền quan nội hầu gọi Lợi đến. Lợi đang bận túi bụi vì điều khiển một đám ký lục kiểm kê tất cả các kho tàng tịch thu được ở Phú Xuân lẫn Thăng Long, Yên Trường, nghe lệnh triệu của nhà vua, vội vã vào dinh ra mắt Nguyễn Nhạc. Anh biết sắp xảy ra một việc quan trọng sinh tử đối với cuộc đời mình, nhưng chưa xác định được việc đó là gì.

Với nụ cười thân ái hiền hòa khác thường, nhà vua bảo Lợi:

- Con An nó trông đợi mày lắm đó. Có biết hôm ta ra đây nó nhẩn mày gì không?

Lợi lo lắng hỏi:

- Tâu Hoàng thượng, vợ con nhẩn gì ạ?

Nhà vua cười, bảo:

- Nó sợ mày mê gái sông Hương, quên đường về nhà. Đây là nó tưởng mày chỉ ra đây mà thôi. Nó mà biết mày ra tận Thăng Long để lê la hết cao lâu này đến tửu điểm nọ, thì chắc nó nắm đuôi ngựa chạy theo ta chứ chẳng không!

Lợi không ngờ những cuộc ăn chơi trác táng của mình ở Thăng Long thấu đến tai nhà vua, xanh mặt sợ hãi, lí nhí đáp:

- Con chỉ muốn biết qua phong tục của chốn văn vật...

Nhà vua cười ha hả, cắt lời Lợi:

- "Ra xem phong tục và cách cày cấy" chứ gì? Hà hà! Chú mày lém chảnh thua gì ông cống Chỉnh.

rồi quay về phía Nguyễn Huệ, nhà vua hỏi:

- Có phải tờ bố cáo đó của lão Chỉnh soạn không?

Nguyễn Huệ đáp:

- Thưa vâng!

Nhà vua cười lớn hơn:

- Ta biết mà! Ngoài lão ta ra không ai tìm được cái có lạ lùng hơn! Chú Lợi mới theo lão ta ít lâu mà đã học được cái tính nhanh miệng đó rồi. Này Lợi! Chuyến này ta phải đích thân dẫn mày về Qui Nhơn cho con An đập đòn. Những gì mày làm ở Thăng Long, kể cả việc đi nghe hát buổi tối cuối cùng, ta có ghi đây cả.

Lợi hoang mang không biết nhà vua muốn dẫn mình đến đâu, cúi mặt thưa:

- Xin hoàng thượng tha tội cho!

Nhà vua xua tay nói:

- Mày không có tội gì với ta cả. Chỉ có tội với con An mà thôi! Sao? Lo thu xếp về một lượt với ta chứ?

Thấy Lợi liếc nhìn về phía Nguyễn Huệ do dự, Nguyễn Nhạc tiếp:

- Hay cứ một mực xin ở lại đây như các ông tướng võ biên?

Lợi hiểu giờ quyết định đời mình đã tới! Hoặc ở lại đây với Nguyễn Huệ, hoặc theo nhà vua về Qui Nhơn! Lợi nhớ đến lời khuyên của Chỉnh! Nhớ đến An và hai con! Nhớ đến cái cảm giác ngây ngất của những chặng đường dài! Nhớ đến mấy năm ngục tù! Bao nhiêu ý tưởng thoát đến thoát đi, xô đẩy nhau, quay cuồng đảo điên trong một khoảng thời gian hạn hẹp. Mồ hôi rịn trên lưng áo Lợi, trong khi vua Thái Đức cứ đăm đăm nhìn Lợi để dò xét, chờ đợi.

Đúng lúc đó, Nguyễn Huệ hỏi:

- Việc kiểm kê các kho tàng đem về đã xong chưa?

Lợi mừng như người sắp chết đuối vớ được tấm ván trôi, vội đáp:

- Thưa chưa xong gì cả. Một lớp thuyền tải đem lên kho chưa kịp sắp xếp theo thứ, loại. Một lớp bọn quân tượng mang về chất đồng lộn xộn. Đó là chưa kể đồ đạc kho Yên Trường.

Vua Thái Đức mỉm cười, hỏi:

- Vì thế chưa về được chứ gì?

Lợi đáp:

- Tàu Hoàng thượng, con sợ...

Nhà vua hỏi liền:

- Thế cần bao lâu mới kiểm kê xong để chở về Qui Nhơn?

Lợi tìm cách hoãn binh:

- Nếu phải cân lại tất cả số đồ đồng đồ sắt, thì e hơi lâu. Đó là chưa kể...

Nhà vua mất kiên nhẫn:

- Tính làm gì tất cả những thứ đó. ở đây chú Tám cần kim khí để đúc súng ống, mang về Qui Nhơn làm gì. Lương thực cũng để lại đây cho quân đủ ăn. Chỉ cần...

Nhà vua do dự, không muốn nói hết câu. Nhưng cả ba người đều hiểu nhà vua muốn nói gì. Nguyễn Nhạc cũng biết Lợi và hai em đã hiểu ý mình, nên dậm ra lúng túng, rồi cảm thấy khó chịu. Đôi mày nhà vua cau lại, ánh nhìn gay gắt. Nguyễn Lữ dựa người vào lưng ghế nhìn lên nóc dinh để tránh gặp đôi mắt anh. Nguyễn Huệ hơi lúng túng, nhưng trấn tĩnh được ngay. Ông hỏi vua anh:

- Hoàng thượng định hôm nào khởi hành?

Nhà vua đáp cộc lốc:

- Mốt!

Nguyễn Huệ liền nói:

- Thế thì gấp quá. Sĩ dân Thuận Hóa vẫn ước ao được chiêm ngưỡng long nhan. Vả lại sức khỏe Hoàng thượng còn yếu.

Vua Thái Đức bực dọc, nói:

- Ta ở đây lâu cũng vô ích thôi.

Rồi, tự thấy vẻ cau có của mình, nhà vua gượng cười nói tiếp:

- Hơn nữa, xa Qui Nhơn quá lâu, ta không yên tâm. Ông Nhật lo một mình không xuể đâu. Chú Bảy cũng cần về nghỉ ít lâu để còn vào Gia Định.

Quay về phía Lợi, nhà vua bông đùa:

- Mày sợ đòn con An rồi phỏng? Không dám về phỏng? Chạy đằng trời cũng không trốn được

tội đâu!

Nói xong nhà vua cười dòn. Còn Lợi thì sợ hãi đến nổi gai ốc suốt dọc sống lưng. Anh biết giờ phút sinh tử của mình đã định, và từ đây, chỉ còn một con đường là ở lại Phú xuân với Nguyễn Huệ. Lợi làm việc với nhà vua từ thời buôn nguồn, nên hiểu rõ ý nghĩa của những lời bông đùa hai ba nghĩa ấy!

*

* *

Lễ tiễn đưa nhà vua về Qui Nhơn được tổ chức thật trọng thể.

Từ cửa ngõ môn thành Phú Xuân ra đến bến thuyền, quân lính ăn mặc chỉnh tề, đầu đội nón dẫu sơn bạc chóp đỏ, thắt lưng điều, gươm giáo chùi sáng loáng, đứng thành hai hàng ngay ngắn. Cờ đào tung bay nhuộm hồng cả một mặt thành và một khúc sông. Các chiến thuyền cũng trang hoàng cờ xí, đậu dọc theo hai bờ để hộ tống thuyền rồng ra đến cửa biển. Dân Thuận Hóa không được nhìn mặt rồng hôm lễ khao quân, rủ nhau đứng chực ở cửa thành để lóng ngóng chờ xem vua Thái Đức.

Họ lại thất vọng một lần nữa!

Nhà vua ngồi trên ngai gấm nhận lễ chúc thượng lộ bình an của các quan và tướng sĩ xong, liền gọi Nguyễn Lữ đến bảo truyền lệnh chuyển hành lý xuống thuyền trước. Chỉ còn nhà vua và Nguyễn Huệ đứng trên thềm cao của dinh trấn thủ (vì đám tùy tùng đứng chờ nhà vua ở cửa thành). Nhà vua nghiêm nghị bảo em:

- Mọi việc ngoài này, bây giờ một mình chú phải gánh cả. Nặng đấy. Nhưng ta biết chú thừa sức. Quá thừa là khác! Ta chỉ có một điều lo thôi: là chú háo thắng quá, hư cả việc lớn. Không được tự chuyên như lần trước. Trừ việc nội trị từ Hải Vân đến Nghệ An chú tự liệu lấy, còn việc gì khác, chú phải chờ lệnh anh rồi hãy làm.

Nguyễn Huệ nghiêng mình đáp:

- Thừa vâng!

- Phần lớn binh lực ở cả ngoài này. Tạm thời như vậy cũng được. Nhưng chú Bảy Lữ vào Gia Định xong, nếu tình thế trong đó bất ổn, bắt buộc ta phải triệu chú về. Chú liệu sắp xếp trước để nếu chú về, công việc ở Phú Xuân không bị trở ngại.

Nguyễn Huệ lại đáp:

- Vâng ạ!

- Mấy hôm nay ta đã nghĩ nhiều lắm. Nhất là nghĩ đến chú. Để chú ở lại đây là cần thiết và hợp lý nữa. Nhưng danh phận chú thế nào? Chẳng lẽ chỉ là một viên trấn thủ Thuận Hóa! Dĩ nhiên bọn thằng Duệ, thằng Nhậm phải ở dưới quyền chú. Trấn thủ Nghệ An là thuộc hạ trấn thủ Thuận Hóa, coi sao được! Cho nên ta có ý muốn phong cho chú với chú Lữ tước vương. Chú sẽ là Bắc Bình vương coi từ Hải Vân ra đến Lũy Thầy. Không. Ta không làm đâu. Nghệ An nên xem như một tiền đồn, chứ không nên xem như một trấn ở cương giới. Chú lo cho ta phần đất đó là tốt rồi. Chú Bảy thì gọi là Đông Định vương coi Gia Định. Qui Nhơn sẽ là trung ương. Ta chưa nói gì với chú Bảy vì còn dài ngày. Chú thì phải nói ngay cho chú yên tâm. Chú định nói gì thế? Nguyễn Huệ định nói điều gì, nhưng khi nhà vua hỏi, ông vội nói:

- Dạ không. Không có gì!

- Chú muốn nói thì cứ nói, việc gì mà ngại. Chú không tin ta sao? Hay ta tính như vậy nên chú buồn?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc lâu, rồi đáp:

- Về việc quân thì anh giao phận sự như vậy đúng lắm, Thuận Hóa là đất mới khai khẩn, phải có chính sách riêng. Nhưng về đời sống, nếu tách Thuận Hóa khỏi Quảng Nam e gặp khó về lúa gạo. Năm nào Thuận Hóa cũng nhờ đến lúa Đồng Nai hoặc lúa Quảng đem ra thêm mới đủ.

Nhà vua sa sầm nét mặt:

- Thế hồi trước quận Tào xoay xử làm sao mà chẳng những Thuận Hóa đủ sống, mà còn đem nộp về Thăng Long nữa. Chẳng lẽ chú không đủ tài như thằng bị thịt đó.

Nguyễn Huệ vội nói:

- Hắn vẫn làm ngơ, dễ dãi cho con buôn đem gạo Quảng ra ngoài.

- Vậy thì chú muốn gì?

Nguyễn Huệ thấy anh nổi giận, im lặng không nói thêm lời nào nữa. Nguyễn Nhạc dần bớt xúc động, cố lấy giọng ôn hòa bảo:

- Thôi việc đó tính sau. Cả chú cũng còn nhiều việc phải tính lắm. Như việc làm rế họ Lê, chú phải nói làm sao với thím đây? Việc nhà không xong tất việc nước phải rối. Làm gì chú cũng phải nhớ đến gia đình ở Qui Nhơn. Nếu tình thế không đến nỗi đáng ngại, chú nên về Qui Nhơn liền. à, còn việc thằng Lợi đến đâu rồi?

Nguyễn Huệ đáp:

- Dạ đã làm xong mọi thứ lấy ở kho Yên Trường, và đã gửi cho anh Bảy.

Nguyễn Nhạc nhíu mày hỏi:

- Kho phủ chúa làm trước mà chưa xong à?

- Dạ thưa chưa!

- Hắn đâu rồi? Sao không đến tiễn ta?

- Dạ đã cử đi trả chuông cho chùa Thiên Mụ.

Giọng nhà vua xẵng hơn:

- Hắn không nhắn gửi gì cho con An sao?

- Dạ có lẽ vì đi gấp quá...

Nhà vua nhìn thẳng vào mắt em. Nguyễn Huệ không tránh, nhìn thẳng vào đôi mắt xoi mói của nhà vua, nói chậm và rõ:

- Kính chúc Hoàng thượng thượng lộ bình an.

Nhà vua bậm môi không nói gì, quay gót bước về phía cổng. Quan nội hầu chỉ chờ có thế. Quan phất tay ra hiệu, tức thì hai hàng quân hầu đồng loạt tung hô "Vạn tuế. Vạn tuế". Cờ đào giương cao hơn, gió đưa cờ phấp phới. Đoàn hầu cận vội bước theo sau nhà vua. Nguyễn Huệ đi theo sát anh, cách phía sau nhà vua một bước.

Nhà vua đến cửa Ngọ môn. Nhưng thay vì đi bộ một đoạn mới lên kiệu rồng đến bến thuyền cho dân Thuận Hóa được chiêm ngưỡng long nhan, Nguyễn Nhạc sai quan hầu gọi kiệu đến dưới cửa thành...

Một lần nữa, dân Thuận Hóa không được xem mặt vua Thái đức.

(1) Phủ Biên Tạp Lục, trang 242, 243.

Chương 73

Công chúa Ngọc Hân giật mình thức giấc sau một cơn ác mộng! Công chúa nằm mơ thấy mình đang nằm ngủ trong ngôi nhà trạm cũ kỹ xiêu vẹo ở Lũy Thầy. Bên cạnh Công chúa, Thượng công đang say giấc, nằm quay lưng về phía Công chúa, cánh tay trái co lên, bàn tay nắm chặt lấy mép chăn như cổ sức kéo tấm chăn bông bọc nhiều xanh lên đến tận cổ. Mới đầu Công chúa tưởng Thượng công đang ngáy, nhưng về sau, chú tâm lắng nghe, Công chúa mới biết thứ âm thanh kéo kẹt đều đặn và buồn tẻ ấy không phải tiếng ngáy của chồng. Cũng không phải tiếng một găm. Ngọc Hân mở to mắt để cố nhìn lên mái trạm. Căn phòng tối lò mờ, bên ngoài trắng hạ tuần leo lét hắt chút ánh sáng vào nhà trạm qua các khe cửa, nên phải khó khăn lắm, Công chúa mới thấy được vật gì động đậy trên mái, ngay chỗ Công chúa và Thượng công nằm. Tiếng động lạ mỗi lúc một lớn. Lại có những lớp bụi mùi hăng như mật cưa rơi khắp mặt chăn. Lấy làm kinh ngạc, Công chúa choàng dậy để nhìn cho rõ. Thượng công trở mình ú ớ, rồi bàn tay trái bỏ mép chăn để bấu lấy cánh tay phải, đoạn, Thượng công đưa cả hai bàn tay lên ôm chặt đỉnh đầu như sợ hãi. Công chúa càng kinh ngạc hơn, ngược nhìn mái nhà trạm lần nữa. Đúng lúc đó, Công chúa nhìn ra một đàn chuột lớn đang tranh nhau gặm cây kèo chính của nhà trạm. Chúng gặm quá nhanh đến nỗi chẳng mấy chốc mấy cây kèo đã khuyu xuống, không đủ sức chống đỡ mái trạm nữa. Tiếng gỗ gãy răng rắc, mái nhà hết sập chỗ này đến xiêu chỗ khác, trừ chỗ hai vợ chồng Công chúa đang nằm vẫn chưa việc gì. Một con chuột thật lớn, đang gặm cây kèo chính. Công chúa sợ quá, muốn lay chồng dậy nhưng tay chân tê dại, lưỡi líu không nói được. Cây kèo khuyu dần, khuyu dần. Giờ phút khủng khiếp chờ đợi sắp đến. Đàn chuột bắt đầu chạy ra khỏi nhà, trừ con chuột đầu đàn nán lại để làm công việc phá hoại cuối cùng. Đến lúc cây kèo bị gặm đến quá nửa, không thể chịu nổi sức nặng mái nhà, cả khối rui, mè, gỗ, ngói đột ngột đổ ào xuống chỗ Công chúa. Lưỡi Ngọc Hân vẫn líu không kêu được, nhưng đột nhiên tay Công chúa hết cả tê dại. Không kịp suy nghĩ gì, Công chúa đưa hai cánh tay lên đỡ lấy cây kèo gãy. Thượng công vẫn không hay biết gì, nét mặt thản nhiên. Một lọn tóc quăn phủ lên góc trán cao, miệng hình như đang mỉm cười. Công chúa dùng hết sức bình sinh chống đỡ cây kèo, để mái nhà trạm khỏi đè bẹp Thượng công. Mái nhà nặng quá. Tay Công chúa run. Dù bậm môi nín thở để dồn sức chống đỡ, nhưng rõ ràng đôi mắt Công chúa lơ lảo, chỉ thấy một mớ chao đảo quay cuồng trước mặt. Mái nhà cứ sa dần, sa dần. Thượng công cứ say ngủ. Tre gỗ kêu răng rắc. Công chúa nín hơi cố đẩy cây kèo lên cao, nhưng đột nhiên, trong người Công chúa có cái gì gãy vỡ. Mắt Công chúa thấy một màu đen ủa đến phủ khắp. Công chúa tuyệt vọng thét lên một tiếng, và choàng tỉnh dậy.

Công chúa ngơ ngác nhìn quanh, và mừng rỡ khi nhận ra đây là dinh Phú xuân chứ không phải nhà trạm ở Lũy Thầy. Trên sập bên cạnh Công chúa không thấy Nguyễn Huệ đâu. Đèn ở phòng

ngoài sáng. Và Công chúa đang ôm chiếc gối nhiều hồng trên ngực.

Chưa dám tin mình đã hoàn toàn thoát nạn, Công chúa Ngọc Hân đẩy chiếc gối sang một bên ngồi dậy. Chiếc đệm gấm vẫn còn lõm dấu thân người của Thượng công. Sờ bàn tay phải lên vết lõm thân yêu ấy, Ngọc Hân còn cảm thấy âm ấm. Sung sướng và chắc chắn ở ngoài ác mộng, Công chúa bước xuống khỏi sập, rón rén đến cửa nhìn ra phòng ngoài.

Nguyễn Huệ đang ngồi một mình trên tràng kỷ, cây hoàng lạp đã hao quá nửa. Công chúa lặng lẽ ngắm chồng, lòng thương yêu dâng trào đến ngạt thở. Công chúa muốn gọi chồng để kể lại cơn ác mộng, nhưng thấy Nguyễn Huệ ngồi bất động trầm tư, Công chúa lo âu, ngại ngùng.

Từ vọng cao gần cửa Ngọ môn, tiếng trống chậm rãi báo canh ba! Ngọc Hân giật mình, hoang mang không hiểu vì sao Nguyễn Huệ dậy vào lúc quá khuya để ngồi lặng lẽ như vậy. Trong lúc bồn khoăn lúng túng, Công chúa cảm thấy chói với, đưa tay vịn vào cánh cửa. Cửa đập vào tường ván khua động đêm yên tĩnh. Nguyễn Huệ giật mình quay lại. Ngọn hoàng lạp chiếu lên khuôn mặt hốt hải tội nghiệp của Công chúa. Nguyễn Huệ hỏi:

- Công chúa chưa ngủ sao?

Ngọc Hân đưa tay trái đặt lên ngực để trấn an, thì thào hỏi:

- Thượng công có điều lo nghĩ gì thế?

Nguyễn Huệ đứng liếc nhìn ngọn hoàng lạp sắp lụn, thì thào:

- Đã qua canh ba rồi!

Nguyễn Huệ gật đầu, rồi nói:

- Công chúa đi ngủ đi!

- Còn Thượng công?

- Ta có chút việc cần nghĩ.

Ngọc Hân định van nài, nhưng bắt gặp cái nhìn vừa dịu dàng vừa có vẻ cương quyết kẻ cả của chồng, không dám nói gì nữa. Công chúa muốn vâng lời Nguyễn Huệ, nhưng hai bàn tay Huệ vẫn đặt trên vai Công chúa. Ngọc Hân muốn đứng mãi thế này, khỏi cần nói gì, khỏi cần làm gì, để tận hưởng thứ hạnh phúc trầm lặng đơn giản giữa lúc mọi người yên ngủ. Nguyễn Huệ cứ đứng như thế khá lâu, gương mặt bồn khoăn, gần như quên cả Ngọc Hân trước mặt. Công chúa nghiêng mặt, áp má lên bàn tay gân guốc của chồng, khẽ hỏi:

- Để đến mai có được không?

Nguyễn Huệ giật mình, vội bảo:

- Không. Công chúa cứ ngủ trước đi.

Nói xong, ông bỏ hai tay khỏi vai Công chúa, và trở ra phòng ngoài. Nguyễn Huệ lẩm bầm một mình:

- Ta dừng lại chẳng? Ta bằng lòng đứng bên này Lũy Thầy nhìn ra phía bắc như một kẻ ngoài cuộc, để mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh, họ Lê, họ Trịnh, quận Thạc, quận Liễn cùng lũ quan thị xâu xé nhau giữa một đất nước tan hoang? Như vậy bấy nhiêu việc ta làm lâu nay chẳng hóa ra vô ích sao? Cái gì đưa đẩy ta, thúc giục ta? Chính ta ra lệnh giống thúc quân nhưng cái gì thúc ta ra lệnh? Nhất định không phải vua anh vì nhà vua muốn ta dừng lại bên này Lũy Thầy! Vậy thì cái gì? Cảnh tượng dân Thuận Hóa đổ ra đường cười nói, hăm hở, la ó, gào thét? Khát vọng trả thù của một xứ sở luôn mười năm chỉ dám cúi đầu cam chịu? Hay là mệnh Trời? Vâng, có thể chính lòng Trời muốn ta thực hiện lễ công bằng khi đổ quân ra bắc. Nếu không như vậy thì tại sao nước và gió luôn luôn giúp ta: Nước sông Hương dâng cao để sóng ta tiện tầm bắn thẳng vào dinh lũy của quận Tào, trong khi nước sông Phú Lương lại rút xuống cho ta chiếm

Phổ Hiến. Không bao giờ gió thuận buồm phe địch. Những lời ta đối đáp với vua Lê tuy ứng khẩu theo lễ nghi, nhưng về sau, chính ta ôn lại cũng thấy không phải không có lý. Nếu không do mệnh Trời thì làm sao một nước đại định bao nhiêu năm bỗng nhiên sụp đổ tan tành, Trời không bày cớ để không ai động đến đũa cả! Mũi tên đã lao khỏi cung thì phải bay cho hết tầm. Thiên hạ ước mong như vậy. Lòng Trời khiến như vậy. Ta dừng lại chẳng? Nhưng không dừng lại thì anh ta sẽ nghĩ gì? Ta không phải người mù, nên cử chỉ, thái độ bực bội, cau có của nhà vua thế nào, ta còn nhớ hết. Tính tình anh ta ra sao, ta cũng hiểu rõ. Anh ta đã muốn là làm cho được, bất kể người cản đường là thân hay sơ. Gả con gái cho tên hàng tướng Vũ văn Nhậm để thêm vây cánh, gả Thọ Hương cho Đông cung Dương làm chiếc bình phong, xếp đặt cuộc hôn nhân của ta để giữ cho anh em Bùi Đắc Tuyên, Bùi Văn Nhật trung thành. Điều đáng tiếc là đúng lúc anh ấy phải mạnh dạn tiến tới, anh ấy lại bảo dừng bên này Lũy Thầy! Thế là thế nào! Khay bạc đựng chén sứ nước trà thơm và đĩa trầu không biết từ đâu, được đặt nhẹ trước mặt Nguyễn Huệ. Thấp thoáng một bàn tay trắng nuột nà, một ống tay áo lụa vàng. Phảng phất đâu đó mùi thơm của hoa lan. Và một tiếng cười trong. Nguyễn Huệ ngước lên, thấy Công chúa Ngọc Hân đang bối rối e thẹn vì chính sự săn sóc ân cần của mình. Thượng công cảm động. Chưa kịp nói gì, Công chúa đã sẽ sàng đi vào hậu dinh. Nguyễn Huệ lại nghĩ:

- Nàng có một nước da mịn màng trắng nuột. Chiếc cổ dài và tròn, trắng hồng đến tận chân tóc. Non dại, mơn mớn đến nỗi đôi lúc ta ngại ngừng, dù muốn lắm nhưng không dám đưa tay vuốt nhẹ lên chiếc cổ quý giá ấy. Nàng đúng là một cái bông búp. Phải, một cái bông búp. Tội nghiệp. Cái bông non dại đó phải trải qua bao nhiêu lo âu trong mấy tháng qua. Lấy một người chồng khác xứ đầy uy quyền, chưa kịp làm quen với hạnh phúc thì đã đội mấn trắng. Rồi phải chạy qua chạy lại để lập Tự hoàng. Ta làm khổ nàng không ít, nhưng cái thế buộc phải thế, không khác được. Rồi lại phải theo chồng về một xứ xa lạ, sống giữa những người xa lạ. Nàng lạc lõng biết mấy! Và càng chói với lạc lõng, nàng càng dễ thương. Nàng như con chim non sớm lìa tổ chóp cánh cố tìm một nhánh cây vững có lá che nắng che gió. Nàng vui buồn tùy theo nhánh cây, nép mình ngoan ngoãn dưới bóng che của ta. Mà nàng là công chúa nhà Lê đấy! Vì sao ta gặp nàng? Do tài mai mối của Nguyễn Hữu Chỉnh ư? Do lòng ta tham lam ư? Không. Chỉnh chỉ đưa lời theo ý Trời! Và ta cũng gật đầu theo ý Trời. Trời đưa Công chúa đến cho ta, ý muốn bảo cái công lao mở nước từ Quĩ môn quan đến núi Thạch bi không phải kẻ phàm phu nào cũng giữ được. Cái ý nhất thống đã có sẵn trong cuộc hôn nhân này rồi! Thế mà anh ta lại muốn dừng? Một tổ tiên, một phong tục, một tiếng nói, một lịch sử, tại sao lại phải có Lũy Thầy? Ta dừng lại chẳng? Không dừng thì anh ta sẽ nghĩ thế nào? sẽ làm gì?

Bên ngoài, trống đã điểm canh tư!

*

* *

Sáng hôm sau, lúc nghe Lãng trình báo các tin tức Bắc hà xong, Nguyễn Huệ cho vời quan Trung thư lệnh Trần văn Kỷ đến ngay. Nguyễn Huệ nói với Kỷ:

- Có lẽ đã đến lúc rồi đấy, cụ ạ.

Trần Văn Kỷ xin được biết rõ hơn tình hình Bắc Hà. Nguyễn Huệ kể:

- Mọi sự diễn ra gần đúng với điều ta dự đoán. Quân rút đi rồi, bỏ cái nước không lại cho Lê Chiêu Thống, tất nhiên là phải có loạn. Thế nào bọn võ thần và bọn văn quan hiểu sự, tham danh cũng tìm một tên họ Trịnh nào đó rước về phủ chúa để kiểm công khôi phục. Bên vua, bên chúa tranh giành chém giết nhau, bọn vô tích sự chết bót cho đỡ tốn cơm thiên hạ. Quả

nhiên, tin vừa nhận được từ Nghệ an nói đúng như thế. Ban đầu Thì trung hầu và Dương Trọng Tế rước Thụy quận công Trịnh Lệ về phủ. Ngồi chưa nóng chỗ thì Côn quận công Trịnh Bồng lại kéo quân về kinh. Lệ bỏ chạy, Bồng lại xin ở phủ, Chiêu Thống cho gọi Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng về để lấy chỗ dựa, chống chọi sức ép của Bồng. Không ngờ Quận Liễn thấy phủ chúa có thể hơn điện Trung hòa, nên họp các quan lại để làm đầu têu đứng xin ban tước vương cho Bồng. Chiêu Thống ngần ngại, lại chờ Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ về. Cơ lại theo bước của Nhưỡng. Chúng nó thấy theo phù vua Lê chẳng xơ múi gì, chi bằng về hòa với phủ chúa để được cái công khôi phục, kiếm chút lợi nhỏ để dưỡng già. Tình thế đã chín muồi rồi đấy, cụ!

Trần Văn Kỷ ngẫm nghĩ một lúc, rồi hỏi:

- Thừa Thượng công, còn Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ thì thế nào?

Nguyễn Huệ cười, vui vẻ nói:

- Hắn khá hơn ta tưởng. Lúc bỏ hắn ở lại Động hải, ta tưởng dân Bắc Hà ghét thù hắn đến thế, thì muốn ngóc đầu dậy cũng phải vài ba năm. Quá lắm hắn chỉ trở thành đầu đảng một thứ giặc cỏ nào đó để làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng không. Hắn lại trèo lên cao trong vòng có vài tháng thôi. Khiếp thật.

Trần Văn Kỷ nói:

- Nhanh chậm thì cuối cùng cuộc đời ông ấy cũng giống như cái pháo mà thôi. Mệnh Trời thừa mà khó lọt. Ông ấy thế nào, hiện cả ra bài thơ ngẫu chiếm đó.

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

- Bài thơ nào?

Trần Văn Kỷ thấy sự sơ sót của mình, vội giải thích:

- Ông ấy nổi tiếng về thơ quốc âm. Và bài thơ được nhiều người khen vì phát lộ được hết chân tướng của ông ấy là bài Cái Pháo. Bài thơ như sau, tôi xin đọc cho Thượng công thưởng lãm:

Xác không, vốn những cật tay người.

Khôn khéo làm sao đốt cũng rồi

Kêu lắm lại càng tan xác lắm

Thế nào cũng một tiếng mà thôi!

Nguyễn Huệ thích thú khen:

- Đúng thật. Con người hắn, cuộc đời hắn gói tròn trong bốn câu thơ đó. Kêu lắm lại càng tan xác lắm. Thế nào... thế nào... gì nữa cụ?

Trần Văn Kỷ nhắc:

- Thế nào cũng một tiếng mà thôi!

Nguyễn Huệ cười lớn:

- Một tiếng mà được à? Hắn chọc trời quấy nước bấy lâu, làm rộn thiên hạ đến trăm, nghìn tiếng. Chuyển này cho hắn được nổ một tiếng cuối cùng.

Trần Văn Kỷ thấy chủ tướng đi xa đề, rụt rè nhắc:

- Nhưng hiện nay ông ấy đã gây được chút thanh thế nào ở Nghệ chưa ạ?

- Cụ bảo "chút thanh thế" ư? Hắn ép buộc được cả dân Nghệ theo hắn. Mà dân Nghệ, cụ biết rồi, đâu phải là dân ngoan ngoãn. Cụ có biết hắn làm cách nào không?

- Thừa, tôi chưa được biết.

- Nguyễn Văn Duệ ở Nghệ An theo dõi hắn thật kỹ, nên báo về đầy đủ đến chân tơ kẽ tóc.

(1) Lúc bị bỏ lại Nghệ An, "Chỉnh chỉ có hơn ba chục thủ hạ, không dám bỏ thuyền lên cạn. Dân xứ Nghệ biết Chỉnh đã cố cùng, nên bàn nhau định ngày khởi quân bắt Chỉnh. Chỉnh vội mời

người anh rể là Nguyễn Kim Khuê xuống thuyền và hỏi:

- Ngày nay trong nước rối loạn, tôi muốn lấy trấn này để tính đến việc lấy cả thiên hạ, ý anh ra sao và nghĩ nên làm thế nào?

Nguyễn Kim Khuê người huyện Chân phúc đã từng làm chức tri huyện, là một loại nhà nho có mưu trí, nghe Chỉnh hỏi vậy liền đáp:

- Ông, ai cũng sợ. Sức ông lấy Nghệ An chẳng qua như trở bàn tay. Người trấn này biết ông ở thế cố cùng, nhưng chưa hiểu rõ hư thực thế nào. Tờ hịch họ truyền đi chỉ là lời đưa đẩy, chẳng ai dám thò đầu ra trước. Ông mà ra tay sớm chặn họ, họ sẽ trở tay không kịp. Nếu ông có được một nghìn thủ hạ, thì ông có thể hoành hành thiên hạ.

Chỉnh khen: "Anh nói rất hợp ý tôi," rồi ra hịch mộ quân. Hịch phát ra, bắt đầu từ làng Chỉnh ở. Đã nghe hịch, ai đến chậm một khắc thì chém. ở làng bên cạnh có hai người lính già, nguyên là lính ở đội Nhưng Kiệu mãi về, thường có quyền sai bảo cả làng. Khi thấy lá hịch của Chỉnh đưa đến, hai người ra ngăn dân làng đừng nhận. Chỉnh nghe tin ấy, luôn đêm đốc các thủ hạ sang cướp làng đó, đâm chết hai người lính già chém lấy đầu làm hiệu. Bởi vậy cả huyện Chân phúc đều phải nghe theo. Trong mười ngày, Chỉnh mộ được hơn một nghìn quân. Hào mục ở huyện bên cạnh thấy Chỉnh khởi binh vội vàng tính đến việc đánh Chỉnh. Họ bầu viên trấn thủ cũ là Dương trung hầu làm thủ lĩnh, rồi ai nấy kéo quân đi theo. Chỉnh lại nghe tin Trịnh Bồng sai Đốc Thị Phan Huy ích và Mãn trung hầu đem quân vào đánh nữa, hơi lo, nên vội viết thư cấp báo về đây. Nhưng ta tin thế nào hãn cũng xoay sở được. Có vài chục bộ hạ mà hãn còn cướp đường, cướp thuyền thoát khỏi Thăng long chạy theo ta vào Nghệ An, huống chi bây giờ hãn có một nghìn quân trong tay. Vả lại, nghe đâu Chiêu Thống cũng có ý muốn dùng Chỉnh để san phẳng phủ Chúa đi. Trịnh Bồng ỷ bề ỷ cánh áp chế nhiều điều quá đáng, Tự hoàng không biết dựa vào ai, đành phải trông vào Nghệ An vậy! Theo ý cụ thì sau đó, diễn biến sẽ như thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Ông Chỉnh đã không xuất quân thì thôi, khi xuất quân ra Thăng Long thế nào cũng thắng. Đám tướng tá quan lại Bắc Hà không có cái giáo kiệt liều lĩnh của ông ấy. Thiên hạ hoang mang dễ hòa theo kẻ mạnh. Rồi đây nhất định họ Trịnh sẽ bị tuyệt diệt, và nhà Lê nhờ Chỉnh mà lưu lại được ở điện Trung hòa. Nhưng ông ấy sẽ kiêu lộng như lúc ở chùa Tiên Tích mà thôi!

Nguyễn Huệ thích thú quá quên cả giữ lễ, đập mạnh tay lên mặt kỷ đến nỗi cái khay trà suýt rơi xuống nền đình. Nguyễn Huệ vội đưa tay sửa lại khay trà, che giấu bối rối và hân hoan bằng cách nói thật chậm:

- Cụ nghĩ đúng như tôi. Nhà Lê dựa vào Chỉnh chẳng khác nào sắp chết trôi lại vớ phải thanh gỗ mục. Hãn sẽ nổ như cái pháo, làm họa lây đến họ Lê. Chắc chắn như vậy. Tôi đã sai Hữu quân Nhậm kéo quân ra Nghệ An chờ sẵn. Chắc chắn không phải chờ lâu. Nhưng có điều khó nghĩ, là chuyển này ra, tất gạch ngói ở điện Trung hòa không thể giữ nguyên vẹn được. Vả lại, đã ra thì cũng không thể đột nhiên bỏ về như trước. Làm sao cho dân Bắc Hà khỏi nghi ngại, không xem ta là người đứng ngoài? Cụ nghĩ hộ xem!

Trần Văn Kỷ đã đoán trước Thượng công hỏi những gì, nhưng khi nghe hỏi, ông vẫn bị xúc động mạnh. Giờ khắc ông chờ đợi đã đến. Nhìn đôi mắt hơi mờ dẫn vì mất ngủ của Nguyễn Huệ, nghe câu hỏi của Nguyễn Huệ, Trần Văn Kỷ biết chủ tướng đã qua được do dự, đã mím môi chọn dứt khoát một giải pháp dù biết trước các hệ lụy phức tạp của nó, đã nhất định không chịu đứng bên này Lũy Thầy đứng nhìn sang bờ bắc như một kẻ vô can. Trần Văn Kỷ còn có một mối xúc động riêng tư, là một người Thuận Hóa, tận mắt chứng kiến cảnh hưng phế của

kinh thành Phú Xuân, ông thầm ao ước được sống đến ngày quê hương ông trở lại huy hoàng, phồn thịnh, Phú Xuân thành trung tâm quyền lực của cả một nước An nam thống nhất từ Quỉ môn quan đến Gia Định. Ước mơ ấy sắp thành sự thực rồi chẳng?

Thấy Trần Văn Kỷ im lặng băng khuâng thật lâu, Nguyễn Huệ tướng viên Trung thư lệnh do dự, nên hỏi:

- Cụ thấy có điều gì bất ổn sao?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Thưa không. Thời thế nhất định sẽ xoay chuyển như vậy. Phía bắc, Thượng công không thể dừng chân tại Lũy Thầy. Phía nam...

Nguyễn Huệ hấp tấp bảo:

- Ta hãy lo chuyện phương bắc đã. Lần trước "ta phù Lê diệt Trịnh". Còn lần này...

Trần Văn Kỷ tiếp lời:

- Lần này khó khăn hơn, thưa Thượng công. Nếu không có những bậc túc nho uy tín của Bắc Hà đứng ra thuyết phục, chưa chắc sĩ phu Bắc Hà đã thực dạ tin tưởng.

- Đấy. Chính tôi muốn hỏi cụ điều ấy. Không cần người trực tiếp gánh vác việc nước. Chỉ cần cái đức, cái danh của họ thôi.

Trần Văn Kỷ suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Một lần tới kinh yết kiến cụ Thái bảo Nguyễn Nghiễm, tôi có hỏi về nhân tài nước Nam. Cụ Thái bảo trả lời: Đạo học sâu xa thì Lạp phong xử sĩ, văn chương phép tắc thì thám hoa Nguyễn Huy Oánh, còn thiếu niên đa tài đa nghệ thì chỉ có Nguyễn Huy Tụ.(2)

Nguyễn Huệ mừng rỡ hỏi:

- Lạp phong xử sĩ là ai thế? Đạo học sâu xa, ấy đấy, ta cần đến bậc đạo học sâu xa như thế, còn văn chương phép tắc với lại đa tài đa nghệ, có lẽ chưa cần vội.

Trần Văn Kỷ đáp:

- Thưa, Lạp phong xử sĩ là cụ Nguyễn Thiếp, hiện ở ẩn gần núi Lạp Phong, Nghệ An.

- Cụ ấy năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Tôi không biết chắc. Khoảng trên sáu mươi rồi!

- Trên sáu mươi đã lấy gì làm già mà ở ẩn. Phải vờ cho được cụ ấy vào đây. Ta giao việc khẩn cấp ấy cho cụ đấy, cụ cử ạ.

*

* *

Tin Trịnh Bồng đã trốn khỏi Thăng Long, vua Lê Chiêu Thống cho đốt phủ Chúa, Quận Thạc Quận Liễn hoảng hốt rút quân khỏi kinh thành để cho Nguyễn Hữu Chỉnh đường hoàng trở lại Thăng Long nhận chức Bình chương quân quốc trọng sự Đại tư đồ tước Bằng trung công, về tới Phú Xuân cùng một lúc với những tin xấu từ Hoàng đế thành gửi ra. Trong cái mớ bong bong sự kiện đó, Nguyễn Huệ vẫn thấy cái nút chính để gỡ rối vẫn là Bắc Hà. Cho nên ông thúc giục Trần Văn Kỷ thảo ngay một lá thư gửi cho La sơn phu tử. Hôm rằm tháng chạp, Trần Văn Kỷ trình bản thảo lá thư ấy. Thư viết như sau (chữ Hán dịch ra quốc âm):

An nam đại nguyên súy, kính gửi cho La sơn phu tử mở xem:

Đã lâu nay, nghe tiếng phu tử đức tuổi đều cao, kinh luân sẵn có. Chính tôi muốn tới nhà gặp mặt để thỏa lòng tìm kiếm khó nhọc. Nhưng vì kẻ sinh phương tây, người lánh cõi bắc; chẳng phải như Sắn dã Nam dương gần gũi, có thể nghe tiếng sấm mùa xuân mà đánh thức Ngọa long.

Vậy đặc sai một hai đình thần đem vật mọn đến (vàng năm nén, lụa màu hai tấm) gọi là để tỏ lòng thành thô sơ. May chi Phu tử không lấy thế làm lạ, bỏ cái nhũ thú lằng lằng mà nghĩ tới lòng tôi chân thành đau đáu, bỏ cày quăng câu cáng đáng lấy sự nghiệp Y, Khương. Không những riêng nước tôi may mắn, mà mười hai thừa tuyên ở Bắc cũng rất được may. Chớ làm tôi thất vọng. Mong phu tử lượng cho.

Nay kính thư.

Nguyễn Huệ xem xong lá thư, thắc mắc hỏi Kỷ:

- Sao chưa đề ngày tháng?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Vì tôi chưa biết phải đề niên hiệu nào. Nếu Thượng công đã xưng là An nam đại nguyên súy, một tước của nhà Lê thì phải đề niên hiệu Cảnh hưng hoặc Chiêu thống.

Nguyễn Huệ hấp tấp bảo:

- Cứ lấy niên hiệu Thái Đức thứ ba đi!

Trần Văn Kỷ băn khoăn:

- Nếu thế thì không nên lấy tư cách An nam đại nguyên súy để viết thư.

Nguyễn Huệ bẻ lại:

- Nhưng chính cụ đã viết: "Không những riêng nước tôi may mắn, mà mười hai thừa tuyên ở Bắc cũng rất được may". Cái ý nhất thống, tự nhiên phu tử phải hiểu ra. Lúc đó thì chấp nê chi cái tiểu tiết về niên hiệu.

Trần Văn Kỷ nói:

- Ngài đánh nam dẹp bắc nên không chú trọng đến cái lật vật chữ nghĩa, nhưng bọn nhà nho mọt sách, tôi biết lắm. Họ nhắc đi nhắc lại mãi câu "Danh chính, ngôn thuận" của Đức Khổng phu tử, xem đó làm phương châm xuất xứ.

- Hay lấy đó làm màn che sự vô dụng nhút nhát, không dám mó tay vào việc đời? Ta còn lạ gì họ nữa. Miệng chê đời bẩn nên không thêm mó tay vào cho dơ, thật ra là không đủ gan đủ sức làm bất cứ việc gì, chỉ khoanh tay rũ áo. Rồi lại tìm sách Khổng để cãi chầy cãi cối. Cụ nghĩ xem, có đúng thế không?

Trần Văn Kỷ không biết trả lời thế nào, vì dù Nguyễn Huệ có nói đúng, thì sự thực phũ phàng đó cũng động chạm nặng nề đến tự ái nhà nho của ông. Nguyễn Huệ chờ không thấy viên trung thư lệnh nói gì, nên bảo:

- Con nhà võ chúng tôi làm quen với sống chết, nên không quanh co. Cái gì không biết, không làm được thì nói thẳng. Chẳng hạn tôi phải hỏi cụ vài điều chưa rõ trong lá thư này. Sẵn đã - Nam dương gần gũi là thế nào? Lại đánh thức ngọa long nữa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Sẵn đã, Nam dương là hai huyện nằm sát nhau ở Hà Nam, nơi Khổng Minh ở ẩn. Ngọa long là chỉ Khổng Minh. Câu này muốn nói không được gần gũi như Lưu Bị thời xưa tới chỗ ẩn của Khổng Minh để mời ra giúp nước.

Nguyễn Huệ cười, thành thực nói:

- À, ra là điển tích Khổng Minh Gia Cát Lượng. Hiếm hóc nhỉ. Còn sự nghiệp Y, Khương thì tôi biết. Y Doãn, Khương Tử Nha chứ gì?

- Thừa vâng.

- Còn mười hai thừa tuyên ở Bắc? Gồm những đâu thế?

- Thừa tuyên là các tỉnh từ đời Lê Hồng Đức gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên

Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Thực ra còn có Trung đô là Thăng Long nữa, vị chi mười ba. Nhưng bây giờ Thuận Hóa đã thuộc Đàng trong, nên tôi chỉ viết mười hai thừa tuyên thôi!

Nguyễn Huệ gật gù khen:

- Thư viết gọn và khéo lắm. Vài ba ngày nữa, tôi cho đem thư ra Nghệ An cho Phú tử. Phải đi luôn Tết cho kịp. Giao cho chú Lãng ở bộ Binh và một người nào đó gốc dân Nghệ cho quen thuộc đường sá.

Trần Văn Kỷ nói:

- Tôi quen một viên quan đứng tuổi, chín chắn, giỏi việc ứng đối thù tiếp, có thể giao việc được.

Nguyễn Huệ mừng rỡ, bảo:

- Vậy thì tốt lắm. Việc này coi như xong xuôi. Cụ bảo anh Lợi xuất kho lấy đủ số lễ vật như đã ghi trong thư. à, cụ đã biết tin Qui Nhơn chưa?

Trần Văn Kỷ kinh ngạc hỏi:

- Dạ tin gì ạ?

Nguyễn Huệ muốn nói đến những chỉ dụ gay gắt đòi chở chiến lợi phẩm Bắc Hà về Qui Nhơn của Nguyễn Nhạc, nhưng nhận thấy nói lúc này với Trần Văn Kỷ chưa tiện, nên lại thôi. Ông nói tránh đi:

- Tin nhà vua định phong cho ta tước Bắc Bình vương đấy.

*

* *

Phái bộ gồm năm người: Lãng, viên quan bộ Hình, một chức sắc làm việc tại trấn phủ Nghệ An, và hai người lính hộ tống.

Viên quan bộ Hình cùng đi với Lãng tuổi đã gần năm mươi, vóc người ốm yếu, da xanh mét như vừa đau dậy, lại mang cái bệnh hen nên sợ đi đường nhọc mệt bệnh cũ lại tái phát. Cho nên ngay từ lúc khởi hành, ông ta đã cầu nhàu bảo nhỏ Lãng:

- Công đâu ra tận Nghệ để rước một lão khùng! Lại ông đồ Kỷ nói ra nói vào chứ gì! Lần này ông đồ làm to! Để rồi xem!

Trần Văn Kỷ có làm thật đấy, nhưng lại làm về gốc gác Nghệ An của viên quan bộ Hình. Ông ta tha phương cầu thực từ thuở nhỏ nên không biết gì về Nghệ An cả. Cho nên hễ đi được một đoạn, ông ta dừng lại hỏi viên chức sắc trấn Nghệ An:

- Đã gần tới chưa?

và luôn luôn được trả lời:

- Sắp tới rồi ạ. Một thôi đường nữa thôi.

Nghe trả lời mãi như thế, ông ta phát cáu, không thềm hỏi nữa. Lãng thì thích thú tò mò trước cảnh sắc lạ, cũng hỏi hai người lính luôn miệng. (3) Lãng trở những hình núi khác thường trước mặt hỏi người lính trẻ:

- Hình núi ở đây lạ nhỉ, anh nhỉ? Thật khác với núi non miền Qui Nhơn. Núi ở đây trông như núi đất, cây cối thưa thớt quá. Lại có vô số những đỉnh núi tròn, trông như những dãy mộ lớn. Mộ chôn voi ấy, anh có thấy thế không?

Người lính trẻ đáp:

- Vâng. Nhưng nếu trèo lên cao mà nhìn, thì lại giống như một đoàn ngựa chạy. Núi Thiên nhận đấy.

Lãng không tin, hỏi:

- Thật thế à. Giống hình ngựa chạy ở chỗ nào?

Người lính trẻ đổi vai, rồi trở các chỏm núi trước mặt, đáp:

- Ông cứ nhìn lên đỉnh cho kỹ thì thấy. Núi có hình ngựa chạy vì nhiều đỉnh núi con có một đầu cao một đầu thấp. Đầu cao nom như cổ ngựa cất lên, đầu thấp thì dài lại bầu, trông như thân sau của ngựa. Nhiều đỉnh như vậy xếp thành lớp, giống như một đàn ngựa đang nghênh cổ co vó mà chạy đua.

- Hay nhỉ. Thế hai vệt đường dài chạy từ đỉnh cao nhất xuống dưới là cái gì thế?

- À, thành Lục niên đấy. Ông muốn nói ba đỉnh núi cao kia chứ gì? Người ta gọi là Tam thai.

Chóp cao nhất tên Động chủ. Trên chóp ấy có thành Lục niên do vua Lê Thái tổ đắp để chống quân Minh thời xưa.

- Vậy mấy vệt trắng ấy là thành đá à?

- Vâng. Đến gần mới thấy thành cao và hiểm đến dường nào. Còn cái chỗ trắng trắng như một tấm vải dài rũ xuống là thác Bốc bố.

- Còn trại Bùi phong của La sơn phu tử ở đâu?

- Ngay phía đông bắc thành Lục niên. Sở dĩ gọi là trại Bùi phong vì phu tử lập trại trên một thân ngựa con tên Bùi phong. Gần đến rồi đấy.

Lãng cười, nói đùa:

- Chọn chỗ mình ngựa mà ở ẩn thì khó lắm.

Người lính trẻ cũng cười, rồi nói:

- Phu tử cũng biết thế chứ. Nhưng ngồi trên mình ngựa mà vẫn yên tĩnh mới tài chứ. Tôi nghe nói trong một bài thơ nhớ núi phu tử làm, có hai câu Chiu chít liền những núi. Trông như ngựa chạy vòng.

Lãng kinh ngạc hỏi:

- Anh cũng biết cả thơ của phu tử nữa à?

Người lính kiêu hãnh đáp:

- Ở vùng này, ai mà không thuộc vài câu thơ của phu tử.

- Thế anh người ở đây à?

- Vâng. Xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn.

- Sao anh không khai từ đầu?

Người lính lém lỉnh đáp:

- Ông có hỏi đâu mà khai!

*

* *

Đi quanh co một lúc, cả đoàn đến chân một ngọn núi thấp nằm giữa hai ngọn núi cao hơn nằm chầu ở phía đông và phía mặt trời lặn. Viên quan ở trấn phủ Nghệ An bảo:

- Đây là núi Lạp đỉnh. Phía tây là núi Bạch tượng. Trại Bùi phong của phu tử nằm ở sườn quả núi thấp ở giữa.

Viên quan bộ hình hỏi:

- Núi trọc trơ trọi thế làm sao sống được? Lại quá xa làng mạc.

Viên quan địa phương đáp:

- Không. Phía dưới trại có một ngọn suối ẩn kín. Đất hoang dễ cày, cây cối xanh tốt, nhất là rất hợp với trà. Ngài có thấy mấy dải xanh ngắt chen lẫn các ô chữ nhật màu nâu đỏ không? Vườn trà của La sơn phu tử đấy.

Mọi người bắt đầu leo một cái dốc sỏi khá cao để lên trại. Viên quan bộ hình quá mệt, lại nổi cơn hen. Người lính trẻ trao quang gánh lại cho bạn để đỡ lưng ông ta. Viên quan bộ hình lồm bồm:

- Khổ! Thiên hạ điên hết rồi!

Lãng cười, hỏi:

- Có lẽ chỉ có bác là không điên?

Viên quan trả lời:

- Không. Tôi cũng điên.

Quan địa phương góp lời:

- Như vậy thì các ông nên rán yết kiến phu tử một phen, xem ai điên hơn ai! Chính Lục niên tiên sinh cũng tự xưng là Cuồng ẩn, là Điên ẩn.

Họ chỉ nói chuyện được đến đó, vì sau khi leo một đoạn dốc, ai cũng mệt muốn dứt hơi, nếu còn chút sức là để gắng leo núi chứ không thiết nói năng gì. Đi qua một dải đất đồi xanh ngát màu lá trà, họ bắt đầu thấy những đám ruộng bậc thang có đá xếp làm bờ chống xói lở, và vài chuồng trâu lộ thiên không có mái, chỉ có những thân cây rừng khẳng khiu đóng dày vào nhau làm thành vòng rào ngăn mà thôi. Đất khô cứng có vẻ cằn cỗi, vừa được cuốc lên để ải nắng chuẩn bị mùa sau.

Đi quanh co một lúc nữa, bất ngờ Lãng thấy trước mặt một khóm cây um tùm chon von trên sườn núi, dọc theo một con suối nhỏ có nước róc rách. "Trại Bùi phong đây rồi!" Cả Lãng và người lính trẻ, hai người khỏe nhất đoàn, cùng reo lên một lúc.

Phía trong hàng rào làm bằng một loại cây xanh Lãng chưa biết tên, có tiếng chó sủa, và êm ái thay, lại có cả tiếng chim bồ câu gù. Thấp thoáng trông xa, ẩn sau những tàn cây, là những mái tranh thô sơ. Một người đàn ông tuổi lớn hơn Lãng đôi chút, mặc quần áo nâu, tóc để trần không vấn khăn, chạy ra mở cổng. Thấy đám đông lạ mặt, lại có cả hai người lính đội nón dẫu theo hộ tống, người đàn ông ngơ ngác hỏi:

- Quý ông cần gì ạ?

Viên quan bộ hình quên cả cơn hen, lấy giọng the thé nghề nghiệp của người quen hỏi cung, nói:

- Phải trại Bùi phong đây không?

Người đàn ông đứng trong rào đáp:

- Vâng ạ.

- Có trại chủ ở nhà không?

Người đàn ông hơi chau mày hỏi lại:

- Quý ông là ai?

Lãng tiến đến gần rào, lễ phép nói:

- Chúng tôi từ Phú Xuân ra đây, vâng lệnh đại nguyên soái xin yết kiến Lục niên tiên sinh.

Người đàn ông nhìn Lãng mỉm cười nói:

- Cha tôi có nhà, nhưng đang bận dâng hương cho Khảo đình tiên sinh (4). Mời quý ông vào.

Cổng tre mở rộng, cả đoàn bước vào một vùng xanh tươi mát rượi. Người con trai của La sơn phu tử giữ lễ, nhường bước cho Lãng và viên quan bộ hình đi trước. Đi qua một nhà mái bát giác lợp tranh cất giữa một vườn hoa cúc vạn thọ đang kỳ nở rộ, có tấm biển đề ba chữ VỌNG VÂN ĐÌNH, người con phu tử gọi lớn:

- Anh Thúc Hằng, có khách.

Từ phía sau Vọng Vân Đình, người có tên Thúc Hằng đứng lên, có lẽ đang ngồi lúi húi tỉa hoa. Thúc Hằng cũng mặc áo nâu như em, khoảng bốn mươi tuổi, tóc dài bó thành búi lớn sau ót, râu đen mọc thưa trên mép và dưới cằm khiến khuôn mặt già dặn, quắc thước hơn lên.

Thấy anh ngạc nhiên trước đoàn khách không đợi, người em nói:

- Có các quan tận trong Phú Xuân ra đây xin gặp cha.

Thúc Hằng vội lễ phép nói:

- Tiếc quá. Chúng tôi đang bận, tay chân bận cả. Quý Ngộ, chú mời các ngài vào Giới thạch trai đi.

Người em tên Quý Ngộ e dè nói:

- Nhưng cha đang dâng hương cho Khảo Đình tiên sinh...

Người anh cắt lời em:

- Chắc xong rồi. Các ngài khó nhọc từ xa đến, nhất định có việc quan trọng. Em cứ vào Thận tật am thưa với cha đi.

Lãng nghe những cái tên như Vọng vân đình, Giới thạch trai, Thận tật am, giữa vùng lá xanh um tùm và mùi hương hoa thơm nồng, có cảm tưởng đang bước vào một thế giới huyền hồ không có thật. Giới thạch trai cũng chỉ là một ngôi nhà tranh che liếp thô sơ, bên trong bài trí nghèo nàn. Một cái bàn thấp mặt đan bằng nan tre. Ghế là những thân gỗ mộc cưa bằng. Trên bàn, ấm chén đều bằng đất nung loại rẻ tiền. Quý Ngộ thấy khách nhìn quanh cách bày biện, vội nói:

- Gia đình chúng tôi sống xa làng mạc, nên cái gì cũng phải tự làm lấy mà dùng. Kể cả mấy cái ấm chén này. Quý quan ngồi chơi. Tôi xin phép được vào thưa với cha tôi.

Viên quan bộ Hình ngồi ngay lưng trên cái ghế gỗ cho trang trọng, chuẩn bị tiếp phu tử. Viên quan địa phương sờ lên cái ấm đất, tò mò xem xét cách xoi vôi ấm của cha con Lục Niên tiên sinh. Lãng thì ra đứng sát cửa liếp nhìn ra rừng hoa cúc phía ngoài.

Một lát, có tiếng bước chân nhẹ và tiếng gậy chống đều đều lên mặt đất nện. Mọi người không ai bảo ai đều đứng cả dậy. Trước mặt Lãng, một cụ già râu tóc đều bạc, mặc áo trắng chống gậy trúc đang đứng ở ngưỡng cửa sau nhìn khắp mọi người. Lãng chú ý trước hết đến màu trắng của râu tóc và quần áo, sau nữa, đến cái mũi lớn và đôi mắt sáng quắc có vẻ cười cợt bông đùa đang nhìn lần lượt hết người này đến người khác. Lãng đọc được trong ánh nhìn đó lời hỏi thăm: "Thế nào, các người lại đến quấy rầy ta đây à? Leo dốc mệt nhĩ, nhưng phí công thôi. Ta không giúp được các người gì đâu".

Quý Ngộ thưa với cha:

- Quý quan ở Phú Xuân có việc thưa với cha.

La sơn phu tử liền đưa tay trở các ghế gỗ, ân cần bảo:

- Ngồi xuống đó. Các ông vất vả lắm nhĩ?

Viên quan bộ Hình nghiêm giọng đáp:

- Trình tiên sinh phái bộ chúng tôi vâng lệnh đại nguyên súy cất công lên đây, trước là xin diện kiến bậc ẩn sĩ lừng danh của Bắc hà, sau là...

La sơn phu tử cười lớn, cắt lời viên quan bộ Hình:

- Ông quá lời rồi. Cha con chúng tôi trốn đời, làm quen với nếp sống đạm bạc, lâu ngày quên mất cách ăn nói văn hoa dưới đồng bằng. Xin được nghe những câu đàm bạc sơ sài thôi!

Lúc đó người lính trẻ đã mượn của Quý Ngộ cái khay đặt lễ vật, phủ tấm vải điều cung kính mang vào đặt lên cái bàn thấp trước chỗ phu tử ngồi. Phu tử nhìn khay lễ vật, rồi nhìn ba người khách, ngo ngắc hỏi:

- Chúng tôi đâu dám nhận lễ hậu này! Chắc là đại nguyên súy nghe lầm lẫn về kẻ trốn đời dỏ diên dỏ khùng này chẳng?

Lãng vội thưa:

- Đại nguyên súy chúng tôi muốn tỏ lòng thành kính đối với tiên sinh, nên sai chúng tôi đến đây gửi chút lễ mọn và một phong thư. Kính mong tiên sinh nhận cho.

Nói xong, Lãng đến giở tấm vải điều cầm phong thư bằng hai tay kính cẩn đưa đến La sơn phu tử. Phu tử không chút khách sáo, mở thư ra đọc. Lãng chú ý thấy đôi mắt Nguyễn Thiếp vẫn còn tinh tường lắm, không cần phải nheo mắt hoặc đưa tờ thư ra xa tầm mắt. Đọc xong, La sơn phu tử lắc đầu nhẹ nhẹ, mỉm cười nói:

- Quả là đại nguyên súy nghe lời đồn đãi, nên lầm lẫn về lão nhiều lắm. Lão vì mắc bệnh cuồng phải gửi thân vào chốn lâm tuyền để khỏi phiền đến ai. Bản chất ngu lậu, tài năng học thuật không có gì hơn người. Cái chức tri huyện làm còn chưa nổi phải cố trả xin về, hưởng hồ là việc lớn. Lời đồn đãi thường sai ngoa, làm phiền đến đại nguyên súy - lại làm phiền đến các ông nữa - Tết nhất không được ở nhà rước ông bà vui xuân mà phải cất công lên tận xó núi này. Thật đáng ái ngại!

Viên quan bộ Hình đã bớt hận, nên nói:

- Đại nguyên súy chúng tôi xem việc này quan trọng hơn hết, nên không kể đến đường xa, Tết đến. Xin tiên sinh xét cho!

Nguyễn Thiếp nói:

- Lão cũng xin quý ông tìm lời khéo thưa lại với đại nguyên súy, để đại nguyên súy xét cho. Từ lâu xa lánh chỗ chen chúc, nên ít phải nói năng. Chắc hẳn có nói cũng không hết ý. Lão sẽ xin có thư phúc đáp cho đại nguyên súy vậy!

Lãng còn đang lúng túng không biết phải nói thế nào cho La sơn phu tử nhận lời, nghe phu tử nói thế, mừng rỡ thưa:

- Vâng. Chúng tôi xin được nhận thư của tiên sinh đem về Phú xuân.

La sơn phu tử ngần ngại một lúc, rồi nói:

- Thế thì phiền các ông quá. Thôi thế này. Quà cáp đại nguyên súy gửi thì cứ để đây. Vài hôm nữa chờ bệnh thuyên giảm, trí óc minh mẫn hơn, lão xin có thư phúc đáp. Lão có anh học trò tên Phan Khải Đức có thể sai anh ta chuyển thư vào Phú Xuân được, khỏi phiền đến quý ông. Quý ông đã đến, thì cơm dưa muối xin các ông vui lòng ăn với lão một bữa lấy thảo. Xin đừng từ chối. Bây giờ về không kịp đâu. Quý Ngộ, con ra sau bếp bảo thối cơm thêm nhé. Nào, các ông uống cạn chén trà cúc này đã, không nguội mất. Cả trà lẫn cúc đều là cây nhà lá vườn, chắc mùi vị không được như ở kinh kỳ.

Lãng cầm chén trà đưa lên môi. Anh thấy một vị chát ở đầu lưỡi, sau đó, cảm giác lâng lâng cứ còn đọng lại mãi ở cổ họng.

(1) Hoàng Lê trang 153, 154

(2) Gia phả họ Nguyễn, Trường Lưu. Hoàng Xuân Hãn trích lại trong La sơn phu tử, trang 109

(3) Phần này dựa theo chương 10 cuốn "La sơn phu tử" của Hoàng Xuân Hãn.

Tức Chu Hi, một bậc Tống nho.

Chương 74

Từ ngày Lợi ra đi bất thần, An sống trong trạng thái bồn chồn khác thường, đến nỗi chị phải tự hỏi mình: ta thương yêu, gắn bó với anh ấy đến thế sao?

An đặt câu hỏi, tìm cách trả lời, nhưng không câu trả lời nào chị cho là thỏa đáng cả. An thương yêu Lợi? Nếu nghĩ tình yêu là cái gì đẹp đẽ thanh khiết nhất, cái gì có thể làm cho An băng khuâng bất cứ lúc nào nghĩ đến, cái quý nhất của một đời, niềm an ủi cuối cùng bù đắp tất cả thua thiệt nhọc nhằn phải chịu, niềm hãnh diện thầm kín khiến An dám tiếp tục thách đố với mọi trở ngại; nếu nghĩ tình yêu làm rộn rã cảnh phẳng lặng, làm mơn mớn héo úa, làm xôn xao kẻ chán nản, vực kẻ hấp hối dậy, xua bóng đêm tan; tóm lại nếu xem nó là mơ ước hạnh phúc tràn đầy của mọi người trước bậc cửa của đời sống trưởng thành, thì quả thật An không thương yêu Lợi đến như thế. Nói đúng hơn, An chỉ thương hại và cảm thấy một thứ yên ổn bình thường khi sống với Lợi. An vừa an tâm vì được che chở, vừa hãnh diện vì được chiều chuộng, nịnh bợ,âng bốc. An thấy mình trở thành quan trọng trước chồng. Nếu có thể gọi niềm an lạc kiêu hãnh ấy cũng là hạnh phúc, thì vâng, có thể nói An đã được sống hạnh phúc, không xôn xao nô nức, không hồi hộp xao xuyến. Có Lợi bên cạnh, An yên tâm, như được sống trong một căn nhà ngăn nắp. Chị khỏi cần suy nghĩ gì, khỏi cần rướn người vươn lên cao hơn chút nữa. Cứ việc lười lỉnh buông thả trong tầm thường, với những công việc bình thường, ước mong bình thường. Chỉ có thế, và nên yên tâm với những tiện nghi trước mắt. Các mơ ước thời trẻ tuổi càng ngày càng xa vời, càng ngày càng tuyệt vọng. Bám vào nó chỉ thêm khổ thân thôi! An cố nghĩ như vậy, và tìm được yên ổn suốt bao năm!

Cho đến khi Lợi theo Nguyễn Huệ ra Phú Xuân, ra bắc, rồi chờ mong mãi vẫn chưa thấy Lợi về, An bồn chồn lo lắng.

Chị thấy mình thực sự lo âu cho Lợi, thực sự đau khổ khi nghĩ sẽ mất Lợi. Chị cúi kính với con cái, biếng chải tóc, mặt mày bần thần như người mất hồn. Nếu An không yêu thương chồng, hoặc chỉ có cái nghĩa phu thê như một thói quen chịu đựng ràng buộc giữa hai người cùng chung sống bên nhau, chắc chắn chị không bồn chồn lo âu đến thế! Từ lúc nào không biết, Lợi đã trở thành một phần của cuộc đời chị, của thân thể chị, như một ngón tay, một mảng tóc. Bình thường chị không chú ý đến yêu hay ghét gì chúng cả. Nhưng có ai giật mảng tóc, chặt ngón tay An xem!

Khác với mọi người, càng nhận được tin chiến thắng dồn dập từ Phú Xuân, từ Thăng Long đưa về, An càng lo lắng. Lợi của chị càng xa, thì chị càng thấy mất mát, khổ sở. An tiếc những ngày cũ tầm thường đơn giản, lúc Lợi trở về từng ngày đúng thời khắc, và ngày nào cũng hí hửng đem về một tin vui, một món quà, một món tiền, hoặc một hứa hẹn. Lúc trước chị thấy chồng tủn mủn vụn vặt quá, trong lòng hơi thất vọng vì thấy Lợi không có những tham vọng lớn. Lợi

dễ dàng thỏa mãn với những món tiền thu được nhờ khôn khéo xoay xở, và thực sự tìm thấy sung sướng khi làm việc ấy. Bây giờ, An mới thấy tội nghiệp cho chồng, và tự dằn vò vì những lời xa gần xúi giục Lợi tìm kiếm những chân trời mới, địa vị cao sang hơn.

Khi vua Thái Đức và Đông Định công Nguyễn Lữ về tới Qui Nhơn mà không có đạo quân chiến thắng về cùng, dân Qui Nhơn loan truyền nhiều lời đồn đãi, đoán non đoán già về tình trạng bất thường đó. Quá quen với sự thay đổi bất trắc của tình thế, nhất là nhạy bén đoán trước thời cơ để tìm một chỗ kín gió trong thời giông bão, ngay tại trung tâm của quyền lực, dân Qui Nhơn điềm tĩnh bàn tán và rút ra được những kết luận khá đúng. Họ biết giữa nhà vua và Nguyễn Huệ có mối bất hòa lớn lao. Nguyên nhân? Nhiều lắm! Tùy trình độ từng người, họ suy đoán ra một nguyên nhân thích hợp với bản tính. An chạy khắp nơi hỏi tin chồng, hể nghe ai vừa ở Phú Xuân về là cố tìm đến hỏi thăm tin Lợi. Phần lớn những người được hỏi đều biết Lợi. Họ xác nhận Lợi vẫn mạnh khỏe, không bị thương hoặc đau yếu gì. Nhưng tại sao Lợi chưa về? Họ lắc đầu, rồi dè dặt đưa ra một phỏng đoán. An rối mù vì những lời phỏng đoán đó, càng ngày càng hốt hoảng, không biết đâu là sự thực. Đến nỗi cuối cùng, An đánh bạo xin vào cung triều yết nhà vua để hỏi tin tức chồng. Chị nhờ Thọ Hương thưa giúp với hoàng hậu. Tuy đã khoác áo nâu sồng, gác bỏ mọi chuyện đời, nhưng Thọ Hương vẫn trở lại hoàng cung làm giúp việc bạn nhờ. Nhà vua dứt khoát từ chối, không tiếp kiến An.

Điều đó khiến An càng cuống cuồng lo lắng hơn. Chị chạy đi hỏi Kiên, không tin những lời an ủi của anh. (An nghĩ Kiên nói dối để mình đỡ khổ.) An chạy đến các am miếu linh thiêng để cầu khẩn. Chị tốn khá tiền cho các thầy bói mà vẫn chưa mua được yên tâm. Thần thánh cũng biết nói hàng hai để vừa xoa vừa vuốt những kẻ hoảng hốt chới với không biết tin vào đâu.

Đúng lúc đó, An được nhà vua cho vời vào cung về một việc khẩn cấp.

*

* *

Vua Thái Đức bảo Bùi Văn Nhật và Bùi Đắc Tuyên:

- Bầy "ngựa non háu đá" mê đường trường, không chịu về chuồng. Các người đoán đúng lắm. Mỗi đứa bịa ra một cái cớ để ở lì ngoài đó. Nào là quân gốc Thuận Hóa ngại qua đèo Hải Vân. Nào là giặc Chỉnh còn phía bắc phải ở lại giữ thành. Nào là... Nào là... Toàn một lũ vong ân bội nghĩa!

Bùi Văn Nhật nói:

- Hoàng thượng chỉ cần hạ chỉ triệu về, ai dám không tuân!

Vua Thái Đức cười chua chát, bảo:

- Ngươi chưa thấy bộ điệu của chúng, sau khi chiếm được Thăng Long! Ngươi tưởng triệu về được à? Nếu được, ta đã không về đây một mình.

Bùi Đắc Tuyên rụt rè thưa:

- Tâu Hoàng thượng, như vậy ta phải làm gì ạ?

Vua Thái Đức nói:

- Còn nước thì còn tát. Đầu tiên là thằng Huệ. Thôi được, chú ấy đã muốn ở lại Phú xuân thì cứ cho ở lại đấy. Trước khi xuất quân, ông Chỉnh cũng có khuyên ta nên cho chú ấy ra riêng một nơi cho bớt hậu hoạn tranh chấp về sau. Ta sẽ phong cho chú ấy làm Bắc Bình vương coi giữ từ Hải Vân quan trở ra. Chú Bẩy làm Đông Định vương, coi Gia Định, ta là trung ương hoàng đế. Hồi còn ở Phú Xuân ta có nói qua với chú Tám. Nó có vẻ bằng lòng. Ông Tuyên đem sắc phong ra cho chú Tám nhé. Ông là anh vợ, dễ xử hơn. Vả lại, chú Tám đèo bồng, càng phải sợ ông anh

vợ.

Bùi Đắc Tuyên liền hỏi:

- Tàu Hoàng thượng, còn gia quyến của Bắc Bình vương thì sao ạ!

- Tùy thích ấy. Muốn ra ngay theo chồng cũng được. Hoặc chờ chú ấy về đem ra cũng được. Sẵn dịp ông ra, đem của cải tịch thu được ở Thăng Long về đây. à, con vợ thằng Lợi đã vào chưa?

Bùi Văn Nhật nói:

- Tàu Hoàng thượng, chị ta đang chờ báai yết Hoàng thượng.

Vua Thái Đức vội bảo:

- Thế à! Cho nó vào. Mà thôi, khỏi cần. Ông Nhật tiếp nó cũng được. Bảo nó viết cho thằng chồng một lá thư, để gọi thằng Lợi về đây. Viết thế nào để thằng Lợi hiểu rằng tính mệnh cả gia đình tùy thuộc ở nó. Nghề của ông, ta khỏi cần phải nói nhiều.

Rồi quay về phía Bùi Đắc Tuyên, nhà vua bảo:

- Việc gấp lắm. Ông đi sớm để về kịp trước Tết. Mọi sự tùy thuộc ở ông cả. Gấp lên nhé. Xã tắc an nguy đều do ở sự thành bại của chuyến này. Ông chớ quên.

Bùi Đắc Tuyên nghe trong câu cuối của nhà vua giọng phần kích và chua chát khác thường. Ông ngược nhìn vua Thái Đức, nhưng nhà vua quay về phía cửa điện, nét mặt bần thần.

*

* *

Bây giờ thì mằm mống bất hòa giữa hai anh em, không còn có thể giấu được nữa. Vua Thái Đức không còn nén được cơn giận khi sứ bộ Phú Xuân vào Qui Nhơn mang theo tờ biểu của chính Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, em ruột của nhà vua. Một phần cũng do vua Thái Đức quá tự tin. Phái bộ đến vào lúc nhà vua đang thiết triều. Tưởng là một bài biểu tạ ơn, nhà vua cho vời sứ bộ vào hỏi han cực kỳ ân cần. Đến khi viên quan bộ Lễ trình tờ biểu lên, nhà vua hoan hỉ ra lệnh tuyên đọc giữa triều để đánh tan các lời đồn đãi ác ý lâu nay về mối chia rẽ trầm trọng giữa Qui Nhơn và Phú Xuân. Viên quan bộ Lễ tuân mệnh.

Mọi sự diễn ra sau đó khiến tất cả triều đình ngỡ ngàng. Họ đã nghe gì? Có đúng là lời của Bắc Bình vương không? Các quan văn võ ban đầu còn cung kính chấp tay ngừng mặt để trân trọng đón nghe những lời thân thiện nhún nhường, những tin vui từ biên thùy phía bắc. Được vài câu, họ sợ hãi liếc nhìn phản ứng của nhà vua, rồi họ cúi mặt xuống, nín thở chờ cơn thịnh nộ. Cái gì phải đến, đã đến. Nhà vua giận quá, đập mạnh tay xuống cái kỷ gấm đỏ trước mặt, quát lớn:

- Thôi. Đưa đây!

Viên quan bộ Lễ sợ đến nỗi đầu gối khuỵu xuống, muốn bước mà bước không nổi. Nhà vua phải quát lần nữa:

- Đã bảo đưa đây! Điếc à?

ông ta mới vội tiến lên, run run đưa lá biểu bằng hai tay cho vua Thái Đức. Nhà vua chồm ra phía trước, chụp tờ biểu xé vụn rồi tung về phía sứ bộ, giọng nói run, lắp bắp vì giận:

- Cút đi. Về bảo cái bọn sai tội mày vào đây là ta đã xé tờ biểu như vậy đó. Quân vô ơn bội nghĩa. Nếu không có ta gầy dựng thì cả lũ bây giờ quá lắm là những tên buôn trầu, những thằng mót củi, làm thuê, chứ đâu được ngồi sập vàng ăn mâm bạc. Thế mà chúng nó không biết nghĩ, dám trở mặt với ta. Tên nào, thằng nào xui khôn xui dại để có tờ biểu này? Hà hà, văn từ cũng khá lắm. Lý lẽ chặt chẽ, lời nói nhún nhường. Láo cả. Ta thấy hết gan ruột của tội bây, đừng đem những lời đẹp để để gạt ta. Nào than phiền Thuận Hóa mất mùa liên miên mấy năm không

đủ gạo cho dân vào mấy tháng giáp Tết, rồi bắt qua chuyện trấn thủ Quảng Nam không cho thông thương qua đèo Hải Vân để xin được dùng cửa Hội, được đem thuyền vào Quảng mua lúa, được tự do ra vào. Lính Phú Xuân gốc Quảng được về thăm gia đình. Được miễn thuế cho tàu chở hàng cho Phú Xuân cập bến cửa Hội... Nếu vậy thì giao luôn Quảng Nam cho Phú Xuân cho rồi, lấy Hải Vân làm ranh giới chi cho mất công!

Về bảo chúng nó là nếu lần sau còn sai người vào đây dâng những tờ biểu thế này thì có đi mà không có về. Đáng lý ta phải ra lệnh chém các người, nhưng đây là lần đầu, làm thế thì không còn ai về Phú Xuân kể lại cơn giận của ta cho chúng nó nghe. Ngay bây giờ, các người lên ngựa chạy về Phú Xuân đi. Càng sớm càng tốt. Về bảo với chúng nó là ta đã xé tờ biểu để quăng vào mặt bọn vong ân bội nghĩa chúng nó, và thuật lời ta nhắn nhủ: nếu còn dám dâng biểu đòi này nọ ở Quảng Nam, thì thẳng nào dẫn xác vào đây là vào chỗ chết.

Rồi vua Thái Đức đập kỷ hết:

- Xong rồi. Cút nhanh đi.

Sứ bộ lú lú rút ra khỏi điện, không dám quay nhìn lại. Họ đi rồi mà khắp triều không ai dám ho lên một tiếng. Nhà vua mắt đỏ ngầu, nhìn khắp các quan văn võ như muốn tìm một kẻ vô phúc để trút bớt cơn thịnh nộ. Vì hiểu sự đe dọa ghế gớm ấy nên ai ai cũng thu người lại, cúi gằm mặt xuống. Nguyễn Nhạc không tìm được nạn nhân nào, gọi lớn:

- Ông Nhật đâu?

Quan Hình bộ Bùi Văn Nhật khấp nép tiến ra giữa triều, run run đáp:

- Tâu hoàng thượng, thần ở đây ạ!

Nguyễn Nhạc cố dằn bớt cơn giận, nói thật lớn:

- Chúng nó không kể gì tới vợ con, mới dám vùi vãnh xác láo như thế. Hay chúng nó quên rằng vợ con cha mẹ còn ở đây. Không có lý! Bọn vô lại lòng lang dạ thú như thế thì còn kể gì ai nữa. Không biết chừng chúng nó tự hãm hại gia đình rồi đổ vấy cho ta, lấy cớ mà gây hấn! Ngay hôm nay, ông cho tập trung vợ con chúng nó lại, canh gác thật nghiêm ngặt. Nghe chưa?

Bùi Văn Nhật nhận thấy từ đầu chí cuối nhà vua tránh nói thẳng đến Nguyễn Huệ, bắn khoăn không biết tình cảm nhà vua đối với em như thế nào. Vả lại, vợ con Nguyễn Huệ là em ông, cháu ông. Có quản thúc cả vợ con Nguyễn Huệ không? Hay nhà vua chỉ muốn trả hận đối với các tướng tá không chịu theo nhà vua về Qui Nhơn? Bùi Văn Nhật cố trấn tĩnh, tăng hắng để lấy can đảm, lên tiếng hỏi rụt rè:

- Tâu Hoàng thượng, vợ con của... của Bắc Bình vương...

Vua Thái Đức cắt lời Nhật, quát lớn:

- Không chừa ai cả. Người vị tình phải không? Người theo ta hay lại theo tên vô ơn bội nghĩa đó?

Bùi Văn Nhật hấp tấp đáp:

- Muôn tâu Hoàng thượng, thần xin tuân chỉ. Thần luôn luôn là kẻ tội mọi trung thành của Hoàng thượng. Nếu thần có lòng nào...

Nhà vua vội bảo:

- Thôi. Người khỏi cần thề thốt. Ta không tin người thì còn tin ai nữa. Ra lệnh bãi triều đi! Và tập trung ngay vợ con chúng nó lại.

*

* *

Cơn thịnh nộ công khai của vua Thái Đức được lưu truyền nhanh chóng khắp Qui Nhơn. Và chỉ

một sớm một chiều, cả Qui Nhơn trở nên căng thẳng, xao xác như sắp phải chịu một trận cuồng phong ghê gớm. Nét mặt mọi người trong các công đường, trạm gác, kể cả nét mặt dân chúng trong các phố, chợ đều dáo dác, lấm lét. Nhìn không dám nhìn thẳng. Nói thì thảo, chum đầu vào nhau để chỉ vừa đủ nghe sau khi đã cẩn thận nhìn trước liếc sau. Cửa nhà khép. Đèn hạ thấp tim. Dù chưa có lệnh, phố xá, chợ búa vắng vẻ. Người đi lại thưa thớt. Trên đường cái, chỉ có những toán lính lăm lăm bước để đến tăng cường canh phòng ở các trục giao thông, bến ghe, đầu chợ.

Cảnh trong thành dĩ nhiên xao xác hơn! Các gia đình bị quản thúc nhanh chóng và các tin tức đầy đe dọa cũng lan đi nhanh không kém. Đâu đâu, người ta cũng thì thầm hỏi dò cho được những ai bị liệt vào bọn vong ân bội nghĩa để tự mình điều chỉnh lại cách giao thiệp, cách cư xử, cách nói năng. Vì con số vong ân bội nghĩa lên cao quá, bất cứ chức sắc nào, dù cao hay thấp, đều sợ hãi nhận thấy rằng, suốt bao nhiêu năm, mình đã đại dột ăn nói thân mật hoặc đi lại thăm viếng không người vong ân này thì kẻ bội nghĩa khác. Do đó ai nấy đều thấy mình sẽ bị xem là tay chân, hoặc tông phạm với những kẻ bị kết tội. Và ai nấy đều nơm nớp chờ đợi. Trong khi đó các toán lính cứ lăm lăm bước ngoài đường, người nào cũng đầy đủ gươm, giáo, dây thừng, gậy gộc. Họ đi đâu đây? Sắp đến nhà mình phỏng? Nhờ Trời, họ đi qua khỏi cửa rồi! Nhưng còn các toán sắp đến? Vì sao người đi đầu cứ chăm chăm nhìn vào cửa nhà mình thế? Họ lại qua khỏi. Và lại có một toán khác sắp tới!

*

* *

Trong không khí xao xác căng thẳng ấy, An thấy rõ hơn ai hết sự đe dọa đang rình chờ mẹ con chị. Từ hôm được triệu vào cung, sau đó lại bị gọi tới bộ Hình để nghe quan Hình bộ Bùi Văn Nhật truyền lệnh viết thư gọi chồng về, An đã băn khoăn, lờ mờ đoán có điều gì bất thường đã xảy ra giữa Phú Xuân và Qui Nhơn. Tại sao ban đầu bảo là có lệnh vua, sau đó lại chuyển qua bộ Hình? An đã có những kỷ niệm không mấy vui về cái bộ ấy rồi, nên lần này trở lại, An thắc thỏm lo ngại. Rồi tại sao bộ Hình lại nói xa gần đến tình vợ chồng, đến cái tật ham chơi của Lợi, để bảo chị viết thư gọi Lợi về? Việc gì phải quanh co như thế? Nhà vua là bậc toàn năng, chỉ cần hạ chỉ là lập tức Lợi phải về ngay, cần gì phải nhờ đến An? Chị không dám hỏi quan Hình bộ, Bùi Văn Nhật thì lúng ta lúng túng không muốn nói nhiều, chỉ bảo lệnh vua đơn giản có thế. Cho đến lúc nghe được tin có lệnh quản thúc, An giật mình kinh hãi. Chắc chắn rồi! Anh ấy đã bị liệt vào hạng "vong ân bội nghĩa"! An sợ đến lạnh người. Nhưng bản năng sinh tồn, vào lúc chỉ có một mình An ở nhà, đã mau chóng vực chị dậy. Không thể chần chờ được! Phải trốn gấp, trước khi quá muộn!

Nhưng trốn đi đâu? Về đâu? An nghĩ đến An thái, rồi ngay sau đó, công nhận ý nghĩ đại dột ấy đến không đúng lúc. Chị chạy qua quán rượu tìm Kiên. Kiên đi vắng. Trở về nhà thì thằng Phát đã lén chui rào đi tắm sông, An phát khóc vì giận, và sợ. Dặn con gái trông chừng nhà, nhất là nếu có ai kêu cổng thì cứ im lặng đừng lên tiếng, An chạy gấp ra chợ. Chị được tin Nguyễn Thung (lâu nay do bất đắc chí, say rượu lê la khắp kinh thành chửi đồng mà không việc gì) vừa bị nhà vua ra lệnh chém bêu đầu buổi sáng. Cây cọc cắm đầu lâu tử tội vẫn còn, cắm gần cửa thành nam cho thiên hạ xem.

Chân tay An tự nhiên bủn rủn. Làm sao bây giờ? Chạy trốn đâu? Chị tìm các bạn hàng xáo trước kia ở chợ, nhưng chợ vắng hoe, không có ai khác ngoài những người ăn mày nằm rên hừ hừ cạnh đồng rác hôi thối đầy ruồi nhặng, con chó đói gặm khúc xương bò sát sạp hàng thịt, và ba

người lính vác giáo đi qua đi lại gần cổng chợ. An chạy ra bên ghe. Chị gặp một chủ ghe từng làm ăn với Lợi, lúc Lợi còn làm việc tại kho lương. Hỏi sắp đi đâu? Đáp là về chợ Giã. An mừng quá, xin quá giang để thăm một người bà con làm quan dưới đó.

Ngày tối hôm ấy, ba mẹ con và đứa ở gái trốn được khỏi Bằng Châu!

*

* *

Trong thời gian căng thẳng nồm nớp ấy, Qui Nhơn được chứng kiến một cuộc lễ phong vương uy nghiêm rực rỡ, tổ chức trên gò Vân Sơn bên ngoài Hoàng đế thành, để công chúng được tham dự.

Vua Thái Đức có nhiều dụng ý khi ra lệnh tổ chức lễ.

Trước hết, nhà vua muốn xoa bớt cảm giác hãi hùng, lo âu bàng bạc khắp trong thành ngoài chợ từ khi có lệnh quản thúc thân nhân những tướng tá, quan lại về phe với Nguyễn Huệ. Sau cơn giận dữ, nhà vua đã bén nhảy để thấy hậu quả xấu của lệnh ấy đối với đời sống và sinh hoạt của Qui Nhơn. Chợ không họp. Phố đóng cửa. Ghe gác chèo. Khi ai ai cũng lo lắng đến tai bay vạ gió, thì giá cả hàng hóa tăng vọt. Ngay tại kinh thành, gạo và mắm đã bắt đầu khan hiếm. Đây là chưa kể những hậu quả khó lường khác về mặt tinh thần, như niềm tin ở vương triều, sự phục tòng, sự phán đoán theo khuôn mẫu đức lý, niềm hy vọng ở ổn định, mơ ước một tương lai. Nét mặt lầm lì, đăm chiêu, hay trầm tư của đám cận thần, của cả bọn lính hầu, cử chỉ uể oải của họ là dấu hiệu xấu. Nhạc chịu không nổi một thứ triều đình lạnh lẽ. Từ xưa, lúc rảnh rỗi, nhà vua đã thích không khí náo nhiệt xô bồ ở chiếu bạc hơn là cái lặng lẽ nghiêm nghị của cửa chùa. Nhà vua vẫn chế giễu chú Bảy Lữ về sở thích hiu quạnh kỳ quái ấy! Bây giờ, hằng ngày, nhà vua phải chứng kiến những bộ mặt lấm lét, phải nghe những lời run run lấp bắp thiếu hơi! Không! Nguyễn Nhạc thà thích nghe họ chửi mình, hơn là chịu đựng không khí nặng nề ngạt ngùng. Phải làm cái gì cho rộn rã, cho vui, cho ồn! Ngoài những buổi hát bộ do Giáo phường diễn, nhà vua nhận thấy phải tổ chức lễ lạc thêm vào!

Hơn nữa, long trọng tổ chức lễ phong vương cho Nguyễn Lữ còn có lợi về lâu dài. Đêm nằm suy nghĩ, nhà vua nhận thấy phía bắc không thể nào còn chi phối được Bắc Bình vương. Đây là một con ngựa khỏe, bắt đầu nhận ra căn chuồng chật hẹp của Qui Nhơn. Nguyễn Huệ còn tiến xa, thật xa. Nhà vua biết. Biết và ngại. Nhưng không làm gì được nữa. Chỉ còn cách quay nhìn về phương nam, ổn định Gia Định làm cái thế tương trợ, ỷ dốc. Nhà vua biết tính tình Nguyễn Lữ không như Nguyễn Huệ. Nhưng... nhưng biết đâu đấy! Lấy gì bảo đảm sự trung thành, tuân phục của Lữ ngoài một niềm tin mỏng manh! Làm lễ trọng phong tước Đông Định vương cho Nguyễn Lữ, một là xác định trước thần dân quyền uy tối thượng của Trung ương hoàng đế, hai là nhắc nhở cả Phú Xuân lẫn Gia Định bốn phận tuân phục tuyệt đối với Qui Nhơn. Vì thế, nhà vua mới ra lệnh tổ chức lễ.

Nguyễn Lữ chính thức công khai nhận vương tước với bộ mặt rầu rầu quen thuộc.

Chính Nguyễn Lữ cũng không biết mình vui hay buồn!

Ông hoang mang, đi đứng tiến lui như một người ngoại cuộc. Phải, như một người ngoại cuộc. Từ lâu, ông đã có tâm trạng ấy. Từ thời khởi dấy, ông đã nghĩ mình phải tham dự vì cái thế chẳngặng đặng dừng, vì em ruột thì phải vâng lệnh anh, thế thôi. Ông chỉ mơ ước được sống an nhàn, thanh thoi trong một mái nhà, khu vườn đẹp đẽ, yên tĩnh như khu vườn của "chú Thung". Khi nào có cơ hội, ông sẽ xin anh cho được toại nguyện. Cơ hội ấy không bao giờ đến. Biến cố này tiếp biến cố khác. Anh em ông phải đối phó liên tiếp với nhiều kẻ thù, từ bắc vào, từ nam

ra, từ cả bên trong nữa. Ông dừng lại chẳng? Rút ra khỏi cuộc chẳng? Như một kẻ đã cưỡi lưng cọt bước xuống khỏi chỗ đang ngồi tất phải làm mồi cho con cọt. Phải theo. Phải đeo! Nguyễn Lữ thấy cuộc sống cứ băng băng đổi thay trước mắt mình, với một tốc độ càng ngày càng lớn. Ông choáng váng, muốn dừng mà không được. Mọi sự xảy ra dồn dập ngoài tầm mong ước, và khả năng của ông. Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc, ông không ngăn được. Bây giờ Nguyễn Nhạc quản thúc gia đình Nguyễn Huệ và vợ con cha mẹ các tướng tá tài giỏi, ông cũng không nói gì được. Lại sắp phải vào Gia Định sông rạch chẳng chịt bất trắc. Ông sẽ làm gì đây? Thu mình trong đồn Cầu Sơn với Phạm Văn Tham, nơm nớp lo ngại cả đến những đề lục bình trôi trên sông rạch miền Nam ư? Nguyễn Lữ tìm gặp Kiên trong lúc đang bắn khoả như vậy!

*

* *

Hôm ấy quán rượu ế khách.

Bọn lính và mã phu sợ tai bay vạ gió không dám la cà đến chỗ đông người, sợ cả đến ma men.

Rượu vào thì lời ra. Và một câu nói lỡ vào giai đoạn này, có thể là cái vạ lớn cho cả dòng họ!

Nguyễn Lữ để mặc bọn lính hầu ở cửa quán, ra thẳng vườn sau để gặp Kiên. Đã quen với những cuộc thăm viếng bất thần của Nguyễn Lữ, nên Kiên không chút e ngại, mời Đông Định vương ngồi ngay dưới gốc mít để nói chuyện với mình. Từ lâu, hai người coi nhau như đồng đạo. Đạo gì? Họ chưa tìm ra, chưa hiểu hết, nhưng họ biết là đang cùng đi tìm.

Kiên thấy Nguyễn Lữ không mặt triều phục, chỉ mặc một bộ quần áo nâu đơn giản. Dấu vết vương giả còn lại là cái khăn lụa màu vàng thắt ở trên đầu, và dải thắt lưng trắng bằng một loại vải Tàu có vân. Kiên biết Đông Định vương đã cẩn thận dọn mình để đến đàm đạo, và cách ăn mặc đủ thấy Nguyễn Lữ tha thiết muốn tìm một cái gì không thể tìm trong cuộc sống vương giả. Kiên chờ cho Nguyễn Lữ ngồi xếp bằng ngay ngắn trên chiếc chiếu dứa, mới hỏi:

- Chùng nào ngài mới vào Gia Định?

Nguyễn Lữ vội ngược lên nhìn thẳng vào mắt Kiên dò xét, e ngại trong cách xưng hô trang trọng ấy có chút gì khinh thị, hoặc khách sáo mỉa mai. Vương yên lòng khi thấy Kiên mỉm cười thân ái, nên đáp:

- Sắp đi rồi. Sợ không được gặp anh khá lâu đấy.

Kiên đổi cách xưng hô:

- "Anh" nặng "nợ" hơn nên phải khó lắm mới dứt được "lụy". Chỉ sợ lòng chưa tận thành, còn nặng hay nhẹ không nên quan tâm.

Nguyễn Lữ buồn rầu nói:

- Nhưng nợ càng nặng thì lụy càng nhiều. Tôi sợ không đủ sức cưỡng lại, càng ngày càng chìm mất thôi.

Kiên hỏi:

- Sao lại phải cưỡng?

Nguyễn Lữ trở mắt hỏi Kiên:

- Anh nói gì thế? Không cố chống lại các điều ràng buộc, thì làm sao giải thoát? Ngay cách ngồi tĩnh tâm để cố dứt bỏ lo âu phiền toái của đời sống như lâu nay anh làm, không phải là một cách cưỡng lại, chống lại hay sao?

Kiên hỏi tiếp chứ không trả lời:

- Nhưng anh định cưỡng chống cái gì?

Lữ bối rối trước một câu hỏi quá rộng, lúng túng đáp:

- Cố gắng lại cái gì ư? Biết trả lời thế nào bây giờ? Có thể là sợ hèn nhát không dám làm theo ý mình. Không dám làm phiền kẻ khác. Thấy cuộc đời có nhiều điều không như ý mà không dám chối bỏ, hoặc cương quyết thay đổi. Cứ để mặc cho nó dẫn đến những chỗ không đúng ý nguyện, như buổi lễ phong vương hôm qua chẳng hạn.

- Vậy chỗ nào mới là chỗ anh thích đến?

Một lần nữa, Lữ lúng túng. Sau một lúc cần môi suy nghĩ, Nguyễn Lữ đáp:

- Tôi không biết rõ.

- Anh không muốn đến chỗ chết chứ?

- Lúc nào chán nản thì có nghĩ đến. Bình thường thì không. Tôi vẫn thích được sống hơn là chết. Dĩ nhiên phải sống cho đáng.

- Anh vẫn quanh quẩn trong những điều mơ hồ. Chưa biết thích sống thế nào. Chưa biết đời sống đích thực ra sao. Nhưng cái quý là anh khao khát đi tìm chứ không xem cuộc sống trước mắt là tất cả chân lý của đời mình. Lần hồi cũng gỡ được rồi. Miễn là biết cách.

Nguyễn Lữ hân hoan hỏi:

- Cách nào? Anh đã tìm ra chưa?

Kiên dè dặt đáp:

- Tôi chỉ mới mon men bước đầu. Chưa biết đúng sai thế nào.

- Thế với cách tĩnh tọa lâu nay anh vẫn làm, có tìm thêm được gì không?

Kiên buồn rầu đáp:

- Mãi đến nay tôi mới thấy mình sai lầm.

Nguyễn Lữ giật mình, vội hỏi:

- Thật à? Sai ở đâu?

Kiên nói thật chậm, gần như rặn từng tiếng:

- Ở chỗ ta cố cố gắng lại, cố chống lại, ở chỗ ta phân biệt từ đâu cái nên và không nên, cái đúng và không đúng.

Nguyễn Lữ chưa hiểu "đồng đạo" nói gì, nhưng kiên nhẫn chờ Kiên giải thích. Kiên nhắm mắt một lúc thật lâu, cố tập trung những điều suy nghĩ tản mạn lại, chọn lựa, sắp xếp cho thành ngôn từ hiểu được. Anh biết trước việc giải thích sẽ rất gay go, có thể có nhiều hiểu lầm hoặc nhiều điều mù mờ, mâu thuẫn. Nhưng Lữ chờ lâu quá rồi. Kiên phải nói vậy:

- Chúng ta không bằng lòng với cuộc sống trước mắt mới đi tìm một cái gì khác. Cái đó cho đến nay ta chưa nói được ra sao. Nó chỉ mới là một hy vọng mơ hồ. Cái đó chứa đựng điều gì thì ta chưa rõ. Thế mà ta lại tưởng đã rành rẽ những cái không phải nó. Điều đó cũng vô lý như một người chưa từng biết Đông Định vương là ai, lại nằng nặc bảo rằng đây không phải là Đông Định vương. Anh nghiệm mà coi, có phải lâu nay chúng ta lầm lẫn vô lý như thế không? Chưa tìm được chân lý, chưa biết mặt mũi nó ra sao mà ta đã quả quyết bảo những cái sau đây không phải là chân lý: đời sống này không phải là chân lý nên ta phải tìm cái gì khác; làng mạc phố phường bụi bặm ồn ào không phải là chỗ trọ của chân lý nên ta phải tìm nơi yên tĩnh; sống chung đụng với vợ con tất bật vì cơm áo danh lợi thì chân lý xa lánh nên ta phải sống cách ly; cử động múa may thì chân lý không tụ nên ta phải tĩnh tọa; còn nhiều, nhiều cái "không nên", "không phải", "không thể" nữa.

Lâu nay tôi đã mắc phải sự phân biệt sai lầm đó, nên cố ép mình tĩnh tọa để thoát khỏi mọi ràng buộc của xác thân, của đời sống tầm thường, đạt được sự thanh tịnh cao khiết, sự hòa đồng đáng mơ ước vào đại thể, và nghĩ rằng nhờ thế, tìm ra được chân lý hạnh phúc.

Tôi thử tĩnh tọa theo lối kiết già của Đức Phật, và cũng bắt chước nhà Phật, cố gắng trừ bỏ vọng niệm. Có lúc tôi tưởng đã thành công, tìm được thông cảm với cả loài vật, cây cỏ, hay đất đá. Tôi cảm thấy lâng lâng, ngây ngất, như bay lên được trên mây cao, như lìa khỏi được mặt đất. Nhưng cảm giác đó là cái gì? Nếu nó là chân lý thực sự, là hạnh phúc cao cả thì tại sao nó mơ hồ lâng lâng và tạm bợ như vậy. Tôi nói tạm bợ vì phải bắt đầu trở lại luôn luôn. Tôi đâm hoài nghi. Tôi tự hỏi: Cái cách ép mình ngồi yên thật lâu thế này phỏng có lợi gì? Để làm gì? Để quên xác thân ô uế phiền trọc ư? Càng ép buộc thân thể để quên nó, thì nó càng vùng vẫy để nhắc nhở ta, không cho ta được quên. Thật vậy, ta tự buộc phải ngồi thẳng lưng thật lâu thì lưng mỏi, lưng mỏi thì ta quên cái lưng sao được! Xếp bằng kiết già thì đau chân. Ta nhớ mãi bàn chân tê. Rồi mắt nhắc, tay nhắc, miệng nhắc, mũi nhắc. Ta muốn quên mà lại chọn một cách quên đại đột, khiến rốt cuộc ta nhớ xác thân ta hơn lúc nào hết. Lầm lẫn ở chỗ đó.

Cho nên cái cách để quên thân xác ta hay nhất là cứ sống tự nhiên đừng thúc ép, đè nén nó. Anh thích ngồi dựa vào gốc cây gác chân lên cái ghế cao ư? Cứ việc! Nếu ngồi như vậy anh thấy thoải mái đến độ quên nghĩ đến cái lưng và đôi chân. Tôi đã thử làm, quả nhiên thấy hiệu quả hơn. Tôi quên được thân xác tôi, ngồi ở quầy hàng mà quên được cảnh rượu thịt chè chén, nghe vợ cần nhần mà quên được cảnh "thê tróc tử phọc". Tôi chưa tìm được gì, nhưng đã tìm được một điểm nhỏ, là đừng thúc ép tự nhiên mới mong đến chân lý. Cái gì đã đến, đang đến đều là một phần của hạnh phúc. Hãy nương nhẹ với nó, chiều theo cách uốn éo quanh co của nó, thì chẳng mấy chốc, sẽ tiếp cận được bí quyết của hạnh phúc.

Nguyễn Lữ lắng nghe chăm chú những lời Kiên nói. Khi Kiên dừng lại, Đông Định vương ngơ ngàng hỏi:

- Chỉ có thế sao? Cứ để mặc tự nhiên ư? Anh có lầm lẫn không?

Kiên mỉm cười không đáp. Họ không nói gì với nhau thêm, cho đến lúc chia tay.

Hôm sau, Nguyễn Lữ lên đường vào Gia Định!

Chương 75

Xuống đến chợ Giã, mấy mẹ con An phải ở lại đấy bảy hôm vì chưa tìm được thuyền quá giang ra phía bắc. Mấy hôm đó, ruột An rối như tơ vò. Bé Thái không quen uống nước trên ghe nên bị kiết l. Thăng Phát hoang nghịch theo tụi bạn trai mới ở Thị nại đi tắm sông, câu tôm, và đánh lộn. An vừa phải chăm sóc con gái út, vừa lo đưa con trai ngộ nghịch chết đuối, vừa phải chạy đi tìm thuyền buôn mướm quá giang ra Phú Xuân. Đó là chưa kể nỗi lo bị lộ tông tích. Chỉ mới mấy ngày khuôn mặt của An đã gầy xẹp, mắt thâm quầng. Tóc tai, quần áo bù rối, nhàu nhò thảm nỗi đến nỗi An sợ cả soi gương.

Cuối cùng, An tìm được một thuyền buôn chở mướm ra cửa Hội sắp khởi hành. Chị nói dối là có chồng làm lính hầu ở dinh Chàm, cả năm không được tin tức nên phải dẫn hai con ra đó để tìm. Câu chuyện thương tâm có khiến chủ thuyền hơi cảm động, nhưng sự thương hại chỉ có giới hạn. Ông ta bảo nếu cần ông sẵn sàng giúp cho mẹ con An một ít mướm để ăn độ đường. Thế thôi. An phải nhờ người chủ ghe quen biết vừa chở chị từ Qui Nhơn xuống Thị nại đưa cho ông ta một số tiền khá lớn, nhiều gấp ba lần giá tiền chuyên chở hành khách bình thường (và nói dối là do chủ ghe xuất ra để giúp đỡ mẹ con An hồi hương), chủ thuyền mới chịu. Đáng lẽ thuyền đã khởi hành sớm hơn. Nhưng đột nhiên có lệnh trên truyền xuống bảo quan giữ cảng kiểm soát gặt gao các thuyền bè ra vào Thị Nại, nên mãi đến ngày thứ bảy, vào khoảng canh ba, thuyền mới rời bến.

Đến phút chót, An còn bị hai đứa con làm khổ. Con Thái đã bớt bệnh, ăn cháo trắng và ngồi dậy được. Phân đã bớt có máu nhờ uống mấy thang thuốc gia truyền người chủ ghe bày. Nhưng tự nhiên nó nổi chướng, khóc tỉ tê đòi ở lại nếu không có chị Gái đi theo. An hết năn nỉ, dỗ dành đến la mắng, nó vẫn cứ khóc. An phát tức, thương con không nỡ đánh, chỉ dọa sẽ bỏ nó lại một mình ở Thị Nại. Con bé khóc to hơn làm phiền đến chủ nhà trọ. Thái chỉ nín khi thấy mẹ nó mếu máo, nước mắt dàn dụa. Còn thằng Phát thì nhằm đến lúc xuống thuyền lại lén theo bọn trẻ dân chài đốt đèn bắt cua! Chủ thuyền sợ mất một món tiền lớn, cho người đi tìm thằng Phát về. Chờ cho đến khi thuyền rời bến khá xa, An mới dám bắt thằng con trai ngộ nghịch nằm xuống sàn thuyền, và dồn tất cả giận dữ, buồn bực vào năm ngón roi trừng phạt. Thằng bé oằn mình đau đớn nhưng nhất định cắn răng không khóc. Chỉ có con Thái khóc thút thít vì sợ đến lượt mình và thương anh. Còn An thì đánh con xong, thấy năm vết lằn rướm máu trên mông trên lưng con, hối hận, xót xa, tủi thân, cũng bật khóc nức nở.

Thuyền chuyên buôn mướm nên ở đâu cũng rít róng hôi thối. Khoang thuyền chật, không có chỗ nào đủ rộng để nằm nghỉ lưng. Dựa vào đâu cũng bị dính mướm. Tổ thái độ khó chịu lại sợ mất lòng chủ thuyền và vạ chài. Tình cảnh ấy kéo dài suốt hai ngày, cho đến lúc ba mẹ con không gượng được nữa dựa bừa vào vách thùng mướm mà ngủ.

Dọc đường, thường có các ghe tuần từ đất liền ra chặn lại xét hỏi. Ngày nào cũng phải thưa trình khai báo hai ba bận. Lính kiểm soát hỏi kỹ gốc gác chiếc thuyền, thuyền khai báo tỉ mỉ hàng hóa và số người đi theo. Rút kinh nghiệm những lần đầu bị hạch hỏi khó khăn về mấy mẹ con An, từ Quảng Ngãi trở ra, chủ thuyền nhận bừa An là vợ mình. Con Thái hiểu ngay dụng ý của chủ thuyền, nhưng thẳng Phát bực dọc lắm. Mỗi lần có ghe nhỏ áp đến kiểm soát, nó sẵn đến tìm cách gọi chủ thuyền là "ông ngoại" cho bõ ghét. An lườm con, sau khi lính tuần trở lại đất liền, kêu nó lại giải thích, căn dặn. Nhưng lần sau, nó vẫn cứ gọi "ông ngoại" ầm cả lên. May không ai chú ý đến trục trặc khác thường đó.

Thuyền sắp cập bến cửa Hội, thì có lệnh từ đất liền cho biết cấm ghe thuyền lớn nhỏ, bất cứ từ đâu đến, không được vào bờ. Phải tốn mấy tìn nước mắm ngon làm quà, chủ thuyền mới được cho biết lý do: từ hôm Trung hầu Côn giết sứ bộ của Bắc Bình vương tại Trà câu (1), khắp hai phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi, quan quân được lệnh của vua Thái Đức canh phòng nghiêm ngặt mặt bể và các trục lộ, đề phòng hành động trả thù của Phú Xuân. Nhất là ở đèo Hải Vân, cửa Hội và khu vực chung quanh dinh Chàm.

Cửa khẩu bị đóng. Chủ thuyền dở khóc dở cười không biết phải xử trí thế nào. An mừng rỡ, dốc hết vàng xuyên tư trang ra thương lượng để chủ thuyền bằng lòng ghé vào cửa Thuận An. Chủ thuyền vừa tham tiền, lại vừa sợ bắt trắc. Nhưng đồng tiền cuối cùng đã thắng, nhất là sau khi An giải thích:

- Bác đừng sợ. Bây giờ cháu xin thú thật với bác: cháu là vợ một viên quan thân tín của Bắc Bình vương. Hai anh em nhà vua bất hòa với nhau, nên cháu phải bỏ Qui Nhơn trốn ra Phú Xuân. Nếu cập thuyền vào cửa Thuận An mà gặp trở ngại, cháu sẽ đứng ra xin can thiệp để bác vào tận kinh thành bán số mắm này. Nhất định giá cả ngoài đó phải cao hơn ở cửa Hội. Còn nếu không lên được bờ, thì bác lại trở về chợ Giã an toàn. Bác chớ ngại. Lên được cửa Thuận thì bao nhiêu tư trang tiền bạc này cháu xin biếu bác để bù vào tiền phí tổn ra vào. Chắc cũng đủ để trang trải mọi sở phí. Bác bằng lòng nhé. Bác nhé. Bằng lòng đi cho cháu mừng. Không bao giờ cháu dám quên ơn bác.

Nhờ thế, An và hai con được vào thẳng cửa Thuận vào một buổi sáng tháng giêng năm Đinh Vị.

*
* *

Chủ thuyền vẫn phải gặp nhiều khó khăn tương xứng với số tiền bạc tư trang thu được của An. Mẹ con An được lên bờ dễ dàng, nhưng thuyền buôn mắm không được lên thẳng Phú Xuân để bán mắm. Thuyền bị giữ lại cửa Thuận, vì gốc gác Qui Nhơn của nó. Chủ thuyền và vạ chài không được lên bờ. Quan giữ khẩu còn cẩn thận gửi thêm một toán thủy binh năm người, vũ khí đầy đủ lên thuyền để canh gác, lục lọi khắp mọi chỗ. Người ta lấy cây thọc vào các thùng mắm xem có giấu khí giới trong đó không. Đồ đạc nôi niêu đem theo nấu ăn cũng bị khám xét kỹ. Nếu không sợ nước biển tràn vào chìm chết luôn cả mình, có lẽ năm người lính đó đã nạy cả những thanh gỗ ván thuyền ra để xem xét. May cho chủ thuyền, là ông đã nhanh tay giấỵ được số tiền bạc tư trang vừa lấy của An. Trừ đi cộng lại, ông vẫn được một món lời lớn!

Nhờ những người lính này, An biết được khái quát tình hình sôi động ở Thuận Hóa. Trong lúc Qui Nhơn nồm nớp lo âu, thì Thuận Hóa náo nức. Nét mặt người lính nào cũng hăm hở, muốn diễn biến lịch sử chóng hơn, để tham dự vào một cái gì hấp dẫn, khác thường. Thấy An khai vờ trốn tai họa từ Qui Nhơn ra, những người tân binh Thuận Hóa vây quanh chị, đua nhau hỏi:

- Trong đó có biết là ngoài này sắp vào không?
- Chắc vua anh giận lắm hỉ?
- Chúng nó để mặc cho chị trốn à?
- Trong đó biết ngoài này thiếu mắm hay sao mà cho chở ra?
- Mất công thôi! Vài hôm nữa vào đấy, còn khối! Hay là muốn đem ra làm quà cầu hòa?
- Vợ con các quan Tây Sơn ở lại ngoài này có việc gì không?

An không biết trả lời ai trước. Vả lại, chị chỉ muốn hỏi hơn là đáp. An hỏi lại:

- Các anh có biết chồng tôi hiện ở đâu không?

Vì tuổi tác An hơn hẳn các cậu lính mới Thuận Hóa, nên không ai dám đùa cợt. Họ trả lời nghiêm chỉnh, lễ phép. Họ hỏi lại An:

- Chồng chị là ai? Làm gì?

An thấy mình vô ý, nên cười chừa thẹn, đáp:

- Cha lũ trẻ đây tên Lợi, Lê Tấn Lợi. Anh ấy làm ở quân lương.

Cả bọn lắc đầu, tiếc rẻ vì không thể chỉ dẫn điều gì cho "người chị" này được. Một cậu ân cần hỏi:

- Nhưng anh ấy là người Quảng hay người Thuận Hóa như chúng tôi?

- Nhà tôi dân Qui Nhơn!

- Thế à! Nếu vậy thì chắc làm quan to rồi. ở đây không có quan to nào cả. Chỉ có bác đội trưởng là người trong ấy thôi. Chị vào hỏi, may ra bác ấy biết.

Nhưng người đội trưởng này cũng không biết Lợi. An nóng ruột quên cả giữ ý, khai tuột cả mối quan hệ thân thiết giữa Lợi và anh em Tây Sơn từ thời hàn vi. Viên đội trưởng tỏ dấu kính nể nhiều hơn, vội nói:

- Nếu vậy thì quan nhà phải làm lớn lắm. Nhất định phải làm việc trong dinh rồi. Bà nhà chịu khó về kinh hãy hỏi. ở đây toàn bọn lính mới, mũi hỉ còn chưa sạch, chúng nó không biết ất giáp gì đâu.

An vui mừng và hãnh diện, hết cả lo âu, nên yên tâm nán lại hỏi chuyện:

- ờ nhỉ, sao lúc nãy tôi thấy nhiều cậu lính trẻ thế. Có lẽ chỉ hơn thằng Phát nhà tôi vài tuổi mà thôi!

Viên đội trưởng đáp:

- Sắp có lệnh tuyển binh thêm đấy. Đàn ông từ 15 đến 60 tuổi đều phải sung quân. Có nhà từ ông nội cho đến cháu đều vào lính một lượt. (2)

An tròn xoe mắt ngạc nhiên:

- Thế à! Lại sắp đánh nhau to hay sao? Đánh ai thế?

Viên đội trưởng nhìn trước nhìn sau trước khi hạ giọng đáp:

- Ông vua anh không nghĩ đến công lao Thượng công, lại mắng nhiếc thế này thế nọ. Tôi nghe nói thế, không biết hư thực thế nào. Chị đừng nói lại với ai nhé!

An thắc mắc:

- Nhưng tại sao các cậu lính trẻ ngoài kia có vẻ náo nức thế? Họ chẳng có vẻ gì là bị ép buộc phải cầm giáo cả?

Viên đội trưởng cười:

- Chúng nó thích bay nhảy. Có đứa vừa được ra tận Thăng Long, bây giờ muốn vào Qui Nhơn, rồi vào Gia Định cho đi khắp trong nam ngoài bắc. Dân Thuận Hóa bây giờ tự thấy mình lớn lên, khỏi phải cúi đầu nép mình như trước. Nhưng, ở Qui Nhơn, bà ở đâu?

- Chúng tôi ở Bằng Châu.

- Tiếc nhỉ. Nếu bà ở Bồng Sơn tôi đã hỏi thăm được tin nhà.

- Bác ở Bồng Sơn à? Vậy bác ra đây từ hồi nào?

- Từ dạo tháng Tư năm ngoái, lúc vua anh còn thuận với Thượng công. Không biết đến lúc nào tôi mới về quê được. Tết vừa rồi mặc sức mẹ con lũ nhỏ nóng ruột. Tội nghiệp. Trong đó có lạnh không?

- Dạ, không lạnh lắm.

An bắt đầu sốt ruột, sợ viên đội trưởng con cà con kê hỏi mãi chuyện mưa nắng thời tiết, nhưng bỏ đi thì sợ mất lòng người đang có quyền. Viên đội trưởng chặc lưỡi than:

- Ngoài này lạnh quá. Đêm nằm co ro đắp hai lần chiếu vẫn cứ run cầm cập. Cái xứ gì...

An thấy hai con đứng chờ ngoài nắng quá lâu, đánh bạo nói:

- Ở đây về kinh thành đi ngã nào hở bác?

Viên đội trưởng sốt sắng đáp:

- Ngã nào chẳng được. Nhưng đường dò chớng hơn. Bà đi theo doi cát này đến phía sau xóm chài đó là gặp bến đò. Hỏi dò dọc về Phú Xuân ở đâu, vạ chài họ sẽ chỉ cho.

An bối rối, vì trong mình không còn một đồng tiền nào cả. Chị không dám thú thật điều đó, sợ viên đội trưởng làm khó dễ cho chủ thuyền mắt. An nói:

- Cảm ơn bác nhiều. Mẹ con cháu đi đây. Bác nói giúp với các quan cho phép thuyền mắt được trở vào Qui Nhơn. Mẹ con cháu quá giang ra đây biết họ lương thiện, không có ý xấu nào đâu.

An ra chỗ hai con đứng chờ, bé Thái liền hỏi:

- Có cha trong đó không mẹ?

An đáp:

- Phải đi dò lên Phú Xuân mới biết.

Thằng Phát thì hỏi:

- Có xa không mẹ? Đi bộ sao mẹ?

An lừ mắt nhìn con, trách:

- Hết cả tiền không đi bộ thì đi gì?

Nói thế nhưng chị cũng dẫn hai con ra bến đò. An tìm đến chỗ có đò xuôi lên Kinh Thành. Chị vợ chủ đò đang đay nghiến một người đi dò thiếu tiền bằng những lời lẽ tục tĩu nhất, bất chấp lời can ngăn của người chồng vạm vỡ đã khá đứng tuổi. An dậm ngại. Chị tủi thân, dẫn hai con đến ngồi thu mình ở một góc bến, bần khoản không biết phải xoay xở thế nào. Đò đã gần đầy. Chủ đò đếm lại tiền lần chót. Người chồng đã nhổ sào, nhưng người vợ bảo chồng chịu khó chờ một chị rồi quen đã dặn chỗ trước.

An đánh bạo đem cái áo lụa đến gặp người vợ, rụt rè nói:

- Ba mẹ con chúng tôi đi đường bị cướp sạch cả tiền bạc, chỉ còn một ít quần áo. Chị cầm lấy cái này thay tiền dò lên Thành nhé!

Người vợ chủ đò xem xét cái áo lụa thật kỹ, rồi nhìn cách ăn mặc dơ dáy lôi thôi của ba mẹ con, nghi ngờ hỏi:

- Của chị đấy à?

An nhìn xuống quần áo mình, đỏ mặt nói:

- Đi đường xa quá nên trông bẩn thỉu như ăn mày. Vâng, của tôi đấy.

Người vợ lại xem kỹ cái áo lụa, giơ lên mặt trời coi có bị vá hoặc bị lỗ dán nào không. Chị có vẻ thích chiếc áo, nhưng vẫn hỏi lần nữa:

- Không phải ăn cắp của ai chứ?

An cố nén giận đáp:

- Không. Của tôi mà!

- Có gì tôi nộp chị cho quan liền đấy. Tôi ghét nhất bọn ăn cắp dối trá. Thôi. Dẫn hai đứa nhỏ xuống liền để còn nhổ sào. Chịu khó để con nhỏ ngồi trên đùi để đỡ một chỗ. Cái áo cũ chỉ xứng giá hai chỗ thôi. Sao đến giờ mà con mẹ Sửu chưa ra? Lần sau ông phải dẫn trước nó. Chờ đợi thế này trễ cả buổi, làm sao chiều xuống kịp. Bà con cô bác ngồi yên nghe. Đò đầy quá, phải coi chừng. Xích lại chút nữa, chịu khó ngồi chặt cho bốn người sắp xuống kia.

Khách đi dò nhao nhao phản đối:

- Còn chỗ nào nữa mà xích. Thành mắt cá rồi!

Chị chủ đò đầu dũa:

- Còn chỗ mà bà con. Coi họ chạy te te xuống kia, tội nghiệp chưa! Không cho họ xuống, lỡ cả chuyện làm ăn của họ, tội nghiệp. Chị Bảy xô cái gánh ra một chút, bác Khánh ép giùm hai vế lại. Còn cái thằng này nữa (chị ta chỉ Phát), con cái nhà ai mà ngồi dềnh dàng thế? à, con cái chị kia hả? Mà còn nhỏ, đứng lên cho người lớn ngồi. Mà đi không tiền, còn ngồi choán hết chỗ người ta!

An tức quá, giả vờ đưa nón lên che nắng để thút thít khóc. Con Thái ôm cổ mẹ, meo máo hỏi nhỏ:

- Mẹ! Mẹ! Sao mẹ khóc?

*

* *

Đò Thuận An cập ngay bến chợ. Tấm ván bắc từ khoang đò lên bến quá mỏng, bạn hàng rồi tranh nhau lên trước để bán cá nên cầu ván quần hằn xuống, nhún nhảy dễ sợ. An vừa lo ôm bọc quần áo, vừa lo dìu con bé Thái. Đến khi lên được trên bờ, chị không thấy thằng Phát đâu nữa. Chị lo lắng nhìn quanh, không thấy tấm dạng thằng con trai ngỗ nghịch đâu cả. Người đi đò đã tản hết, chiếc đò tách bến để rước khách vòng về ở chỗ khác. Hai mẹ con dáo dác nhìn quanh, một lúc sau mới thấy Phát từ trong chợ chạy ra.

An giận quá, đánh cho con một bạt tai, hỏi:

- Mà chạy đi đâu?

Phát xoa xoa lên má, giọng ráo hoảnh:

- Con xách hộ giỏ tôm cho cái bà ngồi bên cạnh.

- Láo! Ai bảo mày thày lay. Mày theo xin tiền họ phải không?

Phát mỉm cười, đôi mắt ranh mãnh:

- Con không xin tiền. Nhưng mẹ đừng lo. Con có tiền đây!

An sợ hãi hỏi:

- Mà ăn cắp của người ta phải không? Ăn cắp của ai? Nói mau!

Phát đáp:

- Con lấy lại tiền đò của con mẹ tham lam đó.

An giờ hai tay lên trời than:

- Trời ơi trời! Chưa chi mày đã giở thói xấu xa rồi!

Phát cãi:

- Người ta xấu, mình phải xấu trở lại. Mụ lấy của mẹ cái áo lụa mà còn bắt con đứng không cho ngồi. Em Thái cũng không có chỗ nữa. Mua một chỗ đò mà phải trả nguyên một cái áo lụa sao!

Con lấy cái nôi đồng của mẹ đem vô chợ bán được mấy quan đây!

Vừa nói, Phát vừa rút trong bọc ra 1 quan 5 tiền kẽm. An giận dữ hất tay Phát. Tiền rơi cả xuống mặt đất ướt đầy bùn hôi và rác rến. Phát cúi xuống lượm tiền, rồi lẻo đẻo theo sau mẹ và em. An đi trước không thèm nhìn lại đứa con trai. Chị chưa biết phải đi đâu, cứ nhắm mắt bước về phía trước. Chị đi qua khu chợ ồn ào, đi qua những phố hẹp có bày hai bên lề đường đủ thứ đồ đạc, nào quần áo, coi trầu, liễn đối, ống điếu, chén bát sứ, đĩa ngà, ống nhổ, nói chung là đồ đạc quý giá của các thế gia vọng tộc hiện đã thất thế, con cháu thất nghiệp phải mang ra bán để sống qua ngày. An không chú ý gì đến bao nhiêu thứ của cải quý giá ấy, thất thủ bước qua, bước qua. Đến một chỗ có nhiều hàng quán cạnh khu chợ trời, ngửi mùi nem chả nướng tỏa ra thơm lừng, bé Thái nuốt nước miếng, rụt rè hỏi mẹ:

- Mẹ! Con đói lắm!

Bây giờ An mới nhớ sau bữa cơm sáng trên thuyền mắt, mấy mẹ con chưa ăn gì cả. An ái ngại vuốt tóc con, hứa hẹn:

- Để tìm được cha thì tha hồ! Con rán thêm chút nữa.

Thằng Phát ở phía sau đi nhanh bắt kịp mẹ và em, tay cầm ba cái bánh ú. Nó đưa cho em một cái, bảo:

- Ăn đi.

Con Thái nuốt nước bọt, liếc nhìn lên mặt mẹ, sợ sệt. An đưa tay áo lên quệt nước mũi, nói nhanh:

- Anh đã cho thì ăn đi.

Thằng Phát thấy mẹ bớt giận, van lơn:

- Mẹ cũng ăn đi. Tiền của mình, chứ của ai đâu!

An lừ mắt, nhưng không gay gắt như trước. Chị bảo:

- Mẹ không đói.

Con Thái ngần ngừ, cầm cái bánh ú, định bóc bánh, nhưng sau đó, nó mím môi, nói với mẹ:

- Mẹ không ăn, con cũng không ăn.

An vội bảo hai con:

- Thôi được. Đưa đây. Ăn cho no rồi đi hỏi thăm các đồn canh thử xem cha ở đâu.

Hai đứa nhỏ mừng quá vội bóc bánh ngặm từng miếng lớn. Chúng ăn gần hết mới thấy mẹ mới cắn vài miếng nhỏ, vừa ăn vừa nhìn mông lung phía trước phố, mặt buồn rười rượi. Con Thái lắc tay mẹ, giục:

- Mẹ ăn đi! Để con bóc bớt lá cho mẹ nhé?

An vội cắn thêm miếng nữa cho con yên tâm. Thằng Phát quăng bừa vỏ lá chuối ngay trước mặt, lấy chân dẫm lên trên, le lưỡi liếm môi ra vẻ còn thèm. Nó nhìn quanh, tìm nước uống. Nhưng thấy mẹ và em không tỏ dấu hiệu đồng tình, nó đành ngồi yên một chỗ. Phát gọi chuyện với mẹ:

- Ở đằng kia họ bán nhiều đồ sứ đẹp quá mẹ.

An trả lời cho có:

-Ừ!

- Với lại đồ đồng nữa. Thứ nào cũng sáng choang.

- Ừ!

- Con thấy mấy người lính nói giọng Quảng như mình đi mua đủ thứ. Họ có nhiều tiền ghê đi, mẹ. Con thấy một ông lôi ra một bọc lớn chừng này này. Toàn tiền là tiền. Mua khỏi cần trả giá.

- Mặc kệ người ta!
- Đồ đạc đẹp thế mà đem bán, uống quá, mẹ há?
- Con Thái lấy vạt áo mẹ chùi miệng, chen vào nói:
- Uống gì! Không có ăn thì đem bán đong gạo chứ! Phải thế không mẹ?
- Ủ! Hai con đã ăn xong chưa?
- Xong cả rồi, mẹ!
- Bây giờ đi tìm cha thôi! Gần chạng vạng rồi!

Thằng Phát chợt nhớ, đề nghị:

- Hay ta quay lại hỏi các ông mua đồ sứ người Quảng? Họ nhiều tiền thế, chắc có quen với cha!
- An bật cười vì lối suy luận nhanh gọn chính xác của con:
- Được. Mình trở lại chỗ đó đi.

*

* *

Ba mẹ con đến khoảng đường có chợ trời, thấy người ta đã lo dọn hàng ra về. Khách dạo mua đã thưa thớt hẳn. Đi quá về cuối phố, họ đến trước một tử điểm khá lớn, có một chiếc lồng đèn ngũ sắc dán bốn chữ Đệ Nhất Tử Lầu bằng giấy đỏ. Một nhóm khách từ trong tử điểm đi ra, người nào mặt cũng đỏ gay, cười nói bô bô. Mấy mẹ con cầm đầu lủi thủi đi qua, thu nhỏ người lại để giấu bớt vẻ tồi tàn của mình. Đám khách vượt qua họ đi về phía cổng thành. Người đi sau cùng nói giọng Quảng, gọi với mấy người đi đầu:

- Chờ chút đã. Chuyện bàn chưa xong, về làm gì vội!

Cả ba mẹ con đều giật mình. Đúng là giọng nói của Lợi!

An chưa kịp bảo gì, Phát đã chạy nhanh đến trước mặt người khách gốc Quảng. Nó mừng rỡ kêu to:

- Cha! Đúng cha rồi! Mẹ ơi. Cha đây này.

Đúng là Lợi thật. Anh ngỡ ngàng nhìn thằng bé ăn mặc tồi tàn, hôi hám. Dù hơi say, anh vẫn còn đủ trí khôn để nhận diện con mình. Quay phía sau, Lợi tìm thêm được vợ và con gái. Lợi sững sờ, há hốc miệng không nói được gì. Những người bạn của Lợi đã đi xa. Lợi chạy lui về phía An, thảng thốt hỏi:

- An? Có đúng là em không? Trời ơi! Em ra hồi nào?

Đột nhiên, An bật khóc nức nở. Lợi lính quính địu vợ và con gái tránh xa đường đi, sợ những kẻ tò mò chú ý. An khóc, không trả lời được. Bé Thái cũng khóc. Phát đáp thay mẹ:

- Mới xuống đồ hồi nãy đó cha!

Lợi nhìn một lượt dáng điệu tồi tàn uế oải của vợ con, như chưa tin ở mắt mình, hỏi lại:

- Sao đến nông nổi này? Có việc gì xảy ra thế?

An cố dằn cơn tủi thân, vừa thút thít vừa nói:

- Không trốn ra đây, ở trong đó cho nhà vua tống cả vào ngục sao? Anh ở ngoài này sung sướng, quên cả vợ con.

Lợi hiểu đây là lúc bất lợi nhất để biện bạch bất cứ điều gì với vợ, vội hỏi:

- Đã ăn uống gì chưa?

Phát đáp:

- Dạ đã ăn ba cái bánh ú!

Lợi hỏi vợ:

- Sao không vào dinh tìm anh ngay?

An đáp:

- Biết anh làm ở đâu mà tìm.

Rồi chị cố ý bi thảm hóa:

- Đã định tối nay tìm gầm cầu xó chợ nào đó để qua đêm, ngày mai lại ra chợ xin ăn qua ngày.

Lợi hốt hoảng:

- Thế à! Trời ơi! Bộ tiền bạc của cải bị nhà vua lấy hết cả sao? Mà làm cách nào ra được tận đây?

An đáp:

- Phải dốc hết túi ra mới xin quá giang được một chiếc ghe chở mắm. Đến Thuận an, không còn lấy một đồng kẽm rỉ.

Lợi hìn hìn mũi, cố đùa:

- Hèn gì từ nãy tới giờ anh ngủ thấy toàn mùi mắm ruốc. Thôi về nhà rồi hãy hay. Nhưng... nhưng không ổn rồi. Em với con ăn mặc thế này, về nhà bọn lính hầu nó thấy, sau này khó sai bảo. Anh có đến bốn thằng hầu đấy nhé. Bây giờ anh làm lớn lắm.

Mãi đến lúc đó, con Thái mới dám hỏi cha:

- Làm gì hở cha?

Lợi xoa đầu con gái, hớn hờ bảo vợ:

- Em đoán thử xem! Nhưng thôi. Chờ có sắc đã. Em ra đây đúng lúc lắm.

An mau mắn trở lại thực tế trước mắt, hỏi chồng:

- Mình về ngã nào?

Lợi do dự trước khi đáp:

- Thế này nhé. Em và con đứng đây để anh chạy đi mua quần áo mới thay đã. Vào tạm cái quán nhỏ kia gọi dọn cơm chiều, xin tắm rửa sạch sẽ, một chốc thôi, anh sẽ trở lại. Nhớ nhé. Các con chờ cha một chút thôi.

Lợi nói xong, xoa đầu con Thái, âu yếm nhìn vợ, rồi tất tả chạy đi. Ba mẹ con vào cái quán Lợi chỉ, chưa kịp gọi thức ăn thì Lợi đã dẫn mấy ông bạn rượu lúc nãy trở lại. An kinh ngạc định cúi gầm mặt xuống giả vờ như không quen biết chồng thì Lợi đã bô bô giới thiệu:

- Đây là nhà tôi. Đây là hai con tôi. Các bác đã tin chưa? Ba mẹ con bị vua Tây Sơn truy nã phải thoát thân trốn ra đây! Thân tàn ma dại như thế đó. Các bác tính sao thì tính.

Rồi đến gần An, Lợi nói:

- Mình, các bác đây đều là chỗ thân tình cả. Các bác định nhờ anh giúp đỡ để đem ghe bầu vào tận Đồng nai chở gạo về "giúp" cho dân Thuận Hóa. Công việc gần xong rồi! Bác đây là...

Lợi trở từng người giới thiệu với An. An vừa then vì vẻ xốc xếch tồi tàn của mình, lại vừa hãnh diện vì vai vế quan trọng của chồng, chị cố gắng lấy giọng kẻ cả, đoan trang nói:

- Quí ông thứ lỗi cho. Ba mẹ con trốn nạn, nên phải giả trang thế này. Phát, Thái. Con vòng tay chào các bác đi con!

Quả nhiên, bọn các lái Thuận Hóa tin ngay lời An. Họ xum xoe mời mọc mẹ con An về thăm nhà họ, đua nhau khen về "thông minh, kháu khỉnh, đài các, con nhà" của hai đứa bé.

Ba mẹ con được họ trân trọng thuê võng đưa về tận cửa thành Phú Xuân, như những mệnh phụ vương tôn giả trang vi hành thăm dân trở về.

*

* *

Lợi ở tại một ngôi nhà ngói trước đây là tư dinh của tả ngoại Trương Phúc Loan. Thời họ Trịnh

chiếm Phú Xuân, ngôi nhà này dành cho viên phó đốc thị ở. Do đó, sự sang trọng đã vượt quá dự tưởng của An.

Lợi đưa vợ vào nhà xong, liền quay ra đe bọn lính hầu:

- Bà đã ra rồi. Tụi bây liệu giữ mồm mép. Không được bép xép. Nghe chưa!

Bọn lính nheo mắt với nhau, gật đầu vâng dạ, Lợi quăng cho họ một túi tiền nhỏ, bảo:

- Mai uống rượu với nhau!

Trở vào nhà, Lợi thấy vợ con đã tắm rửa và thay quần áo xong. Mấy bộ quần áo mới bằng hàng

Tàu do bọn các lái mua biểu đều có màu sắc sỡ. An nói:

- Em không thích những màu này. Nhưng mặc tạm vậy!

Lợi vênh mặt bảo:

- Mai bảo chúng nó mua cho thứ khác. Này. Hồi chiều em nói hớ đấy. Anh cốt dẫn chúng nó đến gặp em, để...

An cắt lời chồng:

- Biết rồi. Anh tính toán quá, quên cả thể diện vợ con.

Lợi không ngờ bị vợ trách, vội nói:

- Sao lại mất thể diện! Chúng nó phải nhìn tận mắt mới tin. Vả lại...

- Thôi, đừng nhắc chuyện ấy nữa. Chùng nào Lãng về?

- Em hỏi gì thế?

- Không phải Lãng ở chung với anh à? Em vô tình quá, mãi đến bây giờ mới nhớ tới em.

- Lãng ở trong chính dinh. Thượng công có chịu cho hấn ra ở với anh đâu. Cũng may nhờ thế mà anh còn biết trước nhiều điều để tính.

An kinh ngạc hỏi:

- Thượng công? Anh Huệ à? Nhà vua đã phong vương cho anh ấy rồi, sao còn gọi Thượng công?

Lợi trề môi, lắc đầu:

- Sắp xảy ra lời thôi to đấy. Thượng công tự phong vương lấy, việc gì nhận tước vương của vua Thái Đức. Trong đó không nghe chuyện sứ bộ của Phú Xuân bị giết ở Trà cầu à? Làm như vậy là dứt tình dứt nghĩa. Sao? Các gia đình quen biết ở Qui Nhơn đều bị quản thúc cả phải không?

- Vâng. Nếu em không lách kịp, thì...

- Còn anh Kiên thì sao?

- Đến bây giờ anh mới nhớ đến anh ấy! Em cũng chẳng biết ra sao nữa. Trước khi trốn xuống chợ Giã, em có đến tìm, nhưng anh ấy đi vắng. Em không tiện nói với chị.

- Chắc anh ấy không việc gì đâu. Anh ấy xin nghỉ từ lâu. Nhà vua biết anh ấy vô hại. Hơn nữa, nghe đâu Đông Định vương tìm đến tận nhà thăm nom, hỏi han anh ấy luôn. Có đúng thế không?

- Vâng. Lãng có thường đến đây không anh?

- Ít lắm. Nó ghét đám bạn bè của anh. Vả lại, nó vừa đi Nghệ An về mấy hôm thôi.

- Thật à? Chuyện gì thế?

Lợi cười khì, giọng khôi hài:

- Nó đi cầu hiền. Cầu hiền thì có. Không biết lão đồ Kỷ xui khôn xui dại thế nào mà Thượng công vội sai thằng Lãng đi gấp ra Nghệ tìm ông lão hiền La sơn về đây làm thầy dùi. Không hiểu có mời được không? Bọn hiền khùng thì lúc nào chẳng làm cao! Có thể Thượng công mới sáng mắt ra!

An nhận thấy ngay trong chỗ thân tình, giữa vợ chồng Lợi vẫn một điều Thượng công hai điều

Thượng công, tránh không dám nói thẳng đến tên Nguyễn Huệ. Chị nhìn chăm chặp vào mắt chồng, lòng chua chát thất vọng. Lợi không hiểu vì sao tự nhiên vợ nhìn mình chăm chú, hỏi:
- Em sao thế?

An cười gượng, nói dối:

- Không. Em thấy hình như anh mập ra. Má phệ, cổ có ngấn.

Lợi xoa má, cười sung sướng:

- Còn hình như gì nữa! Ít hôm rồi em với các con cũng thế thôi. Em nghỉ cho khỏe vài hôm, rồi anh dẫn em vào ra mắt Thượng công, chắc Thượng công mừng lắm. Thượng công mà biết em ra thì...

An cau mày vì hai tiếng "Thượng công" trang trọng nơi miệng chồng, cắt lời của Lợi:

- Em có việc gì cần mà phải vào!

Lợi trở mắt nhìn An:

- Em nói gì thế? Phải rồi, em mới ra nên chưa hiểu uy thế lừng lẫy, sức mạnh vô địch của Thượng công. Cũng vì biết vậy nên anh không chịu vâng chiếu nhà vua trở về Qui Nhơn. Cả ông Bùi Đắc Tuyên cũng liêu ở lại Phú Xuân. Chắc nhà vua giận phát điên lên được. Nhờ Trời em ra được đây! Lâu nay anh mất ăn mất ngủ.

- Mất ăn mất ngủ nên mập ra!

Lợi biết đã nói hớ, cười khòa lấp:

- Không phải. Có lẽ anh hợp khí hậu Thuận Hóa. Đây!

- Gì nữa?

- Em rán ra mắt công chúa.

- Để làm gì?

- Để... để (Lợi cười trước khi tiếp lời) biết lá ngọc cành vàng Bắc Hà như thế nào. Chắc Thượng công cũng muốn em gặp công chúa. Tại vì... tại vì ai có của báu lại không muốn khoe khoang. An nhìn chồng, thương hại. Chị cảm thấy buồn vu vơ.

*

* *

Ngay sáng hôm sau, có lệnh của Thượng công cho vời An vào dinh. Lợi hí hửng đưa vợ đến thềm điện Chính tẩm, nhưng không vào với An. An ngạc nhiên hỏi chồng:

- Sao anh không vào?

Lợi đỏ mặt lúng túng đáp:

- Anh bận chút việc gấp. Vả lại, anh có được vời tới đâu.

An chau mày, nói:

- Anh không muốn vào thì thôi.

Sợ phải nghe vợ kèo nài thêm nữa, Lợi vội vã ra cổng. An đành phải theo hai người lính hầu bước lên thềm điện. Chị hồi hộp, chân lúu rúu bước đến nỗi suýt vấp ngã ở bậc thềm cuối cùng. An tự bảo mình: "Không nên lo âu. Không nên tỏ ra vẻ bối rối khấp nép quá đáng, anh ấy khinh cho. Dù thế nào, cũng phải giữ chút thể diện còn lại. Không biết nét mặt của mình có còn xơ xác ử rũ quá chăng? Mình đã muốn thoa tí phấn để che bớt da mặt xanh xao đi, nhưng tại sao cứ chần chờ! Có lẽ vì chính anh Lợi cũng thúc giục mình trang điểm, nên mình bực, làm ngược lại. Chắc mình chẳng khác một mục già nhà quê! Tóc tai bù rối này, da dẻ xanh xao này, quần áo quê mùa này, đi đứng thất thểu rụt rè này, lại sắp ăn nói ồm ồm nữa! Làm thế nào đây! Biết thế thì tìm có ở nhà, hẹn vài hôm nữa hãy vào. Bây giờ đã muộn rồi. Không kịp nữa! Không kịp nữa!

Anh ấy sẽ thất vọng, không, tuyệt vọng vì mình thân tàn ma dại quá lắm. Anh ấy sẽ tự nhủ: An đây à? Trời hỡi! Thế mà có thời ta yêu thương nàng! Cái thời niên thiếu dại dột ngu ngơ. May chưa có nhiều người ở Phú Xuân biết mối tình cũ của ta. Nếu họ biết, thì thật đẹp mặt. An đây sao? Có phải An không? Có phải An không?"

An lo lắng đến nỗi không chú ý gì đến cảnh vật trong điện. Chị chỉ có một nỗi lo lắng. Một câu hỏi khó: Biết cư xử sao đây?

Hai người lính hầu vẫn thản nhiên bước đều đưa An vào sâu trong điện. An có cảm tưởng họ đang dẫn An đến nơi xử trảm. Đến chỗ cửa có phủ trướng gấm, hai người lính dừng lại, thì thào nói gì đó với một người hầu khác. Người này liếc về phía An, rồi mỉm cười có vẻ mừng. An nghe người đó nói:

- Thượng công chờ đã lâu. Được rồi. Để tôi rước bà vào!

Hai người lính cúi thấp vái tay chào An, rồi quay trở ra. Đúng lúc đó, An thấy Nguyễn Huệ từ phía trong hiện ra trước tấm trướng gấm. Bất giác, An lùi lại một bước. Nguyễn Huệ mỉm cười, ôn tồn hỏi:

- Không có anh Lợi cùng đi với An à?

An đỏ mặt, nghĩ nhanh: Hóa ra anh ấy vẫn như xưa. Vẫn nụ cười đó. Vẫn cái nhìn vừa trêu mếu vừa khinh bạc đó. Vẫn giọng nói sang sảng chậm và chắc đó. Vẫn chéo tóc quần phủ xuống mép trán đó, sau bao nhiêu năm! An chưa biết phải nói gì, thì Nguyễn Huệ đã bảo:

- An vào đi. Nghe anh Lợi báo tin, tôi mừng quá.

À ra thế! Lợi tìm có đi từ sáng sớm, là vì thế. An cảm thấy vị chát ở đầu lưỡi, hơi thở gấp, khi lặng lẽ theo Nguyễn Huệ bước vào phía trong.

Chị chóa mắt trước cách bày biện trang nhã và đơn giản của căn phòng. Màn trướng đều là gấm vàng nhạt, giữa phòng kê hai bộ tràng kỷ gỗ gụ và một cái bàn thấp bày sẵn coi trà và khay bạc đựng bốn chén nước trà. Khói bốc lên trên từng chén trà chứng tỏ Nguyễn Huệ vừa sai lính hầu pha trà sẵn để đón An.

Nguyễn Huệ trở cái tràng kỷ phía trái mời:

- An ngồi xuống đó đi. Các cháu vẫn mạnh khỏe chứ?

An cố dần xúc động, đáp:

- Cảm ơn... cảm ơn Thượng công. Hai cháu không quen đi biển, nên...

Nguyễn Huệ cười, hỏi tiếp:

- Sao lại gọi tôi là Thượng công. Cứ xưng hô như xưa cho tiện. Nghe anh Lợi bảo ba mẹ con phải trốn lên thuyền chở mắm. Thơm lắm nhỉ. Thơm y như cây hoa gạo dạo nào!

An bật cười khi nghe Huệ nhắc kỷ niệm An Thái. Như một phép lạ, từ đó chị trở nên bình tĩnh, dạn dĩ hơn. An che miệng nói:

- May mà tìm được chiếc thuyền chở mắm ruốc ra cửa Hội, nếu không thì...

Nguyễn Huệ nghiêm mặt nói:

- Không hề gì đâu. Nhà vua nghe ông Nhật nên vội vã thế. Sau này nhà vua phải nghĩ lại. Cả Qui Nhơn xao xác vì lệnh quản thúc chứ gì?

- Vâng ạ.

- Anh Lợi kể An phải dỡ hết tư trang chủ thuyền mới liều lĩnh đưa ra cửa Thuận, phải không?

An se lòng, nghe Nguyễn Huệ cứ nhắc đi nhắc lại mãi tên chồng. Chị đưa tay phải lên vuốt lại mái tóc, rồi kéo vạt áo lụa. Nguyễn Huệ không chờ An trả lời, nói tiếp:

- Chắc Lãng mừng lắm. Mấy tháng nay, hễ gặp là nhắc đến An. Tiếc là khi anh Lợi vào báo tin,

Lăng đã có việc tới nhà quan Trung thư lệnh.

An nói thầm: "Lại nhắc đến Lợi! Mọi sự đã hết rồi sao? Anh ấy muốn nhắc cho mình nhớ phải không?" Một ý tưởng tò mò chợt đến. An đỏ mặt, liếc nhìn Huệ rồi cúi mặt, hỏi:

- Công chúa vẫn khỏe chứ ạ?

Nguyễn Huệ bị hỏi bất ngờ, lúng túng như người phạm tội bị bắt quả tang:

- Vâng...công chúa vẫn thường. Không...công chúa không được khỏe lắm.

An vội hỏi:

- Công chúa bị mệt?

Nguyễn Huệ càng ngượng hơn, ấp úng đáp:

- Không. Không phải bệnh. Tại vì...

nói đến đó, Nguyễn Huệ dừng lại. An cảm thấy Nguyễn Huệ muốn giấu điều gì, nên không tiện hỏi thêm. Chị xin cáo từ. Nguyễn Huệ ngập ngừng, nửa muốn giữ khách lại để hỏi thêm tin tức

Qui Nhơn, nửa muốn An ra về để khỏi phải lúng túng, áy náy. Nguyễn Huệ nói:

- Chắc An còn say sóng chưa được khỏe. Hôm khác sẽ xin mời cả các cháu đến đây cho biết.

An ra về với tâm trạng hoang mang, không rõ mình đang vui hay đang buồn. Lợi đón vợ ở cửa điện lo lắng hỏi:

- Có nhớ nhắc chuyện đó không?

An quên bẵng không nhớ Lợi nhắc mình điều gì, nhưng đáp bừa:

- Có.

Lợi hân hoan hỏi thêm:

- Rồi Thượng công nói sao?

An phải tiếp tục nói dối:

- Ông ấy bảo để xem đã!

Lợi đổi ngay nét mặt, lăm bắm:

- Để xem đã! Lạ quá! Hay có thằng thối mồm nào chen vào rồi! Để xem đã! Này, hôm nào em phải vào gặp Công chúa mới được.

(1) Tây Sơn sử truyện, bản chữ Hán chép tay, tờ 10b.

(2) Thư Longer gửi cho Boiret 3-5-1787. (RI, XIV, 1910, trang 46.) "Ông (Nguyễn Huệ) bắt tất cả mọi người đều phải ra trận... từ 15 đến 60 tuổi".

Chương 76

Nguyễn Huệ chỉ cố giữ được vẻ mặt bình tĩnh hiền hòa trong khi tiếp An. Đưa An về xong, ông ra căn phòng tiền sảnh nơi ông làm việc với một nét mặt khác, dáng điệu khác. Ông đi đi lại lại một mình trong phòng, đầu cúi xuống, dăm chiêu. Mảng tóc quăn rũ xuống che mất con mắt phải mà Nguyễn Huệ vẫn không buồn vuốt lên. Trong phòng hoàn toàn im lặng. Một lúc sau, Ông đến chỗ lọ sứ cổ cao, rút lá thư của La sơn phu tử lăm nhăm đọc lại, không biết là lần thứ mấy.

Nguyễn Thiếp phúc đáp như sau:

"La sơn, Nguyệt ao, tiện sĩ Nguyễn Khải Xuyên dâng Đại nguyên súy xét soi: Đầu năm nay, ngày mừng 4, tiếp được hai quan bộ binh và bộ hình của quý quốc đem một phong thư tới đón và cho vàng cùng lụa màu. Những ủy khúc rõ ràng. Mở thư cung kính đọc, lời ý đều hiểu hết. Trộm nghĩ: Tiện sinh này tính chất ngu lậu, tài năng học thuật không có gì hơn người. Chỉ vì có nhiều bệnh, trộm gửi thân ở chốn lâm tuyền. Bình sinh chỉ giảng tập các sách Tứ Thư, Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Còn nhâm, độn, thao, lược, binh pháp, võ nghệ đều chưa học. Quý quốc ở xa, mới nghe tiếng đồn về tiện sĩ, còn lẽ bởi đâu và thế nào, sợ chưa biết hết sự thực. Lễ hậu này, xưa nay chưa thấy; mà lại khứng cho kẻ già yếu ở chốn lâm tuyền! Lòng yêu lành chuộng sĩ ấy, người tầm thường đâu có nghĩ tới. Tôi xét ra tự thấy có nhiều chỗ thiếu, nên cảm mà thẹn thùng khôn xiết. Nhưng lấy nghĩa mà cân nhắc, thì tôi không ra có ba lẽ: Lượng sức, dò phận, trên không dám mong được như Y Khương; dưới không sánh kịp Gia Cát. Gặp thời tiết gió bụi, nếu ra làm việc thì tay run, chân rối. Rốt cuộc, ắt làm lầm nhà nước, nhục cha mẹ. Không ra, đó là lẽ thứ nhất.

Từ xưa, con đầu không ra làm quan. Huống chi, cha mẹ, anh em tôi đều mất. Nhà thờ, phép nhà, cốt ở một tôi. Không ra, đó là lẽ thứ hai.

Lệ xưa, làm quan bảy mươi tuổi về hưu. Bản triều trọng kẻ già, nên sáu mươi lăm tuổi đã cho viện lệ xin nghỉ. Đáng về mà lại ra, thì sẽ mang tội rất nặng. Không ra, đó là lẽ thứ ba. Mang ba điều không tốt, đối với nhà nước không ích được mảy may. Dốt nát, vụng về rất mực. Như thế sao mà xứng với tấm thịnh tình của Đại nguyên súy.

Đạo thư mời, năm nén vàng, hai tấm lụa, tôi nhất thiết không dám nhận, xin kính cẩn gửi cho ông Phan Khải Đức đưa giả y nguyên, để giúp một ít vào việc phí khao thưởng quân sĩ.

Xin Đại nguyên súy lượng cho.

Tiện sĩ Nguyễn Thiếp xin trả lời.

Cảnh Hưng thứ 48, tháng giêng ngày mồng chín. (1787)

Nguyễn Huệ lấy bút khoanh vòng mấy chữ quý quốc, bản triều, đáng về và Cảnh hưng thứ 48; trong khi đưa ngọn bút lông trên tờ thư tay ông run run, môi mím lại. Nguyễn Huệ lăm bắm:

- Quí quốc! Bản triều! Cảnh hưng thứ 48! Vẫn cái điệu hát trung quân cũ kỹ nhàm tai! Đến bao giờ họ mới chịu quẳng mấy cuốn sách cũ gián nhấm, để nhìn thẳng vào việc đời?

Tên lính hầu sẽ sàng nhón bước đến gần bẩm báo là có quan Trung thư lệnh xin ra mắt.

Nguyễn Huệ nghe một cách lơ đãng. Người lính tướng chủ tướng nghe chưa rõ, run run nhắc lại lần nữa. Nguyễn Huệ đặt lá thư xuống kỹ, ngược mắt nhìn lên. Trước mắt ông, hình ảnh tên lính hầu nhòe ra, phải một lúc lâu, ông mới nhìn rõ được vẻ mặt ngượng nghịu, cử chỉ lúng túng của anh ta. Nguyễn Huệ hỏi:

- Ông ấy đến hồi nào?

- Dạ bẩm Thượng công, mới đến thôi!

- Ra mời vào.

Trần Văn Kỷ và Lãng bước vào nơi làm việc của Nguyễn Huệ. Lãng chấp tay nghiêng người chào chủ tướng định quay ra, thì Huệ đã gọi:

- Ở lại chút đã. Cô An vừa ra, cậu biết chưa?

Lãng ngơ ngác hỏi:

- Thưa An nào ạ!

Nguyễn Huệ cười:

- An chị cậu mà cậu không biết à?

Lãng ngạc nhiên quá, quên cả lễ nghi, hấp tấp hỏi:

- Chị ấy ra hồi nào? Sao anh biết?

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần Văn Kỷ, nghiêm mặt đáp:

- Cả gia đình đã trốn ra đây hôm qua. Cậu có thể về để đi thăm đi. Cô ấy vừa đến đây lúc nãy. Tiếc là không có cậu.

Lãng mừng quá, quên cả chào kính trước khi lui, quay gót tiến ra phía cửa. Nguyễn Huệ chờ cho Lãng đi khỏi, mới lặng lẽ đưa lá thư của La sơn phu tử cho quan Trung thư lệnh.

Trần Văn Kỷ e ngại chưa dám đọc ngay, rụt rè hỏi:

- Thư của ai thế, bẩm Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

- Ông cứ đọc đi đã. (Nguyễn Huệ gọi Trần Văn Kỷ bằng "ông" từ vài ngày gần đây)

Trần Văn Kỷ lễ phép nói:

- Xin phép Thượng công!

Rồi mới cúi xuống đọc. Trong khi Trần Văn Kỷ nhú mày đưa xa tờ giấy đọc kỹ lá thư của La sơn phu tử, Nguyễn Huệ lấy cán bút gõ nhẹ nhẹ lên mặt kỹ, chờ đợi. Quan Trung thư lệnh đọc một lần, rồi hai lần. Khi biết chắc Trần Văn Kỷ đã đọc xong, Nguyễn Huệ hỏi:

- Ông có chú ý mấy chữ ta khoanh vòng không?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Thưa có.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, rồi chua chát nói:

- Ông thấy không? Ta nói có sai đâu. Trong đầu óc của từng nhà nho cả trong nam lẫn ngoài bắc đều có một lũy Thầy. Họ không thể nhìn qua khỏi được vách lũy. Quí quốc! Bản triều! Đến bao giờ họ mới dám đứng trên mặt lũy để nhìn cho xa chút nữa?

Trần Văn Kỷ trầm ngâm rồi nói:

- Có lẽ chẳng bao giờ cả!

Nguyễn Huệ liền bảo:

- Như vậy thì việc gì ta phải cầu cạnh đến hạng ấy!

Rồi Nguyễn Huệ đưa cánh tay có vết sẹo cho Trần Văn Kỷ xem, hỏi:

- Ông có biết ai gây cho ta vết thương này không?

Trần Văn Kỷ tò mò quan sát vết sẹo thâm tím dài khoảng hai lóng tay ở cánh tay trái của Nguyễn Huệ, lắc đầu. Nguyễn Huệ nói:

- Một tên trung thần của họ Nguyễn Gia Miêu đấy. Hắn liều chết để tỏ lòng trung với ai, ông biết không? Với một tên con nít dâm loạn do quốc phó Trương Phúc Loan dựng lên ở đây, ngay tại chỗ chúng ta đang ngồi. Với Duệ Tôn đó! Lòng trung theo kiểu ấy chẳng khác gì một điều ngu xuẩn. Ta chưa được đọc nhiều kinh sử, nhưng nhất định Khổng phu tử không dạy những điều cố chấp ngu xuẩn như vậy!

Trần Văn Kỷ lại cảm thấy bị chạm tự ái. Ông nhìn thẳng vào Nguyễn Huệ, chậm rãi đáp:

- Thượng công nói như vậy thật đúng với bọn hủ nho, nghĩa là đối với phần lớn sĩ phu nam bắc. Đừng nói chi đến hạng tiểu nhân võ vẽ dăm ba câu kinh truyện làm kế sinh nhai hoặc lừa bịp thiên hạ để cầu danh. Ngay cả những bậc học rộng, hiểu nhiều, có đạo đức như La Sơn phu tử cũng tự cảm thấy khó thích nghi với đời. Trong thư, Lục Niên tiên sinh thú nhận "lượng sức, dò phận, trên không dám mong được như Y Khương, dưới không sánh kịp Gia Cát. Gặp thời tiết gió bụi, nếu ra làm việc thì tay run, chân rối. Rốt cuộc, ắt làm làm nhà nước, nhục cha mẹ". Lục Niên tiên sinh không nói nhún chút nào. Sự thực như vậy. Kẻ sĩ khi gặp cảnh gió bụi hầu hết đều tay run, chân rối như lời Lục Niên tiên sinh thôi! Giao cho việc cầm quân ư? Không có cái bạo lạnh lẽo của đám võ biên. Đối đời thiên hạ cho loạn thành bình ư? Không dám động đến cái đã có sẵn, sợ gây đổ vỡ và đau thương, không dám dẫm lên một ngọn cỏ thì làm sao dám phát bừa, phá bụi vạch đường mới? Với kẻ gian hùng thì không đủ gian để đánh đối. Với kẻ cố chấp thì không nỡ nói nặng, vì chính họ cũng là một kẻ cố chấp. Họ phải bám vào một chút cố định nào đó làm vốn liếng tin tưởng và chịu đựng cuộc sống, như lũ trẻ thơ ra chợ sợ lạc, bám vào gấu quần mẹ. Bảo họ gạt bỏ chút cố định còn lại đó để xây dựng một cái hoàn toàn mới chưa chắc chắn, khó lắm. Cho nên dù biết cả vua Lê lẫn chúa Trịnh đều chẳng ra gì, nhưng thà làm dân bản triều còn hơn làm quan quý quốc.

Tuy thế, không phải họ không cần thiết. Họ là tầng lớp tượng trưng cho truyền thống. Có họ, thiên hạ tuy cực khổ nhưng yên lòng, vì cảm thấy còn được nối liền với quá khứ, tổ tiên. Thiếu cái truyền thống ấy, dù ta mạnh, ta nắm quyền sinh sát, nhưng quyền uy của ta vẫn bị xem là bạo lực, là... là...

Trần Văn Kỷ định nói "mán mọi, rùng rú" nhưng sợ khiến Nguyễn Huệ nổi giận, nên ngưng nửa chừng. Nguyễn Huệ đoán được ý viên Trung thư lệnh, cười ha hả bảo:

- Là "vong mạng, vô lại, trộm cướp, mán mọi" chứ gì! Ta đã nghe nhiều người nói như thế rồi. Ông chớ ngại. Nhưng này, truyền thống là cái gì? Có cao cả ghê gớm lắm đâu! Đó chỉ là thói quen lâu đời! Ngay như việc chúa Trịnh hiếp vua Lê, nếu lấy chữ nghĩa thánh hiền mà xét, thì trái mười mươi ra chứ! Nhưng vì chuyện hiếp đáp ấy đã kéo dài suốt hai trăm năm, nên thiên hạ xem chuyện xấu xa ấy là truyền thống đáng kính, đến nỗi có kẻ dám tự chôn mình để được tiếng trung thần như Lý Trần Quán. Bỏ cái thói quen ấy đi, trở lại từ đầu, xem nhà Trịnh có gì nào? Thái vương Trịnh Kiểm hả? Ta nghe chỉ là một tên vô lại chuyên phá làng phá xóm, đến nỗi láng giềng ai cũng kêu rêu ghét bỏ, mẹ hắn chết làng xóm không thém chôn mà vứt xác xuống cái ao nước thối. Ông muốn có truyền thống để khỏi mang tiếng "vong mạng, mán mọi" chứ gì? Thì ta hãy tạo ra một truyền thống mới, bắt đầu từ bây giờ.

Trần Văn Kỷ lúng túng trước ý kiến dứt khoát mà hợp lý của Thượng công. Nhưng viên Trung thư lệnh cũng cố vót vát sĩ diện nhà nho. Ông nói:

- Lập một truyền thống mới không đơn giản. Trước hết, phải cần có một thời gian khá lâu, như một triều đại phải trải qua nhiều đời. Thứ nữa, bậc sáng nghiệp phải có tài đức, hoặc mưu chước để nắm giữ quyền hành. Đã thế, còn cần phải biết thuyết phục để được nhóm người chọn lọc vốn đã được thiên hạ tôn trọng từ đời cũ ủng hộ. Đối với những người này, không thể lấy bạo lực hoặc mưu chước để ép buộc được. Khi đã thuyết phục được tầng lớp chọn lọc tượng trưng cho truyền thống này rồi, ta mới dùng uy quyền để ép buộc đám đông còn lại chấp nhận "cái lý" đưa ra, như lâu nay mọi người đều phải nghĩ ai chống lại nhà vua thì đáng bị chém bêu đầu và tru di tam tộc. Lúc cái lý này vừa được ban bố, chưa hẳn đã có nhiều người tin theo. Không tin mà không nói gì cả, không chống lại bằng hành động thì cho tạm yên. Ngược lại, đem đóng gông, hạ ngục hay chém đầu. Làm như thế vài ba đời "cái lý" trở thành truyền thống, đủ mạnh để hể chấu chặt bất tài của một tên vô lại như Thái vương Trịnh Kiểm mà chết, thì có hàng nghìn, hàng vạn Lý Trần Quán mua quan tài, mua vải liệm tự chôn để được chữ trung thần.

Trần Văn Kỷ nói một thôi dài, Nguyễn Huệ chăm chú lắng nghe, đôi mắt chăm chăm nhìn vào miệng viên Trung thư lệnh như muốn hứng lấy từng tiếng, không để rơi tiếng nào. Trần Văn Kỷ nói xong, khuôn mặt Nguyễn Huệ trở nên trầm tư. Theo thói quen, ông lại đưa ngón tay lên quẹt ở đầu mũi, rồi vuốt lại mảng tóc quăn ở góc trán.

Một lúc sau, Nguyễn Huệ gật gù một mình, rồi bảo:

- Phải! Thế là phải! Giải quyết xong việc Qui Nhơn, ông nhớ viết thư cho Lục Niên tiên sinh một lần nữa. Lần này ông ấy trả luôn cả thư mời, tức là dứt khoát từ chối. Lần sau, thế nào cũng khá hơn.

Trần Văn Kỷ vội hỏi, lòng vừa mừng, vừa lo:

- Việc Qui Nhơn là việc gì, thưa Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

- Vụ sứ bộ bị giết ở Trà Câu ông biết rồi chứ? Nay được thêm tin nhà vua đã ra lệnh giam thân nhân các tướng theo ta, và phong tỏa các đường giao thông thủy bộ. Qui Nhơn đang chuẩn bị chiến tranh. Máu chảy ruột mềm, dứt tình nghĩa với nhà vua ta đau xót lắm. Nhưng không có cách nào khác. Kéo dài nhì nhằng thế này, một là Thuận Hóa sẽ suy sụp vì đói và bị chiếm, hai là... hai là như ông nói, tầm mắt thiển cận của Qui Nhơn sẽ thành truyền thống mà thôi!

Trần Văn Kỷ cố che giấu sự sung sướng vì Phú Xuân đã trở thành trung tâm quyền lực, giả vờ lo âu hỏi:

- Nhưng còn gia quyến của Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

- Ta hiểu rõ tính nhà vua. Không bao giờ nhà vua liều lĩnh đặt hết vốn liếng vào một canh bạc chưa chắc ăn. Nhà vua phải thấy các tướng tài và các đạo quân tinh nhuệ đều ở lại đây cả. Ta không ưa bài bạc, nhưng chuyện này ta đánh một ván bài liều lĩnh nhưng có tính toán. Ông soạn gấp cho ta một bài hịch đi!

*

* *

Trần Văn Kỷ hối hận vì không từ chối dứt khoát ngay buổi sáng. Ông loay hoay mãi chưa thảo được bài hịch. Hết vò xé tờ giấy này đến tờ khác, viết được vài câu đã thấy hoặc chưa đủ mạnh

để phải dốc toàn lực của Thuận Hóa kéo vào Qui Nhơn đánh một trận sống mái, hoặc quá mạnh trở thành xác xược, hỗn láo đối với vua anh. ở đâu mới đạt được thể trung dung? Khó quá.

Nếu tờ hịch dựa trên tình nghĩa anh em thì không có chữ nghĩa nào biện minh được chuyện đưa quân vào uy hiếp Hoàng đế thành. Lỡ đến một lúc nào đó, tình máu mủ ruột thịt đủ mạnh để binh đao xếp lại, thì số phận kẻ viết hịch sẽ thế nào? Còn nếu muốn viện đến một mục tiêu cao cả hơn, phóng khoáng hơn, cần thiết hơn cả tình ruột thịt, mục tiêu có thể xốc dậy cả một khối lớn dân chúng lâu nay chịu bao tai ương của chinh chiến thì mục tiêu ấy là gì? Trần Văn Kỷ biết ý Thượng công là muốn nêu cao lẽ nhất thống. Nhưng nhất thống thế nào được? Vua Lê hãy còn ở Thăng Long. Vua Thái Đức ở Hoàng đế thành. Thiên hạ hiện chia hai trên danh nghĩa, và chia tư trên thực tế. Bốn trung tâm quyền lực là Thăng Long, Phú Xuân, Qui Nhơn và Gia Định. Muốn thống nhất thì một mình Phú Xuân phải phá đổ ba trung tâm quyền lực kia. Liệu Phú Xuân có kham nổi không?

Đây là một câu hỏi đã từng dày vò Trần Văn Kỷ nhiều đêm. Ông chịu ra cộng tác với Nguyễn Huệ, sẵn sàng chấp nhận lời thị phi của bọn bạn bè cố chấp, chỉ vì cái thao thức thường thấy ở những người đã luống tuổi: tình quê hương. Chim bay mỗi cánh thì nhớ tổ. Trần Văn Kỷ tự thấy mình đã già yếu, nên muốn được thấy một Thuận Hóa trù phú phồn thịnh và nhiều quyền uy khi mình còn được sống nốt tuổi trời. Ông đã không chọn làm người để gửi gắm ước vọng đó. Qua mấy tháng gần gũi với Nguyễn Huệ, ông nhận thấy viên tướng trẻ 35 tuổi này vừa có sự thâm trầm chín chắn của một người từng trải, lại vừa có cái gan dạ liều lĩnh của một thanh niên, có cái bộc trực của dân lao động, lại có sự tế nhị của kẻ ăn học. Gặp được một người như vậy, Trần Văn Kỷ tự xem mình là kẻ may mắn, ông tin đó là thiên mệnh. Ý Trời đã muốn cho Nguyễn Huệ gặp ông, thì nhất định ý Trời cũng muốn Phú Xuân trở thành kinh đô của một nước Nam thống nhất.

Những khao khát thầm kín đó, có thể viết lên giấy, truyền bá khắp thiên hạ được không? Không! Chính Trần Văn Kỷ đã dài dòng bàn luận với Nguyễn Huệ sáng nay về hai tiếng truyền thống. Ông muốn phá đổ một lượt ba thứ truyền thống hay sao? Ai sẽ theo ông? Phá xong thì dựa vào đâu để dựng lên một truyền thống mới? Ôn lại sử sách, Trần Văn Kỷ nhận thấy các nhà sáng nghiệp đều dựa vào cái công chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc để chính thức thiết lập một triều đại mới. Những kẻ vượt ra ngoài thông lệ đó đều thất bại, bị đời gán cho cái tiếng oán đoạt như họ Hồ, họ Mạc.

Viết gì đây? "Bất cập" hay "thái quá"? Trần Văn Kỷ thức đến khuya, nghiên mực đã khô, đèn đã hết dầu mà tờ giấy trước mặt vẫn còn trắng. Đến cuối canh ba, mệt quá, ông gục đầu xuống bàn ngủ quên cho đến sáng!

*

* *

Lã đến thăm chị và các cháu nhưng không gặp ai ở nhà cả. Người hầu gái Lợi vừa thuê cho biết bà chủ vừa dẫn các con đi ra phố mua sắm một ít quần áo và đồ đạc. Ngồi một mình, Lã tò mò quan sát một vòng cách bày biện trong nhà. Anh thấy so với lần đầu tới thăm chị, quang cảnh chung có vẻ tươi tắn, ngăn nắp, sạch sẽ hơn. Nhà của viên phó đốc thị dĩ nhiên không sang trọng bằng lúc quan quốc phó Trương Phúc Loan ở. Khi Phú Xuân bị tấn công, một số bàn ghế, màn trướng bị dân chúng ùa vào hôi của, nên khi Lợi đến nhận, nhà chỉ còn cái vẻ bề ngoài. Lợi lấy cửa kho sai thợ sửa sang lại, nhưng không chú tâm nhiều đến các tiện nghi, sao

cũng được. Phải chờ bàn tay người nội trợ như An, căn nhà mới đẹp đẽ, gọn gàng và trang nhã được như hiện nay.

Lãng đợi độ một khắc thì ba mẹ con An trở về. Thấy có cậu Lãng đến thăm, hai đứa bé mừng rỡ, a vào ôm lấy Lãng. Con Thái hỏi:

- Cậu đã lên chùa Thiên Mụ chưa?

Còn thằng Phát thì hỏi:

- Cậu đã thử bơi từ bên này qua bên kia sông chưa? Cháu thấy nước sâu quá, chưa dám thử. Hôm nào cậu cháu mình bơi thi đi!

Lãng trả lời con Thái trước. Anh nói:

- Chùa Thiên Mụ à? Tại sao không dung cháu hỏi thế?

Con Thái liếc về phía mẹ, le lưỡi ra vẻ sợ sệt, nói nhỏ:

- Mẹ vừa dẫn hai đứa cháu lên chùa tạ ơn Trời Phật đấy. Chùa lớn ghê hả cậu. Cao lớn hơn cả chùa Thập Tháp trong mình.

Thằng Phát xô con Thái ra, hỏi Lãng:

- Sông sâu được một con sào không cậu? Nước không chảy, chắc khỏi sợ sóng phải không cậu?

An từ nhà sau ra, xua các con:

- Hai đứa đi chơi để mẹ hỏi cậu chuyện này đã.

Con Thái phụng phịu. Thằng Phát nấn ná chờ xem mẹ có thay đổi ý kiến, hoặc cậu có giữ lại hay không. Thấy hai người lớn không nói gì cả, chúng đành dắt nhau ra sân xem các chú lính hầu trồng hoa.

Chờ cho các con đi khỏi, An mới hỏi Lãng:

- Từ sáng đến giờ đi đâu cũng nghe hịch, hịch. Hết đọc hịch dán ở khắp nơi, lại nghe đọc ở cổng chùa. Chị không hiểu gì cả. Thế là thế nào? Em đừng bảo là chưa biết gì về bài hịch đó.

Lãng buồn rầu rút một tờ hịch trong bọc áo ra đặt lên bàn, nói:

- Em có đem về cho chị một bản đây. Như vậy là chị đã được đọc trước rồi.

An thẳng thốt hỏi:

- Ai thảo bài hịch này thế? Không lẽ em?

Lãng vội nói:

- Không. Không phải Lãng đâu!

- Chị không dám đọc lại nữa. Ghê gớm quá! Không tin được. Chị không tin chính anh ấy thảo bài hịch này, hoặc nói các ý chính cho một người nào đó soạn. Dù sao chẳng nữa, nhất định anh ấy phải đồng tình với người soạn hịch. Làm sao có thể dùng đến những chữ "sài lang", "cẩu trệ"? (1) Với lại những gì "khinh suất, can không nghe" nữa!

Lãng cầm bài hịch đọc đoạn An vừa nhắc:

- ... "Không có tội nào to bằng tội giết vua, nhưng nếu khinh suất can gián mà không nghe, ắt phải truất xuống, vì là quan hệ đến sự an nguy của muôn đời" (2)

- Ấy đấy! Dù gì đi nữa thì cũng là anh cả. Sao nỡ dùng những tiếng thậm tệ như vậy để viết hịch?

Lãng tò mò hỏi An:

- Anh Lợi có nói gì không?

An đáp:

- Hịch mới được truyền sáng nay. Còn anh Lợi thì có việc đi từ tỉnh sương nên chị chưa biết anh ấy nghĩ gì. Chị đoán anh ấy không nghĩ gì rắc rối đâu. Một lần nói chuyện bất hòa gay go

giữa nhà vua và anh Huệ, anh Lợi bảo: "Nhà vua hết thời rồi. Kẻ nào nhìn xa thì phải mau mau bỏ Qui Nhơn ra đây, chậm thì không kịp hối". Anh ấy nói toàn giọng lưỡi của lão cống Chính.

Chị buồn ghê lắm. Còn em thì sao?

Lãng dè dặt đáp:

- Em hả? Em cố tin ở cái gì cao cả để nuốt cho trôi những thứ trái đắng.

An nhúu mày hỏi:

- Thế là thế nào?

- Chẳng hạn em cố tin ở điều bài hịch gọi là "quan hệ đến sự an nguy của muôn đời". Nếu thật cần phải làm cho thiên hạ sống yên vui đến muôn đời, thì cũng có thể cắn răng dứt bỏ tình anh em.

An phản đối:

- Nhưng tình anh em là điều có thật, là điều rõ ràng như có thể đếm được bàn tay có năm ngón; còn "quan hệ đến sự an nguy của muôn đời" là cái gì? ra sao? méo hay tròn? ai mà biết được! Ai thảo bài hịch thật khéo mồm khéo mép! Ai thế? Nghe nói anh Huệ tìm được một quân sư tài giỏi lắm phải không?

Lãng vội đáp:

- Chị muốn nói quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ chứ gì? Không! Bài hịch này do quan lại bộ Hồ Đồng soạn.

- Hồ Đồng? Ai vậy?

- Một thuộc hạ của Nguyễn Ánh, bị bắt ở tận Đồng Tuyên trong Gia Định.

An mừng rỡ vì tìm được cái cớ biện hộ cho Nguyễn Huệ:

- Hèn gì! Hẳn cố soạn cái giọng ấy để tăng công chuộc tội đấy mà! Có điều chị không hiểu, là tại sao dân Thuận Hóa có vẻ hí hửng quá! Chị đi đâu, trên chùa, ngoài phố, ở chợ, đâu đâu cũng thấy thiên hạ bàn tán vui vẻ, như sắp vào Qui Nhơn ăn cỗ. Bọn trai tráng lũ lượt đua nhau tòng quân. Kể cả bọn con nít chưa tới mười lăm tuổi cũng van nài cho được sung quân. Dĩ nhiên người nặng gánh gia đình thì lo âu ra mặt. Còn bọn trẻ thì... Tại sao thế?

Lãng cười nhỏ, cố giải thích:

- Có gì đâu. Chị hãy ở vào hoàn cảnh dân Thuận Hóa. Bao nhiêu năm ở dưới ách tham bạo của tên quốc phó Trương Phúc Loan, rồi hơn mười năm tiếp tục sống nhẫn nhục dưới ách cai trị hà khắc của họ Trịnh. Sống như thế thì vào lính đi đánh nhau với bất cứ ai, ở bất cứ nơi nào cũng đáng mơ ước. Vì dù sao cũng còn có một niềm hy vọng đổi đời.

An lắc đầu:

- Những cái đó phức tạp quá, phải bóp trán, cau mày, mới hiểu nổi. Cũng giống như phải cố tưởng tượng ra "sự an nguy của muôn đời" để hiểu nổi vì sao phải gọi anh là "sài lang, cầu trệ". Chị chịu thôi!

Lãng thú nhận:

- Em cũng vậy. Em chưa hiểu được hết!

- Nhưng Lãng ở gần "anh ấy", Lãng có hỏi được gì không?

Đến lúc đó, Lãng mới để ý chị cố nói tránh không nhắc thẳng đến tên Nguyễn Huệ trong câu chuyện. Anh liếc dò vẻ mặt An. Lãng thấy chị có vẻ nồng nhiệt hào hứng khác thường, đôi mắt ươn ướt long lanh, má đỏ hồng, cử chỉ linh hoạt khi nói chuyện, khác hẳn vẻ mặt thụ động nhẫn nhục thường ngày. Lãng se lòng khi nghĩ: "Đã bao năm rồi, mà chị ấy còn được như thế sao!".

An thấy Lãng ngỡ ngàng nhìn mình, đột nhiên giật mình, đỏ mặt, nói lảng sang chuyện khác. An

hỏi:

- Em thấy chị trang hoàng nhà cửa lại có đẹp không? Ồi! Đàn ông thì ai cũng như ai. Ăn ở như người ở đậu, ăn nhờ. Dơ dáy bừa bãi, không chịu được. Chị vừa cho trồng hoa lại đấy. Nửa tháng sau em đến đây, đã có một vườn hoa nhỏ quanh nhà rồi. Chị cũng sẽ cho trồng lại mấy khóm chuối và cam, ồi.

Lãng dè dặt nói:

- Có lẽ... có lẽ em cũng phải vào Qui Nhơn.

An hốt hoảng hỏi:

- Em cũng đi đánh nhau à? Đánh ai? Còn anh Lợi?

- Không biết anh Lợi có phải theo quân không!

Giọng An ray rứt:

- Sao lại vào đánh Qui Nhơn? Thế là thế nào? Trời hỡi! Đến lúc nào bọn đàn ông mới chịu gác giáo lên trần nhà cầm cày cuốc giúp đỡ vợ con đây! Chừng nào, hử Lãng?

Lãng không trả lời được câu hỏi của chị. Trong Lãng, đã có cái gì rạn vỡ. Có thể là niềm tin!

*

* *

"Đầu năm Đinh Vị (1787) trong khi người ta tưởng những lực lượng thống nhất có cơ tập thành thì một biến chuyển lớn lao làm tan vỡ viễn tượng đó: anh em Tây Sơn, hay nói đúng hơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh nhau". (3)

Một người viết sử đã nhận xét như vậy về biến cố "nồi da xáo thịt" của phong trào Tây Sơn. Ý kiến này đã được nhiều sử quan thời xưa và sử gia thời nay tán đồng.

Mới thoát nhìn, nhận xét ấy có vẻ hợp lý, rõ ràng: Phong trào Tây Sơn từ năm khởi dấy cho đến mùa xuân Đinh Vị vẫn luôn luôn là một sức mạnh thống nhất, có tổ chức, có chỉ huy nhất quán từ trên xuống dưới. Tùy theo từng hoàn cảnh, từng nhu cầu chiến lược mà có những liên minh tạm bợ, bạn đó rồi thành kẻ thù đó, nhưng sau khi các phần tử lưu manh vô lại bị đào thải, bọn cơ hội và những kẻ cố chấp hẹp hòi bị lịch sử vượt qua, thì càng ngày phong trào càng được tinh lọc, ổn cố. Tiêu diệt được tàn quân nhà Nguyễn cùng bọn xâm lược Xiêm ở phương nam, xô ngã nhà Trịnh ở phương bắc, đương nhiên phong trào Tây Sơn đã phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, "có cơ" tập hợp được mọi lực lượng để thống nhất xứ sở dưới quyền lãnh đạo của Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc. Biến cố "nồi da xáo thịt" khiến cái dòng lịch sử bình thường ấy đột nhiên khựng lại, hoang mang, ngơ ngác. Hy vọng thống nhất tan vỡ! Sự ổn cố của phong trào bấy giờ mới chứng tỏ sự giả tạo bấp bênh của nó!

Lỗi về ai? Các sử quan nhà Nguyễn, lạ lùng thay, đã đổ hết trách nhiệm lên đầu Nguyễn Nhạc. Nào là Nhạc đắc chí nên sinh ra buông tuồng hiếu sát, giết hại viên cộng sự ban đầu của mình là Nguyễn Thung, lại nhẫn tâm làm điều ép uổng dân loạn với cả em dâu là vợ Nguyễn Huệ. Mọi người đều ghê tởm (5)

Những người chép sử Bắc hà thì lại đổ lỗi cho Nguyễn Huệ. Tác giả Hoàng Lê nhất thống chí mượn lời Nguyễn Hữu Chỉnh tâu với vua Lê Chiêu Thống để nêu nguyên nhân mỗi biến loạn này như sau:

"Vua Tây từ khi về nam thì kéo về luôn quốc thành, còn Thượng công thì ở Phú Xuân, nghỉ quân mua vui, hoặc là ban bố mệnh lệnh, sửa sang thành lũy. Bao nhiêu quân tướng, khí giới, các vật quý báu lấy được ở Bắc hà đem về, Thượng công đều chứa vào một chỗ, vua Tây cho người ra vò, Thượng công cũng không chịu vào châu. Rồi thì phong quan ban chức, Thượng công đều tự

quyết định, không hỏi gì đến vua Tây. Vua Tây cho người đem ấn ra phong thượng công là Bắc Bình vương, và hỏi các thứ của báu bắt được ở phủ chúa Trịnh. Thượng công cũng không chịu trả lại. Vua Tây giận lắm, vì thế anh em mới gây ra cuộc binh đao" (4)

Dù không đồng ý với nhau về nguyên do nổi da xáo thịt giữa anh em Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ, các sử quan đều đồng ý với nhau rằng biến cố ấy tác hại nghiêm trọng đến sự thống nhất của phong trào, khiến cho viễn tượng "nhất thống" dân tộc, lãnh thổ, chính quyền sau mấy trăm năm chia cắt bị tan vỡ một cách đáng tiếc.

Nhưng nếu xét kỹ càng hơn bằng lối đặt ngược vấn đề: Giả sử sau khi ở Thăng Long về, Nguyễn Huệ ngoan ngoãn vâng theo lệnh vua anh, đem hết đại quân cùng kho chiến lợi phẩm về Qui Nhơn, không ở lại Phú Xuân "sửa sang thành lũy, ban bố mệnh lệnh, phong quan ban chức", sẵn sàng làm một viên tướng tư lệnh của lực lượng tinh binh cơ động chờ lệnh vua đi chinh phạt bất cứ đâu vào bất cứ lúc nào, thì liệu cái cơ thống nhất có thành tựu được không? Hai nguồn sử liệu, độc lập nhau (một của Chapman, người Anh đại diện thương mại của chính quyền Anh tại Bengale đến Qui Nhơn năm 1778 và được nói chuyện trực tiếp với Nguyễn Nhạc; một của Ngô gia văn phái trong Hoàng lê nhất thống chí chép việc mắt thấy tai nghe đương thời tại Bắc hà.) đều khách quan trả lời: KHÔNG!

Trong cuộc hội kiến giữa Chapman và Nguyễn Nhạc năm 1778, bằng giọng thân tình chân thật chứ không bằng giọng khách sáo ngoại giao, Nguyễn Nhạc cho biết ước vọng cao nhất của mình là chiếm cả giang sơn Nam hà, từ Lũy Thầy vào đến Gia Định. Chỉ chừng ấy thôi!

Trong cuộc hội kiến với vua Chiêu Thống nhà Lê tám năm sau (1786) tại kinh đô Thăng Long, Nguyễn Nhạc cũng nhắc lại điều ấy cho các quan nhà Lê nghe. Nói chuyện với dân Nghệ An, Nguyễn Nhạc cũng nhún nhường tự coi là "họ ngoại của chúa Nam hà".

Rõ ràng trước sau như một, Nguyễn Nhạc chỉ muốn dừng lại bên này Lũy Thầy. Việc Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc phù Lê diệt Trịnh hoàn toàn ở ngoài tiên liệu của ông. Ông không muốn, mà cũng không ngờ. Nghe tin em đã chiến thắng ở tận kinh đô Đàng ngoài, Nguyễn Nhạc không vui mà lại sợ. Ông vội vã ra bắc lôi em ông về. Cho nên nếu không có vụ nổi da xáo thịt, thì cái cơ thống nhất cũng không thể thành tựu được. Dự đoán những khả-thể của lịch sử là việc liều lĩnh. Nhưng nếu dám liều thì có thể đoán được như sau: nhờ sự ngoan ngoãn vâng lời của Nguyễn Huệ mà uy quyền của vua Thái Đức trở nên tuyệt đối, Nguyễn Ánh ở Gia Định hết có cơ hội khôi phục, và nhà Tây Sơn đương nhiên trở thành vương triều cai quản cả giang sơn Đàng Trong như ước muốn của Nguyễn Nhạc. ở Đàng Ngoài, không có mối đe dọa từ Phú Xuân, tất nhiên họ Trịnh trở lại phủ chúa, và mọi sự diễn lại y như lúc chưa có phong trào Tây Sơn. Như vậy thì làm gì có thống nhất xứ sở?

Ngược lại, phải xem biến cố "nổi da xáo thịt" là một "điều chẳng đáng dừng" để tiến tới viễn tượng thống nhất. Không nên tìm cách đổ lỗi cho Nguyễn Nhạc "dâm, bạo" như sử quan triều Nguyễn. Tất cả trách nhiệm của biến cố này thuộc về Nguyễn Huệ: một mình Nguyễn Huệ!

*

* *

Chưa bao giờ Nguyễn Huệ cảm thấy cô đơn như vậy!

Ông thức trắng nhiều đêm. Một mình. Không thể nói chuyện u ẩn với ai. Cũng không có ai dám nói thẳng với ông những điều họ nghĩ, kể cả Lãng, Trần Văn Kỷ và công chúa Ngọc Hân. Những người thân thiết với ông đều hiểu ông đang ở vào một cảnh huống khó xử, tiến thoái lưỡng nan. Quyết định của ông sẽ làm đảo lộn tất cả cuộc diện lịch sử, làm náo động dư luận. Nhiều

người thân thuộc sẽ trở thành tử thù. Anh em vợ con chia lìa. Miệng thể mặc sức mà đàm tiếu, cười cợt. Cái chén thuốc đắng đó chính ông phải uống. Không thể sợ hãi, không thể nhắm mắt chạy trốn để đổ vấy cho ai khác. Dù tự tin bao nhiêu đi nữa, ở vào giờ phút quyết định này, tay ông vẫn run rẩy. Gánh nặng của trách nhiệm khiến ông ngột thở, và chua chát.

Trong những ngày định mệnh ấy, công chúa Ngọc Hân lo âu cho sức khỏe của Nguyễn Huệ, nhưng công chúa tế nhị không hỏi môi hỏi đến lý do tâm trạng căng thẳng của chồng. Ngọc Hân lặng lẽ thay nến trên bàn Nguyễn Huệ, châm nước trà thêm vào chiếc bình sứ, lặng lẽ đặt chén sâm trước mặt chồng rồi rón rén trở về phòng khuê. Nguyễn Huệ thức mấy đêm thì công chúa cũng thức mấy đêm. Đôi mắt công chúa thâm quầng, vừa lo lắng cho lần mang thai đầu tiên vừa lo lắng cho sức khỏe Nguyễn Huệ. Công chúa không dám khóc trước mặt Nguyễn Huệ. Nỗi đau xót Nguyễn Huệ đang tìm cách giải quyết lớn lao quá, công chúa không làm gì được. Chỉ biết khóc.

Trong lúc đó Nguyễn Huệ bậm môi chịu đựng gánh nặng trách nhiệm và dọn lòng chờ đón mọi hậu quả. Ông thừa hiểu vì sao Trần Văn Kỷ tìm cớ thoái thác không viết bài hịch. Ông thông cảm nỗi lo xa của viên Trung thư lệnh. Ông cũng hiểu động cơ nào thúc đẩy lại bộ Hồ Đồng viết những lời lẽ hỗn xược, nặng nề kể tội vua Thái Đức. Ông đã chụp bút định sửa, nhưng vào lúc chót, ông kịp dừng lại. Khi đã quyết định tấn công Qui Nhơn thì những chữ "sài lang, cầu trệ" chỉ là tiểu tiết tối cần để biện minh cho quyết định táo bạo bất đắc dĩ trên kia. Đã như vậy thì sửa chữa cho nhẹ bớt có ích gì. Điều quan trọng là ở chỗ: Ta có thực tin hành động này cần thiết cho sự an nguy của muôn đời hay không?

Nguyễn Huệ dứt khoát tin tưởng điều đó.

Và khi đã giải quyết được khúc mắc cơ bản, ông cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Quen quyết định nhanh chóng, ông ra lệnh phổ biến bài hịch, đồng thời với lệnh trưng binh. Tất cả đàn ông từ mười lăm tuổi trở lên đều phải nhập ngũ, Nhà nào cũng chỉ còn lại đàn bà con nít. Đình, chùa, miếu biến thành trại lính. Thiếu đồng để đúc khí giới và nôi, thì lấy cả những tượng Phật còn lại. (6)

Đạo quân hùng hậu kéo vào Qui Nhơn mùa xuân Đinh Vị có người ước lượng sáu vạn (7), có người tính đến mười vạn. (8) Giống như chuyển bắc tiến mấy tháng trước, đạo quân ô hợp ấy mau chóng trở thành một đạo quân hăng hái thiện chiến, do lòng tin tưởng tuyệt đối vào tài chỉ huy của Nguyễn Huệ, và tinh thần tự ái của dân Thuận Hóa được kích động mạnh mẽ. Quân Nguyễn Huệ vào bao vây Hoàng đế thành, đắp núi đất cao để đặt đại bác bắn vào. Nguyễn Nhạc lấy đạn đem vào đền thờ ông bà kêu khóc để kể tội đứa em bất hiếu bất mục, rồi cho người lên vào Gia Định nhờ Nguyễn Lữ tiếp cứu. Đặng Văn Chân đem quân về đến Tiên Châu (Phú yên) thì bị tướng của Nguyễn Huệ đánh tan, chính Chân phải đầu hàng để làm tù tướng của Phú Xuân.

Nhưng Nguyễn Huệ không thể chiến thắng mau chóng dễ dàng như những lần hành quân trước. Ông đã hạ lệnh giáp công hai ba lần, nhưng lần nào cũng bị đẩy lui, số quân Phú Xuân đông đảo bị hao hụt đến một nửa. Vòng vây không đủ khép kín, trong khi cuộc chiến đã nhì nhằng dang dai cả tháng. Nguyễn Huệ phải lấy thêm quân Thuận Hóa, gọi nhập ngũ cả những đứa trẻ vừa đủ mười lăm tuổi. (9)

Vua Thái Đức chờ viện binh mãi không được, lại thấy quân Thuận Hóa được tăng cường đông đảo, tuyệt vọng, bắt buộc phải ẵm Quang Toản con Nguyễn Huệ lên mặt thành kêu khóc để gọi tình máu mủ.

Nguyễn Huệ chỉ có thể bậm môi kiên gan đến mức độ ấy. Trông thấy vua anh hạ mình kêu gọi hòa giải, lòng ông rung động. Ngay tức khắc Nguyễn Huệ ra lệnh giải vây. Trần Văn Kỷ được cử vào thành để thương lượng cách phân chia vùng kiểm soát. Kẻ chiến bại phải chấp thuận các đòi hỏi của kẻ chiến thắng.

Vua Thái Đức bằng lòng nhường thêm Quảng Nam cho Nguyễn Huệ, lấy Bến Ván làm ranh giới ngăn cách đất của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ và vua Thái Đức.

Đến lúc này (lúc hai anh em đồng ý chia đất để tránh va chạm quyền lợi của nhau) viễn tượng thống nhất mới thực sự bắt đầu tan vỡ. Nguyễn Huệ nhìn xa thấy rộng, cao vọng lớn, nhưng không thể vượt lên khỏi các ràng buộc của tình ruột thịt.

Làm sao được! Ngoài khối óc, ông còn có một trái tim nhạy cảm!

Con đường nam tiến của ông đã bị tắt nghẽn ở Bến Ván. Tuổi già của vua Thái Đức, sự bất lực của Đông Định vương Nguyễn Lữ trở thành hai lớp lũy dày bảo vệ cho Nguyễn Ánh ở Gia Định tự do hoạt động khôi phục. Ước vọng thống nhất đành phải chịu dang dở.

Cho nên, nếu Nguyễn Huệ xứng đáng nhận lấy vinh quang vì can đảm hy sinh cái tiểu tiết để phụng sự đại cuộc, thì chính Nguyễn Huệ cũng phải một mình chịu trách nhiệm về sự yếu đuối của mình. Ông dám bất tuân lệnh vua anh vượt qua Lũy Thầy, nhưng không đủ sức mạnh ý chí và sự lạnh lùng để vượt qua cái lũy vô hình là tình máu mủ. Bến Ván! Bến Ván! Cái tên ấy sắc sảo như một lưỡi gươm bén chém đứt thân thể của xứ sở, chém đứt ước vọng thống nhất của một người anh hùng dám một mình chịu đựng tất cả tai tiếng, dèm pha, đàm tiếu, thực hiện cho được cao vọng của mình. Những dao động, thanh toán nội bộ sau biến cố quan trọng này, tất nhiên không thể tránh khỏi. Kể từ đó làm gì những điều vụn vặt ấy!

(1) Liệt truyện, quyển 30, tờ 14.

(2) Liệt truyện, quyển 30, tờ 14

(3) Lịch sử nội chiến ở Việt Nam. Tạ Chí Đại Trùng, trang 144.

(4) Liệt truyện, quyển 30, tờ 13b, 14a.

(5) Hoàng Lê, trang 193.

(6) Thư Doussain gửi cho Descouvrières 8-6-1787 (BEFFEO 1912, trang 19)

(7) Thư Doussain 6-6-1787.

(8) Thư Labartette gửi cho Letondal 21-5-1787. (Launay III, trang 129)

(9) BEFFEO, 1912, trang 17.

Chương 77

Ngay trong khi cuộc tranh chấp giữa Phú Xuân và Qui Nhơn chưa kết thúc, Nguyễn Huệ đã nhận được tin Nguyễn Văn Duệ và Huỳnh Đức ở Nghệ An đã âm mưu cùng Nguyễn Hữu Chỉnh làm phản. Chính Vũ Văn Nhậm cấp tốc gửi thư cáo biến cho Thượng công.

(1) Trong thư, Vũ Văn Nhậm có viết:

"Ngày trước, dùng Chỉnh chẳng khác nào nhốt hổ gầm giương. Ngày nay để Duệ, tức là nuôi ong tay áo. Xin Thượng công kíp phát quân ra bắc, trước hết giết Duệ ở Nghệ An, rồi sau bắt Chỉnh ở Thăng Long. Dẹp loạn, định nước là ở chuyển này. Cơ hội ấy, xin đừng bỏ lỡ..."

Nguyễn Huệ tin ngay những điều Vũ Văn Nhậm cấp báo. Ông hiểu phò mã ở vào một thế khó xử. Một đằng là chủ tướng trực tiếp của mình. Một đằng là cha vợ. Vũ Văn Nhậm lo âu Nguyễn Huệ nghĩ mình có hai lòng, nên tìm mọi cách chứng tỏ sự tận tụy trung thành của mình. Phò mã không thể nào dám báo cáo những điều dối trá. Vì thế, từ Qui Nhơn Nguyễn Huệ sai Lãng đem lệnh ra giục Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Nghệ An bắt Nguyễn Văn Duệ. Đối với Nguyễn Hữu Chỉnh, thượng công chỉ dẫn rõ ràng cách giải quyết vì Chỉnh ở tận Thăng Long: Sau khi đã chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu ở Nghệ An, hãy viết thư cho Chỉnh hỏi cái tội âm mưu phản phúc với Nguyễn Văn Duệ. Sẽ có hai trường hợp xảy ra: Nếu Nguyễn Hữu Chỉnh trả lời bằng giọng thoái thác, thì nên án binh bất động chờ đó, sau này sẽ tùy cơ định liệu, còn nếu Chỉnh ra mặt chống cự, thì lấy đó làm cái cớ tiến quân ra bắc.

Vụ tranh chấp ở Qui Nhơn sắp đến chỗ được dàn xếp êm đẹp, thì Nguyễn Huệ được tin Nguyễn Văn Duệ và Huỳnh Đức đã bỏ trốn khỏi Nghệ An. Vũ Văn Nhậm cũng báo cho Nguyễn Huệ biết mình đã gửi thư ra Thăng Long quả trách Nguyễn Hữu Chỉnh, đúng theo lời chỉ dẫn của Thượng công.

Nguyễn Huệ vội giao trách nhiệm thương thuyết cách phân chia vùng cai trị cho Trần Văn Kỷ lo, còn mình thì vội cùng với gia đình về Phú Xuân. Đến nơi, Nguyễn Huệ nhận được thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi Vũ Văn Nhậm, do phò mã chuyển về Phú Xuân để xin lệnh.

Thư Nguyễn Hữu Chỉnh như sau:

(2) "Trước kia, tôi bỏ nước cũ về với Chúa công, đã được Chúa công cho vào mặc phủ hầu hạ túi cung roi ngựa đến bốn, năm năm.

Mùa thu năm ngoái, Chúa công ở bắc rút quân về nam, không cho tôi hay. Tôi cũng biết rằng Chúa công muốn dùng cách đó thử tôi, để xem đi ở ra sao. Bấy giờ người Bắc hà hết sức lưu tôi ở lại, nhưng tôi quả quyết bỏ họ mà đi. Lòng này đã dốc một bề, tôi tưởng đã được bậc cao minh soi xét. Khi cố đuổi kịp Chúa công và được ra mắt ở dinh Vĩnh, tôi đã xin theo đại quân về nam. Bấy giờ ngài có bảo tôi rằng: "Quận Thạc, quận Nhượng còn làm ngang trở, không thể không trừ. Vậy hãy ở lại mà tính công việc". Tôi đâu dám không vâng mệnh. Đã đem thân hứa

với cuộc rong ruổi, thì còn dám tiếc gì? Vì vậy tôi phải tự mình xông pha trước mũi tên hòn đạn, quyết chiến với bọn Thạc, Nhưỡng, chỉ mong mau trừ được hai tên ấy để còn về được phương nam.

Nhưng tháng trước đây, đánh ở trấn Sơn Tây, tôi chỉ mới bắt được Thạc, còn Nhưỡng vẫn đang vẫy vùng ở miền Hải Dương, cần phải ra công phen nữa. Bởi thế cho nên tôi chưa về châu được. Những kẻ ghét tôi, thấy tôi ở lại đất bắc, liền đặt ra lời dèm pha. Họ không hiểu rằng: Sau khi Chúa công đã về Phú Xuân, tôi ở lại Nghệ An chỉ hơn mười ngày rồi cũng ra bắc, còn thì giờ nào mà mưu toan với Duệ? Từ đó trở đi kẻ bắc người nam, ai theo công việc nấy, tôi không đi lại với Duệ lần nào. Nếu ai xét rõ tình tôi, chắc không phải đợi tôi biện bạch. Vả chẳng, tôi với Tướng quân cộng sự với nhau cũng đã nhiều ngày. Nếu có lòng nào, làm sao giấu cho khỏi lộ? Mong Tướng quân bày tỏ giùm tôi ở trước Chúa công, tôi đội ơn Tướng quân nhiều lắm". (3) Kèm theo lá thư Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm có trình với Nguyễn Huệ hai nhận xét:

- Thứ nhất, Chỉnh viết: "Bấy giờ người Bắc hết sức lưu tôi ở lại". Sự thực ra sao, Chúa công (Nhậm đã mau chóng gọi Nguyễn Huệ là Chúa công thay vì Thượng công như trước cho phù hợp với địa vị mới của Nguyễn Huệ) đã rõ, chỉ cần vin vào một câu này thôi, đã suy ra được sự xảo trá của hắn lên đến bậc nào.

- Thứ hai, Chỉnh viết: "Tôi ở lại Nghệ An chỉ có mười ngày, rồi cũng ra bắc, còn thì giờ nào mà mưu toan với Duệ?".

Chỉnh ra bắc gấp thực, nhưng có để lại Nghệ An tên thuộc hạ Lê Duật cho Duệ sai bảo. Chính tên này là kẻ liên lạc giữa Chỉnh và Duệ. Sau khi leo lên được trở lại chỗ quyền bính, thao túng triều đình, Chỉnh vẫn có thư từ đi lại với Duệ, quà cáp biểu xén rất hậu. Khi nhờ Duật mà Chỉnh biết Duệ cùng Đức có ý phản phúc, Chỉnh rất mừng rỡ, gửi cho Duật mười lạng vàng, mười tấm đoạn để đem biểu Duệ, xui Duệ chiếm giữ Nghệ An, ngăn chặn Chiêu viễn hầu, đắp lại lũy cũ Hoành Sơn để tái lập ranh giới.

Vũ Văn Nhậm còn xin đích thân về Phú Xuân để gặp Nguyễn Huệ trình báo tỉ mỉ, cặn kẽ âm mưu phản phúc của Duệ, Đức và Chỉnh. Nguyễn Huệ đọc kỹ tất cả các tờ trình báo của Vũ Văn Nhậm, mỉm cười một mình khi nghĩ đến sự áy náy lo lắng thái quá của phò mã để tỏ dạ trung thành. Nguyễn Huệ tin tưởng hoàn toàn ở các lời trình báo. Nhưng còn lòng trung thành của phò mã với Phú Xuân? Phải xem lại đã! Ông sai Lãng đem thư ra Nghệ An cho Nhậm, khen ngợi sự tận tụy của phò mã, căn dặn các phương thế đề phòng đối với phương bắc, và cuối cùng, so nhu cầu khẩn cấp của tình thế, Nguyễn Huệ khuyên phò mã hãy gắng ở Nghệ An để lo công việc. Có gì trình báo thêm, cứ gửi cho Lãng đem về.

* * *

Tin Vũ Văn Nhậm đã ra Nghệ An và đang chuẩn bị binh mã kéo ra Thăng Long hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh một lần nữa biến Thăng Long thành nơi xáo xác. Dân kinh thành đột nhiên nhốn nháo. Cảnh hòa nhau vét hết thóc gạo, thực phẩm để tích trữ, dọn dẹp khăn gói quần áo để chạy loạn lại diễn ra. Bọn nhà giàu lo xa, sợ cảnh chen chúc đồ đông, vội vã gửi vợ con tản cư ra ngoại thành trước. Đêm đêm, có tiếng thì thào, tiếng đào nền chôn cửa. Cơn sốt hoảng loạn nhanh chóng lan khắp kinh thành, cảnh dất dứu tản cư ngày càng náo động, đến nỗi lính kim ngô hò hét, đưa gươm giáo ra dọa dẫm, ngăn cản cũng không được.

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy nhân tâm náo động, lại nhận được thư hỏi tội của Nhậm, trong bụng lo lắng. Nhưng ngoài mặt, Chỉnh cố làm ra vẻ bình thản, và dùng lý luận khoác lác để trấn an vua Lê và các đình thần.

(4) Một hôm vào triều, Chính đuổi hết tả hữu, rồi nói riêng với vua Chiêu Thống:

- Vũ Văn Nhậm tuy là một viên tả tướng trong soái phủ của Bắc Bình vương, nhưng lại vốn là rể của vua Tây. Lâu nay chỉ huy việc quân, y vẫn tự đóng vai "quốc tể". Nay thấy anh em Tây Sơn khích bác lẫn nhau, Nhậm là kẻ đứng giữa, cố nhiên vẫn phải tuân theo tướng lệnh, nhưng trong bụng y lẽ nào không nghĩ đến cha vợ? Vừa rồi có tên thám tử ở trong ấy về báo rằng: Nhậm ở Động Hải có gửi vào Phú Xuân thư xin được về hầu, nhưng Bắc Bình vương không cho, bắt ra ngay Nghệ An. Như vậy hẳn đang ở chỗ nguy ngập bị ngờ vực, thế nào cũng có ý trông về bên trong. Thần xin nhân cơ hội này cho người vào nói về bờ cõi Nghệ An. Hết sức nhấn nhe vào ân tình của họ, lại thêm lễ nhiều, lời ngọt, ngoài có Vũ Văn Nhậm dâng bốc, trong có công chúa đỡ lời, Bắc Bình vương dù có lòng nào cũng phải miễn cưỡng theo mình.

Vua Lê khen phải.

Hôm sau nhân buổi chiều sớm, vua Lê bảo với quần thần:

- Nghệ An liền với Thanh Hoa, nguyên là phụ quận của đất thang mộc. Con em xứ ấy được bổ đi làm quân túc vệ, vẫn là nanh vuốt cho nhà nước. Đất ấy không thể để cho người ta chiếm mãi. Trẫm muốn sai sứ vào Phú Xuân bàn việc đó với Bắc Bình vương. Các người chọn xem người nào có thể đi được.

Trương Đăng Quĩ thưa:

- Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư đều là những người ngay thẳng, có thể gánh nổi việc đó.

Phạm Lê Phiên nói:

- Ông Giản cứng, thẳng có thừa, nhưng không đủ mềm mỏng. Ông Dư bàn luận trang nghiêm, nhưng xét việc hơi chậm. Bắc Bình vương là người rất quyết, hay dùng trí thuật lung lạc người ta. Trong lúc bàn luận khi ném xuống, khi nâng lên không biết đường nào mà dò. Thần e hai người ấy tranh biện với Bắc Bình vương, sẽ làm hỏng mất việc nước.

Đình thần bàn mãi việc cử người khác, luôn mấy hôm vẫn chưa ngã ngũ. Chính bèn tâu xin để Trần Công Xán đi.

Vua Lê vừa ý, nói:

- Được đấy!

Nhà vua liền cho đòi Trần Công Xán vào triều và bảo:

- Trẫm vẫn biết người là kẻ trung trinh hết lòng với nước. Ngày xưa, Phú Bật sang sứ Khiết Đan, làm cho nước giặc phải kinh, lại được xong công việc. Chuyển đi này cũng giống như thế. Người cố vì trẫm đem mệnh lệnh đi cũng là Phú Bật của nước Nam đó. Cùng đi với người có một hoàng thân, trẫm đã định cử Duy Án. Còn một viên phó sứ nữa, cho phép người được tự chọn.

Xán hăng hái xin đi và nói:

- Chúa phải lo thì bầy tôi mang nhục. Thần đâu dám tự kén chọn. Nhưng trong bọn cộng sự mà thần được biết, thì có Ngô Nho là người xứng đáng.

Nhà vua bằng lòng. Mệnh lệnh ban xuống, cả triều đều khen là chọn được người. Trần Công Xán gặp Ngô Nho bảo:

- Nước địch đè lấn, tin báo ngoài biên cương đang khẩn cấp. Ngày nay chỉ biết ra đi chưa biết có trở về được không. Tôi là đại thần, nghĩa phải ra đi, sống chết không cần tính đến. Còn ông mới làm quan, chức vị còn thấp, lại có mẹ già. Trung hiếu không thể vẹn cả đôi đường, ông hãy thử nghĩ cho kỹ.

Ngô Nho đáp:

- Tướng công chịu ơn dày của nước, còn tôi thì chịu ơn tri ngộ của tướng công. Đại thần vì nước gánh việc, kẻ sĩ vì người tri kỷ mà chết, đều là nghĩa phải như thế. Ngoài ra tôi không biết gì khác.

Trần Công Xán mừng rỡ nói:

- Hùng lắm! Kẻ sĩ như vậy, đáng gọi là "đạt".

* * *

Lã ra Nghệ An đúng lúc sứ bộ Trần Công Xán vào đến dinh trấn.

Ngoài hoàng thân Lê Duy Án, Trần Công Xán và Ngô Nho, sứ bộ còn có thêm hơn bốn mươi người. Nhưng viên đồn trưởng Tây Sơn tại huyện Quỳnh Lưu chỉ cho phép ba sứ thần cùng mười tám người khác vào Nghệ An, số còn lại buộc phải trở về.

Vũ Văn Nhậm tiếp đón sứ bộ hết sức ân cần. Ông sai thiết tiệc khoản đãi, nài ép Lã cùng dự tiệc với mình. Lã hiểu dụng ý của Nhậm, nên tuy không thích không khí tiệc tùng đầy khách sáo của nghi lễ, cũng cố làm vừa lòng phò mã.

Trong ba sứ thần, Vũ Văn Nhậm chỉ biết có Trần Công Xán, nên ban đầu câu chuyện bên mâm tiệc còn rụt rè nhất gừng. Trần Công Xán thì chưa biết Lã là ai, chức vị thế nào, muốn hỏi Nhậm nhưng sợ có điều gì thất thổ chẳng. Vũ Văn Nhậm thấy thái độ của Xán, vội giới thiệu:

- Cũng may cụ và các ngài vào đây đúng lúc có quan thư ký của Chúa công tôi ra đây. Nếu tiện, sứ bộ cùng vào Phú Xuân một lượt với anh Lã, cho tiện.

Trần Công Xán quay về phía Lã, gật đầu chào, lễ phép nói:

- Vậy thì quý hóa lắm. Ông vừa đến Nghệ An?

Lã đáp:

- Thừa cụ, vâng.

Trần Công Xán hỏi ngay:

- Chúa công đã ngự giá về Phú Xuân chưa ạ?

Lã lúng túng chưa biết trả lời thế nào, thì Nhậm đã đỡ lời:

- Quý ngài yên tâm. Lúc nào Chúa công chúng tôi cũng chú tâm đến sự an nguy của mặt bắc. Chúa công tôi xem đó là một nghĩa vụ. Chẳng lẽ đã diệt họ Trịnh, phù nhà Lê, lại để cho cơ nghiệp Thăng Long sụp đổ lần nữa. Cho nên lúc nào Chúa công tôi cũng hoan hỉ tiếp đón các ngài.

Hoàng thân Lê Duy Án thấy đằng sau lời lẽ tế nhị của phò mã là sự bức dọc, bất mãn, nên hỏi Lã:

- Công chúa vẫn bình an chứ ạ?

Lã đáp:

- Vâng.

Lê Duy Án tự thấy cần giải thích thêm:

- Tôi là hoàng thân Duy Án, chú họ của Hoàng thượng. So với Công chúa là anh họ đấy. Lúc Công chúa chưa về hầu hạ Chúa công, Công chúa vẫn đến hỏi han tôi điều này điều nọ. Kịp đến lúc Chúa công ra Thăng Long, tôi cũng có hân hạnh được ra mắt. Lần này, Hoàng thượng có ủy cho tôi trách nhiệm thay mặt cả họ vào Phú Xuân vấn an Công chúa và Chúa công.

Lã đáp:

- Nhà vua có hậu tình với người đi xa quá! Nhất định Công chúa sẽ mừng lắm!

Vũ Văn Nhậm mỉm cười hỏi Trần Công Xán:

- Hoàng thượng cử cả sứ bộ vào tận Phú Xuân chỉ để vấn an Công chúa thôi sao? Chắc có gì

quan trọng hơn chứ, thưa cụ?

Trần Công Xán nghiêm mặt đáp:

- Vâng. Ngài đoán đúng lắm!

Vũ Văn Nhậm liền hỏi:

- Chúng tôi có được phép biết không ạ?

Trần Công Xán liếc nhìn Duy Án và Ngô Nho, rồi đáp:

- Được chứ!

Thấy Vũ Văn Nhậm định hỏi, Xán tranh nói trước:

- Được chứ ạ! Vì việc này không có gì bí mật, từ quan chí dân khắp cả Đàng Trong Đàng Ngoài đều biết. Chỉ tiếc một điều ai cũng biết, mà chưa có ai làm cho đúng lẽ phải đã biết. Chúng tôi vào Phú Xuân để nhắc lại mà thôi!

Cả Lãng lẫn Nhậm đều hiểu giờ phút gay go đã đến, nên cố hết sức giữ bình tĩnh, không để nội tâm phát lộ ra nét mặt. Lãng cố không xen vào câu chuyện, ngồi thu mình ở một góc bàn tiệc như người không được phép lạm bàn, còn Vũ Văn Nhậm thì tay trái nắm chặt mép bàn, tay phải vân vê chéo áo trước. Nhậm hỏi:

- Điều ai cũng biết thì nhiều lắm. Có khi Chúa công chúng tôi đã đoan công việc, quên khuấy đi, đến nỗi cụ và quý ngài phải cất công lặn lội vào đây. Xin cụ làm ơn nhắc hộ cho!

Trần Công Xán cười ha hả, nhìn thẳng vào mắt Nhậm, nói:

- Đơn giản lắm, thưa quan Tả quân. Đó là chuyện cái dinh trấn này!

Nhậm giả vờ chưa hiểu, mỉm cười hỏi:

- Nghĩa là sao, thưa cụ?

- Chắc quan Tả quân còn nhớ buổi hội kiến hai vua ở Thăng Long năm ngoái chứ?

- Vâng. Nhớ rõ lắm ạ!

- Hôm ấy đấng quốc quân chúng tôi có ý sẵn sàng dâng vài quận quốc cho quý quốc để làm món khao thưởng quân sĩ. Nhưng quý quốc vương đã khảng khái chối từ. Lời nói đầy ân tình và nghĩa cả của quý quốc vương hãy còn truyền tụng khắp Bắc hà. Quý quốc vương đã bảo: "Nếu là đất của họ Trịnh thì một tắc tôi cũng không để. Nhưng là đất của nhà Lê, thì một tắc tôi cũng không lấy". Khi đại quân rút về nam, quý quốc vương lo họ Trịnh lại toan mưu mô chiếm lại vương phủ, chèn ép vua Lê nên có rải quân từ đây trở vào làm lực lượng giám sát. Đấng quốc quân chúng tôi hiểu rõ thịnh tình của quý quốc, nhất là của Chúa công nay trở thành giai tể của nước chúng tôi, nên hết sức cảm tạ. Đến nay họ Trịnh đã bị dẹp, mối nguy chèn ép không còn, thiết tưởng quý vị khỏi phải nhọc lòng canh giữ giúp miền biên thùy này nữa. Làm nhọc lòng quý quốc, hao tổn công của như vậy, đấng quốc quân chúng tôi thật áy náy không yên.

Vũ Văn Nhậm đánh mặt lại, cả hai bàn tay nắm chặt đặt hẳn lên bàn tiệc. Nhậm hỏi:

(5) - Văn võ đất Bắc hà được như cụ, phỏng được mấy người? Cụ khéo nói lắm. Tôi con nhà võ, không biết cái nghề môi miếng, nên xin nói thẳng. Cụ thứ lỗi cho nhé. Vua Lê giao nước cho thẳng giặc Chỉnh, ý ngài tự nghĩ ra sao? Tôi nay đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước hãy chém đầu giặc Chỉnh, rồi sau mới hỏi vua Lê tại sao bội ƠN DUNG ĐƯA PHẢN TRẮC? Và sẽ báo rõ sĩ dân Bắc hà cho họ biết vì sao phải dùng quân? Vua Lê đã không giữ nổi nhà nước, thì các trấn từ Thanh Hoa trở ra, tôi không lấy người khác cũng lấy! Nghệ An này chỉ là mảnh đất cỏ con, quan hệ gì đến sự mất còn của nước nhà mà phải cố vào xin xỏ. Trèo non vượt suối chỉ uống công thôi! Tôi e cụ và quý ngài như chim lửa tổ, đến lúc bay về, không còn cành nào mà đậu!

Trần Công Xán nín lặng. Mọi người trong sứ bộ nghe, đều sợ.
Từ đó đến cuối tiệc, không ai còn thiết gì đến ăn uống nữa.

* * *

(6) Sau tiệc, Trần Công Xán bảo phó sứ Ngô Nho:

- Người Tây Sơn hành binh như bay, tiến quân quá gấp. Coi họ đi lại chỉ vì một cái, thật nhanh nhẹn vô cùng, đánh không thể được, đuổi không thể kịp. Xưa nay chưa nghe có đám giặc nào như vậy. Ta đã lo xa, lúc đi có dặn ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) phải đề phòng trước, không biết ông ấy có nhớ hay không? Nếu hơi chậm trễ, việc sẽ không kịp.

Thần thờ bản khoán hồi lâu, rồi sứ bộ lên đường. Giữa đường, Ngô Nho bàn với Xán:

- Coi đó thì biết thầy trò họ vẫn ngấm ngầm rình mình. Họ đã xếp đặt đâu đấy. Năm trước cái việc tôn phù chỉ là dối trá. Bọn lang sói vốn giống dã man, không thể nói bằng nhân nghĩa được. Bây giờ xe sứ mới ra khỏi cõi mà kinh thành sắp bị binh đao, sự thế quá gấp. Ta phải tính đường quyền biến không nên câu nệ. Vả lại, xem ông Bằng từ khi đắc chí đến giờ vàng ngọc chật đai, mặt mũi nghinh ngang không giống hồi nhai rể rau làm được việc như xưa. Tôi e ông ấy run rẩy ra chốn trận mạc, ắt bị Văn Nhậm bắt được. Lúc đó Hoàng thượng còn ở lại hay phải đi cũng chưa dám chắc. Chúng ta cần phải tính đi tính lại, xoay then máy mới có thể cứu vãn. Chỉ cần cho yên nhà nước, dầu có tự chuyên cũng không hề gì. Nếu chỉ vâng theo chỉ cũ, cố tranh biện đòi Nghệ An, chẳng khác nào cướp đã vào nhà mà còn lo sửa lại phen rào. Như vậy đâu phải là điều hay. Xin chữa lại quốc thư rồi hãy đi!

Xán hỏi:

- Chữa thế nào?

Nho đáp:

- Chữa rằng: "Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê đã không còn nước. May nhờ có quý quốc vương tôn phò. Nếu Trời còn phò hộ nhà Lê, tiên đế đâu đến nỗi qua đời. Tôi là cháu kế tự còn nhỏ tuổi, nghĩ rằng gánh vác không nổi để nhục cho xã tắc. Kinh Thư có chữ "làm khách". Kinh Thi nói rằng "có khách"(7) đều là việc cũ đời xưa, kính xin cắt một phần đất để được nối đời thờ phụng tổ tiên. Thật là thuận mệnh trời để mà sống còn, cầu lòng thương của trời về dài lâu vậy".

Nếu họ chỉ có bụng giữ nước, không có bụng làm hại mình, thế nào họ cũng thả sứ thần về và chia đất cho ta. Nhân thế ta có thể khuyên vua hãy tạm ở đất ấy. Họ không có lòng ngờ ta, thì sẽ không dòm dõ nữa. Bấy giờ ta sẽ lo tính dần dần như vua Thiếu Khang ở Luân Ấp, Câu Tiễn ở Cối Kê, tự nhiên sẽ có ngày trung hưng. Nếu không thế, họ đã tức giận mà ra tay hung tàn, thì bọn mình chỉ làm ma biển khơi. Điều đó tuy chẳng đáng kể nhưng vua ta sau khi phiêu bạt, long đong, không còn tắc đất để nương tựa, thì dầu đến tài như Khổng Minh cũng khó lòng trở tay.

Xán trở mắt nhìn Nho, một lúc sau mới nói:

- Không được. Ông Bằng theo việc quân từ lúc đầu còn để chỏm, đã lão luyện trong chốn trận mạc. Nếu kinh thành mắc nạn binh đao, tưởng cũng không đến nỗi khốn đốn lắm. Hai nước đánh nhau, chưa biết ai thua ai được. Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra khỏi cõi đã vội chữa quốc thư, mạo lời Chúa, chẳng những bị tội với nước mình, mà nếu bên địch khám phá ra chỗ lừa dối đó, họ cũng không dung mình. Tai vạ càng lớn, tiếng cười chê không biết bao giờ mới hết. Chi bằng cứ minh bạch mà làm, việc thành bại do Trời, ta có lo gì.

Từ đó, Ngô Nho không dám nói gì nữa.

* * *

Lãng và quan Lễ bộ vào trình xin cho sứ bộ Thăng Long ra mắt gặp lúc Nguyễn Huệ đang tiếp An. Hai người chờ khá lâu ở tiền sảnh. Một lúc sau, Nguyễn Huệ đưa An ra tận cửa điện, trước lúc quay vào cố căn dặn:

- An gấp đến thăm Công chúa nhé. Vì là lần đầu nên công chúa hay lo, ở đây lại không có bà con thân thích gì. An cũng nên qua "bên ấy" xếp đặt giùm chỗ ăn chỗ ở. Có thêm bàn tay đàn bà vẫn hơn. Bà ấy chưa quen nghe giọng Thuận Hóa, hôm qua phát cáu với mấy thằng lính hầu. Còn về việc của anh Lợi...

Nguyễn Huệ đang nói, chợt thấy có Lãng và viên Thượng thư bộ Lễ đứng chờ gần cửa, đâm lúng túng, ngưng ngang câu chuyện ở nửa chừng. An cũng không muốn Nguyễn Huệ nhắc lại điều Lợi xin trước Lãng, đỏ mặt, lí nhí xin lui. Nguyễn Huệ gật đầu bảo:

- Được. "Bà" cứ về!

Rồi quay về phía quan Lễ bộ, Nguyễn Huệ hỏi:

- Có việc gì vậy?

Quan Lễ bộ chấp tay thưa:

- Tàu Chúa công, có sứ bộ ở Thăng Long vào. Họ đang chờ xin ra mắt.

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi Lãng:

- Họ vào một chuyến với cậu à?

Lãng đáp:

- Thưa vâng.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Lãng do dự, rồi đáp nửa vờ:

- Họ vào về chuyện Nghệ An, thưa Chúa công!

Nguyễn Huệ cười tự tín, bảo:

- Lại dùng cái tài mồm mép để thanh minh chứ gì. Chính hấn chối phăng cái mưu phản phúc với bọn Duệ, Đức phải không? Mời họ vào đi!

Lãng không dám cải chính, cùng với viên Thượng thư bộ Lễ ra nhà đợi mời sứ bộ vào.

Trần Công Xán sai Ngô Nho đi mượn cái mâm đồng bày lễ vật gồm (8) một số vàng, đoạn, lụa, là, vải ta, rồi cả ba người sứ thần cùng vào yết kiến Nguyễn Huệ. Ngô Nho bưng mâm lễ vật và quốc thư đi trước. Nước da ông vốn đã tái, lại càng tái thêm. Nho dáng người cao, lại ốm, nên điệu đi khom khom ngập ngừng, nụ cười trên môi ngượng ngập như muốn phân trần về chiều cao của mình.

Trần Công Xán và Lê Duy Án cùng đi ngang hàng phía sau, nét mặt nghiêm nghị để cố che giấu sự lo âu, hồi hộp. Trong điện im phăng phắc. Nguyễn Huệ mỉm cười chờ họ đến gần. Ngô Nho quì xuống đưa cao mâm lễ vật và quốc thư. Nguyễn Huệ gật đầu, ra dấu cho viên Thượng thư bộ Lễ đến nhận mâm lễ đặt trên chiếc kỷ nhưng chân thấp đặt ngay phía trước ngai. Nguyễn Huệ hắng giọng, hỏi lớn:

- Quan Tham tụng (chức vị của Trần Công Xán dưới thời Trịnh Tùng) vẫn mạnh giỏi chứ?

Trần Công Xán lễ phép đáp:

- Xin cảm tạ Chúa công. Lâu nay nhờ hồng phúc của đấng quốc quân, tôi vẫn được khỏe mạnh.

Nguyễn Huệ gật gù mỉm cười, rồi quay hỏi Duy Án:

- Hoàng thân cũng mạnh khỏe luôn chứ? Công chúa vào đây đất lạ quê người, ngày nào cũng

nhắc đến hoàng gia. Giá có Hoàng thân ở đây để Công chúa được thăm viếng hỏi han như xưa, thì hay biết mấy.

Duy Ân hoang mang chưa hiểu ý Nguyễn Huệ muốn gì, chỉ dám đáp:

- Cảm ơn Chúa công.

Nguyễn Huệ lại quay về phía Ngô Nho hỏi:

- Còn vị đây là...?

Trần Công Xán vội đáp:

- Thưa đây là ông nghè Ngô Nho, đậu tiến sĩ năm Ất Vị (1785).

Nguyễn Huệ vui vẻ nói:

- Hóa ra sứ bộ toàn là bậc trâm anh lỗi lạc của Bắc hà. Phú Xuân chúng tôi được hân hạnh nhiều lắm. Chỉ vì tên giặc Chính phủ phức tạp mà quý vị phải nhọc lòng vào đây chạy tội thay cho hấn sao?

Cả ba người trong sứ bộ hoang mang thêm, không hiểu Nguyễn Huệ đã được báo trước sứ mệnh của của phái bộ chưa. Trần Công Xán thưa:

- Đấng quốc quân chúng tôi lo lắng cho mối giao hảo giữa hai nước, nên sai chúng tôi vào đây có chút việc kính trình với Chúa công. Hiện sĩ dân Bắc hà đang nóng lòng chờ đợi tôn ý. Đấng quốc quân chúng tôi có gửi cho Chúa công một bức quốc thư. Xin kính cẩn dâng trình và được phép chờ đợi Chúa công cho biết tôn ý.

Nguyễn Huệ bắt đầu có ý nghi ngờ. Ông nghiêm mặt lại, ra dấu cho viên quan Lễ bộ đem quốc thư đến cho mình. Trước khi mở ra đọc, Nguyễn Huệ nhìn Xán hỏi:

- Việc gấp đến thế kia à?

Xán thưa:

- Chúng tôi thật ăn năn vì làm phiền đến Chúa công, nhưng...

Nguyễn Huệ cắt lời Xán, nói nhanh:

- Thôi được. Các ông chờ một chút.

Nguyễn Huệ đọc thấy nội dung quốc thư như sau:

(9) "Nghệ An là đất căn bản trong cuộc trung hưng của bản triều, và lại là quận chân tay của trấn Thanh Hoa, văn thần võ tướng phần nhiều ở đó mà ra. Những lính túc vệ cũng đều kén trong hạng đình tráng ở xứ ấy. Nếu như dùng người, bỏ đất, để họ cách trở quê làng, xa lìa họ mạc, xét trong thân tình thật là không hợp.

"Đức vua quý quốc trọng điều tín, yêu láng giềng, đối đãi bằng lòng thành thực, tưởng sự nhỏ mọn đến đâu Ngài cũng xét thấu, huống chi cái việc rất rõ rệt đó.

"Hơn nữa, trước đây Chúa công (chỉ Nguyễn Huệ) ra bắc cũng lấy việc tôn phù làm nghĩa thứ nhất. Tiên đế lúc sinh thời, từng mời Chúa công ngồi trên giường, cầm tay trò chuyện. Tiếng ngọc còn văng vẳng bên tai, vội quên sao được? Đến khi Tiên đế dựa vào lưng ghế trời trăng các việc về sau, ân cần lo cho tiểu tử tuổi còn non trẻ, muốn nhờ vào phúc ấm của quý quốc làm nơi nương tựa.

"Gần đây nghe tin quý quốc sai tướng ra đóng Nghệ An, lòng người sinh nghi ngờ. Có kẻ cho rằng do bọn bày tôi ngoài biên gây việc, không phải bản ý của quý quốc vương. Tới lúc tiếp được bức thư đưa ra, mới biết việc đó thực do mệnh lệnh của quý quốc vương. Trong thư vin vào việc mùa thu năm ngoái kẻ tiểu tử này tự xin cắt đất khao quân để làm có cho việc đóng quân ở Nghệ An.

"Nhưng kẻ tiểu tử này mới nhận mệnh trời, chưa kịp xét đến chuyện cũ. Đã sai triều thần tra lại

cái ước cắt đất, thì ra chỉ là hai châu Bố Chính, Minh Linh, không can gì đến Nghệ An. Vả lại, hồi ấy đã vâng dụ rằng: "Nếu là đất cát nhà Lê một tấc cũng không lấy". Khao quân bằng đất, sao bằng khao quân bằng của. Vậy xin tính gộp số thuế một năm của cõi đất ấy, hằng năm đưa đến biên giới để chi vào việc khao quân. Lệ ấy về sau cứ theo mãi. Xin quý vương lượng xét, cho trọn tình giao hiếu giữa hai nước. Cả nước chúng tôi lấy làm may mắn lắm!".

(10) Nguyễn Huệ xem thư một lượt, nổi giận vứt thư xuống đất quát lớn:

- Ai làm thư này? Lại thẳng giấc Chỉnh phải không? Nói toàn điều vô nghĩa lý. Người Bắc quen dùng mồm mép để dử người. Nhưng ta không phải trẻ con dễ lừa dối được đâu!

Trần Công Xán không đổi nét mặt, ung dung trả lời:

- Xin Đại vương bớt giận để tôi nói rõ. Nếu muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một lời rồi chết thì hết.

Nguyễn Huệ vốn trọng Xán từ khi ra Thăng Long. Hồi đó vua Cảnh Hưng sai quan triều sang ra mắt Nguyễn Huệ. Trong lúc ai nấy đều sợ hãi đến xám mặt, đi đứng lóm thóm, nói năng ấp úng, thì Xán vẫn ung dung tiến lui không để mất phong thể một bậc đại thần. Nguyễn Huệ thăm phục, mời đến hỏi han nhiều việc, Xán đối đáp trôi chảy, lý luận chặt chẽ, không bao giờ chịu để cho Nguyễn Huệ dùng thế căn vặn đến lối bí hoặc chịu để trấn áp. Đến nỗi sau buổi hội kiến, Nguyễn Huệ đã bảo Vũ Văn Nhậm: "Trước đây ta nghe nói Bắc hà có nhiều nhân tài, nay đến tận nơi chỉ thấy có Trần Công Xán là có vẻ người mà thôi". Vì thế Nguyễn Huệ liền đổi sắc mặt nghiêm nghị, chậm rãi nói:

- Ngày xưa ta vượt biển ra bắc, phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều chịu bó tay không ai dám làm gì. Lúc bấy giờ nếu ta chiếm giữ đất nước, xưng đế xưng vương gì mà chẳng được! Nhưng vì ta xa mền cái đức của tiên đế, nên đem cả cõi đất nguyên vẹn trả lại cho Ngài. Cơ đồ thống nhất đều do tay ta gây dựng cả. Bắc triều lại dùng chế sách "thượng công" để đền đáp ta. Chẳng biết thượng công là danh hiệu gì? Đối với ta có thêm được gì không? Kịp đến khi tiên đế chầu trời, lễ cả sơn lăng ta giúp đỡ cho. Tự vương nối ngôi, lễ lớn sách lập cũng ta chủ trương cho. Nay không cảm ơn những việc ta làm, lại chứa chấp kẻ phản ta, chống cự với ta, mưu đồ giành lại đất Nghệ An! Xử sự như thế nhân tình có ai nhận được không?

Ta đã phái hai vạn binh mã sai Tả quân Vũ Văn Nhậm thống lĩnh thẳng tới Thăng Long, chặt đầu cha con giấc Chỉnh đem về dâng. Chắc thế nào khi Chỉnh nghe tin quân ta kéo ra cũng kèm tự tôn bỏ chạy. Bấy giờ ở dưới gươm đao, ngọc đá lẫn lộn, không biết tự tôn có giữ được yên lành hay không? Nếu có làm sao, người trong nước lại qui oán về ta thì thật phiền.

Trần Công Xán liền đáp:

- Xưa Đức Lê Thái tổ dẹp yên quân Ngô mở mang bờ cõi, công đức thật như Trời. Vua Thánh Tôn tự mình làm nên thái bình rạng danh đời trước, mở rộng về sau. Từ núi Thạch Bi ra bắc, từ dãy Đại Lqqĩnh vào nam đều làm tôi làm dân, ai ai cũng phải tôn kính, trải qua hằng trăm năm. Họ Mạc tiếm ngôi, cả nước đều giận. Đấng tiên vương hội họp những người đồng chí dựng lại nhà Lê. Họ Trịnh nổi theo cũng vì có công phù Lê, cho nên mới sai bảo được bốn phương và được mọi người hưởng ứng. Từ mấy đời nay Chúa Trịnh tuy là hiệp chế vua Lê, nhưng chính sóc không đổi thay, chuông khánh vẫn ở đấy, thiên hạ vẫn là thiên hạ nhà Lê.

Đại vương ruổi xe một mạch thẳng đến kinh thành, tuy rằng oai danh vang dậy khắp nơi, nhưng cũng do lấy nghĩa cả tôn phù, khiến mọi người tôn phục mới được như vậy. Nếu không, việc vào nước người ta đâu có dễ dàng như vậy. Tiên đế thoát thấy Đại vương, tiếp đãi rất là

long trọng. Trước ban sắc mệnh làm tướng công, rồi sau sẽ phong vương, đó là điển cũ của bản triều, không phải trả ơn không hậu, chớ nên lấy như thế mà cho là bạc. Một nước đã trải hơn ba trăm năm, trời cao chứng giám, lòng người tôn sùng, đại vương đem cả cõi đất trả lại nguyên vẹn là để thuận ý trời, chiều lòng người, chưa có thể lấy đấy làm ơn. Tiên đế mất đi, Hoàng thượng nối ngôi, mọi việc đều bẩm trước với Đại vương. Đại vương không làm chủ thì ai làm chủ nữa. Lý đã đến thế, đừng cũng chẳng được!

Tôi không dám khen ngợi để dâng lời ton hót. Đại quân về nam, Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi theo, Đại vương để hấn ở lại Nghệ An, sao lại bảo hấn làm phản? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, bản triều phải giữ lấy bờ cõi, sao lại nói là tranh giành? Đại vương phái binh mã ra, nếu là để thăm hỏi, bản triều đã có lễ nghinh tiếp. Bằng không, thì như người xưa có nói: "Nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ". Tôi nay đã ra khỏi cõi, việc ấy không còn dám biết đến. Tự hoàng của nước tôi trời đã sai làm vua, để vương có chân mệnh, gươm đao cũng phải lựa chọn, đại vương chớ có lo. Nếu đại vương cứ thuận lẽ trời mà làm, gây dựng lại một nước đã suy, nối lại họ đã đứt, để cho nước của nhà họ Lê yên ổn, thì tôi dân của nước ai chẳng cảm đội công đức, còn có oán gì? Nhược bằng làm trái lại, sự thế thay đổi khác thường, tôi đây ngu dại, không thể nào thấy trước được.

Nguyễn Huệ nghe Trần Công Xán lý luận chặt chẽ, đối đáp trôi chảy, trong lòng vừa giận vừa phục. Thực tình Bắc Bình vương chưa tìm được lý lẽ nào để bác bỏ lập luận của Xán. Lúc ấy bên ngoài trời đã sắp tối. Nguyễn Huệ bảo:

- Thôi! Các ông hãy về nhà trọ nghỉ đi nghỉ lại cho kỹ!

Trần Công Xán liền đáp:

- Nghĩ lắm càng quẩn, chỉ một cái chết là xong!

Nguyễn Huệ nổi giận, quát lớn:

- Người tưởng lấy miệng lưỡi chọi được lưỡi gươm của ta sao!

Xán cũng lớn tiếng đáp:

- Cái gì cũng không qua được lẽ. Đại vương không thể ngồi trên yên ngựa mà thiết triều, hoặc viết chiếu bằng mũi kiếm.

Nguyễn Huệ càng tức giận hơn, sai đem giam Trần Công Xán vào ngục. Duy Án và Ngô Nho cũng bị giam, mỗi người riêng một chỗ.

Bên ngoài trời đã tối hẳn.

* * *

Buổi tối hôm đó, Bắc Bình vương về chính cung nên công chúa Ngọc Hân có nôn nao với tin hoàng thân Duy Án bị giam cũng không thể làm gì được. Sáng hôm sau, Nguyễn Huệ lại bận bàn kín việc khẩn với quan Tư mã Ngô Văn Sở, quan Lễ bộ Vũ Văn Trự và quan Trung thư Trần Văn Kỷ. Quân hầu được lệnh cấm cửa, tuyệt đối không cho phép ai được làm phiền chúa công.

Trần Văn Kỷ tâu:

- Tôi có cho người dò xét, thấy quan chánh sứ Trần Công Xán vẫn cười nói như thường, không có chút gì khiếp phục. Tôi sai đem giấy bút cho lính ngục giả vờ xin một bài thơ để đoán ẩn tình, ông ấy chụp bút viết hai câu đối vào vách ngục.

Nguyễn Huệ cười bảo:

- Lại cái tật của bọn cuồng chữ. Hấn viết gì thế?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Hai câu đối như sau:

Đạt đức hữu tam, tưng vị năng chi, nguyện học.

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vuu.

(Đạt đức có ba (nhân, trí, dũng), dù chẳng làm nên, xin học!

Tiểu tâm như một, noi theo chí cũ của mình, oán gì!)

Tư mã Ngô Văn Sở không hiểu gì cả, bực bội nói:

- Chỉ phí mực và bẩn vách! Đem chém quách cả lũ cho xong. Chúa công không nhớ lúc ta đem quân ra bắc, chính tên tham tụng này đã không chịu lên trốn ban đêm như mấy đứa khác, lại ở bên cạnh Trịnh Khải cố khuyên liều chết chống cự. Có người thuật lại chính mắt trông thấy hắn mặc nhung phục, đeo gươm, đứng hộ vệ Khải ở lầu Ngũ Long. Còn cách ăn nói của hắn xấc xược ngạo mạn ra sao, thì Chúa công đã quá rõ. Nghe đâu dân Bắc hà gọi hắn là thầy của thằng giặc Chính. Giết thằng thầy trước, sau mới tóm học trò.

Nguyễn Huệ lắc đầu bảo:

- Không nên. Nhân tài Bắc hà, Xán cũng thuộc loại giỏi đấy. Ta muốn thu phục hắn để dùng, nhưng chắc hắn không chịu. Ông Kỷ, ông Trụ! Các ông thử khuyên dụ hắn một phen nữa xem sao!

(11) Hai người đến chỗ giam, thấy Xán mang gông nằm sắp. Vũ Văn Trụ nói:

- Ông già sao lại tự mình làm khổ mình như vậy?

Trần Công Xán ngồi dậy, nhận ra được viên quan bộ Lễ, phỉ bụi trên râu tóc và quần áo, rồi nghiêm giọng đáp:

- Cũng là số mệnh đấy thôi!

Quan Trung thư Trần Văn Kỷ nói:

- Quân tử có khi không cần theo mệnh. Chế ngự được mệnh chỉ cốt ở mình. Ví như đánh bạc, đồng tiền một sắp một ngựa. Ta theo kẻ được mà đánh, thiên hạ sẽ khen ta giỏi đánh bạc.

Xán liền đáp:

- Đó là thói phường cờ bạc, không phải đạo người quân tử. Tôi nghe nói trong sách có câu: "Làm bề tôi phải chết vì chữ trung". Đây là lời dạy của người xưa.

Hai người biết không thể làm lung lay được ý chí của Xán, im lặng quay ra và nói với nhau:

- Nhà Hán có Tô Tử Khanh (12), nhà Lê có Trần Công Xán. Đáng thương mà cũng đáng ghét thay!

Nguyễn Huệ dầu dầu nét mặt, lắng nghe kết quả cuộc thuyết phục. Vô tình bàn tay ông mơn man trên vết sẹo ở cánh tay trái. Trần Văn Kỷ kể xong, Nguyễn Huệ nói:

- Lại thêm một tên hủ nho nữa! Nay nước ta có việc lớn thôi, lòng người còn phân vân. Việc biến trong nhà không nên để cho láng giềng nghe biết. Sứ Bắc ở đây, tai vách mạch rừng. Họ ở xa đến để dò xét ta, giữ họ ở lại thì họ biết rõ tình hình trong nước, hoặc nhân đó xúi giục gây nên việc không hay. Thả họ về thì họ lại rêu rao làm lộ việc. Người Bắc hà mà biết, lại sinh lòng khinh rẻ ta. Bởi thế, ta định ném họ xuống biển để cho hết tiếng tăm, dấu vết. Vậy cứ theo chước đó mà làm. Ông Sở giao việc đưa sứ thần về bắc bằng đường biển cho ai được?

Ngô Văn Sở đáp:

- Đô đốc Võ Văn Nguyệt tính cẩn thận kín đáo, có thể tin cậy.

Bắc Bình Vương gật đầu:

- Ta giao cho ông xếp đặt.

Trần Văn Kỷ vội hỏi:

- Trước khi đi, có cần bảo họ gì không ạ?

Huệ ngấm nghĩ, rồi nói:

- Kể ra cũng không cần. Nhưng... cứ dẫn họ đến cho ta an ủi vài lời. Cho Hoàng thân đến thăm Công chúa luôn thể.

Lúc sứ bộ vào từ giã, Nguyễn Huệ nói:

- Các ông hãy về trước, chờ lúc ta ra ngoài ấy vờ vào gặp mặt, sẽ có cách xử trí vụ Nghệ An.

Bắc Bình Vương lại sai đem tặng họ 100 nén bạc và bảo:

- Đây là của Công chúa gửi biếu, các ông đừng chối từ!

(1) Hoàng Lê trang 190

(2) Hoàng Lê trang 190

(3) Hoàng Lê trang 192

(4) Dựa y theo Hoàng Lê, trang 194.

(5) Hoàng Lê trang 200

(6) Hoàng Lê trang 201

(7) Hai câu này đều có nghĩa muốn nhường nước cho người khác. ở đây tỏ ý nhường cả nước cho Tây Sơn, chỉ xin cắt lại một mảnh để vua Lê lấy chỗ thờ cúng tổ tiên.

(8) Hoàng Lê trang 199

(9) Hoàng Lê trang 198, 199

(10) Hoàng Lê trang 203

(11) Hoàng Lê trang 206

(12) Tô Vũ đòi Hán, đi sứ Hung Nô bị vua Hung Nô giữ lại, bắt nuôi dê 19 năm ròng ở Bắc Hải mà vẫn không chịu khuất phục.

Chương 78

Suốt mười năm trở thành trấn phủ của họ Trịnh, cung điện Phú Xuân không thay đổi bao nhiêu. Qui mô thành quách, lâu đài vẫn như cũ. Màn trướng đồ đạc bị thất thoát khi kinh thành đổi chủ sau đó lại được sắm sửa trở lại. Dĩ nhiên không thể như xưa. Dù sao, Tào quận công cũng đủ khôn ngoan để không dám sống cuộc đời đế vương ở chỗ biên viễn. Những thuộc hạ của ông chỉ chờ có thể, để mật tấu đủ điều về Thăng Long, hòng cướp mất chức trấn thủ Thuận Hóa béo bở. Thành thử cung điện vẫn uy nghiêm, rộng rãi, đồ sộ, nhưng cách trang trí bày biện có phần nào kém trước.

Khi quân Tây Sơn chiếm Phú Xuân, một lần nữa kinh thành lại đổi chủ, lần này cung điện nhà Nguyễn chịu nhiều đổi thay. Thiệt hại giao tranh khá lớn, tàn phá một phần vườn thượng uyển và các dãy nhà trong hoàng thành. Màn trướng, đồ đạc, lớp bị quân lính xé đốt, lớp bị dân chúng tràn vào hôi của. Sau khi khói lửa được dập tắt, cung điện Phú Xuân chỉ còn cái xác tiều tụy. Tam cung lục viện đều dùng làm trại lính. Một số đồ dùng đóng bằng gỗ quý bị chẻ ra làm củi nấu cơm. Màn trướng đắt giá trở thành giẻ lau súng. Không phải những người chiến thắng không biết giá trị những thứ họ đang lãng phí. Họ biết lắm chứ! Họ trầm trồ khen ngợi, chóa mắt trước vẻ sang trọng, tráng lệ của chốn đài các vương giả. Nhưng họ làm gì được với những của cải không thuộc về họ? Chưa bao giờ thuộc về họ, sẽ không bao giờ thuộc về họ. Trong cơn say sưa chiến thắng, trong nỗi ganh ghét chua chát, họ đâm ra bạo dạn. Họ phá phách không chùn tay. Hả hê là khác! Quân đóng trại trong cung điện không bao lâu, mà mọi thứ từ bàn, kỷ, sập, chén bát, hoa cỏ, chim chóc, màn trướng, xe ngựa do Tào quận công để lại đều bị hư hỏng, xơ xác. Mức độ thiệt hại lên quá cao, đến nỗi khi ở Thăng Long về, Nguyễn Huệ ra lệnh sửa chữa, trang hoàng lại cung điện Phú Xuân để chính thức thành lập một vương triều, ông mới thấy số chi phí phải lớn lắm. Không thể cùng một lúc sửa sang lại tất cả, dù có thêm số chiến lợi phẩm mang từ Bắc hà về. Phải từ từ. Bắt đầu từ chỗ tối cần thiết là nơi làm việc, thiết triều. Rồi đến các trạm canh, chỗ ở của quân cấm vệ, tàu ngựa, nhà kho v.v..

Hầu hết các tướng tá đều không đem vợ con theo, nên tạm thời họ sống cuộc đời đơn giản của người viễn chinh. Họ chia nhau ra ở các phòng xưa kia dành cho hoàng tộc và các phi tần nhà Nguyễn. Nguyễn Huệ thì ở ngay trong căn phòng khá rộng kề sát phía sau điện Chánh Tẩm để tiện cho công việc. Công chúa Ngọc Hân cũng ở đây cùng với hai thị nữ nhỏ tuổi đem từ Thăng Long vào. Công chúa đặt ngay cho tổ ấm của mình cái tên "Tử Các" cho giống với phòng hợp cẩn ở phủ chúa Trịnh. Trong lúc Nguyễn Huệ đích thân điều khiển việc sửa sang, trang hoàng lại điện Chánh Tẩm, Công chúa cũng đích thân sai bảo các thị nữ, lính hầu gầy dựng lại vườn hoa. Công chúa thích nhất hoa cúc. Vì thế chẳng bao lâu cả khu đất ngày xưa là vườn thượng uyển của chúa Nguyễn đã sặc sỡ, vàng rực màu hoa.

Cuộc tranh chấp giữa Phú Xuân và Qui Nhơn được giải quyết, Nguyễn Huệ đem được vợ con ra Phú Xuân, đã đặt ra những vấn đề mới. Vương triều mới đã có cương giới, từ Nghệ An vào đến Bến Ván. Gia đình các tùy tướng đã đoàn tụ. Hết rồi cái thời có thể cùng nhau sống tạm bợ ở một trại lính nào đó theo nhu cầu hành quân! Triều đình có những đòi hỏi về nghi thức. Cung phủ cũng phải được xếp đặt, tổ chức lại. Năm tòa nhà xây cất toàn bằng gỗ quý trong nội cung được cấp tốc sửa sang, trang trí. Vợ con của Chính Bình vương Nguyễn Huệ vừa từ Qui Nhơn ra, được đưa đến ở tại tòa nhà ở phía nam của vương các ba tầng. Công chúa Ngọc Hân thì dọn vào ở tòa nhà phía bắc. Rồi phải tổ chức đời sống, sinh hoạt bên trong Tử Cấm Thành cho đúng với phép tắc luật lệ xưa nay của các nơi cung cấm. Biết bao nhiêu điều phức tạp cần đến kiến thức cổ vấn của một nàng công chúa dòng dõi như Ngọc Hân!

*
* *

Điều dễ đoán là vào giai đoạn ấy, vai trò của Lợi tự nhiên trở thành quan trọng. Anh đã có nhiều kinh nghiệm trong việc bày biện, trang hoàng ở Hoàng đế thành mười năm về trước. Lợi lại am tường hơn ai hết danh mục các chiến lợi phẩm mang từ Bắc hà về, biết rõ loại vải vóc đồ đồng đồ sứ đó được bao nhiêu, hiện nằm tại kho nào, muốn dùng các món ấy vào việc sửa sang cung điện thì cần qua các thủ tục gì. Trong lúc tổ chức chính yếu còn thô sơ, guồng máy cai trị chưa được ổn định, dường như đi đâu cũng gặp những cánh cửa đóng. Phải biết gõ cửa đúng lúc, và đúng nơi. Còn ai có khả năng đặc biệt ấy hơn Lợi?

Tình trạng bất ổn về kinh tế cũng giúp cho Lợi trở nên hữu hiệu. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, hàng hóa trên thị trường trở nên khan hiếm. Ngoài thực phẩm, các món hàng hiếm khác đều biến mất trên thị trường. Ngoài phố, các nhà buôn hoặc đóng cửa, hoặc chỉ bày những món hàng ít giá trị. Muốn mua các thứ đắt tiền, phải nắm được đường dây. Công việc sửa sang cung điện thật khẩn cấp, kho vật liệu của Phú Xuân thiếu quá nhiều loại tối cần. Làm sao đây? Xoay ở đâu? Những tướng lãnh từng trăm trận trăm thắng trên chiến trường đến đây cũng lạc vào cảnh chợ trời đen đỏ bấy giờ không tìm được lối ra như đứa trẻ lạc mẹ mà thôi. Một lần nữa, tài giao thiệp, những cuộc chè chén say khướt ở cao lầu quán rượu ven chợ Phú Xuân với đủ hạng con buôn lớn nhỏ của Lợi trở nên hữu dụng. Hơn lúc nào hết, Lợi phát triển đến tột đỉnh cái tài xoay xở của mình. Anh trở thành người thực sự điều khiển của cả hai bộ hộ và bộ công, trước sự thán phục và ganh tị của mọi người.

Trong lúc đó, An cũng trở nên một nhân vật quan trọng!

Cuộc vượt biển tìm chồng của An, dù không có những lời ba hoa loan truyền có chủ ý của Lợi, tự nó đã có nhiều điểm hấp dẫn ly kỳ. An trở thành con người của thời sự. Mẹ con An vừa đến Phú Xuân ít lâu, câu chuyện đào thoát của chị mau chóng trở thành một thứ huyền thoại. Vừa khắp khởi hân hoan, vừa e dè bẽn lẽn, An đón nhận những lời hoang truyền về mình từ khắp nơi, ở góc chợ, ở bến đò, ở quán tạp hóa, ở giữa phố, ở ngay căn lều thấp của mấy người lính canh. Người ta chỉ trỏ chị, xì xào về chị mỗi khi có ai đó mách cho người khác biết An là ai. Mà An là ai chứ? Qua lời thiên hạ, An không nhận ra mình nữa! Chị bị biến thành đủ thứ điển hình: hoặc một người vợ liều lĩnh vượt biển tìm chồng; hoặc một "liệt nữ" thà chết không chịu sống dưới ách cai trị của một bạo chúa; hoặc... hoặc một người tình tuyệt vọng tha thiết đi tìm một người tình cũ! Không hiểu do đâu (có thể là do chính những lời bóng gió nửa đùa nửa thật của Lợi), dân Thuận Hóa đều biết mối tình cũ giữa Nguyễn Huệ và An!

An đón nhận thú vinh quang bất ngờ đó với thái độ thờ ơ và tâm trạng lo âu. Chị tự thấy

không xứng đáng chút nào để được thiên hạ sẵn đón như vậy. Chị còn xem đây là một điều lắm lần không có lợi cho ai. An ngay ngáy lo ngại cái lúc thiên hạ khám phá ra sự giả dối, như một cô gái bị nhận lầm là công chúa lưu lạc. Vì thế, An tránh ra khỏi nhà, tránh các cuộc gặp gỡ, trò chuyện. Chị thu nhỏ người lại, nghĩa là làm hoàn toàn trái ngược với chồng!

Nhưng hoàn cảnh lại không cho phép An ru rú sống trong khuôn viên gia đình. Công chúa Ngọc Hân không chịu đựng nổi cảm giác lạc lõng giữa Phú Xuân xa lạ, lo âu cho kỳ thai nghén đầu tiên trong đời, băn khoăn trước cuộc tranh chấp giữa anh em Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ, hoang mang trước tương lai bất trắc của dòng họ, nên thường xuyên cho vờ An vào cung để tâm sự. Hai người mau chóng trở thành bạn tâm tình của nhau, vì ngoài những duyên cớ nhỏ như cùng một niềm trân trọng đối với văn chương thi phú, cùng một cảm tình đối với cúc vàng, trên hết mọi lẽ, là niềm cảm thông trầm lặng bên bên vì cùng ngưỡng mộ một người!

*

* *

Theo lệnh của Nguyễn Huệ, Lãng vội vã đi tìm chị. Vương không giấu được hết vẻ bối rối khi bảo Lãng:

- Không có chuyện gì gấp đâu. Cậu đừng làm cho "cô ấy" lo (Lâu lâu, Nguyễn Huệ lại dùng hai tiếng "cô ấy" để gọi An, nhất là khi nói chuyện riêng với Lãng). Lúc nào rảnh, hãy đi. Mà hiện giờ cậu không bận việc gì chứ? Cậu đã bảo quan Trung thư lệnh thảo lá thư gửi cho La Sơn phu tử chưa? Không! Ta chỉ hỏi cho biết thôi, hãy thư thả. Cầu hiền đâu phải đi đòi nợ mà cứ thôi thúc người ta mãi. Cậu sửa lại cái cổ áo, bị chệch sang phía phải mất rồi. Không, phía phải của ta tức là phía trái của cậu. Đúng đấy. Được rồi. Về cái việc ta nhờ cậu ấy mà...

Lãng băn khoăn không hiểu rõ ý Chính Bình vương, rụt rè thưa:

- Dạ... bẩm... quan Trung thư lệnh...

Chính Bình vương cười xòa, cắt lời Lãng:

- Không. Chuyện kia kìa. Nói trước với "cô ấy" là không có gì gấp đâu. Nếu là chuyện quốc sự đáng lo ngại, phải hạ chỉ triệu đến chứ! Tính cô ấy hay hải, ta đâu có quên. Sở dĩ phải nhờ đến Lãng, là vì ta muốn cô ấy hiểu đây là chuyện riêng tư, trong chỗ thân tình. Ta có nhiều việc khá rắc rối, phải nhờ cô ấy giúp. Cậu hiểu chứ?

Lãng chưa hiểu gì cả, nhưng không dám hỏi vì thấy gương mặt Nguyễn Huệ có vẻ bối rối khác thường: mắt nhấp nháy không nhìn thẳng một hướng, da mặt đỏ, môi mím lại sau mỗi câu nói.

Lãng đáp liều:

- Dạ bẩm... hiểu ạ!

Chính Bình vương đột nhiên nghiêm giọng hỏi:

- Cậu hiểu gì nào?

Lãng ú ớ không trả lời được, vì mãi đến lúc này, anh vẫn chưa hiểu Nguyễn Huệ muốn nhờ An việc gì. Nguyễn Huệ lại cười, trong một chốc bỏ hết vẻ dè dặt bối rối, giải thích gọn và rõ cho Lãng nghe:

- Vì là chuyện đàn bà nên phải nhờ đến An. Cậu biết đấy, Công chúa vào đây lạ cảnh lạ người, lại ở thời kỳ thai nghén. Bây giờ... (Nguyễn Huệ ngập ngừng một lúc mới tiếp) có Hoàng hậu ra đây, Công chúa phải khéo xử hơn. Hai đảng khác nhau quá, không biết có hòa hợp nhau được không. Vì thế mới phải nhờ đến cô ấy. Lâu nay cô ấy vẫn thường đi lại tâm tình với Công chúa. Cô ấy từng dạy chữ cho Hoàng hậu. Chỉ có cô ấy mới đảm đương nổi cái chuyện đàn bà phức tạp này.

Lăng hiểu rõ ý của Nguyễn Huệ hơn, vui mừng góp lời:

- Dạ vâng. Chị An có thể đảm đương việc ấy. Thưa... thưa gọi chị ấy đến ngay bây giờ phải không ạ?

Nguyễn Huệ gật đầu, rồi, chợt nghĩ lại, vội vã xua tay:

- Khởi cần. Cậu nói lại với cô ấy điều ta nhờ, và bảo cô ấy đến gặp Công chúa. Ta đã báo cho Công chúa biết chiều nay Hoàng hậu sẵn sàng tiếp kiến Công chúa. Cậu đi gấp đi. Không lại muộn mất!

Lăng không ngờ mọi sự đã xếp đặt từ trước, mà Nguyễn Huệ lại dài dòng quanh co khi nhờ Lăng đến gọi An! Ra khỏi điện Kim Hoa, anh thúc ngựa chạy nhanh đến nhà chị, sợ không gặp được An. Tên lính hầu lạ mặt người Huế nhất định không cho Lăng vào cổng, nặng nề đòi Lăng phải trình "quí danh" và đứng ngoài cổng đợi "bà lớn" cho phép mới được vào. Lăng bức quá, không thêm cột ngựa, quăng cả bộ dây cương vào mặt tên hầu. Hắn lúng túng, kinh ngạc đưa hai tay ra chụp bộ dây cương, và trước khi hắn kịp phản ứng, Lăng đã vào hẻm trong sân.

Anh không gặp ai ở nhà trên cả. Lũ bàn kỹ, màn trướng sang trọng rực rỡ treo tức Lăng. Nghe có tiếng cười nói ở tầu ngựa, Lăng chạy ra phía vườn. Hầu như cả gia đình Lợi tụ họp đông đủ ở đó, kể luôn mấy người hầu gái và tên cắt cỏ ngớ ngẩn. Vừa gặp An, Lăng đã trách:

- Chị đã thay tên gác cổng?

An cười, nét mặt rạng rỡ hân diện khác thường, vừa nói vừa liếc về phía Lợi lúc đó đang chăm chú nhìn ngựa ăn cỏ:

- Sao? Em thấy hắn thế nào? Có phải là biết thưa trình lễ phép hơn thằng trước phải không?

Lăng nén giận hỏi lại:

- Thằng cũ người trong mình đâu rồi?

- Trả nó lại trại lính rồi. Nó ý đồ đồng hương với chủ, ăn nói vô phép vô tắc.

Rồi An hạ giọng xuống, cười tủm tỉm, mắt liếc dò chừng chồng:

- Tên gác cổng này, anh Lợi chọn lọc lâu lắm mới tìm ra đấy. Hắn là người hầu cận của quan quốc phó, nên biết hết phép tắc nhà quan.

Lăng chưa kịp nghĩ ra, kinh ngạc hỏi:

- Quan quốc phó nào?

An trở mắt nhìn em:

- Quốc phó nào? Em tôi để hồn ở đâu vậy? Thì quan Tả ngoại Trương Phúc Loan.

Lăng càng giận hơn, vừa định tìm một câu thật độc địa để mĩa mai chị, thì Lợi đã bỏ tầu ngựa chạy đến chỗ Lăng. Lợi xoa tay cho cám rơi xuống bót, vui mừng hỏi em vợ:

- Xong rồi hả? Chừng nào có chiếu?

Lăng hiểu ngay Lợi muốn hỏi việc nhờ vả Lăng nhắc nhở Chính Bình vương hợp thức hóa chức vụ của Lợi ở bộ Hộ, nên đáp ngay:

- Chưa có gì.

Lợi xịu mặt, hỏi:

- Sao chậm thế? Hay là cậu...

Rồi dường như Lợi nhận ra nét mặt cau có của Lăng, dậm ra e dè, anh chuyển sang chuyện khác:

- Lăng phải đến xem con ngựa ô của anh. Giống quí đấy nhé. Hai tai cũng nhỏ và thẳng giống y tai ngựa Tây dương của... của "lão già lẩm cẩm" trong Qui Nhơn độ nọ. Lông đen mượt, bụng thon, giò khỏe. Con ngựa ô khỏe nhất của kinh thành Phú Xuân đấy nhé!

An chen vào:

- Nhưng em vẫn thích con ngựa bạch hơn. Trông nho nhã như một thư sinh.

Lợi bấu môi:

- Ngựa bạch lỗi thời rồi. Chỉ có bọn mới tập tò học làm sang sợ ngã mới cưới ngựa bạch. Lãng thấy không, Chính Bình vương cũng cưới ngựa ô. Thế nào rồi bọn tướng tá cũng đua nhau mua ngựa ô cho xem. Lãng có tiền, mua vài con ngựa ô nuôi đó, thế nào cũng kiếm được khối lời.

Hiện giờ Lãng cưới loại ngựa nào thế?

Lãng bắt đắc dĩ, đáp:

- Em không có ngựa riêng. Khi nào cần, thì lấy ngựa của đội cấm vệ.

Lợi tròn xoe mắt nhìn Lãng:

- Cậu không có lấy một con ngựa riêng? Có tin được không hở Trời! Một người thân tín của Chính Bình vương mà phải cưới ngựa trạm! Thôi, cậu cứ dắt con ngựa bạch của anh về bên ấy mà cưới. Đừng ngại gì cả, anh đẩy được nó đi để trống tàu ngựa nuôi thêm một con ngựa ô nữa. Lúc đó thằng Phát từ phía tàu ngựa chạy đến hỏi cha:

- Có cho nó ăn thóc thêm không cha?

An nhắc con:

- Sao không chào cậu?

Thằng Phát vòng tay lí nhí như cái máy:

- Chào cậu ạ. Có cần cho thêm thóc không hở cha?

Lãng hỏi:

- Con Thái đâu rồi?

Thằng Phát không đáp. An hơi ngượng trước sự vô lễ của con, đáp thay:

- Chắc nó ra phía vườn sau.

Lãng đưa cái túi vải đựng chục quả cam cho cháu:

- Có cam cho hai cháu đây.

Phát lay tay cha:

- Con cho nó thêm ít thóc, cha nhé. Cảm ơn cậu. Mẹ cầm giúp cho con đi. Con không ăn cam đâu.

Nói xong, nó chạy trở lại chuồng ngựa. An vui vẻ nói:

- Mấy hôm nay chúng nó ăn hồng đến bỏ cả cơm nước. Hồng Quảng Đông ngon thật đấy. Chốc nữa Lãng nhớ nhắc chị, để chị lựa một ít đem về bên đó mà ăn. Chị còn nhiều quá, mà cho bọn lính hầu thì phí đi.

Lãng bậm môi lại để nén giận. Chờ cho Lợi đi về phía tàu ngựa với thằng Phát, Lãng nghiêm mặt bảo chị:

- Chị mau quên quá!

An không hiểu, ngạc nhiên hỏi:

- Em nói gì thế?

Lãng không muốn hai chị em lại gây gổ nhau, nói nhanh:

- Anh Huệ muốn nhờ chị một việc quan trọng đấy!

An vừa mừng vừa lo, liếc về phía Lợi hạ thấp giọng hỏi:

- Việc gì thế, sao không nhờ anh Lợi?

Lãng đáp:

- Anh ấy nhờ chị đưa Công chúa đến ra mắt Hoàng hậu.

An hiểu ngay vận may lại đến với mình, nôn nao sung sướng đến líu lưỡi khi vò vạt hỏi em:

- Chùng nào? Ngay bây giờ à?

Lãng chậm rãi đáp:

- Chị chuẩn bị sẵn sàng đi. Chiều nay em sẽ đến đón.

An đưa tay lên ngực để trấn tĩnh:

- May quá. Chị vừa may được bộ quần áo mới có thêu hoa ở cổ tròn. Nếu không, Công chúa và Hoàng hậu lại tưởng phải tiếp một mụ nhà quê nào đó đến xin ân huệ. Lãng có muốn xem quần áo mới của chị không?

Lãng vội xua tay nói:

- Thôi. Cho em về. Cuối giờ Ngọ em sẽ lại đây. Anh Lợi đâu rồi?

Lợi nghe tiếng Lãng hỏi, từ tàu ngựa hỏi lớn:

- Cậu không dẫn con ngựa bạch về luôn thể à?

Lãng đáp:

- Để hôm khác. Với lại em cũng chưa cần.

*

* *

Cuộc hội kiến mà mọi người đều e ngại mỗi khi nghĩ đến vì lo sợ các hậu quả bất trắc của nó, diễn ra buổi chiều hôm ấy, một buổi chiều hạ tuần tháng ba tại Triều Dương Các (1), chỗ ở của Hoàng hậu.

Công chúa Ngọc Hân nài nỉ An ngồi chung kiệu với mình, dù An lo lắng chối từ nhiều lần. An hiểu rõ các ràng buộc của lễ nghi, đồng thời cũng biết ở đây không thiếu gì người chăm chăm soi mói theo dõi hai vợ chồng chị vì ganh tị. Về sau, thấy Công chúa gần bật khóc vì tuyệt vọng, chới với, An đành phải lên kiệu của Công chúa.

Ngọc Hân đã gần đến ngày sinh đẻ nên phải khó nhọc lắm mới bế bụng ngồi lọt vào trong kiệu. Một thị nữ và An phải nâng vai Công chúa, một thị nữ khác đỡ nhẹ sau lưng. Mải lo tìm hết lý lẽ để khỏi ngồi chung kiệu với Ngọc Hân, An không kịp chú ý đến cách ăn mặc của Công chúa. Lúc kiệu bắt đầu di chuyển, chị mới ngỡ ngàng trước cách ăn vận quá giản dị của công chúa thuộc một dòng họ từng trị vì ở đất văn vật suốt hai trăm năm: Công chúa mặc một bộ quần áo lụa màu nâu, có thêu những hoa cúc vàng nhỏ nhắn chung quanh cổ và ở tà áo làm thành những đường viền hoa văn trang nhã.

Kiệu di chuyển đã lâu mà hai người chưa tìm được câu gì để nói với nhau. Công chúa có vẻ bất yên, ánh nhìn thẳng thốt, đôi môi nhỏ mím lại, lâu lâu Công chúa đưa lưỡi rà theo khóe môi trái. Đôi tay nhỏ, trắng xanh, cứ vò nhàu cả tà áo trước. Mãi một lúc lâu, Công chúa mới hỏi An:

- Còn xa không, chị?

An vội đáp nhỏ:

- Sắp đến nơi rồi.

Câu trả lời của An càng khiến Công chúa hốt hoảng. An đâm thương hại, tìm cách chuyển câu chuyện sang những điều tầm thường vô hại. An nói:

- Cái áo của Công chúa, ai thêu đẹp quá!

Ngọc Hân quay nhìn An, mặt đỏ vì ngượng. Công chúa hỏi:

- Tôi ăn mặc thế này, có thất lễ với Hoàng hậu không?

An đáp:

- Dạ không đâu. Vả lại...

An định nói: "Vả lại, Hoàng hậu xuất thân dân giả, đâu dám chê một công chúa càn vàng lá ngọc", nhưng Công chúa đã tiếp:

- Trưa nay, lúc giờ lại tư trang, đột nhiên tôi tìm thấy chiếc áo thời con gái này. Chính tôi cắt may và thêu đấy. Tôi chọn nó, vì nghĩ... vì nghĩ phận nhỏ phải cư xử như thế. Năm nay Hoàng hậu được bao nhiêu xuân xanh rồi, chị?

An nhắm tính, rồi đáp:

- Khoảng 28, 29. Con đầu của Hoàng hậu đã lên bảy.

Công chúa nói:

- Có lẽ tôi nhỏ hơn Hoàng hậu đúng một giáp cũng nên. Chị An này, không hiểu sao tôi sợ... làm phiền lòng Hoàng hậu.

An quay nhìn kỹ nét mặt Ngọc Hân, tưởng Công chúa cố nói một câu khách sáo để mong An thuật lại cho Hoàng hậu. Nhưng không. Khuôn mặt của Công chúa, trờ đôi mắt long lanh hoang dại như đã thoát khỏi sự kiểm soát của Công chúa - vẻ hoang dại mệt mỏi thường thấy ở các phụ nữ mang thai - vẫn còn giữ nguyên nét ngây thơ vô tội của tuổi mười bảy: nước da trắng hồng, cái mũi nhỏ phập phồng theo hơi thở, cái môi dưới hơi trề ra như sắp nũng nịu, vùi vĩnh. Cái cổ nhỏ, đôi vai vuông và hẹp... Tất cả dáng điệu ấy không có chút gì tính toán, mưu chước.

An then với mình, lễ phép đáp:

- Công chúa yên tâm. Tính Hoàng hậu ít nói, hiền lành. ở Qui Nhơn, trong khi các bà ghen tị, hiềm khích nhau vì đủ thứ lý do, Hoàng hậu ít khi kinh cãi hoặc làm phiền lòng ai. Nói như dân Qui Nhơn, thì Hoàng hậu "hiền như đất cục". Để rồi Công chúa xem!

Ngọc Hân vẫn chưa yên tâm:

- Nhưng... nhưng Tướng quân tự ý ra bắc, rồi tự ý đèo bè, về đến đây lại không chịu về Qui Nhơn, để vợ con phải khổn khổn. Tôi sợ Hoàng hậu hiểu lầm...

An cười, đáp:

- Hoàng hậu lấy chồng bao nhiêu năm không rõ tính tình chồng hay sao! Để gì lung lạc được... Tướng quân (An định nói "anh Huệ" nhưng ngưng lại kịp, và gọi Huệ y như cách gọi của Ngọc Hân), khi Tướng quân đã quyết làm một việc gì. Dù trẻ và đẹp như Công chúa...

Ngọc Hân ngạc nhiên cảm thấy trong câu nói của An có cái giọng kiêu hãnh nhiệt thành đến độ ngưỡng mộ sùng kính, lại vừa có cái giọng thách thức, trách móc. Công chúa bần khoăn suy nghĩ: "Có thật không? Hóa ra thiên hạ đồn đãi không phải hoàn toàn vô căn cứ. Chị ấy còn say mê đến mức ấy sao?" Ngọc Hân liếc nhìn An, yên tâm khi nhìn thấy ở khóe mắt An đã có những vết chân chim lò mờ, và da mặt An hơi tái. Vừa lúc đó, kiệu dừng lại. An mím môi, quay về phía Công chúa, cố lấy giọng trịnh trọng nói:

- Bẩm công chúa, ta đã đến Triều Dương các.

*

* *

Hoàng hậu ngồi chờ "khách" trên cái tràng kỷ gỗ mun điêu khắc tỉ mỉ công phu, trước mặt kê sẵn cái bàn mặt đá hoa thấp, trên bàn, bày sẵn coi trầu bằng đồng và khay nước trà. Dường như Hoàng hậu quá chú tâm đến buổi hội kiến này, nên lúc An và Công chúa bước vào phòng, hai người đã thấy Hoàng hậu ngồi thật ngay ngắn trên kỷ, lưng không dựa vào chỗ tựa, tay trái ôm lấy đứa con trai đầu lòng như muốn tìm một chút bảo đảm quen thân. Hoàng hậu mặc chiếc áo gấm vàng rực có thêu hình một con chim phượng thật lớn ở vạt trước, chân mang đôi hài kim tuyến óng ánh. Cũng như An, Hoàng hậu kinh ngạc trước cách phục sức quá giản dị của

Công chúa. Khám phá đó càng khiến Hoàng hậu bối rối hơn. Hoàng hậu thu đôi chân xuống dưới tràng kỷ, kéo Quang Toản vào lòng để che bớt con chim phượng sắc sỡ. Rồi từ sự bối rối, Hoàng hậu cảm thấy một nỗi hờn giận vu vơ dần dần loang ra, xâm chiếm cả lòng mình. Răng trên cắn chặt lấy môi dưới để trấn tĩnh, Hoàng hậu nghiêm trang đưa mắt quan sát Công chúa, và ghi nhận thêm được dáng đi nặng nhọc mà khoan thai đài các, khuôn mặt trẻ con cố ý lập nghiêm, nước da trắng ngà và cuối cùng là cái bụng mang thai khá lớn sau làn áo lụa nâu thẫm. Nỗi giận hờn trong lòng Hoàng hậu đậm thêm. Quang Toản gần muốn ngạt thở trong vòng tay ôm của mẹ. Công chúa Ngọc Hân chậm rãi quì xuống trước tràng kỷ run run nói:

- Tiện nữ xin ra mắt Hoàng hậu.

Hoàng hậu đột nhiên áy náy, muốn dợm đứng dậy. Nhưng nhớ lời dặn trước của anh (Bùi Đắc Tuyên), Hoàng hậu kịp ngưng lại, hắng giọng bảo:

- Không dám. Công chúa chớ nên quá lễ.

Thấy An quì phía sau công chúa Ngọc Hân, Hoàng hậu vui mừng tìm được câu nói tiếp:

- Cô An đỡ giùm công chúa lại ngồi trên kỷ đi. Công chúa có vẻ mệt nhọc quá nhỉ.

An đáp:

- Thừa vâng.

Rồi dìu Ngọc Hân đến gần chiếc kỷ đối diện với Hoàng hậu. Công chúa sẽ sàng thưa:

- Xin phép Hoàng hậu.

Trước khi vén áo ngồi xuống, Hoàng hậu bảo An:

- Cô mời giùm tôi miếng trầu.

Ngọc Hân vội nói:

- Xin cảm tạ Hoàng hậu. Tiện nữ ít khi dùng trầu.

Hoàng hậu sốt sắng nói:

- Thôi dùng trà vậy nhé. Cô An xem giùm tôi trà đã đậm chưa.

An rót chén trà thơm đầu tiên bưng đến cho Hoàng hậu. Hoàng hậu không nhận, đứng dậy đưa về phía Ngọc Hân mời:

- Công chúa dùng trước đi.

Ngọc Hân cũng đứng dậy thưa:

- Không dám. Mời Hoàng hậu. Tiện nữ xin chén trà sau vậy.

Hoàng hậu đặt chén trà bốc khói thơm trên chiếc bàn trước mặt mình, yên lặng theo dõi An cẩn thận rót chén trà thứ hai. Lúc Công chúa đưa hai tay ra nhận chén trà từ tay An, Hoàng hậu ghi nhận thêm đôi bàn tay trắng, và mười ngón tay búp măng nhỏ nhắn. Nỗi giận vu vơ lại hiện về, bất giác Hoàng hậu rút tay lại, thu đôi bàn tay thô vào dưới vạt áo. Giọng Hoàng hậu đột nhiên đanh lại, gần như mỉa mai:

- Trông Công chúa ốm yếu quá, liệu có chịu nổi mưa gió nắng nôi thất thường ở cái xứ này không?

Ngọc Hân đưa mắt về phía Hoàng hậu, cố tìm hiểu vì sao đột nhiên Hoàng hậu thay đổi giọng nói. Trong hoang mang, Công chúa đáp:

- Tiện nữ sống trong cảnh thanh bần đã quen, nên ở đây cũng như ở Bắc hà...

Hoàng hậu cắt lời Ngọc Hân:

- Công chúa quá nhún nhường đấy thôi. Phải không cô An?

Liếc nhìn lần nữa đôi bàn tay trắng nhỏ của Công chúa nổi rõ trên làn áo lụa nâu thẫm, Hoàng hậu nói:

- Bắc hà đất rộng, dân giàu, lẽ nào làm phiền Công chúa đến nỗi phải vất vả chân tay như lũ dân nghèo khó Qui Nhơn chúng tôi. Có đúng thế không, cô An?

An không biết trả lời thế nào cho phải, lí nhí đáp:

- Có lẽ thế ạ!

Hoàng hậu bật cười, vui vẻ nói:

- Sao lại nói hàng hai thế! Nào, Công chúa dùng trà đi chứ!

Ngọc Hân hớp một ngụm nước trà nhỏ, rồi đáp:

- Cảm ơn Hoàng hậu. Hoàng hậu mệt nhọc từ Qui Nhơn ra đây, chắc nay đã bình phục sức khỏe?

Hoàng hậu mím môi trước khi đáp:

- Vâng. Nhờ Trời mẹ con tôi được sống sót ra đến đây. Tôi đã tưởng không ai còn nhớ, còn ngó ngang đến mẹ con tôi nữa, thì Trời cũng không thềm để tâm cứu vớt.

Không khí trong phòng tự nhiên căng thẳng hơn. Thật lâu, không ai tìm được lời nào để cùng nhau thoát khỏi cảnh huống bế tắc. Cuối cùng An bạo dạn nói:

- Độ này, khí hậu Thuận Hóa thật lạ. Nắng đó rồi mưa đó. Oi bức thế này chắc lại sắp mưa.

Hoàng hậu trở lại thân mật hỏi Ngọc Hân:

- Ở Thăng Long, khí hậu có thất thường thế không?

Công chúa đáp:

- Thừa cũng thế.

Hoàng hậu hỏi tiếp:

- Chắc là lạnh hơn chứ?

- Thừa vâng.

Hoàng hậu tìm được dịp hỏi ngay:

- Thế sao Công chúa ăn mặc phong phanh thế, không sợ bị cảm hàn à?

Ngọc Hân đỏ mặt, hối hận vì dự đoán sai lạc của mình đã gây ra những hậu quả bất ngờ, những ngộ nhận tai hại chưa biết sau này đây đưa đến những bất trắc nào nữa. Công chúa vội đáp:

- Chỉ vì họ Trịnh lấn áp, lâu nay hoàng gia Bắc hà quen sống trong cảnh thanh bần. Xin hoàng hậu tha thứ cho tiện nữ cái tội thất lễ.

Hoàng hậu cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm hơn, xô nhẹ Quang Toản ra xa để lộ nguyên cả con chim phượng rục rỡ, kiêu hãnh nói:

- Hóa ra chỉ được cái tiếng.

Giọng Hoàng hậu ân cần, thân mật hẳn lên:

- Nhưng xứ Đàng Trong khác chứ. Công chúa thể chất ốm yếu, nên chú ý giữ gìn sức khỏe. Ăn mặc thế nào để khỏi nhiễm lạnh, sợ ảnh hưởng đến cái thai. Còn bao lâu nữa thì đến kỳ sinh nở?

Ngọc Hân bối rối, thành thực đáp:

- Tiện nữ cũng không biết nữa.

Hoàng hậu cười lớn:

- Ơ kìa! Cô An nghe Công chúa nói có vui không? Đã được mấy tháng rồi?

An đáp thay Ngọc Hân:

- Được bảy tháng rồi ạ!

Hoàng hậu lo lắng thật sự:

- Bảy tháng! Coi chừng! Cẩn thận nhất là tháng thứ ba và tháng thứ bảy. Hồi tôi có mang chẳng

nhỏ này, cả nhà lo sợ không cho tôi đi đâu cả. Cũng không cho làm bất cứ việc gì. Sợ vô ý trượt chân, hoặc cử động mạnh làm hại cái thai. Tôi buồn quá, suốt ngày ru rú trong nhà không biết làm gì, ăn hết đĩa ổi này đến đĩa ổi khác. à này, Công chúa có thèm đồ chua không?

Giọng thăm hỏi chân thành khiến Ngọc Hân quên hết nỗi lo âu, dè dặt. Công chúa đáp:
- Thừa không.

Sau một lúc ngập ngừng, Ngọc Hân rụt rè hỏi:

- Khi có thai, người ta chỉ thèm chua thôi, phải thế không ạ?

Hoàng hậu quên cả giữ gìn, chồm hẳn người về phía Công chúa nói lớn:

- Phải rồi. Không thèm ổi thì thèm me xanh. Phải không cô An?

An cũng vui vẻ đáp:

- Thừa vâng. Hồi có mang thằng Phát, tôi thèm khế chấm mắm ruốc.

Ngọc Hân đỏ mặt, lấy bạo hỏi:

- Có ai thèm than không ạ?

Hoàng hậu kinh ngạc hỏi lại:

- Cái gì? Than à?

Công chúa không dám trả lời. An tò mò hỏi:

- Công chúa thèm than phải không?

Ngọc Hân bẽn lẽn gật đầu. Hoàng hậu tròn xoe mắt nhìn Công chúa, không dám tin:

- Thật sao? Than nấu bếp phải không?

Công chúa gật đầu lần nữa, da mặt đỏ đến tận chân tóc. Hoàng hậu đưa cả hai tay lên trần điện, hô hoán:

- Chết rồi! Thèm cái gì kỳ cục vậy. Nhưng Công chúa có dám nhai than không?

Ngọc Hân đáp nhỏ:

- Lâu lâu chờ không có ai, tiện nữ mới dám lên xuống bếp.

Cả hoàng hậu, An lẫn Quang Toản đều phá lên cười. An pha trò:

- Coi chừng công chúa sinh hạ một chú Hà Ô Lôì nhỏ nhỏ đấy.

Hoàng hậu thắc mắc hỏi:

- Hà Ô Lôì? Ai thế?

Ngọc Hân không dám dẫn sách ra giải thích cho Hoàng hậu, liếc nhìn về phía An cầu cứu. An thừa:

- Bẩm Hoàng hậu. Trong sách "Lĩnh Nam chích quái" của ta thời xưa có chuyện một chú nhỏ da đen mà hát hay tên Hà Ô Lôì. Công chúa mới cho tôi mượn đọc tháng trước.

Hoàng hậu không được vui, buông mấy tiếng:

- Thế à!

Rồi trở lại chuyện thai nghén:

- Còn hai tháng nữa. Công chúa phải cẩn thận chuyện đi đứng. Bước ngắn lại. Tránh với lên cao. Khi nào thấy thai động thất thường phải coi chừng. Nó đạp có dữ không?

Ngọc Hân lí nhí đáp:

- Mạnh lắm ạ. Nhiều lúc đau quặn cả lòng.

Hoàng hậu an ủi:

- Không sao. Như vậy là cái thai tốt. Hồi có mang thằng này, tôi cũng bị nó đạp dữ.

Ngọc Hân ngấm kỹ Quang Toản, lòng rộn rã hẳn lên khi nhận ra nhiều nét của Nguyễn Huệ: cái mũi khỏe ấy, cái cằm vuông ấy, đôi mắt sắc dưới hàng lông mày rậm ấy. Chỉ khác ở chỗ Quang

Toản thiếu hẳn vẻ mạnh mẽ cương quyết của cha, do cặp môi mỏng và mái tóc mềm. Thấy công chúa say sưa ngắm Quang Toản, hoàng hậu cảm động đẩy con về phía Ngọc Hân:

- Con đến lạy mừng Công chúa đi! Ngoan nào! Dạn dĩ lên!

Quang Toản vâng lời mẹ, tiến đến trước Công chúa, chấp tay vái chào, chân chỉ hạ xuống một chút chứ không quì.

Ngọc Hân dìu Quang Toản đến gần mình, hai tay đặt lên vai cậu bé, một lần nữa say sưa ngắm những nét quen thuộc thân yêu!

Chỉ cần có bấy nhiêu! Từ niềm kiêu hãnh sáng tạo thằm kín của những người mẹ, từ kinh nghiệm quặn lòng của thời kỳ thai nghén và niềm lo âu sinh nở, hai người đàn bà quá khác nhau về nguồn gốc, tính nết, kiến thức, tự nhiên cảm thấy quyến luyến thương yêu nhau như những người bạn cố tri.

(1) Lấy tên này trong Đại Nam nhất thống chí. Kinh Sư. Phần Thành trì.

Chương 79

Mùa thu năm Đinh Vị (1787), đời sống trầm lặng của Kiên bắt đầu có những thay đổi bất ngờ. Tuy đã được Lãng báo trước (lúc Lãng tháp tùng phái bộ Trần Văn Kỷ vào Qui Nhơn thương thuyết với Trung ương hoàng đế về biên giới Bến Ván), Kiên không khỏi ngỡ ngàng trước những đổi thay trước mắt. Anh cứ tưởng nhờ không bị dính vào cuộc, nhờ từ trước đến nay anh nép kín bên lề, tránh khỏi thị phi, không làm phiền lụy đến ai và cũng không ai muốn phiền lụy đến mình, thế nào kẻ khác cũng để cho anh yên. Để che lấp sự yếu đuối của kẻ thua cuộc, anh đã có tấm khiên tự hào thầm kín: anh cho rằng tất cả sự tranh giành bát nháo, cãi cọ om sòm, chửi rủa, mắng nhiếc, vu khống, lăng nhục, hãm hại, chém giết nhau, diễn ra quanh anh chỉ là hậu quả tất nhiên của một căn bệnh mà chỉ có anh, nhờ sức mạnh phi thường của suy tưởng, mới có thể tìm ra được cái gốc của bệnh. Dĩ nhiên anh không có sẵn niềm tự hào đó từ đầu, như một người thầy thuốc gia truyền. Anh phải trải qua những lúc chán nản, thất vọng, hoài nghi, có khi anh định bỏ dở cuộc, tự xem mình là kẻ hèn nhất. Nhưng dần dà anh thêm tự tin, tự nhủ đã đi đúng đường. Anh ít nói hơn trước, và mắt cũng hoang dại hơn trước. Mỗi lúc nhìn anh, người ta có cảm tưởng ánh mắt ấy đang hướng về cái gì đang ở trên đầu họ, và cái đó đang biến ảo kỳ thú đến nỗi những gì đang xảy ra trên đời đều trở nên tầm thường vụn vặt, không đáng quan tâm. Cái nhìn xuyên suốt vào hư vô ấy giúp Kiên mau chóng hưởng được sự vị nể của người khác, kể cả các thân nhân hằng ngày thấy được những ràng buộc trần tục của Kiên như việc ăn uống, bài tiết, sự cau có nhỏ nhen hoặc những phút vui ngây ngô... Dần dần người ta gọi anh bằng thầy, dùng ngôi thứ ba thì gọi anh là "ông đạo", là "thầy cả".

Điều đó càng củng cố thêm lòng tự tin của Kiên, rồi do ảnh hưởng qua lại phức tạp, anh phải nói năng, đi đứng, cư xử, suy nghĩ sao cho đúng cách của một "ông đạo".

Vợ con anh mất anh! Kiên như cái bóng chấp chờn ẩn hiện bên cạnh họ, tuy không có gì đáng sợ, nhưng phải nhận là có ảnh hưởng đến sinh kế của toàn gia đình. Bọn mã phu, lính tráng, những người chèo thuyền bắt đầu ngại không dám quá chén, cười đùa rồn rảng trong "quán ông đạo". Uống rượu mà không được ghếch hai bàn chân lấm bùn lên ghế, không được ba hoa quá lời, không được vung tay vung chân... thì còn thú gì nữa. Dần dần "quán ông đạo" ế khách. Nhưng bọn trai tráng lực lưỡng mặt mày đỏ gay bỏ đi, thì những bà già, những phụ nữ gầy ốm, khuôn mặt hốc hác vì thiếu ngủ, lại tìm đến. Nhất là từ khi Bến Ván trở thành vết dao chém ngang thân thể của đất Quảng!

*

* *

Dẫn đầu là mẹ và vợ những người lính đã theo Nguyễn Huệ đi đánh Thuận Hóa năm trước. Bốn mùa gặt đã qua, những người đàn bà khốn khổ ấy phải gánh vác vừa công việc đồng án, vừa

việc nội trợ. Sức họ đã mòn mỏi vì làm việc quá sức. Vì chờ đợi ngày về của chồng con. Bao giờ? Bao giờ? Tin chiến thắng từ phía bắc đã dồn dập đưa về. Lấy xong Phú Xuân. Rồi Thăng Long. Đại quân đã trở lại Phú Xuân. Có thể chứ! Đàng nào thì cái ngày khải hoàn mơ ước cũng phải tới, để những người đàn ông trong gia đình trở về chia sẻ bớt nỗi nhọc nhằn mưu sinh. Rồi cái gì đã xảy ra? Chỉ một mình vua Thái Đức trở về Qui Nhơn, và theo lời đồn đãi truyền từ kinh thành, thì nhà vua không mấy vui. Ít lâu sau... tin đồn sẽ có một cuộc lưu huyết khốc liệt giữa hai anh em càng thêm xác thực, khả tín. Trời hỡi! Chồng con chúng tôi đâu? ở lại Phú Xuân ư? Quân phản bội ư? Những người đàn bà càng nghe tin tức càng bàng hoàng ngơ ngẩn, không hiểu thời cuộc oái oăm thế nào mà đáng lẽ họ là vợ con những chiến sĩ có công, đột nhiên trở thành thân nhân kẻ phản bội. Hàng xóm đã bắt đầu nhìn họ với đôi mắt e dè, xì xầm to nhỏ sau lưng họ, lạnh nhạt với họ ở chỗ đông người. Họ lo âu, cảm thấy cô đơn, chới với giữa những điều bí ẩn đáng sợ. Tại sao? Do đâu? Họ biết hỏi ai đây? Hỏi các chức sắc lớn nhỏ trong Hoàng đế thành, họ chỉ được trả lời mù mờ. Không được soi sáng để yên tâm, ngược lại họ bị đe dọa, quát mắng.

Đúng vào hoàn cảnh ấy, có người chợt nghĩ đến Kiên! Phải. Anh đúng là người họ đang cần. Kiên không phải là một chức sắc, nghĩa là không có gì đáng sợ. Anh không nắm được chút quyền lực nào, để rủi ro họ đại mồm đại miệng, Kiên có thể đe dọa, quát mắng hoặc trừng phạt họ như các quan lớn quan nhỏ trong thành. Ngược lại, nhờ quen thân với Đông Định vương, nhất định Kiên am tường các biến cố đang diễn ra ở Phú Xuân, Thăng Long, Qui Nhơn, và giải đáp cho họ hiểu vì sao chồng con họ chưa được hồi hương, vì sao họ trở thành kẻ liên lụy với "quân phản bội".

Kiên không biết được điều gì nhiều hơn những người đàn bà khốn khổ ấy. Anh cũng mù mờ về tình thế như họ. Nhưng các bà mẹ lam lũ chờ con, các bà vợ trông chồng đã tìm đến "ông đạo" thì không về tay không. Bằng những lời an ủi nhỏ nhẹ, đều đều như lời ru, hoặc những ví dụ đơn giản và cụ thể, Kiên giúp cho họ thấy: họ không phải là kẻ độc nhất chịu đựng hết nỗi khổ cực rủi ro trên đời, sự tạm bợ của tất cả nỗi vui buồn, sướng khổ nếu so với thứ hạnh phúc vĩnh hằng đích thực, hoặc đơn giản hơn nữa, như cơn sốt của đứa trẻ khi mọc răng, những đau đớn họ đang chịu nhất định phải hứa hẹn những may mắn đoàn tụ sau này. Nhờ thế không ai đến "am thầy cả" trở về mà không mang được theo sự yên tâm. Tiếng lành đồn xa, mỗi ngày số người tìm đến chỗ Kiên càng đông. Bù vào số thất thu vì quán rượu ế khách, vợ con Kiên đã có những món quà cảm ơn của những kẻ hốt hoảng đi tìm niềm tin và hy vọng.

*

* *

Tháng 8 năm Đinh Vị (1787), Đông Định vương Nguyễn Lữ bỏ mặc đất Gia Định cho Phạm Văn Sâm chống giữ, vội vã rút quân về lại Qui Nhơn. Một lần nữa, khắp kinh thành sống nơm nớp trong hoang mang, lo âu. Kiên càng có nhiều vị khách bất ngờ phải tiếp. Chưa kể những cuộc đàm đạo thường xuyên hằng ngày với Nguyễn Lữ, anh còn phải tiếp phu nhân các quan đại thần trong triều. Dù dao động đến cực độ, các quan cũng phải giữ cái thể diện cứng cỏi, can đảm, một mực tin tưởng ở sự anh minh của vua Thái Đức.

Trong số người cùng về Qui Nhơn với Đông Định vương, có một tên làm chức điều khiển của Nguyễn Ánh qui hàng Tây Sơn vốn là em ruột viên cai đội ân nhân cũ của Kiên. Vì vậy, khi được tự do ra làm dân Qui Nhơn, người này về ở chung với chị dâu tại "am thầy cả" bên cạnh bãi tắm ngựa. Gia đình Kiên có thêm một người lạ mặt.

Kiên khó chịu vì đột nhiên nếp sống đã quen thuộc bao nhiêu lâu nay phải xáo trộn. Tuy là thân thuộc gần gũi với vợ con Kiên, nhưng đối với Kiên, Nguyễn Phúc Liệu chỉ là một người khách lạ. Liệu ăn nói lễ phép, quá lễ phép đến nỗi trở nên khách sáo giả dối. Nhưng không thể chê trách gì ở cách cư xử tế nhị của viên điều khiển này. Anh ta sẵn sàng làm bất cứ việc gì để giúp đỡ chị dâu, cho dù nặng nhọc bậc nào. Liệu lại hết sức trân trọng đối với những gì liên quan đến đời sống tâm linh của Kiên. Tự nhận là kẻ dung tục, hời hợt, anh ta không dám lạm bàn những điều Kiên nói, hoặc suy nghĩ. Liệu chỉ vâng dạ, tránh né, dường như không muốn Kiên bị vướng víu vì mình. Anh ta còn gọi Kiên bằng "thầy", khiến mọi người tưởng ông đạo mới thu nhận được một đồ đệ tâm đắc.

Kiên không thể tìm ra lý do giải thích vì sao mình có ác cảm với Liệu. Anh không thể chịu đựng được ý nghĩ: tất cả chỉ do lòng ích kỷ. Một ông đạo dám vượt lên trên mọi điều tầm thường để nhìn cho được tầm rộng lớn của sự vật, từ đó hiểu ra qui luật của đời sống, phương hướng của giải thoát, mà lại không trừ khử được nơi lòng mình sự ích kỷ, tị hiềm nhỏ nhen hay sao? Kiên khổ sở vì câu hỏi ấy, mặt cứ khó đăm đăm. Liệu càng tỏ ra vô tội, nhũn nhặn, khiêm nhường, tế nhị bao nhiêu thì Kiên càng khó chịu bấy nhiêu. Anh phải tìm cho ra một lý lẽ khả thú để biện hộ cho mình, cái gì khác hơn lòng ích kỷ. Và Kiên đã tìm ra!

Chẳng bao lâu Kiên khám phá ở Liệu có nhiều điểm bất thường. Liệu tìm cách bắt chuyện với bất cứ ai, và với cái giọng Huế ngọt ngào, bằng những câu bông đùa đúng lúc, Liệu dễ dàng trở thành người đáng tin cậy của mọi người. Mấy đứa con riêng của vợ Kiên cứ bu lấy chú, bắt chú kể chuyện vui, bắt chú dạy cho cách ru em theo kiểu Huế. Rồi lần lượt Kiên nghe từng đứa con gái hát những câu ru em lạ. Hoặc những lời than vãn có khả năng làm khựng bước chân những thiếu phụ vợ lính đến tìm Kiên:

Trời ơi sinh giặc làm chi

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.

hoặc một lời hẹn ước, một lời nhắn nhủ:

Ai về nhắn gửi đôi lời

Thuyền dẫu xa bến chẳng dờn nước non

Có khi là lời oán trách cay đắng

Trời ơi răng khổ như ri

Hôm qua khổ ít, hôm ni khổ nhiều

Có khi là những câu hát gọi nhiều liên tưởng nguy hiểm, đến nỗi người nào nghe xong cũng lo sợ, nhìn quanh, rồi giả vờ không nghe gì, vội vã lánh đi chỗ khác:

Tiếc thay cây quế giữa rừng

Để cho thằng mán, thằng mừng nó leo.

hoặc:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn thì giựt, để lâu mất mồi.

Những câu hát ấy nhanh chóng lan truyền khắp Bằng Châu, do nội dung lời hát một phần, phần lớn còn lại do ở chỗ Thuận Hóa đã trở thành một trung tâm quyền lực vượt hẳn Qui Nhơn nên những gì mang chất Huế đều dễ dàng trở thành thời thượng.

Một lần Nguyễn Lữ đến thăm Kiên, nghe đứa con gái út của Kiên hát hai câu:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn thì giựt, để lâu mất mồi.

Đông Định vương kinh ngạc hỏi:

- Ai dạy lũ nhỏ sửa lại câu ru em vậy? Ở đây, từ nhỏ ta chỉ nghe các bà mẹ ru:

Ai về nhẩn với nậu nguồn

Măng le gửi xuống, cá chuồn gửi lên.

chứ đâu có nghe câu này. Mà điệu ru cũng khác nữa.

Kiên lo ngại không dám nêu rõ xuất xứ của lời hát, miễn cưỡng đáp:

- Thưa, có lẽ lũ trẻ học được ngoài chợ phiên.

Nguyễn Lữ vẫn còn thắc mắc:

- Hơn nữa lời hát lạ lắm, như thúc giục người ta làm gấp chuyện gì đó, nếu để lỡ cơ hội thì phí đi. Anh có thấy thế không?

Kiên hoảng sợ, giả vờ không chú ý, tiếp tục cuộc bàn cãi đang bỏ dở:

- ..Vâng, vâng. Kể cũng hơi lạ đấy. Nhưng lúc này ngài hỏi tôi điều gì nào? À, phải rồi. Chúng ta đang nói về sự chết. Ngài bảo từ lúc ở Gia Định về, ngài thường nghĩ đến cái chết. Nghĩ đến nó một cách xót xa, như thấy trước một sự vỡ lở không thể tránh khỏi, cho nên cứ tiếc nuối rằng cả cuộc đời mình bấy lâu nay chỉ gồm toàn những yếu đuối đáng thẹn, những phí phạm vô ích; khi làm thì quờ quạng như người mù chống gậy, lúc không làm thì buông thả như kẻ bại liệt. Ngài quá lời rồi. Chỉ vì tôi ỷ y vào lòng thương mến của ngài, được ngài xem vào hàng đồng đạo, nên mới dám nhắc lại những gì ngài nói. Nếu không, làm như vậy đã đáng tội chết rồi. Cái chết! Ngài vừa bảo rằng mỗi lúc nghĩ đến, ngài lo sợ. Ngài không thể làm quen được với nó. Nhưng nếu tôi không lầm, thì chúng ta đã từng bàn cãi về cái chết nhiều lần rồi.

Nguyễn Lữ vội nói:

- Chưa bao giờ cả. Anh lầm đấy. Trước đây ta chỉ nói về cách sống, cố tìm cho được một lối sống ý nghĩa nhất, đúng đắn nhất. Chúng ta làm như cái chết không có thực, không đáng phải bận tâm. Quanh ta không thiếu gì kẻ chết, bình an như một ngọn đèn hết dầu cũng có, mà thảm khốc như cái chết của... của Nguyễn Thung cũng có. Nhưng chúng ta đánh lừa mình bằng cách cố nghĩ rằng kẻ khác, những kẻ đáng thương ấy, có riêng số phần hẩm hiu của họ. Chúng ta khác. Chúng ta sống, sống, sống. Điều cần bàn là tìm ra một cách sống thích hợp, thế thôi. Rõ ràng cả anh lẫn ta đều tự lừa dối mình. Bây giờ, lúc cảm thấy trong thân thể có những mầm mống của sự tàn tạ, hủy diệt, nửa đêm thức dậy mồ hôi vã ra ướt cả chăn gối, tim hồi hộp, mắt choáng váng, chân run vai mỏi, trời đất lúc nào cũng u ám, ta không làm ngơ được nữa. Phải làm sao đây? Sau cái chết là cái gì? Là cái hố sâu hun hút không có đáy ư? Là đêm tối mênh mông không còn biết được đường lối ư? Chung cục đều sa vào đấy cả, thì múa may tranh giành nhau lúc còn sống để làm gì? Ta buông xuôi như vậy, hóa ra đúng hay sao?

Kiên định cải chính rằng sống hợp tự nhiên không phải là buông thả yếu đuối, nhưng lúc đó

Nguyễn Phúc Liệu vào cái am lợp tranh quì xuống trước Đông Định vương thưa:

- Bẩm... có chiếu chỉ của hoàng thượng tuyên triệu Ngài vào cung.

Nguyễn Lữ ơ hờ đáp:

- Được. Ta sẽ về ngay.

Chờ cho Liệu ra khỏi am, Nguyễn Lữ mới bảo:

- Nhờ hắc mà ta mới biết được thái bảo Sâm có ý phản ta (1). Gặp ai khác, thì nhất định Sâm phải chết rồi. Ta thì không. Ta giao quách đất Gia Định cho hắc lo, thử xem hắc có chống chọi nổi với lũ lâu la tay chân tên Chủng hay không. Ta làm đúng lẽ đạo đấy chứ?

*

* *

Về sau, quán rượu lại lác đác có khách. Họ không ồn ào, lỗ mãng như bọn tầm ngựa. Họ đến, gọi rượu, và châu đầu vào nhau xì xầm cả buổi. Lại một điều là tất cả những khách rượu ấy đều quen biết với Nguyễn Phúc Liệu.

Kiên càng ngờ vực hành tung của Liệu hơn. Sau nhiều lần do dự, một hôm Kiên quyết hỏi cho ra lẽ. Anh xếp đặt sẵn những điều sẽ nói, kể cả những câu, những tiếng sẽ dùng. Không ngờ lúc Kiên mời riêng Liệu vào am, chính Liệu lại hăng hái mở chuyện trước.

Bằng một giọng cố ý làm ra buồn rầu lo lắng, Liệu hỏi:

- Thầy đã nghe tin gì chưa?

Kiên quên mất chủ định ban đầu, vội hỏi:

- Tin gì?

Liệu lại hỏi:

- Thế mấy hôm nay Đông Định vương giấu không cho thầy biết sao?

Kiên mất kiên nhẫn, gắt:

- Nhưng tin gì mới được chứ?

Liệu chậm rãi hạ thấp giọng đáp:

- Như vậy là Đông Định vương sợ thầy lo, không cho thầy biết hết tình hình. Nguy đến nơi rồi, thầy ơi!

Liệu ghé sát bên tai Kiên thì thào:

- Qui Nhơn chẳng còn đứng được bao lâu nữa đâu. Phía bắc "chú Tám" đã lấn đến Bến Ván. Phía nam, sau khi "chú Bảy" bỏ về đây, thái bảo Sâm cố vót vát mà chẳng ăn thua gì. Đất Gia Định là đất cũ của ông Chung (Nguyễn Ánh), nên ông ấy vừa ở Xiêm về là dân Gia Định ùn ùn kéo đến xin được góp công khôi phục. Một mình ông Sâm làm sao đương nổi. Trước sau gì Gia Định cũng mất, rồi tàu sắt Tây dương chẳng mấy chốc đen ngịt cửa Thị Nại cho mà xem. Tôi lỡ qui hàng mất rồi, chắc chết không được toàn thân. Phận tôi, tôi chịu. Chỉ ngại vì tôi mà gia đình chi và các cháu phải liên lụy. Mỗi lần nghĩ đến chuyện một bậc chân tu như thầy mà phải dấn dập liên lụy vào cuộc trả ân trả oán nhỏ nhặt, tàn khốc, tôi ngủ không yên. Thầy lánh đời nên am tường thế cuộc, thầy đã thấy trước lối thoát nào chưa? Phải làm gì đây?

Dù cố giữ vẻ thản nhiên, Kiên không khỏi lo lắng. Anh phải thầm công nhận một phần sự thực trong lời viên điều khiển. Qui Nhơn đã rã rời, hoang mang sau cuộc tranh chấp "nồi da xáo thịt", bây giờ các tin buồn từ Gia Định tới tấp bay về càng khiến mọi người lo lắng, chới với. Kiên không biết phải trả lời Liệu thế nào, nét mặt bần thần. Liệu chờ một lúc thấy Kiên không nói gì, đưa tay che miệng ho để giấu một nụ cười mỉm, rồi tiếp:

- Mấy đêm nay tôi nghĩ nát óc mà không tìm được lối thoát. Đàn bà con nít không làm được gì, nhất định như thế rồi. Tôi thì mang cái tiếng phản trắc, một mai quân Gia Định ra đây, có đập đầu kêu oan cho mấy cũng không ai nghe. Chỉ còn hy vọng ở đạo đức và uy tín của thầy. Chỉ có thầy mới cứu được toàn gia đình.

Kiên ngừng lên hỏi:

- Tôi làm được gì? Người ta hỏi đáp nhau bằng gươm giáo, tôi có làm được gì đâu!

Giọng nói của Liệu trở nên hăng hái, gần như mừng rỡ:

- Có chứ! Thôi, bây giờ tôi với thầy đã trở thành người nhà với nhau, tôi không dám giấu nữa.

Thú thật với thầy tôi giả vờ qui hàng, cốt là để theo Đông Định vương về đây dò trước đường đi nước bước. Hoàng thượng (chỉ Nguyễn Ánh) tin cậy tôi mới giao việc khó là về Qui Nhơn.

Thuận Hóa thì giao cho người khác. Tôi nhận chỉ, lòng vừa mừng, vừa lo, nhưng tin rằng lòng trời thuận cho họ Nguyễn Gia Miêu khôi phục thì tất phải giúp cho tôi may mắn. Quả nhiên về đến đây tôi tìm ra chị dâu và các cháu. May hơn nữa, tôi được gần gũi thầy.

Kiên lặng người vì sợ hãi, muốn nói mà không mở miệng được. Hóa ra những điều Kiên hồ nghi đều có căn cứ. Không kiểm soát nổi cử động của mình, bất giác Kiên gật gù. Liệu tưởng Kiên đã chấp thuận, vui mừng nói:

- Thầy bằng lòng giúp tôi rồi chứ? Hay quá, cảm ơn Trời! Tôi chỉ sợ thầy bận bịu vì tình anh em, tình đồng đạo mà ngập ngừng, do dự. Thầy thấy không, nếu không thuận lòng Trời thì mọi việc đâu dễ dàng như vậy. Thôi, tôi xin nói gọn lại. Hiện nay khắp Qui Nhơn từ chị vợ lính cho đến bọn quan lớn quan nhỏ trong thành đều quý trọng thầy, tin tưởng ở lời thầy. Đến nỗi Bùi Văn Nhật cũng sai vợ đến đây nhờ thầy đoán trước hậu vận kết hung ra làm sao nữa là! Dù không muốn, thầy đã trở thành người quan trọng của Qui Nhơn rồi. Một lời nói của thầy có thể mạnh bằng trăm ngựa chiến. Có thể xô ngã Hoàng đế thành. Không, thầy chớ tưởng tôi nói đùa, hoặc nói nịnh thầy. Thầy thử ngẫm kỹ mà xem. Giả sử thầy soạn lấy vài câu sấm ký, ý nghĩa lơ lửng bí hiểm như kiểu sấm Trạng Trình ấy mà, những câu sấm tiên đoán thế nào Tây Sơn cũng sụp đổ và họ Nguyễn lại khôi phục đất nước. Đi đến đâu thầy cũng đọc sấm cho họ nghe. Chỉ cần vài ngày thôi, ngoài chợ phiên dân chúng sẽ quên cả mua bán vì mãi bàn tán lời sấm của thầy...

Liệu càng nói, Kiên càng sợ hãi. Một luồng hơi lạnh men theo xương sống chạy từ thắt lưng lên đến óc, rồi tỏa ra khắp thân thể. Đầu óc Kiên căng thẳng, tê dại. Hai thái dương tự nhiên nóng bừng. Anh không nghe thêm được gì nữa. Trước mắt anh, Liệu tiếp tục huyền thiên múa may như một cái hình nộm. Bên ngoài cửa am, trời hơi lất phất mưa!

*

* *

Đêm đó, Kiên không tài nào ngủ được. Khắp người anh nôn nao bất định, lòng cứ hồi hộp thấp thỏm như đang chờ đợi điều gì chưa biết rõ, nhưng nhất định nó quan trọng hết sức vì liên quan đến sự sống chết của đời anh.

Kiên nằm duỗi hai tay hai chân thật thẳng trên cái chõng tre, cố tìm một thể thoải mái để trấn tĩnh. Phải mất thời gian thật lâu, anh mới ý thức trọn vẹn được các sự vật quanh mình: mùi trấu cháy ngùn ở dưới bếp; tiếng nước mưa rơi lách chách đều đặn ở mái tranh; một chú chuột cuống quít kêu cứu một cách tuyệt vọng nơi đầu tủ sau đó là sự im lặng tang tóc; nhịp đập của trái tim không đều đôi lúc gần như biếng nhác do dự, rồi đột nhiên vồ vập hấp tấp; nan tre kêu răng rắc mỗi lúc Kiên trở mình; tiếng ú ớ mê sảng không biết của ai và khó đoán được nội dung vì âm thanh trùng chập, lấp lửng...

Kiên nằm như thế thật lâu, mới đủ bình tĩnh suy nghĩ về mình. Anh lẩm bẩm một mình:

- Lâu nay ta lằm lằm biết bao! Ngây thơ biết bao! Cứ tưởng hễ vượt lên trên những điều tầm thường phức tạp của cuộc sống hằng ngày, tìm ra được căn nguyên của cuộc sinh hóa, thì tự nhiên mọi sự đều được giải quyết. Thực tế đâu có vậy! Tại sao điều đơn giản ấy bây giờ ta mới biết? Vì ta né tránh ư? Không. Vì ta thu vén cuộc đời ta vào một xó tối, núp dưới bóng cây xanh như một người bệnh sợ nắng gió, hợm hĩnh, tự kiêu không thêm dây vào đời nhơ nhớp, nhưng thực ra ta chỉ là kẻ sợ hãi nhát nhúa. Ta không dám thử thách, đứng trước nắng gió như mọi người. Đến nay thì mọi sự rõ ràng. Nguyễn Phúc Liệu chỉ cần hỏi ta một câu, ta đã ầm ớ không biết trả lời với hần thế nào. Nhận lời hần ư? Nhất định không thể được! Mà đã nhất định không

thể được thì tại sao ta không dứt khoát ngay từ đầu, nói thẳng vào mặt hắn rằng ta từ chối? Ta sợ chẳng? Sợ! Sợ cái gì cơ chứ? Đến cả cái chết ta còn xem là tự nhiên (như ta dự định an ủi thuyết phục Đông Định vương), thì lẽ nào ta còn sợ hắn trả thù, rắp tâm hãm hại. Hay là... dù nói cứng, ta vẫn ham sống sợ chết như mọi người? Trời hỡi! Hóa ra bấy lâu nay ta lừa dối ta, lừa dối người. Ta đóng trò "thầy cả", núp dưới cái dạng "ông đạo" để hưởng sự kính cẩn của thiên hạ. Ta ăn gian với đời. Làm sao đây? Liệu còn có cách nào cứu vãn không? Nếu hồi chiều ta lắc đầu, dứt khoát nói không, thì đêm nay ta đã ngủ yên. Nhưng hắn có để cho ta yên không? Chân tướng của hắn đã lộ, thế nào hắn cũng sợ ta báo lại với Đông Định vương. Hoặc hắn tìm cách giết ta để giữ kín tông tích, hoặc hắn phải trốn đi. Trong hai con đường, hắn sẽ chọn đường nào? Khổ nỗi, hồi chiều ta yếu đuối, không tỏ thái độ bất thân thiện ngay từ đầu. Nếu ta chỉ cau mày khó chịu, hoặc mạnh dạn đứng dậy bỏ đi, hắn phải dâm ngại. Đã ngại thì không dám lộ tông tích, và không dám liều lĩnh mời ta hợp tác. Bây giờ mọi sự đã lỡ, ngọn lao đã phóng. Mũi tên đã rời khỏi cung thì phải bay cho hết tầm. Không có cách gì cứu gỡ, ngăn cản được. Hay là... sáng mai ta nói thẳng với hắn! Còn kịp không? Khổ thân ta quá! Ta lằm lằm và ngậm thơ biết bao. Cứ tưởng...

Càng suy nghĩ, ý tưởng trong đầu Kiên càng lộn xộn, trùng lặp, mâu thuẫn. Anh lịm đi lúc nào không hay.

Kiên lơ mơ tỉnh dậy vào cuối canh ba. Trong đêm tối dày đặc, anh cảm thấy mình bập bênh lửng lơ giữa cái thực và cái không thực. Kiên biết rằng mình đang nằm trên cái chõng tre đặt sát vào cửa sổ hướng ra phía nam, đầu gối lên một khúc gỗ vuông đã nhẵn bóng vì mồ hôi, hai chân duỗi thẳng, bàn chân trái chạm vào thanh gỗ ngang ở cuối chõng. Nhưng đồng thời anh cũng thấy không phải chỉ có một mình anh trong đêm tối. Có nhiều người lạ mặt đang đứng bao quanh anh: kẻ đang trở vào anh rồi quay lại nói gì đó với người bên cạnh; kẻ trợn mắt nhìn anh giả vờ đe dọa rồi phá lên cười; kẻ chăm chú theo dõi vẻ bối rối của anh, bĩu môi khinh bỉ; kẻ ra dấu cho anh ngồi dậy trong khi người khác lại đưa bàn tay mặt xòe rộng ra dấu cho anh cứ nằm yên đấy. Kiên hoang mang nhìn hết người này đến người khác. Dần dần anh nhận ra được vài người lạ đã từng đến quán rượu gặp Liệu. Rồi anh nhận ra cả Liệu, kẻ bảo anh ngồi dậy. Anh càng hoang mang thêm, tự hỏi: Ta tỉnh hay ta mê? Đến lúc khám phá ra những người đang vây quanh Kiên đều có cầm dao, anh mới hốt hoảng tột độ. Anh giật mình chống tay choàng dậy. Anh vừa trải qua một cơn ác mộng. Mồ hôi vã ra ướt cả quần áo. Tay Kiên vẫn còn run rẩy khi anh đưa lên ngực để trấn áp nhịp tim.

Ngay đêm hôm đó, Kiên lén lút trốn khỏi Bằng Châu như một người có tội.

*

* *

Lúc nghe tiếng gà gáy đầu tiên, Kiên dón dác nhìn quanh, sợ có người thức dậy trước mình. Cả nhà đều còn say ngủ. Yên tâm hơn, Kiên nhón gót lần mò về phía cửa. Một tay nâng cánh cửa gỗ lên, tay kia Kiên kéo nhẹ cái then. Anh lách mình qua hai cánh cửa hé, ra được bên ngoài mà lòng vẫn còn hồi hộp. Quên cả khép cửa lại, anh đi nhanh ra phía bờ sông, dù muốn lắm nhưng không dám quay lại để nhìn căn nhà thân thuộc lần cuối.

Nước sông lạnh nhắc Kiên nhớ trên người anh chỉ có một bộ quần áo nâu mỏng manh. Anh run lập cập, hai hàm răng cắn chặt để cưỡng lại cơn rét. Nước ngập đến đầu gối, rồi đến bắp vế. Anh dùng hai tay túm ống quần và vạt áo lên cho khỏi ướt. Lúc đó, Kiên mới nhớ mình không mang theo chút hành lý nào. Sau một lúc do dự, anh tiếp tục lội qua khỏi khúc sông cạn.

Lên đến bờ bên kia Kiên vẫn chưa nghĩ mình đi đâu. Cứ bước tới trước. Bước tới, bước tới nữa, càng xa cái bến tắm ngựa càng tốt. Đi một đoạn, anh gặp một ngã ba. Đường phía trái dẫn xuống kinh thành nên ngay dưới gốc đa vệ đường có một chòi canh. Kiên rẽ phía phải không cần do dự, dẫn đo. Bước tới. Bước tới nữa. Anh bước như cái máy, không nhìn thấy ai, không thắc mắc tìm hiểu tại sao những người đàn bà gánh rau đi chợ sớm cứ bờ ngõ kinh ngạc nhìn Kiên như một hiện tượng lạ lắm.

Trời dần dần sáng rõ. Kiên gặp nhiều ngã ba ngã tư khác, chân bước không ngập ngừng vì anh cứ bước theo người đi trước. Qua một bến đò. Lại thêm một bến đò nữa. Người ta định hỏi tiền đò, nhưng bộ dạng khác thường của Kiên đã khiến mấy chị lái đò e ngại. Ở bộ quần áo nâu rộng thùng thình, đầu tóc rối bù, cái nhìn mệt mỏi ơ hờ với sự vật trước mắt, cử chỉ đáng điệu của kẻ mộng du, người ta đã xếp Kiên vào một trong hai loại sau đây: hoặc anh là người điên khùng, hoặc là một ông đạo. Đối với cả hai hạng này, không có chị lái đò nào nữ đòi hỏi khách qua sông phải sòng phẳng chuyện tiền nong. Nhờ thế Kiên tiếp tục cuộc hành trình nửa mê nửa tỉnh không gặp trở ngại nào. Mãi đến lúc mặt trời lên được hai con sào, anh mới cảm thấy đói, mệt. Đôi chân anh bủn rủn. Lòng bàn chân bắt đầu rát, và cảm giác rã rời, nhức nhối thêm đậm ở hai bắp chân và đầu gối. Không cố gắng thêm được nữa, Kiên phải dừng lại. Chọn một bóng mát ở một đoạn đường rộng, anh ngồi xuống nghỉ lấy sức. Theo thói quen, Kiên xếp bằng theo lối tĩnh tọa, mắt nhắm nghiền để điều hòa hơi thở.

Anh ngồi như thế không biết bao lâu. Ban đầu, anh còn nghe thấy tiếng chân người bước qua lại, tiếng khách bộ hành cười nói, rồi tiếng thì thào, thắc mắc khi họ đi qua trước anh. Về sau, đắm mình vào nhịp độ chuyển hóa của thân thể, anh không còn nghe gì nữa. Lúc mở mắt, Kiên thấy con đường vắng, và mặt trời lên cao in bóng râm làm đường viền dọc hai bên dải đất sỏi. Ngay trước mặt anh, ai đó đã đặt một nải chuối chín vàng, đồ "cúng dường" của một đạo hữu vô danh dành cho "ông đạo".

*

* *

Ăn xong, Kiên lại lên đường. Và anh khắp khởi, rộn rã trong lòng khi nhận ra rằng con đường này dẫn anh lên An Thái! Kiên nghĩ:

- Kỳ diệu thay, hình như mọi sự đã được xếp đặt trước cả rồi. Lá rụng thì về cội. An Thái! An Thái! Phải rồi, dù đi đâu chẳng nữa, trước hết ta phải về thăm lại mộ mẹ đã!

Nhờ có chủ định và bụng no, Kiên bước nhanh hơn. Anh tránh đi đường lớn đông người. Chọn nẻo khuất, nếu cần phải đi vòng, miễn là khỏi tạo tò mò cho lũ con nít và những người rối việc ở hai bên đường. Vì thế mãi đến chiều xế Kiên mới ra tới vùng mấy đám ruộng miếu.

Kỷ niệm thời niên thiếu dồn dập hiện về, khiến anh bồi hồi xúc động. Hơn hai mươi năm qua rồi, kể từ thời gia đình anh tránh nạn từ Thuận Hóa vào đây nương náu. Cái xóm nhỏ có nhà Hai Nhiều ở phía kia. Cây gạo bên chợ An Thái còn đó. Trước mặt anh là những đám ruộng miếu mà mấy cha con anh (cùng với hai chú học trò nhỏ Lữ, Huệ) đã đổ biết bao mồ hôi mới chặt hết gai, lượm đá, phát cỏ, lấp chỗ trũng, san bằng giồng đất cao để biến một vùng hoang hóa thành ruộng cày. Nhưng sao ở đây không có sự sống? Ruộng đất khô cằn, cỏ lác mọc đầy che lấp các bờ ruộng. Chiến tranh! Phải rồi. Xóm làng vắng đàn ông. Sức đàn bà trẻ con yếu ớt chỉ đủ cày cuốc tạm bợ mấy đám ruộng ven đường và dọc theo các mương nước. Vùng ruộng xa và cao như ở đây có lẽ đã bị bỏ hoang quá lâu, lớp cỏ sau mọc chồng lên lớp cỏ trước. Kiên thấy cay cay ở hai mắt, lòng ngùi ngùi.

Anh vạch cỏ tìm đường lên gò Miếu. Vẫn còn cái miếu hoang đó, tuy mái trước dột nát để trơ những cây kèo mục phơi mưa nắng. Một cây cao mọc cạnh miếu bị gió thổi bật gốc, ngã đè lên tấm bình phong bằng vôi trước miếu, làm sập vỡ hẳn một nửa. Cỏ dại che kín gần hết các bức tường. Cảnh đổ nát hiu quạnh, nhưng lòng Kiên đột nhiên rộn rã khi anh nghĩ:

- Hay ta dừng lại ở đây? Có thể lập am ở cái miếu hiu quạnh này không? Mẹ ơi! Nếu mẹ linh thiêng, xin mẹ phù hộ cho con chống chọi được cuộc thử thách cuối cùng này, cho con được "an cư" ở chỗ mà hơn hai mươi năm trước gia đình ta đã an cư. Mẹ có nghe lời con cầu khẩn không?

Kiên khóc thành tiếng lúc nào không hay. Gió chiều đưa bật tiếng khóc khao khao của anh ra phía đồng khô cỏ úa!

(1) Do kế ly gián của Nguyễn Ánh để Nguyễn Lữ ngờ thái bảo Phạm Văn Sâm lúc đó đang chống giữ Sài Gòn.

Chương 80

Trong điện Quang Văn chiều hôm ấy chỉ có một mình Chính Bình vương và quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ. Nguyễn Huệ ngồi trên cái sập sơn son thếp vàng, một chân gác trên sập, chân kia bỏ thông xuống nền điện. Vạt áo bào vàng che lấp bàn chân trên sập. Nhưng Trần Văn Kỷ có thể thấy bàn chân kia của Nguyễn Huệ để trần. Hai chiếc hia gấm nằm ngả nghiêng ngay dưới cái bàn thấp trên có đặt nhiều giấy tờ, một lọ sứ cao cổ để đựng bút, một cái nghiên mực son, khay trà trên sập còn bốc khói thơm.

Trần Văn Kỷ được Nguyễn Huệ vờ vào có việc khẩn, lòng khá lo lắng, nhưng khi thấy thái độ ung dung thoải mái của Chính Bình vương, ông cảm thấy an tâm. Nguyễn Huệ trở cái ghế cạnh sập, thân ái bảo:

- Ông ngồi xuống đây. Lại có tin buồn rồi, quan Trung thư ạ.

Trần Văn Kỷ ngồi xuống ghế, ngừng lên chờ Nguyễn Huệ nói tiếp. Nguyễn Huệ cầm một tờ giấy trên bàn đưa lên nói:

- Ông cụ xứ Nghệ lại viết thư chối từ. Ông đọc đi.

Trần Văn Kỷ đưa hai tay nhận lá thư phúc đáp của La sơn phu tử. Nguyễn Huệ ân cần hỏi:

- Ông có mang kính theo không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Bẩm Vương thượng, có đây ạ.

Trong khi quan Trung thư lệnh lấy kính ra mang, Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Cô út nhà ta tên gì?

Trần Văn Kỷ không hiểu Chính Bình vương muốn hỏi gì, vừa đeo kính vào vội giở kính ra, hấp háy mắt ngập ngừng nói:

- Bẩm Vương thượng hỏi gì ạ?

Nguyễn Huệ mỉm cười, hỏi lại:

- Tôi muốn biết tên cô út của ông. Có phải ông có một cô con gái út không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Bẩm vâng. Nhưng cháu nó...

Nguyễn Huệ cười lớn:

- Thôi. Ông hãy đọc thư của La sơn phu tử đi đã.

Trần Văn Kỷ lại mang kính vào, cúi xuống đọc:

"La sơn Nguyệt ao, tiện sĩ Nguyễn Khải Xuyên cúi đầu kính cẩn viết thư dâng Đại nguyên súy Tổng quốc Chính Bình vương.

Mùa xuân năm ngoái, hai quan ở quý quốc đem thư mời và lễ vật lại, chịu khuất mình rất kính cẩn mà truyền rõ ý chỉ. Tiện sĩ không dám nhận thịnh lễ ấy và đã kính cẩn đáp thư. Những lễ

không ra được, nói đã rất đủ.

Mùa thu này lại thấy hai quan thân tín đưa thư và lễ vật tới ân cần truyền ý.

Vương thượng, anh tư tốt bậc khác hẳn người thường. Lòng thành chuộng lành so với Văn Vương, Huyền Đức chẳng hề kém thua.

Trộm nghĩ, tiện sinh này thô thiển, vụng về, già nua hèn yếu, đã không có tài Gia Cát, lại không có sức Thái Công.

Vương thượng muốn hậu đãi quá cao. Đối với cái thịnh danh ấy, sự thật khó mà xứng được.

Thế đạo trọng trách ấy sao đủ gánh vác được.

Gần đây, mình lại rất suy hèn, thường khi đau lưng, đau gối. Từ tiện sinh đến cả nhà, không có ngày nào là không thuốc thang. Bối rối thay! Tự mình cứu mình chưa xong, sao cứu nổi được dân?

Mong Vương thượng đừng nghe người bàn quá, và để tiện sinh được ở yên cho trọn vẹn. May ra mới di dưỡng được tâm thần, sống thêm chút đỉnh. Để ngày khác, đứng ngoài mà làm một người cố vấn dự bị, thế mới phải hơn.

Đã can phạm tới uy nghiêm, nên sợ hãi khôn xiết. Xin Vương thượng lượng cho, thứ cho. Thế là may.

Tiện sinh Khải Xuyên cúi đầu kính cẩn mà phúc thư.

Có bản riêng kể những tiền bạc, lễ vật mà tiện sinh nhất thiết không dám nhận, và xin giao cho mệnh quan nạp lại y nguyên.

Chiêu Thống năm đầu, tháng chín, ngày mồng năm" (1787) (1)

Trần Văn Kỷ đọc xong, lòng buồn rười rượi. Như vậy là một lần nữa, bậc danh sĩ số một của Bắc Hà lại từ chối lời mời cộng tác của Phú Xuân. Ông giả vờ đọc tiếp, cố trì hoãn cái lúc phải bàn luận với Chính Bình vương về thất bại này.

Nguyễn Huệ có lẽ nóng ruột vì chờ khá lâu, hỏi:

- Ông dùng trà chứ?

Trần Văn Kỷ vội ngừng lên đáp:

- Xin cảm ơn Vương thượng. La sơn phu tử lại lấy có tuổi già thân bệnh để tránh né. Có lẽ ta...

Nguyễn Huệ cắt lời Trần Văn Kỷ:

- Ông định nói là ta không cần phải nài nỉ thêm nữa chứ gì? Ta hạ mình như vậy là quá đáng chứ gì? Có đúng thế không?

Trần Văn Kỷ đành phải gật đầu thú nhận:

- Bẩm đúng như vậy!

- Ban đầu ta cũng bực dọc rồi nghĩ y như vậy. Phú Xuân chúng ta có quá nhiều mối lo, thì giờ đâu nhọc lòng chiều lụy một ông già xứ Nghệ già nua, ốm yếu. Nhiều người còn báo với ta là La sơn phu tử còn bị chứng bệnh cuồng nữa. Phải. Ta đã có quá nhiều mối lo rồi. Thái úy Phạm Văn Hưng vừa báo cho ta biết tình hình Gia Định rất xấu. Bọn thằng Chung vừa ở Xiêm về là Nguyễn Văn Trương đã đem binh thuyền ra hàng. Chúng liền phong cho tên phản trắc đó chức Tiên phong chưởng cơ, rồi xui hấn tiến chiếm Trà Ôn. Có lẽ Đông Định vương không chống nổi bọn thằng Chung đâu. Trước sau gì cũng mất Gia Định. Ngoài Thăng Long Nguyễn Hữu Chỉnh đang múa gậy vườn hoang, định đòi cả Nghệ An như ông đã thấy. Còn Qui Nhơn nữa. Nhà vua có chịu để cho ta yên không? Gia Định, Qui Nhơn, Thăng Long, việc nào giải quyết trước việc nào sau? Ý ông thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp sau một lúc do dự:

- Mỗi nguy lâu dài vẫn là Gia Định.

Nguyễn Huệ vỗ mạnh tay lên vế nói lớn:

- Đúng. Ta cũng thấy trước như ông. Nhưng muốn gỡ mỗi nguy đó, ta còn nhiều cái vướng. Vả lại, cái gốc của nguy hiểm không nằm tại Gia Định, mà nằm ở đây, trong đầu óc của mọi người, nhất là trong đầu óc của lớp nhà nho các ông. Ta kéo quân vượt Lũy Thầy phải trưng cò "phù Lê diệt Trịnh". Tên Chung ở Xiêm về, ta đoán thế nào hẳn cũng rêu rao chuyện "khôi phục" để lấy lòng người. Đấy, mấu chốt là ở đấy. Cho nên ta đành phải chiều lụy ông lão xứ Nghệ một lần nữa vậy. Ông thảo ngay cho ta bức thư khác. Lần này phải ràng buộc thế nào để ông lão chỉ còn có tiến chứ không thể thoái. Làm sao dồn ông lão đến chỗ hết biện bạch. Có phải ông lão chê anh em ta là bọn mán mọi dốt nát, là bọn võ biền cục mịch, không thềm ra phải không? Ta tin tưởng ở sự khéo léo của ông.

Trần Văn Kỷ bần khoăn hỏi:

- Bẩm... đến hôm nào thì trình bản thảo cho Vương thượng?

Nguyễn Huệ trở cái bàn kê cuối phòng, ở cánh tả của điện:

- Ngay bây giờ. Ông có thể ngồi ở cái bàn kia. Có sẵn nghiên bút và mấy quyển giấy tốt đằng ấy. Vừa lúc đó, quân hầu vào bẩm có quan thượng thư bộ Hình là Thuyền quang hầu Hồ Công Thuyền xin yết kiến.

*

* *

Sau vài lần sửa chữa, Trần Văn Kỷ đã thảo xong lá thư gửi cho La sơn phu tử. Thư viết như sau: "An nam Đại nguyên súy, Tổng quốc Chính Bình vương, kính thư gửi để La sơn phu tử xét rõ: Ngày trước, lần thứ hai, sai sứ thần thay quả nhân tới đón mời phu tử. Nay sứ về tâu rằng: Phu tử từ không ra, bởi vì già yếu.

Quả đức buồn mà tự phản nản và tự ân hận khôn xiết. Nghĩ đi nghĩ lại, những tăng lòng cảm thấy vận hội năm trăm năm trước, năm trăm năm sau sắp tới nơi.

Nay thử xét ý phu tử, thấy có ba lẽ này mà phu tử không thềm ra chẳng:

Anh em quả đức nguyên chỉ trợ trợ là những người áo vải chân đất nổi lên ở phương Tây. May mà đánh được tội yếu và dứt được kẻ hèn, gây dựng nên nghiệp bá, chưa ắt đã phải là bậc chân nhân. Ấy là một lẽ.

Từ lúc khởi binh đến nay, thân trải trăm dặm, sùng chuộng võ uy. Chưa chắc đã khởi làm việc bất nghĩa, giết kẻ vô tội để lấy được đất nước. Ấy là lẽ thứ hai.

Mời kẻ hiền, tuy là thành tâm sai sứ đến nhà, nhưng không chịu thân hành đến chào đón. Đối với bậc xưa như kẻ chăm chăm ba lần tới đón, như kẻ thành cần ba lượt tìm mời thì khác xa. Ấy là lẽ thứ ba.

Vì ba lẽ ấy mà phu tử không thềm đến. Thật là phải vậy. Nhưng vì gánh lấy việc binh dân nặng nề, công việc xếp đặt rất bề bộn: sự làm đúng hay sai quan hệ không phải là nhỏ. Nên suốt ngày quả đức không dám rời ra một bước. Đã không thể thân hành tới cửa tiên sinh mà đón, quả đức rất lấy làm ân hận. Điều ấy không phải là dối, bày đặt ra đâu. Mong phu tử lấy đạo rộng lượng xét cho thì may lắm.

Vả chẳng quả đức sinh ở chỗ hẻo lánh, học ở sự nghe trông. Gặp thời thế này, bắc đẩu dĩ phải khởi binh. Những người giúp việc trong nhất thời đều là kẻ chiến đấu mạnh bạo. Trong lúc dùng quân không thể không xâm chiếm, tàn phá. Đạo trị dân đại để có nhiều điều làm cứng cõi và phiền nhiễu. Tuy là tội ở những người ấy, nhưng kỳ thật là vì giúp việc chưa ai. Ấy là tội quả

đức chưa biết cầu hiền để giúp đỡ.

Kẻ danh thế thỉnh thoảng ra đời. Quả đức hằng nghĩ và mơ tưởng đến. Trong mười lăm năm đến bây giờ, chưa hề phút nào dám quên. Không ngờ nay, trông lên thành Lục niên có người tài đang ở đó. Ấy là Trời để dành phu tử cho quả đức vậy. Tuy phu tử không thêm tới, nhưng lòng dân đen trông ngóng. Phu tử nữ ngơ lãng được sao? Lòng cầu hiền, quả đức há dám sinh bụng đầu siêng sau lãng đầu.

Nay riêng sai... kính cần mang thư lại đón. Mong phu tử soi xét đến tấm lòng thành, vụt dậy mà đối bụng, lấy lòng vì Nghiêu Thuấn quân dân mà dạy bảo, giúp đỡ. Quả đức xin im nghe lời dạy bảo, khiến cho quả đức thỏa được lòng ao ước tìm thầy, và đời này được nhờ khuôn phép của kẻ tiên giáo. Thế thì may lắm lắm. Nay kính thư.

Thái đức năm thứ mười, tháng chín, ngày..." (1787) (2)

Trần Văn Kỷ đọc lại bản phác thảo một lần nữa, chữa lại các chữ không được rõ, xóa các chữ không được trang nhã. Ông tạm bằng lòng với bản nháp, lòng pha trộn lẫn lộn nào kiêu hãnh, nào phân vân. Lúc đó, Chính Bình vương đang to tiếng với Thuyên quang hầu:

- ...Này, ta nhắc lại cho ông nhớ một lần nữa, là từ nay về sau đừng quấy rầy ta về những chuyện lãng nhăng như thế. Bên bộ Hình các ông hết việc rồi chẳng? Bọn con cháu họ Nguyễn đã thôi xúi giục dân Thuận Hóa trốn lính chưa? Các chùa chiền đã hết giấu chuông chưa? Bọn cướp của giết người đã hết quấy phá xóm làng chưa? Ngay ở kinh thành này, bọn bội phản nhị tâm còn bao nhiêu người? Ông trả lời đi!

Hồ Công Thuyên cúi đầu im lặng.

Nguyễn Huệ tiếp:

- Các ông lánh việc nặng, tìm việc nhẹ, nên chuyên bươi móc những cái lật vạt để hại nhau. Hay chỉ vì chia chác không đều mà sinh chuyện?

Hồ Công Thuyên run run đáp:

- Bẩm Vương thượng, tôi cũng thấy chuyện này không quan trọng đến nỗi phải tâu lên làm rầy Vương thượng. ở Tàu vụ không có việc này thì việc kia. Đáng lẽ bộ Hình giải quyết được rồi. Nhưng ông Bùi Đắc Tuyên khuyên tôi nên tâu cho Vương thượng để đề phòng. Ngoài vụ rắc rối ở Tàu vụ, hấn còn lem nhem với các ghe buôn gạo nữa. Mới tháng trước đây...

Chính Bình vương mất kiên nhẫn, giọng thêm gắt gỏng:

- Nếu ông tiếp tục làm việc theo kiểu này, sẽ đến lúc vợ chồng người ta ghen tuông đập vỡ một cái chén cũng kéo nhau đến xin gặp quan thượng thư bộ Hình. Thôi, ông đem mớ giấy tờ này về. Ông có thể lui được đấy.

Chợt thấy Trần Văn Kỷ tiến về phía mình, Nguyễn Huệ vội chữa:

- Không. Ông rảnh quá thì ta giao việc cho ông làm đây. Xong rồi chưa quan Trung thư? Cho ta xem nào. Dài nhĩ. à này, quan Hình bộ chịu khó ra ngoài tiền sảnh đợi ta một chút.

Chờ cho Hồ Công Thuyên ra khỏi, Chính Bình vương mới hỏi Trần Văn Kỷ:

- Chuyển này giao cho Thuyên quang hầu cầm thư ra Nghệ An, được không?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Lần trước, giao việc cho Danh phương hầu và Giác lý hầu. Một vị là lưu thủ, một vị là thị lang. Lần này cử một quan thượng thư đi, tất nhiên La sơn phu tử phải thấy rõ nhiệt tâm thiện chí của ta. Chỉ sợ Thuyên quang hầu đa đoan công việc.

Nguyễn Huệ không đáp, cúi xuống chăm chú đọc thư. Đọc một lúc, Nguyễn Huệ ngược lên hỏi:

- "Những tảng lòng cảm thấy vận hội năm trăm năm trước, năm trăm năm sau sắp tới nơi".

Nghĩa lý thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Bẩm do câu: "Sông Hoàng hà cứ năm trăm năm nước lại trong một lần. Lúc ấy trong nước có thánh nhân sinh ra".

Chính Bình vương gật gù, rồi chăm chú đọc tiếp. Trần Văn Kỷ hồi hộp thấy nét mặt Nguyễn Huệ dăm chiêu, hai lông mày nhú lại như khó chịu, rồi bần khoăn. Vương định nói gì đó, nhưng đổi ý, tiếp tục đọc xuống đoạn dưới. Nét mặt vương tươi dần, gật gù, tỏ vẻ khoái chí. Đột nhiên Nguyễn Huệ đập tay xuống mặt sập, hớn hờ nói:

- Hay lắm. Ông lão đã kể ba lẽ không ra, nay ta gán cho ba lẽ khác mà ông lão không thể nhận.

Giọng thư vừa thành thực để cảm động được lòng ông lão, vừa mỉa mai để ông lão phân vân. Ta cố ý làm sao cho ông lão núng lòng, trả lời không được. Gán cho ông lão ba lẽ mà ông lão phải chối, mà chối những lẽ ấy, tức là phải nhận ra hợp tác với ta là lẽ phải. (3)

Nguyễn Huệ đọc lại một lần nữa, lâu lâu mỉm cười liếc về phía Trần Văn Kỷ để tỏ lòng hân hoan, khen ngợi. Đột nhiên, Nguyễn Huệ mím môi suy nghĩ, rồi ngược lên hỏi:

- "Anh em quả đức, nguyên chỉ tro troi là những người áo vải, chân đất nổi lên ở phương Tây".

Ông thấy đã chỉnh chưa? "Áo vải, chân đất" đó là chúng tôi tự hãnh diện mà xưng vậy, chứ đối với sĩ phu Bắc Hà, họ thầm nghĩ anh em chúng tôi là một tội mán mọi, một tội ấp trứng.

Không nên né tránh, quan Trung thư ạ. Cứ viết thẳng thừng những gì họ nghĩ. Chừa lại đi. "Anh em quả đức nguyên chỉ tro troi là một tội ấp trứng nổi lên ở phương Tây". Cứ viết như vậy đi!

Còn phần cuối thì điền tên quan thượng thư bộ Hình Thuyền quang hầu vào. Ngày tháng đề ngày hôm nay. Mười ba rồi phải không. Vâng, đề ngày hôm nay. Ông cho chép lại gấp đi, sẵn tiện ông báo cho Thuyền quang hầu biết, để sứ bộ khởi hành ngay sáng mai.

*

* *

Hồ Công Thuyên ngồi chờ trên cái ghế gỗ đặt sát bức tường ván đánh bóng của tiền sảnh, lòng thắc thỏm không yên. Thấy tên lính hầu lâu lâu liếc về phía mình, quan thượng thư ngồi ngay người trên ghế để giữ thể diện, hai bàn tay đặt lên đầu gối, mắt nhìn thẳng tới trước. Nhưng chẳng bao lâu, quan thượng thư quên hẳn việc giữ thể diện, ngồi chồm hể về phía cửa vào văn phòng Chính Bình vương, bàn tay vo nhàu cả vạt áo triều. Quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ đi ra, nhìn về phía Hồ Công Thuyên mỉm cười. Quan Thượng thư hơi yên tâm, đã định chạy lại hỏi chuyện nhưng cuối cùng đã dằn lại được, cố ngồi yên tại chỗ đợi Trần Văn Kỷ tới.

Trần Văn Kỷ đến ngồi trên chiếc ghế sát cạnh Thuyên, vui vẻ bảo:

- Ngày mai ông phải đi sớm đấy.

Thuyên giật mình, giọng hỏi hơi run:

- Vào Qui Nhơn hay Gia Định?

Trần Văn Kỷ cười nhẹ:

- Không. Ra Nghệ An!

- Sao lại ra Nghệ?

- Ông cầm đầu sứ bộ đi cầu hiền. La sơn phu tử ở Nguyệt ao, chắc ông đã nghe Giác lý hầu Lê Tài nói chuyện rồi chứ gì?

Quan thượng thư thành thật nói:

- Dạ không. Gần đây bộ Binh với bộ Hình có nhiều chuyện hiểu lầm. Mấy cái vụ khép án các tùy tướng của quan đô đốc Tuyết trong chuyện trung binh, ngài biết rồi chứ.

Trần Văn Kỷ không biết gì cả, nhưng không muốn cà kê, vội đáp:

- Biết. Tôi cũng đang lo âu, nên hạ thấp giọng hỏi Trần Văn Kỷ:

- Chỗ thân tình, xin hỏi riêng ngài điều này, ngài đừng phiền nhé.

Trần Văn Kỷ xua tay nói:

- Không đâu. Giữa tôi với ông... Có gì, ông cứ nói.

Hồ Công Thuyên ghé sát tai Trần Văn Kỷ, hỏi thầm:

- Thời hàn vi, Vương thượng có mắc ân nghĩa gì với ông Lợi không?

Trần Văn Kỷ vội hỏi:

- Lợi nào?

- Lợi làm bên bộ Hộ ấy. Cái anh lạnh lẽo thường ra vào phủ nhiều lần lắm. Tôi có nghe nhiều người kháo nhau là chị vợ anh ta trước đây là...

- À, tôi biết rồi. Đúng. Anh ta giúp việc cho nhà vua từ lúc gia đình còn buôn trầu ở Tây Sơn. Chị vợ anh ta, bà An đấy mà, vâng, chị vợ anh ta... cũng đúng như thiên hạ đồn. Nhưng có chuyện gì vậy?

Hồ Công Thuyên hơi ngả người về phía sau, giọng giải bày đượm vẻ thành khẩn, chua xót:

- Ngài tính, anh ta lạnh quá, nên đơn khiếu tố anh ta lên cả chồng cao thế này này. Nhất là Tàu vụ trong cửa Hội, và bọn lái buôn giữa Hội An với kinh đô. Bên bộ Hộ cũng có nhiều thư nặc danh tố cáo anh ta đủ điều. Tôi có nghe phong thanh liên hệ giữa anh ta và gia đình... và hoàng gia, nên làm ngơ. Nhưng Ông Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) cứ thúc giục tôi, bảo phải báo động lên Vương thượng. Ông Tuyên là người nhà của Vương thượng, nên tôi mạnh dạn. Ai ngờ...

Trần Văn Kỷ hiểu hết chuyện, cười xòa, vỗ vai Thuyên an ủi:

- Thôi, chờ lúc khác đi. Hiện giờ Vương thượng bận biết bao nhiêu việc, mà việc nào cũng là việc sinh tử cả. Ông gắng thành công chuyển này, mọi sự khác tất dễ dàng.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

- Nhưng... việc gì phải cầu khẩn ông già điên ấy thế? Ông ta có phép thần thông, hay là có thuật trường sinh?

Nói xong, Thuyên mới biết mình nói hớ. Trần Văn Kỷ nghiêm mặt đáp:

- Ông không hiểu hết việc lớn đâu. Chốc nữa, khoảng xế ông lại đăng tôi để nhận thư và lễ vật. Người tháp tùng thì tùy ông chọn. Tôi còn phải lo cho xong nhiều việc khác. Ông về nhé. Nhớ xế chiều đấy.

(1) Trích trong La sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn, trang 103, 104

(2) La sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn, trang 105, 106, 107.

(3) Theo ý của Hoàng Xuân Hãn trong La sơn phu tử, trang 107.

Chương 81

Sau khi Kiên bỏ nhà trốn đi, cả gia đình hết sức lo âu. Người lo hơn hết là Nguyễn Phúc Liệu. Lấy cớ đi thăm một người bạn bị bệnh nặng, Liệu trốn khỏi Bằng châu khoảng nửa tháng, khi biết chắc Kiên không đến tạm trú ở dinh Đông Định vương, anh ta mới trở về. Bấy giờ Liệu mới đoán rất chính xác rằng với bản tính thụ động, dè dặt, Kiên chỉ có thể trốn ở đâu đó mà thôi. Liệu tính toán hơn thiệt, và mạnh dạn cho đàn em tung ra nguồn tin: trước khi về núi (núi nào, không cần xác định) gặp tôn sư để nhận y bát, "thầy cả" có để lại một số câu sấm để "cứu đời". Sấm bảo thế này, thế này... Mặc sức cho bọn Liệu lồng vào các câu thơ lục bát kém cỏi về văn điếu, mù mờ về ý nghĩa tất cả dụng tâm tạo loạn của mình. Bọn Liệu khỏi cần phải nhọc công đi đến các phiên chợ, bến đò để truyền bá các câu sấm giả. Họ chỉ cần ngồi nhâm nhi uống rượu ở quán. Ai đến tìm "ông đạo" họ lấy tư cách người nhà, hoặc học trò của ông đạo để ân cần tiếp đãi, xin lỗi về chuyện "Đức Thầy" phải tạm bế quan, sau cùng, họ ồm ờ như vô tình đọc cho "khách tầm đạo" nghe các câu sấm đã soạn sẵn. Kết quả thật quá sức mơ ước của Liệu: không đầy nửa tháng sau, khắp Qui Nhơn xôn xao vì "sấm đức thầy". Những câu thơ lục bát sai vắn, ý tứ mâu thuẫn điên rồ vốn là chất bài tiết của một lũ dốt, lại có một sức cuốn hút ma quái. Trong cơn dao động thắc thỏm chung, người ta không còn tin ở những điều hợp lý, sáng sủa. Mà lời tiên tri bao giờ cũng bí hiểm. Cái quán rượu ở bãi tắm ngựa, một lần nữa, lại đông đúc. Thiên hạ đổ nhau về đây để nghe bọn Liệu bàn sấm. Tay chân của Liệu bàn sấm thì dở, mà uống rượu thì hay. Hơi men khiến chúng quên cả dè dặt, giải sấm quá rõ. Khách thập phương bắt đầu ngờ ngợ, cảm thấy có điều gì không ổn. Chẳng lẽ sấm đức thầy lại chỉ tiên đoán những điều vụn vặt, cụ thể như vậy hay sao? Một đám lửa ngờ mau chóng làm nên đám cháy. Bùi Văn Nhật ra lệnh bao vây am và tóm gọn tất cả bọn Liệu. Âm mưu bị phát hiện, lúc ấy cả triều đình mới sững sờ, kinh hãi trước hành động, toan tính táo tợn của Nguyễn Ánh. Dù chưa tìm ra tông tích Kiên, nhưng từ nhà vua cho đến Bùi Văn Nhật đều ngờ Kiên là người của Gia Định. Bấy giờ, mặc sức thiên hạ bàn tán xôn xao, làm quà cho nhau bắt đầu bằng hai tiếng "hèn gì".

- Hèn gì hần bỏ không thêm làm việc quan, giả vờ đi tu. Hần sợ Gia Định bắt tội ấy mà.
- Hèn gì hần cố làm thân với Đông Định vương. Gớm thật, gài nội ứng tận trong ruột hoàng gia.
- Hèn gì mỗi lần gặp tôi, hần không dám nhìn thẳng. Đôi mắt hần quìn quịt, hoặc ngó xuống hoặc ngó lên trên cao. Mắt kẻ gian bao giờ cũng thế!
- Biết đâu cả họ nhà nó đều là nội ứng. Phải rồi. Vì sao không dựng đang làm quan lớn ở Phú Xuân, cả nhà bỗng bế nhau vào ăn ở cái xó An Thái? Nhất định là triều đình Phú Xuân nghe được câu sấm "Tây khởi nghĩa, bắc thâm công", sợ quá mới cho lão giáo Hiến vào đây dò xét trước. Ghê thật. Hèn gì lão giả vờ mở trường dạy học, để làm nhụt chí anh em hoàng thượng. Hèn gì...

Tin tức Qui Nhơn mau chóng bay ra Phú Xuân, theo đường các ghe buôn mắm. Lợi nghe được, sợ đến xanh mặt, vội về nhà gọi An đến bảo nhỏ:

- Nguy rồi em ạ. Phải tính chuyện trốn thôi!

An chưa hiểu chuyện gì nhưng cũng sợ đến ngột thở. An đưa tay lên ngực, đôi mắt sợ hãi nhìn chồng:

- Việc gì thế anh? Sao em nghe Lãng nói lão Thuyên bị mắng cho một trận, rồi bị gửi ra Nghệ rồi!

Lợi thấy An run quá, thương hại, dìu vợ đến ngồi trên cái phản gụ, cố lấy hết bình tĩnh bảo:

- Không phải chuyện đó. Chuyện anh Kiên kia!

An càng hoảng sợ hơn:

- Anh Kiên làm sao? Anh ấy... anh ấy mất rồi à?

Lợi đang lo âu mà cũng phát bật cười:

- Không. Em quẩn trí rồi. Anh ấy chết thì việc gì ta phải trốn.

- Thế thì việc gì? Anh nói mau không em chết hoảng mất!

- Anh ấy dính vào một vụ mưu loạn trong Qui Nhơn.

An tức giận đến to tiếng:

- Vô lý. Hoàn toàn vô lý. Một người như anh Kiên thì...

Lợi cắt lời vợ:

- Nhưng để cho anh nói hết đã. Chuyện ông chủ ghe ruốc kể có đầu đuôi lắm, không vô lý đâu.

Thế này nhé...

Lợi kể qua các tin tức Qui Nhơn cho An nghe. Lợi càng kể, An càng sợ hãi. Nguồn tin ấy đáng tin cậy vì quá hợp lý. Lợi kể xong, An run run hỏi:

- Họ đã bắt được anh Kiên chưa?

- Chưa. Hồi ghe khởi hành, thì chưa, không biết hiện nay thế nào.

- Hay họ đã bắt được, và đã giết anh ấy rồi. Lão Bùi Văn Nhật vốn không ưa gì nhà mình, phen này mặc sức!

Rồi An thút thít khóc. Chị vừa khóc vừa kể:

- Tội nghiệp anh ấy. Cả đời gặp toàn chuyện hăm hiu, đến nỗi đi tu mà cũng không yên. Vợ con thì nhạt của thừa. Anh em xa cách, sống không ra sống. Nhất định lão Nhật sẽ hành hạ anh ấy để thỏa cái hận ngày trước. Khổ. Nhục. Chết không toàn thân.

Càng nói, An càng khóc lớn. Lợi can:

- Em đừng làm ầm lên. Phải bình tĩnh để còn gỡ rối cho mình nữa chứ.

An lại ngược lên hỏi:

- Lại còn chuyện gì rối nữa?

Lợi đưa tay choàng lên vai vợ, nói chậm rãi, gần như dỗ dành:

- Em quên là thế nào chuyện anh Kiên cũng đến đây à!

- Thì đã sao?

- Đúng là đàn bà. Đã sao ư? Lão Bùi Đắc Tuyên sẽ chop lấy như bắt được vàng. Lần trước lão xúi bên bộ Hình hại anh mà không được. Cho người đến thương lượng để anh chia bớt mỗi buôn anh không chịu. Lão tố anh, anh lại không biết tố lão hay sao. Bằng có thiếu gì đấy. Nào vụ gạo, nào vụ muối. Lão không ra tay làm thì Đắc Trụ con lão làm, cũng thế thôi. Lão ỷ là anh ruột hoàng hậu, nhưng Bùi Văn Nhật trong Qui Nhơn cũng là anh ruột vậy. Thời thế đảo điên bát nháo, ruột rà đó rồi thành kẻ thù không đội trời chung với nhau đó. Cái gương trước mắt lão

không thấy hay sao mà còn ỷ y vào tình ruột thịt.

- Nếu thế thì còn gì phải ngại?

- Không. Lần này nguy hiểm hơn. Lần trước lão chỉ nắm được vài cái chuyện vặt vãnh. Lần này, lão có thể xé chuyện anh Kiên ra thành chuyện lớn. Chẳng hạn từ chuyện anh Kiên, lão phao truyền là cả gia đình mình đều làm nội ứng cho Gia Định.

An tức tối nói:

- Lão muốn hại ai cũng được sao! Còn có anh Huệ đó, anh ấy tin được à!

- Tin được hay không còn tùy. Chẳng hạn nếu chỉ một mình lão Tuyên và tay chân lão thâm trù, thì anh ấy... thì Vương phải tin. Còn nếu cả em, anh và Lãng đều cố tìm cách đối phó, giải bày sự thật, thì trước khi tin Vương phải ngờ, đã ngờ phải tìm cho ra sự thật. Phải làm sao thâm trù việc này trước cả lão Tuyên. Em làm được việc đó không?

An đỏ mặt nói:

- Làm sao em gặp anh ấy được.

Lợi cười, vỗ vai vợ nói:

- Gặp làm gì. Em chỉ cần đến thăm Hoàng hậu, rồi qua thăm Công chúa. Hình như Công chúa có con so nên bối rối lắm thì phải. Còn đối với Hoàng hậu thì khó hơn. Nhưng tại sao em không đem ngay chuyện Công chúa ra làm quà? Đàn bà ai không ghen tuông. Sao em xịu mặt xuống thế? Hãy nhớ đây là chuyện sống chết của cả gia đình, của các con!

* * *

Bùi Đắc Tuyên nhanh nhẹn hơn cả Lợi nữa!

Ngay sau khi được tin, Bùi Đắc Tuyên vội xin gặp Chính Bình vương. Nghe lính hầu báo Vương đang tiếp quan Trung thư, Tuyên sa sầm nét mặt. Ông vẫn thường phàn nàn với Hoàng hậu là Nguyễn Huệ đã quá tin ở tên thầy đồ Thuận Hóa, đã bị chữ nghĩa văn tự làm chóa mắt đến nỗi quên hết tình xưa nghĩa cũ, lơ là với những anh em đã từng vào sinh ra tử, bẻ củ khoai chia đôi, ôm nhau ngủ để quên lạnh. Bùi Đắc Tuyên còn thêm:

- Chú ấy mê chữ từ hồi nhỏ. Không vậy thì tại sao ra sức cưu mang lũ con cái bất tài của ông đồ Hiến. Ra đây, lại có ông đồ Kỷ. Không biết bao giờ mới diệt sạch được bọn mặt trắng tay không trói nổi gà mà mồm miệng cứ xoén xoét.

Chỗ anh em ruột thịt thì nói vậy, nhưng ra chỗ công khai, Bùi Đắc Tuyên phải vờ kính nể viên Trung thư lệnh. Trong thâm tâm, Tuyên cũng nhận rằng còn có nhiều điều mình chưa am tường, như kinh sách nhà nho, đạo trị nước, kinh nghiệm bang giao giữa nước này với nước khác... Thôi, tạm nhịn vậy. Và Bùi Đắc Tuyên kiên nhẫn ngồi chờ.

Chờ mãi chờ hoài vẫn chưa thấy Trần Văn Kỷ ra. Bùi Đắc Tuyên sốt ruột, đứng ngồi cứ nhấp nhồm. Cuối cùng, quan Trung thư lệnh bước ra khỏi văn phòng Chính Bình vương, nét mặt dăm chiêu, trầm tư khiến cho điệu bước có vẻ uể oải, chậm chạp. Trần Văn Kỷ không trông thấy Bùi Đắc Tuyên ở tiền sảnh, nên sau khi hấp háy mắt cho quen với ánh nắng bên ngoài, quan Trung thư tiến thẳng ra phía cửa lớn. Bùi Đắc Tuyên mím môi đứng bật dậy.

Ông bắt gặp Nguyễn Huệ đang chăm chú xem mấy tấm bản đồ. Trông thấy Tuyên, Chính Bình vương thân mật hỏi:

- Anh quê ở Duy Xuyên, có biết Bà Lỏa ở đâu không?

Bùi Đắc Tuyên quên cả nghi thức, hỏi lại:

- Bà nào vậy?

Nguyễn Huệ nói:

- Bà Lỏa, tên đất. Không phải tên người.

Tuyên lắc đầu, nổi hân chưa chịu phai:

- Chịu thôi. Cả nhà tôi bỏ xứ vào Qui Nhơn làm ăn đã lâu, không nhớ được gì ngoài Quảng hết. Gọi ông Kỷ vào tra cứu sổ sách là biết ngay, vì Duy Xuyên ở phía bên này Bến Ván, thuộc đất của ta.

- Ấy, tôi vừa cùng với quan Trung thư tìm khắp mà không được.

Bùi Đắc Tuyên định tìm một câu mĩ mai để hạ nhục Trần Văn Kỷ, nhưng tìm mãi không ra.

Nguyễn Huệ không chú ý thái độ khác thường của ông anh vợ, nói tiếp:

- Hai tên phản trắc đó dám kéo quân ra Bà Lỏa ở Duy Xuyên để khiêu khích.

Tuyên vội hỏi:

- Ai thế?

Nguyễn Huệ cười nhạt, chậm rãi đáp:

- Một tên là Nguyễn Văn Duệ bỏ trấn phủ Nghệ An trốn về Qui Nhơn. Một tên là viên hàng tướng bất tài Hộ bộ Bá. Chúng nó kéo quân Qui Nhơn ra khỏi ranh giới Bến Ván để mong chiếm lại đất Quảng Nam. Chúng nó không sợ chết hay sao chứ?

Mãi đến lúc đó, Tuyên mới tìm được một câu mĩ mai bộn đồ nho:

- Nguyên súy định bảo quan Trung thư thảo thư dụ hàng à?

Nguyễn Huệ không hiểu ý Tuyên, giận dữ nói lớn:

- Dụ hàng? Đánh cho chúng nó một trận, bêu đầu chúng nó ra chợ cho thiên hạ xem chứ dụ hàng! Tôi sắp giao việc này cho Võ Văn Dũng. Nhưng tội phản trắc này không đáng ngại. Chỗ đáng ngại là Gia Định. Thái bảo Sâm không cự nổi với bọn tay chân tên Chung đầu! Thanh thế nó đang lên. Chung mà chiếm lại được Gia Định, thì cả Phú Xuân lẫn Qui Nhơn đều bị uy hiếp. Tôi định sai Phạm Văn Hưng đem vài trăm (1) chiến thuyền vào giúp Sâm. Chỉ sợ nhà vua thêm ngờ.

Bùi Đắc Tuyên không bỏ lỡ cơ hội tốt, vội nói:

- Vâng. Chắc chắn nhà vua phải ngờ.

Rồi vừa nói vừa dò phản ứng của Nguyễn Huệ, Tuyên tiếp:

- Không biết nhà vua có bệnh hoạn gì chẳng, hay là do tuổi già. Trước kia nhà vua sáng suốt biết bao! Giặc đã phục sẵn trong kinh thành, mà nhà vua còn sai thẳng Duệ đem quân ra Bà Lỏa. Hay là nhà vua bị bùng bít không biết được hết sự thực. Tôi nghi chính bọn nội ứng đã tìm cách xúi giục nhà vua chứ không ai khác.

Nguyễn Huệ đang đưa tay dò tìm gì đó trên bản đồ, vội ngừng lên nhìn Tuyên ngờ ngác. Vương do dự như chưa tin điều vừa nghe. Sau cùng, Vương hỏi:

- Bọn nội ứng ở Qui Nhơn? Anh nói gì thế?

Bùi Đắc Tuyên chỉ chờ có vậy. Ông kể thật tỉ mỉ vụ Nguyễn Phúc Liệu, không quên thêm thắt để biến Kiên thành kẻ chủ mưu kiên trì và quỷ quyệt. Nguyễn Huệ lắng lắng ngồi nghe, lâu lâu đưa tay lên quệt đầu mũi. Tuyên nói xong, Nguyễn Huệ hỏi:

- Đã tìm được ông Kiên chưa?

- Chưa. Hắn để lại các câu sấm và một số câu hát ru em trước khi trốn đi. Không biết chừng hắn trốn ra đây rồi, vì hôm qua lúc đi ngang chợ, tôi đã nghe lũ trẻ hát mấy câu của hắn.

Nguyễn Huệ ngồi ngay dậy, tò mò hỏi:

- Câu gì vậy?

Bùi Đắc Tuyên cười nhẹ:

- Tôi đọc Nguyên súy đừng giận nhé!

Nguyễn Huệ sốt ruột:

- Sao lại giận. Anh cứ đọc tuốt hết đi, không nên e ngại gì cả.

Bùi Đắc Tuyên hăng giọng, làm ra vẻ sợ sệt, rồi nói:

- Chúng hát:

Tiệc thay cây quế giữa rừng

Để cho thằng mán thằng mường nó leo.

Nguyễn Huệ cười xòa:

- Câu này thì tôi đã nghe từ lâu, nghe từ ngoài Bắc Hà. Tôi chẳng giận gì cả, vì chính tôi cũng tự xưng là mán mội. Còn câu nào khác không?

Bùi Đắc Tuyên cố giấu thất vọng, nói:

- Vài câu hát cổ ý xúi người ta đừng đi lính. Chẳng hạn câu:

Trời ơi sinh giặc làm chi

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.

Nguyễn Huệ lại cười lớn. Vương nói:

- Đàn bà thời nào chẳng thế. Anh biết không, chính Công chúa cũng xúi tôi học thuộc lòng

Chinh phụ ngâm khúc diễn nôm. Anh đã đọc khúc đó chưa. Nhất định là chưa rồi. Thật tức cười.

Làm tướng xua quân đánh nhau trăm trận mà bị vợ bắt học nào những là:

Quân trước đã gần ngoài doanh liêu

Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng Dương

Quân đưa chàng ruổi lên đường

Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?

Nào những là:

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng

Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn

Duy còn hồn mộng được gần

Đêm đêm thường đến giang tân tìm người.

Ngâm loại thơ đó lên cho quân sĩ nghe trước khi xuất quân, a ha, có lẽ không tên nào cảm nổi

ngọn giáo nữa. Nhưng phải nhận thơ hay thật. Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn. Tội nghiệp

quá. Lúc nào rảnh tôi sẽ đọc cho anh nghe thêm. Công chúa mang từ Bắc Hà vào đấy.

Bùi Đắc Tuyên khó chịu vì Nguyễn Huệ vô ý khen Ngọc Hân công chúa trước mặt mình. Tuyên

cố lái câu chuyện sang hướng khác:

- Nhưng Nguyên súy phải coi chừng bọn tay chân của Gia Định. Nguyễn Ánh đã cho người về

đây lén lút xúi giục nổi loạn, trốn lính, loan tin thất thiệt. Luận điệu bọn này với bọn bị phát

giác trong Qui Nhơn hoàn toàn giống nhau. Chúng nó là bà con thân thích với nhau cả.

Nguyễn Huệ bốt mớ mộng nên nhìn thẳng vẻ lo lắng trên khuôn mặt Tuyên. Vương vội hỏi:

- Đã tìm được manh mối chúng nó chưa?

Bùi Đắc Tuyên đáp ngay, như sợ không còn dịp nói nữa:

- Đã tìm ra rồi.

- Bọn nào thế?

- Ngay gần đây thôi. Chúng mai phục ngay trong lòng thành Phú Xuân này.

- Ai vậy?

- Thằng em rể của tên Kiên trong Qui Nhơn.

Nguyễn Huệ giật mình, nhìn đăm đăm vào mắt Bùi Đắc Tuyên hồi lâu. Bùi Đắc Tuyên nhìn lại một lúc, bối rối, nhìn cao lên trần điện.

Nguyễn Huệ hỏi:

- Có bằng chứng gì mới không? Tôi nói "mới" vì trước đây bên bộ Hình cũng đã đưa lên một xấp đơn khiếu tố rồi.

Bùi Đắc Tuyên đáp:

- Lợi che chở cho bọn lái buôn Gia Định, mượn thế thần can thiệp vào việc riêng của Tàu vụ. Ai cũng biết hầu hết bọn lái buôn này là tay chân của Nguyễn Ánh. Lợi giàu có mau chóng nhờ thóc gạo Đồng Nai, và nhờ kho tiền Gia Định chu cấp.

- Còn gì nữa?

- Lợi lại là em rể Kiên.

Nguyễn Huệ gắt:

- Điều đó tôi biết rồi! Anh có dẫn ông thượng thư bộ Hình theo đấy không?

Bùi Đắc Tuyên ngơ ngác hỏi:

- Nguyên súy có cho gọi hấn đâu?

Nguyễn Huệ cười nhạt bảo:

- Hấn với anh cùng một nhóm mà!

Bùi Đắc Tuyên trở nên liều lĩnh, bạo dạn nói:

- Nếu Nguyên súy không tin, thì có đưa bao nhiêu bằng cớ cũng vô ích. Tôi nóng ruột trước đại cuộc, nên xin nhắc cho Nguyên súy rõ: bọn tay chân Nguyễn Ánh hiện có mặt tại Phú Xuân.

Nguyễn Huệ đáp cộc lốc:

- Cảm ơn. Tôi sẽ xem lại.

Bùi Đắc Tuyên thấy Nguyễn Huệ lại tiếp tục xem tấm bản đồ, tự hiểu đã đến lúc cáo từ. Ông đứng dậy chấp tay vái chào Chính Bình vương. Nguyễn Huệ gật đầu chào lại, mắt không rời tấm bản đồ.

* * *

Hồi đó Lãng thường đến nhà quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ. Ban đầu, Lãng đến vì việc công. Khoảng mùa đông năm Đinh Vị (1787) và mùa xuân Mậu Thân (1788), Phú Xuân phải đương đầu với không biết bao nhiêu cuộc thử thách, chủ yếu là nỗi khó khăn về kinh tế và niềm thao thức tìm kiếm một trật tự mới trong mọi người. Kẻ nhận rõ tầm mức của khó khăn và thao thức hơn ai hết, là Chính Bình vương. Kẻ có đủ khả năng nhận thức để chia sẻ gánh nặng của mọi thử thách vừa thực tiễn vừa trừu tượng này, kẻ có đủ điều kiện để hiểu rõ cả tốt xấu, vinh nhục của tầng lớp nho sĩ đồng thời còn có thể vượt ra khỏi ràng buộc của những câu "Khổng tử viết" không ai khác hơn là Trần Văn Kỷ. Trước sự ghen tị của các tướng lĩnh, Trần Văn Kỷ mau chóng trở thành nhân vật số hai của Phú Xuân. Bùi Đắc Tuyên, Võ Văn Dũng, Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Tuyết có thể phải ngồi chờ hàng buổi ngoài tiền sảnh để gặp được Nguyễn Huệ. Trần Văn Kỷ thì không. Ông có thể xin gặp Chính Bình vương bất cứ lúc nào. Ngược lại, Chính Bình vương cũng có thể vời ông vào cung bất cứ giờ nào. Nhiều hôm đã quá khuya, Lãng còn cười ngửa đến mời Trần Văn Kỷ. Nhiều hôm khác, quan Trung thư lệnh phải nhờ Lãng về báo cho gia đình biết là tối hôm đó, ông phải ngủ đêm trong kinh thành để hoàn tất cho xong một việc khẩn cấp, Lãng trở nên quen thân với gia đình Trần Văn Kỷ là nhờ vậy.

Dĩ nhiên đấy chỉ là cơ may thuận lợi ban đầu. Về sau, chính Lãng chủ động tạo cơ hội để được đến nhà Trần Văn Kỷ thường xuyên hơn. Anh xin được làm học trò của "cụ đồ Kỷ" để luyện

thêm thi phú, vào những buổi chiều quan Trung thư không bận việc quan. Trần Văn Kỷ vui vẻ nhận lời, nhưng dặn trước:

- Đối với anh thì tôi chả cần phải khách sáo nhún nhường, hoặc phải làm cao một cách giả dối. Tôi không mê tín như các thầy đồ khác, đến nỗi một chữ của thánh hiền viết trên giấy hẩm cũng không dám vứt đi. Anh biết đấy (vì ông cụ nhà anh cũng đã từng làm thầy đồ rồi) người ta thường phải nhai giấy có chữ rồi nuốt đi chứ không dám vứt, sợ làm bẩn nho danh. Tôi cũng không giống các ngài võ tướng, điều này ta nói nhỏ để nghe rồi bỏ qua, tôi khác với các người mê cầm gươm trong triều. Chữ nghĩa cũng có công dụng của nó chứ. Nhưng công dụng đến mức nào? Cái khó là ở đó. Ông cụ nhà anh và tôi đã khổ vì hư văn nhiều rồi, nên tôi không muốn thấy anh dẫm lại lối cũ của chúng tôi. Luyện thi phú, học kinh truyện ư? Được lắm. Muốn vậy anh phải nhớ cho tôi hai điều:

- Thứ nhất, là anh phải giả định rằng bụng anh đã no, hoặc đã lưng lửng để chữ nghĩa khỏi nhòe nhoẹt đến nỗi hóa ra hư ảo. Bụng đói mà còn rán ê a những "chi, hồ, giả, dã" thì không điền cũng là khùng.

- Thứ hai, là anh phải giả định rằng chữ nghĩa người xưa ít ra cũng ghi lại một số kinh nghiệm đáng giá. Nếu không, nếu anh cứ khẳng khẳng nghĩ rằng thời xưa khác bây giờ khác, hoặc thời xưa thế bây giờ không thế nữa, kẻ đi trước yếu hèn sai lầm chỉ có ta mới đúng, thì thôi, đốt hết sách vở đi. Cứ việc xắn tay áo lên để khỏi vướng cái chuôi kiếm, và đâm thẳng vào những gì mình chợt thấy ghét, giận, căm thù.

Lãng xem những lời nói này là bài học khai tâm quý giá. Rồi do thời cuộc biến chuyển quá nhanh đặt ra cho họ những vấn đề cấp bách hơn, cả Trần Văn Kỷ lẫn học trò đã dẹp chuyện thi phú sang một bên lúc nào không hay. Trong các buổi học ít ỏi, thừa thớt và thất thường còn lại, họ chỉ bàn chuyện thời cuộc. Nói cho đúng ra, không có những cuộc bàn luận thực sự. Lúc nào Trần Văn Kỷ cũng giữ phần chủ động. Ông nói say sưa bằng cái giọng Thuận Hóa khao khao hơi khó nghe, còn Lãng chỉ vâng dạ, lâu lâu đặt một câu hỏi để nhờ giải thích rõ hơn một chi tiết mù mờ. Dường như quan hệ giữa hai người không thuần túy là thầy trò. Bè bạn ư? Cũng không! Trần Văn Kỷ trở thành một vị cố vấn của Chính Bình vương, chia sẻ với Vương trách nhiệm quyết định nhiều vấn đề liên quan vận mệnh của cả nước. Cũng như Chính Bình vương, ông chưa được chuẩn bị trước để đảm nhận trách nhiệm ấy. Và cũng như Chính Bình Vương, ông có đủ sự nhạy bén và nghị lực, để can đảm nhận lãnh trách nhiệm, đủ thông minh để phán đoán, tìm phân biệt cho ra đâu là gốc đâu là ngọn, đâu giả đâu thực, và sự kiên quyết chọn lựa một giải pháp với bàn tay không run sợ. Những ý tưởng hiện ra trong óc Trần Văn Kỷ cần trải qua một quá trình hình thành, đôi lúc có những ý nghĩ độc đáo nảy sinh đột ngột ngay đoạn cuối của quá trình ấy. Những người làm thơ phú hiểu rõ điều này. Và một tư tưởng phức tạp, lộn xộn trở nên sáng sủa, nhất quán, sau khi được nói lên, hoặc viết ra. Lãng là người được chọn để nghe những phát biểu đang thành hình ấy. Anh là học trò ông đồ? Không. Là bạn tâm tình? Không. Anh chỉ là một người làm chứng lý tưởng cho ông đồ Kỷ thai nghén (trong do dự, lăm lăm trước khi lựa chọn) một ý tưởng đúng. Lý tưởng vì cả tuổi tác lẫn địa vị xã hội, Lãng hoàn toàn vô hại đối với ông, như một đóa hoa vô hại đối với một con ve đang lột xác.

* * *

Trong một buổi học theo kiểu mạn-dàm-một-chiều như vậy, quan Trung thư lệnh thử đem trường hợp Nguyễn Hữu Chỉnh ra đối chiếu với luận thuyết "chính thống" của ông. Lúc đầu giọng ông có vẻ chán nản, rụt rè. Nhưng càng về sau, Trần Văn Kỷ càng say sưa, đến nỗi đôi câu

nói trở nên cà lăm, hoặc tiếng sau chập mất tiếng trước:

- Cậu đã biết La sơn phu tử lại từ chối lời mời của Vương thượng rồi chứ? Ba lần gửi thư và mang lễ vật cầu hiền, ba lần về tay không. Nghĩ đơn giản, có thể bảo ông lão xứ Nghệ là hạng cố chấp, hoặc điên khùng. Giữa tôi với cậu không cần gì phải giấu giếm: tuy tôi luôn luôn thúc giục Vương thượng phải mời cho được phu tử, nhưng tôi biết trước là ngoài việc trải chiếu hoa trên nền "nhà quốc học" để mời cụ ngồi xơi trà, uống trà; mời cụ đến dự lễ động thổ xây cất Văn miếu; hoặc đề chữ cho một ngôi đình mới xây, Vương thượng không thể giao cho cụ việc nào khác đâu. Vâng, vâng. Cậu định hỏi thế thì tại sao lại mất công mời mọc làm gì? Đúng thế không nào? Tôi hiểu ý cậu. Đơn giản thôi. Ta phải làm vậy vì La sơn phu tử là một người rất cần thiết cho lẽ "chính thống".

Nó là cái gì? Cậu có nghe kịp không? Tôi muốn hỏi "chính thống" là cái gì? Là cái khuôn để phân biệt trong ngoài, tốt xấu, chân ngụy. Cậu vẫn còn nghe tôi nói đấy chứ?

- Vâng ạ. Thầy đang nói đến chân ngụy.

- Không. Tôi đang nói đến cách định chân ngụy, cái khuôn mẫu phân biệt chân ngụy để định giá một người. Sao hôm nay cậu có vẻ lơ đãng thế?

- Không ạ. Con vẫn lắng nghe lời thầy. Chỉ hơi phân tâm một chút vì vườn cải nhà thầy ra hoa đẹp quá.

Quan Trung thư nhìn ra phía vườn cải. Hoa vàng quuyến rũ cả một đàn bướm trắng. Phía cuối sân, khuất sau một khóm cải giống có ngòong cao lắt lay theo gió, cô con gái út của quan Trung thư đang ngồi vun gốc rau. Trần Văn Kỷ bối rối như chính mình phạm lỗi. Ông cố lấy giọng hùng hồn để khóa lấp tình cảm riêng:

- Phải phân biệt chính thống theo từng thời kỳ của sử ký. ở vào thời bình, trên có vua hiền, dưới có tôi sáng, thiên hạ an cư lạc nghiệp, cái thời bậc quân tử có thể "tắm mát ở sông Nghi, rồi lên hứng gió ở nền Vũ vu", như Đức Khổng phu tử mơ ước, ở vào thời đó thì chính thống là cái nếp có sẵn, cứ như vậy mà bước theo. Cha truyền ngôi cho con. Bề tôi trung với vua, đơn giản lắm. Tự nhiên lắm. Mà làm cho đúng lẽ chính thống tự nhiên là dễ như người ta thở. Khó luận cho ra lẽ chính thống là vào thời loạn. Cúi đầu tuân theo trái chứng của một ông vua ươn hèn, hay là mạnh dạn phất cờ lật đổ vương triều thối nát đó để dựng một vương triều khác?

Cậu nghĩ mà xem, khó trả lời lắm chứ. Cậu trả lời được không?

Lãng ngàng ngừ, rồi đỏ mặt xấu hổ. Quan Trung thư vừa bắt gặp anh nhìn trộm về phía cuối sân.

Bây giờ Trần Văn Kỷ bắt đầu giận dỗi. Ông gọi con gái:

- Cúc ơi! Vào bếp bảo pha cho cha ấm trà.

Cô con gái Trần Văn Kỷ đáp từ xa:

Dạ. rồi đứng dậy, tay bung một rổ rau dền. Lãng chỉ kịp ngấm được một mái tóc thề, và dáng đi tha thướt. Trần Văn Kỷ hỏi gặng:

- Cậu nghe đã mệt chưa?

- Thừa không mệt chút nào ạ. Thế thì làm sao định được lẽ chính thống ở thời loạn, thưa thầy?

- Khó lắm. Mỗi người tùy vị trí của mình mà nghĩ. Bọn hủ nho cố chấp thì khẳng khẳng một mực tuân phục tên hôn quân, bạo chúa. Người thức thời thì bản khoán. Xóa bỏ một thói quen mấy trăm năm đâu phải dễ. Cho nên muốn lập một thứ chính thống mới cần phải có sức mạnh để buộc mọi người tuân phục trật tự mới, và cần duy trì trật tự mới ấy đủ lâu để thành cái nếp nghĩ tự nhiên. Cậu xem, đời thuở nhà ai có cái lệ một nước hai vua. Thế mà Bắc Hà có chuyện ấy đấy. Bên cạnh vua Lê có thêm phủ chúa. Cái lệ ấy hợp lẽ phải chăng? Không. Nhưng nhờ họ

Trịnh có đủ sức mạnh nắm quyền, và duy trì quyền lực đến hai trăm năm nên có được lễ chính thống. Nhà Trịnh đổ, cũng có những kẻ sẵn sàng tuấn tiết như Lý Trần Quán.

Lãng chú tâm vào câu chuyện hơn trước nên hỏi:

- Thừa thầy, như vậy những nhà sáng nghiệp phải làm sao để có được lễ chính thống?

Trần Văn Kỷ vui mừng thấy Lãng hiểu mình, vội đáp:

- Ấy đấy! Đúng là điều ta quan tâm. Tôi nói gọn thế này. Phải tạm dựa vào cái truyền thống cũ trong khi dùng sức mạnh gây dựng một truyền thống mới. Phải thật khéo léo điều hòa hai công việc ấy cho đến khi... cho đến khi truyền thống cũ hư nát, suy sụp hoàn toàn. Cứ đem trường hợp Bằng quận công (Nguyễn Hữu Chỉnh) ra xét thì rõ. Bây giờ ông ấy chết rồi, "cái quan luận định" phải không? Bị Vương thượng bỏ rơi lại Nghệ an, ông Bằng phải tự lo lấy thân. Không có quân trong tay thì thân còn chưa giữ được, huống chi danh. Ông ấy truyền hịch chiêu binh. Kẻ nào do dự hoặc tỏ ý chống báng, giết ngay. Nhờ thế trong vòng mười ngày đã được hơn một ngàn quân. Có sức mạnh rồi, phải trương cờ truyền thống lên chứ. Ông cho người liên lạc ngầm được với Chiêu Thống, rồi khoa trương cái chiếu tướng tượng để dân Nghệ An bỏ phe chống đối theo ông.

Có đủ hai điều kiện cốt yếu ấy, ông Bằng có đủ sức mạnh để bắt sống Phạm Huy ích, giết Lê Trung Nghĩa, đuổi Trịnh Bồng ra khỏi phủ chúa; bắt sống Dương Trọng Tế ở Gia Lâm và Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây đem về xử tử. Đánh tan quân Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương. Nhất định phải có kẻ nói ra nói vào, nhất là bọn nho thần vẫn quen phủ phục ở phủ chúa. Nghe nói một hôm có người đã lén dán ở cửa Đại hưng hai câu sau đây nhân việc nhà vua cho đốt phủ chúa và ông Bằng ra lệnh tịch thu chuông chùa về đúc tiền:

Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc ở đâu được?

Hoàng thượng đốt phủ chúa, phủ đốt, điện cũng tro thôi!

Ha ha! Đúng là miệng lưỡi của đám bạn bè Lý Trần Quán! Hữu quân (Chức vụ của Nguyễn Hữu Chỉnh lúc còn ở với Tây Sơn), chỉ có thể thành công được một thời gian ngắn, lúc thiên hạ còn hoang mang chưa làm chủ được tâm thần. Lâu dài về sau, tất nhiên, ông phải thất bại. Cậu có biết vì sao không?

Lãng rụt rè nói:

- Có lẽ vì ông ấy nổi tiếng gian hùng, lòng dân Bắc Hà không phục. Cách hành động lại tàn nhẫn quá. Nghe nói tiền bạc trong nước phần nhiều bị nhà giàu cất giấu, nhân dân đói khổ vì nạn khan tiền, vật giá đắt lên vùn vụt. Ông Bằng bèn xin với triều đình ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về kinh sư mở lò đúc tiền. Rồi ông ấy thả cho thủ hạ đi khắp tứ phía cướp bóc chuông, tượng của các làng xóm. Người nào dám giấu giếm, tức thì bị chúng bắt đem về khảo đả nghiêm trị.

Trần Văn Kỷ lắc đầu chậm chậm, cười mỉm khoan dung:

- Không phải thế đâu. Thu hết tượng đồng, đúc tiền đúc súng, ông Bằng bắt chước ta đấy. Còn bọn thủ hạ nhân cơ hội cướp bóc thì ở đây cũng có. Lý do chính khiến hữu quân thất bại đến nỗi chết không toàn thân, tan xác như cái pháo trong bài thơ quốc âm của ông ấy, là cả sức mạnh lẫn truyền thống ông ấy dựa vào đều không có nền vững. Chúng ta cũng tận dụng sức người và của cải dân Nam hà để làm thành sức mạnh, nhưng căn bản của sức mạnh ấy là niềm khao khát được sống no ấm, được sống khá hơn của đám đông những người mặc áo vải đi chân đất. Anh em Vương thượng cũng là dân áo vải chân đất như đám đông, nên chính ngọn cờ Tây sơn đã là niềm tin rồi. Sức mạnh của Hữu quân chỉ do đe dọa và lừa dối. Còn cái truyền thống

Ông ấy dựa vào là nhà Lê chỉ là một bức tường đang đổ. Dựa vào đó đã không có thêm sức mạnh, mà ngược lại thêm mang lụy. Vua Lê không giữ được nước đâu, kẻ thức thời phải thấy điều đó.

Lãnh thắc mắc hỏi:

- Tại sao một bậc tước nhỏ như La sơn phu tử vẫn chưa thấy điều đó, vẫn còn lấy niên hiệu Chiêu Thống để ghi ngày tháng, vẫn còn viết "quí quốc", "bản triều"? Chẳng lẽ phu tử không thức thời?

Trần Văn Kỷ kiêu hãnh đáp:

- Dễ gì đạt được cái minh triết của kẻ thức thời! Người ta dễ trở thành cái tráp đựng mấy cuốn sách mọt, hoặc con hạc gỗ trong cái miếu xưa.

Vừa lúc đó, tên tiểu đồng khệ nệ bưng lên khay nước trà. Lãnh nhận chén trà thơm do quan Trung thư ân cần mời, hai bàn tay ôm lấy chén trà nóng để hưởng hơi ấm. Mùi trà có phảng phất mùi hoa cúc. Lòng Lãnh lâng lâng như đang bay theo hơi nước trà, vươn lên cao, lên cao. Chưa bao giờ Lãnh thấy cuộc đời đẹp như hôm ấy!

* * *

Ra khỏi nhà Trần Văn Kỷ, Lãnh tìm những con đường vắng vẻ để được tận hưởng cảm giác ngây say của hạnh phúc.

Anh đi giữa những hàng tre xanh, trước mắt mọi vật trở nên rộn rã, hớn hỏ khác thường. Dòng sông xanh hăm hỏ chảy ra biển cả. Con đường anh đang đi thì tin cậy chạy theo dòng sông. Tre xanh trĩu mền che nắng cho con đường, còn gió thì mơn man ve vuốt lên hàng tre, khiến lá xì xào khúc khích. Đời đẹp quá! Kể cả những chiếc lá rụng hình như cũng xem phút lìa cành là bắt đầu của một cuộc rong chơi mới, nên chao liệng nhào lộn đẹp mắt trước khi gửi thân lên mặt đất.

Con đường ấy dẫn anh đến chỗ dòng sông phân đôi. ở ngã ba, lòng sông mở rộng giống như người mẹ đang dang tay chờ đón một đứa con sắp về từ biển cả. Nước sông trong xanh, mặt sông phẳng lặng. Lãnh nghĩ:

- Từ trên bờ cao này, nếu ta quăng một hòn sỏi nhất định thế nào cũng đến tận giữa sông.

Anh thực hiện ngay điều vừa nghĩ. Hòn sỏi rơi đâu đó, trong một bụi dây leo mọc hoang trên bờ. Lãnh cười một mình, chế giễu lòng tự cao tự đại bất chợt của mình. Anh bỏ con đường dọc bờ sông để rẽ vào một con đường rợp khác ở phía trái. Bước chân anh chậm lại. Không chú ý đến cảnh vật trước mắt, Lãnh vừa đi vừa suy nghĩ:

- Mình có hy vọng gì không? Trời, hôm nay nàng đẹp quá. Thế nào lúc núp sau mấy luống cải trồng hoa nàng cũng lắng nghe xem ta nói gì. Mà mình đã nói được gì nào? Toàn những vâng dạ nhát gừng, không nói được câu nào ra hồn. Vả lại ông cụ giằng nói một mình, thao thao bất tuyệt về lẽ chính thống từ đầu chí cuối, mình có muốn nói cũng không có dịp. Nàng phải hiểu như vậy chứ! Nhưng tại sao lúc quay vào bếp, nàng không nhìn về phía ta? Bước chân cũng gấp gáp nữa. à, phải rồi. Nàng vội vàng vì sợ ta khát. Trà có hương hoa cúc nên thơm làm sao! Mọi lần hình như trà ướp hoa ngâu chứ? Không. Mọi lần vẫn ướp cúc. Mình lầm rồi. Phải ướp hoa cúc mới có ý nghĩa thầm kín. Nhớ lại lần đầu tiên được trông thấy nàng, mình xúc động đến choáng váng. Hôm ấy, nàng mặc chiếc áo lụa hồng, nên hai má nàng cũng hồng ửng như cánh hoa đào buổi sớm. Đôi mắt đen, mái tóc mượt. Đôi môi mím ngượng ngùng. Trước sau mình chưa được nghe nàng nói lời nào. Nhưng cái e lệ cuống quýt ấy nói được nhiều điều lắm. Không hiểu sao Chính Bình vương cũng biết mình mê nàng. Ai thuật lại cho Vương biết? Không lẽ

quan Trung thư! Mà quan Trung thư có biết mình thương yêu nàng không? Còn nàng, nàng đã biết ta thương yêu, ta say đắm nàng chưa? Còn phải hỏi! Nhất định nàng phải biết trước ai hết. Đàn bà họ nhay lắm. Chỉ cần liếc qua vẻ mặt ngơ ngẩn thất thần của mình, nàng hiểu liền. Đôi má hồng ửng vì e thẹn chứng tỏ nàng hiểu lòng mình, và về phần nàng, chắc nàng không hề hững vô tình. Chạm mặt một kẻ xa lạ, hoặc đứng trước một pho tượng gỗ mít, thì việc gì phải đỏ mặt! Mình không xa lạ, không phải là pho tượng gỗ mít... Rõ lẫn thẩn! Thôi, đừng nghĩ quanh quẩn nữa. Nhất định Cúc đã thương ta. Nhất định Cúc đã thương ta. Nhất định. Nhất định! Lãng đi qua một cái chợ nhỏ, họp dưới tàn cây đa rậm lá. Anh vuốt tóc một bé gái bán ổi, mua giùm cho nó vài quả. Một chị đàn bà bán cam đưa cái mẹt hàng ra mời Lãng. Trên mẹt chỉ còn lại hai trái cam hôi, da nhăn nheo như chín hóp. Lãng lắc đầu, biểu chị mấy đồng tiền kẽm. Chị đàn bà trở mắt nhìn Lãng, rồi cuống quýt mừng rỡ. Lãng hỏi:

- Chị có hạnh phúc không?

Chị hàng cam ngơ ngác hỏi lại:

- Anh hỏi gì ạ?

Lãng nhắc:

- Tôi hỏi: Trong đời chị, chị có sung sướng không?

Chị hàng cam thật thà đáp:

- Tôi không biết có hay không nữa!

Những người bán hàng quanh đó cười rộ vì câu trả lời ngớ ngẩn. Lãng cũng cười, hỏi tiếp:

- Có lúc chị buồn, nhưng phải có lúc chị vui chứ?

- Vâng, có ạ!

- Lúc nào thế?

- Lúc bán hết được hàng và có chút lời thì vui. Không bán được phải mang về thì buồn.

- Chị có mong ước gì không?

- Ngày nào cũng mong bán hết mẹt cam.

Lại có nhiều tiếng cười khúc khích, bàn tán chung quanh:

- Mụ này khôn đáo để. Nói xa nói gần cuối cùng cũng trở lại nài nỉ bán cho xong mấy trái cam héo.

- Anh mua quách cho mụ ấy hết quanh co.

- Nếu không, mua giùm già trái mít này. Ngon và rẻ lắm.

Lãng cố lách ra khỏi đám đông mỗi lúc một nhiều đang bu quanh anh để mời hàng. Hạnh phúc. Phải. Hạnh phúc cũng đơn giản thôi. Chị hàng cam thành thực đấy chứ. Vui buồn của một đời người vốn cũng bình thường như mưa nắng. Ai không từng có lần dạt dào cuống quýt? Không được như vậy thì làm sao đủ sức chịu đựng bao nhiêu đau thương, rủi ro sau đó?

Đột nhiên Lãng bất mãn với chính anh:

- Không. Họ khác ta khác. Chưa có ai may mắn như mình. Chưa có ai say mê cuồng nhiệt như mình. Trời! Ta sung sướng quá. Sung sướng nhất trên đời!

* * *

An tìm Lãng khắp nơi, cuối cùng gặp Lãng vừa đi vừa nói một mình trên một đoạn đường vắng gần chùa Thiên Mụ. Nét mặt Lãng vừa hớn hờ lại vừa ngây dại như nét mặt một người vừa bước ra khỏi một tiệc rượu vui. An kêu lên:

- Trời ơi! Em lại bày vẽ rượu chè đấy hả?

Lãng vui vẻ bảo chị:

- Em đang say đây. Nhưng không phải bị ma men hành hạ đâu. Chị đi đâu thế?

An mếu máo:

- Chị lên chùa cầu Phật phù hộ cho tai qua nạn khỏi. Khổ lắm, chị tìm em mấy hôm nay.

Lãng phát hoảng, vội hỏi:

- Nhà có việc gì thế? Lũ nhỏ đau ốm gì à?

An bắt đầu rơm rớm nước mắt:

- Không. Vẫn chuyện anh Lợi. Lần này nguy thôi, em ạ. Lão Tuyên đã tâu lên trên rồi. Lão ghép vụ anh Kiên thêm vào cho nặng tội.

Lãng không hiểu đầu đuôi gì cả, lại hỏi:

- Sao lại có anh Kiên vào đây?

- Thế em chưa biết gì à?

- Chuyện gì vậy?

- Hôm kia em có thấy Bùi Đắc Tuyên vào phủ không?

- Có.

- Sau đó... sau đó (An định nói anh Huệ, nhưng do dự, rồi tiếp) Vương thượng có nói gì với em không?

- Không. à có. Có lệnh triệu ông Dũng đến để giao việc khẩn cấp trong Duy xuyên.

An suy nghĩ, giọng rờ rạc:

- Lạ nhỉ.

- Nhưng việc anh Kiên là việc gì?

An kể lại chuyện Qui Nhơn cho em nghe, cố trình bày cho Lãng thấy mối đe dọa mà cả gia đình phải đương đầu. Lãng cũng dần dần cảm thấy lo âu. Anh hỏi:

- Anh Lợi đã tính được gì chưa?

- Có. Lão Tuyên quyết tâm hại cho được anh Lợi, nên cả em lẫn chị phải cố mới hy vọng gỡ được. Chị đã xin ra mắt Hoàng hậu, nhưng hình như lão Tuyên có nói trước chuyện này với Hoàng hậu rồi. Thái độ Hoàng hậu lạ lắm. Chị vào cung biết bao lần, thế mà lần này Hoàng hậu khách sáo xem chị như khách lạ. Chị chạy qua phía Công chúa. Lính hầu không cho vào vì con trai đầu lòng của Công chúa khó ở, ngực y đang chẩn bệnh. Hình như Trời Phật không còn thương chị nữa. Chị rối trí quá. Chị thơ thẩn như người mất hồn, cuối cùng mới nghĩ phải lên cầu ở đây. Em cố gắng nói vài lời giúp chị với!

Rồi An mếu máo khóc, Lãng luống cuống an ủi:

- Được, được. Chị đừng cuống lên. Không phải đây là lần đầu anh Lợi bị người ta rắp tâm hãm hại. Bộ Hình đã tâu một lần năm trước rồi. Năm nay có tâu thêm chưa chắc đã hại được anh Lợi, vì anh Huệ càng ngờ bên trong có việc phe cánh âm mưu hãm hại lẫn nhau. Chuyện về tội gán cho anh Lợi chắc không có gì mới. Ghép vụ Qui Nhơn vào đây càng vô lý hơn. Vả lại không dễ gì lừa dối được anh Huệ đâu.

An hơi yên tâm, nhưng vẫn ngập ngừng bảo em:

- Nghe em nói, chị đã vững dạ. Nhưng anh Lợi... em biết rồi...

An bỏ lửng câu nói. Lãng hỏi:

- Chị nói gì ạ?

An bối rối, do dự, rồi đập nhẹ tay em, bảo:

- Thôi, chị lên chùa đây. Em về phủ ngay, thử xem có nói chuyện được với "anh ấy" không. Rán cứu chị với. Chị van em. Lần này có vẻ gay go, vì hôm qua bộ Hình đã bắt giam các chủ ghe

Đồng Nai để tìm manh mối hại anh Lợi. Cứu chị với! Nếu anh Lợi có chuyện gì, làm sao chị nuôi nổi các cháu!

An lại khóc!

Về số thuyền, các nguồn sử liệu ghi khác nhau: - Thực lục ghi ba mươi thuyền. - Letondal (RI, XIV, 1910, trang 53) viết thư ngày 7-11-1788 lại viết: Vào tháng 7-1788 viên bạo chúa ấy rất lo lắng về 300 hay 400 ghe mà ông gửi vào Đồng Nai.

Chương 82

Bọn thầy pháp và bọn lang băm thường gồm có hai loại: một loại luôn phun ra những tiên đoán độc địa ghê rợn để đe dọa những người yếu bóng vía, buộc họ phải bám lấy mình van xin cứu chữa hoặc trù tà, tốn bao nhiêu tiền của cũng không tiếc, loại kia chuyên kê thuốc bổ và hết lời khen ngợi phước đức. Kẻ yếu đuối thể xác hoặc tinh thần chạy đến họ không phải vì muốn biết sự thực. Họ làm nghề bán hy vọng theo những phương pháp khác nhau: bán ngay bằng thứ thuốc vô thưởng vô phạt, hoặc tính kế lâu dài bằng cách kèm theo những liều độc dược để nuôi bệnh. ở An Thái, Kiên thuộc vào loại ăn xối hiền lành ấy! Về An Thái chẳng bao lâu, cái tin có một ông đạo lập am tại gò Miếu mau chóng lan truyền khắp vùng. Hơn hai mươi năm đã qua, kể từ thời gian gia đình ông giáo Hiến về lập nghiệp tại đây. Số dân An Thái thời đó nay đã lưu tán quá nhiều, không mấy người còn biết đến gốc gác của Kiên, vả lại, nét mặt Kiên đã thay đổi, từ một thanh niên mạnh khỏe biến thành một đạo sĩ đạo mạo, khắc khổ. Kiên cũng đủ khôn ngoan để giấu kỹ lý lịch của mình. Nhờ thế, đối với những người đến gặp ông đạo, Kiên có đủ cái bề ngoài huyền bí, thiêng liêng bảo đảm cho các câu tiên đoán. Họ lũ lượt kéo đến gò Miếu, nét mặt người nào cũng buồn rầu, lo lắng. Và họ trở về với nụ cười trên môi. Kiên có nhiều "khách" đến nỗi một chị bán nhang, một bà hàng nước và một bé gái bán hoa quả lật vạt dăm bỏ chỗ bày hàng ở chợ An Thái, vào gò Miếu kiếm sống.

Một hiện tượng như vậy dĩ nhiên không thể ở ngoài tầm chú ý của các chức sắc địa phương. Cho nên khi triều đình phát lệnh tầm nã, Kiên bị bắt ngay. Anh bị đóng gông giải về Qui Nhơn vào ban đêm để khỏi "xao động nhân tâm". Buổi sáng hôm sau, khách thập phương đến gò Miếu chỉ thấy cái am trống. Kiên đến và đi bất chợt. Không biết ông đạo từ đâu đến, và đã về đâu. Vì vậy, trừ các chức sắc An Thái đã nhận được lệnh phải tuyệt đối giữ kín việc bắt giữ, đa số dân An Thái càng tin rằng Kiên không phải là người đời. Ông đạo là người Trời, vâng lệnh Tôn Sư từ một đỉnh núi heo hút chót vót nào đó xuống đời giúp dân rồi lại trở về núi. Những người đến chậm vì đường xa hoặc do đa nghi có thêm một nỗi ân hận trong đời, ân hận không được nghe những lời nói chân lý!

* * *

Giống như hơn hai mươi năm về trước, Kiên lại trở thành người tù quan trọng của thành Qui Nhơn. Những kẻ giam anh không phải ai xa lạ. Anh thuộc nằm lòng khuôn mặt, thói quen, giọng nói, kể cả những cái tật xấu lật vạt của họ, và ngược lại. Con đường họ dẫn anh đi, cửa thành, lâu đài, cung các, trạm lính canh, cửa nhà giam, nét mặt lầm lì của tên cai ngục, cây thước bản trên tay người lính gác, hành lang hẹp và ẩm giữa hai hàng ngục tối, tiếng rên siết đau đó...; tất cả vẫn vậy. Anh có cảm tưởng chỉ vừa được quân khởi nghĩa Tây Sơn giải thoát ngày hôm qua thôi. Hệ thống các dãy nhà giam thời tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên kiên cố và qui mô quá, nên

những người chủ mới không cần phải thay đổi hoặc sửa sang gì nữa. Sửa lại bất cứ cái gì đều tạo dịp may đào thoát và giảm bớt nỗi đau đớn của phạm nhân. Nhờ thế Kiên có ảo tưởng mình trẻ lại sau hai mươi năm. Anh đi tới một cách tự tin mạnh dạn, quen thuộc đường lối như một người trở về. Nét mặt anh cũng không tỏ dấu phiền muộn hay sợ sệt, mặc dầu cái gông bằng gốc tre già đóng vôi đè nặng lên hai vai anh, những mắt tre cạ vào da cổ làm xây xát rướm máu, hai bắp chân mỏi rần vì đường xa.

Kiên chỉ kinh ngạc về sự thay đổi của con người!

Đa số những người anh gặp đều là người quen cũ. Nhưng anh ghi nhận ở thái độ và hình dáng của họ hai điều: thứ nhất, họ già nua, xơ xác quá. Tóc họ lốm đốm bạc, mắt mệt mỏi đến đờ đẫn; thứ nhì: họ cư xử với anh hết sức khác thường, gần như họ vừa thù ghét vừa kinh sợ anh. Khi còn lại một mình trong ngục tối, Kiên băn khoăn tự hỏi:

- Vì sao họ lấm lét sợ ta? Đáng lẽ ta phải sợ họ chứ? Vì sao? Hay là... theo những điều họ nghe được thì tội của ta phải đưa ta đến chỗ chết. Có thể là chết thảm, xác bị phanh làm trăm mảnh, đầu bị bêu giữa chợ. Họ nhìn ta không như nhìn một kẻ đang sống, sẽ sống như họ, mà như một kẻ đang đi đến cõi chết, một kẻ sắp thuộc vào một thế giới khác mà họ kinh sợ đến hãi hùng. Phải. Trong các cuộc hành quyết, những kẻ tò mò cũng nhìn tử tội trên đường chịu nạn với cái nhìn ấy.

Vì nghĩ như vậy nên Kiên không thắc mắc tự hỏi tại sao từ lúc cánh cửa ngục đóng lại, không ai hỏi han đến anh. Ngày hai bữa, anh được nghe bước chân nặng kéo lê trên nền ngục của người lính phụ trách đưa cơm tù. Thế thôi. Không có tra khảo, thẩm vấn. Việc gì phải lôi thôi! Tội rõ ràng rành rành ra đấy, chỉ còn thời gian vẩy quét cho hết lũ đồng lõa để đưa một lượt ra pháp trường. Một hồi trống giục. Chém. Thế là xong!

Đôi lúc Kiên cũng có đôi chút nuối tiếc. Cuộc đời của anh, anh tiếc là đơn giản quá. Chưa được cái gì tạm gọi là hoàn tất. Mọi sự cứ lơ lửng nửa chừng ngoài ý muốn của anh. Người thân khổ vì anh, và anh biết chắc sau khi lãnh án tử, họ còn phải khổ đớn vì anh nhiều hơn nữa. Vợ anh, mấy đứa con riêng của vợ, đứa con gái của anh... bây giờ họ thế nào? Còn Nguyễn Phước Liệu? Anh kinh ngạc không thấy mình oán trách kẻ gieo họa, sau đó vui mừng vì nghĩ rằng dù sao, mình cũng đạt được đôi chút thành quả trên đường tầm đạo. Không có Liệu này thì có Liệu khác, mọi sự diễn tiến như phải diễn tiến.

Khác với hai mươi năm trước, lần này Kiên không chờ đợi gì. Không hy vọng gì. Anh không ghi ngày tháng, không hồi hộp lúc nghe tiếng chân người hoặc rạo rức nôn nao trước mọi dấu hiệu của sự sống, như tiếng ho ở một hầm ngục khác, tiếng muỗi vo ve, tiếng chim trên mái ngục. Cho nên hôm cửa ngục mở vào một giờ thất thường, Kiên chóa mắt vì ánh sáng và bị choáng ngợp không khí, nhưng lòng anh bình thản. Hôm ấy Đông Định vương đến tận ngục thăm anh. Vì chóa mắt và ngược hướng ánh sáng, Kiên không nhận ra được Nguyễn Lữ. Anh nghĩ: Đã đến lúc rồi. Ta sửa soạn gì không? Khởi cần. Họ bảo làm gì thì cứ tuân theo. Như thế dễ cho họ hơn! Nguyễn Lữ thấy Kiên không đứng dậy vái chào, tưởng anh giận, vội nói:

- Đáng lẽ tôi đến thăm anh ngay buổi sáng hôm ấy, nhưng nhà vua không cho phép. Anh không nhận ra tôi sao?

Bấy giờ Kiên mới biết người đến gặp mình không phải là viên cai ngục. Anh đứng dậy chấp tay chào Nguyễn Lữ, gối hơi run.

Nguyễn Lữ tiếp:

- Trông anh tiêu tụy quá. Không. Chúng ta đừng đả động gì tới chuyện lôi thôi đó. Thôi, coi như

bị dính vào một tai nạn khó chịu, cái tai nạn dai dẳng kéo dài từ lúc ra đời cho đến... cho đến lúc nào, anh biết không? Anh ốm và xanh quá. Anh có đau yếu gì không?

Nguyễn Lữ run giọng, rồi bắt đầu thút thít khóc, nghẹn lời không nói được nữa, Kiên nhẫn đáp:

- Chính ngài đang bị yếu sức khỏe đấy.

Nguyễn Lữ cố dần cơn uất, đáp:

- Vâng. Độ này tôi đau yếu luôn.

Kiên nói:

- Nghe giọng ngài nói, lại thấy ngài khóc, tôi đoán được hết. Ngài dễ xúc động quá. Ngài sợ cái gì vậy?

Nguyễn Lữ quay bảo hai tên lính canh:

- Cho phép tụi bây ra ngoài cửa đứng cho mát.

Một người lính lễ phép đáp:

- Dạ bẩm... lệnh của quan Hình bộ là phải đứng canh ngay tại đây.

Nguyễn Lữ chưa chát bảo Kiên:

- Anh thấy không? Tôi cũng chỉ là một tên tù như anh thôi. Không biết tôi có cứu được anh không. Bây giờ tôi như người thừa ở kinh thành này. Không ai thèm nghe tôi cả. Nếu không cứu được anh, tôi sợ hai ta không còn dịp nào để đàm đạo với nhau nữa. Tôi muốn được nghe anh nói. Mỗi lần gặp anh xong, lòng tôi bình an. Anh nói gì đi!

Kiên nói:

- Lúc này tôi hỏi ngài đang sợ cái gì?

Nguyễn Lữ ngập ngừng một lúc, rồi đáp:

- Tôi sợ chết.

- Ngài tưởng tôi giải tỏa được nỗi sợ hãi của ngài sao?

Nguyễn Lữ vồ vập nói, như sợ hai tên lính không cho nói hết lòng mình:

- Tại sao anh lại hỏi như vậy? Anh giận tôi à? Tôi không tin anh thì còn tin ai! Trên đời này có ai hiểu tôi đâu! Chỉ có anh mới biết, mới hiểu những điều tôi thao thức. Anh nghĩ mà xem. Độ này không đêm nào tôi chợp mắt được. Sức khỏe tôi giảm sút từng ngày. Tôi biết giờ quyết định, cái ranh giới của sinh tử đã gần kề rồi. Vâng, tôi sợ. Anh nghĩ mà xem. Đi đường vấp ngã chỉ trầy mất một mảng da ta còn thấy đau nhói, huống chi đột nhiên cả cả cái thân thể ta, cả đầu óc trí não ta từ có thành không. Tất cả ngưng lại hết, và ta không còn được quyền, không còn đủ sức tham dự vào những gì xảy ra sau đó. Người ta gọi một lũ thối kèn, kéo nhị tới ỉ ôi nhức óc. Tôi ghét nhất cái điệu kèn rên rỉ đó. Nhưng họ cứ thổi, tôi làm gì được. Họ thổi cho tôi nghe đấy, cho tôi vui lòng ngậm cười ở dưới tuổi vàng đấy. Anh nghĩ mà xem. Độ này tôi không chợp mắt nổi. Trầy một mảng da ta còn thấy xót, huống chi đột nhiên cả cái thân này, cả trí óc này...

Kiên nhận thấy Lữ đã mất hẳn bình tĩnh, Đông Định vương luống cuống lăm lăm ngay trong cách nói, những điều vừa thốt ra đã quên nên lặp lại lần nữa, rồi lần nữa... Kiên đáp:

- Tôi cũng yếu đuối, mê muội như ngài mà thôi. Cả hai chúng ta chơi trò cút bắt với cái bóng của mình, phải, chúng ta như lũ trẻ nít mãi mê nhìn cái bóng mình nên đi đứng chệnh choạng, nói năng ngu ngơ, đập gai mà không biết đau.

Nguyễn Lữ thất vọng, vội hỏi:

- Nhưng anh phải biết bên kia cái chết là cái gì chứ? Anh không bận việc đời, tay không đụng đến chuôi kiếm, tất có nhiều thì giờ tìm ra cái lẽ phải hơn tôi. Chỉ cần thấy anh điềm tĩnh được

trong cái xó ngực này, tôi đã biết anh giải đáp được. Lần trước tôi có hỏi, nhưng anh chưa chịu trả lời. Anh nói đi. Tôi sắp về đâu?

- Đáng lẽ tôi hỏi ngài mới đúng. Tôi ra đi trước ngài mà!

Nguyễn Lữ tưởng Kiên trách móc, vội đáp:

- Dù sao tôi cũng cố xin nhà vua xét lại cho anh. Những điều tên Liệu khai mơ hồ và mâu thuẫn lắm. Khi hắn khai trước khi ra đây hắn chưa biết có gia đình chị dâu ngoài này. Khi hắn khai tên Chung truyền cho hắn phải tìm đến nhà anh trước. Vả lại, những câu sấm ấy kém cỏi quá. Tôi biết ngay không phải của anh. Anh cứ yên tâm. Ngày mai tôi sẽ vào cung. Mấy hôm nay nhà vua không được khỏe. Đã thế, cái tin thằng Duệ bị giết ngoài Quảng Nam càng làm nhà vua rầu rĩ. Nếu nhà vua hỏi tôi, tôi đã can không cho Duệ đem quân ra Duy Xuyên. Cơ trời đã rõ rồi, cưỡng lại có ích gì!

Kiên nói:

- Đấy. Chính ngài đã tìm ra câu trả lời mà ngài không biết. Nếu ngài hiểu được cơ trời, thì tất cả những gì còn lại đều được sáng tỏ.

Nguyễn Lữ trầm ngâm gật gù, nhưng nét mặt vẫn chưa vui.

* * *

Hôm nay là ngày thiết triều nên từ sáng sớm, cửa Nam lâu đã mở. Những người lính trong đội cấm vệ chia nhau quét dọn cả trong chính điện lẫn con đường lát gạch bát tràng từ cửa Nam lâu vào. Viên cai cơ đội trưởng mặt hầm hầm vì vừa phải lớn tiếng dàn xếp một cuộc tranh tụng nhỏ. Lâu ngày nhà vua không thiết triều nên ở chính điện, bụi bặm quá nhiều. Bọn lính ngại khó giành nhau lãnh phần quét dọn sân triều và trang hoàng cờ phướn. Viên cai cơ lo âu và giận dữ vì đã gần đến giờ thiết triều mà việc chuẩn bị vẫn chưa xong. Mặc cho ông trương cổ hò hét, bọn lính cứ uể oải, chậm chạp. Viên cai cơ hét:

- Quan Lễ bộ tới mà tụi bây làm chưa xong, tao trình cho đóng gông tụi bây hết!

May cho ông, quan Thượng thư bộ Lễ tới trễ. Quan nhìn quanh một vòng, khiển trách viên cai cơ vì vài lá cờ nhăn nheo, bằng cái giọng ngái ngủ. Viên cai cơ lo ngại quan Lễ bộ nổi giận. Nhưng không. Quan chỉ khiển trách nhẹ nhàng, giọng rủ rủ như đang khuyên răn cấp dưới. Viên cai cơ muốn tỏ lòng biết ơn, bằng cách nhắc nhở quan Lễ bộ rằng cái mũ trên đầu quan hơi lệch sang trái, nhưng do dự hồi lâu, viên cai cơ không dám lên tiếng. Rồi lần lượt các quan ở lục bộ đến, người nào cũng mặc triều phục sắc sỡ. Quan thượng thư bộ Công hỏi quan bộ Lễ:

- Hôm nay có thiết triều không?

Quan Lại bộ cũng hỏi theo cách khác:

- Hoàng thượng đã mạnh chưa?

Quan Lễ bộ lúng túng không biết đáp thế nào, vì cho đến lúc đó, cửa Tử cấm thành vẫn đóng.

Quan đáp lễ:

- Có chứ. Vẫn thiết triều như thường chứ! Ai bảo các ông hôm nay không thiết triều.

Không có ai dám trả lời câu hỏi khó của quan Lễ bộ. Bỏ mặc ông già khó tính với đám cấm binh của ông, các quan khác kéo nhau ra sân điện tụ năm tụ ba xì xầm to nhỏ. Câu chuyện họ trao đổi không tiện ở chỗ công khai nên lâu lâu phải có người dáo dác nhìn quanh rồi mới chụm đầu nói tiếp:

- Hình như đêm hôm kia Hoàng thượng có gọi quan Binh bộ vào cung. Ông đi lại thân thiết với ông ấy, có nghe ông ấy nói gì không?

- Sao quan bác lo lắng vậy? Việc gì đến bộ Hộ của bác!

- Nói thế mà nghe được! Vận lương thực cho quân sĩ là phận sự ai? Của Giáo phường nhà ông à?

- Biết đâu được! Nhiều khi đưa Giáo phường ra trận quân lính lại thú hơn ăn cơm. Tôi nói đùa đấy thôi. Vâng, quả là có nhiều chuyện đáng lo. Nay, tôi nói quan bác đừng nói lại với ai nhé. Hoàng thượng đang chọn người đưa quân vào tiếp viện cho Phạm Văn Sâm đấy. Bên Bộ binh than các tướng quen trận mạc đã ở lại Phú Xuân cả, nên Hoàng thượng có ý chọn người ở lục bộ. Quan bác văn võ kiêm toàn, không chừng được hân hạnh...

- Ông ấy nói thật thế à? Thôi rồi, chắc là do vụ tôi hục hặc với bộ Binh năm trước. Gớm thật, con người đâu mà tiểu tâm! Ông ấy không tâu thì làm gì Hoàng thượng biết tôi cũng có võ vẽ tí võ nghệ. Tôi phải hỏi cho ra lẽ. Ông ấy đâu rồi?

- Thôi, tôi van quan bác. Chuyện đâu còn có đó. Với lại đã chắc gì Hoàng thượng muốn tiếp viện. Vừa đem quân ra gây sự với Chính Bình vương ở Bà Lỏa xong, ông Duệ chết thảm, Hoàng thượng cũng phải đề phòng Phú Xuân thừa thắng trả đũa chứ. Còn bao lăm quân, thuyền mà gửi cho ông thái bảo (Phạm Văn Sâm).

- Biết đâu được!

- A ha, quan bác lại lay cái tật hay nói "biết đâu được" của tôi rồi. Hồi còn đóng vai hề đồng, tôi pha trò bằng cách chuyện gì cũng chêm "biết đâu được". Bây giờ từng trải việc đời, mới biết câu pha trò lúc trẻ thế mà thiêng. Quả là việc đời đảo điên, không còn biết đâu mà lần. Tôi đến chóng mặt!

ở một nhóm khác, câu chuyện xoay quanh cái chết của Nguyễn Văn Duệ.

- Chắc phải có một buổi tế đấy nhỉ!

- Chưa chắc đâu.

- Bộ Lễ của cụ phải biết chắc việc này chứ. Chết như thế mà không được một buổi tế hay sao! Ở bộ của cụ hết nhang hay thiếu người thảo văn tế. Mãi đến giờ vẫn chưa thấy động tịnh gì cả. Hay Hoàng thượng còn "bất an"?

- Để tôi vào lãnh chỉ của Hoàng thượng.

- Xin can cụ. Cụ không nhớ lần trước hay sao. Bị mắng cho một trận không kịp vuốt mặt. Từ lúc kinh thành bị vây đến giờ, Hoàng thượng không được vui. Thời trước, buổi chiều nào cũng rộn rã. Phải nhận là Hoàng thượng pha trò hay thật!

- Phần tôi, tôi biết chắc chắn sẽ không có lễ tế. Các người có biết vì sao không?

- Biết thì ông còn làm bộ làm tịch sao được. Nói quách ngay đi. Nay, cửa Tử cấm thành mở rồi kìa. Cụ chạy vào hỏi để chúng ta còn về bộ. Ơn trời! Phải chờ ông cụ đi xong tôi mới dám nói. Ông cụ không ác, nhưng già rồi, nói trước quên sau. Vào chiều, ông cụ buột miệng khai hết, thì không còn chỗ đội mũ nữa. Tôi nghe nói Hoàng thượng nhất định không cho làm lễ tế ông Duệ, cũng không bằng lòng cấp lộc cho vợ con ông ấy.

- Tôi không tin. Ai nữ thế!

- Có cái lý trong đó chứ. Nay nhé. Bây giờ không ai dám tin ai nữa. Mọi sự thật giả, đen trắng, bạn thù lẫn lộn hết. Phò mã Nhậm chịu làm tướng cho Bắc Bình vương. Nguyễn Đăng Vân con nuôi của Bắc Bình vương trốn vào Gia Định. Tướng tá Qui Nhơn do Hoàng thượng cử đi bắt phạt ở lì ngoài Phú Xuân không chịu về. Phú Xuân vào vây Qui Nhơn, đặt súng lớn bắn vào đây ầm ầm. Nay, hôm đó bác trốn ở đâu?

- Nói tiếp đi. Cà kê mãi không khéo lại đến giờ chiều!

- Xin vâng. Ông nghĩ xem, Hoàng thượng trải qua những kinh nghiệm đó, làm sao dám tin một người trấn thủ Nghệ An vượt đường rừng về hàng Qui Nhơn? Lỡ ông Duệ trá hàng để nội công

ngoại kích thì sao? Cho nên hoàng thượng phải gửi ông ấy ra Duy xuyên, như dùng lửa thử vàng vậy mà.

- Ông nghĩ ghê gớm quá. Có thể lắm. Mà cũng nguy hiểm lắm.

- Nguy hiểm hay không là do ở miệng ông. ở đây chỉ có hai người. Tôi tin ông nên mới dám nói. Có ông cụ bộ Lễ tôi đâu dám hé răng. Ông nhìn kia! Ông cụ bộ Lễ tươi cười, có nghĩa là Hoàng thượng lại cho bãi châu, à quên, miễn châu. Ông về đằng tôi nhắm rượu nhé. Hay là ông nghi tôi bỏ thuốc độc vào rượu để tranh cái chức thị lang.

Có nhiều tiếng cười thoải mái đây đó khắp sân điện. Đội cấm vệ bắt đầu dẹp cờ phướng. Lần này, bọn lính nhanh nhẹn, khác hẳn lúc treo cờ.

* * *

Đông Định vương phải khó nhọc lắm mới xin gặp được vua anh. Nghe các quan đại thần cho biết nhà vua miễn triều, Nguyễn Lữ đoán vua anh bị mệt, nên vào thẳng hoàng cung. Hoàng hậu lại cho biết nhà vua vừa ra Từ đường. Nguyễn Lữ trở ra cửa Nam lầu. Cửa Từ đường đóng kín, nhưng nhìn toán cấm vệ đứng nghiêm chỉnh trước Từ đường, Lữ biết chắc vua anh đang hành lễ phía trong.

Nguyễn Lữ bắt gặp nhà vua đang lầm rầm khấn vái trước bàn thờ cha mẹ. Từ đường kín cửa nên bên trong thiếu ánh sáng, Lữ không dám lên tiếng, đứng chấp tay chờ anh hành lễ xong. Nguyễn Nhạc đứng lặng trước bàn thờ thật lâu, cuối cùng, nhà vua vái bốn vái, rồi đến cắm nắm nhang trên tay vào cái lư hương vàng chói.

Cắm nhang xong, nhà vua lại đứng lặng lẽ trước bàn thờ. Trong từ đường, trừ tiếng nến cháy lèo xèo, tất cả đều yên lặng. Đột nhiên, nhà vua hỏi em:

- Chú Bảy đấy hả?

Nguyễn Lữ đáp nhỏ:

- Dạ. Em đây.

- Chú có muốn khấn cầu gì không?

Nguyễn Lữ e ngại không dám nói thật, nên đáp:

- Em vẫn khấn cầu cha mẹ gia ơn phù hộ cho anh mạnh khỏe. Mấy lúc gần đây, anh không được khỏe lắm.

Giọng nhà vua vừa chua chát, vừa bức tức:

- Nếu các em ta ai cũng biết điều như chú... Không còn gì nữa! Hết rồi! Thật hết rồi. Dám quay hòng súng bắn vào chỗ đặt bàn thờ cha mẹ. Trời xanh có mắt hay không? Nghe nói chú gác việc đời để tầm đạo. Chú tìm được gì rồi? Chú có biết trời ở đâu không? Trời đã mù hắc chưa hay vẫn còn lòa?

Nguyễn Nhạc quay lại phía em. Nguyễn Lữ xót xa đến quặn lòng khi thấy nét mặt vua anh quá biến đổi, đôi mắt sâu lõm hết tinh lực, hai má hóp khiến gò má nhô cao, râu tóc thưa thớt bù rối. Nguyễn Nhạc đã trở thành một ông già khòm ròm, lấm cấm và cẩu kính. Tự nhiên Nguyễn Lữ lo sợ vu vơ, khi nhà vua tiến về phía mình. Nếu không có cây cột phía sau lưng, có lẽ Nguyễn Lữ đã bước lui vài bước. Đến cách em độ hai thước, nhà vua dừng lại. Hai anh em nhìn nhau, bờ ngõ, dò hỏi, xót xa pha lẫn hoang mang. Nguyễn Nhạc nói:

- Ta nhớ hồi mẹ hấp hối, lúc hai chân bắt đầu lạnh và miệng cứng không nói được nữa. Mẹ ứ ứ muốn nói mà không thể thốt ra lời. Cổ cũng không còn cử động được. Trước đó mẹ còn lắc đầu khi ta hỏi mẹ có muốn uống nước không. Thấy mắt mẹ lảo liên, ta đoán mẹ muốn tìm ai đó. Mẹ còn muốn tìm ai trên đời này trước khi nhắm mắt, nếu không phải là tìm nhìn cho được các

chú! Ta vội ra sân dẫn các chú vào. Chú vâng lời ngay, còn chú Tám thì phụng phịu. Mẹ thấy các chú, tự nhiên ánh mắt sáng lên. Hai bàn tay động đậy được. Hình như mẹ muốn chống tay ngồi dậy. Ta ôm các chú vào hai cánh tay vừa khóc vừa thưa với mẹ: "Mẹ ơi, mẹ hãy yên tâm. Con xin thề với mẹ rằng suốt đời, con không bao giờ rời mắt khỏi các em. Con sẽ thay mẹ săn sóc, yêu thương các em, cho đến lúc không còn hơi sức nữa". Chú biết không, mẹ nhắm mắt lại và cố mỉm cười. Nhưng môi mẹ đã cứng rồi. Ta vừa nhắc lại cảnh tượng đó trước bàn thờ mẹ. Mỗi lần ta đến đây, một mình cầu khẩn, ta đều hy vọng nghe được tiếng mẹ trả lời. Nhưng chỉ có im lặng. Chú có đạo tâm, chú thử cầu xem mẹ có đáp không.

Nguyễn Lữ xúc động nghẹn lời, không nói được tiếng nào. Nguyễn Lữ thấy cay cay ở khóe mắt. Hồi lâu, Lữ hứa:

- Em sẽ cầu khẩn như anh dặn.

Nguyễn Nhạc nôn nóng hỏi:

- Sao không cầu ngay bây giờ?

Nguyễn Lữ thu hết can đảm nói nhanh:

- Bây giờ em phải lo cứu một mạng người.

Nhà vua hỏi chậm:

- Ai vậy?

- Em xin đem tính mạng để chết thay cho anh Kiên.

Nguyễn Nhạc lại hỏi:

- Kiên nào?

- Kiên con ông giáo, người bị nghi oan có âm mưu với tên Nguyễn Phúc Liệu.

Nhà vua cố nhớ, nét mặt lác thần. Lữ lo nhà vua không biết chuyện Kiên. Nhưng đột nhiên

Nguyễn Nhạc bảo:

- Thôi. Ta khỏi cần nhớ làm gì. Chú đã đem tính mạng ra đổi, thì được rồi. Hồi trước, mỗi lần đi đâu, mẹ bước rón rén, sợ dẫm phải kiến, sát sanh mang tội. Ta bằng lòng tha cho nó để vui lòng mẹ. Chú khỏi cần lạy tạ.

Chương 83

Lợi về đến nhà, bỏ mặc cho người lính hầu dẫn ngựa đi ăn thóc và uống nước chứ không đích thân chăm sóc con ngựa ô tốt giống như các lần trước, vội vã bước nhanh vào nhà. Cái khăn trên đầu bị lệch làm cho tóc xổ cả xuống trán. Nhưng Lợi không có thì giờ sửa khăn lại. Anh gọi các con. Chỉ có con Thái trả lời cha. Lợi nôn nóng hỏi:

- Mẹ đâu rồi?

Thái lo âu đáp:

- Mẹ đi tìm cha mà!

- Đi hồi nào?

- Dạ mới hồi nãy.

Lợi nhìn con, đo lường xem đứa con gái nhỏ có đủ sức hiểu việc người lớn hay không. Sau một lúc do dự, Lợi hỏi:

- Mẹ có nói gì với con không?

- Dạ không. Mẹ mếu máo khóc. Việc gì vậy cha? Con hỏi, mẹ lắc đầu không nói.

- Vậy con có nghe mẹ nói chuyện vào cung không?

Bé Thái mừng rỡ đáp, mắt đỏ vì thương mẹ:

- Dạ có.

- Vậy mà lúc nãy con bảo mẹ không nói gì!

- Mẹ nói cả buổi sáng chiều chục xin gặp Hoàng hậu mà không được. Chiều nay mẹ đi lần nữa. Hoàng hậu cho người ra cổng bảo Hoàng hậu khó ở, không tiếp khách.

Lợi thấy cách ăn nói của con gái khôn ngoan rành mạch như người lớn, kéo con vào lòng vuốt tóc nó. Anh ngồi tần ngần, không nói năng gì, khiến Thái cứ nơm nớp không biết có nên nói thêm vài câu để cha vui lòng hay không. Một lúc sau, Lợi hỏi:

- Mẹ đi về phía nào con biết không?

Thái đáp:

- Dạ không. Lúc đi, mẹ có hỏi anh hầu: nhà riêng của quan Trung thư ở phía nào.

Lợi quên mình đang nói chuyện với con, gắt gỏng:

- Sao lại đến nhà ông đồ Kỷ?

Thái sợ, không dám nói gì nữa. Lợi hỏi:

- Đến nhà quan Trung thư? Hồi nãy con bảo mẹ đi tìm cha?

Giọng Thái run run:

- Con tưởng cha lại đăng đó. Hay... hay là mẹ đi tìm cậu Lãng, thừa cha?

Lợi thấy dự đoán của con rất hợp lý. Gần đây Lãng thường tìm cơ đến nhà quan Trung thư luôn, đến nỗi mỗi lần Lãng ghé tạt về đây, cả An lẫn cháu đều đem chuyện đó ra làm đề tài trêu chọc

Lăng. Lợi thấy không còn giải pháp nào thích hợp hơn là kiên nhẫn ở nhà đợi vợ. Bây giờ anh mới thấy khát. Lợi bảo:

- Con vào rót cho cha chén nước.

Thái gỡ tay cha đứng dậy đi rót nước. Lợi lấy khăn lau mồ hôi trên trán, lúc đó mới chú ý đến cái khăn lệch. Anh đưa tay vuốt tóc để đội khăn cho ngay ngắn. Một sợi tóc bạc dính vào lòng bàn tay ướt mồ hôi. Lợi chợt nghĩ: tóc mình bắt đầu bạc hồi nào? Bốn mươi tuổi đã là bao. Trong các tiệc rượu, bọn ca nhi tuổi cập kê vẫn thường gọi ta là "anh" và nhất định không chịu tin ta đã bốn mươi tuổi. Vậy thì tóc ta bạc từ lúc nào? Thôi, phải rồi! Tất cả đều do bọn tay chân Bùi Đắc Tuyên. Những chủ ghe Đồng Nai lo cho ta từng cái khăn đội đầu, cái dây thêu đựng thuốc. Họ dám dốc hết túi để giúp ta. Không biết khi bị tra khảo, họ có khai bày gì cho ta không?

Lợi lại đâm lo. Con Thái đặt khay nước trà xuống cái bàn chân nai trước mặt cha. Lợi quên cả khát, nét mặt bần thần. Thái phải nhắc:

- Cha uống nước ạ! Con đi lấy cái quạt lông công cho cha nhé. Cha uống nước đi.

*

* *

Nghe tiếng An ngoài cửa, Lợi vội bỏ chén nước đang uống dở, đứng bật dậy. Chén nước bị đặt ngoài mép khay nên nghiêng đổ cả nước trà ra bàn. Mặc cho con gái xếp lại chén và lau chùi nước vung vãi, Lợi chạy ra gặp vợ. An chưa kịp nói gì, Lợi đã hỏi:

- Thế nào?

An mếu máo định nói, nhưng thoát thấy con gái đứng bên cạnh, khuôn mặt trẻ thơ đầy lo âu, An mím môi yên lặng. Lợi hiểu ý, không hỏi thêm gì nữa. Vào nhà rồi, An hỏi con:

- Có ai hỏi mẹ không?

- Dạ không. À có. Có một bà thấp người, có nốt ruồi lớn trên cằm hỏi mẹ có lấy xấp nhung tàu không?

Lợi cần nhần:

- Nhưng với gấm. Đến nước này mà em còn...

An bực dọc gắt:

- Còn thế nào? Chính anh nhờ em mua nhung để biếu cho bà đô đốc.

Lợi biết mình nói hớ, không nói gì nữa, nhưng nét mặt vẫn cứ hằm hằm. An hỏi bé Thái:

- Nước trà ở đâu tung tóe khắp nhà vậy?

Thái liếc về phía cha, đáp nhỏ:

- Con vô ý, xin lỗi mẹ!

An bảo:

- Con rót thêm cho mẹ chén nước. À thôi, con lấy dao cắt cam cho cha ăn luôn thế.

Con bé đi rồi, Lợi vồ vập hỏi An:

- Không được gì cả phải không?

An mếu máo khóc:

- Chưa bao giờ em nhục như vậy. Người ta cho con hầu ra đuổi em như đuổi chó.

- Còn về phía Công chúa?

An thở dài chán nản:

- Cũng chẳng được tích sự gì. Mới đầu vào cung, thấy Công chúa mừng rỡ đón tiếp, em đã mừng. Hình như Công chúa đang chờ em lắm. Nhưng vừa ngồi xuống, Công chúa gục đầu vào

lòng tràng kỷ thút thít khóc. Công chúa khổ tâm quá, không biết thổ lộ cho ai mỗi khổ tâm nên gặp được em như bắt được vàng. Công chúa cứ cầm tay em, ray rút hỏi: "Có đúng thế không? Có đúng như lời thiên hạ đồn đãi là tướng công đã ra lệnh đục thuyền chìm chết hoàng thân Lê Duy Ân? Ai nỡ làm vậy! Nhất định những kẻ ghen tị, thù hận tướng công đặt điều nói xấu mà thôi, phải thế không? Sao họ lại có thể dối trá như vậy được? Đem điều ác gán cho người ta, họ không thẹn với lương tri hay sao? Tướng công làm việc gì cũng quang minh chính đại, muốn giết thì giết, việc gì phải hại ngầm. Mà tại sao người ta lại thù hận, ghen tị được với một người như tướng công? Họ phao truyền toàn những lời độc địa. Họ còn bảo đáng lẽ tướng công đích thân cầm quân ra bắc diệt tuyệt họ Lê nhưng sợ sĩ phu Bắc Hà, nên mới sai đến tiết chế Nhậm. Nhậm là phò mã của hoàng đế, nên nhân cơ hội làm quá đi để bêu riếu tướng công trước dân Bắc Hà. Tôi nghe mà sững sờ. Muốn bịt tai lại để khỏi biết những điều độc ác, nhưng tò mò nên cố dẫn lòng để nghe cho biết. Sao thiên hạ đặt điều lắm chuyện thế hở chị? Họ nói dối, phải không chị? Chị trả lời cho tôi biết đi. Chị quen biết tướng công từ thời khởi nghiệp, chị có hiểu tướng công đã làm gì mất lòng người ta để họ vu oan giá họa như vậy?" Đấy, từ đầu chí cuối Công chúa vừa khóc vừa hỏi, không cho em có thì giờ trả lời nữa. Em muốn nói chuyện mình, mà không thể mở miệng được.

Lợi tức giận:

- Sao lại không?

An đáp liền:

- Em thì chịu. Nói điều gì, chẳng khác nào nhè nhà có tang mà đến mượn tiền.

- Chính vào lúc đó mới dễ nhờ vả, vì người ta đang bối rối.

An đang cúi mặt vuốt lại nếp áo, nghe chồng nói vậy, vội ngược lên nhìn Lợi. An cảm thấy ngao ngán, cay đắng, thất vọng. Trong nỗi lo lắng, hoang mang, Lợi không nhận ra được nét biến đổi trên gương mặt vợ. Lợi trách:

- Vậy là mất toi cả buổi sáng. Rồi em có tìm được cậu Lãng không?

- Không. Buổi chiều nó không đến, vì đã ở đằng đó cả buổi sáng rồi. Nhưng lúc em cố xin vào gặp Hoàng hậu một lần nữa, con hầu có nói bóng gió một chuyện ghê gớm lắm. Anh, hình như bọn chủ ghe đã khai điều gì đó.

Lợi giật mình như vừa ngồi phải lửa:

- Nó nói gì mà em đoán thế?

Bé Thái bung đĩa đựng tám miếng cam cắt khéo ra cho mẹ. Hai vợ chồng ngưng câu chuyện, nhìn nhau buồn rầu. Thái làm bộ xin lỗi:

- Con dao không được bén, nên con cắt vụng.

An cảm động nhìn con, dịu lời bảo:

- Con khéo lắm. Mẹ cắt cũng không được như con đâu.

Thái ngún nguẩy:

- Mẹ chỉ nói!

- Nhưng con tính vụng rồi. Một trái không đủ đâu. Con vào cắt thêm cho mẹ trái nữa.

Chờ cho con đi khỏi, Lợi vội hỏi:

- Con thị nữ đằng chỗ Hoàng hậu nói gì?

- Nó cười mỉa, rồi vờ như không biết em là ai, quay lại nói với con bạn: "Không biết ông Lợi ông Lộc nào đó làm chuyện gì mà quan thái sư (Bùi Đắc Tuyên) ghét hẳn thế. Trước lúc ra về, ông ấy còn nghiêng răng đe dọa: "Cứ đánh cho nát thân tất nhiên chúng nó phải khai. Một đứa

đã thú có mưu với thằng Lợi, mấy đứa kia chối sao được". Tao nghe cứ rợn cả xương sống, tưởng ông ấy đang đe tao".

Lợi sợ hãi đến líu lưỡi, phải trấn tĩnh thật lâu mới thì thào bảo vợ:

- Như vậy là nguy lắm!

An cũng hạ thấp giọng, run run đáp:

- Mấy đêm nay em có ngủ được đâu. Trước kia em đã bảo...

Đột nhiên Lợi quát:

- Bảo cái gì? Bây giờ còn định...

Thấy con gái bước ra, Lợi bỏ dở câu nói. Thái ngơ ngác nhìn cha rồi nhìn mẹ. Nó đủ thông minh để đoán biết nhà đang gặp nạn lớn. Thái đặt đĩa cam xuống bàn, rồi òa lên khóc tức tưởi.

An phải ôm lấy con, dỗ dành:

- Kìa, sao lại khóc? Con ngoan của mẹ, không có gì đâu. Mẹ với cha chỉ cãi nhau vì chuyện vặt mà thôi. Đã bảo! Nín đi. Nín đi con. Vào đây mẹ lấy khăn lau mặt mũi cho. Chừng này tuổi mà còn khóc nhè, xấu lắm.

Tuy nói thế, nhưng chính An cũng khóc lúc nào không hay biết!

*

* *

Hai vợ chồng cùng dậy sớm để nhìn vẻ xơ xác của nhau. Khuôn mặt An gần đây vốn đã ốm, đầu tóc lại không chải, nên Lợi càng thấy vợ già. Anh nghĩ "bọn ca nhi nói đúng thật. An chẳng khác gì chị cả của mình". Ý nghĩ đó khiến Lợi xấu hổ, nhưng nó cũng thôi thúc Lợi nói với vợ điều anh ngấm ngấm đêm qua. Lợi nói:

- Em này!

An hỏi bằng giọng rã rời, hơi khao khao:

- Cái gì anh?

Cái nhìn của vợ khiến Lợi e ngại, xấu hổ. Lợi nói tránh:

- Hình như đêm qua thằng Phát về khuya đấy. Lúc đó em ngủ chưa?

- Còn thức.

- Em không mắng cho nó một trận. Nó chơi ở đâu vậy?

- Em không hỏi.

- Sao lại không hỏi. Độ này nó không chịu động đến cái bút, cái nghiên. Hư quá rồi.

- Tại anh đấy.

- Sao lại tại anh?

- Cho nó tiền nhiều, tất phải hư.

- Con nhà quan hư hết sao? Con hư tại mẹ.

An không muốn cãi vã, chán nản nói:

- Vâng. Tại mẹ.

Lợi không ngờ An trả lời gọn như vậy, bật cười. An cũng mỉm cười, tự thấy hai vợ chồng đều ngớ ngẩn. Lợi không bỏ qua cơ hội, lại nói:

- Em này!

- Anh bảo sao ạ?

- Cả đêm qua anh tính lui tính tới, thấy chỉ còn một cách.

An đưa mắt dò thăm ý chồng. Lợi rụt rè trước khi tiếp:

- Anh phải trốn thôi. Trốn trước khi quá muộn!

An giật mình, thẳng thốt hỏi:

- Trốn đi đâu? Gia đình đùm đê thế này!

Lợi lấy bạo, nói điều khó nói nhất:

- Chúng nó chỉ nhắm vào anh, nên tạm thời anh phải lánh mặt đi.

- Nhưng đi đâu?

- Vào Gia Định.

An hoảng hốt hỏi:

- Còn mẹ con em ngoài này làm sao? Vả lại, đã chắc gì Đông Định vương giúp anh. Rồi xa xôi cách trở thế, chắc gì còn có ngày còn gặp lại nhau.

An thút thít khóc. Lợi không muốn để cho xúc động ngăn anh nói ra điều quan trọng hơn hết, nên cười nhạt một tiếng, bảo vợ:

- Em tưởng anh vào đó làm tôi mọi cho "chú Bảy" ư? Không, làm tôi cho ba anh em nhà họ bấy lâu đủ rồi!

An ngơ ngác hỏi:

- Vậy anh định làm gì trong Gia Định?

- Anh vào đó với ông Chung (Nguyễn Ánh).

An hoảng sợ, không dám tin những điều vừa nghe là có thật. Chị cứ nhìn dăm dăm vào mặt chồng, cố hy vọng chồng nói đùa, hoặc lỡ lời trong một lúc phấn chí. Nhưng không, Lợi nói tiếp:

- Nhà Tây Sơn sắp đổ rồi. Anh em đánh nhau như vậy thì vững sao được. Ai nhìn xa trông rộng cũng thấy điều đó. Chỉ vì mọi người đều sợ khó, sợ nguy, buông tay để mặc cho thế cuộc đưa đẩy, nên không ai dám đi trước. Mình hơn thiên hạ ở chỗ dám làm trước mọi người. Kể ra cũng không phải là người đầu tiên, vì trước đây đã có Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đăng Vân.

Nhưng mình vào lúc này chưa phải là chậm. Anh vào Gia Định nhiều lần nên anh biết. Đất trong đó rộng, đủ chỗ cho mình, ở đây chật hẹp quá.

An qua được cơn xúc động ban đầu, chậm rãi trách chồng:

- Anh tính chuyện riêng của anh thông suốt, đơn giản lắm. Nhưng anh có nghĩ khi anh làm phản rồi, mẹ con em sẽ ra sao không?

Lợi lúng túng, nói lấp:

- Chẳng lẽ Chính Bình vương nữ quên tình nghĩa thầy trò, quên... quên... (Lợi muốn nhắc đến mối tình cũ của Nguyễn Huệ, nhưng không dám) tình bạn bè, đến nổi ra lệnh hại em và các con? Vả lại, Bùi Đắc Tuyên đã bắt đầu ngò vực anh rồi, trốn cả nhà sao được. Hôm trước anh xin theo đoàn thuyền của Phạm Văn Hưng để vào Gia Định, lão ta bảo bộ Binh bác ngay. Một mình anh thì có thể tìm cách lừa tay chân của lão...

An cắt lời chồng:

- Thôi, anh đừng nghĩ quẩn nữa. Chưa có gì tuyệt vọng đến nỗi phải tính tới chuyện ghê gớm ấy. Lão Tuyên có làm gì mặc kệ, quan trọng là ở Chính Bình vương. Anh không thấy hai lần trước ông ấy mắng mỏ bộ Hình hay sao. Mình gặp thẳng Lãng hỏi cho rõ, rồi hãy tính. Đừng phấn chí liều lĩnh, anh. Có làm gì, có định làm điều gì, cũng phải nghĩ đến em và các con. Nhất là các con. Chúng nó có tội tình gì...

An nghẹn lời, không nói hết được điều khủng khiếp, bi đát chị vừa tưởng tượng ra cho tương lai các con. Lợi không biết nói gì thêm, bắt đầu sợ chính ý nghĩ của mình.

*

* *

Những ngày sau đó, ý định táo bạo của Lợi trở thành nỗi ám ảnh hãi hùng của An. Càng nghĩ, chị càng thấy lo. Chị biết lắm. Lợi không phải là người dễ dàng chịu nhận sự rủi ro, thua thiệt về phần mình, Lợi có thể làm bất cứ việc gì. Cho nên An không cho Lợi đi đâu cả. Ban đầu Lợi còn ngoan ngoãn. Về sau, cuồng cưởng, Lợi xin đi uống rượu để quên. An bắt chồng thế không được đến nhà bạn bè, hoặc tới chỗ hẹn với bọn các lái. Cứ đến quán rượu đi. Từ đó chiều nào Lợi cũng trở về nhà với bộ mặt đỏ gay, ăn nói lè nhè, đôi bữa chủ quán phải cho người dìu Lợi về. An lo thay quần áo, lau chùi các chỗ Lợi ói mửa vung vãi, tuy hết sức phiền muộn nhưng không dám trách cứ chồng một lời. Thà Lợi nát rượu còn hơn để cho anh tỉnh táo suy nghĩ đến những chuyện động trời.

An đặt hết hy vọng vào Lãng vì Lãng làm việc gần gũi được cả Chính Bình vương lẫn Trần Văn Kỷ. Chiều nào chị cũng thấp thỏm chờ Lãng đến, lo sợ nhiều hơn là hy vọng. Lãng khổ tâm thấy chị đứng ở cổng chờ mình, đôi mắt hốt hải, môi run run lập cập thốt lên câu hỏi quen thuộc:

- Thế nào, họ đã trình lên rồi phải không?

Anh thương chị, xót xa cho hoàn cảnh chị, đồng thời cũng băn khoăn tự hỏi làm sao chị mình lại có thể gắn bó tha thiết với một người chồng tầm thường như vậy. Thà An đau đớn da diết vì một cái gì cao cả Lãng còn đỡ hận. Đằng này... Lãng chịu thua, không hiểu nổi đàn bà. Một lần Lãng thử kể chuyện Chính Bình vương bị bệnh không thể thiết triều xem thử phản ứng của An thế nào. Anh thất vọng náo nức. An đứng dưng, chỉ bảo:

- Thế à. Còn việc anh Lợi?

Lãng hoang mang không hiểu cái gì mới là cái xương sống để tình yêu đứng được với thời gian: sự cảm thông giữa hai tâm hồn? Sắc đẹp? Tiền tài? Đời sống chăn gối? Nghĩa vụ đối với con cái? Hoặc tệ hơn nữa, là sự kiên nhẫn chịu đựng cái tầm thường yếu đuối của nhau? Lãng xót xa so sánh người chị thời An Thái với người đàn bà nọ dòng mặt mũi hốc hác, đầu bù tóc rối, đang cuống quýt than thở bên cạnh anh chồng say, lòng thất lại. Giá anh có thể mang đến một tin vui cho chị đỡ khổ. Mọi việc đều ở ngoài tầm tay Lãng. Anh chỉ có thể báo tin mà thôi, còn bao nhiêu âm mưu phức tạp, bao nhiêu sự kiện đang xảy ra trong cái guồng máy khổng lồ khó hiểu để đẻ ra cái tin dữ hay tin lành cho An, thì Lãng chịu!

Nhưng khoảng đầu tháng ba năm đó, Lãng hớn hỏ về nhà chị với một tin vui. Không để cho An kịp hỏi, Lãng nói trước:

- Tạm yên rồi chị ạ. Vào đây em kể cho nghe.

An reo lên, hai tay bầu lấy vai em:

- Thật sao Lãng? Nhưng... nhưng cái gì tạm yên?

Lãng không muốn cho chị hồi hộp, lo âu vô ích, đáp liền:

- Vụ anh Lợi ấy.

An líu cả lưỡi, bắt em dừng lại:

- Em có nói dối với chị không? Đừng nói dối cho chị vui, tội nghiệp. Em kể liền cho chị nghe đi. Nhưng thôi, em vào đây kể cho anh Lợi nghe luôn. Vào đây đi. Này chú, dắt ngựa cho uống nước nhé. Em đưa cương cho chú ấy. Nhớ cho nó ăn thóc nhé. Em vào lối này. Chỗ cửa có một chỗ anh Lợi ói mửa đêm qua chị chưa kịp sai chúng nó dọn. Ủa, anh Lợi đi đâu rồi? Lại đi. Tội nghiệp. Anh ấy lo đến nỗi không ăn ngủ gì được. Họ dựng lên những chuyện tày trời, ai không lo. Ngồi xuống đây. Khỏi cần nước nôi gì nhé? Kể cho chị nghe đi.

Thấy chị mừng rỡ cuống quýt, Lãng vui lây. Anh cố ý khề khà chậm rãi để kéo dài chút vui hiếm hoi:

- Việc chúng nó muốn gán cho anh Lợi ấy mà. Nhất là sau khi một tên chủ ghe Đồng Nai nhất đòn chịu khai theo ý chúng nó...

An mất kiên nhẫn, giục:

- Biết rồi. Sau đó chúng nó... Sau đó họ làm gì nữa?

- Chúng nó ăn ý với bộ Hình, cố tra khảo để bọn còn lại chịu khai đã nhận lệnh của Gia Định ra đây nhờ anh Lợi làm nội ứng. Nhưng bọn này khôn hơn tên chết nhất kia: nếu khai như vậy, chính bọn họ cũng phải tội chết. Cuối cùng chỉ được lời khai của một tên mà thôi.

- Chuyện đó chị cũng biết rồi.

Lãng ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao chị biết?

- Lão Tuyên tâu với Hoàng hậu, bọn thị nữ nghe được, khảo chuyện với nhau. Nhưng sau đó, họ làm gì?

- Chúng nó cứ trình cả lời khai ấy lên, với các đơn tố cáo bên bộ Hộ và Tầu vụ. Lập luận của chúng là anh Lợi được phân cho nhiệm vụ rất hệ trọng là tìm cách triệt lương của Phú Xuân. Dĩ nhiên công việc này chỉ là dự tính về sau, khi Gia Định đủ mạnh để mang quân ra đây. Trước mắt, anh Lợi phải nắm cho được các nguồn tiếp tế lương thực như Tầu vụ, các đoàn buôn gạo từ Đồng Nai, các kho chứa thóc, các mối hàng xáo... Về điều này, chúng nó có đủ bằng chứng.

An nóng nảy phản đối:

- Nhưng đó là công việc bộ Hộ giao cho anh Lợi kia mà!

- Bộ Hộ lại trình là anh Lợi làm quá nhiệm vụ được giao để thủ lợi riêng. Về việc này... về việc này...

An hiểu vì sao Lãng do dự không nói hết ý, vội khóa lấp:

- Dù có trình thế nào rồi cũng không qua được mắt Chính Bình Vương. Anh ấy... ông ấy nghe tâu như vậy, đã quyết định thế nào?

- Lần này, anh Huệ không gay gắt với chúng nó như hai lần trước. Anh ấy chịu ngồi nghe tâu hết từ đầu chí cuối, hỏi rõ tại sao chỉ có một tên chịu khai trong khi các tên buôn gạo khác đều phủ nhận. Anh ấy còn hỏi bằng cớ để chứng minh việc anh Lợi làm có liên quan đến lời khai kia.

Chúng nó ú ớ, đáp không xuôi. Anh Huệ nói: "Thôi được. Nếu quả đúng như các ông trình thì vụ này cũng quan trọng đây. Nhưng hiện ta còn nhiều việc phải lo trước. Các ông đã nghe phò mã (Vũ Văn Nhậm) ở Thăng Long đã tự chuyên, làm nhiều điều thất nhân tâm như thế nào rồi.

Tiếng oán than đã vào thấu đây, ta không đích thân ra đó gỡ giúp cho phò mã không được. Phò mã xuất thân võ biên không thạo các điều lắt léo của việc cai trị, tính lại hay tự kiêu, tham lam. Khổ thế! Nếu ta làm ngơ để mặc cho hắn sa lầy, Hoàng đế lại nghi ta đưa hắn vào chỗ chết vì hiềm khích. Các ông tạm thay ta lo việc Phú Xuân ít lâu. Không. Quan Trung thư sẽ cùng đi với ta ra Bắc. Lúc về ta sẽ xem lại vụ này. Nếu các ông không có bằng cớ gì thêm cho xác đáng, thì bắt buộc ta phải nghĩ các ông cố ý hại người vì tư thù. Độ này Đắc Trụ làm gì vậy ông Tuyên?". Chị biết không, đột nhiên anh ấy hỏi thế, khiến Bùi Đắc Tuyên giật mình, ấp a ấp úng. Anh ấy biết hết mọi việc làm của cha con nhà ấy, làm sao qua mắt anh ấy được.

An vẫn lo âu:

- Như vậy câu chuyện vẫn chưa ngã ngũ gì cả!

- Chị còn đòi gì nữa. Anh ấy nói như vậy là rõ rồi.

- Chị có nghe em thuật là ông ấy... anh ấy nói anh Lợi vô tội đâu? Chỉ gác lại để sau này xét mà thôi.

Giọng Lãng hơi bức:

- Nhưng chị quên ông Tuyên là anh ruột Hoàng hậu. Anh ấy phải tìm lời khéo léo để khỏi làm mất thể diện ông ta chứ. Vội lại...

An vững tâm hơn, cười bảo em:

- Chị lo âu quá, mất cả sáng suốt. Như vậy là tai qua nạn khỏi rồi chứ, Lãng?

- Vâng.

- Sao chị thấy em không được vui?

Lãng không muốn nói rõ những điều mình nghĩ về Lợi, nói tránh đi:

- Không. Em có điều gì buồn đâu.

An muốn lấy lòng em, đùa:

- Hay vì mãi lo chuyện chị, không có thì giờ tìm gặp nàng?

Lãng đỏ mặt, chối:

- Không đâu. Chưa có gì đâu.

Bây giờ An ở vào thế chủ động, tự tin. An tra vấn Lãng:

- "Chưa có gì đâu" mà ngày nào cũng tìm cách đến nhà quan Trung thư?

Lãng chống chế yếu ớt:

- Em đến để học thêm đấy chứ!

- Học cái gì? Học làm Tư Mã Tương Như phải không? Liệu nàng Văn Quân nói tiếng Thuận Hóa này có chịu trốn theo chàng Tư Mã không?

Lãng hơi chột dạ, hỏi chị:

- Sao chị lại so sánh như vậy?

An đáp:

- Không giống hẳn nhưng cũng hơi hơi đấy chứ. Chị chưa gặp được cô ấy. Nhưng nghe đâu cô ấy cũng đẹp như Văn Quân (An cười khúc khích). Thật ra chị cũng không biết Văn Quân đẹp thế nào. Nhất định là đẹp lắm. Cô ấy cũng bị dở dang như Văn Quân.

Đây là lần đầu tiên Lãng nghe một điều bất thường về cô con gái Trần Văn Kỷ. Anh không giấu được xúc động, hỏi An một cách thẳng thốt:

- Dở dang ư? Chị nghe ở đâu thế?

An cũng kinh ngạc:

- Em không biết chuyện đó à?

- Chuyện gì?

- Chuyện cô ấy được một đám đến dạm hỏi. Mọi sự gần như xong xuôi, dùng một cái bên nhà trai xin thôi. Không biết vì lý do gì. Cô ấy đã trên hai mươi rồi phải không.

Lãng thành thực nói:

- Em chưa biết chuyện này. Có thật không chị?

- Lại không thật! Nhiều người nói lắm, không phải người nào cũng ganh tị với quan Trung thư đâu.

- Thế tại sao quan Trung thư không nói gì với em cả?

- Ai lại đem chuyện buồn trong nhà ra nói với người ngoài! Còn cô ấy?

- Chị hỏi sao?

- Chị hỏi cô ấy có nói với em chuyện đó không?

Một lần nữa Lãng thành thực với chị:

- Em có được nói chuyện với cô ấy lần nào đâu?

An trở mắt nhìn em:

- Đến lúc này mà em còn giấu chị à?

- Em nói thật.

An bật cười:

- Vậy làm sao em biết cô ấy có cảm tình với em mà tiến tới!

- Em chỉ đoán.

An cười to hơn:

- Dựa vào đâu mà đoán?

Lãng đỏ mặt, lúng túng:

- Lúc nào em đến, cô ấy cũng tìm việc để hoặc hái rau, hoặc đi ngang qua nhà học để em trông thấy cả.

- Em trông thấy được gì nào?

- Khuôn mặt nàng thanh tú và buồn buồn. Làn da trắng, hai má hồng ửng. Dáng người thon mà không yếu đuối.

- Quan Trung thư có biết em... em thương con gái không?

- Có lẽ biết.

- Quan có nói gì không?

Lãng suy nghĩ một lúc, đáp lơ lửng:

- Hình như không.

An bắt đầu lo ngại:

- Như vậy có thể thiên hạ đồn đãi đúng.

Lãng vội hỏi:

- Họ đồn gì thế chị?

An không muốn em buồn, nói dối:

- Thì họ đồn em định làm rể quan trung thư.

Rồi An cười thật lớn để che giấu sự bối rối. Lãng ngờ ngợ có điều gì chị giấu mình, nhưng không dám hỏi. Anh hoang mang, buồn rầu bảo An:

- Thôi, dẹp chuyện lăm cẩm đó lại. Chị cho em về. Không biết chừng ít hôm nữa em sẽ theo Chính Bình Vương ra bắc. Em sẽ tìm cách mua ngựa tốt Thăng Long về biếu chị.

Chương 84

(1) Khi Chính Bình vương sai Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Bắc diệt Chĩnh, tuy do mệnh lệnh đã định từ trước nhưng trong lòng thì Vương cũng hơi nghi ngờ. Vì vậy, mới sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân theo làm tham tán quân vụ để chia bớt quyền của Nhậm. Lúc họ ra đi, Nguyễn Huệ có bảo ngầm Sở:

- Nhậm là con rể của anh ta. Nay ta với nhà vua có sự xích mích, lòng hăn chắc cũng không yên. Chuyến này hăn cầm trọng binh vào nước người, diễn biến thế nào không thể lường trước được. Ta không lo Bắc Hà, chỉ lo về hăn mà thôi. Người phải dò xét cho kỹ, hễ thấy cái gì khác ý thì báo ngay cho ta. Ví như lửa vậy, dập tắt từ khi mới bén thì còn dễ dàng.

Nhưng Vũ Văn Nhậm không biết vậy, lúc đã thừa thắng kéo tràn ra Bắc như vào một làng bỏ không, chẳng ai dám chống cự. Nhậm liền dương dương tự đắc. Tới khi bắt được Nguyễn Hữu Chỉnh thì Nhậm cho rằng uy vũ của mình đã đủ khiến cho người ta phải phục. Cái xứ Bắc Hà còn con, không có việc gì khó. Khi nghe Lê Chiêu Thống chạy lên phía bắc nương tựa vào Nguyễn Trọng Ninh, Nhậm liền gửi thư bắt Ninh đem vua ra nộp. Rồi cho đòi các tôn thất, quan văn quan võ đến cửa quân chờ hầu, sai bằng cầm, khiến bằng ý, chẳng ai dám không theo. Chẳng ngờ về sau Ninh không về, các quan chẳng có ai tới, lại thêm Trần Quang Châu ở Kinh Bắc, Hoàng Viết Tuyến ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, ai nấy cầm quân giữ đất và phao truyền khắp nơi rằng: bắt nhật các đạo sẽ họp ở ngoài kinh thành cùng Nhậm quyết chiến.

Rồi thì quân Tây Sơn kẻ nào đi ra khỏi thành đều bị bọn dân hào giết chết. Giặc cướp nổi lên khắp nơi, những đám khói lửa luôn luôn kéo từ làng nọ đến làng kia.

Bấy giờ Vũ Văn Nhậm mới có ý lo sợ, liền bắt hết dân kinh sư đắp lại vòng thành Đại La, ngày đêm đốc thúc không cho nghỉ. Dân phu đói khát mệt nhọc, có kẻ đang đội thúng đất mà ngã sắp xuống. Bởi vậy ai cũng la oán.

Chợt có tin mới. Người của Trần Quang Châu đã lọt vào được trong thành để làm nội ứng. Họ hẹn Hoàng Viết Tuyến đem binh thuyền theo dòng Phú Lương (Nhị Hà) ngược lên để làm ngoại công. Nhậm bèn hạ lệnh lùng khắp kinh sư, những người đến trọ ở các phường phố đều phải bắt chém.

Ngô Văn Sở can:

- Mình cứ ngồi vững có sợ gì họ? Nếu mình tự làm rối trước, thì còn trấn áp thế nào được người. Chi bằng tha họ cho yên lòng dân.

Nhậm không nghe. Tình cờ có người ở làng Cơ Xá xưng tên là Trần Đình Khôi, trước có làm chức thiêm sự của nhà Lê xin vào ra mắt. Nhậm cho mời vào hỏi:

- Trước đây Chĩnh là kẻ vong mạng vớ được địa vị cao, làm tàn hại nhân dân, thiên hạ ai cũng

cầm giận. Người Bắc Hà ai cũng muốn giết hần mà không giết được, lại bị hần hại. Nay ta trừ hần đi cho, đáng lẽ dân Bắc Hà cảm ơn ta mới phải, có sao ta cho vời mà không ai đến?

Khôi đáp:

- Ngài có thể quyết sự thắng trận ở ngoài nghìn dặm, lẽ nào không thấy, dù người Bắc Hà thâm oán cống Chính, nhưng lòng thương nhớ nhà Lê vẫn chưa nguôi. Ngài giết được Chính, người xa người gần cũng đã mừng rỡ. Nhưng vì ngài chưa bàn đến việc phò Lê, cho nên người ta hãy còn đứng trông ngóng, chưa dám đến vội. Nay đấng Tự quân đã bỏ nước nhà mà đi, đành không có lẽ lại đem về được. Vậy có Sùng nhượng công Lê Duy Cẩn, lúc Tiên đế còn đã ở ngôi Đông cung, sau gặp quốc biến Nhâm dần mới bị kêu binh truất bỏ. Nếu ngài khôi phục ngôi đó cho Sùng nhượng công để người ở ngôi giám quốc, rồi đem ý đó bảo rõ kẻ trong người ngoài, và yết cáo ra cửa Đại Hưng, thì chẳng bao lâu các quan văn võ sẽ đến họp cả. Bấy giờ việc trong thiên hạ ai ai cũng phải nghe ngài, ngài muốn làm sao thì được vậy, dễ như trở bàn tay, lo gì không xong.

Nhậm gật đầu nói:

- Ông nói có lý. Ví như mổ trâu, cắt đúng đường gân khớp xương của nó, thì các thớ thịt sẽ phải đứt ra.

Tức thì Nhậm sai đón Sùng nhượng công vào phủ và tiếp đón bằng lễ đãi bậc thượng tôn.

Nhậm bảo Sùng nhượng công:

- Thiên hạ vẫn là thiên hạ của nhà Lê. Tự hoàng bỗng bỏ mà đi, trong nước hiện không có ai làm chủ. Ông vốn là đấng thái tử đã có chiếu mệnh rõ ràng. Bấy giờ nối lại ngôi đó, ngoài ông ra thì còn ai nữa?

Sùng nhượng công nói:

- Nước tôi chẳng may mất cả giềng mối, đã nhờ Chúa thượng gây dựng lại cho. Không ngờ trời chưa thôi tai vạ, cho nên Tự hoàng đang lúc trẻ đại bị lầm về tội loạn thần, tự rước lấy sự bại vong. Nay được Thượng công chưa nở bỏ muốn nối lại cái dòng đã tuyệt, thật là may cho nước tôi. Chỉ hiềm tôi không có đức, nếu ở ngôi cao, thì những công việc chính đốn trong nước xin ngài giúp đỡ cho.

Nhậm cười bảo:

- Ông cứ làm, không cần phải lo xa quá. Có tôi ở đây, bọn gian hùng dù muốn làm gì đến ông, cũng phải sợ tôi, không dám đâu. Đợi khi Chúa công ra đây tôi xin nói giúp, thì ông sẽ là vua thật.

Sùng nhượng công nghe nói mừng lắm, bèn sai sửa lễ cáo ở nhà Thái miếu rồi vào trong gian nhà phía tả điện Cần Chính, và cho Khôi đi tìm kiếm các quan ngày xưa để cùng bàn việc. Đầu tiên, Khôi đến nhà Phan Lê Phiên. Phiên mừng:

- Vua phải chạy, đã không đi theo lại theo người ta mà lập vua khác, thế mà cũng nói được ư? Nếu người còn đến lần nữa, ta sẽ đi trốn lập tức.

Khôi trở ra, lại tìm đến nhà Bùi Huy Bích. Bích chối không được, phải vào ra mắt Sùng nhượng công và thảo tờ dụ các quan, đại ý nói rằng: "Năm xưa đã nhường ngôi vua, vốn không tham gì nước nhà. Ngày nay tạm coi việc nước, chỉ mong giữ lấy việc tế tự. Nếu ai có thể xét rõ ý đó, thì nên tới họp cả trong triều". Nhưng các quan cũng không ai tới. Khôi biết công việc không thành, nên đem việc nói với một người bạn. Người ấy đáp:

- Anh là một người nộp tiền để mua lấy đường xuất thân, triều không ngời, yến không dự, mất nước không phải tội anh, lấy lại nước không phải trách nhiệm của anh, chẳng qua anh muốn

nhân lúc loạn lạc cầu lấy phú quý mà thôi. Nhưng Sùng nhượng công không phải là "của lạ" có thể buôn được. Văn Nhậm lại là kẻ dã tâm khó tin. Một khi Bắc Bình vương đến, chưa biết tai vạ thế nào. Mà sau này, nếu vua Chiêu Thống trở về, thì anh không còn chỗ nào mà dung thân nữa. Ngạn ngữ có câu: "ở yên không sao, chui đầu vào chum để mua lấy vạ", ấy là anh đó.

Khôi sợ quá, trốn biệt.

Sùng nhượng công ngồi trơ trong điện, chỉ có vài người hoàng thân, bốn viên võ biên, sớm tối quanh quẩn với nhau, hết thấy các việc không ai hỏi han gì đến. Hàng ngày, Sùng nhượng công lẻo đẻo đi bộ đến chỗ Nhậm ở. Nhậm cũng không biết xử trí ra sao. Dân kinh đô gọi Sùng nhượng công là "giám quốc lại mục". Lúc ấy Ngô Văn Sở bảo Nhậm:

- Chúng tôi vâng mệnh theo ông đánh dẹp, giặc Chỉnh tuy đã bị giết nhưng dư đảng của y ở miền đông nam vẫn chưa dẹp yên, vua Lê lại chạy ra ngoài, các bề tôi trốn nấp không đến. Ông dùng Sùng nhượng công làm giám quốc, nhưng tôi xem ra lão già đó chỉ là cục thịt trong cái túi da, sai khiến sao được kẻ khác. Từ khi có nước Nam đến giờ, triều đại thay đổi không biết mấy lần, thiên hạ không phải của riêng một nhà ai, liệu có thể lấy thì cứ lấy đi, rồi thì đặt quan chia chức để dựng phen tường, cho lối nhìn, cách nghe của mọi người đều đổi mới một lượt. Nếu có kẻ trộm cắp danh hiệu thì cứ gọi luôn là giặc, rồi đem quân đánh, ai dám chống lại! Can chi phải mượn dứa tôi mọi kẻ chợ lên làm giám quốc để hấn đóng vai "ông chủ tượng gỗ" trong nước, mà mình thì cứ ở mãi trong thành làm tụi quân khách trọ ở nước ngoài?

Nhậm nói:

- Bọn Nhượng và Tuyển nay đã hơi tàn thoi thóp, nắm tay kéo đến, tự nhiên phải lại. Vả lại xem các bề tôi nhà Lê chẳng có mặt nào được như Điền Đan nước Tề, Vân Tường nhà Hán, chẳng qua chúng sợ binh uy của ta nên còn rụt rè đó thôi. Nay mai, nếu ta treo một cái bảng, hẹn ngày cho họ phải tới cửa quân, không tới thì chém, chắc là họ sẽ làm như Liêm Pha, bỏ trần tay áo vác roi mà đến. Điều đó không phải là việc đáng lo. Chỉ vì nhân tâm Bắc Hà còn nhớ họ Lê, bất đắc dĩ nay hãy theo lòng mong mỏi của dân, mượn hấn đến đây làm ông tượng gỗ để chia bót đảng Chiêu Thống và ràng buộc lòng dân Bắc Hà đó thôi. Chỗ đó, các ông không thể biết tới. Bọn các ông có việc đánh nhau, ta sẽ ủy cho các ông chia đại binh đi đánh các nơi rồi giữ lấy đất, làm bức tường thành cho ta, há chẳng mạnh à? Tới lúc đó thiên hạ sẽ có rất nhiều việc hay. Cái người chễm chệ làm chủ, chẳng ta thì còn ai, có sao lại bảo là khách?

Ngô Văn Sở nín lặng không nói gì nữa. Khi về, Sở bảo với Phan Văn Lân:

- Tiết chế thật khinh người quá. Hấn có tài đức, trí lược gì mà dám coi chúng ta là tụi võ biên chỉ biết đánh nhau? Từ khi vào thành đến giờ, xem hấn đã làm được những gì nào? Bắt gấp dân chúng đắp lũy và phò Duy Cẩn lên làm giám quốc đều là sắp sẵn cơ mưu làm phản để hòng tranh hành với chúng ta. Hấn không lấy giặc Chỉnh làm gương, lại còn định bắt chước y. Hấn không muốn sống, chỉ muốn chết. Thì cứ để hấn đi theo thằng Chỉnh, để răn kẻ khác. Sở liền đem hết việc làm của Nhậm làm bản cáo phản, bắt Lân làm chứng, rồi ngầm sai người đem về Phú Xuân báo tin cho Chính Bình Vương.

*

* *

Trước khi khởi hành ra Thăng Long, Chính Bình Vương đã viết thư sai Cẩn tín hầu Nguyễn Quang Đại mời La Sơn phu tử đến đại doanh ở núi Nghĩa Liệt, gần bến Phù Thạch để Nguyễn Huệ được gặp mặt. Thư viết như sau:

"Gửi cho La Sơn phu tử được hay,

Nay thiên hạ khốn khổ, không cùng phu tử mà cứu gỡ thì không biết cùng ai. Quả đức thân hành qua hạt. Đặc sai văn binh phiên phó tri phiên Cẩn tín hầu Nguyễn Quang Đại lại vấn an và mời phu tử tới, ngõ hầu được nghe lời phu tử dạy bảo. Thế là may cho quả đức và may cho thiên hạ lắm.

Nay gửi thư.

Thái Đức ngày 18 tháng 3, năm thứ 11" (1788). (2)

Lã cùng đi với Cẩn tín hầu ra Nghệ An trước, để sắp xếp cho cuộc hội kiến lịch sử giữa một võ tướng Nam Hà trẻ tuổi và một văn thần Bắc Hà được giới sĩ phu vị nể.

Cẩn tín hầu lo một, quan trấn thủ Nghệ An lo hai, tri huyện La Sơn lo bốn vì mọi người đều biết cách hành binh thần tốc của Chính Bình Vương, nên cuối cùng, La Sơn phu tử được mời tới đại doanh ở núi Nghĩa Liệt quá sớm. Nguyễn Thiếp đợi gần một ngày Chính Bình Vương mới ra tới nơi hẹn. Vừa gặp cụ, Vương đã trách:

- "Đã lâu nghe đại danh, cho nên muốn cùng nhau gặp mặt. Tiên sinh thoái thác không tới. Ý tiên sinh cho quả nhân là thằng giặc nhỏ, không đủ làm kẻ anh hùng trong thiên hạ hay sao?"

La Sơn phu tử đáp:

- Hơn hai trăm năm nay, quyền hành đất Bắc thuộc về tay họ Trịnh hung bạo. Tướng quân đánh một trận mà dứt được, lấy đất đai mà trả lại cho nhà Lê. Như thế ai nói là không phải đáng anh hùng. Còn nếu nhân người nguy, lợi dụng tai họa của người, trước vì nghĩa mà sau vì lợi, thì là gian hùng". (3)

Nguyễn Huệ mím môi lại, liếc về phía Trần Văn Kỷ rồi liếc nhìn vết sẹo trên cánh tay trái của mình. Chỉ một thoáng, Vương đã trấn tĩnh được ngay. Nguyễn Huệ tươi cười, ngồi dịch lại gần La Sơn phu tử, vui vẻ nói:

- Thật là một lời dạy bảo chí tình. Bấy lâu quả nhân nghe nói hoài đến khí tiết kẻ sĩ, nhưng chỉ gặp được những kẻ cố chấp, câu nệ từ chương. Nay mới hân hạnh...

Câu chuyện sau đó tuy thân mật nhưng quanh quẩn trong việc thăm hỏi sức khỏe, khí hậu, mùa màng... Chính Bình Vương đã biết điều muốn biết là cách nghĩ của La Sơn phu tử đối với hai chữ "chính thống", và đã dừng lại đúng lúc để khỏi gây những đổ vỡ không cần thiết. Phần La Sơn phu tử, cụ cũng đã nói một mạch điều tâm niệm của cả đời, qua được cuộc thử thách mà cụ biết sẽ gây tiếng dội đến Thăng Long và đời sau.

*

* *

Tiến đưa La Sơn phu tử về xong, Chính Bình Vương vội ra lệnh khởi hành, tuy trời đã xâm xẩm tối. Trần Văn Kỷ cố quan sát xem nét mặt Nguyễn Huệ vui buồn thế nào, nhưng chịu! Quan Trung thư không thể đoán được Vương đang nghĩ gì sau cuộc hội kiến mà hai người hằng mong đợi. Nguyễn Huệ cho ngựa chạy thong thả, dáng ngồi thẳng, hai vai rộng nhấp nhô đều đều theo nhịp vó. Trần Văn Kỷ giữ cho ngựa mình chạy sau ngựa Chính Bình Vương một khoảng khá xa. Kỷ e ngại phải nói chuyện với Nguyễn Huệ ngay lúc này, vì trong thâm tâm, ông tự cảm thấy mình có phần trách nhiệm về cuộc hội kiến bất như ý. Chính ông đã đề cao Nguyễn Thiếp nhiều lần trước mặt Nguyễn Huệ, cũng như đã cố thuyết phục Huệ hy vọng vào lớp nhà nho thức thời của Bắc Hà.

Qua khỏi một cánh đồng vừa gặt xong, mặt ruộng chỉ còn trơ gốc rạ, thì đoàn người ngựa đi vào một xóm quê có nhiều tre xanh. Trời tối, đường cái nhấp nhô khó đi. Chính Bình Vương ra lệnh dừng quân nghỉ đêm. Trần Văn Kỷ áy náy vì thấy việc Chính Bình Vương không chịu nghỉ

đêm tại đại doanh ở Nghĩa Liệt, vội vã rời khỏi nơi đó để đến nghỉ đêm tại cái xóm hẻo lánh này là dấu hiệu thất thường. Một sự bực dọc, bất bình chẳng hạn. Lúc cả đoàn giở lương khô ra ăn thay bữa tối, Trần Văn Kỷ cũng tránh né để khỏi phải ngồi gần Nguyễn Huệ. Họ qua đêm ở đó, không tìm dịp nói chuyện với nhau. Mãi đến sáng hôm sau, Vương mới gọi quan Trung thư thúc ngựa lên đi bên cạnh mình, mỉm cười hỏi:

- Đêm qua ông ngủ ngon chứ?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Cảm ơn Vương thượng, tôi đã cao tuổi, nên...

Nguyễn Huệ cắt lời Kỷ:

- Đêm nào ông cũng trần trọc thế ư?

- Bẩm có lẽ vì không quen đi xa.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, nói nhanh:

- Ta cũng không ngủ được như ông. Ta nghe tiếng ông ho vào đầu canh ba. Lại một điều là cái xóm ta qua đêm ít có tiếng gà gáy quá. Ông có biết vì sao không?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Vùng này đất cát cằn cỗi, bao năm nay chiến tranh chà xát liên miên nên thóc lúa thiếu hụt.

Người còn thiếu ăn, hưởng chi gia súc.

- Nhưng đây là đất phát sinh anh tài. Ông đừng quên quê hương tổ tiên ta là Hưng Nguyên xứ Nghệ.

Rồi không cần chuyển mạch gì cả, Nguyễn Huệ hỏi liền:

- Ông nghĩ sao về cuộc hội kiến hôm qua?

Trần Văn Kỷ cố giấu bối rối bằng cách đáp thật chậm chạp và lơ lửng:

- Đã lâu rồi, từ thời phu tử còn trẻ, một hôm lên chơi núi Nghĩa Liệt, phu tử có viết:

Kìa người qua lại, đây không bụi.

Mặc kẻ hay chăng, nước thuận dòng.

Sớm tối lều gianh ta tạm ẩn.

Ngắm buồn theo gió nguyệt đầy sông (4)

Xem thế thì cái chí ẩn dật La Sơn phu tử đã có từ thời trẻ, chứ không phải là cái có nạy ra để lánh việc đời.

Nguyễn Huệ không giấu bực dọc, nói:

- Gió trăng, cây cỏ, có tội tình gì mà bắt chúng nó che đậy sự hèn nhát của các ông! Các ông khôn lắm, khi xăn tay áo lặn ra đời thì dựa dẫm nào Khương Tử Nha, Y Doãn. Khi thua thiệt về vườn thì che giấu thất vọng bằng phú Đào Tiềm, Tô Thức. Người đốt nát như dân áo vải, chân đất chúng tôi ngơ ngác như đứng trước đám khói, không biết các ông phải trái thế nào nữa. Các ông chịu ra giúp đời, đáng khen lắm, mà các ông khoanh tay ở ẩn, cũng đáng khen nốt. Các ông chiếm hết tiện nghi. Khổ cực, chết chóc, lam lũ, lầm than, rối cuộc chỉ có dân đen đốt nát chúng tôi chịu.

Trần Văn Kỷ nhận thấy đây là lúc không thuận lợi để bàn luận thẳng thắn với Chính Bình Vương, nên chỉ đáp:

- Vì vậy kẻ chính nhân quân tử thì ít, bọn cố chấp hẹp hòi thì thời nào cũng đông đảo. Hiểu cho đúng được lẽ trung dung, thật khó lắm.

Không ngờ Nguyễn Huệ càng nổi giận:

- Các ông thường nói như vậy để làm gì? Để lờ bọn vô học chúng tôi chẳng? Hay là nạy có khó

để không ai còn dám chê bai các ông cả. Ông hãy nhìn vết sẹo trên cánh tay ta đây. Ai muốn giết ta, ông biết không? Một kẻ tự xem là đại trượng phu lấy trung hiếu làm đầu đấy (5). Hẳn liều chết để vẹn chữ trung với nhà Nguyễn cũng như Lý Trần Quán tự chôn mình để vẹn chữ trung với nhà Trịnh. Nhưng cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn là gì? Nếu công nhận họ nhà Lê chính thống thì hai họ đó là bọn phản tặc. Hơn hai trăm năm nay, nhà nho các ông đã làm gì chống lại bọn phản tặc đó để vẹn chữ trung với vua Lê chưa? Các ông làm như không thấy, không nghe, không biết. Bây giờ họ Trịnh, họ Nguyễn bị ta diệt rồi, các ông không biết bám vào đâu nên cố vúi vào vạt áo rách của nhà Lê. Đến lúc nào các ông mới dám soi gương nhìn thẳng vào bộ mặt thực của mình? Đến lúc nào? Ông cùng xuất thân như họ, chắc ông trả lời được. Lúc nào? Lúc nào?

Trần Văn Kỷ im lặng. Thành thật mà nói, quan Trung thư không tìm được câu trả lời.

*

* *

Suốt cuộc hành trình còn lại, Nguyễn Huệ và Trần Văn Kỷ đều tránh né, không muốn nhắc đến vấn đề gai góc ấy. Ngay buổi chiều, Nguyễn Huệ đã cười nói bình thường, như không có việc gì xảy ra cả. Vương đem chuyện Lãng ra bông đùa, khiến cả Lãng lẫn quan Trung thư đều bối rối. Nhất là Trần Văn Kỷ. Dường như ông có điều gì thật quan trọng muốn thổ lộ, muốn cải chính, nhưng ông không dám nói ra. Nguyễn Huệ tưởng rằng Trần Văn Kỷ sợ Vương nghi mình cố ý muốn kéo vây cánh để củng cố địa vị, nên chỉ đùa qua rồi thôi. Những lúc đi bên nhau, Vương thường hỏi Kỷ về phong thổ, tập tục, đời sống dân chúng và nhân tài của các vùng họ đang đi qua. Một lần đoàn qua một cánh đồng, vào lúc dân chúng đang gặt lúa. Nguyễn Huệ hỏi Trần Văn Kỷ:

- Ông thấy thái độ dân quê mỗi lần đoàn chúng ta đi qua có gì lạ không?

Trần Văn Kỷ ngẫm nghĩ một lúc rồi đáp:

- Bẩm... hình như các quan địa phương không kịp báo cho dân biết có Vương thượng vi hành, nên dân họ có vẻ ngơ ngác. Tuy vậy, hình như họ cũng đoán được Vương thượng là ai. Thái độ của họ tỏ ra kính nể, hân hoan.

Nguyễn Huệ cười lớn, lắc đầu:

- Ông muốn làm cho ta vui lòng. Cảm ơn ông lắm. Ta nhận ra nhiều điều khác ông. Quả thực ban đầu họ có vẻ ngơ ngác, tò mò thật đấy. Nhưng sau đó, họ dừng dừng. Có lẽ họ tự hỏi: "Đám quan nhân nào vậy cà? Góm, bao nhiêu là người, ngựa! Không biết có dừng lại ở trấn phủ để bắt thêm lính, lấy thêm gạo không? Cầu Trời cho họ đi thẳng. Còn bao nhiêu là ruộng phải gặt dần, để còn cày cấy. Giá mình được bấy nhiêu ngựa để thồ thóc về nhà nhỉ?"

Trần Văn Kỷ vui lây vì cách tưởng tượng lý thú của Chính Bình Vương, nên bạo dạn đáp:

- Đa số dân chúng đều có thể nghĩ vậy. Những chuyện phế lập nơi cung phủ nhiều lúc không quan trọng bằng một cơn mưa.

Nguyễn Huệ nói:

- Hồi nhỏ, mỗi lần thấy bọn lính phủ kẻ đao người thước ập vào làng để tróc nã người chưa kịp nộp thuế, ta nghĩ: "Giá đừng có bọn vua quan, thì dân sống sung sướng, an vui biết chừng nào". Ta thầm trách anh ta nhận chỉ cái chức biện lại Vân Đồn. Ông nghĩ mà xem, đến lúc đời này không cần bọn vua quan nữa, ai nấy được ăn trọn hạt lúa mình trồng, con cá mình lưới được, không mất thứ gì.

Trần Văn Kỷ nhận xét:

- Đến lúc đó thì còn lâu lắm, vì lúc nào cá lớn cũng muốn nuốt cho được cá bé. Không có luật lệ, lễ nghi, đạo đức, con người sẽ sống như loài dã thú trên rừng.

Nguyễn Huệ mỉm cười hỏi:

- Có thật thế không? Hay đó chỉ là cái cớ để dân làm ruộng và chài lưới nai lưng nuôi thêm mấy ông đi vớng mặc áo gấm, và bọn mặt trắng cầm bút lông.

Hai người lại thấy họ sắp trở về chỗ tranh luận gai góc, nên kịp dừng lại.

*

* *

Sau hơn mười ngày, Chính Bình Vương đến Thăng Long vào đúng canh tư. Vương giải quyết nhanh gọn mọi điều phức tạp của Bắc Hà: vừa tới nơi, Nguyễn Huệ đến thẳng dinh Vũ Văn Nhậm, sai một võ sĩ đâm chết Nhậm lúc hắn đang còn ngủ say rồi cho khiêng xác ra sau phủ đường. (6) Mờ sáng, Vương phong cho Ngô Văn Sở làm đại tư mã coi cả đạo quân Tây Sơn ở Bắc, đoạn xếp đặt lại quan chức các trấn:

- Ở Sơn Nam, Hòa làm trấn thủ, Giác làm hiệp trấn.

- Ở Sơn Tây, Điện làm trấn thủ, Chinh làm hiệp trấn.

- Ở Kinh Bắc, Nguyệt làm trấn thủ, Ước làm hiệp trấn.

- Ở Hải Dương, Ham làm trấn thủ, Lợi làm hiệp trấn.

- Ở các phủ, huyện, châu, Ngô Văn Sở sẽ tùy tài xếp đặt sau.

Đối với Sùng nhượng công, Nguyễn Huệ không bằng lòng với ý kiến hấp tấp của Sở. Vương sai thảo một tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc để thăm dò dư luận. Nội dung chỉ dụ như sau:

"Chỉ dụ cho thần dân trong thiên hạ biết:

Trẫm kính vâng uy Trời, dẹp trừ họa hoạn, lo vớt kẻ chết đuối, cứu kẻ bị cháy, nâng đặt nhân dân lên trên chiếu chăn. Nay đương lúc vận nhà Lê đã hết, đạo trời mới đổi, Trẫm dám đâu không kính sợ Trời để cùng thiên hạ đổi mới. Nghĩ việc "dựng nên cái đã bị dứt, nối lại cái đã bị dứt", (7) ấy là thực lòng chí nhân chí nghĩa của bậc thánh vương thời xưa.

Vì thế, đặc ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc để phụng thờ tôn miếu nhà Lê. Còn như những việc binh dân trong nước, Trẫm đều đã sai quan chia nhau trông coi, mỗi việc đều có người chuyên trách, để tỏ sự thống nhất, làm rõ chính trị buổi ban đầu.

Hỡi các quan và dân chúng, hãy ngược trông lên mà thể hội ý ấy, sao cho ai nấy an phận, yên ổn làm việc để cùng hưởng phúc thái bình. Nếu có kẻ nào tung tin thất thiệt làm mê hoặc dao động lòng dân, phạm đến phép Trời thì vương pháp rất nghiêm, quyết không dung thứ. Phải kính tuân tờ đặc dụ này!" (8)

Công bố tờ chỉ dụ xong, Nguyễn Huệ mới cho đòi các quan cựu triều đến bộ Lễ trình diện, để lễ quan Vũ Văn Ước đưa vào yết kiến. Lấy kinh nghiệm từ cuộc hội kiến với Nguyễn Thiếp ở chân núi Nghĩa Liệt, Vương không muốn giới sĩ phu Bắc Hà lơ lửng sống trong ảo tưởng phò Lê. Vương nói trắng cho họ biết từ lúc đầu rằng: vận nhà Lê đã hết, đạo Trời đã đổi mới. Đã đến lúc họ phải dứt khoát chọn lựa chỗ xếp hàng.

(1) Toàn tiết 1 lấy y trong Hoàng Lê nhất thống chí. Ngô Tất Tố dịch, từ trang 241-246

(2) La Sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 110-111.

(3) Trích phối hợp gia phả họ Nguyễn La Sơn, Lê mạt tiết nghĩa lục và Lê quý ký sự trong La Sơn phu tử của Hoàng Xuân Hãn, trang 111-112. (4) Trích trong La Sơn phu tử, trang 46.

(5) Xem lại chương 43.

(6) Về cái chết của Nhậm, sử liệu không đồng ý với nhau:

a. Cái chết lúc đang còn ngủ say là theo Hoàng Lê nhất thống chí.

b. Cương mục lại chép: "Văn Nhậm ra đón, Nguyễn Huệ vỗ về yên ủi bằng những lời ôn tồn, rồi sai đem ngựa đang cưỡi và lọng đang che nhường cho Văn Nhậm. Khi đã vào đến trong thành, Nguyễn Huệ sai người trói Văn Nhậm ngay ở trước sân. Tra khảo, xét hỏi tuy không có chứng cứ thực sự, nhưng Nguyễn Huệ vẫn nói một cách quyết đoán rằng: "Không cần nói nhiều. Mà có tài trội hơn ta, thì không phải là người mà ta dùng được". Nguyễn Huệ liền sai đem chém". VSTGCM chính biên, tập 20. Nhà xuất bản Sử học Hà nội trang 1974.

c. Lịch sử nội chiến ở Việt Nam của Tạ Chí Đại Trường dựa vào tài liệu các giáo sĩ lại viết: "Đại binh với một đoàn hộ giá gồm 150 voi, 100 người cầm võng, nhiều kiệu thếp vàng, Ngọc Hân, Bắc Bình Vương tiến vào thành Thăng Long với uy thế khiến Vũ Văn Nhậm không dám chống cự. Ông bị bắt tức khắc. Hôm sau (5-5-1788) ông bị trói phơi nắng ngoài pháp trường một ngày cho dân chúng coi rồi bị xử trảm (trang 163).

(7) Lời Tư Mã Thiên trong Tựa của Sử Ký.

(8) Trích trong Hàn các anh hoa. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, nxb. KHXH 1978, trang 102, tập 2.

Chương 85

Suốt thời gian mấy tháng Vũ Văn Nhậm cai trị Thăng Long, bộ Lễ không có việc gì để làm nên ngôi công quán dành cho bộ Lễ trở nên tiêu điều. Khi Vũ Văn Ước cùng hai người lính đến nơi làm việc, họ buồn rầu như bị xem nhẹ hoặc thất sủng. Công đường của Lễ bộ đây ư? Một ngôi nhà đột nát, cửa ngõ đã bị tháo gỡ gần hết. ở chái đông, mái nhà bị thủng một lỗ lớn gần bằng cái nong, mái vỡ, rui mè gãy mục vẫn còn vương vãi trên khoảng nền thấp úng thủy. Không khí bên trong nồng nặc mùi phân dơi, và khó thở vì quá ẩm ướt. Bàn ghế không còn gì ngoài vài ba cái đã gãy chân nằm lán lóc trong xó.

Quan Lễ bộ phải xắn tay áo lên phụ lực với hai người lính dọn dẹp lại, mới có thể xếp đặt chỗ làm việc được. Mặt khác, ông cầu cứu quan đại tư mã Ngô Văn Sở về khoản bàn ghế. Vũ Văn Ước sai một tên lính đi rồi, lòng dạ cứ nôn nao thắc thỏm. Ông chỉ sợ các quan cự triều lũ lượt kéo nhau đến mà ông chưa có đủ nghi vệ tối thiểu. Một lúc sau, Ngô Văn Sở cho chở tới một cái bàn cần xa cừ khá cao (vì được dùng làm hương án) một cái ghế gỗ tốt, chạm trổ vụng về, một cái ghế mây đã thủng ở chỗ tựa lưng, và một cái đôn sứ hình con voi. Quan Lễ bộ vội cho kê chiếc bàn ngay chính giữa công đường cho đúng lệ, dù chỗ đó nước mưa làm nền ẩm ướt và lấm láp. Sau cái bàn, hướng về phía cổng chính, Vũ Văn Ước đặt chiếc ghế gỗ và cái đôn sứ. Giấy tờ, nghiên mực, ống bút thì đặt tạm trên chiếc ghế mây. Quan Lễ bộ đặt hai chiếc ghế, vì đề phòng quan Trung thư Trần Văn Kỷ có thể đến bất ngờ để tiếp chuyện giới sĩ phu Bắc Hà. Hai tên lính theo hầu thì được phân công như sau: một tên cầm giáo đứng gác trước cổng, một tên đứng ngay trước thềm để hướng dẫn từng người vào gặp quan Lễ bộ rồi đưa người đó ra để đến lượt người khác.

Mặt trời lên được một con sào, giấy mực đã bày sẵn trên bàn mà vẫn chưa có ai đến trình diện. Vũ Văn Ước lấy làm lạ, ngờ rằng các quan cự triều chưa biết chỗ phải đến. Ông sai một người lính đem dán tờ "chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc" lên tấm bình phong trước cổng, rồi sai người lính kia đến các đường phố trước công đường xem chừng. Người lính dựng cây giáo vào xó công đường, chạy đi một lúc, trở về bẩm rằng có nhiều người đương tụ năm tụ ba trước đường cái, già có, người nào cũng khăn áo chỉnh tề đứng cách nhà nho nhưng thái độ cử chỉ thì rụt rè lắm.

Quan Lễ bộ Vũ Văn Ước mỉm cười, kéo cái ghế sát vào bàn để ngồi thẳng lưng, chờ đợi. Ông phải chờ thật lâu. Một lúc sau, đã có tiếng chân rào rào trên đường rải sỏi. Vũ Văn Ước sửa lại thế ngồi, hai cánh tay khuỳnh ra, hai bàn tay đặt lên mép bàn cho thêm oai vệ. Tiếng chân bước nhẹ ở thềm. Một nhà nho mặc áo lương đen khoảng 40 tuổi, có đôi mắt sâu, ánh nhìn mỗi một, cái mũi thẳng, chòm râu đen thưa thưa, tiến về quan Lễ bộ. Tự nhiên Vũ Văn Ước cảm thấy ngại ngùng. Đôi mắt ấy có vẻ tự tin của người quen nắm quyền thế, lại vừa có vẻ trách móc hờn

đổi, như cách nhìn của một vị vương tử nhân từ trách một người hầu cận sơ ý làm lỗi. Quan Lễ bộ muốn ngồi rán theo tư thế cũ để hỏi danh tính chức vị người khách đầu tiên, nhưng có cái gì còn mạnh hơn cả ý chí buộc ông đẩy ghế đứng dậy. Trong trí ông, một ý tưởng thoát đến: Hay đây là một hoàng tử của họ Lê? Phải rồi, nếu không phải cành vàng lá ngọc thì không dám ngạo nghễ vào đây một mình như vậy. Bọn quan lại cự triều vẫn còn đứng khép nép ngoài kia, kẻ này chờ kẻ nọ đi trước để dò đường. Đúng là phong thái của một vị vương tử". Người khách đã đến trước mặt Vũ Văn Ước. Quan Lễ bộ chấp tay vái chào. Người khách hơi ngõngàng, sau đó mỉm cười, chấp tay chào lại. Vũ Văn Ước vui vẻ trở chiếc đôn sứ mời:

- Thật hân hạnh quá. Chúng tôi biết thế nào ngài cũng đến. Mời ngài ngồi tạm xuống đây. Bộ Lễ lâu ngày bỏ không, nên ngài thấy đấy... Nhưng, đây chỉ là chỗ hẹn để chúng tôi làm quen với các tôn thất sĩ phu Bắc Hà, vì quan Trung thư sẽ xin tiếp kiến quý ngài ở một nơi khác gần đây. Mời ngài ngồi!

Ngô Thì Nhậm ngồi xuống cái đôn sứ, hơi ngạc nhiên vì cách đón tiếp niềm nở vượt quá mong ước của mình.

* * *

Vừa lúc đó Phan Lê Phiên và Nguyễn Hoàn đang được hai người trai trẻ dìu từng bước lên thềm. Quan bình chương sự (Phan Lê Phiên) dẫn tên hầu đi theo. Hoàn quận công (Nguyễn Hoàn) tuổi già sức yếu, nên có người con trai đi theo chăm sóc. Thực ra, ngoài lý do sức khỏe, hai quan đại thần đã cao tuổi còn tính phòng xa: nếu vạn nhất có bị quân Nam Hà bắt giữ, thì còn có người chạy về thông báo cho gia đình kịp lánh nạn. Đề phòng kỹ lưỡng như thế, lại thêm ỷ vào cái tuổi già gần đất xa trời, hai vị đại thần đã bạo dạn vào bộ Lễ trước nhiều người.

Vũ Văn Ước thấy hai ông già đi đứng lẩy bẩy, nét mặt không có nhiều khí sắc linh hoạt, ăn mặc bình thường như các cụ đồ già ở thôn quê, nên ngồi yên trên ghế, hỏi từ xa:

- Các ông là quan cự triều phải không?

Phan Lê Phiên liếc nhìn Nguyễn Hoàn, có ý nhường cho người lớn tuổi hơn. Hoàn quận công đang húng hắng ho, nên Phiên đáp:

- Thừa vâng.

Vũ Văn Ước hỏi tiếp:

- Các ông đã đọc kỹ tờ chỉ dụ của Chúa Thượng rồi chứ?

Vẫn Phan Lê Phiên đáp:

- Thừa đã đọc kỹ.

Vũ Văn Ước vói tay kéo thếp giấy và cái bút lông gần phía mình, chấm đầu bút vào nghiên mực sẵn sàng viết, và hỏi:

- Hai ông cho biết tên họ và chức tước.

Quan lễ bộ liếc nhìn Ngô Thì Nhậm, không nhận ra vẻ lúng túng của viên cự hữu thị lang bộ Công, mím môi viết số thứ tự lên tờ danh sách rồi chừa trống dòng đầu, chờ ghi tên hai đại thần vào hàng thứ hai và thứ ba. Phiên nói lớn:

- Tôi là Phan Lê Phiên, trước làm bình chương sự.

Hoàn quận công nói:

- Tôi là Nguyễn Hoàn.

Vũ Văn Ước chờ lâu chưa thấy Hoàn xưng chức tước, ngược lên hỏi:

- Làm gì?

Quan lễ bộ ngơ ngác vì thấy Ngô Thì Nhậm đã đứng dậy len lén đi ra phía cửa. Vũ Văn Ước

nghĩ: "Chắc vương tử mắc đi giải". Ông mỉm cười, hỏi Nguyễn Hoàn:

- Ông hãy thành thật khai chức tước cao nhất. Không việc gì đâu. Chúa Thượng muốn dùng người tài đất Bắc, chứ không làm hại đâu mà sợ.

Nguyễn Hoàn đáp:

- Trước khi cáo lão, tôi đã từng làm tham tụng.

Vũ Văn Ước vội ngừng lên nhìn hai ông khách. Chức bình chương sự nghe mới mẻ lạ tai nên quan Lễ bộ chưa hiểu thấp cao, nhưng chức tham tụng thì ông biết rõ. Trong một thoáng, ông nhìn hai người một cách khác. Vũ Văn Ước đứng dậy lễ phép nói:

- Quí ngài cảm phiền chờ cho một chút. Vương tử trở lại, tôi sẽ đưa cả ba vị qua gặp quan Trung thư lệnh. Không biết vương tử đi đâu lâu vậy?

Thấy Vũ Văn Ước dáo dác tìm, Phan Lê Phiên thắc mắc hỏi:

- Ngài vừa nói đến vị vương tử nào?

Vũ văn Ước đáp:

- Vị ấy vừa ngồi đây với tôi.

Phiên hiểu sự lầm lẫn của Vũ văn Ước, nhưng chưa hiểu vì sao Ngô Thì Nhậm phải đánh lừa quan Lễ bộ Tây Sơn, nên dè dặt nói:

- Có lẽ Hoàn quận công đây biết rõ người vừa ngồi với ngài.

Vũ Văn Ước hấp tấp hỏi:

- Thưa, vị nào thế ạ?

Nguyễn Hoàn đáp:

- Ông ta là Ngô Thì Nhậm, trước đây có làm hữu thị lang bộ Công, sau đó bị cách đến năm, sáu năm rồi.

Vũ Văn Ước nổi giận vì nghĩ mình bị lừa dối. Ông run run nói:

- Té ra hấn lừa tôi. Quá lắm rồi. Phải bắt đóng gông hấn lại mới được. Xin lỗi hai ngài chờ tôi một chút. Lính đâu, chạy theo bắt hấn lại.

Người lính đứng chỗ cửa chưa hiểu phải bắt ai, thì Vũ Văn Ước đã chạy đến lôi anh ta đi theo mình.

Bốn người còn lại trong công đường thở phào nhẹ nhõm vì khỏi cần phải giữ ý tứ với ai nữa.

Nguyễn Hoàn cười bảo Phan Lê Phiên:

- Thế mà tôi tưởng cái tên "sát tứ phụ nhi thị lang" ấy đã ngằm liên lạc trước với Tây Sơn rồi chứ! (1)

Phiên cũng cười ra vẻ hả hê, đáp lại:

- Hấn vào đầu tiên. Không biết hấn ba hoa thế nào mà viên lễ quan lại làm ra một vị vương tử họ Lê.

Nguyễn Hoàn nói:

- Hay hấn tưởng bọn mình không ai dám vào, nên mặc sức nói khoác.

Phan Lê Phiên hỏi người con trai Hoàn quận công:

- Đêm qua Kế liệt hầu (Bùi Huy Bích) nói với cháu thế nào, mà hôm nay không thấy ông ta?

Người con trai của Hoàn lễ phép đáp:

- Dạ chính Kế liệt hầu đưa cháu ra ngõ. Cháu đã đi một đoạn, hầu còn kêu lại dặn thưa với cha cháu là sáng nay phải đi cho đông đủ để họ khỏi xé lẻ ra hiếp đáp.

Nguyễn Hoàn nói:

- Ông ấy chịu khó lặn lội từ Thanh Trì lên kinh, tức là đã chịu "ngược trông lên mà thể hội ý ấy"

(2) (cả bốn người trong công đường đều cười). Hay vì có người dọa non dọa già, nên nửa chừng ông ấy sợ.

Phan Lê Phiên nói:

- Dọa được non, chứ dọa sao được bọn già. Đến chết là cùng chứ gì.

Nguyễn Hoàn nheo mắt hỏi:

- Nếu họ buộc ta ra, ông tính sao?

Phan Lê Phiên ngập ngừng, rồi hỏi lại:

- Bác tính sao?

Nguyễn Hoàn không trả lời, đặt câu hỏi khác:

- Vận nhà Lê đã hết rồi chẳng?

Không ai nói gì nữa sau câu hỏi khó ấy. Một miếng rui mục tự nhiên rơi xuống chỗ nền úng thủy, gây một tiếng động lẻ loi.

* * *

Ngô Thì Nhậm biết trước thế nào Vũ Văn Ước cũng sai quân lính đuổi theo bắt mình, nên trốn nấp ở nhà một người quen cũ ở gần đó, suốt ngày không dám ra khỏi cửa. Đến tối, ông mới đến chỗ quan Trung thư Trần Văn Kỷ ở, xin được tiếp kiến.

Ban đầu, lính canh nài quân luật nghiêm nhặt, nhất định không cho ông vào. Chẳng những thế, một người lính trẻ nói tiếng Thuận Hóa còn dọa đóng gông Nhậm vì tội gây rối. Ngô Thì Nhậm phải xưng tên và nói dối có hẹn trước với quan Trung thư. Bọn lính nửa tin nửa ngờ, tuy vẫn dậm dọa vài câu nhưng một anh (chính người lính Thuận Hóa) vội vã chạy vào trong bẩm báo với Trần Văn Kỷ. Quan Trung thư đang uống trà, nghe tên Ngô Thì Nhậm vội bỏ chén trà uống dở, xỏ guốc chạy ra cổng. Trong lúc vội vàng, Trần Văn Kỷ mang guốc trái, nhưng ông cứ để mặc như thế không kịp sửa lại. Vừa đến cổng dinh, Trần Văn Kỷ đã lớn tiếng hỏi:

- Quan hữu thị lang đâu rồi?

Ngô Thì Nhậm tiến ra chỗ có ánh đuốc chiếu sáng lễ phép đáp:

- Xin lỗi quan Trung thư, tôi đến làm phiền giấc nghỉ của ngài.

Trần Văn Kỷ mừng rỡ, rồi rít bảo:

- Không. Không đâu. Nghe danh ông đã lâu, nay mới được diện kiến. Thật hân hạnh lắm. Mời ông vào. Xin theo lối này. Coi chừng chỗ nước bắn. Các chú giơ đuốc lên cao soi đường cho quan thị lang. Cơn mưa đêm qua lớn quá làm ngập cả vườn, mãi đến gần sáng nước mới rút hết. Chỗ này có một vũng nước nữa. May đêm nay trời tạnh. Xin theo lối này.

Trần Văn Kỷ đi trước dẫn Ngô Thì Nhậm vào nhà khách. Quan Trung thư nói luôn miệng, trong khi Nhậm im lặng theo gót chủ nhân, tuy trong lòng vui mừng. Vừa mời khách ngồi xuống sập, Trần Văn Kỷ đã bảo:

- Trưa nay tôi vừa được một người bạn Bắc Hà cho mượn đọc bài Mộng Thiên Thai phú của ông. Không ngờ trưa xem văn thì tối đã gặp được người. Bài phú hay quá. So với Tiền Hậu Xích Bích phú của Tô Tử không thua chút nào. Nhất là lời ca ở cuối bài. Tôi vẫn còn giữ bài chép đâu đây.

Trần Văn Kỷ đi lại chỗ án thư lục tìm trong chồng giấy tờ bừa bộn bài phú của Ngô Thì Nhậm. Nhậm nghĩ: "Có lẽ ông ấy chưa hề đọc bài phú của mình, chỉ được nghe nhắc tới tên bài phú mà thôi. Nhưng ông ấy cứ giả vờ như đã đọc, để làm quà tiếp khách văn". Phía án thư, Trần Văn Kỷ lăm bằm:

- Quái. Mới để đâu đây mà tìm không thấy. Tôi cứ ngâm nga đoạn "ca rằng" cả buổi trưa. Để tôi

cố nhớ xem. Chắc, đã học thuộc bây giờ lại quên.

Ngô Thì Nhậm nhắc:

- Có phải ngài muốn nói đến đoạn (3)

Cất chén mời khách uống, gõ án mà ca rằng:

Chơi Đào nguyên chừ, hẹn Thiên thai.

Hẹn Thiên thai chừ, ta chữa tới nơi.

Ta chữa tới nơi chừ, lòng nhớ khôn nguôi.

Lòng ta gởi man mác

Núi này mãi cao vời..

Trần Văn Kỷ reo lên:

- Đây rồi. Tôi cẩn thận cất kỹ vào quyển thơ nên tìm không ra. Ông để tôi đọc tiếp nhé.

Mong người tri kỷ chừ một phương trời

Lòng ta, lòng ta chừ, tri âm ai người?

Lòng ta vời vời chừ đối mệnh mông.

Nhìn bóng nhìn áo chừ không thẹn thùng

Mong buổi chơi núi chừ hát bài ca núi

Hát xong một khúc chừ rót thêm một chung

Lòng ta phẳng lặng chừ, mệnh ta yên ổn.

Mệnh ta yên ổn chừ, ta vui trong lòng.

Tuyệt diệu. Lời văn hoa lệ mà không phù phiếm, nhìn rõ cuộc thế nhưng không có chút "oán thiên, vu nhân". Tuyệt diệu.

Ngô Thì Nhậm rộn rã cả lòng vì bất ngờ gặp được người tri kỷ, nhưng vẫn cố nhún nhường.

- Ngài mến chút tài mọn nên quá khoan dung đó thôi.

Trần Văn Kỷ hăng hái nói:

- Không đâu. Giữa ông với tôi, khách sáo chỗ đầu môi chót lưỡi làm gì! Lại còn mấy câu này nữa:

Khấp vùng vũ trụ nhà ta đó

Đôi cánh chim hồng buộc được nao?

Núi này xin dành lại

Đợi ta về tiêu dao.

Đời người gặp gỡ do tiền định

Há chỉ Đào nguyên mới gặp đào?

Tiêu dao phóng dật mà vẫn giữ nguyên phong thái thung dung tự tin của nho gia! Đọc xong không ngậm ngùi như đọc phú Xích Bích. Ngược lại, ta khinh khoái, say mê cuộc đời đến độ điên cuồng. Như thế mới đúng "đường danh giáo", phải không ông?

Giọng say sưa nhiệt tình của Trần Văn Kỷ cuốn hút được kẻ thất chí. Ngô Thì Nhậm quên cả dè dặt. Hai người bàn sa đà hết chuyện văn chương đến đạo học, quên cả mấy chén nước trà đã nguội trên bàn khách. Ngô Thì Nhậm nhớ đến mục đích của mình, nhưng câu chuyện đang sôi nổi quanh các vấn đề cao xa tít mù, làm sao chuyển mạch để nhờ vả những điều tầm thường? Cũng may giữa lúc Trần Văn Kỷ đang nói đến Phật pháp, đột nhiên quan Trung thư khượng lại, bối rối, nhìn về phía Nhậm, áy náy hỏi:

- Tôi lơ đãng quá lắm. Chắc ông đến đây vì có điều gì cần chỉ giáo?

Ngô Thì Nhậm lúng túng, nhưng cũng gắng đáp:

- Thừa vâng. Quả thực tôi có việc cần nhờ ngài giúp đỡ.

Rồi Nhậm kể một mạch vụ rắc rối ban sáng ở nhà Lễ bộ. Trần Văn Kỷ mau mắn đáp:

- Từ lâu "tôi đã nghe ông là bậc kỳ tài, chẳng may bị tiếng dèm pha, phải trốn tránh hơn năm sáu năm, sự súc tích của ông chắc cũng tinh túy thêm nhiều. Ngày nay, đã đến lúc ông nên ra cho đời dùng. Tôi đã có đem tên ông trình với Chúa Thượng, và khen tài ông có thể dùng vào những việc to lớn. May thay Chúa Thượng trông xuống, có lòng mến tiếc. Thế này là tôi tìm đến ông, ông không phải cần gì đến Vũ Văn Ước nữa". (4) Thảo nào hôm nay ông ấy đưa các quan sang đây gặp tôi nhiều bận, nhưng không nhắc nhở gì đến ông cả.

Ngô Thì Nhậm tò mò hỏi:

- Tôi hỏi điều này chắc không phải phép, xin ngài miễn chấp cho.

Trần Văn Kỷ ân cần đáp:

- Được, được. Ông cứ tự nhiên.

Ngô Thì Nhậm nói:

- Thừa từ sáng đến giờ, những vị nào đã được ngài tiếp kiến?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Đầu tiên có Hoàn quận công (Nguyễn Hoàn) và Kiến Xuyên hầu. Sau đó có thêm các ông Phan Huy ích, Hiến sát sứ Thanh Hoa, Ninh Tồn Bồi tụng, Nguyễn Bá Lan Phủ doãn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Du... Ngoài ra có thêm vài vị khác làm chức nhỏ hơn, tiếng tăm trong sĩ giới chưa được rộng nên tôi không nhớ hết. à này, ông có biết Nguyễn Huy Trạc không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Thừa biết. Ông ấy làm tham tri chính sự.

Trần Văn Kỷ nhìn thẳng vào mắt Ngô Thì Nhậm, chậm rãi nói:

- Ông Trạc nghe lệnh triệu có đến kinh, nhưng đã tự tử ở đài ngự sử đêm qua.

Ngô Thì Nhậm hơi kinh ngạc, nhưng trấn tĩnh ngay, đáp chậm và nhỏ ra vẻ than tiếc:

- Việc gì đến nỗi thế! Đáng thương, mà cũng đáng giận thay!

Trần Văn Kỷ reo lên:

- Đúng. Những người như vậy vừa đáng thương vừa đáng giận. Ông thật là người hiểu đời. Thật là Trời đã run rủi cho tôi và Chúa Thượng được gặp ông. Tôi phải đưa ông đến ra mắt Chúa Thượng ngay. Nhưng sợ quá khuya rồi chẳng? Thôi, sáng sớm mai ông đến đây nhé. Tôi cũng đã hẹn các quan cự triều và tôn thất là chiều mai Chúa Thượng sẽ tiếp họ.

Sáng hôm sau, Trần Văn Kỷ đưa Ngô Thì Nhậm ra mắt Chính Bình Vương. Nguyễn Huệ nghe quan Trung thư giới thiệu Nhậm, vui mừng nói:

- "Người ngày trước vì bị chúa Trịnh không dung, một thân một mình phải bỏ nước mà đi. Nếu như ta không đến đây, bao giờ người mới được thấy bóng mặt trời? Có lẽ ý Trời muốn dành nhân tài riêng cho ta dùng. Người nên cố gắng để lo lấy đường báo đáp.

Ngô Thì Nhậm rập đầu lạy tạ.

Nguyễn Huệ ngoảnh lại phía Kỷ, bảo:

- Người này đã do ta gây dựng lại, nên thảo ngay một tờ chế phong làm Lại bộ Tả thị lang, tước Tình thái hầu, cùng với Vũ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ nhà Lê.

* * *

Lã không dám nghĩ tiếp, mặt đỏ vì tự thẹn với mình. Tặng cho nàng xấp lụa Bắc có tiện không? Quan Trung thư sẽ nghĩ thế nào? Lấy "danh nghĩa" gì để tặng? Lã không tìm được câu trả lời thỏa đáng, nhưng cái ý mua

lụa làm quà khiến anh rộn rã vui sướng. Anh tự nhủ: nhận hay không là việc về sau. Bây giờ hãy cứ mua hai xấp lụa thật đẹp, thật tốt cái đã!

Rút kinh nghiệm lần trước, Lãng không mặc binh phục Tây Sơn. Anh ăn mặc giống y một anh tú tài Bắc Hà để đi lại được tự do thoải mái, khỏi bị dân Thăng Long e ngại, cảnh giác.

Lãng hỏi khắp nơi không tìm đâu ra lụa để mua. Người ta nhìn anh như nhìn một hiện tượng lạ. Một chỗ, người ta trợn mắt hỏi Lãng:

- Cái gì, anh hỏi lụa à? Mua về cho vợ may áo à? Anh có muốn chúng nó rình ngay đầu ngõ nhà anh lột trần vợ anh để cướp áo lụa hay không? Hôm kia, bọn vô lại bịt miệng chị hàng cau ở bến đò để cướp cái váy vải sô cũ, bỏ chị chàng tồng ngồng giữa thanh thiên bạch nhật, anh chưa biết ư?

Chỗ khác, người ta bảo:

- Thời buổi này mà anh còn hỏi mua lụa, lạ thật! Không lo mua ít gạo để dành đó, ít bữa nữa đói nhẵn răng ra. Mặc áo lụa có quên cái bụng rỗng được không?

Người tử tế thì khuyên Lãng:

- Anh không nên hỏi thế nữa. Bọn trộm cướp nghe được, đoán thế nào anh cũng có nhiều tiền. Nguy lắm. Thời buổi này, cẩn thận thì hơn anh ạ.

Lãng chán nản, lang thang giữa các dãy phố kín cửa. Ngoài đường, người đi lại lác đác, phần lớn là đàn ông. Họ đi vội vã, nếu có bạn đồng hành thì câu chuyện trao đổi với nhau có vẻ bí mật do lối nói thì thào, lối nhìn dáo dác như sợ có người lạ nghe thấy. Đi một lúc, Lãng mới nhận thấy nhiều người đi về một hướng. Anh đi theo họ. Hóa ra dân Thăng Long kéo nhau đến cửa Đại Hưng để nghe ngóng tin tức.

Lãng thấy họ chen chúc nhau, xô đẩy nhau để vào được sát cửa đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc. Các lời bàn tán quanh Lãng thật lắm vẻ:

- Sao, bác? Ông ấy vẫn được giữ lại làm ông từ giữ đền chứ?

- Thì vẫn!

- Thế sao chỉ dụ dài thế?

- Ông không chen vào xem à?

- Cái áo tôi cũ quá, sợ rách về nhà mẹ nó la lối om sòm lên.

- Rách cũng bỏ công. Nhiều chuyện hay đáo để.

- Ô kìa, sao bác bỏ đi!

- Ông nhắc tôi mới thấy lạnh ở lưng. Cái áo tôi bị rách toác một đường dài. Ông chen vào xem nhé. Tôi phải về thay áo đây.

Ở một đám khác:

- Thôi, chuyện này thì nhà Lê đi dứt rồi. Không còn ngờ gì nữa!

- Nhà vua đi thì đã có giám quốc. Ông chú còn chín chắn hơn cháu nhiều.

- Ồi dào! Giám quốc! Chỉ "giám" được lũ vàng hương với bầy hạc gỗ. Ông không đọc kỹ câu thứ ba ư?

- Câu nào?

- Thì cái câu: "Nay đương lúc vận nhà Lê đã hết, đạo trời mới đổi, trăm dăm đâu không kính sợ Trời để cùng thiên hạ đổi mới".

- Gớm thật! Ông đọc vanh vách, giọng hùng ghê! Xưng trăm y như bậc đế vương.

- Biết đâu đấy!

- Chỉ nói đại. Ông nên coi chừng cái mồm của ông. Ông nhớ câu thứ ba mà không chịu nhớ câu

cuối: "Phạm đến phép Trời làm mê hoặc dao động lòng dân thì vương pháp rất nghiêm quyết không dung thứ".

- Vì hiểu rõ lòng nhau tôi mới ba hoa cho vui thế thôi. Bác khuyên chí phải. Ta nên về thôi!

Lãng đến gần một nhóm nhà nho đứng tuổi:

- Thế mới xứng đáng chứ. Ít ra còn được một người dám chết cho đại nghĩa. Chẳng lẽ phủ chúa sập có được một Lý Trần Quán, lần này điện vua sập lại chẳng có ai tử tiết. Ông ấy rửa mặt giùm cho tất cả bọn nhà nho Bắc Hà đấy!

- Chọn ngự sử đài làm chỗ tử tiết, thâm nhĩ!

- Nhất định rồi! Chẳng lẽ tự vẫn trong buồng vợ.

- Bác ăn nói thế mà nghe được à?

- Chết là hết. Chắc gì quan tham tri (Nguyễn Huy Trạc) đã nghĩ như bác nghĩ.

- Đừng lấy cây gậy lão của mình đo khí tiết bậc quân tử. Không nên đâu. Sĩ phu Bắc Hà không thiếu gì kẻ trung quân. Tôi nghe nhiều người không thềm đến ra mắt Chính Bình Vương, như quan phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, quan tham tri Lê Duy Đản, quan thiêm sai Phạm Quý Thích, quan khu mật viện Nguyễn Duy Hợp. Quan tham tụng Bùi Huy Bích cũng không đến.

- Này, phủ doãn Nguyễn Bá Lan có đến không?

- Hình như có thì phải.

- Nếu thật thế thì quá lắm. Hoàng thượng đã gia ân đặc cách tha tội cho ông ấy, bây giờ trả ân như thế hả? (5)

Lãng chán nản bỏ cửa Đại Hưng trở về đường cũ. Anh đi về phía đê sông Phú Lương. Càng đi xa phố phường, anh càng thấy cuộc sinh hoạt của dân chúng êm ả, đơn giản hơn. Đường như ngoài kinh thành, cuộc sống trở nên rộng rãi, mênh mông. Gió thổi trên đồng lúa vàng. Buồm căng đưa thuyền lướt êm trên mặt sóng. Trẻ chăn trâu nằm dài trên lưng trâu, để mặc cho trâu thong thả gặm cỏ dưới chân đê. Lãng cảm thấy lòng lâng lâng, anh ngừng mặt hít mạnh hơi thơm của đồng ruộng. Lãng hối tiếc không có người nào bên cạnh để anh san sẻ niềm vui trịnh khiết mới mẻ ấy.

* * *

Cũng vào buổi chiều hôm ấy, Chính Bình Vương tiếp các quan văn võ cự triều ở điện Chính Trung. Lễ quan Vũ Văn Ước và Ngô Thì Nhậm chịu trách nhiệm hướng dẫn các quan vào lạy chào. Vũ Văn Ước hơi ngượng với Nhậm vì hành động nóng nảy hôm trước, nên cứ tránh né không muốn đứng gần Nhậm. Phần Ngô Thì Nhậm thì hơi nhột nhạt trước cái nhìn dò dẫm và các lời thì thào của các quan cự triều, thái độ mất cả tự nhiên. Do đó quan Trung thư cánh đáng phần lớn việc thù tiếp. Chính Trần Văn Kỷ đứng ra giới thiệu tên tuổi, chức tước của từng người cho Chính Bình Vương biết. Mỗi lần có một người vào lạy mừng, Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu chào lại:

- Không dám. Xin mừng ông.

Đến lúc các quan ra mắt xong, Chính Bình Vương đòi hết lên thềm vào bảo:

- Ta mừng các ông, vì các ông đến đây đều là kẻ thức thời. Các ông đã hiểu vận nhà Lê đã hết.

"Tự hoàng nhà Lê chính do ta lập nên. Nhưng ông ấy là người tối tăm, nhu nhược không thể gánh nổi việc nước, cho nên sau khi ta về nam, liền bị Nguyễn Hữu Chỉnh sai khiến, đến nỗi tự rước lấy vạ bại vong. Ta không tham đất Bắc Hà, nay mai ta lại sắp về nam. Sợ Tự hoàng và Giám quốc lại tranh giành nhau gây ra loạn, ta phải để đại tư mã Ngô Văn Sở lại đây chủ trương việc binh. Đợi đến khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về". (6)

Rồi Vương loan báo ngay những quan lại cựu triều được tin nhiệm giao phó các trọng trách mới: Phan Huy Ich được chức Hình bộ thị lang tước Thụy nam hầu; Ninh Tồn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du đều nhận chức Hàn lâm trực học sĩ.

Vài hôm sau, trước khi về nam, Nguyễn Huệ gọi đại tư mã Ngô Văn Sở, nội hầu Phan Văn Lân, chủ phủ Nguyễn Văn Duyệt, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn và Ngô Thì Nhậm đến giao cho trách nhiệm cùng nhau cai trị Bắc Hà. Để cho họ giữ tình đoàn kết, Vương bảo:

- "Sở, Lân là nanh vuốt của ta. Duyệt, Ngôn là tâm phúc của ta. Tuyết là cháu ta. Nhậm vừa là bề tôi vừa là khách của ta, vả lại thuộc dòng văn học Bắc Hà, rất am hiểu việc đời. Nay ta giao các người cả 11 trấn, những việc quân quốc quan trọng cho phép các người tùy tiện mà làm, nhưng phải họp nhau bàn bạc, không được vì kẻ cũ người mới mà chia rẽ. Ai nấy đều phải đồng lòng hợp sức cho xứng đáng với kỳ vọng của ta". (7)

Sắp xếp xong mọi công việc, Chính Bình Vương rời Thăng Long trở về nam.

(1) Năm 1780, Trịnh Tông lập mưu diệt trừ phe cánh Đặng Thị Huệ để giành ngôi chúa với Trịnh Cán. Âm mưu bị lộ, dư luận đương thời bảo do Ngô Thì Nhậm cùng với Nguyễn Huy Bá tố cáo. Trịnh Sâm trừng phạt nặng nề những đại thần liên can: Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán bị buộc uống thuốc độc chết. Sau đó, Nhậm được thăng: công bộ hữu thị lang.

(2) Hoàn quận công nhại lời chỉ dụ của Nguyễn Huệ.

(3) Trích lại trong Tuyển tập thơ Ngô Thì Nhậm, trang 42, tập 2, Nxb KHXH 1978

(4) Hoàng Lê nhất thống chí, bản Ngô Tất Tố, trang 248.

(5) Tháng giêng mùa xuân 1787. Theo lệ cũ khi tế giao, xa giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mở đóng cửa này do phủ doãn phủ Phụng thiên giữ chìa khóa. Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn theo ngự giá nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua hồi cung phải chờ chìa khóa hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan nhưng nhà vua đặc cách tha cho. (Cương Mục, quyển 47-1)

(6) Hoàng Lê, trang 249.

Hoàng Lê, hồi 13, tờ 19a. Liệt truyện quyển 30, tờ 29a.

Chương 86

Đây là lần thứ hai Phan Huy Ích vào thành Phú Xuân!

Mười một năm về trước, ở cái tuổi hai mươi sáu phơi phới danh vọng, ông đã được Tĩnh vương Trịnh Sâm giao trọng trách vào Phú Xuân giải quyết vấn đề biên giới với Tây Sơn (1). Bây giờ sau mấy năm chán chường vì hoạn lộ thăng trầm, gần kề cái tuổi "tứ thập nhi bất hoặc", ông trở lại Phú Xuân với mái tóc đốm bạc và đôi mắt mệt mỏi.

Trong nhóm nho sĩ Bắc hà theo Chính Bình vương về Phú Xuân lần này, Phan Huy Ích là người có kiến thức và danh vọng cao nhất. Bạn bè xét nét ông để tìm một lối cư xử vừa đỡ mất thể diện "ông nghè Đàng Ngoài" vừa khỏi nguy hiểm. Các quan văn võ Phú Xuân thì đẩy đưa với ông, luôn luôn giữ một khoảng cách vừa phải nào đó trong giao tiếp để ông nhớ rằng dù được vương thượng cho làm tả thị lang bộ Hình tước Thụy nam hầu, ông vẫn cứ là người ngoài như thường. Ông không đến nổi lơ láo như một hàng thần, nhưng, giữa cảnh xe ngựa rộn rịp nghi vệ oai dũng hơn cả Phú Xuân năm Bính thân, Phan Huy Ích cảm thấy lạc loài. Ngôi nhà vắng chủ nằm sâu trong khu vườn chuối xanh um ở Phủ Cam dành riêng cho nhóm nhà nho Bắc hà, công đường của bộ Hình, điện Triều Dương nơi ông được Vương thượng vời đến hỏi han công việc, cái bến đá bên bờ sông đào nước xanh màu rêu thẫm nơi ông thường đến mỗi chiều để nhớ tiếc da diết cái thời làm quan ở trên mặt sông (2), không chỗ nào Phan Huy Ích thấy là "của ông" cả. Điều ông khổ tâm là không tìm ra được lý lẽ xác đáng để giải thích tâm trạng lạc lõng ấy. Ông nhớ tiếc thời vàng son cũ chăng? Không. Ông đã bị thất sủng ngay từ khi vua Lê chúa Trịnh còn tại vị, khiến ông chán nản đến nỗi không thèm ngó ngang gì đến việc quan, không tới dinh làm việc mà ghép mấy chiếc thuyền bè làm nhà ở, trên bờ dựng vài gian cho nha lại lính tráng đóng, văn án không tra xét, chỉ khi nào có việc quan trọng mới đến giải quyết (3). Ông ray rứt khốn khổ vì lòng trung chẳng? Có lẽ không, vì nếu vậy ông đã hành động cần vương dứt khoát như bọn Nguyễn Đình Giản, hoặc bạo hơn nữa như Nguyễn Huy Trạc. Ông bất phục chế độ mới chăng? Cũng không. Dù tìm thấy ở cung cách hành động, cư xử của quan lại Tây Sơn nhiều điều thiếu văn nhã, Phan Huy Ích cũng phải thầm kính phục sự quyết đoán, tài thao lược, và tầm hữu hiệu của họ. So với bọn tham tụng, bồi tụng, thị lang, thiêm sai đồng liêu của ông trước đây, các quan văn võ Phú Xuân tự tin và khí khái hơn nhiều. Vậy thì tại sao ông lạc loài? Một hôm đứng bên bờ đá, ông thấy đám con nít bơi lội, té nước vui vẻ với nhau dưới sông, và các cô gái nhà nghèo tíu tít đem đồ giặt xuống bến cười nói luôn miệng, ông chợt nghĩ mình bị cuộc sống hồn nhiên rộn rã (cuộc sống tiến về phía trước như thời gian, vươn lên cao như khói tỏa) bỏ lại đằng sau, phía dưới, nên mới lạc lõng hoang mang vì sự yếu đuối. Đó là nỗi lạc loài của kẻ chồn chân mỗi gối đứng nép bên lề nhìn kẻ đi người lại tấp nập trước mặt mình. Ý nghĩ đó khiến Phan Huy Ích khổ sở hơn. Ông thầm ao ước được dứt khoát chọn phía như Nguyễn

Đình Giản hoặc Ngô Thì Nhậm anh vợ của ông. Chọn một lần rồi thôi, sau đó mạnh bạo, tự tin, nếu cần thì quyết liệt hành động để tiếp tục phụng sự cho mục tiêu đã lựa chọn. Ông cũng có lựa chọn đấy. Nghe lời tuyên triệu, ông cũng đã vội vã rời Phương Liệt ra Kinh trình diện với Chính Bình vương. Nhưng ra đi trong dửng dăng, ra mắt giữa lúc rứt rứt và giờ đây, về Phú Xuân trong lạc loài.

Ông tiếc Ngô Thì Nhậm phải ở lại Thăng Long, không được về đây với ông. Nhậm đối với ông có cái gì hơn cả một người bạn học, một người anh vợ, một đồng liêu, một văn hữu. Do tuổi tác, kiến thức, tài năng, nhất là do sức mạnh của ý chí, Nhậm là cái mẫu hiển hiện gần gũi (phải, gần gũi đến nỗi Phan Huy Ích tưởng chỉ cần cố thêm một chút nữa thì thế nào cũng theo kịp Nhậm) của Ích. Là chỗ dựa êm ái của một phút mệt mỏi, là cái lều đủ tạm tránh gió. Ngô Thì Nhậm không vượt hẳn lên cao, khoảng cách nhỏ nhoi giữa ông và Nhậm mới nhìn tưởng không quá cái nhón gót. Thế mà... Phan Huy Ích tự thẹn với mình.

*

* *

Cả nhu cầu việc công lẫn tâm tư riêng đều thúc đẩy Phan Huy Ích gần gũi Trần Văn Kỷ. Ông có quá nhiều điều để nói với quan Trung thư: những gợi ý rứt rứt về cách tổ chức chưa được hợp lý ở các bộ; những lời tự khai dè dặt về vai trò của mình trong chuyến công cán vào Phú Xuân năm Bính thân (để phòng trường hợp một vài chức sắc Thuận Hóa còn nhớ cảnh đưa rước rầm rộ mười mấy năm trước nên tâm tình nói xấu Ích), những suy nghĩ về văn chương, đạo học giữa thời loạn; những bài thơ vừa làm xong cần một người đồng điệu thẩm định giá trị... Cuối cùng, vào những lúc hiếm hoi, cả hai quên vị trí xã hội của mình, Phan Huy Ích có thể thổ lộ với quan Trung thư những cảm giác hoang mang chưa định, những nỗi buồn vô duyên cớ, những yếu đuối đẩy đưa đến tâm trạng lạc lõng, nói chung là những tình cảm xa lạ với cảnh rộn rã lạc quan chung của Phú Xuân. Có một đề tài hai người rất thích thú khi bàn luận với nhau là thơ văn Ngô Thì Nhậm. Phan Huy Ích giữ được khá nhiều các bài đường luật, phú, ký của Ngô Thì Nhậm. Trần Văn Kỷ rất thích bài Mộng Thiên Thai phú, nên muốn được đọc phần trước tác còn lại của tác giả. Kỷ không thể tìm được một người sưu tầm, diễn giải, phê bình văn chương Ngô Thì Nhậm nào thích hợp hơn viên tân thị lang Hình bộ. Cho nên hễ gặp nhau là họ có sẵn những điều cần nói cho nhau nghe. Một lần sau buổi chiều, Trần Văn Kỷ vội vã tìm cách gặp cho được Phan Huy Ích để hào hứng bảo:

- Đêm qua tôi ngồi một mình đến quá khuya để đọc đi đọc lại mãi tập phú của ông Hi Doãn.

Thật lạ lùng. Ông có nhớ bài Lâm Trì phú không?

Phan Huy Ích mỉm cười lễ phép đáp:

- Thừa quan Trung thư, nhớ ạ.

- Lâm Trì ở đâu thế? Tôi nghe đây chỉ là cái tên mượn.

- Thừa không ạ. Theo ông Hi Doãn (Ngô Thì Nhậm) cho biết, thì ao này ở làng Đông Nhuế, vùng Vũ Thư, trấn Sơn Nam.

- Ông ấy làm bài này lúc nào?

- Lúc đi lánh nạn, sau vụ án Canh tý.

- Tôi cũng đoán thế, nhờ dựa vào các câu như:

Dựa cành cây chừ, cho qua ngày

Mong người đẹp chừ, chưa thấy được.

Đạo lớn mất chừ, về đâu?

Cá trong chậu chừ, cạn nước
Ý tạo hóa chừ, mông lung
Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc
Ôi! Tháng ngày như quán trọ
Trời đất chiếc bè trôi
Cứ gì quê ta nhỉ?
Cảnh đẹp ở nhà ai?

(Bài dịch của Ngô Linh Ngọc trong Văn thơ Ngô Thì Nhậm.)

Ông thấy không? Tôi đọc mãi đến thuộc lòng cả bài. Phong vị giống y như phong vị Tiền Xích Bích phú.

Phan Huy Ích thấy các quan khác đã về gần hết, nên đối đáp về văn chương trở nên thoải mái, tự nhiên hơn. Ông nói:

- Thừa đúng như vậy. Quả là có phong vị Xích Bích phú, nhưng Lâm Trì phú không phải là bản sao chép nhập nhèm của Xích Bích phú. Đọc kỹ, ta thấy có cái gì ấm cúng, gần gũi.

Trần Văn Kỷ thích thú đến nổi reo lớn tiếng:

- Đúng đấy. Tôi cũng cảm thấy như thế mà không nói được gãy gọn chính xác như ông. Hai câu của Tô Đông Pha:

Diều diều hề dư hoài

Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.

về ý cũng giống như hai câu của ông Hi Doãn:

Ý thụ chi dĩ di thời

Vọng mỹ nhân hề vị kiến

Cũng là "vọng mỹ nhân", nhưng một bên thì canh cánh hoang mang, một bên thì như tằm ngằn, hay cái gì tương tự như thế.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi có được nghe ông Hi Doãn giải thích về điều này. Cái ý muôn thuở vẫn là cuộc phù sinh. Tô Đông Pha được cái may mắn thả thuyền trên dòng Xích Bích, nên cảm giác bập bênh trôi nổi dễ diễn tả bằng sự hoang mang bé bỏng trước trời đất vô cùng. Ngài có nhớ cả một đoạn dài sau hai câu thơ của Tào Mạnh Đức không? Vâng, hai câu: "Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi" (nghĩa là trăng sáng sao thưa, quạ bay về nam). Sau hai câu thơ đó, Tô Đông Pha viết: "Đương khi Tào Mạnh Đức phá đất Kinh Châu, xuống thành Giang Lăng, thuận dòng mà sang mặt đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời. Rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ, đó thực là anh hùng một đời, mà nay thì ở đâu? Huống chi tôi với bác đánh cá kiếm củi ở trên bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai, bơi một chiếc thuyền nho nhỏ, nhắc chén rượu để mời nhau, gửi thân phù du ở trong trời đất, nhỏ nhặt như một hạt thóc ở trong bể xanh, thương cho sự sống của ta không bao lâu mà khen cho con sông này dài vô cùng" (3) Ông Hi Doãn thì chỉ được ngồi "tằm ngằn"; đúng như ngài nói vừa rồi, là tác giả ngồi tằm ngằn bên bờ ao hẹp, nhưng vẫn phải làm thế nào viết được cái ý phù du. Chờm ngợp trước trời đất bao la, hay cảm thấy cùng quần trong cảnh tù túng chật hẹp, vẫn thế thôi. Chẳng những thế, ông Hi Doãn vẫn cố nói được cái lớn qua cảnh chật hẹp:

Đạo lớn mất chừ, về đâu?

Cá trong chậu chừ, cạn nước!

Ý tạo hóa chừ, mông lung

Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc
Ôi, tháng ngày như quán trọ
Trời đất chiếc bè trôi!...
Trần Văn Kỷ cắt lời Ích:
- "Đạo lớn mất chừ, về đâu? Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc!" Không được. Có dịp gặp lại ông Hi Doãn, tôi sẽ nói thẳng cho ông ấy biết là ý hai câu này không được. Đã là đạo lớn thì không bao giờ mất. Còn thánh hiền xa hay gần là tùy ở ta. Có những kẻ thuộc lâu tứ thư lục kinh, nhưng xa thánh hiền vì không thể hiểu được lời dạy của thánh nhân. Đọc bài phú Lâm Trì đến chỗ này tôi khựng lại, hơi thất vọng cho ông Nhậm. Nhưng đọc tiếp sang đoạn cuối thì mới biết ông ấy đánh lừa mình. Không. Hoang mang thất vọng chỉ là tâm trạng yếu đuối của một vài khắc chán nản. Phần còn lại của nhà nho ta vẫn là trọn tin ở thiên mệnh, vững chãi, sáng suốt "kiến cơ nhi tác". Phần kết đầy cả nao nức. Tôi còn nhớ được mấy câu:

Ta đứng ngắm ao
Lòng vui chẳng ngớt
Gió thoảng mát chừ hiu hiu
Sóng gợn vân chừ lớp lớp
Chẳng có gương mà sáng ngời
Không có lầu mà cao vót
Không hư sự vật suy rành
Máy tạo xưa nay tỏ rạng.
Phan Huy Ích cũng hứng thú đọc nối:
Tắm sông Nghi (4) chừ, ai kia?
Ở ngõ hẻm (5) chừ, sá quản.
Huống đây ao nước trong ngời
Rửa muộn giúp ta thanh thản.
Chương cuối Thiên Hương đẳng giở xem
Thời vậy thay!
Thời vậy thay
Kêu ba tiếng, rồi chim bay đi" (6)

Cả hai không hẹn mà cùng reo lên "Thật tuyệt" rồi cười lớn. Vài viên quan nhỏ, thuộc hạ của Trần Văn Kỷ nghe tiếng cười ồn, quay lại ngơ ngác. Quan Trung thư vẫn cười tự nhiên, nhưng Phan Huy Ích thì làm mặt nghiêm, bối rối như vừa làm điều quấy.

*

* *

Điều đáng tiếc là tại bộ Hình, nhiệm sở của Phan Huy Ích, không bao giờ có những khắc thoải mái như vậy.

Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên không giao cho quan Hình bộ tả thị lang Phan Huy Ích công việc gì cụ thể. Cách đối đãi, cư xử của Thuyên thật hòa nhã, kính cẩn. Không thể chê trách điều gì được. Ngay sau khi Phan Huy Ích đến bộ Hình, Thuyên bắt các quan lớn nhỏ trong bộ vào lạy ra mắt quan Tả thị lang. Sau đó là một tiệc rượu linh đình. Thuyên nhường cho Ích chỗ ngồi vinh dự nhất trong tiệc rượu. Vài hôm lại có lính bộ mang đến chỗ Ích ở quà biếu của quan thượng thư, nào trà tàu thơm, rượu ngon, nào gạo trắng, thịt, tôm, cá tươi, đồ sứ pha trà, ống nhổ thau, chiếu hoa... Có thể nói suốt cuộc đời làm quan của Phan Huy Ích, chưa bao giờ ông

được trọng vọng, cung phụng đầy đủ như thế. Nhưng ngoài tiện nghi xa hoa đó, Thuyên không giao cho Ích việc gì cả. Phan Huy Ích có mạnh dạn đề nghị vài điểm cần sửa đổi trong cách tổ chức nhân sự, hoặc trong thủ tục ngục tụng, cốt làm sao cho việc xét xử được nhanh chóng hơn. Quan thượng thư chăm chú lắng nghe, rồi cảm ơn rồi rút. Ngày hôm sau, hôm sau nữa, Hồ Công Thuyên không hề nhắc lại câu chuyện trao đổi hôm trước, giả lơ như chưa bao giờ họ nói chuyện với nhau. Mỗi lần Phan Huy Ích lấy bạo nhắc lại, Hồ Công Thuyên hơi nhú mày, rồi hỏi: - Nhưng ông đã nói với quan Trung thư lệnh chưa? Nói với ông ấy đi. Tôi thì... ông thấy đấy, tôi có quyền hành gì ở đây đâu. Có phải quan Trung thư tâu với Chúa thượng bổ ông về bộ Hình không? Tại sao không bổ về bộ khác mà lại bổ về bộ Hình? Có phải quan Trung thư nghĩ rằng tôi đã già yếu (Thuyên cười, trỏ lên mái tóc dày và đen mượt của mình), tóc sắp bạc hết, nên phải gửi một nhân tài Bắc hà đến giúp sức? Ông đã từng vào Phú Xuân, từng đảm đương nhiều việc lớn, thì cái bộ Hình tồi tàn nhỏ xíu này đâu phải là chỗ xứng đáng. Hay là vì chức Trung thư lệnh không có cấp phụ tá?

Càng nói giọng Hồ Công Thuyên càng mỉa mai, cay đắng. Phan Huy Ích không dám nói thêm gì nữa, cũng không dám léo hánh đến bộ Hình. Ngoài các buổi chiều, ông chỉ nằm khoèo ở nhà đọc sách hoặc thơ thần bên bờ sông. Ông bắt đầu thấy những điều phức tạp của triều đình Phú Xuân như đã thấy các cuộc tranh chấp điên đảo ở Thăng Long. Phan Huy Ích có thừa khôn ngoan để dè dặt, cố đứng ngoài các cuộc tranh chấp.

Nhưng người ta không để cho ông yên. Một hôm Lại bộ Hồ Đồng tìm đến hỏi Ích:

- Lâu nay ngài vẫn đi lại với quan Trung thư đấy chứ?

Phan Huy Ích đáp lơ lửng:

- Chỉ thỉnh thoảng thôi. Quan Trung thư có mượn tôi tập thi tuyển của các danh sĩ Bắc hà.

Hồ Đồng cười, ranh mãnh hỏi:

- Thảo nào sau mỗi buổi chiều, các ngài cứ quần lấy nhau để xướng họa, không thấy gì đang xảy ra chung quanh cả. Ngài đã đến thăm tư dinh Bùi tướng công chưa?

Phan Huy Ích ngơ ngác hỏi:

- Tướng công nào họ Bùi đấy ạ?

Hồ Đồng cười to:

- Tôi biết thế nào ngài cũng hỏi câu ấy, nên mới đến đây. Tôi dốt nát vô học, nhưng cũng có nghe thiên hạ trầm trồ tài học của ngài, nên tuy chưa thân đã kính phục. Ngài có biết không, mỗi lần ngài nói chuyện với quan Trung thư, ông Bùi Đắc Tuyên đều cố ngồi nán lại để... để làm gì, chắc ngài đã đoán biết.

Phan Huy Ích lo sợ hỏi:

- Thật thế ư? Thật thế ư?

Hồ Đồng nghiêm nét mặt, hạ giọng nói:

- Chỗ thân tình, tôi khuyên ngài nên chăm thăm hỏi Bùi tướng công hơn. Dĩ nhiên đồng thời ngài nên bớt thân thiết với quan Trung thư. Ngài không cần hỏi vì sao, vì thế nào ngài cũng phải biết điều rắc rối phức tạp đó rồi. Chúng tôi ở bên bộ Lại nên biết được nhiều việc ở các bộ khác. Có phải lâu nay ngài rảnh rỗi lắm phải không?

Phan Huy Ích hơi khó chịu, hỏi lại:

- Ông hỏi làm gì vậy?

Lại bộ Hồ Đồng cười, không chút bối rối:

- Dĩ nhiên không phải tự ý tôi đến đây. Tôi đang làm việc quan đấy, vì "an nguy của xã tắc" đấy.

Ngài thử nghĩ mà xem: nếu không khéo có thể vì sự sợ ý của ngài mà thành Phú Xuân bị xẻ làm hai, làm ba. Ngài không nghe người ta xì xào rằng Chúa thượng bắt đầu "mê hát chèo" rồi hay sao (Hồ Đồng lại cười). "Mê hát chèo!" Miệng lưỡi thiên hạ thật là... thật là phi thường. Không có cách ví von nào hay hơn! Ngài nên giữ ý tứ, nếu không người ta sẽ nghĩ là ngài cũng thuộc gánh hát chèo Bắc hà đấy!

*

* *

Phan Huy Ích vào Phú Xuân vào đầu mùa thu. Mãi đến khoảng giữa mùa thu, bộ Hình mới tìm được việc để giao cho ông. Thượng thư Hồ Công Thuyên mời Phan Huy Ích đến bộ hỏi:

- Hình như trước đây ông đã từng làm thêm sai tri hình ở phủ Chúa thì phải?

Phan Huy Ích đáp:

- Vâng. Tôi về triều thay cho Phạm Nguyễn Du đi án sát Kinh Bắc.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

- Làm đốc đồng Thanh Hoa sướng hơn chứ, sao ông lại xin về triều? Thanh Hoa không khổ vì việc phòng vệ như Nghệ An, cũng không quá gần mặt trời. Tôi nghe nói được về làm quan ở Thanh Hoa, người nào cũng "đẩy đà" lên.

Phan Huy Ích mím môi không nói gì. Quan thượng thư thấy Ích bất bình, nên vội chuyển sang chuyện khác:

- Tôi mời ông tới vì bộ Hình ta đang gặp khó. Việc này ngoài ông ra, không ai kham nổi đâu. Xin ông chớ khiêm nhường. Sự thật đúng như vậy. Không phải các quan Hình bộ đều là hạng thiếu khả năng đâu. Họ xuất thân võ biên, nên có điểm hơn các văn thần là dám mạnh bạo. Bộ ta chuyên coi các án tụng, hình ngục, thì sự cương quyết, mạnh bạo càng cần hơn nữa. Tuy vậy, riêng vụ án này thì chỉ có ông mới giải quyết được.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi sợ vì mới chân ướt chân ráo vào đây...

Hồ Công Thuyên cắt lời:

- Chính vì thế mà được việc. Nói thật với ông, vụ này dây dưa lâu rồi vẫn chưa ngã ngũ. Kẻ liên can có nhiều thế lực che chở, nên nhiều lần bộ Hình định làm án mà không xong. Chúng tôi hiện đang ở cái thế tiến thoái lưỡng nan. May mắn có ông vào kịp thời. Ông nhận xét án thì không ai dám bảo ông thiên vị bên nào cả.

Rồi Hồ Công Thuyên thuật sơ lược vụ Lợi liên can với các ghe buôn Đồng Nai. Phan Huy Ích thắc mắc:

- Hắn chỉ là một viên quan nhỏ bộ Công, lẽ nào hai ba lần bộ Hình làm án mà không được? Hắn là hoàng thân quốc thích chăng?

Thượng thư Hồ Công Thuyên lắc đầu đáp:

- Không. Nhưng hắn giúp việc buôn trầu của nhà vua thời hàn vi. Vợ hắn cũng không xa lạ gì với Vương thượng.

Phan Huy Ích vỡ lẽ, nói:

- Thế à!

Thuyên cười nhỏ một tiếng, mắt liếc tinh ranh:

- Ông sợ rồi phải không? Sĩ phu Bắc hà mỗi lần gặp trường hợp cậy thế lộng hành như vậy thì làm gì?

Phan Huy Ích lừ mắt nhìn Hồ Công Thuyên, hỏi lại:

- Các quan bộ Hình đã làm đến đâu rồi?

Hồ Công Thuyên không hiểu thâm ý câu hỏi đó, với tay lấy xấp hồ sơ vụ án gạo Đồng Nai đưa cho Ích:

- Bộ Hình đã tra án mấy lần, được bao nhiêu đây. Nếu ông muốn tự mình xem xét từ đầu, thì cứ ra lệnh. Vụ này liên quan đến Qui Nhơn và Đồng Nai, nếu ông làm sáng tỏ thì công lao không phải nhỏ. Nhưng chỗ đồng liêu tôi có điều này nói riêng với ông, là ông không nên nói gì với quan Trung thư cả. Cứ lẳng lặng làm việc. Chắc ông đã hiểu vì sao rồi!

Phan Huy Ích chỉ hiểu lơ mờ, nhưng Hồ Công Thuyên đã đứng dậy để tiễn khách nên ông không thể hỏi gì thêm.

Ngay buổi chiều hôm đó, Phan Huy Ích ra lệnh cho quan giữ ngục giải từng tên lái buôn Đồng Nai lên bộ Hình để hỏi cung. Không cần tra khảo gì cả, quan Tả thị lang cho phép các tội phạm được ngồi đối diện với mình, mời uống trà, ăn trầu, và từ tốn hỏi thăm công việc buôn bán của họ. Ông ghi nhận được một điều đáng ngờ: số gạo bọn lái buôn đã bán cho Phú Xuân quá lớn, so với trọng tải các ghe bầu. Phan Huy Ích cho đòi các chức sắc phụ trách việc nhập kho để hỏi thể thức nhập kho thế nào. Thủ tục xuất nhập có nhiều sơ hở, khiến việc kiểm soát số lượng chỉ có giá trị tương đối. Lần tìm người chịu trách nhiệm các sơ hở đó, Phan Huy Ích nhận thấy cách tổ chức luộm thuộm không do sự dốt nát, mà do có chủ ý. Ông không thể đi sâu thêm nữa vì các chức sắc từ chối xuất trình tất cả sổ sách, lấy cớ chưa được quan thượng thư bộ Công chuẩn y. Ngay Hồ Công Thuyên cũng nói xa gần khuyên Phan Huy Ích chú ý đến các tội nhân, đừng tra hỏi các quan bộ Công gây nên bất hòa giữa hai bộ.

Phan Huy Ích lại thẩm vấn các con buôn, chất vấn họ vì sao có sự chênh lệch giữa khả năng vận tải tối đa của đoàn ghe bầu và số gạo nhập kho. Ban đầu họ chối. Về sau, Phan Huy Ích hỏi họ có dám trở về Đồng Nai trên một chuyến ghe đã chở từng ấy gạo đúng như lời họ khai hay không, thì cả bọn do dự. Cuối cùng họ thú nhận đã dùng gạo rải đều từ bến lên kho nên phải thông đồng với các quan bộ Công khai dôi số gạo bán. Họ phải làm như vậy, nếu không phải lỗ vốn vì chi phí chuyên chở cao, chi phí giao tế lại càng cao hơn nữa. Phan Huy Ích hỏi họ đã hối lộ cho ai, và hối lộ bao nhiêu để việc buôn bán được thuận lợi suốt mấy năm liền. Họ từ chối trả lời, khai rằng đã thú hết với quan thái sư Bùi Đắc Tuyên. Phan Huy Ích không tìm thấy tờ tự khai này trong xấp hồ sơ.

Không còn cách nào khác, Phan Huy Ích phải gặp Trần Văn Kỷ để xin lệnh của Vương thượng cho phép bộ Hình được kiểm soát tất cả sổ sách xuất nhập kho của bộ Công. Ông nhớ lời dặn trước của thượng thư Hồ Công Thuyên, nhưng tự ái của một viên đại thần không cho phép Phan Huy Ích dừng lại ở lưng chừng. Ông ngờ ngợ hiểu rằng chẳng những đây là một cuộc thử thách cho ông, mà còn là cuộc thử thách cho tất cả các quan văn võ cự triều, về khả năng lần ý chí. Nghĩa là Phan Huy Ích không có một con đường nào khác, ngoài việc bậm môi chấp nhận cuộc thử thách!

*

* *

Thái bảo Phạm Văn Hưng vừa ở Gia Định về, chưa kịp ghé qua tư dinh đã có lệnh triệu vào châu ngay. Đích thân quan Trung thư lệnh và thượng thư bộ Binh chờ Hưng ở bến thuyền để đưa viên tướng vừa viễn chinh vào gặp Nguyễn Huệ.

Biết chủ tướng nóng lòng muốn biết tình hình Gia Định, nên vừa sụp xuống lạy Chính Bình vương xong, Phạm Văn Hưng đã nói:

- Tàu Chúa Thượng, tình hình trong đó...

Nguyễn Huệ xua tay nói:

- Không việc gì phải vội. Bọn thằng Chúng có theo sát thuyền ông về đây ta vẫn còn thì giờ uống với nhau một chén trà thơm. Đi đường có nhọc không, hãy ngồi xuống đây đã.

Phạm Văn Hưng ngồi ghé vào góc chiếc sập Chính Bình vương đang ngồi. Vương quay về phía Trần Văn Kỷ và quan thượng thư bộ Binh:

- Các ông kéo ghế ngồi dịch lại đây.

Hai người vâng lời Nguyễn Huệ, nâng hẳn hai chiếc ghế khảm xa cừ nặng lên, đem đến đặt nhẹ sát chiếc sập thếp vàng, để khỏi gây tiếng ồn. Trong phòng không ai nói với ai lời nào. Chính Bình vương chăm chú rót nước ra bốn cái chén nội phủ bịt vàng. Tiếng nước thanh và ấm. Rót nước xong, Nguyễn Huệ đẩy coi trầu về phía Phạm Văn Hưng:

- Ông ăn trầu đi đã.

Phạm Văn Hưng không khách sáo, lắc đầu từ chối:

- Xin Vương Thượng ban cho chén nước.

Nguyễn Huệ cười:

- Miếng trầu của các cô các bà trong Gia Định tèm khéo hơn hay sao? Ông già đi đấy. Má hóp, mắt thâm quầng.

Phạm Văn Hưng tưởng đã đến lúc phải bẩm báo tình hình trong nam, ngồi ngay người thưa:

- Tàu Vương Thượng, khi chúng tôi vào đến Gia Định...

Một lần nữa, Nguyễn Huệ cười lớn, cản lại:

- Chưa cần bẩm báo vội. Ông uống cho hết chén nước này đi!

Phạm Văn Hưng vâng lệnh Chính Bình vương, một tay che mặt, một tay nâng chén nước lên uống cạn. Nguyễn Huệ chú ý thấy cánh tay áo của Phạm Văn Hưng bị cháy xém vì thuốc súng.

Vương cảm động, giọng nói hơi run run:

- Ta trông tin ông còn hơn trẻ con trông mẹ về chợ. Thấy ông và anh em trở về mạnh khỏe ta rất mừng. Quan Trung thư lấy giùm cho ta tấm bản đồ Gia Định. Cuốn giấy cứng cao nhất trong cái lọ sứ ấy. Không phải, cuốn kia kìa. Đúng rồi. Quan thái bảo khỏe rồi chứ?

Cả bốn người quây quần quanh tấm bản đồ. Nguyễn Huệ ngồi thẳng lưng trên sập, tay cầm một thanh gỗ mun đen hai đầu có bịt bạc dùng để chặn giấy, nghiêm mật theo dõi báo cáo của Phạm Văn Hưng. Hưng dùng ngón tay trỏ chỉ lên bản đồ nói:

- Lúc tôi vào tình thế đã khá nguy ngập rồi. Thượng Sâm phải một mình chống cự với thuộc hạ của tên Chúng từ khi Đông Định vương bỏ về Qui Nhơn. Tháng 10 năm trước, Hồ Văn Lân đánh ở sông Lương Phú, đô đốc Nguyễn Văn Mân không cự nổi phải rút về giữ Thang Trông. Chương cơ Chân, tả hiệu Huấn đầu hàng giặc rồi làm tiền phong cho chúng.

Nguyễn Huệ hỏi:

- "Thang Trông"? Bản đồ ghi "Thán Lung" mà?

Phạm Văn Hưng nói:

- Tàu chúa thượng, "Thán Lung" là tên chữ, dân địa phương gọi theo cách nôm là "Thang Trông". Vâng, chỗ đó thuộc Bến Tranh tên chữ là Tranh Giang, Định Tường. Trong lúc đó thì Nguyễn Văn Trương, Đỗ Văn Hựu đánh tập hậu ở sông Mỹ Lung, đuổi chương cơ Từ khỏi Mỹ Lung. Bộ hạ của chương cơ đầu hàng, đem theo cả mấy mươi chiến thuyền. Giặc cứ tiến dần, tiến dần như tằm ăn dâu. Thượng Sâm rút về sông Mỹ Tho, rồi lại phải rút về Sài Côn, vì Nguyễn Phúc Hội đã chiếm Ba Giồng; Hoàng Văn Khánh, Trương Phú Ngan, Nguyễn Văn

Trương, Tô Văn Đoái đắp lũy ở Nước xoáy (7). Cho đến đầu năm nay (Mậu thân 1788), giặc đã chiếm giữ vùng Trà Lọt, giồng Triệu, giồng Sao. Ta chỉ còn kiểm soát được vùng Sài Côn, Mỹ Tho.

Nguyễn Huệ nóng ruột, dùng cây thước mun chỉ lên bản đồ hỏi:

- Còn phía dinh Trấn Biên?

Phạm Văn Hưng buồn rầu đáp:

- Lưu Thủ Khoa, bộ hạ tên Chung đã chiếm mất rồi. Thượng Sâm chỉ còn biết dựa vào thủy binh làm lực lượng phòng ngự chính yếu.

Nguyễn Huệ dăm chiêu bần thần không nói gì, cả phòng hoàn toàn yên lặng. Một lúc sau, Vương nói:

- Mất Ba Giồng với Trấn Biên là đường bộ đã bị cô lập rồi. Khi thủy binh của ta kéo vào, tình thế có gỡ được rồi không?

Phạm Văn Hưng nói:

- Bẩm có. Cả bọn địch lẫn Thượng Sâm đều hoang mang không hiểu ta vào làm gì. Ban đầu chúng tưởng Qui Nhơn đưa viện binh vào. Thượng Sâm cũng tưởng thế. Sau biết là thủy binh Phú Xuân, Thượng Sâm lo ngại. Ông ấy đóng chặt cửa thành không cho tôi vào. Nhiều lượt thư qua thư lại, kèm theo thẻ thốt, ông ấy mới tin là tôi vào để cứu viện. Ông ấy rơm rớm nước mắt nói với tôi: "Đông Định vương ngờ tôi làm phản nên mới bỏ về Qui Nhơn. Hoàng thượng có lẽ cũng ngờ tôi nết. Tôi mà có lòng nào thì Trời tru đất diệt ba họ nhà tôi. Tình thế nguy ngập thế này mà Bề Trên không trọn tin thì làm sao chống giữ được đất Gia Định. Tôi còn biết trông chờ về phương nào đây?"

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

- Lúc ông về tình thế đã tạm yên chưa?

Phạm Văn Hưng không giấu được bối rối khi đáp:

- Bẩm chưa ạ. Giặc vẫn cố thủ ở các điểm quan yếu như Ba Giồng, dinh Trấn Biên. Thủy binh của ta có làm cho chúng nao núng, nhưng về sau có một thổ hào người Gò Công (Võ Tánh) đem thuộc hạ đông cả vạn quân lên giúp tên Chung. Chúng loan truyền trong dân chúng cái tin sẽ hạ thành Gia Định vào tháng 6 này.

- Dân có tin lời chúng phao truyền không?

- Tâu Chúa thượng, lòng dân Gia Định dao động lắm. Tên Chung cho tay chân rao khắp nơi: ai nuôi một lính Tây Sơn bỏ chạy về làng thì binh dịch được miễn một nửa, hai người thì được miễn hết, ba người trở lên thì được thưởng. Đối với binh lính gốc Thuận Hóa thì bọn chúng nhắc nhở đến dòng họ Nguyễn Gia Miêu để vuốt ve tự ái địa phương. Ai muốn mau về xứ thì nên đầu hàng bọn Chung, lập công phò tá để chóng về đất cũ.

Nguyễn Huệ quay về phía Trần Văn Kỷ nói:

- Lại vẫn cái chiêu bài chính thống! Các ông thấy không, muốn gỡ rối ở Gia Định lẫn Bắc hà chỉ còn một cách là làm sao cho dân hiểu rõ rằng mệnh Trời đã đổi. Rằng bọn ruồi nhặng từng rước quân Xiêm về dày xéo Gia Định lẫn bọn con cháu họ Trịnh họ Lê ở Bắc hà đều là những thân cây mục, không còn dùng làm gì được nữa. Ta biết thuyết phục cho được điều đó, không phải dễ. Phía nam, ta còn vương Hoàng đế thành. Phía bắc, các ngài khoa bảng thuộc lâu kinh truyện còn ôm khư khư lấy chữ "trung quân". Ta có nghe báo lại các lời bàn tán của giới sĩ phu Bắc hà, khi họ đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc dân tại cửa Đại Hưng. Ta không ngạc nhiên, cũng không vội vã nôn nóng. Cái gì mục nát tất nhiên phải gãy đổ. Có chút

gió thổi thì đổ nhanh hơn. Thế thôi. Chẳng lẽ các ngài cứ khư khư bám lấy những điều lỗi thời, thậm chí còn chết đại như bọn Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc. Phải có người thức giấc chứ! À này, lâu nay mấy ông nghề Đàng Ngoài làm việc thế nào, quan Trung thư? Ông đã sai đem biểu quế cho La Sơn phu tử chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Thừa đã gửi quế cho quan trấn thủ Nghệ An rồi ạ.

Trần Văn Kỷ tránh trả lời câu hỏi thứ nhất, vì không dễ gì trả lời cho đúng và gọn một vấn nạn quan trọng như thế. Nguyễn Huệ cũng quên ngay câu vừa hỏi, quay về phía Phạm Văn Hưng ân cần dặn:

- Bây giờ ông về gấp cho gia đình mừng. Khao thưởng số anh em vừa vào Gia Định cho xứng đáng. Việc này quan thượng thư bộ Binh sẽ lo. Ông gầy hẩn đi, thế nào bà vợ ở nhà cũng oán ta. Cả Nguyễn Huệ lẫn Phạm Văn Hưng đều cười. Vương tiền quan thái bảo đến tận thềm điện Triều Dương. Lúc quay vào, Nguyễn Huệ đã thấy Phan Huy Ích chờ đợi từ lâu ở tiền sảnh để được chào hầu.

*

* *

Chỉ còn lại Chính Bình vương, Trần Văn Kỷ và Phan Huy Ích trong văn phòng. Trần Văn Kỷ thắc mắc không hiểu do đâu quan Tả thị lang xin ra mắt Chính Bình vương mà chưa hỏi gì ông cả. Nguyễn Huệ thì thích thú, nhớ lại câu mình vừa hỏi quan Trung thư về các ông nghề Đàng Ngoài. Vương nghĩ: "Sẵn tiện hỏi thẳng xem các ông nghĩ sao trước vận hội mới". Trần Văn Kỷ cố giữ thế chủ động, ân cần mời Phan Huy Ích ngồi lên chiếc ghế cấm xa cừ gần sập ngự, rồi thưa với Nguyễn Huệ:

- Tâu Chúa thượng, từ lâu quan tả thị lang vẫn có ý xin được riêng ra mắt Chúa thượng để tạ cái ơn tái tạo...

Nguyễn Huệ gạt phắt cung cách khách sáo của quan Trung thư:

- Thôi, ân với huệ cái gì! Chính ta cũng muốn được gặp riêng các ông để nghe những lời nói thẳng thắn, chín chắn, nhìn xa trông rộng. Nhất là những ông nghề Bắc hà am hiểu việc đời như quan thị lang đây.

Phan Huy Ích nhún nhường đáp:

- Vương thượng dạy quá lời. Chúng tôi chỉ võ vẽ được vài ba câu kinh truyện, thi phú, làm sao am tường được hết nhân sinh như Vương thượng. Giữa sách vở với cuộc thế, khoảng cách thật khôn lường, vì sách vở chỉ ghi những điều con người mơ ước, chứ không phải những gì sẽ xảy ra để ứng phó.

Nguyễn Huệ gạt gù, rồi hỏi Phan Huy Ích:

- Xưa nay thiên hạ không phải của riêng một dòng họ. Ở nước ta, mệnh trời chuyển từ họ Ngô, Đinh đến Tiền Lê, từ Tiền Lê đến Lý rồi đến họ Trần. Họ Trần suy vi để cho họ Hồ chuyên quyền, đất nước suy yếu dẫn đến cái họa bị quân Minh xâm lược. Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Minh sáng lập nhà Hậu Lê. Ta không đọc sách được nhiều, nhưng cũng dám lấy bạo đoán già đoán non rằng, mỗi lần thay đổi triều đại, không thiếu gì kẻ bắt chước Bá Di, Thúc Tề trốn lên núi Thù Dương để khỏi ăn thóc nhà Châu. Trong bọn đó, có bậc hiền triết, cũng có bọn ngu xuẩn. Có thời mệnh Trời chuyển mà nhân tâm ít động. Có thời dao động dữ dội. Ông đọc sách nhiều, có hiểu vì sao hay không?

Phan Huy Ích suy nghĩ một lúc mới đáp:

- Một vương triều đổ xuống, cho một vương triều khác dựng lên, tất nhiên phải gây dao động. Phải có kẻ mất quyền lợi đâm oán hờn và kẻ trở nên phú quý giàu sang nhờ vận hội mới. Điều đó không tránh được. Sự dao động nhiều hay ít là tùy cái được và cái mất mà vương triều mới đã đem đến cho thiên hạ. Sự so sánh này thực khó khăn. Những kẻ càng có học thức bao nhiêu càng dễ lằm lẩn trong việc cân đo được mất.

Nguyễn Huệ thích thú cười to:

- Ông nói hợp ý ta. Đúng lắm. Kinh truyện dễ khiến cho các ngài đâm ngờ mọi sự, đến nỗi các ngài sợ sự thay đổi như người bệnh sợ gió. Cuộc đời đổi thay thì các ngài không còn yên tâm với chữ nghĩa nữa. Cái gì cũng phải đặt lại từ đầu và tự mình quyết định điều đáng làm và không đáng làm. Các ngài run tay và khổ sở. Bọn chân đất chúng tôi cư xử đơn giản hơn. Ai đem đến cho chúng tôi cơm ăn áo mặc, cho chúng tôi được hy vọng sẽ sống khá hơn, kẻ đó xứng đáng được tôn vương.

Phan Huy Ích nói:

- Tâu Chúa thượng, ở các buổi giao thời, không bao giờ nhà sáng nghiệp có khả năng đem ngay cơm no áo ấm đến cho thiên hạ. Họ chỉ phá tan được cái ách đè nén thiên hạ, chứ chưa cải thiện ngay được đời sống thiên hạ. Đôi khi do đổi đời mà thiên hạ phải đóng góp sức lực, của cải nhiều hơn cả thời trước, nói trắng ra là khổ hơn thời trước. Nhưng cái mà nhà sáng nghiệp như Lưu Bang đem lại cho thời đại là nguồn hy vọng được sống khá hơn thời bạo Tần. Và vì mới chỉ là một nguồn hy vọng, chưa có gì cụ thể, nên sự so sánh được mất trở nên khó khăn. Đối với hạng người được triều cũ ưu đãi, thì cái mất quá lớn lao, còn cái được thì nhỏ nhoi, bẽ bàng. Quan lại, nhà nho, tôn thất, dễ hoang mang dao động hơn bọn con buôn và người lao động là vì vậy.

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần Văn Kỷ mỉm cười. Trần Văn Kỷ hiểu ngụ ý của cái nhìn ấy, hiểu quan thị lang đang bộc bạch tâm sự thầm kín của mình và các quan lại cự thần nhà Lê. Trần Văn Kỷ chen vào hỏi:

- Có lúc nào phần được phần mất chênh lệch rõ ràng đến nỗi ai ai cũng hân hoan chào đón vận hội mới không?

Phan Huy Ích do dự một lúc lâu mới đáp:

- Khó lắm. Ngay cả bọn hôn quân như Kiệt, Trụ vẫn còn có bọn bề tôi cố chấp như Bá Di, Thúc Tề.

Nguyễn Huệ vui vẻ nói lớn:

- Có chứ. Ông nghe quên mất trường hợp các nhà sáng nghiệp giành đất nước, thiên hạ lại từ tay bọn xâm lăng, như Lê Thái Tổ chẳng hạn. Lúc đó thì sự được mất thật rõ ràng. Mất gì? Mất ách nô lệ, mất cái nhục làm tôi mọi cho ngoại bang. Được gì? Được tất cả. Trời đất, cây cối, nhà cửa, ruộng vườn, cả đến câu ca, lời hát, kiểu áo mặc, kiểu đội khăn, trở thành của ta. Lúc đó, cả thiên hạ làm thành một khối sức mạnh vô địch. Ta đã nghiệm ra được điều đó khi cầm quân diệt bọn Xiêm La ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Ta nghĩ trong Bắc sử, Nam sử còn nhiều trường hợp chứng minh điều đó.

Trần Văn Kỷ và Phan Huy Ích thật sự bị ý tưởng của Nguyễn Huệ thuyết phục, nên từ đó về sau họ lục hết sử sách để tìm bằng chứng sức mạnh của một dân tộc bị ngoại xâm lúc một bậc anh hùng hô hào toàn dân đứng dậy đánh đuổi bọn xâm lược. Họ nói nhiều đến Lê Thái Tổ và Nguyễn Trãi. Đà câu chuyện đưa đẩy họ quay sang bàn đến sức mạnh của những áng văn như Bình Ngô đại cáo. Phan Huy Ích sung sướng tìm được các lý lẽ đủ nâng cao địa vị nhà nho trong

thời loạn, càng nói ra càng quên được những bức dọc, bề bồng trong mấy tháng qua. Ông chỉ bứt rứt khi nhớ lại mục đích buổi chiều này. Làm sao quay trở lại một điều tầm thường vụn vặt như vậy? Phan Huy Ích nhất định chờ dịp khác, và chỉ nên gặp riêng Trần Văn Kỷ cũng đủ. Nhờ thế về sau, ông nhớ buổi chiều hôm ấy như một kỷ niệm đẹp nhất của đời ông, vì chưa lúc nào ông được hào hứng bênh vực cho tầng lớp nho sĩ, cho văn chương, cho đạo học như vậy!

(1) Theo "nguyên dẫn" của chính Phan Huy Ích trong bài thơ Phụng mệnh nam hành (Nam trình tập vịnh).

Giữa mùa thu (Bính thân 1776), sứ giả Tây Sơn đến trấn Phú Xuân, dâng trình tờ biểu, đồng thời tiến sản vật quý của địa phương để cầu được giao hảo, trong đó có nhiều uẩn khúc khó phân biệt được thực hay giả. Theo chỉ dụ thì phải chọn một quan văn mẫn cán xứng đáng để sai đi cùng các quan địa phương giải quyết vấn đề ở biên giới. Lúc đó thân phụ tôi làm việc ở đồn Động Hải, chính phủ định tuyển vào chức đó. Khi trình lên, Bề Trên đặc biệt đổi tên thân phụ tôi ra tên tôi, lại triệu tôi vào để dặn dò công việc, khi vào xong việc phải về triều trình bày, lại được tiện đường về thăm phụ thân, như vậy càng thỏa đáng đôi đường. Tôi mới nhận chức thêm sai hơn một tháng, nhiều lần được gọi vào hầu để chỉ bảo phương lược, được Trên ban cơm, khen thưởng yên ủi đầy đủ, và truyền xuống để cho các trấn cử quan binh lần lượt bảo vệ nghinh tiếp. Ngày 2 bắt đầu ra đi, cả đi lẫn về gần ba tháng có tập thơ Nam trình tập vịnh.

(Thơ văn Phan Huy Ích tập 1. Dụ am ngâm lục. Nhà xuất bản KHXH Hà Nội 1988, trang 70-71)
Tiếp theo đó, trong nguyên dẫn bài Đáo Phú Xuân thành, Phan Huy Ích viết: "Tôi xuất phát từ kinh thành, qua các trấn Sơn Nam, Thanh Hoa, Nghệ An, đến đâu cũng được các trấn giao cho hai viên thuộc tướng đem 50 người lính mang theo vũ khí, đợi tiễn, lại bắt dân phu ở dọc đường thay nhau gánh hành trang qua các trạm. Đến địa giới Thuận Hóa, quan trấn thủ trước đó đã lấy dân phu ven đường san bằng đường xá, giao cho thuộc tướng đem binh và voi chờ đón. Lính ở cơ Trung bố của đồn Động Hải, lính hai cơ Tả nhuệ, Trung kiên ở đồn Cát Doanh đi từ sông Bái đáp vào. Lính mười cơ của bản đạo chỉnh đốn binh khí đợi để đón rước. Đến ngoài cửa thành Phú Xuân, quan đốc suất đại tướng là Tạo quận công, quan đốc lĩnh phó tướng là Dĩnh quận công, quan đốc thị là Nguyễn Mậu Dĩnh, quan hiệp đồng là Nguyễn Lệnh Tân cùng người cũ vua sai là Phan Trọng Phiên khi ấy đã được chỉ vua gọi về, nhưng lại được lưu lại cùng tôi làm việc. Ông đem theo thuộc tướng là Trân quận công, thuộc sai Cấp sự trung là Phạm Nguyễn Du ra đón vào thành, đến gác Triều Dương nghỉ ngơi cùng nhau bàn tính công việc. Lúc đó, tôi nghe vua ban ba đạo sắc có ấn sẵn và hai đạo lệnh dụ đóng dấu sẵn, cho tôi được quyền tùy tiện xử trí. Nhân đó, tôi điền vào sắc lệnh ban xuống phong cho trưởng hiệu Tây Sơn là Nguyễn Nhạc làm lưu thủ Quảng Nam, tước Cung quận công. Người được phái đến là Đỗ Phú Tuấn làm hộ bộ lang trung, Nguyễn Mân làm binh bộ viên ngoại lang. Lại viết lời dụ cùng các hạng kiếm vàng, chiêng vàng của vua ban, giao cho các sứ giả đem về. Qua mười ngày thì xong việc. Nhân lúc rỗi đi thăm các cảnh ở Thiên Mụ, Hà Khê, Phủ Cam, Phố Lữ. Mồng một tháng chạp thì từ chỗ đóng quân về triều.

Đáo Phú Xuân thành Mãn lộ biên thân nhạ sứ huy

Triều Dương các thượng thụ cơ nghi

Địch tình vị tất thuần cung thuận

Thần toán như kim trọng phủ tuy

Vạn lý ân luân dao quản thúc

Tam đông sứ tiết cố uy trì

Xuân thành sơn thủy đa giai cảnh

Công hạ, thường cung phóng lãm kỳ.

Dịch nôm:

Đầy đường các quan văn võ đón cờ sứ thần

Trên gác Triều Dương được tùy cơ làm việc

Quân địch chưa chắc đã thật lòng kính thuận

Ý muốn của vua là coi trọng việc vỗ yên

Lời vua lo không chế ở ngoài muôn dặm

Cờ sứ phải chần chờ suốt ba đông

Non nước thành Phú Xuân nhiều cảnh đẹp

Rồi việc công, thường được đi xem cảnh lạ.

(Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 76, 77)

(2) Xem nguyên dẫn bài thơ Giang Cư Tích Sự, Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 112

(3) Bản dịch bài phú của Phan Kế Bính (Đông Dương tạp chí, bộ mới số 63)

(4) Chỉ Tăng Điểm, học trò Khổng Tử, tính tình phóng khoáng.

(5) Chỉ Nhan Hồi, học trò Khổng Tử, nhà nghèo.

(6) Khổng Tử khen con chim trĩ biết thời nên bay, nên đậu. Tử Lộ không hiểu, muốn bắt con chim ấy, con chim liền kêu lên ba tiếng, rồi bay đi. Đó là chỉ con chim kia còn biết "kiến cơ nhi tác" nữa là người mà lại không biết lẽ nên đi, nên ở sao? (Thiên Hương đảng, Luận Ngữ)

(7) Tức là Hồi Oa của Thực Lục. Đó là địa điểm Vàm Nao ở Tân Châu (chú thích của Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử nội chiến ở Việt Nam trang 191).

Chương 87

Điều dễ đoán là từ khi quan Tả thị lang Phan Huy Ích trực tiếp tra xét vụ án gạo Đồng Nai, Lợi theo dõi diễn tiến vụ án được dễ dàng hơn. Nó không còn là việc nhà của Bùi Đắc Tuyên nữa. Phan Huy Ích biết rõ những nguy hiểm mình phải đương đầu, nhất là những lời xuyên tạc về đức liêm khiết và vô tư của mình nên làm việc gì cũng thận trọng. Ông công khai hóa tất cả việc điều tra. Dù đã xin được lệnh của Chính Bình vương cho phép bộ Hình kiểm soát sổ sách xuất nhập của bộ Công, Phan Huy Ích còn cẩn thận đến mức cho lập hẳn một ban xét cung nho nhỏ, gồm đủ đại diện của bộ Hình, bộ Công, Tầu vụ và Trung thư đường. Lợi không cần nhờ đến Lãng cũng theo dõi từng ngày công việc của tiểu ban ấy.

Mấy hôm đầu, Lợi hí hửng về khoe với vợ:

- Xong rồi. Chúng nó có độn thổ cũng không khỏi được nhục. Có thể chứ. Dù sao người có ăn học vẫn biết điều hơn bọn võ biền tham lam nhà nó. Ha ha! Cứ tưởng tượng bộ mặt bí sị của chúng nó là không nín được cười.

An mừng rỡ hỏi:

- Thật không mình? Nhưng đầu đuôi ra sao kể em nghe với.

Lợi cười ha hả, đáp lời vợ:

- Lại không thật! Chúng nó cố ép cho anh cái tội làm phản. Hết dọa nạt đến dụ dỗ, cuối cùng mới ép được một tên lái buôn ký vào tờ khai viết sẵn như em đã biết. Nhưng nội vụ chuyển qua tay Tả thị lang, thì tên kia phản cung. Chẳng những thế, hắn còn khai rành mạch ai dọa những gì, ai hứa những gì, tờ thú tội do ai đưa tới, hắn ký vào đó lúc nào. Nghe nói tay chân lão Tuyên nhí nhốm như đĩa phải vôi, mắt lờm tên lái buôn hồng cứu vãn tình thế. Cứu thế nào được. Giấy trắng mực đen rành rành ra đó. Anh chỉ sợ chúng vu cho cái tội làm nội ứng cho Gia Định. Còn những chuyện khác, thậm gì! Tay ai cũng dính chàm cả. Chúng nó khai ra, có khác nào "lạy ông tôi ở bụi này".

Hôm sau, Lợi vui hơn nữa:

- Anh đoán như thần, anh đi guốc trong ruột chúng nó, đoán không đúng sao được. Bọn con buôn có khai vụ nhập kho như anh đoán, không khai làm sao gỡ tội! Quan Thị lang đòi xét sổ sách. Ha ha, có cho kẹo chúng nó cũng không dám trình sổ sách ra. Mình khỏi cần làm gì cả. Bây giờ chính chúng nó phải cứu hỏa. Chúng nó...

An sốt ruột chen vào hỏi:

- Tại sao họ lại sợ trình sổ sách. Sổ sách trong tay họ, họ vẽ thế nào chẳng được. Anh coi chừng họ gài bẫy đấy.

Lợi nhìn vợ, cười khinh nhòn:

- Đúng là trí óc đàn bà "sâu thẳm như coi đặng trầu". Vẽ! Em tưởng vẽ dễ lắm sao! Sổ sách có

mù mờ lộn xộn thì mới đổ thừa cho bọn thừa hành kém cỏi, bê trễ được. Kém cỏi đâu phải là cái tội đáng đóng gông.

- Nhưng họ làm gì được?

- Chúng nó làm khó, làm dễ quan Thị lang. Chúng nó phao lên nào ông ấy ăn không bao giờ biết no, nào ông ấy từng bị Nguyễn Hữu Chỉnh đem nhốt vào cái trống rồi cho quân lính đánh vào mặt trống liên hồi, đến nỗi ông ấy hóa ngớ ngẩn, nhút nhát. Ôi thôi, không biết bao nhiêu chuyện bịa đặt để bêu xấu quan Thị lang. Nghe đâu chúng nó đang vận động để bộ Công từ chối cung cấp sổ sách cho bọn xét án. Quan thượng thư bộ Hình cũng nói xuôi. Không biết chừng chúng nó muốn cho vụ này chìm xuống, vì muốn hại anh, chúng nó cũng không thoát nạn. Đáng đời bọn nham hiểm. Sao anh ghét cha con lão Đắc Tuyên, Đắc Trụ thế!

Hai hôm sau, Lợi đi dò tin, trở về không nói năng liếng láu như trước. Anh tránh gặp vợ, lặng lẽ vào nhà nằm một mình trên sập, gác tay lên trán. An lo lắng nhón chân lên chỗ sập chồng nằm, hỏi nhỏ:

- Mình.

Lợi vờ ngủ không trả lời. An hỏi tiếp:

- Mình đau phải không?

Lợi giả vờ uốn mình khó chịu, nhăn nhó đáp:

- Ừ. Có lẽ anh bị cảm gió. Nhức lưng ghê.

An không kiên nhẫn được nữa, hỏi:

- Có chuyện không hay phải không?

Lợi giật mình, chống tay ngồi dậy, bối rối:

- Có gì đâu. Em chỉ được nghĩ quẩn. Bảo tụi nó nấu cho anh nồi nước xông đi.

An ngồi hẩn xuống góc sập cạnh chồng, giọng nói đã run run:

- Không. Anh không nên giấu. Có phải chuyện mình gặp chỗ nguy không? Đừng giấu em.

Lợi vuốt tay vợ, cúi mặt đáp:

- Ừ. Không xong rồi em ạ. Có lẽ anh nên trốn thôi!

An mếu máo khóc:

- Nguy đến thế sao anh? Có thật không? Kể cho em nghe đi.

Lợi sửa lại thế ngồi, cầm hai tay vợ để lấy thêm hơi ấm can đảm:

- Ông ấy đã xin được lệnh của Vương thượng để bộ Công trình hết sổ sách.

An cố bám vào một chút hy vọng:

- Nhưng hôm trước chính anh bảo là nếu xét đến gốc ngọn, thì chúng nó cũng bị tội mà! Chẳng lẽ Hoàng hậu để mặc cho cha con Đắc Tuyên mang gông!

- Làm sao lão Tuyên mang gông được. Có dính chăng là thằng Đắc Trụ con lão.

- Vâng, Đắc Trụ cũng vậy. Anh... (An định nói "anh Huệ" nhưng kịp dừng lại)... Vương thượng muốn cứu Đắc Trụ thì phải cứu luôn anh.

Giọng Lợi tuyệt vọng, trở nên lời rên rỉ:

- Nhưng Đắc Trụ đã đi mất rồi!

An hoảng hốt hỏi:

- Trốn đi đâu?

Lợi đau khổ đáp:

- Chúng nó lấy cớ vùng Duy Xuyên chưa yên, nên cho Đắc Trụ vào đó. Lão Tuyên chỉ nói với bộ Hình một tiếng là mọi việc xong xuôi. Chỉ còn một mình anh ở đây gánh hết tai vạ.

An uất ức lớn tiếng:

- Chúng nó xảo quyết như thế mà Trời để yên hay sao! Quan Thị lang đâu phải người mù. Cả... cả anh Huệ nữa, chẳng lẽ anh ấy không biết hành tung của cha con lão Tuyên. Nếu thật sự anh ấy chưa biết thì em phải cho anh ấy biết. Em liều vào cung nói hết, nói hết. Không thể như thế được!

Lợi thấy vợ dợm đứng dậy, vội níu tay An lại, cố can ngăn:

- Em đừng nóng. Anh chỉ mới nghe như thế, sự việc chưa chắc đã hoàn toàn tuyệt vọng. Em nóng quá, đôi khi anh càng bị vạ.

An nhìn vẻ sợ hãi của chồng, trong lòng cảm thấy khinh khi Lợi. An cười nhạt hỏi:

- Vậy anh muốn em làm gì?

Lợi buồn rầu suy nghĩ, rồi đáp:

- Hay là anh đi trốn.

An tức giận nói:

- Dù có trốn cũng phải làm cho sáng tỏ, để em và các con còn dám nhìn thiên hạ chứ.

Lợi nói nhỏ:

- Làm cho sáng tỏ? Em nói gì thế?

Bấy giờ An mới thấy mình vô lý. Chị cảm thấy hổ thẹn, tủi nhục. An bật khóc. Lợi không biết nói gì, cũng không biết làm gì, ngồi trân nhìn vợ gục đầu vào đầu gối, đôi vai run theo từng tiếng nấc. An vừa khóc vừa nói:

- Bấy lâu nay em cứ lo sẽ đến ngày như hôm nay. Bao nhiêu lần em can anh, anh cứ bảo không hề gì. Của phi nghĩa, em biết! Đã đành anh lo lắng cho vợ con, nhưng ăn bát vàng mà lòng dạ thế này thì thà ăn cơm hẩm bằng chén đất.

Lợi bực dọc, nói:

- Khóc có ích gì!

An không đáp, tiếp tục gục đầu vào gối thút thít. Lợi e dè hỏi:

- Hồi sáng Lãng nó có ghé đây không?

An vẫn gục đầu, đáp qua tiếng nấc:

- Không.

- Em rán tìm cho được Lãng. Còn nước còn tát. Có lẽ không ai muốn cho vụ này lở rộng ra đâu.

An hơi nghiêng mặt liếc nhìn chồng. Thấy vẻ mặt Lợi khổ sở, đôi mắt Lợi van lơn, An đâm thương hại. Đưa tay áo gạt bớt nước mắt trên má, An nói:

- Để em đi tìm nó ngay. Anh đừng đi đâu cả. ở nhà chờ em về. Cũng đừng nghĩ quẩn làm điều dại dột. Rán chờ em.

* * *

Từ lúc vụ gạo Đồng Nai vỡ ra, thành cái bung xung cho cuộc tranh chấp giữa các phe phái ở thành Phú Xuân, Trần Văn Kỷ tìm cách xa dần Lãng. Nại có quá bận việc quan, Kỷ nói thẳng với Lãng là ông không có thì giờ dạy thêm thơ phú sử truyện cho anh nữa. Vài lần Lãng tìm có đến nhà quan Trung thư "vì chính việc quan", ông đồ Kỷ bảo gia nhân ra tạ khách, nói dối hoặc quan đang ngủ, hoặc quan vừa đi vắng.

Lãng đau khổ, ray rứt, cố nghĩ xem mình có làm điều gì phật lòng quan Trung thư hay không.

Anh chỉ nhớ được những điều lật vạt như một lần tan châu Lãng vô ý đi trước Trần Văn Kỷ không tránh đường nhường lối cho vị lão thần, một lần anh nghĩ vợ vẫn không đáp ngay câu hỏi của quan Trung thư, một lần khác anh đem trả cuốn Tổng thi cho ông đồ trước buổi châu

hầu làm cho bọn võ quan ít học khó chịu. Lãng không tin những chuyện vụn vặt ấy khiến cho Trần Văn Kỷ lạnh nhạt với mình. Anh băn khoăn, đào bới trí nhớ để tìm các lý do khác, đôi khi cố ý tô đậm những sự việc vụn vặt nhạt nhẽo để cố tin đó là duyên do. Công việc giả tạo ấy không thuyết phục được chính Lãng. Đến một lúc, Lãng nghĩ, rồi không dám nghĩ vì nó ghê gớm quá, rồi lại quyết đoán rằng chính vì cô con gái quan Trung thư "trở lòng", nên bắt buộc Trần Văn Kỷ cũng phải "trở mặt" để Lãng khỏi hy vọng hão. Lãng lẩm bẩm:

- Vô lý. Ta có làm gì cho nàng khó chịu đâu. Ta chưa hề được nói thẳng với nàng câu nào. Cũng chưa hề được nhìn thẳng vào mắt nàng để ngắm nàng e lệ bối rối, đôi má đỏ au vì thẹn thùng. Hay là có kẻ xấu miệng nói ra nói vào? Phải, chúng nó, bọn tranh hôi, chúng nó phao truyền rằng nàng đã từng bị chồng chê không thêm cưới, thì về phía ta, nhất định chúng nó cũng đã đặt điều để khiến nàng hiểu lầm ta. Nhưng chúng nó là ai? Thì còn ai nữa? Bọn trai tráng của cả thành Phú xuân này đứa nào không mê nàng, và ghen tị với ta. Chính miệng lưỡi dơ dáy của chúng nó đã đặt điều chia rẽ ta với nàng. Không còn nghi ngờ gì nữa!

Lãng hơi yên lòng vì tin rằng đấy là duyên cớ chính. Anh như người lòa, không nhìn thấy gì khác ngoài tình yêu của mình. Anh không thấy được những sự thực đơn giản ai cũng thấy là: ở vào địa vị của Trần Văn Kỷ, quan Trung thư rất sợ bị xuyên tạc là cố ý bao che cho gia đình Lãng trong vụ gao Đồng Nai.

Làm gì Trần Văn Kỷ không biết lý luận thâm độc mà phe Bùi Đắc Tuyên âm thầm loan truyền từ lâu để tìm cách bảo vệ quyền lợi và địa vị của phe nhóm mình. Ban đầu là những lời than vãn lơ lửng chen vào giữa cuộc rượu về thể thái nhân tình như "vắt chanh bỏ vỏ", "tham đó bỏ dăng". Về sau mức độ các lời bông đùa chua chát có tăng lên, thành lời trách móc, lo âu cho an nguy của xã tắc. Nếu Bề Trên cứ mê văn tự, thi phú, kinh sử, để cho gươm giáo rỉ mục, thì thế nào xã tắc cũng lâm nguy. Rồi đến các giai thoại kể rằng sau hai lần ra bắc, nhất là do những lời nỉ non bên gối của một nàng công chúa Đàng Ngoài, Bề Trên bắt đầu "mê hát chèo". Bọn đào kép Bắc hà (lấy ranh giới là đèo Hải Vân) vây quần chung quanh Vương thượng ngày càng đông đảo, giọng hát Thuận Hóa phụ họa với giọng hát Thăng Long, ở ngoài triều hát vào, ở trong cung hát ra, khiến cho Bề Trên mê mết điên đảo. Bằng chứng hùng hồn của bấy nhiêu xếp đặt điên đảo ấy, là Vương thượng đã giao vụ án gao Đồng Nai cho một "tên kép Bắc hà", để hấn bôi xấu "anh em chân đất từng theo Vương thượng từ thời củ khoai lùi bẻ làm đôi". Nếu không có sự xếp đặt từ Thăng Long thì tại sao bổ hấn làm Hình bộ tả thị lang? Nếu không có một thể lực tối cao che chở thì làm gì một hàng thần dám mạnh dạn đòi xét sổ sách của bộ Công, hạch sách đủ điều? Một bà công chúa giỏi làm thơ, một quan Thị lang cũng giỏi thơ, một trung thư lệnh mê thơ phú, làm gì có sự trùng hợp hi hữu như vậy, nếu không phải do sự sắp xếp công phu lấy văn thơ làm chiêu bài che giấu âm mưu tiềm quyền?

Nguyễn Huệ cũng biết lối xuyên tạc đó, nên Vương nhất quyết muốn điều tra tận gốc vụ gao Đồng Nai. Cách lập hấn tiểu ban tra xét và công khai hóa các cung từ của Phan Huy Ích rất hợp ý của Nguyễn Huệ. Công việc tiến triển đều đặn, đến lúc Bùi Đắc Tuyên gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên thì Vương phải xét lại vấn đề. Đã đến lúc mổ cái ung nhọt này chưa? Tin tức Gia Định mỗi lúc mỗi thêm bi đát. Thành Gia Định bị vây chặt. ở Đồng Nai, quân của thái bảo Phạm Văn Sâm bị Nguyễn Văn Nghĩa phá tan. ở lũy Ngũ Kiêu, đốc chiến Lê Văn Minh bị Nguyễn Phúc Hội vây chặt rồi lại phải thua trận hỏa công do thủy binh Nguyễn Ánh từ Ba Giồng tiến lên. Trận bao vây thành Gia Định bắt đầu. Nguyễn Ánh đóng binh ở rạch Thị Nghè trong khi Phạm Văn Sâm dàn binh từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung. Ánh sai Võ Tánh đi vòng phía nam đồng

Tập trận thẳng tới bến Nghé để chặn đường lui quân của Sâm. Hai bên giáp công, Phạm Văn Sâm không địch nổi phải bỏ chạy. Quân Nguyễn Ánh vào thành ngày đình dậu tháng 8 Mậu thân (7-9-1788). (1) Phía Bắc, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đã dẹp được các đám cần vương, nhưng Chiêu Thống vẫn còn lẩn lút đâu đó chưa bắt được, đám quan lại và tôn thất nhà Lê đã trốn được sang Tàu, chưa biết họ đang mưu tính chuyện gì, và phản ứng của nhà Thanh thế nào. Nói chung tình thế đang bấp bênh, sự im lặng ở Bắc hà chẳng khác nào không khí căng thẳng trước một cơn bão lớn sắp tới.

Đã đến lúc thích hợp để mổ xẻ cuộc tranh chấp nội bộ nhỏ nhen ở đây chưa? Nguyễn Huệ chọn nhanh được một quyết định. Khi biết quan thái sư đã gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên, Nguyễn Huệ ra lệnh cho Phan Huy Ích ngưng cuộc xét án lại.

* * *

Lãng mù mờ không hay biết nhiều về những điều phức tạp, nguy hiểm đang xảy ra quanh mình. Anh không biết nhiều, rất nhiều người theo dõi thái độ của anh, ghi nhận từng cử chỉ, lời nói, ánh vui buồn trong mắt anh để suy đoán nây nọ. Thấy anh ray rứt, thắc thỏm, ngơ ngẩn, đứng ngồi không yên, họ suy đoán rằng "phe hát chèo" đang lâm nguy. Mỗi lần Lãng tất tả lấy ngựa ra khỏi thành họ đều cho người đuổi theo để dò cho đích xác Lãng đi đâu. Họ kinh ngạc thấy Lãng không về nhà chị, cũng không đến tư dinh Trần Văn Kỷ. Lãng không đi đến đâu cả. Anh lang thang trên những bờ sông, thả dây cương cho ngựa khỏe mặc sức thông dong đi đâu thì đi. Có khi Lãng phi ngựa lên các ngọn đồi, đứng trên đỉnh nhìn mông lung xuống các cánh đồng, các dòng sông, lòng hoang mang vô định. Những kẻ theo dõi anh cũng hoang mang không kém!

Một lần họ thấy anh giữ cương cho ngựa dừng lại ở ngã ba đường. Con ngựa dậm vó bực dọc còn Lãng thì ngẩn ngừ. Anh rẽ về phía tư dinh Trần Văn Kỷ. Bọn do thám mừng thầm. Có thể chứ! Có lẽ những lần trước hẳn biết chúng ta theo dõi nên đi lang thang để đánh lạc hướng. Nhưng Lãng đi được một đoạn lại dừng, rồi đi tiếp, rồi lại dừng. Lãng cột ngựa vào một gốc tre, lom khom chui qua nhiều lớp gai dại để đến một mô đất cao nhìn vào khu vườn nhà quan Trung thư. Thấp thoáng bên kia rào có bóng ai áo trắng. Bấy nhiêu đủ rồi. Lãng trở ra đường, mỉm cười chào những người lạ mặt vì thấy họ có vẻ tử tế, đáng yêu quá chừng. Lãng níu một nhánh tre định rút đọt lá non để nhai khúc mềm nòn nà cho vui miệng, nhưng đến nửa chừng, bỗng thấy thương cho lá. Bọn người lạ vội vã trở về hướng chợ, Lãng cho ngựa bước chậm theo họ. Thân ngựa nhấp nhô đều đặn nhẹ nhàng ru ngủ tâm hồn anh. Lãng lim dim mắt, mỉm cười. Lúc ngựa phóng qua một chỗ lộ hẹp, suýt chút nữa Lãng ngã xuống đường. Rồi đột nhiên anh thấy nổi vui mong manh, vô nghĩa. Chẳng lẽ mãi mãi thế này sao? Nhìn trộm được một bóng áo trắng. Trời hỡi! Ba mươi tư tuổi đầu mà vẫn bông lông, phù phiếm như một đứa trẻ ham chơi! Lòng ta có gì thất thường chẳng? "Tam thập nhi lập" ta đã lập được gì? Lãng cảm thấy khổ sở y như lúc lấy ngựa ra đi!

Một lần khác, Lãng lấy bạo đón đường để gặp cho được cô con gái Trần Văn Kỷ lúc cô cùng đi chợ với hai đứa hầu gái.

Hôm ấy Cúc mặc một cái áo dài lụa màu hồng, chân đi guốc sơn, đầu đội chiếc nón mới còn mướt màu dầu. Lần đầu tiên Lãng được ngắm Cúc trọn vẹn, thỏa thuê. Anh núp sau một chái lều, nhìn Cúc đang xì xầm bàn luận gì đó với hai đứa hầu gái, dưới một mái lều khác. Hai đứa hầu gái có lẽ tính rất lí lắc và được cô chủ xem như người quyến thuộc, vì Lãng thấy cách ăn nói của họ tự nhiên, linh hoạt, lâu lâu cười thật lớn. Còn Cúc thì không chịu rời chiếc nón lá dù

đứng dưới mái lều. Ba người nói với nhau một lúc, hai đứa hầu gái quàng vai nhau đi qua lều khác. Cúc ở lại giữ hai giỏ mây đã đầy rau quả và thức ăn. Lãng ước mong Cúc quay mặt về hướng mình, nhưng anh thất vọng. Cúc không chịu bỏ nón. Người bán trầu thuốc thấy anh cứ đứng chùng chình mãi bên hàng mình, đuối khéo Lãng bằng cách tươi cười mời chàng mua trầu. Lãng đỏ mặt, lí nhí đáp:

- Cảm ơn cụ. Tôi... tôi...

Bà cụ càng lẩn tới:

- Thầy không mua cho già thì làm ơn tránh chỗ cho người khác mua.

Lãng đành phải rời chỗ núp. Anh sợ Cúc ngừng lên trông thấy anh, nên đi thật nhanh đến chỗ đang có nhiều người chen chúc. Bước vài bước, anh lại nghĩ: "Tại sao ta không dám đến nói chuyện với Cúc thử một lần? Ta sợ gì?" Chỗ đám đông đột nhiên ồn ào vì có đám cãi lộn. Những người đứng gần giạt ra vì sợ liên lụy nếu có đánh nhau, trong khi những kẻ tò mò ở xa lại bu đến. Lãng lúng túng chưa biết xử trí ra sao. Đúng lúc đó, Cúc nhìn về phía anh. Không còn lối nào khác, Lãng phải đi về phía Cúc.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi được nhìn vào mắt Cúc, Lãng đọc thấy ở đó sự cuống quýt mừng rỡ, tiếp theo là vẻ hốt hải như mắt đứa trẻ chập chững đột ngột bị mẹ rời tay dịu dặt phải lo liệu lấy một mình. Lãng không hiểu vì sao Cúc thay đổi tình cảm lạ lùng như vậy. Anh cũng ghi nhận được làn da trắng, đôi má ửng, và chiếc nón quai nhung tím nâng lấy một cái cằm nhỏ. Chỉ được bấy nhiêu! Vì Lãng đến gần thì Cúc đã cúi đầu xuống, vành nón che hẳn khuôn mặt.

Lãng hồi hộp, hỏi:

- Cô Cúc đi chợ?

Đằng sau vành nón, có tiếng "dạ" nhỏ ngọt ngào. Lãng lúng túng không biết hỏi gì thêm. Trước mắt anh, Cúc đang dùng đầu guốc di di một cái vỏ bắp trên nền chợ. Lãng lại hỏi:

- Cúc thường đi chợ không?

Cúc vẫn giấu mặt sau vành nón đáp:

- Dạ ít lắm.

- Chắc chỉ đi chợ phiên thôi?

- Không phải thế ạ.

- Mọi lần đến nhà tôi vẫn thấy cô đi chợ đều đều.

- Dạ vì độ trước...

- Độ này tôi bận quá. Với lại... Muốn đến học thêm ở quan Trung thư lăm, nhưng...

Có lẽ Cúc chờ Lãng nói "nhưng" thế nào, vì chiếc nón thôi lay động. Lãng tưởng tượng phía sau chiếc nón đó có một nụ cười lém lỉnh, một đôi mắt chớp ngóng đợi. Anh bạo dạn hỏi:

- Nhưng... tôi đến Cúc lại phải lo trà lo thuốc, phiền lắm.

Tiếng Cúc đáp nhỏ:

- Không có đâu ạ.

Lãng không tìm được gì để hỏi thêm nữa. Anh nhìn hai chiếc giỏ, hỏi Cúc:

- Cô đã mua đủ thức ăn chưa?

- Gần đủ rồi ạ.

Lãng hơi bực vì Cúc chỉ trả lời cằn chừn, hỏi lại:

- Sao cô chẳng nói gì cả?

Có lẽ Cúc ngạc nhiên vì cái giọng hơi xẵng của Lãng, nên một lúc sau, Cúc mới hỏi nhỏ:

- Dạ?

Lăng mím môi, cổ găng hỏi một câu cho xứng đáng. Anh tìm lời một lúc lâu khiến Cúc định ngừng lên. Vành nón hơi nghiêng, Lăng thấy được cả quai nón và cái mũi dọc dừa thanh nhã. Nhưng Cúc đã cúi xuống đúng lúc Lăng tìm được ý để hỏi:

- Đừng nói chuyện thế này, Cúc có phiền không?

Giọng Cúc hấp tấp như lo sợ:

- Không đâu ạ.

Lúc đó hai đứa hầu gái đã trở lại. Một đứa nhận ra được Lăng lễ phép chấp tay chào, ánh nhìn dò hỏi, ngạc nhiên. Lăng áy náy, nói trước:

- Tôi có việc quan vừa qua đây. Thôi, tôi phải đi đây. Chào cô Cúc nhé.

Cúc vội ngừng lên, lí nhí:

- Dạ. Hôm nào...

Lăng lại được dịp nhìn thấy đôi mắt cầu khẩn, hoảng hốt và đôi má hồng ửng. Hai đứa hầu gái xách hai giỏ thức ăn đi trước. Cúc gật đầu chào Lăng rồi bước nhanh theo. Bấy giờ Lăng mới để ý thấy chân Cúc có quần xà cạp trắng, giống như những phụ nữ Tàu bó chân theo tục lệ nhà quyền quý.

* * *

Vào những lúc hốt hoảng tuyệt vọng nhất, An không tìm được Lăng. Đến khi có tin vui (Chính Bình vương lại cho ngưng cuộc điều tra), Lăng lại ghé thăm nhà. An không dẫn được giận dữ, hỏi em:

- Mấy hôm nay Lăng chui rúc ở xó nào vậy? Sợ liên lụy đến mình nên không dám bước chân đến đây phải không?

Lăng ngờ ngác không hiểu chị nói gì:

- Sợ liên lụy? Ai liên lụy ai? Chị nói gì em không hiểu.

An tưởng Lăng giả vờ, càng tức giận hơn:

- Chị em quý hóa chỉ vào những lúc hoạn nạn. Có thất thế mới biết lòng người. Em sợ chúng nó dọa, nên không dám đến đây, có đúng thế không?

Lăng thành thực hỏi:

- Chúng nó là ai mà em sợ?

An bắt đầu ngờ có điều hiểu lầm giữa hai chị em. An hỏi, giọng dịu dàng hơn:

- Thế mấy hôm nay em có vào triều không?

- Có chứ ạ.

- Nhưng em được giao làm những gì?

- Chẳng làm gì cả. Em vào, không thấy ai hỏi han gì tới nên lại về.

- Về đâu? Sao không về đây?

Lăng đỏ mặt:

- Em đi quanh quất.

An hấp tấp hỏi:

- Họ không nói gì với em cả à?

- Họ là ai?

- Cánh Bùi Đắc Tuyên. Kể cả quan Trung thư nữa.

- Không. Thấy rộn ràng ra vào, chắc là có nhiều việc quan trọng. Hình như tin Gia Định xấu lắm.

Và hình như các quan không muốn nhiều người biết chuyện cơ mật, nên em biết ý, lánh đi.

An thở ra, như trút được gánh nặng:

- Thảo nào. Nhà vừa trải qua một cơn phong ba chết người, em biết không?

Lãng giật mình hỏi:

- Thật à? Chuyện gì vậy?

An lắc đầu chán nản, lòng còn sợ hãi:

- Vẫn chuyện ấy. Dây dưa không biết lúc nào mới được yên.

- Chuyện gạo ấy à?

- Vâng.

- Chúng nó còn bịa thêm điều gì nữa?

- Không. Chúng nó không bịa. Chỉ có điều đáng sợ là càng ngày sự thực càng rõ hơn.

- Chị nói gì em không hiểu.

An kể lại diễn tiến vụ xét án. Lãng bần thần cả người, nói như người đang mơ:

- Thảo nào ông ấy tránh không muốn cho em gần gũi thân mật như trước. Mọi người đều không muốn nói chuyện với em. Em cứ tưởng vì việc Gia Định. Ai ngờ...

An căn dặn:

- Nhưng như em thấy đó, việc chưa êm đâu. Em phải chú ý mới được. Khổ. Nếu biết chồng con thế này thì...

An bắt đầu thút thít. Một lúc sau, An bảo em:

- Chị chẳng hiểu được đàn ông. Tại sao cuộc sống gia đình đơn giản như vậy, vợ chồng thương yêu nhau, con cái ngoan ngoãn, đủ ăn đủ mặc, họ còn đòi cái gì nữa. Kể cả em cũng vậy. Không bao giờ trong bữa cơm gia đình, các ông chịu chú ý xem con cá con tôm vợ con kho thế nào, bát cơm có được thơm dẻo là nhờ ai. Hình hài thì tạm ở bên vợ con, mà trí óc thì chực dịp bay nhảy đến những chỗ độc địa, hiểm nghèo. Họ mê cái gì kia chứ? Chém giết nhau vì một chức vị, lừa lọc nhau do quyền hành. Nắm quyền thì được cái thú gì? Chỉ được người khác sợ. Thật nực cười. Được kẻ khác khiếp sợ là một cái thú hay sao? Chịu, chị không hiểu nổi bọn đàn ông.

Lãng không còn lòng dạ nào để tranh luận với chị như mọi lần, chỉ nói xuôi:

- Vâng. Kể ra cũng vô lý lắm.

An được khuyến khích, hăng hái tiếp:

- Cả em cũng thế. Chị có cảm tưởng cả đời, em chạy theo đuổi bắt một cái gì đó, cái gì phù phiếm vô cùng. Tại sao em không chịu lập gia đình? Em chờ cái gì? Lãng nghĩ lại xem, cả gia đình ta không ai được cái may mắn trọn vẹn, hạnh phúc. Anh Kiên nghe nói đã được tha, bây giờ làm thầy pháp, cái nghề trước đây chúng ta mỉa mai cười chê biết bao nhiêu. Anh Chinh chỉ còn nắm xương trắng, và khoảng thời gian ngắn anh ấy sống cũng không để lại được gì vẻ vang. Chị thì thế này, em thấy hết cuộc đời chị rồi, khỏi cần nói thêm nữa. Chỉ còn hy vọng ở em. Người nối dõi tông đường là con trai em. Người còn chút hy vọng tiến thân là em. Em để cho chị nói hết đã. Đừng khiêm nhường. Chị thấy trước thế nào anh Huệ cũng làm nên nghiệp lớn. Và chị hy vọng do tình thân thiết, em sẽ được cất nhắc. Cha có ngậm cười nơi chín tuổi là nhờ em, chỉ còn em thôi. Lãng đừng quên điều đó.

Lãng cảm thấy phấn khởi vì thỏa mãn tự ái, trong lòng rộn rã. Anh quên cả dè dặt, khoe với An:

- Thì em vẫn có ý định lập gia đình đấy chứ. Hôm qua em có gặp cô Cúc.

An ngơ ngác hỏi:

- Cúc nào?

Lãng thấy mình vội vàng, bất cẩn, nhưng không còn lối lùi, đỏ mặt đáp:

- Con gái quan Trung thư Trần Văn Kỷ đó.

An hốt hoảng bảo:

- Chị đã bảo em lần trước, sao em còn...
- Chị có bảo gì đâu?
- Nhưng thiên hạ rì rầm khắp thành, em không nghe thấy sao?
- Chị muốn nói chuyện nhà trai hoãn lễ chứ gì?
- Vâng.

Lãng cười, thách đố cả thiên hạ:

- Nói xấu con gái nhà quan bằng chuyện lẩm cẩm đó... thật là... thật là...
- Nhưng vì sao có chuyện rắc rối, em biết chưa?
- Thì chuyện ganh tị.

An nhìn thẳng vào mắt em, không tin Lãng thành thực. Cuối cùng, chị nhất quyết nói, dù biết trước Lãng sẽ khổ sở:

- Thôi. Em chưa biết thì chị cho em biết. Cô Cúc bị ngờ có bệnh phong đấy. Hai má cô ấy đỏ au khác thường, vài người quen thân còn bảo vành tai cô ấy cũng đỏ và dày...

Lãng ngồi yên chờ chị nói hết. Anh chết lặng vì đột nhiên mọi sự trở nên rõ ràng, không thể nghi ngờ gì được. Đúng như thiên hạ đồn, Cúc có dấu hiệu của bệnh phong. Anh nhớ lại thái độ khác thường của Cúc hôm gặp anh ngoài chợ, nhớ đến ánh mắt đổi từ vui mừng sang hốt hoảng chói với. Nhớ cách nghiêng nón giấu mặt, nhớ đôi chân quần xà cạp...

An thấy em ngồi sững, tìm cách an ủi:

- Thôi, số phần cô ấy hẩm hiu thì còn biết làm gì nữa. Đầu tiên chị cũng tưởng thiên hạ ganh tị nên đặt điều. Về sau, chị mới biết tất cả sự thực. Em thương người ta, đôi khi càng khiến người ta tủi thân. Lãng nên nghĩ lại.

Lãng ngồi lặng lẽ thật lâu, mắt nhìn lên trần nhà như sợ phải nhìn thấy sự thực ngang tầm cuộc đời. An lẳng lặng đi pha nước trà. Lúc trở lên, chị vẫn thấy Lãng giữ nguyên cách ngồi ấy. An nhắc:

- Em uống nước!

* * *

Lãng xấu hổ vì sự khác thường của mình.

Anh không hiểu người khác nghĩ về mình như thế nào, chứ riêng anh, anh không tìm được cái lý nào đủ vững để biện giải cho sự thờ ơ trước vận hội mới.

Làm sao quanh anh mọi người đang lảng xảng, cuống quýt, đang dăm chiêu lo lắng, đang hăng hái rộn ràng, đang quần quai đau đớn mà Lãng không hay biết gì? Giá anh xa lánh chỗ ồn ào bụi bặm, sống riêng biệt nơi một chùa vắng chỗ hang núi thì còn hiểu được. Đằng này anh vẫn chạm mặt họ hàng ngày. Nói cười với họ. Chịu đựng các va chạm với họ. Phải nghe tiếng lao xao của một cuộc sống lúc nào cũng hối hả, hoặc ngửi mùi mồ hôi của đồng loại. Tự nhiên trước mắt anh mỗi người không còn giữ được những nét riêng biệt, sắc sảo đủ để phân định rõ ràng người này với người khác. Họ nhòa đi, nhập thành cái gì trừu tượng, trở nên một ý niệm chung chung. Đối với Lãng chỉ có một điều cụ thể mà huyền diệu như một giấc mơ có thực: đó là tình yêu của anh. Phần còn lại nhòa đi như một ảo ảnh. Tình yêu ấy đã trải qua cơn thử thách tàn nhẫn, nghiệt ngã. Lúc An báo cho Lãng biết căn bệnh nan y của Cúc, Lãng chết lặng cả người vì điều bất ngờ. Nhưng buổi tối hôm ấy nằm một mình suy gẫm về mình, Lãng vẫn thấy lòng mình không đổi. Hơn thế nữa, hình như màu sắc của mối tình ấy đậm lại do cách trở không thể vượt nổi, và lạ lùng thay, cảnh huống éo le ấy khiến Lãng ngây ngất như uống rượu say. Anh đã

nắm qua cảm giác say đại ấy một lần, lúc gặp Thọ Hương ở nhà chị. Lần này Lãng tìm lại đầy đủ niềm khoái lạc trước kia. Anh tự hỏi: Thế là thế nào? Ta thực sự yêu người, hay chỉ yêu một hình bóng? Ta mơ ước đoàn tụ, hay ta yếu đuối đến nỗi sợ chạm trán với thực tế, quay sang thờ phượng cách trở? Ta có bình thường như mọi người hay không?

Sau hôm gặp chị, Lãng tránh né không dám trở lại nhà An. Anh vẫn lén lút nhìn trộm bóng Cúc bên kia vườn. Hình như chuyện đó bị khám phá nên về sau, Cúc chỉ ở trong nhà. Anh phải tháp tùng viên Thị lang bộ Lễ ra Nghệ An biếu quà cho La Sơn phu tử mất nửa tháng. Trở về Phú Xuân, anh được tin bệnh của Cúc phát nặng. Vết lở ở chân loang ra làm co rút mấy ngón, da mặt sưng sần, mí mắt bắt đầu húp. Trần Văn Kỷ khổ sở, và mỗi lần gặp Lãng, quan Trung thư nhìn anh vừa xót xa vừa ái ngại. Nhưng tuyệt nhiên họ không nói xa nói gần gì đến chuyện Cúc. Lãng nhận thấy cách đối xử của Trần Văn Kỷ đối với mình đối khác, gần như thân ái bao dung như cha đối với đứa con bất hạnh. Quan Trung thư trở lại bàn luận với Lãng về văn chương, về đạo học, về tình thế. Đi xa hơn nữa, ông dám thổ lộ với Lãng nhận xét của ông về các quan trong triều. Lúc đó, Lãng mới ý thức trở lại tất cả sự phức tạp của đời sống, sự bất trắc của đường đời, và gần hơn hết là dấu hiệu báo trước những biến cố vĩ đại sắp xảy đến như cơn bão làm đảo lộn toàn cõi đất nước. Như người vừa đau dậy, Lãng nao nức được sống trọn vẹn, được tham dự, được xông pha giữa cõi bất trắc. Nhớ đến lời An hôm trước, Lãng tự hỏi: "Ta sắp đuổi theo cái gì nữa đây?" Anh không vội tìm câu trả lời, nhưng đã tự tin hơn nhiều. Như một kẻ có khả năng đoán trước thời tiết, anh tin sẽ có cái gì mới mẻ, vĩ đại, đẹp đẽ, trọn vẹn, như một giấc mơ có thật đang thành hình. Đó là tâm trạng của Lãng khi mùa đông Mậu Thân bắt đầu.

(1) Theo tóm tắt chiến sự của Tạ Chí Đại Trường trong Lịch sử nội chiến ở Việt Nam, trang 194.

Chương 88

Khoảng đầu mùa đông năm ấy, theo đề nghị của Trần Văn Kỷ, Phan Huy Ích được trở ra Thăng Long giúp đỡ Ngô Thì Nhậm trong việc bang giao với triều đình phương Bắc.(1)

Trước ngày lên đường, ông đã phải dự liên tiếp các cuộc đãi đằng, thơ và rượu đổ vung vãi trên mâm tiệc. Tất nhiên ở các cuộc thù tiếp giả tạo ấy, dù rượu có ngon, ông vẫn cảm thấy nhạt nhẽo, và thi từ ứng đối thì càng nhạt nhẽo hơn. Về sau nhớ lại cái thời bẽ bàng lơ lảo ấy, Phan Huy Ích chỉ xúc động ngùi ngùi vì ba cuộc tiễn hành: bữa rượu tiễn nghèo nàn lạng lẽ của các ông nghè Bắc Hà cùng vào Phú Xuân với ông, bữa tiệc ở nhà Trần Văn Kỷ, và hôm đến lạy chào Chính Bình vương để phụng mệnh trở ra Bắc.

Bạn bè cùng chung nhà với ông lấy bữa cơm cuối cùng làm tiệc tiễn hành. Sở dĩ được gọi là tiệc, vì ngoài thức ăn đạm bạc thường ngày, có thêm một đĩa gà luộc và một nậm rượu. Năm ông nghè ngồi vào chiếu rượu đã lâu, mà chưa ai nói với ai lời nào. Mãi về sau, người phụ trách luộc gà gấp miếng gan bỏ vào bát Phan Huy Ích vừa cười xởi lởi vừa nói:

- Ông xơi miếng này. Hình như thịt chưa được mềm lắm. Củ bị mưa tạt ướt cả, các bác ạ. Mai ta chịu khó dọn hết vào phía trong đi. Tôi thổi mãi, bụi tro bay mù mà lửa cứ liu riu. Cháy hết một vạt râu đây rồi!

Ông đồ già cười, một mình. Một người bạn khác hỏi:

- Ngày mốt bác đi sớm không?

Phan Huy Ích đáp:

- Vào triều lạy chào Chúa thượng xong, tôi khởi hành ngay.

- Tiếc quá, giá như...

Ông nghè người Bắc Ninh không nói hết câu. Người này liếc nhìn người kia, mỗi người suy nghĩ giả thiết của người nói theo một cách. Ông nghè Bắc Ninh bần thần một lúc, rồi cầm chén rượu lên mời:

- Các bác bắt đầu uống đi chứ.

Ông đưa chén rượu lên môi trước. Chỉ có Phan Huy Ích nhấp rượu cho vui lòng ông. Ông nghè Hải Dương nói:

- Giá có đậu phụ rán và mắt tôm nhỉ!

Ước mong đơn sơ ấy giúp cả mâm tiệc cười vui một lúc. Họ đưa nhau so sánh cách nấu món ăn nhắm rượu của Bắc Hà và Thuận Hóa. Ai cũng đồng ý món nhắm miền trong có nhiều thịt hơn, mỡ đến béo ngậy, nhưng lạ quá, mọi người vẫn không thấy thú bằng nhắm rượu với miếng đậu phụ rán chấm mắt tôm. Rồi có người so sánh mắt tôm Thuận Hóa với mắt tôm Bắc, tranh luận dài dòng để tìm hiểu vì sao người nam gọi mắt tôm là mắt ruốc, và cách gọi nào đúng. Ông nghè Thanh Hoa nói:

- Gọi mắ m ruốc đúng, nhưng không trang nhấ. Dù thể nào chẳng nũa, điều quan trọng là cốt cách văn nhấ, chứ không cần thực vị.

Nhưng dù tìm đề tài nào để nói, nói, nói, trong lòng mỗi người vẫn canh cánh một mối buồn rầu. Họ khổ sở tránh né, cho nên vị rượu có gì đắng đắng. Nhấp một hớp nhỏ, cố nuốt chút rượu vào cổ cho lòng thêm ấm áp nhưng rượu không chịu xuống. Gần cuối tiệc, có người hỏi:
- Bác về Thăng Long chắc bận nhiều việc. Giá về được các trấn thì chúng tôi gửi được vài chữ cho gia đình.

Phan Huy Ích sốt sắng đáp:

- Các bác cứ gửi thư. Tôi không đích thân đem tới được thì nhờ người quen chuyển lại.

Ông nghe Thanh vui mừng hỏi:

- Bác ghé Thanh Hoa chứ?

- Vì tôi theo đoàn lính trạm đem văn thư ra Bắc thành, nên có lẽ không được tùy tiện.

Ông nghe Bắc Ninh nói:

- Bốn chúng tôi đã viết thư sẵn cả rồi. Giá ông gặp được gia đình để kể rõ chuyện ăn ở trong này nhĩ.

Phan Huy Ích hỏi đùa:

- Nếu tôi có dịp tìm đến tận nhà, thì các bác nhắ những gì?

Bốn ông nghe nhìn nhau, ngờ ngẩn chưa tìm ra câu đáp. Gương mặt họ bần thần, ông nghe Bắc Ninh nói:

- Phần tôi, tôi chỉ nhắ thằng trưởng nam nên cố mà chăm sóc việc giỗ kỵ. Chúng tôi gửi thân nơi xa xôi này, biết lúc nào...

Ông nghe già ghen lời. Mọi người im lặng. Chỉ có ngọn đèn dầu cháy lèo xèo, lâu lâu quẩn quại ngã nghiêng vì gió lọt vào phen trúc thưa.

* * *

Trần Văn Kỷ mời rượu Phan Huy Ích vào chiều hôm sau. Trong nhà khách rộng rãi, sang trọng, bàn kỷ toàn bằng gỗ gụ khảm xa cừ, câu đối, liễn trướng thêu bằng kim tuyến trên nhung quý, chỉ có hai người là chủ và khách. Phan Huy Ích không đến nổi ngỡ ngàng giữa cảnh quyền quý, nhưng khung cảnh ấy đã khiến hai người loanh quanh mãi trong chuyện khách sáo, dãi bôi.

Trần Văn Kỷ nói nhiều đến sự thất bại của các đám cần vương Bắc Hà, chê trách các sĩ phu không thức thời, khen ngợi thái độ quả cảm và sáng suốt của Ngô Thì Nhậm. Quan Trung thư nói say sưa, đến nỗi không thấy được phản ứng của người đối diện, khi thì áy náy, khi thì dọ dẫm hoài nghi. Họ chỉ thực sự "đối thoại" với nhau khi câu chuyện xoay qua văn chương. Trần Văn Kỷ gửi trả hai tập văn, thi tuyển cho Phan Huy Ích, hãnh diện nói:

- Tôi đã sai thư ký chép hết hai tập này lên giấy hoa tiên. Hiện chỉ chép vội được một tập lưu. Thế nào tôi cũng cho sao làm nhiều bản, để gửi biểu ông và ông Hi Doãn mỗi người một tập. À, tôi có cho chép riêng bài thơ Văn Khiển Cảm Tác để tặng ông đây (2)

Trần Văn Kỷ đến chỗ án thư lục tìm một lúc, đoạn đem đến cho Phan Huy Ích tờ giấy hoa tiên màu vàng nhạt có chép bài thơ cảm tác của ông. Nét chữ chép thơ chân phương mà uyển chuyển, cách bố trí hài hòa. Phan Huy Ích run tay vì xúc động khi nhận bản sao bài thơ của mình, không tìm được lời nào để cảm ơn quan Trung thư. Ông bối rối vì những điều phức tạp đang hiện ra trong trí ông: ông có niềm hãnh diện của người sáng tạo đã tìm được kẻ hiểu mình, lại có nỗi xấu hổ của một kẻ trần trường không nơi ẩn núp. Ông vừa hân hoan vừa chới với, hay nói cho đúng hơn, Phan Huy Ích chới với giữa một nỗi hoan lạc đắng cay.

Giọng Trần Văn Kỷ trách móc nhẹ nhàng:

- Ông kín nhiệm quá lắm! Không bao giờ đem những bài cảm tác liên quan đến thời thế ra bàn luận. Nếu tôi không chịu đọc cả toàn tập...

Phan Huy Ích bối rối đáp:

- Văn chương làm trong lúc xa quê, không hưng phấn được ai, thì làm sao dám khoe.

Trần Văn Kỷ liền nói:

- Nhưng nó quý ở chỗ thực (3). Đầu mùa thu vừa qua nghe ông cáo bệnh lưu lại doanh Cầu ít lâu, tôi đã nghĩ đến căn bệnh của ông. Đó là căn bệnh chung của Bắc Hà. Căn bệnh của buổi chuyển, buổi nổi nên đầy cả khúc mắc, mâu thuẫn. Hãy đọc lại hai câu đề của ông:

Hối bất ly trần tảo bính cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư?

Thật đúng quá! Câu phá khiến cho bước chân phía trái của ông chùn lại. Nhưng câu thừa lại thúc chân phải dậm bước. Một chân chùn, một chân dậm bước, nên ông bất đắc dĩ phải quanh quẩn ở doanh Cầu. Có điều tôi chưa hiểu, là mấy chữ Phú nghĩa và Trung hòa trong hai câu thực.

Phan Huy Ích hơi do dự trước khi đáp:

- Lúc đợi mệnh ở doanh Cầu, tôi thường đến đền Thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu được như nguyện. Đến khi nhận thánh chỉ, tôi vội rời bến Trung hòa trên sông Gianh để vào nam.

Lúc qua đò, tự nhiên lòng bồi hồi xúc động...

Trần Văn Kỷ vội nói:

- Đó cũng là lòng chân thực. Tôi hiểu ông. Nhà nho cũng có lúc yếu lòng phải đến thắp hương ở đền Thánh tiên, tôi cũng đã trải qua kinh nghiệm ấy. Chẳng qua chỉ vì trong lòng ông còn có sông Gianh. Khi người chèo đò nhổ sào ở bến bắc và giơ mái chèo khua nước, cả lòng ông là bão tố, như lòng một quả phụ phải tục huyền vậy. Ông không có cảm giác ấy lúc vượt sông Phú Lương (4) hay qua sông Lam. Có đúng thế không ạ?

Phan Huy Ích gật đầu, nụ cười ngượng ngịu. Trần Văn Kỷ hăng hái tiếp:

- Chung qui không có gì ngoài hai chữ "chính thống". Nó đã thành một nếp suy nghĩ quen thuộc của các ông, đến nỗi trở thành hiển nhiên. Nhưng có thật hiển nhiên không? Ông nghĩ lại xem. Lúc Tĩnh vương Trịnh Sâm xua quân vượt Lũy Thầy vào chiếm kinh thành Phú Xuân này, hơn mười năm về trước, có nhà nho Bắc Hà nào rơi lệ lúc qua đò Trung hòa? Tôi chưa có thì giờ đọc hết sách của ông Quế Đường (Lê Quý Đôn) nhưng biết chắc rằng ông không có chút mảy may áy náy khi vào làm hiệp trấn tại kinh đô họ Nguyễn. Vì sao vậy? Vì các ông cho rằng Thuận Hóa là đất cũ của Bắc Hà thuộc Thăng Long tận thời còn mang chữ Ô châu, Lý châu, nay Tĩnh vương có lấy lại là lẽ đương nhiên. Cũng như khi chính ông mang sắc chỉ của Tĩnh vương vào đây phong cho "hoàng đế" làm Quảng Nam trấn thủ, có lẽ ông cũng không thấy điều gì khác thường. Ranh giới Nam Việt với xứ Chàm ở tận dãy Thạch bi cơ mà. Phải chờ đến lúc Vương thượng đem quân đánh Phú Xuân, tiến thẳng ra Thăng Long diệt Trịnh và nhà Lê yếu đuối không giữ được nước, các ông mới chịu nhớ tới cái ranh giới sông Gianh thời xa xưa. Lúc mạnh, các ông đem ranh giới Nam Việt vào tận Thạch Bi hay Hà Tiên. Lúc yếu các ông mới chịu trở lại sông Gianh. Những đổi thay đó, các ông có lưu ý không? Xoay ngược cái hiển nhiên, các ông sẽ thấy lẽ bất thường. Nhưng được mấy người chịu nhìn ngược để thấy sự thực trọn vẹn? Mấy người?

Phan Huy Ích bắt đầu cảm thấy hai thái dương nóng bừng. Lúc ấy Trần Văn Kỷ đang mỉm cười

kiêu ngạo, nhìn thẳng vào mắt ông, thách đố ông trả lời. Phan Huy Ích đáp:

- Thừa, ít lắm. Người ta thường thấy rõ sắc diện kẻ khác, thấy từ trước mặt ra đến sau ót, nhất là lúc người ta có quyền bắt kẻ khác xoay đủ bốn hướng để quan sát cho rõ. Nhưng, cùng lúc đó, người ta không chịu soi gương để nhìn sơ qua khuôn mặt mình.

Trần Văn Kỷ kinh ngạc, đăm đăm nhìn Phan Huy Ích. Ông hy vọng những câu vừa nghe không có thực. Nhưng Phan Huy Ích đã tiếp:

- Ngài có cho phép tôi được nói thẳng những gì tôi suy nghĩ hay không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Có chứ. Sao ông hỏi thế! Tôi vẫn lấy làm tiếc là mấy tháng qua do địa vị của tôi, do bắc nam cách biệt mà tôi với ông chưa bao giờ được thành thực trọn vẹn với nhau. Nhất là ông. Lúc nào ông cũng gật gù chấp thuận, tuy mắt ông buồn rầu đăm chiêu. Hôm nay chỉ có ông với tôi ở đây. Ngày mai ông đi rồi, biết chúng ta có còn duyên gặp nhau trở lại không. Xin ông cứ nói thẳng những điều chân thật. Cũng như khi tôi đọc bài Văn Khiếu Cảm Tác, tôi chỉ đọc bốn câu đầu. Những câu còn lại chỉ là ước vọng, hoặc là sự sợ hãi diễn ra thi ca.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi cũng mong ước những giờ khắc nói sự thật như vậy. Ngài cho phép thì tôi xin hỏi: Ngài trách chúng tôi đứng ở Thăng Long để nghĩ về hai chữ chính thống. Ngài còn trách chúng tôi dựa vào mấy trăm năm để tự lừa dối mình, an tâm sống bằng những ý niệm, nguyên tắc có vẻ hiển nhiên. Bây giờ tôi xin hỏi ngài: Ngài đứng ở đâu để nhìn lễ chính thống? Gia Định? Qui Nhơn? Phú Xuân?

Trần Văn Kỷ đáp ngay:

- Dĩ nhiên là từ Phú Xuân.

Phan Huy Ích hỏi tiếp:

- Họ Nguyễn Gia Miêu cũng đứng từ Phú Xuân như ngài. Họ còn được dựa dẫm vào thời gian hơn hai trăm năm, từ thời Đoan quận công vào làm trấn thủ Thuận Hóa (1558). Nghĩa là nền chính thống của họ đã dày những 200 năm như chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Thời khởi nghiệp, chính Trung ương hoàng đế (Nguyễn Nhạc) cũng phải xưng là "họ ngoại của chúa Nam Hà" cho dễ thu phục lòng người. Liệu ngài có thể cùng đứng ở Phú Xuân để tranh danh vị chính thống với họ Nguyễn chăng?

Trần Văn Kỷ cười nhỏ một tiếng, đáp chậm và chắc:

- Được chứ. Thứ nhất: là vì những con cháu họ Nguyễn, họ Trịnh và cả họ Lê nữa, hiện nay chỉ là những thân cây mục nát vật vờ. Cả Trời lẫn người đều bỏ họ. Điều đó ông đã tận mắt chứng kiến. Thứ nhì: chúng tôi (Trần Văn Kỷ cười e dè, rồi tiếp), chúng ta có một thế dựa vững chắc hơn hết, đó là lòng dân. Chúng ta đem tới cho họ một niềm hy vọng lớn lao, giúp họ thêm sức mạnh để sống: hy vọng mọi người - kể cả những người chân đất, nhất là những người chân đất - đều được no ấm, con cái được vui chơi, người già được an dưỡng. Chưa bao giờ họ Trịnh, họ Nguyễn đem đến cho dân nghèo niềm hy vọng đó.

Phan Huy Ích liền hỏi:

- Có thể thực hiện được điều hy vọng đó không?

Trần Văn Kỷ cười to vì đã đến được điều chính yếu:

- Tôi tin chắc chắn. Còn ông thì, thành thực mà nói, còn ngờ vực lắm. Mấu chốt ở chỗ đó. Ông chưa tin cái mới, mà cũng không tin cái cũ, nên phải cầu nguyện ở đền Phú Nghĩa, nhỏ lệ lúc người chèo đò nhổ sào tại bến Trung hòa, dùng dằng cả bước chân đi. Cầu chúc chuyển này về

Bắc thành gần gũi với ông Hi Doãn, ông được vui vẻ thoải mái hơn. Nào, ông cạn với tôi chén rượu tiễn này!

* * *

Như đã ấn định trước, sáng hôm sau, thượng thư Hồ Công Thuyên dẫn quan thị lang Phan Huy Ích vào lạy từ biệt Chính Bình vương tại điện Triều dương.

Nguyễn Huệ sai Trần Văn Kỷ đến nâng Phan Huy Ích dậy, ân cần mời ngồi ở cái đôn sứ đặt sát tấm bình phong bằng gỗ vàng bóng loáng. Hồ Công Thuyên theo nghi lễ cũng ngồi ở cái đôn sát bên Ích. Nguyễn Huệ hỏi:

- Các ông đã sẵn sàng lên đường chưa?

Hồ Công Thuyên thay Phan Huy Ích đáp:

- Tâu Vương thượng, mọi sự đã xong. Chỉ còn chờ lệnh của Vương thượng.

Nguyễn Huệ hơi nhúu mày khó chịu, cố ý hỏi thẳng quan thị lang:

- Các ông nghe Bắc Hà cùng ở với ông thế nào? Có nóng ruột không?

Phan Huy Ích đáp:

- Tâu Vương thượng, tuy nặng lòng quê hương nhưng người nào cũng mong lập chút công để khỏi phụ ơn tái tạo của Vương thượng.

Nguyễn Huệ cười, nói đùa:

- Các nhà khoa bảng Bắc Hà khéo nói lắm. Các ông lạc lõng, khổ tâm ở đây, ta biết. Không phải lỗi ở các ông cả đâu. Suy cho cùng, phần lỗi chính là ở Phú Xuân. Các ông suy nghĩ, làm việc mà lòng còn thấp thỏm, chưa được trọn tin ở mình. Ngược lại, các quan ở đây cũng còn rụt rè dò chừng, chưa dám giao việc. Đôi bên chưa tin nhau. Phần lỗi thuộc về chủ hơn là khách, vì chủ có thành thực mới mong khách tự nhiên thoải mái, sau đó tận tình đóng góp. Ta mong có ngày khỏi cần phân biệt chủ khách nữa. Ngày ấy gần kề rồi. Tuy vậy, ông về Bắc thành làm việc với Ngô thị lang chắc được việc hơn ở đây. Ngoài đó các ông không thể làm khách được. Các ông phải tự lo liệu lấy mọi việc cùng quan đại tư mã Ngô Văn Sở, vì là quê hương của các ông. Dân chúng ngoài đó là bà con của các ông, là học trò của các ông. Mỗi quyết định của các ông trực tiếp làm cho họ vui hay buồn, cho nên mọi người đều xét nét việc các ông làm. Các ông khỏi phải lạc loài giữa người lạ như ở đây, nhưng chắc chắn là không thoải mái đâu.

Quay về phía quan Trung thư lệnh, Nguyễn Huệ hỏi:

- Các chỉ dụ đã xong xuôi cả chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu Vương thượng, đã xong cả ạ.

Nguyễn Huệ cười, bảo Trần Văn Kỷ:

- Cái nợ văn chương với Phan thị lang, ông đã dứt được chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu Vương thượng, còn nhiều vấn vương lắm.

Cả bốn người trong điện Triều dương cùng bật cười. Không khí bớt nhạt nhẽo vì nghi thức triều đình. Vương lại quay sang phía thượng thư bộ Hình hỏi:

- Còn bộ Hình? Phan tiên sinh còn nợ gì không?

Hồ Công Thuyên không dám đối đáp tự nhiên như Trần Văn Kỷ, chấp tay thưa:

- Tâu Chúa thượng, quan thị lang đã hoàn tất cuộc xét án.

Nguyễn Huệ nói ồm ồm:

- Nhưng nội chuyện ông ấy đòi về Bắc là đầu dây mối nhợ cho một vụ án mới đấy.

Hồ Công Thuyên hơi xanh mặt, liếc nhìn Chính Bình vương dò dẫm, Nguyễn Huệ vội nói:

- Ta đùa cho vui đấy thôi. Ông thay ta đưa tiễn quan thị lang đến cửa thành nhé. Chúc ông thượng lộ bình an. Cho ta gửi lời vãn an ông Nhậm.

Nguyễn Huệ đưa Phan Huy Ích ra đến thềm điện. Theo sau là Trần Văn Kỷ. Chờ cho Hồ Công Thuyên và Phan Huy Ích đi khỏi cửa điện, Chính Bình vương mới nói với Kỷ:

- Ta đã quen với cái vẻ tần ngần dăm chiêu, với thái độ dửng dăng của các ông nhà nho lắm rồi. Thêm một người nữa, cũng thế thôi. Dĩ nhiên nếu bớt được một ông nghề lừng khùng, lòng ta sẽ vui. Xưa nay ta ghét cay ghét đắng những kẻ lừng khùng. Cuộc đời không bao lâu, chỉ do lừng khùng mà mọi việc bê trễ, cái xấu cứ bám được vào đời ta như loài đỉa. Thế mà bây giờ ta phải chịu đựng họ. Ta bắt đầu ngờ rồi đó. Chẳng lẽ sự an nguy của xã tắc tùy thuộc vào những kẻ cần thận rề cở trước khi đặt bước đó hay sao?

Trần Văn Kỷ không biết trả lời thế nào, đành hỏi lại:

- Tâu Vương thượng, nếu không tin cậy vào nho sĩ để trị nước thì tin ai? Chẳng lẽ cứ ngồi mãi trên lưng ngựa để thiết triều?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

- Thuở niên thiếu, thầy ta - ông đồ Hiến - dạy riêng cho ta cách nghi ngờ những giá trị có sẵn. Ông đọc "bài tựa truyện du hiệp" trong Sử Ký Tư Mã Thiên rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Tâu vâng ạ. Nhưng ông Tử Trường uất hận vì cái vạ Lý Lăng, nên đây đó trong sách Sử ký vẫn có vài đoạn thiếu bình tĩnh, hoang mang giữa phải trái, sáng tối...

Nguyễn Huệ hơi giận, cắt lời Kỷ:

- Ông nói gì thế? Chính nhờ cái vạ Lý Lăng mà Tư Mã Thiên thoát được cái câu chấp của bọn hủ nho. Phải trái, sáng tối? Lấy gì để biện biệt những cái quan hệ ấy? Lấy cái gậy của kẻ già nua để đo chẳng? Hay lấy cặp mắt của kẻ không dám ra khỏi bốn bức tường giam? Ta không nhờ những lời phẫn nộ của Tử Trường, thì đến nay vẫn đi thu thuế giùm cho ông biện lại Vân Đồn. Ta nhớ đã đọc ở đâu đó câu: "Biết ngờ là gốc của trí".

Trần Văn Kỷ đánh bạo hỏi lại:

- Vương thượng ngờ vực khả năng của nhà nho, thì tin ở ai?

Nguyễn Huệ đáp:

- Thuở khởi nghiệp, các nhà nho không giúp ta. Bao nhiêu năm gian khổ đánh nam dẹp bắc, ta gặp một số nhà nho chết đại như Nguyễn Đăng Trường, Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc, số còn lại phần lớn đều giống như Phan Huy Ích, La sơn phu tử. Được như ông hay Ngô Thì Nhậm chỉ đếm đủ trên đầu ngón tay. Nhờ ai mà ta dựng được nghiệp? Càng ngày ta càng thấy rõ: nhờ những anh em đi chân đất, mặc áo vải như ta trước đây. Chính họ mới là những kẻ quyết định sự an nguy của xã tắc. Ta nói đi nói lại mãi điều này hóa nhàm tai ông, phải không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Vương thượng dạy quá lời.

Nguyễn Huệ nói:

- Ta mong đến ngày chứng nghiệm sức mạnh của anh em chân đất. Thế nào rồi thiên hạ cũng phải thấy sức mạnh ấy thôi. Nhất là các nhà nho lừng khùng.

(1) Theo Nguyên dẫn bài thơ Tây trình lữ muện, Dự am ngâm lục tập 1, trang 170: "Đầu thu tôi phụng mệnh vào Phú Xuân, đến đầu mùa đông ra Bắc thành ứng đáp văn thư với triều đình phương Bắc. Giữa mùa đông thì quân Thanh đưa Chiêu Thống về phục quốc, vì thế tôi phải lánh

về chốn lâm dã, có làm tập Vân sơn khiến húng lược ghi vào đây".

(2) Bài thơ Phan Huy Ích làm năm Mậu Thân như sau:

Văn Khiển Cảm Tác

Hối bất ly trần tảo bỉnh cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư

U trung Phú nghĩa phần hương xứ

Cơ lệ Trung hòa phát trạo sơ

Thánh độ bao hàm khoa phủ chất

Nho y phiêu đảng lữ canh sừ

Tâm thân chính kiến cầu biên lệ

Ban vũ nhàn lai thảo cổ thư.

Cảm khái khi nghe tin bị khiển trách

Tự hối không biết sớm rời cảnh trần đi ở ẩn

Vào nơi sông nước sao bảo không phải là người câu cá?

Tâm tình u uất, là lúc thấp hương trong đèn Phú nghĩa

Giọt lệ tha hương khi mới nhổ neo bến Trung hòa

Độ lượng thánh thượng bao dung tha cho rìu búa

Áo nhà nho phiêu giạt bạn với cày bừa

Lòng này thân này chính cần tìm phương rèn dũa

Múa chiếc áo sặc sỡ, lúc nhàn thì nghiền ngẫm cổ thư

(Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 181, 182)

(3) Nguyên chú bài Văn Khiển Cảm Tác của Phan Huy Ích: "Tháng sáu mùa hạ, tôi được vua Quang Trung triệu về Phú Xuân, đến doanh Cầu thì cáo bệnh rồi ủy người vào nam xin lưu lại Nghệ An để điều dưỡng, lúc đó tôi vẫn trú tại lữ điểm chợ Cầu đợi mệnh và thường đến thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu khẩn mong được như sở nguyện. Sau đó ít lâu, Phú Xuân lại xuống chiếu sai lính ra doanh chợ Cầu hộ tống về kinh và không được chậm trễ. Lúc đó tôi đành dứt tình lên đường, bồi hồi ngoảnh lại. Khi tới bến Trung hòa vượt sông Gianh, trong lòng bỗng xúc cảm giữa cảnh lữ thứ, bất giác rơi lệ. (Dụ am ngâm lục, quyển 1, trang 182).

(4) Tên cũ của sông Hồng Hà.

Chương 89

Chỉ mới cách nhau có hơn ba tháng mà khi gặp lại, Phan Huy Ích thấy anh vợ của mình đổi khác. Khuôn mặt Ngô Thì Nhậm ốm hơn, hai gò má nhô cao bên đôi mắt sâu. Hai nếp nhăn chạy dài từ chân sống mũi xuống hai bên hàm. Tóc trán rụng nhiều khiến cho khuôn mặt vuông vức thời trẻ biến thành hình lưỡi cày. Đôi môi hơi thâm thường mím lại khi nghe người khác nói. Những nét khắc khổ đó, Phan Huy Ích đã thấy trên gương mặt Ngô Thì Nhậm sau vụ án năm Canh Tý. Cuộc sống kham khổ và phiền muộn của mấy năm trốn nấp lao đao hằn dấu lên khuôn mặt Nhậm thật sâu, vài ba tháng chưa đủ để xóa hết được.

Nhưng chính đôi mắt Ngô Thì Nhậm đã khiến cho Phan Huy Ích ngỡ ngàng. Lúc bình thường, đôi mắt ấy hơi lơ lơ mệt mỏi gần như dại đi vì làm việc quá sức. Nhưng khi Ngô Thì Nhậm nói thì bỗng chốc vẻ mệt mỏi biến mất. Một thứ đam mê nhiệt tín ngời sáng ở đó. Ánh nhìn thách đố không nhượng bộ, liều lĩnh đến hung bạo của Nhậm làm cho Phan Huy Ích lo ngại. Ích tiếc nuôi cái nhìn dịu dàng hiền hòa của người bạn học, người anh vợ, bạn đồng liêu trước đây, cái thời mỗi lần đọc thơ cho Phan Huy Ích nghe, Nhậm còn giữ nụ cười ngượng nghịu và đôi mắt rụt rè, như muốn xin lỗi trước về sự vụng dại lãng mạn của mình. Cách nói của Nhậm cũng đổi. Ông nói nhanh hơn trước, vội vã, hấp tấp như sợ không đủ thì giờ nói hết, hoặc chưa nói đủ để Phan Huy Ích hiểu mình. Quan nội hầu Phan Văn Lân vừa bước khỏi phòng, Ngô Thì Nhậm đã nói: - Chú khỏi cần than vãn tôi cũng biết ở trong đó chú lạc loài. Chú tưởng ở đây thiên hạ đang tay chờ chú về như mẹ hiền chờ con hay sao? Không. Tôi báo trước để chú khỏi thất vọng. Các ông ấy hầu hết là con nhà võ. Ăn nói được như quan nội hầu Lân lúc này, thực quá sức bình sinh của họ rồi. Vả lại, thú thực với chú qua bao nhiêu biến đổi, nay tôi thích những lời bộc trực nôm na như thế hơn là những lời hoa mỹ giả dối. Chú làm việc ở đây ít lâu, chú sẽ thấy: Chúng ta lạc loài cô độc giữa bà con, anh em Bắc Hà chúng ta hơn là giữa các quan văn võ Nam Hà. Tại sao chú nhìn tôi như vậy? Chú không tin ư? Thôi được. Chú đọc hộ tôi hai lá thư của ông chú ruột chúng ta, của chú Ngô Tường Đạo đấy. Chú ngồi tạm lên cái ghế đẩu này. Văn phòng mới dọn nên bàn ghế còn thiếu. Chú đọc đi. Tôi sẽ tự tay pha trà ngon đãi chú, rồi còn hỏi chú nhiều việc nữa. Tin nhà, tin Phú Xuân, nhận xét của chú về dân tình dọc đường quan lộ. Ôi thôi không biết bao nhiêu chuyện quan trọng cần kíp! Chúng ta sắp chứng kiến nhiều điều ngoạn mục, tôi dám nói với chú là chưa bao giờ có trước đây và sẽ không bao giờ có sau này. Sử ký sẽ không phẳng lặng nhàm chán với những chuyện cảm mạo ho hen của các ông hoàng bà chúa. Sử quan sẽ không tiếc giấy mực cho giai đoạn sắp tới. Từng chữ, từng dòng đều ghi bằng máu. Lật một trang giấy chép sử giai đoạn này chú sẽ nghe được tiếng reo hò, tiếng súng nổ, tiếng gào thét. Nhưng thôi, tôi làm cho chú quay cuồng điên đảo mất. Hãy từ từ. Chúng ta sẽ còn nhiều thì giờ để bàn với nhau. Ngay bây giờ tôi cũng chưa có thể xếp đặt ý tưởng cho có đầu đuôi. Tôi làm

việc không biết mệt, đêm ngủ ít, nhiều hôm quên cả bữa ăn. Chú thấy vậy, mắt tôi thâm quầng. Giá không phải nhận những bức thư như hai bức thư này, tôi đã có thể tự hào là sống trọn vẹn, đầy đủ, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thật đáng buồn, chú ấy còn không hiểu mình, làm sao thiên hạ... Nhưng thôi, chú đọc đi đã. Tôi đi sai chúng nó nấu nước sôi đây.

Ngô Thì Nhậm nói một thôi dài, rồi đột ngột ra khỏi phòng. Phan Huy Ích tò mò nhìn quanh căn phòng bày biện đơn sơ của Ngô Thì Nhậm: một cái chõng tre đan trải chiếu trắng, cái gối vuông cũng đan bằng mây, khay trà bằng gỗ có đặt bốn cái chén nhỏ bằng đất nung, một cái bàn vuông thấp la liệt đủ loại giấy tờ, ba cái ghế đầu... nói chung, cách bày biện chứng tỏ chủ nhân không chú ý gì đến những tiện nghi của cuộc sống thường ngày. Sợ Nhậm trở lại sớm, Phan Huy Ích cúi xuống đọc vội hai lá thư của Ngô Tử Đạo. Lá thư trước đem cuộc đời của Khổng phu tử ra bàn về hai chữ "sự thế" để trách móc Ngô Thì Nhậm theo "giặc" làm hại đến danh giáo. Lá thư sau dài hơn, dẫn lời Tả Khâu Minh và Mạnh Tử để khuyên cháu nên sáng suốt phân biệt được họa phúc ở đời, cuối thư nhắc nhở Ngô Thì Nhậm phải giữ đạo hiếu, phải mở mang gầy dựng cho gia phong, đừng làm hoen ố danh dự gia đình. Lời lẽ tuy cố giữ ôn tồn chừng mực nhưng Ngô Tử Đạo không giấu được sự tức giận gay gắt.

Phan Huy Ích vừa đọc xong thì Ngô Thì Nhậm trở về. Thấy Ích băn khoăn, Nhậm hỏi:

- Chú đã chùn bước chưa?

Phan Huy Ích không dám nói thật cảm tưởng của mình, hỏi lại:

- Anh đã phúc đáp chưa?

Ngô Thì Nhậm chợt nhớ ra, vui mừng nói:

- Chú nhắc tôi mới nhớ. Đã viết rồi nhưng chưa gửi. Viết một lượt với lá thư gửi ông hoàng giáp Bảo triện (Trần Danh Ấn). Tôi viết một mạch cả hai lá thư trong vòng một đêm. Chú muốn đọc không?

Tuy hỏi thế, nhưng Ngô Thì Nhậm đã đến chỗ bàn giấy lục tìm lá thư trả lời đưa cho Phan Huy Ích. Trong lúc Ích đọc, Ngô Thì Nhậm bút rút đi đi lại lại trong phòng, cố gắng chờ người em rể đọc xong để nói cho hết những điều dang dở.

Phan Huy Ích đọc lá thư gửi Ngô Tử Đạo.

"Cuối thu đầu đông, cháu nhận liên tiếp được hai lá thư của chú gửi đến dạy bảo.

Bàn về hai chữ sự thế, chú có nhắc tới thánh nhân dứt khoát đảm đương việc đóng quân ở ấp Lai, đẩy lùi ấp Phì, nhưng lại bị tuyệt lương ở đất Trần, mặc áo thường qua nước Tống, cũng không phải là điều không thể xảy ra. Ý chừng chú có điều muốn so sánh. Lời bàn này rất rõ ràng, thấu lý, cháu đã kính cẩn ghi dạ.

Thư sau bàn tới hai chữ họa phúc, cháu đã suy đi nghĩ lại, đại để trong sách các học giả đem họa phúc bàn về con người, trong đó có nhiều chỗ sai. Cháu trộm thấy Chu tử bàn về Tả truyện nói tác giả sách đó là người hiểu rõ lợi hại, thì đại khái cũng chỉ nói được những lời họa phúc lợi hại rõ ràng mà thôi. Chú lại nói rằng: Tác giả sách ấy là người thích lấy việc thành bại để đánh giá con người. Gặp lúc họ làm được điều tốt liền bảo họ là người tốt, gặp lúc họ làm điều không tốt liền bảo họ là người không tốt, chứ không phân tích được cái lý phải trái, đó là cái bệnh lớn của ông. Chú lại nói đến cái thuyết "Cong một thước để đuổi một tầm" của Mạnh tử. Nói chung, người ta làm việc phần nhiều chỉ xông vào cái lợi mà tránh cái hại, không hiểu rằng hễ có cái lợi liền có cái hại, tuy ta nắm được mười phần lợi nhưng vẫn có cái hại theo sau, không bằng hãy xét nó trên mặt nghĩa lý. Đó là thánh hiền đem họa phúc của họa phúc gác ra một bên, chỉ nhìn họa phúc trên mặt nghĩa lý mà thôi. Thí dụ như vua nhân, tôi trung, tam

cương chính cửu tru thuận, thế là cái phúc của nước; cha hiền con thảo, anh kính em nhường, chồng hòa vợ thuận, thế là cái phúc của nhà. Trái những điều đó là họa. Bọn nhà nho chúng ta nên thể nhận cho rõ điều này, mới thấy được thấu suốt việc lánh họa tìm phúc. Sự mất còn nào đó, mặc cho sự gió bụi nào đó; sự sống chết tất nhiên phó cho buổi sớm tối tất nhiên, thì sự vật sẽ đều lằng lằng.

Cháu gần đây ẩn náu nơi bóng tối mới lý hội được ý ấy. Riêng nhà ta gặp vận tai ách, chú cháu, anh em đương ở lúc sợ sệt, lo âu. Kinh Thi nói: "Cầu phúc, phúc không trở lại" thật có ý vị. Những lời bàn trong thư gửi tới đều là những lời mở mang gây dựng gia phong, thật đúng là những điều cốt tử, mở rộng ra và làm cho sung túc thêm, khai mở tấm lòng thành, công bố cái đạo chung, đó là sự dạy bảo ngày nay của chú. Người đi trốn còn cái gì là quý, nhân với người thân mới quý. Đó là bài học ngày nay của cháu. Yêu người thân, kính kẻ trưởng, tĩnh tâm đọc sách, ở trong cái kiệm ước, làm sáng tỏ điều thiện, là việc làm ngày nay của các em. Gia đình lấy đấy khuyến khích nhau, thì cái phúc ở trong đó. Trong Kinh dịch quẻ Vị tể ở sau quẻ Ký tể. Thoán nói rằng: "Vị tể thì hanh thông". Cái nghĩa hanh thông này bao quát rất rộng, chớ đem cái hanh thông của Ký tể mà cho là hay hơn cái hanh thông của Vị tể.

Đó là sở kiến ngu hèn nông cạn của cháu. Kính mong chú chỉ giáo cho." (1)

Phan Huy Ích đọc xong nhưng chưa vội ngừng đầu lên. Ngô Thì Nhậm thấy hướng nhìn của em rể đã đổi, bước lại gần nôn nóng hỏi:

- Chú thấy thế nào? Điều quan trọng hơn hết là... nhưng chú đã đọc cả lá thư tôi viết gửi cho Trần Danh Ấn rồi chứ? Ngắn thôi, chú đọc rồi chúng ta hãy bàn. Chú uống nước đi đã.

Phan Huy Ích hớp một ngụm nước trà ướp sen, rồi cúi xuống đọc tiếp lá thư của Nhậm.

Thư trả lời hoàng giáp họ Trần ở Bảo triện:

"Tưởng ông nhớ tôi, cũng như tôi nhớ ông. Tóm lại không phải là những kẻ lừa đàn, nhưng xa nhau lâu thì nhớ nhau càng đậm. Những điều ngày nọ ông dặn cháu nói với tôi v.v... Kinh Dịch nói rằng: "Quẻ Khuê tượng trưng cho cô đơn. Thấy con lợn lấm bùn, chớ một xe ma. Lúc đầu trương dây cung định bắn nó, sau lại buông dây cung ra, không phải là thù địch mà là thông gia. Khi đi gặp mưa thì tốt lành". Có lẽ người ở vào cảnh chia lìa và ngờ vực, không ai là không thế. Nhưng lòng tôi ưa "cái cung" tức là tôi đi sẽ "gặp mưa", dù kẻ khác có cái ý "ma, lợn", tôi vẫn cứ vững tâm; huống chi loài ma lợn vô hình, thì hơi đâu mà đem cái nhìn của quẻ Khuê mà nhìn nó. Đó là điều bậc đạt nhân tự nên thấu suốt. Tôi đã dặn cháu về thưa lại tất cả mọi điều. Tháng hoa lan trông ngóng, mong được gặp nhau, nhà rách thư nhàn, quét ngõ chờ đợi. Ngoài ra không nói được hết. (2)

Phan Huy Ích không chờ Nhậm hỏi, đã nói trước:

- Anh có đưa những bức thư này cho họ xem không?

Ngô Thì Nhậm ngạc nhiên hỏi:

- Đưa cho ai?

Phan Huy Ích đáp:

- Cho mấy quan đại tư mã, nội hầu.

Ngô Thì Nhậm trở mắt nhìn em rể, mãi một lúc sau mới hỏi lớn tiếng:

- Chú nói gì thế? Việc gì phải đưa.

- Anh giao thiệp với bạn bè Bắc Hà, thư từ qua lại, họ không ngờ vực ư?

Ngô Thì Nhậm bật cười, điệu khinh bạc:

- À, ra chú đã nghĩ như vậy! Tôi hiểu rồi. Tháng trước tiếp được thư chú, tôi đã thắc mắc tự hỏi

không biết vì sao chú đặt bút viết được câu: Nho y phiêu đảng lữ canh sù (áo nhà nho phiêu giạt, bạn với cây bừa - Bài Văn Khiển Cảm Tác). Phiêu đảng, lạc loài, lữ thứ, cô đơn! Chú chỉ toàn rên rỉ. Vì sao chú biết không? Vì chú cảm thấy xa lạ với họ. Vì sao chú cảm thấy xa lạ với họ? Vì chính chú thiếu lòng tự tín. Đưa những lá thư của chú Ngô Tường Đạo và Trần Danh Ấn cho họ xem, phần mình, mình đã nghĩ: "Này nhé, các ngài rộng xét cho nhé, họ viết thư chửi tôi chứ không phải liên lạc nội ứng gì đâu". Phần họ, họ sẽ nghĩ thầm: "Biết đâu hẳn không giấu những lá thư khác. Nếu không tại sao hẳn có vẻ bối rối thế kia". Còn đưa thư phúc đáp cho họ xem thì chắc hẳn họ sẽ nghĩ tệ hơn nữa. Lòng ta ngay thẳng, chí ta bền, ta cứ tự tại thung dung mà làm những điều phải làm. Đó là phương châm của tôi.

Phan Huy Ích hơi chột dạ, chuyển sang chuyện khác:

- Ông hoàng giáp Bảo triện dám viết bằng giọng mạ lỵ như thế sao? Ông ta sai con đến nói với anh những gì?

Ngô Thì Nhậm cười chua chát:

- Chú đoán cũng dễ thôi. Chú ở ngoài này ít lâu sẽ thấy thấm thía thế nào là cô đơn ở ngay trên quê hương mình. Ta vừa giận, vừa thương cho những kẻ mê muội đó. Biết làm sao được. Viết cho chú Đạo như thế là tận ngôn rồi. Còn đối với Trần Danh Ấn, chú thấy đấy, tôi thách thức. Chẳng còn bao lâu nữa lịch sử sẽ chứng tỏ cho nhà nho chúng ta thấy ai là "ma lợn". Gần kề lắm rồi. Chúng ta sắp được chứng kiến những đảo lộn dồn dập, tung bùng, đủ để tỉnh ngộ những kẻ mê ngủ. Chiều nay dự lễ tiếp chỉ xong, tôi sẽ cho chú biết tình hình Bắc Hà hiện nay. Chú nằm đây nghỉ tạm cho khỏe đã!

* * *

- Tôi vô tâm quá. Đáng lẽ phải hỏi thăm chú xem cô và các cháu thế nào. Có được mạnh khỏe không? Chú có được ghé thăm nhà trước khi lên đây không?

Ngô Thì Nhậm vừa hỏi vừa cười bên lên, như muốn xin lỗi. Phan Huy Ích sung sướng tìm lại được nụ cười hiền hậu ngày xưa của anh vợ. Ích đáp:

- Vâng. Em có ghé ấp Tả được một buổi. (3) Các cháu vẫn mạnh. Riêng thằng thứ ba sinh năm Nhâm dần (1782), thằng Chú (Phan Huy Chú) đấy, anh còn nhớ không, nó kháu và thông minh đáo để. Em có chấm số tử vi, thấy lá số của nó giống y lá số ông nội. Chắc chắn sau này nó làm rạng rỡ được nghiệp nho chứ chẳng không.

- Còn cô thế nào?

Phan Huy Ích buồn rầu đáp:

- Nhà em độ này ốm hẳn đi. Một mình lo cho bao nhiêu miệng ăn, anh tính...

Ngô Thì Nhậm vội bảo:

- Bên tôi cũng thế. Tiếc là mình ở ngay đây mà không giúp gì được. Mọi người đều khổ. Mùa màng thất bát. Vả lại, mở miệng nói chuyện áo cơm, sao mà khó khăn. Thôi, đừng nói chuyện ấy nữa.

Rồi đột nhiên, Nhậm đổi qua giọng nghiêm nghị:

- Vương thượng đoán trước cuộc biến sẽ diễn ra ở Bắc Hà, nên gửi chú ra giúp tôi. Gần như Vương đoán trước được nét chính của tình thế. Lạ thật. Trong tờ dụ, có nói thế nào nhà Thanh cũng lấy cớ Tự hoàng trốn đi để can thiệp, hoặc cách này hay cách khác. Đúng y như vậy. Chú biết không, hiện hai đoàn cầu viện đã qua "nội địa". (4) Một đoàn đưa Hoàng thái hậu từ Cao bằng qua hiện ở Long châu, gồm đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiễn, Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Quốc Luyện, Nguyễn Đình Mai. Đoàn kia do Tự hoàng cử đi, gồm tham tri

chính sự Lê Duy Đản và cái ông nhà nho "ma lợn" Trần Danh Ấn, đi qua phủ Thái Bình Quảng Tây. Lâu nay nhà Thanh vẫn nhòm ngó Nam Việt, chờ mong có cơ hội xâm lấn để biến nước Nam trở thành quận huyện của Thiên triều như thời Bắc thuộc. Có bọn tôn thất và quan lại cự triều đại diện nhà Lê sang van xin, cầu khẩn, chắc thế nào nhà Thanh cũng chộp lấy cơ hội tốt. Cảnh núi xương sông máu không tránh khỏi.

Phan Huy Ích lo lắng hỏi:

- Đã có kế chống giữ nào chưa? Phú Xuân có biết rõ không?

Ngô Thì Nhậm cười:

- Dĩ nhiên phải có. Quan đại tư mã Ngô Văn Sở giỏi cầm quân, điều đó chú biết rồi. Ông ấy có thêm một đức quý khác là sẵn lòng nghe lời bàn luận không giống mình. Chỉ vài tháng thôi, ông ấy đã xếp đặt việc văn võ Bắc Hà đầu vào đó. Ngày nhàn rỗi, ông ấy thường cưỡi ngựa đi rong ngoài phố cho vui. Ông ấy cũng mắc cái chứng thường thấy ở con nhà võ là dễ tự đắc. Một hôm, ông ấy họp các quan ăn tiệc ở nhà hiệp nghị. Giữa tiệc, ông ấy bảo với nội hầu Lân và đô đốc Tuyết: "Chúa công đem một thành phố lớn giao phó cho ta, cũng như sai kẻ thợ may cắt cái áo gấm mà chưa tin hẳn đã biết cầm kéo hay chưa. Các ông coi thử ra sao. Nếu có Tề Thiên đại thánh ở trên trời xuống, hay Diêm vương ở dưới đất lên, ta chỉ vét một mẻ lưới là hết. Huống chi cái lũ tẹp nhẹp chẳng qua chỉ để cho người ta thử gươm xem có sắc không, chứ làm được gì!" Rồi ông ấy ngoảnh lại bảo tôi: "Quan thị lang thật giỏi nghề văn mực, không biết có quen việc cung kiếm hay không?" Tôi đáp: "Có văn thì có võ, văn võ không phải hai đường. Nhưng cổ nhân hành binh vẫn thường "tới việc mà lo" sao ngài lại cho việc binh là trò đùa mà coi thường? Tôi nghe trong bọn quan lại cự triều chạy sang Tàu cũng có kẻ muốn dắt họ sang xâm lấn bờ cõi gây ra binh đao. Ngài đã nhận ký thác việc ngoài cửa, không khỏi có phen phải lo đến đầu bạc. Lúc ấy ngài sẽ nghĩ lại lời tôi nói hôm nay". Ông ấy cười và nói: "Khi ấy sẽ phải phiền ông làm một bài thơ để đuổi quân giặc. Nếu không được, thì túi dao bao kiếm vẫn là phận sự của con nhà võ, can chi ông phải quá lo!" (5). Nói thế nhưng ngay hôm sau, ông ấy đã mời tôi đến bàn cách mời thêm các văn thần cự triều ra giúp việc nước.

Phan Huy Ích vội hỏi:

- Anh dám nói thẳng như thế sao?

Ngô Thì Nhậm lại kinh ngạc nhìn Ích:

- Tại sao chú hỏi vậy? Đó là việc của tất cả chúng ta mà! Quân Thanh tràn qua đây thì tất cả nước Nam này trở lại cảnh lên rừng tìm ngà voi xuống biển mò ngọc trai, đâu có phân biệt Đảng Trong hay Đảng Ngoài.

Một lần nữa, Phan Huy Ích cảm thấy hổ thẹn. Cái ý định buổi trưa của Phan Huy Ích (ý định đem cảnh bề bàng lạc lõng của mình ở Phú Xuân tâm sự với Ngô Thì Nhậm, mong ước được chia sẻ niềm lạc loài, được cảm thông sự dùng dằng bất quyết) bây giờ ông mới thấy không thích hợp. Ông định ra đây để tìm một người cũng yếu đuối như ông để cùng dìu nhau mà đi. Phan Huy Ích lầm. Ông thấy rõ mình cách biệt Ngô Thì Nhậm không phải một tầm tay, một nhón chân, mà hàng dặm. Ông có vượt qua dặm đường nhấp nhô gai góc ấy được không?

Phan Huy Ích chưa dám trả lời.

(1) Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 2, trang 220

(2) Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 2, trang 204.

(3) Làng Tả thanh oai, quê vợ của Phan Huy Ích

(4) Tức là đất Trung Quốc, theo cách nói thời đó.

Chương 90

Trước hôm nhận được tin quan đại tư mã triệu gấp các quan văn võ cự triều lên kinh đô, ông nghề chế khoa (khoa Đinh mùi 1787) Trần Bá Lãm ở Vân Canh có nhận được một bức thư của quan thị lang Ngô Thì Nhậm. Thư như sau:

Thư gửi chế khoa Trần hầu ở Vân Canh.

Đạo chỉ có một mà thôi, khi nên làm quan thì làm quan, khi nên nghỉ thì nghỉ. Người quân tử phải tìm cái chỗ đúng nhất của nghĩa này. Hiền hầu là người trong khoa bảng, tất nhiên tự mình có chủ kiến. Người sĩ quân tử ở vào thời kỳ đại quá nên cân nhắc cho đúng về mặt nghĩa lý. Có người có thể đứng một mình không sợ; trốn đời không buồn, được thua còn mất, gian dối dữ lành không mấy may để bụng, sống chết bằng cái đó cũng là một lý. Còn như kẻ tự cho mình là làm theo việc nghĩa nhưng lại còn muốn lưu tẩm thân này để mưu cái lợi về sau, thì tất nhiên đứng một mình mà có lòng lo sợ, trốn đời mà có lòng buồn, kẻ sĩ cao minh há không thấy điều đó sao? Xét ở bậc tiền bối trốn đời như tiến sĩ họ Cao ở Phú Thị, coi khinh giàu sang mà tiêu dao tự tại, đó là trốn đời mà không buồn; đứng một mình như đại vương họ Trần ở Vân Canh, có con đường có thể sống mà ung dung đi con đường chết vì nghĩa; như thế là đứng một mình mà không sợ. Những bậc khoa bảng triều trước, hai vị này là những người không thể sánh kịp. Nếu không được như vậy mà còn muốn lưu tẩm thân ở đời, gửi dẫu ở suối rừng, làm thầy thuốc, thầy bói, đó cũng chỉ là lấy cái ở ẩn để làm cái cơ may xuất hiện. Phàm đã ôm cái cơ may trong lòng thì thường ngay ngáy với cơ may, cơ may đó là cửa quan ải của lợi hại, khe hở không lọt sợi tóc.

Đại phàm kẻ đứng một mình, điều đáng sợ là hiềm nghi, kẻ trốn đời điều đáng buồn là gian khổ. Náu mình giấu họ nương tựa người, tình cảnh này tôi từng chịu đựng. Nhưng, thời thế lúc ấy sự thể của tôi không cho phép tự đứng vào danh nghĩa gì. Ở vào thời tiểu quá, cố nhiên không khác gì con chim bay trốn tránh.

Ngày nay, cái mà hiền hầu bảo là "độc lập", "trốn đời", thì lại khác hẳn thế. Hiền hầu nói rằng "nghĩa phải bảo tồn nước cũ", rằng "không thờ hai họ", rồi đem cái đó khích động lòng người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt. Thực là khó biết con người mà hiền hầu nương tựa có quả thực không cho hiền hầu là món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ, cá lưới, chim cung hay không? Nếu vậy thì sợ lại càng sợ, buồn lại càng buồn, tôi e rằng sự tính toán của hiền hầu có phần lầm lẫn.

Tôi cùng hiền hầu đã từng có lúc bàn thơ ở trước lầu Ngũ Long. Tôi thấy hiền hầu là người cao minh lanh lợi, cho nên việc sứ mệnh năm trước mời hiền hầu cùng đi một thể. Bản ý hiền hầu là người ra ứng dụng với đời, chứ không đem cái cục diện của hai vị hiền giả ở Phú Thị và Vân Canh làm kim chỉ nam cho mình. Nay hiền hầu còn đó, thì kim chỉ nam lấy lưu tẩm thân mình

làm phương Tý Ngọ. Vì sao không dốc hết tâm lực của mình đối với sự biến hóa của khí vận là nơi bền vững nhất của việc tàng thân? Ôi! dời giường để xa khách, khách có thiệt thời gì đâu, nhưng chân giường bị xước. Nếu quả lấy việc ngoảnh lưng lại với đời làm cái lợi lưu lại tấm thân, thì so với cái hại tránh khách xước chân giường cũng không xa là mấy. Kẻ hiền đạt ăn ở với nhau, nên bảo cho nhau bằng điều tâm huyết, đâu phải là đem chuyện hình hài mà trói buộc lẫn nhau? Mặc dù vụ án năm trước, hiền hầu có lúc dùng lời không đẹp gán cho bản chức, việc đó nếu đặt mình vào địa vị ấy, thì từ xưa vẫn có. Bảo tử há cho Quán tử là người tham và nhát mà thay đổi cái nghĩa tương tri? Riêng nghe quan bộ Hình gửi thư kính mời, rốt cuộc hiền hầu vẫn chưa dám tới.

Hoặc có người cho rằng: Hiền hầu và bản chức có chỗ nghỉ ngơi, đủ làm cho hiền hầu sắp đi tới mà lại chần chừ. Ý tôi cho rằng không phải như vậy. Đó ắt là hiền hầu đã có chủ kiến đối với thời cơ tiến lui xuất xử, cho nên thác ra như vậy để làm điều từ chối.

Xa nhau lâu ngày, nghe nói chỗ hiền hầu lui tới có nhiều bậc hiền nhân quân tử, tôi tạm thổ lộ tâm can, xin hiền hầu nên đem điều đó trao đổi với các bạn hiền đạt mới được. Quan Hình bộ là người hiền hòa độ lượng, ông đối với bọn ta mọi việc đều làm chu đáo lắm. Nếu như gặp mặt, hẳn hiền hầu không cho thiên nghị luận này của bản chức là điều vu khống. Mong hiền hầu mau ứng nhận mệnh vua, sớm tới thăm hòe, tay bắt mặt mừng, dù bao nhiêu tặng vật cũng chưa đẹp bằng.

Nhấn nhủ tha thiết, trông đợi ân cần. Nay kính thư.(1)

Trần Bá Lãm nhận được thư, đọc đi đọc lại nhiều lần nhưng giấu không cho các bạn bè biết. Đọc lần đầu, ông giận đến nổi lá thư run rẩy trên tay. Lòng tự ái của ông bị tổn thương trầm trọng, vì chưa, phải, chưa có ai dám nói những điều trắng trợn như vậy về ông: "... khích động lòng người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt", "món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ". Ông định xé ngay lá thư, nhưng kịp nghĩ lại, ông xếp thư cẩn thận cất riêng một chỗ. Ông nghĩ: "Phải cho các bạn ta xem, để họ biết miệng lưỡi độc địa của tên "sát tứ phụ nhi thị lang". Xấc láo, tự cao, tự đại đến thế là cùng". Ở thi xã bạn bè ông tụ họp để ngâm thơ vịnh nguyệt, để nhớ tiếc "cố quốc", để so sánh trước kia và bây giờ, để mỉa mai các quan Tây Sơn méo miệng mím môi mỗi khi cầm cái quản bút, để kể đủ thứ chuyện tiêu lâm bù khú về chế độ mới, Trần Bá Lãm đã nhiều lần định rút lá thư ra, lại do dự, rồi lẳng lặng ấn vào đáy túi. Ông tự giận mình, đêm khuya, đem lá thư ra đọc lại. Ông đối diện với chính ông, bình tĩnh, khách quan phán xét chính ông. Càng đọc ông càng thấm. Những điều chính ông sợ phải nghĩ đến vì nó quá thực, lạ lùng thay, Ngô Thì Nhậm đã nói đúng và gọn trong một vài câu. Bảo tồn nước cũ? Không thờ hai họ? Thử ngẫm cho cùng xem có thực ông tin còn có thể vực dậy một triều đại lão nhược mục nát như triều Lê Trịnh hay không? Ông vác lều chõng đi thi vào chế khoa Đình Mùi (1787), tận mắt chứng kiến cảnh xô bồ chen lấn của vài trăm sĩ tử trong sân điện chật hẹp để vót vát chút danh cho đạo học ở buổi chợ chiều. Ông bóp trán chau mày trả lời các đối sách để làm gì, nếu không phải là để bôi phẩn cho Nguyễn Hữu Chỉnh! Mà Bằng quận công (Nguyễn Hữu Chỉnh) có thực bụng phù Lê không? Ngô Thì Nhậm đã nói những điều mà nếu ông, Trần Bá Lãm, can đảm soi gương thật gần để nhìn cho rõ gương mặt mình, ông cũng phải nói. Sự liêm khiết trí thức buộc ông phải công nhận cái sự thực phũ phàng ấy. Vâng, quả thực ông đã mượn tiếng phù Lê làm vốn liếng nhờ cậy, lừa mình và lừa người. Ông và bạn bè trong cái thi xã đã gian dối nhau để sống, thanh thoi trong giai đoạn khó khăn kham khổ chung. Từ đó, ông không thể sống tự nhiên như trước được nữa. Ông thấy các bạn ông cười nói,

than thở, thất vọng, hy vọng, mỉa mai, mừng rỡ, một cách giả tạo đến kịch cỡm.

Ông càng tin ở nhận xét của mình hơn, khi từ Thăng Long, đưa tin về: đại tư mã Ngô Văn Sở triệu gấp các quan văn võ cựa triều lên kinh. Các tao nhân mặc khách trong cái thi xã hoài Lê ấy đột nhiên mất hết vẻ khí khái cao ngạo hoặc nét trầm tư ưu thời. Mọi người cuống quýt lên, người này đổ lỗi cho người kia, hoặc dùng miệng lưỡi đùn cho kẻ khác các việc khó khăn. Một ông nghè, một ông làm chức viên ngoại lang, một tri phủ và một ông cử nhân thất chí hóa gàn vội vã ra bến tìm thuyền. Không có thuyền đi thẳng lên kinh, họ phải đi dò dọc, rồi đi bộ, rồi lại thêm một chặng dò dọc. Chặng vạng hôm đó, họ chờ dò dọc mãi không thấy, phải vào trú đêm tạm trong cái quán tranh cất gần bến đò. Trần Bá Lãm cũng ở trong số đó. Trong túi áo trong của ông, lá thư Ngô Thì Nhậm vẫn nằm yên dưới đáy túi.

*

* *

Cái lều thấp lợp tranh, chung quanh dùng phen tre, mỗi bề gần bằng một con sào. Quầy hàng nước và vài thứ hoa quả vặt vãnh chiếm gần nửa căn lều hẹp. Phía sau chủ quán dựng tạm một cái nong rách làm bình phong, che lấy khoảng hẹp riêng tư làm chỗ nấu bếp và chỗ ngủ cho hai mẹ con. Đêm phủ xuống, buồn bã theo từng giọt mưa rả rích. Khách lỡ đò khá đông. Ngoài Trần Bá Lãm và ba người bạn, còn có ông đồ (hoặc thầy lang) lạ mặt vận áo the thâm, cặp tráp sơn then, bốn người đàn ông làm ruộng lên kinh tìm mua lưỡi cày ở phường đúc, và hai người đàn bà ăn mặc khá tươm tất, mang tay nải ăn nói nhanh nhẹn độp chát ra dáng con buôn. Hơn mười người phải ngồi qua đêm trong khoảng quán hẹp, bên ngọn đèn dầu lạc lù mù.

Người đàn bà chủ quán mừng rỡ được một món lời bất ngờ, vừa bưng đĩa cơm đến bán cho từng người, vừa suýt soa xin lỗi. Chỉ có năm người mua cơm của hàng quán, số còn lại hoặc nói dối đã ăn ở nhà, hoặc mua lấy một quả chuối cho phải phép. Chị hàng không lấy thế làm buồn. Thực ra, chị không có gạo để nấu đủ cho chừng ấy người. Thức ăn thì chỉ có dưa khú và tương. Để khách hàng khỏi xót xa về giá cả, chị chủ quán mau mắn nói:

- Các ông các bà hiểu cho. Độ này gạo thóc kém lắm. Mua đến khó quá đi mất. Không mấy khi các ông các bà ghé đêm ở đây. Thôi thì tạm tạm cho qua bữa. Vâng, thêm chút dưa khú. Có ngay đấy ạ. Cả đến rau quả cũng đắt như vàng. Chừng này cũng khá tiền đấy ạ. Chị dịch vào đây, kéo mưa tạt. Cái Tẹo, đưa cho bu cái que khêu tim đèn nào!

Hai chị con buôn ăn hết hai đĩa cơm đầy, uống cạn hai bát chè vối, rồi lấy trầu ra nhai ngon lành. Một chị nhổ toẹt cổ trầu qua tấm phen thưa, suýt chút nữa văng lên áo ông nghè Lãm. Ông nghè thu vạt áo lại, nhăn mặt khó chịu. Chị con buôn không thềm để ý thái độ ông nghè, quay sang phía bạn hỏi:

- Đi dò dọc chuyển sớm có lên kịp chợ không?

Người kia đáp, sau một cái ngáp dài:

- Kịp chán. Định bê cả chợ kinh về hay sao mà lo thế!

- Mai hẹn nhau về một lượt nhé.

- Để xem đã, giá có các ông ở đây cùng về thì tiện nhỉ!

Chị con buôn kia phá lên cười, giả vờ trách:

- Ăn nói ý tứ nào! Các bác, các cụ đây toàn là nhà nho. Không được hỗn.

Chị kia nói giọng chán nản, khinh thị:

- Ồi dào! Chỉ tổ dài lưng tốn vải.

Cụ cử gàn, bạn ông nghè Lãm bực tức gắt:

- Chị kia! Chị nói gì thử nhắc lại xem!

Hai chị con buôn tự cảm thấy đùa nghịch quá lố, không dám nói gì, chụm đầu vào nhau cười rích rích.

Ông cự tri phủ buột miệng than:

- Đúng như cổ nhân nói: "phụ nhân nan hóa".

Ông đồ lạ mặt ngồi gần Trần Bá Lãm quay về phía ông nghề tìm nụ cười đồng tình. Ông nghề lắc đầu chán nản. Người kia được dịp nói nhỏ:

- Trước kia, phong hóa đâu có suy đồi như vậy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gật đầu thay câu trả lời. Bác nông dân liếc thấy hai chị con buôn đã dựa lưng nhau bắt đầu ngủ gật, nên mạnh dạn nói đủ cho cả quán nghe:

- Hạng mua già bán non ấy thì lúc nào chả thế. Chỉ khác là bây giờ họ kiếm ra khối tiền.

Ông đồ lúc nãy nói:

- Ấy đấy, bọn lương đảo giàu có trong khi con nhà thư hương chúng ta đói dài mặt ra. Như thế là phong hóa suy đồi rồi. Cái thời kỳ cực chưa từng thấy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gật đầu:

- Vâng. Kể cũng kỳ cục!

Ông đồ lạ mặt hớn hờ hỏi:

- Bác có đọc các tờ cáo của... của họ không?

Trần Bá Lãm kinh ngạc hỏi:

- Có điều gì mới à?

- Có... à... à không. Tôi chỉ muốn nói đến cách viết nửa nôm nửa chữ của họ. Giống y như gà què. Thà viết toàn nôm cho đỡ tức. Đằng này cứ pha phách phừa phứa, như trẻ con nói ngọng.

Chúng nó dốt nát mà cứ tưởng...

Trần Bá Lãm lo sợ hỏi:

- Ông nói gì thế?

Người kia liếc quanh, thấy phần lớn đã thiu thiu ngủ, nên kề sát mặt ông nghề Lãm nói:

- Tôi trông qua, biết bác không ông nghề cũng là ông cống. Bác đừng nhún. Tôi cũng là người đồng hội đồng thuyền của bác, xin chớ ngại. Bác đã biết tin gì chưa?

Trần Bá Lãm giật mình hỏi:

- Tin gì vậy?

Người lạ mặt kề sát tai ông nghề thì thào:

- Sắp đổi đời rồi.

- Ai bảo bác thế?

- Thế bác chưa biết gì sao?

- Chưa biết gì cả. Chỉ biết phải lên kinh gấp, thế thôi.

- Sao lại lên kinh? À phải, lên kinh là phải. Ai cho người liên lạc với bác đấy? Nhóm của bác được mấy người?

Trần Bá Lãm bắt đầu thấy có gì bất thường. Ông còn đang băn khoăn thì ông đồ bên cạnh đã kéo vạt áo the rút ra một tờ giấy:

- Bác đọc cái này chưa?

Ông nghề e dè hỏi nhỏ:

- Cái gì thế?

Người kia cười, bí mật:

- Cứ đọc đi đã. Thế mà tôi cứ tưởng bác đọc rồi mới rủ nhau lên đón ở kinh thành. Để tôi ngồi tránh ra một chút cho sáng nhé. Phen này chúng nó lại trở về xứ mán mọi thôi!

Trần Bá Lãm cố nheo mắt đọc thầm: (dịch nôm)

"Dấy nước đã liệt, nổi giồng đã tuyệt, việc đáng làm chi kể mang hoang. Vót người bị chìm cứu kẻ bị cháy, dùng chẳng được mới dùng binh cách.

Nay nghĩ họ Lê nước An Nam, vốn là cội thần của thiên triều, ba trăm năm vật phẩm tiến dâng tính theo chức phận; Mười lăm lộ đất phân chia cắt, gồm có nước nhà.

Thế mà khoảng năm Càn Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cất quân làm loạn, đánh úp La Thành, vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Lê Duy Kỳ đến nỗi phải xiêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa khẩn cấp cứu xin. Đã hỏi bọn Túc, Tự tôn hiện nay ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, tôi dân vẫn nhớ chúa cũ. Nguyễn Nhạc là dân mọi rợ như giống chó dê, quen thói hung tợn của loài chồn sói, đến đâu cướp đấy, trăm họ oán đến xương tủy. Tội một tên dân ở biên thù dùng dùng nổi lên, phạm vào luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời đã không thể tha, lại dám hoành hành ở nơi nội địa tàn hại nhân dân, bạo ngược chúng thứ, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đệ tâu và được Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho châu gieo lăm than. Ngài đã sai quan đốc phủ đeo ấn Chinh Nam đại tướng quân, đem 50 vạn binh mã thẳng tới La Thành, trừng trị tội ác bọn Nhạc, không cho lũ chúng trốn thoát hình phạt của Trời. Nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhờ ơn quyền uy nuôi nấng đã lâu, trí năng còn chưa mất, cảm kích bởi trong lòng, không thể tự mình bỏ mất thiên lương của mình, đến nỗi quên vua theo giặc. Kể nào trước xưng tín nghĩa, tựa sức cứu giúp của thiên triều, tập hợp người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, thì khi ải tía hát khúc khải hoàn, màn soái tính sổ quân công, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước.

Hịch này đưa tới, đâu đó đều phải hăng hái, mài dũa gươm đao, chống lại kẻ thù nhà vua. Ai nấy một lòng giốc sức thì mới có công, mới được lĩnh thưởng ở trong quân, hưởng phúc ở trong nước. Hãy cố gắng lên" (2)

Trần Bá Lãm đọc xong, phần nộ trộn lẫn với lo sợ, hỏi vợ:

- Ông nhật thứ này ở đâu vậy?

Người đưa hịch không chú ý về khó chịu của ông nghề Lãm, trả lời bằng giọng khoe khoang:

- Chính tôi chép lại đấy. Nhận được tờ hịch, mỗi người chép lại mười bản để phân phát cho bè bạn, cứ thế mà loang rộng ra.

Thấy Trần Bá Lãm định trả lại tờ hịch, ông đồ lạ mặt vợ xua tay:

- Không. Bác giữ lấy bản đó.

Rồi hãnh diện vỗ tay vào túi áo trong, ông ta nói:

- Tôi còn những bảy tờ. Vì tôi hứng chí chép ra đến hai chục bản. Bác lấy thêm ít bản nữa, ngộ nhờ...

Trần Bá Lãm cương quyết trả tờ hịch lại:

- Ông giữ lấy!

Người kia ngơ ngác hỏi:

- Bác sợ à?

Trần Bá Lãm nghiêm mặt đáp:

- Không. Công rắn cắn gà nhà...

Ông đồ đưa hịch cướp lời ông nghề:

- Bác nói gì thế! Bọn mán mọi ở cái xó rừng Tây Sơn đem quân xâm lấn nước ta, thì ta phải nhờ thiên triều xua đuổi chúng đi. Đó chỉ là vạ bất đắc dĩ. Cũng là người ngoài, nhưng phía bắc còn có văn hiến, lễ nghĩa...

Trần Bá Lãm cương quyết nhét tờ hịch vào tận tay ông đồ lạ, nói nhỏ nhưng dần từng tiếng:

- Ông giữ tờ hịch này để sau này có bằng cứ xin làm quan với bọn Tàu. Chép những hai mươi bản, ông xứng đáng lắm.

Từ đó hai người không nói với nhau gì nữa. Họ giả vờ ngủ. Lâu lâu hé mắt liếc về phía ông đồ lạ, Trần Bá Lãm bắt gặp ông ta cũng hé mắt dò xét ông nghe. Bị bắt gặp đang giả vờ ngủ, ông đồ lạ giơ tay đập muỗi, rồi thu vạt áo về, xoay lưng về phía ông nghe Lãm. Gió bên ngoài thổi lạnh buốt, lọt qua khe phen liếp tạo tiếng vi vu át mất tiếng ngáy của khách lỡ đường.

*

* *

Tình sương, hai chị con buôn dậy sớm nhất. Họ sửa soạn quang gánh lịch kịch bắt chắp giấc ngủ của kẻ khác, nên mọi người phải thức dậy với họ. Trần Bá Lãm không thấy người đưa hịch tối hôm trước bên cạnh mình, đoán có lẽ ông ta ra phía sau đi giải. Đến lúc chị chủ quán tìm thấy một tờ hịch đặt dưới đĩa đèn và ông cử gàn tìm ra một tờ khác gài trên tấm phen trúc, ông nghe mới quyết là hẩn đã trốn rồi. Chị chủ quán thấy tờ giấy nhằng nhít những chữ, lo lắng hỏi:

- Có thầy nào quên tờ giấy ở đây?

Viên tri phủ lấy tờ hịch đem sát đèn để đọc. Ông cử cũng đã gỡ được tờ hịch gài trên phen cửa.

Ông cử đến gần ông tri phủ hỏi:

- Có phải cùng một nội dung không?

Họ đọc vội vàng dòng đầu, rồi nói:

- Giống nhau mà!

Mọi người dù biết chữ hay không, đều đoán ngay hai tờ giấy kia nói những điều rất quan trọng, rất nguy hiểm, và tốt hơn hết là nên dè dặt. Do đó không ai bảo ai, những kẻ sốc nổi hiếu kỳ lần lượt tản xa chỗ đặt đĩa đèn. Ông nghe Lãm tự thấy phải có trách nhiệm trấn an mọi người. Ông nói:

- Có lẽ của cái ông khách khi hôm ngồi cạnh tôi. Sáng nay, ông ấy trốn đâu mất rồi.

Nhiều tiếng lao xao mừng rỡ, vì đã tìm ra kẻ chịu trách nhiệm về hai tờ giấy bí hiểm kia. Một bác nông dân mạnh dạn nói:

- Các thầy hay chữ, thử đọc xem chúng nó nói những gì. Đi đứng mờ ám như vậy, tôi biết trước không phải dân lương thiện.

Viên cựu tri phủ rụt rè tiến thoái lưỡng nan, nửa muốn trở về chỗ, nửa muốn đọc tiếp vì tò mò.

Cuối cùng, ông cử gàn đọc khá to cả tờ hịch. Mấy bác nông dân và hai chị con buôn đề nghị ông cử dịch lại sang tiếng nôm cho họ hiểu. Ông cử hỏi Trần Bá Lãm:

- Có nên không bác?

Trần Bá Lãm nói:

- Ông cứ dịch. Chuyện quốc sự đâu có dành riêng cho người biết chữ nho.

Ông cử vừa đọc vừa dịch cả bài hịch của triều Thanh. Ông đọc xong, cả quán đều lặng yên, như sững sờ. Chị chủ quán hỏi trước:

- Lại sắp có giặc phải không các thầy?

Một chị con buôn hốt hoảng kêu:

- Chết! Hay là ta quay về?

Chị kia bấu môi nói:

- Sao lại quay về? Hồi tháng chạp năm ngoái (3) có khối người mua được nhiều thứ rẻ. Của ăn trộm ở các nhà quan ấy mà. Các thầy, các bác tính, một cái tủ cần xa cừ mà giá chỉ bằng nửa thúng gạo. Lúc lên vác có một bao, lúc về phải thuê cả thuyền.

Chị chủ quán lại hỏi:

- Có sắp phải cấm sông không các thầy?

Ông cử cười đáp:

- Chị khỏi lo. Cấm sao nổi! Cấm sông thì hai chị này lấy gì chở tủ chè, phản gỗ về quê.

Một bác nông dân bực dọc nói:

- Nông nổi này mà thầy còn đùa cợt! Giặc Tàu qua đây, thì thầy tính sao?

Ông cử gằn không chịu lép, quay sang phía bác nông dân cật vấn:

- Ấy chết! Sao bác dám gọi là "giặc Tàu". Thiên triều chứ! Bác không muốn "hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước" hay sao?

Khi nhại y nguyên lời hịch, ông cử cố ý nói ngọng như cách nói của các khách trú Phố Hiến, khiến cả quán bật cười. Bác nông dân hiểu lập trường của ông cử, vui vẻ đáp:

- Vâng. Thì quân thiên triều. Các ngài ấy kéo những 50 vạn sang ta thì lúa thóc đâu cho đủ cung phụng? Mùa màng cứ thế này, bọn nhà nông chúng tôi chỉ còn nước gặm đất cầm hơi!

Vẫn ông cử tiếp tục đùa nghịch:

- À ra thế! Bác sợ thiên triều giành mất bát cơm hẩm. Đừng lo. Họ dần mất bát cơm của bác, nhưng trả lại một ông vua. Vua thật chứ không phải vua phường chèo đầu nhé.

Viên ngoại lang từ nãy đến giờ giữ vẻ lăm lì, lúc đó mới nhắc khéo ông cử:

- Ông nên giữ mồm giữ miệng. Dù sao chúng ta cũng là con dân Bắc hà.

Trần Bá Lãm thấy cuộc bàn luận lan man trở nên nguy hiểm, nhất là bên ngoài trời đã sáng tỏ, trên đường đã có nhiều người qua lại, ông bảo các bạn:

- Chúng ta sắp sửa đi thôi.

Ông cử gằn không chịu nghe lời ông nghề Lãm, quay hỏi cả bốn bác nông dân:

- Các bác vẫn giữ ý định lên phường đốc đốc chứ?

Một người đáp:

- Vâng. Dù gì chẳng nữa, việc cày bừa không thể bỏ được.

Ông cử lại hỏi:

- Nhớ giặc... "giặc thiên triều" đến thật thì các bác tính sao?

Mấy bác nông dân đáp:

- Thì đánh cho chết!

- Thì dần cho chúng một trận nên thân!

- Thì đem dao, rựa, gậy gộc ra đuổi chúng nó về.

Ông cử cười hể hả, nói thêm trước khi chạy theo các bạn:

- Nhớ rủ chúng tôi với nhé. Phải. Đánh cho chúng nó chừa cái thói tham. Giặc Tàu! Đúng là giặc Tàu.

Ra đến đường cái, ông nghề Lãm trách ông cử:

- Tôi xem tờ hịch thấy cũng có nhiều điều khả tín. Như việc quân Tàu đem vua Chiêu Thống về phục quốc chắc là có thật. Những người còn nhớ tiếc triều cũ còn đông lắm. Ông nên giữ gìn một chút.

Ông cử cự lại:

- Chúng nó rước voi về dày mả tổ mà các bác buộc tôi lễ phép!

Viên ngoại lang nói:

- Ông chỉ được cái gàn. Hơi đâu ăn cơm nhà vác ngà voi. Thiên triều dùng đến binh cách, thì đã có các ông nhà võ họ lo đối phó. Việc gì đến ông?

Viên cự tri phủ thì bảo:

- Vả lại họ có giao việc cho mình lo đâu!

Ông nghề Lã thọc tay vào bọc áo suýt soa cho đỡ lạnh. Ông cử hỏi:

- Bác nghề nghề thế nào? Ta phải làm gì đây?

Trần Bá Lãm bối rối:

- Hãy cứ lên kinh đã. Chắc gì thời thế đã đúng như lời hịch. Ồi giời, rét! Đò dọc xuống chậm quá nhỉ!

Ông thọc tay sâu vào túi áo. Mấy ngón tay phải chạm lá thư của Ngô Thì Nhậm. Trần Bá Lãm dón dác nhìn quanh, nhột nhạt như có đôi mắt vô hình nào đó đang chăm chăm nhìn vào gáy mình.

*

* *

Ở Lạng Sơn, bài hịch có sức tàn phá của một trận bão. Trong khoảng một ngày, quân lính trốn đi mất quá nửa. Tướng Phan Khải Đức sợ quá lén sai người đưa thư qua cửa ải xin đầu hàng. Trấn tướng còn lại là Nguyễn Văn Diễm người Quảng Nam cảm thấy cô thế: lính trốn, tướng đầu hàng, mình là người Đảng Trong dù có theo gót Phan Khải Đức cũng không ai dung. Cho nên ngay trong đêm, Diễm thu xếp binh mã rút lui về Kinh Bắc, cùng với Nguyễn Văn Hòa hợp lực giữ thành rồi sai k binh chạy về Thăng Long cấp báo.

Đại tư mã Ngô Văn Sở nhận được tin, vội họp ban tham mưu lại để bàn kế chống giữ.

(4) Chương phủ Nguyễn Văn Duyệt nói:

- Tôi nghe hồi cuối đời Trần, quân mạnh của phương bắc sang xâm lấn nước nam. Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thanh, Liễu Thăng đều là những tướng hung tợn của Tàu; vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, cả thế và lực đều không thể địch lại chúng được. Nhưng nhờ hành binh quỷ quyệt, không kiêu những sự quyền mưu, Thái Tổ đã khéo mai phục, rồi thừa cơ đánh úp quân giặc. Nhờ vậy, Ngài chỉ có ít quân mà thắng được kẻ đông quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên, chiến công rực rỡ, nghìn đời ngợi khen. Nay quân nhà Thanh ở xa đến đây, trèo đèo lặn suối cực kỳ khó khăn, ta nên dùng cách "dĩ dật đãi lao", các chỗ quan yếu đều cho quân đi mai phục, chờ khi họ đến thì đánh. Như thế lo gì không được?

Ngô Thì Nhậm chờ các võ quan nói trước, nhưng từ Ngô Văn Sở đến Phan Văn Lân chưa ai có ý kiến nào rõ ràng. Vì thế Ngô Thì Nhậm bắt đầu nói:

- Tôi e ý kiến của quan chương phủ không được thích hợp. Quan chương phủ có nhắc lại cuộc kháng chiến chống giặc Minh của Lê Thái Tổ để minh chứng cho kế mai phục. Việc trong thiên hạ tình tuy giống mà thế lại khác, thì được hay hỏng cũng phải khác. Khi xưa, nước ta lệ thuộc nhà Minh, người Tàu hết sức tàn ngược, cả nước ai cũng muốn đuổi họ đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng xa gần đều theo, hào kiệt trong nước như mây ùn ùn kéo đến. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ sợ quân mình bất lợi. Nghe tin mình thắng ai cũng vui mừng. Lòng người được như thế, cho nên hễ có phục binh núp ở chỗ nào, dân chúng giấu giếm thật kín, bên giặc không hề biết. Sở dĩ mai phục mà thắng là nhờ thế. Ngày nay, những bề

tôi nhà Lê đi trốn đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghênh cổ mong ngóng. Sĩ dân cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng. Quân ta...

Chương phủ Nguyễn Văn Duyệt không kiên nhẫn được nữa, cắt lời Nhậm:

- Quan thị lang đã đâm ngại hay sao? Ông nhìn chuyện xưa đúng lắm. Giá khi nhìn chuyện trước mắt cũng được như thế thì hay biết mấy! Tôi xin hỏi ông: căn cứ vào đâu ông dám bảo hiện giờ sĩ dân Bắc hà đều nghênh cổ mong quân Thanh, chờ dịp là cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng?

Không khí trong phòng trở nên ngột ngạt. Mọi người dồn về nhìn ông. Ngô Thì Nhậm bình tĩnh hỏi lại:

- Các ngài muốn nghe những điều có thực, hay muốn nghe những lời đẹp lòng?

Ngô Văn Sở muốn giải hòa, tươi cười bảo Nhậm:

- Điều chân thực đều đẹp lòng cả. Tình thế khẩn trương thế này, ta phỉn nịnh tâng bốc nhau làm gì! Ông cứ nói thẳng, khỏi cần quanh co gì cả!

Ngô Thì Nhậm sửa lại thế ngồi trước khi tiếp:

- Muốn biết sĩ dân Bắc hà nghĩ về chúng ta như thế nào, trước hết ta cứ thành thực xét mình, xem bao lâu nay ta đã làm những gì để thuyết phục họ. Tiết chế Vũ Văn Nhậm đã làm được gì, các ngài biết rồi: lòng xét khắp kinh thành để lấy của, bắt phu phen đắp thành lũy ngày đêm không nghỉ, dân họ chỉ sợ và oán chứ không phục. Đối với sĩ phu thì "truyền bằng mắt, khiến bằng hơi". Ai lỡ ra giúp việc quan đều chán nản. Kẻ còn đứng ngoài lo trốn lánh, xem việc ra cộng tác với chế độ mới như một điều xấu hổ. Vì bấy nhiêu cái tội lớn lao ấy mà Vương thượng phải thân hành ra đây trị tội. Mấy tháng nay chúng ta gây lại được cái đồ vỡ, vá chỗ rách, dặm chỗ hở. Công phu đồ ra nhiều nhưng thời gian còn ít quá, chưa đủ phục hồi lòng tin của sĩ dân. Đó là chưa kể: đối với bọn câu nệ hẹp hòi, thì Đảng Trong vẫn là nước ngoài.

Nội hầu Phan Văn Lân hỏi:

- Nếu sĩ dân Bắc hà còn nặng tình với Lê Trịnh, thì tại sao mấy lần chúng tôi kéo quân ra đây dễ dàng như vào chỗ không người? Tự tôn trốn tránh, cố dấy việc cần vương, nhưng ông thấy đấy, có làm nên cơm cháo gì đâu. Họ Lê tự mình đứng chủ trương còn thế, huống chi nay dắt quân Tàu về, rước voi dày mả tổ, thì còn chút chính nghĩa nào cho sĩ phu khắp nước "nghênh cổ mà mong". Ông có nghĩ quá đáng giùm cho họ chăng?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Đối với lớp nhà nho không dám nghĩ gì ngoài kinh sử, thì không có gì quá đáng. Số lẫn tránh, trốn nấp chờ thời còn quá đông đảo. Những kẻ dạn dĩ hơn ra giúp việc nước, thì cứ nhấp nhồm, đứng ngồi chưa yên. Dân chúng còn hoang mang. Thời thế hiện nay khác thời Lê Thái Tổ chính ở lòng dân còn bất quyết đó. Ta không thấy trước, cứ theo kế mai phục thì địa thế, quân số ta thế nào, bọn đón gió mang hết ra báo cho giặc để tâng công. Nhân kế của mình, mà thành kế của giặc, chúng chỉ việc vây kín bốn mặt mà bắt. Quân cơ của mình đã bị tiết lộ, tự nhiên mình phải mất tiện nghi, hãm mình vào chỗ chết, còn hòng đánh úp ai được! Binh pháp nói rằng: khéo mai phục thế nào cũng được, lằm mai phục thế nào cũng thua.

Ngô Văn Sở hỏi:

- Thế thì nên làm thế nào?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Trong phép dụng binh, có đánh có giữ. Bây giờ quân Thanh sang đây thanh thế rất lớn. Ngoài nước, những kẻ đi làm nội ứng cho giặc lại còn nói phao cho thanh thế của chúng to thêm, hòng

làm kinh động lòng người. Quân ta hễ có việc gì, kẻ sai phái vừa ra khỏi thành liền bị bắt giết. Những người Bắc hà bị làm lính chỉ chực dịp là trốn. Đem hạng quân đó mà đánh nhau, không khác nào xua đàn dê đi đánh con cọp, không thua sao được? Còn muốn đóng cửa thành cố giữ, thì lòng người đã không vững rồi, cái lo bên trong chắc sẽ xảy ra, dẫn đến Tôn Ngô sống lại cũng phải bó tay không tính được kể gì. Như vậy khác nào đem con trạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ cho kỹ lại xem, đánh chẳng được, giữ chẳng được. Cả hai chuyện đánh giữ đều không phải thiện sách.

Ngô Văn Sở lo lắng hỏi:

- Chẳng còn kế nào khác ư?

Ngô Thì Nhậm nói:

- Bất đắc dĩ chỉ còn cách này: Sớm cho thủy quân chở thuyền lương lui về giữ Biện Sơn, bộ binh thì lui về giữ núi Ba Dội (Tam Điệp). Mặt thủy mặt bộ thông nhau giữ lấy chỗ hiểm cho vững thể thủ, rồi cho người chạy giấy về bẩm Chúa công. Thử coi quân Thanh đến đây cư xử với việc nhà Lê thế nào, vua Chiêu Thống sau khi phục quốc tính mưu kế gì nữa, đợi Chúa công ra sẽ đánh cũng chưa muộn.

Có nhiều tiếng xôn xao bất đồng trong phòng họp. Ngô Văn Sở ở vai chủ tọa cũng cảm thấy tự ái bị thương tổn như các bạn nhà võ, nên lớn tiếng nói:

- Chúa công về nam, đem cả thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải quyết sống chết với thành. Có thể trên không then là bề tôi giữ đất, dưới không phụ với chức trách cầm quân. Chưa thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, thì chẳng những đắc tội với Chúa công mà dân Bắc hà còn coi ta ra cái gì nữa!

Ngô Thì Nhậm bị cả phòng phản đối vẫn không núng, ông đáp:

- Tướng giỏi thời xưa, thường phải lượng thế giặc mà đánh. Phải nắm phần thắng mới đánh. Theo thế lập mưu giống như đánh cờ vậy. Trước có nhin người ta một nước, sau sẽ hơn một nước, rồi đem nước sau làm nước trước mới là cờ cao. Nay ta cho toàn quân rút lui, không bị mất một mũi tên, cho nó ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích nước Tấn đem cho nước Ngưu rồi lại vẫn về nước Tấn, có mất gì đâu. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi dám xin đứng ra bộc bạch rõ với Chúa công, chắc là ngài sẽ rộng xét. Xin các ông chớ ngại.

Ngô Văn Sở quay về phía nội hầu Lân hỏi:

- Ý ông thế nào?

Nội hầu Lân đáp:

- Tôi xin tuân lệnh quan đại tư mã.

Ngô Văn Sở lại hỏi chương phủ Dụng:

- Còn ông?

Nguyễn Văn Dụng đáp:

- Tôi đã trình bày từ đầu cái kế mai phục. Xin ngài cứ ra lệnh.

Ngô Văn Sở mím môi suy nghĩ, rồi nắm chặt hai tay lại, ông nói chậm cho mọi người chú ý:

- Ta theo cái kế của quan thị lang. Ngay đêm nay, ta họp bàn kế hoạch rút quân. Phải làm thế nào cho an toàn, và nhất là không làm dao động nhân tâm. Các ông nhà võ biết rồi, bao giờ lui quân cũng nguy hiểm hơn là tiến quân. Không được sơ sót bất cứ điều gì. Các ông nhớ cho nhé!

*

* *

Sau khi Chính Bình Vương về nam, bộ Lễ được chuyển tới một ngôi nhà rộng rãi khang trang

hơn, nhà khách có chỗ chứa gần bốn mươi quan văn võ cự triều đến trình diện theo lệnh triệu của Ngô Văn Sở. Sắc mặt người nào cũng lo âu. Có thể nói là lo âu gấp mấy lần trước. Đa số các quan đều đã đọc bài hịch của triều Thanh, nên cả quyết đây là biện pháp tập trung giới sĩ phu Bắc hà quản thúc một chỗ, đề phòng việc thành hình các nhóm nội ứng do nhà nho chủ xướng. Có lẽ trước lúc ra đi đã có cảnh khóc lóc, dậm dề, trần trời, y như mọi cảnh tử biệt, sinh ly. Trên trán từng người có thêm nếp nhăn. Tóc bạc thêm dưới vành khăn xếp lệch. Áo quần vì vậy cũng nhếch nhác, thiếu vẻ tề chỉnh đáng lẽ phải có. Trước cổng bộ Lễ, sau khi các ông nghè, ông cống vào rồi, đám đông thân nhân lóng ngóng chờ tin dữ cũng đông đảo hơn lần trước. Đến mấy cậu lính lệ lo việc canh gác cũng trở thành quan trọng. Người ta nín thở, căng mắt, sẵn sàng đón, mời trầu các cậu, để moi vài cái tin mừng. Các cậu không biết quan đại tư mã mời các quan cự triều đến làm gì, ai hỏi thế nào cũng gạt dúi ý trước mâu thuẫn ý sau. Đám thân nhân càng hoang mang, khóe mắt rớm đỏ.

Phần các quan khi vào nhà khách bộ Lễ mới tin được rằng người ta không triệu mình đến đây để bỏ tù. Nhà khách được trang hoàng uy nghiêm. Ngoài chiếc sập chạm dành cho quan chủ tọa, người ta đã trải chiếu trên sàn nhà, mỗi chiếu đặt sẵn khay nước trà và ống điều thuốc lòn. Tùy theo phẩm trật mà quan phụ trách Lễ bộ lễ phép mời quan khách lên ngồi ở chiếu trên hay chiếu dưới. Nói chung, cách tổ chức đón tiếp cực kỳ trân trọng, không có vẻ nào đe dọa hoặc khinh thường.

Trần Bá Lãm và mấy người bạn đến khá sớm và tuy phẩm trật của họ khác nhau, cũng được lễ quan trân trọng mời ngồi chung ở hàng chiếu đầu. Họ khiêm nhường xuống ngồi ở hàng chiếu thứ hai.

Viên tri phủ thấy nét mặt ủ rũ hoang mang của các quan khác, nói thầm với ông nghè Lãm:

- Sao họ rũ ra như chiếc lá úa thối? Đẳng nào cũng phải giữ chút khí hạo nhiên chứ!

Ông cử nói khá lớn:

- Họ sợ bị đóng gông cả đấy.

Viên ngoại lang ngây thơ hỏi:

- Có tội gì mà đóng gông?

Ông cử cười, hỏi lại:

- Không có gì sao lại triệu đến đây? Cả nước này không triệu ai, chỉ triệu có chúng mình.

Ông cự tri phủ thì thào:

- Lúc này, tôi nghe hình như... hình như Lạng Sơn đã vỡ rồi. Trấn thủ phải chạy về ghé tạm ở Kinh Bắc. Không biết đúng như thế hay là phao ngôn. Gớm, thiên hạ bịa ra không biết bao nhiêu tin đồn nhảm. Nhiều khi vô lý không chịu được, nhưng nhiều kẻ có học vẫn sáng cả hai mắt hỏi dồn: "Thế à? Thế à?" Chỉ vì hợp với tì vị của họ mà!

Họ lục tục kéo vào khá đông, và không ai chịu ngồi vào các hàng chiếu đầu, dù những người đến muộn phải đứng, hoặc chen chúc tám, chín người trên các chiếu cuối. Quan Lễ bộ đi đến từng nhóm, từng người mời họ lên trước. Ai cũng lễ phép gạt đầu. Nhưng hàng chiếu đầu vẫn trống. Có lẽ đã quen với hiện tượng ấy, quan Lễ bộ không thèm mời mọc thêm, sai lính đến cuốn bớt những chiếc chiếu trống ấy đi. Nhóm Trần Bá Lãm bất đắc dĩ trở thành hàng đầu, đối diện với sập chủ tọa.

Tiếng rì rầm trong nhà khách chỉ chấm dứt khi lễ quan lớn giọng báo có quan đại tư mã đến. Ngô Văn Sở mặc triều phục, chậm rãi đi vào, theo sau là nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm. Phan Văn Lân mặc nhung phục, còn Nhậm chỉ mặc cái áo tú tài đơn sơ. Sau khi chủ

khách vái chào với nhau theo lối thông tục, Ngô Văn Sở cau mày hỏi viên lễ quan:

- Sao không có trầu cho các cụ?

Bị hỏi bất ngờ, viên lễ quan lúng túng đáp bừa:

- Bẩm... vì trầu-không độ này khó mua quá ạ!

Ngô Văn Sở tươi cười nói với mọi người.

- Thôi, các cụ chịu khó nhịn trầu cho một buổi sáng. Không, chỉ độ nửa buổi sáng mà thôi, vì tôi xuất thân ít học, cầm gươm thì thạo nhưng ăn nói thì dở lắm. Nói vài câu đã hết chuyện rồi. Do đó tôi phải nài cho được quan thị lang Ngô Thì Nhậm đi theo, để ngộ nhớ tôi nói cộc lốc trần trụi thì có ông nghề Nhậm gia giảm thêm bớt gia vị. Nếu tôi có lỡ lời, hoặc dùng chữ không đúng phép tắc, các cụ các bác tha thứ cho nhé.

Trong nhà khách nổi lên nhiều tiếng cười nhỏ. Cử tọa chờ đón một thứ không khí nghiêm túc, căng thẳng, chứ không chờ đón cái giọng mộc mạc thân tình đó. Ngay các cụ khoa bảng ngồi ở hàng chiếu trước cũng thôi không thẳng lưng chấp tay ngay ngắn nữa. Vài người mạnh dạn rót nước trà ra chén. Ngô Văn Sở tiếp:

- Vâng. Quý cụ cứ dùng nước cho đỡ khát. Lúc chúng tôi đến đây, chúng tôi thấy các thân nhân của quý cụ, quý bác vẫn còn tụ họp lóng ngóng trước bộ Lễ. Hình như họ quá lo lắng cho quý cụ. Và tôi biết hiện quý cụ cũng băn khoăn tự hỏi: "Không biết ông Sở gọi mình lên đây làm gì?" Xin đáp ngay để các cụ rõ: đây là một cuộc hội nghị Diên Hồng thứ hai. Các cụ đã từng dự việc quan, lâu nay về ẩn cư gần gũi dân chúng, thế nào cũng hiểu rõ những điều phải làm khi nước gặp biến. Phải. Chúng ta đang gặp cơn biến nguy hiểm chưa từng thấy, lớn lao chưa từng thấy. Quân Thanh sắp tràn qua đây, các cụ biết rồi. Quân số của chúng, theo như lời phô trương, lên đến năm mươi vạn. Mấy trăm năm nay nước ta độc lập, tự dựng chúng tràn qua đây chiếm nước người, đốt phá làng xóm, vơ vét tài vật, chẳng lẽ không tìm cái có gì để vin hay sao? Thừa có đấy. Bọn tôn thất, cựu thần nhà Lê, trước đây đã từng là bạn đồng khoa, đồng liêu của quý cụ, chính bọn công răn cắn gà nhà đó đã dắt díu nhau qua Tàu gào khóc, van xin để các quan lớn thiên triều rũ lòng thương, cất công đem quân và phu qua đây vơ vét của cải, xâm chiếm làng xóm, quê hương mình. Tôi nghe ông nghề Nhậm đây thường nhắc đến hai chữ "danh giáo", tôi còn nghe nói rằng đối với nhà nho, lễ sống của mình là không làm như danh giáo. Bọn chúng làm như vậy là đúng với danh giáo chẳng, thưa quý cụ?

Cả nhà khách im lặng phăng phắc. Ngô Văn Sở nhìn khắp lượt, rồi nói tiếp bằng giọng ít gay gắt hơn:

- Đây không phải là lần đầu tiên Trung Quốc có tham vọng nhòm ngó, xâm lăng nước ta. Tôi không thuộc sử Nam, nhưng cũng nhớ lõm bõm được tên bọn cướp nước phương Bắc: bọn Tống đời Lý, bọn Nguyên Mông đời Trần, bọn Minh đời Hồ. Thời nào chúng cũng bị dân ta muôn người như một đứng lên cầm đao, cầm rựa, cầm cuốc, cầm cả guốc dệp nữa, xua đuổi chúng đi. Thời trước oai dũng như thế, chẳng lẽ bây giờ gặp biến chúng ta lại hèn nhát? Quý cụ chịu khó đến đây, tức là đã trải nhiều đêm ngày suy nghĩ chín chắn và dứt khoát không theo bọn Lê Duy Án, Nguyễn Huy Túc, Nguyễn Đình Giản làm như danh giáo rồi. Các cụ đứng về phía Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi. Các cụ không quen cầm gươm, nhưng các cụ có một vũ khí còn sắc bén hơn cả gươm giáo của bọn nhà võ chúng tôi, là trí óc và uy tín của các cụ. Các cụ nghĩ một khắc, bằng con nhà võ chúng tôi khổ nhọc múa kiếm một năm (có nhiều tiếng cười). Quý cụ đừng cười nhũn. Thật vậy. Có những điều tưởng là khó nhưng thật dễ. Giặc đến ta làm gì đây? Câu hỏi đó ta tưởng khó nhưng dễ trả lời lắm. Con nhà

võ chúng tôi đáp liền: Đánh. Chúng đến thì đánh đuổi chúng về. Vài người nhẹ dạ không tin ta mà tin địch; nên vài hôm nữa, chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc duyệt binh vĩ đại ở bãi sông, có đủ quân sĩ các trấn Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Sơn Tây, Hải Dương, vừa để phô trương lực lượng khiến bọn hay khóc nhè thôi làm ồn phố phường (có tiếng cười lớn), vừa để họp lực đắp lũy đất ở sông Như Nguyệt. Còn một việc khác tưởng dễ mà thực ra quá khó, bọn võ biên chúng tôi không làm nổi.

Ngô Văn Sở quay về phía Ngô Thì Nhậm nói đùa:

- Tôi đem hỏi ông nghe Nhậm. Ông Nhậm bóp trán cũng không nghĩ ra cách nào thích hợp, mới gợi ý cho tôi mời các cụ đến hỏi. Câu hỏi thế này. Quan nội hầu, cho tôi mượn tờ hịch của "thiên triều".

Phan Văn Lân cầm một tờ giấy đặt sẵn trên sập đưa đến cho quan đại tư mã. Ngô Văn Sở nói:

- Câu hỏi thế này: Theo bài hịch thì "Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho châu gieo lăm than" nên mới phải chinh nam. Tự hoàng yếu đuối, hèn nhát đã trốn đi, nhưng họ Lê còn có Sùng nhượng công làm giám quốc. Chúng ta không sợ dùng binh cách, nhưng nếu có thể dùng lý để khởi động đến gươm đao thì vẫn hơn. Việc này thì con nhà võ chúng tôi phải khép nép rút lui để nhường cho quý cụ. Sĩ dân Bắc hà tránh được cảnh khói lửa hay không là nhờ cuộc họp mặt hôm nay. Các cụ có thể dùng tài lý luận để cản bước giặc hay không? Xin quý cụ bàn giúp cho.

Ngô Văn Sở dứt lời. Mọi người hoàn toàn im lặng. Các quan cự triều hầu hết đều cúi mặt xuống như sợ phải thấy gánh nặng đột ngột của trách nhiệm đặt lên đôi vai hẹp của mình. Quan đại tư mã mỉm cười nhìn khắp cử tọa, nắm tay đặt chắc nịch trên mặt sập. Chờ một lúc lâu như gắng thừa hưởng niềm khiếp phục sợ hãi của bọn nhà nho thất thế, Ngô Văn Sở mới nói:

- Bây giờ tôi có chút việc cần phải đi. Vả lại, tôi nán lại đây cũng bằng thừa vì có ích gì đâu. Quý cụ bàn thảo cho kỹ với ông nghe Nhậm. Tình thế gấp lắm, không cho phép chúng ta chần chừ nữa. Kính chúc các cụ khỏe để tận mắt chứng kiến ngày tàn của bọn cướp nước.

Không ai bảo ai, mọi người cùng đứng dậy chào từ biệt Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Hai võ quan đi khỏi, đột nhiên căn nhà khách bộ lễ ồn rộ lên. Mạnh ai nấy nói, quên mất quan thị lang Ngô Thì Nhậm.

*

* *

Ngồi một mình ở góc sập chạm, nhìn cảnh xô bồ ồn ào trước mắt, Ngô Thì Nhậm cảm thấy chua chát, ngao ngán. Ông nghĩ: "Chẳng lẽ sĩ phu Bắc hà sa sút đến như thế này ư!" Ý nghĩ ấy ám ảnh ông suốt cuộc họp sau đó.

Ông không cố lấy lại uy quyền của người điều khiển, nên sau khi viên lễ quan lớn tiếng nhắc nhở mọi người giữ trật tự, dù nhiều người thiếu tự trọng tiếp tục cười đùa, Nhậm vẫn ăn nói nhỏ nhẹ chậm rãi. Ông kinh ngạc thấy trước mắt ông, các quan lại cự triều, các nhà nho ẩn dật được nhiều tầm tiếng trong văn giới đột nhiên biến dạng. Họ trở thành những cái hình nộm múa may vụng về, nhiều khi lố lằng, kịch cỡm. Ông nhìn họ khinh thị như đang xem một màn múa rối. Có người rụt rè mở lời, nhưng càng nói càng mê chính âm vang lời mình, hứng chí phát biểu quá đà, cưỡng từ đoạt lý để thành trò cười cho cử tọa. Có người nói xong thì bẽn lễn như vừa phạm tội, mặt cúi gằm, hai tay cuống quýt giấu sau vạt áo the cũ. Chung quanh Ngô Thì Nhậm, người ta đua nhau tranh khéo tranh khôn. Người ta dốc hết điển tích meo mốc

trong cái trí nhớ mù mờ để đắp bồi thêm cho lập luận. Ông thấy rõ các lời lẽ om sòm ấy đều vô ích. Đều giả dối. Phí thì giờ. Ông chịu đựng hội nghị như là một thứ phiền nhiễu không tránh được trong công việc. Càng về sau, số người quay ra nói chuyện riêng càng nhiều. Cuộc bàn luận nhì nhằng trở nên trò chơi chữ nghĩa giữa những tay bạo mồm và những người thích tấn mẫn chẻ sợi tóc làm tư. Lâu lâu ông cử gàn trong nhóm Trần Bá Lãm nói được một câu dí dỏm nghịch lý, thế là cả nhà khách cười ầm, thoải mái.

Cuộc bàn luận hỗn độn cuối cùng cũng đến được một điểm cuối: tất cả các nhà nho hiện diện đều đồng ý nên soạn thảo một lá thư chung, xác nhận với nhà Thanh là sĩ dân Bắc hà đã tôn Sùng nhượng công lên làm giám quốc. Công việc nhỏ mọn còn lại là đề cử người soạn lá thư ấy. Chưa kịp nhìn quanh để tìm người đáng tín nhiệm, thì có người hỏi bấy nhiêu nhà nho có mặt đã đủ túc số đại diện tất cả sĩ dân hay không? Bắt đầu một cuộc bàn luận mới với đầy đủ các trò chơi chữ, chơi ý đố chát hoặc ranh mãnh. Giải quyết xong vấn đề đại diện, lại có người thắc mắc về nghi thức bang giao với nước ngoài, e rằng ngoài Sùng nhượng công ra, không ai đủ chính danh để gửi thư cho triều đình Trung Quốc. Danh không chính thì ngôn không thuận v.v... và v.v... Lại tranh khéo tranh khôn om sòm về thuyết chính danh của Đức Khổng phu tử. Gần giờ Ngọ, nhờ những tay hùng biện đều mệt lả và ruột bắt đầu cồn cào, nhờ các chuyện đầu cua tai nheo cạn dần, họ mới để cho cuộc hội họp đi đến một kết quả: các văn thần Nguyễn Quí Nha, Trần Bá Lãm và văn thuộc Vũ Huy Tấn được ủy nhiệm thảo thư. Phái bộ mang lên cửa ải trao cho nhà Thanh gồm ba nhà nho nói trên, cộng thêm võ thần Nguyễn Đình Khoảng, Lê Duy Chử, và võ thuộc Nguyễn Đăng Đàn. Chưa bao giờ Ngô Thì Nhậm xấu hổ cho nghiệp nho bằng buổi họp hôm ấy.

(1) Mai Quốc Liên dịch, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, tập 2, trang 214, 215, 216.

(2) Hoàng Lê, trang 284-285

(3) Lúc Vũ Văn Nhậm đem quân ra giết Nguyễn Hữu Chỉnh

4) Dựa theo Hoàng Lê, từ trang 287-289.

Chương 91

Khoảng cuối tháng 9, An được Ngọc Hân công chúa cho vào cung. Ân huệ bất ngờ đó khiến An lo lắng, không hiểu còn tai họa nào sắp ập lên đầu mấy mẹ con chị nữa. An như con chim sợ tên nên thấy cảnh con nào cũng hốt hải, hoang mang. Lợi sáng suốt hơn, thấy đây là điềm lành. Quan thị lang bộ Hình (Phan Huy Ích) đã về bắc, vụ án gạo đã xếp lại. Tuy bộ Công không giao công việc gì cho Lợi cả, nhưng những chỗ quen biết đã bớt e dè khi giao thiệp với vợ chồng Lợi. Lần này cửa hoàng cung đã mở rộng đón An, chứng tỏ trong cái guồng máy bí hiểm đáng sợ là hệ thống nha bộ ở kinh thành, đã có một quyết định nào đó về vụ Lợi, một quyết định thuận lợi, đáng mừng.

Ngọc Hân thân mật đưa An vào tận phòng mình, ái ngại bảo:

- Độ này chị ốm và xanh lắm.

An cảm động, rơm rớm nước mắt. Cố dần xúc động, An mỉm cười nói với Ngọc Hân:

- Còn Công chúa thì đẹp hẳn lên. Thoạt mới nhìn tôi phải kinh ngạc, ngỡ ngàng.

Ngọc Hân sung sướng đến hồng cả mặt, vội nói khiêm nhường:

- Không đâu. Tôi mãi lo con cái đến nỗi quên cả chải tóc.

Nói thế nhưng chính Ngọc Hân cũng biết mình đẹp. Sau kỳ sinh nở, dường như Công chúa hưởng được một nguồn sinh lực kỳ diệu đến nỗi mỗi sáng soi gương, Công chúa đều bên lên, mừng rỡ ghi nhận thêm nét đẹp mới. Đôi vai hẹp thời con gái bây giờ trở nên đầy đặn. Chiếc cổ cao và trắng có ngần. Da mặt căng lên như đúc bằng sáp và đôi mắt long lánh một niềm hớn hởi, xôn xao mỗi lần nhắc đến tên con. Hình như sau mười sáu năm âm thầm chờ đợi, người mẹ ẩn nấp trong tấm thân nhỏ nhắn của Công chúa đột nhiên thức dậy, hân hoan đón nhận thiên chức sáng tạo như những nhụy hoa mùa xuân run rẩy đón gió phẩn. An vui lây trước niềm vui của Ngọc Hân, quên hết nỗi lo âu riêng. Công chúa đuổi hết thị nữ ra khỏi phòng, rồi mới bồi hồi nói với An:

- Chị phải vào giúp tôi mới được. Chúa công thật kỳ. Chúa công một mực bảo phải tự tôi khâu thì chiếc áo cổn mới mang may mắn. Chúa công còn tự vẽ lấy kiểu mũ miện nữa. Mồng ba tháng 10.(1) Không kịp mất! Chị phải giúp tôi mới được.

Công chúa đem ra một chiếc áo bào đang khâu dở. An ngạc nhiên hỏi:

- Như vậy là thiên hạ đồn đúng, phải không thưa Công chúa?

Ngọc Hân vội hỏi:

- Họ đồn những gì?

- Họ đồn Chúa công sắp tế cáo trời đất để đăng quang.

- Thật thế à? Sao họ nhạy vậy?

- Họ thấy quân lính đắp đàn ở phía núi Bân nên đoán như vậy. Nay nếu họ biết thêm chính

Công chúa đang thêu áo cổn thì...

Ngọc Hân vội xua tay, giọng lo ngại:

- Đừng. Chính Chúa công cũng dặn không nên để cho bọn thị nữ biết. Chúa công bảo muốn dành cho mọi người sự ngạc nhiên, nhưng tôi không dễ tin thế đâu. Việc đăng quang liên hệ vận mệnh của đất nước, đâu phải chuyện đùa mà làm lúc nào cũng được. Vả lại...

Nói đến đây, Công chúa do dự. An ngược lên nhìn Ngọc Hân chờ đợi. Ngọc Hân lúng túng vờ về một vạt áo bào đang đặt trên đầu gối, mãi một lúc sau mới hỏi An:

- Lâu nay chị có nghe bên Hoàng hậu nói gì không?

An thành thật đáp:

- Thừa không ạ. Hôm... hôm gia đình tôi gặp chuyện không may định vào cung cầu cứu Hoàng hậu, nhưng Hoàng hậu không tiếp.

Ngọc Hân vội hỏi:

- Chuyện gì không may thế? À, tôi nhớ ra rồi. Chính từ vụ đó mà có lời huyền truyền bảo rằng Chúa công bị tôi mê hoặc, bị tôi dẫn "đi xem hát chèo". Miệng lưỡi con người thật là... Có lẽ vì vậy mà Chúa công không muốn ai biết chuyện thêu áo cổn. Tôi nhờ chị, chị phải kín đáo cho nhé. Cứ bảo với mọi người là vào đây để tôi hỏi thăm cách nuôi con nhé. À, chị cho tôi hỏi thăm chuyện nuôi con nhỏ luôn. Có phải mỗi khi sắp biết lật hoặc biết bò cũng như sắp mọc răng, đứa bé thường bị sốt phải không?

- Đúng thế ạ.

- Ngộ nhớ đúng vào lúc ấy nó bị bệnh thì làm sao biết mà chữa. Như bị cảm mạo chẳng hạn.

Thấy nó nóng, mình cứ nghĩ sắp mọc răng, không lo chạy chữa...

An cười, cắt lời Ngọc Hân:

- Trong cung có ngự y, Công chúa đừng quá lo. Hơn nữa, trẻ con mạnh khỏe ít khi mắc chứng bệnh nào hiểm nghèo. Bị nóng mình hay đi tuốt là chuyện thường.

- Nói thế chứ lúc con nó ốm mình, tôi không tài nào chợp mắt được. Lúc nào cũng nghĩ Trời không thương mình, không cho mình được thấy con lớn lên. Hồi mới có con, chị có thể không?

- Dạ ai cũng vậy.

- Thế mà tôi cứ tưởng Trời chỉ bắt tội một mình mình mà thôi. Chị tính, tôi vào đây như vào xứ lạ, Chúa công đa đoan công việc, chỉ còn niềm vui được đùa giỡn với con. Nhiều hôm thương nó quá, ôm chặt vào lòng đến nó phải khóc. Chị có như thế không?

An kiên nhẫn đáp:

- Dạ cũng thế ạ.

Ngọc Hân nhận ra điều lẩn thẩn của mình, hơi ngượng, vội nói qua chuyện khác:

- Thôi, chị xem chuyện thêu thùa giúp tôi nào! Mẫu áo cổn và mũ miện đều do chính tay Chúa công vẽ ra đấy. Cũng hay hay đấy chứ. Nực cười thật. Chúa công bảo: "Việc gì phải bắt chước bọn Tàu. Ta tự tay dựng nước thì cũng phải tự tay vẽ áo cổn được". Lúc đó, tôi muốn trêu: "Thì Chúa công hãy tự tay thêu áo mũ đi, sao lại nhờ người khác", nhưng thấy nét mặt Chúa công nghiêm nghị quá, tôi không dám đùa.

An tò mò hỏi:

- Lúc bình thường, Công chúa có hay đùa cợt với Chúa công không?

Ngọc Hân đỏ mặt, khẽ đập vào tay An trách:

- Chị hỏi làm gì. Hãy liệu xem mẫu chỉ này viền tà áo cổn có thích hợp không. Ba tháng Mười!

Chắc không kịp đâu. Chị rán vào đây hằng ngày giúp tôi, may ra...

*
* *

Thấy vợ đi đi về về mỗi ngày mà không nói rõ vào cung làm gì, Lợi càng sốt ruột. Lòng tự ái của đàn ông nổi dậy, sau nhiều lần tra gạn không kết quả, Lợi không thềm hỏi nữa. Anh xem như công việc của vợ không có lợi mà cũng không có hại gì cho mình. Đôi lúc anh ngờ vực vu vơ, hay hờn ghen bóng gió. Tự ái lại thêm bị va chạm. Lợi ray rứt trong cảnh không bạn bè, không công việc. Anh nhớ tiếc cái thời đi đâu cũng được người ta săn đón, chiều chuộng. Ngày nào cũng có một cuộc say. Cuộc đời trống rỗng, nhạt nhẽo. Lợi không phải là người dễ dàng chịu nhận sự thiệt thòi với hai cánh tay xuôi. Anh không thể chịu đựng mãi cuộc sống vô định bấp bênh thế này. Ba lần anh bị mưu hại, ba lần thoát nạn. Nhưng vụ án gạo vẫn còn đó, lơ lửng như một lưỡi dao bén có thể bổ xuống đầu anh bất cứ lúc nào. Chỉ cần một cái gạt đầu, hoặc một cuộc vận động kín đáo nào đó của kẻ thù. Anh có thể nắm đằng lưỡi cái dao nguy hiểm đó chẳng? Không. Anh nhắm mắt chờ đợi sự may rủi chẳng? Không. Phải vùng vẫy, bằng cách nào đó.

Lợi nằm nhà tần mẩn nhớ râu một thời gian, rồi lại lân la tìm đến các chỗ quen biết cũ. Sự lạnh nhạt của đám bạn bè và mối lái làm ăn trước đây chẳng khác nào một gáo nước dội vào mặt Lợi. Anh choáng váng, lằm bằm chửi rủa thế thái nhân tình. Chỉ có đám thân nhân các chủ ghe Đồng Nai bị giam bấy lâu, vì mới chân ướt chân ráo đến Phú Xuân, tưởng Lợi còn có thể lực nên tìm đến tận nhà để mong Lợi cứu giúp.

Lợi choàng dậy như có phép lạ. Anh vồn vã chào đón họ, nhận lời họ mời đi chè chén, rồi như con ngựa lâu ngày cuồng chân trong chuồng hẹp được gặp lại đường dài, Lợi huênh hoang hứa hẹn với họ đủ điều. Qua họ anh biết rõ thêm tình hình bi đát của thái bảo Phạm Văn Sâm ở Gia Định, cùng cuộc sống sung túc ở Đồng Nai. Cái ý tưởng phải vùng vẫy để thoát lầy nhiều lần hiện ra trong óc Lợi, giữa các tiệc rượu, hoặc sau khi tàn cuộc. Phải vùng vẫy! Phải làm cái gì cho "chúng nó" sống sờ! Từ đó Lợi thường bỏ nhà cho hai con và mấy đứa hầu gái (hai người lính Lợi đem về giữ cổng và tắm ngựa đã bị đòi lại), suốt ngày đi đâu không ai biết. Lâu lâu có người lạ đến tìm Lợi, vẻ mặt dớn dác lo lắng. An nghe hai con thuật lại, nghĩ chồng bắt đầu gây dựng lại các mối làm ăn. Chị yên tâm cùng với Ngọc Hân chăm chút đường thêu trên tấm áo cổn, vừa làm việc vừa bồi ngùi nhớ lại các kỷ niệm cũ thời An Thái. Đôi lúc, An xúc động đến hoa mắt, phải dừng kim lại. Công chúa ngược lên dò hỏi. An giấu quanh chuyện lòng, nói với Ngọc Hân:

- Đang thêu, tôi chợt nhớ đến thời sinh tiền, cha tôi rất thích một bài thơ tứ tuyệt của sư Huyền Quang. Công chúa đã đọc bài thơ đó chưa?

Ngọc Hân cười đáp:

- Nhất định là chưa. Các nhà sư thời Lý Trần làm thơ tuyệt mệnh để truyền y bát, tôi đọc chả hiểu gì cả.

- Không. Bài này đơn giản lắm. Tôi đọc cho Công chúa nghe nhé:

Nhị bát giai nhân thích tú trì

Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly

Khả liên vô hạn thương xuân ý

Tận tại đình châm bất ngữ thì.

(Trên tay giai nhân mười sáu tuổi, đường kim bỗng chậm lại. Mấy chú hoàng anh tỏ vẻ trong lùm tử kinh hoa rộ. Thương quá đi, bao nỗi nhớ lòng thương xuân vô hạn đang trút cả vào giây

phút ngừng kim và im phắc.)

Ngọc Hân Công chúa thích quá, reo lên:

- Thật hay quá. Có chắc là của sư Huyền Quang không? Chị thuộc thơ cũng nhiều lắm phải không? Thế mà tôi cứ tưởng...

Công chúa ngơ ngác, khi thấy An cúi gằm mặt xuống tấm áo bào, nước mắt nhỏ từng giọt.

*

* *

Bấy giờ mùa mưa dầm đã bắt đầu ở Phú Xuân. Ở các công sở, người ta lo dọi lại các mái dột hoặc kê cao các rương gỗ đựng giấy tờ công văn. Những trận mưa thê thiết, dai dẳng biến các đường phố thành những vũng lội nhớp nháp. Đoạn nào có trải đá thì đỡ lồi lõm hơn, nhưng đất sét dẻo quánh cứ dính chặt vào đế guốc. Bước chân ra khỏi nhà là gặp nỗi ngại ngùng. Quần áo ướt dính vào da thịt, gió lạnh thổi hết đợt này đến đợt khác, khiến các cậu lính lệ ở các chòi canh ủ rũ nhớ nhà.

Giữa cảnh mưa gió ấy, tin kho lúa Phủ Cam bị cháy chẳng khác nào một chuyện khôi hài khó tin. Kho này xây trên đồi đất cao, xa khu dân cư nên khó bị cháy lây vì sợ ý bếp núc. Quanh kho, hai ba lớp rào tre gai bao quanh, ngoài các quan quân bộ Công có phận sự, không ai được bén mảng đến gần. Thế mà cháy được! Khó tin lắm. Dân Phú Xuân đã quá chán cái cảnh nằm dí ở xó nhà nghe mưa rả rích trên mái tranh, nên nhiều người đội mưa lên Phủ Cam xem hư thực. Kho Phủ Cam bị cháy thật. Chưa kịp truyền hết cái ngơ ngác cho bạn bè để bàn tán quen rét, họ đã nghe thêm tin kho An Cựu cháy. Điều bất thường rõ ràng gặp nhiều bàn tán xôn xao. Và hoang mang. Từ khi tình hình Gia Định xấu, các ghe gạo Đồng Nai đã vẳng trên bến sông Hương. Gạo Quảng Nam cũng không vượt qua đèo. Giá gạo tăng vọt nhanh chóng, viễn ảnh trước mắt là ngoài cái lạnh ẩm ướt đã quen chịu đựng từ thuở lọt lòng, dân Phú Xuân sắp chịu thêm cái đói. Lâu nay kho gạo thường bình vẫn bán nhỏ giọt cho dân để hãm bớt đà gia tăng của vật giá. Gạo ở thị trường khó mua, nhưng ai có tiền thì mua bao nhiêu cũng có, hoặc từ các kho gạo công rả rích tuôn ra mỗi đêm, hoặc từ các trại lính đóng quanh thành. Bây giờ hai kho gạo lớn liên tiếp cháy, báo hiệu cuộc biến nào đây? Ai đốt? Đốt để làm gì? Rồi triều đình sẽ có biện pháp nào để trấn an nhân tâm? Dưới những mái nhà thấp dột nát ẩm ướt, bọn đàn ông tụ họp nhau bàn cãi ồn ào quên phắt cả đói, rét. Bọn hiểu sự không sợ đường trơn và mưa ướt nữa. Họ chạy khắp nơi để săn tin. Ai đốt? Đốt để làm gì? Họ nghĩ nơi am tường hết thủy diễn biến phải là bộ Hình. Ngày nào trước cổng bộ cũng có những đám đông lóng ngóng chờ tin. Họ không bỏ công chút nào. Những câu nói úp mở của các cậu lính lệ gác trước bộ Hình thật đáng gấp hai gấp ba cái giá túi trâu, cút rượu bọn hiểu kỳ phải trả. Đúng như mọi người dự đoán: có một âm mưu phá hoại các kho chứa thóc. Kẻ chủ mưu không ai khác là Nguyễn Ánh ở Gia Định. Bọn trực tiếp tổ chức phá hoại gồm vài tên đội lốt con buôn, vài tên thuộc hoàng tộc lâu nay giả vờ khoan tay rũ áo để che mắt quan quân Tây Sơn. Và điểm hấp dẫn nhất là bọn họ đã lôi kéo, mua chuộc được một số quan quân Tây Sơn làm nội tuyến. Một trong những kẻ phản trắc nguy hiểm đó là Lợi!

*

* *

Nguyễn Huệ giờ xem các tờ biểu tấu từ Bắc thành vừa gửi vào. Liên tiếp mấy hôm nay làm việc quá sức nên Chính Bình vương uể oải lật xem mớ công văn với đôi mắt ơ hờ. Chỉ có tờ mật tâu của đại tư mã Ngô Văn Sở báo cáo chi tiết hai đoàn cầu viện của Lê Chiêu Thống và bản thảo tờ

chiếu lên ngôi do Ngô Thì Nhậm viết là được Vương chú ý. Nguyễn Huệ sửa lại thể ngôi, chăm chú đọc bản thảo bài chiếu Vương đã sai Ngô Thì Nhậm soạn cho phù hợp với tâm lý sĩ phu Bắc hà. Bài chiếu như sau:

"Trẫm nghĩ: Ngũ đế đổi họ chịu mệnh trời, tam vương nhân thời mở vận nước. Đạo có thay đổi, thời phải biến thông, nhưng đấng thánh nhân vâng theo đạo trời để làm vua trong nước, yêu dân như con thì cái nghĩa cũng chỉ là một.

Nước Việt ta, từ Đinh Lê Lý Trần mở nước đến nay, bậc thánh minh dấy lên chẳng phải một họ. Nhưng phế, hưng, dài, ngắn, vận mệnh trời cho, chẳng phải sức người làm được.

Trước đây nhà Lê mất quyền, họ Trịnh và họ Nguyễn cũng chia nhau cương vực hơn hai trăm năm, giềng mối rối loạn, ngôi vua chỉ là hư vị, mỗi họ tự ý gây dựng bờ cõi riêng mình, kỷ cương trời đất một phen đổ nát không dựng lên được, chưa có thời nào quá quắt như thời này. Thêm nữa, những năm gần đây, nam bắc đánh nhau, dân sa vào chốn lầm than.

Trẫm là kẻ áo vải đất Tây Sơn, không có một tấc đất, vốn không có chí làm vua. Chỉ vì lòng người chán ghét loạn lạc, mong có vị minh chúa để cứu đời, yên dân. Cho nên tập hợp nghĩa quân, xông pha chông gai, phá núi mở rừng, giúp đỡ Hoàng đại huynh dong ruổi binh mã, gây dựng nước ở cõi Tây, dẹp Tiêm La, Cao Miên ở phía nam, rồi hạ thành Phú Xuân, lấy thành Thăng Long. Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cõi đất mà thôi.

Nhưng việc đòi dời đổi, rốt cuộc trẫm không được như chí nguyện. Trẫm dựng lại nhà Lê, nhưng Lê tự quân để mất xã tắc, bỏ nước chạy trốn. Sĩ dân Bắc hà không theo về họ Lê lại dựa vào Trẫm. Đại huynh vì khó nhọc mà mỗi một, chỉ muốn giữ một phủ Qui Nhơn khiêm nhường xưng làm Tây vương. Mấy nghìn dặm đất ở cõi nam thuộc về Trẫm cả. Trẫm tự nghĩ mình lượng bạc, tài đức không theo kịp cổ nhân mà đất đai rộng lớn như thế, nhân dân đông đúc như thế, nghĩ đến việc cai quản, lo sợ như cầm dây cương mục mà giông sáu ngựa!

Vừa đây, tướng sĩ văn võ, thần liêu trong ngoài đều muốn Trẫm sớm định vị hiệu để thu phục lòng người, dâng biểu khuyên mời đến hai ba lần. Các tờ biểu vàng suy tôn, không hẹn nhau mà cùng một lời. Trẫm nghĩ: nghiệp lớn rất trọng, ngôi Trời khó khăn, Trẫm thật lòng lo không đương nổi. Nhưng ức triệu người trong bốn bể trông cậy vào một mình Trẫm. Đó là ý Trời, há phải việc người? Trẫm ứng mệnh Trời, thuận lòng người, không thể cố chấp nhún nhường mãi, lấy ngày ... tháng ... năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là... nguyên niên.

Hỡi trăm họ muôn dân các người!

Lời nói lớn lao của ngôi hoàng cực là lời giáo huấn phải thi hành (2) Nhân, nghĩa, trung, chính là đầu mối lớn của đạo làm người. Nay Trẫm cùng dân đổi mới, theo mưu mô sáng suốt của tiền thánh để trị và dạy thiên hạ!

Than ôi! "Trời vì hạ dân, đặt ra vua, đặt ra thầy là để giúp Trời vỗ yên bốn phương"(3) . Trẫm có cả thiên hạ, sẽ dắt dìu dân lên con đường lớn, đặt vào đài xuân.

Hỡi thần dân các người!

Ai nấy hãy yên chức nghiệp, chớ làm những điều không phải đạo thường. Người làm quan hãy giữ phong độ hòa mục, người làm dân yên trong lệ tục vui hòa, trị giáo mở mang hưng khởi đến chỗ rất thuận, để văn hồi thời thịnh trị của Ngũ đế, Tam vương, khiến cho tông miếu xã tắc được phúc không cùng, há chẳng đẹp đẽ sao?"(4)

Đọc xong bài chiếu, Chính Bình vương mỉm cười, gật gù một mình, rồi đọc lại lần nữa. Lần này

vương đọc thật chậm, sau một câu dừng thật lâu để suy nghĩ rồi mới đọc tiếp câu khác. Đến đoạn "Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cỗi đất" Nguyễn Huệ bật cười, đưa tay với bút son sổ dọc theo hai hàng chữ, miệng lầm bầm:

- Tay nhà nho này ranh ma lắm! Nói thế này con nít cũng không tin được. Nhưng phải nói, không nói không được. "Ung dung áo gấm hài thêu"! Hẳn tưởng ta đã chán cái yên ngựa! Phải nhận là hẳn viết khéo thật. Quả là Trời đã dành hẳn riêng cho ta dùng.

Nguyễn Huệ đọc tiếp xuống dưới. Đến chỗ Ngô Thì Nhậm chừa trống để vương tự định ngày lên ngôi cùng vương hiệu, Nguyễn Huệ bậm môi suy nghĩ thật lâu:

- Ngày mồng 3 tháng 10 chắc chắn là không được rồi. Kinh thành rối loạn thế này, mưa dầm thê thiết đến ê ẩm thân thể thế này, lòng dân lo rét, lo đói, lên ngôi sao được. Phải dẹp cho sạch bọn phá hoại đang gieo rắc hoang mang khắp Thuận Hóa, rồi sau hãy tính. Dẹp luôn cả những bọn tham lam, bọn nhị tâm chờ thời. Phải dời ngày xưng vương lại thôi. Còn vương hiệu thì đã chọn xong xuôi rồi. Quang Trung! Quang Trung! Nghe hơi êm ái, nhưng ta thích hai tiếng đó.

*

* *

Đích thân thượng thư bộ Hình Hồ Công Thuyên dẫn giải Lợi vào thành trình diện với Nguyễn Huệ.

Mới bị giam vào ngục tối có hai ngày mà Lợi đã xơ xác thiếu não như người từng bị giam tù lâu năm. Tóc Lợi bị xổ ra, bù rối và hôi hám, trên trán phía trái, một mảng tóc bị dính chặt vào một vết thương đã khô máu. Đôi mắt thẳng thốt hốt hải. Khuôn mặt xanh tái hốc hác có nhiều vết bầm. Mũi dưới sưng vều lúc bị tra khảo, khiến mới thoát nhìn, Nguyễn Huệ không nhận ra được Lợi. Hồ Công Thuyên cho tháo cái gông gỗ lim nặng lúc đến cửa thành, nhưng Lợi vẫn giữ dáng đi khom khom như lúc chưa thoát khỏi gánh nặng của tù tội.

Chính Bình vương muốn được nói chuyện riêng với Lợi, nên Trần Văn Kỷ và Hồ Công Thuyên vội vã ra khỏi phòng. Nguyễn Huệ lừ mắt nhìn Lợi, hỏi gần:

- Sao lại trốn một mình?

Lợi vẫn cúi gầm mặt xuống, không đáp. Nguyễn Huệ tức giận hỏi:

- An có biết trước chuyện này không?

Lợi ngửng lên, ánh nhìn cầu khẩn, sợ hãi. Cái mũi sưng vều khiến anh chỉ trả lời phều phào được mấy tiếng:

- Dạ không biết.

Nguyễn Huệ hơi nguôi giận, giọng nói êm dịu hơn:

- Nếu "cô ấy" biết, "cô ấy" có để cho anh làm chuyện tày trời thế này không?

Lợi đáp liền vì đó là sự thực:

- Dạ không.

Nguyễn Huệ trầm ngâm một lúc, rồi buồn rầu nói với Lợi như với một người bạn:

- Ta tin lời anh. "Cô ấy" không khi nào chấp nhận một việc phản trắc hèn hạ như vậy. Cái gì cũng có cái mức của nó. Đây không phải là lần đầu, anh nhớ chứ? Tính tình của anh, ta còn lạ gì nữa. Nhưng lần này, anh quá quắt. Hôm qua cô ấy có khóc lóc xin vào ra mắt ta. Có lúc yếu lòng, ta muốn tiếp cô ấy. Nhưng nhờ ơn Trời! Ta sợ thấy cô ấy khóc.

Nguyễn Huệ nhìn lên trần điện khi nói với Lợi, nên không thấy nụ cười ranh mãnh méo xệch của người trọng phạm. Lợi rên rĩ:

- Xin Chúa công thương hại An và hai đứa bé. Tôi liều thân để tìm đất sống, chỉ vì thấy ở đây, tôi chỉ làm khổ An. Mọi người xa lánh tôi. Tôi không dám gặp ai, chỉ biết quên bằng rượu. Tôi làm khổ An đã nhiều lắm rồi. Thà tôi chết đi, hoặc trốn biệt một nơi xa thật xa, cho khuất mắt nàng. Xin Chúa công thương lấy mấy mẹ con góa bụa, côi cút.

Nguyễn Huệ run giọng hỏi:

- Anh muốn trốn cứ việc trốn, sao lại còn dẫn đường cho chúng đốt kho? Để làm gì? Sao không cùng trốn đi với vợ con?

Lợi trở nên hoàn toàn bình tĩnh. Anh cân nhắc cẩn thận từng lời trước khi đáp:

- Chúa công lo đánh nam dẹp bắc, đâu còn thì giờ biết đến những chuyện đàn bà. Chúa công nghĩ lại mà xem. Nàng liều chết vượt biển ra đây, nên bây giờ chỉ có cái chết mới buộc được nàng rời khỏi nơi đây. Tôi chỉ còn biết liều thân một mình.

Lợi liếc lên nhìn Nguyễn Huệ. Lúc ấy Chính Bình vương vẫn nhìn lên trần điện, nên Lợi không đoán được tâm trạng của Nguyễn Huệ. Anh chỉ thấy bàn tay phải của Vương bấu chặt vạt áo bào phủ trên đầu gối, sau đó mấy ngón tay duỗi ra, bàn tay xoa nhẹ nhẹ lên làn vải gấm. Hai người im lặng hồi lâu. Cuối cùng Nguyễn Huệ nói nhỏ và nhẹ, như tự bảo mình:

- Không còn cách nào khác. Ta lấy làm tiếc. Anh đâu biết rằng lúc nào ta cũng lo lắng cho gia đình anh. Đây không phải là lần đầu.

Đột nhiên Nguyễn Huệ đổi giọng, hỏi khá lớn và chậm:

- Lúc bị bắt, thuyền anh đã ra khỏi cửa xa chưa?

Lợi điềm tĩnh trả lời:

- Dạ họ chỉ có bốn tay chèo, nên mới cách cửa Thuận vài dặm.

- Chúng nó hứa với anh những gì?

Lợi cúi mặt đáp nhỏ:

- Dạ hứa là sẽ tận tình tiến cử lên ông Chung.

- Anh đã khai hết cho bộ Hình rồi chứ?

- Dạ. Tôi không dám giấu điều gì nữa.

Nguyễn Huệ cười nhạt:

- Chỉ bấy nhiêu cũng quá đủ rồi.

Lợi bắt đầu sợ hãi. Giọng anh run rẩy:

- Lần cuối cùng, xin Chúa công nghĩ đến tình quen biết từ thời An Thái để tha tội cho tôi. Xin Chúa công cứu vớt gia đình tôi. Cảnh góa bụa! Chúa công chỉ cần gặt đầu một cái là mẹ con nàng được sống lại.

Nguyễn Huệ không nói gì, lừ mắt nhìn Lợi uốn éo cúi rạp người van xin được sống. Vương đành mặt, nói:

- Đáng lẽ ta nên tiếp An hơn là gặp anh. Nhưng ta sợ tiếng khóc của đàn bà. Thôi, đủ rồi. Anh có thể lui.

Nguyễn Huệ khẽ đập lên mặt sập sơn son. Người lính hầu được lệnh đi mời quan thượng thư bộ Hình. Lợi bị đeo gông trở lại, và theo đường cũ, về ngục. Lòng Lợi hoang mang, không biết cuộc gặp mặt ấy có chút mầm hy vọng nào không. Anh bắt đầu nghĩ đến điều ghê gớm nhất: cái chết.

*

* *

An sững sờ khi nghe tin dữ. Mọi sự vượt quá sức tưởng tượng của chị. Thấy chồng vắng mặt lâu

ngày, An lo lắng, nhưng chỉ dám nghĩ đến một sự liều lĩnh buông thả có giới hạn. Tham dự vào vụ đốt kho thóc, rồi xuống thuyền trốn vào Nam với mấy tên phản loạn! Trời hỡi! Có thực không? Hay lại một trò vu cáo đê hèn của phe Bùi Đắc Tuyên? Lúc biết đích xác sự thật, An chết điếng cả người. Từ đó, ba mẹ con An trải qua một kinh nghiệm cô độc và tuyệt vọng chưa từng có.

Mọi cánh cửa đều đóng sập lại trước mặt chị. Hai đứa hầu gái trốn khỏi nhà chủ vì sợ liên lụy. Chị và hai con trở thành đối tượng căm thù và ghê tởm của hàng xóm, phố xá. Ban đầu An giao nhà cho hai con để chạy khắp nơi nhờ vả cứu vớt tính mạng của Lợi. Thằng Phát và con Thái đóng chặt cửa lại, sợ bộ Hình nhân lúc mẹ chúng đi vắng đến bắt giam chúng vào ngục để xử tội. Cửa lớn cửa sổ đóng kín nên bên trong tối om như giữa đêm. Con Thái sợ mọi thứ tiếng động. Bạo gan như thằng Phát mà cũng xanh xám mặt mày lúc nghe tiếng chân ngựa hoặc tiếng ồn ào phía trước đường. Tin tức loan truyền nhanh khắp kinh thành, nên chỉ nội hai hôm, nhiều người đã biết nhà cửa "tên phản trặc". Đám đông ban đầu còn lảng vảng trước cổng để nhìn mặt vợ con tên phản trặc. Về sau, thất vọng vì thấy cửa đóng im ỉm, vài đứa trẻ rần mắt nhặt đá chọi vào nhà. Rồi cả người lớn cũng bắt chước, xem đó là một trò chơi căm thù. Hai đứa bé sợ quá, ôm lấy nhau chui đầu vào gầm bàn, mặt cắt không còn chút máu. Mỗi lần một hòn đá rơi xuống nóc nhà, Thái run lập cập, ôm chặt lấy anh, mếu máo nhưng không khóc được thành tiếng. An tuyệt vọng không tìm được cánh cửa nào chịu mở, thất thểu trở về thấy hai con gần như mất hồn vì sợ. Con Thái thấy mẹ về, khóc nức nở không ai dỗ được. Thằng Phát thì ngồi gục đầu ở chỗ cửa ngăn, nơi một viên đá to bằng nắm tay rơi xuống làm thủng cả mái ngói.

Từ đó An không dám đi đâu nữa. Ba mẹ con ôm lấy nhau, tiếp tục chịu đựng cơn lốc phần nộ. Họ không dám ra khỏi nhà nên không biết có cuộc càn quét thanh trừng bọn tham quan và bọn tình nghi nội ứng cho Gia Định ở kinh thành Phú Xuân. Lửa cháy ở hai kho gạo lớn đã nhen nhúm lửa phần nộ của dân chúng. Phú Xuân hùng hực căm thù, mỗi người náo nức chạy quanh tìm kiếm một cái gì đó đáng ghét để thỏa sức hò hét, lăng mạ, chửi bới. Từ căn nhà kín cửa, ba mẹ con An hồi hộp theo dõi những tiếng chân bước rầm rập trước đường, tiếng la ó, cãi vã; dĩ nhiên họ vẫn tiếp tục nghe tiếng gạch đá rơi trên mái ngói.

Tình cảnh cô lập dù sao cũng tránh cho họ chứng kiến một cảnh đau lòng: cảnh hành hình các tử tội ở bãi đất bồi phía bắc sông Hương. An và hai con cứ tưởng nội vụ còn dang dai, và tin rằng Lợi còn sống, dù là sống trong xó ngục sâu.

Lãng phải thay chị lãnh nhận cái xác chết chém của Lợi để tẩm liệm, chôn cất. Theo luật lệ, xác Lợi không được tẩm liệm một cách bình thường. Cái đầu bị chém không được thắp vào cổ, mà phải đặt xuống vị trí dưới háng. Lãng nhờ Trần Văn Kỷ xin được đặc ân cho phép liệm xác Lợi bình thường, và được chôn Lợi trong một huyệt riêng.

Khi Lãng trở về nhà An, anh thấy chị và hai cháu xanh mướt, đôi mắt lơ lảo mất hết ý thức về thực tại. Khi Lãng quanh co báo tin Lợi đã bị hành quyết, An không hiểu ngay. Lúc đó thằng Phát đã dẫn bé Thái lần xuống bếp để rót nước cho cậu. Lãng lay tay chị, dịu dàng nói:

- Chị chớ buồn. Chẳng qua cũng là số phận.

An ngơ ngác nhìn em như nhìn một người lạ. Lãng lo sợ hỏi:

- Lãng đây mà. Sao chị nhìn em thế?

An giật mình, mếu máo hỏi Lãng:

- Ở ngoài đường, họ còn vây nhà ta nữa không?

Lãng thương hại chị, đáp:

- Không. Đã cho đẹp cả rồi. Về phần anh Lợi, em đã...

Mãi đến lúc đó, An mới nhớ đến câu "Chẳng qua cũng là số phận" lúc nãy. An chợt hiểu. Lãng còn hoang mang lo lắng chưa hiểu chị sẽ phản ứng thế nào, thì An đã khụy xuống, như một thân cây non bị chém ở tận gốc.

(1) Theo chú thích số 1 trong Lịch sử nội chiến ở Việt Nam của Tạ Chí Đại Trùng: "Các giáo sĩ còn cho ta biết Quang Trung lên ngôi từ 3 tháng 10 Âm lịch (8-11-1788) chứ không phải như sử Việt chép là 24-11 Âm lịch (22-12-1788). Chắc ý định lên ngôi vốn có sẵn mà ngày làm lễ thì phải dời lại vì tin tức can thiệp của quân Thanh đưa về, khiến Huệ phải định tới ngày xuất quân mới làm cho long trọng một thể (trang 168 Lịch sử nội chiến ở Việt Nam).

(2) Kinh thư, Thiên Hồng Phạm.

(3) Kinh thư, Thiên Thái Thệ.

(4) Mai Quốc Liên dịch, Thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 108.

Chương 92

Để tránh sự dòm ngó tò mò của hàng xóm, An bảo Lãng đưa mình đi thăm mộ chồng từ sáng sớm. Tối hôm trước, hai chị em giấu không cho các cháu biết tin dữ. Lúc An ngất đi, Lãng cuống quýt gọi các cháu đến để sai đi tìm dầu. Hai đứa bé tưởng mẹ đã chết, ôm lấy mẹ khóc nức nở, vừa khóc vừa gọi "Mẹ ơi! Mẹ ơi!" Cả ba quá hoảng hốt không biết làm gì để lay tỉnh mẹ và chị, cứ xúm lại kêu khóc tuyệt vọng. Một lúc sau, An tỉnh dậy. Thấy các con nước mắt đầm đìa, An hiểu ngay điều phải làm. Chị vuốt tóc, ngồi thẳng dậy, trách Lãng:

- Em đã... rồi phải không?

Lãng hiểu ý chị, lắc đầu đáp:

- Không. Chưa chị ạ. Chị có mệt lắm không?

Con Thái thấy mẹ còn sống, càng khóc to hơn:

- Mẹ! Mẹ đừng chết nghe mẹ. Mẹ chết, hai đứa con biết sống với ai đây! Mẹ hứa với con đi!

Đừng chết nghe mẹ!

Phát đã thôi khóc, bậm môi đứng xa ra một chút, vì dần dần hiểu ra rằng khóc lóc là yếu đuối, không xứng đáng với "khách anh hùng". An nhìn quanh thấy các con còn ngấn nước mắt trên má, xúc động sụt sùi. Con Thái van xin:

- Mẹ đừng khóc nữa mẹ! Ráng sống với các con nghe mẹ.

An gượng cười bảo Thái:

- Ủ! Mẹ sẽ sống để nuôi các con. Mẹ bỏ các con sao được! Rồi hướng về phía Lãng, An nói xa xôi:

- Mẹ có đi đâu cũng phải đi một lượt với các con. Các con muốn đi gặp cha với mẹ không?

Lãng giật mình, vội nói:

- Chị! Chị đừng nghĩ đại.

Hai đứa trẻ không biết cha đã bị hành hình, cùng mừng rỡ nói:

- Đi mẹ. Cho tụi con đi thăm cha với!

Lãng vội bảo hai cháu:

- Thôi, các cháu xuống bếp đun cho mẹ ấm nước. Đã ăn cơm tối chưa?

An buồn rầu bảo em:

- Mấy hôm nay, ba mẹ con chị có nuốt nổi cơm đâu.

Lãng liền nói:

- Nếu vậy thì hai cháu xuống nấu cơm luôn thể. Nhớ nấu nhiều nhiều cho cậu ăn với.

Chờ cho hai đứa bé đi khỏi cửa, Lãng mới bảo chị:

- Chị đừng bao giờ nghĩ quẩn như lúc này nữa. Chị nên nhớ hai đứa nhỏ không làm gì nên tội. Chúng nó được quyền sống, và sống sung sướng. Đừng bắt chúng nó gánh chịu tội lỗi của

người lớn chúng ta.

An tức giận, hậm hực bảo em:

- Đến nước này mà Lãng còn nói cái giọng đó à? Tội lỗi? Lãng cũng đứng vào phe chúng nó để chửi rửa anh Lợi phải không?

Lãng vội vã bào chữa:

- Không. Ý em không phải thế. Em muốn nói tất cả người lớn đều quay cuồng trong tội lỗi vì danh, lợi, tự cao, ngu xuẩn, nên cả tụi trẻ con cũng phải vạ lây.

An nguôi giận, ngồi thừ một lúc, rồi nói như đang ở một mình:

- Chị biết thế nào cũng phải tới cái ngày này. Biết nhưng vẫn hy vọng mơ hồ, vẫn nghĩ Trời thường trớ trêu... Vâng, trớ trêu lắm! Hồi nhỏ, chị thường mơ ước được điều này, điều nọ, lúc ngồi một mình cứ mỉm cười mơ màng, vì nghĩ mình không nói dối, không thù hận ai, không gian tham, không lừa đảo, thì nhất định Trời cao phải thương mình, cho mình ước gì được nấy. Chị lầm lẫn quá. Trời cao trớ trêu lắm, không trớ trêu sao lại đem quàng lên cổ chị... rồi bây giờ chính... Trời ơi, chị đến điên đầu mất thôi. Sao trời còn bắt chị sống, hử Lãng?

Rồi đột ngột, An nhìn thẳng vào mắt Lãng hỏi:

- Anh ấy... anh ấy mất lúc nào?

Lãng rụt rè đáp:

- Hồi trưa hôm qua, chị ạ!

An mím môi một lúc, lại hỏi:

- Lúc ấy có em ở đó không?

Lãng thú thật:

- Em không dám...

An đưa tay lên bóp trán. Hai chị em ngồi lặng lẽ một lúc thật lâu. Phía dưới bếp, con Thái hỏi vọng lên:

- Có hấp trứng luôn thể không hử mẹ?

An không đáp, bàn tay vẫn che lấp hai mắt. Lãng đáp thay chị:

- Cháu hấp trứng luôn đi. Mẹ bảo vậy.

Lúc ấy, An mới hỏi Lãng, giọng lạc đi:

- Sao em không cố đến, xem anh ấy có nhả gì không?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. An dặn Lãng:

- Em cố giấu đừng cho các cháu biết cha chúng nó bị... Dĩ nhiên thế nào sau này chúng cũng biết, nhưng lúc này... Cứ bảo là anh ấy bị chết bệnh trong ngục.

- Vâng ạ.

- Hoặc bảo cha chúng nó vì nhớ thương chúng nó mà sinh bệnh.

Lãng lo âu, hỏi nhỏ:

- Làm sao giấu chúng nó được mãi, hử chị. Chỉ cần bước ra khỏi nhà, đã có người...

An hấp tấp cắt lời em:

- Không. Chị sẽ không để chúng nó ở đây. Chị sẽ...

Đến lượt Lãng hốt hoảng hỏi:

- Chị định đi đâu? Chị, đừng nghĩ quẩn nữa. Em van chị. Dù sao, chị còn có em ở đây. Em sẽ về hẩn đây, dạy dỗ chăm sóc thêm cho các cháu.

Thấy nét mặt Lãng hốt hải lo âu, An gượng cười nói:

- Nhưng chuyện đó chưa chắc đâu. Vâng. ở đây còn có chị có em còn đi đâu thì... đi đâu bây giờ?

Em nói phải. Chị sợ lũ trẻ hàng xóm không để yên. Em biết không, liên tiếp mấy hôm chúng nó quăng đá vào nhà. Em không thấy cảnh hai đứa mặt mày xanh lét, sợ hãi ôm lấy nhau... thương lắm. Sống ở đây không phải dễ như em tưởng đâu...

Và một lần nữa, An đột ngột chuyển hướng câu chuyện, hỏi Lãng:

- Chúng... họ chôn anh ấy ở đâu?

Lãng đáp:

- Chính em lo liệu việc táng liệm và chôn cất anh ấy.

- Mai em dẫn chị đến đó nhé!

- Vâng. Nhưng chị phải hứa là...

- Cái gì chị cũng hứa cả. Em nói rất đúng. Chị phải rán sống để nuôi chúng nó, trừ trường hợp người ta... người ta muốn giết luôn cả mấy mẹ con chị.

- Chị nói gì thế?

An chưa chát nói:

- Đã đến nước này mà em còn bênh vực chằm chập thế ư?

Lãng im lặng, không tìm được ý nào thích hợp để giải thích. An lại bắt đầu khóc. Lần này chị úp mặt vào đầu gối, nên Lãng chỉ thấy hai vai An run rẩy và chỉ nghe những tiếng nghẹn.

* * *

Họ thức dậy từ lúc gà gáy lần đầu. Hai đứa bé bị đánh thức bất ngờ nên nhướng đôi mắt ngái ngủ dò hỏi. Con Thái nhạy hơn thằng anh, đoán trước sắp có điều gì bất thường, nên đến bên mẹ hỏi nhỏ:

- Sắp đi khỏi đây phải không mẹ?

An ôm lấy con cho nó khỏi thấy chị bối rối. Cổ họng An nghẹn lại. Con Thái không nghe mẹ trả lời, càng tin phỏng đoán của mình hơn. Nó lo lắng hỏi:

- Bỏ cha ở đây một mình sao, mẹ?

An òa lên khóc. Lãng phải tìm cách báo tin giùm chị:

- Các cháu đừng làm cho mẹ các cháu khổ sở thêm nhé. Cậu báo cho các cháu biết tin này, nhưng các cháu phải bình tĩnh mới được. Tối hôm qua mẹ các cháu ngất xỉu, các cháu còn nhớ không?

Thằng Phát hỏi:

- Có phải chúng ta sắp đi trốn không hở cậu? Đi bằng thuyền như hồi trước phải không cậu?

Lãng chậm rãi đáp:

- Không. Cha các cháu không may đã bị bệnh nặng, vừa mất hôm qua.

Hai đứa trẻ không có phản ứng tức thì như Lãng chờ đợi. Cả hai đều im lặng, cái nhìn ngơ ngác, không hiểu hết được tầm quan trọng của chuyện tử biệt. Con Thái ngờ vực hỏi mẹ:

- Cha đau nặng thật hở mẹ? Hay là cậu nói thế để bắt chúng con phải đi?

An sụt sùi, nói trong nước mắt:

- Cậu nói thật, đấy con. Bây giờ, chúng ta đi thăm mộ... cha con đây!

Từ đó cả bốn người đều lầm lũi chuẩn bị đi thăm mộ, không ai nói với ai lời nào. Thằng Phát chạy đi đóng lại cẩn thận các cửa lớn, cửa sổ. Con Thái theo sát bên mẹ, đôi mắt hốt hải theo dõi mọi cử chỉ của An, sợ mẹ vì đau đớn quá mà ngất đi. Trái với dự đoán của người lớn, con bé đột nhiên trở nên can đảm, cứng cỏi, vì tự nhận phải có trách nhiệm săn sóc, bảo vệ cho người mẹ bất hạnh. Nó theo sát bên An, hỏi luôn miệng:

- Mẹ có mệt không? Để con xách giỏ đồ cúng cho mẹ.

- Cúi chùng vấp đổ mẹ. Con đi trước dẫn đường cho mẹ nhé?
- Mẹ cúi chùng! Ở đây có một vũng lầy!
- Mẹ bị lạnh hay sao mà tay run thế? Mẹ đi sát bên con cho ấm.

Thằng Phát cũng cố lấy giọng cứng cỏi, hỏi cậu:

- Cha con chết vì bệnh hả cậu?

Lãng nhìn cháu, đáp bừa:

- Ừ. Vì bệnh.
- Cháu không tin.
- Sao thế?

- Vì cha cháu rất ít khi bị bệnh. Quá lắm, cha cháu chỉ say rượu nằm một đêm lại đứng dậy đi đây đó. Cháu đoán được vì sao cha cháu chết rồi!

Lãng lo ngại hỏi:

- Ai nói cháu biết?

Phát càng tự tin thêm, kiêu hãnh nói:

- Cậu tưởng cháu không biết sao? Cháu không cần ai cho biết cả, cũng đoán ra được. Cha cháu dám đốt kho thóc, thì cũng phải dám đánh lại cai ngục. Cha cháu chẳng bệnh tật gì đâu. Cai ngục không cự nổi cha cháu, nên lén giết cha cháu đấy.

Lãng tò mò và thích thú, hỏi Phát:

- Hẳn dám giết tù mà không sợ tội chết hay sao?

Phát cười một tiếng nhỏ, mặt đành lại:

- Hẳn sợ chứ. Vì sợ nên mới giết lén, rồi báo lên quan trên là cha cháu bị bệnh nặng. Cháu đoán hẳn bỏ thuốc độc vào cơm của cha cháu.

Lãng thấy lối hiểu của Phát thật tiện lợi, nên nói hàng hai:

- Ý của cháu đáng kể lắm. Để cậu xin bộ Hình xét lại. Đằng nào thì cha cháu cũng chết rồi. Từ đây, cháu phải ngoan hơn, đừng lêu lổng như trước, cho mẹ cháu khỏi buồn. Cháu có thương mẹ cháu không?

- Dạ, cháu thương mẹ cháu lắm chứ. Nhưng bây giờ cha cháu bị kẻ thù ám hại, cháu càng phải học thêm võ nghệ để trả thù cho cha cháu. Ở nhà, cháu sẽ nhờ con Thái săn sóc giúp đỡ mẹ. Chốc nữa, cháu sẽ kể hết với nó.

- Tại sao lại phải chờ đến chốc nữa? Chốc nữa là lúc nào?

- Lúc ra thăm mộ cha. Cháu sẽ dắt con Thái đến trước mộ, hai đứa lạy xong sẽ lần lượt thề trước mộ cha cháu.

Lãng bị cuốn hút bởi lòng tò mò, và những ý nghĩ lạ lùng của thằng bé 13 tuổi, nên hỏi:

- Cháu sẽ thề những gì? Nói trước cho cậu biết được không?

Phát ngược nhìn Lãng, hơi khinh nhờn:

- Hai đứa cháu chỉ thề trước mộ cha cháu mà thôi. Không ai được nghe những lời thề đó. Nhưng nếu cậu muốn biết, sau khi cha cháu nghe xong, cháu sẽ thuật lại.

Lãng cười nhỏ vì sợ chị nghe thấy, rồi nói:

- Cháu thề sẽ cắt đầu tên cai ngục để đem tế trước mộ cha cháu chứ gì?

Phát hô hoán:

- Sao cậu biết?

- Cái gì mà cậu không biết. Cháu đi chậm lại để chờ mẹ cháu và con Thái. Đến ngã ba phía trước thì rẽ phải.

- Chôn ở chân núi hỏ cậu?
- Ủ!
- Từ đây đến đó có qua nhiều trạm canh không cậu?
- Nhiều. Cháu hỏi làm gì?
- Không. Cháu hỏi cho biết thế thôi!

Phát đang nghĩ đến lúc sẽ dẫn tên cai ngục (đã bị bịt mắt, nhét giẻ vào miệng và trói tay bằng sợi dây thừng thật chắc), qua khỏi các trạm canh để đem giết trước mộ cha thay cho lễ vật.

- Cháu dừng lại đã, sắp đến trạm canh đầu tiên rồi đấy.

* * *

Lúc trở về, Lãng ngạc nhiên thấy đường sá vắng hoe. Quân lính đi lại tấp nập, người nào cũng mang theo giáo mác và chiếu. Lãng theo theo kinh nghiệm đoán tình hình có điều gì nghiêm trọng nên việc bố phòng ở các điểm then chốt trên trục giao thông được tăng cường. Đưa chị và các cháu về đến nhà xong, Lãng vội vào thành. An còn dặn:

- Thế nào tối em cũng phải ghé về đây nhé!

Lãng tưởng chị sợ, vội nói:

- Vâng. Em vào xem có gì lạ, rồi trở về đây liền.

An hỏi:

- Có gì mà lạ?
- Em thấy các toán lính tỏa ra canh gác nghiêm ngặt lắm.

An ơ hờ như người ngoại cuộc:

- Thế à! Nhưng em đừng quên tối nay phải về đây nhé. Chị chờ em về mới ăn cơm tối đấy.

Lãng vào thành càng thấy không khí khẩn trương rõ hơn. Từng toán lính tùm nập năm tùm ba bàn tán, câu chuyện họ đang trao đổi có vẻ hào hứng vì họ vung tay và lớn tiếng cười cợt. Lãng hỏi một người quen, mới biết được hai tin quan trọng: Chiêu Thống đã rước quân Thanh vào Thăng Long, và Chính Bình vương sẽ chính thức lên ngôi vào sáng mai.

Lãng xúc động đến nỗi phải dừng bước, để lấy lại nhịp thở đều. Đầu anh nóng ran. Có thể như thế chăng? Có thể nào cái tin vui lớn và tin buồn lớn cùng rủ nhau đến một lúc, nhất là lúc này? Việc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi để thống nhất đất nước thì Lãng đã nghe phong thanh từ hơn tháng nay. Ở chỗ chính thức, công khai, Lãng chưa hề nghe Nguyễn Huệ hoặc Trần Văn Kỷ nói đến việc ấy. Nhưng các dấu hiệu chuẩn bị thì rõ ràng lắm, khắp kinh thành ai cũng nao nức chờ đợi. Việc triều đình nhà Thanh có thể can thiệp cũng đoán trước được. Khoảng đầu tháng mười, tin tức từ Bắc hà đưa vào tuy thuộc loại cơ mật nhưng ở vào địa vị của Lãng, anh chỉ cần nghe các quan đại thần nói chuyện với nhau, hoặc nghe Nguyễn Huệ căn dặn Trần Văn Kỷ cũng có thể đoán được gần đúng. Có điều khiến Lãng choáng váng, là ước mong được thấy Nguyễn Huệ chính thức lên ngôi, oái oăm thay, lại đến đúng vào lúc gia đình anh đang tang tóc, và nước nhà ở trong nguy cơ ngoại xâm. Phải chờ đến lúc nhận ra rằng chính vì nguy cơ ngoại xâm mà Nguyễn Huệ phải lên ngôi vào lúc đầu sôi lửa bỏng này, chính vì an nguy của xã tắc mà Nguyễn Huệ phải công khai và chính thức nhận thiên mệnh cao cả, đến lúc đó Lãng mới thực sự vui mừng.

Trong triều, không khí cũng khẩn trương rộn rịp như ngoài thành. Người lính cấm vệ đầu tiên gặp Lãng đã mừng rỡ reo lên:

- A, gặp ông đây rồi! Gớm, chúng tôi tìm ông khắp nơi. Có lệnh Vương thượng triệu ông vào gấp.

- Thật ư?

- Xin ông nhanh bước cho. Chúng tôi dám đùa vào lúc này sao!

Lãng vào điện Triều Dương đúng lúc quan trung thư, thượng thư bộ Lễ đang hầu chuyện với Nguyễn Huệ. Thấy Lãng vào, Nguyễn Huệ vội giục Trần Văn Kỷ:

- Ông đọc lại xem có cần thêm gì không?

Trần Văn Kỷ cầm tờ giấy lên đọc:

- Tâu Chúa công, bài chiếu có ghi thêm năm điều sau đây:

1- Các địa phương trong mười ba đạo, thuế ruộng, thuế thân, thuế lực dịch về vụ đông năm nay, mười phần tha cho năm phần, những nơi bị binh hỏa làm điêu tàn, thì cho các quan phân tri khám thực, tha miễn cho cả.

2- Quan dân triều cũ, người nào liên lụy vào tội đã bị án nặng, trừ những tội đại nghịch vô đạo, còn thì đều thả cả.

3- Các đền thờ bách thần mà là thờ nhảm, đều bị xóa bỏ thần hiệu trong tự điển (1), còn các thiên thần và tôi trung, con hiếu, đàn bà tiết nghĩa đã được các triều phong tặng thì nay đều cho thăng trật.

4- Quan viên văn võ triều cũ, người nào vì chạy trốn theo vua mà phải trốn tránh, đều cho về nguyên quán. Người nào không muốn ra làm quan, thì cho tùy theo chí của mình.

5- Quần áo dân gian ở Nam hà hay Bắc hà đều cho theo tục cũ, duy có áo chầu, mũ chầu thì nhất luật phải theo qui chế mới (2)

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo cả hai quan đại thần:

- Thôi được. Cứ y như vậy mà làm. Bộ Lễ phối hợp với bộ Binh để làm thế nào lễ lên ngôi vừa trang nghiêm, vừa có cái uy dũng của cuộc xuất quân dẹp giặc xâm lăng. Quan Trung thư cho chép bài chiếu để ngày mai yết cáo khắp các nơi quan yếu. Các ông có thể lui được rồi!

Trần Văn Kỷ và viên thượng thư bộ Lễ vái lạy xin về. Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu nhận lễ, chờ họ ra khỏi điện, mới hỏi Lãng bằng giọng thân tình khác thường:

- Cậu vừa ở đằng nhà đến đây phải không?

Lãng tưởng Nguyễn Huệ trách mắng, vội đáp:

- Tâu Vương thượng, vâng ạ.

Nguyễn Huệ do dự khá lâu, mới rụt rè hỏi:

- Tình cảnh "cô ấy"... ta muốn nói "bà ấy"... cậu hiểu không? Hiện nay bà ấy ra sao?

Lãng buồn rầu đáp:

- Tâu Vương thượng, thần vừa đưa chị ấy và các cháu đi nhận mộ.

Nguyễn Huệ lại ngập ngừng hỏi:

- Bà ấy... cô ấy có trách ta không? Cậu phải hiểu ta không thể làm khác được. Tội lỗi ấy, nếu...

Nguyễn Huệ bỏ dở câu cuối. Lãng không nghe Nguyễn Huệ nói tiếp, ngừng lên chờ đợi. Nguyễn Huệ lúng túng, nói:

- Ta cũng muốn cho cậu dự trận vẻ vang này để nhớ đời đời, nhưng... cậu phải ở lại vậy. Không thể bỏ cô ấy vào lúc này. Ta có nói gì chẳng nữa, cô ấy vẫn oán hận ta. Ta tiếc lắm. Ta cũng nói thẳng với hấn là ta tiếc lắm, không thể làm khác được. Cậu ráng tìm cách an ủi cô ấy. Hãy nói với cô ấy rằng, hấn đã đền tội rồi, cô ấy nên yên tâm để nuôi các con. Nếu cần... à không, ta biết cô ấy tự ái không bao giờ thèm nhờ vả ta điều gì. Cậu thay ta lo liệu đời sống cho cả ba mẹ con, trong thời gian ta vắng mặt.

Lãng xúc động đến nỗi nước mắt tự nhiên ứa ra đầy cả hai khóe. Anh cố giấu sự yếu đuối nên

cúi gằm mặt xuống. Vì vậy, Lãng không thấy được nét mặt bần thần của Nguyễn Huệ. Hai người im lặng trước mặt nhau, người này không dám nhìn mặt người kia. Mãi một lúc sau, Nguyễn Huệ mới nói:

- Có lẽ từ đây cho đến lúc xuất quân, ta không gặp được cậu. Bấy nhiêu lời dặn dò, cậu gắng nhớ cho.

Lãng biết đã đến lúc phải lui. Anh lạy tạ, lúc cúi xuống, Lãng cố đưa ống tay áo lên xóa ngấn nước mắt trên má. Nguyễn Huệ ngồi nhìn dáng đi chậm và mệt mỏi của viên thư ký thân cận, của người em bao năm nay Vương bảo bọc che chở, lòng cảm thấy ngùi ngùi.

* * *

Chờ cho hai con ngủ xong, An mới rón rén đi ra phòng ngoài gặp em. Hai ngọn đèn sáp nhỏ trên bàn thờ Lợi tỏa ra một thứ ánh sáng vàng vọt, lung linh. Lãng ngồi yên trên phản gỗ, lưng dựa vào vách tường vôi. An ngồi ghé xuống cạnh phản, cách chỗ em độ hai thước. Hình như Lãng đoán thế nào chị cũng ra nói chuyện với mình nên lúc quay về phía An, anh không có vẻ vồ vập mừng rỡ hay kinh ngạc. An hỏi cho có hỏi:

- Em chưa đi ngủ?
- Chưa, chị ạ. Các cháu đã ngủ cả rồi?
- Chúng nó mệt quá, thiếp đi.
- Chị cũng nên ráng ngủ bù lại sức. Chị gầy xẹp hẳn đi.

An không nói gì, nhìn về phía bàn thờ Lợi thật lâu. Lãng muốn chị khuây khỏa nỗi đau khổ riêng, nên hỏi:

- Lúc sáng chị có để ý cảnh lính tráng vác gươm vác giáo hấp tấp tỏa đi khắp nơi không?
- Có.
- Chị có biết chuyện gì đã xảy ra không?

An cười chua chát:

- Họ lại tranh ăn với nhau, chia bè chia phái để hãm he giết nhau chứ gì!
- Không. Chị bi quan quá. Quân Thanh đã xua quân xâm lấn nước ta.

An giật mình ngược lên nhìn Lãng, đôi mắt đầy ngờ vực:

- Chúng nó dám thế à? Nhưng thôi. Chuyện đó đã có người ta lo. Chị chỉ thấy trước lại có cảnh chồng xa vợ, mẹ mất con. Lại cảnh đâm chém nhau, dầy xéo lên nhau.

Lãng không dẫn được bất mãn, bảo chị:

- Chúng nó vô cớ xâm lấn đất nước ta, phải đánh cho chúng nó chừa thói tham tàn chứ. Nói như chị thì...

An không muốn tranh luận, nên cắt lời Lãng:

- Phải. Chị đàn bà, chỉ thấy những chuyện mất mát trước mắt. Chuyến này em có phải đi không?

Lãng e dè vừa nói vừa dò phản ứng của An:

- Đáng lý em cũng phải theo quân, vì nghe đâu sau lễ đăng quang, sẽ xuất quân ngay.
- Lễ đăng quang? Lúc nào?

An hồi hộp, nhớ đến chiếc vương miện chính An đã thêu cho Nguyễn Huệ, nhớ đến những giọt nước mắt nuối tiếc nhỏ lên tấm áo cổn. Lãng thấy chị thảng thốt, càng thương hại An hơn. Anh không dám thuật lại những điều Nguyễn Huệ gửi gắm, Lãng chỉ nói:

- Ngày mai, chị ạ. Chính vì sự an nguy của xã tắc mà Chúa công phải lên ngôi để ràng buộc người trong nam ngoài bắc.

Giọng An càng cuống quýt hơn:

- Sao em không nói cho chị biết từ chiều. Ngày mai em đi rồi ư? Em đã sửa soạn được gì chưa?

Lãng chậm rãi đáp:

- Không cần, chị. Em ở lại đây.

- Sao thế? Chẳng lẽ vì chuyện buồn của chị mà em...

- Không đâu. Em đã nghĩ kỹ rồi. Em chẳng có tài cán gì, có em hay không có em, cũng thế thôi. Ra đi bỏ chị và các cháu trong tình cảnh này...

An cướp lời Lãng:

- Em đừng nghĩ vậy. Chị đã quen những điều bất hạnh. Chị ốm yếu thế, nhưng khi chị đã quyết điều gì, thì chị mạnh phi thường. Em đừng nghĩ phải ở lại đây để giúp đỡ, che chở cho ba mẹ con chị. Đừng. Nói thật điều này em đừng giận, nhiều khi em chỉ làm vướng chị mà thôi.

Lãng lo âu, thì thào:

- Chị An. Chị tính gì vậy? Chị đừng nên liều thân. Các cháu có tội tình gì.

An cười nhẹ, trấn an em:

- Lãng tưởng chị chán nản đến nỗi phải tự vẫn chứ gì? Em lầm, không bao giờ chị hèn nhát như thế đâu.

- Thế sao lúc nãy chị nói nhiều câu dễ sợ quá!

- Lúc nào?

- Hồi ăn cơm tối.

- Chị đã nói những gì?

- Chị dặn dò em đủ điều, như là trăng trời. Dặn đừng nên uống rượu. Dặn đừng để cho đồng tiền sai khiến mình. Dặn phải cố tìm chỗ đàn ông để lập gia đình, đừng bông lông như bao lâu nay. Chị làm như chị sắp xa cõi đời này, chị em không có lúc nào gặp nhau nữa.

An cố cười lớn để giấu bối rối:

- Lãng hiểu lầm chị rồi. Lúc trước chị biết em không thích anh Lợi, nên chị dâm ngại. Nói điều gì làm phật ý em, em lại tưởng có anh Lợi xúi giục chị, đặt điều nói xấu em sao đó. Nhưng bây giờ chỉ còn lại hai chị em ta với nhau, chị không ngần ngại nữa. Chị lo lắng đủ điều, chị sợ em lầm lỡ, rủi có điều bất hạnh nào thì chị thêm bơ vơ. Thế thôi. Hai chị em ta hiểu nhau từ thuở nhỏ, chẳng lẽ bây giờ em không biết đến nỗi lo âu của chị!

Lãng cảm động tin ngay lời An. Cổ dằn xúc động, Lãng nói:

- Nhưng chị phải hứa là từ nay, có muốn làm điều gì, phải bảo cho em biết.

An cười nói:

- Được. Phần em, em cũng phải hứa với chị điều này.

- Điều gì thế chị?

- Em phải lấy vợ.

Lãng đỏ mặt, ấp úng:

- Em vẫn tìm kiếm hoài mà chưa được đấy chứ!

- Đâu có. Em chỉ tìm những chỗ chông gai mà đi. Trước kia thì Thọ Hương. Bây giờ... tại sao em biết cô ấy bị ác bệnh mà còn tìm cách lui tới, đeo đẳng hoài?

Lãng thành thực bảo:

- Em cũng chẳng hiểu nổi mình nữa. Có thể vì em nghĩ mình không ra gì. Có thể... có thể... làm sao nói cho đúng điều kỳ cục này nhỉ! Như người ta biết ớt cay mà vẫn thích ăn ớt vậy mà. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng cố giải thích tiếp:

- Mỗi lần biết một số phận bi thương, cả người em run lên, em có thể làm bất cứ điều gì để kẻ bất hạnh đó vui hơn, sung sướng hơn. Chị có nhớ cái miếu thờ người bà con bị phong của chúng ta ở An Thái không?

- Nhớ. Nhưng em nói gì lộn xộn như mớ chỉ rối, chị không hiểu gì cả.

- Em cứ nhớ mãi lúc nghe kể chuyện cái miếu ấy, em xúc động đến nổi tê dại cả người. Một mình sống giữa đồng vắng, thân thể sượng sần, nhức nhối, mọi người ghê tởm, xa lánh. Có số phận nào ghê gớm bi thảm như thế chẳng? Một lần em trốn nhà ra cái miếu đó giữa đêm khuya, để mong gặp cho được hồn ma người quá cố. Dĩ nhiên em không gặp được gì, nhưng cả đời em không quên được đêm ấy. Em vừa sợ hãi vừa hãnh diện, vì trên khắp cõi đời này, chỉ có em là người không vì ích kỷ mà xa lánh kẻ xấu số. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng thất vọng nói:

- Em chẳng biết phải nói gì thêm cho chị hiểu. Có lẽ em là một người bất thường.

- Chị không tin thế đâu. Em có lòng tốt, tuy nhiều khi dễ tin người, đến ngây thơ. Lâu nay em được che chở, bảo vệ. Vả lại, em cũng chẳng tranh giành điều gì với ai nên không ai xem em là kẻ thù. Nhưng bây giờ "người ta" đã lên ngôi rồi, em phải coi chừng. Anh Lợi thì còn xa lạ gì với "người ta" nữa. Đến lúc cần xuống tay lập uy, "người ta" có ngần ngại đâu. "Người ta" cũng thừa biết mẹ con chị sẽ thế nào khi anh Lợi chết chứ! Em đã thấy rồi, cảnh chị góa bụa có làm "người ta" nhú mày do dự đâu! Từ đó chị nghĩ đến thời trước, và hiểu hết mọi điều. Chị trông mọi sự sáng tỏ hơn, từ việc cha chúng ta bị thất sủng, cho đến chuyện chính nhà vua đứng ra làm mai mối cho chị lấy anh Lợi. Họ tính toán đời chị, như tính lời lỗ của một chuyến buôn trầu. Cả con gái cưng của họ, họ còn dám hy sinh, huống chi cuộc đời hèn mọn của chị. Anh thế nào thì em thế ấy. Dám chửi rửa anh ruột mình là loài sài lang cầu trệ! Sao bấy lâu nay chị mê muội đến thế!

Lãng không thể để mặc cho An chua chát tuyệt vọng, nên nói:

- Đừng tự làm khổ mình bằng lòng ngờ vực, chị ạ.

An đáp ngay bằng giọng bi phẫn:

- Còn em, em đừng tự làm khổ mình bằng lối cả tin. "Vì sự an nguy của xã tắc"! Những tiếng kêu như chuông ấy chỉ đánh lừa được bọn đàn ông ngu ngơ như Lãng mà thôi. Đừng dễ tin người. Em hãy ráng nhớ lời chị để giữ thân. Chị ở xa, nhưng lúc nào cũng lo lắng cho em...

Lãng giật mình hỏi An:

- Chị định đi đâu xa lắm sao?

An vội chữa:

- Không. Chính em sắp đi xa nên chị căn dặn thế chứ. Khỏi lo cho ba mẹ con chị, Lãng ạ. Em cứ đi ra bắc với "người ta" đi. Chị biết thế nào ta cũng thắng oanh liệt, vì ai không căm giận khi đất nước bị xâm chiếm. Có thể nhờ trận này mà em khỏi bị bọn võ biên khinh khi. Hãy gắng lập công, Lãng nhé!

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Trong thâm tâm, anh bị giằng co giữa một bên là trách nhiệm gia đình, một bên là nghĩa vụ đối với đất nước. Anh không dám tin lời chị là hoàn toàn thành thật, khi suốt buổi tối, An luôn luôn ray rứt, chua chát, cực đoan đối với mọi sự trên đời. An thấy em im lặng suy nghĩ, nói thêm:

- Lãng đừng ái ngại cho số phận mẹ con chị. Ngược lại, chị ái ngại cho em. Thôi, em ngủ đi. Mai hãy tính. Nếu có lạnh, lấy cái chăn dày ra mà đắp.

Họ ngủi ngủi nhìn nhau, rồi hai chị em lặng lẽ đi ngủ.

Sáng hôm sau, Lãng thức dậy hơi muộn. Ba mẹ con An đã đi từ lúc Lãng còn say ngủ. Đi đâu? Lãng không biết gì cả!

(1) Sổ nghị sự trích các Thần được thờ.

(2) Mai Quốc Liên dịch, Thi văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 109.

Chương 93

Núi Bân ở về phía đông nam thành Phú Xuân

(1) Đó là một quả đồi không cao lắm ở các cồn mồ thuộc xóm Hành, ấp Tứ Tây xã An Cựu, phía đông tiếp giáp với động Trọc và núi Ngự Bình. Hai phía tây và bắc giáp với thôn Tường Cối. Phía nam là khu vực cư trú của dân ấp Tứ Tây. Xa hơn nữa là vùng núi trùng điệp gồm núi Thiên Thai, Động Lữ, Động Lăng, Động Ba, Động Bồng và Động Tranh.

Chung quanh ngọn đồi có nhiều đồn trại của quân Tây Sơn. Về phía nam tây nam, cách đồi gần một dặm, là một khu đất bằng phẳng làm nơi diễn binh tập trận với đầy đủ nỏ chuồng voi, chuồng ngựa, kho súng. Hằng ngày, quanh núi Bân có tới ba vạn quân thường xuyên luyện tập. Họ trang bị bằng dao găm, giáo mác, súng điều thương, và rất nhiều súng lớn có miệng loe.(2) Từ thành Phú Xuân lên núi Bân có hai con đường. Đường thứ nhất từ An Cựu vòng qua phía Bắc núi Ngự Bình, dẫn đến khu tập trận cạnh đồi. Đường thứ hai là con đường đất khá rộng chạy từ Phủ Cam qua An Lăng rồi gặp đường Ngự Bình. Trước đó, cả hai con đường đều nhỏ hẹp, gồ ghề, uốn lượn ngập ngừng tùy theo dấu chân dân làng Tứ Tây đi đi về về, hoặc những khách nhàn tản xa tạm nơi đô hội đi tìm khoảng rộng. Từ khi Chính Bình vương định đô tại Phú Xuân và ra lệnh quân sĩ phải thường xuyên luyện tập đao kiếm ở khu tập trận, hai con đường nhỏ ấy không còn đủ sức chịu đựng lượng voi ngựa và mấy vạn con người đi về nữa. Nội những dấu chân đất không thôi cũng đủ mở rộng hai con đường. Sau đó, bộ Công huy động nhân lực san bằng những chỗ lồi lõm, phát bỏ gai góc, cỏ dại, biến hai đường mòn thành hai đường quan rộng rãi. Về mùa khô, từ đỉnh đồi Bân nhìn xuống, lúc nào hai con đường ấy cũng tỏa lên một đám bụi hồng do nhịp đi về của người, voi, ngựa; và tiếng quân lính tập trận hò reo, tiếng ngựa hí, tiếng voi thét cũng theo gió dội lên tận đỉnh đồi. Nguyễn Huệ thường bỏ nhiều buổi chiều đứng đấy, ngắm những đám bụi tỏa theo nhịp quân đi, lắng nghe âm thanh tỏ mở của quân sĩ, hít thứ không khí trong lành của trời đất rộng rãi, tận hưởng đến ngây ngất cái thú sống hết cung bậc của cảm giác và mơ ước. Vương thường tâm sự với Trần Văn Kỷ rằng chính những giây phút đứng trên đỉnh đồi Bân đó, Vương đã tìm được những lựa chọn đúng giữa mớ bòng bong của tình thế, đã xóa hết những chán nản mệt nhọc, và đạt được niềm hạnh phúc tràn đầy. Nguyễn Huệ cảm thấy an toàn giữa ba quân, gần gũi cuộc sống đang sôi động mà cũng gần gũi với đất trời bao la. Chỉ có một điều Vương không được hài lòng, là về phía ấp Tứ Tây, các cồn mồ mả cứ dần dần loang rộng ra, theo với năm tháng. Nguyễn Huệ đã định bàn với Trần Văn Kỷ tìm cách dời khu mồ mả ấy đến vùng khác, nhưng vì nhiều việc quá, Vương quên ý định ấy hoài. Còn cái ý phải đứng ở giữa đỉnh cao này để "chính danh định vị", Vương không quên. Từ giữa tháng chín, những người lính tập trận quanh đồi Bân bắt đầu thấy nhiều dân phu hằng ngày theo đường mòn tròn ốc leo lên đỉnh đồi đào xới, khiến bụi hồng lại tỏa mù ngay trên

chóp cao. Công việc ấy gây nên nhiều cuộc bàn tán. Giữa hai cuộc tập võ, quân sĩ thường tụ năm tụ ba nhìn về phía đỉnh đồi tỏa bụi, phỏng đoán thế này thế khác. Người thì đoán sẽ lập một doanh trại ở đỉnh đồi để phòng vệ mặt tây nam kinh thành. Người thì đoán Vương thượng muốn xây một vọng lâu ở đấy để quan sát các cuộc tập võ. Đa số thạo tin đoán rất đúng rằng Nguyễn Huệ chuẩn bị lập đàn tế cáo trời đất trên đỉnh Bàn để lên ngôi.

Công việc tiến hành gấp rút một thời gian, ngưng vài ngày, tiếp tục một cách cầm chừng, rồi lại hồi hải bất kể mưa nắng. Kết quả công lao nhọc của mấy ngàn dân phu rất dễ nhận ra nếu đứng từ dưới chân đồi mà nhìn. Dần dần, quân sĩ tập trận trông thấy một đỉnh đồi được san bằng, rồi một vành đỏ, hai vành đỏ, ba vành đỏ hiện ra quanh đồi xanh, làm thành ba tầng hình nón cụt chồng chất lên nhau thật kỳ vĩ, đẹp mắt. Đồi Bàn mau chóng bị đổi tên. Quân sĩ đặt ngay cho nó cái tên mới: Ba Tầng. Dân phu thì đùa cợt gọi là núi Ba Vành.

*

* *

Từ tờ mờ sáng ngày 25 tháng 11 Mậu thân (1788), bảy vạn quân điều động ở phủ Thuận Hóa, theo hàng ngũ tề chỉnh, đã đổ về đen nghịt vùng đất bằng quanh núi Ba Tầng. Quân lính có gì mặc nấy, chân đi đất, nên không khác bao nhiêu với đám dân chúng tụ họp hai bên đường để đưa tiễn những người con người chồng ra đi cứu nước. Đối với từng người lính, đó là điều khổ tâm. Được lựa chọn chiến đấu trong trận này là niềm hãnh diện lớn. Cho nên dù việc điều quân cấp bách, mỗi người cũng tự tìm cách xoay xở để làm cho mình một cái nón lính. Họ lấy mo cau khô cắt thành một cái nón dẫu, chóp có sơn một vòng đỏ, còn mép nón thì viền một vòng vàng. Quai nón tạm làm bằng dây lạt, dây mây, hoặc cọng chiếu. Vì vậy, dưới vành nón trắng còn thơm mùi cau, màu đỏ của cờ xí cộng với màu chóp nón nhuộm hồng những khuôn mặt rạng rỡ, phấn khởi.

Dòng người áo vải chân đất nối tiếp mãi từ các làng xóm, các khu phố, các bến đò đổ về núi Ba Tầng, tưởng không thể nào dứt. Cờ đào bay phần phật trong gió, bụi đường tỏa lên bám vào thân áo vải, bước chân dồn dập che lấp cả những tiếng rì rầm nói chuyện, tiếng thở leo dốc, tiếng ới ới gọi người thân, lời dặn dò cuối cùng. Lâu lâu đám bộ binh phải tránh giạt sang hai bên đường nhường bước cho kỵ binh và các đội voi trận. Bụi đường lại bốc lên nhiều hơn. Ho sặc sụa. Cười nói lớn tiếng. Thấp thoáng phía sau màn bụi dày, vẫn những khuôn mặt hân hoan, ánh mắt rạng rỡ. Gương giáo không được giữ ngay tầm người mà được giơ cao lên hết tầm tay, tua tua hướng về phía trời cao. Nắng sớm mai tô thắm màu cờ đào phất phới, đồng thời cũng chiếu lên những ngọn giáo mài sắc, khiến từ chóp Ba Tầng nhìn xuống, người ta có cảm tưởng đang nhìn một con rắn dài uốn mình bò chậm chạp để khoe những chiếc vảy bạc óng ánh.

Ở một khúc đường quanh, mấy cô lão lấy vạt áo che miệng mũi cho đỡ bụi, và nói chuyện với nhau qua màn vải the cũ:

- Gớm! Không biết voi ở đâu mà nhiều thế! Từ nãy đến giờ tôi đếm được trên hai mươi thót voi rồi.

- Hơn nữa chứ. Chúng ta ra đây thì đã có mấy đội voi trận đi qua đây rồi. Phải thế không cháu? Cậu bé đứng bên cạnh cố nhón gót để trông cho rõ, quay lại đáp:

- Dạ. Từ sáng đến giờ đã có bốn lượt voi qua.

- Voi ngựa thế này thì "tụi chó Ngô" phải phát khiếp. Không biết chúng nó có dùng voi không nhỉ?

- Có chứ!

- Voi chúng nó có lớn bằng voi ta không?

- Có lẽ lớn hơn. Nhưng nhất định không quen xông trận như voi ta.

- Sao bác biết?

- Còn hỏi! Tôi mà việc gì chả biết.

- Bác chỉ giỏi nói bừa.

- Có bác nói bừa thôi. Tôi nói có sách, mách có chứng.

- Chứng có đâu? Đâu? Lại bịa.

- Này nhé. Bác biết thằng em thứ sáu nhà tôi là lính cấm vệ đấy chứ?

- Biết. Rồi sao nữa?

- Khi hôm, về thăm nhà, nó bảo đô đốc Tuyết có đem về Phú Xuân bản quân luật của bọn chó Ngô. Trước khi xưa quân sang xâm lấn nước ta, tên tổng đốc Lương Quảng có căn dặn quân lính kỹ càng lắm. Có đến tám điều quân luật, trong đó có một điều chỉ về kỹ cách chống lại voi trận của ta.

- Đúng là rau nào sâu nấy. Em bác, dù là lính cấm vệ, làm sao biết được những điều cơ mật như vậy?

- Bác biết một mà chưa biết hai. Sở dĩ nó biết, không phải nhờ đọc lên được giấy tờ của ông đô đốc. Không đâu. Bác ngờ là phải. Nhưng chính Chúa công đã cho đọc điều quân luật ấy cho các đội tượng binh nghe. Thằng em tôi còn thuật là theo thú nhận của quân Ngô, bên đó không quen đánh voi như bên ta. Nào, lại một đội voi nữa. Cả thấy mấy đội rồi nhỉ?

Cậu bé bên cạnh đáp:

- Năm đội tất cả. Đó là chưa kể các đội voi đi ngã Phủ Cam.

Cụ già quay nhìn thằng bé, thấy hay hay, vuốt đầu tóc khét nắng của nó hỏi:

- Lớn lên cháu thích đánh giặc bằng voi không?

Mắt cậu bé sáng lên khác thường, giọng háo hức:

- Thích chứ. Cưỡi voi cao hơn cưỡi ngựa.

Người bạn này giờ vẫn khá chuyện với cụ già, chợt nhớ ra điều quan trọng, vội hỏi:

- À quên, tôi chưa hỏi bác bên nhà có ai đi kỳ này không?

Cụ già đáp với vẻ hãnh diện:

- Có chứ! Những ba đứa đấy.

- Ấy chết! Đi hết cả à. Còn vụ đám cưới thằng cả?

- Nó xin hoãn lại.

- Bên nhà gái chịu à?

- Sao không chịu. Bên đó cũng định như vậy. Chờ lũ anh thắng trận trở về đông đủ, dự đám cưới em gái út mới vui.

- Nếu lỡ...

- Bác đừng nói đại. Không lỡ được. Chúa công cầm quân trăm trận trăm thắng. Lòng dân lòng quân thế này, bác chỉ cần nhìn nét mặt từng người cũng đủ biết. Còn bên bác, không có ai đi à?

- Tôi chỉ được có một trai, còn bao nhiêu là gái cả.

- Vì vậy nên bác cố nài cho nó ở lại?

- Không. Nó đi chứ.

- Khá lắm. Bác đã trông thấy nó qua đây chưa?

- Chưa. Bác đứng xê vào trong này cho đoàn voi kia qua. Đội thứ mấy rồi nhỉ?

Cậu bé đáp:

- Dạ đội thứ sáu.

*

* *

Ở một ven đường khác, có một chị đàn bà trạc ba mươi tuổi, mặc cái áo đen vá còn lấm bùn, mặt mày hơi hải, ngấn nước mắt còn rõ trên đôi má lấm bụi, đang tìm cách an ủi một chị đàn bà mắt đỏ hoe:

- Rồi sẽ tìm ra thôi, chị ạ. Đừng sốt ruột.

- Làm sao tìm được! Cha thằng Chút nhà tôi nhỏ người, đi vào đám đông hút mắt khó tìm lắm.

Vả lại, sao người nào người nấy giống nhau như đúc.

- Tại cái nón dẫu chứ gì? Chị có nhớ cái nón mo cau anh ấy ra sao không?

- Không. Ổng giấu không cho xem, sợ tôi chế nhạo. Đêm qua...

- Anh ấy về được à?

Chị đàn bà đỏ mặt, đáp lúng ta lúng túng:

- Có gì đâu. Anh ấy nhân việc công tạt qua nhà. Chỉ tạt qua được đủ thì giờ chăm nón thôi, vì lên lút nên sợ trễ.

- Vậy là chị mau mắn hơn tôi. Anh ấy chỉ kịp nhẩn gặp nhau sáng nay ở đây thôi.

- Nãy giờ chị có trông thấy người lính nào thấp và có nốt ruồi ở mép trái hay không?

Chị đàn bà kia cười, quên cả lo lắng riêng:

- Chị rõ lẫn thẩn. Làm như đang tìm người ngựa mặt lên mà hóng mát.

- Ừ, tôi lấm cẩm quá rồi. Đêm qua tôi khóc, cha thằng Chút cũng chê tôi lẫn thẩn. Này, chuyển này đánh nhau với quân Tàu, có nguy hiểm không chị?

- Có chứ. Nghe nói chúng nó đông những mấy chục vạn.

- Chết. Thế mình được bao nhiêu?

- Hình như khoảng mười vạn thì phải.

- Chỗ đầu tên mũi đạn, tôi lo quá. Lỡ có việc gì, ai lợp lại mái nhà cho khỏi dột mùa đông này đây.

- Ôi! Đàn ông biết lợp nhà còn thiếu gì. Vừa lợp nhà, vừa biết làm nhiều chuyện ghê gớm hơn nữa kia!

- Chị thì lúc nào cũng đùa được. Tôi lo quá đi mất! Lúc này chị bảo chồng chị thuộc toán quân ngựa phải không? Có một đội ngựa đến kia kia.

Người vợ chàng kỵ binh vô danh vội quay tìm chồng. Giống như bạn, chị thấy người lính nào cũng giống nhau như đúc: chiếc nón dẫu, nụ cười, mắt hăm hỏ, bộ ngời hơi ưỡn ngực trên lưng ngựa khỏe. Bụi đường che mờ dẫu ngựa và người. Chị ta thất vọng, quay bảo bạn:

- Chịu. Không tìm ra được. Hoài công đi tìm mua quế và dầu cả đêm!

- Chị mua được quế tốt không? Mua ở đâu thế?

- Ở chỗ cái quán đầu cầu.

- Tôi cũng mua ở đấy. Phải đổi những mười bát thóc mới được một thỏi bằng ngón tay út.

- Thế à! Tôi thì phải mất đến mười lăm bát.

- Chị mua hồi nào?

- Hồi chạng vạng.

- Phải rồi. Càng về sau, giá càng cao. Tôi mua hồi xế.

- Làm sao chị biết tin sớm thế?

Chị đàn bà bên lên đáp:

- Nhờ cha thằng Chút lên về trước.
- Như vậy là chồng chị về nhà được hai lần.
- Phải. Lần trước về bảo tôi đi mượn bộ quần áo dày, sợ ra bắc mùa này rét.

Chị vợ lính kia lo lắng nói:

- Chồng tôi chẳng mang theo quần áo gì khác ngoài bộ áo lính. Cũng chẳng có thuốc men gì phòng thân. Tội nghiệp quá. Làm sao tìm anh ấy bây giờ?
- Hay là ta lên núi Bà?
- À phải. Đến đó có lẽ tìm dễ hơn.

Hai người vợ lính vẫn lại tóc, lúp xúp chạy theo đoàn người đang ùn ùn kéo về chân núi Ba Tầng dự lễ đăng quang.

*

* *

Lãng lấy ngựa chạy đến các chỗ quen biết tìm An và các cháu. Không có. Ra bến đò. Không ai biết. Hốt hoảng quên cả suy tính, Lãng chạy vào thành để báo tin cho Chính Bình vương. Vào thành, Lãng mới thấy mình lầm. Giữa cảnh tấp nập, hối hả chuẩn bị cho hai cuộc lễ trọng diễn ra cùng một lúc (lễ đăng quang và lễ xuất quân chống xâm lăng), xin được gặp Chính Bình vương đã là việc khó. Gặp để nhờ vả chuyện tìm mẹ con An, chao ời, có thể tưởng tượng được điều gì lố bịch hơn chẳng? Dù hoang mang cực độ, Lãng vẫn không dám hé môi kể cho ai biết chuyện đau khổ riêng.

Trần Văn Kỷ gặp Lãng mừng rỡ reo lên:

- A, tìm được người thích hợp đây rồi. Quan Lễ bộ đang lúng túng chưa biết chọn ai làm cái việc đơn giản mà tối quan trọng này. Chỉ có cậu là thích hợp hơn cả.

Lãng được quan Trung thư kể cho biết các sự việc đang diễn ra: phần điều động binh lính dự lễ đăng quang cũng như xuất quân ngay sau đó, do các đô đốc Đông, Bảo, Lộc và Tuyết, phối hợp với bộ Binh đảm nhiệm. Đô đốc Đông và đô đốc Bảo lo bộ binh, đặc biệt là tượng binh và kỵ binh vì hai binh chủng ấy giữ vai trò chủ yếu trong buổi lễ và khi xuất phát. Đô đốc Lộc và đô đốc Tuyết phụ trách thủy binh, vừa chỉnh đốn ghe thuyền (kể cả thuyền chở khí giới, lương thực và thuyền bầu chở voi) sẵn sàng ở bến, vừa gửi một bộ phận thủy binh tham dự cuộc lễ. Trung thư đường và bộ Lễ thì phối hợp nhau bố trí tổ chức từ đầu đến cuối lễ đăng quang. Trần Văn Kỷ phải ở lại triều từ sáng hôm 24, thức một đêm trắng, và sáng nay, vẫn còn lo âu vì những yếu tố bất ngờ, có thể làm giảm hiệu quả của buổi lễ.

Lãng được giao cho cái nhiệm vụ được bưng cái mâm bạc trên đó đặt tấm áo cổn và mũ miện của Chính Bình vương. Trần Văn Kỷ vỗ vai Lãng khuyến khích:

- Cả tình lẫn lý, cậu đều xứng đáng để lãnh phần sự vinh quang này. Không có quan nào xứng đáng hơn cậu. Gắng giữ phong thái nghiêm chỉnh nhưng đừng quá gượng ép. Làm sao đi đứng, quì xuống hoặc đứng dậy cho khoan thai, thung dung. Cậu thử bưng cái mâm này đi vài bước cho tôi xem...

Lãng bị cái guồng máy khổng lồ vô hình cuốn hút vào cuộc, không còn chủ động suy nghĩ hoặc lo âu gì nữa. Anh theo các quan bộ Lễ lên núi Ba Tầng, cùng với họ diễn tập nhiều lượt các nghi thức của lễ lên ngôi tại đàn Nam Giao, trí óc ngây ngây như trong một cơn say dài. Lần đầu tiên trong đời, Lãng chòm ngợp trước một khung cảnh bao la, kỳ vĩ chưa từng thấy.

Những cơn mưa đầu mùa đông đã giúp cho lớp cỏ cây thấp trên sườn đồi bỏ lớp áo héo úa,

màu lá xanh mơn như tấm thảm vui trải bọc lấy ba vòng đồi. Bảy vạn quân thủy bộ đã tụ họp đông đủ ba mặt dưới đàn Nam Giao. Từ trên chóp Ba Tầng nhìn xuống, trước hết là hằng hà sa số những chấm đen di động liên tục, như một đàn kiến xếp trật tự theo từng vạt vuông vức. Cờ đào nhuộm hồng khoảng cách sát chân đồi, và mỗi khi mặt trời chui ra khỏi những đám mây lạc lờ lững, thì nắng sáng chiếu lên các lưỡi gươm giáo, biến vùng đất bằng phẳng dưới đó thành một vùng dát bạc lấp lánh.

Trên đàn Nam Giao, màu cờ sắc áo sắc sỡ đập vào mắt Lãng, khiến anh choáng váng điên đảo. Lá cờ đào thật lớn phất phới trên kỳ đài, ngay đỉnh đồi biến mọi vật trên đàn trở nên hồng hào, hớn hở. Rồi những lá cờ đào hình đuôi nheo cắm quanh lễ đài. Rồi màu áo thêu của phẩm phục đại lễ. Tiếng chiêng, tiếng trống giục giã, hỏi đáp, hưởng ứng phụ họa với nhau từ bốn phía.

Cuộc sống ngồn ngộn, rục rờ và sôi sục, chói chang hừng hực như ánh sáng và hơi thở mặt trời. Lãng cảm thấy mất mình, tan loãng vào cái chung thành một tiếng trống, một sắc cờ. Anh không thể ý thức rõ rệt đang làm gì, anh bị cuốn hút vào cái vĩ đại chung quanh. Anh vừa rạo rục vì ngoại cảnh, vừa hoang mang lo sợ không thể nào giữ được, từ đây, chút gì riêng tư cho cái thú được lặng lẽ đếm bước chân mình trên đường vắng, cái thú được lạc lõng giữa những cảm giác nhẹ hẫng thanh thoát lúc cô độc. Anh cũng ngỡ ngàng thấy mọi người đối khác. Quan Trung thư có nét mặt bất động như mặt tượng. Quan Lễ bộ đọc bài chiếu lên ngôi với cái giọng trẻ trung phấn kích ít thấy nơi một cụ già quen nhỏ nhỏ. Trên từng khuôn mặt, cái nhìn mọi người đều bừng sáng do một thứ lửa nội tâm nào đó làm sôi các mạch máu. Mỗi người bị màu cờ đào và tiếng chiêng trống giục giã, đều phải rướn cao hơn, cao hơn gấp bội bình thường. Ai nấy đều thắc thỏm, chờ được dẫn tới trước, muốn được vượt qua một trở ngại nào đó, làm được điều gì khác thường. Màu cờ, tiếng chiêng trống càng ngày càng giục giã mạnh mẽ. Chân ngựa nóng nảy, nện vó một chỗ. Tay người nắm chặt cán giáo để nén một tiếng hò reo quá sớm. Chờ. Chờ. Thời gian như chậm lại. Chính Bình vương và các quan đại thần văn võ đến. Mọi người nô nức, tưởng cái giờ được vươn cao rướn tới đã điểm. Nhưng không. Lại phải chờ. Nghi thức lễ đăng quang chậm chạp hơn mọi người tưởng. Màu cờ thúc giục. Chiêng trống tạm im trong suốt buổi lễ, nên nổi chờ đợi thêm khắc khoải. Cho đến lúc Nguyễn Huệ mặc áo cổn mới, tự đội vương miện để chính thức nhận vương hiệu Quang Trung trước trời đất và toàn dân, đứng trên chóp Ba Tầng chỉ về phương bắc ứng khẩu vài lời hô hào giết giặc giữ nước, và tiếp theo đó, trống chiêng từ trên đàn Nam Giao đột ngột nổi lên rộn rã, thì lòng mọi người đều chấn động. Lễ xuất quân bắt đầu.

*

* *

Ba quân nao nức nhìn lên đỉnh Ba Tầng để tìm cho được vua Quang Trung. Mọi người đều nhón chân nghênh cổ để nhìn chếch lên đầu ngọn giáo phía trước. Họ lần lượt thấy một lá cờ đào lớn di chuyển dần từ đàn Nam Giao xuống chân đồi, theo sau có đoàn lễ nhạc đánh chiêng trống và nhiều người lính cầm cờ hiệu. Một chiếc lọng vàng đi giữa hai chiếc lọng khác nhỏ và thấp hơn, cũng dần dần xuống chân đồi. Quân sĩ xôn xao bàn tán, chỉ trở về phía chiếc lọng. Đám rước dừng lại ở chân núi Ba Tầng, ngay chỗ dàn hàng của đội tượng binh. Quân lính mất kiên nhẫn, hàng ngũ bắt đầu lộn xộn. Chợt có lời truyền miệng cho nhau lan khắp các đạo quân:

- Coi chừng hàng ngũ. Hoàng đế sắp tới.

Không ai bảo ai, mọi người đều đứng im tại vị trí cũ, mắt nhìn thẳng tới trước. Tiếng xôn xao cũng dần dần tắt lịm. Chỉ còn nghe tiếng gió thổi vào các lá cờ đào, tiếng ho khê và tiếng ngựa

hí lạc lõng. Một lúc sau, có tiếng chân ngựa dồn dập: hoàng đế mặc nhung phục, đeo kiếm, cưỡi con ngựa ô cao lớn, đang dẫn đầu một đoàn các tướng lãnh và quan đại thần đến tận các đạo quân để thị sát. Đi đến đâu, quân sĩ cũng nô nức reo to: "hoàng đế vạn vạn tuế". Lời hô lan truyền nhanh chóng khắp nơi, vang dội như sấm rền. Vua Quang Trung đi thị sát một lượt, đưa tay vẫy chào các quân sĩ, rồi trở về chỗ quân tượng.

Một phát súng thần công từ trên đỉnh Ba Tầng bắn vang rền, báo hiệu giờ xuất phát. Bộ binh theo đường An Cựu, còn thủy quân thì rẽ theo lối An Lăng qua Phủ Cam trở lại bến thuyền. Mở đầu cuộc xuất quân là các toán quân kỵ. Bụi đường lại tỏa mù, từ xa chỉ thấy những đầu ngựa, chóp nón dấu nhấp nhô và những lá cờ đào. Tiếp theo là đoàn quân tượng. Vua Quang Trung chuyển qua ngồi trên bành voi đi giữa hàng quân. Dân chúng hai bên đường được dịp nhìn vị hoàng đế trẻ tuổi uy dũng, không hẹn cùng hô to "vạn tuế" khi thót voi ngựa đi qua. Cuối cùng là các đạo bộ binh theo đường An Cựu tiến ra bờ nam sông Hương để lần lượt lên thuyền qua bờ bắc.

Vua Quang Trung cùng các đô đốc Long, Bảo và các quan đại thần dừng lại ở bờ nam để quan sát việc đưa quân qua sông. Những người lính, biết hoàng đế đang nhìn họ bước, nên tự chỉnh đốn hàng ngũ, cầm ngay ngọn giáo, tuy trong lòng ao ước được ngoái lại nhìn nhà vua nhưng mắt cứ ngó thẳng phía trước.

Việc đưa lính qua sông hơi chậm, nên chẳng mấy chốc, binh mã dồn lại ở bến thêm đông. Hàng ngũ hơi lộn xộn. Tiếng ồn ào, tiếng ngựa hí, tiếng khí giới va chạm làm rộn cả một bờ sông. Lại thêm dân chúng đổ ra đường để trầm trồ bàn tán về biến cố lịch sử hiếm có ở kinh thành này, hoặc để tìm thân nhân dạn dò gửi gắm lần cuối. Đô đốc Lộc cho huy động tất cả thuyền chiến còn rảnh, để chở lính bộ qua sông, nhưng số người còn lại bên bờ nam vẫn lớn.

Đúng vào lúc đó, một toán lính bộ mất kiên nhẫn chờ đợi hoặc được phần kích vì biết phía sau lưng hoàng đế đang quan sát, đã rủ nhau bơi qua sông. Vài người còn dám cầm theo lá cờ đào. Nhiều đám quân khác bắt chước theo. Số quân còn lại và dân chúng thích thú trước hành động liều lĩnh bất ngờ nổi lên reo hò khuyến khích. Mặt sông Hương lại phát phới cờ đào. Vua Quang Trung truyền lệnh cấm chỉ hành động liều lĩnh nguy hiểm ấy, vì mặt sông quá rộng, lại ở vào mùa nước sâu. Tuy vậy, khi quân sĩ đã qua hết bên kia sông, kiểm điểm quân số, các tướng lãnh mới biết có khoảng hơn hai mươi người bị chết đuối vì yếu sức không bơi nổi đến bờ bắc.

(1)Tiết này dựa theo bài Đàn Nam Giao Tây Sơn tại Huế của Đỗ Bang, đại học tổng hợp Huế, in trong Tây Sơn Nguyễn Huệ, kỷ yếu hội nghị nghiên cứu phong trào nông dân Tây Sơn và anh hùng Nguyễn Huệ của Ty VH và TT Nghĩa-Bình, 1978, từ trang 302-312.

(2)Imbert. Le séjour de l'embassade de lord Macartey 1793. Idéo Hà nội 1924, trang 28.

Chương 94

Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đem tin quân Thanh xâm lấn Bắc Hà về Phú Xuân ngày hôm trước, thì vua Quang Trung cấp tốc ra lệnh xuất quân ra bắc ngay hôm sau, 25 tháng 11 Mậu Thân (1788). Ngày 29, đại quân đến Nghệ An. Nhà vua cho dừng quân ở đó những mười ngày, rồi mới tiếp tục tiến ra phòng tuyến Ba đội. Đô đốc Tuyết không hiểu nguyên nhân sự chùng chình thất thường đó, đem chuyện hỏi đô đốc Bảo. Đô đốc Bảo trả lời:

- Ông không nên cuống quýt như vậy. Ông không nhớ lời hoàng thượng bảo chúng ta hôm 24 hay sao? (1)

Đô đốc Tuyết bẻ lại:

- Vâng, chúng ta không việc gì mà phải cuống quýt lo sợ. Nhưng tôi ở bắc về, tôi hiểu rõ tình hình hơn các ông. Gấp lắm rồi. Chính Hoàng thượng cũng nhận ra thế, nên vừa lên ngôi xong đã ra lệnh xuất sư. Tại sao bây giờ lại nằm dí ở đây? Có tin gì mới từ Ba Đội đưa về dinh Vĩnh chăng?

Đô đốc Bảo không biết trả lời thế nào, đáp qua quýt với giọng thiếu tin tưởng:

- Có lẽ thế. Hay cái ông đồ Vân trình (2) lại bày vẽ thêm cái trò mới nào đó. Như đem võng đến Nguyệt ao mời cho được lão già điên đến đây gieo quẻ cát hung chẳng hạn.

Đô đốc Tuyết sáng mắt, hấp tấp nói:

- Đúng rồi. Sáng nay tôi có nghe quan trấn thủ sai lính đem thư đến Nguyệt ao. Đến lúc nào mới thoát khỏi cái nạn ba hoa của bọn văn nhuộc đây!

Hai viên võ tướng vội im lặng khi thấy Trần Văn Kỷ vội vã đi về phía chánh đường trấn phủ Nghệ An. Quan Trung thư mỉm cười chào họ, định dừng lại nói vài câu xã giao, nhưng sau đó quyết định bước sâu vào phía trong. Đô đốc Tuyết nói khẽ:

- Hình như đã gieo được quẻ cát. Nét mặt ông già hớn hở hơn mọi ngày.

Đô đốc Bảo đáp:

- Ông ấy vẫn thế. Khéo xử với mọi người, không ai có thể trách điều gì được, dù khối người trong bụng ghét cay ghét đắng.

- Đâu có! Bùi Đắc Tuyên đã dám mĩa mai ông đồ Kỷ trước mặt Hoàng thượng nhiều lần, ông không nhớ sao?

Đô đốc Bảo cười nhạt:

- Ối! Cái lão Tuyên! Chỉ được việc quanh quẩn giữ nhà.

Đô đốc Tuyết nói:

- Đừng xem thường mà có ngày hối không kịp! Bây giờ lão thành quốc thích rồi đấy. Hạng quanh quẩn xó nhà rảnh việc, lại hay nghĩ ra nhiều chước lạ.

- Ông sợ chẳng?

Đô đốc Tuyết vỗ tay vào bao kiếm đeo ở thắt lưng:

- Từ thời khởi nghiệp, thằng này chưa biết sợ ai. Thời ở Tuy viễn, chính mắt ông đã thấy bọn mãi võ khúm núm trước thằng này như thế nào rồi, ông quên hay sao?

Đô đốc Bảo thấy mình quá lời, vội nói:

- Tôi đùa đấy. Nếu sợ, đã không thành ông đô đốc.

*

* *

Trần thủ Nghệ An, Thận trực hầu Nguyễn Văn Thận vừa đưa La sơn phu tử đến phủ, thì Trần Văn Kỷ đã vội vã ra tận cửa đón khách. Vua Quang Trung đứng dậy ân cần mời Nguyễn Thiếp ngồi lên sập cùng với mình. Nguyễn Thiếp không dám, chỉ ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thõng xuống đất. Trong một thoáng, hai người cùng quan sát nhau. Vua Quang Trung thấy La sơn phu tử ốm và thấp hơn nửa năm trước, La sơn phu tử thì thấy vua Quang Trung hơi đầy đặn, tuy nhiên đôi mắt có vẻ mệt mỏi, dăm chiêu thêm.

Nhà vua trách:

- Hơn nửa năm nay thư đi thư lại nhờ tiên sinh xem giùm đất lập đô, mà tiên sinh cứ tìm có lần lửa mãi. Tại sao thế? Tiên sinh cho rằng quả nhân không đủ danh vị, khả năng để cùng tiên sinh mưu tính việc thiên hạ chăng? Hay là tiên sinh có kế riêng để cứu đời, nhưng chưa có dịp đem ra thi thố?

La sơn phu tử vội chắp tay thưa:

- Tâu Thánh thượng, có lẽ tiện sĩ quá vụng về nghiên bút, nên lời khải đệ lên thánh thượng không được rõ ràng chẳng! Tiện sĩ đâu dám không tuân thánh chỉ. Vì tiện sĩ là con dân xứ Nghệ, từ nhỏ đến già ít khi rời quê hương lâu, nên hiểu khá rõ địa thế sông núi và đời sống dân chúng quanh đây. Quả thực cả Phù Trạch lẫn Yên Trường đều không phải là chỗ đất rộng rãi trù phú để lập đô. Dân Nghệ bao nhiêu năm nay khổ cực vì thiên tai, dịch họa...

Vua Quang Trung cắt lời Nguyễn Thiếp:

- Quả nhân đã biết các lý lẽ phu tử trình bày trong tờ khải. Nhưng quả nhân còn đọc được cả ý của phu tử ở chỗ giấy còn trắng. Phu tử không muốn quả nhân lập đô trên đất nhà Lê chứ gì? Tính quả nhân ưa nói thẳng và đã định làm gì thì phải làm cho kỳ được. Lần này, quả nhân muốn nói cùng phu tử cho hết ruột gan về điều phu tử đang canh cánh bên lòng. Vâng, quả nhân còn lạ gì tâm sự ấy nữa. Phu tử nghĩ lại mà xem. Như quả nhân đã viết cho phu tử trong tờ chiếu thánng chín: để vương mà dấy lên là do mệnh Trời. Quả nhân theo thời dẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giàu. Ngày trước khi vào Thăng Long, lòng quả nhân không phải không muốn giữ dòng họ Lê để làm rạng việc tốt. Nhưng, xem lại thì thấy các con cháu nhà Lê đều đại hèn, không thể khiến dân chúng theo

được. Vả lại, mệnh triều Lê đã hết, có muốn phò cũng không thể làm sai được mệnh Trời (3) Càng nói, giọng vua Quang Trung càng đượm vẻ hờn giận, chua chát. Nguyễn Thiếp thấy nhà vua nói đúng tâm sự mình, dăm lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Ý vua Quang Trung lại xác quyết, không chừa một kẽ hở để bàn luận. Trần Văn Kỷ ngồi trên cái ghế mây cách xa sập chừng gần hai sải, muốn nói điều gì để bầu không khí bớt gay go, nhưng không tìm ra ý. May sao, chính nhà vua mở lối bí. Vua Quang Trung cười một tiếng nhỏ, rồi đổi giọng vui mừng, thân mật:

- Thôi. Cãi với nhau xem Nghệ An là đất nhà Lê hay đất Nam hà, bây giờ thành chuyện cũ. Lê tự tôn đã bỏ nước trốn đi, phu tử biết điều đó rồi! Tự hoàng qua tận đất nhà Thanh rước voi về

dày mả tổ, điều đó chắc phu tử mới biết đây. Nghệ An, và cả nước Nam này không thuộc nhà Lê nữa. Tự hoàng đã đem dâng hết cho Tôn Sĩ Nghị. Quả nhân định ra bắc giành lại nước Nam khỏi tay giặc Tôn, như Lê Thái tổ đã đuổi giặc Minh trước đây. Mẹo đánh hay giữ, và được hay thua, phu tử nghĩ giùm xem sao!

La sơn phu tử đáp:

- Quân Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, cái thế nên chiến nên thủ ra sao. Vả lại, chúng cũng có ý khinh địch. Nếu đánh gấp, thì không ngoài mười ngày ta sẽ phá tan. Trì hoãn một chút, e khó lòng thắng được.

Vua Quang Trung vui mừng nói:

- Ý phu tử hợp với quả nhân (4). Đúng như lời cổ nhân thường bảo: "Một lời nói mà dấy nổi cơn bão". Phải. Lần này quân phải thần tốc mới thắng chúng nó được.

Rồi quay về phía Trần Văn Kỷ, vua Quang Trung nói:

- Quan Trung thư đã sắp sẵn quà chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu thánh thượng, đã sẵn rồi ạ.

Nhà vua nói với La sơn phu tử:

- Mấy lần trước, phu tử còn vương mắc, nên từ chối quà biếu Phú Xuân. Lần này chỉ có một chiếc gậy bịt bạc và một mâm đồng, nhất định phu tử không nữa chối từ như trước nữa.

Trần Văn Kỷ đứng dậy, nghiêm chỉnh chờ tiễn Nguyễn Thiếp ra về. Vua Quang Trung gật đầu mỉm cười, kín đáo tiễn khách. Nguyễn Thiếp định sụp xuống lạy, nhưng vua Quang Trung đã nhanh nhẹn rời khỏi sập đến nâng phu tử dậy. Nhà vua đưa Nguyễn Thiếp đi một đoạn, rồi dừng lại. Nguyễn Thiếp theo Trần Văn Kỷ ra khỏi sảnh đường.

Vua Quang Trung kiên nhẫn chờ Trần Văn Kỷ trở lại không được, cứ nôn nao đi đi lại lại trong sảnh đường. Vì thế, Trần Văn Kỷ vừa bước vào, nhà vua đã hấp tấp hỏi:

- Thế nào?

Trần Văn Kỷ vui vẻ thưa:

- Tâu thánh thượng, chẳng những sẵn sàng nhận quà, ông ấy còn nhờ mua hộ quế tốt nữa.

Vua Quang Trung cười lớn, ánh mắt long lanh kiêu hãnh, nói đùa:

- Thế là từ nay hết được nghe biện biệt "quí quốc" với "bản triều" nữa rồi! Ôi chao! Muốn được các thầy đồ công nhận là chính thống, khó quá! Nhất là các thầy đồ Nghệ. Đã khó nhọc như thế thì ông cứ tìm cách loan truyền cho sĩ phu Bắc Hà biết rằng ta đánh quân Thanh theo kế La sơn phu tử nhé. Điều đó, có lợi lắm. Bây giờ có một việc quan trọng hơn là phải xem dân áo vải đất Nghệ phản ứng thế nào trước nạn ngoại xâm. Ta đã sai Hán hổ hầu khẩn cấp tuyển quân, cứ ba dân đình thì lấy một. Nếu dân áo vải Nghệ An hưởng ứng nhập ngũ, thì lời phỏng đoán mười ngày của La sơn phu tử nhất định phải ứng nghiệm. Chờ xem!

*

* *

Lã được biệt phái sang bộ phận tuyển binh của Hán hổ hầu, phụ trách địa điểm thu quân ở phủ l Hưng Nguyên. Tình thân thiết lâu ngày giữa anh và nhà vua đã giúp Lã thắng thế trong cuộc tranh luận sôi nổi ở ban tham mưu trung binh, về việc lựa chọn giải pháp nào có hiệu quả nhất.

Các phụ tá thân cận của Hán hổ hầu đều xuất thân nhà võ, nên tin tưởng vào các biện pháp mạnh bạo. Nội trong vài ngày phải lấy đủ một phần ba số dân đình Nghệ An làm lính, công việc

ấy đâu phải dễ. Giao thông khó khăn, guồng máy hành chánh ở đây còn non yếu; phần lớn các chức sắc bị giao việc đều thắc thỏm chân trong chân ngoài, quen tìm kiếm những thể đứng vô hại để lờ thời thể có thay đổi cũng không đến nỗi chuốc vạ. Quá nhiều làng xóm giáp ranh với rừng núi, thuận lợi cho những kẻ trốn lính. Cho nên nhiều võ quan đề nghị Hán hồ hầu cấp chó cho các toán tuyển binh đi săn kẻ trốn lính trong các khu rừng, đồng thời cấp thêm giáo, cuộc chia để họ xăm vào các đồng rơm tóm gọn bọn nhút nhát (5)

Lăng cương quyết bác bỏ các biện pháp thô bạo ấy, anh nhắc cho các võ quan nhớ rằng: khi vua Quang Trung sai Thận trực hầu đích thân đi mời La sơn phu tử đến vấn kế diệt giặc, nhà vua đã đặt hết tin tưởng vào lòng yêu nước của sĩ dân Nghệ An, quê hương của nhà vua. Chính nhà vua cũng đã quyết định dời đô về đây, vì tin tưởng ở thiên thời, địa lợi và nhân hòa qui tụ ở đất này. Dùng các biện pháp thô bạo ở một nơi sắp trở thành thang mộc ấp là một xúc phạm không thể tha thứ. Các võ quan nghe Lăng nói vậy, bắt đầu lo sợ, nhưng chưa tin rằng có thể tìm được giải pháp nào khác. Lăng thuyết phục họ bằng cách nhắc đến tinh thần yêu nước vốn là truyền thống của dân tộc trước các hiểm họa ngoại xâm. Nhà Trần nhờ thế thắng Nguyên Mông, nhà Lê đuổi được giặc Minh. Không nói đâu xa, chính nhờ lòng yêu nước mà các võ quan hiện diện đã tham dự vào chiến thắng oanh liệt ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Tinh thần hăng hái của ba quân gốc Thuận, Quảng hôm lễ xuất sư là một bằng chứng khác. Dù ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ một người dân nước Nam nghe tin đất nước bị xâm lấn, thì kẻ bạc nhược nhất cũng bật dậy căm giận và trở thành chiến sĩ.

Các võ quan bẻ lại, bằng cách đưa ra các đám cần vương hoạt động âm ỉ, rải rác ở Thanh Nghệ, lòng hoài Lê của đám cựu binh cũ và các gia đình vọng tộc mấy đời là công thần của vua Lê chúa Trịnh. Nếu sĩ dân Thanh Nghệ có vẻ chịu khuất phục như hiện nay, không phải vì lòng họ thành thực đón nhận vận hội mới, mà chỉ vì sợ hãi lưỡi gươm bén. Nguyễn Hữu Chỉnh thất cơ lỡ vận như vậy, nhưng nhờ đám mạnh tay đao, đã chiêu mộ được cả một đạo binh xứ Nghệ, để trở lại làm rúng động Thăng Long.

Lăng đáp:

- Các vị chưa dám trọn tin dân Thanh Nghệ cũng phải. Mới thoát nhìn, ta thấy đâu đâu cũng có dấu hiệu phản trắc, hoặc nhẹ hơn nữa, là dấu hiệu hờ hững. Nhưng quý vị nghĩ lại mà xem: Người dân Nghệ nào không biết đến lai lịch của các cổ tích họ từng hãnh diện từ lúc lọt lòng: nào thành Bình Ngô, thành Lục niên nơi vua Lê Thái tổ chiến thắng giặc Minh. Dấu tích thời Minh thuộc ô nhục cũng còn đó: thành Hùng sơn ở Hưng Nguyên do Trương Phụ đắp, thành Cự lại cũng do tướng Minh đắp. Chưa có nơi nào dấu vết thời bắc thuộc và dấu vết cuộc tranh đấu chống ngoại xâm rõ ràng, hiển hiện như ở đây. Đó là chưa kể một niềm hãnh diện thật mới: nhà vua gốc gác ở ngay đây, phủ Hưng nguyên. Chỉ cần khơi dậy truyền thống chống xâm lăng của sĩ dân địa phương, cùng niềm tự hào là đồng hương của hoàng đế, tôi tin cuộc tuyển binh sẽ rất thành công. Quý vị khỏi phải dùng đến chó săn và cuộc chia.

Những gì xảy ra sau đó chứng thực niềm tin của Lăng. Lệnh tuyển binh vừa ban ra, cả Nghệ An, từ biển lên rừng, đều rộn rã. Chẳng mấy chốc, các điểm thu quân đông nghẹt. Lăng phải nhờ Hán hồ hầu gửi thêm người mới giải tỏa được bớt số thủ tục bị ứ đọng. Ban đầu, anh đặt bàn ghi danh các tân binh trong phủ l. Càng lúc số thanh niên đầu quân kéo đến càng đông, chưa kể cha mẹ, vợ con đi theo tiễn đưa. Quá ngọt ngào vì hơi mồ hôi, Lăng phải cho dời nơi ghi danh ra sân phủ. Công việc vẫn chưa thông vì nhiều ngoại lệ bất ngờ, các chức việc không giải quyết nổi. Lăng phải đích thân khiêng bàn đến chỗ sân trống để giải quyết các trường hợp đặc biệt.

Một người mẹ đến xin cho đưa con trai mười bốn tuổi được về nhà để trông nom đàn trâu. Cậu bé chưa có tên trong sổ đình, nhưng đã đổi một tên khác và khai gian thêm tuổi để tòng quân. Một thanh niên trạc trên dưới hai mươi tuổi bần khoản không biết nếu sung quân kỳ này, quan trấn thủ có bắt tội biếng nhác hay không. Anh là thợ mộc và đã được Thận trực hầu gọi đến sung vào đoàn thợ chuẩn bị xây dựng hành cung tại Yên Trường.

Một người cha đến khiếu nại xã quan ở địa phương cố ý chèn ép mình. Lãng hỏi rõ, mới biết ông là lính tam phủ trước đây. Đưa con trai độc nhất của ông đang bị lở loét nặng ở gót chân, nên xã quan không ghi tên vào danh sách tuyển binh. Người lính tam phủ xin đi thay con, bị từ chối, tức giận, lên tận phủ để khiếu nại.

Lãng hỏi:

- Con của bác bị đau chân, người ta không gọi lính, việc gì bác phải xin đi thay cho rắc rối?

Người lính tam phủ đáp:

- Nhưng người ta sẽ bảo là gia đình tôi còn có cảm tình với cự triều. Nhà nào cũng có người tham gia đánh giặc Thanh cả, chỉ riêng nhà tôi là không có ai.

- Con bác được miễn, chứ có phải trốn đâu?

- Biết thế. Nhưng vẫn thế nào ấy.

- Thế xã quan bảo với bác thế nào? Tại sao từ chối? Bác đã quá tuổi chưa?

- Chưa. Tôi vẫn còn khỏe mạnh. Cái ông rậm râu ở xã còn nói nhiều điều xúc phạm đến danh dự tôi nữa.

Lãng tò mò hỏi:

- Cái ông rậm râu? Ông ấy nói gì?

- Lão ta bảo: Anh là kiêu binh, theo quân để trở lại Thăng Long phá nát phố phường người ta ra phông?

Lãng không giữ ý được, bật cười. Người lính tam phủ cau mày khó chịu. Lãng cố an ủi bác ta:

- Một con sâu làm rầu cả nồi canh, phải chịu thôi, bác ạ. Quả tình trước đây bạn bè của bác cũng quá quắt lắm, điều đó ai cũng biết. Chỉ có điều ít ai biết là bác khác người ta. Nhưng thôi, chuyện đời xưa nay vẫn thế. Tôi hỏi thật nhé, ngoài mong muốn được giết giặc, bác cố kéo nài sung quân, phải có lý do thầm kín nào khác chứ?

Người lính tam phủ bối rối trông thấy. Da mặt bác đỏ lên, mắt tránh nhìn thẳng vào mắt Lãng.

Lãng cười, nói:

- Bác nói thật, tôi sẽ cho bác sung quân.

Bác ta mừng rỡ, nói:

- Chẳng giấu gì ông, tôi nhớ Thăng Long quá. Cả thời son trẻ của tôi, ông hiểu. Tôi có thể kể tỉ mỉ từng nhà ở phố nào có cánh cửa ra sao, sân trước, rào giậu cao thấp rộng hẹp thế nào. Ra nhìn lại một lần, chết cũng mát ruột.

- Lý lẽ ấy chưa đủ. Còn gì khác nữa cơ!

Người lính cũ càng bối rối hơn. Bác quanh co một lúc, cuối cùng thú nhận:

- Trước kia thời làm lính Nhưng kiệu, ông biết, tôi cũng có số đào hoa lắm. Bạn bè tôi thì lãng nhãng bừa bãi, riêng tôi thì tính chuyện lâu dài. Cô ấy đã có với tôi một mụn con. Sau loạn tam phủ, tôi chạy về đây, không biết mẹ con thế nào.

Lãng xoa tay nói:

- Được rồi. Tôi giúp cho bác đoàn tụ gia đình. Nhưng, muốn vào Thăng Long phải đánh nhau với giặc đấy. Và nhớ không được quên trở lại Nghệ đấy nhé!

*
* *

Chỉ trong vài ngày, Hán hổ hầu đã tuyển được hơn ba vạn tân binh. Cộng thêm với quân lính tinh nhuệ gốc Thuận Quảng, Quang Trung đã có một đạo quân đông hơn mười vạn, chưa kể kỵ binh, thủy binh và một đội tượng binh gồm vài trăm voi chiến.

Nhà vua chia quân ra làm năm doanh: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân và trung quân. Binh lính mới tuyển ở Nghệ An sung vào trung quân, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua Quang Trung. Sau khi sắp xếp xong đội ngũ, nhà vua cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại trấn doanh Nghệ An. Khi Trần Văn Kỷ, Hán hổ hầu và đô đốc Bảo vào mời vua Quang Trung ra trước thềm dinh để tướng sĩ được ra mắt, nhà vua vui tươi hỏi quan Trung thư lệnh:

- Ông đã thấy dân áo vải chân đất hưởng ứng lệnh tuyển binh ra sao rồi chứ? Đâu có nhì nhằng như mấy ông đồ Nghệ! Có phải vì các ông đồ thuộc lâu sách Tàu nên e ngại không dám chống Tàu chăng?

Trần Văn Kỷ nghiêm mặt, kính cẩn gật đầu. Trong thâm tâm, ông hơi phật lòng vì giọng chế giễu nhà nho của vua Quang Trung, tuy những điều nhà vua nói không phải không đúng. Nhà vua lại quay về phía Hán hổ hầu hỏi:

- Đủ một phần ba số đinh chưa?

Hán hổ hầu kiêu hãnh đáp:

- Tàu Hoàng thượng, có dư thêm một ít đấy ạ.

Quang Trung cười:

- Dư à! Lấy gạo đâu để nuôi số dư đó. Ông lo hết nhé? Nghe nói ông định dùng chó săn để tìm lính phải không?

Hán hổ hầu bối rối đáp:

- Tàu Hoàng thượng, lúc đầu vì...

Nhà vua gạt đi:

- Ta không trách đâu. Nhưng phải nhớ không phải lúc nào cũng cần đến lưỡi kiếm. Mọi sự ngoài dinh xong xuôi cả chứ, đô đốc Bảo?

Đô đốc Bảo nghiêng mình nói:

- Vâng ạ.

Vua Quang Trung vừa ra đến thềm dinh, thì ba quân đồng loạt tung hô vạn tuế vang động cả một góc trời. Nhà vua mỉm cười nhìn khắp năm doanh, chờ cho tất cả đều im lặng, mới thân mật hỏi:

- Các người đứng lâu như thế có mỏi chân không?

Không ai dám trả lời rõ ràng. Từ thềm dinh trấn Nghệ An, nhà vua chỉ nghe một tiếng lao xao đáp lại. Nhà vua đưa tay ra trước bảo mọi người:

- Cho phép các người ngồi xuống cho đỡ mỏi.

Tiếng lao xao rộn rã vì mừng vui và khâm phục. Khi ba quân đã ngồi yên ngay ngắn, nhà vua mới nói:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện chúng ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia nhau mà cai trị. Người phương bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ vương, đời Tống có Đinh

Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái tổ, các ngài không nở ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương bắc. Ở các thời ấy, bắc nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh đến đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng.

Các người đều là kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc. Ta không tha một ai. Lúc đó chớ bảo là ta không nói trước (6)

Vua Quang Trung nói xong, tất cả đều im phăng phắc. Rồi đột nhiên không ai bảo ai, từ rụt rè đến sôi nổi, tất cả mọi người đều dùng hết sức mình hô to: "vạn tuế, vạn tuế".

Nhà vua vui mừng, quay lại nói với Trần Văn Kỷ:

- Cái hạn mười ngày của La sơn phu tử chắc sai rồi. Không đến mười ngày đâu, ông Kỷ ạ!

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân ra phòng tuyến Ba Dội, Biện Sơn.

(1) Nguyễn Huệ bình tĩnh và tươi cười nói: "Việc gì mà cuống quýt lên vậy. Chúng nó tự đi tới chỗ chết, ta hãy cứ lên ngôi làm cho danh nghĩa quang minh chính đại để ràng buộc lấy lòng người trong nam ngoài bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn gì". (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 47, trang 40).

(2) Trần Văn Kỷ người làng Vân Trình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên.

(3) Dựa theo La sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 123.

(4) Dựa theo Hoàng Lê nhất thống chí, Lê quý kỷ sự do Hoàng Xuân Hãn trích trong La Sơn phu tử trang 129, 130.

(5) Thư giáo sĩ Longer gửi cho Julliard (A Launay, III, trang 238).

(6) Hoàng Lê (bản dịch Hà nội, trang 359, 360).

Chương 95

Dù đô đốc Tuyết đã nhắc đi nhắc lại rằng vua Quang Trung không hề giận dữ khi nghe tin quân Bắc Hà đã rút lui về Ba Dội, Ngô Văn Sở vẫn hoang mang e ngại khi phải ra mắt nhà vua. Quan đại tư mã chùng chình chờ đủ mặt nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm mới chịu cùng đến gặp Nguyễn Huệ. Nhà vua không chờ cả ba yên vị, đã cau mặt trách:

- "Các người đem thân đi theo việc binh, đã lên ngôi tướng sủy, ta đã giao cho tất cả mười một tuyên, lại cho tùy nghi làm việc. Giặc đến chưa đánh trận nào, mới nghe thấy tiếng đã ù chạy. Binh pháp nói rằng: "Quân thua thì chém tướng". Tội các người đáng chết một vạn lần mới xúng" (1)

Lúc đó Phan Văn Lân và Ngô Thì Nhậm còn trù trù chưa biết ngồi chỗ nào, còn quan đại tư mã thấy nhà vua liếc về phía cái trường kỷ gỗ lim đặt trước sập, tưởng vua Quang Trung cho phép ngồi, đã định ghé xuống góc ngoài. Nghe vua trách cứ, Ngô Văn Sở vội đứng thẳng dậy. Cả ba người đứng trân, hồi hộp chờ đợi cơn bão kế tiếp. Trong phòng, có thể nghe cả tiếng gió thổi vi vút qua đám lá thông bên kia cửa sổ. Trừ Ngô Thì Nhậm dám nhìn thẳng về phía trước mặt, hai viên võ tướng kia cúi gầm mặt xuống. Đúng lúc căng thẳng ấy, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân nghe giọng nhà vua dịu lại:

Nhưng ta nghĩ rằng: Các người đều là kiện tướng, tự nhiên gặp giặc là đánh, sợ đến lúc lâm cơ ứng biến thì không đủ tài. Trước kia ta phải để Ngô học sĩ ở lại cộng sự với các người chính là lo sẵn chỗ đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa qui phục. Thăng Long lại là một thành trống trải có thể bị đánh bốn mặt, sông núi không có chỗ nào có thể nương tựa. Năm trước ta ra đó, quả nhiên chúa Trịnh không thể chống nổi. Đó là chứng nghiệm. Các người đóng quân trợ trợ ở đấy, quân Thanh kéo sang, người Bắc Hà nào cũng có thể làm nội ứng cho chúng, thì các người nhắc chân nhắc tay sao được? Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành phải chĩnh đốn đội ngũ rút về giữ chỗ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là Ngô học sĩ đây chủ trương. Lúc hỏi ông Tuyết, thì quả đúng như vậy.

Ngô Thì Nhậm cảm động đến ngạt thở, tiến tới trước một bước, lạy tạ hai lạy. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân cũng mừng rỡ, ngược lên hướng về phía nhà vua cười lỏn lỏn, rồi nhớ đến nghi thức cần có, vội nghiêm mặt lại. Da mặt cả hai đều ửng hồng. Nhà vua trở chiếc tràng kỷ và một cái ghế gỗ trước mặt, ân cần nói:

- Các người ngồi xuống đi. Ngô thị lang, ông ngồi phía bên này. Nghe nói ông với Phan thị lang đã bị tên "rước voi công rắn" đó truat hết quan tước, về quê làm thứ dân, gánh vác sai dịch, có không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tàu Hoàng thượng, sự thực có như thế.

Vua Quang Trung cười lớn và nói:

- Quan tước cự triều các ông đã vút trả từ lâu rồi, có còn đâu nữa mà truất? Những ai cùng chịu nạn với ông?

- Tàu Hoàng thượng: hai vị lão thần Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên vì đã ra trình diện ở bộ Lễ trước đây, Trương Đăng Quĩ theo hộ giá nửa đường lại bỏ nên cả ba bị biếm xuống làm chức tư huấn. Nguyễn Quĩ Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn viết thư nói việc Sùng nhượng công đã làm giám quốc theo kế hoãn binh của quan đại tư mã, nên bị hạ ngục. Ngoài ra còn có ba vị hoàng thúc từng cộng tác với chúng ta, có vị gả con cho quan Tây Sơn, nên bị chặt chân vất ra chợ chung.

Vua Quang Trung nhú mày hỏi:

- Tự hoàng trẻ tuổi, nhút nhát, mà dám làm những việc ác độc như thế à?

Ngô Văn Sở chen vào đáp:

- Bẩm Tướng công, việc gì hắc cũng nghe theo lời xúi giục của Lê Quýnh.

Vua Quang Trung hỏi liền:

- Lê Quýnh, tên nào thế?

Ngô Văn Sở liếc về phía Ngô Thì Nhậm, nhường lời cho quan thị lang vì biết mình không thể thông thạo nhân sĩ Bắc Hà cho bằng Nhậm. Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tàu Hoàng thượng, Quýnh quê ở làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, vốn là tay phong lưu công tử khi trẻ chỉ biết uống rượu đánh bạc, văn sự võ bị đều ít luyện tập. Trước đây vì là con nhà quyền quý, nên được làm gia thần của vua Lê. Đến hồi quân ta kéo ra, vua Lê sai Quýnh đi hầu thái hậu chạy lên Cao Bằng. Vì bị đuổi gắt không thể không chạy sang Tàu, Quýnh có hơi biết chữ nghĩa, cho nên lúc nói chuyện với người Tàu, thốt ra nhiều câu ba hoa khoác lác. Sĩ Nghi không xét chỗ đó, liền đem lời Quýnh tâu lên. May được vua Thanh ưng chuẩn. Cả bọn theo gót quân Thanh về nước, từ đó Quýnh tự cho đó là công của mình. Sau khi về đến Thăng Long, Quýnh liền ra sức báo ân báo oán, ăn đút ăn lót, làm nhiều việc chẳng ra gì. Hết thấy hào kiệt đều không thích Quýnh, nhưng vua Lê vì thấy Quýnh có công, nên mới giao cho hắc nắm binh quyền (2)

Vua Quang Trung gật gù, rồi nói:

- Thời suy yếu nào cũng nảy sinh bọn ăn hại đó. Luật trời buộc phải như vậy. Tôn Sĩ Nghi có tin hắc không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tàu Hoàng thượng, hắc dắt Nghi về cho vua Lê nên muốn truyền gì, Nghi cũng nói qua hắc. Ngược lại, đi đâu vua Lê cũng dắt hắc theo. Ngày ngày tan buổi hầu, vua Lê tự đến dinh Nghi ở bờ sông Phú lương, chờ nghe việc quân quốc. Lần nào cũng vậy, vua Lê cười ngửa đi trước, Lê Quýnh đi sau, quân lính theo hầu chỉ vài chục tên. Người trong kinh thành không ai biết đó là vua Lê. Những ai biết thì đều lắc đầu ngao ngán, than rằng: Nước Nam từ khi có đế có vương đến nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luồn cúi đê hèn như thế.

Vua Quang Trung mỉm cười, nói chậm:

- Tốt. Tốt lắm. Tự hoàng do tay ta gây dựng nên, làm gì ta không biết sức hắc đến đâu. Hắc yếu đuối quá, nên luôn luôn phải tìm một chỗ dựa, mới yên tâm. Ta không ngạc nhiên khi thấy trên các tờ hịch chiêu mộ nghĩa quân của hắc không đề niên hiệu Chiêu Thống, mà lại đề Càn Long. Làm như nước Nam này trở thành quận huyện của triều Thanh rồi!

Có lẽ tự nhận thấy từ đầu đến giờ chỉ hỏi Ngô Thì Nhậm khiến hai viên võ tướng thân cận ngồi không yên trên tràng kỷ, nên vua Quang Trung quay về phía Sở và Lân hỏi:

- Còn tình hình quân Thanh thế nào, các ông có nắm được không?

Ngô Văn Sở vội đáp:

- Bẩm Tướng công... tâu Hoàng thượng, quân Thanh ở các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, lang thang ra ngoài, không còn ước thúc gì nữa! Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm để kiếm củi đun, có kẻ đi chợ búa mua bán với dân gian, sớm đi tối về là thường. Tướng sĩ thì ngày ngày chơi bời ăn uống, chẳng nhìn gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến việc quân ta đang mài gươm ở đây, thì chúng đáp: "Chúng nó như cá chấu, chim lồng, sống sót ngày nào hay ngày ấy, không đáng nói đến. Theo quân lệnh của quan lớn Đốc bộ (Tôn Sĩ Nghị), sang xuân, mồng sáu tháng giêng, mới kéo quân thẳng vào sào huyệt Tây Sơn. Lúc đó, đảng giặc sẽ lần lượt làm tù, không đứa nào sống sót" (3)

Vua Quang Trung đưa tay ngăn Sở nói tiếp, hỏi dồn:

- Mồng sáu tháng giêng? Chúng nó nói khoác hay là có tin chắc chắn?

Ngô Văn Sở ngược cao mặt, đáp rõ:

- Bẩm... tâu Hoàng thượng, tin ấy chắc chắn.

Nhà vua chồm tới trước hỏi:

- Ông dựa vào đâu khác không? Chẳng lẽ cả tin vào lời bọn say rượu nói khoác?

- Tâu Hoàng thượng, tin thám tử từ Thăng Long báo về cũng nói y như thế. Thấy quân Thanh chùng chình mãi, bọn cựu triều từng rước quân Thanh về cho Chiêu Thống cũng phải đâm sọt ruột. Nghe đâu... (Sở ngập ngừng, liếc về phía Ngô Thì Nhậm, do dự một chập, rồi mím môi nói tiếp) có một viên quan từng làm phó hiến ở Kinh bắc (4) dựng sớ thúc giục Chiêu Thống nên tốc chiến. Chiêu Thống cuống lên, sai Lê Quýnh vào thưa lại với Sĩ Nghị. Nghị mắng cho một chập, sau đó vẫn án binh bất động. Về sau, thái hậu lại giục. Đích thân Chiêu Thống cùng Lê Quýnh vào dinh khẩn khoản xin Nghị ra quân. Nghị lại mắng như tát nước cho một trận nữa, rồi hẹn đến mồng sáu năm mới sẽ xuất sư.

Vua Quang Trung trầm ngâm một lúc thật lâu, miệng lẩm bẩm: "mồng sáu tháng giêng... mồng sáu tháng giêng". Cả phòng im lặng. Thật lâu về sau, đột nhiên nhà vua hỏi Sở:

- Còn dân chúng thì thế nào? Ông có chú ý đến lòng dân đối với chúng nó hay không?

Ngô Văn Sở đáp:

- Tâu Hoàng thượng, dân chúng oán ghét quân Thanh và bọn bán nước vô cùng.

Vua Quang Trung cắt lời Sở, hỏi:

- Ông suy bụng ông phải không?

Sở liền đáp:

- Tâu... không ạ. Duyên do lòng oán ghét đó rất rõ ràng đơn giản. Quân Thanh qua đây đông, "đường tiếp tế lương thực thì xa, nên bao nhiêu lương tiền vua Lê thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch" (5)

Nội hầu Phan Văn Lân cũng mạnh dạn thêm lời:

- Hơn nữa, bọn khách trú cũng lộng hành quá lắm. ở phường Hà khẩu trong kinh thành, ở phố Cơ xá của trấn Kinh bắc, và phố Hiến của trấn Sơn nam, khách trú có hơn một vạn. Chúng đều theo quân của Nghị, thành lập hẳn một trại riêng. Bọn đó biết tiếng Nam, nên hằng ngày cho lòng bắt những ai từng làm việc cho chúng ta đem về khảo của, cướp hết tiền bạc rồi giết đi. Mỗi ngày số nạn nhân lên đến ba bốn chục. Ai có máu mặt giàu có, là bị chúng đặt điều vu hãm

để chiếm đoạt tài sản. Nhiều hôm, chúng dám cướp bóc, hãm hiếp đàn bà con gái ngay giữa chợ, không kiêng nể ai cả!

Vua Quang Trung bậm môi, giận dữ nói lớn:

- Quân bất nhân, chúng nó tưởng Trời không có mắt ư! Các ông họp quân sĩ lại kể hết cho họ biết.

Rồi hạ thấp giọng, nhà vua ân cần bảo cả ba người:

- "Nay ta tự coi đốc tướng sĩ, phương lược tiến đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được giặc Thanh. Nhưng ta nghĩ: nó là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua trận, thế nào cũng hốt nên cố báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải phúc cho dân. Lòng ta không nỡ làm vậy. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói cho khéo thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh. Việc ấy, phi Ngô thị lang đây không ai làm nổi. Đợi mười năm nữa, ta đủ thì giờ gây nuôi, nước giàu thêm quân mạnh thêm, thì ta có sợ gì nó!" (6) Một lần nữa, Ngô Thì Nhậm cảm thấy máu dồn rạo rục trong người, hai thái dương nóng bừng. Mắt ông hơi hoa, nên hình ảnh vị hoàng đế trẻ tuổi uy dũng đang ngồi chống tay lên gối mỉm cười trước mặt ông hơi nhoè, và lung linh. Một thứ cảm giác ngây ngất như say rượu xâm chiếm toàn thân Nhậm. Ông nhìn đăm đăm về phía vua Quang Trung, mắt rục rịch, nhưng cổ họng ông nghẹn nên ông không thể nói được câu nào. Quan đại tư mã chấp tay thưa:

- "Hoàng thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu đần không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, dám xin Hoàng thượng chỉ bảo, để chúng tôi tuân lệnh mà làm" (7)

Nhà vua cười to, bảo:

- Vội gì. Tối nay họp tất cả các tướng, ta sẽ nói kỹ hơn.

*

* *

Một điều khác thường có thật, là từ hôm xuất sư, đây là lần đầu tiên Lãng được nói chuyện với Nguyễn Huệ. Hôm 25 tháng mười một, Nguyễn Huệ kinh ngạc khi thấy Lãng mặc lễ phục bùng chiếc mâm bạc đựng áo cổn và mũ miện. Nhà vua không có dịp hỏi tại sao Lãng có mặt trong lễ đăng quang. Sau lễ, mọi sự xảy đến dồn dập; bị cuốn vào biển cổ lịch sử sôi sục cuồng nộ, với nhịp chiêng trống giục giã, tiếng ngựa hí voi thét, với cảnh quân sĩ ùn ùn tiến ra phía trước như nước lũ, chính vua Quang Trung cũng cảm thấy mình mất mình. Nhà vua quên cả đói khát, đầu lúc nào cũng ngây say, lòng nôn nao. Không phải vì mệt nhọc mà ban đêm nhà vua trăn trở không an giấc. Nhà vua cảm thấy có một cái gì thật lớn lao đang thành hình, như một cơn bão, hoặc một trận lụt lớn. Cái gì làm lay đổ đến tận gốc những nền móng cổ cội, và dựng nên một trật tự mới, cái gì vượt quá sức tưởng tượng của nhà vua!

Giữa tâm trạng đó, Nguyễn Huệ còn tâm trí đâu để nhớ đến một thắc mắc nhỏ: thắc mắc về Lãng.

Cho nên dù đôi ba lần nhà vua có thấy Lãng giữa các tướng sĩ, hoặc giữa các cận thần, nhà vua vẫn không xem đó là điều bất thường.

Phải đến buổi chiều hôm ấy, một mình gặp Lãng trước doanh trại chỉ huy, vua Quang Trung mới nhận thức được hết sự khác thường. Lãng thấy nhà vua chấp tay sau lưng lững thững đi về phía mình, đã muốn tìm cách lánh sang hướng khác. Nhưng muộn rồi. Vua Quang Trung trông thấy Lãng, sau một thoáng bối ngỡ, đã thân mật gọi Lãng đến hỏi:

- Cậu đấy ư? Có việc gì không?

Lãng lúng túng và sợ hãi, lí nhí đáp:

- Tàu Hoàng thượng, thần...

Nhà vua cắt lời Lãng:

- Thôi, khỏi phải tàu bẩm gì cả. Nói chuyện bình thường như trước kia đi. Cậu xếp đặt xong được việc nhà để theo quân được sao?

Lãng ngược nhìn nhà vua, không dám đáp ngay câu hỏi. Thấy Lãng vẫn còn lúng túng, gần như sợ sệt, vua Quang Trung cười:

- Làm gì như gà mắc đẻ thế? Tại sao Lãng không tự nhiên được với ta như trước đây? Ta đổi khác chẳng?

Lãng cúi mặt, đáp nhỏ:

- Tàu... bẩm không phải thế.

Giọng nhà vua dịu dàng hơn:

- Hay vì vụ đó mà cậu giận ta?

Lãng xúc động, đánh bạo ngược lên hỏi:

- Hoàng thượng đã biết gì chưa?

- Biết gì?

- Chị ấy đã dẫn hai con trốn khỏi Phú Xuân rồi!

Vua Quang Trung đang mỉm cười, chợt đổi sắc mặt. Nhà vua nhìn chăm chăm vào mắt Lãng, hy vọng vừa có một điều lầm lẫn nào đó. Hai người e ngại nhìn nhau, không ai nói gì. Một lúc sau, vua Quang Trung hỏi, vừa e sợ vừa hy vọng:

- Thật thế ư? Sao lại trốn?

Lãng đáp, giọng lạc đi vì xúc động:

- Tối hôm ấy, trước lễ đăng quang một ngày, chị ấy có vẻ nguôi nguôi. Chị ấy cam đoan sẽ cố gắng quên hết, để nuôi con. Nhưng...

Nhà vua bức dọc hỏi:

- Sao Lãng không báo cho ta ngay?

Lãng thú thật:

- Dạ hôm sau là ngày đại lễ...

- Lãng có gặp ta trên đàn Nam giao mà! Sao không báo cho ta biết ngay lúc ấy?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. Nhà vua càng bức dọc hơn, giọng hỏi gay gắt:

- Ta đã nhờ cậu việc gì, cậu nhớ không? Thấy cậu dự lễ lên ngôi rồi đi theo quân, ta tưởng mọi sự đều êm đẹp. Ai ngờ... sao cậu không ở lại để tìm cho ra tông tích? Ai buộc cậu theo quân đâu?

Lãng đáp nhỏ, như sợ Nguyễn Huệ nghe thấy:

- Sáng hôm ấy, tôi đã tìm khắp cả nhưng không thấy được gì. Chỗ quen biết cũ, ở bến đò, kể cả các quán trạm ngoại thành.

- Nhưng trước đó, cô ấy có nói gì về ta không?

Lãng không dám thuật lại những lời chua chát của An, nên đáp:

- Thừa không.

- Hay là... cả ba mẹ con đã đại đột...

Lãng hiểu ý, vội nói:

- Thừa có lẽ không đến nỗi thế. Chị ấy thương con, không bao giờ dám liều thân thế đâu.

Vua Quang Trung ray rút không đứng yên được một chỗ, bỏ Lãng đứng một mình, cúi đầu chấp tay sau lưng đi qua đi lại suy nghĩ. Nhà vua dừng lại trước Lãng, do dự, rồi hỏi:

- Hay cậu quay trở lại Phú Xuân được không? Nhưng... chậm quá rồi. Mồng sáu tháng giêng... Mồng sáu... Chờ đến mồng sáu năm mới... Ý cậu thế nào?

Lãng nhớ lời chị, cảm động, giọng nói hơi nghẹn:

- Tối hôm ấy, chị dặn nên rán theo Hoàng thượng để lập công trận này. Chị ấy bảo thế nào cũng thắng lớn.

Vua Quang Trung vồ vập hỏi:

- Cô ấy cũng nghĩ thế sao? Thôi được. Ta sẽ ra lệnh cho ngựa trạm đem thư gấp về cho quan thái sư (Bùi Đắc Tuyên). Ông ấy sẽ tìm giùm cho. Còn cậu thì cứ theo quân. Hiện cậu thuộc doanh nào đấy?

- Thừa ở với đô đốc Bảo.

Nhà vua nói ngay:

- Ta sẽ bảo đô đốc cho cậu về ban chỉ huy. Cậu lại làm việc với ông đồ Kỷ, lo ghi chép tỉ mỉ diễn biến trận đánh này. Cậu đang chép sử cho đời sau đấy. Nhớ đừng ghi theo cái kiểu hồi trước, lúc cậu theo ta đánh Gia Định. Nhớ nhé!

Lãng chớp chớp mắt để nén cảm xúc, đáp nhỏ:

- Cảm ơn Hoàng thượng.

Vua Quang Trung xua tay:

- Không. Phận sự của ta đấy thôi! Ta thật có lỗi với thầy!

*

* *

Hai ngọn đuốc sáng rực chiếu lên khuôn mặt rần rỏ, rám nắng của các tướng lãnh. Bóng họ hiện mờ mờ lên trên vách bản doanh. Một cái bóng khác cao hơn, in đậm lên trên tấm vách giữa tấm bản đồ trải rộng lấp cả chiếc sập thấp. Sát bên chỗ vua Quang Trung đứng, đã đặt sẵn một hộp vuông đựng nhiều thanh gỗ sơn màu xanh, đỏ; và một chiếc gậy trúc vàng có bịt bạc ở hai đầu. Nhà vua hất hàm về phía Ngô Văn Sở bảo:

- Giặc bố trí quân thế nào, ông bắt đầu đi.

Quan đại tư mã quay ra phía sau, nội hầu Lân chuyển cho ông một thanh gỗ mun dài độ sải tay. Ngô Văn Sở cúi xuống lấy vài thỏi gỗ đỏ trong hộp, hắng giọng rồi nói:

- Tàu Hoàng thượng, ngay khi mới vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị đã cho đóng quân hai bên sông Phú Lương, và đóng bản doanh ở đây, chứ không chịu đưa hết quân vào kinh thành. Để tiện việc liên lạc, hắn cho bắc một chiếc cầu phao, ở đây.

Ngô Văn Sở dùng đầu cây thước mun đẩy hai thanh gỗ đỏ đến chỗ vẽ sông Phú Lương trên bản đồ, đánh dấu nơi đóng quân của Tôn Sĩ Nghị. Vua Quang Trung giơ tay ngăn lại, dùng chiếc gậy trúc lùa hai thỏi gỗ đỏ về phía mình. Tất cả các tướng đều ngạc nhiên, ngừng lên chờ đợi. Nhà vua lấy hai thỏi gỗ sơn xanh quăng về phía sông Phú Lương, mỉm cười bảo Ngô Văn Sở:

- Hãy dùng màu xanh. Màu đỏ là màu cờ đào, dành để chỉ đồn trại của quân ta.

Các tướng lãnh gật đầu tỏ ý tán thưởng lời nói của vua Quang Trung. Ngô Văn Sở tiếp:

- Về sau, hắn cho đắp ba lũy đất để phòng ngự mặt nam: lũy đầu tiên ở Thanh Liêm, mạn bắc sông Thanh quyết; lũy thứ nhì ở Nhật Tảo, lũy thứ ba ở Ngọc Hồi. Hắn chú trọng phòng vệ chặt chẽ mặt nam nên lập hai đồn thật kiên cố ở Ngọc Hồi và Hà Hồi. Hai đồn ấy ở đây và đây.

Ngô Văn Sở đẩy hai thỏi gỗ xanh về chỗ Ngọc Hồi, Hà Hồi trên bản đồ. Vua Quang Trung hỏi:

- Đồn nào quan trọng hơn?

Ngô Văn Sở đáp:

- Tàu Hoàng thượng, đồn Ngọc Hồi kiên cố nhất vì đông quân, hỏa lực mạnh, chung quanh đồn có đặt địa lôi và cắm chông sắt. Tướng chỉ huy ở đó đều là tướng giỏi như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thanh. Có thể nói lực lượng chính yếu phía nam của quân Thanh dồn hết về đây.

Nhà vua lại hỏi:

- Từ hai đồn ấy về phía Nam còn những chặn nào nữa?

Ngô Văn Sở đẩy ba thỏi gỗ xanh ra phía trước, giải thích:

- Tàu Hoàng thượng, còn có đồn lũy ở Nhật Tảo và Thanh Liêm. Gần đây nhất là đồn Gián khẩu do quân của Chiêu Thống trấn giữ.

Vua Quang Trung ngạc nhiên, hỏi:

- Hẳn dám gửi quân đến tận đây làm bia đỡ đạn cho quân Thanh hay sao?

Ngô Văn Sở đáp:

- Đây là điều khổ tâm cho Chiêu Thống. Hắc và Lê Quýnh đến dinh họ Tôn xin xuất sư sớm. Sĩ Nghị hẹn mồng sáu năm mới sẽ ra quân, rồi còn giận dỗi bảo Chiêu Thống nếu nóng ruột cứ đưa một đạo quân đi trước. Hai thầy trò trở ra tiến thoái lưỡng nan, sợ Nghị chê là hèn nhát, nên Chiêu Thống đẩy việc khó cho Quýnh. Quýnh sợ, lại đẩy cho trấn thủ Sơn Tây. Cuối cùng, quân Sơn Tây phải đưa cả bản bộ xuống Gián khẩu lập đồn tiền tiêu che đạn cho bọn giặc ngoài.

Nhà vua gật đầu, suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

- Còn ở mặt tây, chúng đóng quân ở đâu?

Ngô Văn Sở đáp:

- Ô Đại Kinh đóng quân ở Sơn Tây. Sát phía tây nam Thăng Long, tàu Hoàng thượng, ở chỗ này, có đồn Khương thượng chứa mấy vạn quân Điền châu, Triều châu của Sầm Nghi Đống. Quân ở đây ô hợp, tướng cũng không giỏi như bên đồn Ngọc Hồi.

- Còn phía bắc?

- Tàu Hoàng thượng, phía bắc chỉ có một vài đồn nhỏ và yếu ớt của quân Chiêu thống do Lê Duy Chi chỉ huy.

Vua Quang Trung cầm gậy trúc trở vào bản đồ bảo tất cả các tướng:

- Như vậy quân giặc lo mặt thủ hơn là công. Trong việc phòng thủ, chúng chỉ chú trọng phía nam. Các người xem đây, mấy vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy ở hai bên sông Phú Lương, nếu đúng như ông Sở vừa nói, có vẻ như đang chờ lệnh xuất sư hơn là giữ vai phòng vệ. Cái cầu phao đó dùng để hóng gió mát thì tiện. Lúc giáp trận, các người sẽ thấy, không ổn đâu. Mặt tây nam Thăng Long cũng không phải là cánh chủ công. Ô Đại Kinh ở Sơn Tây càng không được việc. Hắc chỉ giữ vai dự bị, phía trước tiến thì hắc hậu tập, phía trước gặp khó, có lẽ hắc chạy trước hơn ai hết. Phía đông và bắc do quân Chiêu Thống chống giữ, không đáng kể. Nói tóm lại, cái bức tường ta phải húc cho đổ đổ vào Thăng Long, là mặt trận phía nam. Các người nắm được địch tình từ bao lâu nay, các người thấy có đúng thế không?

Nội hầu Phan Văn Lân nói:

- Tàu Hoàng thượng, Tôn Sĩ Nghị tuy ngoài mặt huênh hoang khoác lác, nhưng trong ruột cũng ngại lắm. Hắc cho thám tử len lỏi thật xa để nắm động tĩnh của ta. Mới hôm qua, ta bắt được hai thám tử là khách trú ở phố Cơ xá trấn Kinh bắc trước đây. Chúng khai có nhiệm vụ xuống tận Gián khẩu để nghe ngóng tình hình ở Tam Điệp.

Vua Quang Trung cau mày hỏi xằng:

- Ông vừa nói gì đấy? Tam Điệp ư?

Phan Văn Lân vẫn lo sợ bị vua Quang Trung chê trách vụ thua trận ở sông Nguyệt Đức, nên tưởng nhà vua bắt đầu kiểm có trách phạt mình, cúi đầu không dám nói gì nữa. Nhà vua nghiêm mặt hỏi:

- Có phải ông vừa nói Tam Điệp không?

Phan Văn Lân đáp nhỏ:

- Tâu Hoàng thượng, vâng ạ.

Vua Quang Trung tiếp ngay:

- Tam Điệp! Dân chúng họ gọi núi Ba Dội, sao ông lại dịch ra chữ Hán làm gì!

Các tướng vỡ lẽ, mừng giùm cho Phan Văn Lân. Nhà vua nói:

- Nhưng đó chỉ là điểm nhỏ. Ý của ông Lân thật đáng chú ý. Các đồn tiền tiêu lẻ tẻ phía trước, nếu ta không diệt gọn, bọn tàn quân sẽ chạy về báo cho đại quân phía sau. Cho nên ta phải tính kỹ, và phải đánh thật mau, diệt thật gọn. Chúng đã hẹn mồng sáu tháng giêng sẽ xuất sư. Ta phải vào Thăng Long trước mồng sáu. Các người có dám không?

Cả phòng đều nhất loạt đáp:

- Tâu Hoàng thượng, dám.

- Khá lắm.

Nhà vua lại dùng chiếc gậy trúc giảng giải hướng tiến quân sắp tới:

- Ta chia quân làm năm đạo để tiến công (8)

Đạo quân thứ nhất là đạo chủ lực do chính ta chỉ huy, ông Sở và ông Lân làm tiên phong, Hán hổ hầu làm hộ quân đốc chiến. Đạo quân này sẽ gồm cả bộ binh, tượng binh, kỵ binh, làm nhiệm vụ đánh vào mặt trận chính của giặc, trên đường phía nam kinh thành Thăng Long. Nặng đấy! Phải đứng mũi chịu sào, húc vào Hà Hồi, Ngọc Hồi trước khi đến kinh thành, hai ông có ngại không?

Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đều đáp:

- Tâu... Không ngại gì cả!

Nhà vua cười:

- Có ngại cũng không được. Các ông mang tội bỏ thành, bây giờ phải chiếm lại thành. Không chiếm được, phải tội chém!

Nhà vua quay về phía đô đốc Tuyết, tiếp lời:

- Đạo quân thứ hai đi đường thủy do đô đốc Tuyết chỉ huy, tiến vào sông Lục Đầu diệt cho được quân Chiêu Thống ở Hải Dương, rồi tiến lên uy hiếp cạnh sườn phía đông của quân Sĩ Nghi đóng ở bờ sông Phú Lương.

Đạo quân thứ ba do đô đốc Lộc chỉ huy, cùng đi đường thủy với đạo quân của ông Tuyết.

Nhưng vào đến sông Lục Đầu rồi thì ông Lộc phải đưa quân đi gấp lên các hạt Phượng nhơn ở đây, Lạng Giang ở đây, Yên Thế chỗ này, để chặn đường chạy về của quân Thanh.

Đạo quân thứ tư do đô đốc Bảo chỉ huy, gồm tượng binh và kỵ binh, theo đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, ở chỗ này, ngay phía tây nam đồn Ngọc Hồi. Ông Bảo phải phối hợp chặt chẽ với đạo chủ lực để đánh Ngọc Hồi. Lúc nào cần nằm yên ém quân, lúc nào khai hỏa, ta sẽ báo cho biết sau.

Đạo quân thứ năm cũng gồm tượng binh và kỵ binh do đô đốc Đông chỉ huy. Đạo quân này có nhiệm vụ đánh bất ngờ vào Thăng Long, phải tiến vào kinh thành trước tất cả các đạo quân kia, làm cho toàn bộ quân địch quanh Thăng Long phải hoang mang tan rã mau chóng. Ông Đông

phải theo đường này, từ Chương Đức tiến theo hướng Sơn Tây. Không phải lên tận Sơn Tây để khiêu chiến với Ô Đại Kinh đầu. Ông rẽ quặt sang làng Nhân mục ở phía này, rồi tạt ngang sang tập kích đồn Khương thượng cho ta. Diệt xong Khương thượng, điều đó dễ phải không, ông tiến vào Thăng Long theo cửa tây, một mặt tiến công đại bản doanh của Nghị ở Tây Long, một mặt chặn bắt tàn quân Thanh từ Ngọc Hồi, và các đồn phía nam chạy về. Có quá nhiều việc không?

Đô đốc Đông mạnh bạo đáp:

- Tàu, không ạ.

- Ông vào Thăng Long trước, nhớ không được để xổng Tôn Sĩ Nghị đấy.

Cả phòng họp đều cười ồ. Đô đốc Đông hãnh diện đáp:

- Tàu Hoàng thượng, hấn chạy chậm hơn tôi.

Cả phòng lại cười. Nhà vua vui vẻ nói:

- Các người chớ cười trước khóc sau đấy!

Rồi dùng gậy trúc gạt phẳng tất cả các thỏi gỗ xanh trên bản đồ sang một bên, vua Quang Trung lớn tiếng bảo:

- Ta hẹn với các người trong vòng năm ngày sẽ diệt tan quân xâm lược. Ba mươi Tết ta cho xuất quân. Vào Thăng Long trước mồng sáu. Ngày cuối năm Thân, cho quân sĩ ăn Tết nguyên đán ở đây trước. Hẹn với anh em: đến ngày mồng bảy, gặp nhau đông đủ trong thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn, ăn Tết lần nữa. Các người hãy ghi lấy lời ta xem có đúng thế không? (9) Sau đó, nhà vua ra lệnh giải tán. Các tướng rời khỏi đại bản doanh, trở về đơn vị lúc sương khuya bắt đầu xuống. Ở khắp các trại, lửa bếp nấu bánh chưng hãy còn lập lòe, làm xao xuyến cả sương khuya.

(1) Trích Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố trang 105-106.

(2) Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 302, 303.

(3) Hoàng Lê, trang 300.

(4) Tức Ngô Tử Đạo, chú của Ngô Thì Nhậm.

(5) Cương mục, tập XX, trang 60.

(6) Hoàng Lê, trang 306.

(7) Hoàng Lê, trang 306.

(8) Từ đây trở xuống dựa theo ý của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng trong Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, từ trang 230-231.

(9) Theo Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 33.

Chương 96

Công việc vua Quang Trung giao cho Lãng không dễ dàng như anh tưởng! Trước hết, lúc nào những lời cảnh cáo nhẹ nhàng của Nguyễn Huệ mấy năm trước đây (lúc anh ghi nhật ký chiến dịch ở Gia Định), cũng luôn luôn ám ảnh Lãng. Lọc bỏ không thương tiếc các xúc động riêng tư, sổ toẹt những chuyện bên lề, chỉ giữ lại cái sườn biên niên của lịch sử, làm như vậy có khác nào lột bỏ hết da thịt để lịch sử chỉ còn là một mớ xương xẩu ghê tởm đủ mùi tanh lôi cuốn lũ ruồi nhặng và làm cái cớ cho bọn bán thịt chuyên nghiệp lên mặt vênh váo. Ngày đó tháng đó nhà vua se mình! Ngày đó tháng đó, ông hoàng bà chúa này nọ ra đời. Ngày đó tháng đó có nhật thực. Ngày đó tháng đó nhà vua lập đài cầu đảo... Lãng không chịu được bấy nhiêu cái thừa thãi vô lối đầy đặc trong sử sách cổ kim. Làm như một cơn cảm mạo của vua chúa cũng đủ làm cho thiên hạ và trời đất xôn xao rung động. Càng ngày Lãng càng có cảm tưởng như cuộc sống tràn trề sôi động quanh anh đã, đang và sẽ sinh sôi nẩy nở, trưởng thành và mai một theo qui luật bí nhiệm nào đó, cùng qui luật đã khiến cho hoa nở vào mùa xuân, kết trái dưới nắng hạ, đổi áo vào mùa thu và tạm thời héo úa trong gió đông để chuẩn bị phục sinh. Qui luật ấy ở ngoài tầm gươm giáo của vua chúa, nhà ngục không thể khiến nó khép nép quì gối, sợ hãi không khiến nó đổi hình. Nó ở ngoài tầm ước muốn hay tham vọng của con người. Bằng chứng ư? Dù là Nghiêu Thuấn hay Kiệt Trụ, hiền triết hay đạo tặc, dù có dùng hết châu báu của quốc khố để luyện đan, không ai trong khoảng trời đất này có thể chống lại được chiều năm tháng. Một nếp nhăn trên trán, một cơn thao thức mất ngủ, sợi tóc bạc trên đầu, chỉ cần vài cái nhỏ nhất thường thấy cũng đủ chứng tỏ sức mạnh tuyệt đối của qui luật ấy. Nó tràn trề sung mãn và biến đổi dưới muôn hình vạn trạng, đến nỗi chữ nghĩa thánh hiền cũng chỉ lột được một phần rất nhỏ của nó, như người ta ngu ngơ đưa bàn tay ra chụp gió thổi. "Đạo" của Lão tử, "Thiên mệnh" của nho gia là hạt bụi vất vơ còn dính lại trên lớp nhờn của bàn tay tham lam ngu ngơ ấy. Đáng thương thay, cái tham vọng muốn thu về một mối, muốn dựng một đài trí tuệ để bao trùm từ cái lớn như trăng sao cho đến cây tầm sợi chỉ của người dân đen. Muốn làm cái rún của trời đất, rồi sai bảo bọn văn nhược ghi chép tỉ mỉ từng cơn ho hen se mình, từng đêm hành lạc mỗi mệt vào giấy để làm sử, che giấu cả sự yếu đuối lẫn cơn hiếu sát nông cuồng bằng "ý Trời", chao ôi, đáng thương mà cũng đáng giận biết bao nhiêu!

Có thể tính mãi mãi cảm đã khiến cho Lãng nhảy từ cái cực đoan này sang cực đoan khác, không cho anh bình tĩnh khiêm nhường ở chỗ vừa phải. Anh không chịu thu mình đứng yên một chỗ nào, không chí thú lo lắng một việc nào nhất định, tha thiết say mê nhưng lại ngập ngừng ở chỗ sắp thành. Lãng tự biết kẻ khác xem thường mình, cho anh là hạng bất tài, yếu đuối. Nếu không có sự bảo bọc thầm lặng kín đáo của Nguyễn Huệ, nhất định anh đã bị loại trừ ra khỏi guồng máy công quyền, bị cấm cửa ở mọi chỗ thần thế. Mà cho dù anh được người ta cho vào, Lãng

cũng không làm được điều gì ra trò. Anh phát phơ cho nên trở thành vô hại, tuy anh làm vương vীu không ít.

Bây giờ Nguyễn Huệ đã trở thành Quang Trung hoàng đế! Anh còn có thể phát phơ như trước kia không? Đây là ranh giới của lời dặn dò thân tình và mệnh lệnh? Viết thế nào cho phải? Nếu không thể ép mình ghi chép theo ý nhà vua, thì sẽ phải chịu hậu quả nào? Câu hỏi ấy ám ảnh Lãng. Lòng anh canh cánh buồn phiền, như có một sợi dây mềm mại đang ràng buộc hết chân tay anh. Ghi chép qua quýt như mọi người ư? Lãng hổ thẹn khi nghĩ đến điều ấy! Theo cảm xúc của mình ư? Lời dặn dò của Nguyễn Huệ còn đó, càng ngày càng biến đổi âm sắc để thành lời phán truyền.

*

* *

Khi bắt tay vào việc, Lãng mới thấy thêm một trở ngại khác. Ngay từ khi tự hện là phải quan sát ghi nhận cho đầy đủ những gì diễn ra trước mắt để chép lại, Lãng đã thấy rất rõ sự chậm chạp vụng về của mình. Anh luôn cảm thấy bị vượt qua, bị tràn ngập. Ghi gì được trong cảnh huống chói với ấy? Nhìn cảnh hối hả tấp nập, chen chúc rộn rã gần như mất hết trật tự, cảnh ba quân tuôn chảy như nước lũ dưới bóng cờ đào phát phới, cảnh voi ngựa gươm giáo, dêm trừ tịch, nghe tiếng quân reo tử mở vang động khắp vách núi, rồi cả đến cảnh những cánh đồng rộng, những đợt sóng trên biển cả, cây cối cuối mùa đông bắt đầu đâm chồi, và tiếng hót rộn ràng tiên báo mùa xuân của chim chóc, Lãng lại nghĩ tất cả định chế xã hội đều trở nên thừa thãi, vương bận. Những cuốn biên niên dày cộm chỉ được mỗi một việc nuôi mỗi một, hoặc là ép những cánh hoa khô. Lãng sắp làm, phải làm cái công việc phi lý ấy chẳng?

Dù có muốn, Lãng cũng không làm nổi. Lịch sử dồn dập từng bừng suốt khoảng thời gian ngắn ngủi, từ dêm trừ tịch xuất quân cho đến chiều mồng năm tháng giêng Kỷ Dậu (1789), còn đang bốc khói, máu trong thân thể lẫn máu đã đổ ra còn hôi hổi nóng. Người chủ động nhất trong cuộc còn bàng hoàng trước sự vĩ đại bất ngờ, chưa dám tin những điều xảy ra trước mắt, huống chi là Lãng. Không đủ thì giờ để sống, làm sao có thì giờ đứng giạt ra một bên để quan sát sự sống! Quan sát đã không kịp, làm sao ghi chép!

Vì thế, Lãng chỉ ghi vội vàng bằng chữ thảo những gì thoát đến trong đầu óc, không cân nhắc, lựa chọn, ghi xong không dám đọc lại hoặc không có thì giờ đọc lại. Sau năm ngày, Lãng bần thần hổ thẹn trước một xấp giấy chữ thảo nhòe nhoẹt, lem luốc, không thẳng hàng, trông bèo nhèo như một mớ giấy lộn. Sau đây là những gì Lãng ghi được:

Dêm trừ tịch.

Lễ Thệ sư ở Thọ Bạc. Ba quân đã sẵn sàng để lên đường. Dêm mênh mông. Đuốc lập lòe khắp nơi như hội hoa đăng. Hai ngọn đuốc lớn rực rỡ chiếu rõ Hoàng thượng ở trên đầu voi. Ba quân hô lớn "Vạn vạn tuế". Có lẽ những vì sao dêm trừ tịch cũng rung rinh theo. Nhà vua chờ cho ba quân im lặng mới đồng dục nói:

- Bớ chư quân! Hễ ai chịu chiến đấu thì hãy vì ta giết sạch chó Ngô đi! Nếu ai không muốn chiến đấu thì hãy xem ta trong một trận giết hàng vài vạn mạng người đấy! Đó không phải là chuyện lạ lùng gì cả. Các ngươi có tin lời ta không?

Ba quân dạ ran như sấm, làm rung động cả hang núi, trời đất biến đổi cả cảnh sắc. Chiêng trống đồng loạt vang rền. Xuất quân!

(Ghi tại đại doanh Ba đội, lúc còn có thể kê giấy lên cái bàn gỗ tạp còn lại trong bản doanh để viết. Tiếng chiêng trống làm mặt đất run rẩy, nên nét chữ cũng run rẩy theo. Tạm biệt Ba Đội.)

*

* *

Mồng một Tết nguyên đán Kỷ dậu:

Mặt trời chưa mọc. Sương đêm còn dày. Chân ngựa và người vẫn làm tỏa lên những đám bụi ướt. Ở các xóm làng quân băng qua, các ngọn nêu đều có treo thêm cờ đào. Hoàng thượng rất thích thú. Dân đổ ra đường hoan hô. Phần lớn đều ốm xanh, quần áo rách. Nghe nói gần đây Bắc Hà bị đói to. Có lẽ đúng. Khi nghỉ chân, Hoàng thượng được các cô lão bưng trầu cau và bánh chưng đến dâng. Chỉ ăn một miếng trầu, còn bánh chưng, sai đem cho người lính cầm đại kỳ. Lúc sắp lên đường, Hoàng thượng đột ngột tiến đến gần một bà lão gầy gò, đang neho mắt ngó cảnh tấp nập. Hoàng thượng cúi xuống hỏi bà lão:

- Chúng tôi sắp giết hết quân cướp nước, cụ có vui không?

Bà lão ngơ ngác một lúc, ngược lên hỏi:

- Hả?

Hoàng thượng kiên nhẫn nhắc câu hỏi. Bà lão hỏi lại:

- Sắp hết đánh nhau chưa?

Hoàng thượng cười, bảo:

- Sắp hết rồi. Cụ có con trai ở lính phò?

- Không. Hết đánh nhau chắc lại được no nhỉ!

Từ đó về sau, Lãng quên ghi rõ ngày tháng, chỉ có số tờ ghi ở chéo trái của tờ giấy mà thôi.

*

* *

Vượt sông Gián Thủy. Quan đại tư mã đã báo đây là đồn của quân Chiêu Thống. Nội hầu Phan Văn Lân định cho voi trận và ngựa lên trước để chuẩn bị đánh đồn, nhưng Hoàng thượng bảo không cần. Cho tập trung chiêng trống khắp doanh, đưa lên phía trước. Quả nhiên đến nơi chỉ thấy đồn vắng. Hoàng thượng hỏi tên của tướng nhà Lê trấn giữ đồn này. Hoàng Phùng Tứ. Sai ghi ngay vào giấy để lập danh sách các bại tướng cho đời sau cười!

*

* *

Đang đi dọc theo sông Thanh quyết. Đội kỵ binh tiên phong cấp báo đang đuổi bắt một toán quân Thanh hình như thuộc toán do thám ở vòng ngoài. Hoàng thượng ra lệnh chia quân làm hai: đội kỵ binh do nội hầu Lân chỉ huy phải đuổi theo bắt trọn toán quân do thám nhà Thanh, bộ phận lớn còn lại tiếp tục tiến ra hướng bắc, diệt các đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết và đồn Nhật Tảo. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không để cho tên địch nào chạy thoát để về báo cho đồn Hà Hồi.

*

* *

Nghỉ đêm. Chuyện lữ tù binh trở thành quà vui cho quân sĩ khắp doanh. Hai tên tù binh Thanh bị bắt ở đồn Nhật Tảo, nhân lúc quân canh lơ đãng, suýt chút nữa giết nhau. Tên họ định quyết tiền thua cá đá gà với tên kia, dù cả hai không còn một đồng kẽm dính túi. Định giết nhau chỉ vì lời nói khích. Và có thể vì rượu. Lúc lính canh trối gô cả hai dẫn lên gặp quan đại tư mã Ngô Văn Sở, miệng mồm chúng còn nồng nặc hơi men.

Có bắt được bảy tên lính Chiêu Thống chạy bộ từ đồn Gián Khẩu lên Thanh Liêm mà không thoát. Quân Thanh trong đồn Nguyệt Quyết nghe lính Chiêu Thống kêu cứu xin mở cửa, nhưng

nhất định từ chối. Chúng mắng lính Chiêu Thống là "bọn hèn nhát"! Đến Phú Xuyên. Bắt trọn được toán quân Thanh do thám. Chúng chậm chân là phải, vì bọn thám tử muốn nhân cơ hội đi xa, kiếm chút của cải lương thực, nên mỗi đứa đều có mang phu đi theo. Lúc bị toán quân kỵ của nội hầu Lân vây bắt, chúng vẫn còn mang xách đủ thứ gạo nếp, gà vịt, đồ đồng... Tịch thu được tấm giấy ghi tám điều quân luật của quân Thanh (có giữ lại đây). Lại có thêm một trò vui mới: Buộc bọn ăn cướp mang đủ tất cả gà vịt, gạo nếp lên người điếu qua các hàng quân, theo sau một người lính cầm loa đọc lớn điều một của tám điều quân luật do Tôn Sĩ Nghị ban bố. Điều 1: Đại binh qua ải cốt để dẹp giặc yên dân. Đi qua các nơi, đội ngũ đều phải nghiêm chỉnh, không được quấy nhiễu nhà người, cướp bóc chợ búa.(1)

*
* *

Qua một làng buồn thiu. Không có dấu hiệu Tết nào còn lại cả. Không cấm nêu. Không cắt dọn rào giậu. Nhà cửa xiêu, dột. Không có cả tiếng chó sủa. Đói. Nghe nói mùa trước mất, mùa này lại bị triều đình Chiêu Thống cho quân đến vét sạch để cung đốn cho quân Thanh ở các đồn lân cận. Tên tù binh bị bắt ở đồn Gián khẩu gốc người vùng này đã rơm rớm nước mắt khai như vậy. Hắn xin được thả về quê nuôi mẹ già. Vì cần bảo mật, không cho phép phóng thích hắn.

*
* *

Nửa đêm mồng ba.
Đến Hà Hồi. Nghiêm lệnh: cấm lửa, cấm nói chuyện. Vẫn không nghe thấy tiếng chó sủa. Bước chân thềm, trong khi lòng nao nức. Ghi được vài hàng nhờ ánh đuốc leo lét duy nhất trong đại bản doanh, đóng tại một mái nhà tranh thấp, chung quanh vườn cây um tùm. Hoàng thượng đang cùng các tướng ngồi vây quanh tấm bản đồ đồn Hà Hồi. Lệnh truyền cho vây chặt đồn, rồi bắc loa gọi hàng. Ba quân sẽ đồng loạt reo hò cùng với trống chiêng khua vang để cướp tinh thần địch. Tên thám tử thua đá gà đã khai hết nội tình đồn Hà Hồi. Quân nhất. Tướng say. Hoàng thượng tin chắc không cần phải phí đến một mũi tên.

Giữa đêm đen, tiếng chiêng trống và tiếng hô "Sát" vang dội chẳng kém gì sấm rền. Giặc kéo cờ hàng. Lương thực và khí giới nhiều vô kể. Hoàng thượng ra lệnh đả trà tất cả những người vừa gân cổ cầm loa gọi hàng bằng tiếng Quảng Đông, kể cả những tên tù binh người Thanh bị bắt ở Thanh Liêm, Nhật Tảo, và Phú Xuyên.

Mồng 4 tháng Giêng Kỷ Dậu:
Đến Ngọc Hồi. Ba quân ngơ ngác khi nghe có lệnh dừng quân cắm trại. Được nấu nướng không sợ khói tỏa. Được chia nhau ngủ bù. Giữa lúc đồn giặc nằm lù lù ngay trước mặt, và từ Thăng Long, quân tiếp viện cứ đổ xuống từng chập! Chợp mắt được một chút. Choàng thức dậy vì tưởng nghe lại tiếng chiêng trống đêm Hà Hồi. Quan Trung thư lệnh đang cùng với nội hầu Lân tra hỏi bọn tù binh để vẽ địa đồ phòng thủ của giặc tại đồn Ngọc Hồi cùng các doanh trại khác chung quanh Thăng Long.

*
* *

Nhận được tin cánh quân của đô đốc Bảo đã đến Đại áng. Hoàng thượng truyền cho thị lang Ngô Thì Nhậm soạn sẵn chiếu chiêu an và các điều lệnh cần thiết về lương thực, đi lại, giao nộp tù binh và vũ khí... Nóng ruột chờ tin của đô đốc Đông.

*

* *

Lại hạ lệnh nổi chiêng trống, ngay giữa ban ngày. Ba quân ngũ ngang, rồi thi nhau khua chiêng giống trống vang dội. Quên cả đói và mệt. Điều lạ lùng, quân Thanh im thin thít trong đồn Ngọc Hồi, không dám bắn một phát súng.

*

* *

Đã có tin của đô đốc Đông đến Nhân Mục. Hoàng thượng ra lệnh triệu ngay đô đốc Bảo về đại bản doanh để bàn kế đánh Ngọc Hồi.

*

* *

Buổi chiều: Có cuộc họp lớn của bộ tham mưu.

Hoàng thượng báo trước sẽ bắt đầu tấn công Ngọc Hồi ngay khi cánh quân đô đốc Đông hạ được đồn Khương Thượng và tiến vào kinh thành theo lối cửa Tây. Như vậy chậm nhất là sáng mai, cuộc tấn công sẽ bắt đầu. Nội hầu Lân dẫn một cách quân theo đê Yên Duyên vòng phía sau đồn Ngọc Hồi, lên Văn Điển nghi binh làm nút chặn đường rút lui của quân Thanh, từ Ngọc Hồi chạy về Thăng Long. Đô đốc Bảo thì đem quân từ Đại Áng lên vùng cầu Vịnh chặn đường rút thứ hai, dồn tàn binh Ngọc Hồi về đầm Mục để tiêu diệt. Đại tư mã Ngô Văn Sở ở trung quân phải chỉnh đốn gấp các đội voi trận. Mỗi con voi có ba, bốn người lính giỏi sử dụng hỏa hổ để đốt cháy đồn địch. Ghép ván làm hai mươi tấm mộc lớn có quần rơm ướt để các toán cảm tử khiêng mộc dàn hàng ngang xông bừa vào đồn. Các toán quân tinh nhuệ này, dùng đoản đao để cận chiến, phần lớn tuyển chọn trong số tinh binh từng tập luyện kỹ càng ở Phú Xuân. Trong cuộc họp, một lần nữa nội hầu Lân lại bị quở trách vì cái tội "sính chữ". Quan nội hầu nói "Vịnh kiều" thay vì nói "cầu Vịnh" hoặc cầu Viêng như tên gọi của dân địa phương. Hết Ba Dội lại đến cầu Vịnh!

Tối mùng 4 tháng giêng.

Ba quân nao nức chuẩn bị chiến đấu. Không ai ngủ được. Ngô thị lang đã soạn xong các tờ chỉ dụ cần thiết. Hoàng thượng hớn hờ khác thường, tuy nóng ruột ngóng tin Khương Thượng. Ngự trù dọn cháo gà. Nhà vua ngồi ăn chung với mọi người. Nghe quan Trung thư lệnh ca tụng bài Thiên thai phú của Ngô thị lang, nhà vua đòi Ngô thị lang phải ê a bình văn cả bài. Quá nửa đêm, có nhiều tiếng nổ và lửa cháy hừng sáng một vùng, đúng hướng Khương Thượng. Nhà vua đứng bật dậy, ba quân phía ngoài rộn rã. Cuộc chuẩn bị tiến công bắt đầu.

Sáng sớm mùng 5 tháng giêng.

Nhận được tin vui từ Khương Thượng. Đồn tan vỡ. Quân giặc chết vô số. Sầm Nghi Đống phải tự vận chết tại đài chỉ huy ở Loa Sơn. Sau khi diệt đồn Nam Đồng, đô đốc Đông đã đưa được quân vào cửa tây Thăng Long.

*

* *

Khói ùn đen nghịt phía bầu trời Thăng Long. Chắc chắn quân ta đã vào thành. Tận đây còn nghe được tiếng súng nổ. Gió mang đến mùi khói pha mùi thuốc súng hăng hắc. Say!

*

* *

Lại có tin giặc đóng ở bờ nam sông Phú Lương vì tranh nhau chạy qua cầu phao nên cầu bị đứt, số chết chìm đếm không xuể. Chưa có tin gì về Tôn Sĩ Nghị và bọn vua quan nhà Lê.

*
* *

Trời sáng dần. Hoàng thượng hạ lệnh diệt đồn Ngọc Hồi. Mặc áo bào đỏ, tự mình buộc khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến. Dích thân cưỡi voi chỉ huy.

*
* *

Đàn voi chiến hơn trăm con do Hoàng thượng dẫn đầu ào ạt xông trận. Phía đồn Ngọc Hồi, giặc cho kỵ binh ra cản. Ngựa giặc gặp voi, hoảng sợ, lồng lên, quay đầu chạy về. Tượng binh ủa theo bắn giết, giặc phải bắn đại bác ra dữ dội để cản đường. Một vạt áo bào của nhà vua bị nám thuốc súng. Con voi nhà vua cưỡi bị thương nhẹ ở dưới cổ vì một phát đạn đại bác nổ ngay trước mặt.

*
* *

Sau khi chia hai đội tượng binh để đánh vào sườn tả hữu của đồn Ngọc Hồi, nhà vua cho các toán tinh binh khiêng mộc gỗ đàn chữ nhất xông thẳng vào đồn. Có tất cả hai mươi toán, mỗi toán ba mươi người. Đại bác giặc mất hiệu lực. Quân ta ngang nhiên tiến tới. Phía sau, ba quân hò reo ầm ĩ.

*
* *

Giặc tung hỏa mù để cho trận địa tối tăm, làm quân ta rối loạn. Nhưng súng hỏa hổ của ta phun lửa đốt cháy các đồn trại làm đuốc soi trận địa. Quân cảm tử vẫn tiến thẳng tới trước. Đến sát mặt đồn, hạ bỏ mộc gỗ, hòa nhau phá tan cửa lũy. Ba quân đồng loạt reo hò, không ai bảo ai rùng rùng ào lên, đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt như thủy triều dâng. Hỗn chiến giữa bão lửa. Khói. Khói. Phất phới cờ đào giữa những đám lửa đỏ hừng hực. Tiếng gào thét chen lẫn tiếng địa lôi nổ, tiếng tre cháy lép lép, tiếng ngựa hí, voi thét. Bị dòng người đẩy vào đồn Ngọc Hồi lúc nào không hay. Lúc định thần, đã thấy mình đứng giữa những xác gỗ bốc khói và đám xác chết (giặc có, ta có) nằm vất vưởng khắp chốn, dưới đủ cách thế khác nhau. Pha lẫn mùi khét có mùi tanh nồng của máu. Pha lẫn tiếng reo hò là những tiếng rên siết. Ngây dại cả cảm giác. Đến lúc này, khi đã xa trận địa, kê giấy vào một tấm khiêng gỗ vất lại trên đường truy kích để ghi chép mấy dòng trên, tay tôi vẫn còn run. Lịch sử cần đến sự hung bạo này sao?

*
* *

Đúng như nhà vua đã tiên liệu tối hôm qua, tàn quân Ngọc Hồi bị hai nút chặn ở Văn Điển và cầu Vịnh, phải bắt buộc trốn về đầm Mực. Đàn voi trận của đô đốc Bảo từ Đại Áng lên, đã ào ạt đẩy hàng vạn quân Thanh xuống đầm lầy. Những tên thoát khỏi đàn voi, chạy vào làng xóm chung quanh đầm, đều bị dân chúng giết chết.

Dân làng quanh vùng ủa ra đường. Tất cả rượu thịt, bánh trái, định dành cho Tết đem hết ra mời các chiến sĩ. Trẻ con quần quít, rờ rẫm những gươm giáo, hỏa hổ, đoản đao còn lấm lem bụi bặm. Tôi được một bà cụ đem cái khăn tắm nước ấm, ủ hoa nhài ra mời lau mặt. Một cậu bé khoảng năm, sáu tuổi đến cúi vào tay tôi quả cam, rồi chạy về phía có mấy thiếu nữ đang giấu mặt vào vai nhau cười khúc khích. Có thể chép những tiếng cười này làm lịch sử được không?

Có lệnh thu quân để tiến vào Thăng Long. Phía sau, khói còn tỏa nghi ngút từ bãi đất trước kia

là đại đồn Ngọc Hồi!

Chiều mồng năm tháng giêng.

Tiếng súng đã im hẳn, tuy khói còn bốc lên ở đây một khóm, kia một khóm. Thỉnh thoảng, gió xa mang đến mùi hăng hắc khét hoặc tiếng tre cháy lép lép. Vào kinh thành. Ba quân đã tề chỉnh đội ngũ từ bãi đất trống ngoài thành, nên khi qua cửa ô, hàng lối rất ngay ngắn. Tuy quần áo lấm lem, những chiến nón dẫu mo cau bị méo mó hoặc đã rách, nhưng gương mặt từng người chiến thắng rạng rỡ ánh vui. Dân kinh thành đổ ra đường cười nói, hớn hở, chen nhau, đẩy nhau tìm lối đến thật gần các hàng quân để nhìn cho rõ. Nhiều tiếng xì xào: "Nhà vua đâu? Nhà vua đâu?" Tôi cười, trả lời câu hỏi ấy của một bà lão: "Cụ cứ tìm người nào cưỡi voi mặc áo bào đỏ, thì đúng là vua Quang Trung".

Bà lão đón dác nhìn quanh. Bộ binh, kỵ binh. Rồi đến tượng binh. Bà lão không tìm được nhà vua theo lời tôi mô tả. "Vì chiếc chiến bào màu đỏ đã đen sạm màu thuốc súng" (2)

*

* *

Lãng được sống một đêm ngây ngất, rộn rã hiếm có trên đời. Đây là lần thứ ba anh ra Thăng Long. Anh lạ gì cảnh sắc của kinh thành này nữa. Lãng không sinh ra, lớn lên ở đây, nên không có những kỷ niệm quyến luyến đối với những sự vật tầm thường như một chái phố hò hẹn, gốc đa sợ hãi, khúc thành đổ che giấu tình tự, cái tổ chim giồng giộc của tuổi thơ mơ ước, hàng chè vối dừng chân của nho sinh lạc đệ... nói chung là những sự vật chỉ có giá trị thiêng liêng đối với những người từng chia sẻ nỗi thăng trầm của kinh thành, khóc cười theo các chặng hưng phế của nó. Lãng chẳng qua chỉ là một người qua đường, nên anh chú ý đến những khung cảnh rộng lớn, hoặc những dinh thự cung miếu lưu dấu tích của lịch sử. Kỷ niệm của anh về Thăng Long không có gì riêng tư. Sự vật chỉ có cái nghĩa đen ban đầu!

Các cuộc tranh quyền đoạt vị liên tiếp diễn ra ở nơi kinh đô này đã khiến cảnh vật Thăng Long mỗi ngày mỗi thêm tiêu điều. Phố xá khép cửa nhiều hơn. Những căn nhà đổ chằng những không được dựng lại, mà còn bỏ mặc cho cỏ dại mọc cao, dây leo che lấp vôi gạch rửa nát và ngói vỡ. Tường thành loang lổ hoặc rêu phong. Đường phố nhấp nhô, rác rến vương vãi đầy đó. Chưa kịp hoàn hồn gượng dậy sau một cuộc biến dâu, Thăng Long lại phải oằn mình chịu đựng một cuộc biến dâu khác, cuối cùng cả cảnh lẫn người đều lằm lỉ, chai đá, buông thả, nhếch nhác. Nhưng đến mồng năm Tết Kỷ Dậu ấy, Thăng Long như một con rồng lâu nay thêm thiếp đột nhiên thức dậy. Thăng Long hồi sinh rộn ràng như một phép lạ.

Phố xá mở rộng mọi cánh cửa. Đèn đuốc rực sáng. Không biết đã lặng lẽ chuẩn bị từ lúc nào, những tay con buôn chữ nghĩa bắt tay với các thầy đồ nghèo kiệt xác từ lâu nhổ tóc bạc chờ thời, đã tung ra thị trường hằng sa số những tấm giấy điều lớn gấp hai bàn tay có bốn chữ vàng HẬU LAI KỶ TÔ (3) Đâu đâu cũng thấy dán đầy bốn chữ ấy, viết bằng đủ kiểu, từ chữ lệ, chữ thảo bay bướm cho đến những nét chữ chân phương vụng về. Thiên hạ đổ cả ra đường cái, chen lấn nhau, dẫm cả lên chân nhau, làm rách cả vai áo cũ của nhau mà không hề xảy ra chuyện cãi vã chửi bới. Lòng từng người mở rộng khoan dung. Tất cả đều là người thân. Chủ nhà sẵn sàng nhường ghế, mời nước tất cả những ai vì chen lấn phải tạm dừng lại ít lâu trước thềm để lấy hơi. Lính Đàng Trong sát vai với dân Đàng Ngoài. Những anh lính Chiêu Thống vừa được tha về hoặc thoát chết từ lửa đạn xúm quanh anh lính Quảng nghe kể chuyện đánh đồn Ngọc Hồi. Người ta đi, đi, từ phố nhỏ đổ ra phố lớn, từ phố lớn đổ ra bờ hồ, rồi đi quanh, đi quanh. Họ gặp nhau hai lần, ba lần, cười cợt thích thú khi gặp lại từng ấy khuôn mặt, nhón chân

hỏi nhau: "Chưa về à?", rướn cổ hét lớn để đáp nhau: "Chưa! Đi nữa chứ!" rồi bị ngập trong làn sóng người lô nhô rập rình.

Lãng sống suốt đêm, đắm mình trong niềm hân hoan chung, quên cả sương lạnh và chân mỏi. Ban đầu, anh còn đại dốt lên tiếng đáp vài câu hỏi, hoặc của người quen Đảng Trong, hoặc của một người lạ nào đó đứng bên cạnh lúc chờ phía trước bớt nghẽn lối. Nghe Lãng nói giọng Nam Hà, người ta bu đến hỏi đủ điều, bắt anh kể, kể, kể. Khó lòng rút áo ra đi được, vì lớp này thỏa mãn thì lớp khác lại chen đến. Về sau, anh khôn ngoan giữ mồm giữ miệng, nếu cần thiết lắm thì nói vài tiếng bằng giọng Bắc.

Lãng về trại vào canh tư. Anh nôn nao ngây ngất đến nỗi không tài nào chớp mắt được. Sáng sớm mồng sáu, anh vội vào điện Kính thiên, để được nói, được san sẻ cho kẻ khác niềm hân hoan của mình.

*

* *

Trong điện, cảnh hỗn loạn bừa bãi vẫn còn bày ra trước mắt. Chiêu Thống và đám hoàng tộc, cận thần đã chạy theo Tôn Sĩ Nghị từ hôm trước, nên ở nội điện, màn trướng, bàn ghế, cả đến quần áo đồ đạc bị vất vương vãi khắp nơi. Vua Quang Trung sai quân sĩ dọn dẹp tạm các thứ ấy vào một xó, rồi kê hai chiếc sập chiều cao không bằng nhau sát lại cho đủ chỗ chất đầy mớ giấy tờ lấy được ở đại bản doanh Tây Long của Tôn Sĩ Nghị và ở cung nội của Chiêu Thống. Phía trước sập, đặt hai bộ trường kỷ và một chiếc bàn thấp dùng làm bàn trà. Nhà vua đang ngồi ở chiếc tràng kỷ bên phải lắng nghe Trần Văn Kỷ đọc một tài liệu quan trọng tìm được từ đồng giấy tờ lộn xộn ở trên sập.

Vua Quang Trung đã thay một chiếc áo bào mới màu vàng có thêu rồng, chân trái mang hia thêu kim tuyến, nhưng chân phải để trần, gác lên mặt cái bàn gỗ mun cần xa cừ. Chiếc hia phải nằm nghiêng ngay cạnh chân trường kỷ, trên một miếng gạch men Bát tràng bị nứt làm đôi. Các tướng lãnh và cận thần tấp nập ra vào để xin lệnh nhà vua về đủ thứ vấn đề. Nhà vua vẫn ngồi theo tư thế thoải mái như cũ, vừa lắng nghe quan Trung thư lệnh đọc các tài liệu bắt được, vừa đáp các câu hỏi của thuộc hạ.

Lãng vào điện lúc chỉ còn vua Quang Trung và Trần Văn Kỷ mà thôi. Anh hơi khựng lại, do dự, khi thấy nhà vua đã giữ bỏ hết lớp phong trần hôm trước. Nhà vua lấy giọng thân mật hỏi:

- Cậu đấy à? Rồi quay lại bảo Trần Văn Kỷ:

- Ông chuyển ngay tờ chỉ dụ của Càn Long cho Ngô Thì Nhậm. "Chỉ nên làm thanh viện để họ tự lo lấy, không cần phải dấy quân làm to chuyện". Lão già ranh ma này định chơi trò ngư ông chờ trai cò diệt nhau để đoạt lợi. Khôn thật. Không làm to chuyện! Ông nghe thấy chưa? Mình phải nhân cơ hội này để xếp gọn việc tranh chấp, không để cho dây dưa thù oán. Chờ ít lâu nữa, hãy tính lại. Ông bàn thật kỹ chuyện này với ông Nhậm nhé!

Trần Văn Kỷ cầm tờ giấy đi ra khỏi điện. Nhà vua lại vui vẻ hỏi Lãng:

- Suốt đêm qua, cậu đi những đâu?

Lãng đỏ mặt, không biết trả lời thế nào. Chẳng lẽ đáp: "đi quanh bờ hồ cho đến chồn chân, rã gối!" Nhà vua thích thú trước vẻ bối rối của Lãng, hỏi tiếp:

- Cậu đã nghe thiên hạ nói gì về ta chưa?

Lãng định kể cho vua Quang Trung nghe chuyện bà lão tìm người cười voi mặc áo bào đỏ, nhưng đúng lúc đó, đô đốc Lộc đã bước vào điện.

Vua Quang Trung dợm bỏ bàn chân phải xuống tìm hia, nhưng sau đó vẫn giữ nguyên thế ngồi

cũ, chờ đô đốc Lộc đến gần lớn tiếng hỏi:

- Thế nào, đã dễ xong rồi phải không?

Đô đốc Lộc đáp:

- Tàu Hoàng thượng, hắc dẫn vài tên kỵ binh hầu cận chạy đến Phụng Nhớn thì bị ta chặn lại. Hắc vội vớt tất cả đồ tùy thân như sắc thư, kỳ bài, quân ấn để thoát thân theo đường rừng. Tôi đã cho lệnh truy nã. Được lệnh triệu, tôi có mang tất cả những thứ hắc bỏ lại về đây.

Đô đốc Lộc quay ra cửa, gọi người lính mang tất cả đồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị vào. Đô đốc nhận những thứ ấy từ tay người lính, nhìn quanh không biết phải đặt ở đâu. Nhà vua hất hàm bảo:

- Vớt ngay dưới đất, chỗ này này. Ông trở về Phụng Nhớn lo việc truy kích đi. Cố giữ các kho lương của địch dọc theo đường cái quan lên ải. À quên, ngày mai mồng 7, ông cho khao quân đúng như lời ta hẹn với họ ở Ba Dội nhé.

Đô đốc Lộc cúi lạy xin lui.

Nhà vua chờ đô đốc ra khỏi điện mới xỏ chân vào hia đứng dậy, tiến lại gần đồng đồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị. Nhà vua dùng mũi hia hất nhẹ mớ sắc thư, kỳ bài lấm bụi lên xem, miệng cười mỉa khinh miệt. Chiếc quân ấn lăn ra xa, chạm phải chân trường kỷ, dừng lại. Vua Quang Trung quay về phía Lãng nói:

- Lúc chạy khỏi Tây Long, hắc vội quá không kịp mặc giáp và đóng yên ngựa. Qua khỏi cầu phao lại nhấn tâm hạ lệnh cắt cầu sọt ta theo truy kích, khiến hàng vạn quân Thanh chết oan ở sông Phú Lương. Lên đến Phụng Nhớn lại vớt cả quân ấn, kỳ bài, sắc thư. Chỉ còn tấm thân thối đem về bắc mà thôi. Nhục ơ là nhục! Hắc còn thua cả Sầm Nghi Đống dám thắt cổ ở Khương Thượng. Cậu thấy không? Ta hẹn vào Thăng Long trước mồng 6. Ta vào sớm được gần một ngày đấy nhé. Cậu đã chép kỹ điều đó chưa?

- Tàu Hoàng thượng, chỉ mới chép thảo thôi. Cần phải chép lại rõ ràng mới trình lên Hoàng thượng được.

- Ngày mai mồng bảy cho làm lễ khao quân thật lớn, cũng đúng như lời hẹn ở Ba Dội. Phải no say một bữa cho bù những ngày gian khổ.

Lãng chợt nhớ đến lễ khao quân ở Qui Nhơn, lúc Nguyễn Huệ vừa thắng quân Xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút khải hoàn về Hoàng đế thành. Lòng Lãng rộn lên. Anh cố trấn tĩnh, rụt rè đề nghị với nhà vua:

- Tàu Hoàng thượng, có nên cho quân sĩ xem hát tuồng không?

Nhà vua chợt nhớ, vui vẻ nói:

- Phải. Ta quên mất. Có đội Giáo phường theo quân mà! Nhưng... diễn tuồng gì?

Lãng bối rối, ngập ngừng, rồi đánh bạo nói:

- Tàu Hoàng thượng... cho diễn tuồng Chàng Lía được không ạ?

Đột nhiên, vua Quang Trung sa sầm nét mặt. Giọng nhà vua gắt gỏng:

- Cậu nói gì thế? Gian khổ lận lợi ra tận chốn văn vật nghìn năm này, chẳng lẽ....

Nhà vua ngưng lại ở lưng chừng, vì đúng lúc đó, Trần Văn Kỷ bước vào điện. Nét mặt quan Trung thư hớn hở, bước chân hấp tấp. Hình như ông vội mang dâng thêm lên nhà vua một tin vui. Thấy nét mặt vua Quang Trung vẫn còn vẻ bức dọc, Trần Văn Kỷ ngỡ, liếc nhanh về phía Lãng. Lãng không giấu được vẻ sượng sùng hối tiếc. Cả ba người đều cảm thấy khó xử. Tiếng lao xao mờ mờ tận ngoài xa, có thể là tận bên ngoài cấm thành, len vào đến tận bên trong điện Kính thiên.

Một lúc lâu, nhà vua lấy giọng ôn hòa hỏi Trần Văn Kỷ:

- Ông gặp Ngô thị lang rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vui mừng đáp:

- Tâu Hoàng thượng, chúng tôi đã...

Nhà vua đưa tay ngăn lại:

- Thôi, chuyện ấy còn dài, ta sẽ bàn sau. Ông xem ngay đồng sắc thư đô đốc Lộc vừa mang về kia! Có thể chúng còn tính chuyện gì khác hơn những chỉ dụ ở Tây Long.

Lã tặc cảm thấy thừa thãi, quì lạy xin lui. Nhà vua ngập ngừng, định nói điều gì đó, nhưng cuối cùng chỉ gật đầu, bảo:

- Được. Có gì cần, ta sẽ gọi.

Lã cúi đầu lui thủi ra khỏi điện Kính thiên. Từ đó cho đến khi về Phú Xuân, Lã không được gặp nhà vua lần nào nữa.

(1)Hoàng Lê, trang 282

(2)Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 34.

(3)Nghĩa là "Vua đến thì dân sống lại", dựa theo truyền tụng của dân địa phương, do Hoa Bằng dẫn trong Quang Trung, anh hùng dân tộc.

Chương 97

Đầu canh tư ngày hai mươi lăm tháng mười một năm ấy (Mậu thân), An thức hai con dậy lên trốn khỏi Phú Xuân.

Đêm hôm trước, An và Lãng nói chuyện với nhau quá khuya. Chờ đến lúc nghe tiếng Lãng ngáy đều, An mới dám sề sàng ngồi dậy âm thầm mò mẫm thu vén một ít quần áo và tư trang gói vào hai cái tay nải, một cái nặng cho mình, một cái nhỏ và nhẹ hơn cho Phát. Vì không dám thắp đèn, An phải sờ thật lâu lên mặt vải và tay áo, cổ áo để chọn đúng những bộ áo quần cần thiết cho hai con. Lúc đến chỗ mặc áo ngay đầu giường con bé Thái nằm, An nghe con cựa mình. Chị lo ngại đứng im thật lâu, nghe ngóng. Thái nằm im một lúc, lại ngáy đều. Tiếng ngáy hơi lớn. An yên tâm, sau khi lấy chiếc áo ấm dồi bông của con, quay xuống nhà bếp đong thêm ít gạo. Sau lưng, có tiếng gì thoang thoảng giống như một tiếng nấc nghẹn. An tưởng bé Thái khóc, dừng lại nghe ngóng. Lại hoàn toàn im lặng, trừ tiếng ngáy đều.

Xếp soạn mọi thứ xong xuôi, An mới đánh thức hai con dậy. Chị sờ soạng đến cạnh cái giường gỗ gụ. Tiếng con Thái thì thào:

- Đã đi chưa, mẹ?

An giật mình ngồi xuống mép giường. Thái đã ngồi hẳn dậy. An ôm choàng vai con, sợ Thái nói lớn tiếng. Vai con bé run run. Đưa tay lên sờ khuôn mặt con, chị xót xa thấy mình đoán đúng: con bé đã thức dậy từ lâu và khóc thầm trong bóng tối.

Hai mẹ con ôm nhau ngồi bần thần thật lâu, thật lâu... Chị đã lấy lại đủ bình tĩnh, An nói thầm với con gái:

- Con lên lay anh Phát dậy.

Nhưng kịp nghĩ có thể do vụng về, Thái đánh thức luôn cả cậu Lãng, An hấp tấp nói:

- Thôi con ngồi đây. Để mẹ đi cho.

Thằng Phát ngủ say nên An phải lay thật mạnh mới đánh thức được nó. Chỗ thằng bé nằm lại chỉ cách giường Lãng không đầy một con sào, nên khi Phát càu nhàu hơi lớn tiếng:

- Chưa sáng mà! Dậy chi sớm vậy!

An vội kể tai nó, nói nhỏ:

- Con xuống bếp, mẹ có chuyện nói.

Phát ngáp dài, chưa chịu bỏ chân xuống khỏi giường:

- Để sáng đã mẹ!

An mất kiên nhẫn, gắt:

- Tao bảo có chuyện cần, nghe không?

Phải mất một lúc lâu, Phát mới hiểu. Ba mẹ con thì thào dưới bếp bàn nhau làm cách nào để mở then cửa mà khỏi gây tiếng động. Càng về sau, Phát càng hăng hái, hăm hở như sắp được

dự một trò chơi hứng thú và nguy hiểm. Nó đòi mang cho được cái tay nải lớn, sau khi bị An từ chối không giao cho việc nhẹ nhàng khéo léo mở cánh cửa hông.

Ba mẹ con ra khỏi cổng đúng lúc trống cầm canh trong thành báo hiệu bước sang canh tư. An bần thần đứng thật lâu trước cổng, bịn rịn không muốn dời chân. Thái phải nhắc mẹ bằng cách hỏi nhỏ:

- Con đóng cổng lại, mẹ nhé. Sợ cậu dậy trễ, bọn trẻ rần mắt lên vào vườn hái hết mấy quả ổi chín.

*

* *

An lo ngại gọi hai con đến nép bên đường khi thấy nhiều đoàn người lũ lượt đổ về phía núi Bân. Trăng hạ huyền mờ mờ nhưng đủ soi lên những lưới giáo lấp lánh trên tầm cao của các bóng đen, mỗi khi họ ra khỏi các bóng tre tối và nhập vào khoảng rộng rãi tràn ắp sương và màu trắng lu. Qua khỏi bờ ngõ ban đầu, An hiểu đó là các toán quân thấy sớm để tụ họp lại núi Bân dự lễ đăng quang. Lòng An nhói đau, và không biết đây là lần thứ mấy, chị ôm chặt bé Thái vào lòng để tự trấn tĩnh.

Phát bị các đoàn quân cuốn hút, ôm tay nải nặng chạy lúp xúp theo một toán có mang nhiều giáo mác nhất. Nhưng tay nải nặng quá. Mẹ cậu sợ cảnh cơm cao gạo kém, không mua được cái ăn ở dọc đường, nên đã dồn đầy một ruột tượng gạo trắng cho vào tay nải. Đến ngã ba, một bên là lối lên núi Bân, một bên lối vào thành, Phát mệt nhoài, mồ hôi vã ra như tắm. Phát phải dừng lại chờ mẹ và em.

Sợ Thái chế giễu sự yếu đuối của mình, Phát cố hỏi to và chậm để che giấu một nhọc:

- Đi lối nào hở mẹ?

An đoán ngay được nỗi khó nhọc của con, nên hỏi:

- Nặng quá phải không?

Thái không chú ý đến anh, hỏi mẹ:

- Chắc cậu chưa dậy đâu, mẹ nhỉ?

An kéo hai con vào mép đường:

- Tránh vào đây cho quân đi. Vào sâu trong này, Phát. Mẹ đã bảo! Đem luôn tay nải theo. Nghỉ một chút đã. Có nặng lắm không?

Phát không trả lời. Mãi đến lúc ấy, Thái mới chú ý đến cái lưng dầm mồ hôi của anh. Con bé nói:

- Để con mang bớt cho anh Phát. Kìa mẹ xem, anh ấy mồ hôi mồ kê...

Phát cúi gằm, cướp lời em:

- Tại sương đấy chứ. Mà chỉ giỏi bôi móc chuyện người khác.

An đứng ra giảng hòa:

- Thôi. Con chỉ mang cái ruột tượng gạo. Đưa tay nải quần áo cho mẹ. Thái mang cho mẹ cái này nhé. Khi nào mỏi thì nói. Lại thêm một đoàn nữa qua. Không biết quân ở đâu tới mà đông quá.

Phát rụt rè nói:

- Dụ lễ chắc vui lắm hở mẹ?

Thái lên giọng đàn chị:

- Lễ lên ngôi của người giết cha mình mà anh khen vui! Sao lại có người ác đến thế. "Người ta" hạ lệnh giết cha mình mà có nhứ mày do dự chút nào đâu!

An giật mình quay lại nhìn con gái. Thái nhìn mẹ với vẻ căm thù giả vờ và nét nghiêm trang

ngây thơ. An chột dạ hỏi con:

- Đêm qua con ngủ được không?

Thái nói dối:

- Ngủ ngon lắm, mẹ ạ!

- Lúc mẹ nói chuyện với cậu, con đã ngủ chưa?

Thái lúng túng đáp:

- Con mới... con mới thi u thi u thôi, mẹ!

Tim An lại đau nhói. Cổ An nghẹn. Thái mừng tượng hiểu rằng nó vừa nói điều gì đó khiến mẹ đau lòng, nên lo lắng gọi:

- Mẹ, mẹ sao thế?

Phát nói:

- Mày lắm lời lắm, không ai ưa. Lại một toán nữa đến kìa mẹ. Hình như đi ngựa thì phải. Đúng là kỵ binh. Mẹ có nghe thấy tiếng vó ngựa không? Không biết chừng sau toán này lại đến toán voi.

Thái vẫn ôm lấy An, thảng thốt hỏi:

- Mẹ, sao mẹ run thế? Mẹ lạnh phải không? Hay tại con lỡ dại lén nghe chuyện người lớn?

An cúi xuống định an ủi con, và đột nhiên, gương mặt hoảng hốt, giọng nói lo âu của Thái khiến chị nhớ lại cái cảnh chạy trốn của gia đình gần hai mươi lăm năm trước: vẫn cảnh khuya khoắt, vẫn những con đường nhấp nhô chạy giữa các khóm tre, vẫn những chiếc tay nải cột vôi trên tay, vẫn tình cảnh xiêu giạt của một người mẹ yếu và lũ con thơ dại chưa hiểu hết sự nghiệt ngã của đời sống trước mắt và mai sau, vẫn cái nhìn giọng nói lo lắng của một đứa con gái nhỏ bên người mẹ hiền... Chỉ khác một đôi điều: đứa con gái trong cuộc chạy trốn ngày xưa, bây giờ lại làm mẹ, và trong cảnh tỵ nạn, bây giờ thiếu mất người cha!

An xúc động quá, ôm chặt con và khóc thành tiếng.

*

* *

Ba mẹ con rẽ theo đường lên núi Bân, vì nếu đi thêm một đoạn nữa, sẽ gặp đường thiên lý nối liền Phú Xuân với xứ Quảng. Đêm đã qua canh năm. Trời sáng lờ mờ. An kinh ngạc nhận thấy ngoài đường cái chỉ có quân lính đi lại. Nét mặt rầu rĩ và cách ăn mặc nhếch nhác cố ý của An không ngăn được những câu chònh ghẹo của đám lính:

- Mạ nó ời, đã bảo về sao còn dẫn con theo lên đây làm gì? Không sợ phép quan sao?

- Chị kia, muốn theo chúng tôi đi chém đầu giặc Ngô phỏng? Chán cảnh chònh con rồi phải không?

- Ổi ối, không phải con tôi đâu nhé! Đừng dẫn chúng lên kiện quan đô đốc để tôi mất dịp "biết" gái Bắc Hà. Vu oan giá họa như thế không hay đâu!

- Không phải nó thì chắc chắn là anh đây rồi! Đúng là hai đứa con anh đây mà! Mắt ấy miệng này, các bác nhìn xem, có phải giống như đúc khuôn không?

Nhiều tiếng cười khoái trá. Một anh lính nói:

- Mũi mày là mũi sư tử. Môi mày vều. Răng lại hô. Gớm, chị ta có mù đâu mà chịu để hai đứa con đẹp như thế cho mày.

Lâu lâu cũng có những lời chònh ghẹo tục tĩu hơn. An cúi mặt xuống mà đi, chờ mãi chưa thấy bớt cảnh quân lính tấp nập. Dân chúng hai bên đường cũng đứng dày trước cửa, bàn tán chỉ trở các toán quân qua lại.

An sợ gặp người quen, nên dẫn con tấp vào một cái quán tranh hơi vắng khách. Vả lại, cả Thái

lẫn Phát đều kêu khát. An hỏi chị chủ quán, một người đàn bà trạc năm mươi, mặt tóp lại dưới mái tóc bạc lưa thưa, mắt kém nên neho lại khi đến gần đĩa đèn thối tắt để tiết kiệm dầu:

- Sao hôm nay không thấy bạn hàng đi chợ sớm hử thím?

Chị chủ quán đưa tay bóp tắt cái tim đèn lụn, rồi quay lại đáp:

- Có lệnh cấm đường, cấm chợ từ chiều hôm qua, chị không biết à?

An ngây thơ hỏi:

- Sao lại cấm đường?

Một người đàn ông ra dáng con buôn đường xa cười lớn rồi bảo:

- Chị này hỏi đến hay! Không thấy quân đi rầm rập sao? Vả lại không cấm thì cũng không có cái gì để đi. Ghe thuyền, xe, ngựa đều trưng dụng để chở quân. Tôi sống dở chết dở vì hai thúng hàng này. Không biết đến bao giờ mới tìm ra được ngựa thồ!

Một người đàn ông khác, đầu trùm khăn đang ngồi hút thuốc lào ở góc quán, góp lời:

- Ôi, ăn thua gì hàng với họ! Việc nước lớn tày trời phải lo trước đã chứ. Giặc Ngô mà vào đây, thì liệu bác có giữ được hai thúng hàng không. Nhưng này, bác buôn gì thế?

Khách buôn nọ do dự trước khi trả lời:

- Cũng như chuyển trước thôi!

- Cá muối sư phải không?

- Vâng.

- Có rửa thối đâu mà lo. Sao không đi dò?

- Dò cũng dùng chở quân cả rồi. Tôi gánh lên đây, tưởng thuê được ngựa thồ.

- Nếu tôi là bác, tôi tính gọn, một nháy mắt là xong.

- Tính thế nào?

- Đem biểu cho mấy anh lính sắp ra Bắc diệt giặc Ngô kia kìa.

Người buôn mắt ậm ừ, trong lúc cả quán cười vang. Không chịu thua, người buôn mắt hỏi người hút thuốc lào:

- Thế chuyển này bác đi đâu?

- Tôi ra đây.

Lại có nhiều tiếng khúc khích:

- Vẫn buôn quế Quảng đấy chứ?

- Thì vẫn quế.

- Sao? Bác đã biểu cho quân sĩ làm thuốc đi đường phòng ngựa cảm mạo, đau bụng chưa?

- Bác khỏi nhắc.

- Tôi ngờ lắm.

- Tôi cũng ngờ.

- Ô hay, ngờ cái gì?

- Ngờ chuyện bác ngờ ấy. Vì bác suy bụng ta ra bụng người.

Không khí có vẻ nghiêm trọng, nên cả quán im lặng lắng tai nghe cuộc đấu khẩu giữa hai bạn buôn. Người buôn mắt bắt đầu xằng giọng:

- Bác không nói cho rõ thì tuyệt tình anh em đó. Bụng tôi ra sao mà bác ngờ?

- Bác tưởng tôi ra đây buôn quế như lần trước phỏng? Bác lầm.

- Thế bác đi đâu? Cái gì bác giấu trong tay nải kia, nếu không phải là mấy thanh quế lậu? Bác tưởng tôi mù hay sao?

- Không. Không phải quế lậu.

- Đến bây giờ mà bác còn muốn lấy vải thừa che mắt thánh. Mấy cái thanh tròn tròn kia không phải quế thì là cái gì?

Người buôn quế cười nhỏ, rồi chậm rãi mở tay nải. An không dần được tò mò, cố nhướn chân nhìn xem cho rõ bác ta sắp trình ra món hàng gì. Cả quán ồ lên kinh ngạc, rồi sợ hãi, khi thấy người buôn quế rút ra mấy cây đao cỡ trung lưỡi bén sáng quắc.

Chị chủ quán lo ngại, lớn tiếng can:

- Thôi thôi, mấy bác đừng gây gỗ to chuyện không hay đâu. Cãi vã nhau rồi bỏ qua đi, phép quan ở đây nghiêm lắm.

Người buôn mắch chùn lại một bước, nhưng sợ mất mặt, quay phân bua với mọi người:

- Bà con làm chứng cho tôi, chính hắch đem đao ra dọa tôi chứ không phải tôi gây sự. Này, anh tưởng tôi sợ anh hả? Thằng này sợ lẽ phải, chứ không sợ gươm đao đâu!

Người buôn quế đặt bó đao lên chõng, điềm tĩnh nói:

- Bác hiểu lầm rồi. Thôi, muốn bác với bà con ở đây khỏi hiểu lầm, tôi đành phải khai xấu cả tổ tông vậy. Không giấu gì bác, trước kia dòng họ nhà tôi xiêu tán khắp xứ Quảng, làm gì cũng không đủ sống, cuối cùng tấp về truông Cát gần Bến Ván để làm cướp đường. Ăn cướp thì phải có đao tốt. Về sau, cha tôi giải nghệ làm ăn lương thiện, nhưng tại tù đường vẫn còn giữ bó đao này lại để làm đồ thờ. Tôi có hai đứa con trai đã sung vào tinh binh từ năm ngoái. Chuyển này tôi mang quế ra cửa Hội, ghé dinh Chàm thì nghe tin đồn giặc Ngô gấp ghé định xâm lấn Bắc Hà. Tôi nghĩ: thế nào bọn con cháu Lê, Trịnh cũng rước giặc Ngô về. Phải ra kinh đô gấp xem sao. Tôi bán quế giá rẻ cho mau hết, rồi tạt qua nhà lấy bó đao ra đây. Giao bó đao ăn cướp cho hai con diệt cướp, bác thấy không, việc đó hay lắm chứ. Ông bà dưới tuổi vàng phải đặc chí lắm chứ! Biểu quân sĩ bó đao này không quý hơn biểu quế hay sao?

Chị chủ quán thích thú nói:

- Bác phải tìm cho ra hai cậu con trai để trao bó đao thì mới thật hay.

Người buôn quế vui vẻ nói:

- Ấy, tôi cũng định như vậy. Thế nào chốc nữa dự lễ đăng quang tôi cũng tìm ra các con của tôi. Triều đình cũng vừa hạ chiếu quyên góp vũ khí, phải thế không thím?

- Dạ, đúng thế.

An mãi nghe chuyện quên cả nỗi lo riêng. Nhưng lòng chị canh cánh, từ lúc nghe người buôn quế nhắc đến hai tiếng Bến Ván. Bến Ván! Bến Ván! Ranh giới phân chia vùng đất của Bắc Bình vương và Thái Đức hoàng đế, ngăn cách Phú Xuân và An Thái. An bồi hồi nhắc thầm hai tiếng An Thái, nhưng thấy lòng quặn đau khi nhớ đến Bến Ván. Làm sao qua khỏi con sông khắc nghiệt đó để thoát khỏi cảnh ngộ khắc nghiệt ở trước mắt? Về An Thái làm gì? An chưa hiểu rõ. Có thể chỉ để nhìn lại những dấu tích của một thời, rồi sau đó xót xa hơn. Nhưng An nghĩ phải về. Như lá rụng về cội.

Lúc câu chuyện đã ngã ngũ không còn gì lôi cuốn nữa, mọi người trong quán lại im lặng. An mua cái bánh trắng nướng chia cho hai con, rồi đến gần người buôn quế làm quen để hỏi:

- Chuyển vừa rồi, bác có vào đến Bến Ván không?

Người buôn quế hơi ngỡ ngàng, nhưng cũng vui vẻ đáp:

- Có. Chị cũng biết Bến Ván à?

An không trả lời thẳng câu hỏi, chỉ nói quanh:

- Thừa không ạ. Nhưng tôi có bà con trong Qui Nhơn. Qua lại Bến Ván có dễ dàng không bác?

- Biết cách thì cũng dễ thôi. Cái cách của con nhà buôn chúng tôi đấy mà, chị khắc hiểu.

An đoán có lẽ là bác ta muốn nói đến cách đút lót mua chuộc của bọn con buôn, nên gật đầu.

Đôi mắt người buôn quế sáng lên cái tinh ranh của con buôn:

- Nhưng từ năm Đinh vị tới nay (1787), phải trả giá cao quá lắm.

Người buôn quế nhìn quanh, rồi hạ thấp giọng:

- Từ lúc hai anh em đánh nhau, rồi lấy Bến Ván làm ranh giới, hai bên quan quân hằm hè, gườm nhau như những kẻ thù. Khó lắm. Được lòng bên nọ thì mất lòng bên kia.

An cố hỏi thêm:

- Đường sá từ đây vào Bến Ván có yên không bác?

Người buôn quế trợn mắt hỏi:

- Chị định vào đấy à?

An cố chối:

- Không. Tôi hỏi cho biết. Quê tôi ở phía ngoài này, gần dinh Chàm kia!

- Chị ở Quảng thì còn lạ gì đường đi mà còn hỏi?

An cười che giấu bối rối:

- Lâu quá tôi chưa về quê. Nay định đem hai cháu về cho biết họ biết hàng.

- Ra thế! Chị bắt đầu đi từ đâu? Dinh Chàm nhé! Từ dinh Chàm qua ngã sông Kẽ thế đến chợ Chiên đàn một ngày. Từ chợ Chiên đàn đến sông Bến Ván một ngày, vị chi hai ngày đường.

Ngày đầu đi qua các vùng có nhiều dân cư, đường quan có quán xá nhiều lắm. Nhưng sang hôm sau thì vất vả đấy. Toàn cát và bụi rậm, nhiều đoạn đi sát núi (1). Gặp bọn cướp đường là chuyện thường.

Thấy An lo lắng ra mặt, người buôn quế hỏi:

- Chị định vào cả đó hay sao mà lo âu vậy?

An trả lời nước đôi:

- Có thể về Quảng xong, tôi sẽ vào Bến Ván để...

- Để đi buôn phỏng? Nhiều lãi lắm, nhưng cũng gian nan lắm. Đàn bà con gái không kham nổi đâu. Nếu chị muốn buôn bán thì vào đến chợ Chiên đàn cũng lắm món có thể có lời. Nhất là nguồn Chiên đàn. Vào sâu nữa, thì...

Bác buôn quế nhìn An, ái ngại.

*

* *

Sau lễ xuất sư, có lẽ để đề phòng những bất trắc khi đại quân kéo cả ra bắc, biện pháp cấm đường ra vào kinh thành vẫn duy trì tiếp hai ngày. Trong thời gian đó, An và hai con phải ở nhờ tại cái quán tranh vắng khách ấy. Những người lỡ đường bắt đắc dĩ cũng trú tại quán, hôm sau lên tới mười người. Hầu hết là khách đàn ông. Chủ quán cho ba mẹ con An ngủ chung với bà trong căn phòng hẹp phía sau, kề với chỗ đặt bếp. Phát tự nhận mình là "nam nhi" không chịu ở chung với em và mẹ, ban đêm ra ngủ ở gian trước, gần cửa ngăn. Cảnh sống chui rúc chật hẹp có nhiều chung đụng bất tiện mà Thái chưa quen. Nét mặt cô bé dàu dàu, lằm lằm khác thường. Vả lại, Thái cũng làm dối với mẹ, vì An mãi chuyện trò với chị chủ quán, quên lưu ý đến con. An nói dối là có chồng làm lính đã ra bắc trước hai ngày vì thuộc toán tiền phong, ba mẹ con bơ vơ phải về tạm quê ngoại bên kia Ngã lĩnh. Thế là chị chủ quán hết cả dè dặt. Chị có hai người con đã vào tinh binh năm trước, ngày đêm luyện tập võ nghệ dưới chân núi Bân. Người chồng già 52 tuổi của chị thì được lệnh nhập lính mới chiều hôm trước, bỏ lại cho chị mấy liếp đất gieo cải và cái chuồng gà đang làm dở. Ban đêm hai người đàn bà thủ thủ với nhau đủ thứ chuyện, từ

chồng con cho đến chuyện chiến tranh. An tò mò hỏi chị chủ quán:

- Chú tuổi già mà còn phải lính, thím có buồn không?

Chị chủ quán đáp:

- Cũng buồn chứ! rồi như sợ An hiểu sai ý mình, chị tiếp:

- Không có đàn ông trong nhà, như... như nhà không có mái vẩy. Đàn gà bơi nát hết hai liếp cải mới nhú, tiếc đứt ruột mà làm gì được.

- Còn chú ấy?

- Chị hỏi gì ạ?

An cười:

- Chú xa thím, có buồn không?

Câu hỏi không rõ nghĩa nên chị chủ quán đáp:

- Tôi cũng buồn chứ.

- Không. Tôi hỏi chú có buồn không?

Chị chủ quán cố ý tỏ vẻ ngao ngán:

- Tôi không hiểu nữa. Đàn ông họ sao sao ấy. Hồi sáng chị có nghe ông buồn quế nói chuyện chứ?

- Có ạ.

- Đấy. Đàn ông người nào cũng thế cả. Lúc bình thường thì hiền lành, chăm làm ăn, biết thương yêu vợ con. Nhưng hễ nghe tiếng trống chiêng giục thì như lên cơn vậy. Chị chưa thấy nét mặt ông nhà tôi khi ông cầm được cái cán giáo. Nói thế nào cho đúng nhỉ!

An quên nỗi đau riêng, cố trợn mắt bậm môi lại hỏi đùa:

- Có phải như thế này không?

Chị chủ quán cười to, chữa lại:

- Không đâu. Chị khéo làm trò. Ông lớn lên, lúng túng kỳ cục lắm. Chưa bao giờ tôi thấy ông như vậy cả. Ngày thường ông nghiêm lắm. Đến nỗi sai lỗi con ra mời ông vào ăn cơm, chúng nó cứ nạnh hẹ nhau, đứa này đùa cho đứa kia. Tôi nói điều này chị đừng cười (chị chủ quán cũng bối rối bẽn lễn y như chồng), nét mặt ông giống y như lúc mới về làm rể.

An bật cười nói:

- Ngày xưa chắc thím đẹp lắm, nên chú mới mất hết bình tĩnh như vậy.

Chị chủ quán mỉm cười, mắt mơ màng. An biết mình đã gọi lại cho chị kỷ niệm đẹp nhất của một đời, kỷ niệm đủ sức đánh đổi những năm tháng khổ nhọc, lam lũ chịu đựng về sau. Chị chủ quán vuốt lại mái tóc bạc, nói nhỏ:

- Vâng. Hồi đó tóc tôi mượt và dài. Ông còn khen hai con mắt của tôi giống như hai hạt nhãn. Nhưng... chuyện đó xưa rồi.

An nghe chị chủ quán thở dài. An chuyển câu chuyện:

- Chú sức yếu, chịu đựng nổi đời lính không? Tôi sợ không theo nổi bọn trẻ.

Chị chủ quán đáp:

- Vâng. Hơn năm mươi rồi còn gì. Nhưng...

Chị ta dừng lại, dường như không biết diễn tả thế nào cho đúng ý. An kiên nhẫn đợi. Một lúc, chị ta nói:

- Bảo tôi lo lắng, thì đúng là có lo. Nhưng sợ thì không. Ở đây hàng quán, thường ngày lính tráng đi về núi Bân luyện tập vẫn ghé đây. Hai con trai tôi cũng đi tinh binh. Tôi nghe họ bàn với nhau, nên cũng biết là nhà vua cầm quân giỏi lắm. Trăm trận trăm thắng. Nghe nhà vua

đích thân cầm quân chuyển này, tôi yên tâm.

Nếu không kịp nhớ đến cảnh góa bụa của mình, An đã chụp lấy cánh tay chị chủ quán lắc lắc để tỏ vẻ thông cảm và biết ơn. Da mặt An hồng lên, nụ cười bên lên gương gạo. Chị chủ quán ngờ ngác không hiểu nổi An, cứ nghĩ mình vừa nói điều gì ngây ngô.

*

* *

Sáng hôm sau, có lệnh mở đường. An sợ gặp Lãng hay những người quen biết, nên theo một đoàn ngựa thồ rời Phú Xuân từ sáng sớm. Cái sắc đẹp đoan chính sầu muộn của chị giúp chị đỡ nhọc nhằn suốt cuộc hành trình. Những người đi buôn bằng ngựa thồ, bằng lòng cho An gửi mấy cái tay nải vào các giỏ hàng rỗng. Đến quán Trà, họ lại chịu cho Phát và Thái cưỡi lên ngựa cho đỡ mỏi chân. Nhờ thế, ngày đầu tiên, ba mẹ con đến được quán Tuần ải. Tối hôm sau, đến Thanh Khê. Thêm một ngày đường nữa, đoàn ngựa thồ dừng lại ở dinh Chàm để hôm sau ra cửa Hội. An cảm ơn lòng tốt của họ, tìm nơi cho các con nghỉ ngơi một ngày rồi tiếp tục về phương nam. Phải, về phương nam, vì cho đến lúc ấy, An chỉ mới định được hướng đi. Chưa định được nơi phải đến. Chị không thể biết rõ phải về đâu. Về An Thái, đó là ước vọng thầm kín của chị. Ba ngôi mộ của người thân yêu (mộ ông giáo ở Bằng Châu, mộ mẹ ở An Thái, và mộ Chinh) đang chờ chị về đốt một nén nhang, rửa những giọt nước mắt và cất tiếng khóc bi thiết. Có thể Kiên đang ở đâu đó, quanh quất Qui Nhơn hay An Thái và chị có thể nương tựa. Còn có cây gạo ở bến sông, có nền nhà học, thậm chí có những thứ nhỏ mọn đã từng chứng kiến quãng đời hoa niên đẹp đẽ của chị như một hòn đá xanh trước ngõ Hai Nhiều, lớp tro vương vãi trên chỗ xưa kia là nhà bếp, mảnh nẹp cau của hàng rào từng bị Chinh phá đạo ấy... Làm sao An dám nói bao điều u ẩn ấy thành lời. Về An Thái! Có thể được nữa không? An biết rõ An Thái đã thuộc hẵn về một thế giới khác. Về đó cũng khó như là đi ngược từ cái tuổi già cỗi chán chường này về lại tuổi thơ. Nhưng không về đó thì về đâu? Câu hỏi đó khiến chị chùn chân. Cho nên từ dinh Chàm, ba mẹ con xuôi nam chậm chạp hẳn lại. Một ngày mới đến quán Hà lam. Ba ngày mới đến quán ông Bộ. Càng vào sâu phía trong, đường sá càng hoang vu đúng như lời người buôn quế. Cồn cát này tiếp nối cồn cát kia. Đất đai trắng dã trụi trụi những bụi gai thấp lá nhỏ và úa. Những đoạn chạy gần chân núi, đường sá càng hiu quạnh hơn. Đến sông Bến Ván thì ba mẹ con gần như kiệt sức. Nếu không có phép nước nghiêm cấm qua lại ranh giới hai miền đất đang ngờ vực nhau, An và hai con cũng không thể đủ sức cất nổi bước qua cầu Bến Ván. Giới hạn của thân xác, giới hạn của quyền lực tự nhiên buộc họ dừng lại đó. Bến Ván trở thành nơi đến của ba mẹ con.(2)

(1) Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 118, 119.

(2) Tên các trạm đường dựa theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 117.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần thứ bảy: Kết từ

Chương 98

Nơi ban đầu An tượng là đất chết, thật ra là đất sống!

Vùng đất cằn cỗi hiu quạnh chỉ toàn cát và những bụi gai trơ trụi dưới nắng lửa, nơi không thể nuôi sống con người, nơi Trời dành riêng làm chỗ chém giết sát phạt nhau đó hình như chỉ được biết đến vì những tai ương và máu vô tội. Máu của dân hiền lương và bọn khách buôn bị cướp ở suốt truông Cát. Máu của binh triều và quân Tây Sơn đổ ra trong trận đánh ác liệt năm Giáp Tị (1773) (Mắm bị tử trận trong trận này, xác bị quân triều vùi xuống dưới một bụi gai sau khi hót tai, xẻo mũi, băm vằm thân thể đến nát bầy). Máu của binh sĩ Qui Nhơn và Phú Xuân trong các cuộc lưu huyết lẻ tẻ ở ranh giới vì những cái cớ nhỏ nhặt từ năm Đinh Vị (1787) đến nay (năm kết thúc cuộc chiến tranh nổi da xáo thịt giữa hai anh em Nhạc, Huệ, bằng thỏa ước lấy Bến Ván làm ranh giới phân chia hai vùng cai trị).

Nhưng sau khi vua Quang Trung đại thắng quân Thanh và bắt đầu cho áp dụng những biện pháp ổn định kinh tế và trị an, nhất là sau khi tờ Chiếu khuyến nông được ban bố và thi hành triệt để (1), Bến Ván trở thành chỗ trú cho nhiều thành phần sống ngoài vòng pháp luật và bọn vô lại.

Vua Thái Đức thấy rõ hơn ai hết uy lực của người em tài ba, của người anh hùng vừa ghi thêm cái công đánh đuổi quân xâm lăng để cứu quốc, của chú em út cứng đầu nhiều tham vọng sau khi đại thắng quân Thanh đang muốn tiến quân về phía nam để thống nhất đất nước, nên hạ lệnh rút bớt số quân phòng thủ ở Bến Ván để tránh các vụ va chạm bất lợi. Nhà vua không muốn các vụ xung đột lâu nay vẫn thường xảy ra ở Bến Ván giữa hai phe trở thành cái cớ cho "chú Tám Thơm" xua quân uy hiếp Qui Nhơn.

Ngược lại, vua Quang Trung cũng ra lệnh rút toán quân đóng bên này cầu về chợ Cầu Ông Bộ, cách Bến Ván gần nửa ngày đường để tỏ ý nhường nhịn. Nguyễn Huệ cũng hiểu rõ hơn ai hết tính đa nghi của vua anh, nên muốn có hành động cụ thể để trấn an Qui Nhơn.

Bến Ván trở thành vùng đất vô luật pháp, cái đệm êm ái cho bọn buôn lậu, bọn trộm cướp, những người sắp thành nạn nhân của ông vua già đa nghi, những dân quen sống lưu tán đã làm giàu nhờ chiến tranh không muốn hồi cư cầm cuốc cầm cày theo biện pháp cương quyết của Chiếu khuyến nông.

Từ vài hàng quà bán nước trà tươi, vài trái ổi rừng, đôi ba quả chuối héo dành bán cho những người lính nghèo, chẳng bao lâu biến thành một khu chợ đông đúc. Hàng hóa thượng vàng hạ cám thứ gì cũng có, kể cả những hàng Tàu đem từ cửa Hội vào để cung phụng cho gia đình các quan lớn trong Qui Nhơn. Có nhiều thứ hàng đắt tiền như sa, đoạn, nhung, quạt giấy, đèn lồng, đồ sứ, đồ đồng... giá còn rẻ hơn ở cửa Hội, vì các thuyền buôn Quảng Đông đổ hàng lậu lên cửa Hợp hòa để tránh thuế của Tàu vụ. Hàng quán mọc lên như nấm trên nền cát cháy nắng. Ban

đầu chỉ là những cái chòi lá xiêu vẹo tạm bợ. Về sau mái tranh liếp nửa hàng hoàng. Từ chợ lập nên phố, dù là phố tranh. Dần dà có hẳn một thứ tổ chức công quyền riêng, do thỏa hiệp giữa bọn con buôn và các nhóm vô lại.

An vừa ngỡ ngàng vừa mừng rỡ chứng kiến cuộc đổi lột kỳ lạ của Bến Ván, lòng thầm cảm ơn Trời xanh đã mở cho mình một sinh lộ. Chị mở một quán cơm ở ngay chợ. Với số vốn mang theo, An mau chóng khuếch trương cơ sở làm ăn, bỏ nghề bán cơm quá sức nhọc nhằn để trở thành người buôn bán tạp hóa. Rồi trở thành một người chuyên trữ hàng Tàu. Nửa năm sau ngày dắt díu con cái đến Bến Ván, An trở thành một người khá giả của vùng đất lộn xộn phức tạp này.

*

* *

Làm sao một góa phụ ba mươi bảy tuổi yếu ớt cùng hai đứa con nhỏ dại có thể sống yên ổn giữa đám vô lại ấy suốt nửa năm trời?

An cũng đã tự hỏi như vậy. Trôi giạt về Bến Ván, không qua được bên kia sông để về chỗ mơ ước, chị phải dừng lại. Phải sống. Che một cái chòi lá để mở quán cơm, việc đó gần tầm tay của An nhất. Bọn lưu manh liều lĩnh và hiếu sắc chung quanh An không thiếu. Chút nhan sắc chưa kịp tàn tạ, cộng với vẻ đoan chính sầu muộn có một sức cuốn hút mạnh mẽ đối với bọn đàn ông ở Bến Ván, kể cả những tay vô học thô bạo chuyên nghề trộm cướp và khuân vác hàng lậu. Quán cơm của An đông khách hơn nơi khác. An vừa mừng vừa hồi hộp lo ngại, nhất là những đêm không làm cách nào đuổi được bọn đàn ông lân la tìm cóng ngồi dai, không chịu ra về. An không bán rượu. Họ mua rượu ở nơi khác đến uống sau bữa cơm. Đã có nhiều tay giả say lè nhè những lời sàm sỡ. Bé Thái sợ quá, thì thảo bảo mẹ nên tìm cách dời đi chỗ khác. An còn dùng dằng chưa biết tính thế nào thì không biết từ đâu, có lẽ từ những con buôn cửa Hội, cả Bến Ván xì xầm với nhau về gốc tích ba mẹ con An. Vài khách buôn đường dài chạy hàng Tàu vô ra cửa Hội, Bến Ván trước kia có biết Lợi. Rồi những câu chuyện tô vẽ thêm về mối tình giữa cô con gái ông giáo Hiến với người học trò xuất sắc nhất của ông - những câu chuyện Lợi loan truyền khắp nơi để làm thế dựa mặt cả - mau chóng trở thành đề tài hấp dẫn lúc rảnh rỗi. Mọi người nhìn mẹ con An với đôi mắt khác hẳn. Thái độ của họ, kể cả bọn vô lại, trở nên phức tạp. Một đảng họ thấy ba mẹ con An gần gũi với họ vì cùng thuộc vào hạng sa cơ lỡ vận, hạng không tìm được chỗ nào dung thân nên tụ về miền đất vô pháp luật này sống qua thời. Nhưng địa vị của ông giáo Hiến, thanh thế của Lợi, nhất là mối liên hệ tình cảm giữa vị hoàng đế lấy lòng và góa phụ ốm yếu này, kể cả cách đi đứng ăn nói của An, tất cả những yếu tố đó khiến họ tự cảm thấy hãnh diện khi được An dọn cho bữa ăn, Thái rót nước trà đem đến mời sau bữa, Phát nhắc ghế cho ngồi. Từ đó không còn cảnh say rượu, ăn quịt, không còn những cái nhìn sổ sàng, những lời sàm sỡ. Bọn con buôn giàu có dĩ nhiên ít mặc cảm hơn đám vô lại. Nhưng là những con buôn, họ hiểu rõ rằng việc làm ăn phát đạt hiện tại ở Bến Ván chỉ là cơ hội bấp bênh, không thể lâu dài. Khi Phú Xuân hay Qui Nhơn hết nhường nhịn, hoặc hết né tránh nhau, tất nhiên Bến Ván mau chóng trở thành vùng đất không người. Họ chụp giựt mỗi lợi trước mắt, và khôn ngoan tránh bị lụy vì Phú Xuân hay Qui Nhơn. Chạm vào gia đình mẹ con An là đã chạm đến có thể là lòng tự ái, có thể là danh dự của vị hoàng đế lấy lòng từ nam ra bắc. Bọn con buôn nghĩ vậy.

Nhờ thế, An buôn bán trong sự an toàn. Gần như chị được cả khách mua lẫn khách bán chiều chuộng. Tuy vậy, lòng An không lúc nào yên. Thăng Phát dễ hư quá. Cái tính hiếu thắng, ương

ngạnh, nóng nảy, ưa những điều hời hợt bề ngoài, cộng thêm cái thói mê xóc đĩa mới nhiễm, khiến thằng bé mau chóng trở thành một tên vô lại nhỏ. Nó bắt chước hết tật xấu của bọn lưu manh, từ cách ăn nói, đi đứng. Phát ăn cắp tiền của mẹ, trả công cho bọn trộm cướp chuyên nghiệp dạy võ, lén lấy hàng của mẹ bán lấy tiền đãi chúng rượu thịt. An bơ vơ giữa một đám người xa lạ, đau xót thấy con hư đốn. Cuộc sống chup giứt bấp bênh làm An chóng mặt, lúc nào cũng hồi hộp lo sợ. Phải tìm một chỗ dựa vững chắc hơn! Dựa vào đâu? Cái ý về An thái cứ lớn vồn trong đầu An. Về được không? Sao không về?

Tháng bảy năm đó, An gửi hai con và nhà cửa cho một người bạn buôn đáng tin cậy, một mình tìm cách vượt sông Bến Ván về Qui Nhơn.

*

* *

Khởi cần phải kể lại những phí tổn lớn lao và nỗi nhọc nhằn của An trên đường vô nam. Đến Qui Nhơn, An tìm ngay đến cái quán cũ của anh gần bến tắm ngựa. Như An lo lắng từ trước, căn nhà đã đổi chủ. Cái chái tranh trước đây Kiên cất thêm để làm quán rượu đã bị dỡ đi, khung cảnh căn nhà đổi khác hẳn. An do dự, băn khoăn, không hiểu có đúng đây là nhà của Kiên không? Thằng bé trạc mười tuổi thấy có người lạ lảng vảng phía trước rào, e dè đứng chặn ngay cửa nói lớn:

- Không có ai ở nhà cả. Không có gì để cho đâu. Đi đi!

An nhìn lại quần áo mình. Chị giật mình nhận thấy mình ăn mặc nhếch nhác tiêu tụy quá. Bụi đường bám lên bộ quần áo đen và mặt mũi, không trách thằng bé lầm An là một người ăn mày. An ngoắc thằng bé ra hỏi:

- Cho chị hỏi thăm. Có phải đây là nhà ông Kiên không?

Thằng bé vẫn đứng ở ngạch cửa, hỏi trống:

- Ông nào?

- Ông Kiên. Ông Kiên trước đây làm...

An ngập ngừng, không biết nói cho đúng trước đây Kiên làm gì. Thằng bé càng thêm nghi ngờ, nói xằng:

- Đừng bày đặt chuyện để lấy cắp đồ người ta. Đi đi, tôi gọi lính bắt bây giờ!

Một cụ già hiện ra ở chái tây, nơi có lối ra vườn. An mừng rỡ hỏi lớn:

- Thưa cụ, cho cháu hỏi thăm một chút. Anh Kiên anh cháu có còn ở đây không?

Ông lão chống gậy ra gần cổng, neho mắt nhìn khắp người An một chập, mới hỏi:

- Cô là gì của... của Đức Thầy?

An kinh ngạc hỏi lại:

- Đức Thầy nào ạ?

- Cô vừa hỏi nhà ông Kiên phải không?

An hấp tấp đáp, mừng đến líu lười:

- Quả thế. Cụ cũng biết anh Kiên cháu, phải không ạ!

Ông lão chậm rãi nói:

- Vâng. Nhưng Đức Thầy đã về An Thái từ lâu rồi.

- Cụ vừa nói Đức Thầy. Nhưng cháu muốn hỏi nơi anh Kiên cháu...

Ông lão cắt lời An:

- Ở đây không ai dám gọi tên tục Đức Thầy như cô đâu. Mà cô có đúng là người nhà của Đức Thầy không?

- Vâng, đúng ạ. Cháu là...
- Người nhà sao không biết Đức Thầy ở An Thái mà còn đến đây hỏi thăm.

An mừng cho anh, mừng cho mình, giọng nói vui hân lên:

- Mấy năm nay, anh em cháu ở xa nhau. Cháu vừa từ Bến Ván vào.

Ông lão giật mình, ngược lên chăm chăm nhìn An dò xét:

- Cô vừa nói gì thế?

- Cháu vừa nói từ Bến Ván vào. Lâu nay cháu ở tận Phú Xuân...

Ông lão đổi ngay thái độ. Với nét mặt nghiêm khắc, giọng nói xẵng, ông bảo An:

- Thôi, cô đi đi. Lão phải làm vườn, không có thì giờ tiếp chuyện với cô nữa.

An chưa hết ngỡ ngàng thì ông lão đã quay ngoắt vào phía trong. An thất thểu quay ra đường, không hiểu vì sao đột nhiên ông lão thay đổi thái độ như vậy. Nhưng lòng An nhen nhúm một niềm vui nhỏ: An đã biết Kiên được mọi người trọng vọng và hiện đang ở An Thái.

*

* *

Lội qua khỏi bến tắm ngựa, An chùn bước ở chỗ ngã ba. Chị xấu hổ tự hứa thế nào vòng trở về cũng phải mua đủ nhang đèn để lạy trước mộ cha, rồi mới đủ an tâm rẽ về phía tay trái, đường dẫn lên Thiết Tràng và An Thái.

An cũng ngập ngừng chân bước y như vậy trước một ngã ba khác: trước mặt chị, tay phải là lối dẫn về khu vườn nhà Hai Nhiều, tay trái là đường ra gò Miếu. Trên đường đi, chị gặp nhiều người sang có, hèn có cùng lên An Thái để xin gặp Đức Thầy. An biết thêm Kiên đã mở am tại gò Miếu, và khách thập phương lũ lượt đổ về đây để xin Đức Thầy hoặc một lá bùa hộ mệnh, hoặc một lời tiên tri.

Bấy giờ đã bắt đầu mùa mưa. Con đường đất dẫn lên gò Miếu được mở rộng hơn trước. Thời mấy cha con ông giáo Hiến còn đi đi về về để làm mấy đám ruộng miếu, con đường này chỉ là một bờ ruộng hẹp không quá một thước mộc. Ngày nay, người ta đã mở rộng thêm nhiều. Mưa đầu mùa làm nhão mặt đất sét; mặt đất lầy lội in nhiều dấu chân ngựa và dấu bánh xe gỗ. Ngay từ ngã ba đã có vài chòi tranh cất tạm, ở đó người ta bán vàng hương, cỏ ngựa và mỗi lần có một chiếc xe hoặc một người khách cưỡi ngựa từ Qui Nhơn lên, từng đàn trẻ con mặt mũi nhem nhuốc, bùn dính đến tận đầu gối, mặc áo tơi lá chạy đến tranh nhau xin được giữ xe, cho ngựa uống nước để lấy công.

An được biết các quan lớn trong triều, nhất là các phu nhân, vẫn thường lên tận đây để xin bùa. Đức Thầy tiếp tất cả mọi người, không phân biệt sang hèn, ai đến trước vào trước, nên nhiều gia đình vọng tộc dưới Hoàng đế thành đã phải chầu chực cả ngày dưới cơn mưa dũ mới đến phiên mình. Chị bán thóc ngựa ở chỗ ngã ba nói với An như vậy, với nét mặt hả hê. Và An lại thêm băn khoăn, bối rối, vừa vui mừng vừa ngao ngán cho ông anh cả.

Tất nhiên An sợ phải gặp Kiên ngay. Sợ điều gì? Chị không rõ. Cho nên khi chị bán thóc mách riêng cho An biết cách dứt tiền cho người đệ tử ruột của Đức Thầy (người có trách nhiệm hướng dẫn khách từ cổng vào am để gặp Đức Thầy), tránh khỏi mất công chờ đợi, An vẫn âm ừ cho qua. Chị bán thóc tưởng An tiếc tiền, khẩn khoản hứa chỉ nhận công môi giới có nửa quan tiền thôi. An thản nhiên cho chị ta nửa quan tiền, rồi lặng lẽ bỏ đi.

Chị phải chờ đến chạng vạng tối mới đến lượt mình. Lòng chị nôn nao, phần vì sợ vu vơ, phần vì nhin đói từ sáng. Cảnh vật trước mắt chị đều lơ mờ, chao đi chao lại như những ảo ảnh. Chị không nhận ra được cảnh cũ của gò Miếu, vì chung quanh gò đã có một vòng rào tre cao quá

tầm mắt. Qua khỏi cổng, An nhận ra được mấy cây mít cổ. Hai căn nhà lá mái khá rộng được dựng hai bên cái miếu cũ, nhiều đệ tử râu tóc để mọc dài mặc áo trắng vào ra nhộn nhịp. Am chính của Đức Thầy vẫn là cái miếu xưa kia thờ người bị cùi. Mưa rả rích mất hút trong khoảng trời hẹp ngập đầy khói hương và những tiếng thì thào thành kính. An cảm thấy nhỏ lại, lòng hoang mang như đang lạc vào một vùng mù sương xa lạ và bất trắc không tìm được lối về.

*

* *

Hai anh em nhìn nhau mà không nhận ra nhau!

An ray rút ái ngại tự hỏi thầm:

- Anh ấy đây sao? Có đúng anh ấy không?

Khói hương trong am dày đặc hơn bên ngoài. An cảm thấy ngột thở. Đức Thầy mặc quần áo trắng y như các đệ tử, ngồi theo lối kiết già trên một tấm bồ đoàn bằng lát nhuộm đỏ. An ghi nhận ngay ra mái tóc và chùm râu dài sớm bạc của anh. Trước mặt Kiên đặt một cái khay đồng, phía trên có hai cái đĩa sứ một lớn một nhỏ. Đĩa nhỏ ở gần Kiên đựng mấy miếng cau và trà còn xếp y nguyên theo vòng đĩa. Đĩa lớn đựng vài nén bạc và nhiều... rất nhiều quan tiền kẽm.

An nhìn trân lên cái đĩa lớn, rồi ngược lên tìm đôi mắt Kiên. Chị xót xa nghĩ thầm:

- Anh ấy chưa nhận ra mình. Có đúng anh ấy không?

Đúng là Kiên. An không thể nhầm lẫn được. Vẫn khuôn mặt ấy, cái mũi ấy, hàm răng thưa và vành tai hơi cong về phía trước ấy. Chỉ khác màu râu tóc và... và gì nữa... Phải, có cái gì nữa biến đổi toàn diện đến nỗi An ngỡ vị đạo sĩ ngồi đây không phải là anh mình.

Đức Thầy nhìn An một cách ơ hờ, mắt hơi lim dim. An có cảm tưởng Kiên chờ đợi cái gì đó. Có tiếng cánh cửa am kêu kéo kẹt. Người đệ tử đứng tuổi vừa dẫn An vào trở lại. Đức Thầy ngược lên nhìn An ngơ ngác, rồi quay hỏi đệ tử:

- Khách ngoài đó còn nhiều không?

Người đệ tử lễ phép đáp:

- Bẩm Đức Thầy, còn mấy chị nhà quê bên An Vinh thôi!

Giọng Đức Thầy hơi gắt:

- Mấy tức là bao nhiêu?

- Dạ khoảng năm, sáu người.

- Sao lại khoảng, không đếm kỹ làm sao biết nhiều hay ít hơn hôm qua.

Người đệ tử chỉ dạ nhỏ để tỏ ý hối lỗi, rón rén đến gần cái khay đồng cúi xuống bưng cái đĩa lớn đổ tất cả tiền bạc vào một cái bọc vải điều. An theo dõi tỉ mỉ các động tác của người đệ tử, nhớ lời chị hàng thóc ngoài ngã ba... Rồi An nhìn vào đôi mắt Kiên. Chính lúc đó, chị mới nhận ra ánh mắt anh đã thay đổi hẳn. Trước kia, cái nhìn của Kiên thường phẳng phất vẻ hiu buồn, thụ động cam chịu. Bây giờ, đôi mắt ấy trở nên lạnh lợi, gần như đóng đưa bất trắc. Đức Thầy nhìn An soi mói, mày hơi nhíu lại. Người đệ tử ra khỏi cửa am. An lấy bạo, mím môi lấy hơi để trấn tĩnh, rồi mới run run hỏi:

- Anh không nhận ra em sao?

Kiên đang đẩy cái khay đồng lại gần An, giật mình ngược lên, ánh mắt còn nguyên vẻ thẳng thốt. An đau đớn đến phát khóc, giọng nói đã đầm nước mắt:

- Anh không nhận ra em thực ư? Em đây mà. Em là An của anh đây.

An đưa ống tay áo lên quạt nước mắt. Chị ngửi thấy mùi mồ hôi đậm và mùi bùn. Tiếng Kiên nói, chậm và điềm tĩnh:

- Em về hồi nào?

An vội ngược lên. Ánh mắt Kiên hơi dịu lại, tuy còn phảng phất vẻ cau có. An hấp tấp đáp:

- Em ghé lại chỗ bến tắm ngựa. Cụ chủ nhà chỉ cho em lên đây. Em phải chờ từ sáng.

Rồi để xóa bớt cái không khí nặng nề giữa hai anh em, An cố lấy giọng vui vẻ nói:

- Anh biết không, lúc nghe cụ già kính cẩn nhắc đến Đức Thầy, em không ngờ đó là anh. Vậy mà suốt mấy năm vắng tin anh, tụi em cứ tưởng anh còn mắc vòng lao lý. Tụi em cứ ân hận vì đã trốn ra Phú Xuân mà anh phải chịu ngục, tai họa...

- Chú ấy bị giết lúc nào?

Giọng nói lạnh lẽo đều đều của Kiên như một gáo nước lạnh dội vào đầu An. An ngừng lên, hụt hẫng và hoang mang, chị thấy Kiên ngồi bất động, mắt lim dim như một pho tượng. Chị hối hận đã bị xúc cảm lôi cuốn đi quá xa. An trở nên bình tĩnh hơn, đáp thật chậm:

- Nhà em bị giết ba hôm trước lễ đăng quang.

Từ đó về sau, An cúi xuống đối đáp với anh. Chị sợ không dám nhìn rõ thái độ ơ hờ của anh.

Phần Kiên, chỉ hỏi em gái những câu hỏi ngắn:

- Em không cầu xin tha mạng cho chú ấy ư?

- Có, nhưng... (An nheén một lúc, mới nói tiếp)... anh hay tin lúc nào?

- Ngay sau đó.

- Ai cho anh hay tin?

- Khấp Qui Nhơn đều biết. Vì sao, em biết không?

- Sao ạ?

- Nhà vua mừng rỡ khi bắt được tin ấy.

- Nhà vua căm giận nhà em đến thế sao?

- Không.

Kiên ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Nhà vua căm ai, em biết rồi. Thôi đủ cách bêu riếu: nào vắt chanh bỏ vỏ, nào giết chồng đoạt vợ, nào gian dâm vô độ...

An hời hợt kêu lên:

- Trời ơi, người ta dám...

Kiên cắt lời em:

- Em được phép vào tận đây ư?

An ngạc nhiên hỏi:

- Phép gì ạ?

- Phép nước chứ phép gì! Em đã dọn vào ở cung nội chứ?

An hiểu Kiên muốn nói gì. Chị tức đến nỗi giọng nói trở nên nheén ngào:

- Anh mà cũng nghĩ như thế sao! Mẹ con em phải trốn khỏi Phú Xuân ngay hôm xuất sư.

Xúc động quá, An mếu máo khóc:

- Gần một năm nay, mẹ con em phải buôn bán lần hồi để kiếm sống. Còn về đây thăm anh là may mắn quá. Em tưởng ba mẹ con em chết rấp ở Bến Ván từ lâu rồi.

Kiên hơi mở lớn đôi mắt nhìn em, rồi nói nhỏ:

- Bến Ván?... ờ, Bến Ván!

Hai anh em im lặng khá lâu, không ai dám nhìn ai. An cảm thấy ray rứt nếu giữ mãi im lặng, vẫn cúi mặt hỏi Kiên:

- Chị và các cháu ra sao hở anh?

Kiên đáp gọn:

- Thất lạc từ dạo đó.
- Từ hồi nào?
- Ra tù, anh về nhà không thấy họ nữa.
- Anh không tìm ư?
- Biết đâu mà tìm. Vả lại...

Kiên không nói tiếp. An hỏi nhỏ:

- Sao ạ?
- Không.

Lại có tiếng cửa am kéo kẹt. Người đệ tử đứng ở chỗ cánh cửa hé, hỏi vào:

- Bẩm Đức Thầy, sắp tối rồi. Cho họ về hay cố giữ họ nán lại chờ?

Kiên ngáp ngừng hết nhìn An lại nhìn ra cửa, hỏi:

- Còn mấy người?
- Bẩm hai bà già đã về, dặn xin vào trước sáng mai. Chỉ còn ba người thôi.

Kiên dứt khoát hơn:

- Hẹn họ mai trở vô.

Cửa am khép kín như cũ. An muốn tránh những điều đau lòng, ngẩng lên nhìn thẳng vào anh bạo dạn hỏi:

- Em không hiểu anh đã làm gì mà được thiên hạ tôn kính và tin tưởng như vậy. Từ Thiết tràng lên đây, em chỉ gặp toàn những người lên xin quẻ Đức Thầy. Lam lũ rách rưới mo cau gói cơm hẩm muối hột cũng có. Mà hạng sang trọng đi ngựa đi xe lên tận ngã ba cũng không ít. Em kinh ngạc quá. Có ai dám ngờ cái gò Miếu hiu quạnh lẻ loi này trở nên một linh địa như thế. Anh có nhớ cái thời nhà ta ra đây khai phá mấy đám ruộng miếu không? Cả chuyện thằng Lãng dám một mình ra đây ban đêm nữa. Rồi những đêm canh lúa bên con cúi rơm ngún lửa! Chao ôi, bao nhiêu vật đổi sao dời. Khó mà tin được!

An nói say sưa, trước mắt hình ảnh Kiên mờ nhạt, lung linh. Lúc dừng lại, An vui mừng nhận thấy Kiên đang mỉm cười, gờ hai hàm răng thưa đã bắt đầu đen ở chân răng. Ánh nhìn của Kiên cũng dịu dàng, hiền hậu y như thời An thái. An thấy ấm áp trong lòng, vui mừng hỏi nhỏ:

- Anh còn nhớ cái thời đó không?

Giọng Kiên hơi run vì xúc động:

- Nhớ chứ! Nhớ cả những người mà em ngại không dám nhắc tới.

Thấy em gái cúi xuống nhìn mặt chiếu hoa trải trên nền am, Kiên biết mình vô tình khơi dậy nỗi đau xót của An. Kiên nói sang chuyện khác:

- Em có biết vì sao anh "đắt khách" thế này không?

An cố ghìm xúc cảm, giả vờ vuốt tóc để gạt ngấn nước mắt, làm bộ hớn hờ hỏi:

- Vì sao ạ?
- Trước hết là nhờ "ông Bảy Lữ". Cái thời anh còn ngây thơ, quờ quạng đi tìm "những điều không có đâu" như là căn nguyên của đời sống, qui luật của tạo hóa, sống làm gì, chết về đâu, ý nghĩa của nước mắt, dây mơ rễ má bà con giữa loài người và cỏ cây đất đá... và và... biết bao chuyện bá vơ khác, cái thời đó ông Bảy Lữ cũng chán cảnh bon chen, khao khát đi tìm như anh. Em biết rồi, từ hồi đó, ông ấy vẫn thường cởi áo gấm mặc áo vải lui tới khu vườn nhà anh. Ông ấy đã cởi áo gấm, nhưng thiên hạ vẫn biết ông ấy thuộc dân áo gấm. Mà dân áo gấm thì ăn, ngủ, nói, cười, thậm chí ỉa đái đều có nghĩa lý sâu xa. Ông Bảy thân mật với anh, cứu anh ra khỏi tù,

lặn lội từ Hoàng đế thành lên đây đàm đạo với anh, và điều quan trọng hơn hết, chết trong tay anh, tất nhiên phải có nghĩa lý huyền diệu nào đó chứ.

An tò mò cắt lời Kiên:

- Đông Định vương mất trong cái am này sao?

Kiên lắc đầu:

- Không. Những ngày cuối đời, ông ấy yếu quá không đi vòng lên đây được. Vua anh phải cho vớng lên đây rước anh xuống. Lúc ấy ông Bảy đã như ngọn đèn sắp tắt. Nhà vua đã ra lệnh chuẩn bị đồ khâm liệm. Trông thấy anh, ông ấy tỉnh lại, như ngọn đèn hết dầu lóe lên lần cuối. Ông ấy thẳng thốt hỏi anh chết xong sẽ đi đâu. Anh bảo hãy ôn lại chuyện sống. Ông ấy cười gượng, thều thào thú nhận mình sống vô vị chẳng làm được tích sự gì. Anh bảo ông ấy làm được một việc quan trọng hơn hết mọi điều, cao cả hơn hết mọi người. Ông ấy tươi ngay nét mặt, cổ chống tay ngồi dậy. Dĩ nhiên ông ấy không dậy nổi, nhưng vẫn mấp máy môi giục anh nói ngay điều quan trọng cao cả ấy là gì. Anh đáp: "Ngài đã sống đúng bản tính Trời cho, và đã hết sức cố gắng. Những điều khác đều là thừa thãi cả thôi". Ông ấy mỉm cười, cổ đưa tay phải lên nắm tay anh. Anh nắm tay ông ấy. Bàn tay đã buông thõng trên mền gấm. Một lúc sau, bàn tay lạnh ngắt.

Kiên dừng lại. Bên ngoài, mưa thêm nặng hạt. Hai cây bạch lạp kêu lèo xèo trên bàn thờ. An đưa tay lên ngực cho tim bót hồi hộp, run run bảo anh:

- Anh nói đúng. Sống đúng tính trời và hết sức cố gắng. Em ước mong được như vậy.

Kiên không muốn đi sâu vào những điều rắc rối, nên hỏi An:

- Nhưng em có biết ngoài ông Bảy Lữ, anh nhờ nhờ vào đâu không?

- Không ạ.

- Nhờ vào sự yếu đuối. Nhờ vào nỗi sợ hãi của thời loạn.

- Em chưa hiểu.

- Em không thấy các ngài áo gấm mặt mày lấm lét lữ lượt lên đây xin bùa hộ mệnh, xin lễ cầu an hay sao? Cả những người áo rách cũng vậy. Lòng họ có yên đâu! Trong Nam ông Chung (Nguyễn Ánh) đã về Gia Định, lập hẳn một triều đình. Nghe nói người Tây dương đang đóng tàu sắt cho ông ta. Ngoài Bắc, uy danh của "ông Tám" (Nguyễn Huệ) đang lẫy lừng. Phá được một lần bao nhiêu vạn quân Thanh thì vài toán lính yếu ở Bến Ván có nhằm gì. Khấp Qui Nhơn ai cũng tự hỏi không biết bao giờ thì Phú Xuân xua quân qua cầu. Em ở Bến Ván, có biết lúc nào không?

An thành thực đáp:

- Dạ không. Hiện giờ thì hai bên đều tránh chạm trán nhau. Nhờ thế...

Kiên hăng hái cướp lời:

- Em ở đó không biết thì trong này ai biết được. Không biết nên hoang mang, lo sợ, không lúc nào yên tâm. Bám víu vào đâu đây? Ngày mai ra sao? Con cái sẽ thế nào? Ai trả lời cho?

- Em cũng định hỏi anh những câu đó.

- Em tưởng anh đáp được sao?

- Anh đã đáp cho bao nhiêu người. Họ đến đây rầu rĩ, nhưng em nhận thấy lúc ra về, họ có vẻ yên tâm.

Giọng Kiên hơi phẫn kích:

- Anh lừa thiên hạ, nhưng đâu có lừa em gái mình.

Nói xong, hình như Kiên hối hận, nên nét mặt nghiêm lại, hai mắt lim dim nhìn thẳng vào

khoảng không phía trên cửa am. Cánh cửa hé mở, và như những lần trước, lại kêu kéo kẹt. Kiên giật mình, ngồi ngay lưng, đồng dục hỏi:

- Cái gì thế?

Người đệ tử đáp:

- Bẩm đã đến giờ...

Kiên cắt lời đệ tử:

- Ta chưa đói.

Rồi vẫn bằng cái giọng sang sảng khác thường, Kiên hỏi An:

- Tối rồi chị về còn kịp không? Thôi hãy tạm qua đêm ở phòng dành cho các tín nữ. Sáng mai chị lên đây ta dặn thêm vài điều cần làm để tránh hậu hoạn.

Nói xong, Kiên đẩy cái khay đồng về phía em gái. An hiểu, liếc phía sau nhìn người đệ tử đứng tuổi của anh, rút hầu bao đặt lên chiếc đĩa lớn hai quan tiền.

Kiên cố không thay đổi nét mặt, hất đầu bảo An:

- Chị theo chú này ra chỗ nghỉ đêm.

*

* *

Sáng hôm sau, hai anh em lại gặp nhau. Kiên hỏi:

- Em có cần anh giúp đỡ gì không?

An đã bỏ ý định xin dẫn hai con về đây nương tựa anh. Đêm qua, chị thao thức không ngủ được, nhưng không lúc nào An nuôi ý định ấy. Điều chị suy nghĩ là: Làm thế nào Kiên có thể mặc nhiên để cho thiên hạ cung kính gọi Đức Thầy mà không e thẹn, nhột nhạt? Làm thế nào có thể sống hai mặt một cách thản nhiên như vậy suốt bao nhiêu năm và còn tiếp tục sống như vậy cho đến bao giờ? Làm sao một người như vậy có thể thốt được những câu như Kiên đã thốt bên giường bệnh Đông Định vương Nguyễn Lữ?

An vừa giận dữ vừa thương hại anh cả, đáp:

- Cảm ơn anh. Ngoài Bến Ván, mẹ con em buôn bán cũng đủ sống.

Kiên hơi thất vọng:

- Tùy em.

Đến lúc đó, Kiên mới nhớ mình chưa hỏi thăm Lãng. Khi An cho biết không biết gì về Lãng từ hôm trốn khỏi Phú Xuân, Kiên cố vót vát:

- Nếu Lãng cũng bị sa cơ, thì nhắn chú ấy về đây.

An lí nhí đáp:

- Cảm ơn anh.

Họ chia tay nhau, lòng nặng trĩu một nỗi buồn vu vơ.

An ra khỏi cổng am, chân do dự. Không tự chủ được, chị nhìn về phía An thái. Lòng chị quặn thắt khi thấy cây gạo ở bến sông đã chết khô từ bao giờ. Chị nhìn trôn cây gạo thật lâu, rồi xoay lưng đi về phía mộ mẹ.

Ngày hôm đó, An trở xuống Qui Nhơn thăm mộ cha, mộ Chín và tìm phương tiện về Bến Ván.

(1) Xem Chiếu Khuyến nông. Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm, tập 2, trang 119.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần thứ bảy: Kết từ

Chương 99

Sau trận Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), Lãng về Phú Xuân đã thấy ngôi nhà của chị đổi chủ. Hàng rào tre được nâng lên cao hơn, sát phía ngoài có một luống chè mới trồng. Chiếc cổng cũ bị dỡ đi, thay hẳn vào đó một cái cổng vôi lợp ngói có đủ ba cửa như các dinh thự quan lớn. Thấp thoáng trong vườn, ẩn hiện một mái ngói mới. Lãng không muốn vào, vì biết sau khi Lợi chết, căn cứ theo bản luận tội của bộ Hình, thì tất cả tài sản của tử tội đều bị sung công. An còn ở Phú Xuân, tất nhiên không ai dám đuổi An đi. Nhưng An và hai con đã trốn, ngôi nhà đẹp thế ấy đổi chủ là phải. Lãng chỉ cần hỏi qua loa vài người đi đường cũng biết người chủ mới là Bùi Đắc Trụ, con trai của thái úy Bùi Đắc Tuyên. Lãng thầm bảo:

- Mạng sống hẳn còn lấy được, hưởng chi cái nhà không vốn!

Lãng không cho chuyện đó quan trọng đối với mình, vì từ lâu, một thân một mình không bận bịu vợ con, anh ở đâu chẳng được. Lâu lâu Lãng mới ghé về đây thăm chị và các cháu, những lúc khác anh ngủ ở khu trại cấm quân, hoặc nhà bạn bè. Tính anh lại dễ dãi trong chuyện ăn ở, nên khi cần, đặt lưng ở đâu để qua đêm cũng được. Thường thường, anh ở trong thành, viên cai cơ trông coi đội cấm vệ ở cửa bắc dành hẳn cho Lãng một căn phòng khá thơm mát, cửa sổ nhìn ra một khu vườn um tùm có nhiều chim chóc đến làm tổ. Căn phòng có cửa riêng, dù Lãng có đi về thất thường cũng không làm phiền gia đình viên cai cơ. Bên trong chỉ có một cái sập gỗ tạp trải chiếu, một cái gối mây, cái bàn thấp và hai cái ghế gỗ mặt tròn. Quần áo, đồ đạc, giấy bút, sách vở vất bừa bãi khắp nơi. Nếp sống bề bộn, cầu thả của người độc thân chưa lụy vào trách nhiệm đã quá quen thuộc với Lãng, có thể nói là biểu hiện trọn vẹn của tính bẩm sinh. Cướp mất nhà của chị ta ư? Cứ việc! Chị ta không cần và ta cũng không cần.

Lãng trở vào thành. Mọi người mừng rỡ gặp lại anh. Lãng đã quen với sự tiếp đãi nồng hậu ấy. Anh cũng thuộc vào những người "chiến thắng oanh liệt" đấy chứ! Người ta bắt anh kể chuyện, nài nỉ anh tả cho rõ tụi giặc Ngô chúng nó thất bím ra làm sao, ăn mặc thế nào, lúc sợ hãi chạy trốn kêu la có khác người Nam hay không. Trẻ con thì tò mò hỏi anh đã tự tay đâm chết được mấy đứa. Lãng ngập ngừng, hơi thẹn, phải nói đại một con số. Lại bị hỏi tiếp mấy tên giặc đáng chết ấy bị đâm ở đâu, lúc chết ngã sấp hay ngã ngửa, máu đổ ra có nhiều không. Lãng từng chịu đựng tất cả những phiền phức ấy khắp mọi nơi, khi có người biết anh vừa dự trận đại phá quân Thanh trở về.

Ở đâu không khí cũng rộn rịp, nô nức. Lãng cũng bị cuốn vào niềm phấn khởi chung, chân phải bước nhanh hơn, miệng phải kể chuyện giết giặc. Đầu óc anh căng thẳng, thân thể rã rời. Anh cần một chỗ đặt lưng. Bấy giờ, Lãng mới thấy hết ý nghĩa của những tiếng "về nhà".

Căn phòng ở cửa bắc của anh vẫn như cũ. Sau mấy tháng vắng hơi người, mùi ẩm mốc và phân gián, chuột xông lên nồng nặc. Lãng hắt hơi nhiều lần khi mượn chổi quét dọn khắp căn phòng.

Cái áo quên giặt, Lãng vất ở đầu sập đã bị chuột kéo vào xó cấn lăm nhăm nhiều chỗ. Mấy vỏ chuối vất trên nền nhà đã bị lên mốc. Trong bình, nước trà cũ lâu ngày đã đóng thành một lớp váng nâu óng ánh. Gia đình viên cai cơ qua giúp Lãng dọn dẹp, trong ánh nhìn, lời nói từng người, tràn đầy niềm khâm phục âu yếm. Lãng yên tâm nhận thấy cuộc sống của mình vẫn êm ả, thoải mái như trước.

Không cần đợi lâu, Lãng đã thấy mình lăm!

* * *

Đúng là mọi sự trong triều có vẻ y như cũ.

Quan thái úy Bùi Đắc Tuyên (và những người cùng phe, từng tìm mọi cách giết cho được Lợi) gặp Lãng thì nghiêm mặt, giả vờ nhìn mà không thấy anh. Điều đó xảy ra từ lâu. Lãng không ngạc nhiên. Anh vào Trung thư đường. Quan Trung thư Trần Văn Kỷ vẫn niềm nở, ân cần với anh, như xưa. Trần Văn Kỷ vui vẻ hỏi:

- Chuyển về tôi tìm mãi không thấy anh đâu. Cứ tưởng anh bị gái Bắc Hà níu áo rồi chứ.

Lãng ngượng ngịu đáp:

- Dạ tôi cùng đi với đạo quân của đô đốc Bảo.

- Thảo nào. Mấy hôm nay nghỉ đã khỏe chưa?

Lãng không đáp, chỉ mỉm cười chờ đợi. Theo thói quen, anh hiểu mỗi lần hỏi như thế, quan Trung thư sắp sửa nhờ mình làm một việc gì đó. Tuy không có một sắc chỉ, hoặc một lời truyền công khai nào của vua Quang Trung xác định địa vị, công việc của Lãng, mọi người đều ngầm hiểu Lãng thuộc Trung thư đường. Trần Văn Kỷ giao việc cho Lãng là điều tự nhiên. Lúc đó, có một vị quan cấp thấp giữ việc từ hàn mang vào trình cho Trần Văn Kỷ một số giấy tờ ngựa trạm vừa từ Bắc Hà đem về. Trần Văn Kỷ vội xem qua, rồi hấp tấp mang vào đệ trình cho nhà vua. Ông bảo Lãng:

- Anh ngồi chơi nhé. Góm, chuyện gấp lắm. Phải đệ lên Hoàng thượng ngự lãm ngay.

Lãng vâng lời, ngồi chờ. Trần Văn Kỷ trở lại, thân mật hỏi Lãng đã tìm ra dấu tích của An chưa. Lãng đáp chưa. Kỷ suy tở soa tỏ dấu thông cảm. Nhân dịp tốt, Lãng báo cho quan Trung thư biết chuyện Bùi Đắc Trụ đã chiếm nhà của Lợi. Trần Văn Kỷ nhướn mắt nói: "Thế à!" rồi nói sang chuyện khí hậu, mưa nắng. Lại có nhiều người đến xin gặp Kỷ. Ông liếc nhìn Lãng, chặc lưỡi than:

- Góm, bận túi bụi đủ thứ việc.

Lãng hiểu người ta muốn đuổi mình. Anh đứng dậy xin phép ra về, không dám nhắc công việc quan Trung thư muốn giao cho mình. Anh không dám đi đâu xa, sợ Trần Văn Kỷ gọi đến không ai gọi Lãng cả. Hôm sau Lãng lại đến. Quan Trung thư có vẻ ngờ ngác không hiểu Lãng đến có việc gì. Nhưng ông che giấu ngay vẻ sững sốt bằng những lời thăm hỏi thân mật:

- Anh đấy ư? Hôm qua đã đi những đâu nào? Có bị bọn con nít bắt kể chuyện bình Ngô không? Đã khỏe hẳn chưa?

Lãng đáp qua quýt, và như hôm qua, anh chờ quan Trung thư giao việc. Vẫn chẳng có việc gì hết. Trần Văn Kỷ thì lúc nào cũng bận. Ông than:

- Đã đành Hoàng thượng giao việc cho hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích là giao đúng việc đúng người, nhưng nam bắc cách trở, trong này mình vẫn lo. Cái phận nước nhỏ phải thế. Đánh cho chúng vất giò lên cổ mà chạy, nhưng sau đó vẫn phải vờ gọi chúng bằng Ngài. Trớ trêu thật!

Lãng đoán Trần Văn Kỷ đang nói về việc bang giao với nhà Thanh. Lúc chỉ còn có Trần Văn Kỷ

và Lãng trong Trung thư đường, quan Trung thư hơi thiếu tế nhị, chăm chú đọc văn thư, bỏ mặc Lãng ngồi không khá lâu. Lãng phải xin phép về. Trần Văn Kỷ ngừng lên vồn vã nói:

- Anh về à? Vâng. Vui vẻ nhé!

Cứ như thế. Lãng không có việc gì để làm. Dần dà anh nhận ra rằng mọi sự quanh anh không giống như cũ. Các quan tỏ vẻ ngại ngùng khi phải nói chuyện với anh. Bọn lính cấm vệ vẫn lễ phép nhường lối cho anh vào triều, nhưng sau lưng anh có tiếng xì xầm. Anh bắt đầu cảm thấy thừa thãi, ngại ngùng không muốn đến Trung thư đường. Càng ngại không muốn gặp nhà vua. Suốt ngày anh đóng cửa nằm trong phòng, lòng hoang mang, lo sợ vu vơ. Không thấy vợ con viên cai cơ gõ cửa qua hỏi thăm như những lần trước. Lãng hoàn toàn một mình. Anh sẽ phát điên lên được nếu không mở cửa đi lang thang khắp nơi. Chân anh bước tới trước, tới trước nữa, hoàn toàn không chủ định. Anh quên cả đói. Qua đi những phố phường, những bóng cây. Gió sông Hương làm anh tỉnh trí đôi chút. Anh ý thức rõ ràng mình đã bị đào thải. Anh bị loại bỏ một cách lặng lẽ không chính thức như trước đây anh được nhà vua tin cậy thương mến. Trong triều người ta trọng nể anh vì biết Nguyễn Huệ bảo bọc anh như một người em yếu đuối. Bây giờ, người ta xa lánh anh vì biết anh bị thất sủng. Không ai nói ra lời. Tất cả có vẻ y như cũ, nhưng không phải như cũ. Người ta không giao việc gì cho anh nữa, mà do không có một chức vụ chính thức nào, nên Lãng không còn một việc bình thường nào khác. Đơn giản thế thôi!

Lãng băn khoăn tìm kiếm nguyên do sự đổi thay ghê gớm ấy, không dám quả quyết xác định mối bất đồng giữa Nguyễn Huệ và Lãng ở Thăng Long. Đã có biết bao chuyện bất đồng tương tự giữa hai người, từ các trang ghi chép ở Gia Định cho đến những lần tâm sự riêng tư. Lãng trọn tin ở lòng bao dung của Nguyễn Huệ để dám nói thực, nói hết, và nhớ lại các ân huệ nhà vua đã ban cho gia đình mình, Lãng tin rằng nhà vua không đổi khác.

Vậy thì cái gì đã đổi thay? Lòng ta chẳng? Lòng người chẳng? Đầu óc Lãng nóng bừng vì bao nhiêu câu hỏi dồn dập đến mà không có lời đáp. Anh không bước chân đến Trung thư đường, rồi không bước chân vào thành! Lãng bắt đầu sống lang bạt như một thằng dân lưu tán.

* * *

Một lần thơ thẩn đến cửa Nam, Lãng thấy một đám đông bu quanh tấm bảng thường dán các tờ bố cáo. Lãng tò mò quên cả dè dặt, chen vào xem. Đó là tờ Chiếu khuyến nông. Toàn bài chiếu như sau (dịch nôm):

"Chiếu cho quan viên và dân chúng trong thiên hạ biết: Chính trị của bậc vương giả là "vun gốc đề ngọn", chú trọng vào việc nông, nhờ đó trong nước không có kẻ chơi không, ngoài đồng không có đất bỏ hoang. Từ trải qua loạn lạc đến nay, binh hỏa liên miên, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, ruộng đất bỏ hoang. Thực số đình và số điền chẳng còn được bốn, năm phần mười khi trước.

Trẫm chịu mệnh Trời, giữ nghiệp lớn, bốn bề trong lặng. Nay buổi đầu đại định, chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu phải được tiến hành lần lượt.

Phàm kẻ du đãng, người giấu giàu là sự thường. Cái đạo che chở dân, chẳng gì bằng bắt dân lưu tán trở về khai khẩn ruộng hoang, khiến dân du thủ du thực trở về làm ruộng. Còn những dân nào kiêu ngạo nơi khác từ trước, trốn tránh sưu dịch, hoặc ở quê vợ, quê mẹ, hoặc đã lập nghiệp bán buôn, trừ ra những người đã nhập tịch từ ba đời trở lên, còn thì nhất thiết bắt về bản quán, xã khác không được dung túng cho trú ngụ. Những ruộng công ruộng tư trót đã bỏ hoang, phải trở về nhận lấy để cày cấy không được để hoang, khiến cho những người thực cày cấy ruộng

khác phải chịu thuế khổng. Các sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng phải xét sổ đình hiện có bao nhiêu suất, sổ điền hiện có bao nhiêu mẫu, ruộng hoang mới khai khẩn bao nhiêu mẫu, hạn trong tuần tháng chín phải làm sổ xếp loại, đem nộp cho các quan phân suất, phân tri huyện mình, các viên này chuyển đệ lên, đợi quan khâm sai xét thực, sẽ châm chước mà đánh thuế cho công bằng.

Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lẫn lữa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực, thì sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội. Xã nào có ruộng bỏ hoang đã lâu mà không ai nhận, nếu là ruộng công thì trách cứ vào các viên chức sắc, các chủ hộ xã ấy, phải chiếu nguyên ngạch thuế ruộng mà nộp gấp đôi; nếu là ruộng tư thì sung công, ngạch thuế cũng như ruộng công.

Đây là chính sách buổi đầu hướng dẫn chăm nghề gốc. Lệnh ban ra là phải thi hành.

Hỡi các thần dân! Các người đều phải trông lên thể theo đức ý của Trẫm, về nơi quê quán, chăm sóc ruộng vườn. Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội lỗi. Cái vui giàu thịnh, Trẫm sẽ cùng trăm họ chung vui.

Hãy nghiêm chỉnh tuân theo, không được trái lệnh (1)

Lăng muốn đọc lại một lần nữa, nhưng đám đông đã xô giạt anh qua một bên. Lăng phải nhào người chen ra ngoài. Chung quanh anh, loáng thoáng tiếng được tiếng mất:

- ... Gấp quá. Nội tháng chín thì chịu thôi...
- ... Phải từ ba đời trở lên. Nước này có lẽ...
- ... Ngụ cư đã mấy đời có được vào chính hộ đâu! Lấy gì để định bản quán.
- ... Bác đừng vội. Bỏ rồi, tạo dựng lại khó lắm. Không thấy tờ chiếu bảo "tiến hành từ từ" à!
- ... Tôi phải xin trả cái chức thôn trưởng mất...
- ... cũng còn châm chước được chứ. Điều quan trọng là...
- ... Ồi, dẫm bừa cả vào chân người ta!
- Từ từ nào. Đã bảo từ từ. Sao không ra bằng lối kia.
- Khiếp! Biết thế này tôi đã...

Ra được bên ngoài, Lăng thấy tiếc, lại chen vào. Có nhiều câu phản đối:

- Ở cái lão này, rách cả áo người ta!
- Người đâu mà bắn thủ nhếch nhác.
- Bà con coi chừng hầu bao.

Lăng khựng lại, không ngờ cái vẻ bề ngoài của anh tồi tệ thảm thương đến thế. Nhưng Lăng không kịp xót xa thương mình nữa. Đầu óc anh bị chấn động, phấn kích dữ dội. Máu nóng nhộn nhạo khắp người anh, như mới vừa hớp một chén rượu nồng. Anh tránh xa đám đông, lăm bắm một mình:

- Có thể chứ. Trong đời ta, biết bao lần ta ao ước có được cái giọng thẳng thừng, dứt khoát như vậy. Ai thảo bài chiếu này? Trần Văn Kỷ? Không. Ông đồ Vân trình rằng buộc cũng chặt chẽ lắm, nhưng quá thừa điều ôn nhu. Phan Huy Ích chăng? Không! Ta đâu có tìm ra cái giọng dùng dằng bất quyết! Ngô Thì Nhậm chăng? Phải rồi! Cái chất hùng tráng lắm liệt kết hợp với nét hoa lệ uyển chuyển, rắn rỏi mà không thô bạo, từ tốn ôn hòa mà không yếu đuối, khí văn của Ưc Trai pha lẫn với Tô Thức, chao ôi, ta không làm được. Nhất định là của Ngô học sĩ. Dù sao đây chỉ là cái áo ngoài. Chỉ là hình thức. Còn cái ý của bài chiếu thì phải do "ông ấy". Ông nghe Nhậm chỉ dùng tài học và năng khiếu để viết ra lời một thứ chân lý có sẵn. Có thể chứ! Thành

thực và sáng suốt biết chừng nào! Không dối mình, dối người, "ông ấy" nhận rõ cái cảnh binh lửa liên miên mấy mươi năm nay đã khiến cho cỏ hoang phủ lên ruộng vườn, cảnh đói kém tràn lan nơi nơi, chồng lạc vợ, dân lưu tán không còn biết đâu là quê nhà... Công bằng biết chừng nào! Bao nhiêu năm ta từng mong mỏi tìm ra đất sống cho người lương thiện, kẻ đổ mồ hôi trên luống cày phải có bát cơm vun, kẻ du thủ du thực chuyên lường gạt, trộm cướp phải bị quét sạch. Người thực sự làm ruộng không nai lưng trả thuế thay cho bọn lười biếng bỏ đất hoang. Sự bất công trơ trẽn ấy kéo dài quá lâu rồi. Các triều trước cứ ngập ngừng, do dự, che giấu yếu đuối bằng những chữ "tại vì", "tuy nhiên". Bây giờ, không. Dứt khoát san bằng sự bất công ấy đi! Không khoan nhượng được nữa. Túi mật không đủ đầy thì đừng làm chúa thiên hạ. Không ai cầu. Phải mạnh dạn bắt buộc bọn du thủ du thực trở về cày cấy khai hoang mấy đám ruộng lâu nay để mặc cho cỏ dại tàn phá. Bọn lười nhát, bọn trốn xâu lậu thuế, bọn nép mặt giấu hình ở quê vợ quê mẹ, bọn con buôn xảo trá, buộc cả lũ chúng nó về quê cày cuốc, cấy lúa cho chúng biết giá trị của một tấc đất.

Việc còn lại là làm sao "nói được là làm được". "Chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu, phải được tiến hành lần lượt". Đúng quá. Phải kiểm lại cho xác thực số đinh số điền. Phải định rõ trách nhiệm của chức sắc các cấp. Phải nêu rõ thời hạn từng công việc. Không thiếu điều gì trong bài chiếu cả! Lại thêm những lời khuyên răn vừa nhân ái vừa rắn rỏi ở đoạn kết! Có lý có tình biết bao!

Lăng xúc động đến ngộp thở. Cái tính mẫn cảm sẵn có, cộng thêm nếp sống thiếu thốn lang bạt bao lâu nay khiến anh sôi nổi thái quá, như một người bị cảm mạo run lên trước một cơn gió nhẹ. Anh hăng hái trở lại đám đông sẵn sàng tranh luận với những kẻ đa nghi, những kẻ ích kỷ, những kẻ trốn tránh trách nhiệm, những con gián sợ ánh mặt trời, những con chuột ngại bầy... Râu tóc, quần áo, cách nói lắp bắp, và nhất là cái nhìn say đại sáng quắc như một người đang lên cơn của Lăng khiến mọi người ngơ ngác nhìn anh như một hiện tượng lạ. Họ tránh đối đáp với anh. Từ đầu năm đến nay, chưa hôm nào Lăng cảm thấy sung sướng như hôm ấy.

* * *

Lăng ăn ngủ thất thường khi đi theo những người quen cũ gặp ngẫu nhiên ở đâu đó. Một hôm có người từng làm ăn với Lợi (nay trở thành tay chân đắc lực của Bùi Đắc Trụ) rủ anh đến nghe ca Huế tại một ngôi nhà sang trọng ở gần bến đò. Lăng thú thực chưa có hột cơm nào trong bụng. Người bạn cười nói:

- Càng tốt. Cậu đến đó tha hồ rượu thịt.

Lăng nuốt nước bọt, e dè hỏi:

- Ở đâu thế?

- Cậu đến sẽ biết. Nhiều cái hay lắm.

Họ đến đúng lúc một ca nhi tuổi độ 18, thân thể mảnh khảnh, đang gõ sanh hát một khúc Nam bình:

Ôi! tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước.

Ngàn dặm chơi vơi

Mấy lời, nào dễ sai lời

Ai ơi, chớ đem dạ đối dòi.

(Ưng tình ưng ý), ý ưng tình thêm càng ưa ý

Thiệt là đáng mấy người.

Lại sai lời.

Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì
Nhớ khi cuộc rượu câu thi
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì
Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai
Buộc lại người sinh
Lời hẹn ba sinh
Vấn vương tơ tình (2)

Thân người thôn thôn, đôi vai gầy và hẹp dưới lớp áo lụa trắng ngả màu, cái dáng ngồi co ro e ngại giữa những tiếng cười phàn tục thật hòa hợp với giọng hát chói với thê thiết! Có lẽ còn phù hợp cả với những cơn mưa dai dẳng và con sông Hương trôi uể oải phía ngoài.

Dứt khúc Nam bình mà không có ai chịu thí cho một que thẻ thưởng công. Tiếng cười đùa ồn ào nổi to hơn. Lãng rụt rè nhắc ông bạn giàu. Người đó gạt đi:

- Cậu chỉ bày vẽ. Hạng này đáng gì. Đã có "mụ hầu" của tôi trả công rồi.

Nói xong, ông ta cười ha hả đến nỗi rung rinh hai cái má phính, mắt lẳng lơ liếc về phía cánh cửa có phủ rèm trúc ở phía trái. Người bạn dẫn Lãng vào một căn phòng khác đã bày sẵn mấy mâm rượu thịt. Nhiều người chào Lãng. Anh không nhớ họ hết, chỉ ghi nhận chung chung là họ làm việc ở Tàu vụ hay thường lui tới Tàu vụ. Một cậu con trai khoảng 13, 14 tuổi, mặc áo sa Quảng đông, có vẻ mặt đần độn bước vào tiếp rượu. Cả phòng tiệc nổi lên tiếng gọi ới ới, chen lẫn tiếng cười sặc sụa:

- Con ới, lại đây với cha.

- Cha ngồi tận đây mà. Con chó lằm!

- Rót thêm rượu cho cha đi. Rót đầy vào. Con tôi có hiếu quá!

Cậu bé đã quá quen với các lời chòng ghẹo kiểu ấy, thản nhiên rót rượu lần lượt cho từng người. Đến lượt Lãng, ông bạn giàu nói lớn cho cả phòng nghe:

- Con rót cho "dượng" đây thật nhiều vào. Thêm nữa. Tràn càng tốt.

Cả phòng lại cười nói ầm ĩ. Lãng không hiểu gì cả, nâng chén rượu uống rồi ngơ ngác nhìn mọi người. Lại cười như vỡ chợ. Người nào đó la lớn:

- Xứng đáng lắm. Chỉ tiếc hơi gầy, sợ không kham nổi.

Lãng cảm thấy lợm, muốn nôn. Anh cố dằn, nhưng không được rồi. Anh nôn thốc ra mâm rượu. Đất trời điên đảo. Lãng gục rũ xuống như một con gà mắc dịch. Tiếng ồn quanh anh trở thành những tiếng lao xoa bất định.

Đêm đó Lãng không đủ sức gượng dậy để ra về. Chờ đến sáng hôm sau, anh mới dần dần hiểu được những gì đã xảy ra, hiện anh ở đâu. Ngôi nhà Lãng qua đêm là của một bà góa chuyên buôn các hàng cần thiết cho dân chài như lưới, phao, sợi gai, chì, dầu rái. Cái nghề nặng nhọc ấy chỉ là bình phong che mắt thiên hạ. Nghề thực sự đem của cải dư dả phung phí cho các cuộc rượu thịt, đãi đằng quan lớn quan nhỏ, là buôn lậu hàng Tàu. Góa chồng không con, chị chủ nhà sớm lao vào nghề buôn bán. Ăn nói đon đả khôn khéo, nụ cười mời mọc, ngún nguẩy, cái tính liều lĩnh đến bốc đồng, khả năng nhạy bén chớp đúng thời cơ, bao nhiêu yếu tố hiếm có ấy giúp bà góa trẻ tuổi làm giàu mau chóng. Chị ta biết khai thác mình đúng lúc, đúng chỗ. Chị sinh được ba đứa con, hai đứa khó nuôi, chỉ còn đứa con trai lên mười ba lo việc tiếp rượu đêm qua. Cha của đứa bé là ai? Đâu biết! Chị ta không nói, hoặc không thể nói. Cho nên những người đàn ông đến uống rượu, nghe hát ở nhà chị ai cũng có thể tự nhận là cha của đứa bé, một cách hả hê thoải mái, không bận chút ghen tị nào. Cuộc mua bán sòng phẳng, ai cũng được phần, còn ghen

tị gì nữa!

Có điều bất ngờ là từ hôm ấy, Lãng bớt lang thang thơ thẩn khắp Phú Xuân như trước. Bẵng đi khá lâu, người ta không thấy anh lui tới các chỗ quen biết. Ban đầu chưa có ai lưu ý. Lãng vốn như cái bóng mờ trong các cuộc họp mặt, anh không gây phiền lụy cho ai mà cũng không ích lợi cho ai, đến và đi không báo trước, hiện diện lặng lẽ thui thủi, khi ngơ ngác nhìn cảnh mùa may trước mắt, lúc khác ư trầm ngâm. Một kẻ bất đắc chí. Người ta gọi anh như vậy, lúc tin đồn nhà vua không còn bao dung che chở cho Lãng nữa được thực tế xác nhận. Anh đòi hỏi ít, nên không thành gánh nặng cho ai. Bảo bọc anh không tốn kém bao nhiêu, lại được cái tiếng nhân ái và chút hãnh diện được che chở một người từng được hoàng đế che chở. Lúc mọi người chợt nhớ tới Lãng, họ mới biết anh đã ở lì tại ngôi nhà "bà góa tai tiếng" quá mức cần thiết.

* * *

- Cậu này, tối nay chị có mời quan Hộ bộ Tả thị lang đến nghe hát đấy. Cậu rán tiếp đón cho chu tất nhé. Ủa, cậu định đi đâu đấy?

Lãng lâu bầu không vui:

- Xuống chùa.

Cô Sáu Nguyệt (người ta vẫn thường gọi bà góa hồi xuân như vậy) có vẻ hốt hoảng:

- Xuống chùa à? Đi đâu giờ này? Về làm sao kịp?

Lãng tiếp tục khoác áo đoạn và chít khăn, nói đủng đỉnh:

- Hôm nay thầy Từ Huệ mở cuộc lạc quyên đúc tượng. Chị đã hứa góp, chị quên rồi sao?

Cô Sáu Nguyệt nhớ lại: đúng là cô có hứa như vậy thật. Góp nhiều là đằng khác. Tuy đương lúc làm ăn phát tài và ở độ hồi xuân rạo rực, nhưng vào những hôm trời Thuận Hóa sùi sụt chì chiết, cô đã cảm thấy cái ê ẩm rã rời của tuổi già. Cô lo sợ, bắt đầu nghĩ đến chuyện lấy tiền của lót đường lên Niết bàn. Nhân thấy gần đây Lãng thường bỏ nhà xuống tận chùa Hà trung chuyện vãn với thầy trụ trì, cô Sáu mừng rỡ chộp lấy dịp tốt. Không phải dịp may còn gì nữa? Không có Lãng, một người đàn bà tai tiếng như cô làm sao dám mon men đến cửa chùa! Cô Sáu Nguyệt không cản trở Lãng, cô kín đáo khuyến khích nữa.

Phần Lãng, anh xem đây là một lối giải thoát. Anh chịu đựng không nổi nữa rồi! Cái cảnh sống già nhân nghĩa non vợ chồng giữa một người đàn bà góa chồng có con hoang với một cậu trai tân nhỏ hơn gần nửa giáp, đáng lý phải dấm dúi giấu đi mới phải. Đàng này cô Sáu Nguyệt cứ xoen xoét cái mồm để khắp Phú Xuân đều biết "cậu Lãng từng là bạn thân của hoàng thượng" đã trở thành "kép độc" của "chị". Chao ơi! Cái lối xưng chị trơ tráo giữa chỗ đông người, trong lúc ai ai cũng biết sự thực, mới đáng hổ thẹn làm sao! Trong các tiệc rượu, đứng vai chủ nhà tiếp đón những người quen cũ, Lãng muốn độn thổ khi cô Sáu gọi Lãng bằng "cậu em", và xưng "chị" ngọt ngào như vậy. Nghe xưng hô như thế ai cũng phải cười ha hả, và cô Sáu cười to hơn ai hết. Hình như sau bao nhiêu năm lăn lóc trong chuyện làm ăn dấm dúi với các quan lớn quan nhỏ, cô Sáu Nguyệt chộp đúng được yếu huyệt của bọn đàn ông, nên cô không sợ gì nữa. Cô bất chấp những lời thị phi. Khi gặp Lãng, cô Sáu tiến thêm một bước nữa: cô thách đố. Lãng không có điểm nào cho cô Sáu mê mết, gấn bó. Áo quần không chải chuốt. Râu tóc biếng chải. Nét mặt dầu dàu. Lời nói giống một trước những người Lãng khinh bỉ (Có thể nói tất cả bọn đàn ông lui tới nhà cô Sáu Nguyệt đều bị Lãng khinh, kể cả chính Lãng). Sự vụng về trong cách giao tế...

Còn nhiều, nhiều nữa! Lãng lờ mờ nghi rằng cô Sáu đang thích thách đố mọi người hơn là thích anh. Có Lãng, cô Sáu thách thức táo tợn hơn, liều lĩnh hơn. Anh không thể chịu đựng hết những

trái chúng quá quắt của bà góa, đồng thời không có can đảm sống trở lại cuộc sống lang thang như cũ. Lãng tìm đến chùa Hà trung trong hoàn cảnh ấy.

Lãng thấy cô Sáu Nguyệt hơi lúng túng, liền xằng giọng:

- Vả lại có quan thị lang nào lại dám đến đây?

Cô Sáu Nguyệt bĩu môi:

- Chỗ nào có hơi đồng, chúng nó đều dám đến cả.

Lãng tức giận nói:

- Chị đừng quá tin ở đồng tiền của chị. Tôi dám đoan chắc trong vụ này có điều mờ ám. Ai mời quan thị lang đến giúp chị?

- Thì vẫn ông Trụ.

- Trụ nào?

- Còn Trụ nào nữa. Cái ông đã tống cổ "cậu" ra khỏi nhà đấy. Ông ấy bảo nếu chị khéo chiều quan thị lang sẽ cho phép chị độc quyền buôn muối.

Lãng quả quyết:

- Chị không phải là người vô danh ở kinh thành này. Hoàng thượng lại rất ghét bọn quan lại chuyên thậm thụt ăn dơ. Không có quan thị lang nào dám chường mặt đến chỗ này cho thiên hạ thấy. Chị cứ tin tôi đi!

Cô Sáu Nguyệt đuối lý, giọng thiếu tự tin:

- Nhưng chẳng lẽ ông Trụ nói gạt chị? Lâu nay chị với cánh ông ấy sòng phẳng với nhau lắm.

Lãng sợ trễ chuyển dò dặc, hỏi nhanh:

- Chị có muốn tối nay tôi lột mặt nạ của chúng không?

Quả nhiên, cô Sáu Nguyệt sợ:

- Thôi. Chuyện đâu còn có đó. Hẳn lừa mình, mình cứ tự nhiên như không hay biết. Chờ dịp thuận tiện, sẽ cho hẳn biết tay. Cậu vẫn quyết đi chùa đấy à? Thôi, đi đi. Quyên giùm cho chị hai mươi... à không, mười quan tiền để thầy mua đồng đúc tượng. Mô Phật! Phen này chúng nó sẽ biết tay bà!

* * *

Hôm đó, đáng lý thầy Từ Huệ giảng cho Lãng nghe kinh Viên Giác. Nhưng thợ trai xong, sự cù ầu yếm hỏi Lãng:

- Cháu đã xem qua vườn phong lan của nhà chùa chưa?

Lãng thành thực đáp:

- Bạch thầy, chưa ạ.

Thầy Từ Huệ chớp mắt như cố giấu xúc động nào đó, giọng hơi băng khuâng:

- Thời trước, cha của cháu mê chơi phong lan sớm hơn cháu. Năm nay cháu bao nhiêu tuổi rồi?

Lãng phải lẩm bẩm thăm tính một lúc mới đáp:

- Dạ cháu ba mươi lăm rồi ạ.

- Phải. Cha cháu bắt đầu tìm phong lan từ lúc "tam thập nhi lập". Kể cũng phải, vì thời đó thông dong hơn. Cháu đi lối này. Xách giùm cái bình tưới theo luôn.

Sự cù dẫn Lãng ra mái hiên nam, nơi mấy gốc soài sum suê che rợp một khoảng vườn. Trên các cành cây, ở dọc mái hiên, đeo lủng lẳng năm sáu chục cây tầm gửi. Cây thì bắt rễ ở một vỏ dừa khô, cây thì bám vào một cành củi mục. (3)

Lãng nhìn ra vườn không thấy mấy khóm cúc, thược dược, mẫu đơn đâu nữa, ngạc nhiên hỏi:

- Mấy khóm hoa kỳ trước đã hư cả rồi, bạch thầy?

Sư cụ cười hiền:

- Đến Viên Giác rồi thì không nên kể đến Lăng Nghiêm hay Pháp Hoa nữa!

Lăng e ngại nói:

- Bạch thầy, cháu chưa hiểu gì cả.

Thầy Từ Huệ vẫn giữ nụ cười trên môi:

- Rồi cháu sẽ hiểu. Cháu xem, phong lan nhà chùa có đẹp không?

Lăng thành thực nói đúng ý mình:

- Cháu thấy... cháu thấy... biết nói thế nào cho đúng nhỉ! Cháu chỉ thấy những cọng rễ quấn queo bám vào thân mộc, lá buông rườm rà, họa hoằn lắm mới được vài bông hoa, mà hoa thì cũng không lấy gì làm đặc sắc. Cháu có ngửi thoang thoáng thấy một mùi hương... lăng đăng... Không biết có đúng là hương phong lan hay không. Mùi hương không định, ngửi vào là biết ngay như hương hoa cúc, hoa huệ, hoa hồng. Thầy kiếm được bao nhiêu loại mà treo nhiều thế ạ?

- Cháu tưởng thế! Quanh đây mới chỉ được bốn năm chục loại phong lan. Sách xưa chép có người tìm được đến 180 thứ lan khác nhau, nhưng các loại hiện có trên đời này phải gấp mười lên kia!

- Nhiều thế thì làm sao nhớ cho hết!

- Đã có người viết được cả một bộ Phong lan sử rồi đấy. Không có gì khó cả, khi người ta quyết tâm.

Lăng nhìn lại cái vườn hoa cũ chỉ còn trơ các luống đất đen xộp, rồi nói:

- Bạch thầy, cháu cũng đã thấy quyết tâm của thầy. Vừa rồi thầy dạy mấy chữ "đến Viên Giác". Cháu mong được...

Thầy Từ Huệ cười xòa, vỗ vai Lăng nói:

- Đây chỉ là một cách hiểu Phật. Ngày xưa, thầy Ma-ha Ca-diếp nhìn Đức Phật cầm đóa hoa sen liền ngộ đạo. Đức Phật bảo: "Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết bàn Diệu Tông, phó thác cho người Ma-ha Ca-diếp". Chúng ta cũng bắt chước nói chuyện hoa vậy. Chỉ nói chuyện hoa mà thôi, quên hết những thứ khác đi.

Lăng vội đặt ngay câu hỏi để bớt tò mò:

- Bạch thầy, cháu xin chỉ hỏi về hoa. Vì sao thầy không còn thích cúc, mai, thược dược, hồng nữa, mà chỉ thích phong lan?

Thầy Từ Huệ âu yếm nhìn quanh các giò hoa lan trước khi quay về phía Lăng, rồi chậm rãi đáp:

- Vâng, chúng ta chỉ nói về hoa. Tại sao ở cái độ thời gian này bần tăng chỉ thích phong lan ư? Trước hết bởi vì đó là cái đẹp chưa định, như cháu vừa bảo mùi hương phong lan chưa định như loài huệ, loài cúc. Cái đẹp còn mời gọi khám phá, cái đẹp còn đang tìm kiếm. Mấy năm loạn lạc cháu đã thấy ở Thăng Long cũng như ở đây, lâu lâu giữa đồng giấy cũ để bán ngoài chợ cho người ta dán quạt, có thể tìm được những cuốn sách cổ quý giá vô ngần. Tìm được một cuốn sách quý giữa mớ giấy tờ bèo nhèo, còn thú hơn đi ngấm đồ trang sức bày la liệt ở tiệm vàng. Người thợ đã tìm được ngọc sung sướng hơn người thợ may dút ngọc lên áo gấm. Chơi lan là đi tìm cái đẹp, chứ không lười biếng ngồi hưởng cái đẹp đã sẵn. Cháu hiểu ý bần tăng chưa?

- Bạch thầy, hiểu ạ!

Thầy Từ Huệ trở một giò phong lan bám vào khúc củi khô, nói tiếp:

- Cháu có thấy tất cả loài lan đều là tầm gửi không? Loài hoa khác bám rễ vào lòng đất, tự hút lấy nhựa sống. Giống phong lan không có được cái căn cơ đó. Bám vào một ngọn cây cao, hoặc

một thân mục. Như cháu thấy kia, dây lan chỉ bám vào vỏ trái dừa khô. Mình tưởng như phất phơ, mong manh, vô dụng, nhưng sự sống của nó trường cửu kỳ lạ. Chỉ cần vài giọt mưa và lòng kiên nhẫn chờ đợi: một ngày kia, giữa chỗ không căn cơ đó đột nhiên nở ra một đóa hoa, hoặc không có hoa nhưng phảng phất một thứ hương hiếm. Phong lan không dành cho kẻ vội vàng, lười lĩnh, hiểu cạn, tham lợi. Nó không hứa hẹn dễ dãi, không chịu bằng lòng trong khuôn thước. Có bậc cao sĩ cửa huyền đã gọi vẻ đẹp phong lan là thái hư. Điều phong lan hứa cho cửa Phật tạm gọi là Chân như cũng được lắm. Cháu hiểu ý bần tăng chứ?

Lãng đáp nhỏ:

- Cháu chỉ hiểu lơ mờ. Có phải thầy trở lại cái ý "đến Viên Giác" lúc nãy?

Sư cụ không đáp câu Lãng hỏi, trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Có lẽ nên nói điều này cho cháu dễ nhận. Như cháu đã biết, có mấy nghìn thứ phong lan trên mặt đất này. Làm sao đặt tên cho hết! Cho nên trong các cuốn Phong lan sử, người ta tạm chia làm ba loại: hiễn lan, u lan và mặc lan.

Hiễn lan anh hoa phát tiết ra hết, màu sắc sỡ dễ định, hương nồng nàn. U lan kín đáo như một thứ sắp nở còn giấu nhiều vẻ, nhiều tính bí nhiệm. Cao nhất là mặc lan thường mọc trên ngọn cây chót vót hoặc nơi núi sâu, như người tài ở ẩn, không cần ai biết đến mình. Cháu lại đây!

Sư cụ dẫn Lãng đến gần một giò phong lan có lá màu hồng uốn cong lên, dù lúc ấy không trổ hoa nhưng hương tỏa ra ngào ngạt, sư cụ nói:

- Loại lan này có hương thơm dễ định. Đáng lẽ xếp vào hiễn lan. Nhưng vì mùi hương chữa được bệnh nhức đầu cảm mạo, nên phải xếp vào u lan. Tên nó là Liễu đầu phong.

Thầy Từ Huệ lại dẫn Lãng đến một giò lan đang nở hoa trắng:

- Loại này không hương, hoa sắc trắng. Màu trắng tinh khiết chứa đủ mọi màu, nên có thể xếp vào u lan. Nhưng nếu lấy phẩm xanh tươi vào rễ cái, hoa trắng sẽ dần dần ra màu lá mạ. Gần một khắc, màu xanh ấy phai đi. Nếu ta thay phẩm vàng hay đỏ, hoa lại có màu y như màu phẩm. Như vậy là không có tư cách vững vàng. Lòng dạ lang chạ, tráo trở. Bèn phải xếp vào loại hiễn lan.

Lãng thích thú đề nghị:

- Thầy cho con tưới thử nước phẩm!

Sư cụ cười:

- Được. Nhưng lúc khác hãy thử. Cháu nhìn giò lan treo ở cành xoài kia kìa. Bần tăng đã xin thứ lan có lá màu vàng xám ấy tận động Lữ đem về đây nuôi sáu bảy năm nay mà chưa thấy trổ hoa. Bần tăng đã ngờ có lẽ chỉ là một loại cỏ dại. Năm trước được một ông bạn phố Thanh hà cho mượn cuốn Phong lan sử của Thiệu Đồ, tra xem mới biết là một loại lan hiếm. Vì chưa tìm ra cái sâu kín của nó, bần tăng chưa dám xếp nó vào u lan hay mặc lan.

- Bạch thầy, Phong lan sử xếp loại như thế nào ạ?

- Thiệu Đồ đạo nhân xếp vào mục Tồn nghi. Trong mục này, cũng có nhiều truyền thuyết khá lý thú. Sách chép đời Tống Thần tôn có chàng họ Thạch tìm được một cây phong lan có mùi thơm như mùi da con gái. Từ lúc hái về nhà, đêm đêm Thạch chỉ uống rượu để ngủ bên cây, không buồn ngó ngang đến vợ. Vợ Thạch ghen tức chờ lúc vắng chồng, rót trộm nước nóng khiến cho lan khô dần rồi chết. Cây chết. Thạch tương tự thành bệnh chết theo.(4)

- Có lẽ chỉ là chuyện thêu dệt cho vui đấy thôi. Bạch thầy, làm gì có loại lan lạ đến thế.

- Bần tăng cũng chẳng dám quyết. Có điều theo ý bần tăng, không nên xếp vào mục Tồn nghi.

Giống lan lạ như thế, người cạn nghĩ liền xếp vào u lan. Bần tăng thì xếp ngay vào hiễn lan vì nó

chỉ gọi cái đam mê tầm thường.

- Bạch thầy, ở đây có loại mặc lan nào không?

- Tiếc là bần tăng chưa được cái may mắn ấy. Tháng trước, sư cụ Phước vân tự bảo có nghe một người tiểu phu già núi Thiên thai thuật rằng trên đỉnh núi ấy có một loại lan hoa đen tuyền mà mượt như nhung. Bần tăng chưa dám trợn tin (5). Truyền kỳ đời Lê cũng chép rằng khoảng niên hiệu Chính hòa, ở làng Cách, huyện Nghĩa hưng có một nho sinh tài hoa tên là Tống Uyên Đình. Tống sinh tìm được trên ngọn y lang xã Phù Ninh một thứ lan hiếm. Cây phong lan gốc mọc chia làm bốn dây dài rũ xuống, rễ trắng mềm và óng như tơ, còn lá thì màu tía nhạt, thon như ngón tay và mỏng như lụa. Nhìn các đốt dây thì thấy đốt nào cũng có nụ, hoa nở bằng hột quít, còn ở đầu bốn ngọn chồi nõn đang sinh. Hoa đẹp lạ thường, lại thơm nức. Mùi thơm tỏa rộng vài trăm bộ, nửa như cúc, nửa như mai. Còn về sắc thì cánh hoa lấm chấm chín màu, bốn cánh dưới nhỏ trên to khiến ai thấy cách một khoang thuyền cũng tưởng là bướm đậu. Tống sinh liền đặt tên là lan hồ điệp, và xếp vào nhóm hiễn lan. Bần tăng quên điều quan trọng là Tống Uyên Đình có giọng bình thơ rất hay. Đêm ấy, Tống ngồi bên đèn bình bài ngũ ngôn cổ phong Cảm Ngộ của Trần Tử Ngang. Tống Uyên Đình thấy đàn bướm phong lan đập đập. Lấy làm lạ, Tống ngưng bình thơ thì cánh lan hồ điệp cũng ngưng, Tống lấy giọng bình thơ thì cánh hoa lại đập. Thử nhiều lần đều như vậy. Mới biết lan hồ điệp cùng thuộc một nòi tình. Cháu thấy thế nào, xếp lan hồ điệp vào hiễn lan hay mặc lan?

Lãng xúc động, giọng nói hơi nghẹn và run:

- Bạch thầy, đích thị là một thứ mặc lan. Nếu quả thực có một loại phong lan như vậy, dù phải leo đèo lội suối, dù chết mất xác trên rừng sâu, cháu cũng quyết tìm cho được.

Thầy Từ Huệ cười nhẹ rồi hỏi:

- Cháu tìm để làm gì?

- Cháu cũng chưa biết để làm gì nữa.

Sư cụ bảo Lãng:

- Cháu thử tìm xem. Biết đâu cháu không đến được cõi Viên Giác.

(1) Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 119, Mai Quốc Liên dịch

(2) Trích lại của Dương Quảng Hàm, VN văn học sử yếu, trang 156

(3) Bắt đầu từ đây, ý truyện phỏng theo Thơ Nghiên Hoa Mộng của Hư Chu, Nguyễn Hiến Lê xuất bản, Sài Gòn 1956.

(4) Hư Chu, Hoa Nghiên Thơ Mộng, trang 61

(5) Hư Chu, Hoa Nghiên thơ mộng, trang 61

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần thứ bảy: Kết từ

Chương 100

Từ đầu tháng 8, Lãng không tấp về nhà bà góa nữa. Anh trở lại nếp sống lang thang như trước. Tuy vậy cuộc sống của anh đỡ bấp bênh, lêu bêu hơn. Lãng kiếm được chút ít tiền nhờ viết thuê tờ khai gốc gác ba đời để nhập chính hộ cho những người nhà giàu mù chữ. Bấy giờ, khắp các thôn xóm, cuộc kiểm tra sổ đình điền theo Chiếu Khuyến nông đã bắt đầu. Sau bao năm chinh chiến, hết Nguyễn đến Trịnh, hết Trịnh đến Tây Sơn, lớp mới lên thì lớp cũ phải phiêu giạt, nhà cháy vườn không, phải dắt díu đến chỗ không có tên đạn, các lớp tị nạn cứ chập vào nhau như sóng dập, sổ dân chính hộ lưu cư từ ba đời ở các thôn xóm thật quá ít. Gần như hầu hết sổ đình trong từng làng đều là dân kiều ngụ. Kể cả những chức dịch như thôn trưởng, xã trưởng, phân tri, phân suất. Cho nên từ lúc thực hiện các điều ban hành trong Chiếu Khuyến nông, khắp Phú Xuân và vùng phụ cận đều lên cơn sốt. Ai cũng tìm cách vào cho được chính hộ bằng bất cứ cách nào, bất cứ giá nào. Lãng viết đơn thuê không kịp: nào tờ khai dối đã từng lưu cư tại đó từ ba đời, nào đơn khiếu nại bị xếp oan, nào giấy thỉnh nguyện xin được đặc cách vì thế này vì thế khác... Lãng được chiều chuộng, mời mọc, nhờ diễn đúng và gọn những cảnh huống phức tạp rồi rầm lên các lá đơn. Anh đủ tiền ăn no hơn, mặc lành hơn, chưa kể những lần bị khách hàng ép rượu, da mặt anh lấy lại chút hồng hào. Đôi mắt anh trở nên linh hoạt. Những người gặp anh thời đó không quên được ánh nhìn hồn nhiên tươi tắn của Lãng mỗi khi anh ôn tồn an ủi: "Can chi mà lo. Thế nào quan trên cũng xét cho bác (cho anh, cho chị, cho chú, cho thím...) được lưu cư. Chính sách chỉ nhằm đuổi bọn vô lại về cầm cày đó thôi". Dĩ nhiên chú, bác, anh, chị... đang nghe Lãng nói đây không thể thuộc hạng vô lại!

Lãng thành thực tin tưởng như vậy. Anh không giả dối môi miệng để kiếm chút tiền viết thuê! Ánh mắt lạc quan của anh xuất phát từ trong một trạng thái tâm hồn lạc quan. Thật vậy, Lãng tin tưởng hoàn toàn vào các biện pháp thực tiễn, công bằng, có tình có lý của Chiếu Khuyến nông, như anh cả tin vào các trường hợp oan ức, tội nghiệp của kẻ nhờ anh làm đơn khiếu nại. Công lý phổ quát dù sao cũng không soi thấu đến các góc ngách phức tạp, các ngoại lệ. Anh đang dùng chút học thức khiêm tốn của mình vào việc "hoàn chỉnh công lý".

Công việc bận bịu, nhưng lâu lâu, Lãng cũng tìm cách xuống chùa Hà trung để ngắm phong lan. Anh dần dần bị thú chơi lan quyến rũ. Cái đẹp còn đang đi tìm! chân lý vĩnh cửu của thái hư! Cái đẹp thái hư ấy nhiều khi chuộc lại được những lầm lỡ, ngu dốt, độc ác, trơ trẽn, giả dối, cũng chưa biết chừng! Đôi khi Lãng lan man nghĩ như vậy, và càng cảm thấy yêu phong lan hơn.

*

* *

Những tờ khiếu oan thống thiết Lãng viết thuê, không phải tờ nào cũng có kết quả. Lãng đã gặp khá nhiều người bị xếp vào hạng lưu tán, tệ hơn nữa, bị xếp vào dân du thủ du thực. Anh có làm

giúp không lấy công cho họ nhiều đơn khác. Kết quả vẫn như cũ. Nhiều người chán nản nói:
- Đến nước này thì chỉ còn cách dắt díu vào Bến Ván thôi!

Lăng ngạc nhiên hỏi:

- Vào đó làm gì? Chỗ dầu sôi lửa bỏng...

Anh được giải thích cặn kẽ do đâu Bến Ván trở thành chỗ dung thân cho dân lưu tán. Lần đầu, anh không tin mấy. Về sau, nhiều người bất hạnh nhắc đến Bến Ván, anh mới trợn tin. Không mấy vui, nhưng Lăng nghĩ: biết đâu đó cũng là một chỗ Trời dành riêng để "hoàn chỉnh công lý". Thêm một lý do nữa để anh lạc quan tin Trời, yêu người!

Có điều khó tin nhưng có thật là Lăng quên bằng hoàn cảnh mình. Anh trở mắt nhìn viên xã trưởng Võ dạ thượng khi nghe báo mình bị liệt vào hạng du thủ du thực. Viên xã trưởng lúng túng đưa tay gỡ đầu, cổ giải bày, phân bua:

- Tôi đã hết lời bênh vực cho thầy trước quan phân suất, sau đó năn nỉ cả quan phân tri huyện. Nhưng thầy hiểu cho, thầy sống lâu bên không vợ con, không nhà cửa thế này, làm sao nói được! Quan phân suất cũng lấy có nhà cũ của thầy hiện do người nhà quan thái úy cư ngụ, không muốn ghi tên thầy vào sổ đình của xã. Bớt được một tên du thủ du thực trên danh sách càng đỡ bị Bề Trên quở trách. Chắc thầy hiểu!

Lăng ngồi bần thần không nói được câu nào. Vâng, anh đã hiểu. Anh chỉ ngạc nhiên tại sao mãi đến bây giờ Lăng mới nhận ra nhân dáng của anh, theo lối nhìn của các quan. Lâu nay anh cứ ngang nhiên coi mình như một người lương thiện, không đối gạt ai, không làm hại ai. Tuy không làm được những điều lớn lao, nhưng Lăng tự xem như một kẻ có ích cho đời. Lương tâm anh không có gì xấu hổ. Anh hơi mềm yếu, sống buông thả, nhưng như một ngọn cỏ non, anh không làm đau cả đến gót chân một đứa bé. Thế mà người ta nỡ liệt anh vào hạng du thủ du thực! Tự nhiên Lăng cảm thấy vị đắng đắng ở đầu lưỡi. Anh nhớ lại niềm hân hoan khác thường của mình hôm đọc bài Chiếu Khuyến nông ở cửa Nam. Cho đến lúc này, anh vẫn công nhận bài chiếu hoàn toàn hợp lý. Anh thuộc vào trường hợp ngoại lệ. Sự hữu ích của anh đo lường bằng những tiêu chuẩn trừu tượng như là lòng chân thật, sự liêm khiết, đức nhân ái, lối sống chí tình với những điều mình tin tưởng, khát vọng đi tìm cái tuyệt đối... Những tiêu chuẩn đó không được ghi trong bài Chiếu Khuyến nông. Không nghề nghiệp, nhà cửa, vợ con, tức là du thủ du thực. Đơn giản thế thôi!

*

* *

Khoảng cuối tháng tám, Lăng nhận được tin chị lần đầu. Một khách hàng bất hạnh của anh vào Bến Ván trước để chuẩn bị đưa cả gia đình vào sau, lúc về có nhắc đến tên An. Lăng hồi hộp hỏi thêm vài câu, đã biết đích xác mẹ con An hiện ở trong đó. Thượng tuần tháng chín, Lăng quyết định đi tìm chị!

Hôm ấy An bận lo dọn dẹp kho, nên nhờ con bé Thái ngồi trước cửa trông hàng. Thái thấy một "ông già" mặc áo lương đen bạc màu, quần ống cao ống thấp, đầu để trần, râu tóc lốm đốm bạc phủ đầy bụi đường, xăm xăm tiến về phía nhà mình. Dáng đi còn nhanh nhẹn tương phản với cái dáng người gầy gò già nua, khiến con bé do dự không biết gọi thế nào cho đúng. Thái thấy "ông già" dừng lại trước cửa hàng, đoán chắc lại một người xiêu tán nữa vừa từ phía bắc vào tìm nơi nương náu ở đây. Thái nhớ lời mẹ dặn, nên lễ phép lên tiếng trước:

- Thừa cụ... à thừa bác, cửa hàng ế ẩm lắm ạ. Mẹ cháu lại vừa đi khỏi, cháu không dám...

Lăng bật cười. Thái bỡ ngỡ, ngờ ngợ đã gặp đôi mắt hiền dịu này, nghe giọng cười khao khao

này ở đầu rồi. Quen thân lắm. Lãng muốn kéo dài cái thú bất ngờ, nên hỏi:

- Không có mẹ ở nhà làm sao cháu biết giá cả? Chuyến này bác mua nhiều thật là nhiều.

Con Thái ngây thơ hỏi:

- Bác định mua những gì? Để cháu... ơ kìa, có phải cậu không? Cậu Lãng! Mẹ ơi! Mẹ! Ra đây mau. Có cậu Lãng vào thăm đây này. Vậy mà cậu còn giả vờ...

Thái đứng bật dậy, chạy ra ôm chầm lấy Lãng, miệng không ngớt gọi: Cậu! Cậu vào hồi nào? Mẹ ơi! Ra xem cậu Lãng đây!

An từ phía sau chạy ra. Chị thấy con đang dụi mặt vào lòng một ông lão ăn mặc dơ dáy bẩn thỉu và thút thít khóc. Lòng An nhói đau. Lãng nhìn về phía chị, đứng yên một chỗ chờ cho cháu qua cơn xúc động. Anh mỉm cười chờ An nói trước, vì chính lúc đó, Lãng cũng xúc động đến nghẹn lời. An tiến lên vài bước, thì thào không tin ở mắt mình.

- Em đấy phải không Lãng? Trời ơi! Vì sao em đến nông nổi này?

Thái mừng quá, quay lại nói với mẹ, ngấn nước mắt còn nguyên trên má nhưng ánh nhìn long lanh vui:

- Mẹ còn hỏi gì nữa, đúng là cậu Lãng rồi! Cậu vào nhà đi! Guốc của cậu đâu?

An nhìn xuống hai chân em. Bấy giờ chị mới thấy ở bàn chân phải, Lãng dùng giẻ quấn quanh một vết thương hình như ở chỗ mu bàn chân. Trên miếng giẻ bẩn thỉu vì lấm bùn và dỉ mồ hôi, có một chỗ loang lổ máu khô. An lo sợ ngồi xuống trước mặt Lãng hốt hải nói:

- Chân em làm sao thế? Có nặng lắm không?

Bây giờ Lãng mới thấy mỗi dùi ở khắp thân thể. Vết thương nơi bàn chân nổi buốt. Anh bước cà nhắc đến chỗ mép phản. Thấy nét mặt chị và cháu lo âu thái quá, Lãng cười nói:

- Chị đừng lo. Em gần đến Bến Ván, mừng quá, vấp phải một gốc cây đã bị chặt gần sát đất.

An thẳng thốt hỏi:

- Có ra máu nhiều không?

- Ít thôi. Thái vào rót cho cậu bát nước.

Thái liến lấu bảo:

- Con hư quá đi mất. Đáng lẽ con phải rót nước mời cậu ngay. Cậu uống nước chè tươi nhé!

Nước hơi nguội. Hay cậu chờ con đi nấu ấm khác.

- Nước gì cũng được. Suốt mười mấy hôm cậu uống toàn nước lã đã sao đâu!

An quay lại bảo Thái:

- Con rót nước cho cậu, rồi vào nhóm lửa nấu ngay cho mẹ một nồi nước lớn. Mẹ phải rửa vết thương của cậu, không lại làm độc.

Con bé Thái định chạy xuống bếp, chợt nhớ điều thắc mắc, nên dừng lại hỏi:

- Sao lúc nãy con thấy cậu bước mạnh bạo lắm mà?

An cau mày:

- Cái con này! Chỉ hỏi vớ vẩn. Rót nước cho cậu nhanh lên.

Lãng đáp với theo cho cháu nghe:

- Cậu hỏi thăm được biết chỗ cháu ở, mừng quá nên quên cả cái chân đau.

rồi quay về phía An, Lãng nói:

- Trông chị có vẻ khá hơn trước, em muốn nói... em muốn nói có vẻ khỏe mạnh hơn cái ngày...

Sáng hôm đó, em chạy tìm chị khắp nơi, em chạy ra bến đò, em...

An gạt đi:

- Thôi, đừng nhắc lại chuyện ấy nữa (giọng An hơi rạn vỡ). Chị em mình còn gặp nhau đây là

vui rồi. Nhưng, em ốm và tiêu tụy quá. Em vừa đau mới dậy phải không?

- Không. Em vẫn khỏe đấy chứ.

- Hay vì đi đường vất vả. Sao em không thuê ngựa đi cho đỡ chân. Những dân lưu tán chạy vào đây nhiều người thuê cả ngựa thồ chở không thiếu thứ gì, từ nồi niêu cho đến cái chổi. Trời ơi. Chị lú lẫn quá! Việc gì em phải thuê ngựa. Thiếu gì ngựa trạm. Em dám bỏ việc quan đi tìm chị sao?

Lãng ngược lên nhìn thẳng vào mắt An, cố tìm hiểu xem chị đã biết mình bị thất sủng hay chưa. Anh thấy An chưa biết gì. Không muốn cho An đau khổ vội, Lãng nói dối:

- Có gì mà em không dám bỏ. Nghe được tin chị, Lãng mừng quá, ra tìm dò đi ngay.

- Sao lại đi dò?

- Lúc ấy em đang ở chơi dưới thày Từ Huệ. Sư cụ chùa Hà trung chị nhớ không? Sư cụ là bạn thân của cha chúng ta, từ thời còn đi lại dinh quan nội hữu Ý đức hầu...

An mất kiên nhẫn, vội hỏi:

- Nhưng làm sao em biết chị ở trong này?

Lãng cười, chỉ tay về phía một đoàn dân lưu tán gồm đủ già trẻ lớn bé đang kéo qua trước cửa:

- Nhờ một trong những người này. Họ vào đây trước để xem xét cách mưu sinh rồi mới về Phú Xuân dẫn cả nhà vào.

An nhìn theo một đứa bé gái độ năm, sáu tuổi quần áo rách rưới đang cố chạy theo cho kịp mẹ, buồn rầu hỏi:

- Sao gần đây có nhiều người chạy về đây quá! Trông cảnh họ, chị lại nhớ cảnh mẹ con chị năm trước. Ngoài đó ra sao?

Lãng định trả lời, nhưng đột nhiên An sợ. Sợ cái gì? Ngay lúc ấy, An không định rõ. Chị vội nói:

- Thôi, để lúc khác hãy hay. Em cởi miếng vải ra cho chị xem vết thương có sâu không. Thái ơi! Sao chưa bung nước cho cậu.

Thái dùng cái mâm gỗ sơn đen bung ra cho Lãng một bát nước chè tươi nóng nổi bọt, nét mặt hân hoan đến đỏ hồng:

- Nước cũ nguội quá. Con nấu luôn nước chè cho cậu uống.

Lãng chợt nhớ đến thằng Phát. Anh hối hận đã không hỏi thăm đứa cháu trai từ đầu, xốn xang trong lòng vì tự biết sự thờ ơ đó do anh không ưa Phát, Lãng đưa tay bung bát nước chè, cố lấy giọng tự nhiên hỏi Thái:

- Anh Phát của cháu đâu rồi?

Thái liếc về phía mẹ. An buồn rầu nói:

- Vào đây, nó càng thêm lêu lổng. Từ sáng đến giờ không thấy mặt nó. Gặp em rồi, thế nào chị cũng nhờ em dẫn nó về ngoài đó dạy dỗ cho nó vài chữ, may ra nó hiểu lễ nghĩa, bớt hoang đi!

Một lần nữa, Lãng lại ấp úng nói dối:

- Vâng, em sẽ cố gắng.

An mừng rỡ nói:

- Em hứa như vậy, chị mừng lắm. Ờ Lãng này, bây giờ chị lại thấy em tươi trẻ y như mấy năm trước. Lúc này chị thấy em già nua tồi tàn quá. Vâng, nhìn kỹ thì em vẫn như xưa. Nếu... nếu em đội khăn và cắt bớt râu đi, nếu đôi mắt em tươi lên một chút, nếu...

Lãng cười, cắt lời An:

- Chị "nếu, nếu" nhiều quá, em làm sao cho hết!

An cũng vui theo, cười lớn và bảo em:

- Em đi tắm đi. Chắc nước sôi rồi. Thái ơi, đã có nước cho cậu tắm chưa?

Tiếng con Thái đáp:

- Rồi mẹ ạ. Con đang pha vào vò.

An bảo Lãng:

- Em lấy nước sôi đổ riêng ra thau chờ âm ấm rồi hãy tháo vải rửa chân. Tắm xong chị sẽ bôi thuốc. Có thứ thuốc cao Quảng Đông công hiệu lắm. Em có đem quần áo theo không?

Lãng không dám thú thật chỉ còn một bộ đồ cũ trên người:

- Em còn gửi cả đống kia!

- Thôi em lấy tạm quần áo của thằng Phát. Nó lớn lắm, cao gần bằng em rồi đấy. Mười bốn tuổi rồi còn gì.

Thái lên nhà trên, khoe thêm:

- Anh ấy nói giọng ồm ồm như người lớn, cậu biết không? Chỉ phải cái tật ngủ li bì, và mê học võ.

An lườm con, bé Thái không dám nói thêm gì nữa.

*

* *

Đêm. Bên ngoài, gió lốc thổi cát bay đập vào liếp tre ở chái bắc kêu rào rào. Bến Ván lịm trong giấc ngủ nức nội dật dờ. Hai chị em ngồi bên ngọn đèn dầu dừa leo lét, gần như thì thầm với nhau vì không muốn đánh thức Phát và Thái.

Lãng kể cho chị nghe đời sống bấp bênh của mình trong hơn một năm qua. Dĩ nhiên Lãng giấu cái thời anh sống bám vào gấu quần mụ góa tai tiếng. An bùi ngùi, nhìn em thương hại. An nói:

- Chị vẫn nghĩ tuy đã mất, cha mẹ dưới tuổi vàng không rời mắt khỏi chúng ta một bước. Lãng nghĩ mà xem, hồi đó ba mẹ con chị không biết trốn đi đâu nữa. Ra phía bắc thì nhất định không được rồi. Chỉ còn lối vào nam. Nhưng về đâu? Về đâu? Chị cứ nhắm mắt bước liều. Chúng ta còn có quê hương nào nữa mà về.

An chợt nghĩ đến An Thái, lòng hồi hộp, ngừng lên hỏi Lãng:

- Em có biết chị vừa về thăm An Thái không?

Lãng không tin ở tai mắt mình, hỏi lại:

- Chị vừa nói gì thế?

Giọng An hơi phảng phất niềm kiêu hãnh:

- Chị vừa vào An Thái tháng trước.

- Thật sao chị?

- Chị dối em làm gì?

- Chị có gặp được anh Kiên không?

- Có.

Lãng vừa tò mò vừa lo lắng. Anh không biết nên hỏi thăm điều gì trước. An không chờ em đặt câu hỏi, nói tiếp:

- Anh ấy được tha, về mở am tại gò Miếu! Mở ngay ở cái miếu thờ ông bị bệnh phong đó. Em biết không, hôm ấy hai anh em có nhắc chuyện hồi nhỏ em dám một mình ra ngồi ở cái miếu đáng sợ đó. Còn chuyện này, bất ngờ hơn, đổ em biết chuyện gì?

- Chịu thôi!

- Anh Kiên được khắp Qui Nhơn xem là một bậc... bậc gì nhỉ?

- Bậc chân tu à?

- Còn hơn thế nữa. Người ta tôn anh ấy lên Đức Thầy. Em vào Qui Nhơn mà hỏi tên tục anh ấy ra, người ta sẽ giận lắm. Anh ấy có nhiều đệ tử, suốt ngày người ta lũ lượt đổ về gò Miếu để xin anh ấy ban bùa, cầu an, nói hậu vận. Chị là người nhà mà khi đến nơi cũng phải chờ gần suốt ngày mới được anh ấy tiếp.

Lãng không thể dần tò mò, chồm tới trước hỏi:

- Nhưng chị có thấy anh ấy khác xưa không? Em muốn nói anh ấy có gì có vẻ "Đức Thầy" không?

An nhớ cuộc gặp gỡ với anh cả, cười vui rồi nói:

- Dĩ nhiên anh ấy xứng đáng được tôn xưng là Đức Thầy. Đến chị mà còn cảm thấy sợ, không dám nhìn lâu lên khuôn mặt nghiêm của anh ấy. Phải chờ đến khi các đệ tử ra ngoài hết, chỉ còn hai anh em với nhau, anh ấy mới thực là anh cả chúng ta. À chị quên, "Đức Thầy" có hỏi thăm em.

- Thật à! Anh ấy nói gì?

- Anh ấy nhắn nếu em cũng sa cơ như chị, hãy về ở với anh ấy.

Lãng suy nghĩ một chút, rồi nói:

- Nếu chị về thì em về.

An quả quyết đáp:

- Chị không về.

- Tại sao thế?

An không muốn Lãng thất vọng về Kiên, chỉ đáp lửng lơ:

- Về đây nhìn lại cảnh cũ, chị buồn quá. Em biết không, cây gạo ngoài bến sông đã chết khô rồi!

Lãng bồi hồi khá lâu, lòng lâng lâng buồn. Hai chị em im lặng bên đèn. Lãng nghĩ An sợ không dám nhìn lại những dấu vết của một mối tình tuyệt vọng, liếc nhìn chị thương hại. An lấy que trúc khơi tim đèn, Lãng thấy que trúc hơi run.

Một lúc sau, An hỏi:

- Ngoài đó, em có đi thăm mộ anh Lợi giùm chị không?

Lãng nói quá cho vừa lòng chị:

- Có ạ. Lúc nào nhớ đến chị và các cháu, em lại lên mộ. Bây giờ gần đó, có lập thêm một trại lính nữa.

Giọng An trở nên chua chát:

- Người ta chưa sai san phẳng ngôi mộ để mở rộng trại lính à?

Lãng lại ngược nhìn chị, không đáp. Gió lốc nổi cơn xốc cả mái tranh, bụi rơi xuống khắp phòng. An ngồi im như không hay biết gì. Lãng không dám phủi những bụi tranh mục vương trên tóc, sợ làm phiền An. An thở dài, rồi nói:

- Chị tưởng em được yên thân. Không ngờ... cuối cùng em cũng như chị. Chúng ta thành nạn nhân của "người ta" cả. Em bị xếp vào thứ dân lưu tán chứ gì?

- Tệ hơn nữa, chị ạ. Loại du thủ du thực!

An hấp tấp hỏi:

- "Ông ấy" để mặc cho cấp dưới xếp bậy bạ như thế ư?

Lãng ngơ ngác nhìn An, không hiểu nổi chị. Lãng đáp:

- Nhà vua không biết đâu.

- Chị cũng nghĩ thế. Chẳng lẽ...

An không nói tiếp. Lãng nói:

- Cắp dưới cừ cấn cứ vào Chiếu Khuyến nông mà làm. Sau bao năm chinh chiến, ruộng vườn bỏ hoang, phải có người trở về quê khai khẩn lấy lúa mà ăn chứ!

An hỏi xằng:

- Thế em cho rằng "người ta" có lý ư?

Lãng đáp ngay:

- Vâng. Hoàn toàn có lý.

An tức giận hỏi:

- Em có điên không? Em không thấy thiên hạ dắt díu nhau từng đàn từng lũ, quần áo lệch thếch, đói khát, neho nhóc, mỗi ngày đổ về đây mỗi nhiều hay sao? Em cũng bị xua đuổi y như họ. Chẳng lẽ em chạy trốn nhục nhã như vậy rồi vừa tìm được chỗ dừng chân, lấy lại hơi thở, em liền lớn tiếng ca tụng kẻ đã xua đuổi em hay sao?

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Nếu giải thích cho An nghe theo cách Lãng tự an ủi mình, rằng đây là một trường hợp ngoại lệ, ở bên lề công lý, rằng mình phải chịu đựng thua thiệt vì không thể đòi hỏi đời sống rướn cao lên cái tầm trù tượng, Lãng biết chắc An sẽ coi anh như một đứa nói khoát.

Thấy Lãng giữ im lặng, An tưởng Lãng đuối lý, liền tiếp:

- Chị không hiểu nổi anh em trong nhà nữa. Em cũng thế mà anh Kiên cũng thế. Anh cả chẳng biết gì ráo, nói hàng hai theo kiểu mấy ông lang vườn chữa bệnh bằng thuốc bổ, nhưng cứ để mặc cho thiên hạ một điều Đức Thầy, hai điều Đức Thầy. Còn em, em bị "người ta" vút vào giỏ rác, đuổi ra khỏi thành như một tên ăn cắp, mà vẫn khen "người ta" sáng suốt. Như thế mới gọi là đại trí hay sao?

Lãng vẫn không nói gì. An dụ giọng:

- Chị nghĩ sao nói vậy, em đừng giận. Thú thực chị không hiểu nổi em nữa.

Lãng buồn rầu đáp:

- Em cũng vậy!

- Thế là thế nào?

- Chị có nghĩ em là kẻ vô dụng không?

- "Người ta" dám nói thế à?

- Không.

- Chị chẳng hiểu gì cả.

Lãng muốn thoát khỏi ngõ cụt, hỏi lảng chuyện khác:

- Chị nói chuyện với em chắc phát điên lên mất! Chị buồn ngủ chưa?

- Chưa. Em rung đôi chân, không lại muỗi.

Lúc đó bên ngoài có tiếng ời ời la làng. An lắc đầu chán nản:

- Em thấy chưa? Từ ngày người ta kéo nhau về đây, nạn trộm cướp, chém giết nhau xảy ra hàng đêm. Sắp loạn mất!

Lãng nhớ câu chuyện trao đổi với cụ già bán khoai ở địa đầu Bến Ván, vội hỏi:

- Ở đây, người ta truyền nhau đủ thứ sấm phải không chị?

An bĩu môi:

- Ồi, bọn chủ ghe chở gạo lên từ Gia Định ra bán đấy mà! Em nghe những gì?

- Mới vào đây đã nghe câu sấm người ta gán cho cụ Trạng Trình! Câu sấm thế này:

Khỉ bông con ngồi khóc

Gà hết thóc chạy xuôi

Chó vẫy đuôi mừng chủ

Heo nằm ngủ chờ ăn.

- Chị đã nghe câu ấy rồi. Em tin không?

- Tin gì ạ?

Giọng An trở nên gắt gỏng:

- Em chưa thấy cái giọng xỏ xiên của bọn tay chân Gia Định hay sao? Chúng nó đe năm Khỉ năm

Gà thiên hạ đói chết như rạ. Đến năm Tuất thì nhà Nguyễn trở về. Năm Hợi thiên hạ lại no đủ.

Lãng thấy trong vẻ mặt giận dữ của chị có cái gì mâu thuẫn khác thường. Anh giả vờ đáp:

- Cảnh đời xáo trộn thế này, nên em tin.

- Tin sao được! Đến em mà cũng nhẹ dạ thế sao! Em...

An định nói: "Em muốn là chó vẫy đuôi mừng họ Nguyễn Gia Miêu trở về Phú Xuân hay sao", nhưng chị kịp ngừng lại. Nói như vậy xúc phạm em quá nhiều. Lãng thích thú quan sát nét mặt chị, nói nhỏ:

- Em cũng không hiểu nổi chị, chị An ạ!

An đỏ mặt, sợ Lãng trông thấy sự bối rối của mình. An nói vội:

- Chúng mình thật lắm cằm. Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi. Cái chân còn nhức không?

Lãng vẫn mỉm cười, lắc đầu. An tránh nhìn mặt em, nói:

- Gần sáng gió lạnh lắm. Em nhớ đắp mền, không lại ho. Em vẫn yếu phổi từ hồi nhỏ, nhớ không!

*

* *

Lãng ở với chị và các cháu hơn một tháng, rồi vì không chịu đựng nổi cảnh sống xô bồ ồn ào, anh bỏ Bến Ván về Phú Xuân khoảng trung tuần tháng mười.

An đem bản sao bài Chiếu Khuyến nông ra, vừa năn nỉ, vừa dọa em:

- Lãng thấy không, phép nước nghiêm lắm. Em đọc đi: "Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lần lữa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực thì sắc mực, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội". Lại đoạn cuối này nữa: "Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội lỗi". Chao ơi! Em đâu phải thân lừa mà ưa vác nặng! ở đây chị và hai cháu đã làm gì cho em buồn? Nói đi!

An mếu máo sắp khóc. Lãng vội bảo:

- Chị đừng hiểu lầm. Chị không làm điều gì phật lòng em cả. Em cũng muốn ở lại dạy các cháu lắm, nhưng...

- Nhưng thế nào? Cứ nói đi, đừng ngại. Chị em ta có giấu nhau điều gì đâu. Từ lúc nhỏ đã vậy rồi!

Con Thái cũng mếu máo theo mẹ:

- Cậu ở lại với cháu. Cậu đừng bỏ đi. Mẹ cháu khóc kìa!

Lãng cảm động, ôm cháu vào lòng. An tưởng em đã xiêu lòng, reo lên:

- Có thể chứ! Em bằng lòng ở lại đây nhé!

Lãng nghiêm mặt đáp:

- Không được, chị ạ. Chị thương em, nhưng em phải đi thôi.

An bực bội hỏi:

- Lãng ra ngoài đó làm gì? Ra để đưa đầu vào gông à?

- Không ai đóng gông được em đâu! Em đã có cách.

- Cách gì?

Lãng chỉ ngay vào tờ giấy chép Chiếu Khuyến nông:

- Ngay bài chiếu này cũng không ràng buộc được em. Chị thấy không, ai không phải là chính hộ phải bị đuổi về bản quán. Nhưng bản quán của gia đình ta ở đâu? ở Phú Xuân chẳng? Nếu vậy em phải được biên tên vào sổ đình xã Vỹ Dạ thượng. Ở An Thái chẳng? Có giỏi thử tống xuất em qua cầu Bến Ván đi! Cãi chày cãi cối thế, nhưng bẻ được không phải dễ đâu!

- Nhưng em ra ngoài đó ở với ai? Ai chăm sóc cơm nước cho em? Ai lo thuốc thang nếu lỡ đau ốm? Em thích sống lêu bêu như trước hay sao?

- Em sẽ về ở với sư cụ chùa Hà Trung.

An mỉm cười hỏi:

- Em muốn đi tu chẳng?

Lãng lại nghiêm mặt đáp:

- Không. Còn lâu lắm em mới đủ can đảm thí phát. Nói ra chị không tin: Lãng nhớ phong lan chùa Hà Trung hơn là nhớ thầy Từ Huệ.

Thấy cả chị lẫn cháu cười chế giễu, Lãng nói:

- Em hết sức nghiêm chỉnh về chuyện này. Chị cứ để cho em đi!

Nói hết lời, Lãng vẫn không khiến cho chị tin mình nghiêm chỉnh. An đổi, từ lúc đó đến lúc chia tay, không nói với em câu nào nữa. An hy vọng Lãng sợ phải xin ở lại. Còn Lãng ngại rằng nếu làm lành với chị, chính mình sẽ yếu lòng. Cho nên cuộc chia biệt lạnh lẽ, tưởng như giả vờ mà hóa thật.

Lãng về đến Phú Xuân đúng lúc cuộc kiểm tra dân ngụ ở các thôn xóm lên đến điểm gắt gao nhất. Không ai dám chứa chấp người lạ vào ban đêm, dù là bà con thân thuộc. Các chức dịch sợ bị liên lụy phải bỏ tiền ra thuê bọn trẻ con để chúng báo cho biết ngay những kẻ cư ngụ bất hợp pháp. Những gia đình láng giềng kinh cãi nhau, ban đầu từ những chuyện vụn vặt như gà bươi luống cải, heo ủi hàng giậu, về sau kết thúc bằng trò tố cáo nhau là dân ngụ cư nhập tịch chưa đủ ba đời, là kẻ man khai gốc tích để trốn tránh sưu dịch...

Lãng không dám ở Phú Xuân lâu. Anh đã trở thành dân lậu. An nói đúng. Quan trên có thể đóng gông anh bất cứ lúc nào. Một đứa trẻ con cũng đủ sức đưa anh vào tù. Lãng nằm lì ở chùa Hà Trung, nghe kinh Viên giác và chăm sóc phong lan. Anh mê lan đến nỗi suốt ngày theo dõi tỉ mỉ từng chiếc lá đổi sắc, từng cánh hoa lan nở như bà mẹ nâng niu con mọn. Nghe ở đâu có loại lan hiếm Lãng liền tìm đến. Anh quên bằng việc học kinh. Sư cụ thở dài, nói xa gần đến lục căn, ngũ uẩn... để thức tỉnh anh. Lãng nghe qua với nét mặt ơ hờ. Dần dần, Lãng mất ý thức về những gì không liên hệ đến phong lan. Quần áo lại nhếch nhác, râu tóc để dài không chải gỡ. Một hôm có người tiểu phu (cũng võ vẽ học chơi lan) say rượu khoe rằng có gặp một giò lan hồ điệp khi đi tìm trầm trên núi Thiên thai. Lãng nghe được, mắt sáng lên.

Hôm sau, anh thưa với sư cụ là mình có việc cần lên núi Thiên thai. Sư cụ ngờ anh muốn tìm loại mặc lan hoa đen, bảo đó chỉ là huyền thuyết chưa chắc có thật. Anh giấu không muốn ai biết mình đi tìm lan hồ điệp. Anh bảo chỉ muốn hái vài giò nhất điểm hồng để thay cho giò lan cùng loại vừa bị héo.

Lãng đi từ sáng sớm, và từ đó, không ai còn gặp anh nữa. Vì vậy sư cụ chùa Hà Trung cho phá luôn mấy chục giò lan quý của mình.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần thứ bảy: Kết từ

Chương 101

Mấy năm về sau, việc sinh sống của gia đình An không được dễ dàng như trước. Số dân lưu tán dồn về Bến Ván quá đông, gạo thóc lên cao trong khi kiếm được vài quan tiền mỗi ngày không phải dễ dàng. Ngoài chợ, người bán nhiều hơn người mua. Bến Ván là một thị trấn thành hình trên cái bấp bênh của thời loạn, không có nền tảng vững chắc trên nông nghiệp hoặc sản xuất đồ thủ công, nên cuộc sống của nó cũng bấp bênh theo các tin đồn. Không ở đâu tin đồn nhạy và nhiều cho bằng Bến Ván. Thôi thì đủ thứ tin. Tin từ Phú Xuân vào. Tin Qui Nhơn. Tin Gia Định do bọn ghe gạo lén lút mang vào cửa Hiệp Hòa. Giá cả lên xuống thất thường, phần lớn do những tin đồn nhảm. Người ta vui buồn, thương ghét nhau, thậm chí ẩu đả đâm chém nhau do những tin đồn ấy. Quán rượu ế hàng tuy từ sáng đến tối bọn vô công rồi nghề tụ họp đông nghịt để cãi nhau ỏm tỏi về những tin nghe được tối hôm trước. Mỗi người bênh hay chống một ý kiến tùy theo hoàn cảnh riêng. Nhiều khi chính từng người cũng thay đổi ý kiến tùy hứng. Nói chung cả cuộc sống thực tế lẫn cuộc sống tâm linh của Bến Ván đều bênh bồng phiêu giạt như một chiếc lá trôi trên dòng nước lũ.

An cứ thăm chường số vốn ngày càng hao hụt của mình và lo ra. Chị gầy hẳn đi, nét mặt lúc nào cũng bần thần lơ đãng như người mất hồn. Cảnh làm ăn sa sút khiến không khí gia đình trở nên nặng trĩu. Chị đâm gắt gỏng với con cái, vui buồn thất thường. Con Thái quá thương và hiểu mẹ nên khóc thầm chịu đựng. Thằng Phát càng có cớ để vắng nhà, rồi từ đó An càng có cớ để gắt gỏng. Cái vòng lẩn quẩn khắc nghiệt ấy mỗi ngày mỗi ghê gớm, mẹ con gặp mặt nhau là sinh chuyện. Thời đó Phát đang ở vào cái tuổi tăng trưởng phức tạp. Thân thể cao lớn nhanh chóng, tiếng nói vỡ và trên mặt mụn nổi đầy hai gò má. Vì ngủ li bì nên mắt lơ đãng, tính tình cau có, lì lợm. Mỗi lần đi chơi khuya về, bị mẹ la, Phát không thềm đáp lời mẹ, lẳng lặng bỏ đi ngủ hoặc thản nhiên nhìn thẳng vào mặt An không hờ môi. Giận quá An vụt cho nó vài roi. Phát không né tránh, chờ mẹ đánh xong mới bỏ đi chỗ khác.

Điều An ghét nhất là gần đây, Phát thường đi lại với bọn buôn gạo từ Gia Định ra. Mỗi lần về nhà Phát đều có vài câu sấm hoặc vài mẩu tin Gia Định làm quà. Phát hí hửng báo cho mẹ hay tin Nguyễn Ánh đã trở lại lập hẳn một triều đình ở Gia Định, đã mua được nhiều tàu Tây Dương, đã lập hẳn một xưởng đóng chiến thuyền đồ sộ chạy dài trên ba dặm, từ Tân Bình đến bờ sông Bình Trị. Mắt Phát rực sáng khi nói:

- Phen này anh em nhà nó không có đất chôn. "Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về". Mẹ đã nghe câu sấm đó chưa?

An bậm môi lại, cố nén giận:

- Mày hãy liệu cái mồm lại. Ai chết không đất chôn đâu không biết, tao sợ lại phải đi xin xác của mày về chôn thôi. Tao cấm không được giao du với mấy tên bất hảo đó, nghe chưa?

Phát trở mắt nhìn mẹ, hỏi lại:

- Mẹ gọi họ là bọn bất hảo à? Mẹ sợ anh em nhà nó à? Ai giết cha, mẹ còn nhớ không?

An tắt tị không trả lời được. Lúc nào hai mẹ con tranh cãi nhau về thời thế, về hư thực của các tin đồn, Phát cũng "đàn áp" mẹ bằng câu hỏi ấy.

Mùa thu năm Nhâm Tí, Phát có thêm những tin xấu từ Qui Nhơn để chọc giận mẹ. Dân hai phủ Qui Nhơn, Quảng Ngãi đang hoang mang lo âu trước các tin đồn thổi về sức mạnh Gia Định.

Nhiều người yếu bóng vía đã vượt sông Bến Ván ra núp dưới sự che chở của Phú Xuân. Dân số Bến Ván thêm đông. Phát đắc chí và An thêm cau có gắt gỏng.

Đúng lúc ấy, Phú Xuân ban ra bài hịch truyền cho quan lại quân dân các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn. Bài hịch như sau: (dịch nôm)

"Tất cả các người, lớn nhỏ, từ hơn hai chục năm nay, đều luôn luôn chịu ân đức của nhà Tây Sơn ta. Sự thật, trong mấy chục năm qua, Trẫm đã chiến thắng khắp cả trong nam ngoài bắc. Trẫm nhận rằng có được những chiến thắng ấy chính là nhờ có sự phù trợ hết lòng của nhân dân hai phủ. Hai phủ cũng đã tiến cử lên Trẫm nhiều người trung dũng, hiền tài để giúp rập triều đình. Trẫm đem quân tới đâu, quân thù đều phải thất bại hoặc tan rã. Trẫm mở rộng chiến trận đến đâu, quân Xiêm và quân Thanh tàn bạo đều phải khuất phục.

Còn bọn dư đảng bỉ ổi của cựu triều, thì từ hơn ba chục năm nay, Trẫm chưa từng thấy chúng làm nổi trò trống gì. Trẫm đã đánh chúng hằng trăm trận, sĩ tốt của chúng phải tan tác, tướng lĩnh của chúng phải bỏ mạng, xương tàn của chúng tràn đầy đất Gia Định. Những điều Trẫm nói đây các người đều biết rõ, nếu mắt các người chưa được trông thấy thì tai các người cũng đã từng nghe thấy. Như tên Chủng dê hèn kia đã lẩn trốn sang những nước tầm thường ở phương tây thì có gì là đáng kể. Còn như đám dân ươn hèn Gia Định nay dám ngóc đầu dậy mộ binh, tại sao các người sợ hãi chúng như vậy? Tại sao tinh thần các người khiếp đảm đến thế? Quân thủy bộ của chúng tới đánh chiếm các hải cảng của các người như thế nào, các người không cảnh giác như thế nào, Hoàng đại huynh đã có thư cho Trẫm rõ cả rồi. Trẫm thấy sở dĩ chúng đánh chiếm được đất và giữ được đất các người cho tới ngày nay, không phải vì chúng tài giỏi gì, mà chính vì các quan quân và dân chúng hai phủ đã không dám đánh nhau với chúng. Bộ binh của các người đã hèn nhát bỏ trốn.

Bây giờ theo lệnh Hoàng đại huynh, Trẫm sẽ thân chinh cầm đại quân theo hai đường thủy bộ vào dẹp giặc. Trẫm sẽ đập tan bọn giặc cựu Nguyễn dễ dàng như đập tan một cành củi khô, một thanh gỗ mục. Còn nhân dân hai phủ, các người đừng lo âu, đừng sợ giặc. Các người hãy để mắt nhìn, để tai nghe, xem Trẫm sẽ làm gì. Các người sẽ thấy Trẫm chỉ đánh một trận là Bình Khang, Nha Trang, những mảnh xương tàn của cái thân ma Gia Định, cũng như Phú Yên từng là trung tâm chiến trường và suốt một dải từ Bình Thuận vào tới Chân Lạp sẽ tức khắc được thu phục. Như thế để ai nấy hiểu rõ rằng Trẫm và Hoàng đại huynh là hai anh em ruột, là cùng chung một dòng máu. Trẫm không bao giờ quên điều đó.

Trẫm kêu gọi nhân dân lớn nhỏ hai phủ hãy ủng hộ hoàng gia, trung thành với Hoàng đại huynh, chờ đợi quân ta vào quét sạch Gia Định, lấy lại đất về ta. Tiếng thơm hai phủ các người sẽ mãi mãi lưu truyền sử sách. Các người chớ quá nhẹ dạ cả nghe những lời phao đồn về bọn Tây Dương. Tài giỏi gì hạng người đó? Mắt chúng là mắt xanh, chúng chỉ là những xác chết trôi từ miền bắc giạt về đây, các người nên hiểu như thế. Những tàu bằng đồng, những khinh khí cầu của chúng thì có gì là kỳ lạ mà phải đệ trình lên Trẫm biết!

Để cho đại quân của ta tiến vào được dễ dàng, các xã dân hai phủ ở dọc bên đường hành quân

hãy kịp sửa sang cầu cống.

Lệnh này truyền tới, nhân dân hãy vâng theo ý Trẫm.

Khâm thủ.

Quang Trung năm thứ năm ngày 10 tháng 7 Nhâm tí" (1).

Bài hịch vừa loan truyền thì Bến Ván rung động. Người ta dẹp cả buôn bán làm ăn, khép cửa nhà lại, đổ ra đường tùm năm tùm ba bàn tán nhau. Nét mặt ai nấy đều dáo dác lo âu. Kể cho rằng vua Quang Trung thực tâm vâng lệnh Hoàng huynh, sắp kéo đại quân qua đây để tiêu diệt bọn cừu Nguyễn trong Gia Định. Kể lại ngờ Phú Xuân lợi dụng sự hoang mang sợ hãi của dân hai phủ, vin có cứu viện để xua quân đánh chiếm Hoàng đế thành. Trước đây vua Quang Trung không từng làm việc ấy hay sao? Dù hiểu bằng cách nào, mọi người đều thấy trước tương lai đen tối mờ mịt của mình: một khi Bến Ván hết thành vùng trái độn do tương nhượng hoặc tránh né giữa Phú Xuân và Qui Nhơn, nhất định dải đất vô chính phủ này mau chóng trở lại thành vùng đất chết với những cồn cát trắng và bụi cây cằn. Bão cát sắp vùi lấp những nền nhà trống, những cột kèo tre mây vương vãi...

Bến Ván lịm đi vì sợ hãi. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Chờ đợi...

Họ theo dõi động tĩnh ở phía bắc. Quả nhiên khoảng đầu tháng 8 Nhâm tí, đạo quân Phú Xuân lâu nay đóng ở chợ Cầu Ông Bộ đột ngột dỡ trại tiến sâu vào Bến Ván. Quân đi rầm rập, giáo mác tua tủa, nhưng đến ranh giới thì dừng lại. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không ai được qua lại ranh giới. Ai vi phạm lệnh cấm sẽ bị chém tại chỗ.

Hôm sau, Bến Ván biết tin vua Quang Trung vừa băng hà hôm 29 tháng 7, và đạo quân Phú Xuân vừa từ chợ Cầu Ông Bộ vào đây có phận sự đề phòng chặn trước các ý đồ xấu của Qui Nhơn.

Vua Thái Đức định ra Phú Xuân dự đám táng vua Quang Trung đã bị chặn lại, tại đây!

* * *

An cũng nhận được tin Lãng mất tích trong những ngày nồm nớp bi thảm ấy. Chị vội vã ra Phú Xuân. Kinh đô xao xác tiêu điều như vừa qua một trận bão. Ở các trạm kiểm soát, quân lính canh phòng nghiêm ngặt. Dân chúng lo sợ các bắt trặc nên ít đi lại ngoài đường. Chị không có trách nhiệm gì trong kinh thành tang tóc này. Không có lấy một tờ giấy nhỏ chứng minh chị đủ tư cách đi lại trong một kinh đô giới nghiêm. Nhưng nét mặt bơ phờ của chị, dáng đi lằm lũi của chị, nhất là cái nhìn lơ lảo thất thần của chị đủ sức làm mềm lòng những kẻ cứng cỏi nhất. Người ta có cảm tưởng đang đứng trước một đứa bé yếu đuối, khốn khổ. Không nỡ lớn tiếng hoặc làm bất cứ điều gì có thể khiến nó khốn khổ thêm. Người ta lễ phép nhường bước cho chị đi trước. Người ta không biết chị là ai, nhưng vì chị biểu lộ được một cách chính xác trọn vẹn nỗi đau khổ chung, nên chị trở nên thân thuộc.

An không thể đến gần những nơi lễ tang chính thức. Quá lắm chị chỉ nhìn được lưng áo của những lính cấm vệ giữ an ninh cho lễ tang. Hôm di quan lên sơn lăng, chị ở trong đám dân chúng nghèo khổ tự nguyện nối đuôi đám táng để tỏ lòng ái mộ và thương tiếc vị anh hùng dân tộc xuất thân áo vải như họ, người mang đến cho họ niềm tự tin và hy vọng, người dạy họ hãy ngừng cao đầu, mạnh dạn bước tới. An cùng lâm râm cầu khẩn như họ. Chỉ khác một điều là những gì chị thì thầm đều có tính cách riêng tư và rối rắm khó hiểu. Chị thầm nhắc lại một trận bão rừng, chuyện hiểu lầm chung quanh cây gạo, tập thơ Đỗ Phủ, đêm ngập ngừng bảo nhỏ: "Đừng, anh Huệ ạ!" ... Chị đặt nhiều câu hỏi mà không cần đáp, càng hỏi càng xót xa, cảm thấy lẻ loi. Chị oán trách mà như sợ phật lòng người nghe, vừa thầm hờn dỗi đã hối hận, nhận lãnh hết

phần lỗi về mình. Quanh chị người ta thờ dài, người ta thì thảo. Chị không nghe gì cả. Chị sống và chết riêng lẻ trong thế giới của chị!

Sau đám tang, An xuống chùa Hà Trung tìm tông tích Lãng. Sư cụ đã viên tịch trước đó nửa năm. An chỉ được biết những truyền tụng mù mờ về cậu em mê lan. Sư bác thay thầy Từ Huệ lên trụ trì ngôi chùa trở cho An thấy đỉnh núi Thiên Thai. An về lại Phú Xuân thăm mộ chồng, rồi tắt tả vào Bến Ván.

* * *

Thằng Phát thấy An về, hằm hằm hỏi:

- Mẹ ra đưa tang phải không?

An nhìn con, không đáp. Phát vùng vằng bỏ đi. Cánh cửa đập mạnh vào khuôn gỗ. Trong căn nhà đột nhiên ngả tối, con bé Thái chạy đến ôm lấy mẹ, khóc mùi mẫn. An cũng khóc theo con.

Thái dụi mắt vào áo mẹ, thì thảo:

- Ở trong này con lo quá!

An ôm con chặt hơn. Chị hỏi:

- Anh Phát có chịu trông nhà với con không?

Thái vẫn còn thút thít:

- Anh ấy nằm lì ở nhà, không đi đâu cả. Con cứ sợ anh ấy gây lộn với mấy chú lính. Mẹ, con khổ quá, mẹ ơi!

Thái lại khóc. An ngạc nhiên hỏi:

- Phát nó ăn hiếp con, phải không?

- Không phải đâu mẹ. Nhưng...

- Tại sao con ngập ngừng vậy?

- Nhưng... con sợ quá. Tự nhiên tối hôm kia, con bị ra máu. Con... con chết điếng... Mẹ lại không có ở đây. Con bị bệnh gì vậy mẹ?

An giật mình, đẩy con ra xa. Thái càng sợ hãi hơn. An nhìn đăm đăm vào mặt con. Chị hiểu ra rồi. Sao đến bây giờ chị mới nhớ con gái đã lên mười bốn, và có kinh nguyệt lần đầu? Đáng lý An phải báo trước cho con, để Thái khỏi sợ hãi vô ích. Chị ôm Thái vào lòng, vỗ nhẹ lưng con, âu yếm nói:

- Con đừng sợ. Không phải bệnh tật gì đâu. Con gái vào tuổi dậy thì là có kinh nguyệt. Hồi trước mẹ cũng sợ hãi như con. Mẹ có kinh đúng hôm bà ngoại mất, nên mẹ khóc đến hết nước mắt vì sợ. Bây giờ con gái mẹ lại có kinh. Nhưng con ơi, con còn có mẹ đây. Hãy chùi nước mắt đi! Thái ngoan của mẹ!

Hết

(1) Trích lại của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng. Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, trang 422-424.

Nguyễn Mộng Giác

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Phần thứ bảy: Kết từ

Phu lục

4-10-1977: Bắt đầu tìm tài liệu

24-5-1978: Bắt đầu viết chương I Sông Côn Mùa Lũ

1-3-1981: Viết xong chương cuối lúc 10 giờ 25 đêm tại Sài Gòn.

TÓM LƯỢC PHẦN I: VỀ AN THÁI

Chương 1: Năm 1765, sau khi Trương Phúc Loan giết quan nội hữu Trương văn Hạnh, giáo Hiến đem gia đình (gồm vợ và năm con, bốn trai một gái) trốn khỏi Phú xuân bằng thuyền. Ra đến cửa khẩu bị chặn lại, giáo Hiến ghé thăm người bạn cũ là sư cụ chùa Hà Trung. Sau đó, theo đường bộ, họ vượt đèo Hải Vân vào Qui Nhơn. Tâm trạng giáo Hiến khi đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống phía nam.

Chương 2: Về đến bến Gò Bồi. Trên đường lên An Thái quê vợ của giáo Hiến, ông gặp một người làm việc của biện Nhạc tên Lợi. Đến An Thái, cả gia đình tạm cư nhờ sự giúp đỡ của Hai Nhiều, người anh cùng cha khác mẹ của bà giáo.

Chương 3: Cảnh sống của gia đình ông giáo ở vùng đất mới. Giao tiếp ban đầu với dân An thái. Sự giúp đỡ của họ. Sự vị nể của dân địa phương đối với một ông đồ thất thế từ kinh đô vào. Tính tình và công việc của mấy đứa con: Kiên, Chinh, An, Lãng, Út.

Chương 4: Đời sống gia đình ông giáo tạm ổn định. Bà giáo bệnh nặng từ khi vào An Thái, sau một thời gian nằm liệt giường mê man, đã từ trần. Đám tang bà giáo. An có kinh nguyệt lần đầu đúng hôm mẹ mất, hải hùng trước một tương lai bất trắc mờ hồ.

Chương 5: Đối phó với bọn chức dịch tham lam ở An Thái. Qua Lợi, giáo Hiến làm quen với biện Nhạc. Nguyễn Nhạc nhờ ông giáo dạy học cho hai cậu em Lữ và Huệ. Kiên đến tuổi sung quân, phải tạm lánh lên Tây Sơn thượng coi sóc trạm tràu cho biện Nhạc. Cha con, anh em chia tay nhau.

Chương 6: Lớp học của ông giáo Hiến. Lễ khai tâm cho Lữ, Huệ. Lữ học hành tầm thường trong khi Huệ tỏ ra thông minh xuất sắc. Bài tựa truyện du hiệp trong Sử ký Tư Mã Thiên khiến Huệ ngờ vực vai trò của đạo Nho. Trong khi đó, cả vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo sống được một năm ổn định.

Chương 7: Các câu hỏi của Huệ khiến ông giáo băn khoăn, bắt đầu nghi ngờ nền tảng trung quân của mình. Biện Nhạc xuống thăm ông giáo, nói xa nói gần đến chí hướng mình và ý định nhờ ông giáo làm quân sư.

Chương 8: Lợi chăm sóc giúp đỡ gia đình giáo Hiến. An có cảm tình với Lợi. Cô bé so sánh tính tình Lợi và Huệ. Những kinh cãi vụn vặt giữa gia đình Hai Nhiều và gia đình giáo Hiến.

Chương 9: Ông giáo được tin Kiên bị hành hung trên Tây Sơn thượng. Ông vội lên trường tràu thăm con. Nguyên nhân vụ hành hung. Cảm tưởng đầu tiên của giáo Hiến giữa những người

bất đắc chí trốn đồng bằng lên nương nấu ở trường trâu.

Chương 10: Kẻ hành hung Kiên trốn vào rừng bị cọp ăn. Xác kẻ bất hạnh được tìm thấy, tạo nên sự căm phẫn đối với Kiên. Kiên bị đám đông phần nộ bao vây, nhờ có Chinh và Mắm cứu thoát. Sự hoang mang của Kiên. Ông giáo đành phải mang Kiên xuống lại An Thái.

Chương 11: Hai cha con ông giáo về An Thái. Lớp học ông giáo chỉ còn một người học trò là Nguyễn Huệ. Khắp vùng đói kém, trộm cướp xảy ra hằng đêm. Ông giáo và Nguyễn Huệ bàn với nhau về thời thế, và Huệ càng thêm hoài nghi khả năng của nhà nho.

Chương 12: Kiên bị bắt lính. Thái độ của họ hàng láng giềng đối với gia đình ông giáo sau khi Kiên bị bắt. Cùng lúc đó, gia đình biện Nhạc ở Kiên thành bị quân phủ bao vây, nhà bị đốt. Biện Nhạc đem cả gia đình lên Tây Sơn thượng. Huệ từ biệt ông giáo và An lên Tây Sơn thượng theo anh. Mười hôm sau, Huệ lên xuống An Thái đưa gia đình thầy lên đó tị nạn.

PHẦN II: TÂY SƠN THƯỢNG

Chương 13: Tân Mão 1771.

Địa thế vùng Tây Sơn thượng. Các khó khăn buổi đầu ở căn cứ địa. Nạn khan hiếm muối do cắt đứt liên lạc với đồng bằng. Nỗi hoang mang bơ vơ của ông giáo giữa đám người nghèo khổ hung bạo. Vụ hành quyết một người vô kỷ luật để thị uy của biện Nhạc khiến ông giáo và An rung động bàng hoàng, trong khi Chinh bị cuốn hút vào bạo lực. Bất đồng giữa biện Nhạc và ông giáo.

Chương 14: Nhạc sai Phạm Ngạn lo việc xây thành phòng thủ, trong khi Huệ lo tập luyện cho các nhóm nghĩa quân chuẩn bị đột kích các đồn quân phủ. Chinh say mê bạo hành, bị ông giáo đập đòn. Dưới Tuy Viễn, gia đình Lợi bị quân phủ tàn sát. Tây Sơn thượng ráo riết chuẩn bị khởi nghĩa. Nhạc bác bỏ "giải pháp hoàng tôn" do giáo Hiến đề nghị.

Chương 15: Giáo Hiến và Huệ bàn nhau về ý nghĩa phải có của hành động khởi nghĩa. Tình yêu còn mơ hồ giữa Huệ và An. Nhạc nhờ giáo Hiến thảo cho một tờ hịch khởi nghĩa, và một lần nữa lại có bất đồng quan điểm trầm trọng. Việc tổ chức các đội nghĩa quân. Bắt đầu xuống núi tấn công các làng cận sơn. Sự khác biệt giữa các đội do Nhạc, Huệ và Tuyết chỉ huy.

Chương 16: Sự lạm dụng bạo hành là nguyên do các thất bại ban đầu. Lãng chán nản xin trở lên Tây Sơn thượng. Dân các làng cận sơn giấu sổ thuế, không dám nhận thóc do nghĩa quân tịch thu của nhà giàu chia cho. Nhạc mời ông giáo xuống hỏi ý kiến, và đồng ý tạm dùng chiêu bài "phò hoàng tôn Dương".

Chương 17: Huệ về Tây Sơn thượng thúc đẩy việc rèn thêm vũ khí. Thận chế ra được vũ khí mới: hỏa hổ. Huệ ghé thăm An con gái thầy giáo. Hai người nhắc đến thời An Thái, rộn rã với ý tưởng sắp được về quê.

PHẦN III: HỒI HƯƠNG

Chương 18: Tình hình Nam Hà năm Quý Tị (1773) theo nhận định của sử quán triều Nguyễn. Phê phán lối nhận định thiên cận này. Giáo Hiến say sưa với giải pháp hoàng tôn. Nhạc quyết định đánh xuống Kiên thành. Sau khi thành công, xếp đặt lại bản doanh cho có đủ nghi vệ cần thiết. Cuộc hội kiến hợp tác giữa các nhóm lẻ tẻ để hợp nhất lực lượng: biện Nhạc, Nguyễn Trung, Huyền Khê, Tập Đình Lý Tài.

Chương 19: Huệ vượt lệnh anh, dẫn quân chiếm sâu xuống An Thái bị Nhạc quở trách. Huệ ghi nhận sự thay đổi thái độ của anh. Cảnh An Thái sau ngày được giải phóng. Niềm vui mới của Huệ. Mắm gặp lại được anh ruột. Gia Đình Hai Nhiều về An Thái. Hành động tham lam và sốc nổi của vợ chồng Hai Nhiều.

Chương 20: Lợi về Xuân huê, trả thù nhà. Huyền Khê can thiệp, Lợi bị Nhạc trừng phạt. Cái thế cài răng lược giữa lực lượng Tây Sơn thượng và Nguyễn Thung, Tập Đình Lý Tài.

Chương 21: An và Lãng xuống thăm cha ở trại Kiên Thành, rồi về An Thái. An chứng kiến sự tham lam hống hách của vợ chồng Hai Nhiều. An và Lãng tìm lại dấu tích kỷ niệm cũ. Huệ đến thăm, bàn luận với hai chị em về các triển vọng mới. An thao thức đau khổ vì tưởng Huệ đã thay đổi.

Chương 22: Ban tham mưu của Nhạc chuẩn bị kế hoạch đánh phủ Qui Nhơn.

Chương 23: Nghĩa quân đánh phủ Qui Nhơn. Chiếm hai kho Càn dương và Nước ngọt. Khâm sai Lạng bị anh ruột của Mắm giết. Cảnh hỗn loạn ở phủ Qui Nhơn. Tiệc khao quân.

Chương 24: Lâu nay Kiên bị giam trong ngục tối tại phủ Qui Nhơn, nay được quân khởi nghĩa giải thoát. Cảm thức tự do đầu tiên. Kiên mạnh dạn đứng ra lo liệu tang ma cho viên cai cơ, ân nhân của mình, sau đó bảo bọc cho vợ con viên cai cơ.

Chương 25: Ông giáo giúp Nhạc ổn định trị an sau chiến thắng. Các ý kiến khác nhau về những việc phải làm, trong đó có việc phân chia các chức vụ. Giáo Hiến ngỡ ngàng thấy cả Kiên lẫn Huệ đều thay đổi. Ông cảm thấy Nguyễn Huệ càng lớn lao hơn, và xa lạ hơn trước.

Chương 26: Kiên đưa vợ con viên cai cơ về An Thái. Cảnh đoàn tụ buồn hiu, ngượng ngập. Hai Nhiều bị ám sát. Không khí khủng bố sau đó tại An Thái. An, Lãng lại hoang mang trước không khí sợ hãi ấy. Họ bàn luận với nhau. An nhắc trợn các ý kiến của Huệ. Lãng theo Huệ xuống sung quân ở đèo Cù Mông.

Chương 27: Các cuộc giao tranh giữa quân Tây Sơn và quân triều sau khi phủ Qui Nhơn mất.

Chương 28: An rời An Thái xuống ở phủ Qui Nhơn. An được các gia đình "quí phái mới" mời dạy nữ công, trang điểm cho con gái họ. An dạy chữ cho Thọ Hương, con gái Nhạc. Kiên về ở hẳn với vợ viên cai cơ tại cái quán gần bến tắm ngựa. Chinh sống buông lung khi dự trận với toán quân Hòa nghĩa ngoài Quảng Nam. Lợi giữ kho nên đủ phương tiện giúp đỡ cho An để gây cảm tình.

Chương 29: Nhạc cho "rước" đông cung Dương về Qui Nhơn. Cuộc nghinh giá long trọng. Cảm giác hụt hẫng của giáo Hiến khi gặp đông cung. Xúc động ban đầu của Thọ Hương. Tình thế gay go của Qui Nhơn: quân Trịnh đã dẫn sâu vào Quảng Nam. Quân Gia Định đã chiếm Phú Yên. Giải pháp hoãn binh của Nhạc.

Chương 30: Nguyễn Huệ gửi biểu An tập thơ Đỗ Phủ. Tâm trạng dao động của giáo Hiến trước tình thế khó khăn. Huệ nói với thầy về sự đào thải tất nhiên của lịch sử. Huệ ghé thăm An ở Qui Nhơn. Thọ Hương lo âu khi nghe tin cha sắp gả mình cho đông cung Dương.

Chương 31: Các biện pháp của Nhạc để trấn an dân chúng Qui Nhơn. Đám cưới Thọ Hương và nỗi thất vọng ê chề của Thọ Hương sau ngày cưới. Giải pháp hoàng tôn không giải quyết được tình hình cô lập. Nhạc chọn giải pháp hợp tác với Trịnh. Ông giáo bị ngờ là kẻ phản bội, bắt đầu bị đào thải.

Chương 32: Huệ ở doanh trại đóng trên đỉnh Cù Mông. Niềm tin tưởng lạc quan khác thường của Huệ giữa giai đoạn đen tối. Lợi lợi dụng việc tiếp tế cho quân lính để tìm lợi riêng. Tình cảm ông giáo và An trong cảnh thất sủng và bị cô lập.

Chương 33: Chinh theo đạo quân Hòa nghĩa rút về Qui Nhơn. Cuộc sống phóng dăng của Chinh. Lợi bị Chinh buộc phải chu cấp cho các cuộc rượu thịt của bọn lính vong mạng.

Chương 34: Chiến thắng đầu tiên của Nguyễn Huệ ở Phú Yên. Khắp Qui Nhơn dân chúng rộn rã đón tin chiến thắng. Nhạc đứng ra làm mối để ông giáo gả An cho Lợi, vì nhu cầu chính trị. Tâm

trạng tuyệt vọng của An trước cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.

Chương 35: Đám cưới An tổ chức cùng một lúc với lễ tiếp sắc của chúa Trịnh. Tâm trạng Nguyễn Huệ khi nghe tin An đi lấy chồng. Cuộc đối thoại giữa hai anh em Nhạc Huệ. Tâm sự giữa An và Thọ Hương.

Chương 36: Nguyễn Hữu Chỉnh vào Qui Nhơn lần đầu. Chỉnh giải bày quan niệm thực tiễn về nhân sinh. Giáo Hiến và Huệ tâm sự với nhau sau lễ cưới của An.

Chương 37: Cảm tưởng xót xa bề bàng của An sau đêm tân hôn. Giáo Hiến khám phá ra sự lầm lẫn của mình khi thuận gả An cho Lợi. Vị thế ông giáo ở Qui Nhơn bấp bênh nguy hiểm hơn. Nguyễn Huệ can thiệp với Nhạc để ông giáo được sống yên thân tại Bằng châu. Nguyễn Nhạc xưng vương ở Qui Nhơn.

PHẦN IV: PHƯƠNG NAM

Chương 38: Ở Bằng Châu, giáo Hiến thất chí, lú lẫn thành người bị bệnh tâm trí. An dần dà thích nghe với cuộc sống vợ chồng dung thường. Lợi bị thất sủng do liên lụy với cha vợ, tình nguyện theo quân vào đánh Gia Định để lập công. Ông giáo càng ngày càng mất sáng suốt.

Chương 39: Lợi từ Gia Định trở về, nhờ có công mau chóng phục hồi được địa vị cũ. An sinh đứa con trai đầu lòng. Thọ Hương đến thăm An sau thời gian bị khủng hoảng (do đông cung Dương trốn đi). An hỏi thăm tin tức Nguyễn Huệ.

Chương 40: Diễn tiến vụ phản bội của quân Hòa nghĩa (trong đó có Chỉnh) tại phủ Phú yên năm Ất Mùi 1775. Tâm trạng Chỉnh sau khi cắt đứt ràng buộc với gia đình và Qui Nhơn. Gia Định vào năm đông cung Dương trốn khỏi Qui Nhơn mới vào Gia Định. Chỉnh trong hoàn cảnh mới.

Chương 41: Nguyễn Đăng Trường trốn khỏi Qui Nhơn vào nam. Gia Định lo ngại các cuộc tấn công định kỳ của Tây Sơn. Trước khi dẫn quân vào Gia Định, Huệ đến thăm thầy. Giáo Hiến xin học trò nương tay đối với họ Nguyễn Gia Miêu. Huệ gặp lại An sau khi An lấy chồng.

Chương 42: Tình hình phòng thủ ở Gia Định. Nhật ký chiến dịch của Lãng ghi lại diễn tiến cuộc tiến công Gia Định lần thứ hai năm Đinh Dậu. Nguyễn Huệ gặp lại Nguyễn Đăng Trường.

Chương 43: Sau chiến thắng, Lãng tìm tông tích Chỉnh. Nguyễn Huệ đọc các tài liệu về phong tục, địa thế Gia Định do Lãng sưu tập để tìm giải pháp trị an thích hợp. Huệ bắt được đông cung Dương ở đồn Ba vác. Huệ do dự, nhớ lời cầu khẩn của thầy, trước khi ra lệnh hành quyết Tân Chính vương. Lãng tìm ra xác Chỉnh ở căn cứ Đông sơn tại Cần thơ. Quyết định của Huệ để cứu danh dự cho gia đình thầy. Duệ tôn bị bắt và bị giết.

Chương 44: Lãng trở về Qui Nhơn. Cái chết của Chỉnh và của hai chúa khiến giáo Hiến thêm quẫn trí. Thọ Hương sau cái chết của đông cung tại Gia Định. Manh nha mối tình giữa Lãng và Thọ Hương.

Chương 45: Công cuộc xây dựng Hoàng đế thành. Vua Thái Đức xếp đặt để Nguyễn Huệ cưới em gái Bùi văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên, để củng cố quyền hành. An sinh đứa con gái thứ hai, đặt tên Thái để nhớ kỷ niệm đẹp thời An Thái.

Chương 46: Diễn biến tình yêu của Lãng. Những cuộc bàn tán chung quanh cuộc hôn nhân của Nguyễn Huệ. Lãng đến quán rượu thăm Kiên, nghe Kiên thuyết lý về quan niệm vạn vật hòa đồng.

Chương 47: Tai biến của gia đình An: Lợi bị bắt giam vì biến thủ khi lo việc cấp lương cho dân phu xây thành. Sự quyền biến của An trước hoạn nạn. An vận động xin tha cho chồng nhưng thất bại.

Chương 48: Quan hệ giữa Lãng và Nguyễn Huệ trong hoàn cảnh mới. Lãng thăm Kiên, lại được giảng giải thêm về khám phá tâm linh của Kiên. Ông giáo Hiến mất. Đám tang có Nguyễn Huệ đi đưa.

Chương 49: Ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ nói chuyện với nhau về vai trò nhà nho. Phái bộ Chapman thăm Qui Nhơn. Cuộc bệ kiến của Chapman ở Hoàng đế thành. An biến đổi tính tình do cuộc mưu sinh. Đối thoại của An và Lãng về cuộc đời. An chịu đến gặp Nguyễn Huệ để xin ân huệ tha cho Lợi.

Chương 50: Lợi được phóng thích. An thích nghe hơn với các cuộc làm ăn bất chính của Lợi. Nguyễn Ánh chuẩn bị chống cự cuộc tiến công thường niên của Qui nhơn. Huệ phác họa kế hoạch đánh Gia Định. Ghi chép của Lãng về chiến thắng lẫy lừng này của Nguyễn Huệ trước quân Gia Định (có thêm sự giúp đỡ của các cố đạo). Huệ đọc các ghi chú của Lãng, chê trách những điểm không đồng ý.

Chương 51: Vụ tàn sát Hoa kiều sau cái chết của Phạm Ngạn. Tiếp theo nhật ký chiến dịch của Lãng. Lãng xin xuống Cần Thơ hốt cốt Chinh. Bất đồng giữa Nhạc và Huệ về giải pháp cho Gia Định.

Chương 52: Năm Nhâm Dần 1782. Chỉnh đem gia đình trốn vào Qui Nhơn. Tình hình Bắc Hà do lời thuật của Nguyễn Hữu Chỉnh. Huệ phát biểu ý kiến về Chỉnh. Lãng xin được rời quân ngũ để qua làm việc ở giáo phường, vì không chịu được cảnh chém giết.

Chương 53: Bị dao động, Lãng lại thăm Kiên. Kiên cho biết Nguyễn Lữ cũng chán cảnh bon chen tìm đến Kiên để nghe thuyết giáo. Lợi thay đổi "kỹ thuật" sống, làm thân với Nguyễn Hữu Chỉnh để đón gió.

Chương 54: Em rể Nguyễn Hữu Chỉnh vào Qui Nhơn cho biết tình hình mới nhất ở Bắc hà. Mỗi nghi ngờ của Tây Sơn đối với Chỉnh. Lãng chính thức về bộ Lễ, làm ở giáo phường.

Chương 55: Chỉnh khuyên Lợi nên theo Nguyễn Huệ để dọn đường cho tương lai. Tin Nguyễn Ánh rước quân Xiêm xâm lăng Gia Định đến Qui Nhơn. Trận Rạch gầm. Xoài mút. Phê phán lối giải thích của sử quan triều Nguyễn. Diễn tiến trận chiến thắng quân Xiêm.

PHẦN V: VƯƠNG ĐỒ HẢI VÂN

Chương 56: Lãng viết và cho tập diễn tuồng Chàng Lía. Phản ứng bất lợi của triều đình đối với vở tuồng. An khuyên em nên cẩn thận khi viết một vở tuồng "bình dân". Suy nghĩ của Lãng về lời chị, về tương lai.

Chương 57: Nguyễn Hữu Chỉnh lại khuyên Lợi nên tiên liệu thời cơ. Lợi đem các tính toán của mình nói với vợ. Tin thắng trận về đến Qui Nhơn. Cuộc tranh cãi giữa hai vợ chồng An Lợi về các tính toán đón gió do Chỉnh truyền cho Lợi.

Chương 58: Cuộc tiếp đón lạnh nhạt của Qui Nhơn đối với đoàn quân chiến thắng khải hoàn. Đêm diễn tuồng Chàng Lía để khao quân bị Nhạc ra lệnh cho ngưng chỉ. Nhạc Huệ tranh luận gay gắt với nhau về vở tuồng. Huệ xin nhà vua cho Lãng trở lại làm thư ký thân cận cho mình.

Chương 59: Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn cho biết tình hình Thuận Hóa. Nhạc, Chỉnh, Huệ bàn kế hoạch đánh Thuận Hóa. Nguyễn Huệ suy nghĩ về vị trí bấp bênh của mình ở Hoàng đế thành.

Chương 60: Bàn kỹ hơn về kế hoạch tấn công Thuận Hóa. Tâm trạng Lãng trước khi theo quân ra bắc. Lãng lại đến thăm Kiên. Ý kiến của Kiên về chiến tranh.

Chương 61: Lợi ra Phú Xuân trước theo kế hoạch chia rẽ hàng ngũ địch của vua Thái Đức. Nhà vua dặn dò Nguyễn Huệ trước khi xuất quân. An dặn dò Lãng. Quận Tào mắc mưu chia rẽ của

Qui Nhơn. Lãng gặp lại Lợi ở Phú Xuân.

Chương 62: Thành Phú Xuân bị bao vây. Cảnh máu đổ nước sôi ở kinh thành. Diễn tiến trận tấn công của Tây Sơn.

Chương 63: Quân Tây Sơn chiếm thành Phú xuân. Cảnh phố phường sau khi thất thủ. Lãng vâng lệnh Nguyễn Huệ gặp mặt sĩ Ngõo Thế Lân.

Chương 64: Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên Nguyễn Huệ nên nhân đà thắng lợi tiến công ra bắc. Băn khoăn của Nguyễn Huệ. Phản ứng của dân Thuận Hóa khi đọc tờ hịch Bắc tiến. Tâm trạng của Trần Văn Kỷ.

Chương 65: Trần Văn Kỷ gặp sư cụ chùa Hà Trung để hỏi về lễ xuất xử. Trần Văn Kỷ quyết định ra mắt Nguyễn Huệ. Bàn thảo kế hoạch đánh Bắc Hà. Ghi chép của Lãng về cuộc Bắc tiến năm Bính Ngọ. Thăng long sụp đổ trước sức tiến công của Tây Sơn.

Chương 66: Nguyễn Huệ vào Thăng Long, yết kiến vua Lê. Cảnh Thăng Long trong cơn binh lửa. Cái chết của Trịnh Khải. Thái độ đả kích của Nguyễn Hữu Chỉnh khi trở lại kinh đô.

Chương 67: Chỉnh e ngại trước thái độ cố chấp của sĩ phu Bắc Hà. Tâm trạng Nguyễn Huệ ở Thăng Long. Vua Lê Hiển tôn thiết triều để chính thức tiếp kiến Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ cưới Ngọc Hân công chúa.

Chương 68: Tâm trạng Ngọc Hân đêm hợp cẩn. Tâm trạng Nguyễn Huệ. Vua Lê băng hà.

Chương 69: Vua Thái Đức ra Thăng Long. Hai anh em nói chuyện với nhau. Ngọc Hân ra mắt vua anh. Vua Thái Đức tiếp kiến sĩ phu Bắc Hà. Vua Lê Chiêu Thống và vua Thái Đức gặp nhau.

Chương 70: Dư luận dân chúng Thăng long trước các biến cố. Lợi vui chơi trác táng ở Thăng Long. Vua Thái Đức lừa Nguyễn Hữu Chỉnh để bỏ Chỉnh lại Bắc Hà, đột ngột rút quân về nam.

Chương 71: Quân vào đến dinh Vĩnh. Vua Thái Đức và Nguyễn Huệ bàn luận với nhau về Nghệ An. Chỉnh theo kịp đến dinh Vĩnh. Đến Lũy Thầy. Tinh thần quân sĩ lúc nghỉ lại Lũy Thầy. Lãng cùng với Nguyễn Huệ thăm quân sĩ. Hai người tâm sự với nhau khi đứng trên lũy nhìn ra phía bắc.

PHẦN VI: PHÚ XUÂN

Chương 72: Về đến Phú Xuân. Dân Thuận Hóa nô nức mừng chiến thắng. Lễ khao quân. Mối bất hòa giữa Nhạc Huệ bắt đầu biểu lộ. Vua Thái Đức công khai trách mắng các tướng lãnh theo phe em. Nhà vua trở về Qui Nhơn.

Chương 73: Ác mộng của công chúa Ngọc Hân. Nguyễn Huệ do dự trước khúc quanh quan trọng của lịch sử. Nguyễn Huệ suy nghĩ về Ngọc Hân. Nguyễn Huệ hỏi ý kiến Trần văn Kỷ về giải pháp cho Bắc Hà. Kỷ nhắc đến La sơn phu tử. Lãng tháp tùng phái bộ Phú Xuân ra Nghệ An mời Nguyễn Thiếp tham chính.

Chương 74: Vua Thái Đức về Hoàng đế thành, giận lây gia đình các tướng đã theo Huệ, trong đó có gia đình An. Bắt đầu biện pháp khủng bố, quản thúc. Lễ phong vương cho Nguyễn Lữ. Lữ lại tìm đến Kiên để an tâm. Lời khuyên của Kiên.

Chương 75: An trốn ra Phú Xuân để tránh khủng bố. Ba mẹ con đến nơi, ngẫu nhiên gặp Lợi ngoài đường phố. An ra mắt Nguyễn Huệ.

Chương 76: Nguyễn Huệ nhận được thư phúc đáp của La sơn phu tử. Nguyễn Huệ bực dọc trước thái độ cố chấp của bọn nhà nho trung quân hẹp hòi. Tâm trạng Trần Văn Kỷ. Lãng đến thăm An. Hai chị em bàn với nhau về lời lẽ hỗn xược trong bài hịch chống Qui Nhơn. Nhận định về nguyên nhân vụ "nồi da xáo thịt" giữa hai anh em Nhạc Huệ. Nỗi cơ đơn của Nguyễn Huệ trước quyết định bất đắc dĩ.

Chương 77: Vũ văn Nhậm báo cáo tình hình Bắc Hà. Sứ bộ Trần Công Xán vào Qui Nhơn đòi Nghệ An. Cuộc tiếp sứ. Quyết định của Nguyễn Huệ.

Chương 78: Mô tả cung điện của chúa Nguyễn ở Phú Xuân. Công cuộc sửa sang cung điện cũ để làm cung điện cho vương triều mới. Vai trò mới của Lợi. Gia đình Nguyễn Huệ đã ra Phú Xuân. Vai trò trung gian của An giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân công chúa. Cảnh sung túc của gia đình Lợi. Cuộc hội kiến đáng ngại giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân.

Chương 79: Trở lại nhân vật Kiên. Kiên trở thành một "đạo sĩ" được dân chúng Qui Nhơn kính nể. Nếp sống yên tĩnh của Kiên bị đảo lộn vì có người bà con viên cai cơ từ Gia Định ở chung. Kiên sợ bị lôi cuốn vào âm mưu tạo phản, trốn khỏi Bằng châu lên lập am ở An Thái.

Chương 80: La sơn phu tử lại gửi thư từ chối cộng tác với Nguyễn Huệ. Trần văn Kỷ thảo lá thư mời thứ ba. Phe Bùi Đắc Tuyên tranh mối làm ăn với Lợi, tìm cách hại Lợi. Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên được phái đem thư ra mời La sơn phu tử.

Chương 81: Vụ mưu phản ở Qui Nhơn bị khám phá. Bùi Đắc Tuyên lợi dụng cơ hội lại tìm cách hại Lợi. Lãng xin thụ giáo quan Trung thư Trần văn Kỷ. Hai người bàn nhau về lễ chính thống. Tình yêu sôi nổi của Lãng đối với cô con gái con Trần Văn Kỷ.

Chương 82: Kiên bị bắt giam. Nguyễn Lữ đến thăm Kiên tại nhà ngục. ở Hoàng đế thành, vua Thái Đức chán nản bỏ cả thiết triều. Lữ xin nhà vua tha chết cho Kiên.

Chương 83: Vợ chồng Lợi cố vận động để thoát nạn. Lo sợ, Lợi định trốn vào Gia định. Một lần nữa, Lợi thoát nạn. Lãng thổ lộ tâm sự với chị.

Chương 84: Trên đường ra Bắc giết Nhậm, Nguyễn Huệ gặp La sơn phu tử. Nguyễn Huệ nổi giận vì bọn hủ nho cố chấp. Đến Thăng long, Nguyễn Huệ ra lệnh giết Nhậm, rồi xếp đặt lại các quan chức.

Chương 85: Nguyễn Huệ tiếp kiến giới sĩ phu Bắc Hà. Ngô Thì Nhậm ra mắt riêng Trần Văn Kỷ, hai người tâm sự về văn chương, thời thế, lễ xuất xử của nhà nho. Nhậm được Nguyễn Huệ tin dùng. Cảnh Thăng Long qua mắt Lãng.

Chương 86: Phan Huy Ích vào Phú Xuân. Tâm trạng của Phan Huy Ích. Tình bạn giữa Phan Huy Ích và Trần Văn Kỷ. Sự lạc loài của Ích ở triều đình. Ích được giao tra xét vụ án gạo. Phạm Văn Hưng đem tin buồn từ Gia Định về. Nguyễn Huệ tiếp Kỷ và Ích bàn luận về lễ trung quân và chính thống.

Chương 87: Vụ gạo thêm rắc rối. Các tranh chấp nội bộ giữa các phe phái ở Phú xuân. Bất lợi của phe Bùi Đắc Tuyên. Lãng được gặp mặt và nói chuyện với con gái Trần Văn Kỷ lần đầu. An báo cho Lãng biết cô Cúc con Trần Văn Kỷ có bệnh nan y. Lãng hoang mang tự tìm hiểu mình.

Chương 88: Phan Huy Ích được trở về bắc làm việc với anh vợ là Ngô Thì Nhậm. Buổi tiệc tiễn hành đậm bạc. Trần Văn Kỷ phân tích thái độ ngập ngừng của Phan Huy Ích. Lại tranh luận về chính thống. Phan Huy Ích từ biệt Nguyễn Huệ. Nhà vua nghi ngờ khả năng của nhà nho.

Chương 89: Ngô Thì Nhậm qua mắt Phan Huy Ích. Nhậm cho Ích đọc thư chửi bới mình của bọn hủ nho Bắc hà. Tâm sự giữa hai người.

Chương 90: Thái độ của các nho sĩ Bắc Hà trước lời mời hợp tác của đại tư mã Ngô Văn Sở, trong lúc có tin Chiêu Thống đang rước quân Thanh về xâm lăng đất tổ. Ban tham mưu Tây sơn bàn chuyện chống giữ. Cuộc họp mặt của giới sĩ phu Bắc Hà trước nạn xâm lược. Tâm trạng xấu hổ tủi nhục cho nghiệp nho của Nhậm.

Chương 91: ở Phú Xuân, An được Ngọc Hân nhờ vào cung thêu áo bào cho Nguyễn Huệ. Lợi tham gia vào vụ đốt kho thóc, giữa lúc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi đế. Lợi bị bắt và bị hành

quyết.

Chương 92: Tình cảnh mẹ con An sau khi Lợi chết. Lãng dẫn chị và hai cháu đi thăm mộ. Phú xuân nhận được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long. Tâm sự giữa An và Lãng trước hôm làm lễ đăng quang.

Chương 93: Lễ đăng quang sáng 25 tháng 11 Mậu Thân (1788) và sau đó là lễ xuất sư. Lãng tìm chị và hai cháu không được, theo đại quân ra bắc.

Chương 94: Vua Quang Trung ghé Nghệ an vờ La sơn phu tử đến hỏi ý kiến. Sự thay đổi quan niệm của Nguyễn Thiếp. Cuộc tuyển binh ở Thanh Nghệ. Nhà vua phủ dụ ba quân.

Chương 95: Đến đèo Ba đội. Các tướng lãnh và văn thần báo cáo tình hình Bắc hà. Bàn luận kế hoạch tiến công. Lãng cho nhà vua biết ba mẹ con An đã trốn khỏi Phú Xuân.

Chương 96: Diễn tiến chiến thắng năm Mậu Thân từ lúc xuất phát ở đèo Ba đội cho đến lúc toàn thắng. Vua Quang Trung vào Thăng long. Quang cảnh cung điện vua Lê. Cảnh nô nức của dân chúng. Lãng đề nghị diễn tuồng Chàng Lúa để khao quân. Nguyễn Huệ gặt đi y như Nguyễn Nhạc đã làm sau khi thắng quân xâm lược Xiêm ở Rạch gầm, Xoài mút.

PHẦN KẾT TỪ

Chương 97: Trở lại An ở Phú Xuân. Ba mẹ con trốn đi không được do biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt trong lễ đăng quang. Các cuộc bàn tán ở trong quán về cuộc bắc tiến diệt xâm lăng. An nghe nhắc đến Bến Ván. Tâm sự của bà chủ quán có con trai và chồng sung quân dẹp giặc.

Chương 98: Mô tả Bến Ván như một vùng đệm vô chính phủ do sự nhường nhịn hoặc né tránh giữa hai anh em Nhạc Huệ. Gia đình An tạm ổn định ở Bến Ván. An lên về An thái tìm Kiên... Hai anh em gặp nhau. Kiên thuật lại cái chết của Nguyễn Lữ và tình hình dao động của Qui Nhơn. An hỏi anh về tương lai. Kiên thú nhận sự lừa đảo của mình.

Chương 99: Lãng sau chiến thắng Xuân Kỷ Dậu trở về Phú Xuân, dần dần bị đào thải, thành người bất đắc chí. Nếp sống buông thả bất chấp dư luận của Lãng. Lãng sống bám vào một mục góa hời xuân có nhiều tai tiếng. Tìm xuống chùa Hà trung học kinh Phật, rồi mê phong lan. Niềm hân hoan của Lãng khi đọc bài Chiếu khuyến nông.

Chương 100: Lãng bỏ mục góa trở lại đời sống lang bạt. Bị chính các biện pháp khắt khe trong Chiếu khuyến nông đe dọa. Nhận được tin An. Hai chị em gặp nhau ở Bến Ván. Không chịu đựng nổi Bến Ván xô bồ, Lãng trở ra Phú xuân. Lãng tìm quên bằng thú chơi phong lan. Cuối cùng, Lãng mất tích trong một cuộc tìm thú mặc lan hiếm có.

Chương 101: Nguyễn Huệ mất (1792). Bến Ván đóng cửa đề phòng Qui nhơn. An lấy cớ ra Phú Xuân tìm Lãng, dự đám táng vua Quang Trung một cách vô danh. Trở lại Bến Ván, An bị Phát mắng. Thái (con gái An) có kinh lần đầu. An nói với con gái về sự tiếp nối của đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO1. Hoàng Lê nhất thống chí: Ngô gia văn phái. Hai bản dịch:

a. Bản của Ngô Tất Tố. Phong trào văn hóa tái bản, Sài gòn 1969.

b. Bản của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch. Nhà xuất bản Văn học, Hà nội 1970.

2. Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Nguyễn Lương Bích và Đặng Ngọc Phụng. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội 1971.

3. Lịch sử nội chiến ở Việt nam từ 1771-1802. Tạ Chí Đại Trường. Nhà xuất bản Văn học sử, Sài gòn 1973.

4. Tây sơn Việt nam thời bành trướng. Nguyễn Phương. Nhà sách Khai Trí, Sài gòn 1968.

5. Kinh tế và xã hội Việt nam dưới các vua triều Nguyễn. Nguyễn Thế Anh, nhà xuất bản Lửa

Thiêng Sài gòn.

6. *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*. Phan Khoang. Nhà xuất bản Khai Trí, Sài gòn 1970.
7. *Đại nam chính biên liệt truyện*. Phần Ngụy Tây. Bản dịch của Viện Khảo cổ. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài gòn 1970.
8. *Bản triều bạn nghịch liệt truyện*. Kiều Oánh Mậu. Bản dịch của Trần Khải Văn. Bộ Quốc gia giáo dục, Sài gòn 1963.
9. *Lịch triều tạp kỷ*. Ngô Cao Lãng. Bản dịch của nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1975.
10. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ngô Sĩ Liên. Bản dịch của Cao Huy Giu. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1973.
11. *Đại Việt quốc thư*. Bản dịch của Hoàng văn Hòe, Đình Thụ. Bộ Quốc gia giáo dục Sài gòn xuất bản 1967.
12. *Phủ biên tạp lục*. Lê Quý Đôn. Tập 1 bộ Lê Quý Đôn toàn tập. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.
13. *Thượng kinh ký sự*. Lê Hữu Trác. Nhà xuất bản KHXH, Hà nội 1977.
14. *Kiến văn tiểu lục*. Lê Quý Đôn. Bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Đàm Duy Tạo. Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài gòn 1963-1965.
15. *Hải ngoại ký sự*. Thích Đại Sán. Viện Đại học Huế xuất bản 1963.
16. *Phương đình dư địa chí*. Nguyễn văn Siêu. Ngô Mạnh Nghinh dịch. Nhà xuất bản Tự do, Sài gòn 1958.
17. *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt nam*. Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề. Nhà xuất bản Hoa Lư, Sài gòn 1968.
18. *Sử ký Tư Mã Thiên*. Bản dịch của Nhưộng Tống. Tân Việt xuất bản, Sài gòn 1964.
19. *La sơn phu tử*. Hoàng Xuân Hãn. Nhà xuất bản Minh Tân, Paris 1952.
20. *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm quyển 1,2*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1978.
21. *Dụ am ngâm lục*. Phan Huy Ích. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1979.
22. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Bản dịch của viện Sử học. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội.
23. *Quang Trung, anh hùng dân tộc*. Hoa Bằng. Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài gòn 1958.
24. *Bút nghiên*. Chu Thiên. Nhà xuất bản Đồ Chiểu Sài gòn tái bản 1968.
25. *Tây sơn Nguyễn Huệ. Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu phong trào nhân dân Tây sơn và anh hùng Nguyễn Huệ. Ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa bình* xuất bản 1978.
26. *Đường thi*. Ngô Tất Tố tuyển dịch. Nhà xuất bản Khai Trí Sài gòn.
27. *Chinh phụ ngâm khúc*. Đoàn thị Điểm diễn nôm. Nhà xuất bản Tân Việt 1958.
28. *Thơ Đỗ Phủ*. Trần Xuân Đê. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà nội 1975.
29. *Việt nam Phật giáo sử lược*. Thích Mật Thể. Phật học viện Trung phần ấn hành 1960.
30. *Việt nam văn học sử yếu*. Dương Quảng Hàm. Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài gòn 1961.
31. *Nước non Bình định*. Quách Tấn. Nhà xuất bản Nam Cường, Sài gòn 1968.
32. *Tang thương ngẫu lục*. Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án. Trần văn Ngoạn trích dịch: Nam Phong tạp chí I, IV. Nguyễn Hữu Tiến dịch: Nam Phong tạp chí IV, V.
33. *Vũ trung tùy bút*. Phạm Đình Hổ. Nguyễn Hữu Tiến dịch. Nam Phong tạp chí V, XXI
34. *Việt nam sử lược*. Trần Trọng Kim. Nhà xuất bản Tân Việt, Sài gòn 1956.
35. *Chapman và Berland H. Relation d un voyage en Cochinchine en 1778*. BSEI XXIII/2, 1948.
36. *La révolte et la guerre de Tay Son d après les Franciscains Espagnols de Cochinchine*,

Taboulet G., BSEI, XV/3-4, 1940.

37. Pierre Poivre. Bài của Malleret đăng trên EFEO, 1974.

38. Tạp chí Sử Địa, Sài Gòn các số:

- 9 và 10, 1968. Đặc khảo về Quang Trung.

- 13, 1969. Kỷ niệm chiến thắng xuân Kỷ Dậu.

- 21, 1971. Hai trăm năm phong trào Tây sơn.

39. Khảo cổ học tạp chí, Hà nội 1977, số 4 có bài:

- Đồn lũy trên đất Tây sơn của Vũ Minh Giang. - Hoàng đế thành của Phan Huy Lê.

40. Thơ Nghiên Hoa Mộng. Hư Chu. Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê, Sài Gòn 1956.

41. Tục ngữ Việt nam. Chu Xuân Diên, Lương văn Đan, Phương Tri biên soạn. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1975.

NGŨ VỤNG DỰA THEO*42. Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ. Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn 1970.*

43. Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh. Nhà xuất bản Minh Tân, Paris 1950.

44. Việt ngữ đồng âm của Nguyễn Châu. Bản chép tay chưa xuất bản.

45. Từ điển tiếng Việt. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.

ĐỊA DANH DỰA THEO

** Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.*

** Đại Nam nhất thống chí. Sử quán triều Nguyễn.*

** An Nam đại quốc họa đồ (Tabula Geographica imperii anamitici. AB auctore dictionairii latino-anamitici disposita. 1838.)*

** Tài liệu viết tay về thành Gia định xưa của Sơn Nam.*

** Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771-1802 của Tạ Chí Đại Trùng. (Phần xác minh địa danh các nơi thuộc Gia Định).*